

Kinh Đại Bát Niết Bàn

Đại Chánh (Taisho) vol. 12, no. 374

Hán dịch: Đàm Vô Sấm

Phiên âm & Lược dịch: Nguyễn Tánh & Nguyễn Hiến

Việt dịch: Trung Tâm Liễu Quán (2008)



Tuệ Quang Wisdom Light Foundation

PO Box 91748, Henderson, NV 89009

Website <http://www.daitangvietnam.com>

Email info@daitangvietnam.com

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền

Phiên Âm và Lược Dịch Sun Apr 30 22:04:10 2006

Bản dịch tiếng Việt của Trung Tâm Liễu Quán (2008)

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại Bát Niết Bàn Kinh》

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh Tập 12 No. 374 《Đại Bát Niết Bàn Kinh》

大般涅槃經序

Đại bát Niết bàn Kinh tự

LỜI TỰA KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

後秦釋道朗撰

Hậu Tần Thích Đạo Lăng soạn

Thích Đạo Lăng biên soạn vào đời Hậu Tần.

大般涅槃經者。蓋是法身之玄堂。

Đại Bát-niết-bàn Kinh giả。 cái thị Pháp thân chi huyền đường。

Kinh Đại Bát-niết-bàn là bao trùm cái huyền diệu của Pháp thân, rực rỡ

正覺之實稱。眾經之淵鏡。萬流之宗極。其為體也。

chánh giác chi thật xưng。 chúng Kinh chi uyên kính。 vạn lưu chi tông cực。 kỳ vi thể dã。

của bậc Chánh Giác, là gương soi của các Kinh, là dòng phái cao nhất của vạn dòng, vì là cái Thể của Kinh vậy.

妙存有物之表。周流無窮之內。任運而動。

diệu tồn hữu vật chi biểu。 châu lưu vô cùng chi nội。 nhâm vận nhi động。

Thể ấy biểu thị có một vật vi diệu tồn tại bên trong và lưu thông khắp đến vô cùng, tùy thời vận mà biến động,

見機而赴。任運而動。則乘虛照以御物。

kiến ky nhi phó. nhâm vận nhi động. tác thừa hư chiếu dĩ ngự vật.

để thấy căn cơ mà ứng phó; tùy thời vận mà biến động thời cỡi hư không chiếu vào rồi dùng vật để ngăn cản,

寄言蹄以通化。見機而赴。則應萬形而為像。

kí ngôn đề dĩ thông hóa. kiến ky nhi phó. tác ứng vạn hình nhi vi tượng.

dùng chữ mà thông đạt, thấy căn cơ mà ứng phó, thời ứng ra vạn hình làm dẫn dụ,

即群情而設教。至乃形充十方。而心不易慮。

tức quần tình nhi thiết giáo. chí nãi hình sung thập phương. nhi tâm bất dịch lự.

liền vì quần sanh mà sắp bày giảng dạy, cho đến ứng hình đầy khắp cả mười phương mà tâm không thay đổi,

教彌天下。而情不在已。廁流塵蟻而弗下。

giáo di Thiên hạ. nhi tình bất tại dĩ. xí lưu trần nhĩ nhi phất hạ.

chỉ dạy khắp thiên hạ mà chẳng vướng tình, đặt mình vào dòng nước, vào đất bụi nhỏ mọn mà vẫn không thấp hèn,

彌蓋群聖而不高。功濟萬化而不恃。

di cái quần Thánh nhi bất cao. công tế vạn hóa nhi bất thị.

che khắp cả quần Thánh mà không cao, vạn công việc cứu giúp, giáo hóa chẳng cậy nhờ.

明踰萬日而不居。渾然與太虛同量。泯然與法性為一。

minh du vạn nhật nhi bất cư. hồn nhiên dĩ thái hư đồng lượng. mẫn nhiên dĩ Pháp tánh vi nhất.

Ánh sáng đi qua vạn ngày mà không ở, hồn nhiên với hư không bao la cùng lượng, hết như vậy cùng pháp tính làm một.

夫法性以至極為體。至極則歸於無變。

phu Pháp tánh dĩ chí cực vi thể. chí cực tác quy ư vô biến.

Luận rằng Pháp tính ấy là dùng đến chỗ cùng cực làm thể, đến cùng cực thời về ở chỗ không thay đổi.

所以生滅不能遷其常。生滅不能遷其常。

sở dĩ sanh diệt bất năng Thiên kỳ thường. sanh diệt bất năng Thiên kỳ thường.

Vì vậy pháp sanh diệt không thể dời đổi được cái Thường của thể ấy. Pháp sanh diệt không thể dời đổi được cái Thường của thể tính,

故其常不動。非樂不能虧其樂。故其樂無窮。

cố kỳ thường bất động. phi lạc bất năng khuy kỳ lạc. cố kỳ lạc vô cùng.

vì cái Thường ấy không động. Thể ấy không Lạc, cũng không thể thiếu Lạc, vì vậy Lạc ấy là vô cùng.

或我生於謬想。非我起於因假。因假存於名數。

hoặc ngã sanh ư mậu tưởng. phi ngã khởi ư nhân giả. nhân giả tồn ư danh số.

Hoặc Ngã sanh ra là do tư tưởng xằng bậy, chẳng phải do Ngã khởi lên mà do ở các duyên giả hợp, do các duyên giả hợp nên tồn tại danh số.

故至我越名數而非無。越名數而非無。

cố chí ngã việt danh số nhi phi vô. việt danh số nhi phi vô.

Vì từ Ngã mà qua danh số nên chẳng phải Không, qua danh số mà chẳng phải Không, 故能居自在之聖位。而非我不能變。

cố năng cư tự-tại chi Thánh vị. nhi phi ngã bất năng biến.

vì vậy có thể tự tại ở ngôi Thánh, mà chẳng phải Ngã nên không thể thay đổi.

非淨生於虛淨。故真淨水鏡於萬法。水鏡於萬法。

phi tịnh sanh ư hư tịnh. cố chân tịnh thủy kính ư vạn Pháp. thủy kính ư vạn Pháp.

Chẳng phải do tịnh sanh mà do ở hư không thanh tịnh sanh, vì vậy thể tính là nước chân thanh tịnh soi vạn pháp, vạn pháp ở trong gương nước,

故非淨不能渝。

cố phi tịnh bất năng du.

vì chẳng phải tịnh nên chẳng biến đổi.

是以斯經恊章敘常樂我淨為宗義之林。開究玄致為涅槃之原用。

thị dĩ tư Kinh thô chương tự thường lạc ngã tịnh vi tông nghĩa chi lâm. khai cứu huyền trí vi Niết-bàn chi nguyên dụng.

Đó là dùng văn thô thiển để trình bày Thường, Lạc, Ngã, Tịnh làm rừng tông nghĩa, khai mở sự cùng cực vi diệu đến nguyên dụng của Niết-bàn,

能闡祕藏於未聞。啟靈管以通照。拯四重之癰疽。

năng xiển bí tạng ư vị văn. khải linh quản dĩ thông chiếu. chửng tứ trọng chi ung thư.

có thể suy diễn tỏ rõ bí tạng chưa được nghe, giải thoát cho những sinh linh đang bị giam cầm chiếu soi thông suốt, cứu vớt bốn ung nhọt nặng,

拔無間之疣贅。闡祕藏則暢群識之情。

bạt vô gián chi vưu chuế. xiển bí tạng tắc sưởng quần thức chi tình.
nhỏ bước vô gián, suy diễn tỏ rõ Bí Mật Tạng thời sưởng lên cho chúng hữu tình tình thức,
審妙我之在已。啟靈管則悟玄[火/几]之潛。
thẩm diệu ngã chi tại dĩ. khải linh quản tắc ngộ huyền [hỏa /kỷ]chi tiềm.
xét kỹ chỗ vi diệu của cái ngã xong rồi giải thoát cho sinh linh bị giam cầm thời ngộ được
chỗ tiềm ẩn huyền diệu,
映神珠之在體。然四重無間誹謗方等。斯乃眾患之[病-丙+干]瘡。
ánh Thần châu chi tại thể. nhiên tứ trọng vô gián phi báng phương đẳng. tư nãi chúng
hoạn chi [bệnh -bính +can]瘡。
ngọc châu thần khí ở thể tính giới lại, như vậy các loại như: bốn ung nặng, vô gián, phi
báng v.v, đó là cái bệnh của tất cả vậy.
創疣之甚者。故大涅槃以無創疣為義名。
sang vưu chi thậm giả. cố Đại Niết-Bàn dĩ vô sang vưu vi nghĩa danh.
Người bị bước rất đau đớn vì vậy Đại Niết-bàn là do danh nghĩa không bị đau bước.
斯經以大涅槃為宗目。
tư Kinh dĩ Đại Niết-Bàn vi tông mục.
Lấy chữ Đại Niết-bàn trong kinh ra làm tông chỉ và mục tiêu.
宗目舉則明統攝於眾妙。言約而義備。義名立則照三乘之優劣。
tông mục cử tắc minh thống nhiếp ư chúng diệu. ngôn ước nhi nghĩa bị. nghĩa danh lập
tắc chiếu tam thừa chi ưu liệt.
Tông chỉ và mục tiêu đã dựng lên thời ánh sáng thống nhiếp các pháp vi diệu, lời thì ngắn
gọn mà nghĩa thì đầy đủ. Nghĩa danh mà được thành lập thời soi chiếu đến sâu lo, hạ liệt
của chúng sanh trong Tam thừa,
至極之有在。然冥化無朕。妙契無言。
chí cực chi hữu tại. nhiên minh hóa vô Trẫm. diệu khế vô ngôn.
cho đến nơi cùng cực vẫn có chiếu đến. Như vậy đốt cháy hóa ra không có Ta đốt, diệu
khế nhưng không lời,
任之冲境。則理不虛運。是以此經開誠言為教本。
nhâm chi trùng cảnh. tắc lý bất hư vận. thị dĩ thử Kinh khai thành ngôn vi giáo bản.
gánh vác cảnh rỗng không, thời chỉnh lý mà không hư thời vận, là do kinh này khai ra
thành lời làm căn bản để chỉ dạy

廣眾喻以會義。建護法以涉初。

quảng chúng dụ dĩ hội nghĩa. kiến hộ Pháp dĩ thiệp sơ.

nhieu ví dụ rộng rãi do lĩnh hội nghĩa; xây dựng, ủng hộ pháp do thiệp với ban đầu,
觀祕藏以窮原。暢千載之固滯。散靈鷲之餘疑。

đồ bí tạng dĩ cùng nguyên. sướng thiên tái chi cố trệ. tán Linh Thúu chi dư nghi.
thấy được Bí Mật Tạng là do nguồn gốc tận cùng, dùng nghìn chữ để tỏ bày, mở Linh
Thúu mãi không ngừng.

至於理微幽蟠微於微者。則諸菩薩弘郢匠之功。

chí ư lý vi u bàn vi ư vi giả. tắc chư Bồ-tát hoàng đĩnh tượng chi công.

đến lý vi tế, u huyền, ẩn khúc mà vi tế ấy thời do công đức to lớn tài giỏi của chư vị Bồ-tát,
曠舟船之濟。請難雲構。翻覆周密。

khoáng chu thuyền chi tế. thỉnh nan vân cấu. phiên phúc châu mật.

làm thuyền rộng mênh mông để cứu tế, xua đi nạn mây mờ, phơi bày những gì bị che lấp,
由使幽塗融坦。宗歸豁然。是故誦其文而不疲。

do sử u đồ dung thân. tông quy khoát nhiên. thị cố tụng kỳ văn nhi bất bì.

do đó mà khiến chốn tối tăm được sáng sủa bằng phẳng, quy về một tông như hang thông
suốt hai đầu, vì vậy mà tụng văn kinh ấy không thấy mệt,
語其義而不倦。甘其味而無足。餐其音而不厭。

ngữ kỳ nghĩa nhi bất quyện. cam kỳ vị nhi vô túc. xan kỳ âm nhi bất yếm.

nói nghĩa của kinh ấy không mỏi, uống vị ngọt của kinh mà không thấy đủ, ăn âm tiếng
của kinh mà không chán,

始可謂微言興詠於真丹。高韻初唱於赤縣。

thủy khả vị vi ngôn hưng vịnh ư chân đan. cao vận sơ xướng ư xích huyền.

nguyên thủy có thể nói lời vi tế vịnh lên ở Chân đan, Văn cao ban đầu xướng lên ở đỏ
huyền,

梵音震響於龔俗。真容巨曜於今日。

Phạm Âm chấn hưởng ư lung tục. chân dung cự diệu ư kim nhật.

Âm Phạm tiếng sét ở thanh tục, chân dung chiếu sáng lừng lẫy ở hôm nay
而寡聞之士。偏執之流。不量愚見。

nhĩ quả văn chi sĩ. Thiên chấp chi lưu. bất lượng ngu kiến.

mà kẻ sĩ ít nghe biết đến, thiên chấp dòng phái, không lường được chỗ thấy biết ngu dốt của mình

敢評大聖無涯之典。遂使是非興於諍論。譏謗生於快心。

cảm bình Đại Thánh vô nhai chi điển. toại sử thị phi hưng ư tránh luận. ky báng sanh ư khoái tâm.

dở trò phẩm bình Kinh điển không cùng của Đại Thánh, thỏa thích thị phi rồi nổi lên tranh cãi, sanh tâm khoái thích phỉ báng.

先覺不能返其迷。眾聖莫能移其志。

tiên giác bất năng phản kỳ mê. chúng Thánh mạc năng di kỳ chí.

Bậc Tiên Giác không thể trở lại như những người mê muội ấy, chúng Thánh cũng chẳng có thể dời đổi ý chí của mình,

方將沈蔽八邪之網。長淪九流之淵。不亦哀哉。

phương tướng trầm tế bát tà chi võng. trường luân cửu lưu chi uyên. bất diệc ai tai. nên họ phải bị vùi lấp, chìm đắm trong lưới Tám tà, luân chuyển lâu dài trong chín vực sâu, không thương cũng phải thương xót thay!

不亦哀哉。天竺沙門曇無讖者。中天竺人。

bất diệc ai tai. Thiên trúc Sa-môn Đàm-vô-sấm giả. trung Thiên trúc nhân.

Không thương cũng phải thương xót thay! Sa-môn Đàm-vô-sấm ở nước Thiên Trúc. Người ở trong nước Thiên Trúc

婆羅門種。天懷秀拔。領鑒明邃。機辯清勝。

Bà-la-môn chủng. Thiên hoài tú bạt. lĩnh giám minh thúy. ky biện thanh thắng.

Mà thuộc dòng dõi Bà-la-môn, thiên phú đẹp đẽ bạt thiệp hơn người, lĩnh hội sáng suốt sâu sắc, tài biện bác rõ ràng thanh bạch thắng

內外兼綜。將乘運流化。先至燉煌。停止數載。

nội ngoại kiêm tổng. tướng thừa vận lưu hóa. tiên chí đôn hoàng. đình chỉ số tái.

kiêm cả các Tông trong ngoài, sau này nhân đó mà vận chuyển lưu hóa các nơi, trước tiên đến Đôn Hoàng, dừng lại ở đó vài lần

大沮渠河西王者。至德潛著。建隆王業。

Đại tự cự hà Tây Vương giả. chí đức tiềm trú. kiến long Vương nghiệp.

Sau lại đến Đại Tự Cự Hà, kinh thành Vua Tây Hạ, ẩn đức dấu mình, sau đó giúp vua kiến lập vương nghiệp vững bền.

雖形處萬機。每思弘大道。為法城塹。

tuy hình xử vạn kỳ 。 mỗi tư hoàng Đại đạo 。 vì Pháp thành tiệm 。

Hình ảnh của Ngài ảnh hưởng mọi nơi, luôn lo nghĩ hoàng dương đạo lớn, xây đắp nền tảng Phật pháp,

會開定西夏。斯經與識自遠而至。自非至感先期。

hội khai định Tây hạ 。 tư Kinh dữ sấm tự viễn nhi chí 。 tự phi chí cảm tiên kỳ 。

sau mở hội thuyết pháp ở Tây Hạ. Kinh này Đàm-vô-sấm đem từ xa đến, chẳng phải tự Ngài cảm hứng từ trước.

孰有若茲之遇哉。識既達此。

thục hữu nhược tư chi ngộ tai 。 sấm ký đạt thử 。

ai gặp được Kinh này và thông suốt sấm ký lợi ích lắm thay.

以玄始十年歲次大梁。十月二十三日。河西王勸請令譯。

dĩ huyền thủy thập niên tuế thứ Đại lương 。 thập nguyệt nhị thập tam nhật 。 hà Tây Vương khuyến thỉnh linh dịch 。

Niên hiệu Huyền Trì năm thứ mười, nhằm Triều Đại Lương. Ngày hai mươi ba, tháng mười, Vua Tây Hạ khuyến thỉnh dịch kinh này.

識手執梵文。口宣秦言。其人神情既銳。

sấm thủ chấp phạm văn 。 khẩu tuyên tần ngôn 。 kỳ nhân Thần tình ký nhuệ 。

Tay cầm quyển Ký sấm bằng Phạm văn, miệng giảng tiếng nước Tần. Ngài là bậc kỳ nhân, thần tình thông nhuệ,

而為法殷重。臨譯敬情。殆無遺隱。搜研本正。

nhi vì Pháp ân trọng 。 lâm dịch kính tình 。 đãi vô di ẩn 。 sưu nghiên bản chánh 。

mà đối với Phật pháp thì sâu nặng, khi phiên dịch thì hết lòng thành cung kính, tuyệt đối không dễ dãi, không dễ sai sót, tra cứu nghiêm xét bản chánh,

務存經旨。唯恨梵本分離殘缺未備耳。余以庸淺。

vụ tồn Kinh chỉ 。 duy hận phạm bản phân ly tàn khuyết vị bị nhĩ 。 dư dĩ dung thiển 。

điều quan trọng là giữ gìn chỗ yếu chỉ của Kinh, chỉ giận là bản tiếng Phạn phân tán thất lạc, thiếu sót chưa đầy đủ vậy. Do đó theo tôi còn thô thiển, cạn cợt

豫遭斯運。夙夜感戢。欣遇良深。聊試標位。

dự tao tư vận 。 túc dạ cảm tập 。 hân ngộ lương thâm 。 liêu thí tiêu vị 。

dự báo trước thời vận này, ngày đêm cảm khái vô cùng, vui mừng vì gặp được duyên lành thâm diệu, liền nêu ra

敘其宗格。豈謂必然闕其宏要者哉。

tự kỳ tông cách 。 khởi vị tất nhiên khuy kỳ hoành yếu giả tại 。

mở bày cách thức các Tông, ắt hẳn vậy sao gọi là yếu chỉ rộng lớn ư?

大般涅槃經卷第一

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ nhất

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN - QUYỂN THỨ NHẤT

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm-vô-sấm dịch

Đời Bắc Lương Tam Tạng Pháp sư Đàm-vô-sấm người Thiên Trúc dịch

壽命品第一

Thọ mạng phẩm đệ nhất

PHẨM THỨ NHẤT: THỌ MẠNG

如是我聞。

như thị ngã văn。

Tôi nghe như vậy,

一時佛在拘尸那國力士生地阿利羅跋提河邊娑羅雙樹間。爾時世尊。

nhất thời Phật tại Câu-thi-na quốc lực sĩ sanh địa a lợi la Bạt đề hà biên sa-la song thụ gian。nhĩ thời Thế tôn。

Một thuở nọ, đức Phật ở tại nước Câu-thi-na, đất lực sĩ sanh, bên bờ sông A-lợi-bạt-đề, giữa hai cây Sa-la. Lúc bấy giờ Thế Tôn

與大比丘八十億百千人俱。前後圍遶。

dữ Đại Tỳ-kheo bát thập ức bách thiên nhân câu。tiền hậu vi nhiểu。

cùng chúng lớn Tỳ-kheo gồm tám mươi ức ngàn người hội họp, nhiều quanh trước sau, 二月十五日臨涅槃時。以佛神力出大音聲。

nhị nguyệt thập ngũ nhật lâm Niết-Bàn thời。dĩ Phật Thần lực xuất Đại âm thanh。

bấy giờ là ngày rằm tháng hai, Phật sắp nhập Niết-bàn. Phật dùng thần lực xuất ra âm thanh lớn.

其聲遍滿乃至有頂。隨其類音普告眾生。

kỳ thanh biến mãn nãi chí hữu đĩnh。 tùy kỳ loại âm phổ cáo chúng sanh。

Âm thanh ấy biến đầy cho đến Hữu Đĩnh, tùy loại âm thanh mà dạy bảo đủ khắp chúng sanh.

今日如來應正遍知。憐愍眾生覆護眾生。

kim nhật Như-Lai ứng Chánh-biến-Tri。 lân mẫn chúng sanh phúc hộ chúng sanh。

Hôm nay Như Lai Ứng Chánh Biến Tri thương xót chúng sanh, che chở chúng sanh
等視眾生如羅睺羅。為作歸依屋舍室宅。

đẳng thị chúng sanh như La-hầu-la。 vi tác quy y ốc xá thất trạch。

xem chúng sanh bình đẳng như La-hầu-la để làm quy y, phòng ốc, tinh xá, nhà ở,
大覺世尊將欲涅槃。一切眾生若有所疑。今悉可問。

Đại giác Thế tôn tướng dục Niết-Bàn。 nhất thiết chúng sanh nhược hữu sở nghi。 kim tất khả vấn。

Đại Giác Thế Tôn sắp Niết-bàn。 Tất cả chúng sanh nếu có chỗ nghi ngờ, nay có thể hỏi hết

為最後問。爾時世尊。於晨朝時從其面門放種種光。

vi tối hậu vấn。 nhĩ thời Thế tôn。 ư Thần triều thời tông kỳ diện môn phóng chủng chủng quang。

nêu những câu hỏi tối hậu sau cùng. Lúc bấy giờ Thế Tôn, khi còn sớm tinh mơ, ở trước mặt phóng ra các loại ánh sáng.

其明雜色。青黃赤白頗梨馬瑙光。

kỳ minh tạp sắc。 thanh hoàng xích bạch pha-lê mã-não quang。

Ánh sáng ấy đủ màu sắc như xanh vàng đỏ trắng pha lê mã não,
遍照此三千大千佛之世界。乃至十方亦復如是。

biến chiếu thử tam thiên Đại thiên Phật chi thế giới。 nãi chí thập phương diệc phục như thị。

chiếu khắp ba ngàn đại thiên thế giới Phật, cho đến mười phương cũng lại như vậy.

其中所有六趣眾生遇斯光者。

kỳ trung sở hữu lục thú chúng sanh ngộ tư quang giả。

Trong chỗ ấy có sáu đường chúng sanh, chúng sanh nào gặp được ánh sáng ấy

罪垢煩惱一切消除。是諸眾生見聞是已。心大憂愁。

tội cấu phiền não nhất thiết tiêu trừ. thị chư chúng sanh kiến văn thị dĩ. tâm Đại ưu sầu.

tất cả tội cấu, phiền não đều tiêu trừ. Các chúng sanh ấy thấy nghe như vậy rồi, tâm rất buồn rầu

同時舉聲悲啼號哭。嗚呼慈父。痛哉苦哉。

đồng thời cử thanh bi đê hiệu khóc. ô hô Từ Phụ. thống tai khổ tai.

cùng lúc cất lên tiếng khóc bi thương: Than ôi Cha lành! Thống thay! Khổ thay!

舉手拍頭搥胸叫喚。

cử thủ phách đầu trùy hung khiêu hoán.

rồi đưa tay đánh lên đầu đánh vào ngực kêu la,

其中或有身體戰慄涕泣哽咽。爾時大地諸山大海。皆悉震動。

kỳ trung hoặc hữu thân thể chiến lật thế khắp ngạnh yết. nhĩ thời Đại địa chư sơn Đại hải. giai tất chấn động.

hoặc có người thân thể run rẩy lập cập, nghẹn ngào khóc lóc. Lúc bấy giờ đất lớn, các núi, biển lớn chấn động.

時諸眾生共相謂言。且各裁抑莫大愁苦。

thời chư chúng sanh cộng tương vị ngôn. thả các tài ức mặc Đại sầu khổ.

Khi ấy các chúng sanh cùng nói với nhau rằng: Mỗi người chúng ta tạm dè dặt, dè nén chớ nên quá sầu khổ,

當疾往詣拘尸那城力士生處。至如來所頭面禮敬。

đương tật vãng nghê Câu-thi-na thành lực sĩ sanh xử. chí Như-Lai sở đầu diện lễ kính.

phải đi nhanh đến thành Câu-thi-na, xứ lực sĩ sanh, đến chỗ Như Lai để đầu mặt kính lễ, 勸請如來莫般涅槃。住世一劫若減一劫。

khuyến thỉnh Như-Lai mặc bát Niết-Bàn. trụ thế nhất kiếp nhược giảm nhất kiếp.

khuyến thỉnh Như Lai chớ có Niết-bàn, hãy trụ ở đời thêm một kiếp hoặc ít hơn một kiếp, 互相執手復作是言。世間空虛眾生福盡。

hỗ tương chấp thủ phục tác thị ngôn. thế gian không hư chúng sanh phúc tận.

cùng nhau chấp tay lại nói rằng: Thế gian trống không, rỗng không, chúng sanh phước hết,

不善諸業增長出世。仁等。今當速往速往。

bất thiện chư nghiệp tăng trưởng xuất thế. nhân đẳng. kim đương tốc vãng tốc vãng.

nghiệp bất thiện sẽ tăng trưởng ở đời. Các vị nay phải nhanh lên, nhanh lên!

如來不久必入涅槃。復作是言。世間空虛。

Như-Lai bắt cứu tất nhập Niết-Bàn. phục tác thị ngôn. thế gian không hư.

Không bao lâu nữa Như Lai sẽ vào Niết-bàn! Rồi lại nói rằng: Thế gian trống rỗng!

世間空虛。我等從今無有救護無所宗仰。貧窮孤露。

thế gian không hư. ngã đẳng tòng kim vô hữu cứu hộ vô sở tông ngưỡng. bần cùng cô lộ.

Thế gian trống rỗng! Chúng ta từ nay không có ai cứu hộ, không có nơi để kính ngưỡng, nghèo hèn cô độc.

一旦遠離無上世尊。設有疑惑當復問誰。

nhất đán viễn li vô thượng Thế tôn. thiết hữu nghi hoặc đương phục vấn thù.

Một mai xa lìa Vô Thượng Thế Tôn, giả sử như có điều gì nghi ngờ lại không biết hỏi ai.

時有無量諸大弟子。尊者摩訶迦旃延。

thời hữu vô lượng chư Đại đệ tử. Tôn-Giả Ma-Ha ca chiên duyên.

Khi ấy có vô lượng đệ tử lớn như Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên,

尊者薄俱羅。尊者優波難陀。如是等諸大比丘。

Tôn-Giả Bạc-Câu-La. Tôn-Giả ưu bA-nan đà. như thị đẳng chư Đại Tỳ-kheo.

Tôn giả Bạc-câu-la, Tôn giả Ưu-ba-nan-đà. Các vị Tỳ-kheo lớn như vậy,

遇佛光者其身戰掉。乃至大動不能自持。

ngộ Phật quang giả kỳ thân chiến điệu. nãi chí Đại động bất năng tự trì.

gặp ánh sáng của Phật thì thân run rẩy cho đến một cử động lớn cũng không thể tự giữ.

心濁迷悶發聲大喚。生如是等種種苦惱。

tâm trược mê muộn phát thanh Đại hoán. sanh như thị đẳng chủng chủng khổ não.

Tâm mê muộn sầu muộn rồi lớn tiếng la lên rằng: Sống như vậy là bằng với các loại khổ não!

爾時復有八十百千諸比丘等。皆阿羅漢。

nhĩ thời phục hữu bát thập bách thiên chư Tỳ-kheo đẳng. giai A-la-hán.

Lúc bấy giờ lại có tám mươi trăm ngàn chư vị Tỳ-kheo đều là những bậc A-la-hán,

心得自在所作已辦。離諸煩惱調伏諸根。

tâm đắc tự-tại sở tác dĩ辦. ly chư phiền não điều phục chư căn.

tâm được tự tại, chỗ làm đã xong, xa lìa các phiền não, các căn đã được điều phục

如大龍王有大威德。成就空慧逮得己利。

như Đại long Vương hữu Đại uy đức. thành tựu không tuệ đãi đắc kỷ lợi.

như Đại Long Vương có uy đức lớn, thành tựu Không tuệ, đã được tự lợi.

如栴檀林栴檀圍遶。如師子王師子圍遶。

như chiêm đàn lâm chiêm đàn vi nhiều. như Sư-tử Vương Sư-tử vi nhiều.

Như Chiêm Đàn Lâm có chiêm đàn nhiều quanh. Như Sư Tử Vương có sư tử nhiều quanh.

成就如是無量功德。一切皆是佛之真子。

thành tựu như thị vô lượng công đức. nhất thiết giai thị Phật chi chân tử.

Tất cả những vị thành tựu vô lượng công đức như vậy đều là đệ tử chân chánh của Phật.

於其晨朝日始初出。離常住處嚼楊枝時遇佛光明。

ư kỳ Thần triều nhật thủy sơ xuất. ly thường trụ xử tước dương chi thời ngộ Phật quang minh.

Lúc sáng sớm mặt trời mới mọc, chư vị rời chỗ thường ở, nhấm cành dương, khi thấy ánh sáng của Phật

并相謂言。仁等速疾漱口澡手。作是言已。

tinh tương vị ngôn. nhân đẳng tốc tạt sáu khẩu tảo thủ. tác thị ngôn dĩ.

đều bảo nhau rằng: Các nhân giả hãy nhanh chóng súc miệng, rửa tay. Nói như vậy xong
舉身毛豎遍體血現如波羅奢花。

cử thân mao thọ biến thể huyết hiện như ba la xa hoa.

trên thân lông dựng đứng lên, máu chảy khắp châu thân hiện rõ như hoa Ba-la-xa,
涕泣盈目生大苦惱。為欲利益安樂眾生。成就大乘第一空行。

thể khắp doanh mục sanh Đại khổ não. vì dục lợi ích an lạc chúng sanh. thành tựu Đại
thừa đệ nhất không hành.

lệ ứa đầy mắt, hết sức buồn đau. Vì muốn lợi ích an lạc cho chúng sanh, vì muốn cho
chúng sanh thành tựu đệ nhất về việc thực hành pháp Không của Đại thừa,
顯發如來方便密教。為不斷絕種種說法。

hiển phát Như-Lai phương tiện Mật Giáo. vì bất đoạn tuyệt chủng chủng thuyết Pháp.

hiển rõ phương tiện Mật giáo của Như Lai, vì không để mất hẳn các loại nói pháp,
為諸眾生調伏因緣故。疾至佛所稽首佛足。

vi chư chúng sanh điều phục nhân duyên cố. tạt chí Phật sở khể thủ Phật túc.

vì nhân duyên muốn điều phục chúng sanh, vì vậy chúng ta hãy nhanh đến chỗ Phật cúi đầu lễ chân Phật,

繞百千匝。合掌恭敬却坐一面。

nhiều bách thiên tạp. hợp chưởng cung kính khước tọa nhất diện.

nhiều quanh trăm ngàn vòng, chắp tay cung kính rồi đứng lùi qua một bên.

爾時復有拘陀羅女。善賢比丘尼。

nhĩ thời phục hữu Câu Đà La nữ. Thiện Hiền Tỳ-kheo-ni.

Lúc bấy giờ lại có Câu-đà-la nữ, Tỳ-kheo-ni Thiện Hiền,

優波難陀比丘尼。海意比丘尼。與六十億比丘尼等。

ưu bA-nan đà Tỳ-kheo-ni. Hải Ý Tỳ-kheo-ni. dữ lục thập ức Tỳ-kheo-ni đẳng.

Tỳ-kheo-ni Ưu-ba-nan-đà, Tỳ-kheo-ni Hải Ý cùng với sáu mươi ức Tỳ-kheo-ni khác.

一切亦是大阿羅漢。諸漏已盡。

nhất thiết diệc thị Đại A-la-hán. chư lậu dĩ tận.

Tất cả cũng đều là những bậc Đại A-la-hán, các lậu hoặc đã dứt hết không còn.

心得自在所作已辦。離諸煩惱調伏諸根。

tâm đắc tự-tại sở tác dĩ辦. ly chư phiền não điều phục chư căn.

Tâm được tự tại, chỗ đáng làm đã làm xong, xa lìa các phiền não, các căn đã được điều phục

猶如大龍有大威德。成就空慧。亦於晨朝日初出時。

do như Đại long hữu Đại uy đức. thành tựu không tuệ. diệc ư Thần triều nhật sơ xuất thời.

giống như Đại Long có uy đức lớn, thành tựu trí tuệ về Không, cũng vào lúc sáng sớm mặt trời vừa mới mọc,

舉身毛豎遍體血現如波羅奢花。

cử thân mao thộ biến thể huyết hiện như ba la xa hoa.

trên thân lông tóc dựng lên, máu chảy khắp châu thân hiện lên như hoa Ba-la-xa,

涕泣盈目生大苦惱。亦欲利益安樂眾生。

thể khắp doanh mục sanh Đại khổ não. diệc dục lợi ích an lạc chúng sanh.

lệ ứa đầy mắt, hết sức khổ não, cũng muốn lợi ích an lạc cho chúng sanh

成就大乘第一空行。顯發如來方便密教。為不斷絕種種說法。

thành tựu Đại thừa đệ nhất không hành. hiển phát Như-Lai phương tiện Mật Giáo. vì bất
đoạn tuyệt chủng chủng thuyết Pháp.

thành tựu đệ nhất về việc thực hành pháp Không của Đại thừa, hiển rõ phương tiện Mật
giáo của Như Lai, vì muốn không để mất hẳn các loại thuyết pháp,

為諸眾生調伏因緣故。疾至佛所稽首佛足。

vi chư chúng sanh điều phục nhân duyên cố. tậ chí Phật sở khể thủ Phật túc.

vì nhân duyên muốn điều phục chúng sanh, vì vậy hãy nhanh đến chỗ Phật, cúi đầu lễ
chân Phật,

遶百千匝。合掌恭敬却坐一面。

nhĩểu bách thiên tạp. hợp chưởng cung kính khước tọa nhất diện.

nhĩểu quanh trăm ngàn vòng, chắp tay cung kính rồi đứng lùi qua một bên.

於比丘尼眾中復有諸比丘尼。皆是菩薩人中之龍。

ư Tỳ-kheo-ni chúng trung phục hữu chư Tỳ-kheo-ni. giai thị Bồ-tát nhân trung chi long.

Ở trong chúng Tỳ-kheo-ni lại có chư Tỳ-kheo-ni là rồng làm Bồ-tát người,

位階十地安住不動。為化眾生現受女身。

vị giai thập địa an trú bất động. vị hóa chúng sanh hiện thọ nữ thân.

đều ở ngôi Thập Địa an trú Bất Động, vì giáo hóa chúng sanh mà hiện thân nữ,

而常修集四無量心。得自在力能化作佛。

nhĩ thường tu tập tứ vô lượng tâm. đắc tự-tại lực năng hóa tác Phật.

thường tu tập Tứ vô lượng tâm, được lực tự tại, có thể hóa thành Phật.

爾時復有一恒河沙菩薩摩訶薩。人中之龍。

nhĩ thời phục hữu nhất hằng hà sa Bồ-tát Ma-Ha tát. nhân trung chi long.

Lúc bấy giờ lại có một hằng hà sa Bồ-tát Ma-ha-tát, trong số Bồ-tát người đó có rồng

位階十地安住不動。方便現身。

vị giai thập địa an trú bất động. phương tiện hiện thân.

ở ngôi Thập địa an trú Bất Động, vì phương tiện mà hiện thân ấy.

其名曰海德菩薩。無盡意菩薩。

kỳ danh viết hải đức Bồ-tát. vô tận ý Bồ-tát.

Tên của các vị ấy là Hải Đức Bồ-tát, Vô Tận Ý Bồ-tát,

如是等菩薩摩訶薩而為上首。其心皆悉敬重大乘。

như thị đẳng Bồ-tát Ma-Ha tát nhi vi thượng thủ. kỳ tâm giai tất kính trọng Đại thừa.

các vị Bồ-tát Ma-ha-tát như vậy đều là những bậc thượng thủ. Tâm của các vị đều kính trọng Đại thừa,

安住大乘深解大乘。愛樂大乘守護大乘。

an trú Đại thừa thâm giải Đại thừa. ái lạc Đại thừa thủ hộ Đại thừa.

an trú ở Đại thừa, hiểu biết sâu sắc về Đại thừa, yêu thích Đại thừa, giữ gìn Đại thừa, 善能隨順一切世間作是誓言。諸未度者當令得度。

thiện năng tùy thuận nhất thiết thế gian tác thị thệ ngôn. chư vị độ giả đương lệnh đắc độ。

thường khéo léo tùy thuận chúng sanh mà phát lời thệ rằng: người chưa độ khiến cho được độ,

已於過世無數劫中。修持淨戒善持所行解未解者。

đã ở quá thế vô số kiếp trung. tu trì tịnh giới thiện trì sở hạnh giải vị giải giả。

vô số kiếp trong đời quá khứ đã tu trì tịnh giới, khéo duy trì hạnh giải thoát cho người chưa giải thoát,

紹三寶種使不斷絕。於未來世當轉法輪。

thiệu Tam Bảo chủng sử bất đoạn tuyệt. ở vị lai thế đương chuyển Pháp luân。

nối tiếp hạt giống Tam Bảo không để tuyệt mất, sẽ chuyển bánh xe pháp trong đời vị lai, 以大莊嚴而自莊嚴。成就如是無量功德。

đã Đại trang nghiêm nhi tự trang nghiêm. thành tựu như thị vô lượng công đức。

dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm, thành tựu vô lượng công đức như vậy,

等觀眾生如視一子亦於晨朝日初出時遇佛光明。

đẳng quán chúng sanh như thị nhất tử diệc ở Thần triều nhật sơ xuất thời ngộ Phật quang-minh。

bình đẳng quán chúng sanh giống như con một, cũng vào lúc sáng sớm, khi mặt trời vừa mới mọc,

舉身毛豎遍體血現如波羅奢花。

cử thân mao thọc biến thể huyết hiện như ba la xa hoa。

trên thân lông tóc dựng lên, máu huyết chảy khắp châu thân hiện lên như hoa Ba-la-xa, 涕泣盈目生大苦惱。亦為利益安樂眾生。

thể khắp doanh mục sanh Đại khổ não. diệc vi lợi ích an lạc chúng sanh。

lệ ứa đầy mắt, hết sức khổ não. Các vị ấy cũng vì lợi ích an lạc cho chúng sanh

成就大乘第一空行。顯發如來方便密教。

thành tựu Đại thừa đệ nhất không hành. hiển phát Như-Lai phương tiện Mật Giáo.

thành tựu đệ nhất về hạnh thực hành pháp Không của Đại thừa, hiển rõ phương tiện Mật giáo của Như Lai,

為不斷絕種種說法。為諸眾生調伏因緣故。

vi bất đoạn tuyệt chủng chủng thuyết Pháp. vì chư chúng sanh điều phục nhân duyên cố.

vì không để mất hẳn các loại thuyết pháp, vì nhân duyên điều phục chúng sanh,

疾至佛所稽首佛足。繞百千匝。合掌恭敬却坐一面。

tật chí Phật sở khể thủ Phật túc. nhiễu bách thiên匝. hợp chưởng cung kính khước tọa nhất diện.

vậy hãy nhanh đến chỗ Phật cúi đầu lễ chân Phật, nhiễu quanh trăm ngàn vòng, chấp tay cung kính rồi đứng lùi qua một bên.

爾時復有二恒河沙諸優婆塞。

nhĩ thời phục hữu nhị hằng hà sa chư Ưu bà tặc.

Lúc bấy giờ lại có hai hằng hà sa các Ưu-bà-tặc

受持五戒威儀具足。其名曰威德無垢稱王優婆塞。

thọ trì ngũ giới uy nghi cụ túc. kỳ danh viết uy đức vô cấu xưng Vương Ưu bà tặc.

thọ trì năm giới uy nghi đầy đủ. Tên của các vị ấy là Ưu-bà-tặc Nhật Uy Đức Vô Cấu Xưng Vương,

善德優婆塞等。而為上首。深樂觀察諸對治門。

thiện đức Ưu bà tặc đẳng. nhi vi thượng thủ. thâm lạc quan sát chư đối trì môn.

Ưu-bà-tặc Thiện Ưu, các vị Ưu-bà-tặc như vậy đều là những bậc Thượng thủ, quán sát sâu xa về lạc thú để đối trị với các môn

所謂苦樂常無常淨不淨我無我實不實。

sở vị khổ lạc thường vô thường tịnh bất tịnh ngã vô ngã thật bất thật.

đó là Khổ, Lạc, Thường, Vô thường, Tịnh, Bất tịnh, Ngã, Vô ngã, Thật, không thật,

歸依非歸依。眾生非眾生。恒非恒安非安。

quy y phi quy y. chúng sanh phi chúng sanh. hằng phi hằng an phi an.

quy y phi quy y, chúng sanh phi chúng sanh, hằng phi hằng, an phi an,

為無為斷不斷。涅槃非涅槃。增上非增上。

vi vô vi đoạn bất đoạn. Niết-Bàn phi Niết-Bàn. tăng thượng phi tăng thượng。
 Vi vô vi, đoạn bất đoạn, Niết-bàn phi Niết-bàn, Tăng thượng phi tăng thượng,
 常樂觀察如是等法對治之門。亦欲樂聞無上大乘。
 thường lạc quan sát như thị đẳng Pháp đối trị chi môn。diệc dục lạc văn vô thượng Đại
 thừa。
 thường vui ưa thích quán sát các pháp như vậy để đối trị các môn, cũng ham muốn nghe
 Đại thừa vô thượng,
 如所聞已能為他說。善持淨戒渴仰大乘。
 như sở văn dĩ năng vi tha thuyết。thiện trì tịnh giới khát ngưỡng Đại thừa。
 như chỗ nghe rồi có thể nói lại cho người khác, khéo giữ tịnh giới, kính ngưỡng Đại thừa
 既自充足。復能充足餘渴仰者。
 ký tự sung túc。phục năng sung túc dư khát ngưỡng giả。
 đã tự đầy đủ。Lại nữa, ngoài việc có thể đầy đủ kính ngưỡng ấy
 善能攝取無上智慧。愛樂大乘守護大乘。
 thiện năng nhiếp thủ vô thượng trí tuệ。ái lạc Đại thừa thủ hộ Đại thừa。
 còn có thể khéo Nhiếp thủ Trí tuệ vô thượng, yêu thích Đại thừa, giữ gìn Đại thừa,
 善能隨順一切世間。度未度者。解未解者。
 thiện năng tùy thuận nhất thiết thế gian。độ vị độ giả。giải vị giải giả。
 có thể kéo léo tùy thuận với hết thảy thế gian độ người chưa được độ, giải thoát cho người
 chưa giải thoát,
 紹三寶種使不斷絕。於未來世當轉法輪。
 thiệu Tam Bảo chủng sử bất đoạn tuyệt。ư vị lai thế đương chuyển Pháp luân。
 nối tiếp hạt giống Tam Bảo khiến cho không bị mất hẳn, sẽ chuyển bánh xe Pháp trong
 đời vị lai,
 以大莊嚴而自莊嚴。心常深味清淨戒行。悉能成就如是功德。
 dĩ Đại trang nghiêm nhi tự trang nghiêm。tâm thường thâm vị thanh tịnh giới hành。tất
 năng thành tựu như thị công đức。
 dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm mình, tâm thường yêu thích vị thanh tịnh giới
 hạnh。Hết thảy công đức như vậy đều có thể thành tựu,
 於諸眾生大慈心。平等無二如視一子。
 ư chư chúng sanh sanh Đại bi tâm。bình đẳng vô nhị như thị nhất tử。

đối với chúng sanh sanh tâm từ bi lớn, xem tất cả đều bình đẳng như con một chẳng phải hai,

亦於晨朝日初出時。為欲闍毘如來身故。

diệc ư Thần triều nhật sơ xuất thời. vì dục xà tì Như-Lai thân cố.

cũng vào lúc sáng sớm mặt trời vừa mới mọc, vì sắp trà tì thân Như Lai vì vậy

人人各取香木萬束。

nhân nhân các thủ hương mộc vạn thúc.

mọi người đều cầm một vạn cây hương buộc lại

栴檀沈水牛頭栴檀天木香等。是一一木文理及附。皆有七寶微妙光明。

chiên đàn trầm thủy ngưu đầu chiên đàn Thiên mộc hương đẳng. thị nhất nhất mộc văn lý cập phụ. giai hữu thất bảo vi diệu quang-minh.

như chiên đàn, trầm thủy, ngưu đầu, chiên đàn thiên, mộc hương v.v.. Mỗi mỗi cây đều

được sửa sang đẹp đẽ và có phụ thêm ánh sáng vi diệu của bảy báu

譬如種種雜彩畫飾。

thí như chủng chủng tạp thái họa sức.

giống như bức tranh có trang sức đủ loại ánh sáng.

以佛力故有是妙色青黃赤白。為諸眾生之所樂見。

dĩ Phật lực cố hữu thị diệu sắc thanh hoàng xích bạch. vi chư chúng sanh chi sở lạc kiến.

Do lực của Phật nên có những diệu sắc xanh vàng đỏ trắng như vậy, làm cho chúng sanh thấy là yêu thích.

諸木皆以種種香塗。鬱金沈水及膠香等。

chư mộc giai dĩ chủng chủng hương đồ. uất kim trầm thủy cập giao hương đẳng.

Các cây đều dùng bằng nhiều thứ như đồ hương, uất kim, trầm thủy và giao hương v.v..

散以諸花而為莊嚴。優鉢羅花。拘物頭花。波頭摩花。

tán dĩ chư hoa nhi vi trang nghiêm. Ưu bát la hoa. câu vật đầu hoa. ba đầu ma hoa.

rồi dùng hoa mà rải lên làm cho trang nghiêm như hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-đầu-la, hoa

Ba-đầu-ma,

分陀利花諸香木上懸五色幡。柔軟微妙猶如天衣。

phân đà lợi hoa chư hương mộc thượng huyền ngũ sắc phiên. nhu nhuyễn vi diệu do như Thiên y.

hoa Phân-đà-lợi. Trên các cây hương là treo cờ hiệu năm sắc, mềm mại vi diệu, giống như
vải trời,

僑奢耶衣芻摩繒綵。是諸香木載以寶車。

kiêu xa da y sô ma tăng thái. thị chư hương mộc tái dĩ bảo xa.

vải kiêu xa, vải cỏ, vải tơ lụa dày năm màu. Những cây hương đó được dùng xe báu để
chở.

是諸寶車出種種光青黃赤白。

thị chư bảo xa xuất chủng chủng quang thanh hoàng xích bạch。

Các xe báu đó phát ra đủ loại màu sắc như xanh vàng đỏ trắng.

轅轢皆以七寶廁填。是一一車駕以四馬。

viên lịch giai dĩ thất bảo xí điền. thị nhất nhất xa giá dĩ tứ mã。

Càng xe là dùng bảy báu bọc kín lại. Mỗi mỗi xe là cột bốn con ngựa,

是一一馬駿疾如風。一一車前豎立五十七寶妙幢。

thị nhất nhất mã tuấn tật như phong. nhất nhất xa tiền thọ lập ngũ thập thất bảo diệu
tràng。

mỗi mỗi con ngựa tốt chạy nhanh như gió, trước mỗi mỗi xe dựng lên năm mươi cây cờ
bằng bảy báu đẹp,

真金羅網彌覆其上。一一寶車復有五十微妙寶蓋。

chân kim la võng di phúc kỳ thượng. nhất nhất bảo xa phục hữu ngũ thập vi diệu bảo
cái。

rồi dùng lưới bằng vàng thật phủ kín lên trên. Mỗi mỗi xe báu lại có năm mươi lọng báu vi
diệu.

一一車上垂諸花鬘。優鉢羅花。拘物頭花。

nhất nhất xa thượng thùy chư hoa man. Ưu bát la hoa. câu vật đầu hoa。

trên mỗi mỗi xe có các hoa man rủ xuống như hoa Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu,

波頭摩花。分陀利花其花純以真金為葉。

ba đầu ma hoa. phân đà lợi hoa kỳ hoa thuần dĩ chân kim vi diệu。

hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi. Các hoa ấy thuần dùng vàng thật làm lá,

金剛為臺。是花臺中多有黑蜂。

Kim cương vi đài. thị hoa đài trung đa hữu hắc phong。

kim cương làm đài. Trong các đài hoa có nhiều ong đen,

遊集其中歡娛受樂。又出妙音所謂無常苦空無我。

du tập kỳ trung hoan ngu thọ lạc。hựu xuất Diệu-Âm sở vị vô thường khổ không vô ngã。 bay vào tập hợp trong đó vui mừng sướng thích, lại phát ra âm thanh vi diệu như Vô thường, Khổ, Vô ngã。

是音聲中復說菩薩本所行道。

thị âm thanh trung phục thuyết Bồ-tát bốn sở hạnh đạo。

Trong âm thanh ấy lại nói sở nguyện hành đạo của Bồ-tát,

復有種種歌舞伎樂箏笛篳篥簫瑟鼓吹。是樂音中復出是言。

phục hữu chủng chủng ca vũ kỹ nhạc tranh địch không hầu tiêu sắt cổ xuy。 thị nhạc âm trung phục xuất thị ngôn。

lại có các loại ca múa, kỹ nhạc, đàn tranh, không hầu, sáo, đàn sắt, trống. Trong các loại âm nhạc đó lại phát ra tiếng rằng:

苦哉苦哉。世間空虛。

khổ tai khổ tai。 thế gian không hư。

Khổ thay! Khổ thay! Thế gian trống rỗng!

——車前有優婆塞擎四寶案。是諸案上有種種花。優鉢羅花。

nhất nhất xa tiền hữu Ưu bà tắc kinh tứ bảo án。 thị chư án thượng hữu chủng chủng hoa。 Ưu bát la hoa。

Trước mỗi mỗi xe có bốn Ưu-bà-tắc vác bốn bàn báu. Trên các bàn có đủ loại hoa như hoa Ưu-bát-la,

拘物頭花。波頭摩花。分陀利花。

câu vật đầu hoa。 ba đầu ma hoa。 phân đà lợi hoa。

hoa Câu-vật-đầu, hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi,

鬱金諸香及餘薰香。微妙第一。諸優婆塞為佛及僧。

uất kim chư hương cập dư huân hương。 vi diệu đệ nhất。 chư Ưu bà tắc vì Phật cập tăng。

các hương như uất kim và các thứ hương cỏ thơm khác vi diệu đệ nhất。 Các vị Ưu-bà-tắc vì Phật và Tăng

辦諸食具種種備足。皆是栴檀沈水香薪。

bạn chư thực cụ chủng chủng bị túc。 giai thị chiêm đàn trầm thủy hương tân。

mà chuẩn bị đầy đủ các loại thức ăn đều là những loại chiêm đàn, trầm thủy, hương tân。

八功德水之所成熟其食甘美有六種味。

bát công đức thủy chi sở thành thực kỳ thực cam mỹ hữu lục chủng vị。

Thức ăn ấy được nấu thành từ chỗ nước Tám công đức, có sáu loại vị ngọt ngon đó là:

一苦二醋三甘四辛五醎六淡。復有三德。一者輕軟。

nhất khổ nhị thổ tam cam tứ tân ngũ 醎 lục đạm。phục hữu tam đức。nhất giả khinh
nhuyễn。

một là đắng, hai là chua, ba là ngọt, bốn là cay, năm là mặn, sáu là nhạt. Lại có ba đức:

một là nhẹ nhàng, mềm mại,

二者淨潔。三者如法。作如是等種種莊嚴。

nhị giả tịnh khiết。tam giả như Pháp。tác như thị đẳng chủng chủng trang nghiêm。

hai là trong sạch, bà là như pháp, các loại như vậy để làm trang nghiêm。

至力士生處娑羅雙樹間。復以金沙遍布其地。

chí Lực sĩ sanh xứ Sa-la song thụ gian。phục dĩ kim sa biến bố kỳ địa。

Lại nói đến xứ Lực sĩ sanh, giữa hai cây Sa-la, dùng các vàng để phủ khắp trên mặt đất,
以加陵伽衣欽婆羅衣及繒綵衣而覆沙上。

dĩ ca lăng già y khâm bà la y cập tăng thải y nhi phúc sa thượng。

lấy vải Ca-lăng-già, vải Khâm-bà-la và vải lụa dày mà phủ trên cát

周匝遍滿十二由旬。

châu tạp biến mãn thập nhị do-tuần。

giáp vòng là hai mươi do tuần,

為佛及僧敷置七寶師子之座。其座高大如須彌山。

vì Phật cập tăng phu trí thất bảo Sư-tử chi tọa。kỳ tọa cao Đại như Tu-Di sơn。

vì Phật và Tăng mà bày biện sắp đặt các tòa Sư tử bảy báu. Tòa ấy cao lớn như núi Tu-di,
是諸座上皆有寶帳垂諸瓔珞。

thị chư tọa thượng giai hữu bảo trướng thùy chư anh lạc。

trên các tòa đều có màn báu bằng chuỗi anh lạc rũ xuống。

諸娑羅樹悉懸種種微妙幡蓋。種種好香以塗樹身。種種名花以散樹間。

chư sa-la thụ tất huyền chủng chủng vi diệu phiên cái。chủng chủng hảo hương dĩ đồ thụ
thân。chủng chủng danh hoa dĩ tán thụ gian。

Trên các cây Sa-la đều treo đủ loại phan lọng tốt đẹp, đủ loại hương thơm dùng để xoa
thân, đủ loại dùng để rải lên giữa hai cây Sa-la.

諸優婆塞各作是念。一切眾生若有所乏。

chư Ưu bà tặc các tác thị niệm。 nhất thiết chúng sanh nhược hữu sở phạp。

Chư vị Ưu-bà-tặc đều nghĩ rằng: Tất cả chúng sanh nếu có người thiếu thốn
須食與食須飲與飲。須頭與頭須目與目。

tu thực dữ thực tu ẩm dữ ẩm。 tu đầu dữ đầu tu mục dữ mục。

phải cho ăn, cho ăn phải cho uống, cho uống phải cho đầu, cho đầu phải cho mắt, cho
mắt phải

隨諸眾生所須之物皆悉給與。

tùy chư chúng sanh sở tu chi vật giai tất cấp dữ。

tùy chỗ tùy vật chúng sanh muốn đều cấp đủ tất cả。

作是施時離欲瞋恚穢濁毒心。無餘思惟求世福樂。

tác thị thí thời ly dục sân khuể uế trước độc tâm。 vô dư tư duy cầu thế phúc lạc。

Khi làm việc bố thí đó chúng ta phải xa rời tâm tham muốn, sân giận, nơ trước, độc hại,
không suy nghĩ gì khác ngoài việc cầu phước lạc,
唯期無上清淨菩提。是優婆塞等皆已安住於菩薩道。

duy kỳ vô thượng thanh tịnh bồ đề。 thí Ưu bà tặc đẳng giai dĩ an trú ư Bồ-tát đạo。

chỉ mong đến Vô thượng thanh tịnh Bồ đề。 Các vị Ưu-bà-tặc đó đã an trú ở đạo Bồ đề,
復作是念。如來今者受我食已當入涅槃。

phục tác thị niệm。 Như Lai kim giả thọ ngã thực dĩ đương nhập Niết-bàn。

lại nghĩ như vậy: Nay Như Lai nhận thức ăn của ta xong sẽ vào Niết-bàn。

作是念已身毛皆豎。遍體血現如波羅奢花。

tác thị niệm dĩ thân mao giai thọ。 biến thể huyết hiện như ba la xa hoa。

Nghĩ như vậy xong, trên thân lông tóc dựng lên, máu chảy khắp châu thân nổi lên giống
như hoa Ba-la-xa,

涕泣盈目生大苦惱。各各齎持供養之具。

thể khắp doanh mục sanh Đại khổ não。 các các tê trì cung dưỡng chi cụ。

lệ ứa đầy mắt rất là buồn khổ。 Mỗi mỗi người đều mang đầy đủ các thứ để cúng dường,
載以寶車香木幢幡寶蓋飲食。

tái dĩ bảo xa hương mộc tràng phên bảo cái ẩm thực。

dùng xe báu để chở các cây hương, tràng phan, lọng báu, thức ăn vật uống,

疾至佛所稽首佛足。以其所持供養之具。供養如來遶百千匝。

tật chí Phật sở khể thủ Phật túc. dĩ kỳ sở trì cung dưỡng chi cụ. cung dưỡng Như Lai
nhiều bách thiên tạp.
nhanh đến chỗ Phật cúi đầu lễ chân Phật, lấy những thứ mang theo để cúng dường ấy,
cúng dường lên Như Lai, rồi nhiễu quanh trăm ngàn vòng,
舉聲號泣哀動天地。搥胸大叫淚下如雨。
cử thanh hiệu khắp ai động Thiên địa. trừu hung Đại khiêu lệ hạ như vũ.
cất lên tiếng khóc bi ai làm động đến trời đất, đánh ngực kêu la lớn nước mắt rơi như mưa.
復相謂言。苦哉仁者。世間空虛。世間空虛。
phục tương vị ngôn. khổ tai nhân giả. thế gian không hư. thế gian không hư.
Lại bảo với nhau rằng: Khổ thay Nhân giả! Thế gian trống rỗng! Thế gian trống rỗng!
便自舉身投如來前而白佛言。唯願如來。
tiện tự cử thân đầu Như Lai tiền nhi bạch Phật ngôn. duy nguyện Như Lai.
Rồi lấy thân mình nhào vào Như Lai mà bạch Phật rằng: Xin nguyện Như Lai
哀受我等最後供養。世尊知時默然不受。
ai thọ ngã đặng tối hậu cung dưỡng. Thế tôn tri thời mặc nhiên bất thọ.
thương xót nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con! Khi Thế Tôn im lặng, như vậy
biết không nhận,
如是三請悉皆不許。諸優婆塞不果所願。
như thị tam thỉnh tất giai bất hứa. chư Ưu bà tắc bất quả sở nguyện.
thỉnh ba lần như vậy đều bị từ chối thì các vị Ưu-bà-tắc không được kết quả như chỗ mình
mong muốn.
心懷悲惱默然而住。猶如慈父唯有一子卒病喪亡。
tâm hoài bi não mặc nhiên nhi trụ. do như Từ Phụ duy hữu nhất tử tốt bệnh tang vong.
Tâm mãi buồn phiền im lặng mà đứng, giống như người cha lành chỉ có một đứa con mà
bị bệnh chết mất.
送其屍骸置於塚間。歸還悵恨愁憂苦惱。
tống kỳ thi hài trí ư trung gian. quy hoàn trưởng hận sầu ưu khổ não.
Thi hài của người con ấy đem đặt ở giữa cái mả cao, khi trở về nhà cứ buồn bã, hận sầu,
lo âu khổ não.
諸優婆塞憂愁苦惱亦復如是。
chư Ưu bà tắc ưu sầu khổ não diệc phục như thị.

Các vị Ưu-bà-tắc lo sầu khổ não cũng lại như vậy,

以諸供具安置一處。却在—面默然而坐。

dĩ chư cung cụ an trí nhất xử. khước tại nhất diện mặc nhiên nhi tọa.

lấy các thứ cúng dường đặt vào một chỗ, rồi lùi vào một bên im lặng mà ngồi.

爾時復有三恒河沙諸優婆夷。

nhĩ thời phục hữu tam hằng hà sa chư Ưu bà di.

Lúc bấy giờ lại có ba hằng hà sa Ưu-bà-di

受持五戒威儀具足。其名曰壽德優婆夷。德鬘優婆夷。

thọ trì ngũ giới uy nghi cụ túc. kỳ danh viết thọ đức Ưu bà di. đức man Ưu bà di.

thọ trì năm giới uy nghi đầy đủ. Tên của các vị ấy là Ưu-bà-di Nhật Thọ Đức, Ưu-bà-di

Đức Man,

毘舍佉優婆夷等。八萬四千而為上首。

Tì xá khư Ưu bà di đẳng. bát vạn tứ thiên nhi vi thượng thủ.

Ưu-bà-di Tỳ-xá-khư, các vị Ưu-bà-di như vậy vì tám vạn bốn ngàn người mà làm bậc
thượng thủ.

悉能堪任護持正法。為度無量百千眾生故。

tất năng kham nhậm hộ trì chánh Pháp. vì độ vô lượng bách thiên chúng sanh cố.

tất cả đều có thể kham nhận và giữ gìn chánh pháp, vì muốn độ vô lượng chúng sanh nên
現女身呵責家法。自觀己身如四毒蛇。

hiện nữ thân ha trách gia Pháp. tự quán kỹ thân như tứ độc xà.

hiện thân nữ để quở trách nhà pháp, quán thấy tự thân giống bốn con rắn độc.

是身常為無量諸虫之所啖食。是身臭穢貪欲獄縛。

thị thân thường vi vô lượng chư trùng chi sở xiệp thực. thị thân xú uế tham dục ngục
phược。

Thân đó thường làm nơi ăn uống của vô lượng các loại trùng. Thân ấy thường hôi thối như
uế bị trói buộc trong ngục tù ham muốn.

是身可惡猶如死狗。是身不淨九孔常流。

thị thân khả ác do như tử cẩu. thị thân bất tịnh cửu khổng thường lưu.

Thân ấy có thể xấu giống như chó chết. Thân ấy không sạch, thường có nước chảy ra ở
chín lỗ.

是身如城血肉筋骨皮裹其上。手足以為却敵樓櫓。

thị thân như thành huyết nhục cân cốt bì khoả kỳ thượng. thủ túc dĩ vi khước địch lâu lỗ.
Thân ấy giống cái thành có máu mỡ thịt gân xương da bao bọc bên ngoài. Tay chân dùng để chống đỡ cái mộc lớn của nhà lâu.

目為竅孔。頭為殿堂心王處中。

mục vi khiếu khổng. đầu vi điện đường tâm Vương xử trung.

Mắt là cái lỗ rỗng không, bên trong đầu làm đền nhà cho vua tâm ở.

如是身城諸佛世尊之所棄捨。凡夫愚人常所味著。

như thị thân thành chư Phật Thế tôn chi sở khí xả. phàm phu ngu nhân thường sở vị trú.

Thân thể là chỗ xấu xa như vậy nên chư Phật Thế Tôn xả bỏ. Người phàm phu ngu muội thường đắm trước vào các vị

貪婬瞋恚愚癡羅刹止住其中。

tham dâm sân khúễ ngu si La sát chỉ trụ kỳ trung.

tham lam, dâm dật, sân giận, ngu si là chỗ La-sát thường dừng ở trong đó.

是身不堅猶如蘆葦伊蘭水泡芭蕉之樹。

thị thân bất kiên do như lô vi y lan thủy phao ba tiêu chi thụ.

Thân ấy không bền giống như cỏ lau, y lan, bọt nước, cây chuối.

是身無常念念不住。猶如電光暴水幻炎。亦如畫水隨畫隨合。

thị thân vô thường niệm niệm bất trụ. do như điện quang bạo thủy huyễn viêm. diệc như họa thủy tùy họa tùy hợp.

Thân ấy vô thường, niệm niệm không đứng yên giống như sáng chớp, như chọt đến, như nước, như huyễn, như lửa cháy, cũng như vạch nước tùy theo đường vạch theo hợp lại.

是身易壞猶如河岸臨峻大樹。

thị thân dịch hoại do như hà ngạn lâm tuấn Đại thụ.

Thân ấy dễ bị hư hoại giống như cây to lớn bên mé bờ sông.

是身不久當為狐狼鷄梟鵲鷺烏鵲餓狗之所食噉。

thị thân bất cửu đương vi hồ lang kê kê điều thúu ô thước ngạ cầu chi sở thực đạm.

Thân ấy không bao lâu sẽ làm thức ăn nhai nuốt cho các giống như hổ, chó sói, chim kê, chim cắt, kên kên, chó đói.

誰有智者當樂此身。寧以牛跡盛大海水。

thùy hữu trí giả đương lạc thử thân. ninh dĩ ngưu tích thịnh Đại hải thủy.

Ai là kẻ trí mà lại thích thân này? Như dùng vết chân trâu đầy cả nước biển lớn
不能具說是身無常不淨臭穢。

bất năng cụ thuyết thị thân vô thường bất tịnh xú uest.

cũng không thể nói cho hết thân đó là vô thường, bất tịnh, như uest.

寧丸大地使如棗等。漸漸轉小猶葶藶子乃至微塵。

ninh hoàn Đại địa sử như táo đẳng. tiệm tiệm chuyển tiểu do đình lịch tử nãi chí vi trần.

Thà khiến cho hòn đất lớn làm nhỏ lại bằng quả táo, nhỏ dần nhỏ dần giống như cây rau
đay cho đến chỉ bằng hạt bụi

不能具說是身過患。是故當捨如棄涕唾。

bất năng cụ thuyết thị thân quá hoạn. thị cố đương xả như khí thể thóa.

cũng không thể nói đủ tội lỗi của thân đó, vì vậy phải xả bỏ như bỏ nước mắt, nước miếng.

以是因緣諸優婆夷。以空無相無願之法常修其心。

dĩ thị nhân duyên chư Ưu bà di. dĩ không vô tướng vô nguyện chi Pháp thường tu kỳ
tâm。

Do nhân duyên đó mà các Ưu-bà-di lấy pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện để thường tu
tâm,

深樂諮受大乘經典。

thâm lạc ti thọ Đại thừa Kinh điển。

rất thích mưu cầu Kinh điển Đại thừa,

聞已亦能為他演說護持本願。毀皆女身甚可患厭性不堅牢。

văn dĩ diệc năng vi tha diễn thuyết hộ trì Bốn Nguyện. hủy 皆 nữ thân thậm khả hoạn
yếm tánh bất kiên lao。

nghe rồi cũng có thể vì người khác mà diễn thuyết, hộ trì bốn nguyện của mình, hủy bỏ
thân nữ hết sức buồn chán, không bền chắc ấy.

心常修集如是正觀。破壞生死無際輪轉。

tâm thường tu tập như thị chánh quán. phá hoại sanh tử vô tế luân chuyển。

Tâm thường chánh quán tu tập như vậy để phá hoại bánh xe sanh tử không còn chuyển
tiếp nữa,

渴仰大乘既自充足。復能充足餘渴仰者。

khát ngưỡng Đại thừa ký tự sung túc. phục năng sung túc dư khát ngưỡng giả。

kính ngưỡng Đại thừa đã tự đầy đủ. Ngoài việc kính ngưỡng Đại thừa có thể tự đầy đủ rồi, các Ưu-bà-di

深樂大乘守護大乘。

thâm lạc Đại thừa thủ hộ Đại thừa.

còn rất thích Đại thừa, giữ gìn Đại thừa,

雖現女身實是菩薩善能隨順一切世間。度未度者解未解者。

tuy hiện nữ thân thật thị Bồ-tát thiện năng tùy thuận nhất thiết thế gian. độ vị độ giả giải vị giải giả.

tuy hiện thân nữ nhưng thật sự là Bồ-tát khéo hay vì tùy thuận hết thảy thế gian, độ người chưa độ, giải thoát cho người chưa giải thoát,

紹三寶種使不斷絕。於未來世當轉法輪。

thiệu Tam Bảo chủng sử bất đoạn tuyệt. ư vị lai thế đương chuyển Pháp luân.

tiếp nối hạt giống Tam Bảo không để mất hẳn, ở đời vị lai sẽ chuyển bánh xe pháp,

以大莊嚴而自莊嚴。堅持禁戒。皆悉成就如是功德。

đĩ Đại trang nghiêm nhi tự trang nghiêm. kiên trì cấm giới. giai tất thành tựu như thị công đức.

dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm mình, giữ gìn giới cấm một cách kiên trì, tất cả công đức như vậy đều đã thành tựu,

於諸眾生大慈心。平等無二如視一子。

ư chư chúng sanh sanh Đại bi tâm. bình đẳng vô nhị như thị nhất tử.

đối với chúng sanh tâm từ bi lớn, xem tất cả bình đẳng giống như con một chẳng phải hai,

亦於晨朝日初出時各相謂言。今日宜應至雙樹間。

diệc ư Thần triều nhật sơ xuất thời các tướng vị ngôn. kim nhật nghi ứng chí song thụ gian.

cũng vào lúc sáng sớm khi mặt trời vừa mới mọc đều bảo với nhau rằng: Hôm nay phải đến giữa hai cây Sa-la.

諸優婆夷所設供具倍勝於前持至佛所。

chư Ưu bà di sở thiết cung cụ bội thắng ư tiền trì chí Phật sở.

Các vị Ưu-bà-di thiết bày đồ cúng dường đầy đủ hơn gấp bội trước mang đến chỗ Phật,稽首佛足遶百千匝。而白佛言。世尊。

khể thủ Phật túc nhiều bách thiên tạp. nhi bạch Phật ngôn. Thế tôn.
cúi đầu lễ chân Phật rồi nhiều quanh trăm ngàn vòng mà bạch Phật rằng: Bạch đức Thế
Tôn!

我等今者為佛及僧辦諸供具。唯願如來哀受我供。

ngã đấng kim giả vi Phật cập tăng bạn chư cung cụ. duy nguyện Như-Lai ai thọ ngã
cúng.

Hôm nay chúng con vì Phật và Tăng mà bày biện đủ thứ để cúng dường, xin nguyện Như
Lai thương xót mà nhận sự cúng dường của con.

如來默然而不許可。諸優婆夷不果所願。

Như-Lai mặc nhiên nhi bất hứa khả. chư Ưu bà di bất quả sở nguyện.

Nếu Như Lai im lặng không hứa khả thì các Ưu-bà-di không có kết quả như nguyện,
心懷惆悵却坐一面。

tâm hoài trù trưởng khước tọa nhất diện.

tâm hoài buồn bã lui ngồi một bên.

爾時復有四恒河沙毘耶離城諸離車等。

nhĩ thời phục hữu tứ hằng hà sa tì da ly thành chư ly xa đấng.

Lúc bấy giờ lại có bốn Hằng-hà sa nam nữ lớn nhỏ, vợ con quyến thuộc trong thành Tỳ-
xá-ly và các Ly Xa khác,

男女大小妻子眷屬。及閻浮提諸王眷屬。

nam nữ Đại tiểu thê tử quyến chúc. cập Diêm-phù-đề chư Vương quyến chúc.

cùng với các vua cõi Diêm-phù-đề và quyến thuộc của vua,

為求法故善修戒行威儀具足。

vi cầu Pháp cố thiện tu giới hành uy nghi cụ túc.

vì muốn cầu pháp nên khéo tu giới hạnh, uy nghi đầy đủ,

摧伏異學壞正法者。常相謂言。我等當以金銀倉庫。

tôi phục dị học hoại chánh Pháp giả. thường tướng vị ngôn. ngã đấng đương dĩ kim
ngân thương khố.

diệt hết các loại học khác có thể phá hoại chánh pháp, thường bảo với nhau rằng: Chúng
ta phải dùng kho vàng kho bạc,

為令甘露無盡正法深奧之藏久住於世。

vi lệnh cam lộ vô tận chánh Pháp thâm áo chi tạng cứu trụ ư thế.

làm cho cam lồ chánh pháp còn đến vô tận, Tạng thâm áo được trụ lâu ở đời,
願令我等常得修學。若有誹謗佛正法者當斷其舌。
nguyện lệnh ngã đẳng thường đắc tu học. nhược hữu phi báng Phật chánh Pháp giả
đương đoạ kỳ thiệt.
nguyện khiến cho chúng con thường được tu học, nếu có phi báng chánh pháp ấy thì phải
bị cắt lưỡi.
復作是願。若有出家毀禁戒者。
phục tác thị nguyện. nhược hữu xuất gia hủy cấm giới giả.
Lại nguyện như vậy: Nếu có xuất gia mà hủy phạm giới cấm,
我當罷令還俗策使。有能深樂護持正法。
ngã đương bãi lệnh hoàn tục sách sử. hữu năng thâm lạc hộ trì chánh Pháp.
con sẽ bị phạt hoàn tục để sách tấn khiến cho có thể hết sức vui thích hộ trì chánh pháp.
我當敬重如事父母。若有眾僧能修正法。我當隨喜令得勢力。
ngã đương kính trọng như sự phụ mẫu. nhược hữu chúng tăng năng tu chánh
Pháp. ngã đương tùy hỷ lệnh đắc thế lực.
Con sẽ kính trọng chánh pháp như sự kính trọng cha mẹ. Nếu có chúng Tăng hay tu
chánh pháp, con sẽ tùy hỷ giúp cho vị ấy có được thế lực,
常欲樂聞大乘經典。聞已亦能為人廣說。
thường dục lạc văn Đại thừa Kinh điển. văn dĩ diệc năng vi nhân quảng thuyết.
thường ưa thích nghe kinh điển Đại thừa, nghe rồi cũng có thể vì người khác mà rộng nói,
皆悉成就如是功德。其名曰淨無垢藏離車子。
giai tất thành tựu như thị công đức. kỳ danh viết tịnh vô cấu tạng Ly-xa-tử.
tất cả công đức như vậy đều đã thành tựu. Tên của các vị ấy là Nhật Tịnh Vô Cấu Tạng
Ly-xa-tử,
淨不放逸離車子。恒水無垢淨德離車子。
tịnh bất phóng dật Ly-xa-tử. hằng thủy vô cấu tịnh đức Ly-xa-tử.
Tịnh Bất Phóng Dật Ly-xa-tử, Hằng Thủy Vô Cấu Tịnh Đức Ly-xa-tử.
如是等各相謂言。仁等。今可速往佛所。
như thị đẳng các tướng vị ngôn. nhân đẳng. kim khả tốc vãng Phật sở.
Các vị như vậy đều bảo với nhau rằng: Các vị, nay phải nhanh đến chỗ Phật
所辦供養種種具足。一一離車各嚴八萬四千大象。

sở bạn cúng dường chủng chủng cụ túc. nhất nhất ly xa các nghiêm bát vạn tứ thiên Đại tượng.

bày biện đủ loại cúng dường. Mỗi mỗi Ly Xa đều trang bị tám vạn bốn ngàn con voi lớn, 八萬四千駟馬寶車。八萬四千明月寶珠。

bát vạn tứ thiên tứ mã bảo xa。 bát vạn tứ thiên minh nguyệt bảo châu。

tám vạn bốn ngàn cỗ xe ngựa báu, tám vạn bốn ngàn Minh nguyệt bảo châu, 天木栴檀沈水薪束。種種各有八萬四千。

Thiên mộc chiên đàn trầm thủy tân thúc。 chủng chủng các hữu bát vạn tứ thiên。

thiên mộc, chiên đàn, trầm thủy buộc lại như củi, mỗi loại đều có tám vạn bốn ngàn。

一一象前有寶幢幡蓋。

nhất nhất tượng tiền hữu bảo tràng phiên cái。

Trước mỗi con voi có tràng phan lọng báu。

其蓋小者周匝縱廣滿一由旬。幡最短者長三十二由旬。

kỳ cái tiểu giả châu tạp túng quảng mãn nhất do-tuần。 phiên tối đoản giả trường tam thập nhị do-tuần。

Lọng ấy cái nhỏ nhất căng ra giáp vòng đầy một do tuần. Phan ngắn nhất là dài ba mươi hai do tuần。

寶幢卑者高百由旬。持如是等供養之具。往至佛所。

bảo tràng ti giả cao bách do-tuần。 trì như thị đẳng cung dưỡng chi cụ。 vãng chí Phật sở。

tràng báu thấp nhất là cao một trăm do tuần, mang đầy đủ các loại cúng dường như vậy đi đến chỗ Phật,

稽首佛足遶百千匝。而白佛言。世尊。

khể thủ Phật túc nhiễu bách thiên tạp。 nhi bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

cúi đầu lễ chân Phật rồi nhiễu quanh trăm ngàn vòng mà bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

我等今者為佛及僧辦諸供具。唯願如來哀受我供。

ngã đẳng kim giả vi Phật cập Tăng bạn chư cung cụ。 duy nguyện Như Lai ai thọ ngã cúng。

Chúng con nay vì Phật và chúng Tăng mà bày biện đủ thứ cúng dường, xin Như Lai thương xót mà nhận sự cúng dường của con。

如來默然而不許可。

Như-Lai mặc nhiên nhi bất hứa khả。

Như Lai im lặng mà không hứa khả

諸離車等不果所願心懷愁惱。以佛神力去地七多羅樹。

chư ly xa đặng bất quả sở nguyện tâm hoài sầu não。 dĩ Phật Thần lực khứ địa thất đa-la thụ。

thì các Ly Xa không được kết quả như ý nguyện, tâm hoài sầu não, do thần lực của Phật mà đi cách mặt đất bảy cây Đa-la,

於虛空中默然而住。爾時復有五恒河沙大臣長者。

ư hư không trung mặc nhiên nhi trụ。 nhĩ thời phục hữu ngũ hằng hà sa Đại Thần Trưởng-Giả。

ở giữa hư không im lặng mà đứng như vậy. Lúc bấy giờ lại có năm hằng-hà-sa Đại thần, Trưởng giả

敬重大乘。若有異學謗正法者。是諸人等力能摧伏。

kính trọng Đại thừa。 nhược hữu dị học báng chánh Pháp giả。 thị chư nhân đặng lực năng tòi phục。

kính trọng Đại thừa. Nếu có người dị học phỉ báng chánh pháp thì sức của những người ấy có thể bẻ gãy

猶如雹雨摧折草木。其名曰日光長者。

do như bạc vũ tòi chiết thảo mộc。 kỳ danh viết nhật quang Trưởng-Giả。

giống như mưa đá bẻ gãy cây cỏ. Tên của các vị ấy là Nhật Quang Trưởng giả,

護世長者。護法長者。如是之等而為上首。

hộ thế Trưởng-Giả。 hộ Pháp Trưởng-Giả。 như thị chi đặng nhi vi thượng thủ。

Hộ Thế Trưởng giả, Hộ Pháp Trưởng giả, các vị Trưởng giả như vậy đều là những bậc thượng thủ,

所設供具五倍於前。俱共往詣娑羅雙樹間。

sở thiết cung cụ ngũ bội ư tiền。 câu cộng vãng nghệ sa-la song thụ gian。

thiết bày đầy đủ đồ cúng dường nhiều gấp năm lần trước, đều cùng nhau đi đến giữa hai cây Sa-la,

稽首佛足遶百千匝。而白佛言。世尊。

kê thủ Phật túc nhiễu bách thiên tạp。 nhi bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

cúi đầu lễ chân Phật rồi nhiễu quanh trăm ngàn vòng mà bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

我等今者為佛及僧設諸供具。唯願哀愍受我等供。

ngã đấng kim giả vi Phật cập tăng thiết chư cung cụ。 duy nguyện ai mãn thọ ngã đấng cung。

Hôm nay chúng con vì Phật và Tăng mà thiết bày đầy đủ đồ cúng dường, xin nguyện Như Lai thương xót nhận sự cúng dường của chúng con.

如來默然而不受之。

Như-Lai mặc nhiên nhi bất thọ chi。

Như Lai im lặng như vậy mà không nhận,

諸長者等不果所願心懷愁惱。以佛神力去地七多羅樹。

chư Trưởng-Giả đấng bất quả sở nguyện tâm hoài sầu não。 dĩ Phật Thần lực khứ địa thất đa-la thụ。

các vị Trưởng giả ấy không được kết quả như ý nguyện, tâm hoài sầu não, do thần lực của Phật mà đi cách mặt đất bảy cây Đa-la

於虛空中默然而住。

ư hư không trung mặc nhiên nhi trụ。

ở giữa hư không im lặng mà đứng như vậy.

爾時復有(應有六恒河沙)毘舍離王。

nhĩ thời phục hữu (ứng hữu lục hằng hà sa)Tì-xá ly Vương。

Lúc bấy giờ lại có (ứng hiện sáu Hằng hà sa) vua Tỳ-xá-ly

及其後宮夫人眷屬。閻浮提內所有諸王。

cập kỳ hậu cung phu nhân quyến chúc。 Diêm-phù-đề nội sở hữu chư Vương。

và hậu cung của vua gồm phu nhân và quyến thuộc, các vua khác trong Diêm-phù-đề, 除阿闍世并及城邑聚落人民。其名日月無垢王等。

trừ A-xà-thế tinh cập thành ấp tụ lạc nhân dân。 kỳ danh viết Nguyệt Vô Cấu Vương đấng。

trừ ra vua A-xà-thế và thành ấp, xóm làng, nhân dân của vua. Tên của các vị ấy là vua Nhật Nguyệt Vô Cấu v.v..

各嚴四兵欲往佛所。

các nghiêm tứ binh dục vãng Phật sở。

đều mang theo bốn loại binh lính muốn đến chỗ Phật.

是一一王各有一百八十萬億人民眷屬。是諸車兵駕以象馬。

thị nhất nhất Vương các hữu nhất bách bát thập vạn ức nhân dân quyển chúc。 thị chư xa binh giá dĩ tượng mã。

Mỗi mỗi vị vua đều có một trăm tám mươi vạn ức nhân dân và quyển thuộc. Các xe binh lính đóng ngựa và voi vào xe.

象有六牙馬疾如風。莊嚴供具六倍於前。

tượng hữu lục nha mã tật như phong。 trang nghiêm cung cụ lục bội ư tiền。

Voi có sáu ngà, ngựa thì nhanh như gió, trang nghiêm đồ cúng dường đầy đủ nhiều gấp sáu lần trước.

寶蓋之中有極小者。周匝縱廣滿八由旬。幡極短者十六由旬。

bảo cái chi trung hữu cực tiểu giả。 châu tạp tủng quảng mãn bát do-tuần。 phiên cực đoản giả thập lục do-tuần。

Bên trong lọng báu cái nhỏ nhất, nếu bung ra chu vi rộng đầy tám do tuần. Phan ngắn nhất là mười sáu do tuần.

寶幢卑者三十六由旬。

bảo tràng ti giả tam thập lục do-tuần。

Phan báu thấp nhất là ba mươi sáu do tuần.

是諸王等皆悉安住於正法中惡賤邪法。敬重大乘深樂大乘。

thị chư Vương đẳng giai tất an trú ư chánh Pháp trung ác tiện tà Pháp。 kính trọng Đại thừa thâm lạc Đại thừa。

Tất cả các vua đó đều đã an trú ở trong chánh pháp, ghét bỏ tà pháp, kính trọng Đại thừa, rất ham thích Đại thừa,

憐愍眾生等如一子。

liên mãn chúng sanh đẳng như nhất tử。

thương yêu chúng sanh bình đẳng như con một,

所持飲食香氣流布滿四由旬。亦於晨朝日初出時。

sở trì ẩm thực hương khí lưu bố mãn tứ do-tuần。 diệc ư Thần triều nhật sơ xuất thời。

mang theo thức ăn vật uống, hương khí đi dàn ra đầy bốn do tuần, cũng vào lúc sáng sớm khi mặt trời vừa mới mọc,

持是種種上妙甘饈。詣雙樹間至如來所。而白佛言。世尊。

trì thị chủng chủng thượng diệu cam thiện. nghệ song thụ gian chí Như-Lai sở. nhi bạch Phật ngôn. Thế tôn.

mang đủ thứ hảo hạng ngọt ngon, đến chỗ Như Lai giữa hai cây Sa-la mà bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

我等為佛及比丘僧設是供具。唯願如來。

ngã đấng vi Phật cập Tỳ-kheo tăng thiết thị cung cụ. duy nguyện Như-Lai.

Chúng con vì Phật và Tỳ-kheo Tăng thiết đầy đủ đồ cúng dường, xin nguyện Như Lai哀愍受我最後供養。如來知時亦不許可。

ai mãn thọ ngã tối hậu cung dưỡng. Như-Lai tri thời diệc bất hứa khả.

thương xót mà nhận sự cúng dường của chúng con lần sau cùng. Khi biết Như Lai cũng không hứa khả,

是諸王等不果所願。心懷愁惱却住一面。

thị chư Vương đấng bất quả sở nguyện. tâm hoài sầu não khước trụ nhất diện.

thì các đức vua ấy không được kết quả như ý nguyện, tâm hoài sầu não, đứng lùi về một bên.

爾時復有七恒河沙諸王夫人。

nhĩ thời phục hữu thất hằng hà sa chư Vương phu nhân.

Lúc bấy giờ có bảy hằng hà sa các vị Phu nhân của vua,

唯除阿闍世王夫人。為度眾生現受女身常觀身行。

duy trừ A đồ thế Vương phu nhân. vi độ chúng sanh hiện thọ nữ thân thường quán thân hành.

chỉ trừ ra Phu nhân của Vua A-xà-thế. Các vị Phu nhân ấy vì muốn độ chúng sanh nên thị hiện thọ thân nữ, thường quán thân hành,

以空無相無願之法薰修其心。

dĩ không vô tướng vô nguyện chi Pháp huân tu kỳ tâm.

dùng pháp Không, Vô tướng, Vô nguyện để huân tu tâm.

其名曰三界妙夫人。愛德夫人。如是等諸王夫人。

kỳ danh viết tam giới diệu phu nhân. ái đức phu nhân. như thị đấng chư Vương phu nhân.

Tên của các vị ấy là Tam Giới Phu nhân, Ái Đức Phu nhân, tất cả các vị Phu nhân của Vua như vậy

皆悉安住於正法中。修行禁戒威儀具足。

giai tất an trú ở chánh Pháp trung. tu hành cấm giới uy nghi cụ túc.

đều an trụ ở trong chánh pháp, tu hành cấm giới, uy nghi đầy đủ,

憐愍眾生等如一子。各相謂言。今宜速往詣世尊所。

liên mẫn chúng sanh đẳng như nhất tử. các tướng vị ngôn. kim nghi tốc vãng nghê Thế tôn sở.

thương yêu chúng sanh giống như con một, đều nói với nhau rằng: Nay chúng ta phải nhanh đến chỗ Thế Tôn.

諸王夫人所設供養七倍於前。

chư Vương phu nhân sở thiết cung dưỡng thất bội ư tiền.

Các Phu nhân của Vua bày biện đồ cúng dường nhiều gấp bảy lần ở trước,

香花寶幢繒綵幡蓋上妙飲食。

hương hoa bảo tràng tăng thải phiên cái thượng diệu ẩm thực.

như hương hoa, tràng báu, lụa dày, lọng, thức ăn vật uống thượng diệu.

寶蓋小者周匝縱廣十六由旬。幡最長者三十六由旬。

bảo cái tiểu giả châu tạp túng quảng thập lục do-tuần. phiên tối đoản giả tam thập lục do-tuần.

Lọng báu nhỏ ấy nếu bung ra chu vi rộng mười sáu do tuần. Phan ngắn nhất là ba mươi sáu do tuần.

寶幢卑者六十八由旬。飲食香氣周遍流布滿八由旬。

bảo tràng ti giả lục thập bát do-tuần. ẩm thực hương khí châu biến lưu bố mãn bát do-tuần.

Tràng báu ấy thấp là sáu mươi tám do tuần. Thức ăn vật uống trải đầy khắp tám do tuần, 持如是等供養之具。往如來所稽首佛足遶百千匝。

trì như thị đẳng cung dưỡng chi cụ. vãng Như-Lai sở kê thủ Phật túc nhiều bách thiên tạp.

mang đầy đủ đồ cúng dường như vậy đến chỗ Như Lai cúi đầu lễ chân Phật, nhiều quanh trăm ngàn vòng

而白佛言。世尊。

nhi bạch Phật ngôn. Thế tôn.

mà bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

我等為佛及比丘僧設是供具。唯願如來。哀愍受我最後供養。

ngã đấng vi Phật cập Tỳ-kheo Tăng thiết thị cung cụ. duy nguyện Như-Lai. ai mẫn thọ
ngã tối hậu cung dưỡng.

Chúng con vì Phật và Tỳ-kheo Tăng thiết đủ đồ cúng dường, xin nguyện Như Lai từ bi
thương xót mà nhận sự cúng dường sau cùng của con.

如來知時默然不受。時諸夫人不果所願心懷愁惱。

Như-Lai tri thời mặc nhiên bất thọ. thời chư phu nhân bất quả sở nguyện tâm hoài sầu
nảo.

Khi Như Lai im lặng như vậy là biết không nhận, khi ấy các vị Phu nhân không có kết quả
như ý nguyện thì tâm luôn sầu não,

自拔頭髮搥胸大哭。猶如新喪所愛之子。

tự bặt đầu phát trừu hung Đại khóc. do như tân tang sở ái chi tử.

tự đánh vào đầu, vào ngực mà khóc lớn giống như thương con mới chết,

却在—面默然而住。

khước tại nhất diện mặc nhiên nhi trụ.

rồi lùi về một bên im lặng như vậy mà đứng.

爾時復有八恒河沙諸天女等。

nhĩ thời phục hữu bát hằng hà sa chư Thiên nữ đấng.

Lúc bấy giờ lại có tám Hằng hà sa các vị Thiên nữ,

其名曰廣目天女。而為上首。作如是言。汝等諸姊。

kỳ danh viết quảng mục Thiên nữ. nhi vi thượng thủ. tác như thị ngôn. nhữ đấng chư
tử.

tên của các vị ấy là Quảng Mục Thiên nữ v.v.. mà làm thượng thủ, nói lời như vậy: Này
các chị,

諦觀諦觀。是諸人眾所設種種上妙供具。

để quán để quán. thị chư nhân chúng sở thiết chủng chủng thượng diệu cung cụ.

hãy nhìn xem, nhìn xem loài người đang sắp bày đủ loại đồ cúng dường thượng diệu,

欲供如來及比丘僧。

dục cung Như-Lai cập Tỳ-kheo tăng.

muốn cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng.

我等亦當如是嚴設微妙供具供養如來。如來受已當入涅槃。諸姊。

ngã đấng diệc đương như thị nghiêm thiết vi diệu cung cụ cung dưỡng Như-Lai. Như-Lai
thọ dĩ đương nhập Niết-Bàn. chư tử.

Chúng ta cũng phải như vậy mà trang bị đầy đủ những thứ vi diệu để cúng dường Như
Lai. Như Lai thọ rồi sẽ vào Niết-bàn. Các chị!

諸佛如來出世甚難。最後供養亦復倍難。

chư Phật như lai xuất thế thậm nan. tối hậu cung dưỡng diệc phục bội nan.

Chư Phật Như Lai xuất hiện ở đời rất khó, cúng dường lần sau cùng lại càng khó gấp bội.
若佛涅槃世間空虛。

nhược Phật Niết-Bàn thế gian không hư.

Nếu Phật mà Niết-bàn thì thế gian trống rỗng.

是諸天女愛樂大乘欲聞大乘。聞已亦能為人廣說。

thị chư Thiên nữ ái lạc Đại thừa dục văn Đại thừa. văn dĩ diệc năng vi nhân quảng
thuyết.

Các vị Thiên nữ ấy yêu thích Đại thừa, muốn nghe Đại thừa, nghe rồi có thể vì người khác
mà rộng nói,

渴仰大乘既自充足。復能充足餘渴仰者。守護大乘。

khát ngưỡng Đại thừa ký tự sung túc. phục năng sung túc dư khát ngưỡng giả. thủ hộ
Đại thừa.

chỗ kính ngưỡng Đại thừa đã tự đầy đủ, ngoài sự kính ngưỡng đầy đủ rồi lại còn có thể
giữ gìn Đại thừa.

若有異學憎嫉大乘。勢能摧滅如雹摧草。

nhược hữu dị học tăng tật Đại thừa. thế năng tời diệt như bạc tời thảo.

Nếu có chúng dị học ghen ghét với Đại thừa, thế có thể diệt hết như mưa đá bẻ gãy cỏ,
護持戒行威儀具足。善能隨順一切世間。

hộ trì giới hạnh, uy nghi đầy đủ, khéo hay tùy thuận tất cả thế gian,

hộ trì giới hạnh, uy nghi đầy đủ, khéo hay tùy thuận tất cả thế gian,

度未度者脫未脫者。於未來世當轉法輪。

độ vị độ giả thoát vị thoát giả. ư vị lai thế đương chuyển Pháp luân.

độ người chưa được độ, giải thoát người chưa được giải thoát, sẽ chuyển bánh xe pháp
trong đời vị lai,

紹三寶種使不斷絕。修學大乘。以大莊嚴而自莊嚴。

thiệu Tam Bảo chủng sử bất đoạn tuyệt. tu học Đại thừa. dĩ Đại trang nghiêm nhi tự trang nghiêm.

nối tiếp hạt giống Tam Bảo khiến cho không bị mất hẳn, tu học Đại thừa, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm,

成就如是無量功德。等慈眾生如視一子。

thành tựu như thị vô lượng công đức. đẳng từ chúng sanh như thị nhất tử.

bình đẳng thương chúng sanh giống như con một, vô lượng công đức như vậy đều đã được thành tựu,

亦於晨朝日初出時。各取種種天木香等。

diệc ư Thần triều nhật sơ xuất thời. các thủ chủng chủng Thiên mộc hương đẳng.

cũng vào lúc sáng sớm khi mặt trời vừa mới mọc, đều cầm các loại mộc hương trời v.v..

倍於人間所有香木。其木香氣能滅人中種種臭穢。

bội ư nhân gian sở hữu hương mộc. kỳ mộc hương khí năng diệt nhân trung chủng chủng xú ố.

nhieu gấp bội mộc hương mà loài người có. Hơi của mộc hương ấy có thể diệt hết các loại như ố trong con người.

白車白蓋駕四白馬。一一車上皆張白帳。

bạch xa bạch cái giá tứ bạch mã. nhất nhất xa thượng giai trương bạch trướng.

Xe trắng, lọng trắng, đóng vào xe bốn ngựa trắng. Trên mỗi mỗi xe đều có căng trướng trắng.

其帳四邊懸諸金鈴種種香花寶幢幡蓋。

kỳ trướng tứ biên huyền chư kim linh chủng chủng hương hoa bảo tràng phiên cái.

Trướng ấy bốn bên treo các chuông vàng và các loại hương hoa, tràng, phan, lọng báu

上妙甘饈種種伎樂敷師子座。其座四足純紺琉璃。

thượng diệu cam thiện chủng chủng kỹ nhạc phu Sư-tử tọa. kỳ tọa tứ túc thuần cảm lưu ly.

thượng diệu ngọt ngon, các loại kỹ nhạc, tòa sư tử. Bốn chân của tòa ấy thuần bằng lưu ly xanh biếc.

於其座後各各皆有七寶倚床。

ư kỳ tọa hậu các các giai hữu thất bảo ỷ sàng.

Ở sau mỗi mỗi tòa đều có giường dựa bảy báu

—一座前復有金机。復以七寶而為燈樹。

nhất nhất tọa tiền phục hữu kim ngột. phục dĩ thất bảo nhi vi đăng thụ.

Trước mỗi mỗi tòa ngồi lại có ghế nhỏ bằng vàng, lại dùng bảy báu làm đèn cây,
種種寶珠以為燈明。微妙天花遍布其地。

chủng chủng bảo châu dĩ vi đăng minh. vi diệu Thiên hoa biến bố kỳ địa.

các loại ngọc ngà châu báu dùng làm đèn sáng, hoa trời vi diệu trải khắp trên đất ấy.

是諸天女設是供已。心懷哀感涕淚交流生大苦惱。

thị chư Thiên nữ thiết thị cung dĩ. tâm hoài ai cảm thế lệ giao lưu sanh Đại khổ não.

các vị Thiên nữ ấy thiết bày đồ cúng dường như vậy xong, tâm hoài cảm động nước mắt
chảy ràn rụa hết sức khổ não,

亦為利益安樂眾生。成就大乘第一空行。

diệc vi lợi ích an lạc chúng sanh. thành tựu Đại thừa đệ nhất không hành.

cũng vì lợi ích an lạc cho chúng sanh thành tựu đệ nhất về việc thực hành pháp Không
của Đại thừa,

顯發如來方便密教。亦為不斷種種說法。

hiển phát Như-Lai phương tiện Mật Giáo. diệc vi bất đoạn chủng chủng thuyết Pháp.

hiển bày rõ phương tiện Mật giáo của Như Lai, cũng vì không muốn mất hẳn các loại
thuyết pháp,

往詣佛所稽首佛足遶百千匝。而白佛言。世尊。

vãng nghê Phật sở kê thủ Phật túc nhiễu bách thiên tạp. nhi bạch Phật ngôn. Thế tôn.

đi đến chỗ Phật cúi đầu lễ chân Phật rồi nhiễu quanh trăm ngàn vòng mà bạch Phật rằng:
Bạch đức Thế Tôn!

唯願如來。哀受我等最後供養。

duy nguyện Như-Lai. ai thọ ngã đẵng tối hậu cung dưỡng.

Xin nguyện Như Lai thương xót mà nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con.

如來知時默然不受。諸天女等不果所願心懷憂惱。

Như-Lai tri thời mặc nhiên bất thọ. chư Thiên nữ đẵng bất quả sở nguyện tâm hoài ưu
não.

Khi Như Lai im lặng, như vậy là biết không nhận, các vị Thiên nữ không có kết quả như ý
nguyện, tâm hoài sầu não

却在—面默然而坐。

khước tại nhất diện mặc nhiên nhi tọa。
lùi về một bên im lặng như vậy mà ngồi。
爾時復有九恒河沙諸龍王等住於四方。
Nhĩ thời phục hữu cửu hằng hà sa chư long Vương đẳng trụ ư tứ phương。
Lúc bấy giờ lại có chín hằng hà sa các vị Long vương ở trong bốn phương。
其名曰和修吉龍王。難陀龍王。婆難陀龍王。
kỳ danh viết hòa tu cát long Vương。Nan đà long Vương。bà Nan đà long Vương。
Tên của các vị ấy là Hòa-tu-cát Long Vương, Nan-đà Long Vương, Bà-nan-đà Long Vương,
而為上首。是諸龍王亦於晨朝日初出時。
nhi vi thượng thủ。thị chư long Vương diệc ư Thần triều nhật sơ xuất thời。
mà các vị như vậy làm thượng thủ。Các Long Vương đó cũng vào lúc sáng sớm khi mặt trời vừa mới mọc,
設諸供具倍於人天。
thiết chư cung cụ bội ư nhân Thiên。
thiết bày đủ loại đồ cúng dường nhiều gấp bội người trời
持至佛所稽首佛足遶百千匝。而白佛言。唯願如來。
trì chí Phật sở kê thủ Phật túc nhiểu bách thiên tạp。nhi bạch Phật ngôn。duy nguyện Như-Lai。
mang đến chỗ Phật cúi đầu lễ chân Phật rồi nhiểu quanh trăm ngàn vòng mà bạch Phật rằng: Xin nguyện Như Lai
哀受我等最後供養。如來知時默然不受。
ai thọ ngã đẳng tối hậu cung dưỡng。Như-Lai tri thời mặc nhiên bất thọ。
thương xót mà nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con。Khi Như Lai im lặng, như vậy biết rằng không nhận。
是諸龍王不果所願。心懷愁惱却坐一面。
thị chư long Vương bất quả sở nguyện。tâm hoài sầu não khước tọa nhất diện。
Khi ấy, các vị Long Vương không được kết quả như ý nguyện, tâm hoài sầu não lùi qua một bên mà ngồi。
爾時復有十恒河沙諸鬼神王。
nhĩ thời phục hữu thập hằng hà sa chư quỷ Thần Vương。

Lúc bấy giờ lại có mười hằng hà sa các vua Quỷ Thần mà
毘沙門王而為上首。各相謂言。仁等。
tì Sa-môn Vương nhi vi thượng thủ。 các tướng vị ngôn。 nhân đẳng。
vua Tỳ Sa-môn làm thượng thủ. Các vị như vậy đều nói với nhau rằng: Các vị,
今者可速詣佛所。設供具倍於諸龍。
kim giả khả tốc nghê Phật sở。 thiết cung cụ bội ư chư long。
nay có thể đến chỗ Phật thiết bày đủ đồ cúng dường nhiều gấp bội các vị Rồng,
持往佛所稽首佛足遶百千匝。而白佛言。唯願如來。
trì vãng Phật sở kê thủ Phật túc nhiễu bách thiên tạp。 nhi bạch Phật ngôn。 duy nguyện
Như-Lai。
mang đến chỗ Phật cúi đầu lễ chân Phật rồi nhiễu quanh trăm ngàn vòng mà bạch Phật
rằng: Xin nguyện Như Lai
哀受我等最後供養。如來知時默然不許。
ai thọ ngã đấng tối hậu cung dưỡng。 Như-Lai tri thời mặc nhiên bất hứa。
thương xót nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con. Khi Như Lai im lặng, như vậy
biết không nhận.
是諸鬼王不果所願。心懷愁惱却坐一面。
thị chư quỷ Vương bất quả sở nguyện。 tâm hoài sầu não khước tọa nhất diện。
Khi các vua quỷ thần đó không được kết quả như ý nguyện thì tâm hoài sầu não lùi về
một bên mà ngồi.
爾時復有二十恒河沙金翅鳥王。
nhĩ thời phục hữu nhị thập hằng hà sa kim sí điểu Vương。
Lúc bấy giờ lại có hai mươi hằng hà sa vua chim Kim sí mà
降怨鳥王而為上首。復有三十恒河沙乾闥婆王。
hàng oán điểu Vương nhi vi thượng thủ。 phục hữu tam thập hằng hà sa Kiền thát bà
Vương。
vua chim Hàng Oán làm thượng thủ. Lại có ba mươi hằng hà sa vua Càn-thát-bà mà vua
那羅達王而為上首。復有四十恒河沙緊那羅王。
na la đạt Vương nhi vi thượng thủ。 phục hữu tứ thập hằng hà sa khẩn na la Vương。
Na-la-đạt làm thượng thủ. Lại có bốn hằng hà sa vua Khẩn-na-la mà
善見王而為上首。

thiện kiến Vương nhi vi thượng thủ.

vua Thiện Kiến làm thượng thủ.

復有五十恒河沙摩睺羅伽王。大善見王而為上首。

phục hữu ngũ thập hằng hà sa Ma hầu la dà Vương. Đại thiện kiến Vương nhi vi thượng thủ.

Lại có năm mươi hằng hà sa mà vua Ma-hầu-la-già, vua Đại Thiện Kiến làm thượng thủ.

復有六十恒河沙阿修羅王。睽婆利王而為上首。

phục hữu lục thập hằng hà sa A-tu-La Vương. đàm bà lợi Vương nhi vi thượng thủ.

Lại có sáu mươi hằng hà sa vua A-tu-la mà vua Đàm-bà-lợi làm thượng thủ.

復有七十恒河沙陀那婆王。無垢河水王。

phục hữu thất thập hằng hà sa đà na bà Vương. vô cấu hà thủy Vương.

Lại có bảy mươi hằng hà sa vua Đà-na-bà mà vua Vô Cấu Hà Thủy,

跋提達多王等。而為上首。復有八十恒河沙羅剎王。

Bạt đề đạt đa Vương đẳng. nhi vi thượng thủ. phục hữu bát thập hằng hà sa La sát Vương.

Vua Bạt-đề-đạt-đa làm thượng thủ. Lại có tám mươi hằng hà sa vua La-sát mà

可畏王而為上首。捨離惡心更不食人。

khả úy Vương nhi vi thượng thủ. xả ly ác tâm canh bất thực nhân.

vua Khả Úy làm thượng thủ. Các vị la sát đó xa lìa tâm ác không còn ăn người nữa,

於怨憎中生慈悲心。其形醜陋。以佛神力皆悉瑞正。

ư oán tăng trung sanh từ bi tâm. kỳ hình xú lậu. dĩ Phật Thần lực giai tất thụy chánh.

ở trong oán ghét mà sanh tâm từ bi. Hình thù của họ xấu xí nhưng do thần lực của Phật nên tất cả đều được đoan chánh.

復有九十恒河沙樹林神王。

phục hữu cửu thập hằng hà sa thụ lâm Thần Vương.

Lại có chín mươi vua Thần rừng cây

樂香王而為上首。復有千恒河沙持呪王。

lạc hương Vương nhi vi thượng thủ. phục hữu thiên hằng hà sa trì chú Vương.

mà vua Lạc Hương làm thượng thủ. Lại có ngàn hằng hà sa vua Trì chú mà

大幻持呪王而為上首。復有一億恒河沙貪色鬼魅。

Đại huyễn trì chú Vương nhi vi thượng thủ. phục hữu nhất ức hằng hà sa tham sắc quý mị.

Vua Đại Huyễn Trì Chú làm thượng thủ. Lại có một ức hằng hà sa quý mị tham sắc mà 善見王而為上首。復有百億恒河沙天諸姪女。

thiện kiến Vương nhi vi thượng thủ. phục hữu bách ức hằng hà sa Thiên chư hình nữ. vua Thiện Kiến làm thượng thủ. Lại có trăm ức hằng hà sa Thiên nữ mà 藍婆女。鬱婆尸女。帝路沾女。毘舍佉女。

Lam bà nữ. uất bà thi nữ. đế lộ triêm nữ. Tì xá khứ nữ.

Lam-bà nữ, Uất-bà-thi nữ, Đế-lộ-triêm nữ, Tỳ-xá-khư nữ 而為上首。復有千億恒河沙地諸鬼王。

nhi vi thượng thủ. phục hữu thiên ức hằng hà sa địa chư quý Vương. làm thượng thủ. Lại có ngàn ức hằng hà sa vua quý ở đất mà 白濕王而為上首。

bạch thấp Vương nhi vi thượng thủ.

vua Bạch Thấp làm thượng thủ.

復有十萬億恒河沙等諸天子及諸天王四天王等。

phục hữu thập vạn ức hằng hà sa đẳng chư Thiên tử cập chư Thiên Vương tứ Thiên Vương đẳng。

Lại có mười vạn ức hằng hà sa và nhiều hơn nữa các Thiên tử và vua Trời Tứ Thiên Vương v.v..

復有十萬億恒河沙等四方風神。吹諸樹上時非時花散雙樹間。

phục hữu thập vạn ức hằng hà sa đẳng tứ phương phong Thần. xuy chư thụ thượng thời phi thời hoa tán song thụ gian。

Lại có mười vạn ức hằng hà sa và nhiều hơn nữa Thần gió bốn phương, thổi vào cây đúng thời hay không đúng thời hoa cũng rải giữa hai cây Sa-la.

復有十萬億恒河沙主雲雨神。皆作是念。

phục hữu thập vạn ức hằng hà sa chủ vân vũ Thần. giai tác thị niệm。

Lại có mười vạn ức hằng hà sa chủ Thần mây mưa đều nghĩ như vậy:

如來涅槃焚身之時。我當注雨令火時滅。

Như-Lai Niết-Bàn phần thân chi thời. ngã đương chú vũ lệnh hỏa thời diệt。

Khi Như Lai Niết-bàn mà thiêu thân, khi ấy, chúng ta sẽ rót nước mưa xuống cho lửa tắt

眾中熱悶為作清涼。復有二十恒河沙大香象王。

chúng trung nhiệt muộn vi tác thanh lương. phục hữu nhị thập hằng hà sa Đại hương Tượng Vương。

làm cho sự nóng bức ấy trở thành mát mẻ. Lại có hai mươi hằng hà sa Đại Hương Tượng vương mà

羅睺象王。金色象王。甘味象王。紺眼象王。

la hầu Tượng Vương. kim sắc Tượng Vương. cam vị Tượng Vương. cảm nhãn Tượng Vương。

La Hầu Tượng vương, Kim Sắc Tượng Vương, Cam Lộ tượng Vương, Cảm Nhãn Tượng vương,

欲香象王等。而為上首。敬重大乘愛樂大乘。

dục hương Tượng Vương đẳng. nhi vi thượng thủ. kính trọng Đại thừa ái lạc Đại thừa。

Dục Hương Tượng Vương làm thượng thủ, kính trọng Đại thừa, yêu thích Đại thừa,

知佛不久當般涅槃。

tri Phật bất cửu đương bát Niết-Bàn。

biết Phật không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn

各各拔取無量無邊諸妙蓮花。來至佛所頭面禮佛却住一面。

các các bặt thủ vô lượng vô biên chư diệu liên hoa. lai chí Phật sở đầu diện lễ Phật khước trụ nhất diện。

nên mỗi mỗi mang theo vô lượng vô biên các loại hoa sen đẹp, đến chỗ Phật đầu mặt lễ Phật rồi đứng lùi qua một bên.

復有二十恒河沙等師子獸王。師子吼王而為上首。

phục hữu nhị thập hằng hà sa đẳng Sư-tử thú Vương. Sư-tử hống Vương nhi vi thượng thủ。

Lại có hai mươi hằng hà sa và nhiều hơn nữa vua thú Sư tử mà Sư Tử Hống làm thượng thủ,

施與一切眾生無畏。持諸花菓來至佛所。

thí dữ nhất thiết chúng sanh vô úy. trì chư hoa quả lai chí Phật sở。

bố thí cho tất cả chúng sanh sự vô úy, mang nhiều loại hoa quả đi đến chỗ Phật稽首佛足却住一面。

khể thủ Phật túc khước trụ nhất diện。

cúi đầu lễ chân Phật rồi đứng lùi về một bên.

復有二十恒河沙等諸飛鳥王。鳧鴈鴛鴦孔雀諸鳥。乾闥婆鳥。迦蘭陀鳥。

phục hữu nhị thập hằng hà sa đẳng chư phi điểu Vương. phù nhận uyên ương Khổng-tước chư điểu. Càn thát bà điểu. ca lan đà điểu.

Lại có hai mươi hằng hà sa và nhiều hơn nữa các vua loài chim bay như chim le le, nhận, Uyên ương, khổng tước, chim Càn-thát-bà, chim Ca-lan-đà, 鷓鴣鸚鵡。俱翅羅鳥。婆嚩伽鳥。

cù dục anh vũ. câu sí la điểu. bà hi già điểu.

chim Sáo, Anh vũ, chim Câu-si-la, chim Bà-hi-già, 迦陵頻伽鳥。耆婆耆婆鳥。

Ca-lăng-tần-già điểu. kì bà kì bà điểu.

chim Ca-lăng-tần-già, chim Kỳ-bà-kỳ-bà,

如是等諸鳥持諸花菓來至佛所。稽首佛足却住一面。

như thị đẳng chư điểu trì chư hoa quả lai chí Phật sở. khể thủ Phật túc khước trụ nhất diện.

tất cả các loài chim như vậy mang hoa quả đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi đứng lùi về một bên.

復有二十恒河沙等水牛牛羊。往至佛所出妙香乳。

phục hữu nhị thập hằng hà sa đẳng thủy ngưu ngưu dương. vãng chí Phật sở xuất diệu hương nhũ.

Lại có hai mươi hằng hà sa và nhiều hơn nữa trâu nước, trâu dê đến chỗ Phật xuất ra loại sữa thơm ngon.

其乳流滿拘尸那城。所有溝坑色香美味悉皆具足。

kỳ nhũ lưu mãn Câu-thi-na thành. sở hữu câu khanh sắc hương mỹ vị tất giai cụ túc.

Sữa ấy chảy đầy cả thành Câu-thi-na, các chỗ như ngòi, rãnh, hẻm đều có đầy đủ sữa hương vị thơm ngon ấy,

成是事已却住一面。

thành thị sự dĩ khước trụ nhất diện.

xong việc như vậy rồi đứng lùi về một bên.

復有二十恒河沙等四天下中諸神仙人。忍辱仙等而為上首。

phục hữu nhị thập hằng hà sa đẳng tứ Thiên hạ trung chư Thần Tiên nhân. nhĩn nhục tiên đẳng nhi vi thượng thủ.

Lại có hai mươi hằng hà sa và nhiều hơn nữa người Thần tiên trong bốn thiên hạ mà Tiên nhĩn nhục v.v.. làm thượng thủ,

持諸香花及諸甘果來詣佛所。稽首佛足遶佛三匝。

trì chư hương hoa cập chư cam quả lai nghê Phật sở. khể thủ Phật túc nhiểu Phật tam tạp.

mang các loại hương hoa và quả ngọt đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, nhiểu quanh Phật ba vòng

而白佛言。唯願世尊。哀受我等最後供養。

nhi bạch Phật ngôn. duy nguyện Thế tôn. ai thọ ngã đẳng tối hậu cúng dường.

mà bạch Phật rằng: Xin Thế Tôn từ bi thương xót mà nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con.

如來知時默然不許。時諸仙人不果所願。

Như-Lai tri thời mặc nhiên bất hứa. thời chư Tiên nhân bất quả sở nguyện.

Khi Như Lai im lặng, như vậy biết không nhận. Khi ấy, các vị Tiên nhân không được kết quả như ý nguyện thì

心懷愁惱却住一面。閻浮提中一切蜂王。

tâm hoài sầu não khước trụ nhất diện. Diêm-phù-đề trung nhất thiết phong Vương.

tâm hoài sầu não đứng lùi về một bên. Tất cả phong vương trong cõi Diêm-phù-đề mà 妙音蜂王而為上首。持種種花來詣佛所。

Diệu-Âm phong Vương nhi vi thượng thủ. trì chủng chủng hoa lai nghê Phật sở.

Diệu Âm phong vương làm thượng thủ, mang các loại hoa đến chỗ Phật,

稽首佛足遶佛一匝却住一面。

khể thủ Phật túc nhiểu Phật nhất tạp khước trụ nhất diện.

cúi đầu lễ chân Phật, nhiểu quanh Phật một vòng rồi đứng lùi về một bên.

爾時閻浮提中比丘比丘尼一切皆集。

nhĩ thời Diêm-phù-đề trung Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nhất thiết giai tập.

Lúc bấy giờ tất cả các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni trong cõi Diêm-phù-đề đều tập hợp đông đủ 唯除尊者摩訶迦葉阿難二眾。

duy trừ Tôn-Giả Ma-ha Ca-diếp A-nan nhị chúng.

chỉ trừ hai chúng của hai Tôn giả Đại Ca-diếp và A-nan.

復有無量阿僧祇恒河沙等世界中間。及閻浮提所有諸山。

phục hữu vô lượng a tăng kì hằng hà sa đẳng thế giới trung gian. cập Diêm-phù-đề sở hữu chư sơn。

Lại có vô lượng A-tăng-kỳ hằng hà sa các núi ở bên trong thế giới các núi trong cõi Diêm-phù-đề mà

須彌山王而為上首。其山莊嚴叢林蔘鬱。

Tu-Di sơn Vương nhi vi thượng thủ. kỳ sơn trang nghiêm tùng lâm ống uất.

Núi Tu-di làm thượng thủ. Núi ấy trang nghiêm rừng cây um tùm,

諸樹茂盛枝條扶踈蔭蔽日光。

chư thụ mậu thịnh chi điều phù sơ ấm tế nhật quang。

các cây cành lá tốt tươi, đan vào nhau che khuất ánh mặt trời,

種種妙花周遍而有。龍泉流水清淨香潔。

chủng chủng diệu hoa châu biến nhi hữu. long tuyền lưu thủy thanh tịnh hương khiết.

muôn hoa đẹp đẽ bày khắp trên cây, suối rồng nước chảy sạch sẽ hương thơm tinh khiết.

諸天龍神乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽。

chư Thiên long Thần Càn thát bà A-tu-La ca lâu la khẩn na la Ma hầu la dà.

Chư Thiên, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già,

神仙呪術作倡伎樂。如是等眾彌滿其中。

Thần tiên chú thuật tác xướng kĩ nhạc. như thị đẳng chúng di mãn kỳ trung。

Thần tiên, chú thuật, trở lên kĩ nhạc. Các chúng như vậy đầy khắp ở trong đó.

是諸山神亦來詣佛。稽首佛足却住一面。

thị chư sơn Thần diệc lai nghê Phật. khể thủ Phật túc khước trụ nhất diện。

Các Thần núi cũng đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật rồi đứng lùi về một bên.

復有阿僧祇恒河沙等。四大海神及諸河神。有大威德。

phục hữu a tăng kì hằng hà sa đẳng. tứ Đại hải Thần cập chư hà Thần. hữu Đại uy đức。

Lại có A-tăng-kỳ hằng hà sa và nhiều hơn nữa các Thần của bốn biển lớn và Thần của các sông khác có uy đức lớn,

具大神足。所設供養。倍勝於前。

cụ Đại Thần túc. sở thiết cúng dường. bội thắng ư tiền。

đủ Thần túc lớn, thiết bày đồ cúng dường nhiều hơn gấp bội trước.

諸神身光伎樂燈明。悉蔽日月令不復現。

chư Thần thân quang kỹ nhạc đăng minh. tất tế nhật nguyệt lệnh bất phục hiện。

Thân của các vị Thần ấy phát ánh sáng, kỹ nhạc, đèn sáng che khuất mặt trời mặt trăng khiến cho ánh sáng không hiển hiện được,

以占婆花散熙連河。來至佛所稽首佛足却住一面。

dĩ chiêm bà hoa tán Hi liên hà. lai chí Phật sở khể thủ Phật túc khước trụ nhất diện。

lấy hoa chiêm bà rải lên sông Hi Liên, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi đứng lùi qua một bên.

爾時拘尸那城娑羅樹林。

Nhĩ thời Câu-thi-na thành sa-la thụ lâm。

Lúc bấy giờ rừng cây Sa-la trong thành Câu-thi-na

其林變白猶如白鶴。於虛空中自然而有七寶堂閣。

kỳ lâm biến bạch do như bạch hạc. ư hư không trung tự nhiên nhi hữu thất bảo đường các。

biến thành màu trắng giống như con Bạch hạc. Ở giữa hư không tự nhiên hiện ra nhà gác có bảy báu,

彫文刻鏤綺飾分明。周匝欄楯眾寶雜廁。

điêu văn khắc lữ khí sức phân minh. châu tạp lan thuẫn chúng bảo tạp xí。

nét điêu khắc chạm trổ hết sức tươi đẹp, rõ ràng.

堂下多有流泉浴池。上妙蓮花彌滿其中。

đường hạ đa hữu lưu tuyền dục trì. thượng diệu liên hoa di mãn kỳ trung。

Bên dưới nhà có nhiều suối chảy, ao tắm. Trên mặt ao, mặt suối hoa phủ đầy khắp
猶如北方鬱單越國。亦如忉利歡喜之園。

do như Bắc phương uất đan việt quốc. diệc như Đao Lợi hoan hĩ chi viên。

giống như vườn Uất Đan Việt ở phương Bắc, cũng như vườn Hoan Hỷ ở cõi trời Đao Lợi.

爾時娑羅樹林中間。種種莊嚴。甚可愛樂。亦復如是。

nhĩ thời sa-la thụ lâm trung gian. chủng chủng trang nghiêm. thậm khả ái lạc. diệc phục như thị。

Lúc bấy giờ trong rừng cây Sa-la, đủ loại trang nghiêm hết sức yêu thích cũng lại như vậy.

是諸天人阿修羅等。咸覩如來涅槃之相。

thị chư Thiên nhân A-tu-La đấng. hàm đồ Như-Lai Niết-Bàn chi tướng。
Nhưng chư Thiên, người, A-tu-la v.v.. cùng nhìn tướng Như Lai Niết-bàn
皆悉悲感愁憂不樂。

giai tất bị cảm sầu ưu bất lạc。

thì hết thấy đều sầu bi khổ ưu não không thấy vui.

爾時四天王釋提桓因。各相謂言。

nhĩ thời tứ Thiên Vương thích đề hoàn nhân。 các tướng vị ngôn。

Lúc bấy giờ Tứ Thiên Vương và Thích-đề Hoàn-nhân đều nói với nhau rằng:

汝等觀察諸天世人及阿修羅。

nhữ đấng quan sát chư Thiên thế nhân cập A-tu-La。

Các ông hãy quan sát chư Thiên, người thế gian và A-tu-la

大設供養欲於最後供養如來。我等亦當如是供養。

Đại thiết cúng dường dục ư tối hậu cúng dường Như-Lai。 ngã đấng diệc đương như thị
cúng dường。

đang thiết bày sự cúng dường lớn để cúng dường Như Lai lần sau cùng. Chúng ta cũng
phải cúng dường như vậy.

若我最後得供養者。檀波羅蜜則為成就滿足不難。

nhược ngã tối hậu đắc cung dưỡng giả。 đàn ba la mật tắc vi thành tựu mãn túc bất nan。

Nếu ta được cúng dường lần sau cùng ấy thì sẽ thành tựu pháp Bồ thí Ba-la-mật không
khó.

爾時四天王所設供養倍勝於前。

nhĩ thời tứ Thiên Vương sở thiết cúng dường bội thắng ư tiền。

Lúc bấy giờ Tứ Thiên vương thiết bày đồ cúng dường nhiều hơn gấp bội trước,

持曼陀羅花摩訶曼陀羅花。迦枳樓伽花摩訶迦枳樓伽花。

trì Mạn-đà-la hoa Ma-Ha Mạn-đà-la hoa。 ca chỉ lâu dà hoa Ma-Ha ca chỉ lâu dà hoa。

mang các loại hoa như hoa Mạn-đà-la, hoa Ma ha Mạn-đà-la, hoa Ca-chỉ-lâu-già, hoa Ma-
ha Câu-chỉ-lâu-già,

曼殊沙花摩訶曼殊沙花。

mạn thù sa hoa Ma-Ha mạn thù sa hoa。

hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha Mạn-thù-sa,

散多尼迦花摩訶散多尼迦花。愛樂花大愛樂花。普賢花。

tán đa ni ca hoa Ma-Ha tán đa ni ca hoa. ái lạc hoa Đại ái lạc hoa. Phổ Hiền hoa.
hoa Tán-đa-ni-ca, hoa Ma-ha Tán-đa-ni-ca, hoa Ái lạc, hoa Đại ái lạc, hoa Phổ hiền, hoa
Đại phổ hiền,

大普賢花。時花大時花。香城花大香城花。

Đại Phổ Hiền hoa. thời hoa Đại thời hoa. hương thành hoa Đại hương thành hoa.

Hoa thời, hoa Đại thời, hoa Hương thành, hoa Đại hương thành,

歡喜花大歡喜花。發欲花大發欲花。香醉花大香醉花。

hoan hỉ hoa Đại hoan hỉ hoa. phát dục hoa Đại phát dục hoa. hương túy hoa Đại hương
túy hoa.

hoa Hoan hỷ, hoa Đại hoan hỷ, hoa Phát dục, hoa Đại phát dục, hoa Hương Túy, hoa Đại
hương túy,

普香花大普香花天金葉花龍華。

phổ hương hoa Đại phổ hương hoa Thiên kim diệp hoa long hoa.

hoa Phổ hương, hoa Đại phổ hương, hoa Thiên kim diệp, hoa Long,

波利質多樹花拘毘羅樹花。復持種種上妙甘饈。

Ba lợi chất đa thụ hoa câu tì la thụ hoa. phục trì chủng chủng thượng diệu cam thiên.

hoa Ba-lợi-chất-đa-thụ, hoa Câu-tỳ-la-thụ, lại mang đủ loại ngọt ngon thượng diệu

來至佛所稽首佛足。是諸天人所有光明。

lai chí Phật sở khể thủ Phật túc. thị chư Thiên nhân sở hữu quang-minh.

đến chỗ Như Lai cúi đầu lễ chân Phật. Các vị trời đó có ánh sáng

能覆日月令不復現。以是供具欲供養佛。

năng phúc nhật nguyệt lệnh bất phục hiện. dĩ thị cúng cụ dục cúng dường Phật.

có thể che khuất mặt trời mặt trăng khiến không hiển hiện được, mang đầy đủ đồ cúng

dường để cúng dường Phật.

如來知時默然不受。爾時諸天不果所願。

Như-Lai tri thời mặc nhiên bất thọ. nhĩ thời chư Thiên bất quả sở nguyện.

Khi Như Lai im lặng, như vậy biết không nhận. Lúc bấy giờ chư Thiên không được kết quả

như ý nguyện thì

愁憂苦惱却住一面。

sầu ưu khổ não khước trụ nhất diện.

lo sầu khổ não đứng lùi về một bên.

爾時釋提桓因及三十三天。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân cập tam thập tam Thiên。

Lúc bấy giờ Thích-đề Hoàn-nhân và Trời Ba mươi ba
設諸供具亦倍勝前。及所持花亦復如是。

thiết chư cúng cụ diệc bội thắng tiền。cập sở trì hoa diệc phục như thị。

thiết bày đồ cúng dường cũng nhiều gấp bội trước và mang hoa cũng nhiều như vậy。

香氣微妙甚可愛樂。持得勝堂并諸小堂。來至佛所稽首佛足。

hương khí vi diệu thậm khả ái lạc。trì đắc thắng đường tinh chư tiểu đường。lai chí Phật
sở khể thủ Phật túc。

Hoa ấy hương thơm vi diệu rất đáng ưa thích, đem đến gian nhà đẹp nhất và các nhà nhỏ,
đến chỗ của Phật

而白佛言。世尊。我等深樂愛護大乘。

nhĩ bạch Phật ngôn。Thế tôn。ngã đẳng thâm lạc ái hộ Đại thừa。

mà bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Chúng con rất yêu thích ủng hộ Đại thừa,
唯願如來哀受我食。如來知時默然不受。

duy nguyện Như Lai ai thọ ngã thực。Như Lai tri thời mặc nhiên bất thọ。

xin nguyện Như Lai thương xót mà nhận đồ ăn của con. Khi Như Lai im lặng, như vậy biết
không nhận.

時諸釋天不果所願。心懷愁惱却住一面。

thời chư thích Thiên bất quả sở nguyện。tâm hoài sầu não khước trụ nhất diện。

Khi ấy Trời Đế thích không được kết quả như ý nguyện thì tâm hoài sầu não đứng lùi về
một bên.

乃至第六天所設供養展轉勝前。寶幢幡蓋。

nãi chí đệ lục Thiên sở thiết cúng dường triển chuyển thắng tiền。bảo tràng phiên cái。
Cho đến Trời thứ sáu lần lượt thiết bày đồ cúng dường như tràng, phan, lọng báu nhiều
hơn trước.

寶蓋小者覆四天下。幡最短者周圍四海。

bảo cái tiểu giả phúc tứ Thiên hạ。phiên tối đoản giả châu vi tứ hải。

Lọng báu nhỏ nhất là che phủ bốn thiên hạ, phan ngắn nhất là giáp vòng bốn biển,
幢最卑者至自在天。微風吹幡出妙音聲。

tràng tối ti giả chí Tự Tại Thiên。vi phong xuy phiên xuất Diệu-Âm thanh。

tràng thấp nhất là đến cõi trời Tự Tại. Gió vi diệu thổi vào phan ấy phát ra âm thanh tuyệt diệu.

持上甘饈來詣佛所稽首佛足白佛言。世尊。

trì thượng cam thiện lai nghệ Phật sở khổ thủ Phật túc bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Tất cả những thứ thượng đẳng ngọt ngon đó được mang đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật mà bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

唯願如來哀受我等最後供養。如來知時默然不受。

duy nguyện Như Lai ai thọ ngã đẳng tối hậu cúng dường. Như Lai tri thời mặc nhiên bất thọ.

Xin nguyện Như Lai thương xót mà nhận sự cúng cúng dường sau cùng của con. Khi Như Lai im lặng, như vậy biết không nhận,

是諸天等不果所願。心懷愁惱却住一面。上至有頂。

thị chư Thiên đẳng bất quả sở nguyện. tâm hoài sầu não khước trụ nhất diện. thượng chí hữu đỉnh.

các vị trời không được kết quả như ý nguyện, tâm hoài sầu não đứng lùi về một bên. Cho đến cõi trời cao nhất,

其餘梵眾一切來集。

kỳ dư phạm chúng nhất thiết lai tập.

tất cả Phạm chúng đều đến tập hợp.

爾時大梵天王及餘梵眾。放身光明遍四天下。

nhĩ thời Đại Phạm Thiên Vương cập dư phạm chúng. phóng thân quang-minh biến tứ Thiên hạ.

Lúc bấy giờ trời Đại Phạm và các Phạm chúng khác thân phóng ánh sáng chiếu khắp bốn thiên hạ,

欲界人天日月光明悉不復現。持諸寶幢繒綵幡蓋。

dục giới nhân Thiên nhật nguyệt quang minh tất bất phục hiện. trì chư bảo tràng tăng thải phiên cái.

làm cho ánh sáng của Mặt trời Mặt trăng ở Dục giới đều không hiện được. Các Trời mang đồ cúng dường như lụa dày, tràng, phan, lọng báu.

幡極短者懸於梵宮至娑羅樹間。

phiên cực đoản giả huyền ư phạm cung chí sa-la thụ gian.

Phan ngấn nhất ấy treo từ cung điện trời Đại phạm đến giữa hai cây Sa-la,
來詣佛所稽首佛足白佛言。世尊。唯願如來。哀受我等最後供養。

lai nghê Phật sở khể thủ Phật túc bạch Phật ngôn。 Thế Tôn。 duy nguyện Như Lai。 ai
thọ ngã đấng tối hậu cúng dường。

tất cả đồ cúng dường mang đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi bạch Phật rằng: Bạch
đức Thế Tôn! Xin nguyện Như Lai thương xót mà nhận sự cúng dường sau cùng của
chúng con.

如來知時默然不受。爾時諸梵不果所願。

Như-Lai tri thời mặc nhiên bất thọ。 nhĩ thời chư phạm bất quả sở nguyện。

Khi Như Lai im lặng, như vậy biết không nhận. Lúc bấy giờ các Đại Phạm không được kết
quả như ý nguyện,

心懷愁惱却住一面。爾時毘摩質多阿修羅王。

tâm hoài sầu não khước trụ nhất diện。 nhĩ thời ti ma chất đa A-tu-La Vương。

tâm hoài sầu não đứng lùi về một bên. Lúc bấy giờ có vua của A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa
與無量阿修羅大眷屬俱。

dữ vô lượng A-tu-La Đại quyến chúc câu。

cùng với vô lượng A-tu-la và quyến thuộc lớn đến tập hội.

身諸光明勝於梵天。持諸寶幢繒綵幡蓋。其蓋小者覆千世界。

thân chư quang minh thắng ư Phạm Thiên。 trì chư bảo tràng tăng thái phiến cái。 kỳ cái
tiểu giả phúc thiên thế giới。

Thân của các vị ấy sáng hơn ở Phạm thiên, mang theo tràng, lụa dày, phan, lọng báu,
lọng nhỏ nhất che phủ cả ngàn thế giới,

上妙甘饌來詣佛所稽首佛足而白佛言。

thượng diệu cam thiện lai nghê Phật sở khể thủ Phật túc nhi bạch Phật ngôn。

và những thứ thượng diệu ngọt ngon đến chỗ của Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi bạch
Phật rằng:

唯願如來。哀受我等最後供養。

duy nguyện Như Lai。 ai thọ ngã đấng tối hậu cúng dường。

Bạch đức Thế Tôn! Xin nguyện Như Lai thương xót mà nhận sự cúng dường sau cùng
của chúng con.

如來知時默然不受。諸阿修羅不果所願。心懷愁惱却住一面。

Như Lai tri thời mặc nhiên bất thọ. chư A-tu-La bất quả sở nguyện. tâm hoài sầu não khước trụ nhất diện.

Khi Như Lai im lặng, như vậy biết không nhận. Lúc bấy giờ các A-tu-la không được kết quả như ý nguyện, tâm hoài sầu não đứng lùi về một bên.

爾時欲界魔王波旬。與其眷屬諸天姪女。

nhĩ thời dục giới ma Vương Ba-tuần. dữ kỳ quyến chúc chư Thiên 姪 nữ.

Lúc bấy giờ có vua ma Ba-tuần ở Dục giới cùng với quyến thuộc, chư Thiên thể nữ của vua,

無量無邊阿僧祇眾。開地獄門施清冷水。

vô lượng vô biên a tăng kì chúng. khai Địa-ngục môn thí thanh lãnh thủy.

mở cửa ở Địa ngục rồi bố thí nước trong mát cho vô lượng vô biên A-tăng-kỳ chúng ở trong ấy,

因而告曰。汝等今者無所能為。

nhân nhi cáo viết. nhữ đẳng kim giả vô sở năng vi.

nhân đó mà nói rằng: Hôm nay các người không làm gì

唯當專念如來應正遍知。建立最後隨喜供養。

duy đương chuyên niệm Như-Lai ứng Chánh-biến-Tri. kiến lập tối hậu tùy hỷ cúng dường.

chỉ nên chuyên tâm nhớ nghĩ đến Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, dựng lên sự tùy hỷ cúng dường sau cùng,

當令汝等長夜獲安。時魔波旬於地獄中。

đương lệnh nhữ đẳng trường dạ hoạch an. thời Ma ba-tuần ư Địa-ngục trung.

sẽ làm cho các người đêm dài được an lạc. Khi ấy, ma Ba-tuần ở trong Địa ngục

悉除刀劍無量苦毒。熾然炎火注雨滅之。以佛神力復發。

tất trừ đao kiếm vô lượng khổ độc. sí nhiên viêm hỏa chú vũ diệt chi. dĩ Phật Thần lực phục phát.

đẹp hết tất cả đao kiếm và vô lượng những thứ độc hại, rót nước mưa xuống dập tắt các ngọn lửa đang bốc cháy. Do thần lực của Phật mà phát

是心。

thị tâm。

tâm như vậy

令諸眷屬皆捨刀劍弓弩鎧仗鉞槩長鉤金鎚鉞斧鬪輪羅索。

lệnh chư quyến chúc giai xả đao kiếm cung nỏ khải trượng 鉞 sóc trường câu kim chùy
việt phủ đầu luân quyển tác。

khiến cho các quyến thuộc của mình đều xả bỏ đao kiếm, cung nỏ, áo dày dát đồng, gậy,
giáo dài, móc đồng, chày, búa lớn để đánh nhau đều tan tát.

所持供養倍勝一切人天所設。其蓋小者覆中千界。

sở trì cúng dường bội thắng nhất thiết nhân Thiên sở thiết. kỳ cái tiểu giả phúc trung thiên
giới。

Vua ma Ba-tuần mang đồ cúng dường nhiều hơn gấp bội chỗ cúng dường của người Trời.

Lọng nhỏ nhất cũng che phủ trong một ngàn thế giới,

來至佛所稽首佛足而白佛言。

lai chí Phật sở khể thủ Phật túc nhi bạch Phật ngôn。

mang đến chỗ của Phật, lễ chân Phật mà bạch Phật rằng:

我等今者愛樂大乘守護大乘。世尊。若有善男子善女人。為供養故。

ngã đẳng kim giả ái lạc Đại thừa thủ hộ Đại thừa. Thế tôn. nhược hữu thiện nam tử
Thiện Nữ Nhân. vi cúng dường cố。

Nay chúng con yêu thích Đại thừa, giữ gìn Đại thừa. Thế Tôn! Nếu có thiện nam tử thiện
nữ nhân vì cúng dường,

為怖畏故。為誑他故。為財利故。為隨他故。

vi ố úy cố. vi cưỡng tha cố. vi tài lợi cố. vi tùy tha cố。

vì sợ hãi, vì dối người khác, vì tài lợi, vì theo người khác

受是大乘或真或偽。

thọ thị Đại thừa hoặc chân hoặc ngụy。

mà thọ Đại thừa hoặc thật hoặc giả,

我等爾時當為是人除滅怖畏。說如是呪。

ngã đẳng nhĩ thời đương vi thị nhân trừ diệt bố úy. thuyết như thị chú。

lúc bấy giờ chúng con sẽ nói chú như vậy làm cho người đó diệt trừ đi sự sợ hãi:

唵 吒 吒 羅 唵 盧 呵 隸 摩

Trác chỉ, trá trá la trác chỉ, lô ha lệ ma,

Trác chỉ, trá trá la trác chỉ, lô ha lệ ma,

訶 盧 訶 隸 阿 羅 遮 羅 多 羅 莎 呵

ha lô ha lệ a la già la đa-la toa ha
ha lô ha lệ, a la, già la, đa la tóa ha.

是呪。

thị chú。

Chú này

能令諸失心者怖畏者說法者不斷正法者。為伏外道故。護己身故。護正法故。

năng lệnh chư thất tâm giả bố úy giả thuyết Pháp giả bất đoạn chánh Pháp giả. vì phục ngoại đạo cố. hộ kỹ thân cố. hộ chánh Pháp cố.

có thể làm cho người ấy tâm không còn sợ hãi, tâm không sợ hãi thì nói pháp không bị đoạn mất chánh pháp, vì vậy mà hàng phục được ngoại đạo, vì vậy mà giữ gìn được tự thân, vì vậy mà hộ trì được chánh pháp,

護大乘故。說如是呪。

hộ Đại thừa cố. thuyết như thị chú。

vì vậy mà hộ trì được Đại thừa. Nói chú như vậy,

若有能持如是呪者無惡象怖。若至曠野空澤嶮處不生怖畏。

nhược hữu năng trì như thị chú giả vô ác tượng phổ. nhược chí khoáng dã không trạch hiểm xử bất sanh bố úy。

nếu người ấy hay thọ trì thì không có các hiện tượng xấu ác, sợ hãi, hoặc đến những nơi đồng trống, chỗ ẩm ướt hiểm nguy cũng không còn tâm sợ hãi,

亦無水火師子虎狼盜賊王難。世尊。

diệt vô thủy hỏa Sư-tử hổ lang đạo tặc Vương nan. Thế tôn。

cũng không có các nạn như nước, lửa, sư tử, hổ lang, giặc cướp, nạn vua. Thế Tôn!

若有能持如是呪者。悉能除滅如是等怖。世尊。

nhược hữu năng trì như thị chú giả. tất năng trừ diệt như thị đẳng phổ. Thế tôn。

Nếu có người hay thọ trì chú như vậy, thì có thể diệt trừ hết tất cả các sự sợ hãi. Thế Tôn!

持是呪者我當護之如龜藏六。世尊。

trì thị chú giả ngã đương hộ chi như quy tạng lục. Thế tôn。

Con sẽ hộ trì cho người trì chú này giống như rùa sáu tạng. Thế Tôn!

我等今者不以諭諂說如是事。

ngã đẳng kim giả bất dĩ dụ siểm thuyết như thị sự。

Chúng con hôm nay không phải dùng những lời nịnh hót để nói lên việc

持是呪者我當至誠益其勢力。唯願如來。哀受我等最後供養。

trì thị chú giả ngã đương chí thành ích kỳ thể lực. duy nguyện Như Lai. ai thọ ngã đấng
tối hậu cúng dường.

người trì chú ấy chúng con sẽ được lợi ích và có thể lực nhờ lợi ích đó, mà chỉ mong Như
Lai thương xót nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con.

爾時佛告魔波旬言。我不受汝飲食供養。

nhĩ thời Phật cáo Ma ba-tuần ngôn. ngã bất thọ nhữ ẩm thực cúng dường.

Lúc bấy giờ Phật dạy Ma ba-tuần rằng: Ta không nhận thức ăn vật uống của các người
cúng dường.

我已受汝所說神呪。為欲安樂一切眾生四部眾故。

ngã dĩ thọ nhữ sở thuyết Thần chú. vi dục an lạc nhất thiết chúng sanh tứ bộ chúng cố.
Ta đã nhận chỗ Thần chú người nói, là vì muốn an lạc cho tất cả chúng sanh và bốn bộ
chúng.

佛說是已默然不受。如是三請皆亦不受。

Phật thuyết thị dĩ mặc nhiên bất thọ. như thị tam thỉnh giai diệc bất thọ.

Phật dạy xong rồi im lặng không nhận, thỉnh như vậy ba lần Phật cũng không nhận.

時魔波旬不果所願。心懷愁惱却住一面。

thời Ma ba-tuần bất quả sở nguyện. tâm hoài sầu não khước trụ nhất diện.

Khi ấy ma ba-tuần không được kết quả như ý nguyện, tâm hoài sầu não đứng lùi về một
bên.

爾時大自在天王與其眷屬無量無邊及諸天眾。

nhĩ thời Đại Tự Tại Thiên Vương dĩ kỳ quyến chúc vô lượng vô biên cập chư Thiên chúng
Lúc bấy giờ vua trời Đại Tự Tại cùng với vô lượng vô biên quyến thuộc của vua và chúng
trời khác,

所設供具悉覆梵釋護世四王人天八部及非人等所有供具。

sở thiết cúng cụ tất phúc phạm thích hộ thể tứ Vương nhân Thiên bát bộ cập phi nhân
đẳng sở hữu cung cụ.

thiết bày đủ đồ cúng dường vượt xa đồ cúng dường của bốn vua Phạm thích hộ đời,
người, Trời, Bát bộ, phi nhân v.v...

梵釋所設猶如聚墨在珂貝邊悉不復現寶蓋小者能覆三千大千世界。

phạm thích sở thiết do như tự mặc tại kha bối biên tất bất phục hiện bảo cái tiểu giả năng
phúc tam thiên Đại Thiên thế giới.

Đồ cúng dường của Phạm thích giống như viên ngọc sò bị một chấm đen bên mé không
hiện sáng được. Lọng báu nhỏ nhất của vua trời Đại Tự Tại ấy có thể che trùm ba ngàn
đại thiên thế giới,

持如是等供養之具。

trì như thị đẳng cúng dường chi cụ。

mang đầy đủ đồ cúng dường như vậy

來詣佛所稽首佛足遶無數匝白佛言。世尊。我等所獻微末供具。

lai nghê Phật sở khể thủ Phật túc nhiều vô số tạp bạch Phật ngôn. Thế tôn. ngã đẳng sở
hiển vi mạt cung cụ。

đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật rồi nhiễu quanh vô số vòng mà bạch Phật rằng: Bạch
đức Thế Tôn!

喻如蚊子供養於我。

dụ như văn tử cúng dường ư ngã。

Dụ như con muỗi đối với con mà cúng dường,

亦如有人以一掬水投於大海。然一小燈助百千日。

diệc như hữu nhân dĩ nhất súc thủy đầu ư Đại hải. nhiên nhất tiểu đăng trợ bách thiên
nhật。

cũng như có người dùng một chén nước đổ vào biển lớn, đốt một cây đèn nhỏ giúp một
trăm ngàn ngày

春夏之月眾花茂盛。有持一花益於眾花。

xuân hạ chi nguyệt chúng hoa mậu thịnh. hữu trì nhất hoa ích ư chúng hoa。

cho hoa quả tốt tươi trong những tháng mùa xuân mùa hè. Có người cầm một cái hoa
trong số hoa ấy

以亭歷子益須彌山。豈當有益大海日明眾花須彌。世尊。

dĩ đình lịch tử ích Tu-Di sơn. khởi đương hữu ích Đại hải nhật minh chúng hoa Tu-
Di. Thế tôn。

đến làm lợi ích cho núi Tu-di. Sao có thể làm lợi ích cho biển lớn, làm ngày sáng cho các
loài hoa, núi Tu-di. Bạch đức Thế Tôn!

我今所奉微末供具亦復如是。

ngã kim sở phụng vi mật cung cụ diệc phụng như thị。

Hôm nay chúng con đem những đồ vi diệu, tối thượng đến hiến cúng cũng lại như vậy。

若以三千大千世界滿中香花伎樂幡蓋。

nhược dĩ tam Thiên Đại Thiên thế giới mãn trung hương hoa kỹ nhạc phiến cái。

Nếu có dùng hương hoa, kỹ nhạc, phan lọng đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới

供養如來尚不足言。何以故。

cúng dường Như Lai thượng bất túc ngôn。 hà dĩ cố。

mà cúng dường Như Lai còn không đủ, nói chi cúng như thế. Vì sao như vậy?

如來為諸眾生常於地獄餓鬼畜生諸惡趣中受諸苦惱。是故世尊。

Như Lai vị chư chúng sanh thường ư Địa ngục ngạ quỷ súc sanh chư ác thú trung thọ chư khổ não。 thị cố Thế tôn。

Như Lai vì hết thảy chúng sanh thường thọ chư khổ não ở trong các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, vì vậy Thế Tôn

應見哀愍受我等供。

ứng kiến ai miễn thọ ngã đẳng cúng。

nhìn mà thương xót nhận sự cúng dường của chúng con。

爾時東方去此無量無數阿僧祇恒河沙數

Nhĩ thời Đông phương khứ thử vô lượng vô số a tăng kì hằng-hà sa-số

Lúc bấy giờ ở phương Đông cách đây vô lượng vô biên vô số A-tăng-kỳ hằng hà sa số

微塵等世界。彼有佛土名意樂美音。

vi trần đẳng thế giới。 bỉ hữu Phật thổ danh Ý Lạc Mỹ Âm。

thế giới nhiều như vi trần, cõi nước Phật ấy có tên là Ý Lạc Mỹ Âm。

佛號虛空等如來應供正遍知明行足善逝世間解

Phật hiệu hư không đẳng Như Lai Ứng Cúng Chánh-biến-Tri Minh-hạnh-Túc thiện thế thế gian giải

Phật ấy hiệu là Hư Không Đẳng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc,

Thiện Thệ, Thế Gian Giải,

無上士調御丈夫天人師佛世尊。

Vô-thượng-Sĩ điều ngự trượng phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế tôn。

Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn。

爾時彼佛即告第一大弟子言。善男子。

nhĩ thời bỉ Phật tức cáo đệ nhất đại đệ tử ngôn。 thiện nam tử。

Lúc bấy giờ Phật ấy nói với vị đệ tử lớn nhất rằng: Thiện nam tử!

汝今宜往西方娑婆世界。

nhữ kim nghi vãng Tây phương Sa Bà thế giới。

Người nay phải đến thế giới Sa Bà ở Tây phương,

彼土有佛號釋迦牟尼如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫

bỉ độ hữu Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri Minh-hạnh-Túc

thiện thệ thế gian giải Vô-thượng-Sĩ điều ngự trượng phu

cõi ấy có Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh

Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,

天人師佛世尊。彼佛不久當般涅槃。善男子。

Thiên Nhơn Sư Phật Thế tôn。 bỉ Phật bất cửu đương bát Niết-Bàn。 thiện nam tử。

Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Phật ấy không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn. Thiện nam

tử!

汝可持此世界香飯。其飯香美。食之安隱。

nhữ khả trì thử thế giới hương phạn。 kỳ phạn hương mỹ。 thực chi an ổn。

Người có thể mang cơm thơm ở thế giới này, cơm ấy hương thơm ngon, ăn vào an ổn,

可以此食奉獻彼佛世尊。

khả dĩ thử thực phụng hiến bỉ Phật Thế tôn。

có thể dùng thức ăn này dâng cúng Phật Thế Tôn kia.

世尊食已入般涅槃。善男子。并可禮敬請決所疑。

Thế tôn thực dĩ nhập bát Niết-Bàn。 thiện nam tử。 tinh khả lễ kính thỉnh quyết sở nghi。

Thế Tôn dùng xong sẽ vào Niết-bàn. Thiện nam tử đều có thể cung kính lễ bái hỏi những

chỗ còn nghi ngờ。

爾時無邊身菩薩摩訶薩。即受佛教從座而起。

nhĩ thời vô biên thân Bồ-tát Ma-Ha tát。 tức thọ Phật giáo tùng tọa nhi khởi。

Lúc bấy giờ Đại Bồ-tát Vô Biên Thân liền nhận lời dạy của Phật rời chỗ ngồi đứng dậy

稽首佛足右邊三匝。與無量阿僧祇菩薩俱。

khể thủ Phật túc hữu nhiều tam匝。 dĩ vô lượng a tăng kì Bồ-tát câu。

cúi đầu lễ chân Phật, nhiều ba vòng rồi cùng với vô lượng A-tăng-kỳ Bồ-tát đến tập hội。

從彼國發來至此娑婆世界。

tòng bĩ quốc phát lai chí thử Sa Bà thế giới。
 Từ nước ấy đến thế giới Sa-bà,
 應時此間三千大千世界大地六種震動。
 ứng thời thử gian tam Thiên Đại Thiên thế giới Đại địa lục chủng chấn động。
 trong khoảng này ba ngàn đại thiên thế giới đại địa sáu loại chấn động。
 於是眾中梵釋四天王魔王波旬摩醯首羅。如是大眾見是地動。
 ư thị chúng trung phạm thích tứ Thiên Vương ma Vương Ba-tuần ma hề thử la. như thị
 Đại chúng kiến thị địa động。
 Trong chúng ấy gồm Phạm Thích, Tứ Thiên vương, vua ma Ba-tuần Ma-hê-thủ-la. Đại
 chúng thấy đất chấn động như vậy
 舉身毛豎喉舌枯燥。驚怖戰慄各欲四散。
 cử thân mao thọ hầu thiết khô táo. kinh phố chiến lật các dục tứ tán。
 lông trên thân dựng đứng lên, cổ họng khô khát, lưỡi héo khô, kinh hãi xô nhau chạy tứ
 phía,
 自見其身無復光明。所有威德殄滅無餘。
 tự kiến kỳ thân vô phục quang-minh. sở hữu uy đức diển diệt vô dư。
 tự thấy thân mình không còn ánh sáng nữa, uy đức cũng bị tiêu mất không còn。
 是時文殊師利法王子。即從座起告諸大眾。
 thị thời Văn-thù-sư-lợi Pháp-Vương-Tử. tức tùng toạ khởi cáo chư Đại chúng。
 Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy nói với Đại chúng
 rằng:
 諸善男子。汝等勿怖。汝等勿怖。何以故。
 chư thiện nam tử. nhữ đẳng vật phố. nhữ đẳng vật phố. hà dĩ cố。
 Chư Thiện nam tử! Các ông chớ có sợ hãi! Các ông chớ có sợ hãi! Vì sao vậy?
 東方去此無量無數阿僧祇恒河沙微塵等世界。
 Đông phương khứ thử vô lượng vô số a tăng kì hằng hà sa vi trần đẳng thế giới。
 Ở phương Đông cách đây vô lượng vô số A-tăng-kỳ hằng-hà-sa số thế giới nhiều như vi
 trần
 有世界名意樂美音。
 hữu thế giới danh ý lạc mỹ âm。
 có thế giới tên là Ý Lạc Mỹ Âm.

佛號虛空等如來應正遍知十號具足。彼有菩薩名無邊身。

Phật hiệu hư không đẳng Như-Lai ứng Chánh-biến-Tri thập hiệu cụ túc. bỉ hữu Bồ-tát danh vô biên thân。

Phật hiệu là Hư Không Đẳng Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri đầy đủ mười hiệu. Nước ấy có Bồ-tát tên là Vô Biên Thân

與無量菩薩欲來至此供養如來。以彼菩薩威德力故。

dữ vô lượng Bồ-tát dục lai chí thử cúng dường Như Lai. dĩ bỉ Bồ-tát uy đức lực cố. cùng với vô lượng Bồ-tát muốn đến cúng dường Như Lai này. Do uy đức của Bồ-tát ấy nên

令汝身光悉不復現。

lệnh nhữ thân quang tất bất phục hiện。

khiến cho ánh sáng thân các ông không hiển hiện được。

是故汝等應生歡喜勿懷恐怖。爾時大眾悉皆遙見彼佛大眾。

thị cố nhữ đẳng ứng sanh hoan hỷ vật hoài khủng phố. nhĩ thời Đại chúng tất giai diêu kiến bỉ Phật Đại chúng。

Vì vậy các ông phải nên sanh tâm hoan hỷ chớ có lo buồn sợ hãi. Lúc bấy giờ đại chúng đều xa thấy Phật kia và đại chúng,

如明鏡中自觀己身。時文殊師利復告大眾。

như minh kính trung tự quán kỷ thân. thời Văn-thù-sư-lợi phục cáo Đại chúng。

giống như nhìn thấy chính thân mình ở trong gương sáng. Văn-thù-sư-lợi lại nói với đại chúng rằng:

汝今所見彼佛大眾如見此佛。

nhữ kim sở kiến bỉ Phật Đại chúng như kiến thử Phật。

Các ông thấy Phật kia và đại chúng như thấy Phật hiện nay.

以佛神力復當如是得見九方無量諸佛。爾時大眾各相謂言。

dĩ Phật Thần lực phục đương như thị đắc kiến cửu phương vô lượng chư Phật. nhĩ thời Đại chúng các tương vị ngôn。

Do thần lực của Phật, các ông lại sẽ được thấy vô lượng chư Phật trong chín phương. Lúc bấy giờ đại chúng đều nói với nhau rằng:

苦哉苦哉。世間空虛。如來不久當般涅槃。

khổ tai khổ tai. thế gian không hư. Như-Lai bất cửu đương bát Niết-Bàn。

Khổ thay, khổ thay! Thế gian trống rỗng! Như Lai không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn!

是時大眾一切悉見無邊身菩薩及其眷屬。

thị thời Đại chúng nhất thiết tất kiến vô biên thân Bồ-tát cập kỳ quyến thuộc。

Khi ấy, hết thấy đại chúng đều thấy Bồ-tát Vô Biên Thân cùng với quyến thuộc。

是菩薩身一一毛孔各各出生一大蓮花。

thị Bồ-tát thân nhất nhất mao khổng các các xuất sanh nhất Đại liên hoa。

Mỗi mỗi lỗ chân lông trên thân Bồ-tát đó đều sanh ra một hoa sen lớn。

一一蓮花各有七萬八千城邑。

nhất nhất liên hoa các hữu thất vạn bát thiên thành ấp。

Mỗi mỗi hoa sen đều có bảy vạn tám ngàn thành ấp，

縱廣正等如毘耶離城。牆壁諸塹七寶雜廁。

túng quảng chánh đẳng như tì da ly thành。 tường bích chư tiệm thất bảo tạp xí。

ngang rộng ngay thẳng giống như thành Tỳ-da-ly。 Tường vách và các hào xây bằng bảy báu lẫn lộn，

多羅寶樹七重行列。人民熾盛安隱豐樂。

đa-la bảo thụ thất trọng hành liệt。 nhân dân sí thịnh an ổn phong lạc。

cây bảo Đa-la bày bày hàng, nhân dân an ổn thịnh vượng，

閻浮檀金以為却敵。一一却敵各有種種七寶林樹花果茂盛。

diêm-phù-đàn kim dĩ vi khước địch。 nhất nhất khước địch các hữu chủng chủng thất bảo lâm thụ hoa quả mãn thịnh。

vàng Diêm Phù Đàn làm cái khước địch, mỗi mỗi khước địch đều có các loại cây cối hoa quả bằng bảy báu tươi tốt。

微風吹動出微妙音。其聲和雅猶如天樂。

vi phong xuy động xuất vi diệu-âm。 kỳ thanh hòa nhã do như Thiên nhạc。

Gió nhẹ thổi động phát ra âm thanh vi diệu, âm thanh ấy hòa nhã giống như nhạc trời。

城中人民聞是音聲。即得受於上妙快樂。

thành trung nhân dân văn thị âm thanh。 tức đắc thọ ư thượng diệu khoái lạc。

Nhân dân trong thành nghe âm thanh ấy liền nhận được thượng diệu khoái lạc。

是諸塹中妙水盈滿。清淨香潔如真琉璃。

thị chư tiệm trung diệu thủy doanh mãn。 thanh tịnh hương khiết như chân lưu ly。

Nước trong đẹp ở trong các hào luôn tràn đầy, trong sạch, hương thơm tinh khiết giống như lưu ly thật.

是諸水中有七寶船。諸人乘之遊戲澡浴。

thị chư thủy trung hữu thất bảo thuyền。chư nhân thừa chi du hí thảo dục。

Trong nước ấy có thuyền bảy báu, người vào trong thuyền

共相娛樂快樂無極。復有無量雜色蓮花。優鉢羅花。

cộng tương ngu lạc khoái lạc vô cực。phục hữu vô lượng tạp sắc liên hoa。Ưu bát la hoa。

cùng nhau vui chơi tắm rửa vô cùng sướng thích。Lại có vô lượng hoa sen đủ màu và các hoa như hoa Ưu-bát-la,

拘物頭花。波頭摩花。分陀利花。

câu vật đầu hoa。ba đầu ma hoa。phân đà lợi hoa。

hoa Câu-vật-đầu, hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi。

其花縱廣猶如車輪。其塹岸上多有園林。

kỳ hoa túng quảng do như xa luân。kỳ tiệm ngạn thượng đa hữu viên lâm。

Hoa ấy bung ra rộng giống như bánh xe。Trên bờ hào có nhiều vườn rừng。

一一園中有五泉池。是諸池中復有諸花。優鉢羅花。

nhất nhất viên trung hữu ngũ tuyền trì。thị chư trì trung phục hữu chư hoa。Ưu bát la hoa。

Trong mỗi mỗi vườn có năm suối ao, trong các ao ấy lại có các loại hoa như hoa Ưu-bát-la,

拘物頭花。波頭摩花。分陀利花。

câu vật đầu hoa。ba đầu ma hoa。phân đà lợi hoa。

hoa Câu-vật-đầu, hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi。

其花縱廣亦如車輪。香氣馥馥甚可愛樂。

kỳ hoa túng quảng diệc như xa luân。hương khí 馥 phức thậm khả ái lạc。

Hoa ấy bung ra rộng giống như bánh xe, phảng phất hương thơm hết sức ưa thích。

其水清淨柔軟第一。鳧鴈鴛鴦遊戲其中。

kỳ thủy thanh tịnh nhu nhuyễn đệ nhất。phù nhạn uyên ương du hí kỳ trung。

Nước suối sạch sẽ mềm mại đệ nhất, le le, nhạn, uyên ương thường bay nhảy vui chơi ở trong đó。

其園各有眾寶宮宅。一一宮宅縱廣正等滿四由旬。

kỳ viên các hữu chúng bảo cung trạch. nhất nhất cung trạch túng quảng chánh đẳng
mãn tứ do-tuần.

Vườn ấy đều có cung nhà bằng các báu, mỗi mỗi cung nhà buông ra ngay thẳng rộng đầy
bốn do tuần,

所有牆壁四寶所成。所謂金銀琉璃頗梨。

sở hữu tường bích tứ bảo sở thành. sở vị kim ngân lưu ly pha-lê.

bốn bức vách tường đều xây bằng các báu như vàng bạc, lưu ly, pha lê,

真金為嚮周匝欄楯。玫瑰為地金沙布上。

chân kim vi hướng châu tạp lan thuấn. mân cô vi địa kim sa bố thượng.

vàng thật lát xung quanh lan can, đá ngọc làm đất cát vàng trải lên trên.

是宮宅中多有七寶流泉浴池。

thị cung trạch trung đa hữu thất bảo lưu tuyền dục trì.

Trong cung nhà có nhiều dòng suối làm ao tắm bằng bảy báu.

一一池邊各有十八黃金梯陛。閻浮檀金為芭蕉樹。

nhất nhất trì biên các hữu thập bát hoàng kim thê bệ. diêm-phù-đàn kim vi ba tiêu thụ.

Bên bờ mỗi mỗi ao tắm có mười tám bậc thềm thang bằng vàng kim, vàng Diêm Phù Đàn
làm cây chuối,

如忉利天歡喜之園。是一一城各有八萬四千人王。

như đao lợi Thiên hoan hỉ chi viên. thị nhất nhất thành các hữu bát vạn tứ thiên nhân
Vương.

giống như vườn Hoan Hỷ ở cõi trời Đao Lợi. Mỗi mỗi thành đó đều có tám vạn bốn ngàn
đức vua.

一一諸王各有無量夫人婁女。

nhất nhất chư Vương các hữu vô lượng phu nhân 婁 nữ.

Mỗi mỗi đức vua đều có vô lượng Phu nhân và thể nữ

共相娛樂歡喜受樂。其餘人民亦復如是。

cộng tương ngu lạc hoan hỉ thọ lạc. kỳ dư nhân dân diệc phục như thị.

cùng nhau vui thích, hoan hỷ hưởng thụ khoái lạc. Nhân dân cũng lại như vậy,

各於住處共相娛樂是中眾生不聞餘名。純聞無上大乘之聲。

các ư trụ xử cộng tương ngu lạc thị trung chúng sanh bất văn dư danh. thuần văn vô thượng Đại thừa chi thanh.

đều ở nơi đó cùng nhau vui thích và chúng sanh ấy không nghe tên gì khác, chỉ thuần nhất nghe tiếng của Vô thượng Đại thừa.

是諸花中一一各有師子之座。

thị chư hoa trung nhất nhất các hữu Sư-tử chi tọa。

Trong mỗi mỗi đóa hoa đều có tòa Sư tử,

其座四足皆紺琉璃。柔軟素衣以布座上。

kỳ tọa tứ túc giai cảm lưu ly. nhu nhuyễn tố y dĩ bố tọa thượng。

tòa ấy bốn chân đều bằng lưu ly xanh biếc, vải trắng mềm mại dùng để trải lên trên,

其衣微妙出過三界。一一座上有一王坐。

kỳ y vi diệu xuất quá tam giới. nhất nhất tọa thượng hữu nhất Vương tọa。

vải ấy vi diệu căng ra vượt cả ba cõi. Trên mỗi mỗi tòa có một vị vua ngồi,

以大乘法教化眾生。或有眾生書持讀誦如說修行。

đĩ Đại thừa Pháp giáo hóa chúng sanh. hoặc hữu chúng sanh thư trì độc tụng như thuyết tu hành。

dùng pháp Đại thừa để giáo hóa chúng sanh, hoặc có chúng sanh ghi chép, giữ gìn, đọc tụng như lời nói mà tu hành,

如是流布大乘經典。爾時無邊身菩薩。

như thị lưu bố Đại thừa Kinh điển. nhĩ thời vô biên thân Bồ-tát。

rồi cứ như vậy mà lưu bố rộng rãi kinh điển Đại thừa. Lúc bấy giờ Bồ-tát Vô Biên Thân

安止如是無量眾生。於自身已令捨世樂。皆作是言。

an chỉ như thị vô lượng chúng sanh. ư tự thân dĩ lệnh xả thế lạc. giai tác thị ngôn。

an chỉ cho vô lượng chúng sanh như vậy, khiến cho tự thân mỗi người muốn xả bỏ cái vui ở đời cùng nói lên rằng:

苦哉苦哉。世間空虛。如來不久當般涅槃。

khổ tai khổ tai. thế gian không hư. Như-Lai bất cửu đương bát Niết-Bàn。

Khổ thay, khổ thay! Thế gian trống rỗng! Như Lai không bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn!

爾時無邊身菩薩。與無量菩薩周匝圍遶。

nhĩ thời vô biên thân Bồ-tát. dĩ vô lượng Bồ-tát châu tạp vi nhiểu。

Lúc bấy giờ Bồ-tát Vô Biên Thân cùng với vô lượng Bồ-tát nhiều quanh giáp vòng,

示現如是神通力已。持是種種無量供具。

thị hiện như thị Thần thông lực dĩ. trì thị chủng chủng vô lượng cúng cụ。

thị hiện thần thông như vậy, rồi mang vô lượng các loại đồ cúng dường

及以上妙香美飲食。若有得聞是食香氣。

cập dĩ thượng diệu hương mỹ ẩm thực. nhược hữu đắc văn thị thực hương khí。

cùng với hương hoa, thức ăn vật uống thượng diệu. Nếu ai ngửi được hương thơm của hương hoa và thức ăn ấy

煩惱諸垢皆悉消滅。以是菩薩神通力故。

phiền não chư cấu giai tất tiêu diệt. dĩ thị Bồ-tát Thần thông lực cố。

thì phiền não và các cấu nhiễm đều được tiêu trừ. Do thần thông lực của Bồ-tát nên
一切大眾悉皆得見如是變化無邊身菩薩。

nhất thiết Đại chúng tất giai đắc kiến như thị biến hoá vô biên thân Bồ-tát。

tất cả chúng sanh đều được thấy Bồ-tát Vô Biên Thân biến hóa

身大無邊量同虛空。

thân Đại vô biên lượng đồng hư không。

thân to lớn đến vô biên bằng với hư không,

唯除諸佛餘無能見是菩薩身其量邊際。爾時無邊身菩薩及其眷屬。

duy trừ chư Phật dư vô năng kiến thị Bồ-tát thân kỳ lượng biên tế. nhĩ thời vô biên thân
Bồ-tát cập kỳ quyến chúc。

chỉ trừ ra chư Phật còn bao nhiêu không thể thấy được lượng biên tế của thân Bồ-tát. Lúc
bấy giờ Bồ-tát Vô Biên thân cùng với quyến thuộc

所設供養倍勝於前。

sở thiết cúng dường bội thắng ư tiền。

thiết bày đồ cúng dường nhiều gấp bội trước,

來至佛所稽首佛足合掌恭敬白佛言。世尊。唯願哀愍受我等食。

lai chí Phật sở khể thủ Phật túc hợp chưởng cung kính bạch Phật ngôn. Thế tôn. duy
nguyện ai mãn thọ ngã đẳng thực。

đến chỗ Như Lai cúi đầu lễ chân Phật, chắp tay cung kính bạch Phật rằng: Bạch đức Thế
Tôn! Xin nguyện Như Lai thương xót nhận thức ăn của chúng con.

如來知時默然不受。如是三請悉亦不受。

Như-Lai tri thời mặc nhiên bất thọ. như thị tam thỉnh tất diệt bất thọ。

Khi Như Lai im lặng, như vậy biết không nhận, thỉnh ba lần như vậy cũng không nhận.
爾時無邊身菩薩及其眷屬。却住一面。南西北方諸佛世界。

Nhĩ thời vô biên thân Bồ-tát cập kỳ quyến chúc。khước trụ nhất diện。Nam Tây Bắc
phương chư Phật thế giới。

Lúc bấy giờ Vô Biên Thân Bồ-tát cùng với quyến thuộc của mình đứng lùi về một bên.
Chư Phật thế giới ở phương Tây, phương Nam, phương Bắc
亦有無量無邊身菩薩。所持供養倍勝於前。

diệc hữu vô lượng vô biên thân Bồ-tát。sở trì cúng dường bội thắng ư tiền。
cũng có vô lượng Vô Biên Thân Bồ-tát mang đồ cúng dường nhiều gấp bội trước
來至佛所乃至却住一面皆亦如是。

lai chí Phật sở nãi chí khước trụ nhất diện giai diệc như thị。
đến chỗ Phật, đến rồi đứng lùi về một bên đều cũng như vậy。

爾時娑羅雙樹吉祥福地。

Nhĩ thời sa-la song thụ cát tường phúc địa。

Lúc bấy giờ chỗ đất ở giữa hai cây Sa-la tốt lành
縱廣三十二由旬大眾充滿間無空缺。

túng quảng tam thập nhị do-tuần Đại chúng sung mãn gian vô không khuyết。
rộng ba mươi hai do tuần, đại chúng đứng đầy trong đó mà không thiếu chỗ。

爾時四方無邊身菩薩及其眷屬所坐之處。或如錐頭針鋒微塵。

nhĩ thời tứ phương vô biên thân Bồ-tát cập kỳ quyến chúc sở tọa chi xứ。hoặc như chùy
đầu châm phong vi trần。

Lúc bấy giờ Bồ-tát Vô Biên Thân trong bốn phương cùng với quyến thuộc của mình hoặc
chỉ như những mũi dùi, mũi kim nhọn, hạt bụi nhỏ ngòi ở chỗ ấy。

十方如微塵等諸佛世界諸大菩薩悉來集會。

thập phương như vi trần đẳng chư Phật thế giới chư Đại Bồ-tát tất lai tập hội。

Chư Phật thế giới và chư Đại Bồ-tát nhiều như vi trần trong mười phương hết thảy đều
đến tập hội đông đủ,

及閻浮提一切大眾亦悉來集。

cập Diêm-phù-đề nhất thiết Đại chúng diệc tất lai tập。

cùng với tất cả chúng sanh ở cõi Diêm-phù-đề cũng đều đến tập hội,

唯除尊者摩訶迦葉阿難二眾。阿闍世王及其眷屬。

duy trừ Tôn-Giả Ma-ha Ca-diếp A-nan nhị chúng. A đồ thể Vương cập kỳ quyến chúc.
chỉ trừ hai chúng của hai Tôn giả Đại Ca-diếp Và Tôn giả A-nan. Vua A-xà-thế và quyến
thuộc của vua,

乃至毒蛇視能殺人蜚蝗蝮蝎及十六種行惡業者。

nãi chí độc xà thị năng sát nhân khương lang phúc hạt cập thập lục chủng hành ác nghiệp
giả。

cho đến rắn độc nhìn thấy người có thể giết, bọ hung, rắn rít, bọ cạp và mười sáu loài có
hành nghiệp xấu ác,

一切來集。陀那婆神阿修羅等。

nhất thiết lai tập. đà na bà Thần A-tu-La đấng。

tất cả đều đến tập hội. Các Thần A-tu-la như Đà-na-bà v.v..

悉捨惡念皆生慈心。如父如母如姊如妹。

tất xả ác niệm giai sanh từ tâm. như phụ như mẫu như tĩ như muội。

hết thảy đều xả bỏ tâm niệm xấu ác mà khởi từ bi tâm, giống như cha như mẹ, như chị
như em

三千大千世界眾生。慈心相向亦復如是。除一闍提。

tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sanh. từ tâm tương hướng diệc phục như thị. trừ
nhất xiển đề。

hướng đến chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới với từ tâm cũng như vậy, chỉ trừ
nhất-xiển-đề.

爾時三千大千世界。以佛神力故地皆柔軟。

nhĩ thời tam Thiên Đại Thiên thế giới. dĩ Phật Thần lực cố địa giai nhu nhuyễn。

Lúc bấy giờ do thần lực của Phật nên đất trong ba ngàn đại thiên thế giới đều mềm mại,
無有丘墟土沙礫石荊棘毒草。

vô hữu khâu khư độ sa lịch thạch kinh cức độc thảo。

không có gò, mả, đất, cát, sỏi đá, cây gai, cỏ độc,

眾寶莊嚴猶如西方無量壽佛極樂世界。

chúng bảo trang nghiêm do như Tây phương Vô lượng Thọ Phật Cực-Lạc thế giới。

mà chỉ có các báu trang nghiêm giống như cõi Tây phương thế giới Cực Lạc của Phật Vô
Lượng Thọ.

是時大眾悉見十方如微塵等諸佛世界。如於明鏡自觀己身。

thị thời Đại chúng tất kiến thập phương như vi trần đảnh chư Phật thế giới. như ư minh kính tự quán kỹ thân.

Khi ấy đại chúng đều thấy tất cả chư Phật thế giới nhiều như vi trần trong mười phương rõ như soi thấy mình trong gương sáng,

見諸佛土亦復如是。爾時如來面門所出五色光明。

kiến chư Phật độ diệc phục như thị. nhĩ thời Như-Lai diện môn sở xuất ngũ sắc quang-minh.

thấy cõi nước chư Phật cũng lại như vậy. Lúc bấy giờ gương mặt Phật phát ra ánh sáng năm màu sắc,

其光明曜覆諸大會。

kỳ quang-minh diệu phúc chư Đại hội.

ánh sáng ấy chiếu phủ khắp cả đại hội

令彼身光悉不復現所應作已還從口入。

linh bĩ thân quang tất bất phục hiện sở ứng tác dĩ hoàn tòng khẩu nhập.

khiến cho ánh sáng trên thân của các người khác hết thảy không hiện. Ánh sáng năm màu của Như Lai phát ra rồi lại trở vào trong miệng.

時諸天人及諸會眾阿修羅等。見佛光明還從口入。

thời chư Thiên nhân cập chư hội chúng A-tu-La đảnh. kiến Phật quang-minh hoàn tòng khẩu nhập.

Khi chư Thiên và chúng A-tu-la v.v.. mọi người trong hội thấy ánh sáng của Phật trở vào trong miệng

皆大恐怖身毛為豎。復作是言。如來光明出已還入。

giai Đại khủng phổ thân mao vi thọ. phục tác thị ngôn. Như-Lai quang-minh xuất dĩ hoàn nhập.

thì hết thảy đều rất sợ hãi, lông tóc dựng lên, nói lời như vậy: Ánh sáng của Như Lai xuất ra rồi lại trở vào,

非無因緣必於十方所作已辦。

phi vô nhân duyên tất ư thập phương sở tác dĩ辦.

chẳng phải không có nhân duyên, chắc hẳn ở trong mười phương việc làm đã xong,

將是最後涅槃之相。何期苦哉。何期苦哉。如何世尊。

tướng thị tối hậu Niết-Bàn chi tướng. hà kỳ khổ tai. hà kỳ khổ tai. như hà Thế tôn.

nên hiện tướng đó là Niết-bàn sau cùng. Thời kỳ sao mà khổ thế! Thời kỳ sao mà khổ thế!
Thế Tôn sao lại như thế?

一旦捨離四無量心。不受人天所奉供養。

nhất đản xả ly tứ vô lượng tâm. bất thọ nhân Thiên sở phụng cúng dường。

Một mai Thế Tôn xả bỏ Bốn tâm vô lượng, không nhận sự cúng dường của người trời,
聖慧日光從今永滅。無上法船於斯沈沒。

Thánh tuệ nhật quang tòng kim vĩnh diệt. vô thượng Pháp thuyền ư tư trầm một。

ánh sáng mặt trời Tuệ Thánh từ nay vĩnh viễn không còn nữa, thuyền pháp Vô thượng bị
đắm chìm.

嗚呼痛哉。世間大苦。舉手搥胸悲號啼哭。

ô hô thống tai. thế gian Đại khổ. cử thủ trùy hung bi hiệu đề khốc。

Than ôi khổ thay! Thế gian khổ lớn! Rồi họ đưa tay lên đánh vào ngực kêu la khóc lóc,
支節戰動不能自持。身諸毛孔流血灑地。

chi tiết chiến động bất năng tự trì. thân chư mao khổng lưu huyết sái địa。

tay chân run rẩy không thể tự cầm được gì, các lỗ chân lông trên thân máu chảy ra lai
láng trên đất.

大般涅槃經卷第一

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ nhất

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, QUYỂN THỨ NHẤT

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:04:30 2006

Thích Nữ Tuệ Quảng hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:04:30 2006

Thích Nữ Tuệ Quang hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

=====

大般涅槃經卷第二

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN - QUYỂN THỨ HAI

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Đời Bắc Lương, Tam Tạng Pháp sư Đàm-vô-sấm người Thiên Trúc dịch.

壽命品第一之二

Thọ Mạng phẩm đệ nhất chi nhị

Phẩm thứ nhất, Phần hai: Thọ Mạng

爾時會中有優婆塞。是拘尸那城工巧之子。

Nhĩ thời hội trung hữu Ưu bà tắc. thị Câu-thi-na thành công xảo chi tử.

Lúc bấy giờ trong hội có Ưu-bà-tắc là người thợ khéo trong thành Câu-thi-na
名曰純陀。與其同類十五人俱。

danh viết Thuần-đà 。 dĩ kỳ đồng loại thập ngũ nhân câu。

tên là Thuần-đà, cùng với Thuần-đà có mười lăm người theo đến tập hội,
為令世間得善果故。捨身威儀從座而起。

vị linh thế gian đắc thiện quả cố. xả thân uy nghi tùng tọa nhi khởi。

vì muốn khiến cho thế gian được quả lành nên xả bỏ thân thể uy nghi rời chỗ ngồi đứng
dậy,

偏袒右肩右膝著地。合掌向佛悲泣墮淚。

Thiên đản hữu kiên hữu tất trú địa. hợp chưởng hướng Phật bi khấp đọa lệ。

hở vai bên phải, quỳ gối phải chắp tay hướng về Phật khóc lóc nước mắt rơi là chả,
頂禮佛足而白佛言。唯願世尊及比丘僧。哀受我等最後供養。

đỉnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn. duy nguyện Thế tôn cập Tỳ-kheo Tăng. ai thọ ngã
đẳng tối hậu cúng dường。

đảnh lễ chân Phật mà bạch Phật rằng: Xin nguyện Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng thương xót
mà nhận sự cúng dường sau cùng của chúng con,

為度無量諸眾生故。世尊。

vị độ vô lượng chư chúng sanh cố. Thế tôn。

vì độ cho vô lượng chúng sanh. Thế Tôn!

我等從今無主無親。無救無護無歸無趣貧窮飢困。

ngã đẳng tòng kim vô chủ vô thân. vô cứu vô hộ vô quy vô thú bần cùng cơ khổn。

Chúng con từ nay sẽ không có chủ, không có người thân thích, không ai cứu, không ai
giúp, không chỗ nương tựa, không đường đến, nghèo hèn, đói khát khổn khổ.

欲從如來求將來食。唯願哀愍受我微供。

dục tòng Như-Lai cầu tướng lai thực. duy nguyện ai mẫn thọ ngã vi cung。

Chúng con muốn theo Như Lai cầu xin thức ăn sau này, xin nguyện Ngài thương xót nhận
sự cúng dường nhỏ mọn của chúng con,

然後乃入於般涅槃。世尊。譬如剎利若婆羅門毘舍首陀。

nhiên hậu nãi nhập ư bát Niết-bàn. Thế tôn. thí như sát lợi nhược Bà-la-môn Tì-xá Thủ-
đà.

rồi sau đó hãy vào Niết-bàn. Thế Tôn! Ví như Sát-đế-lợi hoặc Bà-la-môn, hoặc Tỳ-xá,
hoặc Thủ-đà La

以貧窮故遠至他國。役力農作得好調牛。

dĩ bần cùng cố viễn chí tha quốc. dịch lực nông tác đắc hảo điều ngưu.

do nghèo hèn nên phải đi xa đến nước khác, dùng sức điều khiển con trâu làm ruộng cho
tốt,

良田平正。無諸沙鹵惡草株杻。唯悌天雨。

lương điền bình chánh 。 vô chư sa lũ ác thảo chu ngột. duy hi Thiên vũ.

ruộng đất tốt tươi, bằng phẳng, không có cát, đất mặn, cỏ xấu, các giống cây ác, chỉ
mong trời mưa.

言調牛者喻身口七。良田平正喻於智慧。

ngôn điều ngưu giả dụ thân khẩu thất. lương điền bình chánh dụ ư trí tuệ.

Nói điều khiển con trâu ấy là dụ cho thân miệng có bảy, ruộng tốt tươi bằng phẳng ấy dụ
cho trí tuệ,

除去沙鹵惡草株杻喻除煩惱。世尊。

trừ khứ sa lũ ác thảo chu ngột dụ trừ phiền não. Thế tôn.

trừ bỏ cát, đất mặn, cỏ xấu, các giống cây ác dụ cho trừ diệt phiền não. Bạch đức Thế
Tôn!

我今身有調牛良田除去株杻。唯悌如來甘露法雨。

ngã kim thân hữu điều ngưu lương điền trừ khứ chu ngột. duy hi Như-Lai cam lộ Pháp
vũ.

Thân con nay đã có điều phục được trâu, có ruộng tốt và diệt hết các giống cây xấu, chỉ
mong Như Lai mưa Pháp cam lộ.

貧四姓者即我身是貧。於無上法之財寶。

bần tứ tánh giả tức ngã thân thị bần. ư vô thượng Pháp chi tài bảo.

Bốn họ nghèo ấy tức là chỉ cho thân con nghèo về tài sản Pháp Bảo Vô thượng.

唯願哀愍除斷我等貧窮困苦。拯及無量苦惱眾生。

duy nguyện ai mãn trừ đoạn ngã đẳng bần cùng khổ khổ. chửng cập vô lượng khổ não chúng sanh.

Xin nguyện Như Lai thương xót mà đoạn trừ sự nghèo hèn khổ khổ nơi chúng con và cứu vớt cho vô lượng chúng sanh đang chịu khổ não.

我今所供雖復微少冀得充足如來大眾。

ngã kim sở cung tuy phục vi thiếu kí đắc sung túc Như-Lai Đại chúng.

Đồ cúng dường của con nay tuy ít ỏi nhưng mong được no đủ cho cả Như Lai và đại chúng.

我今無主無親無歸。願垂矜愍如羅睺羅。

ngã kim vô chủ vô thân vô quy. nguyện thùi căng mẫn như La-hầu-la.

Con nay không chủ, không thân thích, không nơi nương tựa, nguyện xin rủ lòng thương xót giống như La-hầu-la.

爾時世尊一切種智無上調御告純陀曰。

nhĩ thời Thế Tôn nhất thiết chủng trí vô thượng điều ngự cáo Thuần-đà viết.

Lúc bấy giờ tất cả Chủng trí Vô thượng Điều ngự của Thế Tôn nói với Thuần-đà rằng: 善哉善哉。我今為汝除斷貧窮。

Thiện tai Thiện tai. ngã kim vi nhữ trừ đoạn bần cùng.

Hay thay, Hay thay! Nay Ta sẽ vì người mà đoạn trừ sự nghèo khổ.

無上法雨雨汝身田令生法芽。

vô thượng Pháp vũ vũ nhữ thân điền lệnh sanh Pháp nha.

Mưa pháp Vô thượng sẽ mưa trên ruộng thân người khiến cho sanh mầm pháp.

汝今於我欲求壽命色力安辯。我當施汝常命色力安無礙辯。

nhữ kim ư ngã dục cầu thọ mạng sức lực an biện. ngã đương thí nhữ thường mạng sức lực an vô ngại biện.

Người nay muốn cầu ở Ta thọ mạng, sức lực, an ổn, biện tài. Ta sẽ cho người sống lâu, sức lực an ổn và biện tài vô ngại.

何以故。純陀。施食有二果報無差。何等為二。

Hà dĩ cố. Thuần-đà. thí thực hữu nhị quả báo vô sai. hà đẳng vi nhị.

Vì sao vậy? Thuần-đà! Bố thí thức ăn có hai quả báo không sai. Những gì là hai?

一者受已得阿耨多羅三藐三菩提。

Nhất giả thọ dĩ đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề.

Một là thọ rồi sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

二者受已入於涅槃。我今受汝最後供養。

Nhị giả thọ dĩ nhập ư Niết-bàn. ngã kim thọ nhữ tối hậu cúng dường.

Hai là thọ rồi sẽ vào Niết-bàn. Nay Ta thọ nhận sự cúng dường sau cùng của người,
令汝具足檀波羅蜜。爾時純陀即白佛言。

lệnh nhữ cụ túc đàn Ba-la-mật. Nhĩ thời Thuần-đà tức bạch Phật ngôn.

khiến cho người được đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Lúc bấy giờ Thuần-đà liền bạch Phật rằng:
如佛所說二施果報無差別者。是義不然。何以故。

như Phật sở thuyết nhị thí quả báo vô sai biệt giả. thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố.

Như chỗ Phật nói bố thí có hai quả báo không sai biệt, nghĩa không như vậy. Vì sao?
先受施者煩惱未盡。未得成就一切種智。

tiên thọ thí giả phiền não vị tận. vị đắc thành tựu nhất thiết chủng trí.

Trước tiên người nhận sự bố thí ấy chưa hết phiền não, chưa được thành tựu tất cả các
loại trí,

亦未能令眾生具足檀波羅蜜。後受施者煩惱已盡。

diệc vị năng lệnh chúng sanh cụ túc đàn Ba-la-mật. hậu thọ thí giả phiền não dĩ tận.

cũng chưa có thể khiến cho chúng sanh đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Sau cùng là người nhận
sự bố thí ấy đã sạch hết phiền não,

已得成就一切種智。

dĩ đắc thành tựu nhất thiết chủng trí.

đã được thành tựu tất cả các loại trí,

能令眾生普得具足檀波羅蜜。先受施者直是眾生。

năng lệnh chúng sanh phổ đắc cụ túc đàn Ba-la-mật. tiên thọ thí giả trực thị chúng
sanh.

có thể khiến cho chúng sanh đủ khắp bố thí Ba-la-mật. Người trước tiên nhận sự bố thí đó
chính là chúng sanh.

後受施者是天中天。先受施者是雜食身煩惱之身。

hậu thọ thí giả thị Thiên trung Thiên. tiên thọ thí giả thị tạp thực thân phiền não chi
thân.

Người nhận sự bố thí ở sau chính là bậc Thiên Trung Thiên. Người nhận sự bố thí trước
đó là thân ăn thức ăn tạp, là thân phiền não.

是後邊身是無常身。後受施者無煩惱身金剛之身。

thị hậu biên thân thị vô thường thân。hậu thọ thí giả vô phiền não thân Kim cương chi thân。

sau thân đó có bờ mé, là thân vô thường. Người nhận sự bố thí ở sau là thân không phiền não, là thân Kim cương,

法身常身無邊之身。

Pháp thân thường thân vô biên chi thân。

Là pháp thân, thường thân, vô biên thân,

云何而言二施果報等無差別。

vân hà nhi ngôn nhị thí quả báo đẳng vô sai biệt。

sao mà nói bố thí có hai quả báo bằng nhau không sai biệt được?

先受施者未能具足檀波羅蜜乃至般若波羅蜜。唯得肉眼未得佛眼乃至慧眼。

tiên thọ thí giả vị năng cụ túc đàn Ba-la-mật nãi chí Bát-nhã Ba-la-mật。duy đắc nhục nhãn vị đắc Phật nhãn nãi chí tuệ nhãn。

Người nhận sự bố thí đầu tiên chưa có thể đầy đủ bố thí Ba-la-mật cho đến chưa được Bát-nhã Ba-la-mật, chỉ được mắt thịt, chưa được nhục nhãn, chưa được Phật nhãn cho đến Tuệ nhãn.

後受施者已得具足檀波羅蜜乃至般若波羅

hậu thọ thí giả dĩ đắc cụ túc đàn Ba-la-mật nãi chí Bát-nhã ba la

Người nhận sự bố thí ở sau đã được đầy đủ Bố thí Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, 蜜。具足佛眼乃至慧眼。

mật。cụ túc Phật nhãn nãi chí tuệ nhãn。

đầy đủ Phật nhãn cho đến Tuệ nhãn.

云何而言二施果報等無差別。世尊。

vân hà nhi ngôn nhị thí quả báo đẳng vô sai biệt。Thế tôn。

Vì sao mà nói bố thí có hai quả báo bằng nhau không sai biệt được? Bạch đức Thế Tôn!

先受施者受已食噉入腹消化。得命得色得力得安得無礙辯。

tiên thọ thí giả thọ dĩ thực đạm nhập phúc tiêu hóa。đắc mạng đắc sắc đắc lực đắc an đắc vô ngại biện。

Người đầu tiên nhận sự bố thí ấy đã ăn, nuốt vào bụng rồi tiêu hóa, được mạng, được sắc, được sức, được an, được vô ngại biện tài.

後受施者不食不消無五事果。

hậu thọ thí giả bất thực bất tiêu vô ngũ sự quả 。

Người nhận sự bố thí ở sau không ăn, không tiêu, không có kết quả của năm việc.

云何而言二施果報等無差別。

vân hà nhi ngôn nhị thí quả báo đẳng vô sai biệt。

Vì sao mà nói bố thí có hai quả báo ngang nhau không sai biệt?

佛言。善男子。如來已於無量無邊阿僧祇劫。

Phật ngôn。thiện nam tử。Như-Lai dĩ ư vô lượng vô biên a tăng kì kiếp。

Phật dạy: Thiện nam tử! Như Lai đã ở trong Vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp

無有食身煩惱之身。

vô hữu thực thân phiền não chi thân。

không có thân ăn uống, không có thân phiền não,

無後邊身常身法身金剛之身。善男子。

vô hậu biên thân thường thân Pháp thân Kim cương chi thân。thiện nam tử。

mà chỉ có Vô biên thân, Thường thân, Pháp thân, Kim cương thân。Thiện nam tử!

未見佛性者名煩惱身雜食之身。

vị kiến Phật tánh giả danh phiền não thân tạp thực chi thân。

Người chưa thấy được Phật tánh gọi là phiền não thân, thân ăn uống tạp,

是後邊身菩薩爾時受飲食已入金剛三昧。

thị hậu biên thân Bồ-tát nhĩ thời thọ ẩm thực dĩ nhập Kim cương tam muội。

đó là thân sau của Bồ-tát lúc bấy giờ thọ nhận thức ăn uống rồi vào Kim cương Tam muội。

此食消已即見佛性得阿耨多羅三藐三菩提。是故我言二施果報等無差別。

thử thực tiêu dĩ tức kiến Phật tánh đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề。thị cố ngã ngôn

nhị thí quả báo đẳng vô sai biệt。

Thức ăn này tiêu rồi liền thấy Phật tánh, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。Vì vậy

Ta nói hai sự bố thí đó có quả báo ngang nhau không sai biệt。

菩薩爾時破壞四魔。今入涅槃亦破四魔。

Bồ-tát nhĩ thời phá hoại tứ ma。kim nhập Niết-bàn diệt phá tứ ma。

Bồ-tát lúc bấy giờ phá hoại bốn ma, nay vào Niết-bàn cũng phá hoại bốn ma。

是故我言二施果報等無差別。

thị cố ngã ngôn nhị thí quả báo đẳng vô sai biệt。

Vì vậy Ta nói hai sự bố thí có quả báo ngang nhau không sai biệt.

菩薩爾時雖不廣說十二部經先已通達。

Bồ-tát nhĩ thời tuy bất quảng thuyết thập nhị bộ Kinh tiên dĩ thông đạt.

Bồ-tát lúc bấy giờ tuy không rộng nói mười hai bộ Kinh nhưng trước hết đã có thông đạt rồi,

今入涅槃廣為眾生分別演說。是故我言二施果報等無差別。

kim nhập Niết-bàn quảng vị chúng sanh phân biệt diễn thuyết. thị cố ngã ngôn nhị thí quả báo đẳng vô sai biệt.

nay vào Niết-bàn rộng vì chúng sanh phân biệt tuyên thuyết rộng rãi. Vì vậy Ta nói hai sự bố thí ấy có quả báo ngang nhau không sai biệt.

善男子。如來之身已於無量阿僧祇劫不受飲食。

thiện nam tử. Như-Lai chi thân dĩ ư vô lượng a tăng kì kiếp bất thọ ẩm thực.

Thiện nam tử! Thân Như Lai đã ở trong vô lượng kiếp không thọ sự ăn uống
為諸聲聞說言。

vị chư Thanh văn thuyết ngôn.

nhưng vì các vị Thanh văn nên nói rằng

先受難陀難陀波羅二牧牛女所奉乳糜。

tiên thọ Nan-đà Nan-đà ba la nhị mục ngưu nữ sở phụng nhũ mi.

trước tiên là thọ nhận bát cháo sữa của hai cô gái chăn trâu là Nan-đà và Nan-đà Ba La
hiến cúng,

然後乃得阿耨多羅三藐三菩提。我實不食。我今為於此會大眾。

nhĩ hậu nãi đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề. ngã thật bất thực. ngã kim vị ư thử
hội Đại chúng.

rồi sau đó mới đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng thật sự thì Ta không hề
ăn. Nay Ta vì đại chúng trong hội này

是故受汝最後所奉。實亦不食。

thị cố thọ nhữ tối hậu sở phụng. thật diệc bất thực.

nên nhận sự hiến cúng sau cùng của người, thật sự cũng không hề ăn.

爾時大眾聞佛世尊普為大會受於純陀最後

nhĩ thời Đại chúng văn Phật Thế tôn phổ vị Đại hội thọ ư Thuần-đà tối hậu

Lúc bấy giờ đại chúng nghe Phật Thế Tôn khắp vì đại hội mà nhận sự hiến cúng sau cùng của Thuần-đà

供養。歡喜踊躍同聲讚言。善哉善哉。

cúng dường. hoan hỉ dững dưng đồng thanh tán ngôn. Thiện tai Thiện tai.

thì hoan hỷ hớn hở đồng cất lên tiếng tán thán rằng: Hay thay, Hay thay,

希有純陀。汝今立字名不虛稱言。

hi hữu Thuần-đà. nhữ kim lập tự danh bất hư xưng ngôn.

hy hữu thay Thuần-đà! Ông nay đã dựng nên tên tuổi không sai với lời xưng.

純陀者名解妙義。汝今建立如是大義。是故依實從義立名。

Thuần-đà giả danh giải diệu nghĩa. nhữ kim kiến lập như thị Đại nghĩa. thị cố y thật tòng nghĩa lập danh.

Tên Thuần-đà ấy giải nghĩa ra là diệu nghĩa. Ông nay đã gây dựng nên nghĩa lớn, vì vậy nương theo nghĩa thật mà thành lập nên cái tên,

故名純陀。汝今現世得大名利德願滿足。

cố danh Thuần-đà. nhữ kim hiện thế đắc Đại danh lợi đức nguyện mãn túc.

nên gọi là Thuần-đà. Ông nay hiện đời được danh lợi lớn, đức nguyện được tròn đầy,

甚奇純陀。生在人中復得難得無上之利。

thậm kì Thuần-đà. sanh tại nhân trung phục đắc nan đắc vô thượng chi lợi.

rất kỳ lạ Thuần-đà! Đã được sanh trong loài người, lại được cái khó được là lợi vô thượng.

善哉純陀。如優曇花世間希有。

Thiện tai Thuần-đà. như Ưu-đàm hoa thế gian hi hữu。

Hay thay Thuần-đà! Như hoa Ưu-đàm trong đời khó có.

佛出於世亦復甚難。值佛生信聞法復難。佛臨涅槃最後供養。

Phật xuất ư thế diệc phục thậm nan. trị Phật sanh tín văn Pháp phục nan. Phật lâm Niết-bàn tối hậu cúng dường.

Phật xuất hiện ở thế gian cũng rất khó, sanh gặp thời Phật, tin, nghe pháp lại khó hơn,

Phật sắp Niết-bàn cúng dường lần sau cuối,

能辨是事復難於是。南無純陀。南無純陀。

năng biện thị sự phục nan ư thị. Mam-mô Thuần-đà. Mam-mô Thuần-đà.

có thể biện luận lại là việc khó hơn nữa. Mam-mô Thuần-đà! Mam-mô Thuần-đà!

汝今已具檀波羅蜜。猶如秋月十五日夜。

nhữ kim dĩ cụ đàn Ba-la-mật. do như thu nguyệt thập ngũ nhật dạ。
 Ông nay đã đầy đủ Bồ thí Ba-la-mật giống như đêm trăng rằm mùa Thu
 清淨圓滿無諸雲翳。一切眾生無不瞻仰。
 thanh tịnh viên mãn vô chư vân ế. nhất thiết chúng sanh vô bất chiêm ngưỡng。
 trong sáng tròn đầy không mây lớn vờn. Tất cả chúng sanh không ai mà chẳng thích
 ngắm nhìn,
 汝亦如是。而為我等之所瞻仰。
 nhữ diệc như thị. nhi vi ngã đẳng chi sở chiêm ngưỡng。
 ông cũng như vậy mà làm chỗ cho chúng tôi ngắm nhìn.
 佛已受汝最後供養。令汝具足檀波羅蜜。南無純陀。
 Phật dĩ thọ nhữ tối hậu cúng dường. linh nhữ cụ túc đàn Ba-la-mật. Mam-mô Thuần-
 đà。
 Phật đã thọ nhận sự cúng dường sau cùng của ông, khiến cho ông đầy đủ Bồ thí Ba-la-
 mật. Mam-mô Thuần-đà!
 是故說汝如月盛滿。一切眾生無不瞻仰。南無純陀。
 thị cố thuyết nhữ như nguyệt thịnh mãn 。 nhất thiết chúng sanh vô bất chiêm ngưỡng 。
 Mam-mô Thuần-đà 。
 Vì vậy mà nói ông giống như trăng rằm tròn đầy, tất cả chúng sanh không ai mà chẳng
 thích ngắm nhìn. Mam-mô Thuần-đà!
 雖受人身心如佛心。汝今純陀。真是佛子。
 tuy thọ nhân thân tâm như Phật tâm. nhữ kim Thuần-đà. chân thị Phật tử 。
 Tuy thọ thân người nhưng tâm giống tâm Phật. Thuần-đà! Ông nay đã thật sự là con của
 Phật
 如羅睺羅等無有異。爾時大眾即說偈言。
 như La-hầu-la đẳng vô hữu dị. nhĩ thời Đại chúng tức thuyết kệ ngôn 。
 như La-hầu-la không khác. Lúc bấy giờ đại chúng liền nói kệ rằng:
 汝雖生人道 已超第六天
 Nhữ tuy sanh nhân đạo Dĩ siêu đệ lục Thiên
 Ông tuy sanh cõi người Vượt quá Trời thứ sáu
 我及一切眾 今故稽首請
 Ngã cập nhất thiết chúng Kim cố khể thủ thỉnh

Ta cùng tất cả chúng	Nay cúi đầu cầu thỉnh
人中最勝尊	今當入涅槃
Nhân trung tối thắng tôn	Kim đương nhập Niết-bàn
Bậc Tối Tôn loài người	Nay sẽ vào Niết-bàn
汝應愍我等	唯願速請佛
Nhữ ứng mẫn ngã đẳng	Duy nguyện tốc thỉnh Phật
Ông thương dùm chúng tôi	Mong nhanh đến thỉnh Phật
久住於世間	利益無量眾
Cửu trụ ư thế gian	Lợi ích vô lượng chúng
Trụ lâu ở cõi đời	Lợi ích vô lượng chúng
演說智所讚	無上甘露法
Diễn thuyết trí sở tán	Vô thượng cam lộ Pháp
Diễn thuyết trí xưng tán	Vô thượng pháp cam lộ
汝若不請佛	我命將不全
Nhữ nhược bất thỉnh Phật	Ngã mạng tướng bất toàn
Ông nếu không thỉnh Phật	Mạng tôi sắp không còn
是故應見為	稽請調御師
Thị cố ứng kiến vi	Khể thỉnh điều ngự sư
Vì vậy nên thấy đó	Cúi thỉnh đấng Ngự Sư.

爾時純陀歡喜踊躍。

Nhĩ thời Thuần-đà hoan hỷ dũng dực。

Lúc bấy giờ Thuần-đà hoan hỷ hớn hở

譬如有人父母卒喪忽然還活。純陀歡喜亦復如是。復起禮佛。

thí như hữu nhân phụ mẫu tốt tang hốt nhiên hoàn hoạt。Thuần-đà hoan hỷ diệc phục như thị。phục khởi lễ Phật。

giống như người mà có cha mẹ mất bỗng nhiên sống trở lại。Thuần-đà hoan hỷ cũng lại như vậy, lại đứng dậy lễ Phật

而說偈言。

nhĩ thuyết kệ ngôn 。

mà nói kệ rằng:

快哉獲己利	善得於人身
-------	-------

Khoái tai hoạch kỷ lợi	Thiện đắc ư nhân thân
Vui thay con được lợi	Hay thay được thân người
蠲除貪恚等	永離三惡道
Quyên trừ tham khuể đặng	Vĩnh ly tam ác đạo
Diệt hết các tham sân v.v...	Mãi xa ba đường ác
快哉獲己利	遇得金寶聚
Khoái tai hoạch kỷ lợi	Ngộ đắc kim bảo tụ
Vui thay đã được lợi	Gặp được vàng bảo tụ
值遇調御師	不懼墮畜生
Trị ngộ điều ngự sư	Bất cụ đọa súc sanh
Gặp đấng Điều Ngự Sư	Chẳng lo đọa súc sanh
佛如優曇花	值遇生信難
Phật như Ưu-đàm hoa	Trị ngộ sanh tín nan
Phật như hoa Ưu-đàm	Sanh gặp tin khó hơn
遇已種善根	永離餓鬼苦
Ngộ dĩ chủng thiện căn	Vĩnh ly nạ quỷ khổ
Gặp rồi gieo căn lành	Xa hẳn khổ nạ quỷ
亦復能損減	阿修羅種類
Diệc phục năng tổn giảm	A-tu-La chủng loại
Cũng còn năng giảm bớt	Giống loài A Tu La
芥子投針鋒	佛出難於是
Giới tử đầu châm phong	Phật xuất nan ư thị
Hạt cải ném đầu kim	Phật ra đời khó vậy
我以具足檀	度人天生死
Ngã dĩ cụ túc đàn	Độ nhân Thiên sanh tử
Con dùng Cụ túc đàn	Độ người Trời sanh tử
佛不染世法	如蓮花處水
Phật bất nhiễm thế Pháp	Như liên hoa xử thủy
Phật không nhiễm pháp thế	Như hoa sen trong nước
善斷有頂種	永度生死流
Thiện đoạn hữu đỉnh chủng	Vĩnh độ sanh tử lưu

Khéo đoạn đến gốc ngọn	Độ thoát dòng sanh tử
生世為人難	值佛世亦難
Sanh thế vi nhân nan	Trị Phật thế diệc nan
Sanh làm người là khó	Đời gặp Phật cũng khó
猶如大海中	盲龜遇浮孔
Do như Đại hải trung	Manh quy ngộ phù khổng
Giống như trong biển lớn	Rùa mù gặp bọng cây
我今所奉食	願得無上報
Ngã kim sở phụng thực	Nguyện đắc vô thượng báo
Con nay cúng thức ăn	Nguyện được Vô thượng báo
一切煩惱結	摧破不堅牢
Nhất thiết phiền não kết	Tồi phá bất kiên lao
Tất cả phiền não kết	Bẻ phá chẳng cứng bền
我今於此處	不求天人身
Ngã kim ư thử xử	Bất cầu Thiên nhơn thân
Con nay ở cõi này	Không cầu thân Trời người
設使得之者	心亦不甘樂
Thiết sử đắc chi giả	Tâm diệc bất cam lạc
Giả sử được thân ấy	Tâm cũng chẳng được vui
如來受我供	歡喜無有量
Như-Lai thọ ngã cung	Hoan hỷ vô hữu lượng
Như Lai nhận con cúng	Hoan hỷ không hạn lượng
猶如伊蘭花	出於梅檀香
Do như y lan hoa	Xuất ư chiên đàn hương
Giống như hoa y lan	Xuất ở Chiên đàn hương
我身如伊蘭	如來受我供
Ngã thân như y lan	Như-Lai thọ ngã cung
Thân con như y lan	Như Lai nhận con cúng
如出梅檀香	是故我歡喜
Như xuất chiên đàn hương	Thị cố ngã hoan hỷ
Như xuất Chiên đàn hương	Vì vậy con hoan hỷ

我今得現報	最勝上妙處
Ngã kim đắc hiện báo	Tối thắng thượng diệu xứ
Con nay được hiện báo	Chỗ tối thắng thượng diệu
釋梵諸天等	悉來供養我
Thích phạm chư Thiên đẳng	Tất lai cúng dường ngã
Phạm thích cùng chư Thiên	Đều đến cúng dường con
一切諸世間	悉生諸苦惱
Nhất thiết chư thế gian	Tất sanh chư khổ não
Hết thầy người thế gian	Đều sanh các khổ não
以知佛世尊	欲入於涅槃
Dĩ tri Phật Thế tôn	Dục nhập ư Niết-bàn
Do biết Phật Thế Tôn	Muốn vào ở Niết-bàn
高聲唱是言	世間無調御
Cao thanh xướng thị ngôn	Thế gian vô điều ngự
Cao tiếng xướng lời rằng	Thế gian không Điều Ngự
不應捨眾生	應視如一子
Bất ứng xả chúng sanh	Ứng thị như nhất tử
Sao đành bỏ chúng sanh	Hãy xem như con một
如來在僧中	演說無上法
Như Lai tại tăng trung	Diễn thuyết vô thượng Pháp
Như Lai trong Tăng chúng	Thường nói pháp Vô thượng
如須彌寶山	安處于大海
Như Tu-Di bảo sơn	An xứ vu Đại hải
Như núi báu Tu Di	Ở an như biển lớn
佛智能善斷	我等無明闇
Phật trí năng thiện đoạn	Ngã đẳng vô minh ám
Trí Phật hay khéo đoạn	Vô minh của chúng con
猶如虛空中	起雲得清涼
Do như hư không trung	Khởi vân đắc thanh lương
Giống như giữa hư không	Mây trôi được trong mát
如來能善除	一切諸煩惱

Như Lai năng thiện trừ	Nhất thiết chư phiền não
Như Lai hay khéo trừ	Tất cả các phiền não
猶如日出時	除雲光普照
Do như nhật xuất thời	Trừ vân quang phổ chiếu
Như khi mặt trời mọc	Xua mây sáng chiếu khắp
是諸眾生等	啼泣面目腫
Thị chư chúng sanh đẳng	Đề khắp diện mục thũng
Nay các chúng sanh ấy	Khóc lóc mặt mắt sưng
悉皆為生死	苦水之所漂
Tất giai vi sanh tử	Khổ thủy chi sở phiêu
Tất cả vì sanh tử	Nổi trôi trong biển khổ
以是故世尊	應長眾生信
Dĩ thị cố Thế tôn	Ứng trường chúng sanh tín
Do vậy mà Thế Tôn	Khiến chúng sanh khởi tín
為斷生死苦	久住於世間
Vị đoạn sanh tử khổ	Cửu trụ ư thế gian
Vì đoạn khổ sanh tử	Trụ lâu ở cõi đời.

佛告純陀。如是如是。如汝所說。

Phật cáo Thuần-đà. như thị như thị. như nhữ sở thuyết.

Phật dạy Thuần-đà: Đúng vậy, đúng vậy! Như chỗ người nói

佛出世難如優曇花。值佛生信亦復甚難。

Phật xuất thế nan như Ưu-đàm hoa. trị Phật sanh tín diệc phục thậm nan.

Phật ra đời khó như hoa Ưu-đàm, sanh gặp thời Phật rồi tin Phật lại rất khó,

佛臨涅槃最後施食。能具足檀復倍甚難。汝今純陀。

Phật lâm Niết-bàn tối hậu thí thực. năng cụ túc đàn phục bội thậm nan. nhữ kim Thuần-đà.

Phật sắp Niết-bàn mà cúng bữa ăn sau cùng có cụ túc Bồ thí Ba-la-mật lại càng khó gặp
bội. Thuần-đà! Ông nay

莫大愁苦應生踊躍喜自慶幸。

mạc Đại sầu khổ ứng sanh dũng dục hỉ tự khánh hạnh.

chớ quá sầu khổ mà hãy nên vui mừng hơn hờ về hạnh phúc của chính mình,

得值最後供養如來。成就具足檀波羅蜜。

đắc trị tối hậu cúng dường Như-Lai。 thành tựu cụ túc đàn Ba-la-mật。

được cúng dường Như Lay lần sau cuối, thành tựu cụ túc Bồ thí Ba-la-mật

不應請佛久住於世。汝今當觀諸佛境界悉皆無常。

bất ứng thỉnh Phật cửu trụ ư thế。 nhữ kim đương quán chư Phật cảnh giới tất giai vô thường。

không nên thỉnh Phật trụ lâu ở đời. Người nay phải quán sát hết thầy cảnh giới của Phật đều Vô thường,

諸行性相亦復如是。即為純陀。而說偈言。

chư hành tánh tướng diệc phục như thị。 tức vị Thuần-đà。 nhi thuyết kệ ngôn。

các hành, tánh, tướng cũng lại như vậy. Thế Tôn liền vì Thuần-đà mà nói kệ rằng:

一切諸世間

生者皆歸死

Nhất thiết chư thế gian

Sanh giả giai quy tử

Hết thầy các thế gian

Sanh rồi đều phải tử

壽命雖無量

要必當有盡

Thọ mạng tuy vô lượng

Yếu tất đương hữu tận

Thọ mạng dẫu vô lượng

Cuối cùng rồi phải hết

夫盛必有衰

合會有別離

Phù thịnh tất hữu suy

Hợp hội hữu biệt ly

Hễ thịnh ắt có suy

Có hợp thì có tan

壯年不久停

盛色病所侵

Tráng niên bất cửu đình

Thịnh sắc bệnh sở xâm

Mạnh khỏe chẳng giữ lâu

Sắc đẹp bệnh lẩn chiếm

命為死所吞

無有法常者

Mạng vì tử sở thôn

Vô hữu Pháp thường giả

Mạng là thần chết nuốt

Pháp ấy không có thường

諸王得自在

勢力無等雙

Chư Vương đắc tự tại

Thế lực vô đẳng song

Các vua được tự tại

Thế lực chẳng ai bằng

一切皆遷動

壽命亦如是

Nhất thiết giai Thiên động

Thọ mạng diệc như thị

Hết thầy đều chuyển đời
眾苦輪無際

Chúng khổ luân vô tế
Bánh xe khổ vô tế
三界皆無常

Tam giới giai vô thường
Ba cõi đều Vô thường
有道本性相

Hữu đạo bốn tánh tướng
Có đạo, bốn tánh, tướng
可壞法流轉

Khả hoại Pháp lưu chuyển
Có thể phá pháp chuyển
恐怖諸過惡

Khủng phổ chư quá ác
Sợ hãi các tội ác
是諸無有邊

Thị chư vô hữu biên
Chúng là không bờ bến
煩惱所纏裹

Phiền não sở triền khoả
Phiền não chỗ trói buộc
何有智慧者

Hà hữu trí tuệ giả
Sao người có trí tuệ
此身苦所集

Thử thân khổ sở tập
Thân này chỗ khổ tập
扼縛癱瘡等

Ách phược ung sang đẳng
Các bệnh ung nhọt trói

Thọ mạng cũng như vậy
流轉無休息

Lưu chuyển vô hưu tức
Lưu chuyển mãi chẳng dừng
諸有無有樂

Chư hữu vô hữu lạc
Các hữu chẳng có vui
一切皆空無

Nhất thiết giai không vô
Hết thầy đều rỗng không
常有憂患等

Thường hữu ưu hoạn đẳng
Thường có sầu não lo
老病死衰惱

Lão bệnh tử suy não
Già bệnh chết suy não
易壞怨所侵

Dịch hoại oán sở xâm
Dễ hoại chỗ oán lẩn
猶如蠶處繭

Do như tằm xử kiến
Như chỗ tằm làm kén
而當樂是處

Nhi đương lạc thị xứ
Mà ưa thích chỗ đó?
一切皆不淨

Nhất thiết giai bất tịnh
Hết thầy đều không sạch
根本無義利

Căn bản vô nghĩa lợi
Căn bản không nghĩa lợi

上至諸天身
Thượng chí chư Thiên thân
Từ trên thân chư Thiên
諸欲皆無常
Chư dục giai vô thường
Các dục đều Vô thường
離欲善思惟
Ly dục thiện tư duy
Ly dục khéo tư duy
究竟斷有者
Cứu cánh đoạn hữu giả
Rốt ráo đoạn hữu ấy
我度有彼岸
Ngã độ hữu bỉ ngạn
Ta đến bờ bên kia
是故於今者
Thị cố ư kim giả
Vì vậy ở hôm nay
以是因緣故
dĩ thị nhân duyên cố
Vì nhân duyên như vậy
永斷諸纏縛
Vĩnh đoạn chư triền phược
Vĩnh viễn đoạn các phược
我無老病死
Ngã vô lão bệnh tử
Ta không già bệnh chết
我今入涅槃
Ngã kim nhập Niết-bàn
Ta nay vào Niết-bàn
純陀汝不應

皆亦復如是
Giai diệc phục như thị
Đều cũng lại như vậy
故我不貪著
Cố ngã bất tham trước
Nên ta chẳng tham đắm
而證於真實
Nhi chứng ư chân thật
Mà chứng ở chân thật
今日當涅槃
Kim nhật đương Niết-bàn
Hôm nay sẽ Niết-bàn
已得過諸苦
Dĩ đắc quá chư khổ
Đã vượt qua các khổ
純受上妙樂
Thuần thọ thượng diệu lạc
Thọ thuần lạc thượng diệu
證無戲論邊
chứng vô hí luận biên
Chứng vô biên hý luận
今日入涅槃
Kim nhật nhập Niết-bàn
Hôm nay vào Niết-bàn
壽命不可盡
Thọ mạng bất khả tận
Thọ mạng không thể tận
猶如大火滅
Do như Đại hỏa diệt
Như tắt ngọn lửa lớn
思量如來義

Thuần-đà nhữ bất ứng	Tư lượng Như-Lai nghĩa
Thuần-đà người chớ nên	Suy lường nghĩa Như Lai
當觀如來住	猶如須彌山
Đương quán Như-Lai trụ	Do như Tu-Dì sơn
Phải quán Như Lai trụ	Giống như núi Tu Di
我今入涅槃	受於第一樂
Ngã kim nhập Niết-bàn	Thọ ư đệ nhất lạc
Ta nay vào Niết-bàn	Thọ ở đệ nhất lạc
諸佛法如是	不應復啼哭
Chư Phật Pháp như thị	Bất ứng phục đề khóc
Chư Phật Pháp như vậy	Chẳng nên lại khóc than.

爾時純陀白佛言。世尊。如是如是。

Nhĩ thời Thuần-đà bạch Phật ngôn。 Thế tôn。 như thị như thị。

Lúc bấy giờ Thuần-đà bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy!

誠如聖教。我今所有智慧微淺猶如蚊虻。

thành như Thánh giáo。 ngã kim sở hữu trí tuệ vi thiểu do như vãn manh。

Thật đúng như lời Thánh dạy! Trí tuệ của con nay hẹp hòi nông cạn giống như muỗi nhặng,

何能思議如來涅槃深奧之義。世尊。

hà năng tư nghị Như-Lai Niết-bàn thâm áo chi nghĩa。 Thế tôn。

sao có thể tư nghị về nghĩa thâm áo Niết-bàn của Như Lai. Bạch đức Thế Tôn!

我今已與諸大龍象菩薩摩訶薩。

ngã kim dĩ dĩ chư Đại long tượng Bồ-tát Ma-ha-tát。

Con nay đã cùng với các Đại Long Tượng Bồ-tát Ma-ha-tát như

斷諸結漏文殊師利法王子等。世尊。譬如幼年初得出家。

đoạn chư kết lậu Văn-thù-sư-lợi Pháp-Vương-Tử đẳng。 Thế tôn。 thí như ấu niên sơ đắc xuất gia。

Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử v.v.. để đoạn trừ các lậu hoặc trói buộc. Thế Tôn! Thí như người trẻ tuổi mới xuất gia

雖未受具即墮僧數。我亦如是。以佛菩薩神通力故。

tuy vị thọ cụ tức đọa tăng số。 ngã diệc như thị。 dĩ Phật Bồ-tát Thần thông lực cố。

tuy chưa thọ Cụ túc giới nhưng liền được cho vào trong Tăng số. Con cũng như vậy. nhờ thần thông, oai lực của Phật và Bồ-tát nên

得在如是大菩薩數。

đắc tại như thị Đại Bồ-tát số.

được ở trong số chúng Bồ-tát lớn

是故我今欲令如來久住於世不入涅槃。譬如飢人終無變吐。

thị cố ngã kim dục lệnh Như-Lai cửu trụ ư thế bất nhập Niết-bàn. thí như cơ nhân chung vô biến thổ.

Vì vậy con nay muốn Như Lai sống lâu ở đời đừng vào Niết-bàn, giống như người đói khát, không có gì để bỏ ra.

願使世尊亦復如是。常住於世不入涅槃。

nguyện sử Thế tôn diệc phục như thị. thường trụ ư thế bất nhập Niết-bàn.

Con nguyện mong Thế Tôn cũng lại như vậy, thường trụ ở thế gian chớ có vào Niết-bàn.

爾時文殊師利法王子告純陀言。純陀。

nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi Pháp-Vương-Tử cáo Thuần-đà ngôn 。 Thuần-đà 。

Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử nói với Thuần-đà rằng: Thuần-đà!

汝今不應發如是言。

nhữ kim bất ứng phát như thị ngôn 。

Nay ông chớ có thốt lên những lời

欲使如來常住於世不般涅槃。如彼飢人無所變吐。

dục sử Như-Lai thường trụ ư thế bất nhập Niết-bàn 。 như bỉ cơ nhân vô sở biến thổ 。

muốn Như Lai thường trụ ở đời đừng vào Niết-bàn, giống như người đói khát không có gì để bỏ ra.

汝今當觀諸行性相。如是觀行具空三昧。欲求正法應如是學。

nhữ kim đương quán chư hành tánh tướng. như thị quán hành cụ không tam muội. dục cầu chánh Pháp ứng như thị học。

Ông nay phải quán sát các hành, tánh tướng, quán các hành như vậy đầy đủ Không Tam muội, muốn cầu chánh pháp phải học như vậy.

純陀問言。文殊師利。夫如來者。

Thuần-đà vấn ngôn. Văn-thù-sư-lợi. phu Như-Lai giả。

Thuần-đà hỏi rằng: Văn-thù-sư-lợi! Rằng Như Lai ấy

天上人中最尊最勝。如是如來豈是行耶。

Thiên thượng nhân trung tối tôn tối thắng. như thị Như-Lai khởi thị hành da.

Là bậc Tối tôn, Tối thắng trong Trời người, Như Lai như vậy há là các hành ư?

若是行者為生滅法。譬如水泡速起速滅。

nhược thị hành giả vi sanh diệt Pháp. thí như thủy phao tốc khởi tốc diệt.

Nếu đó là hành thì đó là pháp sanh diệt, giống như bọt nước có rồi lại mất,

往來流轉猶如車輪。一切諸行亦復如是。我聞諸天壽命極長。

vãng lai lưu chuyển do như xa luân. nhất thiết chư hành diệt phục như thị. ngã văn chư

Thiên thọ mạng cực trường.

đi lại lưu chuyển giống như bánh xe. Tất cả các hành cũng lại như vậy. Tôi nghe chư

Thiên thọ mạng rất dài lâu,

云何世尊是天中天。壽命更促不滿百年。

vân hà Thế tôn thị Thiên trung Thiên. thọ mạng canh xúc bất mãn bách niên.

vì sao Thế Tôn là bậc Thiên Trung Thiên, thọ mạng lại mau chóng mà không đủ trăm năm?

如聚落主勢得自在。以自在力能制他人。

như tụ lạc chủ thế đắc tự-tại. dĩ tự-tại lực năng chế tha nhân.

Như người chủ trong xóm làng có thế lực nên được tự tại, do lực tự tại nên chế ngự được người khác.

是人福盡其後貧賤。人所輕蔑為他策使。

thị nhân phúc tận kỳ hậu bần tiện. nhân sở khinh miệt vi tha sách sử.

Người ấy sau khi hết phước thì nghèo hèn bần tiện, bị người khác khinh khi và sai sử.

所以者何。失勢力故。世尊亦爾同於諸行。

sở dĩ giả hà. thất thế lực cố. Thế tôn diệt nhĩ đồng ư chư hành.

Vì sao như vậy? Vì người ấy hết thế lực. Thế Tôn cũng đồng với các hành,

同諸行者則不得稱為天中天。何以故。

đồng chư hành giả tắc bất đắc xưng vi Thiên trung Thiên. hà dĩ cố.

đồng với các hành nên chẳng được xưng là bậc Thiên Trung Thiên. Vì sao vậy?

諸行即是生死法故。是故文殊。勿觀如來同於諸行。

chư hành tức thị sanh tử Pháp cố. thị cố Văn-thù. vật quán Như-Lai đồng ư chư hành.

Vì các hành tức là pháp sanh tử. Vì vậy Văn-thù, chớ có quán Như Lai đồng với các hành.

復次文殊。為知而說不知而說。

phục thứ Văn-thù。vi tri nhi thuyết bất tri nhi thuyết。

Lại nữa Văn-thù! Vì biết mà nói hay không biết mà nói
而言如來同於諸行。設使如來同諸行者。

nhi ngôn Như-Lai đồng ư chư hành。 thiết sử Như-Lai đồng chư hành giả。
rằng Như Lai đồng với các hành. Giả sử như Như Lai đồng với các hành ấy
則不得言於三界中為天中天自在法王。

tắc bất đắc ngôn ư tam giới trung vi Thiên trung Thiên tự-tại Pháp Vương 。
thời không được nói rằng bậc Thiên Trung Thiên là vua Pháp Tự Tại ở trong ba cõi.
譬如人王有大力士。其力當千。更無有能降伏之者。

thí như nhân Vương hữu Đại lực sĩ 。 kỳ lực đương thiên 。 canh vô hữu năng hàng phục
chi giả 。

Giống như ông vua có một lực sĩ to lớn, lực ấy chấp một ngàn người, lại cũng không có
thể hàng phục được người ấy,
故稱此人一人當千。如是力士王所愛念。

cố xưng thử nhân nhất nhân đương thiên 。 như thị lực sĩ Vương sở ái niệm 。
nên gọi người này là một người chịu ngàn người. Như vậy người lực sĩ đó được vua yêu
mến

偏賜爵祿封賞自然。所以得稱當千人者。

Thiên tứ tước lộc phong thưởng tự nhiên。 sở dĩ đắc xưng đương thiên nhân giả。
tự nhiên được ban bổng lộc, quan chức do vậy mà được gọi là người chịu ngàn người.
是人未必力敵於千。但以種種伎藝所能勝千故。

thị nhân vị tất lực địch ư thiên。 đăn dĩ chủng chủng kỹ nghệ sở năng thắng thiên
cố。

Sức của người ấy chưa hẳn địch được ngàn người, nhưng chỉ vì có khả năng sử dụng các
kỹ xảo nên có thể thắng ngàn người,
故稱當千。如來亦爾。降煩惱魔陰魔天魔死魔。

cố xưng đương thiên 。 Như Lai diệt nhĩ。 hàng phiền não ma uẩn Ma Thiên ma tử ma。
nên gọi đáng ngàn người. Như Lai cũng như vậy, hàng phục các ma phiền não, ma năm
ấm, Thiên ma, tử ma.

是故如來名三界尊。如彼力士一人當千。

thị cố Như-Lai danh tam giới tôn。 như bỉ lực sĩ nhất nhân đương thiên。
Vì vậy Như Lai gọi là bậc tôn kính trong ba cõi, như người lực sĩ địch một ngàn người。
以是因緣成就具足種種無量真實功德。
dĩ thị nhân duyên thành tựu cụ túc chủng chủng vô lượng chân thật công đức。
Do nhân duyên như vậy nên thành tựu vô lượng các loại công đức chân thật,
故稱如來應正遍知。文殊師利。
cố xưng Như-Lai ứng Chánh-biến-Tri。 Văn-thù-sư-lợi。
nên xưng Như Lai Ứng Chánh Biến Tri。 Văn-thù-sư-lợi!
汝今不應憶想分別以如來法同於諸行。譬如巨富長者生子。
nhữ kim bất ứng ức tưởng phân biệt dĩ Như-Lai pháp đồng ư chư hành。 thí như cụ phú
Trường giả sanh tử。
Ông nay chớ có nhớ nghĩ phân biệt rằng Như Lai đồng với các hành。 Thí như người trường
giả giàu có lớn sinh con。
相師占之有短壽相。
tướng sư chiêm chi hữu đoản thọ tướng。
Thầy tướng xem tướng đứa con có thọ mạng ngắn ngủi。
父母聞已知其不任紹繼家嗣。不復愛重視如芻草。
phụ mẫu văn dĩ tri kỳ bất nhâm thiệu kế gia tự。 bất phục ái trọng thị như sô thảo。
Cha mẹ nghe rồi biết đứa con không thể gánh vác việc nối dõi tông đường, lại không
thương yêu kính trọng như nhìn cỏ cây。
夫短壽者不為沙門婆羅門等男女大小之所敬念。
phu đoản thọ giả bất vi Sa Môn Bà-la-môn đẳng nam nữ đại tiểu chi sở kính niệm。
Rằng người thọ mạng ngắn ngủi ấy không làm cho các Sa môn, Bà-la-môn, nam nữ lớn
nhỏ kính mến。
若使如來同諸行者。
nhược sử Như-Lai đồng chư hành giả。
Nếu khiến Như Lai đồng với các hành ấy
亦復不為一切世間人天眾生之所奉敬。
diệc phục bất vi nhất thiết thế gian nhân Thiên chúng sanh chi sở phụng kính。
cũng lại không làm chỗ phụng kính của hết thầy chúng sanh Trời người trong thế gian。
如來所說不變不異真實之法亦無受者。是故文殊。

Như-Lai sở thuyết bất biến bất dị chân thật chi Pháp diệt thị cố giả. thị cố Văn-thù.
Chỗ Như Lai nói là Pháp chẳng thay đổi, chẳng khác, chân thật, cũng chẳng có người thọ.
Vì vậy Văn-thù!

不應說言如來同於一切諸行。

bất ứng thuyết ngôn Như Lai đồng ư nhất thiết chư hành。

Chớ nên nói rằng Như Lai đồng với hết thảy các hành.

復次文殊。譬如貧女無有居家救護之者。

phục thứ Văn-thù. thí như bần nữ vô hữu cư gia cứu hộ chi giả。

Lại nữa Văn-thù! Thí như có người con gái nghèo hèn không có nhà ở, không người cứu giúp,

加復病苦飢渴所逼。

gia phục bệnh khổ cơ khát sở bức。

lại thêm đói khát bệnh tật bức bách,

遊行乞丐止他客舍寄生一子。是客舍主驅逐令去。

du hành khất cái chỉ tha khách xá kí sanh nhất tử. thị khách xá chủ khu trục lệnh khứ。

dạo đi xin ăn rồi dừng lại ở một nhà khách của người ta và sinh một đứa con. Người chủ nhà khách xua đuổi khiến đi.

其產未久携抱是兒欲至他國。

kỳ sản vị cửu huề bào thị nhi dục chí tha quốc。

Người con gái ấy sinh con chưa bao lâu nhưng phải bồng đứa trẻ muốn đi đến một nước khác.

於其中路遇惡風雨寒苦並至。多為蚊虻蜂螫毒蟲之所啖食。

ư kỳ trung lộ ngộ ác phong vũ hàn khổ tịnh chí. đa vi văn manh phong thích độc trùng chi sở táp thực。

Trong nước ấy, trên đường đi gặp phải gió độc, mưa lạnh, bao điều gian khổ lại thêm muỗi mòng, ong độc, sâu kiến cắn ăn.

經由恒河抱兒而度。其水漂疾而不放捨。

Kinh do hằng hà bão nhi nhi độ. kỳ thủy phiêu tật nhi bất phóng xả。

Người con gái ấy vẫn ôm con mà vượt qua sông Hằng, nước sông lên nhanh mà vẫn không thả con ra.

於是母子遂共俱沒。如是女人慈念功德。

ư thị mẫu tử toại cộng câu một. như thị nữ nhân tử niệm công đức。
 Cuối cùng hai mẹ con đều bị chìm đắm. Như vậy người con gái ấy có công đức về lòng từ,
 命終之後生於梵天。文殊師利若有善男子欲護正法。
 mạng chung chi hậu sanh ư Phạm Thiên. Văn-thù-sư-lợi nhược hữu thiện nam tử dục hộ
 chánh Pháp 。
 sau khi thân hoại mạng chung sẽ sanh ở Phạm Thiên. Văn-thù-sư-lợi! Nếu có thiện nam
 tử muốn hộ trì chánh pháp
 勿說如來同於諸行不同諸行。
 vật thuyết Như-Lai đồng ư chư hành bất đồng chư hành 。
 chớ có nói Như Lai đồng với các hành, hay không đồng chư hành
 唯當自責我今愚癡未有慧眼。如來正法不可思議。
 duy đương tự trách ngã kim ngu si vị hữu tuệ nhãn. Như Lai chánh Pháp bất khả tư nghị
 。
 chỉ nên tự trách ta nay ngu si chưa có tuệ nhãn, chánh pháp của Như Lai không thể nghĩ
 bàn.
 是故不應宣說如來定是有為定是無為。
 thị cố bất ứng tuyên thuyết Như Lai định thị hữu vi định thị vô vi。
 Vì vậy chớ nên nói định như Lai là định Hữu vi và định Vô vi.
 若正見者。應說如來定是無為。何以故。
 nhược chánh kiến giả。 ứng thuyết Như Lai định thị vô vi。 hà dĩ cố。
 Nếu người chánh kiến nên nói định Như Lai là Vô vi. Vì sao vậy?
 能為眾生善法故生憐愍故。
 năng vi chúng sanh sanh thiện Pháp cố sanh lân mẫn cố 。
 Vì có thể vì chúng sanh mà sanh pháp lành nên sanh lòng thương xót vậy.
 如彼貧女在於恒河為愛念子而捨身命。善男子。
 như bỉ bần nữ tại ư hằng hà vi ái niệm tử nhi xả thân mạng。 thiện nam tử。
 Như người con gái nghèo kia ở trong sông Hằng vì thương yêu con mà không xả bỏ thân
 mạng. Thiện nam tử!
 護法菩薩亦應如是。寧捨身命不說如來同於有為。
 hộ Pháp Bồ-tát diệc ứng như thị。 ninh xả thân mạng bất thuyết Như-Lai đồng ư hữu vi。

Bồ-tát hộ pháp cũng nên như vậy, thà xả bỏ thân mạng chứ không nên nói Như Lai đồng với Hữu vi,

當言如來同於無為。

đương ngôn Như-Lai đồng ư vô vi 。

nên nói Như Lai đồng với Vô vi.

以說如來同無為故得阿耨多羅三藐三菩提。如彼女人得生梵天。何以故。

dĩ thuyết Như-Lai đồng vô vi cố đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ đề。 như bỉ nữ nhân đắc sanh Phạm Thiên。 hà dĩ cố。

Do nói Như Lai đồng với Vô vi nên đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, giống như người con gái kia được sanh ở Phạm Thiên. Vì sao vậy?

以護法故。云何護法。

dĩ hộ Pháp cố。 vân hà hộ Pháp。

Do hộ pháp vậy. Sao gọi là hộ pháp?

所謂說言如來同於無為。善男子。如是之人雖不求解脫解脫自至。

sở vị thuyết ngôn Như-Lai đồng ư vô vi。 thiện nam tử。 như thị chi nhân tuy bất cầu giải thoát giải thoát tự chí。

Nghĩa là nói Như Lai đồng với Vô vi. Thiện nam tử! Như người ấy tuy không cầu giải thoát hay tự đến giải thoát,

如彼貧女不求梵天梵天自至。文殊師利。

như bỉ bần nữ bất cầu Phạm Thiên Phạm Thiên tự chí。 Văn-thù-sư-lợi。

như người con gái nghèo kia không cầu Phạm Thiên mà Phạm Thiên tự đến. Văn-thù-sư-lợi!

如人遠行中路疲極寄止他舍。

như nhân viễn hành trung lộ bì cực kí chỉ tha xá。

Như người đi xa, trên đường đi hết sức mệt mỏi nên dừng chân tại nhà trọ.

臥寐之中其室忽然大火卒起。即時驚寤。尋自思惟。

ngọa寐 chi trung kỳ thất hốt nhiên Đại hỏa tốt khởi。 tức thời kinh ngộ。 tầm tự tư duy。

Trong giấc ngủ say, nhà ấy bỗng nhiên lửa lớn bốc cháy, tức thì hoảng hốt thức dậy, tự suy nghĩ rằng:

我於今者定死不疑。具慚愧故以衣纏身。

ngã ư kim giả định tử bất nghi。 cụ tàm quý cố dĩ y triền thân。

Ta nay định chết, không còn nghi ngờ gì nữa, rồi thấy hổ thẹn lấy áo mặc vào
即便命終生切利天。

tức tiện mạng chung sanh Đao Lợi Thiên。

tức thì mạng chung sanh ở Cõi Trời Đao Lợi,

從是已後滿八十返作大梵王。滿百千世生於人中為轉輪王。

tòng thị dĩ hậu mãn bát thập phản tác Đại Phạm Vương。mãn bách thiên thế sanh ư nhân
trung vi chuyển luân Vương。

ở đó mãn rồi, sau đó tám mươi lần sanh lại làm Vua Trời Đại Phạm, đủ một trăm ngàn đời
sanh vào trong loài người làm vua Chuyển Luân.

是人不復生三惡趣。展轉常生安樂之處。以是緣故。

thị nhân bất phục sanh tam ác thú。triển chuyển thường sanh an lạc chi xứ。dĩ thị duyên
cố。

Người đó không còn sanh trở lại trong ba đường ác, lần lượt sanh vào các nơi an vui, đều
do nhân duyên như vậy.

文殊師利。若善男子。

Văn-thù-sư-lợi。nhược thiện nam tử。

Văn-thù-sư-lợi! Nếu thiện nam tử

有慚愧者不應觀佛同於諸行文殊師利。

hữu tàm quý giả bất ứng quán Phật đồng ư chư hành Văn-thù-sư-lợi。

là người có hổ thẹn không nên quán Như Lai đồng với các hành. Văn-thù-sư-lợi!

外道邪見可說如來同於有為。

ngoại đạo tà kiến khả thuyết Như-Lai đồng ư hữu vi。

Ngoại đạo tà kiến có thể nói Như Lai đồng với Hữu vi.

持戒比丘不應如是於如來所生有為想。若言如來是有為者。即是妄語。

trì giới Tỷ kheo bất ứng như thị ư Như-Lai sở sanh hữu vi tưởng。nhược ngôn Như-Lai thị
hữu vi giả。tức thị vọng ngữ。

Tỳ-kheo trì giới không nên ở chỗ Như Lai mà lại có tư tưởng như vậy. Nếu nói Như Lai là
Hữu vi tức là nói dối.

當知是人死入地獄。如人自處於己舍宅。文殊師利。

đương tri thị nhân tử nhập Địa-ngục。như nhân tự xử ư kỳ xá trạch。Văn-thù-sư-lợi。

Phải biết người ấy chết sanh vào Địa ngục như người kia tự mình vào ở trong nhà trọ.
Văn-thù-sư-lợi!

如來真實是無為法。不應復言是有為也。

Như-Lai chân thật thị vô vi Pháp. bất ứng phục ngôn thị hữu vi dã.

Như Lai chân thật là pháp Vô vi, không nên nói là Hữu vi.

汝從今日於生死中應捨無智求於正智當知

nhữ tông kim nhật ư sanh tử trung ứng xả vô trí cầu ư chánh trí đương tri

Ông từ hôm nay ở trong sanh tử nên xả Vô trí mà cầu ở Chánh trí, nên biết

如來即是無為。若能如是觀如來者。

Như-Lai tức thị vô vi. nhược năng như thị quán Như-Lai giả.

Như Lai tức là Vô vi, nếu hay quán Như Lai

具足當得三十二相。

cụ túc đương đắc tam thập nhị tướng。

đầy đủ Như Lai như vậy sẽ được ba mươi hai tướng,

速疾成就阿耨多羅三藐三菩提。爾時文殊師利法王子讚純陀言。

tốc tạt thành tựu A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề. nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi Pháp-Vương-Tử tán Thuần-đà ngôn。

mau chóng thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Đẳng Chánh Giác. Lúc bấy giờ

Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử khen Thuần-đà rằng:

善哉善哉。善男子。

Thiện tai Thiện tai. thiện nam tử.

Hay thay, Hay thay! Thiện nam tử!

汝今已作長壽因緣能知如來是常住法不變異法無為之法。

Nhữ kim dĩ tác trường thọ nhân duyên năng tri Như-Lai thị thường trụ Pháp bất biến dị
Pháp vô vi chi Pháp。

Ông nay đã làm được nhân duyên sống lâu lại có thể biết Như Lai là pháp thường trú, là pháp không thay đổi, không khác, là pháp Vô vi.

汝今如是善覆如來有為之相。

nhữ kim như thị thiện phúc Như-Lai hữu vi chi tướng。

Ông nay khéo được Hữu vi tướng của Như Lai che chở như vậy

如彼火人為慚愧故以衣覆身。以是善心生忉利天。

như bị hỏa nhân vi tà quý cố dĩ y phúc thân. dĩ thị thiện tâm sanh Đạo Lợi thiên.
như người bị lửa kia vì hổ thẹn nên lấy áo che thân, do tâm lành ấy mà sanh lên cõi trời
Đạo Lợi,

復為梵王轉輪聖王。不至惡趣常受安樂。

phục vi Phạm Vương Chuyển luân Thánh Vương. bất chí ác thú thường thọ an lạc.
lại làm Phạm vương, Chuyển Luân Thánh Vương, không đi vào đường ác, thường thọ an
lạc.

汝亦如是善覆如來有為相故。

nhữ diệc như thị thiện phúc Như-Lai hữu vi tướng cố.

Ông cũng khéo được Hữu vi tướng của Như Lai che chở như vậy nên

於未來世必定當得三十二相八十種好十八不共法無量壽命。

ư vị lai thế tất định đương đắc tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo thập bát bất cộng
Pháp vô lượng thọ mạng.

ở trong đời vị lai chắc chắn sẽ được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười tám Bất
Cộng Pháp, thọ mạng vô lượng,

不在生死常受安樂。不久得成應正遍知。純陀。

bất tại sanh tử thường thọ an lạc. bất cửu đắc thành ứng Chánh-biến-Tri. Thuần-đà.

không ở chỗ sanh tử, thường được an lạc, không bao lâu sẽ đắc thành Ứng Chánh Biến
Tri. Thuần-đà!

如來次後自當廣說我之與汝俱亦當覆如來有為。

Như-Lai thứ hậu tự đương quảng thuyết ngã chi dĩ nhữ câu diệc đương phúc Như-Lai
hữu vi 。

Lần lượt Như Lai sẽ tự nói rộng ra rằng Ta và người cũng đều sẽ được Như Lai Hữu vi che
chở,

有為無為且共置之。汝可隨時速施飯食。

hữu vi vô vi thả cộng trí chi. nhữ khả tùy thời tốc thí phạn thực。

Hữu vi hay Vô vi chỉ là tạm đặt ra thôi. Người có thể tùy thời nhanh chóng mà thí bữa ăn.

如是施者。諸施中最。

như thị thí giả. chư thí trung tối。

Thí như vậy, chỗ cao nhất trong cái thí ấy là

若比丘比丘尼優婆塞優婆夷。

nhược Tỳ-kheo Tỳ-kheo ni Ưu bà tắc Ưu bà di
nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di
遠行疲極所須之物應當清淨隨時給與。如是速施即是具足檀波羅蜜根本種子。
viễn hành bì cực sở tu chi vật ứng đương thanh tịnh tùy thời cấp dĩ。 như thị tốc thí tức thị
cụ túc đàn Ba-la-mật căn bản chủng tử。
hết sức mệt mỏi phải cần đến vật thí đó, thì phải thanh tịnh tùy thời mà cấp cho họ, thí
nhanh như vậy liền đầy đủ căn bản chủng tử Bồ thí Ba-la-mật.
純陀。若有最後施佛及僧。
Thuần-đà。nhược hữu tối hậu thí Phật cập tăng。
Thuần-đà! Nếu có cúng thí cho Phật và Tăng lần sau cùng
若多若少若足不足宜速及時。如來正爾當般涅槃。純陀答言。
nhược đa nhược thiếu nhược túc bất túc nghi tốc cập thời。 Như-Lai chánh nhĩ đương bát
Niết-bàn。 Thuần-đà đáp ngôn。
hoặc nhiều hoặc ít, hoặc đủ hoặc không đủ cũng phải nhanh và đúng thời。 Như Lai đúng
lúc sẽ Niết-bàn。 Thuần-đà đáp rằng:
文殊師利。汝今何故。
Văn-thù-sư-lợi。 nhữ kim hà cố。
Văn-thù-sư-lợi, ông nay sao vậy?
貪為此食而言多少足與不足令我時施。文殊師利。
tham vi thử thực nhi ngôn đa thiếu túc dĩ bất túc lệnh ngã thời thí。 Văn-thù-sư-lợi。
Vì tham thức ăn này mà nói nhiều ít, đủ hay không đủ nên khiến ta cúng thí kịp thời。 Văn-
thù-sư-lợi!
如來昔日苦行六年尚自支持。況於今日須與閻耶。
Như-Lai tích nhật khổ hành lục niên thượng tự chi trì。 hống ư kim nhật tu du gian da。
Như Lai xưa kia sáu năm tu khổ hạnh mà còn cố sức cầm cự được hống hôm nay chỉ
trong chốc lát ư?
文殊師利。汝今實謂如來正覺受斯食耶。
Văn-thù-sư-lợi。 nhữ kim thật vị Như-Lai chánh giác thọ tư thực da。
Văn-thù-sư-lợi! Ông nay bảo thật tình Như lai có ăn ư?
然我定知如來身者。即是法身非為食身。
nhiên ngã định tri Như-Lai thân giả。 tức thị Pháp thân phi vi thực thân 。

nhưng tôi biết chắc chắn thân Như Lai ấy tức là Pháp thân chẳng phải là thân ăn uống.
爾時佛告文殊師利。如是如是。如純陀言。善哉純陀。

nhĩ thời Phật cáo Văn-thù-sư-lợi. như thị như thị. như Thuần-đà ngôn. Thiện tai Thuần-đà.

Lúc bấy giờ Phật dạy Văn-thù-sư-lợi: Đúng vậy, đúng vậy, như Thuần-đà nói! Hay thay Thuần-đà!

汝已成就微妙大智。善入甚深大乘經典。

nhữ dĩ thành tựu vi diệu Đại trí. thiện nhập thậm thâm Đại thừa Kinh điển.

Người đã thành tựu vi diệu đại trí, khéo vào chỗ sâu xa của Kinh điển Đại thừa.

文殊師利語純陀言。汝謂如來是無為者。

Văn-thù-sư-lợi ngữ Thuần-đà ngôn. nhữ vị Như-Lai thị vô vi giả。

Văn-thù-sư-lợi nói với Thuần-đà rằng: Người bảo Như Lai chính là Vô vi?

如來之身即是長壽。若作是知佛所悅可。純陀答言。

Như-Lai chi thân tức thị trường thọ. nhược tác thị tri Phật sở duyệt khả. Thuần-đà đáp ngôn.

Thân Như lai tức là trường thọ, hoặc có thể biết cách làm cho Như Lai đẹp lòng. Thuần-đà đáp rằng:

如來非獨悅可於我。亦復悅可一切眾生。

Như-Lai phi độc duyệt khả ư ngã. diệc phục duyệt khả nhất thiết chúng sanh.

Như Lai chẳng có thể đẹp lòng chỉ riêng tôi, cũng có thể đẹp lòng với hết thầy chúng sanh.

文殊師利言。

Văn-thù-sư-lợi ngôn.

Văn-thù-sư-lợi nói:

如來於汝及以於我一切眾生皆悉悅可。純陀答言。汝不應言如來悅可。

Như-Lai ư nhữ cập dĩ ư ngã nhất thiết chúng sanh giai tất duyệt khả。Thuần-đà đáp ngôn. nhữ bất ứng ngôn Như-Lai duyệt khả.

Như Lai đều có thể đẹp lòng đối với ông, với Ta và với hết thầy chúng sanh. Thuần-đà đáp rằng: Ông chớ nên nói Như Lai có thể đẹp lòng,

夫悅可者則是倒想。若有倒想則是生死。

phù duyệt khả giả tác thị đảo tưởng. nhược hữu đảo tưởng tác thị sanh tử.

ràng đẹp lòng ấy tức là tưởng điên đảo, nếu có tưởng điên đảo tức là sanh tử,
有生死者即有為法。是故文殊。勿謂如來是有為也。

hữu sanh tử giả tức hữu vi Pháp. thị cố Văn-thù. vật vị Như-Lai thị hữu vi dã.
có sanh tử tức là pháp Hữu vi. Vì vậy Văn-thù! Chớ có bảo Như Lai là Hữu vi.
若言如來是有為者。我與仁者俱行顛倒。

nhược ngôn Như-Lai thị hữu vi giả 。 ngã dĩ nhân giả câu hành điên đảo 。

Nếu nói Như Lai là Hữu vi thì tôi và Nhân giả đều làm điên đảo.

文殊師利。如來無有愛念之想。夫愛念者。

Văn-thù-sư-lợi. Như-Lai vô hữu ái niệm chi tưởng. phu ái niệm giả.

Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không có tưởng nhớ nghĩ yêu thương, rằng yêu thương ấy
如彼母牛愛念其子。雖復飢渴行求水草。

như bỉ mẫu ngưu ái niệm kỳ tử. tuy phục cơ khát hành cầu thủy thảo。

như trâu mẹ nhớ nghĩ yêu thương con mình, tuy đói khát đi tìm nước cỏ

若足不足忽然還歸。諸佛世尊無有是念。

nhược túc bất túc hốt nhiên hoàn quy. chư Phật Thế tôn vô hữu thị niệm。

hoặc đủ không đủ bỗng nhiên cũng phải quay về. Chư Phật Thế Tôn không có niệm đó,
等視一切如羅睺羅。如是念者。

đẳng thị nhất thiết như La-hầu-la. như thị niệm giả。

bình đẳng xem tất cả như La-hầu-la. Niệm như vậy

即是諸佛智慧境界。文殊師利。譬如國王調御駕駟。

tức thị chư Phật trí tuệ cảnh giới. Văn-thù-sư-lợi. thí như Quốc Vương điều ngự giá tử.

tức là cảnh giới trí tuệ của chư Phật. Văn-thù-sư-lợi! Thí như đức vua điều khiển xe có
đóng ngựa,

欲令驢車而及之者。無有是處。我與仁者亦復如是。

dục lệnh lư xa nhi cập chi giả. vô hữu thị xứ. ngã dĩ nhân giả diệc phục như thị。

muốn khiến cho xe lừa đuổi kịp, điều ấy không có được. Tôi và nhân giả cũng lại như vậy,
欲盡如來微密深奧亦無是處。文殊師利。

dục tận Như-Lai vi mật thâm áo diệc vô thị xứ. Văn-thù-sư-lợi。

muốn biết hết chỗ vi diệu thâm áo của Như Lai, điều ấy cũng không có được. Văn-thù-sư-
lợi!

如金翅鳥飛昇虛空無量由旬。

như kim sí điểu phi thăng hư không vô lượng do-tuần。

Như chim Kim sí bay lên trên hư không, không lượng bao nhiêu do tuần,

下觀大海悉見水性魚鼈龜龍之屬。

hạ quán Đại hải tất kiến thủy tánh ngư miết ngoan đà quy long chi chúc。

nhìn xuống thấy hết các loài trong nước như cá, ba ba, giải, rùa, rồng

及見己影如於明鏡見諸色像。凡夫少智不能籌量如是所見。

cập kiến kỷ ảnh như ư minh kính kiến chư sắc tượng。phàm phu thiếu trí bất năng trừ lượng như thị sở kiến。

và thấy hình ảnh sắc tướng của mình trong đó như soi trong gương sáng。Phàm phu ít trí không thể trừ lượng được chỗ thấy như vậy。

我與仁者亦復如是。不能籌量如來智慧。

ngã dĩ nhân giả diệc phục như thị。bất năng trừ lượng Như-Lai trí tuệ。

Tôi và Nhân giả cũng lại như vậy, không thể trừ lượng được trí tuệ của Như Lai。

文殊師利語純陀言。如是如是。如汝所說。

Văn-thù-sư-lợi ngữ Thuần-đà ngôn。như thị như thị。như nhữ sở thuyết。

Văn-thù-sư-lợi nói với Thuần-đà rằng: Đúng vậy, đúng vậy! Chỗ ông nói

我於此事非為不達。直欲試汝諸菩薩事。

ngã ư thử sự phi vi bất đạt。trực dục thí nhữ chư Bồ-tát sự。

ta đây đối với việc này chẳng phải là chưa thông đạt, chỉ muốn thử ông về các việc của Bồ-tát vậy thôi。

爾時世尊。從其面門出種種光。

Nhĩ thời Thế tôn。tòng kỳ diện môn xuất chủng chủng quang。

Lúc bấy giờ Thế Tôn từ trước mặt xuất ra các loại ánh sáng。

其光明曜照文殊身。文殊師利。遇斯光已即知是事。

kỳ quang-minh diệu chiếu Văn-thù thân。Văn-thù-sư-lợi。ngộ tư quang dĩ tức tri thị sự。

Ánh sáng ấy chiếu soi vào thân Văn-thù。Văn-thù-sư-lợi gặp được ánh sáng ấy rồi liền biết sự việc

尋告純陀。如來今者現是瑞相。

tầm cáo Thuần-đà。Như-Lai kim giả hiện thị thụy tướng。

tim Thuần-đà mà bảo rằng: Như Lai nay hiện tướng đoan nghiêm ấy

不久必當入於涅槃。汝先所設最後供養。宜時奉獻佛及大眾。

bất cửu tất đương nhập ư Niết-bàn. nhữ tiên sở thiết tối hậu cúng dường 。 nghi thời phụng hiến Phật cập Đại chúng 。

chắc chắn chẳng bao lâu nữa sẽ vào Niết-bàn. Trước hết ông phải bày biện đồ cúng dường sau cuối, phải kịp thời hiến Phật và Tăng chúng.

純陀當知。如來放是種種光明非無因緣。

Thuần-đà đương tri. Như-Lai phóng thị chủng chủng quang-minh phi vô nhân duyên。

Thuần-đà nên biết, Như Lai phóng các loại ánh sáng ấy chẳng phải không có nhân duyên.

純陀聞已情塞默然。佛告純陀。

Thuần-đà văn dĩ tình tắc mặc nhiên。 Phật cáo Thuần-đà。

Thuần-đà nghe xong ngẹn ngào im lặng. Phật dạy Thuần-đà:

汝所奉施佛及大眾今正是時。如來正爾當般涅槃。

Nhữ sở phụng thí Phật cập Đại chúng kim chánh thị thời。 Như-Lai chánh nhĩ đương bát Niết-bàn。

Người phụng cúng Phật và đại chúng nay đã đúng thời. Như Lai đã đến lúc vào Niết-bàn. 第二第三亦復如是。爾時純陀聞佛語已。

đệ nhị đệ tam diệc phụng như thị。 nhĩ thời Thuần-đà văn Phật ngữ dĩ。

Lần thứ hai, lần thứ ba cũng lại như vậy. Lúc bấy giờ Thuần-đà nghe Phật dạy xong 舉聲啼哭悲咽而言。苦哉苦哉。世間空虛。復白大眾。

cử thanh đề khốc bi yết nhi ngôn。 khổ tai khổ tai。 thế gian không hư 。

ngẹn ngào khóc lóc lên tiếng bi thương mà rằng: Khổ thay, khổ thay! Thế gian trống rỗng! Lại bạch đại chúng:

我等今者一切當共五體投地。

Ngã đẳng kim giả nhất thiết đương cộng ngũ thể đầu địa。

Chúng ta hôm nay hết thảy đều phải năm vóc gieo sát đất 同聲勸佛莫般涅槃。爾時世尊復告純陀。

đồng thanh khuyến Phật mạc bát Niết-bàn。 Nhĩ thời Thế tôn phục cáo Thuần-đà。

đồng thanh khuyên Phật chớ có Niết-bàn. Lúc bấy giờ Thế Tôn lại nói với Thuần-đà rằng: 莫大啼哭令心顛悴。當觀是身。猶如芭蕉熱時之炎。

mạc đại đề khốc lệnh tâm tiều tụy。 đương quán thị thân。 do như ba tiêu nhiệt thời chi viêm。

chớ có kêu khóc lớn khiến cho tâm thêm tiêu tụy, phải nên quán sát thân này giống như
cây chuối, gặp thời nóng bức sẽ bốc cháy,

水泡幻化乾闥婆城坏器電光。

thủy phao huyễn hóa Càn thát bà thành khô khí điện quang。

như bọt nước, như huyễn hóa, như thành Càn-thát-bà, như đồ gốm, như ánh chớp,

亦如畫水臨死之囚熟果段肉。如織經盡如碓上下。

diệc như họa thủy lâm tử chi tù thực quả đoạn nhục。 như chức kinh tận như đối thượng
hạ 。

cũng như tranh nước, như người tù sắp chết, như quả chín, như thịt cắt, như dệt vải đến
hết, như trên dưới cái cối giã gạo,

當觀諸行猶雜毒食。有為之法多諸過患。

đương quán chư hành do tạp độc thực。 hữu vi chi Pháp đa chư quá hoạn。

phải quán các hành giống như các loại thức ăn độc, pháp Hữu vi quá nhiều các tội lỗi, lo
sợ.

於是純陀復白佛言。如來不欲久住於世。

ư thị Thuần-đà phục bạch Phật ngôn 。

Thuần-đà lại bạch Phật rằng: Như Lai không muốn trụ lâu ở đời

我當云何而不啼泣。苦哉苦哉。世間空虛。唯願世尊。

ngã đương vân hà nhi bất đề khắp。 khổ tai khổ tai。 thế gian không hư。 duy nguyện Thế
tôn。

con làm sao mà không khóc được. Khổ thay, khổ thay, thế gian trống rỗng! Xin nguyện

Thế Tôn

憐愍我等及諸眾生。久住於世勿般涅槃。

lân mẫn ngã đẳng cập chư chúng sanh。 cửu trụ ư thế vật bát Niết-bàn。

thương xót chúng con và các chúng sanh mà trụ lâu ở đời chớ có vào Niết-bàn.

佛告純陀。汝今不應發如是言。憐愍我故久住於世。

Phật cáo Thuần-đà。 nhữ kim bất ứng phát như thị ngôn。 lân mẫn ngã cố cửu trụ ư thế。

Phật dạy Thuần-đà: Người nay không nên thốt lên những lời như vậy: thương con nên
sống lâu ở đời.

我以憐愍汝及一切。是故今欲入於涅槃。

ngã dĩ lân mẫn nhữ cập nhất thiết。 thị cố kim dục nhập ư Niết-bàn。

Ta vì thương xót người và hết thầy mà muốn vào Niết-bàn.

何以故。諸佛法爾。有為亦然。是故諸佛。

Hà dĩ cố. chư Phật Pháp nhĩ. hữu vi diệc nhiên. thị cố chư Phật.

Vì sao vậy? Chư Phật pháp ấy, Hữu vi cũng vậy, cho nên chư Phật
而說偈言。

nhi thuyết kệ ngôn.

mà nói kệ rằng

有為之法

Hữu vi chi Pháp

Tất cả pháp Hữu vi

其性無常

Kỳ tánh vô thường

Tánh nó vốn Vô thường

生已不住

Sanh dĩ bất trụ

Sanh ra thường không trụ

寂滅為樂

Tịch diệt vi lạc

Tịch diệt là an lạc.

純陀。汝今當觀一切行雜諸法。

Thuần-đà. nhữ kim đương quán nhất thiết hành tạp chư Pháp.

Thuần-đà! Người nay phải quán hết thầy các hành gồm những pháp hỗn hợp như
無我無常不住。此身多有無量過患猶如水泡。

vô ngã vô thường bất trụ. thử thân đa hữu vô lượng quá hoạn do như thủy phao.

Vô thường, Vô ngã không dừng ở. Thân này có quá nhiều vô lượng tội lỗi giống như bọt
nước.

是故汝今不應啼泣。爾時純陀復白佛言。如是如是。

thị cố nhữ kim bất ứng đề khấp. Nhĩ thời Thuần-đà phục bạch Phật ngôn. như thị như
thị。

Vì vậy người nay không nên kêu khóc. Lúc bấy giờ Thuần-đà lại bạch Phật rằng: Đúng
vậy, đúng vậy!

誠如尊教。雖知如來方便示現入於涅槃。

thành như tôn giáo. tuy tri Như-Lai phương tiện thị hiện nhập ư Niết-bàn.

Xin thành kính nghe lời dạy của Thế Tôn. Tuy biết Như Lai phương tiện thị hiện vào Niết-bàn

而我不能不懷苦惱。覆自思惟復生慶悅。

nhi ngã bất năng bất hoài khổ não. phúc tự tư duy phục sanh khánh duyệt.

nhưng con không thể nào không nhớ thương sầu khổ, tự quên đi mọi suy nghĩ để mừng vui được.

佛讚純陀。善哉善哉。

Phật tán Thuần-đà. Thiện tai Thiện tai.

Phật khen Thuần-đà: Hay thay, hay thay!

能知如來示同眾生方便涅槃。純陀。汝今當聽如娑羅娑鳥。

năng tri Như Lai thị đồng chúng sanh phương tiện Niết-bàn. Thuần-đà. nhữ kim đương thính như sa-la sa điểu.

Người nên biết Như Lai thị hiện hòa đồng với chúng sanh mà phương tiện vào Niết-bàn.

Thuần-đà! Người nay phải nghe: Như chim Sa la sa

春陽之月皆共集彼阿耨達池。諸佛亦爾。皆至是處。

xuân dương chi nguyệt giai cộng tập bỉ A nậu đạt trì. chư Phật diệc nhĩ. giai chí thị xử.

khi ánh mặt trời mùa Xuân gị đến đều tập trung hết bên bờ ao A nậu đạt. Chư Phật cũng như vậy, đều đến chỗ đó.

純陀。汝今不應思惟諸佛長壽短壽。

Thuần-đà. nhữ kim bất ứng tư duy chư Phật trường thọ đoản thọ.

Thuần-đà! Người nay không nên suy nghĩ về thọ mạng dài ngắn của chư Phật,

一切諸法皆如幻相。如來在中以方便力無所染著。

nhất thiết chư Pháp giai như huyễn tướng. Như-Lai tại trung dĩ phương tiện lực vô sở nhiễm trú.

hết thấy các pháp đều như tướng giả dối, Như Lai ở trong đó dùng lực phương tiện, không có chỗ nhiễm ô đắm trước.

何以故。諸佛法爾。純陀。

Hà dĩ cố. chư Phật Pháp nhĩ. Thuần-đà.

Vì sao vậy? Vì chư Phật pháp như vậy. Thuần-đà!

我今受汝所獻供養。為欲令汝度於生死諸有流故。

ngã kim thọ nhữ sở hiến cúng dường。vi dục lệnh nhữ độ ư sanh tử chư hữu lưu cố。

Ta nay nhận sự cúng dường của người là muốn cho người vượt qua dòng hữu lậu sanh tử.

若諸人天於此最後供養我者。

nhược chư nhân Thiên ư thử tối hậu cúng dường ngã giả。

Nếu người, Trời cúng dường Ta lần sau cùng ấy

悉皆當得不動果報常受安樂。何以故。我是眾生良福田故。

tất giai đương đắc bất động quả báo thường thọ an lạc。hà dĩ cố。ngã thị chúng sanh lương phúc điền cố。

thì hết thảy đều được quả báo bất động, thường nhận sự an lạc. Vì sao vậy? Vì Ta là ruộng phước lành của chúng sanh.

汝若復欲為諸眾生作福田者。

nhữ nhược phục dục vi chư chúng sanh tác phúc điền giả。

Nếu người muốn làm ruộng phước ấy cho chúng sanh

速辦所施不宜久停。爾時純陀。為諸眾生得度脫故。

tốc辦 sở thí bất nghi cửu đình。nhĩ thời Thuần-đà。vi chư chúng sanh đắc độ thoát cố。

thì hãy nhanh chóng mà soạn bày đồ cúng chớ nên chần chờ lâu. Lúc bấy giờ Thuần-đà vì muốn chúng sanh được độ thoát nên

低頭飲淚而白佛言。善哉世尊。我若堪任為福田時。

đê đầu ẩm lệ nhi bạch Phật ngôn。Thiện tai Thế tôn。ngã nhược kham nhâm vi phúc điền thời。

cúi đầu cố nuốt lệ mà bạch Phật rằng: Hay thay Thế Tôn! Nếu khi con kham nhận làm được ruộng phước ấy

則能了知如來涅槃及非涅槃。

tắc năng liễu tri Như-Lai Niết-bàn cập phi Niết-bàn。

thì có thể biết được Như Lai Niết-bàn và phi Niết-bàn.

我等今者及諸聲聞緣覺智慧猶如蚊蟻。

ngã đẳng kim giả cập chư Thanh văn Duyên giác trí tuệ do như vãn nhĩ。

Nhưng nay chúng con và chư Thanh văn, Duyên giác trí tuệ như muỗi kiến

實不能量如來涅槃及非涅槃。爾時純陀及其眷屬。

thật bất năng lượng Như-Lai Niết-bàn cập phi Niết-bàn. nhĩ thời Thuần-đà cập kỳ quyển thuộc.

thì thật không thể lường được Như Lai Niết-bàn và phi Niết-bàn. Lúc bấy giờ Thuần-đà và quyển thuộc của ông

愁憂啼泣圍遶如來。燒香散花盡心敬奉。

sầu ưu đê khắp vi nhiều Như-Lai. thiêu hương tán hoa tận tâm kính phụng.

sầu muộn kêu khóc nhiều quanh Như Lai, đốt hương rải hoa hết lòng cung kính hiến cúng,

尋與文殊從座而去。供辦食具。其去未久。

tìm dữ Văn-thù tòng tọa nhi khứ. cung bần thực cụ. kỳ khứ vị cửu.

bỗng cùng với Văn-thù từ chỗ ngồi mà đi, bày soạn thức ăn xong, đi chưa bao lâu

是時此地六種震動。乃至梵世亦復如是。地動有二。

thị thời thử địa lục chủng chấn động. nãi chí phạm thế diệc phục như thị. địa động hữu nhị.

khi ấy quả đất ấy sáu loại chấn động, cho đến Phạm thế cũng lại như vậy. Đại động có hai loại:

或有地動或大地動。小動者名為地動。

hoặc hữu địa động hoặc Đại địa động. tiểu động giả danh vi địa động.

hoặc có Địa động hoặc Đại địa động. Tiểu động gọi là Địa động,

大動者名大地動。有小聲者名曰地動。

Đại động giả danh Đại địa động. hữu tiểu thanh giả danh viết địa động.

Đại động gọi là Đại địa động. Có loại Tiểu thanh gọi là Địa động,

有大聲者名大地動。獨地動者名曰地動。

hữu Đại thanh giả danh Đại địa động. độc địa động giả danh viết địa động.

có Đại thanh gọi là Đại địa động, chỉ một mình Địa động gọi là Địa động.

山河樹木及大海水一切動者名大地動。一向動者名曰地動。

sơn hà thụ mộc cập Đại hải thủy nhất thiết động giả danh Đại địa động. nhất hướng động giả danh viết địa động.

Hết thảy các loại động như núi, sông, cây cối, nước biển lớn động gọi là Đại địa động, động theo một hướng gọi là Địa động,

周迴旋轉名大地動。動名地動。

châu hồi toàn chuyển danh Đại địa động. động danh địa động.
chuyển động khắp hết rồi trở về gọi là Đại địa động, Động gọi là Địa động.

動時能令眾生心動名大地動。

động thời năng lệnh chúng sanh tâm động danh Đại địa động.

Động khi có thể khiến tâm chúng sanh động gọi là Đại địa động.

菩薩初從兜率天下闍浮提時名大地動。

Bồ-tát sơ tông Đâu Suất Thiên hạ Diêm-phù-đề thời danh Đại địa động.

Bồ-tát ban đầu từ Cõi Trời Đâu Suất, khi hạ sanh ở cõi Diêm Phù Đề gọi là Đại địa động,
從初生出家成阿耨多羅三藐三菩提轉於法輪及般涅槃名大地動。

tông sơ sanh xuất gia thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam Bồ-đề chuyển ư Pháp luân cập
bát Niết-bàn danh Đại địa động。

Bồ-tát từ lúc mới sanh, xuất gia, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chuyển bánh
xe pháp và Niết-bàn gọi là Đại địa động.

今日如來將入涅槃。是故此地如是大動。

kim nhật Như Lai tướng nhập Niết-bàn. thị cố thử địa như thị Đại động.

Hôm nay Như Lai sắp Niết-bàn, vì vậy đất này chấn động lớn như vậy.

時諸天龍乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽

thời chư Thiên long Càn thát bà A-tu-La ca lâu la khẩn na la Ma hầu la dà

Khi ấy, chư Thiên, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la -già,
人及非人。聞是語已身毛皆豎。同聲哀泣。

nhân cập phi nhân. văn thị ngữ dĩ thân mao giai thụ. đồng thanh ai khắp.

người, không phải người nghe nói như vậy xong trên thân lông tóc dựng lên, cùng vang
lên tiếng khóc bi thảm

而說偈言。

nhĩ thuyết kệ ngôn 。

mà nói kệ rằng:

稽首禮調御 我等今勸請

Khể thủ lễ điều ngự Ngã đẳng kim khuyến thỉnh

Cúi đầu lễ Điều Ngự Chúng con nay cầu xin

遠離於人仙 永無有救護

Vi ly ư nhân Tiên Vĩnh vô hữu cứu hộ

Xa lia bậc Tiên Nhân Mãi mãi không ai cứu
 今見佛涅槃 我等沒苦海
 Kim kiến Phật Niết-bàn Ngã đẳng một khổ hải
 Nay thấy Phật Niết-bàn Chúng con chìm biển khổ
 愁憂懷悲惱 猶如犢失母
 Sầu ưu hoài bi não Do như độc thất mẫu
 Sầu ưu khổ bi não Giống như ghé mất mẹ
 貧窮無救護 猶如困病人
 Bần cùng vô cứu hộ Do như khốn bệnh nhân
 Nghèo hèn không kẻ giúp Như người bệnh khốn cùng
 無醫隨自心 食所不應食
 Vô y tùy tự tâm Thực sở bất ứng thực
 Không Thầy phải tùy tâm Ăn đồ chẳng nên ăn
 眾生煩惱病 常為諸見害
 Chúng sanh phiền não bệnh Thường vì chư kiến hại
 Chúng sanh bệnh phiền não Thường vì thấy các hại
 遠離法醫師 服食邪毒藥
 Viễn li Pháp y sư Phục thực tà độc dược
 Xa lia Thầy thuốc pháp Ăn, mặc thuốc độc hại
 是故佛世尊 不應見捨離
 Thị cố Phật Thế tôn Bất ứng kiến xả ly
 Vì vậy Phật Thế Tôn Thấy rời đừng bỏ đi
 如國無君主 人民皆飢餓
 Như quốc vô quân chủ Nhân dân giai cơ nọ
 Như nước không Vua chủ Nhân dân đều đói khát
 我等亦如是 失蔭及法味
 Ngã đẳng diệc như thị Thất ấm cập Pháp vị
 Chúng con cũng như vậy Mất che và vị Pháp
 今聞佛涅槃 我等心迷亂
 Kim văn Phật Niết-bàn Ngã đẳng tâm mê loạn
 Nay nghe Phật Niết-bàn Chúng con tâm mê loạn

如彼大地動 迷失於諸方
 Như bĩ Đại địa động Mê thất ư chư phương
 Như Đại địa động kia Lạc mất các phương hướng
 大仙入涅槃 佛日墜於地
 Đại tiên nhập Niết-bàn Phật nhật trụ ư địa
 Đại Tiên vào Niết-bàn Phật nay nằm xuống đất
 法水悉枯涸 我等定當死
 Pháp thủy tất khô hạc Ngã đẳng định đương tử
 Nước Pháp hết cạn khô Chúng con chắc phải chết
 如來般涅槃 眾生極苦惱
 Như Lai bát Niết-bàn Chúng sanh cực khổ não
 Như Lai Bát Niết-bàn Chúng sanh rất khổ não
 譬如長者子 新喪於父母
 Thí như Trưởng giả tử Tân tang ư phụ mẫu
 Ví như con Trưởng giả Cha mẹ vừa mới chết
 如來入涅槃 如其不還者
 Như Lai nhập Niết-bàn Như kỳ Bất hoàn giả
 Như Lai vào Niết-bàn Thân Ngài không trở lại
 我等及眾生 悉無有救護
 Ngã đẳng cập chúng sanh Tất vô hữu cứu hộ
 Chúng con và chúng sanh Hết thầy không ai cứu
 如來入涅槃 乃至諸畜生
 Như Lai nhập Niết-bàn Nãi chí chư súc sanh
 Như Lai nhập Niết-bàn Cho đến loài súc sanh
 一切皆愁怖 苦惱焦其心
 Nhất thiết giai sầu phố Khổ não tiêu kỳ tâm
 Hết thầy đều lo sợ Khổ não đốt tâm mình
 我等於今日 云何不愁惱
 Ngã đẳng ư kim nhật Vân hà bất sầu não
 Chúng con ở hôm nay Làm sao không sầu não
 如來見放捨 猶如棄涕唾

Như Lai kiến phóng xả Do như khí thể thóa
 Khi thấy Như Lai xả Như bỏ nước mắt mũi
 譬如日初出 光明甚暉炎
 Thí như nhật sơ xuất Quang minh thậm huy viêm
 Như mặt trời mới mọc Ánh sáng rực huy hoàng
 既能還自照 亦滅一切闇
 Ký năng hoàn tự chiếu Diệt diệt nhất thiết ám
 Đã có thể tự chiếu Cũng diệt hết mờ tối
 如來神通光 能除我苦惱
 Như Lai Thần thông quang Năng trừ ngã khổ não
 Ánh sáng Thần Như Lai Hay trừ con phiền não
 虛在大眾中 譬如須彌山
 Hư tại Đại chúng trung Thí như Tu-Di sơn
 Trong đại chúng trống rỗng Thí như núi Tu di
 世尊。

Thế tôn。

Thế Tôn!

譬如國王生育諸子形貌端正心常愛念。先教伎藝悉令通利。然後將付魁膾令殺。

thí như Quốc Vương sanh dục chư tử hình mạo đoan chánh tâm thường ái niệm。 tiên giáo kỹ nghệ tất lệnh thông lợi。 nhiên hậu tưởng phó khôi quái lệnh sát。

Thí như vị Quốc vương sanh ra một đứa con rồi nuôi nấng dạy dỗ cho nên vóc nên hình đoan chánh, tâm thường nghĩ nhớ thương con. Trước tiên là dạy con về các kỹ xảo nghề nghiệp cho thông lợi, nhưng sau đó lại giao cho người đầu sỏ bảo giết chết rồi thái thịt ra từng mảnh nhỏ。

世尊。我等今日為法王子。

Thế tôn。 ngã đởng kim nhật vi Pháp vương tử。

Thế Tôn! Chúng con hôm nay là con của vua pháp,

蒙佛教誨以具正見願莫放捨。如其放捨則同王子。

mông Phật giáo hối dĩ cụ chánh kiến nguyện mạc phóng xả。 như kỳ phóng xả tắc đởng Vương tử 。

ngưỡng mong Phật giáo huấn do đó mà đầy đủ chánh kiến, nguyện xin chớ có bỏ chúng con mà ra đi, như Ngài bỏ chúng con thì chúng con cũng như vương tử ấy.

唯願久住不入涅槃。世尊。譬如有人善學諸論。

duy nguyện cứu trụ bất nhập Niết-bàn. Thế Tôn. thí như hữu nhân thiện học chư luận. xin nguyện trụ lâu ở đời đừng vào Niết-bàn. Thế Tôn! Thí như có người khéo học các cách biện luận,

復於此論而生怖畏。如來亦爾通達諸法。

phục ư thử luận nhi sanh bố úy. Như-Lai diệc nhĩ thông đạt chư Pháp.

lại do biện luận này mà sanh ra sợ hãi. Như Lai cũng như vậy, thông đạt các pháp 而於諸法復生怖畏。若使如來久住於世。

nhi ư chư Pháp phục sanh bố úy. nhược sử Như-Lai cứu trụ ư thế。

mà lại sanh sợ hãi đối với các pháp. Nếu khiến cho Như Lai trụ lâu ở đời

說甘露味充足一切。如是眾生則不復畏墮於地獄。

thuyết cam lộ vị sung túc nhất thiết. như thị chúng sanh tắc bất phục úy đọa ư địa ngục. nói vị cam lộ đầy đủ cho hết thầy, thì như vậy chúng sanh không còn sợ đọa vào địa ngục.

世尊。譬如有人初學作務。為官所收閉之囹圄。

Thế tôn. thí như hữu nhân sơ học tác vụ. vi quan sở thu bế chi linh ngữ。

Thế Tôn! Thí như có người mới học làm việc, bị quan bắt giam vào trong nhà tù.

有人問之汝受何事。答曰。我今受大憂苦。

hữu nhân vấn chi nhữ thọ hà sự. đáp viết. ngã kim thọ Đại ưu khổ。

Có người hỏi: Người nay nhận việc gì? Đáp rằng: Tôi nay đang thọ nhận sầu khổ lớn, 若其得脫則得安樂。世尊亦爾。

nhược kỳ đắc thoát tắc đắc an lạc. Thế Tôn diệc nhĩ。

nếu người ấy thoát ra thời được an lạc. Thế Tôn cũng vậy,

為我等故修諸苦行。我等今者猶未得免生死苦惱。

vì ngã đẳng cố tu chư khổ hành. ngã đẳng kim giả do vị đắc miễn sanh tử khổ não。

vì chúng con nên Phật tu hành khổ hạnh. Chúng con nay giống như chưa thoát khỏi khổ não của sanh tử,

云何如來得受安樂。世尊。譬如醫王善解方藥。

vân hà Như-Lai đắc thọ an lạc. Thế tôn. thí như y Vương thiện giải phương dược。

thì làm sao Như Lai có thể an lạc được. Thế Tôn! Thí như Vua thầy thuốc khéo giải các phương thuốc,

偏以祕方教授其子。不教其餘外受學者。

Thiên dĩ bí phương giáo thọ kỳ tử. bất giáo kỳ dư ngoại thọ học giả.

riêng dùng các phương thức bí mật để dạy cho con mình, ngoài ra không dạy cho ai khác.

如來亦爾。獨以甚深祕密之藏偏教文殊。

Như-Lai diệc nhĩ. độc dĩ thậm thâm bí mật chi tạng Thiên giáo Văn-thù.

Như Lai cũng vậy, độc nhất dùng thâm sâu Bí Mật Tạng riêng dạy cho Văn-thù,

遺棄我等不見顧愍。如來於法應無慳慳。

di khí ngã đẳng bất kiến cố mẫn. Như-Lai ư Pháp ứng vô xan lãn.

bỏ rơi chúng con chẳng ngoái nhìn thương xót. Như Lai cho Pháp không hề keo kiệt

如彼醫王偏教其子。不教外來諸受學者。

như bĩ y Vương Thiên giáo kỳ tử. bất giáo ngoại lai chư thọ học giả.

như người Thầy thuốc kia riêng dạy cho con mình, không dạy cho những người nào khác đến học.

彼醫所以不能普教。情存勝負故有祕惜。

bĩ y sở dĩ bất năng phổ giáo. tình tồn thắng phụ cố hữu bí tích.

Người Thầy thuốc kia do vậy mà không dạy đủ khắp. Tình đời còn có được thua nên có tiếc nuối bí truyền.

如來之心終無勝負。何故如是不見教誨。

Như-Lai chi tâm chung Vô thắng phụ. hà cố như thị bất kiến giáo hối.

Tâm Như Lai hoàn toàn không có được thua vì sao không thấy như vậy mà giáo huấn cho chúng con,

唯願久住莫般涅槃。世尊。譬如老少病苦之人。

duy nguyện cửu trụ mạc bát Niết-bàn. Thế tôn. thí như lão thiếu bệnh khổ chi nhân.

vì vậy ngưỡng mong Như Lai trụ lâu ở đời chớ có vào Niết-bàn. Thế Tôn! Thí như có người trẻ, người già bị bệnh khổ,

離於善徑行於險路。路險澁難多受苦惱。

ly ư thiện kính hành ư hiểm lộ. lộ hiểm sấp nan đa thọ khổ não.

đi xa con đường tắt tốt lành mà lại đi vào con đường hiểm trở. Đi trên đường hiểm trở người ấy gặp phải nhiều nạn rất là khổ não.

更有異人見之憐愍。即便示以平坦好道。世尊。

canh hữu dị nhân kiến chi lân mẫn. tức tiện kì dĩ bình thân hảo đạo. Thế tôn.

Lại có một người khác thấy thế mà rũ lòng thương xót, liền chỉ cho đi vào con đường bằng phẳng tốt đẹp. Thế Tôn!

我亦如是。所謂少者喻未增長法身之人。

ngã diệc như thị. sở vị thiếu giả dụ vị tăng trưởng Pháp thân chi nhân.

Con cũng như vậy. Người trẻ ấy nghĩa là dụ cho người mà Pháp thân chưa tăng trưởng.

老者喻重煩惱。病者喻未脫生死。

lão giả dụ trọng phiền não. bệnh giả dụ vị thoát sanh tử.

Người già dụ cho các loại phiền não, bệnh ấy là dụ cho chưa giải thoát sanh tử,

險路者喻二十五有。唯願如來。示導我等甘露正道。

hiểm lộ giả dụ nhị thập ngũ hữu. duy nguyện Như-Lai. kì đạo ngã đẳng cam lộ chánh đạo。

đường hiểm trở ấy là dụ cho hai mươi lăm hữu. Xin nguyện Như Lai chỉ bày cho chúng con Cam lộ chánh pháp,

久住於世勿入涅槃。

cửu trụ ư thế vật nhập Niết-bàn。

trụ lâu ở đời chớ có vào Niết-bàn.

爾時世尊告諸比丘。汝等比丘。

Nhĩ thời Thế Tôn cáo chư Tỳ-kheo. nhữ đẳng Tỳ-kheo。

Lúc bấy giờ Thế Tôn nói với Tỳ-kheo rằng: Này các Tỳ-kheo!

莫如凡夫諸天人等愁憂啼哭。當勤精進繫心正念。

mạc như phạm phu chư Thiên nhân đẳng sầu ưu đề khốc. đương tinh cần tinh tấn hệ tâm chánh niệm。

Chớ có như người phạm phu chư Thiên, loài người mà sầu não kêu khóc, phải tinh tấn buộc tâm vào chánh niệm!

時諸天人阿修羅等。聞佛所說止不啼哭。

thời chư Thiên nhân A-tu-La đẳng. văn Phật sở thuyết chỉ bất đề khốc。

Khi ấy chư Thiên, người, A tu la v.v... nghe Phật dạy thì ngưng kêu khóc,

猶如有人殯喪子已止不啼哭。爾時世尊為諸大眾。

do như hữu nhân tẩn tang tử dĩ chỉ bất đề khốc. nhĩ thời Thế Tôn vị chư Đại chúng。

giống như người có con chết chôn cất xong rồi không còn kêu khóc nữa. Lúc bấy giờ Thế Tôn vì chư đại chúng

說是偈言。

thuyết thị kệ ngôn。

nói bài kệ rằng:

汝等當開意 不應大愁苦

Nhữ đẳng đương khai ý Bất ứng Đại sầu khổ

Các người phải mở ý Chớ nên quá sầu khổ

諸佛法皆爾 是故當默然

Chư Phật Pháp giai nhĩ Thị cố đương mặc nhiên

Chư Phật Pháp đều thế Vì vậy phải im lặng

樂不放逸行 守心正憶念

Lạc bất phóng dật hành Thủ tâm chánh ức niệm

Vui làm chớ phóng dật Giữ tâm nhớ chánh niệm

遠離諸非法 慰意受歡樂

Viễn li chư phi Pháp Úy ý thọ hoan lạc

Xa lìa các phi pháp An tâm thọ hoan lạc.

復次比丘。若有疑念今皆當問。若空不空。

Phục thứ Tỳ-kheo. nhược hữu nghi niệm kim giai đương vấn. nhược không bất không.

Lại nữa, các Tỳ-kheo! Hoặc có niệm nghi ngờ nay đều phải hỏi, hoặc Không, chẳng phải Không,

若常無常。若苦不苦。若依非依。若去不去。

nhược thường vô thường. nhược khổ bất khổ. nhược y phi y. nhược khứ bất khứ.

hoặc Thường Vô thường, hoặc khổ bất khổ, hoặc y phi y, hoặc khứ bất khứ,

若歸非歸。若恒非恒。若斷若常。

nhược quy phi quy. nhược hằng phi hằng. nhược đoạn nhược thường.

hoặc quy phi quy, hoặc hằng phi hằng, hoặc đoạn hoặc thường,

若眾生非眾生。若有若無。若實不實。若真不真。

nhược chúng sanh phi chúng sanh. nhược hữu nhược vô. nhược thật bất thật. nhược chân bất chân.

hoặc chúng sanh phi chúng sanh, hoặc có hoặc không, hoặc thật hoặc không thật, hoặc chân hoặc bất chân,

若滅不滅。若密不密。若二不二。

nhược diệt bất diệt. nhược mật bất mật. nhược nhị bất nhị.

hoặc diệt bất diệt, hoặc mật hoặc bất mật, hoặc hai không hai,

如是等種種法中有所疑者。今應諮問。

như thị đẳng chủng chủng Pháp trung hữu sở nghi giả. kim ứng ti vấn.

trong các loại pháp như vậy có chỗ nào nghi ngờ, nay phải nên han hỏi.

我當隨順為汝斷之。亦當為汝先說甘露。然後乃當入於涅槃。

ngã đương tùy thuận vi nhữ đoạn chi. diệc đương vi nhữ tiên thuyết cam lộ. nhiên hậu nãi đương nhập ư Niết-bàn.

Ta sẽ tùy thuận các người mà đoạn trừ nó, cũng sẽ vì các người mà trước hết nói Cam lộ, rồi sau đó sẽ vào Niết-bàn.

諸比丘。佛出世難人身難得。

Chư Tỳ-kheo. Phật xuất thế nan nhân thân nan đắc。

Các Tỳ-kheo! Phật sanh ra đời là khó, được thân người là khó,

值佛生信是事亦難。能忍難忍是亦復難。

trị Phật sanh tín thị sự diệc nan. năng nhẫn nan nhẫn thị diệc phục nan.

sanh gặp thời Phật tin Phật việc đó cũng khó, có thể nhẫn những điều khó nhẫn cũng lại khó,

成就禁戒具足無缺得阿羅漢果是事亦難。

thành tựu cấm giới cụ túc vô khuyết đắc A-la-hán quả thị sự diệc nan.

thành tựu các giới cấm đầy đủ không bị thiếu khuyết, đắc A-la-hán quả việc đó cũng khó

如求金沙優曇鉢花。汝諸比丘。離於八難得人身難。

như cầu kim sa Ưu-đàm bát hoa. nhữ chư Tỳ-kheo. ly ư bát nạn đắc nhân thân nan.

như cầu cát vàng, cầu hoa Ưu-đàm bát. Nay các Tỳ-kheo! Xa lìa tám nạn để được thân người là khó.

汝等遇我不應空過。我於往昔種種苦行。

nhữ đẳng ngộ ngã bất ứng không quá. ngã ư vãng tích chủng chủng khổ hạnh.

Các người nay gặp được Ta không phải huyền ảo, lỗi lầm. Ta xưa kia tu hành các loại khổ hạnh

今得如是無上方便。

kim đắc như thị vô thượng phương tiện。

nay mới được vô lượng phương tiện như vậy.

為汝等故無量劫中捨身手足頭目髓腦。是故汝等不應放逸。汝等比丘。

vi nhữ đẳng cố vô lượng kiếp trung xả thân thủ túc đầu mục tủy não. thị cố nhữ đẳng bất ứng phóng dật. nhữ đẳng Tỳ-kheo.

Ta vì các người nên trong vô lượng kiếp xả bỏ thân mạng, tay chân, đầu mắt, tủy não. Vì vậy các người không nên phóng dật. Nay các Tỳ-kheo!

云何莊嚴正法寶城。

vân hà trang nghiêm chánh Pháp bảo thành。

Sao gọi là trang nghiêm bảo thành chánh pháp?

具足種種功德珍寶戒定智慧以為牆塹埤垸。汝今遇是佛法寶城。

cụ túc chủng chủng công đức trân bảo giới định trí tuệ dĩ vi tường tiệm bì 垸. nhữ kim ngộ thị Phật Pháp bảo thành。

Đó là đầy đủ các loại công đức trân bảo như Giới, Định, Tuệ dùng để làm vách tường hào phụ. Các người gặp Phật pháp bảo thành,

不應取此虛偽之物。譬如商主遇真寶城。

bất ứng thủ thủ hư ngụy chi vật. thí như thương chủ ngộ chân bảo thành。

không nên chấp thủ vào vật hư dối này giống như người chủ buôn bán gặp bảo thành thật 及諸瓦礫而便還家。汝亦如是。

cập chư ngổa lịch nhi tiện hoàn gia. nhữ diệc như thị。

và các gói đá vụn mà bèn trở về nhà. Các người cũng như vậy,

值遇寶城取虛偽物。汝諸比丘。勿以下心而生知足。

trị ngộ bảo thành thủ hư ngụy vật. nhữ chư Tỳ-kheo. vật dĩ hạ tâm nhi sanh tri túc。

gặp được bảo thành chấp thủ vào những vật hư dối. Nay các Tỳ-kheo! Chớ dùng cái tâm thấp hèn mà sanh biết đủ.

汝等今者。雖得出家。於此大乘不生貪慕。

nhữ đẳng kim giả. tuy đắc xuất gia. ư thủ Đại thừa bất sanh tham mộ。

Các người nay tuy được xuất gia nhưng đối với Đại thừa chưa sanh tâm tham mến.

汝諸比丘。身雖得服裝染衣。

nhữ chư Tỳ-kheo. thân tuy đắc phục ca sa nhiễm y。

Này các Tỳ-kheo! Thân tuy mặc áo Cà sa nhuộm sắc
其心猶未得染大乘清淨之法汝諸比丘雖行乞食經歷多處。
kỳ tâm do vị đắc nhiễm Đại thừa thanh tịnh chi Pháp nhữ chư Tỳ-kheo tuy hành khát thực
Kinh lịch đa xử。
nhưng tâm ấy như chưa nhuộm pháp Đại thừa thanh tịnh. Này các Tỳ-kheo! Tuy làm việc
đi xin ăn trải qua nhiều nơi
初未曾乞大乘法食。汝諸比丘。
sơ vị tăng khát Đại thừa Pháp thực。nhữ chư Tỳ-kheo。
nhưng chưa từng ăn pháp ban đầu của Đại thừa. Này các Tỳ-kheo!
雖除鬚髮未為正法除諸結使。
tuy trừ tu phát vị vi chánh Pháp trừ chư kết sử。
Tuy có cạo bỏ râu tóc nhưng chưa vì chánh pháp mà đoạn trừ các sử trói buộc。
汝諸比丘今當真實教勅汝等。我今現在大眾和合。
nhữ chư Tỳ-kheo kim đương chân thật giáo sắc nhữ đẳng。ngã kim hiện tại đại chúng
hòa hợp。
Này các Tỳ-kheo! Nay Ta sẽ chân thật giáo sắc cho các người. Ta nay hiện đang cùng đại
chúng hòa hợp
如來法性真實不倒。是故汝等應當精進攝心勇猛摧諸結使。
Như-Lai Pháp tánh chân thật bất đảo。thị cố nhữ đẳng ứng đương tinh tấn nhiếp tâm
dững mãnh tồi chư kết sử。
Pháp tánh chân thật của Như Lai không điên đảo.Vì vậy các người phải nên tinh tấn nhiếp
tâm dững mãnh tinh tấn bẻ gãy các sử trói buộc。
十力慧日既滅沒已。汝等當為無明所覆。
thập lực tuệ nhật ký diệt một dĩ。nhữ đẳng đương vi vô minh sở phúc。
Mười lực của mặt trời tuệ đã bị ẩn mất thì các người sẽ bị Vô minh che phủ。
諸比丘。譬如大地諸山藥草為眾生用。
chư Tỳ-kheo。thí như Đại địa chư sơn dược thảo vi chúng sanh dụng。
Này các Tỳ-kheo! Thí như đất lớn, các núi có cỏ thuốc cho chúng sanh dùng。
我法亦爾。出生妙善甘露法味。
Ngã Pháp diệt nhĩ。xuất sanh diệu thiện cam lộ Pháp vị。
Pháp Ta cũng như vậy, xuất sanh ra những vị pháp diệu lành ngọt ngon

而為眾生種種煩惱病之良藥。

nhi vi chúng sanh chùng chùng phiền não bệnh chi lương dược.
mà làm thuốc hay chữa các loại bệnh phiền não của chúng sanh.

我今當令一切眾生及以我子四部之眾。悉皆安住祕密藏中。

ngã kim đương lệnh nhất thiết chúng sanh cập dĩ ngã tử tử bộ chi chúng. tất giai an trú bí mật tạng trung.

Nay Ta sẽ làm cho hết thảy chúng sanh, con Ta cùng bốn Bộ chúng, tất cả đều an trú trong Bí Mật Tạng.

我亦復當安住是中入於涅槃。何等名為祕密之藏。

ngã diệc phục đương an trú thị trung nhập ư Niết-bàn. hà đẳng danh vi bí mật chi tạng.

Ta cũng sẽ an trú ở trong đó tức là vào ở Niết-bàn. Sao gọi là Bí Mật Tạng?

猶如伊字三點。若並則不成伊。縱亦不成。

do như y tự tam điểm. nhược tịnh tắc bất thành y. túng diệc bất thành.

Giống như chữ kia gồm ba điểm nhỏ, nếu gộp lại thì không thành kia, buông ra cũng không thành.

如摩醯首羅面上三目。乃得成伊三點。若別亦不得成。

như ma hề thủ la diện thượng tam mục. nãi đắc thành y tam điểm. nhược biệt diệc bất đắc thành.

Như trên mặt Ma Hê Thủ La có ba mắt, bèn được thành ba điểm, nếu tách riêng ra cũng không thành được.

我亦如是。解脫之法亦非涅槃。

ngã diệc như thị. giải thoát chi Pháp diệc phi Niết-bàn.

Ta cũng như vậy, pháp giải thoát cũng chẳng phải Niết-bàn

如來之身亦非涅槃。摩訶般若亦非涅槃。

Như Lai chi thân diệc phi Niết-bàn. Ma Ha Bát-nhã diệc phi Niết-bàn.

Thân Như Lai cũng chẳng phải Niết-bàn, Ma Ha Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn,

三法各異亦非涅槃。我今安住如是三法。

tam Pháp các dị diệc phi Niết-bàn. ngã kim an trú như thị tam Pháp.

ba pháp khác nhau đó cũng đều chẳng phải Niết-bàn. Ta nay an trú trong ba pháp như vậy nhưng

為眾生故名入涅槃。如世伊字。

vi chúng sanh cố danh nhập Niết-bàn. như thế y tự.

vì chúng chúng sanh nên gọi vào Niết-bàn, như người chữ kia của thế gian.

爾時諸比丘。聞佛世尊定當涅槃。

Nhĩ thời chư Tỳ-kheo. văn Phật Thế Tôn định đương Niết-bàn.

Lúc bấy giờ các Tỳ kho nghe Phật Thế Tôn quyết định sẽ vào Niết-bàn

皆悉憂愁身毛為豎涕淚盈目。

giai tất ưu sầu thân mao vi thụ thể lệ doanh mục.

hết thầy đều sầu lo, lông tóc trên thân dựng đứng lên, lệ ứa đầy mắt,

稽首佛足遶無量匝白佛言。世尊。快說無常苦空無我。世尊。

khể thủ Phật túc nhiễu vô lượng tạp bạch Phật ngôn. Thế Tôn. khoái thuyết vô thường khổ không vô ngã. Thế Tôn.

cúi đầu lễ chân Phật rồi nhiễu quanh vô lượng vòng mà bạch Phật rằng: bạch đức Thế Tôn! Hãy vui thích nói về Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã. Thế Tôn!

譬如一切眾生跡中象跡為上。是無常想亦復如是。

thí như nhất thiết chúng sanh tích trung tượng tích vi thượn. thị vô thường tưởng diệt phục như thị.

Thí như trong hết thầy chúng sanh, vết chân voi là vết chân lớn nhất, Vô thường tưởng cũng lại như vậy,

於諸想中最為第一。若有精勤修習之者。

ư chư tưởng trung tối vi đệ nhất. nhược hữu tinh tinh cần tu tập chi giả.

ở trong các tưởng là tối cao đệ nhất. Nếu có người tinh cần tu tập

能除一切欲界欲愛色無色愛無明憍慢及無常

năng trừ nhất thiết dục giới dục ái sắc vô sắc ái vô minh kiêu mạn cập vô thường

có thể trừ diệt hết thầy các tưởng như Dục giới tưởng, Dục ái sắc tưởng, Vô sắc ái tưởng, Vô minh tưởng, Kiêu mạn tưởng và Vô thường tưởng.

想。世尊。如來若離無常想者。

tưởng. Thế Tôn. Như Lai nhược ly vô thường tưởng giả.

Bạch đức Thế Tôn! Như Lai nếu xa lìa Vô thường tưởng ấy

今則不應入於涅槃。若不離者。

kim tắc bất ứng nhập ư Niết-bàn. nhược bất ly giả.

thì nay không nên vào Niết-bàn, nếu không xa lìa

云何說言修無常想離三界愛無明憍慢及無常想。世尊。

vân hà thuyết ngôn tu vô thường tưởng ly tam giới ái vô minh kiêu mạn cập vô thường tưởng。 Thế tôn。

thì làm sao nói rằng tu Vô thường tưởng sẽ xa lìa được Ba cõi, xa lìa được ái tưởng, vô minh tưởng, kiêu mạn tưởng và Vô thường tưởng. Bạch đức Thế Tôn!

譬如農夫秋月之時深耕其地能除穢草。

thí như nông phu thu nguyệt chi thời thâm canh kỳ địa năng trừ uế thảo。

Thí như người nông phu vào tháng mùa Thu thì cày bừa đất cho sâu có thể diệt được cỏ rác,

是無常想亦復如是。

thị vô thường tưởng diệt phục như thị。

thì Vô thường tưởng cũng lại như vậy,

能除一切欲界欲愛色無色愛無明憍慢及無常想。世尊。譬如耕田秋耕為勝。

năng trừ nhất thiết dục giới dục ái sắc vô sắc ái vô minh kiêu mạn cập vô thường tưởng。 Thế tôn。 thí như canh điền thu canh vi thắng 。

cũng có thể trừ diệt được hết thảy các tưởng như Dục giới tưởng, Dục ái sắc tưởng, Vô sắc ái tưởng, Vô minh tưởng, Kiêu mạn tưởng và Vô thường tưởng。

如諸跡中象跡為勝。於諸想中。無常想為勝。

như chư tích trung tượng tích vi thắng。 ư chư tưởng trung。 vô thường tưởng vi thắng。

Như trong các dấu chân, dấu chân voi là hơn cả, ở trong các tưởng, Vô thường tưởng là hơn cả。

世尊。譬如帝王知命將終。

Thế Tôn。 thí như đế Vương tri mạng tướng chung。

Bạch đức Thế Tôn! Thí như đức vua biết mạng sống sắp hết

恩赦天下獄囚繫閉。悉令得脫然後捨命。如來今者亦應如是。

ân xá Thiên hạ ngục tù hệ bế。 tất linh đắc thoát nhiên hậu xả mạng。 Như Lai kim giả diệt ứng như thị。

ân xá cho thiên hạ bị trói buộc giam cầm trong ngục tù, khiến cho hết thảy đều được thoát thân rồi sau đó vua mới từ trần。 Như Lai nay cũng nên như vậy,

度諸眾生一切無知無明繫閉。皆令解脫。

độ chư chúng sanh nhất thiết vô tri vô minh hệ bế。 giai linh giải thoát。

độ cho chúng sanh bị Vô tri, Vô minh trói buộc đều được giải thoát
然後乃入於般涅槃。我等今者皆未得度。

nhiên hậu nãi nhập ư bát Niết-bàn. ngã đẳng kim giả giai vị đắc độ.
rồi sau đó hãy vào Niết-bàn. Chúng con nay đều chưa được độ
云何如來便欲放捨入於涅槃。世尊。

vân hà Như Lai tiện dục phóng xả nhập ư Niết-bàn. Thế Tôn.
sao Như Lai đành rời bỏ chúng con mà vào Niết-bàn. Bạch đức Thế Tôn!
譬如有人為鬼所持。遇良呪師以呪力故便得除差。

thí như hữu nhân vi quỷ sở trì. ngộ lương chú sư dĩ chú lực cố tiện đắc trừ sai.
Thí như có người bị ma quỷ cầm giữ, người ấy gặp được thầy chú thuật giỏi, nhờ lực của
thần chú nên trừ được sự sai khiến của quỷ.

如來亦爾。為諸聲聞除無明鬼。

Như Lai diệc nhĩ. vi chư Thanh văn trừ vô minh quỷ.
Như Lai cũng vậy, vì chư Thanh văn mà trừ quỷ Vô minh,
令得安住摩訶般若解脫等法如世伊字。世尊。

linh đắc an trú Ma ha Bát-nhã giải thoát đẳng Pháp như thế y tự. Thế tôn.
khiến an trú ở Ma Ha Bát-nhã, giải thoát các pháp như chữ kia ở thế gian. Bạch đức Thế
Tôn!

譬如香象為人所縛。雖有良師不能禁制。

thí như hương tượng vi nhân sở phược. tuy hữu lương sư bất năng cấm chế.
Thí như Hương tượng bị người trói, tuy có thầy giỏi nhưng không thể khống chế được nó,
[去*頁]絕羈鎖自恣而去。我未如是脫五十七煩惱繫縛。

[khứ *hiệt] tuyệt ky tỏa tự tứ nhi khứ. ngã vị như thị thoát ngũ thập thất phiền não hệ
phược.

nên tự bứt khóa mà phóng đi. Chúng con chưa thoát khỏi năm mươi bảy sự trói buộc của
phiền não như vậy

云何如來便欲放捨入於涅槃。世尊。

vân hà Như Lai tiện dục phóng xả nhập ư Niết-bàn. Thế Tôn.
sao Như Lai đành rời bỏ chúng con mà vào Niết-bàn? Bạch đức Thế Tôn!
如人病瘡值遇良醫所苦得除。我亦如是。

như nhân bệnh ngược trị ngộ lương y sở khổ đắc trừ. ngã diệc như thị.

Như người bị bệnh sốt rét, gặp thầy thuốc giỏi bệnh khổ được trừ. Chúng con cũng vậy,
多諸患苦邪命熱病。雖遇如來病未除愈。未得無上安隱常樂。

đa chư hoạn khổ tà mạng nhiệt bệnh. tuy ngộ Như Lai bệnh vị trừ dữ. vị đắc vô thượng
an ổn thường lạc。

nhiều bệnh lo khổ, tà mạng nóng bức, tuy gặp Như Lai nhưng bệnh chưa được thuyên
giảm, chưa được vô thượng an ổn thường lạc.

云何如來便欲放捨入於涅槃。世尊。

vân hà Như Lai tiện dục phóng xả nhập ư Niết-bàn. Thế Tôn.

Sao Như Lai đành rời bỏ chúng con mà vào Niết-bàn? Bạch đức Thế Tôn!

譬如醉人不自覺知。不識親疎母女姊妹。

thí như túy nhân bất tự giác tri. bất thức thân sơ mẫu nữ tử muội.

Thí như người say rượu không còn tự hiểu biết, chẳng biết phân biệt thân sơ, mẹ con gái,
chị em

迷荒淫亂言語放逸。臥糞穢中。時有良師與藥令服。

mê hoang dâm loạn ngôn ngữ phóng dật. ngọa phẩn uế trung. thời hữu lương sư dữ
dược linh phục。

mê hoang dâm loạn, nói lời dâm dăng, nằm trong phân nhơ. Khi ấy có thầy giỏi cho thuốc
và bảo mặc áo quần vào,

服已吐酒還自憶識。心懷慚愧深自剋責。

phục dĩ thổ tửu hoàn tự ức thức. tâm hoài tàm quý thâm tự khắc trách.

mặc áo quần vào rồi khạc nhổ rượu ra và tự nhớ lại, cảm thấy xấu hổ và tự trách mình:

酒為不善諸惡根本。若能除斷則遠眾罪世尊。

tửu vi ất thiện chư ác căn bản. nhược năng trừ đoạn tác viễn chúng tội. Thế tôn.

Rượu là căn bản của bất thiện và các điều ác, nếu không đoạn trừ thì có thể đi sâu vào
đường tội lỗi. Bạch đức Thế Tôn!

我亦如是。往昔已來輪轉生死。

ngã diệc như thị. vãng tích dĩ lai luân chuyển sanh tử.

Chúng con cũng như vậy, xưa kia đã từng qua lại xoay chuyển trong sanh tử

情色所醉貪嗜五欲。非母母想非姊姊想。非女女想。

tình sắc sở túy tham thị ngũ dục. phi mẫu mẫu tưởng phi tử tử tưởng. phi nữ nữ tưởng。

tham mê tình sắc, đắm trước rượu chè, chìm trong năm dục, chẳng phải mẹ tưởng là mẹ, chẳng phải chị em tưởng chị em, chẳng phải người nữ tưởng người nữ,

於非眾生眾生想。是故輪轉受生死苦。

ư phi chúng sanh sanh chúng sanh tưởng. thị cố luân chuyển thọ sanh tử khổ.

chẳng phải chúng sanh tưởng chúng sanh, vì vậy mà xoay vần trong biển khổ sanh tử.

如彼醉人臥糞穢中。如來今當施我法藥。

như bĩ túy nhân ngộ phần uế trung. Như Lai kim đương thí ngã Pháp dược.

Như người say rượu kia nằm trong chỗ phân nhơ, Như Lai nay sẽ cho chúng con pháp lạc,令我還吐煩惱惡酒。而我未得醒寤之心。

lệnh ngã hoàn thổ phiền não ác tửu. nhi ngã vị đắc tỉnh ngộ chi tâm.

khiến cho chúng con nhổ ra rượu ác phiền não, nhưng chúng con tâm chưa tỉnh say

云何如來便欲捨入於涅槃。世尊。

vân hà Như-Lai tiện dục phóng xả nhập ư Niết-bàn. Thế tôn.

sao Như Lai đành rời bỏ chúng con mà vào Niết-bàn? Bạch đức Thế Tôn!

譬如有人歎芭蕉樹以為堅實。無有是處。世尊。

thí như hữu nhân thán ba tiêu thụ dĩ vi kiên thật. vô hữu thị xử. Thế Tôn .

Thí như có người tán thán dùng cây chuối là bền thật không có chỗ đó. Bạch đức Thế Tôn!

眾生亦爾。

chúng sanh diệc nhĩ.

Chúng sanh cũng vậy,

若歎我人眾生壽命養育知見作者受者是真實者。亦無是處。我等如是修無我想。

nhược thán ngã nhân chúng sanh thọ mạng dưỡng dục tri kiến tác giả thọ giả thị chân thật giả. diệc vô thị xử. ngã đẳng như thị tu vô ngã tưởng.

nếu tán thán ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng mà nuôi dưỡng tri kiến ấy, xướng lên tưởng ấy, nhận tưởng ấy là chân thật, cũng không có chỗ đó. Chúng con tu Vô ngã tưởng như vậy.

世尊。譬如漿滓無所復用。

Thế Tôn. thí như tương chỉ vô sở phục dụng.

Bạch đức Thế Tôn! Thí như uống nước hết cạn rồi không còn để dùng lại nữa.

是身亦爾無我無主。世尊。如七葉花無有香氣。

thị thân diệt nhĩ vô ngã vô chủ. Thế tôn. như thất diệp hoa vô hữu hương khí.
Thân này cũng vậy, không có Ta, không có chủ. Bạch đức Thế Tôn! Như hoa có bảy
lá, không có có hương thơm,

是身亦爾無我無主。我等如是心常修習無我之想。

thị thân diệt nhĩ vô ngã vô chủ. ngã đẳng như thị tâm thường tu tập vô ngã chi tưởng.
thân này cũng vậy, không có Ta, không có chủ. Chúng con thường tu tập Vô ngã tưởng
như vậy.

如佛所說一切諸法無我我所。

như Phật sở thuyết nhất thiết chư Pháp vô ngã ngã sở.

Như chỗ Phật dạy hết thảy các pháp không phải là Ta, là của Ta,

汝諸比丘應當修習。如是修已則除我慢。

nhữ chư Tỳ-kheo ứng đương tu tập. như thị tu dĩ tắc trừ ngã mạn.

các vị tỳ kheo thường luôn tu tập, như vậy tu rồi mới diệt trừ ngã mạn,

離我慢已便入涅槃。世尊。譬如鳥跡。空中現者。無有是處。

ly ngã mạn dĩ tiện nhập Niết-bàn. Thế tôn. thí như điều tích. không trung hiện giả. vô
hữu thị xử.

xa rời ngã mạn rồi mới vào Niết-bàn. Bạch đức Thế Tôn! Thí như vết chân chim hiện ở
trong hư không, là không có chuyện ấy,

有能修習無我想者而有諸見。亦無是處。

hữu năng tu tập vô ngã tưởng giả nhi hữu chư kiến. diệt vô thị xử.

có người hay tu tập Vô ngã tưởng mà thấy có dấu chân chim, cũng không có chuyện ấy.

爾時世尊讚諸比丘。善哉善哉。

Nhĩ thời Thế tôn tán chư Tỳ-kheo. Thiện tai Thiện tai.

Lúc bấy giờ Thế Tôn tán thán các Tỳ-kheo: Hay thay, Hay thay!

汝等善能修無我想。時諸比丘即白佛言。世尊。

nhữ đẳng thiện năng tu vô ngã tưởng. thời chư Tỳ-kheo tức bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Các người khếp có tu tập Vô ngã tưởng. Khi ấy các Tỳ-kheo liền bạch Phật rằng: Bạch
đức Thế Tôn!

我等不但修無我想。亦更修習其餘諸想。

ngã đẳng bất dẫn tu vô ngã tưởng. diệt canh tu tập kỳ dư chư tưởng.

Chúng con không chỉ tu tập Vô ngã tưởng, mà cũng còn tu tập các tưởng khác như

所謂苦想無常想無我想。世尊。

sở vị khổ tưởng vô thường tưởng vô ngã tưởng. Thế tôn.

khổ tưởng, Vô thường tưởng, Vô ngã tưởng. Bạch đức Thế Tôn!

譬如人醉其心惛眩。

thí như nhân túy kỳ tâm miện huyễn.

Thí như người say rượu tâm thần rối loạn,

見諸山河石壁草木宮殿屋舍日月星辰皆悉迴轉。世尊。

kiến chư sơn hà thạch bích thảo mộc cung điện ốc xá nhật nguyệt tinh Thần giai tất hồi chuyển. Thế Tôn.

thấy các núi sông, vách đá, cỏ cây, cung điện, phòng nhà, mặt trời mặt trăng, sao thần, hết thảy đều xoay chuyển. Bạch đức Thế Tôn!

若有不修苦無常想無我等想。如是之人不名為聖。多諸放逸流轉生死。

nhược hữu bất tu khổ vô thường tưởng vô ngã đẳng tưởng. như thị chi nhân bất danh vi Thánh. đa chư phóng dật lưu chuyển sanh tử.

Nếu người không tu Khổ tưởng, Vô thường tưởng, Vô ngã tưởng, người như vậy không được gọi là Thánh, mà gọi là người nhiều phóng dật, lưu chuyển trong sanh tử.

世尊。以是因緣我等善修如是諸想。

Thế Tôn. dĩ thị nhân duyên ngã đẳng thiện tu như thị chư tưởng.

Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên đó nên chúng con khéo tu tập các tưởng như vậy.

爾時佛告諸比丘。諦聽諦聽。

Nhĩ thời Phật cáo chư Tỳ-kheo. đế thính đế thính.

Lúc bấy giờ Phật dạy các Tỳ-kheo! Hãy lắng nghe, lắng nghe!

汝向所引醉人喻者。但知文字未達其義。何等為義。

nhữ hướng sở dẫn túy nhân dụ giả. đản tri văn tự vị đạt kỳ nghĩa. hà đẳng vi nghĩa.

Các người dùng người say rượu để dụ dẫn ấy chỉ biết trên văn tự nhưng chưa thông đạt nghĩa lý. Nghĩa ấy là gì?

如彼醉人見上日月實非迴轉生迴轉想。

như bỉ túy nhân kiến thượng nhật nguyệt thật phi hồi chuyển sanh hồi chuyển tưởng.

Như người say rượu kia nhìn lên thấy mặt trăng mặt trời không di chuyển mà sanh tưởng di chuyển.

眾生亦爾。為諸煩惱無明所覆生顛倒心。

chúng sanh diệc nhĩ. vi chư phiền não vô minh sở phúc sanh điên đảo tâm。
 Chúng sanh cũng vậy, vì Vô minh phiền não che lấp nên sanh tâm điên đảo,
 我計無我常計無常。淨計不淨樂計為苦。
 ngã kế vô ngã thường kế vô thường. tịnh kế bất tịnh lạc kế vi khổ。
 ngã tánh Vô ngã, thường tánh Vô thường, tịnh tánh không tịnh, vui tánh là khổ,
 以為煩惱之所覆故。雖生此想不達其義。
 dĩ vi phiền não chi sở phúc cố. tuy sanh thử tưởng bất đạt kỳ nghĩa。
 do phiền não che lấp nên sanh tưởng này mà không thông suốt được nghĩa lý.
 如彼醉人於非轉處而生轉想。我者即是佛義。
 như bỉ túy nhân ư phi chuyển xử nhi sanh chuyển tưởng. ngã giả tức thị Phật nghĩa。
 Như người say rượu kia ở chỗ không di chuyển mà sanh tưởng có di chuyển. Ngã ấy
 chính là Phật nghĩa,
 常者是法身義。樂者是涅槃義。淨者是法義。
 thường giả thị Pháp thân nghĩa. lạc giả thị Niết-bàn nghĩa. tịnh giả thị Pháp nghĩa。
 Thường ấy là Pháp thân nghĩa, Lạc ấy là Niết-bàn nghĩa, Tịnh ấy là Pháp nghĩa。
 汝等比丘。云何而言。有我想者憍慢貢高流轉生死。
 nhữ đẳng Tỳ-kheo. vân hà nhi ngôn. hữu ngã tưởng giả kiêu mạn cống cao lưu chuyển
 sanh tử。
 Nay các Tỳ-kheo! Vì sao mà nói người có Ngã tưởng là có kiêu mạn, có cống cao, có lưu
 chuyển trong dòng sanh tử.
 汝等若言。我亦修習無常苦無我等想。
 nhữ đẳng nhược ngôn. ngã diệc tu tập vô thường khổ vô ngã đẳng tưởng。
 Các người hoặc nói: Ngã cũng tu tập Vô thường, Khổ, Vô ngã tưởng v.v..
 是三種修無有實義。我今當說勝三修法。
 thị tam chủng tu vô hữu thật nghĩa. ngã kim đương thuyết thắng tam tu Pháp。
 đó là ba loại tu tập không có thật nghĩa. Nay Ta sẽ nói ba pháp tu tốt lành hơn:
 苦者計樂。樂者計苦。是顛倒法。無常計常。
 khổ giả kế lạc. lạc giả kế khổ. thị điên đảo Pháp. vô thường kế thường。
 khổ kế là vui, vui kế là khổ, là những pháp điên đảo; Vô thường kế là Thường,
 常計無常。是顛倒法。無我計我。我計無我。
 thường kế vô thường. thị điên đảo Pháp. vô ngã kế ngã. ngã kế vô ngã。

Thường kể là Vô thường, là những pháp điên đảo; Vô ngã kể là ngã, Ngã kể là Vô ngã, 是顛倒法。不淨計淨。淨計不淨。是顛倒法。

thị điên đảo Pháp. bất tịnh kể tịnh. tịnh kể bất tịnh. thị điên đảo Pháp。

là những pháp điên đảo; Bất tịnh kể là tịnh, tịnh kể là Bất tịnh, là những pháp điên đảo. 有如是等四顛倒法。是人不知正修諸法。

hữu như thị đẳng tứ điên đảo Pháp. thị nhân bất tri chánh tu chư Pháp。

Có bốn pháp điên đảo như vậy, đó là người không biết tu các pháp một chánh chân chánh.

汝諸比丘。於苦法中生於樂想。

nhữ chư Tỳ-kheo. ư khổ Pháp trung sanh ư lạc tưởng。

Này các Tỳ-kheo! Ở trong pháp khổ mà sanh tưởng là vui, 於無常中生於常想。於無我中生於我想。於不淨中生於淨想。

ư vô thường trung sanh ư thường tưởng. ư vô ngã trung sanh ư ngã tưởng. ư bất tịnh trung sanh ư tịnh tưởng。

ở trong Vô thường mà sanh tưởng là Thường, ở trong Vô ngã mà sanh tưởng là Ngã, ở trong bất tịnh mà sanh tưởng là tịnh.

世間亦有常樂我淨。出世亦有常樂我淨。

thế gian diệc hữu thường lạc ngã tịnh. xuất thế diệc hữu thường lạc ngã tịnh。

Thế gian cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Xuất thế gian cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

世間法者有字無義。出世間者有字有義。

thế gian Pháp giả hữu tự vô nghĩa. xuất thế gian giả hữu tự hữu nghĩa。

Pháp thế gian có chữ nhưng không có nghĩa, xuất thế gian có chữ, có nghĩa.

何以故。世間之法有四顛倒故不知義。所以者何。

hà dĩ cố. thế gian chi Pháp hữu tứ điên đảo cố bất tri nghĩa. sở dĩ giả hà。

Vì sao vậy? Pháp thế gian có bốn điên đảo nên không biết nghĩa. Vì sao như vậy?

有想顛倒心倒見倒。以三倒故世間之人。

hữu tưởng điên đảo tâm đảo kiến đảo. dĩ tam đảo cố thế gian chi nhân。

Vì có tưởng điên đảo, có tâm điên đảo, có thấy điên đảo. Do ba cái điên đảo ấy nên người thế gian

樂中見苦。常見無常。我見無我。淨見不淨。

lạc trung kiến khổ. thường kiến vô thường. ngã kiến vô ngã. tịnh kiến bất tịnh。

trong vui thấy là khổ, thường thấy vô thường, ngã thấy vô ngã, tịnh thấy bất tịnh,
是名顛倒。以顛倒故世間知字而不知義。

thị danh điên đảo. dĩ điên đảo cố thể gian tri tự nhi bất tri nghĩa.

gọi là điên đảo. Do điên đảo nên người thế gian biết chữ mà không biết nghĩa.

何等為義。無我者名為生死。我者名為如來。

hà đẳng vi nghĩa. vô ngã giả danh vi sanh tử. ngã giả danh vi Như-Lai.

Gì là nghĩa? Vô ngã gọi là sanh tử; ngã ấy gọi là Như Lai;

無常者聲聞緣覺。常者如來法身。

vô thường giả Thanh văn Duyên giác. thường giả Như Lai Pháp thân.

vô thường ấy là Thanh văn, Duyên giác; Thường ấy là Như Lai pháp thân;

苦者一切外道。樂者即是涅槃。不淨者即有為法。

khổ giả nhất thiết ngoại đạo. lạc giả tức thị Niết-bàn. bất tịnh giả tức hữu vi Pháp.

Khổ ấy là hết thảy ngoại đạo; Lạc ấy tức là Niết-bàn; Bất tịnh ấy là pháp hữu vi;

淨者諸佛菩薩所有正法。是名不顛倒。

tịnh giả chư Phật Bồ-tát sở hữu chánh Pháp. thị danh bất điên đảo.

Tịnh ấy là chánh pháp của chư Phật, Bồ-tát, gọi là không điên đảo,

以不倒故知字知義。若欲遠離四顛倒者。

dĩ bất đảo cố tri tự tri nghĩa. nhược dục viễn li tứ điên đảo giả.

do không điên đảo nên biết chữ biết nghĩa. Nếu muốn xa lìa bốn điên đảo ấy

應知如是常樂我淨。

ứng tri như thị thường lạc ngã tịnh.

phải biết thường, lạc, ngã, tịnh như vậy.

時諸比丘白佛言。世尊。如佛所說離四倒者。

Thời chư Tỳ-kheo bạch Phật ngôn. Thế tôn. như Phật sở thuyết ly tứ đảo giả.

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như chỗ Phật nói rằng xa lìa bốn
điên đảo ấy

則得了知常樂我淨。如來今者永無四倒。

tắc đắc liễu tri thường lạc ngã tịnh. Như Lai kim giả vĩnh vô tứ đảo.

thì sẽ hiểu rõ thường, lạc, ngã, tịnh. Như Lai nay đã hoàn toàn hết không còn điên đảo,

則已了知常樂我淨。若已了知常樂我淨。

tắc dĩ liễu tri thường lạc ngã tịnh. nhược dĩ liễu tri thường lạc ngã tịnh.

đã biết rõ về thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu đã biết rõ thường, lạc, ngã, tịnh
何故不住一劫半劫教導我等令離四倒而見放
hà cố bất trụ nhất kiếp bán kiếp giáo đạo ngã đẳng linh ly tứ đảo nhi kiến phóng
vì sao Như Lai chẳng ở thêm một kiếp, nửa kiếp để dạy dỗ, dẫn dắt cho chúng con khiến
cho xa lìa bốn điên đảo mà lại bỏ rơi
捨欲入涅槃。如來若見顧念教勅。
xả dục nhập Niết-bàn。 Như Lai nhược kiến cố niệm giáo sắc。
chúng con để vào Niết-bàn? Như Lai nếu ngoài nhìn lại để chỉ giáo, dẫn dắt
我當至心頂受修習。如來若入於涅槃者。
ngã đương chí tâm đỉnh thọ tu tập。 Như Lai nhược nhập ư Niết-bàn giả。
thì chúng con sẽ chí tâm, cúi đầu nhận lãnh tu tập。 Nếu Như Lai vào Niết-bàn
我等云何與是毒身同共止住修於梵行。
ngã đẳng vân hà dữ thị độc thân đồng cộng chỉ trụ tu ư phạm hạnh 。

chúng con làm sao đem cái thân độc hại đó đồng ở chung với các vị tu phạm hạnh。
我等亦當隨佛世尊入於涅槃。爾時佛告諸比丘。
ngã đẳng diệc đương tùy Phật Thế Tôn nhập ư Niết-bàn。 nhĩ thời Phật cáo chư Tỳ-
kheo。
Chúng con cũng sẽ theo Thế Tôn vào ở Niết-bàn。 Lúc bấy giờ Phật dạy các Tỳ-kheo rằng:
汝等不應作如是語。
Nhữ đẳng bất ứng tác như thị ngữ。
Các người chớ có nói lên những lời như vậy!
我今所有無上正法悉以付囑摩訶迦葉。是迦葉者。當為汝等作大依止。
Ngã kim sở hữu vô thượng chánh Pháp tất dĩ phó chúc Ma Ha Ca-diếp。 thị Ca-diếp
giả。 đương vi nhữ đẳng tác Đại y chỉ。
Ta nay có chánh pháp vô thượng đã phó chúc hết cho Ma-ha Ca-diếp。 Ca-diếp ấy sẽ vì
các người làm chỗ y chỉ lớn,
猶如如來為諸眾生作依止處。
do như Như Lai vì chư chúng sanh tác y chỉ xử。
giống như Như Lai làm nơi y chỉ cho các chúng sanh。
摩訶迦葉亦復如是。當為汝等作依止處。譬如大王多所統領。

Ma Ha Ca-diếp diệp phục như thị. đương vi nhữ đẳng tác y chỉ xử. thí như Đại Vương đa sở thống lĩnh.

Ma-ha Ca-diếp cũng lại như vậy, sẽ vì các người mà làm chỗ y chỉ. Thí như vị vua lớn có nhiều người thống lĩnh,

若遊巡時悉以國事付囑大臣。如來亦爾。

nhược du tuần thời tất dĩ quốc sự phó chúc Đại Thần. Như Lai diệp nhĩ.

khi đi tuần mọi việc nước đều phó chúc cho vị đại thần. Như Lai cũng như vậy,

所有正法亦以付囑摩訶迦葉。汝等當知。

sở hữu chánh Pháp diệp dĩ phó chúc Ma Ha Ca-diếp. nhữ đẳng đương tri.

có chánh pháp cũng phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp. Các người nên biết,

先所修習無常苦想非是真實。

tiên sở tu tập vô thường khổ tưởng phi thị chân thật.

trước tiên tu tập vô thường tưởng, khổ tưởng chẳng phải là chân thật.

譬如春時有諸人等在大池浴乘船遊戲失琉璃寶沒深水中。

thí như xuân thời hữu chư nhân đẳng tại Đại trì dục thừa thuyền du hí thất lưu ly bảo một thâm thủy trung.

Thí như mùa Xuân, có người vào trong ao tắm lớn, lên thuyền dạo chơi, bị rơi hạt ngọc lưu ly chìm vào trong nước.

是時諸人悉共入水求覓是寶。

thị thời chư nhân tất cộng nhập thủy cầu mịch thị bảo.

Khi ấy, những người đó đều vào trong nước tìm kiếm hạt ngọc,

競捉瓦石草木沙礫。

cạnh tróc ngõa thạch thảo mộc sa lịch.

nắm nhằm ngói đá, cỏ cây, cát đá vụn.

各各自謂得琉璃珠歡喜持出乃知非真。是時寶珠猶在水中。

các các tự vị đắc lưu ly châu hoan hỷ trì xuất nãi tri phi chân. thị thời bảo châu do tại thủy trung.

Mỗi mỗi đều tự nghĩ được lưu ly rồi hoan hỷ cầm ra khỏi nước bèn biết không phải thật.

Khi ấy, hạt ngọc châu trong nước

以珠力故水皆澄清。於是大眾乃見寶珠。故在水下。

dĩ châu lực cố thủy giai trừng thanh. ư thị Đại chúng nãi kiến bảo châu. cố tại thủy hạ.

do lực của ngọc nên nước đều lắng trong, mọi người liền thấy được ngọc châu nên lại xuống nước trở lại,

猶如仰觀虛空月形。是時眾中有一智人。

do như ngưỡng quán hư không nguyệt hình. thị thời chúng trung hữu nhất trí nhân. như ngắm nhìn hình ảnh mặt trăng ở hư không. Bấy giờ trong chúng có một người trí, 以方便力安徐入水即便得珠。汝等比丘。

dĩ phương tiện lực an từ nhập thủy tức tiện đắc châu. nhữ đẳng Tỳ-kheo。

dùng lực phương tiện thông thả đi vào trong nước liền được ngọc châu. Nay các Tỳ-kheo! 不應如是修習無常苦無我想不淨想等以為實義。

bất ứng như thị tu tập vô thường khổ vô ngã tưởng bất tịnh tưởng đẳng dĩ vi thật nghĩa 。

Chớ nên tu tập vô thường, khổ, vô ngã tưởng, bất tịnh tưởng v.v.. vì không thật nghĩa, 如彼諸人各以瓦石草木沙礫而為寶珠。

như bĩ chư nhân các dĩ ngõa thạch thảo mộc sa lịch nhi vi bảo châu。

như những người kia đều lấy ngói đá, cỏ cây, cát đá vụn mà làm bảo châu。

汝等應當善學方便。在在處處常修我想常樂淨想。

nhữ đẳng ứng đương thiện học phương tiện. tại tại xứ xứ thường tu ngã tưởng thường lạc tịnh tưởng。

Các người phải nên khéo học các phương tiện, mọi nơi mọi chỗ thường tu tập ngã tưởng, thường, lạc, ngã, tịnh tưởng,

復應當知先所修習四法相貌悉是顛倒。

phục ứng đương tri tiên sở tu tập tứ Pháp tướng mạo tất thị điên đảo。

lại phải nên biết trước tiên tu tập bốn pháp tướng mạo hết thảy đều là điên đảo。

欲得真實修諸想者。如彼智人巧出寶珠。

dục đắc chân thật tu chư tưởng giả. như bĩ trí nhân xảo xuất bảo châu。

Muốn được chân thật tu các tưởng thì phải như người trí kia khéo đem bảo châu ra khỏi nước,

所謂我想常樂淨想。爾時諸比丘白佛言。世尊。

sở vị ngã tưởng thường lạc tịnh tưởng. nhĩ thời chư Tỳ-kheo bạch Phật ngôn. Thế Tôn。

đó là ngã tưởng, thường, lạc, tịnh tưởng. Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

如佛先說諸法無我汝當修學。

như Phật tiên thuyết chư Pháp vô ngã như đương tu học。
Như trước Phật nói các pháp là vô ngã, người phải tu học,
修學是已則離我想。離我想者則離憍慢。離憍慢者得入涅槃。
tu học thì dĩ tắc ly ngã tưởng。ly ngã tưởng giả tắc ly kiêu mạn。ly kiêu mạn giả đắc nhập
Niết-bàn。

tu học rồi sẽ xa lìa được ngã tưởng, xa lìa ngã tưởng thì xa lìa kiêu mạn, xa lìa kiêu mạn
được vào Niết-bàn,

是義云何。

thị nghĩa vân hà。

vậy nghĩa là sao?

佛告諸比丘。善哉善哉。

Phật cáo chư Tỳ-kheo。Thiện tai Thiện tai 。

Phật dạy các Tỳ-kheo: Hay thay, Hay thay!

汝今善能諮問是義為自斷疑。譬如國王闇鈍少智。

Nhữ kim thiện năng ti vấn thị nghĩa vi tự đoạn nghi。thí như Quốc Vương ám độn thiếu
trí。

Các người nay khéo tham hỏi nghĩa đó để cắt đứt sự nghi ngờ của mình, giống như vị
quốc vương ám độn, ít trí,

有一醫師性復頑嚚。而王不別厚賜俸祿。

hữu nhất y sư tánh phục ngoan ngân。nhi Vương bất biệt hậu tứ bổng lộc。

có một vị thầy thuốc tánh tình lại điều ngoa xảo trá, mà vua chẳng biết phân biệt lại trọng
hậu ban bổng lộc,

療治眾病純以乳藥。亦復不知病起根原。

liệu trì chúng bệnh thuần dĩ nhũ dược。diệc phục bất tri bệnh khởi căn nguyên。

trị liệu các bệnh lại dùng toàn thuốc sữa, lại cũng không biết nguồn gốc sanh ra bệnh,
雖知乳藥復不善解。或有風病冷病熱病一切諸病悉教服乳。

tuy tri nhũ dược phục bất thiện giải。hoặc hữu phong bệnh lãnh bệnh nhiệt bệnh nhất
thiết chư bệnh tất giáo phục nhũ。

tuy biết thuốc sữa nhưng lại không khéo biết chữa bệnh。Hoặc có bệnh gió, bệnh lạnh,
bệnh nóng, hết thầy các bệnh đều dạy uống sữa cho lành。

是王不別是醫知乳好醜善惡。

thị Vương bất biệt thị y tri nhũ hảo xú thiện ác 。

Vua cũng không phân biệt được vị thầy thuốc ấy có biết sửa đó là tốt hay xấu, là lành hay dữ nữa.

復有明醫曉八種術。善療眾病知諸方藥。從遠方來。

phục hữu minh y hiểu bát chủng thuật。thiện liệu chúng bệnh tri chư phương dược。tòng viển phương lai。

Lại có một vị thầy thuốc sáng, từ nơi xa đến, hiểu biết tám loại nghề nghiệp, khéo trị liệu các bệnh, biết các phương thuốc.

是時舊醫不知諮受。反生貢高輕慢之心。

thị thời cựu y bất tri ti thọ。phản sanh cống cao khinh mạn chi tâm。

Khi ấy, vị thầy thuốc cũ đã không biết học hỏi mà trở lại sanh tâm cống cao, kiêu mạn.

彼時明醫即便依附請以為師。

bỉ thời minh y tức tiện y phụ thỉnh dĩ vi sư。

Lúc ấy, vị thầy thuốc giỏi liền thỉnh vị thầy cũ làm thầy,

諮受醫方祕奧之法。語舊醫言。我今請仁以為師範。

ti thọ y phương bí áo chi Pháp。ngữ cựu y ngôn。ngã kim thỉnh nhân dĩ vi sư phạm。

thọ học các phương pháp chữa bệnh bí truyền, nói với thầy cũ nói rằng: Tôi nay mời ông làm thầy mô phạm,

唯願為我宣暢解說。舊醫答言。

duy nguyện vi ngã tuyên sướng giải thuyết。cựu y đáp ngôn。

xin nguyện vì tôi mà nói các phương cách. Thầy cũ đáp rằng:

卿今若能為我給使四十八年。然後乃當教汝醫法。

khánh kim nhược năng vi ngã cấp sử tứ thập bát niên。nhiên hậu nãi đương giáo nhữ y Pháp。

Khánh nay nếu có thể vì ta mà hầu hạ cung cấp bốn mươi tám năm, sau đó sẽ dạy cho người các phương thuốc.

時彼明醫即受其教。我當如是。我當如是。

thời bỉ minh y tức thọ kỳ giáo。ngã đương như thị。ngã đương như thị。

Bấy giờ thầy sáng kia liền nhận lời dạy: Tôi sẽ chịu như vậy. Tôi sẽ chịu như vậy.

隨我所能當給走使。是時舊醫即將客醫共入見王。

tùy ngã sở năng đương cấp tẩu sử. thị thời cự y tức tướng khách y cộng nhập kiến Vương.

Hãy đi theo ta sẽ đến chỗ sai dùng. Lúc ấy, thầy thuốc cũ dẫn thầy thuốc khách cùng vào gặp vua.

是時客醫即為王說種種醫方及餘伎藝。

thị thời khách y tức vi Vương thuyết chủng chủng y phương cập dư kỹ nghệ.

Khi ấy thầy thuốc khách liền vì vua mà nói các loại phương thức chữa bệnh và các nghề nghiệp khác.

大王當知。應善分別此法如是可治國。

Đại Vương đương tri. ứng thiện phân biệt thử Pháp như thị khả dĩ trị quốc.

Đại vương nên biết, phải khéo phân biệt pháp này mới có thể dùng để trị nước.

此法如是可療病。爾時國王聞是語已。

thử Pháp như thị khả dĩ liệu bệnh. nhĩ thời Quốc Vương văn thị ngữ dĩ。

Pháp ấy như vậy mới có thể trị liệu được bệnh. Lúc bấy giờ quốc vương nghe lời ấy rồi
方知舊醫癡騃無智。即便驅逐令出國界。

phương tri cự y si ngãi vô trí. tức tiện khu trục lệnh xuất quốc giới.

mới biết thầy thuốc cũ là người ngu si không trí, liền sai đuổi ra khỏi nước,

然後倍復恭敬客醫。是時客醫作是念言。

nhiên hậu bội phục cung kính khách y. thị thời khách y tác thị niệm ngôn.

sau đó càng cung kính gấp bội thầy thuốc khách. Lúc bấy giờ thầy thuốc khách nghĩ rằng:
欲教王者今正是時。即語王言。大王。

dục giáo Vương giả kim chánh thị thời. tức ngữ Vương ngôn. Đại Vương.

muốn giáo huấn vua ấy, nay đã đúng thời, liền nói với vua rằng: Đại vương!

於我實愛念者當求一願。王即答言。

Ư ngã thật ái niệm giả đương cầu nhất nguyện. Vương tức đáp ngôn.

Tôi thật sự ưa thích thỉnh nguyện một điều. Vua liền đáp:

從此右臂及餘身分隨意所求一切相與。彼客醫言。王雖許我一切身分。

tòng thử hữu tý cập dư thân phân tùy ý sở cầu nhất thiết tương dĩ. bỉ khách y ngôn. Vương tuy hứa ngã nhất thiết thân phân.

Từ nay về sau vai phải và các phần khác của thân thể tùy ý cầu thỉnh, hết thầy đều cấp cho. Thầy thuốc khách kia nói rằng: Tuy vua hứa cho tôi hết thầy các phần của thân thể,

然我不敢多有所求。今所求者。

nhiên ngã bất cảm đa hữu sở cầu。 kim sở cầu giả。

nhưng tôi thì không dám cầu nhiều, nay chỗ cầu ấy

願王宣令一切國內。從今已往不得復服舊醫乳藥。

nguyện Vương tuyên lệnh nhất thiết quốc nội。 tòng kim dĩ vãng bất đắc phục phục cựu y
nhũ dược。

là xin vua ra lệnh cho hết thầy mọi người trong nước, từ nay về sau không được uống lại
thuốc sữa của thầy thuốc cũ nữa.

所以者何。是藥毒害多傷損故。

sở dĩ giả hà。 thị dược độc hại đa thương tổn cố。

Vì sao như vậy? Vì đó là thuốc độc hại, đem lại nhiều thương tổn.

若故服者當斬其首。斷乳藥已終更無有橫死之人。

nhược cố phục giả đương trảm kỳ thủ。 đoạn nhũ dược dĩ chung canh vô hữu hoành tử chi
nhân。

Nếu người nào uống thuốc ấy sẽ bị chém đầu, dứt hết thuốc sữa ấy rồi cuối cùng không ai
còn bị chết ngang trái nữa,

常處安樂。故求是願。時王答言。

thường xử an lạc。 cố cầu thị nguyện。 thời Vương đáp ngôn 。

thường ở an lạc, nên nguyện như thế. Khi ấy vua đáp:

汝之所求蓋不足言。尋為宣令一切國內。

nhữ chi sở cầu cái bất túc ngôn。 tầm vi tuyên lệnh nhất thiết quốc nội。

Chỗ người nói dường như nói chưa đủ, tìm và ra lệnh cho tất cả mọi người trong nước,
有病之人皆悉不聽以乳為藥。若為藥者當斬其首。

hữu bệnh chi nhân giai tất bất thính dĩ nhũ vi dược。 nhược vi dược giả đương trảm kỳ
thủ。

người nào có bệnh, hết thầy đều không nghe theo cách dùng sữa làm thuốc, hoặc người
làm thuốc ấy sẽ bị chém đầu.

爾時客醫以種種味和合眾藥。謂辛苦鹹甜醋等味。

Nhĩ thời khách y dĩ chủng chủng vị hòa hợp chúng dược。 vị tân khổ hàm điềm thổ đẳng
vị。

Lúc bấy giờ vị thầy thuốc khách dùng các vị trộn lại thành các thuốc, đó là vị cay, đắng, mặn, ngọt, chua v.v..

以療眾病無不得差。其後不久王復得病。

dĩ liệu chúng bệnh vô bất đắc sai. kỳ hậu bất cửu Vương phục đắc bệnh。

dùng để trị liệu các bệnh không được sai, sau đó không bao lâu vua lại bị bệnh,

即命是醫。我今病重困苦欲死。當云何治。

tức mạng thị y. ngã kim bệnh trọng khốn khổ dục tử. đương vân hà trị。

liền truyền lệnh thầy thuốc đó vào: Ta nay bệnh nặng, khốn khổ sắp chết, nên trị cách nào?

醫占王病應用乳藥。尋白王言。如王所患應當服乳。

y chiêm Vương bệnh ứng dụng nhũ dược. tầm bạch Vương ngôn. như Vương sở hoạn ứng đương phục nhũ。

Thầy thuốc xem bệnh vua nên dùng thuốc sữa, đoan bạch vua rằng: Như chỗ bệnh của vua phải nên uống sữa.

我於先時所斷乳藥。是大妄語。

ngã ư tiên thời sở đoan nhũ dược. thị Đại vọng ngữ。

Trước đây tôi nói cắt đứt việc uống thuốc sữa đó là đại vọng ngữ.

今若服者最能除病。王今患熱正應服乳。

kim nhược phục giả tối năng trừ bệnh. Vương kim hoạn nhiệt chánh ứng phục nhũ。

Nay nếu uống sữa rất nhanh lành bệnh, vua nay bị bệnh nóng đáng nên uống sữa.

時王語醫汝今狂耶。為熱病乎。而言服乳能除此病。

thời Vương ngữ y nhữ kim cuồng da. vi nhiệt bệnh hồ. nhi ngôn phục nhũ năng trừ thử bệnh。

Khi ấy vua nói với thầy thuốc rằng: người nay bị điên cuồng rồi chẳng? Bị bệnh nóng hay sao mà nói dùng sữa có thể lành được bệnh này?

汝先言毒。今云何服欲欺我耶。先醫所讚。

nhữ tiên ngôn độc. kim vân hà phục dục khi ngã da. tiên y sở tán。

Trước đó người nói là độc hại, vì sao bây giờ lại bảo uống, khinh thường ta chẳng? Thuốc mà thầy thuốc trước kia khen ngợi

汝言是毒。令我驅遣。今復言好最能除病。

nhữ ngôn thị độc. lệnh ngã khu khiển. kim phục ngôn hảo tối năng trừ bệnh。

thì người lại nói là độc hại, khiến ta đuối đi, nay lại bảo rất tốt có thể trừ được bệnh.

如汝所言。我本舊醫定為勝汝。是時客醫復語王言。

như như sở ngôn. ngã bản cựu y định vi thắng như. thị thời khách y phục ngữ Vương ngôn.

Chỗ người nói, ta chắc chắn thầy thuốc cũ của ta là hơn người. Khi ấy thầy thuốc khách lại nói với vua rằng:

王今不應作如是語。如虫食木有成字者。

Vương kim bất ứng tác như thị ngữ. như trùng thực mộc hữu thành tự giả.

Vua nay không nên nói những lời như vậy. Như con trùng ăn gỗ thành có chữ, 此虫不知是字非字。智人見之終不唱言。

thử trùng bất tri thị tự phi tự. trí nhân kiến chi chung bất xướng ngôn.

con trùng này không biết có chữ hay không chữ. Người trí thấy rồi hoàn toàn không xướng lên rằng

是虫解字。亦不驚怪。大王當知。舊醫亦爾。

thị trùng giải tự. diệc bất kinh quái. Đại Vương đương tri. cựu y diệc nhĩ.

con trùng hiểu chữ, cũng không sợ hãi. Đại vương nên biết, thầy thuốc cũ ấy cũng vậy, 不別諸病悉與乳藥。如彼虫道偶成於字。

bất biệt chư bệnh tất dữ nhữ dược. như bỉ trùng đạo ngẫu thành ư tự.

không phân biệt các bệnh mà hết thầy đều cho uống thuốc sữa, như đường đi của con trùng kia ngẫu nhiên thành chữ.

是先舊醫不解乳藥好醜善惡。時王問言。云何不解。

thị tiên cựu y bất giải nhữ dược hảo xú thiện ác. thời Vương vấn ngôn. vân hà bất giải.

Thầy thuốc cũ ấy không hiểu biết thuốc sữa tốt xấu, lành dữ. Khi ấy vua hỏi rằng: Vì sao không hiểu?

客醫答王。是乳藥者。亦是毒害。亦是甘露。

khách y đáp Vương. thị nhữ dược giả. diệc thị độc hại. diệc thị cam lộ.

Thầy thuốc khách đáp lời vua: Thuốc sữa ấy cũng là độc hại, cũng là cam lộ.

云何是乳復名甘露。

vân hà thị nhữ phục danh cam lộ.

Vì sao sữa ấy lại gọi là cam lộ?

若是牻牛不食酒糟滑草麥[麥弋]其犢調善。

Nhược thị tự nguưu bất thực tửu tao hoạt thảo mạch đặc kỳ độc điều thiện。

Nếu con trâu cái ấy không ăn rượu cần, rượu cốt, rượu cỏ, rượu lúa tẻ, con trâu ghé khéo được điều khiển,

放牧之處不在高原亦不下濕。飲以清流不令馳走。

phóng mục chi xử bất tại cao nguyên diệc bất hạ thấp。 ẩm dĩ thanh lưu bất lệnh trì tẩu。 chỗ chăn nuôi không ở cao nguyên, cũng không xuống chỗ thấp, uống dòng nước trong sạch, không cho chạy rong ruổi,

不與特牛同共一群。飲餒調適行住得所。如是乳者能除諸病。

bất dữ đặc nguưu đồng cộng nhất quần。 ẩm úy điều thích hành trụ đắc sở。 như thị nữ giả năng trừ chư bệnh。

không cho ở chung với trâu đực cùng một bầy, chăn nuôi ăn uống được đem đến tại chỗ ở。 Sữa như vậy có thể trừ được các bệnh,

是則名為甘露妙藥。

thị tắc danh vi cam lộ diệp dược。

thì gọi đó là thuốc cam lộ diệp dụng,

除是乳已其餘一切皆名毒害。爾時大王聞是語已。讚言大醫。

trừ thị nữ dĩ kỳ dư nhất thiết giai danh độc hại。 nhĩ thời Đại Vương văn thị ngữ dĩ。 tán ngôn Đại y。

ngoài sữa ấy ra hết thầy đều gọi là độc hại。 Lúc bấy giờ Đại vương nghe nói xong khen ngợi thầy thuốc lớn:

善哉善哉。我從今日始知乳藥善惡好醜。

Thiện tai Thiện tai。 ngã tòng kim nhật thủy tri nữ dược thiện ác hảo xú。

Hay thay, Hay thay! Ta từ ngày hôm nay đầu tiên biết thuốc sữa là lành dữ, tốt xấu,

即便服之病得除愈。尋時宣令一切國內。

tức tiện phục chi bệnh đắc trừ dữ。 tầm thời tuyên lệnh nhất thiết quốc nội。

liền uống vào bệnh được thuyên giảm。 Đoạn vua tuyên bố cho hết thầy mọi người trong nước

從今已往當服乳藥。國人聞之皆生瞋恨。咸相謂言。

tòng kim dĩ vãng đương phục nữ dược。 quốc nhân văn chi giai sanh sân hận。 hàm tướng vị ngôn。

từ nay về sau phải uống thuốc sữa. Người trong nước nghe như vậy đều sanh sân giận, cùng bảo nhau rằng:

大王。今者為鬼所持為狂顛耶。

Đại Vương. kim giả vi quỷ sở trì vi cuồng điên da.

Đại vương! Nay Đại vương bị quỷ nhập làm cho cuồng điên chẳng

而誑我等復令服乳。一切人民皆懷瞋恨悉集王所王言。

nhi cuống ngã đẳng phục lệnh phục nhũ. nhất thiết nhân dân giai hoài sân hận tất tập Vương sở Vương ngôn.

mà cuồng bảo chúng tôi uống thuốc sữa? Tất cả nhân dân đều sân hận tập hợp hết thầy ở chỗ vua, vua bảo rằng:

汝等不應於我而生瞋恨。

nhữ đẳng bất ứng ư ngã nhi sanh sân hận.

Các người chớ nên sân giận ta

而此乳藥服與不服。悉是醫教非是我咎。爾時大王及諸人民。

nhi thử nhũ dược phục dữ bất phục. tất thị y giáo phi thị ngã cửu. nhĩ thời Đại Vương cập chư nhân dân .

mà không uống thuốc sữa này. tất cả là do thầy thuốc dạy chẳng phải là lỗi của ta. Lúc bấy giờ Đại vương và nhân dân

踊躍歡喜倍共恭敬供養是醫。

dũng dược hoan hỷ bội cộng cung kính cúng dường thị y.

vui vẻ hơn hờ bội phần cung kính cúng dường thầy thuốc ấy.

一切病者皆服乳藥病悉除愈。汝等比丘。

nhất thiết bệnh giả giai phục nhũ dược bệnh tất trừ dữ. nhữ đẳng Tỳ-kheo.

hết thầy người bệnh đều uống thuốc sữa thì bệnh được giảm trừ. Nay các Tỳ-kheo!

當知如來應正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天

đương tri Như Lai, Ứng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên

Nên biết Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư,

人師佛世尊。亦復如是。為大醫王出現於世。

Nhân Sư, Phật Thế Tôn. diệc phục như thị. vi Đại y Vương xuất hiện ư thế.

Phật Thế Tôn, cũng lại như vậy, xuất hiện ở đời làm Đại y vương

降伏一切外道邪醫。諸王眾中唱如是言。

hàng phục nhất thiết ngoại đạo tà y. chư Vương chúng trung xướng như thị ngôn.

hàng phục hết thầy ngoại đạo, thầy thuốc tà quấy. Trong chúng của vua xướng lên như vậy:

我為醫王欲伏外道。故唱是言。

ngã vi y Vương dục phục ngoại đạo. cố xướng thị ngôn.

Ta là vua thầy thuốc muốn hàng phục ngoại đạo, nên xướng lời rằng:

無我無人眾生壽命養育知見作者受者。比丘當知。

vô ngã vô nhân chúng sanh thọ mạng dưỡng dục tri kiến tác giả thọ giả. Tỳ-kheo đương tri.

Vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ mạng, vô dưỡng dục, vô tri kiến, vô tác, vô thọ.

Các Tỳ-kheo nên biết,

是諸外道。所言我者。如虫食木偶成字耳。

thị chư ngoại đạo. sở ngôn ngã giả. như trùng thực mộc ngẫu thành tự nhĩ.

các ngoại đạo ấy nói Ta như con trùng ăn gỗ mà ngẫu nhiên thành chữ

是故如來於佛法中唱是無我。為調眾生故。

thị cố Như Lai ư Phật Pháp trung xướng thị vô ngã. vi điều chúng sanh cố.

vì vậy Như Lai ở trong Phật pháp mà xướng lên là vô ngã để điều phục chúng sanh

為知時故說是無我。有因緣故亦說有我。

vi tri thời cố thuyết thị vô ngã. hữu nhân duyên cố diệc thuyết hữu ngã.

vì biết đúng thời nên nói là vô ngã, có nhân duyên nên cũng nói có ngã,

如彼良醫善知於乳是藥非藥。非如凡夫所計吾我。

như bỉ lương y thiện tri ư nhũ thị dược phi dược. phi như phàm phu sở kế ngô ngã.

như thầy thuốc giỏi kia khéo biết sữa là thuốc hoặc chẳng phải thuốc.

凡夫愚人所計我者。或言大如拇指。

Phàm phu ngu nhân sở kế ngã giả. hoặc ngôn đại như mẫu chỉ.

Chỗ phàm phu nói về Ngã ấy, hoặc nói lớn như ngón tay,

或如芥子。或如微塵。如來說我悉不如是。

hoặc như giới tử. hoặc như vi trần. Như Lai thuyết ngã tất bất như thị.

hoặc như hạt cải, hoặc như hạt bụi. Như Lai nói Ngã hoàn toàn không phải như vậy.

是故說言。諸法無我實非無我。何者是我。

thị cố thuyết ngôn. chư Pháp vô ngã thật phi vô ngã. hà giả thị ngã.

Vì vậy Ta nói rằng các pháp vô ngã ngã thật mà cũng phi vô ngã. Gì là ngã?

若法是實是真是常是主是依性不變易者。

Nhược Pháp thị thật thị chân thị thường thị chủ thị y tánh bất biến dịch giả.

Nếu pháp là thật, là chân, là thường, là chủ, là y tánh, là không thay đổi

是名為我。如彼大醫善解乳藥。如來亦爾。

thị danh vi ngã. như bĩ Đại y thiện giải nhũ dược. Như Lai diệt nhĩ.

thì gọi là Ngã. Như Đại y kia khéo giải các loại thuốc sữa. Như Lai cũng vậy,

為眾生故說諸法中真實有我。

vi chúng sanh cố thuyết chư Pháp trung chân thật hữu ngã.

vì chúng sanh nên nói trong các pháp có Chân thật ngã.

汝等四眾應當如是修習是法。

nhữ đẳng Tứ Chúng ứng đương như thị tu tập thị Pháp.

Bốn chúng các ông phải nên tu tập các pháp như vậy.

大般涅槃經卷第二

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, QUYỂN THỨ HAI

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:04:50 2006

Thích Nữ Tuệ Quảng hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:04:50 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

=====

Thích Nữ Hạnh Giải hiệu đính

Vol. 12, No. 374

大般涅槃經卷第三

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam

Kinh Đại Bát Niết Bàn-Quyển Thứ Ba

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Tam Tạng Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch vào đời Bắc Lương.

壽命品第一之三

Thọ mạng phẩm đệ nhất chi tam

Phần Thứ Ba, Phẩm Thứ Nhất: Thọ Mạng.

佛復告諸比丘。

Phật phục cáo chư Tỷ-kheo。

Phật lại gọi chư Tỷ-kheo mà dạy rằng,

汝於戒律有所疑者今恣汝問。我當解說令汝心喜。

Nhữ ư giới luật hữu sở nghi giả kim tứ nhữ vấn。 Ngã đương giải thuyết lệnh nhữ tâm hỉ。 các ông đối với Giới Luật có chỗ nào nghi ngờ, nay tùy ý hỏi, Ta sẽ giảng giải khiến các ông sanh tâm hoan hỷ。

我已修學一切諸法本性空寂了了通達。汝等比丘。

Ngã dĩ tu học nhất thiết chư Pháp bản tánh không tịch liễu liễu thông đạt。 Nhữ đẳng Tỷ-kheo。

Ta đã tu học, hiểu biết thông suốt tất cả các pháp, bản tánh vốn không, vắng lặng。 Các Tỷ-kheo,

莫謂如來唯修諸法本性空寂。復告諸比丘。

Mạc vị Như-Lai duy tu chư Pháp bản tánh không tịch。 Phục cáo chư Tỷ-kheo。

chớ bảo Như Lai chỉ tu các pháp tánh không, vắng lặng。 Lại bảo, này các Tỷ-kheo, 若於戒律有所疑者今可致問。

Nhược ư giới luật hữu sở nghi giả kim khả trí vấn。

nếu đối với Giới Luật có chỗ nghi ngờ, nay có thể hỏi。

時諸比丘即白佛言。世尊。我等無有智慧能問如來應正遍知。

Thời chư Tỷ-kheo tức bạch Phật ngôn。 Thế tôn。 Ngã đẳng vô hữu trí tuệ năng vấn Như-Lai ứng Chánh-biến-Tri。

Lúc đó các vị Tỷ-kheo liền bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, chúng con không có trí tuệ để có thể hỏi Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri。

所以者何。如來境界不可思議。

Sở dĩ giả hà。 Như-Lai cảnh giới bất khả tư nghị。

Vì sao như vậy? Cảnh giới của Như Lai tốt đẹp không thể nghĩ bàn,

所有諸定不可思議。所演教誨不可思議。

Sở hữu chư định bất khả tư nghị。 Sở diễn giáo hối bất khả tư nghị。

tất cả các không thể nghĩ bàn, những lời dạy diễn giảng không thể nghĩ bàn,
是故我等無有智慧能問如來。世尊。

Thị cổ ngã đấng vô hữu trí tuệ năng vấn Như-Lai. Thế tôn.

cho nên chúng con không có trí tuệ để có thể hỏi Như Lai. Thừa Thế Tôn,
譬如老人年百二十身嬰長病寢臥床席不能起居氣力虛劣餘命無幾。

Thí như lão nhân niên bách nhị thập thân anh trường bệnh tẩm ngọa sàng tịch bất năng
khởi cư khí lực hư liệt dư mạng vô kì.

thí như người già một trăm hai mươi tuổi từ nhỏ đến lớn bị bệnh nằm trên giường không thể
ngồi dậy được, sức lực yếu gầy, mạng sống như không còn bao lâu.

有一富人緣事欲行當至他方。

Hữu nhất phú nhân duyên sự dục hành đương chí tha phương.

Có một người giàu, có việc muốn đi đến nơi khác,

以百斤金寄是老人而作是言。我今他行。

Dĩ bách cân kim kí thị lão nhân nhi tác thị ngôn. Ngã kim tha hành.

đem trăm cân vàng gửi cho người già kia mà nói rằng: Tôi nay đi đến nơi khác,

以是寶物持用相寄。或十年還。二十年還。汝當還我。

Dĩ thị bảo vật trì dụng tương kí. Hoặc thập niên hoàn. Nhị thập niên hoàn. Nhữ đương
hoàn ngã.

nên đem bảo vật này gửi ông giữ gìn, hoặc mười năm hay hai mươi năm trở lại, ông phải
trả lại cho tôi.

是時老人即便受之。而此老人復無繼嗣。

Thị thời lão nhân tức tiện thọ chi. Nhi thử lão nhân phục vô kế tự.

Lúc đó người già liền nhận lấy, mà người già ấy lại không có người nối dõi,
其後不久病篤命終。所寄之物悉皆散失。

Kỳ hậu bất cứu bệnh đốc mạng chung. Sở kí chi vật tất giai tán thất.

sau đó không lâu bệnh mà chết, vật được gửi đều bị mất hết.

財主行還償索無所。

Tài chủ hành hoàn thường tác vô sở.

Người chủ tài vật trở về không có chỗ đòi lại.

如是癡人不知籌量可寄不可寄。是故行還償索無所。以是因緣喪失財寶。

Như thị si nhân bất tri trừ lượng khả kí bất khả kí. Thị cố hành hoàn trái tác vô sở. Dĩ thị nhân duyên tang thất tài bảo。

Như vậy, người ngu không biết dự tính xem người nào có thể gởi hay không có thể gởi, cho nên trở về không có chỗ đòi lại, vì nhân duyên đó nên tài sản bị mất hết.

世尊。我等聲聞亦復如是。

Thế tôn. Ngã đẳng Thanh văn diệc phục như thị。

Bạch Thế Tôn! Thanh văn chúng con cũng lại như vậy,

雖聞如來慇懃教誡。不能受持令法久住。

Tuy văn Như-Lai ân cần giáo giới. Bất năng thọ trì lệnh Pháp cứu trụ。

tuy nghe Như Lai ân cần dạy dỗ, nhưng không có khả năng thọ trì khiến Pháp được tồn tại lâu dài.

如彼老人受他寄付。我今無智於諸戒律當何所問。

Như bĩ lão nhân thọ tha kí phó. Ngã kim vô trí ư chư giới luật đương hà sở vấn。

Như người già kia nhận sự gởi gắm của người khác. Con nay không có trí đối với các Giới Luật phải nên hỏi thế nào?

佛告諸比丘。汝等今者若問於我則能利益。一切眾生。

Phật cáo chư Tỷ-kheo. Nhữ đẳng kim giả nhược vấn ư ngã tắc năng lợi ích. Nhất thiết chúng sanh。

Phật dạy các Tỷ-kheo, các người nay nếu hỏi ở nơi Ta thì có thể đạt lợi ích cho tất cả chúng sanh,

是故告汝聽隨所疑恣意而問。

Thị cố cáo nhữ thính tùy sở nghi tứ ý nhi vấn。

cho nên bảo các người nên theo chỗ nghi tùy ý mà hỏi.

爾時諸比丘白佛言。世尊。譬如有人年二十五盛壯端正。

Nhĩ thời chư Tỷ-kheo bạch Phật ngôn. Thế tôn. Thí như hữu nhân niên nhị thập ngũ thịnh tráng đoan chánh。

Lúc ấy các vị Tỷ-kheo bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thí như có người hai mươi lăm tuổi, cường tráng đoan chánh,

多有財寶金銀琉璃。

Đa hữu tài bảo kim ngân lưu ly。

có nhiều tài sản quý báu vàng bạc lưu ly,

父母妻子眷屬宗親悉皆存在。亦有人來寄其寶物。語其人言。

Phụ mẫu thê tử quyến chúc tông thân tất giai tồn tại。Diệc hữu nhân lai kí kỳ bảo vật。Ngữ kỳ nhân ngôn。

cha mẹ vợ con quyến thuộc thân tộc thầy đều còn, cũng có người đến gởi báu vật, nói với người đó rằng:

我有緣事欲至他處。事訖當還。汝當還我。

Ngã hữu duyên sự dục chí tha xứ。Sự cật đương hoàn。Nhữ đương hoàn ngã。

Tôi có việc muốn đi đến xứ khác, việc xong sẽ trở về, ông phải trả lại cho tôi。

是時壯人守護是物如自己有。

Thị thời tráng nhân thủ hộ thị vật như tự kỷ hữu。

Lúc đó tráng sĩ giữ gìn vật kia như giữ của chính mình。

其人偶病即命家屬。如是金寶是他所寄。彼若來索悉皆還之。

Kỳ nhân ngẫu bệnh tức mạng gia chúc。Như thị kim bảo thị tha sở kí。Bỉ nhược lai tác tất giai hoàn chi。

Người kia chợt bị bệnh tức liền dặn người nhà, vàng báu đó là người ta đã gởi, người ta nếu đến tìm thầy đều trả lại。

智者如是。

Trí giả như thị。

Người trí cũng vậy。

善知籌量行還索物皆悉得之無所亡失。世尊亦爾。

Thiện tri trừ lượng hành hoàn tác vật giai tất đắc chi vô sở vong thất。Thế tôn diệc nhĩ。

Khéo biết dự tính đi rồi trở lại tìm vật thầy đều được không có mất mát gì。Thế Tôn cũng như vậy。

若以法寶付囑阿難及諸比丘不得久住。何以故。

Nhược dĩ Pháp bảo phó chúc A-nan cập chư Tỷ-kheo bất đắc cửu trụ。Hà dĩ cố。

Nếu đem pháp bảo giao phó cho A-nan và các Tỷ-kheo thì không được tồn tại lâu dài。Tại vì sao?

一切聲聞及大迦葉悉當無常。如彼老人受他寄物。

Nhất thiết Thanh văn cập Đại Ca-diếp tất đương vô thường。Như bỉ lão nhân thọ tha kí vật。

Tất cả Thanh văn và Đại Ca-diếp đều vô thường. Như người già kia nhận bảo vật của người khác gửi.

是故應以無上佛法付諸菩薩。

Thị cố ứng dĩ vô thượng Phật Pháp phó chư Bồ-tát。

Vậy nên đem Phật Pháp Vô Thượng giao phó cho các vị Bồ-tát,

以諸菩薩善能問答如是法寶。則得久住無量千世。

Dĩ chư Bồ-tát thiện năng vấn đáp như thị Pháp bảo。 Tắc đắc cứu trụ vô lượng thiên thế。 vì các vị Bồ-tát khéo có thể hỏi và trả lời Pháp Bảo như thế, thì được tồn tại lâu dài vô lượng ngàn đời,

增益熾盛利安眾生。如彼壯人受他寄物。以是義故。

Tăng ích sí thịnh lợi an chúng sanh。 Như bỉ tráng nhân thọ tha kí vật。 Dĩ thị nghĩa cố。 tăng thêm lợi ích rất lớn, an ổn chúng sanh。 Như tráng sĩ kia nhận vật của người khác gửi。 諸大菩薩乃能問耳。我等智慧猶如蚊虻。

Chư Đại Bồ-tát nãi năng vấn nhĩ。 Ngã đẳng trí tuệ do như vãn manh。

Các vị Đại Bồ-tát mới có khả năng hỏi như vậy。 Chúng con trí tuệ giống như muỗi mòng, 何能諮請如來深法。時諸聲聞默然而住。

Hà năng ti thỉnh Như-Lai thâm Pháp。 Thời chư Thanh văn mặc nhiên nhi trụ。

làm sao có thể thưa thỉnh Như Lai pháp sâu sắc được? Khi các Thanh văn trả lời xong liền đứng yên lặng。

爾時佛讚諸比丘言。善哉善哉。汝等。

Nhĩ thời Phật tán chư Tỷ-kheo ngôn。 Thiện tai Thiện tai。 Nhữ đẳng。

Lúc đó Phật ca ngợi các Tỷ-kheo rằng: Hay thay! Hay thay! Các ông 善得無漏之心阿羅漢心。我亦曾念以此二緣。

Thiện đắc vô lậu chi tâm A-la-hán tâm。 Ngã diệc tăng niệm dĩ thử nhị duyên。

khéo chứng đạt tâm vô lậu, tâm A-la-hán。 Ta cũng từng vì hai duyên này

應以大乘付諸菩薩令是妙法久住於世。爾時佛告一切大眾。

Ứng dĩ Đại thừa phó chư Bồ-tát lệnh thị diệu Pháp cứu trụ ư thế。 Nhĩ thời Phật cáo nhất thiết Đại chúng。

nên đem Đại thừa giao phó cho các vị Bồ-tát khiến diệu pháp này tồn tại lâu dài ở thế gian。 Lúc bấy giờ Phật dạy tất cả đại chúng:

善男子善女人。我之壽命不可稱量。

Thiện nam tử Thiện Nữ Nhân. Ngã chi thọ mạng bất khả xưng lượng。
Các Thiện nam tử! Thiện nữ nơn! Thọ mạng của ta không thể tính kể,
樂說之辯亦不可盡。汝等宜可隨意諮問。若戒若歸。

nhạo thuyết chi biện diệc bất khả tận. Nhữ đẳng nghi khả tùy ý ti vấn. Nhược giới nhược
quy。

nhạo thuyết biện tài cũng không thể cùng tận, các người nên tùy ý thưa hỏi, hoặc là Giới
hoặc là chỗ nương về,

第二第三亦復如是。

Đệ nhị đệ tam diệc phục như thị。

thứ hai thứ ba cũng lại như vậy.

爾時眾中有一菩薩摩訶薩。本是多羅聚落人也。姓大迦葉。

Nhĩ thời chúng trung hữu nhất Bồ-tát-ma-ha-tát。Bổn thị đa-la tụ lạc nhân dã。Tính Đại
Ca-diếp。

Bấy giờ trong chúng có một vị Đại Bồ-tát, gốc người ở tụ lạc Đa-la, họ Đại Ca-diếp,
婆羅門種。年在幼稚。以佛神力即從座起。

Bà-la-môn chủng。Niên tại ấu trĩ。Dĩ Phật Thần lực tức tùng tọa khởi。

dòng Bà-la-môn, tuổi đang còn nhỏ, dùng thần lực của Phật liền từ chỗ ngồi đứng dậy,
偏袒右臂。遶百千匝。右膝著地合掌向佛。

Thiên đản hữu tý。Nhiều bách thiên tạp。Hữu tất trước địa hợp chưởng hướng Phật。
trịch áo bày vai bên phải, đi quanh trăm ngàn vòng, quỳ gối bên phải trên đất chấp tay
hướng Phật,

而白佛言。世尊。我於今者欲少諮問。

Nhi bạch Phật ngôn。Thế tôn。Ngã ư kim giả dục thiểu ti vấn。

mà bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, con nay muốn hỏi vài điều,
若佛聽者乃敢發言。佛告迦葉。

Nhược Phật thính giả nãi cảm phát ngôn。Phật cáo Ca-diếp。

nếu Phật cho phép con mới dám hỏi. Phật dạy Ca-diếp:

如來應正遍知恣汝所問。當為汝說斷汝所疑令汝歡喜。

Như-Lai ứng Chánh-biến-Tri tứ nhữ sở vấn。Đương vị nhữ đoan nhữ sở nghi lệnh nhữ
hoan hỉ。

Như Lai, bậc Ứng Cúng, Chánh Biến Tri sẽ tùy chỗ của người hỏi, Ta sẽ vì người nói khiến người dứt mọi nghi ngờ mà được hoan hỷ.

爾時迦葉菩薩摩訶薩白佛言。世尊。

Nhĩ thời Ca-diếp Bồ-tát-ma-ha-tát bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

Lúc ấy Đại Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

如來哀愍已垂聽許今當問之。

Như-Lai ai mẫn dĩ thùy thính hứa kim đương vấn chi。

Như Lai dĩ lòng thương xót hứa khả nay con sẽ hỏi,

然我所有智慧微少猶如蚊虻。如來世尊道德巍巍。

Nhiên ngã sở hữu trí tuệ vi thiếu do như vãn manh。 Như lai thế tôn đạo đức nguy nguy。

Tuy nhiên trí tuệ nhỏ bé của con như ruồi muỗi, Như Lai Thế Tôn, đạo đức cao lớn

純以栴檀師子難伏不可壞眾而為眷屬。如來之身猶真。

Thuần dĩ chiên đàn Sư-tử nan phục bất khả hoại chúng nhi vi quyến chúc。 Như-Lai chi thân do chân。

toàn dùng những thứ không thể hoại như chiên-đàn, khó điều phục như sư tử mà làm quyến thuộc, thân của Như Lai chân thật,

金剛。色如琉璃。真實難壞。

Kim cương。 Sắc như lưu ly。 Chân thật nan hoại。

như kim cương, sắc như lưu ly, chân thật khó hoại,

復為如是大智慧海之所圍遶。

Phục vi như thị Đại trí tuệ hải chi sở vi nhiều。

lại là trí tuệ lớn như bốn biển,

是眾會中諸大菩薩摩訶薩等。皆悉成就無量無邊深妙功德猶如香象。

Thị chúng hội trung chư Đại Bồ-tát-ma-ha-tát đẳng。 Giai tất thành tựu vô lượng vô biên thâm diệu công đức do như hương tượng。

trong hội chúng này các vị Đại Bồ-tát.v.v. thấy đều thành tựu vô lượng vô biên công đức thù thắng vi diệu như Hương Tượng,

於如是等大眾之前豈敢發問。

Ư như thị đẳng Đại chúng chi tiền khởi cảm phát vấn。

ở trước đại chúng như vậy đâu dám thỉnh hỏi,

為當承佛神通之力及因大眾善根威德少發問耳。

Vị đương thừa Phật Thần thông chi lực cập nhân Đại chúng thiện căn uy đức thiếu phát vấn nhĩ.

nên phải nương vào oai lực thần thông của Phật và nhờ oai đức thiện căn đại chúng mới thưa hỏi vài điều vậy,

即於佛前說偈問曰。

Tức ư Phật tiền thuyết kệ vấn viết。

liền ở trước Phật nói kệ hỏi rằng:

云何得長壽

金剛不壞身

Vân hà đắc trường thọ

Kim cương bất hoại thân

Làm sao được trường thọ?

Kim cương không hoại thân,

復以何因緣

得大堅固力

Phục dĩ hà nhân duyên

Đắc Đại kiên cố lực

Lại do nhân duyên gì?

Chứng lực kiên cố lớn,

云何於此經

究竟到彼岸

Vân hà ư thử Kinh

Cứu cánh đáo bỉ ngạn

Làm sao ở kinh này?

Đến cứu cánh bờ kia,

願佛開微密

廣為眾生說

Nguyện Phật khai vi mật

Quảng vị chúng sanh thuyết

Nguyện Phật khai nhiệm mầu

Rộng nói vì chúng sanh,

云何得廣大

為眾作依止

Vân hà đắc quảng Đại

Vị chúng tác y chỉ

Làm sao được rộng lớn?

Vì chúng làm chỗ nương,

實非阿羅漢

而與羅漢等

Thật phi A-la-hán

nhi dữ la hán đẳng

Thật chẳng phải La-hán

Mà cùng như La-hán,

云何知天魔

為眾作留難

Vân hà tri Thiên ma

Vị chúng tác lưu nan

Làm sao biết Thiên ma?

Gieo tai họa cho người,

佛說波旬說

云何分別知

Phật thuyết Ba-tuần thuyết

vân hà phân biệt tri

Phật dạy Ba-tuần nói

Biết làm sao phân biệt?

云何諸調御
Vân hà chư điều ngự
Làm sao chư Điều Ngự
正善具成就
Chánh thiện cụ thành tựu
Chân chánh đều thành tựu
云何作善業
Vân hà tác thiện nghiệp
Làm sao hành nghiệp thiện?
云何諸菩薩
Vân hà chư Bồ-tát
Làm sao các Bồ-tát?
云何解滿字
Vân hà giải mãn tự
Làm sao hiểu hết chữ?
云何共聖行
Vân hà cộng Thánh hành
Làm sao đi cùng Thánh?
迦隣提日月
Ca lân đề nhật nguyệt
Trời trăng Ca-la-đề
云何未發心
Vân hà vị phát tâm
Làm sao chưa phát tâm?
云何於大眾
Vân hà ư Đại chúng
Làm sao chốn đông người?
猶如闍浮金
Do như diêm phù kim
Giống như vàng Diêm-phù
云何處濁世

心喜說真諦
Tâm hỉ thuyết chân đế
Hoan hỷ nói Chân Đế,
演說四顛倒
Diễn thuyết tứ điên đảo
Giảng giải bốn điên đảo,
大仙今當說
Đại tiên kim đương thuyết
Bậc Đại Tiên đang thuyết,
能見難見性
Năng kiến nan kiến tánh
Thấy được tánh khó thấy,
及與半字義
Cập dữ bán tự nghĩa
Và nghĩa của nửa chữ,
如娑羅娑鳥
Như sa-la sa điều
Như chim Sa-la-sa,
太白與歲星
Thái bạch dữ tuế tinh
Thái Bạch các vì sao,
而名為菩薩
Nhi danh vi Bồ-tát
Mà gọi là Bồ-tát,
而得無所畏
Nhi đắc vô sở úy
Mà không có sợ hãi,
無能說其過
Vô năng thuyết kỳ quá
Không thể nói lỗi ấy,
不污如蓮華

Vân hà xử trước thế
Làm sao đời uế trước?
云何處煩惱
Vân hà xử phiền não
Làm sao nơi phiền não?
如醫療眾病
Như y liệu chúng bệnh
Như trị bệnh chúng sanh,
生死大海中
Sanh tử Đại hải trung
Trong biển lớn sanh tử,
云何捨生死
Vân hà xả sanh tử
Làm sao lìa sanh tử?
云何觀三寶
Vân hà quán Tam Bảo
Làm sao quán Tam Bảo?
三乘若無性
Tam thừa nhược Vô tánh
Tam Thừa nếu không tánh
猶如樂未生
Do như lạc vị sanh
Giống như vui chưa khởi,
云何諸菩薩
Vân hà chư Bồ-tát
Làm sao các Bồ-tát?
云何為生盲
Vân hà vi sanh manh
Làm sao là người mù?
云何示多頭
Vân hà kì đa đầu

Bất ô như liên hoa
Như hoa sen không nhuộm,
煩惱不能染
Phiền não bất năng nhiễm
Mà không nhiễm phiền não,
不為病所污
Bất vị bệnh sở ô
Không vì bệnh mà nhiễm,
云何作船師
Vân hà tác thuyền sư
Làm sao làm thợ thuyền?
如蛇脫故皮
Như xà thoát cố bì
Như rắn vứt bỏ vỏ,
猶如天意樹
Do như Thiên ý thụ
Giống như cây Thiên Ý,
云何而得說
Vân hà nhi đắc thuyết
Làm sao mà nói được?
云何名受樂
Vân hà danh thọ lạc
Làm sao gọi thọ vui?
而得不壞眾
Nhi đắc bất hoại chúng
Mà được không hoại chúng,
而作眼目導
Nhi tác nhãn mục đạo
Mà được mắt chỉ dẫn
唯願大仙說
Duy nguyện Đại tiên thuyết

Làm sao hiện nhiều đầu?
云何說法者
Vân hà thuyết Pháp giả
Làm sao người thuyết Pháp?
云何復示現
Vân hà phục thị hiện
Làm sao lại thị hiện?
云何勇進者
Vân hà dũng tiến giả
Làm sao dũng mãnh tiến?
云何知法性
Vân hà tri Pháp tánh
Làm sao biết tánh pháp?
云何諸菩薩
Vân hà chư Bồ-tát
Làm sao các Bồ-tát?
云何為眾生
Vân hà vị chúng sanh
Làm sao vì chúng sanh?
云何說畢竟
Vân hà thuyết tất cánh
Làm sao nói rốt ráo?
如其斷疑網
Như kỳ đoạn nghi võng
Như người đoạn lưới nghi,
云何而得近
Vân hà nhi đắc cận
Làm sao mà được gần?
我今請如來
Ngã kim thỉnh Như-Lai
Con nay thỉnh Như Lai,

Để xin Đại Tiên thuyết,
增長如月初
Tăng trưởng như nguyệt sơ
Lớn dần như trăng mọc,
究竟於涅槃
Cứu cánh ư Niết-Bàn
Đạt cứu cánh Niết-bàn,
示人天魔道
Kì nhân Thiên ma đạo
Rõ đường người, trời, ma,
而受於法樂
Nhi thọ ư Pháp lạc
Để thọ được pháp lạc
遠離一切病
Viễn li nhất thiết bệnh
Xa lìa tất cả bệnh,
演說於祕密
Diễn thuyết ư bí mật
Giảng giải các mật nghĩa,
及與不畢竟
Cập dữ bất tất cánh
Và cùng chẳng rốt ráo,
云何不定說
vân hà bất định thuyết
Không định làm sao nói?
最勝無上道
Tối thắng vô thượng đạo
Đạo Tối thắng Vô thượng,
為諸菩薩故
Vị chư Bồ-tát cố
Vì các vị Bồ-tát

願為說甚深

微妙諸行等

Nguyện vì thuyết thậm thâm

Vi diệu chư hành đẳng

Nguyện vì nói pháp mầu,

Và các hạnh vi diệu

一切諸法中

悉有安樂性

Nhất thiết chư Pháp trung

Tất hữu an lạc tánh

Trong tất cả các pháp,

Đều có tánh an lạc,

唯願大仙尊

為我分別說

Duy nguyện Đại tiên tôn

Vì ngã phân biệt thuyết

Cúi mong đấng Thế Tôn,

Vì con phân biệt nói,

眾生大依止

兩足尊妙藥

Chúng sanh Đại y chỉ

Lượng túc tôn diệu dược

Chúng sanh muốn nương vào,

Thuốc hay bậc Lương Túc,

今欲問諸陰

而我無智慧

Kim dục vấn chư uẩn

Nhi ngã vô trí tuệ

Nay muốn hỏi các uẩn,

Mà con không trí tuệ

精進諸菩薩

亦復不能知

Tinh tấn chư Bồ-tát

Diệc phục bất năng tri

Các Bồ-tát tinh tấn,

Cũng lại không thể biết,

如是等甚深

諸佛之境界

Như thị đẳng thậm thâm

Chư Phật chi cảnh giới

Pháp sâu xa như vậy,

Cảnh giới của chư Phật,

爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。善男子。

Nhĩ thời Phật tán Ca-diếpBồ-tát。Thiện tai Thiện tai。Thiện nam tử。

Lúc bấy giờ Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp。Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử!

汝今未得一切種智。我已得之。

Nhữ kim vị đắc nhất thiết chủng trí。Ngã dĩ đắc chi。

Người nay chưa chứng Nhất thiết chủng trí, điều Ta đã chứng đắc。

然汝所問甚深密藏。如一切智之所諮問等無有異。

Nhiên nhữ sở vấn thậm thâm mật tạng。Như nhất thiết trí chi sở ti vấn đẳng vô hữu dị。

Nhưng chỗ người hỏi sâu xa kín đáo, giống như Trí nhất thiết, không có gì sai khác。

善男子。我坐道場菩提樹下初成正覺。

Thiện nam tử. Ngã tọa đạo trường Bồ-đề thụ hạ sơ thành chánh giác.

Thiện nam tử! Ta ngồi dưới cây Bồ-đề đạo tràng lúc đầu thành Chánh Giác,
爾時無量阿僧祇恒河沙等諸佛世界有諸菩薩。

Nhĩ thời vô lượng a-tăng-kì hằng hà sa đấng chư Phật thế giới hữu chư Bồ-tát.
lúc ấy vô lượng a-tăng-kì hằng hà sa thế giới chư Phật có các Bồ-tát
亦曾問我是甚深義。

Diệc tăng vấn ngã thị thậm thâm nghĩa。

cũng từng hỏi Ta nghĩa lý sâu xa này,

然其所問句義功德亦皆如是等無有異。如是問者。則能利益無量眾生。

Nhiên kỳ sở vấn cú nghĩa công đức diệc giai như thị đấng vô hữu dị. Như thị vấn
giả. Tác năng lợi ích vô lượng chúng sanh.

nhưng công đức hỏi nghĩa lý đó cũng đều như vậy không có sai khác, người hỏi như vậy
thì có lợi ích cho vô lượng chúng sanh.

爾時迦葉菩薩復白佛言。世尊。

Nhĩ thời Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Lúc ấy Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

我無智力能問如來如是深義。世尊。

Ngã vô trí lực năng vấn Như-Lai như thị thâm nghĩa. Thế tôn.

Con không có trí lực có thể hỏi Như Lai nghĩa sâu xa ấy. Thế Tôn,

譬如蚊虻不能飛過大海彼岸周遍虛空。我亦如是。

Thí như văn manh bất năng phi quá Đại hải bỉ ngạn châu biến hư không. Ngã diệc như
thị。

thí như muỗi mòng không có thể bay qua bờ bên kia của biển lớn rộng mênh mông như
hư không. Con cũng như vậy,

不能諮問如來如是智慧大海法性虛空甚深之義。

Bất năng ti vấn Như-Lai như thị trí tuệ Đại hải Pháp tánh hư không thậm thâm chi nghĩa.
không thể thưa hỏi Như Lai trí tuệ như biển, pháp tánh như hư không về nghĩa lý sâu xa
này.

世尊。譬如國王髻中明珠付典藏臣。

Thế tôn. Thí như Quốc Vương kế trung minh châu phó điển tạng Thần.

Thế Tôn, thí như trong búi tóc của Quốc Vương có viên minh châu giao phó cho vị quan giữ kho,

藏臣得已頂戴恭敬增加守護。

Tặng Thần đấng dĩ đỉnh đài cung kính tăng gia thủ hộ.

quan giữ kho nhận được thì cung kính đành lễ và càng giữ gìn cẩn thận.

我亦如是頂戴恭敬增加守護如來所說方等深義。何以故。

Ngã diệc như thị đỉnh đài cung kính tăng gia thủ hộ Như-Lai sở thuyết phương đẳng thâm nghĩa. Hà dĩ cố.

Con cũng như vậy đành lễ cung kính và càng giữ gìn cẩn thận những lời Như Lai dạy về nghĩa lý thâm sâu ấy. Vì sao như vậy?

令我廣得深智慧故。爾時。佛告迦葉菩薩。善男子。

Lệnh ngã quảng đắc thâm trí tuệ cố. Nhĩ thời. Phật cáo Ca-diếp Bồ-tát. Thiện nam tử.

Vì khiến con chứng đắc trí tuệ sâu xa. Lúc ấy, Phật dạy Bồ-tát Ca-diếp: Thiện nam tử!

諦聽諦聽。當為汝說如來所得長壽之業。

Để thính để thính. Đương vị nhữ Như-Lai sở đắc trường thọ chi nghiệp.

Lắng nghe! Lắng nghe! Ta sẽ vì người nói việc Như Lai đã đắc trường thọ,

菩薩以是業因緣故得壽命長。

Bồ-tát dĩ thị nghiệp nhân duyên cố đắc thọ mạng trường.

Bồ-tát nhờ nhân duyên việc này mà được trường thọ,

是故應當至心聽受。若業能為菩提因者。

Thị cố ứng đương chí tâm thính thọ. Nhược nghiệp năng vi ồ đề nhân giả.

Cho nên phải chí tâm lắng nghe, việc này có thể làm nhân cho quả Bồ-đề,

應當誠心聽受是義。既聽受已轉為人說。善男子。

Ứng đương thành tâm thính thọ thị nghĩa. Ký thính thọ dĩ chuyển vị nhân thuyết. Thiện nam tử.

phải nên thành tâm lắng nghe nghĩa ấy, nghe rồi nên vì người khác nói. Thiện nam tử!

我以修習如是業故得阿耨多羅三藐三菩提。

Ngã dĩ tu tập như thị nghiệp cố đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề.

Ta nhờ tu tập việc như vậy cho nên chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Giác,

今復為人廣說是義。善男子。譬如王子犯罪繫獄。

Kim phục vị nhân quảng thuyết thị nghĩa. Thiện nam tử. Thí như Vương tử phạm tội hệ ngục。

nay lại vì người rộng nói nghĩa đó. Thiện nam tử! thí như con vua phạm tội phải vào tù, 王甚憐愍愛念子故。躬自迴駕至其繫所。

Vương thậm liên mẫn ái niệm tử cố. Cung tự hồi giá chí kỳ hệ sở.
vua rất thương xót lo nghĩ đến con, thân tự xa giá đến chỗ con bị trói,
菩薩亦爾。

Bồ-tátdiệc nhĩ。

Bồ-tát cũng như vậy,

欲得長壽應當護念一切眾生同於子想。生大慈大悲大喜大捨。

Dục đắc trường thọ ứng đương hộ niệm nhất thiết chúng sanh đồng ư tử tưởng. Sanh Đại từ Đại bi Đại hỉ Đại xả。

muốn được trường thọ nên phải nhớ nghĩ đến tất cả chúng sanh đều như nhớ nghĩ đến con mình vậy.

授不殺戒教修善法。亦當安止一切眾生於五戒十善。

Thụ bất sát giới giáo tu thiện Pháp. Diệc đương an chỉ nhất thiết chúng sanh ư ngũ giới Thập thiện。

Trao giới không giết hại và dạy họ tu pháp lành, cũng nên an trú tất cả chúng sanh ở nơi năm giới và mười thiện nghiệp.

復入地獄餓鬼畜生阿修羅等一切諸趣。

Phục nhập Địa-ngục ngạ quỷ súc sanh A-tu-La đẳng nhất thiết chư thú。

Lại vào tất cả các đường Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh và A-tu-la .v.v.

拔濟是中苦惱眾生。脫未脫者。度未度者。

Bạt tế thị trung khổ não chúng sanh. Thoát vị thoát giả. Độ vị độ giả。

để cứu giúp chúng sanh đang chịu khổ ở trong ấy, chưa giải thoát làm cho giải thoát, chưa độ làm cho được độ,

未涅槃者令得涅槃。安慰一切諸恐怖者。

Vị Niết-Bàn giả lệnh đắc Niết-Bàn. An úy nhất thiết chư khủng phố giả。

chưa chứng Niết-bàn khiến cho chứng Niết-bàn, an ủi tất cả mọi người đang sợ hãi.

以如是等業因緣故。菩薩則得壽命長遠。

Dĩ như thị đẳng nghiệp nhân duyên cố. Bồ-tátđắc đắc thọ mạng trường viễn。

Nhờ nhân duyên những việc như vậy, Bồ-tát liền được thọ mạng lâu dài,
於諸智慧而得自在。隨所壽終生於天上。

Ư chư trí tuệ nhi đắc tự-tại。 Tùy sở thọ chung sanh ư Thiên thượng。
ở nơi các trí tuệ mà được tự tại, tùy lúc mạng chung liền sanh lên cõi Trời。
爾時迦葉菩薩復白佛言。世尊。

Nhĩ thời Ca-diếpBồ-tátphục bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

菩薩摩訶薩等視眾生同於子想。是義深隱我未能解。

Bồ-tát-ma-ha-tát đặng thị chúng sanh đồng ư tử tưởng。 Thị nghĩa thâm ẩn ngã vị năng
giải。

Đại Bồ-tát .v.v. thấy chúng sanh giống như con vậy, nghĩa sâu xa con chưa hiểu được。
世尊。

Thế tôn。

Bạch Thế Tôn!

如來不應說言菩薩於諸眾生修平等心同於子想。所以者何。

Như-Lai bất ứng thuyết ngôn Bồ-tátư chư chúng sanh tu bình đẳng tâm đồng ư tử
tưởng。 Sở dĩ giả hà。

Như Lai không nên nói rằng Bồ-tát đối với các chúng sanh tu tâm bình đẳng đều nghĩ như
con mình. Vì sao như vậy?

於佛法中有破戒者作逆罪者毀正法者。

Ư Phật Pháp trung hữu phá giới giả tác nghịch tội giả hủy chánh Pháp giả。

Trong Phật pháp có người phá giới, người làm các nghịch tội, người hủy Chánh pháp,
云何當於如是等人同子想耶。佛告迦葉。如是如是。

Vân hà đương ư như thị đẳng nhân đồng tử tưởng da。 Phật cáo Ca-diếp。 Như thị như
thị。

làm thế nào để xem những người này đồng như con ư? Phật dạy Ca-diếp: Đúng vậy!

Đúng vậy!

我於眾生實作子想如羅睺羅。迦葉菩薩復白佛言。世尊。

Ngã ư chúng sanh thật tác tử tưởng như La-hầu-la。 Ca-diếpBồ-tátphục bạch Phật
ngôn。 Thế tôn。

Ta đối với chúng sanh thật sự xem như con như La-hầu-la. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật:
Bạch Thế Tôn!

昔十五日僧布薩時。

Tích thập ngũ nhật tăng bố tát thời。

Ngày xưa, vào ngày mười lăm lúc Tăng Bố-tát,
曾於受具清淨眾中有一童子。不善修習身口意業。

Tăng ư thọ cụ thanh tịnh chúng trung hữu nhất Đồng tử。 Bất thiện tu tập thân khẩu ý
nghiệp。

trong chúng đã có một vị đồng tử đã thọ giới Cụ Túc thanh tịnh, không khéo tu tập thân,
khẩu, ý nghiệp。

在屏隈處盜聽說戒。密迹力士承佛神力。

Tại bình ôi xử đạo thính thuyết giới。 Mật tích lực sĩ thừa Phật Thần lực。

Ở nơi chỗ khuất trộm nghe thuyết giới, lực sĩ Mật Tích nương thần lực Phật,
以金剛杵碎之如塵。世尊。是金剛神極成暴惡。

Dĩ Kim cương xử toái chi như trần。 Thế tôn。 Thị Kim cương Thần cực thành bạo ác。
dùng gậy Kim Cang đánh người kia vụn như bụi。 Thừa Thế Tôn, thần Kim Cang ấy tức
thành bạo ác,

乃能斷是童子命根。

Nãi năng đoạn thị Đồng tử mạng căn。

mới có thể đoạn mạng căn của đồng tử ấy。

云何如來視諸眾生同於子想如羅睺羅。佛告迦葉。汝今不應作如是言。

Vân hà Như-Lai thị chư chúng sanh đồng ư tử tưởng như La-hầu-la。 Phật cáo Ca-
diếp。 Nhữ kim bất ứng tác như thị ngôn。

Làm thế nào Như Lai thấy chúng sanh đều xem như con mình như La-hầu-la? Phật dạy
Ca-diếp, người nay không nên nói như vậy。

是童子者。即是化人非真實也。

Thị Đồng tử giả。 Tức thị hóa nhân phi chân thật dã。

Đồng tử ấy, tức chỉ là người hóa hiện không có thật,
為欲驅遣破戒毀法令出眾故。金剛密迹亦是化耳。迦葉。

vị dục khu khiển phá giới hủy Pháp lệnh xuất chúng cố。 Kim cương mật tích diệc thị hóa
nhĩ。 Ca-diếp。

vì muốn đuổi người phá giới hủy pháp ra khỏi chúng, Kim Cang Mật Tích cũng là hóa hiện vậy. Ca-diếp,

毀謗正法及一闡提。

Hủy báng chánh Pháp cập nhất xiển đề。

hủy báng Chánh pháp và Nhất Xiển-đề,

或有殺生乃至邪見及故犯禁。

Hoặc hữu sát sanh nãi chí tà kiến cập cố phạm cấm。

hoặc có người sát sanh cho đến tà kiến và người cố ý phạm cấm giới,

我於是等悉生悲心同於子想如羅睺羅。善男子。

Ngã ư thị đẳng tất sanh bi tâm đồng ư tử tưởng như La-hầu-la. Thiện nam tử。

Ta lúc đó đều sanh lòng tử bi đều xem như con ta như La-hầu-la. Thiện nam tử!

譬如國王諸群臣等有犯王法隨罪誅戮而不捨置。如來世尊不如是也。

Thí như Quốc Vương chư quần Thần đẳng hữu phạm Vương Pháp tùy tội tru lục nhi bất xả trí。 Như lai thế tôn bất như thị dã。

Thí như vị Quốc Vương có quần thần phạm pháp vua tùy tội giết chết mà không tha. Như Lai Thế Tôn không như vậy。

於毀法者。

Ư hủy Pháp giả。

Đối với người hủy pháp,

與驅遣羯磨訶責羯磨置羯磨舉罪羯磨不可見羯磨滅羯磨未捨惡見羯磨。

Dữ khu khiển Yết Ma ha trách Yết Ma trí Yết Ma cử tội Yết Ma bất khả kiến Yết Ma diệt Yết Ma vị xả ác kiến Yết Ma。

những người cùng ở tác pháp Yết-ma đuổi đi, Yết-ma quả trách, Yết-ma cử tội, Yết-ma không nhìn nhận, Yết-ma diệt tẩn, Yết-ma chưa xả bỏ ác kiến。

善男子。

Thiện nam tử。

Thiện nam tử!

如來所以與謗法者作如是等降伏羯磨。為欲示諸行惡之人有果報故。善男子。

Như-Lai sở dĩ dữ báng Pháp giả tác như thị đẳng hàng phục Yết Ma。 Vị dục kì chư hành ác chi nhân hữu quả báo cố。 Thiện nam tử。

Như Lai dùng các loại Yết-ma như vậy để hàng phục những người hủy báng pháp, vì muốn dạy cho những người làm ác đều có quả báo. Thiện nam tử!

汝今當知。如來即是施惡眾生無恐畏者。

Nhữ kim đương tri. Như-Lai tức thị thí ác chúng sanh vô khủng úy giả.

Người nay nên biết, Như Lai tức đã bố thí cho chúng sanh ác sự không sợ hãi, 若放一光若二若五。

Nhược phóng nhất quang nhược nhị nhược ngũ。

hoặc phóng một hào quang, hoặc hai hào quang, hoặc năm hào quang,

或有遇者悉令遠離一切諸惡。如來今者具有如是無量勢力。善男子。

Hoặc hữu ngộ giả tất lệnh viễn li nhất thiết chư ác. Như-Lai kim giả cụ hữu như thị vô lượng thế lực. Thiện nam tử。

nếu có người gặp được liền đều xa lìa tất cả các điều ác. Như Lai nay có đủ vô lượng thế lực như vậy. Thiện nam tử!

未可見法汝。欲見者。今當為汝說其相貌。

Vị khả kiến Pháp nhữ. Dục kiến giả. Kim đương vị nhữ kỳ tướng mạo。

Người chưa có thể thấy pháp, muốn thấy nay phải vì người nói tướng mạo của pháp, 我涅槃已隨其方面有持戒比丘。

Ngã Niết-Bàn dĩ tùy kỳ phương diện hữu trì giới Tỷ-kheo。

Ta đã Niết-bàn rồi tùy theo phương diện mà giữ giới Tỷ-kheo,

威儀具足護持正法。見壞法者。即能驅遣呵責徵治。

Uy nghi cụ túc hộ trì chánh Pháp. Kiến hoại Pháp giả. Tức năng khu khiến ha trách trưng trì。

oai nghi đầy đủ giữ gìn chánh pháp, thấy người phá hoại pháp, tức có thể đuổi đi la mắng trị phạt nhẹ,

當知是人得福無量不可稱計。善男子。

Đương tri thị nhân đắc phúc vô lượng bất khả xưng kế. Thiện nam tử。

phải biết người ấy được phước vô lượng không thể tính kế. Thiện nam tử!

譬如有王專行暴惡會遇重病。

Thí như hữu Vương chuyên hành bạo ác hội ngộ trọng bệnh。

Thí như ông vua chuyên làm việc bạo ác mắc phải trọng bệnh,

有隣國王聞其名聲興兵而來規欲殄滅。

Hữu lân Quốc Vương văn kỳ danh thanh hưng binh nhi lai quy dục diệt diệt.
có ông vua nước lân cận nghe như vậy liền tự thân mình đưa quân đến để tiêu diệt.
是時病王無力勢故方乃恐怖改心修善。而是隣王得。無量福。
Thị thời bệnh Vương vô lực thế cố phương nãi khủng phố cải tâm tu thiện. Nhi thị lân
Vương đắc. Vô lượng phúc.
Lúc ấy vua bệnh không còn thế lực quá lo sợ nên phát tâm tu thiện, nhờ đó mà vị vua
nước bên cạnh lại được vô lượng phước.
持法比丘亦復如是。驅遣呵責壞法之人。
Trì Pháp Tỷ-kheo diệc phục như thị. Khu khiển ha trách hoại Pháp chi nhân.
Giữ giới Tỷ-kheo cũng lại như vậy, đuổi và la mắng người phá hoại pháp,
令行善法得福無量。善男子。
Lệnh hành thiện Pháp đắc phúc vô lượng. Thiện nam tử.
khiến người làm thiện pháp được phước vô lượng. Thiện nam tử!
譬如長者所居之處田宅屋舍生諸毒樹。
Thí như Trưởng-Giả sở cư chi xứ điền trạch ốc xá sanh chư độc thụ。
Thí như chỗ ở của trưởng giả có ruộng vườn nhà cửa mọc cây độc hại,
長者知己即便斫伐永令滅盡。
Trưởng-Giả tri dĩ tức tiện chước phạt vĩnh lệnh diệt tận。
trưởng giả biết rồi liền chặt phá hết thảy.
又如壯人首生白髮愧而剪拔不令生長。持法比丘亦復如是。
Hựu như tráng nhân thủ sanh bạch phát quý nhi tiến bạt bất lệnh sanh trường. Trì Pháp
Tỷ-kheo diệc phục như thị。
Lại như tráng sĩ trên đầu mọc tóc bạc nôm hỏ thẹn mà cắt nhổ khiến không còn mọc nữa.
Tỷ-kheo trì giới cũng lại như vậy.
見有破戒壞正法者。即應驅遣呵責舉處。
Kiến hữu phá giới hoại chánh Pháp giả. Tức ứng khu khiển ha trách cử xử。
Thấy có người phá giới hủy Chánh pháp, tức phải la mắng đuổi đi nơi khác,
若善比丘見壞法者。置不呵責驅遣舉處。當知是人佛法中怨。
Nhược thiện Tỷ-kheo kiến hoại Pháp giả. Trí bất ha trách khu khiển cử xử. Đương tri thị
nhân Phật Pháp trung oán。

hoặc Tỳ-kheo tốt thấy người phá hoại pháp, mà không la mắng đuổi đi nơi khác, nên biết vị Tỳ-kheo này là người đáng trách trong Phật pháp,

若能驅遣呵責舉處。是我弟子真聲聞也。

Nhược năng khu khiến ha trách cử xử. Thị ngã đệ-tử chân Thanh văn dã.
nếu có thể la mắng đuổi đi nơi khác, là đệ tử của Ta, chân thật là Thanh văn,
迦葉菩薩復白佛言。世尊。如佛所言。

Ca-diếpBồ-tátphục bạch Phật ngôn. Thế tôn. Như Phật sở ngôn.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy,
則不等視一切眾生同於子想如羅睺羅。世尊。

Tác bất đẳng thị nhất thiết chúng sanh đồng ư tử tưởng như La-hầu-la. Thế tôn.
thì không có đẳng cấp đối với tất cả chúng sanh đều được xem như con mình như La-hầu-
la. Thừa Thế Tôn,

若有一人以刀害佛。復有一人持栴檀塗佛。

Nhược hữu nhất nhân dĩ đao hại Phật. Phục hữu nhất nhân trì chiêm đàn đồ Phật.
nếu có một người cầm dao hại Phật, lại có một người dùng hương chiêm-đàn xông Phật.
佛於此二若生等心。云何復言。當治毀禁。

Phật ư thử nhị nhược sanh đẳng tâm. Vân hà phục ngôn. Đương trì hủy cấm.

Phật đối với hai người này tâm đều bình đẳng. Sao lại nói như vậy? Nên trị người hủy phá
cấm giới,

若治毀禁是言則失。佛告迦葉菩薩。善男子。

Nhược trì hủy cấm thị ngôn tắc thất. Phật cáo Ca-diếpBồ-tát. Thiện nam tử.

nếu trị người hủy cấm giới thì lời nói này như mất đi. Phật dạy Bồ-tát Ca-diếp: Thiện nam
tử!

譬如國王大臣宰相產育諸子。

Thí như Quốc Vương Đại Thần tể tướng sản dục chư tử.

Thí như Quốc vương, Đại thần, Tể tướng sanh ra các người con,
顏貌端正聰明黠慧。若二三四將付嚴師而作是言。

Nhan mạo đoan chánh thông minh hiệt tuệ. Nhược nhị tam tứ tướng phó nghiêm sư nhi
tác thị ngôn.

tướng mạo đoan chánh, thông minh sáng suốt, hoặc hai ba bốn người giao phó cho vị
thầy giỏi mà nói như thế này:

君可為我教詔諸子。

Quân khả vị ngã giáo chiếu chư tử。

Người có thể vì ta dạy dỗ các con ta,

威儀禮節伎藝書疏校計算數悉令成就。我今四子就君受學。

Uy nghi lễ tiết kỹ nghệ thư sơ giáo kế toán số tất lệnh thành tựu。 Ngã kim tứ tử tựu quân thọ học。

oai nghi, lễ phép, kỹ xảo, thư từ, tính toán, số học thầy đều thành tựu, ta nay cho bốn con ta theo ông học tập.

假使三子病杖而死。餘有一子必當苦治要令成就。

Giả sử tam tử bệnh trượng nhi tử。 Dư hữu nhất tử tất đương khổ trị yếu lệnh thành tựu。

Giả sử ba người con vì bệnh mà chết, còn lại một người phải khổ nhọc trị liệu mới tránh khỏi được.

雖喪三子我終不恨。迦葉。是父及師得殺罪不。

Tuy tang tam tử ngã chung bất hận。 Ca-diếp。 Thị phụ cập sư đắc sát tội phủ。

Tuy mất ba người con nhưng ta chẳng hận. Này Ca-diếp! Người cha và người thầy ấy mang tội giết người chăng?

不也世尊。何以故。

Bất dã Thế tôn。 Hà dĩ cố。

Thưa Thế Tôn! Không. Vì sao vậy?

以愛念故為欲成就無有惡心。如是教誨得福無量。善男子。

Dĩ ái niệm cố vi dục thành tựu vô hữu ác tâm。 Như thị giáo hối đắc phúc vô lượng。 Thiện nam tử。

Vì lòng yêu con, muốn thành tựu nên không có ác tâm. Lời dạy như vậy được phước vô lượng. Thiện nam tử!

如來亦爾。視壞法者等如一子。如來今以無上正法。

Như-Lai diệc nhĩ。 Thị hoại Pháp giả đẳng như nhất tử。 Như-Lai kim dĩ vô thượng chánh Pháp。

Như Lai cũng như vậy, thấy người hủy hoại pháp bình đẳng xem như con. Như Lai nay đem Chánh pháp Vô thượng

付囑諸王大臣宰相比丘比丘尼優婆塞優婆夷。

Phó chúc chư Vương Đại Thần tế tướng Tỷ-kheo Tỷ-kheo ni Ưu bà tắc ưu bà di。

giao phó cho các vị Vua, Đại thần, Tể tướng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, 是諸國王及四部眾。應當勸勵諸學人等。

Thị chư Quốc Vương cập tứ bộ chúng. ứng đương khuyến lệ chư học nhân đẳng. các vị Quốc vương đó và bốn bộ chúng, phải nên khuyến khích các người học .v.v. 令得增上戒定智慧。

Lệnh đắc tăng thượng giới định trí tuệ.

khiến cho tăng trưởng Giới, Định, Trí Tuệ,

若有不學是三品法懈怠破戒毀正法者。

Nhược hữu bất học thị tam phẩm Pháp giải đãi phá giới hủy chánh Pháp giả.

nếu có người không học ba phẩm pháp ấy, giải đãi phá giới hủy Chánh Pháp,

王者大臣四部之眾應當苦治。善男子。是諸國王及四部眾當有罪不。

Vương giả Đại Thần tứ bộ chi chúng ứng đương khổ trì. Thiện nam tử. Thị chư Quốc Vương cập tứ bộ chúng đương hữu tội bất.

Vua, Đại thần, bốn bộ chúng phải nên trị nghiêm khắc. Thiện nam tử! Các vị vua và bốn bộ chúng ấy có tội chăng?

不也世尊。善男子。

Bất dã Thế tôn. Thiện nam tử.

Thưa Thế Tôn, không. Thiện nam tử!

是諸國王及四部眾尚無有罪。何況如來。善男子。

Thị chư Quốc Vương cập tứ bộ chúng thượng vô hữu tội. Hà hướng Như-Lai. Thiện nam tử.

Các vị Quốc vương và bốn bộ chúng ấy còn không có tội, hướng gì Như Lai. Thiện nam tử!

如來善修如是平等於諸眾生同一子想。如是修者。

Như-Lai thiện tu như thị bình đẳng ư chư chúng sanh đồng nhất tử tưởng. Như thị tu giả.

Như Lai khéo tu bình đẳng đối với các chúng sanh như vậy đồng xem như con, người tu như vậy,

是名菩薩修平等心於諸眾生同一子想。善男子。

Thị danh Bồ-tát tu tâm bình đẳng ư chư chúng sanh đồng nhất tử tưởng. Thiện nam tử.

gọi là Bồ-tát tu tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh đều xem như con. Thiện nam tử!

菩薩如是修習此業得壽命長。

Bồ-tát như thị tu tập thử nghiệp đắc thọ mạng trường。

Bồ-tát tu tập nghiệp như vậy được thọ mạng lâu dài,
亦能善知宿世之事。

Diệc năng thiện tri tú thể chi sự。

cũng có thể khéo biết được việc đời trước.

迦葉菩薩復白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật。 Bạch Thế Tôn!

如佛所說菩薩若有修平等心。視諸眾生同於子想得壽命長。

Như Phật sở thuyết Bồ-tát như hữ tu bình đẳng tâm。 Thị chư chúng sanh đồng ư tử
tường đắc thọ mạng trường。

Như Phật đã dạy, Bồ-tát nếu có tu tâm bình đẳng, thấy chúng sanh đồng xem như con
được thọ mạng lâu dài,

如來不應作如是說。何以故。

Như-Lai bất ứng tác như thị thuyết。 Hà dĩ cố。

Như Lai không nên nói như vậy。 Vì sao?

如知法人能說種種孝順之法。

Như tri Pháp nhân năng thuyết chủng chủng hiếu thuận chi Pháp。

Như người biết pháp có thể nói các loại pháp hiếu thuận,

還至家中以諸瓦石打擲父母。而是父母是良福田多所利益。難遭難遇。

Hoàn chí gia trung dĩ chư ngõa thạch đả trịch phụ mẫu。 Nhi thị phụ mẫu thị lương phúc
điền đa sở lợi ích。 Nan tao nan ngộ。

trở về nhà dùng gạch đá đánh ném cha mẹ, mà bậc cha mẹ ấy là người hiền lương phước
điền trồng nhiều lợi ích, khó thấy khó gặp,

應好供養反生惱害。是知法人言行相違。

ứng hảo cung dưỡng phản sanh não hại。 Thị tri Pháp nhân ngôn hành tương vi。

nên phải cúng dường ngược lại sanh tâm não hại, người biết pháp đó lời nói và hạnh động
trái ngược nhau.

如來所言亦復如是。

Như-Lai sở ngôn diệc phục như thị。

Lời dạy của Như Lai cũng lại như vậy.

菩薩修習等心眾生同子想者。

Bồ-tát tu tập tâm bình đẳng đối với chúng sanh đồng tử tưởng giả.

Bồ-tát tu tập tâm bình đẳng đối với chúng sanh đồng xem như con,

應得長壽善知宿命常住於世無有變易。今者世尊。以何因緣壽命極短同人間耶。

Ứng đắc trường thọ thiện tri tú mạng thường trụ ư thế vô hữu biến dịch. Kim giả Thế tôn. Dĩ hà nhân duyên thọ mạng cực đoản đồng nhân gian da.

nên được thọ mạng lâu dài khéo biết việc đời trước, thường trụ ở đời không có thay đổi.

Nay Thế Tôn, dùng nhân duyên gì mà thọ mạng ngắn ngủi giống người thế gian vậy?

如來將無於諸眾生生怨憎想。世尊。

Như-Lai tưởng vô ư chư chúng sanh sanh oán tăng tưởng. Thế tôn.

Như Lai sẽ không đối với chúng sanh sanh niệm oán ghét. Thế Tôn,

昔日作何惡業斷幾命根。得是短壽不滿百年。

Tích nhật tác hà ác nghiệp đoạn ki mạng căn. Đắc thị đoản thọ bất mãn bách niên.

ngày xưa làm nghiệp ác gì mà đoạn dứt mạng căn? Chịu thọ mạng ngắn ngủi không được một trăm năm?

佛告迦葉。善男子。汝今何緣於如來前發是麤言。

Phật cáo Ca-diếp. Thiện nam tử. Nữ kim hà duyên ư Như-Lai tiền phát thị thô ngôn.

Phật dạy Ca-diếp: Thiện nam tử! Người nay do duyên gì ở trước Như Lai phát ra lời nói thô bạo?

如來長壽。於諸壽中最上最勝。所得常法。

Như-Lai trường thọ. ư chư thọ trung tối thượng tối thắng. Sở đắc thường Pháp.

Như Lai trường thọ, ở trong các thọ mạng là tối thượng hơn hết, đã được thường pháp, 於諸常中最高第一。

Ư chư thường trung tối vi đệ nhất.

ở trong các sự thường là đệ nhất tối thắng.

迦葉菩薩復白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch: Bạch Thế Tôn!

云何如來得壽命長。佛告迦葉。善男子。如八大河。一名恒河。

Vân hà Như-Lai đăc thọ mạng trường. Phật cáo Ca-diếp. Thiện nam tử. Như bát Đại hà. Nhất danh hằng hà.

làm thế nào Như Lai được thọ mạng lâu dài? Phật dạy Ca-diếp, Thiện nam tử! Như tám con sông lớn, một gọi là Hằng Hà,

二名閻摩羅。三名薩羅。四名阿梨羅跋提。

Nhị danh diêm ma la. Tam danh tát la. Tứ danh a lê la Bạt đề.

hai gọi là Diêm-ma-la, ba là Tát-la, bốn là A-lê-la-bạt-đề,

五名摩訶。六名辛頭。七名博叉。八名悉陀。

Ngũ danh Ma-ha. Lục danh tân đầu. Thất danh bác xoa. Bát danh tất đà.

năm là Ma-ha, sáu là Tân-đầu, bảy là Bác-xoa, tám là Tất-đà.

是八大河及諸小河悉入大海。迦葉。

Thị bát Đại hà cập chư tiểu hà tất nhập Đại hải. Ca-diếp.

Tám con sông lớn ấy và các con sông nhỏ đều chảy vào biển lớn. Nay Ca-diếp,

如是一切人中天上地及虛空壽命大河。

Như thị nhất thiết nhân trung Thiên thượng địa cập hư không thọ mạng Đại hà.

như vậy tất cả người trong trời trên đất và thọ mạng sông lớn trong hư không,

悉入如來壽命海中。是故如來壽命無量。復次迦葉。

Tất nhập Như-Lai thọ mạng hải trung. Thị cố Như Lai thọ mạng vô lượng. Phục thứ Ca-diếp.

thảy đều chảy vào trong biển thọ mạng của Như Lai. Cho nên thọ mạng của Như Lai vô

lượng. Lại nữa Ca-diếp,

譬如阿耨達池出四大河。

Thí như a nậu đạt tri xuất tứ Đại hà.

thí như ao A-nậu-đạt ra khỏi bốn con sông lớn,

如來亦爾出一切命。迦葉。譬如一切諸常法中虛空第一。

Như Lai diệc nhĩ xuất nhất thiết mạng. Ca-diếp. Thí như nhất thiết chư thường Pháp trung hư không đệ nhất.

Như Lai cũng như vậy ra khỏi tất cả mạng. Ca-diếp, thí như trong tất cả các pháp thường hằng hư không là thứ nhất,

如來亦爾。於諸常中最高為第一。迦葉。

Như Lai diệc nhĩ. Ư chư thường trung tối vi đệ nhất. Ca-diếp.

Như Lai cũng lại như vậy, trong các thường hằng là thứ nhất tối thắng. Ca-diếp,
譬如諸藥醍醐第一。如來亦爾。

Thí như chử dước thể hồ đệ nhất。 Như Laidiệc nhĩ。

thí như trong tất cả loại thuốc, Đê-hồ là thứ nhất, Như Lai cũng như vậy,
於眾生中壽命第一。

Ư chúng sanh trung thọ mạng đệ nhất。

trong chúng sanh là thọ mạng thứ nhất。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tátphục bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

如來壽命若如是者。應住一劫若減一劫。

Như Laithọ mạng nhược như thị giả。 ứng trụ nhất kiếp nhược giảm nhất kiếp。

Thọ mạng Như Lai nếu như vậy thì nên sống một kiếp hoặc ít hơn một kiếp,

常宣妙法如雲大雨。迦葉。汝今不應於如來所生滅盡想。

Thường tuyên diệu Pháp như chú Đại vũ。 Ca-diếp。 Nhữ kim bất ứng ư Như Lai sở sanh
diệt tận tưởng。

thường nói diệu pháp như rưới mưa lớn。 Ca-diếp, người nay không nên đối với Như Lai
sanh niệm diệt tận。

迦葉。若有比丘比丘尼優婆塞優婆夷。

Ca-diếp。 Nhược hữu Tỷ-kheo Tỷ-kheo ni Ưu bà tắc Ưu bà di。

Ca-diếp, nếu có Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di,

乃至外道五通神仙得自在者。若住一劫若減一劫。

Nãi chí ngoại đạo ngũ thông Thần tiên đắc tự-tại giả。 Nhược trụ nhất kiếp nhược giảm
nhất kiếp。

cho đến ngoại đạo tu tiên chứng năm thần thông đượ tự tại, hoặc sống một kiếp hoặc ít
hơn một kiếp,

經行空中坐臥自在。左脇出火右脇出水。

Kinh hành không trung tọa ngoại tự-tại。 Tả hiệp xuất hỏa hữu hiệp xuất thủy。

đi qua không trung ngồi nằm tự tại, hông trái ra lửa hông phải ra nước,

身出煙炎猶如火聚。若欲住壽能得如意。

Thân xuất yên viêm do như hỏa tụ。 Nhược dục trụ thọ năng đắc như ý。

thân bốc khói rực lửa như đám cháy lớn, nếu muốn duy trì thọ mạng có thể được như ý,
於壽命中修短自任。

Ư thọ mạng trung tu đoản tự nhậm。

hoặc đối với thọ mạng dài thì tu ngắn cũng đều tự được。

如是五通尚得如是隨意神力。豈況如來於一切法得自在力。

Như thị ngũ thông thượng đắc như thị tùy ý Thần lực。 Khởi huống Như Lai ư nhất thiết
Pháp đắc tự-tại lực。

Năm thần thông như vậy còn được thần lực tùy ý như thế, huống gì Như Lai đối với tất cả
pháp được sức tự tại

而當不能住壽半劫若一劫若百劫若百千劫若無量劫。

Nhi đương bất năng trụ thọ bán kiếp nhược nhất kiếp nhược bách kiếp nhược bách thiên
kiếp nhược vô lượng kiếp。

mà không có thể sống nửa kiếp, một kiếp, hoặc trăm kiếp, hoặc trăm ngàn kiếp, hoặc vô
lượng kiếp。

以是義故。當知如來是常住法不變易法。

Dĩ thị nghĩa cố。 Đương tri Như Lai thị thường trụ Pháp bất biến dịch Pháp。

Vì nghĩa đó cho nên phải biết Như Lai là pháp thường trụ chẳng phải pháp biến đổi。

如來此身是變化身非雜食身。

Như Laithử thân thị biến hóa thân phi tạp thực thân。

Thân này của Như Lai là thân biến hóa không phải là thân được nuôi sống bằng các loại
thức ăn,

為度眾生示同毒樹。是故現捨入於涅槃。迦葉。

Vị độ chúng sanh kì đồng độc thụ。 Thị cố hiện xả nhập ư Niết-Bàn。 Ca-diếp。

vì độ chúng sanh nên thị hiện giống như cây độc hại, cho nên hiện ra sự xả bỏ để vào
Niết-bàn. Nay Ca-diếp!

當知佛是常法不變易法。

Đương tri Phật thị thường Pháp bất biến dịch Pháp。

phải biết Phật là pháp thường hằng chẳng phải pháp biến đổi。

汝等於是第一義中應勤精進一心修習。既修習已廣為人說。

Nhữ đẳng ư thị đệ nhất nghĩa trung ứng tinh cần tinh tấn nhất tâm tu tập。 Ký tu tập dĩ
quảng vị nhân thuyết。

Các người ở trong Đệ nhất nghĩa ấy phải nên siêng năng tinh tấn tu tập, đã tu tập rồi rộng vì người nói.

爾時迦葉菩薩白佛言。世尊。

Nhĩ thời Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

Lúc đó Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

出世之法與世間法有何差別。如佛言曰。

Xuất thế chi Pháp dữ thế gian Pháp hữu hà sai biệt。 Như Phật ngôn viết。

Pháp xuất thế cùng pháp thế gian có gì khác nhau? Như lời Phật dạy,

佛是常法不變易法。世間亦說梵天是常自在天常無有變易。

Phật thị thường Pháp bất biến dịch Pháp。 Thế gian diệc thuyết Phạm Thiên thị thường Tự Tại Thiên thường vô hữu biến dịch。

Phật là pháp thường hằng chẳng phải pháp biến đổi, thế gian cũng nói Phạm Thiên là thường hằng, Tự Tại Thiên là thường hằng không có biến đổi.

我常性常微塵亦常。若言如來是常法者。

Ngã thường tánh thường vi trần diệc thường。 Nhược ngôn Như Lai thị thường Pháp giả。

Con thường hằng, tánh thường hằng, vi trần cũng thường hằng, như lời Như Lai dạy là pháp thường hằng,

如來何故不常現耶。若不常現有何差別。

Như Lai hà cố bất thường hiện da。 Nhược bất thường hiện hữu hà sai biệt。

Như Lai tại sao không thường hiện vậy? Hoặ không thường hiện có gì khác nhau?

何以故。梵天乃至微塵世性亦不現故。佛告迦葉。

Hà dĩ cố。 Phạm Thiên nãi chí vi trần thế tánh diệc bất hiện cố。 Phật cáo Ca-diếp。

Vì sao mà từ Phạm Thiên cho đến tánh vi trần của thế giới cũng không hiện ra. Phật dạy Ca-diếp:

譬如長者多有諸牛色雖種種同共一群。

Thí như Trưởng-Giả đa hữu chư ngưu sắc tuy chủng chủng đồng cộng nhất quần。

Thí như ông trưởng giả có nhiều trâu, màu sắc tuy nhiều nhưng chung một đàn,

付放牧人令逐水草。但為醍醐不求乳酪。

Phó phóng mục nhân lệnh trục thủy thảo。 Dẫn vi thế hồ bất cầu nhũ lạc。

giao cho người chăn trâu khiến tranh giành cỏ nước, chỉ cần lấy Đê-hồ không cầu tìm cao sữa,

彼牧牛者搆已自食。

Bỉ mục ngưu giả cấu dĩ tự thực。

người chăn trâu kia không hiểu biết đã tự mình ăn.

長者命終所有諸牛悉為群賊之所抄掠。賊得牛已無有婦女。

Trường-Giả mạng chung sở hữu chư ngưu tất vi quần tặc chi sở sao lược。Tặc đắc ngưu dĩ vô hữu phụ nữ。

Trường giả chết đi tất cả trâu đều bị bọn cướp cướp đi, cướp được trâu rồi nhưng không có phụ nữ,

即自搆捋得已而食。爾時群賊各相謂言。

Tức tự cấu loát đắc dĩ nhi thực。Nhĩ thời quần tặc các tướng vị ngôn。

tức tự mình cướp được liền ăn đi, lúc ấy bọn cướp mỗi người đều nói:

彼大長者畜養此牛不期乳酪但為醍醐。

Bỉ Đại Trường-Giả súc dưỡng thử ngưu bất kỳ nhũ lạc đản vi thể hồ。

Ông đại trưởng giả kia nuôi trâu không mong lấy cao sữa chỉ làm Đề-hồ,

我等今者當設何方而得之耶。夫醍醐者。

Ngã đẳng kim giả đương thiết hà phương nhi đắc chi da。Phu thể hồ giả。

chúng ta nay phải tính cách nào để được chăng? Phàm Đề-hồ ấy,

名為世間第一上味。我等無器。設使得乳無安置處。

Danh vi thể gian đệ nhất thượng vị。Ngã đẳng vô khí。Thiết sử đắc nhũ vô an trí xử。

là vị ngon nhất của thế gian, chúng ta không có dụng cụ, giả sử được sữa không có chỗ chứa,

復共相謂唯有皮囊可以盛之。雖有盛處不知攢搖。

Phục cộng tướng vị duy hữu bì nang khả dĩ thịnh chi。Tuy hữu thịnh xử bất tri toàn điều。

lại cùng nhau bảo chỉ có cái túi da có thể đựng đầy, tuy có chỗ chứa nhưng không biết làm đông lại,

漿猶難得況復生酥。

Tương do nan đắc hướng phục sanh tô。

được như tương còn khó hướng lại váng sữa.

爾時諸賊以醍醐故加之以水。以水多故乳酪醍醐一切俱失。

Nhĩ thời chư tặc dĩ醍醐故加之以水。以水多故乳酪醍醐一切俱失。

Lúc ấy bọn cướp cho thêm nước vào để lấy Đê-hồ, vì nhiều nước nên cao sữa và Đê-hồ đều không được.

凡夫亦爾。雖有善法皆是如來正法之餘。何以故。

Phàm phu diệc nhĩ. Tuy hữu thiện Pháp giai thị Như Lai chánh Pháp chi dư. Hà dĩ cố.

Phàm phu cũng như vậy. Tuy có thiện pháp nhưng đều là những cặn bã của Chánh pháp Như Lai. Tại sao vậy?

如來世尊入涅槃後。

Như lai thế tôn nhập Niết-Bàn hậu。

Sau khi Như Lai Thế Tôn nhập Niết-bàn,

盜竊如來遺餘善法若戒定慧。如彼諸賊劫掠群牛。

Đạo thiết Như Lai di dư thiện Pháp nhược giới định tuệ. Như bỉ chư tặc kiếp lược quần ngưu。

kẻ trộm Như Lai đã để lại các thiện pháp như Giới, Định, Tuệ, như bọn cướp kia cướp đàn trâu vậy.

諸凡夫人雖復得是戒定智慧。無有方便不能解說。

Chư phàm phu nhân tuy phục đắc thị giới định trí tuệ. Vô hữu phương tiện bất năng giải thuyết。

Những người phàm phu tuy có được Giới, Định, Tuệ, nhưng không có phương tiện không thể giảng giải.

以是義故不能獲得常戒常定常慧解脫。

Dĩ thị nghĩa cố bất năng hoạch đắc thường giới thường định thường tuệ giải thoát。

Vì nghĩa này cho nên không thể thu được Giới thường hằng, Định, Tuệ giải thoát, như bọn cướp không biết phương tiện mất醍醐。

Như bỉ quần tặc bất tri phương tiện tang thất thể hồ。

như bọn cướp kia không biết phương pháp làm mất Đê-hồ,

亦如群賊為醍醐故加之以水。凡夫亦爾。

Diệc như quần tặc vi thể hồ cố gia chi dĩ thủy. Phàm phu diệc nhĩ。

cũng như bọn cướp muốn làm Đê-hồ mà thêm nước vào. Phàm phu cũng vậy,

為解脫故說我眾生壽命士夫。梵天自在天微塵世性。

Vị giải thoát cố thuyết ngã chúng sanh thọ mạng sĩ phu. Phạm Thiên Tự Tại Thiên vi trần thể tánh。

vì giải thoát cho nên nói Ngã, Chúng sanh, Thọ mạng, Sĩ phu, Phạm Thiên, Tự Tại Thiên là tánh thế gian.

戒定智慧及與解脫。非想非非想天即是涅槃。

Giới định trí tuệ cấp dữ giải thoát。Phi tưởng phi phi tưởng Thiên tức thị Niết-Bàn。

Giới, Định, Tuệ và Giải thoát, Phi tưởng, Phi phi tưởng Thiên là Niết-bàn,

實亦不得解脫涅槃。如彼群賊不得醍醐。

Thật diệc bất đắc giải thoát Niết-Bàn。Như bỉ quần tặc bất đắc thể hồ。

thật cũng không được giải thoát Niết-bàn, như bọn cướp kia không được Đề-hồ。

是諸凡夫有少梵行供養父母。

Thị chư phàm phu hữu thiểu phạm hạnh cung dưỡng phụ mẫu。

Các phàm phu ấy có chút ít phạm hạnh cúng dường cha mẹ,

以是因緣得生天上受少安樂。如彼群賊加水之乳。

Dĩ thị nhân duyên đắc sanh Thiên thượng thọ thiểu an lạc。Như bỉ quần tặc gia thủy chi nhũ。

nhờ nhân duyên đó được sanh lên trời, được chút ít an lạc, như bọn cướp kia thêm nước vào sữa,

而是凡夫實不知因修少梵行供養父母得生天上。

Nhi thị phàm phu thật bất tri nhân tu thiểu phạm hạnh cung dưỡng phụ mẫu đắc sanh Thiên thượng

mà phàm phu ấy không biết nhờ chút ít phạm hạnh cúng dường cha mẹ ấy mà được sanh lên trời,

又不能知戒定智慧歸依三寶。以不知故說常樂我淨。

Hựu bất năng tri giới định trí tuệ quy y Tam Bảo。Dĩ bất tri cố thuyết thường lạc ngã tịnh。 lại không thể biết Giới, Định, Tuệ, quy y Tam Bảo, vì không biết cho nên nói Thường, Lạc, Ngã, Tịnh。

雖復說之而實不知。是故如來出世之後。

Tuy phục thuyết chi nhi thật bất tri。Thị cố Như Lai xuất thế chi hậu。

Tuy nói mà thật không biết cho nên sau khi Như Lai xuất thế

乃為演說常樂我淨。如轉輪王出現於世。

Nãi vị diễn thuyết thường lạc ngã tịnh。Như chuyển luân Vương xuất hiện ư thế。

mới vì họ giảng giải Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, như vua Chuyển Luân xuất hiện ở đời

福德力故群賊退散牛無損命。

Phúc đức lực cố quần tặc thối tán ngưu vô tổn mạng。

nhờ sức phước đức nên bọn trộm thối lui mà trâu không mất.

時轉輪王即以諸牛付一牧人多巧便者。是人方便即得醍醐。

Thời chuyển luân Vương tức dĩ chư ngưu phó nhất mục nhân đa xảo tiện giả。Thị nhân phương tiện tức đắc thể hồ。

Lúc đó Vua Chuyển Luân liền đem đàn trâu giao cho một người chăn trâu có nhiều kĩ xảo, người kia biết cách liền được Đề-hồ.

以醍醐故一切眾生無有患苦。

Dĩ thể hồ cố nhất thiết chúng sanh vô hữu hoạn khổ。

Nhờ có Đề-hồ nên tất cả chúng sanh không còn lo khổ.

法輪聖王出現世時。諸凡夫人不能演說戒定慧者。

Pháp luân Thánh Vương xuất hiện thế thời。Chư phàm phu nhân bất năng diễn thuyết giới định tuệ giả。

Lúc Pháp Luân Thánh Vương xuất hiện ở đời, những người phàm phu không có thể giảng nói Giới, Định, Tuệ,

即便退散如賊退散。爾時如來善說世法及出世法。

Tức tiện thối tán như tặc thối tán。Nhĩ thời Như Lai thiện thuyết thế Pháp cập xuất thế Pháp。

tức liền thối thất như bọn cướp mất (Đề-hồ). Lúc ấy Như Lai khéo nói pháp thế gian và xuất thế gian,

為眾生故令諸菩薩隨而演說。

Vì chúng sanh cố lệnh chư Bồ-tát tùy nhi diễn thuyết。

vì chúng sanh cho nên khiến các Bồ-tát tùy nghi diễn nói,

菩薩摩訶薩既得醍醐。

Bồ-tát-ma-ha-tát ký đắc thể hồ。

Bồ-tát-ma-ha-tát đã được Đề-hồ

復令無量無邊眾生獲得無上甘露法味。所謂如來常樂我淨。以是義故。

Phục lệnh vô lượng vô biên chúng sanh hoạch đắc vô thượng cam lộ Pháp vị。Sở vị Như Lai thường lạc ngã tịnh。Dĩ thị nghĩa cố。

lại khiến vô lượng vô biên chúng sanh nhận được cam lồ pháp vị Vô Thượng. Những gì Như Lai đã dạy về Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, là nghĩa như vậy.

善男子。如來是常不變易法。

Thiện nam tử. Như Lai thị thường bất biến dịch Pháp.

Thiện nam tử! Như Lai là pháp thường hằng không thay đổi,

非如世間凡夫愚人。謂梵天等是常法也。

Phi như thế gian phàm phu ngu nhân. Vị Phạm Thiên đẳng thị thường Pháp dã.

không như người phàm phu thế gian ngu muội nói Phạm Thiên.v.v. là pháp thường hằng.

此常法稱要是如來非是餘法。迦葉。應當如是知如來身。迦葉。

Thử thường Pháp xưng yếu thị Như Lai phi thị dư Pháp. Ca-diếp. ứng đương như thị tri Như Lai thân. Ca-diếp.

Pháp thường hằng này gọi cốt yếu của Như Lai không phải là pháp cạn bả, Ca-diếp, phải nên như vậy mà biết thân Như Lai. Này Ca-diếp!

諸善男子善女人。

Chư thiện nam tử Thiện Nữ Nhân.

Các Thiện nam tử, thiện nữ nhân!

常當繫心修此二字佛是常住。迦葉。若有善男子善女人修此二字。

Thường đương hệ tâm tu thử nhị tự Phật thị thường trụ. Ca-diếp. Nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tu thử nhị tự.

Thường phải giữ tâm có sẵn hai chữ Thường Trụ đối với chư Phật. Này Ca-diếp, nếu có Thiện nam tử, thiện nữ nhân tu hai chữ ấy,

當知是人隨我所行至我至處。善男子。

Đương tri thị nhân tùy ngã sở hạnh chí ngã chí xứ. Thiện nam tử.

phải biết người ấy theo Ta đi đến chỗ Ta ở. Thiện nam tử!

若有修習如是二字為滅相者。

Nược hữu tu tập như thị nhị tự vi diệt tướng giả.

Nếu có tu tập hai chữ như vậy là tướng diệt,

當知如來則於其人為般涅槃。善男子。涅槃義者。

Đương tri Như Lai tác ư kỳ nhân vi bát Niết-Bàn. Thiện nam tử. Niết-Bàn nghĩa giả.

phải biết Như Lai tức đối với người ấy là chứng Niết-bàn. Thiện nam tử! Nghĩa Niết-bàn ấy,

即是諸佛之法性也。

Tức thị chư Phật chi Pháp tánh dã.

là pháp tánh chư Phật vậy

迦葉菩薩白佛言。世尊。佛法性者。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế tôn。 Phật Pháp tánh giả。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! tánh Phật pháp

其義云何。世尊。我今欲知法性之義。

Kỳ nghĩa vân hà。 Thế tôn。 Ngã kim dục tri Pháp tánh chi nghĩa。

nghĩa là thế nào? Thế Tôn, con nay muốn nghĩa Pháp tánh,

唯願如來哀愍廣說。夫法性者即是捨身。

Duy nguyện Như Lai ai mẫn quảng thuyết。 Phu Pháp tánh giả tức thị xả thân。

cúi xin Như Lai thương xót rộng nói, phạm pháp tánh ấy tức là xả bỏ thân,

捨身者名無所有。若無所有身云何存。

Xả thân giả danh vô sở hữu。 Nhược vô sở hữu thân vân hà tồn。

xả bỏ thân ấy gọi là không có sở hữu, nếu không có sở hữu thân làm sao tồn tại?

身若存者云何而言身有法性。身有法性云何得存。

Thân nhược tồn giả vân hà nhi ngôn thân hữu Pháp tánh。 Thân hữu Pháp tánh vân hà đắc tồn。

Thân tồn tại làm sao nói thân có pháp tánh? Thân có pháp tánh làm sao nói được tồn tại?

我今云何當知是義。佛告迦葉菩薩。善男子。

Ngã kim vân hà đương tri thị nghĩa。 Phật cáo Ca-diếp Bồ-tát。 Thiện nam tử。

Con nay làm sao biết nghĩa ấy? Phật dạy Bồ-tát Ca-diếp: Thiện nam tử!

汝今不應作如是說滅是法性。夫法性者無有滅也。

Nhữ kim bất ứng tác như thị thuyết diệt thị Pháp tánh。 Phu Pháp tánh giả vô hữu diệt dã。

Người nay không nên nói pháp tánh là mất đi như vậy. Phạm là pháp tánh thì không mất đi.

善男子。譬如無想天成就色陰而無色想。

Thiện nam tử。 Thí như vô tưởng Thiên thành tựu sắc uẩn nhi vô sắc tưởng。

Thiện nam tử! thí như Vô Tưởng Thiên thành tựu sắc uẩn nhưng không có sắc tưởng,不應問言。是諸天等云何而住歡娛受樂。

Bất ứng vấn ngôn. Thị chư Thiên đẳng vân hà nhi trụ hoan lạc. không nên hỏi các chư Thiên .v.v. làm thế nào để sống hoan lạc thích thú, 云何行想。云何見聞。善男子。

Vân hà hành tướng. Vân hà kiến văn. Thiện nam tử. thế nào là Hành Tướng, thế nào là Kiến Văn. Thiện nam tử! 如來境界非諸聲聞緣覺所知。善男子。不應說言。

Như Laicảnh giới phi chư Thanh văn Duyên giác sở tri. Thiện nam tử. Bất ứng thuyết ngôn.

Cảnh giới Như Lai chẳng phải là chỗ biết của Thanh văn, Duyên giác. Thiện nam tử! Không nên nói

如來身者是滅法也。善男子。如是滅法是佛境界。

Như Lai thân giả thị diệt Pháp dã. Thiện nam tử. Như thị diệt Pháp thị Phật cảnh giới. Thân Như Lai là pháp mất đi. Thiện nam tử! Pháp mất đi như vậy là cảnh giới Phật 非諸聲聞緣覺所及。善男子。

Phi chư Thanh văn Duyên giác sở cập. Thiện nam tử.

không giống với cảnh giới của Thanh văn, Duyên giác. Thiện nam tử!

汝今不應思量如來何處住何處行何處見何處樂。善男子。

Nhữ kim bất ứng tư lượng Như Lai hà xử trụ hà xử hành hà xử kiến hà xử lạc. Thiện nam tử.

Người nay không nên suy nghĩ Như Lai ở chỗ nào, đi chỗ nào, thấy chỗ nào, vui chỗ nào? Thiện nam tử!

如是之義。亦非汝等之所知及。

Như thị chi nghĩa. Diệc phi nhữ đẳng chi sở tri cập.

Nghĩa ấy như vậy, cũng không phải chỗ hiểu biết của các ông.

諸佛法身種種方便不可思議。

Chư Phật Pháp thân chủng chủng phương tiện bất khả tư nghị.

Pháp thân chư Phật, vô số phương tiện không thể nghĩ bàn.

復次善男子。應當修習佛法及僧而作常想。

Phục thứ thiện nam tử. ứng đương tu tập Phật Pháp cập tăng nhi tác thường tướng.

Lại nữa, Thiện nam tử! Nên phải tu tập Phật, Pháp và Tăng mà khởi niệm thường hằng.

是三法者。無有異想。無無常想。無變異想。

Thị tam Pháp giả. Vô hữu dị tưởng. Vô vô thường tưởng. Vô biến dị tưởng.
Ba pháp ấy không có tưởng khác, không phải không thường hằng, không phải tưởng thay đổi.

若於三法修異想者。

Nhược ư tam Pháp tu dị tưởng giả.

Nếu ở nơi ba pháp mà tu tưởng khác,

當知是輩清淨三歸則無依處。所有禁戒皆不具足。

Đương tri thị bối thanh tịnh tam quy tắc vô y xử. Sở hữu cấm giới giai bất cụ túc.

phải biết đó là ba bậc thanh tịnh để nương về thì không chỗ nương tựa, tất cả cấm giới đều không đầy đủ,

終不能證聲聞緣覺菩提之果。若能於是不可思議。

Chung bất năng chứng Thanh văn Duyên giác Bồ-đề chi quả. Nhược năng ư thị bất khả tư nghị.

quyết không thể chứng quả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-đề. Nếu có thể ở nơi không thể nghĩ bàn ấy,

修常想者則有歸處。善男子。譬如因樹則有樹影。

Tu thường tưởng giả tắc hữu quy xử. Thiện nam tử. Thí như nhân thụ tắc hữu thụ ảnh. tu tưởng thường hằng thì có chỗ trở về. Thiện nam tử! Thí như nhờ cây mà có bóng cây.

如來亦爾。有常法故則有歸依。非是無常。

Như Lai diệc nhĩ. Hữu thường Pháp cố tắc hữu quy y. Phi thị vô thường.

Như Lai cũng như vậy, có pháp thường hằng cho nên có chỗ nương tựa, chẳng phải vô thường.

若言如來是無常者。

Nhược ngôn Như Lai thị vô thường giả.

Nếu nói Như Lai là vô thường

如來則非諸天世人所歸依處。迦葉菩薩白佛言。世尊。

Như Laitắc phi chư Thiên thế nhân sở quy y xử. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

tức Như Lai không phải là chỗ nương tựa cho chư Thiên, loài người. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

譬如閻中有樹無影。迦葉。汝不應言有樹無影。

Thí như ám trung hữu thụ vô ảnh。Ca-diếp。Nhữ bất ứng ngôn hữu thụ vô ảnh。
Thí như trong bóng tối có cây nhưng không thấy bóng cây, người không nên nói có cây
không có bóng,

但非肉眼之所見耳。善男子。如來亦爾。

Đãn phi nhục nhãn chi sở kiến nhĩ。Thiện nam tử。Như Lai diệt nhĩ。
chẳng phải con mắt thịt là chỗ thấy。Thiện nam tử! Như Lai cũng như vậy,
其性常住是不變異。無智慧眼不能得見。

Kỳ tánh thường trụ thị bất biến dị。Vô trí tuệ nhãn bất năng đắc kiến。
tánh ấy thường trụ chẳng phải biến đổi, không có con mắt trí không thể thấy được。
如彼闇中不見樹影。

Như bỉ ám trung bất kiến thụ ảnh。

Như trong bóng tối ấy không thể thấy bóng của cây,

凡夫之人於佛滅後說言如來是無常法。亦復如是。若言如來異法僧者。

Phàm phu chi nhân ư Phật diệt hậu thuyết ngôn Như Lai thị vô thường Pháp。Diệt phục
như thị。Nhược ngôn Như Lai dị Pháp tăng giả。

kẻ phàm phu sau khi Phật diệt độ nói rằng: Như Lai là pháp vô thường。Cũng như vậy,
nếu nói Như Lai khác với Pháp, Tăng。

則不能成三歸依處。如汝父母各各異故。

Tắc bất năng thành tam quy y xứ。Như nhữ phụ mẫu các các dị cố。

thì không thể thành ba nơi nương tựa。Như cha mẹ người mỗi người mỗi khác,
故使無常。迦葉菩薩復白佛言。世尊。

Cố sử vô thường。Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn。Thế tôn。

cho nên vô thường。Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

我從今始當以佛法眾僧三事常住。

Ngã tòng kim thủy đương dĩ Phật Pháp chúng tăng tam sự thường trụ。

Con từ nay sẽ đem Phật, Pháp, Tăng ba ngôi thường trụ

啟悟父母乃至七世皆令奉持。甚奇世尊。

Khải ngộ phụ mẫu nãi chí thất thế gia lệnh phụng trì。Thậm kì Thế tôn。

khai ngộ cha mẹ và thân tộc bảy đời đều khiến phụng trì。Lạ thay! Thế Tôn,

我今當學如來法僧不可思議。既自學已亦當為人廣說是義。

Ngã kim đương học Như Lai Pháp tăng bất khả tư nghị. Kỳ tự học dĩ diệc đương vị nhân quảng thuyết thị nghĩa。

Con nay sẽ học Như Lai, Pháp, Tăng không thể nghĩ bàn, đã tự mình học rồi cũng sẽ vì người khác rộng nói nghĩa đó.

若有諸人不能信受。當知是輩久修無常。

Nhược hữu chư nhân bất năng tín thọ。Đương tri thị bối cửu tu vô thường。

Nếu có các người không thể tin thọ, phải biết người ấy phải tu lâu về vô thường, 如是之人我當為其而作霜雹。

Như thị chi nhân ngã đương vị kỳ nhi tác sương bạc。

người như vậy con sẽ vì họ mà làm cơn mưa pháp.

爾時佛讚迦葉菩薩善哉善哉。汝今善能護持正法。

Nhĩ thời Phật tán Ca-diếp Bồ-tát Thiện tai Thiện tai。Nhữ kim thiện năng hộ trì chánh Pháp。

Lúc ấy Phật khen Bồ-tát Ca-diếp: Hay thay! Hay thay! Người nay khéo hộ trì Chánh Pháp. 如是護法不欺於人。以不欺人善業緣故。

Như thị hộ Pháp bất khi ư nhân。Dĩ bất khi nhân thiện nghiệp duyên cố。

Như vậy mà ủng hộ Pháp thì không lừa dối người, vì không lừa dối người nên được duyên với nghiệp thiện

而得長壽善知宿命。

Nhi đắc trường thọ thiện tri tú mạng。

mà được thọ mạng lâu dài khéo biết đời trước.

大般涅槃經金剛身品第二

Đại bát Niết-bàn Kinh Kim cương thân phẩm đệ nhị

Kinh Đại Bát Niết-bàn, Phẩm thứ hai: Thân Kim Cang.

爾時世尊復告迦葉。善男子。

Nhĩ thời Thế tôn phục cáo Ca-diếp。Thiện nam tử。

Lúc bấy giờ Thế Tôn lại bảo Ca-diếp: Thiện nam tử!

如來身者是常住身。不可壞身。金剛之身。非雜食身。

Như Lai thân giả thị thường trụ thân. Bất khả hoại thân. Kim cương chi thân. Phi tạp thực thân.

Thân Như Lai là thân thường trụ, thân không thể hoại, thân Kim Cang, không phải thân phàm phu,

即是法身。迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說。

Tức thị Pháp thân. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. Như Phật sở thuyết.

tức là Pháp thân. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như Phật đã nói,

如是等身我悉不見。

Như thị đẳng thân ngã tất bất kiến。

các thân như vậy con đều không thấy,

唯見無常破壞微塵雜食等身。何以故。如來當入於涅槃故。佛言。

Duy kiến vô thường phá hoại vi trần tạp thực đẳng thân. Hà dĩ cố. Như Lai đương nhập ư Niết-bàn cố. Phật ngôn.

chỉ thấy các thân vô thường, biến hoại, vi trần, thân phàm phu .v.v. Vì sao vậy? Vì Như Lai sẽ vào Niết-bàn. Phật dạy:

迦葉。汝今莫謂如來之身不堅可壞如凡夫身。

Ca-diếp. Nhữ kim mạc vị Như Lai chi thân bất kiên khả hoại như phàm phu thân.

Ca-diếp, người chớ cho rằng thân Như Lai không kiên cố có thể hoại như thân phàm phu, 善男子。汝今當知。

Thiện nam tử. Nhữ kim đương tri.

Thiện nam tử! Người nay nên biết,

如來之身無量億劫堅牢難壞。非人天身非恐怖身非雜食身。

Như Lai chi thân vô lượng ức kiếp kiên lao nan hoại. Phi nhân Thiên thân phi khủng phố thân phi tạp thực thân.

thân Như Lai vô lượng ức kiếp khó hoại, chẳng phải thân Trời, Người, chẳng phải thân sợ hãi, chẳng phải thân phàm phu.

如來之身非身是身。不生不滅。不習不修。

Như Lai chi thân phi thân thị thân. Bất sanh bất diệt. Bất tập bất tu.

Thân Như Lai chẳng phải thân mà là thân, không sanh không diệt, không tu không tập, 無量無邊無有足跡。無知無形畢竟清淨無有動搖。

Vô lượng vô biên vô hữu túc tích. Vô tri vô hình tất cánh thanh tịnh vô hữu động dao.

vô lượng vô biên không có dấu chân, không cảm giác không hình tướng, rốt ráo thanh tịnh không có dao động,

無受無行不住不作。無味無雜非是有為。

Thị cố vô hành bất trụ bất tác。Vô vị vô tạp phi thị hữu vi。

không thọ không hành không trụ không tác, không vị, không xen tạp, chẳng phải hữu vi, 非業非果非行非滅非心非數不可思議。

Phi nghiệp phi quả phi hành phi diệt phi tâm phi số bất khả tư nghị。

không nghiệp không quả không hành không diệt không tâm không tính đếm không thể nghĩ bàn,

常不可思議無識離心亦不離心。

Thường bất khả tư nghị vô thức ly tâm diệt bất ly tâm。

thường không thể nghĩ bàn không có thức lìa tâm cũng chẳng phải lìa tâm,

其心平等無有亦有。無有去來而亦去來。

Kỳ tâm bình đẳng vô hữu diệt hữu。Vô hữu khứ lai nhi diệt khứ lai。

tâm ấy bình đẳng không có mà có, không có đến đi mà cũng đến đi,

不破不壞不斷不絕。不出不滅非主亦主。非有非無非覺非觀。

Bất phá bất hoại bất đoạn bất tuyệt。Bất xuất bất diệt phi chủ diệt chủ。Phi hữu phi vô phi giác phi quán。

chẳng phá chẳng hoại chẳng đoạn chẳng tuyệt, chẳng xuất chẳng diệt, không có chủ mà cũng có chủ, không hữu không vô, không biết không thấy,

非字非不字。非定非不定。不可見了了見。

Phi tự phi bất tự。Phi định phi bất định。Bất khả kiến liễu liễu kiến。

không chữ chẳng phải không chữ, không định chẳng phải không định, không thể thấy mà thấy,

無處亦處。無宅亦宅。無闇無明。無有寂靜。

Vô xử diệt xử。Vô trạch diệt trạch。Vô ám vô minh。Vô hữu tịch tĩnh。

không ở mà ở, không nhà mà là nhà, không tối không sáng, không có tịch tịnh,

而亦寂靜。是無所有不受不施。清淨無垢。

Nhi diệt tịch tĩnh。Thị vô sở hữu bất thọ bất thí。Thanh tịnh vô cấu。

mà cũng tịch tịnh, là không sở hữu chẳng thọ nhận chẳng bố thí, thanh tịnh không nhơ, 無諍斷諍。住無住處。不取不墮。

Vô tránh đoạn tránh. Trụ vô trụ xử. Bất thủ bất đọa.

không tranh cãi không dứt tranh cãi, ở nhưng không có chỗ ở, chẳng thủ chẳng xả,
非法非非法。非福田非不福田。無盡不盡離一切盡。

Phi Pháp phi phi Pháp. Phi phúc điền phi bất phúc điền. Vô tận bất tận ly nhất thiết tận.

chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp, không phước điền chẳng phải không phước điền,
không tận cùng chẳng phải không tận cùng, xa lìa các sự tận cùng,
是空離空。雖不常住非念念滅無有垢濁。

Thị không ly không. Tuy bất thường trụ phi niệm niệm diệt vô hữu cấu trược.

là không xa lìa không, tuy không thường trụ nhưng chẳng phải niệm niệm đều diệt, không có uế trược,

無字離字。非聲非說亦非修習。非稱非量。

Vô tự ly tự. Phi thanh phi thuyết diệt phi tu tập. Phi xưng phi lượng.

không chữ xa lìa chữ, chẳng âm thanh chẳng nói cũng không tu tập, chẳng cân chẳng đo,
非一非異。非像非相。諸相莊嚴。非勇非畏。

Phi nhất phi dị. Phi tượng phi tướng. Chư tướng trang nghiêm. Phi dũng phi úy.

chẳng một chẳng khác, chẳng hình chẳng tướng, các tướng trang nghiêm, chẳng can đảm
chẳng khiếp sợ,

無寂不寂。無熱不熱。不可覩見無有相貌。

Vô tịch bất tịch. Vô nhiệt bất nhiệt. Bất khả đồ kiến vô hữu tướng mạo.

không yên lặng chẳng yên lặng, không nóng chẳng nóng, không có thể nhìn thấy không
có tướng mạo,

如來度脫一切眾生。無度脫故能解眾生。

Như Lai độ thoát nhất thiết chúng sanh. Vô độ thoát cố năng giải chúng sanh.

Như Lai độ thoát tất cả chúng sanh, nhưng không có chúng sanh được độ thoát mới gọi
có thể độ thoát,

無有解故覺了眾生。無覺了故如實說法。

Vô hữu giải cố giác liễu chúng sanh. Vô giác liễu cố như thật thuyết Pháp.

không có độ thoát cho nên hiểu rõ chúng sanh, mà không hiểu rõ cho nên như thật thuyết
pháp,

無有二故不可量。無等等。

Vô hữu nhị cố bất khả lượng. Vô đẳng đẳng.
 không có hai nên không thể đo lường, không thể sánh kịp,
 平如虛空無有形貌同無生性。不斷不常。常行一乘。眾生見三。
 Bình như hư không vô hữu hình mạo đồng vô sanh tánh. Bất đoạn bất thường. Thường
 hành nhất thừa. Chúng sanh kiến tam.
 bằng phẳng như hư không, không tướng mạo đều là tánh vô sanh, không đoạn không
 thường, thường thực hành Nhất thừa mà chúng sanh thấy ba,
 不退不轉斷一切結。不戰不觸非性住性。
 Bất thối bất chuyển đoạn nhất thiết kết. Bất chiến bất xúc phi tánh trụ tánh.
 không thối không chuyển, đoạn tất cả kiết sử, chẳng đánh nhau chẳng tiếp xúc, chẳng có
 tánh trụ nơi tánh,
 非合非散。非長非短。非圓非方。
 Phi hợp phi tán. Phi trường phi đoản. Phi viên phi phương.
 chẳng hợp chẳng tan, chẳng dài chẳng ngắn, chẳng tròn chẳng vuông,
 非陰入界亦陰入界。非增非損。非勝非負。
 Phi uẩn nhập giới diệc uẩn nhập giới. Phi tăng phi tổn. Phi thắng phi phụ.
 không uẩn giới nhập mà có uẩn giới nhập, không tăng thêm không hao tổn, không thắng
 không thua,
 如來之身成就如是無量功德。無有知者無不知者。
 Như Lai chi thân thành tựu như thị vô lượng công đức. Vô hữu tri giả vô bất tri giả.
 thân Như Lai thành tựu vô lượng công đức như vậy, không biết chẳng phải không biết,
 無有見者無不見者。非有為非無為。非世非不世。
 Vô hữu kiến giả vô bất kiến giả. Phi hữu vi phi vô vi. Phi thế phi bất thế.
 không thấy chẳng phải không thấy, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, không thế gian
 chẳng phải không thế gian,
 非作非不作。非依非不依。非四大非不四大。
 Phi tác phi bất tác. Phi y phi bất y. Phi tứ Đại phi bất tứ Đại.
 không làm chẳng phải không làm, không nương tựa chẳng phải không nương tựa, không
 tứ đại chẳng phải không tứ đại,
 非因非不因。非眾生非不眾生。
 Phi nhân phi bất nhân. Phi chúng sanh phi bất chúng sanh.

không nhân chẳng phải không nhân, không chúng sanh chẳng phải không chúng sanh,
非沙門非婆羅門。是師子大師子。非身非不身。

Phi Sa-môn phi Bà-la-môn. Thị Sư-tử Đại Sư-tử. Phi thân phi bất thân.

chẳng phải Sa-môn chẳng phải Bà-la-môn, là Sư tử, Đại Sư tử, không có thân chẳng phải không có thân,

不可宣說。除一法相不可算數。般涅槃時不般涅槃。

Bất khả tuyên thuyết. Trừ nhất Pháp tướng bất khả toán số. Bát-Niết-Bàn thời bất bát Niết-Bàn.

không thể tuyên nói, ngoài một pháp tướng không thể tính kể, lúc nhập Niết-bàn là không nhập Niết-bàn,

如來法身皆悉成就如是無量微妙功德。

Như Lai Pháp thân giai tất thành tựu như thị vô lượng vi diệu công đức.

như pháp thân thầy đều thành tựu vô lượng công đức vi diệu như vậy.

迦葉。唯有如來乃知是相。非諸聲聞緣覺所知。

Ca-diếp. Duy hữu Như Lai nãi tri thị tướng. Phi chư Thanh văn Duyên giác sở tri.

Ca-diếp, chỉ có Như Lai mới biết tướng ấy, chẳng phải chỗ biết của Thanh văn, Duyên giác.

迦葉。如是功德成如來身。

Ca-diếp. Như thị công đức thành Như Lai thân.

Ca-diếp, công đức như vậy thành tựu thân Như Lai,

非是雜食所長養身。迦葉。如來真身功德如是。

Phi thị tạp thực sở trường dưỡng thân. Ca-diếp. Như Lai chân thân công đức như thị.

chẳng phải do thức ăn mà nuôi lớn thân đó. Này Ca-diếp! Thân chân thật của Như Lai có công đức như vậy,

云何復得諸疾患苦。危脆不堅如坏器乎。迦葉。

Vân hà phục đắc chư tật hoạn khổ. Nguy thùy bất kiên như khô khí hồ. Ca diếp.

tại sao lại chịu các khổ của bệnh hoạn, mong manh không kiên cố như vật dễ bị hư hoại ư! Này Ca-diếp,

如來所以示病苦者。為欲調伏諸眾生故。善男子。

Như Laisở dĩ kì bệnh khổ giả. Vi dục điều phục chư chúng sanh cố. Thiện nam tử.

Như Lai sở dĩ thị hiện bệnh khổ là vì muốn điều phục chúng sanh. Thiện nam tử!

汝今當知。如來之身即金剛身。

Nhữ kim cương tri. Như Lai thân tức Kim cương thân.

Các ông nay nên biết, thân Như Lai tức là thân Kim Cang,

汝從今日常當專心思惟此義莫念食身。

Nhữ tông kim nhật thường đương chuyên tâm tư duy thử nghĩa mạc niệm thực thân.

từ nay các ông thường phải chuyên tâm suy nghĩ nghĩa này chớ nghĩ là thân phàm phu,
亦當為人說如來身即是法身。

Diệc đương vị nhân thuyết Như Lai thân tức thị Pháp thân.

cũng nên vì người nói thân Như Lai tức là Pháp thân.

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來成就如是功德。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. Như Lai thành tựu như thị công đức.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như Lai thành tựu công đức như vậy,

其身云何當有病苦無常破壞。

Kỳ thân vân hà đương hữu bệnh khổ vô thường phá hoại.

thân ấy tại sao lại có bệnh khổ vô thường phá hoại?

我從今日常當思惟。如來之身是常法身安樂之身。

Ngã tông kim nhật thường đương tư duy. Như Lai chi thân thị thường Pháp thân an lạc
chi thân。

Con từ nay thường phải suy nghĩ thân Như Lai là pháp thân thường hằng, thân an lạc,
亦當為他如是廣說。唯然世尊。

Diệc đương vị tha như thị quảng thuyết. Duy nhiên Thế tôn.

cũng nên vì người khác rộng nói như vậy. Tuy nhiên, thưa Thế Tôn,

如來法身金剛不壞。而未能知所因云何。佛言。迦葉。

Như Lai Pháp thân Kim cương bất hoại. Nhi vị năng tri sở nhân vân hà. Phật ngôn. Ca-
diếp。

Pháp thân Như Lai là Kim Cang không hoại, mà lại chưa có thể biết nguyên nhân tại sao?
以能護持正法因緣故。得成就是金剛身。迦葉。

Dĩ năng hộ trì chánh Pháp nhân duyên cố. Đắc thành tựu thị Kim cương thân. Ca-diếp。

Do nhân duyên hộ trì Chánh Pháp nên có thể thành tựu thân Kim Cang.

Này Ca-diếp!

我於往昔護法因緣。

Ngã ư vãng tích hộ Pháp nhân duyên。

Ta ngày xưa nhờ duyên hộ trì pháp

今得成就是金剛身常住不壞。善男子。護持正法者。

Kim đắc thành tựu thị Kim cương thân thường trụ bất hoại。Thiện nam tử。Hộ trì chánh Pháp giả。

nay thành tựu được thân Kim Cang thường trụ không hoại。Thiện nam tử! Hộ trì Chánh pháp ấy,

不受五戒不修威儀。應持刀劍弓箭鉞槩。

Bất thọ ngũ giới bất tu uy nghi。ứng trì đao kiếm cung tiến mâu sóc。

không thọ năm giới không tu oai nghi, nên cầm dao, kiếm, cung, mâu, giáo。

守護持戒清淨比丘。迦葉菩薩白佛言。世尊。

Thủ hộ trì giới thanh tịnh Tỳ-kheo。Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。Thế tôn。

Tỳ-kheo thanh tịnh bảo hộ trì giới。Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

若有比丘離於守護。獨處空閑塚間樹下。

Nhược hữu Tỳ-kheo ly ư thủ hộ。Độc xử không nhàn trũng gian thụ hạ。

Nếu có Tỳ-kheo xa lìa sự thủ hộ, một mình ở dưới cây nơi gò mã thanh vắng,

當說是人為真比丘。若有隨逐守護者行。

Đương thuyết thị nhân vi chân Tỳ-kheo。Nhược hữu tùy trục thủ hộ giả hành。

phải nói người ấy là chân thật Tỳ-kheo, nếu có người tùy theo sự thủ hộ mà làm,

當知是輩是禿居士。佛告迦葉。莫作是語言禿居士。

Đương tri thị bối thị ngốc Cư-sĩ。Phật cáo Ca-diếp。Mạc tác thị ngữ ngôn ngốc Cư-sĩ。

nên biết đó là cư sĩ mất đầu。Phật dạy Ca-diếp: Chớ nói lời cư sĩ mất đầu。

若有比丘隨所至處供身趣足。

Nhược hữu Tỳ-kheo tùy sở chí xử cung thân thú túc。

Nếu có Tỳ-kheo tùy chỗ đến cúng thân đến chân,

讀誦經典思惟坐禪。有來問法即為宣說。

Độc tụng Kinh điển tư duy tọa Thiền。Hữu lai vấn Pháp tức vị tuyên thuyết。

đọc tụng kinh điển, suy nghĩ ngồi Thiền, có người hỏi pháp liền vì người giảng nói,

所謂布施持戒福德少欲知足。雖能如是種種說法。

Sở vị bố thí trì giới phúc đức thiểu dục tri túc。Tuy năng như thị chủng chủng thuyết Pháp。

đó là phước đức bố thí, trì giới, thiếu dục tri túc, tuy có thể nói Pháp nhiều như vậy
然故不能作師子吼。不為師子之所圍遶。

Nhiên cố bất năng tác Sư-tử hống。Bất vi Sư-tử chi sở vi nhiễu。

nhưng không thể tạo nên tiếng rống Sư tử, chẳng phải chỗ bao quanh Sư tử,
不能降伏非法惡人。如是比丘不能自利及利眾生。

Bất năng hàng phục phi Pháp ác nhân。Như thị Tỷ-kheo bất năng tự lợi cập lợi chúng
sinh。

không thể hàng phục được các người ác phi pháp, Tỷ-kheo như vậy không thể tự lợi và lợi
ích chúng sanh,

當知是輩懈怠懶墮。雖能持戒守護淨行。

Đương tri thị bối giải đãi lại đọa。Tuy năng trì giới thủ hộ tịnh hạnh。

nhên biết ấy là hạng người lười biếng đọa lạc, tuy có thể trì giới, giữ gìn tịnh hạnh,
當知是人無所能為。若有比丘供身之具亦常豐足。

Đương tri thị nhân vô sở năng vi。Nhược hữu Tỷ-kheo cung thân chi cụ diệc thường
phong túc。

nhên biết là người không chỗ có thể làm, nếu có Tỷ-kheo đầy đủ cúng dường thân, thì cũng
thường giàu có,

復能護持所受禁戒。能師子吼廣說妙法。

Phục năng hộ trì sở thọ cấm giới。Năng Sư-tử hống quảng thuyết diệu Pháp。

lại có thể hộ trì những cấm giới đã thọ, có thể rống tiếng rống Sư tử, rộng nói diệu Pháp,
謂修多羅祇夜受記伽陀優陀那伊帝曰多伽闍

Vị tu đa-la kì dạ thọ kí dà đà ưu đà na y đế viết đa dà đồ

đó là Tu-đa-la, Kì-dạ, Thọ kí, Đà-đà, Ưu-đà-na-y-đế-viết, Đa-dà-đồ,

陀伽毘佛略阿浮陀達磨。

Đà dà ti Phật lược a phù đà Đạt-ma。

Đà-dà-tỳ, Phật lược-a-phù-đà, Đạt-ma。

以如是等九部經典為他廣說。利益安樂諸眾生故。唱如是言。

Dĩ như thị đẳng cửu bộ Kinh điển vi tha quảng thuyết。Lợi ích an lạc chư chúng sanh
cố。Xướng như thị ngôn。

Dùng chín bộ kinh điển như vậy vì người rộng nói, lợi ích an lạc chúng sanh, xướng lời thế
này。

涅槃經中制諸比丘。

Niết-bàn Kinh trung chế chư Tỷ-kheo。

Trong kinh Niết-bàn dạy các Tỷ-kheo

不應畜養奴婢牛羊非法之物。若有比丘。畜如是等不淨之物。

Bất ứng súc dưỡng nô tì ngưu dương phi Pháp chi vật。Nhược hữu Tỷ-kheo。Súc như thị đẳng bất tịnh chi vật。

không nên nuôi dưỡng nô tỳ, trâu dê, những vật phi pháp, nếu có Tỷ-kheo nuôi các vật bất tịnh như vậy,

應當治之。如來先於異部經中說。

ứng đương trì chi。Như Lai tiên ư dị bộ Kinh trung thuyết。

phải nên trị phạt。Như Lai trước đã dạy ở trong bộ kinh khác
有比丘畜如是等非法之物。

Hữu Tỷ-kheo súc như thị đẳng phi Pháp chi vật。

có Tỷ-kheo nuôi các vật phi pháp như vậy,

某甲國王如法治之驅令還俗。若有比丘。能作如是師子吼時。

Mỗ giáp Quốc Vương như Pháp trì chi khu lệnh hoàn tục。Nhược hữu Tỷ-kheo。Năng tác như thị Sư-tử hống thời。

một vị Quốc vương ở nước nọ, trị người như pháp, bằng cách đuổi đi và buộc phải hoàn tục, nếu có Tỷ-kheo, có thể rống tiếng rống Sư Tử như vậy,

有破戒者聞是語已。咸共瞋恚害是法師。是說法者。

Hữu phá giới giả văn thị ngữ dĩ。Hàm cộng sân khuể hại thị Pháp sư。Thị thuyết Pháp giả。

có người phá giới nghe lời đó rồi, đều sân hận, hại Pháp sư ấy, người thuyết pháp ấy,
設復命終故名持戒自利利他。

Thiết phục mạng chung cố danh trì giới tự lợi lợi tha。

giả sử chết đi vì vậy gọi là trì giới tự lợi lợi tha。

以是緣故我聽國主群臣宰相諸優婆塞護說法人。

Dĩ thị duyên cố ngã thính quốc chủ quần thần tể tướng chư Ưu bà tắc hộ thuyết Pháp nhân。

Nhờ nhân duyên ấy Ta nghe Quốc chủ, quần thần, tể tướng, các Ưu-bà-tắc ủng hộ người thuyết Pháp,

若有欲得護正法者。當如是學。迦葉。

Nhược hữu dục đắc hộ chánh Pháp giả. Đương như thị học. Ca-diếp.
nếu người muốn được hộ trì Chánh Pháp ấy nên học như vậy. Ca-diếp,
如是破戒不護法者名秃居士。非持戒者得如是名。

Như thị phá giới bất hộ Pháp giả danh ngốc Cư sĩ. Phi trì giới giả đắc như thị danh.
người phá giới không hộ trì Pháp như vậy gọi là Cư sĩ mất đầu, người chẳng trì giới nên
được gọi như vậy.

善男子。過去之世無量無邊阿僧祇劫。

Thiện nam tử. Quá khứ chi thế vô lượng vô biên a tăng kì kiếp.

Thiện nam tử! Đời quá khứ, vô lượng vô biên a-tăng-kì kiếp,
於此拘尸那城有佛出世。

Ư thử câu thi na thành hữu Phật xuất thế。

ở thành Câu-thi-na này có Phật xuất thế,

號歡喜增益如來應正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人

Hiệu hoan hỉ tăng ích Như Lai ứng Chánh Biến Tri Minh Hạnh Túc Thiện Thệ Thế Gian
Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhơn

Hiệu Hoan Hỉ Tăng Ích Như Lai, Ứng Chánh, Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế
Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn

師佛世尊。爾時世界廣博嚴淨豐樂安隱。

Sư Phật Thế tôn. Nhĩ thời thế giới quảng bác nghiêm tịnh phong lạc an ổn。

Sư, Phật Thế Tôn. Lúc bấy giờ thế giới rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh lợi ích an lạc,
人民熾盛無有飢渴。如安樂國諸菩薩等。

Nhân dân sí thịnh vô hữu cơ khát. Như an lạc quốc chư Bồ-tátđẳng。

Nhân dân giàu có, không có người đói khát, như cõi nước an lạc của các vị Bồ-tát.v.v.
彼佛世尊住世無量。

Bỉ Phật Thế tôn trụ thế vô lượng。

Phật Thế Tôn kia trụ ở đời trong vô lượng kiếp,

化眾生已然後乃於娑羅雙樹入般涅槃。佛涅槃後正法住世無量億歲。

Hóa chúng sanh dĩ nhiên hậu nãi ư sa-la song thụ nhập bát Niết-Bàn. Phật Niết-Bàn hậu
chánh Pháp trụ thế vô lượng ức tuế。

hóa độ chúng sanh rồi mới vào nơi Ta-la song thọ nhập Niết-bàn. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, Chánh Pháp tồn tại ở đời vô lượng ức năm.

餘四十年佛法未滅。爾時有一持戒比丘。

Dư tứ thập niên Phật Pháp vị diệt. Nhĩ thời hữu nhất trì giới Tỷ-kheo.

Ngoài bốn mươi năm Phật pháp chưa diệt độ, lúc ấy có một vị Tỷ-kheo trì giới, 名曰覺德。多有徒眾眷屬圍遶能師子吼。

Danh viết giác đức. Đa hữu đồ chúng quyến chúc vi nhiều năng Sư-tử hống.

tên là Giác Đức, có nhiều đồ chúng quyến thuộc vây quanh có thể rống tiếng rống Sư tử, 頒宣廣說九部經典。

Ban tuyên quảng thuyết cửu bộ Kinh điển.

rộng nói chín bộ kinh điển,

制諸比丘不得畜養奴婢牛羊非法之物。爾時多有破戒比丘。

Chế chư Tỷ-kheo bất đắc súc dưỡng nô tì ngưu dương phi Pháp chi vật. Nhĩ thời đa hữu phá giới Tỷ-kheo.

chế các Tỷ-kheo không được nuôi dưỡng nô tỳ, trâu dê, những vật phi pháp. Lúc bấy giờ có nhiều người Tỷ-kheo phá giới,

聞作是說。皆生惡心執持刀杖逼是法師。

Văn tác thị thuyết. Giai sanh ác tâm chấp trì đao trượng bức thị Pháp sư.

nghe lời dạy đó, đều sanh ác tâm liền cầm dao, gậy, áp bức vị Pháp sư ấy.

是時國王。名曰有德。聞是事已為護法故。

Thị thời Quốc Vương. Danh viết hữu đức. Văn thị sự dĩ vị hộ Pháp cố.

Chính lúc đó Quốc vương tên là Hữu Đức nghe việc ấy rồi vì hộ trì Pháp,

即便往至說法者所。與是破戒諸惡比丘極共戰鬪。

Tức tiện vãng chí thuyết Pháp giả sở. Dĩ thị phá giới chư ác Tỷ-kheo cực cộng chiến đấu.

liền đến chỗ người thuyết Pháp đó, cùng với Tỷ-kheo xấu phá giới, đấu tranh ác liệt, 令說法者得免危害。

Lệnh thuyết Pháp giả đắc miễn nguy hại.

khiến người thuyết Pháp tránh được nguy hại.

王於爾時身被刀劍箭槊之瘡。體無完處如芥子許。

Vương ư nhĩ thời thân bị đao kiếm tiến sóc chi sang. Thể vô hoàn xử như giới tử hứa.

Vua lúc bấy giờ toàn bị trúng dao, kiếm, cung tên nên bị thương tích khắp thân như hạt cải không chỗ nào lành lặn.

爾時覺德尋讚王言。善哉善哉。王今真是護正法者。

Nhĩ thời giác đức tầm tán Vương ngôn. Thiện tai Thiện tai. Vương kim chân thị hộ chánh Pháp giả.

Lúc đó Giác Đức tìm lời khen ngợi vua: Hay thay! Hay thay! Vua nay là người chân thật hộ trì Chánh pháp.

當來之世。此身當為無量法器。

Đương lai chi thế. Thử thân đương vị vô lượng Pháp khí.

Đời vị lai, thân này sẽ trở thành pháp khí vô lượng,

王於是時得聞法已心大歡喜。尋即命終生阿閼佛國。

Vương ư thị thời đắc văn Pháp dĩ tâm Đại hoan hỷ. Tầm tức mạng chung sanh A-súc Phật quốc.

khi ấy vua được nghe pháp rồi sanh tâm hoan hỷ, liền khi mạng chung được sanh vào nước của Phật A-Súc,

而為彼佛作第一弟子。其王將從人民眷屬。

Nhi vị bị Phật tác đệ nhất đệ-tử. Kỳ Vương tướng tòng nhân dân quyến chúc.

liền được làm đệ tử đầu tiên của Phật, các vị tướng theo nhân dân quyến thuộc của vua, có chiến đấu. 有隨喜者。一切不退菩提之心。

Hữu chiến đấu giả. Hữu tùy hỷ giả. Nhất thiết bất thối Bồ-đề chi tâm.

có chiến đấu liền hoan hỷ theo tất cả không thối thất tâm Bồ-đề,

命終悉生阿閼佛國。覺德比丘。

Mạng chung tất sanh A-súc Phật quốc. Giác đức Tỷ-kheo.

khi mạng chung thầy đều sanh vào nước của Phật A-súc. Tỷ-kheo Giác Đức,

却後壽終亦得往生阿閼佛國。

Khước hậu thọ chung diệc đắc vãng sanh A-súc Phật quốc.

về sau mệnh chung cũng được sanh về nước của Phật A-súc,

而為彼佛作聲聞眾中第二弟子。若有正法欲滅盡時。應當如是受持擁護。

Nhi vị bị Phật tác Thanh văn chúng trung đệ nhị đệ-tử. Nhược hữu chánh Pháp dục diệt tận thời. ứng đương như thị thọ trì ủng hộ.

mà được làm đệ tử Thanh văn thứ hai trong chúng của Phật. Nếu vào lúc Chánh pháp hết, phải nên thọ trì ủng hộ như vậy.

迦葉。爾時王者則我身是。

Ca-diếp。Nhĩ thời Vương giả tắc ngã thân thị。

Này Ca-diếp, lúc bấy giờ vua chính là thân Ta,

說法比丘迦葉佛是。迦葉。護正法者。得如是等無量果報。

Thuyết Pháp Tỷ-kheo Ca-diếp Phật thị。Ca-diếp。Hộ chánh Pháp giả。Đắc như thị đẳng vô lượng quả báo。

Tỳ-kheo thuyết pháp là Phật Ca-diếp。

Này Ca-diếp, hộ trì Chánh Pháp được quả báo vô lượng như vậy。

以是因緣我於今日得種種相以自莊嚴。

Dĩ thị nhân duyên ngã ư kim nhật đắc chủng chủng tướng dĩ tự trang nghiêm。

Nhờ nhân duyên ấy Ta nay được các tướng để tự trang nghiêm,

成就法身不可壞身。

Thành tựu Pháp thân bất khả hoại thân。

thành tựu Pháp thân, thân không thể hoại。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

如來常身猶如畫石。佛告迦葉菩薩。善男子。以是因緣故。

Như Lai thường thân do như họa thạch。 Phật cáo Ca-diếp Bồ-tát。 Thiện nam tử。 Dĩ thị nhân duyên cố。

Thân thường Như Lai giống như tượng đá。 Phật dạy Bồ-tát Ca-diếp: Thiện nam tử! nhờ nhân duyên đó,

比丘比丘尼優婆塞優婆夷。

Tỳ kheo tỷ kheo ni Ưu bà tắc Ưu bà di。

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di

應當勤加護持正法。護法果報廣大無量。善男子。

Ứng đương tinh cần gia hộ trì chánh Pháp。 Hộ Pháp quả báo quảng Đại vô lượng。 Thiện nam tử。

phải nên siêng năng hộ trì Chánh pháp, quả báo của việc hộ trì Chánh pháp rộng lớn vô lượng. Thiện nam tử!

是故護法優婆塞等。應執刀杖擁護如是持法比丘。

Thị cố hộ Pháp Ưu bà tắc đấng. Ứng chấp đao trượng ủng hộ như thị Trì Pháp tỷ kheo. cho nên Ưu-bà-tắc.v.v. hộ trì Chánh pháp phải cầm dao gậy giống như chư Tỷ-kheo hộ trì Chánh pháp như vậy.

若有受持五戒之者。不得名為大乘人也。

Nhược hữu thọ trì ngũ giới chi giả. Bất đắc danh vi Đại thừa nhân dã.

Nếu có người thọ trì năm giới, không được gọi là người Đại thừa,

不受五戒為護正法乃名大乘。護正法者。

Bất thọ ngũ giới vi hộ chánh Pháp nãi danh Đại thừa. Hộ chánh Pháp giả.

không thọ năm giới mà hộ trì Chánh pháp mới được gọi là người Đại thừa, hộ trì Chánh pháp,

應當執持刀劍器仗侍說法者。迦葉白佛言。世尊。

Ứng đương chấp trì đao kiếm khí trượng thị thuyết Pháp giả. Ca-diếp bạch Phật ngôn. Thế tôn.

phải nên cầm dao, kiếm, vũ khí, bảo vệ người thuyết pháp. Ca-diếp bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn!

若諸比丘與如是等諸優婆塞持刀杖者。

Nhược chư tỷ kheo dĩ như thị đấng chư Ưu bà tắc trì đao trượng giả.

nếu các vị Tỷ-kheo cùng với các vị Ưu-bà-tắc cầm dao gậy như vậy,

共為伴侶為有師耶為無師乎。

Cộng vi bạn lữ vi hữu sư da vi vô sư hồ.

cùng làm bạn là có Thầy hay không có Thầy?

為是持戒為是破戒。佛告迦葉。莫謂是等為破戒人。

Vi thị trì giới vi thị phá giới. Phật cáo Ca-diếp. Mạc vị thị đấng vi phá giới nhân.

Đó là trì giới hay phá giới? Phật dạy Ca-diếp: Chớ cho rằng đó là những người phá Giới.

善男子。我涅槃後濁惡之世國土荒亂。

Thiện nam tử. Ngã Niết-Bàn hậu trược ác chi thế quốc thổ hoang loạn.

Thiện nam tử! Sau khi Ta nhập Niết-bàn, trong thế giới Ác trược, cõi nước hoang loạn,

互相抄掠人民飢餓。爾時多有為飢餓故發心出家。

Hồ tương sao lược nhân dân cơ nọ. Nhĩ thời đa hữu vi cơ nọ cố phát tâm xuất gia.
cướp bóc lẫn nhau, nhân dân đói khát. Lúc bấy giờ nhiều người vì đói nên phát tâm xuất
gia,

如是之人名為禿人。

Như thị chi nhân danh vi gốc nhân。

người như vậy gọi kẻ mất đầu,

是禿人輩見有持戒威儀具足清淨比丘護持正法。

Thị gốc nhân bối kiến hữu trì giới uy nghi cụ túc thanh tịnh tỷ kheo hộ trì chánh Pháp。

kẻ mất đầu ấy thấy có Tỷ-kheo thanh tịnh trì giới oai nghi đầy đủ, hộ trì Chánh pháp
驅逐令出若殺若害。迦葉菩薩復白佛言。世尊。是持戒人。

Khu trục lệnh xuất nhược sát nhược hại. Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn. Thế
tôn. Thị trì giới nhân。

liền xua đuổi đi hoặc giết hoặc hại. Thế Tôn, người trì giới ấy,

護正法者。云何當得遊行村落城邑教化。

Hộ chánh Pháp giả. Vân hà đương đắc du hành thôn lạc thành ấp giáo hóa。

hộ trì Chánh pháp làm thế nào để được vào thôn xóm thành ấp giáo hóa?

善男子。是故我今聽持戒人。

Thiện nam tử. Thị cố ngã kim thỉnh trì giới nhân。

Thiện nam tử! Ta nay nghe người trì giới,

依諸白衣持刀杖者以為伴侶。若諸國王大臣長者優婆塞等。

Y chư bạch y trì đao trượng giả dĩ vi bạn lữ. Nhược chư Quốc Vương Đại Thần Trưởng-
Giả Ưu bà tắc đẵng。

theo các vị bạch y cầm dao, gậy để làm bạn, hoặc các Quốc vương, Đại thần, Trưởng giả,
Ưu-bà-tắc .v.v.

為護法故雖持刀杖。我說是等名為持戒。

Vì hộ Pháp cố tuy trì đao trượng. Ngã thuyết thị đẵng danh vi trì giới。

vì hộ pháp nên tuy cầm dao, gậy, Ta nói những người ấy được gọi là trì Giới,

雖持刀杖不應斷命。

Tuy trì đao trượng bất ứng đoạn mạng。

tuy cầm dao, gậy, nhưng không đoạn mạng chúng sanh,

若能如是即得名為第一持戒。

Nhược năng như thị tức đắc danh vi đệ nhất trì giới。

nếu có thể được như vậy tức được gọi là Trì giới đệ nhất。

迦葉。言護法者。

Ca-diếp。Ngôn hộ Pháp giả。

Ca-diếp, nói hộ pháp ấy,

謂具正見能廣宣說大乘經典。終不捉持王者寶蓋油瓶穀米種種果蓏。

Vị cụ chánh kiến năng quảng tuyên thuyết Đại thừa Kinh điển。 Chung bắt tróc trì Vương giả bảo cái du bình cốc mễ chủng chủng quả lỏa。

nghĩa là đầy đủ Chánh kiến có thể rộng nói kinh điển Đại thừa, chẳng cầm bảo cái của vua, bình dầu, lúa gạo, các loại quả,

不為利養親近國王大臣長者。

Bất vị lợi dưỡng thân cận Quốc Vương Đại Thần Trưởng-Giả。

Không vì lợi dưỡng thân cận Quốc vương, Đại thần, Trưởng giả,

於諸檀越心無諂曲具足威儀摧伏破戒諸惡人等。

Ư chư đàn việt tâm vô siểm khúc cụ túc uy nghi tồ phục phá giới chư ác nhân đẳng。

đối với các người đàn-việt tâm không siểm nịnh, đầy đủ oai nghi, hàng phục các người ác phá giới .v.v.

是名持戒護法之師。能為眾生真善知識。

Thị danh trì giới hộ Pháp chi sư。 Năng vị chúng sanh chân thiện tri thức。

Đó gọi là vị Thầy trì giới, hộ pháp, có thể làm tri thức chân thật của chúng sanh,

其心弘廣譬如大海。迦葉。

Kỳ tâm hoằng quảng thí như Đại hải。 Ca-diếp。

Tâm người ấy rộng lớn như biển cả。 Ca-diếp,

若有比丘以利養故為他說法。是人所有徒眾眷屬。

Nhược hữu tỷ kheodĩ lợi dưỡng cố vị tha thuyết Pháp。 Thị nhân sở hữu đồ chúng quyến chúc。

nếu có Tỳ-kheo vì lợi dưỡng nên vì người khác thuyết pháp, đồ chúng quyến thuộc của người ấy,

亦効是師貪求利養。是人如是便自壞眾。

Diệc hiệu thị sư tham cầu lợi dưỡng。 Thị nhân như thị tiện tự hoại chúng。

cũng bắt chước thầy họ tham cầu lợi dưỡng, như vậy người ấy liền tự mình phá hoại chúng,

迦葉眾有三種一者犯戒雜僧。二者愚癡僧。三者清淨僧。

Ca-diếp chúng hữu tam chủng nhất giả phạm giới tạp tăng. Nhị giả ngu si tăng. Tam giả thanh tịnh tăng.

Ca-diếp, chúng có ba loài, một là Phạm Giới Tạp, hai là Ngu Si Tăng, ba là Thanh Tịnh Tăng,

破戒雜僧則易可壞。

Phá giới tạp tăng tắc dịch khả hoại.

Phá Giới Tạp Tăng thì dễ bị hoại,

持戒淨僧利養因緣所不能壞。云何破戒雜僧。若有比丘雖持禁戒。

Trì giới tịnh tăng lợi dưỡng nhân duyên sở bất năng hoại. Vân hà phá giới tạp tăng. Nhược hữu tỳ kheo tuy trì cấm giới.

Trì Giới Thanh Tịnh Tăng, nhân duyên lợi dưỡng không thể phá hoại. Thế nào là Phá Giới Tạp Tăng? Nếu có Tỳ-kheo tuy giữ gìn cấm giới,

為利養故與破戒者坐起行來。

Vì lợi dưỡng cố dữ phá giới giả tọa khởi hành lai.

nhưng vì lợi dưỡng cho nên cùng với kẻ phá giới cùng ngồi, đứng, đi lại,

共相親附同其事業。是名破戒亦名雜僧。云何愚癡僧。

Cộng tương thân phụ đồng kỳ sự nghiệp. Thị danh phá giới diệc danh tạp tăng. Vân hà ngu si tăng.

cùng thân cận nhau cùng làm một việc, đó gọi là phá giới cũng gọi là Tạp Tăng. Thế nào gọi là Ngu Si Tăng?

若有比丘在阿蘭若處。

Nhược hữu tỳ kheo tại a lan nhã xứ.

Nếu có Tỳ-kheo ở nơi hoang dã,

諸根不利闇鈍[夢-夕+登]藿少欲乞食。於說戒日及自恣時。

Chư căn bất lợi ám độn [mộng - tịch + đăng] mǎng thiếu dục khát thực. Ư thuyết giới nhật cập tự tứ thời.

các căn ám độn, không lanh lợi, vào ngày thuyết giới và lúc Tự Tứ

教諸弟子清淨懺悔。見非弟子多犯禁戒。

Giáo chủ đệ-tử thanh tịnh sám hối. Kiến phi đệ-tử đa phạm cấm giới.
dạy các đệ tử sám hối thanh tịnh, chẳng thấy đệ tử phạm nhiều cấm giới,
不能教令清淨懺悔。而便與共說戒自恣。是名愚癡僧。

Bất năng giáo lệnh thanh tịnh sám hối. Nhi tiện dữ cộng thuyết giới tự tử. Thị danh ngu
si tăng。

không thể dạy khiến họ sám hối thanh tịnh, mà cùng thuyết giới Tự Tử, đó gọi là ngu si
Tăng.

云何名清淨僧。有比丘僧。

Vân hà danh thanh tịnh tăng. Hữu tỷ kheotăng。

Thế nào gọi là Thanh tịnh Tăng? Có Tỷ-kheo Tăng,
不為百千億數諸魔之所沮壞。是菩薩眾本性清淨。

Bất vị bách thiên ức số chư ma chi sở tự hoại. Thị Bồ-tát chúng bốn tánh thanh tịnh.
không vì trăm ngàn ức số chúng ma phá hoại, chúng Bồ-tát đó tánh vốn thanh tịnh,
能調如上二部之眾。悉令安住清淨眾中。

Năng điều như thượng nhị bộ chi chúng. Tất lệnh an trú thanh tịnh chúng trung.
có thể điều phục hai bộ chúng trên, thầy điều khiến trong chúng an trú thanh tịnh,
是名護法無上大師善持律者。為欲調伏利眾生故。

Thị danh hộ Pháp vô thượng Đại sư thiện trì luật giả. Vị dục điều phục lợi chúng sanh
cổ。

đó gọi là Đại sư hộ trì pháp Vô thượng, khéo trì Giới Luật, vì muốn điều phục lợi ích chúng
sanh.

知諸戒相若輕若重。非是律者則不證知。

Tri chư giới tướng nhược khinh nhược trọng. Phi thị luật giả tắc bất chứng tri.
biết các giới tướng hoặc khinh hoặc trọng, chẳng phải Luật sư thì không thể chứng biết,
若是律者則便證知。云何調伏眾生故。

Nhược thị luật giả tắc tiện chứng tri. Vân hà điều phục chúng sanh cổ.
nếu là Luật sư thì liền chứng biết. Thế nào là điều phục chúng sanh?

若諸菩薩為化眾生常入聚落不擇時節。

Nhược chư Bồ-tát vị hóa chúng sanh thường nhập tụ lạc bất trạch thời tiết。

Nếu chư Bồ-tát vì hóa độ chúng sanh nên thường vào làng xóm không kể thời tiết,
或至寡婦姪女舍宅。與同住止經歷多年。若是聲聞所不應為。

Hoặc chí quả phụ dâm nữ xá trạch. Dữ đồng trụ chỉ Kinh lịch đa niên. Nhược thị Thanh văn sở bất ứng vi.

hoặc đến nhà quả phụ, dâm nữ, cùng ở với họ trải qua nhiều năm, nếu là Thanh văn thì không được làm,

是名調伏利益眾生。云何知重。

Thị danh điều phục lợi ích chúng sanh. Vân hà tri trọng.

đó gọi là điều phục lợi ích chúng sanh. Thế nào là biết Trọng?

若見如來因事制戒。汝從今日慎莫更犯。如四重禁。

Nhược kiến Như Lai nhân sự chế giới. Nhữ tòng kim nhật thận mạc canh phạm. Như tứ trọng cấm.

Nếu thấy Như Lai nhân việc chế giới, người từ nay cẩn thận chớ tái phạm. Như bốn Giới nặng,

出家之人所不應作。而便故作。非是沙門。

Xuất gia chi nhân sở bất ứng tác. Nhi tiện cố tác. Phi thị Sa-môn.

người xuất gia không được làm, mà cứ cố ý làm thì không phải Sa-môn,

非釋種子。是名為重。云何為輕。

Phi thích chủng tử. Thị danh vi trọng. Vân hà vi khinh.

không phải dòng họ Thích, đó gọi là giới nặng. Thế nào là giới nhẹ?

若犯輕事如是三諫。若能捨者。是名為輕。非律不證者。

Nhược phạm khinh sự như thị tam gián. Nhược năng xả giả. Thị danh vi khinh. Phi luật bất chứng giả.

Nếu phạm việc nhẹ ba lần can gián, nếu có thể bỏ, đó gọi là giới nhẹ.

若有讚說不清淨物應受用者。不共同止。

Nhược hữu tán thuyết bất thanh tịnh vật ứng thọ dụng giả. Bất-cộng đồng chỉ.

Nếu có người nói vật không thanh tịnh nên thọ dụng, không cùng chung ở,

是律應證者。善學戒律不近破戒。

Thị luật ứng chứng giả. Thiện học giới luật bất cận phá giới.

là điều Luật sư phải chứng, khéo học Giới Luật không thân cận người phá Giới,

見有所行隨順戒律心生歡喜。

Kiến hữu sở hạnh tùy thuận giới luật tâm sanh hoan hỷ.

thấy những việc làm của mình tùy thuận theo Giới Luật tâm sanh hoan hỷ,

如是能知佛法所作善能解說。是名律師。善解一字。善持契經。

Như thị năng tri Phật Pháp sở tác thiện năng giải thuyết. Thị danh luật sư. Thiện giải nhất tự. Thiện trì kế Kinh.

như vậy có thể biết những việc làm Phật pháp khéo có thể giảng nói, đó gọi là Luật Sư, khéo hiểu một chữ, khéo trì Kế Kinh

亦復如是。如是善男子。佛法無量不可思議。

Diệc phục như thị. Như thị thiện nam tử. Phật Pháp vô lượng bất khả tư nghị. cũng lại như vậy. Đúng vậy, Thiện nam tử! Phật pháp vô lượng không thể nghĩ bàn, 如來亦爾不可思議。迦葉菩薩白佛言。世尊。

Như Lai diệc nhĩ bất khả tư nghị. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Như Lai cũng như vậy không thể nghĩ bàn, Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn, 如是如是。誠如聖教。佛法無量不可思議。

Như thị như thị. Thành như Thánh giáo. Phật Pháp vô lượng bất khả tư nghị.

Đúng vậy! Đúng vậy! Thành thực như lời dạy của bậc Thánh, Phật pháp vô lượng không thể nghĩ bàn.

如來亦爾不可思議。

Như Lai diệc nhĩ bất khả tư nghị.

Như Lai cũng như vậy không thể nghĩ bàn,

故知如來常住不壞無有變異。我今善學。亦當為人廣宣是義。

Cố tri Như Lai thường trụ bất hoại vô hữu biến dị. Ngã kim thiện học. Diệc đương vị nhân quảng tuyên thị nghĩa.

nên biết Như Lai thường trụ không hoại không có thay đổi, con nay khéo học, cũng phải vì người rộng nói nghĩa đó.

爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。如來身者。

Nhĩ thời Phật tán Ca-diếp Bồ-tát. Thiện tai thiện tai. Như Lai thân giả.

Lúc ấy Phật khen Bồ-tát Ca-diếp: Hay thay! Hay thay! Thân Như Lai

即是金剛不可壞身。

Tức thị Kim cương bất khả hoại thân.

tức là thân Kim Cang không thể hoại.

菩薩應當如是善學正見正知。若能如是了了知見。

Bồ-tát ứng đương như thị thiện học chánh kiến chánh tri. Nhược năng như thị liễu liễu tri kiến。

Bồ-tát nên như vậy khéo học Chánh kiến, Chánh tri, nếu có thể hiểu, thấy biết như vậy, 即是見佛金剛之身不可壞身。如於鏡中見諸色像。

Tức thị kiến Phật Kim cương chi thân bất khả hoại thân. Như ư kính trung kiến chư sắc tượng。

tức là thân Kim Cang của Phật, thân không thể hoại, như ở trong gương thấy các hình sắc.

大般涅槃經名字功德品第三

Đại bát Niết-bàn Kinh danh tự công đức phẩm đệ tam

Kinh Đại Bát Niết Bàn Kinh, Phẩm thứ ba: Danh Tự Công Đức.

爾時如來復告迦葉。善男子。

Nhĩ thời Như Lai phục cáo Ca-diếp. Thiện nam tử。

Lúc bấy giờ Như Lai lại bảo Ca-diếp: Thiện nam tử!

汝今應當善持是經文字章句所有功德。

Nhữ kim ứng đương thiện trì thị Kinh văn tự chương cú sở hữu công đức。

Người nay nên khéo giữ gìn những công đức vốn có về văn tự chương cú kinh này, 若有善男子善女人。聞是經名生四趣者。無有是處。何以故。

Nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân. Văn thị Kinh danh sanh tứ thú giả. Vô hữu thị xử. Hà dĩ cố。

nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn nào nghe tên Kinh này mà sanh vào bốn đường ác thì không có chuyện ấy. Vì sao như vậy?

如是經典乃是無量無邊諸佛之所修習。

Như thị Kinh điển nãi thị vô lượng vô biên chư Phật chi sở tu tập。

Kinh điển như vậy mới là chỗ tu tập của vô lượng vô biên chư Phật,

所得功德我今當說。迦葉菩薩白佛言。世尊。

Sở đắc công đức ngã kim đương thuyết. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn。

chỗ có được công đức nay Ta sẽ nói. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: Bạch Thế Tôn!

當何名此經。菩薩摩訶薩云何奉持。

Đương hà danh thử Kinh. Bồ-tát-ma-ha-tát vân hà phụng trì。

Tại sao phải gọi tên Kinh này? Đại Bồ-tát làm thế nào phụng trì?

佛告迦葉。是經名為大般涅槃。上語亦善。

Phật cáo Ca-diếp. Thị Kinh danh vi Đại bát Niết-bàn. Thượng ngữ diệc thiện.

Phật dạy Ca-diếp: Kinh này gọi là Đại Bát-niết-bàn, chặng đầu cũng thiện,

中語亦善。下語亦善。義味深邃其文亦善。

Trung ngữ diệc thiện. Hạ ngữ diệc thiện. Nghĩa vị thâm thúy kỳ văn diệc thiện.

chặng giữa cũng thiện, chặng cuối cũng thiện, nghĩa lý thâm thúy, văn của Kinh cũng thiện,

純備具足清淨梵行。金剛寶藏滿足無缺。汝今善聽。

Thuần bị cụ túc thanh tịnh phạm hạnh. Kim cương bảo tạng mãn túc vô khuyết. Nhữ kim thiện thính.

đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh, Kim Cang Bảo Tạng đầy đủ không thiếu, các ông nay khéo lắng nghe,

我今當說。善男子。所言大者。名之為常。

Ngã kim đương thuyết. Thiện nam tử. Sở ngôn Đại giả. Danh chi vi thường.

nay Ta sẽ nói. Thiện nam tử! Nói Đại ấy là vì gọi là Thường,

如八大河悉歸大海。此經如是。

Như bát Đại hà tất quy Đại hải. Thử Kinh như thị.

như tám con sông lớn chảy đều vào biển lớn, Kinh này cũng như vậy.

降伏一切諸結煩惱及諸魔性。

Hàng phục nhất thiết chư kết phiền não cập chư ma tánh.

Hàng phục tất cả kiết sử phiền não và các tánh ma,

然後要於大般涅槃放捨身命。是故名曰大般涅槃。善男子。

Nhiên hậu yếu ư Đại bát Niết-bàn phóng xả thân mạng. Thị cố danh viết Đại bát Niết-bàn. Thiện nam tử.

sau cốt yếu ở nơi Đại Bát-niết-bàn xả bỏ thân mạng, cho nên gọi là Đại Bát-niết-bàn.

Thiện nam tử!

又如醫師有一祕方。悉攝一切所有醫方。善男子。

Hựu như y sư hữu nhất bí phương. Tất nhiếp nhất thiết sở hữu y phương. Thiện nam tử.

Lại như vị thầy thuốc có phương pháp thần bí, thâm nhiếp tất cả các phương pháp khác.
Thiện nam tử!

如來亦爾。所說種種妙法祕密深奧藏門。

Như Lai diệc nhĩ. Sở thuyết chủng chủng diệu Pháp bí mật thâm áo tạng môn。

Như Lai cũng lại như vậy, đã thuyết các loại diệu Pháp rất thần bí, thâm áo và tạng môn,
悉皆入於大般涅槃。是故名為大般涅槃。善男子。

Tất giai nhập ư Đại bát Niết-bàn. Thị cố danh vi Đại bát Niết-bàn. Thiện nam tử.
thầy đều vào được Đại Bát-niết-bàn, cho nên gọi là Đại Bát-niết-bàn. Thiện nam tử!
譬如農夫春月下種常有希望。

Thí như nông phu xuân nguyệt hạ chủng thường hữu hi vọng。

Thí như nông phu mùa hạ trồng cây thường có hy vọng

既收果實眾望都息。善男子。一切眾生亦復如是。

Ký thu quả thật chúng vọng đô tức. Thiện nam tử. Nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị。

sẽ gặt được quả như thật mọi người trông mong được nghỉ ngơi. Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy,

修學餘經常悌滋味。若得聞是大般涅槃。

Tu học dư Kinh thường hi tư vị. Nhược đắc văn thị Đại bát Niết-bàn。

tu học Kinh khác thường hy vọng nếm được mùi vị (giải thoát), nếu được nghe Kinh Đại Bát-niết-bàn này

悌望諸經所有滋味悉皆永斷。

Hi vọng chư Kinh sở hữu tư vị tất giai vĩnh đoạn。

thì hy vọng được có mùi vị giải thoát thầy đều không dứt,

是大涅槃能令眾生度諸有流。善男子。如諸跡中象跡為最。

Thị Đại Niết-Bàn năng lệnh chúng sanh độ chư hữu lưu. Thiện nam tử. Như chư tích trung tượng tích vi tối。

Đại Niết-bàn ấy có thể khiến chúng sanh vượt qua dòng sanh tử. Thiện nam tử! Như trong các dấu chân chân voi là tối thẳng,

此經如是。於諸經三昧最為第一。善男子。

Thử Kinh như thị. Ư chư Kinh tam muội tối vi đệ nhất. Thiện nam tử。

Kinh này như vậy, đối với các Kinh, Tam muội là tối thẳng thứ nhất. Thiện nam tử!

譬如耕田秋耕為勝。此經如是諸經中勝。

Thí như canh điền thu canh vi thắng. Thử Kinh như thị chư Kinh trung thắng.

Thí như cày ruộng mùa thu là thu hoạch được nhiều nhất, Kinh này như vậy trong các Kinh là tối thắng.

善男子。如諸藥中醍醐第一善治眾生熱惱亂心。

Thiện nam tử. Như chư dược trung thể hồ đệ nhất thiện trị chúng sanh nhiệt não loạn tâm.

Thiện nam tử! Như trong các thứ thuốc, Đề-hồ là thứ nhất khéo chữa sự nóng bức phiền não loạn tâm của chúng sanh,

是大涅槃為最第一。善男子。

Thị Đại Niết-Bàn vi tối đệ nhất. Thiện nam tử.

Đại Niết-bàn ấy là Tối thắng thứ nhất. Thiện nam tử!

譬如甜酥八味具足。大般涅槃亦復如是八味具足。

Thí như đềm tô bát vị cụ túc. Đại bát Niết-bàn diệc phục như thị bát vị cụ túc.

Thí như vị ngọt của cây tô đầy đủ tám vị, Đại Bát-niết-bàn cũng lại như vậy đầy đủ tám vị.

云何為八。一者常。二者恒。三者安。四者清涼。

Vân hà vi bát. Nhất giả thường. Nhị giả hằng. Tam giả an. Tứ giả thanh lương.

Thế nào là tám, một là thường, hai là hằng, ba là an, bốn là mát mẻ,

五者不老。六者不死。七者無垢。八者快樂。

Ngũ giả bất lão. Lục giả bất tử. Thất giả vô cấu. Bát giả khoái lạc.

năm là không già, sáu là không chết, bảy là không nhơ, tám là khoái lạc.

是為八味具足。具是八味。

Thị vi bát vị cụ túc. Cụ thị bát vị.

Đó là đầy đủ tám vị, đầy đủ tám vị,

是故名為大般涅槃若諸菩薩摩訶薩等安住是中。

Thị cố danh vi Đại bát Niết-bàn nhược chư Bồ-tát-ma-ha-tát đẳng an trú thị trung.

cho nên gọi là Đại Bát-niết-bàn. Nếu các vị Bồ-tát-ma-ha-tát .v.v. an trú trong ấy,

復能處處示現涅槃。是故名為大般涅槃。迦葉。

Phục năng xứ xứ thị hiện Niết-Bàn. Thị cố danh vi Đại bát Niết-bàn. Ca-diếp.

thì có thể thị hiện Niết-bàn mọi nơi, vì thế cho nên gọi là Đại Bát-niết-bàn. Ca-diếp,

善男子善女人。若欲於此大般涅槃而涅槃者。

Thiện nam tử Thiện Nữ Nhân. Nhược dục ư thử Đại bát Niết-bàn nhi Niết-Bàn giả.
thiện nam tử, thiện nữ nhưn nếu muốn ở nơi Đại Bát-niết-bàn này mà Niết-bàn,
當如是學如來常住。法僧亦然。

Đương như thị học Như Lai thường trụ. Pháp tăng diệc nhiên.
phải nên học Như Lai pháp thường trụ như vậy; Pháp và Tăng cũng lại như vậy.
迦葉菩薩復白佛言。甚奇世尊。如來功德不可思議。

Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn. Thậm kì Thế tôn. Như Lai công đức bất khả tư
nghị。

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật: Lạ thay Thế Tôn! Công đức Như Lai không thể nghĩ bàn,
法僧亦爾不可思議。是大涅槃亦不可思議。

Pháp tăng diệc nhĩ bất khả tư nghị. Thị Đại Niết-Bàn diệc bất khả tư nghị.
Pháp và Tăng cũng như vậy không thể nghĩ bàn, Đại Niết-bàn ấy cũng không thể nghĩ
bàn,

若有修學是經典者。得正法門能為良醫。

Nhược hữu tu học thị Kinh điển giả. Đắc chánh Pháp môn năng vi lương y.
nếu có người tu học Kinh điển ấy, được vào cửa Chánh pháp có thể trở thành lương y,
若未學者。當知是人盲無慧眼無明所覆。

Nhược vị học giả. Đương tri thị nhân manh vô tuệ nhãn vô minh sở phúc.
nếu người chưa học, nên biết người ấy mù mắt, mất trí huệ, vô minh bao trùm.

大般涅槃經卷第三

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam

Kinh Đại Bát Niết Bàn-Quyển Thứ Ba.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:05:08 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:05:08 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

=====

大般涅槃經卷第四

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ tứ

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ TƯ

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Đời Bắc Lương, Tam Tạng Pháp Sư Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

如來性品第四之一

Như Lai tánh phẩm đệ tứ chi nhất

PHẨM THỨ TƯ, PHẦN MỘT: NHƯ LAI TÁNH

佛復告迦葉。善男子。

Phật phục cáo Ca-diếp。 thiện nam tử

Đức Phật lại nói với Ca-diếp rằng: Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩分別開示大般涅槃。有四相義。何等為四。一者自正。

Bồ Tát Ma-Ha tát phân biệt khai kì Đại bát Niết bàn。 hữu tứ tướng nghĩa。 hà đẳng vi tứ。 nhất giả tự chánh

Đại Bồ-tát phân biệt, khai thị Đại Bát-niết-bàn này, nghĩa có bốn tướng. Thế nào là bốn?

Một là Tự chánh,

二者正他。三者能隨問答。四者善解因緣義。

nhị giả chánh tha。 tam giả năng tùy vấn đáp。 tứ giả thiện giải nhân duyên nghĩa。

hai là Chánh tha, ba là Năng tùy vấn đáp, bốn là Giải nhân duyên nghĩa。

云何自正。若佛如來見諸因緣而有所說。

vân hà tự chánh。 nhược Phật Như Lai kiến chư nhân duyên nhi hữu sở thuyết。

Thế nào là Tự chánh? Như Phật Như Lai thấy các nhân duyên mà có chỗ để nói,

譬如比丘見大火聚便作是言。

thí như Tỳ-kheo kiến Đại hỏa tụ tiện tác thị ngôn。

thí như Tỳ-kheo thấy đồng lửa lớn bèn nói rằng:

我寧抱是熾燃火聚。

ngã ninh bào thị sí nhiên hỏa tụ。

Ta thà ôm đồng lửa hừng cháy này

終不敢於如來所說十二部經及祕密藏。謗言云是波旬所說。

chung bất cảm ư Như Lai sở thuyết thập nhị bộ Kinh cập bí mật tạng。 bàng ngôn vân thị

Ba-tuần sở thuyết。

chứ trọn không dám đối với chỗ Như-lai nói về Mười Hai Bộ Kinh cùng Bí mật tạng, nói lời

phỉ báng rằng: Đây là lời của Ma-ba-tuần nói,

若言如來法僧無常。如是說者為自侵欺。亦欺於人。

nhược ngôn Như Lai Pháp tăng vô thường. như thị thuyết giả vi tự xâm khi. diệc khi ư nhân.

hoặc nói Như Lai, Pháp và Tăng là vô thường. Người nói như vậy là tự khinh mình, cũng khinh người khác,

寧以利刀自斷其舌。終不說言。如來法僧是無常也。

ninh dĩ lợi đao tự đoạn kỳ thiệt. chung bất thuyết ngôn. Như Lai Pháp tăng thị vô thường dã.

thà lấy dao sắc cắt lưỡi mình, quyết không nói rằng: Như Lai, Pháp và Tăng là vô thường. 若聞他說亦不信受。於此說者應生憐愍。

nhược văn tha thuyết diệc bất tín thọ. ư thử thuyết giả ứng sanh liên mẫn.

Nếu nghe người khác nói cũng không tin nhận thì đối với người nói lời này nên sanh lòng thương xót.

如來法僧不可思議。應如是持。

Như Lai Pháp tăng bất khả tư nghị. ứng như thị trì.

Như Lai, Pháp và Tăng không thể nghĩ bàn, nên giữ như vậy.

自觀己身猶如火聚。是名自正。

tự quán kỹ thân do như hỏa tụ. thị danh tự chánh.

Tự quán thân mình giống như đống lửa, đây gọi là tự chánh.

云何正他。佛說法時。有一女人乳養嬰兒。

vân hà chánh tha. Phật thuyết Pháp thời. hữu nhất nữ nhân nhũ dưỡng anh nhi

Thế nào là chánh tha? Lúc Phật nói pháp, có một người nữ nuôi con bằng sữa,

來詣佛所稽首佛足。有所顧念。心自思惟。

lai nghê Phật sở khể thủ Phật túc. hữu sở cố niệm. tâm tự tư duy

đến chỗ Phật, đầu mặt lạy sát chân Phật, có chỗ nhớ lại, tâm tự suy nghĩ,

便坐一面。爾時世尊知而故問。

tiện tọa nhất diện. nhĩ thời Thế Tôn tri nhi cố vấn.

liền ngồi một bên. Lúc bấy giờ Thế Tôn biết nên cố hỏi:

汝以愛念多嗔兒酥。不知籌量消與不消。

nhữ dĩ ái niệm đa hân nhi tô. bất tri trừ lượng tiêu dĩ bất tiêu

Người do quá thương trẻ nên cho bú nhiều sữa mà không biết trừ tính có tiêu hóa hay không tiêu hóa.

爾時女人即白佛言。甚奇世尊。善能知我心中所念。

nhi thời nữ nhân tức bạch Phật ngôn. thậm kì Thế Tôn. thiện năng tri ngã tâm trung sở niệm。

Bấy giờ người nữ liền bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Lạ thay, bạch Thế Tôn! Thế Tôn khéo có thể biết được chỗ suy nghĩ của tâm con, 唯願如來教我多少。世尊。

duy nguyện Như Lai giáo ngã đa thiểu。 Thế Tôn。

ngưỡng mong Như Lai chỉ dạy cho con nhiều ít. Bạch Thế Tôn!

我於今朝多與兒蘇。恐不能消將無夭壽。

ngã ư kim triều đa dĩ nhi tô. khủng bất năng tiêu tương vô yêu thọ

Sáng nay con cho con bú nhiều sữa, không biết có tiêu hóa hay không, sợ chết yểu,

唯願如來為我解說。佛言。汝兒所食尋即消化增益壽命。

duy nguyện Như Lai vị ngã giải thuyết。 Phật ngôn. nữ nhi sở thực tầm tức tiêu hóa tăng ích thọ mạng。

ngưỡng mong Như Lai vì con giải nói. Phật dạy: Chỗ con của người ăn, bỗng liền tiêu hóa và thọ mạng tăng thêm.

女人聞已心大踊躍。復作是言。

nữ nhân văn dĩ tâm Đại dũng dục。 phục tác thị ngôn。

Người nữ nghe xong, tâm rất hớn hở, lại nói rằng: 如來實說故我歡喜。世尊。如是為欲調伏諸眾生故。

Như Lai thật thuyết cố ngã hoan hỷ. Thế tôn. như thị vị dục điều phục chư chúng sanh cố。

Như Lai nói thật, nên con rất vui mừng. Thế Tôn vì muốn điều phục các chúng sanh nên 善能分別說消不消。亦說諸法無我無常。

thiện năng phân biệt thuyết tiêu bất tiêu. diệc thuyết chư Pháp vô ngã vô thường。

khéo hay phân biệt nói tiêu hay không tiêu như vậy; cũng nói các pháp vô ngã, vô thường.

若佛世尊先說常者。

nhược Phật Thế Tôn tiên thuyết thường giả。

Như Phật Thế Tôn trước nói là thường,

受化之徒當言此法與外道同即便捨去。復告女人。

thọ hóa chi đồ đương ngôn thủ Pháp dữ ngoại đạo đồng tức tiện xả khứ. phục cáo nữ nhân.

tín đồ thọ hóa, nên nói rằng pháp này cùng ngoại đạo giống nhau, liền bỏ đi. Lại bảo người nữ,

若兒長大能自行來。凡所食噉能消難消。

nhược nhi trường Đại năng tự hành lai. phàm sở thực đạm năng tiêu nan tiêu.

nếu đứa trẻ khôn lớn thì có thể tự đi lại. Nếu chỗ ăn uống có thể dễ tiêu hay khó tiêu, 本所與蘇則不供足。我之所有聲聞弟子亦復如是。

bổn sở dữ tô tác bất cung túc. ngã chi sở hữu thanh văn đệ-tử diệc phục như thị vốn do cung cấp sữa không đủ. Ta có đệ tử Thanh văn cũng lại như vậy.

如汝嬰兒。不能消是常住之法。

như nữ anh nhi. bất năng tiêu thị thường trụ chi Pháp。

Như con trẻ của người không thể tiêu là pháp thường trụ,

是故我先說苦無常。若我聲聞諸弟子等。

thị cố ngã tiên thuyết khổ vô thường. nhược ngã thanh văn chư đệ-tử đẳng

vì vậy mà Ta trước nói về khổ và vô thường. Nếu các đệ tử Thanh văn của Ta

功德已備堪任修習大乘經典。我於是經為說六味。云何六味。

công đức dĩ bị kham nhâm tu tập Đại thừa Kinh điển. ngã ư thị Kinh vị thuyết lục vị. vân hà lục vị。

có công đức đầy đủ thì kham nhậm tu tập kinh điển Đại thừa. Kinh này Ta vì họ nói về sáu vị. Thế nào là sáu vị?

說苦醋味無常鹹味無我苦味樂如甜味我如辛味常如淡味。彼世間中有三種味。

thuyết khổ thổ vị vô thường hàm vị vô ngã khổ vị lạc như điềm vị ngã như tân vị thường như đạm vị. bỉ thế gian trung hữu tam chủng vị。

Khổ nói vị chua, vô thường nói vị mặn, vô ngã nói vị đắng, lạc như vị ngọt, ngã như vị cay, thường như vị nhạt. Trong đó, thế gian có ba vị.

所謂無常無我無樂。煩惱為薪智慧為火。

sở vị vô thường vô ngã vô lạc. phiền não vi tân trí tuệ vi hỏa。

Đó là vô thường, vô ngã, vô lạc. Phiền não là củi, trí tuệ là lửa.

以是因緣成涅槃飯。謂常樂我。令諸弟子悉皆甘嗜。

dĩ thị nhân duyên thành Niết Bàn phạn. vị thường lạc ngã. linh chư đệ-tử tất giai cam thị.

Do nhân duyên này mà thành cơm Niết-bàn; đó là thường, lạc, ngã; khiến các đệ-tử hết thấy đều ham thích ngọt.

復告女人。汝若有緣欲至他處。

phục cáo nữ nhân. như nhược hữu duyên dục chí tha xử.

Phật lại bảo người nữ: Người nếu có nhân duyên muốn đến nơi khác,

應驅惡子令出其舍。悉以寶藏付示善子。女人白佛。

ứng khu ác tử linh xuất kỳ xá. tất dĩ bảo tạng phó kì thiện tử. nữ nhân bạch Phật.

nên đuổi ác tử khiến đi ra khỏi nhà, đem tất cả kho báu giao phó cho thiện tử. Người nữ bạch Phật:

實如聖教。珍寶之藏應示善子。不示惡子。姊。

thật như Thánh giáo. trân bảo chi tạng ứng kì thiện tử. bất kì ác tử. tỉ.

Thật như Thánh dạy: Kho trân bảo nên mách chỉ cho thiện tử, không nên mách chỉ cho ác tử. Này chị!

我亦如是。般涅槃時。如來微密無上法藏。

ngã diệc như thị. bát Niết Bàn thời. Như Lai vi mật vô thượng Pháp tạng

Ta cũng như vậy. Lúc nhập Niết-bàn, kho pháp vi mật vô thượng của Như Lai,

不與聲聞諸弟子等。如汝寶藏不示惡子。

bất dĩ thanh văn chư đệ-tử đẳng. như như bảo tạng bất kì ác tử.

không cho các đệ-tử Thanh văn, như chị không mách chỉ kho báu cho ác tử.

要當付囑諸菩薩等。如汝寶藏委付善子。

yếu đương phó chúc chư Bồ Tát đẳng. như như bảo tạng ủy phó thiện tử.

cần phải giao phó cho các Bồ-tát, như chị ủy phó kho báu cho con giỏi,

何以故。聲聞弟子生變異想謂佛如來真實滅度。

hà dĩ cố. Thanh văn đệ-tử sanh biến dị tưởng vị Phật Như Lai chân thật diệt độ.

Vì sao vậy? Vì Thanh văn đệ tử tưởng biến khác, cho rằng Phật Như Lai chân thật diệt độ, 然我真實不滅度也。

nhiên ngã chân thật bất diệt độ dã.

nhưng Ta chân thật không diệt độ.

如汝遠行未還之頃汝之惡子便言汝死。汝實不死。

như nữ viển hành vị hoàn chi khoảnh nữ chi ác tử tiện ngôn nữ tử. nữ thật bất tử. Như chị đi xa, khoảnh khắc chưa trở lại. Ác tử của chị bèn nói rằng chị đã chết, thật ra chị không chết.

諸菩薩等說言如來常不變易。如汝善子不言汝死。

chư Bồ Tát đặng thuyết ngôn Như Lai thường bất biến dị. như nữ thiện tử bất ngôn nữ tử.

Chư Bồ Tát v.v.. nói rằng: Như Lai thường hằng không biến đổi, như thiện tử của chị không nói chị chết.

以是義故。我以無上祕密之藏付諸菩薩。善男子。

dĩ thị nghĩa cố. ngã dĩ vô thượng bí mật chi tạng phó chư Bồ Tát. thiện nam tử.

Do nghĩa này nên Ta đem Bí mật tạng vô thượng giao phó cho các Bồ-tát. Đây thiện nam tử!

若有眾生謂佛常住不變異者。

nhược hữu chúng sanh vị Phật thường trụ bất biến dị giả.

Nếu có chúng sanh nói rằng Phật thường trụ, không biến đổi.

當知是家則為有佛。是名正他。

đương tri thị gia tắc vi hữu Phật. thị danh chánh tha.

Nên biết nhà này thường có Phật, đây gọi là Chánh tha.

能隨問答者。若有人來問佛世尊。

năng tùy vấn đáp giả. nhược hữu nhân lai vấn Phật Thế Tôn.

Có thể tùy theo chỗ mà vấn đáp, hoặc có người đến hỏi Phật Thế Tôn rằng:

我當云何不捨錢財。而得名為大施檀越。佛言。

ngã đương vân hà bất xả tiền tài. nhi đắc danh vi Đại thí đàn việt. Phật ngôn

Con phải làm sao không bỏ tiền của mà được gọi là Đại thí đàn việt? Phật dạy:

若有沙門婆羅門等。

nhược hữu Sa Môn Bà-la-môn đặng.

Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn v.v..

少欲知足不受不畜不淨物者。當施其人奴婢僕使。

thiểu dục tri túc bất thọ bất súc bất tịnh vật giả. đương thí kỳ nhân nô tì bộc sử.

ít muốn biết đủ, không nhận, không cất chứa những vật bất tịnh thì nên bố thí cho những vị nô tỳ, nô bộc.

修梵行者施與女人斷酒肉者施以酒肉。不過中食施過中食。

tu phạm hạnh giả thí dĩ nữ nhân đoan tửu nhục giả thí dĩ tửu nhục. bất quá trung thực
thí quá trung thực。

Người tu phạm hạnh thì cho người nữ; người bỏ rượu thịt thì cho rượu thịt; người không ăn
quá giờ ngộ thì cho quá giờ ngộ;

不著花香施以花香。如是施者施名流布。

bất trước hoa hương thí dĩ hoa hương. như thị thí giả thí danh lưu bố。

không đeo hoa hương thì lại cho hoa hương. Người bố thí như vậy gọi là lưu bố,
遍至他方。財寶之費不失毫釐。

biến chí tha phương. tài bảo chi phí bất thất。

khắp đến phương khác, tài bảo không mất hào ly.

是則名為能隨問答。爾時迦葉菩薩白佛言。世尊。

thị tắc danh vi năng tùy vấn đáp. nhĩ thời Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn. Thế tôn。

Đây gọi là Năng tùy vấn đáp. Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!
食肉之人不應施肉。何以故。

thực nhục chi nhân bất ứng thí nhục. hà dĩ cố。

Người ăn thịt không nên cho thịt, vì sao vậy?

我見不食肉者有大功德。佛讚迦葉。善哉善哉。

ngã kiến bất thực nhục giả hữu Đại công đức. Phật tán Ca-diếp. Thiện tai Thiện tai。

Con thấy người không ăn thịt có công đức lớn. Phật khen Ca-diếp. Hay thay! Hay thay!

汝今乃能善知我意。護法菩薩應當如是。善男子。

nhữ kim nãi năng thiện tri ngã ý. hộ Pháp Bồ Tát ứng đương như thị. thiện nam tử。

Ông nay khéo có thể biết ý của Ta. Bồ-tát hộ pháp phải nên như vậy. Này thiện nam tử!

從今日始不聽聲聞弟子食肉。若受檀越信施之時。

tòng kim nhật thủy bất thính thanh văn đệ-tử thực nhục. nhược thọ đàn việt tín thí chi
thời。

Từ ngày hôm nay về sau, không cho phép đệ tử Thanh văn ăn thịt. Nếu khi nhận của đàn
việt tín thí thì

應觀是食如子肉想。迦葉菩薩復白佛言。世尊。

ứng quán thị thực như tử nhục tưởng. Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn. Thế Tôn。

nên quán tưởng sự ăn này như ăn thịt con. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

何如來不聽食肉。善男子。

vân hà Như Lai bất thính thực nhục。 thiện nam tử。

Vì sao Như Lai không cho ăn thịt? Nay thiện nam tử!

夫食肉者斷大慈種。迦葉又言。如來何故。

phu thực nhục giả đoạn Đại từ chủng。 Ca-diếp hựu ngôn。 Như Lai hà cố。

Phàm người ăn thịt là dứt hạt giống Đại từ. Ca-diếp lại thưa: Như Lai vì sao,

先聽比丘食三種淨肉。迦葉。是三種淨肉隨事漸制。

tiên thính Tỳ-kheo thực tam chủng tịnh nhục。 Ca-diếp thị tam chủng tịnh nhục tùy sự tiêm chế。

lúc trước cho Tỳ-kheo ăn ba thứ thịt thanh tịnh? Nay Ca-diếp! Ba thứ thịt thanh tịnh này là theo sự việc mà chế dần dần.

迦葉菩薩復白佛言。世尊。何因緣故。

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn。 Thế Tôn。 hà nhân duyên cố。

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì,

十種不淨乃至九種清淨而復不聽。佛告迦葉。

thập chủng bất tịnh nãi chí cửu chủng thanh tịnh nhi phục bất thính。 Phật cáo Ca-diếp。

mười thứ bất tịnh, cho đến chín thứ thanh tịnh mà lại không cho? Phật bảo Ca-diếp:

亦是因事漸次而制當知即是現斷肉義。

diệc thị nhân sự tiêm thứ nhi chế đương tri tức thị hiện đoạn nhục nghĩa。

Cũng là do sự việc mà dần dần chế ra, nên biết đây là nghĩa dứt thịt trong hiện tại.

迦葉菩薩復白佛言。云何如來。稱讚魚肉為美食耶。

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn。 vân hà Như Lai。 xưng tán ngư nhục vi mỹ thực da。

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Vì sao Như Lai khen cá thịt là thức ăn ngon?

善男子。我亦不說魚肉之屬為美食也。

thiện nam tử。 ngã diệc bất thuyết ngư nhục chi thuộc vi mỹ thực dã

Nay thiện nam tử! Ta cũng không nói cá thịt thuộc thức ăn ngon vậy.

我說甘蔗粳米石蜜一切穀麥及黑石蜜乳酪蘇油

ngã thuyết cam giá canh mẽ thạch mật nhất thiết cốc mạch cập hắc thạch mật nhũ lạc tô
Ta nói cây mía ngọt, gạo, mật, tất cả các loại lúa, cùng đường đen, sữa, lạc, tô
以為美食。雖說應畜種種衣服。
dĩ vi mỹ thực。 tuy thuyết ứng súc chủng chủng y phục。
dùng làm thức ăn ngon. Tuy nói cất chứa các thứ y phục,
所應畜者要是壞色。何況貪著是魚肉味。迦葉復言。
sở ứng súc giả yếu thị hoại sắc。 hà hưởng tham trước thị ngư nhục vị。 Ca-diếp phục
ngôn. những đồ cất chứa ấy cần phải hoại sắc, hưởng gì tham trước mùi vị thịt cá. Ca-diếp
lại thưa: Bạch Thế Tôn!
如來若制不食肉者。
Như Lai nhược chế bất thực nhục giả。
Như Lai nếu chế không ăn thịt,
彼五種味乳酪酪漿生酥熟酥胡麻油等。
bỉ ngũ chủng vị nhũ lạc lạc tương sanh tô thực tô hồ ma du đẳng。
năm vị như sữa, lạc, lạc tương, sanh tô, thực tô, vừng, dầu v.v.. ấy
及諸衣服僑奢耶衣珂貝皮革金銀盂器。如是等物亦不應受。
cập chư y phục kiều xa da y kha bối bì cách kim ngân vu khí。 như thị đẳng vật diệc bất
ứng thọ。
cùng các thứ y phục, vải kiều-sa-da, ngọc kha, da thú, vàng, ngọc, đồ chén bát, những vật
như vậy cũng không nên thọ.
善男子。不應同彼尼乾所見。
thiện nam tử。 bất ứng đồng bỉ ni kiền sở kiến。
Này thiện nam tử! Không nên đồng loả với cái thấy của các Ni Kiền kia,
如來所制一切禁戒各有異意。異意故聽食三種淨肉。
Như Lai sở chế nhất thiết cấm giới các hữu dị ý。 dị ý cố thính thực tam chủng tịnh nhục。
tất cả những cấm giới Như Lai chế ra đều có ý khác. Do có ý khác nên cho ăn ba thứ thịt
thanh tịnh;
異想故斷十種肉。異想故一切悉斷。及自死者。迦葉。
dị tưởng cố đoạn thập chủng nhục。 dị tưởng cố nhất thiết tất đoạn。 cập tự tử giả。 Ca-
diếp。

do tưởng khác nên dứt mười thứ thịt; do tưởng khác nên dứt tất cả thịt cùng với tự chết.
Này Ca-diếp!

我從今日制諸弟子。不得復食一切肉也。

ngã tông kim nhật chế chư đệ-tử. bất đắc phục thực nhất thiết nhục dã.

Từ hôm nay, Ta chế lại cho các đệ tử rằng không được ăn tất cả các loại thịt vậy.

迦葉。其食肉者。若行若住若坐若臥。

Ca-diếp. kỳ thực nhục giả. nhược hành nhược trụ nhược tọa nhược ngọa.

Này Ca-diếp! Người ăn thịt thì hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm,

一切眾生聞其肉氣悉生恐怖。譬如有人近師子已。

nhất thiết chúng sanh văn kỳ nhục khí tất sanh khủng bố. thí như hữu nhân cận Sư-tử dĩ.

tất cả chúng sanh nghe mùi thịt đó đều sợ hãi. Thí như có người gần sư tử xong,

眾人見之聞師子臭亦生恐怖。

chúng nhân kiến chi văn Sư-tử xú diệc sanh khủng bố.

mọi người nghe thấy mùi sư tử cũng sợ hãi.

善男子。如人噉蒜臭穢可惡。

thiện nam tử. như nhân đạm toán xú uế khả ác.

Này thiện nam tử! Như người ăn tỏi hôi uế đáng ghét,

餘人見之聞臭捨去。設遠見者猶不欲視。況當近之。

dư nhân kiến chi văn xú xả khứ. thiết viễn kiến giả do bất dục thị. hưởng đương cận chi.

người khác nghe thấy mùi hôi bèn bỏ đi. Giả sử thấy người ấy ở xa cũng không muốn nhìn, huống nữa là đến gần.

諸食肉者亦復如是。一切眾生聞其肉氣。

chư thực nhục giả diệc phục như thị. nhất thiết chúng sanh văn kỳ nhục khí.

Những người ăn thịt cũng lại như vậy, tất cả chúng sanh nghe mùi thịt đó

悉皆恐怖生畏死想。水陸空行有命之類悉捨之走。

tất giai khủng bố sanh úy tử tưởng. thủy lục không hành hữu mạng chi loại tất xả chi tẩu.

thảy đều kinh hãi, sợ chết; các loài sống ở dưới nước, đi trên không thảy đều bỏ chạy.

咸言此人是我等怨。是故菩薩不習食肉。

hàm ngôn thử nhân thị ngã đẵng oán. thị cố Bồ Tát bất tập thực nhục.
Tất cả đều nói rằng: Người này là oán địch của chúng ta. Vì vậy, Bồ-tát không nên tập ăn
thịt,
為度眾生示現食肉。雖現食之其實不食。
vị độ chúng sanh thị hiện thực nhục. tuy hiện thực chi kỳ thật bất thực.
vì độ chúng sanh mà thị hiện ăn thịt. Tuy thị hiện ăn thịt, kỳ thật không ăn.
善男子。如是菩薩清淨之食。猶尚不食。
thiện nam tử. như thị Bồ Tát thanh tịnh chi thực. do thượng bất thực.
Này thiện nam tử! Bồ-tát ăn thanh tịnh như vậy còn không ăn
況當食肉。善男子。我涅槃後。無量百歲。
huống đương thực nhục. thiện nam tử. ngã Niết Bàn hậu. vô lượng bách tuế.
huống phải ăn thịt. Này thiện nam tử! Khi Ta nhập Niết-bàn, vô lượng trăm năm sau,
四道聖人悉復涅槃正法滅後。於像法中當有比丘。
tứ đạo Thánh nhân tất phục Niết Bàn chánh Pháp diệt hậu. ư tượng Pháp trung đương
hữu Tỳ-kheo,
Thánh nhân trong bốn đường đều nhập Niết-bàn. Sau khi Chánh pháp diệt, trong Tượng
pháp sẽ có Tỳ-kheo,
似像持律少讀誦經。貪嗜飲食長養其身。
tự tượng trì luật thiếu đọc tụng Kinh. tham thị ẩm thực trường dưỡng kỳ thân.
giả dạng trì luật, ít đọc tụng kinh điển, ham thích ăn uống để nuôi dưỡng thân mình;
身所被服麤陋醜惡。形容憔悴無有威德。
thân sở bị phục thô lậu xú ác. hình dung tiều tụy vô hữu uy đức.
thân mặc áo thô xấu xí, hình dung tiều tụy không có oai đức,
放畜牛羊擔負薪草。頭髮髮爪悉皆長利。
phóng súc ngưu dương đam phụ tân thảo. đầu tu phát trảo tất giai trường lợi.
tha hồ nuôi trâu, dê để mang chở củi cỏ; râu tóc, móng chân đều dài và sắc.
雖服袈裟猶如獵師。細視徐行如猫伺鼠。常唱是言。
tuy phục ca sa do như liệt sư. tế thị từ hành như miêu tý thử. thường xướng thị ngôn
Tuy mặc áo ca sa nhưng giống như thợ săn bắn, dáng đi nhẹ nhỏ như mèo rình chuột,
thường nói rằng:
我得羅漢。多諸病苦眠臥糞穢。

ngã đắc la hán。 đa chư bệnh khổ miên ngoạ phần uế。
 Tôi chứng được quả La-hán, trong khi đó bệnh khổ thì nhiều, ngủ thì nằm chỗ phần uế;
 外現賢善內懷貪嫉。如受瘧法婆羅門等。
 ngoại hiện hiền thiện nội hoài tham tật. như thọ á Pháp Bà-la-môn đắng.
 bên ngoài có vẻ hiền lành, bên trong ôm lòng tham lam tật đố, như thọ pháp ác của hàng
 Bà-la-môn;
 實非沙門現沙門像。邪見熾盛誹謗正法。
 thật phi Sa Môn hiện Sa Môn tượng. tà kiến sí thịnh phỉ báng chánh Pháp.
 thật không phải Sa-môn mà hiện hình tướng Sa-môn, tà kiến nổi lên phỉ báng chánh
 Pháp.
 如是等人破壞如來所制戒律正行威儀。
 như thị đắng nhân phá hoại Như Lai sở chế giới luật chánh hạnh uy nghi.
 Những người như vậy là phá hoại chỗ chế giới luật, uy nghi, chánh hạnh,
 說解脫果離不淨法。及壞甚深祕密之教。各自隨意反說經律。
 thuyết giải thoát quả ly bất tịnh Pháp. cập hoại thậm thâm bí mật chi giáo. các tự tùy ý
 phản thuyết Kinh luật.
 nói quả giải thoát để lìa pháp bất tịnh, cùng phá hoại Tạng giáo bí mật rất sâu của Như
 Lai, đều theo ý mình trái với Kinh Luật,
 而作是言。如來皆聽我等食肉。自生此論。
 nhi tác thị ngôn. Như Lai giai thính ngã đắng thực nhục. tự sanh thử luận.
 mà nói rằng: Như Lai đều cho chúng tôi ăn thịt, tự tạo ra tranh luận này,
 言是佛說互共諍訟。各自稱是沙門釋子。
 ngôn thị Phật thuyết hỗ cộng tránh tụng. các tự xưng thị Sa Môn thích tử.
 rồi nói là Phật nói: “Hãy cùng nhau tranh cãi, kiện tụng”; đều tự xưng là Sa-môn thích tử.
 善男子。爾時復有諸沙門等。
 thiện nam tử. nhĩ thời phục hữu chư Sa Môn đắng.
 Này thiện nam tử! Lúc bấy giờ lại có các Sa-môn,
 貯聚生穀受取魚肉。手自作食。執持油瓶寶蓋革屣。
 trữ tụ sanh cốc thọ thủ ngư nhục. thủ tự tác thực. chấp trì du bình bảo cái cách tử.
 cất chứa lúa gạo, thọ nhận cá thịt, tự tay làm thức ăn, cầm giữ bình, dầu, lọng dù, giày da,
 親近國王大臣長者。占相星宿勤修醫道畜養奴婢。

thân cận Quốc Vương Đại Thần Trưởng-Giả. chiêm tướng tinh tú cần tu y đạo súc dưỡng nô tì.

gần gũi với Quốc vương, Đại thần, Trưởng giả, xem tướng tinh tú, học nghề chữa bệnh, nuôi tôi tớ,

金銀琉璃車磔馬瑙頗梨真珠珊瑚虎珀璧玉珂貝

kim ngân lưu ly xa-cử mã-não pha-lê chân châu san hô hổ phách bích ngọc kha bối
cất vàng, bạc, lưu ly, xa cử, mã não, pha lê, chân châu, san hô, hổ phách, bích ngọc, kha bối,

種種果蓏學諸伎藝。

chủng chủng quả lỏ học chư kỹ nghệ.

các thứ dưa, quả, học các nghề nghiệp,

畫師泥作造書教學。種植根栽蟲道呪幻。

họa sư nê tác tạo thư giáo học. chủng thực căn tài cổ đạo chú huyễn.

thợ hồ, thợ vẽ, dạy học, trồng trọt giống độc, chú thuật mê hoặc,

和合諸藥作倡伎樂。香花治身禱菡圃碁學諸工巧。

hòa hợp chư dược tác xướng kỹ nhạc. hương hoa trị thân xư bồ vi kỳ học chư công xảo
hòa trộn các thuốc, ca kỹ xướng hát, hương hoa làm đẹp thân, đánh su bồ, xúm quanh
chơi cờ, học các nghề hay.

比丘能離如是諸惡事者。當說是人真我弟子。

nhược hữu Tỳ-kheo năng ly như thị chư ác sự giả. đương thuyết thị nhân chân ngã đệ-tử.

Tỳ-kheo hay xa lìa những việc xấu ác đó thì nên nói người này đúng là đệ tử của Ta.

爾時迦葉復白佛言。世尊。

nhĩ thời Ca-diếp phục bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

Lúc bấy giờ Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

諸比丘比丘尼優婆塞優婆夷。因他而活。若乞食時得雜肉食。

chư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni Ưu bà tắc Ưu bà di. nhân tha nhi hoạt. nhược khát thực thời
đắc tạp nhục thực.

Các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nương theo người khác mà sống, nếu lúc đi
khất thực, được đồ ăn lẫn lộn thịt

云何得食應清淨法。佛言。迦葉。

vân hà đặc thực ứng thanh tịnh Pháp. Phật ngôn. Ca-diếp.
thì làm sao được đồ ăn ứng với pháp thanh tịnh? Phật dạy: Này Ca-diếp!
當以水洗令與肉別然後乃食。若其食器為肉所污。
đương dĩ thủy tẩy lệnh dữ nhục biệt nhiên hậu nãi thực。nhược kỳ thực khí vi nhục sở ô。
Trước nên dùng nước rửa khiến thịt thành thứ khác, sau mới được ăn. Nếu đồ đựng thức
ăn hôi mùi thịt,
但使無味聽用無罪。
đãn sử vô vị thính dụng vô tội。
chỉ làm cho không còn nghe mùi là dùng được, không có tội.
若見食中多有肉者則不應受。一切現肉悉不應食食者得罪。
nhược kiến thực trung đa hữu nhục giả tắc bất ứng thọ。nhất thiết hiện nhục tất bất ứng
thực thực giả đắc tội。
Nếu thấy trong thức ăn có nhiều thịt thì không nên nhận; thấy tất cả đều là thịt thì không
nên ăn, ăn bị mắc tội。
我今唱是斷肉之制。若廣說者即不可盡。涅槃時到。
ngã kim xướng thị đoạn nhục chi chế。nhược quảng thuyết giả tức bất khả tận。Niết Bàn
thời đáo。
Nay Ta chế giới đoạn thịt này, nếu nói rộng ra thì không thể cùng tận. Giờ Niết-bàn đã đến
是故略說。是則名為能隨問答。
thị cố lược thuyết。thị tắc danh vi năng tùy vấn đáp。
nên chỉ lược nói. Đây gọi là Năng tùy vấn đáp。
迦葉。云何善解因緣義。
Ca-diếp。vân hà thiện giải nhân duyên nghĩa。
Này Ca-diếp! Thế nào là Thiện giải nhân duyên nghĩa?
如有四部之眾來問我言。世尊。如是之義如來初出。
như hữu tứ bộ chi chúng lai vấn ngã ngôn。Thế Tôn。như thị chi nghĩa Như Lai sơ xuất。
Như có bốn bộ chúng đến hỏi Ta rằng: Bạch Thế Tôn! Nghĩa như vậy, lúc Như Lai mới
xuất hiện,
何故不為波斯匿王說是法門深妙之義。或時說深。
hà cố bất vị Ba tư nặc Vương thuyết thị Pháp môn thâm diệu chi nghĩa。hoặc thời thuyết
thâm。

sao không vì vua Ba Tư Nặc mà nói nghĩa sâu xa vi diệu của pháp môn này? Hoặc khi nói sâu,

或時說淺。或名為犯。或名不犯。云何名墮。

hoặc thời thuyết thiển. hoặc danh vi phạm. hoặc danh bất phạm. vân hà danh đọa. hoặc khi nói cạn, hoặc gọi là phạm, hoặc gọi là không phạm. Thế nào gọi là đọa?

云何名律。云何名波羅提木叉義。佛言。

vân hà danh luật. vân hà danh ba la đề mộc xoa nghĩa. Phật ngôn.

Thế nào gọi là Luật? Thế nào gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa? Phật dạy:

波羅提木叉者。名為知足。成就威儀無所受畜。

ba la đề mộc xoa giả. danh vi tri túc. thành tựu uy nghi vô sở thọ súc.

Ba-la-đề-mộc-xoa ấy gọi là tri túc, thành tựu uy nghi, không chỗ cất giữ,亦名淨命。墮者名四惡趣。又復墮者。

diệt danh tịnh mạng. đọa giả danh tứ ác thú. hựu phục đọa giả.

cũng gọi là tịnh mạng. Đọa ấy gọi là bốn ác thú. Lại đọa ấy là

墮於地獄乃至阿鼻。論其遲速過於暴雨。

đọa ư Địa ngục nãi chí A-tì. luận kỳ trì tốc quá ư bạo vũ.

đọa ở trong địa ngục, cho đến A-tì. Nếu nói về nhanh chậm còn hơn cả mưa bão,聞者驚怖。堅持禁戒不犯威儀。修習知足。

văn giả kinh phố. kiên trì cấm giới bất phạm uy nghi. tu tập tri túc.

ai nghe cũng sợ hãi, đều giữ gìn cấm giới, không phạm oai nghi, tu tập tri túc,不受一切不淨之物。又復墮者。長養地獄畜生餓鬼。

bất thọ nhất thiết bất tịnh chi vật. hựu phục đọa giả. trường dưỡng Địa ngục súc sanh ngạ quỷ.

không thọ nhận tất cả vật bất tịnh. Lại đọa tức là nuôi lớn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

以是諸義故名曰墮。波羅提木叉者。

dĩ thị chư nghĩa cố danh viết đọa. ba la đề mộc xoa giả.

Do nghĩa này nên gọi là đọa. Ba-la-đề-mộc-xoa nghĩa là

離身口意不善邪業。律者入戒威儀深經善義。

ly thân khẩu ý bất thiện tà nghiệp. luật giả nhập giới uy nghi thâm Kinh thiện nghĩa

thân, miệng và ý xa lìa những bất thiện, tà nghiệp. Luật nghĩa là nhập vào uy nghi giới, kinh nghĩa thâm sâu,

遮受一切不淨之物及不淨因緣。

già thọ nhất thiết bất tịnh chi vật cập bất tịnh nhân duyên。

ngăn chặn thọ nhận tất cả những vật bất tịnh cùng nhân duyên bất tịnh,

亦遮四重十三僧殘二不定法三十捨墮九十一墮四悔過法

diệc già tứ trọng thập tam tăng tàn nhị bất định Pháp tam thập xả đọa cửu thập nhất đọa tứ hối quá Pháp

cũng ngăn chặn bốn giới trọng, mười ba tăng tàn, hai pháp bất định, ba mươi pháp xả đọa, chín mươi một pháp đọa, bốn hối quá pháp,

眾多學法七滅諍等。

chúng đa học Pháp thất diệt tránh đặng。

nhieu học Pháp, bảy diệt tránh v.v..

或復有人盡破一切戒。云何一切。謂四重法乃至七滅諍法。

hoặc phục hữu nhân tận phá nhất thiết giới。vân hà nhất thiết。vị tứ trọng Pháp nãi chí thất diệt tránh Pháp。

Hoặc lại có người phá hết tất cả giới. Thế nào là tất cả? Đó là bốn pháp trọng, cho đến bảy pháp diệt tránh.

或復有人誹謗正法甚深經典。

hoặc phục hữu nhân phi báng chánh Pháp thậm thâm Kinh điển。

Hoặc lại có người phi báng chánh Pháp, Kinh Điển rất sâu,

及一闡提具足成就盡一切相無有因緣。

cập nhất xiển đề cụ túc thành tựu tận nhất thiết tướng vô hữu nhân duyên。

và Nhất-xiển-đề thành tựu đầy đủ tất cả tướng không có nhân duyên.

如是等人自言我是聰明利智。輕重之罪悉皆覆藏。

như thị đặng nhân tự ngôn ngã thị thông minh lợi trí。khinh trọng chi tội tất giai phúc tạng。

Những người như vậy tự nói rằng: Tôi là người thông minh lợi trí, tội nặng tội nhẹ thầy đều che dấu;

覆藏諸惡如龜藏六。如是眾罪長夜不悔。

phúc tạng chư ác như quy tạng lục。như thị chúng tội trường dạ bất hối。

che dấu những việc xấu như Quy-tạng-lục. Những tội lỗi như thế, đêm dài không hối hận, 以不悔故日夜增長。是諸比丘所犯眾罪終不發露。

dĩ bất hối cố nhật dạ tăng trưởng. thị chư Tỳ-kheo sở phạm chúng tội chung bất phát lộ. do không hối hận nên ngày đêm tăng trưởng. Những Tỳ-kheo này trọn không phát lộ những tội đã phạm,

是使所犯遂復滋蔓。是故如來知是事已。

thị sử sở phạm toại phục tư mạn. thị cố Như Lai tri thị sự dĩ khiến chỗ phạm tội càng tăng thêm. Vì vậy, Như Lai biết việc này xong, 漸次而制不得一時。爾時有善男子善女人。白佛言。

tiệm thứ nhi chế bất đắc nhất thời. nhĩ thời hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân. bạch Phật ngôn.

dần dần mà chế giới, không được cùng một lúc. Lúc bấy giờ có người trai lành, gái lành bạch Phật rằng:

世尊。如來久知如是之事。何不先制將無。

Thế Tôn. Như Lai cứu tri như thị chi sự. hà bất tiên chế tướng vô.

Bạch Thế Tôn! Như Lai từ lâu biết các việc như vậy, sao trước không chế để dẫn dắt họ? 世尊。欲令眾生入阿鼻獄。

Thế Tôn. dục linh chúng sanh nhập A-tì ngục.

Thế Tôn, muốn khiến chúng sanh vào ngục A-tỳ, 譬如多人欲至他方迷失正路隨逐邪道。

thí như đa nhân dục chí tha phương mê thất chánh lộ tùy trục tà đạo.

thí như nhiều người muốn đến phương khác, lạc mất đường chánh, đi vào đường tà.

是諸人等不知迷故皆謂是道。復不見人可問是非。

thị chư nhân đẳng bất tri mê cố giai vị thị đạo. phục bất kiến nhân khả vấn thị phi Những người này không biết lạc đường nên đều bảo là đường. Lại không thấy người để hỏi là đúng hay sai.

眾生如是迷於佛法不見正真。如來應為先說正道。

chúng sanh như thị mê ư Phật Pháp bất kiến chánh chân. Như Lai ứng vị tiên thuyết chánh đạo.

Những chúng sanh này mê mờ đối với Phật pháp, không thấy chân chánh. Như Lai phải vì họ trước nói chánh đạo,

勅諸比丘。此是犯戒此是持戒。當如是制。

sắc chư Tỳ-kheo. thử thị phạm giới thử thị trì giới. đương như thị chế

bảo các Tỳ-kheo: Đây là giới phạm, đây là giới trì, phải chế như vậy.
何以故。如來正覺是真實者知見正道
hà dĩ cố. Như Lai chánh giác thị chân thật giả tri kiến chánh đạo.
Vì sao vậy? Như Lai biết rõ đây là chân thật biết thấy chánh đạo.
惟有如來天中之天。能說十善增上功德及其義味。
duy hữu Như Lai Thiên trung chi Thiên. năng thuyết Thập thiện tăng thượng công đức
cập kỳ nghĩa vị.
Chỉ có Như Lai từ cõi Thiên Trung Thiên mới nói mười điều lành tăng thượng công đức
cùng nghĩa vị của nó.
是故啟請應先制戒。佛言。善男子。
thị cố khải thỉnh ứng tiên chế giới. Phật ngôn. thiện nam tử
Vì vậy, xin thỉnh Phật chế giới trước. Phật dạy: Này thiện nam tử!
若言如來能為眾生宣說十善增上功德。
nhược ngôn Như Lai năng vị chúng sanh tuyên thuyết Thập thiện tăng thượng công đức。
Nếu nói Như Lai hay vì chúng sanh tuyên nói mười điều lành tăng thượng công đức,
是則如來視諸眾生如羅睺羅。云何難言將無。世尊。
thị tắc Như Lai thị chư chúng sanh như La hầu la. vân hà nạn ngôn tướng vô. Thế Tôn.
tức là Như Lai xem các chúng sanh như La-hầu-la, sao lại gạn nói không dẫn dắt? Thế
Tôn,
欲令眾生入於地獄。
dục linh chúng sanh nhập ư Địa ngục。
muốn khiến chúng sanh vào ở địa ngục.
我見一人有墮阿鼻地獄因緣。尚為是人住世一劫若減一劫。
ngã kiến nhất nhân hữu đọa A-tì Địa ngục nhân duyên. thượng vị thị nhân trụ thế nhất
kiếp nhược giảm nhất kiếp。
Ta thấy một người có nhân duyên đọa ở địa ngục A-tỳ, còn vì người này ở đời một kiếp,
hoặc giảm một kiếp.
我於眾生有大慈悲。
ngã ư chúng sanh hữu Đại từ bi。
Ta đối với chúng sanh có lòng từ bi lớn,
何緣當誑如子想者令入地獄。善男子。如王國內有納衣者。

hà duyên đương cuống như tử tưởng giả linh nhập Địa ngục. thiện nam tử. như Vương quốc nội hữu nạp y giả.

duyên gì phải dối tưởng như con, khiến họ đọa vào địa ngục? Này thiện nam tử! Như trong quốc vương có người mặc áo nạp,

見衣有孔然後方補。如來亦爾。

kiến y hữu khổng nhiên hậu phương bổ. Như Lai diệt nhĩ.

thấy áo có lỗ thủng, sau mới vá. Như Lai cũng vậy,

見諸眾生有入阿鼻地獄因緣。即以戒善而為補之。善男子。

kiến chư chúng sanh hữu nhập A-tì Địa ngục nhân duyên. tức dĩ giới thiện nhi vị bổ chi. thiện nam tử.

thấy các chúng sanh có nhân duyên đọa vào địa ngục A-tì, liền dùng thiện giới giúp cho họ. Này thiện nam tử!

譬如轉輪聖王先為眾生說十善法。

thí như Chuyển luân Thánh Vương tiên vị chúng sanh thuyết Thập thiện Pháp.

Thí như Chuyển Luân Thánh Vương, trước vì chúng sanh nói về mười pháp lành.

其後漸漸有行惡者。王即隨事漸漸而斷。

kỳ hậu tiệm tiệm hữu hành ác giả. Vương tức tùy sự tiệm tiệm nhi đoạn.

Dần dần về sau, có người làm ác, vua liền tùy việc dần dần mà dứt;

斷諸惡已然後自行聖王之法。善男子。

đoạn chư ác dĩ nhiên hậu tự hành Thánh Vương chi Pháp. thiện nam tử.

dứt các việc xấu xong, sau tự thực hành pháp của Thánh vương. Này thiện nam tử!

我亦如是雖有所說不得先制。要因比丘漸行非法。

ngã diệt như thị tuy hữu sở thuyết bất đắc tiên chế. yếu nhân tỳ kheo tiệm hành phi Pháp.

Ta cũng như vậy, dầu có chỗ nói không được chế trước. Cần do các Tỳ-kheo dần dần làm phi pháp,

然後方乃隨事制之。樂法眾生隨教修行。

nhiên hậu phương nãi tùy sự chế chi. lạc Pháp chúng sanh tùy giáo tu hành.

sau mới tùy việc mà chế. Pháp lạc thì chúng sanh tùy sự chỉ dạy mà tu hành.

如是等眾乃能得見如來法身。

như thị đẳng chúng nãi năng đắc kiến Như Lai Pháp thân.

Như vậy, những người này mới có thể thấy được pháp thân Như Lai.

如轉輪王所有輪寶不可思議。如來亦爾不可思議。

như chuyển luân Vương sở hữu luân bảo bất khả tư nghị. Như Lai diệc nhĩ bất khả tư nghị.

Như Chuyển Luân Vương có Bảo luân không thể nghĩ bàn. Như Lai cũng vậy, không thể nghĩ bàn.

法僧二寶亦不可思議。能說法者及聞法者皆不可思議。

Pháp tăng nhị bảo diệc bất khả tư nghị. năng thuyết Pháp giả cập văn Pháp giả giai bất khả tư nghị.

Hai ngôi báu Pháp và Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Người nói pháp và người nghe pháp đều không thể nghĩ bàn.

是名善解因緣義也。菩薩如是分別開示四種相義。

thị danh thiện giải nhân duyên nghĩa dã. Bồ Tát như thị phân biệt khai kì tứ chủng tướng nghĩa.

Đây gọi là thiện giải nghĩa nhân duyên. Bồ-tát phân biệt, khai thị nghĩa của bốn trọng như vậy,

是名大乘大涅槃中因緣義也。

thị danh Đại thừa Đại Niết Bàn trung nhân duyên nghĩa dã.

đây gọi là nhân duyên nghĩa trong Đại thừa Đại Niết-bàn. 復次自正者。所謂得是大般涅槃。正他者。

phục thứ tự chánh giả. sở vị đắc thị Đại bát Niết bàn. chánh tha giả.

Lại nữa, tự chánh là được Đại Bát Niết-bàn. Chánh tha nghĩa là

我為比丘說言。如來常存不變。隨問答者。

ngã vị Tỳ-kheo thuyết ngôn. Như Lai thường tồn bất biến. tùy vấn đáp giả.

Ta vì Tỳ-kheo mà nói rằng: Như Lai thường còn không thay đổi nhưng tùy chỗ vấn đáp nghĩa vậy

迦葉。因汝所問故。

ca diếp. nhân nhữ sở vấn cố.

Này Ca-diếp! Nhân nơi lời ông hỏi,

得廣為菩薩摩訶薩比丘比丘尼優婆塞優婆夷。說是甚深微妙義理。

đắc quảng vi Bồ Tát Ma-Ha tát Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni Ưu bà tắc Ưu bà di. thuyết thị thậm thâm vi diệu nghĩa lý.

Ta rộng vì Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mà nói nghĩa lý rất sâu vi diệu này.

因緣義者。聲聞緣覺不解如是甚深之義密藏。

nhân duyên nghĩa giả. thanh văn duyên giác bất giải như thị thậm thâm chi nghĩa mật tạng

Nhân duyên nghĩa là Thanh văn và Duyên giác không hiểu nghĩa mật tạng rất sâu này, 不聞伊字三點而成解脫涅槃摩訶般若成祕

bất văn y tự tam điểm nhi thành giải thoát Niết Bàn Ma ha Bát nhã thành bí

không nghe ba chữ kia mà thành giải thoát Niết-bàn, thành Ma-ha-bát-nhã, thành Bí tạng.

我今於此闡揚分別為諸聲聞開發慧眼。假使有人作如是言。

ngã kim ư thử xiển dương phân biệt vị chư thanh văn khai phát tuệ nhãn. giả sử hữu nhân tác như thị ngôn.

Nay Ta ở đây xiển dương, phân biệt vì các Thanh văn khai mở tuệ nhãn. Giả sử có người nói rằng:

如是四事云何為一非虛妄耶。

như thị tứ sự vân hà vi nhất phi hư vọng da。

Bốn việc như vậy làm thành một, sao không hư dối ư!

即應反質是虛空無所有不動無礙。如是四事有何等異。是豈得名為虛妄乎。

tức ứng phản chất thị hư không vô sở hữu bất động vô ngại. như thị tứ sự hữu hà đẳng dị. thị khởi đắc danh vi hư vọng hồ。

Liền phản ứng lại rằng, hư không này không chỗ có, bất động, không ngại. Bốn việc này có gì sai khác? Lẽ nào được gọi là hư dối ư?

不也世尊。如是諸句即是一義。所謂空義。

bất dã Thế Tôn. như thị chư cú tức thị nhất nghĩa. sở vị không nghĩa。

Thưa không, bạch Thế Tôn! Những câu như vậy tức là một nghĩa, đó là nghĩa Không.

自正。正他。能隨問答。解因緣義。亦復如是。

tự chánh. chánh tha. năng tùy vấn đáp. 。 diệc phục như thị。

Tự chánh, Chánh tha, Năng tùy vấn đáp, Giải nhân duyên nghĩa cũng lại như vậy,

即大涅槃等無有異。

tức Đại Niết Bàn đẳng vô hữu dị.

chính là Đại Niết-bàn không có sai khác.

佛告迦葉。若有善男子善女人作如是言。

Phật cáo Ca-diếp. nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tác như thị ngôn.

Phật bảo Ca-diếp: Nếu có người trai lành, gái lành nói như sau:

如來無常。云何當知是無常耶。如佛所言。

Như Lai vô thường. vân hà đường tri thị vô thường da. như Phật sở ngôn.

Như Lai vô thường, sao biết là vô thường? Như chỗ Phật nói:

滅諸煩惱名為涅槃。猶如火滅悉無所有。

diệt chư phiền não danh vi Niết Bàn. do như hỏa diệt tất vô sở hữu.

Diệt các phiền não gọi là Niết-bàn, giống như lửa tắt, thấy đều không chỗ có.

滅諸煩惱亦復如是故名涅槃。

diệt chư phiền não diệt phục như thị cố danh Niết Bàn.

Diệt các phiền não cũng lại như vậy, nên gọi là Niết-bàn.

云何如來為常住法不變易耶。如佛言曰。

vân hà Như Lai vi thường trụ Pháp bất biến dịch da. như Phật ngôn viết.

Sao gọi Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi? Như Phật nói rằng:

離諸有者乃名涅槃。是涅槃中無有諸有。

ly chư hữu giả nãi danh Niết Bàn. thị Niết Bàn trung vô hữu chư hữu.

Lìa các hữu mới gọi là Niết-bàn. Trong Niết-bàn này không có các hữu.

云何如來為常住法不變易耶。如衣壞盡不名為物。涅槃亦爾。

vân hà Như Lai vi thường trụ Pháp bất biến dịch da. như y hoại tận bất danh vi vật. Niết Bàn diệt nhĩ.

Sao nói Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi? Như áo hư hoại hết không còn gọi là vật. Niết-bàn cũng như vậy,

滅諸煩惱不名為物。

diệt chư phiền não bất danh vi vật.

các phiền não hết không còn gọi là vật.

云何如來為常住法不變易耶。如佛言曰。離欲寂滅名曰涅槃。

vân hà Như Lai vi thường trụ Pháp bất biến dịch da. như Phật ngôn viết. ly dục tịch diệt danh viết Niết Bàn.

Thế nào là Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi? Như Phật nói rằng: Ly dục, tịch diệt gọi là Niết-bàn.

如人斬首則無有首。離欲寂滅亦復如是。

như nhân trảm thủ tắc vô hữu thủ. ly dục tịch diệt diệc phục như thị.

Như người bị chém đầu, thời không có đầu. Ly dục, tịch diệt cũng lại như vậy.

空無所有故名涅槃。

không vô sở hữu cố danh Niết Bàn.

Không không có sở hữu nên gọi là Niết-bàn.

云何如來為常住法不變易耶。如佛言曰。

vân hà Như Lai vi thường trụ Pháp bất biến dị da. như Phật ngôn viết.

Thế nào là Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi? Như Phật nói rằng:

譬如熱鐵 搥打星流

thí như nhiệt thiết trùy đả tinh lưu

Thí như sắt nóng, Đập đánh dạt nhỏ.

散已尋滅 莫知所在

tán dĩ tầm diệt mạc tri sở tại

Tan xong đoạn mất, Không biết chỗ nào.

得正解脫 亦復如是

đắc chánh giải thoát diệc phục như thị

Được chánh giải thoát, Cũng lại như vậy.

已度婬欲 諸有淤泥

dĩ độ dâm dục chư hữu ú nê

Độ xong dâm dục, Các hữu ú động.

得無動處 不知所至

đắc vô động xứ bất tri sở chí

Được chỗ không động, Không biết chỗ đến.

云何如來為常住法不變易耶。迦葉。

vân hà Như Lai vi thường trụ Pháp bất biến dị da. Ca-diếp.

Vì sao Như Lai là pháp thường trụ không biến đổi? Này Ca-diếp!

若有人作如是難者名為邪難。迦葉。

nhược hữu nhân tác như thị nan giả danh vi tà nan. Ca-diếp.

Nếu có người nạn vẫn như vậy gọi là tà nạn. Này Ca-diếp!
汝亦不應作是憶想。謂如來性是滅盡也。迦葉。
nhữ diệt bất ứng tác thị ức tưởng. vị Như Lai tánh thị diệt tận dã. Ca-diếp
Ông cũng không nên có ý tưởng này: Tánh của Như Lai là diệt tận. Này Ca-diếp!
滅煩惱者不名為物。何以故。永畢竟故是故名常。
diệt phiền não giả bất danh vi vật. hà dĩ cố. vĩnh tất cánh cố thị cố danh thường.
Phiền não hết, không còn gọi là vật. Vì sao vậy? Vì vĩnh viễn rốt ráo nên gọi là thường,
是句寂靜為無有上。滅盡諸相無有遺餘。
thị cú tịch tĩnh vi vô hữu thượng. diệt tận chư tướng vô hữu di dư.
là câu tịch tĩnh không còn lời nào trên nữa, các tướng đã được diệt tận không còn dư tàn;
是句鮮白常住不退。是故涅槃名曰常住。
thị cú tiên bạch thường trụ bất thoái. thị cố Niết Bàn danh viết thường trụ.
là câu tươi sáng, thường trụ không thay đổi. Vì vậy Niết-bàn gọi là thường trụ.
如來亦爾常住無變。言星流者。謂煩惱也。
Như Lai diệt nhĩ thường trụ vô biến. ngôn tinh lưu giả. vị phiền não dã.
Như Lai cũng như vậy, thường trụ không thay đổi. Nói tinh lưu ấy, đó là phiền não;
散已尋滅莫知所在者。
tán dĩ tầm diệt mạc tri sở tại giả.
Tan xong mất hết, không biết ở chỗ nào,
謂諸如來煩惱滅已不在五趣。是故如來是常住法無有變易。
vị chư Như Lai phiền não diệt dĩ bất tại ngũ thú. thị cố Như Lai thị thường trụ Pháp vô
hữu biến dị.
đó là chư Như Lai đã hết phiền não, không còn ở trong năm đường. Vì vậy, Như Lai là
pháp thường trụ, không có biến đổi.
復次迦葉。諸佛所師所謂法也。是故如來恭敬供養。
phục thứ Ca-diếp. chư Phật sở sư sở vi Pháp dã. thị cố Như Lai cung kính cúng
dường.
Lại nữa, này Ca-diếp! Pháp là Thầy của chư Phật nên Như Lai cung kính cúng dường.
以法常故諸佛亦常。迦葉菩薩復白佛言。
dĩ Pháp thường cố chư Phật diệt thường. Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn.
Do pháp là thường nên chư Phật cũng thường. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:

若煩惱火滅如來亦滅。是則如來無常住處。

nhược phiền não hỏa diệt Như Lai diệt diệt. thị tác Như Lai vô thường trụ xứ
Nếu lửa phiền não diệt thì Như Lai cũng diệt, tức là Như Lai không thường trụ.
如彼迸鐵赤色滅已莫知所至。

như bĩ bình thiết xích sắc diệt dĩ mạc tri sở chí。

Như màu đỏ bình sắt nóng kia hết rồi thì không biết nó mất ở chỗ nào.

如來煩惱亦復如是滅無所至。

Như Lai phiền não diệt phục như thị diệt vô sở chí。

Phiền não của Như Lai cũng lại như vậy, nó diệt đi thì không có chỗ đến.

又如彼鐵熱與赤色滅已無有。如來亦爾。滅已無常滅煩惱火便入涅槃。

hựu như bĩ thiết nhiệt dĩ xích sắc diệt dĩ vô hữu. Như Lai diệt nhĩ. diệt dĩ vô thường diệt
phiền não hỏa tiện nhập Niết Bàn。

Lại như sức nóng và màu đỏ của sắt biến mất rồi thì không có nữa. Như Lai cũng vậy, vô
thường đã không còn, lửa phiền não đã diệt, liền nhập Niết-bàn,
當知如來即是無常。善男子。

đương tri Như Lai tức thị vô thường。 thiện nam tử。

nên biết Như Lai tức là vô thường. Này thiện nam tử!

所言鐵者名諸凡夫。

sở ngôn thiết giả danh chư phàm phu。

Chỗ nói sắt ấy gọi là các phàm phu.

凡夫之人雖滅煩惱滅已復生故名無常。如來不爾滅已不生是故名常。迦葉復言。

phàm phu chi nhân tuy diệt phiền não diệt dĩ phục sanh cố danh vô thường。 Như Lai bất
nhĩ diệt dĩ bất sanh thị cố danh thường。 ca diếp phục ngôn。

Kẻ phàm phu tuy đã diệt hết phiền não nhưng lại phát sanh phiền não lại nên gọi là vô
thường. Như Lai không phải như vậy, mất xong, không còn sanh lại nên gọi là thường. Ca-
diếp lại thưa:

如鐵赤色滅已還置火中赤色復生。

như thiết xích sắc diệt dĩ hoàn trí hỏa trung xích sắc phục sanh。

Như màu đỏ của sắt mất xong, để sắt vào trong lửa, màu đỏ có trở lại.

如來若爾應還生結。若結還生即是無常。佛言。

Như Lai nhược nhĩ ứng hoàn sanh kết。 nhược kết hoàn sanh tức thị vô thường。 Phật ngôn。

Như Lai nếu như vậy, buộc phải sanh trở lại, nếu buộc phải sanh trở lại tức là vô thường.

Phật dạy:

迦葉。汝今不應作如是言如來無常。何以故。

Ca-diếp。nhữ kim bất ứng tác như thị ngôn Như Lai vô thường。 hà dĩ cố。

Này Ca-diếp! Ông nay không nên nói lời Như Lai vô thường. Vì sao vậy?

如來是常。善男子。如彼燃木滅已有灰。

Như Lai thị thường。 thiện nam tử。 như bỉ nhiên mộc diệt dĩ hữu hôi。

Vì Như Lai là thường. Này thiện nam tử! Như cây kia đốt xong có tro.

煩惱滅已便有涅槃。

phiền não diệt dĩ tiện hữu Niết Bàn。

Phiền não diệt xong liền có Niết-bàn.

壞衣斬首破瓶等喻亦復如是。如是等物各有名字。

hoại y trảm thủ phá bình đẳng dụ diệt phục như thị。 như thị đẳng vật các hữu danh tự。

Những ví dụ như hoại y, chém đầu, phá bình v.v.. cũng lại như vậy. Những vật này đều có tên gọi.

名曰壞衣斬首破瓶。迦葉。如鐵冷已可使還熱。

danh viết hoại y trảm thủ phá bình。 Ca-diếp。 như thiết lãnh dĩ khả sử hoàn nhiệt。

Đó là tên hoại y, chém đầu, phá bình. Này Ca-diếp! Như sắt nguội rồi có thể khiến nóng trở lại.

如來不爾斷煩惱已畢竟清涼。煩惱熾火更不復生。迦葉。

Như Lai bất nhĩ đoạn phiền não dĩ tất cánh thanh lương。 phiền não sí hỏa canh bất phục sanh。 Ca-diếp。

Như Lai không như vậy, phiền não dứt xong, rốt ráo mát mẻ. Lửa dữ phiền não không sanh trở lại. Này Ca-diếp!

當知無量眾生猶如彼鐵。

đương tri vô lượng chúng sanh do như bỉ thiết。

Nên biết vô lượng chúng sanh giống như sắt kia.

我以無漏智慧熾火。燒彼眾生諸煩惱結。迦葉復言。

ngã dĩ vô lậu trí tuệ sí hỏa。 thiêu bỉ chúng sanh chư phiền não kết。 Ca-diếp phục ngôn。

Ta dùng lửa mạnh trí tuệ vô lậu để thiêu đốt các phiền não trôi buộc chúng sanh kia. Ca-diếp lại thưa:

善哉善哉。我今諦知如來所說諸佛是常。佛言。

Thiện tai Thiện tai. ngã kim đế tri Như Lai sở thuyết chư Phật thị thường. Phật ngôn.

Hay thay! Hay thay! Con nay rõ biết lời Như Lai nói: Chư Phật là thường! Phật dạy:

迦葉。譬如聖王素在後宮。或時遊觀在於後園。

Ca-diếp. thí như Thánh Vương tố tại hậu cung. hoặc thời du quán tại ư hậu viên

Này Ca-diếp! Thí như Thánh vương vốn thường ở sau cung, hoặc lúc dạo xem sau vườn.

王雖不在諸嫫女中。亦不得言聖王命終。

Vương tuy bất tại chư thể nữ trung. diệc bất đắc ngôn Thánh Vương mạng chung

Vua tuy không ở với các thể nữ, nhưng cũng không được nói Thánh vương mạng chung.

善男子。如來亦爾。

thiện nam tử. Như Lai diệc nhĩ.

Này thiện nam tử! Như Lai cũng vậy,

雖不現於閻浮提界入涅槃中不名無常。

tuy bất hiện ư Diêm-phù-đề giới nhập Niết bàn trung bất danh vô thường.

Tuy không xuất hiện ở Diêm-phù-đề mà nhập Niết-bàn, nhưng không gọi là vô thường.

如來出於無量煩惱入于涅槃安樂之處。遊諸覺華歡娛受樂。

Như Lai xuất ư vô lượng phiền não nhập vu Niết Bàn an lạc chi xứ. du chư giác hoa hoan
ngu thọ lạc.

Như Lai ra khỏi vô lượng phiền não, đến nơi Niết Bàn an lạc, dạo qua các giác, hoan hỷ
thọ lạc.

迦葉復問。如佛言曰。我已久度煩惱大海。

Ca-diếp phục vấn. như Phật ngôn viết. ngã dĩ cửu độ phiền não Đại hải.

Ca-diếp lại hỏi: Như Phật nói rằng: Ta đã từ lâu vượt qua biển lớn phiền não.

若佛已度煩惱海者。

nhược Phật dĩ độ phiền não hải giả.

Nếu Phật đã vượt qua biển phiền não,

何緣復共耶輸陀羅生羅睺羅。

hà duyên phục cộng Da du đà la sanh la hầu la.

nhưng có sao lại cùng Da-du-đà-la sanh La-hầu-la?

以是因緣當知如來未度煩惱諸結大海。唯願如來說其因緣。佛告迦葉。

dĩ thị nhân duyên đương tri Như Lai vị độ phiền não chư kết Đại hải. duy nguyện Như Lai thuyết kỳ nhân duyên. Phật cáo Ca-diếp.

Do nhân duyên này nên biết Như Lai chưa vượt qua biển lớn phiền não trói buộc, ngưỡng mong Như Lai nói nhân duyên đó. Phật bảo Ca-diếp:

汝不應言如來久度煩惱大海。

nhữ bất ứng ngôn Như Lai cửu độ phiền não Đại hải.

Ông không nên nói Như Lai từ lâu vượt qua biển lớn phiền não,

何緣復共耶輸陀羅生羅睺羅。

hà duyên phục cộng Da du đà la sanh la hầu la.

duyên gì lại cùng Da-du-đà-la sanh La-hầu-la?

以是因緣當知如來未度煩惱諸結大海。善男子。是大涅槃能建大義。

dĩ thị nhân duyên đương tri Như Lai vị độ phiền não chư kết Đại hải. thiện nam tử. thị

Đại Niết Bàn năng kiến Đại nghĩa

Do nhân duyên này nên biết Như Lai chưa vượt qua biển lớn phiền não trói buộc. Nay thiện nam tử! Là Đại Niết-bàn năng kiến Đại nghĩa.

汝等今當至心諦聽。廣為人說莫生驚疑。

nhữ đẳng kim đương chí tâm đế thính. quảng vị nhân thuyết mạc sanh kinh nghi

Các ông nay phải chí tâm lắng nghe, Ta sẽ vì mọi người mà nói, chớ có sanh nghi ngờ sợ hãi.

若有菩薩摩訶薩住大涅槃須彌山王。

nhược hữu Bồ Tát Ma-Ha tát trụ Đại Niết Bàn Tu-di sơn Vương.

Nếu có Đại Bồ-tát trụ ở Đại Niết-bàn, núi Tu-di,

如是高廣悉能令入葶藶子糝。

như thị cao quảng tất năng linh nhập đĩnh lịch tử hối.

cao rộng như vậy đều có thể khiến cho vào trong hạt rau đay?

其諸眾生依須彌者亦不迫迮。無來往想如本不異。

kỳ chư chúng sanh y Tu-Di giả diệc bất bách trách. vô lai vãng tưởng như bản bất dị

Các chúng sanh nương nơi Tu-di ấy cũng không bị chật chội, không có tưởng đi lại, như cũ không khác.

唯應度者見是菩薩以須彌山內葶藶糝復還安止本所住處

duy ứng độ giả kiến thị Bồ Tát dĩ Tu-Di sơn nội đình lịch hối phục hoàn an chỉ bốn sở trụ xứ

Chỉ những người được độ ấy thấy Bồ-tát này đem núi Tu-di cho vào trong hạt rau đay, rồi để yên lại chỗ cũ.

善男子。復有菩薩摩訶薩住大涅槃。

thiện nam tử. phục hữu Bồ Tát Ma-Ha tát trụ Đại Niết Bàn。

Này thiện nam tử! Lại có Đại Bồ-tát trụ Đại Niết-bàn,

能以三千大千世界置苾芻糝。

năng dĩ tam Thiên Đại Thiên thế giới trí đình lịch hối。

có thể đem ba ngàn đại Thiên thế giới để trong hạt rau đay.

其中眾生亦無迫迮。及往來想如本不異。

kỳ trung chúng sanh diệc vô bách trách. cập vãng lai tưởng như bốn bất dị。

Chúng sanh ở trong đó cũng không bị chật chội, cùng đi lại tưởng như cũ, không khác,

唯應度者見是菩薩以此三千大千世界置苾芻糝。

duy ứng độ giả kiến thị Bồ Tát dĩ thủ tam Thiên Đại Thiên thế giới trí đình lịch

chỉ những người được độ, thấy Bồ-tát này đem ba ngàn đại thiên thế giới đặt vào trong hạt rau đay,

復還安止本所住處。善男子。

phục hoàn an chỉ bốn sở trụ xứ. thiện nam tử。

rồi đặt yên lại chỗ cũ. Này thiện nam tử!

復有菩薩摩訶薩住大涅槃。能以三千大千世界內一毛孔。

phục hữu Bồ Tát Ma-Ha tát trụ Đại Niết Bàn. năng dĩ tam Thiên Đại Thiên thế giới nội nhất mao khổng。

Lại có Đại Bồ-tát trụ đại Niết-bàn, có thể đem ba ngàn đại Thiên thế giới đặt vào một lỗ chân lông,

乃至本處亦復如是。善男子。

nãi chí bốn xứ diệc phục như thị. thiện nam tử

cho đến đặt lại chỗ cũ, cũng lại như vậy. Này thiện nam tử!

復有菩薩摩訶薩住大涅槃。斷取十方三千大千諸佛世界。

phục hữu Bồ Tát Ma-Ha tát trụ Đại Niết Bàn. đoạn thủ thập phương tam thiên Đại Thiên chư Phật thế giới。

Lại có Đại Bồ-tát trụ đại Niết-bàn, cắt lấy thế giới chư Phật trong ba ngàn đại Thiên ở mười phương,

置於針鋒如貫棗葉。擲着他方異佛世界。

trí ư chiêm phong như quán táo diệp. trích khán tha phương dị Phật thế giới. đặt ở mũi kim như xem lá táo, rồi ném thử thế giới chư Phật đến phương khác.

其中所有一切眾生不覺往返為在何處。

kỳ trung sở hữu nhất thiết chúng sanh bất giác vãng phản vi tại hà xứ.

Tất cả chúng sanh ở trong đó, không biết nơi nào để trở lui,

唯應度者乃能見之。乃至本處亦復如是。善男子。

duy ứng độ giả nãi năng kiến chi. nãi chí bản xứ diệp phục như thị. thiện nam tử.

chỉ những người được độ mới có thể thấy Bồ-tát này cắt lấy thế giới chư Phật trong ba ngàn đại Thiên ở mười phương, đặt ở mũi kim, cho đến đặt lại chỗ cũ, cũng lại như vậy.

Này thiện nam tử!

復有菩薩摩訶薩住大涅槃。

phục hữu Bồ Tát Ma-Ha tát trụ Đại Niết Bàn。

Lại có Đại Bồ-tát trụ đại Niết-bàn,

斷取十方三千大千諸佛世界。置於右掌如陶家輪。

đoạn thủ thập phương tam thiên Đại Thiên chư Phật thế giới. trí ư hữu chưởng đào gia luân

cắt lấy thế giới chư Phật trong ba ngàn đại Thiên ở mười phương, đặt ở bàn tay phải như bánh xe của thợ gốm,

擲置他方微塵世界。無一眾生有往來想。

trích trí tha phương vi trần thế giới. vô nhất chúng sanh hữu vãng lai tưởng

trích trí tha phương vi trần thế giới. vô nhất chúng sanh hữu vãng lai tưởng

trích trí tha phương vi trần thế giới. vô nhất chúng sanh hữu vãng lai tưởng

trích trí tha phương vi trần thế giới. vô nhất chúng sanh hữu vãng lai tưởng

trích trí tha phương vi trần thế giới. vô nhất chúng sanh hữu vãng lai tưởng

Này thiện nam tử!

復有菩薩摩訶薩住大涅槃。

phục hữu Bồ Tát Ma-Ha tát trụ Đại Niết Bàn。

Lại có Đại Bồ-tát trụ đại Niết-bàn,

斷取一切十方無量諸佛世界悉內己身。其中眾生悉無迫迮。

đoạn thủ nhất thiết thập phương vô lượng chư Phật thế giới tất nội kỷ thân。 kỳ trung chúng sanh tất vô bách trách。

cắt lấy vô lượng thế giới chư Phật cho vào thân mình。 Chúng sanh trong đó đều không bị chật chội,

亦無往返及住處想。唯應度者乃能見之。

diệc vô vãng phản cập trụ xứ tưởng。 duy ứng độ giả nãi năng kiến cình。

cũng không có tưởng đi lại cùng chỗ ở, chỉ những người được độ mới có thể thấy như vậy thôi,

乃至本處亦復如是。善男子。

nãi chí bản xứ diệc phục như thị。 thiện nam tử。

cho đến đặt lại chỗ cũ cũng lại như vậy。 Này thiện nam tử!

復有菩薩摩訶薩住大涅槃。以十方世界內一塵中。

phục hữu Bồ Tát Ma-Ha tát trụ Đại Niết Bàn。 dĩ thập phương thế giới nội nhất trần trung。

Lại có Đại Bồ-tát trụ đại Niết-bàn, cắt lấy mười phương thế giới đặt vào trong một hạt bụi。

其中眾生亦無迫迮往返之想。唯應度者乃能見之。

kỳ trung chúng sanh diệc vô bách sạ vãng phản chi tưởng。 duy ứng độ giả nãi năng kiến chi。

Chúng sanh ở trong đó cũng không bị chật chội, không tưởng có đi lại。 Chỉ những người được độ mới có thể thấy như vậy,

乃至本處亦復如是。善男子。

nãi chí bản xứ diệc phục như thị。 thiện nam tử。

cho đến đặt lại chỗ cũ cũng lại như vậy。 Này thiện nam tử!

是菩薩摩訶薩住大涅槃。則能示現種種無量神通變化。

thị Bồ Tát Ma-Ha tát trụ Đại Niết Bàn。 tắc năng thị hiện chủng chủng vô lượng Thần thông biến hoá。

Đại Bồ-tát này trụ đại Niết-bàn thì có thể thị hiện vô lượng loại thần thông biến hóa, 是故名曰大般涅槃。

thị cố danh viết Đại bát Niết bàn。

nên gọi là Đại Bát Niết-bàn。

是菩薩摩訶薩所可示現如是無量神通變化。一切眾生無能測量。

thị Bồ Tát Ma-Ha tát sở khả thị hiện như thị vô lượng Thần thông biến hoá。 nhất thiết chúng sanh vô năng trắc lượng。

Chỗ có thể thị hiện vô lượng thần thông biến hóa như vậy của đại Bồ-tát này, tất cả chúng sanh không thể đo lường được.

汝今云何能知如來習近婬欲生羅睺羅。 善男子。

nhữ kim vân hà năng tri Như Lai tập cận dâm dục sanh la hầu la。 thiện nam tử

Ông nay làm sao có thể biết được Như Lai từ dâm dục mà sanh La-hầu-la? Nay thiện nam tử!

我已久住是大涅槃種種示現神通變化。

ngã dĩ cửu trụ thị Đại Niết Bàn chủng chủng thị hiện Thần thông biến hoá。

Ta đã từ lâu trụ ở Đại Niết-bàn này, thị hiện đủ loại thần thông biến hóa;

於此三千大千世界百億日月百億閻浮提種種示現。如首楞嚴經中廣說。

ư thử tam Thiên Đại Thiên thế giới bách ức nhật nguyệt bách ức Diêm-phù-đề chủng chủng thị hiện。 như Thủ Lăng Nghiêm Kinh trung quảng thuyết。

Ở trong ba ngàn đại Thiên thế giới này, thị hiện trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức cõi Diêm-phù-đề. Như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm rộng nói,

我於三千大千世界或閻浮提示現涅槃。

ngã ư tam Thiên Đại Thiên thế giới hoặc Diêm-phù-đề thị hiện Niết Bàn。

Ta ở trong ba ngàn đại Thiên thế giới, hoặc thị hiện Niết-bàn ở Diêm-phù-đề, 亦不畢竟取於涅槃。

diệc bất tất cánh thủ ư Niết Bàn。

cũng không rốt ráo cố chấp vào Niết-bàn。

或閻浮提示入母胎令其父母生我子想。

hoặc Diêm-phù-đề kì nhập mẫu thai linh kỳ phụ mẫu sanh ngã tử tưởng。

Hoặc ở cõi Diêm-phù-đề, thị hiện nhập thai mẹ, khiến cha mẹ ấy tưởng Ta là con。

我此身畢竟不從婬欲和合而得生也。我已久從無量劫來離於婬欲。

nhi ngã thử thân bất cánh bất tòng dâm dục hòa hợp nhi đắc sanh dã。 ngã dĩ cửu tòng vô lượng kiếp lai ly ư dâm dục。

Thân Ta đây rốt ráo không từ dâm dục hòa hợp mà được sanh. Ta từ vô lượng kiếp lâu xa đến nay đã xa lìa dâm dục。

我今此身即是法身隨順世間示現入胎。善男子。

ngã kim thử thân tức thị Pháp thân tùy thuận thế gian thị hiện nhập thai. thiện nam tử.

Thân Ta hôm nay chính là Pháp thân, tùy thuận thế gian thị hiện nhập thai. Này thiện nam tử!

此闍浮提林微尼園。示現從母摩耶而生。

thử Diêm-phù-đề lâm vi ni viên. thị hiện tòng mẫu ma da nhi sanh.

Tại vườn Lâm Vi-ni ở Diêm-phù-đề, thị hiện do mẹ là Hoàng Hậu Ma-da sanh ra;

生已即能東行 七步唱如是言。

sanh dĩ tức năng Đông hành thất bộ xướng như thị ngôn.

sanh xong liền có thể đi bảy bước về phía Đông và nói rằng:

我於人天阿修羅中最尊最上。父母人天見已驚喜生希有心。

ngã ư nhân Thiên A-tu-La trung tối tôn tối thượng. phụ mẫu nhân Thiên kiến dĩ kinh hỷ sanh hy hữu tâm.

Trong hàng người, Trời, A-tu-la Ta là tối tôn, tối thượng. Cha mẹ, Trời, người thấy xong vừa sợ hãi vừa vui mừng, sanh tâm hi hữu,

而諸人等謂是嬰兒。

nhi chư nhân đẳng vị thị anh nhi.

nhưng những người này cho là trẻ con.

而我此身無量劫來久離是法。如來身者即是法身。

nhi ngã thử thân vô lượng kiếp lai cửu ly thị Pháp. Như Lai thân giả tức thị Pháp thân.

mà thân Ta đây từ vô lượng kiếp lâu xa đến nay đã xa lìa pháp này. Thân Như Lai ấy chính là Pháp thân,

非是肉血筋脈骨髓之所成立。

phi thị nhục huyết cân mạch cốt tủy chiện sở thành lập.

không phải là thân do thịt máu, gân, mạch, xương, tủy, tạo thành.

隨順世間眾生法故示為嬰兒。南行七步示現欲為無量眾生作上福田。

tùy thuận thế gian chúng sanh Pháp cố thị vi anh nhi. Nam hành thất bộ thị hiện dục vị vô lượng chúng sanh tác thượng phước điền

Tùy thuận pháp chúng sanh ở thế gian nên thị hiện làm trẻ con, đi bảy bước về phương

Nam, thị hiện muốn vì vô lượng chúng sanh tạo thêm ruộng phước;

西行七步示現生盡永斷老死是最後身。

Tây hành thất bộ thị hiện sanh tận vĩnh đoạn lão tử thị tối hậu thân。
đi bảy bước về phương Tây, thị hiện sanh đã hết, vĩnh viễn dứt già chết, là thân sau cùng;
北行七步示現已度諸有生死。

Bắc hành thất bộ thị hiện dĩ độ chư hữu sanh tử。
đi bảy bước về phương Bắc, thị hiện độ xong các hữu sanh tử;
東行七步示為眾生而作導首。

Đông hành thất bộ kì vi chúng sanh nhi tác đạo thủ。
đi bảy bước về phương Đông thị hiện vì chúng sanh mà làm Thầy dẫn đường;
四維七步示現斷滅種種煩惱四魔種性。成於如來應正遍知。

tứ duy thất bộ thị hiện đoạn diệt chủng chủng phiền não tứ ma chủng tánh. thành ư Như
Lai ứng Chánh-biến-Tri。

đi bảy bước về bốn phương, thị hiện dứt trừ các loại phiền não và chủng tánh của bốn ma,
thành Như Lai ứng chánh biến tri;
上行七步示現不為不淨之物之所染污猶如虛空。

thượng hành thất bộ thị hiện bất vi bất tịnh chi vật chi sở nhiễm ô do như hư không。
đi bảy bước ở phương trên, thị hiện không bị những vật bất tịnh làm nhiễm ô, như hư
không;
下行七步示現法雨滅地獄火。

hạ hành thất bộ thị hiện Pháp vũ diệt Địa ngục hỏa。
đi bảy bước ở phương dưới, thị hiện mưa pháp dập tắt lửa địa ngục,
令彼眾生受安隱樂。毀禁戒者示作霜雹。

linh bị chúng sanh thọ an ổn lạc. hủy cấm giới giả thị tác sương bạc。
khiến những chúng sanh kia hưởng thọ an vui. Người hủy cấm giới, thị hiện làm mưa đá;
於閻浮提生七日已又示剃髮。

ư Diêm-phù-đề sanh thất nhật dĩ hựu kì thế phát。
ở cõi Diêm-phù-đề mới sanh bảy ngày, lại thị hiện cắt tóc。
諸人皆謂我是嬰兒初始剃髮。一切人天魔王波旬沙門婆羅門。

chư nhân giai vị ngã thị anh nhi sơ thủy thế phát. nhất thiết nhân Thiên Vương Ba-tuần
Sa Môn Bà-la-môn ma。

Mọi người đều cho Ta là trẻ con mới cắt tóc. Tất cả người, trời, ma vương ba tuần, Sa-
môn, Bà-la-môn,

vì tùy thuận pháp chúng sanh ở thế gian Pháp nên thị hiện như vậy.

復以諸寶作師子璫用莊嚴耳。

phục dĩ chư bảo tác sư tử đàng dụng trang nghiêm nhĩ.

Lại lấy các thứ báu, ngọc châu Sư-tử dùng trang nghiêm tai,

然我已於無量劫中離莊嚴具為欲隨順世間法故作是示現。

nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung ly trang nghiêm cụ vị dục tùy thuận thế gian Pháp cố tác thị thị hiện。

nhưng Ta trong vô lượng kiếp lâu xa đã lìa những đồ trang sức, vì muốn tùy thuận pháp thế gian nên thị hiện như vậy.

示入學堂修學書疏。然我已於無量劫中具足成就。

thị nhập học đường tu học thư sơ. nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung cụ túc thành tựu.

Thị hiện nhập học đường, tu học, viết lách thông suốt, nhưng Ta trong vô lượng kiếp đã thành tựu đầy đủ,

遍觀三界所有眾生無有堪任為我師者。

biến quán tam giới sở hữu chúng sanh vô hữu kham nhâm vị ngã sư giả.

nhìn khắp chúng sanh trong ba cõi, không ai có thể làm Thầy của Ta,

為欲隨順世間法故示入學堂故名如來應正遍知。

vị dục tùy thuận thế gian Pháp cố thị nhập học đường cố danh Như Lai ứng Chánh-biến-Tri。

vì muốn tùy thuận pháp thế gian nên thị hiện vào học đường, nên gọi là Như Lai ứng chánh biến tri.

習學乘象盤馬捩力種種伎藝亦復如是。

tập học thừa tượng bàn mã giác lực chủng chủng kỹ nghệ diệc phục như thị.

Học hành, cỡi voi, đua ngựa, đo sức, các loại nghề nghiệp cũng lại như vậy.

於閻浮提而復示現為王太子。

ư Diêm-phù-đề nhi phục thị hiện vi Vương Thái-Tử。

Ở Diêm-phù-đề mà lại thị hiện làm Thái tử của Vua.

眾生皆見我為太子於五欲中歡娛受樂。

chúng sanh giai kiến ngã vi Thái-Tử ư ngũ dục trung hoan ngu thọ lạc。

Chúng sanh đều thấy Ta làm Thái tử vui chơi lạc thú đối với năm món dục,

然我已於無量劫中捨離如是五欲之樂。

nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung xả ly như thị ngũ dục chi lạc。
nhưng Ta trong vô lượng kiếp đã xa lìa thú vui của năm món dục này,
為欲隨順世間法故示如是相。
vị dục tùy thuận thế gian Pháp cố kì như thị tướng。
vì muốn tùy thuận pháp thế gian nên thị hiện tướng như vậy。
相師占我若不出家當為轉輪聖王王閻浮提。一切眾生皆信是言。
tướng sư chiêm ngã nhược bất xuất gia đương vi Chuyển luân Thánh Vương Vương Diêm-
phù-đề。 nhất thiết chúng sanh giai tín thị ngôn。
Thầy xem tướng Ta, nếu không xuất gia, sẽ làm Chuyển Luân Thánh vương, vua ở Diêm-
phù-đề. Tất cả chúng sanh đều tin lời này。
我已於無量劫中捨轉輪王位為法輪王。
nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung xả chuyển luân Vương vị vi Pháp luân Vương
Trong vô lượng kiếp, Ta đã xả bỏ ngôi Chuyển Luân vương làm Pháp luân vương;
於閻浮提現離婁女五欲之樂。
ư Diêm-phù-đề hiện ly tô nữ ngũ dục chi lạc。
Ở Diêm-phù-đề thị hiện lìa thể nữ và năm món dục,
見老病死及沙門已出家修道。眾生皆謂悉達太子初始出家。
kiến lão bệnh tử cập Sa Môn dĩ xuất gia tu đạo。 chúng sanh giai vị Tất-đạt Thái-Tử sơ
thủy xuất gia。
thấy già, bệnh, chết cùng Sa-môn xong, xuất gia tu đạo. Chúng sanh đều cho rằng Thái
tử Tất-đạt mới xuất gia,
然我已於無量劫中出家學道。
nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung xuất gia học đạo。
nhưng Ta trong vô lượng kiếp đã xuất gia học đạo,
隨順世法故示如是。
tùy thuận thế Pháp cố thị như thị。
vì tùy thuận pháp thế gian nên thị hiện như vậy。
我於閻浮提示現出家受具足戒精勤修道。
ngã ư Diêm-phù-đề thị hiện xuất gia thọ cụ túc giới tinh cần tu đạo。
Ta ở Diêm-phù-đề, thị hiện xuất gia, thọ cụ túc giới, tinh cần tu đạo,
得須陀洹果斯陀含果阿那含果阿羅漢果。眾人皆謂是阿羅漢果易得不難。

đắc Tu đà hoàn qưnguả Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả. chúng nhân giai vị thị A la hán quả dị đắc bất nan.

được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Mọi người đều cho rằng quả A-la-hán này dễ được không khó,

然我已於無量劫中成阿羅漢果。

nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung thành A la hán quả。

nhưng Ta trong vô lượng kiếp đã chứng quả A-la-hán,

為欲脫諸眾生故坐於道場菩提樹下以草為座摧伏眾魔。

vị dục độ thoát chư chúng sanh cố tọa ư đạo tràng bồ đề thụ hạ dĩ thảo vi tọa tồi phục chúng ma

vì muốn độ thoát các chúng sanh nên ngồi ở dưới cội Bồ-đề đạo tràng, lấy cỏ làm toà, hàng phục chúng ma.

眾皆謂我始於道場菩提樹下降伏魔官。

chúng giai vị ngã thủy ư đạo tràng bồ đề thụ hạ hàng phục ma quan。

Mọi người đều cho rằng Ta mới ở dưới cội Bồ-đề đạo tràng, hàng phục ma quân,

然我已於無量劫中久降伏已。

nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung cửu hàng phục dĩ。

nhưng Ta trong vô lượng kiếp đã hàng phục rồi,

為欲降伏剛強眾生故現是化。

vị dục hàng phục cương cường chúng sanh cố hiện thị hóa。

vì muốn hàng phục chúng sanh can cường nên thị hiện sự giáo hóa này.

我又示現大小便利出息入息。眾皆謂我有大小便利出息入息。

ngã hữu thị hiện Đại tiểu tiện lợi xuất tức nhập tức。 chúng giai vị ngã hữu Đại tiểu tiện lợi xuất tức nhập tức。

Ta lại thị hiện đại tiểu tiện lợi, thở ra thở vào. Mọi người đều cho rằng Ta có đại tiểu tiện lợi, thở ra thở vào,

然我是身所得果報悉無如是大小便利出入息 等

nhiên ngã thị thân sở đắc quả báo tất vô như thị Đại tiểu tiện lợi xuất nhập tức đẳng

nhưng thân Ta đây được quả báo, hoàn toàn không có những việc đại tiểu tiện lợi, thở ra thở vào này,

隨順世間故示如是。我又示現受人信施。

đẳng. tùy thuận thế gian cố thị như thị. ngã hựu thị hiện thọ nhân tín thí
vì tùy thuận thế gian nên thị hiện như vậy. Ta lại thị hiện nhận của người tín thí,
然我是身都無飢渴。隨順世法故示如是。
nhiên ngã thị thân đô vô cơ khát. tùy thuận thế Pháp cố kì như thị.
nhưng thân Ta đây đều không đói khát, tùy thuận pháp thế gian nên thị hiện như vậy.
我又示同諸眾生故現有睡眠。
ngã hựu thị đồng chư chúng sanh cố hiện hữu thủy miên。
Ta lại thị hiện đồng với các chúng sanh nên thị hiện có ngủ nghỉ,
然我已於無量劫中。具足無上深妙智慧遠離三有。
nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung. cụ túc vô thượng thâm diệu trí tuệ viễn li tam hữu。
nhưng Ta trong vô lượng kiếp đã đầy đủ trí tuệ vô thượng rất sâu vi diệu, xa lìa ba cõi,
進止威儀頭痛腹痛背痛木槍洗足洗手洗面漱口
tiến chỉ uy nghi đầu thống phúc thống bối thống mộc thương tẩy túc tẩy thủ tẩy diện sấu
khẩu
oai nghi tiến dừng, đau đầu, đau bụng, đau vai, đẽo gỗ, rửa chân, rửa tay, rửa mặt, súc
miệng,
嚼楊枝等。眾皆謂我有如是事。
tước dương chi đẳng. chúng giai vị ngã hữu như thị sự。
xỉ răng v.v.. Mọi người đều cho rằng Ta có các việc như vậy,
然我此身都無此事。我足清淨猶如蓮花
nhiên ngã thử thân đô thử sự. ngã túc thanh tịnh do như liên hoa。
nhưng thân Ta đây đều không có những việc này. Chân Ta sạch sẽ như hoa sen,
口氣淨潔如優鉢羅香。一切眾生謂我是人我實非人。
khẩu khí tịnh khiết như Ưu bát la hương. nhất thiết chúng sanh vị ngã thị nhân ngã thật
phi nhân。
hơi miệng thơm sạch như hương Ưu-bát-la. Tất cả chúng sanh cho Ta là người, thật Ta
chẳng phải người.
我又示現受糞掃衣浣濯縫打。
ngã hựu thị hiện thọ phần tẩy y hoán trạc phùng đã。
Ta lại thị hiện thọ y phần tẩy, giặt dũ, may vá,
然我久已不須是衣。眾人皆謂羅睺羅者是我之子。

nhiên ngã cứu dĩ bất tu thị y. chúng nhân giai vị la hầu la giả thị ngã chi tử
nhưng Ta đã lâu xa không cần y này. Mọi người đều cho rằng La-hầu-la ấy là con Ta,
輸頭檀王是我之父。摩耶夫人是我之母。
du đầu đàn Vương thị ngã chi phụ。 ma da phu nhân thị ngã chi mẫu。
Vua Du-đầu-đàn là cha Ta, Ma-da phu nhân là mẹ Ta,
處在世間受諸快樂。離如是事出家學道。眾人復言。
xứ tại thế gian thọ chư khoái lạc。 ly như thị sự xuất gia học đạo。 chúng nhân phục
ngôn。
ở thế gian thọ các thú vui, xa lìa những việc như vậy, xuất gia học đạo. Mọi người lại cho
rằng,
是王太子瞿曇大姓。遠離世樂求出世法。
thị Vương Thái-Tử Cồ Đàm Đại tính。 viễn li thế lạc cầu xuất thế Pháp。
Vương Thái Tử thuộc giòng dõi Cồ Đàm lớn này xa lìa các thú vui ở đời, cầu pháp xuất
thế,
然我久離世間姪欲。如是等事悉是示現。
nhiên ngã cứu ly thế gian dâm dục。 như thị đẳng sự tất thị thị hiện。
nhưng Ta từ lâu đã xa lìa dâm dục thế gian. Những việc như vậy đều là thị hiện.
一切眾生咸謂是人然我實非。善男子。
nhất thiết chúng sanh hàm vị thị nhân nhiên ngã thật phi。 thiện nam tử。
Tất cả chúng sanh đều cho là người, nhưng Ta thật chẳng phải người. Nay thiện nam tử!
我雖在此閻浮提中數數示現入於涅槃。
ngã tuy tại thử Diêm-phù-đề trung số số thị hiện nhập ư Niết Bàn。
Ta dầu ở trong Diêm-phù-đề này thường thị hiện nhập ở Niết-bàn,
然我實不畢竟涅槃。而諸眾生皆謂如來真實滅盡。
nhiên ngã thật bất tất cánh Niết Bàn。 nhi chư chúng sanh giai vị Như Lai chân thật diệt
tận。
nhưng Ta thật không rốt ráo Niết-bàn, mà các chúng sanh đều cho rằng Như Lai chân
thật diệt tận,
而如來性實不永滅。
nhi Như Lai tánh thật bất vĩnh diệt。
mà Như Lai tánh thật không vĩnh diệt.

是故當知是常住法不變易法。善男子。大涅槃者即是諸佛如來法界。
thị cố đương tri thị thường trụ Pháp bất biến dị Pháp. thiện nam tử. Đại Niết Bàn giả tức
thị chư Phật Như Lai Pháp giới
Vì vậy, nên biết Như Lai là pháp thường trú, pháp không biến đổi. Nay thiện nam tử! Đại
Niết-bàn ấy, chính là chư Phật Như Lai pháp giới.
我又示現闍浮提中出於世間。
ngã hựu thị hiện Diêm-phù-đề trung xuất ư thế gian。
Ta lại thị hiện trong Diêm-phù-đề, ra khỏi thế gian.
眾生皆謂我始成佛。然我已於無量劫中所作已辦。
chúng sanh giai vị ngã thủy thành Phật. nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung sở tác dĩ
biện。
Chúng sanh đều cho rằng Ta mới thành Phật, nhưng Ta trong vô lượng kiếp đã làm Phật
rồi.
隨順世法故復示現於闍浮提初出成佛。
tùy thuận thế Pháp cố phục thị hiện ư Diêm-phù-đề sơ xuất thành Phật。
Tùy thuận pháp thế gian nên lại thị hiện mới thành Phật ở Diêm-phù-đề.
我又示現於闍浮提不持禁戒犯四重罪。
ngã hựu thị hiện ư Diêm-phù-đề bất trì cấm giới phạm tứ trọng tội。
Ta lại thị hiện ở Diêm-phù-đề, không giữ cấm giới, phạm bốn trọng tội.
眾人皆見謂我實犯。然我已於無量劫中。
chúng nhân giai kiến vị ngã thật phạm. nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung。
Mọi người thấy, đều cho rằng Ta phạm thật, nhưng Ta trong vô lượng kiếp
堅持禁戒無有漏缺。我又示現於闍浮提為一闍提。
kiên trì cấm giới vô hữu lậu khuyết. ngã hựu thị hiện ư Diêm-phù-đề vi nhất xiển đề。
đã kiên trì giữ cấm giới, không có thiếu sót. Ta lại thị hiện ở Diêm-phù-đề, làm Nhất-xiển-
đề。
眾人皆見是一闍提。然我實非一闍提也。
chúng nhân giai kiến thị nhất xiển đề. nhiên ngã thật phi nhất xiển đề dã。
Mọi người thấy đều cho là Nhất-xiển-đề, Nhưng Ta thật không phải là Nhất-xiển-đề。
一闍提者云何能成阿耨多羅三藐三菩提。
nhất xiển đề giả vân hà năng thành a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề。

Người Nhất-xiển-đề, làm sao có thể thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề?

我又示現於閻浮提破和合僧。眾生皆謂我是破僧。

ngã hựu thị hiện ư Diêm-phù-đề phá hòa hợp tăng. chúng sanh giai vị ngã thị phá tăng.

Ta lại thị hiện ở Diêm-phù-đề phá hòa hợp Tăng. Chúng sanh đều cho rằng Ta phá Tăng.

我觀人天無有能破和合僧者。

ngã quán nhân Thiên vô hữu năng phá hòa hợp tăng giả.

Ta quán thấy người, trời không ai có thể phá hòa hợp Tăng ấy.

我又示現於閻浮提護持正法。

ngã hựu thị hiện ư Diêm-phù-đề hộ trì chánh Pháp.

Ta lại thị hiện ở Diêm-phù-đề hộ trì chánh Pháp.

眾人皆謂我是護法悉生驚怪。諸佛法爾不應驚怪。

chúng nhân giai vị ngã thị hộ Pháp tất sanh kinh quái. chư Phật Pháp nhĩ bất ứng kinh quái.

Mọi người đều cho rằng Ta là Hộ Pháp, đều sanh sợ hãi. Pháp của chư Phật như vậy, không nên sợ hãi.

我又示現於閻浮提為魔波旬。眾人皆謂我是波旬。

ngã hựu thị hiện ư Diêm-phù-đề vi Ma ba tuần. chúng nhân giai vị ngã thị Ba-tuần.

Ta lại thị hiện ở Diêm-phù-đề, làm Ma-ba-tuần. Chúng sanh đều cho rằng Ta là Ma-ba-tuần,

然我久於無量劫中離於魔事。清淨無染猶如蓮花。

nhiên ngã cửu ư vô lượng kiếp trung ly ư ma sự. thanh tịnh vô nhiễm do như liên hoa. nhưng trong vô lượng kiếp lâu xa Ta đã xa lìa việc ma, thanh tịnh không nhiễm như hoa sen.

我又示現於閻浮提女身成佛。眾人皆言。

ngã hựu thị hiện ư Diêm-phù-đề nữ thân thành Phật. chúng nhân giai ngôn.

Ta lại thị hiện ở Diêm-phù-đề, làm thân nữ thành Phật. Mọi người đều cho rằng:

甚奇女人能成阿耨多羅三藐三菩提。

thậm kì nữ nhân năng thành a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề.

Lạ thay! Người nữ có thể thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề!

如來畢竟不受女身。為欲調伏無量眾生故現女像。

Như Lai tắt cánh bắt thọ nữ thân。 vị dục điều phục vô lượng chúng sanh cố hiện nữ tượng。

Như Lai rất ráo không thọ thân nữ, vì muốn điều phục vô lượng chúng sanh nên hiện tượng người nữ,

憐愍一切諸眾生故。而復示現種種色像。

lân mẫn nhất thiết chư chúng sanh cố。 nhi phục thị hiện chủng chủng sắc tượng vì thương xót tất cả các chúng sanh, mà lại thị hiện các thứ hình sắc.

我又示現閻浮提中生於四趣。

ngã hựu thị hiện Diêm-phù-đề trung sanh ư tứ thú。

Ta lại thị hiện trong Diêm-phù-đề sanh ở bốn đường,

然我久已斷諸趣因。以業因故墮於四趣。為度眾生故生是中。

nhiên ngã cửu dĩ đoạn chư thú nhân。 dĩ nghiệp nhân cố đọa ư tứ thú。 vị độ chúng sanh cố sanh thị trung。

nhưng Ta từ lâu đã dứt nhân của các đường. Do nghiệp nhân nên đọa ở bốn đường. Ta vì độ chúng sanh nên sanh trong đó.

我又示現閻浮提中作梵天王。

ngã hựu thị hiện Diêm-phù-đề trung tác Phạm Thiên Vương。

Ta lại thị hiện trong Diêm-phù-đề, làm Phạm Thiên Vương,

令事梵者安住正法。

linh sự phạm giả an trú chánh Pháp。

khiến người phụng thờ Phạm ấy an trú chánh Pháp,

然我實非而諸眾生咸皆謂我為真梵天。示現天像遍諸天廟亦復如是。

nhiên ngã thật phi nhi chư chúng sanh hàm giai vị ngã vi chân Phạm Thiên。 thị hiện Thiên tượng biến chư Thiên miếu diệc phục như thị。

nhưng Ta thật không phải nhưng các chúng sanh đều cho Ta thật là Phạm Thiên. Thị hiện tượng trời khắp các Thiên miếu cũng lại như vậy.

我又示現於閻浮提入婬女舍。然我實無貪婬之想。

ngã hựu thị hiện ư Diêm-phù-đề nhập dâm nữ xá。 nhiên ngã thật vô tham dâm chi tưởng。

Ta lại thị hiện ở Diêm-phù-đề, vào nhà dâm nữ, nhưng Ta thật không có tưởng tham dâm, 清淨不污猶如蓮花。為諸貪婬嗜色眾生。

thanh tịnh bất ô do như liên hoa. vì chư tham dâm thị sắc chúng sanh.
thanh tịnh không nhiễm như hoa sen, làm các việc tham dâm, thích sắc chúng sanh,
四衢道宣說妙法。然我實無欲穢之心。
ư tứ cù đạo tuyên thuyết diệu Pháp. nhiên ngã thật vô dục uế chi tâm.
ở ngã tư đường tuyên thuyết diệu pháp, nhưng Ta thật không có dục tâm ô uế.
眾人謂我守護女人。
chúng nhân vị ngã thủ hộ nữ nhân。
Mọi người cho rằng Ta nuôi giữ người nữ.
我又示現於閻浮提入青衣舍。為教諸婢令住正法。
ngã hựu thị hiện ư Diêm-phù-đề nhập thanh y xá. vì giáo chư tì linh trụ chánh Pháp.
Ta lại thị hiện ở Diêm-phù-đề, vào nhà thanh y, vì chỉ dạy cho các nô tỳ khiến trụ chánh
Pháp,
然我實無如是惡業墮在青衣。我又示現閻浮提中而作博士。
nhiên ngã thật vô như thị ác nghiệp đọa tại thanh y. ngã hựu thị hiện Diêm-phù-đề trung
nhi tác bác sĩ.
nhưng Ta thật không có ác nghiệp đọa ở nhà thanh y như vậy. Ta lại thị hiện ở Diêm-phù-
đề mà làm thầy uyên bác,
為教童蒙令住正法。
vì giáo đồng môn linh trụ chánh Pháp.
vì để dạy bảo trẻ ngu khiến trụ vào chánh pháp.
我又示現於閻浮提入諸酒會博弈之處。示受種種勝負鬪諍。
ngã hựu thị hiện ư Diêm-phù-đề nhập chư tửu hội bác dịch chi xử. thị thọ chủng chủng
thắng phụ đấu tránh.
Ta lại thị hiện ở Diêm-phù-đề, vào các quán rượu, chỗ cờ bạc, thị hiện các thứ đấu tranh
hơn thua,
為欲拔濟彼諸眾生。而我實無如是惡業。
vị dục bạt tế bỉ chư chúng sanh. nhi ngã thật vô như thị ác nghiệp.
vì muốn cứu giúp các chúng sanh đó, nhưng Ta thật không có ác nghiệp này,
而諸眾生皆謂我作如是之業。我又示現久住塚間。
nhi chư chúng sanh giai vị ngã tác như thị chi nghiệp. ngã hựu thị hiện cửu trụ trung
gian.

mà các chúng sanh đều cho rằng Ta làm nghiệp như vậy. Ta lại thị hiện ở lâu giữa gò đất,
作大鷲身度諸飛鳥。

tác Đại thúu thân độ chư phi điểu.

làm thân chim thúu lớn để độ các loài chim,

而諸眾生皆謂我是真實鷲身。然我久已離於是業。

Nhi chư chúng sanh giai vị ngã thị chân thật thúu thân, nhiên ngã cửu dĩ ly ư thị nghiệp
nhưng các chúng sanh đều cho Ta là thân chim thúu thật mà Ta từ lâu đã xa lìa nghiệp
này,

為欲度彼諸鳥鷲故示如是身。

vị dục độ bỉ chư điểu thúu cố kì như thị thân。

vì muốn độ các loài chim thúu kia nên thị hiện thân như vậy.

我又示現闍浮提中作大長者。為欲安立無量眾生住於正法。

ngã hựu thị hiện Diêm-phù-đề trung tác Đại Trưởng-Giả。 vị dục an lập vô lượng chúng
sanh trụ ư chánh Pháp。

Ta lại thị hiện ở Diêm-phù-đề làm đại Trưởng giả, vì muốn an lập vô lượng chúng sanh trụ
ở chánh Pháp.

又復示作諸王大臣王子輔相。於是眾中各為第一。

hựu phục kì tác chư Vương Đại Thần Vương tử phụ tướng。 ư thị chúng trung các vi đệ
nhất。

Lại hiện làm các Vua, Đại thần, Vương tử, phụ tướng, ở trong những người này đều làm
đệ nhất,

為修正法故住王位。

vi tu chánh Pháp cố trụ Vương vị。

vì tu chánh pháp nên trụ ở ngôi vua.

我又示現闍浮提中疫病劫起多有眾生為病所惱。

ngã hựu thị hiện Diêm-phù-đề trung dịch bệnh kiếp khởi đa hữu chúng sanh vi bệnh sở
nảo。

Ta lại thị hiện ở Diêm-phù-đề, gặp kiếp bệnh dịch phát sinh. Có nhiều chúng sanh bị bệnh
khổ não,

先施醫藥然後為說微妙正法。令其安住無上菩提。

tiên thí y dược nhiên hậu vi thuyết vi diệu chánh Pháp。 linh kỳ an trú vô thượng bồ đề。

trước cho thuốc thang, sau vì họ nói chánh pháp vi diệu, khiến kia an trú vô thượng bồ đề.
眾人皆謂是病劫起。又復示現閻浮提中飢餓劫起。

chúng nhân giai vị thị bệnh kiếp khởi. hựu phục thị hiện Diêm-phù-đề trung cơ nạ kiếp khởi.

Mọi người đều cho là kiếp bệnh tật phát khởi. Lại thị hiện Diêm-phù-đề, gặp kiếp đói khát nổi lên,

隨其所須供給飲食。然後為說微妙正法。

tùy kỳ sở tu cung cấp ẩm thực. nhiên hậu vị thuyết vi diệu chánh Pháp.

tùy chỗ họ cần mà cung cấp thức ăn vật uống, sau nói chánh pháp vi diệu cho họ, 令其安住無上菩提。

linh kỳ an trú vô thượng bồ đề.

khiến an trú vô thượng bồ-đề.

又復示現閻浮提中刀兵劫起。即為說法令離怨害。使得安住無上菩提。

hựu phục thị hiện Diêm-phù-đề trung đao binh kiếp khởi. tức vi thuyết Pháp linh ly oán hại. sử đắc an trú vô thượng bồ đề

Lại Lại thị hiện ở Diêm-phù-đề, gặp kiếp đao binh nổi dậy, liền vì đó nói pháp, khiến xa lìa oán hại, được an trú vô thượng bồ-đề.

又復示現為計常者說無常想。

hựu phục thị hiện vị kế thường giả thuyết vô thường tưởng.

Lại thị hiện vì người chấp thường, nói vô thường tưởng.

計樂想者為說苦想。計我想者說無我想。

kế lạc tưởng giả vi thuyết khổ tưởng. kế ngã tưởng giả thuyết vô ngã tưởng.

Người chấp lạc tưởng, nói khổ tưởng. Người chấp ngã tưởng, nói vô ngã tưởng.

計淨想者說不淨想。若有眾生貪著三界。

kế tịnh tưởng giả thuyết bất tịnh tưởng. nhược hữu chúng sanh tham trước tam giới.

Người chấp tịnh tưởng, nói bất tịnh tưởng. Nếu có chúng sanh tham trước ba cõi,

即為說法令離是處。度眾生故為說無上微妙法藥。

tức vị thuyết Pháp linh ly thị xứ. độ chúng sanh cố vị thuyết vô thượng vi diệu Pháp dược.

liền vì đó nói pháp khiến xa lìa chỗ đó vì độ chúng sanh nên nói thuốc pháp vô thượng vi diệu,

為斷一切煩惱樹故。種植無上法藥之樹。

vị đoạn nhất thiết phiền não thụ cố. chủng thực vô thượng Pháp dược chi thụ.

vì đoạn tất cả các cây phiền não nên gieo trồng cây thuốc pháp vô thượng,

為欲拔濟諸外道故說於正法。雖復示現為眾生師。

vị dục bạt tế chư ngoại đạo cố thuyết ư chánh Pháp. tuy phục thị hiện vi chúng sanh sư.

vì muốn cứu giúp hàng ngoại đạo nên nói chánh pháp. Dẫu lại thị hiện làm thầy chúng sanh,

而心初無眾生師想。為欲拔濟諸下賤故。

nhi tâm sơ vô chúng sanh sư tưởng. vị dục bạt tế chư hạ tiện cố.

mà tâm ban đầu không có tưởng làm thầy chúng sanh, vì muốn cứu giúp những người hạ tiện nên,

現入其中而為說法。非是惡業受是身也。

hiện nhập kỳ trung nhi vi thuyết Pháp. phi thị ác nghiệp thọ thị thân dã.

thị hiện trong đó nói pháp cho họ, không phải là ác nghiệp mà thọ thân này.

如來正覺如是安住於大涅槃。是故名為常住無變。

Như Lai chánh giác như thị an trú ư Đại Niết Bàn. thị cố danh vi thường trụ vô biến.

Như Lai chánh giác an trú ở Đại Niết-bàn như vậy nên gọi là thường trụ không biến đổi.

如閻浮提東弗于逮西瞿耶尼北鬱單越亦復如是。

như Diêm-phù-đề Đông phát vu đái Tây Cồ da ni Bắc uất đan việt diệc phục

Như Diêm-phù-đề, Đông Phát-vu-đái, Tây Cồ-da-ni, Bắc Uất-đan-việt cũng lại như vậy.

如四天下三千大千世界亦爾。

như tứ Thiên hạ tam Thiên Đại Thiên thế giới diệc nhĩ.

Như bốn châu thiên hạ, tam Thiên đại Thiên thế giới cũng lại như vậy.

二十五有如首楞嚴經中廣說。

nhị thập ngũ hữu như Thủ Lăng Nghiêm Kinh trung quảng thuyết

Hai mươi lăm cõi như trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm có rộng nói,

以是故名大般涅槃。若有菩薩摩訶薩安住如是大般涅槃。

dĩ thị cố danh Đại bát Niết bàn. nhược hữu Bồ Tát Ma-Ha tát an trú như thị Đại bát Niết bàn.

do vì vậy tên. 。

do vậy nên gọi là Đại Bát Niết-bàn. Nếu có Đại Bồ-tát an trú Đại Bát Niết-bàn này, 能示如是神通變化而無所畏。迦葉。

năng kì như thị Thần thông biến hoá nhi vô sở úy。Ca-diếp。
thì có thể thị hiện thần thông biến hóa như vậy mà không chỗ sợ sệt. Này Ca-diếp!
以是緣故汝不應言羅睺羅者是佛之子。何以故。

dĩ thị duyên cố nhữ bất ứng ngôn la hầu la giả thị Phật chi tử。 hà dĩ cố。
Do duyên này nên ông không nên nói La-hầu-la ấy là con của Phật. Vì sao vậy?
我於往昔無量劫中已離欲有。

ngã ư vãng tích vô lượng kiếp trung dĩ ly dục hữu。

Ta xưa trong vô lượng kiếp đã xa lìa dục hữu,
是故如來名曰常住無有變易。

thị cố Như Lai danh viết thường trụ vô hữu biến dị。

nên Như Lai gọi là thường trú không biến đổi。

迦葉復言。如來云何名曰常住。

Ca-diếp phục ngôn。 Như Lai vân hà danh viết thường trụ。

Ca-diếp lại thưa: Bạch Thế Tôn! Vì sao Như Lai gọi là thường trụ?

如佛言曰如燈滅已無有方所。如來亦爾。

như Phật ngôn viết như đăng diệt dĩ vô hữu phương sở。 Như Lai diệt nhĩ。

Như Phật nói rằng: Như đèn tắt xong, không có nơi chỗ. Như Lai cũng vậy,
既滅度已亦無方所。佛言。迦葉。善男子。

ký diệt độ dĩ diệt vô phương sở。 Phật ngôn。 Ca-diếp。 thiện nam tử。

đã diệt độ rồi cũng không có nơi chỗ. Phật dạy Ca-diếp. Này thiện nam tử!

汝今不應作如是言。燈滅盡已無有方所。

nhữ kim bất ứng tác như thị ngôn。 đăng diệt tận dĩ vô hữu phương sở。

Ông nay không nên nói rằng, đèn tắt xong, không có nơi chỗ。

如來亦爾既滅度已無有方所。善男子。譬如男女然燈之時。

Như Lai diệt nhĩ ký diệt độ dĩ vô hữu phương sở。 thiện nam tử。 thí như nam nữ Nhiên-
Đăng chi thời。

Như Lai cũng vậy, diệt độ xong, không có nơi chỗ. Này thiện nam tử! Thí như nam nữ lúc
thắp đèn,

燈爐大小悉滿中油。隨有油在其明猶存。

đăng lô Đại tiểu tất mãn trung du. tùy hữu du tại kỳ minh do tồn.
trong cây đèn lớn nhỏ đều đầy dầu. Theo dầu có ở đèn ấy mà ánh sáng tồn tại.
若油盡已明亦俱盡。其明滅者喻煩惱滅。
nhược du tận dĩ minh diệt câu tận. kỳ minh diệt giả dụ phiền não diệt.
Nếu dầu hết, ánh sáng cũng đều hết. Ánh sáng ấy mất, dụ cho phiền não mất,
明雖滅盡燈爐猶存。如來亦爾。煩惱雖滅法身常存。
minh tuy diệt tận đăng lô do tồn. Như Lai diệt nhĩ. phiền não tuy diệt Pháp thân thường
tồn.
tuy ánh sáng mất hết, nhưng cây đèn vẫn còn. Như Lai cũng vậy, phiền não dầu hết,
nhưng pháp thân thường còn.
善男子。於意云何。明與燈爐為俱滅不。
thiện nam tử. ư ý vân hà. minh dĩ đăng lô vi câu diệt phủ.
Này thiện nam tử! Ý ông thế nào? Ánh sáng cùng cây đèn đều mất chẳng?
迦葉答言。不也世尊。雖不俱滅然是無常。
Ca-diếp đáp ngôn. bất dã Thế Tôn. tuy bất câu diệt nhiên thị vô thường.
Ca-diếp đáp: Thưa không, bạch Thế Tôn! Tuy cả hai không mất hết nhưng là vô thường.
若以法身喻燈爐者。燈爐無常。
nhược dĩ Pháp thân dụ đăng lô giả. đăng lô vô thường.
Nếu dùng pháp thân dụ cho cây đèn thì cây đèn là vô thường.
法身亦爾應是無常。善男子。
Pháp thân diệt nhĩ ứng thị vô thường. thiện nam tử.
Pháp thân cũng như vậy nên là vô thường. Này thiện nam tử!
汝今不應作如是難如世間言器。如來世尊無上法器。
nhữ kim bất ứng tác như thị nạn như thế gian ngôn khí. Như Lai Thế Tôn vô thượng
Pháp khí.
Ông nay không nên gạn nói như thế gian nói đồ vật như vậy. Như Lai Thế Tôn là pháp khí
vô thượng,
而器無常非如來也。一切法中涅槃為常。如來體之故名為常。
nhi khí vô thường phi Như Lai dã. nhất thiết Pháp trung Niết Bàn vi thường. Như Lai thể
chi cố danh vi thường.

mà đồ vật vô thường thì không phải là Như Lai. Trong tất cả pháp, Niết-bàn là thường. Thể của Như Lai nên gọi là thường.

復次善男子。言燈滅者即是羅漢所證涅槃。

phục thứ thiện nam tử. ngôn đặng diệt giả tức thị la hán sở chứng Niết Bàn.

Lại nữa, này thiện nam tử! Nói đèn tắt ấy, chính là chỗ chứng Niết-bàn của A-la-hán, 以滅貪愛諸煩惱故喻之燈滅。

dĩ diệt tham ái chư phiền não cố dụ chi đặng diệt.

do diệt tham ái và các phiền não nên dụ như đèn tắt.

阿那含者名曰有貪。以有貪故不得說言同於燈滅。

A na hàm giả danh viết hữu tham. dĩ hữu tham cố bất đắc thuyết ngôn đồng ư đặng diệt.

A-na-hàm còn có tham, vì có tham nên không được nói đồng với đèn tắt.

是故我昔覆相說言。喻如燈滅。

thị cố ngã tích phúc tướng thuyết ngôn. dụ như đặng diệt.

Vì vậy Ta xưa xét tướng nên nói lời “Dụ như đèn tắt”.

非大涅槃同於燈滅。阿那含者非數數來。又不還來二十五有。

phi Đại Niết Bàn đồng ư đặng diệt. A na hàm giả phi số số lai. hữu Bất hoàn lai nhị thập ngũ hữu.

Không phải Đại Niết-bàn đồng với đèn tắt. A-na-hàm ấy không phải thường đến, lại không còn trở lại hai mươi lăm cõi,

更不受於臭身蟲身食身毒身。

canh bất thọ ư xú thân trùng thân thực thân độc thân.

lại không thọ thân hôi hám, thân trùng, thân ăn uống, thân độc.

是則名為阿那含也。若更受身名為那含。

thị tắc danh vi A na hàm dã. nhược canh thọ thân danh vi na hàm.

Đây gọi là A-na-hàm, hoặc lại thọ thân gọi là Na-hàm,

不受身者名阿那含。有去來者名曰那含。

bất thọ thân giả danh A na hàm. hữu khứ lai giả danh viết na hàm.

không thọ thân, gọi là A-na-hàm. Có đi lại gọi là Na-hàm,

無去來者名阿那含。

vô khứ lai giả danh A na hàm.

không đi lại gọi là A-na-hàm.

大般涅槃經卷第四

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ tứ

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN - QUYỂN THỨ TƯ

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:05:23 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:05:23 2006

Thích Nữ Tuệ Quảng dịch.

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại Bát-niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại Bát-niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

Thích Nữ Tuệ Quang hiệu đính
Vol. 12, No. 374

大般涅槃經卷第五

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ ngũ

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN-QUYỂN THỨ NĂM

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Đời Bắc Lương, Tam Tạng Pháp Sư Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

如來性品第四之二

Như Lai tánh phẩm đệ tứ chi nhị

PHẦN HAI, PHẨM THỨ TƯ: NHƯ LAI TÁNH

爾時迦葉菩薩白佛言。世尊。

Nhĩ thời Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

如佛所說諸佛世尊有祕密藏。是義不然。何以故。

như Phật sở thuyết chư Phật Thế Tôn hữu Bí mật tạng。 thị nghĩa bất nhiên。 hà dĩ cố。

Như chỗ Phật nói, chư Phật Thế Tôn có Bí mật tạng, không phải nghĩa như vậy. Vì sao?

諸佛世尊唯有密語無有密藏。譬如幻主機關木人。

chư Phật Thế Tôn duy hữu mật ngữ vô hữu mật tạng。 thí như huyền chủ ky quan mộc nhân。

Chư Phật Thế Tôn chỉ có Mật ngữ, không có Mật Tạng, cũng như người chủ ảo thuật chế biến ra người gỗ,

人雖覩見屈伸俯仰。莫知其內而使之然。

nhân tuy đở kiến khuất thân phủ ngưỡng。 mạc tri kỳ nội nhi sử chi nhiên。

người dù nhìn thấy khâm phục và kính ngưỡng mà chẳng biết bên trong người gỗ ấy muốn nói lên cái gì.

佛法不爾咸令眾生悉得知見。

Phật Pháp bất nhĩ hàm linh chúng sanh tất đắc tri kiến。

Phật pháp không như vậy, khắp hết chúng sanh đều được thấy biết,

云何當言諸佛世尊有祕密藏。佛讚迦葉。善哉善哉。善男子。

vân hà đương ngôn chư Phật Thế tôn hữu Bí mật tạng. Phật tán Ca-diếp. Thiện tai
Thiện tai. Thiện nam tử.

sao lại nói chư Phật Thế Tôn có Bí mật tạng? Phật khen Ca-diếp: Hay thay! Hay thay!
Thiện nam tử!

如汝所言。如來實無祕密之藏。何以故。

như như sở ngôn. Như Lai thật vô bí mật chi tạng. hà dĩ cố.

Như chỗ ông nói, thật tình Như Lai không có Bí mật tạng. Vì sao vậy?

如秋滿月處空顯露。清淨無翳人皆覩見。

như thu mãn nguyệt xử không hiển lộ. thanh tịnh vô ố nhân giai đở kiến.

Như trăng mùa thu, tròn đầy hiện rõ trong hư không, trong mát không bị che lấp, người
đều nhìn thấy.

如來之言亦復如是。開發顯露清淨無翳。

Như Lai chi ngôn diệc phục như thị. khai phát hiển lộ thanh tịnh vô ố.

Lời Như Lai nói cũng lại như vậy, khai mở rõ ràng, trong sạch không che lấp.

愚人不解謂之祕藏。智者了達則不名藏。善男子。

ngu nhân bất giải vị chi bí tạng. trí giả liễu đạt tắc bất danh tạng. Thiện nam tử.

Người ngu không hiểu cho là Bí Tạng. Người trí hiểu rõ thông suốt không gọi là Tạng.

Thiện nam tử!

譬如有人多積金銀至無量億。

thí như hữu nhân đa tích kim ngân chí vô lượng ức.

Thí như có người tích chứa nhiều vàng bạc cho đến vô lượng ức,

其心慳慳不肯惠施拯濟貧窮。如是積聚乃名祕藏。

kỳ tâm xan lãn bất khảng huệ thí chần tế bần cùng. như thị tích tụ nãi danh bí tạng.

nhưng tâm thì xan lãn không chịu thương xót cứu giúp cho người nghèo, tích tụ như vậy
gọi là Bí Tạng.

如來不爾於無邊劫積聚無量妙法珍寶。

Như Lai bất nhĩ ư vô biên kiếp tích tụ vô lượng diệu Pháp trân bảo.

Như Lai không như vậy mà vô biên kiếp đã tích tụ vô lượng trân bảo diệu pháp,

心無慳慳常以惠施一切眾生。云何當言如來祕藏。

tâm vô xan lẫn thường dĩ huệ thí nhất thiết chúng sanh. vân hà đương ngôn Như Lai bí tạng.

tâm không xan lẫn, thường đem lòng yêu thương bố thí cho hết thầy chúng sanh, sao lại nói Như Lai có Bí mật tạng.

善男子譬如有人身根不具。

Thiện nam tử thí như hữu nhân thân căn bất cụ。

Thiện nam tử! Thí như có người các căn không đủ,

或無一目一手一足。以羞恥故不令人見。

hoặc vô nhất mục nhất thủ nhất túc。dĩ tu sỉ cố bất lệnh nhân kiến。

hoặc một mắt, hoặc một tay, hoặc một chân, do vậy mà thẹn thùng không muốn cho người ta thấy,

人不見故名為祕藏。如來不爾所有正法具足無缺令人覩見。

nhân bất kiến cố danh vi bí tạng。Như Lai bất nhĩ sở hữu chánh Pháp cụ túc vô khuyết lệnh nhân đĩ kiến。

người không thấy nên gọi là Bí Tạng. Như Lai không như vậy, Chánh Pháp đầy đủ, không thiếu khuyết nên mọi người ai cũng thấy biết,

云何當言如來祕藏。善男子。

vân hà đương ngôn Như Lai bí tạng。Thiện nam tử。

sao gọi Như Lai có Bí mật tạng? Thiện nam tử,

譬如貧人多負人財。怖畏債主隱不欲現故名為藏。

thí như bần nhân đa phụ nhân tài。bố úy trái chủ ẩn bất dục hiện cố danh vi tạng。

thí như người nghèo khó, hầu hết phải nương tựa vào người giàu có, lo sợ người chủ trách móc, ẩn nấp không dám xuất hiện nên gọi là Tạng.

如來不爾不負一切眾生世法。

Như Lai bất nhĩ bất phụ nhất thiết chúng sanh thế Pháp。

Như Lai không như vậy, chẳng nương tựa vào hết thầy pháp thế gian,

雖負眾生出世之法而亦不藏。何以故。恒於眾生生一子想。

tuy phụ chúng sanh xuất thế chi Pháp nhi diệc bất tạng。hà dĩ cố。hằng ư chúng sanh sanh nhất tử tưởng。

tuy có nương tựa vào chúng sanh và pháp xuất thế gian mà cũng chẳng phải Tạng. Vì sao vậy? Vì thường ở trong chúng sanh và nghĩ chúng sanh như con một

而為演說無上法故。善男子。

nhi vi diễn thuyết vô thượng Pháp cố. Thiện nam tử.

mà thuyết giảng pháp Vô thượng. Nay Thiện nam tử!

譬如長者多有財寶。唯有一子心甚愛重情無捨離。

thí như Trưởng-Giả đa hữu tài bảo. duy hữu nhất tử tâm thậm ái trọng tình vô xả ly.

Thí như người Trưởng giả có nhiều của cải tài sản mà chỉ có một đứa con duy nhất nên hết mực thương yêu chịu đựng không rời bỏ.

所有珍寶悉用示之。如來亦爾。視諸眾生同於一子。

sở hữu trân bảo tất dụng kì chi. Như-Lai diệc nhĩ. thị chư chúng sanh đồng ư nhất tử.

Bao nhiêu tài sản ấy đều giao hết cho con tiêu dùng. Như Lai cũng vậy, xem chúng sanh như con một.

善男子。如世間人以男女根醜陋鄙惡。

Thiện nam tử. như thế gian nhân dĩ nam nữ căn xú lậu bỉ ác.

Này Thiện nam tử! Người thế gian dùng nam căn, nữ căn để làm những việc xấu xa hèn mọn,

以衣覆蔽故名為藏。如來不爾永斷此根。

dĩ y phúc tế cố danh vi tạng. Như Lai bất nhĩ vĩnh đoạn thử căn.

dùng áo quần che đậy nên gọi là Tạng. Như Lai không phải như vậy, vĩnh viễn đoạn trừ căn này,

以無根故無所覆藏。善男子。如婆羅門所有語論。

dĩ vô căn cố vô sở phúc tạng. Thiện nam tử. như Bà-la-môn sở hữu ngữ luận.

do không căn vì vậy không chỗ che đậy. Nay Thiện nam tử! Như Bà-la-môn có những lời biện luận

終不欲令剎利毘舍首陀等聞。何以故。

chung bất dục lệnh sát lợi Tì-xá thủ đà đẳng văn. hà dĩ cố.

hoàn toàn không muốn cho Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la nghe. Vì sao vậy?

以此論中有過惡故。如來正法則不如是。

dĩ thử luận trung hữu quá ác cố. Như Lai chánh Pháp tắc bất như thị.

Vì trong cách biện luận này có những điều tội lỗi xấu ác vậy. Chánh pháp của Như Lai không như vậy,

初中後善。是故不得名為祕藏。善男子。

sơ trung hậu thiện. thị cố bất đắc danh vi bí tạng. Thiện nam tử.
đầu, giữa cuối đều lành, vì vậy không được gọi là Bí Tạng. Này Thiện nam tử!
譬如長者唯有一子。心常憶念憐愛無已。
thí như Trưởng giả duy hữu nhất tử. tâm thường ức niệm liên ái vô dĩ.
Thí như Trưởng giả chỉ có một người con, tâm thường yêu thương nhớ nghĩ không nguôi,
將詣師所欲令受學。懼不速成尋便將還。
tướng nghệ sư sở dục lệnh thọ học. cụ bất tốc thành tầm tiện tướng hoàn.
muốn đem con tìm thầy thọ học, nhưng lại sợ không nhanh tìm ra thầy bèn đem trở về.
以愛念故晝夜慇懃教其半字。而不教誨毘伽羅論。
dĩ ái niệm cố trú dạ ân cần giáo kỳ bán tự. nhi bất giáo hối tì dà la luận.
Do Trưởng giả thương con quá nên ngày đêm ân cần dạy nửa chữ, mà không dạy luận
Tỳ-già-la.
何以故。以其幼稚力未堪故。善男子。
hà dĩ cố. dĩ kỳ ấu trĩ lực vị kham cố. Thiện nam tử.
Vì sao vậy? Do sức của đứa trẻ chưa học kịp vậy. Này Thiện nam tử!
假使長者教半字已。是兒即時能得了知毘伽羅論不。
giả sử Trưởng-Giả giáo bán tự dĩ. thị nhi tức thời năng đắc liễu tri tì dà la luận bất.
Giả sử như Trưởng giả dạy con nửa chữ xong, đứa trẻ ấy liền khi ấy có thể hiểu rõ luận
Tỳ-già-la chẳng?
不也世尊。如是長者於是子所有祕藏不。
bất dã Thế tôn. như thị Trưởng-Giả ư thị tử sở hữu bí tạng bất.
Thưa không, bạch Thế Tôn! Như vậy Trưởng giả đối với con có Bí Tạng chẳng?
不也世尊。何以故。以子年幼故不為說。
bất dã Thế tôn. hà dĩ cố. dĩ tử niên ấu cố bất vi thuyết.
Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì sao vậy? Vì đứa trẻ tuổi còn nhỏ nên không nói cho nó
được,
不以祕故慍而不說。所以者何。
bất dĩ bí cố lãn nhi bất thuyết. sở dĩ giả hà.
không phải keo kiệt sợ lộ bí mật mà không nói, sở dĩ vì sao?
若有嫉妬祕慍之心乃名為藏。如來不爾。云何當言如來祕藏。

nhược hữu tật đố bí lẫn chi tâm nãi danh vi tạng. Như Lai bất nhĩ. vân hà đương ngôn Như Lai bí tạng。

Hoặc có tâm ghen ghét xan lẫn mới gọi là Tạng. Như Lai không như vậy, vì sao nói Như Lai có Bí Tạng?

佛言。善哉善哉。善男子。如汝所言。

Phật ngôn. Thiện tai Thiện tai. Thiện nam tử. như nhữ sở ngôn.

Phật dạy: Hay thay, Hay thay! Này Thiện nam tử! Như chỗ ông nói

若有瞋心嫉妬慳慳乃名為藏。如來無有瞋心嫉妬。

nhược hữu sân tâm tật đố xan lẫn nãi danh vi tạng. Như Lai vô hữu sân tâm tật đố. hoặc có tâm sân giận, ghen ghét, keo kiệt bèn gọi là Tạng. Như Lai không có tâm sân giận, ghen ghét,

云何名藏。善男子。彼大長者謂如來也。

vân hà danh tạng. Thiện nam tử. bỉ Đại Trưởng giả vị Như Lai dã.

sao gọi là Tạng? Này Thiện nam tử! Người đại Trưởng giả kia chính là Như Lai, 所言一子者謂一切眾生。

sở ngôn nhất tử giả vị nhất thiết chúng sanh.

chỗ nói đứa con một ấy đó là ví cho hết thầy chúng sanh.

如來視於一切眾生猶如一子。教一子者謂聲聞弟子。

Như Lai thị ư nhất thiết chúng sanh do như nhất tử. giáo nhất tử giả vị Thanh văn đệ tử.

Như Lai xem hết thầy chúng sanh giống như con một, dạy cho con một ấy đó là đệ tử Thanh văn .

半字者謂九部經。毘伽羅論者所謂方等大乘經典。

bán tự giả vị cửu bộ Kinh. Tỳ già la luận giả sở vị phương đẳng Đại thừa Kinh điển。

Nửa chữ ấy đó là Chín bộ kinh. Luận Tỳ-già-la ấy là kinh Phương Đẳng Đại Thừa.

以諸聲聞無有慧力。

dĩ chư Thanh văn vô hữu tuệ lực。

Do các vị Thanh văn không có tuệ lực

是故如來為說半字九部經典。而不為說毘伽羅論方等大乘。善男子。

thị cố Như Lai vi thuyết bán tự cửu bộ Kinh điển. nhi bất vi thuyết Tỳ già la luận phương đẳng Đại thừa. Thiện nam tử.

cho nên Như Lai vì họ mà nói nửa chữ tức là chín bộ Kinh Điển mà không nói luận Tỳ-già-la Phương Đẳng Đại thừa. Nay Thiện nam tử!

如彼長者子既長大堪任讀學。

như bĩ Trưởng Giả Tử ký trường Đại kham nhâm độc học。

Như vị Trưởng giả kia, khi con đã lớn khôn có thể đủ sức học và tụng đọc,

若不為說毘伽羅論可名為藏若諸聲聞有堪任力。

nhược bất vi thuyết Tỳ già la luận khả danh vi tạng nhược chư Thanh văn hữu kham nhâm lực。

nếu không dạy cho nó luận Tỳ-già-la thì có thể gọi là Tạng. Nếu các Thanh văn đủ sức kham nhận

能受大乘毘伽羅論。如來祕惜不為說者。

năng thọ Đại thừa Tỳ già la luận。 Như Lai bí tích bất vi thuyết giả。

thọ học Đại thừa luận Tỳ-già-la, Như Lai lẫn tiếc bí mật không vì họ mà nói

可言如來有祕密藏。如來不爾。是故如來無有祕藏。

khả ngôn Như Lai hữu Bí mật tạng。 Như Lai bất nhĩ。 thị cố Như Lai vô hữu bí tạng。

thì có thể nói Như Lai có Bí mật tạng. Nhưng Như Lai không như vậy, vì vậy Như Lai không có Bí mật tạng.

如彼長者教半字已。次為演說毘伽羅論。

như bĩ Trưởng giả giáo bán tự dĩ。 thứ vi diễn thuyết Tỳ già la luận。

Như Trưởng giả kia dạy nửa chữ rồi, lần lượt thuyết giảng luận Tỳ-già-la.

我今亦爾。為諸弟子說於半字九部經已。

ngã kim diệc nhĩ。 vi chư đệ tử thuyết ư bán tự cửu bộ Kinh dĩ。

Ta cũng như vậy, vì các đệ tử mà nói nửa chữ - Chín bộ kinh xong,

次為演說毘伽羅論。所謂如來常存不變。

thứ vi diễn thuyết Tỳ già la luận。 sở vị Như Lai thường tồn bất biến。

lần lượt diễn bày luận Tỳ-già-la, đó là Như Lai thường còn chẳng biến đổi.

復次善男子。譬如夏月興大雲雷降注大雨。

phục thứ Thiện nam tử。 thí như hạ nguyệt hưng Đại vân lôi hàng chú Đại vũ。

Lại nữa Thiện nam tử! Thí như mùa hè oi nắng, nhiều mây sấm sét, mưa lớn đổ xuống,令諸農夫下種之者多獲果實。

lệnh chư nông phu hạ chủng chi giả đa hoạch quả thật。

để cho người nông dân gieo hạt và thu hoạch thật nhiều kết quả,

不下種者無所剋獲。無所獲者非龍王咎。

bất hạ chủng giả vô sở khắc hoạch. vô sở hoạch giả phi long Vương cứu.

không gieo hạt thì lập tức không có thu hoạch, không có thu hoạch ấy chẳng phải là lỗi của long vương,

而此龍王亦無所藏。我今如來亦復如是。

nhi thử long Vương diệc vô sở tạng. ngã kim Như Lai diệc phục như thị.

mà long vương này cũng không chỗ tích chứa. Ta nay cũng lại như vậy,

降大法雨大涅槃經。若諸眾生種善子者得慧芽果。

hàng Đại Pháp vũ Đại Niết-bàn Kinh. nhược chư chúng sanh chủng thiện tử giả đắc tuệ nha quả.

giáng xuống mưa pháp lớn Kinh Đại Bát Niết-bàn, nếu các chúng sanh gieo trồng giống lành sẽ được quả tuệ tốt tươi,

無善子者則無所獲。無所獲者非如來咎。

vô thiện tử giả tắc vô sở hoạch. vô sở hoạch giả phi Như-Lai cứu.

không gieo giống lành thì không được kết quả, không được kết quả ấy chẳng phải lỗi của Như Lai.

然佛如來實無所藏。迦葉復言。

nhiên Phật Như Lai thật vô sở tạng. Ca-diếp phục ngôn.

Như vậy Phật Như Lai thật không có chỗ che dấu. Ca-diếp lại nói:

我今定知如來世尊無所祕藏。如佛所說毘伽羅論。

ngã kim định tri Như Lai Thế Tôn vô sở bí tạng. như Phật sở thuyết Tỳ già la luận.

Con nay biết chắc chắn Như Lai Thế Tôn không có chỗ Bí Tạng, như chỗ Phật dạy, luận Tỳ-già-la

謂佛如來常存不變。是義不然。何以故。佛昔說偈。

vị Phật Như Lai thường tồn bất biến. thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố. Phật tích thuyết kệ.

đó là Như Lai thường còn không thay đổi, là không phải nghĩa như vậy. Vì sao? Phật nói kệ rằng:

諸佛與緣覺 及以弟子眾

Chư Phật dữ Duyên giác Cậ dĩ đệ tử chúng

Chư Phật và Duyên giác Cùng với chúng đệ tử

猶捨無常身 何況諸凡夫

Do xả vô thường thân Hà hưởng chư phàm phu

Xả bỏ thân vô thường Hưởng gì các phàm phu.

今者乃說常存無變。是義云何。佛言。

Kim giả nãi thuyết thường tồn vô biến。 thị nghĩa vân hà。 Phật ngôn。

Nay Thế Tôn lại nói thường còn không thay đổi, là nghĩa làm sao? Phật dạy:

善男子。我為一切聲聞弟子。教半字故而說是偈。

Thiện nam tử。 ngã vi nhất thiết Thanh văn đệ tử。 giáo bán tự cố nhi thuyết thị kệ。

Này Thiện nam tử! Ta vì hết thầy đệ tử Thanh văn, dạy nửa chữ nên nói kệ ấy.

善男子。

Thiện nam tử。

Này Thiện nam tử!

波斯匿王其母命終悲號戀慕不能自勝來至我所。我即問言。大王。

Ba-tư-nặc Vương kỳ mẫu mạng chung bi hiệu luyến mộ bất năng tự thắng lai chí ngã sở。 ngã tức vấn ngôn。 Đại Vương。

Khi mẹ vua Ba-tư-nặc lâm chung, ông ta sầu thảm luyến tiếc, không thể tự thắng mình mới đi đến chỗ Ta. Ta liền hỏi rằng: Đại vương!

何故悲苦懊惱乃至於此。王言。世尊。

hà cố bi khổ áo não nãi chí ư thử。 Vương ngôn。 Thế tôn。

Vì sao mà sầu bi áo não đến vậy? Vua nói: Bạch Thế Tôn!

國大夫人是日命終。假使有能令我母命還如本者。

quốc Đại phu nhân thị nhật mạng chung。 giả sử hữu năng lệnh ngã mẫu mạng hoàn như bốn giả。

Hôm nay là ngày Phu nhân của một nước lớn từ trần, giả sử có thể khiến cho mẹ tôi sống lại như cũ,

我當捨國象馬七珍及以身命悉以賞之。我復語言。

ngã đương xả quốc tượng mã thất trân cập dĩ thân mạng tất dĩ thưởng chi。 ngã phục ngữ ngôn。

tôi sẽ xả bỏ quốc thành, voi ngựa, bảy báu và dùng cả thân mạng của tôi để ban thưởng cho người ấy. Ta lại nói rằng:

大王。且莫愁惱憂悲啼哭。

Đại Vương. thả mặc sầu não ưu bi đề khóc.
 Đại vương! Hãy tạm chớ có sầu não kêu khóc!
 一切眾生壽命盡者名之為死。
 nhất thiết chúng sanh thọ mạng tận giả danh chi vi tử.
 Hết thầy chúng sanh khi thọ mạng hết gọi là chết.
 諸佛緣覺聲聞弟子尚捨此身況復凡夫。善男子。
 chư Phật Duyên giác Thanh văn đệ tử thượng xả thử thân huống phàm phu. Thiện
 nam tử.
 Chư Phật cùng với đệ tử Duyên giác, Thanh văn còn xả bỏ thân này huống chi phàm phu
 lại không bỏ. Nay Thiện nam tử!
 我為波斯匿王教半字故而說是偈。
 ngã vi Ba-tư-nặc Vương giáo bán tự cố nhi thuyết thị kệ。
 Ta vì vua Ba-tư-nặc dạy nửa chữ nên nói kệ ấy.
 我今為諸聲聞弟子說毘伽羅論。謂如來常存無有變易。
 ngã kim vi chư Thanh văn đệ tử thuyết Tỳ-già-la luận。 vị Như Lai thường tồn vô hữu biến
 dịch。
 Nay Ta vì chư đệ tử Thanh văn nói luận Tỳ-già-la, đó là Như Lai thường còn không thay
 đổi.
 若有人言如來無常。云何是人舌不墮落。
 nhược hữu nhân ngôn Như Lai vô thường。 vân hà thị nhân thiết bất đọa lạc。
 Nếu có người nói Như Lai vô thường, người diễn dịch đó sao không đọa lạc được?
 迦葉復言。如佛所說。
 Ca-diếp phục ngôn。 như Phật sở thuyết。
 Ca-diếp lại nói: Như chỗ Phật nói,
 無所聚積 於食知足 如鳥飛空 如鳥飛空 跡不可尋
 vô sở tụ tích ư thực tri túc như điểu phi không tích bất khả tầm。
 không chỗ tích tụ, ăn uống biết đủ, như chim bay giữa hư không, dấu vết không thể tìm
 是義云何。世尊。
 thị nghĩa vân hà。 Thế Tôn。
 là nghĩa làm sao? Bạch Thế Tôn!
 於此眾中誰得名為無所積聚。誰復得名於食知足。誰行於空跡不可尋。

ư thử chúng trung thù đắc danh vi vô sở tích tụ. thù phục đắc danh ư thực tri túc. thù hành ư không tích bất khả tầm.

Ở trong chúng đây ai là người được gọi là không chỗ tích tụ? Ai lại được gọi là ăn biết đủ? Ai đi giữa hư không mà không thể tìm dấu tích?

而此去者為至何方。佛言迦葉。

nhi thử khứ giả vi chí hà phương. Phật ngôn Ca-diếp.

Mà đi ở đây là đến nơi nào? Phật dạy Ca-diếp:

夫積聚者名曰財寶。善男子。積聚有二種。一者有為。

phu tích tụ giả danh viết tài bảo. Thiện nam tử. tích tụ hữu nhị chủng. nhất giả hữu vi.

Rằng tích tụ ấy gọi là tài bảo. Nay Thiện nam tử! Tích tụ có hai loại: một là Hữu vi,

二者無為。有為積聚者即聲聞行。

nhị giả vô vi. hữu vi tích tụ giả tức Thanh văn hành.

hai là Vô vi. Hữu vi tích tụ ấy tức là việc làm của Thanh văn.

無為積聚者即如來行。善男子。僧亦有二種。

vô vi tích tụ giả tức Như Lai hành. Thiện nam tử. tăng diệc hữu nhị chủng.

Vô vi tích tụ ấy tức là việc của Như Lai. Nay Thiện nam tử! Tăng cũng có hai loại:

有為無為。有為僧者名曰聲聞。聲聞僧者無有積聚。

hữu vi vô vi. hữu vi tăng giả danh viết Thanh văn. Thanh văn tăng giả vô hữu tích tụ.

là hữu vi và vô vi. Hữu vi Tăng ấy gọi là Thanh văn. Thanh văn Tăng ấy không có tích tụ
所謂奴婢非法之物庫藏穀米。

sở vị nô tì phi Pháp chi vật khổ tạng cốc mễ.

những thứ như: nô tỳ, các vật phi pháp, kho lúa gạo,

鹽豉胡麻大小諸豆。

diêm thị hồ ma Đại tiểu chư đậu.

muối đậu, hạt vừng, các loại đậu lớn nhỏ.

若有說言如來聽畜奴婢僕使如是之物舌則卷縮。

nhược hữu thuyết ngôn Như Lai thính súc nô tì bộc sử như thị chi vật thiệt tắc quyển súc。

Nếu người nói nghe Như Lai có nuôi nô tỳ, các vật như vậy để sai khiến thì lưỡi sẽ bị co rút lại.

我諸所有聲聞弟子名無積聚。亦得名為於食知足。

ngã chư sở hữu Thanh văn đệ tử danh vô tích tụ. diệt đắ danh vi ư thực tri túc.

Ta có các đệ tử Thanh văn gọi là vô tích tụ, cũng được gọi là ăn uống biết đủ,

若有貪食名不知足。不貪食者是名知足。

nhược hữu tham thực danh bất tri túc. bất tham thực giả thị danh tri túc.

nếu có tham ăn gọi là không biết đủ, không tham ăn ấy gọi là biết đủ.

跡難尋者則近無上菩提之道。我說是人雖去無至。迦葉復言。

tích nan tầm giả tắc cận vô thượng bồ đề chi đạo. ngã thuyết thị nhân tuy khứ vô chí. Ca-diếp phục ngôn.

Dấu vết khó tìm ấy thì gần với đạo Vô thượng Bồ đề. Ta nói người đó đi mà không đi. Ca-diếp lại nói:

若有為僧尚無積聚況無為僧。

nhược hữu vi tăng thượng vô tích tụ huống vô vi tăng.

Nếu là Hữu vi Tăng mà còn vô tích tụ huống gì Vô vi Tăng,

無為僧者即是如來。如來云何當有積聚。

vô vi tăng giả tức thị Như Lai. Như Lai vân hà đương hữu tích tụ.

Vô vi Tăng ấy tức là Như Lai. Như Lai làm sao có tích tụ?

夫積聚者名為藏匿。

phu tích tụ giả danh vi tạng nặc.

Hễ có người tích tụ thì gọi là che giấu.

是故如來凡有所說無所吝惜云何名藏。跡不可尋者所謂涅槃。

thị cố Như Lai phạm hữu sở thuyết vô sở khác tích vân hà danh tạng. tích bất khả tầm giả sở vị Niết-bàn.

Vì vậy phạm có gì Như Lai nói không tiếc lẫn, sao gọi là Tạng? Dấu vết không thể tìm ấy đó là Niết-bàn.

涅槃之中無有日月星辰諸宿寒熱風雨生老病死二十五有。

Niết-bàn chi trung vô hữu nhật nguyệt tinh Thần chư tú hàn nhiệt phong vũ sanh lão bệnh tử nhị thập ngũ hữu.

Trong Niết-bàn ấy không có mặt trời, mặt trăng, sao thần, các ngôi sao, lạnh, nóng, gió, mưa, già bệnh chết cho đến Hai mươi lăm hữu,

離諸憂苦及諸煩惱。

ly chư ưu khổ cập chư phiền não

xa lìa các sầu khổ và các phiền não.

如是涅槃如來住處常不變易。以是因緣。

như thị Niết-bàn Như Lai trụ xử thường bất biến dịch. dĩ thị nhân duyên.

Như vậy Niết-bàn Như Lai thường trụ, không thay đổi. Do nhân duyên đó

如來至是娑羅樹間於大涅槃而般涅槃。佛告迦葉。

Như Lai chí thị Sa-la thụ gian ư Đại Niết-bàn nhi bát Niết-bàn. Phật cáo Ca-diếp.

Như Lai đến giữa hai cây Sa-la ở trong Đại Niết-bàn mà vào Niết-bàn. Phật dạy Ca-diếp:

所言大者其性廣博。猶如有人壽命無量名大丈夫。

sở ngôn Đại giả kỳ tánh quảng bác. do như hữu nhân thọ mạng vô lượng danh Đại
trượng phu.

Chỗ nói Đại, ấy là nói tánh bao trùm rộng lớn, giống như người sống lâu đến vô lượng gọi
là Đại trượng phu.

是人若能安住正法名人中勝。如我所說八大人覺。

thị nhân nhược năng an trú chánh Pháp danh nhân trung thắng. như ngã sở thuyết bát
Đại nhân giác.

Người đó nếu an trú trong Chánh Pháp thì gọi là Nhân trung thắng, như chỗ Ta nói Tám
điều giác ngộ của bậc Đại nhân

為一人有為多人有。若一人具八則為最勝。

vi nhất nhân hữu vi đa nhân hữu. nhược nhất nhân cụ bát tắc vi tối thắng.

là một người có giác ngộ, hoặc là có nhiều người giác ngộ, nếu một người giác ngộ đủ cả
tám điều tức là tối thắng.

所言涅槃者無諸瘡疣。善男子。

sở ngôn Niết-bàn giả vô chư sang vu. Thiện nam tử.

Chỗ nói Niết-bàn ấy là không bệnh nhọt, ung bứu. Này Thiện nam tử!

譬如有人為毒箭所射多受苦痛。

thí như hữu nhân vi độc tiễn sở xạ đa thọ khổ thống.

Thí như người bị mũi tên độc bắn, chỗ ấy rất đau đớn,

值遇良醫為拔毒箭傳以妙藥。令其離苦得受安樂。

trị ngộ lương y vi bạt độc tiễn phó dĩ diệu dược. lệnh kỳ ly khổ đắc thọ an lạc.

gặp một vị lương y nhổ mũi tên độc ra giúp rồi dùng thuốc hay khiến cho người ấy bớt đau
mà được an lạc.

是醫即便遊於城邑及諸聚落。隨有患苦瘡疥之處。

thị y tức tiện du ư thành ấp cập chư tụ lạc. tùy hữu hoạn khổ sang vưu chi xử.

Vị lương y đó liền đi vào trong thành ấp và các xóm làng, tùy nơi nào có người bị bệnh ung nhọt lo khổ

即往其所為療眾苦。善男子。如來亦爾。

tức vãng kỳ sở vi liệu chúng khổ. Thiện nam tử. Như Lai diệc nhĩ.

tức thì đến chỗ đó chữa bệnh cho hết khổ. Nay Thiện nam tử! Như Lai cũng vậy,

成等正覺為大醫王。見閻浮提苦惱眾生。

thành đẳng chánh giác vi Đại y Vương. kiến Diêm-phù-đề khổ não chúng sanh.

thành bậc Đẳng Chánh Giác làm Đại y vương, thấy chúng sanh khổ đau ở cõi Diêm-phù-đề,

無量劫中被姪怒癡煩惱毒箭受大苦切。

vô lượng kiếp trung bị dâm nộ si phiền não độc tiễn thọ Đại khổ thiết.

ở trong vô lượng kiếp bị tên độc phiền não dâm dật, sân giận, ngu si hết sức khổ sở bức bách,

為如是等說大乘經甘露法藥。

vi như thị đẳng thuyết Đại thừa Kinh cam lộ Pháp dược.

nên Ta vì họ mà làm những việc như vậy là ý nói kinh Đại thừa là thuốc pháp Cam Lộ,

療治此已復至他方有諸煩惱毒箭之處。示現作佛為其療治。

liệu trì thử dĩ phục chí tha phương hữu chư phiền não độc tiễn chi xử. thị hiện tác Phật vi kỳ liệu trì.

chữa bệnh ở đây xong rồi lại đến nơi khác có tên độc phiền não thị hiện làm Phật để chữa bệnh cho họ,

是故名曰大般涅槃。大般涅槃者名解脫處。

thị cố danh viết Đại Bát Niết-bàn. Đại Bát-niết-bàn giả danh giải thoát xử.

vì vậy mà gọi là Đại Bát-niết-bàn. Đại Bát-niết-bàn còn gọi là xứ Giải thoát,

隨有調伏眾生之處。如來於中而作示現。

tùy hữu điều phục chúng sanh chi xử. Như Lai ư trung nhi tác thị hiện.

tùy theo chỗ cần điều phục của chúng sanh, mà Như Lai thị hiện để cứu giúp.

以是真實甚深義故名大涅槃。迦葉菩薩復白佛言。世尊。

dĩ thị chân thật thâm thâm nghĩa cố danh Đại Niết-bàn. Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

Do nghĩa chân thật và thâm sâu đó mà tên là Đại Bát-niết-bàn. Ca-diếp Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

世間醫師悉能療治一切眾生瘡疣病不。

thế gian y sư tất năng liệu trị nhất thiết chúng sanh sang vuu bệnh bất.

Tất cả thầy thuốc của thế gian có thể chữa lành bệnh cho hết thầy chúng sanh bị bệnh ung nhọt chẳng?

善男子。世間瘡疣凡有二種。

Thiện nam tử. thế gian sang vuu phàm hữu nhị chủng.

Này Thiện nam tử! Phàm bệnh ung nhọt của thế gian có hai loại:

一者可治二不可治。凡可治者醫則能治。不可治者則不能治。

nhất giả khả trị nhị bất khả trị. phàm khả trị giả y tắc năng trị. bất khả trị giả tắc bất năng trị.

Một là có thể chữa trị, hai là không thể chữa trị. Bệnh có thể chữa trị thì thầy thuốc có thể chữa trị, bệnh không thể chữa trị thì thầy thuốc không thể chữa trị.

迦葉復言。

Ca-diếp phục ngôn.

Ca-diếp lại nói:

如佛言者如來則為於閻浮提治眾生已。

như Phật ngôn giả Như Lai tắc vi ư Diêm-phù-đề trị chúng sanh dĩ.

Như Phật nói Như Lai ở trong cõi Diêm-phù-đề trị bệnh cho chúng sanh xong rồi,

若言治已足諸眾生其中云何復有未能得涅槃者。

nhược ngôn trị dĩ thị chư chúng sanh kỳ trung vân hà phục hữu vị năng đắc Niết-bàn giả. nếu nói trị bệnh xong rồi vì sao các chúng sanh trong cõi ấy lại có người chưa được Niết-bàn?

若未悉得云何如來說言治竟欲至他方。善男子。閻浮提內眾生有二。

nhược vị tất đắc vân hà Như Lai thuyết ngôn trị cánh dục chí tha phương. Thiện nam tử. Diêm-phù-đề nội chúng sanh hữu nhị.

Nếu hết thầy chưa được Niết-bàn vì sao Như Lai nói trị bệnh xong rồi nên đến nơi khác?

Này Thiện nam tử! Chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề có hai loại:

一者有信二者無信。有信之人則名可治。

nhất giả hữu tín nhị giả vô tín. hữu tín chi nhân tắc danh khả trị。

Một là có tin, hai là không tin. Người có tin thì gọi là có thể chữa trị。

何以故。定得涅槃無瘡疣故。

hà dĩ cố。 định đắc Niết-bàn vô sang vưu cố。

Vì sao? Vì chắc chắn sẽ được Niết-bàn nên không còn bệnh ung nhọt。

是故我說治闍浮提諸眾生已。無信之人名一闍提。

thị cố ngã thuyết trì Diêm-phù-đề chư chúng sanh dĩ. vô tín chi nhân danh nhất xiển-đề。

Vì vậy Ta nói trị bệnh cho chúng sanh ở Diêm-phù-đề xong rồi. Người không tin gọi là Nhất-xiển-đề。

一闍提者名不可治。除一闍提餘悉治已。

nhất xiển-đề giả danh bất khả trị. trừ nhất xiển-đề dư tất trị dĩ。

Nhất-xiển-đề gọi là không thể chữa trị, ngoài Nhất-xiển-đề ra đều có thể trị được cả。

是故涅槃名無瘡疣。

thị cố Niết-bàn danh vô sang vưu。

Vì vậy Niết-bàn gọi là không ung nhọt。

世尊。何等名涅槃。善男子。

Thế tôn. hà đẳng danh Niết-bàn. Thiện nam tử。

Bạch đức Thế Tôn! Sao gọi là Niết-bàn? Này Thiện nam tử!

夫涅槃者名為解脫。迦葉復言。

phu Niết-bàn giả danh vi giải thoát. Ca-diếp phục ngôn。

Rằng Niết-bàn ấy tên là Giải thoát. Ca-diếp lại nói:

所言解脫為是色耶為非色乎。佛言。善男子。或有是色或非是色。

sở ngôn giải thoát vi thị sắc da vi phi sắc hồ. Phật ngôn. Thiện nam tử. hoặc hữu thị sắc hoặc phi thị sắc。

Chỗ nói giải thoát ấy là sắc chăng? hoặc phi sắc chăng? Phật dạy: Này Thiện nam tử!

Hoặc là có sắc hoặc là phi sắc。

言非色者即是聲聞緣覺解脫。

ngôn phi sắc giả tức thị Thanh văn Duyên giác giải thoát。

Nói phi sắc ấy tức là nói giải thoát của Thanh văn và Duyên giác。

言是色者即是諸佛如來解脫。善男子。是故解脫亦色非色。

ngôn thị sắc giả tức thị chư Phật như lai giải thoát. Thiện nam tử. thị cố giải thoát diệc sắc phi sắc.

Nói có sắc ấy tức là giải thoát của chư Phật Như Lai. Nay Thiện nam tử! Vì vậy giải thoát là cũng sắc cũng phi sắc

如來為諸聲聞弟子說為非色。世尊。

Như Lai vị chư Thanh văn đệ tử thuyết vi phi sắc. Thế Tôn.

Như Lai vì chư đệ tử Thanh văn mà nói phi sắc. Bạch đức Thế Tôn!

聲聞緣覺若非色者云何得住。善男子。

Thanh văn Duyên giác nhược phi sắc giả vân hà đắc trụ. Thiện nam tử.

Thanh văn Duyên giác nếu phi sắc vì sao đứng được. Nay Thiện nam tử!

如非想非非想天亦色非色。我亦說為非色。若人難言。

như phi tưởng phi phi tưởng Thiên diệc sắc phi sắc. ngã diệc thuyết vi phi sắc. nhược nhân nan ngôn.

Như trời Phi tưởng phi phi tưởng cũng sắc cũng phi sắc. Ta cũng nói là phi sắc, nếu người khó nói

非想非非想天若非色者。

phi tưởng phi phi tưởng Thiên nhược phi sắc giả.

Cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng nếu phi sắc

云何得住去來進止。如是之義諸佛境界。非諸聲聞緣覺所知。

vân hà đắc trụ khứ lai tiến chỉ. như thị chi nghĩa chư Phật cảnh giới. phi chư Thanh văn Duyên giác sở tri.

vì sao đứng, đi lại, tiến dừng được. Nghĩa như vậy là cảnh giới của Phật, chẳng phải Thanh văn Duyên giác biết được.

解脫亦爾。亦色非色說為非色。

giải thoát diệc nhĩ. diệc sắc phi sắc thuyết vi phi sắc.

Giải thoát cũng vậy, cũng sắc cũng phi sắc, nói là phi sắc,

亦想非想說為非想。如是之義諸佛境界。

diệc tưởng phi tưởng thuyết vi phi tưởng. như thị chi nghĩa chư Phật cảnh giới.

cũng tưởng phi tưởng nói là phi tưởng, nghĩa như vậy là cảnh giới của Phật,

非諸聲聞緣覺所知。

phi chư Thanh văn Duyên giác sở tri.

chẳng phải Thanh văn, Duyên giác biết được.

爾時迦葉菩薩復白佛言。世尊。

nhĩ thời Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn。 Thế Tôn。

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

唯願哀愍重垂廣說大涅槃行解脫之義。佛讚迦葉。

duy nguyện ai mẫn trọng thùy quảng thuyết Đại Niết-bàn hành giải thoát chi nghĩa。 Phật tán Ca-diếp。

Xin nguyện Như Lai rĩ lòng thương xót mà nói rộng nghĩa hạnh giải thoát của Đại Niết-bàn! Phật khen Ca-diếp:

善哉善哉。善男子。真解脫者名曰遠離一切繫縛。

Thiện tai Thiện tai。 Thiện nam tử。 chân giải thoát giả danh viết viễn li nhất thiết hệ phược。

Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! Chân thật giải thoát ấy gọi là xa lìa hết thảy trói buộc。

若真解脫離諸繫縛。則無有生亦無和合。

nhược chân giải thoát ly chư hệ phược。 tắc vô hữu sanh diệc vô hòa hợp。

Nếu chân thật giải thoát xa lìa các trói buộc thì không có sanh cũng không hòa hợp。

譬如父母和合生子。真解脫者則不如是。

thí như phụ mẫu hòa hợp sanh tử。 chân giải thoát giả tắc bất như thị。

Thí như cha mẹ hòa hợp thì sanh ra con。 Chân thật giải thoát thì không như vậy，

是故解脫名曰不生。迦葉。譬如醍醐其性清淨。

thị cố giải thoát danh viết bất sanh。 Ca-diếp。 thí như thể hồ kỳ tánh thanh tịnh。

Vì vậy giải thoát gọi là Bất Sanh。 Ca-diếp! Thí như sữa đờ hồ, tánh của nó là thanh tịnh。

如來亦爾。非因父母和合而生其性清淨。

Như Lai diệc nhĩ。 phi nhân phụ mẫu hòa hợp nhi sanh kỳ tánh thanh tịnh。

Như Lai cũng vậy, chẳng phải từ cha mẹ hòa hợp sanh nên tánh thanh tịnh，

所以示現有父母者。為欲化度諸眾生故。

sở dĩ thị hiện hữu phụ mẫu giả。 vi dục hóa độ chúng sanh cố。

sở dĩ thị hiện có cha mẹ ấy là muốn hóa độ chúng sanh vậy。

真解脫者即是如來。如來解脫無二無別。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai。 Như Lai giải thoát vô nhị vô biệt。

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai。 Như Lai và giải thoát không hai cũng không khác。

譬如春月下諸種子。得煖氣已尋便出生。

thí như xuân nguyệt hạ chư chủng tử. đắc noãn khí dĩ tầm tiện xuất sanh.

Thí như mùa xuân mà gieo hạt, đủ khí ấm rồi sẽ nảy mầm mà sanh trưởng.

真解脫者則不如是。又解脫者名曰虛無。

chân giải thoát giả tắc bất như thị. hựu giải thoát giả danh viết hư vô.

Chân giải thoát thì không như vậy. Lại nữa, giải thoát ấy gọi là Hư vô,

虛無即是解脫。解脫即是如來。

hư vô tức thị giải thoát。 giải thoát tức thị Như Lai.

Hư vô tức là giải thoát, giải thoát tức là Như Lai.

如來即是虛無非作所作。 凡是作者猶如城郭樓觀却敵。

Như Lai tức thị hư vô phi tác sở tác. phàm thị tác giả do như thành quách lâu quán khước địch.

Như Lai tức là Hư vô, chẳng làm chẳng có chỗ làm. Hễ có chỗ làm ấy giống như đứng ở thành quách lâu đài mà nhìn giặc thù.

真解脫者則不如是。是故解脫即是如來。

chân giải thoát giả tắc bất như thị. thị cố giải thoát tức thị Như Lai.

Chân giải thoát thì không như vậy, vì vậy giải thoát tức là Như Lai.

又解脫者即無為法。譬如陶師作已還破。解脫不爾。

hựu giải thoát giả tức vô vi Pháp. thí như đào sư tác dĩ hoàn phá. giải thoát bất nhĩ.

Lại nữa, giải thoát ấy tức là pháp Vô vi. Thí như thợ gốm làm ra đồ dùng rồi trở lại phá vỡ.

Giải thoát không vậy,

真解脫者不生不滅。是故解脫即是如來。

chân giải thoát giả bất sanh bất diệt. thị cố giải thoát tức thị Như Lai.

Chân giải thoát không sanh không diệt, vì vậy giải thoát tức là Như Lai.

如來亦爾。

Như Lai diệt nhĩ.

Như Lai cũng vậy,

不生不滅不老不死不破不壞非有為法。以是義故名曰如來入大涅槃。

bất sanh bất diệt bất lão bất tử bất phá bất hoại phi hữu vi Pháp. dĩ thị nghĩa cố danh viết

Như Lai nhập Đại Niết-bàn。

không sanh không diệt, không già không chết, không phá không hoại, chẳng phải pháp Hữu vi. Do nghĩa đó nên gọi là Như Lai nhập Đại Niết-bàn.

不老不死有何等義。老者名為遷變。髮白面皺。

bất lão bất tử hữu hà đẳng nghĩa. lão giả danh vi Thiên biến. phát bạch diện trứu.

Chẳng già chẳng chết ấy có nghĩa gì? Già ấy gọi là biến dịch, tóc bạc mặt nhăn.

死者身壞命終。如是等法解脫中無。

tử giả thân hoại mạng chung. như thị đẳng Pháp giải thoát trung vô.

Chết ấy là thân bị hư hoại sau khi chết, những hiện tượng như vậy không có trong giải thoát,

以無是事故名解脫。如來亦無髮白面皺有為之法。

dĩ vô thị sự cố danh giải thoát. Như Lai diệc vô phát bạch diện trứu hữu vi chi Pháp.

do không có sự việc như vậy nên có tên là giải thoát. Như Lai cũng không tóc bạc mặt nhăn, không phải là pháp Hữu vi,

是故如來無有老也。無有老故則無有死。

thị cố Như Lai vô hữu lão dã. vô hữu lão cố tắc vô hữu tử.

vì vậy Như Lai không già, không có già nên không có chết.

又解脫者名曰無病。

hựu giải thoát giả danh viết vô bệnh

Lại nữa, giải thoát ấy tên là Vô bệnh.

所謂病者四百四病及餘外來侵損身者。是處無故故名解脫。

sở vị bệnh giả tứ bách tứ bệnh cập dư ngoạ lai xâm tổn thân giả. thị xử vô cố cố danh giải thoát.

Bệnh ấy là bốn trăm bốn bệnh, ngoài ra còn có các bệnh khác đến làm tổn hại thân nữa.

Nơi không có những việc như vậy nên gọi là giải thoát.

無疾病者即真解脫。真解脫者即是如來。

vô tật bệnh giả tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Vô bệnh tật ấy tức là giải thoát, chân giải thoát ấy tức là Như Lai.

如來無病是故法身亦無有病。如是無病即是如來。

Như Lai vô bệnh thị cố Pháp thân diệc vô hữu bệnh. như thị vô bệnh tức thị Như Lai.

Như Lai vô bệnh nên Pháp thân cũng không có bệnh, như vậy vô bệnh tức là Như Lai.

死者名曰身壞命終。是處無死即是甘露。

tử giả danh viết thân hoại mạng chung. thị xử vô tử tức thị cam lộ.
 Chết ấy là thân bị hư hoại sau khi chết, chỗ không chết tức là Cam Lộ.
 是甘露者即真解脫。真解脫者即是如來。
 thị cam lộ giả tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.
 Cam Lộ ấy tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai.
 如來成就如是功德。云何當言如來無常。
 Như Lai thành tựu như thị công đức. vân hà đương ngôn Như Lai vô thường.
 Như Lai thành tựu công đức như vậy, vì sao nói Như Lai vô thường?
 若言無常無有是處。是金剛身云何無常。
 nhược ngôn vô thường vô hữu thị xử. thị Kim cương thân vân hà vô thường.
 Nếu nói vô thường là không có điều đó, vì thân Kim cương làm sao vô thường?
 是故如來不名命終。如來清淨無有垢穢。如來之身非胎所污。
 thị cố Như Lai bất danh mạng chung. Như Lai thanh tịnh vô hữu cấu uế. Như Lai chi
 thân phi thai sở ô.
 Như vậy Như Lai không chết. Như Lai thanh tịnh không có cấu nhiễm, thân của Như Lai
 chẳng phải từ chỗ ô nhiễm sanh.
 如分陀利本性清淨。如來解脫亦復如是。
 như phân đà lệ bản tánh thanh tịnh. Như Lai giải thoát diệc phục như thị.
 Như phân-đà-lị (hoa sen trắng) bản tánh thanh tịnh, Như Lai giải thoát cũng lại như vậy.
 如是解脫即是如來。是故如來清淨無垢。
 như thị giải thoát tức thị Như Lai. thị cố Như Lai thanh tịnh vô cấu.
 Như vậy giải thoát tức là Như Lai, vì vậy Như Lai thanh tịnh không cấu nhiễm.
 又解脫者諸漏瘡疔永無遺餘。如來亦爾。
 hựu giải thoát giả chư lậu sang vưu vĩnh vô di dư. Như Lai diệc nhĩ.
 Lại nữa, giải thoát ấy là các phiền não ung nhọt vĩnh viễn không còn dư tàn. Như Lai cũng
 vậy,
 無有一切諸漏瘡疔。又解脫者無有鬪諍。
 vô hữu nhất thiết chư lậu sang vưu. hựu giải thoát giả vô hữu đấu tránh.
 không có tất cả các phiền não ung nhọt. Lại nữa, giải thoát ấy không có đấu tránh,
 譬如飢人見他飲食生貪奪想。解脫不爾。
 thí như cơ nhân kiến tha ẩm thực sanh tham đoạt tưởng. giải thoát bất nhĩ.

thí như người đói thấy người khác ăn uống thì nổi tham muốn cướp lấy mà ăn, giải thoát không như vậy.

又解脫者名曰安靜。凡夫人言。夫安靜者謂摩醯首羅。

hựu giải thoát giả danh viết an tĩnh. phàm phu nhân ngôn. phu an tĩnh giả vị ma hê thủ la.

Lại nữa, giải thoát ấy tên là An tĩnh. Người phàm phu nói an tĩnh ấy nghĩa là Ma Hê Thủ La (cõi trời Đại tự tại),

如是之言即是虛妄。真安靜者畢竟解脫。

như thị chi ngôn tức thị hư vọng. chân an tĩnh giả tất cánh giải thoát.

nói như vậy tức là hư dối, chân an tĩnh là rốt ráo giải thoát,

畢竟解脫即是如來。又解脫者名曰安隱。

tất cánh giải thoát tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh viết an ổn.

rốt ráo giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy tên là An ổn.

如多賊處不名安隱。清夷之處乃名安隱。

như đa tặc xử bất danh an ổn. thanh di chi xử nãi danh an ổn.

Như ở chỗ nhiều giặc thì không gọi là an ổn; chỗ êm ả vắng lặng mới gọi là an ổn,

是解脫中無有怖畏故名安隱。是故安隱即真解脫。

thị giải thoát trung vô hữu bố úy cố danh an ổn. thị cố an ổn tức chân giải thoát.

trong giải thoát không có sợ hãi nên gọi là an ổn, vì vậy an ổn tức là chân giải thoát.

真解脫者即是如來。如來者即是法也。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. Như Lai giả tức thị Pháp dã.

Chân giải thoát tức là Như Lai, Như Lai tức là Pháp vậy.

又解脫者無有等侶。

hựu giải thoát giả vô hữu đẳng lữ.

Lại nữa, giải thoát ấy không có đồng bạn.

有等侶者如有國王有隣國等。夫解脫者則無如是。

hữu đẳng lữ giả như hữu Quốc Vương hữu lân quốc đẳng. phu giải thoát giả tắc vô như thị.

Có đồng bạn ấy giống như vị quốc vương có đồng bạn với vua nước lân cận, còn giải thoát không như vậy.

無等侶者謂轉輪聖王。無有能與作齊等者。解脫亦爾無有等侶。

vô đẳng lữ giả vị Chuyển luân Thánh Vương. vô hữu năng dữ tác tề đẳng giả. giải thoát diệc nhĩ vô hữu đẳng lữ.

Không đồng bạn ấy nghĩa là Chuyển Luân Thánh vương, không thể cùng với người khác ngang hàng. Giải thoát cũng như vậy, không có đồng bạn,
無等侶者即真解脫。

vô đẳng lữ giả tức chân giải thoát.

không đồng bạn tức là chân giải thoát.

真解脫者即是如來轉法輪王。是故如來無有等侶。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai chuyển Pháp luân Vương. thị cố Như Lai vô hữu đẳng lữ.

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai Chuyển Pháp Luân Vương, vì vậy Như Lai không có đồng bạn,

有等侶者無有是處。又解脫者名無憂愁。

hữu đẳng lữ giả vô hữu thị xử. hựu giải thoát giả danh Vô ưu sầu.

có đồng bạn là điều không thể có. Lại nữa, giải thoát ấy tên Vô ưu sầu.

有憂愁者譬如國王畏難強隣而生憂愁。夫解脫者則無是事。

hữu ưu sầu giả thí như Quốc Vương úy nan cường lân nhi sanh ưu sầu. phu giải thoát giả tắc vô thị sự.

Có ưu sầu là giống như vị quốc vương lo sợ nạn nước lân cận mạnh mà sanh ưu sầu, phàm giải thoát không có sự việc đó.

譬如壞怨則無憂慮。解脫亦爾是無憂畏。

thí như hoại oán tắc Vô ưu lự. giải thoát diệc nhĩ thị Vô ưu úy.

Thí như phá hoại hết oán giận thì không còn lo âu nghĩ ngợi, giải thoát cũng vậy, không lo âu sợ hãi,

無憂畏者即是如來。又解脫者名無憂喜。

Vô ưu úy giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh Vô ưu hỷ.

không lo âu sợ hãi tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy tên là Vô ưu hỷ.

譬如女人只有一子從役遠行卒得凶問。

thí như nữ nhân chỉ hữu nhất tử tòng dịch viễn hành tốt đắc hung vấn.

Thí như người đàn bà có một người con đi hành quân ngoài biên thùy bị bắt tra hỏi dữ.

聞之愁苦後復聞活便生歡喜。

văn chi sâu khổ hậu phục văn hoạt tiện sanh hoan hỉ.

Nghe tin như vậy người đàn bà ấy sâu khổ, sau đó nghe còn sống liền sanh vui mừng.

夫解脫中無如是事。無憂喜者即真解脫。真解脫者即是如來。

phu giải thoát trung vô như thị sự. Vô ưu hỷ giả tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Phàm trong giải thoát không có việc như vậy, Vô ưu hỷ ấy tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

又解脫者無有塵垢。

hựu giải thoát giả vô hữu trần cấu.

Lại nữa, giải thoát ấy tên là không có hư cấu.

譬如春月日沒之後風起塵霧。夫解脫中無如是事。

thí như xuân nguyệt nhật một chi hậu phong khởi trần vụ. phu giải thoát trung vô như thị sự.

Thí như mặt trời mùa xuân lặn, sau đó gió nổi lên bụi mù, phàm giải thoát không có những việc như vậy.

無塵霧者喻真解脫。真解脫者即是如來。

vô trần vụ giả dụ chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Không bụi mù ấy dụ cho Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

譬如聖王髻中明珠無有垢穢。夫解脫性亦復如是無有垢穢。

thí như Thánh Vương kế trung minh châu vô hữu cấu uế. phu giải thoát tánh diệt phục như thị vô hữu cấu uế.

Thí như hạt minh châu trong búi tóc của Thánh Vương không có cấu uế. Phàm tánh của giải thoát cũng lại như vậy, không có cấu uế.

無垢穢者喻真解脫。真解脫者即是如來。

vô cấu uế giả dụ chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Không cấu uế ấy dụ cho Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

如真金性不雜沙石乃名真寶。

như chân kim tánh bất tạp sa thạch nãi danh chân bảo.

Như vàng thật, tánh không có cát đá lẫn lộn mới gọi là vàng thật,

有人得之生於財想。夫解脫性亦復如是如彼真寶。

hữu nhân đắc chi sanh ư tài tướng. phu giải thoát tánh diệc phục như thị như bỉ chân bảo.

có người lượm được tướng của báu. Phàm giải thoát tánh cũng lại như vậy, như báu thật kia.

彼真寶者喻真解脫。真解脫者即是如來。

bỉ chân bảo giả dụ chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Báu thật kia dụ cho Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

譬如瓦瓶破而聲。金剛寶瓶則不如是。

thí như ngõa bình phá nhi thanh từ. Kim cương bảo bình tắc bất như thị.

Thí như bình sứ phá vỡ sẽ có tiếng sành sứ vỡ, bình báu Kim cương thì không như vậy.

夫解脫者亦無破。金剛寶瓶喻真解脫。

phu giải thoát giả diệc vô từ phá. Kim cương bảo bình dụ chân giải thoát.

Phàm giải thoát ấy cũng không có sự phá vỡ bình sứ. Bình báu Kim cương dụ cho Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。是故如來身不可壞。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. thị cố Như Lai thân bất khả hoại.

Chân giải thoát tức là Như Lai, vì vậy Như Lai thân không thể hư hoại.

其聲者如婢麻子盛熱之時置之日曝出聲震爆。

kỳ thanh từ giả như bề ma tử thịnh nhiệt chi thời trí chi nhật bộc xuất thanh chấn bạo.

Tiếng vỡ bình sứ giống như cây thầu dầu gặp trời nóng nực đem ra phơi dưới mặt trời sẽ nứt nổ phát ra tiếng,

夫解脫者無如是事。

phu giải thoát giả vô như thị sự.

phàm giải thoát không có sự việc như vậy.

如彼金剛真寶之瓶無破聲。假使無量百千之人悉共射之無能壞者。

như bỉ Kim cương chân bảo chi bình vô từ phá thanh. giả sử vô lượng bách thiên chi nhân tất cộng xạ chi vô năng hoại giả.

Như bình chân bảo Kim cương kia thì không có tiếng bình sứ vỡ cho dù có vô lượng trăm ngàn người cùng nhau bắn vào cũng không thể vỡ hoại được.

無破聲 喻真解脫。真解脫者即是如來。

vô từ phá thanh dụ chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Không phá ra tiếng ấy dụ cho Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai.
如貧窮人負他物故。

như bần cùng nhân phụ tha vật cố.

Như người nghèo hèn nương tựa vào vật của người khác nên

為他所繫枷鎖策罰受諸苦毒。夫解脫中無如是事無有負債。

vi tha sở hệ gia tỏa sách phạt thọ chư khổ độc. phu giải thoát trung vô như thị sự vô hữu phụ trái.

phải vì họ mà bị trói buộc, gông cùm, thúc bách hình phạt đủ thứ khổ độc. Trong giải thoát không có sự việc như vậy, không có cậy nhờ, nợ nần,

猶如長者多有財寶無量億數勢力自在不負他物。

do như Trưởng giả đa hữu tài bảo vô lượng ức số thế lực tự tại bất phụ tha vật.

giống như Trưởng giả có nhiều tài bảo vô lượng ức số, thế lực tự tại không cần nhờ cậy vật của người khác.

夫解脫者亦復如是。

phu giải thoát giả diệc phục như thị.

Phàm giải thoát cũng lại như vậy,

多有無量法財珍寶勢力自在無所負也。無所負者喻真解脫。

đa hữu vô lượng Pháp tài trân bảo thế lực tự tại vô sở phụ dã. vô sở phụ giả dụ chân giải thoát.

Có nhiều vô lượng tài vật, ngọc quý, thế lực tự tại không chỗ nhờ cậy, không chỗ nhờ cậy nhờ ấy dụ cho Chân giải thoát,

真解脫者即是如來。又解脫者名無逼切。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh vô bức thiết.

Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy tên là Vô bức thiết.

如春涉熱夏日食甜冬日冷觸。

như xuân thiệp nhiệt hạ nhật thực điềm đông nhật lãnh xúc.

Như mùa xuân bước sang ngày mùa hạ nóng nực tiếp xúc với cái lạnh buốt của ngày đông thì phải ăn đồ ngọt.

真解脫中無有如是不適意事。無逼切者喻真解脫。

chân giải thoát trung vô hữu như thị bất thích ý sự. vô bức thiết giả dụ chân giải thoát.

Trong giải thoát không có việc không vừa ý như vậy, không bức thiết ấy dụ cho Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Chân giải thoát tức là Như Lai.

又無逼切者譬如有人飽食魚肉而復飲乳。是人則為近死不久。

hựu vô bức thiết giả thí như hữu nhân bão thực ngư nhục nhi phục ẩm nhũ。 thị nhân tắc vi cận tử bất cứu。

Lại nữa, không bức thiết ấy thí dụ như có người ăn thịt cá no rồi lại uống sữa. Người ấy chẳng bao lâu bị chết.

真解脫中無如是事。是人若得甘露良藥所患得除。

chân giải thoát trung vô như thị sự。 thị nhân nhực đắc cam lộ lương dược sở hoạn đắc trừ。

Trong Chân giải thoát không có sự việc như vậy, người ấy nếu được uống thuốc tốt Cam Lộ thì bệnh khổ sẽ được tiêu trừ.

真解脫者亦復如是。甘露良藥喻真解脫。

chân giải thoát giả diệc phục như thị。 cam lộ lương dược dụ chân giải thoát。

Chân giải thoát cũng lại như vậy. Thuốc tốt Cam Lộ là dụ cho Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。云何逼切不逼切耶。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai。 vân hà bức thiết bất bức thiết da。

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Sao là bức thiết, sao là không bức thiết?

譬如凡夫我慢自高。而作是念一切眾中誰能害我。

thí như phàm phu ngã mạn tự cao。 nhi tác thị niệm nhất thiết chúng trung thù năng hại ngã。

Thí như phàm phu ngã mạn tự cao mà nghĩ rằng trong tất cả chúng sanh ai có thể hại được ta,

即便携持蛇虎毒虫。

tức tiện huề trì xà hổ độc trùng。

liền cầm nắm rắn, hổ, trùng độc,

當知是人不盡壽命則為橫死。真解脫中無如是事。

đương tri thị nhân bất tận thọ mạng tắc vi hoạn tử。 chân giải thoát trung vô như thị sự。

nên biết người ấy không tận mạng hết thì cũng bị chết yểu. Trong giải thoát không có sự việc như vậy.

不逼切者如轉輪王。所有神珠能伏蜚虻九十六種諸毒虫等。

bất bức thiết giả như chuyển luân Vương. sở hữu Thần châu năng phục khương lang cứu thập lục chủng chư độc trùng đẳng.

Không bức thiết ấy như Vua Chuyển Luân đã có ngọc thần châu hay hàng phục được bọ hung và chín mươi sáu loại trùng độc khác,

若有聞是神珠香者諸毒消滅。

nhược hữu văn thị Thần châu hương giả chư độc tiêu diệt.

nếu người được hương của ngọc thần châu ấy thì độc hại được tiêu trừ.

真解脫者亦復如是。皆悉遠離二十五有。

chân giải thoát giả diệc phục như thị. giai tất viễn li nhị thập ngũ hữu.

Chân giải thoát cũng lại như vậy, hoàn toàn xa lìa Hai mươi lăm hữu.

毒消滅者喻真解脫。真解脫者即是如來。

độc tiêu diệt giả dụ chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Tiêu diệt độc hại ấy dụ cho Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai.

又不逼切者譬如虛空解脫亦爾。彼虛空者。喻真解脫。

hựu bất bức thiết giả thí như hư không giải thoát diệc nhĩ. bỉ hư không giả. dụ chân giải thoát.

Lại nữa, không bức thiết ấy thí như hư không, giải thoát cũng vậy. Hư không kia là dụ cho Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Chân giải thoát tức là Như Lai.

又逼切者如近乾草然諸燈火。近則熾然。真解脫中無如是事。

hựu bức thiết giả như cận kiên thảo nhiên chư đặng hỏa. cận tắc sí nhiên. chân giải thoát trung vô như thị sự.

Lại nữa, bức thiết ấy như cỏ khô sẽ bị đốt cháy khi gần lửa đèn, lửa cháy dữ. Trong Chân giải thoát không như vậy.

又不逼切者譬如日月不逼眾生。

hựu bất bức thiết giả thí như nhật nguyệt bất bức chúng sanh.

Lại nữa, không bức thiết ấy thí như mặt trời mặt trăng không bức bách chúng sanh.
解脫亦爾於諸眾生無有逼切。無有逼切喻真解脫。

giải thoát diệt nhĩ ư chư chúng sanh vô hữu bức thiết。 vô hữu bức thiết dụ chân giải thoát。

Giải thoát cũng vậy, không có bức thiết đối với chúng sanh, không có bức thiết dụ cho Chân giải thoát。

真解脫者即是如來。又解脫者名無動法。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai。 hựu giải thoát giả danh vô động Pháp。

Chân giải thoát tức là Như Lai。 Lại nữa, giải thoát ấy tên là Vô động pháp。

猶如怨親真解脫中無如是事。

do như oán thân chân giải thoát trung vô như thị sự。

Giống như oán hay thân, trong Chân giải thoát không có sự việc như vậy。

又不動者如轉輪王更無聖王以為親友。若更有親則無是處。

hựu bất động giả như chuyển luân Vương canh vô Thánh Vương dĩ vi thân hữu。 nhược canh hữu thân tắc vô thị xứ。

Lại nữa, Bất động ấy như Chuyển Luân Vương lại không làm bạn thân với Thánh Vương, nếu có làm bạn thân thì không có việc đó。

解脫亦爾更無有親。若有親者亦無是處。

giải thoát diệt nhĩ canh vô hữu thân。 nhược hữu thân giả diệt vô thị xứ。

Giải thoát cũng vậy, không có thân thích, nếu có thân thích cũng không có việc đó。

彼王無親喻真解脫。真解脫者即是如來。

bỉ Vương vô thân dụ chân giải thoát。 chân giải thoát giả tức thị Như Lai。

Vua ấy không thân thích dụ cho Chân giải thoát。 Chân giải thoát ấy tức là Như Lai, 如來者即是法也。

Như Lai giả tức thị Pháp dã。

Như Lai ấy tức là Pháp vậy。

又無動者譬如素衣易受染色解脫不爾。

hựu vô động giả thí như tổ y dịch thọ nhiễm sắc giải thoát bất nhĩ。

Lại nữa, Vô động ấy thí như hàng xuất gia khác với tại gia, giải thoát không như vậy。

又無動者如婆師花欲令有臭及青色者無有是處。

hựu vô động giả như bà sư hoa dục lệnh hữu xú cập thanh sắc giả vô hữu thị xứ。

Lại nữa, Vô động ấy như hoa Bà-sư muốn khiến cho nó có mùi hôi và màu xanh, là không có sự việc đó.

解脫亦爾欲令有臭及諸色者亦無是處。是故解脫即是如來。

giải thoát diệc nhĩ dục lệnh hữu xú cập chư sắc giả diệc vô thị xử。 thị cố giải thoát tức thị Như Lai。

Giải thoát cũng vậy, muốn khiến cho có mùi thối và có màu xanh cũng không có sự việc đó. Vì vậy, giải thoát tức là Như Lai.

又解脫者名為希有。譬如水中生於蓮花非為希有。

hựu giải thoát giả danh vi hi hữu。 thí như thủy trung sanh ư liên hoa phi vi hi hữu。

Lại nữa, giải thoát ấy gọi là Hy hữu, thí như hoa sen mà mọc trong nước là không phải chuyện hy hữu,

火中生者是乃希有。有人見之便生歡喜。

hỏa trung sanh giả thị nãi hi hữu。 hữu nhân kiến chi tiện sanh hoan hỉ。

mọc trong lửa mới là hy hữu, người nào thấy được hoa sen mọc như vậy liền sanh vui mừng.

真解脫者亦復如是。其有見者心生歡喜。

chân giải thoát giả diệc phục như thị。 kỳ hữu kiến giả tâm sanh hoan hỉ。

Chân giải thoát ấy cũng lại như vậy, người thấy là tâm liền vui mừng.

彼希有者喻真解脫。真解脫者即是如來。

bỉ hi hữu giả dụ chân giải thoát。 chân giải thoát giả tức thị Như Lai。

Hy hữu ấy dụ cho Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai,

其如來者即是法身。又希有者譬如嬰兒。

kỳ Như Lai giả tức thị Pháp thân。 hựu hi hữu giả thí như anh nhi。

Như Lai ấy tức là Pháp thân. Lại nữa, hy hữu ấy thí như đứa trẻ nhỏ,

其齒未生漸漸長大然後乃生。解脫不爾無有生與不生。

kỳ xỉ vị sanh tiệm tiệm trường Đại nhiên hậu nãi sanh。 giải thoát bất nhĩ vô hữu sanh dĩ bất sanh。

răng chưa mọc, lớn dần dần sau đó mới mọc răng, giải thoát không như vậy, không có sanh và không sanh.

又解脫者名曰虛寂無有不定。

hựu giải thoát giả danh viết hư tịch vô hữu bất định。

Lại nữa, giải thoát ấy gọi là Hư tịch, không có Bất định.

不定者如一闍提究竟不移。犯重禁者不成佛道無有是處。

bất định giả như nhất xiển đề cứu cánh bất di. phạm trọng cấm giả bất thành Phật đạo vô hữu thị xử.

Bất định ấy như Nhất-xiển-đề phạm giới trọng không thành Phật đạo, mãi mãi không thay đổi, là không có sự việc đó.

何以故。是人若於佛正法中心得淨信。

hà dĩ cố. thị nhân nhược ư Phật chánh Pháp trung tâm đắc tịnh tín.

Vì sao? Vì người đó nếu ở trong Chánh pháp của Phật mà sanh tín tâm thanh tịnh, 爾時即便滅一闍提。若復得作優婆塞者。

nhĩ thời tức diệt nhất xiển đề. nhược phục đắc tác Ưu bà tắc giả.

lúc bấy giờ liền diệt được Nhất-xiển-đề. Nếu lại được làm Ưu-bà-tắc

亦得斷滅於一闍提。犯重禁者滅此罪已則得成佛。

diệt đắc đoạn diệt ư nhất xiển đề. phạm trọng cấm giả diệt thử tội dĩ tắc đắc thành Phật.

cũng đoạn diệt được Nhất-xiển-đề, người phạm giới trọng, diệt trừ tội này rồi thì được thành Phật.

是故若言畢定不移不成佛道無有是處。

thị cố nhược ngôn tất định bất di bất thành Phật đạo vô hữu thị xử.

Vì vậy nói quyết chắc định, bất di dời, không thành Phật đạo thì không có sự việc đó.

真解脫中都無如是滅盡之事。

chân giải thoát trung đô vô như thị diệt tận chi sự.

Trong Chân giải thoát đều không có sự việc diệt tận như vậy.

又虛寂者墮於法界。如法界性即真解脫。

hựu hư tịch giả đọa ư Pháp giới. như Pháp giới tánh tức chân giải thoát.

Lại nữa, Hư tịch ấy nằm trong Pháp giới, như vậy pháp giới tánh tức là Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。又一闍提若盡滅者則不得稱一闍提也。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu nhất xiển đề nhược tận diệt giả tắc bất đắc xưng nhất xiển đề dã.

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, nếu diệt hết Nhất-xiển-đề thì không còn được gọi là Nhất-xiển-đề nữa.

何等名為一闡提耶。

hà đấng danh vi nhất xiển đề da。

Sao gọi là Nhất-xiển-đề?

一闡提者斷滅一切諸善根。本心不攀緣一切善法。

nhất xiển đề giả đoạn diệt nhất thiết chư thiện căn。bổn tâm bất phàn duyên nhất thiết thiện Pháp。

Nhất-xiển-đề là đoạn diệt hết tất cả các căn lành, bổn tâm không liên quan đến hết thầy pháp lành,

乃至不生一念之善。真解脫中都無是事。

nãi chí bất sanh nhất niệm chi thiện。chân giải thoát trung đô vô thị sự。

cho đến không sanh một niệm lành. Trong Chân giải thoát đều không có sự việc như vậy, 無是事故即真解脫。真解脫者即是如來。又解脫者名不可量。

vô thị sự cố tức chân giải thoát。chân giải thoát giả tức thị Như Lai。hựu giải thoát giả danh bất khả lượng。

không có sự việc đó tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa giải thoát còn gọi tên bất khả lượng.

譬如穀聚其量可知。真解脫者則不如是。

thí như cốc tụ kỳ lượng khả tri。chân giải thoát giả tắc bất như thị。

Thí như lúa nhóm lại thành đống, lượng ấy có thể biết được, Chân giải thoát không như vậy.

譬如大海不可度量。解脫亦爾不可度量。

thí như Đại hải bất khả độ lượng。giải thoát diệt nhĩ bất khả độ lượng。

Thí như biển lớn không đo lường được, giải thoát cũng vậy, không thể đo lường được, 不可量者即真解脫。真解脫者即是如來。

bất khả lượng giả tức chân giải thoát。chân giải thoát giả tức thị Như Lai。

không thể đo lường ấy tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai.

又解脫者名無量法。如一眾生多有業報。

hựu giải thoát giả danh vô lượng Pháp。như nhất chúng sanh đa hữu nghiệp báo。

Lại nữa, giải thoát ấy còn gọi là Vô lượng pháp. Như một chúng sanh có nhiều nghiệp báo,

解脫亦爾有無量報。無量報者即真解脫。

giải thoát diệt nhĩ hữu vô lượng báo. vô lượng báo giả tức chân giải thoát.
giải thoát cũng vậy, có vô lượng báo, vô lượng báo ấy tức là Chân giải thoát,
真解脫者即是如來。又解脫者名為廣大。
chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh vi quảng Đại.
Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy gọi là Quảng đại.
譬如大海無與等者。解脫亦爾無能與等。
thí như Đại hải vô dữ đẳng giả. giải thoát diệt nhĩ vô năng dữ đẳng。
Thí như biển lớn không gì sánh bằng, giải thoát cũng vậy, không gì sánh bằng,
無與等者即真解脫。真解脫者即是如來。又解脫者名曰最上。
vô dữ đẳng giả tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả
danh viết tối thượng。
không gì sánh bằng ấy tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa,
giải thoát còn gọi là Tối thượng.
譬如虛空最高無比。解脫亦爾最高無比。
thí như hư không tối cao vô bỉ. giải thoát diệt nhĩ tối cao vô bỉ。
Thí như hư không tối cao không gì so sánh được, giải thoát cũng vậy, tối cao không gì so
sánh được,
高無比者即真解脫。真解脫者即是如來。
cao vô bỉ giả tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.
cao không gì so sánh được tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai.
又解脫者名無能過。
hựu giải thoát giả danh vô năng quá。
Lại nữa, giải thoát còn gọi là Vô năng quá (không có gì có thể vượt qua).
譬如師子所住之處一切百獸無能過者。解脫亦爾無有能過。
thí như Sư tử sở trụ chi xứ nhất thiết bách thú vô năng quá giả. giải thoát diệt nhĩ vô hữu
năng quá。
Thí như nơi vùng Sư tử ở, hết thầy trăm thú không thể đi qua được. Giải thoát cũng vậy,
không gì có thể vượt qua được.
無能過者即真解脫。真解脫者即是如來。
vô năng quá giả tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.
Không thể vượt qua ấy tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai.

又解脫者名為無上。譬如北方諸方中上。

hựu giải thoát giả danh vi vô thượng. thí như Bắc phương chư phương trung thượng.

Lại nữa, giải thoát ấy gọi là Vô thượng. Thí như trong các phương, phương Bắc là trên hết.

解脫亦爾為無有上。無有上者即真解脫。

giải thoát diệt nhĩ vi vô hữu thượng. vô hữu thượng giả tức chân giải thoát.

Giải thoát cũng vậy, là không có gì cao hơn, không có gì cao hơn tức là Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。又解脫者名無上上。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh vô thượng thượng.

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy tên là Vô Thượng Thượng.

譬如北方之於東方為無上上。解脫亦爾無有上上。

thí như Bắc phương chi ư Đông phương vi vô thượng thượng. giải thoát diệt nhĩ vô hữu thượng thượng.

Thí như phương Bắc đối với phương Đông là Vô thượng thượng, giải thoát cũng vậy, không có gì cao hơn nữa.

無上上者即真解脫。真解脫者即是如來。

vô thượng thượng giả tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

không có gì cao hơn nữa ấy tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai.

又解脫者名曰恒法。

hựu giải thoát giả danh viết hằng Pháp.

Lại nữa, giải thoát ấy gọi là Hằng pháp.

譬如人天身壞命終是名曰恒非不恒也。解脫亦爾非是不恒。非不恒者即真解脫。

thí như nhân Thiên thân hoại mạng chung thị danh viết hằng phi bất hằng dã. giải thoát diệt nhĩ phi thị bất hằng. phi bất hằng giả tức chân giải thoát.

Thí như thân của người cõi trời hư hoại khi mạng chung gọi là mãi mãi chẳng phải không mãi mãi. Giải thoát cũng vậy, chẳng phải hằng, chẳng phải không hằng ấy tức là Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。又解脫者名曰堅實。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh viết kiên thật.

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy gọi là Kiên thật,

如佉陀羅梅檀沆水其性堅實。

như khư Đà-la chiên đàn hàng thủy kỳ tánh kiên thật.

như khư-đà-la, chiêm-đàn, nước lũ, tánh của nó là bền cứng, chắc thật.

解脫亦爾其性堅實。性堅實者即真解脫。

giải thoát diệt nhĩ kỳ tánh kiên thật. tánh kiên thật giả tức chân giải thoát.

Giải thoát cũng vậy, tánh của nó là bền cứng, chắc thật. Tánh bền cứng, chắc thật ấy tức là Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。又解脫者名曰不虛。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh viết bất hư.

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy gọi là Bất hư.

譬如竹葦其體空虛。解脫不爾。當知解脫即是如來。

thí như trúc vi kỳ thể không hư. giải thoát bất nhĩ. đương tri giải thoát tức thị Như Lai.

Thí như cây trúc, cây cỏ lau, thân của nó rỗng không. Giải thoát không như vậy, nên biết giải thoát tức là Như Lai.

又解脫者名不可污。

hựu giải thoát giả danh bất khả ố.

Lại nữa, giải thoát ấy gọi là Bất khả ố.

譬如牆壁未被塗治蚊虻在上止住遊戲。

thí như tường bích vị bị đồ trì văn xà tại thượng chỉ trụ du hí.

Thí như vách tường chưa được tô quét sửa sang thì muỗi rần trú ở vui đùa trên đó, 若以塗治綵畫彫飾虫聞綵香即便不住。如是不住喻真解脫。

nhược dĩ đồ trì thải họa điêu sức trùng văn thải hương tức tiện bất trụ. như thị bất trụ dụ chân giải thoát.

nhưng nếu vách tường được tô quét sửa sang, mùi vạc điêu khắc của những nét trang sức, khi trùng nghe mùi liền không ở nữa. Không ở như vậy dụ cho Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。又解脫者名曰無邊。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh viết vô biên.

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy gọi là Vô biên.

譬如聚落皆有邊表解脫不爾。

thí như tụ lạc giai hữu biên biểu giải thoát bất nhĩ.

Thí như xóm làng đều có biên giới ở ngoài, giải thoát không phải vậy.

譬如虛空無有邊際解脫亦爾無有邊際。如是解脫即是如來。

thí như hư không vô hữu biên tế giải thoát diệt nhĩ vô hữu biên tế. như thị giải thoát tức thị Như Lai.

Thí như hư không, không có biên tế, giải thoát cũng vậy, không có biên tế. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

又解脫者名不可見。譬如空中鳥跡難見。

hựu giải thoát giả danh bất khả kiến. thí như không trung điều tích nan kiến.

Lại nữa, giải thoát ấy tên là Bất khả kiến. Thí như dấu chân chim trong hư không là khó tìm thấy,

如是難見喻真解脫。真解脫者即是如來。

như thị nan kiến dụ chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

khó tìm thấy như vậy dụ cho Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai.

又解脫者名曰甚深。何以故。聲聞緣覺所不能入。

hựu giải thoát giả danh viết thậm thâm. hà dĩ cố. Thanh văn Duyên giác sở bất năng nhập.

Lại nữa, giải thoát ấy tên là Thậm thâm. Vì sao? Vì Thanh văn, Duyên giác không thể vào được,

不能入者即真解脫。真解脫者即是如來。

bất năng nhập giả tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

không thể vào ấy tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai.

又甚深者諸佛菩薩之所恭敬。

hựu thậm thâm giả chư Phật Bồ-tát chi sở cung kính。

Lại nữa, thậm thâm ấy là chỗ cung kính của chư Phật Bồ-tát,

譬如孝子供養父母功德甚深。功德甚深喻真解脫。

thí như hiếu tử cung dưỡng phụ mẫu công đức thậm thâm. công đức thậm thâm dụ chân giải thoát.

thí như con thảo cúng dường cha mẹ, công đức rất sâu, công đức rất sâu dụ cho Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。又解脫者名不可見。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh bất khả kiến。

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy gọi là Bất khả kiến,

譬如有人不見自頂解脫亦爾。聲聞緣覺所不能見。

thí như hữu nhân bất kiến tự đĩnh giải thoát diệc nhĩ. Thanh văn Duyên giác sở bất năng kiến.

thí như người không có thấy được đỉnh đầu của mình, giải thoát cũng vậy, là nơi Thanh văn, Duyên giác không thể thấy được,

不能見者即真解脫。真解脫者即是如來。

bất năng kiến giả tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

không thể thấy ấy tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai.

又解脫者名無屋宅。譬如虛空無有屋宅解脫亦爾。

hựu giải thoát giả danh vô ốc trạch. thí như hư không vô hữu ốc trạch giải thoát diệc nhĩ.

Lại nữa, giải thoát ấy gọi là Vô ốc trạch. Thí như hư không không có nhà ở, giải thoát cũng vậy,

言屋宅者喻二十五有。無有屋宅者喻真解脫。

ngôn ốc trạch giả dụ nhị thập ngũ hữu. vô hữu ốc trạch giả dụ chân giải thoát.

Nói nhà ở ấy dụ cho Hai mươi lăm hữu, không có nhà ở ấy dụ cho Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。又解脫者名不可取。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh bất khả thủ.

Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy tên là Bất khả thủ.

如阿摩勒果人可取持。解脫不爾不可取持。

như a ma lặc quả nhân khả thủ trì. giải thoát bất nhĩ bất khả thủ trì.

Như quả A-ma-lặc (vô cấu thanh tịnh), người không thể cầm nắm được, giải thoát cũng vậy, không thể cầm nắm được,

不可取持即真解脫。真解脫者即是如來。

bất khả thủ trì tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

không thể cầm nắm tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

又解脫者名不可執。譬如幻物不可執持。

hựu giải thoát giả danh bất khả chấp. thí như huyền vật bất khả chấp trì.

Lại nữa, giải thoát ấy tên là Bất khả chấp. Thí như vật huyền không thể cầm nắm.

解脫亦爾不可執持。不可執持即真解脫。

giải thoát diệc nhĩ bất khả chấp trì. bất khả chấp trì tức chân giải thoát.

Giải thoát cũng vậy, không thể cầm giữ. Không thể cầm giữ ấy tức là Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。又解脫者無有身體。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả vô hữu thân thể。

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy không có thân thể。

譬如有人體生瘡疥及諸癰疽癩狂乾枯。

thí như hữu nhân thể sanh sang vưu cập chư ung thư điên cuồng kiên khô。

Thí như con người có thân thể nên sanh các bệnh ung nhọt, ung thư, điên cuồng, khô héo。

真解脫中無如是病。無如是病喻真解脫。

chân giải thoát trung vô như thị bệnh. vô như thị bệnh dụ chân giải thoát。

Trong Chân giải thoát không có các bệnh như vậy, không có các bệnh như vậy dụ cho Chân giải thoát。

真解脫者即是如來。又解脫者名為一味。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh vi nhất vị。

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy gọi là Nhất vị。

如乳一味解脫亦爾唯有一味。如是一味即真解脫。

như nhũ nhất vị giải thoát diệc nhĩ duy hữu nhất vị. như thị nhất vị tức chân giải thoát。

Như sữa có một vị, giải thoát cũng vậy, chỉ có một vị. Một vị như vậy tức là Chân giải thoát。

真解脫者即是如來。又解脫者名曰清淨。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh viết thanh tịnh。

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy gọi là Thanh tịnh。

如水無泥澄靜清淨。解脫亦爾澄靜清淨。

như thủy vô nê trừng tĩnh thanh tịnh. giải thoát diệc nhĩ trừng tĩnh thanh tịnh。

Như nước không có bùn lắng yên trong sạch, giải thoát cũng vậy, lắng yên trong sạch。

澄靜清淨即真解脫。真解脫者即是如來。

trừng tĩnh thanh tịnh tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai。

Lắng yên trong sạch ấy tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai。

又解脫者名曰一味。如空中雨一味清淨。

hựu giải thoát giả danh viết nhất vị. như không trung vũ nhất vị thanh tịnh。

Lại nữa, giải thoát ấy tên là Nhất vị. Như mưa trong hư không có một vị trong sạch。

一味清淨喻真解脫。真解脫者即是如來。又解脫者名曰除却。

nhất vị thanh tịnh dụ chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh viết trừ khước.

Một vị trong sạch ấy dụ cho Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy tên là Trừ khước.

譬如滿月無諸雲翳。解脫亦爾無諸雲翳。

thí như mãn nguyệt vô chư vân ế. giải thoát diệt nhĩ vô chư vân ế.

Thí như trăng tròn không có mây lớn vờn. Giải thoát cũng vậy, không có các mây lớn vờn.

無諸雲翳即真解脫。真解脫者即是如來。

vô chư vân ế tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Không có các mây lớn vờn ấy tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai.

又解脫者名曰寂靜。

hựu giải thoát giả danh viết tịch tĩnh.

Lại nữa, giải thoát ấy tên là Tịch tĩnh.

譬如有人熱病除愈身得寂靜。解脫亦爾身得寂靜。身得寂靜即真解脫。

thí như hữu nhân nhiệt bệnh trừ dã thân đắc tịch tĩnh. giải thoát diệt nhĩ thân đắc tịch tĩnh. thân đắc tịch tĩnh tức chân giải thoát.

Thí như người có bệnh nóng mà bệnh được thuyên giảm thì thân được lặng yên. Giải

thoát cũng vậy, thân được lặng yên. Thân được lặng yên tức là Chân giải thoát,

真解脫者即是如來。又解脫者即是平等。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả tức thị bình đẳng.

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy tức là Bình đẳng.

譬如野田毒蛇鼠狼俱有殺心。

thí như dã điền độc xà thử lang câu hữu sát tâm.

Thí như nơi đồng ruộng, rắn độc, chuột, chó sói, đều có tâm giết hại lẫn nhau.

解脫不爾無有殺心。無殺心者即真解脫。

giải thoát bất nhĩ vô hữu sát tâm. vô sát tâm giả tức chân giải thoát.

Giải thoát không như vậy, không có tâm giết hại. Không có tâm giết hại ấy tức là Chân giải thoát,

真解脫者即是如來又平等者譬如父母等心於子。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai hựu bình đẳng giả thí như phụ mẫu đẳng tâm ư tử.

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, bình đẳng ấy thí như tâm cha mẹ bình đẳng đối với con cái.

解脫亦爾其心平等。心平等者即真解脫。

giải thoát diệc nhĩ kỳ tâm bình đẳng。 tâm bình đẳng giả tức chân giải thoát。

Giải thoát cũng vậy, tâm bình đẳng. Tâm bình đẳng ấy tức là Chân giải thoát, 真解脫者即是如來。又解脫者名無異處。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai。 hựu giải thoát giả danh vô dị xứ。

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy tên là Vô dị xứ。

譬如有人唯居上妙清淨屋宅更無異處。

thí như hữu nhân duy cư thượng diệu thanh tịnh ốc trạch canh vô dị xứ。

Thí như có người chỉ sống ở nhà tốt đẹp thanh tịnh, không còn ở chỗ nào khác。

解脫亦爾無有異處。無異處者即真解脫。真解脫者即是如來。

giải thoát diệc nhĩ vô hữu dị xứ。 vô dị xứ giả tức chân giải thoát。 chân giải thoát giả tức thị Như Lai。

Giải thoát cũng vậy, không có ở chỗ nào khác. Không ở chỗ nào khác tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai。

又解脫者名曰知足。

hựu giải thoát giả danh viết tri túc。

Lại nữa, giải thoát còn gọi là Tri túc。

譬如飢人值遇甘饌食之無厭。解脫不爾如食乳糜更無所須。

thí như cơ nhân trị ngộ cam soạn thực chi vô yếm。 giải thoát bất nhĩ như thực nhũ mi canh vô sở tu。

Thí như người đói khát gặp cỗ ngon ăn hoài không chán. Giải thoát không vậy, như ăn cháo sữa còn không cần。

更無所須喻真解脫。真解脫者即是如來。

canh vô sở tu dụ chân giải thoát。 chân giải thoát giả tức thị Như Lai。

Chỗ không cần ấy dụ cho Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai。

又解脫者名曰斷絕。如人被縛斷縛得脫。

hựu giải thoát giả danh viết đoạn tuyệt。 như nhân bị phược đoạn phược đắc thoát。

Lại nữa, giải thoát còn gọi là Đoạn tuyệt. Như người bị trói, cắt đứt trói buộc mà được giải thoát。

解脫亦爾斷絕一切疑心結縛。如是斷疑即真解脫。

giải thoát diệt nhĩ đoạn tuyệt nhất thiết nghi tâm kết phược. như thị đoạn nghi tức chân giải thoát.

Giải thoát cũng vậy, cắt đứt hết tất cả tâm nghi ngờ trói buộc, cắt đứt nghi ngờ như vậy tức là Chân giải thoát,

真解脫者即是如來。又解脫者名到彼岸。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh đáo bỉ ngạn.

Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát còn gọi là Đáo bỉ ngạn.

譬如大河有此彼岸。

thí như Đại hà hữu thử bỉ ngạn。

Thí như sông lớn có bờ này bờ kia.

解脫不爾雖無此岸而有彼岸。有彼岸者即真解脫。

giải thoát bất nhĩ tuy vô thử ngạn nhi hữu bỉ ngạn. hữu bỉ ngạn giả tức chân giải thoát.

Giải thoát không phải vậy, tuy không có bờ này mà có bờ kia. Có bờ kia tức là Chân giải thoát,

真解脫者即是如來。又解脫者名曰默然。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh viết mặc nhiên.

Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát còn gọi là Mặc nhiên.

譬如大海其水沆漲多諸音聲。解脫不爾如是解脫即是如來。

thí như Đại hải kỳ thủy hăng 漲 đa chư âm thanh. giải thoát bất nhĩ như thị giải thoát tức thị Như Lai.

Thí như biển lớn, nước sâu mênh mông có nhiều âm thanh, giải thoát không phải vậy, giải thoát như vậy tức là Như Lai.

又解脫者名曰美妙。

hựu giải thoát giả danh viết mỹ diệu。

Lại nữa, giải thoát gọi là Mỹ diệu.

譬如眾藥雜呵梨勒其味則苦。解脫不爾味如甘露。

thí như chúng dược tạp ha lê lạc kỳ vị tắc khổ. giải thoát bất nhĩ vị như cam lộ.

Thí như các loại thuốc lẫn lộn với Ha-lê-lạc (tên một loài cây thuốc) thì có vị đắng. Giải thoát không có vị đắng mà có vị như Cam Lộ.

味如甘露喻真解脫。真解脫者即是如來。

vị như cam lộ dụ chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Vị như Cam Lộ dụ cho Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

又解脫者除諸煩惱。譬如良醫和合諸藥善療眾病。

hựu giải thoát giả trừ chư phiền não. thí như lương y hòa hợp chư dược thiện liệu chúng bệnh.

Lại nữa, giải thoát là trừ các phiền não. Thí như vị lương y hòa trộn các loại thuốc hay để chữa các bệnh.

解脫亦爾能除煩惱。除煩惱者即真解脫。

giải thoát diệt nhĩ năng trừ phiền não. trừ phiền não giả tức chân giải thoát.

Giải thoát cũng vậy, có thể trừ phiền não, trừ phiền não tức là Chân giải thoát, 真解脫者即是如來。又解脫者名曰無迺。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh viết vô sách.

Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát còn gọi là Vô sách.

譬如小舍不容多人。解脫不爾多所容受。

thí như tiểu xá bất dung đa nhân. giải thoát bất nhĩ đa sở dung thọ.

Thí như nhà nhỏ không thể dung chứa được nhiều người, giải thoát không phải vậy, là chỗ dung chứa được nhiều người.

多所容受即真解脫。真解脫者即是如來。

đa sở dung thọ tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Chỗ dung chứa được nhiều người tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

又解脫者名滅諸愛不雜婬欲。譬如女人多諸愛欲。

hựu giải thoát giả danh diệt chư ái bất tạp dâm dục. thí như nữ nhân đa chư ái dục.

Lại nữa, giải thoát còn gọi là Diệt chư ái, không nhiều dâm dục. Thí như người nữ nhiều ái dục,

解脫不爾如是解脫即是如來。

giải thoát bất nhĩ như thị giải thoát tức thị Như Lai.

giải thoát không phải vậy, giải thoát như vậy tức là Như Lai.

如來如是無有貪欲瞋恚愚癡憍慢等結。又解脫者名曰無愛。

Như Lai như thị vô hữu tham dục sân khúế ngu si kiêu mạn đẳng kết. hựu giải thoát giả danh viết vô ái.

Như vậy Như Lai không có tham dục, sân giận, ngu si, kiêu mạn.v.v. trói buộc. Lại nữa, giải thoát còn gọi là Vô ái.

愛有二種。一者餓鬼愛。二者法愛。

ái hữu nhị chủng。 nhất giả ngã quý ái。 nhị giả Pháp ái。

Ác có hai loại: Một là ái ngã quý, hai là ái pháp.

真解脫者離餓鬼愛。憐愍眾生故有法愛。

chân giải thoát giả ly ngã quý ái。 liên mẫn chúng sanh cố hữu Pháp ái。

Chân giải thoát xa lìa ái ngã quý, vì thương yêu chúng sanh nên ái pháp.

如是法愛即真解脫。真解脫者即是如來。

như thị Pháp ái tức chân giải thoát。 chân giải thoát giả tức thị Như Lai。

Ái pháp như vậy tức là Chân giải thoát。 Chân giải thoát tức là Như Lai。

又解脫者離我我所。如是解脫即是如來。

hựu giải thoát giả ly ngã ngã sở。 như thị giải thoát tức thị Như Lai。

Lại nữa, giải thoát xa lìa ngã, ngã sở。 Giải thoát như vậy tức là Như Lai。

如來者即是法也。又解脫者即是滅盡離諸有貪。

Như Lai giả tức thị Pháp dã。 hựu giải thoát giả tức thị diệt tận ly chư hữu tham。

Như Lai ấy tức là Pháp。 Lại nữa, giải thoát tức là diệt hết không còn có các tham。

如是解脫即是如來。如來者即是法也。

như thị giải thoát tức thị Như Lai。 Như-Lai giả tức thị Pháp dã。

Giải thoát như vậy tức là Như Lai。 Như Lai tức là Pháp。

又解脫者即是救護。能救一切諸怖畏者。

hựu giải thoát giả tức thị cứu hộ。 năng cứu nhất thiết chư bố úy giả。

Lại nữa, giải thoát ấy tức là Cứu hộ, có thể cứu hộ hết thảy các sợ hãi。

如是解脫即是如來。如來者即是法也。

như thị giải thoát tức thị Như Lai。 Như Lai giả tức thị Pháp dã。

Giải thoát như vậy tức là Như Lai。 Như Lai tức là Pháp vậy。

又解脫者即是歸處。若有歸依如是解脫不求餘依。

hựu giải thoát giả tức thị quy xứ。 nhược hữu quy y như thị giải thoát bất cầu dư y。

Lại nữa, giải thoát tức là Quy xứ。 Nếu giải thoát có quy y như vậy là không cầu y nơi nào khác。

譬如有人依恃於王不求餘依。雖復依王則有動轉。

thí như hữu nhân y thị ư Vương bất cầu dư y. tuy phục y Vương tắc hữu động chuyển。
Thí như người có nương tựa vào Vua, không cầu nương tựa vào nơi nào khác, tuy nương
tựa vua nhưng có chuyển động,

依解脫者無有動轉。無動轉者即真解脫。

y giải thoát giả vô hữu động chuyển. vô động chuyển giả tức chân giải thoát.

Y giải thoát ấy không có chuyển động, không chuyển động tức là Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。如來者即是法也。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. Như Lai giả tức thị Pháp dã.

Chân giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tức là Pháp vậy.

又解脫者名為屋宅。譬如有人行於曠野則有險難。

hựu giải thoát giả danh vi ốc trạch. thí như hữu nhân hành ư khoáng dã tắc hữu hiểm
nan.

Lại nữa, giải thoát còn gọi là Ốc trạch. Thí như người đi vào đồng trống sẽ gặp những nạn
nguy hiểm.

解脫不爾無有險難。無險難者即真解脫。

giải thoát bất nhĩ vô hữu hiểm nan. vô hiểm nan giả tức chân giải thoát.

Giải thoát không phải vậy, không có nguy hiểm. Không có nguy hiểm tức là Chân giải
thoát.

真解脫者即是如來。又解脫者是無所畏。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả thị vô sở úy.

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy là Vô sở úy.

如師子王於諸百獸不生怖畏。

như Sư-tử Vương ư chư bách thú bất sanh bố úy.

Như vua sư tử ở trong trăm thú không sanh sợ hãi.

解脫亦爾於諸魔眾不生怖畏。無怖畏者即真解脫。

giải thoát diệc nhĩ ư chư ma chúng bất sanh bố úy. vô bố úy giả tức chân giải thoát.

Giải thoát cũng vậy, đối với các ma không sanh sợ hãi. Không sanh sợ hãi ấy tức là Chân
giải thoát.

真解脫者即是如來。又解脫者無有迮狹。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả vô hữu sách hiệp.

Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát tức là không có chèn ép, hẹp hòi.

譬如隘路乃至不受二人並行。

thí như ải lộ nãi chí bất thọ nhị nhân tịnh hành。

Thí như đường hiểm trở đến nỗi không đủ hai người cùng đi một lần.

解脫不爾如是解脫即是如來。又有不迺譬如有人畏虎墮井。

giải thoát bất nhĩ như thị giải thoát tức thị Như Lai。hựu hữu bất sách thí như hữu nhân úy hổ đọa tỉnh。

Giải thoát không như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại không bị chèn ép, thí như người có sợ hãi mà rơi xuống giếng.

解脫不爾如是解脫即是如來。

giải thoát bất nhĩ như thị giải thoát tức thị Như Lai。

Giải thoát không phải vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

又有不迺如大海中捨壞小船得堅牢船。

hựu hữu bất sách như Đại hải trung xả hoại tiểu thuyền đắc kiên lao thuyền。

Lại không bị áp lực như trong biển lớn, xả bỏ chiếc thuyền nhỏ mà được chiếc thuyền bền chắc,

乘之度海到安隱處心得快樂。解脫亦爾心得快樂。

thừa chi độ hải đáo an ổn xử tâm đắc khoái lạc。giải thoát diệc nhĩ tâm đắc khoái lạc。

nương vào thuyền chắc ấy mà vượt qua đến chỗ an ổn, tâm được an vui. Giải thoát cũng vậy, tâm được an vui,

得快樂者即真解脫。真解脫者即是如來。

đắc khoái lạc giả tức chân giải thoát。chân giải thoát giả tức thị Như Lai。

được an vui tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

又解脫者拔諸因緣。譬如因乳得酪因酪得酥因酥得醍醐。

hựu giải thoát giả bạt chư nhân duyên。thí như nhân nhũ đắc lạc nhân lạc đắc tô nhân tô đắc thể hồ。

Lại nữa, giải thoát nhổ các nhân duyên. Thí như nhân nơi sữa mà được váng sữa, nhân váng sữa mà được sữa đặc, nhân sữa đặc mà được sữa đông đặc.

真解脫中都無是因。無是因者即真解脫。

chân giải thoát trung đô vô thị nhân。vô thị nhân giả tức chân giải thoát。

Trong giải thoát đều không có nhân duyên đó, không có nhân duyên đó tức là Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。又解脫者能伏憍慢。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả năng phục kiêu mạn.

Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy có thể hàng phục kiêu mạn.

譬如大王慢於小王。解脫不爾如是解脫即是如來。

thí như Đại Vương mạn ư Tiểu Vương. giải thoát bất nhĩ như thị giải thoát tức thị Như Lai.

Thí như vua lớn kiêu mạn đối với vua nhỏ, giải thoát không phải vậy. Giải thoát ấy tức là Như Lai.

如來者即是法也。又解脫者伏諸放逸。

Như Lai giả tức thị Pháp dã. hựu giải thoát giả phục chư phóng dật.

Như Lai tức là Pháp vậy. Lại nữa, giải thoát là hàng phục các phóng dật.

謂放逸者多有貪欲。真解脫中無有是名。

vị phóng dật giả đa hữu tham dục. chân giải thoát trung vô hữu thị danh.

Phóng dật có nghĩa là có nhiều tham dục, trong Chân giải thoát không có tên gọi đó, 無是名者即真解脫。真解脫者即是如來。

vô thị danh giả tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

không có danh từ đó tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

又解脫者能除無明。如上妙酥除諸滓穢乃名醍醐。

hựu giải thoát giả năng trừ vô minh. như thượng diệu tô trừ chư chỉ uế nãi danh thể hồ.

Lại nữa, giải thoát có thể trừ Vô minh. Như rượu thượng diệu, bỏ hết các cặn như bèn gọi là rượu đồ.

解脫亦爾除無明滓生於真明。

giải thoát diệt nhĩ trừ vô minh chỉ sanh ư chân minh.

Giải thoát cũng vậy, trừ cặn vô minh sanh Chân minh.

如是真明即真解脫。真解脫者即是如來。

như thị chân minh tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Chân minh như vậy tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát ấy tức là Như Lai.

又解脫者名為寂靜純一無二。如空野象獨一無侶。

hựu giải thoát giả danh vi tịch tĩnh thuần nhất vô nhị. như không dã tượng độc nhất vô lưỡng.

Lại nữa, giải thoát còn gọi là Tịch tĩnh thuần nhất vô nhị. Như con voi đứng riêng một mình giữa đồng trống, không một bạn cùng.

解脫亦爾獨一無二。獨一無二即真解脫。

giải thoát diệc nhĩ độc nhất vô nhị. độc nhất vô nhị tức chân giải thoát.

Giải thoát cũng vậy, độc nhất không hai, độc nhất không hai tức là Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Chân giải thoát tức là Như Lai.

又解脫者名為堅實如竹葦麻莖幹空虛而子堅實。

hựu giải thoát giả danh vi kiên thật như trúc vi bề ma hành cán không hư nhi tử kiên thật.

Giải thoát còn gọi là Kiên thật. Như cây trúc, cỏ lau, cây thầu dầu, gốc cây cỏ, không hư mà giống chắc thật,

除佛如來其餘人天皆不堅實。真解脫者遠離一切諸有流等。

trừ Phật như lai kỳ dư nhân Thiên giai bất kiên thật. chân giải thoát giả viễn li nhất thiết chư hữu lưu đẳng.

ngoài Như Lai ra, còn trời người và hết thầy đều không bền thật. Chân giải thoát là xa lìa hết thầy những gì có lưu chuyển.

如是解脫即是如來。又解脫者名能覺了增益於我。

như thị giải thoát tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh năng giác liễu tăng ích ư ngã.

Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát còn gọi là Năng giác liễu, hay hiểu biết rõ ràng về ngã.

真解脫者亦復如是。如是解脫即是如來。

chân giải thoát giả diệc phục như thị. như thị giải thoát tức thị Như Lai.

Chân giải thoát cũng lại như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

又解脫者名捨諸有。譬如有人食已而吐。

hựu giải thoát giả danh xả chư hữu. thí như hữu nhân thực dĩ nhi thổ.

Lại nữa, giải thoát còn gọi là là Xả chư hữu. Thí như có người ăn vào rồi mà nhổ ra,

解脫亦爾捨於諸有。捨諸有者即真解脫。

giải thoát diệc nhĩ xả ư chư hữu. xả chư hữu giả tức chân giải thoát.

giải thoát cũng vậy, xả bỏ các hữu, xả bỏ các hữu ấy tức là Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。又解脫者名曰決定。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh viết quyết định.

Chân giải thoát ấy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát còn gọi là Quyết định.

如婆師花香七葉中無。解脫亦爾如是解脫即是如來。

như bà sư hoa hương thất diệp trung vô. giải thoát diệp nhĩ như thị giải thoát tức thị Như Lai.

Như trong hoa Bà-sư bảy lá không có mùi, giải thoát cũng vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

又解脫者名曰水大。

hựu giải thoát giả danh viết thủy đại.

Lại nữa, giải thoát còn gọi là Thủy đại.

譬如水大於諸大勝能潤一切草木穀子。

thí như thủy Đại ư chư Đại thắng năng nhuận nhất thiết thảo mộc cốc tử.

Thí như thủy đại hơn các đại khác, có thể thấm nhuận hết thân cỏ cây lúa má.

解脫亦爾能潤一切有生之類。如是解脫即是如來。又解脫者名曰為入。

giải thoát diệp nhĩ năng nhuận nhất thiết hữu sanh chi loại. như thị giải thoát tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh viết vi nhập.

Giải thoát cũng vậy, có thể nhuận thấm hết thân các loại có sanh trưởng. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát còn gọi là Vi nhập.

如有門戶則通入路金性之處金則可得。

như hữu môn hộ tắc thông nhập lộ kim tánh chi xứ kim tắc khả đắc.

Như cửa có cánh mở thì ra vào thông suốt, chỗ đường bằng vàng, vàng có thể vào được.

解脫亦爾如彼門戶修無我者則得入中。

giải thoát diệp nhĩ như bỉ môn hộ tu vô ngã giả tắc đắc nhập trung.

Giải thoát cũng vậy, như cửa ngõ kia, người tu xả vô ngã thì mới vào trong được,

如是解脫即是如來。又解脫者名曰為善。

như thị giải thoát tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh viết vi thiện.

giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát còn gọi là Vi thiện.

譬如弟子隨逐於師善奉教勅得名為善。

thí như đệ tử tùy trục ư sư thiện phụng giáo sắc đắc danh vi thiện.

Thí như đệ tử tùy theo những điều hay lẽ phải của Thầy mà tuân theo giáo chỉ được gọi là làm lành.

解脫亦爾如是解脫即是如來。又解脫者名出世法。

giải thoát diệc nhĩ như thị giải thoát tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh xuất thế Pháp.

Giải thoát cũng vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát còn gọi là Xuất thế pháp.

於一切法最為出過。如眾味中酥乳最勝。

ư nhất thiết Pháp tối vi xuất quá. như chúng vị trung tô nhũ tối thắng.

Đối với hết thảy pháp là trên hết, là siêu xuất, như trong các vị thì sữa đặc là hơn hết, giải脫亦爾如是解脫即是如來。

giải thoát diệc nhĩ như thị giải thoát tức thị Như Lai.

giải thoát cũng vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

又解脫者名曰不動。譬如門闔風不能動。真解脫者亦復如是。

hựu giải thoát giả danh viết bất động. thí như môn khố phong bất năng động. chân giải thoát giả diệc phục như thị。

Lại nữa, giải thoát còn gọi là Bất động. Thí như cửa cài then lại thì gió không thể động được. Chân giải thoát cũng lại như vậy.

如是解脫即是如來。又解脫者名無濤波。

như thị giải thoát tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh vô đào ba.

Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát còn gọi là Vô đào ba.

如彼大海其水濤波。

như bỉ Đại hải kỳ thủy đào ba。

Như nước biển lớn kia nước có sóng to nhỏ.

解脫不爾如是解脫即是如來。又解脫者譬如宮殿。

giải thoát bất nhĩ như thị giải thoát tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả thí như cung điện。

Giải thoát không phải vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Lại giải thoát ấy thí như cung điện,

解脫亦爾當知解脫即是如來。又解脫者名曰所用。

giải thoát diệc nhĩ đương tri giải thoát tức thị Như Lai. hựu giải thoát giả danh viết sở dụng。

giải thoát cũng vậy, nên biết giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát ấy tên là Sở dụng.

如閻浮檀金多有所任。無有能說是金過惡。

như Diêm-phù-đàn kim đa hữu sở nhâm。 vô hữu năng thuyết thị kim quá ác。

Như vàng Diêm-phù-đàn có nhiều chỗ dụng, không thể nói vàng đó là xấu ác。

解脫亦爾無有過惡。無有過惡即真解脫。

giải thoát diệc nhĩ vô hữu quá ác。 vô hữu quá ác tức chân giải thoát。

Giải thoát cũng vậy, không có xấu ác, không có xấu ác tức là Chân giải thoát。

真解脫者即是如來。又解脫者捨嬰兒行。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai。 hựu giải thoát giả xả anh nhi hành。

Chân giải thoát tức là Như Lai。 Lại nữa, giải thoát còn gọi là Xả anh nhi hành。

譬如大人捨小兒行。解脫亦爾除捨五陰。

thí như Đại nhân xả tiểu nhi hành。 giải thoát diệc nhĩ trừ xả ngũ uẩn。

Thí như người lớn bỏ trẻ con mà đi, giải thoát cũng vậy, trừ bỏ năm ấm,

除捨五陰即真解脫。真解脫者即是如來。又解脫者名曰究竟。

trừ xả ngũ uẩn tức chân giải thoát。 chân giải thoát giả tức thị Như Lai。 hựu giải thoát giả danh viết cứu cánh。

trừ bỏ năm ấm tức là Chân giải thoát。 Chân giải thoát tức là Như Lai。 Lại nữa, giải thoát còn gọi là Cứu cánh。

如被繫者從繫得脫洗浴清淨然後還家。

như bị hệ giả tòng hệ đắc thoát tẩy dục thanh tịnh nhiên hậu hoàn gia。

Như người bị trói, từ chỗ bị trói mà thoát ra được rồi tắm rửa sạch sẽ, sau đó trở về nhà。

解脫亦爾畢竟清淨。畢竟清淨即真解脫。

giải thoát diệc nhĩ tất cánh thanh tịnh。 tất cánh thanh tịnh tức chân giải thoát。

Giải thoát cũng vậy, hoàn toàn sạch sẽ, hoàn toàn sạch sẽ tức là Chân giải thoát。

真解脫者即是如來。又解脫者名無作樂。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai。 hựu giải thoát giả danh vô tác lạc。

Chân giải thoát tức là Như Lai。 Lại nữa, giải thoát còn gọi là Vô tác lạc

無作樂者貪欲瞋恚愚癡吐故。

vô tác lạc giả tham dục sân khuể ngu si thổ cố。

Vô tác lạc là vì tham dục, sân giận, ngu si nên thổ ra。

喻如有人誤飲蛇毒為除毒故即服吐藥。

dụ như hữu nhân ngộ ẩm xà độc vi trừ độc cố tức phục thổ dược。

Thí dụ như có người uống nhầm rượu rắn độc, vì để trừ độc nên liền uống thuốc thổ ra,
既得吐已毒即除愈身得安樂。

ký đắc thổ dĩ độc tức trừ dĩ thân đắc an lạc。

đã thổ ra rồi độc liền hết, thân được an lạc.

解脫亦爾吐於煩惱諸結縛毒身得安樂名無作樂。無作樂者即真解脫。

giải thoát diệc nhĩ thổ ư phiền não chư kết phược độc thân đắc an lạc danh vô tác lạc。 vô tác lạc giả tức chân giải thoát。

Giải thoát cũng vậy, thổ ra các độc hại phiền não trói buộc, thân được an lạc nên gọi là Vô tác lạc. Vô tác lạc tức là Chân giải thoát,

真解脫者即是如來。又解脫者名斷四種毒蛇煩惱。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai。 hựu giải thoát giả danh đoạn tứ chủng độc xà phiền não。

Chân giải thoát tức là Như Lai. Lại nữa, giải thoát còn gọi là Đoạn tứ chủng độc xà phiền não。

斷煩惱者即真解脫。真解脫者即是如來。

đoạn phiền não giả tức chân giải thoát。 chân giải thoát giả tức thị Như Lai。

Đoạn phiền não tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai。

又解脫者名離諸有。滅一切苦得一切樂。

hựu giải thoát giả danh ly chư hữu。 diệt nhất thiết khổ đắc nhất thiết lạc。

Lại nữa, giải thoát còn gọi là Ly chư hữu, diệt hết thủy khổ, được hết thủy lạc,

永斷貪欲瞋恚愚癡。拔斷一切煩惱根本。

vĩnh đoạn tham dục sân khuể ngu si。 bạt đoạn nhất thiết phiền não căn bản。

vĩnh viễn đoạn trừ tham dục, sân giận, ngu si, nhổ sạch hết thủy gốc rễ của phiền não,
拔根本者即真解脫。真解脫者即是如來。

bạt căn bản giả tức chân giải thoát。 chân giải thoát giả tức thị Như Lai。

nhổ gốc rễ tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai。

又解脫者名斷一切有為之法。出生一切無漏善法。

hựu giải thoát giả danh đoạn nhất thiết hữu vi chi Pháp。 xuất sanh nhất thiết vô lậu thiện Pháp。

Lại nữa, giải thoát còn gọi là Đoạn hết thủy pháp hữu vi, xuất ra hết thủy pháp lành vô lậu。

斷塞諸道所謂若我無我非我非無我。

đoạn tắc chư đạo sở vị nhược ngã vô ngã phi ngã phi vô ngã。
chặt đứt lấp kín các đường đó là hoặc ngã-Ta vô ngã phi ngã-Ta phi vô ngã。
Chỗ đoạn trừ, lấp kín các đường đó là hoặc ngã, vô ngã, phi ngã, phi vô ngã
唯斷取著不斷我見。我見者名為佛性。佛性者即真解脫。
duy đoạn thủ trừ bất đoạn ngã kiến。ngã kiến giả danh vi Phật tánh。Phật tánh giả tức
chân giải thoát。
mà chỉ đoạn trừ chấp trước, không đoạn ngã kiến。Ngã kiến ấy gọi là Phật tánh, Phật tánh
tức là Chân giải thoát。
真解脫者即是如來。又解脫者名不空空。
chân giải thoát giả tức thị Như Lai。hựu giải thoát giả danh bất không không。
Chân giải thoát tức là Như Lai。Lại nữa, giải thoát còn gọi là Bất không không。
空空者名無所有。
không không giả danh vô sở hữu。
Không không ấy là vô sở hữu。
無所有者即是外道尼犍子等所計解脫。而是尼犍實無解脫故名空空。
vô sở hữu giả tức thị ngoại đạo ni kiền tử đẳng sở kế giải thoát。nhi thị ni kiền thật vô giải
thoát cố danh không không。
Vô sở hữu tức là chỗ ngoại đạo, Ni-kiền-tử v.v... cho là giải thoát, mà Ni-kiền-tử không
thật giải thoát nên gọi là không không。
真解脫者則不如是故不空空。
chân giải thoát giả tắc bất như thị cố bất không không。
Chân giải thoát thì không như vậy nên Bất không không。
不空空者即真解脫。真解脫者即是如來。
bất không không giả tức chân giải thoát。chân giải thoát giả tức thị Như Lai。
Bất không không tức là Chân giải thoát。Chân giải thoát tức là Như Lai。
又解脫者名空不空。如水酒酪酥蜜等瓶。
hựu giải thoát giả danh không bất không。như thủy tửu lạc tô mật đẳng 瓶。
Lại nữa, giải thoát còn gọi là Không bất không。Như các bình đựng nước, rượu, váng sữa,
sữa đặc, mật ong v.v...
雖無水酒酪酥蜜時。猶故得名為水等瓶。
tuy vô thủy tửu lạc tô mật thời。do cố đắc danh vi thủy đẳng bình。

dầu khi không có nước, rượu, váng sữa, sữa đặc, do vậy vẫn được gọi là các bình nước, 而是瓶等不可說空及以不空。若言空者則不得有色香味觸。

nhi thị bình đẳng bất khả thuyết không cập dĩ bất không。nhược ngôn không giả tắc bất đắc hữu sắc hương vị xúc。

mà các bình ấy không thể nói không và Bất không. Nếu nói không thì không được có sắc, hương, vị, xúc.

若言不空而復無有水酒等實解脫亦爾不可

nhược ngôn bất không nhi phục vô hữu thủy tửu đẳng thật giải thoát diệc nhĩ bất khả

Nếu nói Bất không mà lại có thật nước, rượu .v.v. Giải thoát cũng vậy, không thể 說色及以非色。不可說空及以不空。

thuyết sắc cập dĩ phi sắc。bất khả thuyết không cập dĩ ất không。

nói sắc và phi sắc, không thể nói không và Bất không.

若言空者則不得有常樂我淨。

nhược ngôn không giả tắc bất đắc hữu thường lạc ngã tịnh。

Nếu nói không thì không được có thường, lạc, ngã, tịnh.

若言不空誰受是常樂我淨者。以是義故不可說空及以不空。

nhược ngôn bất không thùy thọ thị thường lạc ngã tịnh giả。dĩ thị nghĩa cố bất khả thuyết không cập dĩ ất không。

Nếu nói Bất không thì ai thọ thường, lạc, ngã, tịnh ấy? Do nghĩa đó nên không thể nói không và bất không.

空者謂無二十五有及諸煩惱。

không giả vị vô nhị thập ngũ hữu cập chư phiền não。

Không là không có Hai mươi lăm hữu và các phiền não,

一切苦一切相一切有為行。如瓶無酪則名為空。不空者。

nhất thiết khổ nhất thiết tướng nhất thiết hữu vi hạnh。Như bình vô lạc tắc danh vi không。bất không giả。

hết thủy khổ, hết thủy tướng, hết thủy hạnh hữu vi. Như bình không có váng sữa thì gọi là không. Bất không ấy

謂真實善色常樂我淨不動不變。

vị chân thật thiện sắc thường lạc ngã tịnh bất động bất biến。

là sắc thái chân thật, tốt lành của thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng động, chẳng thay đổi.

猶如彼瓶色香味觸故名不空。是故解脫喻如彼瓶。

do như bĩ bình sắc hương vị xúc cố danh bất không. thị cố giải thoát dụ như bĩ bình.

Giống như sắc, hương, vị của bình kia nên gọi là Bất không. Vì vậy, giải thoát dụ như cái bình kia,

彼瓶遇緣則有破壞。解脫不爾不可破壞。

bĩ bình ngộ duyên tắc hữu phá hoại. giải thoát bất nhĩ bất khả phá hoại.

bình kia gặp duyên thì có sự hư hoại. Giải thoát không phải vậy, không thể phá hoại, không phá hoại tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

又解脫者名曰離愛。

又解脫者名曰離愛。

又解脫者名曰離愛。

hựu giải thoát giả danh viết ly ái.

Lại nữa, giải thoát còn gọi là Ly ái.

譬如有人愛心悵望釋提桓因大梵天王自在天王。

thí như hữu nhân ái tâm hi vọng thích đề hoàn nhân Đại Phạm Thiên Vương Tự Tại Thiên Vương.

Thí như người có ái tâm mong cầu đến quả Thích Đề Hoàn Nhân, vua Trời Đại Phạm, Vua Trời Tự Tại.

解脫不爾若得成於阿耨多羅三藐三菩提已無愛無疑。

giải thoát bất nhĩ nhược đắc thành ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dĩ vô ái vô nghi.

Giải thoát không phải vậy, nếu chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác rồi không còn ái, không còn nghi ngờ.

無愛無疑即真解脫。真解脫者即是如來。

vô ái vô nghi tức chân giải thoát. chân giải thoát giả tức thị Như Lai.

Không ái không nghi

Vô ái vô nghi tức là Chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như Lai.

若言解脫有愛疑者無有是處。又解脫者斷諸有貪。

nhược ngôn giải thoát hữu ái nghi giả vô hữu thị xử. hựu giải thoát giả đoạn chư hữu tham.

Nếu nói giải thoát mà có ái có nghi thì không có sự việc đó. Lại nữa, giải thoát là đoạn các tham đắm,

斷一切相一切繫縛一切煩惱一切生死一切因緣一

đoạn nhất thiết tướng nhất thiết hệ phược nhất thiết phiền não nhất thiết sanh tử nhất thiết nhân duyên nhất

đoạn hết thảy tướng, hết thảy trói buộc, hết thảy phiền não, hết thảy sanh tử, hết thảy nhân duyên,

切果報。如是解脫即是如來。如來即是涅槃。

thiết quả báo。 như thị giải thoát tức thị Như Lai。 Như Lai tức thị Niết-bàn。

hết thảy quả báo。 Giải thoát như vậy tức là Như Lai。 Như Lai tức là Niết-bàn。

一切眾生怖畏生死諸煩惱故受三歸。

nhất thiết chúng sanh bố úy sanh tử chư phiền não cố cố thọ tam quy。

Hết thảy chúng sanh đều sợ hãi sanh tử và các phiền não vì vậy nên thọ Tam quy。

譬如群鹿怖畏獵師。

thí như quần lộc bố úy liệt sư。

Thí như bầy hươu sợ người thợ săn。

既得免離若得一跳則喻一歸。如是三跳則喻三歸。

ký đắc miễn ly nhược đắc nhất khiêu tặc dụ nhất quy。 như thị tam khiêu tặc dụ tam quy。

Nó đã được thoát thân nếu nhảy được một nhảy dụ cho Nhất quy y, như vậy nhảy ba nhảy dụ cho Tam quy y,

以三跳故得受安樂。眾生亦爾怖畏四魔惡獵師故受三歸依。

dĩ tam khiêu cố đắc thọ an lạc。 chúng sanh diệc nhĩ bố úy tứ ma ác liệt sư cố thọ tam quy y。

do nhảy ba nhảy nên được an lạc。 Chúng sanh cũng vậy, lo sợ thợ săn bốn ma xấu ác vì vậy mà thọ Tam quy y。

三歸依故則得安樂。受安樂者即真解脫。

tam quy y cố đắc an lạc。 thọ an lạc giả tức chân giải thoát。

Vì quay về nương tựa ba ngôi Tam Bảo nên được an lạc, được an lạc ấy tức Chân giải thoát。

真解脫者即是如來。如來者即是涅槃。

chân giải thoát giả tức thị Như-Lai。 Như-Lai giả tức thị Niết-Bàn。

Chân giải thoát tức là Như Lai。 Như Lai tức là Niết-bàn。

涅槃者即是無盡。無盡者即是佛性。

Niết-Bàn giả tức thị vô tận. vô tận giả tức thị Phật tánh.

Niết-bàn tức là Vô tận. Vô tận ấy là Phật tánh.

佛性者即是決定。決定者即是阿耨多羅三藐三菩提。

Phật tánh giả tức thị quyết định. quyết định giả tức thị a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề.

Phật tánh tức là Quyết định. Quyết định ấy tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

若涅槃佛性決定如來是一義者。云何說言有三歸依。佛告迦葉。

nhược Niết-bàn Phật tánh quyết định Như Lai thị nhất nghĩa giả. vân hà thuyết ngôn hữu tam quy y. Phật cáo Ca-diếp.

nếu Niết-bàn, Phật tánh, Quyết định, Như Lai ấy là một nghĩa, vì sao nói rằng có Tam quy y? Phật dạy Ca-diếp:

善男子。一切眾生怖畏生死故求三歸。

Thiện nam tử. nhất thiết chúng sanh bố úy sanh tử cố cầu tam quy.

Này Thiện nam tử! Hết thấy chúng sanh sợ hãi sanh tử nên cầu Tam quy,

以三歸故則知佛性決定涅槃。善男子。有法名一義異。

dĩ tam quy cố tắc tri Phật tánh quyết định Niết-bàn. Thiện nam tử. hữu Pháp danh nhất nghĩa dị.

nhờ Tam quy nên biết Phật tánh, Quyết định, Niết-bàn. Này Thiện nam tử! Có pháp cùng một tên mà khác nghĩa.

有法名義俱異。名一義異者。

hữu Pháp danh nghĩa câu dị. danh nhất nghĩa dị giả.

Có pháp tên và nghĩa đều khác. Pháp cùng một tên mà khác nghĩa ấy

佛常法常比丘僧常。涅槃虛空皆亦是常。是名名一義異。

Phật thường Pháp thường Tỳ kheo Tăng thường. Niết-bàn hư không giai diệt thị thường. thị danh danh nhất nghĩa dị.

là Phật thường, Pháp thường, Tỳ kheo Tăng thường, Niết-bàn, hư không đều cũng là thường, đó gọi là cùng một tên mà khác nghĩa.

名義俱異者。佛名為覺法名不覺僧名和合。

danh nghĩa câu dị giả. Phật danh vi giác Pháp danh bất giác tăng danh hòa hợp.

Pháp mà tên và nghĩa cùng khác như: Phật gọi là Giác, pháp gọi là Bất giác, Tăng gọi là Hòa hợp.

涅槃名解脫虛空名非善亦名無礙。

Niết-Bàn danh giải thoát hư không danh phi thiện diệt danh vô ngại.

Niết-bàn gọi là giải thoát, hư không gọi là phi thiện, cũng gọi là Vô ngại,

是為名義俱異。善男子。三歸依者亦復如是。

thị vi danh nghĩa câu dị. Thiện nam tử. tam quy y giả diệt phục như thị.

đó là tên và nghĩa cùng khác. Nay Thiện nam tử! Tam quy y ấy cũng lại như vậy.

名義俱異云何為一。是故我告摩訶波闍波提憍曇彌。

danh nghĩa câu dị vân hà vi nhất. thị cố ngã cáo Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiền Đàm Di.

Tên và nghĩa cùng khác làm sao là một được? Vì vậy mà Ta bảo Ma-ha Ba-xà-ba-đề,

Kiền-đàm Di

莫供養我當供養僧。

mạc cung dưỡng ngã đương cung dưỡng Tăng.

chớ có cúng dường Ta mà nên cúng dường Tăng.

若供養僧則得具足供養三歸。摩訶波闍波提即答我言。

nhược cung dưỡng tăng tắc đắc cụ túc cung dưỡng tam quy. Ma ha ba đồ ba đề tức đáp
ngã ngôn.

Nếu cúng dường Tăng thì được cúng dường đầy đủ Tam quy. Ma-ha Ba-xà-ba-đề liền đáp
Ta rằng:

眾僧之中無佛無法。云何說言供養眾僧。

chúng tăng chi trung vô Phật vô Pháp. vân hà thuyết ngôn cung dưỡng chúng tăng.

Trong chúng Tăng không có Phật, không có Pháp, vì sao nói cúng dường chúng Tăng

則得具足供養三歸。我復告言。汝隨我語則供養佛。

tắc đắc cụ túc cung dưỡng tam quy. ngã phục cáo ngôn. nhữ tùy ngã ngữ tắc cung
dưỡng Phật.

thì được cúng dường đầy đủ Tam quy? Ta lại đáp rằng: Người theo lời dạy của Ta thì cúng
dường Phật,

為解脫故即供養法。眾僧受者則供養僧。善男子。

vì giải thoát cố tức cung dưỡng Pháp. chúng tăng thọ giả tắc cung dưỡng tăng. Thiện
nam tử.

vì được giải thoát nên liền cúng dường Pháp, chúng Tăng thọ dụng nên cúng dường Tăng.
Này Thiện nam tử!

是故三歸不得為一。善男子。

thị cố tam quy bất đắc vi nhất。Thiện nam tử。

Vì vậy mà Tam quy không được làm một. Này Thiện nam tử!

如來或時說一為三說三為一。

Như Lai hoặc thời thuyết nhất vi tam thuyết tam vi nhất。

Như Lai hoặc khi nói một làm ba, hoặc khi nói ba làm một。

如是之義諸佛境界非是聲聞緣覺所知。迦葉復言。

như thị chi nghĩa chư Phật cảnh giới phi thị Thanh văn, Duyên giác sở tri。Ca-diếp phục ngôn。

Nghĩa như vậy là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là Thanh văn, Duyên giác biết được。

Ca-diếp lại nói:

如佛所說畢竟安樂名涅槃者是義云何。夫涅槃者捨身捨智。

như Phật sở thuyết tất cánh an lạc danh Niết-bàn giả thị nghĩa vân hà。phu Niết-bàn giả xả thân xả trí。

Như chỗ Phật nói rốt ráo an lạc gọi là Niết-bàn, ý nghĩa thế nào? Niết-bàn ấy là xả thân xả trí。

若捨身智誰當受樂。佛言。善男子。

nhược xả thân trí thùi đương thọ lạc。Phật ngôn。Thiện nam tử。

Nếu xả thân, xả trí thì ai sẽ nhận được niềm vui? Phật dạy: Này Thiện nam tử!

譬如有人食已心悶出外欲吐。既得吐已而復迴還。

thí như hữu nhân thực dĩ tâm muộn xuất ngoại dục thổ。ký đắc thổ dĩ nhi phục hồi hoàn。

Thí như có người ăn rồi, tâm cảm thấy không an, ra ngoài muốn nhổ đi, khi nhổ ra rồi trở lại bình thường。

同伴問之汝今所患竟為差不。而復來還答言。

đồng bạn vấn chi nhữ kim sở hoạn cánh vi sai phủ。nhi phục lai hoàn đáp ngôn。

Chúng bạn hỏi rằng: Chỗ không an của người đã được điều trị chẳng? Người ấy bèn lại đáp rằng:

已差身得安樂。

dĩ sai thân đắc an lạc。

đã được an ổn, thân liền được an lạc.

如來亦爾畢竟遠離二十五有永得涅槃安樂之處。不可動轉無有盡滅。

Như Lai diệt nhĩ tất cánh viễn li nhị thập ngũ hữu vĩnh đắc Niết-bàn an lạc chi xử。 bất khả động chuyển vô hữu tận diệt。

Như Lai cũng vậy, rốt ráo xa lìa Hai mươi lăm hữu, vĩnh viễn đạt đến chỗ Niết-bàn an lạc, không thể thay đổi, không có tận diệt,

斷一切受名無受樂。如是無受名為常樂。

đoạn nhất thiết thọ danh thị cố lạc。 như thị thị cố danh vi thường lạc。

đoạn hết các thọ gọi là Vô lạc thọ. Vô thọ như vậy gọi là Thường Lạc.

若言如來有受樂者無有是處。

nhược ngôn Như-Lai hữu thọ lạc giả vô hữu thị xử。

Nếu nói Như Lai có thọ lạc là không có việc đó.

是故畢竟樂者即是涅槃。涅槃者即真解脫。

thị cố tất cánh lạc giả tức thị Niết-bàn。 Niết-bàn giả tức chân giải thoát。

Vì vậy rốt ráo Lạc tức là Niết-bàn. Niết-bàn tức là Chân giải thoát.

真解脫者即是如來。

chân giải thoát giả tức thị Như Lai。

Chân giải thoát tức là Như Lai.

迦葉復言。不生不滅是解脫耶。

Ca-diếp phục ngôn。 bất sanh bất diệt thị giải thoát da。

Ca-diếp lại nói: Không sanh, không diệt là giải thoát chăng?

如是如是善男子。不生不滅即是解脫。

như thị như thị Thiện nam tử。 bất sanh bất diệt tức thị giải thoát。

Đúng vậy, đúng vậy! Thiện nam tử, bất sanh bất diệt tức là giải thoát.

如是解脫即是如來。迦葉復言。若不生不滅是解脫者。

như thị giải thoát tức thị Như Lai。 Ca-diếp phục ngôn。 nhược bất sanh bất diệt thị giải thoát giả。

Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Ca-diếp lại nói: Nếu bất sanh bất diệt là giải thoát.

虛空之性亦無生滅應是如來。

hư không chi tánh diệc vô sanh diệt ứng thị Như Lai。

Tánh của hư không cũng không sanh diệt nên là Như Lai.

如如來性即是解脫。

như Như Lai tánh tức thị giải thoát.

Như vậy Như Lai tánh tức là giải thoát.

佛告迦葉。善男子。是事不然。世尊。

Phật cáo Ca-diếp. Thiện nam tử. thị sự bất nhiên. Thế tôn.

Phật dạy Ca-diếp: Này Thiện nam tử! Việc đó không phải như vậy. Bạch Thế Tôn!

何故不然。善男子。如迦蘭伽鳥及命命鳥。

hà cố bất nhiên. Thiện nam tử. như ca lan dà điểu cập mạng mạng điểu.

Vì sao không phải? Này Thiện nam tử! Như chim Ca-lan-già và chim Mạng Mạng, 其聲清妙寧可同於烏鵲音不。不也世尊。

kỳ thanh thanh diệu ninh khả đồng ư ô thước âm phủ. bất dã Thế tôn.

tiếng của nó trong trẻo, êm diệu có thể đồng với tiếng của chim ô-thước chăng? Dạ thưa không, bạch Thế Tôn.

烏鵲之聲比命命等百千萬倍不可為比。迦葉復言。

ô thước chi thanh tỉ mạng mạng đẳng bách thiên vạn bội bất khả vi bỉ. Ca-diếp phục ngôn.

Tiếng của chim ô-thước so với tiếng các loài chim bằng gấp trăm ngàn vạn lần, không thể so sánh được. Ca-diếp lại nói:

迦蘭伽等其聲微妙身亦不同如來云何比之

ca lan dà đẳng kỳ thanh vi diệu thân diệc bất đồng Như-Lai vân hà bỉ chi

Tiếng của chim Ca-lan-già.v.v. và thân vi diệu cũng không bằng, sao Như Lai lại đem so sánh

烏鵲無異葶藶比須彌山。

ô thước vô dị đình lịch tỉ Tu-Di sơn.

với chim ô-thước thì không khác đem cây rau đay so sánh với núi Tu Di?

佛與虛空亦復如是。迦蘭伽聲可喻佛聲。不可以喻烏鵲之音。

Phật dữ hư không diệc phục như thị. ca lan dà thanh khả dụ Phật thanh. bất khả dĩ dụ ô thước chi âm.

Phật và hư không cũng lại như vậy, tiếng của Ca-lan-già có thể dụ cho tiếng của Phật, không thể đem dụ cho tiếng của chim ô-thước.

爾時佛讚迦葉菩薩言。善哉善哉善男子。

nhĩ thời Phật tán Ca-diếp Bồ-tát ngôn。Thiện tai Thiện tai Thiện nam tử。
 Lúc bấy giờ Phật khen Bồ-tát Ca-diếp rằng: Hay thay, hay thay! Thiện nam tử!
 汝今善解甚深難解如來有時以因緣故引彼
 nhữ kim thiện giải thậm thâm nan giải Như Lai hữu thời dĩ nhân duyên cố dẫn bỉ
 Người nay khéo giải những điều thâm sâu khó giải, nếu khi có nhân duyên Như Lai sẽ
 dùng nó để dẫn dụ.
 虛空以喻解脫。如是解脫即是如來。
 hư không dĩ dụ giải thoát。 như thị giải thoát tức thị Như Lai。
 Hư không dụ cho Chân giải thoát. Chân giải thoát như vậy tức là Như Lai。
 真解脫者一切人天無能為匹。而此虛空實非其喻。
 chân giải thoát giả nhất thiết nhân Thiên vô năng vi thất。 nhi thử hư không thật phi kỳ
 dụ。
 Chân giải thoát ấy hết thảy người Trời không thể dùng làm so sánh được, mà hư không
 này thật ra chẳng dụ cho Chân giải thoát được,
 為化眾生故以虛空非喻為喻。
 vi hóa chúng sanh cố dĩ hư không phi dụ vi dụ。
 chỉ vì giáo hóa chúng sanh, nên hư không chẳng có thể dùng làm thí dụ để thí dụ。
 當知解脫即是如來。如來之性即是解脫。
 đương tri giải thoát tức thị Như Lai。 Như Lai chi tánh tức thị giải thoát。
 Nên biết giải thoát tức là Như Lai. Như Lai tánh tức là giải thoát。
 解脫如來無二無別。善男子。非喻者。
 giải thoát Như Lai vô nhị vô biệt。 Thiện nam tử。 phi dụ giả。
 Giải thoát và Như Lai không hai không khác. Này Thiện nam tử! Chẳng có thể ví dụ được。
 如無比之物不可引喻。有因緣故可得引喻。
 như vô bỉ chi vật bất khả dẫn dụ。 hữu nhân duyên cố khả đắc dẫn dụ。
 Như không có một vật nào so sánh được nên không thể dụ dẫn được。
 如經中說面貌端正猶月盛滿。白象鮮潔猶如雪山。
 như Kinh trung thuyết diện mạo đoan chánh do nguyệt thịnh mãn。 bạch tượng tiên khiết
 do như tuyết sơn。
 Như trong kinh nói mặt mày đầy đặn xinh đẹp giống như trăng rằm, voi trắng tươi tốt tinh
 khiết như núi tuyết.

滿月不得即同於面。雪山不得即是白象。善男子。

mãn nguyệt bất đắc tức đồng ư diện. tuyết sơn bất đắc tức thị bạch tượng. Thiện nam tử.

Trăng đầy không có thì mặt đoan chánh cũng không và không có tuyết sơn thì voi trắng cũng vậy. Thiện nam tử!

不可以喻喻真解脫。為化眾生故作喻耳。

bất khả dĩ dụ dụ chân giải thoát. vì hóa chúng sanh cố tác dụ nhĩ.

Không thể dùng thí dụ để dụ cho Chân giải thoát, vì giáo hóa chúng sanh nên dụ dẫn vậy thôi.

以諸譬喻知諸法性皆亦如是。

dĩ chư thí dụ tri chư Pháp tánh giai diệc như thị.

Do các thí dụ như vậy nên biết tánh của Pháp đều cũng như vậy.

迦葉復言。云何如來作二種說。佛言善男子。

Ca-diếp phục ngôn. vân hà Như Lai tác nhị chủng thuyết. Phật ngôn Thiện nam tử.

Ca-diếp lại nói: Vì sao Như Lai nói làm hai loại? Phật dạy: Thiện nam tử!

譬如有人執持刀劍以瞋恚心欲害如來。

thí như hữu nhân chấp trì đao kiếm dĩ sân khüế tâm dục hại Như-Lai.

Thí như có người vì tâm sân giận nên cầm chặt thanh đao kiếm muốn đến hại Như Lai.

如來和悅無恚恨色。

Như Lai hòa duyệt vô khüế hận sắc.

Như Lai vẫn vui hòa không tỏ vẻ sân giận.

是人當得壞如來身成逆罪不。不也世尊。何以故。

thị nhân đương đắc hoại Như Lai thân thành nghịch tội bất. bất dã Thế Tôn. hà dĩ cố.

Như người đó hoại được thân Như lai có thành nghịch tội không? Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì sao?

如來身界不可壞故。所以者何。以無身聚唯有法性。

Như Lai thân giới bất khả hoại cố. sở dĩ giả hà. dĩ vô thân tụ duy hữu Pháp tánh.

Vì thân Như Lai là chỗ không thể hoại được. Vì sao như vậy? Vì thân ấy chẳng phải do các duyên tụ lại mà chỉ có Pháp tánh.

法性之性理不可壞。是人云何能壞佛身。

Pháp tánh chi tánh lý bất khả hoại. thị nhân vân hà năng hoại Phật thân.

Lý tánh của Pháp tánh thì không thể hoại, thì làm sao người đó có thể hoại được thân Phật?

直以惡心故成無間。以是因緣引諸譬喻得知實法。

trực dĩ ác tâm cố thành vô gián. dĩ thị nhân duyên dẫn chư thí dụ đắc tri thật Pháp. Từ tâm ác mà đi thẳng đến thành Vô gián, do nhân duyên đó nên dẫn các thí dụ để biết được Thật Pháp.

爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉善男子。

nhĩ thời Phật tán Ca-diếp Bồ-tát. Thiện tai Thiện tai Thiện nam tử.

Lúc bấy giờ Phật khen Bồ-tát Ca-diếp: Hay thay, hay thay! Thiện nam tử!

我所欲說汝今已說。又善男子。譬如惡人欲害其母。

ngã sở dục thuyết nữ kim dĩ thuyết. hựu Thiện nam tử. thí như ác nhân dục hại kỳ mẫu.

Chỗ Ta muốn nói, ông đã nói xong. Lại nữa, Thiện nam tử! Thí như người ác muốn hại mẹ mình,

住於野田在穀下。

trụ ư dã điền tại cốc tịch hạ.

ở nơi đồng trống mà ra tay giết hại.

母為送食其人見已尋生害心便前磨刀。母時知已逃入中。

mẫu vi tống thực kỳ nhân kiến dĩ tầm sanh hại tâm tiện tiền ma đao. mẫu thời tri dĩ đào nhập tịch trung.

Người mẹ mang thức ăn cho người ấy, khi thấy con mình sanh tâm hại mình nên mài dao trước. Khi người mẹ biết rồi liền trốn vào trong nhà.

其人持刀遶[十/積]遍斫。斫已歡喜生已殺想。

kỳ nhân trì đao nhiễu [nhập /tích]biến chước. chước dĩ hoan hỷ sanh dĩ sát tưởng.

Người con cầm dao phác khắp xung quanh nhà, phác xong rồi sanh tâm vui sướng tưởng là giết rồi.

其母尋後從穀 出還至家中。於意云何。

kỳ mẫu tầm hậu tòng cốc tịch xuất hoàn chí gia trung. ư ý vân hà.

Người mẹ sau đó từ bờ lúa bước ra rồi trở vào trong nhà. Ý ông nghĩ sao?

是人成就無間罪不。不也世尊。不可定說。何以故。

thị nhân thành tựu vô gián tội bất. bất dã Thế tôn. bất khả định thuyết. hà dĩ cố.

Người đó có thành tựu tội Vô gián không? Thưa không, bạch Thế Tôn. Không thể nói quả quyết. Vì sao?

若說有罪母身應壞。身若不壞云何言有。

nhược thuyết hữu tội mẫu thân ứng hoại. thân nhược bất hoại vân hà ngôn hữu.

Nếu nói có tội thì thân người mẹ phải bị hoại, thân nếu không hoại thì làm sao nói có tội?

若說無罪生已殺想心懷歡喜。云何言無。

nhược thuyết vô tội sanh dĩ sát tưởng tâm hoài hoan hỷ. vân hà ngôn vô.

Nếu nói không tội, thì khi sanh cái tưởng giết xong rồi nên tâm vui sướng, vì sao lại nói không tội?

是人雖不具足逆罪而亦是逆。

thị nhân tuy bất cụ túc nghịch tội nhi diệc thị nghịch.

Người đó tuy không đủ để kết nghịch tội nhưng cũng mang nghịch tội.

以是因緣引諸譬喻得知實法。佛讚迦葉。善哉善哉善男子。

dĩ thị nhân duyên dẫn chư thí dụ đắc tri thật Pháp. Phật tán Ca-diếp. Thiện tai Thiện tai
Thiện nam tử.

Do nhân duyên đó nên dẫn các thí dụ để biết Thật pháp. Phật khen Ca-diếp: Hay thay,
hay thay! Thiện nam tử!

以是因緣我說種種方便譬喻以喻解脫。

dĩ thị nhân duyên ngã thuyết chủng chủng phương tiện thí dụ dĩ dụ giải thoát.

Do nhân duyên đó nên Ta nói các loại phương tiện thí dụ để dụ cho Giải thoát.

雖以無量阿僧祇喻。而實不可以喻為比。

tuy dĩ vô lượng a tăng kì dụ. nhi thật bất khả dĩ dụ vi bỉ.

Tuy nhiên, dầu có dùng vô lượng a-tăng-kỳ thí dụ mà thật không thể dùng thí dụ để so
sánh được với giải thoát.

或有因緣亦可喻說。或有因緣不可喻說。

hoặc hữu nhân duyên diệc khả dụ thuyết. hoặc hữu nhân duyên bất khả dụ thuyết.

Hoặc có nhân duyên dùng thí dụ để nói, hoặc có nhân duyên không thể dùng thí dụ để
nói.

是故解脫成就如是無量功德趣涅槃者。

thị cố giải thoát thành tựu như thị vô lượng công đức thú Niết-bàn giả.

Vì vậy giải thoát thành tựu vô lượng công đức như vậy hướng thẳng đến Niết-bàn.

涅槃如來亦有如是無量功德。

Niết-bàn Như Lai diệc hữu như thị vô lượng công đức。

Niết-bàn Như Lai cũng vô lượng công đức như vậy.

以如是等無量功德成就滿故名大涅槃。迦葉菩薩白佛言。世尊。

dĩ như thị đẳng vô lượng công đức thành tựu mãn cố danh Đại Niết-bàn。Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế Tôn。

Do thành tựu đầy đủ vô lượng công đức như vậy, nên có tên là Niết-bàn. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

我今始知如來至處為無有盡處。

ngã kim thủy tri Như Lai chí xử vi vô hữu tận xứ。

Con nay lần đầu biết chỗ đi đến của Như Lai là chỗ không có tận cùng,

若無盡當知壽命亦應無盡。佛言。善哉善哉善男子。

nhược vô tận đương tri thọ mạng diệc ứng vô tận。 Phật ngôn。 Thiện tai Thiện tai Thiện nam tử。

nếu không có tận cùng thì phải biết thọ mạng cũng phải không tận cùng. Phật dạy: Hay thay, hay thay! Thiện nam tử!

汝今善能護持正法。

nhữ kim thiện năng hộ trì chánh Pháp。

Ông nay khéo có thể hộ trì Chánh Pháp.

若有善男子善女人欲斷煩惱諸結縛者。當作如是護持正法。

nhược hữu Thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dục đoạn phiền não chư kết phược giả。 đương tác như thị hộ trì chánh Pháp。

Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào muốn đoạn trừ các phiền não trói buộc thì phải làm hộ trì Chánh Pháp như vậy.

大般涅槃經卷第五

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ ngũ

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN-QUYỂN THỨ NĂM

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:05:41 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:05:41 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

Thích Nữ Hạnh Giải hiệu đính

Vol. 12, No. 374

大般涅槃經卷第六

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ lục

Kinh Đại Bát Niết-bàn

Quyển Thứ Sáu.

北凉天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Tam tạng Đàm-vô-sấm người từ Thiên Trúc dịch vào đời Bắc Lương.

如來性品第四之三

Như Laitánh phẩm đệ tứ chi tam

Phẩm thứ tư, phần thứ ba: Như Lai tánh.

善男子。是大涅槃微妙經中有四種人。

Thiện nam tử 。 Thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh trung hữu tứ chủng nhân 。

Thiện nam tử, trong kinh Đại Bát Niết-bàn vi diệu ấy có bốn loại người

能護正法建立正法憶念正法能多利益。

Năng hộ chánh Pháp kiến lập chánh Pháp ức niệm chánh Pháp năng đa lợi ích 。

có thể hộ trì Chánh pháp, xây dựng Chánh pháp, nhớ nghĩ Chánh pháp, có nhiều lợi ích,

憐愍世間為世間依安樂人天。何等為四。

Liên mãn thế gian vì thế gian y an lạc nhân Thiên 。

Hà đẳng vi tứ 。

thương xót thế gian, vì thế gian mà làm chỗ nương tựa an lạc của Trời, Người. Những gì là bốn?

有人出世具煩惱性是名第一。須陀洹人。

Hữu nhân xuất thế cụ phiền não tánh thị danh đệ nhất 。

Tu đà hoàn nhân 。

Có người xuất thế đầy đủ tánh phiền não đó là loại thứ nhất, người Tu-đà-hoàn

斯陀舍人是名第二。阿那舍人是名第三。

Tư đà hàm nhân thị danh đệ nhị 。

A na hàm nhân thị danh đệ tam 。

người Tư-đà-hàm là loại thứ hai, A-na-hàm là loại thứ ba,

阿羅漢人是名第四。是四種人出現於世。

A La Hán nhân thị danh đệ tứ 。

Thị tứ chủng nhân xuất hiện ư thế 。

người A-la-hán là loại thứ tư, bốn loại ấy xuất hiện ở đời,

能多利益憐愍世間為世間依安樂人天。

Năng đa lợi ích liên mãn thế gian vì thế gian y an lạc nhân Thiên 。
có thể có nhiều lợi ích thương xót thế gian vì thế gian là chỗ nương tựa an lạc Trời, Người,
云何名為具煩惱性。

Vân hà danh vi cụ phiền não tánh 。

Thế nào gọi là đầy đủ tánh phiền não?

若有人能奉持禁戒威儀具足建立正法。

Nhược hữu nhân năng phụng trì cấm giới uy nghi cụ túc kiến lập chánh Pháp 。

nếu có người có thể phụng trì cấm giới oai nghi đầy đủ xây dựng Chánh pháp,
從佛所聞解其文義轉為他人分別宣說。所謂少欲是道。多欲非道。

Tòng Phật sở văn giải kỳ văn nghĩa chuyển vi tha nhân phân biệt tuyên thuyết。Sở vị
thiếu dục thị đạo 。

Đa dục phi đạo 。

từ những điều được nghe từ đức Phật, hiểu văn nghĩa những lời dạy đó di chuyển vì người
khác phân biệt giảng nói, nghĩa là ít muốn là đạo, nhiều ham muốn không phải là đạo,
廣說如是八大人覺。

Quảng thuyết như thị bát Đại nhân giác 。

rộng nói tám điều Giác ngộ của một bậc Đại nhân như vậy,

有犯罪者教令發露懺悔滅除。善知菩薩方便所行祕密之法。

Hữu phạm tội giả giáo lệnh phát lộ sám hối diệt trừ 。

Thiện tri Bồ-tát phương tiện sở hạnh
bí mật chi Pháp 。

Có người phạm tội thì dạy dỗ khiến họ phát lộ sám hối để được trừ diệt, khéo biết Bồ-tát
phương tiện thực hành pháp sâu kín.

是名凡夫非第八人。第八人者不名凡夫。

Thị danh phạm phu phi đệ bát nhân 。

Đệ bát nhân giả bất danh phạm phu 。

Đó gọi là phạm phu chẳng phải là người thứ tám, người thứ tám không gọi là phạm phu,
名為菩薩不名為佛。

Danh vi Bồ-tát bất danh vi Phật 。

gọi là Bồ-tát chẳng gọi là Phật.

第二人者名須陀洹斯陀含。

Đệ nhị nhân giả danh Tu đà hoàn Tư đà hàm 。

Loại người thứ hai gọi là Tu Đà hoàn, Tư-đà-hàm,

若得正法受持正法從佛聞法。

Nhược đắc chánh Pháp thọ trì chánh Pháp tòng Phật văn Pháp 。
nếu được Chánh pháp, thọ trì Chánh pháp từ Phật nghe Pháp,
如其所聞聞已書寫受持讀誦轉為他說。若聞法已不寫不受不持不說。
Như kỳ sở văn văn dĩ thư tả thọ trì độc tụng chuyển vi tha thuyết 。 Nhược văn Pháp dĩ bất
tả bất thọ bất trì bất thuyết 。

Như những gì đã nghe rồi viết chép thọ trì tụng đọc chuyển vì người nói, nếu nghe pháp
rồi không viết chép, không thọ trì không nói,
而言奴婢不淨之物佛聽畜者無有是處。
Nhi ngôn nô tì bất tịnh chi vật Phật thính súc giả vô hữu thị xử 。

Mà nói nô tỳ là vật bất tịnh Phật cho phép nuôi không có chỗ ấy,
是名第二人。

Thị danh đệ nhị nhân 。

Đó là loại người thứ hai,
如是之人未得第二第三住處名為菩薩已得受記。
Như thị chi nhân vị đắc đệ nhị đệ tam trụ xử danh vi Bồ-tát dĩ đắc thọ ký 。

người như vậy chưa chứng trú xứ thứ hai thứ ba gọi là Bồ-tát đã được thọ ký,
第三人者名阿那舍。阿那舍者誹謗正法。
Đệ tam nhân giả danh A na hàm 。

A na hàm giả phi báng chánh Pháp 。

loại thứ ba gọi là A-na-hàm, A-na-hàm ấy phi báng Chánh pháp
若言聽畜奴婢僕使不淨之物。
Nhược ngôn thính súc nô tì bộc sử bất tịnh chi vật 。

nếu nói cho phép nuôi nô tỳ, người hầu những vật bất tịnh,
受持外道典籍書論及為客塵煩惱所障。
Thọ trì ngoại đạo điển tịch thư luận cập vi khách trần phiền não sở chướng 。

thọ trì kinh điển sách vở ngoại đạo là những chướng ngại khách trần phiền não,
諸舊煩惱之所覆蓋。若藏如來真實舍利及。為外病之所惱害。
Chư cựu phiền não chi sở phúc cái 。

Nhược tạng Như Lai chân thật Xá-lợi cập 。

Vi ngoại bệnh chi sở não hại 。

Che khuất các phiền não cũ, hoặc Như Lai tạng và xá lợi chân thật, vì những não hại của
bệnh bên ngoài,
或為四大毒蛇所侵。論說我者悉無是處。

Hoặc vì tứ Đại độc xà sở xâm 。 Luận thuyết ngã giả tất vô thị xử 。

hoặc vì những sự xâm nhập của rắn độc tứ đại, ta nói luận ấy là chỗ không chỗ ,
 若說無我斯有是處。說著世法無有是處。

Nhược thuyết vô ngã tư hữu thị xử 。

Thuyết trừ thể Pháp vô hữu thị xử 。

nếu nói vô ngã tư hữu chỗ ấy, nói vướng mắc pháp gian không có chỗ ấy,
 若說大乘相續不絕斯有是處。

Nhược thuyết Đại thừa tương tục bất tuyệt tư hữu thị xử 。

nếu nói Đại thừa tương tục không dứt tư hữu chỗ ấy,
 若所受身有八萬虫亦無是處。

Nhược sở thọ thân hữu bát vạn trùng diệp vô thị xử 。

nếu chỗ thọ thân có tám vạn trùng cũng không có chỗ ấy,
 永離婬欲乃至夢中不失不淨斯有是處。臨終之日生怖畏者亦無是處。

Vĩnh ly dâm dục nãi chí mộng trung bất thất bất tịnh tư hữu thị xử 。

Lâm chung chi Nhật-Sanh bố úy giả diệp vô thị xử 。

Vĩnh viễn xa kia dâm dục cho đến trong mộng không mất chẳng tịnh tư hữu chỗ ấy,
 阿那含者為何謂也。是人不還如上所說。

A na hàm giả vi hà vị dã 。

Thị nhân Bất hoàn như thượng sở thuyết 。

A-na-hàm ấy là nghĩa thế nào? người ấy không trở lại như trên đã nói,
 所有過患永不能污。

Sở hữu quá hoạn vĩnh bất năng ô。

có những lo âu mãi không có thể ô nhiễm,
 往返周旋名為菩薩已得受記。不久得成阿耨多羅三藐三菩提。

Vãng phản châu toàn danh vi Bồ-tát dĩ đắc thọ kí 。

Bất cửu đắc thành a-nậu-đa-la tam-miêu-tam-Bồ-đề 。

trở lại quay quanh gọi là Bồ-tát đã được thọ kí, không lâu sẽ thành a-nậu-đa-la tam-miêu-tam-Bồ-đề.

是則名為第三人也。

Thị tắc danh vi đệ tam nhân dã 。

đó gọi là loại người thứ ba,
 第四人者名阿羅漢。

Đệ tứ nhân giả danh A La Hán 。

loại người thứ tư ấy gọi là A-la-hán,

阿羅漢者斷諸煩惱捨於重擔。

A La Hán giả đoạn chư phiền não xả ư trọng đàng 。

A-la-hán ấy đoạn các phiền não xả bỏ gánh nặng,

逮得己利所作已辦住第十地得自在智。隨人所樂種種色像悉能示現。

Đãi đắc kỷ lợi sở tác dĩ bần trụ đệ thập địa đắc tự-tại trí 。

Tùy nhân sở lạc chủng chủng sắc tượng tất năng thị hiện 。

được các việc lợi mình mọi việc điều xong trú ở địa thứ mười chứng được trí tuệ tự tại,

如所莊嚴欲成佛道即能得成。

Như sở trang nghiêm dục thành Phật đạo tức năng đắc thành 。

như chỗ trang nghiêm muốn thành Phật đạo tức liền có thể thành,

能成如是無量功德名阿羅漢。

Năng thành như thị vô lượng công đức danh A La Hán 。

có thể thành vô lượng công công đức như vậy gọi là A-la-hán,

是名四人出現於世能多利益憐愍世間為世間依安樂人天。

Thị danh tứ nhân xuất hiện ư thế năng đa lợi ích liên mãn thế gian vi thế gian y an lạc nhân Thiên 。

đó là bốn hạng người xuất hiện ở đời có thể đem nhiều lợi ích thương xót thế gian vì thế gian là chỗ nương tựa an lạc của Trời, Người,

於人天中最尊最勝猶如如來。名人中勝為歸依處。

Ư nhân Thiên trung tối tôn tối thắng do như Như Lai。Danh nhân trung thắng vi quy y xử 。

ở trong Trời, Người tối tôn tối thắng như Như Lai, gọi là người vượt trội trong loài người

chỗ nương tựa cho loài người,

迦葉白佛言。世尊。我今不依是四種人。

Ca-diếp bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

Ngã kim bất y thị tứ chủng nhân 。

Ca-diếp bạch Phật rằng: Thế Tôn, con nay không nương vào bốn loại người ấy,

何以故。如瞿師羅經中佛為瞿師羅說。

Hà dĩ cố 。

Như Cồ sư la Kinh trung Phật vi Cồ sư la thuyết 。

Tại vì sao? Như trong kinh Cồ Sư La Phật vì Cồ Sư La nói,

若天魔梵為欲破壞變為佛像。

Nhược Thiên ma phạm vi dục phá hoại biến vi Phật tượng 。

nếu Thiên Ma Phạm vì muốn phá hoại nên biến làm tượng Phật,

具足莊嚴三十二相八十種好圓光一尋。

Cụ túc trang nghiêm tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo Viên Quang nhất tầm 。

đầy đủ ba mươi hai tướng trang nghiêm tám mươi vẻ đẹp hào quang biến khắp không ai bằng,

面部圓滿猶月盛明眉間毫相白踰珂雪。如是莊嚴來向汝者。

Diện bộ viên mãn do nguyệt thịnh minh my gian hào tướng bạch du kha tuyết 。

Như thị trang nghiêm lai hướng nữ giả 。

khuôn mặt tròn đầy như trăng sáng tròn tướng lông mày trắng như tuyết ngọc kha, trang nghiêm như vậy đi đến phía người,

汝當檢校定其虛實。既覺知已應當降伏。世尊。

Nữ đương kiểm giáo định kỳ hư thật 。

Ký giác tri dĩ ứng đương hàng phục 。

Thế tôn 。

người nên kiểm tra xác định xem đó là thật hay hư, đã biết rồi thì phải hàng phục, Thế Tôn,

魔等尚能變作佛身況當不能作羅漢等四種之身。

Ma đẳng thượng năng biến tác Phật thân huống đương bất năng tác la hán đẳng tứ chủng chi thân 。

Ma.v.v.còn chưa có thể hóa làm thân Phật huống nữa không có thể làm bốn loại thân La-hán .v.v.

坐臥空中左脇出水右脇出火身出烟炎猶如火聚。以是因緣我於是中心不生信。

Tọa ngọa không trung tả hiệp xuất thủy hữu hiệp xuất hỏa thân xuất yên viêm do như hỏa tụ 。

Dĩ thị nhân duyên ngã ư thị trung tâm bất sanh tín 。

ngồi nằm trên hư không hông trái ra nước, hông phải ra lửa, toàn thân ra khói như đám

lửa cháy, do nhân duyên ấy ở trong tâm của Ta không khởi lòng tin,

或有所說不能稟受亦無敬念而作依止。

Hoặc hữu sở thuyết bất năng bǎm thọ diệc vô kính niệm nhi tác y chỉ 。

hoặc có chỗ nói không thể chấp nhận cũng không cung kính mà làm chỗ nương tựa.

佛言善男子。

Phật ngôn thiện nam tử 。

Phật dạy: Thiện nam tử,

於我所說若生疑者尚不應受況如是等。

Ư ngã sở thuyết nhược sanh nghi giả thượng bất ứng thọ hưởng như thị đẳng 。
đối với những lời dạy của Ta nếu sanh nghi ngờ còn không nên chấp nhận hưởng là như
vậy v.v..

是故應當善分別知是善不善可作不可作。如是作已長夜受樂。善男子。

Thị cố ứng đương thiện phân biệt tri thị thiện bất thiện khả tác bất khả tác。 Như thị tác dĩ
trường dạ thọ lạc 。 Thiện nam tử 。

Vì vậy cho nên phải khéo phân biệt để biết thiện hay không thiện, nên làm hay không thể
làm, làm như vậy rồi thì đêm dài an vui, thiện nam tử,
譬如偷狗夜入人舍。

Thí như thâu cẩu dạ nhập nhân xá 。

Thí như người ăn trộm chó ban đêm vào nhà người,
其家婢使若覺知者即應驅罵汝疾出去。若不出者當奪汝命。

Kỳ gia tì sử nhược giác tri giả tức ứng khu mạ nữ tật xuất khứ 。

Nhược bất xuất giả
đương đoạt nữ mạng 。

người hầu của nhà đó nếu biết liền phải đuổi đi mắng rằng người mau đi đi, nếu không đi
ta sẽ lấy mạng người,

偷狗聞之即去不還。汝等從今亦應如是降伏波旬。

Thâu cẩu văn chi tức khứ Bất hoàn 。

Nữ đẳng tông kim diệt ứng như thị hàng phục Ba-
tuần 。

người trộm chó nghe rồi liền đi không trở lại, người từ nay trở đi cũng nên như vậy mà
hàng phục ma ba-tuần

應作是言波旬汝今不應作如是像。

Ứng tác thị ngôn Ba-tuần nữ kim bất ứng tác như thị tượng 。

Nên nói thế này: Ba-tuần người nay không nên làm tượng như vậy,
若故作者當以五繫繫縛於汝。魔聞是已便當還去。

Nhược cố tác giả đương dĩ ngũ hệ hệ phục ư nữ 。

Ma văn thị dĩ tiện đương hoàn khứ 。

nếu cố ý làm sẽ bị năm sự trói buộc trói lấy người, ma nghe như vậy rồi liền đi không trở
lại,

如彼偷狗更不復還。

Như bỉ thâu cẩu canh bất phục hoàn 。

như người ăn trộm chó đi không trở lại,

迦葉白佛言。世尊。如佛為瞿師羅長者說。

Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 Như Phật vì Cồ sư la Trưởng-Giả thuyết 。

Ca-diếp bạch Phật rằng: Thế Tôn, như Phật vì Trưởng giả Cồ-sư-la nói:

若能如是降伏魔者。亦可得近大般涅槃。

Nhược năng như thị hàng phục ma giả 。 Diệc khả đắc cận Đại bát Niết-bàn 。

Nếu có thể như vậy hàng phục ma, cũng có thể đến gần Đại Bát-niết-bàn,

如來何必說是四人為依止處。

Như Lai hà tất thuyết thị tứ nhân vi y chỉ xử 。

Như Lai cần gì phải nói bốn loại người ấy là nơi nương tựa,

如是四人所可言說未必可信。佛告迦葉。善男子。

Như thị tứ nhân sở khả ngôn thuyết vị tất khả tín 。

Phật cáo Ca-diếp。Thiện nam tử 。

Thiện nam tử,

如我所說亦復如是非為不爾。善男子。

Như ngã sở thuyết diệc phục như thị phi vi bất nhĩ 。

như Ta đã nói cũng lại như vậy mà cũng chẳng phải như vậy,

我為聲聞有肉眼者說言降魔。不為修學大乘人說。

Ngã vì Thanh văn hữu nhục nhãn giả thuyết ngôn hàng ma 。

Ta vì Thanh văn người có nhục nhãn nói lời hàng phục ma, không vì người tu học Đại thừa mà nói,

聲聞之人雖有天眼故名肉眼。

Thanh văn chi nhân tuy hữu Thiên nhãn cố danh nhục nhãn 。

hạng người Thanh văn mặc dù có Thiên nhãn cũng gọi nhục nhãn,

學大乘者雖有肉眼乃名佛眼。何以故。是大乘經名為佛乘。

Học Đại thừa giả tuy hữu nhục nhãn nãi danh Phật nhãn 。

người tu học Đại thừa mặc dù có nhục nhãn mới gọi là Phật nhãn. Tại sao như vậy? vì

kinh Đại thừa gọi là Phật thừa,

而此佛乘最上最勝。善男子。

Nhi thử Phật thừa tối thượng tối thắng 。 Thiện nam tử 。
Mà Phật thừa là tối thượng tối thắng, thiện nam tử,
譬如有人勇健威猛有怯弱者常來依附。其勇健人常教怯者。
Thí như hữu nhân dũng kiện uy mãnh hữu khiếp nhược giả thường lai y phụ 。 Kỳ dũng kiện nhân thường giáo khiếp giả 。
Thí như có người mạnh khỏe uy lực, có người gầy yếu nhát gan thường đến nương tựa, người mạnh khỏe kia thường dạy người nhát gan rằng:
汝當如是持弓執箭修學稍道長鉤羅索。
Nhữ đương như thị trì cung chấp tiễn tu học sáo đạo trường câu quyển tác 。
người nên cầm dao, cung tên như vậy mà tu học các môn giáo bác, câu dài, móc quyển, 又復告言。
Hựu phục cáo ngôn 。
lại nói rằng,
夫鬪戰者雖如履刃不應生於怖畏之想。當視人天生輕弱想。
Phu đấu chiến giả tuy như lý nhận bất ứng sanh ư bố úy chi tưởng 。 Đương thị nhân Thiên sanh khinh nhược tưởng 。
Phàm người chiến đấu như đôi giày nhọn không nên sanh ý nghĩ sợ hãi, phải nên thấy trời người mà khởi tưởng khinh thường,
應自生心作勇健想。或時有人素無膽勇詐作健相。
ứng tự sanh tâm tác dũng kiện tưởng 。 Hoặc thời hữu nhân tố vô đảm dũng trá tác kiện tướng 。
phải nên tự mình khởi tâm ý mạnh mẽ, hoặc lúc ấy có người không mạnh bạo gì nhưng giả hiện tướng mạnh mẽ,
執持弓刀種種器仗以自莊嚴。來至陣中唱呼大喚。
Chấp trì cung đao chủng chủng khí trượng dĩ tự trang nghiêm 。 Lai chí trận trung xưng hô Đại hoán 。
cầm dao, cung tên, các loại vũ khí để tự trang nghiêm, đi đến trong trận chiến la hét hùng hồn,
汝於是人亦復不應生於憂怖。
Nhữ ư thị nhân diệc phục bất ứng sanh ư ưu phổ 。
Ông đối với người này cũng không nên sanh tâm lo lắng,

如是輩人若見汝時不怖畏者。

Như thị bối nhân nhược kiến nhữ thời bất bố úy giả 。

người như vậy nếu thấy thì không sợ hãi,

當知是人不久散壞如彼偷狗。善男子。如來亦爾告諸聲聞。

Đương tri thị nhân bất cửu tán hoại như bỉ thâu cẩu 。

Thiện nam tử 。

Như Laidiệc nhĩ cáo chư Thanh văn 。

phải biết người ấy không lâu sẽ tan hoại như người ăn trộm chó kia, thiện nam tử, Như Lai cũng như vậy dạy các Thanh văn:

汝等不應畏魔波旬。若魔波旬化作佛身至汝所者。

Nhữ đẳng bất ứng úy Ma ba tuần 。

Nhược Ma ba tuần hóa tác Phật thân chí nhữ sở giả 。

。

các người không nên sợ Ma ba-tuần, nếu Ma ba-tuần hóa làm thân Phật đi đến chỗ người, 汝當精勤堅固其心降伏於魔。

Nhữ đương tinh tinh cần kiên cố kỳ tâm hàng phục ư ma 。

tâm người nên siêng năng kiên cố để hàng phục Ma.

時魔即當愁憂不樂復道而去。善男子。

Thời ma tức đương sầu ưu bất lạc phục đạo nhi khứ 。

Thiện nam tử 。

thì Ma liền sẽ sầu ưu không vui tìm đường mà đi, thiện nam tử,

如彼健人不從他習。學大乘者亦復如是。

Như bỉ kiện nhân bất tòng tha tập 。

Học Đại thừa giả diệc phục như thị 。

Như người mạnh khỏe kia không nên học ở họ, người học Đại thừa cũng lại như vậy.

得聞種種深密經典其心欣樂不生驚怖。何以故。

Đắc văn chủng chủng thâm mật Kinh điển kỳ tâm hân lạc bất sanh kinh phố 。

Hà dĩ cố 。

được nghe các loại kinh điển thâm áo tâm liền vui vẻ không sanh sợ hãi. Vì sao như vậy?

如是修學大乘之人。

Như thị tu học Đại thừa chi nhân 。

người tu học Đại thừa cũng như vậy.

已曾供養恭敬禮拜過去無量萬億佛故。雖有無量億千魔眾欲來侵擾。

Dĩ tăng cung dưỡng cung kính lễ bái quá khứ vô lượng vạn ức Phật cố 。

Tuy hữu vô

lượng ức thiên ma chúng dục lai xâm nhiễu 。

đã từng cúng dường cung kính lễ bái vô lượng vạn ức Phật trong quá khứ, tuy có vô lượng
ức thiên chúng Ma muốn đến quấy nhiễu,

於是事中終不驚畏。善男子。

Ư thị sự trung chung bất kinh úy 。 Thiện nam tử 。

ở trong việc ấy quyết chẳng sợ hãi. Thiện nam tử,

譬如有人得阿竭陀藥不畏一切毒蛇等。

Thí như hữu nhân đắc a kiệt đà dược bất úy nhất thiết độc xà đẳng 。

Thí như có người được thuốc A-kiệt-đà thì không sợ tất cả các loại rắn độc v.v.

畏是藥力故亦能消除一切毒等。是大乘經亦復如是。

Úy thị dược lực cố diệt năng tiêu trừ nhất thiết độc đẳng 。

Thị Đại thừa Kinh diệt phục như thị 。

sợ sức lực của thuốc ấy cho nên cũng có thể tiêu trừ tất cả chất độc v.v..kinh Đại thừa
cũng lại như vậy,

如彼藥力不畏一切諸魔毒等。亦能降伏令更不起。

Như bỉ dược lực bất úy nhất thiết chư ma độc đẳng 。

Diệt năng hàng phục lệnh canh bất khởi 。

như sức của thuốc ấy không sợ tất cả các loại Ma độc v.v.. cũng có thể hàng phục khiến
không sanh khởi.

復次善男子。譬如有龍性甚妬慳。

Phục thứ thiện nam tử 。

Thí như hữu long tánh thậm đố biệt。

lại nữa thiện nam tử, thí như có con rồng tánh rất nóng nảy,

欲害人時或以眼視或以氣噓。

Dục hại nhân thời hoặc dĩ nhãn thị hoặc dĩ khí hư 。

lúc muốn hại người hoặc dùng mắt nhìn hoặc dùng khí hà hơi vào người.

是故一切師子虎豹豺狼狗犬皆生怖畏。

Thị cố nhất thiết Sư-tử hổ báo sài lang cầu khuyển giai sanh bố úy 。

cho nên tất cả Sư-tử, cọp beo, chó sói, chó thường đều sanh tâm sợ hãi,

是等惡獸或聞聲見形或觸其身無不喪命。有善呪者以呪力故。

Thị đẳng ác thú hoặc văn thanh kiến hình hoặc xúc kỳ thân vô bất tang mạng 。

Hữu thiện chú giả dĩ chú lực cố 。

các ác thú ấy hoặc là Thanh văn hiện hình nếu đụng vào thân mình thì mất mạng, có người trì chú dùng thần lực của chú,

能令如是諸惡毒龍金翅鳥等惡象師子虎豹豺狼。

Năng lệnh như thị chú ác độc long kim sí điều đẳng ác tượng Sư-tử hổ báo sài lang 。

Có thể khiến các con rồng ác độc, các loài chim cánh vàng v.v.. voi, sư tử, cọp beo, chó sói dữ,

皆悉調善任為御乘。

Giai tất điều thiện nhâm vi ngự thừa 。

thầy đều điều phục khiến hiền lành để làm xe cỡi,

如是等獸見彼善呪即便調伏。聲聞緣覺亦復如是。

Như thị đẳng thú kiến bỉ thiện chú tức tiện điều phục 。

Thanh văn Duyên giác diệc phục như thị 。

Các loài thú như vậy thấy thần chú hay kia liền điều phục, Thanh văn, Duyên giác cũng lại như vậy.

見魔波旬皆生恐怖。

Kiến Ma ba tuần giai sanh khủng phố 。

Thấy ma ba-tuần đều sanh sợ hãi.

而魔波旬亦復不生畏懼之心猶行魔業。學大乘者亦復如是。

Nhi Ma ba tuần diệc phục bất sanh úy cụ chi tâm do hành ma nghiệp 。

Học Đại thừa giả diệc phục như thị 。

Mà ma ba-tuần cũng không sanh sợ hãi giống như làm việc ma, người học Đại thừa cũng lại như vậy.

見諸聲聞怖畏魔事於此大乘不生信樂。

Kiến chư Thanh văn bố úy ma sự ư thử Đại thừa bất sanh tín lạc 。

thấy các Thanh văn sợ hãi việc ma nên ở nơi Đại thừa này không sanh tín tâm vui thích, 先以方便降伏諸魔悉令調善堪任為乘。因為廣說種種妙法。

Tiên dĩ phương tiện hàng phục chư ma tất lệnh điều thiện kham nhâm vi thừa。Nhân vi quảng thuyết chủng chủng diệu Pháp 。

trước dùng phương tiện hàng phục các loài ma điều khiến trở thành lành để làm xe. Do vì rộng nói các thứ diệu pháp,

聲聞緣覺見調魔已不生怖畏。

Thanh văn Duyên giác kiến điều ma dĩ bất sanh bố úy 。
Thanh văn, Duyên giác thấy điều phục được ma rồi không còn sợ hãi,
於此大乘無上正法方生信樂。
Ư thử Đại thừa vô thượng chánh Pháp phương sanh tín lạc 。
đối với Chánh pháp Đại thừa Vô thượng mới sanh tín tâm vui thích,
作如是言我等從今不應於此正法之中而作障礙。
Tác như thị ngôn ngã đẳng tòng kim bất ứng ư thử chánh Pháp chi trung nhi tác chướng
ngại 。
nói lời thế này: Chúng ta nay không nên ở trong Chánh pháp này mà làm sự chướng ngại,
復次善男子。聲聞緣覺於諸煩惱而生怖畏。
Phục thứ thiện nam tử 。 Thanh văn Duyên giác ư chư phiền não nhi sanh bố úy 。

Lại nữa, thiện nam tử, Thanh văn, Duyên giác đối với phiền não mà sanh sợ hãi,
學大乘者都無恐懼。修學大乘有如是力。
Học Đại thừa giả đô vô khủng cụ 。 Tu học Đại thừa hữu như thị lực 。

người học Đại thừa đều không sợ hãi, người tu học Đại thừa có sức như vậy.
以是因緣先所說者。
Dĩ thị nhân duyên tiên sở thuyết giả 。

Vì nhân duyên ấy trước đã nói,
為欲令彼聲聞緣覺調伏諸魔非為大乘。
Vi dục lệnh bỉ Thanh văn Duyên giác điều phục chư ma phi vi Đại thừa 。

Vì muốn Thanh văn, Duyên giác kia điều phục các loài ma chẳng phải Đại thừa,
是大涅槃微妙經典不可消伏甚奇甚特。若有聞者聞已信受。
Thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển bất khả tiêu phục thậm kì thậm đặc 。

Nhược hữu văn giả văn dĩ tín thọ 。

Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu ấy không thể tiêu trừ lạ thay! đặc biệt thay! nếu có người
nghe, nghe rồi tin thọ,
能信如來是常住法。如是之人甚為希有如優曇花。
Năng tín Như Lai thị thường trụ Pháp 。

Như thị chi nhân thậm vi hi hữu như ưu đàm hoa
。

Có thể tin Như Lai là pháp thường trụ, người như vậy rất là hiếm có như hoa Ưu Đàm
我涅槃後若有得聞如是大乘微妙經典生信敬心。

Ngã Niết-Bàn hậu nhược hữu đắc văn như thị Đại thừa vi diệu Kinh điển sanh tín kính tâm
。

Sau khi Ta Niết-bàn nếu có người được nghe kinh điển Đại thừa vi diệu như vậy sanh tín
tâm cung kính,

當知是等於未來世百千億劫不墮惡道。

Đương tri thị đẳng ư vị lai thế bách thiên ức kiếp bất đọa ác đạo 。

phải biết người đó trải qua trăm ngàn ức kiếp trong đời vị lai không đọa ác đạo,

爾時佛告迦葉菩薩。善男子。

Nhĩ thời Phật cáo Ca-diếpBồ-tát 。

Lúc bấy giờ Phật dạy Bồ-tát Ca-diếp: Thiện nam tử,

我涅槃後當有百千無量眾生。

Ngã Niết-Bàn hậu đương hữu bách thiên vô lượng chúng sanh 。

Sau khi Ta Niết-bàn sẽ có trăm ngàn vô lượng chúng sanh,

誹謗不信是大涅槃微妙經典。迦葉菩薩復白佛言。世尊。

Phỉ báng bất tín thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển 。

Ca-diếpBồ-tát phục bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

phỉ báng không tin kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu ấy, Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật: Thế

Tôn,

是諸眾生於佛滅後久近便當誹謗是經。世尊。

Thị chư chúng sanh ư Phật diệt hậu cửu cận tiện đương phỉ báng thị Kinh 。

Thế tôn 。

Các chúng sanh ấy sau khi Phật diệt độ lâu dần sẽ phỉ báng kinh ấy, Thế Tôn,

復有何等純善眾生。當能拔濟是謗法者。

Phục hữu hà đẳng thuần thiện chúng sanh 。

Đương năng bạt tế thị báng Pháp giả 。

lại có những chúng sanh nào thuần thiện, sẽ có thể cứu những người phỉ báng pháp ấy,

佛告迦葉。善男子。

Phật cáo Ca-diếp。Thiện nam tử 。

Phật dạy Ca-diếp: Thiện nam tử,

我般涅槃後四十年中於閻浮提廣行流布。然後乃當隱沒於地。

Ngã bát Niết-Bàn hậu tứ thập niên trung ư Diêm-phù-đề quảng hành lưu bố 。

Nhiên hậu nãi đương ẩn một ư địa 。

Sau khi Ta Niết-bàn trong bốn mươi năm ở Diêm Phù Đề lưu bố rộng rãi, về sau mới sẽ
ẩn vào đất,

善男子。譬如甘蔗稻米石蜜乳酥醍醐隨有之處。

Thiện nam tử 。 Thí như cam giá đao mễ thạch mật nhũ tô thể hồ tùy hữu chi xử 。

Thiện nam tử, thí như mía, lúa gạo, đường phèn, sữa, tô, Đề hồ tùy nơi mà có,
其土人民皆言是味味中第一。

Kỳ độ nhân dân giai ngôn thị vị vị trung đệ nhất 。

nhân dân nước ấy đều nói mùi vị ấy là thứ nhất trong các vị,
或復有人純食粟米及以稗子。

Hoặc phục hữu nhân thuần thực túc mễ cập dĩ bại tử 。

hoặc lại có người ăn toàn thóc gạo và cỏ đắng,

是人亦言我所食者最為第一。是薄福人受業報故。

Thị nhân diệc ngôn ngã sở thực giả tối vi đệ nhất 。

Thị bạc phúc nhân thọ nghiệp báo cố 。

người ấy cũng nói thức ăn tôi ăn là tối thắng nhất, người phước mỏng ấy thọ nghiệp báo
vậy,

若是福人耳初不聞粟稗之名。

Nhược thị phúc nhân nhĩ sơ bất văn túc bại chi danh 。

nếu là người thì ban đầu không nghe đến tên thóc, cỏ đắng,

所食唯是粳糧甘蔗石蜜醍醐。是大涅槃微妙經典亦復如是。

Sở thực duy thị canh lương cam giá thạch mật thể hồ 。

Thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển
diệc phục như thị 。

thức ăn chỉ toàn lúa thơm, mía, đường phèn, Đề Hồ, kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu ấy
cũng lại như vậy,

鈍根薄福不樂聽聞。如彼薄福憎惡粳糧及石蜜等。

Độn căn bạc phúc bất lạc thính văn 。

Như bỉ bạc phúc tăng ác canh lương cập thạch mật
đắng 。

kẻ độn căn phước mỏng nghe mà không vui, như người phước mỏng kia ghét lúa thơm và
đường phèn,

二乘之人亦復如是。憎惡無上大涅槃經。

Nhị thừa chi nhân diệc phục như thị 。

Tăng ác vô thượng Đại Niết-bàn Kinh 。

người nhị thừa cũng lại như vậy, ghét kinh Đại Niết-bàn Vô thượng,
或有眾生其心甘樂聽受是經聞已歡喜不生誹謗。

Hoặc hữu chúng sanh kỳ tâm cam lạc thính thọ thị Kinh văn dĩ hoan hỷ bất sanh phi báng
。

hoặc có chúng sanh tâm họ vui thích nghe thọ kinh ấy, nghe rồi hoan hỷ không sanh phi
báng,

如彼福人食於稻糧。

Như bĩ phúc nhân thực ư đạo lương 。

Như người phước kia ăn thức ăn lúa gié,

善男子。譬如有王居在山中險難惡處。

Thiện nam tử 。

Thí như hữu Vương cư tại sơn trung hiểm nan ác xử 。

Thiện nam tử, thí như có vị vua ở chỗ hiểm nạn trong núi,

雖有甘蔗稻糧石蜜以其難得貪惜積聚。

Tuy hữu cam giá đạo lương thạch mật dĩ kỳ nan đắc tham tích tích tụ 。

Tuy có mía, lúa gié, đường phèn, vì khó khăn nên tham tiếc tích tụ,

不敢噉食懼其有盡唯食粟稗。

Bất cảm đạm thực cụ kỳ hữu tận duy thực túc bại 。

không dám ăn sợ sẽ hết thức ăn chỉ ăn lúa đắng, 有異國王聞之憐笑。即以車載稻糧甘蔗
而送與之。

Hữu dị Quốc Vương văn chi liên tiếu 。

Túc dĩ xa tái đạo lương cam giá nhi tổng dĩ chi 。

có vị Quốc vương nước khác nghe thể thương xót mà cười, liền đem xe chở lúa gié, mía,
đến cho ở đó,

其王得已即便分張舉國共食。

Kỳ Vương đắc dĩ tức tiện phân trương cử quốc cộng thực 。

vị vua kia được lúa rồi liền phân chia cho cả nước cùng ăn,

民既食已皆生歡喜。咸作是言因彼王故令我得是希有之食。

Dân ký thực dĩ giai sanh hoan hỷ 。

Hàm tác thị ngôn nhân bĩ Vương cố lệnh ngã đắc thị hi
hữu chi thực 。

Dân đã ăn rồi liền sanh hoan hỷ, đều nói lời rằng: nhờ ông vua kia cho nên tôi được thức
ăn hiếm có ấy.

善男子。是四種人亦復如是。

Thiện nam tử 。 Thị tứ chủng nhân diệc phục như thị 。

Thiện nam tử, bốn loài người ấy cũng lại như vậy.

為此無上大法之將。

Vi thử vô thượng Đại Pháp chi tướng 。

vì tương lai của pháp lớn Vô thượng này,

是四種中或有一人見於他方無量菩薩雖學如是大乘經典若自書寫若令他書。

Thị tứ chủng trung hoặc hữu nhất nhân kiến ư tha phương vô lượng Bồ-tát tuy học như thị

Đại thừa Kinh điển nhược tự thư tả nhược lệnh tha thư 。

trong bốn loại người ấy hoặc có một người thấy ở phương khác vô lượng Bồ-tát tuy học

kinh điển Đại thừa như vậy nếu tự mình viết chép hoặc khiến người viết chép,

為利養故為稱譽故為了法故為依止故。

Vi lợi dưỡng cố vi xưng dự cố vi liễu Pháp cố vi y chỉ cố 。

Vì lợi dưỡng, vì khen ngợi, vì hiểu pháp vì nương tựa,

為用博易其餘經故。不能廣為他人宣說。

Vi dụng bác dịch kỳ dư Kinh cố 。

vì dùng sự uyên bác chuyển đổi kinh khác, không có thể rộng vì người khác tuyên nói,

是故持是微妙經典送至彼方與彼菩薩。

Thị cố trì thị vi diệu Kinh điển tổng chí bỉ phương dữ bỉ Bồ-tát 。

cho nên giữ tâm giữ gìn kinh điển vi diệu ấy đưa đến phương khác cho các vị Bồ-tát khác,

令發無上菩提之心安住菩提。

Lệnh phát vô thượng bồ đề chi tâm an trú bồ đề 。

khiến phát tâm Vô thượng Bồ Đề an trú Bồ Đề,

而是菩薩得是經已即便廣為他人演說令無量眾得受如是大乘法味。

Nhi thị Bồ-tát đắc thị Kinh dĩ tức tiện quảng vi tha nhân diễn thuyết lệnh vô lượng chúng

đắc thọ như thị Đại thừa Pháp vị 。

mà Bồ-tát kia được kinh ấy xong liền vì người khác rộng nói khiến cho vô lượng chúng

sinh thọ được các vị pháp Đại thừa như vậy,

皆悉是此一菩薩力所未聞經悉令得聞。如彼人民因王力故得希有食。又善男子。

Giai tất thị thử nhất Bồ-tát lực sở vị văn Kinh tất lệnh đắc văn 。

Như bỉ nhân dân nhân Vương lực cố đắc hi hữu thực 。

Hựu thiện nam tử 。

thầy đều là lực của vị Bồ-tát này ai chưa từng nghe kinh đều khiến được nghe, như nhân dân kia nhờ của vua nên được thức ăn hiếm có, lại nữa thiện nam tử,
是大涅槃微妙經典所流布處。

Thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển sở lưu bố xử 。

những nơi mà kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu ấy lưu bố,

當知其地即是金剛。是中諸人亦如金剛。

Đương tri kỳ địa tức thị Kim cương 。

Thị trung chư nhân diệc như Kim cương 。

phải biết đất ấy tức là kim cương, thì trong ấy các người cũng như kim cương,

若有能聽如是經者。即不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。
Nhược hữu năng thính như thị Kinh giả 。

Tức bất thối chuyển ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề 。

nếu người có khả năng nghe kinh như vậy, tức không còn thối chuyển nơi a-nậu-đa-la tam-miểu-tam-Bồ-đề,

隨其所願悉得成就如我今日所可宣說。

Tùy kỳ sở nguyện tất đắc thành tựu như ngã kim nhật sở khả tuyên thuyết 。

Tùy sở nguyện mỗi người thầy đều thành tựu như Ta ngày nay có thể tuyên nói,
汝等比丘應善受持。

Nhữ đẳng tỷ kheo ứng thiện thọ trì 。

Tỳ-kheo các người nên khéo thọ trì,
若有眾生不能聽聞如是經典。當知是人甚可憐愍。何以故。

Nhược hữu chúng sanh bất năng thính văn như thị Kinh điển 。

Đương tri thị nhân thậm khả liên mẫn 。

Hà dĩ cố 。

nếu có chúng sanh không thể nghe kinh điển như vậy, phải biết người ấy rất đáng thương.

Vì sao vậy?

是人不能受持如是大乘經典甚深義故。

Thị nhân bất năng thọ trì như thị Đại thừa Kinh điển thậm thâm nghĩa cố 。

người ấy không có thể ý nghĩa sâu xa của kinh điển Đại thừa như vậy.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: Thế Tôn,
如來滅後四十年中是大乘典大涅槃經於閻浮提廣行流布。

Như Laidiệt hậu tứ thập niên trung thị Đại thừa điển Đại Niết-bàn Kinh ư Diêm-phù-đề
quảng hành lưu bố 。

sau khi Như Lai diệt độ trong vòng bốn mươi năm kinh Đại thừa Đại Niết-bàn ấy ở Diêm-
phù-đề lưu bố rộng rãi,

過是已後沒於地者。

Quá thị dĩ hậu một ư địa giả 。

quá thời gian ấy thì ẩn trong đất,

却後久近復當還出佛言。善男子。若我正法餘八十年前四十年。

Khước hậu cửu cận phục đương hoàn xuất Phật ngôn 。

Thiện nam tử 。

Nhược ngã
chánh Pháp dư bát thập niên tiền tứ thập niên 。

ngược lại về sau càng lâu lại sẽ trở lại nói ra lời Phật dạy, thiện nam tử, nếu Chánh pháp
Ta hơn tám mươi năm trước bốn mươi năm,

是經復當於閻浮提雨大法雨。

Thị Kinh phục đương ư Diêm-phù-đề vũ Đại Pháp vũ 。

Kinh ấy lại sẽ ở nơi cõi Diêm-phù-đề mưa đại pháp vũ,

迦葉菩薩復白佛言。世尊。

Ca-diếpBồ-tát phục bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: Thế Tôn,

如是經典正法滅時正戒毀時。非法增長時無如法眾生時。

Như thị Kinh điển chánh Pháp diệt thời chánh giới hủy thời 。

Phi Pháp tăng trường thời vô
như Pháp chúng sanh thời 。

Kinh điển như vậy khi Chánh pháp diệt, lúc Chánh giới hủy, lúc việc phi pháp tăng trường,
lúc không còn chúng sanh như pháp,

誰能聽受奉持讀誦。

Thùy năng thính thọ phụng trì độc tụng 。

Ai có thể nghe, thọ trì đọc tụng,

令其通利供養恭敬書寫解說唯願如來。

Lệnh kỳ thông lợi cung dưỡng cung kính thư tả giải thuyết duy nguyện Như Lai。

khiến vì lợi ích ấy cúng dường cung kính viết chép giảng nói, cúi mong Như Lai,

憐愍眾生分別廣說令諸菩薩聞已受持。

Liên miễn chúng sanh phân biệt quảng thuyết lệnh chư Bồ-tát văn dĩ thọ trì 。

Thương xót chúng sanh phân biệt rộng nói khiến các Bồ-tát nghe rồi thọ trì,
持已即得不退阿耨多羅三藐三菩提心。

Trì dĩ tức đắc bất thối a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm 。

thọ trì rồi liền được tâm không thối chuyển nơi a-nậu-đa-la tam-miểu-tam-Bồ-đề,
爾時佛讚迦葉。善哉善哉。善男子。

Nhĩ thời Phật tán Ca-diếp。Thiện tai Thiện tai 。

Thiện nam tử 。

lúc bấy giờ Phật khen ngợi Ca-diếp: Lành thay! Lành thay! Thiện nam tử,
汝今善能問如是義。善男子。

Nhữ kim thiện năng vấn như thị nghĩa 。

Thiện nam tử 。

Người nay khéo có thể hỏi nghĩa như vậy. Thiện nam tử,
若有眾生於熙連河沙等諸佛所發菩提心。

Nhược hữu chúng sanh ư hy liên hà sa đẳng chư Phật sở phát bồ đề tâm 。

nếu có chúng sanh ở nơi... hà sa v.v... chư Phật phát tâm Bồ-đề,
乃能於是惡世受持如是經典不生誹謗。善男子。

Nãi năng ư thị ác thế thọ trì như thị Kinh điển bất sanh phi báng 。

Thiện nam tử 。

mới có thể ở nơi cuộc đời xấu ác ấy thọ trì kinh điển như vậy không sanh tâm phi báng,
thiện nam tử,

若有能於一恒河沙等諸佛世尊發菩提心。

Nhược hữu năng ư nhất hằng hà sa đẳng chư Phật Thế tôn phát bồ đề tâm 。

nếu có thể ở nơi một hằng hà sa đẳng chư Phật Thế Tôn phát tâm Bồ-đề,

然後乃能於惡世中不謗是法愛樂是典。不能為人分別廣說。

Nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bất báng thị Pháp ái lạc thị điển 。

Bất năng vi nhân phân biệt quảng thuyết 。

về sau mới có thể ở trong đời xấu ác không phi báng pháp ấy, vui thích kinh điển ấy

nhưng không có thể vì người phân biệt rộng nói,
善男子。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử,

若有眾生於二恒河沙等佛所發菩提心。然後乃能於惡世中不謗是法。

Nhược hữu chúng sanh ư nhị hằng hà sa đẳng Phật sở phát bồ đề tâm 。

Nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bất báng thị Pháp 。

Nếu có chúng sanh ở hai hằng hà sa v.v... chư Phật phát tâm Bồ-đề, về sau mới có thể ở trong đời xấu ác chẳng chê bai pháp ấy,

正解信樂受持讀誦亦不能為他人廣說。

Chánh giải tín lạc thọ trì đọc tụng diệc bất năng vi tha nhân quảng thuyết 。

Chân chánh tin hiểu thọ trì đọc tụng cũng không thể vì người khác rộng nói,

若有眾生於三恒河沙等佛所發菩提心。

Nhược hữu chúng sanh ư tam hằng hà sa đẳng Phật sở phát bồ đề tâm 。

Nếu có chúng sanh ở nơi ba hằng hà sa v.v... chư Phật phát tâm Bồ-đề,

然後乃能於惡世中不謗是法。

Nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bất bàng thị Pháp 。

về sau mới có thể trong đời xấu ác không hủy bàng pháp ấy,

受持讀誦書寫經卷雖為他說未解深義。

Thọ trì đọc tụng thư tả Kinh quyển tuy vi tha thuyết vị giải thâm nghĩa 。

Thọ trì đọc tụng biên chép kinh quyển dù vì người khác nói nhưng chưa hiểu nghĩa sâu xa,

若有眾生於四恒河沙等佛所發菩提心。然後乃能於惡世中不謗是法。

Nhược hữu chúng sanh ư tứ hằng hà sa đẳng Phật sở phát bồ đề tâm 。

Nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bất bàng thị Pháp 。

nếu có chúng sanh ở nơi bốn hằng hà sa v.v... chư Phật phát tâm Bồ-đề, về sau mới có thể ở trong đời xấu ác không phỉ bàng pháp ấy,

受持讀誦書寫經卷為他廣說十六分中一分之義。

Thọ trì đọc tụng thư tả Kinh quyển vi tha quảng thuyết thập lục phân trung nhất phân chi nghĩa。

Thọ trì đọc tụng biên chép kinh quyển vì người khác rộng nói một phần trong mười sáu phần nghĩa,

雖復演說亦不具足。

Tuy phục diễn thuyết diệc bất cụ túc 。

Tuy lại diễn nói nhưng cũng chưa đầy đủ,

若有眾生於五恒河沙等佛所發菩提心。

Nhược hữu chúng sanh ư ngũ hằng hà sa đẳng Phật sở phát bồ đề tâm 。

nếu có chúng sanh ở nơi năm hằng hà sa v.v... chư Phật phát tâm Bồ-đề,

然後乃能於惡世中不謗是法。

Nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bất báng thị Pháp 。

về sau mới có thể ở trong đời xấu ác không phỉ báng pháp ấy,

受持讀誦書寫經卷廣為人說十六分中八分之義。

Thọ trì đọc tụng thư tả Kinh quyển quảng vi nhân thuyết thập lục phân trung bát phân chi nghĩa 。

Thọ trì đọc tụng biên chép kinh quyển rộng vì người khác nói tám phần trong mười sáu phần nghĩa,

若有眾生於六恒河沙等佛所發菩提心。然後乃能於惡世中不謗是法。

Nhược hữu chúng sanh ư lục hằng hà sa đẳng Phật sở phát bồ đề tâm 。

Nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bất báng thị Pháp 。

nếu có chúng sanh ở nơi sáu hằng hà sa v.v... chư Phật phát tâm Bồ-đề, về sau mới có thể ở trong đời xấu ác không phỉ báng pháp ấy,

受持讀誦書寫經卷為他廣說十六分中十二分義。

Thọ trì đọc tụng thư tả Kinh quyển vi tha quảng thuyết thập lục phân trung thập nhị phân nghĩa 。

Thọ trì đọc tụng biên chép kinh quyển vì người khác rộng nói mười hai phần trong mười sáu phần nghĩa,

若有眾生於七恒河沙等佛所發菩提心。

Nhược hữu chúng sanh ư thất hằng hà sa đẳng Phật sở phát bồ đề tâm 。

nếu có chúng sanh ở nơi bảy hằng hà sa v.v... chư Phật phát tâm Bồ-đề,

然後乃能於惡世中不謗是法。

Nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bất báng thị Pháp 。

về sau mới có thể ở trong đời xấu ác không phỉ báng pháp ấy,

受持讀誦書寫經卷為他廣說十六分中十四分義。

Thọ trì đọc tụng thư tả Kinh quyển vi tha quảng thuyết thập lục phân trung thập tứ phân nghĩa 。

Thọ trì đọc tụng biên chép kinh quyển vì người khác rộng nói mười bốn phần trong mười sáu phần nghĩa,

若有眾生於八恒河沙等佛所發菩提心。

Nhược hữu chúng sanh ư bát hằng hà sa đẳng Phật sở phát bồ đề tâm 。

nếu có chúng sanh ở nơi tám hằng hà sa v.v... phát tâm Bồ-đề,
然後乃能於惡世中不謗是法。

Nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bất bàng thị Pháp 。

về sau mới có thể ở trong đời xấu ác không phỉ báng pháp ấy,
受持讀誦書寫經卷亦勸他人令得書寫。

Thọ trì đọc tụng thư tả Kinh quyển diệc khuyến tha nhân lệnh đắc thư tả 。

Thọ trì đọc tụng biên chép kinh quyển cũng khuyên người khác khiến được biên chép,
自能聽受復勸他人令得聽受讀誦通利。

Tự năng thính thọ phục khuyến tha nhân lệnh đắc thính thọ đọc tụng thông lợi 。

tự có thể nghe thọ trì lại khuyên người khác khiến được nghe thọ trì đọc tụng được lợi ích,
擁護堅持憐愍世間諸眾生故供養是經。

ủng hộ kiên trì liên mãn thế gian chư chúng sanh cố cung dưỡng thị Kinh 。

kiên trì ủng hộ thương xót chúng sanh thế gian cho nên cúng dường kinh ấy,
亦勸他人令其供養恭敬尊重讀誦禮拜亦復如是。具足能解盡其義味。

Diệc khuyến tha nhân lệnh kỳ cung dưỡng cung kính tôn trọng đọc tụng lễ bái diệc phục
như thị 。

Cũng khuyên người khác khiến được cung kính cúng dường đọc tụng lễ bái kinh ấy như
vậy, có thể hiểu hết đầy đủ ý nghĩa,

所謂如來常住不變畢竟安樂。

Sở vị Như Lai thường trụ bất biến tất cánh an lạc 。

Đó là Như Lai thường trụ không biến đổi rốt ráo an lạc,

廣說眾生悉有佛性。善知如來所有法藏。

Quảng thuyết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

Thiện tri Như Lai sở hữu Pháp tạng 。

rộng nói chúng sanh đều có Phật tánh, khéo biết những pháp tạng của Như Lai,
供養如是諸佛等已。建立如是無上正法受持擁護。

Cung dưỡng như thị chư Phật đẳng dĩ。Kiến lập như thị vô thượng chánh Pháp thọ trì ủng
hộ 。

cúng dường chư Phật như vậy rồi, xây dựng Chánh pháp Vô thượng thọ trì ủng hộ như
vậy,

若有始發阿耨多羅三藐三菩提心。

Nhược hữu thủy phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm 。

nếu có người ban đầu phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-Bồ-đề,
當知是人未來之世必能建立如是正法受持擁護。

Đương tri thị nhân vị lai chi thể tất năng kiến lập như thị chánh Pháp thọ trì ủng hộ 。
nên biết người ấy ở đời vị lai có thể xây dựng Chánh pháp thọ trì ủng hộ như vậy,
是故汝今不應不知未來世中護法之人。何以故。

Thị cố nhữ kim bất ứng bất tri vị lai thể trung hộ Pháp chi nhân 。 Hà dĩ cố 。

Cho nên người nay không thể không biết người ấy hộ trì pháp trong đời vị lai. Vì sao như vậy?

是發心者於未來世必能護持無上正法。善男子。

Thị phát tâm giả ư vị lai thể tất năng hộ trì vô thượng chánh Pháp 。 Thiện nam tử 。
người phát tâm ấy ở đời vị lai có thể hộ trì Chánh pháp Vô thượng. Thiện nam tử,
有惡比丘聞我涅槃不生憂愁。

Hữu ác tử kheo văn ngã Niết-Bàn bất sanh ưu sầu 。

Có Tỳ-kheo xấu nghe Ta nhập Niết-bàn không sanh lòng sầu lo,
今日如來入般涅槃何期快哉。

Kim nhập Như Lai nhập bát Niết-Bàn hà kỳ khoái tai 。

Nay Như Lai nhập Niết-bàn vui sướng làm sao!

如來在世遮我等利今入般涅槃誰復當有遮奪我者。

Như Laitại thế già ngã đặng lợi kim nhập bát Niết-Bàn thù phục đương hữu già đoạt ngã già 。

Như Lai còn tại thế đã ngăn những điều lợi của chúng tôi nay nhập Niết-bàn rồi ai lại sẽ ngăn cấm tôi nữa,

若無遮奪我則還得如來利養。

Nhược vô già đoạt ngã tắc hoàn đắc Như Lailợi dưỡng 。

nếu không ngăn cấm tôi thì lại được lợi dưỡng của Như Lai,

如來在世禁戒嚴峻今入涅槃悉當放捨。

Như Laitại thế cấm giới nghiêm tuấn kim nhập Niết-Bàn tất đương phóng xả 。

Như Lai còn tại thế cấm giới trang nghiêm nay nhập Niết-bàn đều phải xả bỏ,

所受袈裟本為法式今當廢壞如木頭幡。如是等人誹謗拒逆是大乘經。

Sở thọ ca sa bốn vi Pháp thức kim đương phế hoại như mộc đầu phiên 。

Như thị đặng nhân phi báng cự nghịch thị Đại thừa Kinh 。

những áo ca sa đã thọ vốn là hình thức của pháp nay sẽ phá hoại như lá phướng treo đầu cây gỗ, những người hủy báng pháp như vậy trái với kinh điển Đại thừa,
善男子。汝今應當如是憶持。

Thiện nam tử 。 Nhữ kim ứng đương như thị ức trì 。

Thiện nam tử, người nay nên phải nhớ giữ gìn như vậy,
若有眾生成就具足無量功德。乃能信是大乘經典信已受持。

Nhược hữu chúng sanh thành tựu cụ túc vô lượng công đức 。 Nãi năng tín thị Đại thừa Kinh điển tín dĩ thọ trì 。

nếu có chúng sanh thành tựu đầy đủ công đức vô lượng, mới có thể tin kinh điển Đại thừa ấy, tin rồi thọ trì,

其餘眾生有樂法者。若能廣為解說此經。

Kỳ dư chúng sanh hữu lạc Pháp giả 。 Nhược năng quảng vi giải thuyết thử Kinh 。
những chúng sanh ấy có nhiều niềm vui, nếu có thể rộng giảng giải kinh này,
其人聞已過去無量阿僧祇劫所作惡業皆悉除滅。

Kỳ nhân văn dĩ quá khứ vô lượng a tăng kì kiếp sở tác ác nghiệp giai tất trừ diệt 。
người nghe rồi thì những ác nghiệp trong vô lượng A-tăng-kì-kiếp thấy đều trừ diệt,
若不信是經典者。

Nhược hữu bất tín thị Kinh điển giả 。

nếu có người không tin kinh này,
現身當為無量病苦之所惱害。多為眾人所見罵辱。

Hiện thân đương vi vô lượng bệnh khổ chi sở nã hại 。

Đa vi chúng nhân sở kiến mạ nhục 。

命終之後人所輕賤顏貌醜陋。

Mạng chung chi hậu nhân sở khinh tiện nhan mạo xú lậu 。

Sau khi mạng chung bị người khinh rẻ nhan sắc xấu xí,
資生艱難常不供足雖復少得麤澁弊惡。

Tư sanh gian nan thường bất cung túc tuy phục thiếu đắc thô sấp tệ ác 。

của cải khó khăn thường không đầy đủ tuy ít bị xấu xí thô ác,

生生常處貧窮下賤誹謗正法邪見之家。若臨終時或值荒亂刀兵競起。

Sanh sanh thường xử bần cùng hạ tiện phỉ báng chánh Pháp tà kiến chi gia 。 Nhược lâm chung thời hoặc trị hoang loạn đao binh cạnh khởi 。

thường sanh vào nhà bần cùng hạ tiện phỉ báng Chánh pháp, tà kiến, nếu lúc lâm chung lúc loạn lạc đao binh chiến tranh nổi lên,

帝王暴虐怨家讎隙之所侵逼。

Đế Vương bạo ngược oán gia thù 隙 chi sở xâm bức 。

Vua quan bạo ngược oan gia thù oán áp bức,

雖有善友而不遭遇。資生所須求不能得。

Tuy hữu thiện hữu nhi bất tao ngộ 。

Dù có bạn tốt mà không gặp được, tài sản cần dùng cầu mà không được,

雖少得利常患飢渴。唯為凡下之所顧識。國王大臣悉不齒錄。

Tuy thiếu đắc lợi thường hoạn cơ khát 。

Dù ít được lợi thường gặp đói khác, chỉ có phàm phu hạ liệt biết đến, Quốc vương đại thần đều không ai ghi chép về tuổi tác.

設復聞其有所宣說正使是理終不信受。

Thiết phục văn kỳ hữu sở tuyên thuyết chánh sử thị lý chung bất tín thọ 。

nếu lại nghe được những điều chánh sử nói lẽ phải trọn không tin nhận,

如是之人不至善處。如折翼鳥不能飛行。

Như thị chi nhân bất chí thiện xử 。

người như vậy không đến được thiện xứ, như cánh chim bị bẻ gãy không thể bay được,

是人亦爾於未來世不能得至人天善處。

Thị nhân diệc nhĩ ư vị lai thế bất năng đắc chí nhân Thiên thiện xử 。

người ấy cũng như vậy, ở đời vị lai không có thể đến được nơi cõi Trời, Người, thiện xứ,

若復有人能信如是大乘經典。本所受形雖復龕陋。

Nhược phục hữu nhân năng tín như thị Đại thừa Kinh điển 。

nếu lại có người có thể tin kinh điển Đại thừa như vậy, những thân hình đã thọ tuy vốn xấu xí,

以經功德即便端正威顏色力日更增多。

Dĩ Kinh công đức tức tiện đoan chánh uy nhan sắc lực nhật canh tăng đa 。

nhờ công đức kinh liền được nhan sắc đoan chánh uy nghi ngày càng tăng nhiều,
常為人天之所樂見。恭敬愛戀情無捨離。

Thường vi nhân Thiên chi sở lạc kiến 。 Cung kính ái luyến tình vô xả ly 。
thường thấy được cảnh giới an vui của Trời, Người, luyến ái cung kính không thể xa lìa,
國王大臣及家親屬聞其所說悉皆敬信。

Quốc Vương Đại Thần cập gia thân chúc văn kỳ sở thuyết tất giai kính tín 。
Quốc vương, Đại thần, và gia đình quyến thuộc nghe những điều ấy thảy đều kính tin,
若我聲聞弟子之中欲行第一希有事者。

Nhược ngã Thanh văn đệ-tử chi trung dục hành đệ nhất hi hữu sự giả 。
nếu trong số Thanh văn đệ tử của Ta muốn làm một việc hy hữu nhất,
當為世間廣宣如是大乘經典。

Đương vi thế gian quảng tuyên như thị Đại thừa Kinh điển 。
sẽ vì thế gian rộng nói kinh điển Đại thừa như vậy,
善男子。譬如霧露勢雖欲住不過日出。

Thiện nam tử 。 Thí như vụ lộ thế tuy dục trụ bất quá nhật xuất 。
Thiện nam tử, thí như sức sương mù tuy muốn tồn tại quá lúc mặt trời mọc,
日既出已消滅無餘。善男子。

Nhật ký xuất dĩ tiêu diệt vô dư 。 Thiện nam tử 。
nhưng mặt trời đã mọc thì liền bị tiêu diệt không còn, thiện nam tử,
是諸眾生所有惡業亦復如是。住世勢力不過得見大涅槃日。

Thị chư chúng sanh sở hữu ác nghiệp diệt phục như thị 。 Trụ thế lực bất quá đắc
kiến Đại Niết-Bàn nhật 。
những ác nghiệp của các chúng sanh ấy cũng như vậy, sức lực ở đời không thể vượt qua
ngày Đại Niết-bàn xuất hiện,
是日既出悉能除滅一切惡業。

Thị nhật ký xuất tất năng trừ diệt nhất thiết ác nghiệp 。
Ngày kinh ấy xuất hiện đều có thể trừ tất cả nghiệp ác,
復次善男子。譬如有人出家剃髮雖服袈裟。

Phục thứ thiện nam tử 。 Thí như hữu nhân xuất gia thế phát tuy phục ca sa 。
Lại nữa, thiện nam tử, thí như có người cạo bỏ râu tóc xuất gia, tuy mặc ca sa,
故未得受沙彌十戒。或有長者來請眾僧。

Cố vị đắc thọ sa di thập giới 。 Hoặc hữu Trưởng-Giả lai thỉnh chúng tăng 。
 Nhưng chưa được thọ mười giới Sa-di, nếu có trưởng giả đến mời chúng Tăng,
 未受戒者即與大眾俱共受請。

Vị thọ giới giả tức dĩ Đại chúng câu cộng thọ thỉnh 。
 vị chưa thọ giới ấy cũng cùng Đại chúng đều thọ cúng dường
 雖未受戒已墮僧數。善男子。

Tuy vị thọ giới dĩ đọa tăng số 。 Thiện nam tử 。
 Tuy chưa thọ giới nhưng đã dự vào Tăng số, thiện nam tử,
 若有眾生發心始學是大乘典大涅槃經。書持讀誦亦復如是。

Nhược hữu chúng sanh phát tâm thủy học thị Đại thừa điển Đại Niết-bàn Kinh 。 Thư trì
 độc tụng diệc phục như thị 。
 nếu có chúng sanh ban đầu phát tâm học kinh Đại thừa Đại Niết-bàn ấy, viết chép đọc
 tụng cũng lại như vậy,
 雖未具足位階十住則已墮於十住數中。

Tuy vị cụ túc vị giai thập trụ tắc dĩ đọa ư thập trụ số trung 。
 Tuy chưa đầy đủ thềm bậc cho Thập trụ nhưng đã dự vào trong số Thập trụ rồi,
 或有眾生是佛弟子或非弟子。

Hoặc hữu chúng sanh thị Phật đệ-tử hoặc phi đệ-tử 。
 hoặc có chúng sanh là đệ tử Phật hoặc chẳng phải là đệ tử Phật,
 若因貪怖或因利養聽受是經乃至一偈。

Nhược nhân tham phổ hoặc nhân lợi dưỡng thỉnh thọ thị Kinh nãi chí nhất kệ 。
 hoặc vì tham lam, hoặc vì lợi dưỡng nghe thọ kinh ấy cho đến một câu kệ,
 聞已不謗當知是人則為已近阿耨多羅三藐三菩提。善男子。

Văn dĩ bất báng đương tri thị nhân tắc vi dĩ cận a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。 Thiện
 nam tử 。
 Nghe rồi không phỉ báng nên biết người ấy tức đã gần với a-nậu-đa-la tam-miểu-tam-Bồ-
 đề, thiện nam tử,
 以是因緣我說四人為世間依。善男子。

Dĩ thị nhân duyên ngã thuyết tứ nhân vi thế gian y 。 Thiện nam tử 。
 nhờ nhân duyên đó Ta nói bốn loại người là chỗ nương tựa của thế gian, thiện nam tử,
 如是四人若以佛說言非佛說無有是處。

Như thị tứ nhân nhược dĩ Phật thuyết ngôn phi Phật thuyết vô hữu thị xử 。
bốn loại người như vậy nếu đem lời Phật dạy chẳng phải lời Phật dạy không có chỗ đó,
是故我說如是四人為世間依。善男子。汝應供養如是四人。

Thị cố ngã thuyết như thị tứ nhân vi thế gian y 。 Thiện nam tử 。 Nhữ ứng cung dưỡng
như thị tứ nhân 。

Cho nên Ta nói bốn loài người như vậy là chỗ nương tựa của thế gian, thiện nam tử,
người nên cúng dường bốn loại người như vậy,
世尊。我當云何識知是人而為供養。

Thế tôn 。 Ngã đương vân hà thức tri thị nhân nhi vi cung dưỡng 。

Thế Tôn, con làm sao biết được người ấy để mà cúng dường,
佛告迦葉。若有建立護持正法。

Phật cáo Ca-diếp。 Nhược hữu kiến lập hộ trì chánh Pháp 。

Phật dạy Ca-diếp: nếu có người xây dựng thọ trì Chánh pháp,
如是之人應從啟請當捨身命而供養之。

Như thị chi nhân ứng tòng khải thỉnh đương xả thân mạng nhi cung dưỡng chi 。

người như vậy nên từ người ấy thỉnh mời xả thân mạng mà cúng dường
如我於是大乘經說。

Như ngã ư thị Đại thừa Kinh thuyết 。

Như Ta ở nơi kinh Đại thừa ấy nói,

有知法者	若老若少	故應供
養		

Hữu tri Pháp giả	nhược lão nhược thiếu	cố ứng cung dưỡng
Có người biết pháp,	hoặc già hoặc trẻ,	phải nên cúng dường,
恭敬禮拜	猶如事火	婆羅門
等		

Cung kính lễ bái	Do như sự hỏa	Bà-la-môn đấng
Cung kính đánh lễ,	Như người thờ lửa,	Chúng Bà-la-môn
有知法者	若老若少	故應供
養		

Hữu tri Pháp giả	Nhược lão nhược thiếu	Cố ứng cung dưỡng
Có người biết pháp,	Hoặc già hoặc trẻ,	Phải nên cúng dường,

恭敬禮拜
釋

亦如諸天

奉事帝

Cung kính lễ bái

Diệc như chư Thiên

Phụng sự đêthích

Cung kính đánh lễ,

Cũng như Chư Thiên,

Phụng sự Đế Thích.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật, Thế Tôn,

如佛所說供養師長正應如是。今有所疑唯願廣說。

Như Phật sở thuyết cung dưỡng sư trưởng chánh ứng như thị 。

Kim hữu sở nghi duy
nguyện quảng thuyết 。

Như Phật đã dạy cúng dường sư trưởng chân chánh phải nên như vậy, nay có chỗ nghi
cúi xin rộng nói,

若有長宿護持禁戒。

Nhược hữu trường tú hộ trì cấm giới 。

nếu có bậc Tôn túc hộ trì cấm giới,

從年少邊諮受未聞云何是人當禮敬不。若當禮敬是則不名為持戒也。

Tòng niên thiếu biên ti thọ vị văn vân hà thị nhân đương lễ kính bất 。

Nhược đương lễ
kính thị tắc bất danh vi trì giới dã 。

từ niên thiếu chưa từng nghe lời bàn bạc tại sao phải cung kính người ấy chẳng? nếu nên
cung kính thì không gọi là trì giới vậy.

若是年少護持禁戒。

Nhược thị niên thiếu hộ trì cấm giới 。

nếu người ấy lúc nhỏ hộ trì cấm giới,

從諸宿舊破戒人邊諮受未聞復應禮不。

Tòng chư tú cựu phá giới nhân biên ti thọ vị văn phục ứng lễ bất 。

từ các vị tôn túc kì cựu phá giới chưa từng nghe lời bàn bạc lại phải đánh lễ chẳng?

若出家人從在家人諮受未聞復當禮不。然出家人不應禮敬在家人也。

Nhược xuất gia nhân tòng tại gia nhân ti thọ vị văn phục đương lễ bất 。

Nhiên xuất gia
nhân bất ứng lễ kính tại gia nhân dã 。

nếu người xuất gia từ người tại gia chưa từng nghe lời bàn bạc lại phải cúng dường
chẳng? Nhưng người xuất gia không được cung kính đánh lễ người tại gia vậy.

然佛法中年少幼小應當恭敬耆舊長宿。

Nhiên Phật Pháp trung niên thiếu ấu tiểu ứng đương cung kính kì cựu trường tú 。

Nhưng trong Phật pháp niên thiếu thơ ấu phải cung kính bậc trưởng lão tôn túc,
以是長宿先受具戒成就威儀。是故應當供養恭敬。

Dĩ thị trường tú tiên thọ cụ giới thành tựu uy nghi 。

Thị cố ứng đương cung dưỡng cung kính 。

Vì bậc trưởng lão tôn túc trước thọ giới cụ túc thành tựu oai nghi, cho nên phải nên cúng dưỡng cung kính,

如佛言曰其破戒者。是佛法中所不容受。

Như Phật ngôn viết kỳ phá giới giả 。

Thị Phật Pháp trung sở bất dung thọ 。

Như Phật dạy người phá giới ấy, ở trong Phật pháp không chỗ dung nạp,
猶如良田多有稊稗。又如佛說有知法者。

Do như lương điền đa hữu đề bại 。

Hựu như Phật thuyết hữu tri Pháp giả 。

giống như ruộng tốt có nhiều cỏ, lại như Phật dạy có người biết pháp,
若老若少故應供養如事帝釋。如是二句其義云何。

Nhược lão nhược thiếu cố ứng cung dưỡng như sự đế thích 。

Như thị nhị cú kỳ nghĩa vân hà 。

hoặc già hoặc trẻ cho nên phải cúng dưỡng như phụng sự Đế Thích, hai câu ấy nghĩa thế nào?

將非如來虛妄說耶。

Tướng phi Như Lai hư vọng thuyết da 。

chẳng phải Như Lai hư vọng thuyết chẳng?

如佛言曰持戒比丘亦有所犯。何故如來而作是說。世尊。

Như Phật ngôn viết trì giới tỳ kheo diệc hữu sở phạm 。

Hà cố Như Lai tác thị thuyết 。

Thế tôn 。

Như Phật dạy Tỳ-kheo trì giới cũng có chỗ phạm. Tại sao Như Lai lại nói như thế? Thế Tôn,

亦於餘經中說聽治破戒。如是所說其義未了。

Diệc ư dư Kinh trung thuyết thính trì phá giới 。

Như thị sở thuyết kỳ nghĩa vị liễu 。

Cũng ở trong kinh khác nói nên trị phạt người phá giới, nói lời như vậy chưa hiểu nghĩa ấy,
佛告迦葉。善男子。

Phật cáo Ca-diếp. Thiện nam tử。

Phật dạy Ca-diếp: Thiện nam tử,

我為未來諸菩薩等學大乘者說如是偈。不為聲聞弟子說也。善男子。

Ngã vi vị lai chư Bồ-tát đẳng học Đại thừa giả thuyết như thị kệ。Bất vi Thanh văn đệ-tử thuyết dã。Thiện nam tử。

Ta vì các vị Bồ-tát vị lai học pháp Đại thừa nói kệ như vậy, chẳng phải vì đệ tử Thanh văn nói, thiện nam tử,

如我先說正法滅已毀正戒時增長破戒。

Như ngã tiên thuyết chánh Pháp diệt dĩ hủy chánh giới thời tăng trường phá giới。

Như Ta trước nói Chánh pháp diệt rồi lúc đó Chánh giới phá hủy sự phá giới tăng trường, 非法盛時一切聖人隱不現時。受畜奴婢不淨物時。

Phi Pháp thịnh thời nhất thiết Thánh nhân ẩn bất hiện thời。Thọ súc nô tì bất tịnh vật thời。

Lúc việc phi pháp thịnh hành, lúc tất cả Thánh nhân ẩn mất không hiện, lúc có người nuôi súc vật nô tỳ vật không thanh tịnh,

是四人中當有一人出現於世。

Thị tứ nhân trung đương hữu nhất nhân xuất hiện ư thế。

Trong bốn loại người ấy sẽ có một người xuất hiện ở đời 剃除鬚髮出家修道。

Thế trừ tu phát xuất gia tu đạo。

cạo bỏ râu tóc xuất gia tu đạo,

見諸比丘各各受畜奴婢僕使不淨之物。淨與不淨一切不知。是律非律亦復不識。

Kiến chư tỷ kheo các các thọ súc nô tì bộc sử bất tịnh chi vật。Tịnh dữ bất tịnh nhất thiết bất tri。Thị luật phi luật diệc phục bất thức。

thấy các Tỷ-kheo mỗi mỗi nhận nuôi súc vật nô tỳ người hầu vật không thanh tịnh, tất cả tịnh và bất tịnh chẳng biết, Luật và chẳng phải Luật cũng lại không biết,

是人為欲調伏如是諸比丘故。

Thị nhân vi dục điều phục như thị chư tỷ kheo cố。

người ấy vì muốn điều phục các Tỷ-kheo như vậy,

與共和光不同其塵。自所行處及佛行處善能別知。

Dữ cộng hòa quang bất đồng kỳ trần 。 Tự sở hạnh xử cập Phật hành xứ thiện năng biệt tri 。

Nên hòa quang nhưng không đồng trần, việc làm của mình và việc làm của Phật khéo có thể biết rõ,

雖見諸人犯波羅夷默然不舉。何以故。

Tuy kiến chư nhân phạm ba la di mặc nhiên bất cử 。

Tuy thấy các người phạm giới Ba-la-di nhưng im lặng không cử tội. Vì sao như vậy?

我出於世為欲建立護持正法。是故默然而不舉處。

Ngã xuất ư thế vi dục kiến lập hộ trì chánh Pháp 。

Ta xuất hiện ở đời vì muốn xây dựng hộ trì chánh pháp, cho nên im lặng mà không cử tội, 善男子。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử,

如是之人為護法故雖有所犯不名破戒。

Như thị chi nhân vi hộ Pháp cố tuy hữu sở phạm bất danh phá giới 。

người như vậy vì hộ pháp cho nên tuy có chỗ phạm nhưng không gọi là phá giới, 善男子。如有國王遇病崩亡。

Thiện nam tử 。

Như hữu Quốc Vương ngộ bệnh băng vong 。

Thiện nam tử, như có Quốc vương bị bệnh băng hà,

儲君稚小未任紹繼 。

Trừ Quân trĩ tiểu vị nhâm thiệu kế 。

Trừ quân còn nhỏ chưa kế vị được,

有旃陀羅豐饒財寶巨富無量多有眷屬。自以強力伺國虛弱篡居王位治化未久。 Hữu chiên đà la phong nhiêu tài bảo cự phú vô lượng đa hữu quyến chúc 。

Hữu chiên đà la phong nhiêu tài bảo cự phú vô lượng, có nhiều quyến thuộc, tự dùng sức mạnh dò xét nước yếu cướp lấy Vương vị trị vị chưa lâu, 國人居士婆羅門等亡叛逃走遠投他國。

Quốc nhân Cư-sĩ Bà-la-môn đảng vong bạn đào tẩu viễn đầu tha quốc 。

người trong nước, cư sĩ, Bà-la-môn v.v... trốn làm phản chạy sang nước khác,

雖有在者乃至不欲眼見是王。

Tuy hữu tại giả nãi chí bất dục nhân kiến thị Vương 。
Tuy còn tồn tại thậm chí không muốn thấy ông vua ấy,
或有長者婆羅門等不離本土。
Hoặc hữu Trưởng-Giả Bà-la-môn đấng bất ly bốn độ 。
hoặc có Trưởng giả, Bà-la-môn, v.v... không rời nước mình,
譬如諸樹隨其生處即是中死。旃陀羅王知其國人逃叛者眾尋即還。
Thí như chũ thụ tùy kỳ sanh xứ tức thị trung tử 。 Chiên đà la Vương tri kỳ quốc nhân đào
bạn giả chúng tầm tức hoàn 。
Thí như các cây sanh trường chỗ nào liền chết ở đó, vua Chiên-đà-la biết các người ấy
làm phản trốn đi liền tìm về,
遣諸旃陀羅守諸道。
Khiển chũ chiên đà la thủ lá chũ đạo 。
Phân chia các Chiên-đà-la canh gác mọi nẻo đường,
復於七日擊鼓唱令諸婆羅門。有能為我作灌頂師者。
Phục ư thất nhật kích cổ xướng lệnh chũ Bà-la-môn 。 Hữu năng vi ngã tác quán đỉnh sư
giả 。
lại trong bảy ngày đánh trống khiển các Bà-la-môn, có thể vì ta đánh lễ làm thầy,
當以半國而為爵賞。
Đương dĩ bán quốc nhi vi tước thưởng 。
sẽ đem nửa nước mà làm phần thưởng,
諸婆羅門聞是語已悉無來者各作是言。何處當有婆羅門種作如是事。
Chũ Bà-la-môn văn thị ngữ dĩ tất vô lai giả các tác thị ngôn 。 Hà xử đương hữu Bà-la-
môn chủng tác như thị sự 。
Các Bà-la-môn nghe lời như vậy rồi đều không đi đến mỗi người đều nói, nơi nào có dòng
Bà-la-môn làm việc như vậy,
旃陀羅王復作是言。婆羅門中若無一人為我師者。
Chiên đà la Vương phục tác thị ngôn 。 Bà-la-môn trung nhược vô nhất nhân vi ngã sư giả
。
Vua Chiên-đà-la lại nói rằng: trong số Bà-la-môn nếu có một người làm thầy ta,
我要當令諸婆羅門與旃陀羅共住食宿同其事業。
Ngã yếu đương lệnh chũ Bà-la-môn dữ chiên đà la cộng trụ thực tú đồng kỳ sự nghiệp 。

Ta sẽ khiến các Bà-la-môn cùng với Chiên-đà-la cùng ăn cùng ở cùng làm việc với nhau,
若有能來灌我頂者。

Nhược hữu năng lai quán ngã đỉnh giả 。

nếu có thể đến tưới lên đỉnh ta,

半國之封此言不虛。呪術所致三十三天上妙甘露不死之藥。

Bán quốc chi phong thử ngôn bất hư 。

Chú thuật sở trí tam thập tam Thiên thượng diệu
cam lộ bất tử chi dược 。

Ta sẽ chia nửa vương quốc, lời này không dối, chú thuật ở cõi trời thứ ba mươi ba thuốc
cam lồ vi diệu không chết,

亦當共分而服食之。

Diệc đương cộng phân nhi phục thực chi 。

cũng sẽ cùng chia mà ăn mặc,

爾時有一婆羅門子。

Nhĩ thời hữu nhất Bà-la-môn tử 。

Lúc bấy giờ có một người con của Bà-la-môn,

年在弱冠修治淨行長髮為相善知呪術。往至王所白言。大王。

Niên tại nhược quán tu trì tịnh hạnh trường phát vi tướng thiện tri chú thuật。Vãng chí

Vương sở bạch ngôn 。

Đại Vương 。

Khi tuổi đang còn nhỏ tu tập tịnh hạnh tóc dài làm tướng khéo biết chú thuật, đến chỗ vua
tâu rằng: Đại vương,

王所勅使我悉能為。爾時大王心生歡喜。

Vương sở sắc sử ngã tất năng vi 。

Nhĩ thời Đại Vương tâm sanh hoan hỷ 。

những gì Vua ra lệnh tôi có thể làm, lúc bấy giờ vua sanh tâm hoan hỷ,

受此童子作灌頂師。諸婆羅門聞是事已。

Thọ thử Đồng tử tác quán đỉnh sư 。

Chư Bà-la-môn văn thị sự dĩ 。

chấp nhận vị đồng tử này làm vị thầy quán đỉnh, các Bà-la-môn nghe việc ấy rồi,

皆生瞋恚責此童子。汝婆羅門。云何乃作旃陀羅師。

Giai sanh sân khể trách thử Đồng tử 。

Nhữ Bà-la-môn 。

Vân hà nãi tác chiên đà la sư
。

đều giận dữ trách vị đồng tử kia, người là Bà-la-môn tại sao lại đi làm thầy của Chiên-đà-la?

爾時其王即分半國與是童子。

Nhĩ thời kỳ Vương tức phân bán quốc dữ thị Đồng tử 。

Lúc bấy giờ vua kia tức chia nửa vương quốc cho đồng tử ấy,
因共治國經歷多時。爾時童子語其王言。

Nhân cộng trị quốc Kinh lịch đa thời 。

Nhĩ thời Đồng tử ngữ kỳ Vương ngôn 。

Cùng nhau trị vì đất nước khá lâu, lúc bấy giờ đồng tử nói với vua rằng:
我捨家法來作王師。然教大王微密呪術。

Ngã xả gia Pháp lai tác Vương sư 。

Nhiên giáo Đại Vương vi mật chú thuật 。

Tôi từ bỏ pháp của dòng họ đến làm thầy của vua, sau dạy Đại vương chú thuật vi diệu,
而今大王猶不見親。時王答言。我今云何不親汝耶。

Nhi kim Đại Vương do bất kiến thân 。

Thời Vương đáp ngôn 。

Ngã kim vân hà bất thân
nhữ da 。

Mà nay Đại vương như không thấy thân thuộc? vua liền đáp: ta làm sao không thân thuộc
ngươi chứ?

童子答言。先王所有不死之藥猶未共食。

Đồng tử đáp ngôn 。

Tiên Vương sở hữu bất tử chi dược do vị cộng thực 。

đồng tử đáp: trước đây vua có thuốc bất tử nhưng chưa cho tôi cùng uống,
王言善哉善哉大師。我實不知師若須者唯願持去。

Vương ngôn Thiện tai Thiện tai Đại sư 。

Ngã thật bất tri sư nhược tu giả duy nguyện tri
khứ 。

Vua nói rằng: Lành thay! Lành thay! Đại sư, ta thật không biết thầy cần, xin cầm lấy,
是時童子聞王語已。

Thị thời Đồng tử văn Vương ngữ dĩ 。

Lúc đó đồng tử nghe nói rồi,
即取歸家請諸大臣而共食之。諸臣食已即共白王。快哉大師。

Tức thủ quy gia thỉnh chư Đại Thần nhi cộng thực chi 。

Chư Thần thực dĩ tức cộng bạch Vương 。

Khoái tai Đại sư 。

liền cầm trở về nhà mời các vị Đại thần cùng uống, các vị Đại thần uống rồi liền cùng tâu
vua, vui thay Đại sư!

有是甘露不死之藥。王既知已語其師言。云何大師。

Hữu thị cam lộ bất tử chi dược 。

Có thuốc cam lồ bắt tử ấy, vua vừa biết xong nói với thầy rằng: Thế nào Đại sư?
獨與諸臣服食甘露而不見分。

Độc dữ chư Thần phục thực cam lộ nhi bất kiến phân 。
thầy một mình cùng với các vị quan uống cam lồ mà không thấy phần tôi?

爾時童子更以其餘雜毒之藥與王令服。

Nhĩ thời Đồng tử canh dĩ kỳ dư tạp độc chi dược dữ Vương lệnh phục 。

Lúc bấy giờ đồng tử lại đưa phần thuốc độc khác cho vua khiến uống,

王既服已須臾藥發。悶亂蹙地無所覺知猶如死人。

Vương ký phục dĩ tu du dược phát 。

Muộn loạn tích địa vô sở giác tri do như tử nhân 。

Vua vừa uống xong một chốc thuốc phát tác què hai chân ngã trên đất không còn biết gì
giống như người chết,

爾時童子立本儲君還以為王。作如是言。

Nhĩ thời Đồng tử lập bản trừ quân hoàn dĩ vi Vương 。

Tác như thị ngôn 。

Lúc bấy giờ đồng tử lập Trừ Quân trở lại ngôi vua, nói lời thế này,

師子御座法不應令旃陀羅昇。

Sư-tử ngự tọa Pháp bất ứng lệnh chiên đà la thăng 。

Pháp tòa Sư tử không thể khiến Chiên-đà-la lên ngôi,

我從昔來未曾聞見旃陀羅種而為王也。

Ngã tòng tích lai vị tăng văn kiến chiên đà la chủng nhi vi Vương dã 。

Tôi từ xưa chưa từng nghe thấy hàng Chiên-đà-la làm vua,
若旃陀羅治國理民無有是處。汝今應還紹繼先王正法治國。

Nhược chiên đà la trị quốc lý dân vô hữu thị xử 。

Nhữ kim ứng hoàn thiệu kế tiên Vương
chánh Pháp trị quốc 。

nếu Chiên-đà-la trị nước chần dân không có điều đó, người nay nên lại nối theo Chánh
pháp của Tiên vương mà trị nước,

爾時童子經理是已。

Nhĩ thời Đồng tử Kinh lý thị dĩ 。

Lúc bấy giờ đồng tử xếp đặt xong,
復以解藥與旃陀羅令其醒寤。既醒寤已驅令出國。

Phục dĩ giải dược dữ chiên đà la lệnh kỳ tỉnh ngụ 。

Ký tỉnh ngụ dĩ khu lệnh xuất quốc 。

lại đưa thuốc giải cho Chiên-đà-la khiến tỉnh lại, vừa tỉnh lại đã bị đuổi ra khỏi nước,

是時童子雖為是事猶故不失婆羅門法。

Thị thời Đồng tử tuy vi thị sự do cố bất thất Bà-la-môn Pháp 。

Lúc đó đồng tử mặc dầu làm việc ấy nhưng không đánh mất pháp của Bà-la-môn,
其餘居士婆羅門等聞其所作歎未曾有。讚言善哉善哉仁者。

Kỳ dư Cư-sĩ Bà-la-môn đặng văn kỳ sở tác thán vị tăng hữu 。

Tán ngôn Thiện tai Thiện tai nhân giả 。

các Bà-la-môn cư sĩ kia nghe như vậy khen việc chưa từng có, khen ngợi rằng: Lành thay!
Lành thay! Nhân giả!

善能驅遣旃陀羅王。善男子。

Thiện năng khu khiển chiên đà la Vương 。

Thiện nam tử 。

Khéo có thể đuổi được vua Chiên-đà-la, thiện nam tử,
我涅槃後護持正法諸菩薩等亦復如是。

Ngã Niết-Bàn hậu hộ trì chánh Pháp chư Bồ-tát đặng diệc phục như thị 。

Sau khi Ta Niết-bàn các vị Bồ-tát hộ trì Chánh pháp cũng lại như vậy,
以方便力與彼破戒假名。受畜一切不淨物僧同其事業。

Dĩ phương tiện lực dĩ bỉ phá giới giả danh 。

Thọ súc nhất thiết bất tịnh vật tăng đồng kỳ sự nghiệp 。

Dùng sức phương tiện và giả danh phá giới kia, nuôi tất cả các súc vật bất tịnh làm việc
giống như Tăng,

爾時菩薩若見有人雖多犯戒能治毀禁諸惡比丘。

Nhĩ thời Bồ-tát nhược kiến hữu nhân tuy đa phạm giới năng trì hủy cấm chư ác tử kheo 。

Lúc ấy Bồ-tát nếu thấy có người tuy phạm nhiều giới có thể trị được Tỳ-kheo xấu phá hủy
cấm giới,

即往其所恭敬禮拜四事供養。

Tức vãng kỳ sở cung kính lễ bái tứ sự cung dưỡng 。

tức đi đến người ấy cung kính lễ bái, cúng dường tứ sự.

經書什物悉以奉上。

Kinh thư thập vật tất dĩ phụng thượng 。

Kinh sách vật gì đều đem cung phụng,

如其自無要當方便從諸檀越求覓而與。為是事故應畜八種不淨之物。

Như kỳ tự vô yếu đương phương tiện tòng chư đàn việt cầu mịch nhi dĩ 。 Vi thị sự cố ứng súc bát chủng bất tịnh chi vật 。

nếu tự mình không có phải dùng phương tiện tìm cầu nơi Đàn Việt, làm việc ấy cho nên nuôi tám loại vật bất tịnh,

何以故。是人為治諸惡比丘。如彼童子驅旃陀羅。

Hà dĩ cố 。 Thị nhân vi trị chư ác tử kheo 。 Như bỉ Đồng tử khu chiên đà la 。

Tại sao như vậy? người ấy vì trị các Tỳ-kheo xấu ác, như đồng tử kia đuổi được Chiên-đà-la,

爾時菩薩雖復恭敬禮拜是人受畜八種不淨之物。

Nhĩ thời Bồ-tát tuy phục cung kính lễ bái thị nhân thọ súc bát chủng bất tịnh chi vật 。

Lúc bấy giờ Bồ-tát tuy lại cung kính lễ bái người nuôi tám loại súc vật bất tịnh ấy, 悉無有罪。何以故。

Tất vô hữu tội 。

Hà dĩ cố 。

đều không có tội. Vì sao như vậy?

以是菩薩為欲擯治諸惡比丘。令清淨僧得安隱住。

Dĩ thị Bồ-tát vi dục bán trị chư ác tử kheo 。

Lệnh thanh tịnh tăng đắc an ổn trụ。Vi Bồ-tát ấy vì muốn trị tội các Tỳ-kheo xấu ác, khiến Tăng thanh tịnh được sống an ổn, 流布方等大乘經典利益一切諸天人故。善男子。

Lưu bố phương đẳng Đại thừa Kinh điển lợi ích nhất thiết chư Thiên nhân cố。Thiện nam tử 。

Kinh điển Đại thừa lưu bố các phương lợi ích tất cả Trời Người vậy, Thiện nam tử,

以是因緣我於經中說是二偈。

Dĩ thị nhân duyên ngã ư Kinh trung thuyết thị nhị kệ 。

Do nhân duyên ấy Ta ở trong kinh nói hai câu kệ ấy,

令諸菩薩皆共讚嘆護法之人。

Lệnh chư Bồ-tát giai cộng tán thán hộ Pháp chi nhân 。

khiến các Bồ-tát đều cùng khen ngợi người hộ pháp, 如彼居士婆羅門等稱讚童子善哉善哉。護法菩薩正應如是。 Như bỉ Cư-sĩ Bà-la-môn đẳng xưng tán Đồng tử Thiện tai Thiện tai 。

Hộ Pháp Bồ-tát chánh ứng như thị 。

Như các Bà-la-môn cư sĩ kia khen ngợi đồng tử: lành thay! Lành thay! Bờ-tát hộ pháp chân Chánh nên như vậy,

若有人見護法之人與破戒者同其事業說有罪者。

Nhược hữu nhân kiến hộ Pháp chi nhân dữ phá giới giả đồng kỳ sự nghiệp thuyết hữu tội giả 。

nếu có người thấy người hộ pháp cùng người phá giới cùng làm việc ấy thì nói người ấy có tội,

當知其人自受其殃。是護法者實無有罪。

Đương tri kỳ nhân tự thọ kỳ ương 。

Thị hộ Pháp giả thật vô hữu tội, phải biết người ấy tự mình thọ lấy tai ương, người hộ pháp ấy thật không có tội,

善男子。若有比丘犯禁戒已。

Thiện nam tử 。

Nhược hữu tỷ kheo phạm cấm giới dĩ 。

Thiện nam tử, nếu có Tỷ-kheo phạm cấm giới rồi,

憍慢心故覆藏不悔。當知是人名真破戒。

Kiêu mạn tâm cố phúc tạng bất hối 。

Đương tri thị nhân danh chân phá giới 。

Vì tâm kiêu mạn nên che dấu không sám hối, nên biết người ấy là chân thật phá giới,

菩薩摩訶薩為護法故雖有所犯不名破戒。何以故。

Bồ-tát Ma-Ha tát vi hộ Pháp cố tuy hữu sở phạm bất danh phá giới 。

Hà dĩ cố 。

Bồ-tát Ma-ha-tát vì hộ pháp cho nên dù phạm cũng không gọi là phá giới. Vì sao vậy?

以無憍慢發露悔故。善男子。

Dĩ vô kiêu mạn phát lộ hối cố 。

Thiện nam tử 。

vì không kiêu mạn nên đã phát lộ sám hối, thiện nam tử!

是故我於經中覆相說如是偈。

Thị cố ngã ư Kinh trung phúc tướng thuyết như thị kệ 。

Cho nên Ta ở trong kinh nói kệ như vậy:

有知法者

若老若少

故應供

養

Hữu tri Pháp giả

Nhược lão nhược thiếu

Cố ứng cung dưỡng

Có người biết pháp,

Hoặc già hoặc trẻ,

Nên phải cúng dường,

恭敬禮拜

猶如事火

婆羅門

等

Cung kính lễ bái	Do như sự hỏa	Bà-la-môn đấng
Cung kính lễ bái,	Giống như thờ lửa,	Chúng Bà-la-môn,
如第二天	奉事帝釋	
Như đệ nhị Thiên	Phụng sự đế thích	
Như Trời thứ hai,	Phụng sự Đế Thích.	

以是因緣我亦不為學聲聞人。

Dĩ thị nhân duyên ngã diệc bất vi học Thanh văn nhân 。
Vi nhân duyên ấy Ta cũng không vì người học Thanh văn,
但為菩薩而說是偈。

Đã vi Bồ-tát nhi thuyết thị kệ 。

chỉ vì Bồ-tát mà nói kệ ấy,

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếpBồ-tát bạch Phật ngôn 。

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Thế Tôn,

如是等菩薩摩訶薩於戒極緩。本所受戒為具在不。佛言善男子。

Như thị đấng Bồ-tát Ma-Ha tát ư giới cực hoãn 。

Các Bồ-tát Ma-ha-tát như vậy ở nơi giới rất trì trệ, những giới bổn đã thọ đầy đủ chẳng?

Phật dạy thiện nam tử:

汝今不應作如是說。何以故。

Nhữ kim bất ứng tác như thị thuyết 。

Hà dĩ cố 。

Ngươi nay không nên nói lời như vậy. Tại sao?

本所受戒如本不失。設有所犯即應懺悔悔已清淨。善男子。
Bổn sở thọ giới như bổn bất thất 。

Thiết hữu sở phạm tức ứng sám hối hối dĩ thanh tịnh 。

Thiện nam tử 。

những giới bổn đã thọ như vậy không mất, giả sử có chỗ phạm tức nên sám hối, sám hối

rồi thì thanh tịnh, thiện nam tử,

如故堤塘穿穴有孔水則淋漏。何以故。

Như cố đề đường xuyên huyết hữu khổng thủy tắc lâm lậu 。

Hà dĩ cố 。

Như đường đề có lỗ thủng thì nước sẽ chảy ra ngoài. Vì sao?

無人治故。若有人治水則不出。菩薩亦爾。

Vô nhân trì cố 。 Nhược hữu nhân trì thủy tắc bất xuất 。 Bồ-tát diệc nhĩ 。
vì không có người sửa chữa, nếu có người sửa chữa nước sẽ không còn chảy, Bồ-tát
cũng như vậy,

雖與破戒共作布薩受戒自恣同其僧事。

Tuy dữ phá giới cộng tác bố tát thọ giới tự tứ đồng kỳ tăng sự 。
mặc dù cùng người phá giới cùng Bố Tát, thọ giới, Tự tứ, cùng làm việc của Tăng,
所有戒律不如堤塘穿穴淋漏。何以故。

Sở hữu giới luật bất như đê đường xuyên huyết lâm lậu 。 Hà dĩ cố 。
nhưng có giới luật không như đường đê bị thủng nước chảy ra ngoài. Vì sao như vậy?
若無清淨持戒之人僧。

Nhược vô thanh tịnh trì giới chi nhân tăng 。
nếu có vị Tăng trì giới không thanh tịnh,
則損減慢緩懈怠日有增長。若有清淨持戒之人。即能具足不失本戒。

Tắc tổn giảm mạn hoãn giải đãi nhật hữu tăng trường 。 Nhược hữu thanh tịnh trì giới chi
nhân 。 Tức năng cụ túc bất thất bản giới 。

tức tổn giảm, trì trệ, giải đãi ngày càng tăng, nếu có người trì giới thanh tịnh thì có thể đầy
đủ không mất giới đã thọ,
善男子。於乘緩者乃名為緩。

Thiện nam tử 。 Ư thừa hoãn giả nãi danh vi hoãn 。
Thiện nam tử, xe chậm chạp mới gọi là chậm chạp,
於戒緩者不名為緩。

Ư giới hoãn giả bất danh vi hoãn 。

giới trì trệ không gọi trì trệ
菩薩摩訶薩於此大乘心不懈慢是名本戒。為護正法以大乘水而自澡浴。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư thử Đại thừa tâm bất giải mạn thị danh bản giới 。

Vì hộ chánh Pháp dĩ
Đại thừa thủy nhi tự tảo dục 。

Bồ-tát Ma-ha-tát ở nơi Đại thừa ấy tâm không giải đãi đó gọi là căn bản Giới, vì chánh
pháp đem nước Đại thừa mà tự tắm rửa mình,
是故菩薩雖現破戒不名為緩。迦葉菩薩白佛言。

Thị cố Bồ-tát tuy hiện phá giới bất danh vi hoãn 。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。
Cho nên Bồ-tát tuy thị hiện phá giới mà không gọi là trì trệ. Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật:

眾僧之中有四種人。如菴羅果生熟難知。

Chúng tăng chi trung hữu tứ chủng nhân 。 Như am la quả sanh thực nan tri 。
trong chúng Tăng có bốn hạng người, như quả Am-la xanh chín khó biết,
破戒持戒云何可識。

Phá giới trì giới vân hà khả thức 。

người phá giới hay trì giới làm sao có thể biết?

佛言善男子。因大涅槃微妙經典則易可知。

Phật ngôn thiện nam tử 。 Nhân Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển tác dịch khả tri 。

Phật dạy thiện nam tử: nhờ kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu ấy thì có thể biết dễ dàng,
云何因是大涅槃經可得知耶。

Vân hà nhân thị Đại Niết-bàn Kinh khả đắc tri da 。

Tại sao nhờ kinh Đại Niết-bàn ấy lại có thể biết được vậy?

譬如田夫種稻穀等芸除稗[禾*秀]。以肉眼觀名為淨田。

Thí như điền phu chủng đạo cốc đẳng vân trừ bại [hòa *tú]。 Dĩ nhục nhãn quán danh vi
tịnh điền 。

Ví như người nông dân trồng các loại lúa v.v. trừ cỏ đặng, dùng mắt thịt mà xem thì cho
đó là ruộng tốt,

至其成實草穀各異。

Chỉ kỳ thành thật thảo cốc các dị 。

thật ra đều có cỏ lúa và các loại khác,

如是八事能污染僧若能除却。以肉眼觀則知清淨。

Như thị bát sự năng ô nhiễm tăng nhược năng trừ khước 。

Dĩ nhục nhãn quán tác tri
thanh tịnh 。

Như vậy tám việc làm ô nhiễm Tăng nếu có thể trừ diệt, dùng mắt thịt quán sát thì biết
thanh tịnh,

若有持戒破戒不作惡時。以肉眼觀難可分別。

Nhược hữu trì giới phá giới bất tác ác thời 。

Dĩ nhục nhãn quán nan khả phân biệt 。

nếu người lúc trì giới hay phá giới không làm ác, dùng mắt thịt quán sát khó có thể phân
biệt,

若惡彰露則易可知。如彼稗[禾*秀]易可分別。

Nhược ác chương lộ tác dịch khả tri 。

Như bỉ bại [hòa *tú]dịch khả phân biệt 。

nếu điều ác rõ rệt như sương thì dễ biết, như cỏ đắng kia dễ có thể phân biệt,
僧中亦爾若能遠離於八不淨毒蛇之法是名清淨。

Tăng trung diệc nhĩ nhược năng viễn li ư bát bất tịnh độc xà chi Pháp thị danh thanh tịnh
。

Trong chúng Tăng cũng vậy, nếu có thể xa lìa tám pháp không thanh tịnh như rắn độc thì
gọi là thanh tịnh,

聖眾福田應為人天之所供養。

Thánh chúng phúc điền ứng vi nhân Thiên chi sở cung dưỡng 。

ruộng phước của Thánh chúng phải là chỗ để Trời, Người cúng dường,
清淨果報非是肉眼所能分別。復次善男子。如迦羅迦林其樹眾多。

Thanh tịnh quả báo phi thị nhục nhãn sở năng phân biệt 。

Phục thứ thiện nam tử。 Như
ca la ca lâm kỳ thụ chúng đa 。

quả báo thanh tịnh chẳng phải là điều mà mắt thịt có thể phân biệt, lại nữa thiện nam tử,
như trong rừng cây Ca-la-ca chiếm phần nhiều,
於是林中唯有一樹名鎮頭迦。

Ư thị lâm trung duy hữu nhất thụ danh trấn đầu ca 。

như ở trong rừng chỉ có một cây tên là Trấn-đầu-ca,
是迦羅迦樹鎮頭迦樹。二果相似不可分別。

Thị ca la ca thụ trấn đầu ca thụ 。

Nhị quả tương tự bất khả phân biệt 。

Cây Ca-la-ca và cây Trấn-đầu-ca ấy, có hai loại quả giống nhau không thể phân biệt,
其果熟時有一女人悉皆拾取。鎮頭迦果纔有一分。

Kỳ quả thực thời hữu nhất nữ nhân tất giai thập thủ 。

Trấn đầu ca quả tài hữu nhất phân
。

lúc quả chín có một người con gái đến hái hết thầy, quả Trấn-đầu-ca chỉ có một phần,
迦羅迦果乃有十分。

Ca la ca quả nãi hữu thập phân 。

quả Ca-la-ca chiếm hết mười phần,

是女不識齋來詣市而街賣之。凡愚小兒復不別故。

Thị nữ bất thức tê lai nghê thị nhi huyển mại chi 。

Phàm ngu tiểu nhi phục bất biệt cố 。

người con gái không biết mang đến chợ bán, những đứa trẻ nhỏ ngu muội lại không biết
phân biệt,

買迦羅迦果噉已命終。有智人輩聞是事已即問女人。

Mãi ca la ca quả đạm dĩ mạng chung 。 Hữu trí nhân bối vấn thị sự dĩ tức vấn nữ nhân 。

Mua quả Ca-la-ca ăn liền bị chết, người trí nghe chuyện ấy liền hỏi người con gái:

姊於何處持是果來。是時女人即示方所。諸人即言。

Tỉ ư hà xử trì thị quả lai 。

Thị thời nữ nhân tức kì phương sở 。

Chư nhân tức ngôn 。

Người đem quả này ở đâu về? lúc đó người con gái liền nói rõ nơi chỗ, mọi người liền nói:

如是方所多有無量迦羅迦樹。

Như thị phương sở đa hữu vô lượng ca la ca thụ 。

chỗ ấy có nhiều vô số kể cây Ca-la-ca,

唯有一根鎮頭迦樹。諸人知己笑而捨去。善男子。

Duy hữu nhất căn trấn đầu ca thụ 。

Chư nhân tri dĩ tiếu nhi xả khứ 。

Thiện nam tử 。

Chỉ có một cây Trấn-đầu-ca. Mọi người biết rồi cười mà bỏ đi. Thiện nam tử,

大眾之中八不淨法亦復如是。

Đại chúng chi trung bát bất tịnh Pháp diệc phục như thị 。

Trong Đại chúng tám pháp bất tịnh cũng lại như vậy,

於是眾中多有受用如是八法。唯有一人清淨持戒。

Ư thị chúng trung đa hữu thọ dụng như thị bát Pháp 。

Duy hữu nhất nhân thanh tịnh trì giới 。

ở trong chúng có nhiều người thọ dụng tám pháp như vậy, chỉ có một người trì giới thanh

tịnh,

不受如是八不淨法。而知諸人受畜非法。

Bất thọ như thị bát bất tịnh Pháp 。

Nhi tri chư nhân thọ súc phi Pháp 。

Không thọ tám pháp bất tịnh như vậy, mà biết mọi người thọ các việc phi pháp,

然與同事不相捨離。如彼林中一鎮頭迦樹。

Nhiên dĩ đồng sự bất tướng xả ly 。

Như bỉ lâm trung nhất trấn đầu ca thụ 。

nhưng cũng cùng làm một việc không có hiện tượng xa lìa, như trong rừng kia chỉ có một

cây Trấn-đầu-ca,

有優婆塞見是諸人多有非法。併不恭敬供養是人。

Hữu Ưu bà tặc kiến thị chư nhân đa hữu phi Pháp 。

Tính bất cung kính cung dưỡng thị nhân 。

Có Ưu-bà-tắc thấy mọi người có nhiều việc phi pháp, đều không cung kính cúng dường người ấy,

若欲供養應先問言。大德。

Nhược dục cung dưỡng ứng tiên vấn ngôn 。 Đại Đức 。

nếu muốn cúng dường người ấy họ phải hỏi trước: Đại đức,

如是八事為受畜不。佛所聽不。若言佛聽。

Như thị bát sự vi thọ súc bất 。 Phật sở thính bất 。 Nhược ngôn Phật thính 。

Có làm tám việc như vậy không? Phật có cho phép không? nếu Phật cho phép,

如是之人得共布薩羯磨自恣不。是優婆塞如是問已。

Như thị chi nhân đắc cộng bố tát Yết Ma tự tứ bất 。

Thị Ưu bà tắc như thị vấn dĩ。 người như vậy được cùng Bố Tát, Yết Ma, Tự Tứ không? Ưu-bà-tắc ấy hỏi như vậy.

眾皆答言。如是八事如來憐愍皆悉聽畜。

Chúng giai đáp ngôn 。

Như thị bát sự Như Lai liên mẫn giai tất thính súc 。

Đại chúng đều đáp rằng: tám việc như vậy Như Lai thương xót thấy đều cho phép,

優婆塞言。祇洹精舍有諸比丘或言金銀佛所聽畜。 Ưu bà tắc ngôn 。

Kì hoàn Tịnh Xá hữu chư tỷ kheo hoặc ngôn kim ngân Phật sở thính súc 。

Ưu-bà-tắc nói: ở tinh xá Kỳ-hoàn có các Tỷ-kheo hoặc nói Phật cho phép giữ vàng bạc,

或言不聽有言聽者。

Hoặc ngôn bất thính hữu ngôn thính giả 。

hoặc nói không cho phép hoặc nói cho phép, ấy là không cho phép cùng ở, thuyết giới, Tự Tứ, thậm chí không cùng uống nước một

dòng sông,

利養之物悉不共之。汝等云何言佛聽許。

Lợi dưỡng chi vật tất bất-cộng chi 。

Nhữ đẳng vân hà ngôn Phật thính hứa 。

Các vật lợi dưỡng đều không chia, các người làm sao nói Phật cho phép,

佛天中天雖復受之。汝等眾僧亦不應畜。

Phật Thiên trung Thiên tuy phục thọ chi 。

Nhữ đẳng chúng tăng diệc bất ứng súc。 Phật Thế Tôn tuy lại cho phép như vậy, chúng Tăng cũng không được cất giữ,

若有受者乃至不應與共說戒自恣羯磨同其僧事。

Nhược hữu thọ giả nãi chí bất ứng dĩ cộng thuyết giới tự tứ Yết Ma đồng kỳ tăng sự 。
như có người thọ nhận tám việc trên thì không được cùng thuyết giới, Tự Tứ, Yết Ma cùng
làm việc chúng Tăng,

若共說戒自恣羯磨同僧事者。命終即當墮於地獄。

Nhược cộng thuyết giới tự tứ Yết Ma đồng tăng sự giả 。 Mạng chung tức đương đọa ư
Địa-ngục 。

nếu cùng thuyết giới, Tự Tứ, Yết-ma, cùng làm việc Tăng, lúc mạng chung liền đọa địa
ngục,

如彼諸人食迦羅果已而便命終。

Như bỉ chư nhân thực ca la quả dĩ nhi tiện mạng chung 。

Như người kia ăn quả Ca-la rồi liền mạng chung,

復次善男子。譬如城市有賣藥人。

Phục thứ thiện nam tử 。 Thí như thành thị hữu mại dược nhân 。

lại nữa, thiện nam tử, thí như ở chợ có người bán thuốc,

有妙甘藥出於雪山。亦復多賣其餘雜藥味甘相似。

Hữu diệu cam dược xuất ư tuyết sơn 。

Diệc phục đa mại kỳ dư tạp dược muội cam tướng
tự 。

có thuốc nhiệm màu sản xuất ở Tuyết Sơn, cũng có bán nhiều thuốc khác mùi vị giống
như vậy,

時有諸人咸皆欲買然不識別。至賣藥所問言。

Thời hữu chư nhân hàm giai dục mãi nhiên bất thức biệt 。

Chí mại dược sở vấn ngôn 。

mọi người đều muốn mua nhưng không biết phân biệt, liền hỏi người bán thuốc rằng:

汝有雪山藥不。其賣藥人即答言有。

Nhữ hữu tuyết sơn dược bất 。

Kỳ mại dược nhân tức đáp ngôn hữu 。

Ông có thuốc Tuyết Sơn không? người bán thuốc ấy liền cười nói có.

是人欺詐以餘雜藥語買者言。此是雪山甘好妙藥。

Thị nhân khi trá dĩ dư tạp dược ngữ mãi giả ngôn 。

Thử thị tuyết sơn cam hảo diệu dược
。

người ấy lừa dối đưa thuốc khác nói với người mua rằng: đây là thuốc nhiệm màu ở Tuyết
Sơn,

時買藥者以肉眼故。不能善別即買持去。

Thời mãi dược giả dĩ nhục nhãn cố 。 Bất năng thiện biệt tức mãi trì khứ 。
Vì người mua thuốc dùng con mắt thịt không thể phân biệt liền mua rồi đi,
復作是念我今已得雪山甘藥。迦葉。

Phục tác thị niệm ngã kim dĩ đắc tuyết sơn cam dược 。 Ca-diếp。
lại nghĩ ta nay đã được thuốc nhiệm màu ở Tuyết Sơn. Ca-diếp,
若聲聞僧中有假名僧有真實僧。

Nhược Thanh văn tăng trung hữu giả danh tăng hữu chân thật tăng 。
Trong chúng Thanh văn có người giả danh Tăng, có người chân thật Tăng,
有和合僧若持戒破戒。於是眾中等應供養恭敬禮拜。

Hữu hòa hợp tăng nhược trì giới phá giới 。 Ư thị chúng trung đẳng ứng cung dưỡng cung
kính lễ bái 。

Có hòa hiệp Tăng, hoặc trì giới, hoặc phá giới, ở trong chúng nên bình đẳng cúng dường,
cung kính, lễ bái,
是優婆塞以肉眼故不能分別。

Thị Ưu bà tắc dĩ nhục nhãn cố bất năng phân biệt 。

người Ưu-bà-tắc ấy dùng mắt thịt không thể phân biệt,
喻如彼人不能分別雪山甘藥。

Dụ như bỉ nhân bất năng phân biệt tuyết sơn cam dược 。

Như người kia không có thể phân biệt thuốc nhiệm màu ở Tuyết Sơn,
誰是持戒誰是破戒誰是眞僧誰是假僧。有天眼者乃能分別。迦葉。

Thùy thị trì giới thùy thị phá giới thùy thị chân tăng thùy thị giả tăng 。

Hữu Thiên nhãn giả
nãi năng phân biệt 。

Ca-diếp。

Ai là người trì giới? ai là người phá giới? ai là chân thật Tăng? Ai là giả danh Tăng? người
có Thiên nhãn mới có thể phân biệt, Ca-diếp,
若優婆塞知是比丘是破戒人不應給施禮拜供養。

Nhược Ưu bà tắc tri thị tỷ kheo thị phá giới nhân bất ứng cấp thí lễ bái cung dưỡng 。

nếu Ưu-bà-tắc biết người ấy là Tỷ-kheo phá giới, không nên bố thí lễ bái cúng dường,
若知是人受畜八法亦復不應給施所須禮拜供養。

Nhược tri thị nhân thọ súc bát Pháp diệc phục bất ứng cấp thí sở tu lễ bái cung dưỡng 。

như biết người ấy làm tám việc trên cũng không nên cung cấp những điều cần dùng hoặc lễ bái, cúng dường,

若於僧中有破戒者。

Nhược ư tăng trung hữu phá giới giả 。

Như ở trong Tăng chúng có người phá giới,

不應以被袈裟因緣恭敬禮拜。

Bất ứng dĩ bị ca sa nhân duyên cung kính lễ bái 。

Không nên đắp Ca Sa y mà cung kính lễ bái,

迦葉菩薩復白佛言。世尊。善哉善哉。

Ca-diếpBồ-tát phục bạch Phật ngôn 。

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Thế Tôn! Lành thay! Lành thay!

如來所說真實不虛我當頂受。

Như Lai sở thuyết chân thật bất hư ngã đương đỉnh thọ 。

những gì Như Lai dạy chân thật không dối con sẽ lãnh thọ,

譬如金剛珍寶異物。如佛所說是諸比丘當依四法。何等為四。

Thí như Kim cương trân bảo dị vật 。

Thí như các vật kim cương châu báu, như Phật đã dạy các Tỷ-kheo phải nương vào bốn pháp. Những gì là bốn?

依法不依人。依義不依語。依智不依識。

Y Pháp bất y nhân 。

Nương tựa pháp không nương tựa người. Nương vào nghĩa không nương vào lời nói.

Nương vào trí không nương vào thức.

依了義經不依不了義經。

Y liễu nghĩa Kinh bất y bất liễu nghĩa Kinh 。

Nương vào kinh liễu nghĩa không nương vào kinh không liễu nghĩa,

如是四法應當證知非四種人。

Như thị tứ Pháp ứng đương chứng tri phi tứ chủng nhân 。

bốn pháp như vậy phải nên chứng biết chẳng phải bốn loại người,

佛言善男子。依法者。即是如來大般涅槃。

Phật ngôn thiện nam tử 。

Phật dạy thiện nam tử: nương pháp ấy tức là Đại Bát Niết-bàn của Như Lai,
一切佛法即是法性。是法性者即是如來。

Nhất thiết Phật Pháp tức thị Pháp tánh 。 Thị Pháp tánh giả tức thị Như Lai。
tất cả pháp tức là Pháp tánh, Pháp tánh ấy tức là Như Lai,
是故如來常住不變。若復有言如來無常。

Thị cố Như Laithường trụ bất biến 。 Nhược phục hữu ngôn Như Laivô thường 。
Cho nên Như Lai thường trụ không thay đổi. nếu lại có người nói Như Lai Vô thường,
是人不知不見法性。

Thị nhân bất tri bất kiến Pháp tánh 。

người ấy không biết không thấy Pháp tánh.

若不知見是法性者不應依止。如上所說四人出世護持法者。

Nhược bất tri kiến thị Pháp tánh giả bất ứng y chỉ 。 Như thượng sở thuyết tứ nhân xuất
thế hộ Trì Pháp giả 。

Hoặc chẳng tri kiến thị Pháp tánh chẳng nên y chỉ 。 Như thượng nói bốn người xuất thế
giúp đỡ Trì Pháp 。

nếu người không thấy biết Pháp tánh thì không nên nương tựa. Như bốn loại người đã nói
ở trên xuất hiện ở đời hộ trì Pháp

應當證知而為依止。何以故。

ứng đương chứng tri nhi vi y chỉ 。 Hà dĩ cố 。

nên phải chứng biết mà làm nơi nương tựa. Tại sao vậy?

是人善解如來微密深奧藏故。能知如來常住不變。

Thị nhân thiện giải Như Laivi mật thâm áo tạng cố 。 Năng tri Như Laithường trụ bất biến
。

vì người ấy khéo tam tạng sâu xa vi diệu của Như Lai, có thể biết Như Lai thường trụ
không thay đổi,

若言如來無常變易無有是處。如是四人即名如來。何以故。

Nhược ngôn Như Laivô thường biến dịch vô hữu thị xứ 。 Như thị tứ nhân tức danh Như
Lai。 Hà dĩ cố 。

nếu nói Như Lai Vô thường biến đổi thì không có điều ấy. Bốn hạng người như vậy tức gọi
là Như Lai. Tại sao vậy?

是人能解如來密語及能說故。

Thị nhân năng giải Như Laimật ngữ cập năng thuyết cố 。
 Vì người ấy có thể hiểu lời nói sâu xa của Như Lai và có thể nói điều ấy.
 若有人能了知如來甚深密藏。及知如來常住不變。
 Nhược hữu nhân năng liễu tri Như Laithậm thâm mật tạng 。 Cập tri Như Laithường trụ bất
 biến 。
 nếu có người có thể hiểu Tam tạng sâu xa vi diệu của Như Lai và biết Như Lai thường trụ
 không thay đổi,
 如是之人若為利養說言如來是無常者無有是處。
 Như thị chi nhân nhược vì lợi dưỡng thuyết ngôn Như Laithị vô thường giả vô hữu thị xử 。
 người như vậy nếu vì lợi dưỡng nói Như Lai là Vô thường thì không có điều đó,
 如是之人尚可依止。何況不依是四人也。
 Như thị chi nhân thượng khả y chỉ 。 Hà hướng bất y thị tứ nhân dã 。
 Người như vậy còn có thể nương tựa hướng gì không nương tựa bốn hạng người trên.
 依法者即是法性。不依人者即是聲聞。
 Y Pháp giả tức thị Pháp tánh 。 Bất y nhân giả tức thị Thanh văn 。
 Nương tựa Pháp tức là Pháp tánh, không nương tựa người ấy tức là Thanh văn,
 法性者即是如來。聲聞者即是有為。如來者。
 Pháp tánh giả tức thị Như Lai。 Thanh văn giả tức thị hữu vi 。 Như Laigĩa 。
 Pháp tánh ấy tức là Như Lai, Thanh văn ấy tức là hữu vi, Như Lai ấy,
 即是常住。有為者即是無常。善男子。
 Tức thị thường trụ 。 Hữu vi giả tức thị vô thường 。 Thiện nam tử 。
 tức là thường trụ, hữu vi ấy tức là vô thường, thiện nam tử,
 若人破戒為利養故。說言如來無常變易。
 Nhược nhân phá giới vì lợi dưỡng cố 。 Thuyết ngôn Như Laivô thường biến dịch 。
 Như người phá giới vì lợi dưỡng nên nói rằng Như Lai vô thường thay đổi,
 如是之人所不應依。善男子。是名定義。
 Như thị chi nhân sở bất ứng y 。 Thiện nam tử 。 Thị danh định nghĩa 。
 người như vậy không phải chỗ nương tựa, thiện nam tử, đó gọi là định nghĩa,
 依義不依語者。義者名曰覺了。
 Y nghĩa bất y ngữ giả 。 Nghĩa giả danh viết giác liễu 。
 Nương tựa vào nghĩa không nương tựa lời nói, nghĩa ấy gọi là hiểu biết,

覺了義者名不羸劣。不羸劣者名曰滿足。滿足義者。

Giác liễu nghĩa giả danh bất luy liệt 。 Bất luy liệt giả danh viết mãn túc 。 Mãn túc nghĩa giả 。

hiểu biết nghĩa ấy gọi là không yếu kém, không yếu kém gọi là đầy đủ, nghĩa đầy đủ ấy, 名曰如來常住不變。

Danh viết Như Lai thường trụ bất biến 。

gọi là Như Lai thường trụ không thay đổi

如來常住不變義者即是法常。法常義者即是僧常。

Như Lai thường trụ bất biến nghĩa giả tức thị Pháp thường 。

Pháp thường nghĩa giả tức thị tăng thường 。

Nghĩa Như Lai thường trụ không thay đổi ấy là Pháp thường trụ, nghĩa của Pháp thường trụ là Tăng thường trụ,

是名依義不依語也。何等語言所不應依。

Thị danh y nghĩa bất y ngữ dã 。

Hà đẳng ngữ ngôn sở bất ứng y 。

Đó gọi là nương vào nghĩa không nương vào lời nói. Những lời nói nào không phải chỗ nương tựa?

所謂諸論綺飾文辭。如佛所說無量諸經。

Sở vị chư luận khỉ sức văn từ 。

Như Phật sở thuyết vô lượng chư Kinh 。

Đó là các lý luận văn từ thêu dệt. Như vô lượng bộ kinh Phật đã thuyết.

貪求無厭多姦諛諂。詐現親附現相求利。經理白衣為其執役。

Tham cầu vô yếm đa gian du siểm 。

Trá hiện thân phụ hiện tướng cầu lợi 。

Kinh lý bạch y vi kỳ chấp dịch 。

Tham cầu không biết chán, nhiều gian xảo nịnh hót, trá hiện thân gần cầu lợi, dùng bạch y vì mình phục vụ,

又復唱言。佛聽比丘畜諸奴婢不淨之物。

Hựu phục xưng ngôn 。

Phật thính tỷ kheo súc chư nô tì bất tịnh chi vật 。

lại còn xưng lời rằng: Phật cho phép Tỷ-kheo nuôi nô tỳ, các vật bất tịnh,

金銀珍寶穀米倉庫牛羊象馬。

Kim ngân trân bảo cốc mễ thương khố ngưu dương tượng mã 。

như vàng bạc, châu báu, lúa gạo, chuồng trâu, dê, voi, ngựa,

販賣求利於飢饉世憐愍子故。

Phiến mại cầu lợi ư cơ cận thế liên mẫn tử cố 。

mua rẻ bán đắt không thương xót đời đói khát,

聽諸比丘儲貯陳宿手自作食不受而噉。如是等語所不應依。

Thính chư tỷ kheo trừ trữ trần túc thủ tự tác thực bất thọ nhi đạm 。

Như thị đẳng ngữ sở bất ứng y 。

Cho phép các Tỷ-kheo cất chứa lâu ngày tự tay làm thức ăn mà nhận thức ăn ấy, những lời như vậy không phải chỗ nương tựa

依智不依識者。所言智者即是如來。

Y trí bất y thức giả 。

Sở ngôn trí giả tức thị Như Lai。

Nương vào trí không nương vào thức, đó muốn nói trí tức là Như Lai,

若有聲聞不能善知如來功德。如是之識不應依止。

Nhược hữu Thanh văn bất năng thiện tri Như Laicông đức 。

Như thị chi thức bất ứng y chỉ 。

nếu có Thanh văn không có thể khéo biết công đức Như Lai, cái biết như vậy không phải là chỗ nương tựa,

若知如來即是法身。如是真智所應依止。

Nhược tri Như Laitức thị Pháp thân 。

Như thị chân trí sở ứng y chỉ 。

nếu biết Như Lai tức là Pháp thân, trí chân thật như vậy là chỗ nên nương tựa,

若見如來方便之身。

Nhược kiến Như Laiphương tiện chi thân 。

nếu thấy Như Lai phương tiện thị hiện thân,

言是陰界諸入所攝食所長養亦不應依。是故知識不可依止。

Ngôn thị uẩn giới chư nhập sở nhiếp thực sở trường dưỡng diệc bất ứng y 。

Thị cố tri thức bất khả y chỉ 。

liền nói thân ấy là sự hội tụ các uẩn, giới, nhập là chỗ nuôi dưỡng thức ăn mà sanh trưởng,

cũng không phải là chỗ nương tựa, cho nên tri thức không phải là chỗ có thể nương tựa,

若復有人作是說者。及其經書亦不應依。

Nhược phục hữu nhân tác thị thuyết giả 。

Cập kỳ Kinh thư diệc bất ứng y 。

Nếu có người nói lời như vậy, hay các kinh sách như vậy cũng không nên nương tựa,

依了義經不依不了義經。不了義經者。謂聲聞乘。

Y liễu nghĩa Kinh bất y bất liễu nghĩa Kinh 。 Bất liễu nghĩa Kinh giả 。 Vị Thanh văn thừa
。

Nương vào kinh liễu nghĩa không nương vào kinh không liễu nghĩa, kinh không liễu nghĩa
ấy là Thanh văn thừa,

聞佛如來深密藏處悉生疑怪。

Văn Phật như lai thâm mật tạng xử tất sanh nghi quái 。

Nghe chỗ sâu xa vi diệu của Phật Như Lai đều sanh lòng kinh sợ,

不知是藏出大智海。猶如嬰兒無所別知。

Bất tri thị tạng xuất Đại trí hải 。

Không biết chỗ sâu xa ấy phát sinh trí tuệ như biển, như đứa hài nhi không hiểu biết gì,

是則名為不了義也。

Thị tắc danh vi bất liễu nghĩa dã 。

Đó gọi là không liễu nghĩa vậy.

了義者名為菩薩。真實智慧隨於自心。

Liễu nghĩa giả danh vi Bồ-tát 。

Chân thật trí tuệ tùy ư tự tâm 。

liễu nghĩa tức là Bồ-tát, trí tuệ chân thật tùy ở tâm mình,

無礙大智猶如大人無所不知。是名了義。

Vô ngại Đại trí do như Đại nhân vô sở bất tri 。

Thị danh liễu nghĩa 。

Trí tuệ lớn không ngăn ngại như bậc Đại nhân không gì là không biết, đó gọi là liễu nghĩa,

又聲聞乘名不了義。無上大乘乃名了義。

若言如來無常變易名不了義。

Nhược ngôn Như Lai vô thường biến dịch danh bất liễu nghĩa 。

nếu nói Như Lai vô thường thay đổi gọi là không liễu nghĩa,

若言如來常住不變是名了義。聲聞所說應證知者名不了義。

Nhược ngôn Như Lai thường trụ bất biến thị danh liễu nghĩa 。

Thanh văn sở thuyết ứng
chứng tri giả danh bất liễu nghĩa 。

nếu nói Như Lai thường trụ, không thay đổi là liễu nghĩa, những điều Thanh văn nói nên

biết rõ gọi là không liễu nghĩa,

菩薩所說應證知者名為了義。

Bồ-tát sở thuyết ứng chứng tri giả danh vi liễu nghĩa 。
những điều Bồ-tát nói nên biết đó gọi là liễu nghĩa,
若言如來食所長養是不了義。若言常住不變易者是名了義。
Nhược ngôn Như Lai thực sở trường dưỡng thị bất liễu nghĩa 。 Nhược ngôn thường trụ bất
biến dịch giả thị danh liễu nghĩa 。
nếu nói Như Lai nhờ ăn uống mà sanh trường là không liễu nghĩa, nếu nói thường trụ
không thay đổi là liễu nghĩa,
若言如來入於涅槃如薪盡火滅名不了義。
Nhược ngôn Như Lai nhập ư Niết-Bàn như tân tận hỏa diệt danh bất liễu nghĩa 。
nếu nói Như Lai nhập Niết-bàn như củi hết lửa tắt là không liễu nghĩa,
若言如來入法性者是名了義。
Nhược ngôn Như Lai nhập Pháp tánh giả thị danh liễu nghĩa 。
nếu nói Như Lai nhập Pháp tánh là liễu nghĩa,
聲聞乘法則不應依。何以故。如來為欲度眾生故。
Thanh văn thừa Pháp tắc bất ứng y 。 Hà dĩ cố 。 Như Lai vì dục độ chúng sanh cố 。
Pháp của Thanh văn thừa là không nên nương tựa. Tại sao vậy? Vì Như Lai muốn độ
chúng sanh,
以方便力說聲聞乘。猶如長者教子半字。善男子。
Dĩ phương tiện lực thuyết Thanh văn thừa 。 Do như Trưởng giả giáo tử bán tự。 Thiện
nam tử 。
nên dùng phương tiện nói Thanh văn thừa, như trưởng giả dạy con nửa chữ, thiện nam tử,
聲聞乘者猶如初耕未得果實。
Thanh văn thừa giả do như sơ canh vị đắc quả thật 。
Thanh văn thừa giống như ruộng mới cày chưa thu hoạch được gì,
如是名為不了義也。是故不應依聲聞乘。
Như thị danh vi bất liễu nghĩa dã 。 Thị cố bất ứng y Thanh văn thừa 。
như vậy gọi là không liễu nghĩa, cho nên không nên nương tựa Thanh văn thừa,
大乘之法則應依止。何以故。如來為欲度眾生故。
Đại thừa chi Pháp tắc ứng y chỉ 。 Hà dĩ cố 。 Như Lai vì dục độ chúng sanh cố 。
Pháp Đại thừa mới là nơi nương tựa. Tại sao vậy? vì Như Lai muốn độ chúng sanh,
以方便力說於大乘是故應依。是名了義。

Dĩ phương tiện lực thuyết ư Đại thừa thị cố ứng y 。 Thị danh liễu nghĩa 。
Nên dùng sức phương tiện nói Đại thừa cho nên nên nương tựa, đó gọi là liễu nghĩa,
如是四依應當證知。

Như thị tứ y ứng đương chứng tri 。

bốn chỗ nương tựa như vậy nên chứng biết,

復次依義者。義名質直。質直者名曰光明。

Phục thứ y nghĩa giả 。 Nghĩa danh chất trực 。 Chất trực giả danh viết quang-minh。

lại nữa nương tựa nghĩa ấy, nghĩa gọi là chất trực, chất trực gọi là quang minh

光明者名不羸劣。不羸劣者名曰如來。

Quang-minh giả danh bất luy liệt 。

Quang minh ấy gọi là tối thắng, tối thắng ấy là Như Lai,

又光明者名為智慧。質直者名為常住。

Hựu quang-minh giả danh vi trí tuệ 。

lại quang minh ấy gọi là trí tuệ, chất trực ấy gọi là thường trụ,

如來常者名為依法。法者名常亦名無邊。

Như Lai thường giả danh vi y Pháp 。

Như Lai thường trụ ấy gọi là nương tựa Pháp, pháp ấy là thường cũng gọi là vô biên,

不可思議不可執持不可繫縛而亦可見。

Bất khả tư nghị bất khả chấp trì bất khả hệ phọc nhi diệc khả kiến 。

Không thể nghĩ bàn không thể nắm giữ không thể trói buộc mà lại có thể thấy,

若有說言不可見者。如是之人所不應依。

Nhược hữu thuyết ngôn bất khả kiến giả 。

nếu có nói lời không có thể thấy, người như vậy không phải chỗ nương tựa,

是故依法不依於人。若有人以微妙之語宣說無常。

Thị cố y Pháp bất y ư nhân 。

Nhược hữu nhân dĩ vi diệu chi ngữ tuyên thuyết vô thường

。 Cho nên nương tựa Pháp không nương tựa người, nếu có người dùng lời nói vi diệu tuyên

nói sự vô thường

如是之言所不應依。是故依義不依於語。

Như thị chi ngôn sở bất ứng y 。

lời nói như vậy không phải chỗ nương tựa, cho nên nương vào nghĩa không nương vào lời nói,

依智者。眾僧是常無為不變。

Y trí giả 。 Chúng tăng thị thường vô vi bất biến 。

Nương vào trí ấy, chúng Tăng là thường vô vi không thay đổi,

不畜八種不淨之物。是故依智不依於識。

Bất súc bát chủng bất tịnh chi vật 。

Không nuôi giữ tám vật bất tịnh, cho nên nương vào trí không nương vào thức,

若有說言識作識受無和合僧。何以故。夫和合者名無所有。

Nhược hữu thuyết ngôn thức tác thức thọ vô hòa hợp tăng 。

Hà dĩ cố 。

Phu hòa hợp giả danh vô sở hữu 。

nếu có lời nói phân biệt công việc để nhận lấy, không hòa hợp Tăng. Tại sao vậy? phạm hòa hợp gọi là vô sở hữu,

無所有者云何言常。

Vô sở hữu giả vân hà ngôn thường 。

Vô sở hữu làm sao gọi là thường?

是故此識不可依止依了義者。了義者名為知足。

Thị cố thử thức bất khả y chỉ y liễu nghĩa giả 。

Liễu nghĩa giả danh vi tri túc。

Cho nên thức này không có thể nương tựa chỉ nương tựa liễu nghĩa, liễu nghĩa ấy gọi là tri túc,

終不詐現威儀清白。憍慢自高貪求利養。

Chung bất trá hiện uy nghi thanh bạch 。

Kiêu mạn tự cao tham cầu lợi dưỡng 。

trọn không giả trá hiện oai nghi trong sạch, kiêu mạn tự cao tham cầu lợi dưỡng, 亦於如來隨宜方便所說法中不生執著。是名了義。

Diệc ư Như Lai tùy nghi phương tiện sở thuyết Pháp trung bất sanh chấp trú 。

Thị danh liễu nghĩa 。

Cũng ở trong pháp Như Lai tùy nghi phương tiện nói không sanh chấp trước, đó gọi là liễu nghĩa,

若有能住如是等中。當知是人則為已得住第一義。

Nhược hữu năng trụ như thị đẳng trung 。

nếu có thể trú trong các nơi như vậy, nên biết người ấy đã chứng được Đệ nhất nghĩa,
是故名為依了義經。

Thị cổ danh vi y liễu nghĩa Kinh 。

Cho nên gọi là nương vào kinh liễu nghĩa,
不依不了義。不了義者如經中說。

Bất y bất liễu nghĩa 。

Bất liễu nghĩa giả như Kinh trung thuyết 。

không nương vào kinh không liễu nghĩa, không liễu nghĩa ấy như trong kinh nói,

一切燒燃一切無常一切皆苦一切皆空一切無我。

Nhất thiết thiêu nhiên nhất thiết vô thường nhất thiết giai khổ nhất thiết giai không nhất
thiết vô ngã 。

tất cả như làn khói, tất cả đều vô thường, tất cả đều khổ, tất cả đều không, tất cả vô ngã,
是名不了義。何以故。以不能了如是義故。

Thị danh bất liễu nghĩa 。

Hà dĩ cố 。

Dĩ bất năng liễu như thị nghĩa cố 。

đó gọi là không liễu nghĩa. Vì sao vậy? vì không thể hiểu nghĩa như vậy,
令諸眾生墮阿鼻獄。所以者何。

Lệnh chư chúng sanh đọa A-tì ngục 。

Sở dĩ giả hà 。

khiến các chúng sanh đọa Địa ngục A-tỳ. Vì sao như vậy?

以取著故於義不了。一切燒者謂如來說涅槃亦燒。

Dĩ thủ trú cố ư nghĩa bất liễu 。

Nhất thiết thiêu giả vị Như Lai thuyết Niết-Bàn diệt thiêu 。

vì chấp trước cho nên không hiểu được nghĩa ấy, tất cả như làn khói nghĩa là Như Lai dạy
Niết-bàn cũng như làn khói,

一切無常者涅槃亦無常。苦空無我亦復如是。

Nhất thiết vô thường giả Niết-Bàn diệt vô thường 。

Khổ không vô ngã diệt phục như thị
。

tất cả Vô thường thì Niết-bàn cũng Vô thường, khổ, không, vô ngã cũng lại như vậy.

是故名為不了義經不應依止。善男子。

Thị cổ danh vi bất liễu nghĩa Kinh bất ứng y chỉ 。

Thiện nam tử 。

Cho nên gọi là kinh không liễu nghĩa không nên nương tựa. Thiện nam tử,

若有人言如來憐愍一切眾生善知時宜。

Nhược hữu nhân ngôn Như Lai liên mẫn nhất thiết chúng sanh thiện tri thời nghi。

nếu có người nói Như Lai thương xót tất cả chúng sanh khéo biết thời,

以知時故說輕為重說重為輕。

Dĩ tri thời cố thuyết khinh vi trọng thuyết trọng vi khinh 。

Vì biết thời cho nên nói nhẹ là nặng nói nặng là nhẹ,

如來觀知所有弟子有諸檀越供給所須令無所乏。

Như Lai quán tri sở hữu đệ-tử hữu chư đàn việt cung cấp sở tu lệnh vô sở phạp 。

Như Lai quán biết các đệ tử có các đàn việt cúng dường những điều cần dùng không thiếu thứ gì,

如是之人佛則不聽受畜奴婢金銀財寶販賣市易不淨物等。

Như thị chi nhân Phật tắc bất thính thọ súc nô tì kim ngân tài bảo phiến mại thị dịch bất tịnh vật đẳng 。

người như vậy Phật không cho phép nuôi nô tỳ cất giữ vàng bạc, báu vật, mua bán giao dịch các vật bất tịnh v.v...

若諸弟子無有檀越供給所須。

Nhược chư đệ-tử vô hữu đàn việt cung cấp sở tu 。

nếu có các đệ tử không có đàn việt cúng dường những điều cần dùng,

時世飢饉飲食難得。為欲建立護持正法。

Thời thế cơ cận ẩm thực nan đắc 。

Lúc cuộc đời đói khát không được ăn uống, vì muốn xây dựng hộ trì chánh pháp,

我聽弟子受畜奴婢金銀車乘田宅穀米賣易所須。

Ngã thính đệ-tử thọ súc nô tì kim ngân xa thừa điền trạch cốc mễ mại dịch sở tu。

Ta cho các đệ tử đó nuôi nô tỳ, cất giữ vàng bạc, xe cộ, ruộng vườn nhà cửa lúa gạo mua bán những vật cần dùng,

雖聽受畜如是等物要當淨施篤信檀越。

Tuy thính thọ súc như thị đẳng vật yếu đương tịnh thí đốc tín đàn việt 。

mặc dầu nuôi và cất giữ những vật như vậy nhưng phải tịnh thí ở nơi đàn việt thân tín,

如是四法所應依止。若有戒律阿毘曇修多羅。

Như thị tứ Pháp sở ứng y chỉ 。

Nhược hữu giới luật A-tì-đàm tu đa-la 。

bốn pháp như vậy là chỗ nên nương tựa, nếu có Kinh, Luật, Luận,

不違是四亦應依止。

Bất vi thị tứ diệc ứng y chỉ 。

không trái bốn pháp ấy cũng nên nương tựa,

若有說言有時非時有能護法。不能護法。

Nhược hữu thuyết ngôn hữu thời phi thời hữu năng hộ Pháp 。 Bất năng hộ Pháp 。 nếu có lời nói hoặc đúng thời hoặc không đúng thời, có khả năng hộ pháp hoặc không có khả năng hộ pháp,

如來悉聽一切比丘受畜如是不淨物者。如是之言不應依止。

Như Lai tất thính nhất thiết tỷ kheo thọ súc như thị bất tịnh vật giả 。 Như thị chi ngôn bất ứng y chỉ 。

Như Lai đều cho phép tất cả Tỷ-kheo nuôi và cất giữ những vật bất tịnh như vậy, những lời nói như vậy không nên nương tựa,

若有戒律阿毘曇修多羅中有同是說。

Nhược hữu giới luật A-tì-đàm tu đa-la trung hữu đồng thị thuyết 。

nếu trong Kinh, Luật, Luận trong đó có nói những lời như vậy,

如是三分亦不應依。我為肉眼諸眾生等說是四依。

Như thị tam phân diệc bất ứng y 。

Thì ba bộ như vậy cũng không nên nương theo, Ta vì con mắt thịt của chúng sanh nên nói bốn chỗ nương tựa này,

終不為於有慧眼者。是故我今說是四依。

Chung bất vi ư hữu tuệ nhãn giả 。

Thị cố ngã kim thuyết thị tứ y 。

quyết không vì những người có huệ nhãn mà nói, cho nên Ta nay nói bốn pháp nương tựa ấy,

法者即是法性。義者即是如來常住不變。

Pháp giả tức thị Pháp tánh 。

Nghĩa giả tức thị Như Lai thường trụ bất biến 。

Pháp ấy tức là pháp tánh, nghĩa ấy tức là Như Lai thường trú không thay đổi,

智者了知一切眾生悉有佛性。

Trí giả liễu tri nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

Trí ấy là hiểu biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh,

了義者了達一切大乘經典。

Liễu nghĩa giả liễu đạt nhất thiết Đại thừa Kinh điển 。

liễu nghĩa ấy là hiểu rõ tất cả kinh điển Đại thừa,

大般涅槃經卷第六

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ lục

Kinh Đại Bát-niết-bàn

Quyển thứ sáu.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:05:59 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:05:59 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====
=====

Vol. 12, No. 374

Thích Trí Thiện hiệu đính

大般涅槃經卷第七

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thất

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ BẢY

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Ngài Tam Tạng Đàm-vô-sấm người Thiên Trúc dịch vào đời Bắc Lương

如來性品第四之四

Như-Lai tánh phẩm đệ tứ chi tứ

Phần Bốn, Phẩm Thứ Tư: Như Lai Tánh

爾時迦葉白佛言。世尊。

nhĩ thời Ca-diếp bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

Lúc bấy giờ Ca-diếp bạch đức Phật rằng: Bạch Thế Tôn,

如上所說四種人等應當依耶。

như thượng sở thuyết tứ chủng nhân đẳng ứng đương y da。

như trên đã nói cả thầy bốn hạng người phải nên nương dựa。

佛言。如是如是。善男子。

Phật ngôn。 như thị như thị。 thiện nam tử。

Phật nói: Đúng vậy! Đúng vậy! Thiện nam tử!

如我所說應當依止。何以故。有四魔故。何等為四。

như ngã sở thuyết ứng đương y chỉ。 hà dĩ cố。 hữu tứ ma cố。 hà đẳng vi tứ。

Như chỗ Ta nói phải nên nương tựa. Vì sao? Vì có bốn loại ma. Những gì là bốn?

如魔所說諸餘經律能受持者。迦葉菩薩白佛言。世尊。

như ma sở thuyết chư dư Kinh luật năng thọ trì giả. ca diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Như ma nói các ngoài các Kinh Luật ra có thể thọ trì. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng:
Bạch Thế Tôn,

如佛所說有四種魔。若魔所說及佛所說。

như Phật sở thuyết hữu tứ chủng ma. nhược ma sở thuyết cập Phật sở thuyết.

Như Ngài nói có bốn loài ma, như chỗ ma nói và Phật nói,

我當云何而得分別。有諸眾生隨逐魔行。

ngã đương vân hà nhi đắc phân biệt. hữu chư chúng sanh tùy trục ma hành.

con phải làm sao mà phân biệt được? Có những chúng sanh đi theo hạnh của ma,
復有隨順佛所教者。如是等輩復云何知。

phục hữu tùy thuận Phật sở giáo giả. như thị đẳng bối phục vân hà tri

lại có người tùy thuận theo lời Phật dạy. Như vậy cả lũ ấy lại làm sao để biết?

佛告迦葉。我般涅槃七百歲後。

Phật cáo ca diếp. ngã bát Niết-Bàn thất bách tuế hậu。

Đức Phật nói với Ca-diếp: Sau khi Ta nhập Niết-bàn bảy trăm năm,

是魔波旬漸當沮壞我之正法。譬如獵師身服法衣。

thị Ma ba tuần tiêm đương trở hoại ngã chi chánh Pháp. thí như liệt sư thân phục Pháp y。

Lúc đó ma Ba-tuần sẽ dần dần phá hoại làm cản trở chánh pháp của Ta. Thí như Lạp sư thân mặc pháp y,

魔王波旬亦復如是。

ma Vương Ba-tuần diệc phục như thị。

Ma Vương Ba-tuần cũng lại như vậy,

作比丘像比丘尼像優婆塞像優婆夷像。亦復化作須陀洹身。

tác Tỳ-kheo tượng Tỳ-kheo-ni tượng Ưu bà tắc tượng Ưu bà di tượng. diệc phục hóa tác Tu đà hoàn thân。

giả làm hình ảnh Tỳ-kheo, hình ảnh Tỳ-kheo-ni, hình ảnh Ưu-bà-tắc, hình ảnh Ưu-bà-di; cũng lại hoá làm thân Tu-đà-hoàn,

乃至化作阿羅漢身及佛色身。

nãi chí hóa tác A-la-hán thân cập Phật sắc thân。

cho đến hoá làm thân A-la-hán và hoá làm sắc thân Phật.

魔王以此有漏之形作無漏身壞我正法。是魔波旬壞正法時。當作是言。

ma Vương dĩ thử hữu lậu chi hình tác vô lậu thân hoại ngã chánh Pháp. thị Ma ba tuần hoại chánh Pháp thời. đương tác thị ngôn.

Ma Vương dùng thân hình hữu lậu làm thân vô lậu phá hoại chánh pháp Ta, chính lúc ma Ba-tuần phá hoại chánh pháp Ta, nói như vậy:

菩薩昔於兜率天上沒來。

Bồ-tát tích ư Đâu-suất Thiên thượng một lai。

Bồ-tát xưa còn ở trên trời Đâu-suất,

在此迦毘羅城白淨王宮。依因父母愛欲和合生育是身。

tại thử ca tì la thành bạch tịnh Vương cung. y nhân phụ mẫu ái dục hòa hợp sanh dục thị thân。

tại thành Ca-tỳ-vệ trong cung điện Bạch Tịnh Vương này, nương nhờ nhân ái dục của cha mẹ hoà hợp mà sanh có thân này.

若言有人生於人中為諸世間天人大眾所恭敬者。

nhược ngôn hữu nhân sanh ư nhân trung vi chư thế gian Thiên Nhơn Đại chúng sở kính giả。

Nếu nói có người sanh ở trong loài người làm cho các đại chúng Thế gian, Trời, Người kính,

無有是處。又復說言。

vô hữu thị xứ. hữu phục thuyết ngôn。

không có nơi này. Lại nói rằng:

往昔苦行種種布施頭目髓腦國城妻子。是故今者得成佛道。

vãng tích khổ hạnh chủng chủng bố thí đầu mục tủy não quốc thành thê tử. thị cố kim giả đắc thành Phật đạo。

Lúc xưa, thực hành khổ hạnh bố thí các thứ như đầu, mắt, tủy, não, vợ con, thành quách.

Vì vậy nay đắc thành Phật đạo,

以是因緣為諸人天乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那

dĩ thị nhân duyên vi chư nhân Thiên Càn thát bà A-tu-La ca lâu la khẩn na

do nhân duyên này làm cho các Trời, Người, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-na, Khẩn-na-la, 羅摩睺羅伽之所恭敬。若有經律作是說者。

la Ma hầu la dà chi sở cung kính。nhược hữu Kinh luật tác thị thuyết giả。

Ma-hầu-la-già đều cung kính; nếu có Kinh, Luật nói như vậy
當知悉是魔之所說。

đương tri tất thị ma chi sở thuyết。

thì nên biết đều là do ma nói。

善男子。若有經律作如是言。

thiện nam tử。nhược hữu Kinh luật tác như thị ngôn。

Thiện nam tử! Nếu có Kinh, Luật nói như thế này:

如來正覺久已成佛。今方示現成佛道者。

Như-Lai chánh giác cứu dĩ thành Phật。kim phương thị hiện thành Phật đạo giả。

Như Lai Chánh Giác thành Phật đã lâu, nay vì phương tiện thị hiện thành Phật đạo,
為欲度脫諸眾生故。示有父母依因愛欲和合而生。

vi dục độ thoát chư chúng sanh cố。kì hữu phụ mẫu y nhân ái dục hòa hợp nhi sanh。

vì muốn độ thoát cho các chúng sanh, nên thị hiện có nương nhờ vào nhân ái dục của cha
mẹ hoà hợp mà sanh,

隨順世間作是示現。如是經律當知真是如來所說。

tùy thuận thế gian tác thị thị hiện。như thị Kinh luật đương tri chân thị Như-Lai sở thuyết。

tùy thuận thế gian mà thị hiện。Như vậy nên phải biết Kinh Luật ấy chính là do Như Lai
thuyết,

若有隨順魔所說者是魔眷屬。

nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả thị ma quyến chúc。

nếu có người tùy thuận theo chỗ ma nói thời ấy chính là quyến thuộc của ma,

若能隨順佛說經律即是菩薩。

nhược năng tùy thuận Phật thuyết Kinh luật tức thị Bồ-tát。

nếu tùy thuận vào Kinh, Luật do Phật thuyết tức chính là Bồ-tát。

若有說言如來生時於十方面各行七步不可信者是魔所說。

nhược hữu thuyết ngôn Như-Lai sanh thời ư thập phương diện các hành thất bộ bất khả
tín giả thị ma sở thuyết。

Hoặc có nói rằng, lúc Như Lai sanh, đều bước đi bảy bước ở trong mười phương, điều ấy không thể tin, thời chính đó là ma nói,
若復有說如來出世於十方面各行七步。
nhược phục hữu thuyết Như-Lai xuất thế ư thập phương diện các hành thất bộ。
nếu lại có nói rằng lúc Như Lai xuất thế đều bước đi bảy bước ở trong mười phương。
此是如來方便示現。是名如來所說經律。
thử thị Như-Lai phương tiện thị hiện。 thị danh Như-Lai sở thuyết Kinh luật。
Đó là Như Lai phương tiện thị hiện, ấy đích thị là Kinh Luật do Như Lai thuyết;
若有隨順魔所說者是魔眷屬。
nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả thị ma quyến chúc。
nếu tùy thuận chỗ ma nói thời chính là quyến thuộc của ma,
若能隨順佛所說者。即是菩薩。
nhược năng tùy thuận Phật sở thuyết giả。 tức thị Bồ-tát。
nếu năng tùy thuận vào chỗ Phật thuyết tức là Bồ-tát。
若有說言菩薩生已父王使人將詣天祠。諸天見已悉下禮敬。是故名佛。
nhược hữu thuyết ngôn Bồ-tát sanh dĩ phụ Vương sử nhân tướng nghê Thiên từ。 chư
Thiên kiến dĩ tất hạ lễ kính。 thị cố danh Phật。
Nếu có lời nói rằng, sau khi Bồ-tát sanh, Phụ Vương sai người mang đến Thiên từ, chư
Thiên thấy xong tất cả đều xuống kính lễ, nên gọi là Phật。
復有難言天者先出。佛在於後。
phục hữu nan ngôn Thiên giả tiên xuất。 Phật tại ư hậu。
Lại có người hỏi rằng: Trời có trước, Phật có sau,
云何諸天禮敬於佛。作是難者。
vân hà chư Thiên lễ kính ư Phật。 tác thị nan giả。
tại sao chư Thiên kính lễ Phật? Người hỏi như vậy,
當知即是波旬所說若有經言佛到天祠。
đương tri tức thị Ba-tuần sở thuyết nhược hữu Kinh ngôn Phật đáo Thiên từ。
nên biết đó chính là ma Ba-tuần nói. Nếu có kinh nói rằng Phật đến Thiên từ,
是諸天等摩醯首羅大梵天王釋提桓因。皆悉合掌敬禮其足。
thị chư Thiên đẳng ma hề thủ la Đại Phạm Thiên Vương thích đề hoàn nhân。 giai tất hợp
chưởng kính lễ kỳ túc。

lúc ấy tất cả chư Thiên, Ma-hê-thủ-la, Vua trời Đại Phạm, Thích-đề-hoàn-nhơn tất cả đều chấp tay kính lễ chân Phật.

如是經律是佛所說。若有隨順魔所說者。

như thị Kinh luật thị Phật sở thuyết. nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả.

Như vậy Kinh, Luật ấy chính là Phật thuyết, nếu tùy thuận theo chỗ Ma nói 是魔眷屬。若能隨順佛所說者即是菩薩。

thị ma quyến chúc. nhược năng tùy thuận Phật sở thuyết giả tức thị Bồ-tát.

thì chính là quyến thuộc của ma, nếu tùy thuận lời Phật thuyết tức chính là Bồ-tát.

若有經律說言。菩薩為太子時。

nhược hữu Kinh luật thuyết ngôn. Bồ-tát vi Thái-Tử thời。

Hoặc có Kinh, Luật nói rằng: Bồ-tát lúc làm Thái tử,

以貪心故四方娉妻。處在深宮五欲自娛歡悅受樂。

dĩ tham tâm cố tứ phương phình thê. xử tại thâm cung ngũ dục tự ngu hoan duyệt thọ lạc。

do lòng tham nên cầu hỏi bốn phương, ở trong thâm cung tự mình vui vẽ thọ ngũ dục lạc, 如是經律波旬所說。

như thị Kinh luật Ba-tuần sở thuyết。

như vậy Kinh, Luật ấy chính là Ba-tuần nói.

若有說言菩薩久已捨離貪心妻息之屬。

nhược hữu thuyết ngôn Bồ-tát cứu dĩ xả ly tham tâm thê tức chi thuộc。

Nếu có kinh nói rằng, Bồ-tát đã xả bỏ tâm tham đắm quyến thuộc vợ con,

乃至不受三十三天上妙五欲如棄涕唾。

nãi chí bất thọ tam thập tam Thiên thượng diệu ngũ dục như khí thể thóa。

cho đến không còn thọ ngũ dục sung sướng ở trên ba mươi ba cõi Trời, như xả bỏ nước miếng, nước mũi,

何況人欲。剃除鬚髮出家修道。

hà huống nhân dục. thể trừ tu phát xuất gia tu đạo。

huống nữa là dục lạc ở cõi người. Cạo bỏ râu tóc, xuất gia tu đạo,

如是經律是佛所說。若有隨順魔經律者是魔眷屬。

như thị Kinh luật thị Phật sở thuyết. nhược hữu tùy thuận ma Kinh luật giả thị ma quyến thuộc。

như vậy Kinh, Luật ấy chính là Phật thuyết; nếu tùy thuận vào Kinh, luật do ma nói, tức là quyến thuộc của ma;

若有隨順佛經律者即是菩薩。

nhược hữu tùy thuận Phật kinh luật giả tức thị Bồ-tát。

nếu tùy thuận vào Kinh, Luật của Phật, tức là Bồ-tát。

若有說言佛在舍衛祇陀精舍。

nhược hữu thuyết ngôn Phật tại xá vệ kì đà Tinh Xá。

Hoặc có kinh nói rằng, Phật ở tại Xá-vệ, Tinh xá Kỳ Hoàn,

聽諸比丘受畜奴婢僕使牛羊象馬驢騾鷄猪猫狗。

thính chư Tỳ-kheo thọ súc nô tì bộc sử ngưu dương tượng mã lư loa kê trư miêu cẩu。

nghe các Tỳ-kheo có nhận giữ nuôi dưỡng nô tỳ, tô tở, trâu, dê, voi, ngựa, lừa, loa, gà, lợn, mèo, chó,

金銀琉璃真珠頗梨車磔馬瑙珊瑚虎珀。

kim ngân lưu ly chân châu pha lê xa cừ mã não san hô hổ phách。

vàng, bạc, lưu ky, chơn châu, pha lê, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách,

珂貝璧玉銅鐵釜鍍大小銅盤所須之物。

kha bối bích ngọc đồng thiết phủ phú Đại tiểu đồng bàn sở tu chi vật。

kha bối, bích ngọc, nồi bằng đồng, bằng sắt, mâm đồng lớn nhỏ, các vật cần thiết

耕田種植販賣市易儲積穀米。如是眾事。

canh điền chủng thực phiến mại thị dịch trữ cốc mễ。 như thị chúng sự。

canh tác ruộng vườn, trồng trọt, buôn bán đổi chác, tích chứa lúa gạo tất cả các việc như vậy,

佛大慈故憐愍眾生皆聽畜之。

Phật Đại từ cố liên mẫn chúng sanh giai thính súc chi。

Phật Đại Từ nên thương xót chúng sanh đều thuận cho nuôi dưỡng。

如是經律悉是魔說若有說言佛在舍衛祇陀精舍那梨樓鬼所住

như thị Kinh luật tất thị ma thuyết nhược hữu thuyết ngôn Phật tại xá vệ kì đà Tinh Xá na lê lâu quỷ sở trụ

Như vậy tất cả kinh luật ấy đều do ma nói. Nếu có kinh nói rằng, Phật ở Xá-vệ tinh xá Kỳ Đà nơi chỗ ở của Quỷ Na-lê-lâu,

之處。爾時如來因婆羅門字殺毘德。

chi xử. nhĩ thời Như-Lai nhân Bà-la-môn tự cổ đê đức。

lúc bấy giờ Như Lai nhân vì Bà-la-môn Tự Cổ Đê Đức,

及波斯匿王說言。

cập Ba tư nặc Vương thuyết ngôn。

và vua Ba-tư-nặc mà nói rằng:

比丘不應受畜金銀琉璃頗梨真珠車磔瑪瑙珊瑚虎珀珂貝璧玉。

bỉ khâu bất ứng thọ súc kim ngân lưu ly pha lê chơn châu, xà cừ, mã não, san hô hổ phách kha bối bích ngọc。

Tỳ-kheo không nên cất giữ, vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, xà cừ, mã não, san hô, hổ phách, kha bối, bích ngọc.

奴婢僕使童男童女。牛羊象馬驢騾鷄猪猫狗等獸。

nô tì bộc sử đồng nam đồng nữ。ngưu dương tượng mã lư loa kê trư miêu cẩu đẵng thú。

không nên nuôi dưỡng nô tỳ, tôi tớ, đồng nam, đồng nữ, trâu, dê, voi, ngựa, lừa, loa, gà,

lợn, mèo, chó, tất cả các loài thú,

銅鐵釜鍍。大小銅槃。種種雜色床敷臥具。

đồng thiết phủ phủ。Đại tiểu đồng bàn。chủng chủng tạp sắc sàng phu ngoạ cụ。

không cất giữ nồi đồng, nồi sắt, mâm đồng lớn nhỏ, giường trải ngoạ cụ các màu sắc lẫn lộn,

資生所須。所謂屋宅耕田種殖販賣市易。

tư sanh sở tu。sở vị ốc trạch canh điền chủng thực phiến mại thị dịch。

của cải cần thiết trong cuộc sống như nhà cửa, canh tác ruộng vườn, trồng trọt, mua bán, đổi chác,

自手作食自磨自舂。治身呪術調鷹方法。

tự thủ tác thực tự ma tự thung。trị thân chú thuật điều ưng phương Pháp。

tự tay làm ăn, tự xát, tự giã, trị thân bằng phương pháp chú thuật, điều ưng,

仰觀星宿推步盈虛。占相男女解夢吉凶。

ngưỡng quán tinh tú thôi bộ doanh hư。chiêm tướng nam nữ giải mộng cát hung。

ngưỡng nhìn tinh tú, thôi bộ doanh hư, xem tướng giải mộng lành dữ trai gái,

是男是女非男非女。六十四能復有十八。

thị nam thị nữ phi nam phi nữ。lục thập tứ năng phục hữu thập bát。

là trai là gái, chẳng phải trai chẳng phải gái, sáu mươi bốn có thể lại có mười sáu,

惑人呪術種種工巧。或說世間無量俗事。

hoặc nhân chú thuật chủng chủng công xảo. hoặc thuyết thế gian vô lượng tục sự.
chú thuật làm mê hoặc lòng người các việc làm khéo léo, hoặc bàn vô lượng việc đời của thế gian,

散香末香塗香薰香。種種花鬘治髮方術。

tán hương末 hương đồ hương huân hương. chủng chủng hoa man trị phát phương thuật.

rãi các loại hương như末 hương, đồ hương, huân hương, các loại phương thuật hoa man, trị phát,

姦偽諂曲貪利無厭。愛樂憒鬧戲笑談說。

gian nguy siểm khúc tham lợi vô yếm. ái lạc hội náo hí tiếu đàm thuyết.

gian dối, nịnh nọt, tham lợi không chán, ưa thích bàn bạc, vui đùa, cười nói ồn ào náo nhiệt,

貪嗜魚肉和合毒藥治押香油。捉持寶蓋及以革屣。

tham thị ngư nhục hòa hợp độc dược trì áp hương do. tróc trì bảo cái cập dĩ cách tử.
ham thích cá thịt, pha chế độc dược, bôi xoa dầu thơm, cầm giữ bảo cái và dùng giày da,
造扇箱篋種種畫像。

tạo phiến tương khiếp chủng chủng họa tượng。

tạo làm cửa, thùng, tráp, hoạ vẽ các hình tượng,

積聚穀米大小麥豆及諸果蓏。親近國王王子大臣及諸女人。

tích tụ cốc mễ Đại tiểu mạch đỗ cập chư quả lỏa. thân cận Quốc Vương Vương tử Đại Thần cập chư nữ nhân。

tích chứa lúa gạo, đại mạch, tiểu mạch, đậu và các loại trái cây, gần gũi Quốc Vương, Vương tử, đại thần cùng với các người nữ

高聲大笑或復默然。於諸法中多生疑惑。

cao thanh Đại tiểu hoặc phục mặc nhiên. ư chư Pháp trung đa sanh nghi hoặc。

cao tiếng cười lớn hoặc lại im lặng. Ở trong các pháp sanh nhiều nghi hoặc,

多語妄說長短好醜或善不善。好著好衣。

đa ngữ vọng thuyết trường đoản hảo xú hoặc thiện bất thiện. hảo trú hảo y。

nhiều lời nói hư vọng, dài, ngắn, tốt, xấu hoặc thiện hoặc bất thiện, thích mặc áo đẹp,
如是種種不淨之物。於施主前躬自讚歎。

như thị chủng chủng bất tịnh chi vật。 ư thí chủ tiền cung tự tán thán。
các thứ như vậy là vật bất tịnh。 Ở trước thí chủ tự nghiêng mình tán thán,
出入遊行不淨之處。 所謂沽酒姪女博弈。
xuất nhập du hành bất tịnh chi xử。 sở vị cô tửu dâm nữ bác dịch。
ra vào chơi ở chỗ bất tịnh như; mua rượu, dâm nữ, cờ bạc。
如是之人我今不聽在比丘中。 應當休道還俗役使。
như thị chi nhân ngã kim bất thính tại bỉ khâu trung。 ứng đương hưu đạo hoàn tục dịch sử。
Người như vậy Ta nay không chấp thuận ở trong Tỳ-kheo, phải nên thôi tu, trở về hoàn tục, chuyển đi nơi khác。
譬如 稗 (禾秀) 悉滅無餘。 當知是等經律所制。
thí như bại hoại tất diệt vô dư。 đương tri thị đẳng Kinh luật sở chế。
Thí như bãi cỏ tất phải diệt tận không để lại, nên biết hết thầy Kinh Luật này chế ra, 悉是如來之所說也。 若有隨順魔所說者是魔眷屬。
tất thị Như-Lai chi sở thuyết dã。 nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả thị ma quyến chúc。
tất cả chính đều là do Như Lai thuyết; nếu tùy thuận theo chỗ ma nói thì chính là quyến thuộc của ma;
若有隨順佛所說者即是菩薩。
nhược hữu tùy thuận Phật sở thuyết giả tức thị Bồ-tát。
nếu tùy thuận vào lời Phật thuyết tức chính là Bồ-tát。
若有說言菩薩為欲供養天神故入天祠。 。nhược hữu thuyết ngôn Bồ-tát vi dục cúng dường Thiên Thần cố nhập Thiên từ (Trong bản Taiso dùng chữ Cung)。
Nếu có Kinh nói rằng, Bồ-tát vì muốn cúng dường Trời, Thần nên vào Thiên cung, 所謂梵天大自在天。 違陀天迦旃延天。
sở vị Phạm Thiên Đại Tự Tại Thiên。 vi đà Thiên ca chiên duyên Thiên。
như là Phạm thiên, trời Đại Tự Tại, trời Vi-đà, trời Ca-chiên-diên。
所以入者。 為欲調伏諸天人故。 若言不爾。 無有是處。
sở dĩ nhập giả。 vi dục điều phục chư Thiên nhân cố。 nhược ngôn bất nhĩ。 vô hữu thị xử。

Sở dĩ vào đó là vì muốn điều phục trời, người. Nói như vậy không đúng, không có chỗ đó.
若言菩薩不能入於外道邪論。

nhược ngôn Bồ-tát bất năng nhập ư ngoại đạo tà luận。

Hoặc nói Bồ-tát không có thể vào được nơi Tà luận Ngoại đạo,
知其威儀文章伎藝。僕使鬪諍不能和合。

tri kỳ uy nghi văn chương kỹ nghệ。bộc sử đấu tránh bất năng hòa hợp。

để biết được oai nghi, văn chương, kỹ nghệ của họ, nô bộc đấu tranh không thể hòa hợp
được họ,

不為男女國王大臣之所恭敬。又亦不知和合諸藥。

bất vi nam nữ Quốc Vương Đại Thần chi sở cung kính。hựu diệc bất tri hòa hợp chư
dược。

không được các nam, nữ, Quốc Vương, Đại thần cung kính. Lại cũng không biết pha chế
các loại thuốc.

以不知故乃名如來。如其知者是邪見輩。

dĩ bất tri cố nãi danh Như-Lai。như kỳ tri giả thị tà kiến bối。

Do không biết những điều đó nên có tên là Như Lai. Như vậy nên biết đó là một lũ tà kiến.

又復如來於怨親中其心平等。如以刀割及香塗身。

hựu phục Như-Lai ư oán thân trung kỳ tâm bình đẳng。như dĩ đao cắt cập hương đồ
thân。

Lại nói Như Lai đối với sự oán thân thì tâm vẫn bình đẳng như dùng dao cắt và dùng
hương thơm xoa thân,

於此二人不生增益損減之心。

ư thử nhị nhân bất sanh tăng ích tổn giảm chi tâm。

với hai hạng người đối nghịch mà không sanh tâm tăng ích hay tổn giảm.

唯能處中故名如來。如是經律當知是魔之所說也。

duy năng xử trung cố danh Như-Lai。như thị Kinh luật đương tri thị ma chi sở thuyết dã。

Chỉ ứng xử trong trường hợp đó nên có tên là Như Lai. Kinh luật như vậy thì nên biết
chính là do ma nói.

若有說言菩薩如是示入天祠。

nhược hữu thuyết ngôn Bồ-tát như thị kì nhập Thiên từ。

Nếu có Kinh nói rằng, Bồ-tát thị hiện vào Thiên cung như vậy,

外學法中出家修道。示現知其威儀禮節。

ngoại học Pháp trung xuất gia tu đạo. thị hiện tri kỳ uy nghi lễ tiết.

xuất gia tu đạo trong ngoài học pháp, thị hiện biết đầy đủ oai nghi lễ tiết,
能解一切文章伎藝。示入書堂伎巧之處。

năng giải nhất thiết văn chương kỹ nghệ. kì nhập thư đường kỹ xảo chi xử.
có thể hiểu tất cả văn chương, kỹ nghệ, thị hiện vào nơi thư đường kỹ xảo,
能善和合僕使鬪諍。

năng thiện hòa hợp bộc sử đấu tranh.

luôn khéo hoà hợp các nô bộc đấu tranh,

於諸大眾童男童女後宮妃后人民長者婆羅門等王及大臣貧窮等中最尊最上。

ư chư Đại chúng đồng nam đồng nữ hậu cung phi hậu nhân dân Trưởng-Giả Bà-la-môn
đẳng Vương cập Đại Thần bần cùng đẳng trung tối tôn tối thượng.

là bậc Tối tôn, Tối thượng trong mọi người trong các tầng lớp đồng nam, đồng nữ, hoàng
hậu, phi tần nơi hậu cung, nhân dân, trưởng giả, Bà-la-môn v.v., Vua và Đại thần cho đến
những kẻ bần cùng.

復為是等之所恭敬。亦能示現如是等事。

phục vi thị đẳng chi sở cung kính. diệc năng thị hiện như thị đẳng sự.

Lại được tất cả chúng cung kính, cũng có thể thị hiện tất cả mọi việc như vậy.

雖處諸見不生愛心。猶如蓮花不受塵垢。

tuy xử chư kiến bất sanh ái tâm. do như liên hoa bất thọ trần cấu.

tuy thấy mọi nơi nhưng không sanh ái tâm, giống như hoa sen không nhiễm trần cấu.

為度一切諸眾生故。善行如是種種方便隨順世法。

vi độ nhất thiết chư chúng sanh cố. thiện hành như thị chủng chủng phương tiện tùy
thuận thế Pháp。

Vì độ hết thảy các chúng sanh nên khéo thực hành các loại phương tiện như vậy để tùy
thuận với pháp thế gian.

如是經律當知即是如來所說。

như thị Kinh luật đương tri tức thị Như-Lai sở thuyết.

Kinh luật như vậy nên biết chính là do Như Lai thuyết,

若有隨順魔所說者是魔眷屬。

nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả thị ma quyến chúc.

nếu tùy thuận theo chỗ ma nói thì chính là quyến thuộc của ma,
若能隨順佛所說者是大菩薩。若有說言如來為我解說經律。
nhược năng tùy thuận Phật sở thuyết giả thị Đại Bồ-tát. nhược hữu thuyết ngôn Như-Lai
vi ngã giải thuyết Kinh luật.
nếu tùy thuận theo lời Phật nói tức chính là Bồ-tát. Hoặc có kinh nói rằng, Như Lai do Ngã
mà giải nói Kinh luật,
若惡法中輕重之罪及偷蘭遮其性皆重。
nhược ác Pháp trung khinh trọng chi tội cập thân lan già kỳ tánh giai trọng。
như trong ác pháp tội nặng nhẹ và Thân-lan-giá tánh các tội ấy đều nặng,
我等律中終不為之。我久忍受如是之法。
ngã đẳng luật trung chung bất vi chi. ngã cửu nhẫn thọ như thị chi Pháp。
trong tất cả luật của chúng Ta hoàn toàn không làm vậy. Ta từ lâu đã nhẫn chịu các pháp
như vậy
汝等不信我當云何自捨己律就汝律耶。
nhữ đẳng bất tín ngã đương vân hà tự xả kỷ luật tựu nhữ luật da。
nhưng do các người không tin nên Ta làm sao tự bỏ Kinh luật của mình để đến với Kinh
luật các ông?
汝所有律是魔所說。我等經律是佛所制。如來先說九部法印。
nhữ sở hữu luật thị ma sở thuyết. ngã đẳng Kinh luật thị Phật sở chế. Như-Lai tiên
thuyết cửu bộ Pháp ấn。
Luật các ông có là ma nói, Luật chúng Ta có chính là Phật chế. Như Lai nói đầu tiên là
chín bộ pháp ấn.
如是九印我經律。初不聞有方等經典。
như thị cửu ấn ấn ngã Kinh luật. sơ bất văn hữu phương đẳng Kinh điển。
Như vậy chín bộ pháp ấn là Kinh luật do Ta ấn chứng. Lúc đầu không nghe có Kinh điển
Phương-đẳng,
一句一字如來所說。
nhất cú nhất tự Như-Lai sở thuyết。
một câu, một chữ đều do Như Lai nói
無量經律何處有說方等經耶。如是等中未曾聞有十部經名。

vô lượng Kinh luật hà xử hữu thuyết phương đẳng Kinh da. như thị đẳng trung vị tạng văn hữu thập bộ Kinh danh.

Kinh luật vô lượng, chỗ nào có nói kinh Phương đẳng ư? Như vậy trong tất cả kinh luật chưa từng nghe nói tên Mười Bộ Kinh.

如其有者。當知必定調達所作。

như kỳ hữu giả. đương tri tất định điều đạt sở tác.

Có những lời như vậy, nên biết hết thảy là do Điều-đạt làm ra.

調達惡人以滅善法造方等經我等不信。如是等經是魔所說。

điều đạt ác nhân dĩ diệt thiện Pháp tạo phương đẳng Kinh ngã đẳng bất tín. như thị đẳng Kinh thị ma sở thuyết.

Ác nhân Điều-đạt đem diệt Thiện pháp, tạo nên kinh Phương Đẳng chúng Ta không tin, các kinh như vậy chính là ma nói.

何以故。破壞佛法相是非故。如是之言。

hà dĩ cố. phá hoại Phật Pháp tướng thị phi cố. như thị chi ngôn.

Vì sao vậy? Vì tướng thị phi ấy làm phá hoại Phật pháp, như những lời thế này:

汝經中有我經中無。我經律中如來說言。

nhữ Kinh trung hữu ngã Kinh trung vô. ngã Kinh luật trung Như-Lai thuyết ngôn.

“trong kinh ông có, trong kinh tôi không có”. Trong Kinh Luật Ta Như Lai nói rằng:

我涅槃後惡世當有不正經律。

ngã Niết-Bàn hậu ác thế đương hữu bất chánh Kinh luật.

Sau khi Ta Niết-bàn đời Ác thế sẽ có Kinh luật không chân chánh,

所謂大乘方等經典。未來之世當有如是諸惡比丘。我又說言。

sở vị Đại thừa phương đẳng Kinh điển. vị lai chi thế đương hữu như thị chư ác bỉ

khâu. ngã hựu thuyết ngôn.

tức là đối với kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng, đời vị lai sẽ có các ác Tỳ-kheo như vậy.

Ta lại nói rằng:

過九部經有方等典。若有人能了知其義。

quá cửu bộ Kinh hữu phương đẳng điển. nhược hữu nhân năng liễu tri kỳ nghĩa.

Qua chín bộ kinh có kinh điển Phương Đẳng, nếu có người có thể rõ biết nghĩa kinh ấy,

當知是人正了經律。遠離一切不淨之物。

đương tri thị nhân chánh liễu Kinh luật. viễn li nhất thiết bất tịnh chi vật.

thời nên biết chính người ấy hiểu rõ về kinh luật, rời xa tất cả các vật bất tịnh,
微妙清淨猶如滿月。

vi diệu thanh tịnh do như mãn nguyệt.

thanh tịnh vi diệu giống như trăng rằm,

若有說言如來雖為一一經律說如恒河沙等義味。我律中無將知為無。

nhược hữu thuyết ngôn Như-Lai tuy vi nhất nhất Kinh luật thuyết như hằng hà sa đấng
nghĩa vị. ngã luật trung vô tướng tri vi vô.

nếu có kinh nói rằng: Như Lai tuy nói mỗi mỗi Kinh Luật khác nhau nhưng mỗi Kinh Luật
đều có vô lượng nghĩa vị nhưng trong Luật ta không có thì mới biết là không.

如其有者。如來何故於我律中而不解說。

như kỳ hữu giả. Như-Lai hà cố ư ngã luật trung nhi bất giải thuyết.

Như có sự việc đó nhưng có sao có trong Luật của tôi mà Như Lai không giải nói, 是故我
今不能信受。當知是人則為得罪。

thị cố ngã kim bất năng tín thọ. đương tri thị nhân tắc vi đắc tội.

vì vậy hôm nay tôi không thể tin thọ. Nên biết người này nói như vậy là có tội.

是人復言。如是經律我當受持。何以故。

thị nhân phục ngôn. như thị Kinh luật ngã đương thọ trì. hà dĩ cố.

Người ấy lại nói, các kinh luật như vậy, tôi sẽ thọ trì. Vì Sao?

當為我作知足少欲斷除煩惱智慧涅槃善法因故。

đương vi ngã tác tri túc thiếu dục đoạn trừ phiền não trí tuệ Niết-Bàn thiện Pháp nhân
cố.

Vì sẽ làm tôi ít dục biết đủ (thiếu dục tri túc), đoạn trừ phiền não, làm nhân thiện pháp, Trí
tuệ, Niết-bàn.

如是說者非我弟子。

như thị thuyết giả phi ngã đệ-tử.

Nói như vậy là chẳng phải đệ tử của Ta.

若有說言如來為欲度眾生故說方等經。

nhược hữu thuyết ngôn Như-Lai vi dục độ chúng sanh cố thuyết phương đẳng Kinh.

Nếu có kinh nói rằng: Như Lai vì muốn độ chúng sanh mà nói kinh Phương Đẳng,

當知是人真我弟子。若有不受方等經者。

đương tri thị nhân chân ngã đệ-tử. nhược hữu bất thọ phương đẳng Kinh giả.

nên biết người đó mới thật là đệ tử của Ta. Nếu có người không thọ trì kinh Phương Đẳng,
當知是人非我弟子。不為佛法而出家也。

đương tri thị nhân phi ngã đệ-tử. bất vi Phật Pháp nhi xuất gia dã.

nên biết người đó chẳng phải là đệ tử của Ta. Không vì Phật pháp mà xuất gia,
即是邪見外道弟子。如是經律是佛所說。

tức thị tà kiến ngoại đạo đệ-tử. như thị Kinh luật thị Phật sở thuyết.

tức là tà kiến, đệ tử của ngoại đạo. Kinh luật như vậy chính là Phật nói,
若不如是是魔所說。若有隨順魔所說者是魔眷屬。

nhược bất như thị thị ma sở thuyết. nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả thị ma quyến
chúc。

nếu không như vậy tức chính là ma nói, nếu tùy thuận theo lời của ma nói tức là quyến
thuộc của ma,

若有隨順佛所說者即是菩薩。

nhược hữu tùy thuận Phật sở thuyết giả tức thị Bồ-tát.

nếu người năng tùy thuận theo lời của Phật nói tức chính là Bồ-tát.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa! Thiện nam tử!

若有說言如來不為無量功德之所成就。無常變異以得空法。

nhược hữu thuyết ngôn Như-Lai bất vi vô lượng công đức chi sở thành tựu. vô thường
biến dị dĩ đắc không Pháp。

Hoặc có kinh nói rằng, Như Lai không phải vì thành tựu vô lượng công đức, vô thường
biến dị để đắc Không pháp,

宣說無我不順世間。如是經律名魔所說。

tuyên thuyết vô ngã bất thuận thế gian. như thị Kinh luật danh ma sở thuyết.

tuyên thuyết Vô ngã, không thuận theo thế gian. Kinh luật như vậy gọi là ma thuyết.

若有人言如來正覺不可思議。

nhược hữu nhân ngôn Như-Lai chánh giác bất khả tư nghị。

Nếu có người nói rằng: Như Lai Chánh Giác không thể nghĩ bàn,

亦為無量阿僧祇等功德所成。是故常住無有變異。

diệc vi vô lượng a tăng kì đẳng công đức sở thành. thị cố thường trụ vô hữu biến dị。

lại thành tựu do vô lượng A-tăng-kỳ công đức, vì vậy Thường trú, không có biến dị.
如是經律是佛所說。

như thị Kinh luật thị Phật sở thuyết。

Kinh như vậy chính là Phật thuyết。

若有隨順魔所說者是魔眷屬。若有隨順佛所說者即是菩薩。

nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả thị ma quyến chúc。nhược hữu tùy thuận Phật sở thuyết giả tức thị Bồ-tát。

Nếu có người tùy thuận theo lời ma nói là đệ tử của ma, nếu có người thương thuận theo lời Phật nói tức chính là Bồ-tát。

復有人言。或有比丘實不毀犯波羅夷罪。

phục hữu nhân ngôn。hoặc hữu bỉ khâu thật bất hủy phạm ba la di tội。

Lại có người nói rằng: Như có Tỳ-kheo thực sự không hủy phạm Ba-la-di tội,
眾人皆謂犯波羅夷。如斷多羅樹。

chúng nhân giai vị phạm ba la di。như đoạn đa-la thụ。

mọi người đều bảo rằng phạm Ba-la-di, như cây Sa-la bị chặt

而是比丘實無所犯。何以故。我常說言。四波羅夷。

nhi thị bỉ khâu thật vô sở phạm。hà dĩ cố。ngã thường thuyết ngôn。tứ ba la di。

nhưng Tỳ-kheo ấy thực sự không có phạm。Vì sao? Vì Ta thường nói rằng, bốn Ba-la-di
若犯一者。猶如析石不可還合。

nhược phạm nhất giả。do như tích thạch bất khả hoàn hợp。

nếu phạm một, giống như đá đã chẻ không thể kết trở lại,

若有自說得過人法。是則名為犯波羅夷。何以故。

nhược hữu tự thuyết đắc quá nhân Pháp。thị tắc danh vi phạm ba la di。hà dĩ cố。

nếu có người tự mình nói đắc pháp quá hơn người khác, tức gọi là phạm Ba-la-di,

實無所得詐現得相故。如是之人退失人法。是名波羅夷。

thật vô sở đắc trá hiện đắc tướng cố。như thị chi nhân thối thất nhân Pháp。thị danh ba la di。

thật sự không phải đắc mà giả hiện tướng đắc。Người như vậy làm thối mất nhân pháp,
gọi là Ba-la-di,

所謂若有比丘少欲知足。

sở vị nhược hữu Tỳ-kheo thiếu dục tri túc。

vì vậy nếu có Tỳ-kheo ít dục biết đủ,
持戒清淨住空閑處。若王大臣見是比丘。
trì giới thanh tịnh trụ không nhàn xử. nhược Vương Đại Thần kiến thị Tỳ-kheo。
trì giới thanh tịnh trú ở chỗ thanh vắng, nếu Vua và đại Thần thấy Tỳ-kheo ấy
生心念言謂得羅漢。即前讚歎恭敬禮拜。復作是言。
sinh tâm niệm ngôn vị đắc La-hán. tức tiền tán thán cung kính lễ bái. phục tác thị
ngôn。
sinh tâm niệm mà nói là đắc La-hán, liền đến trước tán thán cung kính lễ bái, lại thưa
rằng:
如是大師。捨是身已當得阿耨多羅三藐三菩提。
như thị Đại sư. xả thị thân dĩ đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。
Đại sư như vậy đã xả bỏ thân này nên đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề。
比丘聞已即答王言。我實未得沙門道果。
bỉ khâu văn dĩ tức đáp Vương ngôn. ngã thật vị đắc Sa Môn đạo quả。
Tỳ-kheo nghe lời ấy xong liền đáp lại với Vua rằng: Tôi thật sự chưa đắc đạo quả Sa-môn,
王莫稱我已得道果。唯願大王。
Vương mạc xưng ngã dĩ đắc đạo quả. duy nguyện Đại Vương。
nhà Vua chớ bảo tôi đã đắc Đạo quả, nguyện xin Đại vương
勿為我說不知足法。
vật vi ngã thuyết bất tri túc Pháp。
chớ vì tôi mà nói pháp bất tri túc.
不知足者乃至謂得阿耨多羅三藐三菩提皆默然受。我今若當默然受者。
bất tri túc giả nãi chí vị đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề giai mặc nhiên thọ. ngã kim
nhược đương mặc nhiên thọ giả。
Bất tri túc cho đến cái gọi là đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề đều mặc nhiên thọ
nhận, tôi nay nếu mặc nhiên thọ nhận
當為諸佛之所呵責。知足之行諸佛所讚。
đương vi chư Phật chi sở ha trách. tri túc chi hành chư Phật sở tán。
thì sẽ làm cho Chư Phật quở trách. Thực hành tri túc thì chư Phật khen ngợi.
是故我欲終身歡樂奉修知足。又知足者。
thị cố ngã dục chung thân hoan lạc phụng tu tri túc. hựu tri túc giả。

Vì vậy tôi muốn suốt đời vui vẻ phụng tu Tri túc. Lại Tri túc là

我定自知未得道果。王稱我得。我今不受。故名知足。

ngã định tự tri vị đắc đạo quả. Vương xưng ngã đắc. ngã kim bất thọ. cố danh tri túc. tôi tự biết tôi chưa đắc Đạo quả mà Vua bảo tôi đã đắc, nay tôi không nhận lấy cho nên gọi là Tri túc.

時王答言。大師實得阿羅漢果如佛無異。

thời Vương đáp ngôn. Đại sư thật đắc A-la-hán quả như Phật vô dị.

Lúc đó Vua đáp rằng: Đại sư thật sự đắc quả A-la-hán như đức Phật không có khác.

爾時其王普皆宣告內外人民中宮妃后。

nhĩ thời kỳ Vương phổ giai tuyên cáo nội ngoại nhân dân trung cung phi hậu.

Lúc bấy giờ nhà Vua tuyên báo rộng rãi cho nhân dân trong và ngoài thành, cung phi và hoàng hậu trong cung,

悉令皆知得沙門果。是故咸令一切聞者。

tất lệnh giai tri đắc Sa Môn quả. thị cố hàm lệnh nhất thiết văn giả.

khiến cho tất cả đều biết Tỳ-kheo đắc quả Sa-môn. Vì vậy đều khiến cho tất cả người nghe,

心生敬信供養尊重。如是比丘真是梵行清淨之人。

tâm sanh kính tín cung dưỡng tôn trọng. như thị bỉ khâu chân thị phạm hành thanh tịnh chi nhân.

sanh lòng tin, kính mộ, cúng dường tôn trọng, Tỳ-kheo như vậy đích thị là người Phạm hạnh Thanh tịnh.

以是因緣普令諸人得大福德。

dĩ thị nhân duyên phổ lệnh chư nhân đắc Đại phúc đức.

Do nhân duyên ấy rộng khiến cho mọi người được phước đức lớn

而是比丘實不毀犯波羅夷罪。何以故。

nhĩ thị bỉ khâu thật bất hủy phạm ba la di tội. hà dĩ cố.

nhưng vị Tỳ-kheo ấy thật sự không huỷ phạm Ba-la-di tội. Vì sao vậy?

前人自生歡喜之心讚歎供養故。如是比丘當有何罪。

tiền nhân tự sanh hoan hỷ chi tâm tán thán cúng dường cố. như thị bỉ khâu đương hữu hà tội.

Vì mọi người trước tự sanh tâm vui vẻ tán thán cúng dường. Như vậy Tỳ-kheo đó sẽ có tội gì?

若有說言是人得罪。當知是經是魔所說。

nhược hữu thuyết ngôn thị nhân đắc tội. đương tri thị Kinh thị ma sở thuyết.

Nếu có Kinh nói: Người đó có tội, thì nên biết Kinh ấy do ma nói.

復有比丘說佛祕藏甚深經典。

phục hữu bỉ khâu thuyết Phật bí tạng thậm thâm Kinh điển.

Lại có Tỳ-kheo nói Kinh điển Bí tạng thâm thâm của Phật,

一切眾生皆有佛性。以是性故斷無量億諸煩惱結。

nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh. dĩ thị tánh cố đoạn vô lượng ức chư phiền não kết.

tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, dùng tánh ấy để đoạn trừ được vô lượng ức các phiền não

即得成於阿耨多羅三藐三菩提。除一闍提。

tức đắc thành ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. trừ nhất xiển đề.

liền đắc thành A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề, trừ khỏi nhất-xiển-đề;

若王大臣作如是言。比丘汝當作佛不作佛耶。

nhược Vương Đại Thần tác như thị ngôn. bỉ khâu nữ đương tác Phật bất tác Phật da.

nếu Vua và Đại thần nói lời như thế này: Thưa Tỳ-kheo, phải chăng ông sẽ làm Phật hay không làm Phật?

有佛性不。比丘答言。我今身中定有佛性。

hữu Phật tánh bất. bỉ khâu đáp ngôn. ngã kim thân trung định hữu Phật tánh.

Có Phật tánh chăng? Tỳ-kheo đáp rằng: Nay trong thân tôi nhất định có Phật tánh,

成以不成未能審之。王言。大德。

thành dĩ bất thành vị năng thẩm chi. Vương ngôn. Đại Đức.

thành hay không thành chưa thể xét được. Vua nói: Đại đức,

如其不作一闍提者必成無疑。比丘言爾實如王言。

như kỳ bất tác nhất xiển đề giả tất thành vô nghi. Tỳ-kheo ngôn nhĩ thật như Vương ngôn.

như có người không tạo tội nhất-xiển-đề tất thì không còn gì nghi ngờ? Tỳ-kheo đáp rằng: Thật đúng như lời Vua nói,

是人雖言定有佛性。亦復不犯波羅夷也。

thị nhân tuy ngôn định hữu Phật tánh. diệc phục bất phạm ba la di dã.

người đó tuy nói rằng nhất định có Phật tánh, lại cũng không phạm Ba-la-di.

復有比丘。即出家時作是思惟。

phục hữu Tỳ-kheo. tức xuất gia thời tác thị tư duy.

Lại có Tỳ-kheo mới xuất gia suy nghĩ rằng:

我今必定成阿耨多羅三藐三菩提。

ngã kim tất định thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề.

Tôi nay nhất định thành A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề.

如是之人雖未得成無上道果。已為得福無量無邊不可稱計。

như thị chi nhân tuy vị đắc thành vô thượng đạo quả. dĩ vi đắc phúc vô lượng vô biên bất khả xưng kể.

Người như vậy tuy chưa được thành Đạo quả Vô thượng, song cũng được phước vô lượng vô biên không thể tính đếm.

假使有人當言是人犯波羅夷。一切比丘無不犯者。

giả sử hữu nhân đương ngôn thị nhân phạm ba la di. nhất thiết tỳ kheo vô bất phạm giả.

Giả sử có người sẽ nói người đó phạm Ba-la-di, tất cả Tỳ-kheo không ai mà không phạm.

何以故。我於往昔八十億劫。

hà dĩ cố. ngã ư vãng tích bát thập ức kiếp.

Vì sao? Vì Ta ở đời xa xưa tám mươi ức kiếp,

常離一切不淨之物。少欲知足威儀成就。

thường ly nhất thiết bất tịnh chi vật. thiểu dục tri túc uy nghi thành tựu.

thường liả tất cả vật bất tịnh, ít dục biết đủ oai nghi thành tựu,

善修如來無上法藏。亦自定知身有佛性。

thiện tu Như-Lai vô thượng Pháp tạng. diệc tự định tri thân hữu Phật tánh.

khéo tu pháp tạng vô thượng của Như Lai, cũng quyết định tự biết thân có Phật tánh,

是故我今得成阿耨多羅三藐三菩提。得名為佛有大慈悲。

thị cố ngã kim đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. đắc danh vi Phật hữu Đại từ bi.

cho nên hôm nay Ta được thành bậc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, được gọi là Phật có Đại Từ Bi.

如是經律是佛所說。

như thị Kinh luật thị Phật sở thuyết。

Kinh Luật như vậy chính là Phật thuyết,

若有不能隨順是者是魔眷屬。若能隨順是大菩薩。

nhược hữu bất năng tùy thuận thị giả thị ma quyến chúc。nhược năng tùy thuận thị Đại Bồ-tát。

nếu có người không thuận theo là chính là quyến thuộc của ma, nếu có người tùy thuận thì chính là Đại Bồ-tát。

復有說言無四波羅夷十三僧殘二不定法三

phục hữu thuyết ngôn vô tứ ba la di thập tam tăng tàn nhị bất định Pháp tam

Lại có kinh nói rằng: Không có Ba-la-di, mười ba Tăng-tàn, hai pháp Bất định, ba mươi pháp Xả đoạ,

十捨墮九十一墮四懺悔法眾多學法七滅

thập xả đoạ cửu thập nhất đoạ tứ sám hối Pháp chúng đa học Pháp thất diệt

chín mươi mốt Đơn đoạ, bốn pháp Sám hối, pháp Chúng đa học, Thất diệt tránh v.v..., 諍等。無偷蘭遮五逆等罪及一闍提。

tránh đặng。vô thâu lan già ngũ nghịch đặng tội cập nhất xiển đề。

không có các tội như Thâu-lan-giá, ngũ nghịch v.v.. và nhất-xiển-đề,

若有比丘犯如是等墮地獄者。外道之人悉應生天。

nhược hữu Tỳ-kheo phạm như thị đặng đoạ Địa-ngục giả。ngoại đạo chi nhân tất ứng sanh Thiên。

nếu có Tỳ-kheo phạm những điều như vậy thì đoạ vào địa ngục. Người ngoại đạo tất được sanh cõi Trời。

何以故。諸外道等無戒可犯。

hà dĩ cố。chư ngoại đạo đặng vô giới khả phạm。

Vì sao? Vì tất cả các ngoại đạo không có giới để phạm,

是故如來示現怖人故說斯戒。

thị cố Như-Lai thị hiện bố nhân cố thuyết tứ giới。

vì vậy Như Lai muốn cho người sợ nên nói giới ấy。

若言佛說我諸比丘若欲行婬。應捨法服著俗衣裳然後行婬。

nhược ngôn Phật thuyết ngã chư Tỳ-kheo nhược dục hành dâm。 ứng xả Pháp phục trú tục y thường nhiên hậu hành dâm。

Nếu nói Phật thuyết rằng, các Tỳ-kheo của Ta nếu muốn hành dâm, nên xả bỏ Pháp phục, mặc xiêm áo thế tục sau đó hành dâm。

復應生念婬欲因緣非我過咎。

phục ứng sanh niệm dâm dục nhân duyên phi ngã quá cữu。

Lại nên sanh niệm dâm dục nguyên nhân chẳng phải lỗi lầm do Ta,

如來在世亦有比丘習行婬欲得正解脫。或命終後生於天上。

Như-Lai tại thế diệc hữu bỉ khâu tập hành dâm dục đắc chánh giải thoát。 hoặc mạng chung hậu sanh ư Thiên thượng。

Như Lai tại thế cũng có Tỳ-kheo tập hạnh dâm dục đắc Chánh giải thoát, hoặc sau khi mạng chung sanh lên cõi Trời,

古今有之非獨我作。或犯四重。或犯五戒。

cổ kim hữu chi phi độc ngã tác。 hoặc phạm tứ trọng。 hoặc phạm ngũ giới。

xưa nay có vậy, chẳng phải chỉ mình Ta làm, hoặc phạm Bốn trọng giới, hoặc phạm ngũ giới,

或行一切不淨律儀。猶故而得真正解脫。

hoặc hành nhất thiết bất tịnh luật nghi。 do cổ nhi đắc chân chánh giải thoát。

hoặc thực hành tất cả luật nghi bất tịnh。 Do vậy mà được Chơn Chánh giải thoát。

如來雖說犯突吉羅如忉利天日月歲數八百萬歲

Như-Lai tuy thuyết phạm Đột-cát-la như đao lợi Thiên nhật nguyệt tuế số bát bách vạn tuế

Như Lai tuy nói phạm Đột-cát-la giống như thời gian ở cõi Trời Đao-lợi có số lượng đến tám trăm vạn năm thì

墮在地獄。亦是如來示現怖人。

đọa tại Địa-ngục。 diệc thị Như-Lai thị hiện bố nhân。

đọa ở địa ngục。 Cũng như vậy Như Lai thị hiện làm cho người sợ,

言波羅夷至突吉羅輕重無差。

ngôn ba la di chí Đột-cát-la khinh trọng vô sai。

nói Ba-la-di cho đến Đột-cát-la nặng nhẹ không sai khác,

是諸律師妄作此言言是佛制。畢定當知非佛所說。

thị chư luật sư vọng tác thử ngôn ngôn thị Phật chế. tất định đương tri phi Phật sở thuyết.

đây là các Luật sư vọng nói lời ấy là lời Phật chế, nhất định phải biết rằng tất cả lời ấy chẳng phải là lời Phật nói.

如是言說是魔經律。若復說言。於諸戒中若犯小戒。

như thị ngôn thuyết thị ma Kinh luật. nhược phục thuyết ngôn. ư chư giới trung nhược phạm tiểu giới.

Lời nói như vậy là Kinh Luật của ma. Nếu lại nói rằng, ở trong các giới nếu phạm tiểu giới, 乃至微細當受苦報無有齊限。

nãi chí vi tế đương thọ khổ báo vô hữu tề hạn.

cho đến vi tế sẽ nhận khổ báo không có hạn lượng,

如是知己防護自身如龜藏六。若有律師復作是言。

như thị tri dĩ phòng hộ tự thân như quy tàng lục. nhược hữu luật sư phục tác thị ngôn.

biết như vậy rồi phòng hộ tự thân như rùa thụt đầu. Nếu có luật sư lại nói rằng:

凡所犯戒都無罪報。如是之人不應親近。如佛所說。

phạm sở phạm giới đô vô tội báo. như thị chi nhân bất ứng thân cận. như Phật sở thuyết.

Phạm có phạm giới đều không có tội báo, người như vậy không nên gần gũi. Như Phật có nói,

若過一法 是名妄語 不見後世無惡不造

nhược quá nhất Pháp thị danh vọng ngữ bất kiến hậu thế vô ác bất tạo

nếu mắc tội một pháp gọi là vọng ngữ, không thấy được đời sau, không việc xấu nào mà không làm.

是故不應親近是人。我佛法中清淨如是。

thị cố bất ứng thân cận thị nhân. ngã Phật Pháp trung thanh tịnh như thị.

Vì vậy không nên gần gũi người ấy. Trong phật pháp Ta thanh tịnh như vậy,

況復有犯偷蘭遮罪或犯僧殘及波羅夷而非罪

huống phục hữu phạm thâm lan già tội hoặc phạm tăng tàn cập ba la di nhi phi tội

huống lại có phạm tội Thâu-lan-giá hoặc phạm Tăng-tàn và Ba-la-di mà không có tội ư!

耶。是故應當深自防護如是等法。

da. thị cố ứng đương thâm tự phòng hộ như thị đẳng Pháp.

Vì vậy nên phải tự cẩn thận phòng hộ tất cả các pháp,
 若不守護更以何法名為禁戒。我於經中亦說。
 nhược bất thủ hộ cánh dĩ hà Pháp danh vi cấm giới. ngã ư Kinh trung diệc thuyết.
 nếu không giữ gìn thì lấy pháp gì gọi là Cấm giới? Ở trong kinh Ta cũng có nói:
 有犯四波羅夷乃至微細突吉羅等。應當苦治眾生。
 hữu phạm tứ ba la di nãi chí vi tế Đột-cát-la đẵng. ứng đương khổ trị chúng sanh.
 Có phạm bốn Ba-la-di cho đến vi tế Đột-cát-la v.v.. phải nên biết là khổ chúng sanh,
 若不護持禁戒。云何當得見於佛性。
 nhược bất hộ trì cấm giới. vân hà đương đắc kiến ư Phật tánh.
 nếu không hộ trì cấm giới, làm sao thấy được Phật tánh?
 一切眾生雖有佛性。要因持戒然後乃見。
 nhất thiết chúng sanh tuy hữu Phật tánh. yếu nhân trì giới nhiên hậu nãi kiến.
 Tất cả chúng sanh tuy có Phật tánh, chủ yếu là do trì giới sau đó mới thấy được Phật tánh,
 因見佛性得成阿耨多羅三藐三菩提。
 nhân kiến Phật tánh đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề.
 do thấy Phật tánh nên đắc A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề.
 九部經中無方等經。是故不說有佛性也。
 cửu bộ Kinh trung vô phương đẵng Kinh. thị cố bất thuyết hữu Phật tánh dã.
 Trong Chín Bộ Kinh không có kinh Phương Đẵng vì vậy không nói có Phật tánh,
 經雖不說當知實有。若作是說。當知是人真我弟子。
 Kinh tuy bất thuyết đương tri thật hữu. nhược tác thị thuyết. đương tri thị nhân chân ngã
 đệ-tử.
 tuy kinh không nói nhưng phải biết thật sự có. Nếu nói như vậy, nên biết người đó chính là
 đệ tử của Ta.
 迦葉菩薩白佛言。世尊。
 ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.
 Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!
 如上所說一切眾生有佛性者。九部經中所未曾聞。如其說有。
 như thượng sở thuyết nhất thiết chúng sanh hữu Phật tánh giả. cửu bộ Kinh trung sở vị
 tăng văn. như kỳ thuyết hữu.

Như trên đã nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, trong Chín Bộ Kinh chưa từng nghe nói có rằng như vậy.

云何不犯波羅夷耶。

vân hà bất phạm ba la di da。

Sao lại không phạm Ba-la-di?

佛言。善男子。如汝所說。

Phật ngôn。 thiện nam tử。 như nữ sở thuyết。

Phật nói: Ca-diếp, như chỗ ông nói,

實不毀犯波羅夷也。善男子。

thật bất hủy phạm ba la di dã。 thiện nam tử。

thật sự không huỷ phạm Ba-la-di. Ca-diếp,

譬如有人說言大海唯有七寶無八種者。是人無罪。

thí như hữu nhân thuyết ngôn Đại hải duy hữu thất bảo vô bát chủng giả。 thị nhân vô tội。

Ví như có người nói rằng trong biển lớn chỉ có bảy thứ quý báu không có tám loại, người ấy không có tội.

若有說言九部經中無佛性者。亦復無罪。何以故。

nhược hữu thuyết ngôn cửu bộ Kinh trung vô Phật tánh giả。 diệc phục vô tội。 hà dĩ cố。

Nếu có người nói rằng: Trong chín bộ kinh không có Phật tánh, lại cũng không tội. Vì sao?

我於大乘大智海中說有佛性。二乘之人所不知見。

ngã ư Đại thừa Đại trí hải trung thuyết hữu Phật tánh。 Nhị thừa chi nhân sở bất tri kiến。

Vì Ta ở trong biển Đại Trí Đại Thừa nói có Phật tánh, người ở Nhị thừa không thấy biết,

是故說無不得罪也。如是境界諸佛所知。

thị cố thuyết vô bất đắc tội dã。 như thị cảnh giới chư Phật sở tri。

cho nên nói không đắc tội vậy. Cảnh giới như vậy chỉ có chư Phật biết,

非是聲聞緣覺所及。善男子。

phi thị Thanh văn Duyên giác sở cập。 thiện nam tử。

chẳng phải là chỗ của Thanh văn, Duyên giác. Thiện nam tử!

若人不聞如來甚深祕密藏者。云何當知有佛性耶。

nhược nhân bất văn Như-Lai thậm thâm bí mật tạng giả。 vân hà đương tri hữu Phật tánh da。

Nếu người chưa nghe Tạng bí mật thậm thâm của Như Lai thì làm sao biết được có Phật tánh ư!

何等名為祕密之藏。所謂方等大乘經典。善男子。

hà đẳng danh vi bí mật chi tạng。 sở vị phương đẳng Đại thừa Kinh điển。 thiện nam tử。

Những gì gọi là Tạng Bí Mật? Đó là kinh điển Đại Thừa Phương Đẳng. Ca-diếp!

有諸外道。或說我常。或說我斷。如來不爾。

hữu chư ngoại đạo。 hoặc thuyết ngã thường。 hoặc thuyết ngã đoạn。 Như-Lai bất nhĩ có các Ngoại đạo, hoặc nói Ngã là thường, hoặc nói Ngã đoạn. Như Lai không như vậy, 亦說有我。 亦說無我。 是名中道。

diệc thuyết hữu ngã。 diệc thuyết vô ngã。 thị danh trung đạo。

cũng nói hữu Ngã, cũng nói vô Ngã, ấy gọi là Trung đạo

若有說言佛說中道一切眾生悉有佛性。煩惱覆故不知不見。

nhược hữu thuyết ngôn Phật thuyết trung đạo nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật

tánh。 phiền não phúc cố bất tri bất kiến。

Nếu có người nói rằng: Đức Phật nói Trung đạo hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh,

nhưng do phiền não che lấp nên không thấy không biết,

是故應當勤修方便斷壞煩惱。

thị cố ứng đương tinh cần tu phương tiện đoạn hoại phiền não。

vì vậy phải nên siêng năng tu phương tiện để đoạn trừ phiền não,

若有能作如是說者。當知是不犯四重。

nhược hữu năng tác như thị thuyết giả。 đương tri thị nhân bất phạm tứ trọng。

nếu có người thường làm theo lời nói như vậy thì nên biết người đó không phạm Bốn tội

nặng,

若不能作如是說者。是則名為犯波羅夷。

nhược bất năng tác như thị thuyết giả。 thị tắc danh vi phạm ba la di。

nếu không thể thực hành theo lời nói như vậy, chính đó gọi là phạm Ba-la-di。

若有說言我已成就阿耨多羅三藐三菩提。何以故。

nhược hữu thuyết ngôn ngã dĩ thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。 hà dĩ cố。

Hoặc có người nói rằng: Ta đã thành tựu A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề。 Vì sao?

以有佛性故。

dĩ hữu Phật tánh cố。

Vì do có Phật tánh vậy.

有佛性者必定當成阿耨多羅三藐三菩提。以是因緣我今已得成就菩提。

hữu Phật tánh giả tất định đương thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. dĩ thị nhân duyên ngã kim dĩ đắc thành tựu bồ đề。

Người có Phật tánh tất nhất định sẽ thành A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề. Do nhân duyên ấy, hôm nay Ta đã được thành tựu Bồ-đề,

當知是人則名為犯波羅夷罪。何以故。

đương tri thị nhân tắc danh vi phạm ba la di tội. hà dĩ cố。

nên biết người ấy tức gọi là phạm tội Ba-la-di. Vì sao?

雖有佛性以未修習諸善方便。是故未見。

tuy hữu Phật tánh dĩ vị tu tập chư thiện phương tiện。 thị cố vị kiến。

Vì tuy có Phật tánh nhưng do chưa tu tập các Thiện phương tiện, vì vậy chưa thấy,

以未見故不能得成阿耨多羅三藐三菩提。善男子。

dĩ vị kiến cố bất năng đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. thiện nam tử。

do chưa thấy nên không có thể đắc thành A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề. Ca-diếp!

以是義故佛法甚深不可思議。迦葉菩薩白佛言。

dĩ thị nghĩa cố Phật Pháp thậm thâm bất khả tư nghị. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn

Do nghĩa ấy nên Phật pháp sâu xa không thể nghĩ bàn. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

世尊。有王問言。云何比丘墮過人法。

Thế tôn. hữu Vương vấn ngôn. vân hà Tỳ-kheo đọa quá nhân Pháp。

Bạch Thế Tôn! Có Vua hỏi rằng: Vì sao Tỳ-kheo đọa Quá Nhân pháp?

佛告迦葉。若有比丘。為利養故。為飲食故。

Phật cáo Ca-diếp. nhược hữu bỉ khâu. vi lợi dưỡng cố. vi ẩm thực cố。

Phật nói: Ca-diếp! Nếu có Tỳ-kheo vì lợi dưỡng, vì ẩm thực

作諸諛諂姦偽欺詐。

tác chư du siểm gian nguy khi trá。

mà tạo làm các điều siểm nịnh, gian trá, lừa gạt

云何當令諸世間人定實知我是乞士也。

vân hà đương linh chư thế gian nhân định thật tri ngã thị khát sĩ dã。

làm sao để khiến cho người trong thế gian thật sự biết ta là người khát sĩ.

以是因緣令我大得利養名譽。如是比丘多愚癡故。

dĩ thị nhân duyên linh ngã Đại đắc lợi dưỡng danh dự. như thị bỉ khâu đa ngu si cố.
Do nhân duyên ấy khiến cho ta được lợi dưỡng, danh dự lớn. Tỳ-kheo như vậy là có nhiều
ngu si,

長夜常念我實未得四沙門果。云何當令諸世間人謂我已得。

trường dạ thường niệm ngã thật vị đắc tứ Sa Môn quả. vân hà đương linh chư thể gian
nhân vị ngã dĩ đắc.

đêm dài luôn niệm ta thật sự chưa đắc bốn quả vị Sa-môn, làm sao để khiến cho mọi
người trong thế gian bảo rằng ta đã đắc,

復當云何令諸優婆塞優婆夷等。

phục đương vân hà lệnh chư Ưu bà tặc Ưu bà di đấng.

lại làm sao để khiến cho tất cả Ưu-bà-tặc, Ưu-bà-di v.v..

咸共指我作如是言。是人福德真是聖人。如是思惟。

hàm cộng chỉ ngã tác như thị ngôn. thị nhân phước đức chân thị Thánh nhân. như thị tư
duy.

tất cả đều nói cho ta rằng: Người này phước đức, thật sự là Thánh nhân. Suy nghĩ như
vậy

正為求利非為求法。行來出入進止安詳。

chính vì cầu lợi phi vì cầu Pháp. hành lai xuất nhập tiến chỉ an tường.

chính là vì cầu lợi, chẳng phải là cầu Pháp, đi đứng ra vào an vui.

執持衣鉢不失威儀。獨坐空處如阿羅漢。

chấp trì y bát bất thất oai nghi. độc tọa không xử như A-la-hán.

đắp y bưng bát không mất oai nghi, ngồi một mình trong hư không giống như A-la-hán
令世間人咸作是言。如是比丘善好第一。

lệnh thế gian nhân hàm tác thị ngôn. như thị Tỳ-kheo thiện hảo đệ nhất.

khiến cho tất cả người trong thế gian đều nói rằng: Tỳ-kheo như vậy tốt đẹp bậc nhất,
精勤苦行修寂滅法。以是因緣我當大得門徒弟子。

tinh cần khổ hạnh tu tịch diệt Pháp. dĩ thị nhân duyên ngã đương Đại đắc môn đồ đệ tử.

tinh cần khổ hạnh tu pháp Tịch diệt. Do nhân duyên ấy ta sẽ được đại môn đồ đệ tử,

諸人亦當大致供養衣服飲食臥具醫藥。

chư nhân diệc đương Đại trí cúng dường y phục ẩm thực ngoạ cụ y dược.

các người cũng sẽ hết sức cúng dường, y phục, ẩm thực, ngoạ cụ, y dược,

令多女人敬念愛重。若有比丘及比丘尼。

linh đa nữ nhân kính niệm ái trọng. nhược hữu Tỳ-kheo cập Tỳ-kheo-ni.

khiến cho nhiều người nữ cung kính yêu mến. Nếu có Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni
作如是事墮過人法。

tác như thị sự đọa quá nhân Pháp。

làm việc như vậy là đọa Quá nhân pháp.

復有比丘為欲建立無上正法住空寂處。非阿羅漢而欲令人謂是羅漢。

phục hữu Tỳ-kheo vi dục kiến lập vô thượng chánh Pháp trụ không tịch xử. phi A-la-hán
nhi dục linh nhân vị thị La-hán。

Lại có Tỳ-kheo vì muốn kiến lập Chánh pháp Vô thượng trụ ở không tịch, chẳng phải A-la-
hán mà muốn làm cho mọi người bảo là La-hán,

是好比丘。是善比丘。寂靜比丘。

thị hảo Tỳ-kheo. thị thiện Tỳ-kheo tịch tĩnh Tỳ-kheo。

là Tỳ-kheo đẹp, Tỳ-kheo tốt, Tỳ-kheo tịch tĩnh,

令無量人生於信心。

linh vô lượng nhân sanh ư tín tâm。

khiến vô lượng người sanh tín tâm.

以此因緣我得無量諸比丘等以為眷屬。

dĩ thử nhân duyên ngã đắc vô lượng chư bỉ khâu đẳng dĩ vi quyến thuộc。

Do nhân duyên ấy Ta được vô lượng các Tỳ-kheo v.v.. nhận làm quyến thuộc.

因是得教破戒比丘及優婆塞悉令持戒。以是因緣建立正法。

nhân thị đắc giáo phá giới bỉ khâu cập Ưu bà tặc tất lệnh trì giới。dĩ thị nhân duyên kiến
lập chánh Pháp。

Do vậy được dạy Tỳ-kheo phá giới và Ưu-bà-tặc khiến tất cả thọ trì. Do nhân duyên kiến
lập Chánh pháp,

光揚如來無上大事。開顯方等大乘法化。度脫一切無量眾生。

quang dương Như-Lai vô thượng Đại sự。khai hiển phương đẳng Đại thừa Pháp hóa。độ
thoát nhất thiết vô lượng chúng sanh。

nêu cao ánh sáng việc lớn vô thượng của Như Lai, khai hiển pháp hoá Đại Thừa Phương
đẳng, độ thoát tất cả vô lượng chúng sanh,

善解如來所說經律輕重之義。

thiện giải Như-Lai sở thuyết Kinh luật khinh trọng chi nghĩa。
 khéo hiểu nghĩa cạn sâu của kinh luật do Như Lai nói,
 復言我今亦有佛性。有經名曰如來祕藏。
 phục ngôn ngã kim diệc hữu Phật tánh. hữu Kinh danh viết Như-Lai bí tạng。
 lại nói nay tôi cũng có Phật tánh. Có kinh tên là Như Lai Bí Tạng,
 於是經中我當必定得成佛道。能盡無量億煩惱結。
 ư thị Kinh trung ngã đương tất định đắc thành Phật đạo. năng tận vô lượng ức phiền não
 kết。
 ở trong Kinh ấy ta sẽ quyết định đắc thành Phật đạo, có thể đoạn tận vô lượng ức phiền
 não kết,
 廣為無量諸優婆塞。說言汝等盡有佛性。
 quảng vi vô lượng chư Ưu bà tặc. thuyết ngôn nhữ đẳng tận hữu Phật tánh。
 rộng vì vô lượng các Ưu-bà-tặc nói rằng các ông hết thầy đều có Phật tánh,
 我之與汝俱當安住如來道地。
 ngã chi dữ nhữ câu đương an trú Như-Lai đạo địa。
 ta cùng với các ông đều sẽ an trụ địa vị Như Lai,
 成阿耨多羅三藐三菩提。盡無量億諸煩惱結。作是說者。
 thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. tận vô lượng ức chư phiền não kết. tác thị thuyết
 giả。
 thành A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề, dứt trừ vô lượng ức các phiền não kết, người nói
 lời ấy
 是人不能墮過人法。名為菩薩。若言有犯突吉羅者。
 thị nhân bất danh đọa quá nhân Pháp. danh vi Bồ-tát. nhược ngôn hữu phạm Đột-cát-la
 giả。
 là người không gọi là đọa Quá nhân pháp, gọi là Bồ-tát. Nếu nói có phạm Đột-cát-la,
 忉利天上日月歲數八百萬歲。
 đao lợi Thiên thượng nhật nguyệt tuế số bát bách vạn tuế
 số ngày tháng năm ở trên Trời Đao Lợi đến tám trăm vạn năm
 墮地獄中受諸罪報。何況故犯偷蘭遮罪。
 đọa Địa-ngục trung thọ chư tội báo. hà huống cố phạm thâu lan giã tội。
 đọa trong địa ngục, chịu các tội báo, huống nữa là phạm tội Thâu-lan-giã.

此大乘中若有比丘犯偷蘭遮不應親近。

thử Đại thừa trung nhược hữu Tỳ-kheo phạm thâm lan già bất ứng thân cận。

Trong Đại Thừa ấy nếu có Tỳ-kheo phạm Thâu-lan-giá thì không nên gần gũi.

何等名為大乘經中偷蘭遮罪。若有長者造立佛寺。

hà đẳng danh vi Đại thừa Kinh trung thâm lan già tội。 nhược hữu Trưởng-Giả tạo lập Phật tự。

Trong Kinh Đại Thừa những gì gọi là tội Thâu-lan-giá? Nếu có Trưởng giả tạo lập chùa Phật,

以諸花鬘用供養佛。

dĩ chư hoa man dụng cúng dường Phật。

đem các thứ hoa man dùng cúng dường Phật.

有比丘見花貫中纒不問輒取犯偷蘭遮。若知不知亦如是犯。

hữu bỉ khâu kiến hoa quán trung lữ bất vấn triếp thủ phạm thâm lan già。 nhược tri bất tri diệc như thị phạm。

có Tỳ-kheo thấy những tràng hoa không hỏi liền lấy là phạm Thâu-lan-giá, nếu biết hay không biết cũng phạm như vậy,

若以貪心破壞佛塔犯偷蘭遮。如是之人不應親近。

nhược dĩ tham tâm phá hoại Phật tháp phạm thâm lan già。 như thị chi nhân bất ứng thân cận。

hoặc do lòng tham mà phá hoại Tháp Phật, phạm Thâu-lan-giá, người như vậy không nên gần gũi.

若王大臣見塔朽故。為欲修補供養舍利。

nhược Vương Đại Thần kiến tháp hủ cố。 vi dục tu bổ cúng dường Xá-lợi。

Nếu Vua, Đại Thần thấy tháp đổ nát, vì muốn tu bổ cúng dường Xá-lợi,

於是塔中或得珍寶即寄比丘。比丘得已自在而用。

ư thị tháp trung hoặc đắc trân bảo tức kí Tỳ-kheo。 Tỳ-kheo đắc dĩ tự-tại nhi dụng。

ở trong tháp ấy nếu có trân bảo liền gửi Tỳ-kheo, Tỳ-kheo có xong tự ý tiêu dùng.

如是比丘名為不淨多起鬪諍。

như thị Tỳ-kheo danh vi bất tịnh đa khởi đấu tránh。

Tỳ-kheo như vậy gọi là bất tịnh khởi nhiều đấu tranh,

善優婆塞不應親近供養恭敬。如是比丘名為無根。名為二根。

thiện Ưu bà tắc bất ứng thân cận cúng dường cung kính. như thị Tỳ-kheo danh vi vô căn. danh vi nhị căn.

các Thiện Ưu-bà-tắc không nên gần gũi cung kính cúng dường. Tỳ-kheo như vậy gọi là Vô căn, là Nhị căn,

名不定根。不定根者欲貪女時身即為女。

danh bất định căn. bất định căn giả dục tham nữ thời thân tức vi nữ.

là Bất định căn. Bất định căn nghĩa là lúc tham muốn nữ tức thì thân biến làm nữ, 欲貪男時身即為男。如是比丘名為惡根。

dục tham nam thời thân tức vi nam. như thị Tỳ-kheo danh vi ác căn.

lúc tham muốn nam thì thân liền biến làm nam. Tỳ-kheo như vậy gọi là Ác căn, 不名為男。不名為女。不名出家。不名在家。

bất danh vi nam. bất danh vi nữ. bất danh xuất gia. bất danh tại gia.

không gọi là nam, không gọi là nữ, không gọi là xuất gia, không gọi là tại gia, 如是比丘不應親近供養恭敬。

như thị bỉ khâu bất ứng thân cận cúng dường cung kính.

Tỳ-kheo như vậy không nên gần gũi cung kính cúng dường.

於佛法中沙門法者。應生悲心覆育眾生。乃至蟻子應施無畏。

ư Phật Pháp trung Sa Môn Pháp giả. ứng sanh bi tâm phúc dục chúng sanh. nãi chí nghĩ tử ứng thí vô úy.

Ở trong Phật pháp, pháp Sa-môn là phải sanh tâm từ bi, che chở nuôi dưỡng chúng sanh, cho đến con kiến cũng nên thí Vô úy,

是沙門法。遠離飲酒乃至嗅香。是沙門法。

thị Sa Môn Pháp. viễn li ẩm tửu nãi chí khứu hương. thị Sa Môn Pháp.

đó là Pháp Sa-môn. Xa lìa uống rượu cho đến ngửi mùi, đó là Pháp Sa-môn, 不得妄語乃至夢中不念妄語。是沙門法。

bất đắc vọng ngữ nãi chí mộng trung bất niệm vọng ngữ. thị Sa Môn Pháp.

không được nói dối cho đến trong mộng cũng không nhớ niệm nói dối, đó là Pháp Sa-môn.

不生欲心乃至夢中亦復如是。是沙門法。

bất sanh dục tâm nãi chí mộng trung diệc phục như thị. thị Sa Môn Pháp

Không sanh tâm tham dục cho đến trong mộng cũng lại như vậy, đó là pháp Sa-môn.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,

若有比丘夢行姪欲是犯戒不。

nhược hữu Tỳ-kheo mộng hành dâm dục thị phạm giới phủ.

nếu có Tỳ-kheo mộng thấy hành dâm dục vậy có phạm giới không?

佛言。不也。應於姪欲生臭穢想。

Phật ngôn. phát dã. ứng ư dâm dục sanh xú uế tưởng.

Phật nói: Không! nếu ở nơi dâm dục sanh tưởng hôi dơ,

乃至不生一念淨想。遠離女人煩惱愛想。

nãi chí bất sanh nhất niệm tịnh tưởng. viễn li nữ nhân phiền não ái tưởng.

cho đến không sanh một niệm tưởng tịnh, xa rời người nữ, phiền não, ái tưởng,

若夢行姪寤應生悔。比丘乞食受供養時。

nhược mộng hành dâm ngụ ứng sanh hối. bỉ khâu khát thực thọ cúng dường thời.

nếu mộng thấy hành dâm dục sau khi tỉnh dậy nên sanh lòng hối hận. Lúc Tỳ-kheo khát

thực, nhận sự cúng dường,

應如飢世食子肉想。若生姪欲應疾捨離。

ứng như cơ thể thực tử nhục tưởng. nhược sanh dâm dục ứng tậ xả ly.

nên giống như đời đói khát mà muốn ăn thịt, nếu sanh dâm dục nên nhanh chóng rời bỏ.

如是法門當知是佛所說經律。若有隨順魔所說者是魔眷屬。

như thị Pháp môn đương tri thị Phật sở thuyết Kinh luật. nhược hữu tùy thuận ma sở

thuyết giả thị ma quyến thuộc.

Pháp môn như vậy nên biết là kinh luật do đức Phật thuyết, nếu có người tùy thuận theo

lời ma nói là bà con của ma,

若能隨順佛所說者是名菩薩。

nhược năng tùy thuận Phật sở thuyết giả thị danh Bồ-tát.

nếu có người tùy thuận theo lời Phật dạy thì chính là Bồ-tát.

若有說言佛聽比丘常翹一脚寂默不言。投淵赴火。

nhược hữu thuyết ngôn Phật thỉnh bỉ khâu thường kiêu nhất cước tịch mặc bất ngôn. đầu
uyên phó hỏa.

Hoặc có kinh nói rằng: Phật nghe có Tỳ-kheo thường co lên một chân im lặng không nói chạy đến vực lửa,

自墜高巖。不避險難。服毒斷食。臥灰土上。

tự trụy cao nham. bất tị hiểm nan. phục độc đoạn thực. ngoạ hôi độ thượng.

từ núi cao nhảy xuống, không tránh nạn hiểm, uống độc đoạn tuyệt ăn uống, nằm trên tro đất,

自縛手足。殺害眾生。方道呪術。

tự phược thủ túc. sát hại chúng sanh. phương đạo chú thuật.

tự trói ta chân, giết hại chúng sanh, hành đạo bùa chú,

旃陀羅子無根二根及不定根身根不具。

chiên đà la tử vô căn nhị căn cập bất định căn thân căn bất cụ.

chiên-đà-la tử, Vô căn, Nhị căn và Bất định căn, thân căn không đầy đủ,

如是等輩如來悉聽出家為道。是名魔說。

như thị đẳng bối Như-Lai tất thính xuất gia vi đạo. thị danh ma thuyết.

hạng người như vậy Như Lai cho phép xuất gia tu đạo hết, đây là lời của ma nói.

佛先聽食五種牛味及以油蜜。僑奢耶衣革屣等物。除是之外。

Phật tiên thính thực ngũ chủng ngưu vị cập dĩ du mật. kiêu xa da y cách tử đẳng vật. trừ thị chi ngoại.

Đức Phật trước hết thuận ăn năm vị sữa trâu và dùng dầu mật ong, y Kiêu-xà-da, giày dép rách, không ngoài những vật chính ấy,

若有說言聽著摩訶楞伽。

nhược hữu thuyết ngôn thính trú Ma-Ha lăng dà.

nếu có người nói rằng, cho cất giữ Ma-ha Lăng-dà,

一切種子悉聽貯畜。草木之屬皆有壽命。

nhất thiết chủng tử tất thính trú súc. thảo mộc chi thuộc giai hữu thọ mạng.

tất cả các loài đều thuận cho cất giữ, nuôi dưỡng, loài cỏ cây đều có thọ mạng,

佛說是已便入涅槃。若有經律作是說者。當知即是魔之所說。

Phật thuyết thị dĩ tiện nhập Niết-Bàn. nhược hữu Kinh luật tác thị thuyết giả. đương tri tức thị ma chi sở thuyết.

Phật nói điều ấy xong, liền nhập Niết-bàn. Nếu có Kinh Luật nói như vậy, nên biết ấy chính là do ma nói

我亦不聽常翹一脚。若為法故聽行住坐臥。

ngã diệc bất thính thường kiêu nhất cước。nhược vi Pháp cố thính hành trụ tọa ngọa。
Ta cũng không chấp nhận cho co một chân, hoặc vì pháp nên thuận cho đi, đứng, nằm, ngồi,

又亦不聽服毒斷食五熱炙身。

hựu diệc bất thính phục độc đoạn thực ngũ nhiệt chích thân。

lại cũng không cho uống độc, đoạn tuyệt ăn uống, năm nhiệt thiêu thân,
繫縛手足殺害眾生方道呪術。珂貝象牙以為革履。

hệ phược thủ túc sát hại chúng sanh phương đạo chú thuật。kha bối tượng nha dĩ vi cách tĩ。

trói buộc chân tay, giết hại chúng sanh, hành nghề bùa chú, kha bối, ngà voi để dùng làm giày dép,

儲畜種子草木有命。著摩訶楞伽。

trữ súc chủng tử thảo mộc hữu mạng。trử Ma-Ha lăng đà。

cất giữ, nuôi dưỡng các loại cỏ cây có mạng sống, mặc Ma-ha Lăng-già。

若言世尊作如是說。當知是為外道眷屬。非我弟子。

nhược ngôn Thế tôn tác như thị thuyết。đương tri thị vi ngoạ đạo quyến chúc。phi ngã đệ-tử。

Nếu nói Thế Tôn nói như vậy, nên biết đó chính là bà con với ma, không phải đệ tử Ta。

我唯聽食五種牛味及油蜜等。

ngã duy thính thực ngũ chủng ngưu vị cập du mật đẳng。

Ta chỉ cho ăn năm loại sữa trâu và các loại dầu mật ong,
聽著革履僑奢耶衣。我說四大無有壽命。若有經律作是說者。

thính trử cách tĩ kiêu xa da y。ngã thuyết tứ Đại vô hữu thọ mạng。nhược hữu Kinh luật tác thị thuyết giả。

cho mặc giày dép rách, Kiêu xà da y, Ta nói bốn đại không có thọ mạng。Nếu có Kinh Luật nói như vậy,

是名佛說若有隨順佛所說者。

thị danh Phật thuyết nhược hữu tùy thuận Phật sở thuyết giả。

chính là lời Phật nói, nếu có người thuận theo lời Phật thuyết,

當知是等真我弟子。若有不隨佛所說者。是魔眷屬。

đương tri thị đẳng chân ngã đệ-tử. nhược hữu bất tùy Phật sở thuyết giả. thị ma quyền thuộc.

nên biết tất cả chính là đệ tử chơn chánh của Ta, nếu có người không thuận theo lời Phật nói, tức là bà con của ma,

若有隨順佛經律者。當知是人是大菩薩。

nhược hữu tùy thuận Phật kinh luật giả. đương tri thị nhân thị Đại Bồ-tát.

nếu có tùy thuận Phật kinh luật nên biết người này là Đại Bồ-tát.

善男子。魔說佛說差別之相。

thiện nam tử. ma thuyết Phật thuyết sai biệt chi tướng.

Thiện nam tử! Ma nói hay Phật nói đều có tướng sai biệt,

今已為汝廣宣分別。迦葉白佛言。世尊。

kim dĩ vi nhữ quảng tuyên phân biệt. Ca-diếp bạch Phật ngôn. Thế tôn.

nay đã vì ông mà phân biệt nói rộng. Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,

我今始知魔說佛說差別之相。因是得入佛法深義。佛讚迦葉。

ngã kim thủy tri ma thuyết Phật thuyết sai biệt chi tướng. nhân thị đắc nhập Phật Pháp thâm nghĩa. Phật tán Ca-diếp.

hôm nay con mới biết tướng sai khác giữa ma nói và Phật nói, nhờ đó mà được thâm nhập nghĩa sâu xa của Phật pháp. Phật khen Ca-diếp:

善哉善哉。善男子。汝能如是曉了分別。

Thiện tai Thiện tai. thiện nam tử. nhữ năng như thị hiểu liễu phân biệt.

Lành thay, lành thay Ca-diếp! Ông thường hiểu rõ phân biệt như vậy

是名點慧。

thị danh hiệt tuệ.

thì gọi là bậc Hiệt tuệ.

善男子。所言苦者不名聖諦。何以故。

thiện nam tử. sở ngôn khổ giả bất danh Thánh đế. hà dĩ cố.

Thiện nam tử! Sở dĩ nói Khổ, không gọi là Thánh đế, vì sao?

若言苦是苦聖諦者。

nhược ngôn khổ thị khổ Thánh đế giả.

Vì nếu nói Khổ là chính là Khổ Thánh đế

一切牛羊驢馬及地獄眾生應有聖諦。善男子。

nhất thiết nguơ dương lư mã cập Địa-ngục chúng sanh ứng hữu Thánh đế. thiện nam tử.

thì tất cả trâu, dê, lừa, ngựa và địa ngục, chúng sanh đều có Thánh đế. Thiện nam tử!
若復有人不知如來甚深境界常住不變微密法身。

nhược phục hữu nhân bất tri Như-Lai thậm thâm cảnh giới thường trụ bất biến vi mật Pháp thân。

Nếu lại có người không biết cảnh giới sâu xa của Như Lai pháp thân vi tế bí mật thường trụ bất biến

謂是食身非是法身。不知如來道德威力。是名為苦。何以故。

vị thị thực thân phi thị Pháp thân。bất tri Như-Lai đạo đức uy lực。thị danh vi khổ。hà dĩ cố。

mà bảo là Thực thân chẳng phải là Pháp thân, không biết phẩm chất uy lực của Như Lai thì gọi là khổ, vì sao?

以不知故法見非法非法見法。

dĩ bất tri cố Pháp kiến phi Pháp phi Pháp kiến Pháp。

Vì do không biết nên Pháp thấy thành phi Pháp, phi Pháp thì thấy là Pháp,

當知是人必墮惡趣輪轉生死。增長諸結多受苦惱。

đương tri thị nhân tất đọa ác thú luân chuyển sanh tử. tăng trưởng chư kết đa thọ khổ não。

nên biết người ấy phải bị đọa đường ác, sanh tử luân chuyển, tăng trưởng các kết phục, chịu nhiều khổ não;

若有能知如來常住無有變易。

nhược hữu năng tri Như-Lai thường trụ vô hữu biến dịch。

nếu có người biết Như Lai thường trú không có biến dị,

或聞常住二字音聲。若一經耳即生天上。

hoặc văn thường trụ nhị tự âm thanh. nhược nhất Kinh nhĩ tức sanh Thiên thượng。

hoặc nghe âm thanh hai chữ Thường Trụ, nếu một lần nghe liền sanh cõi trời,

後解脫時乃能證知如來常住無有變易。既證知已而作是言。

hậu giải thoát thời nãi năng chứng tri Như-Lai thường trụ vô hữu biến dịch. ký chứng tri dĩ nhi tác thị ngôn。

sau đó giải thoát liền có thể chứng biết Như Lai thường trụ không có biến dị, đã chứng biết rồi mà còn nói rằng:

我於往昔曾聞是義。今得解脫方乃證知。

ngã ư vãng tích tăng văn thị nghĩa. kim đắc giải thoát phương nãi chứng tri.

Từ xa xưa tôi đã từng nghe nghĩa ấy, nay được giải thoát mới có thể chứng biết,

我於本際以不知故輪轉生死周遍無窮。

ngã ư bản tế dĩ bất tri cố luân chuyển sanh tử châu biến vô cùng.

Tôi từ xưa đến nay do không biết nên luân chuyển trong sanh tử biến khắp không cùng,

始於今日乃得真智。若如是知。真是修苦。

thủy ư kim nhật nãi đắc chân trí. nhược như thị tri. chân thị tu khổ.

ngày hôm nay mới có được Chân trí, nếu biết như vậy là chân thật tu khổ để,

多所利益。若不知者。雖復勤修無所利益。

đa sở lợi ích. nhược bất tri giả. tuy phục tinh cần tu vô sở lợi ích.

có nhiều lợi ích; nếu không biết, mặc dù siêng năng tu tập nhưng không có lợi ích.

是名知苦名苦聖諦。若人不能如是修習。

thị danh tri khổ danh khổ Thánh đế. nhược nhân bất năng như thị tu tập.

Đây gọi là biết khổ, gọi là Khổ thánh đế, nếu người không thể tu tập như vậy

是名為苦非苦聖諦。苦集諦者。

thị danh vi khổ phi khổ Thánh đế. khổ tập đế giả.

thì gọi là Khổ, không phải Khổ Thánh đế. Khổ Tập đế là

於真法中不生真智受不淨物。所謂奴婢能以非法言是正法。

ư chân Pháp trung bất sanh chân trí thọ bất tịnh vật. sở vị nô tì năng dĩ phi Pháp ngôn thị chánh Pháp.

Ở trong Chân pháp không sanh chân trí, thọ nhận vật bất tịnh cho nên nô tỳ có thể dùng

Phi pháp bảo là Chánh pháp,

斷滅正法不令久住。以是因緣不知法性。

đoạn diệt chánh Pháp bất linh cửu trụ. dĩ thị nhân duyên bất tri Pháp tánh.

đoạn diệt Chánh pháp không làm cho trường tồn. Do nhân duyên đó nên không biết Pháp tánh,

以不知故輪轉生死多受苦惱。

dĩ bất tri cố luân chuyển sanh tử đa thọ khổ não.

do không biết nên luân chuyển trong sanh tử, chịu nhiều khổ não,

不得生天及正解脫。若有深知不壞正法。

bất đắc sanh Thiên cập chánh giải thoát. nhược hữu thâm tri bất hoại chánh Pháp.

không được sanh Thiên và không được Chánh giải thoát; nếu có người biết sâu xa không làm hoại chánh pháp,

以是因緣得生天上及正解脫。

dĩ thị nhân duyên đắc sanh Thiên thượng cập chánh giải thoát.

do nhân duyên ấy mà được sanh cõi Trời và được Chánh giải thoát;

若有不知苦集諦處而言正法無有常住悉是滅法。

nhược hữu bất tri khổ tập đế xử nhi ngôn chánh Pháp vô hữu thường trụ tất thị diệt Pháp.

nếu có người không nơi khổ tập Thánh đế mà bảo rằng Chánh pháp không có thường trú, tất cả là diệt pháp.

以是因緣於無量劫流轉生死受諸苦惱。若能知法常住不異。

dĩ thị nhân duyên ư vô lượng kiếp lưu chuyển sanh tử thọ chư khổ não. nhược năng tri Pháp thường trụ bất dị.

Do nhân duyên ấy nên ở trong vô lượng kiếp lưu chuyển sanh tử chịu các khổ não; nếu năng biết được Pháp thường trú không biến dị.

是名知集集聖諦。若人不能如是修習。

thị danh tri tập danh tập Thánh đế. nhược nhân bất năng như thị tu tập.

Đó gọi là biết Tập gọi là Tập Thánh đế, nếu người không năng tu tập như vậy

是名為集非集聖諦。苦滅諦者。若有多修習學空法。

thị danh vi tập phi tập Thánh đế. khổ diệt đế giả. nhược hữu đa tu tập học không Pháp.

thì gọi là Tập, chẳng phải là Tập Thánh đế. Khổ Diệt đế nghĩa là, nếu có nhiều người tu tập học Không pháp,

是為不善。何以故。滅一切法故。

thị vi ất thiện. hà dĩ cố. diệt nhất thiết Pháp cố.

đây là bất thiện. Vì sao? Vì diệt mất tất cả các pháp,

壞於如來真法藏故。作是修學。是名修空。修苦滅者。

hoại ư Như-Lai chân Pháp tạng cố. tác thị tu học. thị danh tu không. tu khổ diệt giả.

làm hoại Chơn pháp tạng của Như Lai. Tu học như vậy, gọi là tu Không, tu Khổ diệt,
逆於一切諸外道等。若言修空是滅諦者。

nghịch ư nhất thiết chư ngoại đạo đẳng. nhược ngôn tu không thị diệt đế giả.
trái với tất cả chúng Ngoại đạo; nếu bảo rằng tu Không là Diệt đế
一切外道亦修空法應有滅諦。

nhất thiết ngoại đạo diệt tu không Pháp ứng hữu diệt đế.

thì tất cả Ngoại đạo cũng tu Không pháp nên có được Diệt đế;

若有說言有如來藏雖不可見若能滅除一切煩惱爾乃得

nhược hữu thuyết ngôn hữu Như Lai tạng tuy bất khả kiến nhược năng diệt trừ nhất thiết
phiền não nhĩ nãi đắc

nếu có người bảo rằng: Có Như Lai tạng, mặc dù không thể thấy vậy mà có thể diệt trừ tất
cả phiền não mới chứng đắc,

入。若發此心一念因緣。於諸法中而得自在。

nhập. nhược phát thử tâm nhất niệm nhân duyên. ư chư Pháp trung nhi đắc tự-tại.

nếu phát tâm ấy chỉ một niệm mà được tự tại ở trong các pháp,

若有修習如來密藏無我空寂。

nhược hữu tu tập Như-Lai mật tạng vô ngã không tịch.

nếu có người tu tập Như Lai bí mật tạng Vô ngã Không tịch.

如是之人於無量世。在生死中流轉受苦。

như thị chi nhân ư vô lượng thế. tại sanh tử trung lưu chuyển thọ khổ.

Người như vậy nơi vô lượng đời lưu chuyển ở trong sanh tử thọ các khổ báo,

若有不作如是修者。雖有煩惱疾能滅除。何以故。

nhược hữu bất tác như thị tu giả. tuy hữu phiền não tật năng diệt trừ. hà dĩ cố.

nếu có người không tu tập như vậy, tuy có phiền não nhưng nhanh chóng được diệt trừ. Vì
sao?

因知如來祕密藏故。是名苦滅聖諦。

nhân tri Như-Lai bí mật tạng cố. thị danh khổ diệt Thánh đế.

Vì nhờ biết Tạng bí mật của Như Lai, gọi là Khổ Diệt Thánh đế;

若能如是修習滅者。是我弟子。若有不能作如是修。

nhược năng như thị tu tập diệt giả. thị ngã đệ-tử. nhược hữu bất năng tác như thị tu.

nếu có người năng tu tập Diệt như vậy thì chính là đệ tử của Ta, nếu có người không tu tập như vậy

是名修空非滅聖諦。道聖諦者。

thị danh tu không phi diệt Thánh đế. đạo Thánh đế giả.

thì gọi là tu Không pháp, chẳng phải là Diệt Thánh đế. Đạo Thánh đế
所謂佛法僧寶及正解脫。

sở vị Phật Pháp tăng bảo cập chánh giải thoát.

nghĩa là Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo và Chánh giải thoát.

有諸眾生顛倒心言無佛法僧及正解脫。生死流轉猶如幻化。修習是見。

hữu chư chúng sanh điên đảo tâm ngôn vô Phật Pháp tăng cập chánh giải thoát. sanh tử
lưu chuyển do như huyễn hóa. tu tập thị kiến.

Có các chúng sanh tâm điên đảo bảo rằng không có Phật, Pháp, Tăng và Chánh giải,
sanh tử lưu chuyển giống như huyễn hoá, tu tập là thấy.

以此因緣輪轉三有久受大苦。

dĩ thử nhân duyên luân chuyển tam hữu cửu thọ Đại khổ.

Do nhân duyên ấy mà luân chuyển trong tam hữu thọ nhận đại khổ lâu dài,

若能發心見於如來常住無變。法僧解脫亦復如是。

nhược năng phát tâm kiến ư Như-Lai thường trụ vô biến. Pháp tăng giải thoát diệc phục
như thị.

nếu có thể phát tâm thấy được ở Như Lai thường trú bất biến, Pháp, Tăng và giải thoát lại
cũng như vậy,

乘此一念於無量世自在果報隨意而得。何以故。

thừa thử nhất niệm ư vô lượng thế tự-tại quả báo tùy ý nhi đắc. hà dĩ cố.

chuyên nhất niệm nơi ấy thì ở nơi, vô lượng đời quả báo tự tại tùy ý mà chứng đắc. Vì
sao?

我於往昔以四倒故非法計法受於無量惡業果

ngã ư vãng tích dĩ tứ đảo cố phi Pháp kế Pháp thọ ư vô lượng ác nghiệp quả

Vì Ta ở vào đời xa xưa dùng bốn thứ điên đảo, Phi pháp, Kế pháp nên thọ vô lượng quả
báo ác nghiệp

報。我今已滅如是見故成佛正覺。

báo. ngã kim dĩ diệt như thị kiến cố thành Phật chánh giác.

nhưng hôm nay Ta đã diệt trừ, thấy được như vậy nên Thành Phật Chánh giác.

是名道聖諦。若有人言三寶無常。

thị danh đạo Thánh đế. nhược hữu nhân ngôn Tam Bảo vô thường.

Đó gọi là Đạo Thánh đế, nếu có người bảo rằng Tam bảo Vô thường,

修習是見是虛妄修非道聖諦。若修是法為常住者。是我弟子。

tu tập thị kiến thị hư vọng tu phi đạo Thánh đế. nhược tu thị Pháp vi thường trụ giả. thị ngã đệ-tử.

tu tập để thấy chính là tu hư vọng chẳng phải Đạo Thánh đế; nếu tu Pháp ấy là thường trú, là đệ tử của Ta,

真見修習四聖諦法。是名四聖諦。

chân kiến tu tập tứ Thánh đế Pháp. thị danh tứ Thánh đế.

thấy biết chơn chánh tu tập bốn pháp Thánh đế, gọi là Tứ Thánh đế.

迦葉菩薩復白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

我今始知修習甚深四聖諦法。

ngã kim thủy tri tu tập thậm thâm tứ Thánh đế Pháp.

Hôm nay con mới biết tu tập sâu xa pháp Tứ Thánh đế.

佛告迦葉。善男子。謂四倒者。

Phật cáo ca diệp. thiện nam tử. vị tứ đảo giả.

Phật nói với Ca-diếp: Thiện nam tử, gọi bốn thứ điên đảo là

於非苦中生於苦想。名曰顛倒。非苦者名為如來。

ư phi khổ trung sanh ư khổ tưởng. danh viết điên đảo. phi khổ giả danh vi Như-Lai.

ở trong phi khổ mà sanh tưởng khổ nên gọi là điên đảo. Phi khổ gọi là Như Lai.

生苦想者。謂於如來無常變異。

sanh khổ tưởng giả. vị ư Như-Lai vô thường biến dị.

Sanh tưởng khổ tức là nói rằng Như Lai vô thường biến dị;

若說如來是無常者。名大罪苦。

nhược thuyết Như-Lai thị vô thường giả. danh Đại tội khổ.

nếu nói Như Lai là vô thường, gọi là Đại tội Khổ;

若言如來捨此苦身入於涅槃如薪盡火滅。是名非苦而生苦想。

nhược ngôn Như-Lai xả thủ khổ thân nhập ư Niết-Bàn như tâm tận hỏa diệt. thị danh phi khổ nhi sanh khổ tưởng.

nếu nói Như Lai xả bỏ thân khổ này để vào ở Niết-bàn như củi hết lửa tắt thì gọi là phi khổ mà sanh tưởng khổ,

是名顛倒我若說言如來常者即是我見。

thị danh điên đảo ngã nhược thuyết ngôn Như-Lai thường giả tức thị ngã kiến.

gọi là điên đảo, nếu Ta nói rằng: Như Lai là Thường tức là Ngã kiến,

以我見故有無量罪。是故應說如來無常。

dĩ ngã kiến cố hữu vô lượng tội. thị cố ứng thuyết Như-Lai vô thường.

do Ngã kiến nên có Vô lượng tội, vì vậy nên nói Như Lai là Vô thường.

如是說者我則受樂。如來無常即為是苦。

như thị thuyết giả ngã tắc thọ lạc. Như-Lai vô thường tức vi thị khổ.

Nói như vậy nghĩa là Ta thọ lạc, Như Lai vô thường tức chính là Khổ.

若是苦者云何生樂。以於苦中生樂想故。名為顛倒。

nhược thị khổ giả vân hà sanh lạc. dĩ ư khổ trung sanh lạc tưởng cố. danh vi điên đảo.

Nếu là khổ sao lại sanh lạc, do ở trong khổ mà sanh tưởng lạc, gọi là điên đảo.

樂生苦想。名為顛倒。樂者即是如來。

lạc sanh khổ tưởng. danh vi điên đảo. lạc giả tức thị Như-Lai.

Lạc sanh tưởng khổ, gọi là điên đảo. Lạc tức chính là Như Lai.

苦者如來無常。若說如來是無常者。是名樂中生於苦想。

khổ giả Như-Lai vô thường. nhược thuyết Như-Lai thị vô thường giả. thị danh lạc trung

sanh ư khổ tưởng.

Khổ tức Như Lai vô thường. Nếu nói Như Lai là Vô thường thì gọi là ở trong Lạc mà sanh tưởng Khổ.

如來常住。是名為樂。若我說言如來是常。

Như-Lai thường trụ. thị danh vi lạc. nhược ngã thuyết ngôn Như-Lai thị thường.

Như Lai thường trú, gọi là Lạc. Nếu Ta nói rằng: Như Lai là thường

云何復得入於涅槃。若言如來非是苦者。

vân hà phục đắc nhập ư Niết-Bàn. nhược ngôn Như-Lai phi thị khổ giả.

thì làm sao lại được vào nơi Niết-bàn. Nếu nói Như chẳng phải là Khổ

云何捨身而取滅度。以於樂中生苦想故。

vân hà xả thân nhi thủ diệt độ. dĩ ư lạc trung sanh khổ tưởng cố.
thì làm sao mà xả bỏ thân để chấp nhận Diệt độ. Do ở trong Lạc sanh tưởng Khổ
名為顛倒。是名初倒。無常常想常無常想。
danh vi điên đảo. thị danh điên đảo thứ nhất. vô thường thường tưởng thường vô thường
tưởng.
nên gọi là điên đảo, gọi là Sơ đảo, vô thường tưởng thường, thường tưởng vô thường,
是名顛倒。無常者名不修空。不修空故壽命短促。
thị danh điên đảo. vô thường giả danh bất tu không. bất tu không cố thọ mạng đoản
xúc.
đây gọi là điên đảo. Vô thường gọi là không tu Không, không tu Không nên thọ mạng
ngắn ngủi.
若有說言不修空寂得長壽者。是名顛倒。
nhược hữu thuyết ngôn bất tu không tịch đắc trường thọ giả. thị danh điên đảo.
Nếu có người nói rằng: Không tu Không tịch thì thọ mạng được dài lâu, ấy gọi là điên đảo.
是名第二顛倒。無我我想我無我想。是名顛倒。
thị danh đệ nhị điên đảo. vô ngã ngã tưởng ngã vô ngã tưởng. thị danh điên đảo.
Gọi là điên đảo thứ hai, Vô ngã tưởng Ngã, Ngã tưởng vô ngã thì gọi là điên đảo.
世間之人亦說有我。佛法之中亦說有我。
thế gian chi nhân diệc thuyết hữu ngã. Phật Pháp chi trung diệc thuyết hữu ngã.
Người trong thế gian cũng nói có Ngã, trong Phật pháp cũng nói có Ngã.
世間之人雖說有我無有佛性。
thế gian chi nhân tuy thuyết hữu ngã vô hữu Phật tánh.
Người trong thế gian tuy nói có Ngã không có Phật tánh,
是則名為於無我中而生我想。是名顛倒。
thị tắc danh vi ư vô ngã trung nhi sanh ngã tưởng. thị danh điên đảo.
thì gọi là ở trong vô ngã mà sanh tưởng Ngã, gọi là điên đảo.
佛法有我即是佛性。世間之人說佛法無我。
Phật Pháp hữu ngã tức thị Phật tánh. thế gian chi nhân thuyết Phật Pháp vô ngã.
Phật pháp có Ngã tức là Phật tánh. Người thế gian Phật pháp Vô ngã,
是名我中生無我想。
thị danh ngã trung sanh vô ngã tưởng.

ấy gọi là trong Ngũ sanh tưởng Vô ngã.

若言佛法必定無我是故如來勅諸弟子修習無我。名為顛倒。是名第三顛倒。

nhược ngôn Phật Pháp tất định vô ngã thị cố Như-Lai sắc chư đệ-tử tu tập vô ngã。 danh vi điên đảo。 thị danh đệ tam điên đảo。

Nếu nói Phật pháp nhất định là Vô ngã cho nên Như Lai dạy các đệ tử tu tập Vô ngã thì gọi là điên đảo, đây là điên đảo thứ ba.

淨不淨想不淨淨想。是名顛倒。

tịnh bất tịnh tưởng bất tịnh tịnh tưởng。 thị danh điên đảo。

Tịnh tưởng bất tịnh, bất tịnh tưởng tịnh thì gọi là điên đảo。

淨者即是如來常住。非雜食身非煩惱身非是肉身。

tịnh giả tức thị Như-Lai thường trụ。 phi tạp thực thân phi phiền não thân phi thị nhục thân。

Tịnh tức là Như Lai thường trú, chẳng phải tạp thực thân, chẳng phải phiền não thân, chẳng phải là nhục thân,

非是筋骨繫縛之身。若有說言如來無常是雜食身。

phi thị cân cốt hệ phọc chi thân。 nhược hữu thuyết ngôn Như-Lai vô thường thị tạp thực thân。

chẳng phải là thân gân cốt trói buộc。 Nếu có người nói rằng: Như Lai vô thường là Tạp thực thân,

乃至筋骨繫縛之身。法僧解脫是滅盡者。

nãi chí cân cốt hệ phọc chi thân。 Pháp tăng giải thoát thị diệt tận giả。

cho đến thân do gân cốt trói buộc; Pháp, Tăng và Giải thoát là diệt tận,

是名顛倒。不淨淨想名顛倒者。

thị danh điên đảo。 bất tịnh tịnh tưởng danh điên đảo giả。

gọi là điên đảo。 Bất tịnh tưởng tịnh gọi là điên đảo。

若有說言我此身中無有一法是不淨者。

nhược hữu thuyết ngôn ngã thử thân trung vô hữu nhất Pháp thị bất tịnh giả

Nếu có người nói rằng, ta ở trong thân này không có pháp nào là bất tịnh,

以無不淨定當得入清淨之處。如來所說修不淨觀。

dĩ vô bất tịnh định đương đắc nhập thanh tịnh chi xứ。 Như-Lai sở thuyết tu bất tịnh quán。

do không bất tịnh nên quyết định sẽ vào chỗ Thanh tịnh. Như Lai nói tu Bất tịnh quán,
如是之言是虛妄說。是名顛倒。

như thị chi ngôn thị hư vọng thuyết. thị danh điên đảo.

lời như vậy là lời nói hư vọng, gọi đó là điên đảo.

是則名為第四顛倒迦葉菩薩白佛言。世尊。我從今日始得正見。

thị tắc danh vi đệ tứ điên đảo ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. ngã tông kim nhật
thủy đắc chánh kiến.

Đây gọi là điên đảo thứ tư. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, con từ ngày
hôm nay mới được Chánh kiến.

世尊。自是之前我等悉名邪見之人。世尊。

Thế tôn. tự thị chi tiền ngã đẳng tất danh tà kiến chi nhân. Thế tôn.

Bạch Thế Tôn, từ trước đây tất cả chúng con gọi là người Tà kiến. Bạch Thế Tôn,
二十五有有我不耶。

nhị thập ngũ hữu hữu ngã bất da.

trong Hai mươi lăm hữu có Ngã chăng?

佛言。善男子。我者即是如來藏義。

Phật ngôn. thiện nam tử. ngã giả tức thị Như Lai tạng nghĩa.

Phật nói: Ca-diếp, Ngã tức chính là Nghĩa Như Lai Tạng,
一切眾生悉有佛性。即是我義。

nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. tức thị ngã nghĩa.

hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, tức là Ngã nghĩa,

如是我義從本已來常為無量煩惱所覆。是故眾生不能得見。

như thị ngã nghĩa tông bổn dĩ lai thường vi vô lượng phiền não sở phúc. thị cố chúng
sanh bất năng đắc kiến.

Ngã nghĩa như vậy từ xưa đến nay luôn vì vô lượng phiền não che lấp, vì vậy chúng sanh
không thể thấy được.

善男子。如貧女人舍內多有真金之藏。

thiện nam tử. như bần nữ nhân xá nội đa hữu chân kim chi tạng.

Ca-diếp, giống như người nữ nghèo, trong nhà có cất giữ nhiều vàng thật,

家人大小無有知者。時有異人善知方便語貧女人。

gia nhân Đại tiểu vô hữu tri giả. thời hữu dị nhân thiện tri phương tiện ngữ bần nữ nhân.

người trong nhà tất cả lớn nhỏ đều không biết, lúc ấy có một người khác khéo biết, phương tiện nói người nữ nghèo:

我今雇汝汝可為我芸除草穢。女即答言。

ngã kim cố nhữ nhữ khả vi ngã vân trừ thảo uế. nữ tức đáp ngôn.

Ta nay thuê người, người có thể vì ta mà làm cỏ dại trong lúa, nữ liền đáp rằng:

我不能也。汝若能示我子金藏。

ngã bất năng dã. nhữ nhược năng kì ngã tử kim tạng.

tôi không thể, nếu ông có thể bảo con tôi chỗ cất vàng,

然後乃當速為汝作。是人復言。我知方便能示汝子。

nhiên hậu nãi đương tốc vi nhữ tác. thị nhân phục ngôn. ngã tri phương tiện năng kì nhữ tử.

sau đó tôi sẽ nhanh chóng làm cho ông. Người ấy lại nói: Tôi biết phương tiện có thể bảo cho con người,

女人答言。我家大小尚自不知。況汝能知。

nữ nhân đáp ngôn. ngã gia Đại tiểu thượng tự bất tri. hưởng nhữ năng tri.

Người nữ đáp rằng: Nhà tôi lớn nhỏ còn tự chưa biết, huống nữa ông làm sao có thể biết?

是人復言。我今審能。女人答言。

thị nhân phục ngôn. ngã kim thẩm năng. nữ nhân đáp ngôn.

Người ấy lại nói: Tôi nay khẳng định có. Người nữ đáp rằng:

我亦欲見并可示我。是人即於其家掘出真金之藏。

ngã diệc dục kiến tinh khả kì ngã. thị nhân tức ư kỳ gia quật xuất chân kim chi tạng.

Tôi cũng muốn thấy đều có thể chỉ cho tôi. Người ấy liền vào tong nhà đào chỗ cất giữ chơn kim,

女人見已心生歡喜。生奇特想宗仰是人。善男子。

nữ nhân kiến dĩ tâm sanh hoan hỷ. sanh kì đặc tưởng tông ngưỡng thị nhân. thiện nam tử.

người nữ thấy xong tâm sanh vui vẻ, sanh lòng tưởng mến kính ngưỡng đặc biệt đến người ấy. Ca-diếp,

眾生佛性亦復如是。一切眾生不能得見。

chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. nhất thiết chúng sanh bất năng đắc kiến.

Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy, tất cả chúng sanh không thể thấy được,

如彼寶藏貧人不知。善男子。

như bử bảo tạng bần nhân bất tri. thiện nam tử.

như kho báu kia bần nữ chẳng biết. Thiện nam tử,

我今普示一切眾生所有佛性。為諸煩惱之所覆蔽。

ngã kim phổ thị nhất thiết chúng sanh sở hữu Phật tánh. vì chư phiền não chi sở phúc tế.

nay Ta trước đã chỉ cho tất cả chúng sanh có Phật tánh, vì các phiền não che lấp,

如彼貧人有真金藏不能得見。

như bử bần nhân hữu chân kim tạng bất năng đắc kiến.

giống như bần nữ có tạng chơn kim mà không thể thấy được.

如來今日普示眾生諸覺寶藏。所謂佛性。

Như-Lai kim nhật phổ thị chúng sanh chư giác bảo tạng. sở vị Phật tánh.

Như Lai hôm nay chỉ bảo cho chúng sanh các bảo tạng Giác ngộ. Đó là Phật tánh

而諸眾生見是事已心生歡喜歸仰如來。善方便者即是如來。

nhi chư chúng sanh kiến thị sự dĩ tâm sanh hoan hỷ quy ngưỡng Như-Lai. thiện phương tiện giả tức thị Như-Lai.

mà các chúng sanh thấy điều ấy xong, sanh tâm hoan hỷ quy ngưỡng Như Lai. Thiện Phương tiện tức là Như Lai.

貧女人者即是一切無量眾生。

bần nữ nhân giả tức thị nhất thiết vô lượng chúng sanh.

Người nữ nghèo tức chính là hết thảy vô lượng chúng sanh.

真金藏者即佛性也。

chân kim tạng giả tức Phật tánh dã.

Chơn kim tạng tức chính là Phật tánh vậy.

復次善男子。譬如女人生育一子嬰孩得病。

phục thứ thiện nam tử. thí như nữ nhân sanh dục nhất tử anh hài đắc bệnh.

Lại nữa, Thiện nam tử! Thí như người nữ sanh hạ một đứa con, đứa hài nhi lại bị bệnh, 是女愁惱求覓醫師。醫師既來合三種藥。

thị nữ sầu não cầu mịch y sư. y sư ký lai hợp tam chủng dược.

người nữ ấy sầu não tìm cầu thầy thuốc, thầy thuốc đến hoà ba loại thuốc;

酥乳石蜜。與之令服因告女人。

tô nữ thạch mật. dữ chi lệnh phục nhân cáo nữ nhân。
tô lạc, sữa, thạch mật rồi đưa cho uống, nhưng bảo với người mẹ:
兒服藥已且莫與乳。須藥消已爾乃與之。
nhi phục dược dĩ thả mạc dữ nữ. tu dược tiêu dĩ nhĩ nãi dữ chi。
Đưa bé uống thuốc xong, tạm thời không cho vú, đợi thuốc hết rồi mới cho vú。
是時女人即以苦物用塗其乳。母語兒言。我乳毒塗不可復觸。
thị thời nữ nhân tức dĩ khổ vật dụng đồ kỳ nữ. mẫu ngữ nhi ngôn. ngã nữ độc đồ bất
khả phục xúc。
Lúc đó người mẹ liền dùng vật đắng bôi lên vú, mẹ nói với con rằng: Vú mẹ có bôi độc
không thể chạm vào。
小兒渴乏欲得母乳。聞乳毒氣便遠捨去。
tiểu nhi khát phạp dục đắc mẫu nữ. văn nữ độc khí tiện viễn xả khứ。
Đưa trẻ thiếu khát muốn được vú mẹ, nghe vú có độc khí liền bỏ lánh xa,
遂至藥消母人以水淨洗其乳。喚其子言。
toại chí dược tiêu mẫu nhân dĩ thủy tịnh tẩy kỳ nữ. hoán kỳ tử ngôn。
đợi đến lúc thuốc hết, người mẹ lấy nước rửa sạch vú, gọi con bảo rằng:
來與汝乳。是時小兒雖復飢渴。
lai dữ nữ nữ. thị thời tiểu nhi tuy phục cơ khát。
Con đến vú sữa. Lúc đó đưa trẻ mặc dù đói khát,
先聞毒氣是故不來。母復語言。為汝服藥故以毒塗。
tiên văn độc khí thị cố Bất-lai. mẫu phục ngữ ngôn. vi nữ phục dược cố dĩ độc đồ。
nhưng trước đó nghe có độc khí cho nên không đến. Mẹ lại nói rằng: Vì con uống thuốc
nên lấy độc bôi vào,
汝藥已消我已洗竟。汝便可來飲乳無苦。
nữ dược dĩ tiêu ngã dĩ tẩy cánh. nữ tiện khả lai ẩm nữ vô khổ。
con thuốc đã hết, mẹ đã rửa xong nay con có thể đến vú sữa, không còn đắng nữa。
是兒聞已漸漸還飲。善男子。如來亦爾。
thị nhi văn dĩ tiệm tiệm hoàn ẩm. thiện nam tử. Như-Lai diệc nhĩ。
Lúc đó đưa bé nghe xong từ từ đến vú. Thiện nam tử! Như Lai cũng như vậy,
為度一切教諸眾生修無我法。
vi độ nhất thiết giáo chư chúng sanh tu vô ngã Pháp。

vì độ cho tất cả nên dạy các chúng sanh tu pháp Vô ngã.

如是修已永斷我心入於涅槃。為除世間諸妄見故。

như thị tu dĩ vĩnh đoạn ngã tâm nhập ư Niết-Bàn. vì trừ thế gian chư vọng kiến cố.

Tu như vậy xong vĩnh viễn đoạn trừ tâm Ngã mạn vào ở Niết-bàn. Vì trừ các vọng kiến của thế gian nên

示現出過世間法故。復示世間計我虛妄非真實故。

thị hiện xuất quá thế gian Pháp cố. phục kì thế gian kế ngã hư vọng phi chân thật cố.

thị hiện ra khỏi pháp thế gian. Lại bảo thế gian, kế ngã (chấp ngã) là hư vọng, chẳng phải chơn thật.

修無我法清淨身故。喻如女人為其子故以苦味塗乳。

tu vô ngã Pháp thanh tịnh thân cố. dụ như nữ nhân vì kỳ tử cố dĩ khổ vị đồ nhũ.

tu pháp Vô ngã thân được thanh tịnh. Giống như người người mẹ vì đứa con nên lấy vị đắng bôi lên vú.

如來亦爾。為修空故說言諸法悉無有我。

Như-Lai diệc nhĩ. vì tu không cố thuyết ngôn chư Pháp tất vô hữu ngã.

Như Lai cũng như vậy, vì tu pháp Không nên nói rằng: Tất cả các pháp đều không có Ngã.

如彼女人淨洗乳已而喚其子欲令還服。

như bỉ nữ nhân tịnh tẩy nhũ dĩ nhi hoán kỳ tử dục lệnh hoàn phục.

Như người mẹ kia, rửa sạch vú xong rồi gọi con đến muốn cho vú trở lại.

我今亦爾說如來藏。是故比丘不應生怖。

ngã kim diệc nhĩ thuyết Như Lai tạng. thị cố Tỳ-kheo bất ứng sanh phở.

Ta nay cũng như vậy, nói Như Lai tạng, vì vậy các Tỳ-kheo không nên sanh tâm sợ hãi.

如彼小兒聞母喚已漸還飲乳。比丘亦爾。

như bỉ tiểu nhi văn mẫu hoán dĩ tiệm hoàn ẩm nhũ. Tỳ-kheo diệc nhĩ.

Như hài nhi kia nghe mẹ gọi xong từ từ vú sữa trở lại. Tỳ-kheo cũng vậy,

應自分別如來祕藏不得有。

ứng tự phân biệt Như-Lai bí tạng bất đắc bất hữu.

nên tự phân biệt Như Lai bí mật tạng không có không đắc.

迦葉菩薩白佛言。世尊。實無有我。何以故。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. thật vô hữu ngã. hà dĩ cố.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, thật sự không có Ngã. Vì sao?
嬰兒生時無所知曉。

anh nhi sanh thời vô sở tri hiểu。

Vì lúc đũa bé mới sanh không có sự hiểu biết,

若有我者即生之日尋應有知。以是義故定知無我。若定有我。

nhược hữu ngã giả tức sanh chi nhật tầm ứng hữu tri。 dĩ thị nghĩa cố định tri vô
ngã。 nhược định hữu ngã。

nếu có Ngã tức ngày mới sanh vẫn nên có tri thức, do nghĩa ấy nên nhất định biết Vô ngã.

Nếu quyết chắc có Ngã,

受生已後應無終歿。若使一切皆有佛性。

thọ sanh dĩ hậu ứng vô chung một。 nhược sử nhất thiết giai hữu Phật tánh。

sau khi đã thọ sanh thì cuối cùng không chết. Giả sử tất cả đều có Phật tánh,

是常住者應無壞相。

thị thường trụ giả ứng vô hoại tướng。

là thường trú thì không có hoại tướng;

若無壞相云何而有剎利婆羅門毘舍首陀及旃陀羅畜生差別。

nhược vô hoại tướng vân hà nhi hữu sát lợi Bà-la-môn Tỳ-xá thủ đà cập chiên đà la súc
sanh sai biệt。

nếu không có hoại tướng thì làm sao mà có Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà và Chiên-
đà-la, súc sanh sai khác.

今見業緣種種不同諸趣各異。

kim kiến nghiệp duyên chủng chủng bất đồng chư thú các dị。

Nay thấy nghiệp duyên các loài không giống nhau, các cõi đều khác nhau,

若定有我一切眾生應無勝負。以是義故定知佛性非是常法。

nhược định hữu ngã nhất thiết chúng sanh ứng Vô thắng phụ。 dĩ thị nghĩa cố định tri Phật
tánh phi thị thường Pháp。

nếu nhất định có Ngã thì tất cả chúng sanh không có thắng thua, do nghĩa ấy nên nhất
định biết Phật tánh chẳng phải là thường pháp.

若言佛性定是常者。

nhược ngôn Phật tánh định thị thường giả。

Nếu nói Phật tánh nhất định là Thường

何緣復說有殺盜婬兩舌惡口妄言綺語貪恚邪見。若我性常。

hà duyên phục thuyết hữu sát đạo dâm lượng thiệt ác khẩu vọng ngôn ý ngữ tham khuể tà kiến. nhược ngã tánh thường.

thì có sao lại nói có sát, đạo, dâm, lượng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ý ngữ, tham, nhuế, tà kiến?

何故酒後迷荒醉亂。若我性常。盲應見色。

hà cố tửu hậu mê hoang túy loạn. nhược ngã tánh thường. manh ứng kiến sắc.

có sao sau khi uống rượu lại say sưa, hoang mang mê loạn? Nếu ngã tánh thường thì người mù thấy sắc,

聾應聞聲。瘖應能語。拘躄能行。若我性常。

lung ứng văn thanh. á ứng năng ngữ. câu tích năng hành. nhược ngã tánh thường.

người điếc nghe được âm thanh, người câm có thể nói, hai chân bị què có thể đi được; nếu Ngã tánh thường,

不應避於火坑大水毒藥刀劍惡人禽獸。

bất ứng tị ư hỏa khanh đạo thủy độc dược đạo kiếm ác nhân cầm thú.

không lánh nơi hầm lửa, nước lớn, thuốc độc, đạo kiếm, ác nhân, cầm thú;

若我常者本所更事不應忘失。

nhược ngã thường giả bốn sở canh sự bất ứng vong thất.

nếu Ngã thường thì việc đã làm vốn không có vong thất;

若不忘失何緣復言我曾何處見是人也。

nhược bất vong thất hà duyên phục ngôn ngã tàng hà xử kiến thị nhân dã.

nếu không vong thất duyên có nào lại nói Ngã từng nơi nào thấy là người;

若我常者則不應有少壯老等衰盛力勢憶念往事。

nhược ngã thường giả tắc bất ứng hữu thiếu tráng lão đẵng suy thịnh lực thể ức niệm vãng sự.

nếu Ngã thường tức không có thiếu niên, trai tráng, già cả, suy thịnh, thể lực, nhớ niệm việc đã qua;

若我常者止住何處。為在涕唾青黃赤白諸色中也。

nhược ngã thường giả chỉ trụ hà xử. vi tại thể thóa thanh hoàng xích bạch chư sắc trung dã.

nếu Ngã thường thì đứng ở nơi nào? Vì ở trong nước miếng, nước mũi, các sắc sanh, vàng, đỏ, trắng vậy;

若我常者應遍身中如胡麻油間無空處。

nhược ngã thường giả ứng biến thân trung như hồ ma du gian vô không xử。

nếu Ngã thường thì trong thân ứng biến như dầu cây vừng giữa không có chỗ rỗng không;

若斷身時我亦應斷。佛告迦葉。善男子。

nhược đoạn thân thời ngã diệt ứng đoạn。Phật cáo Ca-diếp。thiện nam tử。

nếu lúc thân đoạn thì Ngã cũng đoạn。Phật nói với Ca-diếp: Thiện nam tử!

譬如王家有大力士。其人眉間有金剛珠。

thí như Vương gia hữu Đại lực sĩ。kỳ nhân my gian hữu Kim cương châu。

Thí như nhà Vua có Đại lực sĩ, ở giữa lông mày người lực sĩ có viên ngọc Kim cương,

與餘力士較力相撲。而彼力士以頭抵觸其額上。

dữ dư lực sĩ giác lực tướng phác。nhi bỉ lực sĩ dĩ đầu để xúc kỳ ngạch thượng。

sau khi Lực sĩ tham dự đánh vật nhau mà Lực sĩ ấy dùng đầu chọc chạm đến viên ngọc trên trán,

珠尋沒膚中都不自知是珠所在。

châu tầm một phu trung đô bất tự tri thị châu sở tại。

viên ngọc bỗng chìm vào trong da hoàn toàn không tự biết là viên ngọc ở nơi nào。

其處有瘡即命良醫欲自療治。時有明醫善知方藥。

kỳ xử hữu sang tức mạng lương y dục tự liệu trị。thời hữu minh y thiện tri phương dược。

Nơi ấy có mụn nhọt, liền lệnh Lương y muốn tự chữa trị。Lúc ấy có thầy thuốc giỏi khéo biết phương thuốc,

即知是瘡因珠入體是珠入皮即便停住。

tức tri thị sang nhân châu nhập thể thị châu nhập bì tức tiện đình trụ。

liền biết mụn nhọt là do viên ngọc lún vào trong thân thể chính viên ngọc vào trong da liền lòi ra。

是時良醫尋問力士。卿額上珠為何所在。

thị thời lương y tầm vấn lực sĩ。khanh ngạch thượng châu vi hà sở tại。

Lúc ấy Lương y bỗng hỏi Lực sĩ: Viên ngọc trên trán của ngài vì sao ở chỗ này?

力士驚答大師醫王。我額上珠乃失去也。

lực sĩ kinh đáp Đại sư y Vương。ngã ngạch thượng châu nãi thất khứ dã。

Lực sĩ sợ hãi đáp Đại sư Y Vương, viên ngọc trên trán tôi mất,
是珠今者為何所在。將非幻化憂愁啼哭。

thị châu kim giả vi hà sở tại. tướng phi huyễn hóa ưu sầu đề khốc.
ví sao nay viên ngọc ấy ở chỗ này, chẳng phải huyễn hoá buồn lo khốc lóc.
是時良醫慰喻力士。汝今不應生大愁苦。

thị thời lương y úy dụ lực sĩ. nhữ kim bất ứng sanh Đại sầu khổ.
Lúc ấy Lương y an ủi bảo Lực sĩ: Ngài nay chớ nên sanh đại sầu khổ,
汝因鬪時寶珠入體今在皮裏影現於外。

nhữ nhân đấu thời bảo châu nhập thể kim tại bì lý ảnh hiện ư ngoại.
ngài trong lúc đấu tranh, viên ngọc chìm vào cơ thể, nay nằm ở trong da ảnh hiện ra bên
ngoài.

汝曹鬪時瞋恚毒盛珠陷入體故不自知。是時力士不信醫言。

nhữ tào đấu thời sân nhuế độc thịnh châu hãm nhập thể cố bất tự tri. thị thời lực sĩ bất tín
y ngôn。

Trong lúc ngài cùng địch đấu tranh thì lòng căm giận sân nhuế tràn ngập nên viên ngọc
vùi vào trong cơ thể mà không tự biết. Lúc ấy Lực sĩ không tin thầy thuốc liền nói rằng:
若在皮裏膿血不淨何緣不出。

nhược tại bì lý nùng huyết bất tịnh hà duyên bất xuất。

Nếu nằm ở trong da sao những thứ bất tịnh như máu, mủ không chảy ra?

若在筋裏不應可見。汝今云何欺誑於我。

nhược tại cân lý bất ứng khả kiến。nhữ kim vân hà khi cuống ư ngã。

Nếu nằm ở trong thớ thịt thì không có thể thấy. Tại sao ông nay lừa dối tôi?

時醫執鏡以照其面。珠在鏡中明了顯現。

thời y chấp kính dĩ chiếu kỳ diện。châu tại kính trung minh liễu hiển hiện

Lúc ấy thầy thuốc liền cầm gương để soi lên mặt Lực sĩ, viên ngọc hiển bày rõ rệt ở trong
gương.

力士見已心懷驚怪生奇特想。善男子。一切眾生亦復如是。

lực sĩ kiến dĩ tâm hoài kinh quái sanh kì đặc tưởng。thiện nam tử。nhất thiết chúng sanh
diệc phục như thị。

Lực sĩ thấy xong tâm lo lắng sanh tưởng lạ thường. Thiện nam tử, tất cả chúng sanh cũng
lại như vậy,

不能親近善知識故。雖有佛性皆不能見。

bất năng thân cận thiện tri thức cố. tuy hữu Phật tánh giai bất năng kiến.

không thường gần gũi với Thiện tri thức nên tuy có Phật tánh đều không thể thấy,
而為貪婬瞋恚愚癡之所覆蔽故。

nhi vi tham dâm sân nhuế ngu si chi sở phúc tế cố.

vì do tham dâm, sân nhuế, ngu si che lấp nên

墮地獄畜生餓鬼阿修羅旃陀羅刹利婆羅門毘舍首陀。

đọa Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ A-tu-La chiêm đà la sát lợi Bà-la-môn Tỳ-xá thủ đà.

bị đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-la, chiêm-đà-la, sát-lợi, Bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà,
生如是等種種家中。因心所起種種業緣。

sanh như thị đẳng chủng chủng gia trung. nhân tâm sở khởi chủng chủng nghiệp
duyên.

sanh vào trong tất cả các nhà như vậy. Nhân đó mà tâm khởi lên các loại nghiệp duyên.

雖受人身聾盲瘖瘂拘攣癡跛。

tuy thọ nhân thân lung manh âm á câu tích lung bảo.

Tuy thọ thân người nhưng chịu các quả báo đui, điếc, câm, ngọng, què chân, lưng gù
於二十五有受諸果報。貪婬瞋恚愚癡覆心不知佛性。

ư nhị thập ngũ hữu thọ chư quả báo. tham dâm sân nhuế ngu si phúc tâm bất tri Phật
tánh.

ở trong Hai mươi lăm hữu. Tham lam, dâm dục, sân nhuế, ngu si che lấp tâm nên không
biết Phật tánh.

如彼力士寶珠在體謂呼失去。眾生亦爾。

như bĩ lực sĩ bảo châu tại thể vị hô thất khứ. chúng sanh diệc nhĩ.

Như Lực sĩ kia viên ngọc nằm trong thân thể mà bảo là mất. Chúng sanh cũng vậy,
不知親近善知識故。不識如來微密寶藏。修學無我。喻如非聖。

bất tri thân cận thiện tri thức cố. bất thức Như-Lai vi mật bảo tạng. tu học vô ngã. dụ
như phi Thánh.

không biết gần gũi với Thiện tri thức, nên không nhận biết Bảo tạng vi mật của Như Lai, tu
học Vô ngã, dụ như chẳng phải Thánh.

雖說有我亦復不知我之真性我諸弟子亦復如是。不知親近善知識故。

tuy thuyết hữu ngã diệt phục bất tri ngã chi chân tánh ngã chư đệ-tử diệt phục như thị. bất tri thân cận thiện tri thức cố.

Tuy nói có Ngã cũng lại không biết được Chơn tánh của Ngã, các đệ tử của Ta cũng lại như vậy, không biết gần gũi với Thiện tri thức nên

修學無我亦復不知無我之處。尚自不知無我真性。

tu học vô ngã diệt phục bất tri vô ngã chi xử. thượng tự bất tri vô ngã chân tánh.

tu học Vô ngã cũng lại không biết chỗ của Vô ngã. Còn tự không biết Chơn tánh của Vô ngã,

況復能知有我真性。善男子。

huống phục năng tri hữu ngã chân tánh. thiện nam tử.

huống nữa lại có thể biết được Chơn tánh của hữu ngã. Thiện nam tử!

如來如是說諸眾生皆有佛性。

Như-Lai như thị thuyết chư chúng sanh giai hữu Phật tánh.

Như vậy Như Lai nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh,

喻如良醫示彼力士金剛寶珠。

dụ như lương y kì bỉ lực sĩ Kim cương bảo châu.

dụ như Lương y chỉ viên ngọc Kim cương cho Lực sĩ kia.

是諸眾生為諸無量億煩惱等之所覆蔽不識佛性。若盡煩惱爾時乃得證知了了。

thị chư chúng sanh vi chư vô lượng ức phiền não đặng chi sở phúc tế bất thức Phật tánh. nhược tận phiền não nhĩ thời nãi đắc chứng tri liễu liễu.

Chính vì các chúng sanh do vô lượng ức các phiền não v.v.. che lấp nên không nhận biết Phật tánh; nếu một lúc diệt hết phiền não liền được chứng biết rõ ràng.

如彼力士於明鏡中見其寶珠。善男子。

như bỉ lực sĩ ư minh kính trung kiến kỳ bảo châu. thiện nam tử.

Như Lực sĩ kia nhờ gương soi sáng nên thấy được viên ngọc. Thiện nam tử!

如來祕藏如是無量不可思議。

Như-Lai bí tạng như thị vô lượng bất khả tư nghị.

Mật tạng của Như Lai vô lượng như vậy không thể nghĩ bàn.

復次善男子。譬如雪山有一味藥。名曰樂味。

phục thứ thiện nam tử. thí như tuyết sơn hữu nhất vị dược. danh viết lạc vị.

Lại nữa Thiện nam tử! Ví như núi tuyết có một vị thuốc, gọi là vị Lạc,

其味極甜在深叢下人無能見。

kỳ vị cực đằm tại thâm tùng hạ nhân vô năng kiến。

vị ấy cực kì ngọt, nằm ở dưới núi sâu người không thể thấy,

有人聞香即知其地當有是藥。過去往世有轉輪王。

hữu nhân văn hương tức tri kỳ địa đương hữu thị dược。 quá khứ vãng thế hữu chuyển luân Vương。

có người nghe mùi hương liền biết ngay đất ấy có loại thuốc đó. Đồi quá khứ có Vua Chuyển Luân,

於此雪山為此藥故。

ư thử tuyết sơn vi thử dược cố。

ở nơi núi tuyết vì loại thuốc này nên

在在處處造作木筒以接是藥。是藥熟時從地流出集木筒中。其味真正。

tại tại xứ xứ tạo tác mộc đồng dĩ tiếp thị dược。 thị dược thực thời tòng địa lưu xuất tập mộc đồng trung。 kỳ vị chân chánh。

ở khắp nơi làm ống gỗ để đựng thuốc ấy, thuốc ấy đến mùa từ dưới đất mọc lên tập hợp lại trong ống gỗ, vị của nó chơn chánh.

王既歿已其後是藥。

Wương ký một dĩ kỳ hậu thị dược。

Sau khi Vua mất vị của thuốc ấy,

或醋或醎或甜或苦或辛或淡。如是一味隨其流處有種種異。

hoặc thổ hoặc hàm hoặc đằm hoặc khổ hoặc tân hoặc đạm。 như thị nhất vị tùy kỳ lưu xử hữu chủng chủng dị。

hoặc chua hoặc mặn hoặc ngọt hoặc đắng hoặc cay hoặc nhạt, nhất vị như vậy tùy theo chỗ thuốc mọc lên mà có các loại vị khác nhau.

是藥真味停留在山猶如滿月。

thị dược chân vị đình lưu tại sơn do như mãn nguyệt。

Chân vị của thuốc ấy lưu lại ở trong núi giông như mặt trăng tròn,

凡人薄福雖以鑿斷加功困苦而不能得。復有聖王出現於世。

phàm nhân bạc phúc tuy dĩ quắc chúc gia công khổn khổ nhi bất năng đắc。 phục hữu Thánh Vương xuất hiện ư thế。

nếu là người phước mỏng tuy gia công khổ khổ để cày bừa mà cũng không thể được. Lại có Thánh Vương xuất hiện ở đời,

以福因緣即得是藥真正之味。善男子。

dĩ phúc nhân duyên tức đắc thị dược chân chánh chi vị. thiện nam tử.

do Phước duyên liền được vị chơn chánh của loại thuốc ấy. Thiện nam tử!

如來祕藏其味亦爾。為諸煩惱叢林所覆。

Như-Lai bí tạng kỳ vị diệc nhĩ. vì chư phiền não rừng lâm sở phúc.

Bí tạng Như Lai thì hương vị của nó cũng như vậy, vì rừng rậm các phiền não che lấp
無明眾生不能得見。一味者喻如佛性。

vô minh chúng sanh bất năng đắc kiến. nhất vị giả dụ như Phật tánh.

nên chúng sanh vô minh không thể thấy được. Nhất vị là dụ như Phật tánh,

以煩惱故出種種味。所謂地獄畜生餓鬼天人。

dĩ phiền não cố xuất chủng chủng vị. sở vị Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ Thiên Nhơn.

nhưng do phiền não nên tạo nhiều vị; đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thiên, nhơn,
男女非男非女。剎利婆羅門毘舍首陀。

nam nữ phi nam phi nữ. sát lợi Bà-la-môn Tỳ-xá thủ đà.

nam, nữ, chẳng phải nam, chẳng phải nữ, Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà.

佛性雄猛難可沮壞。是故無有能殺害者。

Phật tánh hùng mãnh nan khả tự hoại. thị cố vô hữu năng sát hại giả.

Phật tánh hùng mãnh khó có thể phá hoại, vì vậy không có thể sát hại được, 若有殺者則
斷佛性。如是佛性終不可斷性若可斷。

nhược hữu sát giả tắc đoạn Phật tánh. như thị Phật tánh chung bất khả đoạn tánh nhược
khả đoạn.

nếu có sát hại tức là đoạn mất Phật tánh. Như vậy Phật tánh hoàn toàn không thể đoạn
mất, Tánh nếu có thể đoạn mất

無有是處。如我性者即是如來祕密之藏。

vô hữu thị xứ. như ngã tánh giả tức thị Như-Lai bí mật chi tạng.

thì không có nơi này. Như Ngã tánh tức chính là Tạng Bí mật của Như Lai.

如是祕藏一切無能沮壞燒滅。雖不可壞然不可見。

như thị bí tạng nhất thiết vô năng tự hoại thiêu diệt. tuy bất khả hoại nhiên bất khả kiến.

Như vậy Bí tạng tất cả không thể phá hoại, không thể thiêu diệt. Tuy không thể hoại nhưng không thể thấy,

若得成就阿耨多羅三藐三菩提爾乃證知。

nhược đắc thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề nhĩ nãi chứng tri.

nếu được thành tựu A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề vậy mới chứng biết,

以是因緣無能殺者。

dĩ thị nhân duyên vô năng sát giả.

do nhân duyên này nên không thể sát hại.

迦葉菩薩復白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,

若無殺者應當無有不善之業。

nhược vô sát giả ứng đương vô hữu bất thiện chi nghiệp。

nếu không sát hại nên không có nghiệp Bất thiện?

佛告迦葉。實有殺生。何以故。善男子。

Phật cáo Ca-diếp。 thật hữu sát sanh。 hà dĩ cố。 thiện nam tử。

Phật nói với Ca-diếp: Thật sự có sát sanh! Vì sao? Này Thiện nam tử!

眾生佛性住五陰中。若壞五陰名曰殺生。

chúng sanh Phật tánh trụ ngũ uẩn trung。 nhược hoại ngũ uẩn danh viết sát sanh。

Vì Phật tánh chúng sanh trú trong năm ấm, nếu phá hoại năm ấm gọi là sát sanh.

若有殺生即墮惡趣。

nhược hữu sát sanh tức đọa ác thú。

Nếu có sát sanh tức đọa đường ác.

以業因緣而有剎利婆羅門等毘舍首陀及旃陀羅。若男若女非男非女。

dĩ nghiệp nhân duyên nhi hữu sát lợi Bà-la-môn đẳng Tì-xá thủ đà cập chiên đà la。 nhược nam nhược nữ phi nam phi nữ。

Do nhân duyên nghiệp mà có Sát-lợi, Bà-la-môn v.v.. Tỳ-xá, Thủ-đà và Chiên-đà-la, hoặc nam hoặc nữ, chẳng phải nam, chẳng phải nữ,

二十五有差別之相流轉生死。

nhị thập ngũ hữu sai biệt chi tướng lưu chuyển sanh tử。

tướng sai biệt lưu chuyển sanh tử trong Hai mươi lăm hữu,

非聖之人橫計於我大小諸相。

phi Thánh chi nhân hoành kế ư ngã Đại tiểu chư tướng。

chẳng phải Thánh nhân ngang tính các tướng lớn nhỏ nơi Ngã.

猶如稗子或如米豆乃至母指。如是種種妄生憶想。

do như bậy tử hoặc như mẽ đậu nãi chí mẫu chỉ. như thị chủng chủng vọng sanh ức tưởng。

Giống như cỏ kê hoặc như lúa đậu cho đến ngón tay, ngón chân cái. Các loại như vậy vọng sanh tưởng nhớ,

妄想之相無有真實。出世我相名為佛性。

vọng tưởng chi tướng vô hữu chân thật. xuất thế ngã tướng danh vi Phật tánh。

tướng vọng tưởng không có chân thật, tướng Ngã xuất thế gọi là Phật tánh.

如是計我是名最善。

như thị kế ngã thị danh tối thiện。

Như vậy Kế Ngã chính là Thiện tối thắng.

復次善男子。譬如有人善知伏藏。

phục thứ thiện nam tử. thí như hữu nhân thiện tri phục tạng。

Lại nữa Ca-diếp! Thí như có người khéo biết chỗ cất kho tàng,

即取利鑿斷地直下磐石沙礫直過無難。

tức thủ lợi quắc chúc địa trực hạ bàn thạch sa lịch trực quá vô nan。

liền lấy bừa sắc bừa đất thẳng xuống dưới tảng đá thẳng qua cát sạn không khó khăn, 唯至金剛不能穿徹。夫金剛者所有刀斧不能沮壞。

duy chí Kim cương bất năng xuyên triệt. phu Kim cương giả sở hữu đao phủ bất năng tự hoại。

duy chỉ kim cương không thể xuyên thủng. Phàm là Kim cương thì đao, búa không thể ngăn cản phá hoại được.

善男子。眾生佛性亦復如是。

thiện nam tử. chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị。

Ca-diếp! Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy,

一切論者天魔波旬及諸人天所不能壞。五陰之相即是起作。

nhất thiết luận giả Thiên Ma ba tuần cập chư nhân Thiên sở bất năng hoại. ngũ uẩn chi tướng tức thị khởi tác。

tất cả luận thuyết của thiên ma Ba-tuần và chúng trời, người không thể phá hoại được.
Tướng năm ẩm tức là tướng tạo khởi,
起作之相喻如石沙可穿可壞。
khởi tác chi tướng dụ như thạch sa khả xuyên khả hoại。
tướng tạo khởi dụ như cát sạn có thể xuyên qua, có thể phá hoại。
佛性者喻如金剛不可沮壞。
Phật tánh giả dụ như Kim cương bất khả tự hoại。
Phật tánh dụ như Kim cương không thể cản trở phá hoại。
以是義故壞五陰者名為殺生。善男子。必定當知佛法如是不可思議。
dĩ thị nghĩa cố hoại ngũ uẩn giả danh vi sát sanh. thiện nam tử. tất định đương tri Phật
Pháp như thị bất khả tư nghị。
Do nghĩa ấy nên phá tan năm ẩm gọi là sát sanh. Thiện nam tử! Nhất định phải biết Phật
pháp như thế đó không thể nghĩ bàn.

大般涅槃經卷第七

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thất

Kinh Đại Bát Niết-bàn

Quyển Thứ Bảy.

臥灰土上。自墜高巖。投淵赴火。

ngọa hôi độ thượng. tự trụ cao nham. đầu yên phó hỏa。

Nằm trên tro đất, từ núi cao rơi xuống chạy đến vực lửa,

五熱炙身。臥棘刺上。淘糠飲汁。服毒斷食。

ngũ nhiệt chích thân. ngọa cực thứ thượng. đào khang ẩm trấp. phục độc đoạn thực。

năm nhiệt thiêu thân, nằm trên cây gai, đào trấu uống nước, uống độc đoạn tuyệt ăn

uống,

殺害眾生。故弄師子。呪術方道。旃陀羅種。

sát hại chúng sanh. cố lộng Sư-tử. chú thuật phương đạo. chiêm đà la chủng。

sát hại chúng sanh, cố làm ra dáng Sư tử, hành nghề bùa chú, dòng giống chiêm-đà-la,

二根無根二根合一。悉聽為道。斷五種味。

nhị căn vô căn nhị căn hợp nhất. tất thính vi đạo. đoạn ngũ chủng vị.

hai căn không căn, hai căn hợp một, tất cả đều thuận làm đạo, đoạn mất năm vị,
乳酪酪漿生酥熟酥油蜜之等。

nhũ lạc lạc tương sanh tô thực tô du mật chi đẳng.

tất cả các vị sữa, lạc, lạc tương, sanh tô, thực tô, dầu mật v.v..

聽著繒綵以軻為跋。一切穀米草木之類皆有壽命。

thính trước tăng thải dĩ kha vi bạt. nhất thiết cốc mễ thảo mộc chi loại giai hữu thọ
mạng。

cho mặc tơ lụa dùng xe để đi, tất cả các loại lúa, gạo, cỏ cây đều có mạng sống.

佛說是已便入涅槃。如是說者即是魔說。

Phật thuyết thị dĩ tiện nhập Niết-Bàn. như thị thuyết giả tức thị ma thuyết.

Phật nói vậy xong liền nhập Niết-bàn. Lời thuyết như vậy chính là lời Ma nói.

若言如來不聽比丘。常翹一脚寂默不言。

nhược ngôn Như-Lai bất thính Tỳ-kheo. thường kiêu nhất cước tịch mặc bất ngôn.

Nếu nói Như Lai không cho Tỳ-kheo, thường co lên một chân im lặng không nói,

臥灰土上。自墜高巖。投淵赴火。五熱炙身。

ngọa hôi độ thượng. tự trụ cao nham. đầu yên phó hỏa. ngũ nhiệt chích thân.

nằm trên đất lạnh, tự nhảy từ núi cao, chạy đến vực lửa, năm nhiệt thiêu thân,

臥棘刺上。淘糠飲汁。服毒斷食。

ngọa cước thứ thượng. đào khang ẩm trấp. phục độc đoạn thực.

nằm trên cây gai, đào trấu uống nước, uống độc đoạn tuyệt ăn uống,

殺害眾生。故弄師子。呪術方道。旃陀羅種。

sát hại chúng sanh. cố lộng Sư-tử. chú thuật phương đạo. chiêm đà la chủng.

sát hại chúng sanh, cố làm ra dáng Sư tử, hành nghề bùa chú, dòng giống chiêm-đà-la,

二根無根。二根合者。不聽為道。聽服五種。

nhị căn vô căn. nhị căn hợp giả. bất thính vi đạo. thính phục ngũ chủng.

hai căn không căn, hai căn hợp một, không cho làm đạo, cho uống năm loại;

乳酪酪漿酥油蜜等。

nhũ lạc lạc tương tô du mật đẳng.

sữa, lạc lạc, tương, dầu, mật v.v..,

不聽受著繒綵衣服以軻為跋。穀米草木無命無我。非眾生數。

bất thính thọ trú tăng thái y phục dĩ kha vi bạt. cốc mễ thảo mộc vô mạng vô ngã. phi chúng sanh số.

không cho thọ mặc y phục bằng tơ lụa dùng xe để đi, lúa gạo cỏ cây không có mạng sống, Vô ngã, chẳng phải trong số chúng sanh,

若有能作如是說者。是我弟子。若不能者。

nhược hữu năng tác như thị thuyết giả. thị ngã đệ-tử. nhược bất năng giả.

nếu có người thường làm theo lời nói như vậy, chính là đệ tử của Ta, nếu không như vậy thì

當知即是外道弟子。如是經律是佛所說。

đương tri tức thị ngoại đạo đệ-tử. như thị Kinh luật thị Phật sở thuyết.

nên biết đó chính là đệ tử của ngoại đạo. Kinh luật như vậy chính là do Phật thuyết, 若有隨順魔所說者。是魔眷屬。

nhược hữu tùy thuận ma sở thuyết giả. thị ma quyến thuộc.

nếu có người tùy thuận theo lời ma nói tức là bà con của ma,

若能隨順 佛所說者。是名菩薩。

nhược năng tùy thuận Phật sở thuyết giả. thị danh Bồ-tát.

nếu có người thuận theo lời Phật nói thì gọi là Bồ-tát.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:06:17 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:06:17 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====
=====
=====
=====
=====
=====

大般涅槃經卷第八

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ bát

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ BÁT

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Đời Bắc Lương, Tam tạng Sư Đàm Vô Sấm, người Thiên Trúc dịch.

如來性品第四之五

Như Lai tánh phẩm đệ tứ chi ngũ

Phần Năm, Phẩm Thứ Tư: NHƯ LAI TÁNH

善男子。方等經者。猶如甘露亦如毒藥。

thiện nam tử. phương đẳng Kinh giả. do như cam lộ diệc như độc dược.

Thiện nam tử! Kinh Phương Đẳng giống như cam lộ, cũng như thuốc độc.

迦葉菩薩復白佛言。如來何緣說方等經。

Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn. Như Lai hà duyên thuyết phương đẳng Kinh.

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Như Lai vì nhân duyên gì mà nói Kinh Phương Đẳng
譬如甘露亦如毒藥。

thí như cam lộ diệc như độc dược.

cũng như cam Lộ cũng như thuốc độc?

佛言。善男子。汝今欲知如來祕藏真實義不。

Phật ngôn thiện nam tử nễ kim dục tri Như Lai bí tạng chân thật nghĩa bất.

Phật dạy: Này thiện nam tử! Ông nay muốn biết nghĩa chân thật về Bí tạng của Như Lai
chăng?

迦葉言爾。我今實欲得知如來祕藏之義。

Ca-diếp ngôn nhĩ. ngã kim thật dục đắc tri Như Lai bí tạng chi nghĩa.

Ca-diếp thưa rằng: Con nay muốn được biết nghĩa Bí Tạng của Như Lai.

爾時世尊而說偈言。

nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn.

Lúc bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ rằng:

或有服甘露 傷命而早夭

hoặc hữu phục cam lộ thương mạng nhi tảo yêu

Hoặc có uống Cam lộ Tồn mạng mà chết sớm

或復服甘露 壽命得長存

hoặc phục phục cam lộ thọ mạng đắc trường tồn

Hoặc lại uống Cam Lộ Thọ mạng được dài lâu

或有服毒生 有緣服毒死

hoặc hữu phục độc sanh hữu duyên phục độc tử

Hoặc uống độc mà sống Có duyên uống độc chết

無礙智甘露 所謂大乘典

vô ngại trí cam lộ sở vị Đại thừa điển

Vô ngại trí Cam lộ Đó là Kinh Đại thừa

如是大乘典 亦名雜毒藥
 như thị Đại thừa điển diệc danh tạp độc dược
 Như vậy Kinh Đại thừa Cũng gọi thuốc tạp độc
 如酥醍醐等 及以諸石蜜
 như tô đề hồ đẳng cập dĩ chư thạch mật
 Như tô cùng đề hồ Và các loại mật khác
 服消則為藥 不消則為毒
 phục tiêu tắc vi dược bất tiêu tắc vi độc
 Uống lành bệnh là thuốc Chẳng lành bệnh là độc
 方等亦如是 智者為甘露
 phương đẳng diệc như thị trí giả vi cam lộ
 Phương Đẳng cũng như vậy Trí giả là Cam lộ
 愚不知佛性 服之則成毒
 ngu bất tri Phật tánh phục chi tắc thành độc
 Ngu không biết Phật tánh Uống vào thành thuốc độc
 聲聞及緣覺 大乘為甘露
 Thanh Văn cập Duyên Giác Đại thừa vi cam lộ
 Thanh văn và Duyên giác Đại thừa là Cam lộ
 猶如諸味中 乳最為第一
 do như chư vị trung nhũ tối vi đệ nhất
 Giống như trong các vị Sữa là tối hơn hết
 如是勤精進 依因於大乘
 như thị tinh cần tinh tấn y nhân ư Đại thừa
 Như vậy cần tinh tấn Nương vào nhân đại thừa
 得至於涅槃 成人中象王
 đắc chí ư Niết-bàn thành nhân trung Tượng Vương
 Được đến ở Niết-bàn Thành Vương tượng trong loài người
 眾生知佛性 猶如迦葉等
 chúng sanh tri Phật tánh do như Ca-diếp đẳng
 Chúng sanh biết Phật tánh Giống như Ngài Ca-diếp v.v..
 無上甘露味 不生亦不死

vô thượng cam lộ vị bất sanh diệc bất tử
 Vị Cam lộ Vô thượng Chẳng sanh cũng chẳng chết
 迦葉汝今當 善分別三歸
 Ca-diếp nhữ kim đương thiện phân biệt tam quy
 Ca-diếp nay ông sẽ Khéo phân biệt Tam quy
 如是三歸性 則是我之性
 như thị tam quy tánh tắc thị ngã chi tánh
 Tánh Tam quy như vậy Thời là tánh của Ngã
 若能諦觀察 我性有佛性
 nhược năng để quan sát ngã tánh hữu Phật tánh
 Nếu có thể quán sát Ngã tánh có Phật tánh
 當知如是人 得入祕密藏
 đương tri như thị nhân đắc nhập bí mật tạng
 Phải biết người như vậy Được vào Bí Mật Tạng
 知我及我所 是人已出世
 tri ngã cập ngã sở thị nhân dĩ xuất thế
 Biết Ngã và ngã sở Là người đã xuất thế
 佛法三寶性 無上第一尊
 Phật Pháp Tam Bảo tánh vô thượng đệ nhất tôn
 Tánh Phật pháp Tam Bảo Tôn quý không gì hơn
 如我所說偈 其性義如是
 như ngã sở thuyết kệ kỳ tánh nghĩa như thị
 Như chỗ Ta nói kệ Tánh ấy nghĩa như vậy.
 爾時迦葉復說偈言。
 nhĩ thời Ca-diếp phục thuyết kệ ngôn。
 Lúc bấy giờ Ca-diếp lại nói kệ rằng:
 我今都不知 歸依三寶處
 ngã kim đô bất tri quy y Tam Bảo xứ.
 Con nay đều không biết Quy y nơi Tam Bảo
 云何當歸趣 無上無所畏
 vân hà đương quy thú vô thượng vô sở úy

Thế nào sẽ về đến Vô Thượng Vô Sở Úy?
 不知三寶處 云何作無我
 bất tri Tam Bảo xử vân hà tác vô ngã
 Tam Bảo mà không biết Làm sao tu Vô ngã?
 云何歸佛者 而得於安慰
 vân hà quy Phật giả nhi đắc ư an úy
 Quy y Phật thế nào Mà được tâm an ổn?
 云何歸依法 唯願為我說
 vân hà quy y Pháp duy nguyện vì ngã thuyết
 Quy y Pháp thế nào Xin Phật vì con nói
 云何得自在 云何不自在
 vân hà đắc tự tại vân hà bất tự tại
 Làm sao được tự tại Làm sao không tự tại?
 云何歸依僧 轉得無上利
 vân hà quy y tăng chuyển đắc vô thượng lợi
 Quy y Tăng thế nào Lại được lợi vô thượng?
 云何真實說 未來成佛道
 vân hà chân thật thuyết vị lai thành Phật đạo
 Làm sao nói chân thật Đòi sau thành Phật đạo?
 未來若不成 云何歸三寶
 vị lai nhược bất thành vân hà quy Tam Bảo
 Đòi sau nếu không thành Làm sao quy Tam Bảo?
 我今無預知 當行次第依
 ngã kim vô dự tri đương hành thứ đệ y
 Con nay không dự biết Nên tuân tự Quy y
 云何未懷妊 而作生子想
 vân hà vị hoài nhâm nhi tác sanh tử tưởng
 Thế nào chưa thai nghén Mà tưởng sẽ sanh con?
 若必在胎中 則名為有子
 nhược tất tại thai trung tắc danh vi hữu tử
 Nếu hẳn ở trong thai Thời gọi là có con

子若在胎中 定當生不久
 tử nhược tại thai trung định đương sanh bất cửu
 Nếu con ở trong thai Quyết sẽ sanh không lâu
 是名為子義 眾生業亦然
 thị danh vi tử nghĩa chúng sanh nghiệp diệc nhiên
 Nghĩa đó gọi là con. Nghiệp chúng sanh cũng vậy
 如佛之所說 愚者不能知
 như Phật chi sở thuyết ngu giả bất năng tri
 Như chỗ Phật vừa nói Người ngu không thể biết
 以其不知故 輪迴生死獄
 dĩ kỳ bất tri cố Luân hồi sanh tử ngục
 Do vì ngu không biết Luân hồi ngục sanh tử
 假名優婆塞 不知真實義
 giả danh Ưu bà tắc bất tri chân thật nghĩa
 Giả danh Ưu-bà-tắc Chẳng biết nghĩa chân thật
 唯願廣分別 除斷我疑網
 duy nguyện quảng phân biệt trừ đoạn ngã nghi võng
 Xin Phật rộng phân biệt Dứt trừ lưới nghi con
 如來大智慧 唯垂哀分別
 Như Lai Đại trí tuệ duy thùỳ ai phân biệt
 Như Lai trí tuệ lớn Xin thương vì phân biệt
 願說於如來 祕密之寶藏
 nguyện thuyết ư Như Lai bí mật chi bảo tạng
 Nguyện nói ở Như Lai Về Bí Mật Bảo Tạng.
 迦葉汝當知 我今當為汝
 Ca-diếp nhữ đương tri ngã kim đương vi nhữ
 Ca-diếp ông nên biết Ta nay sẽ vì ông
 善開微密義 令汝疑得斷
 thiện khai vi mật nghĩa lệnh nhữ nghi đắc đoạn
 Khéo mở Tạng Bí Mật Cho ông được dứt nghi
 今當至心聽 汝於諸菩薩
 今當至心聽 汝於諸菩薩

kim đương chí tâm thính nhữ ư chư Bồ-tát
Nay phải hết lòng nghe: Ông trong hàng Bồ-tát
則與第七佛 同其一名號
tắc dữ đệ thất Phật đồng kỳ nhất danh hiệu
Vói đức Phật thứ bảy Thời đồng một danh hiệu
歸依於佛者 真名優婆塞
quy y ư Phật giả chân danh Ưu bà tắc
Người Quy y nơi Phật Thiệt là Ưu-bà-tắc
終不更歸依 其餘諸天神
chung bất canh quy y kỳ dư chư Thiên Thần
Trọn không còn quy y Trời Thần nào khác nữa
歸依於法者 則離於殺害
quy y ư Pháp giả tắc ly ư sát hại
Người Quy y nơi Pháp Thời lìa xa giết hại
歸依聖僧者 不求於外道
quy y Thánh tăng giả bất cầu ư ngoại đạo
Người Quy y Thánh Tăng Chẳng cầu các ngoại đạo
如是歸三寶 則得無所畏
như thị quy Tam Bảo tắc đắc vô sở úy
Quy Tam Bảo như vậy Thời chẳng còn lo sợ.
迦葉白佛言 我亦歸三寶
Ca-diếp bạch Phật ngôn ngã diệc quy Tam Bảo
Ca-diếp bạch Phật rằng Con cũng quy Tam Bảo
是名為正路 諸佛之境界
thị danh vi chánh lộ chư Phật chi cảnh giới
Đây gọi là đường chánh Cảnh giới của chư Phật
三寶平等相 常有大智性
Tam Bảo bình đẳng tướng thường hữu Đại trí tánh
Tướng Tam Bảo bình đẳng Thường có tánh trí tuệ
我性及佛性 無二無差別
ngã tánh cập Phật tánh vô nhị vô sai biệt

Tánh ngã và Phật tánh Không hai cũng không khác

是道佛所讚 正進安止處

thị đạo Phật sở tán chánh tiến an chỉ xứ

Đó là đạo Phật khen Thẳng đến chỗ ở an

亦名正遍見 故為佛所稱

diệc danh chánh biến kiến cố vi Phật sở xưng

Cũng gọi Chánh biến kiến Nên được Phật xưng tán

我亦趣善逝 所讚無上道

ngã diệc thú thiện thế sở tán vô thượng đạo

Con cũng đến Phật đạo Của đức Phật ngợi khen

是最為甘露 諸有所無有

thị tối vi cam lộ chư hữu sở vô hữu

Là Cam Lộ tối thượng Các cõi chỗ không có.

爾時佛告迦葉菩薩。善男子。

nhĩ thời Phật cáo Ca-diếp Bồ-tát。thiện nam tử。

Lúc bấy giờ Phật dạy Bồ-tát Ca-diếp: Này thiện nam tử!

汝今不應如諸聲聞凡夫之人分別三寶於此大乘無有三歸

nhữ kim bất ứng như chư thanh văn phàm phu chi nhân phân biệt Tam Bảo ư thử Đại

thừa vô hữu tam quy

Ông nay chẳng nên như hàng phàm phu Thanh Văn mà phân biệt Tam Bảo. Đối với Đại

thừa này không có tướng Tam quy

分別之相。所以者何。於佛性中即有法僧。

phân biệt chi tướng。sở dĩ giả hà。ư Phật tánh trung tức hữu Pháp tăng。

sai khác. Vì sao vậy? Vì ở trong Phật tánh đã có Pháp và Tăng.

為欲化度聲聞凡夫故分別說三歸異相。

vi dục hóa độ thanh văn phàm phu cố phân biệt thuyết tam quy dị tướng。

Nhân Phật muốn hóa độ hàng Thanh Văn và phàm phu nên phân biệt nói tướng Tam quy

sai khác.

善男子。若欲隨順世間法者。

thiện nam tử。nhược dục tùy thuận thế gian Pháp giả。

Này thiện nam tử! Nếu muốn tùy thuận pháp thế gian ấy

則應分別有三歸依。善男子。菩薩應作如是思惟。

tắc ứng phân biệt hữu tam quy y. thiện nam tử. Bồ-tát ứng tác như thị tư duy。

phải nên phân biệt có ba pháp Quy y. Nay thiện nam tử! Bồ-tát phải nên suy nghĩ như thế này:

我今此身歸依於佛。若即此身得成佛道。

ngã kim thử thân quy y ư Phật nhược tức thử thân đắc thành Phật đạo。

Nay thân của ta đây quy y nơi Phật, nếu từ thân này được thành Phật đạo,

既成佛已不當恭敬禮拜供養於諸世尊。何以故。

ký thành Phật dĩ bất đương cung kính lễ bái cung dưỡng ư chư Thế Tôn hà dĩ cố。

đã thành Phật rồi, chẳng nên cung kính lễ bái, cúng dưỡng các đức Thế Tôn. Vì sao vậy?

諸佛平等為眾生作歸依故。若欲尊重法身舍利。

chư Phật bình đẳng vị chúng sanh tác quy y cố nhược dục tôn trọng Pháp thân Xá lợi。

Chư Phật bình đẳng, khắp vì chúng sanh làm chỗ quy y; nếu muốn tôn trọng Pháp thân, Xá lợi

便應禮敬諸佛塔廟。所以者何。

tiện ứng lễ kính chư Phật tháp miếu sở dĩ giả hà。

thì nên lễ bái cung kính tháp miếu chư Phật. Vì sao như vậy?

為欲化度諸眾生故。

vị dục hóa độ chư chúng sanh cố。

Vì muốn hóa độ các chúng sanh,

亦令眾生於我身中起塔廟想禮拜供養。如是眾生以我法身為歸依處。

diệc lệnh chúng sanh ư ngã thân trung khởi tháp miếu tưởng lễ bái cung dưỡng。 như thị chúng sanh dĩ ngã Pháp thân vi quy y xứ。

cũng làm cho chúng sanh đối với thân của Ta, tưởng là tháp miếu mà lễ bái cúng dưỡng.

Những chúng sanh như vậy lấy Pháp thân của Ta làm chỗ quy y.

一切眾生皆依非真邪偽之法。我當次第為說真法。

nhất thiết chúng sanh giai y phi chân tà ngụy chi Pháp。 ngã đương thứ đệ vi thuyết chân Pháp。

Hết thầy chúng sanh đều nương theo pháp tà ngụy chẳng chân thật, Ta sẽ vì họ mà nói Pháp chân thật;

又有歸依非真僧者。我當為作依真僧處。

hựu hữu quy y phi chân tăng giả. ngã đương vi tác y chân tăng xử.

nếu lại có chúng sanh nương theo phái chẳng phải chân Tăng, Ta sẽ vì họ mà làm chỗ chân Tăng để chúng quy y;

若有分別三歸依者。

nhược hữu phân biệt tam quy y giả.

nếu có người phân biệt ba pháp quy y,

我當為作一歸依處無三差別。於生盲眾為作眼目。

ngã đương vi tác nhất quy y xử vô tam sai biệt. ư sanh manh chúng vi tác nhãn mục.

Ta sẽ vì họ mà làm chỗ quy y duy nhất, chẳng có ba sai khác. Đối với chúng sanh mù lòa, ta sẽ vì họ mà làm mắt sáng,

復當為諸聲聞緣覺作真歸處。善男子。如是菩薩。

phục đương vi chư Thanh Văn, Duyên Giác tác chân quy xử. thiện nam tử. như thị Bồ-tát.

Ta lại sẽ vì hàng Thanh văn, Duyên giác mà chân thật quy y. Này thiện nam tử! Như vậy, Bồ-tát

為無量惡諸眾生等及諸智者而作佛事。

vi vô lượng ác chư chúng sanh đẳng cập chư trí giả nhi tác Phật sự.

vì vô lượng chúng sanh xấu ác và những người trí mà làm Phật sự.

善男子。譬如有人臨陣戰時即生心念。

thiện nam tử thí như hữu nhân lâm trận chiến thời tức sanh tâm niệm.

Này thiện nam tử! Thí như có người lúc ra trận chiến đấu, tâm liền nghĩ rằng:

我於是中為第一。一切兵眾悉依恃我。

ngã ư thị trung tối vi đệ nhất. nhất thiết binh chúng tất y thị ngã.

Trong đội ngũ này đây, Ta là người thứ nhất, hết thảy binh sĩ đều nương cậy vào Ta,亦如王子如是思惟。

diệc như Vương tử như thị tư duy.

ũng như vương tử suy nghĩ như vậy:

我當調伏其餘王子紹繼大王霸王之業而得自在。令諸王子悉見歸依。

ngã đương điều phục kỳ dư Vương tử thiệu kế Đại Vương bá Vương chi nghiệp nhi đắc tự tại. linh chư Vương tử tất kiến quy y.

Ta sẽ điều phục các vương tử khác nối ngôi Đại vương, giữ gìn nghiệp bá chủ để được tự tại, khiến các vương tử thấy đều phải nương tựa,

是故不應生下劣心。如王王子大臣亦爾。

thị cố bất ứng sanh hạ liệt tâm như Vương Vương tử Đại Thần diệc nhĩ.

vì vậy không nên sanh tâm hạ liệt. Như vua, các vương tử và các quan cũng như vậy.

善男子。菩薩摩訶薩亦復如是。作是思惟。

thiện nam tử. Bồ-tát Ma-Ha tát diệc phục như thị tác thị tư duy.

Này thiện nam tử! Bồ-tát Ma-ha-tát lại cũng như vậy, phải suy nghĩ như thế này:

云何三事與我一體。善男子。我示三事即是涅槃。

vân hà tam sự dữ ngã nhất thể thiện nam tử ngã kì tam sự tức thị Niết-bàn.

Vì sao ba việc cùng với ta đồng một thể. Này thiện nam tử! Ta bảo ba việc tức là Niết-bàn.

如來者名無上士。譬如人身頭最為上。

Như Lai giả danh Vô-thượng-Sĩ thí như nhân thân đầu tối vi thượng.

Như Lai ấy, gọi là Vô Thượng Sĩ. Thí như trong thân người thì đầu là trên hết,

非餘支節手足等也。佛亦如是最為尊上。

phi dư chi tiết thủ túc đẳng dã Phật diệc như thị tối vi tôn thượng.

chẳng phải tay chân lóng đốt. Phật cũng như vậy, là bậc Tối tôn,

非法僧也。為欲化度諸世間故。

phi Pháp tăng dã vị dục hóa độ chư thế gian cố.

chẳng phải Pháp và Tăng vậy. Vì muốn hóa độ thế gian nên

種種示現差別之相如彼梯橙。

chủng chủng thị hiện sai biệt chi tướng như bỉ thê chanh.

thị hiện các tướng sai khác ví như bậc thang kia,

是故汝今不應受持如凡愚人所知三歸差別之相。

thị cố nhữ kim bất ứng thọ trì như phạm ngu nhân sở tri tam quy sai biệt chi tướng.

vì thế ông không nên như hàng phạm phu nhận biết sai biệt tướng của ba pháp quy y,

汝於大乘猛利決斷應如剛刀。迦葉菩薩白佛言。世尊。

nhữ ư Đại thừa mãnh lợi quyết đoạn ứng như cương đao Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

đối với Đại thừa ông phải như đao bén mạnh mẽ quyết đoán. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

我知故問非為不知。我為菩薩大勇猛者。

ngã tri cố vấn phi vị bất tri ngã vị Bồ-tát Đại dũng mãnh giả。

Con vẫn biết, nhưng cố ý hỏi, chẳng phải không biết. Con vì các vị Bồ-tát đại dũng mãnh ấy

問於無垢清淨行處。

vấn ư vô cấu thanh tịnh hành xứ。

mà bạch hỏi chỗ thực hành thanh tịnh không như,

欲令如來為諸菩薩廣宣分別奇特之事。稱揚大乘方等經典。

dục linh Như Lai vì chư Bồ-tát quảng tuyên phân biệt kì đặc chi sự。 xưng dương Đại thừa phương đẳng Kinh điển。

muốn Như Lai vì các Bồ-tát mà rộng tuyên bày phân biệt những việc kỳ đặc, tuyên dương kinh điển Đại thừa Phương Đẳng.

如來大悲今已善說。我亦如是安住其中。所說菩薩清淨行處。

Như Lai Đại bi kim dĩ thiện thuyết ngã diệc như thị an trú kỳ trung sở thuyết Bồ-tát thanh tịnh hành xứ。

Đức Đại bi Như Lai hôm nay khéo giải thuyết, con cũng như vậy mà an trú ở trong đó để nói. Chỗ thực hành thanh tịnh của Bồ-tát mà Phật đã nói đó, 即是宣說大涅槃經。世尊。

tức thị tuyên thuyết Đại Niết-bàn Kinh。 Thế Tôn。

tức là tuyên thuyết Kinh Đại Niết-bàn. Bạch đức Thế Tôn!

我今亦當廣為眾生顯揚如是如來祕藏。亦當證知真三歸處。

ngã kim diệc đương quảng vị chúng sanh hiển dương như thị Như Lai bí tạng, diệc đương chứng tri chân tam quy xứ。

Con nay cũng sẽ vì chúng sanh hiển dương rộng rãi Bí tạng này của Như Lai, cũng sẽ chứng tỏ cho họ biết ba chỗ quy y chân thật.

若有眾生能信如是大涅槃經。

nhược hữu chúng sanh năng tín như thị Đại Niết-bàn Kinh。

Nếu có chúng sanh có thể tin Kinh Đại Bát Niết-bàn này thì 其人則能自然了達三歸依處。何以故。

kỳ nhân tắc năng tự nhiên liễu đạt tam quy y xứ hà dĩ cố。

người đó có thể tự nhiên rõ thấu ba pháp Quy y. Vì sao?

如來祕藏有佛性故。其有宣說是經典者。皆言身中盡有佛性。

Như Lai bí tạng hữu Phật tánh cố kỳ hữu tuyên thuyết thị Kinh điển giả giai ngôn thân trung tận hữu Phật tánh。

Vì Bí tạng của Như Lai có Phật tánh vậy. Người đó có tuyên nói Kinh điển này, thời đều nói rằng trong thân vẫn có Phật tánh,

如是之人則不遠求三歸依處。何以故。

như thị chi nhân tắc bất viễn cầu tam quy y xứ。 hà dĩ cố。

người này liền chẳng cầu ba pháp Quy y nơi đâu xa. Vì sao vậy?

於未來世我身即當成就三寶。

ư vị lai thế ngã thân tức đương thành tựu Tam Bảo。

Vì ở đời vị lai, thân ta đây liền sẽ thành tựu ngôi Tam Bảo,

是故聲聞緣覺之人及餘眾皆依於我恭敬禮拜。善男子。

thị cố Thanh Văn, Duyên Giác chi nhân cập dư chúng sanh giai y ư ngã cung kính lễ bái。 thiện nam tử。

cho nên hàng Thanh văn, Duyên giác và các chúng sanh khác đều nương nơi ta mà cung kính lễ bái. Nay thiện nam tử!

以是義故應當正學大乘經典。迦葉復言。

dĩ thị nghĩa cố ứng đương chánh học Đại thừa Kinh điển Ca-diếp phục ngôn。

Do nghĩa đó nên nay ông phải khéo học Kinh điển Đại thừa. Ca-diếp lại nói:

佛性如是不可思議。

Phật tánh như thị bất khả tư nghị。

Phật tánh như vậy không thể nghĩ bàn,

三十二相八十種好亦不可思議。

tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo diệt bất khả tư nghị。

Ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt cũng chẳng thể nghĩ bàn.

爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。善男子。

nhĩ thời Phật tán Ca-diếp Bồ-tát Thiện tai Thiện tai thiện nam tử。

Lúc bấy giờ Phật khen Bồ-tát Ca-diếp: Hay thay, hay thay Thiện nam tử!

汝已成就深利智慧。

nhữ dĩ thành tựu thâm lợi trí tuệ。

Ông đã thành tựu trí tuệ rất sâu.

我今當更善為汝說入如來藏。若我住者即是常法不離於苦。

ngã kim đương canh thiện vi nhữ thuyết nhập Như Lai tạng nhược ngã trụ giả tức thị thường Pháp bất ly ư khổ。

Ta nay lại sẽ khéo vì ông mà nói pháp chứng nhập Tạng Như Lai. Nếu Ngã là có, tức là pháp thường chẳng rời nơi khổ,

若無我者修行淨行無所利益。

nhược vô ngã giả tu hành tịnh hạnh vô sở lợi ích。

Nhưng nếu không có ngã thì tu hành tịnh hạnh không có lợi ích;

若言諸法皆無有我是即斷見。若言我住即是常見。

nhược ngôn chư Pháp giai vô hữu ngã thị tức đoạn kiến。 nhược ngôn ngã trụ tức thị thường kiến。

nếu cho rằng các pháp đều không có ngã thì tức là Đoạn kiến, nếu cho rằng có ngã tức là thường kiến;

若言一切行無常者。即是斷見。諸行常者復是常見。

nhược ngôn nhất thiết hành vô thường giả。 tức thị đoạn kiến。 chư hành thường giả phục thị thường kiến。

nếu cho rằng hết thảy các hành đều Vô thường tức là đoạn kiến, các hành thường thì lại là thường kiến;

若言苦者即是斷見。若言樂者復是常見。

nhược ngôn khổ giả tức thị đoạn kiến。 nhược ngôn lạc giả phục thị thường kiến。

nếu nói khổ tức là đoạn kiến, nếu nói lạc lại là thường kiến;

修一切法常者墮於斷見。

tu nhất thiết Pháp thường giả đọa ư đoạn kiến。

tu hết thảy pháp thường ấy thì rơi vào đoạn kiến,

修一切法斷者墮於常見。如步屈虫要因前脚得移後足。

tu nhất thiết Pháp đoạn giả đọa ư thường kiến như bộ khuất trùng yếu nhân tiền cước đắc dĩ di hậu túc。

tu hết thảy pháp đoạn ấy thì rơi vào thường kiến. Như người bước đi, cần phải do chân trước mới dời được chân sau.

修常斷者亦復如是。要因斷常。以是義故。

tu thường đoạn giả diệc phục như thị。 yếu nhân đoạn thường。 dĩ thị nghĩa cố。

Người tu pháp thường và đoạn ấy cũng lại như vậy, cần phải do nơi đoạn và thường. Do nghĩa này, nên

修餘法苦者皆名不善。修餘法樂者則名為善。

tu dư Pháp khổ giả giai danh bất thiện tu dư Pháp lạc giả tắc danh vi thiện.

người tu các pháp khổ đều gọi là chẳng lành, người tu các pháp lạc thì gọi là lành.

修餘法無我者是諸煩惱分。

tu dư Pháp vô ngã giả thị chư phiền não phân.

Người tu các pháp Vô ngã thì thuộc về phiền não,

修餘法常者是則名曰如來祕藏。所謂涅槃無有窟宅。

tu dư Pháp thường giả thị tắc danh viết Như Lai bí tạng sở vị Niết-bàn vô hữu quật trạch。

người tu các pháp thường thì gọi là Bí Tạng Như Lai. Niết-bàn không có nơi chốn,

修餘無常法者即是財物。修餘常法者謂佛法僧及正解脫。

tu dư vô thường Pháp giả tức thị tài vật tu dư thường Pháp giả vị Phật Pháp Tăng cập chánh giải thoát。

tu các pháp Vô thường tức là tài vật, tu các pháp thường thời gọi là Phật, Pháp, Tăng và chánh giải thoát

當知如是佛法中道遠離二邊而說真法。

đương tri như thị Phật Pháp trung đạo viễn li nhị biên nhi thuyết chân Pháp。

Nên biết Phật pháp trung đạo như vậy, xa lìa hai bên mà nói Thật pháp.

凡夫愚人於中無疑。

phàm phu ngu nhân ư trung vô nghi。

Người phàm phu ngu muội ở trong pháp đó không nghi,

如羸病人服食酥已氣力輕便。有無之法體性不定。

như luy bệnh nhân phục thực tô dĩ khí lực khinh tiện。 hữu vô chi Pháp thể tánh bất định。

như người gầy yếu, được uống thuốc bổ thời khí lực liền được nhẹ nhàng. Những pháp Hữu, Vô thể tánh không nhất định.

譬如四大其性不同各相違反。良醫善知隨其偏發而消息之。

thí như tứ Đại kỳ tánh bất đồng các tướng vi phản。 lương y thiện tri tùy kỳ Thiên phát nhi tiêu tức chi。

Thí như bốn đại, tánh của nó chẳng đồng, mỗi đại đều chống đối nhau. Lương y phải khéo biết bệnh xuất phát từ đại nào mà trị cho lành.

善男子。如來亦爾。於諸眾生猶如良醫。

thiện nam tử Như Lai diệc nhĩ ư chư chúng sanh do như lương y。

Này thiện nam tử! Như Lai cũng vậy, đối với chúng sanh như vị lương y,
知諸煩惱體相差別而為除斷。

tri chư phiền não thể tướng sai biệt nhi vi trừ đoạn。

biết thể và tướng của phiền não sai khác mà đoạn trừ,

開示如來祕密之藏清淨佛性常住不變。

khai thị Như Lai bí mật chi tạng thanh tịnh Phật tánh thường trụ bất biến。

mở bày Bí Mật Tạng, Phật tánh thanh tịnh thường trú, bất biến của Như Lai.

若言有者智不應染。若言無者即是妄語。若言有者不應默然。

nhược ngôn hữu giả trí bất ứng nhiễm nhược ngôn vô giả tức thị vọng ngữ nhược ngôn
hữu giả bất ứng mặc nhiên。

Nếu người nói có thì kẻ trí không nên nhiễm, nếu người nói không tức là nói dối, nếu

người nói có thì không nên im lặng,

亦復不應戲論諍訟。但求了知諸法真性。

diệc phục bất ứng hí luận tránh tụng。đãn cầu liễu tri chư Pháp chân tánh。

lại cũng không nên bàn luận tranh cãi, chỉ cầu biết rõ chân tánh của các pháp.

凡夫之人戲論諍訟不解如來微密藏故。

phàm phu chi nhân hí luận tránh tụng bất giải Như Lai vi mật tạng cố。

Người phàm phu bàn luận tranh cãi vì không hiểu chỗ vi diệu Mật tạng của Như Lai.

若說於苦愚人便謂身是無常。

nhược thuyết ư khổ ngu nhân tiện vị thân thị vô thường。

Nếu nói pháp khổ, người ngu bèn cho rằng thân là vô thường,

說一切苦復不能知身有樂性。

thuyết nhất thiết khổ phục bất năng tri thân hữu lạc tánh。

nếu nói hết thảy là khổ họ lại không biết thân có tánh lạc.

若說無常者凡夫之人計一切身皆是無常譬如瓦坏。有智之人應當分別。

nhược thuyết vô thường giả phàm phu chi nhân kế nhất thiết thân giai thị vô thường thí
như ngọa khôi hữu trí chi nhân ứng đương phân biệt。

Nếu nói vô thường, người phàm phu chấp hết thảy thân đều là vô thường như ngói chưa
hầm chín. Nếu là người có trí thì phải nên phân biệt,

不應盡言一切無常。何以故。

bất ứng tận ngôn nhất thiết vô thường。 hà dĩ cố。

không nên nói hết thầy đều vô thường. Vì sao vậy?

我身即有佛性種子。

ngã thân tức hữu Phật tánh chủng tử。

Vì nơi thân của ta có hạt giống của Phật tánh,

若說無我凡夫當謂一切佛法悉無有我。智者應當分別無我假名不實。

nhược thuyết vô ngã phàm phu đương vị nhất thiết Phật Pháp tất vô hữu ngã。 trí giả ứng
đương phân biệt vô ngã giả danh bất thật。

nếu nói Vô ngã thì phàm phu sẽ cho rằng hết thầy Phật, Pháp đều không có Ngã. Người
trí phải nên phân biệt rằng Vô ngã nghĩa là giả danh không thật,

如是知已不應生疑。若言如來祕藏空寂。

như thị tri dĩ bất ứng sanh nghi nhược ngôn Như Lai bí tạng không tịch。

biết như vậy rồi thì không nên sinh nghi ngờ nữa. Nếu nói Bí tạng của Như Lai là rỗng
không vắng lặng thì

凡夫聞之生斷滅見。

phàm phu văn chi sanh đoạn diệt kiến。

người phàm phu nghe sẽ sanh kiến chấp đoạn diệt。

有智之人應當分別如來是常無有變易。若言解脫喻如幻化。

hữu trí chi nhân ứng đương phân biệt Như Lai thị thường vô hữu biến dịch nhược ngôn
giải thoát dụ như huyễn hóa。

Người trí phải nên phân biệt Như Lai là thường còn không có biến đổi. Nếu nói giải thoát
dụ như huyễn hóa,

凡夫當謂得解脫者即是摩滅。

phàm phu đương vị đắc giải thoát giả tức thị ma diệt。

người phàm phu sẽ cho rằng chứng được giải thoát ấy tức là dứt mất。

有智之人應當分別人中師子雖有去來常住無變。若言無明因緣諸行。

hữu trí chi nhân ứng đương phân biệt nhân trung Sư tử tuy hữu khứ lai thường trụ vô biến
nhược ngôn vô minh nhân duyên chư hành。

Người trí thì phải phân biệt đức Như Lai dầu có đến đi nhưng vẫn thường trú không thay
đổi. Nếu nói Vô minh làm nhân duyên mà có các pháp Hành,

凡夫之人聞已分別生二法想。明與無明。

phàm phu chi nhân văn dĩ phân biệt sanh nhị Pháp tướng minh dữ vô minh。

người phàm phu liền phân biệt tưởng rằng có hai pháp là Minh và Vô minh。

智者了達其性無二。無二之性即是實性。

trí giả liễu đạt kỳ tánh vô nhị vô nhị chi tánh tức thị thật tánh。

Người trí hiểu biết thông suốt tánh của các pháp vốn không có hai. Tánh không có hai tức là thật tánh;

若言諸行因緣識者。凡夫謂二行之與識。

nhược ngôn chư hành nhân duyên thức giả, phàm phu vị nhị hành chi dữ thức。

nếu nói các Hành làm nhân duyên mà có Thức thì phàm phu sẽ bảo rằng có hai là Hành và Thức。

智者了達其性無二。無二之性即是實性。

trí giả liễu đạt kỳ tánh vô nhị vô nhị chi tánh tức thị thật tánh。

Người trí hiểu biết thông suốt tánh của các pháp không có hai, tánh không có hai tức là thật tánh;

若言十善十惡可作不可作。善道惡道白法黑法。

nhược ngôn Thập thiện thập ác khả tác bất khả tác thiện đạo ác đạo bạch Pháp hắc Pháp。

nếu nói Thập thiện, Thập ác, có thể tạo tác, không thể tạo tác, đường lành, đường dữ, pháp lành, pháp dữ,

凡夫謂二。智者了達其性無二。

phàm phu vị nhị trí giả liễu đạt kỳ tánh vô nhị。

người phàm phu nghe đó cho là có hai. Người trí hiểu thông suốt tánh của nó không hai。

無二之性即是實性。若言應修一切法苦。凡夫謂二。

vô nhị chi tánh tức thị thật tánh nhược ngôn ứng tu nhất thiết Pháp khổ, phàm phu vị nhị。

Tánh không có hai tức là thật tánh; nếu nói nên tu hết thầy pháp khổ, phàm phu cho là có hai。

智者了達其性無二。無二之性即是實性。

trí giả liễu đạt kỳ tánh vô nhị。 vô nhị chi tánh tức thị thật tánh。

Người trí rõ biết thông suốt tánh của các pháp không có hai, tánh không hai tức là thật tánh。

若言一切行無常者。如來祕藏亦是無常。

nhược ngôn nhất thiết hành vô thường giả Như Lai bí tạng diệc thị vô thường。

Nếu nói hết thầy pháp Hành là Vô thường, Bí tạng của Như Lai cũng là Vô thường,
凡夫謂二智者了達其性無二。無二之性即是實性。

phàm phu vị nhị trí giả liễu đạt kỳ tánh vô nhị vô nhị chi tánh tức thị thật tánh。

phàm phu cho là hai. Người trí rõ biết thông suốt tánh của các pháp không có hai, tánh không có hai tức là thật tánh;

若言一切法無我。如來祕藏亦無有我。

nhược ngôn nhất thiết Pháp vô ngã Như Lai bí tạng diệc vô hữu ngã。

nếu nói hết thầy pháp là Vô ngã, Bí tạng của Như Lai cũng không có Ngã,
凡夫謂二。智者了達其性無二。無二之性即是實性。

phàm phu vị nhị trí giả liễu đạt kỳ tánh vô nhị vô nhị chi tánh tức thị thật tánh。

phàm phu cho là hai. Người trí rõ biết thông suốt tánh của các pháp không có hai, tánh không hai tức là thật tánh.

我與無我性無有二。如來祕藏其義如是。

ngã dĩ vô ngã tánh vô hữu nhị, Như Lai bí tạng kỳ nghĩa như thị。

Ngã và Vô ngã, tánh của nó không có hai. Bí tạng của Như Lai, nghĩa tánh
不可稱計無量無邊諸佛所讚。

bất khả xưng kể vô lượng vô biên chư Phật sở tán。

vô lượng vô biên như vậy không thể tính kể, là chỗ chư Phật đều tán thán.

我今於是一切功德成就經中皆悉說已。

ngã kim ư thị nhất thiết công đức thành tựu Kinh trung giai tất thuyết dĩ。

Hết thầy công đức Ta đã thành tựu, nay đều đã nói trong Kinh.

善男子。我與無我性相無二。

thiện nam tử ngã dĩ vô ngã tánh tướng vô nhị。

Này thiện nam tử! Ngã và Vô ngã, tánh tướng không hai;

汝應如是受持頂戴。善男子。汝亦應當堅持憶念如是經典。

nhữ ứng như thị thọ trì đĩnh đại thiện nam tử nhữ diệc ứng đương kiên trì ức niệm như thị
Kinh điển。

ông nên như vậy mà trân trọng thọ trì. Này thiện nam tử! Ông cũng phải nên luôn luôn ghi
nhớ như vậy đối với Kinh điển này.

如我先於摩訶般若波羅蜜經中說我無我無

như ngã tiên ư Ma ha Bát nhã ba la mật Kinh trung thuyết ngã vô ngã vô

Như ngày trước Ta đã nói trong Kinh Đại Bát Nhã về Ngã và Vô ngã không có hai tướng.

有二相。如因乳生酪。因酪得生酥。

hữu nhị tướng như nhân nhũ sanh lạc nhân lạc đắc sanh tô。

Như do sữa mà có lạc, do lạc mà thành sanh tô,

因生酥得熟酥。因熟酥得醍醐。

nhân sanh tô đắc thực tô。 nhân thực tô đắc thể hồ。

do sanh tô mà thành thực tô, do thực tô mà thành đề hồ.

如是酪性為從乳生為從自生從他生耶。乃至醍醐亦復如是。

như thị lạc tánh vi tòng nhũ sanh vi tòng tự sanh tòng tha sanh da nãi chí thể hồ diệc phục như thị。

Như vậy chất lạc đó là từ sữa sanh ra, hay tự nó sanh ra, hay từ cái khác sanh ra? Cho

đến đề hồ cũng lại như vậy,

若從他生即是他作非是乳生。

nhược tòng tha sanh tức thị tha tác phi thị nhũ sanh。

nếu từ cái khác sanh ra thì lẽ ra chẳng phải do sữa mà thành;

若非乳生乳無所為。若自生者不應相似相續而生。

nhược phi nhũ sanh nhũ vô sở vi nhược tự sanh giả bất ứng tướng tự tướng tục nhi sanh。

nếu chẳng phải từ nơi sữa sanh thì sữa trở thành vô dụng đối với lạc, bởi sữa vốn không

có lạc; nếu lạc tự nó sanh lấy nó, lẽ ra chẳng từ sữa lần lần biến thành lạc;

若相續生則不俱生。

nhược tướng tục sanh tắc bất câu sanh。

nếu lần lần biến thành thì không cùng sanh mà

若不俱生五種之味則不一時。雖不一時定復不從餘處來也。

nhược bất câu sanh ngũ chủng chi vị tắc bất nhất thời tuy bất nhất thời định phục bất tòng

dư xử lai dã。

nếu không cùng sanh thì cả năm thứ không đồng một lúc. Tuy không cùng sanh nhưng

chắc chắn không phải từ chỗ khác mà có,

當知乳中先有酪相。甘味多故不能自變。

đương tri nhũ trung tiên hữu lạc tướng cam vị đa cố bất năng tự biến。

phải biết trong chất sữa trước đã có tướng của chất lạc, vì có nhiều vị ngọt nên chẳng thể tự nó biến ra.

乃至醍醐亦復如是。是牛食噉水草因緣。

nāi chí thể hồ diệc phục như thị。 thị ngưu thực đạm thủy thảo nhân duyên。

Nhẫn đến đề hồ cũng lại như vậy, do con bò cái ăn cỏ, uống nước vào cơ thể để huyết mạch chuyển biến mà thành sữa; nếu nó ăn cỏ ngọt thì sữa ấy có vị ngọt, huyết mạch chuyển biến mà thành sữa; nếu nó ăn cỏ đắng thì sữa ấy có vị đắng, 若食甘草其乳則甜。

huyết mạch chuyển biến nhi đắc thành nhũ nhược thực cam thảo kỳ nhũ tắc điềm。

huyết mạch chuyển biến mà thành sữa; nếu nó ăn cỏ ngọt thì sữa ấy có vị ngọt,

若食苦草乳則苦味。雪山有草名曰肥膩。

nhược thực khổ thảo nhũ tắc khổ vị tuyết sơn hữu thảo danh viết phì nị。

nếu ăn cỏ đắng thì sữa ấy thành vị đắng. Núi Tuyết có loại cỏ tên là Phì-nị,

牛若食者純得醍醐。無有青黃赤白黑色。穀草因緣。

ngưu nhược thực giả thuần đắc thể hồ vô hữu thanh hoàng xích bạch hắc sắc cốc thảo nhân duyên。

nếu bò ăn phải cỏ đó thì cho thuần đề hồ, không có những màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen. Do cỏ lúa làm nhân duyên mà

其乳則有色味之異。

kỳ nhũ tắc hữu sắc vị chi dị。

sữa ấy sẽ có màu vị khác nhau.

是諸眾生以明無明業因緣故生於二相。若無明轉則變為明。

thị chư chúng sanh dĩ minh vô minh nghiệp nhân duyên cố sanh ư nhị tướng nhược vô minh chuyển tắc biến vi minh。

Cũng vậy, các chúng sanh do nghiệp minh và vô minh làm nhân duyên nên sanh ra hai tướng. Nếu Vô minh chuyển thì biến thành minh.

一切諸法善不善等。亦復如是無有二相。

nhất thiết chư Pháp thiện bất thiện đẳng diệc phục như thị vô hữu nhị tướng。

Hết thầy pháp thiện và bất thiện v.v... cũng lại như vậy, không có hai tướng.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn Thế Tôn。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

如佛所說乳中有酪是義云何。世尊。若言乳中定有酪相。

như Phật sở thuyết nhũ trung hữu lạc thị nghĩa vân hà Thế tôn nhược ngôn nhũ trung định hữu lạc tướng。

Như lời Phật nói trong sữa có lạc là nghĩa làm sao? Bạch Thế Tôn! Nếu nói trong sữa chắc chắn có tướng của lạc,

以微細故不可見者。

dĩ vi tế cố bất khả kiến giả。

do vì quá nhỏ nên không thể thấy,

云何說言從乳因緣而生於酪。法若本無則名為生。如其已有云何言生。

vân hà thuyết ngôn tòng nhũ nhân duyên nhi sanh ư lạc Pháp nhược bổn vô tác danh vi sanh như kỳ dĩ hữu vân hà ngôn sanh。

thế sao lại nói từ sữa làm nhân duyên mà sanh lạc? Phàm trước vốn không mà nay có thời gọi đó là sanh. Như lạc đã vốn có sao lại nói là sanh?

若言乳中定有酪相。百草之中亦應有乳。

nhược ngôn nhũ trung định hữu lạc tướng bách thảo chi trung diệc ứng hữu nhũ。

Nếu nói trong sữa chắc chắn là có tướng của lạc thì trong trăm loại cỏ cũng phải có sữa, 如是乳中亦應有草。若言乳中定無酪者。

như thị nhũ trung diệc ứng hữu thảo nhược ngôn nhũ trung định vô lạc giả。

cũng như trong sữa cũng phải có cỏ; nếu nói trong sữa chắc chắn không có lạc

云何因乳而得生酪。若法本無而後生者。

vân hà nhân nhũ nhi đắc sanh lạc nhược Pháp bổn vô nhi hậu sanh giả。

thì vì sao nói nhân sữa mà sanh lạc? Nếu vốn trước không, sau mới sanh có,

何故乳中不生於草。

hà cố nhũ trung bất sanh ư thảo。

vậy vì sao trong sữa chẳng sanh ra cỏ lúa?

善男子。不可定言乳中有酪乳中無酪。

thiện nam tử. bất khả định ngôn nhũ trung hữu lạc nhũ trung vô lạc。

Này thiện nam tử! Không thể nói chắc chắn trong sữa có lạc hay trong sữa không có lạc, 亦不可說從他而生。若言乳中定有酪者。

diệc bất khả thuyết tòng tha nhi sanh. nhược ngôn nhũ trung định hữu lạc giả。

cũng không thể nói từ cái khác mà sanh. Nếu nói trong sữa chắc chắn có lạc,

云何而得體味各異。是故不可說言乳中定有酪性。

vân hà nhi đắc thể vị các dị thị cố bất khả thuyết ngôn nhũ trung định hữu lạc tánh.
thì sao chất và vị của hai thứ khác nhau? Vì vậy, không thể nói rằng trong sữa chắc chắn
có tánh của lạc;

若言乳中定無酪者。乳中何故不生兔角。

nhược ngôn nhũ trung định vô lạc giả nhũ trung hà cố bất sanh thỏ giác。

nếu nói trong sữa chắc chắn không có lạc, vì sao trong sữa không sanh sừng thỏ;
置毒乳中酪則殺人。

trí độc nhũ trung lạc tắc sát nhân。

Đem chất độc bỏ vào trong sữa, lúc sữa đó thành lạc, thì chất lạc đó sẽ giết chết người,
是故不可說言乳中定無酪性。若言是酪從他生者。

thị cố bất khả thuyết ngôn nhũ trung định vô lạc tánh. nhược ngôn thị lạc tông tha sanh
giả。

vì thế không nên nói trong sữa chắc chắn không có chất lạc. Nếu nói chất lạc đó từ cái
khác sanh thì

何故水中不生於酪。是故不可說言酪從他生。善男子。

hà cố thủy trung bất sanh ư lạc. Thị cố bất khả thuyết ngôn lạc tông tha sanh. thiện nam
tử。

vì sao trong nước lã chẳng sanh chất lạc? Vì vậy không thể nói rằng lạc từ cái khác sanh.
Này thiện nam tử!

是牛食噉草因緣故。血則變白草血滅已。

thị ngưu thực đạm thảo nhân duyên cố. huyết tắc biến bạch thảo huyết diệt dĩ。

Con bò cái kia do ăn cỏ mà tiêu hóa thành huyết trắng,

眾生福力變而成乳。是乳雖從草血而出不得言二。

chúng sanh phúc lực biến nhi thành nhũ thị nhũ tuy tông thảo huyết nhi xuất bất đắc ngôn
nhị。

do phước lực của chúng sanh cỏ huyết biến thành sữa. Sữa đó tuy từ cỏ, từ huyết mà
sanh nhưng không được nói là hai mà

唯得名為從因緣生。酪至醍醐亦復如是。

duy đắc danh vi tông nhân duyên sanh, lạc chí thể hồ diệc phục như thị。

chỉ được gọi là nhân duyên sanh. Từ lạc đến đề hồ cũng lại như vậy.

以是義故得名牛味。是乳滅已因緣成酪。

dĩ thị nghĩa cố đắc danh ngư vị thị nữ diệt dĩ nhân duyên thành lạc。

Do nghĩa đó nên được gọi là mùi sữa bò. Do nhân duyên nên sau khi sữa mất biến thành chất lạc,

何等因緣若酢若煖。是故得名從因緣有。

hà đẳng nhân duyên nhược tạc nhược noãn. thị cố đắc danh tòng nhân duyên hữu. những nhân duyên gì hoặc ủ đông, hoặc hâm nóng, như vậy được gọi là có từ nhân duyên,

乃至醍醐亦復如是。

nãi chí thể hồ diệc phục như thị。

cho đến đề hồ cũng lại như vậy,

是故不得定言乳中無有酪相。從他生者離乳而有。無有是處。善男子。

thị cố bất đắc định ngôn nhũ trung vô hữu lạc tướng tòng tha sanh giả ly nhũ nhi hữu vô hữu thị xử. thiện nam tử。

cho nên không được nói chắc chắn rằng trong sữa không có tướng của lạc, nếu từ cái khác mà sanh thì rời sữa mà có, là không có sự việc đó. Nay thiện nam tử!

明與無明亦復如是。若與煩惱諸結俱者。

minh dĩ vô minh diệc phục như thị nhược dĩ phiền não chư kết câu giả。

Minh và Vô minh cũng lại như vậy, nếu chung với phiền não thì

名為無明。若與一切善法俱者。名之為明。

đanh vi vô minh, nhược dĩ nhất thiết thiện Pháp câu giả đanh chi vi minh。

gọi là Vô minh, nếu chung với hết thầy pháp lành thì gọi là minh.

是故我言無有二相。以是因緣我先說言。

thị cố ngã ngôn vô hữu nhị tướng, dĩ thị nhân duyên ngã tiên thuyết ngôn。

Vì vậy Ta nói không có hai tướng. Do nhân duyên đó nên trước đó Ta nói rằng

雪山有草名曰肥膩。牛若食者即成醍醐。

tuyết sơn hữu thảo danh viết phì nhị, ngư nhược thực giả tức thành thể hồ。

núi Tuyết có cỏ tên là Phì nhị, nếu bò cái ăn vào liền thành đề hồ.

佛性亦爾。

Phật tánh diệc nhĩ。

Phật tánh cũng như vậy.

善男子。眾生薄福不見是草。佛性亦爾。

thiện nam tử! chúng sanh bạc phúc bất kiến thị thảo. Phật tánh diệc nhĩ.
Này thiện nam tử! Chúng sanh vì phước mỏng nên không thấy cở Phi nhị. Phật tánh cũng vậy,
煩惱覆故眾生不見。譬如大海雖同一鹹。
phiền não phúc cổ chúng sanh bất kiến. Thí như Đại hải tuy đồng nhất hàm.
chúng sanh vì bị phiền não che lấp nên không thấy. Thí như biển lớn tuy đồng một vị mặn
其中亦有上妙之水味同於乳。
kỳ trung diệc hữu thượng diệu chi thủy vị đồng ư nhũ.
nhưng trong nước ấy cũng có loại nước ngon ngọt đồng với sữa.
喻如雪山雖復成就種種功德多生諸藥。亦有毒草。
dụ như tuyết sơn tuy phục thành tựu chủng chủng công đức đa sanh chư dược, diệc hữu độc thảo。
Như núi Tuyết dầu sanh nhiều cỏ thuốc công đức nhưng cũng có cỏ độc.
諸眾生身亦復如是。
chư chúng sanh thân diệc phục như thị。
Thân của các chúng sanh cũng lại như vậy,
雖有四大毒蛇之種其中亦有妙藥大王。所謂佛性。非是作法。
tuy hữu tứ Đại độc xà chi chủng kỳ trung diệc hữu diệu dược Đại Vương, sở vị Phật tánh, phi thị tác Pháp。
tuy có rắn độc Tứ đại, nhưng trong đó cũng có thuốc diệu dụng, đó là Phật tánh. Phật tánh chẳng phải là pháp tạo tác làm ra,
但為煩惱客塵所覆。若剎利婆羅門毘舍首陀能斷除者。
đãn vi phiền não khách trần sở phúc, nhược sát lợi Bà-la-môn Tỳ-xá thủ đà năng đoạn trừ giả。
mà chỉ vì khách trần phiền não che lấp; nếu Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la có thể đoạn trừ được các phiền não ấy
即見佛性成無上道。譬如虛空震雷起雲。
tức kiến Phật tánh thành vô thượng đạo. thí như hư không chấn lôi khởi vân.
liền có thể thấy được Phật tánh thành đạo Vô thượng. Thí như hư không giăng mây sấm nổi,
一切象牙上皆生花。

nhất thiết tượng nha thượng giai sanh hoa。
trên ngà của hết thầy ngà voi đều sanh hoa,
若無雷震花則不生亦無名字。眾生佛性亦復如是。
nhược vô lôi chấn hoa tắc bất sanh diệc vô danh tự, chúng sanh Phật tánh diệc phục như
thị。
nếu không có sấm nổ thì hoa ấy sẽ không sanh, cũng không có danh tự hoa. Phật tánh
của chúng sanh cũng lại như vậy,
常為一切煩惱所覆不可得見。是故我說眾生無我。
thường vi nhất thiết phiền não sở phúc bất khả đắc kiến。 thị cố ngã thuyết chúng sanh vô
ngã。
thường bị hết thầy phiền não che lấp nên không thể thấy được. Vì vậy Ta nói chúng sanh
không có ngã,
若得聞是大般涅槃微妙經典則見佛性。如象牙花。
nhược đắc văn thị Đại bát Niết-bàn vi diệu Kinh điển tắc kiến Phật tánh. như tượng nha
hoa。
nếu được nghe Kinh Đại Bát Niết-bàn vi diệu này thì sẽ thấy được Phật tánh như hoa hiện
trên ngà voi.
雖聞契經一切三昧。
tuy văn khế Kinh nhất thiết tam muội。
Tuy nghe hết thầy Tam-muội trong khế Kinh,
不聞是經不知如來微妙之相。如無雷時象牙上花不可得見。
bất văn thị Kinh bất tri Như Lai vi diệu chi tướng, như vô lôi thời tượng nha thượng hoa bất
khả đắc kiến。
mà chẳng nghe Kinh Đại Niết-bàn này thì sẽ không biết tướng vi diệu của Như Lai, cũng
như khi không có sấm thì chẳng thấy được hoa trên ngà voi;
聞是經已即知一切如來所說祕藏佛性。
văn thị Kinh dĩ tức tri nhất thiết Như Lai sở thuyết bí tạng Phật tánh。
nếu được nghe Kinh này rồi liền biết Tạng Phật tánh của hết thầy Như Lai nói,
喻如天雷見象牙花。
dụ như Thiên lôi kiến tượng nha hoa。
thí như trời sấm sét thì thấy hoa trên ngà voi,

聞是經已即知一切無量眾生皆有佛性。以是義故說大涅槃。

văn thị Kinh dĩ tức tri nhất thiết vô lượng chúng sanh giai hữu Phật tánh. Dĩ thị nghĩa cố thuyết Đại Niết-bàn。

nếu được nghe Kinh này rồi liền biết hết thấy vô lượng chúng sanh đều có Phật tánh. Do nghĩa đó nên Ta nói Đại Niết-bàn,

名為如來祕密之藏。增長法身猶如雷時象牙上花。

danh vi Như Lai bí mật chi tạng, tăng trưởng Pháp thân do như lôi thời tượng nha thượng hoa。

là Bí mật tạng của Như Lai, thêm lớn pháp thân, như lúc trời sấm, hoa trên ngà voi nhờ đó mà được sanh thêm.

以能長養如是大義。故得名為大般涅槃。

dĩ năng trường dưỡng như thị Đại nghĩa, cố đắc danh vi Đại Bát Niết-bàn。

Vì để nuôi dưỡng nghĩa lớn như vậy nên được gọi là Đại Bát-niết-bàn.

若有善男子善女人。有能習學是大涅槃微妙經典。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân, hữu năng tập học thị Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển。

Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào có thể học tập Kinh Đại Niết-bàn vi diệu này

當知是人能報佛恩真佛弟子。迦葉菩薩白佛言。

đương tri thị nhân năng báo Phật ân chân Phật đệ tử。Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。

thì phải biết người đó có thể báo đáp ân đức của Phật và chân thật đệ tử của Phật. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng:

甚奇世尊。所言佛性甚深甚深難見難入。

thậm kì Thế Tôn。 sở ngôn Phật tánh thậm thâm thậm thâm nan kiến nan nhập。

Hết sức kỳ đặc, bạch đức Thế Tôn! Phật tánh như đã nói hết sức thâm sâu, khó thấy khó vào,

聲聞緣覺所不能服。

Thanh Văn Duyên Giác sở bất năng phục。

hàng Thanh văn, Duyên giác không thể đến được.

佛言。善男子。如是如是。如汝所歎。

Phật ngôn。 thiện nam tử。 như thị như thị。 như nhữ sở tán。

Phật dạy: Này thiện nam tử! Đúng vậy, đúng vậy! Như lời ông khen ngợi

不違我說。迦葉菩薩白佛言。世尊。

bất vi ngã thuyết. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

chẳng trái với chỗ Ta nói. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

佛性者云何甚深難見難入。

Phật tánh giả vân hà thậm thâm nan kiến nan nhập.

Phật tánh ấy hết sức thâm sâu khó thấy, khó vào như thế nào?

佛言。善男子。如百盲人為治目故造詣良醫。

Phật ngôn. thiện nam tử. như bách manh nhân vị trị mục cố tạo nghệ lương y.

Phật dạy: Này thiện nam tử! Như có trăm người mù đến lương y để trị bệnh mắt.

是時良醫即以金錐決其眼膜。

thị thời lương y tức dĩ kim phi quyết kỳ nhãn mô.

Lúc đó lương y liền dùng kim vàng lột màng mắt của họ,

以一指示問言見不。盲人答言。我猶未見。

dĩ nhất chỉ kì vấn ngôn kiến bất. manh nhân đáp ngôn. ngã do vị kiến.

lột xong, giơ một ngón tay mà hỏi rằng: thấy không? Người mù đáp rằng: tôi vẫn chưa thấy.

復以二指三指示之乃言少見。善男子。

phục dĩ nhị chỉ tam chỉ kì chi nãi ngôn thiểu kiến. thiện nam tử.

Lương y lại giơ hai ngón, ba ngón để hỏi, người mù mới nói rằng thấy mờ mờ. Này thiện nam tử!

是大涅槃微妙經典如來未說亦復如是。

thị Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển Như Lai vị thuyết diệt phục như thị.

Kinh Đại Niết-bàn vi diệu này, lúc đức Như Lai chưa nói cũng lại như vậy,

無量菩薩雖具足行諸波羅蜜乃至十住。猶未能見所有佛性。

vô lượng Bồ-tát tuy cụ túc hành chư ba la mật nãi chí thập trụ. do vị năng kiến sở hữu Phật tánh.

vô lượng Bồ-tát tuy đầy đủ các hạnh Ba-la-mật cho đến Thập trụ, vẫn còn chưa thấy được Phật tánh.

如來既說即便少見。

Như Lai ký thuyết tức tiện thiểu kiến.

Lúc Như Lai nói xong mới thấy được chút ít.

是菩薩摩訶薩既得見已。咸作是言。甚奇世尊。

thị Bồ-tát Ma-Ha tát ký đặc kiến dĩ. hàm tác thị ngôn. thậm kì Thế tôn.

Đại Bồ-tát này đã thấy được Phật tánh rồi đều thốt lên rằng: Kỳ lạ thay, bạch Thế Tôn!
我等流轉無量生死。常為無我之所惑亂。善男子。

ngã đẵng lưu chuyển vô lượng sanh tử. thường vi vô ngã chi sở hoặc loạn. thiện nam tử.

Chúng con đã lưu chuyển thọ vô lượng đường sanh tử, thường bị vô ngã làm mê lầm. Nay thiện nam tử!

如是菩薩位階十地尚不了了知見佛性。

như thị Bồ-tát vị giai thập địa thượng bất liễu liễu tri kiến Phật tánh.

Những Bồ-tát như vậy đã an lập ở ngôi Thập địa còn không hiểu rõ, không thấy biết Phật tánh

何況聲聞緣覺之人能得見耶。復次善男子。

hà hưởng thanh văn duyên giác chi nhân năng đặc kiến da. phục thứ thiện nam tử.

hưởng gì những người Thanh văn, Duyên giác có thể thấy được ư? Lại nữa, nay thiện nam tử!

譬如仰觀虛空鵝鴈。為是虛空為是鵝鴈。

thí như ngưỡng quán hư không nga nhạn. vị thị hư không vị thị nga nhạn.

Thí như có người ngược mặt lên nhìn đàn chim nhạn trên hư không, vì là có cả hư không, có cả đàn chim nhạn nên

諦觀不已鬚鬢見之。

để quán bất dĩ phảng phát kiến chi.

nhìn kỹ phảng phát thấy lông bờm bày nhạn.

十住菩薩於如來性知見少分亦復如是。況復聲聞緣覺之人能得知見。善男子。

thập trụ Bồ-tát ư Như Lai tánh tri kiến thiểu phân diệc phục như thị. hưởng phục Thanh Văn, Duyên Giác chi nhân năng đặc tri kiến. thiện nam tử.

Bồ-tát Thập trụ đối với Như Lai tánh chỉ thấy biết một chút ít cũng lại như vậy, hưởng hàng Thanh Văn, Duyên Giác có thể thấy biết được chăng. Nay thiện nam tử!

譬如醉人欲涉遠路矇聾見道。

thí như túy nhân dục thiệp viễn lộ mông lung kiến đạo.

Thí như người say rượu, đi trên đường xa xôi, nhìn thấy mấp mờ;

十住菩薩於如來性知見少分亦復如是。善男子。

thập trụ Bồ-tát ư Như Lai tánh tri kiến thiếu phân diệc phục như thị。 thiện nam tử。

Bồ-tát Thập trụ đối với Như Lai tánh chỉ thấy biết một ít cũng lại như vậy. Này thiện nam tử!

譬如渴人行於曠野。是人渴逼遍行求水見有叢樹。

thí như khát nhân hành ư khoáng dã。 thị nhân khát bức biến hành cầu thủy kiến hữu tùng thụ。

Thí như người khát nước đi ở trong đồng trống, người này vì bị khát hối thúc nên đi khắp nơi tìm nước uống, thấy có lùm cây,

樹有白鶴是人迷悶不能分別是樹是水。

thụ hữu bạch hạc thị nhân mê muộn bất năng phân biệt thị thụ thị thủy。

trong lùm cây có chim bạch hạc, nhưng người bị cơn khát bức ngặt, mê muội chẳng thể phân biệt được là cây hay là nước,

諦觀不已乃見白鶴及以叢樹。善男子。

để quán bất dĩ nãi kiến bạch hạc cập dĩ tùng thụ。 thiện nam tử。

đến lúc nhìn kỹ mới biết là chim bạch hạc và lùm cây. Này thiện nam tử!

十住菩薩於如來性知見少分亦復如是。善男子。

thập trụ Bồ-tát ư Như Lai tánh tri kiến thiếu phân diệc phục như thị。 thiện nam tử。

Bồ-tát Thập trụ đối với Như Lai tánh chỉ thấy biết chút ít cũng lại như vậy. Này thiện nam tử!

譬如有人在大海中乃至無量百千由旬。

thí như hữu nhân tại đại hải trung nãi chí vô lượng bách thiên do tuần。

Thí như có người ở trong biển lớn cho đến lớn vô lượng trăm ngàn do-tuần,

遠望大舶樓櫓堂閣。即作是念。彼是樓櫓。

viễn vọng Đại bạc lâu lỗ đường các。 tức tác thị niệm。 bỉ thị lâu lỗ。

xa xa nhìn thấy chiếc thuyền lớn, nhà lâu, nhà gác, liền nghĩ rằng: đó là thuyền

為是虛空。久視乃生必定之心知是樓櫓。

vi thị hư không。 cửu thị nãi sanh tất định chi tâm tri thị lâu lỗ。

hay là hư không, nhìn lâu trong tâm chắc chắn biết đó là thuyền lớn;

十住菩薩於自身中見如來性亦復如是。

thập trụ Bồ-tát ư tự thân trung kiến Như Lai tánh diệc phục như thị。

Bồ-tát Thập trụ trong tự thân mà thấy về Như Lai tánh cũng lại như vậy.

善男子。譬如王子身極懦弱通夜遊戲。

thiện nam tử. thí như Vương tử thân cực nọa nhược thông dạ du hí.

Này thiện nam tử! Thí như Vương tử, thân rất yếu đuối, dạo chơi suốt đêm,

至明清旦目視一切悉不明了。

chí minh thanh đán mục thị nhất thiết tất bất minh liễu.

đến sáng ngày sau thức dậy, mắt mờ thấy không được rõ;

十住菩薩雖於己身見如來性亦復如是不大明了。復次善男子。

thập trụ Bồ-tát tuy ư kỷ thân kiến Như-Lai tánh diệc phục như thị bất Đại minh liễu. phục thứ thiện nam tử.

Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân mà thấy Như Lai tánh cũng lại như vậy, không rõ ràng lắm.

Lại nữa, thiện nam tử!

譬如臣吏王事所拘逼夜還家。

thí như Thần lại Vương sự sở câu bức dạ hoàn gia.

Thí như quan lại vì công việc suốt đêm trở về nhà,

電明暫發因見牛聚。即作是念。為是牛耶聚雲屋舍。

điện minh tạm phát nhân kiến ngưu tụ. tức tác thị niệm. vi thị ngưu da tụ vân ốc xá.

chớp nhoáng thấy bầy trâu, liền nghĩ rằng: Đây là trâu hay là đám mây, hay cụm nhà?

是人久視雖生牛想猶不審定。

thị nhân cửu thị tuy sanh ngưu tưởng do bất thẩm định.

Người đó nhìn lâu, tuy nhận là trâu mà còn chưa định chắc;

十住菩薩雖於己身見如來性未能審定亦復如是。

thập trụ Bồ-tát tuy ư kỷ thân kiến Như Lai tánh vị năng thẩm định diệc phục như thị.

Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân mà thấy Như Lai tánh, chưa có thể định chắc lại cũng như vậy.

復次善男子。如持戒比丘觀無虫水而見虫相。

phục thứ thiện nam tử. như trì giới Tỷ kheo quán vô trùng thủy nhi kiến trùng tướng.

Lại nữa, thiện nam tử! Như Tỷ-kheo trì giới, nhìn kỹ trong bát nước thấy không có trùng

nhưng thấy tướng của trùng,

即作是念。此中動者為是虫耶是塵土耶。

tức tác thị niệm. thử trung động giả vi thị trùng da thị trần độ da.

liền nghĩ rằng: Sự động đậy trong nước này là trùng chằng hay là bụi đất chằng?
久視不已雖知是塵亦不明了。

cửu thị bất dĩ tuy tri thị trần diệc bất minh liễu。

nhìn lâu tuy biết là bụi nhưng cũng chưa rõ ràng;

十住菩薩於己身中見如來性亦復如是不大明了。

thập trụ Bồ-tát ư kỷ thân trung kiến Như Lai tánh diệc phục như thị bất Đại minh liễu。

Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân mà thấy Như Lai tánh cũng lại như vậy, chưa rõ ràng lắm.

復次善男子。譬如有人於陰闇中遠見小兒。即作是念。

phục thứ thiện nam tử。thí như hữu nhân ư uẩn ám trung viễn kiến tiểu nhi。tức tác thị niệm。

Lại nữa, thiện nam tử! Thí như có người, xa thấy đứa bé đứng trong bóng tối, liền nghĩ rằng:

彼為是牛鷲鳥人耶。

bỉ vi thị ngưu thúu điểu nhân da。

Đó là con bò, chim kên kên hay con người chằng?

久觀不已雖見小兒猶不明了。

cửu quán bất dĩ tuy kiến tiểu nhi do bất minh liễu。

Nhìn lâu, tuy thấy đứa bé, nhưng chẳng rõ ràng;

十住菩薩於己身分見如來性亦復如是不大明了。復次善男子。

thập trụ Bồ-tát ư kỷ thân phân kiến Như Lai tánh diệc phục như thị bất Đại minh liễu。phục thứ thiện nam tử。

Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân mà thấy Như Lai tánh cũng lại như vậy, chưa rõ ràng lắm.

Lại nữa, này thiện nam tử!

譬如有人於夜闇中見畫菩薩像。即作是念。

thí như hữu nhân ư dạ ám trung kiến họa Bồ-tát tượng。tức tác thị niệm。

Thí như có người trong đêm tối thấy bức tranh tượng Bồ-tát, liền nghĩ rằng:

是菩薩像自在天像大梵天像成染衣耶。

thị Bồ-tát tượng Tự Tại Thiên tượng Đại Phạm Thiên tượng thành nhiễm y da。

Đây là tượng của Bồ-tát chằng, tượng của Trời Đại Tự Tại chằng, tượng của Trời Đại phạm nhuộm vải mà thành chằng?

是人久觀雖復意謂是菩薩像亦不明了。

thị nhân cứu quán tuy phục ý vị thị Bồ-tát tượng diệc bất minh liễu。
Người đó nhìn lâu, tuy nhận ra là tượng Bồ-tát nhưng cũng chưa rõ ràng;
十住菩薩於己身分見如來性亦復如是不大明了。善男子。
thập trụ Bồ-tát ư kỷ thân phân kiến Như Lai tánh diệc phục như thị bất Đại minh
liễu。 thiện nam tử。
Bồ-tát Thập trụ đối với tự thân mà nhìn thấy Như Lai tánh cũng lại như vậy, chưa rõ ràng
lắm. Nay thiện nam tử!
所有佛性如是甚深難得知見。唯佛能知。
sở hữu Phật tánh như thị thậm thâm nan đắc tri kiến。 duy Phật năng tri。
Phật tánh sâu xa khó được, khó thấy biết như vậy, chỉ có Như Lai mới có thể biết,
非諸聲聞緣覺所及。善男子。
phi chư Thanh Văn Duyên Giác sở cập。 thiện nam tử。
chư Thanh văn, Duyên giác chẳng thể biết được. Nay thiện nam tử!
智者應作如是分別知如來性。迦葉菩薩白佛言。世尊。
trí giả ứng tác như thị phân biệt tri Như Lai tánh。 Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế
Tôn。
Người trí phải làm những phân biệt như vậy để biết Như Lai tánh. Bồ-tát Ca-diếp bạch
Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!
佛性如是微細難知。云何肉眼而能得見。
Phật tánh như thị vi tế nan tri。 vân hà nhục nhãn nhi năng đắc kiến。
Phật tánh vi tế khó biết như vậy, nhục nhãn làm sao mà có thể thấy được?
佛言迦葉。善男子。如彼非想非非想天。
Phật ngôn。 Ca-diếp。 thiện nam tử。 như bỉ phi tưởng phi phi tưởng Thiên。
Phật dạy Ca-diếp: Nay thiện nam tử! Như cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng kia
亦非二乘所能得知。隨順契經以信故知。
diệc phi nhị thừa sở năng đắc tri。 tùy thuận kế Kinh dĩ tín cố tri。
cũng chẳng phải hàng Nhị thừa biết được, chỉ tin theo kế kinh mà biết được Phật tánh。
善男子。聲聞緣覺信順如是大涅槃經。
thiện nam tử。 Thanh Văn, Duyên Giác tín thuận như thị Đại Niết-bàn Kinh。
Nay thiện nam tử! Như vậy, hàng Thanh văn, Duyên giác tin thuận theo Kinh Đại Niết-bàn
自知己身有如來性亦復如是。善男子。

tự tri kỷ thân hữu Như Lai tánh diệt phục như thị. thiện nam tử.

tự biết thân mình có Phật tánh cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử!

是故應當精勤修習大涅槃經。善男子。如是佛性唯佛能知。

thị cố ứng đương tinh tinh cần tu tập Đại Niết-bàn Kinh. thiện nam tử. như thị Phật tánh duy Phật năng tri.

Vì vậy phải nên tinh cần tu tập Kinh Đại-niết-bàn. Nay thiện nam tử! Phật tánh này chỉ có Phật có thể biết,

非諸聲聞緣覺所及。

phi chư thanh văn duyên giác sở cập.

chư Thanh văn, Duyên giác không thể biết đến được.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

非聖凡夫有眾生性皆說有我。

phi Thánh phàm phu hữu chúng sanh tánh giai thuyết hữu ngã.

Hàng phàm phu chẳng phải Thánh đều nói có ngã.

佛言。譬如二人共為親友。一是王子。

Phật ngôn. thí như nhị nhân cộng vi thân hữu. nhất thị Vương tử.

Phật dạy: Thí như có hai người cùng làm bạn thân với nhau, một người là vương tử,

一是貧賤。如是二人互相往返。

nhất thị bần tiện. như thị nhị nhân hữ tương vãng phản.

một người là dân hèn. Hai người đó thường qua lại với nhau.

是時貧人見是王子有一好刀淨妙第一心中貪著。

thị thời bần nhân kiến thị Vương tử hữu nhất hảo đao tịnh diệu đệ nhất tâm trung tham trước.

Lúc ấy, người nghèo thấy vương tử có cây đao tốt đẹp, trong tâm liền nổi lên tham đắm,

王子後時捉持是刀逃至他國。

Wương tử hậu thời tróc trì thị đao đào chí tha quốc.

khi ở phía Vương tử, lấy cây đao đó trốn đến nước khác.

於是貧人後於他家寄臥止宿。

ư thị bần nhân hậu ư tha gia kí ngoạ chỉ tú.

Một hôm, người dân hèn ngủ nhờ nhà người khác,
 即於眠中譟語刀刀傍人聞之收至王所。時王問言。汝言刀者何處得耶。
 tức ư miên trung siểm ngữ đao đao bàng nhân văn chi thu chí Vương sở. thời Vương vấn
 ngôn. nhữ ngôn đao giả hà xứ đắc da.
 trong giấc ngủ say mơ nói rằng cây đao, cây đao! Người nhà nghe được liền bắt nộp cho
 vua. Khi ấy vua hỏi rằng: Người nói cây đao, nay nó ở đâu?
 是人具以上事答王。
 thị nhân cụ dĩ thượng sự đáp Vương.
 Người dân hèn đem mọi sự việc trình lên vua:
 王今設使屠割臣身分張手足。欲得刀者實不可得。臣與王子素為親厚。
 Vương kim thiết sử đồ cát Thần thân phân trương thủ túc. dục đắc đao giả thật bất khả
 đắc. Thần dĩ Vương tử tố vi thân hậu.
 Vua nay sai đồ tể cắt mổ thân của hạ thần, phanh xẻ tay chân, cũng không thể tìm được
 đao. Thần và vương tử vốn làm bạn thân,
 先與一處雖曾眼見。乃至不敢以手[打-丁+棠]觸。
 tiên dĩ nhất xử tuy tăng nhãn kiến. nãi chí bất cảm dĩ thủ [đả -đinh +đường]xúc.
 trước kia, tuy mắt được thấy cây đao mà còn không dám chạm đến
 況當故取。王復問言。卿見刀時相貌何類。
 huống đương cố thủ. Vương phục vấn ngôn. khanh kiến đao thời tướng mạo hà loại.
 huống chi lại cố ý lấy. Vua lại hỏi: Cây đao người thấy khi ấy hình dáng giống thứ gì?
 答言。大王。臣所見者如殺羊角。
 đáp ngôn. Đại Vương. Thần sở kiến giả như cổ dương giác.
 Đáp rằng: Tâu Đại vương! Thần thấy cây đao đó giống như sừng con dê đen.
 王聞是已欣然而笑。語言。汝今隨意所至莫生憂怖。
 Vương văn thị dĩ hân nhiên nhi tiếu. ngữ ngôn. nhữ kim tùy ý sở chí mạc sanh ưu phố.
 Vua nghe xong vui cười mà rằng: Người nay tùy ý đi đâu thì đi, chớ có sanh lo sợ,
 我庫藏中都無是刀。況汝乃於王子邊見。
 ngã khố tạng trung đô vô thị đao. huống nhữ nãi ư Vương tử biên kiến.
 trong kho của ta đều không có đao đó, huống là người nhìn thấy nơi vương tử.
 時王即問諸群臣言。汝等曾見如是刀不。
 thời Vương tức vấn chư quần Thần ngôn. nhữ đẳng tăng kiến như thị đao bất.
 thời Vương tức vấn chư quần Thần ngôn. nhữ đẳng tăng kiến như thị đao bất.

Khi ấy, vua liền hỏi đám quần thần rằng: Các người đã từng thấy cây đao như vậy chưa?
言已崩背。尋立餘子紹繼王位。復問輔臣。卿等。

ngôn dĩ băng bối. tìm lập dư tử thiệu kế Vương vị. phục vấn phụ Thần. khanh đẳng.
Nói xong vua liền băng. Triều thần liền lập vương tử khác kế tục ngôi vua. Tân vương lại
hỏi quan cận thần: Các khanh

曾於官藏之中見是刀不。諸臣答言。

tằng ư quan tạng chi trung kiến thị đao bất. chư Thần đáp ngôn.

từng thấy cây đao đó ở trong cung không? Các quan đáp rằng:

臣等曾見。覆復問言。其狀何似。答言。大王。

Thần đẳng tăng kiến. phúc phục vấn ngôn. kỳ trạng hà tự. đáp ngôn. Đại Vương.

Chúng thần đã từng thấy. Vua lại hỏi: Hình dạng của cây đao đó như thế nào? Đáp rằng:
Tâu Đại vương!

如殺羊角。王言。我官藏中何處當有如是相刀。

như cổ dương giác. Vương ngôn. ngã quan tạng trung hà xử đương hữu như thị tướng
đao.

Giống như sừng con dê đen. Vua nói: Trong kho của ta chỗ nào có cây đao hình dáng
như vậy?

次第四王皆悉檢校求索不得。却後數時。

thứ đệ tứ Vương giai tất kiểm giảo cầu tác bất đắc. khước hậu số thời.

Lần lượt bốn vị vua tra tìm cây đao ấy đều không được. Sau đó một thời gian,
先逃王子從他國還來至本土。

tiên đào Vương tử tòng tha quốc hoàn lai chí bản độ.

Wương tử trước trốn đến nước khác trở về nước cũ,

復得為王既登王位。復問諸臣。汝見刀不。答言。大王。

phục đắc vi Vương ký đăng Vương vị. phục vấn chư Thần. nhữ kiến đao bất. đáp
ngôn. Đại Vương.

lại được tôn lên làm vua. Khi lên ngôi rồi, vua này lại hỏi các quần thần: Các khanh có
thấy cây đao đó không? Đáp rằng: Tâu Đại vương!

臣等皆見。覆復問言。其狀何似。答言。大王。

Thần đẳng giai kiến. phúc phục vấn ngôn. kỳ trạng hà tự. đáp ngôn. Đại Vương.

Chúng thần đều thấy. Vua lại hỏi tiếp: Hình dáng cây đao đó giống cái gì? Đáp rằng: Tàu Đại vương!

其色清淨如優鉢羅花。復有答言。形如羊角。

kỳ sắc thanh tịnh như Ưu bát la hoa. phục hữu đáp ngôn. hình như dương giác.

Sắc của cây đao ấy thanh tịnh như hoa Ưu-bát-la, lại có người đáp rằng: hình dáng giống như sừng dê.

復有說言。其色紅赤猶如火聚。復有答言。

phục hữu thuyết ngôn. kỳ sắc hồng xích do như hỏa tụ. phục hữu đáp ngôn.

Lại có người nói rằng: sắc màu đỏ hồng giống như đóm lửa. Lại có người đáp rằng, 猶如黑蛇。時王大笑。

do như hắc xà. thời Vương Đại tiếu.

giống như rắn đen. Khi ấy, vua cười lớn.

卿等皆悉不見我刀真實之相。

khanh đẳng giai tất bất kiến ngã đao chân thật chi tướng.

Hết thầy các khanh đều chẳng thấy hình tướng thật cây đao của ta.

善男子。菩薩摩訶薩亦復如是。

thiện nam tử. Bồ-tát Ma-ha-tát diệc phục như thị.

Này thiện nam tử! Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy,

出現於世說我真相。說已捨法。

xuất hiện ư thế thuyết ngã chân tướng. thuyết dĩ xả Pháp.

xuất hiện ở đời nói tướng chân thật của Ngã, nói xong bỏ đi,

喻如王子持淨妙刀逃至他國。凡夫愚人說言一切有我有我。

dụ như Vương tử trì tịnh diệu đao đào chí tha quốc. phàm phu ngu nhân thuyết ngôn nhất thiết hữu ngã hữu ngã.

như vương tử cầm cây đao tốt đẹp trốn đến nước khác. Phàm phu ngu muội cho rằng hết thầy đều có Ngã! có Ngã!

如彼貧人止宿他舍調語刀刀。

như bỉ bần nhân chỉ tú tha xá siểm ngữ đao đao.

Như người dân hèn kia ngủ nhờ nhà người khác mà mơ nói cây đao, cây đao!

聲聞緣覺問諸眾生我有何相。答言。我見我相大如母指。

thanh văn duyên giác vấn chư chúng sanh ngã hữu hà tướng. đáp ngôn. ngã kiến ngã tướng đại như mẫu chỉ.

Thanh văn, Duyên giác hỏi các chúng sanh, tướng của ngã như thế nào? Đáp rằng: Tôi thấy tướng của ngã lớn như ngón tay cái,

或言如米。或如稗子。

hoặc ngôn như mễ. hoặc như bại tử.

hoặc nói như hạt gạo, hoặc như hạt cỏ;

有言我相住在心中熾然如日。如是眾生不知我相。喻如諸臣不知刀相。

hữu ngôn ngã tướng trụ tại tâm trung sí nhiên như nhật. như thị chúng sanh bất tri ngã tướng. dụ như chư Thần bất tri đao tướng.

có người nói tướng của ngã ở trong tâm, bừng sáng như mặt trời. Những chúng sanh ấy không biết tướng của ngã, như các quan không biết cái tướng của đao.

菩薩如是說於我法。

Bồ-tát như thị thuyết ư ngã Pháp。

Bồ-tát nói pháp ngã cũng lại như vậy.

凡夫不知種種分別妄作我相。如問刀相。答似羊角。

phàm phu bất tri chủng chủng phân biệt vọng tác ngã tướng. như vấn đao tướng. đáp tự dương giác.

Phàm phu không biết phân biệt, vọng tưởng ra các tướng của ngã, như khi hỏi tướng cây đao thì đáp tựa như sừng dê đen.

是諸凡夫次第相續而起邪見。為斷如是諸邪見故。

thị chư phàm phu thứ đệ tướng tục nhi khởi tà kiến. vị đoạn như thị chư tà kiến cố.

Các phàm phu đó sẽ lần lượt nối nhau khởi lên tà kiến. Vì muốn đoạn các tà kiến như vậy nên

如來示現說於無我。喻如王子語諸臣言。

Như Lai thị hiện thuyết ư vô ngã. dụ như Vương tử ngữ chư Thần ngôn.

Như Lai thị hiện nói Vô ngã, dụ như vương tử nói với đám quần thần,

我庫藏中無如是刀。善男子。今日如來所說真我。

ngã kho tạng trung vô như thị đao. thiện nam tử. kim nhật Như Lai sở thuyết chân ngã. trong kho của ta không có cây đao như vậy. Này thiện nam tử! Hôm nay Như Lai nói về ngã chân thật

名曰佛性。如是佛性。我佛法中喻如淨刀。

danh viết Phật tánh. như thị Phật tánh. ngã Phật Pháp trung dụ như tịnh đao.
gọi là Phật tánh. Phật tánh như vậy, trong giáo pháp của Ta dụ như cây đao tốt kia.

善男子。若有凡夫能善說者。即是隨順無上佛法。

thiện nam tử. nhược hữu phàm phu năng thiện thuyết giả. tức thị tùy thuận vô thượng
Phật Pháp.

Này thiện nam tử! Nếu có người phàm phu có thể khéo nói về Phật tánh ấy, liền tùy thuận
Vô thượng Phật pháp;

若有善能分別隨順宣說是者。

nhược hữu thiện năng phân biệt tùy thuận tuyên thuyết thị giả。

nếu có người khéo có thể phân biệt, tùy thuận, tuyên thuyết về Phật tánh ấy thì
當知即是菩薩相貌。善男子。

đương tri tức thị Bồ-tát tướng mạo。thiện nam tử。

phải biết đó là Bồ-tát. Này thiện nam tử!

所有種種異論呪術言語文字。皆是佛說非外道說。

sở hữu chủng chủng dị luận chú thuật ngôn ngữ văn tự。giai thị Phật thuyết phi ngoại đạo
thuyết。

Bao nhiêu những dị luận, chú thuật, ngôn ngữ, văn tự đều là Phật nói, chẳng phải ngoại
đạo nói.

迦葉菩薩白佛言。世尊。云何如來說字根本。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。Thế Tôn。vân hà Như Lai thuyết tự căn bản。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như Lai nói văn tự căn bản ra thế
nào?

佛言。善男子。說初半字以為根本。

Phật ngôn。thiện nam tử。thuyết sơ bán tự dĩ vi căn bản。

Phật dạy: Này thiện nam tử! Ban đầu dùng nửa chữ làm căn bản để thuyết,

持諸記論呪術文章諸陰實法。凡夫之人學是字本。

trì chư kí luận chú thuật văn chương chư âm thật Pháp。phàm phu chi nhân học thị tự
bổn。

để ghi nhận những thật pháp như ký luận, chú thuật, văn chương, các âm. Hạng phàm
phu học bán tự căn bản này,

然後能知是法非法。

nhiên hậu năng tri thị Pháp phi Pháp

sau đó mới có thể biết là Chánh pháp hay phi pháp.

迦葉菩薩復白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn。 Thế Tôn。

Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

所言字者其義云何。善男子。有十四音名為字義。

sở ngôn tự giả kỳ nghĩa vân hà。 thiện nam tử。 hữu thập tứ âm danh vi tự nghĩa。

Bán tự của Phật nói nghĩa như thế nào? Nay thiện nam tử! Có mười bốn âm gọi là nghĩa của bán tự.

所言字者名曰涅槃。常故不流。若不流者則為無盡。

sở ngôn tự giả danh viết Niết-bàn。 thường cố bất lưu。 nhược bất lưu giả tắc vi vô tận。

Tự nói ở đây gọi là Niết-bàn, thường như vậy không lưu chuyển, nếu không lưu chuyển thì là vô tận,

夫無盡者即是如來金剛之身。

phu vô tận giả tức thị Như Lai Kim cương chi thân。

hễ vô tận tức là thân Kim cương của Như Lai.

是十四音名曰字本。嚧者不破壞故。

thị thập tứ âm danh viết tự bản。 A giả bất phá hoại cố。

Mười bốn âm gọi là căn bản của tự: “A” là không phá hoại,

不破壞者名曰三寶。喻如金剛。又復嚧者名不流故。

bất phá hoại giả danh viết Tam Bảo。 dụ như Kim cương。 hựu phục A giả danh bất lưu cố。

không phá hoại ấy gọi là Tam Bảo, dụ như Kim cương. Lại nữa, “A” là chẳng lưu chuyển, không lưu chuyển tức là Như Lai。 如來九孔無所流故是故不流。

bất lưu giả tức thị Như Lai。 Như Lai cửu khổng vô sở lưu cố thị cố bất lưu。

chẳng lưu chuyển ấy tức là Như Lai。 Như Lai không có chín lỗ lưu chảy nên là Bất lưu chuyển。

又無九孔是故不流。不流即常常即如來。

hựu vô cửu khổng thị cố bất lưu。 bất lưu tức thường thường tức Như Lai。

Lại không có chín lỗ nên là Bất lưu; bất lưu tức là thường; thường tức là Như Lai.

如來無作是故不流。又復嚧者名為功德。

Như Lai vô tác thị cố bất lưu. hựu phục ác giả danh vi công đức.

Như Lai không tạo tác nên chẳng lưu chuyển. Lại nữa, “A” gọi là công đức.

功德者即是三寶。是故名嚧。阿者名阿闍梨。

công đức giả tức thị Tam Bảo. thị cố danh ác. a giả danh A-xà-lê.

Công đức tức là Tam Bảo, vì vậy gọi là “A”. “A” (giọng dài) ấy gọi là A-xà-lê.

阿闍梨者義何謂耶。於世間中得名聖者。

A-xà-lê giả nghĩa hà vị da. ư thế gian trung đắc danh Thánh giả.

A-xà-lê nghĩa là gì? Trong thế gian A-xà-lê được gọi là Thánh.

何謂為聖聖名無著。少欲知足亦名清淨。

hà vị vi Thánh Thánh danh Vô trú. thiếu dục tri túc diệt danh thanh tịnh.

Sao lại bảo là Thánh? Thánh là không chấp trước, ít muốn, biết đủ cũng gọi là thanh tịnh,

能度眾生於三有流生死大海是名為聖。

năng độ chúng sanh ư tam hữu lưu sanh tử Đại hải thị danh vi Thánh.

có thể độ chúng sanh thoát khỏi biển lớn sanh tử trong ba cõi nên gọi là Thánh.

又復阿者名曰制度。修持淨戒隨順威儀。

hựu phục a giả danh viết chế độ. tu trì tịnh giới tùy thuận uy nghi.

Lại nữa, “A” là chế độ, tu trì giới thể thanh tịnh, tùy thuận uy nghi.

又復阿者名依聖人。應學威儀進止舉動。

hựu phục a giả danh y Thánh nhân. ứng học uy nghi tiến chỉ cử động.

Lại nữa, “A” gọi là nương nơi Thánh nhân để học uy nghi, đứng, đi, hành động,

供養恭敬禮拜三尊。孝養父母及學大乘。

cung dưỡng cung kính lễ bái tam tôn. hiếu dưỡng phụ mẫu cập học Đại thừa.

cúng dường, cung kính, lễ bái Tam Bảo, hiếu dưỡng cha mẹ và học Đại thừa.

善男女等具持禁戒。及諸菩薩摩訶薩等是名聖人。

thiện nam nữ đẳng cụ trì cấm giới. cập chư Bồ-tát Ma-Ha tát đẳng thị danh Thánh nhân.

Các vị thiện nam thiện nữ đó giữ gìn giới cấm đầy đủ và các vị Đại Bồ-tát v.v.. đây gọi là Thánh nhân.

又復阿者名曰教誨。

hựu phục a giả danh viết giáo hối.

Lại nữa, “A” là giáo hối.

如言汝來如是應作如是莫作。若有能遮非威儀法是名聖人。

như ngôn nhữ lai như thị ứng tác như thị mạc tác。nhược hữu năng già phi uy nghi Pháp thị danh Thánh nhân。

Như nói rằng: Các người nên làm như thế này, chớ làm như thế này! Nếu có thể ngăn dứt những điều phi uy nghi thì gọi là Thánh nhân,

是故名阿。

thị cố danh a。

cho nên gọi là “A”。

億者即是佛法。梵行廣大清淨無垢。

ức giả tức thị Phật Pháp。 phạm hành quảng Đại thanh tịnh vô cấu。

“Úc” là Phật pháp。 Phạm hạnh thanh tịnh rộng lớn, không cấu nhiễm

喻如滿月。汝等如是應作不作是義非義。

dụ như mãn nguyệt。 nhữ đẳng như thị ứng tác bất tác thị nghĩa phi nghĩa。

như trăng tròn。 Các người phải nên làm như vậy, chẳng được làm như vậy, nghĩa này phải, nghĩa này chẳng phải,

此是佛說。此是魔說。是故名億。伊者佛法。

thử thị Phật thuyết。 thử thị ma thuyết。 thị cố danh ức。 y giả Phật Pháp。

đây là lời Phật nói, đây là lời ma nói, vì vậy gọi là “Úc”。 “Y” (giọng dài) là Phật pháp

微妙甚深難得。如自在天大梵天王。

vi diệu thậm thâm nan đắc。 như Tự Tại Thiên Đại Phạm Thiên Vương。

vi diệu sâu xa khó được, như trời Tự Tại, vua trời Đại Phạm

法名自在若能持者則名護法。又自在者名四護世。

Pháp danh tự tại nhược năng trì giả tắc danh hộ Pháp。 hựu tự tại giả danh tứ hộ thế。

gọi là Tự tại, nếu có thể giữ gìn được Phật pháp thì gọi là Hộ pháp。 Lại Tự Tại chỉ cho bốn bậc Hộ thế。

是四自在則能攝護大涅槃經。

thị tứ tự tại tắc năng nhiếp hộ Đại Niết-bàn Kinh。

Bốn tự tại này có thể nhiếp hộ Kinh Đại Niết-bàn,

亦能自在敷揚宣說。又復伊者能為眾生自在說法。

diệc năng tự tại phu dương tuyên thuyết. hựu phục y giả năng vị chúng sanh tự tại thuyết Pháp.

cũng có thể tự tại diễn bày tuyên thuyết. Lại nữa, “Y” là có thể vì chúng sanh mà tự tại thuyết Pháp.

復次伊者為自在故說何等是也。所謂修習方等經典。

phục thứ y giả vi tự tại cố thuyết hà đẳng thị dã. sở vị tu tập Phương Đẳng Kinh điển。

Lại nữa, “Y” là tự tại nên nói những gì? Đó là nói về sự tu tập Kinh điển Phương Đẳng.

復次伊者為斷嫉妬如除穢穢。

phục thứ y giả vi đoạn tật đố như trừ bại uế。

Lại nữa, “Y” là đoạn trừ tật đố như dọn sạch cỏ rác,

皆悉能令變成吉祥。是故名伊。

giai tất năng lệnh biến thành cát tường. thị cố danh y。

đều có thể làm cho trở thành tốt lành, vì vậy gọi là “Y”.

郁者於諸經中最上最勝。

Ưu giả ư chư Kinh trung tối thượng tối thắng。

“Ưu” (giọng ngắn), là tối thượng, tối thắng,

增長上上謂大涅槃。復次郁者如來之性聲聞緣覺所未曾聞。

tăng trường thượng thượng vị Đại Niết-bàn. phục thứ ưu giả Như Lai chi tánh Thanh Văn,

Duyên Giác sở vị tăng văn。

tăng trường thượng thượng trong các Kinh tức là Đại Niết-bàn. Lại nữa, “Ưu” tức là tánh

của Như Lai, hàng Thanh văn và Duyên giác chưa từng nghe đến,

如一切處北鬱單越最為殊勝。

như nhất thiết xử Bắc uất đan việt tối vi thù thắng。

như hết thầy các nơi thì Bắc Uất-đan-việt là thù thắng hơn hết.

菩薩若能聽受是經於一切眾最為殊勝。

Bồ-tát nhược năng thính thọ thị Kinh ư nhất thiết chúng tối vi thù thắng。

Bồ-tát nếu có thể nghe thọ được Kinh này là tối thắng đối với hết thầy đại chúng.

以是義故是經得名最上最勝。是故名郁。

dĩ thị nghĩa cố thị Kinh đắc danh tối thượng tối thắng. thị cố danh ưu。

Do nghĩa đó nên Kinh được gọi là Tối Thượng Tối Thắng, vì vậy gọi là “Ưu”.

優者喻如牛乳諸味中上。如來之性亦復如是。

ưu giả dụ như ngưu nhũ chư vị trung thượng. Như Lai chi tánh diệc phục như thị.
“Ưu” (giọng dài) dụ như sữa bò là trên hết trong các vị. Tánh của Như Lai cũng lại như vậy,

於諸經中最尊最上。若有誹謗當知是人與牛無別。

ư chư Kinh trung tối tôn tối thượng. nhược hữu phỉ báng đương tri thị nhân dữ ngưu vô biệt.

trong các Kinh là tối tôn tối thượng; nếu có người phỉ pháng nên biết người ấy cùng với trâu bò không khác.

復次優者是人名為無慧正念。誹謗如來微密祕藏。

phục thứ ưu giả thị nhân danh vi Vô Tuệ Chánh Niệm. phỉ báng Như Lai vi mật bí tạng. Lại nữa, “Ưu” là nói người trên đó không có trí tuệ chánh niệm, phỉ báng Bí mật tạng vi diệu của Như Lai,

當知是人甚可憐愍。

đương tri thị nhân thậm khả liên mẫn.

nên biết người đó hết sức đáng thương,

遠離如來祕密之藏說無我法。是故名優。

viễn li Như Lai bí mật chi tạng thuyết vô ngã Pháp. thị cố danh ưu.

vì xa rời Bí mật tạng của Như Lai mà nói pháp Vô ngã, vì vậy gọi là “Ưu”

咽者即是諸佛法性涅槃。是故名咽。

yết giả tức thị chư Phật Pháp tánh Niết-bàn. thị cố danh yết.

“Yết” tức là Phật tánh Niết-bàn, vì vậy gọi là “Yết”.

嘯者謂如來義。復次嘯者如來進止屈伸舉動。

Dã giả vị Như Lai nghĩa. phục thứ dã giả Như Lai tiến chỉ khuất thân cử động.

“Dã” là Như Lai nghĩa. Lại nữa, “Dã” ấy là sự đứng đi, co duỗi, cử động của Như Lai,

無不利益一切眾生。是故名嘯。

vô bất lợi ích nhất thiết chúng sanh. thị cố danh dã.

không gì là chẳng lợi ích cho hết thầy chúng sanh, vì vậy gọi là “Dã”

烏者名煩惱義。煩惱者名曰諸漏。

ô giả danh phiền não nghĩa. phiền não giả danh viết chư lậu.

“Ô” là nghĩa phiền não, phiền não gọi là các hữu lậu.

如來永斷一切煩惱。是故名烏。炮者謂大乘義。

Như Lai vĩnh đoạn nhất thiết phiền não. thị cố danh ô. pháo giả vị Đại thừa nghĩa.
Như Lai vĩnh viễn đoạn trừ hết thảy phiền não, vì vậy gọi là “Ô”. “Pháo” ấy là nghĩa Đại thừa,

於十四音是究竟義。大乘經典亦復如是。

ư thập tứ âm thị cứu cánh nghĩa. Đại thừa Kinh điển diệc phục như thị.

là nghĩa rất ráo nhất trong mười bốn âm. Kinh điển Đại thừa cũng lại như vậy,
於諸經論最為究竟。是故名炮。

ư chư Kinh luận tối vi cứu cánh. thị cố danh pháo.

trong các Kinh luận là rất ráo hơn hết, vì vậy gọi là “Pháo”.

菴者能遮一切諸不淨物。

am giả năng già nhất thiết chư bất tịnh vật.

“Am” ấy có thể ngăn ngừa hết thảy các vật bất tịnh,

於佛法中能捨一切金銀寶物。是故名菴。阿者名勝乘義。

ư Phật Pháp trung năng xả nhất thiết kim ngân bảo vật. thị cố danh am. a giả danh
thắng thừa nghĩa.

đối với Phật pháp thì có thể xả bỏ hết các vật như vàng, bạc ngọc ngà châu báu, nên gọi
là “Am”. “A” gọi là nghĩa Thắng thừa.

何以故。此大乘典大涅槃經。

hà dĩ cố. thử Đại thừa điển Đại Niết-bàn Kinh.

Vì sao? Vì trong Kinh điển Đại thừa thì Kinh Đại-niết-bàn này

於諸經中最为殊勝。是故名阿。

ư chư Kinh trung tối vi thù thắng. thị cố danh A.

là thù thắng hơn cả, nên gọi là “A”

迦者於諸眾生起大慈悲。

ca giả ư chư chúng sanh khởi Đại từ bi.

“Ca” là đối với chúng sanh khởi lên tâm Từ bi lớn,

生於子想如羅睺羅作妙上善義。是故名迦。佉者名非善友。

sanh ư tử tưởng như La-hầu-la tác diệu thượng thiện nghĩa. thị cố danh ca. khu giả
danh phi thiện hữu.

tưởng như con ruột La-hầu-la, làm những việc nghĩa, tốt lành, vì thế gọi là “Ca”. “Khu” gọi
là bạn chẳng lành.

非善友者名為雜穢。不信如來祕密之藏。

phi thiện hữu giả danh vi tạp uế. bất tín Như Lai bí mật chi tạng.

Bạn chẳng lành gọi là dơ dáy, không tin Bí mật tạng của Như Lai,
是故名伽。伽者名藏。藏者即是如來祕藏。

thị cố danh khu. già giả danh tạng. tạng giả tức thị Như Lai bí tạng.

vì thế gọi là “Khu”. “Già” tức là Bí Tạng của Như Lai.

一切眾生皆有佛性。是故名伽。

nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh. thị cố danh già.

Hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh, vì thế gọi là “Già”.

[口+恒]者如來常音。何等名為如來常音。所謂如來常住不變。

hằng giả Như Lai thường âm. hà đẳng danh vi Như Lai thường âm. sở vị Như Lai thường
trụ bất biến。

“Hằng” là âm vận thường hằng của Như Lai. Thế nào gọi là âm vận thường hằng của Như
Lai? Đó là Như Lai thường trú, không thay đổi,

是故名[口+恒]。俄者一切諸行破壞之相。

thị cố danh hằng. nga giả nhất thiết chư hành phá hoại chi tướng.

vì thế thường gọi là “Hằng”. ”Nga” là tướng phá hoại của tất cả các pháp hành,
是故名俄。

thị cố danh nga.

vì thế gọi là “Nga”

遮者即是修義。調伏一切諸眾生故。

già giả tức thị tu nghĩa. điều phục nhất thiết chư chúng sanh cố.

“Giá” tức là nghĩa của Tu; điều phục hết thầy các chúng sanh nên
名為修義。是故名遮。車者如來覆蔭一切眾生。

danh vi tu nghĩa. thị cố danh giá. xa giả Như Lai phúc ấm nhất thiết chúng sanh.

gọi là tu, vì thế gọi là “Giá”. “Xa” là sự che chở của Như Lai đối với hết thầy chúng sanh,
喻如大蓋。是故名車。闍者。是正解脫。無有老相。

dụ như Đại cái. thị cố danh xa. Xà giả. thị chánh giải thoát. vô hữu lão tướng.

như cái lọng lớn, vì thế gọi là “Xa”. “Xà” là chánh giải thoát, không có tướng của già,
是故名闍。膳者煩惱繁茂。喻如稠林。

thị cố danh xà. thiện giả phiền não phồn mậu. dụ như trù lâm.

vì thế gọi là “Xà”. “Thiện” là phiền não hưng thịnh như rừng rậm,
是故名膳。喏者是智慧義。知真法性。

thị cố danh thiện. nhạ giả thị trí tuệ nghĩa. tri chân Pháp tánh.

vì thế gọi là “Thiện”. “Nhạ” gọi là nghĩa trí tuệ, biết tánh chân thật của pháp,
是故名喏。

thị cố danh nhạ.

vì thế gọi là “Nhạ”.

吒者於闍浮提示現半身而演說法。

trá giả ư Diêm-phù-đề thị hiện bán thân nhi diễn thuyết Pháp.

“Tra” là ở nơi cõi Diêm-phù-đề thị hiện bán thân mà diễn thuyết Pháp,

喻如半月。是故名吒。佗者法身具足。喻如滿月。

dụ như bán nguyệt. thị cố danh trá. sá giả Pháp thân cụ túc. dụ như mãn nguyệt.

như nửa vầng trăng, vì thế nên gọi là “Tra”. “Trạch” là pháp thân đầy đủ như mặt trăng
tròn đầy,

是故名佗。茶者是愚癡僧。不知常與無常。

thị cố danh sá. đồ giả thị ngu si tăng. bất tri thường dữ vô thường.

vì thế gọi là “Trạch”. “Trà” là ngu si Tăng, không biết thường và vô thường,

喻如小兒。是故名茶。祖者不知師恩。

dụ như tiểu nhi. thị cố danh đồ. tổ giả bất tri sư ân.

như trẻ con, vì thế gọi là “Trà”. “Tổ” là không biết ơn Thầy,

喻如羝羊。是故名祖。拏者非是聖義。

dụ như dê dương. thị cố danh tổ. noa giả phi thị Thánh nghĩa.

ví như con dê đực, vì thế gọi là “Tổ”. “Noa” là nghĩa chẳng phải Thánh,

喻如外道。是故名拏。多者如來於彼告諸比丘。

dụ như ngoại đạo. thị cố danh noa. đa giả Như Lai ư bỉ cáo chư Tỳ kheo.

dụ như ngoại đạo, vì thế gọi là “Noa”. “Đa” là Như Lai nói với các Tỳ-kheo kia

宜離驚畏當為汝等說微妙法。是故名多。

ngghi ly kinh úy đương vi nhữ đẳng thuyết vi diệu Pháp. thị cố danh đa.

ràng phải nên xa lìa sự kinh nghi sợ sệt, Ta sẽ vì các người mà nói Pháp vi diệu, vì thế gọi
là “Đa”.

他者名愚癡義。眾生流轉生死纏裹如蠶蜚娘。

tha giả danh ngu si nghĩa. chúng sanh lưu chuyển sanh tử triền khoả như tầm khương lang.

“Tha” là nghĩa ngu si. Chúng sanh lưu chuyển triền miên trong vòng sanh tử như con tầm làm kén, như bọ hung làm tổ,

是故名他。陀者名曰大施。所謂大乘是故名陀。

thị cố danh tha. đà giả danh viết Đại thí. sở vị Đại thừa thị cố danh đà.

vì thế gọi là “Tha”. “Đà” gọi là bố thí lớn. Đó là Đại thừa, vì thế gọi là “Đà”.

彈者稱讚功德。

đạn giả xưng tán công đức.

“Đạn” là khen ngợi công đức,

所謂三寶如須彌山高峻廣大無有傾倒。是故名彈。

sở vị Tam Bảo như Tu-di sơn cao tuấn quảng Đại vô hữu khuynh đảo. thị cố danh đạn.

đó là công đức của Tam Bảo cao to, như núi Tu-di cao rộng lớn không thể nghiêng ngã, vì thế gọi là “Đạn”.

那者三寶安住無有傾動。喻如門闔。是故名那。

na giả Tam Bảo an trú vô hữu khuynh động. dụ như môn khố. thị cố danh na.

“Na” là sự an trú của Tam Bảo không sự nghiêng ngã, biến động, dụ như then cửa, vì thế gọi là “Na”.

波者名顛倒義。若言三寶悉皆滅盡。

ba giả danh điên đảo nghĩa. nhược ngôn Tam Bảo tất giai diệt tận.

“Ba” gọi là nghĩa của điên đảo, như nói Tam Bảo thầy đều diệt mất thì

當知是人為自疑惑是故名波。頗者是世間災。

đương tri thị nhân vi tự nghi hoặc thị cố danh ba. phả giả thị thế gian tai.

phải nên biết những người điên đảo đó sẽ tự nghi ngờ, vì thế gọi là “Ba”. “Phả” là những tai họa ở thế gian,

若言世間災起之時三寶亦盡。

nhược ngôn thế gian tai khởi chi thời Tam Bảo diệt tận.

nếu nói rằng khi các tai họa ở thế gian nổi lên thì Tam Bảo cũng hết,

當知是人愚癡無智違失聖旨。是故名頗。婆者名佛十力。

đương tri thị nhân ngu si vô trí vi thất Thánh chỉ. thị cố danh phả. bà giả danh Phật thập lực.

nên biết những người ngu si vô trí đó sẽ lìa mất Thánh chỉ, vì thế gọi là “Phả”. “Bà” gọi là
mười trí lực của Phật,

是故名婆。澹者名為重擔。堪任荷負無上正法。

thị cố danh bà. phạm giả danh vi trọng đấm. kham nhâm hà phụ vô thượng chánh
Pháp.

cho nên gọi là “Bà”. “Phạm” gọi là gánh nặng, kham chịu gánh vác Chánh pháp Vô
thượng,

當知是人是大菩薩。是故名澹。

đương tri thị nhân thị Đại Bồ-tát. thị cố danh phạm.

nên biết người đó là Đại Bồ-tát, vì thế gọi là “Phạm”.

摩者是諸菩薩嚴峻制度。所謂大乘大般涅槃。

ma giả thị chư Bồ-tát nghiêm tuấn chế độ. sở vị Đại thừa Đại Bát Niết-bàn.

“Ma” là chế độ nghiêm tuấn của Bồ-tát, đó là Đại thừa, Đại Bát Niết-bàn,

是故名摩。

thị cố danh ma.

vì thế gọi là “Ma”.

蛇者是諸菩薩在在處處為諸眾生說大乘

xà giả thị chư Bồ-tát tại tại xứ xứ vi chư chúng sanh thuyết Đại thừa

“Xà” là chư Bồ-tát ở mọi nơi mọi chỗ vì chúng sanh mà nói pháp Đại thừa,

法。是故名蛇。

Pháp. thị cố danh xà.

vì thế gọi là “Xà”.

囉者能壞貪欲瞋恚愚癡說真實法。是故名囉。囉者名聲聞乘動轉不住。

la giả năng hoại tham dục sân khể ngu si thuyết chân thật Pháp. thị cố danh la. la giả
danh thanh văn thừa động chuyển bất trụ.

“La” là có thể phá hoại tham dục, sân giận, ngu si mà nói pháp chân thật, vì thế gọi là

“La”. “La” gọi là Thanh Văn thừa còn động chuyển chẳng dừng;

大乘安固無有傾動。

Đại thừa an cố vô hữu khuynh động.

Đại thừa bền vững không lay động,

捨聲聞乘精勤修習無上大乘。是故名囉。和者如來世尊。

xả Thanh Văn thừa tinh tinh cần tu tập vô thượng Đại thừa. thị cố danh la. hòa giả như lai thế tôn.

bỏ Thanh Văn thừa, tinh cần tu tập Đại thừa Vô thượng, vì thế gọi là “La”. “Hòa” là Như Lai Thế Tôn,

為諸眾生雨大法雨。所謂世間呪術經書。

vị chư chúng sanh vũ Đại Pháp vũ. sở vị thế gian chú thuật Kinh thư.

vì các chúng sanh mà rưới mưa pháp lớn, đó là chú thuật, kinh sách của thế gian,

是故名和。奢者遠離三箭。

thị cố danh hòa. xa giả viễn li tam tiễn.

vì thế gọi là “Hòa”. “Xa” là xa lia ba mũi tên độc,

是故名奢,沙者名具足義若能聽是大涅槃經。

thị cố danh xa sa giả danh cụ túc nghĩa nhược năng thính thị Đại Niết-bàn Kinh.

vì thế gọi là “Xa”. “Sa” gọi là nghĩa đầy đủ; nếu có thể nghe Kinh Đại Niết-bàn này

則為已得聞持一切大乘經典。是故名沙。

tắc vi dĩ đắc văn trì nhất thiết Đại thừa Kinh điển. thị cố danh sa.

tức là đã được nghe và thọ trì hết thầy Kinh điển Đại thừa, vì thế gọi là “Sa”.

娑者為諸眾生演說正法令心歡喜。是故名娑。呵者名心歡喜。

sá giả vi chư chúng sanh diễn thuyết chánh Pháp lệnh tâm hoan hỷ. thị cố danh sá. ha

giả danh tâm hoan hỷ.

“Sá” là vì các chúng sanh mà diễn thuyết Chánh pháp, khiến cho tâm họ được hoan hỷ, vì

thế gọi là “Sá”. “Ha” là tâm hoan hỷ,

奇哉世尊離一切行。怪哉如來入般涅槃。

kì tai Thế tôn ly nhất thiết hành. quái tai Như Lai nhập bát Niết-bàn.

kỳ lạ khi Thế Tôn xa lia các hành, lạ thay như khi Như Lai nhập Niết-bàn,

是故名呵。[口*荼]者名曰魔義。

thị cố danh ha. La giả danh viết ma nghĩa.

vì thế gọi là “Ha”. “La” nghĩa là ma.

無量諸魔不能毀壞如來祕藏。是故名[口*荼]。

vô lượng chư ma bất năng hủy hoại Như Lai bí tạng. thị cố danh La.

Vô lượng loại ma không thể phá hoại Bí tạng của Như Lai, vì thế gọi là “La”.

復次[口*荼]者乃至示現隨順世間有父母妻子。

phục thứ la giả nãi chí thị hiện tùy thuận thế gian hữu phụ mẫu thê tử。

Lại nữa, “La” nhấn đến thị hiện tùy thuận thế gian có cha mẹ, vợ chồng, con cái, 是故名[口*茶]魯流盧樓。如是四字說有四義。

thị cố danh [khẩu *đồ]lỗ lưu lô lâu。 như thị tứ tự thuyết hữu tứ nghĩa。

vì thế gọi là “La”. “Lỗ, Lưu, Lô, Lâu”, bốn chữ như vậy nói có bốn nghĩa, 謂佛法僧及以對法。言對法者隨順世間。

vị Phật Pháp tăng cập dĩ Đối Pháp。 ngôn Đối Pháp giả tùy thuận thế gian。

đó là Phật, Pháp, Tăng và đối pháp. Nói đối pháp là tùy thuận thế gian, 如調婆達示現壞僧。化作種種形貌色像。

như điều bà đạt thị hiện hoại tăng。 hóa tác chủng chủng hình mạo sắc tướng。

như Đề Bà Đạt Đa thị hiện phá Tăng, hóa ra các loại hình dạng, sắc tướng 為制戒故智者了達不應。於此而生畏怖。

vị chế giới cố trí giả liễu đạt bất ứng。 ư thử nhi sanh úy phố。

vì để làm nhân duyên cho Phật chế giới. Người trí rõ thấu chẳng nên đối với việc này mà sanh lòng sợ hãi.

是名隨順世間之行。以是故名魯流盧樓。

thị danh tùy thuận thế gian chi hành。 dĩ thị cố danh lỗ lưu lô lâu。

Đây gọi là những hành vi tùy thuận thế gian, vì thế gọi là “Lỗ, Lưu, Lô, Lâu”。

吸氣舌根隨鼻之聲。長短超聲隨音解義。

hấp khí thiết căn tùy tỳ chi thanh。 trường đoản siêu thanh tùy âm giải nghĩa。

Hít khí trời cuống lưỡi theo tiếng lỗ mũi, tiếng dài, ngắn, cao, thấp theo giọng nói để giải bày ý nghĩa

皆因舌齒而有差別。

giai nhân thiết xỉ nhi hữu sai biệt。

đều do nơi lưỡi răng mà có sai khác。

如是字義能令眾生口業清淨。

như thị tự nghĩa năng lệnh chúng sanh khẩu nghiệp thanh tịnh。

Những chữ nghĩa như vậy có thể khiến cho khẩu nghiệp của chúng sanh thanh tịnh。

眾生佛性則不如是假於文字然後清淨。何以故。性本淨故雖復處在陰界入中。

chúng sanh Phật tánh tắc bất như thị giả ư văn tự nhiên hậu thanh tịnh。 hà dĩ cố。 tánh bản tịnh cố tuy phục xử tại uẩn giới nhập trung。

Phật tánh của chúng sanh không phải nhờ nơi văn tự rồi sau mới được thanh tịnh. Vì sao?
Vì Phật tánh vốn đã thanh tịnh, dầu lại ở trong năm ấm, sáu nhập, mười tám giới,
則不同於陰入界也。

tắc bất đồng ư uẩn nhập giới dã。

nhưng chẳng đồng với năm ấm, sáu nhập, mười tám giới,

是故眾生悉應歸依諸菩薩等。以佛性故等視眾生無有差別。

thị cố chúng sanh tất ứng quy y chư Bồ-tát đẳng. dĩ Phật tánh cố đẳng thị chúng sanh vô
hữu sai biệt。

vì thế hết thảy chúng sanh đều phải quy y. Các vị Bồ-tát do nơi Phật tánh mà đều xem
chúng sanh bình đẳng như nhau không có sai khác,

是故半字於諸經書記論文章而為根本。

thị cố bán tự ư chư Kinh thư kí luận văn chương nhi vi căn bản。

vì thế bán tự làm căn bản đối với các Kinh sách, ký luận, văn chương.

又半字義皆是煩惱言說之本。故名半字。

hựu bán tự nghĩa giai thị phiền não ngôn thuyết chi bản. cố danh bán tự。

Lại nữa, nghĩa của bán tự đều là căn bản của phiền não, lời nói, vì thế gọi là bán tự.

滿字者乃是一切善法言說之根本也。

mãn tự giả nãi thị nhất thiết thiện Pháp ngôn thuyết chi căn bản dã。

Nghĩa của mãn tự là căn bản của hết thảy pháp lành, lời nói.

譬如世間為惡之者名為半人。修善之者名為滿人。

thí như thế gian vi ác chi giả danh vi bán nhân. tu thiện chi giả danh vi mãn nhân。

Thí như người xấu ác ở thế gian gọi là bán nhân, người tu thiện gọi là mãn nhân.

如是一切經書記論皆因半字而為根本。

như thị nhất thiết Kinh thư kí luận giai nhân bán tự nhi vi căn bản。

Như vậy, hết thảy kinh sách, ký luận đều nhân nơi bán tự mà làm căn bản.

若言如來及正解脫入於半字。是事不然。何以故。

nhược ngôn Như Lai cập chánh giải thoát nhập ư bán tự. thị sự bất nhiên. hà dĩ cố。

Nếu nói rằng Như Lai và chánh giải thoát vào trong bán tự, việc này không đúng. Vì sao?

離文字故。

ly văn tự cố。

Vì lìa văn tự vậy,

是故如來於一切法無礙無著真得解脫。何等名為解了字義。

thị cố Như Lai ư nhất thiết Pháp vô ngại Vô trú chân đắc giải thoát. hà đẳng danh vi giải liễu tự nghĩa.

cho nên Như Lai đối với hết thảy các pháp là vô ngại, không tham trước, được chân thật giải thoát. Sao gọi là hiểu rõ chữ nghĩa?

有知如來出現於世能滅半字。是故名為解了字義。

hữu tri Như Lai xuất hiện ư thế năng diệt bán tự. thị cố danh vi giải liễu tự nghĩa.

Có người biết Như Lai xuất hiện ở thế gian có thể dứt được bán tự, vì thế gọi là hiểu rõ chữ nghĩa.

若有隨逐半字義者。是人不知如來之性。

nhược hữu tùy trực bán tự nghĩa giả. thị nhân bất tri Như Lai chi tánh.

Nếu có người chạy theo nghĩa của bán tự ấy thì người ấy không biết tánh của Như Lai.

何等名為無字義也。親近修習不善法者是名無字。

hà đẳng danh vi vô tự nghĩa dã. thân cận tu tập bất thiện Pháp giả thị danh vô tự.

Sao gọi là nghĩa vô tự? Là người thân gần, tu tập các pháp không lành, đó gọi là vô tự.

又無字者雖能親近修習善法。

hựu vô tự giả tuy năng thân cận tu tập thiện Pháp。

Lại người vô tự ấy, dầu có thể thân gần tu tập các pháp lành

不知如來常與無常恒與非恒。及法僧二寶律與非律。

bất tri Như Lai thường dữ vô thường hằng dữ phi hằng. cập Pháp tăng nhị bảo luật dữ phi luật。

nhưng cũng chẳng biết Như Lai thường hay vô thường, hằng với phi hằng, cùng với hai ngôi quý báu là Pháp và Tăng, Luật và phi Luật,

經與非經魔說佛說。若有不能如是分別。

Kinh dữ phi Kinh ma thuyết Phật thuyết. nhược hữu bất năng như thị phân biệt。

Kinh và phi Kinh, lời ma nói với lời Phật nói; nếu có thân gần tu tập cũng không thể phân biệt như vậy.

是名隨逐無字義也。我今已說如是隨逐無字之義。

thị danh tùy trực vô tự nghĩa dã. ngã kim dĩ thuyết như thị tùy trực vô tự chi nghĩa。

Đó gọi là người chạy theo nghĩa vô tự.

善男子。

thiện nam tử.

Này thiện nam tử!

是故汝今應離半字善解滿字。迦葉菩薩白佛言。世尊。我等應當善學字數。

thị cố nữ kim ứng ly bán tự thiện giải mãn tự Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn. ngã đặng ứng đương thiện học tự số.

Vì thế các người phải lìa xa bán tự, khéo hiểu mãn tự. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Chúng con phải nên khéo học tự số.

今我值遇無上之師。已受如來慇懃誨勅。

kim ngã trị ngộ vô thượng chi sư. dĩ thọ Như Lai ân cần hối sắc.

Con nay đã gặp được bậc thầy Vô thượng, đã nhận được sự ân cần dạy bảo của Như Lai. Phật讚迦葉. 善哉善哉. 樂正法者應如是學。

Phật tán Ca-diếp. Thiện tai Thiện tai. lạc chánh Pháp giả ứng như thị học.

Phật khen Ca-diếp: Hay thay! Hay thay! Người thích Chánh pháp thì phải học như vậy.

爾時佛告迦葉菩薩。善男子。鳥有二種。

nhĩ thời Phật cáo ca diệp Bồ-tát. thiện nam tử. điều hữu nhị chủng.

Lúc bấy giờ Phật dạy Bồ-tát Ca-diếp: Này thiện nam tử! Có hai giống chim:

一名迦隣提。二名鴛鴦。遊止共俱不相捨離。

nhất danh ca lân đề. nhị danh uyên ương. du chỉ cộng câu bất tương xả ly.

Một tên là Ca-lân-đề, hai tên là Uyên ương. Hai giống chim đó lúc bay, lúc ở đều cùng chung chẳng xa rời nhau;

是苦無常無我等法。亦復如是不得相離。

thị khổ vô thường vô ngã đặng Pháp. diệc phục như thị bất đắc tương ly.

các pháp khổ vô thường, vô ngã v.v.. không xa rời nhau cũng lại như vậy.

迦葉菩薩白佛言。世尊。云何是苦無常無我。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn. vân hà thị khổ vô thường vô ngã.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là các pháp khổ vô thường và vô ngã

如彼鴛鴦迦隣提鳥。

như bỉ uyên ương ca lân đề điều.

như chim Uyên ương và chim Ca-lân-đề kia?

佛言。善男子。異法是苦異法是樂。

Phật ngôn. thiện nam tử. dị Pháp thị khổ dị Pháp thị lạc。
 Phật dạy: Này thiện nam tử! Pháp khổ khác, pháp lạc khác,
 異法是常異法無常。異法是我異法無我。
 dị Pháp thị thường dị Pháp vô thường。 dị Pháp thị ngã dị Pháp vô ngã。
 pháp thường khác, pháp vô thường khác, pháp ngã khác, pháp vô ngã khác。
 譬如稻米異於麻麥。麻麥復異豆粟甘蔗。
 thí như đạo mẽ dị ư ma mạch。 ma mạch phục dị đậu túc cam giá。
 Thí như lúa gạo khác với mè bắp; mè bắp lại khác với đậu mía。
 如是諸種從其萌芽乃至葉花皆是無常。
 như thị chư chủng tòng kỳ manh nha nãi chí diệp hoa giai thị vô thường。
 Các thứ ấy từ mầm mống của nó, cho đến trổ lá, đơm hoa đều là vô thường;
 果實成熟人受用時乃名為常。何以故。性真實故。
 quả thật thành thực nhân thọ dụng thời nãi danh vi thường。 hà dĩ cố。 tánh chân thật cố。
 đến khi thành trái thành hạt khô chín, mọi người thọ dụng được mới gọi là thường. Vì sao
 vậy? Vì tánh chân thật vậy。
 迦葉白佛言。世尊。
 Ca-diếp bạch Phật ngôn. Thế tôn。
 Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!
 如是等物若是常者同如來耶。
 như thị đẳng vật nhược thị thường giả đồng Như Lai da。
 Như vậy mọi sự vật nếu là thường thì đồng với Như Lai ư?
 佛言。善男子。汝今不應作如是說。何以故。
 Phật ngôn. thiện nam tử. nử kim bất ứng tác như thị thuyết。 hà dĩ cố。
 Phật dạy: Này thiện nam tử! Ông nay chớ nên nói những lời như thế. Vì sao vậy?
 若言如來如須彌山。劫壞之時須彌崩倒。
 nhược ngôn Như Lai như Tu-di sơn。 kiếp hoại chi thời Tu-di băng đảo。
 Nếu nói Như Lai như núi Tu-di thì khi kiếp hoại, Tu-di sẽ lở sụp,
 如來爾時豈同壞耶。善男子。
 Như Lai nhĩ thời khởi đồng hoại da. thiện nam tử。
 Như Lai lúc bấy giờ há cùng hoại ư? Này thiện nam tử!
 汝今不應受持是義。善男子。一切諸法唯除涅槃。

nhữ kim bất ứng thọ trì thị nghĩa. thiện nam tử. nhất thiết chư Pháp duy trừ Niết-bàn.
Ông nay chớ nên giữ lấy những nghĩa đó. Nay thiện nam tử! Hết thấy các pháp chỉ trừ
Niết-bàn,

更無一法而是常者。直以世諦言果實常。

canh vô nhất Pháp nhi thị thường giả. trực dĩ thế đế ngôn quả thật thường.

còn lại không một pháp nào là thường cả. Nói trái và hột là thường, đó là nói theo thế gian
thôi.

迦葉菩薩白佛言。世尊。善哉善哉。

ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. Thiện tai Thiện tai.

Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Hay thay! Hay thay!

如佛所說。佛告迦葉。如是如是。善男子。

như Phật sở thuyết. Phật cáo Ca-diệp. như thị như thị. thiện nam tử.

Đúng như lời Phật nói. Phật nói Ca-diệp: Đúng vậy! đúng vậy! Nay thiện nam tử!

雖修一切契經諸定。乃至未聞大般涅槃。

tuy tu nhất thiết khế Kinh chư định. nãi chí vị văn Đại bát Niết-bàn.

Dầu tu hết thấy khế kinh, các môn thiền định, hẳn đến chưa nghe kinh Đại Bát-niết-bàn
皆言一切悉是無常。聞是經已雖有煩惱如無煩惱。

giai ngôn nhất thiết tất thị vô thường. văn thị Kinh dĩ tuy hữu phiền não như vô phiền
não.

đều nói hết thấy là vô thường. Người nghe kinh này rồi, dầu có phiền não cũng như không
phiền não,

即能利益一切人天。何以故。

tức năng lợi ích nhất thiết nhân Thiên. hà dĩ cố.

liền có thể lợi ích cho hết thấy người trời. Vì sao vậy?

曉了己身有佛性故。是名為常。復次善男子。

hiểu liễu kỷ thân hữu Phật tánh cố. thị danh vi thường. phục thứ thiện nam tử.

Vì đã hiểu rõ chính mình có Phật tánh, nên gọi là thường. Lại nữa, nay thiện nam tử!

譬如菴羅樹其花始敷名無常相。

thí như am la thụ kỳ hoa thủy phu danh vô thường tướng.

Thí như cây Am-la, hoa của nó khi mới trở, tướng đó gọi là vô thường;

若成果實多所利益乃名為常。如是善男子。雖修一切契經諸定。

nhược thành quả thật đa sở lợi ích nãi danh vi thường. như thị thiện nam tử. tuy tu nhất thiết kế Kinh chư định.

đến lúc thành trái thật, được nhiều lợi ích mới gọi là thường. Như vậy, Thiện nam tử, tuy tu hết thầy Kế kinh, các môn thiền định

未聞如是大涅槃時。咸言一切悉是無常。

vị vẫn như thị Đại Niết-bàn thời. hàm ngôn nhất thiết tất thị vô thường.

mà khi chưa nghe kinh Đại Niết-bàn thì đều nói tất cả đều là vô thường,

聞是經已雖有煩惱如無煩惱。

vẫn thị Kinh dĩ tuy hữu phiền não như vô phiền não.

nhưng nghe Kinh này rồi, dầu có phiền não cũng như không phiền não,

即能利益一切人天。何以故。曉了自身有佛性故。

tức năng lợi ích nhất thiết nhân Thiên. hà dĩ cố. hiểu liễu tự thân hữu Phật tánh cố.

tức là có thể lợi ích cho hết thầy người trời. Vì sao vậy? Vì hiểu rõ tự thân có Phật tánh

nên

是名為常。復次善男子。譬如金鑛消融之時。

thị danh vi thường. phục thứ thiện nam tử. thí như kim khoáng tiêu dung chi thời.

gọi là thường. Lại nữa, này thiện nam tử! Thí như khi nấu lọc quặng vàng

是無常相融已成金多所利益。乃名為常。

thị vô thường tướng dung dĩ thành kim đa sở lợi ích. nãi danh vi thường.

là tướng vô thường nhưng khi lọc xong thành vàng ròng, được nhiều lợi ích, mới gọi là thường.

如是善男子。雖修一切契經諸定。

như thị thiện nam tử. tuy tu nhất thiết kế Kinh chư định.

Này thiện nam tử! Như vậy, dầu tu hết thầy Kế kinh, các môn thiền định

未聞如是大涅槃時。咸言一切悉是無常。

vị vẫn như thị Đại Niết-bàn thời. hàm ngôn nhất thiết tất thị vô thường.

mà khi chưa nghe kinh Đại Niết-bàn này đều nói hết thầy là vô thường nhưng khi

聞是經已雖有煩惱如無煩惱。即能利益一切人天。

vẫn thị Kinh dĩ tuy hữu phiền não như vô phiền não. tức năng lợi ích nhất thiết nhân

Thiên.

nghe Kinh xong rồi, dầu có phiền não cũng như không phiền não đều có thể lợi ích cho hết thầy người, trời.

何以故。曉了自身有佛性故。是名為常。

hà dĩ cố. hiểu liễu tự thân hữu Phật tánh cố. thị danh vi thường.

Vì sao vậy? Vì hiểu rõ tự thân có Phật tánh nên gọi là thường.

復次善男子。譬如胡麻未被壓時名曰無常。

phục thứ thiện nam tử. thí như hồ ma vị bị áp thời danh viết vô thường.

Lại nữa, này thiện nam tử! Thí như hột mè lúc chưa bị ép gọi là vô thường,

既壓成油多有利益。乃名為常。善男子。

ký áp thành du đa hữu lợi ích. nãi danh vi thường. thiện nam tử.

đã ép thành dầu rồi, có nhiều lợi ích mới gọi là thường. Này thiện nam tử!

雖修一切契經諸定。未聞如是大涅槃經。

tuy tu nhất thiết khế Kinh chư định. vị văn như thị Đại Niết-bàn Kinh.

Dầu tu hết thầy Khế kinh, các môn thiền định mà chưa nghe Kinh Đại Niết-bàn này

咸言一切悉是無常。聞是經已雖有煩惱如無煩惱。

hàm ngôn nhất thiết tất thị vô thường. văn thị Kinh dĩ tuy hữu phiền não như vô phiền não.

thì nói rằng hết thầy đều vô thường nhưng nghe kinh này rồi, tuy có phiền não cũng như không có phiền não,

即能利益一切人天。何以故。

tức năng lợi ích nhất thiết nhân Thiên. hà dĩ cố.

liền có thể lợi ích cho hết thầy người và trời. Vì sao vậy?

曉了己身有佛性故。是名為常。復次善男子。

hiểu liễu kỷ thân hữu Phật tánh cố. thị danh vi thường. phục thứ thiện nam tử.

Vì đã hiểu rõ tự thân có Phật tánh nên gọi là thường. Lại nữa, này thiện nam tử!

譬如眾流皆歸于海。

thí như chúng lưu giai quy vu hải.

Thí như các dòng nước đều chảy về biển;

一切契經諸定三昧皆歸大乘大涅槃經。何以故。究竟善說有佛性故。善男子。

nhất thiết khế Kinh chư định tam muội giai quy Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh. hà dĩ cố. cứu cánh thiện thuyết hữu Phật tánh cố. thiện nam tử.

hết thầy kế kinh, các môn thiền định Tam muội đều quy về Kinh Đại thừa Đại Niết-bàn.
是故我言異法是常異法無常。

thị cố ngã ngôn dị Pháp thị thường dị Pháp vô thường。

Vì thế Ta nói pháp thường khác, pháp vô thường khác,
乃至無我亦復如是。

nãi chí vô ngã diệt phục như thị。

cho đến vô ngã cũng lại như vậy。

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế Tôn。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

如來已離憂悲毒箭。夫憂悲者名為天如來非天。

Như Lai dĩ ly ưu bi độc tiễn。 phu ưu bi giả danh vi Thiên Như Lai phi Thiên。

Như Lai đã xa lìa mũi tên độc sâu bi. Hễ nói về người sâu bi thì gọi là Trời, nhưng Như Lai chẳng phải Trời;

憂悲者名為人如來非人。憂悲者名二十五有。

ưu bi giả danh vi nhân Như Lai phi nhân。 ưu bi giả danh nhị thập ngũ hữu。

sâu bi gọi là người, Như Lai chẳng phải người. Sâu bi gọi là Hai mươi lăm cõi hữu lậu,
如來非二十五有。是故如來無有憂悲。

Như Lai phi nhị thập ngũ hữu。 thị cố Như Lai vô hữu ưu bi。

Như Lai chẳng phải Hai mươi lăm cõi hữu lậu. Vì thế Như Lai không có sâu bi,
何故稱言如來憂悲。善男子。無想天者名為無想。

hà cố xưng ngôn Như Lai ưu bi。 thiện nam tử。 vô tưởng Thiên giả danh vi vô tưởng。

sao nói Như Lai có sâu bi? Nay thiện nam tử! Trời vô tưởng gọi là không tưởng,
若無想者則無壽命。

nhược vô tưởng giả tắc vô thọ mạng。

nếu không tưởng thì không có thọ mạng,

若無壽命云何而有陰界諸入。以是義故。

nhược vô thọ mạng vân hà nhi hữu uẩn giới chư nhập。 dĩ thị nghĩa cố。

nếu không có thọ mạng vì sao mà có ấm, giới, các nhập? Do nghĩa đó, nên

無想天壽不可說言有所住處。善男子。譬如樹神依樹而住。

vô tướng Thiên thọ bất khả thuyết ngôn hữu sở trụ xứ. thiện nam tử. thí như thụ Thần y
thụ nhi trụ. ở

trời Vô tướng, thọ mạng không thể nói rằng có trụ xứ. Này thiện nam tử! Thí như thần cây
nương nơi cây mà ở,

不得定言依枝依節依莖依葉。雖無定所不得言無。

bất đắc định ngôn y chi y tiết y hành y diệp. tuy vô định sở bất đắc ngôn vô.

không được nói chắc rằng nương nơi cành, nương nơi đốt cây, nương nơi cọng, nương nơi
lá, tuy chưa quyết chắc nhưng cũng không được nói không nương.

無想天壽亦復如是。善男子。佛性亦爾。

vô tưởng Thiên thọ diệp phục như thị. thiện nam tử. Phật tánh diệp nhĩ.

Trời Vô tưởng thọ mạng cũng lại như vậy. Này thiện nam tử! Phật tánh cũng vậy,

甚深難解。如來實無憂悲苦惱。

thậm thâm nan giải. Như Lai thật Vô ưu bi khổ não.

rất sâu, khó hiểu. Như Lai thật sự không có sầu, bi, khổ, ưu não,

而於眾生起大慈悲現有憂悲。視諸眾生如羅睺羅。

nhi ư chúng sanh khởi Đại từ bi hiện hữu ưu bi. thị chư chúng sanh như La-hầu-la.

mà đối với chúng sanh khởi lên tâm từ bi lớn, hiện có ưu bi, coi các chúng sanh như La-
hầu-la.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử.

Lại nữa, này thiện nam tử!

無想天中所有壽命唯佛能知非餘所及。乃至非想非非想處亦復如是。迦葉。

vô tưởng Thiên trung sở hữu thọ mạng duy Phật năng tri phi dư sở cập. nãi chí phi tưởng
phi phi tưởng xứ diệp phục như thị. Ca-diếp.

Trời Vô tưởng thọ mạng là bao nhiêu chỉ Phật có thể biết, ngoài ra không ai biết được, cho
đến trời Phi tưởng phi phi tưởng cũng lại như vậy. Ca-diếp!

如來之性清淨無染。猶如化身。

Như Lai chi tánh thanh tịnh vô nhiễm. do như hóa thân.

Như Lai tánh thanh tịnh không cấu nhiễm như hóa thân

何處當有憂悲苦惱。若言如來無憂悲者。

hà xử đương hữu ưu bi khổ não. nhược ngôn Như Lai vô ưu bi giả.

làm sao có sàu, bi, khỗ, ưu não?

云何能利一切眾生弘廣佛法。

vân hà năng lợi nhất thiết chúng sanh hoằng quảng Phật Pháp。

Làm sao có thể hoằng dương Phật pháp rộng rãi, lợi ích cho hết thảy chúng sanh?

若言無者云何而言等視眾生如羅睺羅。若不等視如羅睺羅。

nhược ngôn vô giả vân hà nhi ngôn đẳng thị chúng sanh như La-hầu-la. nhược bất đẳng thị như La-hầu-la。

Nếu nói không thì làm sao mà bình đẳng xem chúng sanh như La-hầu-la? Nếu không bình đẳng xem như La-hầu-la

如是之言則為虛妄。以是義故。善男子。

như thị chi ngôn tắc vi hư vọng. dĩ thị nghĩa cố. thiện nam tử。

thì lời nói đó là hư dối. Nay thiện nam tử! Do nghĩa đó, nên

佛不可思議法不可思議眾生佛性不可思議。

Phật bất khả tư nghị Pháp bất khả tư nghị chúng sanh Phật tánh bất khả tư nghị。

Phật không thể nghĩ bàn, Pháp không thể nghĩ bàn, Phật tánh chúng sanh không thể nghĩ bàn,

無想天壽不可思議。如來有憂及以無憂。

vô tưởng Thiên thọ bất khả tư nghị. Như Lai hữu ưu cập dĩ Vô ưu。

thọ mạng của trời Vô tưởng không thể nghĩ bàn. Như Lai có ưu cũng như vô ưu

是佛境界非諸聲聞緣覺所知。善男子。

thị Phật cảnh giới phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri. thiện nam tử。

thì cảnh giới của Phật chẳng phải là Thanh văn, Duyên giác biết được. Nay thiện nam tử!

譬如空中舍宅微塵不可住立。若言舍宅不因空住無有是處。

thí như không trung xá trạch vi trần bất khả trụ lập. nhược ngôn xá trạch bất nhân không trụ vô hữu thị xử。

Thí như nhà cửa, bụi đất không thể trụ giữa hư không; nếu nói nhà cửa chẳng cần hư không mà ở, thì không đúng.

以是義故。不可說舍住於虛空不住虛空。

dĩ thị nghĩa cố. bất khả thuyết xá trụ hư không bất trụ hư không。

Do nghĩa đó, nên không thể nói nhà cửa trụ ở hư không hay chẳng trụ ở trong hư không.

凡夫之人雖復說言舍住虛空。

phàm phu chi nhân tuy phục thuyết ngôn xá trụ hư không。
 Người phàm phu tuy lại nói rằng nhà cửa trụ ở hư không
 而是虛空實無所住。何以故。性無住故。善男子。心亦如是。
 nhi thị hư không thật vô sở trụ。 hà dĩ cố。 tánh vô trụ cố。 thiện nam tử。 tâm diệc như
 thị。
 mà hư không thật chẳng có chỗ trụ. Vì sao? Tánh của hư không vốn là vô trụ vậy. Nay
 thiện nam tử! Tâm cũng như vậy,
 不可說言住陰界入及以不住。
 bất khả thuyết ngôn trụ uẩn giới nhập cập dĩ bất trụ。
 không thể nói rằng tâm trụ nơi năm ấm, sáu nhập, mười tám giới cùng với chẳng trụ。
 無想天壽亦復如是。如來憂悲亦復如是。
 vô tưởng Thiên thọ diệc phục như thị。 Như Lai ưu bi diệc phục như thị。
 Thọ mạng của trời Vô tưởng cũng lại như vậy. Như Lai sầu bi cũng lại như vậy,
 若無憂悲云何說言等視眾生如羅睺羅。
 nhược Vô ưu bi vân hà thuyết ngôn đẳng thị chúng sanh như La-hầu-la。
 Nếu nói sầu bi thì sao nói xem chúng sanh bình đẳng như La-hầu-la?
 若言有者復云何言性同虛空。善男子。
 nhược ngôn hữu giả phục vân hà ngôn tánh đồng hư không。 thiện nam tử。
 Nếu nói có thì vì sao lại nói tánh đồng với hư không. Nay thiện nam tử!
 譬如幻師雖復化作種種宮殿。殺生長養繫縛放捨。
 thí như huyễn sư tuy phục hóa tác chủng chủng cung điện。 sát sanh trường dưỡng hệ
 phọc phóng xả。
 Thí như nhà ảo thuật, tuy hóa làm các loại cung điện, sát sanh, nuôi dưỡng, bắt trói, mở
 thả,
 及作金銀琉璃寶物叢林樹木都無實性。如來亦爾。
 cập tác kim ngân lưu ly bảo vật tùng lâm thụ mộc đô vô thật tánh。 Như Lai diệc nhĩ。
 cho đến hóa làm các vật như vàng, bạc, lưu ly, lùm rừng, cây cối đều không có tánh chất
 chân thật. Như Lai cũng vậy,
 隨順世間示現憂悲無有真實。善男子。
 tùy thuận thế gian thị hiện ưu bi vô hữu chân thật。 thiện nam tử。
 tùy theo thế gian thị hiện sầu bi mà thật sự không có. Nay thiện nam tử!

如來已入於般涅槃。云何當有憂悲苦惱。

Như Lai dĩ nhập ư bát Niết-bàn. vân hà đương hữu ưu bi khổ não.

Như Lai đã chứng nhập Niết-bàn thì làm sao có sầu, bi, khổ, ưu não?

若謂如來入於涅槃是無常者。當知是人則有憂悲。

nhược vị Như Lai nhập ư Niết-bàn thị vô thường giả. đương tri thị nhân tắc hữu ưu bi.

Nếu người cho rằng Như Lai nhập Niết-bàn là vô thường, phải biết người đó có sầu bi;

若謂如來不入涅槃常住不變。

nhược vị Như Lai bất nhập Niết-bàn thường trụ bất biến.

nếu bảo Như Lai chẳng vào Niết-bàn, thường trụ, không thay đổi,

當知是人無有憂悲。如來有愁及以無愁無能知者。

đương tri thị nhân vô hữu ưu bi. Như Lai hữu sầu cập dĩ vô sầu vô năng tri giả.

phải biết người đó không có sầu bi. Như Lai có sầu hay không sầu không thể biết được.

復次善男子。譬如下人能知下法不知中上。

phục thứ thiện nam tử. thí như hạ nhân năng tri hạ Pháp bất tri trung thượng.

Lại nữa, này thiện nam tử! Thí như người bậc Hạ có thể biết pháp bậc Hạ, không thể biết

pháp bậc Trung hay pháp bậc Thượng.

中者知中不知於上。上者知上及知中下。

trung giả tri trung bất tri ư thượng. thượng giả tri thượng cập tri trung hạ.

Người bậc Trung thì biết bậc Trung, không biết bậc Thượng. Người bậc Thượng biết cả

bậc Thượng, bậc Trung và bậc Hạ.

聲聞緣覺亦復如是。齊知自地。

Thanh Văn, Duyên Giác diệc phục như thị. tề tri tự địa.

Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng lại như vậy, đều biết chừng bậc của mình.

如來不爾悉知自地及以他地。是故如來名無礙智。

Như Lai bất nhĩ tất tri tự địa cập dĩ tha địa. thị cố Như Lai danh vô ngại trí.

Như Lai không vậy, biết hết bậc của mình cùng với bậc của người khác. Vì thế Như Lai

gọi là đấng Vô ngại trí,

示現幻化隨順世間. 凡夫肉眼謂是真實。

thị hiện huyễn hóa tùy thuận thế gian phàm phu nhục nhãn vị thị chân thật.

tùy thuận thế gian mà hóa hiện. Kẻ phàm phu mắt thịt cho là chân thật,

而欲盡知如來無礙無上智者無有是處。

nhi dục tận tri Như Lai vô ngại vô thượng trí giả vô hữu thị xứ。
 mà muốn biết hết trí Vô ngại, Vô thượng của Như Lai là không có sự việc đó。
 有愁無愁唯佛能知。以是因緣異法有我異法無我。
 hữu sàu vô sàu duy Phật năng tri。 dĩ thị nhân duyên dị Pháp hữu ngã dị Pháp vô ngã。
 Đức Phật có sàu, không sàu chỉ có Phật mới có thể biết. Do nhân duyên này, pháp có ngã
 khác, pháp vô ngã khác。
 是名鴛鴦迦隣提鳥性。
 thị danh uyên ương ca lân đề điều tánh。
 Đó gọi là tánh chim uyên ương, chim Ca-lân-đề。
 復次善男子。佛法猶如鴛鴦共行。
 phục thứ thiện nam tử。 Phật Pháp do như uyên ương cộng hành。
 Lại nữa, này thiện nam tử! Phật pháp giống như chim uyên ương cùng nhau bay đi。
 是迦隣提及鴛鴦鳥。
 thị ca lân đề cập uyên ương điều。
 Chim uyên ương và chim ca-lân-đề này
 盛夏水漲選擇高原安處其子為長養故。然後隨本安隱而遊。
 thịnh hạ thủy trướng tuyển trạch cao nguyên an xứ kỳ tử vi trường dưỡng cố。 nhiên hậu
 tùy bản an ổn nhi du。
 gặp mùa thịnh hạ nước dâng lên, lựa chọn gò cao làm ổ cho con chúng ở, rồi sau đó mới
 an ổn bay trở về tổ cũ。
 如來出世亦復如是。化無量眾令住正法。
 Như Lai xuất thế diệc phục như thị。 hóa vô lượng chúng lệnh trụ chánh Pháp。
 Như Lai ra đời cũng lại như vậy, giáo hóa vô lượng chúng sanh làm cho đều được trụ nơi
 Chánh pháp。
 如彼鴛鴦迦隣提鳥選擇高原安置其子。如來亦爾。
 như bỉ uyên ương ca lân đề điều tuyển trạch cao nguyên an trí kỳ tử。 Như Lai diệc nhĩ。
 Như chim uyên ương, Ca-lân-đề lựa gò cao lót ổ cho con chúng ở. Như Lai cũng vậy,
 令諸眾生所作已辦即便入於大般涅槃。
 lệnh chư chúng sanh sở tác dĩ辦 tức tiện nhập ư Đại bát Niết-bàn。
 làm cho chúng sanh giải thoát, việc làm đã xong, liền nhập Đại Bát Niết-bàn。
 善男子。是名異法是苦異法是樂。

thiện nam tử. thị danh dị Pháp thị khổ dị Pháp thị lạc.

Này thiện nam tử! Đó gọi là pháp khổ khác, pháp vui khác.

諸行是苦涅槃是樂。第一微妙壞諸行故。

chư hành thị khổ Niết-bàn thị lạc. đệ nhất vi diệu hoại chư hành cố.

Các hành là khổ, Niết-bàn là vui vi diệu thứ nhất vì đã phá hoại các hành vậy.

迦葉菩薩白佛言。世尊。云何眾生得涅槃者名第一樂。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn. vân hà chúng sanh đắc Niết-bàn giả danh đệ nhất lạc.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là chúng sanh chứng được Niết-bàn gọi là an lạc đệ nhất?

佛言。善男子。如我所說諸行和合名為老死。

Phật ngôn. thiện nam tử. như ngã sở thuyết chư hành hòa hợp danh vi lão tử.

Phật dạy: Này thiện nam tử! Như Ta nói các hành hòa hợp gọi là già chết.

謹慎無放逸 是處名甘露

cẩn thận vô phóng dật thị xử danh cam lộ

Cẩn thận chẳng phóng dật Đó gọi là Cam Lộ

放逸不謹慎 是名為死句

phóng dật bất cẩn thận thị danh vi tử cú

Phóng dật chẳng cẩn thận Đây gọi là câu chết

若不放逸者 則得不死處

nhược bất phóng dật giả tắc đắc bất tử xử

Nếu người không phóng dật Thời được chỗ không chết

如其放逸者 常趣於死路

như kỳ phóng dật giả thường thú ư tử lộ

Người phóng dật như thế Thường hướng đến đường chết.

若放逸者名有為法。是有為法為第一苦。

nhược phóng dật giả danh hữu vi Pháp. thị hữu vi Pháp vi đệ nhất khổ.

Nếu phóng dật gọi là pháp hữu vi. Pháp hữu vi này là khổ đệ nhất.

不放逸者則名涅槃。

bất phóng dật giả tắc danh Niết-bàn.

Không phóng dật thì gọi là Niết-bàn.

彼涅槃者名為甘露第一最樂。若趣諸行是名死處受第一苦。

bỉ Niết-bàn giả danh vi cam lộ đệ nhất tối lạc。nhược thú chư hành thị danh tử xử thọ đệ nhất khổ。

Niết-bàn đó gọi là Cam Lộ an vui đệ nhất. Nếu hướng đến các pháp hành thì gọi là tử xứ, thọ khổ đệ nhất.

若至涅槃則名不死受最妙樂。若不放逸雖集諸行。

nhược chí Niết-bàn tắc danh bất tử thọ tối diệu lạc。nhược bất phóng dật tuy tập chư hành。

Nếu đến Niết-bàn thì gọi là không chết, thọ an vui vi diệu. Nếu chẳng phóng dật, tuy tập hợp các hành,

是亦名為常樂不死不破壞身。

thị diệt danh vi thường lạc bất tử bất phá hoại thân。

cũng gọi đó là thường vui, chẳng chết, chẳng phá hoại thân.

云何放逸云何不放逸。非聖凡夫是名放逸常死之法。

vân hà phóng dật vân hà bất phóng dật。phi Thánh phàm phu thị danh phóng dật thường tử chi Pháp。

Thế nào là phóng dật? Thế nào là chẳng phóng dật? Hàng phàm phu chẳng phải Thánh đó gọi là phóng dật, pháp thường chết.

出世聖人是不放逸無有老死。何以故。

xuất thế Thánh nhân thị bất phóng dật vô hữu lão tử。hà dĩ cố。

Bậc Thánh xuất thế không phóng dật, không có già chết. Vì sao vậy?

入於第一常樂涅槃。以是義故。異法是苦異法是樂。

nhập ư đệ nhất thường lạc Niết-bàn。dĩ thị nghĩa cố。dị Pháp thị khổ dị Pháp thị lạc。

Vì chứng nhập ở Niết-bàn thường lạc đệ nhất. Do nghĩa này nên pháp khổ là khác, pháp vui là khác,

異法是我異法無我。

dị Pháp thị ngã dị Pháp vô ngã。

Pháp ngã khác, pháp vô ngã khác.

如人在地仰觀虛空不見鳥跡。善男子。眾生亦爾無有天眼。

như nhân tại địa ngưỡng quán hư không bất kiến điều tích。thiện nam tử。chúng sanh diệt nhĩ vô hữu Thiên nhãn。

Như người đứng dưới đất ngược nhìn lên hư không, chẳng thấy dấu chim bay. Nay thiện nam tử! Chúng sanh cũng vậy, không có thiên nhãn

在煩惱中而不自見有如來性。

tại phiền não trung nhi bất tự kiến hữu Như Lai tánh。

ở trong phiền não nên không thấy Như Lai tánh của chính mình.

是故我說無我密教。所以者何。無天眼者不知真我橫計我故。

thị cố ngã thuyết vô ngã Mật Giáo。 sở dĩ giả hà。 vô Thiên nhãn giả bất tri chân ngã hoạnh kế ngã cố。

Cho nên Ta nói giáo pháp bí mật vô ngã. Vì sao vậy? Vì người không có thiên nhãn chẳng biết được chân ngã mà vọng chấp nơi ngã.

因諸煩惱所造有為即是無常。

nhân chư phiền não sở tạo hữu vi tức thị vô thường。

Do các phiền não mà tạo nghiệp hữu vi, liền gọi đó là vô thường,

是故我說異法是常異法無常。

thị cố ngã thuyết dị Pháp thị thường dị Pháp vô thường。

cho nên Ta nói pháp thường khác, pháp vô thường khác.

精進勇健者 若處於山頂

tinh tấn dũng kiện giả nhược xử ư sơn đĩnh

Người tinh tấn dũng mãnh Hoặ ở nơi đỉnh núi

平地及曠野 常見諸凡夫

bình địa cập khoáng dã thường kiến chư phàm phu

Đất bằng cùng đồng trống Thường thấy những phàm phu

昇大智慧殿 無上微妙臺

thăng Đại trí tuệ điện vô thượng vi diệu đài

Lên điện đại trí tuệ Đài vô thượng vi diệu

既自除憂患 亦見眾生憂

ký tự Trừ ưu hoạn diệc kiến chúng sanh ưu

Đã tự trừ ưu khổ Cũng thấy khổ chúng sanh.

如來悉斷無量煩惱住智慧山。

Như Lai tất đoạn vô lượng phiền não trụ trí tuệ sơn。

Như Lay đã dứt trừ vô lượng phiền não, trụ ở núi trí tuệ,

見諸眾生常在無量億煩惱中。迦葉菩薩復白佛言。世尊。

kiến chư chúng sanh thường tại vô lượng ức phiền não trung. Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

thấy các chúng sanh ở trong vô lượng ức phiền não. Ca-diếp Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

如偈所說是義不然。何以故。

như kệ sở thuyết thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố.

Như bài kệ mà Phật vừa nói thì nghĩa của nó không phải như vậy. Vì sao?

入涅槃者無憂無喜。云何得昇智慧臺殿。

nhập Niết-bàn giả Vô ưu vô hỷ. vân hà đắc thăng trí tuệ đài điện.

Người chứng nhập Niết-bàn là không còn buồn vui. Vì sao được lên điện đài trí tuệ?

復當云何住在山頂而見眾生。佛言。善男子。

phục đương vân hà trụ tại sơn đỉnh nhi kiến chúng sanh. Phật ngôn. thiện nam tử.

Lại sao trụ ở đỉnh núi mà thấy chúng sanh? Phật dạy: Này thiện nam tử!

智慧殿者即名涅槃。無憂愁者謂如來也。

trí tuệ điện giả tức danh Niết-bàn. Vô ưu sầu giả vị Như Lai dã.

Điện trí tuệ đó chính là Niết-bàn, không có ưu sầu đó là Như Lai.

有憂愁者名凡夫人。以凡夫憂故如來無憂。

hữu ưu sầu giả danh phàm phu nhân. dĩ phàm phu ưu cố Như Lai Vô ưu.

Có ưu sầu gọi là người phàm phu, bởi phàm phu sầu khổ nên Như Lai không sầu khổ.

須彌山頂者謂正解脫。勤精進者喻須彌山無有動轉。

Tu-di sơn đỉnh giả vị chánh giải thoát. tinh cần tinh tấn giả dụ Tu-di sơn vô hữu động chuyển.

Đỉnh núi Tu-di ấy chính là chánh giải thoát. Người cần cù siêng năng ấy dụ như núi Tu-di không có động chuyển.

地謂有為行也。是諸凡夫安住是地造作諸行。

địa vị hữu vi hành dã. thị chư phàm phu an trú thị địa tạo tác chư hành.

Đất ấy là nói công hạnh hữu vi. Người phàm phu ở trên đất ấy mà tạo các hành nghiệp.

其智慧者則名正覺。離有常住故名如來。

kỳ trí tuệ giả tắc danh chánh giác. ly hữu thường trụ cố danh Như Lai.

Người trí tuệ kia thì gọi là Chánh giác, xa rời hữu lậu, thường trụ nên gọi là Như Lai.

如來愍念無量眾生。常為諸有毒箭所中。

Như Lai mẫn niệm vô lượng chúng sanh. thường vị chư hữu độc tiễn sở trung.

Như Lai thương xót vô lượng chúng sanh, thường bị trúng tên độc trong các cõi,
是故名為如來有憂。迦葉菩薩復白佛言。世尊。

thị cố danh vi Như Lai hữu ưu. Ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn. Thế Tôn.
cho nên gọi Như Lai là có sầu ưu. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!
若使如來有憂感者。則不得稱為等正覺。

nhược sử Như Lai hữu ưu thích giả. tắc bất đắc xưng vi đẳng chánh giác.

Giả sử như Như Lai có sầu ưu thì chẳng được gọi là bậc Đẳng Chánh Giác.

佛言迦葉。皆有因緣隨有眾生應受化處。

Phật ngôn Ca-diếp. giai hữu nhân duyên tùy hữu chúng sanh ứng thọ hóa xử.

Phật dạy Ca-diếp: Đều có nhân duyên cả. Tùy chỗ nào có chúng sanh cần hóa độ
如來於中示現受生雖現受生而實無生。

Như Lai ư trung thị hiện thọ sanh tuy hiện thọ sanh nhi thật vô sanh.

thì Như Lai thị hiện thọ sanh ở trong đó, tuy thị hiện thọ sanh mà thật không sanh.

是故如來名常住法。如迦隣提鴛鴦等鳥。

thị cố Như Lai danh thường trụ Pháp. như Ca lân đề uyên ương đẳng điểu.

Vì thế gọi Như Lai là pháp thường trụ, như chim uyên ương, chim Ca-lân-đề vậy.

大般涅槃經卷第八

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ bát

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, QUYỂN THỨ TÁM

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:06:37 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiển Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiển Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:06:37 2006

Thích Nữ Diệu Thuần hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

Vol. 12, No. 374

Thích Nữ Diệu Thuần hiệu đính

大般涅槃經卷第九

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ cửu

Kinh Đại Bát Niết Bàn - Quyển Chín.

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Đời Bắc Lương, Tam Tạng Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch

如來性品第四之六

Như-Lai tánh phẩm đệ tứ chi lục

Phần sáu của phẩm thứ tư: Như Lai Tánh.

復次善男子。譬如有人見月不現。

Phục thứ thiện nam tử 。 thí như hữu nhân kiến nguyệt bất hiện 。
Lại nữa thiện nam tử! Thí như có người thấy mặt trăng không xuất hiện
皆言月沒而作沒想。而此月性實無沒也。
giai ngôn nguyệt một nhi tác một tưởng 。 nhi thử nguyệt tánh thật vô một đã 。
đều nói mặt trăng ẩn mà khởi ý tưởng ẩn mất nhưng tánh như thật của mặt trăng là không
ẩn,
轉現他方彼處眾生復謂月出。而此月性實無出也。
chuyển hiện tha phương bỉ xứ chúng sanh phục vị nguyệt xuất 。 nhi thử nguyệt tánh thật
vô xuất đã 。
nó chỉ di chuyển đến phương khác, nhưng chúng sanh lại bảo rằng mặt trăng xuất hiện.
Mà thật ra thật tánh của mặt trăng là không xuất hiện.
何以故。以須彌山障故不現。
hà dĩ cố 。 dĩ Tu-Di sơn chướng cố bất hiện 。
Tại vì sao? Vì sự chướng ngại của núi Tu Di nên không xuất hiện .
其月常生性無出沒。如來應正遍知亦復如是。
kỳ nguyệt thường sanh tánh vô xuất một 。 Như-Lai ứng Chánh-biến-Tri diệc phục như thị
。
Mặt trăng là thường sanh nên tánh của nó không hiện, không ẩn. Như Lai Ứng Cúng
Chánh Biến Tri cũng như vậy
出於三千大千世界。或閻浮提示有父母。
xuất ư tam Thiên Đại Thiên thế giới 。 hoặc Diêm-phù-đề kì hữu phụ mẫu 。
ra khỏi ba ngàn đại thiên thế giới, hoặc ở trong cõi Diêm-phù-đề thị hiện có cha mẹ,
眾生皆謂如來生於閻浮提內。或閻浮提示現涅槃。
chúng sanh giai vị Như-Lai sanh ư Diêm-phù-đề nội 。 hoặc Diêm-phù-đề thị hiện Niết-
Bàn 。
nên chúng sanh bảo rằng Như Lai sanh ở trong cõi Diêm-phù-đề, hoặc ở nơi cõi Diêm-
phù-đề thị hiện Niết-bàn,
而如來性實無涅槃。
nhi Như-Lai tánh thật vô Niết-Bàn 。
mà thật tánh của Như Lai là không Niết-bàn.
而諸眾生皆謂如來實般涅槃喻如月沒。善男子。如來之性實無生滅。

nhi chư chúng sanh giai vị Như-Lai thật bát Niết-Bàn dụ như nguyệt một 。 thiện nam tử 。
Như-Lai chi tánh thật vô sanh diệt 。

Các chúng sanh đều bảo rằng Như Lai thật Bát-niết-bàn, là dụ cho mặt trăng ẩn mất.

Thiện nam tử! Thật tánh của Như Lai là không sanh, không diệt,

為化眾生故示生滅。善男子。如此滿月餘方見半。

vi hóa chúng sanh cố kì sanh diệt 。 thiện nam tử 。 như thử mãn nguyệt dư phương kiến bán 。

nhưng vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện sanh diệt. Thiện nam tử! Như ở phương này thì thấy mặt trăng đầy, còn ở phương khác thì thấy mặt trăng khuyết,

此方半月餘方見滿。

thử phương bán nguyệt dư phương kiến mãn 。

lúc phương này thấy nửa mặt trăng thì phương khác thấy mặt trăng tròn,

闍浮提人若見月初皆謂一日起初月想。

Diêm-phù-đề nhân nhược kiến nguyệt sơ giai vị nhất nhật khởi sơ nguyệt tưởng 。

người nơi cõi Diêm-phù-đề nếu thấy mặt trăng vừa xuất hiện đều cho rằng ngày mồng một, rồi khởi ý tưởng đầu tháng,

見月盛滿謂十五日生盛滿想。而此月性實無虧盈。

kiến nguyệt thịnh mãn vị thập ngũ Nhật-Sanh thịnh mãn tưởng 。

nhi thử nguyệt tánh thật vô khuy doanh 。

thấy mặt trăng tròn đầy gọi đó là ngày rằm và sanh ý tưởng tròn đầy, nhưng thật tánh của mặt trăng là không có tròn khuyết,

因須彌山而有增減。善男子。

nhân Tu-Di sơn nhi hữu tăng giảm 。

thiện nam tử 。

do núi Tu-di che lấp mà thấy có tăng giảm. Thiện nam tử!

如來亦爾於闍浮提或現初生或現涅槃。

Như-Lai diệc nhĩ ư Diêm-phù-đề hoặc hiện sơ sanh hoặc hiện Niết-Bàn 。

Như Lai cũng như vậy, ở nơi cõi Diêm-phù-đề hoặc hiện đản sanh hoặc hiện Niết-bàn, hiện sinh thời như月初一切皆謂童子初生。行於七步如二日月。

hiện thủy sanh thời do như sơ nguyệt nhất thiết giai vị Đồng tử sơ sanh 。

hành ư thất bộ như nhị nhật nguyệt 。

lúc bắt đầu hiện đản sanh cũng như đầu tháng, tất cả đều cho rằng đồng tử mới sanh.

Bước đi bảy bước giống như trăng ngày mồng hai,

或復示現入於書堂如三日月。示現出家如八日月。

hoặc phục thị hiện nhập ư thư đường như tam nhật nguyệt 。 thị hiện xuất gia như bát nhật nguyệt 。

hoặc thị hiện vào thư đường để học giống như trăng ngày mồng ba, thị hiện xuất gia như trăng ngày mồng tám,

放大智慧微妙光明。能破無量眾生魔眾。

phóng Đại trí tuệ vi diệu quang-minh 。 năng phá vô lượng chúng sanh ma chúng 。

phóng trí tuệ lớn và quang minh vi diệu để phá trừ các ma cho vô lượng chúng sanh,

如十五日盛滿之月。或復示現三十二相八十種好。

như thập ngũ nhật thịnh mãn chi nguyệt 。

giống như trăng tròn ngày mười lăm. Hoặc thị hiện ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp
以自莊嚴而現涅槃喻如月蝕。

dĩ tự trang nghiêm nhi hiện Niết-Bàn dụ như nguyệt thực 。

để tự trang nghiêm, rồi thị hiện Niết-bàn giống như nguyệt thực.

如是眾生所見不同。或見半月或見滿月或見月蝕。

như thị chúng sanh sở kiến bất đồng 。

Như vậy chỗ thấy của chúng sanh là không đồng nhau, hoặc thấy trăng khuyết, hoặc thấy trăng đầy, hoặc thấy nguyệt thực

而此月性實無增減蝕噉之者常是滿月。

nhi thử nguyệt tánh thật vô tăng giảm thực đạm chi giả thường thị mãn nguyệt 。

nhưng thật tánh của mặt trăng là không tăng giảm , không bị nguyệt thực mà thường tròn đầy.

如來之身亦復如是。是故名為常住不變。復次善男子。

Như-Lai chi thân diệc phục như thị 。

Thân của Như Lai cũng lại như vậy, cho nên gọi là thường trụ bất diệt. Lại nữa thiện nam tử!

喻如滿月一切悉現。

dụ như mãn nguyệt nhất thiết tất hiện 。

Giống như mặt trăng tất cả đều hiện,

在在處處城邑聚落山澤水中若井若池若瓮若鍍一切皆現。

tại tại xứ xứ thành ấp tụ lạc sơn trạch thủy trung nhược tỉnh nhược trì nhược bồn nhược phú nhất thiết giai hiện 。

nơi nơi xứ xứ thành ấp tụ lạc, trong hồ ao, hoặc giếng, hoặc ao, hoặc chậu, hoặc nồi, tất cả đều hiện rõ

有諸眾生行百由旬百千由旬見月常隨。

hữu chư chúng sanh hành bách do-tuần bách thiên do-tuần kiến nguyệt thường tùy mà các chúng sanh đi cả trăm do tuần, ngàn do tuần, đều thấy mặt trăng đi theo,

凡夫愚人妄生憶想言。

phàm phu ngu nhân vọng sanh ức tưởng ngôn 。

phàm phu ngu muội vọng sanh ý tưởng rằng:

我本於城邑屋宅見如是月今復於此空澤而見。為是本月為異於本。

ngã bản ư thành ấp ốc trạch kiến như thị nguyệt kim phục ư thử không trạch nhi kiến 。

vi thị bồn nguyệt vi dị ư bồn 。

Trước ta ở nơi thành ấp nhà cửa thấy mặt trăng như vậy, nay ở nơi đồng vắng cũng lại thấy mặt trăng, vậy mặt trăng này khác với mặt trăng xưa.

各作是念月形大小或如鍍口。

các tác thị niệm nguyệt hình Đại tiểu hoặc như phú khẩu 。

Mỗi người lại thấy hình mặt trăng lớn nhỏ khác nhau, hoặc như miệng chum, hoặc復有言大如車輪。或言猶如四十九由旬。

hoặc phục hữu ngôn Đại như xa luân 。

hoặc ngôn do như tứ thập cửu do-tuần 。

hoặc cho rằng lớn như bánh xe, hoặc nói bằng bốn mươi chín do tuần,

一切皆見月之光明。或見團圓喻如金盤。

nhất thiết giai kiến nguyệt chi quang-minh 。

hoặc kiến đoàn viên dụ như kim bàn tất cả đều thấy ánh sáng của mặt trăng, hoặc thấy vành tròn dụ như vành mâm,

是月性一種種眾生各見異相。善男子。如來亦爾出現於世。

thị nguyệt tánh nhất chủng chủng chúng sanh các kiến dị tướng 。

thiện nam tử Như-Lai diệc nhĩ xuất hiện ư thế 。

mỗi chúng sanh đều thấy hình tướng khác nhau. Thiện nam tử! Như Lai xuất hiện ở đời cũng như vậy.

或有人天而作是念。如來今者在我前住。

hoặc hữu nhân Thiên nhi tác thị niệm 。 Như-Lai kim giả tại ngã tiền trụ 。

Hoặc có trời, người nghĩ rằng nay Như Lai ở trước mặt ta,

復有眾生亦生是念如來今者在我前住。

phục hữu chúng sanh diệc sanh thị niệm Như-Lai kim giả tại ngã tiền trụ 。

lại có chúng sanh cũng khởi ý nghĩ Như Lai nay ở trước mặt ta.

或有聾瘡亦見如來有聾瘡相。

hoặc hữu lung á diệc kiến Như-Lai hữu lung á tướng 。

Hoặc có kẻ bị điếc, câm thì thấy Như Lai cũng có tướng điếc câm,

眾生雜類言音各異皆謂如來悉同己語。

chúng sanh tạp loại ngôn âm các dị giai vị Như-Lai tất đồng kỷ ngữ 。

tạp loại chúng sanh có ngôn ngữ âm thanh khác nhau, tất cả đều cho rằng Như Lai đồng tiếng nói với mình,

亦各生念在我舍宅受我供養。或有眾生見如來身廣大無量。

diệc các sanh niệm tại ngã xá trạch thọ ngã cung dưỡng 。

hoặc hữu chúng sanh kiến Như-Lai thân quảng Đại vô lượng 。

mỗi người cũng khởi ý nghĩ Như Lai đang ở nhà ta và thọ nhận sự cúng dường. Hoặc có chúng sanh thấy thân Như Lai rộng lớn vô lượng,。

有見微小或有見佛是聲聞像。

hữu kiến vi tiểu hoặc hữu kiến Phật thị thanh văn tượng 。

hoặc thấy nhỏ bé, hoặc có người thấy Phật là hình tượng Thanh-văn,。

或復有見為緣覺像。有諸外道復各念言。

hoặc phục hữu kiến vi duyên giác tượng 。

hoặc có người thấy Phật là hình tượng Duyên-giác. Có hàng ngoại đạo lại suy nghĩ rằng:

如來今者在我法中出家學道。或有眾生復作是念。

Như-Lai kim giả tại ngã Pháp trung xuất gia học đạo 。

hoặc hữu chúng sanh phục tác thị niệm 。

Nay Như Lai đang ở trong pháp của ta mà xuất gia học đạo . Hoặc có chúng sanh lại khởi ý nghĩ rằng:

如來今者獨為我故出現於世。

Như-Lai kim giả độc vi ngã cố xuất hiện ư thế 。

Nay Như Lai chỉ riêng vì ta nên xuất hiện ở đời.

如來實性喻如彼月即是法身是無生身。

Như-Lai thật tánh dụ như bĩ nguyệt tức thị Pháp thân thị vô sanh thân 。

Thật tánh của Như Lai dụ như mặt trăng kia tức là pháp thân, không có sanh thân, 方便之身隨順於世示現無量本業因緣。

phương tiện chi thân tùy thuận ư thế thị hiện vô lượng bốn nghiệp nhân duyên 。

thân phương tiện là tùy thuận thế gian nên thị hiện vô lượng bốn nghiệp nhân duyên, 在在處處示現有生猶如彼月。以是義故如來常住無有變易。

tại tại xứ xứ thị hiện hữu sanh do như bĩ nguyệt 。

đĩ thị nghĩa cố Như-Lai thường trụ vô hữu biến dịch 。

nơi nơi chỗ chỗ đều thị hiện có sanh như mặt trăng kia, do nghĩa này cho nên nói Như Lai thường trụ không có biến đổi.

復次善男子。如羅睺羅阿修羅王以手遮月。

phục thứ thiện nam tử 。

như la hầu la A-tu-La Vương dĩ thủ giã nguyệt 。

Lại nữa thiện nam tử! Như lúc La-hầu-la sanh thì vua A-tu-la lấy tay che mặt trăng, 世間諸人咸謂月蝕。

thế gian chư nhân hàm vị nguyệt thực 。

mọi người thế gian đều cho rằng có nguyệt thực.

阿修羅王實不能蝕以阿修羅障其明故。是月團圓無有虧損。

A-tu-La Vương thật bất năng thực dĩ A-tu-La chướng kỳ minh cố 。

thị nguyệt đoàn viên vô hữu khuy tổn 。

Mà thật ra vua A-tu-la không thể nuốt mặt trăng, do A-tu-la che ánh sáng mặt trăng mà thôi. Mặt trăng vốn tròn đầy không có thiếu khuyết, 但以手障故使不現。

đĩ dĩ thủ chướng cố sử bất hiện 。

do lấy tay che nên không hiện bày.

若攝手時世間咸謂月已還生皆言是月多受苦惱。

nhược nhiếp thủ thời thế gian hàm vị nguyệt dĩ hoàn sanh giai ngôn thị nguyệt đa thọ khổ não 。

Nếu thu tay lại thì thế gian đều cho rằng mặt trăng sanh trở lại và nói mặt trăng nay đã chịu nhiều khổ não,

假使百千阿修羅王不能惱之。如來亦爾。

giả sử bách thiên A-tu-La Vương bất năng não chi 。 Như-Lai diệt nĩ 。

thật ra dù cho trăm ngàn vua A-tu-la cũng không làm khổ não mặt trăng. Như Lai cũng lại như vậy,

示有眾生於如來所生龕惡心出佛身血起五逆罪至一闍提。

kì hữu chúng sanh ư Như-Lai sở sanh thô ác tâm xuất Phật thân huyết khởi ngũ nghịch tội chí nhất-xiển-đề 。

thị hiện có sanh khởi tâm thô ác đối với Như Lai, hoặc làm thân Phật chảy máu, cho đến khởi năm tội ngũ nghịch, nhất-xiển-đề,

為未來世諸眾生故如是示現壞僧斷法而作留難。

vi vị lai thế chư chúng sanh cố như thị thị hiện hoại tăng đoạn Pháp nhi tác lưu nan 。

Như Lai vì các chúng sanh ở đời vị lai cho nên thị hiện như vậy, muốn hoại tăng thời mạng pháp mà khởi các nạn.

假使百千無量諸魔不能侵出如來身血。

giả sử bách thiên vô lượng chư ma bất năng xâm xuất Như-Lai thân huyết 。

Thật ra dù cho trăm ngàn vô lượng chúng ma cũng không thể làm thân Như Lai chảy máu.

所以者何。如來之身無有肉血筋脈骨髓。

sở dĩ giả hà 。

Tại vì sao ? Vì thân của Như Lai là không có máu thịt gân mạch xương cốt,

如來真實實無惱壞。眾生皆謂法僧毀壞如來滅盡。

Như-Lai chân thật thật vô não hoại 。

Như Lai chân thật không có não hoại, chúng sanh đều cho rằng pháp tăng hủy hoại là pháp Như Lai diệt,

而如來性真實無變無有破壞隨順世間如是示

nhi Như-Lai tánh chân thật vô biến vô hữu phá hoại tùy thuận thế gian như thị kì

mà tánh chân thật của Như Lai là bất biến, không có phá hoại, vì tùy thuận thế gian nên thị hiện như vậy.

現。復次善男子。

hiện 。 phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử!

如二人鬪若以刀杖傷身出血雖至於死不起殺想。

như nhị nhân đấu nhược dĩ đao trượng thương thân xuất huyết tuy chí ư tử bất khởi sát tưởng 。

Như có hai người đánh nhau, nếu dùng dao gậy làm bị thương thân chảy máu tuy đến chết mà không khởi ý tưởng giết hại,

如是業相輕而不重。

như thị nghiệp tướng khinh nhi bất trọng 。

nghiệp tướng như vậy là nhẹ không phải nặng.

於如來所本無殺心雖出身血是業亦爾輕而不重。

ư Như-Lai sở bản vô sát tâm tuy xuất thân huyết thị nghiệp diệc nhĩ khinh nhi bất trọng 。

Đối với Như Lai vốn không có tâm giết hại, tuy làm thân phật chảy máu mà nghiệp này cũng nhẹ không phải nặng,

如來如是於未來世為化眾生示現業報。復次善男子。

Như-Lai như thị ư vị lai thế vi hóa chúng sanh thị hiện nghiệp báo 。

Như Lai vì muốn giáo hóa chúng sanh ở đời vị lai nên thị hiện nghiệp báo như vậy. Lại nữa thiện nam tử!

猶如良醫勤教其子醫方根本。

do như lương y tinh cần giáo kỳ tử y phương căn bản 。

Giống như lương y dạy con mình các thuốc căn bản,

此是根藥此是莖藥此是色藥種種相貌汝當善知。

thử thị căn dược thử thị hành dược thử thị sắc dược chủng chủng tướng mạo nhữ đương thiện tri 。

đây là rễ thuốc, đây là cây thuốc, đây là màu sắc của thuốc, các tướng như vậy con phải khéo biết.

其子敬奉父之所勅精勤習學善解諸藥。是醫後時壽盡命終。

kỳ tử kính phụng phụ chi sở sắc tinh tinh cần tập học thiện giải chư dược 。

Người con vâng lời cha dạy siêng năng học tập khéo hiểu rõ các loại thuốc, về sau người cha qua đời,

其子號咷而作是言。

kỳ tử hiệu đào nhi tác thị ngôn 。

người con kêu khóc mà nói lời rằng:

父本教我根藥如是莖藥如是花藥如是色相如是。

phụ bản giáo ngã căn dược như thị hành dược như thị hoa dược như thị sắc tướng như thị 。

Trước cha dạy ta rễ thuốc như vậy, cây thuốc như vậy, hoa thuốc như vậy, sắc tướng như vậy.

如來亦爾為化眾生示現制戒。應當如是受持莫犯。

Như-Lai diệc nhĩ vi hóa chúng sanh thị hiện chế giới 。

ứng đương như thị thọ trì mạc phạm 。

Như Lai cũng vậy, vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện chế giới, phải thọ trì như vậy chớ phạm,

作五逆罪誹謗正法及一闍提。為未來世起是事者是故示現。

tác ngũ nghịch tội phỉ báng chánh Pháp cập nhất-xiển-đề 。

vi vị lai thế khởi thị sự giả thị cố thị hiện 。

thị hiện có người tạo tội ngũ nghịch , phỉ báng chánh pháp và nhất-xiển-đề, vì đời vị lai có người làm các việc như vậy cho nên thị hiện

欲令比丘於佛滅後作如是知。

dục lệnh bỉ khâu ư Phật diệt hậu tác như thị tri 。

muốn các Tỷ-Kheo sau khi Phật diệt độ hiểu biết như vậy,

此是契經甚深之義。此是戒律輕重之相。

thử thị khế Kinh thậm thâm chi nghĩa 。

thử thị giới luật khinh trọng chi tướng đây là khế kinh ý nghĩa thâm sâu, đây là tướng khinh trọng của giới luật,

此是阿毘曇分別法句。如彼醫子。

thử thị A-tì-đàm phân biệt Pháp cú 。

như bỉ y tử 。

đây là phân biệt pháp cú của A-tỳ-đàm, cũng như người con của vị lương y vậy.

復次善男子。如人知月六月一蝕。

phục thứ thiện nam tử 。

như nhân tri nguyệt lục nguyệt nhất thực 。

Lại nữa thiện nam tử! Như người biết ngày một tháng sáu là nguyệt thực,
而上諸天須臾之間已見月蝕。何以故。

nhi thượng chư Thiên tu du chi gian dĩ kiến nguyệt thực 。 hà dĩ cố 。
mà chư thiên chỉ trong khoảnh khắc đã thấy nguyệt thực. Tại vì sao?
彼天日長人間短故。善男子。

bỉ Thiên nhật trường nhân gian đoản cố 。 thiện nam tử 。
Vì ngày ở cõi trời thì dài mà ở thế gian thì ngắn. Thiện nam tử!

如來亦爾天人咸謂如來壽短。如彼天人須臾之間頻見月蝕。

Như-Lai diệc nhĩ Thiên Nhơn hàm vị Như-Lai thọ đoản 。 như bỉ Thiên Nhơn tu du chi gian
tần kiến nguyệt thực 。

Như Lai cũng như vậy, người trời đều cho rằng Như Lai có thọ mạng ngắn, như khoảnh
khắc đã thấy nguyệt thực,

如來又於須臾之間示現百千萬億涅槃。

Như-Lai hựu ư tu du chi gian thị hiện bách thiên vạn ức Niết-Bàn 。

Như Lai trong khoảnh khắc mà thị hiện trăm ngàn vạn ức lần niết bàn,
斷煩惱魔陰魔死魔。

đoạn phiền não ma uẩn ma tử ma 。

đoạn diệt hết ma phiền não, ma ngũ ấm, ma chết,

是故百千萬億天魔悉知如來入般涅槃。又復示現無量百千先業因緣。

thị cố bách thiên vạn ức Thiên ma tất tri Như-Lai nhập bát Niết-Bàn 。

hựu phục thị hiện
vô lượng bách thiên tiên nghiệp nhân duyên 。

cho nên trăm ngàn vạn ức thiên ma đều biết Như Lai nhập niết bàn. Lại thị hiện vô lượng
trăm ngàn nghiệp nhân duyên đời trước,

隨順世間種種性故。

tùy thuận thế gian chủng chủng tánh cố 。

vì tùy thuận các tánh ở thế gian

示現如是無量無邊不可思議。是故如來常住無變。復次善男子。

thị hiện như thị vô lượng vô biên bất khả tư nghị 。

thị cố Như-Lai thường trụ vô biến 。

phục thứ thiện nam tử 。

nên thị hiện vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn như vậy, cho nên biết Như Lai là thường
trụ bất biến. Lại nữa thiện nam tử!

譬如明月眾生樂見。是故稱月號為樂見。

thí như minh nguyệt chúng sanh lạc kiến 。 thị cố xưng nguyệt hiệu vi lạc kiến 。

Thí như mặt trăng sáng chúng sanh ưa nhìn, cho nên gọi tên mặt trăng là ưa nhìn, 眾生若有貪恚愚癡。則不得稱為樂見也。

chúng sanh nhược hữu tham khuể ngu si 。 tắc bất đắc xưng vi lạc kiến dã 。

nếu chúng sanh có tham lam sân hận ngu si, thì không được gọi mặt trăng là ưa nhìn.

如來如是其性純善清淨無垢。是最可稱為樂見也。

Như-Lai như thị kỳ tánh thuần thiện thanh tịnh vô cấu 。 thị tối khả xưng vi lạc kiến dã 。

Tánh của Như Lai là thuần thiện thanh tịnh không cấu uế, cho nên có thể gọi là nhìn, 樂法眾生視之無厭。惡心之人不喜瞻觀。

lạc Pháp chúng sanh thị chi vô yếm 。 ác tâm chi nhân bất hĩ chiêm đố 。

chúng sanh ưa thích pháp thì nhìn mãi không nhàm chán, còn người có ác tâm thì không thích chiêm ngưỡng,

以是義故故言如來喻如明月。復次善男子。

dĩ thị nghĩa cố cố ngôn Như-Lai dụ như minh nguyệt 。 phục thứ thiện nam tử 。

do nghĩa này cho nên nói Như Lai dụ như mặt trăng sáng. Lại nữa thiện nam tử!

譬如日出有三時異。謂春夏冬。

thí như nhật xuất hữu tam thời dị 。 vị xuân hạ đông 。

Thí như mặt trời xuất hiện có ba thời khác nhau, đó là mùa xuân, mùa hạ, mùa đông.

冬日則短春日處中夏日極長。

đông nhật tắc đoản xuân nhật xử trung hạ nhật cực trường 。

Ngày mùa đông thì ngắn, ngày mùa xuân trung bình, ngày mùa hạ thì dài.

如來亦爾於此三千大千世界為短壽者。及諸聲聞示現壽短。

Như-Lai diệc nhĩ ư thử tam Thiên Đại Thiên thế giới vi đoản thọ giả 。 cập chư thanh văn thị hiện thọ đoản 。

Như Lai cũng như vậy ở trong ba ngàn đại thiên thế giới và các Thanh-văn thì thị hiện thọ mạng dài ngắn,

斯等見已咸謂如來壽命短促喻如冬日。

tư đẳng kiến dĩ hàm vị Như-Lai thọ mạng đoản xúc dụ như đông nhật 。

chúng sanh thấy rồi đều cho rằng thọ mạng Như Lai ngắn, đây là dụ cho ngày mùa đông.

為諸菩薩示現中壽若至一劫若減一劫喻如春日。

vi chư Bồ Tát thị hiện trung thọ nhược chí nhất kiếp nhược giảm nhất kiếp dụ như xuân nhật 。

Như Lai vì các Bồ-tát mà thị hiện thọ mạng trung bình , hoặc một kiếp hoặc ít hơn một kiếp, đây dụ cho ngày mùa xuân,

唯佛觀佛其壽無量喻如夏日。善男子。

duy Phật đố Phật kỳ thọ vô lượng dụ như hạ nhật 。

Chỉ có chư Phật thấy thọ mạng của Phật là vô lượng, đây dụ cho ngày mùa hạ. Thiện nam tử!

如來所說方等大乘微密之教示現世間。

Như-Lai sở thuyết phương đẳng Đại thừa vi mật chi giáo thị hiện thế gian 。

Như Lai thuyết giáo pháp Đại thừa phương đẳng vi mật thị hiện nơi thế gian,

雨大法雨於未來世。若有人能護持是典開示分別利益眾生。

vũ Đại Pháp vũ ư vị lai thế 。

nhược hữu nhân năng hộ trì thị diễn khai kì phân biệt lợi ích chúng sanh 。

là rưới trận mưa pháp lớn ở đời vị lai. Nếu có người thọ trì kinh điển này rồi chỉ bày phân biệt lợi ích cho chúng sanh,

當知是輩真是菩薩喻如盛夏天降甘雨。

đương tri thị bối chân thị Bồ Tát dụ như thịnh hạ Thiên hàng cam vũ 。

phải biết người này đúng là Bồ-tát, dụ như mùa hạ nắng mà có trận mưa ngọt.

若有聲聞緣覺之人聞佛如來微密之教。

nhược hữu thanh văn duyên giác chi nhân văn Phật như lai vi mật chi giáo 。

Nếu có hàng Thanh văn, Duyên giác nghe được giáo pháp vi mật của Như Lai, 喻如冬日多遇冷患。

dụ như đông nhật đa ngộ lãnh hoạn 。

dụ như ngày mùa đông gặp lạnh thêm lo lắng.

菩薩之人若聞如是微密教誨如來常住性無變易。喻如春日萌牙開敷。

Bồ Tát chi nhân nhược văn như thị vi Mật Giáo hối Như-Lai thường trụ tánh vô biến dịch 。

dụ như xuân nhật manh nha khai phu 。

Hàng Bồ-tát nếu nghe giáo pháp vi mật như vậy, rồi dạy mọi người rằng Như Lai thường trụ tánh không biến đổi, dụ như ngày xuân mầm non bắt đầu đâm chồi,

而如來性實無長短為世間故示現如是。

nhi Như-Lai tánh thật vô trường đoản vi thể gian cố thị hiện như thị 。
mà tánh thật Như Lai không có dài ngắn, vì thể gian cho nên thị hiện như vậy,
即是諸佛真實法性。復次善男子。
tức thị chư Phật chân thật Pháp tánh 。 phục thứ thiện nam tử 。
đó là pháp tánh chơn thật của chư Phật. Lại nữa thiện nam tử !
譬如眾星晝則不現。而人皆謂晝星滅沒其實不沒。
thí như chúng tinh trú tắc bất hiện 。 nhi nhân giai vị trú tinh diệt một kỳ thật bất một 。
Thí như các ngôi sao ban ngày không xuất hiện, mọi người đều cho rằng ban ngày ngôi
sao diệt mất nhưng thật ra không diệt mất,
所以不現日光映故。
sở dĩ bất hiện nhật quang ánh cố 。
vì ánh sáng mặt trời chiếu soi nên không thấy mà thôi.
如來亦爾聲聞緣覺不能得見。喻如世人不見晝星。復次善男子。
Như-Lai diệt nhĩ thanh văn duyên giác bất năng đắc kiến 。 dụ như thế nhân bất kiến trú
tinh 。 phục thứ thiện nam tử 。
Như Lai cũng vậy, Thanh văn, Duyên giác không thể thấy, dụ cho người đời không thể
thấy ngôi sao. Lại nữa thiện nam tử !
譬如陰闇日月不現。愚夫謂言日月失沒。
thí như uẩn ám nhật nguyệt bất hiện 。 ngu phu vị ngôn nhật nguyệt thất một 。
Thí như ngày âm u mặt trời, mặt trăng không xuất hiện, người ngu cho rằng mặt trời mặt
trăng diệt mất
而是日月實不失沒。如來正法滅盡之時三寶現沒。
nhi thị nhật nguyệt thật bất thất một 。 Như-Lai chánh Pháp diệt tận chi thời Tam Bảo hiện
một 。
nhưng thật ra mặt trời mặt trăng không diệt mất, lúc chánh pháp Như Lai diệt tận thì Tam
bảo ẩn mất,
亦復如是非為永滅。
diệt phục như thị phi vi vĩnh diệt 。
cũng như vậy, không vĩnh viễn diệt,
是故當知如來常住無有變易。何以故。
thị cố đương tri Như-Lai thường trụ vô hữu biến dịch 。 hà dĩ cố 。

cho nên phải biết Như Lai là thường trụ không có biến đổi, Tại vì sao?

三寶真性不為諸垢之所染故。

Tam Bảo chân tánh bất vi chư cấu chi sở nhiễm cố 。

Chơn tánh Tam bảo thì không bị các cấu uế làm ô nhiễm.

復次善男子。譬如黑月彗星夜現。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử! Thí như đêm không có mặt trăng sao chổi xuất hiện,

其明炎熾暫出還沒。眾生見已生不祥想。

kỳ minh viêm sí tạm xuất hoàn một 。

ánh sáng rực rỡ tạm loé lên rồi vụt tắt, chúng sanh thấy rồi sanh ý nghĩ là điềm không tốt.

諸辟支佛亦復如是出無佛世。

chư Bích chi Phật diệc phục như thị xuất vô Phật thế 。

Các Bích Chi Phật cũng lại như vậy, sanh ra ở đời gặp lúc không có Phật

眾生見已皆謂如來真實滅度生憂悲想。而如來身實不滅度。

chúng sanh kiến dĩ giai vị Như-Lai chân thật diệt độ sanh ưu bi tưởng 。

nhi Như-Lai thân thật bất diệt độ 。

chúng sanh thấy rồi đều cho rằng Như Lai thật có diệt độ nên sanh ý tưởng buồn rầu, mà

thân Như Lai là thật không diệt độ,

如彼日月無有滅沒。

như bỉ nhật nguyệt vô hữu diệt một 。

như mặt trời mặt trăng kia không có diệt mất.

復次善男子。譬如日出眾霧悉除。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử! Thí như mặt trời xuất hiện làm tan các giọt sương,

此大涅槃微妙經典亦復如是出興於世。

thử Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển diệc phục như thị xuất hưng ư thế 。

kinh Đại Niết Bàn vi diệu này xuất hiện ở đời cũng lại như vậy.。

若有眾生一經耳者悉能滅除一切諸惡無間罪業。

nhược hữu chúng sanh nhất Kinh nhĩ giả tất năng diệt trừ nhất thiết chư ác vô gián tội

nghiệp 。

Nếu có chúng sanh nào một lần nghe qua đều có thể diệt trừ tất cả các điều ác và tội nghiệp vô gián,

是大涅槃甚深境界不可思議。

thị Đại Niết-Bàn thậm thâm cảnh giới bất khả tư nghị 。

cảnh giới của Đại Niết Bàn là thâm sâu vi diệu không thể nghĩ bàn,

善說如來微密之性。以是義故諸善男子善女人等。

thiện thuyết Như-Lai vi mật chi tánh 。

dĩ thị nghĩa cố chư thiện nam tử Thiện Nữ Nhân đẳng 。

khéo nói về tánh vi mật của Như Lai, do nghĩa này cho nên các thiện nam tử thiện nữ nư

應於如來生常住心無有變易正法不斷僧寶不滅。

ứng ư Như-Lai sanh thường trụ tâm vô hữu biến dịch chánh Pháp bất đoạn tăng bảo bất diệt 。

nên đối với Như Lai mà sanh tâm thường trụ không có biến đổi, chánh pháp không đoạn, tăng bảo không diệt,

是故應當多修方便勤學是典。

thị cố ứng đương đa tu phương tiện tinh cần học thị điển 。

vì vậy phải tìm cầu phương tiện siêng năng tu học kinh điển này,

是人不久當得成於阿耨多羅三藐三菩提。

thị nhân bất cửu đương đắc thành ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

thì người này không lâu sẽ thành tựu quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác,

是故此經名為無量功德所成。亦名菩提不可窮盡。

thị cố thử Kinh danh vi vô lượng công đức sở thành 。

diệc danh Bồ-đề bất khả cùng tận 。

cho nên kinh này gọi là Vô Lượng Công Đức Sở Thành, cũng gọi là Bồ-đề không thể cùng tận.

以不盡故得稱為大般涅槃。有善光故猶如夏日。

dĩ bất tận cố cố đắc xưng vi Đại bát Niết bàn 。

hữu thiện quang cố do như hạ nhật 。

Do không cùng tận nên gọi là Đại Niết Bàn. Do có ánh sáng tốt đẹp nên dụ như ngày mùa hạ,

身無邊故名大涅槃。

thân vô biên cố danh Đại Niết-Bàn 。

do thân vô biên nên gọi là Niết Bàn.

復次善男子。如日月光諸明中最。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử! như ánh sáng mặt trời mặt trăng là sáng nhất。

一切諸明所不能及。大涅槃光亦復如是。

nhất thiết chư minh sở bất năng cập 。

Đại Niết-Bàn quang diệc phục như thị 。

tất cả ánh sáng khác không thể sánh bằng. Kinh Đại Niết Bàn cũng như vậy,

於諸契經三昧光明最為殊勝。

ư chư khế kinh tam muội quang-minh tối vi thù thắng 。

đối với các khế kinh thì ánh sáng Tam muội là thù thắng nhất,

諸經三昧所有光明所不能及。何以故。大涅槃光能入眾生諸毛孔故。

chư Kinh tam muội sở hữu quang-minh sở bất năng cập 。

hà dĩ cố 。

Đại Niết-Bàn quang

năng nhập chúng sanh chư mao khổng cố 。

ánh sáng Tam muội của các khế kinh không thể sánh bằng. Tại vì sao? Vì ánh sáng của

kinh Đại Niết Bàn có thể thâm nhập vào các lỗ chân lông của chúng sanh,

眾生雖無菩提之心而能為作菩提因緣。

chúng sanh tuy vô Bồ-đề chi tâm nhi năng vi tác Bồ-đề nhân duyên 。

chúng sanh tuy có tâm Bồ-đề nhưng không thể làm nhân duyên cho Bồ-đề,

是故復名大般涅槃。迦葉菩薩白佛言。世尊。

thị cố phục danh Đại bát Niết bàn 。

ca diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

vì thế lại có tên Đại Bát Niết Bàn. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

如佛所說大涅槃光入於一切眾生毛孔。

như Phật sở thuyết Đại Niết-Bàn quang nhập ư nhất thiết chúng sanh mao khổng 。

như lời Phật dạy, ánh sáng của kinh Đại Niết Bàn nhập vào các lỗ chân lông của tất cả

chúng sanh,

眾生雖無菩提之心。而能為作菩提因者。

chúng sanh tuy vô Bồ-đề chi tâm 。

nhi năng vi tác Bồ-đề nhân giả 。

tuy chúng sanh không có Bồ-đề tâm nhưng có thể làm nhân cho Bồ-đề.

是義不然。何以故。世尊。

thị nghĩa bất nhiên 。

ý nghĩa này không như vậy. Tại vì sao? Bạch Thế Tôn!

犯四重禁作五逆人及一闍提。光明入身作菩提因者。

phạm tứ trọng cấm tác ngũ nghịch nhân cập nhất-xiển-đề 。 quang-minh nhập thân tác Bồ-đề nhân giả 。

Do phạm bốn giới trọng và tạo tội ngũ nghịch cùng nhất-xiển-đề, khi ánh sáng của kinh vào thân làm nhân Bồ-đề,

如是等輩與淨持戒修習諸善有何差別。

như thị đẳng bối dĩ tịnh trì giới tu tập chư thiện hữu hà sai biệt 。

thì những hạng người như vậy cùng với hạng người giữ giới thanh tịnh tu các pháp lành đâu có gì khác,。

若無差別如來何故說四依義。世尊。

nhược vô sai biệt Như-Lai hà cố thuyết tứ y nghĩa 。

Thế tôn 。

nếu không sai khác thì tại sao Như Lai dạy về bốn ý nghĩa. Bạch Thế Tôn!

又如佛言若有眾生聞大涅槃一經於耳。則得斷除諸煩惱者。 。

hựu như Phật ngôn nhược hữu chúng sanh văn Đại Niết-Bàn nhất Kinh ư nhĩ 。

tắc đắc đoạn trừ chư phiền não giả 。

Lại như Phật dạy, nếu có chúng sanh nghe kinh Đại Niết Bàn một lần lọt qua tai thì đoạn

sạch hết phiền não
如來云何先說有人於恒河沙等佛所發心。

Như-Lai vân hà tiên thuyết hữu nhân ư hằng hà sa đẳng Phật sở phát tâm 。

thì tại sao trước kia Như Lai dạy có người ở nơi hằng hà sa chư Phật mà phát tâm

聞大涅槃不解其義。

văn Đại Niết-Bàn bất giải kỳ nghĩa 。

nghe kinh Đại Niết Bàn mà không hiểu nghĩa,
若不解義云何能斷一切煩惱。佛言善男子。除一闍提。

nhược bất giải nghĩa vân hà năng đoạn nhất thiết phiền não 。

Phật ngôn thiện nam tử 。

trừ nhất-xiển-đề 。

nếu không hiểu nghĩa thì tại sao đoạn sạch tất cả phiền não. Phật dạy thiện nam tử, trừ tội

nhất-xiển-đề,
其餘眾生聞是經已。悉皆能作菩提因緣。

kỳ dư chúng sanh văn thị Kinh dĩ 。

còn tất cả chúng sanh nghe kinh này rồi đều có thể làm nhân duyên Bồ-đề,
法聲光明入毛孔者必定當得阿耨多羅三藐三菩提。何以故。

Pháp thanh quang-minh nhập mao khổng giả tất định đương đắc a nậu đa la tam miểu
tam Bồ-đề 。 hà dĩ cố 。

ánh sáng của pháp thâm nhập vào lỗ chân lông người ấy, nhất định sẽ đắc quả Vô thượng
chánh đẳng chánh giác. Tại vì sao?

若有人能供養恭敬無量諸佛。

nhược hữu nhân năng cung dưỡng cung kính vô lượng chư Phật 。

nếu có người hay cung kính cúng dường vô lượng chư Phật

方乃得聞大涅槃經。薄福之人則不得聞。所以者何。

phương nãi đắc văn Đại Niết Bàn Kinh 。

bạc phúc chi nhân tắc bất đắc văn 。

sở dĩ giả hà 。

mới được nghe kinh Đại Niết Bàn , người ít phước đức thì không được nghe. Tại vì sao?

大德之人乃能得聞。

Đại Đức chi nhân nãi năng đắc văn 。

Người có phước lớn mới có thể được nghe,

如是大事廝下小人則不得聞。何等為大。

như thị Đại sự tư hạ tiểu nhân tắc bất đắc văn 。

hà đẳng vi Đại 。

việc lớn như vậy thì kẻ chật củi, chẵn ngựa không phước đức không thể nghe. Thế nào là
việc lớn?

所謂諸佛甚深祕藏謂佛性是。以是義故名為大事。迦葉菩薩白佛言。

sở vị chư Phật thậm thâm bí tạng vị Phật tánh thị 。

dĩ thị nghĩa cố danh vi Đại sự 。

ca
diệp Bồ Tát bạch Phật ngôn 。

Đó là tạng bí mật thâm sâu của chư Phật tức là pháp tánh, do nghĩa này nên gọi là việc
lớn. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

世尊。云何未發菩提心者得菩提因。

Thế tôn 。

vân hà vị phát Bồ-đề tâm giả đắc Bồ-đề nhân 。

Bạch Thế Tôn! Tại sao người chưa phát tâm Bồ-đề được nhân Bồ-đề?

佛告迦葉。若有聞是大涅槃經。

Phật cáo ca diệp 。

nhược hữu văn thị Đại Niết Bàn Kinh 。

Phật dạy, Ca-diếp nếu có người nghe kinh Đại Niết Bàn này

言我不用發菩提心誹謗正法。

ngôn ngữ bất dụng phát Bồ-đề tâm phỉ báng chánh Pháp 。

nói rằng ta không phát tâm Bồ-đề , phỉ báng chánh pháp

是人即於夢中見羅刹像心中怖懼。羅刹語言咄善男子。

thị nhân tức ư mộng trung kiến La sát tượng tâm trung phổ cừ 。

La sát ngữ ngôn đốt thiện nam tử 。

người này ở trong mộng liền thấy tượng La sát, trong tâm sanh sợ hãi. La sát nói rằng: Ôi! Thiện nam tử.

汝今若不發菩提心當斷汝命。是人惶怖覺已即發菩提之心。

nhữ kim nhược bất phát Bồ-đề tâm đương đoạn nhữ mạng 。

thị nhân hoàng phổ giác dĩ tức phát Bồ-đề chi tâm 。

nay nếu người không phát tâm Bồ-đề ta sẽ đoạt mạng của người, người này sợ hãi tỉnh dậy liền phát tâm Bồ-đề 。

是人命終若在三惡及在人天。

thị nhân mạng chung nhược tại tam ác cập tại nhân Thiên 。

người này khi mạng chung hoặc ở ba đường ác hoặc ở cõi trời cõi người, 續復憶念菩提之心。當知是人是大菩薩摩訶薩也。

tục phục ức niệm Bồ-đề chi tâm 。

đương tri thị nhân thị Đại Bồ Tát Ma-Ha tát dã。

tiếp tục lại nhớ đến tâm Bồ-đề, phải biết người này là Đại Bồ-tát-ma-ha-tát.

以是義故。是大涅槃威神力故。

dĩ thị nghĩa cố 。

thị Đại Niết-Bàn uy Thần lực cố 。

Do ý nghĩa này, kinh Đại Niết Bàn có sức oai thần 能令未發菩提心者作菩提因。善男子。

năng lệnh vị phát Bồ-đề tâm giả tác Bồ-đề nhân 。

thiện nam tử 。

khiến người chưa phát tâm Bồ-đề được nhân Bồ-đề. Thiện nam tử!

是名菩薩發心因緣非無因緣。以是義故。大乘妙典真佛所說。

thị danh Bồ Tát phát tâm nhân duyên phi vô nhân duyên 。

dĩ thị nghĩa cố 。

Đại thừa diệu điển chân Phật sở thuyết 。

Đây gọi là nhân duyên phát tâm chẳng phải không nhân duyên. Do ý nghĩa này mà kinh điển đại thừa vi diệu là chơn Phật tuyên thuyết.

復次善男子。如虛空中興大雲雨注於大地。

phục thứ thiện nam tử 。 như hư không trung hưng Đại vân vũ chú ư Đại địa 。
 Lại nữa thiện nam tử! Như trong hư không có nhiều mây rồi mưa xuống mặt đất,
 枯木石山高原堆阜水所不住。
 khô mộc thạch sơn cao nguyên đôi phụ thủy sở bất trụ 。
 chỗ cây khô, núi đá, cao nguyên, gò đồi nước sẽ đọng lại,。
 流注下田陂池悉滿利益無量一切眾生。
 lưu chú hạ điền pha trì tất mãn lợi ích vô lượng nhất thiết chúng sanh 。
 mà chảy xuống ruộng ao tràn đầy làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh,
 是大涅槃微妙經典亦復如是。雨大法雨普潤眾生。
 thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển diệc phục như thị 。 vũ Đại Pháp vũ phổ nhuận chúng
 sanh 。
 kinh Đại Niết Bàn vi diệu cũng lại như vậy, rưới trận mưa pháp lớn thấm nhuần đến chúng
 sanh,
 唯一闍提發菩提心無有是處。復次善男子。
 duy nhất-xiển-đề phát Bồ-đề tâm vô hữu thị xử 。 phục thứ thiện nam tử 。
 chỉ có nhất-xiển-đề phát tâm Bồ-đề thì không có việc đó. Lại nữa thiện nam tử!
 譬如焦種雖遇甘雨百千萬劫終不生芽。
 thí như tiêu chủng tuy ngộ cam vũ bách thiên vạn kiếp chung bất sanh nha 。
 Thí như cây cháy khô tuy gặp trận mưa tốt nhưng trải qua trăm ngàn vạn kiếp cũng không
 thể nảy mầm,
 芽若生者亦無是處。一闍提輩亦復如是。
 nha nhược sanh giả diệc vô thị xử 。 nhất-xiển-đề bối diệc phục như thị 。
 nếu có mầm thì không có việc ấy. Kẻ tạo nhất-xiển-đề cũng lại như vậy,
 雖聞如是大般涅槃微妙經典。終不能發菩提心牙。
 tuy vẫn như thị Đại bát Niết bàn vi diệu Kinh điển 。 chung bất năng phát Bồ-đề tâm nha
 。
 tuy nghe kinh Đại Niết Bàn vi diệu như vậy nhưng không phát tâm Bồ-đề.
 若能發者無有是處。何以故。是人斷滅一切善根。
 nhược năng phát giả vô hữu thị xử 。 hà dĩ cố 。 thị nhân đoạn diệt nhất thiết thiện căn 。
 Nếu có thể phát tâm thì không có việc ấy. Tại vì sao? Vì người này đã đoạn sạch tất cả
 căn lành,

如彼焦種不能復生菩提根牙。復次善男子。

như bĩ tiêu chủng bất năng phục sanh Bồ-đề căn nha 。 phục thứ thiện nam tử 。

giống như cây cháy khô không thể sanh ra mầm Bồ-đề. Lại nữa thiện nam tử!

譬如明珠置濁水中以珠威德水即為清。

thí như minh châu trí trược thủy trung dĩ châu uy đức thủy tức vi thanh 。

Thí như hạt minh châu để trong nước dơ, do oai đức của hạt minh châu mà nước được lắng trong,

投之淤泥不能令清。

đầu chi ử nê bất năng lệnh thanh 。

nhưng ném vào trong bùn thì không thể khiến bùn sạch được.

是大涅槃微妙經典亦復如是。

thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển diệu phục như thị 。

kinh Đại Niết Bàn vi diệu cũng lại như vậy,

置餘眾生五無間罪四重禁法濁水之中。猶可澄清發菩提心。投一闍提淤泥之中。

trí dư chúng sanh ngũ vô gián tội tứ trọng cấm Pháp trược thủy chi trung 。

do khả trường thanh phát Bồ-đề tâm 。

đầu nhất-xiển-đề ử nê chi trung 。

để trong nước đục phạm bốn tội nặng, tạo tội ngũ nghịch của các chúng sanh thì có thể lắng trong để phát tâm Bồ-đề, nhưng ném vào bùn dơ của tội nhất-xiển-đề

百千萬歲不能令清起菩提心。何以故。

bách thiên vạn tuế bất năng lệnh thanh khởi Bồ-đề tâm 。

hà dĩ cố 。

thì dẫu trăm ngàn vạn năm cũng không thể khiến thanh tịnh khởi tâm Bồ-đề. Tại vì sao?

是一闍提滅諸善根非其器故。

thị nhất-xiển-đề diệt chư thiện căn phi kỳ khí cố 。

Người tạo tội nhất-xiển-đề là diệt hết các căn lành,

假使是人百千萬歲聽受如是大涅槃經。終不能發菩提之心。

giả sử thị nhân bách thiên vạn tuế thính thọ như thị Đại Niết Bàn Kinh 。

chúng bất năng phát Bồ-đề chi tâm 。

giả sử người này trải qua ngàn vạn năm nghe kinh Đại Niết Bàn như vậy, cũng không thể phát tâm Bồ-đề.

所以者何。無善心故。

sở dĩ giả hà 。

vô thiện tâm cố 。

Tại vì sao, không có tâm thiện vậy?

復次善男子。譬如藥樹名曰藥王。

phục thứ thiện nam tử 。 thí như dược thụ danh viết dược Vương 。

Lại nữa thiện nam tử! Thí như cây thuốc tên là dược vương,

於諸藥中最高殊勝。

ư chư dược trung tối vi thù thắng 。

đối với các cây, cây thuốc là thù thắng nhất,

若和酪漿若蜜若蘇若水若乳若末若丸。若以塗瘡薰身塗目若見若嗅。

nhược hòa lạc tương nhược mật nhược tô nhược thủy nhược nhũ nhược mật nhược hoàn

。 nhược dĩ đồ sang huân thân đồ mục nhược kiến nhược khứu 。

nếu hòa với nước sữa, hoặc mật, hoặc sữa đặc, hoặc nước, hoặc ván sữa, hoặc làm thành bột, hoặc thành viên. Nếu đem bôi nơi mụn nhọt ở thân, hoặc thoa mắt, hoặc nhìn, hoặc ngửi,

能滅眾生一切諸病。如是藥樹不作是念。

năng diệt chúng sanh nhất thiết chư bệnh 。

như thị dược thụ bất tác thị niệm 。

đều có thể trừ tất cả bệnh cho chúng sanh. Như vậy cây thuốc không khởi niệm rằng

一切眾生若取我根不應取葉。

nhất thiết chúng sanh nhược thủ ngã căn bất ứng thủ diệp 。

tất cả chúng sanh hoặc lấy rễ của ta không nên lấy lá,。

若取葉者不應取根。若取身者不應取皮。若取皮者不應取身。

nhược thủ diệp giả bất ứng thủ căn 。

nhược thủ thân giả bất ứng thủ bì 。

nhược thủ bì giả bất ứng thủ thân 。

hoặc lấy lá không nên lấy rễ, hoặc lấy thân không nên lấy vỏ, hoặc lấy vỏ không nên lấy thân.

是樹雖復不生是念而能除滅一切病苦。

thị thụ tuy phục bất sanh thị niệm nhi năng trừ diệt nhất thiết bệnh khổ 。

Cây thuốc tuy không sanh niệm như vậy mà có thể trừ diệt tất cả bệnh khổ.

善男子。是大涅槃微妙經典亦復如是。

thiện nam tử 。

thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển diệt phục như thị 。

Thiện nam tử! Kinh Đại Niết Bàn vi diệu cũng lại như vậy

能除一切眾生惡業四波羅夷五無間罪。

năng trừ nhất thiết chúng sanh ác nghiệp tứ ba la di ngũ vô gián tội 。
 có thể trừ nghiệp ác cho tất cả chúng sanh khi phạm bốn tội Ba-la-di hay ngũ vô gián,
 若內若外所有諸惡諸有未發菩提心者。
 nhược nội nhược ngoại sở hữu chư ác chư hữu vị phát Bồ-đề tâm giả 。
 hoặc trong hoặc ngoài có những điều xấu ác, hoặc chưa phát tâm Bồ-đề,
 因是則得發菩提心。何以故。是妙經典諸經中王。
 nhân thị tắc đắc phát Bồ-đề tâm 。 hà dĩ cố 。 thị diệu Kinh điển chư Kinh trung Vương 。
 sẽ nhân đây mà phát tâm Bồ-đề. Tại vì sao? Vì kinh điển vi diệu này là vua trong các
 kinh,
 如彼藥樹諸藥中王。若有修習是大涅槃及不修者。
 như bỉ dược thụ chư dược trung Vương 。 nhược hữu tu tập thị Đại Niết-Bàn cập bất tu giả
 。
 như cây thuốc kia là vua trong các cây thuốc. Nếu như có người tu tập kinh Đại Niết Bàn
 này và người không tu tập
 若聞有是經典名字。
 nhược văn hữu thị Kinh điển danh tự 。
 nếu nghe được kinh này
 聞已敬信所有一切煩惱重病皆悉除滅。
 văn dĩ kính tín sở hữu nhất thiết phiền não trọng bệnh giai tất trừ diệt 。
 nghe rồi cung kính tín thọ, nếu có tất cả phiền não bệnh nặng đều được tiêu trừ hết,
 唯不能令一闍提輩安止住於阿耨多羅三藐三菩提。
 duy bất năng lệnh nhất-xiển-đề bối an chỉ trụ ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。
 chỉ là không khiến kẻ nhất-xiển-đề an trụ nơi đạo Vô Thượng Chánh đẳng Chánh Giác.
 如彼妙藥雖能療愈種種重病。而不能治必死之人。
 như bỉ diệu dược tuy năng liệu dĩ chủng chủng trọng bệnh 。 nhi bất năng trị tất tử chi
 nhân 。
 Như thuốc hay kia có thể chữa lành tất cả tất cả bệnh nặng, nhưng tất nhiên không thể
 chữa cho người đã chết.
 復次善男子。如人手瘡捉持毒藥毒則隨入。
 phục thứ thiện nam tử 。 như nhân thủ sang tróc trì độc dược độc tắc tùy nhập 。

Lại nữa thiện nam tử! như người tay bị mụn nhọt, nếu cầm thuốc độc thì chất độc sẽ theo mụn nhọt mà thấm vào cơ thể,

若無瘡者毒則不入。一闍提輩亦復如是。

nhược vô sang giả độc tác bất nhập 。 nhất-xiển-đề bối diệp phục như thị 。

nếu người không bị mụn nhọt thì chất độc sẽ không thâm nhập đợc. Kẻ nhất-xiển-đề cũng lại như vậy,

無菩提因如無瘡者毒不得入。

vô Bồ-đề nhân như vô sang giả độc bất đắc nhập 。

không có nhân Bồ-đề như người không có mụn nhọt thì chất độc không thể thâm nhập.

所謂瘡者即是無上菩提因緣。毒者即是第一妙藥。

sở vị sang giả tức thị vô thượng Bồ-đề nhân duyên 。

Đây gọi mụn nhọt tức là nhân duyên Bồ-đề vô thượng, chất độc là thuốc hay đệ nhất,

完無瘡者謂一闍提。復次善男子。譬如金剛無能壞者。

hoàn vô sang giả vị nhất-xiển-đề 。

người không có mụn nhọt là hạng nhất-xiển-đề. Lại nữa thiện nam tử! Thí như kim cang không vật gì phá hoại,

而能破壞一切之物。唯除龜甲及白羊角。

nhi năng phá hoại nhất thiết chi vật 。

nhưng có thể phá hoại tất cả các vật, chỉ trừ mai rùa và sừng dê trắng,

是大涅槃微妙經典亦復如是。

thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển diệp phục như thị 。

kinh Đại Niết Bàn vi diệu cũng lại như vậy,

悉能安止無量眾生於菩提道。

tất năng an chỉ vô lượng chúng sanh ư Bồ-đề đạo 。

có thể an chỉ cho vô lượng chúng sanh nơi đạo Bồ-đề,

唯不能令一闍提輩立菩提因。復次善男子。

duy bất năng lệnh nhất-xiển-đề bối lập Bồ-đề nhân 。

nhưng không thể khiến hạng nhất-xiển-đề gieo nhân Bồ-đề. Lại nữa thiện nam tử!

如馬齒草娑羅翹樹尼迦羅樹。雖斷枝莖續生如故。

như mã xỉ thảo sa-la sí thụ ni ca la thụ 。

Như cây cỏ mã xỉ, cây ba-la-sí, cây ni-ca-la, tuy chặt cành mà thân nó vẫn sống như cũ,
不如多羅斷已不生是諸眾生亦復如是。

bất như đa-la đoạn dĩ bất sanh thị chư chúng sanh diệt phục như thị 。

không như cây đa-la chặt rồi thì không thể sống. Các chúng sanh cũng lại như vậy,
若得聞是大涅槃經雖犯四禁及五無間。猶故能生菩提因緣。

nhược đắc văn thị Đại Niết Bàn Kinh tuy phạm tứ cấm cập ngũ vô gián 。

Bồ-đề nhân duyên 。

nếu được nghe kinh Đại Niết Bàn này tuy phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián, vẫn có thể phát sanh nhân duyên Bồ-đề như cũ

一闍提輩則不如是。

nhất-xiển-đề bối tắc bất như thị 。

hạng nhất-xiển-đề thì không như vậy

雖得聽受是妙經典而不能生菩提道因。復次善男子。

tuy đắc thính thọ thị diệu Kinh điển nhi bất năng sanh Bồ-đề đạo nhân 。

phục thứ thiện nam tử 。

tuy được nghe kinh Đại Niết Bàn mà không thể phát nhân duyên Bồ-đề. Lại nữa thiện nam tử!

如佉陀羅樹鎮頭迦樹斷已不生及諸焦種。

như khu Đà-la thụ trấn đầu ca thụ đoạn dĩ bất sanh cập chư tiêu chủng 。

Như cây khu-đà-la, cây trấn-đầu-ca, chặt rồi thì không thể sống và các giống cây bị đốt cũng thế,

一闍提輩亦復如是。

nhất-xiển-đề bối diệt phục như thị 。

hạng nhất-xiển-đề cũng lại như vậy,

雖得聞是大涅槃經而不能發菩提因緣猶如焦種。復次善男子。

tuy đắc văn thị Đại Niết Bàn Kinh nhi bất năng phát Bồ-đề nhân duyên do như tiêu chủng 。

phục thứ thiện nam tử 。

tuy được nghe kinh Đại Niết Bàn mà không thể phát đại nhân duyên Bồ-đề giống như cây bị đốt. Lại nữa thiện nam tử!

譬如大雨終不住空是大涅槃微妙經典亦復如是。

thí như Đại vũ chung bất trụ không thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển diệt phục như thị 。

Thí như mưa lớn không thể trụ giữa hư không, kinh Đại Niết Bàn cũng lại như vậy,
普雨法雨於一闍提則不能住。是一闍提周體密緻。

phổ vũ Pháp vũ ư nhất-xiển-đề tắc bất năng trụ 。 thị nhất-xiển-đề châu thể mật trí 。
rưới mưa pháp khắp nơi nhưng không thể dừng lại nơi hạng người nhất-xiển-đề. Hạng
nhất-xiển-đề này khắp thân thể dày kín

猶如金剛不容外物。迦葉菩薩白佛言。世尊。

do như Kim cương bất dung ngoại vật 。 ca diệp Bồ Tát bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。
giống như kim cương không dung chứa vật bên ngoài. Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch
Thế Tôn!

如佛說偈。

như Phật thuyết kệ 。

Như Phật nói bài kệ:

不見善不作

唯見惡可作

bất kiến thiện bất tác

duy kiến ác khả tác

Không thấy thiện không làm

Chỉ thấy ác đáng làm

是處可怖畏

猶如險惡道

thị xử khả bố úy

do như hiểm ác đạo

Chỗ này đáng lo sợ

Như đường ác nguy hiểm

世尊。如是所說有何等義。佛言善男子。

Thế tôn 。 như thị sở thuyết hữu hà đẳng nghĩa 。 Phật ngôn thiện nam tử 。

Bạch Thế Tôn! Như lời dạy ấy có nghĩa gì? Phật dạy, thiện nam tử!

不見者謂不見佛性。

bất kiến giả vị bất kiến Phật tánh 。

Không thấy, nghĩa là không thấy Phật tánh,

善者即是阿耨多羅三藐三菩提。不作者所謂不能親近善友。

thiện giả tức thị a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 bất tác giả sở vị bất năng thân cận
thiện hữu 。

thiện tức là đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không làm là không gần gũi bạn
lành,

唯見者見無因果。惡者謂謗方等大乘經典。

duy kiến giả kiến vô nhân quả 。 ác giả vị báng phương đẳng Đại thừa Kinh điển 。

chỉ thấy, tức là thấy không có nhân quả, ác, nghĩa là phỉ báng kinh điển Đại thừa Phương
đẳng,

可作者謂一闡提說無方等。

khả tác giả vị nhất-xiển-đề thuyết vô phương đẳng 。

đáng làm, tức là hạng nhất-xiển-đề nói không có kinh Phương Đẳng.

以是義故一闡提輩無心趣向清淨善法。何等善法謂涅槃也。

dĩ thị nghĩa cố nhất-xiển-đề bối vô tâm thú hướng thanh tịnh thiện Pháp 。

hà đẳng thiện
Pháp vị Niết-Bàn dã 。

Do ý nghĩa này nên hạng nhất-xiển-đề không có tâm hướng đến pháp lành thanh tịnh. Thế
nào là pháp lành, đó là pháp vị Niết-bàn vậy.

趣涅槃者謂能修習賢善之行。

thú Niết-Bàn giả vị năng tu tập hiền thiện chi hành 。

Hướng đến Niết-bàn tức là có thể tu tập các hạnh lành,

而一闡提無賢善行。是故不能趣向涅槃。是處可畏謂謗正法。

nhi nhất-xiển-đề vô hiền thiện hành 。

thị cố bất năng thú hướng Niết-Bàn 。

thị xử khả úy
vị báng chánh Pháp 。

mà hạng nhất-xiển-đề không có hạnh lành nên không thể hướng đến Niết bàn. Chỗ này
đáng lo sợ, tức là hủy báng chánh pháp.。

誰應怖畏所謂智者。何以故。

thùy ứng bố úy sở vị trí giả 。

hà dĩ cố 。

Ai nên lo sợ, đó là người trí vậy. Tại vì sao?

以謗法者無有善心及方便故。險惡道者謂諸行也。

dĩ báng Pháp giả vô hữu thiện tâm cập phương tiện cố 。

hiểm ác đạo giả vị chư hành dã
。

Do hủy báng chánh pháp nên không có tâm thiện và phương tiện. đường ác nguy hiểm là
các chỗ thực hành vậy.

迦葉復言。如佛所說。

ca diệp phục ngôn 。

như Phật sở thuyết 。

Ngài Ca-diếp lại thưa rằng: Như lời Phật.

云何見所作

云何得善法

vân hà kiến sở tác

vân hà đắc thiện Pháp

Làm sao thấy chỗ làm, làm sao được pháp lành ,
何處不怖畏 如王夷坦道

hà xử bất bố úy như Vương di thân đạo
Chỗ nào không lo sợ ? Như đường chính vua đi.

是義何謂。佛言善男子。見所作者。

thị nghĩa hà vị 。 Phật ngôn thiện nam tử 。 kiến sở tác giả 。

Nghĩa là như thế nào? Phật dạy: Thiện nam tử, thấy chỗ làm
發露諸惡從生死際所作諸惡悉皆發露。至無至處。

phát lộ chư ác tòng sanh tử tế sở tác chư ác tất giai phát lộ 。 chí vô chí xử 。

tức là phát lồ các điều xấu ác, từ sanh tử đến nay có làm các điều ác đều phát lồ hết, cho
đến chỗ tận cùng,

以是義故是處無畏。喻如人王所遊正路。

dĩ thị nghĩa cố thị xử vô úy 。 dụ như nhân Vương sở du chánh lộ 。

do nghĩa này nên không lo sợ, như vua đi giữa đường chính
其中盜賊悉皆逃走。

kỳ trung đạo tặc tất giai đào tẩu 。

có kẻ đạo tặc đều chạy trốn,

如是發露一切諸惡悉滅無餘。復次不見所作者。

như thị phát lộ nhất thiết chư ác tất diệt vô dư。 phục thứ bất kiến sở tác giả。

như vậy phát lồ tất cả điều ác đều diệt hết không còn sót. Lại nữa, không thấy chỗ làm
謂一闍提所作眾惡而不自見。是一闍提憍慢心故。

vị nhất-xiển-đề sở tác chúng ác nhi bất tự kiến 。

thị nhất-xiển-đề kiêu mạn tâm cố 。

gọi là hạng nhất-xiển-đề làm các điều ác mà không tự thấy, chính nhất-xiển-đề có tâm
kiêu mạn vậy.

雖多作惡於是事中初無怖畏。以是義故不得涅槃。

tuy đa tác ác ư thị sự trung sơ vô bố úy 。

dĩ thị nghĩa cố bất đắc Niết-Bàn 。

tuy làm nhiều việc ác mà đối với việc này không hề lo sợ, do nghĩa này nên không đắc
Niết bàn

喻如獼猴捉水中月。善男子。

dụ như Mi-Hầu tróc thủy trung nguyệt 。

thiện nam tử 。

dụ như Mi-hầu bắt lấy mặt trăng trong nước. Thiện nam tử!

假使一切無量眾生一時成於阿耨多羅三藐三菩提已。

giả sử nhất thiết vô lượng chúng sanh nhất thời thành ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề dĩ 。

giả sử vô lượng tất cả chúng sanh nhất thời đều thành tựu quả vô thượng chánh đẳng chánh giác,

此諸如來亦復不見彼一闍提成於菩提。

thử chư Như-Lai diệc phục bất kiến bỉ nhất-xiển-đề thành ư Bồ-đề 。

thì chư Như Lai cũng không thấy hạng nhất-xiển-đề kia thành tựu bồ-đề, 以是義故名不見所作。又復不見誰之所作。

dĩ thị nghĩa cố danh bất kiến sở tác 。

hựu phục bất kiến thù chi sở tác 。

do nghĩa này nên nói không thấy chỗ làm. Lại nữa, không thấy ai làm ra 所謂不見如來所作。佛為眾生說有佛性。

sở vị bất kiến Như-Lai sở tác 。

Phật vì chúng sanh thuyết hữu Phật tánh 。

tức là không thấy chỗ làm của Như Lai, Phật vì chúng sanh nên nói có Phật tánh, 一闍提輩流轉生死不能知見。

nhất-xiển-đề bối lưu chuyển sanh tử bất năng tri kiến 。

mà hạng nhất-xiển-đề lưu chuyển trong sanh tử không thể thấy biết, 以是義故名為不見如來所作。

dĩ thị nghĩa cố danh vi bất kiến Như-Lai sở tác 。

do nghĩa này nên nói không thấy chỗ làm của Như Lai.

又一闍提見於如來畢竟涅槃謂真無常。猶如燈滅膏油俱盡。何以故。

hựu nhất-xiển-đề kiến ư Như-Lai tất cánh Niết-Bàn vị chân vô thường 。

do như đăng diệt cao du câu tận 。

hà dĩ cố 。

Lại nữa, hạng nhất-xiển-đề thấy Như Lai rốt ráo Niết bàn cho rằng là chơn vô thường, giống như đèn tắt thì dầu đều cạn. Tại vì sao?

是人惡業不虧損故。

thị nhân ác nghiệp bất khuy tổn cố 。

Do ác nghiệp của người này không tổn giảm.

若有菩薩所作善業迴向阿耨多羅三藐三菩提時。

nhược hữu Bồ Tát sở tác thiện nghiệp hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề thời 。

Nếu có Bồ-tát làm các việc lành rồi hồi hướng về đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

一闍提輩雖復毀些破壞不信。然諸菩薩猶故施與。欲共成於無上之道。

nhất-xiển-đề bối tuy phục hủy thử phá hoại bất tín 。 nhiên chư Bồ Tát do cố thí dữ 。 dục cộng thành ư vô thượng chi đạo 。

hạng nhất-xiển-đề tuy chê bai phá hoại không tin, mà các Bồ-tát vẫn thực hành như cũ, muốn cùng thực hành đạo Vô thượng.

何以故。諸佛法爾。

hà dĩ cố 。 chư Phật Pháp nhĩ 。

Tại vì sao? Pháp của chư Phật là như vậy.

作惡不即受 如乳即成酪

tác ác bất tức thọ như nhũ tức thành lạc

Làm ác chưa thọ quả. Như sữa làm ra lạc

猶灰覆火上 愚者輕蹈之

do hôi phúc hỏa thượng ngu giả khinh đạo chi

Như tro đậy trên lửa. Người ngu dẫm đạp lên .

一闍提者名為無目。是故不見阿羅漢道。

nhất-xiển-đề giả danh vi vô mục 。 thị cố bất kiến A La Hán đạo 。

Hạng nhất-xiển-đề gọi là không có mắt, cho nên không thấy đạo A-la-hán, 如阿羅漢不行生死險惡之道。

như A La Hán bất hành sanh tử hiểm ác chi đạo 。

như bậc A-la-hán thì không đi trên đường sanh tử hiểm nạn

以無目故誹謗方等。不欲修習如阿羅漢勤修慈心。

dĩ vô mục cố phỉ báng phương đẳng 。 bất dục tu tập như A La Hán tinh cần tu từ tâm 。

kẻ không có mắt nên phỉ báng kinh Phương Đẳng, không muốn tu tập như bậc A-la-hán siêng tu từ bi

一闍提輩不修方等亦復如是。

nhất-xiển-đề bối bất tu phương đẳng diệc phục như thị 。

hạng nhất-xiển-đề không tu Kinh Phương Đẳng cũng lại như vậy.

若人說言我今不信聲聞經典。

nhược nhân thuyết ngôn ngã kim bất tín thanh văn Kinh điển 。

Nếu có người nói nay ta không kính tin kinh điển Thanh-văn,
信受大乘讀誦解說是故我今即是菩薩。一切眾生悉有佛性。
tín thọ Đại thừa đọc tụng giải thuyết thị cố ngã kim tức thị Bồ Tát 。 nhất thiết chúng sanh
tất hữu Phật tánh 。
mà tin pháp Đại-thừa, đọc tụng giải nói nên ta là Bồ-tát, tất cả chúng sanh đều có Phật
tánh,
以佛性故眾生身中即有十力三十二相八十種好。
dĩ Phật tánh cố chúng sanh thân trung tức hữu thập lực tam thập nhị tướng bát thập chủng
hảo 。
do có Phật tánh nên trong thân chúng sanh tức có mười lực, ba mươi hai tướng tốt, tám
mười vẻ đẹp,
我之所說不異佛說。
ngã chi sở thuyết bất dị Phật thuyết 。
lời ta nói tức không khác lời Phật
汝今與我俱破無量諸惡煩惱如破水瓶。
nhữ kim dĩ ngã câu phá vô lượng chư ác phiền não như phá thủy ngoả。
Nay các người cùng ta hãy phá hết vô lượng phiền não xấu ác như đập vỡ cái bình,
以破結故即得見於阿耨多羅三藐三菩提。是人雖作如是演說。
dĩ phá kết cố tức đắc kiến ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 thị nhân tuy tác như thị
diễn thuyết 。
do phá trừ kiết sử nên được thấy đạo Vô Thượng Chánh đẳng Chánh Giác. Người này tuy
diễn thuyết như vậy
其心實不信有佛性。為利養故隨文而說。
kỳ tâm thật bất tín hữu Phật tánh 。 vi lợi dưỡng cố tùy văn nhi thuyết 。
nhưng trong tâm thật không tin có Phật tánh, vì lợi dưỡng nên theo văn mà nói như vậy
如是說者名為惡人。如是惡人不速受果如乳成酪。
như thị thuyết giả danh vi ác nhân 。 như thị ác nhân bất tốc thọ quả như nhũ thành lạc 。
nói như vậy gọi là người ác, người ác này thọ quả không nhanh như sữa làm ra lạc.
譬如王使善能談論巧於方便奉命他國。
thí như Vương sử thiện năng đàm luận xảo ư phương tiện phụng mạng tha quốc 。

Thí như sứ giả của vua biết dùng phương tiện đàm luận khéo léo, phụng mạng đi sứ nước khác,

寧喪身命終不匿王所說言教。

ninh tang thân mạng chung bất nặc Vương sở thuyết ngôn giáo 。

dẫu mất thân mạng mà trọn đời không che dấu những lời của vua ban.

智者亦爾於凡夫中不惜身命。要必宣說大乘方等如來祕藏。

trí giả diệc nhĩ ư phàm phu trung bất tích thân mạng 。

yếu tất tuyên thuyết Đại thừa
phương đẳng Như-Lai bí tạng 。

Người trí cũng như vậy, ở nơi phàm phu không tiếc thân mạng, cốt yếu tuyên thuyết tạng
bí mật Đại thừa Phương Đẳng của Như Lai,

一切眾生皆有佛性。善男子。有一闍提作羅漢像。

nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh 。

thiện nam tử 。

hữu nhất-xiển-đề tác la hán
tượng 。

rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Thiện nam tử! có hạng nhất-xiển-đề giả hình
tượng A-la-hán

住於空處誹謗方等大乘經典。

trụ ư không xử phỉ báng phương đẳng Đại thừa Kinh điển 。

ở giữa chỗ trống rồi phỉ báng kinh điển Đại thừa Phương Đẳng

諸凡夫人見已皆謂真阿羅漢是大菩薩摩訶薩。

chư phàm phu nhân kiến dĩ giai vị chân A La Hán thị Đại Bồ Tát Ma-Ha tát 。

các phàm phu thấy rồi đều cho rằng đây là chơn A-la-hán, là đại Bồ-tát-ma-ha-tát,
是一闍提惡比丘輩住阿蘭若處。

thị nhất-xiển-đề ác bỉ khâu bối trụ a lan nhược xử 。

hạng ác Tỳ-kheo nhất-xiển-đề này ở nơi A-lan-nhã

壞阿蘭若法見他得利心生嫉妬。

hoại a lan nhược Pháp kiến tha đắc lợi tâm sanh tật đố 。

sẽ phá hoại pháp A-lan-nhã, thấy người khác được lợi thì sanh tâm ganh ghét

作如是言所有方等大乘經典悉是天魔波旬所說。亦說如來是無常法。

tác như thị ngôn sở hữu phương đẳng Đại thừa Kinh điển tất thị Thiên Ma ba tuần sở
thuyết 。

diệc thuyết Như-Lai thị vô thường Pháp 。

rồi nói kinh điển Đại thừa Phương Đẳng là do Ma-ba-tuần thuyết, cũng nói Như Lai là pháp vô thường,

毀滅正法破壞眾僧。

hủy diệt chánh Pháp phá hoại chúng tăng 。

hủy diệt chánh pháp, phá hoại chúng tăng.

復作是言波旬所說非善順說。作是宣說邪惡之法。

phục tác thị ngôn Ba-tuần sở thuyết phi thiện thuận thuyết 。

tác thị tuyên thuyết tà ác chi Pháp 。

Lại nói do Ma-ba-tuần thuyết tức chẳng phải lời thiện, nói vậy tức tuyên thuyết pháp là ác, 是人作惡不即受報。如乳成酪灰覆火上愚輕蹈之。

thị nhân tác ác bất tức thọ báo 。

như nhũ thành lạc hôi phúc hỏa thượng ngu khinh đạo chi 。

người này làm ác không thọ quả liền , như sữa làm thành lạc, như tro đậy trên lửa người ngu dẫm đạp lên,

如是人者謂一闍提。

như thị nhân giả vị nhất-xiển-đề 。

như thế gọi là nhất-xiển-đề.

是故當知大乘方等微妙經典必定清淨。如摩尼珠投之濁水水即為清。

thị cố đương tri Đại thừa phương đẳng vi diệu Kinh điển tất định thanh tịnh 。

như ma-ni châu đầu chi trực thủy thủy tức vi thanh 。

cho nên phải biết kinh điển Đại thừa Phương Đẳng vi diệu nhất định là thanh tịnh, như hạt châu ma ni ném vào trong nước đục thì nước liền trong,

大乘經典亦復如是。復次善男子。

Đại thừa Kinh điển diệt phục như thị 。

phục thứ thiện nam tử 。

Kinh Đại thừa cũng lại như vậy. Lại nữa thiện nam tử!

譬如蓮花為日所照無不開敷。一切眾生亦復如是。

thí như liên hoa vi nhật sở chiếu vô bất khai phu 。

nhất thiết chúng sanh diệt phục như thị 。

Thí như hoa sen được mặt trời chiếu vào thì không hoa nào là không nở, tất cả chúng sanh cũng lại như vậy,

若得見聞大涅槃日。

nhược đặc kiến văn Đại Niết-Bàn nhật 。

nếu được thấy, nghe kinh Đại Niết Bàn

未發心者皆悉發心為菩提因。是故我說大涅槃光所入毛孔必為妙因。

vị phát tâm giả giai tất phát tâm vi ồ đề nhân 。

thị cố ngã thuyết Đại Niết-Bàn quang sở
nhập mao khổng tất vi diệu nhân 。

thì người chưa phát tâm sẽ phát tâm, làm nhân cho đạo Bồ-đề, vì thế ta nói ánh sáng của
kinh Đại Niết Bàn thâm nhập vào lỗ chân lông ắt thành nhân vi diệu.

彼一闡提雖有佛性而為無量罪垢所纏。

bỉ nhất-xiển-đề tuy hữu Phật tánh nhi vi vô lượng tội cấu sở triền 。

Hạng nhất-xiển-đề kia tuy có Phật tánh mà bị vô lượng tội cấu che lấp
不能得出如蠶處繭。

bất năng đặc xuất như tằm xử kiến 。

không thể thoát ra như tằm ở nơi kén,

以是業緣不能生於菩提妙因。流轉生死無有窮已。

dĩ thị nghiệp duyên bất năng sanh ư Bồ-đề diệu nhân 。

lưu chuyển sanh tử vô hữu cùng
dĩ 。

do nhân duyên này nên không thể phát sanh nhân Bồ-đề vi diệu, bị trôi lăn trong vòng
sanh tử mà không cùng tận.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử!

如優鉢羅花鉢頭摩花拘牟頭華分陀利華。生於淤泥而終不為彼泥所污。

như Ưu bát la hoa bát đầu ma hoa câu mâu đầu hoa phân đà lợi hoa 。

sanh ư ư nê nhi
chung bất vi bỉ nê sở 汚。

Như hoa Ưu-bát-la, hoa bát-đầu-ma, hoa câu-mâu-đầu, hoa phân-đà-lợi, sống trong bùn
mà không bị bùn làm ô nhiễm,

若有眾生修大涅槃微妙經典亦復如是。

nhược hữu chúng sanh tu Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển diệu phục như thị 。

nếu có chúng sanh tu tập kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu cũng lại như vậy,

雖有煩惱終不為此煩惱所污。何以故。

tuy hữu phiền não chung bất vi thử phiền não sở ô。 hà dĩ cố 。

tuy có phiền não nhưng rốt cuộc không bị phiền não làm ô nhiễm. Tại vì sao?

以知如來性相力故。善男子。譬如有國多清冷風。

dĩ tri Như-Lai tánh tướng lực cố 。 thiện nam tử 。 thí như hữu quốc đa thanh lãnh phong
。

do biết tánh, tướng, lực của Như Lai vậy. Thiện nam tử! Thí như có vùng đất nhiều gió
mát lạnh,

若觸眾生身諸毛孔能除一切鬱蒸之惱。

nhược xúc chúng sanh thân chư mao khổng năng trừ nhất thiết uất chưng chi não 。

nếu xúc chạm vào các lỗ chân lông nơi thân chúng sanh thì có thể trừ tất cả sự nóng nảy,
此大乘典大涅槃經亦復如是。

thử Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh diệc phục như thị 。

kinh đại thừa Niết bàn cũng lại như vậy,

遍入一切眾生毛孔為作菩提微妙因緣。除一闡提。

biến nhập nhất thiết chúng sanh mao khổng vi tác Bồ-đề vi diệu nhân duyên 。

trừ nhất-
xiển-đề 。

thâm nhập vào lỗ chân lông của tất cả chúng sanh thì có thể làm nhân duyên Bồ-đề vi
diệu, trừ hạng nhất-xiển-đề.

何以故非法器故。

hà dĩ cố phi Pháp khí cố 。

Tại vì sao, vì không phải pháp khí vậy

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử!

譬如良醫解八種藥滅一切病唯除必死。一切契經禪定三昧亦復如是。

thí như lương y giải bát chủng dược diệt nhất thiết bệnh duy trừ tất tử 。

nhất thiết khế
Kinh Thiên định tam muội diệc phục như thị 。

Thí như vị lương y hiểu rõ tám thứ thuốc trị lành tất cả bệnh chỉ trừ bệnh chắc chắn chết,
tất cả khế kinh thiên định tam muội cũng lại như vậy,。

能治一切貪恚愚癡諸煩惱病。

năng trị nhất thiết tham khuể ngu si chư phiền não bệnh 。

có thể trừ tất cả bệnh tham sân si phiền não,

能拔煩惱毒刺等箭。而不能治犯四重禁五無間罪。善男子。

năng bạt phiền não độc thứ đảng tiến 。 nhi bất năng trị phạm tứ trọng cấm ngũ vô gián tội 。 thiện nam tử 。

có thể nhổ các tên độc phiền não mà không thể trị bệnh phạm bốn giới trọng và năm tội vô gián. Thiện nam tử!

復有良醫過八種術能除眾生所有病苦。

phục hữu lương y quá bát chủng thuật năng trừ chúng sanh sở hữu bệnh khổ 。

Lại có lương y hiểu nhiều hơn tám thứ thuốc, có thể trừ bệnh khổ cho chúng sanh
唯不能治必死之病。

duy bất năng trị tất tử chi bệnh 。

nhưng không thể trị bệnh chắc chắn phải chết.

是大涅槃大乘經典亦復如是。能除眾生一切煩惱。

thị Đại Niết-Bàn Đại thừa Kinh điển diệc phục như thị 。

năng trừ chúng sanh nhất thiết
phiền não 。

Thì kinh Đại Niết Bàn cũng lại như vậy, hay trừ tất cả khổ não cho chúng sanh,
安住如來清淨妙因。未發心者令得發心。

an trú Như-Lai thanh tịnh diệu nhân 。

vị phát tâm giả lệnh đắc phát tâm 。

khiến an trú nơi diệu nhân thanh tịnh của Như Lai, người chưa phát tâm khiến phát tâm
唯除必死一闍提輩。

duy trừ tất tử nhất-xiển-đề bối 。

chỉ trừ hạng nhất-xiển-đề chắc chắn chết.

復次善男子。譬如良醫能以妙藥治諸盲人。

phục thứ thiện nam tử 。

thí như lương y năng dĩ diệu dược trị chư manh nhân 。

Lại nữa thiện nam tử! Thí như lương y có thể dùng thuốc hay chữa cho người mù,
令見日月星宿諸明一切色像。

lệnh kiến nhật nguyệt tinh tú chư minh nhất thiết sắc tượng 。

khiến họ thấy được mặt trời, mặt trăng cùng tất cả hình sắc ảnh tượng

唯不能治生盲之人。是大乘典大涅槃經亦復如是。

duy bất năng trị sanh manh chi nhân 。

thị Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh diệc phục như thị 。

nhưng không thể chữa trị cho người sanh ra vốn bị mù. Kinh điển đại thừa Niết- bàn cũng lại như vậy,

能為聲聞緣覺之人開發慧眼。

năng vi thanh văn duyên giác chi nhân khai phát tuệ nhãn 。

có thể khai phát tuệ nhãn cho hàng Thanh-văn, Duyên giác

令其安住無量無邊大乘經典。

lệnh kỳ an trú vô lượng vô biên Đại thừa Kinh điển 。

khiến họ an trú nơi vô lượng vô biên kinh điển đại thừa,

未發心者謂犯四禁五無間罪悉能令發菩提之心。唯除生盲一闍提輩。

vị phát tâm giả vị phạm tứ cấm ngũ vô gián tội tất năng lệnh phát Bồ-đề chi tâm duy trừ sanh manh nhất-xiển-đề bối 。

người chưa phát tâm, phạm bốn tội trọng, năm tội vô gián đều khiến tất cả phát tâm Bồ-đề, chỉ trừ hạng nhất-xiển-đề như sanh ra vốn bị mù,。

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử!

譬如良醫善解八術為治眾生一切病苦。與種種方吐下諸藥。

thí như lương y thiện giải bát thuật vi trị chúng sanh nhất thiết bệnh khổ 。

dữ chủng chủng phương thổ hạ chư dược 。

thí như lương y khéo hiểu tám phương pháp trị tất cả khổ cho chúng sanh, cùng các phương thuốc khử thổ,

及以塗身熏藥灌鼻散藥丸藥。若貧愚人不欲服之。

cập dĩ đồ thân huân dược quán tỳ tán dược hoàn dược 。

nhược bản ngu nhân bất dục phục chi 。

và dùng để thoa thân, hoặc xông mũi, hoặc các thứ thuốc bột, thuốc viên. Hoặc có người ngu, bệnh mà không muốn lấy uống,

良醫愍念即將是人還其舍宅強與令服。

lương y mẫn niệm tức tướng thị nhân hoàn kỳ xá trạch cường dữ lệnh phục 。

vị lương y thương xót liền đem người này về nhà rồi ép uống thuốc,

以藥力故所患得除。

dĩ dược lực cố sở hoạn đắc trừ 。

nhờ thuốc nên bệnh được trừ.

女人產時兒衣不出與之令服服已即出。并令嬰兒安樂無患。

nữ nhân sản thời nhi y bất xuất dĩ chi lệnh phục phục dĩ tức xuất 。 tinh lệnh anh nhi an lạc vô hoạn 。

Hoặc khi người phụ nữ sanh mà không được, cho uống thuốc liền sanh, khiến đứa trẻ được an lạc không hoạn nạn

是大乘典大涅槃經亦復如是。

thị Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh diệc phục như thị 。

Kinh điển đại thừa cũng lại như vậy,

所至之處若至舍宅能除眾生無量煩惱。

sở chí chi xử nhược chí xá trạch năng trừ chúng sanh vô lượng phiền não 。

chỗ có kinh, hoặc nơi nhà cửa đều có thể trừ hết vô lượng phiền não cho chúng sanh,

犯四重禁五無間罪未發心者悉令發心。除一闍提。迦葉菩薩白佛言。

phạm tứ trọng cấm ngũ vô gián tội vị phát tâm giả tất lệnh phát tâm 。

trừ nhất-xiển-đề 。

ca diệp Bồ Tát bạch Phật ngôn 。

người phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián chưa phát tâm Bồ-đề thì khiến phát tâm, chỉ trừ hạng nhất-xiển-đề. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

世尊。犯四重禁及五無間名極重惡。

Thế tôn 。

phạm tứ trọng cấm cập ngũ vô gián danh cực trọng ác 。

Bạch Thế Tôn, người phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián gọi là cực trọng ác,

譬如斷截多羅樹頭更不復生。

thí như đoạn tiết đa-la thụ đầu canh bất phục sanh 。

thí như cây Đa-la bị chặt đứt đầu không thể sống lại,

是等未發菩提之心云何能與作菩提因。佛言善男子。

thị đẳng vị phát Bồ-đề chi tâm vân hà năng dĩ tác Bồ-đề nhân 。

Phật ngôn thiện nam tử 。

nhưng hạng này chưa phát tâm Bồ-đề làm sao có thể khiến họ làm nhân Bồ-đề. Phật dạy:

Thiện nam tử!

是諸眾生若於夢中夢墮地獄。

thị chư chúng sanh nhược ư mộng trung mộng đọa Địa-ngục 。

các chúng sanh này nếu ở trong mộng, mộng thấy mình đọa địa ngục

受諸苦惱即生悔心哀哉我等自招此罪。

thọ chư khổ não tức sanh hối tâm ai tai ngã đấng tự chiêu thử tội 。

và chịu các khổ não, lúc ấy thường sanh tâm hối hận buồn rầu biết mình tự rước tội khổ.

若我今得脫是罪者必定當發菩提之心我今所見最是極惡。

nhược ngã kim đắc thoát thị tội giả tất định đương phát Bồ-đề chi tâm ngã kim sở kiến tối thị cực ác 。

Nếu ta nay thoát được tội này nhất định sẽ phát tâm Bồ-đề, nay những điều ta thấy rất là xấu ác ,

從是覺已即知正法有大果報。如彼嬰兒漸漸長大。

tòng thị giác dĩ tức tri chánh Pháp hữu Đại quả báo 。

như bĩ anh nhi tiệm tiệm trường Đại

。

từ khi hiểu rồi tức biết chánh pháp có quả báo lớn. Như đứa con kia dần dần trường thành,

常作是念是醫最良善解方藥。

thường tác thị niệm thị y tối lương thiện giải phương dược 。

thường suy nghĩ vị lương y giỏi sẽ khéo hiểu rõ phương thuốc,

我本處胎與我母藥。母以藥故身得安隱。

ngã bản xử thai dĩ ngã mẫu dược 。

mẫu dĩ dược cố thân đắc an ổn 。

trước kia ta ở trong thai vị lương y cho mẹ ta uống thuốc, do mẹ dùng thuốc nên thân ta được an ổn,

以是因緣我命得全。奇哉我母受大苦惱。滿足十月懷抱我胎。

dĩ thị nhân duyên ngã mạng đắc toàn 。

kì tai ngã mẫu thọ Đại khổ não 。

mãn túc thập nguyệt hoài bào ngã thai 。

do nhân duyên này mà mạng ta được an toàn, kỳ lạ thay mẹ ta chịu khổ nhọc lớn , mang thai ta đầy đủ mười tháng,

既生之後推乾去濕。除去不淨大小便利。

ký sanh chi hậu thôi kiên khứ thấp 。

trừ khứ bất tịnh Đại tiểu tiện lợi 。

sau khi sanh rồi mẹ nằm ướt nhường khô, lau chùi đồ đại tiểu tiện bất tịnh,

乳舖長養將護我身。以是義故我當報恩。

nhũ bồ trường dưỡng tương hộ ngã thân 。

dĩ thị nghĩa cố ngã đương báo ân 。

bồng ẵm nuôi nấng che chở thân ta, do vậy nên phải nhớ báo ân

色養侍衛隨順供養。

sắc dưỡng thị vệ tùy thuận cung dưỡng 。

phụng dưỡng hầu hạ tùy thuận cúng dường.

犯四重禁及無間罪臨命終時念是大乘大涅槃經。

phạm tứ trọng cấm cập vô gián tội lâm mạng chung thời niệm thị Đại thừa Đại Niết Bàn Kinh 。

Người phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián đến lúc mạng chung lại nhớ nghĩ kinh đại thừa Niết bàn.

雖墮地獄畜生餓鬼天上人中。如是經典亦為是人作菩提因。

tuy đọa Địa-ngục súc sanh nạ quỷ Thiên thượng nhân trung 。

như thị Kinh điển diệc vì thị nhân tác Bồ-đề nhân 。

Tuy đọa trong địa ngục súc sanh nạ quỷ hay trời, người, mà kinh điển cũng vì người này mà làm nhân Bồ-đề,

除一闍提。復次善男子。譬如良醫及良醫子。

trừ nhất-xiển-đề 。

phục thứ thiện nam tử 。

thí như lương y cập lương y tử 。

trừ hạng nhất-xiển-đề. Lại nữa thiện nam tử! Thí như lương y và con của lương y,

所知深奧出過諸醫。善知除毒無上呪術。

sở tri thâm áo xuất quá chư y 。

thiện tri trừ độc vô thượng chú thuật 。

hiểu biết sâu xa các vị thuốc, khéo biết chú thuật giỏi để trừ độc hại,

若惡毒蛇若龍若蝮以諸呪術呪藥令良。

nhược ác độc xà nhược long nhược phúc dĩ chư chú thuật chú dược lệnh lương 。

như rắn độc, trùng độc, đều dùng các thứ chú thuật và thuốc hay khiến được lành,

復以此藥用塗革履。

phục dĩ thử dược dụng đồ cách tử 。

lại dùng thuốc này bôi vào dày dép

以此革履觸諸毒虫毒為之消。唯除一毒名曰大龍。

dĩ thử cách tử xúc chư độc trùng độc vi chi tiêu 。

duy trừ nhất độc danh viết Đại long 。

do dày dép đụng vào các thứ trùng độc nên độc tiêu diệt, chỉ trừ một thứ độc tên là đại long.

是大乘典大涅槃經亦復如是。若有眾生犯四重禁五無間罪。

thị Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh diệc phục như thị 。 nhược hữu chúng sanh phạm tứ trọng cấm ngũ vô gián tội 。

Kinh điển đại thừa Niết-bàn cũng lại như vậy, nếu có chúng sanh phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián

悉能消滅令住菩提。如藥草履能消眾毒。

tất năng tiêu diệt lệnh trụ Bồ-đề 。 như dược cách tử năng tiêu chúng độc 。

đều có thể tiêu diệt khiến trụ nơi Bồ-đề, như thuốc bôi vào dày dẻp có thể trừ các chất độc,

未發心者能令發心安止住於菩提之道。

vị phát tâm giả năng lệnh phát tâm an chỉ trụ ư Bồ-đề chi đạo 。

chưa phát tâm năng khiến phát tâm yên dừng lại trụ ở Bồ-đề đường 。

người chưa phát tâm có thể khiến phát tâm, an trụ nơi đạo Bồ-đề,

是彼大乘大涅槃經威神藥故。

thị bỉ Đại thừa Đại Niết Bàn Kinh uy Thần dược cố 。

do oai thần của kinh Đại Niết-bàn

令諸眾生於安樂。唯除大龍一闍提輩。

lệnh chư chúng sanh sanh ư an lạc 。

nên khiến các chúng sanh được an lạc, chỉ trừ hạng nhất-xiển-đề, như độc đại long.

復次善男子。譬如有人以雜毒藥用塗大鼓。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử! Thí như có người dùng các thứ thuốc độc bôi vào trống lớn,。

於大眾中擊之發聲。雖無心欲聞聞之皆死。

ư Đại chúng trung kích chi phát thanh 。

rồi ở chỗ đông người đánh vào trống khiến phát ra âm thanh, tuy người không có tâm

muốn nghe, nhưng nghe rồi đều bị chết,

唯除一人不橫死者。

duy trừ nhất nhân bất hoạnh tử giả 。

chỉ trừ một người không chết.

是大乘典大涅槃經亦復如是。在在處處諸行眾中有聞聲者。

thị Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh diệc phục như thị 。

tại tại xứ xứ chư hành chúng trung hữu văn thanh giả 。

Kinh điển Đại thừa Niết-bàn cũng lại như vậy, ở khắp nơi chốn, khiến mọi người nghe tiếng,

所有貪欲瞋恚愚癡悉皆滅盡。

sở hữu tham dục sân khuể ngu si tất giai diệt tận 。

nếu có tham sân si đều được trừ diệt

其中雖有無心思念。是大涅槃因緣力故能滅煩惱而結自滅。

kỳ trung tuy hữu vô tâm tư niệm 。

thị Đại Niết-Bàn nhân duyên lực cố năng diệt phiền não nhi kết tự diệt 。

trong đó có người không có tâm nghĩ đến, nhưng do lực nhân duyên của kinh Đại Niết-bàn nên có thể diệt trừ phiền não,

犯四重禁及五無間闍是經已。

phạm tứ trọng cấm cập ngũ vô gián văn thị Kinh dĩ 。

người phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián nghe kinh này rồi

亦作無上菩提因緣漸斷煩惱。除不橫死一闍提也。

diệc tác vô thượng Bồ-đề nhân duyên tiệm đoạn phiền não 。

trừ bất hoành tử nhất-xiển-đề dã 。

cũng làm nhân duyên Bồ-đề Vô thượng dần đoạn trừ phiền não, chỉ trừ hạng nhất-xiển-đề.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử!

譬如闇夜諸所營作一切皆息若未訖者要待日明。

thí như ám dạ chư sở doanh tác nhất thiết giai tức nhược vị cập giả yếu đãi nhật minh 。

Thí như đêm đến tất cả việc làm đều ngưng lại, nếu chưa làm xong thì phải đợi ngày mai, 學大乘者雖修契經一切諸定。要待大乘大涅槃日。聞於如來微密之教。

học Đại thừa giả tuy tu kế Kinh nhất thiết chư định 。

yếu đãi Đại thừa Đại Niết-Bàn nhật 。

văn ư Như-Lai vi mật chi giáo 。

người học Đại thừa tuy tu các định trong kế kinh, nhưng cần đợi kinh Đại thừa Niết-bàn để nghe giáo pháp vi mật của Như Lai

然後乃當造菩提業安住正法。

nhĩn hậu nãi đương tạo Bồ-đề nghiệp an trú chánh Pháp 。

sau đó mới tạo nghiệp nhân Bồ-đề, an trú nơi chánh pháp,
猶如天雨潤益增長一切諸種成就果實。
do như Thiên vũ nhuận ích tăng trưởng nhất thiết chư chủng thành tựu quả thật 。
giống như trời mưa thấm nhuần tăng trưởng tất cả giống cây, thành tựu quả chín。
悉除飢饉多受豐樂。如來祕藏無量法雨亦復如是。
tất trừ cơ cận đa thọ phong lạc 。 Như-Lai bí tạng vô lượng Pháp vũ diệc phục như thị 。
sẽ trừ được đói khát, nhiều thì sung túc vui vẻ. Mưa pháp vô lượng của Như Lai cũng lại
như vậy,
悉能除滅八種熱病。
tất năng trừ diệt bát chủng nhiệt bệnh 。
có thể trừ diệt tám thứ bệnh nhiệt,
是經出世如彼果實多所利益安樂一切。能令眾生見於佛性。
thị Kinh xuất thế như bỉ quả thật đa sở lợi ích an lạc nhất thiết 。 năng lệnh chúng sanh
kiến ư Phật tánh 。
kinh này xuất hiện ở đời như quả chín kia làm lợi ích an lạc cho tất cả, có thể khiến chúng
sanh thấy được Phật tánh.
如法花中八千聲聞得受記莚成大果實。
như Pháp hoa trung bát thiên thanh văn đắc thọ ký biệt thành Đại quả thật 。
Như trong kinh Pháp Hoa tám ngàn Thanh-văn được thọ ký thành tựu quả lớn.
如秋收冬藏更無所作。
như thu thu đông tạng canh vô sở tác 。
Như mùa thu gặt hái xong mùa đông cất chứa không còn làm gì nữa.
一闍提輩亦復如是於諸善法無所營作。復次善男子。
nhất-xiển-đề bối diệc phục như thị ư chư thiện Pháp vô sở doanh tác 。 phục thứ thiện
nam tử 。
Hạng nhất-xiển-đề cũng lại như vậy, đối với các pháp lành không còn chỗ để tạo tác. Lại
nữa thiện nam tử!
譬如良醫聞他人子非人所持。尋以妙藥并遣一使勅語使言。
thí như lương y văn tha nhân tử phi nhân sở trì 。 tầm dĩ diệu dược tinh khiến nhất sử sắc
ngữ sử ngôn 。

Thí như vị lương y nghe con của người ở nơi xa bị quỷ thần bắt giữ, liền lấy thuốc vi diệu đưa cho người giúp việc và bảo rằng:

卿持此藥速與彼人。

khanh trì thử dược tốc dữ bỉ nhân 。

Ông đem thuốc này mau đến đưa cho các người kia,

彼人若遇諸惡鬼神以藥力故悉當遠去。

bỉ nhân nhược ngộ chư ác quỷ Thần dĩ dược lực cố tất đương viễn khứ 。

người kia nếu gặp các quỷ thần ác nhưng nhờ thần lực của thuốc nên quỷ thần đều tránh xa

卿若遲晚吾自當往終不令彼枉橫死也。若彼病人得見使者及吾威德。

khanh nhược trì vãn ngô tự đương vãng chung bất lệnh bỉ cuồng hoành tử dã 。

nhược bỉ bệnh nhân đắc kiến sử giả cập ngô uy đức 。

nếu ông chậm trễ thì ta phải tự đi chứ không để các người kia chết oan, nếu người bệnh kia thấy được thuốc và oai đức của ta thì

諸苦當除得安隱樂。

chư khổ đương trừ đắc an ổn lạc 。

sẽ trừ hết các khổ và được vui vẻ an ổn.

是大乘典大涅槃經亦復如是。

thị Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh diệc phục như thị 。

Kinh điển đại thừa Niết-bàn cũng lại như vậy,

若比丘比丘尼優婆塞優婆夷及諸外道。有能受持如是經典。讀誦通利。

nhược bỉ khâu bỉ khâu ni Ưu bà tắc Ưu bà di cập chư ngoại đạo 。

hữu năng thọ trì như thị Kinh điển 。

độc tụng thông lợi 。

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và các ngoại đạo có thể thọ trì đọc tụng thông lợi kinh điển như vậy,

復為他人分別廣說若自書寫令他書寫。

phục vi tha nhân phân biệt quảng thuyết nhược tự thư tả lệnh tha thư tả 。

lại vì người khác mà phân biệt giảng nói, hoặc tự mình chép, hoặc bảo người khác chép 斯等皆為菩提因緣。若犯四禁及五逆罪。

tư đẳng giai vi ồ đề nhân duyên 。

nhược phạm tứ cấm cập ngũ nghịch tội 。

những việc như vậy đều là nhân Bồ-đề. Nếu người phạm bốn tội nặng năm tội vô gián。

若為邪鬼毒惡所持。聞是經典所有諸惡悉皆消滅。

nhược vi tà quỷ độc ác sở trì 。 văn thị Kinh điển sở hữu chư ác tất giai tiêu diệt 。

cũng như bị tà quỷ ác độc bắt giữ, nếu nghe được kinh điển này thì các điều ác đều được tiêu diệt,

如見良醫惡鬼遠去。

như kiến lương y ác quỷ viễn khứ 。

thí như thấy thuốc hay thì quỷ ác lánh xa,

當知是人是真菩薩摩訶薩也。何以故。

đương tri thị nhân thị chân Bồ Tát Ma-Ha tát dã 。

phải biết người này là chơn Bồ-tát-ma-ha-tát. Tại vì sao?

暫得聞是大涅槃故亦以生念如來常故。暫得聞者尚得如是。

tạm đắc văn thị Đại Niết-Bàn cố diệt dĩ sanh niệm Như-Lai thường cố 。

Do tạm nghe kinh đại Niết-bàn cũng sanh ý niệm Như Lai là thường trụ, người tạm nghe còn được như vậy

何況書寫受持讀誦。除一闍提其餘皆是菩薩摩訶薩。

hà huống thư tả thọ trì đọc tụng 。

trừ nhất-xiển-đề kỳ dư giai thị Bồ Tát Ma-Ha tát 。

復次善男子。譬如聾人不聞音聲。

phục thứ thiện nam tử 。

thí như lưng nhân bất văn âm thanh 。

Lại nữa thiện nam tử! Thí như người điếc không nghe các âm thanh

一闍提輩亦復如是。雖復欲聽是妙經典而不得聞。

nhất-xiển-đề bối diệt phục như thị 。

tuy phục dục thính thị diệu Kinh điển nhi bất đắc văn 。

hạng nhất-xiển-đề cũng lại như vậy, tuy muốn nghe kinh điển vi diệu mà không thể

所以者何無因緣故。復次善男子。

sở dĩ giả hà vô nhân duyên cố 。

phục thứ thiện nam tử 。

Tại vì sao, do có nhân duyên vậy. Lại nữa thiện nam tử!

譬如良醫一切醫方無不通達。兼復廣知無量呪術。

thí như lương y nhất thiết y phương vô bất thông đạt 。 kiêm phục quang tri vô lượng chú thuật 。

Thí như lương y giỏi hiểu rõ các phương thuốc, còn rộng biết vô lượng chú thuật,
是醫見王作如是言。大王。今者有必死病。

thị y kiến Vương tác như thị ngôn 。 Đại Vương 。 kim giả hữu tất tử bệnh 。

vị lương y gặp vua và nói rằng: Đại vương, nay ông có bệnh chắc chắn phải chết.
其王答言。卿不見我腹內之事。

kỳ Vương đáp ngôn 。 khanh bất kiến ngã phúc nội chi sự 。

Vua đáp: ông không thấy mọi thứ trong bụng ta,
云何而言有必死病。醫即答言。若不見信應服下藥。

vân hà nhi ngôn hữu tất tử bệnh 。

y tức đáp ngôn 。

nhược bất kiến tín ứng phục hạ dược 。

sao lại nói có bệnh phải chết. Lương y đáp: Nếu đại vương không tin thì ông uống thuốc
既下之後王自驗之。王不肯服。

ký hạ chi hậu Vương tự nghiêm chi 。

Wương bất khăng phục 。

sau khi uống vào sẽ tự biết. Vua không chịu uống,
爾時良醫以呪術力令王糞門遍生瘡疱。兼復[病-丙+帶]下虫血雜出。

nhĩ thời lương y dĩ chú thuật lực lệnh Vương phần môn biến sanh sang bào。 kiêm phục
[bệnh -bính +đái]hạ trùng huyết tạp xuất 。

bấy giờ vị lương y dùng chú thuật khiến vua phát sanh mụn nhọt, lại thổ ra máu cùng các
thứ dơ bẩn,

王見是已生大怖懼。讚彼良醫善哉善哉。

Wương kiến thị dĩ sanh Đại phổ cử。 tán bỉ lương y Thiện tai Thiện tai 。

vua thấy như vậy rồi sanh lòng lo sợ, khen vị lương y rằng: Hay thay hay thay,
卿先所白吾不用之。

khanh tiên sở bạch ngô bất dụng chi 。

khi trước ông nói mà ta không nghe,
今乃知卿於吾此身作大利益。恭敬是醫猶如父母。

kim nãi tri khanh ư ngô thử thân tác Đại lợi ích 。

cung kính thị y do như phụ mẫu 。

nay mới biết ông đối với thân ta có lợi ích lớn, rồi vua cung kính vị lương y như bậc cha
mẹ.

是大乘典大涅槃經亦復如是。

thị Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh diệc phục như thị 。

Kinh điển đại thừa Niết-bàn cũng lại như vậy,

於諸眾生有欲無欲悉能令彼煩惱崩落。

ư chư chúng sanh hữu dục vô dục tất năng lệnh bỉ phiền não băng lạc 。

đối với chúng sanh ưa muốn hay không ưa muốn đều khiến phiền não chúng sanh được tiêu diệt,

是諸眾生乃至夢中夢見是經恭敬供養。喻如大王恭敬良醫。

thị chư chúng sanh nãi chí mộng trung mộng kiến thị Kinh cung kính cung dưỡng dụ như Đại Vương cung kính lương y 。

các chúng sanh này cho đến ngay trong mộng, mộng thấy kinh này rồi cung kính cúng dường như đại vương kia cung kính vị lương y,

是大良醫知必死者終不治之。

thị Đại lương y tri tất tử giả chung bất trị chi 。

vị lương y biết bệnh ắt phải chết nên không chữa trị,

是大乘典大涅槃經亦復如是。終不能治一闍提輩。復次善男子。

thị Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh diệc phục như thị 。

chung bất năng trị nhất-xiển-đề
bối 。

phục thứ thiện nam tử 。

kinh điển Đại thừa Niết-bàn cũng lại như vậy, trọn không thể cứu hạng nhất-xiển-đề. Lại nữa thiện nam tử!

譬如良醫善知八種悉能療治一切諸病。

thí như lương y thiện tri bát chủng tất năng liệu trị nhất thiết chư bệnh 。

Thí như lương y khéo biết tám thứ thuốc có thể trị tất cả bệnh

唯不能治必死之人。

duy bất năng trị tất tử chi nhân 。

nhưng không thể trị cho người ắt phải chết.

諸佛菩薩亦復如是悉能救療一切有罪。唯不能治必死之人一闍提輩。

chư Phật Bồ Tát diệc phục như thị tất năng cứu liệu nhất thiết hữu tội 。

duy bất năng trị
tất tử chi nhân nhất-xiển-đề bối 。

chư Phật Bồ-tát cũng lại như vậy, có thể cứu vớt tất cả tội nghiệp, nhưng không thể cứu hạng nhất-xiển-đề chắc chắn phải chết.

復次善男子。譬如良醫善知八種微妙經術。

phục thứ thiện nam tử 。 thí như lương y thiện tri bát chủng vi diệu Kinh thuật。

Lại nữa thiện nam tử! Thí như lương y khéo biết khéo biết tám pháp thuật vi diệu
復能博達過於八種。以己所知先教其子。

phục năng bác đạt quá ư bát chủng 。 dĩ kỹ sở tri tiên giáo kỳ tử 。

lại có thể thông đạt nhiều hơn tám thứ ấy, rồi đem sự hiểu biết dạy cho các con,
若水若陸山澗藥草悉令識知。

nhược thủy nhược lục sơn giản dược thảo tất lệnh thức tri 。

hoặc các cây thuốc dưới nước, trên đất, giữa núi, khe đều khiến biết hết,
如是漸漸教八事已。次復教餘最上妙術。

như thị tiệm tiệm giáo bát sự dĩ 。

thứ phục giáo dư tối thượng diệu thuật 。

như vậy dần dần dạy rõ tám pháp, sau đó lại dạy các pháp thuật vi diệu tối thượng.
如來應正遍知亦復如是。

Như-Lai ứng Chánh-biến-Tri diệc phục như thị 。

Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cũng lại như vậy,
先教其子諸比丘等方便除滅一切煩惱。修學淨身不堅固想。

tiên giáo kỳ tử chư bỉ khâu đẵng phương tiện trừ diệt nhất thiết phiền não 。

tu học tịnh thân bất kiên cố tưởng 。

trước dạy cho các Tỷ-kheo phương tiện diệt trừ các phiền não, tu pháp quán tưởng thân
bất tịnh không bền vững
謂水陸山澗水者喻身受苦如水上泡。

vị thủy lục sơn giản thủy giả dụ thân thọ khổ như thủy thượng phao 。

nghĩa là nước, đất, núi, khe dụ cho thân thọ khổ, như bọt nằm trên nước.

陸者喻身不堅如芭蕉樹。其山澗者喻煩惱中修無我想。

lục giả dụ thân bất kiên như ba tiêu thụ 。

kỳ sơn giản giả dụ phiền não trung tu vô ngã
tưởng 。

Đất là dụ cho thân bền vững chỉ như cây chuối. Khe, suối là dụ cho trong phiền não mà tu
vô ngã,
以是義故身名無我。

dĩ thị nghĩa cố thân danh vô ngã 。

do nghĩa này nên thân gọi là vô ngã.

如來如是於諸弟子漸漸教學九部經法令善通利。然後教學如來祕藏。

Như-Lai như thị ư chư đệ-tử tiệm tiệm giáo học cứu bộ Kinh Pháp lệnh thiện thông lợi 。
nhiên hậu giáo học Như-Lai bí tạng 。

Như Lai cũng vậy, đối với các đệ tử trước dạy chín bộ kinh khiến khéo thông suốt, sau đó mới cho học tạng bí mật của Như Lai,
為其子故說如來常。

vi kỳ tử cố thuyết Như-Lai thường 。

vì các đệ tử nên nói Như Lai là thường.

如來如是說大乘典大涅槃經。

Như-Lai như thị thuyết Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh 。

Như Lai thuyết kinh điển đại thừa Niết-Bàn cũng như vậy,
為諸眾生已發心者及未發心作菩提因。除一闍提。如是善男子。

vi chư chúng sanh dĩ phát tâm giả cập vị phát tâm tác Bồ-đề nhân 。

trừ nhất-xiển-đề 。

như thị thiện nam tử 。

vì các chúng sanh đã phát tâm và chưa phát tâm mà làm nhân Bồ-đề, trừ hạng nhất-xiển-đề. Như vậy thiện nam tử !

是大乘典大涅槃經無量無數不可思議未曾有也。

thị Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh vô lượng vô số bất khả tư nghị vị tăng hữu dã 。

Kinh điển đại thừa Niết-bàn là vô lượng vô số không thể nghĩ bàn chưa từng có,
當知即是無上良醫。最尊最勝眾經中王。

đương tri tức thị vô thượng lương y 。

tối tôn tối thắng chúng Kinh trung Vương phải biết
đây là bậc lương y vô thượng, là vua tối tôn tối thắng trong các kinh.

復次善男子。譬如大船從海此岸至於彼岸。

phục thứ thiện nam tử 。

thí như Đại thuyền tòng hải thử ngạn chí ư bỉ ngạn 。

Lại nữa thiện nam tử! thí như thuyền lớn đi từ bờ này đến bờ kia,
復從彼岸還至此岸。

phục tòng bỉ ngạn hoàn chí thử ngạn 。

lại từ bờ kia trở về bờ này.

如來應正遍知亦復如是。乘大涅槃大乘寶船。

Như-Lai ứng Chánh-biến-Tri diệc phục như thị 。

thừa Đại Niết-Bàn Đại thừa bảo thuyền
。

Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cũng lại như vậy, nương theo thuyền báu Đại thừa Niết-bàn

周旋往返濟渡眾生。在在處處有應度者。悉令得見如來之身。

châu toàn vãng phản tế độ chúng sanh 。 tại tại xứ xứ hữu ứng độ giả 。 tất lệnh đắc kiến Như-Lai chi thân 。

qua lại khắp nơi mà cứu độ chúng sanh, nơi nơi chỗ chỗ nếu có người đáng được độ thì khiến được thấy thân của Như Lai,

以是義故如來名曰無上船師。

dĩ thị nghĩa cố Như-Lai danh viết vô thượng thuyền sư 。

do nghĩa này nên gọi Như Lai là Vô thượng thuyền sư.

譬如有船則有船師。以有船師則有眾生渡於大海。

thí như hữu thuyền tắc hữu thuyền sư 。

dĩ hữu thuyền sư tắc hữu chúng sanh độ ư Đại hải 。

Thí như có thuyền thì có vị thuyền trưởng, do có thuyền trưởng nên có chúng sanh vượt qua biển lớn,

如來常住化度眾生亦復如是。復次善男子。

Như-Lai thường trụ hóa độ chúng sanh diệc phục như thị 。

phục thứ thiện nam tử Như Lai thường trụ hóa độ chúng sanh cũng lại như vậy. Lại nữa thiện nam tử!

譬如有人在大海中乘船欲渡。

thí như hữu nhân tại Đại hải Trung thừa thuyền dục độ 。

thí như có người ở giữa biển lớn theo thuyền muốn vượt biển,

若得順風須臾之間。則能得過無量由延。

nhược đắc thuận phong tu du chi gian 。

tắc năng đắc quá vô lượng do duyên 。

nếu được thuận gió thì trong phút chốc có thể vượt qua vô lượng dặm

若不得者雖復久住經無量歲不離本處。

nhược bất đắc giả tuy phục cửu trụ Kinh vô lượng tuế bất ly bản xứ 。

nếu không thì dù trải qua vô lượng năm cũng không rời chỗ cũ,

有時船壞沒水而死。

hữu thời thuyền hoại một thủy nhi tử 。

hoặc có lúc thuyền vỡ chìm xuống nước mà chết.

眾生如是在於愚癡生死大海乘諸行船。若得值遇大般涅槃猛利之風。

chúng sanh như thị tại ư ngu si sanh tử Đại hải thừa chư hành thuyền 。 nhược đắc trị ngộ Đại bát Niết bàn mãnh lợi chi phong 。

chúng sanh cũng vậy, ở trong biển lớn ngu si sanh tử nương theo các thuyền mà đi, nếu gặp được gió lành lợi ích của kinh Đại Niết-bàn,
則能疾到無上道岸。若不值遇當久流轉無量生死。

tắc năng tậ đáo vô thượng đạo ngạn 。 nhược bất trị ngộ đương cứu lưu chuyển vô lượng sanh tử 。

thì có thể nhanh chóng đến bờ vô thượng đạo, nếu không gặp thì trôi lăn mãi trong vô lượng sanh tử,

或時破壞墮於地獄畜生餓鬼。復次善男子。

hoặc thời phá hoại đọa ư Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ 。

hoặc có lúc bị rơi vào địa ngục ngạ quỷ súc sanh. Lại nữa thiện nam tử!

譬如有人不遇風王久住大海。

thí như hữu nhân bất ngộ phong Vương cứu trụ Đại hải 。

thí như có người đi thuyền không gặp gió nên ở mãi trong biển lớn,

作是思惟我等今者必在此死。如是念時忽遇利風隨順渡海。

tác thị tư duy ngã đẳng kim giả tất tại thử tử 。

rồi suy nghĩ rằng nay ta ắt là chết ở đây, lúc nghĩ như vậy bỗng gặp gió lành nên theo đó mà vượt qua biển,

復作是言快哉是風未曾有也。

phục tác thị ngôn khoái tai thị phong vị tăng hữu dã 。

rồi nói rằng vui sướng thay ngọn gió này là chưa từng có.

令我等輩安隱得過大海之難。

lệnh ngã đẳng bối an ổn đắc quá Đại hải chi nan 。

khiến chúng ta được an ổn vượt qua biển lớn.

眾生如是久處愚癡生死大海困苦窮悴。未遇如是大涅槃風。

chúng sanh như thị cứu xử ngu si sanh tử Đại hải khốn khổ cùng tụy 。

Chúng sanh cũng vậy ở lâu trong biển lớn ngu si sanh tử khốn khổ vô cùng, mà chưa gặp được gió lành Đại Niết Bàn,

則應生念我等必定墮於地獄畜生餓鬼。

tắc ứng sanh niệm ngã đấng tất định đọa ư Địa-ngục súc sanh nạ quỷ 。
thì nên sanh ý niệm chúng ta nhất định đọa vào địa ngục nạ quỷ súc sanh,。
是諸眾生思惟是時忽遇大乘大涅槃風。

thị chư chúng sanh tư duy thị thời hốt ngộ Đại thừa Đại Niết-Bàn phong 。
lúc các chúng sanh suy nghĩ như vậy bỗng gặp gió lành đại thừa Niết-bàn,
隨順吹向入於阿耨多羅三藐三菩提。

tùy thuận xuy hướng nhập ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。
thuận theo gió mà hướng đến đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,
方知真實生奇特想歎言快哉。

phương tri chân thật sanh kì đặc tưởng thán ngôn khoái tai 。

lúc này biết mình chân thật được sống rồi mừng rỡ nói rằng: Vui sướng thay ,
我從昔來未曾見聞如是如來微密之藏。爾乃於是大涅槃經生清淨信。

ngã tòng tích lai vị tăng kiến văn như thị Như-Lai vi mật chi tạng 。

nhĩ nãi ư thị Đại Niết Bàn Kinh sanh thanh tịnh tín 。

từ xưa nay ta chưa từng thấy, nghe tạng bí mật như vậy của Như Lai, sau đó ở nơi kinh Đại thừa mà phát sanh lòng thanh tịnh.

復次善男子。如蛇脫皮為死滅耶。

phục thứ thiện nam tử 。

như xà thoát bì vi tử diệt da 。

Lại nữa thiện nam tử! Như rắn lột da là bị chết sao?

不也世尊。善男子。如來亦爾方便示現棄捨毒身。

bất dã Thế tôn 。

thiện nam tử 。

Như-Lai diệt nhĩ phương tiện thị hiện khí xả độc thân 。

Bạch Thế Tôn không phải. Phật dạy: Như Lai cũng vậy, dùng phương tiện thị hiện xả bỏ thân độc

可言如來無常滅耶。不也世尊。

khả ngôn Như-Lai vô thường diệt da 。

bất dã Thế tôn 。

có thể nói Như Lai bị vô thường diệt hay sao? Bạch Thế Tôn, không phải.

如來於此闍浮提中方便捨身。如破毒蛇捨於故皮。

Như-Lai ư thử Diêm-phù-đề trung phương tiện xả thân 。

như phá độc xà xả ư cố bì Như Lai ở nơi cõi Diêm-phù-đề dùng phương tiện xả thân, như rắn xả bỏ da cũ,
是故如來名為常住。復次善男子。

thị cố Như-Lai danh vi thường trụ 。 phục thứ thiện nam tử 。

cho nên Như Lai gọi là thường trụ. Lại nữa thiện nam tử,

譬如金師得好真金隨意造作種種諸器。

thí như kim sư đúc hảo chân kim tùy ý tạo tác chủng chủng chư khí 。

thí như người thợ vàng có được vàng thật thì tùy ý làm các thứ trang sức,

如來亦爾於二十五有悉能示現種種色身。

Như-Lai diệp nhĩ ư nhị thập ngũ hữu tất năng thị hiện chủng chủng sắc thân 。

Như Lai cũng vậy, ở trong hai mươi lăm cõi có thể thị hiện các thứ sắc thân。

為化眾生拔生死故。是故如來名無邊身。

vi hóa chúng sanh bạt sanh tử cố 。

thị cố Như-Lai danh vô biên thân 。

vì giáo hóa chúng sanh, cứu vớt sanh tử, cho nên Như Lai có tên là Vô biên thân,

雖復示現種種諸身亦名常住無有變易。

tuy phục thị hiện chủng chủng chư thân diệp danh thường trụ vô hữu biến dịch 。

tuy thị hiện các thứ thân mà cũng gọi là thường trụ không có biến đổi,

復次善男子。如菴羅樹及閻浮樹一年三變。

phục thứ thiện nam tử 。

như am la thụ cập diêm phù thụ nhất niên tam biến 。

Lại nữa thiện nam tử! Như cây am-la và cây diêm-phù một năm ba lần biến đổi

有時生花光色敷榮。有時生葉滋茂蓊鬱。

hữu thời sanh hoa quang sắc phu vinh 。

hữu thời sanh diệp tư mậu ống uất 。

có lúc ra hoa rực rỡ, có lúc ra lá tươi tốt sum suê,

有時彫落狀似枯死。善男子。

hữu thời điêu lạc trạng tự khô tử 。

thiện nam tử 。

có lúc điêu tàn như cây chết khô. Thiện nam tử!

於意云何是樹實為枯滅不耶。不也世尊。善男子。

ư ý vân hà thị thụ thật vi khô diệt bất da 。

bất dã Thế tôn 。

thiện nam tử 。

Ý ông nghĩ thế nào, cây ấy thật chết khô chẳng? Thừa Thế Tôn không phải. Thiện nam tử!

如來亦爾於三界中示三種身。

Như-Lai diệp nhĩ ư tam giới trung kì tam chủng thân 。

Như Lai cũng vậy, ở trong ba cõi thị hiện ba thứ thân,

有時初生有時長大有時涅槃。而如來身實非無常。

hữu thời sơ sanh hữu thời trưởng Đại hữu thời Niết-Bàn 。 nhi Như-Lai thân thật phi vô thường 。

có lúc vừa sanh, có lúc vừa trưởng thành, có lúc Niết-bàn, mà thân Như Lai chẳng phải là vô thường.

迦葉菩薩讚言。善哉誠如聖教。如來常住無有變易。

ca diệp Bồ Tát tán ngôn 。 Thiện tai thành như Thánh giáo 。 Như-Lai thường trụ vô hữu biến dịch 。

Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Lành thay lời dạy bậc thánh, Như Lai thường trụ không có biến đổi.

善男子。如來密語甚深難解。

thiện nam tử 。 Như-Lai mật ngữ thậm thâm nan giải 。

Thiện nam tử! Lời dạy của Như Lai là bí mật thâm sâu khó hiểu

譬如大王告諸群臣先陀婆來。先陀婆者一名四寶。

thí như Đại Vương cáo chư quần thần tiên đà bà lai 。 tiên đà bà giả nhất danh tứ thật 。

thí như đại vương bảo các quần thần đem Tiên-đà-bà đến. Tiên-đà-bà có tên gọi chung là Tứ thật:

一者鹽。二者器。三者水。四者馬。

nhất giả diêm 。 nhị giả khí 。 tam giả thủy 。 tứ giả mã 。

Một là muối, hai là đồ đựng, ba là nước, bốn là ngựa,

如是四法皆同此名。有智之臣善知此名。

như thị tứ Pháp giai đồng thử danh 。 hữu trí chi thần thiện tri thử danh 。

như vậy bốn pháp đều cùng một tên, vị thần có trí khéo biết tên này,

若王洗時索先陀婆即便奉水。若王食時索先陀婆即便奉鹽。

nhược Vương tẩy thời tác tiên đà bà tức tiện phụng thủy 。 nhược Vương thực thời tác tiên đà bà tức tiện phụng diêm 。

tức là nếu lúc vua tắm cần vị Tiên-đà-bà dâng nước lên, khi vua ăn cần Tiên-đà-bà dâng muối lên,

若王食已將欲飲漿索先陀婆即便奉器。

nhược Vương thực dĩ tương dục ẩm tương tác tiên đà bà tức tiện phụng khí 。

lúc vua ăn xong muốn uống nước cần Tiên-đà-bà thì dâng đồ đựng lên,

若王欲遊索先陀婆即便奉馬。

nhược Vương dục du tác tiên đà bà tức tiện phụng mã 。
nếu vua muốn đi chơi cần Tiên-đà-bà thì đem ngựa đến.
如是智臣善解大王四種密語。
như thị trí Thần thiện giải Đại Vương tứ chủng mật ngữ 。
Như vậy vị thần có thể khéo hiểu bốn thứ mật ngữ của đại vương。
是大乘經亦復如是有四無常。大乘智臣應當善知。
thị Đại thừa Kinh diệc phục như thị hữu tứ vô thường 。 Đại thừa trí Thần ứng đương thiện
tri 。
kinh đại thừa cũng lại như vậy, có bốn thứ vô thường mà thần trí đại thừa phải khéo hiểu
biết,
若佛出世為眾生說如來涅槃。
nhược Phật xuất thế vi chúng sanh thuyết Như-Lai Niết-Bàn 。
nếu Phật ra đời vì chúng sanh nói Như Lai Niết-bàn,
智臣當知此是如來為計常者說無常相。欲令比丘修無常想。
trí Thần đương tri thử thị Như-Lai vi kế thường giả thuyết vô thường tướng 。 dục lệnh bỉ
khâu tu vô thường tướng 。
thần trí phải biết đây là Như Lai vì thường nên nói tướng vô thường, muốn khiến Tỳ-kheo
tu phép quán vô thường.
或復說言正法當滅。
hoặc phục thuyết ngôn chánh Pháp đương diệt 。
Hoặc lại nói chánh pháp sẽ diệt,
智臣應知此是如來為計樂者說於苦相。欲令比丘多修苦想。
trí Thần ứng tri thử thị Như-Lai vi kế lạc giả thuyết ư khổ tướng 。 dục lệnh bỉ khâu đa tu
khổ tướng 。
thần trí phải biết đây là Như Lai vì lạc nên nói tướng khổ, muốn khiến Tỳ-kheo tu pháp
quán khổ.
或復說言我今病苦眾僧破壞。
hoặc phục thuyết ngôn ngã kim bệnh khổ chúng tăng phá hoại。
Hoặc lại nói nay ta bị bệnh khổ chúng tăng phá hoại
智臣當知此是如來為計我者說無我相。欲令比丘修無我想。

trí Thần đương tri thử thị Như-Lai vi kế ngã giả thuyết vô ngã tướng 。 dục lệnh bỉ khâu tu vô ngã tướng 。

thần trí phải biết đây là Như Lai vì ngã nên nói tướng vô ngã, muốn khiến Tỳ-kheo tu phép quán vô ngã.

或復說言所謂空者是正解脫。

hoặc phục thuyết ngôn sở vị không giả thị chánh giải thoát。

Hoặc lại nói thuyết không, chính là chánh giải thoát

智臣當知此是如來說正解脫無二十五有。欲令比丘修學空想。

trí Thần đương tri thử thị Như-Lai thuyết chánh giải thoát vô nhị thập ngũ hữu 。

dục lệnh bỉ khâu tu học không tướng 。

thần trí phải biết đây là Như Lai thuyết chánh giải thoát có hai mươi lăm hữu, muốn khiến Tỳ-kheo tu pháp quán không.

以是義故。是正解脫則名為空亦名不動。

dĩ thị nghĩa cố 。

thị chánh giải thoát tắc danh vi không diệt danh bất động。

Do ý nghĩa này nên chánh giải thoát gọi là không, cũng gọi là bất động,

謂不動者是解脫中無有苦故是故不動。

vị bất động giả thị giải thoát trung vô hữu khổ cố thị cố bất động。

gọi bất động , là trong giải thoát không có khổ nên nói là bất động,

是正解脫為無有相。

thị chánh giải thoát vi vô hữu tướng。

chánh giải hoát là không có tướng,

謂無相者無有色聲香味觸等故名無相。是正解脫常不變易。

vị vô tướng giả vô hữu sắc thanh hương vị xúc đẳng cố danh vô tướng 。

thị chánh giải thoát thường bất biến dịch 。

không có tướng là không có thanh hương vị xúc ... nên gọi là vô tướng. Chánh giải thoát là thường không biến đổi

是解脫中無有無常熱惱變易。

thị giải thoát trung vô hữu vô thường nhiệt não biến dịch 。

Bởi trong giải thoát không có vô thường nhiệt não biến đổi,

是故解脫名曰常住不變清涼。或復說言一切眾生有如來性。

thị cố giải thoát danh viết thường trụ bất biến thanh lương 。 hoặc phục thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh hữu Như-Lai tánh 。

cho nên giải thoát gọi là thường trụ không đổi, là mát mẽ. Hoặc lại nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh,

智臣當知此是如來說於常法欲令比丘修正常法。

trí Thần đương tri thử thị Như-Lai thuyết ư thường Pháp dục lệnh bỉ khâu tu chánh thường Pháp 。

thần trí phải biết đây là Như Lai thuyết pháp thường muốn khiến Tỳ-kheo tu pháp chánh thường,

是諸比丘若能如是隨順學者。

thị chư bỉ khâu nhược năng như thị tùy thuận học giả 。

các Tỳ-kheo này nếu có thể tùy thuận mà tu học,

當知是人真我弟子善知如來微密之藏。

đương tri thị nhân chân ngã đệ-tử thiện tri Như-Lai vi mật chi tạng 。

phải biết người này là chơn đệ tử Phật khéo biết tạng bí mật của Như Lai,。

如彼大王智慧之臣善知王意。善男子。

như bỉ Đại Vương trí tuệ chi Thần thiện tri Vương ý 。

như vị thần trí huệ kia khéo léo biết ý của Đại vương. Thiện nam tử!

如是大王亦有如是密語之法。何況如來而當無耶。善男子。

như thị Đại Vương diệc hữu như thị mật ngữ chi Pháp 。

Như vậy đại vương cũng có pháp mật ngữ, huống là Như Lai mà không có sao? Thiện nam tử!

是故如來微密之教難可得知。

thị cố Như-Lai vi mật chi giáo nan khả đắc tri 。

vì pháp mật của Như Lai thật khó được biết,

唯有智者乃能解我甚深佛法。

duy hữu trí giả nãi năng giải ngã thậm thâm Phật Pháp 。

chỉ có người trí mới có thể hiểu rõ Phật pháp thâm sâu,

非是世間凡夫品類所能信也。

phi thị thế gian phàm phu phẩm loại sở năng tín dã 。

còn hàng phàm phu thế gian không thể tin được.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử!

如波羅奢樹迦尼迦樹阿叔迦樹。值天亢旱不生花實。及餘水陸所生之物。

như ba la xa thụ ca ni ca thụ a thúc ca thụ 。

trị Thiên kháng hạn bất sanh hoa thật 。

cập dư thủy lục sở sanh chi vật 。

Như cây Ba-la-xa, cây ca-ni-ca, cây a-thúc-ca gặp trời nắng hạn thì không thể ra hoa trái, cùng các vật khác sống trên đất

皆悉枯悴無有潤澤不能增長。

giai tất khô tụy vô hữu nhuận trạch bất năng tăng trường 。

cũng đều khô héo không thấm nhuận, không thể tăng trường,

一切諸藥無復勢力。善男子。

nhất thiết chư dược vô phục thế lực 。

thiện nam tử 。

tất cả thứ thuốc cũng không có sức lực. Thiện nam tử !

是大乘典大涅槃經亦復如是。於我滅後有諸眾生不能恭敬無有威德。

thị Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh diệc phục như thị 。

ư ngã diệt hậu hữu chư chúng sanh bất năng cung kính vô hữu uy đức 。

Kinh điển đại thừa Niết-bàn cũng lại như vậy, sau khi ta diệt độ lại có chúng sanh không cung kính, không có oai đức.

何以故。是諸眾生不知如來微密藏故。

hà dĩ cố 。

thị chư chúng sanh bất tri Như-Lai vi mật tạng cố 。

Tại vì sao, vì các chúng sanh này không biết tạng bí mật của Như Lai.

所以者何。以是眾生薄福德故。復次善男子。

sở dĩ giả hà 。

dĩ thị chúng sanh bạc phúc đức cố 。

phục thứ thiện nam tử 。

Tại vì sao, vì các chúng sanh này ít phước đức. Lại nữa thiện nam tử!

如來正法將欲滅盡。爾時多有行惡比丘。

Như-Lai chánh Pháp tướng dục diệt tận 。

nhĩ thời đa hữu hành ác bỉ khâu 。

Lúc chánh pháp của Như Lai sắp diệt tận, khi ấy có nhiều Tỳ-kheo ác hạnh không biết như lai vi mật chi tạng。

bất tri Như-Lai vi mật chi tạng 。

không biết rõ tạng bí mật của Như Lai,
 懶墮懈怠不能讀誦宣揚分別如來正法。譬如癡賊棄捨真寶擔負草麥。
 lẫn đọa giải đãi bất năng đọc tụng tuyên dương phân biệt Như-Lai chánh Pháp thí như si
 tặc khí xả chân bảo đơm phụ thảo mạch。
 nên biếng nhác không thể đọc tụng phân biệt tuyên thuyết chánh pháp của Như Lai, thí
 như kẻ ngu xả bỏ châu báu mà mang lấy võ cây,
 不解如來微密藏故。於是經中懈怠不勤。
 bất giải Như-Lai vi mật tạng cố 。 ư thị Kinh trung giải đãi bất tinh cần 。
 đây là do không hiểu rõ tạng bí mật của Như Lai nên đối với kinh này mà biếng nhác
 không chuyên cần.
 哀哉大險當來之世甚可怖畏。
 ai tai Đại hiểm đương lai chi thế thậm khả bố úy 。
 Buồn thay đời sau hiểm nạn thật đáng sợ hãi,
 苦哉眾生不勤聽受是大乘典大涅槃經。
 khổ tai chúng sanh bất tinh cần thính thọ thị Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh 。
 khổ thay chúng sanh không siêng năng nghe hiểu kinh điển Đại thừa Niết-bàn
 唯諸菩薩摩訶薩等能於是經取真實義。
 duy chư Bồ Tát Ma-Ha tát đẳng năng ư thị Kinh thủ chân thật nghĩa 。
 chỉ có các Bồ-tát-ma-ha-tát mới hiểu nghĩa phân biệt của kinh này,
 不著文字隨順不逆為眾生說。復次善男子。如牧牛女為欲賣乳。
 bất trú văn tự tùy thuận bất nghịch vi chúng sanh thuyết 。 phục thứ thiện nam tử như mục
 ngưu nữ vi dục mại nhũ 。
 không đấm nơi văn tự, tùy thuận chúng sanh thuyết giảng. Lại nữa thiện nam tử! Như
 người nữ chăn bò muốn bán sữa,
 貪多利故加二分水。轉賣與餘牧牛女人。
 tham đa lợi cố gia nhị phân thủy 。 chuyển mại dĩ dư mục ngưu nữ nhân 。
 do tham nhiều lợi nên pha vào hai phần nước, rồi đem bán cho người nữ chăn bò khác,
 彼女得已復加二分。轉復賣與近城女人。
 bỉ nữ đắc dĩ phục gia nhị phân 。 chuyển phục mại dĩ cận thành nữ nhân 。
 người nữ kia mua rồi lại thêm hai phần nước, sau đó đem bán cho người nữ ở gần thành,
 女人得已復加二分。轉復賣與城中女人。

nữ nhân đắ dĩ phục gia nhị phân 。 chuyển phục mại dĩ thành trung nữ nhân 。
 người nữ kia mua xong lại thêm hai phần nước rồi đem bán cho người nữ trong thành,。
 彼女得已復加二分詣市賣之。
 bỉ nữ đắ dĩ phục gia nhị phân nghệ thị mại chi 。
 người nữ này lại thêm hai phần nước vào rồi đem ra chợ bán.
 時有一人為子納婦。當須好乳以贍賓客。
 thời hữu nhất nhân vi tử nạp phụ 。 đương tu hảo nhũ dĩ chiêm tân khách 。
 Lúc ấy có một người vì cưới vợ cho con, cần loại sữa tốt để đãi tân khách,
 至市欲買是賣乳者多索價數。是人答言汝乳多水不直爾許。
 chí thị dục mại thị mại nhũ giả đa tác giá số 。 thị nhân đáp ngôn nhữ nhũ đa thủy bất trực
 nhĩ hứa 。
 đến chợ muốn mua, nhưng người bán sữa đòi giá tiền nhiều nên nói rằng, sữa của người
 nhiều nước không đáng giá như vậy,
 正值我今贍待賓客是故當取。
 chánh trị ngã kim chiêm đãi tân khách thị cố đương thủ 。
 nay gặp lúc ta cần đãi khách nên phải lấy.
 取已還家煮用作糜都無乳味。
 thủ dĩ hoàn gia chủ dụng tác mi đô vô nhũ vị 。
 Lấy rồi đem về nhà nấu cháo nhưng hoàn toàn không có mùi vị sữa,
 雖復無味於苦味中千倍為勝。何以故。乳之為味諸味中最。善男子。
 tuy phục vô vị ư khổ vị trung thiên bội vi thắng 。 hà dĩ cố 。 nhũ chi vi vị chư vị trung tối 。
 thiện nam tử 。
 tuy không có mùi vị nhưng đối với các thức ăn dở thì vẫn gấp ngàn lần. Tại vì sao? Vì sữa
 là mùi vị ngon nhất trong các mùi vị. Thiện nam tử !
 我涅槃後正法未滅餘八十年。
 ngã Niết-Bàn hậu chánh Pháp vị diệt dư bát thập niên 。
 Sau khi ta Niết-bàn chánh pháp chưa diệt, còn lại tám trăm năm
 爾時是經於閻浮提當廣流布。是時當有諸惡比丘。
 nhĩ thời thị Kinh ư Diêm-phù-đề đương quảng lưu bố 。 thị thời đương hữu chư ác bỉ khâu
 。
 lúc ấy kinh này sẽ rộng lưu truyền nơi cõi Diêm-phù-đề, bấy giờ có các Tỳ-kheo ác hạnh

抄略是經分作多分能滅正法色香美味。

sao lược thị Kinh phân tác đa phân năng diệt chánh Pháp sắc hương mỹ vị 。

sao chép kinh này rồi phân làm nhiều phần làm mất đi hương vị của chánh pháp.

是諸惡人雖復誦讀如是經典。滅除如來深密要義。

thị chư ác nhân tuy phục tụng độc như thị Kinh điển 。

diệt trừ Như-Lai thâm mật yếu nghĩa 。

Các người ác này tuy đọc tụng kinh điển như vậy, nhưng làm mất ý nghĩa bí mật của Như Lai,

安置世間莊嚴文飾無義之語。

an trí thế gian trang nghiêm văn sức vô nghĩa chi ngữ 。

rồi trang sức bằng những lời vô nghĩa của thế gian,

抄前著後抄後著前。前後著中中著前後。

sao tiền trú hậu sao hậu trú tiền 。

tiền hậu trú trung trung trú tiền hậu 。

hoặc chép đoạn trước đem để đoạn sau, đoạn sau đem để đoạn trước, hoặc đem trước sau để ở giữa, đem ở giữa để trước sau.

當知如是諸惡比丘是魔伴侶。受畜一切不淨之物。

đương tri như thị chư ác bỉ khâu thị ma bạn lữ 。

thọ súc nhất thiết bất tịnh chi vật 。

Phải biết các Tỳ-kheo ác này là bạn với ma, cất chứa tất cả các vật bất tịnh

而言如來悉聽我畜。如牧牛女多加水乳。

nhi ngôn Như-Lai tất thính ngã súc 。

như mục ngưu nữ đa gia thủy nhũ 。

mà bảo rằng Như Lai cho chúng tôi thọ nhận cất giữ, như người nữ chăn bò thêm nước nhiều vào sữa.

諸惡比丘亦復如是。雜以世語錯定是經。

chư ác bỉ khâu diệc phục như thị 。

tạp dĩ thế ngữ thác định thị Kinh 。

Các Tỳ-kheo ác cũng lại như vậy, dùng lời nói tạp thế gian xen vào kinh này.

令多眾生不得正說正寫正取尊重讚歎供養恭敬。

lệnh đa chúng sanh bất đắc chánh thuyết chánh tả chánh thủ tôn trọng tán thán cung dưỡng cung kính 。

khiến nhiều chúng sanh không được nghe lời thật, biên chép lời thật, thọ trì lời thật, cho đến tôn trọng tán thán cung kính cúng dường.

是惡比丘為利養故。不能廣宣流布是經。

thị ác bỉ khâu vi lợi dưỡng cố 。 bất năng quảng tuyên lưu bố thị Kinh 。

Các Tỳ-kheo ác này vì lợi dưỡng cho nên không thể rộng lưu hành kinh này,
 所可分流少不足言。

sở khả phân lưu thiếu bất túc ngôn 。

chỗ có thể lưu hành thì quá ít không đáng nói,
 如彼牧牛貧窮女人展轉賣乳。乃至成糜而無乳味。

như bỉ mục ngưu bần cùng nữ nhân triển chuyển mại nhũ 。

nãi chí thành mi nhi vô nhũ vị 。

như người nữ chăn bò nghèo kia lần lượt bán sữa, cho đến nấu thành cháo mà không có mùi vị sữa.

是大乘典大涅槃經亦復如是。展轉薄淡無有氣味。

thị Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh diệc phục như thị 。

triển chuyển bạc đạm vô hữu khí vị 。

Kinh điển Đại thừa Niết-bàn cũng lại như vậy, dần dần phai nhạt không có ý vị,
 雖無氣味猶勝餘經足一千倍。

tuy vô khí vị do thắng dư Kinh túc nhất thiên bội 。

tuy không có ý vị nhưng hơn các kinh khác gấp ngàn lần,
 如彼乳味於諸苦味為千倍勝。何以故。

như bỉ nhũ vị ư chư khổ vị vi thiên bội thắng 。

hà dĩ cố 。

như vị sữa đối với các mùi vị khác là hơn ngàn lần. Tại vì sao?

是大乘典大涅槃經於聲聞經最為上首。喻如牛乳味中最勝。

thị Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh ư thanh văn Kinh tối vi thượng thủ 。

dụ như ngưu nhũ vị trung tối thắng 。

vì kinh điển Đại thừa Niết-bàn đối với kinh điển Thanh-văn rất là tối thượng, như mùi vị sữa bò là hơn tất cả,
 以是義故名大涅槃。

dĩ thị nghĩa cố danh Đại Niết-Bàn 。

do nghĩa này nên có tên là Đại Niết-bàn.

復次善男子。若善男子善女人等。

phục thứ thiện nam tử 。

nhược thiện nam tử Thiện Nữ Nhân đẳng 。

Lại nữa thiện nam tử! Như các thiện nam tử thiện nữ nơn

無有不求男子身者。何以故。

vô hữu bất cầu nam tử thân giả 。 hà dĩ cố 。

không có người nào là không mong cầu thân người nam, tại vì sao?

一切女人皆是眾惡之所住處。復次善男子。

nhất thiết nữ nhân giai thị chúng ác chi sở trụ xử 。 phục thứ thiện nam tử 。

vì tất cả người nữ là chỗ tập hợp các điều xấu ác. Lại nữa thiện nam tử!

如蚊子尿不能令此大地潤洽。其女人者姪欲難滿亦復如是。

như vãn tử niệu bất năng lệnh thử Đại địa nhuận hiệp 。 kỳ nữ nhân giả dâm dục nan mãn diệc phục như thị 。

Như nước tiểu của con muỗi không thể thấm ướt đất, sự dâm dục của người nữ khó thấy đủ, cũng lại như vậy.

譬如大地一切作丸如葶藶子。

thí như Đại địa nhất thiết tác hoàn như đình lịch tử 。

thí như đại địa tất cả đều làm bằng hạt rau đay,

如是等男與一女人共為欲事猶不能足。

như thị đẳng nam dĩ nhất nữ nhân cộng vi dục sự do bất năng túc 。

như vậy nhiều người nam cùng một người nữ làm việc dục cũng không thể đủ.

假使男子數如恒沙與一女人共為欲事猶不能足。善男子。

giả sử nam tử số như hằng sa dĩ nhất nữ nhân cộng vi dục sự do bất năng túc 。

Giả sử số người nam như hằng hà sa cùng một người nữ làm việc dục cũng không thể đủ.

Thiện nam tử !

譬如大海一切天雨百川眾流皆悉投注。

thí như Đại hải nhất thiết Thiên vũ bách xuyên chúng lưu giai tất đầu chú 。

Thí như biển lớn tất cả nước mưa trăm sông đều chảy về。

而彼大海未曾滿足。女人之法亦復如是。

nhĩ bỉ Đại hải vị tăng mãn túc 。

mà biển kia chưa từng đầy tràn, pháp của người nữ cũng lại như vậy,

假使一切悉為男者與一女人共為欲事而亦不足。

giả sử nhất thiết tất vi nam giả dĩ nhất nữ nhân cộng vi dục sự nhi diệc bất túc giả sử tất cả người nam cùng một người nữ làm việc dục cũng không thấy đủ.

復次善男子。如阿叔迦樹波吒羅樹迦尼迦樹。

phục thứ thiện nam tử 。 như a thúc ca thụ ba trá la thụ ca ni ca thụ 。

Lại nữa thiện nam tử! Như cây a-thúc-ca, cây ba-tra-la, cây ca-ni-ca,
春花開敷。有蜂嘜取色香細味不知厭足。

xuân hoa khai phu 。 hữu phong 嘜 thủ sắc hương tế vị bất tri yếm túc 。

mùa xuân đều nở hoa, có con ong đến lấy mùi vị mà không biết nhàm chán,。

女人欲男亦復如是不知厭足。善男子。以是義故。

nữ nhân dục nam diệc phục như thị bất tri yếm túc 。

người nữ ham muốn người nam cũng lại như vậy, không biết nhàm chán. Thiện nam tử,

do nghĩa này

諸善男子善女人等聽是大乘大涅槃經。

chư thiện nam tử Thiện Nữ Nhân đẳng thính thị Đại thừa Đại Niết Bàn Kinh 。

nên các thiện nam tử thiện nữ như nghe kinh Đại thừa Niết-bàn này

常應呵責女人之相求於男子。何以故。

thường ứng ha trách nữ nhân chi tướng cầu ư nam tử 。

thường chê trách tướng người nữ và cầu mong thân người nam. Tại vì sao?

是大經典有丈夫相。所謂佛性。

thị Đại Nhật kinh điển hữu trượng phu tướng 。

Vì kinh điển Đại thừa này có tướng trượng phu, đó là Phật tánh,

若人不知是佛性者則無男相。所以者何。不能自知有佛性故。

nhược nhân bất tri thị Phật tánh giả tắc vô nam tướng 。

Phật tánh cố 。

nếu người không biết Phật tánh này thì không có tướng người nam. Tại vì sao? Vì không

thể tự biết mình có Phật tánh vậy.

若有不能知佛性者。我說是等名為女人。

nhược hữu bất năng tri Phật tánh giả 。

Nếu có người không thể biết Phật tánh, ta nói hạng ấy là người nữ,

若能自知有佛性者。我說是人為丈夫相。

nhược năng tự tri hữu Phật tánh giả 。

nếu có thể tự biết có Phật tánh, ta nói hạng này là tướng trượng phu.

若有女人能知自身定有佛性。

nhược hữu nữ nhân năng tri tự thân định hữu Phật tánh 。
Nếu có người nữ có thể biết tự thân nhất định có Phật tánh
當知是等即為男子。善男子。是大乘典大涅槃經。
đương tri thị đẳng tức vi nam tử 。 thiện nam tử 。 thị Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh 。
phải biết hạng này tức là người nam. Thiện nam tử! Kinh Đại thừa Niết-bàn này
無量無邊不可思議功德之聚。何以故。
vô lượng vô biên bất khả tư nghị công đức chi tụ 。 hà dĩ cố 。
là chỗ chứa của vô lượng vô biên công đức không thể nghĩ bàn. Tại vì sao?
以說如來祕密藏故。是故善男子善女人。
dĩ thuyết Như-Lai bí mật tạng cố 。 thị cố thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。
Vì kinh này nói về tạng bí mật của Như Lai. Cho nên thiện nam tử thiện nữ như
若欲速知如來密藏。應當方便勤修此經。
nhược dục tốc tri Như-Lai mật tạng 。 ứng đương phương tiện tinh cần tu thử Kinh nếu
muốn biết tạng bí mật của Như Lai, thì phải phương tiện siêng năng tu tập kinh này.
迦葉菩薩白佛言。世尊。如是如是。如佛所說。
ca diệp Bồ Tát bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 như thị như thị 。 như Phật sở thuyết 。
Bồ-Tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Đúng thế đúng thế , như lời Phật dạy,
我今已有丈夫之相。得入如來微密藏故。
ngã kim dĩ hữu tướng phu chi tướng 。 đắc nhập Như-Lai vi mật tạng cố 。
nay con đã có tướng vợ chồng, được thâm nhập vào tạng bí mật của Như Lai,
如來今日始覺悟我。因是即得決定通達。佛言。善哉善哉。
Như-Lai kim nhật thủy giác ngộ ngã 。 nhân thị tức đắc quyết định thông đạt Phật ngôn 。
Thiện tai Thiện tai 。
nay Như Lai mới giác ngộ cho con, do đây mà nhất định thông đạt. Phật dạy: Lành thay
lành thay,
善男子。汝今隨順世間之法而作是說。
thiện nam tử 。 nữ kim tùy thuận thế gian chi Pháp nhi tác thị thuyết 。
Thiện nam tử! Nay ông tùy pháp thế gian mà nói lời này.。
迦葉復言。我不隨順世間法也。佛讚迦葉。善哉善哉。
ca diệp phục ngôn 。 ngã bất tùy thuận thế gian Pháp dã 。 Phật tán ca diệp 。 Thiện tai
Thiện tai 。

Ca-diếp lại thưa: Con không tùy thuận pháp thế gian. Phật bảo Ca-diếp, lành thay lành thay

汝今所知無上法味甚深難知而能得知。

nhữ kim sở tri vô thượng Pháp vị thậm thâm nan tri nhi năng đắc tri 。

Nay pháp vị vô thượng thâm sâu khó hiểu mà ông có thể hiểu biết,

如蜂採味。汝亦如是。復次善男子。

như phong thải vị 。

nhữ diệc như thị 。

phục thứ thiện nam tử 。

như con ong kia hút lấy mùi vị ngon, ông cũng như vậy. Lại nữa thiện nam tử!

如蚊子澤不能令此大地沾洽。

như văn tử trạch bất năng lệnh thử Đại địa triêm hiệp 。

như nước tiểu con muỗi không thể làm đất thấm ướt,
當來之世是經流布亦復如是。如彼蚊澤。正法欲滅。

đương lai chi thế thị Kinh lưu bố diệc phục như thị 。

như bĩ văn trạch 。

chánh Pháp dục diệt 。

kinh này lưu bố ở đời sau cũng lại như vậy, khi chánh pháp muốn diệt
是經先當沒於此地。當知即是正法衰相。復次善男子。

thị Kinh tiên đương một ư thử địa 。

đương tri tức thị chánh Pháp suy tướng phục thứ thiện nam tử 。

thì kinh này bị mất trước, phải biết đây là tướng chánh pháp suy yếu. Lại nữa thiện nam tử!

譬如過夏初月名秋秋雨連注。

thí như quá hạ sơ nguyệt danh thu thu vũ liên chú 。

thí như qua mùa hạ, đầu tháng thì gọi là mùa thu, liền có mưa thu.

此大乘典大涅槃經亦復如是。為於南方諸菩薩故。

thử Đại thừa điển Đại Niết Bàn Kinh diệc phục như thị 。

vi ư Nam phương chư Bồ Tát cố 。

Kinh Đại Niết-bàn trong Đại thừa cũng lại như vậy, vì các Bồ-tát ở phương Nam

當廣流布降注法雨彌滿其處。

đương quảng lưu bố hàng chú Pháp vũ di mãn kỳ xử 。

muốn rộng lưu bố nên ban mưa pháp tràn đầy nơi ấy,
正法欲滅當至闕寶具足無缺潛沒地中。或有信者或不信者。

chánh Pháp diệt đương chí kế tân cụ túc vô khuyết tiềm một địa trung 。 hoặc hữu tín giả hoặc bất tín giả 。

khi chánh pháp muốn diệt sẽ đem đến Kế Tân đầy đủ không thiếu sót. Hoặc có người tin hoặc có người không tin,

如是大乘方等經典甘露法味悉沒於地。

như thị Đại thừa phương đẳng Kinh điển cam lộ Pháp vị tất một ư địa 。

như vậy pháp vị cam lồ của kinh Đại thừa Phương Đẳng là sẽ không diệt mất,

是經沒已一切諸餘大乘經典皆悉滅沒。

thị Kinh một dĩ nhất thiết chư dư Đại thừa Kinh điển giai tất diệt một 。

khi kinh này diệt thì tất cả kinh điển Đại thừa khác cũng đều diệt mất

若得是經具足無缺人中象王。

nhược đắc thị Kinh cụ túc vô khuyết nhân trung Tượng Vương 。

nếu được kinh này đầy đủ không thiếu sót tức là bậc chúa trong loài người.

諸菩薩等當知如來無上正法將滅不久。

chư Bồ Tát đẳng đương tri Như-Lai vô thượng chánh Pháp tướng diệt bất cửu 。

Các Bồ-tát phải biết Chánh pháp Vô thượng của Như Lai sẽ diệt không tồn tại mãi.

大般涅槃經卷第九

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ cửu

Kinh Đại Bát Niết Bàn - Quyển Thứ Chín.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:06:56 2006

Thích Nữ Diệu Thuần hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:06:56 2006

Thích Nữ Diệu Thuần hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

Vol. 12, No. 374

Thích Nữ Diệu Thuần hiệu đính

大般涅槃經卷第十

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ thập

Kinh Đại Niết Bàn

Quyển Thứ Mười

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Đời Bắc Lương, Tam Tạng Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

如來性品第四之七

Như-Lai tánh phẩm đệ tứ chi thất

Phần bảy của phẩm thứ tư: Như Lai tánh.

爾時文殊師利白佛言。世尊。

nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

今此純陀猶有疑心。唯願如來重為分別令得除斷。佛言。

kim thử Thuần đà do hữu nghi tâm 。 duy nguyện Như-Lai trọng vi phân biệt lệnh đắc trừ
đoạn 。 Phật ngôn 。

Nay Thuần Đà còn có tâm nghi ngờ, xin Như Lai phân biệt giảng nói khiến Thuần Đà diệt
trừ tâm nghi. Phật dạy:

善男子。云何疑心汝當說之當為除斷。

thiện nam tử 。 vân hà nghi tâm nhữ đương thuyết chi đương vi trừ đoạn 。

Thiện nam tử! Thế nào là tâm nghi ngờ ông hãy nói đi ta sẽ vì Thuần Đà mà đoạn trừ.

文殊師利言。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Văn-thù-sư-lợi đáp:

純陀心疑如來常住以得知見佛性力故。若見佛性而為常者。

Thuần đà tâm nghi Như-Lai thường trụ dĩ đắc tri kiến Phật tánh lực cố 。 nhược kiến Phật
tánh nhi vi thường giả 。

Thuần Đà nghi rằng: Như Lai thường trụ là do đắc lực thấy rõ Phật tánh, nếu thấy Phật
tánh mà thường

本未見時應是無常。若本無常後亦應爾。何以故。

bổn vị kiến thời ứng thị vô thường 。 nhược bổn vô thường hậu diệc ứng nhĩ 。 hà dĩ cố 。

thì lúc trước chưa thấy đúng ra là vô thường, nếu khi trước là vô thường thì sau cũng như
vậy. Tại vì sao?

如世間物本無今有已有還無。如是等物悉是無常。

như thế gian vật bổn vô kim hữu dĩ hữu hoàn vô 。 như thị đẳng vật tất thị vô thường 。

Như mọi vật ở thế gian trước chưa có nay có, có rồi trở lại thành không, các vật như vậy
đều là vô thường,

以是義故諸佛菩薩聲聞緣覺無有差別。

dĩ thị nghĩa cố chư Phật Bồ Tát Thanh văn duyên giác vô hữu sai biệt 。

do nghĩa này nên chư Phật Bồ-tát , Thanh văn, Duyên giác không có sai biệt.

爾時世尊即說偈言。

nhĩ thời Thế tôn tức thuyết kệ ngôn 。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

本有今無 本無今有
Bổn hữu kim vô Bổn vô kim hữu
Trước có nay không, Trước không nay có,
無有是處 三世有法
Vô hữu thị xứ Tam thế hữu Pháp
Thật ra không có. Ba đời pháp có,

善男子。以是義故。諸佛菩薩聲聞緣覺。

thiện nam tử 。

đĩ thị nghĩa cố 。

chư Phật Bồ Tát Thanh văn duyên giác 。

Thiện nam tử! Do nghĩa này chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác
亦有差別亦無差別。文殊師利讚言。

diệc hữu sai biệt diệc vô sai biệt 。

Văn-thù-sư-lợi tán ngôn 。

cũng có sai biệt cũng không sai biệt. Văn-thù-sư-lợi khen rằng:
善哉誠如聖教。

Thiện tai thành như Thánh giáo 。

Lành thay, chân thật lời bậc thánh,
我今始解諸佛菩薩聲聞緣覺亦有差別亦無差別。迦葉菩薩白佛言。世尊。
ngã kim thủy giải chư Phật Bồ Tát Thanh văn duyên giác diệc hữu sai biệt diệc vô sai biệt
。 ca diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

nay con mới hiểu chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác cũng có sai biệt cũng không
sai biệt. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,
如來所說諸佛菩薩聲聞緣覺性無差別。

Như-Lai sở thuyết chư Phật Bồ Tát Thanh văn duyên giác tánh vô sai biệt 。

Như Lai nói tánh của chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác không sai biệt,
唯願如來分別廣說利益安樂一切眾生。佛言。善男子。
duy nguyện Như-Lai phân biệt quảng thuyết lợi ích an lạc nhất thiết chúng sanh 。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

xin Như Lai phân biệt giảng nói để lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh, Phật dạy. thiện
nam tử!
諦聽諦聽當為汝說。善男子。

để thính để thính đương vi nữ 。 thiện nam tử 。

Hãy lắng nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà nói. Thiện nam tử!

譬如長者若長者子。多畜乳牛有種種色。

thí như Trưởng-Giả nhược Trưởng Giả Tử 。

Thí như ông trưởng giả hay con ông trưởng giả nuôi nhiều bò sữa có nhiều màu sắc,

常令一人守護將養。是人有時為祠祀故盡搆諸牛著一器中。

thường lệnh nhất nhân thủ hộ tướng dưỡng 。

thường sai một người nuôi dưỡng và chăn giữ, người này đến lúc cúng tế bèn lấy sữa các con bò để vào trong một cái thùng,

見其乳色同一白色尋便驚怪。牛色各異。

kiến kỳ nữ sắc đồng nhất bạch sắc tầm tiện kinh quái 。

thấy sữa cùng một màu trắng nên kinh ngạc, cho rằng các con bò màu sắc khác nhau

其乳云何皆同一色。

kỳ nữ vân hà giai đồng nhất sắc 。

thì tại sao sữa đều cùng một màu,

是人思惟如此一切皆是眾生業報因緣令乳色一。善男子。

thị nhân tư duy như thử nhất thiết giai thị chúng sanh nghiệp báo nhân duyên lệnh nữ sắc nhất 。

người này suy nghĩ như vậy thì tất cả đều do nhân duyên nghiệp báo của chúng sanh khiến sữa cùng một màu sắc. Thiện nam tử!

聲聞緣覺菩薩亦爾。同一佛性猶如彼乳。所以者何。

Thanh văn duyên giác Bồ Tát diệc nhĩ 。

Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát cũng vậy đồng một Phật tánh như nước sữa kia. Tại vì sao?

同盡漏故而諸眾生言。

đồng tận lậu cố nhi chư chúng sanh ngôn 。

do cùng hết sạch lậu hoặc, mà các chúng sanh thì cho rằng

佛菩薩聲聞緣覺而有差別。

Phật Bồ Tát Thanh văn duyên giác nhi hữu sai biệt 。

Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác có sai biệt,

有諸聲聞凡夫之人疑於三乘云何無別。是諸眾生久後自解一切三乘同一佛性。

hữu chư Thanh văn phàm phu chi nhân nghi ư tam thừa vân hà vô biệt 。 thị chư chúng sanh cứu hựu tự giải nhất thiết tam thừa đồng nhất Phật tánh 。

có các Thanh văn phàm phu nghĩ ở tam thừa tại sao có sai biệt,các chúng sanh này không bao lâu sẽ tự hiểu tất cả tam thừa đồng là một Phật tánh, 猶如彼人悟解乳相由業因緣。復次善男子。

do như bĩ nhân ngộ giải nhũ tướng do nghiệp nhân duyên 。 phục thứ thiện nam tử 。

giống như người kia tự hiểu tướng của sữa là do nghiệp báo nhân duyên. Lại nữa thiện nam tử!

譬如金鑛淘鍊滓穢然後消融成金之後價

thí như kim khoáng đào luyện chỉ uế nhiên hựu tiêu dung thành kim chi hựu giá

thí như mỏ vàng phải qua sự rèn đúc, lọc bỏ các thứ cặn bã sau đó mới thành vàng thật 直無量。善男子。聲聞緣覺菩薩亦爾。

trực vô lượng 。 thiện nam tử 。

Thanh văn duyên giác Bồ Tát diệc nhĩ 。

giá trị vô lượng, Thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát cũng như vậy,

皆得成就同一佛性。何以故。

giai đắc thành tựu đồng nhất Phật tánh 。 hà dĩ cố 。

đều cùng thành tựu một Phật tánh, tại vì sao?

除煩惱故如彼金鑛除諸滓穢。以是義故。

trừ phiền não cố như bĩ kim khoáng trừ chư chỉ uế 。 dĩ thị nghĩa cố 。

vì đã phá trừ phiền não, như vàng kia đã lọc cặn bã. Do ý nghĩa này

一切眾生同一佛性無有差別。

nhất thiết chúng sanh đồng nhất Phật tánh vô hữu sai biệt 。

nên tất cả chúng sanh là đồng một Phật tánh không có sai biệt,

以其先聞如來密藏後成佛時自然得知。如彼長者知乳一相。何以故。 dĩ kỳ tiên văn Như-Lai mật tạng hựu thành Phật thời tự nhiên đắc tri 。

như bĩ Trưởng-Già tri nhũ nhất tướng 。 hà dĩ cố 。

vì trước kia đã nghe tạng bí mật của Như Lai, về sau khi thành Phật thì tự nhiên biết. Như trưởng giả kia biết sữa có một tướng, tại vì sao?

以斷無量億煩惱故。迦葉菩薩白佛言。世尊。

dĩ đoạn vô lượng ức phiến não cổ 。 ca diệp Bồ Tát bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。
 Do đoạn trừ vô lượng ức phiến não vậy. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!
 若一切眾生有佛性者。佛與眾生有何差別。
 nhược nhất thiết chúng sanh hữu Phật tánh giả 。 Phật dữ chúng sanh hữu hà sai biệt 。
 Nếu tất cả chúng sanh có Phật tánh thì Phật và chúng sanh có gì sai biệt.
 如是說者多有過咎。若諸眾生皆有佛性。
 như thị thuyết giả đa hữu quá cửu 。 nhược chư chúng sanh giai hữu Phật tánh 。
 Nói như vậy thì có nhiều sai lầm, nếu các chúng sanh đều có Phật tánh,
 何因緣故舍利弗等以小涅槃而般涅槃。
 hà nhân duyên cố Xá lợi Phất đẳng dĩ tiểu Niết-Bàn nhi bát Niết-Bàn 。
 thì nhân duyên gì mà các ông Xá-lợi-phất lại dùng tiểu thừa Niết-bàn mà nhập Niết-bàn,
 緣覺之人於中涅槃而般涅槃。菩薩之人於大涅槃而般涅槃。
 duyên giác chi nhân ư trung Niết-Bàn nhi bát Niết-Bàn 。 Bồ Tát chi nhân ư Đại Niết-Bàn
 nhi bát Niết-Bàn 。
 bậc Duyên giác thì dùng trung thừa mà nhập Niết-bàn, hàng Bồ-tát thì dùng đại niết-bàn
 mà nhập Niết-bàn.
 如是等人若同佛性。
 như thị đẳng nhân nhược đồng Phật tánh 。
 Những hạng như vậy nếu Phật tánh như nhau
 何故不同如來涅槃而般涅槃。善男子。諸佛世尊所得涅槃。
 hà cố bất đồng Như-Lai Niết-Bàn nhi bát Niết-Bàn 。 thiện nam tử 。 chư Phật Thế tôn sở
 đắc Niết-Bàn 。
 thì tại sao không nhập Niết-bàn như đức Như Lai. Thiện nam tử! Niết-bàn mà chư Phật
 Thế Tôn chứng đắc
 非諸聲聞緣覺所得。以是義故大般涅槃名為善有。
 phi chư Thanh văn duyên giác sở đắc 。 dĩ thị nghĩa cố Đại bát Niết bàn danh vi thiện hữu
 。
 không phải chỗ mà hàng Thanh văn, Duyên giác chứng đắc, do nghĩa này nên đại Niết-
 bàn gọi là thiện hữu,
 世若無佛非無二乘得二涅槃。迦葉復言。
 thế nhược vô Phật phi vô nhị thừa đắc nhị niết bàn 。 ca diệp phục ngôn 。

thế gian nếu không có Phật thì chẳng phải không có hàng nhị thừa đặc nhị Niết-bàn. Ca-diếp lại bạch rằng:

是義云何。佛言。

thị nghĩa vân hà 。 Phật ngôn 。

Nghĩa này như thế nào? Đức Phật dạy:

無量無邊阿僧祇劫乃有一佛出現於世開示三乘。善男子。

vô lượng vô biên a tăng kì kiếp nãi hữu nhất Phật xuất hiện ư thế khai kì tam thừa 。

thiện nam tử 。

Thuở quá khứ vô lượng vô biên a-tăng-kỳ-kiếp có Phật ra đời giảng nói pháp tam thừa.

Thiện nam tử!

如汝所言菩薩二乘無差別者。

như nhữ sở ngôn Bồ Tát nhị thừa vô sai biệt giả 。

Như lời ông nói, Bồ-tát và nhị thừa không có sai biệt,

我先於此如來密藏大涅槃中已說其義。諸阿羅漢無有善有。何以故。

ngã tiên ư thử Như-Lai mật tạng Đại Niết-Bàn trung dĩ thuyết kỳ nghĩa 。

chư A La Hán vô hữu thiện hữu 。

hà dĩ cố 。

ta trước kia ở nơi tạng bí mật Niết-bàn của Như Lai đã nói nghĩa này, các A-la-hán không có thiện hữu. Tại vì sao?

諸阿羅漢悉當得是大涅槃故。

chư A La Hán tất đương đắc thị Đại Niết-Bàn cố 。

Do các A-la-hán đều đã đắc đại Niết-bàn này,

以是義故大般涅槃有畢竟樂。是故名為大般涅槃。迦葉言。

dĩ thị nghĩa cố Đại bát Niết bàn hữu tất cánh lạc 。

thị cố danh vi Đại bát Niết bàn 。

ca diệp ngôn 。

do ý nghĩa này nên Đại-bát-niết-bàn có sự vui rất ráo, cho nên gọi là Đại-niết-bàn. Ca-diếp thưa:

如佛說者我今始知差別之義無差別義。

như Phật thuyết giả ngã kim thủy tri sai biệt chi nghĩa vô sai biệt nghĩa 。

Như lời Phật dạy , nay con mới biết ý nghĩa sai biệt và không sai biệt ,

何以故。

hà dĩ cố 。

tại vì sao?

一切菩薩聲聞緣覺未來之世皆當歸於大般涅槃。譬如眾流歸於大海。

nhất thiết Bồ Tát Thanh văn duyên giác vị lai chi thể giai đương quy ư Đại bát Niết bàn 。
thí như chúng lưu quy ư Đại hải 。

Tất cả Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác đời vị lai đều sẽ đến đại Niết-bàn, như nước muôn
sông đổ về biển lớn,

是故聲聞緣覺之人悉名為常非是無常。

thị cố Thanh văn duyên giác chi nhân tất danh vi thường phi thị vô thường 。

cho nên hàng Thanh văn, Duyên giác đều gọi là thường, không phải là vô thường,
以是義故亦有差別亦無差別。迦葉言。云何性差別。

dĩ thị nghĩa cố diệc hữu sai biệt diệc vô sai biệt 。

ca diệp ngôn 。

vân hà tánh sai biệt 。

do nghĩa này nên cũng có sai biệt cũng không sai biệt. Ca-diếp thưa: Thế nào là tánh sai biệt.

佛言善男子。聲聞如乳緣覺如酪。

Phật ngôn thiện nam tử 。

Thanh văn như nhũ duyên giác như lạc 。

Phật bảo thiện nam tử! Thanh văn ví như sữa, Duyên giác ví như lạc,
菩薩之人如生熟酥。諸佛世尊猶如醍醐。

Bồ Tát chi nhân như sanh thực tô 。

chư Phật Thế tôn do như thể hồ 。

Bồ-tát ví như sữa chín, chư Phật ví như đề hồ,

以是義故大涅槃中說四種性而有差別。迦葉復言。

dĩ thị nghĩa cố Đại Niết-Bàn trung thuyết tứ chủng tánh nhi hữu sai biệt 。

ca diệp phục ngôn 。

do nghĩa này nên trong đại Niết-bàn có bốn chủng tánh sai biệt. Ca-diếp lại thưa:

一切眾生性相云何。佛言善男子。

nhất thiết chúng sanh tánh tướng vân hà 。

Phật ngôn thiện nam tử 。

tánh tướng của chúng sanh như thế nào? Phật bảo thiện nam tử!

如牛新生乳血未別。凡夫之性雜諸煩惱亦復如是。

như ngưu tân sanh nhũ huyết vị biệt 。

phàm phu chi tánh tạp chư phiền não diệc phục như thị 。

như bò mới sanh chưa phân biệt được sữa và máu, tánh của phàm phu lẫn lộn phiền não cũng như vậy.

迦葉復言拘尸那城有旃陀羅名曰歡喜。

ca diệp phục ngôn câu thi na thành hữu chiên đà la danh viết hoan hỉ 。

Ca-diệp lại thưa: Thành Câu-thi-na có Chiên-đà-la tên là Hoan Hỷ

佛記是人由一發心。

Phật kí thị nhân do nhất phát tâm 。

đức Phật thọ ký cho người này do một lần phát tâm

當於此界千佛數中速成無上正真之道。

đương ư thử giới thiên Phật sở trung tốc thành vô thượng chánh chân chi đạo 。

sẽ ở nơi ngàn đức Phật nơi thế giới này mà mau thành tựu đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

以何等故如來不記尊者舍利弗目犍連等速成佛道。佛言善男子。

dĩ hà đẳng cố Như-Lai bất kí Tôn-Giả Xá lợi Phát mục kiên liên đẳng tốc thành Phật đạo 。

Phật ngôn thiện nam tử 。

do nhân duyên gì mà Như Lai không thọ ký cho tôn giả Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên mau thành Phật đạo. Phật dạy thiện nam tử!

或有聲聞緣覺菩薩作誓願言。

hoặc hữu Thanh văn duyên giác Bồ Tát tác thệ nguyện ngôn 。

hoặc có Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát phát thệ nguyện rằng:

我當久久護持正法然後乃成無上佛道。以發速願故與速記。

ngã đương cửu cửu hộ trì chánh Pháp nhiên hậu nãi thành vô thượng Phật đạo 。

dĩ phát tốc nguyện cố dữ tốc kí 。

Ta sẽ hộ trì chánh pháp thật lâu sau đó mới thành đạo Vô- thượng, do phát nguyện lâu nên ta chưa thọ ký.

復次善男子。譬如商人有無價寶詣市賣之。

phục thứ thiện nam tử 。

thí như thương nhân hữu vô giá bảo nghệ thị mại chi 。

Lại nữa thiện nam tử! thí như người buôn có của báu vô giá đem ra chợ bán,

愚人見之不識輕笑。寶主唱言我此寶珠價直無數。

ngu nhân kiến chi bất thức khinh tiếu 。

bảo chủ xướng ngôn ngã thử bảo châu giá trực vô số 。

người ngu thấy không biết nên chê cười, người buôn nói rằng: châu báu của ta là giá trị vô số,

聞已復笑各各相謂。此非真寶是頗梨珠。

văn dĩ phục tiểu các các tướng vị 。 thử phi chân bảo thị pha-lê châu 。

người ngu nghe rồi lại cười và nói với người khác rằng: Đây không phải là châu báu thật.
善男子。聲聞緣覺亦復如是。

thiện nam tử 。

Thiện văn, Duyên giác cũng lại như vậy.

若聞速記則便懈怠輕笑薄賤。如彼愚人不識真寶。

nhược văn tốc kí tắc tiện giải đái khinh tiểu bạc tiện 。

Nếu nghe thọ ký liền thì sẽ biếng nhác chê cười xem nhẹ, như người ngu kia không biết châu báu thật,

於未來世有諸比丘。不能翹勤修習善法。

ư vị lai thế hữu chư bỉ khâu 。

ở đời vị lai có các Tỷ-kheo không thể siêng năng tu tập pháp lành,

貧窮困苦飢餓所逼。因是出家長養其身。

bần cùng khốn khổ cơ nọa sở bức 。

bị bần cùng khốn khổ bức bách, do đây mà người xuất gia nuôi giữ thân mạng,

心志輕躁邪命諂曲。若聞如來授諸聲聞速疾記者。

tâm chí khinh táo tà mạng siểm khúc 。

tâm chí tháo động quanh co tà vạy, nếu nghe Như Lai thọ ký cho các Thanh văn mau thành đạo,

便當大笑輕慢毀訾。當知是等即是破戒。

tiện đương Đại tiểu khinh mạn hủy 訾 。

thì liền chê cười khinh huỷ, phải biết hạng này tức là phá giới

自言已得過人之法。以是義故隨發速願故與速記。

tự ngôn dĩ đắc quá nhân chi Pháp 。

tự nói mình đã đắc pháp hơn người, do nghĩa này mà phát nguyện nhanh, nên ta thọ ký cho họ,

護正法者為授遠記。迦葉菩薩復白佛言。世尊。

hộ chánh Pháp giả vi thụ viễn kí 。

người ủng hộ chánh pháp thì ta vì họ mà lâu thọ ký. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng:
Bạch Thế Tôn!

菩薩摩訶薩云何當得不壞眷屬。佛告迦葉。

Bồ Tát Ma-Ha tát vân hà đương đắc bất hoại quyến chúc 。 Phật cáo ca diệp 。

Bồ-tát-ma-ha-tát làm sao được quyến thuộc không chia lìa. Phật bảo Ca-diếp:

若諸菩薩勤加精進欲護正法。

nhược chư Bồ Tát tinh cần gia tinh tấn dục hộ chánh Pháp 。

Nếu các Bồ-tát siêng năng tinh tấn muốn hộ trì chánh pháp

以是因緣所得眷屬不可沮壞。迦葉菩薩復白佛言。世尊。

dĩ thị nhân duyên sở đắc quyến chúc bất khả tự hoại 。

ca diệp Bồ Tát phục bạch Phật
ngôn 。

Thế tôn 。

do nhân duyên này nên quyến thuộc không chia lìa. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch
Thế Tôn:

何因緣故眾生得此脣口乾焦。佛告迦葉。

hà nhân duyên cố chúng sanh đắc thử Thần khẩu kiên tiêu 。

Phật cáo ca diệp 。

Do nhân duyên gì mà chúng sanh bị môi miệng khô rát? Phật dạy Ca-diếp:

若有不識三寶常存。以是因緣脣口乾焦。

nhược hữu bất thức Tam Bảo thường tồn 。

dĩ thị nhân duyên Thần khẩu kiên tiêu 。

như có người không hiểu biết Tam bảo thường còn, do nhân duyên này mà môi miệng
khô rát,

如人口爽不知甜苦辛醋鹹淡六味差別。

như nhân khẩu sảng bất tri điềm khổ tân thổ 鹹 đạm lục vị sai biệt 。

như có người không phân biệt được sáu mùi vị ngọt lạt đắng chát chua cay,

一切眾生愚癡無智不識三寶是常住法。

nhất thiết chúng sanh ngu si vô trí bất thức Tam Bảo thị thường trụ Pháp 。

tất cả chúng sanh ngu si vô trí không hiểu biết Tam bảo là pháp thường trụ,

是故名為脣口乾焦。復次善男子。

thị cố danh vi Thần khẩu kiên tiêu 。

phục thứ thiện nam tử 。

cho nên gọi là môi miệng khô rát. Thiện nam tử!

若有眾生不知如來是常住者。當知是人則為生盲。

nhược hữu chúng sanh bất tri Như-Lai thị thường trụ giả 。 đương tri thị nhân tắc vi sanh
manh 。

Nếu có chúng sanh không biết Như Lai là thường trụ , phải biết người này tức là bị mù,
若知如來是常住者。

nhược tri Như-Lai thị thường trụ giả 。

nếu biết Như lai là thường trụ,

如是之人雖有肉眼我說是等名為天眼。復次善男子。若有能知如來是常。

như thị chi nhân tuy hữu nhục nhãn ngã thuyết thị đẳng danh vi Thiên nhãn 。 phục thứ
thiện nam tử 。 nhược hữu năng tri Như-Lai thị thường 。

người như vậy tuy có nhục nhãn nhưng ta gọi đó là thiên nhãn. Lại nữa thiện nam tử! Nếu
có thể biết Như Lai là thường

當知是人久已修習如是經典。

đương tri thị nhân cửu dĩ tu tập như thị Kinh điển 。

phải biết người này từ lâu đã tu tập kinh điển như vậy,

我說是等亦名天眼。雖有天眼而不能知如來是常。

ngã thuyết thị đẳng diệc danh Thiên nhãn 。 tuy hữu Thiên nhãn nhi bất năng tri Như-Lai
thị thường 。

hạng này ta cũng gọi là có thiên nhãn. Nếu hạng người tuy có thiên nhãn mà không thể
biết Như Lai là thường ,

我說斯等名為肉眼。是人乃至不識自身手脚支節。

ngã thuyết tư đẳng danh vi nhục nhãn 。 thị nhân nãi chí bất thức tự thân thủ cước chi tiết
。

ta nói hạnh này chỉ có nhục nhãn, người này cho đến không biết các chi tiết tay chân nơi
thân Phật,

亦復不能令他識知。以是義故名為肉眼。

diệc phục bất năng lệnh tha thức tri 。 dĩ thị nghĩa cố danh vi nhục nhãn 。

cũng không thể khiến người khác biết, do nghĩa này nên nói chỉ có nhục nhãn.

復次善男子。如來常為一切眾生而作父母。

phục thứ thiện nam tử 。 Như-Lai thường vi nhất thiết chúng sanh nhi tác phụ mẫu 。

Lại nữa thiện nam tử! Như Lai thường vì tất cả chúng sanh mà làm cha mẹ.

所以者何。

sở dĩ giả hà 。

Tại vì sao?

一切眾生種種形類二足四足多足無足。佛以一音而為說法。

nhất thiết chúng sanh chủng chủng hình loại nhị túc tứ túc đa túc vô túc 。

Phật dĩ nhất âm nhi vi thuyết Pháp 。

Tất cả chúng sanh có nhiều hình loại như hai chân, bốn chân, nhiều chân, không chân, Phật dùng một âm thanh mà thuyết pháp,

彼彼異類各自得解各各歎言。如來今日為我說法。

bỉ bỉ dị loại các tự đắc giải các các thán ngôn 。

Như-Lai kim nhật vi ngã thuyết Pháp 。

các chúng sanh kia tùy loại mà hiểu rõ , mỗi loài lại khen ngợi rằng: Nay Như Lai vì ta mà thuyết pháp,

以是義故名為父母。

dĩ thị nghĩa cố danh vi phụ mẫu 。

do nghĩa này nên gọi là cha mẹ.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử!

如人生子始十六月雖復語言未可解了。

như nhân sanh tử thủy thập lục nguyệt tuy phục ngữ ngôn vị khả giải liễu 。

Như trẻ mới sanh mười sáu tháng tuy chưa hiểu rõ lời nói,

而彼父母欲教其語先同其音漸漸教之。是父母語可不正耶。不也世尊。

nhị bỉ phụ mẫu dục giáo kỳ ngữ tiên đồng kỳ âm tiệm tiệm giáo chi 。

thị phụ mẫu ngữ khả bất chánh da 。

bất dã Thế tôn 。

mà bậc cha mẹ muốn dạy con nói thì trước phải có âm thanh như con rồi mới dần dần dạy dỗ, như vậy lời nói của cha mẹ là đúng chăng? Bạch Thế Tôn không phải.

善男子。諸佛如來亦復如是。

thiện nam tử 。

chư Phật như lai diệc phục như thị 。

Thiện nam tử! Chư Phật Như Lai cũng lại như vậy

隨諸眾生種種音聲而為說法。為令安住於正法故。

tùy chư chúng sanh chủng chủng âm thanh nhi vi thuyết Pháp 。

vi lệnh an trú ư chánh Pháp cố 。

tùy thuận các loại âm thanh của chúng sanh mà thuyết pháp, vì muốn an trụ chúng sanh nơi chánh pháp vậy,

隨所應見而為示現種種形像。

tùy sở ứng kiến nhi vi thị hiện chủng chủng hình tượng 。

tùy theo chỗ ưa thấy của chúng sanh mà thị hiện các loại hình tượng,

如來如是同彼語言可不正耶。不也世尊。何以故。

Như-Lai như thị đồng bỉ ngữ ngôn khả bất chánh da 。

như vậy Như Lai thuyết pháp đồng âm thanh với chúng sanh là không đúng sao? Bạch

Thế Tôn không phải. Tại vì sao? 。

如來所說如師子吼。

Như-Lai sở thuyết như Sư-tử hống 。

Như Lai thuyết giảng như tiếng rống của sư tử,

隨順世間種種音聲而為眾生歎說妙法。

tùy thuận thế gian chủng chủng âm thanh nhi vi chúng sanh tán thuyết diệu Pháp 。

tùy thuận các âm thanh thế gian mà vì chúng sanh để khen ngợi pháp vi diệu.

大般涅槃經一切大眾所問品第五

Đại bát Niết bàn Kinh nhất thiết Đại chúng sở vấn phẩm đệ ngũ

Kinh Đại Bát-niết-bàn phẩm thứ năm Nhất thiết đại chúng sở vấn.

爾時世尊。

nhĩ thời Thế tôn 。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn

從其面門放種種色青黃赤白紅紫光明。照純陀身純陀遇已。

tòng kỳ diện môn phóng chủng chủng sắc thanh hoàng xích bạch hồng tử quang-minh 。

chiếu Thuần đà thân Thuần đà ngộ dĩ 。

từ nơi mặt phóng ra hào quang đủ màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía rồi chiếu đến

nơi thân Thuần Đà, Thuần Đà tiếp xúc rồi,

與諸眷屬持諸餽膳疾往佛所。

dữ chư quyến chúc trì chư hào thiện tậ vãng Phật sở 。

bèn cùng quyến thuộc mang các thức ăn ngon đi nhanh đến chỗ Phật,

欲奉如來及比丘僧最後供養。種種器物充滿具足持至佛前。

dục phụng Như-Lai cập bĩ khâu tăng tối hậu cung dưỡng 。 chủng chủng khí vật sung mãn
cụ túc trì chí Phật tiền 。

muốn cúng dường Như Lai và các Tỷ-kheo bữa sau cùng, họ sắm đầy đủ các thứ rồi đi
đến trước Phật.

爾時有大威德天人。而遮其前周匝圍遶謂純陀言。

nhĩ thời hữu Đại uy đức Thiên Nhơn 。 nhi già kỳ tiền châu tạp vi nhiều vị Thuần đà ngôn
。

Lúc bấy giờ có vị chư thiên có oai đức lớn, đến chặn trước mặt rồi đi quanh nói với Thuần
Đà rằng:

且住純陀勿便奉施。

thả trụ Thuần đà vật tiện phụng thí 。

Thuần Đà, hãy tạm dừng lại chớ dâng lên cúng.

當爾之時如來復放無量無邊種種光明。諸天大眾遇斯光已。

đương nhĩ chi thời Như-Lai phục phóng vô lượng vô biên chủng chủng quang-minh 。 chư
Thiên Đại chúng ngộ tư quang dĩ 。

Bấy giờ Như Lai lại phóng vô lượng vô biên các thứ hào quang, chư thiên đại chúng thấy
hào quang này rồi,

尋聽純陀前至佛所奉其所施。爾時天人及諸眾生。

tầm thính Thuần đà tiền chí Phật sở phụng kỳ sở thí 。

nhĩ thời Thiên Nhơn cập chư chúng
sinh 。

bèn đi theo Thuần Đà đến chỗ Phật dâng các thứ lên cúng dường . Lúc bấy giờ chư thiên
và các chúng sanh,

各各自取所持供養至於佛前長跪白佛。

các các tự thủ sở trì cung dưỡng chí ư Phật tiền trường quy bạch Phật 。

mỗi người tự thấy các thứ cúng dường rồi đến trước Phật quỳ xuống bạch Phật rằng:
唯願如來。聽諸比丘受此飲食。

duy nguyện Như-Lai 。 thính chư bĩ khâu thọ thử ẩm thực 。

Xin nguyện Như Lai đồng ý cho các Tỷ-kheo thọ nhận bữa ăn này.

時諸比丘知是時故執持衣鉢一心安詳。

thời chư bĩ khâu trì thị thời cố chấp trì y bát nhất tâm an tường 。

Bấy giờ các Tỷ-kheo biết thời đến nên đắp y mang bát, định tĩnh nhất tâm,

爾時純陀為佛及僧布置種種師子寶座。懸繒幡蓋花香瓔珞。

nhĩ thời Thuần đà vi Phật cập tăng bố trí chủng chủng Sư-tử bảo tọa 。 huyền tăng phiến cái hoa hương anh lạc 。

lúc bấy giờ Thuần Đà vi Phật và chúng tăng mà an trí các toà sư tử báu, treo các tràng phan, hương hoa, anh lạc,

爾時三千大千世界莊嚴微妙。

nhĩ thời tam Thiên Đại Thiên thể giới trang nghiêm vi diệu 。

khi ấy ba ngàn đại thiên thể giới đều trang nghiêm vi diệu

猶如西方安樂國土。

do như Tây phương an lạc quốc thổ 。

giống như cõi nước ở Tây phương cực lạc.

爾時純陀住於佛前憂悲悵快重白佛言。唯願如來。

nhĩ thời Thuần đà trụ ư Phật tiền ưu bi trướng ưởng trọng bạch Phật ngôn 。

duy nguyện Như-Lai 。

Bấy giờ Thuần đà đứng trước Phật với vẻ mặt buồn bã lo lắng bạch Phật rằng: Xin nguyện Như Lai

猶見哀愍住壽一劫若減一劫。佛告純陀。汝欲令我久住世者。

do kiến ai mẫn trụ thọ nhất kiếp nhược giảm nhất kiếp 。

Phật cáo Thuần đà 。

nhữ dục lệnh ngã cửu trụ thế giả 。

thương xót mà ở đời một kiếp hay ít hơn một kiếp. Phật dạy: Thuần Đà, ông muốn ta ở đời lâu,

宜當速奉最後具足檀波羅蜜。

nghe đương tốc phụng tối hậu cụ túc đàn ba la mật 。

thì hãy nhanh chóng đầy đủ cúng dường bữa ăn cuối cùng.

爾時一切菩薩摩訶薩。天人雜類異口同音唱如是言。

nhĩ thời nhất thiết Bồ Tát Ma-Ha tát 。

Thiên Nhơn tạp loại dị khẩu đồng âm xướng như thị ngôn 。

Bấy giờ tất cả các vị Bồ-tát, trời, người cùng các chúng sanh đồng nói rằng:

奇哉純陀。成大福德能令如來受取最後無上供養。

kì tai Thuần đà 。

thành Đại phúc đức năng lệnh Như-Lai thọ thủ tối hậu vô thượng cung dưỡng 。

Kỳ lạ thay Thuần Đà, thành tựu phước đức lớn khiến Như Lai thọ nhận bữa cúng dường vô thượng sau cùng,

而我等輩無福所致。所說供具則為唐捐。

nhi ngã đẳng bối vô phúc sở trí 。 sở thuyết cung cụ tắc vi đường quyền 。

chúng ta không có phước đức nên chỗ cúng dường đều là uổng phí.

爾時世尊欲令一切眾望滿足。

nhĩ thời Thế tôn dục lệnh nhất thiết chúng vọng mãn túc 。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn muốn tất cả đại chúng được đầy đủ ước nguyện,

於自身上一一毛孔化無量佛。

ư tự thân thượng nhất nhất mao khổng hóa vô lượng Phật 。

nên các lỗ chân lông trên thân đều hoá ra vô lượng Phật,

一一諸佛各有無量諸比丘僧。是諸世尊及無量眾悉皆示現受其供養。

nhất nhất chư Phật các hữu vô lượng chư bỉ khâu tăng 。

thị chư Thế tôn cập vô lượng chúng tất giai thị hiện thọ kỳ cung dưỡng 。

mỗi chư Phật đều có vô lượng các Tỷ-kheo tăng ,các vị Phật và vô lượng Tỷ-kheo tăng ấy

đều thị hiện để thọ nhận sự cúng dường của đại chúng,

釋迦如來自受純陀所奉設者。

Thích Ca Như Lai tự thọ Thuần đà sở phụng thiết giả 。

đức Thích Ca Như Lai thọ nhận vật cúng dường của Thuần Đà.

爾時純陀所持粳糧成熟之食。摩伽陀國滿足八斛。

nhĩ thời Thuần đà sở trì canh lương thành thực chi thực 。

ma đà đà quốc mãn túc bát hộc 。

Bấy giờ vật thực đã nấu chín của Thuần Đà chỉ đựng đầy tám hộc,

以佛神力皆悉充足一切大會。

dĩ Phật Thần lực giai tất sung túc nhất thiết Đại hội 。

nhưng nhờ thần lực của Phật mà được đầy đủ trong tất cả đại hội.

爾時純陀見是事已心生歡喜踊躍無量。一切大眾亦復如是。

nhĩ thời Thuần đà kiến thị sự dĩ tâm sanh hoan hỷ dũng dưc vô lượng 。

nhất thiết Đại chúng diệc phục như thị 。

Lúc ấy Thuần Đà thấy việc này rồi thì sanh tâm hoan hỷ mừng vô lượng, tất cả đại chúng cũng lại như vậy.

爾時大眾承佛聖旨各作是念。

nhi thời Đại chúng thừa Phật Thánh chỉ các tác thị niệm 。

Khi ấy đại chúng đều nghĩ rằng:

如來今已受我等施不久便當入於涅槃。

Như-Lai kim dĩ thọ ngã đấng thí bất cứu tiện đương nhập ư Niết-Bàn 。

Nay Như Lai đã thọ nhận sự cúng dường của chúng ta, chắc không bao lâu sẽ nhập Niết-bàn,

作是念已心生悲喜。爾時樹林其地狹小。

tác thị niệm dĩ tâm sanh bi hỷ 。

nhi thời thụ lâm kỳ địa hiệp tiểu 。

suy nghĩ vậy rồi tâm lại sanh vui buồn lẫn lộn, Lúc ấy đất trong rừng cây rất nhỏ hẹp,

以佛神力如針鋒處皆有無量諸佛。世尊及其眷屬等。 dĩ Phật Thần lực như châm phong xử giai hữu vô lượng chư Phật 。

Thế tôn cập kỳ quyến chúc đặng 。

nhưng nhờ thần lực của Phật mà mỗi chỗ đều có vô lượng chư Phật, đức Thế Tôn và các quyến thuộc

坐而食所食之物亦無差別。

tọa nhi thực sở thực chi vật diệc vô sai biệt 。

thọ dụng thức ăn đều không sai khác.

是時天人阿修羅等啼泣悲歎而作是言。

thị thời Thiên Nhơn A-tu-La đặng đề khắp bi thán nhi tác thị ngôn 。

Lúc bấy giờ trời, người, a-tu-la... buồn bã khóc than mà nói rằng:

如來今日已受我等最後供養。受供養已當般涅槃。

Như-Lai kim nhật dĩ thọ ngã đấng tối hậu cung dưỡng 。

thọ cung dưỡng dĩ đương bát Niết-Bàn 。

Hôm nay Như Lai đã thọ nhận sự cúng dường cuối cùng của chúng ta, thọ nhận xong thì sẽ nhập Niết-bàn,

我等當復更供養誰。我今永離無上調御盲無眼目。

ngã đấng đương phục canh cung dưỡng thù 。

ngã kim vĩnh ly vô thượng điều ngự manh vô nhãn mục 。

rồi chúng ta còn ai để cúng dường, chúng ta vĩnh viễn xa lìa đấng Vô thượng sư, cũng như bị mù không thấy ánh sáng.

爾時世尊為欲慰喻一切大眾。而說偈言。

nhĩ thời Thế tôn vi dục úy dụ nhất thiết Đại chúng 。 nhi thuyết kệ ngôn 。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn muốn an ủi tất cả đại chúng nên nói bài kệ rằng:

汝等莫悲歎	諸佛法應爾
nhữ đẳng mặc bi thán	chư Phật Pháp ứng nhĩ
Các người chớ đau buồn	Pháp Phật là như vậy
我入於涅槃	已經無量劫
ngã nhập ư Niết-Bàn	dĩ Kinh vô lượng kiếp
Ta nhập vào Biết-bàn	Trãi qua vô lượng kiếp
常受最勝樂	永處安隱處
thường thọ tối thắng lạc	vĩnh xử an ổn xử
Có sự vui tối thắng	Thường ở nơi an ổn
汝今至心聽	我當說涅槃
nhữ kim chí tâm thính	ngã đương thuyết Niết-Bàn
Các ông lắng tâm nghe	Ta sẽ nói Niết-bàn
我已離食想	終無飢渴患
ngã dĩ ly thực tưởng	chung vô cơ khát hoạn
Ta đã lìa ăn uống	Trọn không còn đói khát
我今當為汝	說其隨順願
ngã kim đương vi nhữ	huyết kỳ tùy thuận nguyện
Nay ta vì các ông	Mà nói nguyện tùy thuận
令諸一切眾	咸得安隱樂
lệnh chư nhất thiết chúng	hàm đắc an ổn lạc
Khiến tất cả đại chúng	đều được vui an ổn
汝聞應修行	諸佛法常住
nhữ văn ứng tu hành	chư Phật Pháp thường trụ
Các ông nên tu hành	Pháp chư Phật thường trụ
假使烏角鷄	同共一樹棲
giả sử ô giác si	đồng cộng nhất thụ tê
Giả sử chim và ngựa	Cùng ở chung một cây
猶如親兄弟	爾乃永涅槃

do như thân huynh đệ
Thân nhau như anh em
如來視一切
Như-Lai thị nhất thiết
Như Lai xem tất cả
常為眾生尊
thường vi chúng sanh tôn
Là cha lành chúng sanh
假使蛇鼠狼
giả sử xà thử lang
Giả sử rắn chuột sói
相愛如兄弟
tương ái như huynh đệ
Thân nhau như anh em
如來視一切
Như-Lai thị nhất thiết
Như Lai xem tất cả
常為眾生尊
thường vi chúng sanh tôn
Là cha lành chúng sanh
假使七葉花
giả sử thất diệp hoa
Giả sử hoa bảy cánh
迦留迦果樹
ca lưu ca quả thụ
Cây quả ca-lưu-ca
如來視一切
Như-Lai thị nhất thiết
Như Lai xem tất cả
云何捨慈悲
vân hà xả từ bi

nhĩ nãi vĩnh Niết-Bàn
Ta mới vào Niết-bàn
猶如羅睺羅
do như La-hầu-la
Đều như La-hầu-la
云何永涅槃
vân hà vĩnh Niết-Bàn
Sao ở lâu Niết-bàn
同處一穴遊
đồng xử nhất huyết du
Cùng ở chung một hang
爾乃永涅槃
nhĩ nãi vĩnh Niết-Bàn
Ta mới vào Niết-bàn
猶如羅睺羅
do như La-hầu-la
Đều như La-hầu-la
云何永涅槃
vân hà vĩnh Niết-Bàn
Sao ở lâu Niết-bàn
轉為婆師香
chuyển vi bà sư hương
Chuyển thành hương bà-sư
轉為鎮頭果
chuyển vi trấn đầu quả
Chuyển thành quả trấn đầu
猶如羅睺羅
do như La-hầu-la
Đều như La-hầu-la
永入於涅槃
vĩnh nhập ư Niết-Bàn

Sao xả bỏ từ bi
 假使一闍提
 giả sử nhất xiển đề
 Giả sử nhất xiển đề
 永處第一樂
 vĩnh xử đệ nhất lạc
 Ở lâu nơi an lạc
 如來視一切
 Như-Lai thị nhất thiết
 Như Lai xem tất cả
 何捨慈悲
 vân hà xả từ bi
 Sao xả bỏ từ bi
 假使一切眾
 giả sử nhất thiết chúng
 Giả sử tất cả chúng
 遠離諸過患
 viễn li chư quá hoạn
 Xa lìa các khổ nạn
 如來視一切
 Như-Lai thị nhất thiết
 Như Lai xm tất cả
 云何捨慈悲
 vân hà xả từ bi
 Sao xả bỏ từ bi
 假使蚊子尿
 giả sử văn tử niệu
 Giả sử nước đái muỗi
 諸山及百川
 chư sơn cập bách xuyên
 Trăm sông và núi non

Mà ở lâu Niết-bàn
 現身成佛道
 hiện thân thành Phật đạo
 Hiện thân thành Phật đạo
 爾乃入涅槃
 nhĩ nãi nhập Niết-Bàn
 Ta mới vào Niết-bàn
 皆如羅睺羅
 giai như La-hầu-la
 Đều như La-hầu-la
 永入於涅槃
 vĩnh nhập ư Niết-Bàn
 Mà ở lâu Niết-bàn
 一時成佛道
 nhất thời thành Phật đạo
 Đồng thời thành Phật đạo
 爾乃入涅槃
 nhĩ nãi nhập Niết-Bàn
 Ta mới vào Niết-bàn
 皆如羅睺羅
 giai như La-hầu-la
 Đều như La-hầu-la
 永入於涅槃
 vĩnh nhập ư Niết-Bàn
 Mà ở lâu Niết-bàn
 浸壞於大地
 tẩm hoại ư Đại địa
 Thấm ướt cả đại địa
 大海悉盈滿
 Đại hải tất doanh mãn
 Biển lớn cũng thấm đầy

若有如是事
nhược hữu như thị sự
Nếu có việc như vậy
悲心視一切
bi tâm thị nhất thiết
Đều như La-hầu-la
常為眾生尊
thường vi chúng sanh tôn
Là cha lành chúng sanh
以是故汝等
dĩ thị cố nhữ đẳng
Vì thế nên các ông
不應生憂惱
bất ứng sanh ưu não
Không nên sanh buồn khổ
若欲自正行
nhược dục tự chánh hành
Muốn thực hành chánh hạnh
當觀如是法
sẽ quán như vậy Pháp
Phải quán pháp như vậy
復應生是念
phục ứng sanh thị niệm
Lại nên suy nghĩ rằng
是則獲大護
thị tắc hoạch Đại hộ
Tức đợc sự hộ trì
是名為三寶
thị danh vi Tam Bảo
Đó gọi là Tam Bảo
聞已應歡喜

爾乃入涅槃
nhĩ nãi nhập Niết-Bàn
Ta mới vào Niết-bàn
皆如羅睺羅
giai như La-hầu-la Ta thương xót tất cả
云何永涅槃
vân hà vĩnh Niết-Bàn
Sao ở lâu Niết-bàn
應深樂正法
ưng thâm lạc chánh Pháp
Phải vui thích chánh pháp
號泣而啼哭
hiệu khắp nhi đề khóc
Khóc lóc mà rơi lệ
應修如來常
ứng tu Như-Lai thường
Tu pháp Như Lai thường
長存不變易
trường tồn bất biến dịch
Mãi mãi không biến đổi
三寶皆常住
Tam Bảo giai thường trụ
Tam bảo đều không trụ
如呪枯生菓
như chú khô sanh quả
Như cây khô sanh lá
四眾應善聽
Tứ Chúng ứng thiện thính
Bốn chúng khéo lắng nghe
即發菩提心

văn dĩ ứng hoan hỉ	tức phát bồ đề tâm
Nghe rồi nên hoan hỷ	Tức phát tâm bồ đề
若能計三寶	常住同真諦
nhược năng kế Tam Bảo	thường trụ đồng chân đế
Nếu biết rằng Tam Bảo	Thường trụ như chơn đế
此則是諸佛	最上之誓願
thử tắc thị chư Phật	tối thượng chi thệ nguyện
Đây tức là thệ nguyện	Tối thượng của chư Phật

若有比丘比丘尼優婆塞優婆夷。
nhược hữu bỉ khâu bỉ khâu ni Ưu bà tắc Ưu bà di 。
Nếu có TỠ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di
能以如來最上誓願而發願者。
năng dĩ Như-Lai tối thượng thệ nguyện nhi phát nguyện giả 。
có thể phát nguyện như thệ nguyện tối thượng của Như Lai,
當知是人無有愚癡堪受供養。
đương tri thị nhân vô hữu ngu si kham thọ cung dưỡng 。
phải biết người này không có sự ngu si, có thể nhận lãnh vật cúng dường
以此願力功德果報於世最勝如阿羅漢。
dĩ thử nguyện lực công đức quả báo ư thế tối thắng như A La Hán 。
do công đức nguyện lực này mà ở đời sẽ có quả báo tối thắng như bậc A-la-hán.
若有不能如是觀了三寶常者是旃陀羅。若有能知三寶常住實法因緣。
nhược hữu bất năng như thị quán liễu Tam Bảo thường giả thị chiêm đà la 。 nhược hữu
năng tri Tam Bảo thường trụ thật Pháp nhân duyên 。
Nếu không thể quán xét Tam Bảo là thường, thì đó là hạng chiêm đà la. Nếu có biết Tam
Bảo là thường trụ, do nhân duyên thật pháp này
離苦安樂無有燒害能留難者。
ly khổ an lạc vô hữu nhiều hại năng lưu nan giả 。
mà lìa khổ được vui, không có sự nhiều hại.
爾時人天大眾阿修羅等。聞是法已心生歡喜踊躍無量。
nhi thời nhân Thiên Đại chúng A-tu-La đảnh 。 văn thị Pháp dĩ tâm sanh hoan hỉ dũng
dược vô lượng 。

Lúc bấy giờ trời, người, a-tu-la, tất cả đại chúng nghe pháp này rồi sanh tâm hoan hỷ vui mừng vô lượng,

其心調柔善滅諸蓋心無高下。

kỳ tâm điều nhu thiện diệt chư cái tâm vô cao hạ 。

tâm được điều hoà, diệt hết sự che lấp không còn cao thấp,

威德清淨顏貌怡悅知佛常住。是故施設諸天供養。

uy đức thanh tịnh nhan mạo di duyệt tri Phật thường trụ 。

thị cố thí thiết chư Thiên cung dưỡng 。

oai đức thanh tịnh, dung mạo vui vẻ, biết pháp thường trụ, cho nên sắp bày các thứ cúng dường,

散種種花末香塗香。鼓天伎樂以供養佛。

tán chủng chủng hoa mật hương đồ hương 。

cổ Thiên kĩ nhạc dĩ cung dưỡng Phật 。

rải các thứ hoa, hương bột, hương xoa, trỗi các nhạc trời để cúng dường Phật.

爾時佛告迦葉菩薩言。善男子汝見是眾希有事不。迦葉答言。

nhĩ thời Phật cáo ca diệp Bồ Tát ngôn 。

thiện nam tử nhữ kiến thị chúng hi hữu sự bất 。

ca diệp đáp ngôn 。

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Thiện nam tử, ông thấy việc hy hữu này chăng? Ca-diếp thưa:

已見世尊。見諸如來無量無邊不可稱計。

dĩ kiến Thế tôn 。

kiến chư Như-Lai vô lượng vô biên bất khả xưng kể 。

Bạch Thế Tôn, đã thấy, thấy có vô lượng vô biên Như Lai không thể tính kể,

受諸大眾人天所奉飯食供養。

thọ chư Đại chúng nhân Thiên sở phụng phạn thực cung dưỡng 。

đang thọ nhận thức ăn của trời, người cúng dường,

又見諸佛其身殊大。所坐之處如一針鋒。

hựu kiến chư Phật kỳ thân xu Đại 。

sở tọa chi xử như nhất châm phong 。

lại thấy thân Phật cao lớn vi diệu, các toà ngồi như mũi nhọn,

多眾圍遶不相障礙。復見大眾悉發誓願說十三偈。

đa chúng vi nhiều bất tương chướng ngại 。

phục kiến Đại chúng tất phát thệ nguyện thuyết thập tam kệ 。

mà có nhiều chúng vây quanh , lại thấy đại chúng phát thệ nguyện nói mười ba bài kệ,

亦知大眾各心念言。如來今者獨受我供。

diệc tri Đại chúng các tâm niệm ngôn 。 Như-Lai kim giả độc thọ ngã cung 。

cũng biết tâm niệm đại chúng đang nghĩ rằng: Nay Như Lai riêng thọ sự cúng dường của ta,

假使純陀所奉飯食碎如微塵一塵一佛猶不周遍。

giả sử Thuần đà sở phụng phạn thực toái như vi trần nhất trần nhất Phật do bất châu biến 。

giả sử thức ăn của Thuần Đà dâng cúng đem nghiền nát như bụi nhỏ, cứ một hột bụi nhỏ cúng một đức Phật cũng không thể đủ khắp,

以佛神力悉皆充足一切大眾。唯諸菩薩摩訶薩。

dĩ Phật Thần lực tất giai sung túc nhất thiết Đại chúng 。

nhưng do thần lực của Phật mà đều đầy đủ. Chỉ có Bồ-ta-ma-ha-tát

及文殊師利法王子等。能知如是希有事耳。

cập Văn-thù-sư-lợi Pháp-Vương-Tử đẳng 。

năng tri như thị hi hữu sự nhĩ 。

và văn-thù-sư-lợi-pháp-vương-tử... mới có thể biết việc hy hữu này mà thôi,

悉是如來方便示現。聲聞大眾及阿修羅等。

tất thị Như-Lai phương tiện thị hiện 。

Thanh văn Đại chúng cập A-tu-La đẳng 。

tất cả đều là phương tiện thị hiện của Như Lai, tất cả chúng Thanh văn và a-tu-la...

皆知如來是常住法。爾時世尊告純陀言。

giai tri Như-Lai thị thường trụ Pháp 。

nhĩ thời Thế tôn cáo Thuần đà ngôn 。

đều biết Như Lai là pháp thường trụ. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Thuần Đà rằng:

汝今所見為是希有奇特事不。實爾世尊。

nữ kim sở kiến vi thị hi hữu kì đặc sự bất 。

thật nhĩ Thế tôn 。

Nay ông có thể thấy việc hy hữu này chẳng? Thuần Đà thưa: Bạch Thế Tôn, đã thấy,我先所見無量諸佛三十二相八十種好莊嚴其身。

ngã tiên sở kiến vô lượng chư Phật tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo trang nghiêm kỳ thân 。

trước tiên con thấy vô lượng chư Phật với ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân,

今悉見為菩薩摩訶薩體貌傀異殊大殊妙。

kim tất kiến vi Bồ Tát Ma-Ha tát thể mạo khôị dị xu Đại thù diệu 。

nay thấy các Bồ-tát-ma-ha-tát tướng mạo vi diệu đẹp đẽ,
唯見佛身喻如藥樹為諸菩薩摩訶薩等之所圍遶。佛告純陀。
duy kiến Phật thân dụ như dược thụ vi chư Bồ Tát Ma-Ha tát đẳng chi sở vi nhiều 。 Phật
cáo Thuần đà 。
thấy thân Phật như cây lá có các Bồ-tát-ma-ha-tát vây quanh, Phật dạy : Thuần Đà,
汝先所見無量佛者是我所化。為欲利益一切眾生令得歡喜。
nhữ tiên sở kiến vô lượng Phật giả thị ngã sở hóa 。 vì dục lợi ích nhất thiết chúng sanh
lệnh đắc hoan hỷ 。
trước đó ông thấy vô lượng Phật là do ta biến hoá, vì muốn lợi ích cho tất cả chúng sanh
khiến được hoan hỷ,
如是菩薩摩訶薩等所可修行不可思議。
như thị Bồ Tát Ma-Ha tát đẳng sở khả tu hành bất khả tư nghị 。
như vậy chỗ tu hành của Bồ-tát-ma-ha-tát là không thể nghĩ bàn,
能作無量諸佛之事。純陀。
năng tác vô lượng chư Phật chi sự 。 Thuần đà 。
có thể làm việc của vô lượng chư Phật. Thuần Đà,
汝今皆已成就菩薩摩訶薩行得住十地。菩薩所行具足成辦。
nhữ kim giai dĩ thành tựu Bồ Tát Ma-Ha tát hành đắc trụ thập địa 。 Bồ Tát sở hạnh cụ túc
thành bạn 。
Nay ông đã thành tựu hạnh Bồ-tát-ma-ha-tát, được trụ nơi hàng thập địa, đầy đủ hạnh Bồ-
tát.
迦葉菩薩白佛言。世尊。如是如是如佛所說。
ca diệp Bồ Tát bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 như thị như thị như Phật sở thuyết 。
Bồ-tát Ca-Diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Đúng thế đúng thế như lời Phật dạy,
純陀。所修成菩薩行我亦隨喜。
Thuần đà 。 sở tu thành Bồ Tát hành ngã diệp tùy hỷ 。
Thuần Đà tu tập thành tựu hạnh Bồ-tát, con cũng tùy hỷ,
今者如來欲為未來無量眾生作大明故。
kim giả Như-Lai dục vi vị lai vô lượng chúng sanh tác Đại minh cố 。
Nay Như Lai vì muốn làm ngọn đèn lớn cho vô lượng chúng sanh ở đời vị lai,
說是大乘大涅槃經。世尊。一切契經說有餘義無餘義耶。

thuyết thị Đại thừa Đại Niết bàn Kinh 。 Thế tôn 。 nhất thiết kế Kinh thuyết hữu dư nghĩa vô dư nghĩa da 。

cho nên thuyết kinh đại thừa Niết-bàn này. Bạch Thế Tôn, tất cả kế kinh của đức Phật thuyết có nghĩa khác hay không có nghĩa khác?

善男子。我所說者亦有餘義亦無餘義。

thiện nam tử 。 ngã sở thuyết giả diệc hữu dư nghĩa diệc vô dư nghĩa 。

Thiện nam tử, các kinh của ta giảng cũng có nghĩa khác cũng không có nghĩa khác.

純陀白佛言。世尊。如佛所說。

Thuần đà bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 như Phật sở thuyết 。

Thuần Đà bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy,

所有之物布施一切唯可讚歎

sở hữu chi vật bố thí nhất thiết duy khả tán thán

vật đang hiện có, bố thí tất cả, thật đáng khen ngợi

無可虧損

vô khả khuy tổn

không thể tổn giảm.

世尊是義云何。持戒毀戒有何差別。佛言。

Thế tôn thị nghĩa vân hà 。 trì giới hủy giới hữu hà sai biệt 。

Bạch Thế Tôn nghĩa ấy là thế nào? Trì giới hay hủy giới có gì sai biệt? Phật dạy:

唯除一人。餘一切施皆可讚歎。純陀問言。

duy trừ nhất nhân 。

Chỉ trừ một người, còn tất cả bố thí đều có thể khen ngợi. Thuần đà thưa:

云何名為唯除一人。佛言。

vân hà danh vi duy trừ nhất nhân 。

Thế nào gọi là chỉ trừ một người? Phật dạy:

如此經中所說破戒。純陀復言。我今未解。唯願說之。佛言。

như thử Kinh trung sở thuyết phá giới 。

như thử Kinh trung sở thuyết phá giới 。

Như trong kinh này nói phá giới. Thuần Đà lại thưa: Nay con chưa hiểu, xin Phật thuyết

giảng. Phật dạy:

純陀言。破戒者謂一闍提。

Thuần đà ngôn 。 phá giới giả vị nhất xiển đề 。

Thuần Đà thưa, người phá giới gọi là nhất xiển đề,

其餘在所一切布施皆可讚歎獲大果報。純陀復問。

kỳ dư tại sở nhất thiết bố thí giai khả tán thán hoạch Đại quả báo 。

Thuần đà phục vấn 。

còn tất cả khi bố thí đều đáng khen ngợi, được quả báo lớn, Thuần Đà lại thưa:

一闍提者其義云何。佛言。純陀。

nhất xiển đề giả kỳ nghĩa vân hà 。

Phật ngôn 。

Thuần đà 。

Nhất xiển đề nghĩa là thế nào? Phật dạy: Thuần Đà!

若有比丘及比丘尼優婆塞優婆夷。發麤惡言誹謗正法。

nhược hữu bỉ khâu cập bỉ khâu ni Ưu bà tất Ưu bà di 。

phát thô ác ngôn phi báng chánh Pháp 。

Nếu các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, ưu-bà-tất, ưu-bà-di, nói lời thô ác phi báng chánh pháp,

造是重業永不改悔心無慚愧。

tạo thị trọng nghiệp vĩnh bất cải hối tâm vô tầm quý 。

như thị đẳng nhân danh vi thú hướng nhất xiển đề đạo 。

nhược phạm tứ trọng tác ngũ nghịch tội tự tri định phạm 。

hạng người như vậy gọi là đi đến con đường nhất-xiển-đề, như phạm bốn tội nặng , năm

tội ngũ nghịch, tự biết nhất định phạm,

如是重事而心初無怖畏慚愧不肯發露。

như thị trọng sự nhi tâm sơ vô bố úy tầm quý bất khểng phát lộ 。

các tội nặng như vậy mà tâm không sợ hãi, không xấu hổ, không chịu phát lồ

於佛正法永無護惜建立之心。

ư Phật chánh Pháp vĩnh vô hộ tích kiến lập chi tâm 。

đối với chánh pháp của Phật vĩnh viễn không có tâm ủng hộ kiến lập,

毀些輕賤言多過咎。如是等人亦名趣向一闍提道。

hủy 些 khinh tiện ngôn đa quá cữu 。

若復說言無佛法僧。如是等人亦名趣向一闍提道。

nhược phục thuyết ngôn vô Phật Pháp tăng 。 như thị đẳng nhân diệc danh thú hướng nhất xiển đề đạo 。

Nếu nói rằng không có Phật pháp tăng, hạng người như vậy cũng gọi là hướng đến con đường nhất-xiển-đề,

唯除如此一闍提輩。施其餘者一切讚歎。

duy trừ như thử nhất xiển đề bối 。 thí kỳ dư giả nhất thiết tán tán 。

chỉ có hạng nhất-xiển-đề này, còn tất cả bối thí đều đáng khen ngợi 。

爾時純陀復白佛言。世尊。

nhĩ thời Thuần đà phục bạch Phật ngôn 。

Lúc bấy giờ Thuần Đà bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

所言破戒其義云何。答言。純陀。

sở ngôn phá giới kỳ nghĩa vân hà 。

Nói phá giới có nghĩa như thế nào? Phật dạy, Thuần Đà:

若犯四重及五逆罪誹謗正法。如是等人名為破戒。純陀復問。

nhược phạm tứ trọng cập ngũ nghịch tội phỉ báng chánh Pháp 。

Nếu phạm bốn tội nặng và năm tội ngũ nghịch, phỉ báng chánh Pháp, hạng người như vậy gọi là phá giới. Thuần Đà lại thưa:

如是破戒可拔濟不。答言。純陀。

như thị phá giới khả bạt tế bất 。

Hạng phá giới như vậy có thể cứu vớt được không? Phật dạy, Thuần Đà:

有因緣故則可拔濟。若被法服猶未捨遠。

hữu nhân duyên cố tắc khả bạt tế 。

Nếu có nhân duyên có thể cứu vớt, nếu người xuất gia mà phạm giới

其心常懷慚愧恐怖而自考責。咄哉何為犯斯重罪。

kỳ tâm thường hoài tâm quý khủng phổ nhi tự khảo trách 。

nhưng trong tâm thường xấu hổ tự trách, nghĩ rằng sao ta phạm tội nặng này,

何期怪哉造斯苦業。其心改悔生護法心欲建正法。

hà kỳ quái tai tạo tư khổ nghiệp 。 kỳ tâm cải hối sanh hộ Pháp tâm dục kiến chánh Pháp
。

trách mình đã tạo nghiệp khổ nên trong tâm hối hận sửa đổi, khởi lên ủng hộ xây dựng
chánh pháp,

有護法者我當供養。

hữu hộ Pháp giả ngã đương cung dưỡng 。

người nào ủng hộ Phật pháp thì ta sẽ ủng hộ,

若有讀誦大乘典者我當諮問。受持讀誦既通利已。

nhược hữu độc tụng Đại thừa điển giả ngã đương ti vấn 。

thọ trì độc tụng ký thông lợi dĩ
。

nếu có người đọc tụng kinh điển đại thừa thì ta sẽ đến thưa hỏi, rồi thọ trì đọc tụng cho
thông suốt,

復當為他分別廣說。我說是人不為破戒。何以故。善男子。

phục đương vi tha phân biệt quảng thuyết 。

ngã thuyết thị nhân bất vi phá giới 。

hà dĩ cố
。

thiện nam tử 。

sau sẽ vì người khác phân biệt giảng nói. Hạnh người như vậy thì ta không gọi là phá giới,
tại vì sao? Thiện nam tử!

譬如日出能除一切塵翳闇冥。

thí như nhật xuất năng trừ nhất thiết trần ế ám minh 。

Thí như mặt trời mọc có thể xua tan sự tối tăm,

是大涅槃微妙經典出興於世亦復如是。

thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển xuất hưng ư thế diệt phục như thị 。

Kinh Đại-bát-niết-bàn xuất hiện ở đời cũng lại như vậy,

能除眾生無量劫中所作眾罪。

năng trừ chúng sanh vô lượng kiếp trung sở tác chúng tội 。

có thể diệt trừ các tội của chúng sanh trong vô lượng kiếp,

是故此經說護正法得大果報拔濟破戒。若有毀謗是正法者。

thị cố thử Kinh thuyết hộ chánh Pháp đắc Đại quả báo bạt tế phá giới 。

nhược hữu hủy
báng thị chánh Pháp giả 。

cho nên nói kinh này ủng hộ chánh pháp, cứu vớt người phá giới thì đắc quả báo lớn. Nếu
có người hủy báng chánh pháp,

能自改悔還歸於法。自念所作一切不善。

năng tự cải hối hoàn quy ư Pháp 。 tự niệm sở tác nhất thiết bất thiện 。

mà có thể sửa đổi sám hối quy y Phật pháp tăng, tự nghĩ tất cả những việc mình làm là bất thiện,

如人自害心生恐怖驚懼慚愧。除此正法更無救護。

như nhân tự hại tâm sanh khủng phố kinh cụ tầm quý 。

trừ thử chánh Pháp canh vô cứu hộ 。

như người bị hại tâm sanh kinh hãi, sợ sệt, xấu hổ, ngoài chánh pháp ra thì có thể cứu vớt,

是故應當還歸正法。

thị cố ứng đương hoàn quy chánh Pháp 。

cho nên quay về nương tựa chánh pháp,

若能如是如說歸依布施是人得福無量。亦名世間應受供養。

nhược năng như thị như thuyết quy y bố thí thị nhân đắc phúc vô lượng 。

diệc danh thế gian ứng thọ cung dưỡng 。

nếu có thể quy y như vậy , người này bố thí sẽ có vô lượng phước, cũng gọi là đáng thọ nhận sự cúng dường của thế gian.

若犯如上惡業之罪。若經一月或十五日。

nhược phạm như thượng ác nghiệp chi tội 。

nhược Kinh nhất nguyệt hoặc thập ngũ nhật 。

Nếu phạm tội ác như trên, mà trải qua một tháng hay nửa tháng,

不生歸依發露之心。若施是人果報甚少。

bất sanh quy y phát lộ chi tâm 。

nhược thí thị nhân quả báo thậm thiếu 。

không sanh tâm quy y phát lồ, người như vậy khi bố thí có quả báo rất ít,

犯五逆者亦復如是。能生悔心內懷慚愧。

phạm ngũ nghịch giả diệc phục như thị 。

năng sanh hối tâm nội hoài tầm quý 。

phạm ngũ nghịch cũng lại như vậy, có thể sanh tâm hối hận xấu hổ nghĩ rằng:

今我所作不善之業甚為大苦。我當建立護持正法。

kim ngã sở tác bất thiện chi nghiệp thậm vi Đại khổ 。

ngã đương kiến lập hộ trì chánh Pháp 。

Nay ta tạo nghiệp bất thiện thật là khổ lớn, ta phải xây dựng hộ trì chánh pháp,

是則不名五逆罪也。若施是人得福無量。

thị tác bất danh ngũ nghịch tội dã 。 nhược thí thị nhân đắc phúc vô lượng 。

đây không gọi là tạo tội ngũ nghịch, nếu người này bố thí sẽ được phước đức vô lượng, 犯逆罪已不生護法歸依之心。有施是者福不足言。

phạm nghịch tội dĩ bất sanh hộ Pháp quy y chi tâm 。

hữu thí thị giả phúc bất túc ngôn 。

又善男子。犯重罪者。汝今諦聽。

hựu thiện nam tử 。

phạm trọng tội giả 。

nhữ kim đế thính 。

Lại nữa thiện nam tử! có người phạm tội nặng, nay ông khéo lắng nghe,

我當為汝分別廣說。應生是心。謂正法者。

ngã đương vi nhữ phân biệt quảng thuyết 。

ứng sanh thị tâm 。

vị chánh Pháp giả 。

ta sẽ vì ông mà phân biệt rộng nói, phải nên khởi tâm này, chánh pháp

即是如來微密之藏。是故我當護持建立。施是人者得勝果報。

tức thị Như-Lai vi mật chi tạng 。

thị cố ngã đương hộ trì kiến lập 。

thí thị nhân giả đắc thắng quả báo 。

tức là tạng bí mật vi diệu của Như Lai, cho nên ta phải hộ trì xây dựng, người này nếu bố

thí sẽ được quả báo thù thắng。

善男子。

thiện nam tử 。

Thiện nam tử!

譬如女人懷妊垂產值國荒亂逃至他土。在一天廟即便生產。

thí như nữ nhân hoài nhâm thụý sản trị quốc hoang loạn đào chí tha độ 。

giữa đường gặp nước sông chảy xiết, vì bồng con nhỏ nên không thể bơi qua được, bèn tự nghĩ rằng:

我今寧與一處併命終。不捨棄而獨渡也。

ngã kim ninh dĩ nhất xử 併 mạng chung 。 bất xả khí nhi độc độ dã 。

Nay ta thà cùng con chết chung một chỗ, chứ không bỏ con mà vượt sông một mình, 念已母子俱共沒命。命終之後尋生天中。

niệm dĩ mẫu tử câu cộng một mạng 。 mạng chung chi hậu tầm sanh Thiên trung 。

nghĩ vậy rồi mẹ cùng con chết. Sau khi chết được sanh cõi trời,

以慈念子欲令得渡。而是女人本性弊惡。

dĩ từ niệm tử dục lệnh đắc độ 。 nhi thị nữ nhân bốn tánh tệ ác 。

vì lòng thương xót con muốn được vượt qua, tuy người nữ này bản tính xấu ác,

以愛子故得生天中。犯四重禁五無間罪。

dĩ ái tử cố đắc sanh Thiên trung 。 phạm tứ trọng cấm ngũ vô gián tội 。

nhưng vì lòng thương con nên được sanh cõi trời. Người phạm bốn tội nặng năm tội vô gián

生護法心亦復如是。雖復先為不善之業。

sanh hộ Pháp tâm diệt phục như thị 。

nếu sanh tâm ủng hộ chánh pháp cũng lại như vậy, tuy trước đây có tạo nghiệp bất thiện,

以護法故得為世間無上福田。是護法者有如是等無量果報。

dĩ hộ Pháp cố đắc vi thế gian vô thượng phúc điền 。

nhưng do tâm ủng hộ chánh pháp nên tạo được ruộng phước thế gian, người ủng hộ chánh pháp như vậy sẽ có vô lượng quả báo.

純陀復言。世尊。若一闍提能自改悔。

Thuần đà phục ngôn 。

Thuần Đà lại thưa: Bạch Thế Tôn! Nếu một người xiển đề có thể tự sửa đổi hối hận, 恭敬供養讚歎三寶。施如是人得大果報不。佛言。

cung kính cung dưỡng tán thán Tam Bảo 。

thí như thị nhân đắc Đại quả báo bất 。

善男子。汝今不應作如是說。善男子。

thiện nam tử 。 nữ kim bất ứng tác như thị thuyết 。 thiện nam tử 。

Thiện nam tử! Nay ông không nên nói lời như vậy. Thiện nam tử,

譬如有人食菴羅果吐核置地。而復念言。

thí như hữu nhân thực am la quả thổ hạch trí địa 。 nhi phục niệm ngôn 。

thí như có người ăn quả am-la rồi nhổ ra hạt trên đất, lại suy nghĩ rằng:

是菓核中應有甘味。即復還取破而嘗之。

thị quả hạch trung ứng hữu cam vị 。

tức phục hoàn thủ phá nhi thường chi 。

trong hạt này nên có vị ngọt,sau đó bèn lấy lên đập ra mà nếm thử,

其味極苦。心生悔恨。恐失菓種即還收拾。

kỳ vị cực khổ 。

tâm sanh hối hận 。

khủng thất quả chủng tức hoàn thu thập 。

nhưng mùi vị rất đắng, nên sanh tâm hối hận sợ mất hạt giống quả liền nhặt lại

種之於地勤加修治。以蘇油乳隨時溉灌。於意云何。

寧可生不。不也世尊。

ninh khả sanh bất 。

bất dã Thế tôn 。

có thể sống được không? Thừa Thế Tôn không thể được,

假使天降無上甘雨猶亦不生。善男子。彼一闍提亦復如是。

giả sử Thiên hàng vô thượng cam vũ do diệc bất sanh 。

thiện nam tử 。

bỉ nhất xiển đề

diệc phục như thị 。

giả sử trời mưa một trận mưa rất lớn cũng không thể sống được. Thiện nam tử, người nhất

xiển đề cũng lại như vậy

燒然善根。當於何處而得除罪。善男子。

thiêu nhiên thiện căn 。

đương ư hà xử nhi đắc trừ tội 。

thiện nam tử 。

đã thiêu đốt các căn lành , thì lấy gì mà trừ được tội? Thiện nam tử,

若生善心是則不名一闍提也。善男子。以是義故。

nhược sanh thiện tâm thị tác bất danh nhất xiển đề dã 。

thiện nam tử 。

dĩ thị nghĩa cố 。

nếu sanh tâm lành thì không gọi là nhất xiển đề. Thiện nam tử, do nghĩa này nên

一切所施所得果報非無差別。何以故。

nhất thiết sở thí sở đắc quả báo phi vô sai biệt 。 hà dĩ cố 。

tất cả sự bố thí đều có quả báo sai khác. Tại vì sao?

施諸聲聞所得報異。施辟支佛得報亦異。

thí chư Thanh văn sở đắc báo dị 。 thí Bích-chi-phật đắc báo diệt dị 。

như bố thí cho Thanh văn được quả báo khác, bố thí cho Bích-chi-phật có quả báo cũng khác,

唯施如來獲無上果。是故說言一切所施非無差別。

duy thí Như-Lai hoạch vô thượng quả 。 thí cố thuyết ngôn nhất thiết sở thí phi vô sai biệt 。

chỉ có cúng dường Như Lai thì được quả báo vô thượng. Cho nên nói tất cả sự bố thí đều có sai khác.

純陀復言。何故如來而說此偈。佛言。純陀。

Thuần đà phục ngôn 。 hà cố Như-Lai nhi thuyết thử kệ 。 Phật ngôn 。 Thuần đà 。

Thuần Đà lại thưa: Vì sao Như Lai nói kệ ấy? Phật dạy: Thuần Đà,

有因緣故我說此偈。王舍城中有優婆塞。

hữu nhân duyên cố ngã thuyết thử kệ 。 Vương xá thành trung hữu Ưu bà tặc 。

Vì có nhân duyên cho nên Ta nói kệ, trong thành Vương-xá có vị ưu-bà-tặc

心無淨信奉事尼犍。而來問我布施之義。

tâm vô tịnh tín phụng sự ni kiền 。 nhi lai vấn ngã bố thí chi nghĩa 。

không có lòng tin thanh tịnh, phụng sự ngoại đạo Ni-kiền, mà hỏi Ta về ý nghĩa bố thí ,
以是因緣故說斯偈。

dĩ thí nhân duyên cố thuyết tư kệ 。

do nhân duyên ấy cho nên ta nói kệ này.

亦為菩薩摩訶薩等說祕蜜藏義。如斯偈者其義云何。

diệc vi Bồ Tát Ma-Ha tát đẳng thuyết bí mật tạng nghĩa 。 như tư kệ giả kỳ nghĩa vân hà 。

cũng vì Bồ-tát-ma-ha-tát mà nói ý nghĩa tạng bí mật. Như bài kệ đây ý nghĩa như thế nào?

一切者少分一切。當知菩薩摩訶薩人中之雄。

nhất thiết giả thiểu phân nhất thiết 。 đương tri Bồ Tát Ma-Ha tát nhân trung chi hùng 。

Nói tất cả tức là ít phần trong tất cả, phải biết Ma-ha-tát là bậc cao quý trong loài người,

攝取持戒施其所須。捨棄破戒如除稊稗。

nhiếp thủ trì giới thí kỳ sở tu 。 xả khí phá giới như trừ đề bại 。

giữ gìn giới cấm, bổ thí cho người, xa lìa kẻ phá giới như trừ cỏ dại.

復次善男子。如我昔日所說偈言。

phục thứ thiện nam tử 。 như ngã tích nhật sở thuyết kệ ngôn 。

Lại nữa Thiện nam tử! Như trước đây ta nói bài kệ này:

一切江河	必有迴曲	一切叢林
Nhất thiết giang hà	Tất hữu hồi khúc	Nhất thiết tùng lâm
Tất cả sông biển	Ắt có quanh co	Tất cả rừng cây
必名樹木	一切女人	必懷諂曲
tất danh thụ mộc	Nhất thiết nữ nhân	Tất hoài siểm khúc
Cây tất có tên	Tất cả người nữ	Ắt có dua nịnh
一切自在	必受安樂	
Nhất thiết tự-tại	Tất thọ an lạc	
Các cõi tự tại	Ắt có an lạc	

爾時文殊師利菩薩摩訶薩。即從座起。

nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi Bồ Tát Ma-Ha tát 。

Lúc Bấy giờ đại Bồ-tát-văn-thù-sư-lợi liền từ chỗ ngồi đứng dậy

偏袒右臂右膝著地。前禮佛足而說偈言。

Thiên đản hữu tý hữu tất trừ địa 。

trịch áo bày vai hữu , gối hữu chấm đất, đánh lễ dưới chân Phật mà nói bài kệ rằng:

非一切河	必有迴曲	非一切林
phi nhất thiết hà	tất hữu hồi khúc	phi nhất thiết lâm
Chẳng phải tất cả sông	Ắt có khúc quanh co	Chẳng phải tất cả rừng
悉名樹木	非一切女	必懷諂曲
tất danh thụ mộc	phi nhất thiết nữ	tất hoài siểm khúc
Đều có tên cây cỏ	Chẳng phải các người nữ	Ắt có tâm dua nịnh
一切自在	不必受樂	
nhất thiết tự-tại	bất tất thọ lạc	
Tất cả cõi tự tại	Bất hẳn thọ điều vui	

佛所說偈其義有餘。唯垂哀愍說其因緣。

Phật sở thuyết kệ kỳ nghĩa hữu dư。 duy thùy ai mẫn thuyết kỳ nhân duyên 。

Bài kệ Phật thuyết ắt có nghĩa khác, xin Phật thương xót nói về nhân duyên,

何以故。世尊。

hà dĩ cố 。 Thế tôn 。

Tại vì sao? Bạch Thế Tôn,

於此三千大千世界有渚名拘耶尼。其渚有河端直不曲名娑婆耶。

ư thử tam Thiên Đại Thiên thế giới hữu chử danh câu da ni 。 kỳ chử hữu hà đoạn trực bất khúc danh Sa Bà da 。

nơi ba ngàn đại thiên thế giới này có bãi đất nhỏ tên là câu-da-ni, nơi ấy có đầu sông chảy thẳng không quanh co tên là Sa-bà-da,

喻如繩墨直入西海。如是河相於餘經中佛未曾說。

dụ như thẳng mặc trực nhập Tây hải 。 như thị hà tướng ư dư Kinh trung Phật vị tăng thuyết 。

giống như sợi dây thẳng tắp, sông ấy chảy vào biển phía Tây mà trong các kinh Phật chưa từng nói đến sông như vậy,

唯願如來。因此方等阿含經中說有餘義。

duy nguyện Như-Lai 。 nhân thử phương đẳng a hàm Kinh trung thuyết hữu dư nghĩa 。

xin nguyện đức Như Lai nhân nơi kinh A-hàm , Phương-đẳng nói có nghĩa khác,

令諸菩薩深解是義。世尊。

lệnh chư Bồ Tát thâm giải thị nghĩa 。

Thế tôn 。

khiến các Bồ-tát hiểu sâu ý nghĩa này. Bạch Thế Tôn!

譬如有人先識金鑛後不識金。如來亦爾。

thí như hữu nhân tiên thức kim khoáng hậu bất thức kim 。

Như-Lai diệt nhĩ 。

Thí như có người trước biết mỏ vàng sau đó không biết, Như Lai cũng vậy,

盡知法已而所演說有餘不盡。

盡知法已而所演說有餘不盡。

tận tri Pháp dĩ nhi sở diễn thuyết hữu dư bất tận 。

biết hết tất cả pháp rồi mà chỗ diễn thuyết có chỗ còn lại,

如來雖作如是餘說應當方便解其意趣。一切叢林必是樹木。是亦有餘。

Như-Lai tuy tác như thị dư thuyết ứng đương phương tiện giải kỳ ý thú 。

nhất thiết tùng lâm tất thị thụ mộc 。

thị diệt hữu dư 。

Như Lai tuy thuyết giảng như vậy mà phải dùng phương tiện giải thích ý nghĩa. Tất cả rừng cây ắt sẽ có tên cây, đây cũng có ngoại trừ.

何以故。種種金銀琉璃寶樹。是亦名林。

hà dĩ cố 。 chủng chủng kim ngân lưu ly bảo thụ 。 thị diệc danh lâm 。

Tại vì sao? Các cây báu, vàng, bạc, lưu ly cùng có tên là rừng.

一切女人必懷諂曲。是亦有餘。何以故。

nhất thiết nữ nhân tất hoài siểm khúc 。 thị diệc hữu dư 。 hà dĩ cố 。

tất cả người nữ ắt có dua nịnh, đây cũng có ngoại trừ. Tại vì sao?

亦有女人善持禁戒。功德成就有大慈悲。

diệc hữu nữ nhân thiện trì cấm giới 。 công đức thành tựu hữu Đại từ bi 。

cũng có người nữ khéo giữ gìn giới cấm, thành tựu công đức, có đại từ bi.

一切自在必受樂者。是亦有餘。何以故。

nhất thiết tự-tại tất thọ lạc giả 。 thị diệc hữu dư 。 hà dĩ cố 。

Các cõi tự tại ắt có an lạc, đây cũng có ngoại trừ. Tại vì sao?

有自在者轉輪聖帝。如來法王不屬死魔不可滅盡。

hữu tự-tại giả chuyển luân Thánh đế 。 Như-Lai Pháp Vương bất chúc tử ma bất khả diệt tận 。

có cõi tự tại của chuyển luân thánh vương, của Như Lai pháp vương thì không thuộc về tử ma, không thể diệt tận,

梵釋諸天雖得自在悉是無常。

phạm thích chư Thiên tuy đắc tự-tại tất thị vô thường 。

còn cõi của Phạm thiên, Đế thích, chư thiên tuy được tự tại nhưng đều vô thường,

若得常住無變易者乃名自在。所謂大乘大般涅槃。佛言。

nhược đắc thường trụ vô biến dịch giả nãi danh tự-tại 。 sở vị Đại thừa Đại bát Niết bàn 。

Phật ngôn 。

nếu được thường trụ không biến đổi mới gọi là tự tại, đó gọi là Đại thừa Đại Bát-niết-bàn.

Phật dạy:

善男子。汝今善得樂說之辯。且止諦聽。

thiện nam tử 。 nữ kim thiện đắc lạc thuyết chi biện 。

Thiện nam tử! Nay ông thật khéo phân tích thuyết giảng, nhưng hãy tạm dừng mà lắng nghe.

文殊師利。譬如長者身嬰病苦。良醫診之為合膏藥。

Văn-thù-sư-lợi 。 thí như Trưởng-Giả thân anh bệnh khổ 。

Văn-thù-sư-lợi, thí như có trường giả thân mang bệnh nặng, thấy thuốc khám bệnh rồi cho thuốc,

是時病者貪欲多服。醫語之言。

thị thời bệnh giả tham dục đa phục 。 y ngữ chi ngôn 。

lúc ấy người bệnh muốn uống nhiều thuốc, lương y bảo rằng:

若能消者則可多服。汝今體羸不應多服。

nhược năng tiêu giả tắc khả đa phục 。 nhữ kim thể luy bất ứng đa phục 。

Nếu thuốc có thể tiêu hết thì mới được uống nhiều, nay ông thân thể gầy kém không nên uống nhiều thuốc,

當知是膏亦名甘露亦名毒藥。若多服不消則名為毒。

đương tri thị cao diệp danh cam lộ diệp danh độc dược 。

nhược đa phục bất tiêu tắc danh vi độc 。

phải biết thuốc này cũng gọi là cam lồ, cũng gọi là độc dược, nếu uống nhiều mà không tiêu thì gọi là độc dược,

善男子。

thiện nam tử 。

Thiện nam tử!

汝今勿謂是醫所說違失義理喪膏力勢。善男子。如來亦爾。

nhữ kim vật vị thị y sở thuyết vi thất nghĩa lý tang cao lực thế 。

thiện nam tử 。

Như-Lai diệp nhĩ 。

Nay ông chớ cho rằng lời thầy thuốc nói là trái với nghĩa lý, mất lực dụng của thuốc. Thiện nam tử, Như Lai cũng như vậy.

為諸國王后妃太子王子大臣。

vi chư Quốc Vương hậu phi Thái-Tử Vương tử Đại Thần 。

vì các quốc vương, hoàn hậu, thái tử, vương tử, đại thần,

因波斯匿王王子后妃憍慢心故。為欲調伏示現恐怖如彼良醫。

nhân Ba tư nặc Vương Vương tử hậu phi kiêu mạn tâm cố 。

vi dục điều phục thị hiện khủng phố như bỉ lương y 。

do hoàn hậu, vương tử vua Ba-tư-nặc có tâm kiêu mạn, vì muốn điều phục họ nên thị hiện sự đe dọa như một thầy thuốc kia,

故說偈言。

cổ thuyết kệ ngôn 。

cho nên nói bài kệ rằng:

一切江河	必有迴曲	一切叢林
nhất thiết giang hà	tất hữu hồi khúc	nhất thiết tùng lâm
Tất cả sông biển	Ắt có quanh co	Tất cả rừng cây
必名樹木	一切女人	必懷諂曲
tất danh thụ mộc	nhất thiết nữ nhân	tất hoài siểm khúc
Ắt có tên cây	Tất cả người nữ	Ắt có dua nịnh
一切自在	必受安樂	
nhất thiết tự-tại	tất thọ an lạc	
Các cõi tự tại	Ắt có an lạc	

文殊師利。汝今當知。如來所說無有漏失。

Văn-thù-sư-lợi 。

nhữ kim đương tri 。

Như-Lai sở thuyết vô hữu lậu thất 。

Văn-thù-sư-lợi! Nay ông phải biết, Như Lai thuyết giảng là không sai sót,
如此大地可令反覆。如來之言終無漏失。

như thử Đại địa khả lệnh phản phúc 。

Như-Lai chi ngôn chung vô lậu thất 。

như đại địa có thể khiến lật ngược, mà lời Như Lai dạy trọn không sai sót.

以是義故如來所說一切有餘。

dĩ thị nghĩa cố Như-Lai sở thuyết nhất thiết hữu dư 。

Do vậy nên Như Lai thuyết giảng tất cả đều có ngoại trừ,

爾時佛讚文殊師利。善哉善哉。善男子。

nhĩ thời Phật tán Văn-thù-sư-lợi 。

Thiện tai Thiện tai 。

thiện nam tử 。

Lúc bấy giờ đức Phật khen Văn-thù-sư-lợi. Lành thay, lành thay thiện nam tử!

汝已久知如是之義。愍哀一切欲令眾生得智慧故。

nhữ dĩ cửu tri như thị chi nghĩa 。

mẫn ai nhất thiết dục lệnh chúng sanh đắc trí tuệ cố 。

Từ lâu ông đã biết ya nghĩa như vậy, vì thương xót chúng sanh, muốn tất cả đều có trí huệ
nên

廣問如來如是偈義。

quảng vấn Như-Lai như thị kệ nghĩa 。

rộng nói Như Lai bài kệ ý nghĩa như vậy.

爾時文殊師利法王之子。

nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương chi tử 。

Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử

復於佛前而說偈言。

phục ư Phật tiền nhi thuyết kệ ngôn 。

lại đối trước Phật mà nói kệ rằng:

於他言語	隨順不逆	亦不觀他
ư tha ngôn ngữ	tùy thuận bất nghịch	diệc bất quán tha
Lời người khác nói ra	Tùy thuận không trái nghịch	Cũng không nhìn người khác
作以不作	但自觀身	善不善行
tác dĩ bất tác	đãn tự quán thân	thiện bất thiện hành
Có làm hay không làm	Chỉ quán sát thân mình	Làm thiện hay bất thiện

世尊。如是說此法藥非為正說。

Thế tôn 。

Bạch Thế Tôn , như vậy thuyết pháp được này không phải là chánh thuyết,

於他語言隨順不逆者。唯願如來垂哀正說。何以故。

ư tha ngữ ngôn tùy thuận bất nghịch giả 。

đóai với lời nói của người khác mà tùy thuận không trái nghịch, xin nguyện Như Lai thương xót chánh thuyết, tại vì sao?

世尊。常說一切外學九十五種皆趣惡道。

Thế tôn 。

Thế Tôn thường dạy tất cả chín mươi lăm thứ ngoại đạo đều đi đến đường ác, 聲聞弟子皆向正路。

Thanh văn đệ-tử giai hướng chánh lộ 。

đệ tử Thanh văn đều hướng đến đường chánh,

若護禁戒攝持威儀安慎諸根。如是等人深樂大法趣向善道。

nhược hộ cấm giới nhiếp trì uy nghi an 慎 chư căn 。

nếu giữ gìn giới cấm, hộ trì oai nghi, phòng hộ các căn, những người như vậy là ưa thích chánh pháp , hướng đến đường thiện,

如來何故於九部中見有毀他則便呵責。

Như-Lai hà cố ư cứu bộ trung kiến hữu hủy tha tắc tiện ha trách 。
tại sao ở trong chín bộ Như Lai nói thấy hủy bán người khác liền quở trách
如是偈義為何所趣。佛告文殊師利。善男子。
như thị kệ nghĩa vi hà sở thú 。 Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 thiện nam tử 。
như vậy ý nghĩa bài kệ đi đến đâu? Phật bảo Văn-thù-sư-lợi: Thiện nam tử!
我說此偈亦不盡為一切眾生。爾時唯為阿闍世王。
ngã thuyết thử kệ diệt bất tận vi nhất thiết chúng sanh 。 nhĩ thời duy vi A đồ thế Vương 。
Ta nói bài kệ này cũng không phải vì tất cả chúng sanh, mà lúc ấy chỉ vì vua A-xà-thế,
諸佛世尊。若無因緣終不逆說。
chư Phật Thế tôn 。 nhược vô nhân duyên chung bất nghịch thuyết 。
chư Phật Thế Tôn nếu không có nhân duyên trọn không nói lời trái ngược
有因緣故乃說之耳。善男子。
hữu nhân duyên cố nãi thuyết chi nhĩ 。 thiện nam tử 。
do có nhân duyên nên nói như vậy mà thôi. Thiện nam tử,
阿闍世王害其父已來至我所。欲折伏我作如是問。云何世尊。
A đồ thế Vương hại kỳ phụ dĩ lai chí ngã sở 。 dục chiết phục ngã tác như thị vấn 。 vân hà
Thế tôn 。
Vua A-xà-thế hại cha mình rồi đến chỗ ta, muốn khuất phục ta nên mới hỏi ta rằng: Thế
nào Thế Tôn
有一切智非一切智耶。若一切智。
hữu nhất thiết trí phi nhất thiết trí da 。 nhược nhất thiết trí 。
là bậc nhất thiết trí hay không phải nhất thiết trí? Nếu là nhất thiết trí
調達往昔無量世中常懷惡心隨逐如來欲為殺害。
điều đạt往昔 tích vô lượng thế trung thường hoài ác tâm tùy trục Như-Lai dục vi sát hại 。
thì Điều Đạt ở trong vô lượng kiếp trước đã có tâm ác đi theo Như Lai để sát hại,
云何如來聽其出家。善男子。以是因緣。我為是王。
vân hà Như-Lai thính kỳ xuất gia 。 thiện nam tử 。 dĩ thị nhân duyên 。 ngã vi thị Vương 。
tại sao Như Lai cho phép Điều Đạt xuất gia. Thiện nam tử, do nhân duyên ấy nên ta vì
vua A-xà-thế
而說此偈。
nhi thuyết thử kệ 。

mà nói bài kệ này:

於他語言	隨順不逆	亦不觀他
ư tha ngữ ngôn	tùy thuận bất nghịch	diệc bất quán tha
Lời người khác nói ra	Tùy thuận không trái nghịch	Cũng không xem người khác
作以不作	但自觀身	善不善行
tác dĩ bất tác	đãn tự quán thân	thiện bất thiện hành
Có làm hay không làm	Chỉ quán sát thân mình	Làm thiện hay bất thiện

佛告大王。汝今害父已作逆罪。

Phật cáo Đại Vương 。 nhữ kim hại phụ dĩ tác nghịch tội 。

Phật bảo vua A-xà-thế, nay ông hại cha tức là tạo tội ngũ nghịch,

最重無間應當發露以求清淨。何緣乃更見他過咎。

tối trọng vô gián ứng đương phát lộ dĩ cầu thanh tịnh 。 hà duyên nãi canh kiến tha quá cữu 。

là tội rất nặng sẽ đoạ địa ngục vô gián, phải nên phát lồ để được thanh tịnh, tại sao tìm tòi lỗi của người khác.

善男子。以是義故。我為彼王而說是偈。

thiện nam tử 。

Thiện nam tử, do nghĩa này nên ta vì vua A-xà-Thế mà nói bài kệ ấy.

復次善男子。亦為護持不毀禁戒成就威儀。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử, Ta cũng vì người hộ trì cấm giới thành tựu oai nghi

見他過者而說是偈。若復有人受他教誨遠離眾惡。

kiến tha quá giả nhi thuyết thị kệ 。

nhưng hay nhìn lỗi người mà nói kệ này. Nếu có người nghe người khác chỉ dạy lánh xa các điều ác,

復教他人令遠眾惡如是之人則我弟子。

phục giáo tha nhân lệnh viễn chúng ác như thị chi nhân tắc ngã đệ-tử 。

lại dạy người khác khiến họ xa các điều ác, như vậy tức là đệ tử của ta.

爾時世尊。為文殊師利。而說偈言。

nhĩ thời Thế tôn 。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn vì Văn-thù-sư-lợi mà nói kệ rằng:

一切畏刀杖	無不愛壽命
nhất thiết úy đao trượng	vô bất ái thọ mạng
Ai cũng sợ dao gậy	Đều yêu quý thân mạng
恕己可為喻	勿殺勿行杖
thứ kỷ khả vi dụ	vật sát vật hành trượng
Tha họ như tha mình	Chớ giết chớ đánh đập

爾時文殊師利。復於佛前而說偈言。

nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi 。 phục ư Phật tiền nhi thuyết kệ ngôn 。

Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi lại đối trước Phật mà nói bài kệ rằng:

非一切畏杖	非一切愛命
Phi nhất thiết úy trượng	Phi nhất thiết ái mạng
Không phải là đều sợ gậy	Không phải đều mến thân mạng
恕己可為喻	勤作善方便
Thứ kỷ khả vi dụ	Tinh cần tác thiện phương tiện
Tha cho người như tha cho mình	Siêng thực hành phương tiện khéo.

如來。說是法句之義亦是未盡。何以故。

Như-Lai 。 thuyết thị Pháp cú chi nghĩa diệc thị vị tận 。

Bạch Thế Tôn, nói ý nghĩa bài kệ này cũng chưa cùng tận. Tại vì sao?

如阿羅漢。轉輪聖王玉女象馬主藏大臣。

như A La Hán 。 Chuyển luân Thánh Vương ngọc nữ tượng mã chủ tạng Đại Thần 。

như bậc A-la-hán, Chuyển-luân-thánh-vương, Ngọc nữ, voi ngựa, đại thần giữ kho, 若諸天人及阿修羅執持利劍能害之者。

nhược chư Thiên nhân cập A-tu-La chấp trì lợi kiếm năng hại chi giả 。

nếu các trời, người, A-tu-la cầm kiếm có thể tổn hại

無有是處。勇士烈女馬王獸王。

vô hữu thị xứ 。

thì không có việc ấy, dũng sĩ, liệt nữ, ngựa chúa, vua loài thú,

持戒比丘雖復對至而不恐怖。以是義故。如來說偈亦是有餘。

trì giới bỉ khâu tuy phục đối chí nhi bất khủng phố 。

Tỷ-kheo trì giới, tuy đối mặt mà không sợ hãi, do nghĩa này nên Như Lai nói kệ cũng có ngoại trừ.

若言恕己可為喻者是亦有餘。何以故。

nhược ngôn thứ kỷ khả vi dụ giả thị diệc hữu dư 。 hà dĩ cố 。

Nếu nói tha thứ cho người cũng như tha thứ cho mình cũng có ngoại lệ. Tại vì sao?

若使羅漢以己喻彼。則有我想及以命想。

nhược sử la hán dĩ kỷ dụ bỉ 。 tắc hữu ngã tưởng cập dĩ mạng tưởng 。

giả sử bậc La-hán lấy mình làm ví dụ, thì có ngã tưởng và mạng tưởng,

若有我想及以命想則應擁護。

nhược hữu ngã tưởng cập dĩ mạng tưởng tắc ứng ủng hộ 。

nếu có ngã tưởng và mạng tưởng thì nên ủng hộ

凡夫亦應見阿羅漢悉是行人。若如是者即是邪見。

phàm phu diệc ứng kiến A La Hán tất thị hành nhân 。 nhược như thị giả tức thị tà kiến 。

phàm phu cũng nên thấy A-la-hán đều là người thức hành, nếu thấy như vậy tức là tà kiến,

若有邪見命終之時即應生於阿鼻地獄。

nhược hữu tà kiến mạng chung chi thời tức ứng sanh ư A-tì Địa-ngục 。

nếu có tà kiến thì khi mạng chung phải đoạ địa ngục A-tỳ.

又復羅漢設於眾生害心者。無有是處。

hựu phục la hán thiết ư chúng sanh hại tâm giả 。 vô hữu thị xử 。

Lại nữa, giả sử A-la-hán khởi tâm tổn hại với chúng sanh thì không có việc ấy,

無量眾生亦復無能害羅漢者。佛言。善男子。言我想者。

vô lượng chúng sanh diệc phục vô năng hại la hán giả 。

Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

ngôn ngã tưởng giả 。

vô lượng chúng sanh cũng không thể tổn hại A-la-hán. Phật dạy, Thiện nam tử, nói ngã tưởng,

謂於眾生大悲心無殺害想。

vị ư chúng sanh sanh Đại bi tâm vô sát hại tưởng 。

nghĩa là khởi tâm đại bi đối với chúng sanh, không có ý tưởng sát hại,

謂阿羅漢平等之心。勿謂世尊無有因緣而逆說也。

vị A La Hán bình đẳng chi tâm 。 vật vị Thế tôn vô hữu nhân duyên nhi nghịch thuyết dã
。

nghĩa là tâm bình đẳng của A-la-hán đừng cho rằng Thế Tôn có nhân duyên mà tự nói trái
ngược.

昔日於此王舍城中有大獵師。多殺群鹿請我食肉。

tích nhật ư thử Vương xá thành trung hữu Đại liệt sư 。 đa sát quần lộc thỉnh ngã thực
nhục 。

Thuở xưa trong thành Vương Xá có người săn bắn, giết rất nhiều nai mời ta ăn thịt,
我於是時雖受彼請。於諸眾生慈悲心。

ngã ư thị thời tuy thọ bỉ thỉnh 。

ư chư chúng sanh sanh tử bi tâm 。

lúc ấy tuy ta nhận lời người thợ săn nhưng khởi tâm thương xót với các chúng sanh,
如羅睺羅。而說偈言。

như La-hầu-la 。

當令汝長壽

久久住於世

đương lệnh nữ trường thọ

cửu cửu trụ ư thế

Phải khiến ông Trường Thọ

Trụ ở đời lâu dài

受持不害法

猶如諸佛壽

thọ trì bất hại Pháp

do như chư Phật thọ

Giữ gìn pháp không hại

Như thọ mạng chư Phật

是故我說是偈。

thị cố ngã thuyết thị kệ 。

Cho nên ta nói bài kệ này

一切畏刀杖

無不愛壽命

nhất thiết úy đao trượng

vô bất ái thọ mạng

Ai cũng sợ dao gậy

Đều yêu mến thân mạng

恕己可為喻

勿殺勿行杖

thứ kỷ khả vi dụ

vật sát vật hành trượng

Tha người như tha mình

Chớ giết chớ đánh đập

佛言。善哉善哉。文殊師利。

Phật ngôn 。

Phật dạy: Lành thay lành thay, Văn-thù-sư-lợi!

為諸菩薩摩訶薩故。諮問如來如是密教。爾時文殊師利。

vi chư Bồ Tát Ma-Ha tát cố 。 ti vấn Như-Lai như thị Mật Giáo 。 nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi 。
vì các Bồ-tát-ma-ha-tát mà hỏi Như Lai giáo nghĩa bí mật như vậy. Lúc bấy giờ ngài Văn-
thù-sư-lợi

復說是偈。

phục thuyết thị kệ 。

lại nói bài kệ rằng:

云何敬父母

隨順而尊重

vân hà kính phụ mẫu

tùy thuận nhi tôn trọng

Tại sao kính cha mẹ

Tùy thuận và tôn trọng

云何修此法

墮於無間獄

vân hà tu thử Pháp

đọa ư vô gián ngục

Tại sao tu pháp này

Đọa nơi ngục vô gián

於是如來。復以偈答文殊師利。

ư thị Như-Lai 。

rồi Như Lai lại dùng bài kệ để trả lời Văn-thù-sư-lợi:

若以貪愛母

無明以為父

nhược dĩ tham ái mẫu

vô minh dĩ vi phụ

Nếu lấy tham làm mẹ

Lấy vô minh làm cha

隨順尊重是

則墮無間獄

tùy thuận tôn trọng thị

tắc đọa vô gián ngục

Tuy thuận và tôn trọng

Đọa địa ngục vô gián

爾時如來。復為文殊師利菩薩。重說偈言。

nhĩ thời Như-Lai 。

Lúc bấy giờ Như Lai lại vì Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mà nói bài kệ rằng:

一切屬他

則名為苦

一切由己

nhất thiết chúc tha

tắc danh vi khổ

nhất thiết do kỷ

Những gì thuộc người khác

Thì đều gọi là khổ

Tất cả do nơi mình

自在安樂

一切憍慢

勢極暴惡

tự-tại an lạc

nhất thiết kiêu mạn

thế cực bạo ác

Tự tại và an lạc Tất cả sự kiêu mạn Thế là cực báo ác
賢善之人 一切愛念

hiền thiện chi nhân nhất thiết ái niệm
Người hiền nhân làm thiện Mọi người đều yêu mến

爾時文殊師利菩薩摩訶薩白佛言。世尊。

nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi Bồ Tát Ma-Ha tát bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Lúc bấy giờ đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

如來所說是亦不盡。

Như-Lai sở thuyết thị diệc bất tận 。

Chỗ Như Lai thuyết giảng cũng không cùng tận,

唯願如來復垂哀愍說其因緣。何以故。如長者子從師學時為屬師不。

duy nguyện Như-Lai phục thùì ai mãn thuyết kỳ nhân duyên 。

hà dĩ cố 。

như Trưởng Giả Tử tòng sư học thời vi chúc sư bất 。

xin Như Lai thương xót nói về nhân duyên, tại vì sao? Như trưởng giả lúc theo thầy để học thì có phải lệ thuộc thầy không?

若屬師者義不成就。若不屬者亦不成就。

nhược chúc sư giả nghĩa bất thành tựu 。

nhược bất chúc giả diệc bất thành tựu 。

Nếu lệ thuộc nơi thầy thì nghĩa trên không thành tựu, nếu không lệ thuộc cũng không thành tựu,

若得自在亦不成就。是故如來所說有餘。

nhược đắc tự-tại diệc bất thành tựu 。

thị cố Như-Lai sở thuyết hữu dư 。

nếu được tự tại cũng không thành tựu, cho nên chỗ Như Lai thuyết giảng là có ngoại lệ.
復次世尊。譬如王子無所綜習觸事不成。

phục thứ Thế tôn 。

thí như Vương tử vô sở tống tập xúc sự bất thành 。

Lại nữa bạch Thế Tôn, thí như vương tử không có rèn luyện thì khi gặp việc sẽ không thành tựu.

是亦自在愚闇常苦。如是王子若言自在義亦不成。

thị diệc tự-tại ngu ám thường khổ 。

như thị Vương tử nhược ngôn tự-tại nghĩa diệc bất thành 。

Đó cũng là tự tại mà ngu si thường khổ, như vậy vương tử nếu nói tự tại thì nghĩa trên không thành tựu,

若言屬他義亦不成。以是義故。

nhược ngôn chúc tha nghĩa diệc bất thành 。 dĩ thị nghĩa cố 。

nếu nói lệ thuộc người khác thì nghĩa trên cũng không thành tựu. Do nghĩa này
佛所說義名為有餘。是故一切屬他不必受苦。

Phật sở thuyết nghĩa danh vi hữu dư 。

thị cố nhất thiết chúc tha bất tất thọ khổ 。

nên lời Phật thuyết giảng là có ngoại lệ, cho nên tất cả những gì lệ thuộc người khác cũng
chưa chắc là thọ khổ,

一切自在不必受樂。一切憍慢勢極暴惡是亦有餘。

nhất thiết tự-tại bất tất thọ lạc 。

nhất thiết kiêu mạn thế cực bạo ác thị diệc hữu dư 。

tất cả sự tự tại chưa chắc là an vui, tất cả kiêu mạn thế lực bạo ác cũng có ngoại lệ.
世尊。如諸烈女憍慢心故出家學道。

Thế tôn 。

như chư liệt nữ kiêu mạn tâm cố xuất gia học đạo 。

Bạch Thế Tôn, như các liệt nữ do tâm kiêu mạn nên xuất gia học đạo,
護持禁戒威儀成就。守攝諸根不令馳散。

hộ trì cấm giới uy nghi thành tựu 。

thủ nhiếp chư căn bất lệnh trì tán 。

hộ trì cấm giới, thành tựu oai nghi, giữ gìn các căn không để phóng dật,
是故一切憍慢之結不必暴惡。

thị cố nhất thiết kiêu mạn chi kết bất tất bạo ác 。

cho nên tất cả người kiêu mạn không hẳn là bạo ác.

賢善之人一切愛念是亦有餘。如人內犯四重禁已。

hiền thiện chi nhân nhất thiết ái niệm thị diệc hữu dư 。

như nhân nội phạm tứ trọng cấm dĩ 。

Người hiền nhân làm thiện được mọi người yêu mến cũng có ngoại lệ, như người phạm
bốn giới cấm rồi

不捨法服堅持威儀。護持法者見已不愛。

bất xả Pháp phục kiên trì uy nghi 。

hộ Trì Pháp giả kiến dĩ bất ái 。

nhưng không xả bỏ pháp phục mà vẫn giữ gìn oai nghi, người hộ trì pháp thấy rồi không
ưa thích,

是人命終必墮地獄。若有賢人犯重禁已。

thị nhân mạng chung tất đọa Địa-ngục 。

nhược hữu hiền nhân phạm trọng cấm dĩ 。

người này mạng chung ắt đọa vào địa ngục. Nếu có người hiền phạm bốn giới cấm,

護法見之即驅令出罷道還俗。以是義故。一切賢善何必悉愛。

hộ Pháp kiến chi tức khu lệnh xuất bãi đạo hoàn tục 。 dĩ thị nghĩa cố 。 nhất thiết hiền thiện hà tất tất ái 。

người hộ trì pháp thấy rồi liền đuổi ra khỏi đạo liền trở về thế tục, do nghĩa này nên tất cả người hiền thiện đâu phải đều có sự yêu mến.

爾時佛告文殊師利。

nhĩ thời Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。

Lúc bấy giờ Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

有因緣故如來於此說有餘義。又有因緣諸佛如來而說是法。

hữu nhân duyên cố Như-Lai ư thử thuyết hữu dư nghĩa 。 hữu hữu nhân duyên chư Phật như lai nhi thuyết thị Pháp 。

Do có nhân duyên nên Như Lai thuyết giảng có ý nghĩa ngoại lệ, lại có nguyên nhân nên chư Phật Như Lai tuyên thuyết pháp này.

時王舍城有一女人。名曰善賢。

thời Vương xá thành hữu nhất nữ nhân 。 danh viết thiện hiền 。

Lúc bấy giờ thành Vương Xá có một người nữ tên là Hiền Thiện

還父母家因至我所。歸依於我及法眾僧。而作是言。

hoàn phụ mẫu gia nhân chí ngã sở 。 quy y ư ngã cập Pháp chúng tăng 。 nhi tác thị ngôn 。

trở về nhà cha mẹ rồi đến chỗ ta quy y Tam Bảo và thưa rằng:

一切女人勢不自由。一切男子自在無礙。

nhất thiết nữ nhân thế bất tự do 。 nhất thiết nam tử tự-tại vô ngại 。

Tất cả người nữ không được quyền tự do, tất cả người nam thì tự tại vô ngại.

我於爾時知是女心。即為宣說如是偈頌。文殊師利。

ngã ư nhĩ thời tri thị nữ tâm 。 tức vi tuyên thuyết như thị kệ tụng 。 Văn-thù-sư-lợi 。

Lúc ấy ta biết rõ tâm người nữ này cho nên tuyên thuyết bài kệ như vậy. Văn-thù-sư-lợi, thiện哉 thiện哉。汝今能為一切眾生。

Thiện tai Thiện tai 。 nhữ kim năng vi nhất thiết chúng sanh 。

Lành thay lành thay, nay ông có thể vì tất cả chúng sanh

問於如來如是密語。文殊師利復說偈言。

vấn ư Như-Lai như thị mật ngữ 。 Văn-thù-sư-lợi phục thuyết kệ ngôn 。

mà hỏi Như Lai lời bí mật như vậy. Văn-thù-sư-lợi lại nói bài kệ rằng:

一切諸眾生	皆依飲食存
nhất thiết chư chúng sanh	giai y ẩm thực tồn
Tất cả loài chúng sanh	Đều ăn uống mà sống
一切有大力	其心無嫉妬
nhất thiết hữu Đại lực	kỳ tâm vô tật đố
Tất cả có sức mạnh	Tâm ấy không tật đố
一切因飲食	而多得病苦
nhất thiết nhân ẩm thực	nhi đa đắc bệnh khổ
Tất cả do ăn uống	Mà bị nhiều bệnh khổ
一切修淨行	而得受安樂
nhất thiết tu tịnh hạnh	nhi đắc thọ an lạc
Tất cả tu thanh tịnh	Mà được thọ an lạc
如是世尊。今受純陀飲食供養。	

như thị Thế tôn 。 kim thọ Thuần đà ẩm thực cung dưỡng 。

Như vậy bạch Thế Tôn, nay thọ nhận thức ăn của Thuần Đà cúng dường

將無如來有恐怖耶。爾時世尊。復為文殊。而說偈言。

tướng vô Như-Lai hữu khủng bố da 。 nhĩ thời Thế tôn 。 phục vi Văn Thù 。 nhi thuyết kệ ngôn 。

Như Lai không lo sợ sao? Lúc bấy giờ Thế Tôn lại vì Văn Thù mà nói kệ rằng:

非一切眾生	盡依飲食存
phi nhất thiết chúng sanh	tận y ẩm thực tồn
Không phải các chúng sanh	Đều nhờ ăn mà sống
非一切大力	心皆無嫉妬
phi nhất thiết Đại lực	tâm giai vô tật đố
Không phải có sức mạnh	Tâm đều không tật đố
非一切因食	而致病苦患
phi nhất thiết nhân thực	nhi trí bệnh khổ hoạn
Không phải đều do ăn	Mà đưa đến bệnh khổ
非一切淨行	悉得受安樂
phi nhất thiết tịnh hạnh	tất đắc thọ an lạc

Không phải tu thanh tịnh Mà đều được an lạc

文殊師利。汝若得病我亦如是應得病苦。

Văn-thù-sư-lợi 。 như nhược đắc bệnh ngã diệc như thị ứng đắc bệnh khổ 。

Văn-thù-sư-lợi, nếu ông bị bệnh thì ta cũng bị bệnh như vậy,

何以故。

hà dĩ cố 。

Tại vì sao?

諸阿羅漢及辟支佛菩薩如來實無所食。但欲化彼示現受用無量眾生所施之物。

chư A La Hán cập Bích-chi-phật Bồ Tát Như-Lai thật vô sở thực 。

đãn dục hóa bỉ thị hiện
thọ dụng vô lượng chúng sanh sở thí chi vật 。

Các A-la-hán và Bích-chi-phật, Bồ-tát, Như Lai, thật không có sự ăn uống, vì muốn giáo
hoá nên thị hiện thọ nhận vật cúng dường của vô lượng chúng sanh
令其具足檀波羅蜜。拔濟地獄畜生餓鬼。

lệnh kỳ cụ túc đàn ba la mật 。

bạt tế Địa-ngục súc sanh nạ quỷ 。

khiến chúng sanh được đầy đủ bố thí Ba-la-mật, cứu vớt sự khổ nơi địa ngục nạ quỷ súc
sanh.

若言如來六年苦行身羸瘦者。無有是處。

nhược ngôn Như-Lai lục niên khổ hành thân luy sấu giả 。

vô hữu thị xử 。

Nếu nói Như Lai thực hành khổ hạnh trong sáu năm khiến thân gầy yếu thì không có việc
đó,

諸佛世尊獨拔諸有不同凡夫。

chư Phật Thế tôn độc bạt chư hữu bất đồng phàm phu 。

bởi chư Phật Thế Tôn riêng vượt khỏi các hữu không đồng với các phàm phu,

云何而得身羸劣耶。諸佛世尊精勤修習獲金剛身。

vân hà nhi đắc thân luy liệt da 。

chư Phật Thế tôn tinh tinh cần tu tập hoạch Kim cương
thân 。

làm sao mà thân bị gầy yếu được, chư Phật Thế Tôn tinh cần tu tập được thân kim cương,
不同世人危脆之身。我諸弟子亦復如是。

bất đồng thế nhân nguy thúy chi thân 。

ngã chư đệ-tử diệc phục như thị 。

không như người thế gian có thân nguy hiểm, các đệ tử của ta cũng lại như vậy,

不可思議不依於食。一切大力無嫉妬者亦有餘義。

bất khả tư nghị bất y ư thực 。 nhất thiết Đại lực vô tặc đồ giả diệc hữu dư nghĩa 。
không thể nghĩ bàn, không nương vào sự ăn uống. Nói tất cả có sức mạnh thì không có
tâm tặc đồ cũng có ngoại lệ,

如世間人終身永無嫉妬之心而亦無力。

như thế gian nhân chung thân vĩnh vô tặc đồ chi tâm nhi diệc vô lực 。

như thế gian có người cả đời không có tâm tặc đồ mà cũng không có sức lực,
一切病苦因食得者亦有餘義。

nhất thiết bệnh khổ nhân thực đắc giả diệc hữu dư nghĩa 。

tất cả bệnh khổ đều do ăn uống cũng có ngoại lệ,

亦見有人得客病者。所謂。刺刺刀劍鉞槩。

diệc kiến hữu nhân đắc khách bệnh giả 。 sở vị 。 thứ thứ đao kiếm 鉞 sóc 。

cũng thấy có người bị bệnh khổ là do dao kiếm giáo mác.

一切淨行受安樂者是亦有餘。世間亦有外道之人。

nhất thiết tịnh hạnh thọ an lạc giả thị diệc hữu dư 。

Tất cả người tu hạnh thanh tịnh đều thọ an lạc cũng có ngoại lệ , như thế gian có người tu
theo ngoại đạo,

修於梵行多受苦惱。以是義故。如來所說一切有餘。

tu ư phạm hạnh đa thọ khổ não 。 dĩ thị nghĩa cố 。

Như-Lai sở thuyết nhất thiết hữu dư 。

tu các phạm hạnh mà thọ nhiều khổ não, do vậy nên Như Lai nói tất cả đều có ngoại lệ.
是名如來非無因緣而說此偈。有因故說。

thị danh Như-Lai phi vô nhân duyên nhi thuyết thử kệ 。

hữu nhân cố thuyết 。

Đó gọi là Như Lai không phải là không có nhân duyên mà tự nói kệ , bởi có nhân duyên
nên mới tuyên thuyết.

昔日於此優禪尼國。有婆羅門名殺毘德。

tích nhật ư thử ưu Thiên ni quốc 。

hữu Bà-la-môn danh cổ đê đức 。

Thuở xưa tại nước Ưu-thiên-ni có Bà-la-môn tên là Cổ Đê Đức

來至我所欲受第四八戒齋法。

lai chí ngã sở dục thọ đệ tứ bát giới trai Pháp 。

đến chỗ ta muốn thọ giới thứ tư trong tám giới trai,

我於爾時為說是偈。

ngã ư nhĩ thời vi thuyết thị kệ 。

lúc ấy ta vì Bà-la-môn mà nói bài kệ này.

爾時迦葉菩薩白佛言。世尊。

nhĩ thời ca điệp Bồ Tát bạch Phật ngôn 。

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

何等名為無餘義耶。云何復名一切義乎。善男子。

hà đẳng danh vi vô dư nghĩa da 。

Những gì gọi là không có nghĩa khác? Thế nào gọi là tất cả nghĩa? Phật dạy thiện nam tử!

一切者唯除助道常樂善法是名一切亦名無餘。

nhất thiết giả duy trừ trợ đạo thường lạc thiện Pháp thị danh nhất thiết diệt danh vô dư 。

Nói tất cả là chỉ trừ pháp trợ đạo thường lạc, thì gọi là tất cả, cũng gọi là vô dư,

其餘諸法亦名有餘亦名無餘。

kỳ dư chư Pháp diệt danh hữu dư diệt danh vô dư 。

còn các pháp cũng gọi là hữu dư, cũng gọi là vô dư,

欲令樂法諸善男子知此有餘及無餘義。

dục lệnh lạc Pháp chư thiện nam tử tri thủ hữu dư cập vô dư nghĩa 。

đó là muốn các thiện nam tử ưa thích thích pháp biết rõ nghĩa hữu dư và vô dư.

迦葉菩薩心大歡喜踊躍無量。前白佛言。甚奇世尊。

ca điệp Bồ Tát tâm Đại hoan hỷ dũng dưc vô lượng 。

Bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp rất hoan hỷ vui mừng vô lượng, bèn đến trước Phật thưa rằng: Kỳ lạ thay Thế Tôn,

等視眾生如羅睺羅。爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。

đẳng thị chúng sanh như La-hầu-la 。

xem các chúng sanh như La-hầu-la. Lúc bấy giờ Phật khen Bồ-tát Ca-diếp rằng: Lành thay lành thay,

汝今所見微妙甚深。

nhữ kim sở kiến vi diệu thậm thâm 。

Nay ông thấy rõ thâm sâu vi diệu.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

ca diệp Bồ Tát bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,
唯願如來說是大乘大涅槃經所得功德。佛告迦葉。善男子。

duy nguyện Như-Lai thuyết thị Đại thừa Đại Niết bàn Kinh sở đắc công đức 。 Phật cáo ca
diệp 。 thiện nam tử 。

nguyện xin Như Lai thuyết giảng công đức có được kinh đại thừa đại niết-bàn. Phật bảo
Ca-diếp: Thiện nam tử,

若有得聞是經名字所得功德。

nhược hữu đắc văn thị Kinh danh tự sở đắc công đức 。

nếu có người nghe danh tự của kinh này thì có công đức,
非諸聲聞辟支佛等所能宣說。唯佛能知。何以故。

phi chư Thanh văn Bích-chi-phật đẳng sở năng tuyên thuyết 。 duy Phật năng tri 。 hà dĩ
cố 。

không phải hàng Thanh văn, Bích-chi-phật có thể tuyên thuyết , mà chỉ có Phật mới có
thể biết. Tại vì sao?

不可思議是佛境界。何況受持讀誦通利書寫經卷。

bất khả tư nghị thị Phật cảnh giới 。 hà hưởng thọ trì đọc tụng thông lợi thư tả Kinh quyển
。

Bởi đó là cảnh giới không thể nghĩ bàn của Phật, hưởng là người thọ trì đọc tụng thông lợi
hay biên chép kinh quyển.

爾時諸天世人及阿修羅。

nhĩ thời chư Thiên thế nhân cập A-tu-La 。

lúc bấy giờ các hàng trời người và A-tu-la

即於佛前異口同音。而說偈言。

tức ư Phật tiền dị khẩu đồng âm 。 nhi thuyết kệ ngôn 。

liền ở trước Phật đồng thanh nói bài kệ rằng:

諸佛難思議

法僧亦復然

chư Phật nan tư nghị

Pháp tăng diệc phục nhiên

Chư Phật khó nghĩ bàn

Pháp, Tăng cũng như vậy

是故今勸請

唯願小停住

thị cố kim khuyến thỉnh

duy nguyện tiểu đình trụ

Nên nay con khuyên thỉnh

尊者大迦葉

Tôn-Giả Đại ca diệp

Tôn giả Đại Ca-diếp

二眾之眷屬

nhị chúng chi quyến chúc

Quyển thuộc của hai chúng

并及摩伽主

trình cập ma đà chủ

Vua nước Ma-kiệt-đà

至心敬信佛

chí tâm kính tín Phật

Chí tâm kính Thế Tôn

唯願於如來

duy nguyện ư Như-Lai

Xin nguyện Đức Như Lai

於此大眾中

ư thử Đại chúng trung

Ở trong đại hội này

爾時如來為諸大眾。而說偈言。

nhĩ thời Như-Lai vì chư Đại chúng 。 nhi thuyết kệ ngôn 。

Lúc bấy giờ Như Lai vì các đại chúng mà nói kệ rằng:

我法最長子

ngã Pháp tối trường tử

Đệ tử lớn của ta

阿難勤精進

A-nan tinh cần tinh tấn

A-nan cần tinh tấn

汝等當諦觀

nhữ đẳng đương đế quán

Các ông nên xét kỹ

Mong Phật nán lai chút

及以阿難等

cập dĩ A-nan đẳng

Cùng A-Nan vân vân

且待須臾至

thả đãi tu du chí

Chốc lát nữa sẽ đến

阿闍世大王

A đồ thế Đại Vương

Đại vương A-xà-thế

猶故未來此

do cố vị lai thử

Có việc nên chưa đến

小垂哀愍住

tiểu thùy ai mẫn trụ

Thương xót mà ở lại

斷我諸疑網

đoạn ngã chư nghi võng

Trừ nghi cho chúng con

是名大迦葉

thị danh Đại ca diệp

Tên là Đại Ca-diếp

能斷一切疑

năng đoạn nhất thiết nghi

Có thể đoạn các nghi

阿難多聞士

A-nan đa văn sĩ

A-nan bậc đa văn

自然當解了	是常及無常
tự nhiên đương giải liễu	thị thường cập vô thường
Tự nhiên sẽ hiểu rõ	Là thường và vô thường
以是故不應	心懷於憂惱
dĩ thị cố bất ứng	tâm hoài ư ưu não
Vi vậy ông không nên	Có tâm sầu ưu não

爾時大眾以種種物供養如來。

nhĩ thời Đại chúng dĩ chủng chủng vật cung dưỡng Như-Lai 。

Lúc bấy giờ đại chúng đem tất cả các vật cúng dường dâng lên đức Như Lai,
供養佛已即發阿耨多羅三藐三菩提心。

cung dưỡng Phật dĩ tức phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm 。

cúng dường Phật xong liền phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác
無量無邊恒河沙等諸菩薩輩得住初地。爾時世尊。

vô lượng vô biên hằng hà sa đẳng chư Bồ Tát bối đắc trụ sơ địa 。

nhĩ thời Thế tôn 。

vô lượng vô biên hằng hà sa các Bồ-tát đều trụ ngôi sơ địa. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn
與文殊師利迦葉菩薩及以純陀。而受記莚。

dữ Văn-thù-sư-lợi ca diệp Bồ Tát cập dĩ Thuần đà 。

nhĩ thọ kí 莚。

thọ ký riêng cho Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Ca-diếp và Thuần Đà ,
受記莚已說如是言。諸善男子。

thọ kí 莚 dĩ thuyết như thị ngôn 。

chư thiện nam tử 。

thọ ký rồi liền dạy rằng: Các thiện nam tử!

自修其心慎莫放逸。我今背疾舉體皆痛。我今欲臥。

tự tu kỳ tâm 慎 mạc phóng dật 。

ngã kim bối tật cử thể giai thống 。

ngã kim dục ngoạ 。

tự tu tâm mình, cẩn thận chớ buông lung, nay ta cơ thể đau nhức, ta muốn nằm nghỉ
如彼小兒及常患者。汝等文殊。

như bỉ tiểu nhi cập thường hoạn giả 。

nhữ đẳng Văn Thù 。

cũng như trẻ con và người thường bệnh. Các ông Văn Thù .v.v.

當為四部廣說大法。今以此法付囑於汝。乃至迦葉阿難等來。

đương vi tứ bộ quảng thuyết Đại Pháp 。

kim dĩ thử Pháp phó chúc ư nhữ 。

nãi chí ca diệp A-nan đẳng lai 。

phải vì bốn bộ chúng mà rộng thuyết các pháp, nay ta đem pháp này mà phó chúc cho ông, cho đến khi các ông Ca-diếp, A-nan đến,

復當付囑如是正法。爾時如來說是語已。

phục đương phó chúc như thị chánh Pháp 。 nhĩ thời Như-Lai thuyết thị ngữ dĩ 。

cũng phải phó chúc chánh pháp. Khi Như Lai nói xong

為欲調伏諸眾生故現身有疾。

vi dục điều phục chư chúng sanh cố hiện thân hữu tật 。

vi muốn điều phục các chúng sanh cho nên thị hiện thân có bệnh

右脇而臥如彼病人。

hữu hiệp nhi ngọa như bỉ bệnh nhân 。

và nằm nghiêng bên phải như người bệnh vậy.

大般涅槃經卷第十

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ thập

Kinh Đại Bát-niết-bàn

Quyển Thứ Mười.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:07:12 2006

Thích Nữ Diệu Thuần hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:07:12 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tấn】 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》 CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》 CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====
=====
=====
=====
=====
=====

大般涅槃經卷第十一

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập nhất

Kinh Đại Bát Niết Bàn

Quyển Thứ Mười Một

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Thời Bắc Lương, ngài Tam tạng Đàm Vô Sấm người nước Thiên Trúc dịch.

現病品第六

Hiện bệnh phẩm đệ lục

Phẩm thứ sáu: Thị Hiện Bệnh

爾時迦葉菩薩白佛言。世尊。

Nhĩ thời Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

如來已免一切疾病。患苦悉除無復怖畏。世尊。

Như Lai dĩ miễn nhất thiết tật bệnh. Hoạn khổ tất trừ vô phục bố úy. Thế tôn.

Như Lai đã thoát khỏi tất cả bệnh, khổ đau hoạn nạn đều đã trừ hết không còn sợ hãi.

Bạch Thế Tôn!

一切眾生有四毒箭則為病因。何等為四。

Nhất thiết chúng sanh hữu tứ độc tiễn tắc vi bệnh nhân. Hà đẳng vi tứ.

tất cả chúng sanh có bốn loại tên độc, đó là nguyên nhân của bệnh. Những gì là bốn?

貪欲瞋恚愚癡憍慢。若有病因則有病生。

Tham dục sân khuể ngu si kiêu mạn. Nhược hữu bệnh nhân tắc hữu bệnh sanh.

Tham dục, sân nhuế, ngu si, kiêu mạn, như có nguyên nhân của bệnh thì bệnh sanh.

所謂愛熱肺病上氣吐逆。膚體[疔+習][疔+習]其心悶亂。

Sở vị ái nhiệt phế bệnh thượng khí thổ nghịch. Phu thể tí tí kỳ tâm muộn loạn.

Đó là bệnh nóng phổi, bên trên thì hơi thở bị ngăn ngại, thân thể tê liệt, tinh thần sàu muộn,

下痢噉噎小便淋瀝。眼耳疼痛背滿腹脹。

Hạ lị uyết ế tiểu tiện lâm lịch. Nhãn nhĩ đông thống bối mãn phúc trương.

bên dưới thì bệnh kiết lị, tiểu giải chảy ra, mắt tai đau nhức, vai đau, bụng đầy,

顛狂乾乾消鬼魅所著。如是種種身心諸病。

Điên cuồng kiên kiên tiêu quỷ mị sở trú. Như thị chủng chủng thân tâm chư bệnh.

điên cuồng khô khốc, theo đường ma lối quỷ, thân tâm đều có các loại bệnh như vậy.

諸佛世尊悉無復有。

Chư Phật Thế tôn tất vô phục hữu.

Chư Phật Thế Tôn không có các bệnh đó.

今日如來何緣顧命文殊師利而作是言。我今背痛。汝等當為大眾說法。

Kim nhật Như Lai hà duyên cố mạng Văn-thù-sư-lợi nhi tác thị ngôn. Ngã kim bối thống. Nhữ đẳng đương vi đại chúng thuyết Pháp.

Nay Như Lai vì duyên gì nhìn Văn-thù-sư-lợi mà dạy rằng: Nay Ta đang đau lưng, các người phải vì mọi người thuyết pháp.

有二因緣則無病苦。何等為二。

Hữu nhị nhân duyên tắc vô bệnh khổ. Hà đẳng vi nhị.

Có hai nhân duyên khiến không còn bệnh khổ. Thế nào là hai?

一者憐愍一切眾生。二者給施病者醫藥。

Nhất giả liên mẫn nhất thiết chúng sanh. Nhị giả cấp thí bệnh giả y dược.

Một là thương xót tất cả chúng sanh, hai là luôn cho người bệnh mọi thứ thuốc men.

如來往昔已於無量萬億劫中修菩薩道。

Như Lai往昔積累無量劫修菩薩道。

Như Lai ngày xưa ở trong vô lượng vạn ức kiếp tu Bồ-tát đạo,

常行愛語利益眾生不令苦惱。施疾病者種種醫藥。

Thường hành ái ngữ lợi ích chúng sanh bất lệnh khổ não. Thí tật bệnh giả chủng chủng y dược.

thường thực hành ái ngữ lợi ích chúng sanh khiến cho họ không còn khổ đau, phiền não, bố thí cho người bệnh các thứ thuốc men,

何緣於今自言有病。世尊。世有病人或坐或臥不安處所。

Hà duyên ư kim tự ngôn hữu bệnh. Thế tôn. Thế hữu bệnh nhân hoặc tọa hoặc ngọa bất an xứ sở.

tại vì duyên gì nay tự nói mình có bệnh? Thế Tôn, thế gian có người bệnh hoặc ngồi, hoặc nằm đều không an ổn,

或索飲食勅誡家屬修治產業。

Hoặc tác ẩm thực sắc giới gia thuộc tu trì sản nghiệp.

hoặc tìm thức ăn uống, dạy bảo gia quyến lo kinh doanh sản nghiệp,

何故如來默然而臥。不教弟子聲聞人等。

Hà cố Như Lai mặc nhiên nhi ngọa. Bất giáo đệ tử thanh văn nhân đẳng.

tại sao Như Lai nằm lặng yên, không dạy các chúng đệ tử Thanh Văn v.v..

尸波羅蜜諸禪解脫三摩跋提修諸正勤。

Thi ba-la-mật chư Thiền giải thoát Tam-ma-bạt-đề tu chư chánh tinh cần.

thực hành Ba-la-mật, thiền giải thoát, Tam-ma-bạt-đề, tu tập Tứ chánh cần,

何緣不說如是甚深大乘經典。

Hà duyên bất thuyết như thị thậm thâm Đại thừa Kinh điển.

vì duyên gì Phật không nói kinh điển Đại thừa sâu xa như vậy?

如來何故不以無量方便教大迦葉人中象王諸大人等。

Như Lai hà cố bất dĩ vô lượng phương tiện giáo Đại Ca-diếp nhân trung Tượng Vương chư Đại nhân đẳng.

Như Lai tại sao không dùng vô lượng phương tiện dạy Đại Ca-diếp ở trong chúng làm vị voi Chúa v.v..

令不退於阿耨多羅三藐三菩提。

Lệnh bất thối ư A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。

khiến không còn thối chuyển ở quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề?

何故不治諸惡比丘受畜一切不淨物者。世尊。實無有病。

Hà cổ bất trị chư ác bỉ khâu thọ súc nhất thiết bất tịnh vật giả。 Thế tôn。 Thật vô hữu bệnh。

tại sao không trị phạt những Tỳ-kheo xấu ác nuôi giữ tất cả vật bất tịnh? Thế Tôn, thật không có bệnh,

云何默然右脇而臥。

Vân hà mặc nhiên hữu hiếp nhi ngọa。

tại sao lại im lặng nằm nghiêng hông bên phải?

諸菩薩等凡所給施病者醫藥所得善根。悉施眾生而共迴向一切種智。

Chư Bồ-tát đẳng phàm sở cấp thí bệnh giả y dược sở đắc thiện căn。 Tất thí chúng sanh nhi cộng hồi hướng nhất thiết chủng trí。

Chư Bồ-tát v.v.. đều cung cấp thuốc men cho người bệnh thì sẽ gieo trồng được thiện căn, 為除眾生諸煩惱障業障報障。煩惱障者。

Vì trừ chúng sanh chư phiền não chướng nghiệp chướng báo chướng。 Phiền não chướng giả。

vì đã trừ các nghiệp chướng, phiền não chướng, báo chướng cho chúng sanh. Phiền não chướng ấy,

貪欲瞋恚愚癡。

Tham dục sân khuể ngu si。

là tham dục, sân nhuế, ngu si,

忿怒纏蓋焦惱嫉妬慳慳恚奸詐諛諂無慚無愧。

Phẫn nộ triền cái tiêu não tật đố khan lận gian trá du siểm vô tâm vô quý。

phẫn nộ, triền cái, nhiệt não, tật đố xan, bõn sèn, gian trá, siểm nịnh, vô tâm vô quý, 慢慢慢不如慢增上慢我慢邪慢憍慢。放逸貢高對恨諍訟邪命諂媚。

Mạn mạn mạn bất như mạn tăng thượng mạn ngã mạn tà mạn kiêu mạn。 Phóng dật cống cao đỗi hận tránh tụng tà mạng siểm mị。

mạn, mạn quá mạn, tăng thượng mạn, ngã mạn, tà mạn, kiêu mạn, phóng dật cống cao, oán hận, tranh cãi, tà mạng, nịnh hót,

詐現異相以利求利惡求多求。無有恭敬不隨教誨。

Trá hiện dị tướng dĩ lợi cầu lợi ác cầu đa cầu。 Vô hữu cung kính bất tùy giáo hối。

trá hiện oai nghi để dùng lợi cầu lợi, cầu điều xấu ác, cầu nhiều. Không có sự cung kính không nghe lời dạy dỗ,

親近惡友貪利無厭纏縛難解。

Thân cận ác hữu tham lợi vô yếm triền phược nan giải。

gần gũi bạn ác, tham cầu danh lợi không biết chán, trói buộc khó mở được,

欲於惡欲貪於惡貪。身見有見及以無見。

Dục ư ác dục tham ư ác tham。 Thân kiến hữu kiến cập dĩ vô kiến。

mong muốn ái dục, tham những điều xấu ác, thân kiến, hữu kiến và vô kiến,

頻申熹睡欠喏不樂。貪嗜飲食其心[夢-夕+登]瞞。

Tần thân hỉ thụy khiếm hạp bất lạc。 Tham thị ẩm thực kỳ tâm đặng mặng。

luôn thích ngủ nhưng cứ ngáp hoài không vui, tham ăn uống nên tâm luôn mê mờ,

心緣異想不善思惟。身口多惡好熹多語。諸根闇鈍發言多虛。

Tâm duyên dị tưởng bất thiện tư duy。 Thân khẩu đa ác hảo hỉ đa ngữ。 Chư căn ám độn phát ngôn đa hư。

tâm luôn vọng tưởng suy nghĩ bất thiện, thân khẩu nhiều lỗi lại thích nói nhiều, các căn ám độn, luôn nói lời không thật,

常為欲覺悲覺害覺之所覆蓋。是名煩惱障。

Thường vi dục giác khuể giác hại giác chi sở phúc cái。 Thị danh phiền não chướng。

luôn che giấu cái biết về dục, cái biết về giận, cái biết về sự tổn hại, đó gọi là phiền não chướng。

業障者。五無間罪重惡之病。報障者。

Nghiệp chướng giả。 Ngũ vô gián tội trọng ác chi bệnh。 Báo chướng giả。

Nghiệp chướng ấy tội nặng như tội ngũ vô gián。 Báo chướng là

生在地獄畜生餓鬼。誹謗正法及一闍提。

Sanh tại Địa ngục súc sanh ngạ quỷ。 Phỉ báng chánh Pháp cập nhất xiển đề。

sanh vào các cõi Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, phỉ báng Chánh pháp và nhất-xiển-đề, 是名報障。如是三障名為大病。

Thị danh báo chướng. Như thị tam chướng danh vi Đại bệnh。

đó gọi là báo chướng. Ba chướng như vậy gọi là bệnh nặng,

而諸菩薩於無量劫修菩提時。給施一切疾病醫藥常作是願。

Nhi chư Bồ-tát ư vô lượng kiếp tu Bồ-đề thời. Cấp thí nhất thiết tật bệnh y dược thường tác thị nguyện。

mà các Bồ-tát lúc tu đạo Bồ-đề trong vô lượng kiếp, bố thí thuốc men cho những người tật bệnh thường phát nguyện thế này:

令諸眾生永斷如是三障重病。復次世尊。

Lệnh chư chúng sanh vĩnh đoạn như thị tam chướng trọng bệnh. Phục thứ Thế tôn。

Làm cho các chúng sanh mãi mãi chấm dứt ba chướng bệnh nặng. Lại nữa Thế Tôn, 菩薩摩訶薩修菩提時。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu Bồ-đề thời。

lúc các vị Bồ-tát Ma-ha-tát tu đạo Bồ-đề,

給施一切病者醫藥常作是願。

Cấp thí nhất thiết bệnh giả y dược thường tác thị nguyện。

bố thí thuốc men cho tất cả người bệnh thường phát nguyện thế này:

願令眾生永斷諸病得成如來金剛之身。又願一切無量眾生作妙藥王。

Nguyện lệnh chúng sanh vĩnh đoạn chư bệnh đắc thành Như Lai Kim cương chi thân. Hựu nguyện nhất thiết vô lượng chúng sanh tác diệu dược Vương。

Nguyện làm cho chúng sanh mãi mãi chấm dứt các bệnh chứng được thân Kim Cang của Như Lai, lại nguyện cho vô lượng tất cả chúng sanh được thuốc vi diệu,

斷除一切諸惡重病。願諸眾生得阿伽陀藥。

Đoạn trừ nhất thiết chư ác trọng bệnh. Nguyện chư chúng sanh đắc a-dà-đà dược。

để trừ được tất cả các điều ác như các bệnh nặng, nguyện các chúng sanh được thuốc A-dà-đà,

以是藥力能除一切無量惡毒。

Dĩ thị dược lực năng trừ nhất thiết vô lượng ác độc。

vì công hiệu của thuốc này có thể trừ tất cả vô lượng sự ác độc.

又願眾生於阿耨多羅三藐三菩提無有退轉。速得成就無上佛藥。

Hựu nguyện chúng sanh ư A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề vô hữu thoái chuyển. Tốc đắc thành tựu vô thượng Phật dược。

Lại nguyện cho chúng sanh không còn thối chuyển nơi A-nậu-đa-la-Tam-miệu-tam-bồ-đề,
nhanh chóng thành tựu thuốc Phật Vô thượng,

消除一切煩惱毒箭。

Tiêu trừ nhất thiết phiền não độc tiễn.

tiêu trừ tất cả phiền não, tên độc.

又願眾生勤修精進成就如來金剛之心。作微妙藥療治眾病。

Hựu nguyện chúng sanh tinh cần tu tinh tấn thành tựu Như Lai Kim cương chi tâm. Tác vi
diệu dược liệu trị chúng bệnh.

Lại nguyện cho chúng sanh tinh tấn siêng năng tu tập để thành tựu tâm kim cương của Như
Lai, được thuốc vi diệu trị liệu các bệnh tật,

不令有人生諍訟想。

Bất lệnh hữu nhân sanh tránh tụng tưởng.

không để người khác sanh ý nghĩ tranh cãi;

亦願眾生作大藥樹療治一切諸惡重病。

Diệc nguyện chúng sanh tác Đại dược thụ liệu trị nhất thiết chư ác trọng bệnh.

cũng nguyện chúng sanh được cây thuốc hay trị liệu tất cả các bệnh tật xấu ác nặng.

又願眾生拔出毒箭得成如來無上光明。

Hựu nguyện chúng sanh bạt xuất độc tiễn đắc thành Như Lai vô thượng quang minh.

Lại nguyện cho chúng sanh nhổ hết các tên độc, được thành tựu ánh sáng Vô thượng của
Như Lai.

又願眾生得入如來智慧大藥微密法藏。世尊。

Hựu nguyện chúng sanh đắc nhập Như Lai trí tuệ Đại dược vi mật Pháp tạng. Thế tôn.

Lại nguyện cho chúng sanh được vào pháp tạng nhiệm màu, trí tuệ sáng suốt của Như
Lai.

菩薩如是已於無量百千萬億那由他劫。發是誓願令諸眾生悉無復病。

Bồ-tát như thị dĩ ư vô lượng bách thiên vạn ức na-do-tha kiếp. Phát thị thệ nguyện lệnh
chư chúng sanh tất vô phục bệnh.

Như vậy Bồ-tát đã ở nơi vô lượng trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp, phát thệ nguyện như
vậy khiến chúng sanh đều không còn bệnh tật.

何緣如來乃於今日唱言有病。復次世尊。

Hà duyên Như Lai nãi ư kim nhật xướng ngôn hữu bệnh. Phục thứ Thế tôn.

Vì duyên gì ngày nay Như Lai tự nói mình có bệnh? Lại nữa Thế Tôn!

世有病人不能坐起俯仰進止。

Thế hữu bệnh nhân bất năng tọa khởi phủ ngưỡng tiến chỉ。

Thế gian có người bệnh không có thể đứng, ngồi, cúi xuống, thẳng người, tới lui,
飲食不御漿水不下。亦復不能教戒諸子修治家業。

âm thực bất ngự tương thủy bất hạ。Diệc phục bất năng giáo giới chư tử tu trì gia
nghiệp。

ăn uống không được, nước hồ cũng không nuốt nổi, cũng lại không có thể dạy dỗ con cái
chăm lo gia nghiệp。

爾時父母妻子兄弟親屬知識。

Nhĩ thời phụ mẫu thê tử huynh đệ thân chúc tri thức。

Lúc bấy giờ cha mẹ, vợ con, anh em, thân quyến, bạn bè

各於是人生必死想。世尊。如來今日亦復如是。

Các ư thị nhân sanh tất tử tưởng。 Thế tôn。 Như Lai kim nhật diệc phục như thị。

đều đối với người ấy mà nghĩ rằng người ấy sẽ chết。 Thế Tôn! Như Lai ngày nay cũng lại
như vậy,

右脇而臥無所論說。此閻浮提有諸愚人當作是念。

Hữu hiệp nhi ngoạ vô sở luận thuyết。 Thử Diêm-phù-đề hữu chư ngu nhân đương tác thị
niệm。

nằm nghiêng hông bên phải không nói năng gì。 Cõi Diêm-phù-đề này có những người ngu
sẽ nghĩ như thế này:

如來正覺必當涅槃生滅盡想。

Như Lai chánh giác tất đương Niết-Bàn sanh diệt tận tưởng。

Như Lai bậc Chánh Giác sẽ phải Niết-bàn chấm dứt sanh diệt,

而如來性實不畢竟入於涅槃。何以故。如來常住無變易故。

nhi Như Lai tánh thật bất tất cánh nhập ư Niết-Bàn。 Hà dĩ cố。 Như Lai thường trụ vô biến
dịch cố。

mà thật tánh của Như Lai không rớt ráo vào Niết-bàn。 Vì sao? Vì Như Lai thường trụ
không biến đổi。

以是因緣不應說言我今背痛。

Dĩ thị nhân duyên bất ứng thuyết ngôn ngã kim bối thống。

Vì nhân duyên ấy Như Lai không nên nói: Ta nay đau lưng?

復次世尊。

Phục thứ Thế tôn。

Lại nữa Thế Tôn!

世有病者身體羸損若偃若側臥著床褥。爾時家室心生惡賤起必死想。

Thế hữu bệnh giả thân thể luy tổn nhược yển nhược trác ngoạ trú sàng nhục。Nhĩ thời gia thất tâm sanh ác tiện khởi tất tử tưởng。

Thế gian có người bệnh thân thể hao gầy, hoặc nằm ngửa, hoặc nằm nghiêng trên giường nệm, lúc ấy người nhà khởi niệm xấu nghĩ rằng người này sẽ chết。

如來今者亦復如是。

Như Lai kim giả diệc phục như thị。

Nay Như Lai cũng lại như vậy,

當為外道九十五種之所輕慢生無常想。彼諸外道當作是言。

Đương vi ngoại đạo cửu thập ngũ chủng chi sở khinh mạn sanh vô thường tưởng。Bỉ chư ngoại đạo đương tác thị ngôn。

sẽ làm chín mười lăm phái ngoại đạo khinh mạn sanh niệm vô thường, các phái ngoại đạo kia sẽ nghĩ thế này:

不如我等以我性常自在時節微塵等法而為常住無有變易。

Bất như ngã đẳng dĩ ngã tánh thường tự-tại thời tiết vi trần đẳng Pháp nhi vi thường trụ vô hữu biến dịch。

Không như chúng ta cái Ngã là thường nên tự tại thì như vi trần, là pháp thường trụ không thay đổi,

沙門瞿曇無常所遷。是變易法。

Sa Môn Cồ Đàm vô thường sở Thiên。Thị biến dịch Pháp。

Sa-môn Cồ Đàm vô thường đã thay đổi, đó là pháp biến đổi。

以是義故。世尊。今日不應默然右脇而臥。

Dĩ thị nghĩa cố。Thế tôn。Kim nhật bất ứng mặc nhiên hữu hiệp nhi ngoạ。

Vì ý nghĩa đó cho nên, Thế Tôn ngày nay không nên im lặng nằm nghiêng hông bên phải như thế。

復次世尊。

Phục thứ Thế tôn。

Lại nữa Thế Tôn!

世有病者四大增損互不調適羸瘦乏極。是故不能隨意坐起臥著床褥。

Thế hữu bệnh giả tứ Đại tăng tổn hỗ bất điều thích luy sấu phạp cực。Thị cố bất năng tùy ý tọa khởi ngọa trú sàng nhục。

Thế gian có người bệnh, tứ đại hao tổn không có sự hỗ tương nhau nên rất ốm yếu, cho nên không thể tùy ý ngồi dậy phải nằm hoài trên giường đệm,
如來四大無不和適。身力具足亦無羸損。世尊。

Như Lai tứ đại vô bất hòa thích。Thân lực cụ túc diệc vô luy tổn。Thế tôn。
tứ đại Như Lai luôn hòa hợp, sức lực đầy đủ cũng không hao tổn。Thế Tôn!
如十小牛力不如一大牛力。

Như thập tiểu ngưu lực bất như nhất Đại ngưu lực。

Như sức mười con nghé không bằng sức một con trâu lớn,
十大牛力不如一青牛力。十青牛力不如一凡象力。

Thập Đại ngưu lực bất như nhất thanh ngưu lực。Thập thanh ngưu lực bất như nhất phàm tượng lực。

sức mười con trâu lớn không bằng một con trâu xanh, sức mười con trâu xanh không bằng sức một con voi bình thường,
十凡象力不如一野象力。十野象力不如一二牙象力。

Thập phàm tượng lực bất như nhất dã tượng lực。Thập dã tượng lực bất như nhất nhị nha tượng lực。

sức mười con voi bình thường không bằng sức một con voi vùng hoang dã, sức mười con voi hoang dã không bằng sức một hai con voi có nanh,
十二牙象力不如一四牙象力。

Thập nhị nha tượng lực bất như nhất tứ nha tượng lực。

sức mười hai con voi có nanh không bằng mười bốn con voi có nanh,
十四牙象力不如雪山一白象力。

Thập tứ nha tượng lực bất như tuyết sơn nhất bạch tượng lực。

sức mười bốn con voi có nanh không bằng sức một con voi trắng ở Tuyết Sơn。
十雪山白象力不如一香象力。十香象力不如一青象力。

Thập tuyết sơn bạch tượng lực bất như nhất hương tượng lực。Thập hương tượng lực bất như nhất thanh tượng lực。

mười con voi trắng ở Tuyết Sơn không bằng sức một con Hương Tượng, sức mười con Hương Tượng không bằng sức của một con voi xanh,

十青象力不如一黃象力。十黃象力不如一赤象力。

Thập thanh tượng lực bất như nhất hoàng tượng lực。Thập hoàng tượng lực bất như nhất xích tượng lực。

sức mười con voi xanh không bằng sức của một con voi vàng, sức mười con voi vàng không bằng sức một con voi đỏ,

十赤象力不如一白象力。十白象力不如一山象力。

Thập xích tượng lực bất như nhất bạch tượng lực。Thập bạch tượng lực bất như nhất sơn tượng lực。

sức mười con voi đỏ không bằng sức một con voi trắng, sức mười con voi trắng không bằng sức của một con voi núi,

十山象力不如一優鉢羅象力。

Thập sơn tượng lực bất như nhất Ưu bát la tượng lực。

sức mười con voi núi không bằng sức một con voi Ưu-bát-la,

十優鉢羅象力不如一拘物頭象力。

Thập Ưu bát la tượng lực bất như nhất Câu vật đầu tượng lực。

sức mười con voi Ưu-bát-la không bằng sức một con voi Câu-vật-đầu,

十拘物頭象力不如一分陀利象力。

Thập câu vật đầu tượng lực bất như nhất phân đà lợi tượng lực。

sức mười con voi Câu-vật-đầu không bằng sức một con voi Phân-đà-lợi,

十分陀利象力不如人中一力士力。十人中力士力不如一鉢健提力。

Thập phân đà lợi tượng lực bất như nhân trung nhất lực sĩ lực。Thập nhân trung lực sĩ lực bất như nhất bát kiện đề lực。

sức mười con voi Phân-đà-lợi không bằng sức một người lực sĩ, sức mười người lực sĩ không bằng sức của một Bát-kiền-đề,

十鉢健提力不如一八臂那羅延力。

Thập bát kiện đề lực bất như nhất bát tý na la duyên lực。

sức của mười Bát-kiền-đề, không bằng sức mười tám cánh tay của Na-la-diên,

十那羅延力不如一十住菩薩一節之力。

Thập na la duyên lực bất như nhất thập trụ Bồ-tát nhất tiết chi lực。

sức mười Na-la-diên không bằng một chi phần của một Bồ-tát Thập trụ,
一切凡夫身中諸節節不相到。人中力士節頭相到。

Nhất thiết phàm phu thân trung chư tiết tiết bất tướng đáo. Nhân trung lực sĩ tiết đầu
tướng đáo.

trong thân tất cả phàm phu các chi phần không cùng đến, trong người lực sĩ nối tiếp từ
đầu đến chân,

鉢健提身諸節相接。那羅延身節頭相拘。

Bát kiện đề thân chư tiết tướng tiếp. Na la duyên thân tiết đầu tướng câu.

thân Bát-kiền-đề các chi phần tương tiếp nhau, thân Na-la-diên chân đầu cũng nối với
nhau,

十住菩薩諸節骨解盤龍相結。是故菩薩其力最大。

Thập trụ Bồ-tát chư tiết cốt giải bàn long tướng kết. Thị cố Bồ-tát kỳ lực tối Đại.

Bồ-tát Thập trụ các chi, xương kết tướng bàn long, cho nên sức của Bồ-tát là mạnh nhất.
世界成時從金剛際起金剛座。

Thế giới thành thời tòng Kim cương tế khởi Kim cương tọa.

Lúc thế giới mới thành tựu thì từ hạt Kim cang nhỏ mà kết thành tòa Kim cang,
上至道場菩提樹下。菩薩坐已其心即時逮得十力。

Thượng chí đạo trường Bồ-đề thụ hạ. Bồ-tát tọa dĩ kỳ tâm tức thời đãi đắc thập lực.

Bồ-tát đi đến dưới cây ở Bồ-đề đạo tràng, sau khi tọa thiền xong Bồ-tát quán tâm chứng
được Thập lực.

如來今者不應如彼嬰孩小兒。

Như Lai kim giả bất ứng như bỉ anh hài tiểu nhi.

Nay Như Lai không nên như đứa trẻ kia,

嬰孩小兒愚癡無智無所能說。以是義故。隨意偃側無人譏訶。

Anh hài tiểu nhi ngu si vô trí vô sở năng thuyết. Dĩ thị nghĩa cố. Tùy ý yển trắc vô nhân
ky ha.

Vì đứa trẻ ngu si không có trí tuệ, không thể nói năng gì, vì nghĩa ấy cho nên tùy ý nằm
ngửa nằm nghiêng không ai trách mắng.

如來世尊有大智慧照明一切。

Như lai thế tôn hữu Đại trí tuệ chiếu minh nhất thiết.

Như Lai Thế Tôn bậc có trí tuệ lớn chiếu sáng tất cả,

人中之龍具大威德。成就神通無上仙人。

Nhân trung chi long cụ đại uy đức. Thành tựu Thần thông vô thượng Tiên nhân.

bậc long tượng trong loài người đầy đủ oai đức, thành tựu thần thông Vô thượng của bậc Tiên nhân,

永斷疑網已拔毒箭。進止安詳威儀具足得無所畏。

Vĩnh đoạn nghi võng dĩ bạt độc tiễn. Tiến chỉ an tường uy nghi cụ túc đắc vô sở úy.

vĩnh viễn chấm dứt lưới nghi, nhổ sạch tên độc, tới lui an tường, oai nghi đầy đủ, đạt được sự Vô úy.

今者何故右脇而臥。令諸人天悲愁苦惱。

Kim giả hà cố hữu hiếp nhi ngọa. Lệnh chư nhân Thiên bi sầu khổ não.

Nay tại sao Như Lai nằm nghiêng hông bên phải, khiến mọi Người, Trời buồn rầu, khổ não?

爾時迦葉菩薩。即於佛前而說偈言。

Nhĩ thời Ca-diếp Bồ-tát. Tức ư Phật tiền nhi thuyết kệ ngôn.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp liền ở trước Phật nói bài kệ rằng:

瞿曇大聖德 願起演妙法

Cồ Đàm Đại Thánh đức Nguyện khởi diễn diệu Pháp

Cồ Đàm bậc Thánh đức, Phát nguyện nói pháp màu,

不應如小兒 病者臥床席

Bất ứng như tiểu nhi Bệnh giả ngọa sàng tịch

Không nên như đứa trẻ, Bệnh liệt nằm trên giường,

調御天人師 倚臥雙樹間

Điều ngự Thiên Nhơn Sư Ý ngọa song thụ gian

Bậc Thầy của Trời Người, Mà nằm giữa hai cây

下愚凡夫見 當言必涅槃

Hạ ngu phàm phu kiến Đương ngôn tất Niết-Bàn

Kẻ phàm phu thấy thế, Sẽ nói Phật Niết-bàn,

不知方等典 甚深佛所行

Bất tri phương đẳng điển Thậm thâm Phật sở hạnh

Không biết kinh Phương Đẳng, Phật sở hành thâm sâu,

不見微密藏 猶盲不見道

Bất kiến vi mật tạng Do manh bất kiến đạo
 Không thấy pháp vi diệu, Người mù không thấy đạo,
 惟有諸菩薩 文殊師利等
 Duy hữu chư Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đẳng
 Chỉ có các Bồ-tát, Như Văn-thù-sư-lợi,
 能解是甚深 譬如善射者
 Năng giải thị thậm thâm Thí như thiện xạ giả
 Mới hiểu pháp sâu xa, Như người bắn tên hay,
 三世諸世尊 大悲為根本
 Tam thế chư Thế tôn Đại bi vi căn bản
 Chư Phật trong ba đời, Lấy Đại bi làm gốc,
 如是大慈悲 今為何所在
 Như thị Đại từ bi Kim vi hà sở tại
 Đại từ bi như vậy, Nay vì duyên cớ gì,
 若無大悲者 是則不名佛
 Nhược vô Đại bi giả Thị tắc bất danh Phật
 Như người không từ bi, Thì không gọi là Phật,
 佛若必涅槃 是則不名常
 Phật nhược tất Niết-Bàn Thị tắc bất danh thường
 Nếu Phật phải Niết-bàn, Thì không gọi là thường,
 惟願無上尊 哀受我等請
 Duy nguyện vô thượng tôn Ai thọ ngã đẳng thỉnh
 Cúi xin đấng Vô thượng, Bi miễn nhận lời con,
 利益於眾生 摧伏諸外道
 Lợi ích ư chúng sanh Tồi phục chư ngoại đạo
 Lợi ích các chúng sanh, Hàng phục các ngoại đạo.
 爾時世尊。大悲熏心知諸眾生各各所念。
 Nhĩ thời Thế tôn。Đại bi huân tâm tri chư chúng sanh các các sở niệm。
 Lúc bấy giờ Thế Tôn, với lòng Đại bi, biết mỗi mỗi tâm niệm của chúng sanh,
 將欲隨順畢竟利益。即從臥起結跏趺坐。
 Tương dục tùy thuận tất cánh lợi ích。Tức tòng ngoại khởi kết già phu tọa。

muốn tùy thuận rốt ráo làm lợi ích chúng sanh, lúc đang nằm liền thức dậy ngồi kiết già,
顏貌熙怡如融金聚。面目端嚴猶月盛滿。

Nhan mạo hi di như dung kim tụ. Diện mục đoan nghiêm do nguyệt thịnh mãn.
tướng mạo vui vẻ, như dung chứa sắc vàng, khuôn mặt đoan nghiêm như vầng trăng tròn,
形容清淨無諸垢穢。放大光明充遍虛空。

Hình dung thanh tịnh vô chư cấu uế. Phóng Đại quang minh sung biến hư không.
hình nghi thanh tịnh, không có cấu uế, phóng ánh sáng lớn biến khắp hư không,
其光大盛過百千日。

Kỳ quang Đại thịnh quá bách thiên nhật.

ánh sáng lớn ấy sáng hơn cả trăm ngàn mặt trời,

照于東方南西北方四維上下諸佛世界。惠施眾生大智之炬。悉令得滅無明黑闇。

Chiếu vu Đông phương Nam Tây Bắc phương tứ duy thượng hạ chư Phật thế giới. Huệ
thí chúng sanh Đại trí chi cự. Tất lệnh đắc diệt vô minh hắc ám.

chiếu khắp các cõi Phật phương Đông, Tây, Nam, Bắc, phương Trên, phương Dưới,
令百千億那由他眾生安止不退菩提之心。

Lệnh bách thiên ức na-do-tha chúng sanh an chỉ bất thối Bồ-đề chi tâm.

khiến trăm ngàn ức na-do-tha chúng sanh an ổn không thối tâm Bồ-đề.

爾時世尊。心無疑慮如師子王。

Nhĩ thời Thế tôn. Tâm vô nghi lự như Sư-tử Vương.

Lúc bấy giờ Thế Tôn tâm không do dự như Sư tử vương,

以三十二大人之相八十種好莊嚴其身。

Dĩ tam thập nhị Đại nhân chi tướng bát thập chủng hảo trang nghiêm kỳ thân.

dùng ba mươi hai tướng tốt của bậc đại nhân và tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm thân,
於其身上一切毛孔。一一毛孔出一蓮花。其花微妙各具千葉。

Ư kỳ thân thượng nhất thiết mao khổng. Nhất nhất mao khổng xuất nhất liên hoa. Kỳ
hoa vi diệu các cụ thiên diệp.

ở trên các lỗ chân lông trên thân, mỗi mỗi lỗ ấy phóng ra một hoa sen, trên mỗi hoa ấy có
đủ nghìn cánh,

純真金色。琉璃為莖。金剛為鬚。玫瑰為臺。

Thuần chân kim sắc. Lưu ly vi hành. Kim cương vi tu. Mân côi vi đài.

toàn bằng vàng thật, lưu ly làm cọng, kim cương làm nhụy, mai khô làm đài,

形大團圓猶如車輪。

Hình đại đoàn viên do như xa luân。

hình dáng to lớn, giống như bánh xe,

是諸蓮花各出種種雜色光明。青黃赤白紫頗梨色。

Thị chư liên hoa các xuất chủng chủng tạp sắc quang minh。 Thanh hoàng xích bạch tử pha lê sắc。

các hoa sen ấy phát ra nhiều màu sáng, xanh, vàng, đỏ, trắng, tím, pha lê,

是諸光明皆悉遍至阿鼻地獄想地獄黑繩地獄眾合地獄叫喚

Thị chư quang minh giai tất biến chí A-tì Địa ngục Tưởng Địa ngục Hắc Thằng Địa ngục Chúng Hợp Địa ngục Khiếu Hoán

các màu sắc sáng ấy đều chiếu đến tận Địa ngục A-tì, Địa ngục Tưởng, Địa ngục Hắc Thằng, Địa ngục Chúng Hợp, Địa ngục Khiếu Hoán,

地獄大叫喚地獄焦熱地獄大焦熱地獄。

Địa ngục Đại Khiếu Hoán Địa ngục Tiêu Nhiệt Địa ngục Đại Tiêu Nhiệt Địa ngục。

Địa ngục Đại Khiếu Hoán, Địa ngục Tiêu Nhiệt, Địa ngục Đại Tiêu Nhiệt。

是八地獄其中眾生常為諸苦之所逼切。

Thị bát Địa ngục kỳ trung chúng sanh thường vi chư khổ chi sở bức thiết。

Trong tám địa ngục ấy chúng sanh thường bị các khổ bức bách,

所謂燒煮火炙斫刺被剝。

Sở vị thiêu chử hỏa chích chước thứ phi bác。

như là thiêu đốt, nấu nướng, đâm chết rồi bóc da,

遇斯光已如是眾苦悉滅無餘。安隱清涼快樂無極。

Ngộ tư quang dĩ như thị chúng khổ tất diệt vô dư。 An ổn thanh lương khoái lạc vô cực。

thấy được ánh sáng này rồi các khổ như vậy đều diệt hết không còn, an ổn, mát mẻ, khoái lạc vô cùng。

是光明中宣說如來祕密之藏。言諸眾生皆有佛性。

Thị quang minh trung tuyên thuyết Như Lai bí mật chi tạng。 Ngôn chư chúng sanh giai hữu Phật tánh。

Trong ánh sáng ấy nói lên pháp tạng nhiệm màu của Như Lai, nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh。

眾生聞已即便命終生人天中。乃至八種寒水地獄。

Chúng sanh vẫn dĩ tức tiện mạng chung sanh nhân Thiên trung。 Nãi chí bát chủng hàn băng Địa ngục。

Chúng sanh nghe rồi liền mạng chung được sanh vào cõi Người, Trời. Cho đến tám Địa ngục lạnh,

所謂阿波波地獄阿吒吒地獄阿羅羅地獄

Sở vị A-ba-ba Địa ngục A-trá-trá Địa ngục A-la-la Địa ngục như là Địa ngục A-ba-ba, Địa ngục A-trá-trá, Địa ngục A-la-la,

阿婆婆地獄優鉢羅地獄波頭摩地獄拘物頭地獄分陀利地獄。

A-bà-bà Địa ngục Ưu-bát-la Địa ngục Ba-đầu-ma Địa ngục Câu-vật-đầu địa ngục phân đà lợi Địa ngục。

Địa ngục A-bà-bà, Địa ngục Ưu-bát-la, Địa ngục Ba-đầu-ma, Địa ngục Câu-vật-đầu, Địa ngục Phân-đà-lợi.

是中眾生常為寒苦之所逼惱。所謂擘裂身體碎壞互相殘害。

Thị trung chúng sanh thường vi hàn khổ chi sở bức nảo。 Sở vị phách liệt thân thể toái hoại hồ tương tàn hại。

Chúng sanh ở trong ấy thường bị cái khổ của sự lạnh bức bách, như là xé nát, đập vụn thân thể, tàn hại lẫn nhau,

遇斯光已如是等苦亦滅無餘。即得調和溫煖適身。

Ngộ tư quang dĩ như thị đẳng khổ diệt diệt vô dư。 Tức đắc điều hòa uân noãn thích thân。

thấy ánh sáng ấy rồi những khổ như vậy đều được diệt trừ hết, thân liền được điều hòa khiến trở nên ấm áp.

是光明中亦說如來祕密之藏。

Thị quang minh trung diệt thuyết Như Lai bí mật chi tạng。

Trong ánh sáng ấy nói lên pháp tạng nhiệm màu của Như Lai,

言諸眾生皆有佛性。眾生聞已即便命終生人天中。

Ngôn chư chúng sanh giai hữu Phật tánh。 Chúng sanh vẫn dĩ tức tiện mạng chung sanh nhân Thiên trung。

nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, chúng sanh nghe rồi liền mạng chung được sanh vào cõi Người, Trời.

爾時於此閻浮提界及餘世界。

Nhĩ thời ư thử Diêm-phù-đề giới cập dư thế giới。
Lúc bấy giờ ở cõi Diêm-phù-đề và các cõi khác,
所有地獄皆悉空虛無受罪者。除一闍提。
Sở hữu Địa ngục giai tất không hư vô thọ tội giả。 Trừ nhất xiển đề。
tất cả những Địa ngục đều trống rỗng không có người thọ quả báo, trừ hạng người Nhất-xiển-đề。
餓鬼眾生飢渴所逼以髮纏身。於百千歲未曾得聞漿水之名。
Ngạ quỷ chúng sanh cơ khát sở bức dĩ phát triển thân。 Ư bách thiên tuế vị tăng đắc văn
tương thủy chi danh。
Chúng sanh trong cõi Ngạ quỷ đói khát bức bách lấy tóc trói thân, trong trăm ngàn năm
chưa từng nghe đến tên cơm nước,
遇斯光已飢渴即除。
Ngộ tư quang dĩ cơ khát tức trừ。
gặp được ánh sáng này rồi đói khát liền tiêu trừ。
是光明中亦說如來微密祕藏。言諸眾生皆有佛性。
Thị quang minh trung diệc thuyết Như Lai vi mật bí tạng。 Ngôn chư chúng sanh giai hữu
Phật tánh。
Trong ánh sáng ấy cũng nói lên pháp tạng nhiệm màu của Như Lai, nói rằng tất cả chúng
sanh đều có Phật tánh。
眾生聞已即便命終生人天中。令諸餓鬼亦悉空虛。
Chúng sanh văn dĩ tức tiện mạng chung sanh nhân Thiên trung。 Lệnh chư ngạ quỷ diệc
tất không hư。
Chúng sanh nghe rồi thì khi mạng chung được sanh vào cõi Người, Trời, khiến các Ngạ
quỷ cũng đều trống rỗng,
除謗大乘方等正典。畜生眾生互相殺害共相殘食。
Trừ báng Đại thừa phương đẳng chánh điển。 Súc sanh chúng sanh hổ tương sát hại
cộng tương tàn thực。
trừ người chê bai Kinh điển Phương Đẳng Đại thừa。 Chúng sanh trong cõi Súc sanh giết
hại ăn thịt lẫn nhau,
遇斯光已恚心悉滅。
Ngộ tư quang dĩ khuể tâm tất diệt。

thấy được ánh sáng này rồi tâm sân giận đều tiêu hết.

是光明中亦說如來祕密之藏。言諸眾生皆有佛性。

Thị quang minh trung diệc thuyết Như Lai bí mật chi tạng。Ngôn chư chúng sanh giai hữu Phật tánh。

Trong ánh sáng ấy cũng nói lên Pháp tạng nhiệm màu của Như Lai, nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

眾生聞已即便命終生人天中。當爾之時畜生亦盡除謗正法。

Chúng sanh vẫn dĩ tức tiện mạng chung sanh nhân Thiên trung。Đương nhĩ chi thời súc sanh diệc tận trừ báng chánh Pháp。

chúng sanh nghe rồi thì khi mạng chung được sanh vào cõi Người, Trời. Lúc bấy giờ các súc sanh cũng không còn, trừ người hủy báng Chánh pháp,

是——花各有一佛。圓光一尋金色晃曜。

Thị nhất nhất hoa các hữu nhất Phật。Viên Quang nhất tầm kim sắc quang diệu。

mỗi mỗi hoa ấy đều có một vị Phật, ánh sáng tròn rộng tới tám thước sắc vàng chói rực, 微妙端嚴最上無比。

Vi diệu đoan nghiêm tối thượng vô bỉ。

đoan nghiêm vi diệu tối thượng không gì bằng,

三十二相八十種好莊嚴其身。是諸世尊。或有坐者。或有行者。

Tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo trang nghiêm kỳ thân。Thị chư Thế tôn。Hoặc hữu tọa giả。Hoặc hữu hành giả。

dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm thân, chư vị Thế Tôn, có người ngồi, hoặc có người đi,

或有臥者。或有住者。或有震雷音者。或澍雨者。

Hoặc hữu ngọa giả。Hoặc hữu trụ giả。Hoặc hữu chấn lôi âm giả。Hoặc chú vũ giả。

hoặc có người nằm, hoặc có người đứng, hoặc có tiếng sấm chớp, hoặc có tiếng mưa, 或放電光。或復興風。或出煙焰身如火聚。

Hoặc phóng điện quang。Hoặc phục hưng phong。Hoặc xuất yên diệm thân như hỏa tụ。

hoặc phát ra điện chớp, hoặc lại nổi gió, hoặc ra khói lửa thân như đám lửa,

或復示現七寶諸山。池泉河水山林樹木。

Hoặc phục thị hiện thất bảo chư sơn。Trì tuyên hà thủy sơn lâm thụ mộc。

hoặc lại hiện ra các núi bảy báu, ao, suối, sông núi, rừng cây,
或復示現七寶國土城邑聚落宮殿屋宅。

Hoặc phục thị hiện thất bảo quốc thổ thành ấp tụ lạc cung điện ốc trạch.
hoặc lại hiện ra nhà cửa, cung điện, làng xóm, thành ấp, quốc độ bằng bảy báu,
或復示現象馬師子虎狼孔雀鳳凰諸鳥。

Hoặc phục thị hiện tượng Mã sư tử hổ lang Khổng-tước phượng hoàng chư diệu.
hoặc lại hiện ra voi, ngựa, sư tử, cọp, chó sói, các loài chim Khổng tước, Phượng hoàng,
或復示現令閻浮提所有眾生悉見地獄畜生餓鬼。

Hoặc phục thị hiện lệnh Diêm-phù-đề sở hữu chúng sanh tất kiến Địa ngục súc sanh ngạ
quỷ。

hoặc lại hiện ra các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, khiến chúng sanh trong cõi Diêm-
phù-đề đều thấy được,
或復示現欲界六天。復有世尊。

Hoặc phục thị hiện dục giới lục Thiên. Phục hữu Thế tôn。

hoặc lại hiện sáu cõi trời Dục giới. Lại có Thế Tôn,
或說陰界諸入多諸過患。或復有說四聖諦法。

Hoặc thuyết uẩn giới chư nhập đa chư quá hoạn. Hoặc phục hữu thuyết tứ Thánh đế
Pháp。

hoặc nói các Uẩn, Giới, Nhập rất nhiều nỗi lo, hoặc lại nói pháp Tứ Thánh Đế,
或復有說諸法因緣。

Hoặc phục hữu thuyết chư Pháp nhân duyên。

hoặc lại nói nhân duyên các pháp,
或復有說諸業煩惱皆因緣生。或復有說我與無我。或復有說苦樂二法。

Hoặc phục hữu thuyết chư nghiệp phiền não giai nhân duyên sanh. Hoặc phục hữu
thuyết ngã dữ vô ngã. Hoặc phục hữu thuyết khổ lạc nhị Pháp。

hoặc lại nói tất cả các nghiệp, phiền não đều do duyên sanh, hoặc lại nói Ngã và Vô ngã,
hoặc nói hai pháp khổ và vui,
或復有說常無常等。或復有說淨與不淨。

Hoặc phục hữu thuyết thường vô thường đẳng. Hoặc phục hữu thuyết tịnh dữ bất tịnh。

hoặc lại nói Thường, Vô thường v.v..., hoặc lại nói các pháp tịnh hay bất tịnh
復有世尊為諸菩薩演說所行六波羅蜜。

Phục hữu Thế tôn vì chư Bồ-tát diễn thuyết sở hạnh lục ba la mật。
hoặc có Thế Tôn vì các Bồ-tát đã nói những việc làm của Lục độ Ba-la-mật,
或復有說諸大菩薩所得功德。
Hoặc phục hữu thuyết chư Đại Bồ-tát sở đắc công đức。
hoặc nói công đức của các bậc Đại Bồ-tát,
或復有說諸佛世尊所得功德。或復有說聲聞之人所得功德。
Hoặc phục hữu thuyết chư Phật Thế tôn sở đắc công đức。 Hoặc phục hữu thuyết thanh
văn chi nhân sở đắc công đức。
hoặc lại nói công đức của chư Phật Thế Tôn, hoặc lại nói công đức của các bậc Thanh
văn,
或復有說隨順一乘。或復有說三乘成道。
Hoặc phục hữu thuyết tùy thuận nhất thừa。 Hoặc phục hữu thuyết tam thừa thành đạo。
hoặc lại nói thuận theo Nhất thừa, hoặc lại nói thành đạo từ Tam thừa,
或有世尊左脇出水右脇出火。
Hoặc hữu Thế tôn tả hiệp xuất thủy hữu hiệp xuất hỏa。
hoặc có Thế Tôn hông trái ra nước, hông phải ra lửa,
或有示現初生出家坐於道場菩提樹下轉妙法輪入于涅槃。
Hoặc hữu thị hiện sơ sanh xuất gia tọa ư đạo trường Bồ-đề thụ hạ chuyển diệu Pháp luân
nhập vu Niết-bàn。
hoặc lại thị hiện từ sơ sanh, xuất gia ngồi dưới gốc cây ở Bồ-đề đạo tràng, chuyển bánh
xe Diệu pháp, rồi nhập Niết-bàn,
或有世尊作師子吼。
Hoặc hữu Thế tôn tác Sư-tử hống。
hoặc có Thế Tôn rống tiếng rống sư tử
令此會中有得一果二果三果至第四果。
Lệnh thử hội trung hữu đắc nhất quả nhị quả tam quả chí đệ tứ quả。
khiến trong chúng hội này có người chứng Nhất quả, Nhị quả, Tam quả, cho đến Tứ quả,
或復有說出離生死無量因緣。爾時於此閻浮提中。
Hoặc phục hữu thuyết xuất ly sanh tử vô lượng nhân duyên。 Nhĩ thời ư thử Diêm-phù-đề
trung。

hoặc lại nói ra vô lượng nhân duyên để xa lìa sanh tử, lúc bấy giờ trong cõi Diêm-phù-đề này,

所有眾生遇斯光已。盲者見色。聾者聽聲。啞者能言。

Sở hữu chúng sanh ngộ tư quang dĩ. Manh giả kiến sắc. Lung giả thính thanh. Ách giả năng ngôn.

tất cả chúng sanh thấy được ánh sáng đó rồi thì người mù được thấy sắc, người điếc thì nghe được âm thanh, người câm thì có thể nói,

拘躄能行。貧者得財。慳者能施。患者慈心。

Câu tích năng hành. Bần giả đắc tài. Khan giả năng thí. Khuể giả từ tâm.

người què thì có thể đi, người nghèo thì được của cải, người keo kiệt thì phát tâm bố thí, người sân giận thì khởi tâm từ,

不信者信。如是世界無一眾生修行惡法。除一闍提。

Bất tín giả tín. Như thị thế giới vô nhất chúng sanh tu hành ác Pháp. Trừ nhất xiển đề. người không tin thì khởi lòng tin, thế giới như vậy không còn một chúng sanh nào tu theo các pháp ác, trừ hạng người Nhất-xiển-đề.

爾時一切天龍鬼神乾闥婆阿修羅迦樓羅

Nhĩ thời nhất thiết Thiên Long quỷ Thần Càn thát bà A-tu-La Ca-lâu-la

Lúc bấy giờ tất cả Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la,

緊那羅摩睺羅伽羅剎健陀憂摩陀阿婆魔羅

Khẩn-na-la Ma-hầu-la-dà La sát Kiện-đà Ưu-ma-đà A-bà-ma-la

Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, La-sát, Kiện-đà Ưu-ma-đà, A-bà-ma-la,

人非人等。悉共同聲唱如是言。善哉善哉。

Nhân phi nhân đẳng. Tất cộng đồng thanh xưng như thị ngôn. Thiện tai Thiện tai. nhân và phi nhân v.v.. đều đồng cất tiếng nói lời như thế này: Hay thay! Hay thay!

無上天尊。多所利益。說是語已踊躍歡喜。

Vô thượng Thiên tôn. Đa sở lợi ích. Thuyết thị ngữ dĩ dũng dược hoan hỷ.

Bậc Thế Tôn Vô thượng! Đã mang nhiều lợi ích! Nói lời như vậy rồi vui mừng hơn hờ, hoặc ca hoặc舞. hoặc thân động chuyển. 以種種花散佛及僧。

Hoặc ca hoặc vũ. Hoặc thân động chuyển. Dĩ chủng chủng hoa tán Phật cập tăng.

hoặc ca hoặc múa, hoặc chuyển động thân, dùng các loại hoa rải lên cúng dường Phật và Tăng.

所謂天優鉢羅花。拘物頭花。波頭摩花。分陀利花。

Sở vị Thiên Ưu-bát-la hoa. Câu-vật-đầu hoa. Ba-đầu-ma hoa. Phân-đà-lợi hoa.
Như là hoa Thiên Ưu-bát-la, hoa Câu-vật-đầu, hoa Ba-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi,
曼陀羅花摩訶曼陀羅花。

Mạn-đà-la hoa Ma-Ha Mạn-đà-la hoa。

hoa Mạn-đà-la, hoa Ma-Ha Mạn-đà-la,

曼殊沙花摩訶曼殊沙花。散陀那花摩訶散陀那花。

Mạn-thù-sa hoa Ma-Ha Mạn-thù-sa hoa。Tán-đà-na hoa Ma-Ha Tán-đà-na hoa。

hoa Mạn-thù-sa, hoa Ma-ha Mạn-thù-sa, hoa Tán-đà-na, hoa Ma-ha Tán-đà-na,
盧脂那花摩訶盧脂那花。香花大香花。

Lô-chi-na hoa Ma-Ha Lô-chi-na hoa。Hương hoa Đại hương hoa。

hoa Lô-chi-na, hoa Ma-ha Lô-chi-na, hoa Hương, hoa Đại hương,

適意花大適意花。愛見花大愛見花。端嚴花第一端嚴花。

Thích ý hoa Đại Thích ý hoa。Ái kiến hoa Đại ái kiến hoa。Đoan nghiêm hoa đệ nhất
đoan nghiêm hoa。

hoa Thích ý, hoa Đại thích ý, hoa Ái kiến, hoa Đại ái kiến, hoa Đoan nghiêm, hoa Đệ nhất
đoan nghiêm。

復散諸香。

Phục tán chư hương。

Lại rải các loại hương,

所謂沈水多伽樓香栴檀鬱金和合雜香海岸聚香。復以天上寶幢幡蓋。

Sở vị trầm thủy Đa-ga-lâu hương chiên đàn Uất-kim hòa hợp tạp hương hải ngạn tụ
hương。Phục dĩ Thiên thượng bảo tràng phiên cái。

như là hương trầm thủy, Đa-dà-lâu, hương Chiên đàn Uất-kim, trộn lẫn các thứ hương,

hương Hải ngạn tụ, lại dùng tràng báu, phan, lọng của cõi Trời,

諸天伎樂箏笛笙瑟。篳篥鼓吹。供養於佛。

Chư Thiên kĩ nhạc tranh địch sanh sắt。Không hầu cổ xuy。Cung dưỡng ư Phật。

các loại nhạc cụ của Chư Thiên như đàn tranh, sáo, cái sanh sắt, không hầu, kèn trống,
thổi lên cúng dường chư Phật

而說偈言。

nhi thuyết kệ ngôn。

mà nói kệ rằng:

我今稽首大精進 無上正覺兩足尊
Ngã kim kê thủ Đại tinh tấn Vô thượng Chánh giác Lương túc tôn
Con nay tinh tấn đánh lễ Ngài, Đấng Chánh Giác Vô thượng Lương túc
天人大眾所不知 惟有瞿曇乃能了
Thiên Nhơn Đại chúng sở bất tri Duy hữu Cồ Đàm nãi năng liễu
Trời người chúng sanh không thể biết, Chỉ có Cồ Đàm mới hiểu được
世尊往昔為我故 於無量劫修苦行
Thế tôn往昔 tích vi ngã cố Ư vô lượng kiếp tu khổ hạnh
Thế Tôn ngày xưa đã vì con, Trong vô lượng kiếp tu khổ hạnh,
如何一旦放本誓 而便捨命欲涅槃
Như hà nhất đán phóng bản thệ Nhi tiện xả mạng dục Niết-Bàn
Tại sao thoáng chốc xả thệ nguyện? Mà vội xả thân vào Niết-bàn,
一切眾生不能見 諸佛世尊祕密藏
Nhất thiết chúng sanh bất năng kiến Chư Phật Thế tôn bí mật tạng
Tất cả chúng sanh không thể thấy, Pháp tạng bí mật của Thế Tôn,
以是因緣難得出 輪轉生死墜惡道
Dĩ thị nhân duyên nan đắc xuất Luân chuyển sanh tử trụ ác đạo
Vì nhân duyên ấy khó ra được, Luân chuyển sanh tử rơi đường ác,
如佛所說阿羅漢 一切皆當至涅槃
Như Phật sở thuyết A La Hán Nhất thiết giai đương chí Niết-Bàn
Như lời Phật dạy A-la-hán, Tất cả đều phải vào Niết-bàn,
如是甚深佛行處 凡夫下愚誰能知
Như thị thậm thâm Phật hành xứ Phàm phu hạ ngu thù năng tri
Việc làm Phật sâu xa như vậy, Phàm phu ngu muội ai biết được,
施諸眾生甘露法 為欲斷除諸煩惱
Thí chư chúng sanh cam lộ Pháp Vi dục đoạn trừ chư phiền não
Ban pháp cam lồ cho chúng sanh, Vì muốn đoạn trừ các phiền não,
若有服此甘露已 不復受生老病死
Nhược hữu phục thử cam lộ dĩ Bất phục thọ sanh lão bệnh tử
Nếu có được cam lồ ấy rồi, Không còn chịu sanh già bệnh chết,

如來世尊以療治 百千無量諸眾生
 Như lai thế tôn dĩ liệu trì Bách thiên vô lượng chư chúng sanh
 Như Lai Thế Tôn đã chữa trị, Trăm ngàn vô lượng các chúng sanh,
 令其所有諸重病 一切消滅無遺餘
 Lệnh kỳ sở hữu chư trọng bệnh Nhất thiết tiêu diệt vô di dư
 Khiến cho tất cả các bệnh nặng, Đều được tiêu trừ không còn nữa,
 世尊久已捨病苦 故得名為第七佛
 Thế tôn cửu dĩ xả bệnh khổ Cố đắc danh vi đệ thất Phật
 Thế Tôn lia bệnh khổ từ lâu, Cho nên gọi là Phật thứ bảy
 惟願今日雨法雨 潤濟我等功德種
 Duy nguyện kim nhật vũ Pháp vũ Nhuận tí ngã đẳng công đức chủng
 Cúi xin hôm nay mưa pháp nhũ, Thấm vào công đức của chúng con,
 是故大眾及人天 如是請已默然住
 Thị cố Đại chúng cập nhân Thiên Như thị thỉnh dĩ mặc nhiên trụ
 Cho nên Đại chúng và trời người, Thỉnh như vậy xong đứng yên lặng,
 說是偈時。蓮花臺中一切諸佛。
 Thuyết thị kệ thời。Liên hoa đài trung nhất thiết chư Phật。
 Lúc nói kệ đó, tất cả chư Phật trong đài sen,
 從閻浮提遍至淨居悉皆聞之。爾時佛告迦葉菩薩。
 Tòng Diêm-phù-đề biến chí tịnh cư tất giai văn chi。Nhĩ thời Phật cáo Ca-diếp Bồ-tát。
 từ cõi Diêm-phù-đề rộng đến cõi Tịnh Cư thấy đều nghe thấy. Lúc bấy giờ Phật dạy Bồ-tát
 Ca-diếp:
 善哉善哉。善男子。
 Thiện tai Thiện tai。Thiện nam tử。
 Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử!
 汝已具足如是甚深微妙智慧。不為一切諸魔外道之所破壞。善男子。
 Nhữ dĩ cụ túc như thị thậm thâm vi diệu trí tuệ。Bất vi nhất thiết chư ma ngoại đạo chi sở
 phá hoại。Thiện nam tử。
 Người đã đầy đủ trí tuệ vi diệu sâu xa như vậy, là người mà tất cả ma quỷ ngoại đạo
 không thể phá hoại. Thiện nam tử,
 汝已安住不為一切諸邪惡風之所傾動。

Nhữ dĩ an trú bất vi nhất thiết chư tà ác phong chi sở khuynh động。
Người đã an trụ, các ngọn gió xấu ác, tà vạy, không thể làm dao động.

善男子。汝已成就樂說辯才。

Thiện nam tử。Nhữ dĩ thành tựu lạc thuyết biện tài。

Thiện nam tử! Người đã thành tựu biện tài vô ngại,
已曾供養過去無量恒河沙等諸佛世尊。

Dĩ tăng cung dưỡng quá khứ vô lượng hằng hà sa đấng chư Phật Thế tôn。
đã từng cúng dưỡng vô lượng Hằng hà sa chư Phật Thế Tôn trong quá khứ,
是故能問如來正覺如是之義。善男子。

Thị cố năng vấn Như Lai chánh giác như thị chi nghĩa。Thiện nam tử。
cho nên có thể hỏi Như Lai nghĩa của Chánh Giác như vậy。Thiện nam tử!
我於往昔無量無邊億那由他百千萬劫。已除病根永離倚臥。迦葉。

Ngã ư vãng tích vô lượng vô biên ức na-do-tha bách thiên vạn kiếp。Dĩ trừ bệnh căn vĩnh
ly ỷ ngọa。Ca-diếp。

Ngày xưa, Ta ở nơi vô lượng vô biên ức na-do-tha trăm nghìn vạn kiếp, đã trừ đi cội rễ của
bệnh, vĩnh viễn không nằm. Này Ca-diếp!

過去無量阿僧祇劫有佛出世。

Quá khứ vô lượng A-tăng-kì kiếp hữu Phật xuất thế。

Trong vô lượng A-tăng-kì kiếp thời quá khứ có Phật ra đời,
號無上勝如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

Hiệu Vô Thượng Thắng Như Lai Ứng Cúng Chánh-biến-tri Minh-hạnh-túc Thiện Thệ Thế
Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế tôn。

hiệu là Vô Thượng Thắng Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri Minh Hạnh Túc Thiện Thệ
Thế Gian Giải Vô Thượng Sĩ Điều Ngự Trượng Phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế Tôn,
為諸聲聞說是大乘大涅槃經。開示分別顯發其義。

Vi chư thanh văn thuyết thị Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh。Khai kì phân biệt hiển phát kỳ
nghĩa。

vì các Thanh Văn nói kinh Đại thừa Đại Niết-bàn, khai ngộ phân tích rõ ràng nghĩa của
Kinh ấy。

我於爾時亦為彼佛而作聲聞。受持如是大涅槃典。

Ngã ư nhĩ thời diệc vi bỉ Phật nhi tác Thanh Văn。Thọ trì như thị Đại Niết-bàn điển。

Lúc bấy giờ Ta cũng làm Thanh văn ở chỗ Phật kia, thọ trì kinh Đại Niết-bàn như vậy, 讀誦通利書寫經卷。

Độc tụng thông lợi thư tả Kinh quyển。

đọc tụng được lợi ích, viết chép thành Kinh,

廣為他人開示分別解說其義。以是善根迴向阿耨多羅三藐三菩提。

Quảng vi tha nhân khai kì phân biệt giải thuyết kỳ nghĩa。 Dĩ thị thiện căn hồi hương A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。

rộng vì người nói, khai ngộ phân biệt giảng giải nghĩa ấy, đem căn lành ấy hồi hương cầu quả A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề,

善男子。

Thiện nam tử。

Thiện nam tử!

我從是來未曾有惡煩惱業緣墮於惡道。誹謗正法作一闍提。

Ngã tòng thị lai vị tằng hữu ác phiền não nghiệp duyên đọa ư ác đạo。 Phỉ báng chánh Pháp tác nhất xiển đề。

Ta từ đó đến nay chưa từng có nghiệp duyên phiền não xấu ác để đọa vào ác đạo, phỉ báng chánh pháp làm Nhất-xiển-đề,

受黃門身無根二根。

Thọ hoàng môn thân vô căn nhị căn。

thọ thân hoàng môn không căn hai căn,

反逆父母殺阿羅漢破塔壞僧出佛身血犯四重禁。從是已來身心安隱無諸苦惱。

Phản nghịch phụ mẫu sát A-la-hán phá tháp hoại tăng xuất Phật thân huyết phạm tứ trọng cấm。 Tòng thị dĩ lai thân tâm an ổn vô chư khổ não。

chống trái cha mẹ, giết A-la-hán, phá tháp hoại Tăng, làm thân Phật chảy máu, phạm bốn trọng Giới, từ đó đến nay thân tâm an ổn không còn khổ não。

迦葉。我今實無一切疾病。所以者何。

Ca-diếp。 Ngã kim thật vô nhất thiết tật bệnh。 Sở dĩ giả hà。

Này Ca-diếp! Ta nay thật không còn tất cả bệnh tật。 Vì sao?

諸佛世尊久已遠離一切病故。 迦葉。

Chư Phật Thế tôn cửu dĩ viễn li nhất thiết bệnh cố。 Ca-diếp。

Vì chư Phật Thế Tôn đã lâu xa lìa tất cả bệnh。 Này Ca-diếp!

是諸眾生不知大乘方等密教。

Thị chư chúng sanh bất tri Đại thừa phương đẳng Mật Giáo。

Các chúng sanh ấy không biết giáo nghĩa thâm sâu của kinh Đại thừa Phương Đẳng, 便謂如來真實有疾迦葉。如言如來人中師子。

Tiện vị Như Lai chân thật hữu tật Ca-diếp。 Như ngôn Như Lai nhân trung Sư tử。 liền nghĩ Như Lai thật có bệnh tật。 Ca-diếp! Như nói Như Lai là Sư tử trong loài người, 而如來者實非師子。如是之言即是如來祕密之教。迦葉。

Nhi Như Lai giả thật phi Sư tử。 Như thị chi ngôn tức thị Như Lai bí mật chi giáo。 Ca-diếp。

mà Như Lai thật không phải là sư tử。 Ngôn lời như vậy tức là giáo lý bí mật của Như Lai。 Ca-diếp!

如言如來人中大龍。

Như ngôn Như Lai nhân trung đại long。

Như nói Như Lai là rồng lớn trong loài người, 而我已於無量劫中捨離是業。迦葉。如言如來是人是天。

Nhi ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung xả ly thị nghiệp。 Ca-diếp。 Như ngôn Như Lai thị nhân thị Thiên。

mà Ta đã ở trong vô lượng kiếp xa lìa nghiệp ấy。 Ca-diếp! Như nói Như Lai là người, là Trời,

而我真實非人非天。

Nhi ngã chân thật phi nhân phi Thiên。

mà Ta thật chẳng phải người chẳng phải Trời, 亦非鬼神乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽。

Diệc phi quý Thần Càn-thát-bà A-tu-La ca-lâu-la Khẩn-na-la Ma-hầu-la-dà。

cũng chẳng phải Quỷ, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà, 非我非命非可養育非人士夫。非作非不作。非受非不受。

Phi ngã phi mạng phi khả dưỡng dục phi nhân sĩ phu。 Phi tác phi bất tác。 Phi thọ phi bất thọ。

phi ngã, phi mạng, không có thể dưỡng dục, không phải nhưn sĩ, chẳng làm, chẳng phải chẳng làm, chẳng thọ chẳng phải chẳng thọ,

非世尊非聲聞。非說非不說。如是等語。

Phi Thế tôn phi thanh văn. Phi thuyết phi bất thuyết. Như thị đẳng ngữ.
chẳng phải Thế Tôn, chẳng phải Thanh Văn, chẳng nói chẳng phải không nói. Những lời
như vậy

皆是如來祕密之教。

Giai thị Như Lai bí mật chi giáo。

đều là những lời dạy bí mật của Như Lai.

迦葉。如言如來猶如大海須彌山王。

Ca-diếp。 Như ngôn Như Lai do như Đại hải Tu-Di sơn Vương。

Ca-diếp! Như nói Như Lai giống như đại hải, hoặc như vua núi Tu-di,

而如來者實非鹹味同於石山。

Nhi Như Lai giả thật phi hàm vị đồng ư thạch sơn。

mà Như Lai thật chẳng có vị mặn cũng không như đá núi,

當知是語亦是如來祕密之教。迦葉。如言如來如分陀利。

Đương tri thị ngữ diệc thị Như Lai bí mật chi giáo。 Ca-diếp。 Như ngôn Như Lai như
Phân-đà-lợi。

nên biết lời nói ấy cũng là những lời dạy bí mật của Như Lai。 Ca-diếp! Như nói Như Lai
như Phân-đà-lợi,

而我實非分陀利也。如是之言即是如來祕密之教。

Nhi ngã thật phi phân đà lợi dã。 Như thị chi ngôn tức thị Như Lai bí mật chi giáo。

mà Ta thật chẳng phải Phân-đà-lợi。 Lời nói như vậy là những lời dạy bí mật của Như Lai。

迦葉。如言如來猶如父母。

Ca-diếp。 Như ngôn Như Lai do như phụ mẫu。

Ca-diếp! Như nói Như Lai giống như cha mẹ,

而如來者實非父母。如是之言亦是如來祕密之教。迦葉。

Nhi Như Lai giả thật phi phụ mẫu。 Như thị chi ngôn diệc thị Như Lai bí mật chi giáo。 Ca-
diếp。

mà Như Lai thật chẳng phải cha mẹ。 Lời nói như vậy cũng là lời dạy bí mật của Như
Lai。 Ca-diếp,

如言如來是大船師。而如來者實非船師。

Như ngôn Như Lai thị Đại thuyền sư。 Nhi Như Lai giả thật phi thuyền sư。

như nói Như Lai là Đại thuyền sư, mà Như Lai thật chẳng phải thuyền sư。

如是之言亦是如來祕密之教。迦葉。

Như thị chi ngôn diệc thị Như Lai bí mật chi giáo。Ca-diếp。

nói như vậy cũng là lời dạy bí mật của Như Lai。Ca-diếp!

如言如來猶如商主。而如來者實非商主。

Như ngôn Như Lai do như thương chủ。Nhi Như Lai giả thật phi thương chủ。

Như nói Như Lai giống như người lái buôn, mà Như Lai thật chẳng phải lái buôn。

如是之言亦是如來祕密之教。迦葉。如言如來能摧伏魔。

Như thị chi ngôn diệc thị Như Lai bí mật chi giáo。Ca-diếp。Như ngôn Như Lai năng tỳ phục ma。

lời nói như vậy cũng là lời dạy bí mật của Như Lai。Ca-diếp! Như nói Như Lai có thể hàng phục Ma,

而如來者實無惡心欲令他伏。

Nhi Như Lai giả thật vô ác tâm dục lệnh tha phục。

mà Như Lai thật không có ác tâm khiến họ hàng phục。

如是之言皆是如來祕密之教。迦葉。如言如來能治癰瘡。

Như thị chi ngôn giai thị Như Lai bí mật chi giáo。Ca-diếp。Như ngôn Như Lai năng trì ung sang。

Lời nói như vậy đều là lời dạy bí mật của Như Lai。Ca-diếp! Như nói Như Lai có thể chữa trị mụn nhọt,

而我實非治癰師也。

Nhi ngã thật phi trì ung sư dã。

mà Ta chẳng phải thầy trị mụn nhọt。

如是之言亦是如來祕密之教。迦葉。如我先說。

Như thị chi ngôn diệc thị Như Lai bí mật chi giáo。Ca-diếp。Như ngã tiên thuyết。

Lời nói như vậy cũng là lời dạy bí mật của Như Lai。Ca-diếp! Như Ta trước nói:

若有善男子善女人。善能修治身口意業。

Nhược hữu thiện nam tử。Thiện nữ nhân。Thiện năng tu trì thân khẩu ý nghiệp。

Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào khéo có thể tu trì ba nghiệp thân khẩu ý,捨命之時雖有親族取其屍骸。或以火燒。或投大水。或棄塚間。

Xả mạng chi thời tuy hữu thân tộc thủ kỳ thi hài。Hoặc dĩ hỏa thiêu。Hoặc đầu Đại thủy。Hoặc khí trúng gian。

lúc xả bỏ thân mạng, mặc dù có người thân đem thi hài của họ, hoặc dùng lửa thiêu, hoặc ném xuống nước, hoặc vất mồ hoang,

狐狼禽獸競共食噉。然心意識即生善道。

Hồ lang cầm thú cạnh cộng thực đạ. Nhiên tâm ý thức tức sanh thiện đạo.

chồn chó, cầm thú tranh giành nhau mà ăn, nhưng tâm, ý, thức đã sanh vào cõi thiện, 而是心法實無去來亦無所至。

Nhi thị tâm Pháp thật vô khứ lai diệc vô sở chí。

mà tâm pháp thật không có đến đi cũng không có chỗ đến,

真是前後相似相續相貌不異。

Chân thị tiền hậu tương tự tương tục tương mạo bất dị。

thật ra tướng mạo giống nhau tương tục không khác,

如是之言即是如來祕密之教。迦葉。我今言病亦復如是。

Như thị chi ngôn tức thị Như Lai bí mật chi giáo。Ca-diếp。Ngã kim ngôn bệnh diệc phục như thị。

những lời như vậy tức là những lời dạy bí mật của Như Lai。Ca-diếp! Ta nay nói bệnh cũng lại như vậy,

亦是如來祕密之教。是故顧命文殊師利。吾今背痛。

Diệc thị Như Lai bí mật chi giáo。Thị cố cố mạng Văn-thù-sư-lợi。Ngô kim bối thống。

cũng là lời dạy bí mật của Như Lai。Cho nên Ta nhìn Văn-thù-sư-lợi nói: Nay Ta đau lưng, 汝等當為四眾說法。迦葉。

Nhữ đẳng đương vi Tứ Chúng thuyết Pháp。Ca-diếp。

các người phải vì bốn chúng nói pháp。Ca-diếp!

如來正覺實無有病右脇而臥。亦不畢竟入於涅槃。迦葉。

Như Lai chánh giác thật vô hữu bệnh hữu hiệp nhi ngoạ。Diệc bất tất cánh nhập ư Niết-Bàn。Ca-diếp。

Như Lai Chánh Giác thật không có bệnh nằm nghiêng hông bên phải, cũng rất ráo không nhập Niết-bàn。Ca-diếp!

是大涅槃即是諸佛甚深禪定。

Thị Đại Niết-Bàn tức thị chư Phật thậm thâm Thiên định。

Đại Niết-bàn ấy tức là Thiên định sâu xa của chư Phật。

如是禪定非是聲聞緣覺行處。迦葉。

Như thị Thiên định phi thị thanh văn duyên giác hành xứ. Ca-diếp.
Thiên định như vậy chẳng phải là việc làm của Thanh văn, Duyên giác. Ca-diếp!
汝先所問如來何故倚臥不起不索飲食。戒勅家屬修治產業。迦葉。
Nhữ tiên sở vấn Như Lai hà cố ý ngọa bất khởi bất tác ẩm thực. Giới sắc gia chúc tu trì
sản nghiệp. Ca-diếp.
Người trước đã hỏi Như Lai tại sao lại nằm hoài không dậy, không ăn uống gì, không dạy
dỗ thân quyến chăm lo sự nghiệp. Ca-diếp!
虛空之性亦無坐起求索飲食。
Hư không chi tánh diệc vô tọa khởi cầu tác ẩm thực。
Tánh của hư không cũng không ngồi, không đứng không cầu ăn uống,
勅戒家屬修治產業。
Sắc giới gia chúc tu trì sản nghiệp。
không dạy người thân chăm lo sự nghiệp,
亦無去來生滅老壯出沒傷破解脫繫縛。亦不自說亦不說他。
Diệc vô khứ lai sanh diệt lão tráng xuất một thương phá giải thoát hệ phọc. Diệc bất tự
thuyết diệc bất thuyết tha。
cũng không đến đi, sanh diệt, già trẻ, nổi chìm, thương vong, phá hoại, giải thoát, trói
buộc, cũng chẳng tự nói, cũng chẳng vì người nói,
亦不自解亦不解他。非安非病。善男子。諸佛世尊亦復如是。
Diệc bất tự giải diệc bất giải tha. Phi an phi bệnh. Thiện nam tử. Chư Phật Thế tôn diệc
phục như thị。
cũng chẳng tự giải thoát, cũng không giải thoát người khác, chẳng an ổn chẳng bệnh.
Thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn cũng lại như vậy,
猶如虛空。云何當有諸病苦耶。
Do như hư không. Vân hà đương hữu chư bệnh khổ da.
giống như hư không, làm sao phải có các bệnh khổ ư!
迦葉。世有三人其病難治。一謗大乘。
Ca-diếp. Thế hữu tam nhân kỳ bệnh nan trì. Nhất báng Đại thừa。
Ca-diếp! Thế gian có ba người mắc bệnh khó chữa. Một là hủy báng Đại thừa,
二五逆罪。三一闡提。如是三病世中極重。
Nhị ngũ nghịch tội. Tam nhất xiển đề. Như thị tam bệnh thế trung cực trọng。

hai là phạm tội ngũ nghịch, ba là Nhất-xiển-đề. Ba bệnh như vậy là nặng nhất trong thế gian,

悉非聲聞緣覺菩薩之所能治。善男子。

Tất phi thanh văn duyên giác Bồ-tát chi sở năng trị. Thiện nam tử.

đều chẳng phải bệnh Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát có thể chữa được. Thiện nam tử!

譬如有病必死難治。若有瞻病隨意醫藥。

Thí như hữu bệnh tất tử nan trị. Nhược hữu chiêm bệnh tùy ý y dược.

Thí như có người bệnh không thể chữa được phải chết, như có người chăm sóc thì tùy ý cho thuốc,

若無瞻病隨意醫藥。如是之病定不可治。

Nược vô chiêm bệnh tùy ý y dược. Như thị chi bệnh định bất khả trị.

nếu không có người chăm sóc bệnh cũng tùy ý cho thuốc. Bệnh như vậy nhất định cũng không thể chữa.

當知是人必死不疑。善男子。是三種人亦復如是。

Đương tri thị nhân tất tử bất nghi. Thiện nam tử. Thị tam chủng nhân diệc phục như thị.

Phải biết người ấy tức phải chết chẳng còn nghi. Thiện nam tử! Ba loại người ấy cũng lại như vậy,

若有聲聞緣覺菩薩。或有說法或不說法。

Nược hữu thanh văn duyên giác Bồ-tát. Hoặc hữu thuyết Pháp hoặc bất thuyết Pháp.

nếu có Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, hoặc có nói Pháp, hoặc không nói Pháp,

不能令其發阿耨多羅三藐三菩提心。迦葉。

Bất năng lệnh kỳ phát A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề tâm. Ca-diếp.

không có thể khiến người khác phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Ca-diếp!

譬如病人若有瞻病隨意醫藥則可令差。

Thí như bệnh nhân nhược hữu chiêm bệnh tùy ý y dược tắc khả lệnh sai.

Thí như người bệnh hoặc có người chăm sóc tùy ý cho thuốc thì có thể khiến giảm bớt, nếu không có ba điều này thì không thể giảm bớt. Thanh văn, Duyên giác cũng lại như vậy,

Nược vô thử tam tắc bất khả sai. Thanh văn duyên giác diệc phục như thị.

nếu không như vậy thì không có thể giảm bớt. Thanh văn, Duyên giác cũng lại như vậy, từ Phật菩薩得聞法已。即能發於阿耨多羅三藐三菩提心。

Tòng Phật Bồ-tát đắc văn Pháp dĩ. Tức năng phát ư A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề tâm.

từ Phật, Bồ-tát được nghe pháp rồi, tức có thể phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề, 非不聞法能發心也。迦葉。

Phi bất văn Pháp năng phát tâm dã. Ca-diếp。

chẳng phải không nghe pháp mà có thể phát tâm. Ca-diếp!

譬如病人若有瞻病隨意醫藥。若無瞻病隨意醫藥皆悉可差。

Thí như bệnh nhân nhược hữu chiêm bệnh tùy ý y dược。 Nhược vô chiêm bệnh tùy ý y dược giai tất khả sai。

Thí như người bệnh nếu có người chăm sóc tùy ý cho thuốc, nếu không có người chăm sóc tùy ý cho thuốc thầy đều có thể giảm.

有一種人亦復如是。或值聲聞不值聲聞。

Hữu nhất chủng nhân diệc phục như thị。 Hoặc trị thanh văn bất trị thanh văn。

Có một loại người cũng lại như vậy, hoặc gặp Thanh văn hoặc không gặp Thanh văn, 或值緣覺不值緣覺。或值菩薩不值菩薩。

Hoặc trị duyên giác bất trị duyên giác。 Hoặc trị Bồ-tát bất trị Bồ-tát。

hoặc gặp Duyên giác hoặc không gặp Duyên giác, hoặc gặp Bồ-tát hoặc không gặp Bồ-tát,

或值如來不值如來。或得聞法或不聞法。

Hoặc trị Như Lai bất trị Như Lai。 Hoặc đắc văn Pháp hoặc bất văn Pháp。

hoặc gặp Như Lai hay chẳng gặp Như Lai, hoặc được nghe Pháp hoặc chẳng nghe Pháp, 自然得成阿耨多羅三藐三菩提。所謂有人。

Tự nhiên đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。 Sở vị hữu nhân。

tự nhiên thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。 Lại nói có người,

或為自身。或為他身。或為怖畏。或為利養。

Hoặc vì tự thân。 Hoặc vì tha thân。 Hoặc vì ố úy。 Hoặc vì lợi dưỡng。

hoặc vì thân mình hoặc vì thân người, hoặc vì sợ hãi, hoặc vì lợi dưỡng,

或為諛諂。或為誑他。書寫如是大涅槃經。

Hoặc vì du siểm。 Hoặc vì cưỡng tha。 Thư tả như thị Đại Niết-bàn Kinh。

hoặc vì nịnh hót, hoặc vì dối người, viết chép kinh Đại Niết-bàn như vậy,

受持讀誦供養恭敬為他說者。

Thọ trì độc tụng cung dưỡng cung kính vì tha thuyết giả.

thọ trì độc tụng cúng dưỡng cung kính vì người khác nói.

迦葉。有五種人於是大乘大涅槃典。

Ca-diếp. Hữu ngũ chủng nhân ư thị Đại thừa Đại Niết-Bàn điển.

Ca-diếp! Có năm hạng người ở nơi kinh Đại thừa Đại Niết-bàn,

有病行處非如來也。何等為五。

Hữu bệnh hành xứ phi Như Lai dã. Hà đẳng vi ngũ.

có bệnh hành xứ chẳng phải Như Lai vậy. Những gì là năm?

一斷三結得須陀洹果。不墮地獄畜生餓鬼。

Nhất đoạn tam kết đắc Tu đà hoàn quả. Bất đọa Địa ngục súc sanh ngạ quỷ.

Một là đoạn ba kiết sử chứng được quả Tu-đà-hoàn, không còn đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

人天七返永斷諸苦入於涅槃。迦葉。是名第一人有病行處。

Nhân Thiên thất phản vĩnh đoạn chư khổ nhập ư Niết-Bàn. Ca-diếp. Thị danh đệ nhất nhân hữu bệnh hành xứ.

bảy lần trở lại trong cõi Trời, Người, vĩnh viễn xa lìa các khổ, chứng được Niết-bàn. Ca-

diếp! Đó là hạng người thứ nhất có bệnh,

是人未來過八萬劫。

Thị nhân vị lai quá bát vạn kiếp.

người ấy ở đời vị lai hơn tám vạn kiếp,

便當得成阿耨多羅三藐三菩提。迦葉。第二人者。斷三結縛薄貪恚癡。

Tiên đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Ca-diếp. Đệ nhị nhân giả. Đoạn tam kết phược bạc tham khuể si.

liền sẽ thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Ca-diếp! Loại người thứ hai là đoạn

ba kiết sử tham, sân nhuế trói buộc,

得斯陀含果名一往來。永斷諸苦入於涅槃。

Đắc Tư đà hàm quả danh Nhất vãng lai. Vĩnh đoạn chư khổ nhập ư Niết-Bàn.

chứng quả Tư-đà-hàm, gọi là còn một lần sanh trở lại, vĩnh viễn xa lìa các khổ chứng nhập Niết-bàn.

迦葉。是名第二人有病行處。

Ca-diếp. Thị danh đệ nhị nhân hữu bệnh hành xứ.

Ca-diếp! Đó gọi là hạng người thứ hai có bệnh hành xử.

是人未來過六萬劫。便當得成阿耨多羅三藐三菩提。迦葉。

Thị nhân vị lai quá lục vạn kiếp. Tiện đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Ca-diếp.

Người ấy ở đời vị lai trải qua sáu vạn kiếp, liền chứng được A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Ca-diếp,

第三人者。斷五下結得阿那含果。更不來此。

Đệ tam nhân giả. Đoạn ngũ hạ kết đắc A-na-hàm quả. Canh Bất-lai thử.

hạng người thứ ba ấy đoạn năm kiết sử sau chứng quả A-na-hàm, không còn trở lại cuộc đời này,

永斷諸苦入於涅槃。是名第三人有病行處。

Vĩnh đoạn chư khổ nhập ư Niết-Bàn. Thị danh đệ tam nhân hữu bệnh hành xử.

vĩnh viễn đoạn trừ các khổ chứng nhập Niết-bàn, đây gọi là hạng người thứ ba có bệnh.

是人未來過四萬劫。

Thị nhân vị lai quá tứ vạn kiếp.

Người ấy ở đời vị lai trải qua bốn vạn kiếp,

便當得成阿耨多羅三藐三菩提。迦葉。第四人者。

Tiện đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Ca-diếp. Đệ tứ nhân giả.

liền sẽ chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Ca-diếp hạng người thứ tư ấy,

永斷貪欲瞋恚愚癡得阿羅漢果。煩惱無餘入於涅槃。

Vĩnh đoạn tham dục sân khuể ngu si đắc A-la-hán quả. Phiền não vô dư nhập ư Niết-Bàn.

vĩnh viễn đoạn trừ tham dục, sân nhuế, ngu si, chứng quả A-la-hán, phiền não không còn, chứng được Niết-bàn,

亦非騏驎獨一之行。是名第四人有病行處。

Diệc phi kỳ lân độc nhất chi hành. Thị danh đệ tứ nhân hữu bệnh hành xử.

cũng chẳng phải hạnh duy nhất của kì lân, đây gọi là hạng người thứ tư có bệnh hành xử.

是人未來過二萬劫。

Thị nhân vị lai quá nhị vạn kiếp.

người ấy trải qua hai vạn kiếp ở đời vị lai,

便當得成阿耨多羅三藐三菩提。迦葉。第五人者。

Tiện đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Ca-diếp. Đệ ngũ nhân giả. liền sẽ chứng được A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Ca-diếp! Hạng người thứ năm ấy, 永斷貪欲瞋恚愚癡得辟支佛道。煩惱無餘入於涅槃。

Vĩnh đoạn tham dục sân khuể ngu si đắc Bích chi Phật đạo. Phiền não vô dư nhập ư Niết-Bàn。

vĩnh viễn đoạn trừ tham dục, sân nhuế ngu si chứng quả Bích Chi Phật, không còn phiền não chứng được Niết-bàn,

真是騏驎獨一之行。是名第五人有病行處。

Chân thị kỳ lân độc nhất chi hành. Thị danh đệ ngũ nhân hữu bệnh hành xứ.

đúng là hạnh duy nhất của Kỳ lân, đó là hạng người thứ năm có bệnh hành xứ.

是人未來過十千劫。便當得成阿耨多羅三藐三菩提。

Thị nhân vị lai quá thập thiên kiếp. Tiện đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。

Người ấy trải qua một ngàn kiếp ở đời vị lai, liền sẽ chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề.

迦葉。是名第五人有病行處。非如來也。

Ca-diếp. Thị danh đệ ngũ nhân hữu bệnh hành xứ. Phi Như Lai dã.

Ca-diếp! Đó là hạng người thứ năm có bệnh hành xứ chẳng phải Như Lai vậy.

大般涅槃經聖行品第七之一

Đại bát Niết-bàn Kinh Thánh hành phẩm đệ thất chi nhất

Kinh Đại Bát Niết-bàn. Phẩm Thánh Hạnh thứ bảy, phần thứ nhất.

爾時佛告迦葉菩薩。善男子。

Nhĩ thời Phật cáo Ca-diếp Bồ-tát. Thiện nam tử。

Lúc bấy giờ Phật dạy Bồ-tát Ca-diếp: Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩應當於是大般涅槃經。專心思惟五種之行。

Bồ-tát Ma-Ha tát ứng đương ư thị Đại bát Niết-bàn Kinh. Chuyên tâm tư duy ngũ chủng chi hành。

Bồ-tát Ma-ha-tát phải ở nơi kinh Đại Bát Niết-bàn ấy chuyên tâm suy nghĩ năm hạnh.

何等為五。一者聖行。二者梵行。三者天行。

Hà đẳng vi ngũ. Nhất giả Thánh hành. Nhị giả phạm hạnh. Tam giả Thiên hành。

Những gì là năm? Một là hạnh của Thánh nhân, hai là hạnh của Phạm Chí, ba là hạnh của chư Thiên,

四者嬰兒行。五者病行。善男子。

Tứ giả anh nhi hành. Ngũ giả bệnh hành. Thiện nam tử.

bốn là hạnh của trẻ con, năm là hạnh của người bệnh. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩常當修習是五種行。復有一行是如來行。

Bồ-tát Ma-Ha tát thường đương tu tập thị ngũ chủng hành. Phục hữu nhất hành thị Như Lai hành.

Bồ-tát Ma-ha-tát thường phải tu tập năm hạnh ấy. Lại có một hạnh đó là hạnh của Như Lai,

所謂大乘大涅槃經。迦葉。

Sở vị Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh. Ca-diếp.

nghĩa là kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn. Ca-diếp!

云何菩薩摩訶薩所修聖行。菩薩摩訶薩若從聲聞若從如來。

Vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát sở tu Thánh hành. Bồ-tát Ma-Ha tát nhược tông thanh văn nhược tông Như Lai.

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập hạnh của bậc Thánh? Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc từ Thanh Văn hoặc từ Như Lai,

得聞如是大涅槃經。聞已生信。

Đắc văn như thị Đại Niết-bàn Kinh. Văn dĩ sanh tín.

được nghe kinh Đại Bát Niết-bàn như vậy, nghe xong khởi lòng tin,

信已應作如是思惟。諸佛世尊有無上道。

Tín dĩ ứng tác như thị tư duy. Chư Phật Thế tôn hữu vô thượng đạo.

tin rồi nghĩ như thế này: Chư Phật Thế Tôn có đạo Vô Thượng,

有大正法大眾正行。復有方等大乘經典。

Hữu Đại chánh Pháp Đại chúng chánh hành. Phục hữu phương đẳng Đại thừa Kinh điển.

có Chánh pháp lớn, chánh hạnh trong Đại chúng, lại có kinh Đại thừa Phương Đẳng,

我今當為愛樂貪求大乘經故。捨離所愛妻子眷屬所居舍宅。

Ngã kim đương vi ái lạc tham cầu Đại thừa Kinh cổ. Xả ly sở ái thê tử quyến thuộc sở cư xá trạch.

ta nay sẽ vì sự yêu thích tham cầu Đại thừa, xa lìa vợ con yêu quý, quyến thuộc và nhà cửa,

金銀珍寶微妙瓔珞香花伎樂。

Kim ngân trân bảo vi diệu anh lạc hương hoa kĩ nhạc。

vàng bạc châu báu, anh lạc, hương hoa, kĩ nhạc nhiệm màu,

奴婢僕使男女大小。象馬車乘牛羊鷄犬猪豕之屬。

Nô tì bộc sử nam nữ đại tiểu。 Tượng mã xa thừa ngưu dương kê khuyến trư thử chi chúc。

nô tỳ, người giúp việc, nam, nữ, lớn, nhỏ, voi, ngựa, xe cộ, trâu, dê, gà, chó, heo,

復作是念。居家迫迮猶如牢獄。

Phục tác thị niệm。 Cư gia bách trách do như lao ngục。

lại nghĩ thế này: Người tại gia tù túng như là lao ngục,

一切煩惱由之而生。出家寬曠猶如虛空。一切善法因之增長。

Nhất thiết phiền não do chi nhi sanh。 Xuất gia khoan khoáng do như hư không。 Nhất thiết thiện Pháp nhân chi tăng trưởng。

tất cả phiền não từ đây mà sanh, người xuất gia thoáng rộng giống như hư không, tất cả các thiện pháp đều từ đây mà tăng trưởng。

若在家居不得盡壽淨修梵行。

Nhược tại gia cư bất đắc tận thọ tịnh tu phạm hạnh。

Như người tại gia không được trọn đời tịnh tu phạm hạnh,

我今應當剃除鬚髮出家學道。作是念已。

Ngã kim ứng đương thể trừ tu phát xuất gia học đạo。 Tác thị niệm dĩ。

ta nay phải nên cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo。 Nghĩ như vậy rồi,

我今定當出家修學無上正真菩提之道。

Ngã kim định đương xuất gia tu học vô thượng chánh chân Bồ-đề chi đạo。

ta nay quyết định sẽ xuất gia tu học đạo Bồ-đề Vô Thượng Chánh chân。

菩薩如是欲出家時。天魔波旬生大苦惱。

Bồ-tát như thị dục xuất gia thời。 Thiên Ma ba tuần sanh Đại khổ não。

Lúc Bồ-tát muốn xuất gia như vậy, thiên ma Ba-tuần sanh đại khổ não mà

言是菩薩復當與我興大戰諍。善男子。

Ngôn thị Bồ-tát phục đương dữ ngã hưng Đại chiến tránh。 Thiện nam tử。

nói rằng: Bồ-tát ấy phải cùng ta chiến đấu. Thiện nam tử!

如是菩薩何處當復與人戰諍。是時菩薩即至僧坊。

Như thị Bồ-tát hà xử đương phục dữ nhân chiến tránh. Thị thời Bồ-tát tức chí tăng phường.

Bồ-tát như vậy làm sao lại cùng người chiến đấu? Lúc ấy Bồ-tát liền đến Tăng phường, 若見如來及佛弟子。威儀具足諸根寂靜。其心柔和清淨寂滅。

Nhược kiến Như Lai cập Phật đệ-tử. Uy nghi cụ túc chư căn tịch tĩnh. Kỳ tâm nhu hòa thanh tịnh tịch diệt.

hoặc thấy Như Lai và đệ tử của Như Lai, oai nghi đầy đủ các căn vắng lặng, tâm họ nhu hoà thanh tịnh tịch diệt,

即至其所而求出家。剃除鬚髮服三法衣。

Tức chí kỳ sở nhi cầu xuất gia. Thế trừ tu phát phục tam Pháp y.

tức liền đến đó cầu xin xuất gia, cạo bỏ râu tóc mặc ba Pháp y,

既出家已奉持禁戒威儀不缺進止安詳。

Ký xuất gia dĩ phụng trì cấm giới uy nghi bất khuyết tiến chỉ an tường.

đã xuất gia rồi thọ trì giới cấm oai nghi không thiếu, đi đứng đều an tường,

無所觸犯。乃至小罪心生怖畏。

Vô sở xúc phạm. Nãi chí tiểu tội tâm sanh bố úy.

không có chỗ xúc phạm, cho đến tội nhỏ tâm cũng sanh sợ hãi,

護戒之心猶如金剛。善男子。譬如有人帶持浮囊欲渡大海。

Hộ giới chi tâm do như Kim cương. Thiện nam tử. Thí như hữu nhân đới trì phù nang dục độ đại hải.

tâm giữ gìn giới giống như kim cương. Thiện nam tử! Thí như có người cầm phao nổi muốn qua biển lớn,

爾時海中有一羅剎。即從其人乞索浮囊。

Nhĩ thời hải trung hữu nhất La sát. Tức tòng kỳ nhân khát tác phù nang.

Lúc bấy giờ trong biển có một con La-sát, liền đến người kia cầu xin phao nổi,

其人聞已即作是念。我今若與必定沒死。答言。

Kỳ nhân văn dĩ tức tác thị niệm. Ngã kim nhược dữ tất định một tử. Đáp ngôn.

người kia nghe rồi liền nghĩ rằng, ta nay nếu cho phao nhất định sẽ chết chìm. Liền đáp rằng:

羅剎。汝寧殺我浮囊叵得。羅剎復言。

La sát. Nhữ ninh sát ngã phù nang phả đắc. La sát phục ngôn.

La-sát! Người tà giết ta chứ phao nổi không thể cho được. La-sát lại nói:

汝若不能全與我者。見惠其半。

Nhữ nhược bất năng toàn dữ ngã giả. Kiến huệ kỳ bán.

Người nếu không thể cho ta hết cái phao, thì làm ơn cho ta một nửa,

是人猶故不肯與之。羅剎復言。汝若不肯惠我半者。

Thị nhân do cố bất khăng dữ chi. La sát phục ngôn. Nhữ nhược bất khăng huệ ngã bán giả.

người ấy do dự không chịu cho. La-sát lại nói rằng người nếu không chịu làm ơn cho ta một nửa

幸願與我三分之一。是人不肯。羅剎復言。

Hạnh nguyện dữ ngã tam phân chi nhất. Thị nhân bất khăng. La sát phục ngôn.

thì rũ lòng ban cho ta một phần ba, người ấy cũng không chịu. La-sát lại nói:

若不能者當施手許。是人不肯。羅剎復言。

Nhược bất năng giả đương thí thủ hứa. Thị nhân bất khăng. La sát phục ngôn.

nếu không có thể như thế thì nên bố thí bàn tay cho ta, người ấy cũng không chịu. La-sát lại nói:

汝今若復不能與我如手許者。我今飢窮眾苦所逼。

Nhữ kim nhược phục bất năng dữ ngã như thủ hứa giả. Ngã kim cơ cùng chúng khổ sở bức.

Người nay lại không có thể cho ta bàn tay, ta nay đói quá, các sự khổ bức bách,願當濟我如微塵許。是人復言。

Nguyện đương tế ngã như vi trần hứa. Thị nhân phục ngôn.

cúi xin người cho ta hơi khí như vi trần vậy. Người kia nói:

汝今所索誠復不多。然我今日方當渡海。

Nhữ kim sở tác thành phục bất đa. Nhiên ngã kim nhật phương đương độ hải.

Người nay muốn tìm cầu nhưng lòng thành không nhiều, nhưng ta nay lại phải qua biển,不知前途近遠如何。若與汝者氣當漸出。

Bất tri tiền đồ cận viễn như hà. Nhược dữ nhữ giả khí đương tiệm xuất.

không biết đường phía trước xa gần như thế nào, nếu cho người như vậy khí sẽ dần dần đi ra ngoài,

大海之難何由得過。脫能中路沒水而死。善男子。

Đại hải chi nan hà do đắc quá. Thoát năng trung lộ một thủy nhi tử. Thiện nam tử. biển lớn như vậy thật khó mà qua được, tránh sao khỏi giữa đường chìm xuống nước mà chết. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩護持禁戒亦復如是。如彼渡人護惜浮囊。

Bồ-tát Ma-Ha tát hộ trì cấm giới diệc phục như thị. Như bỉ độ nhân hộ tích phù nang.

Bồ-tát Ma-ha-tát hộ trì cấm giới cũng lại như vậy, như người kia qua biển mền tiếc phao nổi,

菩薩如是護戒之時。

Bồ-tát như thị hộ giới chi thời。

khi Bồ-tát hộ trì giới cũng lại như vậy,

常有煩惱諸惡羅剎語菩薩言。汝當信我終不相欺。

Thường hữu phiền não chư ác La sát ngữ Bồ-tát ngôn. Nhữ đương tín ngã chung bất tướng khi.

thường có các La-sát phiền não xấu ác nói với Bồ-tát rằng: người phải tin ta quyết không lừa dối,

但破四禁護持餘戒。以是因緣令汝安隱得入涅槃。

Đãn phá tứ cấm hộ trì dư giới. Dĩ thị nhân duyên lệnh nhữ an ổn đắc nhập Niết-Bàn.

chỉ cần phá bốn cấm giới hộ trì các giới khác, nhờ nhân duyên ấy khiến người an ổn chứng được Niết-bàn.

菩薩爾時應作是言。我今寧持如是禁戒墮阿鼻獄。

Bồ-tát nhĩ thời ứng tác thị ngôn. Ngã kim ninh trì như thị cấm giới đọa A-tì ngục.

Khi đó Bồ-tát nói rằng: Ta nay thà giữ giới như vậy mà đọa Địa ngục A-tỳ,

終不毀犯而生天上。煩惱羅剎復作是言。

Chung bất hủy phạm nhi sanh Thiên thượng. Phiền não La sát phục tác thị ngôn.

quyết không phá huỷ giới mà sanh lên cõi trời. La-sát phiền não lại nói rằng:

卿若不能破四禁者可破僧殘。

Khanh nhược bất năng phá tứ cấm giả khả phá Tăng tàn.

Người nếu không thể phạm bốn giới cấm ấy thì có thể phá giới Tăng tàn,

以是因緣令汝安隱得入涅槃。菩薩亦應不隨其語。

Dĩ thị nhân duyên lệnh nữ an ổn đắc nhập Niết-Bàn. Bồ-tát diệc ứng bất tùy kỳ ngữ. nhờ nhân duyên đó khiến người an ổn chứng đắc Niết-bàn, Bồ-tát cũng không nghe theo lời ấy,

羅剎復言。卿若不能犯僧殘者。亦可故犯偷蘭遮罪。

La sát phục ngôn. Khanh nhược bất năng phạm Tăng Tàn giả. Diệc khả cố phạm Thâu-lan-giá tội.

La-sát lại nói: Người nếu không có thể phạm Tăng Tàn, thì phạm Thâu-lan-giá cũng được, 以是因緣令汝安隱得入涅槃。

Dĩ thị nhân duyên lệnh nữ an ổn đắc nhập Niết-Bàn.

nhờ nhân duyên đó khiến người an ổn chứng đắc Niết-bàn.

菩薩爾時亦復不隨。羅剎復言。

Bồ-tát nhĩ thời diệc phục bất tùy. La sát phục ngôn.

Lúc bấy giờ Bồ-tát cũng lại không nghe theo. La-sát lại nói:

卿若不能犯偷蘭遮者可犯捨墮。以是因緣可得安隱入於涅槃。

Khanh nhược bất năng phạm Thâu-lan-giá giả khả phạm Xả đọa. Dĩ thị nhân duyên khả đắc an ổn nhập ư Niết-Bàn.

nếu người không có thể phạm Thâu-lan-giá thì phạm tội Xả-đọa cũng được, nhờ nhân duyên đó có thể được an ổn chứng đắc Niết-bàn.

菩薩爾時亦不隨之。羅剎復言。

Bồ-tát nhĩ thời diệc bất tùy chi. La sát phục ngôn.

Lúc bấy giờ Bồ-tát cũng không nghe theo. La-sát lại nói:

卿若不能犯捨墮者可破波夜提。

Khanh nhược bất năng phạm Xả đọa giả khả phá Ba-dạ-đề.

nếu người không có thể phạm Xả-đọa thì có thể phạm Ba-dạ-đề cũng được,

以是因緣令汝安隱得入涅槃。菩薩爾時亦不隨之。羅剎復言。

Dĩ thị nhân duyên lệnh nữ an ổn đắc nhập Niết-Bàn. Bồ-tát nhĩ thời diệc bất tùy chi. La sát phục ngôn.

nhờ nhân duyên ấy có thể được an ổn chứng đắc Niết-bàn, lúc ấy Bồ-tát cũng không nghe theo. La-sát lại nói:

卿若不能犯波夜提者。幸可毀破突吉羅戒。

Khanh nhược bất năng phạm Ba-dạ-đề giả. Hạnh khả hủy phá Đột-cát-la giới.
Nếu người không thể phạm Ba-dạ-đề thì có thể hủy phá giới Đột-cát-la cũng được,
以是因緣可得安隱入於涅槃。

Dĩ thị nhân duyên khả đắc an ổn nhập ư Niết-Bàn。

nhờ nhân duyên ấy có thể được an ổn chứng đắc Niết-bàn.

菩薩爾時心自念言。我今若犯突吉羅罪不發露者。

Bồ-tát nhĩ thời tâm tự niệm ngôn. Ngã kim nhược phạm Đột-cát-la tội bất phát lộ giả。

Lúc bấy giờ Bồ-tát tâm tự nghĩ rằng: Ta nay nếu phạm Đột-cát-la không phát lộ,
則不能渡生死彼岸而得涅槃。

Tắc bất năng độ sanh tử bỉ ngạn nhi đắc Niết-Bàn。

thì không thể qua biển sanh tử đến bờ bên kia mà chứng Niết-bàn được.

菩薩摩訶薩於是微小諸戒律中。護持堅固心如金剛。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư thị vi tiểu chư giới luật trung. Hộ trì kiên cố tâm như Kim cương。

Bồ-tát Ma-ha-tát đối với các giới nhỏ nhặt trong giới luật, kiên cố hộ trì tâm như kim cương,
菩薩摩訶薩持四重禁及突吉羅。敬重堅固等無差別。

Bồ-tát Ma-Ha tát trì tứ trọng cấm cập Đột-cát-la. Kính trọng kiên cố đẳng vô sai biệt。

Bồ-tát Ma-ha-tát giữ gìn bốn trọng giới và Đột-cát-la, kính trọng kiên cố v.v...tâm không sai
khác,

菩薩若能如是堅持則為具足五根諸戒。

Bồ-tát nhược năng như thị kiên trì tắc vi cụ túc ngũ căn chư giới。

Bồ-tát nếu có thể kiên trì như vậy thì gọi là đầy đủ năm căn giới,

所謂具足菩薩根本業清淨戒。

Sở vi cụ túc Bồ-tát căn bản nghiệp thanh tịnh giới。

nghĩa là đầy đủ bốn giới căn bản thanh tịnh của Bồ-tát,

前後眷屬餘清淨戒。非諸惡覺。覺清淨戒。

Tiền hậu quyến chúc dư thanh tịnh giới. Phi chư ác giác. Giác thanh tịnh giới。

quyến thuộc trước sau đều có giới thanh tịnh, chẳng phải hiểu biết điều ác, mà hiểu biết
giới thanh tịnh,

護持正念念清淨戒。迴向阿耨多羅三藐三菩提戒。

Hộ trì chánh niệm niệm thanh tịnh giới. Hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề
giới。

hộ trì Chánh niệm, niệm giới thanh tịnh, hồi hướng để cầu giới A-nậu-đa-la Tam-miêu-tam-bồ-đề.

迦葉。是菩薩摩訶薩復有二種戒。

Ca-diếp。Thị Bồ-tát Ma-Ha tát phục hữu nhị chủng giới。

Ca-diếp! Bồ-tát Ma-ha-tát ấy lại có hai loại giới:

一者受世教戒。二者得正法戒。

Nhất giả thọ thế giáo giới。Nhị giả đắc chánh Pháp giới。

Một là thọ giới thế gian, hai là đắc giới chánh pháp。

菩薩若受正法戒者終不為惡。受世教戒者白四羯磨然後乃得。

Bồ-tát nhược thọ chánh Pháp giới giả chung bất vi ác。Thọ thế giáo giới giả bạch tứ Yết Ma nhiên hậu nãi đắc。

Bồ-tát nếu thọ giới chánh pháp quyết chẳng làm ác, thọ giới thế gian thì bạch tứ Yết-ma sau mới đắc giới。

復次善男子。有二種戒。一者性重戒。

Phục thứ thiện nam tử。Hữu nhị chủng giới。Nhất giả tánh trọng giới。

Lại nữa Thiện nam tử! Có hai loại giới: Một là Tánh Trọng Giới,

二者息世譏嫌戒。性重戒者。謂四禁也。

Nhị giả tức thế ky hiềm giới。Tánh trọng giới giả。Vị tứ cấm dã。

Hai là giới dứt sự ty hiềm của người đời。Tánh trọng giới ấy là bốn cấm giới,

息世譏嫌戒者。不作販賣輕秤小斗欺誑於人。

Tức thế ky hiềm giới giả。Bất tác phiến mại khinh xứng tiểu đấu khi cưỡng ư nhân。

giới dứt sự ty hiềm ấy là không mua rẻ bán đắt, dùng cân non đấu nhỏ lừa gạt người khác, 因他形勢取人財物。害心繫縛破壞成功。然明而臥。

Nhân tha hình thế thủ nhân tài vật。Hại tâm hệ phọc phá hoại thành công。Nhiên minh nhi ngoạ。

dựa vào quyền thế người khác mà lấy tài vật của người, tâm não hại phá hoại sự thành công của người khác, luôn nằm suốt ngày,

田宅種植家業坐肆。

Điền trạch chủng thực gia nghiệp tọa tứ。

ngồi buông thả, không gieo trồng, ruộng vườn, gia nghiệp。

不畜象馬車乘牛羊駝驢鷄犬獼猴孔雀鸚鵡共命及拘枳羅。

Bất súc tượng mã xa thừa ngưu dương đà lư kê khuyển mi hầu Khổng tước anh vũ Cộng mạng cập câu chỉ la.

không nuôi voi ngựa, cất giữ xe cộ, trâu, dê, lạc đà, lừa, gà, chó, khi đực, khi cái, Khổng Tước, Anh Vũ, Cộng mạng và Câu-chỉ-la,

豺狼虎豹猫狸猪豕及餘惡獸。

Sài lang hổ báo miêu li trư thi cập dư ác thú.

chó sói, hổ, báo, mèo, chồn, heo và các thú khác,

童男童女大男大女奴婢僮僕。

Đồng nam đồng nữ đại nam đại nữ nô tì đồng bộc.

đồng nam, đồng nữ, con trai lớn, con gái lớn, nô tỳ, người ở,

金銀琉璃頗梨真珠車磔馬瑙珊瑚璧玉珂貝諸寶。

Kim ngân lưu ly pha-lê chân châu xa-cừ mã-nã san hô bích ngọc kha bối chư bảo.

các thứ báu như vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chân châu, xa cừ, mã nã, san hô, ngọc bích, ngọc kha,

赤銅白臘鍮石孟器甃稔拘執毳衣。

xích đồng bạch Lạp thâu thạch vu khí cù du tháp đặng câu chấp mạo y.

Chén bát bằng đồng đỏ, bạch Lạp, đá ngọc, nệm long, cổ chấp y mao,

一切穀米大小麥豆糜粟稻麻生熟食具。常受一食不曾再食。

Nhất thiết cốc mễ Đại tiểu mạch đậu môn túc đạo ma sanh thực thực cụ. Thường thọ nhất thực bất tăng tái thực.

tất cả các thức ăn lúa, gạo, đại mạch, tiểu mạch, đậu, lúa đỏ, nếp, mè sống hoặc chín, thường chỉ ăn một bữa không được ăn lại,

若行乞食及僧中食。常知止足不受別請。

Nhược hành khát thực cập tăng trung thực. Thường tri chỉ túc bất thọ biệt thỉnh.

hoặc đi khát thực hoặc ăn trong chúng Tăng thường biết đủ, không thọ biệt thỉnh, 不食肉不飲酒。五辛能熏悉不食之。

Bất thực nhục bất ẩm tửu. Ngũ tân năng huân tất bất thực chi.

Không ăn thịt, không uống rượu, không được ăn năm vị cay nồng,

是故其身無有臭處。

Thị cố kỳ thân vô hữu xú xử.

Cho nên thân mình không có chỗ hôi,

常為諸天一切世人恭敬供養尊重讚歎。趣足而食終不長受。

Thường vi chư Thiên nhất thiết thể nhân cung kính cung dưỡng tôn trọng tán thán. Thú túc nhi thực chung bất trường thọ.

thường được chư Thiên, tất cả người thế gian cung kính, cúng dưỡng tôn trọng ngợi khen, biết đủ mà ăn quyết không thọ nhiều,

所受衣服纔足覆身。進止常與三衣鉢具。

Sở thọ y phục tài túc phúc thân. Tiến chỉ thường dĩ tam y bát cụ.

thọ nhận y phục vừa đủ che thân, đi lại thường mang ba y bình bát,

終不捨離如鳥二翼。不畜根子莖子節子接子子子。

Chung bất xả ly như điểu nhị dực. Bất súc căn tử hành tử tiết tử tiếp tử tử tử.

quyết không xa lìa như hai cánh của một con chim; không cầm rễ cây, thân cây, nhánh cây...

不畜寶藏若金若銀飲食厨庫衣裳服飾。

Bất súc bảo tạng nhược kim nhược ngân ẩm thực trù khố y thường phục súc.

không được cất giữ báu vật như vàng, bạc, nhà bếp, nhà kho, áo xiêm, trang sức;

高廣大床象牙金床雜色編織悉不用坐。

Cao quảng Đại sàng tượng nha kim sàng tạp sắc biên chức tất bất dụng tọa.

không được ngồi giường cao rộng lớn, giường ngà voi, giường bằng vàng, vật dệt may nhiều màu;

不畜一切細軟諸蓆。不坐象薦馬薦。

Bất súc nhất thiết tế nhuyễn chư tịch. Bất tọa tượng tiến mã tiến.

không được dùng từ tất cả các loại chiếu mềm mại; không được ngồi trên cỏ của voi ăn, ngựa ăn,

不以細軟上妙衣服用敷床臥。其床兩頭不置二枕。

Bất dĩ tế nhuyễn thượng diệu y phục dụng phu sàng ngọa. Kỳ sàng lượng đầu bất trí nhị chẩm.

không được dùng các chất mịn màng may y phục, hoặc trải trên giường ngồi, giường có hai đầu không được đặt hai cái gối,

亦不受畜妙好丹枕安黃木枕。

Diệc bất thọ súc diệu hảo đan chẩm an hoàng mộc chẩm.

không được nằm gối quá êm, gối gỗ màu vàng,

終不觀看象鬪馬鬪車鬪兵鬪男鬪女鬪牛鬪羊鬪水牛鷄雉鸚鵡等鬪。

Chung bất quán khán tượng đấu mã đấu xa đấu binh đấu nam đấu nữ đấu ngưu đấu
dương đấu thủy ngưu kê trĩ anh

quyết không được xem đua voi, đua ngựa, đua xe, chiến trận, người nam đấu nhau, người
nữ đấu nhau, trâu đấu nhau, dê đấu nhau, bò, gà, chim trĩ, anh võ... đấu nhau;

亦不故往觀看軍陣。

Vũ đảng đấu. Diệc bất cố vãng quán khán quân trận。

cũng không cố ý đến xem quân trận,

不應故聽吹貝鼓角琴瑟箏笛篳篥歌叫伎樂之聲。

Bất ứng cố thính xuy bối cổ giác cầm sắt tranh địch không hầu ca khiêu kĩ nhạc chi
thanh。

không được cố ý nghe các tiếng trống, tiếng đàn sắt, đàn tranh, sáo không hầu,

除供養佛。擣菹圍碁波羅塞戲師子象鬪。

Trừ cung dưỡng Phật. Sư bồ vi kỳ ba la tặc hí Sư-tử tượng đấu。

trừ khi cúng dường Phật. Chơi xu bồ, vi kỳ, ba la tặc, đánh sư tử tượng,

彈碁六博拍毬擲石投壺牽道八道行成。

Đạn kỳ lục bác phách súc trích thạch đầu hồ khiên đạo bát đạo hành thành。

đạn kỳ, lục bác, phách súc trích, thạch đầu hồ, khiên đạo, bát đạo, hành thành,

一切戲笑悉不觀作。終不瞻相手脚面目。

Nhất thiết hí tiếu tất bất quán tác。Chung bất chiêm tướng thủ cước diện mục。

tất cả những điều đùa giỡn đều không được xem hoặc làm; quyết không xem tướng tay,
chân, mặt, mắt;

不以抓鏡芝草楊枝鉢盂鬻髻而作卜

Bất dĩ trảo kính chi thảo dương chi bát vu độc lâu nhi tác bốc thệ。

không dùng cỏ trảo kính chi, dương bát, vu độc lâu mà làm quẻ bói;

亦不仰觀虛空星宿。除欲解睡。

Diệc bất ngưỡng quán hư không tinh tú。Trừ dục giải thụ。

cũng không xem ngắm hư không, các vì sao, trừ muốn thư giãn cho khỏi buồn ngủ;

不作王家往返使命以此語彼以彼語此。終不諛諂邪命自活。

Bất tác Vương gia vãng phản sử mạng dĩ thử ngữ bỉ dĩ bỉ ngữ thử。Chung bất du siểm tà
mạng tự hoạt。

không vì vua làm sứ qua lại, đem lời người này nói với người kia, đem lời người kia nói với người này, quyết không nịnh hót, dùng tà mạng để nuôi sống;

亦不宣說王臣盜賊鬪諍飲食國土飢饉恐怖豐樂安隱之事。

Diệc bất tuyên thuyết Vương Thần đạo tặc đấu tránh ẩm thực quốc thổ cơ cận khủng phố phong lạc an ẩn chi sự。

cũng không được nói các việc về vua, thần, giặc, cướp, đấu tranh, ăn uống, quốc độ, đói khát, sợ hãi giàu có an ổn.

善男子。

Thiện nam tử。

Thiện nam tử!

是名菩薩摩訶薩息世譏嫌戒。善男子。菩薩摩訶薩堅持如是遮制之戒。

Thị danh Bồ-tát Ma-ha-tát tức thế ky hiềm giới。Thiện nam tử。Bồ-tát Ma-ha-tát kiên trì như thị già chế chi giới。

Đó gọi là giới Bồ-tát Ma-ha-tát dứt sự ty hiềm của thế gian。Thiện nam tử! Bồ-tát Ma-ha-tát kiên trì ngăn chặn giới như vậy,

與性重戒等無差別。

Dữ tánh trọng giới đẳng vô sai biệt。

cùng với các Tánh trọng giới v.v.. không có sai khác。

善男子。菩薩摩訶薩受持如是諸禁戒已。

Thiện nam tử。Bồ-tát Ma-ha-tát thọ trì như thị chư cấm giới dĩ。

Thiện nam tử! Bồ-tát Ma-ha-tát thọ trì các giới cấm như vậy rồi,

作是願言。寧以此身投於熾然猛火深坑。

Tác thị nguyện ngôn。Ninh dĩ thử thân đầu ư sí nhiên mãnh hỏa thâm khanh。

lập nguyện thế này: Thà đem thân này ném xuống hầm lửa sâu đang cháy hừng hực
終不毀犯過去未來現在諸佛所制禁戒。

Chung bất hủy phạm quá khứ vị lai hiện tại chư Phật sở chế cấm giới。

quyết không huỷ phạm các giới cấm của chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai đã chế,
與剎利女婆羅門女居士女而行不淨。復次善男子。

Dữ Sát-lợi nữ Bà-la-môn nữ Cư-sĩ nữ nhi hành bất tịnh。Phục thứ thiện nam tử。

cùng với Sát-lợi nữ, Bà-la-môn nữ, cư sĩ nữ mà hành hạnh bất tịnh。Lại nữa, thiện nam tử!

菩薩摩訶薩復作是願。寧以熱鐵周匝纏身。

Bồ-tát Ma-ha-tát phục tác thị nguyện。Ninh dĩ nhiệt thiết châu tạp triển thân。

Bồ-tát Ma-ha-tát lại lập nguyện thế này: Thà dùng sắt nóng quấn quanh thân mình,
終不敢以破戒之身受於信心檀越衣服。

Chung bất cảm dĩ phá giới chi thân thọ ư tín tâm đàn-việt y phục。

cũng không dám phạm giới cấm của thân mà nhận sự tin tưởng của đàn-việt, nhận lấy y
phục。

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。

Phục thứ thiện nam tử。Bồ-tát Ma-ha-tát phục tác thị nguyện。

Lại nữa, Thiện nam tử! Bồ-tát Ma-ha-tát lại lập nguyện như thế này:

寧以此口吞熱鐵丸。

Ninh dĩ thử khẩu thôn nhiệt thiết hoàn。

Thà miệng này nuốt hoàn sắt nóng

終不敢以毀戒之口食於信心檀越飲食。復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。

Chung bất cảm dĩ hủy giới chi khẩu thực ư tín tâm đàn-việt ẩm thực。Phục thứ thiện nam
tử。Bồ-tát Ma-ha-tát phục tác thị nguyện。

quyết không dám phạm giới cấm của miệng mà ăn những thức ăn đàn-việt tin cúng。Lại
nữa, thiện nam tử! Bồ-tát Ma-ha-tát lại lập nguyện như thế này:

寧臥此身大熱鐵上。

Ninh ngoạ thử thân đại nhiệt thiết thượng。

Thà thân này nằm trên sắt nóng

終不敢以破戒之身受於信心檀越床敷臥具。復次善男子。

Chung bất cảm dĩ phá giới chi thân thọ ư tín tâm đàn-việt sàng phu ngoạ cụ。Phục thứ
thiện nam tử。

quyết không dám phá giới của thân thọ nhận niềm tin của đàn-việt cúng dường giường
nằm ngoạ cụ。Lại nữa, thiện nam tử!

菩薩摩訶薩復作是願。我寧以身受三百鉞。

Bồ-tát Ma-ha-tát phục tác thị nguyện。Ngã ninh dĩ thân thọ tam bách mâu。

Bồ-tát Ma-ha-tát lại lập nguyện như thế này: Ta thà đem thân chịu ba trăm ngọn mâu
chém

終不敢以毀戒之身受於信心檀越醫藥。

Chung bất cảm dĩ hủy giới chi thân thọ ư tín tâm đàn-việt y dược。

quyết không dám huỷ giới cấm của thân thọ nhận lòng tin của đàn-việt cúng dường thuốc men.

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。

Phục thứ thiện nam tử. Bồ-tát Ma-ha-tát phục tác thị nguyện。

Lại nữa, thiện nam tử! Bồ-tát Ma-ha-tát lại lập nguyện như thế này:

寧以此身投熱鐵鑊。不以破戒受於信心檀越房舍屋宅。

Ninh dĩ thử thân đầu nhiệt thiết hoạch. Bất dĩ phá giới thọ ư tín tâm đàn-việt phòng xá ốc trạch。

Thà đem thân này ném vào vạc sắt nóng, không đem thân phá giới này thọ nhận lòng tin của đàn-việt về phòng xá nhà cửa.

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。

Phục thứ thiện nam tử. Bồ-tát Ma-ha-tát phục tác thị nguyện。

Lại nữa, Thiện nam tử! Bồ-tát Ma-ha-tát lại lập nguyện như thế này:

寧以鐵搥打碎此身從頭至足令如微塵。

Ninh dĩ thiết trùy đả toái thử thân tòng đầu chí túc lệnh như vi trần。

Thà dùng chùy sắt đánh đập thân này từ đầu đến chân khiến vụn như vi trần,

不以破戒受諸剎利婆羅門居士恭敬禮拜。

Bất dĩ phá giới thọ chư Sát-lợi Bà-la-môn Cư-sĩ cung kính lễ bái。

không dùng thân phá giới để thọ nhận sự cung kính lễ bái của Sát-lợi, Bà-la-môn, cư sĩ.

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。

Phục thứ thiện nam tử. Bồ-tát Ma-ha-tát phục tác thị nguyện。

Lại nữa, thiện nam tử! Bồ-tát Ma-ha-tát lại lập nguyện như thế này:

寧以熱鐵挑其兩目。不以染心視他好色。復次善男子

Ninh dĩ nhiệt thiết thiêu kỳ lưỡng mục. Bất dĩ nhiễm tâm thị tha hảo sắc. Phục thứ thiện nam tử。

Thà dùng sắt nóng móc hai mắt, không dùng tâm ô nhiễm nhìn sắc đẹp của người khác.

Lại nữa, thiện nam tử!

菩薩摩訶薩復作是願。寧以鐵錐遍身攙刺。

Bồ-tát Ma-ha-tát phục tác thị nguyện。Ninh dĩ thiết trùy biến thân sam thứ。

Bồ-tát Ma-ha-tát lại lập nguyện như thế này: Thà dùng dùi sắt đâm khắp quanh thân cho chết,

不以染心聽好音聲。復次善男子。

Bất dĩ nhiễm tâm thính hảo âm thanh. Phục thứ thiện nam tử.

không dùng tâm ô nhiễm nghe những âm thanh hay. Lại nữa, Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩復作是願。寧以利刀割去其鼻。

Bồ-tát Ma-ha-tát phục tác thị nguyện. Ninh dĩ lợi đao cắt khứ kỳ tỳ.

Bồ-tát Ma-ha-tát lại lập nguyện như thế này: Thà dùng dao bén cắt đi lỗ mũi,

不以染心貪嗅諸香。復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。

Bất dĩ nhiễm tâm tham khứu chư hương. Phục thứ thiện nam tử. Bồ-tát Ma-ha-tát phục tác thị nguyện.

không dùng tâm nhiễm ô tham ngửi mùi thơm. Lại nữa, thiện nam tử! Bồ-tát Ma-ha-tát lại lập nguyện như thế này:

寧以利刀割裂其舌。不以染心貪著美味。

Ninh dĩ lợi đao cắt liệt kỳ thiệt. Bất dĩ nhiễm tâm tham trước mỹ vị.

Thà dùng dao bén cắt đứt lưỡi mình, không dùng tâm nhiễm ô tham nếm vị ngon.

復次善男子。菩薩摩訶薩復作是願。

Phục thứ thiện nam tử. Bồ-tát Ma-ha-tát phục tác thị nguyện.

Lại nữa, thiện nam tử! Bồ-tát Ma-ha-tát lại lập nguyện như thế này:

寧以利斧斬斫其身。不以染心貪著諸觸。何以故。

Ninh dĩ lợi phủ trảm chưc kỳ thân. Bất dĩ nhiễm tâm tham trước chư xúc. Hà dĩ cố.

Thà dùng kiếm bén chém đứt thân này, không dùng tâm nhiễm ô tham sự xúc chạm. Vì sao?

以是因緣能令行者墮於地獄畜生餓鬼。迦葉。

Dĩ thị nhân duyên năng lệnh hành giả đọa ư Địa ngục súc sanh ngạ quỷ. Ca-diếp.

Vì nhân duyên ấy khiến hành giả đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Ca-diếp!

是名菩薩摩訶薩護持禁戒。

Thị danh Bồ-tát Ma-ha-tát hộ trì cấm giới.

Đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát hộ trì giới cấm,

菩薩摩訶薩護持如是諸禁戒已。悉以施於一切眾生。

Bồ-tát Ma-Ha tát hộ trì như thị chư cấm giới dĩ. Tất dĩ thí ư nhất thiết chúng sanh.

Bồ-tát Ma-ha-tát hộ trì các giới cấm như vậy rồi, đều đem bố thí cho tất cả chúng sanh,

以是因緣願令眾生護持禁戒。

Dĩ thị nhân duyên nguyện lệnh chúng sanh hộ trì cấm giới。
 nhờ nhân duyên đó nguyện chúng sanh cũng hộ trì giới cấm,
 得清淨戒善戒不缺戒不析戒大乘戒不退戒隨順戒畢竟戒。
 Đắc thanh tịnh giới thiện giới bất khuyết giới bất tích giới Đại thừa giới bất thối giới tùy
 thuận giới tất cánh giới。
 được giới thanh tịnh, thiện giới, không còn khuyết giới, không chia chẻ giới Đại thừa, được
 giới Không thối chuyển, giới Tùy thuận, giới Cứu cánh。
 具足成就波羅蜜戒。善男子。
 Cụ túc thành tựu Ba-la-mật giới. Thiện nam tử。
 thành tựu đầy đủ giới Ba-la-mật. Thiện nam tử!
 菩薩摩訶薩修持如是清淨戒時。即得住於初不動地。
 Bồ-tát Ma-ha-tát tu trì như thị thanh tịnh giới thời. Tức đắc trụ ư sơ bất động địa。
 Lúc Bồ-tát Ma-ha-tát tu trì giới thanh tịnh như vậy, tức được trụ vào sơ quả Bất động địa。
 云何名為不動地耶。菩薩住是不動地中。
 Vân hà danh vi bất động địa da. Bồ-tát trụ thị bất động địa trung。
 Thế nào gọi là Bất động địa ư? Bồ-tát trụ ở trong đất không lay động,
 不動不墮不退不散。善男子。
 Bất động bất đọa bất thối bất tán. Thiện nam tử。
 không động, không đọa lạc, không thối chuyển, không mất đi. Thiện nam tử!
 譬如須彌山旋藍猛風不能令動墮落退散。
 Thí như Tu-Di sơn toàn lam mãnh phong bất năng lệnh động đọa lạc thối tán。
 Thí như núi Tu-di xung quanh toàn là cây chàem gió mạnh không thể khiến cho lay động
 rụng mất,
 菩薩摩訶薩住是地中亦復如是。不為色聲香味所動。
 Bồ-tát Ma-ha-tát trụ thị địa trung diệc phục như thị. Bất vi sắc thanh hương vị sở động。
 Bồ-tát Ma-ha-tát trụ ở trong đất cũng lại như vậy, không vì sắc thanh hương vị làm lay
 động,
 不墮地獄畜生餓鬼。不退聲聞辟支佛地。
 Bất đọa Địa ngục súc sanh ngạ quỷ. Bất thối thanh văn tích chi Phật địa。
 không đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, không thối thất quả Thanh văn, Bích-chi-phật,
 不為異見邪風所散而作邪命。復次善男子。

Bất vi dị kiến tà phong sở tán nhi tác tà mạng. Phục thứ thiện nam tử.
không vì cái nhìn của ngoại đạo tà vạy mà làm việc tà mạng. Lại nữa Thiện nam tử!
又復動者不為貪欲恚癡所動。又復墮者不墮四重。

Hựu phục động giả bất vi tham dục khuể si sở động. Hựu phục đọa giả bất đọa tứ trọng。

Lại nữa, cái động ấy là không bị tham dục, sân nhuế, ngu si làm lay động, lại không đọa ấy là không đọa vào Tứ trọng.

又復退者不退戒還家。

Hựu phục thối giả bất thối giới hoàn gia。

Lại cái thối ấy là không thối chuyển đối với giới mà hoàn tục,

又復散者不為違逆大乘經者之所散壞。復次善男子。

Hựu phục tán giả bất vi vi nghịch Đại thừa Kinh giả chi sở tán hoại. Phục thứ thiện nam tử。

lại tán tán là không bị những điều trái nghịch kinh Đại thừa làm tan hoại. Lại nữa, thiện nam tử!

菩薩摩訶薩亦復不為諸煩惱魔之所傾動。不為陰魔所墮。

Bồ-tát Ma-ha-tát diệc phục bất vi chư phiền não ma chi sở khuynh động. Bất vi uẩn ma sở đọa。

Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại không bị các ma phiền não làm lay động, không bị ám ma làm đọa lạc,

乃至坐於道場菩提樹下。

Nãi chí tọa ư đạo trường Bồ-đề thụ hạ。

cho đến ở dưới gốc cây tại Bồ-đề đạo tràng,

雖有天魔不能令其退於阿耨多羅三藐三菩提。

Tuy hữu Thiên ma bất năng lệnh kỳ thối ư A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。

mặc dầu có thiên ma cũng không khiến thối chuyển đối với quả vị A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề,

亦復不為死魔所散。善男子。是名菩薩摩訶薩修習聖行。

Diệc phục bất vi tử ma sở tán. Thiện nam tử. Thị danh Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập Thánh hành。

lại cũng không bị ma chết làm tiêu tan. Thiện nam tử! Đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát tu tập hạnh của bậc Thánh,

善男子。云何名為聖行。

Thiện nam tử. Vân hà danh vi Thánh hành.

Thiện nam tử! Thế nào gọi hạnh của bậc Thánh?

聖行者佛及菩薩之所行處故。故名聖行。以何等故。

Thánh hành giả Phật cập Bồ-tát chi sở hạnh xử cố. Cố danh Thánh hành. Dĩ hà đẳng cố.

Hạnh của bậc Thánh là những việc làm của Phật và Bồ-tát, cho nên gọi là hạnh của bậc Thánh. Do vì như vậy,

名佛菩薩為聖人耶。如是等人有聖法故。

Danh Phật Bồ-tát vi Thánh nhân da. Như thị đẳng nhân hữu Thánh Pháp cố.

gọi Phật, Bồ-tát là Thánh nhân vậy. Những người như vậy nên có pháp của bậc Thánh, 常觀諸法性空寂故。以是義故故名聖人。

Thường quán chư Pháp tánh không tịch cố. Dĩ thị nghĩa cố cố danh Thánh nhân.

thường quán các pháp vắng lặng tịch tịnh. Do vì nghĩa ấy cho nên gọi là Thánh nhân.

有聖戒故復名聖人。有聖定慧故故名聖人。有七聖財。

Hữu Thánh giới cố phục danh Thánh nhân. Hữu Thánh định tuệ cố cố danh Thánh nhân. Hữu thất Thánh tài.

Có giới của bậc Thánh cho nên gọi là Thánh nhân. Có định tuệ của bậc Thánh cho nên gọi là Thánh nhân. có Thất Thánh tài

所謂信戒慚愧多開智慧捨離。故名聖人。

Sở vị tín giới tầm quý đa khai trí tuệ xả ly. Cố danh Thánh nhân.

đó là tín, giới, tầm, quý, đa văn, trí huệ, xả ly, cho nên gọi là Thánh nhân.

有七聖覺故故名聖人。

Hữu thất Thánh giác cố cố danh Thánh nhân.

Có Thất Thánh giác cho nên gọi là Thánh nhân.

以是義故復名聖行。

Dĩ thị nghĩa cố phục danh Thánh hành.

Do vì nghĩa đó lại gọi là hạnh của bậc Thánh.

大般涅槃經卷第十一

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập nhất
Kinh Đại Bát Niết-bàn, Quyển Thứ Mười Một.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyên Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyên Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:07:28 2006.
Thích Nữ Hạnh Giải, hiệu đính lần 1. Ngô Tùng hiệu đính lần 2

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyên Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyên Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:07:28 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

大般涅槃經卷第十二

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập nhị

Kinh Đại Bát Niết Bàn

Quyển Thứ Mười Hai

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Thời Bắc Lương, ngài Tam tạng Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

聖行品第七之二

Thánh hành phẩm đệ thất chi nhị

Phần thứ hai, phẩm thứ bảy: Thánh Hạnh

復次善男子。菩薩摩訶薩聖行者。

Phục thứ thiện nam tử。Đại Bồ-tát Thánh hành giả。

Lại nữa, Thiện nam tử! Thánh hạnh của Đại Bồ-tát là

觀察是身從頭至足。其中唯有髮毛爪齒不淨垢穢。

Quan sát thị thân tòng đầu chí túc。Kỳ trung duy hữu phát mao trảo xỉ bất tịnh cấu uế。

quán sát từ đầu đến chân, trong đó chỉ có tóc, lông, móng tay, răng bất tịnh cấu uế,

皮肉筋骨脾腎心肺肝膽腸胃生熟二藏大小

Bì nhục cân cốt tì thận tâm phế can đả tràng vị sanh thực nhị tạng Đại tiểu

da, thịt, gân, xương, lá lách, thận, tim, phổi, gan, mật, ruột, dạ dày, hai thứ sanh tạng thực

tạng đại tiện, tiểu tiện,

便利涕唾目淚。

Tiện lợi thể thóa mục lệ。

nước tiểu, nước đờm, nước mắt,

肪膏腦膜骨髓膿血腦骸諸脈。菩薩如是專念觀時。誰有是我。

Phương cao não mô cốt tủy nùng huyết não hạch chư mạch。Bồ-tát như thị chuyên niệm quán thời。Thùy hữu thị ngã。

mỡ lá, mỡ tạng, mỡ óc, màng xương, tủy, máu, mủ, não, các mạch máu。Lúc Bồ-tát

chuyên tâm quán như vậy, thì có ai là ngã?

我為屬誰。住在何處。誰屬於我。復作是念。

Ngã vi chúc thùy。Trụ tại hà xứ。Thùy chúc ư ngã。Phục tác thị niệm。

Ngã là thuộc ai, tại chỗ nào? Những gì thuộc về ngã? Lại nghĩ thế này:

骨是我耶。離骨是耶。

Cốt thị ngã da。Ly cốt thị da。

Xương là ngã ư? Lìa xương là không phải ngã ư?

菩薩爾時除去皮肉唯觀白骨。復作是念。骨色相異。

Bồ-tát nhĩ thời trừ khủ bì nhục duy quán bạch cốt。Phục tác thị niệm。Cốt sắc tướng dị。Lúc ấy Bồ-tát từ bỏ da thịt chỉ thấy xương trắng。Lại nghĩ thế này: Màu của xương khác nhau,

所謂青黃赤白及以鵠色。如是骨相亦復非我。何以故。

Sở vị thanh hoàng xích bạch cập dĩ cấp sắc。Như thị cốt tướng điệc phục phi ngã。Hà dĩ cố。

tức là xanh, vàng, đỏ, trắng và giống sắc của bồ câu, tướng của xương như vậy cũng lại chẳng phải ngã。Tại sao vậy?

我者亦非青黃赤白及以鵠色。

Ngã giả điệc phi thanh hoàng xích bạch cập dĩ cấp sắc。

Ngã ấy cũng chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng và sắc bồ câu。

菩薩繫心作是觀時即得斷除一切色欲。復作是念。

Bồ-tát hệ tâm tác thị quán thời tức đắc đoạn trừ nhất thiết sắc dục。Phục tác thị niệm。

Lúc Bồ-tát giữ tâm nghĩ tưởng như vậy tức đoạn trừ được tất cả sắc dục。Lại nghĩ thế này: 如是骨者從因緣生。依因足骨以拄踝骨。

Như thị cốt giả tòng nhân duyên sanh。Y nhân túc cốt dĩ trụ hĩa cốt。

Xương cốt như vậy do nhân duyên sanh, nhờ vào xương bàn chân mà giữ được xương mắt cá,

依因踝骨以拄膊骨。依因膊骨以拄膝骨。

Y nhân hĩa cốt dĩ trụ bạc cốt。Y nhân bạc cốt dĩ trụ tất cốt。

nhờ xương mắt cá mà giữ được xương bắp đùi, nhờ xương bắp đùi mà giữ được xương đầu gối,

依因膝骨以拄髀骨。依因髀骨以拄臑骨。

Y nhân tất cốt dĩ trụ bễ cốt。Y nhân bễ cốt dĩ trụ tẫn cốt。

nhờ xương đầu gối mà giữ xương đùi vế, nhờ xương đùi vế mà giữ được xương bánh chè, 依因臑骨以拄腰骨。依因腰骨以拄脊骨。

Y nhân tẫn cốt dĩ trụ yêu cốt。Y nhân yêu cốt dĩ trụ tích cốt。

nhờ xương bánh chè mà giữ được xương eo, nhờ có xương eo mà giữ được xương sống,
依因脊骨以拄肋骨。復因脊骨上拄項骨。

Y nhân tích cốt dĩ trụ lạc cốt. Phục nhân tích cốt thượng trụ hạng cốt.

nhờ xương sống mà giữ được xương sườn, lại nhờ xương sống mà giữ được xương cổ sau lưng,

依因項骨以拄額骨。依因額骨以拄牙齒。上有髑髏。

Y nhân hạng cốt dĩ trụ hạm cốt. Y nhân hạm cốt dĩ trụ nha xỉ. Thượng hữu độc lâu.

lại nhờ xương cổ mà giữ được xương cằm, lại nhờ xương cằm mà giữ được răng, phía trên đó có xương sọ,

復因項骨以拄膊骨。依因膊骨以拄臂骨。

Phục nhân hạng cốt dĩ trụ bạc cốt. Y nhân bạc cốt dĩ trụ tý cốt.

lại nhờ xương cổ mà giữ được xương bắp tay, nhờ xương bắp tay mà giữ được xương cánh tay,

依因臂骨以拄腕骨。依因腕骨以拄掌骨。

Y nhân tý cốt dĩ trụ oản cốt. Y nhân oản cốt dĩ trụ chưởng cốt.

nhờ xương cánh tay mà giữ được xương cổ tay, nhờ xương cổ tay mà giữ được xương bàn tay,

依因掌骨以拄指骨。

Y nhân chưởng cốt dĩ trụ chỉ cốt.

nhờ xương bàn tay mà giữ được xương ngón tay.

菩薩摩訶薩如是觀時身所有骨一切分離。得是觀已即斷三欲。一形貌欲。

Đại Bồ-tát như thị quán thời thân sở hữu cốt nhất thiết phân ly. Đắc thị quán dĩ tức đoạn tam dục. Nhất hình mạo dục.

Lúc Đại Bồ-tát quán như vậy, tất cả xương của thân phân lìa, quán được như vậy rồi tức đoạn ba dục: Một là ham muốn tướng mạo,

二姿態欲。三細觸欲。菩薩摩訶薩觀青骨時。

Nhị tư thái dục. Tam tế xúc dục. Đại Bồ-tát quán thanh cốt thời.

hai là ham muốn dáng dấp, ba là ham muốn sự xúc chạm. Lúc Đại Bồ-tát quán xương màu xanh

見此大地東西南北四維上下悉皆青相。

Kiến thử Đại địa Đông Tây Nam Bắc tứ duy thượng hạ tất giai thanh tướng。

thì thấy đại địa bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc, trên dưới đều hiện tướng màu xanh,
如青色觀黃白鵠色亦復如是。

Như thanh sắc quán hoàng bạch cáp sắc diệc phục như thị。

cũng như quán màu xanh, vàng, trắng, sắc bồ câu cũng lại như vậy。

菩薩摩訶薩作是觀時。眉間即出青黃赤白鵠等色光。

Đại Bồ-tát tác thị quán thời。My gian tức xuất thanh hoàng xích bạch cáp đẳng sắc
quang。

Lúc Đại Bồ-tát quán như vậy, giữa chặng mày tức hiện ra các tia sáng màu xanh, vàng,
đỏ, trắng bồ câu,

是菩薩於是——諸光明中見有佛像。

Thị Bồ-tát ư thị nhất nhất chư quang-minh trung kiến hữu Phật tượng。

Bồ-tát ấy ở trong mỗi ánh sáng ấy thấy có một tượng Phật,

見已即問。如此身者不淨因緣和合共成。

Kiến dĩ tức vấn。Như thử thân giả bất tịnh nhân duyên hòa hợp cộng thành。

thấy rồi liền hỏi: Thân như vậy do nhân duyên bất tịnh hoà hợp mà thành,

云何而得坐起行住屈伸俯仰。視瞬喘息悲泣喜笑。

Vân hà nhi đắc tọa khởi hành trụ khuất thân phủ ngưỡng。Thị thuận suyển tức bi khắp hĩ
tiếu。

làm sao mà ngồi, đứng, đi, dừng, co, duỗi, cúi xuống, ngẩng lên, mắt nhìn, hơi thở, khóc
buồn, cười vui,

此中無主。誰使之然。作是問已。

Thử trung vô chủ。Thùy sử chi nhiên。Tác thị vấn dĩ。

trong các việc trên đều vô chủ, thì ai khiến như vậy? Hỏi như vậy rồi

光中諸佛忽然不現。復作是念或識是我。

Quang trung chư Phật hốt nhiên bất hiện。Phục tác thị niệm hoặc thức thị ngã。

trong ánh sáng chư Phật bỗng nhiên không hiện nữa. Lại nghĩ thế này: Hay thức là ngã
故使諸佛不為我說。

Cố sử chư Phật bất vi ngã thuyết。

cho nên khiến chư Phật không vì ngã thuyết.

復觀此識次第生滅猶如流水亦復非我。復作是念。若識非我出息入息或能是我。

Phục quán thử thức thứ đệ sanh diệt do như lưu thủy diệc phục phi ngã. Phục tác thị niệm. Nhược thức phi ngã xuất tức nhập tức hoặc năng thị ngã.

Lại quán thức này thứ tự sanh diệt, giống như dòng nước chảy cũng lại vô ngã. Lại nghĩ thế này: Nếu thức vô ngã thì hơi thở ra hơi thở vào có thể là ngã.

復作是念。是出入息直是風性。

Phục tác thị niệm. Thị xuất nhập tức trực thị phong tánh.

Lại nghĩ thế này: Hơi thở ra vào ấy là tánh của gió,

而是風性乃是四大。四大之中何者是我。

Nhi thị phong tánh nãi thị tứ Đại. Tứ Đại chi trung hà giả thị ngã.

mà tánh của gió chính là tứ đại. Trong tứ đại cái nào là ngã?

地性非我水火風性亦復非我。復作是念。

Địa tánh phi ngã thủy hỏa phong tánh diệc phục phi ngã. Phục tác thị niệm.

Tánh của đất chẳng phải ngã, tánh của nước, lửa, gió, cũng chẳng phải ngã. Lại nghĩ thế này:

此身一切悉無有我。

Thử thân nhất thiết tất vô hữu ngã.

Tất cả thân này đều không có ngã,

唯有心風因緣和合示現種種所作事業。譬如呪力幻術所作。亦如箜篌隨意出聲。

Duy hữu tâm phong nhân duyên hòa hợp thị hiện chủng chủng sở tác sự nghiệp. Thí như chú lực huyễn thuật sở tác. Diệc như không hầu tùy ý xuất thanh.

Chỉ có gió tâm nhờ nhân duyên hòa hợp nên thị hiện các sự nghiệp, thí như uy lực thần chú của các nhà chú thuật đã làm, cũng như tiếng Không hầu tùy ý phát ra âm thanh
是故此身如是不淨假眾因緣和合共成。

Thị cố thử thân như thị bất tịnh giả chúng nhân duyên hòa hợp cộng thành.

cho nên thân này bất tịnh như vậy do các duyên giả hợp tạo thành

而於何處生此貪欲。

nhi ư hà xứ sanh thử tham dục.

thì ở nơi chỗ nào sanh tham dục.

若被罵辱復於何處而生瞋恚。而我此身三十六物不淨臭穢。

Nhược bị mạ nhục phục ư hà xứ nhi sanh sân khuể. Nhi ngã thử thân tam thập lục vật bất tịnh xú uế.

Nếu bị mắng nhiếc thì ở chỗ nào sanh ra sân nhuế? Mà thân này của tôi gồm ba mươi sáu thứ đều bất tịnh như uế

何處當有受罵辱者。若聞其罵即便思惟。

Hà xứ đương hữu thọ mạ nhục giả. Nhược văn kỳ mạ tức tiện tư duy.

thì chỗ nào sẽ chịu sự mắng nhiếc ấy? Nếu nghe mắng nhiếc tức liền tư duy:

以何音聲而見罵耶。一一音聲不能見罵。

Dĩ hà âm thanh nhi kiến mạ da. Nhất nhất âm thanh bất năng kiến mạ.

Âm thanh nào mà nghe thấy sự mắng nhiếc vậy? Mỗi mỗi âm thanh đều không nghe thấy, 若一不能多亦不能。以是義故不應生瞋。

Nhược nhất bất năng đa diệc bất năng. Dĩ thị nghĩa cố bất ứng sanh sân.

nếu một âm thanh không có thể nghe thì nhiều âm thanh cũng lại như vậy, nhờ ý nghĩa này cho nên không sanh sân hận.

若他來打亦應思惟。如是打者從何而生。復作是念。

Nhược tha lai đả diệc ứng tư duy. Như thị đả giả tòng hà nhi sanh. Phục tác thị niệm.

Nếu có người đến đánh cũng nên suy nghĩ rằng: Người đánh như vậy do đâu sanh ra? Lại nghĩ thế này:

因手刀杖及以我身故得名打。

Nhân thủ đao trượng cập dĩ ngã thân cố đắc danh đả.

Do tay cầm dao gậy cộng với thân ta cho nên gọi là đánh,

我今何緣橫瞋於他。乃是我身自招此咎。

Ngã kim hà duyên hoành sân ư tha. Nãi thị ngã thân tự chiêu thủ cửu.

vậy ta nay vì duyên gì mà khởi niệm sân đối với người ấy? Đó chính vì thân ta tự chịu lỗi ấy.

以我受是五陰身故。譬如因的則有箭中。我身亦爾有身有打。

Dĩ ngã thọ thị ngũ uẩn thân cố. Thí như nhân đích tắc hữu tiến trung. Ngã thân diệc nhĩ hữu thân hữu đả.

Vì ta thọ năm uẩn ấy mà có thân. Thí như do đích đến mà có cung tên, thân ta cũng như vậy có thân thì có sự đánh.

我若不忍心則散亂。心若散亂則失正念。

Ngã nhược bất nhẫn tâm tắc tán loạn. Tâm nhược tán loạn tắc thất chánh niệm.

Ta nếu không nhẫn được tâm liền tán loạn, tâm nếu tán loạn thì mất chánh niệm,

若失正念則不能觀善不善義。

Nhược thất chánh niệm tắc bất năng quán thiện bất thiện nghĩa。

nếu mất chánh niệm thì không thể quán sát được nghĩa thiện hay bất thiện

若不能觀善不善義則行惡法。

Nhược bất năng quán thiện bất thiện nghĩa tắc hành ác Pháp。

nếu không quán sát được nghĩa thiện hay bất thiện thì làm các việc ác.

惡法因緣則墮地獄畜生餓鬼。菩薩爾時作是觀已得四念處。

Ác pháp nhân duyên tắc đọa Địa ngục súc sanh ngạ quỷ。Bồ-tát nhĩ thời tác thị quán dĩ
đắc Tứ niệm xứ。

Do duyên làm ác pháp thì liền đọa Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh. Lúc Bồ-tát quán như vậy
rồi liền chứng đắc Tứ niệm xứ.

得四念處已則得住於堪忍地中。

Đắc tứ niệm xứ dĩ tắc đắc trụ ư Kham nhẫn địa trung。

Đắc Tứ niệm xứ rồi thì trụ vào trong Kham nhẫn địa.

菩薩摩訶薩住是地已。則能堪忍貪欲恚癡。

Đại Bồ-tát trụ thị địa dĩ。Tắc năng kham nhẫn tham dục khuể si。

Đại Bồ-tát trụ ở địa ấy rồi thì có thể kham nhẫn tham dục, sân nhuế, ngu si,

亦能堪忍寒熱飢渴蚊虻蚤虱。暴風惡觸種種疾疫。

Diệc năng kham nhẫn hàn nhiệt cơ khát văn manh tảo sắt。Bạo phong ác xúc chủng
chủng tật dịch。

cũng có thể kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, ruồi, muỗi, bò chét, gió bão, các sự xúc
chạm mạnh, các loại tật bệnh ôn dịch,

惡口罵詈搥打楚撻。身心苦惱一切能忍。

Ác khẩu mạ lị qua đả sở thát。Thân tâm khổ não nhất thiết năng nhẫn。

lời ác mắng nhiếc, đánh đập, dùng cây gai đánh, khổ não của thân tâm tất cả đều có thể
nhẫn chịu,

是故名為住堪忍地。迦葉菩薩摩訶薩白佛言。世尊。

Thị cố danh vi trụ Kham nhẫn địa。Ca-diếp。Đại Bồ-tát bạch Phật ngôn。Thế tôn。

cho nên gọi là trú ở Kham nhẫn địa。Bồ-tát Đại Ca-diếp bạch Phật rằng: Thế Tôn!

菩薩未得住不動地淨持戒時。

Bồ-tát vị đắc trụ Bất động địa tịnh trì giới thời。

Lúc Bồ-tát chưa được trụ vào Bất động địa thanh tịnh trì giới,
頗有因緣得破戒不。善男子。有菩薩未得住不動地。

Pha hữu nhân duyên đắc phá giới phủ. Thiện nam tử. Hữu Bồ-tát vị đắc trụ Bất động địa.

phải chăng có nhân duyên để phá giới? Thiện nam tử! Có Bồ-tát chưa được trụ vào Bất động địa,

有因緣故可得破戒。迦葉敬諾。何者是耶。佛言。

Hữu nhân duyên cố khả đắc phá giới. Ca-diếp kính nặc. Hà giả thị da. Phật ngôn. vì có nhân duyên nên có thể được phá giới. Ca-diếp cung kính vâng dạ. Tại sao như vậy ư? Phật dạy:

迦葉。若有菩薩知以破戒因緣。

Ca-diếp. Nhược hữu Bồ-tát tri dĩ phá giới nhân duyên.

Ca-diếp! Nếu có Bồ-tát biết đem nhân duyên phá giới ấy, 則能令人受持愛樂大乘經典。

Tắc năng lệnh nhân thọ trì ái lạc Đại thừa Kinh điển.

để có thể khiến người thọ trì yêu thích Kinh điển Đại thừa, 又能令其讀誦通利書寫經卷廣為他說。

Hựu năng lệnh kỳ đọc tụng thông lợi thư tả Kinh quyển quảng vi tha thuyết.

lại khiến người ấy đọc tụng thông hiểu viết chép Kinh sách vì người khác rộng nói, 不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。為如是故故得破戒。

Bất thối chuyển ư A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Vi như thị cố cố đắc phá giới.

khiến không còn thối chuyển ở đạo A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, vì như vậy cho nên được phá giới.

菩薩爾時應作是念。我寧一劫若減一劫墮於阿鼻地獄受罪。

Bồ-tát nhĩ thời ứng tác thị niệm. Ngã ninh nhất kiếp nhược giảm nhất kiếp đọa ư A-tì Địa ngục tội.

Lúc ấy Bồ-tát phải nghĩ thế này: Ta thà một kiếp hoặc ít hơn một kiếp đọa vào Địa ngục A-tỳ để chịu tội,

要必當令如是之人不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

Yếu tất đương lệnh như thị chi nhân bất thối chuyển ư A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。

cũng phải khiến người như vậy không thối chuyển ở đạo A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

迦葉。

Ca-diếp。

Ca-diếp!

以是因緣菩薩摩訶薩得毀淨戒。爾時文殊師利菩薩摩訶薩白佛言。世尊。

Dĩ thị nhân duyên Đại Bồ-tát đắc hủy tịnh giới. Nhĩ thời Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Do nhân duyên ấy Đại Bồ-tát được hủy phá tịnh giới. Lúc ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

若有菩薩攝取護持如是之人令不退於菩提之心。

Nhược hữu Bồ-tát nhiếp thủ hộ trì như thị chi nhân lệnh bất thối ư bồ đề chi tâm.

Nếu có Bồ-tát giúp đỡ hộ trì người như vậy khiến không còn thối chuyển tâm Bồ-đề, 為是毀戒。若墮阿鼻無有是處。

Vi thị hủy giới. Nhược đọa A-tì vô hữu thị xứ.

là vì hủy giới, nếu mà người ấy đọa địa ngục A-tì thì không thể có điều ấy.

爾時佛讚文殊師利。善哉善哉。如汝所說。

Nhĩ thời Phật tán Văn Thù Sư Lợi. Thiện tai Thiện tai. Như nhữ sở thuyết.

Lúc bấy giờ Phật khen ngợi Văn-thù-sư-lợi: Lành thay! Lành thay! Như người đã nói, 我念往昔於此閻浮提作大國王。名曰仙預。

Ngã niệm vãng tích ư thử Diêm-phù-đề tác Đại quốc vương. Danh viết Tiên Dự.

Ta nhớ lại ngày xưa ở cõi Diêm-phù-đề này làm vị Đại quốc vương tên là Tiên Dự, 愛念敬重大乘經典。

Ái niệm kính trọng Đại thừa Kinh điển。

yêu thích kính trọng Kinh điển Đại thừa,

其心純善無有麤惡嫉妬慳慳。口常宣說愛語善語。

Kỳ tâm thuần thiện vô hữu thô ác tật đố khan xan. Khẩu thường tuyên thuyết ái ngữ thiện ngữ。

tâm ta thuần thiện, không hề có sự thô ác, tật đố, xan tham, bòn sẻn, miệng thường nói lời ái ngữ, thiện ngôn.

身常攝護貧窮孤獨。布施精進無有休廢。

Thân thường nhiếp hộ bần cùng cô độc. Bồ thí tinh tấn vô hữu hữu phế.

Thân thường giúp đỡ người bần cùng cô độc, tinh tấn bồ thí không hề nghĩ ngơi.

時世無佛聲聞緣覺。我於爾時愛樂大乘方等經典。

Thời thế vô Phật thanh văn duyên giác. Ngã ư nhĩ thời ái lạc Đại thừa phương đẳng Kinh điển.

Gặp thời không có Phật, Thanh Văn, Duyên Giác thì ta lúc ấy yêu thích kinh Đại thừa Phương Đẳng,

十二年中事婆羅門供給所須。過十二年施安已訖。

Thập nhị niên trung sự Bà-la-môn cung cấp sở tu. Quá thập nhị niên thí an dĩ cật.

trong mười hai năm hầu hạ Bà-la-môn cung cấp những điều cần dùng, qua mười hai năm an ổn bồ thí rồi,

即作是言。

Tức tác thị ngôn。

liền nói rằng:

師等今應發阿耨多羅三藐三菩提心。婆羅門言。大王。菩提之性は無所有。

Sư đẳng kim ứng phát A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề tâm. Bà-la-môn ngôn. Đại Vương. Bồ đề chi tánh thị vô sở hữu。

Các thầy nay phải phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Bà-la-môn nói: Đại vương!

Tánh bồ-đề không có sở hữu,

大乘經典亦復如是。大王。

Đại thừa Kinh điển diệc phục như thị. Đại Vương。

Kinh điển Đại thừa cũng lại như vậy. Đại vương!

云何乃令人物同於虛空。善男子。我於爾時心重大乘。

Vân hà nãi lệnh nhân vật đồng ư hư không. Thiện nam tử. Ngã ư nhĩ thời tâm trọng Đại thừa。

Làm sao khiến người và vật đồng với hư không. Thiện nam tử! Ta lúc bấy giờ tâm tôn trọng Đại thừa,

聞婆羅門誹謗方等。聞已即時斷其命根。善男子。

Văn Bà-la-môn phi báng Phương đẳng. Văn dĩ tức thời đoạn kỳ mạng căn. Thiện nam tử。

nghe Bà-la-môn phỉ báng kinh Phương Đẳng, nghe rồi tức thì đoạn đi mạng căn. Thiện nam tử!

以是因緣從是已來不墮地獄。善男子。

Dĩ thị nhân duyên tòng thị dĩ lai bất đọa Địa ngục。 Thiện nam tử。

Do nhân duyên ấy từ đó đến nay không đọa vào Địa ngục。 Thiện nam tử!

擁護攝持大乘經典。乃有如是無量勢力。

Ủng hộ nhiếp trì Đại thừa Kinh điển。 Nãi hữu như thị vô lượng thế lực。

Ủng hộ thọ trì Kinh điển Đại thừa thì có vô lượng thế lực như vậy。

復次迦葉。又有聖行所謂四聖諦。

Phục thứ Ca-diếp。 Hựu hữu Thánh hành sở vị tứ Thánh đế。

Lại nữa, Ca-diếp! Lại có hạnh của bậc Thánh nghĩa là Tứ Thánh Đế。

苦集滅道是名四聖諦。迦葉。苦者逼迫相。

Khổ tập diệt đạo thị danh tứ Thánh đế。 Ca-diếp。 Khổ giả bức bách tướng。

Khổ, Tập, Diệt, Đạo gọi là Tứ Thánh Đế。 Ca-diếp! Khổ là tướng bức bách。

集者能生長相。滅者寂滅相。道者大乘相。

Tập giả năng sanh trưởng tướng。 Diệt giả tịch diệt tướng。 Đạo giả Đại thừa tướng。

Tập là tướng có thể sanh trưởng。 Diệt là tướng tịch diệt。 Đạo là tướng Đại thừa。

復次善男子。苦者現相。集者轉相。滅者除相。

Phục thứ thiện nam tử。 Khổ giả hiện tướng。 Tập giả chuyển tướng。 Diệt giả trừ tướng。

Lại nữa, Thiện nam tử! Khổ là tướng hiện。 Tập là tướng chuyển。 Diệt là tướng trừ。

道者能除相。復次善男子。苦者有三相。

Đạo giả năng trừ tướng。 Phục thứ thiện nam tử。 Khổ giả hữu tam tướng。

Đạo là tướng có thể trừ。 Lại nữa, Thiện nam tử! Khổ thì có ba tướng:

苦苦相行苦相壞苦相。集者二十五有。

Khổ khổ tướng hành khổ tướng hoại khổ tướng。 Tập giả nhị thập ngũ hữu。

Tướng Khổ khổ, tướng Hành khổ, tướng Hoại khổ。 Tập là hai mươi lăm hữu。

滅者滅二十五有。道者修戒定慧。復次善男子。

Diệt giả diệt nhị thập ngũ hữu。 Đạo giả tu giới định tuệ。 Phục thứ thiện nam tử。

Diệt thì cũng có hai mươi lăm。 Đạo là tu Giới, Định, Tuệ。 Lại nữa, Thiện nam tử!

有漏法者有二種。有因有果。無漏法者亦有二種。

Hữu lậu pháp giả hữu nhị chủng. Hữu nhân hữu quả. Vô lậu Pháp giả diệt hữu nhị chủng.

Pháp hữu lậu có hai loại: có nhân và quả. Pháp vô lậu cũng có hai loại:

有因有果。有漏果者是則名苦。

Hữu nhân hữu quả. Hữu lậu quả giả thị tắc danh khổ.

có nhân và quả. Quả hữu lậu thì gọi là Khổ.

有漏因者則名為集。無漏果者則名為滅。

Hữu lậu nhân giả tắc danh vi tập. Vô lậu quả giả tắc danh vi diệt.

Nhân hữu lậu thì gọi là Tập. Quả vô lậu thì gọi là Diệt.

無漏因者則名為道。復次善男子。八相名苦。

Vô lậu nhân giả tắc danh vi đạo. Phục thứ thiện nam tử. Bát tướng danh khổ.

Nhân vô lậu thì gọi là Đạo. Lại nữa, Thiện nam tử! Tám tướng gọi là khổ,

所謂生苦老苦病苦死苦愛別離苦怨憎會苦求不得苦五盛

Sở vị sanh khổ lão khổ bệnh khổ tử khổ ái biệt ly khổ oán tắng hội khổ cầu bất đắc khổ
ngũ thịnh

nghĩa là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất
đắc khổ, ngũ ấm khổ.

陰苦。能生如是八苦法者。是名為因。

Uẩn khổ. Năng sanh như thị bát khổ Pháp giả. Thị danh vi nhân.

Có thể sanh ra tám khổ như vậy thì gọi đó là nhân,

無有如是八法之處。是名為滅。

Vô hữu như thị bát Pháp chi xứ. Thị danh vi diệt.

không có tám pháp như vậy thì gọi là diệt,

十力四無所畏三念處大悲。是名為道。善男子。生者出相。

Thập lực tứ vô sở úy tam niệm xứ Đại bi. Thị danh vi đạo. Thiện nam tử. Sanh giả xuất
tướng.

mười lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ đại bi thì gọi là đạo. Thiện nam tử! Sanh ấy là tướng
xuất hiện,

所謂五種。一者初出。二者至終。三者增長。

Sở vị ngũ chủng. Nhất giả sơ xuất. Nhị giả chí chung. Tam giả tăng trưởng.

nghĩa là có năm loại: Một là mới sanh, hai là từ đầu đến cuối, ba là tăng trưởng,

四者出胎。五者種類生。何等為老。老有二種。

Tứ giả xuất thai. Ngũ giả chủng loại sanh. Hà đẳng vi lão. Lão hữu nhị chủng.

bốn là ra khỏi thai, năm là các loại sanh ra. Thế nào là già? Già có hai loại:

一念念老。二終身老。復有二種。一增長老。

Nhất niệm niệm lão. Nhị chung thân lão. Phục hữu nhị chủng. Nhất tăng trưởng lão.

Một là già đi trong từng niệm, hai là cuối đời già. Lại có hai loại: Một là tăng trưởng mà già, 二滅壞老。是名為老。云何為病。

Nhị diệt hoại lão. Thị danh vi lão. Vân hà vi bệnh.

hai là hoại diệt mà già. Đó gọi là già. Thế nào là bệnh?

病謂四大毒蛇互不調適。亦有二種。一者身病。

Bệnh vị tứ đại độc xà hổ bất điều thích. Diệc hữu nhị chủng. Nhất giả thân bệnh.

Bệnh nghĩa là bốn đại như rắn độc cùng nhau xung khắc, cũng có hai loại: Một là thân bệnh,

二者心病。身病有五。一者因水。二者因風。

Nhị giả tâm bệnh. Thân bệnh hữu ngũ. Nhất giả nhân thủy. Nhị giả nhân phong.

hai là tâm bệnh. Thân bệnh có năm, một là do nước, hai là do gió,

三者因熱。四者雜病。五者客病。客病有四。

Tam giả nhân nhiệt. Tứ giả tạp bệnh. Ngũ giả khách bệnh. Khách bệnh hữu tứ.

ba là do nóng, bốn là bệnh hỗn tạp, năm là khách bệnh. Khách bệnh có bốn:

一者非分強作。二者忘誤墮落。三者刀杖瓦石。

Nhất giả phi phân cường tác. Nhị giả vong ngộ đọa lạc. Tam giả đao trượng ngỗ thạch.

Một là không phân biệt mà làm quá sức, hai là lầm quên đọa lạc, ba là dao gậy ngói đá, 四者鬼魅所著。心病亦有四種。一者踊躍。

Tứ giả quỷ mị sở trú. Tâm bệnh diệc hữu tứ chủng. Nhất giả dưng dưng.

bốn là quỷ ma quấy phá. Tâm bệnh có bốn loại: Một là hớn hờ,

二者恐怖。三者憂愁。四者愚癡。

Nhị giả khủng phố. Tam giả ưu sầu. Tứ giả ngu si.

hai là sợ hãi, ba là sầu lo, bốn là ngu si.

復次善男子。身心之病凡有三種。何等為三。

Phục thứ thiện nam tử. Thân tâm chi bệnh phạm hữu tam chủng. Hà đẳng vi tam.

Lại nữa, Thiện nam tử! Bệnh của thân tâm thường có ba loại. Những gì là ba?

一者業報。二者不得遠離惡對。三者時節代謝。

Nhất giả nghiệp báo. Nhị giả bất đắc viễn li ác đối. Tam giả thời tiết đại tạ.

Một là nghiệp báo, hai là không thể xa lìa những kẻ ác, ba là thời tiết thay đổi,

生如是等因緣名字受分別病。因緣者。

Sanh như thị đẳng nhân duyên danh tự thọ phân biệt bệnh. Nhân duyên giả.

phát sanh ra nhiều nhân duyên như vậy tùy tên gọi để phân biệt các bệnh. Nhân duyên

風等諸病。名字者。心悶肺脹上氣咳逆心驚下痢。

Phong đẳng chư bệnh. Danh tự giả. Tâm muộn phế trưởng thượng khí khái nghịch tâm kinh hạ lệ.

về gió có các bệnh với tên gọi là: Tâm muộn, phổi trưởng, ho thượng khí, sợ hãi sanh bệnh kiết lệ,

受分別者。頭痛目痛手足等痛。是名為病。

Thọ phân biệt giả. Đầu thống mục thống thủ túc đẳng thống. Thị danh vi bệnh.

thọ nhận các bệnh sai khác, như đau đầu, đau mắt, chân tay v.v.. tất cả đều đau, đó gọi là bệnh.

何等為死。死者捨所受身。

Hà đẳng vi tử. Tử giả xả sở thọ thân.

Thế nào gọi là chết? Chết ấy là xa lìa thân đã thọ.

捨所受身亦有二種。一命盡死。二外緣死。

Xả sở thọ thân diệc hữu nhị chủng. Nhất mạng tận tử. Nhị ngoại duyên tử.

Xa lìa thân đã thọ ấy cũng có hai loại: Một là chấm dứt sanh mạng mà chết, hai là do ngoại duyên mà chết.

命盡死者亦有三種。一者命盡非是福盡。二者福盡非是命盡。

Mạng tận tử giả diệc hữu tam chủng. Nhất giả mạng tận phi thị phúc tận. Nhị giả phúc tận phi thị mạng tận.

Chấm dứt sanh mạng mà chết ấy cũng có ba loại: Một là sanh mạng hết chứ chẳng phải phước hết, hai là phước hết chẳng phải sanh mạng chấm dứt,

三者福命俱盡。外緣死者復有三種。

Tam giả phúc mạng câu tận. Ngoại duyên tử giả phục hữu tam chủng.

ba là sanh mạng hay phước đều hết. Chết do ngoại duyên ấy lại có ba loại,

一者非分自害死。二者橫為他死。三者俱死。

Nhất giả phi phân tự hại tử. Nhị giả hoành vi tha tử. Tam giả câu tử.

một là chẳng phân biệt tự mình hại chết, hai là vì người khác làm chết, ba là chết cả hai cách ấy.

又有三種死。一放逸死。二破戒死。

Hựu hữu tam chủng tử. Nhất phóng dật tử. Nhị phá giới tử.

Lại có ba loại chết: Một phóng dật mà chết, hai là phá giới mà chết,

三壞命根死。何等名為放逸死。

Tam hoại mạng căn tử. Hà đẳng danh vi phóng dật tử.

ba là mạng căn hoại mà chết. Thế nào gọi là phóng dật mà chết?

若有誹謗大乘方等般若波羅蜜。是名放逸死。

Nhược hữu phi báng Đại thừa phương đẳng Bát Nhã Ba-la-mật. Thị danh phóng dật tử.

Như có người phi báng Đại thừa Phương Đẳng, Bát Nhã Ba-la-mật, đó gọi là phóng dật mà chết.

何等名為破戒死耶。毀犯去來現在諸佛所制禁戒。

Hà đẳng danh vi phá giới tử da. Hủy phạm khứ lai hiện tại chư Phật sở chế cấm giới.

Thế nào gọi là phá giới mà chết? Hủy phạm giới cấm chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai đã chế,

是名破戒死。何等名為壞命根死。捨五陰身。

Thị danh phá giới tử. Hà đẳng danh vi hoại mạng căn tử. Xả ngũ uẩn thân.

đó gọi là phá giới mà chết. Thế nào gọi là mạng căn hoại mà chết? Xả lìa thân năm uẩn,

是名壞命根死。如是名曰死為大苦。

Thị danh hoại mạng căn tử. Như thị danh viết tử vi Đại khổ.

đó gọi là mạng căn hoại mà chết. Như vậy gọi là chết vì khổ lớn.

何等名為愛別離苦。所愛之物破壞離散。

Hà đẳng danh vi ái biệt ly khổ. Sở ái chi vật phá hoại ly tán.

Thế nào gọi là Ái biệt ly khổ? Tất cả các vật thương yêu bị phá hoại ly tan,

所愛之物破壞離散亦有二種。一者人中五陰壞。

Sở ái chi vật phá hoại ly tán diệt hữu nhị chủng. Nhất giả nhân trung ngũ uẩn hoại.

những vật thương yêu bị phá hoại ly tan cũng có hai loại: Một là năm uẩn trong người bị hoại,

二者天中五陰壞。如是人天所愛五陰。

Nhị giả Thiên trung ngũ uẩn hoại. Như thị nhân Thiên sở ái ngũ uẩn.

hai là năm uẩn trong cõi trời bị hoại. Như vậy năm uẩn trong Trời, Người yêu mến
分別揆計有無量種。是名愛別離苦。何等名為怨憎會苦。

Phân biệt giáo kế hữu vô lượng chủng. Thị danh ái biệt ly khổ. Hà đẳng danh vi oán tắng
hội khổ.

phân biệt tính toán có vô lượng loại, đó gọi là Ái biệt ly khổ. Thế nào gọi là Oán tắng hội
khổ?

所不愛者而共聚集。

Sở bất ái giả nhi cộng tụ tập.

những gì không thích mà lại cùng tụ hội,

所不愛者而共聚集復有三種。所謂地獄餓鬼畜生。

Sở bất ái giả nhi cộng tụ tập phục hữu tam chủng. Sở vị Địa-ngục ngạ quỷ súc sanh.

những gì không thích mà lại cùng tụ hội lại có ba loại, đó là Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh,
如是三趣分別揆計有無量種。如是則名怨憎會苦。

Như thị tam thú phân biệt giáo kế hữu vô lượng chủng. Như thị tắc danh oán tắng hội
khổ.

trong ba đường như vậy phân biệt tính toán có vô lượng loại, như vậy gọi là Oán tắng hội
khổ.

何等名為求不得苦。求不得苦復有二種。

Hà đẳng danh vi cầu bất đắc khổ. Cầu bất đắc khổ phục hữu nhị chủng.

Thế nào gọi là Cầu bất đắc khổ? Cầu bất đắc khổ lại có hai loại:

一者所希望處求不能得。二者多役功力不得果報。

Nhất giả sở hi vọng xứ cầu bất năng đắc. Nhị giả đa dịch công lực bất đắc quả báo.

Một là những gì hy vọng cầu mong mà không thể được, hai là bỏ ra nhiều công sức mà
không được nhiều quả báo tốt,

如是則名求不得苦。何等名為五盛陰苦。

Như thị tắc danh cầu bất đắc khổ. Hà đẳng danh vi ngũ thịnh uẩn khổ.

như vậy gọi là Cầu bất đắc khổ. Thế nào gọi là Năm uẩn khổ?

五盛陰苦者。

Ngũ thịnh uẩn khổ giả.

Năm uẩn khổ là

生苦老苦病苦死苦愛別離苦怨憎貪苦求不得苦。是故名為五盛陰苦。

Sanh khổ lão khổ bệnh khổ tử khổ ái biệt ly khổ oán tăng tham khổ cầu bất đắc khổ. Thị cố danh vi ngũ thịnh uẩn khổ.

sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ái biệt ly khổ, oán tăng tham khổ, cầu bất đắc khổ, cho nên gọi là năm uẩn khổ.

迦葉。生之根本凡有如是七種之苦。

Ca-diếp。Sanh chi căn bản phàm hữu như thị thất chủng chi khổ。

Ca-diếp! Căn bản của sanh thường có bảy loại khổ như vậy.

老苦乃至五盛陰苦。迦葉。夫衰老者非一切有。

Lão khổ nãi chí ngũ thịnh uẩn khổ。Ca-diếp。Phu suy lão giả phi nhất thiết hữu。

Già khổ cho đến năm uẩn thịnh khổ。Ca-diếp! Luận về sự suy già ấy chẳng phải tất cả đều có,

佛及諸天一向定無。人中不定或有或無。迦葉。

Phật cập chư Thiên nhất hướng định vô。Nhân trung bất định hoặc hữu hoặc vô。Ca-diếp。

Phật và chư Thiên nhất định là không có, trong loài người thì không nhất định hoặc có hoặc không。Ca-diếp!

三界受身無不有生老不必定。

Tam giới thọ thân vô bất hữu sanh lão bất tất định。

Thọ thân trong ba cõi không thể không có sanh lão nên không nhất định,

是故一切生為根本。迦葉。世間眾生顛倒覆心。

Thị cố nhất thiết sanh vi căn bản。Ca-diếp。Thế gian chúng sanh điên đảo phúc tâm。

cho nên tất cả sanh là căn bản。Ca-diếp! Chúng sanh trong cõi thế gian điên đảo che tâm tánh,

貪著生相厭患老死。迦葉。菩薩不爾。

Tham trước sanh tướng yếm hoạn lão tử。Ca-diếp。Bồ-tát bất nhĩ。

tham trước sanh ra tướng nhàm chán già chết。Ca-diếp! Bồ-tát không như vậy。

觀其初生已見過患。迦葉。如有女人入於他舍。

Quán kỳ sơ sanh dĩ kiến quá hoạn。Ca-diếp。Như hữu nữ nhân nhập ư tha xá。

Xem xét từ lúc sanh ra đã thấy hoạn nạn. Ca-diếp! Như có người nữ vào trong nhà người khác,

是女端正顏貌瓌麗。以好瓔珞莊嚴其身。

Thị nữ đoan chánh nhan mạo hoàn lệ. Dĩ hảo anh lạc trang nghiêm kỳ thân。

người nữ ấy đoan trang khuôn mặt xinh đẹp, dùng anh lạc đẹp để trang nghiêm thân, 主人見已即便問言。汝字何等繫屬於誰。女人答言。

Chủ nhân kiến dĩ tức tiện vấn ngôn. Nhữ tự hà đẳng hệ chúc ư thùỵ. Nữ nhân đáp ngôn。

người chủ thấy rồi liền hỏi rằng: Người tên gì? Con cái nhà ai? Người nữ đáp rằng: 我身即是功德大天。主人問言。

Ngã thân tức thị công đức Đại Thiên. Chủ nhân vấn ngôn。

Thân tôi tức là Công Đức Đại Thiên. Người chủ hỏi:

汝所至處為何所作。女人答言。

Nhữ sở chí xứ vi hà sở tác. Nữ nhân đáp ngôn。

Người từ chỗ nào đến, làm những việc gì? Người nữ đáp:

我所至處能與種種金銀琉璃頗梨真珠珊瑚琥珀車磔馬璫象馬車乘

Ngã sở chí xứ năng dĩ chủng chủng kim ngân lưu ly pha-lê chân châu san hô hổ phách xa-cừ mã-não tượng mã xa thừa

Chỗ ta đến có thể cùng chỗ với các loại vàng, bạc, lưu ly, pha lê, chơn châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, voi, ngựa, xe cộ,

奴婢僕使。主人聞已心生歡喜踴躍無量。

Nô tì bộc sử. Chủ nhân văn dĩ tâm sanh hoan hỷ dĩng dực vô lượng。

nô tỳ, người ở. Người chủ nghe rồi tâm sanh vui mừng hớn hờ vô lượng.

我今福德故令汝來至我舍宅。

Ngã kim phúc đức cố lệnh nhữ lai chí ngã xá trạch。

Ta nay phúc đức nên khiến cô đến nhà ta,

即便燒香散花供養恭敬禮拜。復於門外更見一女。

Tức tiện thiêu hương tán hoa cung dưỡng cung kính lễ bái. Phục ư môn ngoại canh kiến nhất nữ。

tức thì đốt hương tán hoa cúng dường cung kính lễ bái. Lại ở bên ngoài cửa thấy có một người nữ,

其形醜陋衣裳弊壞多諸垢膩。皮膚皴裂其色艾白。

Kỳ hình xú lậu y thường tệt hoại đa chư cấu nị. Bì phu thuân liệt kỳ sắc ngải bạch, thân hình thô xấu, y phục rách nát, nhiều thứ như xấu, da dẻ nứt nẻ, màu sắc trắng bạch, 見已問言。汝字何等繫屬誰家。女人答言。

Kiến dĩ vấn ngôn. Nhữ tự hà đẳng hệ chúc thùy gia. Nữ nhân đáp ngôn.

thấy rồi liền hỏi: Người tên gì? Con cái nhà ai? Người nữ đáp rằng:

我字黑闇。復問。何故名為黑闇。女人答言。

Ngã tự hắc ám. Phục vấn. Hà cố danh vi hắc ám. Nữ nhân đáp ngôn.

Ta tên Hắc Ám. Lại hỏi: Tại sao gọi là Hắc Ám? Người nữ đáp:

我所行處能令其家所有財寶一切衰耗。

Ngã sở hạnh xứ năng lệnh kỳ gia sở hữu tài bảo nhất thiết suy hao.

Nơi tôi đến có thể khiến những tài vật quý báu của nhà đó suy hao tất cả.

主人聞已即持利刀作如是言。

Chủ nhân văn dĩ tức trì lợi đao tác như thị ngôn.

Người chủ nghe rồi tức cầm dao bén nói như thế này:

汝若不去當斷汝命。女人答言。汝甚愚癡無有智慧。

Nhữ nhược bất khứ đương đoạn nhữ mạng. Nữ nhân đáp ngôn. Nhữ thậm ngu si vô hữu trí tuệ.

Người nếu không mau đi thì ta sẽ lấy mạng người. Người nữ đáp: Ông thật là ngu si không có trí tuệ.

主人問言。何故名我癡無智慧。女人答言。

Chủ nhân vấn ngôn. Hà cố danh ngã si vô trí tuệ. Nữ nhân đáp ngôn.

Người chủ hỏi: Tại sao lại nói ta ngu si không có trí tuệ? Người nữ đáp:

汝舍中者即是我姊。我常與姊進止共俱。

Nhữ xá trung giả tức thị ngã tỷ. Ngã thường dữ tỷ tiến chỉ cộng câu.

Trong nhà của ông tức có chị ta, ta thường cùng với chị ta tới lui có nhau,

汝若驅我亦當驅彼。主人還入問功德天。

Nhữ nhược khu ngã diệc đương khu bỉ. Chủ nhân hoàn nhập vấn công đức Thiên.

ông nếu đuổi ta đi cũng sẽ đuổi chị ta đi vậy. Người chủ lại vào hỏi Công Đức Thiên:

外有一女云是汝妹實為是不。功德天言。實是我妹。

Ngoại hữu nhất nữ vân thị nữ muội thật vi thị bất. Công đức Thiên ngôn. Thật thị ngã muội.

Bên ngoài có một người nữ nói rằng em của người thật vậy không? Công Đức Thiên đáp: Đúng thật em tôi.

我與此妹行住共俱未曾相離。

Ngã dữ thử muội hành trụ cộng câu vị tăng tướng ly.

Ta cùng với đứa em gái ấy đi đứng có nhau chưa từng xa lìa.

隨所住處我常作好彼常作惡。我常利益彼常作衰。

Tùy sở trụ xứ ngã thường tác hảo bỉ thường tác ác. Ngã thường lợi ích bỉ thường tác suy.

Tuỳ mỗi nơi chỗ ta thường làm việc tốt còn cô ta thường làm những việc xấu. Ta thường làm việc lợi ích, cô ta thường làm hao tổn,

若愛我者亦應愛彼。若見恭敬亦應敬彼。

Nhược ái ngã giả diệc ứng ái bỉ. Nhược kiến cung kính diệc ứng kính bỉ.

nếu yêu thích ta cũng phải yêu thích cô ta, nếu cung kính ta cũng phải cung kính cô ta.

主人即言。若有如是好惡事者。

Chủ nhân tức ngôn. Nhược hữu như thị hảo ác sự giả.

Người chủ liền hỏi: Như có việc xấu ác như vậy,

我俱不用各隨意去。是時二女俱共相將還其所止。

Ngã câu bất dụng các tùy ý khứ. Thị thời nhị nữ câu cộng tướng tướng hoàn kỳ sở chỉ.

ta đều không cần, mỗi người cứ tùy ý ra đi. Lúc ấy hai người nữ đều cùng nhau trở về chỗ cũ.

爾時主人見其還去。心生歡喜踊躍無量。

Nhĩ thời chủ nhân kiến kỳ hoàn khứ. Tâm sanh hoan hỷ dũng dượng vô lượng.

Lúc bấy giờ người chủ thấy hai người đã đi rồi, tâm liền hớn hở vô lượng.

是時二女復共相隨至一貧家。

Thị thời nhị nữ phục cộng tướng tùy chí nhất bần gia.

Lúc ấy hai người nữ lại cùng nhau đến nhà một người nghèo,

貧人見已心生歡喜即請之言。從今已去願汝二人常住我家。

Bần nhân kiến dĩ tâm sanh hoan hỷ tức thỉnh chi ngôn. Tông kim dĩ khứ nguyện nữ nhị nhân thường trụ ngã gia.

người nghèo thấy rồi tâm sanh hoan hỷ liền mời vào nói rằng: Từ nay về sau xin hai người thường ở lại nhà ta.

功德天言。我等先以為他所驅。

Công đức Thiên ngôn. Ngã đẳng tiên dĩ vi tha sở khu.

Công Đức Thiên nói: Chúng tôi trước đã bị người ta xua đuổi,

汝復何緣俱請我住。貧人答言。汝今念我。

Nhữ phục hà duyên câu thỉnh ngã trụ. Bần nhân đáp ngôn. Nhữ kim niệm ngã.

người lại vì có gì lại mời ta ở? Người nghèo đáp rằng: Người nay nhớ ta,

我以汝故復當敬彼。是故俱請令住我家。迦葉。

Ngã dĩ nhữ cố phục đương kính bỉ. Thị cố câu thỉnh lệnh trụ ngã gia. Ca-diếp.

ta cũng nhớ người, phải kính người kia. Cho nên ta đều mời các người ở lại nhà ta. Ca-diếp!

菩薩摩訶薩亦復如是。不願生天。以生當有老病死故。

Đại Bồ-tát diệc phục như thị. Bất nguyện sanh Thiên. Dĩ sanh đương hữu lão bệnh tử cố.

Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, không nguyện sanh lên trời vì có sanh tức có già, bệnh, chết.

是以俱棄曾無愛心。

Thị dĩ câu khí tăng vô ái tâm。

Vì vậy đều vứt bỏ tâm không yêu ghét,

凡夫愚人不知老病死等過患。是故貪受生死二法。復次迦葉。

Phàm phu ngu nhân bất tri lão bệnh tử đẳng quá hoạn. Thị cố tham thọ sanh tử nhị

Pháp. Phục thứ Ca-diếp.

kẻ phàm phu ngu muội không biết những hoạn nạn như già, bệnh, chết v.v.. cho nên tham nhận hai pháp sanh tử. Lại nữa, Ca-diếp!

如婆羅門幼稚童子為飢所逼。

Như Bà-la-môn ấu trĩ đồng tử vi cơ sở bức.

Như người Bà-la-môn đồng tử bé nhỏ bị cơn đói bức bách,

見人糞中有菴羅果即便取之。有智見已呵責之言。

Kiến nhân phẩn trung hữu Am-la quả tức tiện thủ chi. Hữu trí kiến dĩ ha trách chi ngôn.

thấy trong phân người có quả Am-la liền cầm lấy nó. Người trí thấy vậy rồi la mắng rằng:

汝婆羅門種姓清淨。何故取是糞中穢果。

Nhữ Bà-la-môn chủng tính thanh tịnh. Hà cố thủ thị phần trung uế quả.

Dòng họ Bà-la-môn của người vốn thanh tịnh. Tại sao lại cầm quả như uế trong phần mà ăn.

童子聞已赧然有愧。即答之言。

Đồng tử văn dĩ noãn nhiên hữu quý. Tức đáp chi ngôn.

Đồng tử nghe rồi then đỏ mặt, liền đáp rằng:

我實不食為欲洗淨還棄捨之。智者語言。

Ngã thật bất thực vi dục tẩy tịnh hoàn khí xả chi. Trí giả ngữ ngôn.

Ta thật không phải lấy để ăn, chỉ muốn rửa sạch rồi vứt đi. Người trí nói rằng:

汝大愚癡若還棄者本不應取。善男子菩薩摩訶薩亦復如是。

Nhữ đại ngu si nhược hoàn khí giả bổn bất ứng thủ. Thiện nam tử Đại Bồ-tát diệc phục như thị.

Người thật đại ngu si, nếu vốn muốn vứt đi thì chẳng nên cầm. Thiện nam tử! Đại Bồ-tát cũng lại như vậy,

於此生分不受不捨。如彼智者呵責童子。

Ư thử sanh phân bất thọ bất xả. Như bỉ trí giả ha trách Đồng tử.

đối với chi phần sanh ấy không thọ cũng không xả. Như người trí kia trách mắng đồng tử.

凡夫之人欣生惡死。如彼童子取果還棄。復次迦葉。

Phàm phu chi nhân hân sanh ác tử. Như bỉ Đồng tử thủ quả hoàn khí. Phục thứ Ca-diếp.

Kẻ phàm phu thích sanh mà ghét chết, như đồng tử kia cầm quả rồi lại vứt. Lại nữa, Ca-diếp!

譬如四衢道頭有人。

Thí như tứ cù đạo đầu hữu nhân.

Thí như giữa ngã tư đường có người,

器盛滿食色香味具而欲賣之。有人遠來飢虛羸乏。

Khí thịnh mãn thực sắc hương vị cụ nhi dục mại chi. Hữu nhân viễn lai cơ hư luy pháp.

vật dụng đựng đầy thức ăn, màu sắc, hương vị đầy đủ bèn muốn bán đi. Có một người từ xa đi lại gầy yếu bụng đói,

見其飯食色香味具即指之言。此是何物。食主答言。

Kiến kỳ phạn thực sắc hương vị cụ tức chỉ chi ngôn. Thử thị hà vật. Thực chủ đáp ngôn.

thấy thức ăn ấy màu sắc hương vị đầy đủ liền đưa ngón tay chỉ mà hỏi: Đây là vật gì vậy? Người bán thức ăn đáp rằng:

此是上食色香味具。若食此食得色得力。

Thử thị thượng thực sắc hương vị cụ. Nhược thực thử thực đắc sắc đắc lực.

Đây là thức ăn thượng hạng màu sắc hương vị đều đủ, nếu ăn thức ăn này thì được sắc đẹp và sức lực,

能除飢渴得見諸天。唯有一患。所謂命終。

Năng trừ cơ khát đắc kiến chư Thiên. Duy hữu nhất hoạn. Sở vị mạng chung.

có thể trừ đói khát, được thấy chư Thiên, chỉ có một điều đáng lo, đó là ăn vào thì mạng chung.

是人聞已即作是念。我今不用色力見天。

Thị nhân văn dĩ tức tác thị niệm. Ngã kim bất dụng sắc lực kiến Thiên.

Người ấy nghe rồi tức thì nghĩ thế này: Ta nay không cần sắc lực để thấy chư thiên,亦不用死即作是言。食是食已若命終者。

Diệc bất dụng tử tức tác thị ngôn. Thực thị thực dĩ nhược mạng chung giả.

cũng không cần chết, liền nói rằng: Ăn thức ăn ấy rồi ta sẽ mạng chung,

汝今何用於此賣之。食主答言。

Nhữ kim hà dụng ư thử mại chi. Thực chủ đáp ngôn.

nay người có dụng ý gì đối với việc bán thức ăn này. Người bán thức ăn đáp:

有智之人終不肯買。唯有愚人不知是事。

Hữu trí chi nhân chung bất khảng mãi. Duy hữu ngu nhân bất tri thị sự.

Người có trí tuệ quyết chẳng mua, chỉ có người ngu không biết việc ấy

多與我價貪而食之。善男子。菩薩摩訶薩亦復如是。

đa dĩ ngã giá tham nhi thực chi. Thiện nam tử. Đại Bồ-tát diệc phục như thị.

trả tiền nhiều cho tôi để mà ăn. Thiện nam tử! Đại Bồ-tát cũng lại như vậy,

不願生天得色得力見於諸天。何以故。

Bất nguyện sanh Thiên đắc sắc đắc lực kiến ư chư Thiên. Hà dĩ cố.

chẳng nguyện sanh lên cõi Trời được sắc đẹp, được sức lực thấy được chư thiên. Vì sao?

以其不免諸苦惱故。凡夫愚癡隨有生處皆悉貪愛。

Dĩ kỳ bất miễn chư khổ não cố. Phàm phu ngu si tùy hữu sanh xứ giai tất tham ái.
Vì điều đó không tránh được các khổ não, kẻ phàm phu ngu si tùy theo chỗ sanh ra thấy
đều tham ái,

以其不見老病死故。復次善男子。譬如毒樹。

Dĩ kỳ bất kiến lão bệnh tử cố. Phục thứ thiện nam tử. Thí như độc thụ.
vì không thấy được già, bệnh, chết. Lại nữa, thiện nam tử! Thí như cây độc,
根亦能殺。莖亦能殺。皮花果實悉亦能殺。

Căn diệp năng sát. Hành diệp năng sát. Bì hoa quả thật tất diệp năng sát.
rễ cũng có thể làm chết người, cọng cũng làm chết người, vỏ cây, hoa quả thấy đều có thể
làm chết người.

善男子。

Thiện nam tử。

Thiện nam tử!

二十五有受生之處所受五陰亦復如是。一切能殺。復次迦葉。

Nhị thập ngũ hữu thọ sanh chi xứ sở thọ ngũ uẩn diệp phục như thị. Nhất thiết năng
sát. Phục thứ Ca-diếp。

Có hai mươi lăm chỗ thọ sanh, chỗ thọ ngũ uẩn cũng lại như vậy. Tất cả có thể làm chết
người. Lại nữa, Ca-diếp!

譬如糞穢多少俱臭。善男子。生亦如是。

Thí như phần ế đa thiểu câu xú. Thiện nam tử. Sanh diệp như thị。

Thí như phần ế có đủ mùi hôi. Thiện nam tử! Sanh cũng như vậy,
設壽八萬下至十歲俱亦受苦。復次迦葉。

Thiết thọ bát vạn hạ chí thập tuế câu diệp thọ khổ. Phục thứ Ca-diếp。

giả sử người thọ tám mươi tuổi cho đến người thọ mười tuổi cũng phải chịu khổ. Lại nữa,
Ca-diếp!

譬如嶮岸上有草覆。於彼岸邊多有甘露。

Thí như hiểm ngạn thượng hữu thảo phúc. Ư bỉ ngạn biên đa hữu cam lộ。

Thí như trên ngọn núi nguy hiểm có cỏ bao phủ, ở trên triền núi ấy có nhiều cam lồ,
若有食者壽天千年永除諸病安隱快樂。

Nhược hữu thực giả thọ Thiên thiên niên vĩnh trừ chư bệnh an ổn khoái lạc。

nếu người ăn được nó thọ mạng ở cõi trời một ngàn năm, vĩnh viễn chấm dứt các căn bệnh, an ổn vui vẻ,

凡夫愚人貪其味故不知其下有大深坑。

Phàm phu ngu nhân tham kỳ vị cố bất tri kỳ hạ hữu đại thâm khanh.

kẻ phàm phu ngu muội vì tham mùi vị ấy không biết bên dưới đó có một cái hầm rất sâu, 即前欲取不覺脚踏墮坑而死。智者知己捨離遠去。善男子。

Tức tiền dục thủ bất giác cước điệt đọa khanh nhi tử. Trí giả tri dĩ xả ly viễn khứ. Thiện nam tử.

tức tiến lên trước muốn lấy cam lồ đó, bất giác trượt chân rớt xuống hầm mà chết, người trí biết rồi tránh xa mà đi. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩亦復如是。尚不欲受天上妙食。

Đại Bồ-tát diệc phục như thị. Thượng bất dục thọ Thiên thượng diệu thực.

Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, còn không muốn thọ thức ăn ngon của cõi trời, 況復人中凡夫之人乃於地獄吞噉鐵丸。

Huống phục nhân trung phàm phu chi nhân nãi ư địa ngục thôn đạ thiết hoàn.

huống gì những kẻ phàm phu trong loài người tham ưa nuốt hoàn sắt nóng ở địa ngục, 況復人天上妙饈饌而不能食。迦葉。

Huống phục nhân Thiên thượng diệu hào soạn nhi bất năng thực. Ca-diếp.

huống gì thức ăn ngon ở cõi trời bày biện ra mà không có thể ăn. Ca-diếp!

以如是喻及餘無量無邊譬喻。當知是生實為大苦。迦葉。

Dĩ như thị dụ cập dư vô lượng vô biên thí dụ. Đương tri thị sanh thật vi Đại khổ. Ca-diếp.

Đem thí dụ này và vô lượng vô biên thí dụ khác sẽ biết sanh ấy thật là khổ lớn. Ca-diếp!
是名菩薩摩訶薩住於大乘大涅槃經觀於生苦。

Thị danh Đại Bồ-tát trụ ư Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh quán ư sanh khổ.

Đây là Đại Bồ-tát trụ ở nơi kinh Đại Bát Niết-bàn để quán các sự khổ đau.

迦葉。云何菩薩摩訶薩。

Ca-diếp. Vân hà Đại Bồ-tát.

Ca-diếp! Thế nào là Đại Bồ-tát

於是大乘大涅槃經觀於老苦。老者能為咳逆上氣能壞勇力。

Ư thị Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh quán ư lão khổ. Lão giả năng vi khái nghịch thượng khí
năng hoại dũng lực。

ở nơi kinh Đại Bát Niết-bàn để quán già là khổ, già ấy có thể làm ngăn chặn khí gây ho, có
thể hoại sức mạnh,

憶念進持盛年快樂憍慢貢高。

ức niệm tiến trì thịnh niên khoái lạc kiêu mạn cống cao。

nhớ nghĩ nắm giữ tuổi trẻ, vui vẻ, kiêu mạn, cống cao,

安隱自恣能作背腹。懈怠懶惰為他所輕。迦葉。

An ổn tự tứ năng tác bối lâu. Giải đãi lại nọa vi tha sở khinh. Ca-diếp。

an ổn thơ thối như vật dễ té, giải đãi biến khác khiến người khác coi thường. Ca-diếp!

譬如池水蓮花滿中開敷鮮榮甚可愛樂。值天降雹。

Thí như trì thủy liên hoa mãn trung khai phu tiên vinh thậm khả ái lạc。Trị Thiên hàng
bạc。

Thí như trong ao nước nhiều hoa sen, hoa nở ra tươi xanh rất đáng yêu, gặp cơn mưa đá,
悉皆破壞。善男子。

Tất giai phá hoại。Thiện nam tử。

thị bị phá hoại hết。Thiện nam tử!

老亦如是悉能破壞盛壯好色。復次迦葉。譬如國王有一智臣善知兵法。

Lão diệc như thị tất năng phá hoại thịnh tráng hảo sắc。Phục thứ Ca-diếp。Thí như Quốc
Vương hữu nhất trí Thần thiện tri binh Pháp。

già cũng như vậy đều có thể phá hoại sắc đẹp và sức lực。Lại nữa, Ca-diếp! Thí như

Quốc vương có một vị Đại thần trí tuệ khéo biết pháp dùng binh,

有敵國王拒逆不順。王遣此臣往討伐之。

Hữu địch Quốc Vương cự nghịch bất thuận。Vương khiển thử Thần vãng thảo phạt chi。

có một Quốc vương nước địch chống cự không thuận。Vua sai vị thần ấy đem quân chinh
phạt,

即便擒獲將來詣王。

Tức tiện cầm hoạch tướng lai nghê Vương。

liền bắt được vị tướng đem đến chỗ vua。

老亦如是擒獲壯色將付死王。復次迦葉。譬如折軸無所復用。

Lão diệc như thị cầm hoạch tráng sắc tướng phó tử Vương. Phục thứ Ca-diếp. Thí như chiết trục vô sở phục dụng。

Già cũng như vậy bắt được tướng sức khoẻ, sắc đẹp giao cho vua. Lại nữa, Ca-diếp! Thí như bẻ gãy trục xe xong không thể dùng lại,
老亦如是無所復用。復次迦葉。

Lão diệc như thị vô sở phục dụng。 Phục thứ Ca-diếp。
già cũng như vậy không thể dùng lại. Lại nữa, Ca-diếp!
如大富家多有財寶金銀琉璃珊瑚琥珀車磔馬瑙。

Như Đại phú gia đa hữu tài bảo kim ngân lưu ly san hô hổ phách xa-cừ mã-não。
Như nhà giàu có lớn, có nhiều vật báu, vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã
não.

有諸怨賊若入其家即能劫奪悉令空盡。善男子。

Hữu chư oán tặc nhược nhập kỳ gia tức năng kiếp đoạt tất lệnh không tận。 Thiện nam tử。

Có các oán tặc vào nhà ấy thì liền cướp đoạt tất cả không còn thứ gì. Thiện nam tử!
盛年好色亦復如是。常為老賊之所劫奪。

Thịnh niên hảo sắc diệc phục như thị。 Thường vi lão tặc chi sở kiếp đoạt。

Tuổi trẻ sắc đẹp cũng lại như vậy, thường bị lão giặc già cướp đoạt đi。

復次迦葉。譬如貧人貪著上膳細軟衣裳。

Phục thứ Ca-diếp。 Thí như bần nhân tham trước thượng thiện tế nhuyễn y thường。

Lại nữa, Ca-diếp! Thí như người nghèo tham đắm thức ăn ngon, y phục mềm mại,

雖復悵望而不能得。善男子。

Tuy phục hi vọng nhi bất năng đắc。 Thiện nam tử。

mặc dù hy vọng nhưng không thể được. Thiện nam tử!

老亦如是雖有貪心欲受富樂五欲自恣而不能得。復次迦葉。

Lão diệc như thị tuy hữu tham tâm dục thọ phú lạc ngũ dục tự tứ nhi bất năng đắc。 Phục
thứ Ca-diếp。

Già cũng như vậy mặc dù có tâm tham muốn hưởng năm thứ dục lạc, thoải mái mà không
thể có được. Lại nữa, Ca-diếp!

如陸地龜心常念水。善男子。人亦如是。

Như lục địa quy tâm thường niệm thủy。 Thiện nam tử。 Nhân diệc như thị。

Như rùa trên đất tâm thường nghĩ đến nước. Thiện nam tử! Người cũng như vậy,
既為衰老之所乾枯。心常憶念壯時所受五欲之樂。

Ký vi suy lão chi sở kiên khô. Tâm thường ức niệm tráng thời sở thọ ngũ dục chi lạc.
đã bị già suy làm cho khô héo, nhưng tâm thường nhớ nghĩ đến thời trai trẻ thọ năm thứ
dục lạc.

復次迦葉。

Phục thứ Ca-diếp。

Lại nữa, Ca-diếp!

猶如秋月所有蓮花皆為一切之所樂見。及其萎黃人所惡賤。善男子。

Do như thu nguyệt sở hữu liên hoa giai vi nhất thiết chi sở lạc kiến。Cập kỳ nuy hoàng
nhân sở ác tiện。Thiện nam tử。

Giống như mùa thu mà mong thấy được tất cả hoa sen nở ra, điều ấy làm cho con người
héo vàng xấu đi. Thiện nam tử!

盛年壯色亦復如是。悉為一切之所愛樂。

Thịnh niên tráng sắc diệc phục như thị。Tất vi nhất thiết chi sở ái lạc。

Tuổi trẻ, sắc đẹp, sức lực cũng lại như vậy, đều bị tất cả thọ lạc,

及其老至眾所惡賤。復次迦葉。

Cập kỳ lão chí chúng sở ác tiện。Phục thứ Ca-diếp。

khiến người ấy già, xấu khô héo đi. Lại nữa, Ca-diếp!

譬如甘蔗既被壓已滓無復味。善男子。壯年盛色亦復如是。

Thí như cam giá ký bị áp dĩ chỉ vô phục vị。Thiện nam tử。Tráng niên thịnh sắc diệc phục
như thị。

Thí như cây mía đã bị ép lấy nước rồi không còn mùi vị. Thiện nam tử! Tuổi trẻ, sắc đẹp
cũng lại như vậy,

既被老壓無三種味。一出家味。二讀誦味。

Ký bị lão áp vô tam chủng vị。Nhất xuất gia vị。Nhị độc tụng vị。

đã bị già ép đi khiến không còn ba thứ mùi vị. Một là vị xuất gia, hai là vị đọc tụng,

三坐禪味。復次迦葉。

Tam tọa Thiền vị。Phục thứ Ca-diếp。

ba là vị tọa Thiền. Lại nữa, Ca-diếp!

譬如滿月夜多光明晝則不爾。善男子。

Thí như mẫn nguyệt dạ đa quang-minh trú tắc bất nhĩ. Thiện nam tử.

Thí như trăng tròn đêm chiếu ánh sáng, ngày thì không như vậy. Thiện nam tử!

人亦如是壯則端嚴形貌瓌璋。老則衰羸形神枯頹。復次迦葉。

Nhân diệc như thị tráng tắc đoan nghiêm hình mạo hoàn vĩ. Lão tắc suy luy hình Thần khô tụy. Phục thứ Ca-diếp.

Người cũng như vậy, trẻ thì đoan nghiêm hình dung sáng rỡ, già thì suy yếu, hình thể khô cằn. Lại nữa, Ca-diếp!

譬如有王常以正法治於國土真實無曲慈悲好施。

Thí như hữu Vương thường dĩ chánh Pháp trị ư quốc thổ chân thật vô khúc từ bi hảo thí.

Thí như có một vị vua thường dùng Chánh pháp trị vì đất nước, chân thật không tà, từ bi, thích bố thí.

時為敵國之所破壞。

Thời vi địch quốc chi sở phá hoại.

Lúc ấy, bị nước địch phá hoại hết,

流離逃迸遂至他土。他土人民見已生於憐愍之心。

Lưu ly đào迸 toại chí tha độ. Tha độ nhân dân kiến dĩ sanh ư liên mẫn chi tâm.

lưu lạc trốn chạy bèn đến nước khác. Nhân dân nước đó thấy rồi sanh lòng thương xót,咸作是言。大王。往日正法治國不枉萬姓。

Hàm tác thị ngôn. Đại Vương. Vãng nhật chánh Pháp trị quốc bất uổng vạn tính.

đều nói thế này: Đại vương! Ngày xưa đã dùng Chánh pháp trị nước khiến không oan uổng trăm họ,

如何一旦流離至此。善男子。

Như hà nhất đán lưu ly chí thử. Thiện nam tử.

tại sao có một ngày lại lưu lạc đến đây. Thiện nam tử!

人亦如是既為衰老所壞敗已。常讚壯時所行事業。復次迦葉。

Nhân diệc như thị ký vi suy lão sở hoại bại dĩ. Thường tán tráng thời sở hạnh sự nghiệp. Phục thứ Ca-diếp.

Người cũng như vậy đã bị già suy làm hoại bại rồi, thường khen ngợi sự nghiệp đã làm thời trẻ. Lại nữa, Ca-diếp!

譬如燈炷唯賴膏油。膏油既盡勢不久停。

Thí như đăng chú duy lại cao du. Cao du ký tận thế bất cửu đình.

Thí như ngọn đèn sáng được nhờ vào mỡ dầu, mỡ dầu đã hết thì đèn không lâu sẽ tắt.
善男子。人亦如是唯賴壯膏。

Thiện nam tử. Nhân diệc như thị duy lại tráng cao.

Thiện nam tử! Người cũng như vậy chỉ nhờ vào mỡ dầu tuổi trẻ.

壯膏既盡衰老之炷何得久停。復次迦葉。

Tráng cao ký tận suy lão chi chú hà đắc cửu đình. Phục thứ Ca-diếp.

Mỡ dầu tuổi trẻ đã hết, già suy thì đèn làm sao được lâu! Lại nữa, Ca-diếp!

譬如枯河不能利益人及非人飛鳥走獸。善男子。

Thí như khô hà bất năng lợi ích nhân cập phi nhân phi điều tẩu thú. Thiện nam tử.

Thí như con sông khô cạn thì không có thể làm lợi ích cho loài người, không phải người, loài chim bay, thú chạy. Thiện nam tử!

人亦如是為老所枯不能利益一切作業。復次迦葉。

Nhân diệc như thị vi lão sở khô bất năng lợi ích nhất thiết tác nghiệp. Phục thứ Ca-diếp.

Người cũng như vậy già suy làm khô cạn sức không có thể lợi ích tất cả các việc. Lại nữa Ca-diếp!

譬如河岸臨峻之樹。若遇暴風必當顛墜。善男子。

Thí như hà ngạn lâm tuấn chi thụ. Nhược ngộ bạo phong tất đương điên trụ. Thiện nam tử.

Thí như cây cao bên bờ sông, nếu gặp gió bão tất sẽ bị ngã. Thiện nam tử!

人亦如是臨老險岸死風既至勢不得住。

Nhân diệc như thị lâm lão hiểm ngạn tử phong ký chí thế bất đắc trụ.

Người cũng như vậy, lúc già sắp đến bên bờ nguy hiểm, gặp gió chết đến tức sẽ không trụ được.

復次迦葉。如車軸折不任重載。善男子。

Phục thứ Ca-diếp. Như xa trục chiết bất nhâm trọng tải. Thiện nam tử.

Lại nữa Ca-diếp! Như trục xe bị gãy không có thể chở nặng. Thiện nam tử!

老亦如是不能諮受一切善法。復次迦葉。

Lão diệc như thị bất năng ti thọ nhất thiết thiện Pháp. Phục thứ Ca-diếp.

Già cũng như vậy, không có thể nhận lãnh tất cả các pháp thiện. Lại nữa, Ca-diếp!

譬如嬰兒為人所輕。善男子。

Thí như anh nhi vi nhân sở khinh. Thiện nam tử.

Thí như đứa trẻ bị người coi thường. Thiện nam tử!

老亦如是常為一切之所輕毀。迦葉。以是等喻及餘無量無邊譬喻。

Lão diệc như thị thường vi nhất thiết chi sở khinh hủy. Ca-diếp. Dĩ thị đẳng dụ cập dư vô lượng vô biên thí dụ。

Già cũng như vậy thường bị tất cả xem thường. Ca-diếp! Nhờ những thí dụ trên và vô lượng vô biên thí dụ khác

當知是老實為大苦。迦葉。

Đương tri thị lão thật vi đại khổ. Ca-diếp。

nên biết già ấy thật là nỗi khổ lớn. Ca-diếp!

是名菩薩摩訶薩修行大乘大涅槃經觀於老苦。

Thị danh Đại Bồ-tát tu hành Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh quán ư lão khổ。

Đó gọi là Đại Bồ-tát tu theo kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn quán già là khổ。

迦葉。

Ca-diếp。

Ca-diếp!

云何菩薩摩訶薩修行大乘大涅槃經觀於病苦。所謂病者。能壞一切安隱樂事。

Vân hà Đại Bồ-tát tu hành Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh quán ư bệnh khổ. Sở vị bệnh giả. Năng hoại nhất thiết an ổn lạc sự。

Thế nào là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết-bàn, quán ở bệnh khổ? Sở dĩ gọi nó là bệnh vì có thể phá hoại hết thảy các việc an lạc.

譬如雹雨傷壞穀苗。復次迦葉。

Thí như bạc vũ thương hoại cốc miêu. Phục thứ Ca-diếp。

Thí như cơn mưa đá phá hoại mầm cây. Lại nữa Ca-diếp!

如人有怨心常憂愁而懷恐怖。善男子。

Như nhân hữu oán tâm thường ưu sầu nhi hoài khủng bố. Thiện nam tử。

Như người có oán hận, tâm thường ưu sầu mà ôm lòng lo sợ. Thiện nam tử!

一切眾生亦復如是。常畏病苦心懷愁憂。復次迦葉。

Nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị. Thường úy bệnh khổ tâm hoài sầu ưu. Phục thứ Ca-diếp。

Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy, thường sợ bệnh khổ, ôm lòng lo sầu. Lại nữa Ca-diếp!

譬如有人形貌端正。為王夫人欲心所愛。

Thí như hữu nhân hình mạo đoan chánh. Vì Vương phu nhân dục tâm sở ái.

Thí như có người hình dáng đoan chánh, được phu nhân của vua đem tâm yêu thích, 遣使逼喚與共交通。

Khiến sử bức hoán dữ cộng giao thông.

sai người ép bảo cùng nhau tư thông.

時王捕得即便使人挑其一目截其一耳斷一手足。是人爾時形容改異。

Thời Vương bộ đắc tức tiện sử nhân thiêu kỳ nhất mục tiết kỳ nhất nhĩ đoạn nhất thủ túc. Thị nhân nhĩ thời hình dung cải dị.

Lúc ấy, vua bắt được liền sai người móc mắt, cắt tai, chặt hết tay chân. Lúc bấy giờ, người ấy hình dung đổi khác,

人所惡賤。善男子。人亦如是。

Nhân sở ác tiện. Thiện nam tử. Nhân diệc như thị.

bị người khinh rẻ. Thiện nam tử! Người cũng như vậy,

雖復身體耳目具足。既為病苦所纏逼已。則為眾人之所惡賤。

Tuy phục thân thể nhĩ mục cụ túc. Kỳ vi bệnh khổ sở triền bức dĩ. Tắc vi chúng nhân chi sở ác tiện.

mặc dù có thân thể tai mắt đầy đủ, do bị bệnh khổ trói buộc, liền bị mọi người khinh rẻ.

復次迦葉。如芭蕉樹竹葦蘆驪有子則死。

Phục thứ Ca-diếp. Như ba tiêu thụ trúc vi lô loa hữu tử tắc tử.

Lại nữa Ca-diếp! Như cây chuối, cây tre, cây cỏ lau, nếu có cây con rồi thì nó liền chết.

善男子。人亦如是有病則死。復次迦葉。

Thiện nam tử. Nhân diệc như thị hữu bệnh tắc tử. Phục thứ Ca-diếp.

Thiện nam tử! Người cũng như vậy, có bệnh thì ắt phải có chết. Lại nữa, Ca-diếp!

如轉輪王主兵大臣常在前導王隨後行。

Như chuyển luân Vương chủ binh đại thần thường tại tiền đạo Vương tùy hậu hành.

Như vua Chuyển Luân khởi binh thì đại thần thường đi trước, vua theo sau

亦如魚王蟻王蠱王牛王。

Diệc như ngư Vương nghĩ Vương lễ Vương ngư Vương.

cũng như cá chúa, kiến chúa, mọt chúa, trâu chúa.

商主在前行時如是諸眾悉皆隨從無捨離者。善男子。

Thương chủ tại tiền hành thời như thị chư chúng tất giai tùy tông vô xả ly giả. Thiện nam tử.

Lúc người lái buôn đi trước thì các vật của họ đều đi theo sau không hề xa rời. Thiện nam tử!

死轉輪王亦復如是。常隨病臣不相捨離。

Tử chuyển luân Vương diệt phục như thị. Thường tùy bệnh Thần bất tướng xả ly.

Vua Chuyển luân băng hà cũng lại như vậy, thường tùy theo bệnh mà đại thần không thể xa rời.

魚蟻蠱牛商主病王亦復如是。常為死眾之所隨逐。迦葉。

Ngư nhĩ lễ ngư thương chủ bệnh Vương diệt phục như thị. Thường vi tử chúng chi sở tùy trục. Ca-diếp.

Thương buôn, cá, kiến, trâu, vua bệnh cũng lại như vậy, cái chết thường mãi đi theo. Ca-diếp!

病因緣者。所謂苦惱愁憂悲嘆身心不安。

Bệnh nhân duyên giả. Sở vị khổ não sầu ưu bi thán thân tâm bất an.

Nhân duyên bệnh ấy, nghĩa là khổ não, âu lo, bi thương, thân tâm không an ổn, hoặc của怨賊之所逼害。破壞浮囊撥撒橋梁。

Hoặc vi oán tặc chi sở bức hại. Phá hoại phù nang bát triệt kiều lương.

hoặc bị oán giận bức hại, phá hoại bong nổi, huỷ diệt rường cột, 亦能劫奪正念根本。

Diệt năng kiếp đoạt chánh niệm căn bản.

cũng có thể cướp đoạt đi căn bản Chánh niệm;

復能破壞盛壯好色力勢安樂。除捨慚愧能為身心焦熱熾然。

Phục năng phá hoại thịnh tráng hảo sắc lực thế an lạc. Trừ xả tầm quý năng vi thân tâm tiêu nhiệt sí nhiên.

lại có thể phá hoại tuổi trẻ, sắc đẹp, sức lực, an lạc, trừ bỏ tầm quý, có thể làm thân tâm cháy rục hừng hực.

以是等喻及餘無量無邊譬喻。當知病苦是為大苦。

Dĩ thị đẳng dụ cập dư vô lượng vô biên thí dụ. Đương tri bệnh khổ thị vi Đại khổ.

Nhờ những ví dụ này và vô lượng vô biên ví dụ khác nên biết bệnh khổ là một nỗi khổ lớn. 迦葉。

Ca-diếp。

Ca-diếp!

是名菩薩摩訶薩修行大乘大涅槃經觀於病苦。

Thị danh Đại Bồ-tát tu hành Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh quán ư bệnh khổ。

Đó gọi là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết-bàn quán thấy bệnh khổ。

迦葉。

Ca-diếp。

Ca-diếp!

云何菩薩摩訶薩修行大乘大涅槃經觀於死苦。所謂死者。能燒滅故。迦葉。

Vân hà Đại Bồ-tát tu hành Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh quán ư tử khổ。 Sở vị tử giả。 Năng thiêu diệt cố。 Ca-diếp。

Thế nào là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại thừa Đại Niết-bàn quán thấy chết là khổ? Sở dĩ gọi chết vì có thể thiêu huỷ。 Ca-diếp!

如火災起能燒一切。唯除二禪。力不至故。

Như hỏa tai khởi năng thiêu nhất thiết。 Duy trừ nhị Thiền。 Lực bất chí cố。

Như nạn lửa cháy có thể thiêu đốt tất cả, chỉ có nhị Thiền thì không có thể đốt được。

善男子。死火亦爾能燒一切。

Thiện nam tử。 Tử hỏa diệt nhĩ năng thiêu nhất thiết。

Thiện nam tử! Lửa chết cũng lại như vậy, có thể đốt cháy tất cả,

唯除菩薩住於大乘大般涅槃。勢不及故。復次迦葉。

Duy trừ Bồ-tát trụ ư Đại thừa Đại bát Niết-bàn。 Thế bất cập cố。 Phục thứ Ca-diếp。

chỉ có Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn thì không có thể đốt được。 Lại nữa, Ca-diếp!

如水災起一切漂沒。唯除三禪。力不至故。善男子。

Như thủy tai khởi nhất thiết phiêu một。 Duy trừ tam Thiền。 Lực bất chí cố。 Thiện nam tử。

Như nạn nước lụt thì tất cả đều bị cuốn trôi, chỉ có Tam Thiền thì không có thể cuốn được。

Thiện nam tử!

死水亦爾漂沒一切。

Tử thủy diệt nhĩ phiêu một nhất thiết。

Chết nạn nước cũng lại như vậy, cuốn trôi tất cả,

唯除菩薩住於大乘大般涅槃。復次迦葉。

Duy trừ Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại bát Niết-bàn. Phục thứ Ca-diếp.
chỉ có Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn, thì không cuốn trôi được. Lại nữa, Ca-diếp!
如風災起能吹一切悉令散滅。唯除四禪。力不至故。善男子。

Như phong tai khởi năng xuy nhất thiết tất lệnh tán diệt. Duy trừ tứ Thiền. Lực bất chí cố. Thiện nam tử.

Như nạn gió bão nổi lên có thể thổi tất cả bay mất, chỉ có Tứ Thiền, không thể thổi bay được. Thiện nam tử!

死風亦爾悉能吹滅一切所有。

Tử phong diệt nhĩ tất năng xuy diệt nhất thiết sở hữu.

Gió tử cũng lại như vậy, có thể thổi chết tất cả,

唯除菩薩住於大乘大般涅槃。迦葉菩薩白佛言。世尊。

Duy trừ Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại bát Niết-bàn. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Thế Tôn!
彼第四禪以何因緣。風不能吹水不能漂火不能燒。

Bỉ đệ tứ Thiền dĩ hà nhân duyên. Phong bất năng xuy thủy bất năng phiêu hỏa bất năng thiêu.

Vì nhân duyên gì mà Tứ Thiền không bị gió thổi trôi, nước không cuốn trôi, không bị lửa đốt cháy?

佛告迦葉。善男子。

Phật cáo Ca-diếp. Thiện nam tử.

Phật dạy Ca-diếp? Thiện nam tử!

彼第四禪內外過患一切無故。善男子。初禪過患內有覺觀外有火災。

Bỉ đệ tứ Thiền nội ngoại quá hoạn nhất thiết vô cố. Thiện nam tử. Sơ Thiền quá hoạn nội hữu giác quán ngoại hữu hỏa tai.

Vì Tứ Thiền, trong ngoài đều không có hoạn nạn. Thiện nam tử! Hoạn nạn của Sơ Thiền bên trong có giác quán, bên ngoài có nạn lửa.

二禪過患內有歡喜外有水災。

Nhị Thiền quá hoạn nội hữu hoan hỷ ngoại hữu thủy tai.

Hoạn nạn của Nhị Thiền bên trong có hoan hỷ, bên ngoài có nạn nước.

三禪過患內有喘息外有風災。善男子。

Tam Thiên quá hoạn nội hữu suyễn tức ngoại hữu phong tai. Thiện nam tử.
Hoạn nạn của Tam Thiên bên trong có hơi thở, bên ngoài có nạn gió. Thiện nam tử!
彼第四禪內外過患一切俱無。是故諸災不能及之。善男子。

Bỉ độ tứ Thiên nội ngoại quá hoạn nhất thiết câu vô. Thị cố chư tai bất năng cập
chi. Thiện nam tử.

Còn Tứ Thiên ấy hoạn nạn trong ngoài tất cả đều không, cho nên các nạn đều không có
thể hại. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩亦復如是。安住大乘大般涅槃。

Đại Bồ-tát diệc phục như thị. An trú Đại thừa Đại bát Niết-bàn.

Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, an trú ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn
內外過患一切皆盡。是故死王不能及之。

Nội ngoại quá hoạn nhất thiết giai tận. Thị cố tử Vương bất năng cập chi.
thì hoạn nạn trong ngoài tất cả đều hết cho nên vua chết cũng không có thể hại.
復次善男子。

Phục thứ thiện nam tử.

Lại nữa thiện nam tử!

如金翅鳥能噉能消一切龍魚金銀等寶。唯除金剛不能令消。善男子。

Như kim sí điểu năng đạm năng tiêu nhất thiết long ngư kim ngân đẳng bảo. Duy trừ Kim
cương bất năng lệnh tiêu. Thiện nam tử.

Như chim cánh vàng có thể ăn tất cả các loại bảo vật như rồng, cá, vàng bạc, chỉ có Kim
Cang thì ăn không tiêu. Thiện nam tử!

死金翅鳥亦復如是。能噉能消一切眾生。

Tử kim sí điểu diệc phục như thị. Năng đạm năng tiêu nhất thiết chúng sanh.
chết do chim cánh vàng cũng lại như vậy, nó có thể nuốt tất cả chúng sanh,
唯不能消住於大乘大般涅槃菩薩摩訶薩。

Duy bất năng tiêu trụ ư Đại thừa Đại bát Niết-bàn Đại Bồ-tát.
chỉ không thể tiêu diệt Đại Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn.
復次迦葉。

Phục thứ Ca-diếp.

Lại nữa Ca-diếp!

譬如河岸所有草木大水瀑漲悉隨漂流入於大海。唯除楊柳以其軟故。善男子。

Thí như hà ngạn sở hữu thảo mộc Đại thủy bộc 漲 tất tùy phiêu lưu nhập ư đại hải. Duy trừ dương liễu dĩ kỳ nhuyễn cố. Thiện nam tử.

Thí như bên bờ sông có cỏ cây gập cơn nước lớn cuốn tất cả ra biển lớn, chỉ có cây dương liễu là không bị cuốn trôi vì nó mềm. Thiện nam tử!

一切眾生亦復如是。悉皆隨流入于死海。

Nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị. Tất giai tùy lưu nhập vu tử hải.

Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy, thầy đều bị cuốn vào biển chết,

唯除菩薩住於大乘大般涅槃。復次迦葉。

Duy trừ Bồ-tát trụ ư Đại thừa Đại bát Niết-bàn. Phục thứ Ca-diếp.

Chỉ có Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn là không bị cuốn mà trôi. Lại nữa, Ca-diếp!

如那羅延悉能摧伏一切力士。唯除大風。

Như Na-la-diên tất năng tồi phục nhất thiết lực sĩ. Duy trừ đại phong.

Như Na-la-diên đều có thể đánh bại tất cả lực sĩ, chỉ trừ gió lớn.

何以故。以無礙故。善男子。死那羅延亦復如是。

Hà dĩ cố. Dĩ vô ngại cố. Thiện nam tử. Tử Na-la-diên diệc phục như thị.

Tại sao vậy? Vì gió không ngăn ngại vậy. Thiện nam tử! Chết do Na-la-diên cũng lại như vậy,

悉能摧伏一切眾生。

Tất năng tồi phục nhất thiết chúng sanh.

Đều có thể đánh bại tất cả chúng sanh,

唯除菩薩住於大乘大般涅槃。何以故。以無礙故。復次迦葉。

Duy trừ Bồ-tát trụ ư Đại thừa Đại bát Niết-bàn. Hà dĩ cố. Dĩ vô ngại cố. Phục thứ Ca-diếp.

Chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn. Tại sao vậy? Vì không ngăn ngại vậy. Lại nữa, Ca-diếp!

譬如有人於怨憎中詐現親善。

Thí như hữu nhân ư oán tăng trung trá hiện thân thiện.

Thí như có người đối với những kẻ oán ghét mà giả biểu hiện sự thân thiện,

常相追逐如影隨形。伺求其便而欲殺之。

Thường tương truy trục như ảnh tùy hình. Tỷ cầu kỳ tiện nhi dục sát chi.

Thường theo với nhau như hình theo bóng, dò xét để tìm cơ hội thuận tiện liền giết.

彼怨謹慎堅牢自備故。使是人不能得殺。善男子。死怨亦爾。

Bỉ oán cẩn thận kiên lao tự bị cố. Sử thị nhân bất năng đắc sát. Thiện nam tử. Tử oán diệc nhĩ.

Vì người oán ấy cẩn thận kiên trì tự vệ, khiến người kia không có thể giết được. Thiện nam tử! Kẻ oán thù chết cũng như vậy,

常伺眾生而欲殺之。

Thường tý chúng sanh nhi dục sát chi.

thường dò xét chúng sanh để muốn hại chết,

唯不能殺住於大乘大般涅槃菩薩摩訶薩。何以故。

Duy bất năng sát trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn Đại Bồ-tát. Hà dĩ cố.

chỉ không thể giết được Đại Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn. Tại sao vậy?

以是菩薩不放逸故。復次迦葉。譬如卒降金剛瀑雨。

Dĩ thị Bồ-tát bất phóng dật cố. Phục thứ Ca-diếp. Thí như tốt hàng Kim cương bộc vũ.

Do vì Bồ-tát không phóng dật vậy. Lại nữa, Ca-diếp! Thí như một cơn mưa Kim Cang lớn,悉壞藥木諸樹山林土沙瓦石金銀琉璃一切之物。

Tất hoại dục mộc chư thụ sơn lâm độ sa ngõa thạch kim ngân lưu ly nhất thiết chi vật.

phá hoại hết các cây thuốc, các cây trong núi rừng, đất cát ngói đá, tất cả các vật vàng bạc lưu ly,

唯不能壞金剛真寶。善男子。

Duy bất năng hoại Kim cương chân bảo. Thiện nam tử.

chỉ không thể hoại được bảo vật thật như Kim Cang. Thiện nam tử!

金剛死雨亦復如是。悉能破壞一切眾生。

Kim cương tử vũ diệc phục như thị. Tất năng phá hoại nhất thiết chúng sanh.

chết do Kim Cang cũng lại như vậy, đều có thể phá hoại tất cả chúng sanh,

唯除金剛菩薩住於大乘大般涅槃。復次迦葉。

Duy trừ Kim cương Bồ-tát trụ ư Đại thừa Đại Bát Niết-bàn. Phục thứ Ca-diếp.

chỉ trừ Bồ-tát Kim Cang trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn. Lại nữa, Ca-diếp!

如金翅鳥能噉諸龍。唯不能噉受三歸者。善男子。

Như kim sí điều năng đạm chư long. Duy bất năng đạm thọ tam quy giả. Thiện nam tử.

Như chim cánh vàng có thể nuốt các loài rồng, chỉ không thể nuốt người đã thọ Tam quy.
Thiện nam tử!

死金翅鳥亦復如是。能噉一切無量眾生。

Tử kim sí điều diệc phục như thị. Năng đạm nhất thiết vô lượng chúng sanh.
chết do Chim cánh vàng cũng lại như vậy, có thể nuốt tất cả vô lượng chúng sanh,
唯除菩薩住三定者。何謂三定。空無相願。復次迦葉。

Duy trừ Bồ-tát trụ tam định giả. Hà vị tam định. Không vô tướng nguyện. Phục thứ Ca-
diếp。

chỉ trừ Bồ-tát trụ ở Tam định. Thế nào là Tam định? Đó là Không, Vô tướng, Vô nguyện.
Lại nữa, Ca-diếp!

如摩羅毒蛇凡所觸螫。

Như ma la độc xà phàm sở xúc thích。

Như người bị rắn độc ma-la chích nọc độc vào,
雖有良呪上妙好藥無如之何。唯阿竭多星呪能令除愈。善男子。

Tuy hữu lương chú thượng diệu hảo dược vô như chi hà. Duy a kiệt đa tinh chú năng
lệnh trừ dữ. Thiện nam tử。

dù có thần chú hay, thuốc mùi vị ngon cũng không trị được, chỉ có chú A-kiệt-đa-tinh có
thể trừ được. Thiện nam tử!

死毒所螫亦復如是。一切醫方無如之何。

Tử độc sở thích diệc phục như thị. Nhất thiết y phương vô như chi hà。

Chất độc của cái chết chích vào cũng lại như vậy, tất cả bác sĩ danh tiếng cũng không trị
được,

唯除菩薩住於大乘大般涅槃呪。復次迦葉。

Duy trừ Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn chú. Phục thứ Ca-diếp。

chỉ trừ thần chú của Đại Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn. Lại nữa, Ca-diếp!
譬如有人為王所瞋。

Thí như hữu nhân vi Vương sở sân。

Thí như có người làm vua tức giận,
其人若能以軟善語貢上財寶便可得脫。善男子。死王不爾。

Kỳ nhân nhược năng dĩ nhuễn thiện ngữ cống thượng tài bảo tiện khả đắc thoát. Thiện
nam tử. Tử Vương bất nhĩ。

người ấy nếu có thể dùng lời nói dịu dàng khéo léo, cố gắng hiến bảo vật liền có thể thoát được. Thiện nam tử! Chết do Vua không như vậy,

雖以軟語錢財珍寶而貢上之亦不得脫。善男子。

Tuy dĩ nhuyển ngữ tiễn tài trân bảo nhi cố gắng thượng chi diệc bất đắc thoát. Thiện nam tử。

mặc dù dùng lời nói dịu dàng khéo léo, đem tiền tài trân bảo cố gắng hiến cũng không thoát chết được. Thiện nam tử!

夫死者於嶮難處無有資糧。

Phu tử giả ư hiểm nan xứ vô hữu tư lương。

Phàm người chết vì hiểm nạn thì không có tư lương,

去處懸遠而無伴侶。晝夜常行不知邊際。

Khứ xứ huyền viễn nhi vô bạn lữ。Trú dạ thường hành bất tri biên tế。

đi đường xa xôi mà không có bạn bè, ngày đêm thường đi không biết đích đến,

深邃幽闇無有燈明。入無門戶而有處所。雖無痛處不可療治。

Thâm thúy u ám vô hữu đăng minh。Nhập vô môn hộ nhi hữu xứ sở。Tuy vô thống xứ bất khả liệu trì。

sâu xa tối tăm không có đèn sáng, vào nhà không cửa mà có xứ sở, mặc dù không có chỗ đau không trị liệu được,

往無遮止到不得脫。無所破壞見者愁毒。

Vãng vô già chỉ đáo bất đắc thoát。Vô sở phá hoại kiến giả sầu độc。

đến chỗ không ngăn ngại nhưng không thể thoát, không có chỗ phá hoại thấy kẻ khổ sầu,

非是惡色而令人怖。敷在身邊不可覺知。迦葉。

Phi thị ác sắc nhi lệnh nhân phở。Phu tại thân biên bất khả giác tri。Ca-diếp。

không phải sắc ác mà khiến người sợ, che lấp ngoài thân không thể hiểu biết. Ca-diếp!

以是等喻及餘無量無邊譬喻。

Dĩ thị đẳng dụ cập dư vô lượng vô biên thí dụ。

nhờ những thí dụ ấy và vô lượng vô biên thí dụ khác

當知是死真為大苦。迦葉。

Đương tri thị tử chân vi Đại khổ。Ca-diếp。

sẽ biết chết ấy thật là nỗi khổ lớn. Ca-diếp!

是名菩薩摩訶薩修行大乘大涅槃經觀於死苦。

Thị danh Đại Bồ-tát tu hành Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh quán ư tử khổ.
Đó gọi là Đại Bồ-tát tu hành Đại thừa Đại Bát Niết-bàn quán thấy chết là khổ.

迦葉。

Ca-diếp。

Ca-diếp!

云何菩薩摩訶薩住於大乘大涅槃經觀愛別離苦。愛別離苦能為一切眾苦根本。

Vân hà Đại Bồ-tát trụ ư Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh quán ái biệt ly khổ. Ái biệt ly khổ năng vi nhất thiết chúng khổ căn bản.

Thế nào là Đại Bồ-tát ở nơi kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn quán Ái biệt ly khổ? Ái biệt ly khổ có thể tạo nên tất cả các khổ căn bản.

如說偈言。

Như thuyết kệ ngôn。

Liền nói lời kệ rằng:

因愛生憂	因愛生怖
Nhân ái sanh ưu	Nhân ái sanh bố
Do ái sanh lo,	Do ái sanh sợ,
若離於愛	何憂何怖
Nhược ly ư ái	Hà ưu hà bố
Nếu xa lìa ái,	Đâu còn lo sợ?

愛因緣故則生憂苦。

Ái nhân duyên cố tắc sanh ưu khổ。

Do vì ái làm nhân duyên nên sanh lo khổ。

以憂苦故則令眾生於衰老。愛別離苦所謂命終。善男子。

Dĩ ưu khổ cố tắc lệnh chúng sanh sanh ư suy lão。Ái biệt ly khổ sở vị mạng chung。Thiện nam tử。

Vì lo khổ cho nên khiến chúng sanh già suy, Ái biệt ly khổ nghĩa là mạng chung。Thiện nam tử!

以別離故能生種種微細諸苦。

Dĩ biệt ly cố năng sanh chủng chủng vi tế chư khổ。

Vì biệt ly cho nên sanh ra các loại khổ vi tế,

今當為汝分別顯示。善男子。過去之世人壽無量。

Kim đương vi nhữ phân biệt hiển thị. Thiện nam tử. Quá khứ chi thể nhân thọ vô lượng.

nay sẽ vì các người phân biệt chỉ rõ. Thiện nam tử!

時世有王名為善住。其王爾時為童子身太子治事。

Thời thế hữu Vương danh vi thiện trụ. Kỳ Vương nhĩ thời vi Đồng tử thân Thái-Tử trì sự.

Ngày xưa thế gian có vị vua Thiện Trụ. Lúc bấy giờ, vị vua ấy là một vị Thái tử trị nước
及登王位各八萬四千歲。時王頂上生一肉疱。

Cập đăng Vương vị các bát vạn tứ thiên tuế. Thời Vương đĩnh thượng sinh nhất nhục bào.

và lên ngôi được tám vạn bốn nghìn năm. Khi đó trên đỉnh vua có một cái mụn nước,
其疱柔軟如兜羅綿。細軟劫貝漸漸增長。

Kỳ bào nhu nhuyễn như châu la miên. Tế nhuyễn kiếp bối tiệm tiệm tăng trưởng.

cái mụn nước ấy mềm mại như Châu-la-miên, mụn nước ấy dần dần lớn lên,

不以為患足滿十月。疱即開剖生一童子。

Bất dĩ vi hoạn túc mãn thập nguyệt. Bào tức khai phẫu sinh nhất Đồng tử.

hoạn nạn như vậy đủ mười tháng. Mụn nước ấy nở ra sinh một đồng tử,

其形端正奇異少雙。色像分明人中第一。

Kỳ hình đoan chánh kì dị thiếu song. Sắc tượng phân minh nhân trung đệ nhất.

hình dáng đoan chánh, kì dị không ai sánh bằng, sắc tướng sáng sủa nhất trong loài người.

父王歡喜字之頂生。時善住王。

Phụ Vương hoan hỷ tự chi Đảnh Sanh. Thời thiện trụ Vương.

Vua cha hoan hỷ đặt tên là Đảnh Sanh. Lúc ấy, vua Thiện Trụ,

因以國事委付頂生。棄捨宮殿妻子眷屬。

Nhân dĩ quốc sự ủy phó Đảnh Sanh. Khí xả cung điện thê tử quyến chúc.

đem việc nước giao cho Đảnh Sanh, xa lìa cung điện, vợ con, quyến thuộc,

入山學道滿八萬四千歲。

Nhập sơn học đạo mãn bát vạn tứ thiên tuế.

vào núi học Đạo trọn tám vạn bốn nghìn năm.

爾時頂生於十五日處在高樓沐浴受齋。即時東方有金輪寶。

Nhĩ thời Đảnh Sanh ư thập ngũ nhật xứ tại cao lâu mộc dục thọ trai. Tức thời Đông phương hữu kim luân bảo.

Lúc bấy giờ Đảnh Sanh vào ngày Rằm ở tại lầu cao tắm rửa thọ trai, lúc ấy phương Đông có một bánh xe báu bằng vàng.

其輪千輻穀輞具足。非工匠造自然成就而來應之。

Kỳ luân thiên phúc cốc vông cụ túc. Phi công tượng tạo tự nhiên thành tựu nhi lai ứng chi.

Bánh xe ấy có ngàn chiếc cãm, trục xe, vành xe đầy đủ; không có thợ làm tự nhiên thành tựu mà đi đến.

頂生大王即作是念。我昔曾聞五通仙說。

Đảnh Sanh Đại Vương tức tác thị niệm. Ngã tích tăng văn ngũ thông tiên thuyết.

Đảnh Sanh Đại Vương liền nghĩ thế này: Ta ngày xưa từng nghe vị Tiên có năm thần thông nói rằng:

若剎利王於十五日處在高樓沐浴受齋。

Nhược sát lợi Vương ư thập ngũ nhật xứ tại cao lâu mộc dục thọ trai.

Nếu vua Sát Lợi vào ngày Rằm, ở lầu cao tắm rửa thọ trai,

若有金輪千輻不減穀輞具足。

Nhược hữu kim luân thiên phúc bất giảm cốc vông cụ túc.

nếu có bánh xe báu bằng vàng ngàn cãm không thiếu, trục xe, vành xe đầy đủ,

非工匠造自然成就而來應者。當知是王即當得作轉輪聖帝。復作是念。

Phi công tượng tạo tự nhiên thành tựu nhi lai ứng giả. Đương tri thị Vương tức đương đắc tác chuyển luân Thánh đế. Phục tác thị niệm.

không có người thợ làm tự nhiên thành tựu mà đến, phải biết vị vua đó sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương. Lại nghĩ thế này:

我今當試。即以左手擎此輪寶。

Ngã kim đương thí. Tức dĩ tả thủ kinh thử luân bảo.

Ta nay sẽ thử, tức dùng tay trái vác bánh xe báu ấy,

右執香爐右膝著地而發誓言。是金輪寶若實不虛。

Hữu chấp hương lô hữu tất trú địa nhi phát thệ ngôn. Thị kim luân bảo nhược thật bất hư.

tay phải cầm lư hương, gối phải quỳ xuống đất mà phát lời thề rằng: Bánh xe báu vàng này nếu thật không hư dối

應如過去轉輪聖王所行道去。作是誓已。

ứng như quá khứ Chuyển luân Thánh Vương sở hạnh đạo khứ. Tác thị thệ dĩ.

thì Ta sẽ như vua Chuyển Luân Thánh Vương trong quá khứ để hành đạo. Phát lời thề rồi, 是金輪寶飛昇虛空遍十方已。

Thị kim luân bảo phi thăng hư không biến thập phương dĩ.

bánh xe báu vàng ấy bay lên hư không biến khắp mười phương rồi,

還來住在頂生左手。爾時頂生心生歡喜踊躍無量。復作是言。

Hoàn lai trụ tại Đảnh Sanh tả thủ. Nhĩ thời Đảnh Sanh tâm sanh hoan hỉ dũng dục vô lượng. Phục tác thị ngôn.

trở lại nằm vào tay trái của Đảnh Sanh. Lúc bấy giờ Đảnh Sanh tâm sanh hơn hờ vui mừng vô lượng. Lại nói thế này:

我今定當作轉輪王。其後不久復有象寶。

Ngã kim định đương tác chuyển luân Vương. Kỳ hậu bất cửu phục hữu tượng bảo.

Ta nay nhất định sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương. Về sau không lâu lại có voi báu 狀貌端嚴如白蓮花七支柱地。

trạng mạo đoan nghiêm như bạch liên hoa thất chi trụ địa。

tướng mạo đoan trang như hoa sen trắng bảy cánh cắm xuống đất,

頂生見已復作是念。我昔曾聞五通仙說。

Đảnh Sanh kiến dĩ phục tác thị niệm. Ngã tích tằng văn ngũ thông tiên thuyết。

Đảnh Sanh thấy rồi lại nghĩ thế này: Ta ngày xưa từng nghe bậc Tiên chứng năm thần thông nói:

若轉輪王於十五日處在高樓沐浴受齋。

Nhược chuyển luân Vương ư thập ngũ nhật xứ tại cao lâu mộc dục thọ trai。

Nếu Chuyển Luân Vương vào ngày Rằm, ở tại lầu cao, tắm rửa thọ trai,

若有象寶狀貌端嚴如白蓮花七支柱地而來應者。

Nhược hữu tượng bảo trạng mạo đoan nghiêm như bạch liên hoa thất chi trụ địa nhi lai ứng giả。

nếu có voi báu tướng mạo đoan nghiêm như hoa sen trắng bảy cánh cắm trong đất mà đến,

當知是王即是聖王。復作是念。我今當試。

Đương tri thị Vương tức thị Thánh Vương. Phục tác thị niệm. Ngã kim đương thí.

phải biết vua đó tức là Thánh Vương. Lại nghĩ thế này: Ta nay sẽ thử,

即擎香爐右膝著地而發誓言。是白象寶若實不虛。

Tức kinh hương lô hữu tất trú địa nhi phát thệ ngôn. Thị bạch tượng bảo nhược thật bất hư.

tức bưng lư hương gối phải quỳ xuống đất mà phát lời thề rằng: Voi báu màu trắng nếu thật không hư dối

應如過去轉輪聖王所行道去。

ứng như quá khứ Chuyển luân Thánh Vương sở hạnh đạo khứ.

thì ta sẽ như Chuyển Luân Thánh Vương trong quá khứ để hành Đạo.

作是誓已是白象寶。從旦至夕。周遍八方盡大海際還住本處。

Tác thị thệ dĩ thị bạch tượng bảo. Tông đán chí tịch. Châu biến bát phương tận Đại hải tế hoàn trụ bản xứ.

Phát lời thề xong, voi báu trắng ấy, từ sớm đến tối, đi khắp tám phương, đến tận bờ biển lớn rồi trở lại chỗ cũ.

爾時頂生心大歡喜踊躍無量。復作是言。

Nhĩ thời Đảnh Sinh tâm Đại hoan hỷ dũng dưc vô lượng. Phục tác thị ngôn.

Lúc bấy giờ, Đảnh Sinh tâm hớn hởi vui mừng vô lượng. Lại nói thế này:

我今定是轉輪聖王。其後不久次有馬寶。

Ngã kim định thị Chuyển luân Thánh Vương. Kỳ hậu bất cửu thứ hữu mã bảo.

Ta nay nhất định sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương, về sau không lâu lại có ngựa báu, 其色紺炎鬣尾金色。頂生見已復作是念。

Kỳ sắc cảm viêm mao vĩ kim sắc. Đảnh Sinh kiến dĩ phục tác thị niệm.

màu sắc của nó xanh biếc, lông ở đuôi màu vàng cháy, Đảnh Sinh thấy rồi liền nghĩ thế này:

我昔曾聞五通仙說。

Ngã tích tăng văn ngũ thông tiên thuyết.

Ta ngày xưa từng nghe các bậc tiên chứng Ngũ thông nói:

若轉輪王於十五日處在高樓沐浴受齋。

Nhược chuyển luân Vương ư thập ngũ nhật xứ tại cao lâu mộc dục thọ trai.

Nếu Chuyển Luân Thánh Vương vào ngày Rằm, ở tại lầu cao, tắm rửa thọ trai,
若有馬寶其色紺艷鬣尾金色而來應者。當知是王即是聖王。復作是念。
Nhược hữu mã bảo kỳ sắc cảm điểm mao vĩ kim sắc nhi lai ứng giả。Đương tri thị Vương
tức thị Thánh Vương。Phục tác thị niệm。
nếu có ngựa báu màu xanh biếc, lông đuôi màu vàng cháy đi đến, phải biết vị vua ấy tức
là Thánh Vương. Lại nghĩ thế này:
我今當試。即執香爐右膝著地而發誓言。
Ngã kim đương thí。Tức chấp hương lô hữu tất trú địa nhi phát thệ ngôn。
Ta nay nên thử, tức bưng lư hương gối phải quỳ xuống đất mà phát lời thề rằng:
是紺馬寶若實不虛。
Thị cảm mã bảo nhược thật bất hư。
Nếu ngựa báu màu xanh ấy thật có, không hư dối
應如過去轉輪聖王所行道去。作是誓己是紺馬寶從旦至夕。
ứng như quá khứ Chuyển luân Thánh Vương sở hạnh đạo khứ。Tác thị thệ kỷ thị cảm mã
bảo tòng đán chí tịch。
thì ta sẽ như Chuyển Luân Thánh Vương trong quá khứ để hành Đạo, phát lời thề ấy rồi,
ngựa xanh ấy từ sáng đến tối,
周遍八方盡大海際還住本處。
Châu biến bát phương tận Đại hải tế hoàn trụ bốn xứ。
đi khắp tám phương đến tận bờ biển lớn rồi trở về lại chỗ cũ。
爾時頂生心大歡喜踊躍無量。復作是言。我今定是轉輪聖王。
Nhĩ thời Đảnh Sanh tâm đại hoan hỉ dũng dục vô lượng。Phục tác thị ngôn。Ngã kim
định thị Chuyển luân Thánh Vương。
Lúc bấy giờ, Đảnh Sanh tâm hớn hở vui mừng vô lượng, lại nói thế này: Ta nay nhất định
sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương,
其後不久復有女寶形容端正微妙第一。
Kỳ hậu bất cửu phục hữu nữ bảo hình dung đoan chánh vi diệu đệ nhất。
không lâu sau lại có người nữ quý báu, hình dáng đoan chánh vi diệu đệ nhất,
不長不短不白不黑。身諸毛孔出栴檀香。
Bất trường bất đoản bất bạch bất hắc。Thân chư mao khổng xuất chiên đàn hương。

không cao không thấp không trắng không đen, các lỗ chân lông trên thân tiết ra mùi hương chiên đàn,

口氣香潔如青蓮花。其目遠視見一由旬。

Khẩu khí hương khiết như thanh liên hoa. Kỳ mục viễn thị kiến nhất do tuần. hơi miệng thơm sạch như hoa sen xanh, mắt nhìn thấy xa cách một do tuần, 耳聞鼻嗅亦復如是。其舌廣大出能覆面。

Nhĩ văn tỳ khứu diệc phục như thị. Kỳ thiết quảng đại xuất năng phúc diện. tai nghe, mũi ngửi cũng lại như vậy, lưỡi ấy rộng lớn có thể che cả mặt, 形色細薄如亦銅葉。心聰叡哲有大智慧。

Hình sắc tế bạc như diệc đồng diệp. Tâm thông duệ triết hữu đại trí tuệ. sắc màu mỏng manh cũng như lá đồng đỏ, tâm sáng suốt thông minh có trí tuệ lớn, 於諸眾生常有軟語。是女以手觸王衣時。

Ư chư chúng sanh thường hữu nhuyển ngữ. Thị nữ dĩ thủ xúc Vương y thời. đối với chúng sanh thường nói lời dịu dàng. Lúc người con gái ấy dùng tay chạm vào áo vua,

即知王身安樂病患。亦知王心所緣之處。爾時頂生復作是念。

Tức tri Vương thân an lạc bệnh hoạn. Diệc tri Vương tâm sở duyên chi xứ. Nhĩ thời Đảnh Sanh phục tác thị niệm。

tức biết thân vua an lạc hay bệnh hoạn, cũng biết những sở duyên của tâm vua. Lúc bấy giờ Đảnh Sanh lại nghĩ thế này:

若有女人能知王心即是女寶。

Nhược hữu nữ nhân năng tri Vương tâm tức thị nữ bảo。

Nếu có người nữ có thể biết tâm vua tức là người nữ quý báu,

其後不久於王宮內自然而有寶摩尼珠。

Kỳ hậu bất cửu ư Vương cung nội tự nhiên nhi hữu bảo ma-ni châu。

về sau không lâu ở trong cung vua tự nhiên mà có vật báu Ma-ni châu,

純青琉璃大如人脾。能於闇中照一由旬。

Thuần thanh lưu ly đại như nhân tì. Năng ư ám trung chiếu nhất do-tuần。

lưu ly trong xanh lớn như lá lách người, có thể ở trong bóng tối phát ra ánh sáng chiếu sáng một do tuần,

若天降雨滲如車軸。是珠力能作蓋遍覆足一由旬。

Nhược Thiên hàng vũ để như xa trục. Thị châu lực năng tác cái biến phúc túc nhất do tuần.

nếu trên trời có mưa rơi xuống như trục xe thì châu báu ấy có sức che kín khoảng không một do tuần,

遮此大雨不令下過。爾時頂生復作是念。

Già thử Đại vũ bất lệnh hạ quá. Nhĩ thời Đảnh Sanh phục tác thị niệm. che mưa lớn ấy khiến không thể ướt. Bấy giờ Đảnh Sanh lại nghĩ thế này:

若轉輪王得是寶珠必是聖王。

Nhược chuyển luân Vương đắc thị bảo châu tất thị Thánh Vương。

Nếu Chuyển Luân Vương được châu báu ấy tức là Thánh Vương,

其後不久有主藏臣自然而出。

Kỳ hậu bất cửu hữu chủ tạng Thần tự nhiên nhi xuất。

về sau không lâu, có một vị quan giữ kho tự nhiên mà sanh ra,

多饒財寶巨富無量庫藏盈溢無所乏少。

đa nhiều tài bảo cự phú vô lượng kho tàng doanh dật vô sở phạp thiếu。

có nhiều của cải, vật báu, giàu có vô lượng, kho tàng đầy đủ không thiếu vật gì,

報得眼根力能徹見一切地中所有伏藏。隨王所念皆能辦之。

báo đắc nhãn căn lực năng triệt kiến nhất thiết địa trung sở hữu phục tạng。Tùy Vương sở niệm giai năng辦 chi。

có phước báo về nhãn căn có thể thấy được tất cả những vật bị che trong đất, tùy theo ý nghĩ của vua mà có thể hiện đủ.

爾時頂生復欲試之。即共乘船入於大海告藏臣言。

Nhĩ thời Đảnh Sanh phục dục thí chi。Tức cộng thừa thuyền nhập ư đại hải cáo tạng thần ngôn。

Lúc bấy giờ Đảnh Sanh lại muốn thử, tức cùng ngồi thuyền vào trong biển lớn nói với vị thần giữ kho rằng:

我今欲得珍異之寶。藏臣聞已即以兩手撓大海水。

Ngã kim dục đắc trân dị chi bảo。Tạng thần văn dĩ tức dĩ lượng thủ nạo đại hải thủy。

Ta nay muốn được những trân bảo khác lạ. Vị quan giữ kho nghe xong liền dùng hai tay khuấy vào biển lớn.

時十指頭出十寶藏。以奉聖王而白王言。大王。

Thời thập chỉ đầu xuất thập bảo tạng. Dĩ phụng Thánh Vương nhi bạch Vương ngôn. Đại Vương.

Lúc đó mười đầu ngón tay xuất hiện mười vật báu, phụng chỉ Thánh Vương mà tâu vua rằng: Đại Vương!

所須隨意用之。其餘在者當投大海。

Sở tu tùy ý dụng chi. Kỳ dư tại giả đương đầu đại hải.

Những vật này tùy ý ngài dùng vậy, những vật còn lại phải ném trở lại biển cả.

爾時頂生心大歡喜踊躍無量。復作念言。

Nhĩ thời Đảnh Sinh tâm đại hoan hỉ dũng dục vô lượng. Phục tác niệm ngôn.

Lúc bấy giờ, Đảnh Sinh tâm hớn hở vui mừng vô lượng. Lại nói thế này:

我今定是轉輪聖王。

Ngã kim định thị Chuyển luân Thánh Vương.

Ta nay nhất định sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương,

其後不久有主兵臣自然而出。勇健猛略策謀第一善知四兵。

Kỳ hậu bất cửu hữu chủ binh Thần tự nhiên nhi xuất. Dũng kiện mãnh lược sách mưu đệ nhất thiện tri tứ binh.

về sau không lâu có một vị quan coi việc binh tự nhiên sinh ra, dũng mãnh khang kiện mưu lược đệ nhất, khéo biết điều hành bốn loại binh,

若任鬪者則現聖王。若不任者退不令現。

Nhược nhâm đấu giả tắc hiện Thánh Vương. Nhược bất nhâm giả thối bất lệnh hiện.

nếu dốc lòng chiến đấu thì xuất hiện Thánh Vương, nếu không dốc lòng chiến đấu thì Thánh Vương không hiện nữa.

未摧伏者能令摧伏。已摧伏者力能守護。

Vị tồi phục giả năng lệnh tồi phục. Dĩ tồi phục giả lực năng thủ hộ.

Người chưa hàng phục khiến cho hàng phục, người hàng phục rồi khiến tăng thêm sức ủng hộ.

爾時頂生復作是念。若轉輪王得是兵寶。

Nhĩ thời Đảnh Sinh phục tác thị niệm. Nhược chuyển luân Vương đắc thị binh bảo.

Lúc bấy giờ Đảnh Sinh lại nghĩ thế này: Nếu Chuyển Luân Vương được quân binh báu ấy,

當知定是轉輪聖王。爾時頂生轉輪聖帝告諸大臣。

Đương tri định thị Chuyển luân Thánh Vương. Nhĩ thời Đảnh Sanh chuyển luân Thánh đế cáo chư Đại Thần.

phải biết đó nhất định là Chuyển Luân Thánh Vương. Lúc bấy giờ Đảnh Sanh Chuyển Luân Thánh Vương nói với các vị Đại thần:

汝等當知此閻浮提安隱豐樂。

Nhữ đẳng đương tri thử Diêm-phù-đề an ổn phong lạc。

Các người nên biết, cõi Diêm-phù-đề này an ổn, giàu có.

然我今已七寶成就千子具足更何所為。諸臣答言。唯然。大王。

Nhiên ngã kim dĩ thất bảo thành tựu thiên tử cụ túc canh hà sở vi. Chư Thần đáp ngôn. Duy nhiên. Đại Vương.

Mặc dù ta nay đã có bảy báu, thành tựu đầy đủ ngàn con lại không biết để làm gì? Các quan đáp rằng: Dạ phải. Đại Vương!

東弗婆提猶未歸德王應往討。

Đông Phát-bà-đề do vị quy đức Vương ứng vãng thảo。

Đông Phát-bà-đề chưa quy thuận nên đến đó bàn luận.

爾時聖王與其七寶一切營從。飛空而往東弗婆提。

Nhĩ thời Thánh Vương dĩ kỳ thất bảo nhất thiết doanh tòng. Phi không nhi vãng Đông Phát-bà-đề。

Lúc bấy giờ Thánh Vương cùng với tất cả bảy báu, bay lên không mà đi đến Đông Phát-bà-đề,

彼土人民歡喜歸化。復告大臣。

Bỉ độ nhân dân hoan hỷ quy hóa. Phục cáo Đại Thần.

nước đó nhân dân hoan hỷ quy thuận, lại nói với Đại thần:

我閻浮提及弗婆提安隱豐樂人民熾盛悉來歸化。

Ngã Diêm-phù-đề cập Phát-bà-đề an ổn phong lạc nhân dân sí thịnh tất lai quy hóa。

Diêm-phù-đề của chúng ta và Phát-bà-đề an ổn, giàu có, nhân dân đông nhiều thấy đều quy thuận,

七寶成就千子具足復何所為。諸臣答言。唯然。

Thất bảo thành tựu thiên tử cụ túc phục hà sở vi. Chư Thần đáp ngôn. Duy nhiên。

bảy báu thành tựu ngàn con đầy đủ lại không biết để làm gì? Các vị quan đáp: Dạ phải.

大王。西瞿陀尼猶未歸德。

Đại Vương. Tây Cồ-đà-ni do vị quy đức.

Đại Vương! Tây Cồ-đà-ni chưa quy thuận.

爾時聖王復與七寶一切營從飛空而往西瞿陀尼。王既至彼。

Nhĩ thời Thánh Vương phục dữ thất bảo nhất thiết doanh tòng phi không nhi vãng Tây Cồ-đà-ni. Vương ký chí bỉ.

Lúc bấy giờ, Thánh Vương lại cùng với tất cả bảy báu bay lên hư không đến Tây Cồ-đà-ni. Vua vừa đến đó,

彼土人民亦復歸化。復告大臣。

Bỉ độ nhân dân diệc phục quy hóa. Phục cáo Đại Thần.

nhân dân nước đó cũng lại quy thuận. Vua lại nói với các Đại thần:

我閻浮提及弗婆提此瞿陀尼安隱豐樂人民熾盛。

Ngã Diêm-phù-đề cập phát Bà đề thử Cồ đà ni an ổn phong lạc nhân dân sí thịnh.

Diêm-phù-đề của chúng ta và Phát-bà-đề, Cồ-đà-ni ấy an ổn, giàu có nhân dân đông nhiều

咸以歸化。七寶成就千子具足復何所為。諸臣答言。

Hàm dĩ quy hóa. Thất bảo thành tựu thiên tử cụ túc phục hà sở vi. Chư Thần đáp ngôn.

đều đã quy thuận. Bảy báu thành tựu đầy đủ ngàn con lại không biết dùng để làm gì? Các vị quan đáp:

唯然。大王。北鬱單越猶未歸化。

Duy nhiên. Đại Vương. Bắc Uất-đan-việt do vị quy hóa.

Dạ phải. Đại Vương! Bắc Uất-đan-việt chưa quy thuận.

爾時聖王復與七寶一切營從。飛空而往北鬱單越。

Nhĩ thời Thánh Vương phục dữ thất bảo nhất thiết doanh tòng. Phi không nhi vãng Bắc Uất-đan-việt.

Lúc bấy giờ, Thánh Vương lại cùng tất cả bảy báu cùng bay lên hư không đi đến Bắc Uất-đan-việt,

王既至彼。彼土人民歡喜歸德。復告大臣。

Wương ký chí bỉ. Bỉ độ nhân dân hoan hỉ quy đức. Phục cáo Đại Thần.

Vua vừa đến đó, nhân dân nước đó vui vẻ quy thuận, lại nói với Đại thần:

我四天下安隱豐樂人民熾盛咸已歸德。

Ngã tứ Thiên hạ an ổn phong lạc nhân dân sí thịnh hàm dĩ quy đức。
Bốn phương của chúng ta đều an ổn, giàu có, nhân dân đông nhiều thấy đều quy thuận,
七寶成就千子具足更何所為。諸臣答言。唯然。

Thất bảo thành tựu thiên tử cụ túc canh hà sở vi。Chư Thần đáp ngôn。Duy nhiên。
bảy báu thành tựu đầy đủ ngàn con lại để làm gì? Các vị quan đáp: Dạ phải。
聖王。三十三天壽命極長安隱快樂。

Thánh Vương。Tam thập tam Thiên thọ mạng cực Trưởng An ẩn khoái lạc。

Thánh Vương! Cõi trời Ba mươi ba thọ mạng lâu dài, an ổn, vui vẻ。

彼天身形端嚴無比。所居宮殿床榻臥具悉是七寶。

Bỉ Thiên thân hình đoan nghiêm vô bỉ。Sở cư cung điện sàng tháp ngoạ cụ tất thị thất bảo。

Dân ở cõi Trời ấy thân hình đoan nghiêm không ai sánh bằng, chỗ ở, cung điện, giường nệm, ngoạ cụ đều là bảy báu,

自恃天福未來歸化。今可往討令其摧伏。

Tự thị Thiên phúc vị lai quy hóa。Kim khả vãng thảo lệnh kỳ tồi phục。

tự dựa vào phước Trời chưa đến quy thuận, nay có thể đến đó bàn luận khiến nơi đó hàng phục。

爾時聖王復與七寶一切營從。

Nhĩ thời Thánh Vương phục dĩ thất bảo nhất thiết doanh tòng。

Lúc bấy giờ, Thánh Vương lại cùng tất cả bảy báu cùng đi,

飛騰虛空上忉利天。見有一樹其色青綠。

Phi đằng hư không thượng Đao Lợi Thiên。Kiến hữu nhất thụ kỳ sắc thanh lục。

Bay vào hư không đến cõi trời Đao Lợi, thấy có một cây màu sắc xanh biếc。

聖王見已即問大臣。此是何色。大臣答言。此是波利質多羅樹。

Thánh Vương kiến dĩ tức vấn Đại Thần。Thử thị hà sắc。Đại Thần đáp ngôn。Thử thị Ba-lợi-chất-đa-la thụ。

Thánh Vương thấy rồi liền hỏi Đại thần: Đây là cây gì? Đây là cây Ba-lợi-chất-đa-la。

忉利諸天夏三月日常於其下娛樂受樂。

Đao Lợi chư Thiên hạ tam nguyệt nhật thường ư kỳ hạ ngu lạc thọ lạc。

Chư Thiên ở cõi trời Đao Lợi, ba tháng mùa hè thường ở dưới cây này vui chơi hưởng lạc,
復見白色猶如白雲。復問大臣。彼是何色。

Phục kiến bạch sắc do như bạch vân。 Phục vấn Đại Thần。 Bĩ thị hà sắc。
lại thấy màu sắc trắng như tuyết, lại hỏi các quan: Kia là cái gì?

大臣答言。

Đại Thần đáp ngôn。

Đại thần đáp:

是善法堂忉利諸天常集其中論人天事。於是天主釋提桓因。

Thị Thiện Pháp đường Đao Lợi chư Thiên thường tập kỳ trung luận nhân Thiên sự。 Ư thị Thiên chủ Thích Đề Hoàn Nhân。

Đó là giảng đường Thiện Pháp, chư Thiên cõi trời Đao Lợi thường tụ tập trong đó luận bàn việc trời, người. Lúc đó Thiên chủ Thích Đề Hoàn Nhân

知頂生王已來在外即出迎。逆見已執手昇善法堂分座而坐。

tri Đảnh Sinh Vương dĩ lai tại ngoại tức xuất nghênh。 Nghịch kiến dĩ chấp thủ thăng Thiện Pháp đường phân tọa nhi tọa。

biết vua Đảnh Sinh đã đến bên ngoài tức liền ra đón, chào hỏi rồi chấp tay mời lên giảng đường Thiện Pháp, phân chỗ mời ngồi.

彼時二王形容相貌等無差別。

Bĩ thời nhị Vương hình dung tướng mạo đẳng vô sai biệt。

Lúc ấy hai vua hình dung, tướng mạo không có sự sai biệt,

唯有視胸為別異耳。是時聖王即生念言。

Duy hữu thị thuận vi biệt dị nhĩ。 Thị thời Thánh Vương tức sanh niệm ngôn。

chỉ có nháy mắt là khác biệt vậy. Lúc bấy giờ Thánh Vương liền nghĩ rằng:

我今寧可退彼王位。即住其中為天王不。善男子。

Ngã kim ninh khả thoái bĩ Vương vị。 Tức trụ kỳ trung vi Thiên Vương bất。 Thiện nam tử。

Ta nay thà có thể thoái vương vị, liền có thể ở trong ấy làm thiên vương không? Thiện nam tử!

爾時帝釋受持讀誦大乘經典。開示分別為他演說。

Nhĩ thời đế thích thọ trì độc tụng Đại thừa Kinh điển。 Khai kì phân biệt vi tha diễn thuyết。

Lúc bấy giờ Đế Thích thọ trì đọc tụng Kinh điển Đại thừa, khai ngộ phân biệt vì người khác nói,

唯於深義未盡通達。

Duy ư thâm nghĩa vị tận thông đạt。

chỉ có điều đối với ý nghĩa thâm sâu chưa từng hiểu được,

以是讀誦受持分別為他廣說因緣力故有大威德。善男子。

Dĩ thị độc tụng thọ trì phân biệt vi tha quảng thuyết nhân duyên lực cố hữu Đại uy đức。Thiện nam tử。

nhờ sức nhân duyên đọc tụng thọ trì phân biệt, vì người khác rộng nói nên có oai đức lớn.

Thiện nam tử!

而是頂生於此帝釋生惡心已。即便墮落還閻浮提。

Nhi thị Đảnh Sinh ư thủ đế thích sanh ác tâm dĩ。Tức tiện đọa lạc hoàn Diêm-phù-đề。

Nhưng Đảnh Sinh đối với vị Đế thích này sanh khởi ác tâm, liền bị đọa trở lại cõi Diêm-phù-đề,

與所愛念人天離別生大苦惱。

Dữ sở ái niệm nhân Thiên ly biệt sanh đại khổ não。

cùng với những suy nghĩ yêu thích cõi nhân Thiên mà không được nên sanh lòng khổ não lớn,

復遇惡病即使命終。爾時帝釋迦葉佛是。

Phục ngộ ác bệnh tức tiện mạng chung。Nhĩ thời đế thích Ca-diếp Phật thị。

lại gặp bệnh hiểm ác liền mạng chung。Bấy giờ Đế thích chính là Phật Ca-diếp。

轉輪聖王則我身是。善男子。當知如是愛別離者極為大苦。

Chuyển luân Thánh Vương tắc ngã thân thị。Thiện nam tử。Đương tri như thị ái biệt li giả cực vi Đại khổ。

Chuyển Luân Thánh Vương chính là thân ta。Thiện nam tử! Phải biết Ái biệt ly là một nỗi khổ rất lớn。

善男子。

Thiện nam tử。

Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩尚憶過去如是等輩愛別離苦。何況菩薩住於大乘大涅槃經。

Đại Bồ-tát thượng ức quá khứ như thị đẳng bối ái biệt li khổ。Hà hướng Bồ-tát trụ ư Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh。

Đại Bồ-tát còn chưa nhớ Ái biệt ly khổ của đời trước như vậy, huống là Bồ-tát ở nơi kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn,

而當不觀現在之世愛別離苦。

Nhi đương bất quán hiện tại chi thế ái biệt ly khổ.

mà biết quán Ái biệt ly khổ của đời hiện tại.

善男子。

Thiện nam tử.

Thiện nam tử!

云何菩薩摩訶薩修行大乘大涅槃經觀怨憎會苦。善男子。

Vân hà Đại Bồ-tát tu hành Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh quán oán tắng hội khổ. Thiện nam tử.

Thế nào là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại thừa Đại Bát Niết-bàn quán Oán tắng hội khổ?

Thiện nam tử!

是菩薩摩訶薩觀於地獄畜生餓鬼人中天上。

Thị Đại Bồ-tát quán ư Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ nhân trung Thiên thượng.

Đại Bồ-tát ấy quán ở Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, Người, Trời,

皆有如是怨憎會苦。譬如人觀牢獄繫閉枷鎖杻械以為大苦。

Giai hữu như thị oán tắng hội khổ. Thí như nhân quán lao ngục hệ bế gia tỏa nữu giới dĩ vi Đại khổ.

đều có Oán tắng hội khổ. Thí như người thấy chốn lao tù trói buộc, gông cùm, xiềng xích, đó là khổ lớn,

菩薩摩訶薩亦復如是。觀於五道一切受生。

Đại Bồ-tát diệc phục như thị. Quán ư ngũ đạo nhất thiết thọ sanh.

Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, quán thấy thọ sanh ở nơi năm đường,

悉是怨憎合會大苦。復次善男子。

Tất thị oán tắng hợp hội Đại khổ. Phục thứ thiện nam tử.

thầy đều Oán tắng hội hợp là nỗi khổ lớn. Lại nữa, Thiện nam tử!

譬如有人常畏怨家枷鎖杻械。

Thí như hữu nhân thường úy oán gia tỏa nữu giới.

Thí như có người thường sợ oan gia, gông cùm, xiềng xích,

捨離父母妻子眷屬珍寶產業而遠逃避。善男子。

Xả ly phụ mẫu thê tử quyến chúc thân bảo sản nghiệp nhi viễn đào tị. Thiện nam tử.

xa lìa cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, châu báu, sự nghiệp mà trốn đi thật xa. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩亦復如是。

Đại Bồ-tát diệc phục như thị。

Đại Bồ-tát cũng lại như vậy,

怖畏生死具足修行六波羅蜜入於涅槃。迦葉。

Bố úy sanh tử cụ túc tu hành lục ba la mật nhập ư Niết-Bàn. Ca-diếp。

sợ hãi sanh tử nên tu hành đầy đủ Lục độ Ba-la-mật chứng nhập Niết-bàn. Ca-diếp!

是名菩薩摩訶薩修行大乘大般涅槃觀怨憎會苦。

Thị danh Đại Bồ-tát tu hành Đại thừa Đại bát Niết-bàn quán oán tăng hội khổ。

Đó gọi là Đại Bồ-tát tu hành kinh Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán thấy Oán tăng hội khổ。

善男子。

Thiện nam tử。

Thiện nam tử!

云何菩薩修行大乘大般涅槃觀求不得苦。求者一切盡求。盡求者有二種。

Vân hà Bồ-tát tu hành Đại thừa Đại bát Niết-bàn quán cầu bất đắc khổ。Cầu giả nhất thiết tận cầu。Tận cầu giả hữu nhị chủng。

Thế nào là Bồ-tát tu hành kinh Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán thấy Cầu bất đắc khổ? Cầu ấy là cầu hết tất cả。Cầu hết tất cả có hai loại:

一求善法。二求不善法。善法未得苦惡法未離苦。

Nhất cầu thiện Pháp。Nhị cầu bất thiện Pháp。Thiện Pháp vị đắc khổ ác Pháp vị ly khổ。

Một là cầu pháp thiện, hai là cầu pháp bất thiện。Thiện pháp chưa được thì khổ, ác pháp chưa xa lìa cũng khổ。

是則略說五盛陰苦。迦葉。是名苦諦。

Thị tắc lược thuyết ngũ thịnh uẩn khổ。Ca-diếp。Thị danh khổ đế。

Đó nói tóm lại là ngũ uẩn thịnh khổ。Ca-diếp! Đó là Khổ đế。

爾時迦葉菩薩摩訶薩白佛言。世尊。

Nhĩ thời Ca-diếp Đại Bồ-tát bạch Phật ngôn。Thế tôn。

Lúc bấy giờ Ca-diếp Đại Bồ-tát bạch Phật rằng: Thế Tôn!

如佛所說五盛陰苦是義不然。何以故。

Như Phật sở thuyết ngũ thịnh uẩn khổ thị nghĩa bất nhiên。Hà dĩ cố。

Như Phật đã dạy năm uẩn thịnh khổ là không như vậy。Tại sao?

如佛往昔告釋摩男。若色苦者一切眾生不應求色。

Như Phật vãng tích cáo thích ma nam. Nhược sắc khổ giả nhất thiết chúng sanh bất ứng cầu sắc.

Như Phật ngày xưa dạy Thích Ma Nam, nếu sắc là khổ thì tất cả chúng sanh không nên cầu sắc,

若有求者則不名苦。如佛告諸比丘。有三種受。

Nhược hữu cầu giả tắc bất danh khổ. Như Phật cáo chư bĩ khâu. Hữu tam chủng thọ. nếu có người tìm cầu thì không gọi là khổ. Như Phật bảo các Tỳ kheo: Có ba loại thọ, 苦受樂受不苦不樂受。如佛先為諸比丘說。

Khổ thọ lạc thọ bất khổ bất lạc thọ. Như Phật tiên vi chư bĩ khâu thuyết.

khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Như Phật trước vì các Tỳ kheo dạy:

若有人能修行善法則得受樂。

Nhược hữu nhân năng tu hành thiện Pháp tắc đắc thọ lạc。

Nếu có người có thể tu hành thiện pháp thì được lạc thọ.

又如佛說於善道中六觸受樂。眼見好色是則為樂。

Hựu như Phật thuyết ư thiện đạo trung lục xúc thọ lạc。Nhãn kiến hảo sắc thị tắc vi lạc。

Lại như Phật dạy đối với trong thiện đạo có sáu xúc thọ lạc: mắt thấy sắc đẹp thì gọi là lạc,

耳鼻舌身意思好法亦復如是。如佛說偈。

Nhĩ tỳ thiết thân ý tứ hảo Pháp diệc phục như thị。Như Phật thuyết kệ。

tai, mũi, lưỡi, thân, ý, cũng lại như vậy。Như Phật thuyết kệ:

持戒則為樂 身不受眾苦

Trì giới tắc vi lạc Thân bất thọ chúng khổ

Trì giới thì được lạc, Thân không thọ các khổ

睡眠得安隱 寤則心歡喜

Thụy miên đắc an ổn Ngự tắc tâm hoan hỷ

Ngủ nghỉ được an ổn, Thức dậy tâm hoan hỷ,

若受衣食時 誦習而經行

Nhược thọ y thực thời Tụng tập nhi kinh hành

Lúc thọ nhận ăn mặc, Tu tập đi kinh hành,

獨處於山林 如是為最樂

Độc xứ ư sơn lâm Như thị vi tối lạc

Một mình nơi núi rừng, Như vậy là vui nhất,
若能於眾生 晝夜常修慈
Nhược năng ư chúng sanh Trú dạ thường tu từ
Nếu đối với chúng sanh, Ngày đêm thường từ tâm,
因是得常樂 以不惱他故
Nhân thị đắc thường lạc Dĩ bất nảo tha cố
Nhờ vậy được thường lạc, Vì không phiền người khác,
少欲知足樂 多聞分別樂
Thiểu dục tri túc lạc Đa văn phân biệt lạc
Ít muốn vui biết đủ, Vui nghe nhiều hiểu rõ,
無著阿羅漢 亦名為受樂
Vô trú A La Hán Diệc danh vi thọ lạc
Vô trước A-la-hán, Cũng gọi là thọ lạc,
菩薩摩訶薩 畢竟到彼岸
Đại Bồ-tát Tất cánh đáo bỉ ngạn
Bồ-tát Ma-ha-tát, Rốt ráo đến bờ kia,
所作眾事辦 是名為最樂
Sở tác chúng sự辦 Thị danh vi tối lạc
Các việc làm đã xong, Gọi là vui tối thắng
世尊。如諸經中所說樂相其義如是。

Thế tôn. Như chư Kinh trung sở thuyết lạc tướng kỳ nghĩa như thị.

Thế Tôn! Như trong các kinh đã nói tướng của lạc, nghĩa ấy là như vậy.

如佛今說云何當與此義相應。佛告迦葉。

Như Phật kim thuyết vân hà đương dữ thử nghĩa tướng ứng. Phật cáo Ca-diếp.

Như Phật nay nói thì làm thế nào để cùng tương ứng với nghĩa này? Phật dạy Ca-diếp:
善哉善哉。善男子。善能諮問如來是義。善男子。

Thiện tai Thiện tai. Thiện nam tử. Thiện năng ti vấn Như-Lai thị nghĩa. Thiện nam tử.
Hay thay, hay thay! Thiện nam tử! Khéo có thể hỏi Như-Lai nghĩa ấy. Thiện nam tử!
一切眾生於下苦中橫生樂想。

Nhất thiết chúng sanh ư hạ khổ trung hoành sanh lạc tưởng.

Tất cả chúng sanh đối với các khổ nạn trên sanh ý tưởng thích thú

是故我今所說苦相與本不異。爾時迦葉菩薩白佛言。

Thị cố ngã kim sở thuyết khổ tướng dữ bốn bất dị. Nhĩ thời Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn.

cho nên nay Ta đã nói tướng khổ cùng với khổ căn bản không khác. Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

如佛所說於下苦中生樂想者。

Như Phật sở thuyết ư hạ khổ trung sanh lạc tướng giả。

Như Phật đã nói người đối với các khổ trên sanh ý tưởng vui thích,

下生下老下病下死。下愛別離下求不得下怨憎會下五盛陰。

Hạ sanh hạ lão hạ bệnh hạ tử。 Hạ ái biệt li hạ cầu bất đắc hạ oán tăng hội hạ ngũ thịnh uẩn。

nên hạ sanh, hạ lão, hạ bệnh, hạ tử, hạ ái biệt ly, hạ cầu bất đắc, hạ oán tăng hội, hạ ngũ uẩn thịnh,

如是等苦亦應有樂。世尊。下生者。

Như thị đẳng khổ diệt ứng hữu lạc。 Thế tôn。 Hạ sanh giả。

các khổ như vậy cũng phải có chỗ vui。 Thế Tôn! Hạ sanh ấy,

所謂三惡趣。中生者所謂人中。上生者所謂天上。

Sở vị tam ác thú。 Trung sanh giả sở vị nhân trung。 Thượng sanh giả sở vị Thiên thượng。

nghĩa là sanh vào ba đường ác; trung sanh tức là sanh trong loài người; thượng sanh nghĩa là sanh lên cõi trời。

若復有人作如是問。若於下樂生於苦想。

Nhược phục hữu nhân tác như thị vấn。 Nhược ư hạ lạc sanh ư khổ tưởng。

Nếu lại có người hỏi như thế này: nếu đối với những niềm vui ở cõi dưới mà sanh ý tưởng khổ,

於中樂中生無苦樂想。於上樂中生於樂想。

Ư trung lạc trung sanh vô khổ lạc tưởng。 Ư thượng lạc trung sanh ư lạc tưởng。

đối với niềm vui ở cõi người mà sanh ý tưởng khổ vui, đối với niềm vui ở cõi trời mà sanh ý tưởng vui

當云何答。世尊。若下苦中生樂想者。

Đương vân hà đáp。 Thế tôn。 Nhược hạ khổ trung sanh lạc tướng giả。

thì phải trả lời như thế nào? Thế Tôn! Nếu đối với cái khổ của cõi dưới mà sanh ý tưởng vui,

未見有人當受千罰初一下時已生樂想。若不生者。

Vị kiến hữu nhân đương thọ thiên phạt sơ nhất hạ thời dĩ sanh lạc tưởng. Nhược bất sanh giả。

chưa thấy có người lúc phải thọ phạt ngàn lần rồi mà sanh ý tưởng vui. Nếu không sanh 云何說言於下苦中而生樂想。佛告迦葉。

Vân hà thuyết ngôn ư hạ khổ trung nhi sanh lạc tưởng. Phạt cáo Ca-diếp。

thì sao nói là đối với cái khổ của cõi dưới mà sanh ý tưởng vui? Phạt dạy Ca-diếp:

如是如是如汝所說。以是義故無有樂想。何以故。

Như thị như thị như nhữ sở thuyết。Dĩ thị nghĩa cố vô hữu lạc tưởng。Hà dĩ cố。

Đúng vậy! Đúng vậy! Như người đã nói, do nghĩa đó cho nên không có ý tưởng vui. Tại sao vậy?

猶如彼人當受千罰受一下已即得脫者。

Do như bỉ nhân đương thọ thiên phạt thọ nhất hạ dĩ tức đắc thoát giả。

Gống như người kia đã phải thọ phạt ngàn lần rồi liền được thoát khỏi,

是人爾時便生樂想。

Thị nhân nhĩ thời tiện sanh lạc tưởng。

lúc bấy giờ người ấy liền sanh ý tưởng vui

是故當知於無樂中妄生樂想。迦葉言。世尊。彼人不以一下生於樂想。

Thị cố đương tri ư vô lạc trung vọng sanh lạc tưởng。Ca-diếpngôn。Thế tôn。Bỉ nhân bất dĩ nhất hạ sanh ư lạc tưởng。

cho nên phải biết đối với những cái không vui vọng sanh ý tưởng vui. Ca-diếp thưa: Bạch

Thế Tôn! Người kia không vì một lần sanh cõi dưới mà sanh ý tưởng vui,

以得脫故而生樂想。

Dĩ đắc thoát cố nhi sanh lạc tưởng。

mà vì được thoát khỏi cõi ấy cho nên sanh ý tưởng vui.

迦葉是故我昔為釋摩男說。五陰中樂實不虛也。迦葉。

Ca-diếp thị cố ngã tích vi Thích Ma Nam thuyết。Ngũ uẩn trung lạc thật bất hư dã。Ca-diếp。

Ca-diếp! Do vậy Ta ngày xưa vì Thích Ma Nam nói trong ngũ uẩn cũng có vui thật không có hư dối. Ca-diếp!

有三受三苦。三受者。所謂樂受苦受不苦不樂受。

Hữu tam thọ tam khổ. Tam thọ giả. Sở vị lạc thọ khổ thọ bất khổ bất lạc thọ.

Có ba thọ, ba khổ. Ba thọ ấy, đó là lạc thọ, khổ thọ, không khổ không lạc thọ.

三苦者。所謂苦苦行苦壞苦。善男子。

Tam khổ giả. Sở vị khổ khổ hành khổ hoại khổ. Thiện nam tử.

Ba khổ ấy, đó là Khổ khổ, Hành khổ, Hoại khổ. Thiện nam tử!

苦受者名為三苦。所謂苦苦行苦壞苦。餘二受者。

Khổ thọ giả danh vi tam khổ. Sở vị khổ khổ hành khổ hoại khổ. Dư nhị thọ giả.

Khổ thọ ấy gọi là tam khổ, đó là Khổ khổ, Hành khổ, Hoại khổ. Còn lại thuộc hai thọ kia, 所謂行苦壞苦。善男子。

Sở vị hành khổ hoại khổ. Thiện nam tử.

đó là Hành khổ, Hoại khổ. Thiện nam tử!

以是因緣生死之中實有樂受。菩薩摩訶薩以苦樂性不相捨離。

Dĩ thị nhân duyên sanh tử chi trung thật hữu lạc thọ. Đại Bồ-tát dĩ khổ lạc tánh bất tương xả ly.

Nhờ nhân duyên ấy trong sanh tử thật có lạc thọ. Đại Bồ-tát đối với tính khổ, vui đều chẳng xa lìa,

是故說言一切皆苦。善男子。

Thị cố thuyết ngôn nhất thiết giai khổ. Thiện nam tử.

cho nên nói tất cả đều khổ. Thiện nam tử!

生死之中實無有樂。但諸佛菩薩隨順世間說言有樂。

Sanh tử chi trung thật vô hữu lạc. Đãn chư Phật Bồ-tát tùy thuận thế gian thuyết ngôn hữu lạc.

Trong sanh tử thật không có vui. Chỉ có Phật, Bồ-tát tùy thuận thế gian nói rằng có vui. 迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếpBồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Thế Tôn!

諸佛菩薩若隨俗說是虛妄否。如佛所說修行善者則受樂報。

Chư Phật Bồ-tát nương tùy tục thuyết thị hư vọng phủ. Như Phật sở thuyết tu hành thiện giả tắc thọ lạc báo。

Chư Phật, Bồ-tát nếu tùy thế tục mà nói như vậy có phải luống dối chăng? Như Phật đã nói tu tập điều thiện thì thọ được quả báo an vui.

持戒安樂身不受苦。乃至眾事已辦是為最樂。

Trì giới an lạc thân bất thọ khổ. Nãi chí chúng sự dĩ辦 thị vi tối lạc。

Người trì giới được an lạc thân không thọ khổ, cho đến các việc đều làm xong ấy là niềm vui tối thắng.

如是等經所說樂受是虛妄否。

Như thị đẳng Kinh sở thuyết lạc thọ thị hư vọng phủ。

Các Kinh như vậy đã nói về lạc thọ ấy là luống dối chăng?

若是虛妄諸佛世尊。久於無量百千萬億阿僧祇劫。

Nhược thị hư vọng chư Phật Thế tôn. Cửu ư vô lượng bách thiên vạn ức a tăng kì kiếp。

Nếu đây là luống dối thì chư Phật Thế Tôn đã ở nơi vô lượng trăm ngàn muôn ức A-tăng-kì kiếp,

修菩提道已離妄語。今作是說其義云何。佛言。

Tu bồ đề đạo dĩ ly vọng ngữ. Kim tác thị thuyết kỳ nghĩa vân hà. Phật ngôn。

tu đạo Bồ-đề đã xa lìa vọng ngữ. Nay làm sao nói ý nghĩa ấy? Phật dạy:

善男子。如上所說諸受樂偈即是菩提道之根本。

Thiện nam tử. Như thượng sở thuyết chư thọ lạc kệ tức thị bồ đề đạo chi căn bản。

Thiện nam tử! Như trên đã nói kệ về các thọ lạc, tức là căn bản đạo Bồ-đề,

亦能長養阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。

Diệc năng trường dưỡng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Dĩ thị nghĩa cố。

cũng có thể trường dưỡng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề, nhờ nghĩa đó,

先於經中說是樂相。善男子。

Tiên ư Kinh trung thuyết thị lạc tướng. Thiện nam tử。

trước ở trong Kinh nói tướng của lạc ấy. Thiện nam tử!

譬如世間所須資生能為樂因故名為樂。

Thí như thế gian sở tu tư sanh năng vi lạc nhân cố danh vi lạc。

Thí như tất cả những điều cần thiết của thế gian có thể làm người vui cho nên gọi là lạc.

所謂女色耽憫飲酒上饌甘味。渴時得水寒時遇火。

Sở vị nữ sắc đam miến ẩm tửu thượng soạn cam vị. Khát thời đắc thủy hàn thời ngộ hỏa.

Đó là đam mê nữ sắc, uống rượu, thức ăn ngon, mùi vị ngọt, lúc khát được nước, lúc lạnh được lửa,

衣服瓔珞象馬車乘奴婢僮僕。

Y phục anh lạc tượng mã xa thừa nô tì đồng bộc.

áo quần, anh lạc, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ, người hầu,

金銀琉璃珊瑚真珠倉庫穀米。

Kim ngân lưu ly san hô châu thương khố cốc mễ.

vàng, bạc, lưu ly, san hô, chơn châu, kho chứa lúa gạo,

如是等物世間所須能為樂因是名為樂。善男子。如是等物亦能生苦。

Như thị đẳng vật thế gian sở tu năng vi lạc nhân thị danh vi lạc。Thiện nam tử。Như thị đẳng vật diệc năng sanh khổ。

các vật cần có của thế gian như vậy có thể làm cho con người vui cho nên gọi là lạc.

Thiện nam tử! Các vật như vậy cũng có thể sanh ra khổ.

因於女人生男子苦。憂愁悲泣乃至斷命。

Nhân ư nữ nhân sanh nam tử khổ。Ưu sầu bi khắp nãi chí đoạn mạng。

Do vì nữ nhân mà sanh ra khổ của người nam, lo sầu, buồn khóc thậm chí đoạn mạng, 因酒甘味乃至倉穀。亦能令人生大憂惱。

Nhân tửu cam vị nãi chí thương cốc。Diệc năng lệnh nhân sanh Đại ưu não。

do mùi vị ngọt của rượu cho đến kho chứa lúa, cũng có thể khiến con người sanh ưu não lớn,

以是義故一切皆苦無有樂相。善男子。

Dĩ thị nghĩa cố nhất thiết giai khổ vô hữu lạc tướng。Thiện nam tử。

nhờ nghĩa đó cho nên tất cả đều khổ không có tướng vui。Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩於是八苦解苦無苦。善男子。

Đại Bồ-tát ư thị bát khổ giải khổ vô khổ。Thiện nam tử。

Đại Bồ-tát đối với tám khổ thoát khổ không còn khổ nữa。Thiện nam tử!

一切聲聞辟支佛等不知樂因。為如是人於下苦中說有樂相。

Nhất thiết thanh văn Bích chi Phật đẳng bất tri lạc nhân。Vi như thị nhân ư hạ khổ trung thuyết hữu lạc tướng。

Tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật v.v.. không biết nhân của vui vì người như vậy đối với điều khổ ở cõi dưới nói có tướng vui.

唯有菩薩住於大乘大般涅槃。

Duy hữu Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại bát Niết-bàn。

Chỉ có Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát Niết-bàn,

乃能知是苦因樂因。

Nãi năng tri thị khổ nhân lạc nhân。

mới có thể biết nhân của khổ và nhân của vui đó.

大般涅槃經卷第十二

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập nhị

Kinh Đại Bát Niết Bàn, Quyển Thứ Mười Hai.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:07:46 2006

Thích Nữ Hạnh Giải hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:07:46 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》 CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====
=====
=====
=====
=====
=====

大般涅槃經卷第十三

Đại bát Niết Bàn Kinh quyển đệ thập tam

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ MƯỜI BA

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Đời Bắc Lương, Tam Tạng Pháp Sư Đàm Vô Đấm, người Thiên Trúc dịch.

聖行品第七之三

Thánh hành phẩm đệ thất chi tam

PHẦN HAI, PHẨM THỨ BẢY: THÁNH HẠNH

善男子。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử!

云何菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃觀察集諦。善男子。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát trụ ư Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán sát tập đế 。 thiện nam tử 。
Thế nào là Đại Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán sát Tập đế? Này thiện nam tử!
菩薩摩訶薩觀此集諦是陰因緣。所謂集者還愛於有。愛有二種。

Bồ-tát Ma-Ha tát quán thử tập đế thị ấm nhân duyên 。 sở vị tập giả hoàn ái ư hữu 。 ái
hữu nhị chủng 。

Đại Bồ-tát quán sát Tập đế này là ấm nhân duyên. Tập nghĩa là trở lại ái luyến đối với
Hữu. Ái có hai thứ:

一愛己身。二愛所須。復有二種。

nhất ái kỷ thân 。 nhị ái sở tu 。 phục hữu nhị chủng 。

Một là ái thân mình, hai là ái đồ cần dùng. Lại có hai thứ:

未得五欲繫心專求。既求得已堪忍專著。復有三種。

vị đắc ngũ dục hệ tâm chuyên cầu 。 ký cầu đắc dĩ Kham nhẫn chuyên trú 。 phục hữu
tam chủng 。

đối với năm thứ dục lạc, lúc chưa được thì tâm tìm cầu, tìm cầu được rồi thì đắm trước. Lại
có ba thứ:

欲愛色愛無色愛。復有三種。

dục ái sắc ái vô sắc ái 。 phục hữu tam chủng 。

dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Lại có ba thứ:

業因緣愛煩惱因緣愛苦因緣愛。出家之人有四種愛。

nghiệp nhân duyên ái phiền não nhân duyên ái khổ nhân duyên ái 。 xuất gia chi nhân
hữu tứ chủng ái 。

Nghiệp nhân duyên ái, phiền não nhân duyên ái, khổ nhân duyên ái. Người xuất gia có
bốn thứ ái:

何等為四。衣服飲食臥具湯藥。復有五種。

hà đẳng vi tứ 。 y phục ẩm thực ngọa cụ thang dược 。 phục hữu ngũ chủng 。

Những gì là bốn? Y phục, ăn uống, dụng cụ ngồi nằm, thuốc thang. Lại có năm thứ:

貪著五陰隨諸所須一切愛著。

tham trước ngũ uẩn tùy chư sở tu nhất thiết ái trú 。

tham trước Ngũ ấm, chạy theo những nhu cầu, luyến ái đối với tất cả và

分別校計無量無邊。善男子。愛有二種。一者善愛二不善愛。

phân biệt giáo kế vô lượng vô biên 。 thiện nam tử 。 ái hữu nhị chủng 。 nhất giả thiện ái
nhị bất thiện ái 。

phân biệt tính toán vô lượng vô biên. Nay thiện nam tử! Ái có hai thứ: Một là ái thiện, hai là
ái bất thiện.

不善愛者。惟愚求之。善法愛者諸菩薩求。

bất thiện ái giả 。 duy ngu cầu chi 。 thiện Pháp ái giả chư Bồ-tát cầu 。

Ái bất thiện ấy chỉ có người ngu si tìm cầu, ái thiện là Bồ-tát tìm cầu.

善法愛者復有二種不善與善。

thiện Pháp ái giả phục hữu nhị chủng bất thiện dữ thiện 。

Ái pháp thiện lại có hai là thiện và bất thiện.

求二乘者名為不善。求大乘者是名為善。善男子。

cầu nhị thừa giả danh vi bất thiện 。 cầu Đại thừa giả thị danh vi thiện 。 thiện nam tử 。

Cầu Nhị thừa gọi là bất thiện, cầu Đại thừa gọi là thiện. Nay thiện nam tử!

凡夫愛者名之為集。不名為諦。

phàm phu ái giả danh chi vi tập 。 bất danh vi đế 。

Phàm phu ái gọi là Tập không gọi là Đế.

菩薩愛者名之實諦不名為集。何以故。為度眾生所以受生。

Bồ-tát ái giả danh chi thật đế bất danh vi tập 。 hà dĩ cố 。 vi độ chúng sanh sở dĩ thọ sanh
。

Bồ-tát ái gọi là thật đế không gọi là tập đế. Vì sao vậy? Vì Bồ-tát muốn độ chúng sanh mà
thọ sanh

不以愛故而受生也。迦葉菩薩白佛言。世尊。

bất dĩ ái cố nhi thọ sanh dã 。 Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

chứ không phải vì ái mà thọ sanh. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

如佛世尊。於餘經中為諸眾生說業為因緣。

như Phật Thế tôn 。 ư dư Kinh trung vi chư chúng sanh thuyết nghiệp vi nhân duyên 。

Như Phật Thế Tôn nói trong các kinh khác, chúng sanh do nghiệp làm nhân duyên,

或說憍慢。或說六觸。或說無明。

hoặc thuyết kiêu mạn 。 hoặc thuyết lục xúc 。 hoặc thuyết vô minh 。

hoặc nói do kiêu mạn, hoặc nói vô minh làm nhân duyên

為五盛陰而作因緣。今以何義說四聖諦。

vi ngũ thịnh uẩn nhi tác nhân duyên 。 kim dĩ hà nghĩa thuyết tứ Thánh đế 。
 mà có ngũ ấm xí thịnh. Hôm nay do nghĩa gì mà Thế Tôn nói bốn Thánh đế
 獨以愛性為五陰因。佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。善男子。
 độc dĩ ái tánh vị ngũ uẩn nhân 。 Phật tán Ca-diếp Bồ-tát 。 Thiện tai Thiện tai 。 thiện
 nam tử 。
 duy chỉ lấy ái làm nhân duyên cho ngũ ấm? Phật khen Ca-diếp: Hay thay! Hay thay! Nay
 thiện nam tử!
 如汝所說。諸因緣者非為非因。
 như như sở thuyết 。 chư nhân duyên giả phi vi phi nhân 。
 Đúng như lời ông nói, các nhân duyên chẳng phải làm cũng chẳng phải nhân,
 但是五陰要因於愛。善男子。譬如大王若出遊巡。
 dẫn thị ngũ uẩn yếu nhân ư ái 。 thiện nam tử 。 thí như Đại Vương nhược xuất du tuần 。
 chỉ vì ngũ ấm cần phải nhân nơi ái. Nay thiện nam tử! Thí như Đại vương khi ra ngoài đi
 tuần tra
 大臣眷屬悉皆隨從。愛亦如是隨愛行處。
 Đại Thần quyến chúc tất giai tùy tòng 。 ái diệc như thị tùy ái hành xứ 。
 các quan quyến thuộc hết thầy phải theo hầu. Cũng vậy, ái đi đến chỗ nào
 是諸結等亦復隨行。譬如膩衣隨有塵著著則隨住。
 thị chư kết đẳng diệc phục tùy hành 。 thí như nị y tùy hữu trần trước trước tắc tùy trụ 。
 thì các kiết sử cũng đi theo. Thí như y phục thấm mồ hôi, bụi bay đến liền bám dính.
 愛亦如是隨所愛處業結亦住。復次善男子。
 ái diệc như thị tùy sở ái xứ nghiệp kết diệc trụ 。 phục thứ thiện nam tử 。
 Cũng vậy, chỗ nào có ái những nghiệp kiết cũng ở đó. Lại nữa, nay thiện nam tử!
 譬如濕地則能生牙。
 thí như thấp địa tắc năng sanh nha 。
 Thí như đất ẩm ướt thì có thể mọc mầm.
 愛亦如是能生一切業煩惱牙。善男子。
 ái diệc như thị năng sanh nhất thiết nghiệp phiền não nha 。 thiện nam tử 。
 Ái cũng như vậy, có thể sanh hết thầy mầm nghiệp phiền não. Nay thiện nam tử!
 菩薩摩訶薩住是大乘大般涅槃深觀此愛。凡有九種。一如債有餘。

Bồ-tát Ma-Ha tát trụ thị Đại thừa Đại Bát-niết-bàn thâm quán thử ái 。 phàm hữu cửu chủng 。 nhất như trái hữu dư 。

Đại Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn đó để quán sát thâm sâu ái này, phàm có chín thứ: Một là như thiếu nợ,

二如羅剎女婦。三如妙花莖中有毒蛇纏之。

nhị như La sát nữ phụ 。

tam như diệp hoa hành trung hữu độc xà thiên chi 。

hai là như vợ La-sát, ba là như trong cọng hoa đẹp có rắn độc vấn,

四如惡食性所不便而強食之。五如姪女。

tứ như ác thực tánh sở bất tiện nhi cường thực chi 。

ngũ như dâm nữ 。

bốn là thức ăn có tánh độc chẳng nên ăn mà cố ăn, năm là như dâm nữ,

六如摩樓迦子。七如瘡中息肉。八如暴風。

lục như ma lâu ca tử 。

thất như sang trung tức nhục 。

bát như bạo phong 。

sáu là như hột ma-lâu-ca, bảy là như thịt thúi trong mụn nhọt, tám là như gió bão,

九如彗星。云何名為如債有餘。善男子。

cửu như tuệ tinh 。

vân hà danh vi như trái hữu dư 。

thiện nam tử 。

chín là như sao chổi. Thế nào gọi là như thiếu nợ?

譬如窮人負他錢財。雖償欲畢餘未畢故。

thí như cùng nhân phụ tha tiến tài 。

tuy thường dục tất dư vị tất cố 。

Thí như người nghèo hèn thiếu tiền của người khác, dầu đã trả nợ mà vẫn còn thiếu,

猶繫在獄而不得脫。聲聞緣覺亦復如是。

do hệ tại ngục nhi bất đắc thoát 。

Thanh Văn, Duyên Giác diệc phục như thị 。

nên bị nhốt vào trong ngục không được thoát. Thanh văn, Duyên giác cũng lại như vậy,

以有愛習之餘氣故。

dĩ hữu ái tập chi dư khí cố 。

do tập khí của ái còn dư tàn nên

不能得成阿耨多羅三藐三菩提。善男子。是名如債有餘。善男子。

bất năng đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

thiện nam tử 。

thị danh như trái

hữu dư 。

thiện nam tử 。

không thể đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây thiện nam tử! Đó gọi là như

thiếu nợ. Đây thiện nam tử!

云何如羅剎女婦。善男子。

vân hà như La sát nữ phụ 。 thiện nam tử 。

Thế nào gọi là như vợ La-sát? Đây thiện nam tử!

譬如有人以羅刹女而為婦妾。是羅刹女隨所生子生已便噉子。

thí như hữu nhân dĩ La sát nữ nhi vi phụ thiếp 。 thị La sát nữ tùy sở sanh tử sanh dĩ tiện đạm tử 。

Thí như có người lấy nữ La-sát làm vợ. Nữ La-sát đó sanh con xong rồi lại ăn thịt con, 既盡已復噉其夫。善男子。愛羅刹女亦復如是。

ký tận dĩ phục đạm kỳ phu 。 thiện nam tử 。

ái La sát nữ diệc phục như thị 。

ăn thịt con xong lại ăn luôn thịt chồng. Đây thiện nam tử! Nữ ái La-sát cũng lại như vậy, 隨諸眾生善根子隨生隨食。

tùy chư chúng sanh sanh thiện căn tử tùy sanh tùy thực 。

theo các chúng sanh có sanh căn lành nó liền ăn,

善子既盡復噉眾生。令墮地獄畜生餓鬼。唯除菩薩。

thiện tử ký tận phục đạm chúng sanh 。

linh đọa Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ 。

duy trừ Bồ-tát 。

ăn hết thiện căn rồi lại ăn nuốt luôn chúng sanh, làm cho đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chỉ trừ các vị Bồ-tát.

是名如羅刹女婦。善男子。

thị danh như La sát nữ phụ 。

Đó gọi là vợ La-sát. Đây thiện nam tử!

云何如妙花莖毒蛇纏之。譬如有人性愛好花。

vân hà như diệu hoa hành độc xà triển chi 。

thí như hữu nhân tánh ái hảo hoa 。

Thế nào gọi là cành hoa đẹp có rắn độc quấn? Thí như có người thích hoa đẹp

不見花莖毒蛇過患即便前捉。捉已蛇螫螫已命終。

bất kiến hoa hành độc xà quá hoạn tức tiện tiền tróc 。

tróc dĩ xà thích thích dĩ mạng chung 。

mà chẳng thấy cành hoa có rắn độc đáng lo sợ, liền đến ngắt hoa bị rắn cắn chết.

一切凡夫亦復如是。

nhất thiết phàm phu diệc phục như thị 。

Hết thầy phàm phu cũng lại như vậy,

貪五欲花不見是愛毒蛇過患而便受取。即為愛毒之所蠍螫。

tham ngũ dục hoa bất kiến thị ái độc xà quá hoạn nhi tiện thọ thủ 。 tức vi ái độc chi sở hiết thích 。

vì tham hoa ngũ dục mà chẳng thấy độc hại của ái nên bị ái làm hại, tức là bị nhiễm nọc độc của ái,

命終墮於三惡道中。唯除菩薩。是名如妙花莖毒蛇纏之。

mạng chung đọa ư tam ác đạo trung 。 duy trừ Bồ-tát 。 thị danh như diệu hoa hành độc xà triền chi 。

sau khi chết đọa vào trong ba đường ác, chỉ trừ các vị Bồ-tát. Đó gọi là cành hoa đẹp bị rắn độc quấn.

善男子。云何所不便食而強食之。

thiện nam tử 。 vân hà sở bất tiện thực nhi cường thực chi 。

Này thiện nam tử! Thế nào là thức ăn không nên ăn mà cố ăn?

譬如有人所不便食而強食之。食已腹痛患下而死。

thí như hữu nhân sở bất tiện thực nhi cường thực chi 。 thực dĩ phúc thống hoạn hạ nhi tử 。

Thí như có người gặp những thức ăn chẳng nên ăn mà cố ăn, ăn xong rồi đau bụng thổ tả mà chết.

愛食亦爾。五道眾生強食貪著。

ái thực diệc nhĩ 。 ngũ đạo chúng sanh cường thực tham trước 。

Thức ăn ái cũng vậy, chúng sanh trong năm đường vì cố đắm trước vào thức ăn ái,

以是因緣墮三惡道。唯除菩薩。是名所不便食而強食之。

dĩ thị nhân duyên đọa tam ác đạo 。 duy trừ Bồ-tát 。 thị danh sở bất tiện thực nhi cường thực chi 。

do nhân duyên đó mà đọa vào ba đường ác, chỉ trừ các vị Bồ-tát. Đó gọi là chỗ chẳng đáng ăn mà cố ăn.

善男子。云何婬女。譬如愚人與婬女通。

thiện nam tử 。 vân hà dâm nữ 。 thí như ngu nhân dữ dâm nữ thông 。

Này thiện nam tử! Thế nào là dâm nữ? Thí như người ngu si tư thông với dâm nữ,

而彼婬女巧作種種諂媚現親。悉奪是人所有錢財。

nhi bỉ dâm nữ xảo tác chủng chủng siểm mị hiện thân 。 tất đoạt thị nhân sở hữu tiền tài 。

bị người nữ kia giả làm thân gần đủ thứ nịnh hót, chiếm đoạt hết tất cả tài sản của người kia,

錢財既盡便復驅逐。愛之姪女亦復如是。

tiền tài ký tận tiện phục khu trục 。 ái chi dâm nữ diệc phục như thị 。

tiền của hết rồi liền đuổi ra khỏi nhà. Dâm nữ ái cũng lại như vậy,

愚人無智與之交通。

ngu nhân vô trí dữ chi giao thông 。

người ngu không có trí tuệ nên thông giao với dâm nữ,

而是愛女奪其所有一切善法。善法既盡驅逐令墮三惡道中。

nhi thị ái nữ đoạt kỳ sở hữu nhất thiết thiện Pháp 。 thiện Pháp ký tận khu trục lệnh đọa tam ác đạo trung 。

mà bị ái nữ đoạt tất cả pháp lành, pháp lành hết rồi liền bị xua đuổi mà rơi vào trong ba đường ác,

唯除菩薩。是名姪女。善男子。云何摩樓迦子。

duy trừ Bồ-tát 。 thị danh dâm nữ 。 thiện nam tử 。 vân hà ma lâu ca tử 。

Chỉ trừ các vị Bồ-tát. Đó gọi là dâm nữ. Này thiện nam tử! Thế nào gọi là như hột ma-lâu-ca?

譬如摩樓迦子若鳥食已隨糞墮地。

thí như ma lâu ca tử nhược điều thực dĩ tùy phần đọa địa 。

Thí như chim ăn hột ma-lâu-ca, ăn rồi phân rớt xuống đất,

或因風吹來在樹下即便生長。纏繞縛束尼拘陀樹。

hoặc nhân phong xuy lai tại thụ hạ tức tiện sanh trường 。 triền nhiễu phược thúc ni câu đà thụ 。

hoặc nhân gió thổi rớt xuống gốc cây liền mọc lên, đeo vắn vào thân cây Ni-câu-đà

令不增長遂至枯死。愛摩樓迦子亦復如是。

linh bất tăng trưởng toại chí khô tử 。

ái ma lâu ca tử diệc phục như thị 。

làm cho chẳng tăng trưởng mà đi đến khô héo. Hột ái ma-lâu-ca cũng lại như vậy,

纏縛凡夫所有善法。不令增長遂至枯滅。

triền phược phàm phu sở hữu thiện Pháp 。 bất linh tăng trưởng toại chí khô diệt 。

tham ái ràng buộc phàm phu làm cho pháp lành không tăng trưởng, dẫn đến khô héo chết mất.

既枯滅已命終之後墮三惡道。唯除菩薩。

ký khô diệt dĩ mạng chung chi hậu đọa tam ác đạo 。 duy trừ Bồ-tát 。

đã khô héo chết rồi rồi, sau khi chết rơi vào trong ba đường ác, chỉ trừ các vị Bồ-tát.

是名摩樓迦子。善男子。云何瘡中息肉。

thị danh ma lâu ca tử 。

Đó gọi là như hột ma-lâu-ca. Này thiện nam tử! Thế nào gọi là như thịt thúi trong mụn nhọt?

如人久瘡中生息肉。其人要當勤心療治莫生捨心。

như nhân cửu sang trung sanh tức nhục 。

Thí như người bị ung nhọt, lâu ngày trong nhọt sanh ra cục thịt thúi. Người đó cần phải chuyên tâm chạy chữa, chớ để tâm xao lãng.

若生捨心瘡息增長虫疽復生。

nhược sanh xả tâm sang tức tăng trường trùng thư phục sanh 。

Nếu để tâm xao lãng, thì thịt thúi sanh trùng,

以是因緣即便命終。凡夫愚人五陰瘡痍亦復如是。

dĩ thị nhân duyên tức tiện mạng chung 。

do nhân duyên đó mà chết. Mụn nhọt ngũ ấm của phàm phu ngu si cũng lại như vậy,
愛於其中而為息肉。應當勤心療治愛息。

ái ư kỳ trung nhi vi tức nhục 。

ái ở trong người đó mà sanh cục thịt, phải nên chuyên tâm trị liệu bệnh ái.

若不治者命終即墮三惡道中。唯除菩薩。

nhược bất trị giả mạng chung tức đọa tam ác đạo trung 。

Nếu người ấy không trị, sau khi chết liền rơi vào trong ba đường ác, chỉ trừ các vị Bồ-tát.
是名瘡中息肉。善男子。云何暴風。

thị danh sang trung tức nhục 。

Đó gọi là như thịt thúi trong mụn nhọt. Này thiện nam tử! Thế nào gọi là như gió bão?

譬如暴風能偃山移岳拔深根栽。愛暴大風亦復如是。

thí như bạo phong năng yển sơn di nhạc bạt thâm căn tài 。

Thí như gió bão có thể làm lở núi, ngã cây, nhổ cắt gốc sâu. Gió bão lớn của ái cũng lại như vậy,
 於父母所而生惡心。
 ư phụ mẫu sở nhi sanh ác tâm 。
 tham ái sanh tâm ác đối với cha mẹ,
 能拔大智舍利弗等無上深固菩提根栽。唯除菩薩。是名暴風。
 năng bạt Đại trí Xá lợi Phất đẳng vô thượng thâm cố Bồ-đề căn tài 。 duy trừ Bồ-tát 。 thị danh bạo phong 。
 có thể làm ngã trốc cội Vô thượng Bồ-đề của các ngài như Xá Lợi Phất v.v. chỉ trừ các vị Bồ-tát. Đó gọi là như gió bão.
 善男子。云何如彗星。
 thiện nam tử 。 vân hà như tuệ tinh 。
 Này thiện nam tử! Thế nào gọi là như sao chổi?
 譬如彗星出現天下一切人民飢饉病瘦癯諸苦惱。愛之彗星亦復如是。
 thí như tuệ tinh xuất hiện Thiên hạ nhất thiết nhân dân cơ cận bệnh sấu anh chư khổ não 。 ái chi tuệ tinh diệc phục như thị 。
 Thí như sao chổi xuất hiện thì trong thiên hạ hết thầy nhân dân đều sẽ bị đói khát, bệnh tật, gầy yếu, đủ các phiền não. Sao chổi ái cũng lại như vậy,
 能斷一切善根種子。
 năng đoạn nhất thiết thiện căn chủng tử 。
 có thể đoạn hết thầy hạt giống lành
 令凡夫人孤窮飢饉生煩惱病。流轉生死受種種苦。唯除菩薩。
 linh phàm phu nhân cô cùng cơ cận sanh phiền não bệnh 。 lưu chuyển sanh tử thọ chủng chủng khổ 。 duy trừ Bồ-tát 。
 làm cho người phàm phu cô quạnh, nghèo hèn, đói khát sanh bệnh phiền não, lưu chuyển trong dòng sanh tử chịu đủ thứ khổ não, chỉ trừ các vị Bồ-tát.
 是名彗星。善男子。
 thị danh tuệ tinh 。 thiện nam tử 。
 Đó gọi là như sao chổi. Này thiện nam tử!
 菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃。觀察愛結如是九種。善男子。

Bồ-tát Ma-Ha tát trụ ư Đại thừa Đại Bát-niết-bàn 。 quan sát ái kết như thị cứu chủng 。
thiện nam tử 。

Đại Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn, quán sát tham ái có chín thứ như vậy. Nay
thiện nam tử!

以是義故諸凡夫人有苦無諦。

dĩ thị nghĩa cố chư phàm phu nhân hữu khổ vô đế 。

Do nghĩa đó, nên những người phàm phu có khổ, không đế.

聲聞緣覺有苦有苦諦而無真實。諸菩薩等解苦無苦。

Thanh Văn, Duyên Giác hữu khổ hữu khổ đế nhi vô chân thật 。

chư Bồ-tát đẳng giải khổ
vô khổ 。

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có khổ, có khổ đế nhưng không chân thật. Các vị Bồ-tát đã
hiểu rõ khổ, không khổ,

是故無苦而有真實。諸凡夫人有集無諦。

thị cố vô khổ nhi hữu chân thật 。

chư phàm phu nhân hữu tập vô đế 。

cho nên không khổ mà có chân thật. Hàng phàm phu có tập không có đế.

聲聞緣覺有集有集諦。諸菩薩等解集無集。

Thanh Văn, Duyên Giác hữu tập hữu tập đế 。

chư Bồ-tát đẳng giải tập vô tập 。

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có tập, có tập đế. Hàng Bồ-tát hiểu rõ tập, không tập,

是故無集而有真諦。聲聞緣覺有滅非真。

thị cố vô tập nhi hữu chân đế 。

Thanh Văn, Duyên Giác hữu diệt phi chân 。

cho nên không tập mà có chân đế. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có diệt mà chẳng phải
chân.

菩薩摩訶薩有滅有真諦。聲聞緣覺有道非真。

Bồ-tát Ma-Ha tát hữu diệt hữu chân đế 。

Thanh Văn, Duyên Giác hữu đạo phi chân 。

Đại Bồ-tát có Diệt, có Chân đế. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có Đạo chẳng phải chân.

菩薩摩訶薩有道有真諦。

Bồ-tát Ma-Ha tát hữu đạo hữu chân đế 。

Đại Bồ-tát có Đạo có Chân đế.

善男子。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử!

云何菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃見滅見滅諦。所謂斷除一切煩惱。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát trụ ư Đại thừa Đại Bát-niết-bàn kiến diệt kiến diệt đế 。 sở vị đoạn trừ nhất thiết phiền não 。

Thế nào là Đại Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn thấy Diệt và Diệt đế? Đó là Bồ-tát đoạn trừ hết thảy phiền não.

若煩惱斷則名為常。滅煩惱火則名寂滅。

nhược phiền não đoạn tắt danh vi thường 。 diệt phiền não hỏa tắt danh tịch diệt 。

Nếu đoạn hết phiền não thì gọi là thường. Lửa phiền não tắt thì gọi là tịch diệt.

煩惱滅故則得受樂。諸佛菩薩求因緣故故名為淨。

phiền não diệt cố tắc đắc thọ lạc 。 chư Phật Bồ-tát cầu nhân duyên cố cố danh vi tịnh 。

Vì phiền não diệt thì được gọi là thọ lạc. Chư Phật Bồ-tát do nhân duyên nguyện cầu nên gọi là tịnh,

更不復受二十五有故名出世。

canh bất phục thọ nhị thập ngũ hữu cố danh xuất thế 。

lại chẳng còn thọ thân trong hai mươi lăm cõi nên gọi là xuất thế.

以出世故名為我常。於色聲香味觸男女生住滅。

dĩ xuất thế cố danh vi ngã thường 。

ư sắc thanh hương vị xúc nam nữ sanh trụ diệt 。

Do xuất thế nên gọi là ngã, là thường. Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, nam, nữ, sanh, trụ, diệt,

苦樂不苦不樂不取相貌。故名畢竟寂滅真諦。善男子。

khổ lạc bất khổ bất lạc bất thủ tướng mạo 。

苦樂不苦不樂不取相貌。故名畢竟寂滅真諦。善男子。

Bồ-tát như thị trụ ư Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán diệt Thánh đế 。

Bồ-tát như vậy trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán sát Diệt Thánh đế.

善男子。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử!

云何菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃觀道聖諦。善男子。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán đạo Thánh đế 。 thiện nam tử 。

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán Đạo Thánh đế? Này thiện nam tử!

譬如闇中因燈得見麤細之物。菩薩摩訶薩亦復如是。

thí như ám trung nhân đặng đăc kiến thô tế chi vật 。 Bồ-tát Ma-Ha tát diệc phục như thị 。

Thí như trong bóng tối, nhân có đèn mà thấy đưọc các vật lớn nhỏ. Đại Bồ-tát cũng lại như vậy,

住於大乘大般涅槃因八聖道見一切法。

trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn nhân bát Thánh đạo kiến nhất thiết Pháp 。

trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn nhân Bát Thánh đạo mà thấy tất cả Pháp:

所謂常無常有為無為。有眾生非眾生物非物。

sở vị thường vô thường hữu vi vô vi 。

hữu chúng sanh phi chúng sanh vật phi vật 。

thường, vô thường, hữu vi, vô vi, có chúng sanh, phi chúng sanh, vật phi vật,

苦樂我無我淨不淨。煩惱非煩惱業非業。實不實乘非乘。

khổ lạc ngã vô ngã tịnh bất tịnh 。

phiền não phi phiền não nghiệp phi nghiệp 。

thật, phi thật, thừa, phi thừa 。

tri bất tri Đà-la phiếu phi Đà-la phiếu 。

tri, phi tri, đà-la-phiên, phi đà-la-phiên, cầu-na phi cầu-na,

見非見色非色道非道解非解。善男子。

kiến phi kiến sắc phi sắc đạo phi đạo giải phi giải 。

thiện nam tử 。

kiến, phi kiến, sắc, phi sắc, đạo, phi đạo, giải, phi giải. Này thiện nam tử!

菩薩如是住於大乘大般涅槃觀道聖諦。

Bồ-tát như thị trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán đạo Thánh đế 。

Đó là Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán Đạo Thánh đế.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn 。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

若八聖道是道聖諦義不相應。何以故。

nhược bát Thánh đạo thị đạo Thánh đế nghĩa bất tương ứng 。 hà dĩ cố 。

Nếu tám Thánh đạo là Đạo Thánh đế thì nghĩa không tương ứng. Vì sao vậy?

如來或說信心為道能度諸漏。或時說道不放逸是。

Như Lai hoặc thuyết tín tâm vị đạo năng độ chư lậu 。 hoặc thời thuyết đạo bất phóng dật thị 。

Như Lai hoặc nói lòng tin là đạo, có thể thoát khỏi các phiền não, hoặc có khi nói đạo là không phóng dật.

諸佛世尊不放逸故得阿耨多羅三藐三菩提。

chư Phật Thế Tôn bất phóng dật cố đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Các Phật Thế Tôn do chẳng phóng dật nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,亦是菩薩助道之法。或時說言精進是道。如告阿難。

diệt thị Bồ-tát trợ đạo chi Pháp 。 hoặc thời thuyết ngôn tinh tấn thị đạo 。 như cáo A-nan 。

và cũng là pháp trợ đạo của Bồ-tát. Hoặc khi Thế Tôn nói rằng tinh tấn là đạo, như nói với A-nan rằng

若有人能勤修精進則得成於阿耨多羅三藐三菩

nhược hữu nhân năng tinh cần tu tinh tấn tắc đắc thành ư a nậu đa-la tam miểu tam bồ nếu có người năng tinh cần tu tinh tấn là được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

提。或時說言觀身念處。

đề 。 hoặc thời thuyết ngôn quán thân niệm xử 。

Hoặc khi nói quán thân niệm xử,

若有繫心精勤修習是身念處。則得成於阿耨多羅三藐三菩提。

nhược hữu hệ tâm tinh cần tu tập thị thân niệm xử 。

hoặc nói buộc tâm tinh cần tu tập thân niệm xử thì chứng thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

或時說言正定為道如告大德摩訶迦葉。

hoặc thời thuyết ngôn chánh định vi đạo như cáo Đại Đức Ma ha Ca-diếp 。

Hoặc khi Thế Tôn nói chánh định là đạo, như nói với Đại đức Ma-ha Ca-diếp rằng,
夫正定者真實是道。非不正定而是道也。

phu chánh định giả chân thật thị đạo 。 phi bất chánh định nhi thị đạo dã 。

chánh định ấy là đạo chân thật, chẳng phải không chánh định là đạo vậy.

若入正定乃能思惟五陰生滅。非不入定能思惟也。

nhược nhập chánh định nãi năng tư duy ngũ uẩn sanh diệt 。

phi bất nhập định năng tư duy dã 。

Nếu nhập chánh định mới có thể tư duy về sự sanh diệt của ngũ ấm, không nhập chánh định thì không thể có tư duy vậy.

或說一法若人修。

hoặc thuyết nhất Pháp nhược nhân tu 。

Hoặc Thế Tôn nói một pháp, nếu người nào tu tập

習能淨眾生滅除一切憂愁苦惱。速得正法所謂念佛三昧。

tập năng tịnh chúng sanh diệt trừ nhất thiết ưu sầu khổ não 。

đãi đắc chánh Pháp sở vị niệm Phật tam muội 。

có thể làm thanh tịnh chúng sanh, diệt trừ hết thảy sầu bi khổ ưu não, chứng được Chánh pháp, tức là niệm Phật Tam-muội.

或復說言修無常想是名為道。

hoặc phục thuyết ngôn tu vô thường tưởng thị danh vi đạo 。

Hoặc Thế Tôn lại nói tu quán tưởng vô thường thị gọi là đạo,

如告比丘有能多修無常想者。能得阿耨多羅三藐三菩提。

như cáo Tỳ-kheo hữu năng đa tu vô thường tưởng giả 。

năng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

như bảo với Tỳ-kheo: người nào tu quán tưởng nhiều về vô thường, có thể đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

或說空寂阿蘭若處獨坐思惟。

hoặc thuyết không tịch a lan nhược xử độc tọa tư duy 。

Hoặc Thế Tôn nói nếu một mình ngồi tư duy ở nơi trống vắng tịch mịch

能得速成阿耨多羅三藐三菩提。或時說言為人演法是名為道。

năng đắc tốc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

hoặc thời thuyết ngôn vị nhân diễn Pháp thị danh vi đạo 。

có thể nhanh chóng thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hoặc khi Thế Tôn nói rằng vì người khác thuyết Pháp, đó gọi là đạo.

若聞法已疑網即斷。

nhược văn Pháp dĩ nghi võng tức đoạn 。

Nếu người nghe pháp xong liền dứt được lưới nghi,
疑網斷已則得阿耨多羅三藐三菩提。或時說言持戒是道。

nghi võng đoạn dĩ tắc đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

hoặc thời thuyết ngôn trì giới thị đạo 。

lưới nghi dứt thì được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hoặc khi Thế Tôn nói trì giới là đạo,

如告阿難若有精勤修持禁戒。是人則度生死大苦。

như cáo A-nan nhược hữu tinh tinh cần tu trì cấm giới 。

thị nhân tắc độ sanh tử Đại khổ 。

như bảo A-nan: nếu có người tinh tinh cần tu trì cấm giới, thì người đó có thể thoát khỏi khổ lớn sanh tử.

或時說言親近善友是名為道。如告阿難。

hoặc thời thuyết ngôn thân cận thiện hữu thị danh vi đạo 。

như cáo A-nan 。

Hoặc khi Thế Tôn nói gần gũi bạn lành thì gọi là đạo, như bảo A-nan:

若有親近善知識者則具淨戒。

nhược hữu thân cận thiện tri thức giả tắc cụ tịnh giới 。

nếu có gần gũi thiện tri thức thì người ấy đầy đủ tịnh giới.

若有眾生能親近我。則得發於阿耨多羅三藐三菩提心。

nhược hữu chúng sanh năng thân cận ngã 。

tắc đắc phát ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

Nếu có chúng sanh thường thân gần Ta thì được phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

或時說言修慈是道。

hoặc thời thuyết ngôn tu từ tâm là đạo 。

Hoặc khi Thế Tôn nói tu từ tâm là đạo,

修學慈者斷諸煩惱得不動處。或時說言智慧是道。

tu học từ giả đoạn chư phiền não đắc bất động xử 。 hoặc thời thuyết ngôn trí tuệ thị đạo
。

thì người tu học tâm từ ấy đoạn trừ hết thầy phiền não đạt đến chỗ Bất động. Hoặc khi
Thế Tôn nói trí tuệ là đạo,

如佛昔為波闍波提比丘尼說姊妹。

như Phật tích vi a xà ba đề Tỳ-kheo ni thuyết tỉ muội 。

như Phật xưa vì Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề mà nói: Này các Tỳ-kheo-ni!

如諸聲聞以智慧刀能斷諸流諸漏煩惱。或時如來說施是道。

như chư Thanh Văn dĩ trí tuệ đao năng đoạn chư lưu chư lậu phiền não 。

hoặc thời Như
Lai thuyết thí thị đạo 。

Như các Thanh Văn dùng đao trí tuệ có thể chặt đứt các phiền não hữu lậu. Hoặc khi Như
Lai nói bố thí là đạo,

如佛往昔告波斯匿王。大王。

như Phật vãng tích cáo Ba Tư Nặc Vương 。

Đại Vương 。

như Phật xưa bảo vua Ba-tư-nặc rằng: Này Đại Vương!

當知我於往昔多行惠施。

đương tri ngã ư vãng tích đa hành huệ thí 。

Nên biết Ta xưa làm nhiều việc nhân từ bố thí,

以是因緣今日得成阿耨多羅三藐三菩提。世尊。若八聖道是道諦者。

dĩ thị nhân duyên kim nhật đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Thế Tôn 。

nhược
bát Thánh đạo thị đạo đế giả 。

do nhân duyên đó mà hôm nay Ta được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát Thánh đạo là Đạo đế thì

如是等經豈非虛妄。若彼諸經非虛妄者。

như thị đẳng Kinh khởi phi hư vọng 。

nhược bỉ chư Kinh phi hư vọng giả 。

các kinh như vậy sao không phải hư dối. Nếu các Kinh kia không phải hư dối

彼中何緣不說八道為道聖諦。

bỉ trung hà duyên bất thuyết bát đạo vi đạo Thánh đế 。

thì vì duyên gì trong các Kinh ấy không nói Tám chánh đạo là Đạo Thánh đế?

若彼不說如來往昔何故錯謬。然我定知諸佛如來久離錯謬。

nhược bĩ bất thuyết Như Lai vãng tích hà cố thác mậu 。 nhiên ngã định tri chư Phật Như Lai cứu ly thác mậu 。

Nếu những Kinh đó chẳng nói, có phải Như Lai xưa làm lẫn chẳng? Nhưng con biết quyết định chư Phật Như Lai từ lâu đã xa lìa làm lẫn.

爾時世尊讚迦葉菩薩。善哉善哉。善男子。

nhĩ thời Thế Tôn tán Ca-diếp Bồ-tát 。 Thiện tai Thiện tai 。 thiện nam tử 。

Lúc bấy giờ Thế Tôn khen Bồ-tát Ca-diếp: Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử!

汝今欲知菩薩大乘微妙經典所有祕密故作

nhữ kim dục tri Bồ-tát Đại thừa vi diệu Kinh điển sở hữu bí mật cố tác

Ông nay muốn biết Kinh điển vi diệu của Bồ-tát Đại thừa có Bí Tạng nên hỏi như vậy.

是問。善男子。如是諸經悉入道諦。善男子。

thị vấn 。 thiện nam tử 。

Này thiện nam tử! Những Kinh đó hết thầy đều vào trong Đạo đế. Này thiện nam tử!

如我所說若有信道。如是信道是信根本。

như ngã sở thuyết nhược hữu tín đạo 。 như thị tín đạo thị tín căn bản 。

Như chỗ ta nói lòng tin là đạo. Lòng tin đó là tín căn

是能佐助菩提之道。是故我說無有錯謬。

thị năng tá trợ Bồ-đề chi đạo 。 thị cố ngã thuyết vô hữu thác mậu 。

có thể trợ giúp cho đạo Bồ-đề, vì thế Ta nói không làm lẫn.

善男子。如來善知無量方便欲化眾生。

thiện nam tử 。

Như Lai khéo biết vô lượng phương tiện vì muốn giáo hóa chúng sanh
故作如是種種說法。善男子。

cố tác như thị chủng chủng thuyết Pháp 。

thiện nam tử 。

譬如良醫識諸眾生種種病原。隨其所患而為合藥并藥所禁。

thí như lương y thức chư chúng sanh chủng chủng bệnh nguyên 。 tùy kỳ sở hoạn nhi vi hợp dược tinh dược sở cấm 。

Thí như lương y biết các căn bệnh của chúng sanh, tùy theo bệnh của họ mà hòa trộn các loại thuốc, thuốc nào được uống, thuốc nào cấm uống,

唯水一種不在禁例。或服薑水。或甘草水。

duy thủy nhất chủng bất tại cấm lệ 。 hoặc phục khương thủy 。 hoặc cam thảo thủy 。
chỉ có nước là loại duy nhất không cấm triệt hoàn toàn. Hoặc cho uống nước gừng, hoặc
uống nước cam thảo,

或細辛水。或黑石蜜水。或阿摩勒水。

hoặc tế tân thủy 。 hoặc hắc thạch mật thủy 。 hoặc a ma lặc thủy 。

hoặc uống nước tế-tân, hoặc uống nước đường phèn, hoặc uống nước a-ma-lặc,
或尼婆羅水。或鉢耨羅水。或服冷水。或服熱水。

hoặc ni bà la thủy 。 hoặc bát trú la thủy 。 hoặc phục lãnh thủy 。 hoặc phục nhiệt thủy 。

hoặc uống nước ni-bà-la, hoặc uống nước bát-trú-la, hoặc uống nước lạnh, hoặc uống
nước nóng,

或蒲萄水。或安石榴水。善男子。

hoặc bồ đào thủy 。 hoặc an thạch lưu thủy 。 thiện nam tử 。

hoặc uống nước nho, hoặc uống nước an thạch lưu. Này thiện nam tử!

而是良醫善知眾生所患。種種藥雖多禁水不在例。

nhi thị lương y thiện tri chúng sanh sở hoạn 。 chủng chủng dược tuy đa cấm thủy bất tại
lệ 。

Vị lương y ấy khéo biết căn bệnh của chúng sanh, tuy thuốc có nhiều loại cấm kỵ, nhưng
chỉ nước là hoàn toàn không cấm.

如來亦爾善知方便。

Như Lai diệc nhĩ thiện tri phương tiện 。

Như Lai cũng vậy, khéo biết các phương tiện,

於一法相隨諸眾生分別廣說種種名相。彼諸眾生隨所說受。

ư nhất Pháp tướng tùy chư chúng sanh phân biệt quảng thuyết chủng chủng danh tướng
。 bĩ chư chúng sanh tùy sở thuyết thọ 。

trong một pháp tướng mà tùy chúng sanh phân biệt giảng thuyết các loại danh tướng. Các
chúng sanh kia tùy chỗ Phật nói mà lãnh thọ,

受已修習除斷煩惱。如彼病人隨良醫教所患得除。

thọ dĩ tu tập trừ đoạn phiền não 。 như bĩ bệnh nhân tùy lương y giáo sở hoạn đắc trừ 。

lãnh thọ rồi tu tập để đoạn trừ phiền não. Như những người bệnh kia theo lời lương y dạy
mà bệnh tình được lành.

復次善男子。如有一人善解雜語在大眾中。

phục thứ thiện nam tử 。 như hữu nhất nhân thiện giải tạp ngữ tại Đại chúng trung 。
Này thiện nam tử! Như ở trong đại chúng có một người giỏi về các thứ ngôn ngữ.

是諸大眾熱渴所逼咸發聲言。我欲飲水我欲飲水。

thị chư Đại chúng nhiệt khát sở bức hàm phát thanh ngôn 。 ngã dục ẩm thủy ngã dục ẩm thủy 。

Đại chúng đó vì bị cơn khát nước bức bách, cùng nói lên rằng: Tôi muốn uống nước, tôi muốn uống nước!

是人即時以清冷水隨其種類說言是水。

thị nhân tức thời dĩ thanh lãnh thủy tùy kỳ chủng loại thuyết ngôn thị thủy 。

Khi ấy người kia liền lấy nước mát lạnh, tùy mỗi người mà nói các loại nước:

或言波尼。或言鬱持。或言紗利藍。或言紗利。

hoặc ngôn ba ni 。 hoặc ngôn uất trì 。 hoặc ngôn sa lợi lam 。 hoặc ngôn sa lợi 。

hoặc nói ba-ni, hoặc nói uất-trì, hoặc nói sa-lợi-lam, hoặc nói sa-lợi,

或言婆耶。或言甘露。或言牛乳。

hoặc ngôn bà da 。 hoặc ngôn cam lộ 。 hoặc ngôn ngưu nhũ 。

hoặc nói bà-da, hoặc nói cam lộ, hoặc nói sữa bò,

以如是等無量水名為大眾說。善男子。

dĩ như thị đẳng vô lượng thủy danh vị đại chúng thuyết 。

dùng vô lượng tên nước như vậy nói với đại chúng. Này thiện nam tử!

如來亦爾以一聖道為諸聲聞種種演說。

Như Lai diệc nhĩ dĩ nhất Thánh đạo vị chư Thanh Văn chủng chủng diễn thuyết 。

Như Lai cũng vậy, dùng một Thánh đạo mà vì hàng Thanh văn diễn thuyết đủ thứ.

從信根等至八聖道。復次善男子。

tòng tín căn đẳng chí bát Thánh đạo 。

Từ Tín căn v.v.. đến Tám Thánh đạo. Này thiện nam tử!

譬如金師以一種金隨意造作種種瓔珞。所謂鉗鎖環釧釵璫天冠臂印。

thí như kim sư dĩ nhất chủng kim tùy ý tạo tác chủng chủng anh lạc 。

Thí như người thợ vàng, dùng một loại vàng mà tùy ý tạo ra đủ thứ trang sức, như dây chuyền, vòng, xuyên, trâm cài đầu, khoen tai, mào, ấn;

雖有如是差別不同。然不離金。善男子。

tuy hữu như thị sai biệt bất đồng 。 nhiên bất ly kim 。 thiện nam tử 。
tuy các thứ đó có tướng sai khác không đồng, nhưng chẳng rời chất vàng. Nay thiện nam tử!

如來亦爾。以一佛道隨諸眾生種種分別而為說之。

Như Lai diệc nhĩ 。 dĩ nhất Phật đạo tùy chư chúng sanh chủng chủng phân biệt nhi vi thuyết chi 。

Như Lai cũng vậy, dùng một Phật đạo tùy chúng sanh vì họ mà nói nhiều pháp sai khác, 或說一種。所謂諸佛一道無二。

hoặc thuyết nhất chủng 。 sở vị chư Phật nhất đạo vô nhị 。

hoặc nói một thứ, là chư Phật một đạo không hai.

復說二種所謂定慧。復說三種謂見慧智。復說四種。

phục thuyết nhị chủng sở vị định tuệ 。

phục thuyết tam chủng vị kiến tuệ trí 。

phục thuyết tứ chủng 。

Lại nói hai thứ là Định và Tuệ; lại nói ba thứ là Kiến, Trí và Tuệ; lại nói bốn thứ là 所謂見道修道無學道佛道。復說五種。

sở vị kiến đạo tu đạo vô học đạo Phật đạo 。

phục thuyết ngũ chủng 。

Kiến đạo, Tu đạo, Vô học đạo và Phật đạo; lại nói năm thứ

所謂信行道法行道信解脫道見到道身證道。

sở vị tín hành đạo Pháp hành Đạo Tín giải thoát đạo kiến đạo thân chứng đạo 。

là Tín hành đạo, pháp hành đạo, Tín giải thoát đạo, Kiến đạo và Thân chứng đạo; 復說六種。

phục thuyết lục chủng 。

lại nói sáu thứ

所謂須陀洹道斯陀含道阿那含道阿羅漢道辟支佛道佛道。復說七種。

sở vị Tu đà hoàn đạo Tư đà hàm đạo A na hàm đạo A-la-hán đạo Bích-chi-phật đạo Phật đạo 。

phục thuyết thất chủng 。

là Tu-đà-hoàn đạo, Tư-đà-hàm đạo, A-na-hàm đạo, A-la-hán đạo, Bích-chi-phật đạo và Phật đạo; lại nói bảy thứ

所謂念覺分擇法覺分精進覺分喜覺分除覺分定覺分

sở vị niệm giác phần Trạch Pháp giác phần tinh tấn giác phần hỷ giác phần trừ giác phần định giác phần

là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Trừ giác phần, Định giác phần và

捨覺分。復說八種。

xả giác phần 。 phục thuyết bát chủng 。

Xả giác phần; lại nói tám thứ

所謂正見正思惟正語正業正命正精進正念正定。復說九種。

sở vị chánh kiến chánh tư duy chánh ngữ chánh nghiệp chánh mạng chánh tinh tấn chánh niệm chánh định 。

là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định; lại nói chín thứ

所謂八聖道及信。復說十種所謂十力。復說十一種。

sở vị bát Thánh đạo cập tín 。

là Tám Thánh đạo và tín; lại nói mười thứ là Thập lực; lại nói mười một thứ

所謂十力大慈。復說十二種。

sở vị thập lực Đại từ 。

là Thập lực và Đại từ; lại nói mười hai thứ

所謂十力大慈大悲。復說十三種。

sở vị thập lực Đại từ Đại bi 。

là Thập lực, Đại từ và Đại bi; lại nói mười ba thứ

所謂十力大慈大悲念佛三昧。復說十六種。

sở vị thập lực Đại từ Đại bi niệm Phật tam muội 。

là Thập lực, Đại từ, Đại bi và niệm Phật Tam muội. Lại nói mười sáu thứ,

所謂十力大慈大悲念佛三昧及佛所得三正念處。復說二十道。

sở vị thập lực Đại từ Đại bi niệm Phật tam muội cập Phật sở đắc tam chánh niệm xử 。

phục thuyết nhị thập đạo 。

đó là Thập lực, Đại từ, Đại bi, niệm Phật Tam muội và ba chánh niệm; lại nói hai mươi đạo

所謂十力四無所畏大慈大悲念佛三昧三正念

sở vị thập lực tứ vô sở úy Đại từ Đại bi niệm Phật tam muội tam chánh niệm

là Thập lực, Tứ vô sở úy, Đại từ, Đại bi, niệm Phật Tam muội và ba chánh niệm.

處。善男子。是道一體。

xử 。 thiện nam tử 。 thị Đạo Nhất thể 。

Này thiện nam tử! Đạo là chỉ một thể,
如來昔日為眾生故種種分別。復次善男子。

Như Lai tích nhật vị chúng sanh cố chủng chủng phân biệt 。

Như Lai ngày xưa vì chúng sanh nên phân biệt nhiều tên sai khác. Lại nữa, này thiện nam tử!

譬如一火因所然故得種種名。

thí như nhất hỏa nhân sở nhiên cố đắc chủng chủng danh 。

Thí như một thứ lửa, nhân nơi chỗ nó đốt mà có nhiều tên gọi như
所謂木火草火糠火[麥*戈]火牛馬糞火。善男子。佛道亦爾一而無二。

sở vị mộc hỏa thảo hỏa khang hỏa [mạch *qua] hỏa ngư mã phần hỏa 。

thiện nam tử 。

Phật đạo diệc nhĩ nhất nhi vô nhị 。

lửa cây, lửa cỏ, lửa trấu, lửa rơm, lửa phân trâu ngựa. Này thiện nam tử! Đạo Phật chỉ có một mà không hai,

為眾生故種種分別。復次善男子。譬如一識分別說六。

vì chúng sanh cố chủng chủng phân biệt 。

phục thứ thiện nam tử 。

thí như nhất thức phân biệt thuyết lục 。

vì chúng sanh nên phân biệt nhiều thứ. Lại nữa, này thiện nam tử! Thí như Thức chỉ có một mà phân biệt nói có sáu,

若至於眼則名眼識。乃至意識亦復如是。

nhược chí ư nhãn tắc danh nhãn thức 。

nãi chí ý thức diệc phục như thị 。

nếu dụng mắt thì gọi là nhãn thức cho đến ý thức cũng lại như vậy.

善男子。道亦如是一而無二。

thiện nam tử 。

đạo diệc như thị nhất nhi vô nhị 。

Này thiện nam tử! Đạo cũng như vậy, chỉ có một không hai nhưng

如來為化諸眾生故種種分別。復次善男子。

Như Lai vị hóa chư chúng sanh cố chủng chủng phân biệt 。

phục thứ thiện nam tử 。

Như Lai vì giáo hóa chúng sanh nên phân biệt nhiều thứ. Lại nữa, này thiện nam tử!

譬如一色眼所見者則名為色。耳所聞者則名為聲。

thí như nhất sắc nhãn sở kiến giả tắc danh vi sắc 。

nhĩ sở văn giả tắc danh vi thanh 。

Thí như một sắc pháp, mắt thấy thì gọi là sắc, tai nghe gọi là tiếng,

鼻所嗅者則名為香。舌所嘗者則名為味。

tỳ sở khứu giả tắc danh vi hương 。 thiện sở thường giả tắc danh vi vị 。

mũi người thị gọi là hương, lưỡi nếm thị gọi là vị,

身所覺者則名為觸。善男子。道亦如是一而無二。

thân sở giác giả tắc danh vi xúc 。 thiện nam tử 。

đạo diệc như thị nhất nhi vô nhị 。

thân cảm giác thị gọi là xúc. Nay thiện nam tử! Đạo cũng như vậy, là một không có hai nhưng

如來為欲化眾生故種種分別。善男子。

Như Lai vị dục hóa chúng sanh cố chủng chủng phân biệt 。

thiện nam tử 。

Như lai vì muốn hóa độ chúng sanh nên phân biệt nhiều thứ. Nay thiện nam tử!

以是義故以八聖道分名道聖諦。善男子。

dĩ thị nghĩa cố dĩ át Thánh đạo phân danh đạo Thánh đế 。

thiện nam tử 。

Từ nghĩa này nên Tám phần Thánh đạo gọi là Đạo Thánh đế. Nay thiện nam tử!

是四聖諦諸佛世尊次第說之。

thị tứ Thánh đế chư Phật Thế tôn thứ đệ thuyết chi 。

Tứ Thánh đế này các Phật Thế Tôn thứ lớp mà giảng nói.

以是因緣無量眾生得度生死。

dĩ thị nhân duyên vô lượng chúng sanh đắc độ sanh tử 。

Nhờ nhân duyên đó mà vô lượng chúng sanh được độ thoát sanh tử.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

昔佛一時在恒河岸尸首林中。爾時如來取其樹葉告諸比丘。

tích Phật nhất thời tại hằng hà ngạn thi thủ lâm trung 。

nhĩ thời Như Lai thủ kỳ thụ diệp cáo chư Tỳ-kheo

Xưa kia, một thửa nọ, đức Phật ở bên bờ sông Hằng, trong rừng Thi thủ. Lúc bấy giờ Như

Lai bốc một nắm lá trong trong tay mà bảo các Tỳ-kheo rằng:

我今手中所捉葉多。一切因地草木葉多。

ngã kim thủ trung sở tróc diệp đa 。

nhất thiết nhân địa thảo mộc diệp đa 。

Lá trong tay Ta nay nhiều hay lá trong hết thảy các cây cỏ từ nơi đất mà mọc là nhiều?

諸比丘言。世尊。一切因地草木葉多不可稱計。

chư Tỳ-kheo ngôn 。 Thế Tôn 。 nhất thiết nhân địa thảo mộc diệp đa bất khả xưng kể 。 Các Tỳ-kheo đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Lá nơi hết thảy cỏ cây từ nơi đất mà mọc không thể tính đếm,

如來所捉少不足言。諸比丘。

Như Lai sờ tróc thiếu bất túc ngôn 。 chư Tỳ-kheo còn lá trong nắm tay của Như Lai thì rất ít, không đáng kể. Này các Tỳ-kheo! 我所覺了一切諸法。如因大地生草木等。

ngã sở giác liễu nhất thiết chư Pháp 。 như nhân Đại địa sanh thảo mộc đẳng 。 Hết thảy các pháp Như Lai đã giác ngộ nhiều giống như lá cỏ cây từ nơi đất mà mọc, 為諸眾生所宣說者。如手中葉。世尊。爾時說如是言。

vị chư chúng sanh sở tuyên thuyết giả 。 như thủ trung diệp 。 Thế Tôn 。 nhĩ thời thuyết như thị ngôn 。

Pháp mà Như Lai đã vì chúng sanh mà tuyên thuyết giống như nắm lá trong tay. Bạch đức Thế Tôn! Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nói rằng:

如來所了無量諸法。若入四諦則為已說。

Như Lai sở liễu vô lượng chư Pháp 。 nhược nhập tứ đế tắc vi dĩ thuyết 。

Như Lai rõ biết vô lượng pháp môn, nếu vào trong Tứ đế thì như đã nói, 若不入者應有五諦。爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。

nhược bất nhập giả ứng hữu ngũ đế 。

nhĩ thời Phật tán Ca-diếp Bồ-tát 。

Thiện tai Thiện tai 。

Thiện nam tử 。

Này thiện nam tử!

汝今所問則能利益安隱快樂無量眾生。善男子。

nhữ kim sở vấn tắc năng lợi ích an ổn khoái lạc vô lượng chúng sanh 。

thiện nam tử 。

Lời hỏi của ông nay có thể lợi ích, an vui, khoái lạc cho vô lượng chúng sanh. Này thiện nam tử!

如是諸法悉已攝在四聖諦中。迦葉菩薩復作是言。如是等法若在四諦。

như thị chư Pháp tất dĩ nhiếp tại tứ Thánh đế trung 。 Ca-diếp Bồ-tát phục tác thị ngôn 。
như thị đẳng Pháp nhược tại Tứ đế 。

Những pháp môn như vậy đều đã nhiếp trong Tứ Thánh đế. Ca-diếp Bồ-tát lại nói lời rằng:
Các pháp môn như vậy nếu ở trong Tứ đế thì

如來何故唱言不說。佛言善男子。

Như Lai hà cố xưng ngôn bất thuyết 。

Như Lai vì sao xưng lời rằng không nói. Phật dạy: Này thiện nam tử!

雖復入中猶不名說。何以故。善男子。

tuy phục nhập trung do bất danh thuyết 。

Tuy lại vào trong Tứ đế nhưng không gọi là Tứ đế. Vì sao? Này thiện nam tử!

知四聖諦有二種智。一者中二者上。中者聲聞緣覺智。

tri tứ Thánh đế hữu nhị chủng trí 。

Nên biết Tứ Thánh đế ấy có hai loại trí: Một là trí bậc trung, hai là trí bậc thượng. Bậc trung là trí của Thanh văn và Duyên giác;

上者諸佛菩薩智。善男子。知諸陰苦名為中智。

thượng giả chư Phật Bồ-tát trí 。

bậc Thượng là trí của chư Phật và Bồ-tát. Này thiện nam tử! Biết thân ngũ ấm là khổ gọi là trí bậc Trung;

分別諸陰有無量相悉是諸苦。

phân biệt chư ấm hữu vô lượng tướng tất thị chư khổ 。

phân biệt các ấm có vô lượng tướng hết thảy đều là các khổ,
非諸聲聞緣覺所知。是名上智。善男子。

phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri 。

chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bậc thượng. Này thiện nam tử!

如是等義我於彼經竟不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh cánh bất thuyết chi 。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác chẳng nói đến. Này thiện nam tử!

知諸入者名之為門亦名為苦。是名中智。

tri chư nhập giả danh chi vi môn diệc danh vi khổ 。

Biết các Nhập gọi đó là môn, cũng gọi là khổ, đây là trí của bậc Trung.

分別諸入有無量相悉是諸苦。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。

phân biệt chư nhập hữu vô lượng tướng tất thị chư khổ。phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri。 thị danh thượng trí。

Phân tách các Nhập ấy có vô lượng tướng hết thảy đều là khổ, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đó gọi là trí bậc Thượng.

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi。 thiện nam tử。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng chẳng nói. Này thiện nam tử!

知諸界者名之為分。亦名為性亦名為苦。

tri chư giới giả danh chi vi phân。 diệc danh vi tánh diệc danh vi khổ。

Biết các giới ấy gọi là phần, cũng gọi là tánh, cũng gọi là khổ,

是名中智。

thị danh trung trí。

đây là trí bậc Trung.

分別諸界有無量相悉是諸苦非諸聲聞緣覺所知。是名上智。善男子。

phân biệt chư giới hữu vô lượng tướng tất thị chư khổ phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri。 thị danh thượng trí。 thiện nam tử。

Phân tách các giới ra có vô lượng tướng, hết thảy đều là các khổ, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bậc Thượng. Này thiện nam tử!

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi。 thiện nam tử。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng chẳng nói. Này thiện nam tử!

知色壞相是名中智。分別諸色有無量相悉是諸苦。

tri sắc hoại tướng thị danh trung trí。 phân biệt chư sắc hữu vô lượng tướng tất thị chư khổ。

Biết tướng hư hoại của sắc thì gọi là trí bậc Trung. Phân tách các sắc, có vô lượng tướng đều là các khổ,

非諸聲聞緣覺所知是名上智。

phi chư thanh văn duyên giác sở tri thị danh thượng trí。

chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đó gọi là trí bậc Thượng.

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。知受覺相是名中智。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。 thiện nam tử 。 tri thọ giác tướng thị danh trung trí 。

Nghĩa này, nơi các Kinh khác Ta cũng chẳng nói. Đây thiện nam tử! Biết thọ là tướng giác xúc, đây gọi là trí bậc Trung.

分別諸受有無量覺相。非諸聲聞緣覺所知。

phân biệt chư thọ hữu vô lượng giác tướng 。 phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri 。

Phân tách các thọ có vô lượng tướng giác xúc, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên giác biết được,

是名上智。善男子。

thị danh thượng trí 。

đó gọi là trí bậc Thượng. Đây thiện nam tử!

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。知想取相是名中智。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。 thiện nam tử 。 tri tưởng thủ tướng thị danh trung trí 。

Những nghĩa như vậy, nơi các Kinh khác Ta cũng không nói. Đây thiện nam tử! Biết tưởng là tướng chấp thủ, đây gọi là trí bậc Trung.

分別是想有無量取相。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。

phân biệt thị tưởng hữu vô lượng thủ tướng 。 phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri 。

Phân tách tưởng đó, có vô lượng tướng chấp thủ, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đó gọi là trí bậc Thượng.

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。 thiện nam tử 。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng không nói. Đây thiện nam tử!

知行作相是名中智。

tri hành tác tướng thị danh trung trí 。

Biết hành tướng tạo tác, đây gọi là trí bậc Trung.

分別是行無量作相非諸聲聞緣覺所知。是名上智。善男子。

phân biệt thị hành vô lượng tác tướng phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri 。

Phân tách hành đó, có vô lượng tướng tạo tác, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đó gọi là trí bậc Thượng. Nay thiện nam tử!

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。 thiện nam tử 。

Những nghĩa như vậy, nơi các Kinh khác Ta cũng không nói. Nay thiện nam tử!

知識分別相是名中智。

tri thức phân biệt tướng thị danh trung trí 。

Biết thức là tướng phân biệt, đây gọi là trí bậc Trung.

分別是識無量知相非諸聲聞緣覺所知。是名上智。善男子。

phân biệt thị thức vô lượng tri tướng phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri 。

thị danh thượng trí 。

thiện nam tử 。

Phân tách thức có vô lượng trí tướng, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đây là trí bậc Thượng. Nay thiện nam tử!

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。 thiện nam tử 。

Những nghĩa như vậy, nơi các Kinh khác Ta cũng không nói. Nay thiện nam tử!

知愛因緣能生五陰是名中智。

tri ái nhân duyên năng sanh ngũ ấm thị danh trung trí 。

Biết ái là nhân duyên sanh ra năm ấm, đây gọi là trí bậc Trung.

一人起愛無量無邊聲聞緣覺所不能知。能知一切眾生所起如是等愛。是名上智。

nhất nhân khởi ái vô lượng vô biên Thanh Văn, Duyên Giác sở bất năng tri 。

năng tri nhất thiết chúng sanh sở khởi như thị đẳng ái 。

thị danh thượng trí 。

Một người sanh ra vô lượng vô biên ái nhưng hàng Thanh Văn, Duyên giác không thể biết được, có thể biết được tất cả chúng sanh khởi lên lòng ái như vậy, đó gọi là trí bậc Thượng.

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。 thiện nam tử 。

Những nghĩa như vậy, nơi các Kinh khác Ta cũng không nói. Nay thiện nam tử!

知滅煩惱是名中智。分別煩惱不可稱計。

tri diệt phiền não thị danh trung trí 。

phân biệt phiền não bất khả xưng kế 。

Biết dứt phiền não, đây gọi là trí bậc Trung. Phân tách phiền não số không thể tính đếm,

滅亦如是不可稱計。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。

diệt diệt như thị bất khả xưng kể 。 phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri 。 thị danh thượng trí 。

dứt diệt phiền não đó cũng không thể tính đếm, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đó gọi là trí bậc Thượng.

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệt bất thuyết chi 。 thiện nam tử 。

Những nghĩa như vậy, nơi các Kinh khác Ta cũng không nói. Này thiện nam tử!

知是道相能離煩惱是名中智。

tri thị đạo tướng năng ly phiền não thị danh trung trí 。

Biết tướng đạo có thể lìa phiền não, đây gọi là trí bậc Trung.

分別道相無量無邊所離煩惱亦無量無邊。非諸聲聞緣覺所知。

phân biệt đạo tướng vô lượng vô biên sở ly phiền não diệt vô lượng vô biên 。 phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri 。

Phân tách đạo có vô lượng vô biên tướng, lìa phiền não cũng vô lượng vô biên, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được,

是名上智。如是等義我於彼經亦不說之。

thị danh thượng trí 。

đó gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy, nơi các Kinh khác Ta cũng không nói.

善男子。知世諦者是名中智。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử! Biết thế đế, gọi là trí bậc Trung.

分別世諦無量無邊不可稱計。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。

phân biệt thế đế vô lượng vô biên bất khả xưng kể 。 phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri 。

Phân tách thế đế có vô lượng vô biên không thể tính đếm, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Đó gọi là trí bậc Thượng.

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệt bất thuyết chi 。 thiện nam tử 。

Những nghĩa như vậy, nơi các Kinh khác Ta cũng không nói. Này thiện nam tử!

一切行無常諸法無我涅槃寂滅是第一義。

nhất thiết hành vô thường chư Pháp vô ngã Niết-bàn tịch diệt thị đệ nhất nghĩa 。
Hết thầy hành vô thường, chư pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diệt là Đệ nhất nghĩa。
是名中智。知第一義無量無邊不可稱計。

thị danh trung trí 。 tri đệ nhất nghĩa vô lượng vô biên bất khả xưng kể 。
Đó gọi là trí bậc Trung. Biết đệ nhất nghĩa vô lượng vô biên không thể tính đếm,
非諸聲聞緣覺所知。是名上智。

phi chư thanh văn duyên giác sở tri 。 thị danh thượng trí 。
chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Đó gọi là trí bậc Thượng。
如是等義我於彼經亦不說之。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。
Những nghĩa như vậy, nơi các Kinh khác Ta cũng không nói。
爾時文殊師利菩薩摩訶薩白佛言。世尊。

nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-Ha tát bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。
Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-ha-tát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!
所說世諦第一義諦其義云何。世尊。

sở thuyết thế đế đệ nhất nghĩa đế kỳ nghĩa vân hà 。 Thế Tôn 。
Thế Tôn nói Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế, nghĩa ấy thế nào? Bạch Thế Tôn!
第一義中有世諦不。世諦之中有第一義不。
đệ nhất nghĩa trung hữu thế đế bất 。 thế đế chi trung hữu đệ nhất nghĩa bất 。
Trong Đệ nhất nghĩa đế có Thế đế chăng? Trong Thế đế có Đệ nhất nghĩa chăng? 。
如其有者即是一諦。如其無者將非如來虛妄說耶。

như kỳ hữu giả tức thị nhất đế 。 như kỳ vô giả tướng phi Như Lai hư vọng thuyết da 。
Nếu là có thì chỉ là một đế, nếu là không thì có phải Như Lai nói hư dối chăng?
善男子。世諦者即第一義諦。世尊。

thiện nam tử 。 thế đế giả tức đệ nhất nghĩa đế 。 Thế tôn 。
Này thiện nam tử! Thế đế chính là Đệ nhất nghĩa đế. Bạch Thế Tôn!
若爾者則無二諦。佛言善男子。

nhược nhĩ giả tắc vô nhị đế 。 Phật ngôn thiện nam tử 。
Nếu như vậy thì không có hai đế. Phật dạy: Này thiện nam tử!
有善方便隨順眾生說有二諦。善男子。若隨言說則有二種。

hữu thiện phương tiện tùy thuận chúng sanh thuyết hữu nhị đế 。 thiện nam tử 。 nhược
tùy ngôn thuyết tác hữu nhị chủng 。

Có phương tiện khéo tùy thuận chúng sanh nói có hai đế. Này thiện nam tử! Nếu theo lời
nói thì có hai thứ:

一者世法。二者出世法。善男子。

nhất giả thế Pháp 。 nhị giả xuất thế Pháp 。 thiện nam tử 。

Một là pháp thế gian, hai là pháp xuất thế gian. Này thiện nam tử!

如出世人之所知者名第一義諦。世人知者名為世諦。善男子。

như xuất thế nhân chi sở tri giả danh đệ nhất nghĩa đế 。

thế nhân tri giả danh vi thế đế 。

thiện nam tử 。

Như chỗ biết của người xuất thế ấy gọi là Đệ nhất nghĩa đế và chỗ biết của người thế gian
gọi là Thế đế. Này thiện nam tử!

五陰和合稱言某甲。

ngũ ấm hòa hợp xưng ngôn mỗ giáp 。

Năm ấm hòa hợp để xưng gọi tên người này người kia,

凡夫眾生隨其所稱是名世諦。解陰無有某甲名字。

phàm phu chúng sanh tùy kỳ sở xưng thị danh thế đế 。

giải ấm vô hữu mỗ giáp danh tự 。

thì người phàm phu theo chỗ xưng hô đó gọi là Thế đế; hiểu biết năm ấm không có danh
tự người này người kia

離陰亦無某甲名字。

ly ấm diệt vô mỗ giáp danh tự 。

mà lìa các ấm ấy cũng không có danh tự người này người kia,

出世之人如其性相而能知之名第一義諦。復次善男子。或復有法有名有實。

xuất thế chi nhân như kỳ tánh tướng nhi năng tri chi danh đệ nhất nghĩa đế 。

phục thứ
thiện nam tử 。

hoặc phục hữu Pháp hữu danh hữu thật 。

người xuất thế đúng như tánh tướng mà hiểu biết gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này
thiện nam tử! Hoặc lại có pháp có tên, có thật.

或復有法有名無實。善男子。有名無實者即是世諦。

hoặc phục hữu Pháp hữu danh vô thật 。

thiện nam tử 。

hữu danh vô thật giả tức thị thế
đế 。

Hoặc lại có pháp có tên, không thật. Này thiện nam tử! Có tên không thật ấy gọi là Thế đế.

有名有實者是第一義諦。善男子。

hữu danh hữu thật giả thị đệ nhất nghĩa đế 。 thiện nam tử 。

có tên có thật ấy gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Này thiện nam tử!

如我眾生壽命知見養育丈夫作者受者。

như ngã chúng sanh thọ mạng tri kiến dưỡng dục trượng phu tác giả thọ giả 。

Như ngã, chúng sanh, thọ mạng, tri kiến, dưỡng dục, trượng phu, tác giả, thọ giả,

熱時之炎乾闥婆城。龜毛兔角旋火之輪。

nhiệt thời chi viêm Càn thát bà thành 。

quy mao thỏ giác toàn hỏa chi luân 。

khi lửa nóng, thành Càn-thát-bà, lông rùa, sừng thỏ, vòng lửa,

諸陰界入是名世諦。苦集滅道名第一義諦。善男子。

chư âm giới nhập thị danh thế đế 。

khổ tập diệt đạo danh đệ nhất nghĩa đế 。

thiện nam tử 。

các ấm, giới, nhập v.v..đây gọi là thế đế. Khổ, Tập, Diệt, Đạo gọi là Đệ nhất nghĩa đế.

Này thiện nam tử!

世法有五種。一者名世。二者句世。三者縛世。

thế Pháp hữu ngũ chủng 。

nhất giả danh thế 。

nhị giả cú thế 。

tam giả phược thế 。

Pháp thế gian có năm thứ: Một là danh thế, hai là cú thế, ba là phược thế,

四者法世。五者執著世。善男子。云何名世。

tứ giả Pháp thế 。

ngũ giả chấp trú thế 。

thiện nam tử 。

vân hà danh thế 。

bốn là pháp thế, năm là chấp trước thế. Này thiện nam tử! Thế nào gọi là Danh thế?

男女瓶衣車乘屋舍如是等物。是名名世。

nam nữ bình y xa thừa ốc xá như thị đẳng vật 。

thị danh danh thế 。

Những vật như nam, nữ, bình, vải vóc, xe cộ, phòng xá v.v.. đó gọi là Danh thế.

云何句世。四句一偈如是等偈。名為句世。

vân hà cú thế 。

tứ cú nhất kệ như thị đẳng kệ 。

danh vi cú thế 。

Thế nào gọi là Cú thế? Bốn câu thành một bài kệ, những bài kệ như vậy gọi là Cú thế.

云何縛世。捲合繫結束縛合掌。是名縛世。

vân hà phược thế 。

quyển hợp hệ kết thúc phược hợp chưởng 。

thị danh phược thế 。

Thế nào gọi là Phược thế? Cuốn, hiệp, trói, buộc, chấp tay, đó gọi là Phược thế.

云何法世。如鳴搥集僧嚴鼓戒兵吹貝知時。

vân hà Pháp thế 。 như minh trùy tập tăng nghiêm cổ giới binh xuy bối tri thời 。

Thế nào là Pháp thế? Đánh kèn chùy để họp Tăng, chiêng trống răn quân lính, thổi ốc để biết giờ..

是名法世。云何執著世。如望遠人有染衣者。

thị danh Pháp thế 。 vân hà chấp trước thế 。 như vọng viễn nhân hữu nhiễm y giả 。

đây gọi là Pháp thế. Thế nào gọi là Chấp trước thế? Như nhìn xa thấy người mặt áo nhuộm sắc,

生想執著言是沙門非婆羅門。

sinh tưởng chấp trú ngôn thị Sa-môn phi Bà-la-môn 。

sinh tưởng là Sa-môn chẳng phải Bà-la-môn,

見有結繩橫佩身上。便生念言是婆羅門非沙門也。

kiến hữu kết thằng hoành bội thân thượng 。

tiện sanh niệm ngôn thị Bà-la-môn phi Sa-môn dã 。

thấy có người gút dây đeo trên thân, liền nghĩ đó là Bà-la-môn, chẳng phải Sa-môn vậy.

是名執著世。善男子。如是名為五種世法。

thị danh chấp trước thế 。 thiện nam tử 。

như thị danh vi ngũ chủng thế Pháp 。

đó gọi là Chấp trước thế đế. Này thiện nam tử! Như vậy gọi là năm thứ pháp thế gian.

善男子。若有眾生於如是等五種世法。

thiện nam tử 。

nhược hữu chúng sanh ư như thị đẳng ngũ chủng thế Pháp 。

Này thiện nam tử! Nếu có chúng sanh đối với năm pháp thế gian như vậy mà

心無顛倒如實而知。是名第一義諦。復次善男子。

tâm vô điên đảo như thật nhi tri 。

thị danh đệ nhất nghĩa đế 。

phục thứ thiện nam tử 。

tâm không điên đảo, như thật mà biết, đó gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này thiện nam tử!

若燒若割若死若壞。是名世諦。

nhược thiêu nhược cắt nhược tử nhược hoại 。

thị danh thế đế 。

Hoặc đốt, hoặc cắt, hoặc chết, hoặc hoại, đây gọi là Thế đế.

無燒無割無死無壞。是名第一義諦。復次善男子。

vô thiêu vô cắt vô tử vô hoại 。

thị danh đệ nhất nghĩa đế 。

phục thứ thiện nam tử 。

Không đốt, không cắt, không chết, không hoại, đây gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này thiện nam tử!

有八苦相名為世諦。無生無老無病無死。

hữu bát khổ tướng danh vi thế đế 。 vô sanh vô lão vô bệnh vô tử 。

có tám tướng khổ, gọi là thế đế: Không sanh, không già, không bệnh, không chết,
無愛別離無怨憎會。無求不得無五盛陰。

vô ái biệt li vô oán tăng hội 。

vô cầu bất đắc vô ngũ thịnh âm。
không ái biệt ly, không oán tăng hội, không cầu, không được, không ấm ấm xí thanh,
是名第一義諦。復次善男子。譬如一人多有所能。

thị danh đệ nhất nghĩa đế 。

若其走時則名走者。或收刈時復名刈者。

nhược kỳ tẩu thời tắc danh tẩu giả 。

nếu khi người ấy chạy thì gọi là người ấy chạy, hoặc khi người ấy gặt cắt thì gọi là gặt cắt,
或作飲食名作食者。若治材木則名工匠。

hoặc tác ẩm thực danh tác thực giả 。

hoặc người ấy nấu nướng thì gọi là làm đồ ăn, nếu lúc người ấy đẽo cây gỗ thì gọi là thợ mộc,

鍛金銀時言金銀師。如是一人有多名字。

đoán kim ngân thời ngôn kim ngân sư 。

khi đập giữa vàng bạc thì nói là thợ vàng bạc. Như vậy chỉ một người mà có nhiều danh tự.

法亦如是其實是一而有多名。

Pháp diệc như thị kỳ thật thị nhất nhi hữu đa danh 。

Pháp cũng như vậy, thật thì chỉ có một mà có nhiều tên,

依因父母和合而生名為世諦。十二因緣和合生者名第一義諦。

y nhân phụ mẫu hòa hợp nhi sanh danh vi thế đế 。

nương nơi cha mẹ hòa hợp mà sanh thị gọi là Thế đế, nương Mười hai nhân duyên hòa hợp mà sanh gọi là Đệ nhất nghĩa đế.

文殊師利菩薩摩訶薩白佛言。世尊。

Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-Ha tát bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-ha-tát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

所言實諦其義云何。佛言善男子。

sở ngôn thật đế kỳ nghĩa vân hà 。

Phật ngôn thiện nam tử 。

Thế Tôn nói thật đế ấy nghĩa thế nào? Phật dạy, này thiện nam tử!

言實諦者名曰真法。善男子。若法非真不名實諦。善男子。
ngôn thật đế giả danh viết chân Pháp 。

thiện nam tử 。

Thật đế ấy gọi là pháp chân thật. Này thiện nam tử! Nếu pháp chẳng phải chân thì chẳng gọi là Thật đế. Này thiện nam tử!

實諦者無顛無倒。無顛倒者乃名實諦。

thật đế giả vô điên vô đảo 。

vô điên đảo giả nãi danh thật đế 。

Thật đế ấy không điên, không đảo, không điên đảo ấy mới gọi là Thật đế.

善男子。實諦者無有虛妄。若有虛妄不名實諦。

thiện nam tử 。

thật đế giả vô hữu hư vọng 。

nhược hữu hư vọng bất danh thật đế 。

Này thiện nam tử! Thật đế ấy không có hư dối. Nếu có hư dối thì chẳng phải Thật đế.

善男子。實諦者名曰大乘。

thiện nam tử 。

thật đế giả danh viết Đại thừa 。

Này thiện nam tử! Thật đế gọi là Đại thừa,

非大乘者不名實諦。善男子。實諦者是佛所說非魔所說。

phi Đại thừa giả bất danh thật đế 。

thiện nam tử 。

thật đế giả thị Phật sở thuyết phi ma sở thuyết 。

chẳng phải Đại thừa thì không gọi là Thật đế. Này thiện nam tử! Thật đế ấy là lời Phật nói, chẳng phải ma nói;

若是魔說非佛說者不名實諦。善男子。

nhược thị ma thuyết phi Phật thuyết giả bất danh thật đế 。

thiện nam tử 。

nếu là lời ma nói mà chẳng phải Phật nói thì chẳng phải Thật đế. Này thiện nam tử!

實諦者一道清淨無有二也。善男子。

thật đế giả nhất đạo thanh tịnh vô hữu nhị dã 。

thiện nam tử 。

Thật đế là con đường thanh tịnh, không có hai vậy. Này thiện nam tử!

有常有樂有我有淨。是則名為實諦之義。文殊師利白佛言。

hữu thường hữu lạc hữu ngã hữu tịnh 。 thị tác danh vi thật đế chi nghĩa 。 Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。

Có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, thì gọi đó là Đệ nhất nghĩa đế. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng:

世尊。若以真實為實諦者。

Thế tôn 。 nhược dĩ chân thật vi thật đế giả 。

Bạch Thế Tôn! Nếu cho chân thật là thật đế,
真實之法即是如來虛空佛性。

chân thật chi Pháp tức thị Như Lai hư không Phật tánh 。

thì pháp chân thật tức là Như Lai, hư không, Phật tánh;

若如是者如來虛空及與佛性無有差別。佛告文殊師利。有苦有諦有實。

nhược như thị giả Như Lai hư không cập dữ Phật tánh vô hữu sai biệt 。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。

hữu khổ hữu đế hữu thật 。

nếu như vậy thì Như Lai, hư không và Phật tánh không có sai khác? Phật dạy Văn-thù-sư-lợi: Có khổ, có đế, có thật;

有集有諦有實。有滅有諦有實。

hữu tập hữu đế hữu thật 。

hữu diệt hữu đế hữu thật 。

có tập, có đế, có thật; có diệt, có đế, có thật;

有道有諦有實。善男子。如來非苦非諦是實。

hữu đạo hữu đế hữu thật 。

thiện nam tử 。

Như Lai phi khổ phi đế thị thật 。

có đạo, có đế, có thật. Này thiện nam tử! Như Lai chẳng khổ, chẳng đế là thật.

虛空非苦非諦是實。佛性非苦非諦是實。文殊師利。

hư không phi khổ phi đế thị thật 。

Phật tánh phi khổ phi đế thị thật 。

Văn-thù-sư-lợi 。

Hư không chẳng khổ, chẳng đế là thật. Phật tánh chẳng khổ, chẳng đế là thật. Văn-thù-sư-lợi!

所言苦者為無常相是可斷相是為實諦。

sở ngôn khổ giả vi vô thường tướng thị khả đoạn tướng thị vi thật đế 。

Nói khổ ấy là tướng vô thường, là tướng có thể đoạn, đó là thật đế.

如來之性非苦非無常非可斷相。

Như Lai chi tánh phi khổ phi vô thường phi khả đoạn tướng 。

Như Lai tánh chẳng khổ, chẳng vô thường, tướng chẳng có thể đoạn,
是故為實虛空。佛性亦復如是。復次善男子。

thị cố vi thật hư không 。 Phật tánh diệt phục như thị 。 phục thứ thiện nam tử 。
vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng lại như vậy. Lại nữa, này thiện nam tử!
所言集者能令五陰和合而生。亦名為苦亦名無常。

sở ngôn tập giả năng lệnh ngũ ấm hòa hợp nhi sanh 。 diệt danh vi khổ diệt danh vô
thường 。

Nói Tập ấy có thể khiến cho năm ấm hòa hợp mà sanh, cũng gọi là khổ, cũng gọi là vô
thường,

是可斷相是為實諦。善男子。

thị khả đoạn tướng thị vi thật đế 。 thiện nam tử 。

là tướng có thể đoạn, đó là thật đế. Này thiện nam tử!

如來非是集性非是陰因非可斷相。是故為實虛空。

Như Lai phi thị tập tánh phi thị ấm nhân phi khả đoạn tướng 。 thị cố vi thật hư không 。

Như Lai chẳng phải là tánh của tập, chẳng phải do năm ấm mà sanh, chẳng phải là tướng
có thể đoạn, cho nên là thật. Hư không và
佛性亦復如是。善男子。所言滅者名煩惱滅。

Phật tánh diệt phục như thị 。 thiện nam tử 。 sở ngôn diệt giả danh phiền não diệt 。

Phật tánh cũng lại như vậy. Này thiện nam tử! Nói Diệt ấy gọi là nói phiền não dứt diệt,
亦常無常。二乘所得名曰無常。諸佛所得是則名常。

diệt thường vô thường 。 nhị thừa sở đắc danh diệt vô thường 。 chư Phật sở đắc thị tắc
danh thường 。

cũng là thường, cũng là vô thường, hàng Nhị thừa chứng được gọi là vô thường. Chư Phật
chứng được gọi là thường,

亦名證法是為實諦。善男子。

diệt danh chứng Pháp thị vi thật đế 。 thiện nam tử 。

cũng gọi là pháp chứng được, đây là thật đế. Này thiện nam tử!

如來之性不名為滅。能滅煩惱非常非無常。

Như Lai chi tánh bất danh vi diệt 。 năng diệt phiền não phi thường phi vô thường 。

Như Lai tánh chẳng gọi là Diệt, có thể diệt phiền não, chẳng phải thường, chẳng phải vô
thường,

不名證知常住無變。是故為實虛空。佛性亦復如是。

bất danh chứng tri thường trụ vô biến 。 thị cố vi thật hư không 。 Phật tánh diệc phục như thị 。

chẳng gọi là chứng tri, thường trụ, không biến đổi, vì vậy nên gọi là thật. Hư không và Phật tánh cũng lại như vậy.

善男子。道者能斷煩惱亦常無常。

thiện nam tử 。 đạo giả năng đoạn phiền não diệc thường vô thường 。

Này thiện nam tử! Đạo ấy có thể đoạn trừ phiền não, cũng là thường, cũng là vô thường, 是可修法是名實諦。如來非道能斷煩惱。

thị khả tu Pháp thị danh thật đế 。

Như Lai phi đạo năng đoạn phiền não 。

là pháp có thể tu tập, đây gọi là thật đế. Như Lai chẳng phải đạo có thể đoạn phiền não, 非常無常非可修法常住不變。是故為實虛空。

phi thường vô thường phi khả tu Pháp thường trụ bất biến 。

chẳng phải là thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải pháp có thể tu tập, thường trụ, chẳng biến đổi biến, vì thế nên là thật. Hư không và

佛性亦復如是。復次善男子。言真實者即是如來。

Phật tánh diệc phục như thị 。

phục thứ thiện nam tử 。

ngôn chân thật giả tức thị Như Lai 。

Phật tánh cũng lại như vậy. Lại nữa thiện nam tử! Nói chân thật chính là Như Lai.

如來者即是真實。真實者即是虛空。

Như Lai giả tức thị chân thật 。

chân thật giả tức thị hư không 。

Như Lai tức là chân thật, chân thật tức là hư không.

虛空者即是真實。真實者即是佛性。佛性者即是真實。

hư không giả tức thị chân thật 。

chân thật giả tức thị Phật tánh 。

Phật tánh giả tức thị chân thật 。

Hư không tức là chân thật, chân thật tức là Phật tánh, Phật tánh tức là chân thật.

文殊師利。有苦有苦因有苦盡有苦對。

Văn-thù-sư-lợi 。

hữu khổ hữu khổ nhân hữu khổ tận hữu khổ đối 。

Văn-thù-sư-lợi! Có khổ, có khổ nhân, có khổ tận, có khổ đối.

如來非苦乃至非對。是故為實不名為諦。

Như Lai phi khổ nãi chí phi đối 。

thị cố vi thật bất danh vi đế 。

Như Lai chẳng khổ cho đến chẳng đối vì vậy là thật, chẳng gọi là đế.

虛空佛性亦復如是。苦者有為有漏無樂。

hư không Phật tánh diệc phục như thị 。 khổ giả hữu vi hữu lậu vô lạc 。

Hư không và Phật tánh cũng lại như vậy. Khổ ấy là hữu vi, hữu lậu, không lạc.

如來非有為非有漏湛然安樂是實非諦。

Như Lai phi hữu vi phi hữu lậu trạm nhiên an lạc thị thật phi đế 。

Như Lai chẳng phải hữu vi, chẳng phải hữu lậu, trầm lặng an lạc, nên là thật chẳng phải đế.

文殊師利白佛言。世尊。如佛所說不顛倒者名為實諦。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 như Phật sở thuyết bất điên đảo giả danh vi thật đế 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như chỗ Thế Tôn nói, chẳng điên đảo ấy gọi là thật đế.

若爾者四諦之中有四倒不。如其有者。

nhược nhĩ giả tứ đế chi trung hữu tứ đảo bất 。 như kỳ hữu giả 。

Nếu như vậy, trong Tứ đế có bốn điên đảo chẳng? Nếu có thì

云何說言無有顛倒名為實諦。

vân hà thuyết ngôn vô hữu điên đảo danh vi thật đế 。

sao nói rằng không có điên đảo gọi là thật đế?

一切顛倒不名為實佛告文殊師利。一切顛倒皆入苦諦。

nhất thiết điên đảo bất danh vi thật Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 nhất thiết điên đảo giai nhập khổ đế 。

Hết thầy điên đảo chẳng gọi là thật? Phật bảo Văn-thù-sư-lợi! Hết thầy điên đảo đều vào trong khổ đế.

如諸眾生有顛倒心名為顛倒。善男子。

như chư chúng sanh hữu điên đảo tâm danh vi điên đảo 。 thiện nam tử 。

Như các chúng sanh tâm có điên đảo gọi là điên đảo. Này thiện nam tử!

譬如有人不受父母尊長教勅。雖受不能隨順修行。

thí như hữu nhân bất thọ phụ mẫu tôn trường giáo sắc 。 tuy thọ bất năng tùy thuận tu hành 。

Thí như có người không chịu nghe lời dạy bảo của cha mẹ, tôn trưởng, tuy người ấy chịu nghe lời dạy bảo nhưng không thể tùy thuận tu hành.

如是人等名為顛倒。

như thị nhân đẳng danh vi điên đảo 。

Những người như vậy gọi là điên đảo,

如是顛倒非不是苦即是苦也。文殊師利言。

như thị điên đảo phi bất thị khổ tức thị khổ dã 。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

điên đảo như vậy chẳng phải không là khổ mà chính là khổ vậy. Văn-thù-sư-lợi nói:

如佛所說不虛妄者即是實諦。若爾者當知虛妄則非實諦。
như Phật sở thuyết bất hư vọng giả tức thị thật đế 。

nhược nhĩ giả đương tri hư vọng tác phi thật đế 。

Như lời Phật nói chẳng hư vọng chính là thật đế. Nếu như vậy phải biết hư vọng thì chẳng phải thật đế.

佛言善男子。一切虛妄皆入苦諦。

Phật ngôn thiện nam tử 。

nhất thiết hư vọng giai nhập khổ đế 。

Phật dạy: Này thiện nam tử! Hết thảy hư vọng đều vào trong khổ đế.
如有眾生欺誑於他。以是因緣墮於地獄畜生餓鬼。

như hữu chúng sanh khi cưỡng ư tha 。

dĩ thị nhân duyên đọa ư Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ 。

Như có chúng sanh lừa dối người khác, do nhân duyên đó mà đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

如是等法名為虛妄。如是虛妄非不是苦即是苦也。

như thị đẳng Pháp danh vi hư vọng 。

như thị hư vọng phi bất thị khổ tức thị khổ dã 。

Những pháp đó gọi là hư dối vì hư dối như vậy chẳng phải không là khổ, tức là khổ vậy.
聲聞緣覺諸佛世尊遠離不行故名虛妄。

thanh văn duyên giác chư Phật Thế tôn viễn li bất hành cố danh hư vọng.

Những điều đó hàng Thanh Văn, Duyên Giác, các Phật Thế Tôn xa lìa không làm nên gọi là hư vọng.

如是虛妄諸佛二乘所斷除故故名實諦。

như thị hư vọng chư Phật nhị thừa sở đoạn trừ cố cố danh thật đế 。

Hư vọng đó là chỗ chư Phật và hàng Nhị thừa đoạn trừ nên gọi là thật đế.

文殊師利言。如佛所說大乘是實諦者。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 như Phật sở thuyết Đại thừa thị thật đế giả 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Như lời Phật nói Đại thừa là thật đế

當知聲聞辟支佛乘則為不實。佛言文殊師利。

đương tri thanh văn Bích-chi-phật thừa tặc vi bất thật 。

Phật ngôn Văn-thù-sư-lợi 。

nên biết rằng Thanh văn thừa và Bích-chi-phật thừa thì chẳng là thật. Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

彼二乘者亦實不實。聲聞緣覺斷諸煩惱則名為實。

bỉ nhị thừa giả diệc thật bất thật 。

Thanh Văn, Duyên Giác đoạn chư phiền não tặc danh vi thật 。

Hàng Nhị thừa cũng là thật, cũng là chẳng thật. Thanh văn, Duyên giác đoạn trừ các phiền não thị gọi là thật.

無常不住是變易法名為不實。

vô thường bất trụ thị biến dịch Pháp danh vi bất thật 。

Hàng Nhị thừa vô thường, chẳng trụ là pháp biến dịch nên gọi là không thật.

文殊師利言如佛所說若佛所說名為實者。

Văn-thù-sư-lợi ngôn như Phật sở thuyết nhược Phật sở thuyết danh vi thật giả 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Như lời Phật nói, những pháp của đức Phật nói gọi là thật,

當知魔說則為不實。世尊。如魔所說聖諦攝不。

đương tri ma thuyết tặc vi bất thật 。

Thế tôn 。

nư ma sở thuyết Thánh đế nhiếp bất 。

nên biết rằng lời nói của ma thì chẳng phải thật. Bạch đức Thế Tôn! Như lời nói của ma có nhiếp vào trong Thánh đế chăng?

佛言文殊師利。魔所說者二諦所攝所謂苦集。

Phật ngôn Văn-thù-sư-lợi 。

ma sở thuyết giả nhị đế sở nhiếp sở vị khổ tập 。

Phật dạy Văn-thù-sư-lợi: Lời nói của ma là nhiếp vào trong hai là khổ đế và tập đế;

凡是一切非法非律不能令人而得利益。

phàm thị nhất thiết phi Pháp phi luật bất năng lệnh nhân nhi đắc lợi ích.

hết thảy những điều phi pháp, phi luật thì không có thể làm cho người ta được lợi ích;

終日宣說亦無有人。見苦斷集證滅修道是名虛妄。

chung nhật tuyên thuyết diệc vô hữu nhân 。

kiến khổ đoạn tập chứng diệt tu đạo thị danh hư vọng 。

suốt ngày tuyên nói cũng không có người nào thấy được Khổ, dứt được Tập, chứng được Diệt, tu được Đạo, đây gọi là hư dối.

如是虛妄名為魔說。文殊師利言。

như thị hư vọng danh vi ma thuyết 。 Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Những điều hư dối này gọi là lời ma nói. Văn-thù-sư-lợi nói:

如佛所說一道清淨無有二者。諸外道等亦復說言。

như Phật sở thuyết nhất đạo thanh tịnh vô hữu nhị giả 。

chư ngoại đạo đẳng diệc phục thuyết ngôn 。

Như lời Phật nói đạo duy nhất thanh tịnh, không có hai. Các ngoại đạo cũng đều nói:

我有一道清淨無二。若言一道是實諦者。

ngã hữu nhất đạo thanh tịnh vô nhị 。

nhược ngôn nhất đạo thị thật đế giả 。

Ta có một đạo duy nhất thanh tịnh không có hai. Nếu nói rằng duy nhất là thật đế thì
與彼外道有何差別。

dữ bỉ ngoại đạo hữu hà sai biệt 。

cùng với ngoại đạo kia có sai khác gì?

若無差別不應說言一道清淨。佛言善男子。

nhược vô sai biệt bất ứng thuyết ngôn nhất đạo thanh tịnh 。

Phật ngôn thiện nam tử 。

Nếu không sai khác thì lẽ chẳng nên nói rằng đạo duy nhất thanh tịnh. Phật dạy: Đây
thiện nam tử!

諸外道等有苦集諦無滅道諦。於非滅中而生滅想。於非道中而生道想。

chư ngoại đạo đẳng hữu khổ tập đế vô diệt đạo đế 。

ư phi diệt trung nhi sanh diệt tưởng

。 ư phi đạo trung nhi sanh đạo tưởng 。

Các ngoại đạo đều có Khổ đế và Tập đế, không có Diệt đế và Đạo đế. Trong phi Diệt đế
mà sanh Diệt tưởng; trong phi Đạo mà sanh Đạo tưởng;

於非果中生於果想。於非因中生於因想。

ư phi quả trung sanh ư quả tưởng 。

ư phi nhân trung sanh ư nhân tưởng 。

trong phi quả mà sanh tưởng quả; trong phi nhân mà sanh nhân tưởng.

以是義故。彼無一道清淨無二。

dĩ thị nghĩa cố 。

bỉ vô nhất đạo thanh tịnh vô nhị 。

Vì nghĩa như vậy nên ngoại đạo đó không có đạo duy nhất thanh tịnh không hai.

文殊師利言。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Văn-thù-sư-lợi nói:

如佛所說有常有我有樂有淨是實義者。諸外道等應有實諦。佛法中無。

như Phật sở thuyết hữu thường hữu ngã hữu lạc hữu tịnh thị thật nghĩa giả 。

chư ngoại đạo đẳng ứng hữu thật đế 。

Phật Pháp trung vô 。

Như lời Phật nói có thường, có ngã, có lạc, có tịnh là thật nghĩa thì các ngoại đạo lẽ ra phải có thật đế nhưng trong Phật pháp thì không có,

何以故。諸外道輩亦復說言諸行是常。

hà dĩ cố 。

chư ngoại đạo bối diệc phục thuyết ngôn chư hành thị thường 。

vì sao vậy? Các ngoại đạo cũng lại nói các hành là thường.

云何是常。可意不可意諸業報等受不失故。

vân hà thị thường 。

khả ý bất khả ý chư nghiệp báo đẳng thọ bất thất cố 。

Thế nào là thường? Vì khả ý, bất khả ý, các nghiệp báo v.v..khi thọ rồi thì chẳng mất.

可意者名十善報。不可意者十不善報。

khả ý giả danh Thập thiện báo 。

bất khả ý giả thập bất thiện báo 。

Khả ý là nói mười báo lành, bất khả ý là nói mười báo chẳng lành.

若言諸行悉皆無常。而作業者於此已滅。

nhược ngôn chư hành tất giai vô thường 。

nhi tác nghiệp giả ư thử dĩ diệt 。

Nếu cho rằng hết thảy các hành đều vô thường mà người tạo nghiệp đã chết mất
誰復於彼受果報乎。以是義故諸行是常。

thùy phục ư bỉ thọ quả báo hồ 。

dĩ thị nghĩa cố chư hành thị thường 。

thì ai thọ quả báo kia? Do nghĩa đó nên các hành là thường.

殺生因緣故名為常。世尊。若言諸行悉無常者。

sát sanh nhân duyên cố danh vi thường 。

Thế tôn 。

nhược ngôn chư hành tất vô thường giả 。

Nhân duyên sát sanh nên gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Nếu nói các hành đều là vô thường

能殺可殺二俱無常。若無常者誰於地獄而受罪報。

năng sát khả sát nhị câu vô thường 。

nhược vô thường giả thùy ư Địa-ngục nhi thọ tội báo

。

thì kẻ giết cùng người bị giết, cả hai đều vô thường; nếu vô thường thì ai ở địa ngục mà thọ tội báo?

若言定有地獄受報者。當知諸行實非無常。

nhược ngôn định hữu Địa-ngục thọ báo giả 。 đương tri chư hành thật phi vô thường 。
Nếu nói quyết định có người ở địa ngục thọ báo thì phải biết các hành thật chẳng vô thường.

世尊。繫心專念亦名為常。

Thế tôn 。 hệ tâm chuyên niệm diệt danh vi thường 。

Thế Tôn! Chuyên tâm ghi nhớ cũng gọi là thường,

所謂十年所念乃至百年亦不忘失是故為常。

sở vị thập niên sở niệm nãi chí bách niên diệt bất vong thất thị cố vi thường 。

như chỗ nhớ biết trải qua mười năm niệm cho đến trăm năm cũng chẳng quên mất, vì vậy là thường.

若無常者本所見事誰憶誰念。

nhược vô thường giả bản sở kiến sự thù ức thù niệm 。

Nếu là vô thường thì những việc đã thấy biết, ai là ghi nhớ.

以是因緣一切諸行非無常也。世尊。一切憶想亦名為常。

dĩ thị nhân duyên nhất thiết chư hành phi vô thường dã 。 Thế tôn 。 nhất thiết ức tưởng diệt danh vi thường 。

Do nhân duyên như vậy nên hết thảy các hành đều chẳng phải vô thường. Bạch Thế Tôn!
Hết thảy các sự nhớ tưởng cũng gọi là thường.

有人先見他人手脚頭項等相。後時若見便還識之。

hữu nhân tiên kiến tha nhân thủ cước đầu hạng đẳng tướng 。

hậu thời nhược kiến tiện hoàn thức chi 。

Có người ngày trước thấy các tướng tay, chân, đầu cổ của người khác, sau đó gặp lại liền nhớ biết;

若無常者本想應滅。世尊。諸所作業以久修習。

nhược vô thường giả bản tưởng ứng diệt 。

Thế Tôn 。

chư sở tác nghiệp dĩ cửu tu tập 。

nếu là vô thường thì những tướng thấy biết ngày trước lẽ ra đã diệt mất. Bạch Thế Tôn!

Nghề nghiệp tạo tác do học tập từ lâu,

若從初學或經三年或經五年。

nhược tông sơ học hoặc Kinh tam niên hoặc Kinh ngũ niên 。

hoặc từ ngày học đầu tiên, hoặc trải qua ba năm, hoặc trải qua năm năm,

然後善知故名為常。世尊。算數之法。

nhiên hậu thiện tri cố danh vi thường 。

Thế Tôn 。

toán số chi Pháp 。

sau mới giỏi nên gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Phương pháp tính đếm
từ một đến hai, từ hai đến ba cho đến trăm ngàn; nếu vô thường giả sơ nhất ứng
diệt 。

từ một đến hai, từ hai đến ba cho đến trăm ngàn; nếu vô thường thì số một ban đầu phải
mất.

初一若滅誰復至二。如是常一終無有二。

sơ nhất nhược diệt thù phục chí nhị 。

như thị thường nhất chung vô hữu nhị 。

Số ban đầu nếu mất thì lấy gì đi đến hai? Như vậy thường chỉ có một không có hai.

以一不滅故得至二乃至百千。是故為常。世尊。

dĩ nhất bất diệt cố đắc chí nhị nãi chí bách thiên 。

thị cố vi thường 。

Thế tôn 。

Do một chẳng mất nên đến được hai, hẳn đến trăm ngàn, vì thế là thường. Bạch Thế
Tôn!

如讀誦法。讀一阿含至二阿含。乃至三四阿含。

như đọc tụng Pháp 。

đọc nhất a hàm chí nhị a hàm 。

nãi chí tam tứ a hàm 。

Như phương pháp đọc tụng, tụng Nhất A-hàm đến Nhị A-hàm, hẳn đến tam tứ A-hàm;
如其無常所可讀誦終不至四。

như kỳ vô thường sở khả đọc tụng chung bất chí tứ 。

nếu là vô thường thì chỗ đọc tụng ấy sau cùng chẳng đến bốn.

以是讀誦增長因緣故名為常。世尊。瓶衣車乘如人負債。

dĩ thị đọc tụng tăng trưởng nhân duyên cố danh vi thường 。

Thế tôn 。

bình y xa thừa như
nhân phụ trái 。

Do sự đọc tụng đó tăng dần nên gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Như bình, xe cộ, người
mắc nợ,
大地形相山河樹林。藥木草葉眾生治病。

Đại địa hình tướng sơn hà thụ lâm 。

dược mộc thảo diệp chúng sanh trị bệnh 。

địa cầu, hình tướng, núi sông, cây rừng, thuốc thang, cây cỏ, lá, chúng sanh, trị bệnh,

皆悉是常亦復如是。世尊。

giai tất thị thường diệc phục như thị 。 Thế Tôn 。

tất cả thường đó cũng lại như vậy. Bạch đức Thế Tôn!

一切外道皆作是說諸行是常。若是常者即是實諦。世尊。

nhất thiết ngoại đạo giai tác thị thuyết chư hành thị thường 。 nhược thị thường giả tức thị thật đế 。 Thế Tôn 。

Tất cả ngoại đạo đều nói các hành là thường. Nếu là thường tức là thật đế. Bạch Thế Tôn!
有諸外道復言有樂。云何知耶。

hữu chư ngoại đạo phục ngôn hữu lạc 。 vân hà tri da 。

Có những người ngoại đạo lại có lạc, vậy làm sao biết có lạc?

受者定得可意報故。世尊。凡受樂者必定得之。

thọ giả định đắc khả ý báo cố 。 Thế Tôn 。

phàm thọ lạc giả tất định đắc chi 。

Vì người thọ chắc chắn được quả báo khả ý. Bạch Thế Tôn! Nếu người thọ lạc quyết định được kết quả đó,

所謂大梵天王大自在天釋提桓因毘紐天及諸人天。

sở vị Đại Phạm Thiên Vương Đại Tự Tại Thiên thích đề hoàn nhân tì nữ Thiên cập chư nhân Thiên 。

tức là quả vị vua trời Đại phạm, vua trời Đại Tự Tại, Thích Đề Hoàn Nhân, trời Tỳ-nữ và các chư thiên.

以是義故名定有樂。世尊。有諸外道復言有樂。

dĩ thị nghĩa cố danh định hữu lạc 。 Thế tôn 。

hữu chư ngoại đạo phục ngôn hữu lạc 。

Do nghĩa đó nên quyết định có lạc. Bạch Thế Tôn! Có phải ngoại đạo lại nói có lạc
能令眾生求望故。飢者求食渴者求飲。

năng linh chúng sanh sanh cầu vọng cố 。 cơ giả cầu thực khát giả cầu ẩm 。

vì thấy chúng sanh sinh tâm tìm cầu mong cầu, như người đói cầu thức ăn, người khát cầu đồ uống,

寒者求溫熱者求涼。

hàn giả cầu ôn nhiệt giả cầu lương 。

người lạnh cầu ấm, người nóng thì cầu mát,

極者求息病者求差欲者求色。若無樂者彼何緣求。

cực giả cầu tức bệnh giả cầu sai dục giả cầu sắc 。

nhược vô lạc giả bỉ hà duyên cầu 。

người mệt nhọc cầu nghỉ ngơi, người bệnh cầu muốn sai, người tham dục cầu sắc; nếu không có lạc thì những người kia vì duyên gì mà cầu?

以有求者故知有樂。世尊。有諸外道復作是言施能得樂。

dĩ hữu cầu giả cố tri hữu lạc 。 Thế Tôn 。 hữu chư ngoại đạo phục tác thị ngôn thí năng đắc lạc 。

Do có người cầu nên biết có lạc. Bạch Thế Tôn! Có phái ngoại đạo lại nói rằng bố thí thì được lạc.

世間之人好施沙門諸婆羅門。

thế gian chi nhân hảo thí Sa-môn chư Bà-la-môn 。

Người thế gian ưa bố thí cho Sa-môn và các Bà-la-môn,

貧窮困苦衣服飲食臥具醫藥。象馬車乘末香塗香。

bần cùng khốn khổ y phục ẩm thực ngoại cụ y dược 。 tượng mã xa thừa mặt hương đồ hương 。

và cho người bần cùng khốn khổ nào y phục, thức ăn vật uống, đồ nằm, thuốc thang, voi, ngựa, xe cộ, hương bột, hương thoa,

眾花屋宅依止燈明。作如是等種種惠施。

chúng hoa ốc trạch y chỉ đăng minh 。 tác như thị đẳng chủng chủng huệ thí 。

các thứ hương hoa, phòng nhà, y chỉ, đèn sáng; đem lòng nhân từ mà bố thí các thứ như vậy

為我後世受可意報。是故當知決定有樂。世尊。

vi ngã hậu thế thọ khả ý báo 。 thị cố đương tri quyết định hữu lạc 。

vì muốn đời sau tôi được thọ báo khả ý. Vì thế nên biết rằng chắc chắn có lạc. Bạch Thế Tôn!

有諸外道復作是言以因緣故當知有樂。

hữu chư ngoại đạo phục tác thị ngôn dĩ nhân duyên cố đương tri hữu lạc 。

Có phái ngoại đạo lại nói rằng người thọ lạc vì có nhân duyên nên biết có lạc.

所謂受樂者有因緣故名為樂觸。

sở vị thọ lạc giả hữu nhân duyên cố danh vi lạc xúc 。

Đó là nhân duyên có người thọ lạc nên gọi là lạc xúc,

若無樂者何得因緣。如無兔角則無因緣。

nhược vô lạc giả hà đắc nhân duyên 。

nếu không lạc đầu thành có nhân duyên? Như sừng thỏ không có thì không có nhân duyên;

有樂因緣則知有樂。世尊。

hữu lạc nhân duyên tác tri hữu lạc 。 Thế Tôn 。

vì có nhân duyên lạc thì biết có lạc. Bạch đức Thế Tôn!

有諸外道復作是言上中下故當知有樂。下受樂者釋提桓因。

hữu chư ngoại đạo phục tác thị ngôn thượng trung hạ cố đương tri hữu lạc 。 hạ thọ lạc giả thích đề hoàn nhân 。

Có phái ngoại đạo lại nói rằng có bậc Thượng, Trung, Hạ nên biết có lạc. Thọ lạc bậc Hạ như Thích Đề Hoàn Nhân,

中受樂者大梵天王。上受樂者大自在天。

trung thọ lạc giả Đại Phạm Thiên Vương 。 thượng thọ lạc giả Đại Tự Tại Thiên 。

thọ lạc bậc Trung như vua trời Đại Phạm, thọ lạc bậc Thượng như trời Đại Tự Tại.

以有如是上中下故當知有樂。世尊。有諸外道復言有淨。

dĩ hữu như thị thượng trung hạ cố đương tri hữu lạc 。 Thế Tôn 。

hữu chư ngoại đạo phục ngôn hữu tịnh 。

Do có các bậc Thượng, Trung, Hạ như thế nên biết có lạc. Bạch đức Thế Tôn! Có phái ngoại đạo lại nói rằng có tịnh.

何以故。若無淨者不應起欲。

hà dĩ cố 。 nhược vô tịnh giả bất ứng khởi dục 。

Vì sao vậy? Nếu không tịnh thì lẽ ra chẳng sanh lòng mong muốn,

若起欲者當知有淨。又復說言。

nhược khởi dục giả đương tri hữu tịnh 。 hữu phục thuyết ngôn 。

vì có mong muốn thì biết có tịnh. Lại nói rằng:

金銀珍寶琉璃頗梨車磑馬瑙珊瑚真珠璧玉珂貝。流泉浴池飲食衣服。

kim ngân trân bảo lưu ly pha lê xa cừ mã-nã san hô chân châu bích ngọc kha bối 。 lưu tuyền dục trì ẩm thực y phục 。

Vàng bạc, châu báu, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã nã, san hô, trân châu, ngọc bích, ngọc trai, dòng suối, ao tắm, uống ăn, y phục,

花香末香塗香燈燭之明。如是等物悉是淨法。

hoa hương mặt hương đồ hương đăng chúc chi minh 。 như thị đẳng vật tất thị tịnh Pháp
。

hoa hương, hương bột, hương thoa, đèn đuốc sáng, những vật như vậy đều là tịnh.
復次有淨謂五陰者即是淨器盛諸淨物。

phục thứ hữu tịnh vị ngũ ấm giả tức thị tịnh khí thịnh chư tịnh vật 。

Họ lại nói thân ngũ ấm chính là tịnh khí những tịnh vật,
所謂人天諸仙阿羅漢辟支佛菩薩諸佛。

sở vị nhân Thiên chư tiên A-la-hán Bích-chi-phật Bồ-tát chư Phật 。

như thân người, trời, các tiên, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, chư Phật.

以是義故名之為淨。世尊。有諸外道復言有我。

dĩ thị nghĩa cổ danh chi vi tịnh 。

Do nghĩa đó nên gọi là tịnh. Bạch Thế Tôn! Có nhái đạo lại nói rằng có ngã,

有所覩見能造作故。譬如有人入陶師家。

hữu sở đở kiến năng tạo tác cố 。

vì có thấy biết, vì có thể tạo tác. Thí như có người vào trong nhà của thợ gốm,

雖復不見陶師之身。以見輪繩定知。

tuy phục bất kiến đào sư chi thân 。

ttuy lại chẳng thấy thân của người thợ gốm nhưng do nhìn thấy bánh xe, dây dợ nên biết
chắc

其家必是陶師。我亦如是眼見色已必知有我。

kỳ gia tất thị đào sư 。

nhà đó là thợ gốm. Ngã cũng như vậy, do mắt thấy sắc biết chắc là có ngã,

若無我者誰能見色聞聲乃至觸法亦復如是。

nhược vô ngã giả thùý năng kiến sắc văn thanh nãi chí xúc Pháp diệc phục như thị 。

nếu không có ngã thì ai có thể thấy sắc, nghe tiếng? Nhãn đến xúc pháp cũng lại như
vậy.

復次有我。云何得知因相故知。何等為相。

phục thứ hữu ngã 。

Họ lại nói có ngã, làm sao biết có ngã? Vì nhân nơi tướng mà biết có ngã. Những gì là
tướng?

喘息視胸壽命役心受諸苦樂貪求瞋恚。

suyễn tức thị huyện thọ mạng dịch tâm thọ chư khổ lạc tham cầu sân khuể 。
Như tướng thờ, ngáy, nhìn ngó, mạng sống, móng tâm, lãnh thọ các khổ, vui, tham cầu,
sân giận.

如是等法悉是我相。是故當知必定有我。

như thị đẳng Pháp tất thị ngã tướng 。 thị cố đương tri tất định hữu ngã 。

Những pháp như vậy đều là tướng của ngã, vì thế nên biết chắc chắn có ngã.

復次有我能別味故。有人食果見已知味。

phục thứ hữu ngã năng biệt vị cố 。 hữu nhân thực quả kiến dĩ tri vị 。

Ngoại đạo lại nói có ngã vì phân biệt được các mùi vị: Như có người ăn trái cây thấy biết
mùi vị,

是故當知必定有我。復次有我云何知耶執作業故。

thị cố đương tri tất định hữu ngã 。 phục thứ hữu ngã vân hà tri da chấp tác nghiệp cố 。

vì thế nên biết chắc chắn có ngã. Ngoại đạo lại nói có ngã. Vì sao biết có ngã? Vì có cầm
nắm, tạo tác các nghiệp,

執鎌能刈執斧能斫執瓶盛水執車能御。

chấp liềm năng ngải chấp phủ năng chước chấp bình tịnh thủy chấp xa năng ngự 。

như cầm lưỡi liềm có thể cắt gặt, cầm búa có thể đập, cầm bình để đựng nước, ngồi xe thì
cầm cương.

如是等事我執能作。當知必定而有我也。

như thị đẳng sự ngã chấp năng tác 。 đương tri tất định nhi hữu ngã dã 。

Những sự việc như vậy do Ngã chấp tạo ra nên biết chắc chắn có ngã.

復次有我云何知耶。即於生時欲得乳餵乘宿習故。

phục thứ hữu ngã vân hà tri da 。 tức ư sanh thời dục đắc nhũ bộ thừa túc tập cố 。

Ngoại đạo lại nói rằng có ngã, vì sao biết có ngã? Vì lúc mới sanh liền biết đòi bú đó là do
tập quán đời trước,

是故當知必定有我。復次有我云何知耶。

thị cố đương tri tất định hữu ngã 。 phục thứ hữu ngã vân hà tri da 。

vì vậy nên biết chắc chắn có ngã. Ngoại đạo lại nói có ngã, vì sao biết có ngã?

和合利益他眾生故。譬如瓶衣車乘田宅。

hòa hợp lợi ích tha chúng sanh cố 。 thí như ngõa y xa thừa điền trạch 。

Vì hòa hợp lợi ích cho những người khác, thí như bình, y phục, xe cộ, ruộng vườn, nhà cửa,

山林樹木象馬牛羊。

sơn lâm thụ mộc tượng mã ngưu dương 。

núi rừng, cây cối, voi ngựa, trâu dê;

如是等物若和合者則有利益。此內五陰亦復如是。

như thị đẳng vật nhược hòa hợp giả tắc hữu lợi ích 。

những vật như vậy hòa hợp thì có lợi ích. Ngũ ấm trong thân này cũng lại như vậy,

眼等諸根有和合故則利益我。是故當知必定有我。

nhãn đẳng chư căn hữu hòa hợp cố tắc lợi ích ngã 。

do nhãn căn v.v..vì có hòa hợp nên có Ngã lợi ích, vì thế nên biết chắc chắn có ngã.

復次有我云何知耶。有遮法故如有物故則有遮礙。

phục thứ hữu ngã vân hà tri da 。

Ngoại đạo lại nói có ngã, vì sao biết có ngã? Vì có sự vật ngăn ngại, như vì có vật thì có ngăn ngại,

物若無者則無有遮。若有遮者則知有我。

vật nhược vô giả tắc vô hữu giả 。

nếu không vật thì không có ngăn ngại, nếu có ngăn ngại tức biết có ngã,

是故當知必定有我。復次有我云何知耶。

thị cố đương tri tất định hữu ngã 。

vì thế biết chắc chắn có ngã. Ngoại đạo lại nói có ngã, vì sao biết có ngã?

伴非伴故親與非親非是伴侶。

bạn phi bạn cố thân dĩ phi thân phi thị bạn lữ 。

Vì có bạn cùng chẳng phải bạn, như thân cùng với chẳng thân, chẳng phải là bạn.

正法邪法亦非伴侶。智與非智亦非伴侶。沙門非沙門。

chánh Pháp tà Pháp diệc phi bạn lữ 。

。

Chánh pháp và tà pháp cũng chẳng phải bạn bè. Người trí và người vô trí chẳng phải bạn bè.

婆羅門非婆羅門。子非子晝非晝夜非夜我非我。

Bà-la-môn phi Bà-la-môn 。

Bà-la-môn chẳng phải Bà-la-môn, con chẳng phải con, ban ngày chẳng phải ban ngày, đêm chẳng phải đêm, ngã chẳng phải ngã;

如是等法為伴非伴。是故當知必定有我。

như thị đẳng Pháp vi bạn phi bạn 。 thị cố đương tri tất định hữu ngã 。

những pháp đó đều là bạn chẳng phải bạn, vì thế nên biết chắc chắn có ngã.

世尊。諸外道等種種說有常樂我淨。

Thế tôn 。 chư ngoại đạo đẳng chủng chủng thuyết hữu thường lạc ngã tịnh 。

Bạch đức Thế Tôn! Các ngoại đạo nhiều cách nói có thường, lạc, ngã, tịnh,

當知定有常樂我淨。世尊。以是義故。

đương tri định hữu thường lạc ngã tịnh 。

Thế tôn 。 dĩ thị nghĩa cố 。

vì thế nên biết chắc chắn có thường, lạc, ngã, tịnh. Bạch Thế Tôn! Do nghĩa đó nên

諸外道等亦得說言我有真諦。

chư ngoại đạo đẳng diệc đắc thuyết ngôn ngã hữu chân đế 。

các phái ngoại đạo cũng được nói là Ngã có chân đế

佛言善男子。若有沙門婆羅門有常有樂。

Phật ngôn thiện nam tử 。

Phật dạy: Này thiện nam tử! Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn mà có thường, có lạc,

hữu tịnh hữu ngã giả thị phi Sa-môn phi Bà-la-môn 。

có tịnh, có ngã thì người ấy chẳng phải Sa-môn hay Bà-la-môn. Vì sao?

迷於生死離一切智大導師故。

mê ư sanh tử ly nhất thiết trí Đại Đạo sư cố 。

Vì còn lạc trong sanh tử, xa lìa hết thầy bậc Đại Đạo sư Nhất-thiết-trí,

如是沙門婆羅門等沈沒諸欲善法羸損故。

như thị Sa-môn Bà-la-môn đẳng trầm một chư dục thiện Pháp luy tổn cố 。

những Sa-môn hay Bà-la-môn như vậy đều chìm đắm trong các dục, thiếu kém các pháp lành.

是諸外道繫在貪欲瞋恚癡獄。堪忍愛樂故。

thị chư ngoại đạo hệ tại tham dục sân khuể si ngục 。

Các phái ngoại đạo đó, bị trói buộc trong ngục tham lam, sân giận, si mê, kham nhẫn thọ lạc.

是諸外道雖知業果自作自受。而猶不能遠離惡法。

thị chư ngoại đạo tuy tri nghiệp quả tự tác tự thọ 。 nhi do bất năng viễn li ác Pháp 。

Các phái ngoại đạo đó tuy biết nghiệp quả tự làm tự chịu nhưng do không thể xa lìa pháp ác.

是諸外道非是正法正命自活。何以故。

thị chư ngoại đạo phi thị chánh Pháp chánh mạng tự hoạt 。 hà dĩ cố 。

nên các phái ngoại đạo đó chẳng phải chánh pháp, chánh mạng để tự sống. Vì sao vậy?

無智慧火不能消故。是諸外道雖欲貪著上妙五欲。

vô trí tuệ hỏa bất năng tiêu cố 。

thị chư ngoại đạo tuy dục tham trước thượng diệu ngũ dục 。

Vì họ không có lửa trí tuệ nên không thể tiêu diệt được. Các phái ngoại đạo đều có tham muốn năm dục thượng diệu,

貧於善法不勤修故。

bần ư thiện Pháp bất tinh cần tu cố 。

nghèo thiếu đối với pháp lành, nhưng chẳng chuyên cần tu tập nên

是諸外道雖欲往至正解脫中。而持戒足不成就。

thị chư ngoại đạo tuy dục vãng chí chánh giải thoát trung 。

nhi trì giới túc bất thành tựu 。

các phái ngoại đạo này đều muốn đến đi trong chánh giải thoát nhưng trì giới cụ túc chẳng thành tựu.

故是諸外道雖欲求樂。而不能求樂因緣。

cố thị chư ngoại đạo tuy dục cầu lạc 。

nhi bất năng cầu lạc nhân duyên 。

Vì thế ngoại đạo tuy muốn cầu vui nhưng chẳng có thể cầu nhân duyên của vui.

故是諸外道雖復憎惡一切諸苦。然其所行未能遠離諸苦因緣。

cố thị chư ngoại đạo tuy phục tăng ác nhất thiết chư khổ 。

nhiên kỳ sở hạnh vị năng viễn li chư khổ nhân duyên 。

Vì thế các ngoại đạo đều lại muốn oán ghét tất cả các khổ nhưng chỗ thực hành chưa xa lìa được nhân các khổ nên

是諸外道雖為四大毒蛇所纏。

thị chư ngoại đạo tuy vị tứ Đại độc xà sở triền 。

các phái ngoại đạo đó tuy bị bốn rắn độc lớn đeo vấn
 猶行放逸不能謹慎。是諸外道無明所覆遠離善友。
 do hành phóng dật bất năng cẩn thận。 thị chư ngoại đạo vô minh sở phúc viễn li thiện
 hữu 。
 nhưng vẫn phóng dật nên chẳng thể cẩn thận. Các phái ngoại đạo đó vì bị vô minh che
 lấp, lia xa các bạn lành,
 樂在三界無常熾然大火之中而不能出。
 lạc tại tam giới vô thường sí nhiên Đại hỏa chi trung nhi bất năng xuất 。
 vui thú ở trong ba cõi, lửa vô thường lớn thiêu đốt mà không thể ra khỏi nên
 是諸外道遇諸煩惱難愈之病。而復不求大智良醫。
 thị chư ngoại đạo ngộ chư phiền não nan dĩ chi bệnh 。 nhi phục bất cầu Đại trí lương y
 。
 các phái ngoại đạo đó gặp các bệnh phiền não khó lành mà họ chẳng cầu bậc lương y
 Đại trí.
 是諸外道方於未來當涉無邊險遠之路。
 thị chư ngoại đạo phương ư vị lai đương thiệp vô biên hiểm viễn chi lộ 。
 Các phái ngoại đạo đó trong đời vị lai đi vào con đường xa xôi hiểm trở vô biên
 而不知習善法資糧而自莊嚴。
 nhi bất tri tập thiện Pháp tư lương nhi tự trang nghiêm 。
 mà chẳng biết huân tập các pháp lành làm tư lương để tự trang nghiêm mình nên
 是諸外道常為婬欲災毒所害。而反抱持五欲霜毒。
 thị chư ngoại đạo thường vi dâm dục tai độc sở hại 。 nhi phản bảo trì ngũ dục sương độc
 。
 các phái ngoại đạo đó thường bị dâm dục làm hại mà trở lại ôm ấp rương độc năm dục.
 是諸外道瞋恚熾盛。而復反更親近惡友。
 thị chư ngoại đạo sân khuyển sí thịnh 。 nhi phục phản canh thân cận ác hữu 。
 Các phái ngoại đạo đó sân giận hung dữ mà trở lại thân gần bạn xấu.
 是諸外道常為無明之所覆蔽。而反推求邪惡之法。
 thị chư ngoại đạo thường vi vô minh chi sở phúc tế 。 nhi phản thôi cầu tà ác chi Pháp 。
 Các phái ngoại đạo thường bị vô minh che lấp mà trở lại tìm cầu pháp tà ác.
 是諸外道常為邪見之所誑惑。

thị chư ngoại đạo thường vi tà kiến chi sở cưỡng hoặc 。

Các phái ngoại đạo thường bị tà kiến làm mê lầm,

而反於中生親善想。是諸外道怖食甘果而種苦子。

nhi phản ư trung sanh thân thiện tưởng 。

thị chư ngoại đạo phổ thực cam quả nhi chủng khổ tử 。

mà trở lại ở trong đó mà sanh tưởng thân thích. Các phái ngoại trông mong ăn quả ngọt mà trồng cây đắng.

是諸外道已處煩惱闇室之中。而反遠離大智炬明。

thị chư ngoại đạo dĩ xử phiền não ám thất chi trung 。

nhi phản viễn li Đại trí cự minh 。

Các phái ngoại đạo này đã ở trong ngôi nhà tối tăm phiền não mà trở lại xa lìa đuốc sáng đại trí.

是諸外道患煩惱渴。而復反飲諸欲鹹水。

thị chư ngoại đạo hoạn phiền não khát 。

nhi phục phản ẩm chư dục hàm thủy 。

Các phái ngoại đạo này mang bệnh khát phiền não mà lại trở lại uống các thứ nước mặn dục nhiễm.

是諸外道漂沒生死無邊大河。

thị chư ngoại đạo phiêu một sanh tử vô biên Đại hà 。

Các phái ngoại đạo này bị nổi trôi trong sông lớn sanh tử chẳng có bờ bến

而復遠離無上船師。是諸外道迷惑顛倒言諸行常。

nhi phục viễn li vô thượng thuyền sư 。

thị chư ngoại đạo mê hoặc điên đảo ngôn chư hành thường 。

mà lại xa lìa Thuyền sư Vô thượng. Các phái ngoại đạo này bị mê mờ điên đảo nói rằng các hành là thường,

諸行若常無有是處。

chư hành nhược thường vô hữu thị xử 。

cho các hành là thường thì không có sự việc đó.

大般涅槃經卷第十三

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ thập tam

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, QUYỂN THỨ MƯỜI BA.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:08:02 2006

====TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:07:46 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại Bát-niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại Bát-niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại Bát-niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại Bát-niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

=====

大般涅槃經卷第十三

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ thập tam

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ MƯỜI BA

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Triều đại Bắc Lương, Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Đấm người Thiên Trúc dịch.

聖行品第七之三

Thánh hành phẩm đệ thất chi tam

PHẦN HAI, PHẨM THỨ BẢY: THÁNH HẠNH

善男子。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử!

云何菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃觀察集諦。善男子。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát trụ ư Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán sát tập đế 。

Thế nào là Đại Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán sát Tập đế? Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩觀此集諦是陰因緣。所謂集者還愛於有。愛有二種。

Bồ-tát Ma-Ha tát quán thử tập đế thị ấm nhân duyên 。

sở vị tập giả hoàn ái ư hữu 。

ái hữu nhị chủng 。

Đại Bồ-tát quán sát Tập đế này là nhân duyên Ngũ ấm. Tập nghĩa là trở lại ái luyến đối với Hữu. Ái có hai thứ:

一愛己身。二愛所須。復有二種。

nhất ái kỷ thân 。 nhị ái sở tu 。 phục hữu nhị chủng 。

Một là ái thân mình, hai là ái đồ cần dùng. Lại có hai thứ:

未得五欲繫心專求。既求得已堪忍專著。復有三種。

vị đắc ngũ dục hệ tâm chuyên cầu 。 ký cầu đắc dĩ Kham nhẫn chuyên trú 。

phục hữu tam chủng 。

đối với năm thứ dục lạc, lúc chưa được thì tâm tìm cầu, tìm cầu được rồi thì đắm trước. Lại có ba thứ:

欲愛色愛無色愛。復有三種。

dục ái sắc ái vô sắc ái 。

phục hữu tam chủng 。

dục ái, sắc ái và vô sắc ái. Lại có ba thứ:

業因緣愛煩惱因緣愛苦因緣愛。出家之人有四種愛。

nghiệp nhân duyên ái phiền não nhân duyên ái khổ nhân duyên ái 。

xuất gia chi nhân hữu tứ chủng ái 。

Nghiệp nhân duyên ái, phiền não nhân duyên ái, khổ nhân duyên ái. Người xuất gia có bốn thứ ái:

何等為四。衣服飲食臥具湯藥。復有五種。

hà đẳng vi tứ 。

y phục ẩm thực ngọa cụ thang dược 。

phục hữu ngũ chủng 。

Những gì là bốn? Y phục, ăn uống, dụng cụ ngồi nằm, thuốc thang. Lại có năm thứ:

貪著五陰隨諸所須一切愛著。

tham trước ngũ uẩn tùy chư sở tu nhất thiết ái trú 。

tham trước Ngũ ấm, chạy theo những nhu cầu, luyến ái đối với tất cả và

分別校計無量無邊。善男子。愛有二種。一者善愛二不善愛。

phân biệt giáo kế vô lượng vô biên 。

thiện nam tử 。

ái hữu nhị chủng 。

nhất giả thiện ái nhị bất thiện ái 。

phân biệt tính toán vô lượng vô biên. Này thiện nam tử! Ái có hai thứ: Một là ái thiện, hai là ái bất thiện.

不善愛者。惟愚求之。善法愛者諸菩薩求。

bất thiện ái giả 。

duy ngu cầu chi 。

thiện Pháp ái giả chư Bồ-tát cầu 。

Ái bất thiện ấy chỉ có người ngu si tìm cầu, ái thiện là Bồ-tát tìm cầu.

善法愛者復有二種不善與善。

thiện Pháp ái giả phục hữu nhị chủng bất thiện dữ thiện 。

Ái pháp thiện lại có hai là thiện và bất thiện.

求二乘者名為不善。求大乘者是名為善。善男子。

cầu nhị thừa giả danh vi bất thiện 。 cầu Đại thừa giả thị danh vi thiện 。 thiện nam tử 。

Cầu Nhị thừa gọi là bất thiện. Cầu Đại thừa gọi là thiện. Này thiện nam tử!

凡夫愛者名之為集。不名為諦。

phàm phu ái giả danh chi vi tập 。 bất danh vi đế 。

Phàm phu ái gọi là Tập không gọi là Đế.

菩薩愛者名之實諦不名為集。何以故。為度眾生所以受生。

Bồ-tát ái giả danh chi thật đế bất danh vi tập 。 hà dĩ cố 。

Bồ-tát ái gọi là thật đế không gọi là tập đế. Vì sao vậy? Vì Bồ-tát muốn độ chúng sanh mà thọ sanh

不以愛故而受生也。迦葉菩薩白佛言。世尊。

bất dĩ ái cố nhi thọ sanh dã 。

chứ không phải vì ái mà thọ sanh. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

如佛世尊。於餘經中為諸眾生說業為因緣。

như Phật Thế tôn 。

Như Phật Thế Tôn nói trong các kinh khác, chúng sanh do nghiệp làm nhân duyên,

或說憍慢。或說六觸。或說無明。

hoặc thuyết kiêu mạn 。

hoặc nói do kiêu mạn, hoặc nói vô minh làm nhân duyên

為五盛陰而作因緣。今以何義說四聖諦。

vi ngũ thịnh uẩn nhi tác nhân duyên 。

mà có ngũ ấm xí thịnh. Hôm nay do nghĩa gì mà Thế Tôn nói Bốn Thánh đế

獨以愛性為五陰因。佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。善男子。

độc dĩ ái tánh vi ngũ uẩn nhân 。

duy chỉ lấy ái làm nhân duyên cho ngũ ấm? Phật khen Ca-diếp: Hay thay, hay thay! Này thiện nam tử!

如汝所說。諸因緣者非為非因。

như nhữ sở thuyết 。

Đúng như lời ông nói, các nhân duyên chẳng phải làm cũng chẳng phải nhân,
但是五陰要因於愛。善男子。譬如大王若出遊巡。
đãn thị ngũ uẩn yếu nhân ư ái 。 thiện nam tử 。 thí như Đại Vương nhược xuất du tuần 。
chỉ vì ngũ ấm cần phải nhân nơi ái. Nay thiện nam tử! Thí như Đại vương khi ra ngoài đi
tuần tra

大臣眷屬悉皆隨從。愛亦如是隨愛行處。

Đại Thần quyến chúc tất giai tùy tòng 。 ái diệc như thị tùy ái hành xứ 。
các quan quyến thuộc hết thầy phải theo hầu. Cũng vậy, ái đi đến chỗ nào
是諸結等亦復隨行。譬如膩衣隨有塵著著則隨住。

thị chư kết đẳng diệc phục tùy hành 。 thí như nị y tùy hữu trần trước trước tắc tùy trụ 。
thì các kết sử cũng đi theo; thí như y phục thấm mồ hôi, bụi bay đến liền bám dính;
愛亦如是隨所愛處業結亦住。復次善男子。

ái diệc như thị tùy sở ái xứ nghiệp kết diệc trụ 。 phục thứ thiện nam tử 。

ái cũng như vậy, tùy theo chỗ của ái thì nghiệp kết sử cũng theo. Lại nữa, nay thiện nam
tử!

譬如濕地則能生牙。

thí như thấp địa tắc năng sanh nha 。

Thí như đất ẩm ướt thì có thể mọc mầm;

愛亦如是能生一切業煩惱牙。善男子。

ái diệc như thị năng sanh nhất thiết nghiệp phiền não nha 。

ái cũng như vậy, có thể sanh hết thầy mầm nghiệp phiền não. Nay thiện nam tử!

菩薩摩訶薩住是大乘大般涅槃深觀此愛。凡有九種。一如債有餘。

Bồ-tát Ma-Ha tát trụ thị Đại thừa Đại Bát-niết-bàn thâm quán thử ái 。

Đại Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn đó để quán sát thâm sâu ái này, gồm có chín
thứ: Một là như thiếu nợ,

二如羅刹女婦。三如妙花莖中有毒蛇纏之。

nhị như La sát nữ phụ 。

hai là như vợ La-sát, ba là như trong cọng hoa đẹp có rắn độc vấn,

四如惡食性所不便而強食之。五如姪女。

tứ như ác thực tánh sở bất tiện nhi cường thực chi 。

bốn là thức ăn có tánh độc chẳng nên ăn mà cố ăn, năm là như dâm nữ,

六如摩樓迦子。七如瘡中息肉。八如暴風。

lục như ma lâu ca tử 。 thất như sang trung tức nhục 。 bát như bạo phong 。

sáu là như hột ma-lâu-ca, bảy là như thịt thúi trong mụn nhọt, tám là như gió bão,

九如彗星。云何名為如債有餘。善男子。

cửu như tuệ tinh 。 vân hà danh vi như trái hữu dư 。 thiện nam tử 。

chín là như sao chổi. Thế nào gọi là như thiếu nợ?

譬如窮人負他錢財。雖償欲畢餘未畢故。

thí như cùng nhân phụ tha tiền tài 。 tuy thường dục tất dư vị tất cố 。

Thí như người nghèo hèn thiếu tiền của người khác, dầu đã trả nợ mà vẫn còn thiếu,

猶繫在獄而不得脫。聲聞緣覺亦復如是。

do hệ tại ngục nhi bất đắc thoát 。

Thanh Văn, Duyên Giác diệc phục như thị 。

nên bị nhốt vào trong ngục không được thoát. Thanh Văn, Duyên Giác cũng lại như vậy,

以有愛習之餘氣故。

do tập khí của ái còn dư tàn nên

不能得成阿耨多羅三藐三菩提。善男子。是名如債有餘。善男子。

bất năng đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

thiện nam tử 。

thị danh như trái

hữu dư 。

thiện nam tử 。

không thể đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây thiện nam tử! Đó gọi là như

thiếu nợ. Đây thiện nam tử!

云何如羅刹女婦。善男子。

vân hà như La sát nữ phụ 。

thiện nam tử 。

Thế nào gọi là như vợ La-sát? Đây thiện nam tử!

譬如有人以羅刹女而為婦妾。是羅刹女隨所生子生已便噉子。

thí như hữu nhân dĩ La sát nữ nhi vi phụ thiếp 。

thị La sát nữ tùy sở sanh tử sanh dĩ tiện

đạm tử 。

Thí như có người lấy nữ La-sát làm vợ. Nữ La-sát đó sanh con xong rồi lại ăn thịt con,

既盡已復噉其夫。善男子。愛羅刹女亦復如是。

ký tận dĩ phục đạm kỳ phu 。

thiện nam tử 。

ái La sát nữ diệc phục như thị 。

ăn thịt con xong lại ăn luôn thịt chồng. Đây thiện nam tử! Nữ ái La-sát cũng lại như vậy,

隨諸眾生善根子隨生隨食。

tùy chư chúng sanh sanh thiện căn tử tùy sanh tùy thực 。

theo các chúng sanh có sanh căn lành nó liền ăn,

善子既盡復噉眾生。令墮地獄畜生餓鬼。唯除菩薩。

thiện tử ký tận phục đạm chúng sanh 。

linh đọa Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ 。

duy trừ Bồ-tát 。

ăn hết thiện căn rồi lại ăn nuốt luôn chúng sanh, làm cho đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chỉ trừ các vị Bồ-tát.

是名如羅刹女婦。善男子。

thị danh như La sát nữ phụ 。

thiện nam tử 。

Đó gọi là vợ La-sát. Này thiện nam tử!

云何如妙花莖毒蛇纏之。譬如有人性愛好花。

vân hà như diệu hoa hành độc xà triển chi 。

thí như hữu nhân tánh ái hảo hoa 。

Thế nào gọi là cành hoa đẹp có rắn độc quấn? Thí như có người thích hoa đẹp
不見花莖毒蛇過患即便前捉。捉已蛇螫螫已命終。

bất kiến hoa hành độc xà quá hoạn tức tiền tiền tróc 。

tróc dĩ xà thích thích dĩ mạng chung 。

mà chẳng thấy cành hoa có rắn độc đáng lo sợ, liền đến ngắt hoa bị rắn cắn chết.

一切凡夫亦復如是。

nhất thiết phàm phu diệc phục như thị 。

Hết thầy phàm phu cũng lại như vậy,

貪五欲花不見是愛毒蛇過患而便受取。即為愛毒之所蠍螫。

tham ngũ dục hoa bất kiến thị ái độc xà quá hoạn nhi tiền thọ thủ 。

tức vi ái độc chi sở hiết thích 。

vì tham hoa ngũ dục mà chẳng thấy độc hại của ái nên bị ái làm hại, tức là bị nhiễm nọc độc của ái,

命終墮於三惡道中。唯除菩薩。是名如妙花莖毒蛇纏之。

mạng chung đọa ư tam ác đạo trung 。

duy trừ Bồ-tát 。

thị danh như diệu hoa hành độc xà triển chi 。

sau khi chết đọa vào trong ba đường ác, chỉ trừ các vị Bồ-tát. Đó gọi là cành hoa đẹp bị rắn độc quấn.

善男子。云何所不便食而強食之。

thiện nam tử 。 vân hà sở bất tiện thực nhi cường thực chi 。

Này thiện nam tử! Thế nào là chỗ chẳng nên ăn mà cố ăn?

譬如有人所不便食而強食之。食已腹痛患下而死。

thí như hữu nhân sở bất tiện thực nhi cường thực chi 。

Thí như có người gặp những thức ăn chẳng nên ăn mà cố ăn, ăn xong rồi đau bụng thổ tả mà chết.

愛食亦爾。五道眾生強食貪著。

ái thực diệc nhĩ 。

Thức ăn ái cũng vậy, chúng sanh trong năm đường vì cố đắm trước vào thức ăn ái,

以是因緣墮三惡道。唯除菩薩。是名所不便食而強食之。

dĩ thị nhân duyên đọa tam ác đạo 。

do nhân duyên đó mà đọa vào ba đường ác, chỉ trừ các vị Bồ-tát. Đó gọi là chỗ chẳng đáng ăn mà cố ăn.

善男子。云何姪女。譬如愚人與姪女通。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử! Thế nào là dâm nữ? Thí như người ngu si tư thông với dâm nữ,

而彼姪女巧作種種諂媚現親。悉奪是人所有錢財。

nhi bỉ dâm nữ xảo tác chủng chủng siểm mị hiện thân 。

bị người nữ kia giả làm thân gần đủ thứ nịnh hót, chiếm đoạt hết tất cả tài sản của người kia,

錢財既盡便復驅逐。愛之姪女亦復如是。

tiển tài ký tận tiện phục khu trục 。

tiền của hết rồi liền đuổi ra khỏi nhà. Dâm nữ ái cũng lại như vậy,

愚人無智與之交通。

ngu nhân vô trí dĩ chi giao thông 。

người ngu không có trí tuệ nên thông giao với dâm nữ,

而是愛女奪其所有一切善法。善法既盡驅逐令墮三惡道中。

nhi thị ái nữ đoạt kỳ sở hữu nhất thiết thiện Pháp 。 thiện Pháp ký tận khu trục lệnh đọa tam ác đạo trung 。

mà bị ái nữ đoạt tất cả pháp lành, pháp lành hết rồi liền bị xua đuổi mà rơi vào trong ba đường ác.

唯除菩薩。是名姪女。善男子。云何摩樓迦子。

duy trừ Bồ-tát 。 thị danh dâm nữ 。 thiện nam tử 。 vân hà ma lâu ca tử 。

Chỉ trừ các vị Bồ-tát. Đó gọi là dâm nữ. Này thiện nam tử! Thế nào gọi là như hột ma-lâu-ca?

譬如摩樓迦子若鳥食已隨糞墮地。

thí như ma lâu ca tử nhược điều thực dĩ tùy phần đọa địa 。

Thí như chim ăn hột ma-lâu-ca, ăn rồi phân rớt xuống đất,

或因風吹來在樹下即便生長。纏繞縛束尼拘陀樹。

hoặc nhân phong xuy lai tại thụ hạ tức tiện sanh trường 。 triền nhiễu phược thúc ni câu đà thụ 。

hoặc nhân gió thổi rớt xuống gốc cây liền mọc lên, đeo vắn vào thân cây Ni-câu-đà

令不增長遂至枯死。愛摩樓迦子亦復如是。

linh bất tăng trưởng toại chí khô tử 。 ái ma lâu ca tử diệt phục như thị 。

làm cho chẳng tăng trưởng mà đi đến khô héo. Hột ái ma-lâu-ca cũng lại như vậy,

纏縛凡夫所有善法。不令增長遂至枯滅。

triền phược phàm phu sở hữu thiện Pháp 。 bất linh tăng trưởng toại chí khô diệt 。

tham ái ràng buộc phàm phu làm cho pháp lành không tăng trưởng, dẫn đến khô héo chết mất.

既枯滅已命終之後墮三惡道。唯除菩薩。

ký khô diệt dĩ mạng chung chi hậu đọa tam ác đạo 。 duy trừ Bồ-tát 。

đã khô héo chết rồi rồi, sau khi chết rơi vào trong ba đường ác, chỉ trừ các vị Bồ-tát.

是名摩樓迦子。善男子。云何瘡中息肉。

thị danh ma lâu ca tử 。 thiện nam tử 。 vân hà sang trung tức nhục 。

Đó gọi là như hột ma-lâu-ca. Này thiện nam tử! Thế nào gọi là như thịt thúi trong mụn nhọt?

如人久瘡中生息肉。其人要當勤心療治莫生捨心。

như nhân cứu sang trung sanh tức nhục 。 kỳ nhân yếu đương tinh cần tâm liệu trì mạc
sanh xả tâm 。

Thí như người bị ung nhọt, lâu ngày trong nhọt sanh ra cục thịt thúi. Người đó cần phải
chuyên tâm chạy chữa, chớ để tâm xao lãng.

若生捨心瘡息增長虫疽復生。

nhược sanh xả tâm sang tức tăng trưởng trùng thư phục sanh 。

Nếu để tâm xao lãng thì thịt thúi sanh trùng,
以是因緣即便命終。凡夫愚人五陰瘡痍亦復如是。

dĩ thị nhân duyên tức tiện mạng chung 。

phàm phu ngu nhân ngũ ấm sang di diệt phục
như thị 。

do nhân duyên đó mà chết. Mụn nhọt ngũ ấm của phàm phu ngu si cũng lại như vậy,
愛於其中而為息肉。應當勤心療治愛息。

ái ư kỳ trung nhi vi tức nhục 。

ứng đương tinh cần tâm liệu trì ái tức 。

ái ở trong người đó mà sanh cục thịt, phải nên chuyên tâm trị liệu bệnh ái.

若不治者命終即墮三惡道中。唯除菩薩。

nhược bất trì giả mạng chung tức đọa tam ác đạo trung 。

duy trừ Bồ-tát 。

Nếu người ấy không trị, sau khi chết liền rơi vào trong ba đường ác, chỉ trừ các vị Bồ-tát.
是名瘡中息肉。善男子。云何暴風。

thị danh sang trung tức nhục 。

thiện nam tử 。

vân hà bạo phong 。

Đó gọi là như thịt thúi trong mụn nhọt. Này thiện nam tử! Thế nào gọi là như gió bão?

譬如暴風能偃山移岳拔深根栽。愛暴大風亦復如是。

thí như bạo phong năng yển sơn di nhạc bạt thâm căn tài 。

ái bạo Đại phong diệt phục
như thị 。

Thí như gió bão có thể làm lở núi, ngã cây, nhổ cất gốc sâu. Gió bão lớn của ái cũng lại
như vậy,

於父母所而生惡心。

ư phụ mẫu sở nhi sanh ác tâm 。

tham ái sanh tâm ác đối với cha mẹ,

能拔大智舍利弗等無上深固菩提根栽。唯除菩薩。是名暴風。

năng bạt Đại trí Xá lợi Phất đẳng vô thượng thâm cố Bồ-đề căn tài 。

duy trừ Bồ-tát 。

thị
danh bạo phong 。

có thể làm ngã trốc cội Vô thượng Bồ-đề của các ngài như Xá Lợi Phất v.v. chỉ trừ các vị Bồ-tát. Đó gọi là như bạo phong.

善男子。云何如彗星。

thiện nam tử 。 vân hà như tuệ tinh 。

Này thiện nam tử! Thế nào gọi là như sao chổi?

譬如彗星出現天下一切人民飢饉病瘦癯諸苦惱。愛之彗星亦復如是。

thí như tuệ tinh xuất hiện Thiên hạ nhất thiết nhân dân cơ cận bệnh sấu anh chư khổ não 。 ái chi tuệ tinh diệc phục như thị 。

Thí như sao chổi xuất hiện thì trong thiên hạ hết thầy nhân dân đều sẽ bị đói khát, bệnh tật, gầy yếu, đủ các phiền não. Sao chổi ái cũng lại như vậy, 能斷一切善根種子。

năng đoạn nhất thiết thiện căn chủng tử 。

có thể đoạn hết thầy hạt giống lành

令凡夫人孤窮飢饉生煩惱病。流轉生死受種種苦。唯除菩薩。

linh phàm phu nhân cô cùng cơ cận sanh phiền não bệnh 。 lưu chuyển sanh tử thọ chủng chủng khổ 。

làm cho người phàm phu cô quạnh, nghèo hèn, đói khát sanh bệnh phiền não, lưu chuyển trong dòng sanh tử chịu đủ thứ khổ não, chỉ trừ các vị Bồ-tát.

是名彗星。善男子。

thị danh tuệ tinh 。

Đó gọi là như sao chổi. Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃。觀察愛結如是九種。善男子。

Bồ-tát Ma-Ha tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn 。 quan sát ái kết như thị cửu chủng 。

Đại Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn, quán sát tham ái có chín thứ như vậy. Này thiện nam tử!

以是義故諸凡夫人有苦無諦。

dĩ thị nghĩa cố chư phàm phu nhân hữu khổ vô đế 。

Do nghĩa đó nên những người phàm phu có khổ, không đế.

聲聞緣覺有苦有苦諦而無真實。諸菩薩等解苦無苦。

Thanh Văn, Duyên Giác hữu khổ hữu khổ đế nhi vô chân thật 。 chư Bồ-tát đẳng giải khổ vô khổ 。

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có khổ, có khổ đế nhưng không chân thật. Các vị Bồ-tát đã hiểu rõ khổ, không khổ

是故無苦而有真實。諸凡夫人有集無諦。

thị cố vô khổ nhi hữu chân thật 。

chư phạm phu nhân hữu tập vô đế 。

聲聞緣覺有集有諦。諸菩薩等解集無集。

Thanh Văn, Duyên Giác hữu tập hữu tập đế 。

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác có tập, có tập đế. Hàng Bồ-tát hiểu rõ tập, không tập,

是故無集而有真諦。聲聞緣覺有滅非真。

thị cố vô tập nhi hữu chân đế 。

Thanh Văn, Duyên Giác hữu diệt phi chân 。

cho nên không tập mà có chân đế. Hàng Thanh văn, Duyên giác có diệt mà chẳng phải chân;

菩薩摩訶薩有滅有真諦。聲聞緣覺有道非真。

Bồ-tát Ma-Ha tát hữu diệt hữu chân đế 。

Thanh Văn, Duyên Giác hữu đạo phi chân 。

Đại Bồ-tát có Diệt, có Chân đế. Hàng Thanh văn, Duyên giác có Đạo chẳng phải chân;

菩薩摩訶薩有道有真諦。

Bồ-tát Ma-Ha tát hữu đạo hữu chân đế 。

Đại Bồ-tát có Đạo có Chân đế.

善男子。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử!

云何菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃見滅見滅諦。所謂斷除一切煩惱。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát trụ ư Đại thừa Đại Bát-niết-bàn kiến diệt kiến diệt đế 。

sở vị đoạn trừ nhất thiết phiền não 。

Thế nào là Đại Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn thấy Diệt và Diệt đế? Đó là Bồ-tát

đoạn trừ hết thảy phiền não.

若煩惱斷則名為常。滅煩惱火則名寂滅。

nhược phiền não đoạn tặc danh vi thường 。

diệt phiền não hỏa tặc danh tịch diệt 。

Nếu đoạn hết phiền não thị gọi là thường. Lửa phiền não tặc thị gọi là tịch diệt.

煩惱滅故則得受樂。諸佛菩薩求因緣故故名為淨。

phiền não diệt cố tác đắc thọ lạc 。 chư Phật Bồ-tát cầu nhân duyên cố cố danh vi tịnh 。

Vì phiền não diệt thì được gọi là thọ lạc. Chư Phật Bồ-tát do nhân duyên nguyện cầu nên gọi là tịnh,

更不復受二十五有故名出世。

canh bất phục thọ nhị thập ngũ hữu cố danh xuất thế 。

lại chẳng còn thọ thân trong hai mươi lăm cõi nên gọi là xuất thế.

以出世故名為我常。於色聲香味觸男女生住滅。

dĩ xuất thế cố danh vi ngã thường 。

Do xuất thế nên gọi là ngã, là thường. Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, nam, nữ, sanh, trụ, diệt,

苦樂不苦不樂不取相貌。故名畢竟寂滅真諦。善男子。

khổ lạc bất khổ bất lạc bất thủ tướng mạo 。

Do khổ, vui, không khổ, không vui, không còn nắm giữ những tướng ấy nên gọi là rốt ráo tịch diệt chân đế. Nay thiện nam tử!

菩薩如是住於大乘大般涅槃觀滅聖諦。

Bồ-tát như thị trụ ư Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán diệt Thánh đế 。

Bồ-tát như vậy trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán sát Diệt Thánh đế.

善男子。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử!

云何菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃觀道聖諦。善男子。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát trụ ư Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán đạo Thánh đế 。

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán Đạo Thánh đế? Nay thiện nam tử!

譬如闇中因燈得見麤細之物。菩薩摩訶薩亦復如是。

thí như ám trung nhân đăng đắc kiến thô tế chi vật 。

。

Thí như trong bóng tối, nhân có đèn mà thấy được các vật lớn nhỏ. Đại Bồ-tát cũng lại như vậy,

住於大乘大般涅槃因八聖道見一切法。

trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn nhân bát Thánh đạo kiến nhất thiết Pháp 。

trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn nhân Bát Thánh đạo mà thấy tất cả Pháp là 所謂常無常有為無為。有眾生非眾生物非物。

sở vị thường vô thường hữu vi vô vi 。

hữu chúng sanh phi chúng sanh vật phi vật 。

thường, vô thường, hữu vi, vô vi, có chúng sanh, phi chúng sanh, vật phi vật, 苦樂我無我淨不淨。煩惱非煩惱業非業。實不實乘非乘。

khổ lạc ngã vô ngã tịnh bất tịnh 。

phiền não phi phiền não nghiệp phi nghiệp 。

thật bất thật thừa phi thừa 。

khổ, lạc, ngã, vô ngã, tịnh bất tịnh, phiền não, phi phiền não, nghiệp phi nghiệp, thật, phi thật, thừa, phi thừa,

知不知陀羅驪非陀羅驪。求那非求那。

tri bất tri Đà-la phiếu phi Đà-la phiếu 。

cầu na phi cầu na 。

tri, phi tri, đà-la-phiên, phi đà-la-phiên, cầu-na phi cầu-na,

見非見色非色道非道解非解。善男子。

kiến phi kiến sắc phi sắc đạo phi đạo giải phi giải 。

thiện nam tử 。

kiến, phi kiến, sắc, phi sắc, đạo, phi đạo, giải, phi giải. Này thiện nam tử!

菩薩如是住於大乘大般涅槃觀道聖諦。

Bồ-tát như thị trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán đạo Thánh đế 。

Đó là Bồ-tát trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn quán Đạo Thánh đế.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

若八聖道是道聖諦義不相應。何以故。

nhược bát Thánh đạo thị đạo Thánh đế nghĩa bất tương ứng 。

hà dĩ cố 。

Nếu tám Thánh đạo là Đạo Thánh đế thì nghĩa không tương ứng. Vì sao vậy?

如來或說信心為道能度諸漏。或時說道不放逸是。

Như Lai hoặc thuyết tín tâm vị đạo năng độ chư lậu 。

hoặc thời thuyết đạo bất phóng dật thị 。

Như Lai hoặc nói lòng tin là đạo, có thể thoát khỏi các phiền não, hoặc có khi nói Đạo là không phóng dật.

諸佛世尊不放逸故得阿耨多羅三藐三菩提。

chư Phật Thế Tôn bất phóng dật cố đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Chư Phật Thế Tôn do chẳng phóng dật nên được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, 亦是菩薩助道之法。或時說言精進是道。如告阿難。

diệt thị Bồ-tát trợ đạo chi Pháp 。

。

hoặc thời thuyết ngôn tinh tấn thị đạo 。

như cáo A-nan 。

và cũng là pháp trợ đạo của Bồ-tát. Hoặc khi Thế Tôn nói rằng tinh tấn là Đạo, như nói với A-nan rằng, 若有人能勤修精進則得成於阿耨多羅三藐三菩
nhược hữu nhân năng tinh cần tu tinh tấn tắc đắc thành ư a nậu đa-la tam miểu tam bồ
nếu có người năng tinh cần tu tinh tấn tức được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh
Giác.

提。或時說言觀身念處。

đề 。

hoặc thời thuyết ngôn quán thân niệm xử 。

Hoặc khi nói quán thân niệm xử, 若有繫心精勤修習是身念處。則得成於阿耨多羅三藐三菩提。

nhược hữu hệ tâm tinh cần tu tập thị thân niệm xử 。

tắc đắc thành ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

hoặc nói buộc tâm tinh cần tu tập thân niệm xử, thì chứng thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

或時說言正定為道如告大德摩訶迦葉。

hoặc thời thuyết ngôn chánh định vi đạo như cáo Đại Đức Ma ha Ca-diếp 。

Hoặc khi Thế Tôn nói chánh định là Đạo, như nói với Đại đức Ma-ha Ca-diếp rằng, 夫正定者真實是道。非不正定而是道也。

phu chánh định giả chân thật thị đạo 。

phi bất chánh định nhi thị đạo dã 。

chánh định ấy là Đạo chân thật, chẳng phải không chánh định là đạo vậy;

若入正定乃能思惟五陰生滅。非不入定能思惟也。
nhược nhập chánh định nãi năng tư duy ngũ uẩn sanh diệt 。

nếu nhập chánh định mới có thể tư duy về sự sanh diệt của ngũ ấm nhưng không nhập chánh định thì không thể tư duy được.

或說一法若人修。

hoặc thuyết nhất Pháp nhược nhân tu 。

Hoặc Thế Tôn nói một pháp, nếu người nào tu tập

習能淨眾生滅除一切憂愁苦惱。逮得正法所謂念佛三昧。

tập năng tịnh chúng sanh diệt trừ nhất thiết ưu sầu khổ não 。

đãi đắc chánh Pháp sở vị
niệm Phật tam muội 。

có thể làm thanh tịnh chúng sanh, diệt trừ hết thảy sầu bi khổ ưu não, chứng được Chánh pháp đó là niệm Phật Tam-muội.

或復說言修無常想是名為道。

hoặc phục thuyết ngôn tu vô thường tưởng thị danh vi đạo 。

Hoặc Thế Tôn lại nói tu quán tưởng vô thường thị gọi là Đạo,

如告比丘有能多修無常想者。能得阿耨多羅三藐三菩提。

như cáo Tỳ-kheo hữu năng đa tu vô thường tưởng giả 。

năng đắc a nậu đa la tam miểu
tam Bồ-đề 。

như bảo với Tỳ-kheo rằng, người nào tu quán tưởng nhiều về vô thường, có thể đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

或說空寂阿蘭若處獨坐思惟。

hoặc thuyết không tịch a lan nhược xử độc tọa tư duy 。

Hoặc Thế Tôn nói nếu một mình ngồi tư duy ở nơi trống vắng tịch mịch

能得速成阿耨多羅三藐三菩提。或時說言為人演法是名為道。

năng đắc tốc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

hoặc thời thuyết ngôn vị nhân diễn
Pháp thị danh vi đạo 。

thì có thể nhanh chóng thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hoặc khi Thế Tôn nói rằng vì người khác thuyết Pháp, đó gọi là Đạo;

若聞法已疑網即斷。

nhược văn Pháp dĩ nghi võng tức đoạn 。

nếu người nghe pháp xong liền dứt được lưới nghi,

疑網斷已則得阿耨多羅三藐三菩提。或時說言持戒是道。

nghi vãng đoạn dĩ tắc đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 hoặc thời thuyết ngôn trì giới thị đạo 。

lười nghi dứt thì chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hoặc khi Thế Tôn nói trì giới là Đạo,

如告阿難若有精勤修持禁戒。是人則度生死大苦。

như cáo A-nan nhược hữu tinh tinh cần tu trì cấm giới 。 thị nhân tắc độ sanh tử Đại khổ 。

như bảo A-nan, nếu có người tinh tinh cần tu trì cấm giới thì người đó có thể thoát khỏi khổ lớn sanh tử.

或時說言親近善友是名為道。如告阿難。

hoặc thời thuyết ngôn thân cận thiện hữu thị danh vi đạo 。

Hoặc khi Thế Tôn nói gần gũi bạn lành thì gọi là Đạo, như bảo A-nan,

若有親近善知識者則具淨戒。

nhược hữu thân cận thiện tri thức giả tắc cụ tịnh giới 。

nếu có gần gũi thiện tri thức thì người ấy đầy đủ tịnh giới,

若有眾生能親近我。則得發於阿耨多羅三藐三菩提心。

nhược hữu chúng sanh năng thân cận ngã 。

tắc đắc phát ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

nếu có chúng sanh năng thân gần Ta thì được phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

或時說言修慈是道。

hoặc thời thuyết ngôn tu từ tâm là Đạo.

修學慈者斷諸煩惱得不動處。或時說言智慧是道。

tu học từ giả đoạn chư phiền não đắc bất động xứ 。

hoặc thời thuyết ngôn trí tuệ thị đạo 。

Người tu học tâm từ ấy đoạn trừ hết thầy phiền não đạt đến chỗ Bất động. Hoặc khi Thế Tôn nói trí tuệ là Đạo,

如佛昔為波闍波提比丘尼說姊妹。

như Phật tích vi ba xà ba đề Tỳ-kheo ni thuyết tỉ muội 。

Như Phật xưa vì Tỳ-kheo-ni Ba-xà-ba-đề mà nói là chị em,

如諸聲聞以智慧刀能斷諸流諸漏煩惱。或時如來說施是道。
như chư Thanh Văn dĩ trí tuệ đao năng đoạn chư lưu chư lậu phiền não 。 hoặc thời Như
Lai thuyết thí thị đạo 。
như các Thanh văn dùng dao trí tuệ có thể chặt đứt các phiền não hữu lậu. Hoặc khi Như
Lai nói bố thí là Đạo,
如佛往昔告波斯匿王。大王。
như Phật vãng tích cáo Ba Tư Nặc Vương 。 Đại Vương 。
như Phật xưa bảo vua Ba-tư-nặc rằng: Này Đại Vương!
當知我於往昔多行惠施。
đương tri ngã ư vãng tích đa hành huệ thí 。
Nên biết Ta xưa làm nhiều việc nhân từ bố thí.
以是因緣今日得成阿耨多羅三藐三菩提。世尊。若八聖道是道諦者。
dĩ thị nhân duyên kim nhật đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 Thế Tôn 。 nhược
bát Thánh đạo thị đạo đế giả 。
Do nhân duyên đó mà hôm nay Ta được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
Bạch đức Thế Tôn! Nếu Bát Thánh đạo là Đạo đế,
如是等經豈非虛妄。若彼諸經非虛妄者。
như thị đẳng Kinh khởi phi hư vọng 。 nhược bỉ chư Kinh phi hư vọng giả 。
các kinh như vậy sao chẳng khởi hư dối. Nếu các Kinh chẳng hư dối
彼中何緣不說八道為道聖諦。
bỉ trung hà duyên bất thuyết bát đạo vi đạo Thánh đế 。
thì vì duyên gì trong các Kinh ấy không nói Tám chánh đạo là Đạo Thánh đế?
若彼不說如來往昔何故錯謬。然我定知諸佛如來久離錯謬。
nhược bỉ bất thuyết Như Lai vãng tích hà cố thác mậu 。 nhiên ngã định tri chư Phật Như
Lai cửu ly thác mậu 。
Nếu những Kinh đó chẳng nói, có phải Như Lai xưa làm lẫn chẳng? Nhưng con biết quyết
định chư Phật Như Lai từ lâu đã xa lìa lẫn lẫn.
爾時世尊讚迦葉菩薩。善哉善哉。善男子。
nhĩ thời Thế Tôn tán Ca-diếp Bồ-tát 。 Thiện tai Thiện tai 。 thiện nam tử 。
Lúc bấy giờ Thế Tôn khen Bồ-tát Ca-diếp: Hay thay, hay thay! Này thiện nam tử!
汝今欲知菩薩大乘微妙經典所有祕密故作

như kim dục tri Bồ-tát Đại thừa vi diệu Kinh điển sở hữu bí mật cố tác
 Ông nay muốn biết Kinh điển vi diệu của Bồ-tát Đại thừa có Bí tạng nên hỏi như vậy.
 是問。善男子。如是諸經悉入道諦。善男子。
 thị vấn 。 thiện nam tử 。 như thị chư Kinh tất nhập đạo đế 。 thiện nam tử 。
 Nay thiện nam tử! Những Kinh đó hết thầy đều vào trong Đạo đế. Nay thiện nam tử!
 如我所說若有信道。如是信道是信根本。
 như ngã sở thuyết nhược hữu tín đạo 。 như thị tín đạo thị tín căn bản 。
 Như chỗ ta nói lòng tin là đạo. Lòng tin đó là tín căn
 是能佐助菩提之道。是故我說無有錯謬。
 thị năng tá trợ Bồ-đề chi đạo 。 thị cố ngã thuyết vô hữu thác mậu 。
 thì có thể trợ giúp cho đạo Bồ-đề. Vì thế Ta nói không lầm lẫn.
 善男子。如來善知無量方便欲化眾生。
 thiện nam tử 。 Như Lai thiện tri vô lượng phương tiện dục hóa chúng sanh 。
 Nay thiện nam tử! Như Lai khéo biết vô lượng phương tiện vì muốn giáo hóa chúng sanh
 故作如是種種說法。善男子。
 cố tác như thị chủng chủng thuyết Pháp 。 thiện nam tử 。
 nên sự thuyết Pháp có nhiều loại. Nay thiện nam tử!
 譬如良醫識諸眾生種種病原。隨其所患而為合藥并藥所禁。
 thí như lương y thức chư chúng sanh chủng chủng bệnh nguyên 。 tùy kỳ sở hoạn nhi vi
 hợp dược tinh dược sở cấm 。
 Thí như lương y biết các căn bệnh của chúng sanh, tùy theo bệnh của họ mà hòa trộn các
 loại thuốc, thuốc nào được uống, thuốc nào cấm uống,
 唯水一種不在禁例。或服薑水。或甘草水。
 duy thủy nhất chủng bất tại cấm lệ 。 hoặc phục khương thủy 。 hoặc cam thảo thủy 。
 chỉ có nước là loại duy nhất không cấm triệt hoàn toàn. Hoặc cho uống nước gừng, hoặc
 uống nước cam thảo,
 或細辛水。或黑石蜜水。或阿摩勒水。
 hoặc tế tân thủy 。 hoặc hắc thạch mật thủy 。 hoặc a ma lặc thủy 。
 hoặc uống nước tế-tân, hoặc uống nước đường phèn, hoặc uống nước a-ma-lặc,
 或尼婆羅水。或鉢盂羅水。或服冷水。或服熱水。
 hoặc ni bà la thủy 。 hoặc bát trú la thủy 。 hoặc phục lãnh thủy 。 hoặc phục nhiệt thủy 。

hoặc uống nước ni-bà-la, hoặc uống nước bát-trú-la, hoặc uống nước lạnh, hoặc uống nước nóng,

或蒲萄水。或安石榴水。善男子。

hoặc bồ đào thủy 。 hoặc an thạch lưu thủy 。 thiện nam tử 。

hoặc uống nước nho, hoặc uống nước an thạch lưu. Này thiện nam tử!

而是良醫善知眾生所患。種種藥雖多禁水不在例。

nhi thị lương y thiện tri chúng sanh sở hoạn 。 chủng chủng dược tuy đa cấm thủy bất tại lệ 。

Vị lương y ấy khéo biết căn bệnh của chúng sanh, tuy thuốc có nhiều loại cấm kỵ, nhưng chỉ nước là hoàn toàn không cấm.

如來亦爾善知方便。

Như Lai diệc nhĩ thiện tri phương tiện 。

Như Lai cũng vậy, khéo biết các phương tiện,

於一法相隨諸眾生分別廣說種種名相。彼諸眾生隨所說受。

ư nhất Pháp tướng tùy chư chúng sanh phân biệt quảng thuyết chủng chủng danh tướng 。 bĩ chư chúng sanh tùy sở thuyết thọ 。

trong một pháp tướng mà tùy chúng sanh phân biệt giảng thuyết các loại danh tướng. Các chúng sanh kia tùy chỗ Phật nói mà lãnh thọ,

受已修習除斷煩惱。如彼病人隨良醫教所患得除。

thọ dĩ tu tập trừ đoạn phiền não 。 như bĩ bệnh nhân tùy lương y giáo sở hoạn đắc trừ 。

lãnh thọ rồi tu tập để đoạn trừ phiền não, như những người bệnh kia theo lời lương y dạy mà bệnh tình được lành.

復次善男子。如有一人善解雜語在大眾中。

phục thứ thiện nam tử 。

Như hữu nhất nhân thiện giải tạp ngữ tại Đại chúng trung 。

是諸大眾熱渴所逼咸發聲言。我欲飲水我欲飲水。

thị chư Đại chúng nhiệt khát sở bức hàm phát thanh ngôn 。

Đại chúng đó vì bị cơn khát nước bức bách, cùng nói lên rằng: Tôi muốn uống nước, tôi muốn uống nước!

是人即時以清冷水隨其種類說言是水。

thị nhân tức thời dĩ thanh lãnh thủy tùy kỳ chủng loại thuyết ngôn thị thủy 。
 Khi ấy người kia liền lấy nước mát lạnh, tùy mỗi người mà nói các loại nước,
 或言波尼。或言鬱持。或言紗利藍。或言紗利。
 hoặc ngôn ba ni 。 hoặc ngôn uất trì 。 hoặc ngôn sa lợi lam 。 hoặc ngôn sa lợi 。
 hoặc nói ba-ni, hoặc nói uất-trì, hoặc nói sa-lợi-lam, hoặc nói sa-lợi,
 或言婆耶。或言甘露。或言牛乳。
 hoặc ngôn bà da 。 hoặc ngôn cam lộ 。 hoặc ngôn ngưu nhũ 。
 hoặc nói bà-da, hoặc nói cam lộ, hoặc nói sữa bò;
 以如是等無量水名為大眾說。善男子。
 dĩ như thị đẳng vô lượng thủy danh vị đại chúng thuyết 。 thiện nam tử 。
 dùng vô lượng tên nước như vậy nói với đại chúng. Này thiện nam tử!
 如來亦爾以一聖道為諸聲聞種種演說。
 Như Lai diệc nhĩ dĩ nhất Thánh đạo vị chư Thanh Văn chủng chủng diễn thuyết 。
 Như Lai cũng vậy, dùng một Thánh đạo mà vì hàng Thanh văn diễn thuyết đủ thứ.
 從信根等至八聖道。復次善男子。
 tông tín căn đẳng chí bát Thánh đạo 。 phục thứ thiện nam tử 。
 Từ Tín căn v.v.. đến Tám Thánh đạo. Này thiện nam tử!
 譬如金師以一種金隨意造作種種瓔珞。所謂鉗鎖環釧釵璫天冠臂印。
 thí như kim sư dĩ nhất chủng kim tùy ý tạo tác chủng chủng anh lạc 。 sở vị kiểm tỏa hoàn
 xuyên sai đàng Thiên quan tý ấn 。
 Thí như người thợ vàng, dùng một loại vàng mà tùy ý tạo ra đủ thứ trang sức, như dây
 chuyền, vòng, xuyên, trâm cài đầu, khoen tai, mào, ấn;
 雖有如是差別不同。然不離金。善男子。
 tuy hữu như thị sai biệt bất đồng 。 nhiên bất ly kim 。 thiện nam tử 。
 tuy các thứ đó có tướng sai khác không đồng, nhưng chẳng rời chất vàng. Này thiện nam
 tử!
 如來亦爾。以一佛道隨諸眾生種種分別而為說之。
 Như Lai diệc nhĩ 。 dĩ nhất Phật đạo tùy chư chúng sanh chủng chủng phân biệt nhi vi
 thuyết chi 。
 Như Lai cũng vậy, dùng một Phật đạo tùy chúng sanh vì họ mà nói nhiều pháp sai khác,
 或說一種。所謂諸佛一道無二。

hoặc thuyết nhất chủng 。 sở vị chư Phật nhất đạo vô nhị 。

hoặc nói một thứ, là chư Phật một đạo không hai.

復說二種所謂定慧。復說三種謂見慧智。復說四種。

phục thuyết nhị chủng sở vị định tuệ 。

phục thuyết tam chủng vị kiến tuệ trí 。

phục thuyết tứ chủng 。

Lại nói hai thứ là Định và Tuệ; lại nói ba thứ là Kiến, Trí và Tuệ; lại nói bốn thứ là
所謂見道修道無學道佛道。復說五種。

sở vị kiến đạo tu đạo vô học đạo Phật đạo 。

phục thuyết ngũ chủng 。

Kiến đạo, Tu đạo, Vô học đạo và Phật đạo; lại nói năm thứ

所謂信行道法行道信解脫道見到道身證道。

sở vị tín hành đạo Pháp hành Đạo Tín giải thoát đạo kiến đạo thân chứng đạo 。

là Tín hành đạo, pháp hành đạo, Tín giải thoát đạo, Kiến đạo và Thân chứng đạo;

復說六種。

phục thuyết lục chủng 。

lại nói sáu thứ

所謂須陀洹道斯陀含道阿那含道阿羅漢道辟支佛道佛道。復說七種。

sở vị Tu đà hoàn đạo Tư đà hàm đạo A na hàm đạo A-la-hán đạo Bích-chi-phật đạo Phật
đạo 。

phục thuyết thất chủng 。

là Tu-đà-hoàn đạo, Tư-đà-hàm đạo, A-na-hàm đạo, A-la-hán đạo, Bích-chi-phật đạo và
Phật đạo. Lại nói bảy thứ,

所謂念覺分擇法覺分精進覺分喜覺分除覺分定覺分

sở vị niệm giác phần Trạch Pháp giác phần Tinh tấn giác phần Hỷ giác phần Trừ giác phần
định giác phần

là Niệm giác phần, Trạch pháp giác phần, Tinh tấn giác phần, Hỷ giác phần, Trừ giác
phần, Định giác phần và

捨覺分。復說八種。

xả giác phần 。

phục thuyết bát chủng 。

Xả giác phần; lại nói tám thứ,

所謂正見正思惟正語正業正命正精進正念正定。復說九種。

sở vị chánh kiến chánh tư duy chánh ngữ chánh nghiệp chánh mạng chánh tinh tấn chánh
niệm chánh định 。

phục thuyết cửu chủng 。

là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định; lại nói chín thứ,

所謂八聖道及信。復說十種所謂十力。復說十一種。

sở vị bát Thánh đạo cập tín 。 phục thuyết thập chủng sở vị thập lực 。 phục thuyết thập nhất chủng 。

là Tám Thánh đạo và tín; Lại nói mười thứ, là Thập lực; lại nói mười một thứ, 所謂十力大慈。復說十二種。

sở vị thập lực Đại từ 。 phục thuyết thập nhị chủng 。

là Thập lực và Đại từ; lại nói mười hai thứ, 所謂十力大慈大悲。復說十三種。

sở vị thập lực Đại từ Đại bi 。 phục thuyết thập tam chủng 。

là Thập lực, Đại từ và Đại bi; lại nói mười ba thứ, 所謂十力大慈大悲念佛三昧。復說十六種。

sở vị thập lực Đại từ Đại bi niệm Phật tam muội 。 phục thuyết thập lục chủng 。

là Thập lực, Đại từ, Đại bi và niệm Phật Tam muội; lại nói mười sáu thứ, 所謂十力大慈大悲念佛三昧及佛所得三正念處。復說二十道。

sở vị thập lực Đại từ Đại bi niệm Phật tam muội cập Phật sở đắc tam chánh niệm xử 。

phục thuyết nhị thập đạo 。

đó là Thập lực, Đại từ, Đại bi, niệm Phật Tam muội và ba chánh niệm; lại nói hai mươi đạo 所謂十力四無所畏大慈大悲念佛三昧三正念

sở vị thập lực tứ vô sở úy Đại từ Đại bi niệm Phật tam muội tam chánh niệm

là Thập lực, Tứ vô sở úy, Đại từ, Đại bi, niệm Phật Tam muội và ba chánh niệm. 處。善男子。是道一體。

xử 。

thiện nam tử 。

thị Đạo Nhất thể 。

Này thiện nam tử! Đạo là chỉ một thể, 如來昔日為眾生故種種分別。復次善男子。

Như Lai tích nhật vị chúng sanh cố chủng chủng phân biệt 。

phục thứ thiện nam tử 。

Như Lai ngày xưa vì chúng sanh nên phân biệt nhiều tên sai khác. Lại nữa, này thiện nam tử!

譬如一火因所然故得種種名。

thí như nhất hỏa nhân sở nhiên cố đắc chủng chủng danh 。

Thí như một thứ lửa, nhân nơi chỗ nó đốt mà có nhiều tên gọi như
 所謂木火草火糠火[麥*戈]火牛馬糞火。善男子。佛道亦爾一而無二。
 sở vị mộc hỏa thảo hỏa khang hỏa [mạch *qua]hỏa ngưu mã phần hỏa 。 thiện nam tử 。
 Phật đạo diệc nhĩ nhất nhi vô nhị 。

lửa cây, lửa cỏ, lửa trấu, lửa rơm, lửa phân trâu ngựa. Nay thiện nam tử! Đạo Phật chỉ có
 một mà không hai,
 為眾生故種種分別。復次善男子。譬如一識分別說六。
 vì chúng sanh cố chủng chủng phân biệt 。 phục thứ thiện nam tử 。 thí như nhất thức
 phân biệt thuyết lục 。

vì chúng sanh nên phân biệt nhiều thứ. Lại nữa, này thiện nam tử! Thí như Thức chỉ có
 một mà phân biệt nói có sáu.
 若至於眼則名眼識。乃至意識亦復如是。
 nhược chí ư nhãn tắc danh nhãn thức 。 nãi chí ý thức diệc phục như thị 。

Hoặc thức ấy đến mắt thị gọi là Nhãn thức, nhãn đến ý thức cũng lại như vậy.
 善男子。道亦如是一而無二。
 thiện nam tử 。 đạo diệc như thị nhất nhi vô nhị 。

Này thiện nam tử! Đạo cũng như vậy, chỉ có một không hai.
 如來為化諸眾生故種種分別。復次善男子。
 Như Lai vị hóa chư chúng sanh cố chủng chủng phân biệt 。 phục thứ thiện nam tử 。

Như Lai vì giáo hóa chúng sanh nên phân biệt nhiều thứ. Lại nữa, này thiện nam tử!
 譬如一色眼所見者則名為色。耳所聞者則名為聲。
 thí như nhất sắc nhãn sở kiến giả tắc danh vi sắc 。 nhĩ sở văn giả tắc danh vi thanh 。

Thí như một sắc pháp, mắt thấy thị gọi là sắc, tai nghe gọi là tiếng,
 鼻所嗅者則名為香。舌所嘗者則名為味。
 tỳ sở khứu giả tắc danh vi hương 。 thiệt sở thường giả tắc danh vi vị 。

mũi ngửi thị gọi là hương, lưỡi nếm thị gọi là vị,
 身所覺者則名為觸。善男子。道亦如是一而無二。
 thân sở giác giả tắc danh vi xúc 。 thiện nam tử 。 đạo diệc như thị nhất nhi vô nhị 。

thân cảm giác thị gọi là xúc. Nay thiện nam tử! Đạo cũng như vậy, là một không có hai
 nhưng
 如來為欲化眾生故種種分別。善男子。

Như Lai vị dục hóa chúng sanh cố chủng chủng phân biệt 。 thiện nam tử 。
Như lai vì muốn hóa độ chúng sanh nên phân biệt nhiều thứ. Nay thiện nam tử!

以是義故以八聖道分名道聖諦。善男子。

dĩ thị nghĩa cố dĩ át Thánh đạo phân danh đạo Thánh đế 。 thiện nam tử 。

Do nghĩa đó nên Tám phần Thánh đạo gọi là Đạo Thánh đế. Nay thiện nam tử!
是四聖諦諸佛世尊次第說之。

thị tứ Thánh đế chư Phật Thế tôn thứ đệ thuyết chi 。

Tứ Thánh đế này các Phật Thế Tôn thứ lớp mà giảng nói.

以是因緣無量眾生得度生死。

dĩ thị nhân duyên vô lượng chúng sanh đắc độ sanh tử 。

Nhờ nhân duyên đó mà vô lượng chúng sanh được độ thoát sanh tử.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

昔佛一時在恒河岸尸首林中。爾時如來取其樹葉告諸比丘。

tích Phật nhất thời tại hằng hà ngạn thi thủ lâm trung 。 nhĩ thời Như Lai thủ kỳ thụ diệp
cáo chư Tỳ-kheo

Xưa kia, một thời đức Phật ở bên bờ sông Hằng, trong rừng Thi Thủ. Lúc bấy giờ Như Lai
bốc một nắm lá trong tay mà bảo các Tỳ-kheo rằng:

我今手中所捉葉多。一切因地草木葉多。

ngã kim thủ trung sở tróc diệp đa 。 nhất thiết nhân địa thảo mộc diệp đa 。

Lá trong tay Ta nay nhiều hay lá trong hết thảy các cây cỏ từ nơi đất mà mọc là nhiều?
諸比丘言。世尊。一切因地草木葉多不可稱計。

chư Tỳ-kheo ngôn 。 Thế Tôn 。

nhất thiết nhân địa thảo mộc diệp đa bất khả xưng kế 。

Các Tỳ-kheo đáp rằng: Bạch Thế Tôn! Lá nơi hết thảy cỏ cây từ nơi đất mà mọc không
thể tính đếm.

如來所捉少不足言。諸比丘。

Như Lai sở tróc thiểu bất túc ngôn 。 chư Tỳ-kheo

Còn nắm lá của Như Lai rất ít không đáng kể. Nay các Tỳ-kheo!

我所覺了一切諸法。如因大地生草木等。

ngã sở giác liễu nhất thiết chư Pháp 。 như nhân Đại địa sanh thảo mộc đẳng 。

Hết thầy các pháp Như Lai đã giác ngộ nhiều giống như lá cỏ cây từ nơi đất mà mọc.
為諸眾生所宣說者。如手中葉。世尊。爾時說如是言。

vị chư chúng sanh sở tuyên thuyết giả 。 như thủ trung diệp 。 Thế Tôn 。 nhĩ thời thuyết
như thị ngôn 。

Pháp mà Như Lai đã vì chúng sanh mà tuyên thuyết giống như nắm lá trong tay. Bạch
đức Thế Tôn! Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo nói rằng:

如來所了無量諸法。若入四諦則為已說。

Như Lai sở liễu vô lượng chư Pháp 。 nhược nhập tứ đế tắc vi dĩ thuyết 。

Như Lai rõ biết vô lượng pháp môn, nếu vào trong Tứ đế thì như đã nói,

若不入者應有五諦。爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。

nhược bất nhập giả ứng hữu ngũ đế 。

nhĩ thời Phật tán Ca-diếp Bồ-tát 。

Thiện tai Thiện tai 。

còn nếu chẳng vào nơi Tứ Thánh đế lẽ ra phải có năm đế. Lúc bấy giờ Phật khen Ca-diếp
Bồ-tát: Hay thay! Hay thay!

善男子。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử!

汝今所問則能利益安隱快樂無量眾生。善男子。

nhữ kim sở vấn tắc năng lợi ích an ổn khoái lạc vô lượng chúng sanh 。

thiện nam tử 。

Lời hỏi của ông nay có thể lợi ích, an vui, khoái lạc cho vô lượng chúng sanh. Này thiện
nam tử!

如是諸法悉已攝在四聖諦中。迦葉菩薩復作是言。如是等法若在四諦。

như thị chư Pháp tất dĩ nhiếp tại tứ Thánh đế trung 。

Ca-diếp Bồ-tát phục tác thị ngôn 。

như thị đẳng Pháp nhược tại Tứ đế 。

Những pháp môn như vậy đều đã nhiếp trong Tứ Thánh đế. Ca-diếp Bồ-tát lại nói lời rằng:

Các pháp môn như vậy nếu ở trong Tứ đế thì

如來何故唱言不說。佛言善男子。

Như Lai hà cố xướng ngôn bất thuyết 。

Phật ngôn thiện nam tử 。

Như Lai vì sao xướng lời rằng không nói. Phật dạy: Này thiện nam tử!

雖復入中猶不名說。何以故。善男子。

tuy phục nhập trung do bất danh thuyết 。

hà dĩ cố 。

thiện nam tử 。

Dầu vào trong Tứ đế nhưng không gọi là Tứ đế. Vì sao? Này thiện nam tử!

知四聖諦有二種智。一者中二者上。中者聲聞緣覺智。

tri tứ Thánh đế hữu nhị chủng trí 。 nhất giả trung nhị giả thượng 。 trung giả Thanh Văn, Duyên Giác trí 。

Nên biết, Tứ Thánh đế ấy có hai loại trí: một là trí bậc trung, hai là trí bậc thượng. Bậc trung ấy là trí của Thanh Văn, Duyên Giác.

上者諸佛菩薩智。善男子。知諸陰苦名為中智。

thượng giả chư Phật Bồ-tát trí 。 thiện nam tử 。 tri chư ấm khổ danh vi trung trí 。

Bậc thượng là trí của chư Phật, Bồ-tát. Này thiện nam tử! Biết thân ngũ ấm là khổ gọi là trí bậc trung,

分別諸陰有無量相悉是諸苦。

phân biệt chư ấm hữu vô lượng tướng tất thị chư khổ 。

phân biệt các ấm có vô lượng tướng hết thấy đều là các khổ,

非諸聲聞緣覺所知。是名上智。善男子。

phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri 。 thị danh thượng trí 。

chẳng phải chỗ hàng Thanh văn, Duyên Giác biết được, đây gọi là trí bậc thượng. Này thiện nam tử!

如是等義我於彼經竟不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh cánh bất thuyết chi 。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác trọn chẳng nói đến. Này thiện nam tử!

知諸入者名之為門亦名為苦。是名中智。

tri chư nhập giả danh chi vi môn diệc danh vi khổ 。

Biết các Nhập gọi đó là môn cũng gọi là là khổ, đây là trí của bậc trung.

分別諸入有無量相悉是諸苦。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。

phân biệt chư nhập hữu vô lượng tướng tất thị chư khổ 。

Phân tách các Nhập ấy có vô lượng tướng hết thấy đều là khổ, chẳng phải chỗ hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Đó gọi là trí bậc thượng.

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng chẳng nói. Này thiện nam tử!

知諸界者名之為分。亦名為性亦名為苦。

tri chư giới giả danh chi vi phân 。 diệc danh vi tánh diệc danh vi khổ 。

Biết các giới ấy gọi là phần, cũng gọi là tánh, cũng gọi là khổ,

是名中智。

thị danh trung trí 。

đây là trí bậc trung.

分別諸界有無量相悉是諸苦非諸聲聞緣覺所知。是名上智。善男子。

phân biệt chư giới hữu vô lượng tướng tất thị chư khổ phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở

tri 。

Phân tách các giới ra có vô lượng tướng, hết thảy đều là các khổ, chẳng phải chỗ hàng

Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Đó gọi là trí bậc thượng. Này thiện nam tử!

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng chẳng nói. Này thiện nam tử!

知色壞相是名中智。分別諸色有無量相悉是諸苦。

tri sắc hoại tướng thị danh trung trí 。

Biết sắc là tướng hư hoại, đây gọi là trí bậc thượng. Phân tách các sắc, có vô lượng tướng đều là các khổ,

非諸聲聞緣覺所知是名上智。

phi chư thanh văn duyên giác sở tri thị danh thượng trí 。

chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, đó gọi là trí bậc thượng.

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。知受覺相是名中智。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng chẳng nói. Này thiện nam tử! Biết thọ là tướng giác xúc, đây gọi là trí bậc trung.

分別諸受有無量覺相。非諸聲聞緣覺所知。

phân biệt chư thọ hữu vô lượng giác tướng 。

Phân tách các thọ có vô lượng tướng giác xúc, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên giác biết được,

是名上智。善男子。

thị danh thượng trí 。 thiện nam tử 。

đó gọi là trí bậc thượng. Này thiện nam tử!

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。知想取相是名中智。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。 thiện nam tử 。

tri tưởng thủ tướng
thị danh trung trí 。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng không nói. Này thiện nam tử! Biết tưởng là tướng chấp thủ, đây gọi là trí bậc trung.

分別是想有無量取相。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。

phân biệt thị tưởng hữu vô lượng thủ tướng 。 phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri 。

thị
danh thượng trí 。

Phân tách tưởng đó, có vô lượng tướng chấp thủ, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Đó gọi là trí bậc thượng.

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。 thiện nam tử 。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng không nói. Này thiện nam tử!

知行作相是名中智。

tri hành tác tướng thị danh trung trí 。

Biết hành tướng tạo tác, đây gọi là trí bậc trung.

分別是行無量作相非諸聲聞緣覺所知。是名上智。善男子。

phân biệt thị hành vô lượng tác tướng phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri 。

thị danh
thượng trí 。

thiện nam tử 。

Phân tách hành đó, có vô lượng tướng tạo tác, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Đó gọi là trí bậc thượng. Này thiện nam tử!

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。 thiện nam tử 。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng không nói. Này thiện nam tử!

知識分別相是名中智。

tri thức phân biệt tướng thị danh trung trí 。

Biết thức là tướng phân biệt, đây gọi là trí bậc trung.

分別是識無量知相非諸聲聞緣覺所知。是名上智。善男子。

phân biệt thị thức vô lượng trí tướng phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri 。 thị danh thượng trí 。 thiện nam tử 。

Phân tách thức có vô lượng trí tướng, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Đó là trí bậc thượng. Nay thiện nam tử!

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。 thiện nam tử 。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng không nói. Nay thiện nam tử!

知愛因緣能生五陰是名中智。

tri ái nhân duyên năng sanh ngũ ấm thị danh trung trí 。

Biết ái là nhân duyên sanh ra năm ấm, đây gọi là trí bậc trung.

一人起愛無量無邊聲聞緣覺所不能知。能知一切眾生所起如是等愛。是名上智。

nhất nhân khởi ái vô lượng vô biên Thanh Văn, Duyên Giác sở bất năng tri 。 năng tri nhất thiết chúng sanh sở khởi như thị đẳng ái 。 thị danh thượng trí 。

Một người sanh ra vô lượng vô biên ái, Thanh Văn, Duyên giác không thể biết được. Có thể biết được tất cả chúng sanh khởi lên lòng ái như vậy, đó gọi là trí bậc thượng.

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。 thiện nam tử 。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng không nói. Nay thiện nam tử!

知滅煩惱是名中智。分別煩惱不可稱計。

tri diệt phiền não thị danh trung trí 。

Biết dứt phiền não, đây gọi là trí bậc trung. Phân tách phiền não số không thể tính đếm,

滅亦如是不可稱計。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。

diệt diệc như thị bất khả xưng kế 。

dứt diệt phiền não đó cũng không thể tính đếm, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Đó gọi là trí bậc thượng.

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệc bất thuyết chi 。 thiện nam tử 。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng không nói. Nay thiện nam tử!

知是道相能離煩惱是名中智。

tri thị đạo tướng năng ly phiền não thị danh trung trí 。

Biết tướng đạo có thể lìa phiền não, đây gọi là trí bậc trung.

分別道相無量無邊所離煩惱亦無量無邊。非諸聲聞緣覺所知。

phân biệt đạo tướng vô lượng vô biên sở ly phiền não diệt vô lượng vô biên 。 phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri 。

Phân tách đạo có vô lượng vô biên tướng, lìa phiền não cũng vô lượng vô biên, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

是名上智。如是等義我於彼經亦不說之。

thị danh thượng trí 。 như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệt bất thuyết chi 。

Đó gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng không nói.

善男子。知世諦者是名中智。

thiện nam tử 。

trí thế đế giả thị danh trung trí 。

Này thiện nam tử! Biết thế đế, gọi là trí bậc trung.

分別世諦無量無邊不可稱計。非諸聲聞緣覺所知。是名上智。
phân biệt thế đế vô lượng vô biên bất khả xưng kế 。

phi chư Thanh Văn, Duyên Giác sở tri 。

thị danh thượng trí 。

Phân tách thế đế có vô lượng vô biên không thể tính đếm, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Đó gọi là trí bậc thượng.

如是等義我於彼經亦不說之。善男子。
như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệt bất thuyết chi 。

thiện nam tử 。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng không nói. Này thiện nam tử!

一切行無常諸法無我涅槃寂滅是第一義。

nhất thiết hành vô thường chư Pháp vô ngã Niết-bàn tịch diệt thị đệ nhất nghĩa 。

Hết thầy hành vô thường, chư pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diệt là đệ nhất nghĩa.

是名中智。知第一義無量無邊不可稱計。
thị danh trung trí 。

trí đệ nhất nghĩa vô lượng vô biên bất khả xưng kế 。

Đó gọi là trí bậc trung. Biết đệ nhất nghĩa vô lượng vô biên không thể tính đếm,

非諸聲聞緣覺所知。是名上智。

phi chư thanh văn duyên giác sở tri 。

thị danh thượng trí 。

chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Đó gọi là trí bậc thượng.

如是等義我於彼經亦不說之。

như thị đẳng nghĩa ngã ư bỉ Kinh diệt bất thuyết chi 。

Những nghĩa như vậy nơi các Kinh khác Ta cũng không nói.

爾時文殊師利菩薩摩訶薩白佛言。世尊。

nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-Ha tát bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-ha-tát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

所說世諦第一義諦其義云何。世尊。

sở thuyết thế đế đệ nhất nghĩa đế kỳ nghĩa vân hà 。 Thế Tôn 。

Thế Tôn nói thế đế và đệ nhất nghĩa đế, nghĩa ấy thế nào? Bạch Thế Tôn!

第一義中有世諦不。世諦之中有第一義不。

đệ nhất nghĩa trung hữu thế đế bất 。 thế đế chi trung hữu đệ nhất nghĩa bất 。

Trong đệ nhất nghĩa đế có thế đế chăng? Trong thế đế có đệ nhất nghĩa chăng? 。

如其有者即是一諦。如其無者將非如來虛妄說耶。

như kỳ hữu giả tức thị nhất đế 。

Nếu là có thì có một đế. Nếu là không thì có phải Như Lai nói hư dối chăng?

善男子。世諦者即第一義諦。世尊。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử! Thế đế chính là đệ nhất nghĩa đế. Bạch Thế Tôn!

若爾者則無二諦。佛言善男子。

nhược nhĩ giả tắc vô nhị đế 。

Nếu như vậy thì không có hai đế. Phật dạy: Này thiện nam tử!

有善方便隨順眾生說有二諦。善男子。若隨言說則有二種。

hữu thiện phương tiện tùy thuận chúng sanh thuyết hữu nhị đế 。

tùy ngôn thuyết tắc hữu nhị chủng 。

Có phương tiện khéo tùy thuận chúng sanh nói có hai đế. Này thiện nam tử! Nếu theo lời nói tức là có hai thứ:

一者世法。二者出世法。善男子。

nhất giả thế Pháp 。

Một là pháp thế gian, hai là pháp xuất thế gian. Này thiện nam tử!

如出世人之所知者名第一義諦。世人知者名為世諦。善男子。

như xuất thế nhân chi sở tri giả danh đệ nhất nghĩa đế 。

thiện nam tử 。

Như chỗ biết của người xuất thế ấy gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Chỗ biết của người thế gian gọi là thế đế. Nay thiện nam tử!

五陰和合稱言某甲。

ngũ ấm hòa hợp xưng ngôn mỗ giáp 。

Năm ấm hòa hợp để xưng gọi tên người này người kia.

凡夫眾生隨其所稱是名世諦。解陰無有某甲名字。

phàm phu chúng sanh tùy kỳ sở xưng thị danh thế đế 。

Người phàm phu theo chỗ xưng hô đó gọi là thế đế. Hiểu biết năm ấm không có danh tự người này người kia,

離陰亦無某甲名字。

ly ấm diệc vô mỗ giáp danh tự 。

mà lìa các ấm ấy cũng không có danh tự người này người kia.

出世之人如其性相而能知之名第一義諦。復次善男子。或復有法有名有實。

xuất thế chi nhân như kỳ tánh tướng nhi năng tri chi danh đệ nhất nghĩa đế 。

Người xuất thế đúng như tánh tướng mà hiểu biết gọi là đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, nay thiện nam tử! Hoặc lại có pháp có tên, có thật.

或復有法有名無實。善男子。有名無實者即是世諦。

hoặc phục hữu pháp hữu danh vô thật 。

Hoặc lại có pháp có tên, không thật. Nay thiện nam tử! Có tên không thật ấy gọi là thế đế. Hữu danh hữu thật giả thị đệ nhất nghĩa đế 。

có tên có thật ấy gọi là đệ nhất nghĩa đế. Nay thiện nam tử!

如我眾生壽命知見養育丈夫作者受者。

như ngã chúng sanh thọ mạng tri kiến dưỡng dục trượng phu tác giả thọ giả 。

Như ngã, chúng sanh, thọ mạng, tri kiến, dưỡng dục, trượng phu, tác giả, thọ giả,

熱時之炎乾闥婆城。龜毛兔角旋火之輪。

hiệt thời chi viêm Càn thát bà thành 。

quy mao thỏ giác toàn hỏa chi luân 。

khi lửa nóng, thành Càn-thát-bà, lông rùa, sừng thỏ, vòng lửa,

諸陰界入是名世諦。苦集滅道名第一義諦。善男子。

chư ấm giới nhập thị danh thế đế 。 khổ tập diệt đạo danh đệ nhất nghĩa đế 。 thiện nam tử 。

các ấm, giới, nhập v.v... đây gọi là thế đế. Khổ, Tập, Diệt, Đạo gọi là đệ nhất nghĩa đế.
Này thiện nam tử!

世法有五種。一者名世。二者句世。三者縛世。

thế Pháp hữu ngũ chủng 。 nhất giả danh thế 。 nhị giả cú thế 。 tam giả phược thế 。

Pháp thế gian có năm thứ: Một là danh thế, hai là cú thế, ba là phược thế,

四者法世。五者執著世。善男子。云何名世。

tứ giả Pháp thế 。 ngũ giả chấp trú thế 。 thiện nam tử 。

vân hà danh thế 。

bốn là pháp thế, năm là chấp trước thế. Này thiện nam tử! Thế nào gọi là danh thế?
男女瓶衣車乘屋舍如是等物。是名名世。

nam nữ bình y xa thừa ốc xá như thị đẳng vật 。

thị danh danh thế 。

Những vật như nam, nữ, bình, vải vóc, xe cộ, phòng xá v.v... đó gọi là Danh thế.
云何句世。四句一偈如是等偈。名為句世。

vân hà cú thế 。

tứ cú nhất kệ như thị đẳng kệ 。

danh vi cú thế 。

Thế nào gọi là Cú thế? Bốn câu thành một bài kệ, những bài kệ như vậy gọi là Cú thế.
云何縛世。捲合繫結束縛合掌。是名縛世。

Thế nào gọi là Phược thế? Cuốn, hiệp, trói, buộc, chấp tay, đó gọi là Phược thế.
云何法世。如鳴搥集僧嚴鼓戒兵吹貝知時。

vân hà pháp thế 。

như minh trừu tập tăng nghiêm cổ giới binh xuy bối tri thời 。

Thế nào là Pháp thế? Đánh kiền chùy nhóm Tăng, chiêng trống răn quân lính, thổi ốc để biết giờ...

是名法世。云何執著世。如望遠人有染衣者。

thị danh Pháp thế 。

vân hà chấp trước thế 。

như vọng viễn nhân hữu nhiễm y giả 。

đây gọi là Pháp thế. Thế nào gọi là Chấp trước thế? Như nhìn xa thấy người mặc áo nhuộm sắc,
生想執著言是沙門非婆羅門。

sanh tưởng chấp trú ngôn thị Sa-môn phi Bà-la-môn 。

sanh tưởng là Sa-môn chẳng phải Bà-la-môn,

見有結繩橫佩身上。便生念言是婆羅門非沙門也。

kiến hữu kết thằng hoành bội thân thượng 。 tiện sanh niệm ngôn thị Bà-la-môn phi Sa-môn dã 。

thấy có người gút dây đeo trên thân, liền nghĩ đó là Bà-la-môn, chẳng phải Sa-môn vậy.
是名執著世。善男子。如是名為五種世法。

thị danh chấp trước thế 。 thiện nam tử 。 như thị danh vi ngũ chủng thế Pháp 。
đó gọi là chấp trước thế đế. Này thiện nam tử! Như vậy gọi là năm thứ pháp thế gian.
善男子。若有眾生於如是等五種世法。

thiện nam tử 。 nhược hữu chúng sanh ư như thị đẳng ngũ chủng thế Pháp 。
Này thiện nam tử! Nếu có chúng sanh đối với năm pháp thế gian như vậy mà
心無顛倒如實而知。是名第一義諦。復次善男子。

tâm vô điên đảo như thật nhi tri 。 thị danh đệ nhất nghĩa đế 。 phục thứ thiện nam tử 。
tâm không điên đảo, như thật mà biết, đó gọi là đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này thiện nam tử!

若燒若割若死若壞。是名世諦。

nhược thiêu nhược cắt nhược tử nhược hoại 。 thị danh thế đế 。

Hoặc đốt, hoặc cắt, hoặc chết, hoặc hoại, đây gọi là thế đế.

無燒無割無死無壞。是名第一義諦。復次善男子。

vô thiêu vô cắt vô tử vô hoại 。 thị danh đệ nhất nghĩa đế 。 phục thứ thiện nam tử 。

Không đốt, không cắt, không chết, không hoại, đây gọi là đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này thiện nam tử!

有八苦相名為世諦。無生無老無病無死。

hữu bát khổ tướng danh vi thế đế 。 vô sanh vô lão vô bệnh vô tử 。

có tám tướng khổ, gọi là thế đế: Không sanh, không già, không bệnh, không chết,

無愛別離無怨憎會。無求不得無五盛陰。

vô ái biệt ly vô oán tăng hội 。 vô cầu bất đắc vô ngũ thịnh âm 。

không ái biệt ly, không oán tăng hội, không cầu, không được, không âm ấm xí thành,

是名第一義諦。復次善男子。譬如一人多有所能。

thị danh đệ nhất nghĩa đế 。 phục thứ thiện nam tử 。 thí như nhất nhân đa hữu sở năng 。

đây gọi là đệ nhất nghĩa đế. Lại nữa, này thiện nam tử! Thí như có một người có nhiều tài:

若其走時則名走者。或收刈時復名刈者。

nhược kỳ tẩu thời tắc danh tẩu giả 。 hoặc thu ngải thời phục danh ngải giả 。
Nếu khi người ấy chạy, thị gọi là người ấy chạy. Hoặc khi người ấy gặt cắt thị gọi là gặt
cắt.

或作飲食名作食者。若治材木則名工匠。

hoặc tác ẩm thực danh tác thực giả 。 nhược trì tài mộc tắc danh công tượng 。

Hoặc người ấy nấu nướng, thị gọi là làm đồ ăn. Nếu lúc người ấy đẽo cây gỗ thị gọi là thợ
mộc,

鍛金銀時言金銀師。如是一人有多名字。

đoán kim ngân thời ngôn kim ngân sư 。

như thị nhất nhân hữu đa danh tự 。

khi đập giữa vàng bạc, nói là thợ vàng bạc. Như vậy chỉ một người mà có nhiều danh tự.
法亦如是其實是一而有多名。

Pháp diệc như thị kỳ thật thị nhất nhi hữu đa danh 。

Pháp cũng như vậy, thật thì chỉ có một mà có nhiều tên.

依因父母和合而生名為世諦。十二因緣和合生者名第一義諦。

y nhân phụ mẫu hòa hợp nhi sanh danh vi thế đế 。

Nương nơi cha mẹ hòa hợp mà sanh thị gọi là Thế đế. Nương Mười hai nhân duyên hòa
hợp mà sanh gọi là đệ nhất nghĩa đế.

文殊師利菩薩摩訶薩白佛言。世尊。

Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-Ha tát bạch Phật ngôn 。

Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-ha-tát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

所言實諦其義云何。佛言善男子。

sở ngôn thật đế kỳ nghĩa vân hà 。

Phật ngôn thiện nam tử 。

Thế Tôn nói thật đế ấy nghĩa thế nào? Phật dạy, này thiện nam tử!

所言實諦者名曰真法。善男子。若法非真不名實諦。善男子。
ngôn thật đế giả danh viết chân Pháp 。

thiện nam tử 。

Thật đế ấy gọi là pháp chân thật. Này thiện nam tử! Nếu pháp chẳng phải chân thì chẳng
gọi là Thật đế. Này thiện nam tử!

實諦者無顛無倒。無顛倒者乃名實諦。
thật đế giả vô điên vô đảo 。

Thật đế ấy không điên, không đảo, không điên đảo ấy liền gọi là Thật đế.

善男子。實諦者無有虛妄。若有虛妄不名實諦。

thiện nam tử 。 thật đế giả vô hữu hư vọng 。 nhược hữu hư vọng bất danh thật đế 。

Này thiện nam tử! Thật đế ấy không có hư dối. Nếu có hư dối thì chẳng phải Thật đế.

善男子。實諦者名曰大乘。

thiện nam tử 。 thật đế giả danh viết Đại thừa 。

Này thiện nam tử! Thật đế gọi là Đại thừa.

非大乘者不名實諦。善男子。實諦者是佛所說非魔所說。

phi Đại thừa giả bất danh thật đế 。

thiện nam tử 。

thật đế giả thị Phật sở thuyết phi ma sở thuyết 。

Chẳng phải Đại thừa thì không gọi là Thật đế. Này thiện nam tử! Thật đế ấy là lời Phật nói, chẳng phải ma nói.

若是魔說非佛說者不名實諦。善男子。

nhược thị ma thuyết phi Phật thuyết giả bất danh thật đế 。

thiện nam tử 。

Nếu là lời ma nói mà chẳng phải Phật nói thì chẳng phải Thật đế. Này thiện nam tử!

實諦者一道清淨無有二也。善男子。

thật đế giả nhất đạo thanh tịnh vô hữu nhị dã 。

thiện nam tử 。

Thật đế là con đường thanh tịnh, không có hai vậy. Này thiện nam tử!

有常有樂有我淨。是則名為實諦之義。文殊師利白佛言。

hữu thường hữu lạc hữu ngã hữu tịnh 。

thị tắc danh vi thật đế chi nghĩa 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。

Có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, thị gọi đó là đệ nhất nghĩa đế. Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng:

世尊。若以真實為實諦者。

Thế tôn 。

nhược dĩ chân thật vi thật đế giả 。

Bạch Thế Tôn! nếu cho chân thật là thật đế,

真實之法即是如來虛空佛性。

chân thật chi Pháp tức thị Như Lai hư không Phật tánh 。

pháp chân thật tức là Như Lay, hư không, Phật tánh.

若如是者如來虛空及與佛性無有差別。佛告文殊師利。有苦有諦有實。

nhược như thị giả Như Lai hư không cập dữ Phật tánh vô hữu sai biệt 。 Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。 hữu khổ hữu đế hữu thật 。

nếu như vậy thì Như Lai, hư không và Phật tánh không có sai khác. Phật dạy Văn-thù-sư-lợi: Có khổ có đế có thật.

有集有諦有實。有滅有諦有實。

hữu tập hữu đế hữu thật 。

hữu diệt hữu đế hữu thật 。

有集有諦有實。善男子。如來非苦非諦是實。

hữu đạo hữu đế hữu thật 。

hữu thiện nam tử 。

虛空非苦非諦是實。佛性非苦非諦是實。文殊師利。

hư không phi khổ phi đế thị thật 。

hư không chẳng khổ, chẳng đế là thật. Phật tánh chẳng khổ, chẳng đế là thật. Văn-thù-sư-lợi!

所言苦者為無常相是可斷相是為實諦。

sở ngôn khổ giả vi vô thường tướng thị khả đoạn tướng thị vi thật đế 。

Chỗ nói khổ ấy là tướng vô thường, là là tướng có thể đoạn, đó là thật đế.

如來之性非苦非無常非可斷相。

Như Lai chi tánh phi khổ phi vô thường phi khả đoạn tướng 。

Như Lai tánh chẳng khổ, chẳng vô thường, tướng chẳng có thể đoạn,

是故為實虛空。佛性亦復如是。復次善男子。

thị cố vi thật hư không 。

phật tánh diệt phục như thị 。

phục thứ thiện nam tử 。

vi thể nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng lại như vậy. Lại nữa, này thiện nam tử!

所言集者能令五陰和合而生。亦名為苦亦名無常。

sở ngôn tập giả năng lệnh ngũ ấm hòa hợp nhi sanh 。

diệt danh vi khổ diệt danh vô thường 。

Chỗ nói Tập ấy có thể khiến cho năm ấm hòa hợp mà sanh, cũng gọi là khổ, cũng gọi là vô thường,

是可斷相是為實諦。善男子。

thị khả đoạn tướng thị vi thật đế 。

thiện nam tử 。

là tướng có thể đoạn, đó là thật đế. Này thiện nam tử!

如來非是集性非是陰因非可斷相。是故為實虛空。

Như Lai phi thị tập tánh phi thị ấm nhân phi khả đoạn tướng 。 thị cố vi thật hư không 。

Như Lai chẳng phải là tánh của tập, chẳng phải do năm ấm mà sanh, chẳng phải là tướng có thể đoạn, cho nên là thật. Hư không và

佛性亦復如是。善男子。所言滅者名煩惱滅。

Phật tánh diệt phục như thị 。 thiện nam tử 。 sở ngôn diệt giả danh phiền não diệt 。

Phật tánh cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Chỗ nói Diệt ấy gọi là nói phiền não dứt diệt

亦常無常。二乘所得名曰無常。諸佛所得是則名常。

diệt thường vô thường 。 nhị thừa sở đắc danh viết vô thường 。 chư Phật sở đắc thị tắc danh thường 。

cũng là thường, cũng là vô thường, hàng Nhị thừa chứng được gọi là vô thường. Chư Phật chứng được gọi là thường,

亦名證法是為實諦。善男子。

diệt danh chứng Pháp thị vi thật đế 。 thiện nam tử 。

cũng gọi là pháp chứng được, đây là thật đế. Nay thiện nam tử!

如來之性不名為滅。能滅煩惱非常非無常。

Như Lai chi tánh bất danh vi diệt 。 năng diệt phiền não phi thường phi vô thường 。

Như Lai tánh chẳng gọi là Diệt, có thể diệt phiền não, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường,

不名證知常住無變。是故為實虛空。佛性亦復如是。

bất danh chứng tri thường trụ vô biến 。 thị cố vi thật hư không 。

chẳng gọi là chứng tri, thường trụ, không biến đổi, vì vậy nên gọi là thật. Hư không và Phật tánh cũng lại như vậy.

善男子。道者能斷煩惱亦常無常。

thiện nam tử 。 đạo giả năng đoạn phiền não diệt thường vô thường 。

Nay thiện nam tử! Đạo ấy có thể đoạn trừ phiền não, cũng là thường, cũng là vô thường, 是可修法是名實諦。如來非道能斷煩惱。

thị khả tu Pháp thị danh thật đế 。

Như Lai phi đạo năng đoạn phiền não 。

là pháp có thể tu tập, đây gọi là thật đế. Như Lai chẳng phải đạo có thể đoạn phiền não,

非常無常非可修法常住不變。是故為實虛空。

phi thường vô thường phi khả tu Pháp thường trụ bất biến 。 thị cố vi thật hư không 。
chẳng phải là thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải pháp có thể tu tập, thường trụ,
chẳng biến đổi biến, vì thế nên là thật. Hư không và
佛性亦復如是。復次善男子。言真實者即是如來。

Phật tánh diệc phục như thị 。 phục thứ thiện nam tử 。 ngôn chân thật giả tức thị Như Lai
。

Phật tánh cũng lại như vậy. Lại nữa thiện nam tử! Nói chân thật chính là Như Lai.

如來者即是真實。真實者即是虛空。

Như Lai giả tức thị chân thật 。 chân thật giả tức thị hư không 。

Như Lai tức là chân thật, chân thật tức là hư không.

虛空者即是真實。真實者即是佛性。佛性者即是真實。

hư không giả tức thị chân thật 。 chân thật giả tức thị Phật tánh 。 Phật tánh giả tức thị
chân thật 。

Hư không tức là chân thật, chân thật tức là Phật tánh, Phật tánh tức là chân thật.

文殊師利。有苦有苦因有苦盡有苦對。

Văn-thù-sư-lợi 。 hữu khổ hữu khổ nhân hữu khổ tận hữu khổ đối 。

Văn-thù-sư-lợi! Có khổ, có khổ nhân, có khổ tận, có khổ đối.

如來非苦乃至非對。是故為實不名為諦。

Như Lai phi khổ nãi chí phi đối 。 thị cố vi thật bất danh vi đế 。

Như Lai chẳng khổ, chẳng đến chẳng đối, vì vậy là thật, chẳng gọi là đế.

虛空佛性亦復如是。苦者有為有漏無樂。

hư không Phật tánh diệc phục như thị 。 khổ giả hữu vi hữu lậu vô lạc 。

Hư không và Phật tánh cũng lại như vậy. Khổ ấy là hữu vi, hữu lậu, không lạc.

如來非有為非有漏湛然安樂是實非諦。

Như Lai phi hữu vi phi hữu lậu trạm nhiên an lạc thị thật phi đế 。

Như Lai chẳng phải hữu vi, chẳng phải hữu lậu, trầm lặng an lạc, nên là thật chẳng phải
đế.

文殊師利白佛言。世尊。如佛所說不顛倒者名為實諦。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 như Phật sở thuyết bất điên đảo giả danh vi
thật đế 。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như chỗ Thế Tôn nói, chẳng điên đảo ấy gọi là thật đế.

若爾者四諦之中有四倒不。如其有者。

nhược nhĩ giả tứ đế chi trung hữu tứ đảo bất 。 như kỳ hữu giả 。

Nếu như vậy, trong Tứ đế có bốn điên đảo chẳng? Nếu có,

云何說言無有顛倒名為實諦。

vân hà thuyết ngôn vô hữu điên đảo danh vi thật đế 。

vì sao nói rằng không có điên đảo gọi là thật đế?

一切顛倒不名為實佛告文殊師利。一切顛倒皆入苦諦。

nhất thiết điên đảo bất danh vi thật Phật cáo Văn-thù-sư-lợi 。

nhất thiết điên đảo giai nhập khổ đế 。

Hết thầy điên đảo chẳng gọi là thật? Phật bảo Văn-thù-sư-lợi! Hết thầy điên đảo đều vào trong khổ đế.

如諸眾生有顛倒心名為顛倒。善男子。

như chư chúng sanh hữu điên đảo tâm danh vi điên đảo 。

thiện nam tử 。

Như các chúng sanh tâm có điên đảo gọi là điên đảo. Này thiện nam tử!

譬如有人不受父母尊長教勅。雖受不能隨順修行。

thí như hữu nhân bất thọ phụ mẫu tôn trường giáo sắc 。

tuy thọ bất năng tùy thuận tu hành 。

Thí như có người không chịu nghe lời dạy bảo của cha mẹ, tôn trường. Dầu người ấy chịu nghe lời dạy bảo nhưng không thể tùy thuận tu hành.

如是人等名為顛倒。

như thị nhân đẳng danh vi điên đảo 。

Những người như vậy gọi là điên đảo.

如是顛倒非不是苦即是苦也。文殊師利言。

như thị điên đảo phi bất thị khổ tức thị khổ dã 。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Điên đảo như vậy chẳng phải không là khổ mà chính là khổ vậy. Văn-thù-sư-lợi nói:

如佛所說不虛妄者即是實諦。若爾者當知虛妄則非實諦。

như Phật sở thuyết bất hư vọng giả tức thị thật đế 。

nhược nhĩ giả đương tri hư vọng tác phi thật đế 。

Như lời Phật nói chẳng hư vọng chính là thật đế. Nếu như vậy phải biết hư vọng tức là chẳng phải thật đế.

佛言善男子。一切虛妄皆入苦諦。

Phật ngôn thiện nam tử 。 nhất thiết hư vọng giai nhập khổ đế 。

Phật dạy: Này thiện nam tử! Hết thấy hư vọng đều vào trong khổ đế.

如有眾生欺誑於他。以是因緣墮於地獄畜生餓鬼。

như hữu chúng sanh khi cưỡng ư tha 。 dĩ thị nhân duyên đọa ư Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ 。

Như có chúng sanh lừa dối người khác, do nhân duyên đó mà đọa vào địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

如是等法名為虛妄。如是虛妄非不是苦即是苦也。

như thị đẳng Pháp danh vi hư vọng 。 như thị hư vọng phi bất thị khổ tức thị khổ dã 。

Những pháp đó gọi là hư dối. Hư dối như vậy chẳng phải không là khổ mà chính là khổ vậy.

聲聞緣覺諸佛世尊遠離不行故名虛妄。

thanh văn duyên giác chư Phật Thế tôn viễn li bất hành cố danh hư vọng.

Những điều đó hàng Thanh Văn, Duyên Giác, các Phật Thế Tôn xa lìa không làm nên gọi là hư vọng.

如是虛妄諸佛二乘所斷除故故名實諦。

như thị hư vọng chư Phật nhị thừa sở đoạn trừ cố cố danh thật đế 。

Hư vọng đó là chỗ chư Phật và hàng Nhị thừa đoạn trừ nên gọi là thật đế.

文殊師利言。如佛所說大乘是實諦者。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。 như Phật sở thuyết Đại thừa thị thật đế giả 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Như lời Phật nói Đại thừa là thật đế. Do đó

當知聲聞辟支佛乘則為不實。佛言文殊師利。

đương tri thanh văn Bích-chi-phật thừa tặc vi bất thật 。

Phật ngôn Văn-thù-sư-lợi 。

biết rằng Thanh Văn thừa và Bích-chi-phật thừa thì chẳng là thật. Phật dạy Văn-thù-sư-lợi:

彼二乘者亦實不實。聲聞緣覺斷諸煩惱則名為實。
bỉ nhị thừa giả diệc thật bất thật 。

Hàng Nhị thừa ấy cũng là thật, cũng là chẳng thật. Thanh văn, Duyên Giác đoạn trừ các phiền não thì gọi là thật.

無常不住是變易法名為不實。

vô thường bất trụ thì biến dịch Pháp danh vi bất thật 。

Hàng Nhị thừa vô thường, chẳng trụ là pháp biến dịch nên gọi là không thật.

文殊師利言如佛所說若佛所說名為實者。

Văn-thù-sư-lợi ngôn như Phật sở thuyết nhược Phật sở thuyết danh vi thật giả 。

Văn-thù-sư-lợi nói: Như lời Phật nói, những pháp của đức Phật nói gọi là thật.

當知魔說則為不實。世尊。如魔所說聖諦攝不。

đương tri ma thuyết tắc vi bất thật 。

Thế tôn 。

như ma sở thuyết Thánh đế nhiếp bất 。

Do đó biết rằng lời nói của ma thì chẳng phải thật. Bạch đức Thế Tôn! Như lời nói của ma có nhiếp vào trong Thánh đế chẳng?

佛言文殊師利。魔所說者二諦所攝所謂苦集。

Phật ngôn Văn-thù-sư-lợi 。

ma sở thuyết giả nhị đế sở nhiếp sở vi khổ tập 。

Phật dạy Văn-thù-sư-lợi: Lời nói của ma là nhiếp vào trong hai là khổ đế và tập đế.

凡是一切非法非律不能令人而得利益。

phàm thị nhất thiết phi Pháp phi luật bất năng lệnh nhân nhi đắc lợi ích.

Phàm hết thảy những điều phi pháp, phi luật, chẳng có thể làm cho người ta được lợi ích.

終日宣說亦無有人。見苦斷集證滅修道是名虛妄。

chung nhật tuyên thuyết diệc vô hữu nhân 。

kiến khổ đoạn tập chứng diệt tu đạo thị danh hư vọng 。

dầu suốt ngày tuyên nói cũng không có người nào thấy được khổ, dứt được tập, chứng được diệt, tu được đạo, đây gọi là hư dối.

如是虛妄名為魔說。文殊師利言。

như thị hư vọng danh vi ma thuyết 。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Những điều hư dối như vậy gọi là lời ma nói. Văn-thù-sư-lợi nói:

如佛所說一道清淨無有二者。諸外道等亦復說言。

như Phật sở thuyết nhất đạo thanh tịnh vô hữu nhị giả 。

chư ngoại đạo đẳng diệc phục thuyết ngôn 。

Như lời Phật nói đạo duy nhất thanh tịnh, không có hai. Các ngoại đạo cũng đều nói:

我有一道清淨無二。若言一道是實諦者。

ngã hữu nhất đạo thanh tịnh vô nhị 。 nhược ngôn nhất đạo thị thật đế giả 。
Ta có đạo một đạo duy nhất thanh tịnh không có hai. Nếu nói cho rằng duy nhất là thật đế
thì

與彼外道有何差別。

dữ bỉ ngoại đạo hữu hà sai biệt 。

cùng với ngoại đạo kia có sai khác gì?

若無差別不應說言一道清淨。佛言善男子。

nhược vô sai biệt bất ứng thuyết ngôn nhất đạo thanh tịnh 。 Phật ngôn thiện nam tử 。

Nếu không sai khác, không nên nói rằng đạo duy nhất thanh tịnh. Phật dạy: Này thiện
nam tử!

諸外道等有苦集諦無滅道諦。於非滅中而生滅想。於非道中而生道想。

chư ngoại đạo đẳng hữu khổ tập đế vô diệt đạo đế 。

ư phi diệt trung nhi sanh diệt tưởng 。

Các ngoại đạo đều có khổ đế và tập đế, không có Diệt đế và Đạo đế. Ở trong chẳng phải
diệt đế chẳng phải đạo đế mà họ sanh tưởng là diệt, là đạo.

於非果中生於果想。於非因中生於因想。

ư phi quả trung sanh ư quả tưởng 。

Ở trong chẳng phải quả mà sanh cái tưởng là quả. Ở trong chẳng phải nhân mà sanh
tưởng là nhân.

以是義故。彼無一道清淨無二。

dĩ thị nghĩa cố 。

Vì nghĩa như vậy nên ngoại đạo kia không có đạo duy nhất thanh tịnh không hai.

文殊師利言。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Văn-thù-sư-lợi nói:

如佛所說有常有我有樂有淨是實義者。諸外道等應有實諦。佛法中無。

như Phật sở thuyết hữu thường hữu ngã hữu lạc hữu tịnh thị thật nghĩa giả 。

Như lời Phật nói có thường, có ngã, có lạc, có tịnh là thật nghĩa thì các ngoại đạo lẽ ra
phải có thật đế nhưng trong Phật pháp thì không có.

何以故。諸外道輩亦復說言諸行是常。

hà dĩ cố 。 chư ngoại đạo bố diệc phục thuyết ngôn chư hành thị thường 。
Vì sao? Các ngoại đạo cũng lại nói các hành là thường.
云何是常。可意不可意諸業報等受不失故。
vân hà thị thường 。 khả ý bất khả ý chư nghiệp báo đẳng thọ bất thất cố 。
Thế nào là thường? Vì khả ý, bất khả ý, các nghiệp báo v.v...khi thọ rồi thì chẳng mất.
可意者名十善報。不可意者十不善報。
khả ý giả danh Thập thiện báo 。 bất khả ý giả thập bất thiện báo 。
Khả ý là nói mười báo lành. Bất khả ý là nói mười báo chẳng lành.
若言諸行悉皆無常。而作業者於此已滅。
nhược ngôn chư hành tất giai vô thường 。 nhi tác nghiệp giả ư thử dĩ diệt 。
Nếu cho rằng hết thảy các hành đều vô thường, mà người tạo nghiệp đã chết mất
誰復於彼受果報乎。以是義故諸行是常。
thùy phục ư bỉ thọ quả báo hồ 。 dĩ thị nghĩa cố chư hành thị thường 。
thì ai thọ quả báo kia? Do nghĩa đó nên các hành là thường.
殺生因緣故名為常。世尊。若言諸行悉無常者。
sát sanh nhân duyên cố danh vi thường 。 Thế tôn 。 nhược ngôn chư hành tất vô thường
giả 。
Sát sanh nhân duyên nên gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Nếu nói các hành đều là vô
thường,
能殺可殺二俱無常。若無常者誰於地獄而受罪報。
năng sát khả sát nhị câu vô thường 。 nhược vô thường giả thùy ư Địa-ngục nhi thọ tội báo
。
thì kẻ giết cùng người bị giết cả hai đều vô thường, nếu vô thường thì ai ở địa ngục mà thọ
tội báo?
若言定有地獄受報者。當知諸行實非無常。
nhược ngôn định hữu Địa-ngục thọ báo giả 。 đương tri chư hành thật phi vô thường 。
Nếu nói quyết định có người ở địa ngục thọ báo thì phải biết các hành thật chẳng vô
thường.
世尊。繫心專念亦名為常。
Thế tôn 。 hệ tâm chuyên niệm diệc danh vi thường 。
Thế Tôn! Chuyên tâm ghi nhớ cũng gọi là thường,

所謂十年所念乃至百年亦不忘失是故為常。

sở vị thập niên sở niệm nãi chí bách niên diệc bất vong thất thị cố vi thường 。

như chỗ nhớ biết trải qua mười năm niệm nhẫm đến trăm năm cũng chẳng quên mất, vì vậy là thường.

若無常者本所見事誰憶誰念。

nhược vô thường giả bản sở kiến sự thù ýc thù niệm 。

Nếu là vô thường thì những việc đã thấy biết lấy gì để nhớ?

以是因緣一切諸行非無常也。世尊。一切憶想亦名為常。

dĩ thị nhân duyên nhất thiết chư hành phi vô thường dã 。

Thế tôn 。

nhất thiết ức tưởng diệc danh vi thường 。

Do nhân duyên như vậy nên hết thảy các hành đều chẳng vô thường. Bạch Thế Tôn! Hết thảy các sự nhớ tưởng cũng gọi là thường.

有人先見他人手脚頭項等相。後時若見便還識之。

hữu nhân tiên kiến tha nhân thủ cước đầu hạng đẳng tướng 。

hậu thời nhược kiến tiện hoàn thức chi 。

Có người ngày trước thấy các tướng tay, chân, đầu cổ của người khác, sau đó gặp lại liền nhớ biết.

若無常者本想應滅。世尊。諸所作業以久修習。

nhược vô thường giả bản tưởng ứng diệt 。

Thế Tôn 。

chư sở tác nghiệp dĩ cửu tu tập 。

Nếu là vô thường thì những tướng thấy biết ngày trước lẽ ra đã diệt mất. Bạch Thế Tôn!

Nghề nghiệp tạo tác do học tập từ lâu,

若從初學或經三年或經五年。

nhược tông sơ học hoặc Kinh tam niên hoặc Kinh ngũ niên 。

hoặc từ ngày học đầu tiên, hoặc trải qua ba năm, hoặc trải qua năm năm,

然後善知故名為常。世尊。算數之法。

nhiên hậu thiện tri cố danh vi thường 。

Thế Tôn 。

toán số chi Pháp 。

sau mới giỏi nên gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Phương pháp tính đếm

從一至二從二至三乃至百千。若無常者初一應滅。

tông nhất chí nhị tông nhị chí tam nãi chí bách thiên 。

nhược vô thường giả sơ nhất ứng diệt 。

từ một đến hai, từ hai đến ba, nhẫn đến trăm ngàn. Nếu vô thường thì số một ban đầu phải mất.

初一若滅誰復至二。如是常一終無有二。

sơ nhất nhược diệt thù phục chí nhị 。 như thị thường nhất chung vô hữu nhị 。

Số ban đầu nếu mất thì lấy gì đi đến hai? Như vậy thường chỉ có một không có hai.

以一不滅故得至二乃至百千。是故為常。世尊。

dĩ nhất bất diệt cố đắc chí nhị nãi chí bách thiên 。

thị cố vi thường 。

Thế tôn 。

Do một chẳng mất nên đến được hai, nhẫn đến trăm ngàn, vì thế là thường. Bạch Thế Tôn!

如讀誦法。讀一阿含至二阿含。乃至三四阿含。

như độc tụng Pháp 。

độc nhất a hàm chí nhị a hàm 。

nãi chí tam tứ a hàm 。

Như phương pháp đọc tụng, tụng Nhất A Hàm đến Nhị A Hàm, nhẫn đến tam tứ A Hàm.

如其無常所可讀誦終不至四。

như kỳ vô thường sở khả độc tụng chung bất chí tứ 。

Nếu là vô thường thì chỗ đọc tụng ấy trọn chẳng đến bốn.

以是讀誦增長因緣故名為常。世尊。瓶衣車乘如人負債。

dĩ thị độc tụng tăng trường nhân duyên cố danh vi thường 。

Thế tôn 。

bình y xa thừa như nhân phụ trái 。

Do sự đọc tụng đó tăng dần nên gọi là thường. Bạch Thế Tôn! Như bình, xe cộ, người mắc nợ,

大地形相山河樹林。藥木草葉眾生治病。

Đại địa hình tướng sơn hà thụ lâm 。

dược mộc thảo diệp chúng sanh trị bệnh 。

địa cầu, hình tướng, núi sông, cây rừng, thuốc thang, cây cỏ, lá, chúng sanh, trị bệnh, 皆悉是常亦復如是。世尊。

giai tất thị thường diệt phục như thị 。

Thế Tôn 。

tất cả thường đó cũng lại như vậy. Bạch đức Thế Tôn!

一切外道皆作是說諸行是常。若是常者即是實諦。世尊。

nhất thiết ngoại đạo giai tác thị thuyết chư hành thị thường 。

nhược thị thường giả tức thị thật đế 。

Thế Tôn 。

Tất cả ngoại đạo đều nói các hành là thường. Nếu là thường tức là thật đế. Bạch Thế Tôn!

有諸外道復言有樂。云何知耶。

hữu chư ngoại đạo phục ngôn hữu lạc 。 vân hà tri da 。

Có những người ngoại đạo lại có lạc. Làm sao biết có lạc?

受者定得可意報故。世尊。凡受樂者必定得之。

thọ giả định đắc khả ý báo cố 。 Thế Tôn 。 phàm thọ lạc giả tất định đắc chi 。

Vì người thọ quyết định được báo khả ý. Bạch Thế Tôn! Phàm người thọ lạc quyết định được đó,

所謂大梵天王大自在天釋提桓因毘紐天及諸人天。

sở vị Đại Phạm Thiên Vương Đại Tự Tại Thiên thích đề hoàn nhân tì nữu Thiên cập chư nhân Thiên 。

như vua trời Đại phạm, vua trời Đại Tự Tại, Thích Đề Hoàn Nhân, trời Tỳ Nữu và các chư thiên.

以是義故名定有樂。世尊。有諸外道復言有樂。

dĩ thị nghĩa cố danh định hữu lạc 。 Thế tôn 。 hữu chư ngoại đạo phục ngôn hữu lạc 。

Do nghĩa đó nên quyết định có lạc. Bạch Thế Tôn! Có phái ngoại đạo lại nói có lạc
能令眾生求望故。飢者求食渴者求飲。

năng linh chúng sanh sanh cầu vọng cố 。 cơ giả cầu thực khát giả cầu ẩm 。

vì thấy chúng sanh tâm tìm cầu mong cầu, như người đói cầu thức ăn, người khát cầu đồ uống,

寒者求溫熱者求涼。

hàn giả cầu ôn nhiệt giả cầu lương 。

người lạnh cầu ấm, người nóng thì cầu mát,

極者求息病者求差欲者求色。若無樂者彼何緣求。

cực giả cầu tức bệnh giả cầu sai dục giả cầu sắc 。 nhược vô lạc giả bỉ hà duyên cầu 。

người mệt nhọc cầu nghỉ ngơi, người bệnh cầu muốn sai, người tham dục cầu sắc. Nếu không có lạc thì những người kia vì duyên gì mà cầu?

以有求者故知有樂。世尊。有諸外道復作是言施能得樂。

dĩ hữu cầu giả cố tri hữu lạc 。 Thế Tôn 。 hữu chư ngoại đạo phục tác thị ngôn thí năng đắc lạc 。

Do có người cầu nên biết có lạc. Bạch Thế Tôn! Có phái ngoại đạo lại nói rằng bố thí thì được lạc.

世間之人好施沙門諸婆羅門。

thế gian chi nhân hảo thí Sa-môn chư Bà-la-môn 。

Người thế gian ưa bố thí cho Sa-môn và các Bà-la-môn,

貧窮困苦衣服飲食臥具醫藥。象馬車乘末香塗香。

bàn cùng khốn khổ y phục ẩm thực ngoạ cụ y dược 。

tượng mã xa thừa mặt hương đồ hương 。

và cho người bàn cùng khốn khổ nào y phục, thức ăn vật uống, đồ nằm, thuốc thang, voi, ngựa, xe cộ, hương bột, hương thoa,

眾花屋宅依止燈明。作如是等種種惠施。

chúng hoa ốc trạch y chỉ đặng minh 。

tác như thị đặng chủng chủng huệ thí 。

các thứ hương hoa, phòng nhà, y chỉ, đèn sáng. Đem lòng nhân từ mà bố thí các thứ như vậy

為我後世受可意報。是故當知決定有樂。世尊。

vi ngã hậu thế thọ khả ý báo 。

thị cố đương tri quyết định hữu lạc 。

Thế Tôn 。

vì muốn đời sau tôi được thọ báo khả ý. Vì thế, nên biết rằng quyết định có lạc. Bạch Thế Tôn!

有諸外道復作是言以因緣故當知有樂。

hữu chư ngoại đạo phục tác thị ngôn dĩ nhân duyên cố đương tri hữu lạc 。

Có phái ngoại đạo lại nói rằng người thọ lạc vì có nhân duyên nên biết có lạc.

所謂受樂者有因緣故名為樂觸。

sở vị thọ lạc giả hữu nhân duyên cố danh vi lạc xúc 。

Đó là nhân duyên có người thọ lạc nên gọi là lạc xúc.

若無樂者何得因緣。如無兔角則無因緣。

nhược vô lạc giả hà đắc nhân duyên 。

như vô thỏ giác tắc vô nhân duyên 。

Nếu không lạc đâu thành có nhân duyên? Như sừng thỏ không có thì không nhân duyên.

有樂因緣則知有樂。世尊。

hữu lạc nhân duyên tắc tri hữu lạc 。

Thế Tôn 。

Vì có nhân duyên lạc thì biết có lạc. Bạch đức Thế Tôn!

有諸外道復作是言上中下故當知有樂。下受樂者釋提桓因。

hữu chư ngoại đạo phục tác thị ngôn thượng trung hạ cố đương tri hữu lạc 。

hạ thọ lạc giả thích đề hoàn nhân 。

Có phái ngoại đạo lại nói rằng có bậc thượng, trung, hạ nên biết có lạc. Thọ lạc bậc hạ như Thích Đề Hoàn Nhân.

中受樂者大梵天王。上受樂者大自在天。

trung thọ lạc giả Đại Phạm Thiên Vương 。 thượng thọ lạc giả Đại Tự Tại Thiên 。

Thọ lạc bậc trung như vua trời Đại Phạm. Thọ lạc bậc thượng như trời Đại Tự Tại.

以有如是上中下故當知有樂。世尊。有諸外道復言有淨。

dĩ hữu như thị thượng trung hạ cố đương tri hữu lạc 。 Thế Tôn 。 hữu chư ngoại đạo phục ngôn hữu tịnh 。

Do có các bậc thượng, trung, hạ như thế nên biết có lạc. Bạch đức Thế Tôn! Có phái ngoại đạo lại nói rằng có tịnh.

何以故。若無淨者不應起欲。

hà dĩ cố 。 nhược vô tịnh giả bất ứng khởi dục 。

Vì sao? Nếu không tịnh thì lẽ ra chẳng sanh lòng mong muốn.

若起欲者當知有淨。又復說言。

nhược khởi dục giả đương tri hữu tịnh 。 hữu phục thuyết ngôn 。

Vì có mong muốn thì biết có tịnh. Lại nói rằng:

金銀珍寶琉璃頗梨車磑馬瑙珊瑚真珠璧玉珂貝。流泉浴池飲食衣服。

kim ngân trân bảo lưu ly pha lê xa cừ mã-não san hô chân châu bích ngọc kha bối 。 lưu tuyền dục trì ẩm thực y phục 。

vàng bạc, châu báu, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, trân châu, ngọc bích, ngọc trai, dòng suối, ao tắm, uống ăn, y phục,

花香未香塗香燈燭之明。如是等物悉是淨法。

hoa hương mật hương đồ hương đăng chúc chi minh 。 như thị đẳng vật tất thị tịnh Pháp 。

hoa hương, hương bột, hương thoa, đèn đuốc sáng, những vật như vậy đều là tịnh.

復次有淨謂五陰者即是淨器盛諸淨物。

phục thứ hữu tịnh vị ngũ ấm giả tức thị tịnh khí tịnh chư tịnh vật 。

Họ lại nói thân ngũ ấm chính là tịnh khí những tịnh vật,

所謂人天諸仙阿羅漢辟支佛菩薩諸佛。

sở vị nhân Thiên chư tiên A-la-hán Bích-chi-phật Bồ-tát chư Phật 。

như thân người, trời, các tiên, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, chư Phật.

以是義故名之為淨。世尊。有諸外道復言有我。

dĩ thị nghĩa cổ danh chi vi tịnh 。 Thế Tôn 。 hữu chư ngoại đạo phục ngôn hữu ngã 。

Do nghĩa đó nên gọi là tịnh. Bạch Thế Tôn! Có nhái đạo lại nói rằng có ngã,

有所覩見能造作故。譬如有人入陶師家。

hữu sở đở kiến năng tạo tác cố 。 thí như hữu nhân nhập đào sư gia 。

vì có thấy biết, vì có thể tạo tác. Thí như có người vào trong nhà của thợ gốm,

雖復不見陶師之身。以見輪繩定知。

tuy phục bất kiến đào sư chi thân 。 dĩ kiến luân thừng định tri 。

dầu lại chẳng thấy thân của người thợ gốm, nhưng do nhìn thấy bánh xe, dây dợ nên biết chắc

其家必是陶師。我亦如是眼見色已必知有我。

kỳ gia tất thị đào sư 。 ngã diệc như thị nhãn kiến sắc dĩ tất tri hữu ngã 。

nhà đó là thợ gốm. Ngã cũng như vậy, do mắt thấy sắc biết chắc là có ngã.

若無我者誰能見色聞聲乃至觸法亦復如是。

nhược vô ngã giả thùi năng kiến sắc văn thanh nãi chí xúc Pháp diệc phục như thị 。

Nếu không có ngã thì ai có thể thấy sắc, nghe tiếng? Nhấn đến xúc pháp cũng lại như vậy.

復次有我。云何得知因相故知。何等為相。

phục thứ hữu ngã 。 vân hà đắc tri nhân tướng cố tri 。 hà đẳng vi tướng 。

Họ lại nói có ngã. Làm sao biết có ngã? Vì nhân nơi tướng mà biết có ngã. Những gì là tướng?

喘息視胸壽命役心受諸苦樂貪求瞋恚。

suyễn tức thị huyện thọ mạng dịch tâm thọ chư khổ lạc tham cầu sân khuể 。

Như tướng thở, ngáy, nhìn ngó, mạng sống, móng tâm, lãnh thọ các khổ, vui, tham cầu, sân giận.

如是等法悉是我相。是故當知必定有我。

như thị đẳng Pháp tất thị ngã tướng 。 thị cố đương tri tất định hữu ngã 。

Những pháp như vậy đều là tướng của ngã, vì thế nên biết chắc chắn có ngã.

復次有我能別味故。有人食果見已知味。

phục thứ hữu ngã năng biệt vị cố 。 hữu nhân thực quả kiến dĩ tri vị 。

Ngoại đạo lại nói có ngã vì phân biệt được các mùi vị: Như có người ăn trái cây thấy biết mùi vị,

是故當知必定有我。復次有我云何知耶執作業故。

thị cố đương tri tất định hữu ngã 。 phục thứ hữu ngã vân hà tri da chấp tác nghiệp cố 。
vì thế nên biết chắc chắn có ngã. Ngoại đạo lại nói có ngã. Vì sao biết có ngã? Vì có cầm nắm, tạo tác các nghiệp.

執鎌能刈執斧能斫執瓶盛水執車能御。

chấp liềm năng gài chấp phủ năng chước chấp bình thịnh thủy chấp xa năng ngự 。

Như cầm lưỡi liềm có thể cắt gặt, cầm búa có thể đập, cầm bình thì đựng nước, ngồi xe thì cầm cương.

如是等事我執能作。當知必定而有我也。

như thị đẳng sự ngã chấp năng tác 。 đương tri tất định nhi hữu ngã dã 。

Những sự việc như vậy do “ngã” cầm nắm, có thể tạo tác, nên biết chắc chắn có ngã.

復次有我云何知耶。即於生時欲得乳餵乘宿習故。

phục thứ hữu ngã vân hà tri da 。 tức ư sanh thời dục đắc nhũ bộ thừa tú tập cố 。

Ngoại đạo lại nói rằng có ngã. Vì sao biết có ngã? Vì lúc mới sanh liền biết đòi bú đó là do tập quán,

是故當知必定有我。復次有我云何知耶。

thị cố đương tri tất định hữu ngã 。 phục thứ hữu ngã vân hà tri da 。

vì vậy nên biết chắc chắn có ngã. Ngoại đạo lại nói có ngã. Vì sao biết có ngã?

和合利益他眾生故。譬如瓶衣車乘田宅。

hòa hợp lợi ích tha chúng sanh cố 。 thí như 瓶 y xa thừa điền trạch 。

Vì hòa hợp lợi ích cho những người khác. Thí như bình, y phục, xe cộ, ruộng vườn, nhà cửa,

山林樹木象馬牛羊。

sơn lâm thụ mộc tượng mã ngưu dương 。

núi rừng, cây cối, voi ngựa, trâu dê.

如是等物若和合者則有利益。此內五陰亦復如是。

như thị đẳng vật nhược hòa hợp giả tắc hữu lợi ích 。 thử nội ngũ uẩn diệc phục như thị 。

Những vật như vậy hòa hợp thì có lợi ích. Ngũ ấm trong thân này cũng lại như vậy.

眼等諸根有和合故則利益我。是故當知必定有我。

nhân đẳng chư căn hữu hòa hợp cố tắc lợi ích ngã 。 thị cố đương tri tất định hữu ngã 。
Vì nhân căn v.v...vì có hòa hợp thì có lợi ích cho “ngã”, vì thế nên biết chắc chắn có ngã.
復次有我云何知耶。有遮法故如有物故則有遮礙。

phục thứ hữu ngã vân hà tri da 。 hữu già Pháp cố như hữu vật cố tắc hữu già ngại 。
Ngoại đạo lại nói có ngã. Vì sao biết có ngã? Vì có sự vật ngăn ngại, như vì có vật thì có
ngăn ngại.

物若無者則無有遮。若有遮者則知有我。

vật nhược vô giả tắc vô hữu già 。 nhược hữu già giả tắc tri hữu ngã 。

Nếu không vật thì không có ngăn ngại. Nếu có ngăn ngại thì biết có ngã,
是故當知必定有我。復次有我云何知耶。

thị cố đương tri tất định hữu ngã 。 phục thứ hữu ngã vân hà tri da 。

vì thế biết chắc chắn có ngã. Ngoại đạo lại nói có ngã. Vì sao biết có ngã?

伴非伴故親與非親非是伴侶。

bạn phi bạn cố thân dữ phi thân phi thị bạn lữ 。

Vì có bạn cùng chẳng phải bạn. Như thân cùng với chẳng thân thì chẳng phải là bạn.

正法邪法亦非伴侶。智與非智亦非伴侶。沙門非沙門。

chánh Pháp tà Pháp diệc phi bạn lữ 。 trí dữ phi trí diệc phi bạn lữ 。 Sa-môn phi Sa-môn
。

Chánh pháp và tà pháp cũng chẳng phải bạn bè. Người trí và người vô trí chẳng phải bạn
bè.

婆羅門非婆羅門。子非子晝非晝夜非夜我非我。

Bà-la-môn phi Bà-la-môn 。 tử phi tử trú phi trú dạ phi dạ ngã phi ngã 。

Bà-la-môn chẳng phải Bà-la-môn, con chẳng phải con, ban ngày chẳng phải ban ngày,
đêm chẳng phải đêm, ngã chẳng phải ngã.

如是等法為伴非伴。是故當知必定有我。

như thị đẳng Pháp vi bạn phi bạn 。 thị cố đương tri tất định hữu ngã 。

Những pháp đó đều là bạn chẳng phải bạn, vì thế nên biết chắc chắn có ngã.

世尊。諸外道等種種說有常樂我淨。

Thế tôn 。 chư ngoại đạo đẳng chủng chủng thuyết hữu thường lạc ngã tịnh 。

Bạch đức Thế Tôn! Các ngoại đạo nhiều cách nói có thường, lạc, ngã, tịnh,
當知定有常樂我淨。世尊。以是義故。

đương tri định hữu thường lạc ngã tịnh 。 Thế tôn 。 dĩ thị nghĩa cố 。
vì thế nên biết chắc chắn có thường, lạc, ngã, tịnh. Bạch Thế Tôn! Do nghĩa đó nên
諸外道等亦得說言我有真諦。

chư ngoại đạo đặng diệc đắc thuyết ngôn ngã hữu chân đế 。
các phái ngoại đạo cũng nói được rằng: ta có chân đế!

佛言善男子。若有沙門婆羅門有常有樂。

Phật ngôn thiện nam tử 。 nhược hữu Sa-môn Bà-la-môn hữu thường hữu lạc 。
Phật dạy: Này thiện nam tử! Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn mà có thường, có lạc,
有淨有我者是非沙門非婆羅門。何以故。

hữu tịnh hữu ngã giả thị phi Sa-môn phi Bà-la-môn 。 hà dĩ cố 。
có tịnh, có ngã thì người ấy chẳng phải Sa-môn hay Bà-la-môn. Vì sao?

迷於生死離一切智大導師故。

mê ư sanh tử ly nhất thiết trí Đại Đạo sư cố 。

Vì còn lạc trong sanh tử, xa lìa hết thầy bậc Đại Đạo sư Nhất-thiết-trí.

如是沙門婆羅門等沈沒諸欲善法羸損故。

như thị Sa-môn Bà-la-môn đặng trầm một chư dục thiện Pháp luy tổn cố 。

Những Sa-môn hay Bà-la-môn như vậy đều chìm đắm trong các dục, thiếu kém các pháp
lành.

是諸外道繫在貪欲瞋恚癡獄。堪忍愛樂故。

thị chư ngoại đạo hệ tại tham dục sân khuể si ngục 。

Các phái ngoại đạo đó, bị trói buộc trong ngục tham lam, sân giận, si mê, kham nhẫn thọ
lạc.

是諸外道雖知業果自作自受。而猶不能遠離惡法。

thị chư ngoại đạo tuy tri nghiệp quả tự tác tự thọ 。

Các phái ngoại đạo đó, dầu biết nghiệp quả, tự làm tự chịu, nhưng còn chẳng thể xa lìa
pháp ác.

是諸外道非是正法正命自活。何以故。

thị chư ngoại đạo phi thị chánh Pháp chánh mạng tự hoạt 。

Các phái ngoại đạo đó, chẳng phải chánh pháp, chánh mạng để tự sống. Vì sao vậy?
無智慧火不能消故。是諸外道雖欲貪著上妙五欲。

vô trí tuệ hỏa bất năng tiêu cố 。 thị chư ngoại đạo tuy dục tham trước thượng diệu ngũ dục 。

Vì họ không có lửa trí tuệ nên không thể tiêu diệt được. Các phái ngoại đạo đều tham muốn năm dục thượng diệu,

貧於善法不勤修故。

bần ư thiện Pháp bất tinh cần tu cố 。

nghèo thiếu đối với pháp lành, nhưng chẳng chuyên cần tu tập.

是諸外道雖欲往至正解脫中。而持戒足不成就。

thị chư ngoại đạo tuy dục vãng chí chánh giải thoát trung 。

nhi trì giới túc bất thành tựu 。

Các phái ngoại đạo này đều muốn đến đi trong chánh giải thoát, nhưng trì giới cụ túc chẳng thành tựu.

故是諸外道雖欲求樂。而不能求樂因緣。

cố thị chư ngoại đạo tuy dục cầu lạc 。

nhi bất năng cầu lạc nhân duyên 。

Vì thế, ngoại đạo đều muốn cầu vui nhưng chẳng có thể cầu nhân duyên của vui.

故是諸外道雖復憎惡一切諸苦。然其所行未能遠離諸苦因緣。

cố thị chư ngoại đạo tuy phục tăng ác nhất thiết chư khổ 。

nhiên kỳ sở hạnh vị năng viễn li chư khổ nhân duyên 。

Vì thế, các ngoại đạo đều lại muốn oán ghét tất cả các khổ, nhưng chỗ thực hành chưa xa lìa được nhân các khổ.

是諸外道雖為四大毒蛇所纏。

thị chư ngoại đạo tuy vị tứ Đại độc xà sở triền 。

Các phái ngoại đạo đó đều bị bốn rắn độc lớn đeo vấn,

猶行放逸不能謹慎。是諸外道無明所覆遠離善友。

do hành phóng dật bất năng cẩn thận。 thị chư ngoại đạo vô minh sở phúc viễn li thiện hữu 。

nhưng vẫn phóng dật nên chẳng thể cẩn thận. Các phái ngoại đạo đó vì bị vô minh che lấp, lìa xa các bạn lành,

樂在三界無常熾然大火之中而不能出。

lạc tại tam giới vô thường sí nhiên Đại hỏa chi trung nhi bất năng xuất 。

vui thú ở trong ba cõi, lửa vô thường lớn thiêu đốt mà không thể ra khỏi.

是諸外道遇諸煩惱難愈之病。而復不求大智良醫。

thị chư ngoại đạo ngộ chư phiền não nan dữ chi bệnh 。 nhi phục bất cầu Đại trí lương y
。

Các phái ngoại đạo đó gặp các bệnh phiền não khó lành mà họ chẳng cầu bậc lương y
Đại trí.

是諸外道方於未來當涉無邊險遠之路。

thị chư ngoại đạo phương ư vị lai đương thiệp vô biên hiểm viễn chi lộ 。

Các phái ngoại đạo đó trong đời vị lai đi vào con đường xa xôi hiểm trở vô biên
而不知習善法資糧而自莊嚴。

nhi bất tri tập thiện Pháp tư lương nhi tự trang nghiêm 。

mà chẳng biết huân tập các pháp lành làm tư lương để tự trang nghiêm mình.

是諸外道常為婬欲災毒所害。而反抱持五欲霜毒。

thị chư ngoại đạo thường vi dâm dục tai độc sở hại 。

nhi phản bảo trì ngũ dục sương độc
。

Các phái ngoại đạo đó thường bị dâm dục làm hại mà trở lại ôm ấp rương độc năm dục.
是諸外道曠恚熾盛。而復反更親近惡友。

thị chư ngoại đạo sân khuyển sí thịnh 。

nhi phục phản canh thân cận ác hữu 。

Các phái ngoại đạo đó sân giận hung dữ mà trở lại thân gần bạn xấu.

是諸外道常為無明之所覆蔽。而反推求邪惡之法。

thị chư ngoại đạo thường vi vô minh chi sở phúc tế 。

nhi phản thôi cầu tà ác chi Pháp 。

Các phái ngoại đạo thường bị vô minh che lấp mà trở lại tìm cầu pháp tà ác.

是諸外道常為邪見之所誑惑。

thị chư ngoại đạo thường vi tà kiến chi sở cưỡng hoặc 。

Các phái ngoại đạo thường bị tà kiến làm mê lầm,

而反於中生親善想。是諸外道怖食甘果而種苦子。

nhi phản ư trung sanh thân thiện tưởng 。

thị chư ngoại đạo phổ thực cam quả nhi chủng
khổ tử 。

mà trở lại ở trong đó mà sanh tưởng thân thích. Các phái ngoại trông mong ăn quả ngọt
mà trồng cây đắng.

是諸外道已處煩惱闇室之中。而反遠離大智炬明。

thị chư ngoại đạo dĩ xử phiền não ám thất chi trung 。

nhi phản viễn li Đại trí cự minh 。

Các phái ngoại đạo này đã ở trong ngôi nhà tối tăm phiền não, mà trở lại xa lìa đuốc sáng đại trí.

是諸外道患煩惱渴。而復反飲諸欲鹹水。

thị chư ngoại đạo hoạn phiền não khát 。 nhi phục phản ẩm chư dục hàm thủy 。

Các phái ngoại đạo này mang bệnh khát phiền não, mà lại trở lại uống các thứ nước mặn dục nhiễm.

是諸外道漂沒生死無邊大河。

thị chư ngoại đạo phiêu một sanh tử vô biên Đại hà 。

Các phái ngoại đạo này bị nổi trôi trong sông lớn sanh tử chẳng có bờ bến,

而復遠離無上船師。是諸外道迷惑顛倒言諸行常。

nhi phục viễn li vô thượng thuyền sư 。

thị chư ngoại đạo mê hoặc điên đảo ngôn chư hành thường 。

mà lại xa lìa Thuyền sư vô thượng. Các phái ngoại đạo này bị mê mờ điên đảo nói rằng các hành là thường,

諸行若常無有是處。

chư hành nhược thường vô hữu thị xử 。

Cho các hành là thường thì không có sự việc đó.

大般涅槃經卷第十三

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ thập tam

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, QUYỂN THỨ MƯỜI BA.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:08:02 2006

=====

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:08:02 2006

Thích Nữ Huệ Dung hiệu đính lần 1. Thích Ngộ Tùng lần 2.

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

Vol. 12, No. 374

Thích Nữ Huệ Dung hiệu đính

大般涅槃經卷第十四

Đại-bát-niết-bàn Kinh quyển đệ thập tứ

Kinh Đại-bát-niết-bàn

Quyển Thứ Mười Bốn.

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc-lương Thiên-trúc Tam-tạng Đàm-vô-sấm dịch

Đời Bắc-lương, Tam-tạng Đàm-vô-sấm người Thiên Trúc dịch.

聖行品第七之四

Thánh hạnh phẩm đệ thất chi tứ

Phần Bốn, phẩm Bảy: Thánh Hạnh

善男子。我觀諸行悉皆無常。

Thiện nam tử. ngã quán chư hạnh tất giai vô thường.

Thiện nam tử! Ta xem các hạnh tất cả đều vô thường.

云何知耶以因緣故。若有諸法從緣生者則知無常。

Vân hà tri da dĩ nhân duyên cố. nhược hữu chư Pháp tòng duyên sanh giả tắc tri vô thường.

Làm thế nào biết là nhờ nhân duyên mà có? Nếu có các pháp từ duyên sanh thì biết vô thường.

是諸外道無有一法不從緣生。善男子。

Thị chư ngoại đạo vô hữu nhất Pháp bất tòng duyên sanh. Thiện nam tử.

Chính các ngoại đạo không có một pháp nào không từ duyên sanh. Thiện nam tử!

佛性無生無滅無去無來。非過去非未來非現在。

Phật tánh vô sanh vô diệt vô khứ vô lai. phi quá khứ phi vị lai phi hiện tại.

Phật tánh không sanh không diệt không đi không đến, chẳng phải quá khứ chẳng phải vị lai chẳng phải hiện tại,

非因所作非無因作。非作非作者。非相非無相。

Phi nhân sở tác phi vô nhân tác. phi tác phi tác giả. phi tướng phi vô tướng.

chẳng phải nhân tạo ra chẳng phải không nhân tạo? Không làm không có người làm, chẳng phải tướng chẳng phải không tướng.

非有名非無名。非名非色非長非短。

Phi hữu danh phi vô danh. phi danh phi sắc phi trường phi đoản.

Chẳng phải có danh chẳng phải không danh, không danh không sắc không dài không ngắn,

非陰界入之所攝持。是故名常。善男子。

Phi uẩn giới nhập chi sở nhiếp trì. thị cố danh thường. Thiện nam tử.

chẳng phải chỗ nhiếp trì của ấm giới nhập, cho nên gọi là thường. Thiện nam tử!

佛性即是如來。如來即是法。法即是常。善男子。

Phật tánh tức thị Như Lai. Như Lai tức thị Pháp. Pháp tức thị Thường. Thiện nam tử.

Phật tánh tức là Như Lai, Như Lai tức là Pháp, Pháp tức là Thường. Thiện nam tử!

常者即是如來如來即是僧。僧即是常。

Thường giả tức thị Như Lai Như Lai tức thị Tăng. Tăng tức thị Thường.

Thường ấy tức là Như Lai, Như Lai tức là Tăng, Tăng tức là Thường.

以是義故從因生法不名為常。

Dĩ thị nghĩa cố tùng nhân sanh Pháp bất danh vi thường.

Do nghĩa như thế cho nên từ nhân sanh pháp không gọi là thường.

是諸外道無有一法不從因生。善男子。

Thị chư ngoại đạo vô hữu nhất Pháp bất tùng nhân sanh. Thiện nam tử.

Là các ngoại đạo không có một pháp nào là không từ nhân sanh? Thiện nam tử!

是諸外道不見佛性如來及法。是故外道所可言說悉是妄語無有真諦。

Thị chư ngoại đạo bất kiến Phật tánh Như Lai cập Pháp. thị cố ngoại đạo sở khả ngôn thuyết tất thị vọng ngữ vô hữu chân đế.

Chính các ngoại đạo không thấy Phật tánh Như Lai cùng pháp, cho nên ngoại đạo chỗ có thể nói đều là vọng ngữ không có chắc thật.

諸凡夫人。

chư phạm phu nhân.

Những người phạm phu,

先見瓶衣車乘舍宅城郭河水山林男女象馬牛羊。後見相似便言是常。

Tiên kiến bình y xa thừa xá trạch thành quách hà thủy sơn lâm nam nữ tượng mã ngưu dương. hậu kiến tương tự tiện ngôn thị thường.

trước thấy bình bát, xe cộ, nhà cửa, thành quách, sông nước, núi rừng, trai gái voi ngựa, trâu dê, sau thấy giống nhau liền nói là thường,

當知其實非是常也。善男子。一切有為皆是無常。

Đương tri kỳ thật phi thị thường dã. Thiện nam tử. nhất thiết hữu vi giai thị vô thường.

nên biết kia thật chẳng phải là thường vậy. Thiện nam tử! Tất cả hữu vi đều là vô thường.

虛空無為是故為常。佛性無為是故為常。

Hư không vô vi thị cố vi thường. Phật tánh vô vi thị cố vi thường.

Hư không vô vi chính là thường vậy. Phật tánh vô vi chính là thường vậy.

虛空者即是佛性。佛性者即是如來。

Hư không giả tức thị Phật tánh. Phật tánh giả tức thị Như Lai.

Hư không ấy tức là Phật tánh, Phật tánh ấy tức là Như Lai.

如來者即是無為。無為者即是常。常者即是法。

Như Lai giả tức thị Vô-vi. Vô-vi giả tức thị Thường. Thường giả tức thị Pháp.

Như Lai ấy tức là Vô-vi, Vô-vi ấy tức là Thường, Thường ấy tức là Pháp,

法者即是僧。僧即無為。無為者即是常。善男子。

Pháp giả tức thị Tăng. Tăng tức Vô-vi. Vô-vi giả tức thị Thường. Thiện nam tử.

Pháp tức Tăng. Tăng tức Vô-vi. Vô-vi tức Thường. Thiện nam tử.

Pháp ấy tức là Tăng, Tăng tức là Vô-vi, Vô-vi ấy tức là Thường. Thiện nam tử!

有為之法凡有二種。色法非色法。

Hữu vi chi Pháp phạm hữu nhị chủng. sắc Pháp phi sắc Pháp.

Pháp của hữu vi phạm có hai thứ, sắc pháp phi sắc pháp.

非色法者心心數法。色法者地水火風。善男子。

Phi sắc Pháp giả tâm tâm sở Pháp. sắc Pháp giả địa thủy hỏa phong. Thiện nam tử.

Phi sắc pháp ấy là tâm và tâm sở pháp. Sắc pháp ấy là đất nước gió lửa. Thiện nam tử!

心名無常。何以故。性是攀緣相應分別故。

Tâm danh vô thường. hà dĩ cố. tánh thị phan duyên tương ứng phân biệt cố.

Tâm gọi vô thường vì sao vậy? Tánh là phan duyên, tương ứng phân biệt vậy.

善男子。眼識性異乃至意識性異是故無常。

Thiện nam tử. nhãn thức tánh dị nãi chí ý thức tánh dị thị cố vô thường.

Thiện nam tử! Nhãn thức tánh khác cho đến ý thức tánh khác vì vậy vô thường.

善男子。色境界異乃至法境界異是故無常。

Thiện nam tử. sắc cảnh giới dị nãi chí Pháp cảnh giới dị thị cố vô thường.

Thiện nam tử! Sắc cảnh giới khác cho đến cảnh giới khác vì vậy vô thường.

善男子。眼識相應異乃至意識相應異是故無常。

Thiện nam tử. nhãn thức tương ứng dị nãi chí ý thức tương ứng dị thị cố vô thường.

Thiện nam tử! Nhãn thức tương ứng khác cho đến ý thức tương ứng khác vì vậy vô thường.

善男子。心若常者眼識應獨緣一切法。

Thiện nam tử. tâm nhược thường giả nhãn thức ứng độc duyên nhất thiết Pháp.

Thiện nam tử! Tâm nếu thường ấy nhãn thức ứng riêng duyên tất cả pháp.

善男子。若眼識異乃至意識異則知無常。

Thiện nam tử. nhược nhãn thức dị nãi chí ý thức dị tắc tri vô thường.

Thiện nam tử! Hoặc nhãn thức khác cho đến ý thức khác thời biết vô thường.

以法相似念念生滅。凡夫見已計之為常。善男子。

Dĩ Pháp tương tợ niệm niệm sanh diệt. phàm phu kiến dĩ kế chi vi thường. thiện nam tử.

Do pháp tương tợ niệm niệm tương tợ, phàm phu thấy rồi chấp là thường. Thiện nam tử!
諸因緣相可破壞故亦名無常。

Chư nhân duyên tướng khả phá hoại cố diệt danh vô thường.

Các tướng nhân duyên có thể phá hoại vậy cũng gọi vô thường.

所謂因眼因色因明因思惟生於眼識。

Sở vị nhân nhãn nhân sắc nhân minh nhân tư duy sanh ư nhãn thức.

Chỗ cho rằng nhân nơi mắt nhân nơi sắc nhân nơi minh nhân nơi suy nghĩ sanh ở nhãn thức.

耳識生時所因各異非眼識因緣。乃至意識異亦如是。

Nhĩ thức sanh thời sở nhân các dị phi nhãn thức nhân duyên. nãi chí ý thức dị diệt như thị.

Nhĩ thức khi sanh do nhân đều khác chẳng phải nhân duyên nhãn thức, cho đến ý thức sai khác cũng như vậy.

復次善男子。壞諸行因緣異故心名無常。

Phục thứ thiện nam tử. hoại chư hành nhân duyên dị cố tâm danh vô thường.

Lại nữa Thiện nam tử! Hoại các hành nhân duyên khác cho nên tâm gọi vô thường.

所謂修無常心異。修苦空無我心異。

Sở vị tu vô thường tâm dị. tu khổ không vô ngã tâm dị.

Chỗ gọi tu vô thường tâm khác, tu khổ không vô ngã tâm khác.

心若常者應常修無常。尚不得觀苦空無我。

Tâm nhược thường giả ứng thường tu vô thường. thượng bất đắc quán khổ không vô ngã.

Tâm nếu thường ấy ứng với thường tu vô thường, còn chẳng được thấy khổ không vô ngã,況復得觀常樂我淨。以是義故。

Huống phục đắc quán thường lạc ngã tịnh. dĩ thị nghĩa cố.

huống lại được thấy thường lạc ngã tịnh do đó là nghĩa vậy.

外道法中不能攝取常樂我淨。善男子。當知心法必定無常。

Ngoại đạo Pháp trung bất năng nhiếp thủ thường lạc ngã tịnh. Thiện nam tử. đương tri tâm Pháp tất định vô thường.

Trong pháp ngoại đạo không thể nhiếp thủ thường lạc ngã tịnh. Thiện nam tử! Nên biết tâm pháp quyết định vô thường.

復次善男子。心性異故名為無常。

Phục thứ thiện nam tử. tâm tánh dị cố danh vi vô thường.

Lại nữa Thiện nam tử! Tâm tánh sai khác nên gọi vô thường.

所謂聲聞心性異。緣覺心性異。諸佛心性異。

Sở vị Thanh văn tâm tánh dị. Duyên giác tâm tánh dị. chư Phật tâm tánh dị.

Chỗ nói Thanh văn tâm tánh sai khác, Duyên giác tâm tánh sai khác, chư Phật tâm tánh khác nhau.

一切外道心有三種。一者出家心。二者在家心。

Nhất thiết ngoại đạo tâm hữu tam chủng. nhất giả xuất gia tâm. nhị giả tại gia tâm.

Tất cả ngoại đạo tâm có ba thứ: Một tâm xuất gia. Hai tâm tại gia.

三者在家遠離心。樂相應心異。苦相應心異。

Tam giả tại gia viễn li tâm. lạc tương ứng tâm dị. khổ tương ứng tâm dị.

Ba tâm xa lìa tại gia. Lạc tương ứng tâm sai khác, khổ tương ứng tâm sai khác,

不苦不樂相應心異。貪欲相應心異。瞋恚相應心異。

Bất khổ bất lạc tương ứng tâm dị. tham dục tương ứng tâm dị. sân nhuế tương ứng tâm dị.

Không khổ không vui tâm tương ứng sai khác, tham dục tâm tương ứng khác, sân giận tâm tương ứng tâm sai khác.

愚癡相應心異。一切外道心相亦異。

Ngu si tương ứng tâm dị. nhất thiết ngoại đạo tâm tướng diệc dị.

Ngu si tâm tương ứng sai khác, tất cả ngoại đạo tâm tướng cũng sai khác.

所謂愚癡相應心異。疑惑相應心異。邪見相應心異。

Sở vị ngu si tương ứng tâm dị. nghi hoặc tương ứng tâm dị. tà kiến tương ứng tâm dị.

Chỗ nói ngu si tâm tương ứng sai khác, nghi hoặc tâm tương ứng sai khác, tà kiến tâm tương ứng sai khác,

進止威儀其心亦異。善男子。

Tiến chỉ uy nghi kỳ tâm diệc dị. Thiện nam tử.

oai nghi tiến dừng tâm kia cũng sai khác. Thiện nam tử!

心若常者亦復不能分別諸色。所謂青黃赤白紫色。善男子。

Tâm nhược thường giả diệc phục bất năng phân biệt chư sắc. sở vị thanh hoàng xích bạch tử sắc. Thiện nam tử.

Tâm nếu thường ấy cũng lại không thể phân biệt các sắc, chỗ gọi là màu xanh vàng đỏ trắng tía. Thiện nam tử!

心若常者諸憶念法不應忘失。善男子。

Tâm nhược thường giả chư ức niệm Pháp bất ứng vong thất. Thiện nam tử.

Tâm hoặc thường ấy các pháp nhớ nghĩ chẳng nên quên mất. Thiện nam tử!

心若常者凡所讀誦不應增長。復次善男子。

Tâm nhược thường giả phạm sở độc tụng bất ứng tăng trưởng. phục thứ thiện nam tử.

Tâm nếu thường ấy phạm chỗ đọc tụng không nên tăng thêm. Lại nữa Thiện nam tử!

心若常者不應說言已作今作當作。

Tâm nhược thường giả bất ứng thuyết ngôn dĩ tác kim tác đương tác.

Tâm nếu thường ấy không nên nói lời đã làm nay làm sẽ làm.

若有已作今作當作。當知是心必定無常。善男子。

Nhược hữu dĩ tác kim tác đương tác. đương tri thị tâm tất định vô thường. Thiện nam tử.

Nếu có đã làm nay làm sẽ làm, nên biết tâm đó quyết định vô thường. Thiện nam tử!

心若常者則無怨親非怨非親。

Tâm nhược thường giả tắc vô oán thân phi oán phi thân.

Tâm hoặc thường ấy thời không có người oán kẻ thân chẳng sự oán chẳng sự thân.

心若常者則不應言我物他物若死若生。

Tâm nhược thường giả tắc bất ứng ngôn ngã vật tha vật nhược tử nhược sanh.

Tâm hoặc thường ấy thời không nên nói vật của ta vật của người hoặc chết hoặc sống.

心若常者雖有所作不應增長。善男子。以是義故。

Tâm nhược thường giả tuy hữu sở tác bất ứng tăng trưởng. Thiện nam tử. dĩ thị nghĩa cố.

Tâm nếu thường ấy tuy có chỗ làm không nên tăng thêm. Thiện nam tử! Do nghĩa này
當知心性各各別異。有別異故當知無常。善男子。

Đương tri tâm tánh các các biệt dị. hữu biệt dị cố đương tri vô thường. Thiện nam tử.

nên biết tâm tánh mỗi mỗi sai khác, có sai khác vậy nên biết vô thường. Thiện nam tử!

我今於此非色法中演說無常其義已顯。

Ngã kim ư thử phi sắc Pháp trung diễn thuyết vô thường kỳ nghĩa dĩ hiển。

Ta nay ở đây chẳng phải trong sắc pháp diễn nói vô thường nghĩa kia đã rõ。

復當為汝說色無常。是色無常本無有生生已滅故。

Phục đương vi nhữ sắc vô thường。 thị sắc vô thường bản vô hữu sanh sanh dĩ diệt cố。

Lại sẽ vì ông nói sắc vô thường, chính sắc vô thường vốn không có sanh là do sanh đã diệt vậy。

內身處胎歌羅邏時本無有生生已變故。

Nội thân xử thai ca la la thời bản vô hữu sanh sanh dĩ biến cố。

Thai ở chỗ trong thân khi Ca-la-la vốn không có sanh do sanh rồi biến vậy。

外諸牙莖本亦無生生已變故。

ngoại chư nha hành bản diệt vô sanh sanh dĩ biến cố。

Ngoài mầm cọng gốc cũng không sanh, sanh rồi biến vậy。

是故當知一切色法悉皆無常。善男子。

Thị cố đương tri nhất thiết sắc Pháp tất giai vô thường。 Thiện nam tử。

Vì thế nên biết tất cả sắc pháp thảy đều vô thường。 Thiện nam tử!

所有內色隨時而變。歌羅邏時異。安浮陀時異。伽那時異。

Sở hữu nội sắc tùy thời nhi biến。 Ca-la-la thời dị。 An-phù-đà thời dị。 Đà-na thời dị。

Chỗ có nội sắc tùy thời mà biến đổi, khi Ca-la-la khác lạ, khi An-phù-đà khác lạ, khi Già-na khác lạ,

閉手時異。諸疱時異。初生時異。嬰孩時異。

Bế thủ thời dị。 chư bào thời dị。 sơ sanh thời dị。 anh hài thời dị。

khi vòng tay khép lại khác lạ, khi các mụn nước khác lạ, khi mới sanh khác lạ, khi trẻ sơ sinh khác lạ,

童子時異。乃至老時各各變異。

Đồng tử thời dị。 nãi chí lão thời các các biến dị。

khi con trai khác, cho đến khi già mỗi mỗi đều thay đổi,

所謂外色亦復如是。牙異莖異枝異葉異花果異。

Sở vị ngoại sắc diệt phục như thị。 nha dị hành dị chi dị diệt dị hoa dị quả dị。

chỗ gọi ngoại sắc cũng lại như thế, mầm khác cọng khác nhánh khác lá khác hoa khác quả khác。

復次善男子。內味亦異歌羅邏時。

Phục thứ thiện nam tử. nội vị diệc dị Ca-la-la thời.

Lại nữa Thiện nam tử! Vị ở trong cũng khác khi Ca-la-la

乃至老時各各變異。外味亦爾。牙莖枝葉花果味異。

Nãi chí lão thời các các biến dị. ngoại vị diệc nhĩ. nha hành chi diệp hoa quả vị dị.

cho đến khi già mỗi mỗi thay đổi, vị ngoài cũng như thế, mầm cọng nhánh lá hoa quả vị sai khác.

歌羅邏時力異。乃至老時力異。

Ca-la-la thời lực dị. nãi chí lão thời lực dị.

Khi Ca-la-la sức khác, cho đến khi già sức khác.

歌羅邏時狀貌異。乃至老時狀貌亦異。歌羅邏時果報異。

Ca-la-la thời trạng mạo dị. nãi chí lão thời trạng mạo diệc dị. Ca-la-la thời quả báo dị.

Khi Ca-la-la hình trạng tướng mạo sai khác, cho đến khi già hình trạng tướng mạo quả báo sai khác.

乃至老時果報亦異。歌羅邏時名字異。

Nãi chí lão thời quả báo diệc dị. Ca-la-la thời danh tự dị.

cho đến khi già quả báo cũng sai khác. Khi Ca-la-la danh tự sai khác,

乃至老時名字亦異。

nãi chí lão thời danh tự diệc dị.

cho đến khi già danh tự cũng sai khác.

所謂內色壤已還合故知無常。外諸樹木亦壤已還合故知無常。

Sở vị nội sắc hoại dĩ hoàn hợp cố tri vô thường. ngoại chư thụ mộc diệc hoại dĩ hoàn hợp cố tri vô thường.

Chỗ gọi nội sắc hoại rồi hợp lại nên biết vô thường. Ngoài các cây gốc cũng hoại rồi hợp lại nên biết vô thường.

次第漸生故知無常。次第生歌羅邏時乃至老時。

Thứ đệ tiệm sanh cố tri vô thường. thứ đệ sanh Ca-la-la thời nãi chí lão thời.

Lần lượt dần dần sanh nên biết vô thường, thứ lớp sanh khi Ca-la-la cho đến khi già.

次第生牙乃至果子故知無常。

Thứ đệ sanh nha nãi chí quả tử cố tri vô thường.

Lần lượt sanh mầm cho đến quả hạt nên biết vô thường.

諸色可滅故知無常。歌羅邏滅時異。乃至老滅時異。

Chư sắc khả diệt cố tri vô thường. Ca-la-la diệt thời dị. nãi chí lão diệt thời dị.
Các sắc có thể diệt nên biết vô thường, Ca-la-la khi diệt sai khác, cho đến khi già diệt sai khác.

牙滅時異乃至果滅時異故知無常。凡夫無知。

Nha diệt thời dị nãi chí quả diệt thời dị cố tri vô thường. phàm phu vô tri.
Khi mầm diệt sai khác cho đến khi quả diệt sai khác nên biết vô thường. Phàm phu không biết

見相似生計以為常。以是義故。名曰無常。

kiến tương tự sanh kế dĩ vi thường. dĩ thị nghĩa cố. danh viết vô thường.
thấy sanh giống nhau chấp cho là thường, do nghĩa này nên gọi vô thường.
若無常即是苦。若苦即是不淨。

Nhược vô thường tức thị khổ. nhược khổ tức thị bất tịnh.

Hoặc vô thường tức là khổ, nếu khổ tức là bất tịnh.

善男子。我因迦葉先問是事於彼已答。

Thiện nam tử. ngã nhân Ca-diếp tiên vấn thị sự ư bỉ dĩ đáp.

Thiện nam tử! Ta nhân Ca-diếp trước hỏi việc đó ở kia rồi đáp.

復次善男子。諸行無我。善男子。

phục thứ thiện nam tử. chư hạnh vô ngã. Thiện nam tử.

Lại nữa Thiện nam tử! Các hạnh vô ngã. Thiện nam tử!

總一切法謂色非色色非我也。何以故。

Tổng nhất thiết Pháp vị sắc phi sắc sắc phi ngã dã. hà dĩ cố.

Chung tất cả pháp gọi là sắc, phi sắc, phi ngã vậy. Vì sao?

可破可壞可裂可打生增長故。我者不可破壞裂打生長。

Khả phá khả hoại khả liệt khả đả sanh tăng trưởng cố. ngã giả bất khả phá hoại liệt đả sanh trưởng.

Có thể phá, có thể hoại, có thể tan vỡ, có thể đánh đập sanh trưởng. Ta ấy không thể phá hoại đánh vỡ, sanh trưởng.

以是義故。知色非我非色之法亦復非我。

Dĩ thị nghĩa cố. tri sắc phi ngã phi sắc chi Pháp diệt phục phi ngã.

Do nghĩa đó nên biết sắc chẳng phải ngã chẳng phải sắc pháp cũng lại chẳng phải ngã.

何以故。因緣生故。善男子。

Hà dĩ cố. nhân duyên sanh cố. Thiện nam tử.

Vì sao vậy? Vì do nhân duyên sanh vậy. Thiện nam tử!

若諸外道以專念故知有我者。專念之性實非我也。

Nhược chư ngoại đạo dĩ chuyên niệm cố tri hữu ngã giả. chuyên niệm chi tánh thật phi ngã dã.

Hoặc các ngoại đạo vì chuyên niệm nên biết có ngã ấy, tánh của chuyên niệm thật chẳng phải ngã vậy.

若以專念為我性者。過去之事則有忘失。

Nhược dĩ chuyên niệm vi ngã tánh giả. quá khứ chi sự tắc hữu vong thất.

Hoặc do chuyên niệm làm tánh ngã ấy, việc của quá khứ thời có quên mất.

有忘失故定知無我。善男子。若諸外道以憶想故知有我者。

Hữu vong thất cố định tri vô ngã. Thiện nam tử. nhược chư ngoại đạo dĩ ức tưởng cố tri hữu ngã giả.

Có quên mất nên định biết không ngã. Thiện nam tử! Vì các ngoại đạo do nhớ nghĩ nên biết có ngã ấy,

無憶想故定知無我。如說見人手有六指。

vô ức tưởng cố định tri vô ngã. như thuyết kiến nhân thủ hữu lục chỉ.

không nhớ nghĩ nên định biết không ngã, như nói thấy người tay có sáu ngón.

即便問言。我先何處共相見耶。

Tức tiện vấn ngôn. ngã tiên hà xứ cộng tướng kiến da.

Tức liền hỏi rằng: Ta trước ở chỗ nào cùng tướng thấy ư?

若有我者不應復問。以相問故定知無我。善男子。

Nhược hữu ngã giả bất ứng phục vấn. dĩ tướng vấn cố định tri vô ngã. Thiện nam tử.

Nếu có ngã ấy không nên lại hỏi, vì tướng hỏi nên định biết không ngã. Thiện nam tử!

若諸外道以有遮故知有我者。善男子。

Nhược chư ngoại đạo dĩ hữu giả cố tri hữu ngã giả. Thiện nam tử.

Hoặc các ngoại đạo do có ngăn che nên biết có ngã ấy. Thiện nam tử!

以有遮故定知無我。如言調達終不發言非調達也。

Dĩ hữu giả cố định tri vô ngã. như ngôn Điều-đạt chung bất phát ngôn phi Điều-đạt dã.

Do có ngăn che nên định biết không ngã, như nói Điều-đạt trọn không phát ra lời gì chẳng phải Điều-đạt vậy.

我亦如是若定是我終不遮我。

Ngã diệc như thị nhược định thị ngã chung bất giả ngã。

Ta cũng như thế hoặc định là ta trọn không ngăn che ta.

以遮我故定知無我。若以遮故知有我者。

Dĩ giả ngã cố định tri vô ngã。nhược dĩ giả cố tri hữu ngã giả。

Vì ngăn che ta nên định biết không có ta, hoặc vì ngăn che nên biết có ta ấy.

汝今不遮定應無我。善男子。若諸外道以伴非伴知有我者。

Nhữ kim bất giả định ứng vô ngã。Thiện nam tử。nhược chư ngoại đạo dĩ bạn phi bạn tri hữu ngã giả。

Ông nay không ngăn che định nên không ngã。Thiện nam tử! Nếu các ngoại đạo do bạn chẳng phải bạn biết có ta ấy。

以無伴故應無有我有法無伴。

dĩ vô bạn cố ứng vô hữu ngã hữu Pháp vô bạn。

do không có bạn cho nên có ngã có pháp không bạn。

所謂如來虛空佛性我亦如是實無有伴。以是義故。

sở vị Như Lai hư không Phật tánh ngã diệc như thị thật vô hữu bạn。dĩ thị nghĩa cố。

Chỗ gọi Như Lai hư không Phật tánh ngã cũng như thế thật không có bạn, do nghĩa đó vậy。

定知無我。復次善男子。

Định tri vô ngã。Phục thứ thiện nam tử。

Định biết không ngã。Lại nữa Thiện nam tử!

若諸外道以名字故知有我者。無我法中亦有我名。

Nhược chư ngoại đạo dĩ danh tự cố tri hữu ngã giả。vô ngã Pháp trung diệc hữu ngã danh。

Hoặc các ngoại đạo dùng danh tự nên biết có ngã ấy, trong pháp không ngã cũng có ngã danh。

如貧賤人名字富貴。如言我死。若我死者我則殺我。

Như bần tiện nhân danh tự phú quý。như ngôn ngã tử。nhược ngã tử giả ngã tắc sát ngã。

Như người nghèo hèn danh tự giàu sang, như nói ta chết, nếu ta chết ấy ta thời giết ta。

而我實不可殺假名殺我。亦如矧人名為長者。

Nhi ngã thật bất khả sát giả danh sát ngã. diệc như toa nhân danh vi trưởng giả.
Mà ta thật không thể giết giả danh giết ta, cũng như người thấp bé tên là Trường ấy,
以是義故。定知無我。復次善男子。

đĩ thị nghĩa cố. định tri vô ngã. Phục thứ thiện nam tử.

do nghĩa đó vậy định biết không ngã. Lại nữa Thiện nam tử!

若諸外道以生已求乳知有我者。善男子。

Nhược chư ngoại đạo dĩ sanh dĩ cầu nhũ tri hữu ngã giả. Thiện nam tử.

hoặc các ngoại đạo do sanh rồi xin sữa biết có ngã ấy. Thiện nam tử!

若有我者一切嬰兒不應執持糞穢火蛇毒藥。以是義故。

Nhược hữu ngã giả nhất thiết anh nhi bất ứng chấp trì phần uest hũa xà độc dược. dĩ thị
nghĩa cố.

Nếu có ngã ấy tất cả trẻ con không nên nắm giữ phần uest hũa xà thuốc độc, do nghĩa đó
vậy.

定知無我。復次善男子。

Định tri vô ngã. Phục thứ thiện nam tử.

Định biết không ngã. Lại nữa Thiện nam tử!

一切眾生於三法中悉有等智。所謂姪欲飲食恐怖是故無我。

Nhất thiết chúng sanh ư tam Pháp trung tất hữu đẳng trí. sở vị dâm dục ẩm thực khủng
bố thị cố vô ngã.

Tất cả chúng sanh ở trong ba pháp đều có đẳng trí, nghĩa là dâm dục ăn uống đều đáng
sợ hãi cho nên gọi là vô ngã.

復次善男子。若諸外道以相貌故知有我者。

Phục thứ thiện nam tử. nhược chư ngoại đạo dĩ tướng mạo cố tri hữu ngã giả.

Lại nữa Thiện nam tử! Hoặc các ngoại đạo do tướng mạo nên biết có ngã ấy.

善男子。相故無我無相故亦無我。

Thiện nam tử. Tướng cố vô ngã vô tướng cố diệc vô ngã.

Thiện nam tử! Tướng nên vô ngã vô tướng nên cũng vô ngã.

若人睡時不能進止俯仰視眴。不覺苦樂不應有我。

Nhược nhân thụy thời bất năng tiến chỉ phủ ngưỡng thị tuân. bất giác khổ lạc bất ứng
hữu ngã.

Hoặc người khi ngủ nghĩ không thể tiến dừng nhất nhất làm theo nhìn liếc, không biết khổ vui không nên có ngã.

若以進止俯仰視胸知有我者。

Nhược dĩ tiến chỉ phủ ngưỡng thị tuân tri hữu ngã giả.

Hoặc do tiến dừng nhất nhất làm theo nhìn liếc biết có ngã ấy.

機關木人亦應有我。善男子。如來亦爾。

Ky quan mộc nhân diệc ứng hữu ngã. Thiện nam tử. Như Lai diệc nhĩ.

Máy móc cây người cũng nên có ngã. Thiện nam tử! Như Lai cũng như thế.

不進不止不俯不仰不視不胸。不苦不樂不貪不恚不癡不行。

Bất tiến bất chỉ bất phủ bất ngưỡng bất thị bất huyệt. bất khổ bất lạc bất tham bất khuể bất si bất hành.

Chẳng tiến chẳng dừng chẳng cúi chẳng ngẩng không nhìn không liếc, không khổ không vui không tham không giận không si không hành.

如來如是真實有我。復次善男子。

Như Lai như thị chân thật hữu ngã. Phục thứ thiện nam tử.

Như Lai như vậy chân thật có ngã. Lại nữa Thiện nam tử!

若諸外道以見他食果口中生涎知有我者。善男子。

Nhược chư ngoại đạo dĩ kiến tha thực quả khẩu trung sanh tiên tri hữu ngã giả. thiện nam tử.

Hoặc các ngoại đạo do thấy người khác ăn quả trong miệng sanh thèm nhỏ dãi biết có ngã ấy. Thiện nam tử!

以憶念故見則生涎涎非我也。

Dĩ ức niệm cố kiến tắc sanh tiên tiên phi ngã dã.

Do nhớ nghĩ nên thấy thèm sanh bóng nhoáng chẳng phải ngã vậy.

我亦非涎非喜非悲非欠非笑。非臥非起非飢非飽。

Ngã diệc phi tiên phi hỉ phi bi phi khiếm phi tiếu. phi ngọa phi khởi phi cơ phi bão.

Ta cũng chẳng phải thèm nhỏ dãi chẳng vui chẳng buồn chẳng ngáp chẳng cười, chẳng nằm chẳng dậy chẳng đói chẳng no.

以是義故。定知無我。善男子。是諸外道癡如小兒。

Dĩ thị nghĩa cố. định tri vô ngã. Thiện nam tử. Thị chư ngoại đạo si như tiểu nhi.

Do nghĩa đó vậy, định biết không ngã. Thiện nam tử! Là các ngoại đạo ngu si như trẻ con.

無慧方便不能了達常與無常。

Vô tuệ phương tiện bất năng liễu đạt thường dữ vô thường。

không huệ phương tiện không thể hiểu suốt thường cùng vô thường。

苦樂淨不淨我無我。壽命非壽命。眾生非眾生。

Khổ lạc tịnh bất tịnh ngã vô ngã。thọ mạng phi thọ mạng。chúng sanh phi chúng sanh。

Khổ vui tịnh chẳng tịnh ngã vô ngã, thọ mạng chẳng thọ mạng, chúng sanh chẳng chúng sanh,

實非實有非有。於佛法中取少許分。

Thật phi thật hữu phi hữu。ư Phật Pháp trung thủ thiểu hứa phân。

Thật chẳng thật có chẳng có, ở trong Phật pháp lấy một số ít phần,

虛妄計有常樂我淨。而實不知常樂我淨。

Hư vọng kế hữu thường lạc ngã tịnh。nhi thật bất tri thường lạc ngã tịnh。

Hư dối chấp có thường lạc ngã tịnh, mà thật không biết thường lạc ngã tịnh。

如生盲人不能識乳色。便問他言乳色何似。他人答言色白如貝。

Như sanh manh nhân bất thức nhũ sắc。tiện vấn tha ngôn nhũ sắc hà tự。Tha nhân đáp ngôn sắc bạch như bối。

Như người mù không biết màu sữa, liền hỏi người khác màu sữa như thế nào? Người khác đáp rằng màu trắng như vỏ sò。

盲人復問是乳色者如貝聲耶。答言。不也。

Manh nhân phục vấn thị nhũ sắc giả như bối thanh da。đáp ngôn。phất dã。

Người mù lại hỏi chính màu sữa ấy như tiếng vỏ sò ư? Đáp rằng: Không vậy。

復問貝色為何似耶。答言。猶稻米末。

Phục vấn bối sắc vi hà tự da。đáp ngôn。do đạo mẽ mặt。

Lại hỏi màu vỏ sò là giống như thế nào ư? Đáp rằng: Như ngọn lúa gạo。

盲人復問乳色柔軟如稻米末耶。

Manh nhân phục vấn nhũ sắc nhu nhuyễn như đạo mẽ mặt da。

Người mù lại hỏi màu sữa mềm mại như ngọn lúa gạo ư?

稻米末者復何所似。答言。猶如雨雪。盲人復言。

đạo mẽ mặt giả phục hà sở tự。Đáp ngôn。Do như vũ tuyết。manh nhân phục ngôn。

Ngọn lúa gạo ấy lại giống như cái gì? Đáp rằng: Giống như mưa tuyết, người mù lại hỏi。

彼稻米末冷如雪耶。雪復何似。答言。猶如白鶴。

Bỉ đạo mẽ mặt lãnh như tuyết da. tuyết phục hà tự. Đáp ngôn. Do như bạch hạc.
Ngọn lúa gạo kia lạnh như tuyết chẳng? Tuyết lại như thế nào? Đáp rằng: Giống như hạt
trắng.

是生盲人雖聞如是四種譬喻。

Thị sanh manh nhân tuy văn như thị tứ chủng thí dụ.

Chính người mù kia tuy nghe như thế bốn thứ thí dụ,
終不能得識乳真色。是諸外道亦復如是。

Chung bất năng đắc thức nhũ chân sắc. thị chư ngoại đạo diệc phục như thị.
cuối cùng không thể được biết màu thật của sữa, chính các ngoại đạo cũng lại như thế.
終不能識常樂我淨。善男子。以是義故。

Chung bất năng thức thường lạc ngã tịnh. Thiện nam tử. dĩ thị nghĩa cố.

Trọn không thể biết thường lạc ngã tịnh. Thiện nam tử! Do nghĩa đó vậy,
我佛法中有真實諦非於外道。

Ngã Phật Pháp trung hữu chân thật đế phi ư ngoại đạo。

Nên trong Phật pháp ta có chân thật đế chẳng phải ở ngoại đạo.

文殊師利白佛言。希有世尊。

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật ngôn. hi hữu Thế Tôn.

Văn-thù-sư-lợi bạch đức Phật rằng: Hi hữu Thế Tôn!

如來於今臨般涅槃方更轉於無上法輪。

Như Lai ư kim lâm Bát-niết-bàn phương cánh chuyển ư vô thượng Pháp luân.

Như Lai nay sắp nhập Niết-bàn rồi mới chuyển luân vô Thượng pháp.

乃作如是分別真諦。佛告文殊師利。

nãi tác như thị phân biệt chân đế. Phật cáo Văn-thù-sư-lợi.

mới làm như thế phân biệt Chân đế. Phật bảo Văn-thù-sư-lợi:

汝今云何故於如來生涅槃想。善男子。如來實是常住不變不般涅槃。

Nhữ kim vân hà cố ư Như Lai sanh Niết-bàn tưởng. Thiện nam tử. Như Lai thật thị
thường trụ bất biến bất bát-niết-bàn.

Ông nay thế nào đối với Như Lai sanh tưởng Niết-bàn. Thiện nam tử! Như Lai thật là
thường trú không thay đổi không Bát-niết-bàn.

善男子。

Thiện nam tử。

Thiện nam tử!

若有計我是佛我成阿耨多羅三藐三菩提。我即是法法是我所。

Nhược hữu kế ngã thị Phật ngã thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề。 Ngã tức thị Pháp Pháp thị ngã sở。

Nếu có tính toán ngã là Phật thì ngã thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề; ngã tức là pháp, pháp là ngã sở;

我即是道道是我所。我即世尊世尊即是我所。

Ngã tức thị đạo đạo thị ngã sở。 ngã tức Thế Tôn Thế Tôn tức thị ngã sở。

ngã tức là đạo, đạo là ngã sở; ngã tức là Thế Tôn, Thế Tôn tức là ngã sở;

我即聲聞聲聞即是我所。我能說法令他聽受。

Ngã tức Thanh văn Thanh văn tức thị ngã sở。 ngã năng thuyết Pháp linh tha thính thọ。 ngã tức là Thanh văn Thanh văn tức là ngã sở; ngã có thể thuyết pháp khiến người khác nghe nhận,

我轉法輪餘人不能。如來終不作如是計。

Ngã chuyển Pháp luân dư nhân bất năng。 Như Lai chung bất tác như thị kế。

Ta chuyển Pháp luân người khác không thể, Như Lai trọn không thể tính kế như thế, 是故如來不轉法輪。善男子。若有人作如是妄計。

Thị cố Như Lai bất chuyển Pháp luân。 Thiện nam tử。 Nhược hữu nhân tác như thị vọng kế。

cho nên Như Lai không chuyển Pháp luân。 Thiện nam tử! Nếu có người làm như thế tính hư dối。

我即是眼眼即是我所。耳鼻舌身意亦復如是。

Ngã tức thị nhãn nhãn tức thị ngã sở。 nhĩ tỷ thiệt thân ý diệc phục như thị。

Ngã tức là mắt mắt tức là ngã sở, tai mũi lưỡi thân ý cũng lại như thế。

我即是色色是我所。乃至法亦如是。

Ngã tức thị sắc sắc thị ngã sở。 nãi chí Pháp diệc như thị。

Ngã tức là sắc sắc là ngã sở, cho đến pháp cũng như thế。

我即是地地即是我所。水火風等亦復如是。

Ngã tức thị địa địa tức thị ngã sở。 thủy hỏa phong đẳng diệc phục như thị。

Ngã tức là đất đất tức là ngã sở, nước lửa gió.v.v... cũng lại như thế。

善男子。若有人言我即是信信是我所。

Thiện nam tử. Nhược hữu nhân ngôn ngã tức thị tín tín thị ngã sở.
Thiện nam tử! Nếu có người nói ngã tức là tín thì tín chính là ngã sở;
我是多聞多聞即是我所。

Ngã thị đa văn đa văn tức thị ngã sở.
ngã là đa văn, đa văn tức là ngã sở;
我是檀波羅蜜檀波羅蜜即是我所。

Ngã thị Đàn-ba-la-mật Đàn-ba-la-mật tức thị ngã sở.
ngã là Đàn-ba-la-mật, Đàn-ba-la-mật tức là ngã sở;
我是尸波羅蜜尸波羅蜜即是我所。

Ngã thị Thi-ba-la-mật Thi-ba-la-mật tức thị ngã sở.
ngã là Thi-ba-la-mật, Thi-ba-la-mật tức là ngã sở;
我是羼提波羅蜜羼提波羅蜜即是我所。

Ngã thị Sần-đề-ba-la-mật Sần-đề-ba-la-mật tức thị ngã sở.
ngã là Sần-đề-ba-la-mật, Sần-đề-ba-la-mật tức là ngã sở;
我是毘梨耶波羅蜜毘梨耶波羅蜜即是我所。我是禪波羅蜜禪波羅蜜即是我所。

Ngã thị Tì-lê-da-ba-la-mật Tì-lê-da-ba-la-mật tức thị ngã sở. ngã thị Thiên-ba --la-mật
Thiên-ba-la-mật tức thị ngã sở.
ngã là Tì-lê-da-ba-la-mật, Tì-lê-da-ba-la-mật tức là ngã sở; ngã tức là Thiên-ba-la-mật,
Thiên-ba-la-mật tức là ngã sở;
我是般若波羅蜜般若波羅蜜即是我所。

Ngã thị Bát-nhã-ba-la-mật Bát-nhã-ba-la-mật tức thị ngã sở.
ngã là Bát-nhã-ba-la-mật, Bát-nhã-ba-la-mật tức là ngã sở;
我是四念處四念處即是我所。

Ngã thị Tứ-niệm-xứ Tứ-niệm-xứ tức thị ngã sở.
ngã là Tứ niệm xứ, Tứ niệm xứ tức là ngã sở;
四正勤四如意足五根五力七覺分八聖道分亦復如是。
Tứ-chánh-cần Tứ-như-ý-túc ngũ căn ngũ lực thất giác phần bát Thánh-đạo phần diệc
phục như thị。
Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác phần, Tám Thánh đạo phần
cũng lại như thế。
善男子。如來終不作如是計。

Thiện nam tử. Như Lai chung bất tác như thị kế.

Thiện nam tử! Như Lai hoàn toàn không tính toán như vậy

是故如來不轉法輪。善男子。若言常住無有變易。

Thị cố Như Lai bất chuyển Pháp luân. Thiện nam tử. Nhược ngôn thường trụ vô hữu biến dịch.

Cho nên Như Lai không chuyển Pháp luân. Thiện nam tử! Nếu nói thường trú không có thay đổi,

云何說言佛轉法輪。

Vân hà thuyết ngôn Phật chuyển Pháp luân.

Vì sao nói lời Phật chuyển Pháp luân?

是故汝今不應說言如來方更轉於法輪。善男子。

Thị cố nữ kim bất ứng thuyết ngôn Như Lai phương cánh chuyển ư Pháp luân. Thiện nam tử.

Cho nên ông nay không nên nói lời Như Lai phương tiện chuyển nơi Pháp luân. Thiện nam tử!

譬如因眼緣色緣明緣思惟。因緣和合得生眼識。善男子。

Thí như nhân nhãn duyên sắc duyên minh duyên tư duy. nhân duyên hòa hợp đắc sanh nhãn thức. Thiện nam tử.

Thí như nhân mắt duyên sắc duyên ánh sáng duyên suy nghĩ, nhân duyên hòa hợp được sanh nhãn thức. Thiện nam tử!

眼不念言我能生識。色乃至思惟終不念言我生眼識。

Nhãn bất niệm ngôn ngã năng sanh thức. sắc nãi chí tư duy chung bất niệm ngôn ngã sanh nhãn thức.

Mắt không nghĩ nói ta có thể sanh thức, sắc cho đến suy nghĩ trọn không nghĩ nói ngã sanh nhãn thức.

眼識亦復不作念言我能自生。善男子。

Nhãn thức diệc phục bất tác niệm ngôn ngã năng tự sanh. Thiện nam tử.

Nhãn thức cũng lại không làm nghĩ nói ngã có thể tự sanh. Thiện nam tử!

如是等法因緣和合得名為見。善男子。如來亦爾。

Như thị đẳng Pháp nhân duyên hòa hợp đắc danh vi kiến. Thiện nam tử. Như Lai diệc nhĩ.

Như thế các pháp nhân duyên hoà hợp được gọi là thấy. Thiện nam tử! Như Lai cũng như thế!

因六波羅蜜三十七助菩提之法覺了諸法。

Nhân lục Ba-la-mật tam thập thất trợ bồ đề chi Pháp giác liễu chư Pháp.

Nhân sáu Ba-la-mật, Ba mươi bảy pháp trợ bồ-đề hiểu rõ các pháp.

復因咽喉舌齒脣口言語音聲。

Phục nhân yết hầu thiệt xỉ thần khẩu ngôn ngữ âm thanh.

Lại nhân cổ họng lưỡi răng môi miệng lời nói âm thanh,

為憍陳如初始說法名轉法輪。以是義故。

Vi Kiêu-trần-như sơ thủy thuyết Pháp danh chuyển Pháp luân. Dĩ thị nghĩa cố.

Nhân Kiêu-trần-như ban đầu mới thuyết pháp gọi là chuyển Pháp luân, do vậy mới có nghĩa

如來不名轉法輪也。善男子。若不轉者即名為法。

Như Lai bất danh chuyển Pháp luân dã. Thiện nam tử. Nhược bất chuyển giả tức danh vi Pháp.

Như Lai không gọi chuyển Pháp luân vậy. Thiện nam tử! Nếu không chuyển ấy tức gọi là pháp.

法即如來。善男子。

Pháp tức Như Lai. Thiện nam tử.

Pháp tức là Như Lai. Thiện nam tử!

譬如因燧因鑽因手因乾牛糞而得生火。燧亦不言我能生火。

Thí như nhân toại nhân toàn nhân thủ nhân kiên ngư hầu phần nhi đắc sanh hỏa. toại diệc bất ngôn ngã năng sanh hỏa.

Thí như nhân bó đuốc, nhân cái dùi, nhân cái tay, nhân phân trâu khô mà được sanh lửa. 鑽手牛糞各不念言我能生火。火亦不言我能自生。

Toàn thủ ngư hầu các bất niệm ngôn ngã năng sanh hỏa. hỏa diệc bất ngôn ngã năng tự sanh.

Dùi tay phân trâu đều không nghĩ nói ngã có thể sanh lửa, lửa cũng không nói ngã có thể tự sanh.

如來亦爾。因六波羅蜜。乃至憍陳如名轉法輪。

Như Lai diệc nhĩ. nhân lục Ba-la-mật. nãi chí Kiêu-trần-như danh chuyển Pháp luân.

Như Lai cũng như thế, nhân sáu Ba-la-mật cho đến Kiêu-trần-như gọi là chuyển Pháp luân.

如來亦復不念言我轉法輪。善男子。

Như Lai diệt phục bất sanh niệm ngôn ngã chuyển Pháp luân。 Thiện nam tử。

Như Lai cũng lại không sanh nghĩ nói ta chuyển Pháp luân。 Thiện nam tử!

若不生者是則名為轉正法輪。是轉法輪即名如來。

Nhược bất sanh giả thị tắc danh vi chuyển chánh Pháp luân。 thị chuyển Pháp luân tức danh Như Lai。

Nếu chẳng sanh ấy thời gọi là chuyển Chánh Pháp luân, là chuyển Pháp luân tức gọi là Như Lai。

善男子。

Thiện nam tử。

Thiện nam tử!

譬如因酪因水因攢因瓶因繩因人。手捉而得出蘇。

Thí như nhân lạc nhân thủy nhân toàn nhân bình nhân thăng nhân nhân。 thủ tróc nhi đắc xuất tô。

Thí như nhân ván sữa, nhân nước, nhân việc tích lũy, nhân bình, nhân dây, nhân người, tay nắm mà được sanh tô。

酪不念言我能出蘇乃至人手亦不念言我能出蘇。

lạc bất niệm ngôn ngôn ngã năng xuất tô nãi chí nhân thủ diệt bất niệm ngôn ngôn ngã năng xuất tô。

Ván sữa chẳng nghĩ nói ta có thể sanh ra tô cho đến tay người cũng không nghĩ rằng ta có thể sanh ra tô。

蘇亦不言我能自出。眾緣和合故得出蘇。如來亦爾。

Tô diệt bất ngôn ngôn ngã năng tự xuất。 chúng duyên hòa hợp cố đắc xuất tô。 Như Lai diệt nhĩ。

Tô cũng không nói ta có thể tự sanh ra, các duyên hòa hợp nên được sanh ra tô, Như Lai cũng lại như thế。

終不念言我轉法輪。善男子。

Chung bất niệm ngôn ngôn ngã chuyển Pháp luân。 Thiện nam tử。

Trọn không nghĩ ta chuyển Pháp luân。 Thiện nam tử!

若不出者是則名為轉正法輪。是轉法輪即是如來。善男子。

Nhược bất xuất giả thị tắc danh vi chuyển chánh Pháp luân。 thị chuyển Pháp luân tức thị Như Lai。 thiện nam tử。

Nếu không ra ấy thời gọi là chuyển Chánh Pháp luân, chính chuyển Chánh Pháp luân tức là Như Lai. Thiện nam tử!

譬如因子因地因水因火因風因糞因時。

Thí như nhân tử nhân địa nhân thủy nhân hỏa nhân phong nhân phần nhân thời。

Thí như nhân giống, nhân đất, nhân nước, nhân lửa, nhân gió, nhân phân, nhân thời tiết, 因人作業而牙得生。善男子。

nhân nhân tác nghiệp nhi nha đắc sanh。 Thiện nam tử。

nhân người làm việc mà mầm móng được sanh. Thiện nam tử!

子亦不言我能生牙乃至作業。亦不念言我能生牙。

Tử diệc bất ngôn ngã năng sanh nha nãi chí tác nghiệp。 diệc bất niệm ngôn ngã năng sanh nha。

Con giống cũng chẳng nói ta có thể sanh mầm cho đến tác nghiệp, cũng chẳng nghĩ ta có thể sanh mầm.

牙亦不言我能自生。如來亦爾。

Nha diệc bất ngôn ngã năng tự sanh。 Như Lai diệc nhĩ。

Mầm cũng chẳng nói ta có thể tự sanh, Như Lai cũng như thế,

終不念言我轉法輪。善男子。若不能者是則名為轉正法輪。

Chung bất niệm ngôn ngã chuyển Pháp luân。 Thiện nam tử。 Nhược bất năng giả thị tắc danh vi chuyển chánh Pháp luân。

trọn không nghĩ rằng ta chuyển Pháp luân. Thiện nam tử! Nếu không thể ấy thời gọi là chuyển Chánh Pháp luân.

是轉法輪即是如來。善男子。

Thị chuyển Pháp luân tức thị Như Lai。 Thiện nam tử。

Chính chuyển Pháp luân tức là Như Lai. Thiện nam tử!

譬如因鼓因空因皮因人因桴和合出聲。

Thí như nhân cổ nhân không nhân bì nhân nhân nhân phù hòa hợp xuất thanh。

Thí như nhân nơi trống, nhân hư không, nhân nơi da, nhân con người, nhân dùi hoà hợp mà phát ra tiếng,

鼓不念言我能出聲。乃至桴亦如是。聲亦不言我能自生。

Cổ bất niệm ngôn ngã năng xuất thanh. nãi chí phũ diệc như thị. thanh diệc bất ngôn
ngã năng tự sanh.

Trống chẳng nghĩ rằng ta có thể phát ra tiếng, cho đến dùi cũng như thế, tiếng cũng
không nói ta có thể tự sanh.

善男子。如來亦爾。終不念言我轉法輪。

Thiện nam tử. Như Lai diệc nhĩ. chung bất niệm ngôn ngã chuyển Pháp luân.

Thiện nam tử! Như Lai cũng như thế, trọn không nghĩ rằng ta chuyển Pháp luân,

善男子。轉法輪者名為不作。不作者即轉法輪。

Thiện nam tử. chuyển Pháp luân giả danh vi bất tác. bất tác giả tức chuyển Pháp luân.

Thiện nam tử! Chuyển Pháp luân ấy tức là không làm, không làm ấy tức là chuyển Pháp
luân.

轉法輪者即是如來。善男子。

Chuyển Pháp luân giả tức thị Như Lai. Thiện nam tử.

Chuyển Pháp luân ấy tức là Như Lai. Thiện nam tử!

轉法輪者乃是諸佛世尊境界。非諸聲聞緣覺所知。善男子。

Chuyển Pháp luân giả nãi thị chư Phật Thế Tôn cảnh giới. phi chư Thanh văn Duyên giác
sở tri. Thiện nam tử.

Chuyển Pháp luân ấy chính là cảnh giới chư Phật Thế Tôn. Chẳng phải Thanh văn,
Duyên giác biết được. Thiện nam tử!

虛空非生非出非作非造非有為法。

Hư không phi sanh phi xuất phi tác phi tạo phi hữu vi Pháp.

Hư không chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng tác, chẳng tạo, chẳng hữu vi pháp.

如來亦爾。非生非出非作非造非有為法。

Như Lai diệc nhĩ. phi sanh phi xuất phi tác phi tạo phi hữu vi Pháp.

Như Lai cũng như thế, chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng tác, chẳng tạo, chẳng hữu vi pháp.

如來性佛性亦爾。非生非出非作非造非有為法。

Như Như Lai-tánh Phật-tánh diệc nhĩ. phi sanh phi xuất phi tác phi tạo phi hữu vi Pháp.

Như Như Lai tánh, Phật tánh cũng như thế, chẳng sanh chẳng xuất chẳng tác chẳng tạo
chẳng hữu vi pháp.

善男子。諸佛世尊語有二種。一者世語。

Thiện nam tử. chư Phật Thế Tôn ngữ hữu nhị chủng. Nhất giả thế ngữ.

Thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn nói có hai thứ: Một nói về thế gian.

二者出世語。善男子。

Nhị giả xuất thế ngữ. Thiện nam tử.

Hai nói về xuất thế gian. Thiện nam tử!

如來為諸聲聞緣覺說於世語。為諸菩薩說出世語。善男子。

Như Lai vì chư Thanh văn Duyên giác thuyết ư thế ngữ. vị chư Bồ-tát thuyết xuất thế ngữ. Thiện nam tử.

Như Lai vì các Thanh văn, Duyên giác nói ở thế gian, vì các Bồ-tát nói về xuất thế gian.

Thiện nam tử!

是諸大眾復有二種。一者求小乘。二者求大乘。

thị chư Đại chúng phục hữu nhị chủng. nhất giả cầu Tiểu-thừa. nhị giả cầu Đại thừa.

Đại chúng này lại có hai: Một là cầu Tiểu thừa, hai là cầu Đại thừa.

我於昔日波羅奈城。為諸聲聞轉于法輪。

Ngã ư tích nhật Ba-la-nại thành. vị chư Thanh văn chuyển vu Pháp luân.

Ta xưa kia ở trong thành Ba-la-nại vì các Thanh văn mà chuyển Pháp luân.

今始於此拘尸那城為諸菩薩轉大法輪。

Kim thủy ư thử Câu-thi-na thành vị chư Bồ-tát chuyển đại Pháp luân.

Nay ban đầu ở nơi thành Câu-thi-na đây vì các Bồ-tát chuyển đại Pháp luân.

復次善男子。復有二人中根上根。

Phục thứ thiện nam tử. Phục hữu nhị nhân trung căn thượng căn.

Lại nữa Thiện nam tử! Lại có hai người trung căn thượng căn,

為中根人於波羅奈轉於法輪。

vị trung căn nhân ư Ba-la-nại chuyển ư Pháp luân.

Vì người trung căn chuyển Pháp luân ở trong thành Ba-la-nại.

為上根人人中象王迦葉菩薩等。今於此間拘尸那城轉大法輪。善男子。

Vì thượng căn nhân nhân trung Tượng-vương Ca-diếp Bồ-tát đẳng. Kim ư thử gian Câu-thi-na thành chuyển Đại Pháp luân. Thiện nam tử.

vì người thượng căn trong người tượng vương Bồ-tát Ca-diếp.v.v. Nay ở giữa này trong thành Câu-thi-na chuyển đại Pháp luân. Thiện nam tử!

極下根者如來終不為轉法輪。

Cực hạ căn giả Như Lai chung bất vi chuyển Pháp luân。

Người hạ căn cùng tột Như Lai trọn không vì họ chuyển Pháp luân。

極下根者即一闍提。復次善男子。求佛道者復有二種。

Cực hạ căn giả tức nhất-xiển-đề。 phục thứ thiện nam tử。 Cầu Phật đạo giả phục hữu nhị chủng。

Người cùng tột hạ căn tức là nhất-xiển-đề。 Lại nữa Thiện nam tử! Người cầu Phật đạo lại có hai hạng:

一中精進。二上精進。於波羅奈。

Nhất trung tinh tấn。 Nhị thượng tinh tấn。 ư Ba-la-nại。

Một là trung tinh tấn, hai là thượng tinh tấn。 Ở thành Ba-la-nại

為中精進轉於法輪。 今於此間拘尸那城。

Vì trung tinh tấn chuyển ư Pháp luân。 kim ư thử gian câu thi na thành。

vì hạng trung tinh tấn chuyển Pháp luân, nay ở giữa thành Câu-thi-na đây

為上精進轉大法輪。復次善男子。

vì thượng tinh tấn chuyển Đại Pháp luân。 Phục thứ thiện nam tử。

vì hạng thượng tinh tấn chuyển đại Pháp luân。 Lại nữa Thiện nam tử!

我昔於彼波羅奈城初轉法輪。八萬天人得須陀洹果。

Ngã tích ư bỉ Ba-la-nại thành sơ chuyển Pháp luân。 bát vạn Thiên Nhơn đắc Tu-đà-hoàn quả。

Ta xưa ở trong thành Ba-la-nại ban đầu chuyển Pháp luân, tám vạn trời người được quả Tu-đà-hoàn。

今於此間拘尸那城。

Kim ư thử gian câu thi na thành。

Nay ở giữa thành Câu-thi-na đây,

八十萬億人不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。復次善男子。波羅奈城大梵天王。

Bát thập vạn ức nhân bất thối chuyển ư A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề。 Phục thứ thiện nam tử。 Ba-la-nại thành Đại-phạm-thiên-vương。

Tám mươi vạn ức người bất thối chuyển ở Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác。 Lại nữa

Thiện nam tử! Thành Ba-la-nại Đại phạm thiên vương

稽首請我轉於法輪。 今於此間拘尸那城。

Khể thủ thỉnh ngã chuyển ư Pháp luân。 Kim ư thử gian Câu-thi-na thành。

đánh lễ thỉnh ta chuyển ư Pháp luân. Nay ở giữa thành Câu-thi-na đây,
迦葉菩薩稽首請我轉大法輪。復次善男子。

Ca-diếp Bồ-tát khể thủ thỉnh ngã chuyển Đại Pháp luân. Phục thứ thiện nam tử.

Bồ-tát Ca-diếp đánh lễ thỉnh ta chuyển đại Pháp luân. Lại nữa Thiện nam tử!

我昔於彼波羅奈城轉法輪時。

Ngã tích ư bỉ Ba-la-nại thành chuyển Pháp luân thời.

Ta khi xưa kia ở trong thành Ba-la-nại chuyển Pháp luân.

說無常苦空無我。今於此間拘尸那城轉法輪時。

Thuyết vô thường khổ không vô ngã. Kim ư thử gian Câu-thi-na thành chuyển Pháp luân thời.

Nói Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã. Nay ở giữa thành Câu-thi-na đây khi chuyển Pháp luân

說常樂我淨。

Thuyết thường lạc ngã tịnh。

nói Thường Lạc Ngã Tịnh.

復次善男子。我昔於彼波羅奈城轉法輪時。

phục thứ thiện nam tử. ngã tích ư bỉ Ba-la-nại thành chuyển Pháp luân thời.

Lại nữa Thiện nam tử! Ta xưa kia ở trong thành Ba-la-nại chuyển Pháp luân,

所出音聲聞于梵天。

sở xuất âm thanh văn vu Phạm Thiên.

chỗ phát ra âm thanh nghe đến Phạm thiên.

如來今於拘尸那城轉法輪時。

Như Lai kim ư Câu-thi-na thành chuyển Pháp luân thời.

Như Lai nay ở trong thành Câu-thi-na khi chuyển Pháp luân.

所出音聲遍於東方二十恒河沙等諸佛世界。南西北方四維上下亦復如是。

sở xuất âm thanh biến ư Đông phương nhị thập hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới. Nam Tây Bắc phương tứ duy thượng hạ diệc phục như thị.

đã phát ra âm thanh biến khắp ở phương Đông hai mươi hằng hà sa thế giới chư Phật, phương Tây Nam Bắc bốn góc trên dưới cũng lại như thế.

復次善男子。諸佛世尊凡有所說。

Phục thứ thiện nam tử. chư Phật Thế Tôn phàm hữu sở thuyết。

Lại nữa Thiện nam tử! Chư Phật Thế Tôn phàm có nói ra
皆悉名為轉法輪也。善男子。

giai tất danh vi chuyển Pháp luân dã. Thiện nam tử.

tất cả đều gọi là chuyển Pháp luân vậy. Thiện nam tử!

譬如聖王所有輪寶未降伏者能令降伏。已降伏者能令安隱。善男子。

Thí như Thánh Vương sở hữu luân bảo vị hàng phục giả năng linh hàng phục. dĩ hàng
phục giả năng linh an ổn. Thiện nam tử.

Thí như Thánh vương chỗ có bánh xe báu chưa hàng phục có thể khiến hàng phục, đã
hàng phục rồi có thể khiến an ổn. Thiện nam tử!

諸佛世尊凡所說法亦復如是。

Chư Phật Thế tôn phàm sở thuyết Pháp diệc phục như thị.

Chư Phật Thế Tôn phàm chỗ thuyết pháp cũng lại như thế,

無量煩惱未調伏者能令調伏。已調伏者令生善根。

Vô lượng phiền não vị điều phục giả năng linh điều phục. dĩ điều phục giả linh sanh thiện
căn.

vô lượng phiền não chưa điều phục ấy khiến có thể điều phục, đã điều phục rồi khiến
sanh thiện căn.

善男子。譬如聖王所有輪寶則能消滅一切怨賊。

Thiện nam tử. thí như Thánh-vương sở hữu luân bảo tắc năng tiêu diệt nhất thiết oán
tặc.

Thiện nam tử! Thí như Thánh vương chỗ có luân bảo thì có thể tiêu diệt tất cả oán tặc.
如來演法亦復如是。

Như Lai diễn Pháp diệc phục như thị.

Như Lai diễn pháp cũng lại như thế,

能令一切諸煩惱賊皆悉寂靜。復次善男子。

Năng linh nhất thiết chư phiền não tặc giai tất tịch tĩnh. Phục thứ thiện nam tử.

Có thể khiến tất cả các phiền não oán tặc thảy đều vắng lặng. Lại nữa Thiện nam tử!

譬如聖王所有輪寶下上迴轉。如來說法亦復如是。

Thí như Thánh-vương sở hữu luân bảo hạ thượng hồi chuyển. Như Lai thuyết Pháp diệc
phục như thị.

Thí như Thánh vương chỗ có luân bảo xoay chuyển trên dưới, Như Lai thuyết pháp cũng lại như thế,

能令下趣諸惡眾生上生人天乃至佛道。善男子。

Năng linh hạ thú chư ác chúng sanh thượng sanh nhân Thiên nãi chí Phật đạo. thiện nam tử.

có thể khiến đường dưới các chúng sanh ác sanh trên cõi người trời cho đến Phật đạo. Thiện nam tử!

是故汝今不應讚言如來於此更轉法輪。

Thị cố nhữ kim bất ứng tán ngôn Như Lai ư thử cánh chuyển Pháp luân.

Thế nên ông nay không nên khen ngợi lời dạy Như Lai ở đây lại chuyển Pháp luân.

爾時文殊師利白佛言。世尊。我於此義非為不知。

Nhĩ thời Văn Thù-sư-lợi bạch Phật ngôn. Thế Tôn. ngã ư thử nghĩa phi vi bất tri.

Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi bạch đức Phật rằng thưa đức Thế Tôn: Con đối với nghĩa này mà chẳng phải vì không biết,

所以問者為欲利益諸眾生故。世尊。

Sở dĩ vấn giả vị dục lợi ích chư chúng sanh cố. Thế Tôn.

sở dĩ hỏi ấy vì muốn lợi ích các chúng sanh vậy. Thưa đức Thế Tôn:

我已久知轉法輪者。實是諸佛如來境界。

Ngã dĩ cửu tri chuyển Pháp luân giả. thật thị chư Phật Như Lai cảnh giới.

Con đã từng biết về chuyển Pháp luân ấy, thật là cảnh giới chư Phật Như Lai,

非是聲聞緣覺所知。爾時世尊告迦葉菩薩。善男子。

Phi thị Thanh văn Duyên giác sở tri. nhĩ thời Thế Tôn cáo Ca-diếp Bồ-tát. Thiện nam tử.

chẳng phải Thanh văn, Duyên giác biết được. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Ca-diếp. Thiện nam tử!

是名菩薩住於大乘大涅槃經所行聖行。

Thị danh Bồ-tát trụ ư Đại thừa Đại-niết-bàn Kinh sở hành Thánh hạnh.

Đây gọi Bồ-tát trụ trong việc hành Thánh hạnh của Kinh Đại Niết-bàn.

迦葉菩薩白佛言。世尊。復以何義名為聖行。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn. phục dĩ hà nghĩa danh vi Thánh hạnh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch đức Phật rằng, thưa đức Thế Tôn! Lại do nghĩa gì gọi là Thánh hạnh?

善男子。聖名諸佛世尊。以是義故。

Thiện nam tử. Thánh danh chư Phật Thế Tôn. dĩ thị nghĩa cố.

Thiện nam tử! Thánh tên chư Phật Thế Tôn do nghĩa đó vậy.

名為聖行。世尊。若是諸佛之所行者。

Danh vi Thánh hành. Thế tôn. nhược thị chư Phật chi sở hành giả.

Bạch đức Thế Tôn! Gọi là Thánh hạnh hoặc chính là sở hành của chư Phật vậy, 則非聲聞緣覺菩薩所能修行。善男子。

Tắc phi Thanh văn Duyên giác Bồ-tát sở năng tu hành. Thiện nam tử.

chẳng phải Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát có thể tu hành. Thiện nam tử!

是諸世尊安住於此大般涅槃。而作如是開示分別演說其義。

Thị chư Thế Tôn an trú ư thử Đại-bát-niết-bàn. nhi tác như thị khai thị phân biệt diễn thuyết kỳ nghĩa.

Đây chính là chỗ an trú Đại Nhập diệt của Thế Tôn mà thị hiện để phân biệt diễn thuyết nghĩa lý nhiệm màu ấy.

以是義故。名曰聖行。

Dĩ thị nghĩa cố. danh viết Thánh hạnh.

vì nghĩa này nên gọi là Thánh hạnh.

聲聞緣覺及諸菩薩如是聞已則能奉行故名聖行。善男子。

Thanh văn Duyên giác cập chư Bồ-tát như thị văn dĩ tắc năng phụng hành cố danh Thánh hạnh. Thiện nam tử.

Thanh văn, Duyên giác cùng các Bồ-tát nghe như thế rồi có thể phụng hành nên gọi Thánh hạnh. Thiện nam tử!

是菩薩摩訶薩得是行已則得住於無所畏地。

Thị Bồ-tát-ma-ha-tát đắc thị hạnh dĩ tắc đắc trụ ư vô sở úy địa.

Chính Bồ-tát ma-ha-tát đã được hạnh đó thì được trú ở Vô sở úy địa.

善男子。若有菩薩得住如是無所畏地。

Thiện nam tử. nhược hữu Bồ-tát đắc trụ như thị vô sở úy địa.

Thiện nam tử! Nếu có Bồ-tát được trú Vô sở úy địa như thế

則不復畏貪恚愚癡生老病死。

Tắc bất phục úy tham nhuế ngu si sanh lão bệnh tử.

tức là chẳng sợ tham sân ngu si sanh già bệnh chết

亦復不畏惡道地獄畜生餓鬼。善男子。惡有二種。一者阿修羅。

Diệt phục bất úy ác đạo Địa-ngục Súc-sanh Ngạ-quỷ. Thiện nam tử. Ác hữu nhị chủng. nhất giả A-tu-La.

cũng chẳng sợ đường ác địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Thiện nam tử! Ác có hai thứ: Một là A-tu-la,

二者人中。人中有三種惡。一者一闍提。

nhị giả nhân trung. nhân trung hữu tam chủng ác. Nhất giả nhất xiển-đề.

hai là trong loài người. Trong loài người thì có ba loài ác. Một là Nhất-xiển-đề,

二者誹謗方等經典。三者犯四重禁。善男子。

Nhị giả phỉ báng Phương Đẳng Kinh điển. tam giả phạm tứ trọng cấm. Thiện nam tử.

hai là người phỉ báng Kinh điển Phương Đẳng, ba là người phạm bốn trọng cấm. Thiện nam tử!

住是地中諸菩薩等終不畏墮如是惡中。

Trụ thị địa trung chư Bồ-tát đẳng chung bất úy đọa như thị ác trung.

Trú ở trong địa vị này thì các Bồ-tát trọn không sợ đọa trong đường ác trên,

亦復不畏沙門婆羅門外道邪見天魔波旬。

Diệt phục bất úy Sa-môn Bà-la-môn ngoại đạo tà kiến Thiên-ma-ba-tuần.

cũng lại chẳng sợ Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo tà kiến, Thiên ma ba-tuần,

亦復不畏受二十五有。是故此地名無所畏。善男子。

Diệt phục bất úy thọ nhị thập ngũ hữu. thị cố thử địa danh vô sở úy. Thiện nam tử.

cũng lại chẳng sợ thọ vào hai mươi lăm cõi, cho nên chốn này gọi là Vô sở úy. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩住無畏地。

Bồ-tát-ma-ha-tát trụ vô úy địa.

Bồ-tát ma-ha-tát trú Vô úy địa

得二十五三昧壞二十五有。善男子。得無垢三昧能壞地獄有。

Đắc nhị thập ngũ Tam-muội hoại nhị thập ngũ hữu. Thiện nam tử. Đắc vô cấu tam muội năng hoại Địa-ngục hữu.

thì được hai mươi lăm Tam-muội để trừ hai mươi lăm hữu. Thiện nam tử! chứng Vô cấu

Tam-muội có thể phá trừ địa ngục hữu;

得無退三昧能壞畜生有。

Đắc vô thối Tam-muội năng hoại súc sanh hữu。

chứng Vô thối Tam-muội có thể loại trừ Súc sanh hữu;

得心樂三昧能壞餓鬼有。得歡喜三昧能壞阿修羅有。

Đắc tâm lạc tam muội năng hoại ngạ quỷ hữu。 đắc hoan hỷ tam muội năng hoại A-tu-La hữu。

được Tâm lạc Tam-muội có thể phá tan Ngạ quỷ hữu; được Hoan hỷ Tam-muội có thể trừ A-tu-la hữu;

得日光三昧能斷弗婆提有。

Đắc nhật quang Tam-muội năng đoạn Phất-bà-đề hữu。

được Nhật quang Tam-muội có thể chặt đứt Phất-bà-đề hữu;

得月光三昧能斷瞿耶尼有。得熱炎三昧能斷鬱單越有。

Đắc nguyệt quang tam muội năng đoạn Cù-da-ni hữu。 đắc nhiệt viêm Tam-muội năng đoạn Uất-đơn-việt hữu。

được Nguyệt quang Tam-muội có thể phá Cù-da-ni hữu; được Nhiệt viêm Tam-muội có thể phá Uất-đơn-việt hữu;

得如幻三昧能斷閻浮提有。

Đắc như huyễn tam muội năng đoạn Diêm-phù-đề hữu。

được Như huyễn Tam-muội có thể đoạn Diêm-phù-đề hữu;

得一切法不動三昧能斷四天處有。得難伏三昧能斷三十三天處有。

Đắc nhất thiết Pháp bất động tam muội năng đoạn tứ Thiên-xứ hữu。 đắc nan phục tam muội năng đoạn tam thập tam Thiên-xứ hữu。

được Nhất thiết pháp bất động Tam-muội có thể đoạn Tứ thiên xứ hữu; được Nan phục Tam-muội có thể đoạn Tam thập tam thiên xứ hữu;

得悅意三昧能斷炎摩天有。

Đắc duyệt ý tam muội năng đoạn viêm ma Thiên hữu。

được Duyệt ý Tam-muội có thể đoạn Diêm-ma thiên hữu;

得青色三昧能斷兜率天有。得黃色三昧能斷化樂天有。

Đắc thanh sắc tam muội năng đoạn Đâu-suất-thiên hữu。 đắc hoàng sắc tam-muội năng đoạn hóa lạc Thiên hữu。

được Thanh sắc Tam-muội có thể đoạn Đâu-suất thiên hữu; chứng Huỳnh sắc Tam-muội có thể đoạn Hoá lạc thiên hữu;

得赤色三昧能斷他化自在天。

Đắc xích sắc tam muội năng đoạn Tha-hoá-tự-tại Thiên。

chứng được Xích sắc Tam-muội có thể đoạn Tha hoá tự tại thiên hữu;

有得白色三昧能斷初禪有。得種種三昧能斷大梵天有。

Hữu đắc bạch sắc tam muội năng đoạn Sơ-thiền hữu。 đắc chủng chủng tam muội năng đoạn Đại Phạm Thiên hữu。

có được Bạch sắc Tam-muội có thể đoạn Sơ thiền hữu; chứng được Chủng chủng Tam-muội có thể đoạn Đại phạm thiên hữu;

得雙三昧能斷二禪有。

Đắc song tam muội năng đoạn Nhị-thiền hữu。

được Song Tam-muội có thể đoạn Nhị thiền hữu;

得雷音三昧能斷三禪有。得靈雨三昧能斷四禪有。

Đắc lôi âm tam muội năng đoạn Tam-thiền hữu。 đắc chú vũ tam muội năng đoạn Tứ thiền hữu。

được Lôi âm Tam-muội có thể đoạn Tam thiền hữu; được Chú vũ Tam-muội có thể đoạn Tứ thiền hữu;

得如虛空三昧能斷無想有。

Đắc như hư không tam muội năng đoạn Vô-tưởng hữu。

được Như hư không Tam-muội có thể đoạn Vô tưởng hữu;

得照鏡三昧能斷淨居阿那含有。得無礙三昧能斷空處有。

Đắc chiếu kính Tam-muội năng đoạn Tịnh-cư-a-na-hàm hữu。 đắc vô ngại Tam-muội năng đoạn không xử hữu。

được Chiếu kính Tam-muội có thể đoạn Tịnh cư A-na-hàm hữu; chứng được Vô ngại Tam-muội có thể đoạn Không xử hữu;

得常三昧能斷識處有。得樂三昧能斷不用處有。

Đắc thường Tam-muội năng đoạn Thức-xứ hữu。 đắc lạc tam muội năng đoạn bất dụng xử hữu。

chứng Thường Tam-muội có thể đoạn Thức xử hữu; được lạc Tam-muội có thể đoạn Bất dụng xử hữu;

得我三昧能斷非想非非想處有。善男子。

Đắc ngã tam muội năng đoạn Phi-tưởng Phi-phi-tưởng-xử hữu。 Thiện nam tử。

được Ngã Tam-muội có thể đoạn Phi tưởng Phi phi tưởng xứ hữu. Thiện nam tử!
是名菩薩得二十五三昧斷二十五有。善男子。

Thị danh Bồ-tát đắc nhị thập ngũ Tam-muội đoạn nhị thập ngũ hữu. Thiện nam tử.
Đây là Bồ-tát tu hai mươi lăm Tam-muội để đoạn hai mươi lăm hữu. Thiện nam tử!
如是二十五三昧名諸三昧王。善男子。

Như thị nhị thập ngũ Tam-muội danh chư Tam-muội-vương. Thiện nam tử.

Hai mươi lăm Tam-muội này gọi các Tam-muội vương. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩入如是等諸三昧王。

Bồ-tát-ma-ha-tát nhập như thị đẳng chư Tam-muội-vương。

Bồ-tát-ma-ha-tát vào các Tam-muội vương đó

若欲吹壞須彌山王隨意即能。

nhược dục xuy hoại Tu-Di sơn Vương tùy ý tức năng。

hoặc muốn thổi bay Tu-di sơn vương thì cũng có thể được như ý,

欲知三千大千世界所有眾生心之所念亦悉能知。

dục tri Tam-thiên-đại-thiên thế giới sở hữu chúng sanh tâm chi sở niệm diệc tất năng tri。

muốn biết ba ngàn Đại-thiên thế giới chỗ có sở niệm của tâm chúng sanh cũng đều có thể biết,

欲以三千大千世界所有眾生。內於己身一毛孔中隨意即能。

Dục dĩ Tam-thiên-đại-thiên thế giới sở hữu chúng sanh。nội ư kỷ thân nhất mao khổng trung tùy ý tức năng。

muốn đem ba ngàn Đại thiên thế giới chỗ có chúng sanh, ở trong thân mình trong một lỗ chân lông tùy ý liền có thể,

亦令眾生無迫迮想。

diệc linh chúng sanh vô bách trách tưởng。

cũng khiến chúng sanh không có bức bách tưởng,

若欲化作無量眾生悉令充滿三千大千世界中者亦能隨意。

Nhược dục hóa tác vô lượng chúng sanh tất linh sung mãn tam Thiên Đại Thiên thế giới trung giả diệc năng tùy ý。

hoặc muốn hoá làm vô lượng chúng sanh đều khiến đầy đủ trong ba ngàn Đại-thiên thế giới cũng có thể tùy ý。

欲分一身以為多身。復合多身以為一身。

dục phân nhất thân dĩ vi đa thân。 phục hợp đa thân dĩ vi nhất thân。

Muốn phân một thân ra làm nhiều thân, lại hợp nhiều thân dùng làm một thân,
雖作如是心無所著。猶如蓮花。善男子。

Tuy tác như thị tâm vô sở trước。 do như liên hoa。 thiện nam tử。

tuy làm như thế mà tâm không đắm trước, giống như hoa sen. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩得入如是三昧王已。即得住於自在之地。

Bồ Tát Ma-Ha tát đắc nhập như thị tam muội Vương dĩ。 tức đắc trụ ự- tại chi địa。

Bồ-tát-ma-ha-tát nhập Tam-muội-vương như vậy rồi liền được trú ở địa của tự tại。

菩薩得住是自在地得自在力。

Bồ-tát đắc trụ thị tự- tại địa đắc tự- tại lực。

Bồ-tát được trú địa tự tại đó được tự tại lực,

隨欲生處即得往生。善男子。

tùy dục sanh xứ tức đắc vãng sanh。 thiện nam tử。

tùy ý muốn sanh chỗ nào liền được vãng sanh. Thiện nam tử!

譬如聖王領四天下隨意所行無能障礙。菩薩摩訶薩亦復如是。

Thí như Thánh Vương lĩnh tứ Thiên hạ tùy ý sở hạnh vô năng chướng ngại。 Bồ Tát Ma-Ha tát diệc phục như thị。

Thí như Thánh vương lãnh tứ thiên hạ tùy ý chỗ đi không thể chướng ngại。 Bồ-tát ma-ha-tát cũng lại như thế,

一切生處若欲生者隨意往生。善男子。

Nhất thiết sanh xứ nhược dục sanh giả tùy ý vãng sanh。 thiện nam tử。

tất cả sanh nơi nào nếu muốn sanh tùy ý vãng sanh. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩若見地獄一切眾生有可化令住善根者。

Bồ Tát Ma-Ha tát nhược kiến Địa-ngục nhất thiết chúng sanh hữu khả hóa linh trụ thiện căn giả。

Bồ-tát ma-ha-tát nếu thấy tất cả chúng sanh trong địa ngục có thể hóa khiến trú thiện căn ấy,

菩薩即往而生其中。菩薩雖生非本業果。

Bồ-tát tức vãng nhi sanh kỳ trung。 Bồ-tát tuy sanh phi bản nghiệp quả。

Bồ-tát liền đi mà sanh vào trong đó, Bồ-tát tuy sanh chẳng phải gốc nghiệp quả。

菩薩摩訶薩住自在力因緣故而生其中。善男子。

Bồ-tát-ma-ha-tát trụ tự-tại địa lực nhân duyên cố nhi sanh kỳ trung. Thiện nam tử.
Bồ-tát ma-ha-tát trú địa tự tại sức nhân duyên nên sanh vào trong đó. Thiện nam tử!
菩薩摩訶薩雖在地獄。不受熾然碎身等苦。

Bồ-tát-ma-ha-tát tuy tại địa-ngục. bất thọ sí nhiên toái thân đẳng khổ.

Bồ-tát ma-ha-tát tuy ở địa ngục nhưng không thọ các khổ nghiền thân đốt cháy.

善男子。菩薩摩訶薩所可成就如是功德。

Thiện nam tử. Bồ-tát Ma-Ha tát sở khả thành tựu như thị công đức.

Thiện nam tử! Bồ-tát ma-ha-tát chỗ có thể thành tựu công đức như thế,

無量無邊百千萬億尚不可說。

Vô lượng vô biên bách thiên vạn ức thượng bất khả thuyết.

vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức còn không thể nói hết

何況諸佛所有功德而當可說。

hà hưởng chư Phật sở hữu công đức nhi đương khả thuyết.

hưởng gì công đức của chư Phật mà sẽ có thể nói.

爾時眾中有一菩薩名住無垢藏王。

nhĩ thời chúng trung hữu nhất Bồ-tát danh Trụ-vô-cấu-tạng-vương.

Lúc bấy giờ trong chúng có một Bồ-tát tên Trụ Vô Cấu Tạng Vương,

有大威德成就神通。得大總持三昧具足得無所畏。

hữu đại uy đức thành tựu Thần thông. đắc Đại tổng trì Tam-muội cụ túc đắc vô sở úy.

có oai đức lớn thành tựu thần thông, chứng được Tổng trì Tam-muội, chứng đầy đủ vô sở úy

即從座起偏袒右肩右膝著地長跪合掌白佛

tức tùng tọa khởi thiên đản hữu kiên hữu tất trước địa trường quy hợp chưởng bạch Phật
liền từ chỗ ngồi đứng dậy trịch vai áo bên phải, gối phải sát đất, quỳ thẳng chấp tay bạch
đức Phật rằng:

言。世尊。

ngôn. Thế Tôn.

Thưa đức Thế Tôn!

如佛所說諸佛菩薩所可成就功德智慧。無量無邊百千萬億實不可說。

Như Phật sở thuyết chư Phật Bồ-tát sở khả thành tựu công đức trí tuệ. vô lượng vô biên
bách thiên vạn ức thật bất khả thuyết.

Như chỗ Phật dạy chư Phật Bồ-tát đã có thể thành tựu công đức trí huệ, vô lượng vô biên
trăm ngàn vạn ức thật không thể nói,

我意猶謂故不如是大乘經典。何以故。

Ngã ý do vị cố bất như thị Đại thừa Kinh điển。 hà dĩ cố。

ý con cho rằng như thế chẳng như Kinh điển Đại thừa, vì sao vậy?

因是大乘方等經力故能出生諸佛世尊阿耨多羅三藐三

Nhân thị Đại thừa phương đẳng Kinh lực cố năng xuất sanh chư Phật Thế tôn a nậu đa-la
tam miểu tam

Vì nhân nơi lực của Kinh Phương Đẳng Đại thừa cho nên có thể sanh ra chư Phật Thế
Tôn chứng quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

菩提。時佛讚言。善哉善哉。善男子。

bồ đề。 Thời Phật tán ngôn。 Thiện tai Thiện tai。 thiện nam tử。

Thời Phật khen rằng: Hay thay, hay thay Thiện nam tử!

如是如是。如汝所說。是諸大乘方等經典。

Như thị như thị。 như nhữ sở thuyết。 thị chư Đại thừa Phương Đẳng Kinh điển。

Như thế như thế như lời ông nói, chính các Kinh điển Đại thừa Phương Đẳng
雖復成就無量功德。欲比是經不得為喻。

Tuy phục thành tựu vô lượng công đức。 dục tỷ thị Kinh bất đắc vi dụ。

tuy lại thành tựu công đức vô lượng, muốn so sánh kinh này không ví dụ được,
百倍千倍百千萬億倍乃至算數譬喻所不能及。

Bách bội thiên bội bách thiên vạn ức bội nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập。

gấp trăm gấp ngàn gấp trăm ngàn vạn ức cho đến toán số thí dụ chỗ không thể sánh kịp.

善男子。譬如從牛出乳從乳出酪。

Thiện nam tử。 thí như tòng ngưu xuất nhũ tòng nhũ xuất lạc。

Thiện nam tử! Thí như từ trâu sinh ra sữa từ sữa sinh ra lạc,

從酪出生酥。從生酥出熟酥。從熟酥出醍醐。

tòng lạc xuất sanh tô。 tòng sanh tô xuất thực tô。 tòng thực tô xuất đề hồ。

từ lạc sinh ra tô, từ sanh tô sinh ra thực tô, từ thực tô sinh ra đề hồ.

醍醐最上若有服者眾病皆除。所有諸藥悉入其中。

đề hồ tối thượng nhược hữu phục giả chúng bệnh giai trừ。 sở hữu chư dược tất nhập kỳ
trung。

đề hồ trên hết nếu có người uống các bệnh đều trừ, chỗ có các thuốc đều vào trong kia.
善男子。佛亦如是。從佛出生十二部經。

Thiện nam tử. Phật diệc như thị. tùng Phật xuất sanh thập nhị bộ Kinh.

Thiện nam tử! đức Phật cũng như thế, từ đức Phật mới có Mười Hai Bộ Kinh.
從十二部經出修多羅。從修多羅出方等經。

Tòng thập nhị bộ Kinh xuất Tu-đa-la. tòng Tu-đa-la xuất Phương Đẳng Kinh.

Từ mười hai bộ kinh có Tu-đa-la, từ Tu-đa-la có kinh Phương Đẳng,
從方等經出般若波羅蜜。

tòng phương đẳng Kinh xuất Bát-nhã-ba-la-mật.

từ kinh Phương Đẳng có Bát-nhã-ba-la-mật,
從般若波羅蜜出大涅槃。猶如醍醐。言醍醐者喻於佛性。

Tùng Bát-nhã-ba-la-mật xuất Đại-niết-bàn. do như đề hồ. ngôn đề hồ giả dụ ư Phật
tánh。

từ Bát-nhã-ba-la-mật có Đại-niết-bàn, giống như đề hồ, nói đề hồ ấy dụ như Phật tánh.
佛性者即是如來。善男子。以是義故。

Phật tánh giả tức thị Như Lai. Thiện nam tử. dĩ thị nghĩa cố.

Phật tánh ấy tức là Như Lai. Thiện nam tử! do nghĩa này cho nên
說言如來所有功德無量無邊不可稱計。

Thuyết ngôn Như Lai sở hữu công đức vô lượng vô biên bất khả xưng kể.

nói lời Như Lai chỗ có công đức vô lượng vô biên không thể tính kể.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch đức Phật rằng: Thưa đức Thế Tôn!

如佛所讚大涅槃經猶如醍醐最上最妙。若有能服眾病悉除。

Như Phật sở tán Đại-niết-bàn Kinh do như thể hồ tối thượng tối diệu. nhược hữu năng
phục chúng bệnh tất trừ.

Như chỗ đức Phật khen ngợi kinh Đại-niết-bàn giống như đề hồ vi diệu trên hết, nếu có
thể uống các bệnh đều trừ.

一切諸藥悉入其中。我聞是已竊復思念。

Nhất thiết chư dược tất nhập kỳ trung. ngã văn thị dĩ thiết phục tư niệm.

Tất cả các thuốc đều vào trong kia, tôi nghe xong rồi lại trộm suy nghĩ rằng:

若有不能聽受是經。

Nhược hữu bất năng thính thọ thị Kinh。

Nếu có không thể nghe nhận Kinh ấy

當知是人為大愚癡無有善心。世尊我於今者實能堪忍。

đương tri thị nhân vi đại ngu si vô hữu thiện tâm。 Thế Tôn ngã ư kim giả thật năng Kham nhẫn。

thì nên biết người đó là đại ngu si không có tâm thiện. Bạch Thế Tôn! Con ở đời nay thật có thể kham nhẫn,

剝皮為紙刺血為墨以髓為水折骨為筆。

Bác bì vi chỉ thứ huyết vi mực dĩ tủy vi thủy chiết cốt vi bút。

bóc da làm giấy, chích huyết làm mực, dùng tủy làm nước, bẻ xương làm bút

書寫如是大涅槃經。書已讀誦令其通利。

Thư tả như thị Đại-niết-bàn Kinh。 thư dĩ độc tụng linh kỳ thông lợi。

để biên chép kinh Đại Niết-bàn này, chép rồi đọc tụng khiến thông lợi,

然後為人廣說其義。世尊。若有眾生貪著財物我當施財。

nhiên hậu vi nhân quảng thuyết kỳ nghĩa。 Thế Tôn。 Nhược hữu chúng sanh tham trước tài vật ngã đương thí tài。

sau đó lại làm người diễn nói nghĩa kia. Thế Tôn! Nếu có chúng sanh tham đắm tài vật

con sẽ bố thí tài vật

然後以是大涅槃經勸之令讀。

Nhiên hậu dĩ thị Đại-niết-bàn Kinh khuyến chi linh độc。

sau đó đem kinh Đại Niết-bàn ấy khuyên bảo đọc tụng,

若尊貴者先以愛語而隨其意。

Nhược tôn quý giả tiên dĩ ái ngữ nhi tùy kỳ ý。

hoặc người sang quý trước dùng lời nhẹ nhàng mà tùy ý của họ

然後漸當以是大乘大涅槃經勸之令讀。若凡庶者當以威勢逼之令讀。

Nhiên hậu tiệm đương dĩ thị Đại thừa Đại-niết-bàn Kinh khuyến chi linh độc。 nhược phạm thứ giả đương dĩ uy thế bức chi linh độc。

sau đó từ từ sẽ đem kinh Đại thừa Đại Niết-bàn của khuyên họ đọc tụng, hoặc người bình

thường sẽ dùng oai lực khiến họ đọc tụng,

若憍慢者我當為其而作僕使。

Nhược kiều mạn giả ngã đương vi kỳ nhi tác bộc sử.

hoặc người kiều mạn con sẽ vì kia mà làm tôi tớ sai khiến

隨順其意令其歡喜。然後當以大般涅槃而教導之。

Tùy thuận kỳ ý linh kỳ hoan hỷ. nhiên hậu đương dĩ Đại-bát-niết-bàn nhi giáo đạo chi.

rồi thuận ý kia khiến kia vui vẻ sau sẽ dùng Đại bát-niết bàn mà chỉ dạy dẫn dắt họ.

若有誹謗大乘經者。當以勢力摧之令伏。

Nhược hữu phi báng Đại thừa Kinh giả. đương dĩ thế lực tồ chi linh phục.

Nếu có người phi báng Kinh Đại thừa sẽ dùng thế lực hàng phục

既摧伏已然後勸之令讀大涅槃經。

Ký tồ phục dĩ nhiên hậu khuyến chi linh độc Đại-niết-bàn Kinh.

hàng phục xong sau đó khuyên họ đọc tụng Kinh Đại Niết-bàn;

若有愛樂大乘經者。我躬當往恭敬供養尊重讚歎。

nhược hữu ái lạc Đại thừa Kinh giả. ngã cung đương vãng cung kính cúng dường tôn

trọng tán thán。

nếu có người yêu thích Kinh Đại thừa con sẽ cúi mình đi đến cung kính cúng dường tôn

trọng khen ngợi.

爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。

nhi thời Phật tán Ca-diếp Bồ-tát. Thiện tai Thiện tai.

Lúc bấy giờ đức Phật khen ngợi Bồ-tát Ca-diếp. Lành thay, lành thay!

汝甚愛樂大乘經典。貪大乘經愛大乘經味大乘經。

Nhữ thậm ái lạc Đại thừa Kinh điển. tham Đại thừa Kinh ái Đại thừa Kinh vị Đại thừa

Kinh。

Ông rất yêu thích Kinh điển Đại thừa, mến Kinh Đại thừa, yêu Kinh Đại thừa, phân biệt

kinh Đại thừa,

信敬尊重供養大乘。善男子。

Tín kính tôn trọng cúng dường Đại thừa. Thiện nam tử.

tin kính tôn trọng cúng dường Đại thừa. Thiện nam tử!

汝今以此善心因緣當得超越無量無邊恒河沙等諸大菩薩。

Nhữ kim dĩ tử thiện tâm nhân duyên đương đắc siêu việt vô lượng vô biên hằng hà sa

đẳng chư Đại Bồ-tát。

Ông nay nhờ nhân duyên thiện tâm này sẽ được siêu việt vô lượng vô biên hằng hà sa
 chư đại Bồ-tát,
 在前得成阿耨多羅三藐三菩提。
 Tại tiền đắc thành A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề。
 hiện tiền được thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
 汝亦不久復當如我廣為大眾演說如是大般涅槃如來佛
 Nhữ diệc bất cửu phục đương như ngã quảng vi Đại chúng diễn thuyết như thị Đại bát
 Niết bàn Như Lai Phật
 Ông cũng không lâu lại sẽ như ta vì đại chúng rộng nói Đại Bát-niết-bàn như Phật Như Lai
 vậy,
 性諸佛所說祕密之藏。善男子。
 Tánh chư Phật sở thuyết bí mật chi tạng。Thiện nam tử。
 Tánh mà chư Phật đã nói tạng bí mật của Như Lai. Thiện nam tử!
 過去之世佛日未出。我於爾時作婆羅門修菩薩行。
 Quá khứ chi thế Phật nhật未出。ngã ư nhĩ thời tác Bà-la-môn tu Bồ-tát hạnh。
 Đời của quá khứ ngày Phật chưa xuất hiện, ta ở lúc đó làm Bà-la-môn tu Bồ-tát hạnh,
 悉能通達一切外道所有經論。
 tất năng thông đạt nhất thiết ngoại đạo sở hữu Kinh luận。
 đều có thể thông suốt tất cả sở hữu Kinh luận ngoại đạo,
 修寂滅行具足威儀其心清淨。不為外來能生欲想之所破壞。
 tu tịch diệt hành cụ túc uy nghi kỳ tâm thanh tịnh。bất vi ngoại lai năng sanh dục tưởng
 chi sở phá hoại。
 tu hạnh tịch diệt, đầy đủ oai nghi, tâm kia thanh tịnh, chẳng vì bên ngoài đến có thể sanh
 ý muốn phá hoại,
 滅瞋恚火受持常樂我淨之法。
 diệt sân nhuế hỏa thọ trì thường lạc ngã tịnh chi Pháp。
 diệt lửa tham sân, thọ trì pháp Thường Lạc Ngã Tịnh,
 周遍求索大乘經典乃至不聞方等名字。
 châu biến cầu sách Đại thừa Kinh điển nãi chí bất văn phương đẳng danh tự。
 đi khắp tìm cầu Kinh điển Đại thừa cho đến không nghe danh tự Phương Đẳng.
 我於爾時住於雪山。

Ngã ư nhĩ thời trụ ư tuyết sơn。

Lúc bấy giờ, Ta ở trong núi tuyết,

其山清淨流泉浴池樹林藥木充滿其地。處處石間有清流水。多諸香花周遍嚴飾。

Kỳ sơn thanh tịnh lưu tuyết dục trì thụ lâm dược mộc sung mãn kỳ địa。xứ xứ thạch gian hữu thanh lưu thủy。đa chư hương hoa châu biến nghiêm sức。

núi kia thanh tịnh, dòng nước suối tắm vườn cây rừng thuốc đầy dẫy đất kia, khắp nơi giữa đá có dòng nước trong, nhiều thứ hương hoa cùng khắp nghiêm trang tốt đẹp, 眾鳥禽獸不可稱計。甘果滋繁種別難計。

Chúng điểu cầm thú bất khả xưng kể。cam quả tư phồn chủng biệt nan kể。

các loài chim chóc cầm thú không thể tính kể, quả ngọt phát sanh nhiều thứ đặc biệt khó kể。

復有無量藕根甘根青木香根。

Phục hữu vô lượng ngẫu căn cam căn thanh mộc hương căn。

Lại có vô lượng ngó sen gốc cây ngọt cây xanh gốc thơm。

我於爾時獨處其中唯食諸果。

Ngã ư nhĩ thời độc xử kỳ trung duy thực chư quả。

Trong suốt thời gian ấy, Ta ở một mình, chỉ ăn trái cây,

食已繫心思惟坐禪經無量歲。亦不聞有如來出世大乘經名。善男子。

thực dĩ hệ tâm tư duy tọa Thiền kinh vô lượng tuế。diệc bất văn hữu Như Lai xuất thế Đại thừa Kinh danh。thiện nam tử。

ăn rồi nhiếp tâm tọa thiền suy nghĩ trải qua vô lượng năm cũng không nghe có Như Lai xuất hiện ở đời tên Kinh Đại thừa。Thiện nam tử!

我修如是難行苦行時。

Ngã tu như thị nan hành khổ hành thời。

Thời gian Ta tu khổ hạnh gian khó như vậy

釋提桓因等諸天人心大驚怪。即共集會各各相謂。而說偈言。

Thích-đề-hoàn nhân đẳng chư Thiên nhân tâm đại kinh quái。tức cộng tập hội các các tướng vị。nhi thuyết kệ ngôn。

thì Thích-đề-hoàn-nhơn.v.v. các Trời người rất kinh hoàng sợ hãi, liền cùng nhóm họp, mỗi mỗi đều nói bài kệ rằng:

各共相指示 清淨雪山中

Các cộng tướng chỉ kì Thanh tịnh tuyết sơn trung
Đều cùng nhau chỉ bày Thanh tịnh trong núi tuyết.

寂靜離欲主 功德莊嚴王

Tịch tĩnh ly dục chủ Công đức trang nghiêm Vương
Vắng lặng lia dục vọng Công đức Vua trang nghiêm.

以離貪瞋慢 永斷諂愚癡

Dĩ ly tham sân mạn Vĩnh đoạn siểm ngu si

Do lia tham sân mạn Vĩnh đoạn siểm ngu si.

口初未曾說 麤惡等語言

Khẩu sơ vị tăng thuyết Thô ác đảng ngữ ngôn

Miệng sạch, chưa từng nói Thô ác cùng các lời.

爾時眾中有一天子名曰歡喜復說偈言。

Nhĩ thời chúng trung hữu nhất Thiên-tử danh viết hoan hỉ phục thuyết kệ ngôn。

Lúc bấy giờ trong chúng có một Thiên tử tên là Hoan Hỷ lại nói bài kệ rằng:

如是離欲人 清淨勤精進

Như thị ly dục nhân Thanh tịnh cần tinh tấn

Người ly dục như thế Thanh tịnh rất tinh tấn.

將不求帝釋 及以諸天耶

Tướng bất cầu Đế-Thích Cập dĩ chư Thiên da

Sẽ không cầu Đế-thích Cùng các cõi trời ư?

若是外道者 修行諸苦行

Nhược thị ngoại đạo giả Tu hành chư khổ hạnh

Hoặc là người ngoại đạo Tu hành các khổ hạnh.

是人多欲求 帝釋所坐處

Thị nhân đa dục cầu Đế-thích sở tọa xứ

Là nhiều người muốn cầu Tọa xứ của Đế-thích.

爾時復有一仙天子即為帝釋而說偈言。

Nhĩ thời phục hữu nhất tiên thiên tử tức vi Đế-thích nhi thuyết kệ ngôn。

Lúc bấy giờ lại có một Tiên thiên tử liền vì Đế thích mà nói kệ rằng:

天主憍尸迦 不應生此慮

Thiên chủ kiêu thi ca Bất ứng sanh thử lự

Trời chủ Kiền-thi-ca Chẳng nên sanh ý này.

外道修苦行 何必求帝處

Ngoại đạo tu khổ hạnh Hà tất cầu đế xứ

Ngoại đạo tu khổ hạnh Sao phải cầu ngôi Vua?

說是偈已復作是言。憍尸迦。世有大士。

Thuyết thị kệ dĩ phục tác thị ngôn。Kiền-thi-ca。thế hữu Đại sĩ。

Nói kệ ấy rồi lại nói lời rằng: Kiền-thi-ca! Có một đại sĩ ở đời,

為眾生故不貪己身。為欲利益諸眾生故。

vì chúng sanh cố bất tham kỷ thân。vì dục lợi ích chư chúng sanh cố。

vì chúng sanh mà chẳng tham thân này muốn làm lợi ích các chúng sanh

而修種種無量苦行。

nhi tu chủng chủng vô lượng khổ hạnh。

mà tu các thứ vô lượng khổ hạnh。

如是之人見生死中諸過咎故。設見珍寶滿此大地諸山大海。

như thị chi nhân kiến sanh tử trung chư quá cữu cố。thiết kiến trân bảo mãn thử đại địa

chư sơn Đại hải。

Mọi người thấy trong sanh tử các lỗi lầm xưa như vậy, giả sử thấy trân báu đầy cả đại địa

các núi biển lớn

不生貪著如視涕唾。如是大士。棄捨財寶所愛妻子。

Bất sanh tham trước như thị thế thóa。như thị Đại sĩ。khí xả tài bảo sở ái thê tử。

cũng không sanh tham đắm, thấy tài vật như thấy nước mũi. Đại sĩ như thế xả bỏ tiền tài

vật, sự quyến luyến vợ con,

頭目髓腦手足支節。

đầu mục tủy não thủ túc chi tiết。

đầu mắt tủy não tay chân lông đốt,

所居舍宅象馬車乘奴婢僮僕。亦不願求生於天上。

Sở cư xá trạch tượng mã xa thừa nô tì đồng bộc。diệc bất nguyện cầu sanh ư Thiên

thượng。

chỗ ở nhà cửa voi ngựa xe cộ tôi tớ giúp việc, cũng chẳng nguyện cầu sanh ở cõi trời,

唯求欲令一切眾生得受快樂。如我所解。

Duy cầu dục linh nhất thiết chúng sanh đắc thọ khoái lạc。như ngã sở giải。

chỉ cầu muốn khiến tất cả chúng sanh được hưởng vui vẻ như ta đã nói.

如是大士清淨無染眾結永盡。

Như thị Đại sĩ thanh tịnh vô nhiễm chúng kết vĩnh tận.

Đại sĩ đó thanh tịnh không ô nhiễm, các kiết sử vĩnh viễn hết sạch,

唯欲求於阿耨多羅三藐三菩提。釋提桓因復作是言。如汝言者。

Duy dục cầu ở A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Thích-đề-hoàn nhân phục tác thị ngôn. như nhữ ngôn giả.

chỉ muốn cầu ở Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thích-đề-hoàn-nhơn lại nói lời rằng:

Như lời ông nói,

是人則為攝取一切世間所有眾生。大仙。

Thị nhân tác vi nhiếp thủ nhất thiết thế gian sở hữu chúng sanh. Đại Tiên.

vị này nhiếp thủ tất cả chúng sanh ở thế gian. Thưa Đại Tiên!

若此世間有佛樹者。

Nhược thủ thế gian hữu Phật thụ giả.

Nếu thế gian này có Phật ở đời

能除一切諸天人及阿修羅煩惱毒蛇。若諸眾生住是佛樹陰涼中者。

năng trừ nhất thiết chư Thiên thế nhân cập A-tu-La phiền não độc xà. nhược chư chúng sanh trụ thị Phật thụ uẩn lương trung giả.

thì có thể trừ tất cả phiền não răn độc của chư Thiên người đời và A-tu-la, nếu các chúng sanh ở trong thời kỳ Phật thì nhận được sự che chở mát dịu,

煩惱諸毒悉得消滅。大仙。

Phiền não chư độc tất đắc tiêu diệt. Đại Tiên.

phiền não các độc tất cả được tiêu diệt. Thưa Đại Tiên!

是人若當未來世中作善逝者。我等悉當得滅無量熾然煩惱。

Thị nhân nhược đương vị lai thế trung tác thiện thế giả. ngã đẳng tất đương đắc diệt vô lượng sí nhiên phiền não.

Người đó hoặc trong đời vị lai làm bậc Thiện Thế, chúng ta đều sẽ được diệt vô lượng ngọn lửa, đốt sạch phiền não.

如是之事實為難信。何以故。

Như thị chi sự thật vi nan tín. hà dĩ cố.

Việc như thế thật là khó tin vì sao vậy?

無量百千諸眾生等發於阿耨多羅三藐三菩提心。

Vô lượng bách thiên chư chúng sanh đặng phát ư A-nậu-đa-la-tam-miệu tam Bồ-đề tâm。

Vô lượng trăm ngàn các chúng sanh phát tâm Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。

見少微緣於阿耨多羅三藐三菩提即便動轉。

Kiến thiếu vi duyên ư A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề tức tiện động chuyển。

Thấy duyên rất nhỏ ở Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tức liền động chuyển。

如水中月水動則動。猶如畫像難成易壞。

Như thủy trung nguyệt thủy động tắc động。do như họa tượng nan thành dịch hoại。

Như mặt trăng trong nước, nước động thì trăng động, giống như thợ vẽ khó thành dễ hoại。

菩提之心亦復如是難發易壞。大仙。

Bồ-đề chi tâm diệc phục như thị nan phát dịch hoại。Đại Tiên。

Tâm Bồ-đề cũng lại như thế khó phát dễ hoại。Thưa Đại Tiên!

如有多人以諸鎧仗牢自莊嚴欲前討賊。

Như hữu đa nhân dĩ chư khải trượng lao tự trang nghiêm dục tiền thảo tặc。

Như có nhiều người do các áo dày dát đồng các thứ đồ binh bèn chặt tự trang nghiêm

muốn đánh giáp mặt giặc,

臨陣恐怖則便退散。無量眾生亦復如是。

lâm trận khủng phố tắc tiện thối tán。vô lượng chúng sanh diệc phục như thị。

khi vào trận làm cho giặc sợ hãi thì liền rút lui。Đối với vô lượng chúng sanh cũng lại như

vậy,

發菩提心牢自莊嚴見生死過心生恐怖即便退散。大仙。

Phát bồ-đề tâm lao tự trang nghiêm kiến sanh tử quá tâm sanh khủng phố tức tiện thối

tán。Đại Tiên。

phát tâm Bồ-đề bèn chắc tự trang nghiêm thấy sanh tử lỗi lầm tâm sanh sợ hãi tức liền rút

lui。Đại Tiên!

我見如是無量眾生發心之後皆生動轉。

Ngã kiến như thị vô lượng chúng sanh phát tâm chi hậu giai sanh động chuyển。

Sau khi ta thấy vô lượng chúng sanh phát tâm đều sanh động chuyển。

是故我今雖見是人修於苦行無惱無熱住於險道。

Thị cố ngã kim tuy kiến thị nhân tu ư khổ hành vô não vô nhiệt trụ ư hiểm đạo。

Thế nên ta nay tuy thấy người đó tu ở khổ hạnh không phiền não, không nóng đốt, trú ở đường hiểm,

其行清淨未能信也。我今要當自往試之。

Kỳ hạnh thanh tịnh vị năng tín dã. ngã kim yếu đương tự vãng thí chi.

hạnh ấy thanh tịnh chưa thể tin vậy. Ta nay cần phải tự đi thử xem,

知其實能堪任荷負阿耨多羅三藐三菩提大重擔

Tri kỳ thật năng kham nhậm hà phụ A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề đại trọng đờm

biết vị kia thật sự có thể gánh vác, nương tựa của chúng sanh để hướng đến Vô Thượng

Chánh Đẳng Chánh Giác

不。大仙。猶如車有二輪則能載用。

phủ. Đại Tiên Do như xa hữu nhị luân tắc năng tải dụng

Đại Tiên! Giống như xe có hai bánh thì có thể chở chuyên,

鳥有二翼堪任飛行。是苦行者亦復如是。

Điểu hữu nhị dực kham nhậm phi hành. thị khổ hạnh giả diệc phục như thị.

chim có hai cánh thì có thể bay đi, người khổ hạnh này cũng lại như thế.

我雖見其堅持禁戒。未知其人有深智不。

Ngã tuy kiến kỳ kiên trì cấm giới. vị tri kỳ nhân hữu thâm trí phủ.

Ta tuy thấy người kia giữ gìn cấm giới, chưa biết người đó có trí sâu không?

若有深智當知則能堪任荷負阿耨多羅三藐三菩提之

Nhược hữu thâm trí đương tri tắc năng kham nhậm hà phụ a nậu đa la tam miểu tam Bồ
đề chi

Nếu có trí sâu thì nên biết người đó có thể gánh vác, nương nhờ của chúng sanh để
hướng đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

重擔也。大仙。譬如魚母多有胎子成就者少。

trọng đờm dã. Đại Tiên. thí như ngư mẫu đa hữu thai tử thành tựu giả thiếu.

Đại Tiên! Thí như cá mẹ thụ tinh nhiều trứng nhưng thành tựu rất ít,

如菴羅樹花多果少。眾生發心乃有無量。

như am la thụ hoa đa quả thiếu. chúng sanh phát tâm nãi hữu vô lượng.

như cây am-la nhiều hoa mà ít quả, chúng sanh phát tâm thì có vô lượng

及其成就少不足言。大仙。我當與汝俱往試之。

cập kỳ thành tựu thiếu bất túc ngôn. Đại Tiên. ngã đương dữ nhữ câu vãng thí chi.

mà thành tựu ít, chẳng đủ nói. Đại Tiên! Ta sẽ cùng ông đều đi thử xem.

大仙。譬如真金三種試已乃知其真。

Đại Tiên. Thí như chân kim tam chủng thí dĩ nãi tri kỳ chân。

Đại Tiên! Thí như vàng thật thử ba lần rồi mới biết vàng kia thật,

謂燒打磨。試彼苦行者亦當如是。

Vị thiêu đả ma. thí bỉ khổ hạnh giả diệc đương như thị。

nghĩa là phải trải qua nung nấu và mài dũa, ví như người khổ hạnh kia cũng sẽ như thế.

爾時釋提桓因。

Nhĩ thời Thích-đề-hoàn-nhơn。

Lúc bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhơn

自變其身作羅剎像形甚可畏。下至雪山去其不遠而便立住。

Tự biến kỳ thân tác La-sát tượng hình thậm khả úy。 hạ chí tuyết sơn khứ kỳ bất viễn nhi tiên lập trụ。

tự biến thân kia làm thành hình tượng La-sát rất đáng sợ, xuống dưới núi tuyết kia đi không xa và liền đứng lại.

是時羅剎。心無所畏勇健難當。辯才次第其聲清雅。

Thị thời La-sát. tâm vô sở úy dũng kiện nan đương。 biện tài thứ đệ kỳ thanh thanh nhã。

Lúc đó La-sát tâm không sợ hãi khỏe mạnh khó chóng nổi, biện tài thứ lớp, tiếng nói thanh nhã,

宣過去佛所說半偈。

tuyên quá khứ Phật sở thuyết bán kệ。

mà tuyên lại nửa bài kệ của quá khứ chư Phật:

諸行無常

是生滅法

Chư hành vô thường

Thị sanh diệt Pháp

Các hành vô thường

Là pháp sanh diệt.

說是半偈已便住其前。所現形貌甚可怖畏。

Thuyết thị bán kệ dĩ tiên trụ kỳ tiền。 sở hiện hình mạo thậm khả bố úy。

Nói nửa bài kệ đó rồi liền đứng phía trước, hiện hình dáng rất đáng sợ,

顧眄遍視觀於四方。是苦行者。

cố miện biến thị quán ư tứ phương. thị khổ hạnh giả.

trông liếc xem khắp nhìn quanh bốn phương. Người khổ hạnh này

聞是半偈心生歡喜。

văn thị bán kệ tâm sanh hoan hỉ.

nghe nửa bài kệ đó rồi tâm sanh vui vẻ

譬如估客於險難處夜行失伴恐怖推求。還遇同侶心生歡喜踊躍無量。

Thí như cố khách ư hiểm nạn xứ dạ hành thất bạn khủng bố thôi cầu. hoàn ngộ đồng lữ

tâm sanh hoan hỉ dững dưng vô lượng.

như người buôn ở chỗ hiểm nạn đi đêm mất bạn sợ hãi tìm cầu, trở lại gặp bạn đồng hành
sanh tâm vui vẻ hớn hở vô cùng,

亦如久病未遇良醫瞻病好藥後卒得之。

Diệc như cứu bệnh vị ngộ lương y chiêm bệnh hảo dược hậu tốt đắc chi.

cũng như người bệnh chưa gặp thầy thuốc khám bệnh thuốc hay sau được lành bệnh,
如人沒海卒遇船舫。如渴乏人遇清冷水。

Như nhân một hải tốt ngộ thuyền phảng. như khát phạp nhân ngộ thanh lãnh thủy.

như người chìm trong biển bỗng gặp thuyền bè, như người đói khát gặp nước trong mát,
如為怨逐忽然得脫。如久繫人卒聞得出。

như vì oán trục hốt nhiên đắc thoát. như cứu hệ nhân tốt văn đắc xuất.

như vì thù oán theo đuổi bỗng nhiên được thoát, như người trói lâu nghe được thả ra,
亦如農夫炎旱值雨。亦如行人還得歸家。

diệc như nông phu viêm hạn trị vũ. diệc như hành nhân hoàn đắc quy gia.

cũng như nông phu hạn hạn gặp mưa, cũng như người đi đường được trở về
家人見已生大歡喜。善男子。

gia nhân kiến dĩ sanh đại hoan hỉ. Thiện nam tử.

người nhà thấy rồi rất vui mừng. Thiện nam tử!

我於爾時間聞是半偈心中歡喜亦復如是。即從座起以手舉髮。

Ngã ư nhĩ thời văn thị bán kệ tâm trung hoan hỉ diệc phục như thị. tức tùng tọa khởi dĩ thủ
cử phát.

Ta ở lúc đó nghe nửa bài kệ ấy trong lòng vui mừng cũng lại như thế, liền từ chỗ ngồi
đứng dậy dùng tay bứt tóc,

四向顧視而說是言。向所聞偈誰之所說。

tứ hướng cố thị nhi thuyết thị ngôn. hướng sở văn kệ thù chi sở thuyết.

nhìn lại bốn hướng mà nói lời rằng: Hướng chỗ nghe kệ lời nói của ai?

爾時亦更不見餘人唯見羅刹。即說是言。

Nhĩ thời diệc cánh bất kiến dư nhân duy kiến La-sát. tức thuyết thị ngôn.

Lúc bấy giờ lại cũng chẳng thấy các người chỉ thấy la-sát liền nói lời rằng:

諸開如是解脫之門。誰能雷震諸佛音聲。

Chư khai như thị giải thoát chi môn. thù năng lôi chấn chư Phật âm thanh.

Mở các cửa giải thoát như thế ai có thể làm chấn động các âm thanh đức Phật?

誰於生死睡眠之中而獨覺寤唱如是言。

Thùy ư sanh tử thụ miên chi trung nhi độc giác ngộ xướng như thị ngôn.

Ai có thể ở trong ngủ nghĩ của sanh tử mà giác ngộ xướng lời như thế?

誰能於此示道生死飢饉眾生無上道味。無量眾生沈生死海。

Thùy năng ư thử kì đạo sanh tử cơ cận chúng sanh vô thượng đạo vị. vô lượng chúng sanh trầm sanh tử hải.

Ai có thể ở đây thị hiện đường sanh tử chúng sanh đói khát đạo vị vô thượng?

誰能於中作大船師。

Thùy năng ư trung tác Đại thuyền sư。

Ai có thể ở đây làm đại Thiên sư?

是諸眾生常為煩惱重病所纏。誰能於中為作良醫。說是半偈啟悟我心。

Thị chư chúng sanh thường vi phiền não trọng bệnh sở triền. thùy năng ư trung vi tác lương y. thuyết thị bán kệ khởi ngộ ngã tâm。

Các chúng sanh này thường bị phiền não bệnh nặng trói buộc, ai có thể ở trong đó làm vị thầy chữa bệnh giỏi, nói nửa bài kệ khởi ngộ tâm ta,

猶如半月漸開蓮花。善男子。

Do như bán nguyệt tiệm khai liên hoa. Thiện nam tử。

như nửa đêm hoa sen nở từ từ. Thiện nam tử!

我於爾時更無所見唯見羅刹。

Ngã ư nhĩ thời cánh vô sở kiến duy kiến La-sát。

Lúc đó Ta chẳng thấy ai cả, chỉ thấy có một mình La-sát.

復作是念將是羅刹說是偈耶。仍復生疑或非其說。何以故。

Phục tác thị niệm tướng thị La-sát thuyết thị kệ da. nhưng phục sanh nghi hoặc phi kỳ thuyết. hà dĩ cố.

Lại nghĩ thế này, chính La-sát nói kệ đó chẳng, nhưng lại sanh nghi hoặc chẳng phải vị đó nói, vì sao vậy?

是人形容甚可怖畏。若有得聞是偈句者。

Thị nhân hình dung thậm khả bố úy. nhược hữu đắc văn thị kệ cú giả.

Người này hình dung rất đáng sợ hãi, nếu có được nghe chính cú kệ này

一切恐怖醜陋即除。何有此人形貌如是能說此偈。

nhất thiết khủng phổ xú lậu tức trừ. hà hữu thử nhân hình mạo như thị năng thuyết thử kệ.

thì tất cả sợ hãi xấu xí liền tiêu trừ, có sao người có hình dung như thế có thể nói kệ này?

不應火中出於蓮花。非日光中出生冷水。善男子。

Bất ứng hỏa trung xuất ư liên hoa. phi nhật quang trung xuất sanh lãnh thủy. thiện nam tử.

Không phải trong lửa sinh ra hoa sen, chẳng phải trong ánh sáng mặt trời phát ra nước lạnh. Thiện nam tử!

我於爾時復作是念。我今無智。

Ngã ư nhĩ thời phục tác thị niệm. ngã kim vô trí.

lúc đó Ta lại nghĩ thế này, Ta nay vô trí

而此羅剎或能得見過去諸佛。從諸佛所聞是半偈。

nhi thử La-sát hoặc năng đắc kiến quá khứ chư Phật. tòng chư Phật sở văn thị bán kệ.

mà La-sát kia mà có thể được thấy chư Phật quá khứ, từ chỗ chư Phật nghe nửa bài kệ đó,

我今當問。即便前至是羅剎所作如是言。

Ngã kim đương vấn. tức tiện tiền chí thị La-sát sở tác như thị ngôn.

Ta nay nên hỏi, liền đến trước chỗ La-sát nói lời thế:

善哉大士。汝於何處得是過去離怖畏者所說半偈。

Thiện tai Đại sĩ. nhữ ư hà xử đắc thị quá khứ Li Bồ Úy úy giả sở thuyết bán kệ.

Lành thay Đại sĩ! Ông ở chỗ nào mà được quá khứ xa lìa sự sợ hãi, đã nói được nửa bài kệ?

大士。復於何處而得如是半如意珠。大士。

Đại sĩ. phục ư hà xử nhi đắc như thị bán như ý châu. Đại sĩ.

Thưa Đại Sĩ! Lại ở chỗ nào mà được nửa như ý châu như vậy? Thưa Đại sĩ!

是半偈義乃是過去未來現在諸佛世尊之正道

Thị bán kệ nghĩa nãi thị quá khứ vị lai hiện tại chư Phật Thế Tôn chi chánh đạo

Nghĩa nửa bài kệ này là chánh đạo của chư Phật Thế Tôn trong quá khứ hiện tại vị lai vậy.

也。一切世間無量眾生常為諸見羅網所覆。

dã. Nhất thiết thế gian vô lượng chúng sanh thường vi chư kiến la võng sở phúc.

Tất cả thế gian, vô lượng chúng sanh thường bị các lưới chấp kiến che lấp

終身於此外道法中。

chung thân ư thử ngoại đạo Pháp trung。

nên trọn đời ở trong pháp ngoại đạo,

初不曾聞如是出世十力世雄所說空義。善男子。我問是已。

Sơ bất tằng văn như thị xuất thế thập lực thế hùng sở thuyết không nghĩa. thiện nam tử. ngã vấn thị dĩ.

ban đầu chưa hề nghe được điều xuất thế này của đấng Thập Lực Thế Hùng thuyết về nghĩa Không? Nay Thiện nam tử! Ta hỏi thế xong

即答我言。大婆羅門。汝今不應問我是義。

tức đáp ngã ngôn. Đại-bà-la-môn. nhữ kim bất ứng vấn ngã thị nghĩa.

thì La-sát liền trả lời ta rằng: Thưa Đại Bà-la-môn, ông nay không nên hỏi ta nghĩa đó,何以故。我不食來已經多日。處處求索了不能得。

hà dĩ cố. ngã bất thực lai dĩ Kinh đa nhật. xú xú cầu tác liễu bất năng đắc.

vì sao vậy? Ta không ăn thức ăn đã trải qua nhiều ngày, khắp nơi cầu tìm, không thể có được,

飢渴苦惱心亂調語。非我本心之所知也。

Cơ khát khổ não tâm loạn siểm ngữ. phi ngã bản tâm chi sở tri dã.

đói khát khổ não, tâm loạn, nói lời nịnh hót, chẳng phải chỗ biết của bản tâm ta vậy.

假使我今力能飛行虛空至鬱單越。

giả sử ngã kim lực năng phi hành hư không chí uất đơn việt.

Giả sử ta nay có sức để bay đi khắp hư không đến Uất-đơn-việt

乃至天上處處求食亦不能得。

nãi chí Thiên thượng xú xú cầu thực diệp bất năng đắc。
cho đến trên Trời khắp nơi tìm cầu thức ăn cũng không thể được,
以是之故我說是語。善男子。我時即復語羅刹言。大士。
Dĩ thị chi cố ngã thuyết thị ngữ。thiện nam tử。ngã thời tức phục ngữ La-sát ngôn。Đại sĩ。

vì lý do đó nên ta nói lời này. Thiện nam tử! Lúc đó Ta lại nói La-sát rằng: Thưa Đại sĩ!
若能為我說是偈竟。我當終身為汝弟子。大士。

Nhược năng vi ngã thuyết thị kệ cánh。ngã đương chung thân vi nhữ đệ-tử。Đại sĩ。
Nếu có thể vì Ta mà nói kệ đó, Ta sẽ trọn đời làm đệ tử ông. Thưa Đại sĩ!
汝所說者名字不終義亦不盡。

Nhữ sở thuyết giả danh tự bất chung nghĩa diệp bất tận。
Chỗ ông nói ấy danh tự không cùng và nghĩa cũng không tận。
以何因緣不欲說耶。夫財施者則有竭盡。

Dĩ hà nhân duyên bất dục thuyết da。phu tài thí giả tắc hữu kiệt tận。
Vì lý do gì mà không muốn nói ra? Rằng tài thí ấy cũng có khi cạn hết,
法施因緣不可盡也。雖無有盡多所利益。

Pháp thí nhân duyên bất khả tận dã。tuy vô hữu tận đa sở lợi ích。
nhưng nhân duyên pháp thí thì không thể hết vậy. Tuy không có hết mà lại có nhiều lợi ích,

我今聞此半偈法已心生驚疑。汝今幸可為我除斷說此偈竟。

Ngã kim văn thử bán kệ Pháp dĩ tâm sanh kinh nghi。nhữ kim hạnh khả vi ngã trừ đoạn thuyết thử kệ cánh。

Ta nay nghe nửa kệ pháp ấy xong tâm sanh nghi ngờ sợ hãi. Ông nay có thể vui vẻ vì Ta chặt đứt mối nghi ngờ mà nói kệ này một cách trọn vẹn,
我當終身為汝弟子。羅刹答言。

ngã đương chung thân vi nhữ đệ-tử。La-sát đáp ngôn。

Ta sẽ trọn đời làm đệ tử ông. La-sát trả lời rằng:

汝智太過但自憂身。都不見念今我定為飢苦所逼。

Nhữ trí thái quá đăn tự ưu thân。đô bất kiến niệm kim ngã định vi cơ khổ sở bức。

Trí ông thái quá mới tự chuốc lo buồn nên không thấy biết hết, nay tôi chắc là bị sự bức bách của đói khổ

實不能說。我即問言。汝所食者。為是何物。

thật bất năng thuyết. ngã tức vấn ngôn. nhữ sở thực giả. vi thị hà vật.

thì thật không thể nói. Ta liền hỏi rằng: Thức ăn của ông là vật gì?

羅剎答言。汝不足問。我若說者令多人怖。

La-sát đáp ngôn. nhữ bất túc vấn. ngã nhược thuyết giả linh đa nhân bố.

La-sát trả lời: Ông hỏi không đủ, nếu tôi nói ra sẽ khiến nhiều người sợ hãi.

我復問言。此中獨處更無有人。

Ngã phục vấn ngôn. thử trung độc xứ cánh vô hữu nhân.

Ta lại hỏi rằng: Chỗ này riêng biệt, lại không có người,

我不畏汝何故不說。羅剎答言。我所食者唯人暖肉。

Ngã bất úy nhữ hà cố bất thuyết. La-sát đáp ngôn. ngã sở thực giả duy nhân noãn nhục.

Ta không sợ ông tại sao không nói? La-sát trả lời: Thức ăn của ta chỉ có thịt sống loài người,

其所飲者唯人熱血。自我薄福唯食此食。

Kỳ sở ẩm giả duy nhân nhiệt huyết. tự ngã bạc phúc duy thực thử thực.

còn đồ uống là chỉ huyết nóng người, do ta vốn phước mỏng chỉ ăn thức ăn này, tuần hoàn cầu索困不能得。世雖多人皆有福德。

Châu biến cầu sách khốn bất năng đắc. thể tuy đa nhân giai hữu phúc đức.

tìm cầu khắp nơi một cách khốn khổ mà không thể được. Ở đời tuy nhiều người có phước đức,

兼為諸天之所守護。而我無力不能得殺。善男子。

kiêm vi chư Thiên chi sở thủ hộ. nhi ngã vô lực bất năng đắc sát. Thiện nam tử.

luôn là chỗ bảo vệ của chư Thiên mà ta không sức không thể được giết. Thiện nam tử!

我復語言。汝但具足說是半偈。

Ngã phục ngữ ngôn. nhữ đãn cụ túc thuyết thị bán kệ.

Ta lại hỏi rằng: Ông chỉ mới nói đầy đủ nửa kệ đó.

我聞偈已當以此身奉施供養。大士。我設命終。

Ngã văn kệ dĩ đương dĩ thử thân phụng thí cúng dường. Đại sĩ. ngã thiết mạng chung.

Ta nghe kệ rồi sẽ dùng thân này mà cúng dường bố thí Đại sĩ, Ta đầu mạng chung,

如此之身無所復用。當為虎狼鴟梟鷲之所噉食。

Như thử chi thân vô sở phục dụng。 đương vi hồ lang xi kiêu điêu thừu chi sở đạ thực。 như cái thân này không dùng lại, sẽ làm thức ăn cho chim kên điểu thừu chó sói 然復不得一毫之福。

Nhiên phục bất đắc nhất hào chi phúc。

nhưng lại chẳng được một tơ hào phước đức。

我今為求阿耨多羅三藐三菩提。捨不堅身以易堅身。羅剎答言。

Ngã kim vị cầu A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề。 xả bất kiên thân dĩ dịch kiên thân。 La-sát đáp ngôn。

Ta nay vì cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, xả bỏ thân không bền chắc để đổi thân bền chắc。 La-sát trả lời:

誰當信汝如是之言。為八字故棄所愛身。

Thùy đương tín nhữ như thị chi ngôn。 vì bát tự cố khí sở ái thân。

Ai sẽ tin lời nói của ông như thế? Vì tám chữ cho nên quên mất thân yêu quý。

善男子。我即答言。汝真無智。

Thiện nam tử。 ngã tức đáp ngôn。 nhữ chân vô trí。

Thiện nam tử! Ta liền trả lời: Ông thật vô trí,

譬如有人施他凡器得七寶器。我亦如是。

Thí như hữu nhân thí tha phàm khí đắc thất bảo khí。 ngã diệc như thị。

thí như có người bố thí đồ vật bình thường người khác được đồ bảy báu, ta cũng như thế,捨不堅身得金剛身。汝言誰當信者我今有證。

xả bất kiên thân đắc Kim-cang thân。 nhữ ngôn thùy đương tín giả ngã kim hữu chứng。

bỏ thân không chắc chắn này được thân Kim cang, ông nói ai sẽ tin lời ấy nay ta có người làm chứng?

大梵天王釋提桓因及四天王能證是事。

Đại Phạm Thiên Vương Thích-đề-hoàn-nhân cập tứ Thiên-vương năng chứng thị sự。

Đại phạm thiên vương, Thích đề hoàn nhưn cùng tứ Thiên vương có thể làm chứng việc đó。

復有天眼諸菩薩等。為欲利益無量眾生。

Phục hữu Thiên nhãn chư Bồ-tát đẳng。 vì dục lợi ích vô lượng chúng sanh。

Lại có thiên nhãn các Bồ-tát v.v. vì muốn lợi ích cho vô lượng chúng sanh,

修行大乘具六度者。亦能證知。

tu hành Đại thừa cù lục độ giả. diệc năng chứng tri.

tu hành Đại thừa đầy đủ lục độ cũng có thể chứng biết.

復有十方諸佛世尊利眾生者。亦能證我為八字故捨於身命。羅剎復言。

Phục hữu thập phương chư Phật Thế Tôn lợi chúng sanh giả. diệc năng chứng ngã vi bát tự cố xả ư thân mạng. La-sát phục ngôn.

Lại có mười phương chư Phật Thế Tôn lợi ích chúng sanh cũng có thể chứng biết ta vì tám chữ nên bỏ thân mạng đây. La-sát lại nói:

汝若如是能捨身者。諦聽諦聽。

Nhữ nhược như thị năng xả thân giả. đế thính đế thính。

Ông nếu như vậy mà có thể bỏ thân ấy xin hãy chú tâm lắng nghe

當為汝說其餘半偈。善男子。

Đương vi nữ kỳ dư bán kệ. Thiện nam tử。

nay vì ông mà nói nửa phần khác của bài kệ. Thiện nam tử!

我於爾時間是事已心中歡喜。即解己身所著鹿皮。為此羅剎敷置法座。

Ngã ư nhĩ thời văn thị sự dĩ tâm trung hoan hỷ. tức giải kỷ thân sở trước lộc bì. vì thử La-sát phu trí Pháp tọa。

Ta ở lúc đó nghe việc ấy rồi trong lòng vui vẻ, liền hiểu thân mình chỗ dính da hươu, vì La-sát đây trải bày pháp tọa.

白言。和上。願坐此座。

Bạch ngôn. hòa thượng. nguyện tọa thử tọa。

Bạch rằng, bạch Hoà thượng, nguyện ngồi tòa này

我即於前叉手長跪而作是言。唯願和上。

Ngã tức ư tiền xoa thủ trường quy nhi tác thị ngôn. duy nguyện hòa thượng。

Ta liền ở trước chấp tay quy thẳng mà thưa lời rằng, duy nguyện Hoà thượng

善為我說其餘半偈令得具足羅剎即說。

Thiện vi ngã thuyết kỳ dư bán kệ linh đắc cụ túc La-sát tức thuyết。

khéo vì tôi mà nói nửa bài kệ kia khiến được đầy đủ. La-sát liền nói:

生滅滅已

寂滅為樂

sanh diệt diệt dĩ

tịch diệt vi lạc

Sanh diệt diệt rồi

Tịch diệt là vui.

爾時羅刹說是偈已復作是言。

Nhĩ thời La-sát thuyết thị kệ dĩ phục tác thị ngôn。

Lúc bấy giờ La-sát nói kệ ấy rồi lại nói lời rằng:

菩薩摩訶薩汝今已聞具足偈義。汝之所願為悉滿足。

Bồ-tát-ma-ha-tát nhữ kim dĩ văn cụ túc kệ nghĩa。nhữ chi sở nguyện vi tất mãn túc。

Thưa Đại Bồ-tát, ông nay đã nghe đầy đủ nghĩa kệ, sở nguyện của ông là đều đầy đủ。

若必欲利諸眾生者。時施我身。善男子。

Nhược tất dục lợi chư chúng sanh giả。thời thí ngã thân。thiện nam tử。

“Nếu quyết muốn lợi ích các chúng sanh thì đem bố thí thân mình”。Thiện nam tử!

我於爾時深思此義。

Ngã ư nhĩ thời thâm tư thử nghĩa。

Ta ở lúc bấy giờ nghĩ sâu về nghĩa này,

然後處處若石若壁若樹若道書寫此偈。即便更繫所著衣裳。

Nhiên hậu xứ xứ nhược thạch nhược bích nhược thụ nhược đạo thư tả thử kệ。tức tiện canh hệ sở trứ y thường。

rồi sau viết chép bài kệ khắp nơi hoặc đá, hoặc tường, hoặc cây, hoặc đường nhưng

恐其死後身體露現。即上高樹。爾時樹神復問我言。

Khủng kỳ tử hậu thân thể lộ hiện。tức thượng cao thụ。nhĩ thời thụ Thần phục vấn ngã ngôn。

sợ những chỗ đó, sau khi chết, thân thể hiện ra, ở trên cây cao. Lúc đó Thần cây lại hỏi ta rằng:

善哉仁者。欲作何事。善男子。我時答言。

Thiện tai nhân giả。dục tác hà sự。thiện nam tử。ngã thời đáp ngôn。

Lành thay thiện nhân muốn làm việc gì? Thiện nam tử! Ta thời đáp rằng:

我欲捨身以報偈價。樹神問言。

Ngã dục xả thân dĩ báo kệ giá。thụ Thần vấn ngôn。

Ta muốn xả thân để trả giá bài kệ. Thần cây hỏi rằng:

如是偈者何所利益。我時答言。

Như thị kệ giả hà sở lợi ích。ngã thời đáp ngôn。

Kệ ấy như thế lợi ích chỗ nào? Ta thời đáp rằng:

如是偈句乃是過去未來現在諸佛所說開空法道。我為此法棄捨身命。

như thị kệ cú nãi thị quá khứ vị lai hiện tại chư Phật sở thuyết khai không Pháp đạo。 ngã vi thử Pháp khí xả thân mạng。

Như thế câu kệ chính là chỗ nói khai không pháp đạo của chư Phật quá khứ hiện tại vị lai, ta vì pháp này mà xả bỏ thân mạng.

不為利養名聞財寶轉輪聖王四大天王釋提

Bất vi lợi dưỡng Danh-Văn tài bảo Chuyển luân Thánh Vương tứ Đại Thiên Vương Thích-đề

Chẳng vì vui thích lợi dưỡng, danh văn tài bảo, Chuyển luân thánh vương, tứ đại Thiên vương Thích-đề-hoàn-nhơn,

桓因大梵天王人天中樂。

hoàn nhân Đại Phạm Thiên Vương nhân Thiên trung lạc。

Đại phạm thiên vương và người trời,

為欲利益一切眾生故捨此身。善男子。我捨身時復作是言。

Vị dục lợi ích nhất thiết chúng sanh cố xả thử thân。 Thiện nam tử。 ngã xả thân thời phục tác thị ngôn。

mà chỉ vì muốn lợi ích tất cả chúng sanh nên xả thân này. Thiện nam tử! Khi ta xả thân lại nói lời như thế:

願令一切慳惜之人。悉來見我捨離此身。

Nguyện linh nhất thiết khan tích chi nhân。 tất lai kiến ngã xả ly thử thân。

Nguyện cho tất cả người có tâm xan tham đều đến thấy ta xả lìa thân này, 若有少施起貢高者。

Nhược hữu thiếu thí khởi cống cao giả。

nếu có bố thí chút ít, khởi tâm cống cao,

亦令得見我為一偈捨此身命如棄草木。我於爾時說是語已。

Diệc linh đắc kiến ngã vi nhất kệ xả thử thân mạng như khí thảo mộc。 ngã ư nhĩ thời thuyết thị ngữ dĩ。

cũng khiến được thấy ta vì bài kệ xả mà thân mạng này như xả cây cỏ. Ta ở lúc bấy giờ nói lời ấy rồi,

尋即放身自投樹下。下未至地時。

tầm tức phóng thân tự đầu thụ hạ. hạ vị chí địa thời.
liền phóng thân từ trên cây nhảy xuống, khi xuống chưa đến đất,
虛空之中出種種聲。其聲乃至阿迦尼吒。
Hư không chi trung xuất chủng chủng thanh. kỳ thanh nãi chí A-ca-ni-tra.
trong hư không phát ra các thứ tiếng, những thứ tiếng đó cho đến A-ca-ni-tra.
爾時羅刹還復釋身。即於空中接取我身安置平地。
Nhĩ thời La-sát hoàn phục thích thân. tức ư không trung tiếp thủ ngã thân an trí bình
địa。
Lúc bấy giờ La-sát hiện lại thân Thích-đề, liền ở trong hư không nâng lấy thân ta để xuống
đất bằng.
爾時釋提桓因及諸天人大梵天王。
Nhĩ thời Thích-đề-hoàn-nhân cập chư Thiên nhân Đại Phạm Thiên Vương。
Lúc bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhơn cùng chư Thiên, người, Đại phạm thiên vương
稽首頂禮於我足下。讚言。善哉善哉。真是菩薩。
Khể thủ đảnh lễ ư ngã túc hạ. tán ngôn. Thiện tai Thiện tai. chân thị Bồ Tát.
cúi đầu đảnh lễ ở dưới chân ta và tán thán rằng: Lành thay lành thay! Thật là Bồ-tát
能大利益無量眾生。
Năng Đại lợi ích vô lượng chúng sanh.
có thể làm lợi ích vô lượng chúng sanh,
欲於無明黑闇之中然大法炬。由我愛惜如來大法故相憐憫。
Dục ư vô minh hắc ám chi trung nhiên Đại Pháp Cự. do ngã ái tích Như Lai Đại Pháp cố
tương nhiều não.
muốn ở trong tối tăm vô minh đốt bó đuốc Đại pháp. Ngày trước do tôi thích nhiều loạn
Đại Pháp của Như Lai
唯願聽我懺悔罪咎。
duy nguyện thính ngã sám hối tội cũu.
nay cúi xin cho tôi sám hối tội lỗi trước kia,
汝於未來必定成就阿耨多羅三藐三菩提願見濟度。
Nhữ ư vị lai tất định thành tựu a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề nguyện kiến tế độ.
ở đời sau, Ngài chắc chắn thành tựu Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nguyện xin
cứu độ khi gặp lại tôi.

爾時釋提桓因及諸天眾。頂禮我足。於是辭去忽然不現。

Nhĩ thời thích đề hoàn nhân cập chư Thiên chúng. đĩnh lễ ngã túc. ư thị từ khứ hốt nhiên bất hiện。

Lúc đó Thích-đề-hoàn-nhơn cùng các Thiên chúng đánh lễ dưới chân Ta như thế rồi lui bước và biến mất.

善男子。如我往昔為半偈故捨棄此身。

Thiện nam tử. như ngã vãng tích vị bán kệ cố xả khí thử thân。

Thiện nam tử! Như Ta xưa kia vì nửa bài kệ nên xả bỏ thân này,

以是因緣便得超越足十二劫。

đĩ thị nhân duyên tiệן đắc siêu việt túc thập nhị kiếp。

nhờ nhân duyên ấy liền đợc siêu thoát đủ hai mươi kiếp,

在彌勒前成阿耨多羅三藐三菩提。善男子。我得如是無量功德。

Tại Di-lặc tiền thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Thiện nam tử. ngã đắc như thị vô lượng công đức。

trước đời ngài Di-lặc, thành quả Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thiện nam tử! Ta đợc công đức vô lượng như thế,

皆由供養如來正法。善男子。

giai do cúng dường Như Lai chánh Pháp。 Thiện nam tử。

đều do cúng dường chánh pháp Như Lai. Thiện nam tử!

汝今亦爾發於阿耨多羅三藐三菩提心。

Nhữ kim diệc nhĩ phát ư A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề tâm。

Ông nay cũng như thế phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

則已超過無量無邊恒河沙等諸菩薩上。善男子。

Tắc dĩ siêu quá vô lượng vô biên hằng hà sa đĩng chư Bồ-tát thượng。 Thiện nam tử。

tức là đã vượt qua vô lượng vô biên hằng-hà-sa đĩng chư Bồ-tát. Thiện nam tử!

是名菩薩住於大乘大般涅槃修於聖行。

Thị danh Bồ-tát trụ ư Đại thừa Đại-bát-biết bàn tu ư Thánh hạnh。

Đây gọi Bồ-tát trú Đại Bát-niết-bàn của Đại thừa mà tu phẩm hạnh của bậc Thánh.

大般涅槃經卷第十四

Đại-bát-niết-bàn Kinh quyển đệ thập tứ

Kinh Đại Bát-Niết-Bàn

Quyển Thứ Mười Bốn.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyên Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyên Hiển Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:08:19 2006

Thích Nữ Huệ Dung hiệu đính lần 1. Thích Ngộ Tùng lần 2.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyên Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyên Hiển Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:08:19 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại Bát-niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại Bát-niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại Bát-niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại Bát-niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====
=====

=====
=====

Vol. 12, No. 374

Thích Nữ Hương Trí hiệu đính

大般涅槃經卷第十五

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ thập ngũ

Đại Bát-niết-bàn Kinh

Quyển Thứ Mười Lăm

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Tam Tạng Pháp Sư Đàm-vô-sấm, người Thiên Trúc dịch vào đời Bắc Lương

梵行品第八之一

phạm hành phẩm đệ bát chi nhất

Phần Nhất, Phẩm Thứ Tám: Phạm Hạnh

善男子。云何菩薩摩訶薩梵行。善男子。

thiện nam tử。vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát phạm hành。thiện nam tử。

Thiện nam tử! Thế nào gọi là phạm hạnh của đại Bồ-tát? Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃。

Bồ-tát Ma-Ha tát trụ ư Đại thừa Đại Bát-niết-bàn。

đại Bồ-tát trú trong Đại thừa Đại Bát-niết-bàn，

住七善法得具梵行。何等為七。一者知法。二者知義。

trụ thất thiện Pháp đắc cụ phạm hành。hà đẳng vi thất。nhất giả tri Pháp。nhị giả tri nghĩa。

trú trong bảy thiện Pháp thì được đầy đủ phạm hạnh。Thế nào là bảy? Một là biết Pháp，hai là biết nghĩa，

三者知時。四者知足。五者自知。六者知眾。

tam giả tri thời。tứ giả tri túc。ngũ giả tự tri。lục giả tri chúng。

ba là biết thời, bốn là tri túc, năm là biết mình, sáu là biết người,
七者知尊卑。善男子。云何菩薩摩訶薩知法。

thất giả tri tôn ti. Thiện nam tử. vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát tri Pháp.
bảy là biết tôn ti. Thiện nam tử! Thế nào gọi là đại Bồ-tát biết Pháp?
善男子。是菩薩摩訶薩知十二部經。

thiện nam tử. thị Bồ-tát Ma-Ha tát tri thập nhị bộ Kinh。

Thiện nam tử! đại Bồ-tát biết mười hai bộ kinh,
謂修多羅。祇夜。授記。伽陀。優陀那。尼陀那。

là tu-đa-la, kì-dạ, thọ-kí, dà-đà, ưu-đà-na, ni-đà-na, bảo tu đa-la。

là Tu-đa-la, Thọ-kí, Dà-đà, Ưu-đà-na, Ni-đà-na,

阿波陀那。伊帝目多伽。闍陀伽。

A-ba-đà-na. y đế mục đa dà. đồ đa dà。

A-ba-đà-na, Y-đế-mục-đa-dà, Xà-đà-dà,

毘佛略。阿浮陀達摩。優波提舍。善男子。

tì Phật lược. a phù đà Đạt ma. Ưu-ba-đề-xá. thiện nam tử。

Tì-Phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma, Ưu-bà-đề-xá. Thiện nam tử!

何等名為修多羅經。從如是我聞乃至歡喜奉行。

hà đẳng danh vi tu đa-la Kinh. tòng như thị ngã văn nãi chí hoan hỉ phụng hành

Những gì gọi là Tu-đa-la, từ TÔI NGHE NHƯ VẬY cho đến HOAN HỈ PHỤNG HÀNH,

如是一切名修多羅。何等名為祇夜經。

như thị nhất thiết danh tu đa-la. hà đẳng danh vi kì dạ Kinh。

tất cả như vậy gọi là tu-đa-la. Những gì gọi là Kỳ-dạ kinh?

佛告諸比丘。

Phật cáo chư bĩ khâu。

Phật bảo các Tỳ-kheo:

昔我與汝愚無智慧不能如實見四真諦。是故流轉久處生死沒大苦海。

tích ngã dữ nhữ ngu vô trí tuệ bất năng như thật kiến tứ chân đế. thị cố lưu chuyển cửu
xử sanh tử một Đại khổ hải。

Thưa xưa Ta cùng các ông ngu si không có trí huệ, không thể như thật thấy bốn Chân đế,
nên lưu chuyển mãi trong sanh tử, đắm chìm trong biển khổ。

何等為四苦集滅道。

hà đẳng vi tứ khổ tập diệt đạo。

Những gì gọi là Khổ-Tập-Diệt-Đạo?

如佛昔日為諸比丘說契經竟。爾時復有利根眾生。

như Phật tích nhật vi chư bỉ khâu thuyết khế Kinh cánh. nhĩ thời phục hữu lợi căn chúng sanh。

Như đức Phật khi xưa vì các Thầy Tỳ-kheo nói xong Khế kinh, bấy giờ lại có chúng sanh lợi căn

為聽法故後至佛所即便問人。如來向者為說何事。

vi thính Pháp cố hậu chí Phật sở tức tiện vấn nhân. Như-Lai hướng giả vi thuyết hà sự。 vì nghe Pháp này sau đến chỗ đức Phật hỏi người, đức Như Lai hướng về người kia nói việc gì?

佛時知己即因本經。以偈頌曰。

Phật thời tri dĩ tức nhân bốn Kinh. dĩ kệ tụng viết。

Bấy giờ đức Phật biết nhân gốc kinh rồi, nói bài kệ khen rằng:

我昔與汝等

不見四真諦

Ngã tích dĩ nhữ đẳng

Bất kiến tứ chân đế

Ta xưa cùng các ông

Không thấy bốn Chân đế

是故久流轉

生死大苦海

Thị cố cửu lưu chuyển

Sanh tử Đại khổ hải

Cho nên lưu chuyển mãi

Trong biển khổ sanh tử

若能見四諦

則得斷生死

Nhược năng kiến tứ đế

Tắc đắc đoạn sanh tử

Nếu ngộ được Bốn đế

Thì sẽ thoát sanh tử

生有既已盡

更不受諸有

Sanh hữu ký dĩ tận

Canh bất thọ chư hữu

Nay đoạn pháp sanh tử

Không còn thọ các hữu.

是名祇夜經。何等名為授記經。

thị danh kì dạ Kinh. hà đẳng danh vi thọ kí Kinh。

Ấy gọi là Kỳ-dạ kinh. Những gì gọi là Thọ kí kinh?

如有經律如來說時為諸大人受佛記別。汝阿逸多。

như hữu Kinh luật Như-Lai thuyết thời vi chư Đại nhân thọ Phật kí biệt. nhữ a dật đa。

Những kinh luật Như Lai thuyết, trong thời điểm đó có các đại nhân thọ lời biệt ký của Phật như thế này: “Ông A-ddật-đa!

未來有王。名曰曩佉。當於是世而成佛道。

vị lai hữu Vương. danh viết Nhưong Khư. đương ư thị thế nhi thành Phật đạo.

Đời vị lai có vua tên là Nhưong Khư, ngay trong đời này sẽ thành Phật đạo,

號曰彌勒。是名授記經。何等名為伽陀經。

hiệu viết Di Lặc. thị danh thọ kí Kinh. hà đẳng danh vi dà ðà Kinh.

hiệu là Di Lặc”. Đó gọi là Thọ Kí Kinh. Những gì gọi là Dà-ðà kinh?

除修多羅及諸戒律。其餘有說四句之偈。

trừ tu ða-la cập chư giới luật. kỳ dư hữu thuyết tứ cú chi kệ.

Ngoài những Tu-ðà-la và các giới luật, còn lại những Kinh được thuyết theo thể kệ bốn câu.

所謂。

sở vị.

Đó là:

諸惡莫作

諸善奉行

自淨其意

是諸佛教

Chư ác mạc tác

Chư thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

thị chư Phật giáo

Không làm các ác

Khéo hành các thiện

Thanh tịnh tâm mình

Là lời chư Phật dạy,

是名伽陀經。何等名為優陀那經。

thị danh dà ðà Kinh. hà đẳng danh vi Ưu-ðà-na Kinh.

gọi là Dà-ðà kinh. Những gì gọi là Ưu-ðà-na Kinh?

如佛晡時入於禪定為諸天眾廣說法要。

như Phật bỏ thời nhập ư Thiền định vì chư Thiên chúng quảng thuyết Pháp yếu。
Như đức Phật ban chiều nhập Thiền định, rộng thuyết pháp yếu cho chư Thiên。
時諸比丘各作是念。如來今者為何所作。

thời chư bĩ khâu các tác thị niệm。 Như-Lai kim giả vi hà sở tác。

Bấy giờ các Thầy Tỳ-kheo đều nghĩ rằng, đức Như Lai nay vì sao nói,
如來明且從禪定起無有人問。以他心智即自說言。

Như-Lai minh đản tòng Thiền định khởi vô hữu nhân vấn。 dĩ tha tâm trí tức tự thuyết
ngôn。

Như Lai sáng sớm xuất Thiền định, không có người hỏi, dùng trí tha tâm rồi tự nói rằng:
比丘當知。一切諸天壽命極長。汝諸比丘。

bĩ khâu đương tri。 nhất thiết chư Thiên thọ mạng cực trường。 nhữ chư bĩ khâu。
Các Tỳ-kheo nên biết, tất cả chư Thiên thọ mạng lâu dài, các Thầy Tỳ-kheo
善哉為他不求己利。善哉少欲。善哉知足。

Thiện tai vì tha bất cầu kỷ lợi。 Thiện tai thiếu dục。 Thiện tai tri túc。

lành thay vì người, không cầu lợi mình。 Lành thay ít muốn, lành thay tri túc,
善哉寂靜。如是諸經無問自說。是名優陀那經。

Thiện tai tịch tĩnh。 như thị chư Kinh vô vấn tự thuyết。 thị danh Ưu-đà-na Kinh
lành thay tịch tĩnh! Như vậy các Kinh Vô Vấn Tự thuyết, gọi là Ưu-đà-na kinh。
何等名為尼陀那經。

hà đẳng danh vi Ni-đà-na Kinh。

Những gì gọi là Ni-đà-na Kinh?

如諸經偈所因根本為他演說。如舍衛國有一丈夫羅網捕鳥。

như chư Kinh kệ sở nhân căn bản vì tha diễn thuyết。 như xá vệ quốc hữu nhất trượng
phu la võng bộ điểu。

Như các kinh kệ căn bản là vì chúng sanh mà diễn nói, như nước Xá-vệ có một người đàn
ông giăng lưới bắt chim,

得已籠繫隨與水穀而復還放。世尊知其本末因緣。

đắc dĩ lung hệ tùy dữ thủy cốc nhi phục hoàn phóng。 Thế tôn tri kỳ bản末 nhân
duyên。

được rồi nhốt trong lồng tre, cho uống nước ăn thóc, rồi lại thả ra。 Đức Thế Tôn biết ấy
gốc ngọn nhân duyên,

而說偈言。

nhi thuyết kệ ngôn。

bèn nói kệ khen rằng:

莫輕小罪

以為無殃

水滸雖微

漸盈大器

Mạc khinh tiểu tội

Dĩ vi vô ương

Thủy để tuy vi

tiêm doanh Đại khí

Chớ nên khinh tội nhỏ,

Cho là không tai ương,

Giọt nước tuy là nhỏ,

Lâu ngày cũng đầy bồn.

是名尼陀那經。何等名為阿波陀那經。

thị danh Ni-đà-na Kinh. hà đẳng danh vi A-ba-đà-na Kinh.

đó gọi là Ni-đà-na kinh. Những gì gọi là A-ba-đà-na kinh?

如戒律中所說譬喻。是名阿波陀那經。

như giới luật trung sở thuyết thí dụ. thị danh A-ba-đà-na Kinh.

Như các thí dụ nêu ra trong giới luật, gọi là A-ba-đà-na kinh.

何等名為伊帝目多伽經。如佛所說。

hà đẳng danh vi y đế mục đa dà Kinh. như Phật sở thuyết.

Thế nào gọi là Y-đề-mục-đa-dà kinh? Như Phật dạy:

比丘當知。我出世時所可說者。名曰戒經。

bỉ khâu đương tri. ngã xuất thế thời sở khả thuyết giả. danh viết giới Kinh.

Tỳ-kheo nên biết, khi Ta ra đời, những lời ta nói, là giới Kinh.

鳩留秦佛出世之時。名甘露鼓。拘那含牟尼佛時。

cưu lưu tần Phật xuất thế chi thời. danh cam lộ cổ. Câu Na Hàm Mâu Ni Phật thời

Khi đức Cưu-lưu-tần Phật ra đời, hiệu là Cam Lộ Cổ. Khi đức Câu-na-hàm-mâu-ni Phật ra đời,

名曰法鏡。迦葉佛時。名分別空。

danh viết Pháp kính. ca diệp Phật thời. danh phân biệt không.
tên là Pháp Cảnh. Khi đức Phật Ca-diếp hiệu là Phân Biệt Không,
是名伊帝目多伽經。何等名為闍陀伽經。

thị danh y đế mục đa dà Kinh. hà đẳng danh vi đồ đà dà Kinh.

gọi là Y-đế-mục-đa-dà kinh. Những gì gọi là Đồ-đà-dà kinh?

如佛世尊本為菩薩修諸苦行。所謂比丘當知。

như Phật Thế tôn bản vi Bồ-tát tu chư khổ hạnh. sở vị bỉ khâu đương tri.

Như Phật Thế Tôn từng làm Bồ-tát tu các khổ hạnh, do đó các Tỳ-kheo phải biết,
我於過去作鹿作羆作麋作兔。作粟散王轉輪聖王。

ngã ư quá khứ tác lộc tác bi tác chương tác thố. Tác túc tán Vương Chuyển luân Thánh Vương.

ta vào đời quá khứ đã từng làm nai, làm gấu, làm hươu, làm thỏ, làm vua Lật-tán, làm chuyển Luân Thánh Vương,

龍金翅鳥。諸如是等。行菩薩道時所可受身。

long kim sí điểu. chư như thị đẳng. hành Bồ-tát đạo thời sở khả thọ thân.

chim cánh vàng, các điều như đây, các thọ thân khi hành Bồ-tát đạo,

是名闍陀伽。何等名為毘佛略經。

thị danh đồ đà dà. Gì gọi là. hà đẳng danh vi ti Phật lược Kinh.

gọi là Đồ-đà-dà. Những gì gọi là Tì-phật-lược kinh?

所謂大乘方等經典。其義廣大猶如虛空。是名毘佛略。

sở vị Đại thừa phương đẳng Kinh điển. kỳ nghĩa quảng Đại do như hư không. thị danh tì Phật lược.

Đó là Đại thừa Phương Đẳng kinh, nghĩa lý kinh đó quảng đại như hư không, là Tì-phật-lược.

何等名為未曾有經。

hà đẳng danh vi vị tăng hữu Kinh.

Những gì gọi là Vị Tăng Hữu kinh?

如彼菩薩初出生時無人扶持。即行七步放大光明遍觀十方。

như bỉ Bồ-tát sơ xuất sanh thời vô nhân phù trì. tức hành thất bộ phóng Đại quang-minh
biển quán thập phương.

như khi Bồ-tát giáng sanh, không người hộ giúp, liền đi bảy bước, phóng đại quang minh,
 chiếu khắp mười phương,
 亦如彌猴手捧蜜器以獻如來。
 diệc như Mi-Hầu thủ phủng mật khí dĩ hiến Như-Lai。
 cũng như con khỉ tay bưng bát mật dâng cúng Như Lai,
 如白項狗佛邊聽法。如魔波旬變為青牛行瓦鉢間。
 như bạch hạng cầu Phật biên thính Pháp. như Ma ba tuần biến vi thanh ngưu hành ngõa
 bát gian。
 như chó cổ trắng ở bên Phật lắng nghe Pháp, như ma Ba-tuần biến làm trâu xanh đi trên
 đồ gốm,
 令諸瓦鉢互相櫟觸無所傷損。如佛初生入天廟時。
 lệnh chư ngõa bát hổ tương 櫟 xúc vô sở thương tổn. như Phật sơ sanh nhập Thiên miếu
 thời。
 khiến các đồ gốm va chạm vào nhau nhưng không hư tổn, như Phật khi mới sanh vào
 trong thiên triều,
 令彼天像起下禮敬。如是等經名未曾有經。
 lệnh bỉ Thiên tượng khởi hạ lễ kính. như thị đẳng Kinh danh vị tăng hữu Kinh。
 khiến Thiên tượng kính lễ, như vậy gọi là Vị Tăng Hữu kinh.
 何等名為優波提舍經。如佛世尊所說諸經。
 hà đẳng danh vi Ưu-ba-đề-xá Kinh. như Phật Thế tôn sở thuyết chư Kinh。
 Những gì gọi là Ưu-ba-đề-xá kinh? như Phật Thế Tôn nói các kinh,
 若作議論分別廣說辯其相貌。
 nhược tác nghị luận phân biệt quảng thuyết biện kỳ tướng mạo。
 hoặc tác Nghị Luận, Phân Biệt, Quảng Thuyết, rộng biện các tướng mạo,
 是名優波提舍經。菩薩若能如是了知十二部經。名為知法。
 thị danh Ưu-ba-đề-xá Kinh. Bồ-tát nhược năng như thị liễu tri thập nhị bộ Kinh danh vi tri
 Pháp。
 gọi là Ưu Bà Đề Xá kinh. Bồ-tát nếu liễu tri mười hai bộ kinh, gọi là biết Pháp.
 云何菩薩摩訶薩知義。
 vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát tri nghĩa。
 thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát biết nghĩa?

菩薩摩訶薩若於一切文字語言廣知其義。是名知義。

Bồ-tát Ma-Ha tát nhược ư nhất thiết văn tự ngữ ngôn quảng tri kỳ nghĩa. thị danh tri nghĩa.

Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc ở tất cả văn tự ngữ ngôn rộng biết nghĩa thú, gọi là biết nghĩa.

云何菩薩摩訶薩知時。善男子。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát tri thời. thiện nam tử.

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát biết thời? Thiện nam tử!

菩薩善知如是時中任修寂靜如是時中任修精進。

Bồ-tát thiện tri như thị thời trung tâm tu tịch tĩnh như thị thời trung tâm tu tinh tấn.

Bồ-tát khéo biết đúng thời tu tịch tĩnh, khéo biết đúng thời tu tinh tấn,

如是時中任修捨定。如是時中任供養佛。

như thị thời trung tâm tu xả định. như thị thời trung tâm cung dưỡng Phật.

khéo biết đúng thời tu và xả định, khéo biết đúng thời cúng dường Phật,

如是時中任供養師。

như thị thời trung tâm cung dưỡng sư.

khéo biết đúng thời cúng dường Sư trưởng,

如是時中任修布施持戒忍辱精進禪定具足般若波羅蜜。是名知時。

như thị thời trung tâm tu bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định cụ túc bát nhã Ba-la-mật. thị danh tri thời.

khéo biết đúng thời tu bố thí trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, đầy đủ Bát-nhã-ba-la-mật, đó gọi là tri thời.

云何菩薩摩訶薩知足。善男子。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát tri túc. thiện nam tử.

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát tri túc? Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩知足。所謂食飲衣藥行住坐臥睡寤語默。

Bồ-tát Ma-Ha tát tri túc. sở vị thực ẩm y dược hành trụ tọa ngọa thụy ngữ mặc.

Bồ-tát Ma-ha-tát tri túc, là biết đủ thức ăn, đồ uống, y áo, thuốc thang đi đứng nằm, ngồi, yên lặng,

是名知足。善男子。云何菩薩摩訶薩自知。

thị danh tri túc. thiện nam tử. vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát tự tri.

gọi là tri túc. Thiện nam tử! Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát tự tri?

是菩薩自知我有如是信。

thị Bồ-tát tự tri ngã hữu như thị tín。

Là Bồ-tát tự biết mình có niềm tin như vậy,

如是戒如是多聞如是捨如是慧如是去來如是正念如是善行如

như thị giới như thị đa văn như thị xả như thị tuệ như thị khứ lai như thị chánh niệm như thị
thiện hành như

giới như vậy, đa văn như vậy, xả như vậy, huệ như vậy, đi lại như vậy, chánh niệm như
vậy, thiện hạnh như vậy,

是問如是答。是名自知。

thị vấn như thị đáp。 thị danh tự tri。

vấn đáp như vậy, ấy gọi là tự tri。

云何菩薩摩訶薩知眾。善男子。是菩薩知如是等。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát tri chúng。 thiện nam tử。 thị Bồ-tát tri như thị đẳng。

Thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát biết chúng? Thiện nam tử! Bồ-tát biết như vậy,
是剎利眾婆羅門眾居士眾沙門眾。

thị sát lợi chúng Bà-la-môn chúng Cư-sĩ chúng Sa Môn chúng。

là chúng Sát-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Cư sĩ, chúng Sa-môn,

應於是眾如是行來如是坐起。如是說法如是問答。是名知眾。

ứng ư thị chúng như thị hành lai như thị tọa khởi。 như thị thuyết Pháp như thị vấn
đáp。 thị danh tri chúng。

nên ở trong chúng đi lại như vậy, ngồi đứng như vậy, thuyết Pháp như vậy, hỏi đáp như
vậy, gọi là biết chúng。

善男子。云何菩薩摩訶薩知人中尊卑。

thiện nam tử。 vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát tri nhân trung tôn ti。

Thiện nam tử! thế nào gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát biết người cao sang kẻ hạ liệt?

善男子。人有二種。一者信。二者不信。

thiện nam tử。 nhân hữu nhị chủng。 nhất giả tín。 nhị giả bất tín。

Thiện nam tử! người có hai hạng, một là tín, hai là bất tín。

菩薩當知信者是善。其不信者不名為善。

Bồ-tát đương tri tín giả thị thiện。 kỳ bất tín giả bất danh vi thiện。

Bồ-tát nên biết tín là thiện, bất tín là bất thiện。

復次信有二種。一者常往僧坊。二者不往菩薩。

phục thứ tín hữu nhị chủng. nhất giả thường vãng tăng phường. nhị giả bất vãng Bồ-tát.

Lại nữa, tín có hai. Một là thường đến tăng phường. Hai là không đến chỗ Bồ-tát.

當知其往者善。其不往者不名為善。

đương tri kỳ vãng giả thiện. kỳ bất vãng giả bất danh vi thiện.

Nên biết đến là thiện, không đến không gọi bất là thiện.

往僧坊者復有二種。一者禮拜。二不禮拜。

vãng tăng phường giả phục hữu nhị chủng. nhất giả lễ bái. nhị bất lễ bái.

Đi đến Tăng phường lại có hai thứ. Một là lễ bái, hai là không lễ bái.

菩薩當知禮拜者善。不禮拜者不名為善。

Bồ-tát đương tri lễ bái giả thiện. bất lễ bái giả bất danh vi thiện.

Bồ-tát nên biết lễ bái là thiện, không lễ bái là bất thiện.

其禮拜者復有二種。一者聽法。二者不聽法。

kỳ lễ bái giả phục hữu nhị chủng. nhất giả thính Pháp. nhị giả bất thính Pháp

Lễ bái lại có hai thứ, một là nghe Pháp, hai là chẳng nghe Pháp.

菩薩當知聽法者善。不聽法者不名為善。

Bồ-tát đương tri thính Pháp giả thiện. bất thính Pháp giả bất danh vi thiện.

Bồ-tát phải biết nghe Pháp là thiện, không nghe Pháp không gọi là thiện.

其聽法者復有二種。一至心聽。二不至心。

kỳ thính Pháp giả phục hữu nhị chủng. nhất chí tâm thính. nhị bất chí tâm.

Nghe Pháp lại có hai thứ, một là chí tâm nghe, hai là không chí tâm nghe.

菩薩當知至心聽者是則名善。不至心者不名為善。

Bồ-tát đương tri chí tâm thính giả thị tắc danh thiện. bất chí tâm giả bất danh vi thiện.

Bồ-tát phải biết chí tâm nghe là thiện, không chí tâm nghe không gọi là thiện.

至心聽法復有二種。一者思義。二不思義。

chí tâm thính Pháp phục hữu nhị chủng. nhất giả tư nghĩa. nhị bất tư nghĩa.

Chí tâm nghe Pháp lại có hai thứ, một là suy nghĩ nghĩa, hai là không suy nghĩ nghĩa.

菩薩當知思義者善。不思義者不名為善。

Bồ-tát đương tri tư nghĩa giả thiện. bất tư nghĩa giả bất danh vi thiện.

Bồ-tát phải biết rằng, suy nghĩ nghĩa lý là thiện, không suy nghĩ nghĩa lý là bất thiện.

其思義者復有二種。一如說行。二不如說行。

kỳ tư nghĩa giả phục hữu nhị chủng. nhất như thuyết hành. nhị bất như thuyết hành.
Suy nghĩ nghĩa lý lại có hai thứ, thứ nhất là như pháp hành trì, hai là không như nghĩa lý hành trì.

如說行者是則為善。不如說行不名為善。

như thuyết hành giả thị tác vi thiện. bất như thuyết hành bất danh vi thiện.

Như nói hành trì là thiện, không như nghĩa lý tu hành thời không gọi là bất thiện.

如說行者復有二種。一求聲聞。

như thuyết hành giả phục hữu nhị chủng. nhất cầu thanh văn.

Như nghĩa lý tu hành lại có hai: một là cầu Thanh văn,

不能利安饒益一切苦惱眾生。二者迴向無上大乘。

bất năng lợi an nhiều ích nhất thiết khổ não chúng sanh. nhị giả hồi hướng vô thượng Đại thừa.

không thể lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh khổ não; hai là hồi hướng Vô Thượng Đại Thừa.

利益多人令得安樂。

lợi ích đa nhân lệnh đắc an lạc.

Lợi ích nhiều người, khiến họ được an lạc.

菩薩應知能利多人得安樂者最上最善。善男子。如諸寶中如意寶珠最為勝妙。

Bồ-tát ứng tri năng lợi đa nhân đắc an lạc giả tối thượng tối thiện. thiện nam tử. như chư bảo trung như ý bảo châu tối vi thắng diệu.

Bồ-tát nên biết hay lợi ích nhiều người, thì được tối thiện tối thượng.

Thiện nam tử! như trong các châu báu, thì như ý bảo châu là tối thắng diệu;

如諸味中甘露最上。

như chư vị trung cam lộ tối thượng.

như trong các mùi hương, thì mùi cam lồ là tối thượng.

如是菩薩於人天中最勝最上不可譬喻。善男子。

như thị Bồ-tát ư nhân Thiên trung tối thắng tối thượng bất khả thí dụ. thiện nam tử.

Như vậy Bồ-tát ở trong hàng trời người là tối thượng tối thắng không thể so sánh. Thiện nam tử!

是名菩薩摩訶薩住於大乘大涅槃經住七善法。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát trụ ư Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh trụ thất thiện Pháp
đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát ở trong kinh Đại thừa đại Niết-bàn trú trong bảy thiện Pháp.

菩薩住是七善法已得具梵行。

Bồ-tát trụ thị thất thiện Pháp dĩ đắc cụ phạm hành。

Bồ-tát trú trong bảy thiện Pháp rồi, được đầy đủ phạm hạnh.

復次善男子。復有梵行。謂慈悲喜捨。

phục thứ thiện nam tử。 phục hữu phạm hạnh。 vị từ bi hỷ xả。

Lại nữa, thiện nam tử! Lại có phạm hạnh, là từ, bi, hỷ, xả.

迦葉菩薩白佛言。世尊。若多修慈能斷瞋恚。

ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế tôn。 nhược đa tu từ năng đoạn sân nhuế。

Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: bạch Thế Tôn! nếu tu nhiều từ tâm sẽ đoạn tận sân nhuế,
修悲心者亦斷瞋恚。云何而言四無量心。

tu bi tâm giả diệc đoạn sân nhuế。 vân hà nhi ngôn tứ vô lượng tâm。

tu bi tâm cũng chặt đứt sân nhuế。 Thế nào nói là tứ vô lượng tâm?

推義而言則應有三。世尊。慈有三緣。一緣眾生。

thôi nghĩa nhi ngôn tắc ứng hữu tam。 Thế tôn。 từ hữu tam duyên。 nhất duyên chúng
sinh。

Theo nghĩa mà nói thời nên có ba, bạch Thế Tôn! từ có ba duyên. Một là duyên chúng
sinh,

二緣於法。三則無緣。悲喜捨心亦復如是。

nhị duyên ư Pháp。 tam tắc vô duyên。 bi hỷ xả tâm diệc phục như thị。

hai là duyên Pháp, ba là vô duyên, tâm bi, tâm hỷ, tâm xả, cũng lại như vậy.

若從是義唯應有三不應有四。眾生緣者。

nhược tòng thị nghĩa duy ứng hữu tam bất ứng hữu tứ。 chúng sinh duyên giả。

Nếu theo nghĩa này thì chỉ có ba, không nên có bốn. Chúng sinh duyên,

緣於五陰願與其樂。是名眾生緣。法緣者。

duyên ư ngũ ấm nguyện dĩ kỳ lạc。 thị danh chúng sinh duyên。 Pháp duyên giả。

là duyên nơi ngũ ấm và vui thích, gọi là chúng sinh duyên; Pháp duyên,

緣諸眾生所須之物而施與之。是名法緣。

duyên chư chúng sinh sở tu chi vật nhi thí dĩ dĩ chi。 thị danh Pháp duyên。

là duyên tất cả những mong muốn của chúng sinh mà bố thí, gọi là Pháp duyên.

無緣者。緣於如來。是名無緣。

vô duyên giả. duyên ư Như-Lai. thị danh vô duyên.

Vô duyên ấy, là duyên nơi Như Lai, gọi vô duyên.

慈者多緣貧窮眾生。如來大師永離貧窮受第一樂。

từ giả đa duyên bần cùng chúng sanh. Như-Lai Đại sư vĩnh ly bần cùng thọ đệ nhất lạc.

Từ tâm phần nhiều là duyên nơi chúng sanh nghèo khổ cùng cực. Như Lai Đại Sư vĩnh viễn xa lìa bần cùng, an vui bậc nhất.

若緣眾生則不緣佛法亦如是。以是義故緣如來者。

nhược duyên chúng sanh tắc bất duyên Phật Pháp diệc như thị. dĩ thị nghĩa cố duyên Như-Lai giả.

Nếu duyên chúng sanh thì chẳng duyên Phật Pháp cũng như vậy, do nghĩa này nên duyên Như Lai,

名曰無緣。世尊。慈之所緣一切眾生。

danh viết vô duyên. Thế tôn. từ chi sở duyên nhất thiết chúng sanh.

gọi là vô duyên. Thừa Thế Tôn! sở duyên của lòng từ là tất cả chúng sanh.

如緣父母妻子親屬。以是義故。名曰眾生緣。

như duyên phụ mẫu thê tử thân chúc. dĩ thị nghĩa cố. danh viết chúng sanh duyên.

Còn như duyên cha mẹ vợ con thân thích quyến thuộc, do nghĩa này gọi là chúng sanh duyên.

法緣者。不見父母妻子親屬。

Pháp duyên giả. bất kiến phụ mẫu thê tử thân chúc.

Pháp duyên là không thấy Cha Mẹ, vợ con, thân thích quyến thuộc.

見一切法皆從緣生。是名法緣。無緣者。不住法相及眾生相。

kiến nhất thiết Pháp giai tòng duyên sanh. thị danh Pháp duyên. vô duyên giả, bất trụ Pháp tướng cập chúng sanh tướng.

Thấy tất cả Pháp đều từ duyên sanh, gọi là Pháp duyên. Vô duyên ấy, không trụ pháp tướng và chúng sanh tướng,

是名無緣。悲喜捨心亦復如是。

thị danh vô duyên. bi hỷ xả tâm diệc phục như thị.

gọi là vô duyên. Bi tâm, hỷ tâm, xả tâm, cũng lại như vậy,

是故應三不應有四。世尊。人有二種。一者見行。

thị cố ứng tam bất ứng hữu tứ. Thế tôn. nhân hữu nhị chủng. nhất giả kiến hành do vậy nên ba mà không nên có bốn. Thưa Thế Tôn! người có hai, một là kiến hành, 二者愛行。見行之人多修慈悲。愛行之人多修喜捨。

nhị giả ái hành. kiến hành chi nhân đa tu từ bi. ái hành chi nhân đa tu hỷ xả hai là ái hành; người kiến hành phần nhiều tu từ bi, người ái hành phần nhiều tu hỷ xả. 是故應二不應有四。世尊。夫無量者。

thị cố ứng nhị bất ứng hữu tứ. Thế tôn. phu vô lượng giả.

Ấy cho nên, nên hai không nên có bốn. Thưa Thế Tôn! nói rằng vô lượng ấy, 名曰無邊。邊不可得故名無量。

danh viết vô biên. biên bất khả đắc cố danh vô lượng.

gọi là vô biên, biên bất khả đắc nên gọi là vô lượng.

若無量者則應是一不應言四。若言四者何得無量。

nhược vô lượng giả tắc ứng thị nhất bất ứng ngôn tứ. nhược ngôn tứ giả hà đắc vô lượng.

Nếu vô lượng thời nên một không nên nói là bốn, nếu nói là bốn thì làm sao được vô lượng.

是故應一不應四也。佛告迦葉。善男子。

thị cố ứng nhất bất ứng tứ dã. Phật cáo ca diệp. thiện nam tử.

Vì vậy nên một không nên bốn. Đức Phật bảo Ngài Ca-diếp: Thiện nam tử!

諸佛如來為諸眾生所宣法要。其言祕密難可了知。

chư Phật như lai vi chư chúng sanh sở tuyên Pháp yếu. kỳ ngôn bí mật nan khả liễu tri.

Chư Phật Như Lai vì chúng sanh ban Pháp thiết yếu, ngôn từ thâm sâu, khó có thể liễu tri, 或為眾生說一因緣。如說何等為一因緣。

hoặc vi chúng sanh thuyết nhất nhân duyên. như thuyết hà đẳng vi nhất nhân duyên.

hoặc vi chúng sanh nói một nhân duyên. Như thế nào nói là một nhân duyên?

所謂一切有為之法。善男子。或說二種因之與果。

sở vị nhất thiết hữu vi chi Pháp. thiện nam tử. hoặc thuyết nhị chủng nhân chi dữ quả.

đó là nhất thiết hữu vi pháp. Thiện nam tử! hoặc nói hai thứ nhân và quả,

或說三種煩惱業苦。

hoặc thuyết tam chủng phiền não nghiệp khổ.

hoặc nói ba thứ phiền não nghiệp khổ,

或說四種無明諸行生與老死。或說五種所謂受愛取有及生。

hoặc thuyết tứ chủng vô minh chư hành sanh dữ lão tử. hoặc thuyết ngũ chủng sở vị thọ ái thủ hữu cập sanh.

hoặc nói bốn thứ vô minh, các hành và sanh tử, hoặc nói năm thứ đó là thọ, ái thủ, hữu, và sanh;

或說六種三世因果。

hoặc thuyết lục chủng tam thế nhân quả。

hoặc nói sáu thứ ba đời nhân quả,

或說七種謂識名色六入觸受及以愛取。

hoặc thuyết thất chủng vị thức danh sắc lục nhập xúc thọ cập dĩ ái thủ。

hoặc nói bảy thứ là thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, và ái thủ.

或說八種除無明行及生老死其餘八事。或說九種如城經中。

hoặc thuyết bát chủng trừ vô minh hành cập sanh lão tử kỳ dư bát sự. hoặc thuyết cửu chủng như thành Kinh trung。

Hoặc nói tám thứ, trừ vô minh, hành và sanh, già, chết tám việc; hoặc nói chín thứ như trong kinh,

除無明行識其餘九事。或說十一如為薩遮尼犍子說。

trừ vô minh hành thức kỳ dư cửu sự. hoặc thuyết thập nhất như vi tát già ni kiền tử thuyết。

trừ vô minh, hành, thức; hoặc nói mười một như là Tát-già-ni-kiền-tử nói,

除生一法其餘十一。或時具說十二因緣。

trừ sanh nhất Pháp kỳ dư thập nhất. hoặc thời cụ thuyết thập nhị nhân duyên。

trừ một pháp sanh, còn lại mười một. Hoặc có khi nói đủ mười hai nhân duyên,

如王舍城為迦葉等具說十二無明乃至生老病

như Vương xá thành vì ca diệp đẳng cụ thuyết thập nhị vô minh nãi chí sanh lão bệnh như Vương Xá thành vì các Ngài Ca-diếp nói đủ mười hai vô minh cho đến sanh, già, bệnh, chết.

死。善男子。如一因緣為眾生故種種分別。

tử. thiện nam tử. như nhất nhân duyên vì chúng sanh cố chủng chủng phân biệt。

Thiện nam tử! như một nhân duyên mà vì chúng sanh nên phân biệt thành bao nhiêu thứ.

無量心法亦復如是。善男子。

vô lượng tâm Pháp diệc phục như thị. thiện nam tử.
 Vô lượng tâm Pháp cũng lại như vậy. Thiện nam tử!
 以是義故於諸如來深祕行處不應生疑。善男子。
 dĩ thị nghĩa cố ư chư Như-Lai thâm bí hành xứ bất ứng sanh nghi. thiện nam tử
 do nghĩa này nên các Như Lai sâu vào bí mật hạnh không nên sanh nghi. Thiện nam tử!
 如來世尊有大方便。無常說常常說無常。
 như lai thế tôn hữu Đại phương tiện. vô thường thuyết thường thường thuyết vô thường.
 Như Lai Thế Tôn có đại phương tiện, vô thường nói thường, thường nói vô thường,
 說樂為苦說苦為樂。不淨說淨淨說不淨。
 thuyết lạc vi khổ thuyết khổ vi lạc. bất tịnh thuyết tịnh tịnh thuyết bất tịnh
 nói lạc là khổ, nói khổ là lạc, bất tịnh nói tịnh, tịnh nói bất tịnh,
 我說無我無我說我。於非眾生說為眾生。
 ngã thuyết vô ngã vô ngã thuyết ngã. ư phi chúng sanh thuyết vi chúng sanh.
 ngã nói vô ngã, vô ngã nói ngã, đối với phi chúng sanh nói là chúng sanh,
 於實眾生說非眾生。非物說物物說非物。
 ư thật chúng sanh thuyết phi chúng sanh. phi vật thuyết vật vật thuyết phi vật
 đối với thật chúng sanh nói là phi chúng sanh, phi vật nói là vật, vật nói là phi vật,
 非實說實實說非實。非境說境境說非境。
 phi thật thuyết thật thật thuyết phi thật. phi cảnh thuyết cảnh cảnh thuyết phi cảnh.
 phi thật nói là thật, thật nói là phi thật, phi cảnh giới nói là cảnh giới, cảnh giới nói là phi
 cảnh giới,
 非生說生生說非生。乃至無明說明明說無明。
 phi sanh thuyết sanh sanh thuyết phi sanh. nãi chí vô minh thuyết minh minh thuyết vô
 minh.
 phi sanh nói là sanh, sanh nói là phi sanh, cho đến vô minh nói là minh, minh nói là vô
 minh,
 色說非色非色說色。非道說道道說非道。
 sắc thuyết phi sắc phi sắc thuyết sắc. phi đạo thuyết đạo đạo thuyết phi đạo.
 sắc nói là phi sắc, phi sắc nói là sắc, phi đạo nói là đạo, đạo nói là phi đạo.
 善男子。如來以是無量方便為調眾生。豈虛妄耶。
 thiện nam tử. Như-Lai dĩ thị vô lượng phương tiện vi điều chúng sanh. khởi hư vọng da.

Thiện nam tử! Như Lai dùng vô lượng phương tiện điều phục chúng sanh, há hư vọng chẳng?

善男子。或有眾生貪於財貨。

thiện nam tử. hoặc hữu chúng sanh tham ư tài hóa。

Thiện nam tử! hoặc có chúng sanh tham trước tài vật đồ dùng,

我於其人自化其身作轉輪王。

ngã ư kỳ nhân tự hóa kỳ thân tác chuyển luân Vương。

ta đối với người kia hóa làm thân Chuyển luân vương,

於無量歲隨其所須種種供給。

ư vô lượng tuế tùy kỳ sở tu chủng chủng cung cấp。

trong vô lượng kiếp đi theo bên mình, cung cấp những đồ cần dùng,

然後教化令其安住阿耨多羅三藐三菩提。若有眾生貪著五欲。

nhiên hậu giáo hóa lệnh kỳ an trú a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. nhược hữu chúng

sanh tham trước ngũ dục。

vậy sau giáo hóa khiến an trú Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu có chúng sanh

tham trước ngũ dục,

於無量歲以妙五欲充足其願。

ư vô lượng tuế dĩ diệu ngũ dục sung túc kỳ nguyện。

trong vô lượng năm, ta dùng ngũ dục tốt đẹp sung túc khiến người kia mãn nguyện,

然後勸化令其安住阿耨多羅三藐三菩提。若有眾生榮豪自貴。

nhiên hậu khuyến hóa lệnh kỳ an trú a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. nhược hữu chúng

sanh vinh hào tự quý。

về sau mới khuyến hóa khiến an trú Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu có chúng

sanh vinh hiển sang giàu,

我於其人無量歲中為作僕使。趨走給侍得其心已。

ngã ư kỳ nhân vô lượng tuế trung vi tác bộc sử. xu tẩu cấp thị đắc kỳ tâm dĩ。

Ta trong vô lượng kiếp nguyện làm nô bộc cho người kia, người kia đi lại ở đâu, ta đều hầu

hạ khiến người kia vui thích,

即復勸化令其安住阿耨多羅三藐三菩提。

tức phục khuyến hóa lệnh kỳ an trú a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。

rồi lại khuyến hóa khiến an trú Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。

若有眾生性慢自是須人呵諫。

nhược hữu chúng sanh tánh lệ tự thị tu nhân ha giá.

Nếu có chúng sanh tánh hay chống trái, cho mình là người phải có người quở trách,
我於無量百千歲中教誨敦喻令其心調。

ngã ư vô lượng bách thiên tuế trung giáo ha đôn dụ lệnh kỳ tâm điều.

trong vô lượng trăm ngàn kiếp trong giáo pháp, ta đem từ tâm trách mắng khuyến dụ, khiến
cho tâm được điều phục,

然後復勸令其安住阿耨多羅三藐三菩提。善男子。

nhĩn hậu phục khuyến lệnh kỳ an trú a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. thiện nam tử.

vậy sau lại khuyên khiến an trú Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thiện nam tử!

如來如是於無量歲以種種方便。

Như-Lai như thị ư vô lượng tuế dĩ chủng chủng phương tiện。

Như Lai như vậy ở vô lượng trăm ngàn ức năm, dùng vô số phương tiện,

令諸眾生安住阿耨多羅三藐三菩提。豈虛妄耶。

lệnh chư chúng sanh an trú a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. khởi hư vọng da.

khiến các chúng sanh an trú Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không phải là hư
vọng.

諸佛如來雖處眾惡無所染污猶如蓮花。善男子。

chư Phật như lai tuy xử chúng ác vô sở nhiễm ô do như liên hoa. thiện nam tử.

Chư Phật Như Lai tuy ở trong các hoàn cảnh uế trược, nhưng không nhiễm ô như hoa
sen. Thiện nam tử!

應如是知四無量義。善男子。是無量心體性有四。

ứng như thị tri tứ vô lượng nghĩa. thiện nam tử. thị vô lượng tâm thể tánh hữu tứ.

nên biết bốn vô lượng nghĩa là như vậy. Thiện nam tử! thể tánh của vô lượng tâm có bốn,
若有修行生大梵處。善男子。

nhược hữu tu hành sanh Đại phạm xử. thiện nam tử.

nếu có tu hành thì sanh lên cõi trời Đại Phạm. Thiện nam tử!

如是無量伴侶有四。是故名四。夫修慈者能斷貪欲。

như thị vô lượng bạn hữu hữu tứ. thị cố danh tứ. phu tu từ giả năng đoạn tham dục.

như vậy những gì tùy thuộc với vô lượng có bốn, vì sao gọi bốn. Tu từ tâm hay đoạn được
tham dục,

修悲心者能斷瞋恚。修喜心者能斷不樂。

tu bi tâm giả năng đoạn sân khuể. tu hỷ tâm giả năng đoạn bất lạc.

tu bi tâm thì hay đoạn tận được sân nhuế, tu hỷ tâm thì hay chặt đứt được bất lạc,
修捨心者能斷貪欲瞋恚眾生。善男子。

tu xả tâm giả năng đoạn tham dục sân khuể chúng sanh. thiện nam tử.

tu xả tâm thì hay đoạn tận được chúng sanh tham dục sân nhuế. Thiện nam tử!

以是義故得名為四非一二三。善男子。

dĩ thị nghĩa cố đắc danh vi tứ phi nhất nhị tam. thiện nam tử.

do nghĩa này nên được gọi là bốn, chẳng phải một hai ba. Thiện nam tử!

如汝所言慈能斷瞋恚亦如是。應說三者。汝今不應作如是難。

như như sở ngôn từ năng đoạn sân bi diệc như thị. ứng thuyết tam giả. như kim bất ứng
tác như thị nan.

như lời ông nói, từ tâm hay đoạn tận sân, thì bi cũng như vậy, nên nói ba,

ông nay không nên tạo cái khó như vậy,

何以故。善男子。恚有二種。一能奪命。

hà dĩ cố. thiện nam tử. khuể hữu nhị chủng. nhất năng đoạt mạng.

vì sao? Thiện nam tử! sân giận có hai thứ, một là hay đoạt lấy mạng,

二能鞭撻。修慈則能斷彼奪命。修悲能除彼鞭撻者。

nhị năng tiên thát. tu từ tắc năng đoạn bỉ đoạt mạng. tu bi năng trừ bỉ tiên thát giả.

hai là dùng roi đánh đập. Tu từ tâm thì không thể đoạt mất mạng chúng sanh, tu bi tâm thì
hay trừ được roi đánh.

善男子。以是義故豈非四耶。復次瞋有二種。

thiện nam tử. dĩ thị nghĩa cố khởi phi tứ da. phục thứ sân hữu nhị chủng.

Thiện nam tử! do nghĩa này nên há chẳng phải là bốn. Lại nữa giận có hai:

一瞋眾生。二瞋非眾生。修慈心者斷瞋眾生。

nhất sân chúng sanh. nhị sân phi chúng sanh. tu từ tâm giả đoạn sân chúng sanh

một là giận chúng sanh, hai là giận phi chúng sanh, tu từ tâm đoạn tận sân chúng sanh,

修悲心者斷非眾生。復次瞋有二種。

tu bi tâm giả đoạn phi chúng sanh. phục thứ sân hữu nhị chủng.

tu bi tâm đoạn tận sân phi chúng sanh. Lại nữa sân có hai thứ:

一有因緣。二無因緣。修慈心者斷有因緣。

nhất hữu nhân duyên. nhị vô nhân duyên. tu từ tâm giả đoạn hữu nhân duyên.
một là có nhân duyên, hai là không nhân duyên. Tu từ tâm đoạn tận hữu nhân duyên.

修悲心者斷無因緣。復次瞋有二種。

tu bi tâm giả đoạn vô nhân duyên. phục thứ sân hữu nhị chủng.

Tu bi tâm đoạn tận vô nhân duyên. Lại nữa sân có hai thứ:

一者久於過去修習。二者於今現在修習。

nhất giả cứu ư quá khứ tu tập. nhị giả ư kim hiện tại tu tập.

một là trong quá khứ đã tu tập, hai là đời nay cũng tu tập,

修慈心者能斷過去。修悲心者斷於現在。復次瞋有二種。

tu từ tâm giả năng đoạn quá khứ. tu bi tâm giả đoạn ư hiện tại. phục thứ sân hữu nhị chủng.

tu từ tâm hay đoạn được quá khứ, tu bi tâm thì đoạn được hiện tại. Lại nữa giận có hai thứ.

一瞋聖人。二瞋凡夫。修慈心者斷瞋聖人。

nhất sân Thánh nhân. nhị sân phàm phu. tu từ tâm giả đoạn sân Thánh nhân.

một là giận Thánh nhân, hai là giận phàm phu. Tu từ tâm đoạn tận sân hận mà trở thành Thánh nhân,

修悲心者斷瞋凡夫。復次瞋有二種。一上二中。

tu bi tâm giả đoạn sân phàm phu. phục thứ sân hữu nhị chủng. nhất thượng nhị trung.

tu bi tâm là đoạn tận sân phàm phu. Lại nữa giận có hai, một là thượng, hai là trung.

修慈斷上。修悲斷中。善男子。

tu từ đoạn thượng. tu bi đoạn trung. thiện nam tử.

Tu từ tâm đoạn thượng, tu bi tâm đoạn trung. Này Thiện nam tử!

以是義故則名為四。何得難言應三非四。是故迦葉。

dĩ thị nghĩa cố tắc danh vi tứ. hà đắc nan ngôn ứng tam phi tứ. thị cố ca diệp

do nghĩa này nên gọi là bốn, thì làm sao gượng nói là ba chứ không phải là bốn, vì vậy này Ca-diếp!

是無量心伴侶相對分別為四。

thị vô lượng tâm bạn lữ tương đối phân biệt vi tứ.

tuỳ thuộc với vô lượng tâm này tạm phân làm bốn.

復以器故應名為四器。若有慈則不得有悲喜捨心。

phục dĩ khí cố ứng danh vi tứ khí. nhược hữu từ tắc bất đắc hữu bi hỉ xả tâm。
 Lại do đồ chứa đựng nên gọi là bốn, nếu có tâm từ thời không có tâm bi, tâm hỉ, tâm xả,
 以是義故應四無減。善男子。以行分別故應有四。
 dĩ thị nghĩa cố ứng tứ vô giảm. thiện nam tử. dĩ hành phân biệt cố ứng hữu tứ
 do nghĩa này nên là bốn, không giảm. Thiện nam tử! do phân biệt, nên có bốn,
 若行慈時無悲喜捨。是故有四。善男子。
 nhược hành từ thời vô bi hỉ xả. thị cố hữu tứ. thiện nam tử。
 nếu khi tu từ tâm thời không có bi tâm, hỉ tâm, xả tâm, cho nên có bốn. Thiện nam tử!
 以無量故亦得名四。夫無量者則有四種。
 dĩ vô lượng cố diệc đắc danh tứ. phu vô lượng giả tắc hữu tứ chủng。
 do vô lượng nên cũng được gọi là bốn, vô lượng ấy thời có bốn thứ,
 有無量心有緣非自在。有無量心自在非緣。
 hữu vô lượng tâm hữu duyên phi tự-tại. hữu vô lượng tâm tự-tại phi duyên。
 có vô lượng tâm có duyên chẳng tự tại, có vô lượng tâm tự tại chẳng phải duyên,
 有無量心亦緣亦自在。有無量心非緣非自在。
 hữu vô lượng tâm diệc duyên diệc tự-tại. hữu vô lượng tâm phi duyên phi tự-tại
 có vô lượng tâm cũng duyên cũng tự tại, có vô lượng tâm phi duyên phi tự tại.
 何等無量有緣非自在。緣於無量無邊眾生。
 hà đẳng vô lượng hữu duyên phi tự-tại. duyên ư vô lượng vô biên chúng sanh。
 Những gì là vô lượng có duyên chẳng tự tại, duyên ở vô lượng vô biên chúng sanh,
 而不能得自在三昧。雖得不定或得或失。
 nhi bất năng đắc tự-tại tam muội. tuy đắc bất định hoặc đắc hoặc thất。
 mà chẳng hay được tự tại tam muội, tuy được bất định, hoặc được hoặc mất.
 何等無量自在非緣。
 hà đẳng vô lượng tự-tại phi duyên。
 Những gì gọi là vô lượng tự tại phi duyên?
 如緣父母兄弟姊妹欲令安樂非無量緣。何等無量亦緣亦自在。
 như duyên phụ mẫu huynh đệ tỉ muội dục lệnh an lạc phi vô lượng duyên. hà đẳng vô
 lượng diệc duyên diệc tự-tại。
 như duyên cha mẹ anh em trai chị em muốn khiến an lạc, chẳng phải vô lượng duyên.
 Những gì gọi là vô lượng cũng duyên cũng tự tại,

謂諸佛菩薩。何等無量非緣非自在。

vị chư Phật Bồ-tát. hà đẳng vô lượng phi duyên phi tự-tại.

gọi là chư Phật Bồ-tát. Những gì gọi là vô lượng chẳng phải duyên, chẳng phải tự tại.

聲聞緣覺不能廣緣無量眾生。亦非自在。善男子。

Thanh văn, Duyên giác bất năng quảng duyên vô lượng chúng sanh. diệp phi tự-tại thiện nam tử.

Thanh văn, Duyên giác không thể rộng duyên vô lượng chúng sanh, cũng phi tự tại. Đây thiện nam tử!

以是義故名四無量。非諸聲聞緣覺所知。

dĩ thị nghĩa cố danh tứ vô lượng. phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri.

do nghĩa này nên gọi là tứ vô lượng, chẳng phải là chỗ biết của Thanh văn, Duyên giác,乃是諸佛如來境界。善男子。如是四事。

nãi thị chư Phật như lai cảnh giới. thiện nam tử. như thị tứ sự.

đó mới chính là cảnh giới chư Phật Như Lai. Đây Thiện nam tử! bốn việc này, 聲聞緣覺雖名無量少不足言。

Thanh văn, Duyên giác tuy danh vô lượng thiếu bất túc ngôn.

Thanh văn, Duyên giác tuy gọi là vô lượng, ít chẳng đủ lời,

諸佛菩薩則得名為無量無邊。迦葉菩薩白佛言。世尊。

chư Phật Bồ-tát tắc đắc danh vi vô lượng vô biên. ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

chư Phật Bồ-tát thời được gọi là vô lượng vô biên. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật: thưa Thế Tôn!

如是如是實如聖教。諸佛如來所有境界。

như thị như thị thật như Thánh giáo. chư Phật như lai sở hữu cảnh giới.

Như vậy như vậy thật như Thánh giáo, cảnh giới chư Phật Như Lai

非諸聲聞緣覺所及。世尊。

phi chư Thanh văn, Duyên giác sở cập. Thế tôn.

chẳng phải chư Thanh văn, Duyên giác và Thế Tôn.

頗有菩薩住於大乘大般涅槃得慈悲心。非是大慈大悲心不。佛言有。

pha hữu Bồ-tát trụ ư Đại thừa Đại Bát-niết-bàn đắc từ bi tâm. phi thị Đại từ Đại bi tâm bất. Phật ngôn hữu.

hoặc có Bồ-tát nghênh trụ ở Đại thừa Đại Bát-niết-bàn, được từ bi tâm, chẳng phải là đại từ đại bi tâm chẳng? Phật nói: có.

善男子。菩薩若於諸眾生中三品分別。一者親人。

thiện nam tử. Bồ-tát nương ư chư chúng sanh trung tam phẩm phân biệt. nhất giả thân nhân.

Thiện nam tử! Bồ-tát hoặc ở trong ba phẩm các chúng sanh phân biệt, một là người thân thích,

二者怨憎。三者中人。於親人中復作三品。

nhị giả oán tăng. tam giả trung nhân. ư thân nhân trung phục tác tam phẩm.

hai là oán ghét, ba là người không thân thích không oán ghét. Đối với người thân thích lại có ba phẩm,

謂上中下。怨憎亦爾。

vị thượng trung hạ. oán tăng diệc nhĩ.

nghĩa là thượng trung hạ, oán ghét cũng như vậy.

是菩薩摩訶薩於上親中與增上樂。於中下親亦復平等與增上樂。

thị Bồ-tát Ma-Ha tát ư thượng thân trung dĩ tăng thượng lạc. ư trung hạ thân diệc phục bình đẳng dĩ tăng thượng lạc.

Vị đại Bồ-tát đối với thượng thân thuộc cho tăng thượng lạc, đối với hàng trung hạ thân, cũng bình đẳng cho tăng thượng lạc;

於上怨中與少分樂。於中怨所與中品樂。

ư thượng oán trung dĩ thiểu phân lạc. ư trung oán sở dĩ trung phẩm lạc.

đối với thượng oán cho thiểu phần lạc; đối với hàng trung oán thì cho trung phẩm phẩm lạc,

於下怨中與增上樂。菩薩如是轉復修習。

ư hạ oán trung dĩ tăng thượng lạc. Bồ-tát như thị chuyển phục tu tập.

đối với hàng hạ oán cho tăng thượng lạc. Bồ-tát xoay vần tu tập như vậy,

於上怨中與中品樂於中下怨等與增上樂。

ư thượng oán trung dĩ trung phẩm lạc ư trung hạ oán đẳng dĩ tăng thượng lạc.

đối với thượng oán ban cho trung phẩm lạc, đối với trung hạ oán ban cho tăng thượng lạc.

轉復修習於上中下等與上樂。若上怨中與上樂者。

chuyển phục tu tập ư thượng trung hạ đẳng dĩ thượng lạc. nhược thượng oán trung dĩ thượng lạc giả.

dần dà tu tập, đối với thượng trung hạ ban cho thượng lạc, hoặc đối với thượng oán cũng ban cho thượng lạc.

爾時得名慈心成就。

nhĩ thời đắc danh từ tâm thành tựu.

Bấy giờ được gọi từ tâm thành tựu,

菩薩爾時於父母所及上怨中。得平等心無有差別。善男子。

Bồ-tát nhĩ thời ư phụ mẫu sở cập thượng oán trung. đắc bình đẳng tâm vô hữu sai biệt. thiện nam tử.

Bồ-tát lúc bấy giờ đối với Cha Mẹ cùng người thượng, trung oán được tâm bình đẳng không có sai biệt. Thiện nam tử!

是名得慈非大慈也。世尊。何緣菩薩得如是慈。

thị danh đắc từ phi Đại từ dã. Thế tôn. hà duyên Bồ-tát đắc như thị từ.

đó gọi là được từ chẳng phải là đại từ vậy. Thưa Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Bồ-tát được từ như vậy,

猶故不得名為大慈。善男子。以難成故不名大慈。

do cố bất đắc danh vi Đại từ. thiện nam tử. dĩ nan thành cố bất danh Đại từ.

cũng chẳng được gọi là đại từ? Nay Thiện nam tử! Do khó thành cho nên chẳng có tên Đại từ.

何以故。久於過去無量劫中。

hà dĩ cố. cửu ư quá khứ vô lượng kiếp trung.

Vì sao? vì lâu lắm rồi trong vô lượng kiếp đời quá khứ,

多集煩惱未修善法。是故不能於一日中調伏其心。善男子。

đa tập phiền não vị tu thiện Pháp. thị cố bất năng ư nhất nhật trung điều phục kỳ tâm. thiện nam tử.

hiều tích tập phiền não, chưa tu thiện Pháp, nên không thể trong một ngày mà điều phục tâm mình. Thiện nam tử!

譬如剝豆乾時錐刺。終不可著。

thí như oan đậu kiên thời trùy thứ. chung bất khả thứ.

thí như khoét hạt đậu khô, dùng dùi đâm thì trọn không thể xuyên thủng;

煩惱堅硬亦復如是。雖一日夜繫心不散難可調伏。

phiền não kiên ngạnh diệc phục như thị. tuy nhất nhật dạ hệ tâm bất tán nan khả điều phục.

phiền não cứng rắn cũng lại như vậy, tuy một ngày đêm thâm nhiếp tâm không tán loạn, khó có thể điều phục.

又如家犬不畏於人。山林野鹿見人怖走。

hựu như gia khuyển bất úy ư nhân. sơn lâm dã lộc kiến nhân phổ tẩu.

Lại như chó nhà không sợ người, nai hoang núi rừng thấy người thì hoảng chạy, 瞋恚難去如守家狗。慈心易失如彼野鹿。

sân khuể nan khứ như thủ gia cẩu. từ tâm dịch thất như bỉ dã lộc.

sân giận khó đuổi như chó giữ nhà, từ tâm dễ mất như nai hoang,

是故此心難可調伏。以是義故不名大慈。

thị cố thử tâm nan khả điều phục. dĩ thị nghĩa cố bất danh Đại từ.

nên tâm này khó có thể điều phục, do nghĩa này nên không gọi là đại từ.

復次善男子。譬如畫石其文常在。

phục thứ thiện nam tử. thí như họa thạch kỳ văn thường tại.

Lại nữa, Thiện nam tử! thí như chữ khắc trên đá thì còn mãi,

畫水速滅勢不久住。瞋如畫石。諸善根本如彼畫水。

họa thủy tốc diệt thế bất cửu trụ. sân như họa thạch. chư thiện căn bản như bỉ họa thủy.

còn vạch nước nhanh chóng biến mất không thể hiện lâu; sân giận như nét vạch trên đá, các thiện căn như vạch trên nước.

是故此心難得調伏如大火聚其明久住。

thị cố thử tâm nan đắc điều phục như Đại hỏa tụ kỳ minh cửu trụ.

Ấy cho nên nói tâm khó được điều phục, như đồng lửa lớn thì ánh sáng cháy hoài.

電光之明不得暫停瞋如火聚。慈如電明。

điện quang chi minh bất đắc tạm đình sân như hỏa tụ. từ như điện minh.

ánh sáng điện quang không thể ngừng lại trong chốc lát. Sân tâm như đồng lửa, từ tâm như ánh điện chớp,

是故此心難得調伏。以是義故不名大慈。善男子。

thị cố thử tâm nan đắc điều phục. dĩ thị nghĩa cố bất danh Đại từ. thiện nam tử.

cho nên tâm này khó được điều phục, do nghĩa này nên không gọi là đại từ. Thiện nam tử!
菩薩摩訶薩住於初地名曰大慈。何以故。善男子。

Bồ-tát Ma-Ha tát trụ ở sơ địa danh viết Đại từ. hà dĩ cố. thiện nam tử.

Vị đại Bồ-tát trụ trong sơ địa gọi là đại từ, vì sao? Này Thiện nam tử!

最極惡者名一闍提。

tối cực ác giả danh nhất-xiển-đề.

tối cực ác gọi là Nhất-xiển-đề.

初住菩薩修大慈時於一闍提心無差別。不見其過故不生瞋。

sơ trụ Bồ-tát tu Đại từ thời ở nhất-xiển-đề tâm vô sai biệt. bất kiến kỳ quá cố bất sanh sân.

Khi sơ trú Bồ-tát tu đại từ, đối với hạng xiển đề, tâm không phân biệt, không thấy lỗi lầm kia, nên không sanh lòng giận,

以是義故得名大慈。善男子。

dĩ thị nghĩa cố đắc danh Đại từ. thiện nam tử.

do nghĩa này nên gọi là đại từ. Thiện nam tử!

為諸眾生除無利益是名大慈。欲與眾生無量利樂是名大悲。

vi chư chúng sanh trừ vô lợi ích thị danh Đại từ. dục dĩ chúng sanh vô lượng lợi lạc thị danh Đại bi.

vì chúng sanh mà trừ bỏ những vô lợi ích gọi là đại từ, muốn cho chúng sanh vô lượng lợi lạc, gọi là đại bi.

於諸眾生心生歡喜是名大喜。

ở chư chúng sanh tâm sanh hoan hỷ thị danh Đại hỷ.

Với chúng sanh, tâm sanh hoan hỷ gọi là đại hỷ.

無所擁護名為大捨。若不見我法相己身。

vô sở ủng hộ danh vi Đại xả. nhược bất kiến ngã Pháp tướng kỳ thân.

không ủng hộ cái gì gọi là đại xả. Nếu không thấy ngã, pháp tướng, thân mình,

見一切法平等無二。是名大捨。自捨己樂施與他人。是名大捨。

kiến nhất thiết Pháp bình đẳng vô nhị. thị danh Đại xả. tự xả kỳ lạc thí dĩ tha nhân. thị danh Đại xả.

thấy tất cả pháp bình đẳng không hai, gọi là đại xả. Tự đem niềm vui của mình thí cho người, gọi là đại xả.

善男子。

thiện nam tử。

Thiện nam tử!

唯四無量能令菩薩增長具足六波羅蜜。其餘諸行不必能爾。善男子。

duy tứ vô lượng năng lệnh Bồ-tát tăng trưởng cụ túc lục Ba-la-mật. kỳ dư chư hành bất tất năng nhĩ. thiện nam tử。

chỉ có bốn vô lượng mới có thể khiến Bồ-tát tăng trưởng, đầy đủ lục Ba-la-mật. Các hạnh khác không nhất định như vậy. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩先得世間四無量心。

Bồ-tát Ma-Ha tát tiên đắc thế gian tứ vô lượng tâm。

vị đại Bồ-tát trước được bốn vô lượng tâm của thế gian,

然後乃發阿耨多羅三藐三菩提心。次第方得出世間者。

nhiên hậu nãi phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm. thứ đệ phương đắc xuất thế gian giả。

sau mới phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lần lượt rồi mới được xuất thế gian.

善男子。因世無量得出世無量。

thiện nam tử。 nhân thế vô lượng đắc xuất thế vô lượng。

Thiện nam tử! nhân thế gian vô lượng, được xuất thế vô lượng,

以是義故名大無量。迦葉菩薩白佛言。世尊。

dĩ thị nghĩa cố danh Đại vô lượng。 ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

do nghĩa này nên gọi là đại vô lượng. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật: Thưa Thế Tôn!

除無利益與利樂者實無所為。

trừ vô lợi ích dữ lợi lạc giả thật vô sở vi。

trừ những điều không lợi ích, ban cho điều lợi ích, rồi cho rằng thật không làm gì.

如是思惟即是虛觀無有實利。世尊。譬如比丘觀不淨時。

như thị tư duy tức thị hư quán vô hữu thật lợi。 Thế tôn。 thí như bỉ khâu quán bất tịnh thời。

Suy nghĩ như vậy tức quán chiếu trống rỗng không có lợi ích chân thật. Bạch Thế Tôn! thí như khi Tỳ-kheo quán bất tịnh,

見所著衣悉是皮相而實非皮。

kiến sở trú y tất thị bì tướng nhi thật phi bì.

thấy đắp mặc y phục hết thấy đều là tướng của da, mà thật không phải là da;

所可食噉皆作虫相而實非虫。觀大豆羹作下汁想而實非羹。

sở khả thực đạm giai tác trùng tướng nhi thật phi trùng. quán Đại đậu canh tác hạ trấp tướng nhi thật phi phần.

những gì có thể ăn nuốt đều khởi quán tướng vi trùng, nhưng thật không phải trùng. Nhìn bát canh đại đậu tác tướng nước bần, mà thật chẳng phân dơ.

觀所食酪猶如髓腦而實非腦。

quán sở thực lạc do như tủy não nhi thật phi não.

Quán xem thức ăn sữa cũng như tủy não, mà thật chẳng phải là tủy não.

觀骨碎末猶如麩相而實非麩。四無量心亦復如是。

quán cốt toái mạt do như xiểu tướng nhi thật phi xiểu. tứ vô lượng tâm diệc phục như thị.

Quán bột tro xương cốt như gạo vụn mà thật không phải gạo vụn. Bốn vô lượng tâm cũng lại như vậy,

不能真實利益眾生令其得樂。

bất năng chân thật lợi ích chúng sanh lệnh kỳ đắc lạc.

không thể chân thật lợi ích chúng sanh khiến họ được an vui,

雖口發言與眾生樂而實不得。如是之觀非虛妄耶。世尊。

tuy khẩu phát ngôn dĩ chúng sanh lạc nhi thật bất đắc. như thị chi quán phi hư vọng da. Thế tôn.

tuy miệng phát lời nói ban cho chúng sanh, mà thật chẳng thấy được. Quán như vậy chẳng phải là hư vọng chẳng. Thừa Thế Tôn!

若非虛妄實與樂者。

nhược phi hư vọng thật dĩ lạc giả.

nếu chẳng phải hư vọng mà chân thật ban cho an vui,

而諸眾生何故不以諸佛菩薩威德力故一切受樂。若當真實不得樂者。

nhi chư chúng sanh hà cố bất dĩ chư Phật Bồ-tát uy đức lực cố nhất thiết thọ lạc. nhược đương chân thật bất đắc lạc giả.

thì chúng sanh vì có sao chẳng do sức oai đức chư Phật Bồ-tát mà được các điều an vui, hoặc chắc thật chẳng được an vui.

如佛所說我念往昔獨修慈心。

như Phật sở thuyết ngã niệm vãng tích độc tu từ tâm。

Như lời Phật nói, con nhớ xưa kia con đi sống độc cư, tu từ tâm,

經此劫世七返成壞不來此生。世界成時生梵天中。

Kinh thử kiếp thế thất phản thành hoại Bất-lai thử sanh。 thế giới thành thời sanh Phạm Thiên trung。

trải qua đời kiếp bảy lần thành hoại, không trở lại cõi đời này, khi thế giới thành, thì sanh vào cõi Phạm Thiên,

世界壞時生光音天。若生梵天力勢自在無能摧伏。

thế giới hoại thời sanh Quang âm Thiên。 nhược sanh Phạm Thiên lực thế tự-tại vô năng tồi phục。

khi thế giới hoại diệt thời sanh lên cõi Quang Âm Thiên, hoặc sanh lên Phạm Thiên, thế lực tự tại, không gì có thể bẻ gãy hay nhiếp phục được.

於千梵中最勝最上名大梵王。

ư thiên phạm trung tối thắng tối thượng danh Đại Phạm Vương。

Trong hàng ngàn cõi trời, thì Phạm Thiên là tối thắng tối thượng, nên gọi là Đại Phạm Vương.

有諸眾生皆於我所生最上想。

hữu chư chúng sanh giai ư ngã sở sanh tối thượng tưởng。

Có các chúng sanh ở chỗ con mà phát sanh những nghĩ tưởng tối thượng.

三十六返作忉利天王釋提桓因。

tam thập lục phản tác đao lợi Thiên Vương thích đề hoàn nhân。

Ba mươi sáu lần làm vua Thích Đề Hoàn Nhơn trong cõi trời Đao-lợi,

無量百千作轉輪王獨修慈心乃得如是人天果報。

vô lượng bách thiên tác chuyển luân Vương độc tu từ tâm nãi đắc như thị nhân Thiên quả báo。

vô lượng trăm ngàn Chuyển Luân Vương chỉ chuyên tu từ tâm mới được quả báo nhân thiên như vậy.

若不實者云何得與此義相應。佛言。善哉善哉。善男子。

nhược bất thật giả vân hà đắc dĩ thử nghĩa tương ứng。 Phật ngôn。 Thiện tai Thiện tai。 thiện nam tử。

Nếu không thật thì làm sao tương ứng với nghĩa này. Phật dạy: Lành thay! lành thay! Này
Thiện nam tử!

汝真勇猛無所畏懼。即為迦葉。而說偈言。

nhữ chân dũng mãnh vô sở úy cụ。 tức vi ca diệp。 nhi thuyết kệ ngôn。

Các Ông thật dũng mãnh, không sợ hãi, liền vì ngài Ca-diếp mà nói kệ rằng:

若於一眾生	不生瞋恚心
Nhược ư nhất chúng sanh	Bất sanh sân khuể tâm
Nếu đối với chúng sanh	Không sanh lòng sân giận
而願與彼樂	是名為慈善
Nhi nguyện dữ bỉ lạc	Thị danh vi từ thiện
Mà nguyện cho an vui	Là từ bi tốt lành
一切眾生中	若起於悲心
Nhất thiết chúng sanh trung	Nhược khởi ư bi tâm
Trong tất cả chúng sanh	Nếu phát khởi bi tâm
是名聖種性	得福報無量
Thị danh Thánh chủng tánh	Đắc phúc báo vô lượng
Gọi là hạt giống Thánh	Được phước báo vô lượng
設使五通仙	悉滿此大地
Thiết sử ngũ thông tiên	Tất mãn thử Đại địa
Khiến cho năm thông tiên	Thầy đều đầy đại địa
有大自在天	奉施其所安
Hữu Đại Tự Tại Thiên	Phụng thí kỳ sở an
Có Đại Tự Tại Thiên	Cúng dường khiến đủ đầy
象馬種種物	所得福報果
Tượng mã chủng chủng vật	Sở đắc phúc báo quả
Voi ngựa các thứ vật	Các phước báo có được
不及修一慈	十六分中一
Bất cập tu nhất từ	Thập lục phân trung nhất
Chẳng bằng tu từ tâm	Một phần trong mười sáu.

善男子。夫修慈者實非妄想諦是真實。

thiện nam tử。 phu tu từ giả thật phi vọng tưởng đế thị chân thật。

Thiện nam tử! tu từ tâm thật không có xét kỹ vọng tưởng là chân thật.

若是聲聞緣覺之慈是名虛妄。

nhược thị Thanh văn, Duyên giác chi từ thị danh hư vọng。

Nếu là từ tâm của Thanh văn, Duyên giác, thì gọi là hư vọng.

諸佛菩薩真實不虛云何知耶。善男子。

chư Phật Bồ-tát chân thật bất hư vôn hà tri da. thiện nam tử。

Chư Phật Bồ-tát chân thật không hư vọng, làm sao biết? Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修行如是大涅槃者。觀土為金觀金為土。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu hành như thị Đại Niết-Bàn giả. quán độ vi kim quán kim vi độ
vị đại Bồ-tát tu hành như vậy là đại Niết-bàn, quán đất cát là vàng, quán vàng là đất cát;
地作水相水作地相。水作火相火作水相。

địa tác thủy tướng thủy tác địa tướng。thủy tác hỏa tướng hỏa tác thủy tướng。

đất quán tướng nước, nước quán là tướng đất; nước quán là tướng lửa, lửa quán là tướng
nước;

地作風相風作地相。隨意成就無有虛妄。

địa tác phong tướng phong tác địa tướng。tùy ý thành tựu vô hữu hư vọng。

đất quán là tướng gió, gió quán là tướng đất; tùy ý thành tựu, không có hư vọng.

觀實眾生為非眾生。觀非眾生為實眾生。

quán thật chúng sanh vi phi chúng sanh。quán phi chúng sanh vi thật chúng sanh

Quán thật chúng sanh là phi chúng sanh, quán phi chúng sanh là thật chúng sanh,

悉隨意成無有虛妄。善男子。當知菩薩四無量心。

tất tùy ý thành vô hữu hư vọng。thiện nam tử。đương tri Bồ-tát tứ vô lượng tâm

hết thủy đều tùy ý thành không có hư vọng. Nay Thiện nam tử! phải biết tứ vô lượng tâm
của Bồ-tát,

是實思惟非不真實。復次善男子。云何名為真實思惟。

thị thật tư duy phi bất chân thật。phục thứ thiện nam tử。vôn hà danh vi chân thật tư
duy。

là thật tư duy, không gì không là chân thật. Lại nữa Thiện nam tử! Thế nào gọi là thật tư
duy?

謂能斷除諸煩惱故。善男子。

vị năng đoạn trừ chư phiền não cố。thiện nam tử。

là năng đoạn trừ các phiền não. Nay Thiện nam tử!

夫修慈者能斷貪欲。修悲心者能斷瞋恚。

phu tu từ giả năng đoạn tham dục. tu bi tâm giả năng đoạn sân khuể.

Tu từ tâm hay đoạn trừ được tham dục, tu bi tâm hay chặt đứt được sân nhuế,

修喜心者能斷不樂。修捨心者能斷貪恚及眾生相。

tu hỷ tâm giả năng đoạn bất lạc. tu xả tâm giả năng đoạn tham khuể cập chúng sanh tướng.

tu hỷ tâm hay đoạn được tâm lý không vui thích, tu xả tâm hay đoạn trừ được tham, giận và chúng sanh tướng.

以是故名真實思惟。復次善男子。

dĩ thị cố danh chân thật tư duy. phục thứ thiện nam tử.

Do vậy cho nên gọi là chân thật tư duy. Lại nữa, Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩四無量心。能為一切諸善根本。善男子。

Bồ-tát Ma-Ha tát tứ vô lượng tâm. năng vi nhất thiết chư thiện căn bản. thiện nam tử.

vị đại Bồ-tát tu tứ vô lượng tâm, hay làm tất cả các căn bản thiện. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩若不得見貧窮眾生無緣生慈。

Bồ-tát Ma-Ha tát nhược bất đắc kiến bần cùng chúng sanh vô duyên sanh từ.

vị đại Bồ-tát nếu không thấy chúng sanh nghèo cùng, thì không sanh vô duyên sanh từ tâm;

若不生慈則不能起惠施之心。

nhược bất sanh từ tắc bất năng khởi huệ thí chi tâm.

nếu không sanh tâm từ, thì không thể khởi tâm huệ thí.

以施因緣令諸眾生得安隱樂。

dĩ thí nhân duyên lệnh chư chúng sanh đắc an ổn lạc.

Do nhờ nhân duyên bố thí mà chúng sanh được vui an ổn.

所謂食飯車乘衣服花香床臥舍宅燈明。如是施時心無繫縛不生貪著。

sở vị thực phạn xa thừa y phục hoa hương sàng ngọa xá trạch đăng minh. như thị thí thời tâm vô hệ phọc bất sanh tham trước.

Nếu đem thức ăn, xe cộ, y áo, hoa hương, giường nằm, phòng nhà, đèn đuốc bố thí; khi

bố thí như vậy nhưng tâm không ràng buộc, không sanh tham trước,

必定迴向阿耨多羅三藐三菩提。

tất định hồi hướng a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。
quyết định hồi hướng lên ngôi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,
其心爾時無所依止。妄想永斷不為怖畏名稱利養。
kỳ tâm nhĩ thời vô sở y chỉ。 vọng tưởng vĩnh đoạn bất vi ố úy danh xưng lợi dưỡng。
Bấy giờ tâm không kẹt vào đâu, vọng tưởng vĩnh viễn chặt đứt, không bị khiếp sợ, danh
xưng lợi dưỡng,
不求人天所受快樂。不生憍慢不望返報不為誑他。
bất cầu nhân Thiên sở thọ khoái lạc。 bất sanh kiêu mạn bất vọng phản báo bất vi cưỡng
tha。
không cầu khoái lạc như Thiên, không sanh lòng kiêu mạn, không mong cầu báo đáp,
không dối lừa người,
故行布施不求富貴。
cố hành bố thí bất cầu phú quý。
cho nên hành bố thí mà chẳng cầu giàu sang。
凡行施時不見受者持戒破戒是田非田。此是知識此非知識。
phàm hành thí thời bất kiến thọ giả trì giới phá giới thị điền phi điền。 thử thị tri thức thử phi
tri thức。
Khi hành bố thí, thời chẳng thấy người nhận trì giới hay phá giới, là phước điền hay phi
phước điền, đây là tri thức, kia là phi tri thức。
施時不見是器非器。不擇日時是處非處。
thí thời bất kiến thị khí phi khí。 bất trạch nhật thời thị xử phi xử。
Khi bố thí, không thấy là đáng hay không đáng, không chọn thời giờ, xử, phi xử,
亦復不計飢饉豐樂。
diệc phục bất kế cơ cận phong lạc。
cũng không tính kể đói khát đầy đủ, vui thích,
不見因果此是眾生此非眾生是福非福。雖復不見施者受者及以財物。
bất kiến nhân quả thử thị chúng sanh thử phi chúng sanh thị phúc phi phúc。 tuy phục bất
kiến thí giả thọ giả cập dĩ tài vật。
không thấy nhân quả, đây là chúng sanh, kia là phi chúng sanh, là phước, phi phước。 Bồ-
tát tuy không thấy người bố thí, người nhận và tài vật,
乃至不見斷及果報。而常行施無有斷絕。善男子。

nãi chí bất kiến đoạn cập quả báo. nhi thường hành thí vô hữu đoạn tuyệt thiện nam tử.
cho đến không thấy đoạn diệt và quả báo, mà thường hành bố thí không có đoạn tuyệt.

Này Thiện nam tử!

菩薩若見持戒破戒乃至果報終不能施。

Bồ-tát nhược kiến trì giới phá giới nãi chí quả báo chung bất năng thí.

Bồ-tát hoặc thấy trì giới, phá giới, cho đến quả báo mà trọn không hay bố thí,
若不布施則不具足檀波羅蜜。

nhược bất bố thí tắc bất cụ túc đàn Ba-la-mật。

nếu không bố thí thì không đầy đủ đàn Ba-la-mật,

若不具足檀波羅蜜。則不能成阿耨多羅三藐三菩提。

nhược bất cụ túc đàn Ba-la-mật。 tắc bất năng thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。

nếu không đầy đủ Đàn Ba-la-mật, thì không thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。

善男子。譬如有人身被毒箭。

thiện nam tử。 thí như hữu nhân thân bị độc tiễn。

Này Thiện nam tử! thí như có thân người bị trúng mũi tên độc,

其人眷屬欲令安隱為除毒故。即命良醫而為拔箭。

kỳ nhân quyến chúc dục lệnh an ổn vi trừ độc cố。 tức mạng lương y nhi vi bạt tiễn。

thân quyến người đó muốn khiến cho an ổn, trừ sự độc hại, liền mời lương y nhổ mũi tên
cho người đó,

彼人方言且待莫觸。我今當觀。如是毒箭從何方來。

bỉ nhân phương ngôn thả đãi mạc xúc。 ngã kim đương quán。 như thị độc tiễn tòng hà
phương lai。

người đó mới nói: khoan! hãy chờ chạm vào, để tôi xem mũi tên độc này từ đâu đến,
誰之所射為是剎利婆羅門毘舍首陀。復更作念。

thùy chi sở xạ vi thị sát lợi Bà-la-môn Tì-xá thủ đà。 phục canh tác niệm。

ai là người bắn mũi tên này, là Sát-lợi, Bà-la-môn, Tì-xá, hay Đầu-đà, bèn nghĩ rằng:

是何木耶竹耶柳耶。

thị hà mộc da trúc da liễu da。

Là cây gỗ chằng? là tre trúc chằng? là cây liễu chằng?

其鏃鐵者何冶所出剛耶柔耶。其毛羽者是何鳥翼鳥鷗鷺耶。

kỳ thốc thiết giả hà dã sở xuất cương da nhu da。 kỳ mao vũ giả thị hà điều dục điều, ứng thứu da。

sắt bít đầu mũi tên làm ở đâu? là cứng hay mềm? cánh lông của mũi tên là cánh của lông chim loài nào? là của quạ hay của chim ưng?

所有毒者為從作生自然而有。

sở hữu độc giả vi tòng tác sanh tự nhiên nhi hữu。

chất độc là do người làm ra hay tự nhiên có?

為是人毒惡蛇毒耶。如是癡人竟未能知尋便命終。善男子。

vi thị nhân độc ác xà độc da。 như thị si nhân cánh vị năng tri tầm tiện mạng chung。 thiện nam tử。

là độc của người hay độc của rắn?. Người ngu si như vậy cuối cùng khi chưa biết gốc gác ngọn nguồn những gì mình hỏi thì mạng chung. Thiện nam tử!

菩薩亦爾。

Bồ-tát diệc nhĩ。

Bồ-tát cũng như vậy。

若行施時分別受者持戒破戒乃至果報終不能施。

nhược hành thí thời phân biệt thọ giả trì giới phá giới nãi chí quả báo chung bất năng thí。 nếu khi hành bố thí mà phân biệt người nhận là trì giới hay phá giới, cho đến quả báo nên không bố thí,

若不能施則不具足檀波羅蜜。若不具足檀波羅蜜。

nhược bất năng thí tắc bất cụ túc đàn Ba-la-mật。 nhược bất cụ túc đàn Ba-la-mật nếu không bố thí, thì không đầy đủ bố thí Ba-la-mật; nếu không đầy đủ bố thí Ba-la-mật, 則不能成阿耨多羅三藐三菩提。

tắc bất năng thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。

thời không thể thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。

善男子。菩薩摩訶薩行布施時。

thiện nam tử。 Bồ-tát Ma-Ha tát hành bố thí thời。

Này thiện nam tử! vị đại Bồ-tát khi hành bố thí,

於諸眾生慈心平等猶如子想。

ư chư chúng sanh từ tâm bình đẳng do như tử tưởng。

đối với các chúng chúng sanh, sanh từ tâm, bình đẳng như thương con;

又行施時於諸眾生起悲愍心。譬如父母瞻視病子。

hựu hành thí thời ư chư chúng sanh khởi bi mẫn tâm. thí như phụ mẫu chiêm thị bệnh tử.

lại khi hành bố thí, thời đối với các chúng sanh, khởi lòng xót thương, như cha mẹ đối với con bệnh.

行施之時其心歡喜。猶如父母見子病愈。既施之後其心放捨。

hành thí chi thời kỳ tâm hoan hỷ. do như phụ mẫu kiến tử bệnh dĩ. ký thí chi hậu kỳ tâm phóng xả.

Khi hành bố thí thời tâm hoan hỷ, như cha mẹ thấy con bệnh đã lành, sau khi bố thí, thì tâm phóng xả,

猶如父母見子長大能自在活。

do như phụ mẫu kiến tử trường Đại năng tự-tại hoạt.

như cha mẹ thấy con lớn lên, thì mới có thể sống tự tại.

是菩薩摩訶薩於慈心中布施食時。常作是願。

thị Bồ-tát Ma-Ha tát ư từ tâm trung bố thí thực thời. thường tác thị nguyện.

Là đại Bồ-tát khởi từ tâm trong lúc bố thí đến chừng bằng một giờ ăn, thường phát lời nguyện,

我今所施悉與一切眾生共之。

ngã kim sở thí tất dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi.

ta nay bố thí hết cho tất cả chúng sanh,

以是因緣令諸眾生得大智食。勤進迴向無上大乘。

dĩ thị nhân duyên lệnh chư chúng sanh đắc Đại trí thực. tinh cần tiến hồi hướng vô thượng Đại thừa.

do nhân duyên này khiến các chúng sanh được đại trí huệ, tinh cần hồi hướng lên ngôi vị Vô Thượng Đại Thừa,

願諸眾生得善智食。不求聲聞緣覺之食。

nguyện chư chúng sanh đắc thiện trí thực. bất cầu Thanh văn, Duyên giác chi thực

nguyện các chúng sanh được thiện trí thức, không cầu trí huệ Thanh văn, Duyên giác.

願諸眾生得法喜食不求愛食。

nguyện chư chúng sanh đắc Pháp hỷ thực bất cầu ái thực.

Nguyện các chúng sanh được Pháp hỷ thực, không tham việc ăn uống,

願諸眾生悉得般若波羅蜜食皆令充滿。攝取無礙增上善根。

nguyện chư chúng sanh tất đắc bát nhã Ba-la-mật thực giai lệnh sung mãn。 nhiếp thủ vô ngại tăng thượng thiện căn。

nguyện các chúng sanh thầy đều được Bát-nhã Ba-la-mật, thức ăn đều khiến đầy đủ, nhiếp thủ vô ngại, tăng thượng thiện căn,

願諸眾生悟解空相得無礙身猶如虛空。

nguyện chư chúng sanh ngộ giải không tướng đắc vô ngại thân do như hư không。

nguyện các chúng sanh ngộ giải được không tướng, được vô ngại, thân như hư không。

願諸眾生常為受者。憐愍一切為眾福田。善男子。

nguyện chư chúng sanh thường vi thọ giả。 liên mẫn nhất thiết vi chúng phúc điền Thiện nam tử!

Nguyện các chúng sanh thường là người thọ nhận, thương xót tất cả phước điền. Nay thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修慈心時。凡所施食應當堅發如是等願。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu từ tâm thời。 phạm sở thí thực ứng đương kiên phát như thị đẳng nguyện。

khi đại Bồ-tát tu từ tâm, phạm bố thí thức ăn nên phải vững tâm phát nguyện như thế. 復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩於慈心中布施漿時。當作是願。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư từ tâm trung bố thí tương thời。 đương tác thị nguyện。

vị đại Bồ-tát trú trong từ tâm khi bố thí nước uống, phải phát nguyện rằng:

我今所施悉與一切眾生共之。以是因緣令諸眾生趣大乘河飲八味水。

ngã kim sở thí tất dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi。 dĩ thị nhân duyên lệnh chư chúng sanh thú Đại thừa hà ẩm bát vị thủy。

con nay bố thí cho tất cả chúng sanh, do nhân duyên này khiến các chúng sanh hưởng đến Đại thừa, uống nước có tám vị,

速涉無上菩提之道。離於聲聞緣覺枯竭。

tốc thiệp vô thượng Bồ-đề chi đạo。 ly ư Thanh văn, Duyên giác khô kiệt。

nhanh chóng an trú vào suối nguồn Vô Thượng Bồ-đề, xa lìa nguồn khô cạn của Thanh văn, Duyên giác,

渴仰求於無上佛乘。斷煩惱渴渴仰法味。

khát ngưỡng cầu ư vô thượng Phật thừa. đoạn phiền não khát khát ngưỡng Pháp vị
khát ngưỡng cầu Vô Thượng Phật thừa, chặt đứt phiền não, khát ngưỡng Pháp vị,
離生死愛愛樂大乘大般涅槃。

ly sanh tử ái ái lạc Đại thừa Đại Bát-niết-bàn。

xa lìa sanh tử, ưa thích Đại thừa, Đại Bát-niết-bàn,

具足法身得諸三昧。入於甚深智慧大海。

cụ túc Pháp thân đắc chư tam muội. nhập ư thậm thâm trí tuệ Đại hải。

đầy đủ Pháp thân, sâu vào biển lớn trí huệ.

願諸眾生得甘露味菩提出世離欲寂靜如是諸味。

nguyện chư chúng sanh đắc cam lộ vị Bồ-đề xuất thế ly dục tịch tĩnh như thị chư vị。

Nguyện các chúng sanh được mùi vị cam lộ, được Bồ-đề xuất thế, ly dục tịch tịnh.

願諸眾生具足無量百千法味。具法味已得見佛性。

nguyện chư chúng sanh cụ túc vô lượng bách thiên Pháp vị. cụ Pháp vị dĩ đắc kiến Phật
tánh。

Nguyện các chúng sanh đầy đủ vô lượng trăm ngàn Pháp vị; đủ Pháp vị rồi, được thấy
Phật tánh;

見佛性已能雨法雨。

kiến Phật tánh dĩ năng vũ Pháp vũ。

thấy Phật tánh rồi, hay làm mưa Pháp;

雨法雨已佛性遍覆猶如虛空。復令其餘無量眾生得一法味。

vũ Pháp vũ dĩ Phật tánh biến phúc do như hư không. phục lệnh kỳ dư vô lượng chúng
sanh đắc nhất Pháp vị。

làm mưa Pháp rồi, Phật tánh biến khắp che trùm như hư không, lại khiến vô lượng chúng
sanh khác được một Pháp vị,

所謂大乘非諸聲聞辟支佛味。

sở vị Đại thừa phi chư thanh văn Bích chi Phật vị。

đó là vị của Đại thừa, chẳng phải là vị của Thanh văn, Bích-chi-phật.

願諸眾生得一甜味。無有六種差別之味。

nguyện chư chúng sanh đắc nhất điềm vị. vô hữu lục chủng sai biệt chi vị.
Nguyện các chúng sanh được một vị ngọt, không có sáu mùi loại sai biệt.
願諸眾生唯求法味無礙佛法所行之味。不求餘味。善男子。
nguyện chư chúng sanh duy cầu Pháp vị vô ngại Phật Pháp sở hạnh chi vị. bất cầu dư
vị. thiện nam tử.
Nguyện các chúng sanh chỉ cầu Pháp vị, chỉ cầu một vị vô ngại Phật Pháp sở hành,
không cầu mùi khác. Thiện nam tử!
菩薩摩訶薩於慈心中布施漿時。
Bồ-tát Ma-Ha tát ư từ tâm trung bố thí tương thời。
Khi vị đại Bồ-tát an trú từ tâm khi bố thí nước uống,
應當堅發如是等願。復次善男子。
ứng đương kiên phát như thị đẳng nguyện。 phục thứ thiện nam tử。
nên phải kiên tâm phát nguyện như vậy. Lại nữa, Thiện nam tử!
菩薩摩訶薩於慈心中施車乘時。應作是願。
Bồ-tát Ma-Ha tát ư từ tâm trung thí xa thừa thời。 ứng tác thị nguyện。
vị đại Bồ-tát an trú từ tâm khi bố thí xe, nên phát nguyện như vậy:
我今所施悉與一切眾生共之。以是因緣普令眾生成於大乘。
ngã kim sở thí tất dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi。 dĩ thị nhân duyên phổ lệnh chúng
sanh thành ư Đại thừa。
tôi nay bố thí cho tất cả chúng sanh, do nhân duyên này khắp khiến chúng sanh thành tựu
môn tu Đại thừa,
得住大乘不退於乘不動轉乘金剛座乘。
đắc trụ Đại thừa bất thối ư thừa bất động chuyển thừa Kim cương tọa thừa。
được trụ trong Đại thừa không thối chuyển, đối với Đại thừa không động chuyển, nương
nơi toà Kim Cang,
不求聲聞辟支佛乘。向於佛乘無能伏乘。
bất cầu thanh văn Bích chi Phật thừa。 hướng ư Phật thừa vô năng phục thừa。
không cầu Thanh văn, Bích-chi-phật thừa, chỉ hướng Phật thừa, không thể không bái
phục. Thừa
無羸乏乘不退沒乘。無上乘十力乘。
vô luy phạp thừa bất thối một thừa。 vô thượng thừa thập lực thừa。

không yếu đuối, thừa không thoái chuyển, thừa Vô Thượng, thừa Thập Lực, thừa
大功德乘未曾有乘。希有乘難得乘。無邊乘知一切乘。

Đại công đức thừa vị tăng hữu thừa. hi hữu thừa nan đắc thừa. vô biên thừa tri nhất thiết thừa.

Đại công đức, thừa vị tăng hữu, thừa hi hữu, thừa nan đắc, thừa vô biên, thừa biết tất cả thừa.

善男子。菩薩摩訶薩於慈心中施車乘時。

Thiện nam tử! Bồ-tát Ma-Ha tát ư từ tâm trung thí xa thừa thời.

Này Thiện Nam tử! vị đại Bồ-tát an trú từ tâm khi bố thí xe cộ,
常應如是堅發誓願。復次善男子。

thường ứng như thị kiên phát thệ nguyện. phục thứ thiện nam tử.

thường nên phát thệ nguyện như vậy. Lại nữa Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩於慈心中布施衣時。當作是願。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư từ tâm trung bố thí y thời. đương tác thệ nguyện.

vị đại Bồ-tát trú trong từ tâm khi bố thí y áo, nên phát lời nguyện rằng:

我今所施悉與一切眾生共之。

ngã kim sở thí tất dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi.

những đồ bố thí của tôi nay đều cho tất cả chúng sanh,

以是因緣令諸眾生得慚愧衣。法界覆身裂諸見衣。

dĩ thị nhân duyên lệnh chư chúng sanh đắc tầm quý y. Pháp giới phúc thân liệt chư kiến y.

do nhân duyên này khiến các chúng sanh được y phục tầm quý, pháp giới che trùm, phân thân đều thấy y phục,

衣服離身一尺六寸得金色身。所受諸觸柔軟無礙。

y phục ly thân nhất xích lục thốn đắc kim sắc thân. sở thọ chư xúc nhu nhuyễn vô ngại.

y phục lìa thân một thước sáu tấc, được thân sắc vàng, các đồ thọ nhận xúc chạm mềm mịn vô ngại,

光色潤澤皮膚細軟。常光無量無色離色。

quang sắc nhuận trạch bì phu tế nhuyễn. thường quang vô lượng vô sắc ly sắc.

da thịt sáng sạch mềm mịn, trơn láng, thường phát ánh sáng vô lượng, không sắc ly sắc.

願諸眾生皆悉普得無色之身。

nguyện chư chúng sanh giai tất phổ đắc vô sắc chi thân。
 Nguyện cho các chúng sanh đều được thân vô sắc,
 過一切色得入無色大般涅槃。善男子。菩薩摩訶薩布施衣時。
 quá nhất thiết sắc đắc nhập vô sắc Đại Bát-niết-bàn。thiện nam tử。Bồ-tát Ma-Ha tát bố
 thí y thời。
 thắng vượt tất cả sắc, được vào vô sắc Đại Bát-niết-bàn。Thiện nam tử! vị đại Bồ-tát khi bố
 thí y phục,
 應當如是堅發誓願。
 ứng đương như thị kiên phát thệ nguyện。
 nên phải phát lời nguyện kiên cố như vậy。
 復次善男子。菩薩摩訶薩於修慈中。
 phục thứ thiện nam tử。Bồ-tát Ma-Ha tát ư tu từ trung。
 Lại nữa Thiện Nam Tử! Vị đại Bồ-tát khi tu tập từ tâm,
 布施花香塗香末香諸雜香時。應作是願。
 bố thí hoa hương đồ hương mặt hương chư tạp hương thời。ứng tác thị nguyện。
 khi bố thí hoa hương, đồ hương, mặt hương, các tạp hương, nên phát nguyện như vậy,
 我今所施悉與一切眾生共之。
 ngã kim sở thí tất dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi。
 những đồ bố thí của tôi nay thí cho tất cả chúng sanh,
 以是因緣令諸眾生一切皆得佛花三昧。七覺妙鬘繫其首頂。
 dĩ thị nhân duyên lệnh chư chúng sanh nhất thiết giai đắc Phật hoa tam muội。thất giác
 diệu man hệ kỳ thủ đỉnh。
 do nhân duyên này khiến tất cả chúng sanh đều được Phật hoa tam muội, bảy giác diệu
 chi, hoa man quán trên đỉnh đầu。
 願諸眾生形如滿月。所見諸色微妙第一。
 nguyện chư chúng sanh hình như mãn nguyệt。sở kiến chư sắc vi diệu đệ nhất。
 Nguyện cho các chúng sanh hình như trăng tròn, thấy các sắc vi diệu đệ nhất。
 願諸眾生皆成一相百福莊嚴。
 nguyện chư chúng sanh giai thành nhất tướng bách phúc trang nghiêm。
 Nguyện cho các chúng sanh đều thành nhất tướng, trăm phước trang nghiêm。
 願諸眾生隨意得見可意之色。

nguyện chư chúng sanh tùy ý đắc kiến khả ý chi sắc。
 Nguyện cho các chúng sanh tùy ý được thấy sắc như ý,
 願諸眾生常遇善友得無礙香離諸臭穢。願諸眾生具諸善根無上珍寶。
 nguyện chư chúng sanh thường ngộ thiện hữu đắc vô ngại hương ly chư xú uế。 nguyện
 chư chúng sanh cụ chư thiện căn vô thượng trân bảo。
 Nguyện cho các chúng sanh thường gặp bạn lành, được vô ngại hương, lìa xa các hôi dơ。
 Nguyện cho các chúng sanh đủ các thiện căn, vô thượng trân báu。
 願諸眾生相視和悅無有憂苦。
 nguyện chư chúng sanh tướng thị hòa duyệt vô hữu ưu khổ。
 Nguyện cho các chúng sanh nhìn nhau vui hòa, không có lo buồn khổ não,
 眾善各備不相憂念。願諸眾生戒香具足。願諸眾生持無礙戒。
 chúng thiện các bị bất tướng ưu niệm。 nguyện chư chúng sanh giới hương cụ
 túc。 nguyện chư chúng sanh trì vô ngại giới。
 các thiện đều đầy đủ, không có niệm lo buồn nhau。 Nguyện cho các chúng sanh giới
 hương đầy đủ, nguyện các chúng sanh trì giới vô ngại,
 香氣翻馥充滿十方。
 hương khí 翻 phức sung mãn thập phương。
 hương thơm sức nức, tràn đầy mười phương。
 願諸眾生得堅牢戒無悔之戒。一切智戒。
 nguyện chư chúng sanh đắc kiên lao giới vô hối chi giới。 nhất thiết trí giới。
 Nguyện các chúng sanh được giới bền chắc, giới vô hối, giới nhất thiết trí,
 離諸破戒悉得無戒未曾有戒。
 ly chư phá giới tất đắc vô giới vị tăng hữu giới。
 xa lìa phá giới, thầy đều được vô giới, vị tăng hữu giới,
 無師戒無作戒無荒戒無污染戒竟已戒究竟戒。得平等戒。
 vô sư giới vô tác giới vô hoang giới vô ô nhiễm giới cánh dĩ giới cứu cánh giới đắc bình
 đẳng giới。
 vô sư giới, vô tác giới, vô hoang giới, vô ô nhiễm giới, cánh dĩ giới, cứu cánh giới, đắc bình
 đẳng giới。
 於香塗身及以斫刺等無憎愛。
 ư hương đồ thân cập dĩ chương thích đẳng vô tăng ái。

đối với hương bôi thân cùng dùng phật đâm chết bực vô ghét yêu。
願諸眾生得無上戒大乘之戒非小乘戒。願諸眾生悉得具足尸波羅蜜。
nguyện chư chúng sanh đắc vô thượng giới Đại thừa chi giới phi tiểu thừa giới。nguyện
chư chúng sanh tất đắc cụ túc thi Ba-la-mật。
Nguyện cho các chúng sanh được giới vô thượng, giới Đại thừa, giới phi tiểu thừa, nguyện
cho các chúng sanh hết thấy được đầy đủ Thi ba-la-mật,
猶如諸佛所成就戒。
do như chư Phật sở thành tựu giới。
cũng như giới mà chư Phật đã thành tựu。
願諸眾生悉為布施持戒忍辱精進禪智之所薰修。
nguyện chư chúng sanh tất vi ố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền trí chi sở huân tu。
Nguyện cho các chúng sanh huân tu hết thấy các hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn,
thiền định, trí huệ。
願諸眾生悉得成於大般涅槃微妙蓮花。其花香氣充滿十方。
nguyện chư chúng sanh tất đắc thành ư Đại Bát-niết-bàn vi diệu liên hoa。 kỳ hoa hương
khí sung mãn thập phương。
Nguyện cho các chúng sanh thấy đều được thành vi diệu liên hoa của Đại Bát-niết-bàn,
mùi thơm hoa hương ấy biến khắp mười phương。
願諸眾生純食大乘大般涅槃無上香饌。
nguyện chư chúng sanh thuần thực Đại thừa Đại Bát-niết-bàn vô thượng hương soạn
Nguyện cho các chúng sanh thuần ăn thức ăn vô thượng hương hoa của Đại thừa Đại
Bát-niết-bàn,
猶蜂採花但取香味。
do phong thái hoa dẫn thủ hương vị。
như ong hái hoa, chỉ lấy chút mùi hương của hoa。
願諸眾生悉得成就無量功德所薰之身。善男子。
nguyện chư chúng sanh tất đắc thành tựu vô lượng công đức sở huân chi thân Thiện nam
tử!
Nguyện cho các chúng sanh hết thấy đều thành tựu thân sở huân vô lượng công đức. Nay
Thiện nam tử!
菩薩摩訶薩於慈心中施花香時。常當堅發如是誓願。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư từ tâm trung thí hoa hương thời. thường đương kiên phát như thị thệ nguyện.

vị đại Bồ-tát trú trong từ tâm khi bố thí hoa hương, thường nên kiên tâm phát nguyện như vậy.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩於慈心中施床敷時。應作是願。我今所施悉與一切眾生共之。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư từ tâm trung thí sàng phu thời. ứng tác thị nguyện. ngã kim sở thí tất dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi.

Vị đại Bồ-tát trú trong từ tâm khi bố thí giường nệm, nên phát nguyện rằng, nay những đồ bố thí của tôi thí cho tất cả chúng sanh,

以是因緣令諸眾生得天中天所臥之床。

dĩ thị nhân duyên lệnh chư chúng sanh đắc Thiên trung Thiên sở ngoạ chi sàng。

do nhân duyên này khiến các chúng sanh được giường nằm của cõi trời Trung Thiên, đắc đại智慧坐四禪處。臥於菩薩所臥之床。

đắc Đại trí tuệ tọa tứ Thiên xử. ngoạ ư Bồ-tát sở ngoạ chi sàng。

được đại trí tuệ, an trú trong cõi tứ Thiên, nằm trên giường Bồ-tát,

不臥聲聞辟支佛床離臥惡床。

bất ngoạ thanh văn Bích chi Phật sàng ly ngoạ ác sàng。

không nằm giường Thanh văn, Bích chi Phật, lìa xa nằm giường xấu ác.

願諸眾生得安樂臥離生死床。成大涅槃師子臥床。

nguyện chư chúng sanh đắc an lạc ngoạ ly sanh tử sàng. thành Đại Niết-Bàn Sư-tử ngoạ sàng。

Nguyện cho các chúng sanh được nằm an lạc, lìa xa giường sanh tử, thành giường nằm sư tử Đại Niết-bàn.

願諸眾生坐此床已。

nguyện chư chúng sanh tọa thử sàng dĩ。

Nguyện cho các chúng sanh ngồi giường ấy xong,

復為其餘無量眾生示現神通師子遊戲。願諸眾生住此大乘大宮殿中。

phục vi kỳ dư vô lượng chúng sanh thị hiện Thần thông Sư tử du hí. nguyện chư chúng sanh trụ thử Đại thừa Đại cung điện trung。

lại vì vô lượng chúng sanh khác mà thị hiện Thần thông Sư tử du hí. Nguyện cho các chúng sanh ấy trụ trong đại cung điện của Đại thừa, 為諸眾生演說佛性。願諸眾生坐無上床。

vi chư chúng sanh diễn thuyết Phật tánh. nguyện chư chúng sanh tọa vô thượng sàng. vì các chúng sanh diễn nói Phật tánh. Nguyện cho các chúng sanh ngồi trên giường Vô Thượng,

不為世法之所降伏。願諸眾生得忍辱床。

bất vi thế Pháp chi sở hàng phục. nguyện chư chúng sanh đắc nhẫn nhục sàng. không bị thế Pháp hàng phục. Nguyện các chúng sanh được giường nhẫn nhục, 離於生死飢饉凍餓。願諸眾生得無畏床。

ly ư sanh tử cơ cận đồng ngạ. nguyện chư chúng sanh đắc vô úy sàng.

xa lìa sanh tử, đói, khát, lạnh. Nguyện cho các chúng sanh được giường vô úy, 永離一切煩惱怨賊。願諸眾生得清淨床。

vĩnh ly nhất thiết phiền não oán tặc. nguyện chư chúng sanh đắc thanh tịnh sàng. vĩnh viễn xa lìa tất cả oán tặc phiền não. Nguyện cho các chúng sanh được giường thanh tịnh.

專求無上正真之道。願諸眾生得善法床。

chuyên cầu vô thượng chánh chân chi đạo. nguyện chư chúng sanh đắc thiện Pháp sàng.

Chuyên cầu Đạo Vô Thượng Chánh Chân. Nguyện cho các chúng sanh được giường thiện Pháp,

常為善友之所擁護。願諸眾生得右脇臥床。

thường vi thiện hữu chi sở ủng hộ. nguyện chư chúng sanh đắc hữu hiếp ngọa sàng. thường được sự ủng hộ của bạn lành. Nguyện cho các chúng sanh được nằm giường nghiêng hông bên phải,

依因諸佛所行之法。善男子。

y nhân chư Phật sở hạnh chi Pháp. thiện nam tử。

y theo pháp sở hành của chư Phật. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩於慈心中施床敷時。應當堅發如是誓願。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư từ tâm trung thí sàng phu thời。 ứng đương kiên phát như thị thệ
nguyện。

Vị đại Bồ-tát trú trong từ tâm khi bố thí giường, nên phải kiên thệ phát lời nguyện như vậy。
復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa, Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩於慈心中施舍宅時常作是願。我今所施悉與一切眾生共之。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư từ tâm trung thí xá trạch thời thường tác thị nguyện。 ngã kim sở thí tất
dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi。

Vị đại Bồ-tát trú trong từ tâm khi bố thí nhà cửa, thời thường phát nguyện rằng, những đồ
bố thí của tôi nay thí cho tất cả chúng sanh,

以是因緣令諸眾生處大乘舍。

dĩ thị nhân duyên lệnh chư chúng sanh xử Đại thừa xá。

do nhân duyên này khiến các chúng sanh trú trong ngôi nhà Đại thừa,
修行善友所行之行。

tu hành thiện hữu sở hạnh chi hành。

tu hành tất cả thiện hạnh mà chư thiện đã hành,

修大悲行六波羅蜜行大正覺行一切菩薩所行道行。無邊廣大如虛空行。

tu Đại bi hành lục Ba-la-mật hành Đại chánh giác hành nhất thiết Bồ-tát sở hạnh đạo
hành。 vô biên quảng Đại như hư không hành。

tu Đại bi, hành hạnh lục Ba-la-mật, thực hành hạnh của bậc Đại Chánh Giác, tất cả đạo
hạnh của Bồ-tát, vô biên quảng đại như hư không hạnh。

願諸眾生皆得正念遠離惡念。

nguyện chư chúng sanh giai đắc chánh niệm viễn li ác niệm。

Nguyện cho các chúng sanh đều được chánh niệm, xa lìa ác niệm,

願諸眾生悉得安住常樂我淨永離四倒。

nguyện chư chúng sanh tất đắc an trú thường lạc ngã tịnh vĩnh ly tứ đảo。

nguyện các chúng sanh thầy đều được an trú Thường, Lạc, Ngã, Tịnh; vĩnh viễn xa lìa bốn
ngã。

願諸眾生悉皆受持出世文字。願諸眾生必為無上一切智器。

nguyện chư chúng sanh tất giai thọ trì xuất thế văn tự。nguyện chư chúng sanh tất vi vô thượng nhất thiết trí khí。

Nguyện cho các chúng sanh thấy đều thọ trì văn tự xuất thế. Nguyện cho các chúng sanh thấy đều là Vô Thượng Nhất Thiết Trí.

願諸眾生悉得入於甘露屋宅。

nguyện chư chúng sanh tất đắc nhập ư cam lộ ốc trạch。

Nguyện cho các chúng sanh thấy đều được vào nhà cam lồ.

願諸眾生初中後心常入大乘涅槃屋宅。

nguyện chư chúng sanh sơ trung hậu tâm thường nhập Đại thừa Niết-Bàn ốc trạch。

Nguyện cho các chúng sanh ba chặng ban đầu, trung gian, rốt sau, tâm thường nhập vào ngôi nhà Đại thừa Niết-bàn.

願諸眾生於未來世常處菩薩所居宮殿。善男子。

nguyện chư chúng sanh ư vị lai thế thường xử Bồ-tát sở cư cung điện。thiện nam tử。

Nguyện cho các chúng sanh trong đời vị lai thường an trú trong cung điện của Bồ-tát. Này Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩於慈心中施舍宅時。常當堅發如是誓願。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư từ tâm trung thí xá trạch thời。thường đương kiên phát như thị thệ nguyện。

vị đại Bồ-tát khởi từ tâm khi bố thí phòng nhà, thường nên kiên tâm phát thệ nguyện như vậy。

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa, Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩於慈心中施燈明時。常作是願。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư từ tâm trung thí đăng minh thời。thường tác thị nguyện。

Vị đại Bồ-tát phát khởi từ tâm khi bố thí đèn đuốc, thường phát nguyện rằng:

我今所施悉與一切眾生共之。以是因緣令諸眾生光明無量安住佛法。

ngã kim sở thí tất dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi。dĩ thị nhân duyên lệnh chư chúng sanh quang-minh vô lượng an trú Phật Pháp。

Những đồ bố thí của tôi nay thí cho tất cả chúng sanh, do nhân duyên này khiến các chúng sanh được vô lượng ánh quang minh, an trú trong Phật Pháp.

願諸眾生常得照明。

nguyện chư chúng sanh thường đắc chiếu minh。

Nguyện cho các chúng sanh thường được chiếu sáng.

願諸眾生得色微妙光澤第一。願諸眾生其目清淨無諸翳網。

nguyện chư chúng sanh đắc sắc vi diệu quang trạch đệ nhất。nguyện chư chúng sanh kỳ mục thanh tịnh vô chư ế võng。

Nguyện cho các chúng sanh được nhan sắc vi diệu, sáng sửa mềm mại bậc nhất. Nguyện cho các chúng sanh được mắt thanh tịnh, không bị các bệnh về mắt.

願諸眾生得大智炬。

nguyện chư chúng sanh đắc Đại trí cự。

Nguyện cho các chúng sanh được đuốc đại trí,

善解無我無眾生相無人無命。願諸眾生皆得覩見清淨佛性猶如虛空。

thiện giải vô ngã vô chúng sanh tướng vô nhân vô mạng。nguyện chư chúng sanh giai đắc đở kiến thanh tịnh Phật tánh do như hư không。

khéo hiểu vô ngã, vô chúng sanh tướng, vô nhân, vô mạng. Nguyện cho các chúng sanh đều được thấy Phật tánh thanh tịnh như hư không.

願諸眾生肉眼清淨徹見十方恒沙世界。

nguyện chư chúng sanh nhục nhãn thanh tịnh triệt kiến thập phương hằng sa thế giới。

Nguyện cho các chúng sanh được nhục nhãn thanh tịnh, thấy suốt hằng sa thế giới trong mười phương.

願諸眾生得佛光明普照十方。

nguyện chư chúng sanh đắc Phật quang-minh phổ chiếu thập phương。

Nguyện cho các chúng sanh được ánh sáng của Phật biến chiếu mười phương.

願諸眾生得無礙明。皆悉得見清淨佛性。

nguyện chư chúng sanh đắc vô ngại minh。giai tất đắc kiến thanh tịnh Phật tánh

Nguyện cho các chúng sanh được ánh quang minh vô ngại, tất cả đều được thấy Phật tánh thanh tịnh.

願諸眾生得大智明。破一切闇及一闍提。

nguyện chư chúng sanh đắc Đại trí minh。phá nhất thiết ám cập nhất-xiển-đề。

Nguyện các chúng sanh được Đại trí minh, phá trừ tất cả mờ tối và nhất-xiển-đề.

願諸眾生得無量光。普照無量諸佛世界。

nguyện chư chúng sanh đăc Vô lượng quang. phổ chiếu vô lượng chư Phật thế giới
Nguyện cho các chúng sanh đăc Vô lượng quang, chiếu khắp vô lượng cảnh giới chư
Phật.

願諸眾生然大乘燈離二乘燈。願諸眾生所得光明滅無明闇。

nguyện chư chúng sanh nhiên Đại thừa đăng ly nhị thừa đăng. nguyện chư chúng sanh
sở đăc quang-minh diệt vô minh ám。

Nguyện cho các chúng sanh đốt sáng ngọn đèn đại thừa, xa lìa ngọn đèn nhị thừa.

Nguyện cho các chúng sanh đăc quang minh, tiêu diệt vô minh mờ tối,

過於千日普照之功。

quá ư thiên nhật phổ chiếu chi công。

hơn cả ánh sáng phổ chiếu của ngàn mặt trời.

願諸眾生得火珠明悉滅三千大千世界所有黑闇。

nguyện chư chúng sanh đăc hỏa châu minh tất diệt tam Thiên Đại Thiên thế giới sở hữu
hắc ám。

Nguyện cho các chúng sanh đăc ánh sáng như hỏa châu, thấy đều tiêu diệt hết tất cả u
ám trong tam thiên đại thiên thế giới.

願諸眾生具足五眼悟諸法相成無師覺。

nguyện chư chúng sanh cụ túc ngũ nhãn ngộ chư Pháp tướng thành vô sư giác。

Nguyện cho các chúng sanh đầy đủ ngũ nhãn, ngộ chư Pháp tướng, thành tựu trí giác vô
sư.

願諸眾生無見無明願諸眾生悉得大乘大般涅槃微妙光明。

nguyện chư chúng sanh vô kiến vô minh nguyện chư chúng sanh tất đăc Đại thừa Đại
Bát-niết-bàn vi diệu quang-minh。

Nguyện cho các chúng sanh không bị vô minh, nguyện các chúng sanh thấy đều thấy
đăc vi diệu quang minh của đại thừa đại Bát-niết-bàn,

示悟眾生真實佛性。善男子。

kì ngộ chúng sanh chân thật Phật tánh. thiện nam tử。

rồi khai thị giác ngộ cho chúng sanh Phật tánh chân thật. Này Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩於慈心中施燈明時。常應勤發如是誓願。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư từ tâm trung thí đăng minh thời. thường ứng tinh cần phát như thị thệ
nguyện。

Vị đại Bồ-tát trú trong từ tâm khi bố thí đèn đuốc, thường nên tinh cần phát thệ nguyện như vậy.

善男子。一切聲聞緣覺菩薩諸佛如來。

thiện nam tử. nhất thiết Thanh văn, Duyên giác Bồ-tát chư Phật như lai.

Này Thiện nam tử! Tất cả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát chư Phật Như Lai,

所有善根慈為根本。善男子。

sở hữu thiện căn từ vi căn bản. Này thiện nam tử

tất cả thiện căn đều lấy từ bi làm căn bản. Này Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修習慈心。能生如是無量善根。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu tập từ tâm. năng sanh như thị vô lượng thiện căn.

vị đại Bồ-tát tu tập từ tâm, hay sản sanh vô lượng thiện căn như vậy.

所謂不淨出息入息無常生滅。

sở vị bất tịnh xuất tức nhập tức vô thường sanh diệt.

Những điều như là bất tịnh, hơi thở ra, hơi thở vào, vô thường, sanh diệt,

四念處七方便三觀處十二因緣無我等觀。暖法頂法忍法世第一法。

tứ niệm xử thất phương tiện tam quán xử thập nhị nhân duyên vô ngã đẳng quán. noãn

Pháp đỉnh Pháp nhẫn Pháp thế đệ nhất Pháp.

tứ niệm xử, thất phương tiện, tam quán xử, thập nhị nhân duyên, vô ngã quán, noãn

Pháp, đỉnh Pháp, nhẫn Pháp, thế đệ nhất Pháp,

見道修道正勤如意諸根諸力七菩提分八聖道。

kiến đạo tu đạo chánh tinh cần như ý chư căn chư lực thất Bồ-đề phân bát Thánh đạo.

kiến đạo, tu đạo, chánh cần, như ý, các căn, các lực, bảy Bồ-đề phần, bát Thánh đạo,

四禪四無量心八解脫八勝處。

tứ Thiền tứ vô lượng tâm bát giải thoát bát thắng xử.

tứ Thiền, tứ vô lượng tâm, bát giải thoát bát, thắng xử,

一切入空無相願無諍三昧。知他心智及諸神通本際智。

nhất thiết nhập không vô tướng nguyện vô tránh tam muội. tri tha tâm trí cập chư Thần

thông tri bốn tế trí.

nhập nhất thiết không, vô tướng, vô nguyện, vô tránh tam muội, biết trí tha tâm và chư

thần thông, biết bốn tế trí,

聲聞智緣覺智菩薩智佛智。善男子。

thanh văn trí duyên giác trí Bồ-tát trí Phật trí. thiện nam tử.

Thanh văn trí, Duyên giác trí, Bồ-tát trí, Phật trí, này Thiện nam tử!

如是等法慈為根本。善男子。以是義故。

như thị đẳng Pháp tử vi căn bản. thiện nam tử. dĩ thị nghĩa cố.

các Pháp như vậy đều lấy từ tâm làm căn bản. Này Thiện nam tử! do nghĩa này cho nên biết rằng :

慈是真實非虛妄也。若有人問誰是一切諸善根本。

tử thị chân thật phi hư vọng dã. nhược hữu nhân vấn thù thị nhất thiết chư thiện căn bản。

từ tâm là chân thật không hư vọng. Nếu có người hỏi cái gì là gốc của tất cả thiện căn, 當言慈是。

đương ngôn từ thị。

thì nên nói là lòng từ.

以是義故慈是真實非虛妄也善男子。能為善根者名實思惟。

dĩ thị nghĩa cố từ thị chân thật phi hư vọng dã thiện nam tử. năng vi thiện căn giả danh thật tư duy。

do nghĩa này nên nói lòng từ là chân thật không hư vọng vậy. Thiện nam tử! người thành tựu thiện căn là người có tư duy chân thật,

實思惟者即名為慈。慈即如來慈即大乘。

thật tư duy giả tức danh vi từ. từ tức Như-Lai từ tức Đại thừa。

tư duy chân thật ấy gọi là từ tâm, từ tâm tức là Như Lai, từ tâm tức là Đại thừa。

大乘即慈慈即如來。善男子。慈即菩提道。

Đại thừa tức từ từ tức Như-Lai. thiện nam tử. từ tức Bồ-đề đạo。

Đại thừa tức là từ tâm, từ tâm tức là Như Lai. Này Thiện nam tử! từ tâm tức Bồ-đề đạo, 菩提道即如來。如來即慈。善男子。

Bồ-đề đạo tức Như-Lai. Như-Lai tức từ. thiện nam tử。

Bồ-đề đạo tức Như Lai, Như Lai tức từ tâm. Này Thiện nam tử!

慈即大梵大梵即慈。慈即如來。善男子。

từ tức Đại phạm Đại phạm tức từ. từ tức Như-Lai. thiện nam tử。

từ tâm tức Đại phạm, Đại phạm tức từ tâm, từ tâm tức Như Lai. Này Thiện nam tử!

慈者能為一切眾生而作父母。父母即慈慈即如來。善男子。

từ giả năng vi nhất thiết chúng sanh nhi tác phụ mẫu。 phụ mẫu tức từ từ tức Như-Lai。 thiện nam tử。

từ tâm hay vì tất cả chúng sanh mà làm cha mẹ, cha mẹ tức từ tâm, từ tâm tức Như Lai。
Này Thiện nam tử!

慈者乃是不可思議。諸佛境界不可思議。

từ giả nãi thị bất khả tư nghị。 chư Phật cảnh giới bất khả tư nghị。

từ tâm chính là không thể nghĩ bàn, cảnh giới Chư Phật không thể nghĩ bàn,
諸佛境界即是慈也。當知慈者即是如來。善男子。

chư Phật cảnh giới tức thị từ dã。 đương tri từ giả tức thị Như-Lai。 thiện nam tử
cảnh giới Chư Phật tức từ tâm。 Phải biết từ tâm ấy tức Như Lai。 Này Thiện nam tử!
慈者即是眾生佛性。

từ giả tức thị chúng sanh Phật tánh。

từ tâm tức Phật tánh của chúng sanh。

如是佛性久為煩惱之所覆蔽故。令眾生不得覩見。佛性即慈慈即如來。

như thị Phật tánh cứu vi phiền não chi sở phú tế cố。 lệnh chúng sanh bất đắc đồ
kiến。 Phật tánh tức từ từ tức Như-Lai。

Phật tánh đó lâu lắm rồi bị phiền não che đậy, khiến chúng sanh không được thấy rõ Phật
tánh tức từ tâm, từ tâm tức Như Lai。

善男子。慈即大空大空即慈。慈即如來。

thiện nam tử。 từ tức Đại không Đại không tức từ。 từ tức Như-Lai。

Này Thiện nam tử! từ tâm tức đại không, đại không tức từ tâm, từ tâm tức Như-Lai。

善男子。慈即虛空虛空即慈。慈即如來。

thiện nam tử。 từ tức hư không hư không tức từ。 từ tức Như-Lai。

Này thiện nam tử! từ tâm tức hư không, hư không tức từ tâm, từ tâm tức Như Lai。

善男子。慈即是常常即是法。法即是僧僧即是慈。

thiện nam tử。 từ tức thị thường thường tức thị Pháp。 Pháp tức thị tăng tăng tức thị từ。

Này Thiện nam tử! từ tâm tức là thường, thường tức là Pháp, Pháp tức là tăng, Tăng tức
từ tâm,

慈即如來。善男子。慈即是樂樂即是法。

từ tức Như-Lai。 thiện nam tử。 từ tức thị lạc lạc tức thị Pháp。

từ tâm tức Như Lai。 Này Thiện nam tử! từ tức là lạc, lạc tức là Pháp,

法即是僧僧即是慈。慈即如來。善男子。

Pháp tức thị tăng tăng tức thị từ. từ tức Như-Lai. thiện nam tử.

Pháp tức là tăng, tăng tức là từ tâm, từ tâm tức Như Lai. Này Thiện nam tử!

慈即是淨淨即是法。法即是僧僧即是慈。

từ tức thị tịnh tịnh tức thị Pháp. Pháp tức thị tăng tăng tức thị từ.

từ tâm tức là tịnh, tịnh tức Pháp, Pháp tức là tăng, tăng tức từ tâm,

慈即如來。善男子。慈即是我我即是法。

từ tức Như-Lai. thiện nam tử. từ tức thị ngã ngã tức thị Pháp.

từ tâm tức Như Lai. Này Thiện nam tử! từ tức ngã, ngã tức là Pháp,

法即是僧僧即是慈。慈即如來。善男子。

Pháp tức thị tăng tăng tức thị từ. từ tức Như-Lai. thiện nam tử.

Pháp tức là Tăng, Tăng tức từ tâm, từ tâm tức Như Lai. Này Thiện nam tử!

慈即甘露甘露即慈。慈即佛性佛性即法。

từ tức cam lộ cam lộ tức từ. từ tức Phật tánh Phật tánh tức Pháp.

từ tâm tức cam lộ, cam lộ tức là từ tâm, từ tâm tức Phật tánh, Phật tánh tức Pháp,

法即是僧僧即是慈。慈即如來。善男子。

Pháp tức thị tăng tăng tức thị từ. từ tức Như-Lai. thiện nam tử.

Pháp tức là Tăng, Tăng tức là từ tâm, từ tâm tức là Như Lai. Này Thiện nam tử!

慈者即是一切菩薩無上之道。道即是慈慈即如來。善男子。

từ giả tức thị nhất thiết Bồ-tát vô thượng chi đạo. đạo tức thị từ từ tức Như-Lai. thiện nam tử.

từ tâm tức là vô thượng đạo của tất cả Bồ-tát. Đạo tức là từ tâm, từ tâm tức Như Lai. Này Thiện nam tử!

慈者即是諸佛世尊無量境界。

từ giả tức thị chư Phật Thế tôn vô lượng cảnh giới.

từ tức là vô lượng cảnh giới của chư Phật Thế Tôn,

無量境界即是慈也。當知是慈即是如來。

vô lượng cảnh giới tức thị từ đã. đương tri thị từ tức thị Như-Lai.

vô lượng cảnh giới tức là từ tâm, phải biết từ tâm này tức là Như Lai.

善男子。慈若無常無常即慈。

thiện nam tử. từ nhược vô thường vô thường tức từ.

Này Thiện nam tử! từ tâm nếu là vô thường, thì vô thường tức từ tâm.

當知是慈是聲聞慈。善男子。慈若是苦苦即是慈。

đương tri thị từ thị thanh văn tử. thiện nam tử. từ nhược thị khổ khổ tức thị từ

Phải biết từ tâm này là từ tâm của Thanh văn. Này Thiện nam tử! từ tâm nếu là khổ, thì khổ tức từ tâm.

當知是慈是聲聞慈。善男子。慈若不淨不淨即慈。

đương tri thị từ thị thanh văn tử. thiện nam tử. từ nhược bất tịnh bất tịnh tức từ.

phải biết từ tâm này là từ tâm của Thanh văn. Này Thiện nam tử! từ tâm nếu bất tịnh, bất tịnh tức từ tâm.

當知是慈是聲聞慈。善男子。

đương tri thị từ thị thanh văn tử. thiện nam tử.

Phải biết từ tâm này là từ tâm của Thanh văn. Này Thiện nam tử!

慈若無我無我即慈。當知是慈是聲聞慈。善男子。

từ nhược vô ngã vô ngã tức từ. đương tri thị từ thị thanh văn tử. thiện nam tử

từ hoặc vô ngã, vô ngã tức từ. Phải biết thị từ thị Thanh văn tử. Thiện nam tử!

慈若妄想妄想即慈。當知是慈是聲聞慈。善男子。

từ nhược vọng tưởng vọng tưởng tức từ. đương tri thị từ thị thanh văn tử thiện nam tử.

từ tâm nếu là vọng tưởng, vọng tưởng tức từ tâm, phải biết từ tâm này là từ tâm của Thanh văn. Này Thiện nam tử!

慈若不名檀波羅蜜。

từ nhược bất danh đàn Ba-la-mật.

từ tâm nếu không gọi là Đàn Ba-la-mật,

非檀之慈當知是慈是聲聞慈。乃至般若波羅蜜亦復如是。善男子。

phi đàn chi từ đương tri thị từ thị thanh văn tử. nãi chí bát nhã Ba-la-mật diệc phục như thị. thiện nam tử.

không phải từ tâm của Đàn Ba-la-mật, phải biết đó là từ tâm của Thanh văn, cho đến Bát Nhã Ba-la-mật cũng lại như vậy. Này Thiện nam tử!

慈若不能利益眾生。如是之慈是聲聞慈。

từ nhược bất năng lợi ích chúng sanh. như thị chi từ thị thanh văn tử.

từ tâm nếu chẳng hay lợi ích chúng sanh, từ tâm như vậy là từ tâm của Thanh văn.

善男子。慈若不入一乘之道。

thiện nam tử. từ nhược bất nhập nhất thừa chi đạo。

Này Thiện nam tử! từ tâm nếu không nhập vào đạo Nhất Thừa,

當知是慈是聲聞慈。善男子。慈若不能覺了諸法。

đương tri thị từ thị thanh văn tử。Thiện nam tử。Từ nhược bất năng giác liễu chư Pháp。

phải biết từ tâm này là từ tâm của Thanh văn. Này Thiện nam tử! Từ nếu không hay giác
hiểu các Pháp,

當知是慈是聲聞慈。善男子。慈若不能見如來性。

đương tri thị từ thị thanh văn tử。thiện nam tử。từ nhược bất năng kiến Như-Lai tánh。

thì nên biết từ tâm này là từ tâm của Thanh văn! Này Thiện nam tử! từ tâm nếu không hay
thấy tánh của Như Lai,

當知是慈是聲聞慈。善男子。慈若見法悉是有相。

đương tri thị từ thị thanh văn tử。thiện nam tử。từ nhược kiến Pháp tất thị hữu tướng。

thì nên biết từ tâm này là từ tâm của Thanh văn. Này Thiện Nam Tử! từ tâm nếu thấy các
pháp thấy đều là có tướng,

當知是慈是聲聞慈。善男子。慈若有漏。

đương tri thị từ thị thanh văn tử。thiện nam tử。Từ nhược hữu lậu。

thì nên biết từ tâm này là từ tâm của Thanh văn. Này Thiện nam tử! Từ tâm nếu là hữu lậu,
有漏慈者是聲聞慈。善男子。

hữu lậu từ giả thị thanh văn tử。thiện nam tử。

thì từ tâm hữu lậu là từ tâm của Thanh văn. Này Thiện nam tử!

慈若有為有為之慈是聲聞慈。善男子。慈若不能住於初住。

từ nhược hữu vi hữu vi chi từ thị thanh văn tử。thiện nam tử。từ nhược bất năng trụ sơ
trụ。

từ tâm nếu là hữu vi, thì từ tâm của hữu vi là từ tâm của Thanh văn. Này Thiện nam tử! từ
tâm nếu không hay trú trong sơ trú,

非初住慈當知即是聲聞慈也。善男子。

phi sơ trụ từ đương tri tức thị thanh văn tử dã。thiện nam tử。

phi sơ trú, thì phải biết từ tâm ấy tức là từ tâm của Thanh văn. Này Thiện nam tử!

慈若不能得佛十力四無所畏。

từ nhược bất năng đắc Phật thập lực tứ vô sở úy。

từ tâm nếu không hay được Thập Lực, Tứ vô sở úy của Phật,

當知是慈是聲聞慈。善男子。慈若能得四沙門果。
 đương tri thị từ thị thanh văn tử. thiện nam tử. từ nhược năng đắc tứ Sa Môn quả。
 thì nên biết từ tâm này là từ tâm của Thanh văn. Nay Thiện nam tử! từ tâm nếu có thể
 được bốn quả Sa Môn,
 當知是慈是聲聞慈也。
 đương tri thị từ thị thanh văn tử dã。
 phải biết từ tâm này là từ tâm của Thanh văn.
 善男子。慈若有無非有非無。
 thiện nam tử. từ nhược hữu vô phi hữu phi vô。
 Thiện nam tử! từ nếu hữu, vô, phi hữu, phi vô,
 如是之慈非諸聲聞辟支佛等所能思議。善男子。
 như thị chi từ phi chư thanh văn Bích chi Phật đẳng sở năng tư nghị. thiện nam tử。
 từ tâm như vậy chẳng phải là chỗ Thanh văn Bích chi Phật nghĩ bàn. Nay Thiện nam tử!
 慈若不可思議。法不可思議。佛性不可思議。
 từ nhược bất khả tư nghị. Pháp bất khả tư nghị. Phật tánh bất khả tư nghị。
 từ tâm nếu không thể nghĩ bàn, pháp không thể nghĩ bàn, Phật tánh không thể nghĩ bàn,
 如來亦不可思議。善男子。
 Như-Lai diệc bất khả tư nghị. thiện nam tử。
 thì Như Lai cũng không thể nghĩ bàn. Nay Thiện nam tử!
 菩薩摩訶薩住於大乘大般涅槃。修如是慈。
 Bồ-tát Ma-Ha tát trụ ư Đại thừa Đại Bát-niết-bàn. tu như thị từ。
 vị đại Bồ-tát thường trú trong Đại thừa Đại Bát-niết-bàn. Bồ-tát tu từ tâm như vậy.
 雖復安於睡眠之中而不睡眠勤精進故。
 tuy phục an ư thụy miên chi trung nhi bất thụy miên tinh cần tinh tấn cố。
 Tuy lại ở trong thùy miên mà không thùy miên, siêng năng tinh tấn;
 雖常覺悟亦無覺悟以無眠故。
 tuy thường giác ngộ diệc vô giác ngộ dĩ vô miên cố。
 tuy thường Giác ngộ, cũng không Giác ngộ. Dùng không thùy miên
 於睡眠中諸天雖護亦無護者不行惡故。眠不惡夢無有不善離睡眠故。
 ư thụy miên trung chư Thiên tuy hộ diệc vô hộ giả bất hành ác cố. miên bất ác mộng vô
 hữu bất thiện ly thụy miên cố。

ở trong thủy miên, thì chư Thiên tuy hộ cũng không hộ. Người đó không hành ác, ngũ
không có ác mộng, không có bất thiện, xa lìa thủy miên,

命終之後雖生梵天亦無所生得自在故。善男子。

mạng chung chi hậu tuy sanh Phạm Thiên diệt vô sở sanh đắc tự-tại cố. thiện nam tử.

sau khi mạng chung, dù có sanh trong cõi Phạm Thiên, cũng vô sở sanh, được tự tại. Này
Thiện nam tử!

夫修慈者。能得成就如是無量無邊功德。善男子。

phu tu từ giả. năng đắc thành tựu như thị vô lượng vô biên công đức. thiện nam tử.

người tu từ tâm hay được thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy. Này Thiện nam
tử!

是大涅槃微妙經典。

thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển。

là kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn,

亦能成就如是無量無邊功德。

diệt năng thành tựu như thị vô lượng vô biên công đức。

cũng hay thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy。

諸佛如來亦得成就如是無量無邊功德。

chư Phật như lai diệt đắc thành tựu như thị vô lượng vô biên công đức。

Chư Phật Như Lai cũng được thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy。

大般涅槃經卷第十五

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ thập ngũ

Đại Bát-niết-bàn kinh

Quyển Thứ Mười Lăm.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:08:35 2006

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:08:35 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

大般涅槃經卷第十六

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập lục

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ MƯỜI SÁU

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Triều đại Bắc Lương, Tam Tạng Pháp Sư Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

梵行品第八之二

phạm hành phẩm đệ bát chi nhị

PHẦN HAI, PHẨM THỨ MƯỜI SÁU: PHẠM HẠNH

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca Diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

菩薩摩訶薩所有思惟悉是真實。聲聞緣覺非真實者。

Bồ-tát Ma-Ha tát sở hữu tư duy tất thị chân thật. Thanh văn, Duyên giác phi chân thật giả。

Đại Bồ-tát đều có tư duy là chân thật, Thanh văn, Duyên giác chẳng phải chân thật.

一切眾生何故不以菩薩威力等受快樂。

nhất thiết chúng sanh hà cố bất dĩ Bồ-tát uy lực đẳng thọ khoái lạc。

Hết thầy chúng sanh vì sao chẳng nhờ oai lực của Bồ-tát mà đồng hưởng thụ khoái lạc?

若諸眾生實不得樂。當知菩薩所修慈心為無利益。

nhược chư chúng sanh thật bất đắc lạc。 đương tri Bồ-tát sở tu từ tâm vi vô lợi ích。

Nếu các chúng sanh thật sự không có khoái lạc thì nên biết từ tâm của Bồ-tát tu tập là không lợi ích。

佛言。善男子。菩薩之慈非不利益。善男子。

Phật ngôn。 thiện nam tử。 Bồ-tát chi từ phi bất lợi ích。 thiện nam tử。

Phật dạy: Này thiện nam tử! Từ tâm của Bồ-tát chẳng phải không có lợi ích. Này thiện nam tử!

有諸眾生或必受苦或有不受。

hữu chư chúng sanh hoặc tất thọ khổ hoặc hữu bất thọ。

Có những chúng sanh hoặc quyết định thọ khổ. Hoặc có chúng sanh chẳng quyết định thọ khổ。

若有眾生必受苦者。菩薩之慈為無利益謂一闍提。

nhược hữu chúng sanh tất thọ khổ giả。 Bồ-tát chi từ vi vô lợi ích vị nhất xiển đề。

Nếu có chúng sanh quyết định thọ khổ, thời từ tâm của Bồ-tát là không lợi ích, vì đó là hàng Nhất-xiển-đề。

若有受苦不必定者。菩薩之慈則為利益。

nhược hữu thọ khổ bất tất định giả。 Bồ-tát chi từ tắc vi lợi ích。

Nếu có chúng sanh chẳng quyết định thọ khổ, thời lòng từ của Bồ-tát là lợi ích,

令彼眾生悉受快樂。善男子。

linh bỉ chúng sanh tất thọ khoái lạc。 thiện nam tử。

làm cho chúng sanh kia đều được khoái lạc. Này thiện nam tử!

譬如有人遙見師子虎豹豺狼羅剎鬼等自然生怖。

thí như hữu nhân dao kiến Sư-tử hổ báo sài lang La sát quỷ đẳng tự nhiên sanh phổ。

Thí như có người từ xa thấy sư tử, cọp, beo, chó sói, quỷ La-sát v.v..tự nhiên sanh sợ hãi.

夜行見杙亦生怖畏。善男子。如是諸人自然怖畏。

dạ hành kiến ngột diệc sanh bố úy。 thiện nam tử。 như thị chư nhân tự nhiên bố úy。

Ban đêm đi thấy gốc cây trụ cũng sanh sợ hãi. Nay thiện nam tử! Những người như vậy tự nhiên sanh sợ hãi.

眾生如是見修慈者自然受樂。善男子。以是義故。

chúng sanh như thị kiến tu từ giả tự nhiên thọ lạc。 thiện nam tử。 dĩ thị nghĩa cố。

Cũng vậy, chúng sanh thấy người tu từ tâm tự nhiên được an lạc. Nay thiện nam tử! Do nghĩa đó nên

菩薩修慈是實思惟非無利益。

Bồ-tát tu từ thì thật tư duy phi vô lợi ích。

Bồ-tát tu từ tâm là tư duy chân thật, chẳng phải không lợi ích。

善男子。我說是慈有無量門。所謂神通。

thiện nam tử。 ngã thuyết thị từ hữu vô lượng môn。 sở vị Thần thông。

Nay thiện nam tử! Ta nói từ tâm này có vô lượng môn, đó là những thần thông.

善男子。如提婆達教阿闍世欲害如來。

thiện nam tử。 như đề bà đạt giáo A đồ thế dục hại Như Lai。

Nay thiện nam tử! Như Đề-bà-đạt-đa bảo vua A-xà-thế làm hại đức Như Lai

是時我入王舍大城次第乞食。

thị thời ngã nhập Vương Xá Đại thành thứ đệ khát thực。

khi Ta đang đi vào Đại thành Vương Xá thứ lớp khát thực.

阿闍世王即放護財狂醉之象。欲令害我及諸弟子。

A đồ thế Vương tức phóng hộ tài cuồng túy chi tượng。 dục lệnh hại ngã cập chư đệ-tử。

Vua A-xà-thế liền thả voi say để hại Ta và các đệ tử.

其象爾時蹋殺無量百千眾生。眾生已多有血氣。

kỳ tượng nhĩ thời đập sát vô lượng bách thiên chúng sanh。 chúng sanh tử dĩ đa hữu huyết khí。

Lúc bấy giờ voi say đập chết vô lượng trăm ngàn chúng sanh. Chúng sanh chết rồi, nhiều máu chảy ra.

是象嗅已狂醉倍常。見我翼從被服赤色。

thị tượng khứ dĩ cường túy bội thường. kiến ngã dục tòng bị phục xích sắc。

Voi đó ngửi hơi máu xong, càng cuồng say gấp bội thường, nhắm ngay đoàn của Ta
謂呼是血而復見趣。我弟子中未離欲者。

vị hô thị huyết nhi phục kiến thú. ngã đệ-tử trung vị ly dục giả。

mà chạy thẳng đến. Các đệ tử của Ta vì chưa ly dục nên

四怖馳走唯除阿難。爾時王舍大城之中一切人民。

tứ phổ tri tẩu duy trừ A-nan. nhĩ thời Vương Xá Đại thành chi trung nhất thiết nhân dân。

sợ hãi bỏ chạy tứ phía, chỉ trừ A-nan ở lại. Lúc bấy giờ hết thấy nhân dân trong Đại thành
Vương Xá

同時舉聲啼哭號泣作如是言。

đồng thời cử thanh đề khóc hiệu khắp tác như thị ngôn。

đồng cất lên tiếng kêu khóc mà nói rằng:

怪哉如來今日滅沒。如何正覺一旦散壞。

quái tai Như-Lai kim nhật diệt một. như hà chánh giác nhất đán tán hoại。

Lạ thay! Hôm nay chắc Như Lai sẽ bị diệt mất, làm sao bậc Chánh Giác một mai sẽ tan
hoại mất.

是時調達心生歡喜。瞿曇沙門滅沒甚善。

thị thời điều đạt tâm sanh hoan hỷ. Cồ Đàm Sa-môn diệt một thậm thiện。

Lúc ấy, tâm của Điều Đạt thì rất hoan hỷ: Sa-môn Cồ Đàm sẽ bị diệt mất là điều rất tốt.

從今已往真是不現。快哉此計我願得遂。善男子。

tòng kim dĩ vãng chân thị bất hiện. khoái tai thử kế ngã nguyện đắc toại. thiện nam
tử。

Từ ngày hôm nay trở đi, thật sự không còn hiển hiện nữa. Vui mừng thay, kế của ta rất
hay, ta sắp được toại nguyện. Này thiện nam tử!

我於爾時為欲降伏護財象故。即入慈定舒手示之。

ngã ư nhĩ thời vi dục hàng phục hộ tài tượng cố. tức nhập từ định thư thủ kì chi。

Lúc bấy giờ Ta vì muốn hàng phục voi say ấy nên nhập định từ tâm tam muội, duỗi bàn
tay ra chỉ voi,

即於五指出五師子。

tức ư ngũ chỉ xuất ngũ Sư-tử。

liền khi ấy năm đầu ngón tay hiện ra năm con sư tử.

是象見已其心怖畏尋即失糞。舉身投地敬禮我足。善男子。

thị tượng kiến dĩ kỳ tâm bố úy tầm tức thất phần。 cử thân đầu địa kính lễ ngã túc。 thiện nam tử。

Voi say thấy sư tử, tâm rất lo sợ, phần tiểu vảy ra, gieo mình cúi đầu kính lễ chân ta. Nay thiện nam tử!

我於爾時手五指頭實無師子。

ngã ư nhĩ thời thủ ngũ chỉ đầu thật vô Sư-tử。

Khi ấy, năm đầu ngón tay Ta thật sự không có sư tử,

乃是修慈善根力故令彼調伏。復次善男子。

nãi thị tu tử thiện căn lực cố linh bỉ điều phục。 phục thứ thiện nam tử。

đó là do sức thiện căn tu tâm tử làm cho voi say được điều phục. Lại nữa, nay thiện nam tử!

我欲涅槃始初發足向拘尸那城。有五百力士。

ngã dục Niết-Bàn thủy sơ phát túc hướng Câu-thi-na thành。 hữu ngũ bách lực sĩ。

Vừa rồi, lúc Ta muốn nhập Niết-bàn, mới khởi sự đi đến thành Câu-thi-na. Giữa đường có năm trăm lực sĩ

於其中路平治掃灑。中有一石眾欲舉棄盡力不能。

ư kỳ trung lộ bình trì tảo sái。 trung hữu nhất thạch chúng dục cử khí tận lực bất năng。 quét dọn con đường bằng phẳng sạch sẽ. Có một hòn đá to, mọi người đem hết sức lực muốn nhấc lên nhưng không thể nhấc nổi.

我時憐愍即起慈心。彼諸力士。

ngã thời liên mẫn tức khởi từ tâm。 bỉ chư lực sĩ。

Khi ấy Ta liền khởi lòng thương xót. Các lực sĩ kia

尋即見我以足母指舉此大石擲置虛空。還以手接安置右掌。

tầm tức kiến ngã dĩ túc mẫu chỉ cử thử Đại thạch trịch trí hư không。 hoàn dĩ thủ tiếp an trí hữu chưởng。

nhìn thấy Ta dùng ngón chân cái hất hòn đá lớn này văng lên hư không, rồi lại lấy tay hứng bắt, để hòn đá này vào lòng bàn tay phải,

吹令碎末復還聚合。令彼力士貢高心息。

xuy linh toái mạt phục hoàn tụ hợp。 lệnh bỉ lực sĩ cống cao tâm tức。

xong thổi nát vụn ra rồi ráp lại, khiến cho các lực sĩ kia chấm dứt tâm cao ngạo.

即為略說種種法要。

tức vị lược thuyết chủng chủng Pháp yếu。

Ta liền vì họ mà nói các pháp yếu,

令其俱發阿耨多羅三藐三菩提心。善男子。

linh kỳ câu phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm。 thiện nam tử。

làm cho hết thấy đều phát tâm Vô Thượng Bồ-đề. Này thiện nam tử!

如來爾時實不以指舉此大石在虛空中。還置右掌吹令碎末復合如本。

Như Lai nhĩ thời thật bất dĩ chỉ cử thử Đại thạch tại hư không trung。 hoàn trí hữu chưởng xuy lệnh toái mạt phục hợp như bản。

Như Lai lúc bấy giờ thật chẳng dùng ngón chân hắc hòn đá văng lên hư không, chẳng để hòn đá vào bàn tay, chẳng thổi vụn rồi ráp trở lại như cũ.

善男子。當知即是慈善根力。

thiện nam tử。 đương tri tức thị từ thiện căn lực。

Này thiện nam tử! Nên biết chính là nhờ sức thiện căn từ tâm

令諸力士見如是事。

linh chư lực sĩ kiến như thị sự。

làm cho các lực sĩ thấy những sự việc như vậy.

復次善男子。此南天竺有一大城名首波羅。

phục thứ thiện nam tử。 thử Nam Thiên trúc hữu nhất Đại thành danh Thủ-ba-la。

Lại nữa, này thiện nam tử! Xứ Nam Thiên Trúc này có có một Đại thành tên là Thủ- Ba-La.

於是城中有一長者名曰盧至。

ư thị thành trung hữu nhất Trưởng-Giả danh viết lô chí。

Trong thành có một Trưởng giả tên là Lưu Chí

為眾導主已於過去無量佛所殖眾善本。善男子。

vị chúng đạo chủ dĩ ư quá khứ vô lượng Phật sở thực chúng thiện bản。 thiện nam tử。

được đại chúng kính trọng. Ông này đã từng gieo trồng căn lành từ vô lượng chư Phật trong đời quá khứ. Này thiện nam tử!

彼大城中一切人民信伏邪道奉事尼犍。

bỉ Đại thành trung nhất thiết nhân dân tín phục tà đạo phụng sự ni kiền。

Hết thầy nhân dân trong đại thành đó đều tin phục tà đạo và phụng sự cho phái Ni-kiền-tử.

我時欲度彼長者故。從王舍城至彼城邑。

ngã thời dục độ bỉ Trưởng-Giả cố。 tòng Vương xá thành chí bỉ thành ấp。

Lúc ấy, Ta muốn độ cho Trưởng giả kia nên từ thành Vương Xá đi đến thành Thủ-ba-la, 其路中間相去六十五由旬。

kỳ lộ trung gian tương khứ lục thập ngũ do-tuần。

đoạn đường giữa hai thành khoảng sáu mươi lăm do tuần,

步涉而往為欲化度彼諸人故。彼眾尼犍聞我欲至首波羅城。

bộ thiệp nhi vãng vị dục hóa độ bỉ chư nhân cố。 bỉ chúng ni kiền văn ngã dục chí Thủ-ba-la thành。

đi bộ mà đến là vì muốn hóa độ những người dân kia. Các Ni-kiền-tử kia khi nghe Ta sắp đến thành Thủ-ba-la

即作是念。沙門瞿曇若至此者。

tức tác thị niệm。 Sa-môn Cồ Đàm nhược chí thử giả。

liền bàn với nhau rằng: Sa-môn Cồ Đàm nếu đến thành này

此諸人民便當捨我更不供給。我等窮悴奈何自活。

thử chư nhân dân tiện đương xả ngã canh bất cung cấp。 ngã đẵng cùng tụy nại hà tự hoạt。

nhân dân ở đây chắc sẽ bỏ ta không còn cung cấp cho ta nữa. Chúng ta sẽ bị cùng cực khốn khổ, lấy gì để tự nuôi sống.

諸尼犍輩各各分散告彼城人。沙門瞿曇今欲來此。

chư ni kiền bối các các phân tán cáo bỉ thành nhân。 Sa-môn Cồ Đàm kim dục lai thử。

Bàn xong, các Ni-kiền-tử chia nhóm, mỗi mỗi phân tán đi loan báo với nhân dân trong

thành: Sa-môn Cồ Đàm nay sắp đến thành này,

然彼沙門委棄父母東西馳騁。

nhiên bỉ Sa-môn ủy khí phụ mẫu Đông Tây trì sính。

nhưng Sa-môn kia lìa bỏ cha mẹ tha phương các xứ từ Đông sang Tây,

所至之處能令土地穀米不登。人民飢饉死亡者眾。

sở chí chi xử năng linh độ địa cốc mễ bất đẵng。 nhân dân cơ cận tử vong giả chúng。

đi đến đâu thời làm cho xứ đó lúa mè không thể mọc được. Người dân sẽ đói khát mà chết,

病瘦相尋無可救解。瞿曇無賴。

bệnh sấu tướng tầm vô khả cứu giải。 Cồ Đàm vô lại。

bệnh tật ốm đau không thể cứu chữa. Cù Đàm là kẻ vô lại

純將諸惡羅刹鬼神以為侍從。

thuần tướng chư ác La sát quỷ Thần dĩ vi thị tòng。

dắt theo toàn những quỷ La-sát hung ác,

無父無母孤窮之人而來諮啟為作門徒。所可教詔純說虛空。

vô phụ vô mẫu cô cùng chi nhân nhi lai ti khái vi tác môn đồ。 sở khả giáo chiếu thuần thuyết hư không。

là kẻ cô cùng không cha không mẹ đi theo làm môn đồ. Giáo thuyết của ông toàn nói điều hư dối,

隨其至處初無安樂。彼人聞已即懷怖畏。

tùy kỳ chí xứ sơ vô an lạc。 bỉ nhân văn dĩ tức hoài bố úy。

đến nơi nào thì chỗ đó không an vui. Những người kia nghe xong liền rất lo sợ,

頭面敬禮尼犍子足白言。大師。我等今者當設何計。

đầu diện kính lễ Ni-kiền-tử túc bạch ngôn。 Đại sư。 ngã đẵng kim giả đương thiết hà kế。

đầu mặt lễ chân phái Ni-kiền-tử mà bạch rằng: Đại Sư! Chúng tôi nay phải tính thế nào?

尼犍答言。沙門瞿曇性好叢林流泉清水。

ni kiền đáp ngôn。 Sa-môn Cồ Đàm tánh hảo tùng lâm lưu tuyền thanh thủy。

Ni-kiền-tử đáp rằng: Sa-môn Cù Đàm tánh rất thích rừng rậm, suối chảy, nước trong.

外設有者宜應破壞。汝等便可相與出城。

ngoại thiết hữu giả nghi ứng phá hoại。 nhữ đẵng tiện khả tướng dữ xuất thành。

Các người nên ra ngoài thành để cùng nhau phá hoại.

諸有之處斫伐令盡莫使有遺。流泉井池悉置糞屍。

chư hữu chi xứ chước phạt lệnh tận mạc sử hữu di。 lưu tuyền tỉnh trì tất trí phần thi。

Chỗ nào có rừng suối phải đốn hết cây, đem phần nhơ rẫy xuống giếng, ao, khe, suối, đóng kín thành cửa các cửa器械。當壁防護勤自固守。

kiền bế thành môn các nghiêm khí trượng。 đương bích phòng hộ tinh cần tự cố thủ。

đóng chặt cửa thành, mỗi nơi đặt một cây trượng để tự phòng vệ.

彼設來者莫令得前。若不前者汝當安隱。

bỉ thiết lai giả mạc lệnh đắc tiền. nhược bất tiền giả nhữ đương an ổn.

Ông ấy đến dừng cho vào, nếu không vào được các người sẽ được an ổn.

我等亦當作種種術。令彼瞿曇復道還去。

ngã đẳng diệc đương tác chủng chủng thuật. lệnh bỉ Cồ Đàm phục đạo hoàn khứ.

Chúng ta cũng làm đủ thứ pháp thuật, làm cho Cù Đàm kia phải rút lui.

彼諸人民聞是語已。敬諾施行斬伐樹木污辱諸水。

bỉ chư nhân dân văn thị ngữ dĩ. kính nặc thí hành trảm phạt thụ mộc ô nhục chư thủy.

Những người dân nghe những lời như vậy xong, liền đi chặt đốn cây cối và làm nhơ các dòng nước,

莊嚴器仗牢自防護。善男子。

trang nghiêm khí trượng lao tự phòng hộ. thiện nam tử.

trang nghiêm các binh khí để tự phòng hộ. Này thiện nam tử!

我於爾時至彼城已。不見一切樹木叢林。

ngã ư nhĩ thời chí bỉ thành dĩ. bất kiến nhất thiết thụ mộc tùng lâm.

Lúc bấy giờ Ta đến thành kia chẳng thấy rừng cây,

唯見諸人莊嚴器仗當壁自守。

duy kiến chư nhân trang nghiêm khí trượng đương bích tự thủ.

mà chỉ thấy những người trang nghiêm khí cụ giữ gìn chặt chẽ.

見是事已尋生憐愍慈心向之。所有樹木還生如本。

kiến thị sự dĩ tầm sanh liên mẫn từ tâm hướng chi. sở hữu thụ mộc hoàn sanh như bản.

Thấy sự việc như vậy xong, đoạn Ta khởi lòng từ bi thương xót. Những cây cối mọc lên như cũ

復更生長其餘諸樹不可稱計。河池井泉其水清淨。

phục canh sanh trường kỳ dư chư thụ bất khả xưng kế. hà trì tỉnh tuyên kỳ thủy thanh tịnh.

lại còn sanh trường nhiều thêm không thể tính đếm. Nước trong sông, suối, giếng trở lại trong sạch,

盈滿其中如青琉璃。生眾雜花彌覆其上。

doanh mãn kỳ trung như thanh lưu ly. sanh chúng tạp hoa di phúc kỳ thượng.
tràn đầy trong như màu xanh lưu ly, đủ các loại hoa mọc phủ đầy lên trên.

變其城壁為紺琉璃。城內人民悉得徹見。我及大眾。

biến kỳ thành bích vi cảm lưu ly. thành nội nhân dân tất đắc triệt kiến. ngã cập Đại chúng.

Vách thành biến làm lưu ly xanh biếc. Nhân dân trong thành ai cũng đều thấy được Ta và đại chúng.

門自開闢無能制者。所嚴器仗變成雜花。

môn tự khai tịch vô năng chế giả. sở nghiêm khí trượng biến thành tạp hoa.

Cửa thành tự mở, chẳng có ai có thể ngăn chặn. Binh khí trang bị ấy trở thành các thứ hoa.

盧至長者而為上首。與其人民俱共相隨往至佛所。

lô chí Trưởng giả nhi vi thượng thủ. dữ kỳ nhân dân câu cộng tương tùy vãng chí Phật sở.

Trưởng giả Lưu Chí dẫn nhân dân trong thành cùng nhau kéo đến chỗ Phật,

我即為說種種法要。

ngã tức vi thuyết chủng chủng Pháp yếu.

Ta liền vì họ mà nói những Pháp chính yếu,

令彼諸人一切皆發阿耨多羅三藐三菩提心。善男子。我於爾時。

linh bỉ chư nhân nhất thiết giai phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm. thiện nam tử.

ngã ư nhĩ thời.

khiến cho hết thảy những người kia đều phát tâm Vô Thượng Bồ-đề. Này thiện nam tử! Ta lúc bấy giờ

實不化作種種樹木清淨流水盈滿河池。

thật bất hóa tác chủng chủng thụ mộc thanh tịnh lưu thủy doanh mãn hà trì.

thật chẳng hóa những rừng cây, chẳng làm cho dòng nước trong sạch, tràn đầy,

變其本城為紺琉璃。令彼人民徹見於我。

biến kỳ bản thành vi cảm lưu ly. lệnh bỉ nhân dân triệt kiến ư ngã.

chẳng biến thành kia thành lưu ly màu xanh để cho nhân dân đều thấy được Ta và đại chúng,

開其城門器仗為花。善男子。當知皆是慈善根力。

khai kỳ thành môn khí tượng vi hoa. thiện nam tử. đương tri giai thị từ thiện căn lực. cũng chẳng mở cửa thành, biến những binh khí thành các cảnh hoa. Này thiện nam tử!

Nên biết những việc như vậy đều do sức căn lành của từ tâm
能令彼人見如是事。

năng linh bỉ nhân kiến như thị sự。

có thể làm cho những người kia thấy được sự việc như vậy.

復次善男子。舍衛城中。

phục thứ thiện nam tử。Xá-vệ thành trung。

Lại nữa, này thiện nam tử! Trong thành Xá-vệ

有婆羅門女姓婆私吒。唯有一子愛之甚重。遇病命終。

hữu Bà-la-môn nữ tính bà tư trá。duy hữu nhất tử ái chi thậm trọng。ngộ bệnh mạng chung。

có một người đàn bà thuộc dòng dõi Bà-la-môn, tên là Bà-tư-tra. Bà chỉ có một đứa con duy nhất nên rất thương yêu, quý trọng, vì bị bệnh nên chết mất.

爾時女人愁毒入心狂亂失性。

nhĩ thời nữ nhân sầu độc nhập tâm cuồng loạn thất tánh。

Lúc bấy giờ người đàn bà đó vì bị sầu khổ làm cho cuồng loạn mất trí,

裸身無恥遊行四衢。啼哭失聲唱言。子子。汝何處去。

lỏa thân vô sỉ du hành tứ cù。đề khóc thất thanh xưng ngôn。tử tử。nhữ hà xử khứ。

thân thể lỏa lồ không biết xấu hổ dạo rong khắp thành ấp tìm con, kêu khóc thất thanh:

Con ơi, con đi đâu rồi?

周遍城邑無有疲已。

châu biến thành ấp vô hữu bì dĩ。

Bà ta đi khắp nơi trong thành ấp mà chẳng biết mỏi mệt.

而是女人已於先佛殖眾德本。善男子。我於是女起慈愍心。

nhị thị nữ nhân dĩ ư tiên Phật thực chúng đức bản。thiện nam tử。ngã ư thị nữ khởi từ mẫn tâm。

Nhưng bà đó trước kia đã từng gieo trồng gốc lành ở nơi chư Phật quá khứ. Này thiện nam tử! Ta nghe việc như vậy mà động lòng thương xót.

是時女人即得見我便生子想。

thị thời nữ nhân tức đắc kiến ngã tiện sanh tử tưởng。

Lúc ấy, người đàn bà đó liền thấy được Ta bèn tưởng là con mình,
還得本心前抱我身嗚啞我口。我時即告侍者阿難。

hoàn đắc bốn tâm tiền bảo ngã thân ô táp ngã khẩu。 ngã thời tức cáo thị giả A-nan。
liền chạy vội đến ôm Ta như thương con, tâm trí trở lại như cũ. Khi ấy, Ta liền bảo A-nan
汝可持衣與是女人。既與衣已便為種種說諸法要。

nhữ khả trì y dĩ dĩ thị nữ nhân。 ký dĩ y dĩ tiện vi chủng chủng thuyết chư Pháp yếu。
rằng ông có thể mang y phục đến cho nàng mặc, rồi Ta vì người đàn bà đó mà thuyết
pháp yếu.

是女聞法歡喜踊躍。發阿耨多羅三藐三菩提心。

thị nữ văn Pháp hoan hỉ dũng dục。 phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm。

Nghe pháp rồi, bà ta vui mừng hơn hờ phát tâm Vô Thượng Bồ-đề.

善男子。我於爾時實非彼子。

thiện nam tử。 ngã ư nhĩ thời thật phi bỉ tử。

Này thiện nam tử! Ta lúc bấy giờ thật chẳng phải là con của bà ấy.

彼非我母亦無抱持。善男子。當知皆是慈善根力。

bỉ phi ngã mẫu diệc vô bảo trì。 thiện nam tử。 đương tri giai thị từ thiện căn lực。

Bà ấy cũng chẳng phải là mẹ Ta, cũng không có việc ôm ấp. Này thiện nam tử! Nên biết
đều là do sức căn lành của lòng từ

令彼女人見如是事。

lệnh bỉ nữ nhân kiến như thị sự。

làm cho bà ấy thấy việc như vậy。

復次善男子。波羅奈城有優婆夷。

phục thứ thiện nam tử。 Ba-la-nại thành hữu Ưu bà di。

Lại nữa, này thiện nam tử! Ở tại thành Ba-la-nại có Ưu-bà-di

字曰摩訶斯那達多。已於過去無量先佛種諸善根。

tự viết Ma-Ha tư na đạt đa。 dĩ ư quá khứ vô lượng tiên Phật chủng chư thiện căn。

tên là Ma-ha Tư-na-đạt-đa. Cô này đã từng gieo trồng căn lành từ vô lượng đức Phật đời
quá khứ.

是優婆夷。夏九十日請命眾僧奉施醫藥。

thị Ưu bà di。 hạ cửu thập nhật thỉnh mạng chúng tăng phụng thí y dược。

Ưu-bà-di đó trong chín mươi ngày an cư tháng Hạ, nguyện thỉnh cúng chúng Tăng thuốc men.

是時眾中有一比丘。

thị thời chúng trung hữu nhất Tỳ-kheo。

Khi ấy, trong chúng có một Tỳ-kheo

身嬰重病良醫診之當須肉藥。若得肉者病則可除。

thân anh trọng bệnh lương y chẩn chi đương tu nhục dược。nhược đắc nhục giả bệnh tắc khả trừ。

bị bệnh nặng. Lương y bảo phải dùng thịt để làm thuốc, nếu không có thịt thời bệnh sẽ không thể lành được.

若不得肉命將不全。時優婆夷聞醫此言。

nhược bất đắc nhục mạng tương bất toàn。thời Ưu bà di văn y thủ ngôn。

Nếu không có được thịt thời mạng sống không toàn. Lúc ấy Ưu-bà-di nghe vị lương y nói lời này,

尋持黃金遍至市[厂@黑]。唱如是言。誰有肉賣吾以金買。

tầm trì hoàng kim biến chí thị [hán @hắc]。xướng như thị ngôn。thùy hữu nhục mại ngô dĩ kim mại。

đoạn cầm vàng ròng đi khắp chợ mà rao rằng: Ai có thịt bán cho, tôi sẽ dùng vàng để mua.

若有肉者當等與金。周遍城市求不能得。

nhược hữu nhục giả đương đẳng dĩ kim。châu biến thành thị cầu bất năng đắc。

Nếu có thịt thì thịt ấy phải bằng với số vàng. Đi khắp chợ trong thành mà không thể tìm có được thịt

是優婆夷尋自取刀割其髀肉。

thị Ưu bà di tầm tự thủ đao cát kỳ bễ nhục。

nên Ưu-bà-di đó bèn tự cắt thịt bắp vế của mình,

切以為臠下種種香送病比丘。比丘服已病即得差。

thiết dĩ vi hoặc hạ chủng chủng hương tống bệnh Tỳ-kheo。Tỳ-kheo phục dĩ bệnh tức đắc sai。

cắt nấu làm các thứ canh thịt thơm, mang đến cho Tỳ-kheo bị bệnh dùng. Tỳ-kheo ấy ăn vào bệnh liền lành.

是優婆夷患瘡苦惱不能堪忍。即發聲言。

thị Ưu bà di hoạn sang khổ não bất năng Kham nhẫn。 tức phát thanh ngôn。

Ưu-bà-di đó vì bị vết thương làm đau nhức khổ não không thể chịu nổi, nên phát lời rằng:
南無佛陀南無佛陀。我於爾時在舍衛城聞其音聲。

Nam Mô Phật-đà Nam Mô Phật-đà。 ngã ư nhĩ thời tại Xá-vệ thành văn kỳ âm thanh。

Nam mô Phật đà! Nam mô Phật đà! Lúc bấy giờ Ta ở trong thành Xá-vệ nghe tiếng âm thanh đó

於是女人起大慈心。

ư thị nữ nhân khởi Đại từ tâm。

liền khởi tâm từ bi thương xót。

是女尋見我持良藥塗其瘡上還合如本。我即為其種種說法。

thị nữ tìm kiến ngã trì lương dược đồ kỳ sang thượng hoàn hợp như bản。 ngã tức vị kỳ chủng chủng thuyết Pháp。

cô này tìm Ta đem thuốc đến đắp lên vết thương, hết đau nhức, liền lành như cũ. Ta liền vì cô ta mà nói các thứ Pháp,

聞法歡喜發阿耨多羅三藐三菩提心。善男子。

văn Pháp hoan hỷ phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm。 thiện nam tử。

nghe Pháp xong lòng vui mừng hơn hờ mà phát tâm Vô Thượng Bồ-đề. Nay thiện nam tử!
我於爾時實不往至波羅奈城。持藥塗是優婆夷瘡。

ngã ư nhĩ thời thật bất vãng chí Ba-la-nại thành。 trì dược đồ thị Ưu bà di sang。

Lúc bấy giờ Ta thật chẳng đến thành Ba-la-nại, chẳng đem thuốc đắp lên vết thương cho Ưu-bà-di đó。

善男子。當知皆是慈善根力。

thiện nam tử。 đương tri giai thị từ thiện căn lực。

Nay thiện nam tử! Nên biết đó đều là do sức căn lành của lòng từ
令彼女人見如是事。

lệnh bỉ nữ nhân kiến như thị sự。

làm cho Ưu-bà-di kia thấy việc như vậy。

復次善男子。調達惡人貪不知足。

phục thứ thiện nam tử。 điều đạt ác nhân tham bất tri túc。

Lại nữa, nay thiện nam tử! Ông Điều Đạt là người xấu, tham lam không biết đủ,

多服穌故頭痛腹痛。受大苦惱不能堪忍。發如是言。

đa phục tô cố đầu thống phúc thống。 thọ Đại khổ não bất năng Kham nhẫn。 phát như thị ngôn。

uống quá nhiều chất tô nên đau đầu đau bụng, hết sức khổ não không thể chịu nổi, phát lên lời rằng:

南無佛陀南無佛陀。

Nam Mô Phật-đà Nam Mô Phật-đà。

Nam Mô Phật-đà! Nam Mô Phật-đà!

我時住在優禪尼城聞其音聲即生慈心。

ngã thời trụ tại ưu Thiền ni thành văn kỳ âm thanh tức sanh từ tâm。

Lúc bấy giờ Ta đang ở tại thành Ưu-thiền-ni, nghe tiếng niệm Phật liền khởi lòng thương xót.

爾時調達尋便見我往至其所。手摩頭腹授與鹽湯而令服之。

nhĩ thời điều đạt tầm tiện kiến ngã vãng chí kỳ sở。 thủ ma đầu phúc thụ dĩ diêm thang nhi lệnh phục chi。

Lúc bấy giờ Điều Đạt liền thấy Ta đem thuốc đến cho uống, dùng tay xoa đầu, xoa bụng và cho uống thuốc,

服已平復。善男子。我實不往調婆達所。

phục dĩ bình phục。 thiện nam tử。 ngã thật bất vãng điều bà đạt sở。

uống vào bệnh liền lành. Này thiện nam tử! Ta thật chẳng đến chỗ Điều Đạt

摩其頭腹授湯令服。善男子。當知皆是慈善根力。

ma kỳ đầu phúc thụ thang lệnh phục。 thiện nam tử。 đương tri giai thị từ thiện căn lực。

chẳng xoa đầu, cho uống thuốc và khiến mặc áo vào. Này thiện nam tử! Nên biết đó đều là do sức căn lành của lòng từ

令調婆達見如是事。

lệnh điều bà đạt kiến như thị sự。

làm cho Điều Đạt thấy việc như vậy.

復次善男子。憍薩羅國有諸群賊其數五百。

phục thứ thiện nam tử。 kiêu tát la quốc hữu chư quần tặc kỳ số ngũ bách。

Lại nữa, này thiện nam tử! Nước Kiêu-tát-la có một đảng cướp năm trăm người.

群黨抄劫為害滋甚。

quần đảng sao kiếp vi hại tư thậm。

Đảng cướp đó lộng hành làm hại dân chúng.

波斯匿王患其縱暴遣兵伺捕。得已挑目遂著黑闇叢林之下。

Ba tư nặc Vương hoạn kỳ túng bạo khiến binh tý bộ。 đắc dĩ thiêu mục toại trước hắc ám
tùng lâm chi hạ。

Vua Ba Tư Nặc lo sợ bọn tàn bạo nên sai lính đi vây bắt bọn cướp, bắt được rồi khoét mắt
cho mờ tối và thả vào rừng sâu.

是諸群賊已於先佛殖眾德本。

thị chư quần tặc dĩ ư tiên Phật thực chúng đức bản。

Đảng cướp này đã từng gieo trồng công đức nơi chư Phật quá khứ,

既失目已受大苦惱。各作是言。南無佛陀南無佛陀。

ký thất mục dĩ thọ Đại khổ não。 các tác thị ngôn。 Nam Mô Phật-đà Nam Mô Phật-đà。

nên khi mắt bị mất rồi hết sức đau đớn khổ não, cùng xướng rằng: Nam Mô Phật Đà! Nam
Mô Phật Đà!

我等今者無有救護啼哭號咷。

ngã đẵng kim giả vô hữu cứu hộ đề khốc hiệu đào。

Chúng con nay không có người cứu giúp và khóc than thê thảm.

我時住在祇洹精舍。聞其音聲即生慈心。

ngã thời trụ tại kì hoàn Tịnh Xá。 văn kỳ âm thanh tức sanh từ tâm。

Lúc bấy giờ Ta đang ở tại tinh xá Kỳ Hoàn, nghe tiếng kêu cầu liền động lòng thương xót.

時有涼風吹香山中種種香藥滿其眼眶。尋還得眼如本不異。

thời hữu lương phong xuy hương sơn trung chủng chủng hương dược mãn kỳ nhãn
khuông。 tầm hoàn đắc nhãn như bản bất dị。

Khi ấy, có ngọn gió mát thổi từ trong núi Hương, thổi các thứ hương thuốc lấp đầy lỗ mắt
của những người kia. Mắt của họ liền trở lại như cũ chẳng khác.

諸賊開眼即見如來。住立其前而為說法。

chư tặc khai nhãn tức kiến Như Lai。 trụ lập kỳ tiền nhi vị thuyết Pháp。

Đảng cướp ấy mở mắt ra liền thấy Như Lai đứng trước mặt họ giảng pháp yếu.

賊聞法已發阿耨多羅三藐三菩提心。善男子。

tặc văn Pháp dĩ phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm。 thiện nam tử。

Bọn cướp nghe xong liền phát tâm Vô Thượng Bồ-đề. Nay thiện nam tử!

我於爾時實不作風吹香山中種種香藥。

ngã ư nhĩ thời thật bất tác phong xuy hương sơn trung chủng chủng hương dược。

Ta lúc bấy giờ thật chẳng làm gió trong núi Hương thổi các thứ hương thuốc,

住其人前而為說法。善男子。

trụ kỳ nhân tiền nhi vi thuyết Pháp。 thiện nam tử。

chẳng đứng trước họ mà nói pháp. Này thiện nam tử!

當知皆是慈善根力。令彼群賊見如是事。復次善男子。

đương tri giai thị tử thiện căn lực。 lệnh bỉ quần tặc kiến như thị sự。 phục thứ thiện nam tử。

Nên biết đó đều là do sức căn lành của lòng từ khiến cho bọn cướp thấy việc như vậy. Lại nữa, này thiện nam tử!

琉璃太子以愚癡故。廢其父王自立為主。

lưu ly Thái-Tử dĩ ngu si cố。 phế kỳ phụ Vương tự lập vị chủ。

Thái Tử Lưu Ly do vì ngu si nên phế bỏ phụ vương lập mình lên làm vua,

復念宿嫌多害釋種。取萬二千釋種諸女。

phục niệm tú hiềm đa hại thích chủng。 thủ vạn nhị thiên thích chủng chư nữ。

lại nhớ đến oán hiềm đời trước giết hại nhiều người dòng họ Thích. Vua Lưu Ly bắt hai ngàn phụ nữ dòng họ Thích,

別剽耳鼻斷截手足推之坑塹。

ngoạt nhị nhĩ tỳ đoạn tiết thủ túc thôi chi khanh tiệm。

cắt tai, xẻo mũi, chặt đứt tay chân rồi bỏ xuống hầm.

時諸女人身受苦惱。作如是言。南無佛陀南無佛陀。

thời chư nữ nhân thân thọ khổ não。 tác như thị ngôn。 Nam Mô Phật-đà Nam Mô Phật-đà。

Khi ấy, các phụ nữ họ Thích vô cùng đau đớn khổ não, liền xướng rằng: Nam Mô Phật Đà! Nam Mô Phật Đà!

我等今者無有救護復大號咷。

ngã đẳng kim giả vô hữu cứu hộ phục Đại hiệu đào。

Chúng con nay không người cứu giúp và kêu khóc thảm thiết.

是諸女人已於先佛種諸善根。我於爾時在竹林中。

thị chư nữ nhân dĩ ư tiên Phật chủng chư thiện căn。 ngã ư nhĩ thời tại trúc lâm trung。

Các phụ nữ đó đã từng gieo trồng căn lành nơi chư Phật quá khứ. Lúc bấy giờ Ta đang ở trong tinh xá Trúc Lâm

聞其音聲即起慈心。諸女爾時見我來至迦毘羅城。

văn kỳ âm thanh tức khởi từ tâm. chư nữ nhĩ thời kiến ngã lai chí Ca-tỳ-la thành。

nghe tiếng kêu cầu của họ mà khởi lòng từ bi thương xót. Khi ấy, các phụ nữ đó thấy Ta đến thành Ca-tỳ-la,

以水洗瘡以藥傅之苦痛尋除。

dĩ thủy tẩy sang dĩ dược phó chi khổ thống tầm trừ。

lấy nước rửa vết thương rồi dùng thuốc đắp lên chỗ đau nhức, chỗ ấy liền lành,耳鼻手足還復如本。我時即為略說法要。

nhĩ tỳ thủ túc hoàn phục như bản。ngã thời tức vị lược thuyết Pháp yếu。

tai, mũi, tay, chân liền trở lại như cũ. Khi ấy Ta liền vì họ lược thuyết Pháp yếu,

悉令俱發阿耨多羅三藐三菩提心。

tất lệnh câu phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm。

làm cho tất cả đều phát tâm Vô Thượng Bồ-đề。

即於大愛道比丘尼所出家受具足戒。善男子。

tức ư Đại ái đạo Tỳ-kheo ni sở xuất gia thọ cụ túc giới。thiện nam tử。

Họ liền đến Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo xin xuất gia thọ giới Cụ túc. Nay thiện nam tử!

如來爾時實不往至迦毘羅城。以水洗瘡傅藥止苦。善男子。

Như Lai nhĩ thời thật bất vãng chí Ca-tỳ-la thành。dĩ thủy tẩy sang phó dược chỉ khổ。thiện nam tử。

Như Lai lúc bấy giờ thật chẳng đến thành Ca-tỳ-la, chẳng lấy nước rửa vết thương, làm cho hết đau đớn. Nay thiện nam tử!

當知皆是慈善根力。令彼女人見如是事。

đương tri giai thị từ thiện căn lực。lệnh bỉ nữ nhân kiến như thị sự。

Nên biết đều là do sức căn lành khiến cho những người phụ nữ kia thấy việc như vậy。

悲喜之心亦復如是。善男子。

bi hỷ chi tâm diệc phục như thị。thiện nam tử。

Như căn lành của tâm từ, tâm bi, tâm hỷ cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử!

以是義故菩薩摩訶薩修慈思惟。即是真實非虛妄也。善男子。

dĩ thị nghĩa cổ Bồ-tát Ma-Ha tát tu từ tư duy. tức thị chân thật phi hư vọng dã. thiện nam tử.

Do nghĩa đó nên Đại Bồ-tát tư duy về tu từ tâm, là chân thật, chẳng hư dối vậy. Này thiện nam tử!

夫無量者不可思議。菩薩所行不可思議。

phu vô lượng giả bất khả tư nghị. Bồ-tát sở hạnh bất khả tư nghị.

Luận về vô lượng là không thể nghĩ bàn. Công hạnh của Bồ-tát không thể nghĩ bàn.

諸佛所行亦不可思議。

chư Phật sở hạnh diệc bất khả tư nghị.

Công hạnh của Phật làm cũng không thể nghĩ bàn.

是大乘典大涅槃經亦不可思議。

thị Đại thừa điển Đại Niết-bàn Kinh diệc bất khả tư nghị.

Kinh Đại thừa Đại Niết-bàn cũng đều không thể nghĩ bàn.

復次善男子。菩薩摩訶薩修慈悲喜已。

phục thứ thiện nam tử. Bồ-tát Ma-Ha tát tu từ bi hỉ dĩ.

Lại nữa, này thiện nam tử! Đại Bồ-tát tu từ, bi, hỉ rồi

得住極愛一子之地。善男子。

đắc trụ cực ái nhất tử chi địa. thiện nam tử.

được trụ ở nơi bậc rất thương yêu con một. Này thiện nam tử!

云何是地名曰極愛復名一子。善男子。

vân hà thị địa danh viết cực ái phục danh nhất tử. thiện nam tử.

Thế nào gọi là bậc rất thương yêu con một? Này thiện nam tử!

譬如父母見子安隱心大歡喜。菩薩摩訶薩住是地中亦復如是。

thí như phụ mẫu kiến tử an ổn tâm Đại hoan hỉ. Bồ-tát Ma-Ha tát trụ thị địa trung diệc phục như thị.

Thí như cha mẹ thấy con an ổn thì tâm rất hoan hỉ. Đại Bồ-tát Tát trụ trong bậc đó cũng lại như vậy,

視諸眾生同於一子。見修善者生大歡喜。

thị chư chúng sanh đồng ư nhất tử. kiến tu thiện giả sanh Đại hoan hỉ.

xem các chúng sanh đồng như con một. Thấy ai tu pháp lành thì sanh tâm rất hoan hỷ.

是故此地名曰極愛。善男子。

thị cố thử địa danh viết cực ái. thiện nam tử.

Vì thế, bậc này gọi là rất yêu thương. Đây thiện nam tử!

譬如父母見子遇患心生苦惱。愍之愁毒初無捨離。

thí như phụ mẫu kiến tử ngộ hoạn tâm sanh khổ não。 mẫn chi sầu độc sơ vô xả ly。

Thí như cha mẹ thấy con gặp hoạn nạn thì sanh tâm khổ não, buồn thương, không thể bỏ rời.

菩薩摩訶薩住是地中亦復如是。

Bồ-tát Ma-Ha tát trụ thị địa trung diệc phục như thị。

Đại Bồ-tát trụ ở bậc này cũng lại như vậy,

見諸眾生為煩惱病之所纏切。心生愁惱憂念如子。

kiến chư chúng sanh vi phiền não bệnh chi sở triền thiết。 tâm sanh sầu não ưu niệm như tử。

thấy các chúng sanh bị bệnh phiền não trói buộc, bức bách, tâm sanh sầu não thương nhớ như con mình.

身諸毛孔血皆流出。是故此地名為一子。善男子。

thân chư mao khổng huyết giai lưu xuất。 thị cố thử địa danh vi nhất tử。 thiện nam tử。

đến nỗi các lỗ chân lông nơi thân đều rỉ máu ra. Vì thế, bậc này gọi là con một. Đây thiện nam tử!

如人小時拾取土塊糞穢瓦石枯骨木枝置於口中。

như nhân tiểu thời thập thủ độ khối phần uế ngõa thạch khô cốt mộc chi trí ư khẩu trung。

Như người khi còn trẻ nhỏ lượm đất, phân nhơ, ngói đá, xương khô, nhánh cây bỏ vào trong miệng.

父母見已恐為其患。左手捉頭右手挑出。

phụ mẫu kiến dĩ khủng vi kỳ hoạn。 tả thủ tróc đầu hữu thủ thiêu xuất。

Cha mẹ thấy xong bèn lo sợ cho con bị hại, liền lấy tay trái đè đầu, tay phải móc ra.

菩薩摩訶薩住是地中亦復如是。

Bồ-tát Ma-Ha tát trụ thị địa trung diệc phục như thị。

Bồ-tát trụ ở trong địa này cũng lại như vậy,

見諸眾生法身未增。或行身口意業不善。

kiến chư chúng sanh Pháp thân vị tăng。 hoặc hành thân khẩu ý nghiệp bất thiện。

thấy các chúng sanh chưa từng có pháp thân, hoặc thân khẩu ý làm các nghiệp bất thiện.

菩薩見已則以智手拔之令出。不欲令彼流轉生死受諸苦惱。

Bồ-tát kiến dĩ tác dĩ trí thủ bạt chi lệnh xuất。 bất dục linh bỉ lưu chuyển sanh tử thọ chư khổ não。

Bồ-tát thấy xong liền dùng tay trí tuệ cứu cho họ thoát ra khỏi, không muốn cho kia phải chịu khổ não lưu chuyển trong dòng sanh tử.

是故此地復名一子。善男子。

thị cố thủ địa phục danh nhất tử。 thiện nam tử。

Vì thế, bậc này lại gọi là con một. Này thiện nam tử!

譬如父母所愛之子捨而終亡。父母愁惱願與俱命。菩薩亦爾。

thí như phụ mẫu sở ái chi tử xả nhi chung vong。 phụ mẫu sầu não nguyện dĩ tính mạng。 Bồ-tát diệc nhĩ。

Thí như đứa con thương yêu chết mất, cha mẹ buồn sầu muốn chết theo con. Bồ-tát cũng vậy,

見一闍提墮於地獄。亦願與俱生地獄中。

kiến nhất xiển đề đọa ư Địa ngục。 diệc nguyện dĩ câu sanh Địa ngục trung。

thấy hạng Nhất-xiển-đề đọa vào trong địa ngục, cũng nguyện cùng họ sanh vào trong địa ngục.

何以故。是一闍提若受苦時。

hà dĩ cố。 thị nhất xiển đề nhược thọ khổ thời。

Vì sao vậy? Vì khi hạng Nhất-xiển-đề đó thọ khổ,

或生一念改悔之心。我即當為說種種法。令彼得生一念善根。

hoặc sanh nhất niệm cải hối chi tâm。 ngã tức đương vi thuyết chủng chủng Pháp。 lệnh bỉ đắc sanh nhất niệm thiện căn。

hoặc sanh một niệm ăn năn hối cải, thì Ta liền vì họ mà nói các thứ pháp, khiến cho kia được sanh một niệm căn lành.

是故此地復名一子。善男子。

thị cố thủ địa phục danh nhất tử。 thiện nam tử。

Vì thế, nên bậc này lại gọi là con một. Này thiện nam tử!

譬如父母唯有一子。其子睡寤行住坐臥心常念之。

thí như phụ mẫu duy hữu nhất tử。 kỳ tử thụy ngụ hành trụ tọa ngoại tâm thường niệm chi。

Thí như cha mẹ chỉ có một đứa con. Lúc con ngủ, thức dậy, đi, đứng, ngồi, nằm lòng cha mẹ luôn nhớ nghĩ đến con.

若有罪咎善言誘喻不加其惡。

nhược hữu tội cứu thiện ngôn dụ dụ bất gia kỳ ác。

Nếu con có lỗi làm thì khéo dỗ dành, dạy bảo chẳng làm hại.

菩薩摩訶薩亦復如是。見諸眾生若墮地獄畜生餓鬼。

Bồ-tát Ma-Ha tát diệc phục như thị。 kiến chư chúng sanh nhược đọa Địa ngục súc sanh ngạ quỷ。

Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, nếu thấy chúng sanh đọa vào ngạ quỷ, địa, ngục, súc sanh, 或人天中造作善惡心常念之初不放捨。

hoặc nhân Thiên trung tạo tác thiện ác tâm thường niệm chi sơ bất phóng xả。

hoặc sanh trong loài người, trời, tạo tác các việc lành, việc dữ, lòng Bồ-tát thường nhớ tưởng không rời bỏ。

若行諸惡終不生瞋以惡加之。

nhược hành chư ác chung bất sanh sân dĩ ác gia chi。

Hoặc có chúng sanh làm các việc ác, Bồ-tát trọn không sân giận, chẳng làm hại。 是故此地復名一子。迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說其言祕密。

thị cố tử địa phục danh nhất tử Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế Tôn。 như Phật sở thuyết kỳ ngôn bí mật。

Vì thế, bậc này lại gọi là con một. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy ý rất sâu kín,

我今智淺云何能解。

ngã kim trí thiển vân hà năng giải。

con nay trí tuệ nông cạn làm sao có thể hiểu được?

若諸菩薩住一子地能如是者。云何如來昔為國王行菩薩時。

nhược chư Bồ-tát trụ nhất tử địa năng như thị giả。 vân hà Như-Lai tích vi Quốc Vương hành Bồ-tát thời。

Nếu các vị Bồ-tát có thể trụ ở bậc con một như vậy, Như Lai xưa kia vì sao khi làm vị Quốc vương hành Bồ-tát hạnh,

斷絕爾所婆羅門命。若得此地則應護念。

đoạn tuyệt nhĩ sở Bà-la-môn mạng。 nhược đắc tử địa tắc ứng hộ niệm。

mà lại giết hại dòng Bà-la-môn? Nếu được ở bậc này thì phải nên xót thương, ủng hộ.
若不得者復何因緣不墮地獄。

nhược bắt đắc giả phục hà nhân duyên bắt đọa Địa ngục。

Còn nếu chẳng được bậc này thì vì duyên gì mà chẳng đọa địa ngục?

若使等視一切眾生同於子想如羅睺羅。

nhược sử đắng thị nhất thiết chúng sanh đồng ư tử tưởng như La-hầu-la。

Nếu xem hết thấy chúng sanh bình đắng tưởng như con là La-hầu-la,

何故復向提婆達多說如是言。癡人無羞食人涕唾。

hà cố phục hướng Đề-bà-đạt-đa thuyết như thị ngôn。 si nhân vô tu thực nhân thể thóa。

thì vì sao Thế Tôn lại hướng đến Đề-bà-đạt-đa mà nói những lời như vậy: Người là đồ ngu si, không biết hổ thẹn, ăn nước miếng nước mũi của người.

令彼聞已生於瞋恨起不善心出佛身血。

lệnh bỉ văn dĩ sanh ư sân hận khởi bất thiện tâm xuất Phật thân huyết。

Khiến cho ông ấy nghe xong nổi sân hận, khởi lên tâm chẳng lành mà làm thân Phật chảy máu?

提婆達多造是惡已。如來復記當墮地獄一劫受罪。世尊。

Đề-bà-đạt-đa tạo thị ác dĩ。 Như Lai phục kí đương đọa Địa ngục nhất kiếp thọ tội。 Thế Tôn。

Đề-bà-đạt-đa tạo ác đó xong, Như Lai lại huyền ký cho ông ấy sẽ đọa địa ngục thọ tội một kiếp nữa. Bạch đức Thế Tôn!

如是之言云何於義不相違背。世尊。

như thị chi ngôn vân hà ư nghĩa bất tương vi bối。 Thế Tôn。

Những lời như vậy, làm sao nghĩa chẳng mâu thuẫn? Bạch Thế Tôn!

須菩提者住虛空地。凡欲入城求乞飲食要先觀人。

Tu-bồ-đề giả trụ hư không địa。 phạm dục nhập thành cầu khát ẩm thực yếu tiên quán nhân。

Tu-bồ-đề trụ ở bậc Giải không, phạm muốn vào trong thành khát thực cần phải quán trước người đó.

若有於己生嫌嫉心則止不行。

nhược hữu ư kỷ sanh hiềm tật tâm tắc chỉ bất hành。

Nếu thấy có người sanh tâm ganh ghét mình thì đứng lại không đi nữa,

乃至極飢猶不行乞。何以故。是須菩提常作是念。

nãi chí cực cơ do bất hành khát. hà dĩ cố. thị Tu-bồ-đề thường tác thị niệm.

nhấn đến rất đói khát cũng không đi khát thực. Vì sao vậy? Vì Tu-bồ-đề đó thường nghĩ như vậy:

我憶往昔於福田所生一惡念。

ngã ức vãng tích ư phúc điền sở sanh nhất ác niệm.

Ta nhớ xưa kia đối với ruộng phúc đã sanh niệm một niệm ác.

由是因緣墮大地獄受種種苦。我今寧飢終日不食。

do thị nhân duyên đọa Đại địa ngục thọ chủng chủng khổ. ngã kim ninh cơ chung nhật bất thực.

Bởi nhân duyên đó nên đọa vào địa ngục lớn thọ đủ khổ não. Ta nay thà suốt ngày nhịn đói chẳng ăn,

終不令彼於我起嫌墮於地獄受苦惱也。復作是念。

chung bất lệnh bỉ ư ngã khởi hiềm đọa ư Địa ngục thọ khổ não dã. phục tác thị niệm.

quyết không khiến cho những người kia vì ganh ghét ta mà đọa vào địa ngục thọ khổ não.

Lại nghĩ rằng:

若有眾生嫌我立者。我當終日端坐不起。

nhược hữu chúng sanh hiềm ngã lập giả. ngã đương chung nhật đoan tọa bất khởi.

Nếu có chúng sanh nào ghét ta đứng, ta sẽ trọn ngày ngồi ngay thẳng chẳng đứng dậy.

若有眾生嫌我坐者。

nhược hữu chúng sanh hiềm ngã tọa giả.

Nếu có chúng sanh ghét ta ngồi,

我當終日立不移處行臥亦爾。是須菩提護眾生故尚起是心何況菩薩。

ngã đương chung nhật lập bất di xử hành ngọa diệc nhĩ. thị Tu-bồ-đề hộ chúng sanh cố thượng khởi thị tâm hà hướng Bồ-tát.

ta trọn ngày đứng chẳng dời chỗ, đi, nằm cũng vậy. Tu-bồ-đề đó vì muốn hộ chúng sanh còn khởi tâm như vậy hướng gì Bồ-tát.

菩薩若得一子地者。何緣如來出是麤言。

Bồ-tát nhược đắc nhất tử địa giả. hà duyên Như Lai xuất thị thô ngôn.

Bồ-tát nếu được bậc con một, vì sao Như Lai lại phát ra những lời thô như vậy

使諸眾生起重惡心。善男子。

sử chư chúng sanh khởi trọng ác tâm. thiện nam tử.

khiến cho chúng sanh càng khởi lên tâm ác. Này thiện nam tử!

汝今不應作如是難言。佛如來為諸眾生作煩惱因緣。善男子。

nhữ kim bất ứng tác như thị nan ngôn. Phật Như Lai vị chư chúng sanh tác phiền não nhân duyên. thiện nam tử.

Ông nay chẳng nên nói những lời khó khăn như vậy: Đức Phật Như Lai làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh. Này thiện nam tử!

假使蚊嘴能盡海底。

giả sử vãn chủy năng tận hải đế.

Giả sử như vòi con muỗi có thể hút hết nước đến tận xuống đáy biển,

如來終不為諸眾生作煩惱因緣。善男子。假令大地悉為非色。

Như Lai chung bất vị chư chúng sanh tác phiền não nhân duyên. thiện nam tử. giả lệnh Đại địa tất vi phi sắc.

Như Lai trọn chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh. Này thiện nam tử! Giả sử khiến cho quả địa cầu này đều thành không màu sắc,

水為堅相火為冷相風為住相。

thủy vi kiên tướng hỏa vi lãnh tướng phong vi trụ tướng.

nước thành tướng cứng, lửa thành tướng lạnh, gió thành tướng đứng yên,

三寶佛性及以虛空作無常相。

Tam bảo Phật tánh cập dĩ hư không tác vô thường tướng.

Tam bảo, Phật tánh, hư không thành tướng vô thường thì

如來終不為諸眾生作煩惱因緣。善男子。

Như Lai chung bất vị chư chúng sanh tác phiền não nhân duyên. thiện nam tử.

Như Lai trọn chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh. Này thiện nam tử!

假使毀犯四重禁罪及一闍提謗正法者。

giả sử hủy phạm tứ trọng cấm tội cập nhất xiển đề báng chánh Pháp giả.

Giả sử người hủy phạm bốn tội nặng, hạng Nhất-xiển-đề, phỉ báng chánh pháp

現身得成十力無畏三十二相八十種好。如來終不為諸眾生作煩惱因緣。

hiện thân đắc thành thập lực vô úy tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo. Như Lai chung bất vị chư chúng sanh tác phiền não nhân duyên.

hiện thân được thành mười trí lực, bốn vô úy, được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, Như Lai trọn chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh.

善男子。假使聲聞辟支佛等常住不變。

thiện nam tử。 giả sử Thanh văn, Bích-chi-phật đẳng thường trụ bất biến。

Này thiện nam tử! Giả sử hàng Thanh văn, Bích-chi-phật đều thường trụ bất biến, 如來終不為諸眾生作煩惱因緣。善男子。

Như Lai chung bất vị chư chúng sanh tác phiền não nhân duyên。 thiện nam tử。

Như Lai trọn chẳng làm nhân duyên phiền não cho các chúng sanh. Này thiện nam tử! 假使十住諸菩薩等。犯四重禁作一闍提誹謗正法。

giả sử thập trụ chư Bồ-tát đẳng。 phạm tứ trọng cấm tác nhất xiển đề phi báng chánh Pháp。

Giả sử chư vị Bồ-tát ở bậc Thập trụ mà phạm bốn tội nặng, làm Nhất-xiển-đề phi báng chánh pháp,

如來終不為諸眾生作煩惱因緣。善男子。

Như Lai chung bất vị chư chúng sanh tác phiền não nhân duyên。 thiện nam tử。

Như Lai trọn chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh. Này thiện nam tử!

假使一切無量眾生喪滅佛性。

giả sử nhất thiết vô lượng chúng sanh tang diệt Phật tánh。

Giả sử hết thảy vô lượng chúng sanh mất hết Phật tánh,

如來究竟入般涅槃。如來終不為諸眾生作煩惱因緣。善男子。

Như Như Lai cứu cánh nhập Bát Niết-bàn。 Như Lai chung bất vị chư chúng sanh tác phiền não nhân duyên。 thiện nam tử。

Như Lai rốt ráo nhập Niết-bàn, Như Lai trọn chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh. Này thiện nam tử!

假使擲繯能繫縛風。齒能破鐵爪壞須彌。

giả sử trịch quyển năng hệ phọc phong。 xỉ năng phá thiết thảo hoại Tu-Di。

Giả sử vải chài có thể cột trời được gió, răng có thể nhai được sắt, móng tay cào được núi Tu Di,

如來終不為諸眾生作煩惱因緣。

Như Lai chung bất vị chư chúng sanh tác phiền não nhân duyên。

Như Lai trọn chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh,

寧與毒蛇同共一處。內其兩手餓師子口。

ninh dữ độc xà đồng cộng nhất xử. nội kỳ lượng thủ nạ Sư-tử khẩu.

thà ở chung với rắn độc, hai tay đút vào trong miệng sư tử đói,

佉陀羅炭用洗浴身。

Khư-đà-la thán dụng tẩy dục thân。

lấy than hồng dùng để tắm rửa thân,

不應發言如來世尊為諸眾生作煩惱因緣。善男子。

bất ứng phát ngôn Như Lai Thế Tôn vị chư chúng sanh tác phiền não nhân duyên。 thiện nam tử。

chẳng nên nói rằng Như Lai Thế Tôn làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh. Nay thiện nam tử!

如來真實能為眾生斷除煩惱。終不為作煩惱因也。

Như Lai chân thật năng vị chúng sanh đoạn trừ phiền não。 chung bất vi tác phiền não nhân dã。

Như Lai chân thật có thể đoạn trừ phiền não cho các chúng sanh trọn chẳng làm nhân duyên phiền não。

善男子。如汝所言如來往昔殺婆羅門者。

thiện nam tử。 như nhữ sở ngôn Như Lai vãng tích sát Bà-la-môn giả。

Nay thiện nam tử! Như chỗ ông nói Như Lai xưa giết dòng Bà-la-môn。

善男子。菩薩摩訶薩乃至蟻子尚不故殺。

thiện nam tử。 Bồ-tát Ma-Ha tát nãi chí nghĩ tử thượng bất cố sát。

Nay thiện nam tử! Đại Bồ-tát hẳn đến con kiến còn chẳng giết

況婆羅門。菩薩常作種種方便。

huống Bà-la-môn。 Bồ-tát thường tác chủng chủng phương tiện。

huống là giết Bà-la-môn。 Bồ-tát thường làm các loại phương tiện,

惠施眾生無量壽命。善男子。夫施食者則為施命。

huệ thí chúng sanh vô lượng thọ mạng。 thiện nam tử。 phu thí thực giả tắc vi thí mạng。

nhân từ bố thí vô lượng thọ mạng cho chúng sanh. Nay thiện nam tử! Luận về bố thí ấy

thời là bố thí mạng sống, vật thực。

菩薩摩訶薩行檀波羅蜜時。常施眾生無量壽命。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành đàn ba la mật thời。 thường thí chúng sanh vô lượng thọ mạng。

Đại Bồ-tát khi hành Đản Ba-la-mật thường ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh.
善男子。修不殺戒得壽命長。

thiện nam tử. tu bất sát giới đắc thọ mạng trường.

Này thiện nam tử! Tu giới không sát sanh thời được sống lâu.

菩薩摩訶薩行尸波羅蜜時。則為施與一切眾生無量壽命。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành thi ba la mật thời. tắc vi thí dữ nhất thiết chúng sanh vô lượng thọ mạng.

Đại Bồ-tát khi hành Thi-la Ba-la-mật thời ban bố vô lượng thọ mạng cho hết thảy chúng sanh.

善男子。慎口無過得壽命長。

thiện nam tử. thận khẩu vô quá đắc thọ mạng trường.

Này thiện nam tử! Giữ gìn miệng cẩn thận không lỗi làm được sống lâu.

菩薩摩訶薩行羼提波羅蜜時。常勸眾生莫生怨想。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành Sạn-Đề ba la mật thời. thường khuyến chúng sanh mạc sanh oán tưởng.

Đại Bồ-tát khi hành Sẵn-đề Ba-la-mật, thường khuyên chúng sanh chớ có sanh tưởng oán hận

推直於人引曲向己無所諍訟得壽命長。

thôi trực ư nhân dẫn khúc hướng kỷ vô sở tránh tụng đắc thọ mạng trường.

những việc phải cho người, đem sự quấy cho mình mà không kiện tụng, cãi cọ thời được sống lâu.

是故菩薩行羼提波羅蜜時。已施眾生無量壽命。善男子。

thị cố Bồ-tát hành Sạn-Đề ba la mật thời. dĩ thí chúng sanh vô lượng thọ mạng. thiện nam tử.

Vì thế Bồ-tát khi hành Sẵn-đề Ba-la-mật, thời đã ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh. Này thiện nam tử!

精勤修善得壽命長。

tinh tinh cần tu thiện đắc thọ mạng trường.

Siêng năng tu tập hạnh lành được sống lâu.

菩薩摩訶薩行毘梨耶波羅蜜時。常勸眾生勤修善法。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành Bi-lê-Da ba la mật thời. thường khuyến chúng sanh tinh cần tu thiện Pháp.

Đại Bồ-tát khi hành Tỳ-lê-da Ba-la-mật, thường khuyên chúng sanh siêng năng tu các pháp lành.

眾生行已得無量壽命。是故菩薩行毘梨耶波羅蜜時。

chúng sanh hành dĩ đắc vô lượng thọ mạng. thị cố Bồ-tát hành Bi-lê-Da ba la mật thời. Chúng sanh hành như vậy xong được sống lâu vô lượng. Vì thế Bồ-tát khi hành Tỳ-lê-da Ba-la-mật

已施眾生無量壽命。善男子。

dĩ thí chúng sanh vô lượng thọ mạng. thiện nam tử.

xong, ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh. Này thiện nam tử!

修攝心者得壽命長。菩薩摩訶薩行禪波羅蜜時。

tu nhiếp tâm giả đắc thọ mạng trường. Bồ-tát Ma-Ha tát hành Thiền ba la mật thời.

Người nhiếp tâm tu thiền thời được sống lâu. Bồ-tát khi hành Thiền Ba-la-mật

勸諸眾生修平等心。眾生行已得壽命長。

khuyến chư chúng sanh tu bình đẳng tâm. chúng sanh hành dĩ đắc thọ mạng trường.

khuyến các chúng sanh tu tâm bình đẳng. Chúng sanh thực hành rồi thời được sống lâu.

是故菩薩行禪波羅蜜時。已施眾生無量壽命。善男子。

thị cố Bồ-tát hành Thiền ba la mật thời. dĩ thí chúng sanh vô lượng thọ mạng. thiện nam tử.

Vì thế khi Bồ-tát hành Thiền Ba-la-mật xong, ban bố cho chúng sanh vô lượng thọ mạng.

Này thiện nam tử!

於諸善法不放逸者得壽命長。

ư chư thiện Pháp bất phóng dật giả đắc thọ mạng trường.

Người đối với các pháp lành không phóng dật được sống lâu.

菩薩摩訶薩行般若波羅蜜時。

Bồ-tát Ma-Ha tát hành bát nhã ba la mật thời.

Đại Bồ-tát khi hành Bát-nhã Ba-la-mật,

勸諸眾生於諸善法不生放逸。眾生行已以是因緣得壽命長。

khuyến chư chúng sanh ư chư thiện Pháp bất sanh phóng dật. chúng sanh hành dĩ dĩ thị nhân duyên đắc thọ mạng trường.

khuyên các chúng sanh đối với các pháp hành chẳng nên phóng dật. Các chúng sanh đó hành xong, do nhân duyên ấy mà được sống lâu.

是故菩薩行般若波羅蜜時。已施眾生無量壽命。

thị cố Bồ-tát hành bát nhã ba la mật thời。 dĩ thí chúng sanh vô lượng thọ mạng。

Vì thế khi Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật xong, ban bố cho chúng sanh vô lượng thọ mạng.

善男子。

thiện nam tử。

Này thiện nam tử!

以是義故菩薩摩訶薩於諸眾生終無奪命。善男子。

dĩ thí nghĩa cố Bồ-tát Ma-Ha tát ư chư chúng sanh chung vô đoạt mạng。 thiện nam tử。

Do nghĩa đó nên Đại Bồ-tát đối với chúng sanh trọn không đoạt mạng sống. Này thiện nam tử!

汝向所問殺婆羅門時得是地不。善男子。時我已得。

nhữ hướng sở vấn sát Bà-la-môn thời đắc thị địa bất。 thiện nam tử。 thời ngã dĩ đắc。

Như ông muốn hỏi khi giết hại dòng Bà-la-môn đức Phật đã được bậc đó chưa? Này thiện nam tử! Khi ấy Ta đã được bậc đó rồi.

以愛念故斷其命根非惡心也。善男子。

dĩ ái niệm cố đoạn kỳ mạng căn phi ác tâm dã。 thiện nam tử。

Do vì lòng thương yêu họ mà giết hại chớ chẳng phải tâm ác vậy. Này thiện nam tử!

譬如父母唯有一子愛之甚重犯官憲制。

thí như phụ mẫu duy hữu nhất tử ái chi thậm trọng phạm quan hiến chế。

Thí như cha mẹ chỉ có đứa con duy nhất nên rất thương yêu chịu chuộc, nhưng nó lại vi phạm hiến chế của quan.

是時父母以怖畏故若擯若殺。雖復擯殺無有惡心。

thị thời phụ mẫu dĩ ố úy cố nhược bấn nhược sát。 tuy phục bấn sát vô hữu ác tâm。

Khi ấy, cha mẹ do sợ hãi nên hoặc rùng đuổi, hoặc giết con. Dầu có rùng đuổi hoặc giết, nhưng chẳng có tâm ác.

菩薩摩訶薩為護正法亦復如是。若有眾生謗大乘者。

Bồ-tát Ma-Ha tát vị hộ chánh Pháp diệt phục như thị。 nhược hữu chúng sanh bàng Đại thừa giả。

Đại Bồ-tát vì hộ chánh pháp cũng lại như vậy. Nếu có chúng sanh nào huỷ báng Đại thừa
即以鞭撻苦加治之或奪其命。欲令改往遵修善法。

tức dĩ tiên thát khổ gia trì chi hoặc đoạt kỳ mạng。dục linh cải vãng tuân tu thiện Pháp。
liền dùng roi gậy để trị, hoặc giết chết, muốn cho người kia hối cải mà tu các pháp lành。
菩薩常當作是思惟。

Bồ-tát thường đương tác thị tư duy。

Bồ-tát thường phải nên suy nghĩ:

以何因緣能令眾生發起信心。隨其方便要當為之。

dĩ hà nhân duyên năng linh chúng sanh phát khởi tín tâm。tùy kỳ phương tiện yếu đương
vi chi。

Dùng nhân duyên gì để khiến cho chúng sanh có thể phát khởi lòng tin thanh tịnh? Tùy
theo phương cách nào thuận tiện thời sẽ thật hành。

諸婆羅門命終之後生阿鼻地獄。要有三念。

chư Bà-la-môn mạng chung chi hậu sanh A-tì Địa ngục。yếu hữu tam niệm。

Các người Bà-la-môn sau khi chết sanh vào địa ngục A-tỳ, cần phải nhớ nghĩ ba điều:

一者自念我從何處而來生此。即便自知從人道中來。

nhất giả tự niệm ngã tông hà xử nhi lai sanh thử。tức tiện tự tri tông nhân đạo trung lai。

Một là tự nghĩ rằng ta từ đâu mà đến nơi này? Liền tự biết mình từ cõi người mà đến。

二者自念我今所生為是何處。

nhị giả tự niệm ngã kim sở sanh vi thị hà xử。

Hai là tự nghĩ hôm nay ta sanh ở chỗ nào,

即便自知是阿鼻獄。三者自念乘何業緣而來生此。

tức tiện tự tri thị A-tì ngục。tam giả tự niệm thừa hà nghiệp duyên nhi lai sanh thử。

tức thì tự biết đó là địa ngục A-tỳ. Ba là tự nghĩ do nghiệp gì mà ta đến nơi này,

即便自知乘謗方等大乘經典不信因緣。

tức tiện tự tri thừa báng phương đẳng Đại thừa Kinh điển bất tín nhân duyên。

liền tự biết do nghiệp phỉ báng Kinh điển Phương Đẳng Đại thừa, không tin nhân duyên,
為國主所殺而來生此。

vị quốc chủ sở sát nhi lai sanh thử。

bị nhà vua giết mà sanh đến nơi này.

念是事已即於大乘方等經典生信敬心。尋時命終生甘露鼓如來世界。

niệm thị sự dĩ tức ư Đại thừa phương đẳng Kinh điển sanh tín kính tâm. tầm thời mạng chung sanh cam lộ cổ như lai thế giới.

Họ nghĩ như thế xong, liền kính tin Kinh điển Đại thừa. Sau khi thân hoại mạng chung họ sanh đến thế giới Cam Lộ Cổ Như Lai,

於彼壽命具足十劫。善男子。

ư bỉ thọ mạng cụ túc thập kiếp. thiện nam tử.

sống lâu đủ mười kiếp. Này thiện nam tử!

以是義故我於往昔乃與是人十劫壽命。云何名殺。善男子。

dĩ thị nghĩa cố ngã ư vãng tích nãi dĩ thị nhân thập kiếp thọ mạng. vân hà danh sát. thiện nam tử.

Do nghĩa đó nên xưa kia Ta ban cho những người đó sống lâu mười kiếp, sao lại gọi là giết hại họ? Này thiện nam tử!

有人掘地刈草斫樹。斬截死屍罵詈鞭撻。

hữu nhân quật địa ngải thảo chước thụ. trảm tiết tử thi mạ lị tiên thát.

Có người đào đất, cắt cỏ, đốn cây, chặt tử thi, mắng chửi, roi đánh,

以是業緣墮地獄不。迦葉菩薩白佛言。

dĩ thị nghiệp duyên đọa Địa ngục bất. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn.

do nghiệp duyên đó có bị rơi vào Địa ngục không? Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng:

世尊。如我解佛所說義者應墮地獄。何以故。

Thế tôn. như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa giả ứng đọa Địa ngục. hà dĩ cố.

Bạch đức Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa của lời Phật nói thì người đó phải đọa vào địa ngục. Vì sao vậy?

如佛昔為聲聞說法。

như Phật tích vị Thanh văn thuyết Pháp.

Như Phật xưa vì hàng Thanh văn thuyết Pháp:

汝諸比丘於餘焦木莫生惡心。何以故。

nhữ chư Tỳ-kheo ư dư tiêu mộc mạc sanh ác tâm. hà dĩ cố.

Này các Tỳ-kheo! Các ông ở nơi cây cháy rụi chớ có sanh tâm ác. Vì sao vậy?

一切眾生因惡心故墮于地獄。爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。

nhất thiết chúng sanh nhân ác tâm cố đọa vu Địa ngục. nhĩ thời Phật tán Ca-diếp Bồ-tát. Thiện tai Thiện tai.

Vì hết thầy chúng sanh đều nhân nơi tâm ác mà đọa vào địa ngục. Lúc bấy giờ Phật khen Ca-diếp: Hay thay! Hay thay!

如汝所說。應善受持。善男子。若因惡心墮地獄者。

như như sở thuyết. ứng thiện thọ trì. thiện nam tử. nhược nhân ác tâm đọa Địa ngục giả.

Đúng như lời ông nói, phải khéo thọ trì. Này thiện nam tử!

菩薩爾時實無惡心。何以故。

Bồ-tát nhĩ thời thật vô ác tâm. hà dĩ cố.

Bồ-tát lúc bấy giờ thật không có ác tâm. Vì sao?

菩薩摩訶薩於一切眾生乃至虫蟻。悉生憐愍利益心故。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư nhất thiết chúng sanh nãi chí trùng nhĩ. tất sanh liên mẫn lợi ích tâm cố.

Vì Bồ-tát đối với hết thầy chúng sanh nhĩ đến con kiến, con trùng nhỏ đều sanh tâm thương xót làm lợi ích.

所以者何。善知因緣諸方便故。

sở dĩ giả hà. thiện tri nhân duyên chư phương tiện cố.

Vì sao như vậy? Vì khéo biết các nhân duyên, các phương tiện,

以方便力欲令眾生種諸善根。善男子。以是義故。

dĩ phương tiện lực dục linh chúng sanh chủng chư thiện căn. thiện nam tử. dĩ thị nghĩa cố.

dùng lực phương tiện làm cho chúng sanh gieo trồng căn lành. Này thiện nam tử! Do nghĩa đó,

我於爾時以善方便雖奪其命而非惡心。善男子。

ngã ư nhĩ thời dĩ thiện phương tiện tuy đoạt kỳ mạng nhi phi ác tâm. thiện nam tử.

nên lúc bấy giờ Ta dùng phương tiện, dầu có giết hại mà chẳng có ác tâm. Này thiện nam tử!

婆羅門法若殺蟻子滿足十車無有罪報。

Bà-la-môn Pháp nhược sát nhĩ tử mãn túc thập xa vô hữu tội báo.

Theo giáo pháp Bà-la-môn cho rằng, nếu giết kiến đủ mười xe không có tội báo.

蚊虻蚤虱猫狸師子虎狼熊羆諸惡虫獸。

văn xà tảo sát miêu li Sư-tử hổ lang hùng bi chư ác trùng thú.

Muỗi, ruồi, rận, rệp, mèo, chồn, sư tử, cọp, chó sói, gấu, những độc trùng, ác thú
及餘能為眾生害者殺滿十車。

cập dư năng vì chúng sanh hại giả sát mãn thập xa。

và các loài khác hay làm hại chúng sanh, nếu giết chúng đủ mười xe không có tội báo。

鬼神羅刹拘槃荼迦羅富單那顛狂乾枯諸鬼神等。

quỷ Thần La sát câu bàn trà ca la Phú đan na điên cuồng kiên khô chư quỷ Thần đẳng。

Các loại quỷ thần, La-sát, Câu-bàn-trà, Ca-la, Phú-đan-na, Điên cuồng, càngh khô v.v..

能為眾生作燒害者。有奪其命悉無罪報。

năng vì chúng sanh tác nhiều hại giả。 hữu đoạt kỳ mạng tất vô tội báo。

hay làm hại chúng sanh, nếu có ai giết hại mạng họ đều không có tội báo;

若殺惡人則有罪報。殺已不悔則墮餓鬼。

nhược sát ác nhân tắc hữu tội báo。 sát dĩ bất hối tắc đọa nga quỷ。

nếu giết người ác thì có tội báo, giết xong nếu không sám hối thì đọa nga quỷ。

若能懺悔三日斷食其罪消滅無有遺餘。

nhược năng sám hối tam nhật đoạn thực kỳ tội tiêu diệt vô hữu di dư。

nếu có thể sám hối ba ngày dứt ăn uống thì tội báo tiêu diệt không còn dư tàn,

若殺和上害其父母女人及牛。無數千年在地獄中。善男子。

nhược sát hòa thượng hại kỳ phụ mẫu nữ nhân cập ngưu。 vô số thiên niên tại Địa ngục
trung。 thiện nam tử。

nếu giết Hòa Thượng, hại cha mẹ mình, phụ nữ, và trâu bò, thì phải đọa vô số ngàn năm
ở trong địa ngục. Nay thiện nam tử!

佛及菩薩知殺有三。謂下中上。

Phật cập Bồ-tát tri sát hữu tam。 vị hạ trung thượng。

Chư Phật và Bồ-tát biết giết có ba hạng, đó là thượng, trung và hạ。

下者蟻子乃至一切畜生。唯除菩薩示現生者。善男子。

hạ giả nhĩ tử nãi chí nhất thiết súc sanh。 duy trừ Bồ-tát thị hiện sanh giả。 thiện nam
tử。

Hạng hạ là trùng kiến nhẫn đến hết thủy súc sanh, chỉ trừ Bồ-tát thị hiện thọ sanh. Nay
thiện nam tử!

菩薩摩訶薩以願因緣示受畜生是名下殺。

Bồ-tát Ma-Ha tát dĩ nguyện nhân duyên kì thọ súc sanh thị danh hạ sát。

Đại Bồ-tát do nguyện lực nên thị hiện thọ thân súc sanh. Đó gọi là sát sanh hạng hạ.

以下殺因緣墮於地獄畜生餓鬼具受下苦。何以故。

dĩ hạ sát nhân duyên đọa ư Địa ngục súc sanh ngạ quỷ cụ thọ hạ khổ. hà dĩ cố.

Do nhân duyên sát sanh hạng hạ nên đọa vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thọ đủ khổ hạng hạ. Vì sao?

是諸畜生有微善根。

thị chư súc sanh hữu vi thiện căn。

Vì các chúng sanh đó có căn lành rất kém ít.

是故殺者具受罪報是名下殺。中殺者從凡夫人至阿那含是名為中。

thị cố sát giả cụ thọ tội báo thị danh hạ sát。 trung sát giả tòng phạm phu nhân chí A na hàm thị danh vi trung。

Vì thế, người giết thọ đủ tội báo gọi là sát sanh hạng hạ. Sát sanh hạng trung là từ người phạm phu đến vị chứng A Na Hàm, đó gọi là hạng trung.

以是業因墮於地獄畜生餓鬼。

dĩ thị nghiệp nhân đọa ư Địa ngục súc sanh ngạ quỷ。

Do nghiệp nhân đó mà đọa vào trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh,

具受中苦是名中殺。上殺者。

cụ thọ trung khổ thị danh trung sát。 thượng sát giả。

thọ đủ khổ hạng trung, đó gọi là sát hại hạng trung. Sát sanh hạng thượng là

父母乃至阿羅漢辟支佛畢定菩薩。是名為上。

phụ mẫu nãi chí A La Hán Bích-chi-phật tất định Bồ-tát。 thị danh vi thượng。

giết cha mẹ n्हấn đến giết A La Hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, đó gọi là sát sanh hạng thượng.

以是業因緣故墮於阿鼻大地獄中。具受上苦。是名上殺。善男子。

dĩ thị nghiệp nhân duyên cố đọa ư A-tì Đại địa ngục trung。 cụ thọ thượng khổ。 thị danh thượng sát。 thiện nam tử。

Do nghiệp duyên đó mà đọa vào trong A-tỳ địa ngục lớn, thọ đủ khổ hạng thượng, đó gọi là sát sanh hạng thượng. Nay thiện nam tử!

若有能殺一闍提者。則不墮此三種殺中。

nhược hữu năng sát nhất xiển đề giả。 tắc bất đọa thử tam chủng sát trung。

Nếu có người hay giết kẻ Nhất-xiển-đề, thời chẳng đọa vào trong ba loại sát này.

善男子。彼諸婆羅門等一切皆是一闍提也。

thiện nam tử. bỉ chư Bà-la-môn đẳng nhất thiết giai thị nhất xiển đề dã.

Này thiện nam tử! Những người Bà-la-môn đó hết thảy đều là kẻ Nhất-xiển-đề.

譬如掘地刈草斫樹。

thí như quật địa ngải thảo chúc thụ.

Thí như đào đất, cắt cỏ, đốn cây,

斬截死屍罵詈鞭撻無有罪報。殺一闍提亦復如是無有罪報。何以故。

trảm tiệt tử thi mạ lị tiên thát vô hữu tội báo. sát nhất xiển đề diệc phục như thị vô hữu tội báo. hà dĩ cố.

chặt tử thi, chửi mắng, đánh đập đều không có tội báo. Giết hạng Nhất-xiển-đề cũng lại như vậy, không có tội báo. Vì sao vậy?

諸婆羅門乃至無有信等五根。

chư Bà-la-môn nãi chí vô hữu tín đẳng ngũ căn.

Vì những người Bà-la-môn không có căn lành hẳn đến chẳng chẳng có năm pháp tín v.v...

是故雖殺不墮地獄。

thị cố tuy sát bất đọa Địa ngục.

Vì vậy, dầu giết họ cũng không đọa địa ngục.

善男子。

thiện nam tử.

Này thiện nam tử!

汝先所言如來何故罵提婆達多癡人食唾。汝亦不應作如是問何以故。

nhữ tiên sở ngôn Như Lai hà cố mạ Đề-bà-đạt-đa si nhân thực thóa. nhữ diệc bất ứng tác như thị vấn. hà dĩ cố.

Ông trước nói rằng: Như Lai vì sao mắng chửi Đề-bà-đạt-đa là người ngu si, ăn nước miếng. Ông cũng chẳng nên hỏi những lời như vậy. Vì sao?

諸佛世尊凡所發言不可思議。善男子。

chư Phật Thế Tôn phàm sở phát ngôn bất khả tư nghị. thiện nam tử.

Chư Phật Thế Tôn phàm phát ra lời nói gì đều chẳng thể nghĩ bàn. Này thiện nam tử! Hoặc có thực ngữ của thế gian được ưa chuộng. Không phải thời không phải pháp không vì lợi ích.

hoặc hữu thật ngữ vi thế sở ái. phi thời phi Pháp bất vi lợi ích.

Nếu có nói thật, lời thật được người thế gian mến ưa nhưng chẳng đúng thời, chẳng đúng pháp, chẳng làm lợi ích,

如是之言我終不說。善男子。或復有言麤獷虛妄。

như thị chi ngôn ngã chung bất thuyết。 thiện nam tử。 hoặc phục hữu ngôn thô quán hư vọng。

những lời như vậy Ta trọn chẳng nói. Này thiện nam tử! Hoặc lại có nói lời thô ác hư dối, 非時非法聞者不愛不能利益。我亦不說。善男子。

phi thời phi Pháp văn giả bất ái bất năng lợi ích。 ngã diệc bất thuyết。 thiện nam tử。 phi thời, phi pháp mà người nghe chẳng ưa thích, chẳng có lợi ích. Ta cũng không nói. Này thiện nam tử!

若有語言。雖復麤獷真實不虛。

nhược hữu ngữ ngôn。 tuy phục thô quán chân thật bất hư。

Hoặc có nói lời dầu thô quán mà chân thật, chẳng hư dối,

是時是法能為一切眾生利益。聞雖不悅我要說之。何以故。

thị thời thị Pháp năng vi nhất thiết chúng sanh lợi ích。 văn tuy bất duyệt ngã yếu thuyết chi。 hà dĩ cố。

đúng thời, đúng pháp, có thể làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh. Dầu người nghe chẳng ưa thích, Ta cũng phải nói. Vì sao?

諸佛世尊應正遍知知方便故。善男子。

chư Phật Thế tôn ứng Chánh-biến-Tri tri phương tiện cố。 thiện nam tử。

Vì chư Phật Thế Tôn Ứng Chánh-biến-Tri khéo biết phương tiện. Này thiện nam tử!

如我一時遊彼曠野聚落叢樹在其林下。

như ngã nhất thời du bỉ khoáng dã tụ lạc tùng thụ tại kỳ lâm hạ。

Như có một hôm, Ta dạo qua thôn Khoáng Dã. Ở dưới rừng rậm,

有一鬼神即名曠野。純食肉血多殺眾生。

hữu nhất quỷ Thần tức danh khoáng dã。 thuần thực nhục huyết đa sát chúng sanh。

có một quỷ thần tên là Khoáng Dã. Quỷ này ăn thuần máu thịt, giết hại nhiều chúng sanh.

復於其聚日食一人。善男子。

phục ư kỳ tụ nhật thực nhất nhân。 thiện nam tử。

Quỷ này lại mỗi ngày ăn một người trong thôn ấy. Này thiện nam tử!

我於爾時為彼鬼神廣說法要。然彼暴惡愚癡無智不受教法。

ngã ư nhĩ thời vi bỉ quỷ Thần quang thuyết Pháp yếu。 nhiên bỉ bạo ác ngu si vô trí bất
thọ giáo Pháp。

Lúc bấy giờ Ta vì quỷ Khoáng Dã mà rộng nói Pháp yếu, nhưng vì quỷ kia bản tánh ngu si
vô trí không thọ được giáo Pháp.

我即化身為大力鬼。動其宮殿令不安所。

ngã tức hóa thân vi Đại lực quỷ。 động kỳ cung điện lệnh bất an sở。

Ta liền hóa thân làm quỷ có sức mạnh lớn, làm kinh động cả cung điện của chúng khiến
chẳng được yên.

彼鬼于時將其眷屬出其宮殿欲來拒逆。

bỉ quỷ vu thời tướng kỳ quyến chúc xuất kỳ cung điện dục lai cự nghịch。

Khi ấy quỷ kia dẫn quyến thuộc của nó ra khỏi cung điện muốn đến chống cự với Ta.

鬼見我時即失心念。惶怖蹙地迷悶斷絕。猶如死人。

quỷ kiến ngã thời tức thất tâm niệm。 hoàng phổ tích địa mê muộn đoạn tuyệt。 do như
tử nhân。

Chúng vừa thấy Ta tức thì mất hồn vía, sợ hãi té xuống đất ngất xỉu như người chết.

ngã dĩ từ mẫn thủ ma kỳ thân tức hoàn khởi tọa。 tác như thị

我以慈愍手摩其身即還起坐。作如是言。 ngôn。

Ta dùng từ tâm thương xót lấy tay xoa lên thân của quỷ, tức thì quỷ ngồi dậy mà nói rằng:

快哉今日還得身命。是大神王具大威德。

khoái tai kim nhật hoàn đắc thân mạng。 thị Đại Thần Vương cụ Đại uy đức。

Ngày hôm nay may mắn được sống lại là nhờ vua Đại Thần đầy đủ oai đức lớn,

有慈愍心赦我愆咎。即於我所生善信心。

hữu từ mẫn tâm xá ngã khiên cứu。 tức ư ngã sở sanh thiện tín tâm。

có lòng từ tâm thương xót tha thứ tội lỗi của con. Quỷ Khoáng Dã liền sanh tâm lành kính
tin nơi Ta.

我即還復如來之身。復更為說種種法要。

ngã tức hoàn phục Như Lai chi thân。 phục canh vị thuyết chủng chủng Pháp yếu。

Ta liền trở lại thân Như Lai, lại vì quỷ mà nói Pháp yếu

令彼鬼神受不殺戒。

linh bỉ quỷ Thần thọ bất sát giới。

làm cho nó thọ giới Bất sát.

即於是日壙野村中有一長者次應當死。村人已送付彼鬼神。

tức ư thị nhật khoáng dã thôn trung hữu nhất Trưởng giả thứ ứng đương tử. thôn nhân dĩ tổng phó bỉ quỷ Thần。

Trong ngày ấy, trong thôn đó có một Trưởng giả đến phiên phải chết. Người trong làng đem đến nộp cho quỷ Khoáng Dã.

鬼神得已即以施我。我既受已便為長者。

quỷ Thần đắc dĩ tức dĩ thí ngã. ngã ký thọ dĩ tiện vi Trưởng giả。

Quý nhận được rồi liền cúng thí cho Ta. Ta nhận xong liền vì Trưởng giả

更立名字名手長者。爾時彼鬼即白我言。世尊。

canh lập danh tự danh thủ Trưởng giả. nhĩ thời bỉ quỷ tức bạch ngã ngôn. Thế Tôn。

đặt hiệu cho ông là Thủ Trưởng Giả. Lúc bấy giờ Quỷ ấy liền nói với Ta rằng: Bạch Thế Tôn!

我及眷屬唯仰血肉以自存活。今以戒故當云何活。

ngã cập quyến chúc duy ngưỡng huyết nhục dĩ tự tồn hoạt. kim dĩ giới cố đương vân hà hoạt。

Con và quyến thuộc của con chỉ nhờ máu thịt để tự nuôi sống. Nay do thọ giới bất sát nên phải sống như thế nào?

我即答言。從今當勅聲聞弟子。

ngã tức đáp ngôn. tông kim đương sắc Thanh văn đệ tử。

Ta liền đáp rằng: Từ nay trở đi Phật sẽ bảo hàng đệ tử Thanh văn,

隨有修行佛法之處。悉當令其施汝飲食。善男子。

tùy hữu tu hành Phật Pháp chi xứ. tất đương linh kỳ thí nhữ ẩm thực. thiện nam tử。

tùy chỗ nào có Phật pháp lưu hành đều phải cúng thí cho người thức ăn uống. Nay thiện nam tử!

以是因緣為諸比丘制如是戒。

dĩ thị nhân duyên vị chư Tỳ-kheo chế như thị giới。

Do nhân duyên đó Phật vì các Tỳ-kheo mà chế giới như sau:

汝等從今常當施彼壙野鬼食。若有住處不能施者。

nhữ đẳng tông kim thường đương thí bỉ khoáng dã quỷ thực. nhược hữu trụ xứ bất năng thí giả。

Các người từ hôm nay phải cúng thí cho quỷ Khoáng Dã ăn, nếu có chỗ nào không cúng thí

當知是輩非我弟子。即是天魔徒黨眷屬。善男子。

đương tri thị bối phi ngã đệ tử。 tức thị Thiên ma đồ đảng quyến chúc。 thiện nam tử。 phải biết đó chẳng phải là đệ tử của Ta, đó chính là môn đồ quyến thuộc của Thiên ma. Này thiện nam tử!

如來為欲調伏眾生故。示如是種種方便。

Như Lai vị dục điều phục chúng sanh cố。 kì như thị chủng chủng phương tiện。 Như Lai vì muốn điều phục chúng sanh nên thị hiện các loại phương tiện như vậy, 非故令彼生怖畏也。善男子。我亦以木打護法鬼。

phi cố linh bỉ sanh bố úy dã。 thiện nam tử。 ngã diệc dĩ mộc đả hộ Pháp quỷ。 chẳng vì muốn cho kia sanh sợ hãi vậy. Này thiện nam tử! Ta cũng dùng cây đánh quỷ Hộ pháp.

又於一時在一山上。推羊頭鬼令墮山下。

hựu ư nhất thời tại nhất sơn thượng。 thôi dương đầu quỷ linh đọa sơn hạ。

Lại có một hôm Ta đang đi trên một ngọn núi, xô đẩy quỷ Đầu dương khiến cho rớt xuống dưới núi.

復於樹頭撲護彌猴鬼。令護財象見五師子。

phục ư thụ đầu phác hộ Mi-Hầu quỷ。 lệnh hộ tài tượng kiến ngũ Sư tử。

Lại có một hôm, Ta ở trên ngọn cây xô ngã quỷ Di Hầu, khiến cho voi Hộ Tài thấy sư tử, 使金剛神怖薩遮尼犍。亦以針刺箭毛鬼身。

sử Kim cương Thần phố tát già ni kiên。 diệc dĩ châm thứ tiến mao quỷ thân。

sai thần Kim Cương khủng bố ngoại đạo Tát-già Ni-kiền-tử, cũng dùng kim châm vào quỷ Tiễn Mao.

雖作如是。亦不令彼諸鬼神等有滅沒者。

tuy tác như thị。 diệc bất lệnh bỉ chư quỷ Thần đẳng hữu diệt một giả。

Tuy Ta làm những việc như vậy mà cũng chẳng khiến cho quỷ thần kia phải chết, 直欲令彼安住正法。故示如是種種方便。

trực dục linh bỉ an trú chánh Pháp。 cố kì như thị chủng chủng phương tiện。

chỉ muốn khiến cho họ an trụ trong chánh pháp, nên thị hiện các thứ phương tiện như vậy. 善男子。我於爾時實不罵辱提婆達多。

thiện nam tử. ngã ư nhĩ thời thật bất mạ nhục Đề-bà-đạt-đa.

Này thiện nam tử! Ta lúc bấy giờ thật chẳng mắng chửi, nhục mạ Đề-bà-đạt-đa.

提婆達多亦不愚癡食人涕唾。

Đề-bà-đạt-đa diệc bất ngu si thực nhân thể thóa。

Đề-bà-đạt-đa cũng chẳng phải là người ngu si ăn đồ nước miếng,

亦不生於惡趣之中阿鼻地獄受罪一劫。亦不壞僧出佛身血。

diệc bất sanh ư ác thú chi trung A-tì Địa ngục thọ tội nhất kiếp。 diệc bất hoại tăng xuất Phật thân huyết。

cũng chẳng vào trong địa ngục A-tỳ thọ khổ một kiếp, cũng chẳng phá hòa hiệp Tăng, làm thân Phật chảy máu,

亦不違犯四重之罪誹謗正法大乘經典非一闡

diệc bất vi phạm tứ trọng chi tội phỉ báng chánh Pháp Đại thừa Kinh điển phi nhất xiển

cũng chẳng vi phạm bốn trọng tội phỉ báng chánh pháp, Kinh điển Đại thừa, chẳng phải là kẻ Nhất-xiển-đề,

提。亦非聲聞辟支佛也。善男子。

đề。 diệc phi Thanh văn Bích-chi-phật dã。 thiện nam tử。

cũng chẳng phải Thanh văn, Bích-chi-phật vậy. Này thiện nam tử!

提婆達多者。實非聲聞緣覺境界。

Đề-bà-đạt-đa giả。 thật phi Thanh văn, Duyên giác cảnh giới。

Đề-bà-đạt-đa thật chẳng phải cảnh giới Thanh văn, Duyên giác,

唯是諸佛之所知見。善男子。是故汝今不應難言。

duy thị chư Phật chi sở tri kiến。 thiện nam tử。 thị cố nhữ kim bất ứng nan ngôn。

chỉ có Phật thấy biết được thôi. Này thiện nam tử! Vì thế, ông nay chẳng nên gạn hỏi:

如來何緣呵責罵辱提婆達多。汝於諸佛所有境界。

Như Lai hà duyên hà trách mạ nhục Đề-bà-đạt-đa。 nhữ ư chư Phật sở hữu cảnh giới

Như Lai vì duyên gì mà trách mắng, nhục mạ Đề-bà-đạt-đa? Đối với cảnh giới của chư Phật,

不應如是生於疑網。

bất ứng như thị sanh ư nghi võng。

ông chẳng nên sanh lưới nghi như vậy.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

譬如甘蔗數數煎煮得種種味。我亦如是從佛數聞多得法味。

thí như cam giá sát sát tiên chữ đặc chủng chủng vị. ngã diệc như thị tông Phật số văn đa đặc Pháp vị.

Thí như cây mía ngọt, nấu nhiều lần thì được nhiều thứ vị. Con cũng như vậy, nghe Phật nói Pháp nhiều lần, được nhiều pháp vị.

所謂出家味離欲味寂滅味道味。世尊。

sở vị xuất gia vị ly dục vị tịch diệt vị đạo vị. Thế Tôn.

Đó là xuất gia vị, ly dục vị, tịch diệt vị, đạo vị. Bạch đức Thế Tôn!

譬如真金數數燒打融消鍊治。

thí như chân kim sát sát thiêu đả dung tiêu luyện trị.

Thí như vàng ròng đốt đập, rèn đúc, sửa trị nhiều lần thì

轉更明淨調和柔軟。光色微妙其價難量。

chuyển canh minh tịnh điều hòa nhu nhuyễn. quang sắc vi diệu kỳ giá nan lượng.

càng thêm sáng sạch, mềm mại, sắc sáng vi diệu giá khó lường,

然後乃為人天寶重。世尊。如來亦爾。

nhiên hậu nãi vi nhân Thiên bảo trọng. Thế Tôn. Như Lai diệc nhĩ.

sau được người trời quý trọng. Đức Thế Tôn Như Lai cũng vậy,

鄭重諮問則得聞見甚深之義。令深行者受持奉修。

trịnh trọng ti vấn tắc đặc văn kiến thậm thâm chi nghĩa. linh thâm hành giả thọ trì phụng tu.

trân trọng thưa hỏi thời được nghe thấy nghĩa rất sâu xa, khiến người tu hành phụng tu thọ trì,

無量眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。

vô lượng chúng sanh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm.

vô lượng chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ-đề.

然後為諸人天所宗恭敬供養。

nhiên hậu vị chư nhân Thiên sở tông cung kính cung dưỡng.

Do đó đức Phật được trời người tôn trọng, cung kính, cúng dường.

爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。菩薩摩訶薩。

nhĩ thời Phật tán Ca-diếp Bồ-tát. Thiện tai Thiện tai. Bồ-tát Ma-Ha tát.

Lúc bấy giờ Phật khen Ca-diếp: Hay thay! Hay thay! Đại Bồ-tát

為欲利益諸眾生故。諮啟如來如是深義。

vị dục lợi ích chư chúng sanh cố. ti khải Như Lai như thị thâm nghĩa.

vì muốn lợi ích các chúng sanh nên thưa hỏi Như Lai những nghĩa thâm sâu như vậy.

善男子。以是義故。

thiện nam tử. dĩ thị nghĩa cố.

Này thiện nam tử! Do nghĩa này nên

我隨汝意說於大乘方等甚深祕密之法。所謂極愛如一子地。

ngã tùy nhữ ý thuyết ư Đại thừa phương đẳng thậm thâm bí mật chi Pháp. sở vị cực ái như nhất tử địa.

Ta tùy theo ý của ông mà nói pháp Đại thừa Phương Đẳng rất sâu, bí mật. Đó là bậc yêu thương như con một.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

若諸菩薩修慈悲喜得一子地者。修捨心時復得何地。佛言。

nhược chư Bồ-tát tu từ bi hỷ đắc nhất tử địa giả. tu xả tâm thời phục đắc hà địa. Phật ngôn.

Nếu các Bồ-tát tu tâm từ, bi, hỷ mà được bậc con một, lúc tu tâm xả thời được bậc gì?

Phật dạy:

善哉善哉。善男子。汝善知時。

Thiện tai Thiện tai. thiện nam tử. nhữ thiện tri thời.

Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử! Ông khéo biết thời,

知我欲說汝則諮問。菩薩摩訶薩修捨心時。

tri ngã dục thuyết nhữ tắc ti vấn. Bồ-tát Ma-Ha tát tu xả tâm thời.

biết Ta muốn nói, ông liền thưa hỏi. Đại Bồ-tát khi tu tâm xả thời

則得住於空平等地如須菩提。善男子。

tắc đắc trụ ư không bình đẳng địa như Tu-bồ-đề. thiện nam tử.

được trụ ở bậc Bình đẳng không như ông Tu-bồ-đề. Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩住空平等地。

Bồ-tát Ma-Ha tát trụ không bình đẳng địa。

Đại Bồ-tát trụ bậc Bình đẳng không

則不見有父母兄弟姊妹兒息親族知識怨憎中人。乃至不見陰界諸入眾生壽命。

tắc bất kiến hữu phụ mẫu huynh đệ tử muội nhi tức thân tộc tri thức oán tăng trung nhân。

nãi chí bất kiến ấm giới chư nhập chúng sanh thọ mạng。

thời chẳng thấy có cha mẹ, anh em, chị em, họ hàng quyến thuộc, tri thức, người trong

chỗ oán thù nhân đến chẳng thấy ấm, giới, nhập, chúng sanh, thọ mạng。

善男子。譬如虛空無有父母兄弟妻子。

thiện nam tử。 thí như hư không vô hữu phụ mẫu huynh đệ thê tử。

Này thiện nam tử! Thí như hư không chẳng có cha mẹ, anh em, vợ con

乃至無有眾生壽命。一切諸法亦復如是。

nãi chí vô hữu chúng sanh thọ mạng。 nhất thiết chư Pháp diệc phục như thị。

nhân đến chẳng có chúng sanh, thọ mạng。 Hết thấy các pháp cũng lại như vậy,

無有父母乃至壽命。

vô hữu phụ mẫu nãi chí thọ mạng。

không có cha mẹ cho đến thọ mạng。

菩薩摩訶薩見一切法亦復如是。其心平等如彼虛空。何以故。

Bồ-tát Ma-Ha tát kiến nhất thiết Pháp diệc phục như thị。 kỳ tâm bình đẳng như bỉ hư

không。 hà dĩ cố。

Đại Bồ-tát thấy hết thấy pháp cũng lại như vậy, tâm bình đẳng như hư không kia。 Vì sao

vậy?

善能修習諸空法故。迦葉菩薩白佛言。世尊。

thiện năng tu tập chư không Pháp cố。 Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế Tôn。

Vì Bồ-tát khéo tu các pháp không。 Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

云何名空。善男子。空者。

vân hà danh không。 thiện nam tử。 không giả。

Thế nào gọi là không? Này thiện nam tử! Không đó là

所謂內空外空內外空有為空無為空無始空性空無所有空第一義空

sở vị nội không ngoại không nội ngoại không hữu vi không vô vi không vô thủy không tánh

không vô sở hữu không đệ nhất nghĩa không

nội không và ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thí không, tánh không, vô sở hữu không, đệ nhất nghĩa không,

空空大空。菩薩摩訶薩云何觀於內空。

không không Đại không。 Bồ-tát Ma-Ha tát vân hà quán ư nội không。

không không, đại không. Đại Bồ-tát quán sát nội không như thế nào?

是菩薩摩訶薩觀內法空。

thị Bồ-tát Ma-Ha tát quán nội Pháp không。

Đó là Đại Bồ-tát quán sát nội pháp không。

是內法空謂無父母怨親中人眾生壽命常樂我淨如來法僧所有財

thị nội Pháp không vị vô phụ mẫu oán thân trung nhân chúng sanh thọ mạng thường lạc

ngã tịnh Như Lai Pháp Tăng sở hữu tài

Nội pháp không nghĩa là không cha mẹ, kẻ oán, người thân, người, chúng sanh, thọ mạng, thường, lạc, ngã, tịnh, Như Lai, Pháp, Tăng, tài vật.

物。是內法中雖有佛性。而是佛性非內非外。

vật。 thị nội Pháp trung tuy hữu Phật tánh。 nhi thị Phật tánh phi nội phi ngoại。

Trong nội pháp này dầu có Phật tánh, nhưng Phật tánh này chẳng phải nội, chẳng phải ngoại.

所以者何。佛性常住無變易故。

sở dĩ giả hà。 Phật tánh thường trụ vô biến dịch cố。

Vì sao? Vì Phật tánh là thường trụ không biến dịch.

是名菩薩摩訶薩觀於內空。外空者。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát quán ư nội không。 ngoại không giả。

Đó gọi là Đại Bồ-tát quán nơi nội không. Ngoại không

亦復如是無有內法。內外空者亦復如是。善男子。

diệc phục như thị vô hữu nội Pháp。 nội ngoại không giả diệc phục như thị。 thiện nam tử。

cũng như vậy, không có nội pháp. Nội ngoại không cũng như vậy. Nay thiện nam tử!

唯有如來法僧佛性不在二空。何以故。

duy hữu Như Lai Pháp tăng Phật tánh bất tại nhị không。 hà dĩ cố。

Chỉ có Như Lai, Pháp, Tăng, Phật tánh chẳng ở nơi hai thứ không. Vì sao vậy?

如是四法常樂我淨。是故四法不名為空。是名內外俱空。

như thị tứ Pháp thường lạc ngã tịnh。 thị cố tứ Pháp bất danh vi không。 thị danh nội ngoại câu không。

Vì bốn pháp như vậy là thường, lạc, ngã, tịnh nên bốn pháp đó chẳng gọi là không. Đó gọi là nội ngoại đều không.

善男子。有為空者。有為之法悉皆是空。

thiện nam tử。 hữu vi không giả。 hữu vi chi Pháp tất giai thị không。

Này thiện nam tử! Hữu vi không là các pháp hữu vi đều là không.

所謂內空外空內外空常樂我淨空。

sở vị nội không ngoại không nội ngoại không thường lạc ngã tịnh không。

Đó là nội không, ngoại không, nội ngoại không, thường, lạc, ngã, tịnh không,

眾生壽命如來法僧第一義空。是中佛性非有為法。

chúng sanh thọ mạng Như Lai Pháp tăng đệ nhất nghĩa không。 thị trung Phật tánh phi hữu vi Pháp。

chúng sanh, thọ mạng, Như Lai, Pháp, Tăng, đệ nhất nghĩa không. Trong đó, Phật tánh chẳng phải là pháp hữu vi

是故佛性非有為法空。是名有為空。善男子。

thị cố Phật tánh phi hữu vi Pháp không。 thị danh hữu vi không。 thiện nam tử。

nên Phật tánh chẳng phải là pháp hữu vi không. Đó gọi là hữu vi không. Này thiện nam tử!

云何菩薩摩訶薩觀無為空。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát quán vô vi không。

Thế nào là Đại Bồ-tát quán vô vi không?

是無為法悉皆是空。所謂無常苦不淨無我。

thị vô vi Pháp tất giai thị không。 sở vị vô thường khổ bất tịnh vô ngã。

Pháp vô vi đó thay đều là không, đó là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã,

陰界入眾生壽命相。有為有漏內法外法。

ám giới nhập chúng sanh thọ mạng tướng。 hữu vi hữu lậu nội Pháp ngoại Pháp。

ám, giới, nhập, chúng sanh tướng, thọ mạng tướng, hữu vi, hữu lậu, nội pháp, ngoại pháp。

無為法中佛等四法。非有為非無為。性是善故非無為。

vô vi Pháp trung Phật đẳng tứ Pháp。 phi hữu vi phi vô vi。 tánh thị thiện cố phi vô vi。

Trong pháp vô vi thì Phật, Pháp v.v... bốn pháp đều chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi.

Vì là thiện nên chẳng phải vô vi,

性常住故非有為。是名菩薩觀無為空。

tánh thường trụ cố phi hữu vi. thị danh Bồ-tát quán vô vi không.

vì là tánh thường trụ nên chẳng phải hữu vi. Đó gọi là Đại Bồ-tát quán vô vi không.

云何菩薩摩訶薩觀無始空。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát quán vô thủy không.

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát quán vô thủy không?

是菩薩摩訶薩見生死無始皆悉空寂。

thị Bồ-tát Ma-Ha tát kiến sanh tử vô thủy giai tất không tịch.

Đó là Đại Bồ-tát thấy sanh tử vô thủy đều vắng lặng, tịch tĩnh.

所謂空者常樂我淨皆悉空寂無有變易。眾生壽命三寶佛性及無為法。

sở vị không giả thường lạc ngã tịnh giai tất không tịch vô hữu biến dịch. chúng sanh thọ mạng Tam bảo Phật tánh cập vô vi Pháp.

Gọi không ấy tức là thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả đều vắng lặng, tịch tĩnh, chẳng có biến dịch. Chúng sanh, thọ mạng, Tam bảo, Phật tánh và vô vi pháp cũng như vậy.

是名菩薩觀無始空。云何菩薩觀於性空。

thị danh Bồ-tát quán vô thủy không. vân hà Bồ-tát quán ư tánh không.

Đó gọi là Đại Bồ-tát quán vô thủy không. Thế nào gọi là Đại Bồ-tát quán tánh không?

是菩薩摩訶薩觀一切法本性皆空。

thị Bồ-tát Ma-Ha tát quán nhất thiết Pháp bản tánh giai không.

Đại Bồ-tát quán hết thấy pháp bản tánh đều không.

謂陰界入常無常苦樂淨不淨我無我。

vị ấm giới nhập thường vô thường khổ lạc tịnh bất tịnh ngã vô ngã.

Đó là ấm, giới, nhập, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã.

觀如是等一切諸法不見本性。是名菩薩摩訶薩觀於性空。

quán như thị đẳng nhất thiết chư Pháp bất kiến bản tánh. thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát quán ư tánh không.

Quán như vậy đối với hết thấy pháp đều chẳng thấy bản tánh. Đó gọi là Đại Bồ-tát quán tánh không.

云何菩薩摩訶薩觀無所有空。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát quán vô sở hữu không.

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát quán vô sở hữu không?

如人無子言舍宅空。畢竟觀空無有親愛。

như nhân vô tử ngôn xá trạch không. tất cánh quán không vô hữu thân ái.

Như người không con nói rằng nhà cửa trống không, rốt ráo quán không chẳng có thân yêu.

愚癡之人言諸方空。貧窮之人言一切空。

ngu si chi nhân ngôn chư phương không. bần cùng chi nhân ngôn nhất thiết không.

Người ngu si nói là các phương không. Người nghèo cùng nói hết thảy không.

如是所計或空或非空。菩薩觀時如貧窮人一切皆空。

như thị sở kế hoặc không hoặc phi không. Bồ-tát quán thời như bần cùng nhân nhất thiết giai không.

Đó là những kiến chấp hoặc không, hoặc chẳng phải không. Khi Bồ-tát quán như người nghèo cùng là hết thảy đều không,

是名菩薩摩訶薩觀無所有空。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát quán vô sở hữu không.

Đó gọi là Đại Bồ-tát quán vô sở hữu không.

云何菩薩摩訶薩觀第一義空。善男子。菩薩摩訶薩觀第一義時。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát quán đệ nhất nghĩa không. thiện nam tử. Bồ-tát Ma-Ha tát quán đệ nhất nghĩa thời.

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát quán đệ nhất nghĩa không? Này thiện nam tử! Khi Đại Bồ-tát quán đệ nhất nghĩa không,

是眼生時無所從來。及其滅時去無所至。

thị nhãn sanh thời vô sở tòng lai. cập kỳ diệt thời khứ vô sở chí.

là nhãn căn này lúc sanh ra không từ đâu lại, lúc nó diệt mất cũng không đi về đâu,

本無今有。已有還無。推其實性無眼無主。

bổn vô kim hữu. dĩ hữu hoàn vô. thôi kỳ thật tánh vô nhãn vô chủ.

trước không, nay có, nay có, có rồi trở lại không, thật tánh của nó không, nhãn căn không có chủ thể.

如眼無性一切諸法亦復如是。

như nhãn vô tánh nhất thiết chư Pháp diệt phục như thị.

Như nhãn căn không tánh, hết thảy các pháp cũng lại như vậy.

何等名為第一義空。有業有報不見作者。

hà đẳng danh vi đệ nhất nghĩa không. hữu nghiệp hữu báo bất kiến tác giả.
 Thế nào gọi là đệ nhất nghĩa không? Có nghiệp có báo, chẳng thấy người tạo tác.
 如是空法名第一義空。是名菩薩摩訶薩觀第一義空。
 như thị không Pháp danh đệ nhất nghĩa không. thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát quán đệ nhất
 nghĩa không.
 Pháp không như vậy gọi là đệ nhất nghĩa không. Đó gọi là Đại Bồ-tát quán đệ nhất nghĩa
 không.
 云何菩薩摩訶薩觀於空空。
 vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát quán ư không không.
 Thế nào gọi là Đại Bồ-tát quán không không?
 是空空中乃是聲聞辟支佛等所。迷沒處。善男子。是有是無。
 thị không không trung nãi thị Thanh văn, Bích-chi-phật đẳng sở. mê một xứ. thiện nam
 tử. thị hữu thị vô.
 Trong không này là chỗ mê mờ của hàng Thanh văn và Bích-chi-phật. Này thiện nam tử!
 Là có, là không,
 是名空空。是是非是是。是名空空。善男子。
 thị danh không không. thị thị phi thị thị. thị danh không không. thiện nam tử.
 đó gọi là không không. Là phải, là chẳng phải, đó gọi là không không. Này thiện nam tử!
 十住菩薩尚於是中通達少分猶如微塵。
 thập trụ Bồ-tát thượng ư thị trung thông đạt thiểu phần do như vi trần.
 Bồ-tát ở bậc Thập trụ trong đó thông đạt phần ít như vi trần
 況復餘人。善男子。如是空空。
 huống phục dư nhân. thiện nam tử. như thị không không.
 huống là những người khác. Này thiện nam tử! Không không như vậy
 亦不同於聲聞所得空空三昧。是名菩薩觀於空空。善男子。
 diệc bất đồng ư Thanh văn sở đắc không không tam muội. thị danh Bồ-tát quán ư không
 không. thiện nam tử.
 cũng chẳng đồng không không tam muội của Thanh văn chứng được. Đó gọi là Đại Bồ-tát
 quán không không.
 云何菩薩摩訶薩觀於大空。善男子。
 vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát quán ư Đại không. thiện nam tử.

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát quán đại không? Nay thiện nam tử!

言大空者。謂般若波羅蜜是名大空。善男子。

ngôn Đại không giả。 vị Bát nhã ba la mật thị danh Đại không。 thiện nam tử。

Nói đại không tức là Bát-nhã Ba-la-mật gọi là đại không. Nay thiện nam tử!

菩薩摩訶薩得如是空門。則得住於虛空等地。

Bồ-tát Ma-Ha tát đắc như thị không môn。 tắc đắc trụ ư hư không đẳng địa。

Đại Bồ-tát được pháp môn không như vậy thời được trụ ở bậc hư không đẳng。

善男子。

thiện nam tử。

Nay thiện nam tử!

我今於是大眾之中說如是等諸空義時。有十恒河沙等菩薩摩訶薩。

ngã kim ư thị Đại chúng chi trung thuyết như thị đẳng chư không nghĩa thời。 hữu thập hằng hà sa đẳng Bồ-tát Ma-Ha tát。

Ta nay ở trong đại chúng này, khi nói những nghĩa không như vậy, có mười hằng hà sa Đại Bồ-tát

即得住於虛空等地。善男子。菩薩摩訶薩住是地已。

tức đắc trụ ư hư không đẳng địa。 thiện nam tử。 Bồ-tát Ma-Ha tát trụ thị địa dĩ。

liền trụ ở bậc hư không đẳng. Nay thiện nam tử! Đại Bồ-tát trụ ở bậc đó rồi

於一切法中無有滯礙繫縛拘執心無迷悶。

ư nhất thiết Pháp trung vô hữu trệ ngại hệ phọc câu chấp tâm vô mê muội。

liền ở trong hết thảy pháp không bị trở ngại, không bị ràng buộc câu chấp, tâm không mê muội。

以是義故名虛空等地。善男子。

dĩ thị nghĩa cố danh hư không đẳng địa。 thiện nam tử。

Do nghĩa đó nên gọi là bậc hư không đẳng. Nay thiện nam tử!

譬如虛空於可愛色不生貪著。不愛色中不生瞋恚。

thí như hư không ư khả ái sắc bất sanh tham trước。 bất ái sắc trung bất sanh sân khuể。

Thí như hư không đối với sắc đáng ưa chẳng sanh tham đắm, trong sắc ấy chẳng ưa, chẳng sanh sân giận。

菩薩摩訶薩住是地中亦復如是。

Bồ-tát Ma-Ha tát trụ thị địa trung diệc phục như thị。
Đại Bồ-tát trụ trong bậc này cũng lại như vậy。
於好惡色心無貪恚。善男子。譬如虛空廣大無對。
ư hảo ác sắc tâm vô tham khüể. thiện nam tử. thí như hư không quảng Đại vô đối。
Đối với sắc xấu đẹp tâm chẳng ưa thích, chẳng sân giận. Này thiện nam tử! Thí như hư
không rộng lớn không gì sánh được,
悉能容受一切諸法。菩薩摩訶薩住是地中亦復如是。
tất năng dung thọ nhất thiết chư Pháp。 Bồ-tát Ma-Ha tát trụ thị địa trung diệc phục như
thị。
có thể dung chứa hết thảy pháp. Đại Bồ-tát trụ trong bậc này cũng lại như vậy,
廣大無對悉能容受一切諸法。
quảng Đại vô đối tất năng dung thọ nhất thiết chư Pháp。
rộng lớn không gì sánh được, có thể dung chứa hết thảy pháp。
以是義故復得名為虛空等地。
đĩ thị nghĩa cố phục đắc danh vi hư không đẵng địa。
Do nghĩa đó nên gọi là bậc hư không đẵng.
善男子。菩薩摩訶薩住是地中。
thiện nam tử. Bồ-tát Ma-Ha tát trụ thị địa trung。
Này thiện nam tử! Đại Bồ-tát trụ trong bậc này
於一切法亦見亦知若行若緣。若性若相若因若緣。
ư nhất thiết Pháp diệc kiến diệc tri nhược hành nhược duyên。 nhược tánh nhược tướng
nhược nhân nhược duyên。
đối với hết thảy pháp cũng thấy, cũng biết, hoặc hành, hoặc duyên, hoặc tánh, hoặc
tướng, hoặc nhân, hoặc duyên,
若眾生心若根若禪定若乘。
nhược chúng sanh tâm nhược căn nhược Thiền địnđ nhược thừa。
hoặc chúng sanh tâm, hoặc căn, hoặc Thiền địnđ, hoặc thừa,
若善知識若持禁戒若所施。如是等法一切知見。復次善男子。
nhược thiện tri thức nhược trì cấm giới nhược sở thí。 như thị đẵng Pháp nhất thiết tri
kiến。 phục thứ thiện nam tử。

hoặc thiện tri thức, hoặc trì cấm giới, hoặc vật bố thí, những pháp như vậy hết thảy đều thấy biết. Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩住是地中知而不見。云何為知。

Bồ-tát Ma-Ha tát trụ thị địa trung tri nhi bất kiến。 vân hà vi tri。

Đại Bồ-tát trụ trong bậc này biết mà chẳng thấy. Thế nào là biết?

知自餓法投淵赴火自墜高巖常翹一脚五熱炙

tri tự ngạ Pháp đầu uyên phó hỏa tự trụ cao nham thường kiêu nhất cước ngũ nhiệt chích
Biết tự nhịn đói, gieo xuống vực, nhảy vào lửa, tự té từ ngọn núi cao, thường co một chân,
năm thứ nóng đốt thân,

身。常臥灰土棘刺編椽樹葉惡草牛糞之上。

thân。 thường ngọa hôi độ cức thứ biên chuyên thụ diệp ác thảo ngưư phần chi thượng。
thường nằm trên tro, trên đất, trên gai góc, trên lá cây, trên cỏ cứng, trên phân bò,

衣麤麻衣塚間所棄糞掃氈褐欵婆羅衣麤

y thô ma y trùng gian sở khí phần tảo lâu hạt khâm bà la y chương

mặc y phục bằng gai thô của người vất bỏ trong gò mả, áo lông phần tảo, áo khâm-bà-la,
da nai,

鹿皮革芻草衣裳。

lộc bì cách sô thảo y thường。

da hươu, áo quần bằng cỏ,

茹菜噉草藕根油滓牛糞根果。若行乞食限從一家。

như thái đạm thảo ngẫu căn du chỉ ngưư phần căn quả。 nhược hành khát thực hạn tòng
nhất gia。

ăn rau, ăn rễ cây, ăn trái, ăn ngó, ăn củ, ăn xác dầu, ăn phân bò. Nếu đi khát thực hạn
định từ một nhà.

主若言無即便捨去。設復還喚終不迴顧。不食鹽肉五種牛味。

chủ nhược ngôn vô tức tiện xả khứ。 thiết phục hoàn hoán chung bất hồi cố。 bất thực
diêm nhục ngũ chủng ngưư vị。

Nếu gia chủ nói rằng không liền bỏ đi. Giả sử họ kêu trở lại cũng không ngoái lại. Chẳng
ăn muối, ăn thịt và năm thứ sữa bò.

常所飲服糠汁沸湯。受持牛戒狗鷄雉戒。

thường sở ẩm phục糠汁沸湯。 thọ trì ngưư giới cầu kê trĩ giới。

Thường uống nước cám trấu, nước sôi, thọ trì ngư giới, cầu giới, kê giới, trĩ giới,
以灰塗身長髮為相。以羊祠時先呪後殺。

dĩ hôi đồ thân trường phát vi tướng。 dĩ dương từ thời tiên chú hậu sát。

lấy tro trét lên mình, để tóc dài làm tướng, khi dùng dê để tế, trước chú nguyện rồi đó mới
giết。

四月事火七日服風。百千億花供養諸天。

tứ nguyệt sự hỏa thất nhật phục phong。 bách thiên ức hoa cung dưỡng chư Thiên。

Bốn tháng thờ lửa, ngày bảy hợp gió, trăm ngàn ức thứ hoa cúng dường chư Thiên。

諸所欲願因此成就。

chư sở dục nguyện nhân thử thành tựu。

Muốn nhân những việc đó mà thành tựu chỗ mong cầu。

如是等法能為無上解脫因者。無有是處。是名為知。云何不見。

như thị đẳng Pháp năng vi vô thượng giải thoát nhân giả。 vô hữu thị xử。 thị danh vi tri。
vân hà bất kiến。

Những pháp như vậy có thể làm nhân cho Vô thượng giải thoát, là điều không thể có
được。 Đó gọi là biết。 Thế nào là không thấy?

菩薩摩訶薩不見一人行如是法得正解脫。

Bồ-tát Ma-Ha tát bất kiến nhất nhân hành như thị Pháp đắc chánh giải thoát。

Đại Bồ-tát chẳng thấy một người nào hành những pháp như vậy mà được chánh giải
thoát。

是名不見。復次善男子。菩薩摩訶薩亦見亦知。

thị danh bất kiến。 phục thứ thiện nam tử。 Bồ-tát Ma-Ha tát diệc kiến diệc tri。

Đó gọi là chẳng thấy。 Lại nữa, này thiện nam tử! Đại Bồ-tát cũng thấy, cũng biết。

何等為見。見諸眾生行是邪法必墮地獄。

hà đẳng vi kiến。 kiến chư chúng sanh hành thị tà Pháp tất đọa Địa ngục。

Những gì là thấy? Thấy chúng sanh hành tà pháp ắt phải đọa vào địa ngục。

是名為見。云何為知。

thị danh vi kiến。 vân hà vi tri。

Đó gọi là thấy。 Thế nào là biết?

知諸眾生從地獄出生於人中。若能修行檀波羅蜜。

tri chư chúng sanh tòng Địa ngục xuất sanh ư nhân trung。 nhược năng tu hành đàn ba la mật。

Biết các chúng sanh từ địa ngục ra, sanh vào trong loài ngoài. Nếu có thể tu hành Đàn-ba-la-mật

乃至具足諸波羅蜜。是人必得入正解脫。是名為知。

nãi chí cụ túc chư ba la mật。 thị nhân tất đắc nhập chánh giải thoát。 thị danh vi tri。 nhẫn đến đầy đủ các Ba-la-mật thì người đó ắt chứng được chánh giải thoát. Đó gọi là biết.

復次善男子。菩薩摩訶薩復有亦見亦知。云何為見。

phục thứ thiện nam tử。 Bồ-tát Ma-Ha tát phục hữu diệc kiến diệc tri。 vân hà vi kiến。

Lại nữa, này thiện nam tử! Đại Bồ-tát lại có cũng thấy cũng biết. Thế nào là thấy?

見常無常苦樂淨不淨我無我。是名為見。

kiến thường vô thường khổ lạc tịnh bất tịnh ngã vô ngã。 thị danh vi kiến。

Thấy thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã. Đó gọi là thấy.

云何為知。知諸如來定不畢竟入於涅槃。

vân hà vi tri。 tri chư Như Lai định bất tất cánh nhập ư Niết-bàn。

Thế nào là biết? Biết các đức Như Lai quyết định chẳng rốt ráo nhập Niết-bàn.

知如來身金剛無壞非是煩惱所成就身。

tri Như Lai thân Kim cương vô hoại phi thị phiền não sở thành tự thân。

Biết Như Lai thân Kim cương không thể hư hoại, chẳng phải là thân do phiền não mà thành tự.

又非臭穢腐敗之身。亦復能知一切眾生悉有佛性。

hựu phi xú uế hủ bại chi thân。 diệc phục năng tri nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh。

Chẳng phải là thân như uế, hủ bại. Cũng lại có thể biết hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh.

是名為知。復次善男子。

thị danh vi tri。 phục thứ thiện nam tử。

Đó gọi là biết. Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩復有亦知亦見。云何為知。知是眾生信心成就。

Bồ-tát Ma-Ha tát phục hữu diệc tri diệc kiến。 vân hà vi tri。 tri thị chúng sanh tín tâm thành tựu。

Đại Bồ-tát lại có cũng biết, cũng thấy. Thế nào là biết? Biết chúng sanh này tín tâm thành tựu,

知是眾生求於大乘。是人順流。是人逆流。

tri thị chúng sanh cầu ư Đại thừa。 thị nhân thuận lưu。 thị nhân nghịch lưu。

biết chúng sanh này cầu ở Đại thừa, người này thuận dòng, người này nghịch dòng,

是人正住。知是眾生已到彼岸。

thị nhân chánh trụ。 tri thị chúng sanh dĩ đáo bỉ ngạn。

người này chánh trụ, biết chúng sanh này đã đến bờ bên kia.

順流者謂凡夫人。逆流者從須陀洹乃至緣覺。

thuận lưu giả vị phàm phu nhân。 nghịch lưu giả tòng Tu Đà Hoàn nãi chí Duyên giác。

Người thuận dòng ấy là nói người phàm phu. Người nghịch dòng là từ quả vị Tu Đà Hoàn

nhấn đến Duyên giác.

正住者諸菩薩等到彼岸者。所謂如來應正遍知。

chánh trụ giả chư Bồ-tát đẳng đáo bỉ ngạn giả。 sở vị Như Lai ứng Chánh-biến-tri。

Người chánh trụ ấy là các vị Bồ-tát đều đã đến bờ bên kia, chính là các đức Như Lai Ứng

Chánh Biến Tri.

是名為知。云何為見。

thị danh vi tri。 vân hà vi kiến。

Đó gọi là biết. Thế nào là thấy?

菩薩摩訶薩住於大乘大涅槃典修梵行心。

Bồ-tát Ma-Ha tát trụ ư Đại thừa Đại Niết-bàn điển tu phạm hành tâm。

Đại Bồ-tát trụ ở nơi kinh điển Đại thừa Đại Niết tu hành phạm hạnh,

以淨天眼見諸眾生造身口意三業不善墮於地獄畜生餓鬼。

dĩ tịnh Thiên nhãn kiến chư chúng sanh tạo thân khẩu ý tam nghiệp bất thiện đọa ư Địa

ngục súc sanh ngạ quỷ。

dùng Thiên nhãn thanh tịnh thấy các chúng sanh ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo điều ác đọa

vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

見諸眾生修善業者命終當生天上人中。

kiến chư chúng sanh tu thiện nghiệp giả mạng chung đương sanh Thiên thượng nhân trung。

Thấy chúng sanh tu nghiệp lành, sau khi chết sanh lên trời hay trong loài người。

見諸眾生從闇入闇。有諸眾生從闇入明。

kiến chư chúng sanh tòng ám nhập ám。 hữu chư chúng sanh tòng ám nhập minh。

Thấy các chúng sanh từ tối đi vào tối, có chúng sanh từ tối đi vào sáng。

有諸眾生從明入闇。有諸眾生從明入明。是名為見。

hữu chư chúng sanh tòng minh nhập ám。 hữu chư chúng sanh tòng minh nhập minh。
thị danh vi kiến。

Có các chúng sanh từ sáng đi vào tối, có các chúng sanh từ sáng vào sáng. Đó gọi là thấy。

復次善男子。菩薩摩訶薩復有亦知亦見。

phục thứ thiện nam tử。 Bồ-tát Ma-Ha tát phục hữu diệc tri diệc kiến。

Lại nữa, này thiện nam tử! Đại Bồ-tát lại có cũng biết, cũng thấy。

菩薩摩訶薩知諸眾生修身修戒修心修慧。

Bồ-tát Ma-Ha tát tri chư chúng sanh tu thân tu giới tu tâm tu huệ。

Đại Bồ-tát biết các chúng sanh tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ。

是人今世惡業成就。或因貪欲瞋恚愚癡。

thị nhân kim thế ác nghiệp thành tựu。 hoặc nhân tham dục sân khúế ngu si。

Người đó đời nay nghiệp ác thành tựu, hoặc nhân nơi tham dục, sân giận, ngu si

是業必應地獄受報。是人直以修身修戒修心修慧。

thị nghiệp tất ứng Địa ngục thọ báo。 thị nhân trực dĩ tu thân tu giới tu tâm tu huệ。

Nghiệp đó ắt phải chịu quả báo là đọa địa ngục. Người đó, đời nay do tu thân, tu giới, tu tâm, tu tuệ nên

現世輕受不墮地獄。云何是業能得現報。

hiện thế khinh thọ bất đọa Địa ngục。 vân hà thị nghiệp năng đắc hiện báo。

hiện đời sẽ nhẹ bớt tội đọa địa ngục. Thế nào là nghiệp có thể được hiện báo?

懺悔發露所有諸惡。既悔之後更不敢作。

sám hối phát lộ sở hữu chư ác。 ký hối chi hậu canh bất cảm tác。

Đó là sám hối, phát lộ những việc ác đã làm, ăn năn rồi sau chẳng dám làm nữa,

慚愧成就故。供養三寶故。常自呵責故。

tàm quý thành tựu cố. cung dưỡng Tam bảo cố. thường tự ha trách cố.

Vì hổ thẹn, vì cúng dưỡng Tam bảo, vì thường tự quả trách mình.

是人以是善業因緣不墮地獄現世受報。

thị nhân dĩ thị thiện nghiệp nhân duyên bất đọa Địa ngục hiện thế thọ báo.

Người đó nhờ nhân duyên thiện nghiệp như vậy nên không đọa địa ngục mà hiện đời thọ báo như

所謂頭痛目痛腹痛背痛橫羅死殃。

sở vị đầu thống mục thống phúc thống bối thống hoại la tử ương.

đau đầu, đau mắt, đau bụng, đau lưng, chết tai nạn,

呵責罵辱鞭杖閉繫飢餓困苦。受如是等現世輕報。是名為知。

ha trách mạ nhục tiên trượng bế hệ cơ ngạ khốn khổ. thọ như thị đẳng hiện thế khinh báo. thị danh vi tri.

bị quả trách, mắng chửi, bị đánh đập, bị trói nhốt, bị đói khát khốn khổ, chịu những tội báo nhẹ như vậy trong đời hiện tại, đó gọi là biết.

云何為見。

vân hà vi kiến.

Thế nào là thấy?

菩薩摩訶薩見如是人不能修習身戒心慧。造少惡業。此業因緣應現受報。

Bồ-tát Ma-Ha tát kiến như thị nhân bất năng tu tập thân giới tâm tuệ. tạo thiếu ác nghiệp. thử nghiệp nhân duyên ứng hiện thọ báo.

Đại Bồ-tát thấy những người như vậy không thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ, tạo ít nghiệp ác. Do nghiệp này mà phải chịu quả báo trong đời hiện tại.

是人少惡不能懺悔。不自呵責。不生慚愧。

thị nhân thiếu ác bất năng sám hối. bất tự ha trách. bất sanh tàm quý.

Người đó tạo chút ít nghiệp ác mà không thể sám hối, chẳng tự quả trách mình, chẳng sanh tâm hổ thẹn,

無有怖懼。是業增長地獄受報。是名為見。

vô hữu phổ cụ. thị nghiệp tăng trưởng Địa ngục thọ báo. thị danh vi kiến.

chẳng có sợ hãi. Nghiệp ác chút ít này tăng trưởng phải chịu quả báo ở địa ngục. Đó gọi là thấy.

復有知而不見。云何知而不見。

phục hữu tri nhi bất kiến。 vãn hà tri nhi bất kiến。

Lại có biết mà chẳng thấy. Thế nào gọi là biết mà chẳng thấy?

知諸眾生皆有佛性。為諸煩惱之所覆蔽不能得見。

tri chư chúng sanh giai hữu Phật tánh。 vị chư phiền não chi sở phúc tế bất năng đắc kiến。

Biết các chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng vì bị phiền não che lấp nên không thể thấy được.

是名知而不見。復有知而少見。

thị danh tri nhi bất kiến。 phục hữu tri nhi thiếu kiến。

Đó gọi là biết mà chẳng thấy. Lại có biết mà thấy chút ít.

十住菩薩摩訶薩等知諸眾生皆有佛性。見不明了。

thập trụ Bồ-tát Ma-Ha tát đẵng tri chư chúng sanh giai hữu Phật tánh。 kiến bất minh liễu。

Các vị Bồ-tát ở bậc Thập trụ biết các chúng sanh đều có Phật tánh, thấy Phật tánh nhưng chưa rõ ràng

猶如闇夜所見不了。復有亦見亦知。

do như ám dạ sở kiến bất liễu。 phục hữu diệc kiến diệc tri。

giống như đêm tối nên thấy vật chẳng rõ ràng. Lại cũng có thấy, cũng có biết.

所謂諸佛如來亦見亦知。復有亦見亦知不見不知。

sở vị chư Phật như lai diệc kiến diệc tri。 phục hữu diệc kiến diệc tri bất kiến bất tri。

chính là chư Phật Như Lai cũng thấy, cũng biết. Lại có cũng thấy cũng biết, không thấy không biết.

亦見亦知者。

diệc kiến diệc tri giả。

Cũng thấy cũng biết

所謂世間文字言語男女車乘瓶[分/凡]舍宅城邑。衣裳飲食山河園林眾生壽命。

sở vị thế gian văn tự ngôn ngữ nam nữ xe cộ, bình, phòng nhà, thành ấp, vải vóc, ăn uống, núi, sông, vườn rừng, chúng sanh, thọ mạng。

là thấy biết những thứ của thế gian như văn tự, ngôn ngữ, nam nữ, xe cộ, bình, phòng nhà, thành ấp, vải vóc, ăn uống, núi, sông, vườn rừng, chúng sanh, thọ mạng.

是名亦知亦見。云何不見不知。

thị danh diệc tri diệc kiến. vân hà bất kiến bất tri.

Đó gọi là cũng biết cũng thấy. Thế nào là không thấy không biết?

聖人所有微密之語。無有男女乃至園林。是名不見不知。

Thánh nhân sở hữu vi mật chi ngữ. vô hữu nam nữ nãi chí viên lâm. thị danh bất kiến bất tri.

Thánh nhân có lời bí mật, chẳng có nam nữ cho đến vườn rừng. Đó gọi là không thấy không biết.

復有知而不見。知所惠施知所供處。

phục hữu tri nhi bất kiến. tri sở huệ thí tri sở cung xử.

Lại có biết mà không thấy, đó là biết vật bố thí, biết chủ cúng dường, biết người lãnh thọ, biết nhân duyên quả báo. Đó gọi là biết. Thế nào là không thấy?

tri ư thọ giả tri nhân quả báo. thị danh vi tri. vân hà bất kiến.

biết người lãnh thọ, biết nhân duyên quả báo. Đó gọi là biết. Thế nào là không thấy? 不見所施供處受者及以果報。是名不見。

bất kiến sở thí cung xử thọ giả cập dĩ quả báo. thị danh bất kiến.

Không thấy vật bố thí, chỗ cúng dường, người thọ nhận đến quả báo. Đó gọi là không thấy.

菩薩摩訶薩知有八種。即是如來五眼所知。

Bồ-tát Ma-Ha tát tri hữu bát chủng. tức thị Như Lai ngũ nhãn sở tri.

Đại Bồ-tát biết có tám thứ, đó chính là cái biết ngũ nhãn của đức Như Lai.

大般涅槃經卷第十六

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập lục

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, QUYỂN THỨ MƯỜI SÁU

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:08:51 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:08:51 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====
=====
=====
=====
=====
=====

大般涅槃經卷第十七

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập thất

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN - QUYỂN THỨ MƯỜI BẢY

北凉天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Đời Bắc Lương, Ngài Tam Tạng Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

梵行品第八之三

phạm hành phẩm đệ bát chi tam

Phẩm Thứ Tám, Phần Ba: PHẠM HÀNH

迦葉菩薩白佛言。世尊。

ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

菩薩摩訶薩能如是知得何等利。佛言。善男子。

Bồ-tát Ma-Ha tát năng như thị tri đắc hà đẳng lợi。 Phật ngôn。 thiện nam tử。

Đại Bồ-tát biết như thị thì có những lợi ích gì? Phật dạy: Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩能如是知得四無礙。

Bồ-tát Ma-Ha tát năng như thị tri đắc tứ vô ngại。

Đại Bồ-tát biết như thị thì có được bốn Vô ngại:

法無礙義無礙辭無礙樂說無礙。法無礙者。知一切法及法名字。

Pháp vô ngại nghĩa vô ngại từ vô ngại Nhạo thuyết vô ngại。 Pháp vô ngại giả。 tri nhất thiết Pháp cập Pháp danh tự。

Pháp vô ngại, Nghĩa vô ngại, Từ vô ngại và Nhạo thuyết vô ngại。 Pháp vô ngại là biết tất cả pháp cùng danh tự của pháp。

義無礙者。知一切法所有諸義。

nghĩa vô ngại giả。 tri nhất thiết Pháp sở hữu chư nghĩa。

Nghĩa vô ngại là biết tất cả các Pháp có những nghĩa gì,

能隨諸法所立名字而為作義。辭無礙者。

năng tùy chư Pháp sở lập danh tự nhi vi tác nghĩa。 từ vô ngại giả。

có thể tùy theo chỗ lập danh tự của các pháp mà làm nghĩa。 Từ vô ngại là

隨字論正音論闡陀論世辯論。樂說無礙者。

tùy tự luận chánh âm luận Xiển đà luận thế biện luận。 Nhạo thuyết vô ngại giả。

theo Tự luận, Chánh âm luận, Xiển-đà luận, Thế biện luận。 Nhạo thuyết vô ngại

所謂菩薩摩訶薩凡所演說無有障礙。不可動轉。無所畏省。

sở vị Bồ-tát Ma-Ha tát phạm sở diễn thuyết vô hữu chướng ngại。 bất khả động chuyển。 vô sở úy tỉnh。

là Đại Bồ-tát khi diễn nói không có chướng ngại, không thể động chuyển, không chỗ run sợ,

難可摧伏。善男子。

nan khả tồi phục. thiện nam tử.

khó có thể khuất phục. Này thiện nam tử!

是名菩薩能如是見知即得如是四無礙智。復次善男子。法無礙者。

thị danh Bồ-tát năng như thị kiến tri tức đắc như thị tứ vô ngại trí. phục thứ thiện nam tử. Pháp vô ngại giả.

Đây gọi là Bồ-tát thấy biết như thị thì được bốn Vô ngại trí. Lại nữa, này thiện nam tử!

Pháp vô ngại là

菩薩摩訶薩遍知聲聞緣覺菩薩諸佛之法。

Bồ-tát Ma-Ha tát biến tri thanh văn duyên giác Bồ-tát chư Phật chi Pháp.

Đại Bồ-tát biết tất cả các pháp của Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát và chư Phật.

義無礙者。乘雖有三知其歸一。

nghĩa vô ngại giả. thừa tuy hữu tam tri kỳ quy nhất.

Nghĩa vô ngại là Thừa tuy có Ba, nhưng biết quy về chỉ Một,

終不謂有差別之相。辭無礙者。

chung bất vị hữu sai biệt chi tướng. từ vô ngại giả.

trọn không có tướng sai biệt. Từ vô ngại là

菩薩摩訶薩於一法中作種種名。經無量劫說不可盡。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư nhất Pháp trung tác chủng chủng danh. Kinh vô lượng kiếp thuyết bất khả tận.

trong một Pháp, Đại Bồ-tát làm thành nhiều tên gọi, trải qua vô lượng kiếp, nói không thể hết được.

聲聞緣覺能作是說。無有是處。樂說無礙者。

thanh văn duyên giác năng tác thị thuyết. vô hữu thị xử. Nhạo thuyết vô ngại giả.

Thanh văn và Duyên giác có thể nói được? Không có việc đó. Nhạo thuyết vô ngại là
菩薩摩訶薩於無量劫為諸眾生演說諸法。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư vô lượng kiếp vị chư chúng sanh diễn thuyết chư Pháp.

Đại Bồ-tát ở trong vô lượng kiếp, vì các chúng sanh mà diễn nói các pháp,

若名若義種種異說不可窮盡。復次善男子。法無礙者。

nhược danh nhược nghĩa chủng chủng dị thuyết bất khả cùng tận. phục thứ thiện nam tử. Pháp vô ngại giả.

hoặc danh, hoặc nghĩa, nói thành nhiều thứ khác, không thể cùng tận. Lại nữa, thiện nam tử! Pháp vô ngại là

菩薩摩訶薩雖知諸法而不取著。義無礙者。

Bồ-tát Ma-Ha tát tuy tri chư Pháp nhi bất thủ trước. nghĩa vô ngại giả.

Đại Bồ-tát, tuy biết các Pháp nhưng không chấp trước. Nghĩa vô ngại là

菩薩摩訶薩雖知諸義而亦不著。辭無礙者。

Bồ-tát Ma-Ha tát tuy tri chư nghĩa nhi diệc bất trước. từ vô ngại giả.

Đại Bồ-tát tuy biết nghĩa các pháp nhưng cũng không chấp trước. Từ vô ngại là

菩薩摩訶薩雖知名字亦不取著。樂說無礙者。

Bồ-tát Ma-Ha tát tuy tri danh tự diệc bất thủ trước. Nhạo thuyết vô ngại giả.

Đại Bồ-tát tuy biết danh tự, cũng không chấp trước. Nhạo thuyết vô ngại là

菩薩摩訶薩雖知樂說。如是最上而亦不著。

Bồ-tát Ma-Ha tát tuy tri Nhạo thuyết. như thị tối thượng nhi diệc bất trước.

Đại Bồ-tát tuy biết Nhạo thuyết tối thượng như vậy, nhưng cũng không chấp trước.

何以故。善男子。

hà dĩ cố. thiện nam tử.

Vì sao vậy? Này thiện nam tử!

若取著者不名菩薩迦葉菩薩復白佛言。世尊。

nhược thủ trước giả bất danh Bồ-tát ca-diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Nếu người chấp trước thì không còn gọi là Bồ-tát. Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

若不取著則不知法。若知法者則是取著。若知不著則無所知。

nhược bất thủ trước tắc bất tri Pháp. nhược tri Pháp giả tắc thị thủ trước. nhược tri bất trước tắc vô sở tri.

Nếu không chấp trước thì không biết pháp, nếu biết pháp là có chấp trước, nếu biết mà không chấp trước tức là không có chỗ biết.

云何如來說言知法而不取著。佛言。善男子。

vân hà Như-Lai thuyết ngôn tri Pháp nhi bất thủ trước. Phật ngôn. thiện nam tử.

Sao Như Lai nói rằng biết pháp nhưng không chấp trước? Phật dạy: Này thiện nam tử!

夫取著者不名無礙。無所取著乃名無礙。

phu thủ trước giả bất danh vô ngại. vô sở thủ trước nãi danh vô ngại.

Phàm người chấp trước không gọi là Vô ngại; không chỗ chấp trước thì mới gọi là Vô ngại.
善男子。是故一切諸菩薩等。

thiện nam tử. thị cố nhất thiết chư Bồ-tát đẳng.

Thiện nam tử! Vì vậy tất cả các Bồ-tát,

有取著者則無無礙。若無無礙不名菩薩。當知是人名為凡夫。

hữu thủ trước giả tắc vô vô ngại. nhược vô vô ngại bất danh Bồ-tát. đương tri thị nhân
danh vi phàm phu.

người nào có chấp trước thì không có Vô ngại. Nếu không có Vô ngại thì không gọi là Bồ-
tát. Nên biết, người này gọi là phàm phu.

何故取著名為凡夫。

hà cố thủ trước danh vi phàm phu.

Vì sao chấp trước gọi là phàm phu?

一切凡夫取著於色乃至著識。以著色故則生貪心。

nhất thiết phàm phu thủ trước ư sắc nãi chí trước thức. dĩ trú sắc cố tắc sanh tham tâm.

Tất cả phàm phu chấp trước ở nơi sắc, cho đến chấp trước thức. Do chấp trước sắc nên
thường sanh tâm tham;

生貪心故為色繫縛。乃至為識之所繫縛。

sanh tham tâm cố vi sắc hệ phược. nãi chí vi thức chi sở hệ phược.

do tâm tham sanh, nên bị sắc trói buộc, cho đến bị thức trói buộc;

以繫縛故則不得免生老病死憂悲大苦一切煩惱。

dĩ hệ phược cố tắc bất đắc miễn sanh lão bệnh tử ưu bi Đại khổ nhất thiết phiền não.

do bị trói buộc nên không thoát ra khỏi tất cả những sự phiền não: Sanh, già, bệnh, chết,
sầu, bi, khổ não.

是故取著名為凡夫。以是義故一切凡夫無四無閔。善男子。

thị cố thủ trước danh vi phàm phu. dĩ thị nghĩa cố nhất thiết phàm phu vô tứ vô
ngại. thiện nam tử.

Vì vậy chấp trước gọi là phàm phu. Do nghĩa này nên tất cả phàm phu không có bốn Vô
ngại. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩已於無量阿僧祇劫知見法相。以知見故則知其義。

Bồ-tát Ma-Ha tát dĩ ư vô lượng a tăng kì kiếp tri kiến Pháp tướng. dĩ tri kiến cố tắc tri kỳ
nghĩa.

Đại Bồ-Tát đã ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thấy biết pháp tướng; do thấy biết tướng của các pháp nên biết nghĩa của nó;

以見法相及知義故。而於色中不生繫著。

dĩ kiến Pháp tướng cập tri nghĩa cố. nhi ư sắc trung bất sanh hệ trước.

do thấy tướng của các pháp cùng biết nghĩa của nó, nên nơi sắc không sanh luyến trước,乃至識中亦復如是。以不著故菩薩於色不生貪心。

nãi chí thức trung diệc phục như thị. dĩ bất trước cố Bồ-tát ư sắc bất sanh tham tâm.

cho đến gặp thức cũng lại như vậy. Do không chấp trước nên Bồ-tát đối với sắc, không sanh tâm tham,

乃至識中亦不生貪。以無貪故則不為色之所繫縛。

nãi chí thức trung diệc bất sanh tham. dĩ vô tham cố tắc bất vi sắc chi sở hệ phược.

cho đến gặp thức cũng không sanh tham. Do không có tham, nên không bị sắc trói buộc,乃至不為識之所縛。

nãi chí bất vi thức chi sở phược.

cho đến không bị thức trói buộc.

以不縛故則得脫於生老病死憂悲大苦一切煩惱。

dĩ bất phược cố tắc đắc thoát ư sanh lão bệnh tử ưu bi Đại khổ nhất thiết phiền não.

Do không bị trói buộc nên được thoát khỏi tất cả những phiền não sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi, khổ não.

以是義故一切菩薩得四無礙。善男子。以是因緣。

dĩ thị nghĩa cố nhất thiết Bồ-tát đắc tứ vô ngại. thiện nam tử. dĩ thị nhân duyên.

Do nghĩa này, nên tất cả Bồ-tát được bốn Vô ngại. Thiện nam tử! Do nhân duyên này,我為弟子十二部中說繫著者名為魔縛。

ngã vi đệ-tử thập nhị bộ trung thuyết hệ trước giả danh vi ma phược.

Ta vì đệ tử, trong Mười Hai Bộ Kinh nói chấp trước, gọi là Ma phược.

若不著者則脫魔縛。譬如世間有罪之人為王所縛。

nhược bất trước giả tắc thoát ma phược. thí như thế gian hữu tội chi nhân vi Vương sở phược.

Nếu người không chấp trước, thì thoát khỏi Ma phược. Thí như ở thế gian, người có tội thì bị nhà Vua bắt trói,

無罪之人王不能縛。菩薩摩訶薩亦復如是。

vô tội chi nhân Vương bất năng phược. Bồ-tát Ma-Ha tát diệt phục như thị.
 người không tội thì nhà Vua không thể bắt trói. Đại Bồ-tát cũng lại như vậy.
 有繫著者為魔所縛。無繫著者魔不能縛。

hữu hệ trước giả vi ma sở phược. vô hệ trước giả ma bất năng phược.
 Người chấp trước là bị ma trói, người không chấp trước thì ma không thể trói được.
 以是義故菩薩摩訶薩而無所著。

dĩ thị nghĩa cố Bồ-tát Ma-Ha tát nhi vô sở trước.
 Do nghĩa này nên Đại Bồ-tát không chỗ chấp trước.
 復次善男子法無礙者。

phục thứ thiện nam tử Pháp vô ngại giả.
 Lại nữa, Thiện nam tử! Pháp vô ngại là
 菩薩摩訶薩善知字持而不忘失。所謂持者。

Bồ-tát Ma-Ha tát thiện tri tự trì nhi bất vong thất. sở vị trì giả.
 Đại Bồ-tát khéo biết chữ trì mà không quên mất. Trì nghĩa là
 如地如山如眼如雲如人如母。一切諸法亦復如是。

như địa như sơn như nhãn như vân như nhân như mẫu. nhất thiết chư Pháp diệt phục
 như thị.
 như đất, như núi, như mắt, như mây, như người, như mẹ tất cả các Pháp cũng lại như
 vậy.

義無礙者。菩薩雖知諸法名字而不知義。
 nghĩa vô ngại giả. Bồ-tát tuy tri chư Pháp danh tự nhi bất tri nghĩa.
 Nghĩa vô ngại là Chư Bồ-tát tuy biết danh tự các pháp mà không biết nghĩa;
 得義無礙則知於義。云何知義。謂地持者。

đắc nghĩa vô ngại tắc tri ư nghĩa. vân hà tri nghĩa. vị địa trì giả.
 được Nghĩa vô ngại tức biết được mọi nghĩa. Thế nào là biết nghĩa? Đó là địa trì.
 如地普持一切眾生及非眾生。

như địa phổ trì nhất thiết chúng sanh cập phi chúng sanh.
 Như đất giữ khắp tất cả chúng sanh và phi chúng sanh.
 以是義故名地為持。善男子。謂山持者。

dĩ thị nghĩa cố danh địa vi trì. thiện nam tử. vị sơn trì giả.
 Do nghĩa đó nên gọi đất là trì. Thiện nam tử! Sơn trì nghĩa là

菩薩摩訶薩作是思惟。何故名山而為持耶。山能持地令無傾動。

Bồ-tát Ma-Ha tát tác thị tư duy. hà cố danh sơn nhi vi trì da. sơn năng trì địa linh vô khuynh động.

Đại Bồ-tát suy nghĩ như sao, vì sao mà gọi núi là trì? Núi hay giữ đất khiến không nghiêng ngửa,

是故名持。何故復名眼為持耶。

thị cố danh trì. hà cố phục danh nhãn vi trì da.

nên gọi là trì. Vì sao lại gọi mắt là trì?

眼能持光故名為持。何故復名雲為持耶。雲名龍氣。

nhãn năng trì quang cố danh vi trì. hà cố phục danh vân vi trì da. vân danh long khí.

Mắt hay giữ ánh sáng nên gọi là trì. Vì sao gọi mây là trì? Mây tên là long khí.

龍氣持水故名雲持。何故復名人為持耶。

long khí trì thủy cố danh vân trì. hà cố phục danh nhân vi trì da.

Long khí giữ nước nên gọi là Vân trì. Vì sao gọi người là trì?

人能持法及以非法故名人持。

nhân năng Trì Pháp cập dĩ phi Pháp cố danh nhân trì.

Người hay nắm giữ chánh Pháp và phi Pháp nên gọi là Nhân trì.

何故復名母為持耶。母能持子故名母持。

hà cố phục danh mẫu vi trì da. mẫu năng trì tử cố danh mẫu trì.

Vì sao gọi mẹ là trì? Mẹ hay giữ con nên gọi là Mẫu trì.

菩薩摩訶薩知一切法名字句義亦復如是。辭無礙者。

Bồ-tát Ma-Ha tát tri nhất thiết Pháp danh tự cú nghĩa diệc phục như thị. từ vô ngại giả.

Đại Bồ-tát biết tất cả pháp danh tự câu nghĩa cũng lại như vậy. Từ vô ngại là

菩薩摩訶薩以種種辭演說一義亦無有義。

Bồ-tát Ma-Ha tát dĩ chủng chủng từ diễn thuyết nhất nghĩa diệc vô hữu nghĩa.

Đại Bồ-tát dùng nhiều từ để diễn thuyết một nghĩa, cũng không có nghĩa,

猶如男女舍宅車乘眾生等名。何故無義。善男子。

do như nam nữ xá trạch xa thừa chúng sanh đẳng danh. hà cố vô nghĩa. thiện nam tử.

như chữ nam nữ, nhà cửa, xe cộ và chúng sanh. Thế nào là không nghĩa? Thiện nam tử!

夫義者。乃是菩薩諸佛境界。辭者凡夫境界。

phu nghĩa giả. nãi thị Bồ-tát chư Phật cảnh giới. từ giả phàm phu cảnh giới.

Phàm nghĩa ấy chính là cảnh giới của chư Phật và Bồ-tát. Từ ấy là cảnh giới của phàm phu.

以知義故得辭無礙。樂說無礙者。

dĩ tri nghĩa cố đắc từ vô ngại. Nhạo thuyết vô ngại giả。

Do biết nghĩa nên được Từ vô ngại. Nhạo thuyết vô ngại là 菩薩摩訶薩知辭知義故。

Bồ-tát Ma-Ha tát tri từ tri nghĩa cố。

Đại Bồ-tát do biết từ và biết nghĩa nên

於無量阿僧祇劫說辭說義而不可盡。是名樂說無礙。善男子。

ư vô lượng a tăng kì kiếp thuyết từ thuyết nghĩa nhi bất khả tận. thị danh Nhạo thuyết vô ngại. thiện nam tử。

ở trong vô lượng A-tăng-kì kiếp nói từ, nói nghĩa nhưng không thể cùng tận. Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩於無量無邊阿僧祇劫修行世諦。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư vô lượng vô biên a tăng kì kiếp tu hành thế đế。

Đại Bồ-tát ở trong vô lượng vô biên A-tăng-kì kiếp tu hành Thế đế。

以修行故知法無礙。

dĩ tu hành cố tri Pháp vô ngại。

Do tu hành Thế đế nên biết Pháp vô ngại。

復於無量阿僧祇劫修第一義諦故得義無礙。亦於無量阿僧祇劫。

phục ư vô lượng a tăng kì kiếp tu đệ nhất nghĩa đế cố đắc nghĩa vô ngại. diệc ư vô lượng a tăng kì kiếp。

Lại ở trong vô lượng A-tăng-kì kiếp tu Đệ nhất nghĩa đế nên được Nghĩa vô ngại. Cũng ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp,

習毘伽羅那論故得辭無礙。

tập tỉ dà la na luận cố đắc từ vô ngại。

tu tập luận Tỳ-dà-la-na nên được Từ vô ngại。

亦於無量阿僧祇劫。修習說世諦論故得樂說無礙。善男子。

diệc ư vô lượng a tăng kì kiếp. tu tập thuyết thế đế luận cố đắc Nhạo thuyết vô ngại. thiện nam tử。

Cũng ở trong vô lượng A-tăng-kì kiếp tu tập nói Thế đế luận nên được Nhạo thuyết vô ngại. Nay thiện nam tử!

聲聞緣覺若有得是四無礙者。無有是處。善男子。

thanh văn duyên giác nhược hữu đắc thị tứ vô ngại giả。 vô hữu thị xử 。
thiện nam tử。

Hàng Thanh văn và Duyên giác, nếu có người được Bốn Vô ngại này là việc không có.
Nay thiện nam tử!

九部經中我說聲聞緣覺之人有四無礙。聲聞緣覺真實無有。何以故。

cửu bộ Kinh trung ngã thuyết thanh văn duyên giác chi nhân hữu tứ vô ngại。 thanh văn
duyên giác chân thật vô hữu。 hà dĩ cố。

Trong Chín Bộ Kinh, Ta nói hàng Thanh văn và Duyên giác có Bốn Vô ngại, nhưng thật
sự, Thanh văn và Duyên giác không có. Vì sao vậy?

菩薩摩訶薩為度眾生故修如是四無礙智。

Bồ-tát Ma-Ha tát vị độ chúng sanh cố tu như thị tứ vô ngại trí。

Vì đại Bồ-tát độ chúng sanh nên tu Bốn Vô ngại trí như vậy.

緣覺之人修寂滅法志樂獨處。若化眾生但現神通。

duyên giác chi nhân tu tịch diệt Pháp chí lạc độc xử。 nhược hóa chúng sanh đãn hiện
Thần thông。

Hàng Duyên giác, tu tập pháp tịch diệt, chủ yếu đến chỗ an lạc, hoặc giáo hóa chúng
sanh, chỉ hiện thần thông.

何故默然而無所說。

hà cố mặc nhiên nhi vô sở thuyết。

Vì sao chỉ im lặng mà không nói?

緣覺不能說法度人使得煖法頂法忍法世第一法。

duyên giác bất năng thuyết Pháp độ nhân sử đắc noãn Pháp đĩnh Pháp nhẫn Pháp thế đệ
nhất Pháp。

Hàng Duyên giác không thể nói pháp độ người khiến được Noãn pháp, Đảnh pháp, Nhẫn
pháp, Thế đệ nhất pháp,

須陀洹斯陀舍阿那舍阿羅漢辟支佛菩薩摩訶薩。

Tu đà hoàn Tư đà hàm A na hàm A La Hán Bích chi Phật Bồ-tát Ma-Ha tát。

Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Đại Bồ-tát

不能令人發阿耨多羅三藐三菩提心。何以故。

bất năng linh nhân phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề tâm。 hà dĩ cố。

không thể làm cho người phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Vì sao vậy?

善男子。緣覺出世世間無有九部經典。

thiện nam tử。 duyên giác xuất thế thế gian vô hữu cửu bộ Kinh điển。

Này thiện nam tử! Hàng Duyên giác xuất thế và thế gian không có Chín Bộ Kinh,
是故緣覺無辭無礙樂說無礙。

thị cố duyên giác vô từ vô ngại Nhạo thuyết vô ngại。

nên hàng Duyên giác không có Từ vô ngại và Nhạo thuyết vô ngại。

善男子緣覺之人雖知諸法無法無礙。何以故。法無礙者。

thiện nam tử duyên giác chi nhân tuy tri chư Pháp vô Pháp vô ngại。 hà dĩ cố。 Pháp vô ngại giả。

Này thiện nam tử! Hàng Duyên giác tuy biết các pháp nhưng không có Pháp vô ngại。 Vì sao vậy? Vì Pháp vô ngại ấy,

名為知字。緣覺之人雖知文字無字無礙。何以故。

danh vi tri tự。 duyên giác chi nhân tuy tri văn tự vô tự vô ngại。 hà dĩ cố。

gọi là biết văn tự。 Hàng Duyên giác tuy biết văn tự nhưng không có được Từ vô ngại, vì sao vậy?

不知常住二字故。是故緣覺不得法無礙。

bất tri thường trụ nhị tự cố。 thị cố duyên giác bất đắc Pháp vô ngại。

Vì không biết hai chữ thường trụ nên, hàng Duyên giác không được Pháp vô ngại,
雖知於義無義無礙。真知義者。

tuy tri ư nghĩa vô nghĩa vô ngại。 chân tri nghĩa giả。

tuy biết nghĩa nhưng không có Nghĩa vô ngại。 Chân tri nghĩa là

知諸眾生悉有佛性。佛性義者。名為阿耨多羅三藐三菩提。

tri chư chúng sanh tất hữu Phật tánh。 Phật tánh nghĩa giả。 danh vi a-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề。

biết các chúng sanh đều có Phật tánh。 Nghĩa Phật tánh gọi là A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề。

以是義故緣覺之人不得義無礙。

dĩ thị nghĩa cố duyên giác chi nhân bất đắc nghĩa vô ngại。

Do nghĩa này nên hàng Duyên giác không được Nghĩa vô ngại.

是故緣覺一切無有四無礙智。云何聲聞無四無礙。

thị cố duyên giác nhất thiết vô hữu tứ vô ngại trí. vân hà thanh văn vô tứ vô ngại.

Vì vậy tất cả Duyên giác đều không có bốn Vô ngại trí. Vì sao Thanh văn không có bốn Vô ngại?

聲聞之人無有三種善巧方便。何等為三。

thanh văn chi nhân vô hữu tam chủng thiện xảo phương tiện. hà đẳng vi tam.

Vì hàng Thanh văn không có ba thứ phương tiện thiện xảo. Thế nào là ba?

一者必須軟語然後受法。

nhất giả tất tu nhuuyến ngữ nhiên hậu thọ Pháp。

Một là cần sửa lời nói cho mềm dịu, sau mới thọ pháp;

二者必須麤語然後受化。三者不軟不麤然後受化。

nhị giả tất tu thô ngữ nhiên hậu thọ hóa. tam giả bất nhuuyến bất thô nhiên hậu thọ hóa。

hai là cần phải sửa lời thô, sau mới nhận sự giáo hoá; ba là không mềm yếu không thô tháo, sau mới nhận sự giáo hóa.

聲聞之人無此三故無四無礙。

thanh văn chi nhân vô thử tam cố vô tứ vô ngại。

Thanh văn không có ba thứ này nên không có bốn Vô ngại.

復次聲聞緣覺不能畢竟知辭知義。無自在智知於境界。

phục thứ thanh văn duyên giác bất năng tất cánh tri từ tri nghĩa. vô tự-tại trí tri ư cảnh giới。

Lại nữa, Thanh văn và Duyên giác không thể biết rốt ráo về từ và nghĩa, không có trí tự tại biết cảnh giới;

無有十力四無所畏不能畢竟度於十二因緣大河。

vô hữu thập lực tứ vô sở úy bất năng tất cánh độ ư thập nhị nhân duyên Đại hà。

không có mười lực, bốn vô sở úy, không thể rốt ráo vượt qua sông lớn mười hai nhân duyên,

不能善知眾生諸根利鈍差別。未能永斷二諦疑心。

bất năng thiện tri chúng sanh chư căn lợi钝差別. vị năng vĩnh đoạn nhị đế nghi tâm。

không thể khéo biết các căn lợi độn, sai khác của chúng sanh, chưa thể vĩnh viễn dứt trừ tâm nghi ngờ đối với hai đế;

不知眾生種種諸心所緣境界。

bất tri chúng sanh chủng chủng chư tâm sở duyên cảnh giới.

không biết các loại tâm của chúng sanh duyên với các cảnh giới;

不能善說第一義空。是故二乘無四無礙。

bất năng thiện thuyết đệ nhất nghĩa không. thị cố nhị thừa vô tứ vô ngại.

không thể khéo nói Đệ nhất nghĩa không. Vì vậy, hàng Nhị thừa không có bốn Vô ngại.

迦葉菩薩白佛言。世尊。若諸聲聞緣覺之人。

ca diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. nhược chư thanh văn duyên giác chi nhân.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu hàng Thanh văn và Duyên giác,

一切無有四無礙者。云何世尊。說舍利弗智慧第一。

nhất thiết vô hữu tứ vô ngại giả. vân hà Thế tôn. thuyết Xá lợi Phất trí tuệ đệ nhất.

tất cả đều không có bốn Vô ngại ấy, vì sao Thế Tôn nói Xá-lợi-phất có trí tuệ đệ nhất,

大目犍連神通第一。摩訶拘絺羅四無礙第一。

Đại mục kiên liên Thần thông đệ nhất. Ma-Ha câu hi la tứ vô ngại đệ nhất.

Đại Mục-kiên-liên thần thông đệ nhất, Ma-ha-câu-hi-la tứ vô ngại đệ nhất?

如其無者如來何故作如是說。

như kỳ vô giả Như-Lai hà cố tác như thị thuyết.

Nếu những vị này không có, sao Như Lai nói như vậy?

爾時世尊讚迦葉言。善哉善哉。善男子。

nhĩ thời Thế tôn tán ca diếp ngôn. Thiện tai Thiện tai. thiện nam tử.

Lúc bấy giờ Thế Tôn khen Ca-diếp rằng: Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử!

譬如恒河有無量水。辛頭大河水亦無量。博叉大河水亦無量。

thí như hằng hà hữu vô lượng thủy. tân đầu Đại hà thủy diệc vô lượng. bát xoa Đại hà thủy diệc vô lượng

Thí như sông Hằng có vô lượng nước; sông lớn Tân-đầu, nước cũng vô lượng; sông lớn Bát-xoa, nước cũng vô lượng;

悉陀大河水亦無量。阿耨達池水亦無量。

tất đà Đại hà thủy diệc vô lượng. a nậu đạt trì thủy diệc vô lượng.

sông lớn Tất-đà, nước cũng vô lượng; ao A-nậu-đạt, nước cũng vô lượng;

大海之中水亦無量。如是諸水雖同無量。

Đại hải chi trung thủy diệc vô lượng. như thị chư thủy tuy đồng vô lượng.

biển lớn, nước cũng vô lượng. Các nước này đồng vô lượng

然其多少其實不等。

nhiên kỳ đa thiểu kỳ thật bất đẳng。

nhưng nước ấy nhiều hay ít thật chẳng giống nhau.

聲聞緣覺及諸菩薩四無礙智亦復如是。善男子。若說等者無有是處。

thanh văn duyên giác cập chư Bồ-tát tứ vô ngại trí diệc phục như thị. thiện nam

tử. nhược thuyết đẳng giả vô hữu thị xử.

Bốn Vô ngại trí của Thanh văn, Duyên giác cùng chư Bồ-tát cũng lại như vậy. Này thiện nam tử! Nếu nói đồng nhau là việc không có.

善男子。

thiện nam tử。

Này thiện nam tử!

我為凡夫說摩訶拘絺羅四無礙智為最第一。汝所問者其義如是。善男子。

ngã vi phàm phu thuyết Ma-Ha câu hi la tứ vô ngại trí vi tối đệ nhất. nhữ sở vấn giả kỳ nghĩa như thị. thiện nam tử。

Ta vì hàng phàm phu mà nói Ma-ha-câu-hi-la có bốn Vô ngại trí là tối đệ nhất. Chỗ ông hỏi, nghĩa của nó là như vậy. Này thiện nam tử!

聲聞之人或有得一或有得二。

thanh văn chi nhân hoặc hữu đắc nhất hoặc hữu đắc nhị。

Hàng Thanh văn, hoặc có vị được một, hoặc có vị được hai,

若具足四無有是處迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛先說梵行品中。

nhược cụ túc tứ vô hữu thị xử ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. như Phật tiên thuyết phạm hạnh phẩm trung。

nhưng đầy đủ cả bốn, là việc không có. Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

Như trước Phật nói trong phẩm Phạm Hạnh,

菩薩知見得四無礙者。菩薩知見則無所得。

Bồ-tát tri kiến đắc tứ vô ngại giả. Bồ-tát tri kiến tắc vô sở đắc。

Bồ-tát thấy biết được Bốn Vô ngại, Bồ-tát thấy biết tức là vô sở đắc

亦無有心言無所得。世尊。

diệc vô hữu tâm ngôn vô sở đắc. Thế tôn。
 cũng không có tâm nói vô sở đắc. Bạch Thế Tôn!
 是菩薩摩訶薩實無所得。若使菩薩心有得者。
 thị Bồ-tát Ma-Ha tát thật vô sở đắc. nhược sử Bồ-tát tâm hữu đắc giả。
 Đại Bồ-tát này thật không chỗ đắc. Nếu khiến tâm Bồ-tát có đắc
 則非菩薩名為凡夫。云何如來說言菩薩而有所得。佛言。
 tắc phi Bồ-tát danh vi phàm phu. vân hà Như-Lai thuyết ngôn Bồ-tát nhi hữu sở
 đắc. Phật ngôn。
 tức không phải Bồ-tát mà gọi là phàm phu, sao Như Lai nói Bồ-tát mà có chỗ đắc? Phật
 dạy:
 善男子。善哉善哉。我將欲說而汝復問。
 thiện nam tử. Thiện tai Thiện tai. ngã tương dục thuyết nhi nhữ phục vấn.
 Này thiện nam tử! Hay thay! Hay thay! Ta sắp nói mà ông lại hỏi.
 善男子。菩薩摩訶薩實無所得。
 thiện nam tử. Bồ-tát Ma-Ha tát thật vô sở đắc。
 Này thiện nam tử! Đại Bồ-tát thật không chỗ đắc.
 無所得者名四無礙。善男子。以何義故無所得者名為無礙。
 vô sở đắc giả danh tứ vô ngại. thiện nam tử. dĩ hà nghĩa cố vô sở đắc giả danh vi vô
 ngại。
 Không có sở đắc gọi là bốn Vô ngại. Này thiện nam tử! Do nghĩa gì mà vô sở đắc ấy gọi là
 Vô ngại.
 若有得者則名為礙。有障礙者名四顛倒。
 nhược hữu đắc giả tắc danh vi ngại. hữu chướng ngại giả danh tứ điên đảo。
 Nếu nói có đắc thì gọi là ngại mà có chướng ngại ấy gọi là bốn điên đảo.
 善男子。菩薩摩訶薩無四倒故得無礙。
 thiện nam tử. Bồ-tát Ma-Ha tát vô tứ đảo cố cố đắc vô ngại。
 Này thiện nam tử! Đại Bồ-Tát không có bốn điên đảo nên được Vô ngại.
 是故菩薩名無所得。復次善男子。
 thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc. phục thứ thiện nam tử。
 Vì vậy Bồ-tát gọi là Không chỗ đắc. Lại nữa, này thiện nam tử!
 無所得者則名為慧。菩薩摩訶薩得是慧故名無所得。

vô sở đắc giả tắc danh vi tuệ. Bồ-tát Ma-Ha tát đắc thị tuệ cố danh vô sở đắc.

Vô sở đắc thì gọi là tuệ. Đại Bồ-tát được tuệ này nên gọi là vô sở đắc.

有所得者名為無明。

hữu sở đắc giả danh vi vô minh.

Có ở đắc thì gọi là vô minh.

菩薩永斷無明闇故無所得。是故菩薩名無所得。復次善男子。

Bồ-tát vĩnh đoạn vô minh ám cố cố vô sở đắc. thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc. phục thứ thiện nam tử.

Vì Bồ-tát vĩnh viễn dứt trừ vô minh tối tăm nên không chỗ đắc. Vì vậy Bồ-tát gọi là không chỗ đắc. Lại nữa, này thiện nam tử!

無所得者名大涅槃。

vô sở đắc giả danh Đại Niết-Bàn.

Không chỗ đắc ấy gọi là Đại Niết-bàn.

菩薩摩訶薩安住如是大涅槃中。不見一切諸法性相。

Bồ-tát Ma-Ha tát an trú như thị Đại Niết-Bàn trung. bất kiến nhất thiết chư Pháp tánh tướng.

Đại Bồ-tát an trú trong Đại Niết-bàn này, không thấy tất cả tánh tướng của các Pháp.

是故菩薩名無所得。有所得者名二十五有。

thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc. hữu sở đắc giả danh nhị thập ngũ hữu.

Vì vậy Bồ-tát gọi là Không chỗ đắc. Có sở đắc thì gọi là hai mươi lăm hữu.

菩薩永斷二十五有得大涅槃。是故菩薩名無所得。

Bồ-tát vĩnh đoạn nhị thập ngũ hữu đắc Đại Niết-Bàn. thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc.

Đại Bồ-tát vĩnh viễn dứt trừ hai mươi lăm hữu, được Đại Niết-bàn vì vậy Bồ-tát gọi là vô sở đắc.

復次善男子。無所得者名為大乘。

phục thứ thiện nam tử. vô sở đắc giả danh vi Đại thừa.

Lại nữa, này thiện nam tử! Không chỗ đắc ấy gọi là Đại thừa.

菩薩摩訶薩不住諸法故得大乘。是故菩薩名無所得。

Bồ-tát Ma-Ha tát bất trụ chư Pháp cố đắc Đại thừa. thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc.

Đại Bồ-tát không trụ ở các Pháp nên chứng Đại thừa vì vậy Bồ-tát gọi là vô sở đắc.

有所得者名為聲聞辟支佛道。

hữu sở đắc giả danh vi thanh văn Bích chi Phật đạo.

Có sở đắc thì gọi là Thanh văn và Bích-chi-phật đạo.

菩薩永斷二乘道故得於佛道。是故菩薩名無所得。復次善男子。

Bồ-tát vĩnh đoạn nhị thừa đạo cố đắc ư Phật đạo。 thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc。 phục thứ thiện nam tử。

Bồ-tát vĩnh viễn dứt trừ Nhị thừa đạo nên được Phật đạo vì vậy Bồ-tát gọi là Vô sở đắc.

Lại nữa, này thiện nam tử!

無所得者名方等經。

vô sở đắc giả danh phương đẳng Kinh。

Vô sở đắc ấy gọi là kinh Phương Đẳng.

菩薩讀誦如是經故得大涅槃。是故菩薩名無所得。

Bồ-tát đọc tụng như thị Kinh cố đắc Đại Niết-Bàn。 thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc。

Bồ-tát đọc tụng Kinh này nên được Đại Niết-bàn. Vì vậy Bồ-tát gọi là Vô sở đắc.

有所得者名十一部經。菩薩不修純說方等大乘經典。

hữu sở đắc giả danh thập nhất bộ Kinh。 Bồ-tát bất tu thuần thuyết phương đẳng Đại thừa Kinh điển。

Có sở đắc ấy gọi là mười một bộ kinh. Bồ-tát không tu tập, thuần nói kinh điển Phương Đẳng Đại thừa.

是故菩薩名無所得。復次善男子。

thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc。 phục thứ thiện nam tử。

Vì vậy Bồ-tát gọi là Vô sở đắc. Lại nữa, này Thiện nam tử!

無所得者名為虛空。世間無物名為虛空。

vô sở đắc giả danh vi hư không。 thế gian vô vật danh vi hư không。

Vô sở đắc ấy gọi là hư không. Thế gian không có vật gọi là hư không.

菩薩得是虛空三昧無所見故。是故菩薩名無所得。

Bồ-tát đắc thị hư không tam muội vô sở kiến cố。 thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc。

Vì Bồ-tát được hư không tam muội này nhưng không thấy sở đắc, nên Bồ-tát gọi là Vô sở đắc.

有所得者名生死輪。一切凡夫輪迴生死故有所見。

hữu sở đắc giả danh sanh tử luân。 nhất thiết phàm phu Luân-hồi sanh tử cố hữu sở kiến。

Có sở đắc ấy gọi là bánh xe sanh tử. Tất cả phàm phu luân hồi sanh tử nên có chỗ thấy.
菩薩永斷一切生死。是故菩薩名無所得。

Bồ-tát vĩnh đoạn nhất thiết sanh tử. thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc.

Bồ-tát vĩnh viễn dứt trừ tất cả sanh tử nên Bồ-tát gọi là Vô sở đắc.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa, này Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩無所得者名常樂我淨。菩薩摩訶薩見佛性故得常樂我淨。

Bồ-tát Ma-Ha tát vô sở đắc giả danh thường lạc ngã tịnh. Bồ-tát Ma-Ha tát kiến Phật tánh cố đắc thường lạc ngã tịnh。

Đại Bồ-tát Vô sở đắc gọi là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Đại Bồ-tát thấy Phật tánh nên được Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

是故菩薩名無所得。

thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc。

Vì vậy Bồ-tát gọi là Vô sở đắc.

有所得者名無常無樂無我無淨。菩薩摩訶薩斷是無常無樂無我無淨。

hữu sở đắc giả danh vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh. Bồ-tát Ma-Ha tát đoạn thị vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh。

Có sở đắc ấy gọi là không thường, không lạc, không ngã, không tịnh. Đại Bồ-tát đã đoạn không thường, không lạc, không ngã, không tịnh này rồi

是故菩薩名無所得。復次善男子。

thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc。 phục thứ thiện nam tử。

cho nên Bồ-tát gọi là Vô sở đắc. Lại nữa, này Thiện nam tử!

無所得者名第一義空。

vô sở đắc giả danh đệ nhất nghĩa không。

Vô sở đắc ấy gọi là Đệ nhất nghĩa không.

菩薩摩訶薩觀第一義空悉無所見。是故菩薩名無所得。

Bồ-tát Ma-Ha tát quán đệ nhất nghĩa không tất vô sở kiến. thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc。

Đại Bồ-tát quán Đệ nhất nghĩa không, nhưng thấy đều Không chỗ thấy. Vì vậy Bồ-tát gọi là Vô sở đắc.

有所得者名為五見。菩薩永斷是五見故得第一義空。

hữu sở đắc giả danh vi ngũ kiến. Bồ-tát vĩnh đoạn thị ngũ kiến cố đắc đệ nhất nghĩa không.

Có sở đắc ấy gọi là năm kiến. Bồ-tát vĩnh viễn dứt trừ năm kiến, nên được Đệ nhất nghĩa không.

是故菩薩名無所得。復次善男子。

thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc. phục thứ thiện nam tử.

Vì vậy Bồ-tát gọi là Vô sở đắc. Lại nữa, này thiện nam tử!

無所得者名為阿耨多羅三藐三菩提。

vô sở đắc giả danh vi a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề.

Vô sở đắc ấy gọi là A-nậu-đa-la-tam miệu-tam-bồ-đề.

菩薩摩訶薩得阿耨多羅三藐三菩提時悉無所見。

Bồ-tát Ma-Ha tát đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề thời tất vô sở kiến.

Đại Bồ-tát được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề nhưng thấy đều Không chỗ thấy

是故菩薩名無所得。有所得者名為聲聞緣覺菩提。

thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc. hữu sở đắc giả danh vi thanh văn duyên giác bồ đề.

vì vậy Bồ-tát gọi là Vô sở đắc. Có sở đắc ấy thì gọi là Thanh văn và Duyên giác đạo.

菩薩永斷二乘菩提。是故菩薩名無所得。善男子。

Bồ-tát vĩnh đoạn nhị thừa bồ đề. thị cố Bồ-tát danh vô sở đắc. thiện nam tử.

Bồ-tát vĩnh viễn dứt Nhị thừa bồ đề, nên Bồ-tát gọi là Vô sở đắc. Này thiện nam tử!

汝之所問亦無所得。我之所說亦無所得。

nhữ chi sở vấn diệc vô sở đắc. ngã chi sở thuyết diệc vô sở đắc.

Chỗ ông hỏi, cũng vô sở đắc. Chỗ Ta nói, cũng vô sở đắc.

若有所得是魔眷屬非我弟子。

nhược hữu sở đắc thị ma quyển thuộc phi ngã đệ-tử.

Nếu có sở đắc thì đây là quyến thuộc của ma, không phải là đệ tử của Ta.

迦葉菩薩白佛言。世尊。為我說是菩薩無所得時。

ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn. vị ngã thuyết thị Bồ-tát vô sở đắc thời.

Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Xin hãy vì con mà nói về sự Vô sở đắc của Bồ-tát.

無量眾生斷有相心。以是事故我敢諮啟無所得義。

vô lượng chúng sanh đoạn hữu tướng tâm。 dĩ thị sự cố ngã cảm tư khả vô sở đắc nghĩa。

Vô lượng chúng sanh đoạn tâm tướng do việc này nên con dám hỏi về nghĩa Vô sở đắc,
令如是等無量眾生離魔眷屬為佛弟子

linh như thị đẳng vô lượng chúng sanh ly ma quyến thuộc vi Phật đệ tử

khiến vô lượng chúng sanh này xa lìa quyến thuộc của ma để làm đệ tử của Phật.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

ca diệp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

如來先於娑羅雙樹間。為純陀說偈。

Như-Lai tiên ư sa-la song thụ gian。 vi Thuần đà thuyết kệ。

Như Lai lúc trước ở giữa hai cây Sa-la, vi Thuần Đà nói kệ:

本有今無 本無今有

bổn hữu kim vô 本 vô kim hữu

Xưa có nay không Xưa không nay có

三世有法 無有是處

tam thế hữu Pháp vô hữu thị xử

Ba đời có pháp Không có việc đó.

世尊。是義云何。佛言。善男子。

Thế tôn。 thị nghĩa vân hà。 Phật ngôn。 thiện nam tử。

Bạch Thế Tôn! Nghĩa này thế nào? Nay thiện nam tử!

我為化度諸眾生故而作是說。

ngã vị hóa độ chư chúng sanh cố nhi tác thị thuyết。

Ta vì hoá độ các chúng sanh nên nói lời đó;

亦為聲聞辟支佛故而作是說。亦為文殊師利法王子故而作是說。

diệc vị thanh văn Bích chi Phật cố nhi tác thị thuyết。 diệc vị Văn Thù Sư Lợi Pháp-Vương-Tử cố nhi tác thị thuyết。

cũng vì Thanh văn, Bích-chi-phật mà nó lời này; cũng vì Văn-thù-sư-lợi pháp vương tử mà nói lời này;

不但正為純陀一人說是偈也。

bất đản chánh vị Thuần đà nhất nhân thuyết thị kệ dã。

không chỉ vì một mình Thuần-đà mà nói kệ này thôi đâu.
 時文殊師利將欲問我。我知其心而為說之。
 thời Văn Thù Sư Lợi tướng dục vấn ngã. ngã tri kỳ tâm nhi vi thuyết chi.
 Lúc đó, Văn—thù-sư-Lợi sắp muốn hỏi Ta, Ta biết được tâm kia, vì đó mà nói.
 我既說已文殊師利即得解了。迦葉菩薩言。世尊。
 ngã ký thuyết dĩ Văn Thù Sư Lợi tức đắc giải liễu. ca diệp Bồ-tát ngôn. Thế tôn.
 Ta nói kệ xong, Văn—thù-sư-lợi liền hiểu rõ thông suốt. Bồ-tát Ca-diếp bạch rằng: Bạch Thế Tôn!
 如文殊等詎有幾人能了是義。
 như Văn Thù đẳng cự hữu ki nhân năng liễu thị nghĩa.
 Có bao nhiêu người có thể hiểu rõ nghĩa này như Văn-thù-sư-lợi?
 惟願如來更為大眾廣分別說。善男子。諦聽諦聽。
 duy nguyện Như-Lai canh vi Đại chúng quảng phân biệt thuyết. thiện nam tử. đế thính đế thính.
 để thỉnh để thỉnh.
 Ngưỡng mong Như Lai lại vì đại chúng rộng phân biệt nói. Nay thiện nam tử! Lắng nghe! Lắng nghe!
 今當為汝重敷演之。言本有者。我昔本有無量煩惱。
 kim đương vi nhữ trùng phu diễn chi. ngôn bản hữu giả. ngã tích bản hữu vô lượng phiền não.
 kim đương vị nhữ trùng phu diễn chi. ngôn bản hữu giả. ngã tích bản hữu vô lượng phiền não.
 Nay Ta sẽ vì ông mà diễn nói lần nữa: Nói về bản thân Ta xưa kia vốn có vô lượng phiền não,
 以煩惱故現在無有大般涅槃。言本無者。
 dĩ phiền não cố hiện tại vô hữu Đại bát Niết-bàn. ngôn bản vô giả.
 do phiền não nên hiện tại không có Đại Bát Niết-bàn. Nói về vốn không có,
 本無般若波羅蜜。以無般若婆羅蜜。
 bản vô bát nhã ba la mật. dĩ vô bát nhã ba-la-mật.
 tức là xưa không có Bát-nhã Ba-la-mật, do không có Bát-nhã Ba-la-mật
 故現在具有諸煩惱結。
 cố hiện tại cụ hữu chư phiền não kết.
 nên hiện tại có đủ các phiền não trói buộc.
 若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。

nhược hữu Sa Môn nhược Bà-la-môn nhược Thiên nhược ma nhược phạm nhược nhân.
Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc phạm, hoặc người,
說言如來去來現在有煩惱者無有是處。復次善男子。言本有者。
thuyết ngôn Như-Lai khứ lai hiện tại hữu phiền não giả vô hữu thị xử. phục thứ thiện nam
tử. ngôn bốn hữu giả.
nói rằng: Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại có phiền não là việc không có. Lại nữa, thiện
nam tử! Nói vốn đã có, tức là
我本有父母和合之身。是故現在無有金剛微妙法身。
ngã bốn hữu phụ mẫu hòa hợp chi thân. thị cố hiện tại vô hữu Kim cương vi diệu Pháp
thân.
xưa Ta vốn có thân do cha mẹ hòa hợp vì vậy hiện tại không có pháp thân kim cương vi
diệu.
言本無者。我身本無三十二相八十種好。
ngôn bốn vô giả. ngã thân bốn vô tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo.
Nói vốn không có tức là thân Ta xưa không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp,
以本無有三十二相八十種好故。
dĩ bốn vô hữu tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo cố.
do xưa không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp,
現在具有四百四病。
hiện tại cụ hữu tứ bách tứ bệnh.
nên hiện tại có đủ bốn trăm bốn mươi thứ bệnh.
若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。說言如來去來現在有病苦者無有是處。
nhược hữu Sa Môn nhược Bà-la-môn nhược Thiên nhược ma nhược phạm nhược
nhân. thuyết ngôn Như-Lai khứ lai hiện tại hữu bệnh khổ giả vô hữu thị xử。
Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc phạm, hoặc người nói rằng:
Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại có bệnh khổ là việc không có.
復次善男子。言本有者。
phục thứ thiện nam tử. ngôn bốn hữu giả。
Lại nữa, thiện nam tử! Nói vốn đã có tức là
我昔本有無常無我無樂無淨。以有無常無我無樂無淨故。

ngã tích bốn hữu vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh. dĩ hữu vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh cố.

xưa Ta vốn có vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh; do có vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, 現在無有阿耨多羅三藐三菩提。言本無者。

hiện tại vô hữu a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề. ngôn bốn vô giả nên hiện tại không có A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Nói vốn không có tức là 本不見佛性以不見故無常樂我淨。

bốn bất kiến Phật tánh dĩ bất kiến cố vô thường lạc ngã tịnh.

xưa không thấy Phật tánh, do không thấy Phật tánh nên không có thường, lạc, ngã, tịnh. 若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。

nhược hữu Sa Môn nhược Bà-la-môn nhược Thiên nhược ma nhược phạm nhược nhân. Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc phạm, hoặc người, 說言如來去來現在無常樂我淨者無有是處。復次善男子。

thuyết ngôn Như-Lai khứ lai hiện tại vô thường lạc ngã tịnh giả vô hữu thị xử. phục thứ thiện nam tử.

nói rằng: Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại không có thường, lạc, ngã, tịnh, là việc không có. Lại nữa, này thiện nam tử!

言本有者。

ngôn bốn hữu giả.

Nói vốn đã có, tức là

本有凡夫修苦行心謂得阿耨多羅三藐三菩提。

bốn hữu phàm phu tu khổ hạnh tâm vị đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề.

xưa vốn đã có tu khổ hạnh của phàm phu, tâm cho rằng được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề;

以是事故現在不能破壞四魔。言本無者。我本無有六波羅蜜。

dĩ thị sự cố hiện tại bất năng phá hoại tứ ma. ngôn bốn vô giả. ngã bốn vô hữu lục ba la mật.

do việc này nên hiện tại không thể phá hoại bốn ma. Nói vốn không có là Ta xưa vốn không có sáu Ba-la-mật,

以本無有六波羅蜜故修行凡夫苦行之心。

dĩ bốn vô hữu lục ba la mật cố tu hành phàm phu khổ hạnh chi tâm.

do xưa không có sáu Ba-la-mật nên tu hành khổ hạnh của phàm phu, tâm
謂得阿耨多羅三藐三菩提。

vị đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề。

cho rằng đượ A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。

nhược hữu Sa Môn nhược Bà-la-môn nhược Thiên nhược ma nhược phàm nhược nhân。

Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc phàm, hoặc người,

說言如來去來現在有苦行者無有是處。復次善男子。言本有者。

thuyết ngôn Như-Lai khứ lai hiện tại hữu khổ hạnh giả vô hữu thị xứ。 phục thứ thiện nam tử。 ngôn bốn hữu giả。

nói rằng: Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại có khổ hạnh là việc không có. Lại nữa, này thiện nam tử! Nói vốn có, tức là

我昔本有雜食之身。

ngã tích bốn hữu tạp thực chi thân。

xưa Ta vốn có thân tạp thực,

以有食身故現在無有無邊之身。言本無者。

dĩ hữu thực thân cố hiện tại vô hữu vô biên chi thân。 ngôn bốn vô giả。

do có thân tạp thực nên hiện tại không có thân vô biên. Nói vốn không có, tức là
本無三十七助道法。

bốn vô tam thập thất trợ đạo Pháp。

xưa không có ba mươi bảy pháp trợ đạo,

以無三十七助道法故現在具有雜食之身。若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。

dĩ vô tam thập thất trợ đạo Pháp cố hiện tại cụ hữu tạp thực chi thân。 nhược hữu Sa Môn
nhược Bà-la-môn nhược Thiên nhược ma nhược phàm nhược nhân

do không có ba mươi bảy pháp trợ đạo nên hiện tại có đủ thân tạp thực. Nếu có Sa-môn,
hoặc Bà-la-môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc phàm, hoặc người,

說言如來去來現在有雜食身者無有是處。

thuyết ngôn Như-Lai khứ lai hiện tại hữu tạp thực thân giả vô hữu thị xứ。

nói rằng: Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại có thân tạp thực là việc không có.

復次善男子。言本有者。

phục thứ thiện nam tử。 ngôn bốn hữu giả。

Lại nữa, này thiện nam tử! Nói vốn có, tức là

我昔本有一切法中取著之心。以是事故現在無有畢竟空定。

ngã tích bốn hữu nhất thiết Pháp trung thủ trước chi tâm. dĩ thị sự cố hiện tại vô hữu tất cánh không định.

xưa Ta vốn có tâm chấp trước đối với tất cả các pháp, do việc này nên hiện tại không có định rất ráo về không.

言本無者。我本無有中道實義。

ngôn bốn vô giả. ngã bốn vô hữu trung đạo thật nghĩa.

Nói vốn không có, tức là xưa Ta vốn không có trung đạo thật nghĩa,

以無中道真實義故於一切法則有著心。

dĩ vô trung đạo chân thật nghĩa cố ư nhất thiết Pháp tắc hữu trước tâm.

do không có trung đạo thật nghĩa nên đối với tất cả các pháp thì có tâm chấp trước.

若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。

nhược hữu Sa Môn nhược Bà-la-môn nhược Thiên nhược ma nhược phạm nhược nhân.

Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, hoặc ma, hoặc phạm, hoặc người,

說言如來去來現在說一切法是有相者無有是處。復次善男子。

thuyết ngôn Như-Lai khứ lai hiện tại thuyết nhất thiết Pháp thị hữu tướng giả vô hữu thị xử. phục thứ thiện nam tử.

nói rằng: Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại nói tất cả các Pháp có tướng, là việc không có.

Lại nữa, này thiện nam tử!

言本有者。我初得阿耨多羅三藐三菩提時。

ngôn bốn hữu giả. ngã sơ đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề thời.

Nói vốn đã có, tức là Ta lúc mới được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề,

有諸鈍根聲聞弟子。

hữu chư độn căn thanh văn đệ-tử.

có các đệ tử Thanh văn căn tánh ám độn;

以有鈍根聲聞弟子故不得演說一乘之實。言本無者。

dĩ hữu độn căn thanh văn đệ-tử cố bất đắc diễn thuyết nhất thừa chi thật. ngôn bốn vô giả.

do có các đệ tử Thanh văn căn tánh ám độn nên không được diễn nói thật về Nhất thừa.

Nói vốn không có, tức là

本無利根人中象王。迦葉菩薩等以無利根。

bổn vô lợi căn nhân trung Tượng Vương. ca diếp Bồ-tát đẳng dĩ vô lợi căn。

xưa trong loài người không có tượng vương lợi căn như Bồ-tát Ca-diếp v.v.. Do không có lợi căn,

迦葉等故隨宜方便開示三乘。

ca diếp đẳng cố tùy nghi phương tiện khai thị tam thừa。

như Ca-diếp v.v..nên tùy nghi phương tiện mà khai thị Tam thừa.

若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。

nhược hữu Sa Môn nhược Bà-la-môn nhược Thiên nhược ma nhược phạm nhược nhân。

Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, hoặc ma, hoặc phạm, hoặc người,

說言如來去來現在畢竟演說三乘法者無有是處。復次善男子。

thuyết ngôn Như-Lai khứ lai hiện tại tất cánh diễn thuyết tam thừa Pháp giả vô hữu thị xử。 phục thứ thiện nam tử。

nói rằng: Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại, diễn nói rất ráo pháp Tam thừa là việc không có.

Lại nữa, này thiện nam tử!

言本有者。

ngôn bổn hữu giả。

Nói vốn đã có, tức là

我本說言却後三月於娑羅雙樹當般涅槃。是故現在不得演說大方等典大般涅槃。

ngã bổn thuyết ngôn tức hậu tam nguyệt ư sa-la song thụ đương bát Niết-Bàn。 thị cố hiện tại bất đắc diễn thuyết Đại phương đẳng điển Đại bát Niết-bàn。

Ta xưa đã từng nói rằng: Qua ba tháng sau sẽ Bát Niết-bàn ở Sa-la song thọ, nên hiện tại không được diễn nói kinh Đại Bát Niết-bàn Đại Phương Đẳng.

言本無者。本昔無有文殊師利大菩薩等。

ngôn bổn vô giả。 bổn tích vô hữu Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ-tát đẳng。

Nói vốn không có, tức là xưa kia không có Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi v.v..,

以無有故現在說言如來無常。

dĩ vô hữu cố hiện tại thuyết ngôn Như-Lai vô thường。

do không có nên hiện tại nói rằng: Như Lai vô thường.

若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人。

nhược hữu Sa Môn nhược Bà-la-môn nhược Thiên nhược ma nhược phạm nhược nhân。

Nếu có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, hoặc ma, hoặc phạm, hoặc người
說言如來去來現在是無常者無有是處。

thuyết ngôn Như-Lai khứ lai hiện tại thị vô thường giả vô hữu thị xử。

nói rằng: Như Lai quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường, là việc không có。

善男子。

thiện nam tử。

Này thiện nam tử!

如來普為諸眾生故雖知諸法說言不知。雖見諸法說言不見。

Như-Lai phổ vị chư chúng sanh cố tuy tri chư Pháp thuyết ngôn bất tri。tuy kiến chư Pháp thuyết ngôn bất kiến。

Như Lai khắp vì các chúng sanh, tuy biết các Pháp mà nói không biết, thấy các Pháp mà nói không thấy,

有相之法說言無相。無相之法說言有相。實有無常說言有常。

hữu tướng chi Pháp thuyết ngôn vô tướng。vô tướng chi Pháp thuyết ngôn hữu tướng。thật hữu vô thường thuyết ngôn hữu thường。

pháp có tướng mà nói là vô tướng, pháp vô tướng mà nói là có tướng, thật có vô thường mà nói là có thường,

實有有常說言無常。我樂淨等亦復如是。

thật hữu hữu thường thuyết ngôn vô thường。ngã lạc tịnh đẳng diệc phục như thị。

thật có có thường mà nói rằng vô thường; ngã, lạc, tịnh cũng lại như vậy。

三乘之法說言一乘。一乘之法隨宜說三。

tam thừa chi Pháp thuyết ngôn nhất thừa。nhất thừa chi Pháp tùy nghi thuyết tam。

Pháp Tam thừa nói là Nhất thừa, pháp Nhất thừa tùy nghi nói ba,

略相說廣廣相說略。四重之法說偷蘭遮。

lược tướng thuyết quảng quảng tướng thuyết lược。tứ trọng chi Pháp thuyết thâm lan giá。

tướng lược nói rộng, tướng rộng nói lược; bốn pháp Trọng nói Thâm-lan-giá,

偷蘭遮法說言四重。犯說非犯非犯說犯。

thâm lan giá Pháp thuyết ngôn tứ trọng。phạm thuyết phi phạm phi phạm thuyết phạm。

pháp Thâm-lan-giá nói bốn Trọng, phạm nói không phạm, không phạm nói phạm,

輕罪說重重罪說輕。何以故。如來明見眾生根故。

khinh tội thuyết trọng trọng tội thuyết khinh. hà dĩ cố. Như-Lai minh kiến chúng sanh căn cố.

tội nhẹ nói nặng, tội nặng nói nhẹ. Vì sao vậy? Vì Như Lai thấy rõ căn tánh của chúng sanh.

善男子。如來雖作是說終無虛妄。

thiện nam tử. Như-Lai tuy tác thị thuyết chung vô hư vọng.

Này thiện nam tử! Tuy Như Lai nói lờynh vậy nhưng trọn không hư dối.

何以故虛妄之語即是罪過。如來悉斷一切罪過。

hà dĩ cố hư vọng chi ngữ tức thị tội quá. Như-Lai tất đoạn nhất thiết tội quá.

Vì sao vậy? Vì lời hư dối tức là tội lỗi. Như lai đã dứt trừ tất cả tội lỗi

云何當有虛妄語耶。善男子。

vân hà đương hữu hư vọng ngữ da. thiện nam tử.

thì làm sao có lời hư dối! Này thiện nam tử!

如來雖無虛妄之言。若知眾生因虛妄說得法利者。

Như-Lai tuy vô hư vọng chi ngôn. nhược tri chúng sanh nhân hư vọng thuyết đắc Pháp lợi giả.

Như Lai tuy không nói hư dối nhưng biết chúng sanh nương nơi lời hư dối mà được Pháp lợi ích,

隨宜方便則為說之。善男子。

tùy nghi phương tiện tác vi thuyết chi. thiện nam tử.

nên thường tùy nghi phương tiện mà nói cho họ. Này thiện nam tử!

一切世諦若於如來即是第一義諦。何以故。

nhất thiết thế đế nhược ư Như-Lai tức thị đệ nhất nghĩa đế. hà dĩ cố.

Tất cả Thế đế đối với Như Lai chính là Đệ nhất nghĩa đế. Vì sao vậy?

諸佛世尊為第一義故說於世諦。亦令眾生得第一義諦。

chư Phật Thế tôn vì đệ nhất nghĩa cố thuyết ư thế đế. diệc linh chúng sanh đắc đệ nhất nghĩa đế.

Chư Phật Thế Tôn vì Đệ nhất nghĩa đế nên nói Thế đế, cũng khiến chúng sanh được Đệ nhất nghĩa đế.

若使眾生不得如是第一義者。諸佛終不宣說世諦。

nhược sử chúng sanh bất đắc như thị đệ nhất nghĩa đế. chư Phật chung bất tuyên thuyết thế đế.

Nếu khiến chúng sanh không được Đệ nhất nghĩa đế này, thì chư Phật trọn không tuyên nói Thế đế.

善男子。如來有時演說世諦。

thiện nam tử. Như-Lai hữu thời diễn thuyết thế đế.

Này thiện nam tử! Khi Như Lai diễn nói Thế đế

眾生謂佛說第一義諦。有時演說第一義諦。

chúng sanh vị Phật thuyết đệ nhất nghĩa đế. hữu thời diễn thuyết đệ nhất nghĩa đế.

thì chúng sanh cho rằng Phật nói Đệ nhất nghĩa đế, lúc diễn nói Đệ nhất nghĩa đế

眾生謂佛說於世諦。是則諸佛甚深境界。非是聲聞緣覺所知。

chúng sanh vị Phật thuyết ư thế đế. thị tắc chư Phật thậm thâm cảnh giới. phi thị thanh văn duyên giác sở tri.

thì chúng sanh cho rằng Phật nói Thế đế. Đây là cảnh giới rất sâu của chư Phật, không phải chỗ Thanh văn và Duyên giác biết được.

善男子。

thiện nam tử.

Này thiện nam tử!

是故汝先不應難言菩薩摩訶薩無所得也。菩薩常得第一義諦。

thị cố nhữ tiên bất ứng nan ngôn Bồ-tát Ma-Ha tát vô sở đắc dã. Bồ-tát thường đắc đệ nhất nghĩa đế.

Vì vậy trước kia ông không nên gạn hỏi về Vô sở đắc của Đại Bồ-tát. Bồ-tát thường được Đệ nhất nghĩa đế,

云何難言無所得耶。迦葉復言。世尊。第一義諦亦名為道。

vân hà nan ngôn vô sở đắc da. ca diệp phục ngôn. Thế tôn. đệ nhất nghĩa đế diệc danh vi đạo.

sao gạn nói vô sở đắc ư? Ca-diếp lại thưa: Bạch Thế Tôn! Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là đạo,

亦名菩提亦名涅槃。

diệc danh bồ đề diệc danh Niết-Bàn.

cũng gọi là Bồ-đề, cũng gọi là Niết-bàn.

若有菩薩言有得道菩提涅槃即是無常。何以故。

nhược hữu Bồ-tát ngôn hữu đắc đạo bồ đề Niết-Bàn tức thị vô thường。 hà dĩ cố。

Nếu có Bồ-tát nói rằng: Có được đạo, được Bồ-đề và được Niết-bàn tức là vô thường. Vì sao vậy?

法若常者則不可得。猶如虛空誰有得者。世尊。

Pháp nhược thường giả tắc bất khả đắc。 do như hư không thùy hữu đắc giả。 Thế tôn。

Vì nếu pháp là thường thì không thể được. Như hư không, ai có được? Bạch Thế Tôn!

如世間物本無今有名為無常。

như thế gian vật bản vô kim hữu danh vi vô thường。

Như các vật ở thế gian, xưa không nay có, gọi là vô thường.

道亦如是道若可得則名無常。法若常者無得無生。

đạo diệc như thị đạo nhược khả đắc tắc danh vô thường。 Pháp nhược thường giả vô đắc vô sanh。

Đạo cũng như vậy. Đạo nếu có thể được thì gọi là vô thường. Pháp nếu là thường thì không được, không sanh.

猶如佛性無得無生。世尊。夫道者。

do như Phật tánh vô đắc vô sanh。 Thế tôn。 phu đạo giả。

Như Phật tánh, không được, không sanh. Bạch Thế Tôn! Luận về đạo ấy,

非色非不色不長不短非高非下。

phi sắc phi bất sắc bất trường bất đoản phi cao phi hạ。

là không sắc, không phải không sắc, không dài, không ngắn, không phải cao, không phải thấp,

非生非滅非赤非白非青非黃非有非無。云何如來說言可得。

phi sanh phi diệt phi xích phi bạch phi thanh phi hoàng phi hữu phi vô。 vân hà Như-Lai thuyết ngôn khả đắc。

không phải sanh, không phải diệt, không phải đỏ, không phải trắng, không phải xanh,

không phải vàng, không phải có, không phải không. Sao Như Lai lại nói có thể được?

菩提涅槃亦復如是。佛言。如是如是。善男子。道有二種。

bồ đề Niết-Bàn diệc phục như thị。 Phật ngôn。 như thị như thị。 thiện nam tử。 đạo hữu nhị chủng。

Bồ-đề và Niết-bàn cũng lại như vậy. Phật dạy: Đúng thế! Đúng thế! Nay thiện nam tử! Đạo có hai thứ.

一者常。二者無常。菩提之相亦有二種。一者常。

nhất giả thường. nhị giả vô thường. bồ đề chi tướng diệc hữu nhị chủng. nhất giả thường.

Một là thường; hai là vô thường. Tướng của Bồ-đề cũng có hai thứ. Một là thường, 二者無常。涅槃亦爾。外道道者名為無常。

nhị giả vô thường. Niết-Bàn diệc nhĩ. ngoại đạo đạo giả danh vi vô thường.

hai là vô thường. Niết-bàn cũng vậy. Ngoại đạo, đạo ấy gọi là vô thường.

內道道者名之為常。

nội đạo đạo giả danh chi vi thường.

Nội đạo, đạo ấy gọi là thường.

聲聞緣覺所有菩提名為無常。菩薩諸佛所有菩提名之為常。

thanh văn duyên giác sở hữu bồ đề danh vi vô thường. Bồ-tát chư Phật sở hữu bồ đề danh chi vi thường.

Thanh văn và Duyên giác có Bồ-đề gọi là vô thường. Chư Phật và Bồ-tát có Bồ-đề gọi là thường.

外解脫者名為無常。內解脫者名之為常。善男子。

ngoại giải thoát giả danh vi vô thường. nội giải thoát giả danh chi vi thường. thiện nam tử.

Ngoại giải thoát gọi là vô thường, nội giải thoát gọi là thường. Nay thiện nam tử!

道與菩提及以涅槃悉名為常。

đạo dữ bồ đề cập dĩ Niết-Bàn tất danh vi thường.

Đạo cùng Bồ-đề và cho đến Niết-bàn đều gọi là thường.

一切眾生常為無量煩惱所覆。無慧眼故不能得見。

nhất thiết chúng sanh thường vi vô lượng phiền não sở phúc. vô tuệ nhãn cố bất năng đắc kiến.

Tất cả chúng sanh thường bị vô lượng phiền não che lấp, không có tuệ nhãn nên không thể thấy được;

而諸眾生為欲見故修戒定慧。

nhì chư chúng sanh vị dục kiến cố tu giới định tuệ.

nhưng các chúng sanh vì muốn thấy nên tu giới định tuệ;

以修行故見道菩提及以涅槃。是名菩薩得道菩提及涅槃也。

dĩ tu hành cố kiến đạo bồ đề cập dĩ Niết-Bàn。 thị danh Bồ-tát đắc đạo bồ đề cập Niết-Bàn dã。

do tu hành nên thấy đạo, Bồ-đề và cho đến Niết-bàn. Đây gọi là Bồ-tát được đạo Bồ-đề và Niết-bàn.

道之性相實不生滅。以是義故不可捉持。

đạo chi tánh tướng thật bất sanh diệt。 dĩ thị nghĩa cố bất khả tróc trì。

Tánh tướng của Đạo thật không sanh diệt. Do nghĩa này nên không thể cầm nắm.

thiện nam tử。

Này thiện nam tử!

道者雖無色像可見稱量可知而實有用。善男子。

đạo giả tuy vô sắc tượng khả kiến xưng lượng khả tri nhi thật hữu dụng。 thiện nam tử。

Đạo ấy, tuy không có sắc tượng nhưng có thể thấy, xưng lượng, có thể biết, nhưng thật có dụng. Này thiện nam tử!

如眾生心雖非是色非長非短非麤非細非縛非解。非是見法而亦是有。

như chúng sanh tâm tuy phi thị sắc phi trường phi đoản phi thô phi tế phi phược phi giải。 phi thị kiến Pháp nhi diệt thị hữu。

Như tâm chúng sanh, tuy không phải là sắc, không phải dài, không phải ngắn, không phải thô, không phải tế, không phải trói, không phải mở, không phải là thấy pháp mà cũng là có;

以是義故我為須達。說言長者心為城主。

dĩ thị nghĩa cố ngã vị tu đạt。 thuyết ngôn Trưởng-Giả tâm vi thành chủ。

do nghĩa này nên Ta vì Tu Đạt mà nói tâm của Trưởng giả là thành chủ.

長者若不護心則不護身口。若護心者則護身口。

Trưởng-Giả nhược bất hộ tâm tắc bất hộ thân khẩu。 nhược hộ tâm giả tắc hộ thân khẩu。

Trưởng giả nếu không giữ tâm thì không giữ được thân và miệng; nếu giữ được tâm, thì giữ được thân và miệng.

以不善護是身口故。令諸眾生到三惡趣。

dĩ ất thiện hộ thị thân khẩu cố。 linh chư chúng sanh đáo tam ác thú。

Do không khéo giữ thân và miệng này nên khiến chúng sanh đến trong ba đường ác.

護身口者則令眾生得人天涅槃得名真實。

hộ thân khẩu giả tác linh chúng sanh đắc nhân Thiên Niết-Bàn đắc danh chân thật.
Giữ gìn thân và miệng thời khiến chúng sanh được người, trời và Niết-bàn, gọi là chơn thật;

其不得者不名真實。善男子。

kỳ bất đắc giả bất danh chân thật. thiện nam tử.

người không được, không gọi là chân thật. Này thiện nam tử!

道與菩提及以涅槃亦復如是亦有亦常。

đạo dữ bồ đề cập dĩ Niết-Bàn diệc phục như thị diệc hữu diệc thường.

Đạo cùng Bồ-đề và cho đến Niết-bàn cũng lại như vậy, cũng có cũng thường.

如其無者云何能斷一切煩惱。以其有故一切菩薩了了見知。

như kỳ vô giả vân hà năng đoạn nhất thiết phiền não. dĩ kỳ hữu cố nhất thiết Bồ-tát liễu liễu kiến tri.

Nếu như người đó không có đạo, không có Bồ-đề và Niết-bàn thì làm sao có thể đoạn tất cả phiền não? Do có đạo, Bồ-đề và Niết-bàn này nên tất cả Bồ-tát thấy biết rõ ràng.

善男子。見有二種。一相貌見。二了了見。

thiện nam tử. kiến hữu nhị chủng. nhất tướng mạo kiến. nhị liễu liễu kiến.

Này thiện nam tử! Thấy có hai thứ: một là thấy tướng mạo; hai là thấy sáng tỏ.

云何相貌見。如遠見烟名為見火。實不見火。

vân hà tướng mạo kiến. như viễn kiến yên danh vi kiến hỏa. thật bất kiến hỏa.

Thế nào là thấy tướng mạo? Như ở xa thấy khói cho là thấy lửa nhưng thật không thấy lửa;

雖不見火亦非虛妄。見空中鶴便言見水。

tuy bất kiến hỏa diệc phi hư vọng. kiến không trung hạc tiện ngôn kiến thủy.

tuy không thấy lửa nhưng cũng không phải là hư dối. Thấy con hạc giữa không trung liền nói thấy nước;

雖不見水亦非虛妄。如見花葉便言見根。

tuy bất kiến thủy diệc phi hư vọng. như kiến hoa diệp tiện ngôn kiến căn.

tuy không thấy nước nhưng cũng không phải là hư dối. Như thấy hoa lá liền nói thấy rễ, tuy không thấy rễ cũng không phải là hư dối.

tuy bất kiến căn diệc phi hư vọng.

tuy không thấy rể nhưng cũng không phải là hư dối.

如人遙見籬間牛角便言見牛。雖不見牛亦非虛妄。

như nhân dao kiến li gian ngưu giác tiện ngôn kiến ngưu。 tuy bất kiến ngưu diệc phi hư vọng。

Như người ở xa thấy sừng trâu giữa bờ rào, liền nói thấy trâu; tuy không thấy trâu nhưng cũng không phải là hư dối.

如見女人懷妊便言見欲。雖不見欲亦非虛妄。

như kiến nữ nhân hoài nhâm tiện ngôn kiến dục。 tuy bất kiến dục diệc phi hư vọng。

Như thấy người nữ mang thai liền nói thấy dục; tuy không thấy dục nhưng cũng không phải là hư dối.

如見樹生葉便言見水。雖不見水亦非虛妄。

như kiến thụ sanh diệp tiện ngôn kiến thủy。 tuy bất kiến thủy diệc phi hư vọng。

Như thấy cây sanh lá, liền nói thấy nước; tuy không thấy nước nhưng cũng không phải là hư dối.

又如見雲便言見雨。雖不見雨亦非虛妄。

hựu như kiến vân tiện ngôn kiến vũ。 tuy bất kiến vũ diệc phi hư vọng。

Lại như thấy mây, liền nói thấy mưa; tuy không thấy mưa nhưng cũng không phải là hư dối.

如見身業及以口業便言見心。雖不見心亦非虛妄。

như kiến thân nghiệp cập dĩ khẩu nghiệp tiện ngôn kiến tâm。 tuy bất kiến tâm diệc phi hư vọng。

Như thấy thân nghiệp cùng với khẩu nghiệp, liền nói thấy tâm; tuy không thấy tâm nhưng cũng không phải là hư dối.

是名相貌見。云何了了見。如眼見色。善男子。

thị danh tướng mạo kiến。 vân hà liễu liễu kiến。 như nhãn kiến sắc。 thiện nam tử。

Đây gọi là thấy tướng mạo. Thế nào gọi là thấy rõ ràng? Như mắt thấy sắc. Này thiện nam tử!

如人眼根清淨不壞自觀掌中阿摩勒果。

như nhân nhãn căn thanh tịnh bất hoại tự quán chưởng trung a ma lạc quả。

Như người mắt sáng, không bị hư hoại, thấy rõ quả A-ma-lạc trong lòng bàn tay mình.

菩薩摩訶薩了了見道。菩提涅槃亦復如是。

Bồ-tát Ma-Ha tát liễu liễu kiến đạo. bồ đề Niết-Bàn diệc phục như thị。

Đại Bồ-tát thấy đạo, Bồ-đề và Niết-bàn rõ ràng cũng lại như vậy。

雖如是見初無見相。善男子。

tuy như thị kiến sơ vô kiến tướng。thiện nam tử。

Tuy thấy như vậy, nhưng ban đầu không thấy tướng. Này thiện nam tử!

以是因緣我於往昔告舍利弗。

dĩ thị nhân duyên ngã ư vãng tích cáo Xá lợi Phất。

Do nhân duyên này nên Ta lúc trước bảo Xá-lợi-phất:

一切世間若有沙門若婆羅門若天若魔若梵若人之所不知不見不覺。

nhất thiết thế gian nhược hữu Sa Môn nhược Bà-la-môn nhược Thiên nhược ma nhược phạm nhược nhân chi sở bất tri bất kiến bất giác。

Tất cả thế gian, hoặc có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời, hoặc ma, hoặc phạm đều không biết, không thấy, không giác;

惟有如來悉知見覺。及諸菩薩亦復如是。舍利弗。

duy hữu Như-Lai tất tri kiến giác。cập chư Bồ-tát diệc phục như thị。Xá lợi Phất。

chỉ có Như Lai là thấy, biết và giác tất cả. Và chư Bồ-tát cũng lại như vậy. Này Xá-lợi-phất!

若諸世間所知見覺。我與菩薩亦知見覺。

nhược chư thế gian sở tri kiến giác。ngã dữ Bồ-tát diệc tri kiến giác。

Nếu thế gian biết, thấy và giác, thì Ta cùng Bồ-tát cũng biết, thấy và giác。

世間眾生之所不知不見不覺。

thế gian chúng sanh chi sở bất tri bất kiến bất giác。

Nếu chúng sanh ở thế gian, không biết, không thấy và không giác,

亦不自知不知見覺。世間眾生所知見覺。

diệc bất tự tri bất tri kiến giác。thế gian chúng sanh sở tri kiến giác。

cũng không tự biết, không biết, không thấy và không giác. Chúng sanh ở thế gian thấy, biết và giác

便自說言我知見覺。舍利弗。如來一切悉知見覺。

tiện tự thuyết ngôn ngã tri kiến giác。Xá lợi Phất。Như-Lai nhất thiết tất tri kiến giác。

liền tự cho rằng tôi biết, tôi thấy và giác. Này Xá-lợi-phất! Như Lai biết, thấy và giác ngộ tất cả

亦不自言我知見覺。一切菩薩亦復如是。何以故。

diệc bất tự ngôn ngã tri kiến giác. nhất thiết Bồ-tát diệc phục như thị. hà dĩ cố.

cũng không tự nói rằng Ta biết, thấy và giác. Tất cả Bồ-tát cũng lại như vậy. Vì sao vậy?

若使如來作知見覺相。當知是則非佛世尊。

nhược sử Như-Lai tác tri kiến giác tướng. đương tri thị tắc phi Phật Thế tôn.

Giả sử Như Lai có tướng biết, thấy và giác, nên biết đây không phải Phật Thế Tôn,

名為凡夫。菩薩亦爾。

danh vi phàm phu. Bồ-tát diệc nhĩ.

mà gọi là phàm phu. Bồ-tát cũng như vậy.

迦葉菩薩言。如佛世尊為舍利弗說。

ca diệp Bồ-tát ngôn. như Phật Thế tôn vị Xá lợi Phất thuyết.

Bồ-Tát Ca-diếp thưa: Như Phật Thế Tôn vì Xá-lợi-Phất mà nói:

世間知者我亦得知世間不知我亦悉知。其義云何。

thế gian tri giả ngã diệc đắc tri thế gian bất tri ngã diệc tất tri. kỳ nghĩa vân hà.

Thế gian biết, Ta cũng được biết. Thế gian không biết, Ta cũng đều biết tất cả. Nghĩa này thế nào?

善男子。一切世間不知不見不覺佛性。

thiện nam tử. nhất thiết thế gian bất tri bất kiến bất giác Phật tánh.

Này thiện nam tử! Tất cả thế gian không biết, không thấy, không giác Phật tánh.

若有知見覺佛性者。不名世間名為菩薩。

nhược hữu tri kiến giác Phật tánh giả. bất danh thế gian danh vi Bồ-tát.

Nếu người có thấy, biết và giác Phật tánh thì không gọi là thế gian, mà gọi là Bồ-tát.

世間之人亦復不知不見不覺十二部經十二因緣四倒四諦三十七品。

thế gian chi nhân diệc phục bất tri bất kiến bất giác thập nhị bộ Kinh thập nhị nhân duyên tứ đảo tứ đế tam thập thất phẩm.

Người ở thế gian cũng lại không biết, không thấy, không giác Mười Hai Bộ Kinh, Mười Hai Nhân Duyên, Bốn Đảo, Bốn Đế, Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo,

阿耨多羅三藐三菩提大般涅槃。若知見覺者不名世間當名菩薩。

a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề Đại bát Niết-bàn. nhược tri kiến giác giả bất danh thế gian đương danh Bồ-tát.

A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, Đại Bát Niết-bàn. Nếu người thấy, biết và giác thì không gọi là thế gian, mà nên gọi là Bồ-tát.

善男子。是名世間不知見覺。

thiện nam tử. thị danh thế gian bất tri kiến giác.

Này thiện nam tử! Đây gọi là thế gian không thấy, biết và giác.

云何世間所知見覺。

vân hà thế gian sở tri kiến giác.

Thế nào là thế gian biết, thấy và giác?

所謂梵天自在天八臂天性時微塵法及非法。是造化主世界終始斷常二見。

sở vị Phạm Thiên Tự Tại Thiên bát tý Thiên tánh thời vi trần Pháp cập phi Pháp. thị tạo hóa chủ thế giới chung thủy đoạn thường nhị kiến.

Đó là Phạm Thiên, Tự Tại Thiên, Bát Tý Thiên, tánh, thời, Pháp cùng phi Pháp, là chủ tạo hóa thế giới đầu và cuối, hai kiến thường và đoạn;

說言初禪至非非想名為涅槃。善男子。

thuyết ngôn sơ Thiền chí phi phi tưởng danh vi Niết-Bàn. thiện nam tử.

Nói rằng: Từ Sơ thiền đến Phi phi tưởng gọi là Niết-bàn. Này thiện nam tử!

是名世間所知見覺。菩薩摩訶薩於如是事亦知見覺。

thị danh thế gian sở tri kiến giác. Bồ-tát Ma-Ha tát ư như thị sự diệc tri kiến giác.

Đây gọi là thế gian biết, thấy và giác. Những việc như vậy Đại Bồ-tát cũng biết, thấy và giác.

菩薩如是知見覺已。

Bồ-tát như thị tri kiến giác dĩ.

Bồ-tát biết, thấy và giác như vậy xong,

若言不知不見不覺是為虛妄。虛妄之法則為是罪。

nhược ngôn bất tri bất kiến bất giác thị vi hư vọng. hư vọng chi Pháp tắc vi thị tội.

hoặc nói không biết, không thấy, không giác. Đây là hư dối. Pháp hư dối thời là tội.

以是罪故墮於地獄。善男子。若男若女若沙門若婆羅門。

dĩ thị tội cố đọa ư Địa-ngục. thiện nam tử. nhược nam nhược nữ nhược Sa Môn nhược Bà-la-môn.

Do tội này nên đọa ở địa ngục. Này thiện nam tử! Hoặc nam, hoặc nữ, hoặc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn,

說言無道菩提涅槃。

thuyết ngôn vô đạo bồ đề Niết-Bàn。

nói rằng không có đạo, Bồ-đề và Niết-bàn,

當知是輩名一闍提魔之眷屬名為謗法。如是謗法名謗諸佛。

đương tri thị bối danh nhất xiển đề ma chi quyến thuộc danh vi báng Pháp。 như thị báng Pháp danh báng chư Phật。

nên biết hạng này gọi là nhất-xiển-đề, là quyến thuộc của ma, gọi là phỉ báng Pháp. Phỉ báng Pháp như thế, gọi là phỉ báng chư Phật.

如是之人不名世間不名非世間。

như thị chi nhân bất danh thế gian bất danh phi thế gian。

Người như vậy không gọi là thế gian, không gọi là phi thế gian.

爾時迦葉聞是事已即以偈頌。而讚歎佛。

nhĩ thời ca diếp văn thị sự dĩ tức dĩ kệ tụng。 nhi tán thán Phật。

Lúc bấy giờ Ca-diếp nghe việc này xong, liền dùng kệ tụng, tán thán Phật rằng:

大慈愍眾生

故令我歸依

Đại từ mẫn chúng sanh

cố令我 ngã quy y

Đại từ thương chúng sanh,

Nên khiến con quy y.

善拔眾毒箭

故稱大醫王

thiện bạt chúng độc tiễn

cố xưng Đại y Vương

Khéo nhổ các tên độc,

Nên xưng Đại y vương.

世醫所療治

雖差還復生

thế y sở liệu trị

tuy sai hoàn phục sanh

Thầy thế gian trị bệnh,

Tuy lành, sanh trở lại.

如來所治者

畢竟不復發

Như-Lai sở trị giả

tất cánh bất phục phát

Như Lai chỗ trị bệnh,

Rốt ráo không phát lại.

世尊甘露藥

以施諸眾生

Thế Tôn cam lộ dược

dĩ thí chư chúng sanh

Thuốc Cam lộ Thế Tôn,

Cho khắp các chúng sanh.

眾生既服已

不死亦不生

chúng sanh ký phục dĩ

bất tử diệt bất sanh

Chúng sanh đã uống rồi, Không chết cũng không sanh.

如來今為我 演說大涅槃

Như-Lai kim vị ngã diễn thuyết Đại Niết-Bàn

Như Lai nay vì con, Diễn nói Đại Niết-bàn.

眾生聞祕藏 即得不生滅

chúng sanh văn bí tạng tức đắc bất sanh diệt

Chúng sanh nghe Bí tạng Liền được không sanh diệt.

迦葉菩薩說是偈已即白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát thuyết thị kệ dĩ tức bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

Bồ-tát Ca-diếp nói kệ này xong, liền bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! 如佛所說一切世間不知見覺。菩薩悉能知見覺者。

như Phật sở thuyết nhất thiết thế gian bất tri kiến giác。 Bồ-tát tất năng tri kiến giác giả。

Như lời Phật nói, tất cả thế gian không biết, không thấy, không giác. Bồ-tát đều có thể biết, thấy và giác tất cả.

若使菩薩是世間者不得說言世間不知不見不覺。

nhược sử Bồ-tát thị thế gian giả bất đắc thuyết ngôn thế gian bất tri kiến bất giác。

Giả sử Bồ-tát là người thế gian, thì không được nói rằng: Thế gian không biết, không thấy, không giác;

而是菩薩能知見覺若非世間有何異相。佛言。善男子。

nhi thị Bồ-tát năng tri kiến giác nhược phi thế gian hữu hà dị tướng。 Phật ngôn。 thiện nam tử。

nhưng là Bồ-tát hay biết, thấy và giác, không phải thế gian, thì có tướng nào khác? Phật dạy: Nay thiện nam tử!

言菩薩者亦是世間亦非世間。不知見覺者名為世間。

ngôn Bồ-tát giả diệc thị thế gian diệc phi thế gian。 bất tri kiến giác giả danh vi thế gian。

Nói Bồ-tát ấy, cũng là thế gian, cũng không phải là thế gian. Người không biết, không thấy và không giác gọi là thế gian.

知見覺者不名世間。汝言有何異者我今當說。善男子。

tri kiến giác giả bất danh thế gian。 nhữ ngôn hữu hà dị giả ngã kim đương thuyết。 thiện nam tử。

Người biết, thấy và giác ấy không gọi là thế gian. Ông nói có ai khác, nay Ta sẽ nói. Nay thiện nam tử!

若男若女若有初聞是涅槃經。

nhược nam nhược nữ nhược hữu sơ văn thị Niết-bàn Kinh。

Hoặc nam, hoặc nữ, như ban đầu mới nghe kinh Niết-bàn này,

即生敬信發阿耨多羅三藐三菩提心。是則名為世間。

tức sanh kính tín phát a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề tâm. thị tắc danh vi thế gian。

liền sanh kính tín, phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, đây gọi là thế gian。

菩薩一切世間不知見覺。

Bồ-tát nhất thiết thế gian bất tri kiến giác。

Bồ-tát đối với tất cả thế gian không biết, không thấy và không giác,

如是菩薩亦同世間不知見覺。菩薩聞是涅槃經已。

như thị Bồ-tát diệc đồng thế gian bất tri kiến giác。Bồ-tát văn thị Niết-bàn Kinh dĩ。

như thế Bồ-tát cũng đồng thế gian, không biết, thấy và giác。Bồ-tát nghe kinh Niết-bàn này xong,

知有世間不知見覺應是菩薩所知見覺。知是事已即自思惟。

tri hữu thế gian bất tri kiến giác ứng thị Bồ-tát sở tri kiến giác。tri thị sự dĩ tức tự tư duy。

biết thế gian có người không biết, thấy và giác, nên Bồ-tát biết, thấy và giác; biết việc này xong, liền tự suy nghĩ:

我當云何方便修習得知見覺。覆自念言。

ngã đương vân hà phương tiện tu tập đắc tri kiến giác。phúc tự niệm ngôn。

Ta nên tu tập phương tiện như thế nào để được biết, thấy và giác? Lại tự nghĩ rằng:

惟當深心修持淨戒。善男子。

duy đương thâm tâm tu trì tịnh giới。thiện nam tử。

Chỉ nên hết mình tu trì tịnh giới。Nay thiện nam tử!

菩薩爾時以是因緣於未來世在在生處戒常清淨。善男子。

Bồ-tát nhĩ thời dĩ thị nhân duyên ư vị lai thế tại tại sanh xứ giới thường thanh tịnh。thiện nam tử。

Lúc bấy Bồ-tát do nhân duyên này mà ở đời vị lai, sanh ở chỗ nào giới thể cũng thường thanh tịnh。Nay thiện nam tử!

菩薩摩訶薩以戒淨故。

Bồ-tát Ma-Ha tát dĩ giới tịnh cố.

Đại Bồ-tát do giới thể thanh tịnh,

在在生處常無憍慢邪見疑網。終不說言如來畢竟入於涅槃。

tại tại sanh xứ thường vô kiêu mạn tà kiến nghi võng. chung bất thuyết ngôn Như-Lai tất cánh nhập ư Niết-Bàn。

nên sanh ở chỗ nào cũng thường không kiêu mạn, tà kiến, nghi ngờ, trọn không nói lời: Như Lai rất ráo nhập Niết-bàn!

是名菩薩修持淨戒。戒既清淨次修禪定。

thị danh Bồ-tát tu trì tịnh giới. giới ký thanh tịnh thứ tu Thiền định。

Đây gọi là Bồ-tát tu trì tịnh giới. Giới đã thanh tịnh, thứ đến tu tập thiền định,

以修定故在在生處正念不忘。

dĩ tu định cố tại tại sanh xứ chánh niệm bất vong。

do tu tập thiền định nên sanh ở chỗ nào cũng thường chánh niệm không quên:

所謂一切眾生悉有佛性。十二部經諸佛世尊常樂我淨。

sở vị nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. thập nhị bộ Kinh chư Phật Thế tôn thường lạc ngã tịnh。

Rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Mười Hai Bộ Kinh, chư Phật Thế Tôn, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

一切菩薩安住方等大涅槃經悉見佛性。

nhất thiết Bồ-tát an trú phương đẳng Đại Niết-bàn Kinh tất kiến Phật tánh。

Tất cả chư Bồ-tát an trú ở kinh Phương Đẳng Đại Niết-bàn đều thấy Phật tánh;

如是等事憶而不忘。因修定故得十一空。

như thị đẳng sự ức nhi bất vong. nhân tu định cố đắc thập nhất không。

những việc như vậy nhớ hết không quên. Do tu định nên được Mười Một Không.

是名菩薩修清淨定。戒定已備次修淨慧。

thị danh Bồ-tát tu thanh tịnh định. giới định dĩ bị thứ tu tịnh tuệ。

Đây gọi là Bồ-tát tu tập định thanh tịnh. Đã đủ giới và định, thứ đến tu tịnh tuệ;

以修慧故初不計著身中有我我中有身。

dĩ tu huệ cố sơ bất kế trước thân trung hữu ngã ngã trung hữu thân。

do tu tập tuệ nên không chấp trước trong thân có ngã, trong ngã có thân,

是身是我非身非我。是名菩薩修習淨慧。

thị thân thị ngã phi thân phi ngã. thị danh Bồ-tát tu tập tịnh tuệ.
 thị thân thị ngã-Ta phi thân phi ngã-Ta. thị tên Bồ-tát tu tập tịnh tuệ.
 thân này là ngã, không phải thân, không phải ngã. Đây gọi là Bồ-tát tu tập tịnh tuệ;
 以修慧故所受持戒牢固不動。善男子。
 dĩ tu tuệ cố sở thọ trì giới lao cố bất động. thiện nam tử.
 do tu tập tuệ nên thọ trì giới kiên cố không lay động. Đây thiện nam tử!
 譬如須彌不為四風之所傾動。菩薩摩訶薩亦復如是。
 thí như Tu-Di bất vi tứ phong chi sở khuynh động. Bồ-tát Ma-Ha tát diệc phục như hư
 thị.
 Thí như núi Tu-di không bị bốn ngọn gió làm lay động. Đại Bồ-tát cũng lại như vậy,
 不為四倒之所傾動。善男子。
 bất vi tứ đảo chi sở khuynh động. thiện nam tử.
 không bị bốn đảo làm khuynh động. Đây thiện nam tử!
 菩薩爾時自知見覺所受持戒無有傾動。是名菩薩所知見覺非世間也。
 Bồ-tát nhĩ thời tự tri kiến giác sở thọ trì giới vô hữu khuynh động. thị danh Bồ-tát sở tri
 kiến giác phi thế gian dã.
 Bồ-tát lúc bấy giờ tự biết, thấy và giác nên thọ trì giới không có khuynh động. Đây gọi là
 Bồ-tát biết, thấy và giác, không phải thế gian vậy.
 善男子。菩薩見所持戒牢固不動心無悔恨。
 thiện nam tử. Bồ-tát kiến sở trì giới lao cố bất động tâm vô hối hận.
 Đây thiện nam tử! Bồ-tát thấy chỗ trì giới của mình bền chắc không lay động nên tâm
 không hối hận;
 無悔恨故心得歡喜。得歡喜故心得悅樂。
 vô hối hận cố tâm đắc hoan hỷ. đắc hoan hỷ cố tâm đắc duyệt lạc.
 do không có hối hận nên tâm được hoan hỷ; do được hoan hỷ nên tâm vui thích;
 得悅樂故心則安隱。心安隱故得無動定。
 đắc duyệt lạc cố tâm tắc an ổn. tâm an ổn cố đắc vô động định.
 do được vui thích nên tâm an ổn; do tâm an ổn nên được định vô động;
 得無動定故得實知見。實知見故厭離生死。
 đắc vô động định cố đắc thật tri kiến. thật tri kiến cố yếm ly sanh tử.
 do được định vô động nên được thật tri kiến; do được thật tri kiến nên nhàm chán sanh tử;

厭離生死故便得解脫。得解脫故明見佛性

Yếm li sanh tử cố tiện đắc giải thoát. Đắc giải thoát cố minh kiến Phật tánh
do nhàm chán sanh tử nên được giải thoát; do được giải thoát nên thấy rõ Phật tánh.
是名菩薩所知見覺非世間也。善男子。

thị danh Bồ-tát sở tri kiến giác phi thế gian dã. thiện nam tử.

Đây gọi là Bồ-tát biết, thấy và giác, không phải thế gian vậy. Này thiện nam tử!
是名世間不知見覺。

thị danh thế gian bất tri kiến giác。

Đây gọi là thế gian không biết, thấy và giác,
而是菩薩所知見覺迦葉復言。云何菩薩修持淨戒心無悔恨。

nhi thị Bồ-tát sở tri kiến giác ca diếp phục ngôn. vân hà Bồ-tát tu trì tịnh giới tâm vô hối
hận。

mà là Bồ-tát biết, thấy và giác. Ca-diếp lại thưa: Thế nào là Bồ-tát tu trì tịnh giới tâm
không hối hận,

乃至明了見於佛性。佛言。善男子。

nãi chí minh liễu kiến ư Phật tánh. Phật ngôn. thiện nam tử.

cho đến thấy rõ Phật tánh? Phật dạy: Này thiện nam tử!

世間戒者不名清淨。何以故。

thế gian giới giả bất danh thanh tịnh. hà dĩ cố。

Giới của thế gian không gọi là thanh tịnh. Vì sao vậy?

世間戒者為於有故性不定故非畢竟故。不能廣為一切眾生。

thế gian giới giả vi ư hữu cố tánh bất định cố phi tất cánh cố. bất năng quảng vị nhất thiết
chúng sanh。

Vì giới của thế gian có tánh bất định nên không phải rốt ráo, nên không thể rộng vì tất cả
chúng sanh;

以是義故名為不淨。以不淨故有悔恨心。

dĩ thị nghĩa cố danh vi bất tịnh. dĩ bất tịnh cố hữu hối hận tâm。

do nghĩa này nên gọi là bất tịnh; do bất tịnh nên tâm có hối hận;

以悔恨故心無歡喜。無歡喜故則無悅樂。

dĩ hối hận cố tâm vô hoan hỷ. vô hoan hỷ cố tắc vô duyệt lạc。

do hối hận nên tâm không hoan hỷ; do không hoan hỷ nên không vui thích;

無悅樂故則無安隱。無安隱故無不動定。

vô duyệt lạc cố tắc vô an ổn. vô an ổn cố vô bất động định.

do không vui thích nên không an ổn; do không an ổn nên không có định bất động;

無不動定故無實知見。無實知見故則無厭離。

vô bất động định cố vô thật tri kiến. vô thật tri kiến cố tắc vô yếm ly.

do không có định bất động nên không có thật tri kiến; do không có thật tri kiến nên không nhàm chán;

無厭離故則無解脫。無解脫故不見佛性。

vô yếm ly cố tắc vô giải thoát. vô giải thoát cố bất kiến Phật tánh.

do không nhàm chán nên không giải thoát; do không giải thoát nên không thấy Phật tánh; không thấy Phật tánh do đó không thể chứng được Đại Niết-bàn. là danh thế gian giới bất thanh tịnh.

bất kiến Phật tánh cố chung bất năng đắc Đại bát Niết-bàn. thị danh thế gian giới bất thanh tịnh.

do không thấy Phật tánh nên trọn không được Đại Bát Niết-bàn. Đây gọi là thế gian giới không thanh tịnh.

善男子。菩薩摩訶薩清淨戒者。

thiện nam tử. Bồ-tát Ma-Ha tát thanh tịnh giới giả.

Này thiện nam tử! Đại Bồ-tát thanh tịnh giới.

戒非戒故非為有故定畢竟故為眾生故。

giới phi giới cố phi vi hữu cố định tất cánh cố vị chúng sanh cố.

giới không phải giới nên không có cố định, rốt ráo nên vì chúng sanh mà có.

是名菩薩戒清淨也。善男子。

thị danh Bồ-tát giới thanh tịnh dã. thiện nam tử.

Đây gọi là Bồ-tát giới thanh tịnh vậy. Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩於淨戒中雖不欲生無悔恨心。無悔恨心自然而生。善男子。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư tịnh giới trung tuy bất dục sanh vô hối hận tâm. vô hối hận tâm tự nhiên nhi sanh. thiện nam tử.

Đại Bồ-tát ở trong tịnh giới, tuy không muốn sanh tâm không hối hận, nhưng tâm không hối hận tự nhiên mà sanh. Này thiện nam tử!

譬如有人執持明鏡。不期見面面像自現。

thí như hữu nhân chấp trì minh kính. bất kỳ kiến diện diện tượng tự hiện.

Thí như có người cầm gương sáng, tuy không mong thấy mặt, nhưng dáng mặt tự hiện ra,
亦如農夫種之良田不期生牙而牙自生。

diệt như nông phu chừa ruộng không kỳ sanh nha nhi nha tự sanh。

cũng như người nông phu gieo hạt, ruộng không mong sanh mầm mà mầm lúa tự sanh;
亦如然燈不期滅闇而闇自滅。善男子。

diệt như Nhiên-Đăng bất kỳ diệt ám nhi ám tự diệt。 thiện nam tử。

cũng như đèn sáng không mong diệt bóng tối, mà bóng tối tự diệt。 Nay thiện nam tử!

菩薩摩訶薩堅持淨戒無悔恨心自然而生亦復如是

Bồ-tát Ma-Ha tát kiên trì tịnh giới vô hối hận tâm tự nhiên nhi sanh diệt phục như thị

Đại Bồ-tát kiên trì giữ giới thanh tịnh, tâm không có hối hận tự nhiên mà sanh cũng lại như
vậy;

以淨戒故心得歡喜。善男子。

thị。 dĩ tịnh giới cố tâm đắc hoan hỷ。 thiện nam tử。

do tịnh giới nên tâm được hoan hỷ。 Nay thiện nam tử!

如端正人自見面貌心生歡喜。持淨戒者亦復如是。

như đoan chánh nhân tự kiến diện mạo tâm sanh hoan hỷ。 trì tịnh giới giả diệt phục như
thị。

Như người xinh đẹp, tự thấy diện mạo tâm sanh hoan hỷ; người trì giới thanh tịnh cũng lại
như vậy。

善男子。破戒之人見戒不淨心不歡喜。

thiện nam tử。 phá giới chi nhân kiến giới bất tịnh tâm bất hoan hỷ。

Nay thiện nam tử! Người phá giới, thấy giới không tịnh nên tâm không hoan hỷ。

如形殘者自見面貌不生喜悅。破戒之人亦復如是。

như hình tàn giả tự kiến diện mạo bất sanh hỷ duyệt。 phá giới chi nhân diệt phục như
thị。

Như người hình thể tàn tật, thấy dáng mặt mình nên sanh tâm không vui vẻ, người phá
giới cũng lại như vậy。

善男子。譬如牧牛有二女人。

thiện nam tử。 thí như mục ngưu hữu nhị nữ nhân。

Nay thiện nam tử! Thí như có hai người nữ chăn trâu,

一持酪瓶一持漿瓶。俱共至城而欲賣之。

nhất trì lạc bình nhất trì tương bình câu cộng chí thành nhi dục mại chi。
một người cầm bình sữa, một người cầm bình nước. Cả hai cùng đến thành muốn bán。
於路腳跌二瓶俱破。一則歡喜一則愁惱。持戒破戒亦復如是。
ư lộ cước điệt nhị bình câu phá。 nhất tắc hoan hỷ nhất tắc sầu não。 trì giới phá giới điệt
phục như thị。

Giữa đường vấp ngã cả hai bình đều vỡ. Một người thì hoan hỷ, một người thì sầu não。
Người trì giới và phá giới cũng lại như thế vậy。

持淨戒者心則歡喜。心歡喜故則便思惟。

trì tịnh giới giả tâm tắc hoan hỷ。 tâm hoan hỷ cố tắc tiện tư duy。

Người trì giới tâm hoan hỷ, vì tâm hoan hỷ tức liền suy nghĩ rằng:

諸佛如來於涅槃中說有能持清淨戒者則得涅槃

chư Phật như lai ư Niết-Bàn trung thuyết hữu năng trì thanh tịnh giới giả tắc đắc Niết-bàn

Trong kinh Niết-bàn, chư Phật Như Lai nói, người hay trì giới thanh tịnh, thì được Niết-bàn。

我今修習如是淨戒亦應得之。

bàn。 ngã kim tu tập như thị tịnh giới điệt ứng đắc chi。

Ta nay tu tập tịnh giới như vậy, cũng phải được Niết-bàn。

以是因緣心則悅樂。迦葉復言。喜之與樂有何差別。

dĩ thị nhân duyên tâm tắc duyệt lạc。 ca điệp phục ngôn。 hỷ chi dĩ lạc hữu hà sai biệt。

Do nhân duyên này nên tâm an vui. Ca-diếp lại thưa: Hỷ và lạc có gì sai khác?

善男子。菩薩摩訶薩不作惡時名為歡喜。

thiện nam tử。 Bồ-tát Ma-Ha tát bất tác ác thời danh vi hoan hỷ

Này thiện nam tử! Đại Bồ-tát khi không tạo ác, gọi là hoan hỷ。

心淨持戒名之為樂。善男子。

tâm tịnh trì giới danh chi vi lạc。 thiện nam tử。

Tâm thanh tịnh trì giới gọi là lạc. Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩觀於生死則名為喜。見大涅槃名之為樂。

Bồ-tát Ma-Ha tát quán ư sanh tử tắc danh vi hỷ。 kiến Đại Niết-Bàn danh chi vi lạc。

Đại Bồ-tát quán sanh tử gọi là hỷ; thấy Đại Niết-bàn gọi là lạc。

下名為喜上名為樂。離世共法名之為喜。

hạ danh vi hỷ thượng danh vi lạc。 ly thế cộng Pháp danh chi vi hỷ。

Hạ gọi là hỷ, Thượng gọi là lạc; xa lìa pháp Thế cộng gọi là hỷ,

得不共法名之為樂。以戒淨故身體輕柔口無麤過。

đắc bất-cộng Pháp danh chi vi lạc. dĩ giới tịnh cố thân thể khinh nhu khẩu vô thô quá. được pháp Bất cộng gọi là lạc. Do giới thanh tịnh nên thân thể nhẹ nhàng mềm mại, miệng không bị lỗi thô bạo.

菩薩爾時若見若聞若。

Bồ-tát nhĩ thời nhược kiến nhược văn nhược。

Lúc bấy Bồ-tát hoặc thấy, hoặc nghe,

輕若嘗若觸若知悉無諸惡。以無惡故心得安隱。

khinh nhược thường nhược xúc nhược tri tất vô chư ác. dĩ vô ác cố tâm đắc an ổn.

hoặc khinh, hoặc khen, hoặc xúc, hoặc biết, thầy đều không có các ác; do không có ác nên tâm được an ổn;

以安隱故則得靜定。得靜定故得實知見。實知見故厭離生死。

dĩ an ổn cố tắc đắc tĩnh định. đắc tĩnh định cố đắc thật tri kiến. thật tri kiến cố yếm ly sanh tử.

do an ổn nên được định tĩnh; do được định tĩnh nên thật tri kiến; do thật tri kiến nên nhàm chán sanh tử;

厭生死故則得解脫。得解脫故得見佛性。

yếm sanh tử cố tắc đắc giải thoát. đắc giải thoát cố đắc kiến Phật tánh.

do nhàm chán sanh tử nên được giải thoát; do được giải thoát nên được thấy Phật tánh; kiến Phật tánh cố đắc Đại Niết-Bàn.

do thấy Phật tánh nên được Đại Niết-bàn.

是名菩薩清淨持戒非世間戒。何以故。善男子。

thị danh Bồ-tát thanh tịnh trì giới phi thế gian giới. hà dĩ cố. thiện nam tử.

Đây gọi là Bồ-tát trì giới thanh tịnh, không phải giới thế gian. Vì sao vậy? Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩所受淨戒五法佐助。云何為五。

Bồ-tát Ma-Ha tát sở thọ tịnh giới ngũ Pháp tá trợ. vân hà vi ngũ.

Đại Bồ-tát thọ tịnh giới thanh tịnh được năm pháp hỗ trợ. Thế nào là năm?

一信二慚三愧四善知識五宗敬戒。離五蓋故所見清淨。

一信二慚三愧四善知識五宗敬戒。離五蓋故所見清淨。

nhất tín nhị tầm tam quý tứ thiện tri thức ngũ tông kính giới. ly ngũ cái cố sở kiến thanh tịnh.

Một là tín, hai là tầm, ba là quý, bốn là thiện tri thức, năm là tôn kính giới. Do lia năm Cái nên chỗ thấy thanh tịnh;

離五見故心無疑網。離五疑故。一者疑佛。二者疑法。

ly ngũ kiến cố tâm vô nghi võng. ly ngũ nghi cố. nhất giả nghi Phật. nhị giả nghi Pháp.

do xa lia năm kiến nên tâm không nghi ngờ; do xa lia năm sự nghi: Một là nghi Phật, hai là nghi Pháp,

三者疑僧。四者疑戒。五者疑不放逸。

tam giả nghi tăng. tứ giả nghi giới. ngũ giả nghi bất phóng dật.

ba là nghi Tăng, bốn là nghi giới, năm là nghi không phóng dật.

菩薩爾時即得五根。所謂信念精進定慧。

Bồ-tát nhĩ thời tức đắc ngũ căn. sở vị tín niệm tinh tấn định tuệ.

Bồ-tát lúc bấy giờ liền được năm căn; đó là tín, niệm, tinh tấn, định và tuệ.

得五根故得五種涅槃。謂色解脫乃至識解脫。

đắc ngũ căn cố đắc ngũ chủng Niết-Bàn. vị sắc giải thoát nãi chí thức giải thoát.

Do được năm căn nên được năm thứ Niết-bàn; đó là sắc giải thoát, cho đến thức giải thoát.

是名菩薩清淨持戒非世間也。善男子。

thị danh Bồ-tát thanh tịnh trì giới phi thế gian dã. thiện nam tử.

Đây gọi là Bồ-tát trì giới thanh tịnh, không phải là thế gian vậy. Này thiện nam tử!

是名世間之所不知不見不覺。而是菩薩所知見覺。

thị danh thế gian chi sở bất tri bất kiến bất giác. nhi thị Bồ-tát sở tri kiến giác.

Đây gọi là chỗ thế gian không biết, không thấy và không giác nhưng đây là chỗ biết, thấy và giác của Bồ-tát.

善男子。

thiện nam tử.

Này thiện nam tử!

若我弟子受持讀誦書寫演說大涅槃經有破戒者。

nhược ngã đệ-tử thọ trì độc tụng thư tả diễn thuyết Đại Niết-bàn Kinh hữu phá giới giả.

Như hàng đệ tử của Ta, thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói Kinh Đại Niết-bàn này mà có người phá giới

有人呵責輕賤毀辱而作是言。若佛祕藏大涅槃經有威力者。

hữu nhân ha trách khinh tiện hủy nhục nhi tác thị ngôn. nhược Phật bí tạng Đại Niết-bàn Kinh hữu uy lực giả。

thì có người sẽ quở trách, khinh tiện, hủy nhục rằng: Nếu Bí tạng kinh Đại Niết-bàn của Phật có oai lực,

云何令汝毀所受戒。若人受持是涅槃經毀禁戒者。

vân hà linh nhữ hủy sở thọ giới. nhược nhân thọ trì thị Niết-bàn Kinh hủy cấm giới giả。

sao khiến ông hủy phạm giới đã thọ? Nếu người thọ trì kinh Niết-bàn này mà phá cấm giới,

當知是經為無威力。

đương tri thị Kinh vi vô uy lực。

nên biết kinh này không có oai lực.

若無威力雖復讀誦為無利益。緣是輕毀涅槃經故。

nhược vô uy lực tuy phục đọc tụng vi vô lợi ích. duyên thị khinh hủy Niết-bàn Kinh cố。

Nếu không có oai lực, tuy lại đọc tụng cũng không có lợi ích, do khinh hủy kinh Niết-bàn này,

復令無量無邊眾生墮於地獄。

phục linh vô lượng vô biên chúng sanh đọa ư Địa-ngục。

lại khiến cho vô lượng vô biên chúng sanh đọa ở địa ngục.

受持是經而毀戒者則是眾生惡知識也。非我弟子是魔眷屬。

thọ trì thị Kinh nhi hủy giới giả tắc thị chúng sanh ác tri thức dã. phi ngã đệ-tử thị ma quyến thuộc。

Người thọ trì kinh này mà hủy giới thì đây là ác tri thức của chúng sanh, không phải đệ tử của Ta mà là quyến thuộc của ma.

如是之人我亦不聽受持是典。

như thị chi nhân ngã diệc bất thính thọ trì thị điển。

Người như vậy, Ta cũng không chấp thuận cho thọ trì Kinh này;

寧使不受不持不修不以毀戒受持修習。善男子。

ninh sử bất thọ bất trì bất tu bất dĩ hủy giới thọ trì tu tập. thiện nam tử。

thà để họ không thọ, không trì, không tu thì họ không đem huỷ giới để thọ trì tu tập. Nay thiện nam tử!

若我弟子受持讀誦書寫演說涅槃經者。

nhược ngã đệ-tử thọ trì đọc tụng thư tả diễn thuyết Niết-bàn Kinh giả.

Nếu đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói kinh Niết-bàn này,

當正身心慎莫調戲輕躁舉動。身為調戲心為輕動。

đương chánh thân tâm thận mạt điều hí khinh táo cử động. thân vi điều hí tâm vi khinh động

thì phải thân tâm ngay thẳng, cẩn thận chớ có đùa bỡn, khinh suất, tháo động. Thân thì đùa bỡn, tâm thì khinh động.

求有之心名為輕動。身造諸業名為調戲。

cầu hữu chi tâm danh vi khinh động. thân tạo chư nghiệp danh vi điều hí.

Tâm mong cầu có, gọi là khinh động. Thân tạo các nghiệp, gọi là điều hí.

若我弟子求有造業。不應受持是大乘典大涅槃經。

nhược ngã đệ-tử cầu hữu tạo nghiệp. bất ứng thọ trì thị Đại thừa điển Đại Niết-bàn Kinh.

Nếu đệ tử của Ta, mong cầu có và tạo nghiệp thì không nên thọ trì kinh Đại thừa Đại Niết-bàn này.

若有如是受持經者。人當輕呵而作是言。

nhược hữu như thị thọ trì Kinh giả. nhân đương khinh ha nhi tác thị ngôn.

Nếu có người như vậy mà thọ trì kinh này, người ta sẽ khinh chê rằng:

若佛祕藏大涅槃經有威力者。云何令汝求有造業。

nhược Phật bí tạng Đại Niết-bàn Kinh hữu uy lực giả. vân hà linh nhữ cầu hữu tạo nghiệp.

Nếu Bí tạng kinh Đại Niết-bàn của Phật có oai lực, sao khiến ông cầu có và tạo nghiệp?

若持經者求有造業。當知是經為無威力。

nhược trì Kinh giả cầu hữu tạo nghiệp. đương tri thị Kinh vi vô uy lực.

Nếu người trì kinh này mà cầu có và tạo nghiệp, nên biết kinh này không có oai lực.

若無威力雖復受持為無利益。

nhược vô uy lực tuy phục thọ trì vi vô lợi ích.

Nếu không có oai lực mà lại thọ trì thì cũng không có lợi ích.

緣是輕毀涅槃經故。復令無量無邊眾生墮於地獄。

duyên thị khinh hủy Niết-bàn Kinh cố. phục linh vô lượng vô biên chúng sanh đọa ư Địa-ngục.

Do khinh huỷ kinh Niết-bàn này vậy, lại khiến vô lượng vô biên chúng sanh đọa ở địa ngục.

受持是經求有造業則是眾生惡知識也。

thọ trì thị Kinh cầu hữu tạo nghiệp tắc thị chúng sanh ác tri thức dã.

Thọ trì kinh này mà mong cầu có và tạo nghiệp tức là ác tri thức của chúng sanh.

非我弟子是魔眷屬。復次善男子。

phi ngã đệ-tử thị ma quyến thuộc. phục thứ thiện nam tử.

Không phải đệ tử của Ta mà là quyến thuộc của ma. Lại nữa, thiện nam tử!

若我弟子受持讀誦書寫演說是涅槃經。莫非時說莫非國說。

nhược ngã đệ-tử thọ trì đọc tụng thư tả diễn thuyết thị Niết-bàn Kinh. mạc phi thời thuyết mạc phi quốc thuyết.

Nếu đệ tử của Ta thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn nói kinh Niết-bàn này thì phi thời không nói, phi quốc không nói,

莫不請說莫輕心說。

mạc bất thỉnh thuyết mạc khinh tâm thuyết.

không thỉnh không nói, tâm khinh lờn không nói,

莫處處說莫自歎說莫輕他說。莫滅佛法說莫熾然世法說。善男子。

mạc xứ xứ thuyết mạc tự thán thuyết mạc khinh tha thuyết. mạc diệt Phật Pháp thuyết mạc sí nhiên thế Pháp thuyết. thiện nam tử.

không đúng chỗ không nói, tự khen không nói, khinh người khác không nói, diệt Phật pháp không nói, đề cao thế pháp không nói. Nay thiện nam tử!

若我弟子受持是經非時而說。

nhược ngã đệ-tử thọ trì thị Kinh phi thời nhi thuyết.

Nếu là đệ tử của Ta thọ trì kinh này phi thời mà nói,

乃至熾然世法說者。人當輕呵而作是言。

nãi chí sí nhiên thế Pháp thuyết giả. nhân đương khinh ha nhi tác thị ngôn.

cho đến đề cao thế pháp mà nói, người ta sẽ khinh trách rằng:

若佛祕藏大涅槃經有威力者。

nhược Phật bí tạng Đại Niết-bàn Kinh hữu uy lực giả。

Nếu Bí tạng kinh Đại Niết-bàn của Phật có oai lực,
云何令汝非時而說乃至熾然世法而說。若持經者作如是說。

vân hà linh nhữ phi thời nhi thuyết nãi chí sí nhiên thế Pháp nhi thuyết。nhược trì Kinh giả
tác như thị thuyết。

sao khiến ông phi thời mà nói, cho đến đề cao thế pháp mà nói? Nếu người trì kinh này
mà nói như vậy,

當知是經為無威力。若無威力雖復受持為無利益。

đương tri thị Kinh vi vô uy lực。nhược vô uy lực tuy phục thọ trì vi vô lợi ích。

nên biết kinh này là không có oai lực; nếu không có oai lực mà lại thọ trì cũng không có lợi
ích。

緣是輕毀涅槃經故令無量眾生墮於地獄。

duyên thị khinh hủy Niết-bàn Kinh cố linh vô lượng chúng sanh đọa ư Địa-ngục。

Do khinh hủy kinh Niết-bàn này nên khiến vô lượng chúng sanh đọa ở địa ngục。

受持是經非時而說乃至熾然世法而說。

thọ trì thị Kinh phi thời nhi thuyết nãi chí sí nhiên thế Pháp nhi thuyết。

Thọ trì kinh này phi thời mà nói cho đến đề cao thế pháp mà nói,

則是眾生惡知識也。非我弟子是魔眷屬。善男子。

tắc thị chúng sanh ác tri thức dã。phi ngã đệ-tử thị ma quyến thuộc chúc。thiện nam tử。

tức là ác tri thức của chúng sanh, không phải là đệ tử của Ta mà là quyến thuộc của ma。

Này thiện nam tử!

若欲受持者。說大涅槃者。說佛性者。

nhược dục thọ trì giả。thuyết Đại Niết-Bàn giả。thuyết Phật tánh giả。

Nếu người muốn thọ trì, muốn nói kinh Đại Niết-bàn, nói Phật tánh,

說如來祕藏者。說大乘者。說方等經者。說聲聞乘者。

thuyết Như-Lai bí tạng giả。thuyết Đại thừa giả。thuyết phương đẳng Kinh giả。thuyết
thanh văn thừa giả。

nói Bí tạng của Như Lai, nói Đại thừa, nói kinh Phương Đẳng, nói Thanh văn thừa,

說辟支佛乘者。說解脫者。見佛性者。

thuyết Bích chi Phật thừa giả。thuyết giải thoát giả。kiến Phật tánh giả。

Bích-chi-phật thừa, nói giải thoát, thấy Phật tánh,
先當清淨其身。以身淨故則無呵責。

tiên đương thanh tịnh kỳ thân. dĩ thân tịnh cố tắc vô ha trách.
người đó trước nhất thân phải thanh tịnh. Do thân thanh tịnh, nên không bị chê trách,
無呵責故令無量人於大涅槃生清淨信。

vô ha trách cố lệnh vô lượng nhân ư Đại Niết-Bàn sanh thanh tịnh tín.
do không bị chê trách nên khiến vô lượng người sanh tịnh tín đối với kinh Đại Niết-bàn.
信心生故恭敬是經。若聞一偈一句一字及說法者。

tín tâm sanh cố cung kính thị Kinh. nhược văn nhất kệ nhất cú nhất tự cập thuyết Pháp
giả。

Do tâm sanh tịnh tín nên cung kính kinh này; hoặc nghe một bài kệ, một câu, một chữ
cùng nói pháp

則得發於阿耨多羅三藐三菩提心。

tắc đắc phát ư a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề tâm。

thì chứng được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

當知是人則是眾生真善知識非惡知識。

đương tri thị nhân tắc thị chúng sanh chân thiện tri thức phi ác tri thức。

Nên biết người này là chân thiện tri thức của chúng sanh, không phải ác tri thức,
是我弟子非魔眷屬。是名菩薩非世間也。善男子。

thị ngã đệ-tử phi ma quyến thuộc。 thị danh Bồ-tát phi thế gian dã。 thiện nam tử。

là đệ tử của Ta, không phải quyến thuộc của Ma. Đây gọi là Bồ-tát, không phải thế gian
vậy. Đây thiện nam tử!

是名世間之所不知不見不覺。而是菩薩所知見覺。

thị danh thế gian chi sở bất tri bất kiến bất giác。 nhi thị Bồ-tát sở tri kiến giác。

Đây gọi là chỗ thế gian không biết, không thấy, không giác mà là chỗ biết, thấy và giác
của Bồ-tát.

大般涅槃經卷第十七

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập thất

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN - QUYỂN THỨ MƯỜI BẢY

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyên Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyên Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:09:06 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyên Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyên Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:09:06 2006

=====

【經文資訊】 大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》 CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tấn】 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》 CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》 CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

=====

Vol. 12, No. 374

Thích Nữ Diệu Thuần hiệu đính

大般涅槃經卷第十八

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ thập bát

Kinh Đại Niết Bàn

Quyển Thứ Mười Tám.

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Triều đại Bắc Lương, Tam tạng Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

梵行品第八之四

phạm hành phẩm đệ bát chi tứ

Phần thứ tư, phẩm thứ tám: Phạm Hạnh

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa Thiện nam tử,

云何復名一切世間所不知見覺。而是菩薩所知見覺。所謂六念處。

vân hà phục danh nhất thiết thế gian sở bất tri kiến giác。 nhi thị Bồ Tát sở tri kiến giác。 sở vị lục niệm xử。

Tại sao gọi là Nhất thiết thế gian bất tri kiến giác , Bồ-tát sở tri kiến giác? đó gọi là sáu chỗ niệm,

何等為六。念佛念法念僧念戒念施念天。善男子。

hà đẳng vi lục。 niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng niệm giới niệm thí niệm Thiên。 thiện nam tử。

Thế nào là sáu? Là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên.

Thiện nam tử!

云何念佛。

vân hà niệm Phật。

Thế nào là niệm Phật?

如來應正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

Như-Lai ứng Chánh-biến-Tri Minh Hạnh Túc thiện thế thế gian giải Vô Thượng Sĩ điều ngự
trượng phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế tôn。

Bậc Như Lai Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô
Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn,
常不變易具足十力四無所畏大師子吼。

thường bất biến dịch cụ túc thập lực tứ vô sở úy Đại Sư-tử hống。

thường không thay đổi, đầy đủ mười lực, bốn thứ không sợ hãi, có tiếng rống lớn như sư
tử,

名大沙門大婆羅門大淨畢竟到於彼岸。

danh Đại Sa Môn Đại Bà-la-môn Đại tịnh tất cánh đáo ư bỉ ngạn。

gọi là Đại Sa-môn, Đại Bà-la-môn, Đại-tịnh, rốt ráo đến bờ bên kia,

無能勝者無見頂者。無有怖畏不驚不動。

vô năng thắng giả vô kiến đỉnh giả。 vô hữu bố úy bất kinh bất động。

Là không ai hơn, không thể thấy đỉnh đầu, không có sợ hãi, không có kinh động,
獨一無侶無師自悟。

độc nhất vô lữ vô sư tự ngộ。

không có một người bạn, không thầy mà tự ngộ,

疾智大智利智深智解脫智不共智廣普智畢竟智智寶成就。人中象王人中牛王。

tật trí Đại trí lợi trí thâm trí giải thoát trí bất-cộng trí quảng phổ trí tất cánh trí trí bảo thành
tựu。 nhân trung Tượng Vương nhân trung ngưu Vương。

thành tựu tật trí, đại trí, lợi trí, thâm trí, giải thoát trí, bất cộng trí, quảng phổ trí, tất cánh trí,
thật trí。 Là bậc voi chúa trong cõi người, là bậc trâu chúa trong cõi người,

人中龍王人中丈夫。人中蓮花分陀利花。

nhân trung long Vương nhân trung trượng phu。 nhân trung liên hoa phân đà lợi hoa。

là long vương trong cõi người, là trượng phu trong cõi người, là hoa sen, hoa phân đà lợi
trong cõi người,

調御人師為大施主大法之師。

điều ngự nhân sư vi Đại thí chủ Đại Pháp chi sư。

là bậc thầy điều ngự, là đại thí chủ, là đại pháp sư,

以知法故名大法師。以知義故名大法師。

dĩ tri Pháp cố danh Đại Pháp sư。 dĩ tri nghĩa cố danh Đại Pháp sư。

do biết pháp nên gọi là đại pháp sư, do biết nghĩa nên gọi là đại pháp sư,
以知時故名大法師。以知足故名大法師。以知我故名大法師。

dĩ tri thời cố danh Đại Pháp sư。dĩ tri túc cố danh Đại Pháp sư。dĩ tri ngã cố danh Đại
Pháp sư。

do biết thời nên gọi là đại pháp sư, do biết đủ nên gọi là đại pháp sư, do biết ngã nên gọi
là đại pháp sư,
知大眾故名大法師。

tri Đại chúng cố danh Đại Pháp sư。

do biết đại chúng nên gọi là đại pháp sư,
以知眾生種種性故名大法師。以知諸根利鈍中故名大法師。

dĩ tri chúng sanh chủng chủng tánh cố danh Đại Pháp sư。dĩ tri chư căn lợi độn trung cố
danh Đại Pháp sư。

do biết các tánh của chúng sanh nên gọi là đại pháp sư, do biết các căn lợi độn nên gọi là
đại pháp sư
說中道故名大法師。

thuyết trung đạo cố danh Đại Pháp sư。

do thuyết trung đạo nên gọi là đại pháp sư。

云何名如來。如過去諸佛所說不變。

vân hà danh Như-Lai。như quá khứ chư Phật sở thuyết bất biến。

Thế nào gọi là Như Lai? Như chỗ thuyết giảng của chư Phật quá khứ không biến đổi。

云何不變。過去諸佛為度眾生說十二部經。

vân hà bất biến。quá khứ chư Phật vì độ chúng sanh thuyết thập nhị bộ Kinh。

Thế nào là không biến đổi? Chư Phật quá khứ vì độ chúng sanh nên thuyết mười hai bộ
kinh,

如來亦爾。故名如來。

Như-Lai diệc nhĩ。cố danh Như-Lai。

Như Lai cũng như vậy, cho nên gọi là Như Lai。

諸佛世尊從六波羅蜜三十七品十一空來至大涅槃。如來亦爾。

chư Phật Thế tôn tòng lục ba la mật tam thập thất phẩm thập nhất không lai chí Đại Niết-
Bàn。Như-Lai diệc nhĩ。

Chư Phật Thế Tôn từ sáu Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm, mười một không mà đến đại Niết-bàn, Như Lai cũng vậy,

是故號佛為如來也。

thị cố hiệu Phật vi Như-Lai dã。

cho nên xưng Phật là Như Lai.

諸佛世尊為眾生故隨宜方便開示三乘。壽命無量不可稱計。如來亦爾。

chư Phật Thế tôn vi chúng sanh cố tùy nghi phương tiện khai kì tam thừa. thọ mạng vô lượng bất khả xưng kể. Như-Lai diệc nhĩ。

chư Phật Thế Tôn vì chúng sanh nên dùng phương tiện tùy nghi mà diễn bày tam thừa, có thọ mạng vô lượng không thể tính kể, Như Lai cũng vậy,

是故號佛為如來也。

thị cố hiệu Phật vi Như-Lai dã。

cho nên xưng Phật là Như Lai.

云何為應世間之法悉名怨家。

vân hà vi ứng thế gian chi Pháp tất danh oán gia。

Thế nào gọi là ứng? pháp thế gian đều gọi là oan gia.

佛應害故故名為應。夫四魔者是菩薩怨。

Phật ứng hại cố cố danh vi ứng。phu tứ ma giả thị Bồ Tát oán。

Do Phật ứng phó với sự phá hại nên gọi là ứng. Luận rằng bốn ma oán là oan gia của Bồ-tát,

諸佛如來為菩薩時。能以智慧破壞四魔。是故名應。

chư Phật như lai vi Bồ Tát thời。 năng dĩ trí tuệ phá hoại tứ ma。 thị cố danh ứng。

chư Phật Như Lai lúc làm Bồ-tát, có thể dùng trí huệ phá trừ bốn ma nên gọi là ứng.

復次應者名為遠離。

Lại nữa, ứng gọi là viễn ly,

為菩薩時應當遠離無量煩惱故名為應。復次應者名樂。

vi bồ Tát thời ứng đương viễn li vô lượng phiền não cố danh vi ứng。 phục thứ ứng giả danh lạc。

lúc làm bồ-tát thường viễn ly vô lượng phiền não nên gọi là ứng. Lại nữa, ứng gọi là lạc, quá khứ chư Phật vi Bồ Tát thời。

chư Phật quá khứ lúc làm Bồ-tát

雖於無量阿僧祇劫為眾生故受諸苦惱終無不樂而常樂之。如來亦爾是故名應。

tuy ở vô lượng a tăng kỳ kiếp vì chúng sanh cố thọ chư khổ não chung vô bất lạc nhi thường lạc chi. Như-Lai diệc nhĩ thị cố danh ứng.

tuy ở trong vô lượng A-tăng-kỳ-kiếp vì chúng sanh chịu các khổ não mà không có điều gì không vui, Như Lai cũng như vậy, nên gọi là ứng.

又復應者一切人天應以種種香花瓔珞幢幡

hựu phục ứng giả nhất thiết nhân Thiên ứng dĩ chủng chủng hương hoa anh lạc tràng phiên

Lại nữa, ứng tức là tất cả trời người nên dùng các thứ hương hoa, anh lạc, tràng phan,妓樂而供養之。是故名應。

kĩ lạc nhi cung dưỡng chi. thị cố danh ứng.

kỹ nhạc mà cúng dường Như Lai, cho nên gọi là ứng cúng

云何正遍知。正者名不顛倒。

vân hà Chánh-biến-Tri. chánh giả danh bất điên đảo.

Thế nào là Chánh-biến-tri? Chánh gọi là không điên đảo,

遍知者於四顛倒無不通達。又復正者名為苦行。

biến tri giả ở tứ điên đảo vô bất thông đạt. hựu phục chánh giả danh vi khổ hành.

Biến-tri là đối với bốn thứ điên đảo không điều gì mà không thông đạt. Lại nữa, chánh gọi là khổ hạnh,

遍知者知因苦行定有苦果。又復正者名世間中。

biến tri giả tri nhân khổ hành định hữu khổ quả. hựu phục chánh giả danh thế gian trung。

Biến-tri là biết nhân làm khổ nhất định có quả khổ. Lại nữa, chánh gọi là thế gian trung,遍知者畢竟定知修習中道得阿耨多羅三藐三菩提。

biến tri giả tất cánh định tri tu tập trung đạo đắc a nậu đa-la tam miểu tam

biến tri là rốt ráo biết tu tập trong đạo sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

又復正者名為可數可量可稱。

bồ đề. hựu phục chánh giả danh vi khả số khả lượng khả xưng。

Lại nữa, chánh gọi là có thể tính số, có thể so lường, có thể xưng gọi,

遍知者不可數不可量不可稱。

biến tri giả bất khả số bất khả lượng bất khả xưng。

biến tri là không thể tính số, không thể so lường, không thể xưng gọi

是故號佛為正遍知。善男子。聲聞緣覺亦有遍知亦不遍知。

thị cố hiệu Phật vi Chánh-biến-Tri. thiện nam tử. thanh văn duyên giác diệc hữu biến tri diệc bất biến tri.

cho nên Phật xưng là Chánh-biến-tri. Thiện nam tử, Thanh văn, Duyên giác cũng có biến tri và bất biến tri.

何以故。遍知者名五陰十二入十八界。

hà dĩ cố. biến tri giả danh ngũ uẩn thập nhị nhập thập bát giới.

Tại vì sao? Biến tri gọi là năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, 聲聞緣覺亦得遍知。是名遍知。云何不遍知。

thanh văn duyên giác diệc đắc biến tri. thị danh biến tri. vân hà bất biến tri.

Thanh văn, Duyên giác cũng đắc biến tri, nên gọi là biến tri. Thế nào là bất biến tri?

善男子。假使二乘於無量劫觀一色陰不能盡知。

thiện nam tử. giả sử nhị thừa ư vô lượng kiếp quán nhất sắc uẩn bất năng tận tri.

Thiện nam tử! Giả sử hàng nhị thừa ở trong vô lượng kiếp quán một sắc ấm không thể biết rõ,

以是義故聲聞緣覺無有遍知。

dĩ thị nghĩa cố thanh văn duyên giác vô hữu biến tri.

do nghĩa này nên Thanh văn, Duyên giác không có biến tri.

云何明行足。明者名得無量善果。行名脚足。

vân hà Minh Hạnh Túc. minh giả danh đắc vô lượng thiện quả. hành danh cước túc.

Thế nào gọi là Minh Hạnh Túc? Minh gọi là đắc vô lượng thiện quả, hạnh gọi là bàn chân, 善果者名阿耨多羅三藐三菩提。

thiện quả giả danh a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề.

thiện quả là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

脚足者名為戒慧。乘戒慧足得阿耨多羅三藐三菩提。

cước túc giả danh vi giới tuệ. thừa giới tuệ túc đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề.

bàn chân gọi là giới huệ, nương theo bàn chân giới huệ để đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

是故名為明行足也。又復明者名呪。

thị cố danh vi Minh Hạnh Túc dã. hựu phục minh giả danh chú.

cho nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại nữa, minh gọi là chú,
 行者名吉。足者名果。善男子。是名世間義。
 hành giả danh cát. túc giả danh quả. thiện nam tử. thị danh thế gian nghĩa.
 hạnh gọi cát, túc gọi là quả. Thiện nam tử, đó gọi là nghĩa thế gian.
 呪者名為解脫。吉者名為阿耨多羅三藐三菩提。
 chú giả danh vi giải thoát. cát giả danh vi a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề.
 Chú gọi là giải thoát, cát gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,
 果者名為大般涅槃。是故名為明行足也。
 quả giả danh vi Đại bát Niết bàn. thị cố danh vi Minh Hạnh Túc dã.
 quả gọi là Đại Bát-niết-bàn, cho nên gọi là Minh Hạnh Túc.
 又復明者名光。行者名業。足者名果。善男子。
 hựu phục minh giả Danh-Quang. hành giả danh nghiệp. túc giả danh quả. thiện nam
 tử.
 Lại nữa minh gọi là sáng, hạnh gọi là nghiệp, túc gọi là quả. Thiện nam tử!
 是名世間義。光者名不放逸。業者名六波羅蜜。
 thị danh thế gian nghĩa. quang giả danh bất phóng dật. nghiệp giả danh lục ba la mật.
 Đó gọi là nghĩa thế gian. Sáng gọi là không phóng dật, nghiệp gọi là sáu Ba-la-mật,
 果者名為阿耨多羅三藐三菩提。
 quả giả danh vi a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề.
 quả gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
 又復明者名為三明。一菩薩明。二諸佛明。三無明明。
 hựu phục minh giả danh vi tam minh. nhất Bồ Tát minh. nhị chư Phật minh. tam vô
 minh minh.
 Lại nữa, minh gọi là tam minh, một là Bồ-tát minh, hai là chư Phật minh, ba là vô minh
 minh.
 菩薩明者即是般若波羅蜜。
 Bồ Tát minh giả tức thị bát nhã ba la mật.
 Bồ-tát minh tức là Bát-nhã-ba-la-mật,
 諸佛明者即是佛眼。無明明者即畢竟空。
 chư Phật minh giả tức thị Phật nhãn. vô minh minh giả tức tất cánh không.
 Chư Phật minh tức là Phật nhãn, vô minh minh tức là rốt ráo không.

行者於無量劫為眾生故修諸善業。足者明見佛性。

hành giả ư vô lượng kiếp vì chúng sanh cố tu chư thiện nghiệp。 tức giả minh kiến Phật tánh。

Hạnh là ở nơi vô lượng kiếp vì chúng sanh nên tu các nghiệp thiện, tức là thấy rõ Phật tánh,

以是義故名明行足。云何善逝。善者名高。逝名不高。

dĩ thị nghĩa cố danh Minh Hạnh Túc。 vân hà thiện thệ。 thiện giả danh cao。 thệ danh bất cao。

do nghĩa này nên gọi là Minh Hạnh Túc. Thế nào gọi là Thiện Thệ? Thiện gọi là cao, thệ gọi là không cao.

善男子。是名世間義。

thiện nam tử。 thị danh thế gian nghĩa。

Thiện nam tử, đó gọi là nghĩa thế gian.

高者名為阿耨多羅三藐三菩提。不高者即如來心也。善男子。

cao giả danh vi a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。 bất cao giả tức Như-Lai tâm dã。 thiện nam tử。

Cao gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không cao tức là tâm Như Lai. Thiện nam tử,

心若高者不名如來。是故如來名為善逝。

tâm nhược cao giả bất danh Như-Lai。 thị cố Như-Lai danh vi thiện thệ。

tâm nếu cao thì không gọi là Như Lai, do vậy Như Lai gọi là Thiện Thệ.

又復善者名為善知識。逝者善知識果。

hựu phục thiện giả danh vi thiện tri thức。 thệ giả thiện tri thức quả。

Lại nữa, thiện gọi là thiện tri thức, thệ là thiện tri thức quả.

善男子是名世間義。善知識者即初發心。

thiện nam tử thị danh thế gian nghĩa。 thiện tri thức giả tức sơ phát tâm。

Thiện nam tử, đó là nghĩa thế gian. Thiện tri thức tức là sơ phát tâm,

果者名為大般涅槃。如來不捨最初發心得大涅槃。

quả giả danh vi Đại bát Niết bàn。 Như-Lai bất xả tối sơ phát tâm đắc Đại Niết-Bàn。

quả gọi là Đại-bát-niết-bàn, Như Lai không xả bỏ tối sơ phát tâm mà đắc Đại Niết-bàn,

是故如來名為善逝。又復善者名好。逝者名有。

thị cố Như-Lai danh vi thiện thệ. hựu phục thiện giả danh hảo. thệ giả danh hữu.
cho nên Như Lai gọi là Thiện Thệ. Lại nữa, thiện gọi là hảo, thệ gọi là hữu.

善男子。是名世間義。好者名見佛性。

thiện nam tử. thị danh thế gian nghĩa. hảo giả danh kiến Phật tánh.

Thiện nam tử, đó gọi là nghĩa thế gian. Hảo gọi là Phật tánh,

有者名大涅槃。善男子。涅槃之性實非有也。

hữu giả danh Đại Niết-Bàn. thiện nam tử. Niết-Bàn chi tánh thật phi hữu dã.

hữu gọi là Đại Niết-bàn. Thiện nam tử, thật tánh Niết-bàn chẳng phải có,

諸佛世尊因世間故說言是有。善男子。

chư Phật Thế tôn nhân thế gian cố thuyết ngôn thị hữu. thiện nam tử.

chư Phật Thế Tôn nhân thế gian nên nói là có. Thiện nam tử!

譬如世人實無有子說言有子。實無有道說言有道。

thí như thế nhân thật vô hữu tử thuyết ngôn hữu tử. thật vô hữu đạo thuyết ngôn hữu
đạo。

Thí như người thật không có con mà nói có con, thật không có đạo mà nói có đạo,

涅槃亦爾。因世間故說言為有。

Niết-Bàn diệc nhĩ. nhân thế gian cố thuyết ngôn vi hữu.

Niết-bàn cũng lại như vậy, do thế gian cho nên nói là có,

諸佛世尊成大涅槃故名善逝。

chư Phật Thế tôn thành Đại Niết-Bàn cố danh thiện thệ.

chư Phật Thế Tôn thành tựu đại Niết-bàn cho nên gọi là Thiện Thệ.

善男子。云何世間解。善男子。

thiện nam tử. vân hà thế gian giải. thiện nam tử.

Thiện nam tử! Thế nào là Thế Gian Giải? Thiện nam tử,

世間者名為五陰。解者名知。

thế gian giả danh vi ngũ uẩn. giải giả danh tri.

thế gian gọi là ngũ ấm, giải gọi là hiểu biết.

諸佛世尊善知五陰故名世間解。又世間者名為五欲。解名不著。

chư Phật Thế tôn thiện tri ngũ uẩn cố danh thế gian giải. hựu thế gian giả danh vi ngũ
dục. giải danh bất trú。

chư Phật Thế Tôn khéo biết năm ấm cho nên gọi là Thế Gian Giải. Lại nữa thế gian gọi là ngũ dục, giải gọi là không đắm trước.

不著五欲故名世間解。又世間解者。

bất trú ngũ dục cố danh thế gian giải. hựu thế gian giải giả。

Không đắm trước ngũ dục cho nên gọi là Thế Gian Giải. Lại nữa, Thế Gian Giải

東方無量阿僧祇世界。一切聲聞緣覺不知不見不解。

Đông phương vô lượng a tăng kì thế giới. nhất thiết thanh văn duyên giác bất tri bất kiến bất giải。

Như phương đông có vô lượng A-tăng-kỳ thế giới, tất cả Thanh văn, Duyên giác không biết, không thấy, không hiểu

諸佛悉知悉見悉解。

chư Phật tất tri tất kiến tất giải。

chư Phật biết hết, thấy hết, hiểu hết.

南西北方四維上下亦復如是。是故號佛為世間解。又世間者一切凡夫。

Nam Tây Bắc phương tứ duy thượng hạ diệc phục như thị. thị cố hiệu Phật vi thế gian giải. hựu thế gian giả nhất thiết phàm phu。

Phương Nam, Tây, Bắc, bốn phía trên dưới cũng lại như vậy, cho nên xưng Phật là Thế Gian Giải. Lại nữa, thế gian là tất cả phàm phu,

解者知諸凡夫善惡因果。

giải giả tri chư phàm phu thiện ác nhân quả。

giải là biết nhân quả thiện ác của tất cả phàm phu

非是聲聞緣覺所知。惟佛能知是故號佛為世間解。

phi thị thanh văn duyên giác sở tri. duy Phật năng tri thị cố hiệu Phật vi thế gian giải。

hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được, chỉ có Phật có thể biết cho nên xưng Phật là Thế Gian Giải.

又世間者名曰蓮花。解名不污。善男子。

hựu thế gian giả danh viết liên hoa. giải danh bất 汚. thiện nam tử。

Lại nữa, thế gian gọi là hoa sen, giải gọi là không ô nhiễm. Thiện nam tử,

是名世間義。蓮花者即是如來。

thị danh thế gian nghĩa. liên hoa giả tức thị Như-Lai。

đó gọi là nghĩa thế gian, hoa sen tức là Như Lai,

不汚者如來不為世間八法之所染汚。是故號佛為世間解。

bất 汚 giả Như-Lai bất vi thế gian bát Pháp chi sở nhiễm 汚。 thị cố hiệu Phật vi thế gian giải。

không ô nhiễm là Như Lai không bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, cho nên xưng Phật là Thế Gian Giải.

又世間解者諸佛菩薩名世間解。何以故。

hựu thế gian giải giả chư Phật Bồ Tát danh thế gian giải。 hà dĩ cố。

Lại nữa, Thế Gian Giải là chư Phật Bồ-tát đều là Thế-gian-giải. Tại vì sao?

諸佛菩薩見世間故故名世間解。善男子。

chư Phật Bồ Tát kiến thế gian cố cố danh thế gian giải。 thiện nam tử。

Do chư Phật Bồ-tát thấy rõ thế gian cho nên gọi là Thế Gian Giải. Thiện nam tử, 如因食得命名食為命。諸佛菩薩亦復如是。

như nhân thực đắc mạng danh thực vi mạng。 chư Phật Bồ Tát diệc phục như thị。

thí như do ăn uống mà có thân mạng nên gọi thức ăn là mạng, chư Phật cũng như vậy, 見世間故故名世間解。云何無上士。上士者名之為斷。

kiến thế gian cố cố danh thế gian giải。 vân hà Vô Thượng Sĩ。 thượng sĩ giả danh chi vi đoạn。

do thấy thế gian cho nên gọi là Thế Gian Giải. Thế nào là Vô Thượng Sĩ? Vô Thượng Sĩ gọi là đoạn,

無所斷者名無上士。

vô sở đoạn giả danh Vô Thượng Sĩ。

không có chỗ đoạn gọi là Vô Thượng Sĩ,

諸佛世尊無有煩惱故無所斷。是故號佛為無上士。

chư Phật Thế tôn vô hữu phiền não cố vô sở đoạn。 thị cố hiệu Phật vi Vô Thượng Sĩ。

chư Phật Thế Tôn do không có phiền não nên gọi là đoạn, vì vậy xưng Phật là Vô Thượng Sĩ。

又上士者名為諍訟。無上士者無有諍訟。

hựu thượng sĩ giả danh vi tranh tụng。 Vô Thượng Sĩ giả vô hữu tranh tụng。

Lại nữa, Thượng-sĩ gọi là tranh tụng, Vô Thượng Sĩ không có tranh tụng,

如來無諍是故號佛為無上士。又上士者名語可壞。

Như-Lai vô tránh thị cố hiệu Phật vi Vô Thượng Sĩ. hựu thượng sĩ giả danh ngữ khả hoại.

Như Lai không tranh tụng cho nên xưng Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại nữa, Thượng sĩ gọi là lời nói có thể hoại diệt,

無上士者語不可壞。如來所言一切眾生所不能壞。

Vô Thượng Sĩ giả ngữ bất khả hoại. Như-Lai sở ngôn nhất thiết chúng sanh sở bất năng hoại.

Vô Thượng Sĩ là lời nói không thể hoại diệt, lời Như Lai nói thì tất cả chúng sanh không thể hoại diệt,

是故號佛為無上士。又上士者名為上座。

thị cố hiệu Phật vi Vô Thượng Sĩ. hựu thượng sĩ giả danh vi Thượng Toạ.

cho nên xưng Phật là Vô Thượng Sĩ. Lại nữa, Thượng sĩ gọi là thượng toà,

無上士者名無上座。三世諸佛更無過者。

Vô Thượng Sĩ giả danh vô Thượng Toạ. tam thế chư Phật canh vô quá giả.

Vô Thượng Sĩ gọi là không thượng toà, ba đời chư Phật không có bước qua,

是故號佛為無上士。上者名新。士者名故。

thị cố hiệu Phật vi Vô Thượng Sĩ. thượng giả danh tân. sĩ giả danh cố.

cho nên xưng Phật là Vô Thượng Sĩ. Thượng gọi là mới, sĩ gọi là cũ,

諸佛世尊體大涅槃無新無故。是故號佛為無上士。

chư Phật Thế tôn thể đại Niết-Bàn vô tân vô cố. thị cố hiệu Phật vi Vô Thượng Sĩ.

thể tánh của chư Phật Thế Tôn đại niết-bàn không mới không cũ, cho nên xưng Phật là Vô Thượng Sĩ.

云何調御丈夫。自既丈夫復調丈夫。善男子。

vân hà điều ngự trượng phu. tự ký trượng phu phục điều trượng phu. thiện nam tử.

Thế nào gọi là Điều Ngự Trượng Phu? tự mình đã là trượng phu lại có thể điều phục trượng phu. Thiện nam tử,

言如來者實非丈夫非不丈夫。

ngôn Như-Lai giả thật phi trượng phu phi bất trượng phu.

Nói Như Lai thật ra không phải trượng phu, cũng không phải không trượng phu,

因調丈夫故名如來為丈夫也。善男子。

nhân điều trượng phu cố danh Như-Lai vi trượng phu dã. thiện nam tử.

do điều phục trượng phu cho nên gọi Như Lai là trượng phu. Thiện nam tử,

一切男女若具四法則名丈夫。何等為四。一善知識。

nhất thiết nam nữ nhược cụ tứ Pháp tắc danh trượng phu. hà đẳng vi tứ. nhất thiện tri thức.

tất cả nam nữ nếu có đủ bốn pháp tức gọi là trượng phu. Thế nào là bốn? một là thiện tri thức,

二能聽法。三思惟義。四如說修行。善男子。

nhị năng thính Pháp. tam tư duy nghĩa. tứ như thuyết tu hành. thiện nam tử.

hai là có thể nghe pháp, ba là tư duy nghĩa lý, bốn là như thuyết tu hành. Thiện nam tử, 若男若女具是四法則名丈夫。善男子。

nhược nam nhược nữ cụ thị tứ Pháp tắc danh trượng phu. thiện nam tử.

nếu người nam người nữ đầy đủ bốn pháp tức gọi là Trượng phu. Thiện nam tử,

若有男子無此四法則不得名為丈夫也。何以故。

nhược hữu nam tử vô thử tứ Pháp tắc bất đắc danh vi trượng phu dã. hà dĩ cố.

nếu có người nam không có bốn pháp này thì không được gọi là Trượng phu, tại vì sao?

身雖丈夫行同畜生。如來調伏若男若女。

thân tuy trượng phu hành đồng súc sanh. Như-Lai điều phục nhược nam nhược nữ.

Vì thân tuy là Trượng phu mà việc làm như súc sanh, Như Lai điều phục cả người nam người nữ

是故號佛調御丈夫。復次善男子。

thị cố hiệu Phật điều ngự trượng phu. phục thứ thiện nam tử.

nên xưng Phật là Điều Ngự Trượng Phu. Lại nữa thiện nam tử,

如御馬者凡有四種。一者觸毛。二者觸皮。三者觸肉。

như ngự mã giả phạm hữu tứ chủng. nhất giả xúc mao. nhị giả xúc bì. tam giả xúc nhục.

như người chăn ngựa có bố loại: Một là chăm sóc lông, hai là chăm sóc da, ba là chăm sóc thịt,

四者觸骨。隨其所觸稱御者意。如來亦爾。

tứ giả xúc cốt. tùy kỳ sở xúc xưng ngự giả ý. Như-Lai diệc nhĩ.

bốn là chăm sóc xương, tùy theo chỗ chăm sóc mà xưng là biết ý. Như Lai cũng vậy,

以四種法調伏眾生。一為說生令受佛語。

dĩ tứ chủng Pháp điều phục chúng sanh. nhất vi thuyết sanh lệnh thọ Phật ngữ.
dùng bốn thứ pháp mà điều phục chúng sanh: Một là nói về sanh khiến chúng sanh lãnh
thọ lời Phật dạy,

如觸其毛隨御者意。二說生老便受佛語。

như xúc kỳ mao tùy ngự giả ý. nhị thuyết sanh lão tiện thọ Phật ngữ.

như chăm sóc lông ngựa tùy theo ý người chăn. Hai là nói về sanh và lão khiến chúng
sanh thọ lãnh lời Phật dạy,

如觸毛皮隨御者意。三者說生及以老病便受佛語。

như xúc mao bì tùy ngự giả ý. tam giả thuyết sanh cập dĩ lão bệnh tiện thọ Phật ngữ.

như chăm sóc lông da tùy theo ý người chăn. Ba là nói về sanh cho đến lão, bệnh khiến
chúng sanh lãnh thọ lời Phật dạy,

如觸毛皮肉隨御者意。

như xúc mao bì nhục tùy ngự giả ý.

như chăm sóc lông, da, thịt tùy theo ý người chăn.

四者說生及老病死便受佛語。如觸毛皮肉骨隨御者意。善男子。

tứ giả thuyết sanh cập lão bệnh tử tiện thọ Phật ngữ. như xúc mao bì nhục cốt tùy ngự
giả ý. thiện nam tử.

Bốn là nói về sanh cho đến lão, bệnh, tử khiến chúng sanh lãnh thọ lời Phật dạy, như
chăm sóc lông, da, thịt, xương tùy theo ý người chăn. Thiện nam tử,

御者調馬無有決定。

ngự giả điều mã vô hữu quyết định.

người chăn ngựa không có nhất định,

如來世尊調伏眾生必定不虛。是故號佛為調御丈夫。

như lai thế tôn điều phục chúng sanh tất định bất hư. thị cố hiệu Phật vi điều ngự trượng
phu.

Như Lai Thế Tôn điều phục chúng sanh nhất định không hư dối, cho nên xưng Phật là
Điều Ngự Trượng Phu.

云何天人師。師有二種。一者善教。二者惡教。

vân hà Thiên Nhơn Sư. sư hữu nhị chủng. nhất giả thiện giáo. nhị giả ác giáo.

Thế nào là Thiên-nhơn-sư? chữ sư có hai loại: Một là dạy điều thiện, hai là dạy điều ác,
諸佛菩薩常以善法教諸眾生。何等善法。

chư Phật Bồ Tát thường dĩ thiện Pháp giáo chư chúng sanh. hà đẳng thiện Pháp.
Chư Phật Bồ-tát thường dùng những pháp thiện để dạy chúng sanh. Thế nà là những pháp thiện?

謂身口意善。諸佛菩薩教諸眾生作如是言。善男子。

vị thân khẩu ý thiện. chư Phật Bồ Tát giáo chư chúng sanh tác như thị ngôn. thiện nam tử.

Đó là thân, miệng, ý thiện, chư Phật Bồ-tát dạy các chúng sanh rằng: Thiện nam tử, 汝當遠離身不善業。何以故。

nhữ đương viễn li thân bất thiện nghiệp. hà dĩ cố.

Ông nên xa lìa thân nghiệp bất tịnh. Tại vì sao?

以身惡業是可遠離得解脫故。是故我以此法教汝。

dĩ thân ác nghiệp thị khả viễn li đắc giải thoát cố. thị cố ngã dĩ thử Pháp giáo nhữ.

Vì xa lìa nghiệp ác nơi thân thì có thể đắc giải thoát, cho nên ta dùng pháp này để dạy ông.

若是惡業不可遠離得解脫者。終不教汝令遠離也。

nhược thị ác nghiệp bất khả viễn li đắc giải thoát giả. chung bất giáo nhữ lệnh viễn li dã.
Nếu không xa lìa ác nghiệp mà có thể được giải thoát, thì ta trọn không dạy ông phải xa lìa.

若諸眾生離惡業已墮三惡者無有是處。

nhược chư chúng sanh ly ác nghiệp dĩ đọa tam ác giả vô hữu thị xử.

Nếu các chúng sanh xa lìa ác nghiệp rồi mà còn đọa vào ba đường ác thì không có việc đó,

以遠離故成阿耨多羅三藐三菩提得大涅槃。

dĩ viễn li cố thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề đắc Đại Niết-Bàn.

do xa lìa nên thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác đắc Đại Niết-bàn,
是故諸佛菩薩常以此法教化眾生。

thị cố chư Phật Bồ Tát thường dĩ thử Pháp giáo hóa chúng sanh.

cho nên chư Phật Bồ-tát thường dùng pháp này để giáo hoá chúng sanh.

口意亦爾。是故號佛為無上師。

khẩu ý diệc nhĩ. thị cố hiệu Phật vi vô thượng sư.

Miệng và ý cũng như vậy, cho nên xưng Phật là Vô-thượng sư.

復次昔未得道今已得之。以所得道為眾生說。

phục thứ tích vị đắc đạo kim dĩ đắc chi. dĩ sở đắc đạo vi chúng sanh thuyết.

Lại nữa, xưa chưa đắc đạo nay đã đắc, lấy chỗ đắc đạo mà thuyết giảng cho chúng sanh.

從本已來未修梵行今已修竟。以己所修為眾生說。

tòng bản dĩ lai vị tu phạm hành kim dĩ tu cánh. dĩ kỷ sở tu vi chúng sanh thuyết.

Từ xưa đến nay chưa tu phạm hạnh nay đã tu xong, lấy chỗ đã tu mà thuyết giảng cho chúng sanh.

自破無明復為眾生破壞無明。

tự phá vô minh phục vi chúng sanh phá hoại vô minh.

Tự mình phá vô minh, lại vì chúng sanh phá vô minh.

自得淨目復為眾生破除盲冥令得淨眼。

tự đắc tịnh mục phục vi chúng sanh phá trừ manh minh lệnh đắc tịnh nhãn.

Tự mình được mắt thanh tịnh, lại vì chúng sanh phá trừ sự tối tăm khiến được mắt thanh tịnh,

自知二諦復為眾生演說二諦。既自解脫復為眾生說解脫法。

tự tri nhị đế phục vi chúng sanh diễn thuyết nhị đế. ký tự giải thoát phục vi chúng sanh thuyết giải thoát Pháp.

Tự mình biết hai đế lại vì chúng sanh thuyết giảng hai đế, tự mình giải thoát lại vì chúng sanh mà nói pháp giải thoát.

自度無邊生死大河復令眾生皆悉得度。

tự độ vô biên sanh tử Đại hà phục lệnh chúng sanh giai tất đắc độ.

tự mình vượt qua vô biên biển sanh tử, lại khiến chúng sanh đều vượt qua hết.

自得無畏復教眾生令無怖畏。

tự đắc vô úy phục giáo chúng sanh lệnh vô bố úy.

tự mình được sự không sợ hãi, lại dạy chúng sanh khiến không sợ hãi.

自既涅槃復為眾生演大涅槃。是故號佛為無上師。天者名晝。

tự ký Niết-Bàn phục vi chúng sanh diễn Đại Niết-Bàn. thị cố hiệu Phật vi vô thượng sư. Thiên giả danh trú.

Tự mình đắc Niết-bàn, lại vì chúng sanh thuyết giảng Đại Niết-bàn, cho nên xưng Phật là Vô-thượng-sư. Thiên gọi là ban ngày,

天上晝長夜短是故名天。又復天者名無愁惱。

Thiên thượng trú trường dạ đoản thị cố danh Thiên. hựu phục Thiên giả danh vô sầu
nảo。

cõi trời ngày dài đêm ngắn cho nên gọi là thiên. Lại nữa, thiên gọi là không có ưu sầu,
常受快樂是故名天。又復天者名為燈明。

thường thọ khoái lạc thị cố danh Thiên. hựu phục Thiên giả danh vi đặng minh.
thường hưởng thọ điều vui cho nên gọi là thiên. Lại nữa thiên gọi là đèn sáng,
能破黑闇而為大明是故名天。

năng phá hắc ám nhi vi Đại minh thị cố danh Thiên.

có thể phá trừ tối tăm mà làm ánh sáng lớn cho nên gọi là thiên,
亦以能破惡業黑闇。得於善業而生天上是故名天。

diệt dĩ năng phá ác nghiệp hắc ám. đắc ư thiện nghiệp nhi sanh Thiên thượng thị cố
danh Thiên。

cũng có thể phá trừ nghiệp ác tối tăm, được nghiệp thiện mà sanh lên cõi trời, cho nên gọi
là thiên.

又復天者名吉。以吉祥故得名為天。

hựu phục Thiên giả danh cát. dĩ cát tường cố đắc danh vi Thiên。

Lại nữa thiên gọi là điềm tốt, do điềm tốt cho nên gọi là thiên .

又復天者名曰日。有光明故名曰為天。以是義故名為天也。

hựu phục Thiên giả danh viết nhật. hữu quang-minh cố danh viết vi Thiên. dĩ thị nghĩa
cố danh vi Thiên dã。

Lại nữa, thiên gọi là mặt trời, do có ánh sáng nên gọi mặt trời là thiên, vì nghĩa này cho
nên gọi là thiên vậy.

人者名曰能多恩義。又復人者身口柔軟。

nhân giả danh viết năng đa ân nghĩa. hựu phục nhân giả thân khẩu nhu nhuyễn。

Chữ nhân gọi là nhiều ân nghĩa. Lại nữa, nhân là thân, miệng nhẹ nhàng.

又復人者名有憍慢。又復人者能破憍慢。

hựu phục nhân giả danh hữu kiêu mạn. hựu phục nhân giả năng phá kiêu mạn。

Lại nữa, nhân gọi là có kiêu mạn. Lại nữa, nhân có thể phá trừ kiêu mạn.

善男子。諸佛雖為一切眾生無上大師。

thiện nam tử. chư Phật tuy vi nhất thiết chúng sanh vô thượng Đại sư。

Thiện nam tử, chư Phật tuy là bậc Vô-thượng-đại-sư của tất cả chúng sanh,

然經中說為天人師。何以故。善男子。

nhiên Kinh trung thuyết vi Thiên Nhơn Sư。 hà dĩ cố。 thiện nam tử。

mà trong kinh nói là Thiên-nhân-sư. Tại vì sao? Thiện nam tử,

諸眾生中惟天與人能發阿耨多羅三藐三菩提心。

chư chúng sanh trung duy Thiên dữ nhân năng phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm。

trong các loài chúng sanh chỉ có trời và người là có thể phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

能修十善業道。

năng tu thập thiện nghiệp đạo。

có thể tu mười nghiệp lành,

能得須陀洹果斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛道。

năng đắc Tu đà hoàn quả Tư đà hàm quả A na hàm quả A la hán quả Bích chi Phật đạo。

có thể đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-la-hán, quả Bích-chi-Phật,

得阿耨多羅三藐三菩提。是故號佛為天人師。云何為佛。

đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。 thị cố hiệu Phật vi Thiên Nhơn Sư。 vân hà vi Phật。

đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên xưng Phật là Thiên-nhân-sư. Thế nào là Phật?

佛者名覺。既自覺悟復能覺他。善男子。

Phật giả danh giác。 ký tự giác ngộ phục năng giác tha。 thiện nam tử。

Phật gọi là Giác. Tự mình giác ngộ lại khiến người khác giác ngộ. Thiện nam tử,

譬如有人覺知有賊賊無能為。

thí như hữu nhân giác tri hữu tặc tặc vô năng vi。

thí như có người hiểu rõ có giặc thì giặc không thể làm gì được。

菩薩摩訶薩能覺一切無量煩惱。

Bồ Tát Ma-Ha tát năng giác nhất thiết vô lượng phiền não。

Bồ-tát-ma-ha-tát có thể hiểu vô lượng phiền não,

既覺了已令諸煩惱無所能為是故名佛。

ký giác liễu dĩ lệnh chư phiền não vô sở năng vi thị cố danh Phật。

đã hiểu rồi nên các phiền não không thể làm gì được, nên gọi là Phật.
 以是覺故不生不老不病不死是故名佛。婆伽婆者。婆伽名破。婆名煩惱。
 dĩ thị giác cố bất sanh bất lão bất bệnh bất tử thị cố danh Phật。 Bà-già-bà giả。 bà dà
 danh phá。 bà danh phiền não。
 Do sự hiểu biết này nên không sanh, không già, không bệnh, không chết, cho nên gọi là
 Phật. Chữ Bà-già-bà , bà già gọi là phá, bà gọi là phiền não,
 能破煩惱故名婆伽婆。 又能成就諸善法故。
 năng phá phiền não cố danh Bà-già-bà。 hựu năng thành tựu chư thiện Pháp cố。
 do có thể phá phiền não nên gọi là Bà-già-bà, lại có thể thành tựu các pháp lành,
 又能善解諸法義故。 有大功德無能勝故。
 hựu năng thiện giải chư Pháp nghĩa cố。 hữu Đại công đức vô năng thắng cố。
 lại có thể khéo léo hiểu nghĩa của các pháp, có công đức lớn không ai hơn,
 有大名聞遍十方故。 又能種種大慧施故。
 hữu Đại danh văn biến thập phương cố。 hựu năng chủng chủng Đại Huệ thí cố。
 có danh tiếng rộng lớn khắp mười phương, lại có thể ban các trí huệ lớn,
 又於無量阿僧祇劫吐女根故。 善男子。
 hựu ư vô lượng a tăng kì kiếp thổ nữ căn cố。 thiện nam tử。
 lại ở nơi vô lượng A-tăng-kỳ-kiếp mà chuyển nữ căn. Thiện nam tử,
 若男若女能如是念佛者。
 nhược nam nhược nữ năng như thị niệm Phật giả。
 nếu người nam người nữ có thể niệm Phật như vậy,
 若行若住若坐若臥若晝若夜若明若闇。 常得不離見佛世尊。 善男子。
 nhược hành nhược trụ nhược tọa nhược ngọa nhược trú nhược dạ nhược minh nhược
 ám。 thường đắc bất ly kiến Phật Thế tôn。 thiện nam tử。
 hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, hoặc ngày, hoặc đêm, hoặc sáng, hoặc tối
 thường không xa lìa thấy Phật Thế Tôn. Thiện nam tử!
 何故名為如來應正遍知乃至婆伽婆。
 hà cố danh vi Như-Lai ứng Chánh-biến-Tri nãi chí Bà-già-bà。
 Thế nào gọi là Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, cho đến Bà-già-bà
 而有如是無量功德大名稱耶。 善男子。
 nhi hữu như thị vô lượng công đức Đại danh xưng da。 thiện nam tử。

có vô lượng công đức danh xưng như vậy. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩於昔無量阿僧祇劫。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư tích vô lượng a tăng kì kiếp。

Bồ-tát-ma-ha-tát ở trong vô lượng a-tăng-kì-kiếp trước

恭敬父母和上諸師上座長老。於無量劫常為眾生而行布施。

cung kính phụ mẫu hòa thượng chư sư Thượng Toạ Trưởng Lão。 ư vô lượng kiếp thường vi chúng sanh nhi hành bố thí。

cung kính cha mẹ, hoà thượng, sư trưởng, thượng tọa, trưởng lão, ở trong vô lượng kiếp thường vi chúng sanh mà thực hành bố thí,

堅持禁戒修集忍辱。勤行精進禪定智慧。

kiên trì cấm giới tu tập nhẫn nhục。 tinh cần hành tinh tấn Thiền định trí tuệ。

kiên trì giới cấm tu tập nhẫn nhục, thực hành tinh tấn thiền định, trí huệ,

大慈大悲大喜大捨。

Đại từ Đại bi Đại hỷ Đại xả。

đại từ, đại, bi, đại hỷ, đại xả,

是故今得三十二相八十種好金剛之身。又復菩薩於昔無量阿僧祇劫。

thị cố kim đắc tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo Kim cương chi thân。 hựu phục Bồ Tát ư tích vô lượng a tăng kì kiếp。

cho nên nay được thân kim cương ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Lại nữa Bồ-tát ở vô lượng a-tăng-kỳ-kiếp trước

修集信念進定慧根。

tu tập tín niệm tiến định tuệ căn。

tu tập tín, niệm, tấn, định, huệ,

於諸師長恭敬供養常為法利不為食利。菩薩若持十二部經。

ư chư sư trưởng cung kính cung dưỡng thường vi Pháp lợi bất vi thực lợi。 Bồ Tát nhược trì thập nhị bộ Kinh。

đối với các sư trưởng cung kính cúng dưỡng thường vi lợi pháp, không vi lợi thực。 Bồ-tát nếu trì tụng mười hai bộ kinh,

若讀若誦常為眾生令得解脫安隱快樂終不自為。

nhược đọc nhược tụng thường vi chúng sanh lệnh đắc giải thoát an ổn khoái lạc chung bất tự vi。

hoặc đọc, hoặc tụng thường vì chúng sanh thuyết khiến được giải thoát an ổn khoái lạc,
何以故。

hà dĩ cố。

Tại vì sao?

菩薩常修出世間心及出家心無為之心。無諍訟心無垢穢心無繫縛心無取著心。

Bồ Tát thường tu xuất thế gian tâm cập xuất gia tâm vô vi chi tâm。 vô tránh tụng tâm vô
cấu uế tâm vô hệ phọc tâm vô thủ trú tâm。

Bồ-tát thường tu tâm xuất thế gian, tâm xuất gia, tâm vô vi, không có tâm tranh tụng,
không có tâm cấu uế, không có tâm trói buộc, không có tâm chấp trước,
無覆蓋心無無記心無生死心無疑網心。

vô phú cái tâm vô vô kí tâm vô sanh tử tâm vô nghi võng tâm stungoo

không có tâm che lấp, không có tâm vô ký, không có tâm sanh tử, không có tâm nghi ngờ,
無貪欲心無瞋恚心無愚癡心。

vô tham dục tâm vô sân khuể tâm vô ngu si tâm。

không có tâm tham muốn, không có tâm sân giận, không có tâm ngu si,

無憍慢心無穢濁心無煩惱心無苦心。無量心廣大心虛空心。

vô kiêu mạn tâm vô uế trước tâm vô phiền não tâm vô khổ tâm。 vô lượng tâm quảng Đại
tâm hư không tâm。

không có tâm kiêu mạn, không có tâm dơ bẩn, không có tâm phiền não, không có tâm
đau khổ, tâm vô lượng, tâm rộng lớn, tâm hư không,

無心無無心調心不護心。無覆藏心無世間心。

vô tâm vô vô tâm điều tâm bất hộ tâm。 vô phú tạng tâm vô thế gian tâm。

tâm không, tâm không tướng không, tâm điều phục, tâm không che chở, tâm không che
dấu , tâm không thế gian,

常定心常修心常解脫心。

tâm thường định, tâm thường tu, tâm thường giải thoát,

無報心無願心善願心無誤心。柔軟心不住心自在心無漏心。

vô báo tâm vô nguyện tâm thiện nguyện tâm vô ngộ tâm。 nhu nhuyễn tâm bất trụ tâm tự-
tại tâm vô lậu tâm。

tâm không báo trả, tâm vô nguyện, tâm thiện nguyện, tâm không sai lầm, tâm nhu
nhuyễn, tâm không trụ, tâm tự tại, tâm vô lậu,

第一義心不退心無常心。正直心無諂曲心。

đệ nhất nghĩa tâm bất thối tâm vô thường tâm. chánh trực tâm vô siểm khúc tâm.
tâm đệ nhất nghĩa, tâm bất thối, tâm vô thường, tâm chánh trực, tâm không dua nịnh,
純善心無多少心無堅硬心。

thuần thiện tâm vô đa thiếu tâm vô kiên ngạnh tâm。

tâm thuần thiện, tâm không đa thiếu, tâm không góc cạnh,
無凡夫心無聲聞心無緣覺心。

vô phàm phu tâm vô thanh văn tâm vô duyên giác tâm。

không có tâm phàm phu, không có tâm Thanh văn, không có tâm Duyên giác,
善知心界知心生界知心住界知心自在界心。

thiện tri tâm giới tri tâm sanh giới tri tâm trụ giới tri tâm tự-tại giới tâm。

tâm thiện tri, tâm giới tri, tâm sanh giới tri, tâm trụ giới tri, tâm tự tại giới,
是故今得十力四無所畏大悲三念處常樂我淨。

thị cố kim đắc thập lực tứ vô sở úy Đại bi tam niệm xử thường lạc ngã tịnh。

cho nên nay được mười lực, bốn vô sở úy, ba niệm đại bi, thường, lạc, ngã, tịnh,
是故得稱如來乃至婆伽婆。是名菩薩摩訶薩念佛。

thị cố đắc xưng Như-Lai nãi chí Bà-già-bà。 thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát niệm Phật。

cho nên được xưng là Như Lai, hay Phật, Thế Tôn. Đó gọi là Bồ-tát-ma-ha-tát niệm Phật.
云何菩薩摩訶薩念法。善男子。

vân hà Bồ Tát Ma-Ha tát niệm Pháp。 thiện nam tử。

Thế nà là Bồ-tát-ma-ha-tát niệm Pháp? Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩思惟諸佛所可說法最妙最上。因是法故。

Bồ Tát Ma-Ha tát tư duy chư Phật sở khả thuyết Pháp tối diệu tối thượng。 nhân thị Pháp cố。

Bồ-tát-ma-ha-tát tư duy về pháp chư Phật có thể thuyết là tối diệu tối thượng, do pháp này
能令眾生得現在果。惟此正法無有時節法眼所見非肉眼見。

năng lệnh chúng sanh đắc hiện tại quả。 duy thử chánh Pháp vô hữu thời tiết Pháp nhân
sở kiến phi nhục nhãn kiến。

mà có thể khiến chúng sanh đắc quả hiện tại, chỉ có chánh pháp này, không có thời tiết, là
chỗ thấy của pháp nhân, không phải chỗ thấy của nhục nhãn,
然不可以譬喻為比。

nhiên bất khả dĩ thí dụ vi bỉ.

trọn không thể dùng ví dụ mà nói,

不生不出不住不滅不始不終無為無數。無舍宅者為作舍宅。

bất sanh bất xuất bất trụ bất diệt bất thủy bất chung vô vi vô số. vô xá trạch giả vi tác xá trạch。

là không sanh, không xuất, không trụ, không diệt, không thủ, không chung, vô vi, vô số, không có nhà ở mà làm nhà ở,

無歸作歸無明作明。未到彼岸令到彼岸。

vô quy tác quy vô minh tác minh. vị đáo bỉ ngạn lệnh đáo bỉ ngạn。

không chỗ nương dựa làm chỗ nương dựa, vô minh khiến được minh, chưa đến bờ bên kia khiến đến bờ bên kia ,

為無香處作無礙香。不可見見不動不轉不長不短。

vi vô hương xử tác vô ngại hương. bất khả kiến kiến bất động bất chuyển bất trường bất đoản。

vì chỗ không có hương làm vô ngại hương, không thể thấy, không động, không chuyển, không dài, không ngắn,

永斷諸樂而安隱樂畢竟微妙。

vĩnh đoạn chư lạc nhi an ổn lạc tất cánh vi diệu。

mãi đoạn các sự vui mà được vui an ổn rất rạo vi diệu,

非色斷色而亦是色。乃至非識斷識而亦是識。

phi sắc đoạn sắc nhi diệt thị sắc. nãi chí phi thức đoạn thức nhi diệt thị thức。

không phải sắc, đoạn diệt sắc mà cũng là sắc, cho đến không phải thức, đoạn diệt thức mà cũng là thức,

非業斷業非結斷結。非物斷物而亦是物。

phi nghiệp đoạn nghiệp phi kết đoạn kết. phi vật đoạn vật nhi diệt thị vật。

không phải nghiệp, đoạn nghiệp, không phải kết, đoạn kết, không phải vật, đoạn vật mà cũng là vật,

非界斷界而亦是界。非有斷有而亦是有。

phi giới đoạn giới nhi diệt thị giới. phi hữu đoạn hữu nhi diệt thị hữu。

không phải giới, đoạn giới mà cũng là giới, không phải hữu, đoạn hữu mà cũng là hữu,

非入斷入而亦是入。非因斷因而亦是因。

phi nhập đoạn nhập nhi diệt thị nhập. phi nhân đoạn nhân nhi diệt thị nhân.
không phải nhập, đoạn nhập mà cũng là nhập, không phải nhân, đoạn nhân mà cũng là nhân,

非果斷果而亦是果。非虛非實斷一切實而亦是實。

phi quả đoạn quả nhi diệt thị quả. phi hư phi thật đoạn nhất thiết thật nhi diệt thị thật.
không phải quả, đoạn quả, mà cũng là quả, không hư không thật, đoạn tất cả thật mà cũng là thật

非生非滅永離生滅而亦是滅。

phi sanh phi diệt vĩnh ly sanh diệt nhi diệt thị diệt.

không sanh không diệt, xa lìa sanh diệt mà cũng là diệt,

非相非非相斷一切相而亦是相。非教非不教而亦是師。

phi tướng phi phi tướng đoạn nhất thiết tướng nhi diệt thị tướng. phi giáo phi bất giáo nhi diệt thị sư.

không tướng, không phải không tướng, đoạn tất cả tướng mà cũng là tướng, không dạy, không phải không dạy mà cũng là thầy,

非怖非安斷一切怖而亦是安。

phi bố phi an đoạn nhất thiết phổ nhi diệt thị an.

không sợ, không an, đoạn tất cả sợ mà cũng là an,

非忍非不忍永斷不忍而亦是忍。

phi nhẫn phi bất nhẫn vĩnh đoạn bất nhẫn nhi diệt thị nhẫn.

không nhẫn, không phải không nhẫn, đoạn không nhẫn mà cũng là nhẫn,

非止非不止斷一切止而亦是止一切法頂。悉能永斷一切煩惱清淨無相永脫諸相。

phi chỉ phi bất chỉ đoạn nhất thiết chỉ nhi diệt thị chỉ nhất thiết Pháp đỉnh. tất năng vĩnh đoạn nhất thiết phiền não thanh tịnh vô tướng vĩnh thoát chư tướng.

không dừng, không phải không dừng, đoạn tất cả dừng mà cũng là dừng tất cả đảnh, đều có thể đoạn dứt tất cả phiền não, thanh tịnh, vô tướng, xa lìa các tướng,

無量眾生畢竟住處能滅一切生死熾火。

vô lượng chúng sanh tất cánh trụ xử năng diệt nhất thiết sanh tử sí hỏa.

vô lượng chúng sanh rốt ráo trụ xử, có thể diệt tất cả lửa sanh tử,

乃是諸佛所遊居處常不變易。是名菩薩念法。

nãi thị chư Phật sở du cư xử thường bất biến dịch. thị danh Bồ Tát niệm Pháp.

đó chính là chỗ ở của chư Phật thường không biến đổi, đó gọi là Bồ-tát niệm Pháp.

云何念僧。諸佛聖僧如法而住。

vân hà niệm Tăng. chư Phật Thánh tăng như Pháp nhi trụ.

Thế nào là niệm Tăng? Chư Phật Thánh tăng như pháp mà trụ,

受正直法隨順修行。不可覩見不可捉持不可破壞。

thọ chánh trực Pháp tùy thuận tu hành. bất khả đở kiến bất khả tróc trì bất khả phá hoại.

thọ nhận pháp ngay thẳng tùy thuận mà tu hành, không thể thấy, không thể nắm giữ, không thể phá hoại,

無能燒害不可思議。

vô năng nhiều hại bất khả tư nghị.

không thể làm hại, không thể nghĩ bàn,

一切眾生良祐福田雖為福田無所受取清淨無穢無漏無為廣普無邊。

nhất thiết chúng sanh lương hữu phúc điền tuy vi phúc điền vô sở thọ thủ thanh tịnh vô ố vô lậu vô vi quảng phổ vô biên.

là ruộng phước cho tất cả chúng sanh, tuy làm ruộng phước mà không có chỗ thọ nhận, thanh tịnh, không cấu ố, vô lậu, vô vi, rộng khắp vô biên,

其心調柔平等無二。無有撓濁常不變易。

kỳ tâm điều nhu bình đẳng vô nhị. vô hữu nạo trước thường bất biến dịch.

tâm ấy nhu nhuyễn bình đẳng không hai, không có quấy nhiễu, thường không biến đổi, 是名念僧。云何念戒。

thị danh niệm Tăng. vân hà niệm giới.

đó gọi là niệm Tăng. Thế nào là niệm giới?

菩薩思惟有戒不破不漏不壞不雜。雖無形色而可護持。

Bồ Tát tư duy hữu giới bất phá bất lậu bất hoại bất tạp. tuy vô hình sắc nhi khả hộ trì.

Bồ-tát suy nghĩ có giới không phá, không rơi rớt, không phá hoại, không xen tạp, tuy có hình sắc mà không thể hộ trì,

雖無觸對善修方便。可得具足無有過咎。

tuy vô xúc đối thiện tu phương tiện. khả đắc cụ túc vô hữu quá cữu.

tuy không có đối tượng xúc chạm mà khéo tu phương tiện, có thể đầy đủ, có thể lỗi lầm, 諸佛菩薩之所讚歎。是大方等大涅槃因。善男子。

chư Phật Bồ Tát chi sở tán thán。 thị Đại phương đẳng Đại Niết-Bàn nhân。 thiện nam tử。

là chỗ khen ngợi của chư Phật Bồ-tát, là nhân của Đại-phương-đẳng, Đại Niết-bàn. Thiện nam tử!

譬如大地船舫瓔珞大姓大海。灰汁舍宅刀劍橋梁。

thí như Đại địa thuyền phảng anh lạc Đại tính Đại hải。 hôi trấp xá trạch đao kiếm kiều lương。

thí như đại địa, thuyền bè, anh lạc, dòng tộc lớn, biển lớn, nhà cửa, đao kiếm, cầu đường, 良醫妙藥阿伽陀藥。

lương y diệu dược a đà đà dược。

lương y, thuốc hay, thuốc A-dà-đà,

如意寶珠脚足眼目父母陰涼。無能劫盜不可燒害。

như ý bảo châu cước túc nhãn mục phụ mẫu uẩn lương。 vô năng kiếp đạo bất khả nhiều hại。

bảo châu như ý, bàn chân, mắt sáng, cha mẹ bóng mát, không thể trộm cướp không thể làm hại,

火不能焚水不能漂。大山梯蹬諸佛菩薩妙寶勝幢。

hỏa bất năng phần thủy bất năng phiêu。 Đại sơn thê đặng chư Phật Bồ Tát diệu bảo thắng tràng。

lửa không thể đốt, nước không thể nhận chìm chư Phật Bồ-tát vi diệu thù thắng,

若住是戒得須陀洹果我亦有分然我不須。

nhược trụ thị giới đắc Tu đà hoàn quả ngã diệc hữu phần nhiên ngã bất tu。

nếu trụ giới này đắc Tu-đà-hoàn ta cũng có phần nhưng ta không tu。

何以故。若我得是須陀洹果。

hà dĩ cố。 nhược ngã đắc thị Tu đà hoàn quả。

Tại vì sao? Nếu ta đắc quả Tu-đà-hoàn

不能廣度一切眾生。若住是戒則得阿耨多羅三藐三菩提。

bất năng quảng độ nhất thiết chúng sanh。 nhược trụ thị giới tắc đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。

thì không thể rộng độ vô lượng chúng sanh, nếu trụ giới này tức đắc Vô-thượng-chánh
-đẳng-chánh giác,

我亦有分是我所欲。何以故。

ngã diệc hữu phần thị ngã sở dục。 hà dĩ cố。

ta cũng có phần là chỗ Bồ Tát muốn. Tại vì sao?

若得阿耨多羅三藐三菩提。當為眾生廣說妙法而作救護。

nhược đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。 đương vi chúng sanh quảng thuyết diệu

Pháp nhi tác cứu hộ。

Nếu đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sẽ vì chúng sanh rộng thuyết diệu pháp,

làm sự che chở cứu vớt,

是名菩薩摩訶薩念戒。云何念施。

thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát niệm giới。 vân hà niệm thí。

đó là Bồ-tát-ma-ha-tát niệm giới. Thế nào là niệm thí?

菩薩摩訶薩深觀此施乃是阿耨多羅三藐三菩提。

Bồ Tát Ma-Ha tát thâm quán thử thí nãi thị a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。

Bồ-tát-ma-ha-tát quán sát sâu xa thí này là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

因諸佛菩薩親近修集如是布施。

nhân chư Phật Bồ Tát thân cận tu tập như thị bố thí。

do gần gũi chư Phật Bồ-tát mà tu tập bố thí như vậy,

我亦如是親近修集。若不惠施不能莊嚴四部之眾。

ngã diệc như thị thân cận tu tập。 nhược bất huệ thí bất năng trang nghiêm tứ bộ chi

chúng。

ta cũng như vậy mà gần gũi tu tập, nếu không bố thí thì không thể trang nghiêm bốn bộ

chúng,

施雖不能畢竟斷結。而能除破現在煩惱。

thí tuy bất năng tất cánh đoạn kết。 nhi năng trừ phá hiện tại phiền não。

bố thí tuy không thể đoạn tử kiết sử rốt ráo, nhưng không thể phá trừ phiền não hiện tại,

以施因緣故常為十方無量無邊恒河沙等。

dĩ thí nhân duyên cố thường vi thập phương vô lượng vô biên hằng hà sa đẳng。

do nhân duyên bố thí nên thường được chúng sanh trong mười phương vô lượng vô biên

hằng hà sa

世界眾生之所稱歎。菩薩摩訶薩施眾生食則施其命。

thế giới chúng sanh chi sở xưng tán。 Bồ Tát Ma-Ha tát thí chúng sanh thực tắc thí kỳ mạng。

thế giới khen ngợi, Bồ tát-ma-ha-tát bố thí thức ăn, thân mạng cho chúng sanh, 以是果報成佛之時常不變易。

dĩ thí quả báo thành Phật chi thời thường bất biến dịch。

do quả báo này mà lúc thành Phật thường không biến đổi, 以施樂故成佛之時則得安樂。

dĩ thí lạc cố thành Phật chi thời tắc đắc an lạc。

do bố thí sự vui nên khi thành Phật được sự an vui.

菩薩施時如法求財不侵彼施此。是故成佛得清淨涅槃。

Bồ Tát thí thời như Pháp cầu tài bất xâm bỉ thí thử。 thí cố thành Phật đắc thanh tịnh Niết-Bàn。

khi Bồ-tát bố thí thì như pháp cầu tài vật, không đem chỗ này bố thí chỗ kia, cho nên lúc thành Phật đắc Niết-bàn thanh tịnh,

菩薩施時令諸眾生不求而得。是故成佛得自在。

Bồ Tát thí thời lệnh chư chúng sanh bất cầu nhi đắc。 thí cố thành Phật đắc tự-tại。

khi Bồ-tát bố thí khiến chúng sanh không cầu mà đắc, cho nên lúc thành Phật được tự tại, 我以施因緣令他得力。是故成佛獲得十力。

ngã dĩ thí nhân duyên lệnh tha đắc lực。 thí cố thành Phật hoạch đắc thập lực。

ta dùng nhân duyên bố thí khiến người khác được sức lực, cho nên khi thành Phật thì đắc thập lực,

以施因緣令他得語。是故成佛得四無礙。

dĩ thí nhân duyên lệnh tha đắc ngữ。 thí cố thành Phật đắc tứ vô ngại。

do nhân duyên bố thí khiến người khác được lời nói, cho nên khi thành Phật được Tứ-vô ngại-biện.

諸佛菩薩修集是施為涅槃因。我亦如是。

chư Phật Bồ Tát tu tập thí thí vi Niết-Bàn nhân。 ngã diệc như thí。

Chư Phật Bồ-tát tu tập bố thí làm nhân niết-bàn, ta cũng như vậy

修集布施為涅槃因。廣說如雜花中。云何念天。

tu tập bố thí vi Niết-Bàn nhân。 quảng thuyết như tạp hoa trung。 vân hà niệm Thiên。

tu tập bố thí làm nhân Niết-bàn, rộng giảng nói như trong tạp hoa. Thế nào là niệm thiên?
有四天王處乃至非想非非想處。

hữu tứ Thiên Vương xử nãi chí phi tưởng phi phi tưởng xử。
có cõi trời Tứ-thiên-vương cho đến cõi phi tưởng phi phi tưởng ,
若有信心得四天王處我亦有分。

nhược hữu tín tâm đắc tứ Thiên Vương xử ngã diệc hữu phần。
nếu có tín tâm được cõi trời Tứ-thiên-vương ta cũng có phần。
若戒多聞布施智慧得四天王處。

nhược giới đa văn bố thí trí tuệ đắc tứ Thiên Vương xử。
Như trì giới, đa văn, bố thí trí huệ mà được ở cõi Tứ-thiên-vương
乃至得非想非非想處我亦有分然非我所欲。何以故。

nãi chí đắc phi tưởng phi phi tưởng xử ngã diệc hữu phần nhiên phi ngã sở dục。 hà dĩ
cố。

cho đến cõi phi tưởng, phi phi tưởng ta cũng có phần nhưng không phải chỗ ham muốn
của ta. Tại vì sao?

四天王處乃至非想非非想處皆是無常。

tứ Thiên Vương xử nãi chí phi tưởng phi phi tưởng xử giai thị vô thường。
vì từ cõi Tứ-thiên-vương cho đến cõi phi tưởng, phi phi tưởng đều là vô thường,
以無常故生老病死以是義故非我所欲。譬如幻化誑於愚夫。

dĩ vô thường cố sanh lão bệnh tử dĩ thị nghĩa cố phi ngã sở dục。 thí như huyễn hóa cưỡng
ư ngu phu。

do vô thường cho nên có sanh lão bệnh tử, do nghĩa này nên ta không ham muốn, thí như
sự huyễn hoá làm mê hoặc người ngu,
智慧之人所不惑著。如幻化者即是四天王處。

trí tuệ chi nhân sở bất hoặc trú。 như huyễn hóa giả tức thị tứ Thiên Vương xử。
người trí huệ thì không bị mê hoặc, sự huyễn hoá tức là cõi Tứ-thiên-vương
乃至非想非非想處。愚者即是一切凡夫。

nãi chí phi tưởng phi phi tưởng xử。 ngu giả tức thị nhất thiết phàm phu。
cho đến cõi phi tưởng, phi phi tưởng, người ngu tức là chỉ tất cả phàm phu,
我則不同凡夫愚人。我曾聞有第一義天。

ngã tắc bất đồng phàm phu ngu nhân。 ngã tăng văn hữu đệ nhất nghĩa Thiên。

ta thì không như người ngu phàm phu. Ta từng nghe có cõi trời đệ nhất nghĩa,
謂諸佛菩薩常不變易。以常住故不生不老不病不死。
vị chư Phật Bồ Tát thường bất biến dịch。 dĩ thường trụ cố bất sanh bất lão bất bệnh bất
tử。
đó là chư Phật Bồ-tát thường không biến đổi, do thường trụ nên không sanh, không già,
không bệnh, không chết,
我為眾生精勤求於第一義天。何以故。
ngã vì chúng sanh tinh tinh cần cầu ư đệ nhất nghĩa Thiên。 hà dĩ cố。
ta vì chúng sanh mà siêng năng cầu ở cõi trời đệ nhất nghĩa. Tại vì sao?
第一義天能令眾生除斷煩惱猶如意樹。
đệ nhất nghĩa Thiên năng lệnh chúng sanh trừ đoạn phiền não do như ý thụ。
cõi đệ nhất nghĩa có thể khiến chúng sanh đoạn trừ phiền não giống như cây như ý,
若我有信乃至有慧則能得是第一義天。
nhược ngã hữu tín nãi chí hữu tuệ tắc năng đắc thị đệ nhất nghĩa Thiên。
nếu ta có lòng tin cho đến có trí huệ thì có thể đạt được cõi đệ nhất nghĩa này,
當為眾生廣分別說第一義天。是名菩薩摩訶薩念天。善男子。
đương vì chúng sanh quảng phân biệt thuyết đệ nhất nghĩa Thiên。 thị danh Bồ Tát Ma-Ha
tát niệm Thiên。 thiện nam tử。
sẽ vì chúng sanh mà rộng phân biệt giảng nói như đệ nhất nghĩa, đó gọi là Bồ-tát-ma-ha-
tát niệm thiên. Thiện nam tử!
是名菩薩非世間也。是為世間不知見覺。
thị danh Bồ Tát phi thế gian dã。 thị vi thế gian bất tri kiến giác。
đó gọi là bồ-tát không phải thế gian, đó là chỗ thế gian không hay biết
而是菩薩所知見覺。善男子。若我弟子。
nhi thị Bồ Tát sở tri kiến giác。 thiện nam tử。 nhược ngã đệ-tử。
mà Bồ-tát có thể thấy. Thiện nam tử! Nếu đệ tử ta
謂受持讀誦書寫演說十二部經。
vị thọ trì độc tụng thư tả diễn thuyết thập nhị bộ Kinh。
thọ trì độc tụng biên chép giảng nói mười hai bộ kinh,
及以受持讀誦書寫敷演解說大涅槃經等無差別者。是義不然。

cập dĩ thọ trì đọc tụng thư tả phu diễn giải thuyết Đại Niết bàn Kinh đặng vô sai biệt giả. thị nghĩa bất nhiên.

và cho rằng thọ trì đọc tụng biên chép giải nói kinh đại thừa Niết-bàn thì cũng như nhau không khác. Nghĩa này không như vậy.

何以故。善男子。

hà dĩ cố. thiện nam tử.

Tại vì sao? Thiện nam tử!

大涅槃者即是一切諸佛世尊甚深祕藏。以是諸佛甚深祕藏是則為勝。

Đại Niết-Bàn giả tức thị nhất thiết chư Phật Thế tôn thậm thâm bí tạng. dĩ thị chư Phật thậm thâm bí tạng thị tắc vi thắng

Đại Niết-bàn là tạng bí mật thâm sâu của tất cả chư Phật Thế Tôn, là tạng bí mật thâm sâu của chư Phật nên đó là tối thắng.

善男子。以是義故。

thiện nam tử. dĩ thị nghĩa cố.

Thiện nam tử, do nghĩa này

大涅槃經甚奇甚特不可思議。迦葉菩薩白佛言。世尊。

Đại Niết bàn Kinh thậm kì thậm đặc bất khả tư nghị. ca diệp Bồ Tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Nên kinh đại Niết-bàn rất đặc biệt không thể nghĩ bàn. Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng:
Bạch Thế Tôn!

我亦知是大涅槃經甚奇甚特不可思議。

ngã diệp tri thị Đại Niết bàn Kinh thậm kì thậm đặc bất khả tư nghị.

Con cũng biết kinh đại Niết-bàn rất đặc biệt không thể nghĩ bàn,

佛法眾僧不可思議。菩薩菩提大般涅槃亦不可思議。世尊。

Phật Pháp chúng tăng bất khả tư nghị. Bồ Tát bồ đề Đại bát Niết bàn diệp bất khả tư nghị. Thế tôn.

Phật Pháp Tăng không thể nghĩ bàn, Bồ-tát, bồ đề đại bát Niết-bàn cũng không thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn!

以何義故復言菩薩不可思議。善男子。

dĩ hà nghĩa cố phục ngôn Bồ Tát bất khả tư nghị. thiện nam tử.

Do nghĩa gì lại nói Bồ-tát không thể nghĩ bàn? Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩無有教者而能自發菩提之心。

Bồ Tát Ma-Ha tát vô hữu giáo giả nhi năng tự phát bồ đề chi tâm。

Bồ-tát-ma-ha-tát không có người dạy mà có thể tự phát tâm bồ đề,
既發心已勤修精進。

ký phát tâm dĩ tinh cần tu tinh tấn。

đã phát tâm rồi lại siêng năng tu tập,

正使大火焚燒身首終不求救捨念法心。何以故。

chánh sử Đại hỏa phần thiêu thân thủ chung bất cầu cứu xả niệm Pháp tâm。 hà dĩ cố。

giả sử có lửa lớn đốt cháy thân cũng trọn không vì cầu cứu mà xả bỏ tâm niệm Pháp. Tại
vì sao?

菩薩摩訶薩常自思惟。

Bồ Tát Ma-Ha tát thường tự tư duy。

Bồ-tát-ma-ha-tát thường tự suy nghĩ:

我於無量阿僧祇劫或在地獄餓鬼畜生人中天上。為諸結火之所燒然。

ngã ư vô lượng a tăng kì kiếp hoặc tại Địa-ngục ngạ quỷ súc sanh nhân trung Thiên
thượng。 vi chư kết hỏa chi sở thiêu nhiên。

Ta ở trong vô lượng a-tăng-kỳ-kiếp, hoặc ở nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời, người mà
bị các thứ lửa kết sử thiêu đốt,

初不曾得一決定法。

sơ bất tăng đắc nhất quyết định Pháp。

cũng chưa từng đắc một pháp quyết định,

決定法者即是阿耨多羅三藐三菩提。

quyết định Pháp giả tức thị a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。

pháp quyết định tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。

若我為於阿耨多羅三藐三菩提終不護惜身心與命。

nhược ngã vi ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề chung bất hộ tích thân tâm dĩ mạng。

Nếu ta vì đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì trọn không tiết thân mạng。

我為阿耨多羅三藐三菩提正使碎身猶如微塵。終不放捨勤精進也。

ngã vi a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề chánh sử toái thân do như vi trần。 chung bất
phóng xả tinh cần tinh tấn dã。

Ta vì đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, giả sử thân tan nát như vi trần , trọn không xả bỏ sự tinh tấn.

何以故。

hà dĩ cố。

Tại vì sao?

勤進之心即是阿耨多羅三藐三菩提因。善男子。

tinh cần tiến chí tâm tức thị a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề nhân。 thiện nam tử。

Vì tâm tinh tấn tức là nhân Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thiện nam tử!

如是菩薩未見阿耨多羅三藐三菩提。乃能如是不惜身命況復見已。

như thị Bồ Tát vị kiến a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。 nãi năng như thị bất tích thân mạng huống phục kiến dĩ。

Như vậy bồ-tát chưa thấy đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mà có thể không tiết thân mạng huống nữa là thấy rồi,

是故菩薩不可思議。又復不可思議。

thị cố Bồ Tát bất khả tư nghị。 hựu phục bất khả tư nghị。

cho nên Bồ-tát là không thể nghĩ bàn . Lại nữa, không thể nghĩ bàn:

菩薩摩訶薩所見生死無量過患。非是聲聞緣覺所及。

Bồ Tát Ma-Ha tát sở kiến sanh tử vô lượng quá hoạn。 phi thị thanh văn duyên giác sở cập。

Bồ-tát-ma-ha-tát thấy sanh tử có vô lượng hoạn nạn, không phải hàng Thanh văn, Duyên giác có thể thấy được,

雖知生死無量過惡。

tuy tri sanh tử vô lượng quá ác。

tuy biết sanh tử có vô lượng hoạn nạn

為眾生故於中受苦不生厭離。是故復名不可思議。

vì chúng sanh cố ư trung thọ khổ bất sanh yếm ly。 thị cố phục danh bất khả tư nghị。

nhưng vì chúng sanh nên chịu ở trong ấy thọ khổ mà không sanh nhàm chán, cho nên gọi là không thể nghĩ bàn,

菩薩摩訶薩為眾生故雖在地獄。受諸苦惱如三禪樂。

Bồ Tát Ma-Ha tát vì chúng sanh cố tuy tại Địa-ngục。 thọ chư khổ não như tam Thiền lạc。

Bồ-tát-ma-ha-tát vì chúng sanh nên tuy ở địa ngục chịu các khổ não, mà cảm thấy sự vui
cõi tam thiên,

是故復名不可思議。善男子。譬如長者其家失火。

thị cố phục danh bất khả tư nghị。 thiện nam tử。 thí như Trưởng-Giả kỳ gia thất hỏa。
cho nên gọi là không thể nghĩ bàn。 Thiện nam tử! thí nhà ông trưởng giả bị lửa đốt cháy,
長者見已從舍而出。諸子在後未脫火難。

Trưởng-Giả kiến dĩ tòng xá nhi xuất。 chư tử tại hậu vị thoát hỏa nan。

trưởng giả thấy rồi liền từ nhà mà ra , các con chưa ra được nên chưa thoát khỏi nạn lửa,
長者爾時定知火害。

Trưởng-Giả nhĩ thời định tri hỏa hại。

Lúc bấy giờ trưởng giả biết chắc lửa gây tai hại,

為諸子故旋還赴救不顧其難。菩薩摩訶薩亦復如是。

vi chư tử cố toàn hoàn phó cứu bất cố kỳ nan。 Bồ Tát Ma-Ha tát diệc phục như thị。

vì thương các con nên quay lại cứu vớt mà không kể khó khăn。 Bồ-tát-ma-ha-tát cũng lại
như vậy,

雖知生死多諸過惡。為眾生故處之不厭。

tuy tri sanh tử đa chư quá ác。 vi chúng sanh cố xử chi bất yếm。

tuy biết sanh tử có nhiều hoạn nạn, vì chúng sanh nên ở trong ấy mà không nhàm chán,
是故復名不可思議。善男子。無量眾生發菩提心。

thị cố phục danh bất khả tư nghị。 thiện nam tử。 vô lượng chúng sanh phát bồ đề tâm。
cho nên gọi là không thể nghĩ bàn。 Thiện nam tử vô lượng chúng sanh phát tâm bồ đề,
見生死中多諸過惡心即退沒。或為聲聞或為緣覺。

kiến sanh tử trung đa chư quá ác tâm tức thối một。 hoặc vi thanh văn hoặc vi duyên
giác。

thấy trong sanh tử nhiều xấu ác tâm liền thối lui, hoặc làm Thanh văn hoặc làm Duyên
giác。

若有菩薩聞是經者。終不退失菩提之心。

nhược hữu Bồ Tát văn thị Kinh giả。 chung bất thối thất bồ đề chi tâm。

Nếu Bồ-tát nghe kinh này trọn không thối thất tâm Bồ-đề

而為聲聞辟支佛也。

nhi vi thanh văn Bích chi Phật dã。

mà làm Thanh văn hay Bích-chi Phật.

如是菩薩雖復未階初不動地。而心堅固無有退沒。

như thị Bồ Tát tuy phục vị giai sơ bất động địa。nhi tâm kiên cố vô hữu thối một。

Như vậy Bồ-tát tuy chưa đến thềm thang sơ bất động địa, mà tâm đã vững chắc không có thối lui,

是故復名不可思議。善男子。若有人言我能浮渡大海之水。

thị cố phục danh bất khả tư nghị。thiện nam tử。nhược hữu nhân ngôn ngã năng phù độ Đại hải chi thủy。

cho nên gọi là không thể nghĩ bàn. Thiện nam tử, nếu có người nói Bồ Tát có thể vượt qua biển lớn,

如是之言可思議不。不也。世尊。

như thị chi ngôn khả tư nghị bất。bất dã。Thế tôn。

lời nói như vậy có thể nghĩ bàn được không? Bạch Thế Tôn, không thể nghĩ bàn.

如是之言或可思議或不可思議。何以故。

như thị chi ngôn hoặc khả tư nghị hoặc bất khả tư nghị。hà dĩ cố。

lời nói như vậy hoặc có thể nghĩ bàn hoặc không thể nghĩ bàn. Tại vì sao?

若人渡者則不可思議。阿修羅渡則可思議。善男子。

nhược nhân độ giả tắc bất khả tư nghị。A-tu-La độ tắc khả tư nghị。thiện nam tử。

Nếu người vượt qua thì không thể nghĩ bàn, nếu A-tu-la vượt qua thì có thể nghĩ bàn.

Thiện nam tử!

我亦不說阿修羅也。正說人耳。世尊。

ngã diệc bất thuyết A-tu-La dã。chánh thuyết nhân nhĩ。Thế tôn。

Ta không nói A-tu-la, mà chỉ nói con người. Bạch Thế Tôn!

人中亦有可思議者不可思議者。世尊。人亦二種。

nhân trung diệc hữu khả tư nghị giả bất khả tư nghị giả。Thế tôn。nhân diệc nhị chủng。

trong loài người cũng có hạng có thể nghĩ bàn và không thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn! Có hai loại người:

一者聖人。二者凡夫。凡夫之人則不可思議。

nhất giả Thánh nhân。nhị giả phàm phu。phàm phu chi nhân tắc bất khả tư nghị。

Một là bậc thánh, hai là phàm phu, hạng phàm phu thì không thể nghĩ bàn

賢聖之人則可思議。善男子。

hiền Thánh chi nhân tắc khả tư nghị. thiện nam tử. bạch hiền thánh thì có thể nghĩ bàn.
Thiện nam tử!

我說凡夫不說聖人。世尊。若凡夫人實不可思議。善男子。

ngã thuyết phàm phu bất thuyết Thánh nhân. Thế tôn. nhược phàm phu nhân thật bất
khả tư nghị. thiện nam tử.

Ta nói phàm phu , không nói bậc thánh. Bạch Thế Tôn, nếu là phàm phu thì thật không
thể nghĩ bàn. Thiện nam tử,

凡夫之人實不能渡大海水也。

phàm phu chi nhân thật bất năng độ Đại hải thủy dã.

hạng phàm phu thật không phải vượt qua biển lớn,

如是菩薩實能渡於生死大海。是故復名不可思議。

như thị Bồ Tát thật năng độ ư sanh tử Đại hải. thị cố phục danh bất khả tư nghị.

như vậy Bồ-tát có thể vượt qua biển lớn sanh tử, cho nên gọi là không thể nghĩ bàn.

善男子。若有人能以藕根絲懸須彌山可思議不。

thiện nam tử. nhược hữu nhân năng dĩ ngẫu căn ti huyền Tu-Di sơn khả tư nghị bất.

Thiện nam tử! Nếu có người có thể dùng ngó sen mà treo núi Tu-di , việc này có thể nghĩ
bàn không?

不也。世尊。善男子。

bất dã. Thế tôn. thiện nam tử.

Bạch Thế Tôn! Không thể nghĩ bàn. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩於一念頃悉能稱量一切生死。是故復名不可思議。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư nhất niệm khoảnh tất năng xưng lượng nhất thiết sanh tử. thị cố phục
danh bất khả tư nghị.

bồ-tát -ma-ha-tát trong một niệm có thể đếm biết tất cả sanh tử, cho nên gọi là không thể
nghĩ bàn.

善男子。菩薩摩訶薩已於無量阿僧祇劫。

thiện nam tử. Bồ Tát Ma-Ha tát dĩ ư vô lượng a tăng kì kiếp.

Thiện nam tử! Bồ-tát-ma-ha-tát ở trong vô lượng a-tăng-kỳ-kiếp,

常觀生死無常無我無樂無淨。

thường quán sanh tử vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh.

thường quán xét sanh tử, vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh,

而為眾生分別演說常樂我淨。雖如是說然非邪見。

nhi vi chúng sanh phân biệt diễn thuyết thường lạc ngã tịnh. tuy như thị thuyết nhiên phi tà kiến.

mà vì chúng sanh phân biệt giảng nói thường, lạc, ngã, tịnh . Tuy giảng nói như vậy nhưng không phải là tà kiến,

是故復名不可思議。善男子。如人入水水不能漂。

thị cố phục danh bất khả tư nghị. thiện nam tử. như nhân nhập thủy thủy bất năng phiêu.

cho nên gọi là không thể nghĩ bàn. Thiện nam tử! Như người xuống nước , nước không thể nhận chìm,

入大猛火火不能燒。如是之事不可思議。

nhập Đại mãnh hỏa hỏa bất năng thiêu. như thị chi sự bất khả tư nghị.

vào trong lửa dữ, lửa không thể thiêu đốt, việc như vậy không thể nghĩ bàn,

菩薩摩訶薩亦復如是。

Bồ Tát Ma-Ha tát diệc phục như thị.

Bồ-tát-ma-ha-tát cũng lại như vậy,

雖處生死不為生死之所惱害。是故復名不可思議。善男子。

tuy xử sanh tử bất vi sanh tử chi sở não hại. thị cố phục danh bất khả tư nghị. thiện nam tử.

tuy ở trong sanh tử mà không bị sanh tử làm não hại, cho nên gọi là không thể nghĩ bàn.

Thiện nam tử!

人有三品謂上中下。下品之人初入胎時作是念言。

nhân hữu tam phẩm vị thượng trung hạ. hạ phẩm chi nhân sơ nhập thai thời tác thị niệm ngôn.

Loại người có ba hạng, đó là thượng, trung, hạ. Hạng hạ phẩm là người lúc mới vào thai liền suy nghĩ rằng:

我今處廁眾穢歸處如死屍間。

ngã kim xử xí chúng uế quy xử như tử thi gian.

Ta nay ở trong nhà xí là nơi tập hợp các sự dơ uế, như thầy chết nằm

眾棘刺中大黑闇處。初出胎時復作是念。我今出廁出眾穢處。

chúng 棘 thứ trung Đại hắc ám xử. sơ xuất thai thời phục tác thị niệm. ngã kim xuất xí xuất chúng uế xử.

trong những chỗ rất tối tăm , khi mới ra khỏi thai lại suy nghĩ rằng: Ta nay ra khỏi nhà xí chỗ dơ uế

乃至出於大黑闇處。中品之人作是念言。

nãi chí xuất ư Đại hắc ám xử. trung phẩm chi nhân tác thị niệm ngôn.

và ra khỏi chỗ tối tăm. Hạng trung phẩm lại suy nghĩ rằng:

我今入於眾樹林中。清淨河中房舍屋宅。

ngã kim nhập ư chúng thụ lâm trung. thanh tịnh hà trung phòng xá ốc trạch。

Ta nay ở trong rừng cây, có hồ nước trong sạch, có nhà cửa phòng ốc,

出時亦爾。上品之人作是念言。

xuất thời diệc nhĩ. thượng phẩm chi nhân tác thị niệm ngôn.

lúc ra khỏi thai cũng nghĩ ra khỏi chỗ như vậy. Hạng thượng phẩm lại suy nghĩ rằng:

我昇殿堂在花林間。乘馬乘象登涉高山。出時亦爾。

ngã thăng điện đường tại hoa lâm gian. thừa mã thừa tượng đăng thiệp cao sơn. xuất thời diệc nhĩ.

Ta được lên cung điện ở giữa rừng hoa, cỡi voi cỡi ngựa leo lên núi cao, lúc ra khỏi thai cũng nghĩ như vậy.

菩薩摩訶薩初入胎時自知入胎。

Bồ Tát Ma-Ha tát sơ nhập thai thời tự tri nhập thai。

Bồ-tát-ma-ha-tát lúc mới vào thai tự biết vào thai,

住時知住出時知出。終不生於貪瞋之心。而未得階初住地也。

trụ thời tri trụ xuất thời tri xuất. chung bất sanh ư tham sân chi tâm. nhi vị đắc giai sơ trụ địa dã。

lúc ở biết ở , lúc ra biết ra , trọn không khởi tâm sân si, mà chưa bước lên thềm thang bậc trụ địa,

是故復名不可思議。善男子。

thị cố phục danh bất khả tư nghị. thiện nam tử。

cho nên gọi là không thể nghĩ bàn. Thiện nam tử!

阿耨多羅三藐三菩提實不可以譬喻為比。善男子。

a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề thật bất khả dĩ thí dụ vi bỉ. thiện nam tử。

Đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thật không thể dùng ví dụ để so sánh. Thiện nam tử!

心亦不可以方喻為比而皆可說。

tâm diệc bất khả dĩ phương dụ vi bỉ nhi giai khả thuyết。

Tâm cũng có thể dùng ví dụ để so sánh, đều có thể thuyết giảng,

菩薩摩訶薩無有師諮受學之處。

Bồ Tát Ma-Ha tát vô hữu sư ti thọ học chi xử。

Bồ-tát-ma-ha-tát không có thầy để tham vấn học hỏi

而能得於阿耨多羅三藐三菩提法。得是法已心無慳悋常為眾生而演說之。

nhi năng đắc ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề Pháp。 đắc thị Pháp dĩ tâm vô khan 慳 thường vi chúng sanh nhi diễn thuyết chi。

mà có thể đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đắc pháp này rồi tâm không bôn xén, thường vì chúng sanh mà thuyết giảng,

是故復名不可思議。善男子。

thị cố phục danh bất khả tư nghị。 thiện nam tử。

cho nên gọi là không thể nghĩ bàn. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩有身遠離非口。有口遠離非身。

Bồ Tát Ma-Ha tát hữu thân viễn li phi khẩu。 hữu khẩu viễn li phi thân。

Bồ-tát-ma-ha-tát có thân xa lìa điều trái ở miệng, có miệng xa lìa điều trái ở thân,

有非身非口而亦遠離。身遠離者。謂離殺盜姪。

hữu phi thân phi khẩu nhi diệc viễn li。 thân viễn li giả。 vị ly sát đạo dâm。

có điều ở thân ở miệng đều xa lìa. Thân xa lìa, tức là xa lìa sát sanh, trộm cắp, dâm dục, 是名身遠離非口。口遠離者。謂離妄語兩舌惡口無義語。

thị danh thân viễn li phi khẩu。 khẩu viễn li giả。 vị ly vọng ngữ lượng thiệt ác khẩu vô nghĩa ngữ。

đó gọi là thân xa lìa ở miệng. Miệng xa lìa, tức là xa lìa nói dối, nói hai lưỡi, nói lời ác, nói lời vô nghĩa,

是名口遠離非身。非身非口是遠離者。

thị danh khẩu viễn li phi thân。 phi thân phi khẩu thị viễn li giả。

đó gọi là xa lìa điều trái ở thân. Điều trái ở thân ở miệng đều xa lìa,

所謂遠離貪嫉瞋恚邪見。善男子。

sở vị viễn li tham tậ sần khuể tà kiến. thiện nam tử.
đó là xa lia tham lam, sần hận, ngu si, tà kiến. Thiện nam tử!
是名非身非口而亦遠離。善男子。菩薩摩訶薩不。
thị danh phi thân phi khẩu nhi diệc viễn li. thiện nam tử. Bồ Tát Ma-Ha tát bất.
đó gọi là điều trái ở thân miệng đều xa lia. Thiện nam tử, Bồ-tát-ma-ha-tát không
見一法是身是業及與離主而亦有離。
kiến nhất Pháp thị thân thị nghiệp cập dĩ ly chủ nhi diệc hữu ly.
thấy một pháp nào là thân là nghiệp mà có xa lia,
是故復名不可思議。口亦如是。善男子。
thị cố phục danh bất khả tư nghị. khẩu diệc như thị. thiện nam tử.
cho nên gọi là không thể nghĩ bàn, miệng cũng như vậy. thiện nam tử!
從身離身從口離口從慧遠離非身非口。善男子。
tòng thân ly thân tòng khẩu ly khẩu tòng tuệ viễn li phi thân phi khẩu. thiện nam tử.
từ thân lia thân, từ miệng lia miệng, từ huệ xa lia điều trái ở thân ở miệng. Thiện nam tử!
實有此慧然不能令菩薩遠離。何以故。善男子。
thật hữu thử tuệ nhiên bất năng lệnh Bồ Tát viễn li. hà dĩ cố. thiện nam tử.
thật có trí huệ này nhưng không khiến Bồ-tát xa lia. Tại sao vậy? Thiện nam tử!
無有一法能壞能作有為法性異生異滅。
vô hữu nhất Pháp năng hoại năng tác hữu vi Pháp tánh dị sanh dị diệt.
không có một pháp nào có thể hoại, có thể tạo tác, pháp hữu vi là dị sanh dị diệt,
是故此慧不能遠離。善男子。
thị cố thử tuệ bất năng viễn li. thiện nam tử.
Cho nên tuệ này không thể xa lia. Thiện nam tử!
慧不能破火不能燒水不能爛風不能動地不能持。
tuệ bất năng phá hỏa bất năng thiêu thủy bất năng lạn phong bất năng động địa bất năng
trì。
Tuệ không thể phá, lửa không thể thiêu, nước không thể nát, gió không thể động, đất
không thể nắm giữ,
生不能生老不能老住不能住壞。不能壞。
sanh bất năng sanh lão bất năng lão trụ bất năng trụ hoại. bất năng hoại。
sanh không thể sanh, già không thể già, trụ không thể trụ, hoại không thể hoại,

貪不能貪瞋不能瞋癡不能癡。以有為性異生異滅故。

tham bất năng tham sân bất năng sân si bất năng si. dĩ hữu vi tánh dị sanh dị diệt cố.

tham không thể tham, sân không thể sân, si không thể si, do pháp hữu vi là dị sanh di diệt nên

菩薩摩訶薩終不念我以此慧破諸煩惱。

Bồ Tát Ma-Ha tát chung bất sanh niệm ngã dĩ thử tuệ phá chư phiền não.

Bồ-tát-ma-ha-tát trọn không sanh ý niệm ta dùng tuệ này để phá các phiền não,

而自說言我破煩惱。雖作是說非是虛妄。

nhi tự thuyết ngôn ngã phá phiền não. tuy tác thị thuyết phi thị hư vọng.

mà tự nói rằng ta phá phiền não, tuy lời nói này không phải là hư vọng,

是故復名不可思議。迦葉復言。世尊。

thị cố phục danh bất khả tư nghị. ca diếp phục ngôn. Thế tôn.

cho nên lại gọi là không thể nghĩ bàn. Ca-diếp lại thưa rằng: Bạch Thế Tôn!

我今始知菩薩摩訶薩不可思議。佛法眾僧大涅槃經及受持者。

ngã kim thủy tri Bồ Tát Ma-Ha tát bất khả tư nghị. Phật Pháp chúng tăng Đại Niết bàn

Kinh cập thọ trì giả.

Nay con mới biết Bồ-tát-ma-ha-tát không thể nghĩ bàn, Phật Pháp Tăng, kinh Đại Niết-bàn

và người thọ trì

菩提涅槃不可思議。世尊。

bồ đề Niết-Bàn bất khả tư nghị. Thế tôn.

bồ đề Niết-bàn, tất cả là không thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn!

無上佛法當久近住幾時而滅。善男子。若大涅槃經乃至有是五行。

vô thượng Phật Pháp đương cửu cận trụ ki thời nhi diệt. thiện nam tử. nhược Đại Niết

bàn Kinh nãi chí hữu thị ngũ hành.

Phật pháp vô thượng là phải bao lâu mới diệt? Thiện nam tử! như kinh Đại-thừa- niết-bàn

có năm hạnh,

所謂聖行梵行天行病行嬰兒行。

sở vị Thánh hành phạm hạnh Thiên hành bệnh hành anh nhi hành.

đó là Thánh hạnh, phạm hạnh, thiên hạnh, bệnh hạnh, anh nhi hạnh,

若我弟子有能受持讀誦書寫演說其義。

nhược ngã đệ-tử hữu năng thọ trì độc tụng thư tả diễn thuyết kỳ nghĩa.

Nếu đệ tử ta có thể thọ trì đọc tụng biên chép giảng nói ý nghĩa,
為諸眾生之所恭敬尊重讚歎種種供養。當知。

vi chư chúng sanh chi sở cung kính tôn trọng tán thán chũng chũng cung dưỡng。 đương tri。

được các chúng sanh cung kính tôn trọng khen ngợi cúng dưỡng, phải biết
爾時佛法未滅。善男子。若大涅槃經具足流布。

nhĩ thời Phật Pháp vị diệt。 thiện nam tử。 nhược Đại Niết bàn Kinh cụ túc lưu bố。
lúc ấy là chánh pháp chưa diệt。 Thiện nam tử! Nếu kinh Đại Niết-bàn lưu truyền đầy đủ
當爾之時。我諸弟子。多犯禁戒造作眾惡。

đương nhĩ chi thời。 ngã chư đệ-tử。 đa phạm cấm giới tạo tác chúng ác。

sẽ mà/bèn thời。 ngã-Ta các đệ-tử。 nhiều xâm phạm cấm giới tạo khởi/xướng chúng ác
thì lúc ấy các đệ tử của ta phần nhiều phạm giới cấm, làm các việc ác,
不能敬信如是經典。

bất năng kính tín như thị Kinh điển。

không thể kính tin kinh điển như vậy,

以不信故不能受持讀誦書寫解說其義。不為眾人之所恭敬乃至供養。

dĩ ất tín cố bất năng thọ trì đọc tụng thư tả giải thuyết kỳ nghĩa。 bất vi chúng nhân chi sở
cung kính nãi chí cung dưỡng。

do không tin cho nên không thể thọ trì đọc tụng giảng nói ý nghĩa, không được chúng
sanh cung kính và cúng dưỡng,

見受持者輕毀誹謗。汝是六師非佛弟子。當知。

kiến thọ trì giả khinh hủy phỉ báng。 nhữ thị lục sư phi Phật đệ-tử。 đương tri。

thấy người thọ trì thì khinh chê phỉ báng cho rằng là ngoại đạo không phải đệ tử Phật, phải
biết

佛法將滅不久。迦葉菩薩復白佛言。世尊。

Phật Pháp tướng diệt bất cửu。 ca diệp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

lúc này là Phật pháp sắp diệt . Bồ-tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

我親從佛聞如是義。迦葉佛法住世七日然後滅盡。

ngã thân tòng Phật văn như thị nghĩa。 ca diệp Phật Pháp trụ thế thất nhật nhiên hậu diệt
tận。

đích thân con nghe từ Phật ý nghĩa như vậy, pháp của Ca-diếp trụ ở đời bảy ngày rồi sau đó diệt mất,

世尊。迦葉如來有是經不。如其有者。

Thế tôn. ca diếp Như-Lai hữu thị Kinh bất. như kỳ hữu giả.

Bạch Thế Tôn! Ca-diếp Như Lai có kinh này không, nếu có

云何言滅。如其無者。

vân hà ngôn diệt. như kỳ vô giả.

thì tại sao nói diệt mất, nếu không có

云何說言大涅槃經是諸如來祕密之藏。佛言。善男子。

vân hà thuyết ngôn Đại Niết bàn Kinh thị chư Như-Lai bí mật chi tạng. Phật ngôn. thiện nam tử.

thì sao nói kinh Đại-niết-nàn là tạng bí mật của Như Lai? Phật dạy: Thiện nam tử!

我先說言惟有文殊乃解是義。今當重說至心諦聽。善男子。

ngã tiên thuyết ngôn duy hữu Văn Thù nãi giải thị nghĩa. kim đương trọng thuyết chí tâm để thính. thiện nam tử.

Trước kia ta nói chỉ có Văn Thù mới hiểu nghĩa này, nay ta lại nói ông hãy chí tâm lắng nghe. Thiện nam tử,

諸佛世尊。有二種法。一者世法。

chư Phật Thế tôn. hữu nhị chủng Pháp. nhất giả thế Pháp.

chư Phật Thế Tôn có hai thứ pháp: Một là pháp thế gian,

二者第一義法。世法者則有壞滅。第一義法則不壞滅。

nhị giả đệ nhất nghĩa Pháp. thế Pháp giả tắc hữu hoại diệt. đệ nhất nghĩa Pháp tắc bất hoại diệt.

hai là pháp đệ nhất nghĩa. Pháp thế gian tức có hoại diệt, pháp đệ nhất nghĩa tức không hoại diệt.

復有二種。一者無常無我無樂無淨。

phục hữu nhị chủng. nhất giả vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh.

Lại có hai thứ: Một là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh,

二者常樂我淨。無常無我無樂無淨則有壞滅。

nhị giả thường lạc ngã tịnh. vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh tắc hữu hoại diệt.

hai là thường, lạc, ngã, tịnh. Vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh tức có hoại diệt,

常樂我淨則無壞滅。復有二種。一者二乘所持。

thường lạc ngã tịnh tắc vô hoại diệt. phục hữu nhị chủng. nhất giả nhị thừa sở trì.
thường, lạc, ngã, tịnh tức không hoại diệt. Lại có hai thứ: Một là pháp hàng Nhị-thừa thọ
trì,

二者菩薩所持。二乘所持則有壞滅。

nhị giả Bồ Tát sở trì. nhị thừa sở trì tắc hữu hoại diệt.

hai là pháp hành Bồ-tát thọ trì. Pháp hàng Nhị-thừa thọ trì tức hoại diệt,

菩薩所持則無壞滅。復有二種。一者外。二者內。

Bồ Tát sở trì tắc vô hoại diệt. phục hữu nhị chủng. nhất giả ngoại. nhị giả nội.

Pháp hàng Bồ-tát thọ trì tức không hoại diệt. Lại có hai thứ: Một là pháp bên ngoài, hai là
pháp bên trong.

外法者則有壞滅。內法者則無壞滅。復有二種。

ngoại Pháp giả tắc hữu hoại diệt. nội Pháp giả tắc vô hoại diệt. phục hữu nhị chủng.

pháp bên ngoài tức có hoại diệt, pháp bên trong tức không hoại diệt. Lại có hai thứ:

一者有為二者無為。有為之法則有壞滅。

nhất giả hữu vi nhị giả vô vi. hữu vi chi Pháp tắc hữu hoại diệt.

Một là pháp hữu vi, hai là pháp vô vi. Pháp hữu vi tức có hoại diệt,

無為之法無有壞滅。復有二種。一者可得。

vô vi chi Pháp vô hữu hoại diệt. phục hữu nhị chủng. nhất giả khả đắc.

pháp vô vi không có hoại diệt. Lại có hai thứ: Một là pháp có thể đắc,

二者不可得。可得之法則有壞滅。不可得者無有壞滅。

nhị giả bất khả đắc. khả đắc chi Pháp tắc hữu hoại diệt. bất khả đắc giả vô hữu hoại
diệt.

hai là pháp không thể đắc. Pháp có thể đắc tức có hoại diệt, pháp không thể đắc tức
không có hoại diệt.

復有二種。一者共法。二者不共法。

phục hữu nhị chủng. nhất giả cộng Pháp. nhị giả bất-cộng Pháp.

Lại có hai thứ: một là cộng pháp, hai là bất cộng pháp.

共法壞滅。不共之法無有壞滅。復有二種。

cộng Pháp hoại diệt. bất-cộng chi Pháp vô hữu hoại diệt. phục hữu nhị chủng.

Cộng pháp là hoại diệt, bất cộng pháp là không có hoại diệt. Lại có hai thứ:

一者人中二者天中。人中壞滅天無壞滅。復有二種。

nhất giả nhân trung nhị giả Thiên trung. nhân trung hoại diệt Thiên vô hoại diệt. phục hữu nhị chủng.

Một là trong loài người, hai là trong cõi trời. Trong loài người là hoại diệt, trong cõi trời là không hoại diệt. Lại có hai:

一者十一部經。二者方等經。十一部經則有壞滅。

nhất giả thập nhất bộ Kinh. nhị giả phương đẳng Kinh. thập nhất bộ Kinh tắc hữu hoại diệt.

Một là mười một bộ kinh, hai là kinh Phương Đẳng. Mười một bộ kinh tức có hoại diệt, 方等經典無有壞滅。善男子。

phương đẳng Kinh điển vô hữu hoại diệt. thiện nam tử.

kinh Phương Đẳng không có hoại diệt. Thiện nam tử!

若我弟子受持讀誦書寫解說方等經典。

nhược ngã đệ-tử thọ trì đọc tụng thư tả giải thuyết phương đẳng Kinh điển.

hoặc ngã-Ta đệ-tử thọ trì đọc tụng biên chép giải nói phương bực Kinh điển.

Nếu đệ tử của ta thọ trì đọc tụng biên chép giảng nói kinh điển Phương Đẳng,

恭敬供養尊重讚歎。當知。爾時佛法不滅。善男子。

cung kính cung dưỡng tôn trọng tán thán. đương tri. nhĩ thời Phật Pháp bất diệt. thiện nam tử.

và cung kính cúng dưỡng tôn trọng khen ngợi, phải biết lúc bấy giờ Phật pháp không diệt. Thiện nam tử!

汝向所問迦葉如來有是經不者。善男子。

nhữ hướng sở vấn ca diệp Như-Lai hữu thị Kinh bất giả. thiện nam tử.

Trước kia ông hỏi Ca-diếp Như Lai có kinh này không, thiện nam tử!

大涅槃經悉是一切諸佛祕藏。何以故。

Đại Niết bàn Kinh tất thị nhất thiết chư Phật bí tạng. hà dĩ cố.

Kinh Đại Bát Niết Bàn đều là tạng bí mật của tất cả chư Phật. Tại vì sao?

諸佛雖有十一部經不說佛性。不說如來常樂我淨。

chư Phật tuy hữu thập nhất bộ Kinh bất thuyết Phật tánh. bất thuyết Như-Lai thường lạc ngã tịnh.

chư Phật tuy có mười một bộ kinh mà không nói về Phật tánh, không nói về Như Lai thường lạc ngã tịnh,

諸佛世尊永不畢竟入於涅槃。

chư Phật Thế tôn vĩnh bất tất cánh nhập ư Niết-Bàn。

chư Phật Thế Tôn rốt ráo không nhập Niết-bàn,

是故此經名為如來祕密之藏。

thị cố thử Kinh danh vi Như-Lai bí mật chi tạng。

cho nên gọi kinh này là tạng bí mật của Như Lai,

十一部經所不說故故名為藏。如人七寶不出外用名之為藏。善男子。

thập nhất bộ Kinh sở bất thuyết cố cố danh vi tạng。 như nhân thất bảo bất xuất ngoại dụng danh chi vi tạng。 thiện nam tử。

do mười một bộ kinh không nói đến nên gọi là tạng, như bảy thứ báu mọi người không đem ra dùng nên gọi là tạng. Thiện nam tử!

是人所以藏積此物為未來事故。

thị nhân sở dĩ tạng tích thử vật vi vị lai sự cố。

người này sở dĩ cất chứa báu vật là vì sự việc chưa cần,

何等未來事。所謂穀貴賊來侵國。值遇惡王為用贖命。

hà đẳng vị lai sự。 sở vị cốc quý tặc lai xâm quốc。 trị ngộ ác Vương vi dụng thực mạng。

Tại sao gọi là sự việc chưa cần ? Đó là lúc lúa gạo đầy giặc đến xâm lấn, gặp vua xấu ác đem ra để chuộc thân mạng,

道路澁難財難。得時乃當出用。善男子。

đạo lộ sáp nan tài nan。 đắc thời nãi đương xuất dụng。 thiện nam tử。

đi đường gặp nạn thì lúc ấy mới đem ra dùng. Thiện nam tử!

諸佛如來祕密之藏亦復如是。為未來世諸惡比丘畜不淨物。

chư Phật như lai bí mật chi tạng diệc phục như thị。 vi vị lai thế chư ác bỉ khâu súc bất tịnh vật。 。

Tạng bí mật Như Lai cũng như vậy, vì các Tỷ-kheo xấu ác ở đời sau thường cất chứa vật bất tịnh,

為四眾說如來畢竟入於涅槃。讀誦世典不敬佛經。如是等惡現於世時。

vi Tứ Chúng thuyết Như-Lai tất cánh nhập ư Niết-Bàn。 độc tụng thế điển bất kính Phật kinh。 như thị đẳng ác hiện ư thế thời。

vì bốn chúng nói rằng Như Lai rất ráo nhập Niết-bàn, đọc tụng sách vở thế gian, không cung kính kinh Phật, như vậy lúc các thứ xấu ác ở đời,

如來為欲滅是諸惡令得遠離邪命利養。

Như-Lai vì dục diệt thị chư ác lệnh đắc viễn li tà mạng lợi dưỡng。

Như Lai vì muốn diệt các thứ xấu ác khiến họ xa lìa tà mạng lợi dưỡng,

如來則為演說是經。

Như-Lai tắc vì diễn thuyết thị Kinh。

Nên Như Lai diễn thuyết kinh này.

若是經典祕密之藏滅不現時。當知。爾時佛法則滅。善男子。

nhược thị Kinh điển bí mật chi tạng diệt bất hiện thời。 đương tri。 nhĩ thời Phật Pháp tắc diệt。 thiện nam tử。

Nếu lúc kinh điển tạng bí mật này diệt mất không hiện , phải biết lúc ấy Phật pháp sẽ diệt.

Thiện nam tử!

大涅槃經常不變易。云何難言迦葉佛時有是經不。

Đại Niết bàn Kinh thường bất biến dịch。 vân hà nan ngôn ca diệp Phật thời hữu thị Kinh bất。

Kinh Đại Niết Bàn thường không biến đổi, thì tại sao hỏi thời Ca-diếp có kinh này không.

善男子。

thiện nam tử。

Thiện nam tử!

迦葉佛時所有眾生貪欲微薄智慧滋多。諸菩薩摩訶薩等調柔易化。

ca diệp Phật thời sở hữu chúng sanh tham dục vi bạc trí tuệ tư đa。 chư Bồ Tát Ma-Ha tát đẳng điều nhu dịch hóa。

Thời Phật Ca-diếp có các chúng sanh ít tham dục nhiều trí tuệ, các Bồ-tát-ma-ha-tát dễ điều phục giáo hoá ,

有大威德總持不忘如大象王世界清淨。

hữu Đại uy đức tổng trì bất vong như Đại Tượng Vương thế giới thanh tịnh。 có đại oai

đức tổng trì, không quên như voi chúa lớn, thế giới thanh tịnh,

一切眾生悉知如來終不畢竟入於涅槃常住不變。

nhất thiết chúng sanh tất tri Như-Lai chung bất tất cánh nhập ư Niết-Bàn thường trụ bất biến。

tất cả chúng sanh đều biết Như Lai không rốt ráo nhập Niết-bàn thường trú không biến đổi,

雖有是典不須演說。善男子。

tuy hữu thị điển bất tu diễn thuyết。 thiện nam tử。

cho nên tuy có kinh điển này mà không cần diễn thuyết. Thiện nam tử!

今世眾生多諸煩惱愚癡憙忘無有智慧。

kim thể chúng sanh đa chư phiền não ngu si hỷ vong vô hữu trí tuệ。

nay đời chúng sanh nhiều các phiền não ngu si vui lòng quên không có trí tuệ。

Đời nay chúng sanh nhiều phiền não, ngu si, hay quên mà không có trí huệ

多諸疑網信根不立世界不淨。

đa chư nghi võng tín căn bất lập thế giới bất tịnh。

phần nhiều nghi ngờ, không có tín căn, thế giới không thanh tịnh

一切眾生咸謂如來無常遷變畢竟入於大般涅槃。是故如來演說是典善男子。

nhất thiết chúng sanh hàm vị Như-Lai vô thường Thiên biến tất cánh nhập ư Đại bát Niết bàn。 thị cố Như-Lai diễn thuyết thị điển thiện nam tử。

tất cả chúng sanh đều cho rằng Như Lai là vô thường, biến đổi, cuối cùng sẽ nhập Niết-bàn, cho nên Như Lai phải giảng nói kinh điển này. Thiện nam tử!

迦葉佛法實亦不滅。何以故。常不變故。

ca diệp Phật Pháp thật diệt bất diệt。 hà dĩ cố。 thường bất biến cố。

Pháp của Phật Ca-diếp thật cũng không diệt mất. Tại vì sao? Bởi không biến đổi vậy.

善男子。若有眾生我見無我無我見我。

thiện nam tử。 nhược hữu chúng sanh ngã kiến vô ngã vô ngã kiến ngã。

Thiện nam tử! Nếu có ý chúng sanh đối với ngã thấy không ngã, không ngã thấy ngã,常見無常無常見常。樂見無樂無樂見樂。

thường kiến vô thường vô thường kiến thường。 lạc kiến vô lạc vô lạc kiến lạc。

thường thấy vô thường, vô thường thấy thường, vui thấy không vui, không vui thấy vui,

淨見不淨不淨見淨。滅見不滅不滅見滅。

tịnh kiến bất tịnh bất tịnh kiến tịnh。 diệt kiến bất diệt bất diệt kiến diệt。

tịnh thấy chẳng tịnh chẳng tịnh thấy tịnh。 mất thấy bất diệt bất diệt thấy mất。

tịnh thấy không tịnh, không tịnh thấy tịnh, diệt thấy không diệt, không diệt thấy diệt,

罪見非罪非罪見罪。輕罪見重重罪見輕。

tội kiến phi tội phi tội kiến tội。khinh tội kiến trọng trọng tội kiến khinh。
tội thấy không tội, không tội thấy tội, tội nhẹ thấy nặng, tội nặng thấy nhẹ,
乘見非乘非乘見乘。道見非道非道見道。
thừa kiến phi thừa phi thừa kiến thừa。đạo kiến phi đạo phi đạo kiến đạo。
thừa thấy phi thừa, phi thừa thấy thừa, đạo thấy phi đạo ,phi đạo thấy đạo,
實是菩提見非菩提。實非菩提謬見菩提。
thật thị bồ đề kiến phi bồ đề。thật phi bồ đề mậu kiến bồ đề。
thật là Bồ-đề thấy phi Bồ-đề, phi Bồ-đề lại thấy làm Bồ-đề,
苦見非苦集見非集。滅見非滅實見非實。
khổ kiến phi khổ tập kiến phi tập。diệt kiến phi diệt thật kiến phi thật。
khổ thấy không khổ, tập thấy không tập, diệt thấy không diệt,thật thấy không thật,
實是世諦見第一義諦第一義諦見是世諦。歸見非歸非歸見歸。
thật thị thế đế kiến đệ nhất nghĩa đế đệ nhất nghĩa đế kiến thị thế đế。quy kiến phi quy
phi quy kiến quy。
thế gian đế thấy đệ nhất nghĩa đế, đệ nhất nghĩa đế thấy thế gian đế, quy y thấy không
quy y, không quy y thấy quy y,
以真佛語名為魔語。實是魔語以為佛語。
dĩ chân Phật ngữ danh vi ma ngữ。thật thị ma ngữ dĩ vi Phật ngữ。
lời dạy của Phật nói là lời ma, lời nói của ma cho là lời Phật,
如是之時諸佛乃說大涅槃經善男子。
như thị chi thời chư Phật nãi thuyết Đại Niết bàn Kinh thiện nam tử。
những lúc như vậy chư Phật thuyết kinh Đại Bát Niết Bàn. Thiện nam tử!
寧說蚊嘴盡大海底。不可說言如來法滅。
ninh thuyết văn chủy tận Đại hải đế。bất khả thuyết ngôn Như-Lai Pháp diệt。
thà nói rằng con muỗi hút hết nước trong biển lớn, chứ không thể nói pháp của Như Lai
diệt,
寧說口吹須彌散壞。不可說言如來法滅。
ninh thuyết khẩu xuy Tu-Di tán hoại。bất khả thuyết ngôn Như-Lai Pháp diệt。
thà nói rằng dùng miệng mà thổi núi Tu di đổ, chứ không thể nói pháp Như Lai diệt,
寧言以索繫縛猛風。不可說言如來法滅。
ninh ngôn dĩ tác hệ phọc mãnh phong。bất khả thuyết ngôn Như-Lai Pháp diệt。

thà nói rằng dùng dây vải buộc gió lớn, chứ không thể nói pháp Như Lai diệt,
寧言佉陀羅火中生蓮花。

ninh ngôn khứ Đà-la hỏa trung sanh liên hoa。

thà nói rằng trong lửa Đà-la sanh ra hoa sen,

不可說言如來法滅寧說阿伽陀藥而為毒藥不可說言如來法滅寧說月

bất khả thuyết ngôn Như-Lai Pháp diệt ninh thuyết a dà đà dược nhi vi độc dược bất khả
thuyết ngôn Như-Lai Pháp diệt ninh thuyết nguyệt

chứ không thể nói rằng pháp Như Lai diệt, thà nói rằng thuốc a-dà-đà là độc dược, chứ
không thể nói rằng pháp của Như Lai diệt, thà nói rằng mặt trăng

可令熱日可令冷不可說言如來法滅。

khả lệnh nhiệt nhật khả lệnh lãnh bất khả thuyết ngôn Như-Lai Pháp diệt。

có thể nóng , mặt trời có thể lạnh, chứ không thể nói rằng pháp của Như Lai diệt,
寧說四大各捨己性。不可說言如來法滅。

ninh thuyết tứ Đại các xả kỷ tánh。 bất khả thuyết ngôn Như-Lai Pháp diệt。

thà nói rằng đất nước gió lửa xả bỏ tánh của nó, chứ không thể nói pháp của Như Lai diệt.
善男子若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。

thiện nam tử nhược Phật sơ xuất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dĩ。

Thiện nam tử! Nếu đức Phật ban đầu đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,
未有弟子解甚深義。彼佛世尊便涅槃者。當知。

vị hữu đệ-tử giải thậm thâm nghĩa。 bỉ Phật Thế tôn tiệ Niết-Bàn giả。 đương tri。

mà chưa có đệ tử hiểu rõ ý nghĩa thâm sâu, thì đức Phật Thế Tôn liền nhập Niết-bàn, phải
biết

是法不久住世。復次善男子。

thị Pháp bất cửu trụ thế。 phục thứ thiện nam tử。

pháp ấy không ở đời lâu。 Lại nữa, thiện nam tử,

若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。有諸弟子解甚深義。

nhược Phật sơ xuất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dĩ。 hữu chư đệ-tử giải thậm
thâm nghĩa。

nếu đức Phật ban đầu đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

佛雖涅槃。當知。是法久住於世。

Phật tuy Niết-Bàn。 đương tri。 thị Pháp cửu trụ ư thế。

Tuy Phật nhập Niết-bàn nhưng pháp của Phật vẫn trụ lâu ở đời.

復次善男子。若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。

phục thứ thiện nam tử。nhược Phật sơ xuất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dĩ。

Lại nữa, thiện nam tử! Nếu đức Phật ban đầu đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,
雖有弟子解甚深義。

tuy hữu đệ-tử giải thậm thâm nghĩa。

tuy có đệ tử hiểu rõ ý nghĩa thâm sâu,

無有篤信白衣檀越敬重佛法佛便涅槃。當知。是法不久住世。

vô hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật Pháp Phật tiện Niết-Bàn。đương tri。thị
Pháp bất cửu trụ thế。

mà không có đàn việt bạch y kính tin tôn trọng Phật pháp thì đức Phật liền nhập Niết-bàn,
phải biết pháp của Phật sẽ không ở đời lâu。

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa thiện nam tử!

若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。

nhược Phật sơ xuất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dĩ。

Nếu ban đầu đức Phật đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

有諸弟子解甚深義多有篤信白衣檀越敬重佛法。佛雖涅槃。當知。佛法久住於世。

hữu chư đệ-tử giải thậm thâm nghĩa đa hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật
Pháp。Phật tuy Niết-Bàn。đương tri。Phật Pháp cửu trụ ư thế。

có các đệ tử hiểu rõ ý nghĩa thâm sâu , có đàn việt bạch y kính tin tôn trọng Phật pháp thì
đức Phật tuy nhập Niết-bàn, nhưng phải biết pháp của Phật vẫn trụ ở đời lâu。

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa, thiện nam tử!

若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。有諸弟子解甚深義。

nhược Phật sơ xuất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dĩ。hữu chư đệ-tử giải thậm
thâm nghĩa。

Nếu ban đầu đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có các đệ tử hiểu rõ ý nghĩa thâm
sâu,

雖有篤信白衣檀越敬重佛法。

tuy hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật Pháp。

tuy có đàn việt bạch y kính trọng Phật pháp

而諸弟子演說經法貪為利養。不為涅槃佛復滅度。當知是法不久住世。

nhi chư đệ-tử diễn thuyết Kinh Pháp tham vi lợi dưỡng. bất vi Niết-Bàn Phật phục diệt độ. đương tri thị Pháp bất cửu trụ thế.

mà các đệ tử giảng nói kinh pháp vì tham lợi dưỡng, không vì Niết-bàn, khi Phật diệt độ phải biết pháp của Phật sẽ không ở đời lâu.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa thiện nam tử!

若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。有諸弟子解甚深義。

nhược Phật sơ xuất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dĩ. hữu chư đệ-tử giải thậm thâm nghĩa。

Nếu ban đầu đức Phật đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác-thượng-chánh-đẳng-chánh-giác, nếu các đệ tử hiểu rõ ý nghĩa thâm sâu,

復有篤信白衣檀越敬重佛法。

phục hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật Pháp。

lại có đàn việt bạch y kính trọng Phật pháp,

彼諸弟子凡所演說不貪利養為求涅槃。佛雖滅度。當知。

bỉ chư đệ-tử phạm sở diễn thuyết bất tham lợi dưỡng vi cầu Niết-Bàn. Phật tuy diệt độ. đương tri。

các đệ tử khi giảng nói kinh pháp không tham lợi dưỡng mà cầu Niết-bàn, thì tuy Phật diệt độ,

是法久住於世。復次善男子。

thị Pháp cửu trụ ư thế. phục thứ thiện nam tử。

nhưng pháp Phật trụ ở đời lâu. Lại nữa thiện nam tử!

若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。雖有弟子解甚深義。

nhược Phật sơ xuất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dĩ. tuy hữu đệ-tử giải thậm thâm nghĩa。

Nếu ban đầu đức Phật đấng Vô-thượng- chánh-đẳng-chánh-giác, tuy có đệ tử hiểu rõ ý nghĩa thâm sâu,

復有篤信白衣檀越敬重佛法。

phục hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật Pháp。

lại có đàn việt bạch y kính trọng Phật pháp,

而諸弟子多起諍訟互相是非。佛復涅槃。當知。是法不久住世。

nhi chư đệ-tử đa khởi tránh tụng hổ tương thị phi。 Phật phục Niết-Bàn。 đương tri。 thị Pháp bất cửu trụ thế。

mà các đệ tử phần nhiều thích thị phi tranh cãi lẫn nhau, khi Phật Niết-bàn phải biết pháp của Phật không trụ ở đời lâu.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa thiện nam tử!

若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。有諸弟子解甚深義。

nhược Phật sơ xuất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dĩ。 hữu chư đệ-tử giải thậm thâm nghĩa。

Nếu ban đầu đức Phật đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có các đệ tử hiểu rõ ý nghĩa thâm sâu,

復有篤信白衣檀越敬重佛法。

phục hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật Pháp。

lại có đàn việt bạch y kính trọng Phật pháp,

彼諸弟子修和敬法不相是非互相尊重。佛雖涅槃。當知。是法久住不滅。

bỉ chư đệ-tử tu hòa kính Pháp bất tương thị phi hổ tương tôn trọng。 Phật tuy Niết-Bàn。 đương tri。 thị Pháp cửu trụ bất diệt。

các đệ tử ấy tu pháp hoà kính không thị phi tôn trọng lẫn nhau, thì Phật tuy nhập Niết-bàn nhưng phải biết pháp của Phật trụ lâu không diệt.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa thiện nam tử!

若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。雖有弟子解甚深義。

nhược Phật sơ xuất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dĩ. tuy hữu đệ-tử giải thậm thâm nghĩa.

Nếu ban đầu đức Phật đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tuy có đệ tử hiểu rõ ý nghĩa thâm sâu,

復有篤信白衣檀越敬重佛法。

phục hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật Pháp.

lại có đàn việt bạch y kính trọng Phật pháp,

彼諸弟子為大涅槃而演說法互相恭敬不起諍訟。然畜一切不淨之物。

bỉ chư đệ-tử vi Đại Niết-Bàn nhi diễn thuyết Pháp hồ tương cung kính bất khởi tránh tụng. nhiên súc nhất thiết bất tịnh chi vật.

các đệ tử ấy giảng nói kinh pháp là vì Đại Niết-bàn, sống hoà kính không tranh cãi lẫn nhau nhưng cất giữ những vật bất tịnh,

復自讚言我得須陀洹果乃至阿羅漢果。

phục tự tán ngôn ngã đắc Tu đà hoàn quả nãi chí A la hán quả.

lại tự nói ta đắc quả Tu-dà-hoàn cho đến quả A-la-hán,

佛復涅槃。當知。是法不久住世。復次善男子。

Phật phục Niết-Bàn. đương tri. thị Pháp bất cửu trụ thế. phục thứ thiện nam tử.

Khi Phật Niết-bàn phải biết pháp của Phật không trụ lâu ở đời. Lại nữa thiện nam tử!

若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。

nhược Phật sơ xuất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dĩ.

Nếu ban đầu đức Phật đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

有諸弟子解甚深義。復有篤信白衣檀越敬重佛法。

hữu chư đệ-tử giải thậm thâm nghĩa. phục hữu đốc tín bạch y đàn việt kính trọng Phật Pháp.

có các đệ tử ý nghĩa thâm sâu, lại có đàn việt bạch y cung kính tôn trọng Phật pháp, 彼諸弟子為大涅槃演說經法。

bỉ chư đệ-tử vi Đại Niết-Bàn diễn thuyết Kinh Pháp.

các đệ tử ấy giảng nói kinh pháp là vì Đại- niết-bàn,

善修和敬互相尊重。不畜一切不淨之物。

thiện tu hòa kính hồ tương tôn trọng. bất súc nhất thiết bất tịnh chi vật.

khéo tu pháp hoà kính, sống tôn trọng lẫn nhau, không cất giữ các vật bất tịnh,

亦不自言得須陀洹乃至得阿羅漢。彼佛世尊雖復滅度。

diệc bất tự ngôn đắc Tu đà hoàn nãi chí đắc A La Hán。bỉ Phật Thế tôn tuy phục diệt độ。

cũng không tự nói đắc quả Tu-dà-hoàn cho đến quả A-la-hán, thì đức Phật Thế Tôn tuy đã diệt độ

當知。是法久住於世。復次善男子。

đương tri。thị Pháp cửu trụ ư thế。phục thứ thiện nam tử。

nhưng phải biết pháp của Phật trụ ở đời lâu. Lại nữa thiện nam tử!

若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。有諸弟子。

nhược Phật sơ xuất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dĩ。hữu chư đệ tử。

Nếu ban đầu đức Phật đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, có các đệ tử
乃至不畜不淨之物。

nãi chí bất súc bất tịnh chi vật。

cho đến không cất giữ những vật bất tịnh

又不自言得須陀洹乃至阿羅漢。各執所見種種異說而作是言。長老。

hựu bất tự ngôn đắc Tu đà hoàn nãi chí A La Hán。các chấp sở kiến chủng chủng dị
thuyết nhi tác thị ngôn。Trưởng Lão。

lại không tự nói đắc quả Tu-dà-hoàn cho đến quả A-la-hán, mỗi người chấp vào sự hiểu
biết khác nhau mà nói lời rằng: Trưởng lão,

諸佛所制四重之法。乃至七滅諍法。

chư Phật sở chế tứ trọng chi Pháp。nãi chí thất diệt tránh Pháp。

chư Phật chế ra bốn giới trọng, cho đến bảy pháp diệt tránh,

為眾生故或遮或開。十二部經亦復如是。何以故。

vi chúng sanh cố hoặc già hoặc khai。thập nhị bộ Kinh diệc phục như thị。hà dĩ cố。

vì chúng sanh nên ngăn cấm hoặc khai mở, mười hai bộ kinh cũng như vậy. Tại vì sao?

佛知國土時節各異眾生不同利鈍差別。

Phật tri quốc thổ thời tiết các dị chúng sanh bất đồng lợi độn sai biệt。

Phật biết trong cõi nước thì thời tiết khác nhau, chúng sanh cũng không đồng, có lợi căn,
độn căn

是故如來或遮或開有輕重說。善男子。

thị cố Như-Lai hoặc già hoặc khai hữu khinh trọng thuyết。thiện nam tử。

cho nên Như Lai hoặc ngăn cấm hoặc khai mở, có nặng có nhẹ. Thiện nam tử!

譬如良醫為病服乳為病遮乳。熱病聽服冷病則遮。

thí như lương y vi bệnh phục nhũ vi bệnh già nhũ。nhiệt bệnh thính phục lãnh bệnh tắc già。

Thí như thầy thuốc có bệnh thì cho uống sữa, có bệnh không cho, bệnh nóng thì được uống bệnh lạnh thì ngăn cấm,

如來亦爾。觀諸眾生煩惱病根亦開亦遮。

Như-Lai diệc nhĩ。quán chư chúng sanh phiền não bệnh căn diệc khai diệc già。

Như Lai cũng như vậy, xem xét bệnh phiền não của chúng sanh mà khai mở hoặc ngăn cấm。

長老。我親從佛聞如是義。

Trưởng Lão。ngã thân tòng Phật văn như thị nghĩa。

Trưởng lão! Tôi đích thân từ Phật nghe ý nghĩa như vậy,

惟我知義汝不能知。惟我解律汝不能解。

duy ngã tri nghĩa nhữ bất năng tri。duy ngã giải luật nhữ bất năng giải。

chỉ có tôi hiểu nghĩa còn ông thì không, chỉ có tôi hiểu luật còn ông thì không hiểu,

我知諸經汝不能知。彼佛復滅。當知。是法不久住世。

ngã tri chư Kinh nhữ bất năng tri。bỉ Phật phục diệt。đương tri。thị Pháp bất cửu trụ thế。

tôi biết các kinh còn ông thì không biết, thì khi Phật diệt độ phải biết pháp của Phật không trụ ở đời lâu。

復次善男子。若佛初出得阿耨多羅三藐三菩提已。

phục thứ thiện nam tử。nhược Phật sơ xuất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dĩ。

Lại nữa thiện nam tử! Nếu ban đầu đức Phật đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác-thượng-chánh-đẳng-chánh-giác,

有諸弟子乃至不言我得須陀洹果至阿羅

hữu chư đệ tử nãi chí bất ngôn ngã đắc Tu đà hoàn quả chí a la

có các đệ tử cho đến không nói ta đắc quả Tu-dà-hoàn đến quả A-la-hán,

漢。亦不說言諸佛世尊為眾生故或遮或開。

hán。diệc bất thuyết ngôn chư Phật Thế tôn vi chúng sanh cố hoặc già hoặc khai。

Cũng không nói chư Phật Thế Tôn vì chúng sanh cho nên hoặc ngăn cấm hoặc khai mở。

長老。我親從佛聞如是義如是法如是律。

Trưởng Lão. ngã thân tòng Phật văn như thị nghĩa như thị Pháp như thị luật.

Trưởng lão! Ta đích thân từ Phật nghe nghĩa như vậy, pháp như vậy, luật như vậy.

長老。當依如來十二部經。此義若是我當受持。

Trưởng Lão. đương y Như-Lai thập nhị bộ Kinh. thử nghĩa nhược thị ngã đương thọ trì.

Trưởng lão, phải nương vào mười hai bộ kinh của Như Lai, theo nghĩa này nếu đúng ta nên thọ trì,

如其非者我當棄捨。彼佛世尊雖復涅槃。

như kỳ phi giả ngã đương khí xả. bỉ Phật Thế tôn tuy phục Niết-Bàn.

nếu sai ta nên xả bỏ, thì đức Phật Thế Tôn tuy nhập Niết-bàn

當知。是法久住於世。善男子。

đương tri. thị Pháp cứu trụ ư thế. thiện nam tử.

nhưng phải biết pháp của Phật trụ ở đời lâu. Thiện nam tử!

我法滅時有聲聞弟子。或說有神或說神空。

ngã Pháp diệt thời hữu thanh văn đệ-tử. hoặc thuyết hữu Thần hoặc thuyết Thần không.

khi pháp của ta dật, có đệ tử Thanh văn hoặc nói có thần hoặc không có thần,

或說有中陰或說無中陰。或說有三世或說無三世。

hoặc thuyết hữu trung uẩn hoặc thuyết vô trung uẩn. hoặc thuyết hữu tam thế hoặc thuyết vô tam thế.

hoặc nói có trung ấm hoặc không có trung ấm, hoặc nói có ba đời hoặc nói không có ba đời,

或說有三乘或說無三乘。

hoặc thuyết hữu tam thừa hoặc thuyết vô tam thừa.

hoặc nói có tam thừa hoặc nói không có tam thừa,

或言一切有或言一切無或言眾生有始有終。或言眾生無始無終。

hoặc ngôn nhất thiết hữu hoặc ngôn nhất thiết vô hoặc ngôn chúng sanh hữu thủy hữu chung. hoặc ngôn chúng sanh vô thủy vô chung.

hoặc nói tất cả đều có hoặc nói tất cả đều không, hoặc nói chúng sanh có thì có chung

hoặc nói chúng sanh không có thì không có chung,

或言十二因緣是有為法。或言因緣是無為法。

hoặc ngôn thập nhị nhân duyên thị hữu vi Pháp. hoặc ngôn nhân duyên thị vô vi Pháp.
hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp hữu vi, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp vô vi,

或言如來有病苦行。或言如來無病苦行。

hoặc ngôn Như-Lai hữu bệnh khổ hành. hoặc ngôn Như-Lai vô bệnh khổ hành.

hoặc nói Như Lai có bệnh khổ, hoặc nói Như Lai không bệnh khổ,

或言如來不聽比丘食十種肉。何等為十。

hoặc ngôn Như-Lai bất thính bỉ khâu thực thập chủng nhục. hà đẳng vi thập.

hoặc nói Như Lai không cho phép Tỷ kheo ăn mười thứ thịt. Thế nào là mười?

人蛇象馬驢狗師子猪狐獼猴其餘悉聽。

nhân xà tượng mã lư cầu Sư-tử trư hồ Mi-Hầu kỳ dư tất thính.

Đó là người, rắn, voi, ngựa, lừa, chó, sư tử, heo, cáo, khỉ cái,

或言一切不聽。或言比丘不作五事。何等為五。

hoặc ngôn nhất thiết bất thính. hoặc ngôn bỉ khâu bất tác ngũ sự. hà đẳng vi ngũ.

hoặc nói không được tất cả, hoặc nói Tỷ-kheo không làm năm việc. Thế nào là năm?

不賣生口刀酒酪沙胡麻油等。其餘悉聽。

bất mại sanh khẩu đao tửu lạc sa hồ ma du đẳng. kỳ dư tất thính.

Đó là không mua bán thịt, rượu, đao kiếm, sữa, dầu... ngoài ra đều được,

或言不聽入五種舍。何等為五。

hoặc ngôn bất thính nhập ngũ chủng xá. hà đẳng vi ngũ.

hoặc nói không cho phép vào năm loại nhà. Thế nào là năm?

屠兒婬女酒家王宮旃陀羅舍。餘舍悉聽。

đồ nhi dâm nữ tửu gia Vương cung chiên đà la xá. dư xá tất thính.

Đó là nhà giết mổ, nhà dâm nữ, quán rượu, cung vua, nhà của Chiên-đà-la, ngoài ra đều được,

或言不聽著僑奢耶衣。餘一切聽。

hoặc ngôn bất thính trú kiều xa da y. dư nhất thiết thính.

hoặc nói không cho mặc y phục xa hoa, ngoài ra đều được,

或言如來聽諸比丘受畜衣食臥具。其價各直十萬兩金。或言不聽。

hoặc ngôn Như-Lai thính chư bỉ khâu thọ súc y thực ngọa cụ. kỳ giá các trực thập vạn lượng kim. hoặc ngôn bất thính.

hoặc nói Như Lai cho các Tỷ kheo cất giữ y phục, thức ăn, ngọa cụ, mỗi thứ giá trị mười vạn lượng vàng, hoặc nói không cho,

或言涅槃常樂我淨。或言涅槃直是結。

hoặc ngôn Niết-Bàn thường lạc ngã tịnh. hoặc ngôn Niết-Bàn trực thị kết.

hoặc nói Niết-bàn thường lạc ngã tịnh, hoặc nói Niết-bàn thẳng đến cùng tận
盡更無別法名為涅槃。譬如織縷名之為衣。

tận canh vô biệt Pháp danh vi Niết-Bàn. thí như chức lữ danh chi vi y.

thì không có pháp nào riêng gọi là Niết-bàn. Thí như dệt sợi tơ làm áo,
衣既壞已名之無衣實。

y ký hoại dĩ danh chi vô y thật.

áo đã rách rồi thì gọi là không áo,

無別法名無衣也涅槃之體亦復如是。善男子。當爾之時我諸弟子。

vô biệt Pháp danh vô y dĩ Niết-Bàn chi thể diệc phục như thị. thiện nam tử. đương nhĩ
chi thời ngã chư đệ-tử.

nhưng không có pháp riêng nào gọi là không áo, thể của Niết-ban cũng như vậy. Thiện
nam tử! Lúc ấy các đệ tử của ta

正說者少邪說者多。受正法少受邪法多。

chánh thuyết giả thiểu tà thuyết giả đa. thọ chánh Pháp thiểu thọ tà Pháp đa.

chánh thuyết thì ít tà thuyết thì nhiều, lãnh thọ chánh pháp thì ít lãnh thọ tà pháp thì nhiều,
受佛語少受魔語多。善男子。

thọ Phật ngữ thiểu thọ ma ngữ đa. thiện nam tử.

thọ lời Phật thì ít mà nghe lời ma thì nhiều.

爾時拘睺彌國有二弟子。一者羅漢。二者破戒。

nhĩ thời câu đàm di quốc hữu nhị đệ-tử. nhất giả la hán. nhị giả phá giới.

Lúc bấy giờ tại nước Câu-đàm-di có hai người đệ tử, một người thì La-hán, một người thì
phá giới,

破戒徒眾凡有五百。羅漢徒眾其數一百。破戒者說。

phá giới đồ chúng phạm hữu ngũ bách. la hán đồ chúng kỳ số nhất bách. phá giới giả
thuyết.

có năm trăm đồ chúng theo người phá giới, chỉ có một trăm đồ chúng theo vị La-hán.

Người phá giới nói:

如來畢竟入於涅槃。我親從佛聞如是義。

Như-Lai tất cánh nhập ư Niết-Bàn. ngã thân tòng Phật văn như thị nghĩa.

Như Lai cuối cùng sẽ nhập Niết-bàn, tôi đích thân từ Phật nghe ý nghĩa như vậy,
如來所制四重之法。若持亦可犯亦無罪。

Như-Lai sở chế tứ trọng chi Pháp. nhược trì diệc khả phạm diệc vô tội.

Như Lai chế ra bốn giới trọng, nếu giữ gìn cũng được mà phạm cũng không có tội,
我今亦得阿羅漢果四無礙智。而阿羅漢亦犯。

ngã kim diệc đắc A la hán quả tứ vô ngại trí. nhi A La Hán diệc phạm.

nay ta cũng đắc quả A-la-hán và tứ Vô ngại trí, mà A-la-hán cũng phạm.

如是四重之法。四重之法若是實罪。

như thị tứ trọng chi Pháp. tứ trọng chi Pháp nhược thị thật tội.

Như vậy bốn giới trọng nếu đúng là phạm tội

阿羅漢者終不應犯。如來在世制言堅持。

A La Hán giả chung bất ứng phạm. Như-Lai tại thế chế ngôn kiên trì.

thì A-la-hán trọn không được phạm. Lúc Như Lai ở đời thì dạy phải giữ gìn,

臨涅槃時皆悉放捨。阿羅漢比丘言。長老。

lâm Niết-Bàn thời giai tất phóng xả. A La Hán bì khâu ngôn. Trưởng Lão.

đến lúc Niết-bàn thì nên xả bỏ. Vị Tỷ-kheo A-la-hán nói: Này trưởng lão!

汝不應說如來畢竟入於涅槃。我知如來常不變易。

nhữ bất ứng thuyết Như-Lai tất cánh nhập ư Niết-Bàn. ngã tri Như-Lai thường bất biến
dịch。

Ông không nên nói Như Lai cuối cùng sẽ nhập Niết-bàn, tôi biết Như Lai thường hằng
không biến đổi,

如來在世及涅槃後犯四重禁罪無差別。

Như-Lai tại thế cập Niết-Bàn hậu phạm tứ trọng cấm tội vô sai biệt.

Khi Như Lai còn ở đời và sau khi Niết-bàn nếu ai phạm bốn giới trọng thì tội như nhau
không sai khác,

若言羅漢犯四重禁。是義不然。何以故。

nhược ngôn la hán phạm tứ trọng cấm. thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố.

nếu nói La-hán phạm bốn giới trọng thì không đúng. Tại vì sao?

須陀洹人尚不犯禁。況阿羅漢。若長老言。我是羅漢。

Tu đà hoàn nhân thượng bất phạm cấm。huống A La Hán。nhược Trưởng Lão
ngôn。ngã thị la hán。
người đắc quả Tu-dà-hoàn còn không phạm giới cấm huống là A-la-hán. Nếu trưởng lão
nói mình là A-la-hán,
阿羅漢者終不生想我得羅漢。
A La Hán giả chung bất sanh tưởng ngã đắc la hán。
Nhưng A-la-hán thì không được sanh ý tưởng ta đắc quả A-la-hán,
阿羅漢者惟說善法不說不善。長老所說純是非法。
A La Hán giả duy thuyết thiện Pháp bất thuyết bất thiện。Trưởng Lão sở thuyết thuần thị
phi Pháp。
bậc A-la-hán chỉ nói pháp thiện , không nói pháp bất thiện, nhưng lời trưởng lão nói đều là
phi pháp,
若有得見十二部經。定知長老非阿羅漢。善男子。
nhược hữu đắc kiến thập nhị bộ Kinh。định tri Trưởng Lão phi A La Hán。thiện nam tử。
nếu được thấy mười hai bộ kinh, nhất định biết trưởng lão không phải là A-la-hán. Thiện
nam tử!
爾時破戒比丘徒眾。即共斷是阿羅漢命。
nhi thời phá giới bỉ khâu đồ chúng。tức cộng đoạn thị A La Hán mạng。
Lúc bấy giờ đồ chúng Tỷ-kheo phá giới liền cùng nhau giết vị a-la-hán ấy。
善男子。是時魔王因是二眾忿恚之心。
thiện nam tử。thị thời ma Vương nhân thị nhị chúng phẫn khuể chi tâm。
Thiện nam tử! Lúc ấy ma vương thấy tâm giận dữ của hai chúng,
悉共害是六百比丘。爾時凡夫各共說言。
tất cộng hại thị lục bách bỉ khâu。nhi thời phàm phu các cộng thuyết ngôn。
liến hại hết sáu trăm vị Tỷ-kheo ấy. Bấy giờ những người phàm phu cùng nói rằng:
哀哉佛法於是滅盡。而我正法實不滅也。
ai tai Phật Pháp ư thị diệt tận。nhi ngã chánh Pháp thật bất diệt dã。
Buồn thay Phật pháp bị diệt! Mà thật ra chánh pháp của ta không bị diệt,
爾時其國有十二萬諸大菩薩善持我法。
nhi thời kỳ quốc hữu thập nhị vạn chư Đại Bồ Tát thiện trì ngã Pháp。
vì khi ấy trong nước có mười hai vạn Bồ-tát khéo giữ gìn pháp của ta.

云何當言我法滅耶。當于爾時。

vân hà đương ngôn ngã Pháp diệt da. đương vu nhĩ thời.

Tại sao nói pháp của ta bị diệt, bởi lúc bấy giờ

閻浮提內無一比丘為我弟子。

Diêm-phù-đề nội vô nhất bĩ khâu vi ngã đệ-tử。

trong cói Diêm-phù-đề không có một Tỷ-kheo nào là đệ tử của ta,

爾時波旬悉以大火焚燒一切所有經典。其中或有遺餘在者。

nhĩ thời Ba-tuần tất dĩ Đại hỏa phần thiêu nhất thiết sở hữu Kinh điển. kỳ trung hoặc hữu di dư tại giả。

lúc ấy ma Ba-tuần dùng lửa dữ đốt hết tất cả kinh điển hiện có, trong ấy hoặc cuốn nào còn sót lại

諸婆羅門即共偷取處處採拾安置己典。以是義故。

chư Bà-la-môn tức cộng thâu thủ xứ xứ thãi thập an trí kỷ điển. dĩ thị nghĩa cố。

thì các Bà-la-môn liền lấy rồi lượm lặt để đem vào kìh của mình, do ý nghĩa này
諸小菩薩佛未出時率共信受婆羅門語。

chư tiểu Bồ Tát Phật vị xuất thời suất cộng tín thọ Bà-la-môn ngữ。

nên khi Phật chưa ra đời thì các Bồ-tát đốc suất nhau cùng tin thọ lời Bà-la-môn,
諸婆羅門雖作是說。我有齋戒而諸外道真實無也。

chư Bà-la-môn tuy tác thị thuyết. ngã hữu trai giới nhi chư ngoại đạo chân thật vô dã。

các Bà-la-môn tuy nói rằng: Ta có trai giới, mà thật ra các ngoại đạo là không có,
諸外道等雖復說言有我樂淨。而實不解我樂淨義。

chư ngoại đạo đẳng tuy phục thuyết ngôn hữu ngã lạc tịnh. nhi thật bất giải ngã lạc tịnh nghĩa。

các ngoại đạo tuy nói có ngã lạc tịnh, mà thật ra không hiểu ý nghĩa của ngã lạc tịnh.

直以佛法一字二字一句二句。

trực dĩ Phật Pháp nhất tự nhị tự nhất cú nhị cú。

Đem trực tiếp pháp của Phật một chữ hai chữ, một câu hai câu

說言我典有如是義。爾時拘尸那城娑羅雙樹間。

thuyết ngôn ngã điển hữu như thị nghĩa. nhĩ thời câu thi na thành sa-la song thụ gian。

để nói kinh điển của ta có ý nghĩa như vậy. Lúc bấy giờ giữa hai cây sa-la trong thành

Câu-thi-na

無量無邊阿僧祇眾聞是語已。悉共唱言。

vô lượng vô biên a tăng kì chúng văn thị ngữ dĩ. tất cộng xưng ngôn.

vô lượng vô biên a-tăng-kỳ đại chúng nghe xong lời nói ấy, tất cả cùng nhau nói lời rằng:
世間虛空世間虛空。迦葉菩薩告諸大眾。

thế gian hư không thế gian hư không. ca diệp Bồ Tát cáo chư Đại chúng.

Thế gian hư không, thế gian hư không . Bồ-tát Ca-diệp bảo các đại chúng
汝等且莫憂愁啼哭。世間不空如來常住無有變易。

nhữ đẳng thả mặc ưu sầu đề khốc. thế gian bất không Như-Lai thường trụ vô hữu biến
dịch. các người chớ khóc lóc sầu khổ, thế gian không phải hư không, đức Như Lai
thường trụ không có biến đổi,

法僧亦爾。爾時大眾。聞是語已啼哭即止。

Pháp tăng diệc nhĩ. nhĩ thời Đại chúng. văn thị ngữ dĩ đề khốc tức chỉ.

Pháp, Tăng cũng vậy. Lúc bấy giờ đại chúng nghe xong lời nói ấy tức liền hết khóc
悉發阿耨多羅三藐三菩提心。

tất phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm.

tất cả đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

大般涅槃經卷第十八

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ thập bát

Kinh Đại Niết Bàn,

Quyển Thứ Mười Tám.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:09:24 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:09:24 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

=====

Vol. 12, No. 374

Thích Nữ Diệu Thuần hiệu đính

大般涅槃經卷第十九

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ thập cửu

Kinh Đại Bát Niết Bàn

Quyển Thứ Mười Chín

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Nước Thiên Trúc triều đại Bắc Lương, Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch.

梵行品第八之五

phạm hành phẩm đệ bát chi ngũ

Phần thứ năm, phẩm thứ tám: Phạm Hạnh

爾時王舍大城阿闍世王。

nhĩ thời Vương xá Đại thành A đồ thế Vương。

Lúc bấy giờ vua A-xà-thế ở thành Vương xá,

其性弊惡熹行殺戮具口四惡。貪恚愚癡其心熾盛。

kỳ tánh tệ ác hỉ hành sát lục cụ khẩu tứ ác。tham khuể ngu si kỳ tâm sí thịnh。

bản tánh xấu ác ưa làm việc giết hại miệng tạo đủ bốn điều ác, khởi tâm tham lam sân hận si mê,

唯見現在不見未來。純以惡人而為眷屬。

duy kiến hiện tại bất kiến vị lai。thuần dĩ ác nhân nhi vi quyến chúc。

chỉ thấy hiện tại không thấy tương lai, thường dùng người ác mà làm quyến thuộc, 貪著現世五欲樂故。父王無辜橫加逆害。

tham trước hiện thế ngũ dục lạc cố。phụ Vương vô cô hoạnh gia nghịch hại。

do tham đắm năm thứ dục lạc hiện tại, vua cha vô tội mà lại nghịch hại,

因害父已心生悔熱。身諸瓔珞妓樂不御。

nhân hại phụ dĩ tâm sanh hối nhiệt。thân chư anh lạc kĩ lạc bất ngự。

hại vua cha rồi sanh tâm hối hận, thân không thích các thứ anh lạc kỹ nhạc,

心悔熱故遍體生瘡。其瘡臭穢不可附近。

tâm hối nhiệt cố biến thể sanh sang。kỳ sang xú uế bất khả phụ cận。

do tâm hối hận nên khắp thân sanh mụn nhọt, mụn ấy hôi thối không ai có thể đến gần, 尋自念言我今此身已受花報。地獄果報將近不遠。

tâm tự niệm ngôn ngã kim thử thân dĩ thọ hoa báo。Địa-ngục quả báo tướng cận bất viễn。

rồi tự suy nghĩ nay thân ta đã thọ hoa báo, quả báo địa ngục ắt sẽ không xa.

爾時其母字韋提希。以種種藥而為傅之。

nhĩ thời kỳ mẫu tự Vi đề hy。dĩ chủng chủng dược nhi vi phó chi。

Lúc bấy giờ mẹ vua tên là Vi-đề-hy, dùng các thứ thuốc để đắp lên mụn,

其瘡遂增無有降損。王即白母如是瘡者。

kỳ sang toại tăng vô hữu hàng tổn. Vương tức bạch mẫu như thị sang giả.
nhưng mọt càng nặng thêm không có tổn giảm, vua liền nói với mẹ mọt nhọt như vậy
從心而生非四大起。若言眾生有能治者無有是處。
tòng tâm nhi sanh phi tứ Đại khởi. nhược ngôn chúng sanh hữu năng trị giả vô hữu thị
xử.

là từ tâm sanh ra không phải do bốn đại khởi, nếu nói trong chúng sanh có người trị khởi
thì không có việc đó.

時有大臣名曰月稱。往至王所在一面立。白言。

thời hữu Đại Thần danh viết nguyệt xưng. vãng chí Vương sở tại nhất diện lập. bạch
ngôn.

Lúc bấy giờ có vị đại thần tên là Nguyệt Xưng, đến chỗ vua đứng một bên mà nói rằng:
大王。何故愁悴顏容不悅。

Đại vương. hà cố sầu tụy nhan dung bất duyệt.

Tâu Đại vương, vì sao u sầu không được vui,
為身痛耶為心痛乎。王即答言。我今身心豈得不痛。

vi thân thống da vi tâm thống hồ. Vương tức đáp ngôn. ngã kim thân tâm khởi đắc bất
thống.

vì thân bị bệnh hay là tâm đau khổ? Vua liền đáp: Ta nay thân tâm đều đau xót,
我父無辜橫加逆害。我從智者曾聞是義。

ngã phụ vô cô hoạnh gia nghịch hại. ngã tòng trí giả tăng văn thị nghĩa.

cha ta vô tội mà ta nghịch hại, ta từng nghe người trí nói rằng:

世有五人不脫地獄。

thế hữu ngũ nhân bất thoát Địa-ngục.

ở đời có năm hạng người không thoát khỏi quả báo địa ngục.

謂五逆罪我今已有無量無邊阿僧祇罪。云何身心而得不痛。

vị ngũ nghịch tội ngã kim dĩ hữu vô lượng vô biên a tăng kỳ tội. vân hà thân tâm nhi đắc
bất thống.

Đó là tạo năm tội nghịch, ta nay đã có vô lượng vô biên a-tăng-kỳ tội lỗi, làm sao thân tâm
khỏi đau xót,

又無良醫治我身心。臣言。大王。莫大愁苦。即說偈言。

hựu vô lương y trì ngã thân tâm. Thần ngôn. Đại vương. mặc Đại sầu khổ. tức thuyết kệ ngôn.

lại không có lương y nào trị được tâm bệnh của ta. Đại thần đáp rằng: Tâu Đại vương, chớ sầu khổ quá lắm. Liền nói bài kệ rằng:

若常愁苦 愁遂增長 如人寤眠
nhược thường sầu khổ sầu toại tăng trường như nhân hỉ miên
Nếu thường sầu khổ Sầu càng tăng thêm Như người ưa ngủ
眠則滋多 貪婬嗜酒 亦復如是
miên tắc tư đa tham dâm thị tửu diệc phục như thị
Ngủ càng thêm nhiều Tham dâm thích rượu Cũng lại như vậy.

如王所言。世有五人不得脫地獄。

như Vương sở ngôn. thế hữu ngũ nhân bất thoát Địa-ngục.

Như lời vua nói, ở đời có năm hạng người không thoát khỏi quả báo địa ngục, 誰往見之來語王耶。言地獄者即是世間。

thùy vãng kiến chi lai ngữ Vương da. ngôn Địa-ngục giả tức thị thế gian.

mà ai đã thấy việc ấy, và đến nói với vua chưa? Nói địa ngục tức là thế gian, 多智者說如王所言。世無良醫治身心者。

đa trí giả thuyết như Vương sở ngôn. thế vô lương y trì thân tâm giả.

người hiểu biết nói như lời vua nói vậy, ở đời không có vị lương y nào trị khỏi tâm bệnh cho vua,

今有大醫名富蘭那。一切知見得自在定。

kim hữu Đại y danh phú lan na. nhất thiết tri kiến đắc tự-tại định.

nay có vị Đại vương tên là Phú-lan-na đắc định tự tại có nhiều hiểu biết,

畢竟修習清淨梵行。常為無量無邊眾生。演說無上涅槃之道。

tất cánh tu tập thanh tịnh phạm hạnh. thường vì vô lượng vô biên chúng sanh. diễn thuyết vô thượng Niết-Bàn chi đạo.

rốt ráo ru tập phạm hạnh thanh tịnh, thường vì vô lượng vô biên chúng sanh mà giảng nói đạo Niết-bàn vô thượng,

為諸弟子說如是法。無有黑業無黑業報。

vì chư đệ-tử thuyết như thị Pháp. vô hữu hắc nghiệp vô hắc nghiệp báo.

vì các đệ tử mà thuyết pháp như vậy, không có hắc nghiệp, không có hắc nghiệp báo,

無有白業無白業報。無黑白業無黑白業報。

vô hữu bạch nghiệp vô bạch nghiệp báo。 vô hắc bạch nghiệp vô hắc bạch nghiệp báo。
không có bạch nghiệp, không có bạch nghiệp báo, không hắc bạch nghiệp, không hắc
bạch nghiệp báo,

無有上業及以下業。是師今在王舍城中。

vô hữu thượng nghiệp cập dĩ hạ nghiệp。 thị sư kim tại Vương xá thành trung。

không thượng nghiệp cho đến hạ nghiệp, nay vị đại sư này đang ở trong thành Vương xá,
唯願大王。屈駕往彼可令是師療治身心。

duy nguyện Đại vương。 khuất giá vãng bỉ khả lệnh thị sư liệu trì thân tâm。

xin Đại vương hãy lên xe đến chỗ ấy, vị đại y sẽ chữa tâm bệnh cho vua.

時王答言。審能如是滅除我罪我當歸依。

thời Vương đáp ngôn。 thẩm năng như thị diệt trừ ngã tội ngã đương quy y。

Lúc ấy vua bảo: Nếu vị ấy có thể trừ diệt được tội cho ta thì ta sẽ quy y.

復有一臣名曰藏德。復往王所而作是言。

phục hữu nhất Thần danh viết tạng đức。 phục vãng Vương sở nhi tác thị ngôn。

Lại có vị thần tên là Tạng Đức, đến chỗ vua mà tâu rằng:

大王。何故面貌憔悴脣口乾焦。

Đại vương。 hà cố diện mạo憔悴脣口乾焦。

Dại vương! Sao sắc mặt tiều tụy môi miệng khô rát,

音聲微細猶如怯人。見大怨敵顏色皴裂。

âm thanh vi tế do như khiếp nhân。 kiến Đại oán địch nhan sắc thuần liệt。

âm thanh nhỏ bé như người yếu đuối, thấy quân địch mạnh mà hoảng sợ,

將何所苦為身痛耶為心痛乎。王即答言。

tướng hà sở khổ vi thân thống da vi tâm thống hồ。 Vương tức đáp ngôn。

Vua có đau khổ gì, là thân bệnh hay tâm bệnh? Vua liền đáp:

我今身心云何不痛。我之癡盲無有慧目。

ngã kim thân tâm vân hà bất thống。 ngã chi si manh vô hữu tuệ mục。

Nay thân tâm ta rất đau xót, ta ngu si không có mắt tuệ

近諸惡友而為親善。隨調婆達惡人之言。正法之王橫加逆害。

cận chư ác hữu nhi vi thân thiện。 tùy điều bà đạt ác nhân chi ngôn。 chánh Pháp chi
Vương hoạnh gia nghịch hại。

gần gũi bạn ác lấy làm người thân, nghe lời xúi dục của Đề-bà-đạt-đa mà nghịch hại vua cha,

我昔曾聞智人說偈。

ngã tích tăng văn trí nhân thuyết kệ。

Thuở xưa ta từng nghe người trí nói bài kệ rằng:

若於父母	佛及弟子	生不善心
nhược ư phụ mẫu	Phật cập đệ-tử	sinh bất thiện tâm
Đối với cha mẹ	Và đệ tử Phật	Sanh tâm bất thiện
起於惡業	如是果報	在阿鼻獄
khởi ư ác nghiệp	như thị quả báo	tại A-tì ngục
Khởi các nghiệp ác	Sẽ có quả báo	Tại A-tỳ ngục

以是事故。令我心怖生大苦惱。

dĩ thị sự cố. lệnh ngã tâm phổ sanh Đại khổ não。

Do việc này khiến tâm ta sợ hãi sanh sự khổ não,

又無良醫而見救療。大臣。復言。唯願大王。

hựu vô lương y nhi kiến cứu liệu。Đại Thần。phục ngôn。duy nguyện Đại vương。

lại không có lương y nào chữa trị。Đại thần lại nói: Xin Đại vương

且莫愁怖法有二種。一者出家。二者王法。王法者。

thả mặc sâu phổ Pháp hữu nhị chủng。nhất giả xuất gia。nhị giả Vương Pháp。Vương Pháp giả。

chứ ư sâu sợ hãi, pháp có hai thứ. Một là xuất gia, hai là vương pháp. Vương pháp

謂害其父則王國土雖云是逆實無有罪。

vị hại kỳ phụ tắc Vương quốc thổ tuy vân thị nghịch thật vô hữu tội。

nghĩa là hị cha mình lấy quốc độ, tuy gọi là nghịch nhưng không có tội,

如迦羅羅虫要壞母腹然後乃生。

như ca la la trùng yếu hoại mẫu phúc nhiên hậu nãi sanh。

như con trùng Ca-la-la phải phá thai mẹ sau đó mới sanh ra,

生法如是雖破母身實亦無罪。驪懷妊等亦復如是。

sinh Pháp như thị tuy phá mẫu thân thật diệc vô tội。loa hoài nhâm đẳng diệc phục như thị。

pháp sanh là như vậy, tuy phá thân mẹ mà thật ra không có tội, con ốc mang thai cũng lại như vậy.

治國之法。法應如是。雖殺父兄實無有罪。

trì quốc chi Pháp。Pháp ứng như thị。tuy sát phụ huynh thật vô hữu tội。

Pháp trị quốc là nên như vậy, tuy giết cha chiếm ngôi nhưng thật ra không có tội。

出家法者乃至蚊蟻殺亦有罪。唯願大王。

xuất gia Pháp giả nãi chí văn nghĩ sát diệc hữu tội。duy nguyện Đại vương。

Pháp xuất gia thì dù giết muỗi, kiến cũng có tội, xin Đại vương

寬意莫愁。何以故。

khoan ý mạc sầu。hà dĩ cố。

hãy thư thả chứ ưu sầu, tại vì sao?

若常愁苦 愁遂增長 如人熹眠

nhược thường sầu khổ sầu toại tăng trường như nhân hỉ miên

Nếu thường sầu khổ Sầu càng tăng thêm Như người ưa ngủ

眠則滋多 貪婬嗜酒 亦復如是

miên tắc tư đa tham dâm thị tửu diệc phục như thị

Ngủ càng thêm nhiều Tham dâm thích rượu Cũng lại như vậy.

如王所言世無良醫治身心者。

như Vương sở ngôn thế vô lương y trị thân tâm giả。

Như lời Đại vương nói ở đời không có lương y nào trị tâm bệnh cho vua,

今有大師名末伽黎拘舍離子。

kim hữu Đại sư danh mật đà lê câu xá lý tử。

nay có vị đại sư tên là Mật-dà-lê-câu-xá-ly-tử

一切知見憐愍眾生猶如赤子。已離煩惱能拔眾生三毒利箭。

nhất thiết tri kiến liên mẫn chúng sanh do như xích tử。dĩ lý phiền não năng bạt chúng sanh tam độc lợi tiễn。

có nhiều trí thức, thương mến chúng sanh như con đỏ, đã xa lìa phiền não, có thể rút mũi tên ba độc cho các chúng sanh,

一切眾生於一切法無知見覺。唯是一人獨知見覺。

nhất thiết chúng sanh ư nhất thiết Pháp vô tri kiến giác。duy thị nhất nhân độc tri kiến giác。

tất cả chúng sanh đối với tất cả pháp không có sự hiểu biết, chỉ trừ một người có thể hiểu biết,

如是大師常為弟子說如是法。

như thị Đại sư thường vi đệ-tử thuyết như thị Pháp。

như đại sư ấy thường thuyết pháp cho đệ tử rằng:

一切眾生身有七分。何等為七。地水火風苦樂壽命。

nhất thiết chúng sanh thân hữu thất phân. hà đẳng vi thất. địa thủy hỏa phong khổ lạc thọ mạng。

Thân của tất cả chúng sanh có bảy phần, những gì là bảy? Đó là đất, nước, lửa, gió, khổ, vui, thọ mạng,

如是七法非化非作不可毀害。如伊師迦草。

như thị thất Pháp phi hóa phi tác bất khả hủy hại. như y sư ca thảo。

bảy pháp như vậy không phải biến hóa, không phải tạo tác, không thể huỷ hoại, như cỏ y-sư-ca,

安住不動如須彌山。不捨不作猶如乳酪。

an trú bất động như Tu-Di sơn. bất xả bất tác do như nhũ lạc。

an trụ bất động như núi Tu-di, không xả bỏ không tạo tác giống như váng sữa,

各不諍訟。若苦若樂。若善不善。

các bất tranh tụng. nhược khổ nhược lạc. nhược thiện bất thiện。

các thứ không tranh nhau, hoặc khổ hoặc vui, hoặc thiện hoặc bất thiện,

投之利刀無所傷害。何以故。七分空中無妨礙故。

đầu chi lợi đao vô sở thương hại. hà dĩ cố. thất phân không trung vô phương ngại cố。

ném vào dao bén không bị tổn thương, tại vì sao? Trong bảy phần không có trở ngại.

命亦無害。何以故。無有害者及死者故。

mạng diệc vô hại. hà dĩ cố. vô hữu hại giả cập tử giả cố。

Mạng cũng không hại, tại vì sao? Không có người hại và người chết,

無作無受無說無聽。無有念者及以教者。

vô tác thị cố vô thuyết vô thính. vô hữu niệm giả cập dĩ giáo giả。

không tạo tác, không thọ nhận, không nói, không nghe, không có suy nghĩ và dạy dỗ.

常說是法能令眾生滅除一切無量重罪。

thường thuyết thị Pháp năng lệnh chúng sanh diệt trừ nhất thiết vô lượng trọng tội。

Đại sư thường thuyết pháp này, có thể khiến chúng sanh trừ hết vô lượng tội nặng,
是師今在王舍大城。唯願大王。往至其所。

thị sư kim tại Vương xá Đại thành. duy nguyện Đại vương. vãng chí kỳ sở.

nay đại sư đang ở thành Vương xá, xin Đại vương hãy mau đến đó,

王若見者眾罪消滅。時王答言。審能如是除滅我罪。

Vương nhược kiến giả chúng tội tiêu diệt. thời Vương đáp ngôn. thẩm năng như thị trừ
diệt ngã tội.

nếu Đại vương gặp rồi thì các tội sẽ được trừ diệt. Lúc ấy vua bảo: Nếu vị ấy có thể trừ diệt
tội cho ta

我當歸依。

ngã đương quy y.

thì ta sẽ quy y.

復有一臣。名曰實得。復到王所即說偈言。

phục hữu nhất Thần. danh viết thật đắc. phục đáo Vương sở tức thuyết kệ ngôn.

Lại có vị thần tên là Thật Đắc, đến chỗ vua rồi nói bài kệ rằng:

大王何故	身脫瓔珞	首髮蓬亂
------	------	------

Đại vương hà cố	thân thoát anh lạc	thủ phát bông loạn
-----------------	--------------------	--------------------

Tại sao Đại vương	Bỏ hết anh lạc	Đầu tóc rối bù
-------------------	----------------	----------------

乃至如是	王身何故	戰慄不安
------	------	------

nãi chí như thị	Vương thân hà cố	chiến lật bất an
-----------------	------------------	------------------

Đến nỗi như vậy	Tại sao thân vua	Run sợ không an
-----------------	------------------	-----------------

猶如猛風	吹動花樹	
------	------	--

do như mãnh phong	xuy động hoa thụ	
-------------------	------------------	--

Giống như gió mạnh	Thổi lay hoa trái	
--------------------	-------------------	--

王今何故容色愁悴。

Vương kim hà cố dung sắc sầu tụy.

Hôm nay sao nhan sắc Đại vương tiều tụy?

猶如農夫下種之後天不降雨。愁苦如是。為是心痛為身痛耶。

do như nông phu hạ chủng chi hậu Thiên bất hàng vũ. sầu khổ như thị. vi thị tâm thống
vi thân thống da.

giống như nông phu sau khi gieo trồng không có trời mưa, là tâm đau khổ hay thân đau khổ.

王即答言。我今身心豈得不痛。

Vương tức đáp ngôn. ngã kim thân tâm khởi đắc bất thống.

Vua đáp: Nay thân tâm ta đều đau khổ,

我父先王慈愛流惻。特見矜念實無辜咎。往問相師。

ngã phụ tiên Vương tử ái lưu trắc. đắc kiến cặng niệm thật vô cô cữu. vãng vấn tướng sư.

vua cha nhân ái hiền tử thật không có tội lỗi, trước khi sanh ta có gặp thầy tướng số, 相師答言。是兒生已定當害父。

tướng sư đáp ngôn. thị nhi sanh dĩ định đương hại phụ.

thầy tướng số nói rằng: đứa bé này sanh nhất định sẽ hại cha,

雖聞是語猶見贍養。曾聞智者作如是言。

tuy vẫn thị ngữ do kiến thiệp dưỡng. tăng văn trí giả tác như thị ngôn.

tuy nghe lời như vậy mà vẫn chăm sóc nuôi dưỡng ta. Ta từng nghe người trí nói rằng:

若人奸母及比丘尼。偷僧祇物。殺發無上菩提心者。

nhược nhân gian mẫu cập bỉ khâu ni. thâu tăng kì vật. sát phát vô thượng bồ đề tâm giả.

Nếu người nào gian tà với mẹ và Tỷ-kheo-ni, trộm cắp vật của tăng chúng, giết người phát tâm bồ đề vô thượng,

害及其父。如是之人畢定當墮阿鼻地獄。

hại cập kỳ phụ. như thị chi nhân tất định đương đọa A-tì Địa-ngục.

giết hại cha mình, những người như vậy nhất định sẽ rơi vào địa ngục A-tỳ

我今身心豈得不痛。大臣復言唯願大王且莫愁苦。

ngã kim thân tâm khởi đắc bất thống. Đại Thần phục ngôn duy nguyện Đại vương thả mặc sầu khổ.

nay thân tâm há không đau xót sao? Đại thần lại nói: Xin Đại vương chớ sầu khổ,

如其父王修解脫者害則有罪。

như kỳ phụ Vương tu giải thoát giả hại tắc hữu tội.

nếu vua cha là người tu giải thoát mà Đại vương làm hại thì có tội,

若治國法殺則無罪。大王。非法者名為非法。

nhược trì quốc Pháp sát tắc vô tội. Đại vương. phi Pháp giả danh vi phi Pháp.
nếu vì pháp trị nước thì không có tội. Đại vương! Phi pháp thì gọi là phi pháp,
無法者名為無法。譬如無子名為無子。
vô Pháp giả danh vi vô Pháp. thí như vô tử danh vi vô tử.
không pháp thì gọi là không pháp. Thí như không có con thì gọi là không có con,
亦如惡子名之無子。雖言無子實非無子。
diệt như ác tử danh chi vô tử. tuy ngôn vô tử thật phi vô tử.
cũng như con ác thì gọi là không con, tuy nói con thật mà chẳng phải không con,
如食無鹽名為無鹽。食若少鹽亦名無鹽。
như thực vô diêm danh vi vô diêm. thực nhược thiếu diêm diệt danh vô diêm.
như thức ăn không mặn thì gọi là không mặn, hoặc ít mặn cũng gọi là không mặn,
如河無水名之無水。若有少水亦名無水。
như hà vô thủy danh chi vô thủy. nhược hữu thiếu thủy diệt danh vô thủy.
như sông không có nước thì gọi là không có nước, nếu có ít nước cũng gọi là không có
nước,
如念念滅亦言無常。雖住一劫亦名無常。
như niệm niệm diệt diệt ngôn vô thường. tuy trụ nhất kiếp diệt danh vô thường.
như niệm niệm diệt cũng gọi là vô thường, tuy trụ một kiếp cũng gọi là vô thường
如人受苦名為無樂。雖受少樂亦名無樂。如不自在名之無我。
như nhân thọ khổ danh vi vô lạc. tuy thọ thiếu lạc diệt danh vô lạc. như bất tự-tại danh
chi vô ngã.
như người thọ khổ thì cho là không vui, nếu thọ ít vui thì cũng gọi là không vui, như không
tự tại thì gọi là vô ngã.
雖少自在亦名無我。如闇夜時名之無日。
tuy thiếu tự-tại diệt danh vô ngã. như ám dạ thời danh chi vô nhật.
Nếu ít tự tại cũng gọi là vô ngã. Như khi tối tăm thì gọi là không có mặt trời,
雲霧之時亦言無日。大王。
vân vụ chi thời diệt ngôn vô nhật. Đại vương.
lúc sương mù cũng gọi là không có mặt trời. Đại vương!
雖言少法名為無法。實非無法。願王留神聽臣所說。

tuy ngôn thiếu Pháp danh vi vô Pháp. thật phi vô Pháp. nguyện Vương lưu Thần thánh Thần sở thuyết.

Tuy nói ít pháp cũng gọi là không pháp, thật ra không phải là không pháp, xin Đại vương nghe lời thần nói,

一切眾生皆有餘業。以業緣故數受生死。

nhất thiết chúng sanh giai hữu dư nghiệp. dĩ nghiệp duyên cố số thọ sanh tử.

tất cả chúng sanh đều có dư nghiệp, do nghiệp duyên cho nên nhiều lần thọ sanh tử,

若使先王有餘業者。今王殺之竟有何罪。

nhược sử tiên Vương hữu dư nghiệp giả. kim Vương sát chi cánh hữu hà tội.

giả sử tiên vương có dư nghiệp thì nay Đại vương giết đâu có tội gì,

唯願大王寬意莫愁。何以故。

duy nguyện Đại vương khoan ý mạc sầu. hà dĩ cố.

xin Đại vương thư thả chớ buồn rầu. Tại vì sao?

若常愁苦 愁遂增長 如人寤眠

nhược thường sầu khổ sầu toại tăng trưởng như nhân hỉ miên

Nếu thường sầu khổ Sầu sẽ tăng thêm Như người ưa ngủ

眠則滋多 貪婬嗜酒 亦復如是

miên tắc tư đa tham dâm thị tửu diệc phục như thị

Càng ngủ thêm nhiều Tham dâm thích rượu Cũng lại như vậy.

如王所言。世無良醫治身心者。

như Vương sở ngôn. thế vô lương y trì thân tâm giả.

Như lời Đại vương nói ở đời không có vị lương y nào chữa trị thân tâm,

今有大師名刪闍耶毘羅胝子。一切知見。

kim hữu Đại sư danh san đồ da tì la chi tử. nhất thiết tri kiến.

nay có vị đại sư tên là San-đồ-da-tỳ-la-chi-tử có nhiều hiểu biết,

其智淵深猶如大海。有大威德具大神通。

kỳ trí uyên thâm do như Đại hải. hữu Đại uy đức cụ Đại Thần thông.

trí huệ sâu rộng như biển, có oai đức lớn, đầy đủ thần thông,

能令眾生離諸疑網。一切眾生不知見覺。唯是一人獨知見覺。

năng lệnh chúng sanh ly chư nghi võng. nhất thiết chúng sanh bất tri kiến giác. duy thị

nhất nhân độc tri kiến giác.

có thể khiến chúng sanh xa lìa các lưới nghi, tất cả chúng sanh không thể hiểu biết hết các pháp, chỉ trừ một người có thể hiểu biết,

今者近在王舍城住。為諸弟子說如是法。

kim giả cận tại Vương xá thành trụ。vi chư đệ-tử thuyết như thị Pháp。

nay đại sư ở gần thành Vương xá, vì các đệ tử mà thuyết pháp như vậy.

一切眾中若是王者。自在隨意造作善惡。

nhất thiết chúng trung nhược thị Vương giả。tự-tại tùy ý tạo tác thiện ác。

Nếu là bậc vua trong tất cả chúng sanh, tùy ý tự tại tạo các việc thiện ác,

雖為眾惡悉無有罪。如火燒物無淨不淨。

tuy vi chúng ác tất vô hữu tội。như hỏa thiêu vật vô tịnh bất tịnh。

tuy làm các việc ác mà không có tội, như lửa thiêu đốt các vật không sạch không dơ,

王亦如是與火同性。譬如大地淨穢普載。

Vương diệc như thị dữ hỏa đồng tánh。thí như Đại địa tịnh uế phổ tải。

Vua cũng như vậy giống như tánh của lửa, . Thí như đại địa chứa tất cả những vật dơ sạch,

雖為是事初無瞋喜。王亦如是與地同性。

tuy vi thị sự sơ vô sân hỉ。Vương diệc như thị dữ địa đồng tánh。

tuy chứa mọi vật mà không mừng giận, vua cũng như vậy giống như tánh của đại địa.

譬如水性淨穢俱洗。雖為是事亦無憂喜。

thí như thủy tánh tịnh uế câu tẩy。tuy vi thị sự diệc Vô ưu hỉ。

Thí như tánh nước dơ sạch đều tẩy rửa, dù làm những việc như vậy mà không có vui buồn,

王亦如是與水同性。譬如風性淨穢等吹。

Vương diệc như thị dữ thủy đồng tánh。thí như phong tánh tịnh uế đẳng xuy。

vua cũng như vậy giống như tánh của nước. Thí như tánh của gió dơ sạch đều thổi như nhau,

雖為是事亦無憂喜。王亦如是與風同性。

tuy vi thị sự diệc Vô ưu hỉ。Vương diệc như thị dữ phong đồng tánh。

tuy thổi tất cả mà không có buồn vui, vua cũng như vậy giống như tánh của gió.

如秋髡樹春則還生。雖復髡斫實無有罪。

như thu khôn thụ xuân tác hoàn sanh。tuy phục khôn chước thật vô hữu tội。

Như mùa thu chặt cây qua mùa xuân lại đâm chồi, tuy chặt cây mà thật không có tội,
一切眾生亦復如是。此間命終還此間生。

nhất thiết chúng sanh diệt phục như thị. thử gian mạng chung hoàn thử gian sanh.
tất cả chúng sanh cũng lại như vậy, mạng chung rồi lại sanh,

以還生故當有何罪。一切眾生苦樂果報。悉皆不由現在世業。

dĩ hoàn sanh cố đương hữu hà tội. nhất thiết chúng sanh khổ lạc quả báo. tất giai bất do
hiện tại thế nghiệp。

do có sanh nên đâu có tội gì, tất cả chúng sanh thọ báo khổ vui đều không do nghiệp hiện
tại,

因在過去現在受果。現在無因未來無果。

nhân tại quá khứ hiện tại thọ quả. hiện tại vô nhân vị lai vô quả。

mà do quá khứ tạo nhân nên hiện tại thọ quả báo, hiện tại không tạo nhân thì tương lai
không có quả

以現果故眾生持戒勤修精進遮現惡果。

dĩ hiện quả cố chúng sanh trì giới tinh cần tu tinh tấn già hiện ác quả。

do quả hiện tại nên chúng sanh trì giới, siêng tu tinh tấn thì ngăn được quả ác hiện tại,
以持戒故則得無漏。得無漏故盡有漏業。

dĩ trì giới cố tắc đắc vô lậu. đắc vô lậu cố tận hữu lậu nghiệp。

do trì giới nên được vô lậu, do được vô lậu nên sạch hết nghiệp hữu lậu.

以盡業故眾苦得盡。眾苦盡故。故得解脫。

dĩ tận nghiệp cố chúng khổ đắc tận. chúng khổ tận cố. cố đắc giải thoát。

Do sạch hết nghiệp nên các khổ đều hết, do các khổ đều hết nên được giải thoát.

唯願大王。速往其所。令其療治身心苦痛。

duy nguyện Đại vương. tốc vãng kỳ sở. lệnh kỳ liệu trị thân tâm khổ thống。

Xin Đại vương hãy mau đến chỗ đại sư ấy khiến bệnh khổ thân tâm được hết sạch,

王若見者眾罪則除。王即答言。審有是師能除我罪。

Vương nhược kiến giả chúng tội tắc trừ. Vương tức đáp ngôn. thẩm hữu thị sư năng trừ
ngã tội。

nếu Đại vương gặp đại sư thì các tội được tiêu trừ. Vua đáp rằng: Nếu đại sư ấy có thể trừ
được tội cho ta

我當歸依。

ngã đương quy y.

thid ta sê quy y.

復有一臣名悉知義。即至王所作如是言。

phục hữu nhất Thần danh tất tri nghĩa. tức chí Vương sở tác như thị ngôn.

Lại có vị đại thần tên là Tất tri nghĩa, đến chỗ vua mà nói rằng:

王今何故形不端嚴。如失國者。如泉枯涸。

Vương kim hà cố hình bất đoan nghiêm. như thất quốc giả. như tuyền khô hạc.

Tại sao hôm nay Đại vương thân hình tiều tụy, như người mất nước, như suối khô cạn,
池無蓮花。樹無花葉。破戒比丘身無威德。

trì vô liên hoa. thụ vô hoa diệp. phá giới bỉ khâu thân vô uy đức.

như ao không có hoa sen, như cây không có hoa là, như Tỷ-kheo phá giới thân không có
oai đức,

為身痛耶。為心痛乎。王即答言。

vi thân thống da. vi tâm thống hồ. Vương tức đáp ngôn.

là thân bệnh hay tâm bệnh? Vua đáp:

我今身心豈得不痛。我父先王慈惻流念。

ngã kim thân tâm khởi đắc bất thống. ngã phụ tiên Vương tử trắc lưu niệm.

Nay thân tâm ta đều đau xót, vua cha ta là người nhân ái hiền từ,

然我不孝不知報恩。常以安樂安樂於我。

nhiên ngã bất hiếu bất tri báo ân. thường dĩ an lạc an lạc ư ngã.

nhưng ta bất hiếu không biết báo ân, vua cha thường cho ta sự an vui sung sướng

而我背恩反斷其樂。先王無辜橫興逆害。

nhi ngã bối ân phản đoạn kỳ lạc. tiên Vương vô cô hoạnh hưng nghịch hại.

mà ta quên ân lại cướp đi niềm vui, vua cha vô tội mà ta nghịch hại,

我亦曾聞智者說言。若有害父當於無量阿僧祇劫受大苦惱。

ngã diệp tăng văn trí giả thuyết ngôn. nhược hữu hại phụ đương ư vô lượng a tăng kì kiếp
thọ Đại khổ não.

ta cũng từng nghe người trí nói rằng: Nếu có người hại cha thì phải chịu khổ não lớn trong
vô lượng A-tăng-kỳ-kiếp,

我今不久必墮地獄。又無良醫救療我罪。

ngã kim bất cửu tất đọa Địa-ngục. hữu vô lương y cứu liệu ngã tội.

nay ta không bao lâu ắt sẽ rơi vào địa ngục, mà không có vị lương y nào có thể cứu vớt tội cho ta.

大臣即言。唯願大王。放捨愁苦。王不聞耶。

Đại Thần tức ngôn. duy nguyện Đại vương. phóng xả sầu khổ. Vương bất văn da.

Vị đại thần đáp: Xin Đại vương hãy buông thả chớ có sầu khổ, Đại vương không nghe sao?

昔者有王。名曰羅摩。害其父已得紹王位。

tích giả hữu Vương. danh viết la ma. hại kỳ phụ dĩ đắc thiệu Vương vị.

Thuở xưa có vị vua tên là La-ma hại vua cha rồi lấn chiếm ngôi vị,

跋提大王。毘樓真王。那睺沙王。迦帝迦王。

Bạt đề Đại vương. tỉ lâu chân Vương. na hầu sa Vương. ca đế ca Vương.

hoặc như Đại vương Đề-bà, vua Tỳ-lâu-chơn, vua Na-hầu-sa, vua Ca-đế-ca,

毘舍佉王。月光明王。日光明王。愛王。

Tì xá khư Vương. nguyệt quang-minh Vương. nhật quang-minh Vương. ái Vương.

Vua Tỳ-xá-khư, vua Nguyệt quang minh, vua Nhật quang minh, vua Ái,

持多人王。如是等王。皆害其父得紹王位。

trì đa nhân Vương. như thị đẳng Vương. giai hại kỳ phụ đắc thiệu Vương vị.

trì/giữ nhiều người vua. đều là vua. đều hại ấy cha được nối vua ngôi.

vua Trì đa nhân, những vị vua ấy đều hại vua cha để chiếm ngôi vị

然無一王入地獄者。

nhiên vô nhất Vương nhập Địa-ngục giả.

nhưng không một vị vua nào vào địa ngục,

於今現在毘琉璃王優陀那王惡性王鼠王蓮花王。如是等王皆害其父。

ư kim hiện tại Tì lưu ly Vương ưu đà na Vương ác tánh Vương thử Vương liên hoa

Wương. như thị đẳng Vương giai hại kỳ phụ.

hiện nay vua Tỳ-lưu-ly, vua Ưu-đà-na, vua Ác tánh, Vua Thử, Vua Liên hoa, các vị vua ấy

đều hại vua cha

悉無一王生愁惱者。

tất vô nhất Vương sanh sầu não giả.

tất cả không có một vị vua nào sanh sầu não.

雖言地獄餓鬼天中誰有見者。大王。唯有二有。一者人道。

tuy ngôn Địa-ngục ngạ quỷ Thiên trung thù hữu kiến giả. Đại vương. duy hữu nhị hữu. nhất giả nhân đạo.

Tuy nói có cõi địa ngục, ngạ quỷ mà có ai thấy đâu. Đại vương, chỉ có hai cõi, một là cõi người

二者畜生。雖有是二非因緣生非因緣死。

nhị giả súc sanh. tuy hữu thị nhị phi nhân duyên sanh phi nhân duyên tử.

hai là súc sanh, tuy có hai cõi mà không phải do nhân duyên sanh, không phải do nhân duyên chết,

若非因緣何有善惡。唯願大王勿懷愁怖。何以故。

nhược phi nhân duyên hà hữu thiện ác. duy nguyện Đại vương vật hoài sầu phổ. hà dĩ cố.

nếu không phải do nhân duyên sanh sao có thiện ác, xin Đại vương chớ ưu sầu sợ hãi.

Tại vì sao?

若常愁苦 愁遂增長 如人寤眠

nhược thường sầu khổ sầu toại tăng trưởng như nhân hỉ miên

Nếu thường thấy sầu khổ, sầu càng tăng thêm, như người thích ngủ

眠則滋多 貪婬嗜酒 亦復如是

miên tắc tư đa tham dâm thị tửu diệc phục như thị

Ngủ càng thêm nhiều, tham dâm thích rượu cũng lại như vậy.

如王所言。世無良醫治身心者。

như Vương sở ngôn. thế vô lương y trị thân tâm giả.

Như lời Đại vương nói, thế gian không có vị lương y nào chữa trị thân tâm,

今有大師名阿耨多翅舍欽婆羅。一切知見。

kim hữu Đại sư danh a kì đa Sí xá khâm bà la. nhất thiết tri kiến.

nay có đạo sư tên là A-kỳ-đa-sí-xá-khâm-bà-la hiểu biết sâu rộng,

觀金與土平等無二。刀破右脇左塗栴檀。

quán kim dĩ độ bình đẳng vô nhị. đao phá hữu hiệp tả đồ chiên đàn.

xem vàng và đất đều như nhau không hai, bên phải có người cầm dao chặt, bên trái có

người thoa hương chiên đàn,

於此二人心無差別。等視怨親心無異相。

ư thử nhị nhân tâm vô sai biệt. đẳng thị oán thân tâm vô dị tướng.

mà đại sư đối với hai người này không ó tâm sai khác, xem kẻ oán người thân đều bình đẳng,

此師真是世之良醫。若行若立若坐若臥。

thử sư chân thị thể chi lương y。nhược hành nhược lập nhược tọa nhược ngoạ。

đại sư này đúng là bậc lương y ở đời, đi đứng nằm ngồi

常在三昧心無分散。告諸弟子作如是言。若自作若教他作。

thường tại tam muội tâm vô phân tán。 cáo chư đệ tử tác như thị ngôn。 nhược tự tác nhược giáo tha tác。

thường để tâm nơi định tam muội không có tán loạn。 Đại sư thường dạy các đệ tử rằng: hoặc tự mình làm hoặc bảo người khác làm,

若自斫若教他斫。若自炙若教他炙。

nhược tự chước nhược giáo tha chước。 nhược tự chích nhược giáo tha chích。

hoặc tự mình chặt hoặc bảo người chặt, hoặc tự đốt hoặc bảo người khác đốt,

若自害若教他害。若自偷若教他偷。

nhược tự hại nhược giáo tha hại。 nhược tự thâu nhược giáo tha thâu。

hoặc tự mình hại hoặc bảo người khác hại, hoặc tự mình lấy hoặc bảo người khác lấy,

若自姪若教他姪。若自妄語若教他妄語。

nhược tự dâm nhược giáo tha dâm。 nhược tự vọng ngữ nhược giáo tha vọng ngữ。

hoặc tự mình dâm dục hoặc bảo người khác dâm dục, hoặc tự mình nói dối hoặc bảo người khác nói dối,

若自飲酒若教他飲酒。若殺一村一城一國。

nhược tự ẩm tửu nhược giáo tha ẩm tửu。 nhược sát nhất thôn nhất thành nhất quốc。

hoặc tự mình uống rượu hoặc bảo người khác uống rượu, hoặc giết một thôn xóm, một thành, một nước,

若以刀輪殺一切眾生。若恒河已南布施眾生。

nhược dĩ đao luân sát nhất thiết chúng sanh。 nhược hằng hà dĩ Nam bố thí chúng sanh。

hoặc dùng dao giết tất cả chúng sanh, hoặc bố thí cho chúng sanh ở phía Nam sông Hằng,

恒河已北殺害眾生。悉無罪福無施戒定。

hằng hà dĩ Bắc sát hại chúng sanh。 tất vô tội phúc vô thí giới định。

hoặc giết hại chúng sanh ở phía Bắc sông Hằng, tất cả đều không có tội phước, không bố thí, trì giới, thiền định

今者近在王舍城住。願王速往。王若見者眾罪除滅。

kim giả cận tại Vương xá thành trụ. nguyện Vương tốc vãng. Vương nhược kiến giả chúng tội trừ diệt.

Nay đại sư đang ở gần thành Vương xá, xin Đại vương hãy mau đến đó, nếu vua gặp rồi thì các bệnh sẽ được diệt trừ.

王言。大臣。審能如是除滅我罪。

Vương ngôn. Đại Thần. thẩm năng như thị trừ diệt ngã tội.

Vua đáp: Đại thần, nếu đại sư đó có thể trừ được bệnh cho ta

我當歸依復有大臣。名曰吉德。復往王所作如是言。

ngã đương quy y phục hữu Đại Thần. danh viết cát đức. phục vãng Vương sở tác như thị ngôn.

thì ta sẽ quy y. Lại có đại thần tên là là Cát Đức đến chỗ vua rồi nói rằng:

王今何故面無光澤。如日中燈。如晝時月。

Vương kim hà cố diện vô quang trạch. như nhật trung đặng. như trú thời nguyệt.

Hôm nay sao Đại vương sắc mặt không tươi sáng, như ánh đèn giữa mặt trời, như mặt trăng giữa ban ngày,

如失國君。如荒敗土。大王今者。

như thất quốc quân. như hoang bại độ. Đại vương kim giả.

như mất ngôi vị, như đất bỏ hoang. Nay Đại vương

四方清夷無諸怨敵。而今何故如是愁苦。為身苦耶。

tứ phương thanh di vô chư oán địch. nhi kim hà cố như thị sầu khổ. vi thân khổ da.

chung quanh quốc độ yên ổn không có oán địch, tại sao lại sầu khổ như vậy, là thân bệnh 為心苦乎。有諸王子常生此念。

vi tâm khổ hồ. hữu chư Vương tử thường sanh thử niệm.

hay tâm khổ? Có các đệ tử thường nghĩ rằng:

我今何時當得自在。大王。今者已果所願自在。

ngã kim hà thời đương đắc tự-tại. Đại vương. kim giả dĩ quả sở nguyện tự-tại.

Đến lúc nà ta mới được tự tại. Đại vương, nay Đại vương đã tự tại như nguyện,

王領摩伽陀國先王寶藏具足而得。

Vương lĩnh ma dà đà quốc tiên Vương bảo tạng cụ túc nhi đắc.
 vua thừa hưởng kho báu đầy đủ của tiên vương nước Ma-kiệt-đà,
 唯當快意縱情受樂。如是愁苦何用經懷。王即答言。
 duy đương khoái ý túng tình thọ lạc. như thị sầu khổ hà dụng Kinh hoài. Vương tức đáp
 ngôn.
 được vui sướng tùy ý thọ dụng, tại sao lại ôm lòng sầu khổ như vậy. Vua đáp:
 我今云何得不愁惱。大臣。
 ngã kim vân hà đắc bất sầu não. Đại Thần.
 Ta nay làm sao không sầu não được. Đại thần,
 譬如愚人但貪其味不見利刀。如食雜毒不見其過。我亦如是。
 thí như ngu nhân đăn tham kỳ vị bất kiến lợi đao. như thực tạp độc bất kiến kỳ quá. ngã
 diệc như thị.
 thí như người ngu chỉ tham mùi vị ngọt mà không thấy lưỡi dao bén, như ăn thức ăn độc
 mà không thấy tai họa. Ta cũng như vậy,
 如鹿見草不見深穿。如鼠貪食不見猫狸。
 như lộc kiến thảo bất kiến thâm tĩnh. như thử tham thực bất kiến miêu li.
 như con nai thấy cỏ mà không thấy hố sâu, như con chuột tham ăn mà không thấy mèo
 chồn.
 我亦如是。見現在樂不見未來不善苦果。
 ngã diệc như thị. kiến hiện tại lạc bất kiến vị lai bất thiện khổ quả.
 Ta cũng như vậy, thấy sự vui hiện tại mà không thấy quả khổ bất thiện ở đời vị lai.
 曾從智者聞如是言。寧於一日受三百讚。
 tăng tông trí giả văn như thị ngôn. ninh ư nhất nhật thọ tam bách tán.
 Ta từng nghe người trí nói rằng: Thà một ngày thọ nhận ba trăm lời khen,
 不於父母生一念惡。我今已近地獄熾火。
 bất ư phụ mẫu sanh nhất niệm ác. ngã kim dĩ cận Địa-ngục sí hỏa.
 chứ không sanh một niệm ác đối với cha mẹ. Ta nay đã ở gần sự thiêu đốt của địa ngục
 云何當得不愁惱耶。大臣。復言。
 vân hà đương đắc bất sầu não da. Đại Thần. phục ngôn.
 thì làm sao mà không sầu não được. Đại thần lại thưa :
 誰來誑王言有地獄。如刺頭利誰之所造。

thùy lai cuống Vương ngôn hữu Địa-ngục. như thứ đầu lợi thùy chi sở tạo.
Ai lừa dối Đại vương nói có địa ngục, như đầu loại cây có đâm bén nhọn là do ai làm,
飛鳥色異復誰所作。水性潤漬石性堅硬。
phi điều sắc dị phục thùy sở tác. thủy tánh nhuận tí thạch tánh kiên ngạnh.
các loài chim khác nhau là do ai tạo, tánh nước thấm ướt, tánh đá cứng rắn
如風動性如火熱性。一切萬物自死自生誰之所作。
như phong động tánh như hỏa nhiệt tánh. nhất thiết vạn vật tự tử tự sanh thùy chi sở
tác。
tánh gió lay động, tánh nước nóng bức, tất cả vạn vật tự sanh tự huỷ là do ai làm,
言地獄者直是智者文辭造作。言地獄者為有何義。
ngôn Địa-ngục giả trực thị trí giả văn từ tạo tác. ngôn Địa-ngục giả vi hữu hà nghĩa.
nói địa ngục là do người trí dùng lời lẽ tạo ra. Địa ngục có ý nghĩa là gì?
臣當說之。地者名地。獄者名破。
Thần đương thuyết chi. địa giả danh địa. ngục giả danh phá。
Thần sẽ nói rõ: Địa là đất, ngục là phá
破於地獄無有罪報。是名地獄。又復地者名人。
phá ư Địa-ngục vô hữu tội báo. thị danh Địa-ngục. hựu phục địa giả danh nhân. phá
địa ngục không có tội báo, đó gọi là địa ngục. Lại nữa địa là người,
獄者名天。以害其父故到人天。
ngục giả danh Thiên. dĩ hại kỳ phụ cố đáo nhân Thiên。
ngục là trời, do hại cha mình nên đến chỗ trời người,
以是義故婆藪仙人唱言。殺羊得人天樂。是名地獄。
dĩ thị nghĩa cố bà tẩu Tiên nhân xướng ngôn. sát dương đắc nhân Thiên nhạc. thị danh
Địa-ngục。
do nghĩa này nên tiên nhân Bàn Tẩu nói rằng: giết dê được sự vui ở cõi trời người, đó gọi
là địa ngục。
又復地者名命。獄者名長。以殺生故得壽命長。
hựu phục địa giả danh mạng. ngục giả danh trường. dĩ sát sanh cố đắc thọ mạng
trường。
Lại nữa, địa gọi là mạng, ngục gọi là trường, do sát sanh nên thọ mạng được dài lâu,
故名地獄。大王。是故當知實無地獄。大王。

cố danh Địa-ngục. Đại vương. thị cố đương tri thật vô Địa-ngục. Đại vương.
 cho nên gọi là địa ngục. Đại vương, vì thế nên biết thật không có địa ngục. Đại vương,
 如種麥得麥種稻得稻。殺地獄者還得地獄。
 như chủng mạch đắc mạch chủng đạo đắc đạo. sát Địa-ngục giả hoàn đắc Địa-ngục.
 như trồng nếp được nếp, trồng lúa được lúa, giết địa ngục được trở lại địa ngục,
 殺害於人應還得人。大王。
 sát hại ư nhân ứng hoàn đắc nhân. Đại vương.
 giết hại người thì được trở lại cõi người. Đại vương,
 今當聽臣所說實無殺害。若有我者實亦無害。
 kim đương thính Thần sở thuyết thật vô sát hại. nhược hữu ngã giả thật diệc vô hại.
 nay xin nghe lời thần nói thật không có sự sát hại, nếu có ngã cũng không có sự sát hại,
 若無我者復無所害。何以故。若有我者常不變易。
 nhược vô ngã giả phục vô sở hại. hà dĩ cố. nhược hữu ngã giả thường bất biến dịch.
 nếu vô ngã lại không có chỗ hại, tại ví sao, nếu có ngã thì thường hằng không biến đổi,
 以常住故不可殺害。
 dĩ thường trụ cố bất khả sát hại.
 do thường trụ nên không thể sát hại,
 不破不壞不繫不縛不瞋不喜猶如虛空。云何當有殺害之罪。
 bất phá bất hoại bất hệ bất phược bất sân bất hỷ do như hư không. vân hà đương hữu sát
 hại chi tội.
 không phá, không hoại, hông trói, không buộc, không giận, không vui, giống như hư
 không, làm sao mà có tội sát hại.
 若無我者諸法無常。以無常故念念壞滅。
 nhược vô ngã giả chư Pháp vô thường. dĩ vô thường cố niệm niệm hoại diệt.
 Nếu vô ngã thì các pháp là vô thường, vì vô thường nên niệm niệm hoại diệt,
 念念滅故殺者死者皆念念滅。若念念滅誰當有罪。大王。
 niệm niệm diệt cố sát giả tử giả giai niệm niệm diệt. nhược niệm niệm diệt thù đương
 hữu tội. Đại vương.
 do niệm niệm hoại diệt nên giết hay chết đều là niệm niệm hoại diệt, nếu niệm niệm hoại
 diệt thì ai có tội. Đại vương,
 如火燒木。火則無罪。如斧斫樹。斧亦無罪。

như hỏa thiêu mộc. hỏa tắc vô tội. như phủ chước thụ. phủ diệc vô tội.
như lửa đốt cây, lửa không có tội, như búa chặt cây, búa cũng không có tội,
如鎌刈草。鎌實無罪。如刀殺人。
như liềm ngắt thảo. liềm thật vô tội. như đao sát nhân.
như liềm cắt cỏ, liềm không có tội, như dao giết người
刀實非人。刀既無罪。人云何罪。如毒殺人。
đao thật phi nhân. đao ký vô tội. nhân vân hà tội. như độc sát nhân.
dao thật không phải là người, dao đã không có tội thì người sao có tội. Như thuốc độc giết
người,
毒實非人。毒藥非罪。人云何罪。
độc thật phi nhân. độc dưc phi tội. nhân vân hà tội.
thuốc độc không phải là người, thuốc độc không có tội, thì sao người có tội.
一切萬物皆亦如是。實無殺害。云何有罪。
nhất thiết vạn vật giai diệc như thị. thật vô sát hại. vân hà hữu tội.
tất cả vạn vật đều cũng như vậy, thật không có sự sát hại làm sao có tội,
唯願大王莫生愁苦。何以故。
duy nguyện Đại vương mạc sanh sầu khổ. hà dĩ cố.
xin Đại vương chớ ưu sầu, tại vì sao?
若常愁苦 愁遂增長 如人熹眠
nhược thường sầu khổ sầu toại tăng trường như nhân hỉ miên
Như thường sầu khổ Sầu càng tăng thêm Như người ưa ngủ
眠則滋多 貪婬嗜酒 亦復如是
miên tắc tư đa tham dâm thị tửu diệc phục như thị
Ngủ càng thêm nhiều Tham dâm thích rượu Cũng lại như vậy.
如王所言。世無良醫治惡業者。
như Vương sở ngôn. thế vô lương y trì ác nghiệp giả.
Như lời vua nói, ở đời không có vị lương y nào chữa trị nghiệp ác,
今有大師名迦羅鳩馱迦旃延。一切知見明了三世。
kim hữu Đại sư danh ca la cưu đà ca chiên duyên. nhất thiết tri kiến minh liễu tam thế.
nay có đại sư tên là Ca-la-cưu-đà-ca-chiên-diên, hiểu biết tất cả, thấy rõ ba đời,
於一念頃能見無量無邊世界。聞聲亦爾。

ư nhất niệm khoáng năng kiến vô lượng vô biên thế giới. văn thanh diệp nhĩ.
trong phút chốc có thể thấy vô lượng vô biên thế giới, nghe âm thanh cũng như vậy,
能令眾生遠離過惡。
năng lệnh chúng sanh viễn li quá ác.
có thể khiến chúng sanh xa lìa tội ác,
猶如恒河若內若外所有諸罪皆悉清淨。是大良師亦復如是。
do như hằng hà nhược nội nhược ngoại sở hữu chư tội giai tất thanh tịnh。 thị Đại lương
sư diệp phục như thị。
giống như sông Hằng đều có thể rửa sạch các tội hoặc trong hoặc ngoài, vị đại sư náy
cũng lại như vậy,
能除眾生內外眾罪。為諸弟子說如是法。
năng trừ chúng sanh nội ngoại chúng tội。 vi chư đệ-tử thuyết như thị Pháp。
có thể trừ các tội trong ngoài của chúng sanh, đại sư thường thuyết pháp cho các đệ tử
như vậy。
若人殺害一切眾生。心無慚愧終不墮惡。
nhược nhân sát hại nhất thiết chúng sanh。 tâm vô tà quý chung bất đọa ác。
Nếu có người sát hại tất cả chúng sanh, trong tâm không xấu hổ thì trọn không rơi vào
đường ác,
猶如虛空不受塵水。有慚愧者即入地獄。猶如大水潤濕於地。
do như hư không bất thọ trần thủy。 hữu tà quý giả tức nhập Địa-ngục。 do như Đại thủy
nhuận thấp ư địa。
giống như hư không không dính bụi hay nước, nếu có xấu hổ tức rơi vào địa ngục, giống
như nước lớn thấm vào đất。
一切眾生悉是自在天之所作。
nhất thiết chúng sanh tất thị Tự Tại Thiên chi sở tác。
Tất cả chúng sanh đều do Phạm thiên tạo ra,
自在天喜眾生安樂。自在天瞋眾生苦惱。
Tự Tại Thiên hỉ chúng sanh an lạc。 Tự Tại Thiên sân chúng sanh khổ não。
Phạm thiên vui thì chúng sanh an lạc, Phạm thiên sân giận thì chúng sanh khổ não,
一切眾生若罪若福。乃是自在天之所為。
nhất thiết chúng sanh nhược tội nhược phúc。 nãi thị Tự Tại Thiên chi sở vi。

tất cả chúng sanh hoặc tội hoặc phước đều do Phạm thiên tạo ra,
云何當言人有罪福。譬如工匠作機關木人。
vân hà đương ngôn nhân hữu tội phúc. thí như công tượng tác ky quan mộc nhân。
Vì sao nói người có tội phước? thí như thợ mộc làm ra con người bằng gỗ,
行住坐臥唯不能言。眾生亦爾。自在天者喻如工匠。
hành trụ tọa ngoạ duy bất năng ngôn. chúng sanh diệc nhĩ. Tự Tại Thiên giả dụ như
công tượng。
có thể đi đứng nằm ngồi nhưng không thể nói, chúng sanh cũng vậy, Phạm thiên dụ như
người thợ mộc,
木人者喻眾生身。如是造化誰當有罪。
mộc nhân giả dụ chúng sanh thân. như thị tạo hóa thùi đương hữu tội。
người gỗ dụ cho thân chúng sanh, tạo hoá như vậy ai sẽ có tội,
如是大師今者近在王舍城住。唯願速往。
như thị Đại sư kim giả cận tại Vương xá thành trụ. duy nguyện tốc vãng。
nay đại sư đang ở gần thành Vương xá, xin Đại vương mau hãy đến đó,
如得見者眾罪消滅。王即答言。審有是人能滅我罪。
như đắc kiến giả chúng tội tiêu diệt. Vương tức đáp ngôn. thẩm hữu thị nhân năng diệt
ngã tội。
nếu Đại vương gặp rồi thì các tội sẽ tiêu diệt. Vua nói: Nếu đại sư đó có thể trừ diệt tội cho
ta
我當歸依。復有一臣名無所畏。
ngã đương quy y. phục hữu nhất Thần danh vô sở úy。
thì ta sẽ quy y. Lại có một vị thần tên là Vô Sở Úy,
往至王所說如是言。大王。
vãng chí Vương sở thuyết như thị ngôn. Đại vương。
đến chỗ vua nói rằng: Đại vương,
世有愚人一日之中百喜百愁百眠百寤百驚百哭。有智之人斯無是事。
thế hữu ngu nhân nhất nhật chi trung bách hỉ bách sầu bách miên bách thức bách kinh
bách khóc. hữu trí chi nhân tư vô thị sự。
ở đời có người ngu trong một ngày mà trăm lần vui, trăm lần buồn, trăm lần ngủ, trăm lần
thức, trăm lần sợ, trăm lần khóc, người có trí thì không có việc đó.

大王。何故憂愁如是。如失侶客。

Đại vương. hà cố ưu sầu như thị. như thất lữ khách.

Đại vương, tại sao lại sầu khổ như vậy, như mất khách quý,
如墮深泥無救拔者。如人渴乏不得漿水。

như đọa thâm nê vô cứu bạt giả. như nhân khát phạp bất đắc tương thủy.

như rơi xuống bùn sâu không người cứu vớt, như người khát không được nước uống,
猶如迷人無有導者。如困病人無醫救療。

do như mê nhân vô hữu đọa giả. như khốn bệnh nhân vô y cứu liệu.

như đi lầm đường không người dắt dẫn, như người bệnh nặng không có thuốc cứu chữa,
如海船破無救接者。大王。今者為身痛耶。為心痛乎。

như hải thuyền phá vô cứu tiếp giả. Đại vương. kim giả vi thân thống da. vi tâm thống hồ.

như giữa biển bị vỡ thuyền không người tiếp cứu. Đại vương, nay thân bị bệnh hay tâm bị bệnh?

王即答言。我今身心豈得不痛。

Vương tức đáp ngôn. ngã kim thân tâm khởi đắc bất thống.

vua liền đáp: Nay thân tâm ta đều đau xót,

我近惡友不觀口過。先王無辜橫興逆害。我今定知當入地獄。

ngã cận ác hữu bất quán khẩu quá. tiên Vương vô cô hoạnh hưng nghịch hại. ngã kim
định tri đương nhập Địa-ngục.

ta gần gũi bạn ác không giữ tai họa của miệng, phụ vương vô tội mà ta nghịch hại, nay ta
biết chắc mình sẽ đọa địa ngục,

復無良醫而見救濟。臣即白言。唯願大王。

phục vô lương y nhi kiến cứu tế. Thần tức bạch ngôn. duy nguyện Đại vương.

lại không có vị lương y nào có thể cứu vớt. Đại thần liền tâu: Xin Đại vương

莫生愁毒。夫剝利者。名為王種。若為國土。

mạc sanh sầu độc. phu sát lợi giả. danh vi Vương chủng. nhược vi quốc thổ.

chớ có sầu não, luận rằng dòng Sát-đế-lợi là dòng vua chúa, nếu vì quốc độ,

若為沙門及婆羅門。

nhược vi Sa Môn cập Bà-la-môn.

hoặc vì Sa-môn, Bà-la-môn,

為安人民雖復殺害無有罪也。先王雖復恭敬沙門。

vi an nhân dân tuy phục sát hại vô hữu tội dã. tiên Vương tuy phục cung kính Sa Môn.
hoặc vì an ổn nhân dân mà giết hại thì không có tội. Tiên vương tuy có cung kính Sa-môn
不能承事諸婆羅門。心無平等。心無平等故則非剎利。

bất năng thừa sự chư Bà-la-môn. tâm vô bình đẳng. tâm vô bình đẳng cố tắc phi sát
lợi.

mà không thể phụng sự các Bà-la-môn, đó là tâm không bình đẳng, do tâm không bình
đẳng nên không phải dòng Sát-đế-lợi.

大王。今者為欲供養諸婆羅門。殺害先王。

Đại vương. kim giả vi dục cung dưỡng chư Bà-la-môn. sát hại tiên Vương.

Đại vương, nay Đại vương vì muốn cúng dường các Bà-la-môn mà giết hại tiên vương
當有何罪。大王。實無殺害。

đương hữu hà tội. Đại vương. thật vô sát hại.

thì có tội gì. Đại vương thật không có giết hại,

夫殺害者殺害壽命。命名風氣。風氣之性不可殺害。

phu sát hại giả sát hại thọ mạng. mạng danh phong khí. phong khí chi tánh bất khả sát
hại.

luận rằng giết hại là giết thọ mạng, mạng gọi là hơi gió, tánh của hơi gió thì không thể giết
hại,

云何害命而當有罪。唯願大王莫復愁苦。何以故。

vân hà hại mạng nhi đương hữu tội. duy nguyện Đại vương mạc phục sầu khổ. hà dĩ
cố.

tại sao hại mạng mà lại có tội. Xin Đại vương chớ có sầu khổ, tại vì sao?

若常愁苦 愁遂增長 如人寤眠

nhược thường sầu khổ sầu toại tăng trưởng như nhân hỉ miên

Nếu thường sầu khổ Khổ càng thêm nhiều Như người ưa ngủ

眠則滋多 貪婬嗜酒 亦復如是

miên tắc tư đa tham dâm thị tửu diệc phục như thị

ngủ càng nhiều thêm Tham dâm thích rượu Cũng lại như vậy,

如王所言。世無良醫而療治者。

như Vương sở ngôn. thế vô lương y nhi liệu trì giả.

như lời Đại vương nói, thế gian không có vị lương y nào có thể chữa trị,
今有大師名尼乾陀若提子。一切知見憐愍眾生。
kim hữu Đại sư danh ni kiền đà nhược đề tử. nhất thiết tri kiến liên mẫn chúng sanh.
nat có đại sư tên là Ni-kiền-đà-nhược-đề-tử, có nhiều sự hiểu biết, thương yêu tất cả
chúng sanh,
善知眾生諸根利鈍。達解一切隨宜方便。
thiện tri chúng sanh chư căn lợi độn. đạt giải nhất thiết tùy nghi phương tiện.
khéo biết căn tánh lanh lợi hay thấp kém của chúng sanh, hiểu rõ tất cả phương tiện tùy
nghi,
世間八法所不能汚。寂靜修習清淨梵行。
thế gian bát Pháp sở bất năng 汚。 tịch tĩnh tu tập thanh tịnh phạm hạnh.
tám pháp thế gian không thể làm ô nhiễm, đại sư tu tập phạm hạnh thanh tịnh,
為諸弟子說如是言。無施無善無父無母。無今世後世。
vi chư đệ-tử thuyết như thị ngôn. vô thí vô thiện vô phụ vô mẫu. vô kim thế hậu thế.
thường dạy các đệ tử : không có bố thí, không có điều lành, không cha, không mẹ, không
có đời này, không có đời sau,
無阿羅漢。無修無道。一切眾生經八萬劫。
vô A La Hán. vô tu vô đạo. nhất thiết chúng sanh Kinh bát vạn kiếp.
không có A-la-hán, không tu, không đạo, tất cả chúng sanh trải qua tám vạn kiếp
於生死輪自然得脫。有罪無罪悉亦如是。
ư sanh tử luân tự nhiên đắc thoát. hữu tội vô tội tất diệt như thị.
thì tự nhiên được thoát khỏi sanh tử luân hồi, có tội hay không tội đều cũng như vậy,
如四大河。所謂辛頭恒河博叉私陀。
như tứ Đại hà. sở vị tân đầu hằng hà bác xoa tư đà.
như bốn con sông lớn là Tân đầu, Hằng hà, Bác xoa, Tư đà
悉入大海無有差別。一切眾生亦復如是。
tất nhập Đại hải vô hữu sai biệt. nhất thiết chúng sanh diệt phục như thị.
đều chảy vào biển lớn không có sai khác, tất cả chúng sanh cũng lại như vậy,
得解脫時悉無差別。是師今在王舍城住。
đắc giải thoát thời tất vô sai biệt. thị sư kim tại Vương xá thành trụ.
lúc được giải thoát thì đều không sai khác. Nay đại sư ấy đang ở gần thành Vương xá,

唯願大王速往其所。若得見者眾罪消除。王即答言。

duy nguyện Đại vương tốc vãng kỳ sở. nhược đắc kiến giả chúng tội tiêu trừ. Vương tức
đáp ngôn.

xin Đại vương hãy mau đến đó, nếu như gặp sư rồi thì tất cả tội đều tiêu trừ. Vua đáp:
審有是師能除我罪。我當歸依。

thẩm hữu thị sư năng trừ ngã tội. ngã đương quy y.

Nếu đại sư ấy có thể trừ tội cho ta thì ta sẽ quy y.

爾時大醫。名曰耆婆。往至王所白言。大王。

nhĩ thời Đại y. danh viết kì bà. vãng chí Vương sở bạch ngôn. Đại vương。

Lúc bấy giờ có vị lương y tên là Kỳ-bà đi đến chỗ vua thưa rằng: Đại vương,
得安眠不。王即以偈答言。

đắc an miên bất. Vương tức dĩ kệ đáp ngôn.

ngài ngủ ngon chẳng? Vua liền dùng kệ đáp rằng:

若有能永斷

一切諸煩惱

nhược hữu năng vĩnh đoạn

nhất thiết chư phiền não

Nếu có thể trừ diệt

Tất cả các phiền não

不貪染三界

乃得安隱眠

bất tham nhiễm tam giới

nãi đắc an ổn miên

Không tham đắm ba cõi

Mới có thể an ngủ

若得大涅槃

演說甚深義

nhược đắc Đại Niết-Bàn

diễn thuyết thậm thâm nghĩa

Nếu đắc Đại Niết-bàn

Diễn thuyết nghĩa tham sâu

名真婆羅門

乃得安隱眠

danh chân Bà-la-môn

nãi đắc an ổn miên

Chân chánh Bà-la-môn

Mới có thể ngủ an

身無諸惡業

口離於四過

thân vô chư ác nghiệp

khẩu ly ư tứ quá

Thân không có nghiệp ác

Miệng xa lìa bốn lỗi

心無有疑網

乃得安隱眠

tâm vô hữu nghi võng

nãi đắc an ổn miên

Tâm không có nghi ngờ

Mới có thể ngủ an

身心無熱惱	安住寂靜處
thân tâm vô nhiệt não	an trú tịch tĩnh xử
Thân tâm không nhiệt não	An trú nơi vắng lặng
獲致無上樂	乃得安隱眠
hoạch trí vô thượng lạc	nãi đắc an ổn miên
Đạt sự vui vô thượng	Mới có thể ngủ an
心無有取著	遠離諸怨讎
tâm vô hữu thủ trú	viễn li chư oán thù
Tâm không có chấp thủ	Xa lìa các oán thù
常和無諍訟	乃得安隱眠
thường hòa vô tranh tụng	nãi đắc an ổn miên
Hoà hợp không tranh cãi	Mới có thể ngủ ngon
若不造惡業	心常懷慚愧
nhược bất tạo ác nghiệp	tâm thường hoài tàm quý
Nếu không tạo nghiệp ác	Tâm thường có hổ thẹn
信惡有果報	乃得安隱眠
tín ác hữu quả báo	nãi đắc an ổn miên
Tin làm ác có quả	Mới có thể ngủ ngon
敬養於父母	不害一生命
kính dưỡng ư phụ mẫu	bất hại nhất sanh mạng
Cung kính với cha mẹ	Không hại một sinh mạng
不盜他財物	乃得安隱眠
bất đạo tha tài vật	nãi đắc an ổn miên
Không lấy vật của người	Mới có thể ngủ ngon
調伏於諸根	親近善知識
điều phục ư chư căn	thân cận thiện tri thức
Điều phục nơi các căn	Gần gũi với bạn lành
破壞四魔眾	乃得安隱眠
phá hoại tứ ma chúng	nãi đắc an ổn miên
Phá tan bốn chúng ma	Mới có thể ngủ ngon
不見吉不吉	及以苦樂等

bất kiến cát bất cát
Không nghĩ điều tốt xấu
為諸眾生故

vi chư chúng sanh cố
Vì các loài chúng sanh
若能如是者

nhược năng như thị giả
Nếu làm được như vậy
誰得安隱眠

thùy đắc an ổn miên
Ai được ngủ an ổn
深觀空三昧

thâm quán không tam muội
Sâu quán không, tam muội
誰得安隱眠

thùy đắc an ổn miên
Ai được an ổn ngủ
常修不放逸

thường tu bất phóng dật
Tu tập không phóng dật
眾生無明冥

chúng sanh vô minh minh
chúng sanh bị vô minh
常造諸惡業

thường tạo chư ác nghiệp
Thường tạo các nghiệp quả
若為於自身

nhược vi ư tự thân
Nếu là vì thân mình
造作十惡業

tạo tác thập ác nghiệp

cập dĩ khổ lạc đẳng
Và các việc khổ vui
輪轉於生死

luân chuyển ư sanh tử
Nên chuyển luân sanh tử
乃得安隱眠

nãi đắc an ổn miên
Mới có thể ngủ ngon
所謂諸佛是

sở vị chư Phật thị
Đó chính là chư Phật
身心安不動

thân tâm an bất động

Thân tâm đều không động

所謂慈悲者

sở vị từ bi giả

Đó là người từ bi

視眾如一子

thị chúng như nhất tử

Xem chúng sanh như con

不見煩惱果

bất kiến phiền não quả

Không thấy quả phiền não

不得安隱眠

bất đắc an ổn miên

Không được ngủ ngon giấc

及以他人身

cập dĩ tha nhân thân

Hoặc vì thân người khác

不得安隱眠

bất đắc an ổn miên

Mà tạo mười nghiệp ác	Không được ngủ ngon giấc
若言為樂故	害父無過咎
nhược ngôn vi lạc cố	hại phụ vô quá cữu
Lời nói vì sự vui	Hại cha không có lỗi
隨是惡知識	不得安隱眠
tùy thị ác tri thức	bất đắc an ổn miên
Nghe lời của bạn ác	Không được ngủ ngon giấc
若食過節度	冷飲而過差
nhược thực quá tiết độ	lãnh ẩm nhi quá sai
Ăn uống không chừng mực	Uống các thứ sai trái
如是則病苦	不得安隱眠
như thị tắc bệnh khổ	bất đắc an ổn miên
Như vậy có bệnh khổ	Không được ngủ ngon giấc
若於王有過	邪念他婦女
nhược ư Vương hữu quá	tà niệm tha phụ nữ
Nếu có tội với vua	Tà niệm với vợ người
及行墮路者	不得安隱眠
cập hành khoáng lộ giả	bất đắc an ổn miên
Đi ở nơi hoang vắng	Không được ngủ ngon giấc
持戒果未熟	太子未紹位
trì giới quả vị thực	Thái-Tử vị thiệu vị
Trì giới chưa trọn vẹn	Thái Tử chưa lên ngôi
盜者未獲財	不得安隱眠
đạo giả vị hoạch tài	bất đắc an ổn miên

Trộm cắp chưa được vật
Không được ngủ ngon giấc.

耆婆。我今病重。於正法王興惡逆害。

kì bà. ngã kim bệnh trọng. ư chánh Pháp Vương hưng ác nghịch hại。

Này Kỳ-bà! Nay ta bị bệnh nặng, vua cha theo chánh pháp mà ta đem lòng ác nghịch hại,
一切良醫妙藥呪術善巧瞻病所不能治。何以故。

nhất thiết lương y diệu dược chú thuật thiện xảo chiêm bệnh sở bất năng trị. hà dĩ cố。

tất cả thầy giỏi thuốc hay, chú thuật khéo léo cũng không thể chữa trị. Tại vì sao?

我父法王如法治國。實無辜咎橫加逆害。

ngã phụ Pháp Vương như Pháp trì quốc. thật vô cô cửu hoạnh gia nghịch hại.

Cha ta dùng chánh pháp trị nước, thật không có tội mà ta nghịch hại,

如魚處陸當有何樂。如鹿在弼初無歡心。

như ngư xử lục đương hữu hà lạc. như lộc tại cương sơ vô hoan tâm.

như cá trên cạn nào có vui gì, như nai mắc bẫy không có tâm ưa thích,

如人自知命不終日。如王失國逃迸他土。

như nhân tự tri mạng bất chung nhật. như Vương thất quốc đào binh tha độ.

như người tự biết mạng mình sắp chết, như vua mất nước, loạn lạc nước khác,

如人聞病不可療治。如破戒者聞說罪過。

như nhân văn bệnh bất khả liệu trị. như phá giới giả văn thuyết tội quá.

như người nghe bệnh không thể chữa trị, như người phá giới nghe nói tội lỗi.

我昔曾聞智者說言。身口意業若不清淨。

ngã tích tăng văn trí giả thuyết ngôn. thân khẩu ý nghiệp nhược bất thanh tịnh.

Ta xưa từng nghe người trí nói rằng: Nếu ba nghiệp thân, khẩu, ý không thanh tịnh,

當知是人必墮地獄。我亦如是。云何當得安隱眠耶。

đương tri thị nhân tất đọa Địa-ngục. ngã diệc như thị. vân hà đương đắc an ổn miên

da.

nên biết người đó tất đọa địa ngục. Ta cũng như vậy thì làm sao mà ngủ ngon được.

今我又無無上大醫演說法藥除我病苦。

kim ngã hựu vô vô thượng Đại y diễn thuyết Pháp dược trừ ngã bệnh khổ.

Nay ta lại không có vị vô thượng đại y nào để diễn thuyết pháp dược mà trừ bệnh khổ cho ta.

耆婆答言。善哉善哉。

kì bà đáp ngôn. Thiện tai Thiện tai.

Kỳ-bà đáp rằng: Lành thay lành thay,

王雖作罪心生重悔而懷慚愧。大王。諸佛世尊常說是言。

Vương tuy tác tội tâm sanh trọng hối nhi hoài tàm quý. Đại vương. chư Phật Thế tôn thường thuyết thị ngôn.

tuy Đại vương tạo tội mà tâm sanh hối hận, biết ô lòng hổ thẹn, Đại vương, chư Phật Thế Tôn thường dạy rằng:

有二白法能救眾生。一慚二愧。

hữu nhị bạch Pháp năng cứu chúng sanh. nhất tâm nhị quý.

Có ai pháp có thể cứu vớt chúng sanh. Một là tâm, hai là quý.

慚者自不作罪愧者不教他作。慚者內自羞恥。愧者發露向人。

tâm giả tự bất tác tội quý giả bất giáo tha tác. tâm giả nội tự tu sỉ. quý giả phát lộ hướng nhân.

Tâm là tự mình không tạo tội, quý là không dạy người khác tạo tội. Tâm là tự mình thấy hổ, quý là phát lộ với người khác.

慚者羞人愧者羞天。是名慚愧。無慚愧者不名為人。

tâm giả tu nhân quý giả tu Thiên. thị danh tâm quý. vô tâm quý giả bất danh vi nhân.

Tâm là hổ thẹn người, quý là hổ thẹn với trời, đó gọi là tâm quý. Nếu không có tâm quý thì không gọi là người,

名為畜生。有慚愧故則能恭敬父母師長。

danh vi súc sanh. hữu tâm quý cố tắc năng cung kính phụ mẫu sư trưởng.

mà gọi là súc sanh, do có tâm tâm quý nên có thể cung kính cha mẹ sư trưởng,

有慚愧故說有父母兄弟姊妹。

hữu tâm quý cố thuyết hữu phụ mẫu huynh đệ tỉ muội.

do có tâm quý nên mới có cha mẹ anh chị em.

善哉大王具有慚愧。大王且聽。臣聞佛說。智者有二。

Thiện tai Đại vương cụ hữu tâm quý. Đại vương thả thính. Thần văn Phật thuyết. trí giả hữu nhị.

Lành thay Đại vương có đủ sự tâm quý, Đại vương xin lắng nghe, thần nghe Phật dạy rằng: Người trí có hai hạng.

一者不造諸惡。二者作已懺悔。愚者亦二。

nhất giả bất tạo chư ác. nhị giả tác dĩ sám hối. ngu giả diệc nhị.

Một là không làm các việc ác, hai là làm rồi biết sám hối. Người ngu cũng có hai hạng.

一者作罪。二者覆藏。雖先作惡後能發露。

nhất giả tác tội. nhị giả phúc tạng. tuy tiên tác ác hậu năng phát lộ.

Một là làm điều xấu, hai là làm rồi che dấu. Tuy trước có làm ác mà sau đó có thể phát lồ,

悔已慚愧更不敢作。猶如濁水置之明珠。

hối dĩ tầm quý canh bất cảm tác。do như trược thủy trí chi minh châu。

sám hối rồi thì xấu hổ không dám làm nữa, giống như bỏ hạt minh châu vào trong nước đục,

以珠威力水即為清。如烟雲除月則清明。

dĩ châu uy lực thủy tức vi thanh。như yên vân trừ nguyệt tắc thanh minh。

do oai lực của minh châu nên nước được trong xanh, như mây tan thì trăng sáng tỏ,

作惡能悔亦復如是。王若懺悔懷慚愧者。

tác ác năng hối diệt phục như thị。Vương nhược sám hối hoài tầm quý giả。

làm ác mà có thể sám hối cũng lại như vậy。Nếu vua biết xấu hổ mà sám hối。

罪即除滅清淨如本。大王。富有二種。

tội tức trừ diệt thanh tịnh như bốn。Đại vương。phú hữu nhị chủng。

thì tội được diệt trừ thanh tịnh như xưa。Đại vương, giàu sang có hai loại:

一者象馬種種畜生。二者金銀種種珍寶。象馬雖多不敵一珠。

nhất giả tượng mã chủng chủng súc sanh。nhị giả kim ngân chủng chủng trân

bảo。tượng mã tuy đa bất địch nhất châu。

Một là voi, ngựa, các thứ súc sanh. Hai là vàng, bạc, các thứ châu báu. Tuy nhiều voi ngựa nhưng không sánh kịp một hạt châu báu.

大王。眾生亦爾。一者惡富。二者善富。

Đại vương。chúng sanh diệt nhĩ。nhất giả ác phú。nhị giả thiện phú。

Đại vương! Chúng sanh cũng như vậy, một là giàu điều ác, hai là giàu điều thiện,

多作諸惡不如一善。

đa tác chư ác bất như nhất thiện。

tuy làm nhiều điều ác mà không bằng một điều thiện,

臣聞佛說修一善心破百種惡。大王。如少金剛能壞須彌。

Thần văn Phật thuyết tu nhất thiện tâm phá bách chủng ác。Đại vương。như thiếu Kim cương năng hoại Tu-Di。

thần nghe Phật dạy rằng, tu một tâm thiện bằng phá được một trăm điều ác。Đại vương!

Như một ít kim cương có thể phá hoại cả núi Tu Di。

亦如少火能燒一切。如少毒藥能害眾生。

diệt như thiếu hỏa năng thiêu nhất thiết。như thiếu độc dược năng hại chúng sanh。

Cũng như ngọn lửa nhỏ có thể thiêu cháy tất cả, như một ít thuốc độc có thể hại chết chúng sanh,

少善亦爾能破大惡。雖名少善其實是大。何以故。

thiểu thiện diệc nhĩ năng phá Đại ác。 tuy danh thiểu thiện kỳ thật thị Đại。 hà dĩ cố。

một ít điều thiện cũng như vậy, có thể phá điều ác lớn, tại vì sao,

破大惡故。大王。如佛所說覆藏者漏。

phá Đại ác cố。 Đại vương。 như Phật sở thuyết phúc tạng giả lậu。

do phá được điều ác lớn。 Đại vương!

不覆藏者則無有漏。發露悔過是故不漏。

bất phúc tạng giả tắc vô hữu lậu。 phát lộ hối quá thị cố bất lậu。

Người không che dấu thì không có lậu, do phát lồ sám hối tội lỗi nên không có lậu,

若作眾罪不覆不藏。以不覆故罪則微薄。

nhược tác chúng tội bất phúc bất tạng。 dĩ bất phúc cố tội tắc vi bạc。

nếu tạo các tội mà không che dấu, vì không che dấu nên tội được nhẹ,

若懷慚愧罪則消滅。大王。如水滲雖微漸盈大器。善心亦爾。

nhược hoài tâm quý tội tắc tiêu diệt。 Đại vương。 như thủy đế tuy vi tiệm doanh Đại

khí。 thiện tâm diệc nhĩ。

nếu ôm lòng xấu hổ thì tội được tiêu diệt。 Đại vương, như giọt nước tuy nhỏ mà có thể

dâng đầy bồn lớn, tâm thiện cũng vậy,

——善心能破大惡。若覆罪者罪則增長。

nhất nhất thiện tâm năng phá Đại ác。 nhược phúc tội giả tội tắc tăng trường。

mỗi mỗi tâm thiện đều có thể phá điều ác lớn, nếu che dấu tội thì tội càng nặng thêm,

發露慚愧罪則消滅。

phát lộ tâm quý tội tắc tiêu diệt。

nếu hổ thẹn phát lộ sám hối thì tội liền được tiêu diệt。

是故諸佛說有智者不覆藏罪。善哉大王。能信因果信業信報。

thị cố chư Phật thuyết hữu trí giả bất phúc tạng tội。 Thiện tai Đại vương。 năng tín nhân

quả tín nghiệp tín báo。

Cho nên chư Phật dạy người có trí thì không che dấu tội. Lành thay Đại vương, có thể tin

nhân quả, tin nghiệp báo,

唯願大王莫懷愁怖。若有眾生造作諸罪。

duy nguyện Đại vương mạc hoài sầu phổ. nhược hữu chúng sanh tạo tác chư tội.
xin Đại vương chớ buồn rầu sợ hãi, nếu có chúng sanh nào toạ các tội lỗi
覆藏不悔心無慚愧。不見因果及以業報。
phúc tạng bất hối tâm vô tà quý. bất kiến nhân quả cập dĩ nghiệp báo。
mà che dấu không dám sám hối, tâm không xấu hổ, không thấy nhân quả và nghiệp báo,
不能諮啟有智之人不近善友。
bất năng ti khải hữu trí chi nhân bất cận thiện hữu。
không đến hỏi người trí, không gần bạn lành,
如是之人一切良醫乃至瞻病所不能治。如迦摩羅病世醫拱手。
như thị chi nhân nhất thiết lương y nãi chí chiêm bệnh sở bất năng trị。 như ca ma la bệnh
thế y cũng thủ。
hạng người này thì các lương y không thể chữa trị, như bệnh phong hủi lương y phải chịu
bỏ tay,
覆罪之人亦復如是。云何罪人。謂一闍提。
phúc tội chi nhân diệc phục như thị。 vân hà tội nhân。 vị nhất-xiển-đề。
người che dấu tội cũng lại như vậy. Thế nào là người có tội tên là nhất-xiển-đề.
一闍提者不信因果無有慚愧不信業報。
nhất-xiển-đề giả bất tín nhân quả vô hữu tà quý bất tín nghiệp báo。
Nhất-xiển-đề là không tin nhân quả, không biết xấu hổ, không tin nghiệp báo
不見現在及未來世。不親善友。
bất kiến hiện tại cập vị lai thế。 bất thân thiện hữu。
không thấy đời hiện tại và vị lai, không gần bạn lành,
不隨諸佛所說教戒。如是之人名一闍提。
bất tùy chư Phật sở thuyết giáo giới。 như thị chi nhân danh nhất-xiển-đề。
không nghe theo lời Phật dạy. Hạng người như vậy gọi là nhất-xiển-đề,
諸佛世尊所不能治。何以故。如世死屍醫不能治。
chư Phật Thế tôn sở bất năng trị。 hà dĩ cố。 như thế tử thi y bất năng trị。
chư Phật Thế Tôn không thể cứu chữa, tại vì sao? Như người chết thì không thể
cứu,
一闍提者亦復如是。諸佛世尊所不能治。大王今者。

nhất-xiển-đề giả diệc phục như thị. chư Phật Thế tôn sở bất năng trị. Đại vương kim giả.

nhất-xiển-đề cũng lại như vậy, chư Phật Thế Tôn khônh thể cứu vớt. Nay Đại vương 非一闡提。云何而言不可救療。

phi nhất-xiển-đề. vân hà nhi ngôn bất khả cứu liệu.

không phải là hạng nhất-xiển-đề, sao lại nói không thể cứu chữa.

如王所言無能治者。大王當知。

như Vương sở ngôn vô năng trị giả. Đại vương đương tri.

Như lời Đại vương nói không thể chữa trị, Đại vương phải biết,

迦毘羅城淨飯王子。姓瞿曇氏。字悉達多。

ca tì la thành Tịnh Phạn Vương tử. tính Cồ Đàm thị. tự Tất đạt đa.

con vua Tịnh Phạn ở thành Ca-tỳ-la, họ là Cù-đàm, tên là Tất-đạt-đa,

無師覺悟自然而得阿耨多羅三藐三菩提。

vô sư giác ngộ tự nhiên nhi đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề.

không thầy mà được giác ngộ, tự nhiên đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

三十二相八十種好莊嚴其身。

tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo trang nghiêm kỳ thân.

có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm thân,

具足十力四無所畏一切知見大慈大悲。憐愍一切如羅睺羅。

cụ túc thập lực tứ vô sở úy nhất thiết tri kiến Đại từ Đại bi. liên mẫn nhất thiết như la hầu la.

đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, có tất cả trí, đại từ đại bi thương xót tất cả như La-hầu-la, 隨善眾生如犢逐母。知時而說非時不語。

tùy thiện chúng sanh như độc trực mẫu. tri thời nhi thuyết phi thời bất ngữ.

tùy thuận chúng sanh thiện như trâu nghe đuổi theo mẹ, biết đúng thời thì thuyết, phi thời không thuyết,

實語淨語妙語義語法語一語。能令眾生永離煩惱。

thật ngữ tịnh ngữ diệu ngữ nghĩa ngữ Pháp ngữ nhất ngữ. năng lệnh chúng sanh vĩnh ly phiền não.

có thật ngữ, tịnh ngữ, diệu ngữ, nghĩa ngữ có thể khiến chúng sanh xa lìa phiền não, 善知眾生諸根心性。隨宜方便無不通達。

thiện tri chúng sanh chư căn tâm tánh. tùy nghi phương tiện vô bất thông đạt.
 khéo biết tâm tánh của chúng sanh, tùy nghi phương tiện, không có gì không thông đạt,
 其智高大如須彌山。深邃廣遠猶如大海。
 kỳ trí cao Đại như Tu-Di sơn. thâm thúy quảng viễn do như Đại hải.
 trí huệ cao lớn như núi Tu-di, sâu như biển lớn,
 是佛世尊有金剛智。能破眾生一切惡罪。
 thị Phật Thế tôn hữu Kim cương trí. năng phá chúng sanh nhất thiết ác tội。
 đức Phật Thế Tôn có trí huệ kim cương, có thể phá trừ tất cả tội ác cho chúng sanh,
 若言不能無有是處。今者去此十二由旬。
 nhược ngôn bất năng vô hữu thị xử. kim giả khứ thử thập nhị do-tuần。
 nếu nói không thể phá thì không có chỗ ấy. Nay đức Phật
 在拘尸那城娑羅雙樹間。而為無量阿僧祇等諸菩薩僧。演種種法。
 tại câu thi na thành sa-la song thụ gian. nhi vi vô lượng a tăng kì đẳng chư Bồ Tát tăng。
 đang ở trong rừng Câu-thi-na cách đây mười hai do-tuần, mà diễn thuyết các pháp cho vô
 lượng A-tăng-kỳ Bồ-tát chúng tăng.
 若有若無若有為若無為。
 diễn chủng chủng Pháp. nhược hữu nhược vô nhược hữu vi nhược vô vi。
 Hoặc có hoặc không, hoặc hữu vi hoặc vô vi,
 若有漏若無漏。若煩惱果若善法果。
 nhược hữu lậu nhược vô lậu. nhược phiền não quả nhược thiện Pháp quả。
 hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc quả phiền não, hoặc quả pháp lành
 若色法若非色法。若非色非非色法。若我若非我。
 nhược sắc Pháp nhược phi sắc Pháp. nhược phi sắc phi phi sắc Pháp. nhược ngã
 nhược phi ngã。
 hoặc sắc pháp, hoặc phi sắc pháp, hoặc phi sắc pháp hoặc phi phi sắc pháp, hoặc ngã
 hoặc phi ngã,
 若非我非非我。若常若非常。若非常非非常。
 nhược phi ngã phi phi ngã. nhược thường nhược phi thường. nhược phi thường phi phi
 thường。
 hoặc phi ngã, phi phi ngã, hoặc thường hoặc phi thường, hoặc phi thường phi phi thường,
 若樂若非樂。若非樂非非樂。若相若非相。

nhược lạc nhược phi lạc. nhược phi lạc phi phi lạc. nhược tướng nhược phi tướng.
hoặc lạc hoặc phi lạc, hoặc phi lạc phi phi lạc, hoặc tướng hoặc phi tướng
若非相非非相。若斷若非斷。若非斷非非斷。

nhược phi tướng phi phi tướng. nhược đoạn nhược phi đoạn. nhược phi đoạn phi phi
đoạn。

hoặc phi tướng phi phi tướng. hoặc chặt đứt hoặc phi chặt đứt. hoặc phi chặt đứt phi phi
chặt đứt。

hoặc phi tướng phi phi tướng, hoặc đoạn hoặc phi đoạn, hoặc phi đoạn phi phi đoạn,
若世若出世。若非世非出世。若乘若非乘。

nhược thế nhược xuất thế. nhược phi thế phi xuất thế. nhược thừa nhược phi thừa.
hoặc thế hoặc xuất thế, hoặc phi thế phi xuất thế, hoặc thừa hoặc phi thừa,
若非乘非非乘。若自作自受。若自作他受。

nhược phi thừa phi phi thừa. nhược tự tác tự thọ. nhược tự tác tha thọ.

hoặc phi thừa phi phi thừa, hoặc tự tác tự thọ, hoặc tự tác tha thọ,
若無作無受。大王。若當於佛所聞無作無受。

nhược vô tác thị cố. Đại vương. nhược đương ư Phật sở văn vô tác thị cố.

hoặc không tác không thọ. Đại vương! Nếu ở chỗ Phật nghe được pháp vô tác vô thọ,
所有重罪即當消滅。王今且聽。

sở hữu trọng tội tức đương tiêu diệt. Vương kim thả thính.

thì có tội nặng liền được tiêu diệt. Đại vương xị lắng nghe,
釋提桓因命將欲終。有五相現。一者衣裳垢膩。

thích đề hoàn nhân mạng tướng dục chung. hữu ngũ tướng hiện. nhất giả y thường cấu
nị。

Vua Đế Thích lúc sắp mạng chung thì năm tướng suy hiện ra. Một là y phục dư bẩn,
二者頭上花萎。三者身體臭穢。四者腋下汗出。

nhị giả đầu thượng hoa nuy. tam giả thân thể xú uế. tứ giả dịch hạ hãn xuất.

hai là hoa trên đầu khô héo, ba là thân thể có mùi hôi, bốn là dưới nách ra mồ hôi,
五者不樂本座。時天帝釋或於靜處。

ngũ giả bất lạc bản tọa. thời Thiên đế thích hoặc ư tĩnh xử.

năm chẳng thích gốc ngồi. thời Thiên đế thích hoặc ở tĩnh 靜 nơi.

năm là không thích toà ngồi. Lúc bấy giờ vua Đế Thích ở nơi chỗ vắng lặng,

若見沙門若婆羅門。即至其所生於佛想。

nhược kiến Sa Môn nhược Bà-la-môn. tức chí kỳ sở sanh ư Phật tưởng.

hoặc thấy sa môn, Bà-la-môn liền sanh ý nghĩa là thật,

爾時沙門及婆羅門見帝釋來。深自慶幸即說是語。天主。

nhĩ thời Sa Môn cập Bà-la-môn kiến đế thích lai. thâm tự khánh hạnh tức thuyết thị ngữ. Thiên chủ.

bấy giờ Sa-môn, Bà-la-môn thấy vua Đế thích đến liền rất vui mừng nói rằng: Thiên chủ, 我今歸依於汝。釋聞是已乃知非佛。

ngã kim quy y ư nhữ. thích văn thị dĩ nãi tri phi Phật.

nay ta quy y ông. Đế thích nghe rồi biết không phải là thật,

復自念言。彼若非佛不能治我五退沒相。

phục tự niệm ngôn. bỉ nhược phi Phật bất năng trị ngã ngũ thối một tướng.

liền tự nghĩ rằng: Nếu không phải thật thì không thể trừ năm tướng suy của ta.

是時御臣名般遮尸。語帝釋言。憍尸迦。

thị thời ngự Thần danh bát già thi. ngữ đế thích ngôn. kiêu thi ca.

Bấy giờ có vị bề tôi tên là Bát-già-thi nói với vua Đế thích rằng: Kiêu-thi-ca,

乾闥婆王名敦浮樓。其王有女字須跋陀。

Kiền thát bà Vương danh đôn phù lâu. kỳ Vương hữu nữ tự tu bạt đà.

Vua Càn-thát-bà tên là Đôn-phù-lâu, vua ấy có người con gái tên là Tu-bạc-đà

王若能以此女見與臣。當示王除衰相處。釋即答言。

Vương nhược năng dĩ thử nữ kiến dĩ Thần. đương kì Vương trừ suy tướng xử. thích tức đáp ngôn.

nếu vua có thể đem người con gái này ban cho thần, thần sẽ chỉ cho vua chỗ diệt trừ năm tướng suy. Vua Đế-thích-đáp:

善男子。毘摩質多阿修羅王有女舍脂。

thiện nam tử. ù ma chất đa A-tu-La Vương hữu nữ xá chi.

Thiện nam tử! Vua A-tu-la là Tỳ-ma-chất-đa có người con gái tên là Xá Chi

是吾所敬。卿若必能示吾消滅惡相處者。猶當相與。

thị ngô sở kính. khanh nhược tất năng kì ngô tiêu diệt ác tướng xử giả. do đương tướng dĩ.

ta rất quý trọng, nếu khanh có thể chỉ bày cho ta chỗ diệt trừ năm tướng suy, thì ta sẽ ban cho,

況須跋陀。憍尸迦。有佛世尊字釋迦牟尼。

huống tu bạt đà. kiêu thi ca. hữu Phật Thế tôn tự Thích Ca Mâu Ni.

huống là Tu- bạt-đà. Bạt-già-thi nói: Kiêu-thi-ca, có đức Phật Thế Tôn tên là Thích-ca-mâu-ni,

今者在於王舍大城。若能往彼諮稟未聞。

kim giả tại ư Vương xá Đại thành. nhược năng vãng bỉ ti bả mị văn.

nay đang ở tại thành Vương xá, nếu vua có thể đến đó nghe những điều chưa nghe, 衰沒之相必得除滅。善男子。

suy một chi tướng tất đắc trừ diệt. thiện nam tử.

thì tướng suy hao ắt sẽ trừ diệt. Đế Thích nói: Thiện nam tử,

若佛世尊審能滅者。便可迴駕至其住處。御臣奉命即迴車乘。

nhược Phật Thế tôn thẩm năng diệt giả. tiện khả hồi giá chí kỳ trụ xử. ngự Thần phụng mạng tức hồi xa thừa.

nếu đức Phật Thế Tôn có thể trừ diệt tướng suy, thì nay mau lên xe đến chỗ đức Phật. Vị thần liền đưa vua Đế Thích lên xe

到王舍城耆闍崛山。至於佛所頭面禮足。

đáo Vương xá thành Kỳ đồ Quật sơn. chí ư Phật sở đầu diện lễ túc.

đến núi Kỳ-xà-quật nơi thành Vương-xá, đến rồi đánh lễ dưới chân Phật

却坐一面向佛言。世尊。天人之中誰為繫縛。

khước tọa nhất diện bạch Phật ngôn. Thế tôn. Thiên Nhơn chi trung thù vi hệ phọc.

ngồi qua một bên và bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, trong cõi trời, người ai bị trói buộc?

憍尸迦。慳貪嫉妬。又言。

kiêu thi ca. khan tham tật đố. hựu ngôn.

Phật dạy: Kiêu-thi-la, là xan tham tật đố. Lại hỏi:

慳貪嫉妬因何而生。答言。因無明生。又言。無明復因何生。

khan tham tật đố nhân hà nhi sanh. đáp ngôn. nhân vô minh sanh. hựu ngôn. vô minh phục nhân hà sanh.

xan tham tật đố do đâu mà sanh? Phật dạy: do vô minh sanh. Lại hỏi: Vô minh từ đâu mà sanh?

答言。因放逸生。又言。放逸復因何生。答言。

đáp ngôn. nhân phóng dật sanh. hựu ngôn. phóng dật phục nhân hà sanh. đáp ngôn.

Phật dạy: Từ phóng dật sanh. Lại hỏi: Phóng dật từ đâu sanh? Phật dạy:

因顛倒生。又言。顛倒復因何生。答言。

nhân điên đảo sanh. hựu ngôn. điên đảo phục nhân hà sanh. đáp ngôn.

Từ điên đảo sanh. Lại hỏi: Điên đảo từ đâu sanh? Phật dạy:

因疑心生。世尊。顛倒之法因疑生者。實如聖教。

nhân nghi tâm sanh. Thế tôn. điên đảo chi Pháp nhân nghi sanh giả. thật như Thánh giáo.

Từ tâm nghi sanh. Bạch Thế Tôn! Pháp điên đảo do tâm nghi sanh ra, thật đúng như thánh giáo,

何以故。我有疑心。以疑心故則生顛倒。

hà dĩ cố. ngã hựu nghi tâm. dĩ nghi tâm cố tắc sanh điên đảo.

Tại vì sao? Con có tâm nghi ngờ, do tâm nghi nên sanh điên đảo

於非世尊生世尊想。我今見佛疑網即除。

ư phi Thế tôn sanh Thế tôn tưởng. ngã kim kiến Phật nghi võng tức trừ.

đối với những người chẳng phải Thế Tôn mà sanh ý tưởng là Thế Tôn, nay con gặp Phật lưới nghi được trừ diệt,

疑網除故顛倒亦盡。

nghi võng trừ cố điên đảo diệt tận.

do lưới nghi được trừ nên điên đảo cũng hết,

顛倒盡故無有慳心乃至妬心。佛言。汝言無有慳妬心者。

điên đảo tận cố vô hựu khan tâm nãi chí đố tâm. Phật ngôn. nhữ ngôn vô hựu khan đố tâm giả.

do điên đảo hết nên không có tâm xan tham cho đến tâm tật đố. Phật dạy: Ông nói không có tâm xan tham tật đố,

汝今已得阿那含耶。阿那含者無有貪心。

nhữ kim dĩ đắc A na hàm da. A na hàm giả vô hựu tham tâm.

Nay ông đã đắc quả A-na-hàm chăng? Người đắc quả A-na-hàm thì không có tâm tham,

若無貪心云何為命來至我所。而阿那含實不求命。世尊。

nhược vô tham tâm vân hà vi mạng lai chí ngã sở. nhi A na hàm thật bất cầu mạng. Thế tôn.

nếu không có tâm tham thì tại sao vì mạng sống mà đến chỗ ta, người đắc quả A-na-hàm thì không cầu mạng sống. Bạch Thế Tôn!

有顛倒者則有求命。無顛倒者則不求命。

hữu điên đảo giả tắc hữu cầu mạng. vô điên đảo giả tắc bất cầu mạng.

người có tâm điên đảo thì có cầu mạng sống, không có tâm điên đảo thì không cầu mạng sống,

然我今者實不求命。

nhiên ngã kim giả thật bất cầu mạng.

nhưng nay con thật không cầu mạng sống,

所欲求者唯佛法身及佛智慧。憍尸迦。求佛法身及佛智慧。

sở dục cầu giả duy Phật Pháp thân cập Phật trí tuệ. kiêu thi ca. cầu Phật Pháp thân cập Phật trí tuệ.

chỗ con cầu mong chỉ là pháp Phật và trí huệ Phật. Phật dạy: Kiêu Thi Ca, cầu pháp thân Phật và trí huệ Phật

將來之世必當得之。爾時帝釋聞佛說已。

tương lai chi thế tất đương đắc chi. nhĩ thời đế thích văn Phật thuyết dĩ.

thì đời sau sẽ được. Lúc bấy giờ vua Đế Thích nghe Phật nói rồi

五衰沒相即時消滅。便起作禮遶佛三匝。

ngũ suy một tướng tức thời tiêu diệt. tiện khởi tác lễ nhiễu Phật tam匝.

thì năm tướng suy hao tức được tiêu diệt, liền đứng dậy làm lễ nhiễu quanh Phật ba vòng
恭敬合掌而白佛言。世尊。我今即死即生失命得命。

cung kính hợp chưởng nhi bạch Phật ngôn. Thế tôn. ngã kim tức tử tức sanh thất mạng đắc mạng.

cung kính chấp tay bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nay con vừa chết được sống, mất mạng được mạng,

又聞佛記當得阿耨多羅三藐三菩提。

hựu văn Phật kí đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề.

lại nghe Phật thọ ký sẽ được đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

是為更生為更得命。世尊。一切人天云何增益。

thị vi canh sanh vi canh đắc mạng. Thế tôn. nhất thiết nhân Thiên vân hà tăng ích.
đó là lại sống, lại được mạng. Bạch Thế Tôn! Tất cả Trời, người vì sao được tăng thêm?
復以何緣而致損減。憍尸迦。鬪諍因緣人天損減。

phục dĩ hà duyên nhi trí tổn giảm. kiêu thi ca. đấu tránh nhân duyên nhân Thiên tổn giảm。

Lại do nhân duyên gì mà tổn giảm? Phật dạy: Kiêu-thi-ca, do nhân duyên đấu tranh nên
cỏi trời người bị tổn giảm,

善修和敬則得增益。世尊。

thiện tu hòa kính tắc đắc tăng ích. Thế tôn。

do khéo tu tập hoà thuận nên được lợi ích tăng thêm. Bạch Thế Tôn!

若以鬪諍而損減者。我從今日更不復與阿修羅戰。佛言。

nhược dĩ đấu tránh nhi tổn giảm giả. ngã tòng kim nhật canh bất phục dĩ A-tu-La
chiến. Phật ngôn。

nếu do đấu tranh mà tổn giảm, thì từ nay trở đi con không cùng A-tu-la chiến đấu nữa.

Phật dạy:

善哉善哉。憍尸迦。諸佛世尊說忍辱法。

Thiện tai Thiện tai. kiêu thi ca. chư Phật Thế tôn thuyết nhẫn nhục Pháp。

Lành thay lành thay Kiêu-thi-ca. chư Phật Thế Tôn thuyết pháp nhẫn nhục,
是阿耨多羅三藐三菩提因。

thị a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề nhân。

là nhân duyên đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

爾時釋提桓因。即前禮佛。於是還去。大王。

nhĩ thời thích đề hoàn nhân. tức tiền lễ Phật. ư thị hoàn khứ. Đại vương。

Lúc bấy giờ vua Đế Thích liền đánh lễ Phật rồi trở về. Tâu Đại vương,

如來以能除諸惡相。是故稱佛不可思議。

Như-Lai dĩ năng trừ chư ác tướng. thị cố xưng Phật bất khả tư nghị。

đức Như Lai có thể trừ diệt các tướng ác, cho nên xưng Phật là không thể nghĩ bàn,

王若往者。所有重罪必當得除。大王。

Vương nhược vãng giả. sở hữu trọng tội tất đương đắc trừ. Đại vương。

nếu Đại vương đến đó thì bệnh nặng tất được tiêu trừ. Đại vương,

且聽有婆羅門子。字曰不害。

thả thính hữu Bà-la-môn tử. tự viết bất hại。
có người con của Bà-la-môn tên là Bất Hại,
以殺無量諸眾生故名鴛崛魔。復欲害母。惡心起時身亦隨動。
dĩ sát vô lượng chư chúng sanh cố danh ương quật ma. phục dục hại mẫu. ác tâm khởi
thời thân diệc tùy động。
vì giết vô lượng chúng sanh nên gọi là Ương quật ma, lại muốn hại mẹ mình, khi ác tâm
khởi lên thì thân cũng theo đó mà loạn động,
身心動者即五逆因。五逆因故必墮地獄。
thân tâm động giả tức ngũ nghịch nhân. ngũ nghịch nhân cố tất đọa Địa-ngục。
thân tâm động tức là nhân của năm tội nghịch, do năm tội nghịch nên tất phải vào địa
ngục.
後見佛時身心俱動復欲生害。身心動者即五逆因。
hậu kiến Phật thời thân tâm câu động phục dục sanh hại. thân tâm động giả tức ngũ
nghịch nhân。
Sau đó gặp Phật, thân tâm loạn động nên sanh tâm muốn hại Phật, thân tâm động tức là
nhân của năm tội nghịch,
五逆因故當入地獄。是人得遇如來大師。
ngũ nghịch nhân cố đương nhập Địa-ngục. thị nhân đắc ngộ Như-Lai Đại sư。
do nhân năm tội nghịch nên sẽ đọa vào địa ngục. Người này được gặp Như Lai đại sư,
即時得滅地獄因緣。
tức thời đắc diệt Địa-ngục nhân duyên。
tức liền được trừ diệt nhân duyên địa ngục
發阿耨多羅三藐三菩提心。是故稱佛為無上醫。非六師也。大王。
phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm. thị cố xưng Phật vi vô thượng y. phi lục sư
dã. Đại vương。
mà phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên xưng Phật là Vô Thượng Y,
không phải là lục sư. Đại vương,
復有須毘羅王子。其父瞋之截其手足推之深井。
phục hữu tu tì la Vương tử. kỳ phụ sân chi tiệt kỳ thủ túc thôi chi thâm tĩnh。
Lại có con của vua Tu-tỳ-la, vua cha vì giận dữ nên chặt tay chân của con rồi ném vào hố
sâu,

其母矜愍使人牽出將至佛所。

kỳ mẫu cāng mẫn sử nhân khiên xuất tướng chí Phật sở。

người mẹ thương xót bèn sai người kéo lên rồi dẫn đến chỗ Phật,

尋見佛時手足還具。即發阿耨多羅三藐三菩提心。大王。

tìm kiến Phật thời thủ túc hoàn cụ。 tức phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm。 Đại vương。

lúc được thấy Phật thì tay chân người con liền đầy đủ, và người con liền phát tâm Vô

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đại vương,

以見佛故得現果報。是故稱佛為無上醫。

dĩ kiến Phật cố đắc hiện quả báo。 thị cố xưng Phật vi vô thượng y。

do gặp Phật nên được quả báo hiện đời, cho nên xưng Phật là Vô Thượng Y,

非六師也。大王。如恒河邊有諸餓鬼。

phi lục sư dã。 Đại vương。 như hằng hà biên hữu chư ngạ quỷ。

không phải là Lục sư. Đại vương, như bờ biển sông Hằng có các ngạ quỷ

其數五百。於無量歲初不見水。雖至河上純見流火。

kỳ số ngũ bách。 ư vô lượng tuế sơ bất kiến thủy。 tuy chí hà thượng thuần kiến lưu hỏa。

số lượng đến năm trăm, ở trong vô lượng năm không thấy nước, tuy đến bên sông mà chỉ thấy lửa đỏ,

飢渴所逼發聲號哭。爾時如來。

cơ khát sở bức phát thanh hiệu khóc。 nhĩ thời Như-Lai。

do đói khát bức bách nên cất tiếng kêu gào. Lúc bấy giờ đức Như Lai

在其河側鬱曇鉢林坐一樹下。時諸餓鬼來至佛所。

tại kỳ hà trắc uất đàm bát lâm tọa nhất thụ hạ。 thời chư ngạ quỷ lai chí Phật sở。

đang thiền định dưới gốc cây trong rừng Uất-đàm-bát bên bờ sông Hằng, các ngạ quỷ

thấy liền đến chỗ Phật

白佛言。世尊。我等飢渴命將不遠。佛言。

bạch Phật ngôn。 Thế tôn。 ngã đẳng cơ khát mạng tướng bất viễn。 Phật ngôn。

mà thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng con đói khát sắp mạng chung. Phật dạy:

恒河流水汝何不飲。鬼即答言。

hằng hà lưu thủy nhữ hà bất ẩm。 quỷ tức đáp ngôn。

Nước sông Hằng chảy sao các người không uống? Ngạ quỷ liền thưa:

如來見水我則見火。佛言。恒河清流實無火也。

Như-Lai kiến thủy ngã tắc kiến hỏa。Phật ngôn。hằng hà thanh lưu thật vô hỏa dã。

Như Lai thấy nước còn con thì thấy lửa。Phật dạy: Nước sông Hằng trong xanh thật không có lửa,

以惡業故心自顛倒。謂為是火。

dĩ ác nghiệp cố tâm tự điên đảo。vị vi thị hỏa。

do ác nghiệp nên tự tâm điên đảo mà cho đó là lửa。

我當為汝除滅顛倒令汝見水。爾時世尊。廣為諸鬼說慳貪過。

ngã đương vi nhữ trừ diệt điên đảo lệnh nhữ kiến thủy。nhĩ thời Thế tôn。quảng vi chư quỷ thuyết khan tham quá。

Nay ta vì ngươi mà trừ diệt điên đảo khiến các ngươi thấy nước。Lúc bấy giờ đức Thế Tôn vì các nạ quỷ mà rộng nói về lỗi xan tham,

諸鬼即言。我今渴乏。雖聞法言都不入心。

chư quỷ tức ngôn。ngã kim khát phạp。tuy văn Pháp ngôn đô bất nhập tâm。

các nạ quỷ liền thưa: Nay chúng con thiếu nước, tuy nghe pháp mà không thâm nhập nơi tâm。

佛言。汝若渴乏先可入河恣意飲之。

Phật ngôn。nhữ nhược khát phạp tiên khả nhập hà tứ ý ẩm chi。

Phật dạy: Nếu các ngươi khát nước thì có thể vào sông Hằng tùy ý mà uống。

是諸鬼等以佛力故即得飲水。

thị chư quỷ đẳng dĩ Phật lực cố tức đắc ẩm thủy。

Các nạ quỷ ấy nhờ thần lực của Phật nên được uống nước,

既飲水已如來復為種種說法。既聞法已。

ký ẩm thủy dĩ Như-Lai phục vi chủng chủng thuyết Pháp。ký văn Pháp dĩ。

uống nước xong rồi Như Lai lại vì chúng mà thuyết pháp, nghe pháp xong rồi

悉發阿耨多羅三藐三菩提心。捨餓鬼形得於天身。大王。

tất phát a nậu đa la tam miếu tam Bồ đề tâm。xả nạ quỷ hình đắc ư Thiên thân。Đại vương。

tất cả đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, xả bỏ thân nạ quỷ được làm thân trời người。Đị vương!

是故稱佛為無上醫。非六師也。大王。

thị cố xưng Phật vi vô thượng y. phi lục sư dã. Đại vương.
 cho nên xưng PHật là Vô Thượng Y, không phải là lục sư. Đại vương!
 舍婆提國群賊五百。波斯匿王挑出其目。
 xá Bà đề quốc quần tặc ngũ bách. Ba tư nặc Vương thiêu xuất kỳ mục.
 Nước Xá-bà-đề có năm trăm tên giặc, vua Ba-tư-nặc móc hết mắt của họ,
 無有前導不能得往至於佛所。
 vô hữu tiền đạo bất năng đắc vãng chí ư Phật sở.
 vì không có người dẫn đường nên họ không đến chỗ Phật,
 佛憐愍故即至賊所慰喻之言。善男子。善護身口更勿造惡。
 Phật liên mẫn cố tức chí tặc sở úy dụ chi ngôn. thiện nam tử. thiện hộ thân khẩu canh
 vật tạo ác.
 Phật thương xót nên đến chỗ của năm trăm người ấy an ủi rằng: Thiện nam tử! khéo giữ
 gìn thân miệng đừng có làm ác,
 諸賊即時聞如來音微妙清徹尋還得眼。
 chư tặc tức thời văn Như-Lai âm vi diệu thanh triệt tâm hoàn đắc nhãn.
 lúc ấy những người này nghe âm thanh vi diệu của Như Lai liền được sáng mắt,
 即於佛前合掌禮佛。而白佛言。世尊。
 tức ư Phật tiền hợp chưởng lễ Phật. nhi bạch Phật ngôn. Thế tôn.
 họ đến trước Phật chắp tay làm lễ mà bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!
 我今知佛慈心普覆一切眾生非獨人天。爾時如來即為說法。
 ngã kim tri Phật từ tâm phổ phúc nhất thiết chúng sanh phi độc nhân Thiên. nhĩ thời Như-
 Lai tức vi thuyết Pháp.
 Nay chúng con biết tâm Phật từ bi che chở tất cả chúng sanh, không phải riêng người trời.
 Lúc bấy giờ Như Lai vì họ mà thuyết pháp,
 既聞法已悉發阿耨多羅三藐三菩提心。
 ký văn Pháp dĩ tất phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm.
 nghe pháp rồi tất cả đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
 是故如來真是世間無上良醫。非六師也。大王。
 thị cố Như-Lai chân thị thế gian vô thượng lương y. phi lục sư dã. Đại vương.
 Cho nên Như Lai đúng là bậc lương y vô thượng của thế gian, không phải là lục sư. Đại
 vương!

舍婆提國有旃陀羅。名曰氣噓。殺無量人。

xá Bà đề quốc hữu chiên đà la. danh viết khí hư. sát vô lượng nhân.

Nước Xá-bà-đề có chiên-đà-la tên là Khí Hư, đã giết vô lượng người,
見佛弟子大目犍連。

kiến Phật đệ-tử Đại mục kiên liên.

khi gặp đệ tử Phật là Mục-kiền-liên,

即時得破地獄因緣而得上生三十三天。以有如是聖弟子故。

tức thời đắc phá Địa-ngục nhân duyên nhi đắc thượng sanh tam thập tam Thiên. dĩ hữu
như thị Thánh đệ-tử cố.

khi được hết nhân địa ngục mà sanh lên cõi trời Đao-lợi, do có đệ tử bậc thánh như vậy.
稱佛如來為無上醫。非六師也。大王。

xưng Phật như lai vi vô thượng y. phi lục sư dã. Đại vương.

nên xưng Phật Như Lai là Vô Thượng Y, không phải là lục sư. Đại vương!

波羅捺城。有長者子。名阿逸多。姪匿其母。

ba la nại thành. hữu Trưởng Giả Tử. danh a dật đa. dâm nặc kỳ mẫu.

Thành Ba-la-nại có người con của vị trưởng giả tên là A-dật-đa, lén dâm dục với mẹ,
以是因緣殺戮其父。其母復與外人共通。

dĩ thị nhân duyên sát lục kỳ phụ. kỳ mẫu phục dĩ ngoại nhân cộng thông.

do nhân duyên này nên giết cha mình, người mẹ lại cùng tư thông với người ngoài,
子既知已便復害之。有阿羅漢是其知識。

tử kỳ tri dĩ tiện phục hại chi. hữu A La Hán thị kỳ tri thức.

người con biết chuyện lại giết hại người ấy. có vị A-la-hán là bậc tri thức,
於此知識復生愧恥。即便殺之。

ư thử tri thức phục sanh quý sỉ. tức tiện sát chi.

người con sanh lòng xấu hổ với bậc tri thức nên giết luôn,

殺已即到祇桓精舍求欲出家。時諸比丘具知此人。

sát dĩ tức đáo kì hoàn Tịnh xá cầu dục xuất gia. thời chư bỉ khâu cụ tri thử nhân.

giết rồi liền đến Tịnh xá Kỳ-hoàn xin xuất gia, các Tỷ-kheo biết chuyện người này
有三逆罪無敢聽者。以不聽故倍生瞋恚。

hữu tam nghịch tội vô cảm thính giả. dĩ bất thính cố bội sanh sân khuyển.

là có ba tội nghịch nên không dám đồng ý, vì không được đồng ý nên người con kia lại sanh sân hận,

即於其夜大放猛火焚燒僧坊多殺無辜。

tức ư kỳ dạ Đại phóng mãnh hỏa phần thiêu tăng phường đa sát vô cô。

trong đêm ấy phóng lửa lớn đốt cháy hết phòng xá, giết nhiều người vô tội,

然後復往王舍城中。至如來所求哀出家。如來即聽為說法要。

nhiên hậu phục vãng Vương xá thành trung。chí Như-Lai sở cầu ai xuất gia。Như-Lai tức thính vi thuyết Pháp yếu。

sau đó lại đến ở trong thành Vương-xá, cầu xin Như Lai xuất gia, Như Lai liền đồng ý và thuyết pháp yếu,

令其重罪漸漸輕微。

khiến ấy trọng/lớp tội dần dần dần dần khinh màu nhiệm。

khiến tội nặng người ấy dần chuyển thành nhẹ,

發阿耨多羅三藐三菩提心。是故稱佛為世良醫。非六師也。大王。

phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm。thị cố xưng Phật vi thế lương y。phi lục sư dã。Đại vương。

rồi phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho nên xưng Phật là lương y thế gian, không phải là lục sư. Đại vương!

王本性暴惡信受惡人提婆達多。

Wương bản tánh bạo ác tín thọ ác nhân đề bà đạt đa。

Đại vương bản tánh bạo ác lại nghe theo lời bạo ác của Đề-bà-đạt-đa

放大醉象欲令踐佛。象既見佛即時醒悟。

phóng Đại túy tượng dục lệnh tiền Phật。tượng ký kiến Phật tức thời tỉnh ngộ。thả voi say muốn dẫm nát Phật, voi say thấy Phật tức liền tỉnh ngộ,

佛便伸手摩其頂上。

Phật tiện thân thủ ma kỳ đính thượng。

Phật đưa tay xoa trên đầu voi,

復為說法悉令得發阿耨多羅三藐三菩提心。大王。

phục vi thuyết Pháp tất lệnh đắc phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm。Đại vương。

lại thuyết pháp khiến voi phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đại vương!

畜生見佛猶得破壞畜生業果。況復人耶。大王當知。

súc sanh kiến Phật do đắc phá hoại súc sanh nghiệp quả. hưởng phước nhân da. Đại vương đương tri.

loài súc sanh gặp Phật còn được pha trừ nghiệp báo súc sanh, huẩn là con người. Đại vương phải biết,

若見佛者所有重罪必當得滅。大王。

nhược kiến Phật giả sở hữu trọng tội tất đương đắc diệt. Đại vương.

nếu gặp Phật thì có tội nặng sẽ được trừ diệt. Đại vương,

世尊未得阿耨多羅三藐三菩提時。魔與無量無邊眷屬至菩薩所。

Thế tôn vị đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề thời. ma dữ vô lượng vô biên quyến chúc chí Bồ Tát sở.

Lúc Thế Tôn chưa đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ma cùng với vô lượng vô biên quyến thuộc đến chỗ Bồ-tát,

菩薩爾時以忍辱力壞魔惡心令魔受法。

Bồ Tát nhĩ thời dĩ nhẫn nhục lực hoại ma ác tâm lệnh ma thọ Pháp.

Lúc ấy Bồ-tát nhờ lực nhẫn nhục, nên phá hoại được tâm ác của ma khiến ma thọ pháp, 尋發阿耨多羅三藐三菩提心。

tầm phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm.

rồi phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

佛有如是大功德力。大王。有墮野鬼多害眾生。

Phật hữu như thị Đại công đức lực. Đại vương. hữu khoáng dã quỷ đa hại chúng sanh.

đức Phật có công đức lớn như vậy. Đại vương, có quỷ khoáng dã hại nhiều chúng sanh,

如來爾時為善賢長者至墮野村為其說法。

Như-Lai nhĩ thời vi thiện hiền Trưởng-Giả chí khoáng dã thôn vi kỳ thuyết Pháp.

Lúc ấy Như Lai vì trưởng giả Thiện Hiền mà đến thôn khoáng dã thuyết pháp,

時墮野鬼聞法歡喜。即以長者授於如來。

thời khoáng dã quỷ văn Pháp hoan hỷ. tức dĩ Trưởng-Giả thụ ư Như-Lai.

quỷ khoáng dã nghe pháp rồi tâm sanh hoan hỷ, tức theo trưởng giả đến chỗ Như Lai,

然後便發阿耨多羅三藐三菩提心。大王。

nhĩ hậu tiện phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm. Đại vương.

sau đó liền phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đại vương!

波羅奈國有屠兒。名曰廣額。於日日中。殺無量羊。

ba la nại quốc hữu đồ nhi. danh viết quảng ngạch. ư nhật nhật trung. sát vô lượng dương.

Nước Ba-la-nại có tên đồ tế tên là Quảng Ngạch, trong mỗi ngày giết rất nhiều dê, 見舍利弗即受八戒經一日一夜。

kiến Xá-lợi-phất tức thọ bát giới Kinh nhất nhật nhất dạ.

sau gặp ngài Xá-lợi-phất liền lãnh thọ tám giới một ngày một đêm, 以是因緣命終得為北方天王毘沙門子。

dĩ thị nhân duyên mạng chung đắc vi Bắc phương Thiên Vương tử Sa Môn tử.

do nhân duyên ấy nên khi mạng chung được làm Tỳ-sa-môn thiên vương ở phía Bắc, 如來弟子尚有如是大功德果。況復佛也。大王。北天竺有城。

Như-Lai đệ-tử thượng hữu như thị Đại công đức quả. hưởng phục Phật dã. Đại vương. Bắc Thiên trúc hữu thành.

đệ tử Như Lai còn có công đức lớn như vậy, hưởng là Như Lai. Đại vương, phía Bắc Thiên trúc có một thành

名曰細石。其城有王。名曰龍印。

danh viết tế thạch. kỳ thành hữu Vương. danh viết long ấn.

gọi là Tế Thạch, thành này có vua tên là Long Ấn,

貪國重位戮害其父。害其父已心生悔恨。

tham quốc trọng vị lục hại kỳ phụ. hại kỳ phụ dĩ tâm sanh hối hận.

do tham làm ngôi vị nên giết hại cha, hại cha nình rồi sanh tâm hối hận, 即捨國政來至佛所求哀出家。佛言善來。

tức xả quốc chánh lai chí Phật sở cầu ai xuất gia. Phật ngôn thiện lai.

liền bỏ đất nước mà đến chỗ Phật cầu xin xuất gia. Phật dạy, lành thay:

即成比丘重罪消滅。發阿耨多羅三藐三菩提心。大王當知。

tức thành bỉ khâu trọng tội tiêu diệt. phát a nậu đa la tam miếu tam Bồ đề tâm. Đại vương đương tri.

liền thành Tỳ-kheo, các tội nặng đều được tiêu diệt, vua liền phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đại vương nên biết,

佛有如是無量無邊大功德果。大王。如來。

Phật hữu như thị vô lượng vô biên Đại công đức quả. Đại vương. Như-Lai.

đức Phật có vô lượng vô biên công đức lớn như vậy. Đại vương, Như Lai

有弟提婆達多。

hữu đệ đề bà đạt đa。

có Đề-bà-đạt-đa

破壞眾僧出佛身血害蓮花比丘尼。作三逆罪。如來為說種種法要。

phá hoại chúng tăng xuất Phật thân huyết hại liên hoa bỉ khâu ni。 tác tam nghịch tội。 Như-Lai vì thuyết chủng chủng Pháp yếu。

đã phá hoại chúng tăng, làm thân Phật chảy máu, hại Tỷ-kheo-ni Liên Hoa, làm ba tội nghịch, Như Lai vì em mà thuyết các pháp yếu,

令其重罪尋得微薄。是故如來為大良醫。

lệnh kỳ trọng tội tìm đắc vi bạc。 thị cố Như-Lai vì Đại lương y。

khiến tội nặng chuyển thành nhẹ, cho nên Như Lai là bậc lương y,

非六師也。大王。若能信臣語者。唯願速往至如來所。

phi lục sư dã。 Đại vương。 nhược năng tín Thần ngữ giả。 duy nguyện tốc vãng chí Như-Lai sở。

không phải là lục sư. Đại vương, nếu có thể tin lời thần thì xin hãy đến chỗ Như Lai,

若不見信願善思之。大王。

nhược bất kiến tín nguyện thiện tư chi。 Đại vương。

nếu không tin thì xin suy nghĩ lại. Đại vương,

諸佛世尊大悲普覆不限一人。正法弘廣無所不苞。

chư Phật Thế tôn Đại bi phổ phúc bất hạn nhất nhân。 chánh Pháp hoằng quảng vô sở bất bao。

chư Phật Thế Tôn có lòng từ bi che khắp không giới hạn một ai, chánh pháp lưu truyền rộng rãi không nơi nào không có,

怨親平等心無憎愛。

oán thân bình đẳng tâm vô tăng ái。

xem kẻ oán người thân đều bình đẳng không có tâm thương ghét,

終不偏為一人令得阿耨多羅三藐三菩提餘人不得。如來非獨四部之師。

chung bất Thiên vi nhất nhân lệnh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dư nhân bất đắc。 Như-Lai phi độc tứ bộ chi sư。

trọn không khiến một người đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nhưng người kia không được, Như Lai không phải riêng làm thầy của bốn bộ chúng,

普是一切天人龍鬼地獄畜生餓鬼等師。

phổ thị nhất thiết Thiên Nhơn long quỷ Địa-ngục súc sanh nạ quỷ đẳng sư。

mà còn là bậc thầy của tất cả trời, người, rồng, quỷ, thần ...

一切眾生亦當視佛如父母想。大王當知。

nhất thiết chúng sanh diệc đương thị Phật như phụ mẫu tưởng。Đại vương đương tri。

tất cả chúng sanh cũng phải xem Phật như cha mẹ。Đại vương nên biết,

如來不但獨為豪貴之人跋提迦王而演說法。

Như-Lai bất dẫn độc vi hào quý chi nhân Bạt đề ca Vương nhi diễn thuyết Pháp。

Như lai không những riêng vì người cao quý như Bạt-đề-ca để thuyết Pháp,

亦為下賤優波離等。

diệc vi hạ tiện ưu ba ly đẳng。

mà còn vì hàng hạ tiện như Ưu-ba-ly cũng thuyết pháp nữa,

不獨偏受須達多阿那那坻所奉飯食。亦受貧人須達多食。

bất độc Thiên thọ tu đạt đa a na bản chì sở phụng phạn thực。diệc thọ bản nhân tu đạt đa thực。

không riêng thọ dụng thức ăn cúng dường của Tu-đạt-đa-a-na-bản-chi, mà cũng thọ nhận thức ăn của nười nghèo Tu-đạt-đa,

不但獨為舍利弗等利根說法。亦為鈍根周梨槃特。

bất dẫn độc vi Xá-lợi-phất đẳng lợi căn thuyết Pháp。diệc vi độn căn châu lê bản đặc。

không những thuyết pháp người có lợi căn như Xá-lợi-phất, mà còn vì người độn căn như

Châu-lợi-bản-đặc thuyết pháp,

不但獨聽大迦葉等無貪之性出家求道。

bất dẫn độc thính Đại ca diệp đẳng vô tham chi tánh xuất gia cầu đạo。

không những cho phép riêng đại Ca-diệp là người không có tánh tham dục xuất gia tu đạo,

亦聽大貪難陀出家。

diệc thính Đại tham Nan-đà xuất gia。

mà còn cho Nan-đà là người rất tham dục xuất gia,

不但獨聽煩惱薄者優樓頻螺迦葉等出家求道。

bất dẫn độc thính phiền não bạc giả ưu lâu tần loa ca diệp đẳng xuất gia cầu đạo。

không những cho phép riêng ông Ưu Lâu Tần Loa Ca-diếp là người ít phiền não xuất gia tu đạo,

亦聽煩惱深厚造重罪者波斯匿王弟優陀耶出家求道。

diệc thỉnh phiền não thâm hậu tạo trọng tội giả Ba tư nặc Vương đệ ưu đà da xuất gia cầu đạo。

mà còn cho phép Ưu-đà-da em vua Ba-tư-nặc là người phiền não sâu dày, đã tạo tội nặng xuất gia tu đạo,

不以莎草恭敬供養拔其瞋根。

bất dĩ toa thảo cung kính cung dưỡng bạt kỳ sân căn。

không vì người ít cung kính cúng dường mà sân giận,

耉崛魔羅惡心欲害捨而不救。不但獨為有智男子而演說法。

ương quật ma la ác tâm dục hại xả nhi bất cứu。 bất dẫn độc vi hữu trí nam tử nhi diễn thuyết Pháp。

Ương-quật-ma-la là người có tâm ác muốn hại Phật mà Phật cứu vớt không xả bỏ, không riêng vì người nam có trí huệ để thuyết pháp

亦為極愚戇合智者女人說法。

diệc vi cực ngu 戇 hợp trí giả nữ nhân thuyết Pháp。

mà còn thuyết pháp cho người nữ ngu dốt,

不但獨令出家之人得四道果。亦令在家得三道果。

bất dẫn độc lệnh xuất gia chi nhân đắc tứ đạo quả。 diệc lệnh tại gia đắc tam đạo quả。

không những khiến riêng người xuất gia đắc bốn quả thánh, mà cũng khiến cho người tại gia đắc ba quả thánh,

不但獨為富多羅等捨諸忽務閑寂思惟而說法要。

bất dẫn độc vi phú đa-la đẵng xả chư 忽 vụ nhàn tịch tư duy nhi thuyết Pháp yếu。

không những riêng thuyết pháp yếu cho Phú-đa-la là người bỏ hết công việc, ở chỗ vắng lặng tư duy,

亦為頻婆娑羅王等統領國事理王務者而說法

diệc vi Tần-bà sa la Vương đẵng thống lĩnh quốc sự lý Vương vụ giả nhi thuyết Pháp

mà còn thuyết pháp yếu cho vua Tần-bà-sa-la là người thống lãnh đất nước có nhiều công việc,

要。不但獨為斷酒之人。

yếu. bắt dẫn độc vi đoạn tửu chi nhân。
không những thuyết pháp cho người không uống rượu,
亦為耽酒郁伽長者荒醉者說。不但獨為入禪定者離婆多等。
diệc vi đăm tửu úc dà Trưởng-Giả hoang túy giả thuyết. bắt dẫn độc vi nhập Thiền định
giả ly bà đa đẳng。
mà còn thuyết pháp cho trưởng giả Úc-dà là người mê rượu, không những thuyết pháp
cho người nhập định là Ly-bà-đa,
亦為喪子亂心婆羅門女婆私吒說。
diệc vi tang tử loạn tâm Bà-la-môn nữ bà tư trá thuyết。
mà còn thuyết pháp cho Bà-la-môn nữ Bà-tư-tra vì mất con nên loạn tâm,
不但獨為己之弟子。亦為外道尼乾子說。
bắt dẫn độc vi kỷ chi đệ-tử. diệc vi ngoại đạo ni kiên tử thuyết。
không những thuyết pháp cho đệ tử mình, mà còn thuyết pháp cho ngoại đạo Ni-kiền-tử,
不但獨為盛壯之年二十五者。亦為衰老八十者說。
bắt dẫn độc vi thịnh tráng chi niên nhị thập ngũ giả. diệc vi suy lão bát thập giả thuyết。
không những thuyết pháp cho người hai mươi lăm tuổi khoẻ mạnh, mà còn thuyết pháp
cho người già tám mươi tuổi,
不但獨為根熟之人。亦為善根未熟者說。
bắt dẫn độc vi căn thực chi nhân. diệc vi thiện căn vị thực giả thuyết。
không những thuyết pháp cho người có căn cơ thuần thực, mà còn thuyết pháp cho người
có căn cơ chưa thuần thực,
不但獨為末利夫人。亦為姪女蓮花女說。
bắt dẫn độc vi mạt lợi phu nhân. diệc vi dâm nữ liên hoa nữ thuyết。
không những thuyết pháp cho phu nhân Mạt-lợi, mà còn thuyết pháp cho dâm nữ Liên
Hoa,
不但獨受波斯匿王上饌甘味。
bắt dẫn độc thọ Ba tư nặc Vương thượng soạn cam vị。
không những thọ nhận thức ăn ngon của vua Ba-tư-nặc
亦受長者尸利毘多雜毒之食。大王當知。
diệc thọ Trưởng-Giả thi lợi súc đa tạp độc chi thực. Đại vương đương tri。
mà còn thọ nhận thức ăn thô kém của trưởng giả Thi-lợi-cúc-đa. Đại vương nên biết,

尸利毘多往昔亦作逆罪之因。

thi lợi súc đa vãng tích diệc tác nghịch tội chi nhân。

Xưa kia Thi-lợi-cúc-đa cũng tạo tội nghịch,

以遇佛聞法即發阿耨多羅三藐三菩提心。大王。

dĩ ngộ Phật văn Pháp tức phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm。 Đại vương。

do gặp Phật nghe pháp nên phát tam Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。 Đại vương,
假使一月常以衣食供養恭敬一切眾生。不如有人一念念佛。

giả sử nhất nguyệt thường dĩ y thực cung dưỡng cung kính nhất thiết chúng sanh。 bất
như hữu nhân nhất niệm niệm Phật。

giả sử trong một tháng thương đem y phục thức ăn cung kính cúng dường cho tất cả
chúng sanh, không bằng có người nhất niệm niệm Phật,

所得功德十六分一。大王。假使鍛金為人車馬載寶。

sở đắc công đức thập lục phân nhất。 Đại vương。 giả sử đoán kim vi nhân xa mã tải
bảo。

thì công đức được gấp mười sáu lần。 Đại vương, giả sử nấu vàng làm người, xe, ngựa,
chở các thứ báu,

其數各百以用布施。

kỳ số các bách dĩ dụng bố thí。

mỗi thứ làm một trăm rồi đem bố thí,

不如有人發心向佛舉足一步。大王。

bất như hữu nhân phát tâm hướng Phật cử túc nhất bộ。 Đại vương。

cũng không bằng có người bước một bước đi đến Phật。 Đại vương,

假使復以象車百乘載大秦國種種珍寶。及其女人身佩瓔珞。

giả sử phục dĩ tượng xa bách thừa tải Đại tần quốc chủng chủng trân bảo。 cập kỳ nữ
nhân thân bội anh lạc。

giả sử lại dùng một trăm cỗ xe voi chở các thứ báu của nước Tần, và lấy các chuỗi anh lạc
trên thân người nữ của nước ấy,

數亦滿百持用布施。猶故不如發心向佛舉足一步。復置是事。

số diệc mãn bách trì dụng bố thí。 do cố bất như phát tâm hướng Phật cử túc nhất
bộ。 phục trí thị sự。

mỗi thứ đủ một trăm rồi đem bố thí, cũng không bằng người phát tâm bước một bước chân đến chỗ Phật. Lại tạm gác việc này,
若以四事供養三千大千世界所有眾生。
nhược dĩ tứ sự cung dưỡng tam Thiên Đại Thiên thế giới sở hữu chúng sanh。
nếu đem bốn thứ thức ăn, y phục, thuốc men, mền, nệm bố thí cho tất cả chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế giới,
猶亦不如發心向佛舉足一步。復置是事。
do diệc bất như phát tâm hướng Phật cử túc nhất bộ。 phục trí thị sự。
cũng không bằng người phát tâm bước một bước chân đến chỗ Phật. Lại tạm gác việc này,
若使大王供養恭敬恒河沙等無量眾生。
nhược sử Đại vương cung dưỡng cung kính hằng hà sa đẵng vô lượng chúng sanh。
giả sử Đại vương cúng dường hằng hà sa vô lượng chúng sanh,
不如一往娑羅雙樹到如來所誠心聽法。
bất như nhất vãng sa-la song thụ đáo Như-Lai sở thành tâm thỉnh Pháp。
cũng không bằng một lần đi đến chỗ Như Lai nơi hai cây Sa la mà thành tâm nghe pháp。
爾時大王答言。耆婆。如來世尊性已調柔。
nhĩ thời Đại vương đáp ngôn。 kỳ bà。 như lai thế tôn tánh dĩ điều nhu。
Lúc bấy giờ Đại vương nói: Kỳ-bà, Như Lai Thế Tôn tánh đã điều thuận,
故得調柔以為眷屬。如栴檀林純以栴檀而為圍遶。
cố đắc điều nhu dĩ vi quyển chúc。 như chiêm đàn lâm thuần dĩ chiêm đàn nhi vi vi nhiểu。
cho nên lấy sự điều thuận làm quyển thuộc, như rừng chiêm đàn chỉ có chiêm đàn vây quanh,
如來清淨所有眷屬亦復清淨。
Như-Lai thanh tịnh sở hữu quyển chúc diệc phục thanh tịnh。
Như Lai thanh tịnh nên có quyển thuộc cũng là thanh tịnh,
猶如大龍純以諸龍而為眷屬。
do như Đại long thuần dĩ chư long nhi vi quyển chúc。
giống như rồng chúa chỉ dùng các rồng làm quyển thuộc,
如來寂靜所有眷屬亦復寂靜。如來無貪所有眷屬亦復無貪。

Như-Lai tịch tĩnh sở hữu quyền chúc diệt phục tịch tĩnh. Như-Lai vô tham sở hữu quyền chúc diệt phục vô tham。

Như Lai vắng lặng thì có quyền thuộc cũng vắng lặng, Như Lai không tham dục thì có quyền thuộc cũng không tham dục,

佛無煩惱所有眷屬亦無煩惱。吾今既是極惡之人。

Phật vô phiền não sở hữu quyền chúc diệt vô phiền não。ngô kim ký thị cực ác chi nhân。

Như Lai không phiền não thì có quyền thuộc cũng không phiền não. Nay ta đã là người cực ác

惡業纏裹其身臭穢繫屬地獄。

ác nghiệp triền縈 kỳ thân xú uế hệ chúc Địa-ngục。

ngiệp ác trói buộc thân, xú uế vây quanh, thuộc người địa ngục,

云何當得至如來所。吾設往者恐不顧念接敘言說。

vân hà đương đắc chí Như-Lai sở。ngô thiết vãng giả khủng bất cố niệm tiếp tự ngôn thuyết。

làm sao có thể đến chỗ Như Lai, giả sử ta đến cũng sợ Như Lai không nghĩ lại nghe lời ta nói,

卿雖勸吾令往佛所。

khanh tuy khuyến ngô lệnh vãng Phật sở。

tuy khanh khuyên ta đến chỗ Phật

然吾今日深自鄙悼都無去心。爾時虛空尋出聲言。無上佛法將欲衰殄。

nhiên ngô kim nhật thâm tự bỉ điệu đô vô khứ tâm。nhĩ thời hư không tìm xuất thanh ngôn。vô thượng Phật Pháp tướng dục suy diễn。

nhưng nay ta lại sợ không có tâm đi. Lúc bấy giờ giữa hư không phát ra tiếng rằng: Phật pháp Vô thượng sắp suy yếu,

甚深法河於是欲涸。大法明燈將滅不久。

thậm thâm Pháp hà ư thị dục hạc。Đại Pháp minh đăng tướng diệt bất cửu。

biển pháp thâm sâu sắp khô cạn, đèn pháp sáng ngời không lâu sẽ tắt,

法山欲頹法船欲沈。法橋欲壞法殿欲崩。

Pháp sơn dục đồi Pháp thuyền dục trầm。Pháp kiều dục hoại Pháp điện dục băng。

Núi pháp sắp lở, thuyền pháp sắp chìm, cầu pháp sắp gãy, cung điện pháp sắp đổ,

法幢欲倒法樹欲折。善友欲去。大怖將至。

Pháp-Tràng dục đảo Pháp thụ dục chiết。 thiện hữu dục khứ。 Đại phổ tướng chí。
cờ pháp sắp nghiêng, cây pháp sắp gãy, thiện hữu sắp đi, lo sợ khắp đến,
法餓眾生將至不久。煩惱疫病將欲流行。

Pháp ngã chúng sanh tướng chí bất cứu。 phiền não dịch bệnh tướng dục lưu hành。
Không lâu chúng sanh sắp đói pháp, phiền não tật bệnh sắp lan tràn,
大闇時至渴法時來。魔王欣慶解釋甲冑。

Đại ám thời chí khát Pháp thời lai。 ma Vương hân khánh giải thích giáp trụ。
Lúc tối tăm đến thì thời khao khát đến, ma vương vui vẻ cởi bỏ áo mũ,
佛日將沒大涅槃山。大王。

Phật nhật tướng một Đại Niết-Bàn sơn。 Đại vương。

mặt trời Phật pháp sắp lặn dưới núi đại Niết-bàn. Đại vương!

佛若去世王之重惡更無治者。大王。汝今已造阿鼻地獄極重之業。

Phật nhược khứ thế Vương chi trọng ác canh vô trị giả。 Đại vương。 nhữ kim dĩ tạo A-tì
Địa-ngục cực trọng chi nghiệp。

nếu Phật Niết-bàn rồi thì tội ác của Đại vương không thể chữa trị。 Đại vương! Nay ông đã
tạo nghiệp nặng địa ngục A-tỳ,

以是業緣必受不疑。大王。阿者言無。

dĩ thị nghiệp duyên tất thọ bất nghi。 Đại vương。 a giả ngôn vô。

do nghiệp duyên này chắc chắn phải thọ nhận không còn nghi ngờ。 Đại vương! Chữ A gọi
là vô,

鼻者名間。間無暫樂。故名無間。大王。

tỳ giả danh gian。 gian vô tạm lạc。 cố danh vô gián。 Đại vương。

chữ tỳ gọi là gián, không có sự vui trong chóc lát cho nên gọi là gián。 Đại vương!

假使一人獨墮是獄。其身長大八萬由延。

giả sử nhất nhân độc đọa thị ngục。 kỳ thân trường Đại bát vạn do duyên。

Giả sử một người đọa vào địa ngục thì tự thấy thân mình dài rộng tám vạn do tuần,
遍滿其中間無空處。其身周匝受種種苦。

biến mãn kỳ trung gian vô không xử。 kỳ thân châu tạp thọ chủng chủng khổ。

đầy khắp trong ấy không có chỗ hở, xung quanh thân chịu đủ các khổ,

設有多人身亦遍滿不相妨礙。大王。

thiết hữu đa nhân thân diệc biến mãn bất tướng phương ngại. Đại vương.
giả sử có nhiều người thì cũng thấy thân mình như vậy mà không trở ngại nhau. Đại
vương!

寒地獄中暫遇熱風以之為樂。熱地獄中暫遇寒風亦名為樂。

hàn Địa-ngục trung tạm ngộ nhiệt phong dĩ chi vi lạc。nhiệt Địa-ngục trung tạm ngộ hàn
phong diệc danh vi lạc。

trong địa ngục lạnh tạm gặp gió nóng thì lấy đó làm vui, trong địa ngục nóng tạm gặp
ngọn gió lạnh cũng gọi đó là vui,

活地獄中設命終已。若聞活聲即便還活。

hoạt Địa-ngục trung thiết mạng chung dĩ。nhược văn hoạt thanh tức tiện hoàn hoạt。
trong địa ngục sống giả sử mạng đã chết rồi, nếu nghe tiếng sống thì liền sống trở lại,
阿鼻地獄都無此事。大王阿鼻地獄四方有門。

A-tì Địa-ngục đô vô thử sự。Đại vương A-tì Địa-ngục tứ phương hữu môn。

địa ngục A-tỳ không có việc này. Đại vương, địa ngục A-tỳ có bốn cửa xung quanh,
一一門外各有猛火。

nhất nhất môn ngoại các hữu mãnh hỏa。

ngoài mỗi cửa đều có lửa dữ,

東西南北交過通徹八萬由延。周匝鐵牆鐵網彌覆其地亦鐵。

Đông Tây Nam Bắc giao quá thông triệt bát vạn do duyên。châu tạp thiết tường thiết
võng di phúc kỳ địa diệc thiết。

bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc giao nhau đến tám vạn do tuần, có thành sắt lưới sắt bao
phủ phía trên và chung quanh, đất cũng bằng sắt,

上火徹下下火徹上。大王。若魚在鑿脂膏焦然。

thượng hỏa triệt hạ hạ hỏa triệt thượng。Đại vương。nhược ngư tại ngao chi cao tiêu
nhiên。

lửa trên cháy xuống dưới, lửa dưới bốc lên trên. Đại vương, như cá ở trong chảo dầu đều
cháy hết,

是中罪人亦復如是。大王。

thị trung tội nhân diệc phục như thị。Đại vương。

tội nhân trong ấy cũng như vậy. Đại vương!

作一逆者則便具受如是一罪。若造二逆罪則二倍。

tác nhất nghịch giả tắc tiện cụ thọ như thị nhất tội. nhược tạo nhị nghịch tội tắc nhị bội. người làm một tội nghịch thì thọ đủ một tội như vậy, nếu làm hai tội nghịch thì thọ gấp đôi, 五逆具者罪亦五倍。大王。

ngũ nghịch cụ giả tội diệc ngũ bội. Đại vương.

nếu tạo đủ năm tội nghịch thì tội cũng gấp năm lần. Đại vương!

我今定知王之惡業必不得免。唯願大王。速往佛所。

ngã kim định tri Vương chi ác nghiệp tất bất đắc miễn. duy nguyện Đại vương. tốc vãng Phật sở.

nay tôi biết nghiệp ác của Đại vương ắt không tránh khỏi, xin Đại vương hãy nhanh chóng đi đến chỗ Phật,

除佛世尊餘無能救。我今愍汝故相勸導。爾時大王聞是語已。

trừ Phật Thế tôn dư vô năng cứu. ngã kim mẫn nhữ cố tướng khuyến đạo. nhĩ thời Đại vương văn thị ngữ dĩ.

ngoài đức Thế Tôn ra thì không ai có thể cứu. Nay tôi thương xót Đại vương nên khuyến khích chỉ dẫn. Lúc bấy giờ vua A-xà-thế nghe lời này rồi,

心懷怖懼舉身戰慄。五體掉動如芭蕉樹。

tâm hoài phổ cụ cử thân chiến lật. ngũ thể điệu động như ba tiêu thụ.

tâm rất sợ hãi, toàn thân run rẩy, cả người lay động như cây chuối,

仰而答曰。汝為是誰。不現色像而但有聲。

ngưỡng nhi đáp viết. nhữ vi thị thù. bất hiện sắc tượng nhi đản hữu thanh.

bèn ngửa mặt lên nói rằng: ông là ai, sao không hiện hình tướng mà chỉ có tiếng nói.

大王。吾是汝父頻婆娑羅。

Đại vương. ngô thị nhữ phụ Tần bà sa la.

Đại vương! Ta là Tần Bà Sa La phụ vương của con,

汝今當隨耆婆所說。莫隨邪見六臣之言。時王聞已悶絕蹙地。

nhữ kim đương tùy kì bà sở thuyết. mạc tùy tà kiến lục Thần chi ngôn. thời Vương văn dĩ muộn tuyệt tích địa.

Nay con hãy nghe theo lời Kỳ-bà, đừng nghe theo lời tà kiến của sáu vị thần. Lúc bấy giờ vua A-xà-thế nghe rồi buồn bã lăn lộn dưới đất,

身瘡增劇臭穢倍前。雖以冷藥塗而治之。

thân sang tăng kịch xú uế bội tiền. tuy dĩ lãnh dược đồ nhi trì chi.

mặt nhọt trên thân lại nhứt nhối hôi thối như trước, tuy dùng thuốc đắp lên mà
瘡烝毒熱但增無損。

sang chưng độc nhiệt dần tăng vô tổn.
độc hại càng tăng chứ không tổn giảm.

大般涅槃經卷第十九

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ thập cửu

Kinh Đại Niết-bàn

Quyển Thứ Mười Chín.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:09:42 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:09:42 2006

Thích Nữ Diệu Thuần hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

Vol. 12, No. 374

Thích Nữ Diệu Thuần hiệu đính

大般涅槃經卷第二十

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ nhị thập

Kinh Đại Bát Niết-bàn

Quyển Thứ Hai Mười

北凉天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Đời Bắc Lương, Tam Tạng Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

梵行品第八之六

phạm hành phẩm đệ bát chi lục

Phần thứ sáu, phẩm thứ tám: Phạm hạnh.

爾時世尊。在雙樹間見阿闍世悶絕躄地。

Nhĩ thời Thế tôn 。 tại song thụ gian kiến A đồ thế muộn tuyệt tích địa。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn ở giữa hai cây Sa-la thấy A-xà-thế đau đớn lăn lộn dưới đất,

即告大眾。

tức cáo Đại chúng。

bèn bảo đại chúng rằng:

我今當為是王住世至無量劫不入涅槃。迦葉菩薩白佛言。世尊。

ngã kim đương vi thị Vương trụ thế chí vô lượng kiếp bất nhập Niết-Bàn。ca diệp Bồ Tát bạch Phật ngôn。 Thế tôn 。

Nay Ta sẽ vì vua này mà trụ thế cho đến vô lượng kiếp không nhập Niết-bàn. Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

如來當為無量。眾生不入涅槃。何故獨為阿闍世王。

Như-Lai đương vi vô lượng. chúng sanh bất nhập Niết-Bàn. hà cố độc vi A đồ thế Vương
。

Như Lai đáng ra vì vô lượng chúng sanh mà không nhập Niết-bàn, tại sao chỉ riêng mình
vua A-xà-thế?

佛言。善男子。

Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

Phật dạy: Thiện nam tử.

是大眾中無有一人謂我畢定入於涅槃。阿闍世王定謂我當畢竟永滅。

thị Đại chúng trung vô hữu nhất nhân vị ngã tất định nhập ư Niết-Bàn. A đồ thế Vương
định vị ngã đương tất cánh vĩnh diệt。

Trong đại chúng đây không có một người nào cho rằng cuối cùng ta nhập Niết-bàn, chỉ có
vua A-xà-thế nhất định cho rằng ta rốt ráo diệt mất,

是故悶絕自投於地。善男子。如我所言。

thị cố muộn tuyệt tự đầu ư địa。 thiện nam tử 。

như ngã sở ngôn 。

cho nên buồn bã lăn lộn dưới đất. Thiện nam tử, như lời ta nói, 。

為阿闍世不入涅槃。如是密義汝未能解。

vi A đồ thế bất nhập Niết-Bàn. như thị mật nghĩa nhữ vị năng giải 。

vì A-xà-thế mà không nhập Niết-bàn, ý nghĩa bí mật như vậy ông chưa hiểu được.
何以故。我言為者。一切凡夫。

hà dĩ cố。 ngã ngôn vi giả。 nhất thiết phàm phu 。

Tại vì sao, ta nói vì ông ta, đó là bao gồm tất cả phàm phu,

阿闍世者普及一切造五逆者。又復為者。即是一切有為眾生。

A đồ thế giả phổ cập nhất thiết tạo ngũ nghịch giả. hựu phục vi giả. tức thị nhất thiết hữu
vi chúng sanh。

A-xà-thế và tất cả người tạo tội ngũ nghịch. Lại nói vì, tức là chỉ cho chúng sanh hữu vi
我終不為無為眾生而住於世。何以故。

ngã chung bất vi vô vi chúng sanh nhi trụ ư thế。 hà dĩ cố。

ta không vì chúng sanh vô vi mà trụ ở đời. Tại vì sao?

夫無為者。非眾生也。阿闍世者。

phu vô vi giả。 phi chúng sanh dã 。

A đồ thế giả。
Bởi đã vô vi thì không phải là chúng sanh. A-xà-thế

即是具足煩惱等者。又復為者。即是不見佛性眾生。

tức thị cụ túc phiền não đẳng giả. hựu phục vi giả. tức thị bất kiến Phật tánh chúng sanh.

là hạng đầy đủ phiền não. Lại nói vì, tức là vì chúng sanh không thấy Phật tánh, 若見佛性我終不為久住於世。何以故。見佛性者。

nhược kiến Phật tánh ngã chung bất vi cứu trụ ư thế. hà dĩ cố. kiến Phật tánh giả. nếu thấy Phật tánh thì ta đã không vì hạng ấy mà ở đời lâu. Tại vì sao? Người thấy Phật tánh

非眾生也。阿闍世者。

phi chúng sanh dã 。 A đồ thế giả.

thì không phải chúng sanh. A-xà-thế

即是一切未發阿耨多羅三藐三菩提心者。又復為者。

tức thị nhất thiết vị phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm giả. hựu phục vi giả.

là người chưa phát tâm Vô- thượng-chánh-đẳng-chánh-giác. Lại nói vì,

即是阿難迦葉二眾。阿闍世者。

tức thị A Nan ca diệp nhị chúng. A đồ thế giả.

tức là hai chúng A Nan và Ca-diếp. A-xà-thế

即是阿闍世王後宮妃后及王舍城一切婦女。又復為者。名為佛性。

tức thị A đồ thế Vương hậu cung phi hậu cập Vương xá thành nhất thiết phụ nữ. hựu phục vi giả. danh vi Phật tánh .

tức là hoàng hậu cung phi của A-xà-thế và tất cả phụ nữ trong thành Vương Xá. Lại nói vì, gọi là Phật tánh,

言阿闍者。名為不生。世者名怨。

ngôn a đồ giả. danh vi bất sanh . thế giả danh oán.

nói A-xà-thế, gọi là chúng sanh, chữ Thế gọi là oán

以不生佛性故則煩惱怨生。煩惱怨生故不見佛性。

dĩ ất sanh Phật tánh cố tắc phiền não oán sanh . phiền não oán sanh cố bất kiến Phật tánh .

do không sanh Phật tánh nên phiền não oán hận sanh, do phiền não oán hận sanh nên không thấy Phật tánh

以不生煩惱故則見佛性。以見佛性故。

dĩ ất sanh phiền não cố tắc kiến Phật tánh 。 dĩ kiến Phật tánh cố。
nếu không sanh phiền não thì thấy Phật tánh, do thấy Phật tánh
則得安住大般涅槃。是名不生。是故名為阿闍世。
tắc đắc an trú Đại bát Niết bàn 。 thị danh bất sanh 。 thị cố danh vi vi A đồ thế 。
thì được an trú nơi Niết-bàn, đó gọi là không sanh, cho nên nói là vì A-xà-thế。
善男子。阿闍者名不生。不生者名涅槃。
thiện nam tử 。 a đồ giả danh bất sanh 。 bất sanh giả danh Niết-Bàn。
Thiện nam tử, A-xà-thế gọi là không sanh, không sanh gọi là Niết-bàn。
世名世法。為者名不污。以世八法所不污故。
thế danh thế Pháp 。 vi giả danh bất nhiễm。 dĩ thế bát Pháp sở bất nhiễm cố。
Chữ Thế gọi là pháp thế gian, chữ Vi gọi là không ô nhiễm, do tám pháp thế gian không ô
nhiễm
無量無邊阿僧祇劫不入涅槃。是故我言。
vô lượng vô biên a tăng kì kiếp bất nhập Niết-Bàn。 thị cố ngã ngôn
nên vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp ta không nhập Niết-bàn. Cho nên ta nói
為阿闍世。無量億劫不入涅槃。善男子。
vì A đồ thế。 vô lượng ức kiếp bất nhập Niết-Bàn。 thiện nam tử。
vì A-xà-thế mà vô lượng ức kiếp không nhập Niết-bàn. Thiện nam tử,
如來密語不可思議。佛法眾僧亦不可思議。
Như-Lai mật ngữ bất khả tư nghị。 Phật Pháp chúng tăng diệc bất khả tư nghị。
lời bí mật của Như Lai là không thể nghĩ bàn, Phật pháp tăng cũng không thể nghĩ bàn,
菩薩摩訶薩亦不可思議。大涅槃經亦不可思議。
Bồ Tát Ma-Ha tát diệc bất khả tư nghị。 Đại Niết bàn Kinh diệc bất khả tư nghị。
Bồ-tát-ma-ha-tát cũng không thể nghĩ bàn, kinh Đại Niết-bàn cũng không thể nghĩ bàn。
爾時世尊大悲導師。為阿闍世王入月愛三昧。
nhi thời Thế tôn Đại bi Đạo sư。 vi A đồ thế Vương nhập nguyệt ái tam-muội。
Lúc bấy giờ đức Thế Tôn đại từ bi vì vua A-xà-thế mà nhập định Nguyệt ái tam-muội,
入三昧已放大光明。其光清涼往照王身。
nhập tam-muội dĩ phóng Đại quang-minh。 kỳ quang thanh lương vãng chiếu Vương thân
。

nhập tam-muội rồi liền phóng ánh sáng lớn, ánh sáng ấy thanh tịnh mát mẽ chiếu đến thân vua,

身瘡即愈鬱蒸除滅。王覺瘡愈身體清涼。

thân sang tức dữ uất chưng trừ diệt. Vương giác sang dữ thân thể thanh lương.

tức thời các mụn nhọt uất kết trên thân liền lành hết, vua cảm thấy bệnh lành thân thể mát mẽ,

語耆婆言。曾聞人說劫將欲盡三月竝現。

ngữ kì bà ngôn 。 tăng văn nhân thuyết kiếp tướng dục tận tam nguyệt tịnh hiện.

liền nói với Kỳ-bà rằng: Ta từng nghe có người nói khi kiếp số sắp hết thì có ba mặt trăng liền hiện ra,

當是之時一切眾生患苦悉除。時既未至。

đương thị chi thời nhất thiết chúng sanh hoạn khổ tất trừ. thời kỳ vị chí.

và lúc ấy tất cả chúng sanh được trừ hết bệnh khổ. Nay thời gian chưa đến

此光何來照觸吾身。瘡苦除愈身得安樂。耆婆答言。

thử quang hà lai chiếu xúc ngô thân 。 sang khổ trừ dữ thân đắc an lạc. kì bà đáp ngôn

。

mà ánh sáng này từ đâu chiếu đến thân ta khiến trừ bệnh khổ thân được an lạc, Kỳ-bà đáp:

此非劫盡三月竝照。

thử phi kiếp tận tam nguyệt tịnh chiếu。

Đây không phải là kiếp số hết ba mặt trăng cùng hiện,

亦非火日星宿藥草寶珠天光。王又問言。此光若非三月竝照寶珠明者。

diệc phi hỏa nhật tinh tú dược thảo bảo châu Thiên quang。 Vương hựu vấn ngôn。 thử quang nhược phi tam nguyệt tịnh chiếu bảo châu minh giả。

cũng không phải ánh sáng của lửa, mặt trời, mặt trăng, cây thuốc hay bảo châu. Vua lại

hỏi: Ánh sáng này nếu không phải ba mặt trăng cùng chiếu hay là bảo châu,

為是誰光。大王當知。是天中天所放光明。

vi thị thùy quang。 Đại Vương đương tri。 thị Thiên trung Thiên sở phóng quang-minh。

vậy thì ánh sáng của ai? Kỳ-bà đáp, Đại vương nên biết đây là bậc Thiên Trung Thiên phóng ánh sáng,

是光無根無有邊際。非熱非冷非常非滅。

thị quang vô căn vô hữu biên tế. phi nhiệt phi lãnh phi thường phi diệt.

ánh sáng này không có gốc rễ không có cùng tận, không nóng không lạnh không thường không diệt,

非色非無色。非相非無相。

phi sắc phi vô sắc. phi tướng phi vô tướng.

không có sắc không phải không có sắc, không có tướng, không phải không có tướng, 非青非黃非赤非白。欲度眾生。故使可見有相。

phi thanh phi hoàng phi xích phi bạch. dục độ chúng sanh. cố sử khả kiến hữu tướng。 không xanh không vàng không đỏ không trắng, vì muốn độ chúng sanh nên khiến chúng sanh thấy có tướng,

可說有根有邊有熱有冷青黃赤白。大王。

khả thuyết hữu căn hữu biên hữu nhiệt hữu lãnh thanh hoàng xích bạch。Đại Vương。

rồi nói có gốc rễ, có cùng tận, có nóng có lạnh, có xanh vàng đỏ trắng。Đại Vương!

是光雖爾實不可說不可覩見。乃至無有青黃赤白。王言。

thị quang tuy nhĩ thật bất khả thuyết bất khả đở kiến。nãi chí vô hữu thanh hoàng xích bạch。Vương ngôn。

ánh sáng này tuy là thật mà không thể nói, không thể nhìn thấy, cho đến không có xanh vàng đỏ trắng. Vua nói:

耆婆。彼天中天。以何因緣放斯光明。大王。

kỳ bà。bỉ Thiên trung Thiên。dĩ hà nhân duyên phóng tư quang-minh。Đại Vương。

Này Kỳ-bà! bậc Thiên Trung Thiên ấy do nhân duyên gì mà phóng ánh sáng này. Kỳ-bà

đáp: Đại vương,

今是瑞相將為大王。

kim thị thụy tướng tướng vi Đại Vương。

nay điềm tốt này là vì đại vương,

以王先言世無良醫療治身心。故放此光先治王身然後治心。

dĩ Vương tiên ngôn thế vô lương y liệu trì thân tâm。cố phóng thử quang tiên trì Vương thân nhiên hậu trì tâm。

bởi trước kia đại vương nói ở thế gian không có người giỏi chữa bệnh thân tâm, cho nên ánh sáng này chiếu đến trước là trị thân cho vua sau là trị tâm.

王言。耆婆。如來世尊亦見念耶。耆婆答言。

Vương ngôn 。 kì bà 。 như lai thế tôn diệc kiến niệm da。 kì bà đáp ngôn。

Vua nói: Này Kỳ-bà, Như Lai Thế Tôn cũng có niệm này sao? Kỳ-bà đáp:

譬如一人而有七子。是七子中一子遇病。

thí như nhất nhân nhi hữu thất tử 。 thị thất tử trung nhất tử ngộ bệnh。

Thí như một người có bảy người con, trong bảy người con ấy có một người bị bệnh

父母之心非不平等。然於病子心則偏多。大王。

phụ mẫu chi tâm phi bất bình đẳng。 nhiên ư bệnh tử tâm tắc Thiên đa。 Đại Vương。

tâm của cha mẹ không phải không bình đẳng, nhưng đối với đứa con bị bệnh thì tâm sẽ

thương mến nhiều hơn. Đại vương,

如來亦爾。於諸眾生非不平等。

Như-Lai diệc nhĩ。 ư chư chúng sanh phi bất bình đẳng。

Như Lai cũng vậy, đối với chúng sanh không phải không bình đẳng

然於罪者心則偏重。於放逸者佛則慈念。

nhiên ư tội giả tâm tắc Thiên trọng 。 ư phóng dật giả Phật tắc từ niệm。

nhưng đối với người tạo tội thì tâm càng thương xót, đối với người phóng dật thì Phật khởi niệm từ bi,

不放逸者心則放捨。何等名為不放逸者。謂六住菩薩。

bất phóng dật giả tâm tắc phóng xả。 hà đẳng danh vi bất phóng dật giả。 vị lục trụ Bồ Tát

。

đối với người không phóng dật thì tâm buông bỏ. Thế nào gọi là tâm không phóng dật, đó là Bồ-tát trụ nơi sáu pháp.

大王。

Đại Vương。

Đại vương!

諸佛世尊於諸眾生不觀種姓老少中年貧富時節。日月星宿工巧下賤僮僕婢使。

chư Phật Thế tôn ư chư chúng sanh bất quán chủng tính lão thiếu trung niên bần phú thời tiết 。 nhật nguyệt tinh tú công xảo hạ tiện đồng bộc tì sử 。

Chư Phật Thế Tôn đối với các chúng sanh không xem xét chủng tánh hay già trẻ sang

hèn, thời tiết, mặt trời, trăng sao, nghề nghiệp , thấp hèn, nô bộc, tì tớ... 惟觀眾生有善心者。若有善心則便慈念。

duy quán chúng sanh hữu thiện tâm giả。 nhược hữu thiện tâm tắc tiện từ niệm。

mà chỉ xem xét chúng sanh có tâm thiện hay không, nếu có tâm thiện thì liền khởi niệm từ bi.

大王當知。如是瑞相。

Đại Vương đương tri. như thị thụy tướng 。

Đại vương phải biết tướng tốt này

即是如來入月愛三昧所放光明。王即問言。何等名為月愛三昧。

tức thị Như-Lai nhập nguyệt ái tam-muội sở phóng quang-minh。 Vương tức vấn ngôn 。

hà đẳng danh vi nguyệt ái tam-muội。

là do Như Lai nhập định Nguyệt ái tam-muội mà phóng ra. Vua lại hỏi: Thế nào là Nguyệt ái tam-muội?

耆婆答言。

kì bà đáp ngôn 。

Kỳ-bà đáp:

譬如月光能令一切優鉢羅花開敷鮮明。月愛三昧亦復如是。能令眾生善心開敷。

thí như nguyệt quang năng lệnh nhất thiết Ưu bát la hoa khai phu tiên minh。 nguyệt ái tam-muội diệc phục như thị。 năng lệnh chúng sanh thiện tâm khai phu。

Thí như ánh sáng mặt trăng có thể khiến tất cả hoa Ưu-bát-la nở ra tươi tốt, Nguyệt ái tam-muội cũng lại như vậy, có thể khiến tâm lành của chúng sanh rộng mở.

是故名為月愛三昧。大王。

thị cố danh vi nguyệt ái tam-muội。 Đại Vương。

cho nên gọi là Nguyệt ái tam-muội. Đại vương,

譬如月光能令一切行路之人心生歡喜。月愛三昧亦復如是。

thí như nguyệt quang năng lệnh nhất thiết hành lộ chi nhân tâm sanh hoan hỷ。 nguyệt ái tam-muội diệc phục như thị。

Thí như ánh sáng mặt trăng có thể khiến người đi đường sanh tâm hoan hỷ, Nguyệt ái tam-muội cũng lại như vậy,

能令修習涅槃道者心生歡喜。

năng lệnh tu tập Niết-Bàn đạo giả tâm sanh hoan hỷ。

có thể khiến người tu tập đạo Niết-bàn sanh tâm hoan hỷ

是故復名月愛三昧。大王。

thị cố phục danh nguyệt ái tam-muội。 Đại Vương。

cho nên gọi là Nguyệt ái tam-muội. Đại vương,
譬如月光從初一日至十五日形色光明漸漸增長。月愛三昧亦復如是。
thí như nguyệt quang tòng sơ nhất nhật chí thập ngũ nhật hình sắc quang-minh tiệm tiệm
tăng trường 。 nguyệt ái tam-muội diệc phục như thị。
Thí như ánh sáng mặt trăng ngày mồng một đến ngày mười lăm thì hình sắc và ánh sáng
dần dần tăng trường, Nguyệt ái tam-muội cũng lại như vậy,
令初發心諸善根本漸漸增長。
lệnh sơ phát tâm chư thiện căn bản tiệm tiệm tăng trường 。
khiến các căn lành của người mới phát tâm dần dần tăng trường,
乃至具足大般涅槃。是故復名月愛三昧。大王。
nãi chí cụ túc Đại bát Niết bàn 。 thị cố phục danh nguyệt ái tam-muội. Đại Vương。
cho đến đầy đủ Đại Niết-bàn, cho nên có tên Nguyệt ái tam-muội. Đại vương,
譬如月光從十六日至三十日形色光明漸漸損減。
thí như nguyệt quang tòng thập lục nhật chí tam thập nhật hình sắc quang-minh tiệm tiệm
tổn giảm。
Thí như ánh sáng mặt trăng từ ngày mười sáu đến ngày ba mươi thì hình sắc và ánh sáng
dần dần giảm xuống,
月愛三昧亦復如是。
nguyệt ái tam-muội diệc phục như thị。
Nguyệt ái tam-muội cũng lại như vậy,
光所照處所有煩惱能令漸減。是故復名月愛三昧。大王。
quang sở chiếu xử sở hữu phiền não năng lệnh tiệm diệt. thị cố phục danh nguyệt ái tam-
muội. Đại Vương。
chỗ ánh sáng chiếu đến nếu có phiền não thì có thể khiến dần tiêu diệt, cho nên gọi là
Nguyệt ái tam-muội. Đại vương,
譬如盛熱之時一切眾生常思月光。
thí như thịnh nhiệt chi thời nhất thiết chúng sanh thường tư nguyệt quang。
thí như lúc nóng nảy thì tất cả chúng sanh thường suy nghĩ đến ánh sáng mặt trăng,
月光既照鬱熱即除。月愛三昧亦復如是。
nguyệt quang ký chiếu uất nhiệt tức trừ. nguyệt ái tam-muội diệc phục như thị。
ánh sáng mặt trăng chiếu đến thì trừ được nóng bức, Nguyệt ái tam-muội cũng vậy,

能令眾生除貪惱熱。大王。譬如滿月眾星中王為甘露味。

năng lệnh chúng sanh trừ tham não nhiệt。Đại Vương。thí như mãn nguyệt chúng tinh trung Vương vi cam lộ vị。

có thể khiến tất cả chúng sanh trừ được tham lam phiền não。Đại vương, thí như mặt trăng tròn là vua trong các vì sao, là vị ngon ngọt

一切眾生之所愛樂。月愛三昧亦復如是。

nhất thiết chúng sanh chi sở ái lạc。nguyệt ái tam-muội diệc phục như thị。

mà tất cả chúng sanh đều ưa thích, Nguyệt ái tam-muội cũng như vậy,

諸善中王為甘露味。一切眾生之所愛樂。

chư thiện trung Vương vi cam lộ vị。nhất thiết chúng sanh chi sở ái lạc。

là vua trong các điều thiện, là vị ngọt mà tất cả chúng anh đều ưa thích,

是故復名月愛三昧。

thị cố phục danh nguyệt ái tam-muội。

cho nên có tên là Nguyệt ái tam-muội。

王言。

Wương ngôn 。

Vua nói:

我聞如來不與惡人同止坐起語言談論。猶如大海不宿死屍。

ngã văn Như-Lai bất dữ ác nhân đồng chỉ tọa khởi ngữ ngôn đàm luận 。

do như Đại hải bất tú tử thi。

Ta nghe nói Như Lai không cùng người ác đứng ngồi hay nói chuyện bàn luận, giống như biển lớn không dung chứa thân chết,

如鴛鴦鳥不住清廁。釋提桓因不與鬼住。鳩翅羅鳥不棲枯樹。

như uyên ương diệc bất trụ thanh xí 。

thích đề hoàn nhân bất dữ quý trụ。cưu sí la diệc bất tê khô thụ。

như chim uyên ương không ở nơi nhà xí, vua Đế Thích không ở chung với quỷ, loài chim tu hú không đậu nơi cây khô.

如來亦爾。我當云何而得往見。設其見者。

Như-Lai diệc nhĩ。ngã đương vân hà nhi đắc vãng kiến 。

thiết kỳ kiến giả。

Như Lai cũng như vậy ư? ta làm sao để có thể đến được gặp ngài, giả sử được thấy

我身將不陷入地耶。我觀如來。

ngã thân tướng bất hãm nhập địa da。 ngã quán Như-Lai。

thì thân ta sẽ không rơi vào địa ngục hay sao? Ta cho rằng Như Lai

寧近醉象師子虎狼猛火絕焰。終不近於重惡之人。

ninh cận túy tượng Sư-tử hổ lang mãnh hỏa tuyệt diệm 。 chung bất cận ư trọng ác chi nhân。

thà gần với voi say, sư tử, hổ lang, lửa dữ, chứ trọn đời không gần gũi người cực ác, 是故我今思忖是已。當有何心往見如來。

thị cố ngã kim tư thốn thị dĩ。 đương hữu hà tâm vãng kiến Như-Lai。

cho nên nay ta suy nghĩ như vậy, phải có tâm gì để được đến gặp Như Lai。

耆婆答言。大王。譬如渴人速赴清泉。飢者求食。

kì bà đáp ngôn 。 Đại Vương。 thí như khát nhân tốc phó thanh tuyền 。 cơ giả cầu thực 。

Kỳ-bà đáp: Đại vương, thí như người khát đi đến suối nước trong, người đói thì tìm ăn,

怖者求救。病求良醫。熱求蔭涼。寒者求火。

phổ giả cầu cứu。 bệnh cầu lương y 。 nhiệt cầu ẩm lương 。 hàn giả cầu hỏa。

người lo sợ thì tìm cầu cứu, người bệnh tìm cầu thầy giỏi, người nóng cầu bóng mát, người lạnh cầu lửa,

王今求佛亦應如是。大王。

Vương kim cầu Phật diệc ứng như thị。 Đại Vương。

nay vua cầu Phật cũng lại như vậy。 Đại vương,

如來尚為一闍提等演說法要。何況大王非一闍提。

Như-Lai thượng vi nhất-xiển-đề đẳng diễn thuyết Pháp yếu 。 hà hưởng Đại Vương phi nhất-xiển-đề 。

Như Lai vì hạng nhất-xiển-đề mà diễn thuyết pháp yếu, hưởng gì Đại vương không phải là hạng nhất-xiển-đề

而當不蒙慈悲救濟。王言。耆婆。我昔曾聞。

nhi đương bất môn từ bi cứu tế。 Vương ngôn。 kì bà。 ngã tích tăng văn 。

mà không được từ bi cứu vớt sao, vua nói: Nay Kỳ-bà, thuở xưa ta từng nghe

一闍提者不信不聞不能觀察不得義理。

nhất-xiển-đề giả bất tín bất văn bất năng quan sát bất đắc nghĩa lý。

một mở đề bất tín chẳng nghe chẳng năng quan sát chẳng được nghĩa lý。

hạng nhất-xiển-đề là không tin, không nghe, không thể quán sát, không hiểu nghĩa lý,

何故如來而為說法。耆婆答言。大王。

hà cố Như-Lai nhi vi thuyết Pháp. kì bà đáp ngôn 。 Đại Vương。

tại sao Như lai vì họ mà thuyết pháp. Kỳ-bà đáp : Đại vương,

譬如有人身遇重病是人夜夢昇一柱殿服蘇油脂及以塗身。

thí như hữu nhân thân ngộ trọng bệnh thị nhân dạ mộng thăng nhất trụ điện phục tô du chi cập dĩ đồ thân 。

thí như có người thân bị bệnh nặng, ban đêm nằm mộng thấy bay lên cây cột ở cung điện rồi lấy dầu mỡ để thoa nơi thân,

臥灰食灰攀上枯樹。

ngọa hôi thực hôi phàn thượng khô thụ。

nằm trên tro, lấy tro ăn, vịn vào cây khô,

或與獼猴遊行坐臥沈水沒泥。墮墜樓殿高山樹木。

hoặc dữ Mi-Hầu du hành tọa ngọa trầm thủy một nề 。 đọa trụ lâu điện cao sơn thụ mộc。

hoặc cùng Mi hầu dạo chơi, nằm ngồi dưới nước không có bùn, rơi từ lầu gác, núi cao, rừng cây,

象馬牛羊身著青黃赤黑色衣喜笑歌舞。或見烏鶯狐狸之屬。

tượng mã ngưu dương thân trú thanh hoàng xích hắc sắc y hỉ tiếu ca vũ。 hoặc kiến ô thúu hồ li chi chúc

thấy voi ngựa trâu dê thân mặc áo màu xanh vàng đỏ đen cười đùa ca múa . Hoặc thấy các loài chim quạ hồ ly,

齒髮墮落裸形枕狗臥糞穢中。

xỉ phát đọa lạc lỏa hình chấm cấu ngọa phần uế trung 。

răng tóc rơi rớt, hình thể trần truồng, chó nằm trên phân dơ uế,

復與亡者行住坐起携手食噉。毒蛇滿路而從中過。

phục dữ vong giả hành trụ tọa khởi huề thủ thực đạm。 độc xà mãn lộ nhi tòng trung quá。

lại cùng người chết đi đứng nằm ngồi, nắm tay ăn uống, rắn độc đầy đường mà đi ngang qua trong ấy.

或復夢與被髮女人共相抱持。

hoặc phục mộng dữ Bị phát nữ nhân cộng tượng bảo trì。

Hoặc mộng cùng một người nữ xoắn tóc ôm nhau,
 多羅樹葉以為衣服。乘壞驢車正南而遊。是人夢已心生愁惱。
 Đa-la thụ diệp dĩ vi y phục. thừa hoại lư xa chánh Nam nhi du. thị nhân mộng dĩ tâm
 sanh sầu não.
 lấy lá cây Đa-la làm y phục, ngồi xe lừa hư hoại mà đi về phía Nam. Người này mộng
 thấy rồi sanh tâm buồn bã,
 以愁惱故身病踰增。
 dĩ sầu não cố thân bệnh du tăng。
 do buồn bã nên thân bệnh càng tăng thêm,
 以病增故諸家親屬遣使命醫。所可遣使形體缺短根不具足。
 dĩ bệnh tăng cố chư gia thân chúc khiển sử mạng y sở khả khiển sử hình thể khuyết đoan
 căn bất cụ túc。
 do bệnh tăng nên người thân sai người mời thầy thuốc. Người đi mời có thân hình thấp
 nhỏ, các căn không đầy đủ,
 頭蒙塵土著弊壞衣載故壞車。語彼醫言。
 đầu mông trần độ trú tệ hoại y tái cố hoại xa ngử bỉ y ngôn。
 đầu dính đầy bụi, mặt áo xấu rách, ngồi xe hư hoại, rồi đến nói với thầy thuốc rằng:
 速疾上車。爾時良醫即自思惟。
 tốc tật thượng xa. nhĩ thời lương y tức tự tư duy。
 Hãy mau lên xe. Lúc bấy giờ thầy thuốc tự suy nghĩ:
 今見是使相貌不吉。當知病者難可療治。復作是念。
 kim kiến thị sử tướng mạo bất cát. đương tri bệnh giả nan khả liệu trì. phục tác thị
 niệm。
 Nay người này có tướng mạo không tốt, nên biết người bệnh khó chữa trị được. Lại suy
 nghĩ rằng:
 使雖不吉當復占日為可治不。
 sử tuy bất cát đương phục chiêm nhật vi khả trì bất。
 Người này tuy xấu tướng nhưng để xem ngày thử có trị được không,
 若四日六日八日十二日十四日。如是日者病亦難治。復作是念。
 nhược tứ nhật lục nhật bát nhật thập nhị nhật thập tứ nhật. như thị nhật giả bệnh diệc
 nan trì. phục tác thị niệm

Nếu ngày mồng bốn, mồng sáu, mồng tám, mười hai, mười bốn, thì bệnh cũng khó trị. Lại suy nghĩ rằng:

日雖不吉當復占星為可治不。

nhật tuy bất cát đương phục chiêm tinh vi khả trị bất。

Ngày tuy không tốt nhưng lại xem tinh tú có thể trị được không,

若是火星金星昴星閻羅王星濕星滿星。

nhược thị hỏa tinh kim tinh mao tinh diêm la Vương tinh thấp tinh mãn tinh。

nếu là sao hỏa, sao kim, sao mao, sao diêm la, sao thấp, sao mãn,

如是星時病亦難治。復作是念。星雖不吉復當觀時。

như thị tinh thời bệnh diệc nan trị 。 phục tác thị niệm。 tinh tuy bất cát phục đương quán thời 。

lúc có các vì sao như vậy thì bệnh cũng khó trị. Lại suy nghĩ rằng: Tinh tú tuy không tốt nhưng lại xem thời tiết,

若是秋時冬時及日入時夜半時月入時。

nhược thị thu thời đông thời cập nhật nhập thời dạ bán thời nguyệt nhập thời 。

nếu là mùa thu, mùa đông, nhật thực, nguyệt thực, nửa đêm,

當知是病亦難可治。復作是言。

đương tri thị bệnh diệc nan khả trị 。 phục tác thị ngôn 。

gặp lúc như vậy thì bệnh cũng khó trị. Lại suy nghĩ rằng:

如是眾相雖復不吉或定不定。

như thị chúng tướng tuy phục bất cát hoặc định bất định 。

Như vậy các tướng tuy không tốt mà có khi không nhất định,

當觀病人若有福德皆可療治。若無福德雖吉何益思惟是已尋與使俱。

đương quán bệnh nhân nhược hữu phúc đức giai khả liệu trị 。

nhược vô phúc đức tuy cát hà ích tư duy thị dĩ tâm dữ sử câu。

phải xem người bệnh nếu có phước đức thì có thể trị liệu. Nếu không có phước đức tuy tốt cũng nào có ích gì. Suy nghĩ vậy rồi liền theo người sứ đi,

在路復念。若彼病者有長壽相則可療治。

tại lộ phục niệm。 nhược bỉ bệnh giả hữu trường thọ tướng tác khả liệu trị 。

giữa đường lại suy nghĩ: Nếu người bệnh kia có tướng sống lâu thì có thể trị liệu,

短壽相者則不可治。即於前路見二小兒。

đoàn thợ tướng giả tắc bất khả trì 。 tức ư tiền lộ kiến nhị tiểu nhi 。
nếu có tướng chết yếu thì không thể trị. Lúc ấy thấy giữa đường có hai trẻ nhỏ
相牽鬪諍捉頭拔髮。瓦石刀杖共相撩打。
tướng khiến đấu tránh tróc đầu bạt phát。ngõa thạch đao trượng cộng tướng liêu đả。
cùng đánh nhau nắm tóc lôi kéo, dùng gạch đá dao gậy đánh đập,
見人持火自然殄滅。或見有人斫伐樹木。
kiến nhân trì hỏa tự nhiên diển diệt。 hoặc kiến hữu nhân chước phạt thụ mộc。
hoặc thấy người cầm lửa tự nhiên tắt mất, hoặc thấy có người chém chặt cây cỏ,
或復見人手曳皮革隨路而行。或見道路有遺落物。
hoặc phục kiến nhân thủ duệ bì cách tùy lộ nhi hành 。 hoặc kiến đạo lộ hữu di lạc vật。
hoặc thấy có người tay kéo tấm da đi giữa đường, hoặc thấy trên đường có vật rơi rớt,
或見有人執持空器。或見沙門獨行無侶。
hoặc kiến hữu nhân chấp trì không khí。 hoặc kiến Sa Môn độc hành vô lữ。
hoặc thấy có người cầm đồ vật trống không, hoặc thấy sa môn đi một mình không có bạn
bè。
復見虎狼烏鷲野狐。見是事已復作是念。
phục kiến hổ lang ô thúu dã hồ。 kiến thị sự dĩ phục tác thị niệm。
Lại thấy hổ lang chim quạ sói cáo, thấy các việc này rồi lại suy nghĩ rằng:
所遣使人乃至道路所見諸相悉皆不祥。
sở khiển sử nhân nãi chí đạo lộ sở kiến chư tướng tất giai bất tường。
Từ người đi mời cho đến các sự việc thấy giữa đường đều là tướng không tốt,
當知病者定難療治。復作是念。我若不往則非良師。
đương tri bệnh giả định nan liệu trì 。 phục tác thị niệm。 ngã nhược bất vãng tắc phi lương
sư。
nên biết người bệnh này khó chữa trị. Lại suy nghĩ rằng: Ta nếu không đến thì không phải
là thầy thuốc,
如其往者不可救療。復更念言。
như kỳ vãng giả bất khả cứu liệu。 phục canh niệm ngôn 。
nếu đến thì không thể cứu được. Lại suy nghĩ rằng:
如是眾相雖復不祥。且當捨置往至病所。
như thị chúng tướng tuy phục bất tường。 thả đương xả trí vãng chí bệnh sở。

các tướng như vậy tuy là không tốt, phải tạm xả bỏ để đến chỗ người bệnh
思惟是已復於前路聞如是聲。

tư duy thị dĩ phục ư tiền lộ văn như thị thanh。

suy nghĩ như vậy rồi lại nghe giữa đường có các âm thanh,
所謂亡失死喪崩破壞折剝脫墮墜焚燒。不來不可療治不能拔濟。

sở vị vong thất tử tang băng phá hoại chiết bác thoát đọa trụ phần thiêu 。 Bất-lai bất khả
liệu trì bất năng bạt tế 。

đó là mất mát, chết chóc, phá hoại, bẻ gãy, rơi rớt, đốt cháy, không đến không thể chữa
trị, không thể cứu vớt.

復聞南方有飛鳥聲。所謂烏鷲舍利鳥聲。

phục văn Nam phương hữu phi điểu thanh。 sở vị ô thúu Xá-lợi điểu thanh。

Lại nghe phía Nam có tiếng chim kêu, đó là tiếng quạ, tiếng chim xá lợi,
若狗若鼠野狐兔猪。聞是聲已復作是念。

nhược cầu nhược thử dã hồ thổ trư。 văn thị thanh dĩ phục tác thị niệm。

hoặc tiếng chó, chuột, hồ li, heo, thỏ. Nghe các tiếng ấy rồi lại suy nghĩ:

當知病者難可療治。爾時即入病人舍宅。

đương tri bệnh giả nan khả liệu trì。 nhĩ thời tức nhập bệnh nhân xá trạch。

phải biết người bệnh này khó chữa trị. Lúc bấy giờ liền vào nhà người bệnh,
見彼病人數寒數熱骨節疼痛。

kiến bỉ bệnh nhân số hàn số nhiệt cốt tiết đông thống。

thấy người bệnh kia vừa nóng vừa lạnh, xương thịt đau nhức,

目赤流淚耳聲聞外咽喉結痛舌上裂破其色正黑。

mục xích lưu lệ nhĩ thanh văn ngoại yết hầu kết thống thiệt thương liệt phá kỳ sắc chánh
hắc 。

mắt đỏ, nước mắt chảy, tai không nghe tiếng, cổ họng khô rát, lưỡi nứt nẻ, sắc người đen
xám,

頭不自勝體枯無汗。大小便利擁隔不通。

đầu bất tự thắng thể khô vô hãn 。

Đại tiểu tiện lợi ủng cách bất thông。
đầu không cất lên nổi, thân khô không có mồ hôi, không kềm chế được việc đại tiểu tiện,
身卒肥大紅赤異常。語聲不均或麤或細。

thân tốt phì Đại hồng xích dị thường。 ngữ thanh bất quân hoặc thô hoặc tế。

thân phi thủng có màu sắc khác lạ, tiếng nói không đều, hoặc to hoặc nhỏ,
舉是斑駁異色青黃。其腹脹滿言語不了。
cử thị ban bác dị sắc thanh hoàng 。 kỳ phúc trưởng mẫn ngôn ngữ bất liễu。
chân tay loang lổ màu sắc xanh vàng, bụng sinh trướng, các thứ không thể nói hết。
醫見是已問瞻病言。病者昨來意志云何。答言。大師。
y kiến thị dĩ vấn chiêm bệnh ngôn 。 bệnh giả tạc lai ý chí vân hà。 đáp ngôn 。 Đại sư。
Người thầy thuốc thấy rồi liền hỏi người nuôi bệnh: Trước đây tâm trạng người bệnh như thế nào? Đáp rằng: Đại sư,
其人本來敬信三寶及以諸天。
kỳ nhân bản lai kính tín Tam Bảo cập dĩ chư Thiên。
người này xưa nay vốn kính tin Tam Bảo và chư Thiên
今者變異敬信情息。本惠惠施今者慳慳。
kim giả biến dị kính tín tình tức。 bản hĩ huệ thí kim giả khan lận。
nay lại thay đổi kính tin tà vạy, trước ư bố thí nay thì keo kiệt,
本性少食今則過多。本性和善今則弊惡。本性慈孝恭敬父母。
bổn tánh thiếu thực kim tắc quá đa。 bổn tánh hòa thiện kim tắc tệ ác 。 bổn tánh từ hiếu
cung kính phụ mẫu。
bổn tánh ít ăn nay lại ăn nhiều, trước vốn hiền lành nay thì hung ác, trước kia hiếu thuận
cung kính cha mẹ,
今於父母無恭敬心。
kim ư phụ mẫu vô cung kính tâm。
nay đối với cha mẹ không có tâm cung kính。
醫聞是已即前嗅之優鉢羅香沈水雜香畢迦多香多伽羅香多摩
y văn thị dĩ tức tiền khứu chi Ưu bát la hương trầm thủy tạp hương tất ca đa hương đa dà
la hương đa ma
Thầy thuốc nghe rồi trước ngửi thấy mùi hương Ưu-bát-la, hương trầm thủy,
羅跋香鬱金香梅檀香。
la bạt hương uất kim hương chiêm đàn hương。
hương la bạt, hương uất kim, hương chiêm đàn,
炙肉臭菹桃酒臭燒筋骨臭魚臭糞臭。知香臭已即前觸身。

chích nhục xú bồ đào tửu xú thiêu cân cốt xú ngư xú phần xú 。 tri hương xú dĩ tức tiền xúc thân 。

sau ngủi thấy mùi hôi của thịt nướng, rượu bồ đào, mùi hôi đốt cháy xương cốt, mùi cá mùi phân. Khi biết các mùi thơm hôi rồi thì đến chạm vào thân người bệnh,
覺身細軟猶如繒綿劫貝娑花。

giác thân tế nhuyễn do như tảng miên kiếp bối sa hoa。

cảm thấy thân mềm nhũn như lụa, như bông, như hoa bối-sa,
或硬如石或冷如水或熱如火或澁如沙。

hoặc ngạnh như thạch hoặc lãnh như băng hoặc nhiệt như hỏa hoặc sáp như sa 。

hoặc cứng như đá, hoặc lạnh như nước, hoặc nóng như lửa, hoặc sần sù như cát.

爾時良醫見如是等種種相已。

nhĩ thời lương y kiến như thị đẳng chủng chủng tướng dĩ。

Lúc bấy giờ vị thầy thuốc thấy các tướng như vậy rồi

定知病者必死不疑然不定言是人當死語瞻病者。

định tri bệnh giả tất tử bất nghi nhiên bất định ngôn thị nhân đương tử ngữ chiêm bệnh giả。

biết chắc người bệnh ắt là chết không còn nghi ngờ nhưng không nói bệnh sẽ chết, mà nói với người chăm bệnh rằng:

吾今劇務明當更來隨其所須恣意勿遮。

ngô kim kịch vụ minh đương canh lai tùy kỳ sở tu tứ ý vật giả。

Nay ta có việc cần gấp phải đi, ông nên tùy nhu cầu người bệnh mà làm theo chớ ngăn chận.

即便還家明日使到復語使言。我事未訖兼未合藥。

tức tiện hoàn gia minh nhật sử đáo phục ngữ sử ngôn ngã sự vị cật kiêm vị hợp dược。

Rồi thầy thuốc trở về nhà, hôm sau sai người đến nói rằng: Việc ta chưa xong, cũng chưa chế được thuốc.

智者當知如是病者必死不疑。大王。世尊亦爾。

trí giả đương tri như thị bệnh giả tất tử bất nghi。Đại Vương Thế tôn diệc nhĩ。

Người trí phải biết như vậy ắt người bệnh sẽ chết không còn nghi. Đại vương, Thế Tôn cũng vậy,

於一闡提輩善知根性而為說法。何以故。若不為說。

ư nhất-xiển-đề bố thí thiện tri căn tánh nhi vi thuyết Pháp. hà dĩ cố. nhược bất vi thuyết 。
đối với hạng nhất-xiển-đề khéo biết căn tánh mà vì họ thuyết pháp, tại sao? Nếu không vì
họ thuyết pháp

一切凡夫當言如來無大慈悲。

nhất thiết phàm phu đương ngôn Như-Lai vô Đại từ bi.

thì tất cả phàm phu sẽ nói Như Lai không có tâm đại từ bi.

有慈悲者名一切智若無慈悲云何說言一切智人。

hữu từ bi giả danh nhất thiết trí nhược vô từ bi vân hà thuyết ngôn nhất thiết trí nhân。

Người có từ bi gọi là nhất thiết trí, nếu không có từ bi làm sao gọi là người nhất thiết trí,
是故如來為一闡提而演說法。大王。

thị cố Như-Lai vi nhất-xiển-đề nhi diễn thuyết Pháp。Đại Vương

cho nên Như Lai vì hạng nhất-xiển-đề mà thuyết pháp. Đại vương,

如來世尊見諸病者當施法藥。病者不服非如來咎。大王。

như lai thế tôn kiến chư bệnh giả đương thí Pháp dược bệnh giả bất phục phi Như-Lai cứu
。 Đại Vương。

Như Lai Thế Tôn thấy các người bệnh thì ban thuốc pháp, người bệnh không uống đó
không phải lỗi của Như Lai. Đại vương,

一闡提輩分別有二。一者得現在善根。

nhất-xiển-đề bố thí phân biệt hữu nhị. nhất giả đắc hiện tại thiện căn 。

hạng nhất-xiển-đề có hai loại, một là hiện tại có căn lành,

二者得後世善根。

nhị giả đắc hậu thế thiện căn 。

hai là đời sau có căn lành.

如來善知一闡提輩能於現在得善根者則為說法。後世得者亦為說法。

Như-Lai thiện tri nhất-xiển-đề bố năng ư hiện tại đắc thiện căn giả tắc vi thuyết

Pháp。 hậu thế đắc giả diệc vi thuyết Pháp。

Như Lai khéo biết hạng nhất-xiển-đề hiện tại có căn lành nên vì họ thuyết pháp, hạng đời
sau có căn lành cũng vì họ mà thuyết pháp,

今雖無益作後世因。

kim tuy vô ích tác hậu thế nhân。

hiện tại tuy vô ích nhưng làm nhân cho đời sau,

是故如來為一闍提演說法要。一闍提者復有二種。一者利根。
thị cố Như-Lai vi nhất-xiển-đề diễn thuyết Pháp yếu 。 nhất-xiển-đề giả phục hữu nhị
chủng 。 nhất giả lợi căn 。
cho nên Như Lai vì hạng nhất-xiển-đề mà nói pháp yếu. Lại nữa, có hai hạng nhất-xiển-
đề: Một là căn tánh lạnh lợi,
二者中根。利根之人於現在世能得善根。
nhị giả trung căn 。 lợi căn chi nhân ư hiện tại thế năng đắc thiện căn 。
hai là căn tánh trung bình. Người có căn tánh lạnh lợi thì hiện tại có thể được căn lành,
中根之人後世則得。諸佛世尊不空說法。大王。
trung căn chi nhân hậu thế tắc đắc。 chư Phật Thế tôn bất không thuyết Pháp。 Đại
Vương。
hạng căn tánh trung bình thì đời sau mới được căn lành, chư Phật Thế Tôn không thể
không thuyết pháp。 Đại vương,
譬如淨人墜墮清廁。
thí như tịnh nhân trụ đọa thanh xí 。
thí như người sạch sẽ bị rơi xuống hầm xí
有善知識見而愍之尋前捉髮而拔出之。諸佛如來亦復如是。
hữu thiện tri thức kiến nhi mẫn chi tầm tiền tróc phát nhi bạt xuất chi。 chư Phật như lai
diệc phục như thị。
có thiện tri thức thấy rồi thương xót bèn nắm tóc mà kéo lên. Chư Phật Như Lai cũng lại
như vậy,
見諸眾生墜三惡道。方便救濟令得出離。
kiến chư chúng sanh đọa tam ác đạo。 phương tiện cứu tế lệnh đắc xuất ly。
thấy các chúng sanh đọa vào trong ba đường ác, Phật dùng phương tiện cứu vớt khiến
chúng sanh được thoát khỏi,
是故如來為一闍提而演說法。王語耆婆。
thị cố Như-Lai vi nhất-xiển-đề nhi diễn thuyết Pháp。 Vương ngữ kỳ bà 。
cho nên Như Lai vì hạng nhất-xiển-đề mà thuyết pháp. Vua nói: Kỳ-bà,
若使如來審如是者。明當選擇良日吉星然後乃往。
nhược sử Như-Lai thẩm như thị giả。 minh đương tuyển trạch lương nhật cát tinh nhiên
hậu nãi vãng。

giả sử Như Lai biết đúng như vậy, thì ngày mai hãy chọn ngày tốt rồi đi đến chỗ Ngài.
耆婆白王。大王。

kì bà bạch Vương 。 Đại Vương。

Kỳ-bà thưa: Đại vương,

如來法中無有選擇良日吉星。大王。

Như-Lai Pháp trung vô hữu tuyển trạch lương nhật cát tinh Đại Vương。

Trong pháp của Như Lai không có lựa chọn ngày giờ tốt. Đại vương,

如重病人猶不看日時節吉凶惟求良醫。王今病重求佛良醫。

như trọng bệnh nhân do bất khán nhật thời tiết cát hung duy cầu lương y 。 Vương kim
bệnh trọng cầu Phật lương y 。

như người mắc bệnh nặng thì không chọn ngày giờ tốt xấu để mời thầy thuốc. Nay Đại
vương bệnh nặng cầu vị lương y là Phật,

不應選擇良時好日。大王。如栴檀火及茅蘭火。

bất ứng tuyển trạch lương thời hảo nhật. Đại Vương. như chiên đàn hỏa cập y lan hỏa。

thì không nên lựa chọn ngày giờ tốt. Đại vương, như lửa chiên đàn và lửa y lan

二俱燒相無有異也。吉日凶日亦復如是。

nhị câu thiêu tướng vô hữu dị dã 。 cát nhật hung nhật diệc phục như thị。

khi cả hai đều cháy thì không có sai khác. Ngày giờ tốt xấu cũng lại như vậy,

若到佛所俱得滅罪。惟願大王今日速往。

nhược đáo Phật sở câu đắc diệt tội. duy nguyện Đại Vương kim nhật tốc vãng。

nếu đến được Phật thì diệt được tội, xin Đại vương hãy đi ngay hôm nay.

爾時大王即命一臣名曰吉祥。而告之言。

nhĩ thời Đại Vương tức mạng nhất Thần danh viết cát tường. nhi cáo chi ngôn 。

Lúc bấy giờ vua A-xà-thế liền sai vị thần tên là Cát Tường đến và nói rằng:

大臣當知吾今欲往佛世尊所。速辦供養所須之具。

Đại Thần đương tri ngô kim dục vãng Phật Thế tôn sở. tốc bạn cung dưỡng sở tu chi cụ。

Ông phải biết, ta nay muốn đến chỗ Thế Tôn, hãy mau soạn đủ vật cúng dường.

臣言。大王。善哉善哉所須供具一切悉有。

Thần ngôn 。

Vị thần thưa: Đại vương, hay thay hay thay, tất cả vật cúng dường đều đã có đủ.

阿闍世王與其夫人嚴駕車乘一萬二千。

A đồ thế Vương dữ kỳ phu nhân nghiêm giá xa thừa nhất vạn nhị thiên。
Vua A-xà-thế cùng phu nhân lên xe đi, có một vạn hai ngàn người hầu đi theo
殊壯大象其數五萬。一一象上各載三人。
xu tráng Đại tượng kỳ số ngũ vạn。nhất nhất tượng thượng các tải tam nhân。
cùng với năm vạn thốt voi, trên mỗi voi chở ba người
齋持幡蓋花香伎樂種種供具無不備足。
tê trì phiên cái hoa hương kỹ nhạc chủng chủng cung cụ vô bất bị túc。
cùng mang bảo cái hương hoa kỹ nhạc, các thứ cúng dường đầy đủ,
導從馬騎有十八萬。摩伽陀國所有人民尋從王者。
đạo tòng mã kỳ hữu thập bát vạn。ma đà đà quốc sở hữu nhân dân tầm tòng Vương giả。
cùng đi có mười tám vạn kỵ mã. Nhân dân nước Ma-kiệt-đà theo vua đi đến chỗ Phật
其數足滿五十八萬。
kỳ số túc mãn ngũ thập bát vạn。
ấy số đủ đầy đủ năm thập bát vạn 。
có đến năm mươi tám vạn người.
爾時拘尸那城所有大眾滿十二由旬。
nhĩ thời câu thi na thành sở hữu Đại chúng mãn thập nhị do-tuần。
Lúc bấy giờ đại chúng trong thành Câu Thi Na đứng đầy đến mười hai do tuần,
悉皆遙見阿闍世王與其眷屬尋路而來。爾時佛告諸大眾言。
tất giai dao kiến A đồ thế Vương dữ kỳ quyền chúc tầm lộ nhi lai 。nhĩ thời Phật cáo chư
Đại chúng ngôn 。
từ xa đều thấy vua A-xà-thế cùng với quyền thuộc đi đến. Lúc bấy giờ Phật bảo đại chúng
rằng:
一切眾生為阿耨多羅三藐三菩提近因緣者莫先善友。
nhất thiết chúng sanh vi a nậu đa la tam miếu tam Bồ đề cận nhân duyên giả mạc tiên
thiện hữu。
Tất cả chúng sanh vì nhân duyên đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác thì không gì
hơn là gần bạn lành.
何以故。阿闍世王若不隨順耆婆語者。
hà dĩ cố。A đồ thế Vương nhược bất tùy thuận kỳ bà ngữ giả。
Tại vì sao? Vua A-xà-thế nếu không nghe lời Kỳ-bà

來月七日必定命終墮阿鼻獄。

lai nguyệt thất nhật tất định mạng chung đọa A-tì ngục。

thì ngày bảy tháng sau nhất định chết và rơi vào địa ngục A-tỳ,

是故近因莫若善友。阿闍世王。

thị cố cận nhân mạc nhược thiện hữu。A đồ thế Vương 。

cho nên nhân duyên gần thì không gì hơn bạn lành. Vua A-xà-thế

復於前路聞舍婆提毘流離王乘船入海遇火而死。

phục ư tiền lộ văn xá Bà đề ti lưu ly Vương thừa thuyền nhập hải ngộ hỏa nhi tử。

lại đang đi giữa đường nghe kể chuyện vua Xá-bà-đề-tỳ-lưu-ly đi thuyền ra biển gặp lửa mà chết,

瞿伽離比丘生身入地至阿鼻獄。

Cồ dà ly bỉ khâu sanh thân nhập địa chí A-tì ngục。

Tỳ-kheo Cù-già-ly đang sống mà thân vào đến địa ngục A-tỳ ,

須那剎多作種種惡到於佛所眾罪得滅。聞是語已語耆婆言。

tu na sát đa tác chủng chủng ác đáo ư Phật sở chúng tội đắc diệt。văn thị ngữ dĩ ngữ kì bà ngôn 。

trong khoảnh khắc làm các việc ác nhưng khi đến chỗ Phật thì tội tiêu diệt. Vua nghe như vậy rồi liền nói với Kỳ-bà rằng:

吾今雖聞如是二語猶未審定。汝來耆婆。

ngô kim tuy văn như thị nhị ngữ do vị thẩm định 。

Nay ta tuy nghe hai việc như vậy nhưng còn chưa xác định, ông hãy đến đây

吾欲與汝同載一象。設我當入阿鼻地獄。

ngô dục dĩ như đồng tải nhất tượng。thiết ngã đương nhập A-tì Địa-ngục。

ta muốn cùng ông ngồi chung một xe, giả sử ta sẽ rơi vào địa ngục A-tỳ

冀汝捉持不令我墮。何以故。

kí như tróc trì bất lệnh ngã đọa 。

hà dĩ cố。mong ông kéo lại đừng để ta bị đọa. Tại vì sao?

吾昔曾聞得道之人不入地獄。

ngô tích tăng văn đắc đạo chi nhân bất nhập Địa-ngục。

Xưa ta từng nghe người đắc đạo thì không rơi vào địa ngục.

爾時佛告諸大眾言。阿闍世王猶有疑心。

nhĩ thời Phật cáo chư Đại chúng ngôn 。 A đồ thế Vương do hữu nghi tâm。
Lúc bấy giờ Phật bảo đại chúng rằng: Vua A-xà-thế còn có tâm nghi ngờ,
我今當為作決定心。爾時會中有一菩薩。
ngã kim đương vi tác quyết định tâm。 nhĩ thời hội trung hữu nhất Bồ Tát 。
nay ta vì vua mà làm cho tâm quyết định. Lúc bấy giờ trong hội chúng có vị Bồ-tát
名持一切。白佛言。世尊。
danh trì nhất thiết。 bạch Phật ngôn。 Thế tôn 。
tên là Trì Nhất Thiết bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,
如佛先說一切諸法皆無定相所謂色無定相乃至涅槃亦無定相。
như Phật tiên thuyết nhất thiết chư Pháp giai vô định tướng sở vị sắc vô định tướng nãi chí
Niết-Bàn diệc vô định tướng 。
như lời Phật dạy tất cả các pháp đều không có tướng nhất định, đó là sắc không nhất
định, cho đến Niết-bàn cũng không có tướng nhất định,
如來今者云何而言。為阿闍世作決定心。
Như-Lai kim giả vân hà nhi ngôn 。 vi A đồ thế tác quyết định tâm
nay tạo sao Như Lai nói vì vua A-xà-thế mà làm cho tâm quyết định.
佛言。善哉善哉。善男子。
Phật ngôn 。 Thiện tai Thiện tai。 thiện nam tử 。
Phật dạy: Hay thay hay thay, thiện nam tử,
我今定為阿闍世王作決定心。何以故。若王疑心可破壞者。
ngã kim định vi A đồ thế Vương tác quyết định tâm。 hà dĩ cố。 nhược Vương nghi tâm khả
phá hoại giả。
nay ta vì vua A-xà-thế mà làm tâm quyết định, tại vì sao? Nếu vua có tâm nghi ngờ thì có
thể phá hoại,
當知諸法無有定相。
đương tri chư Pháp vô hữu định tướng 。
phải biết các pháp không có tướng nhất định,
是故我為阿闍世王作決定心。當知是心為無決定。善男子。
thị cố ngã vi A đồ thế Vương tác quyết định tâm。 đương tri thị tâm vi vô quyết định。 thiện
nam tử 。

cho nên ta vì vua A-xà-thế mà làm tâm quyết định. Phải biết tâm này là không quyết định .

Thiện nam tử,

若彼王心是決定者。王之逆罪云何可壞。

nhược bĩ Vương tâm thị quyết định giả. Vương chi nghịch tội vân hà khả hoại.

nếu tâm vua là quyết định, thì tội nghịch của vua làm sao có thể phá tan,

以無定相其罪可壞。是故我為阿闍世王作決定心。

dĩ vô định tướng kỳ tội khả hoại. thị cố ngã vi A đồ thế Vương tác quyết định tâm.

do không có tướng quyết định nên tội có thể phá tan, cho nên ta vì vua A-xà-thế mà làm cho tâm quyết định.

爾時大王即到娑羅雙樹間。

nhĩ thời Đại Vương tức đáo sa-la song thụ gian 。

Lúc bấy giờ vua A-xà-thế đến giữa hai cây Sa-la

至於佛所仰瞻如來三十二相八十種好。猶如微妙真金之山。

chí ư Phật sở ngưỡng chiêm Như-Lai tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo 。

do như vi diệu chân kim chi sơn 。

nơi chỗ Phật và chiêm ngưỡng ba tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, thấy như núi vàng vi diệu.

爾時世尊出八種聲告言。大王。

nhĩ thời Thế tôn xuất bát chủng thanh cáo ngôn 。

Đại Vương。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn phát ra tám thứ âm thanh và bảo rằng: Đại vương!

時阿闍世左右顧視此大眾中誰是大王。

thời A đồ thế tả hữu cố thị thử Đại chúng trung thù thị Đại Vương。

Bấy giờ vua A-xà-thế nhìn quanh trong đại chúng xem ai là đại vương, nghĩ rằng:

我既罪戾又無福德。如來不應稱為大王。

ngã ký tội lệ hựu vô phúc đức。 Như-Lai bất ứng xưng vi Đại Vương。

Ta mang tội nhiều lại không có phước đức, Như Lai không nên gọi ta là đại vương,

爾時如來即復喚言。阿闍世大王。

nhĩ thời Như-Lai tức phục hoán ngôn 。

A đồ thế Đại Vương。

lúc bấy giờ Như Lai lại gọi rằng: Đại vương A-xà-thế!

時王聞已心大歡喜即作是言。如來今日顧命語言。

thời Vương vẫn dĩ tâm Đại hoan hỉ tức tác thị ngôn 。 Như-Lai kim nhật cố mạng ngữ
ngôn。

Vua nghe rồi tâm rất vui mừng bèn thưa rằng: Nay Như Lai đã gọi tên con,
真知如來於諸眾生大悲憐愍等無差別。白佛言。世尊。

chân tri Như-Lai ư chư chúng sanh Đại bi liên mẫn đẳng vô sai biệt。 bạch Phật
ngôn。 Thế tôn 。

thật biết Như Lai đối với các chúng sanh có lòng thương xót lớn không phân biệt。 Bạch
Thế Tôn

我今疑心永無遺餘。定知如來真是眾生無上大師。

ngã kim nghi tâm vĩnh vô di dư。 định tri Như-Lai chân thị chúng sanh vô thượng Đại sư。
nay tâm nghi của con không còn, biết chắc chắn Như Lai thật là đấng đại sư Vô Thượng
của chúng sanh,

爾時迦葉菩薩語持一切菩薩言。

nhĩ thời ca diệp Bồ Tát ngữ trì nhất thiết Bồ Tát ngôn 。

Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diệp nói với tất cả Bồ-tát rằng:

如來已為阿闍世王作決定心。爾時阿闍世王即白佛言。

Như-Lai dĩ vi A đồ thế Vương tác quyết định tâm。 nhĩ thời A đồ thế Vương tức bạch Phật
ngôn。

Như Lai đã vì vua A-xà-thế mà làm tâm quán định。 Bấy giờ vua A-xà-thế bạch Phật rằng:
世尊。

Thế tôn 。

Bạch Thế Tôn!

假使我今得與梵王釋提桓因坐起飲食猶不欣悅。得遇如來一言顧命深以欣慶。

giả sử ngã kim đắc dĩ Phạm Vương thích đề hoàn nhân tọa khởi ẩm thực do bất hân
duyệt。 đắc ngộ Như-Lai nhất ngôn cố mạng thâm dĩ hân khánh 。

Giả sử nay con được cùng Phạm vương, Đế thích ngồi chung ăn uống, cũng không vui
bằng được gặp Như Lai, được Như Lai gọi con, rất là sung sướng.

爾時阿闍世王即以所持幡蓋香花伎樂供

nhĩ thời A đồ thế Vương tức dĩ sở trì phiên cái hương hoa kĩ nhạc cung

Bấy giờ vua A-xà-thế liền đem các thứ bảo cái hương hoa, kỹ nhạc dâng lên cúng dường,
養。前禮佛足右邊三匝。

dưỡng 。 tiền lễ Phật túc hữu nhiều tam tạp。
 trước đánh lễ dưới chân Phật rồi đi nhiễu bên phải ba vòng,
 禮敬畢已却坐一面。
 lễ kính tất dĩ khước tọa nhất diện。
 kính lễ xong rồi ngồi qua một bên
 爾時佛告阿闍世王言。大王。
 nhĩ thời Phật cáo A đồ thế Vương ngôn 。 Đại Vương。
 Lúc bấy giờ Phật bảo vua A-xà-thế rằng: Đại vương!
 今當為汝說正法要。汝當一心諦聽諦聽。
 kim đương vi nhữ chánh Pháp yếu 。 nhữ đương nhất tâm đế thính đế thính。
 Nay ta vì ông mà thuyết pháp yếu, ông phải nhất tâm lắng nghe cho kỹ,
 凡夫常當繫心觀身。有二十事。一所謂我此身中空無無漏。
 phàm phu thường đương hệ tâm quán thân 。 hữu nhị thập sự。 nhất sở vị ngã thủ thân
 trung không vô vô lậu。
 phàm phu thường phải buộc tâm quán xét thân gồm có hai mươi loại. Một là trong thân
 của ta là hữu lậu,
 二無諸善根本。三我此生死未得調順。
 nhị vô chư thiện căn bản 。 tam ngã thủ sanh tử vị đắc điều thuận。
 hai là không có các căn lành, ba là ta chưa điều phục được sanh tử,
 四墮墜深坑無處不畏。五以何方便得見佛性。
 tứ đọa trụ thâm khanh vô xử bất úy。 ngũ dĩ hà phương tiện đắc kiến Phật tánh 。
 bốn là rơi xuống hố sâu không có điều gì không sợ hãi, năm là dùng phương tiện gì để
 thấy Phật tánh,
 六云何修定得見佛性。
 lục vân hà tu định đắc kiến Phật tánh 。
 sáu là tu định như thế nào để thấy Phật tánh,
 七生死常苦無常我淨。八八難之難難得遠離。
 thất sanh tử thường khổ vô thường ngã tịnh。 bát bát nan chi nan nan đắc viễn li。
 bảy là khổ, vô thường, vô ngã, bất tịnh, tám là khó xa rời tám nạn,
 九恒為怨家之所追逐。十無有一法能遮諸有。
 cửu hằng vi oán gia chi sở truy trục。 thập vô hữu nhất Pháp năng già chư hữu 。
 cửu hằng vì oán gia chi sở truy trục. thập vô hữu nhất Pháp năng già chư hữu 。

chín là thường bị oan gia bức bách, mười là không có một pháp nào ngăn chặn các hữu lậu,

十一於三惡趣未得解脫。十二具足種種諸惡邪見。

thập nhất ư tam ác thú vị đắc giải thoát 。 thập nhị cụ túc chủng chủng chư ác tà kiến 。
mười một là đối với ba đường ác chưa được giải thoát, mười hai là đầy đủ các ác tà kiến,
十三亦未造立度五逆津。十四生死無際未得其邊。

thập tam diệc vị tạo lập độ ngũ nghịch tân。 thập tứ sanh tử vô tế vị đắc kỳ biên。

mười ba là chưa tạo lập bờ vững chắc để vượt qua tội ngũ nghịch, mười bốn là sanh tử vô cùng tận mà chưa thấy được bờ mé,

十五不作諸業不得果報。

thập ngũ bất tác chư nghiệp bất đắc quả báo 。

mười lăm là không có việc tạo nghiệp mà không có quả báo,

十六無有我作他人受果。十七不作樂因終無樂果。

thập lục vô hữu ngã tác tha nhân thọ quả。 thập thất bất tác lạc nhân chung vô lạc quả。

mười sáu là không có việc ta làm người khác chịu quả báo, mười bảy là không có việc tạo nhân tốt mà không có quả tốt,

十八若有造業果終不失。

thập bát nhược hữu tạo nghiệp quả chung bất thất。

mười tám là nếu có tạo nghiệp thì quả báo trọn không mất,

十九因無明生亦因而死二十去來現在常行放逸。大王。

thập cửu nhân vô minh sanh diệc nhân nhi tử nhị thập khứ lai hiện tại thường hành phóng dật 。

mười chín là do vô minh mà sống cũng do vô minh mà chết, hai mươi là quá khứ vị lai hiện tại thường thực hành phóng dật。 Đại vương,

凡夫之人常於此身當作如是二十種觀。

phàm phu chi nhân thường ư thử thân đương tác như thị nhị thập chủng quán 。

kẻ phàm phu đối với thân này thường quán sát hai mươi thứ như vậy,

作是觀已不樂生死。不樂生死則得正觀。

tác thị quán dĩ bất lạc sanh tử 。

quán sát rồi thì không thích sanh tử, không thích sanh tử thì được chánh quán,

爾時次第觀心生相住相滅相。次第觀心生住滅相。

nhĩ thời thứ đệ quán tâm sanh tướng trụ tướng diệt tướng 。 thứ đệ quán tâm sanh trụ diệt tướng 。

lúc bấy giờ theo thứ lớp quán tướng tâm sanh , tướng trụ, tướng diệt,
定慧進戒亦復如是觀生住滅已。知心相乃至戒相。

định tuệ tiến giới diệt phục như thị quán sanh trụ diệt dĩ. tri tâm tướng nãi chí giới tướng
。

định, huệ, tinh tấn cũng như vậy mà quán sát tướng sanh trụ diệt, biết tâm tướng cho đến
giới tướng,

終不作惡。無有死畏三惡道畏。

chung bất tác ác 。 vô hữu tử úy tam ác đạo úy。

trọn không làm ác, không có sợ về chết, sợ về ba đường ác.

若不繫心觀察如是二十事者。心則放逸無惡不造。

nhược bất hệ tâm quan sát như thị nhị thập sự giả. tâm tắc phóng dật vô ác bất tạo 。

Nếu không buộc tâm quán sát hai mươi việc như vậy thì tâm sẽ phóng dật không điều ác
nào mà không tạo,

阿闍世言。如我解佛所說義者。

A đồ thế ngôn 。 như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa giả。

A-xà-thế thưa: Như con đã hiểu ý nghĩa Phật dạy,

我從昔來初未曾觀是二十事故造眾惡。

ngã tòng tích lai sơ vị tăng quán thị nhị thập sự cố tạo chúng ác 。

từ xưa đến nay con chưa từng quán sát hai mươi việc như vậy cho nên làm các điều ác

造眾惡故則有死畏三惡道畏。世尊。自我招殃造茲重惡。

tạo chúng ác cố tắc hữu tử úy tam ác đạo úy. Thế tôn 。 tự ngã chiêu ương tạo tứ trọng
ác 。

do làm các điều ác nên có sợ chết, sợ ba đường ác. Bạch Thế Tôn, tự con rước lấy tội tạo
việc cực ác này

父王無辜橫加逆害。是二十事設觀不觀。

phụ Vương vô cô hoạnh gia nghịch hại 。

phụ vương là vô tội mà con ngỗ nghịch làm hại, hai mươi việc này quán sát hay không
quán sát

必定當墮阿鼻地獄。佛告大王。

tất định đương đọa A-tì Địa-ngục. Phật cáo Đại Vương.
con cũng nhất định sẽ rơi vào địa ngục A-tỳ. Phật bảo: Đại vương,
一切諸法性相無常無有決定。王云何言必定當墮阿鼻地獄。
nhất thiết chư Pháp tánh tướng vô thường vô hữu quyết định. Vương vân hà ngôn tất
định đương đọa A-tì Địa-ngục。
tất cả tánh tướng của các pháp là vô thường không có nhất định, tại sao Đại vương nói
nhất định rơi và địa ngục A-tỳ
阿闍世王白佛言。世尊。若一切法無定相者。
A đồ thế Vương bạch Phật ngôn. Thế tôn 。nhược nhất thiết Pháp vô định tướng giả。
Vua A-xà-thế bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, tất cả pháp không có tướng nhất định
我之殺罪亦應不定。若殺定者一切諸法則非不定。
ngã chi sát tội diệc ứng bất định 。nhược sát định giả nhất thiết chư Pháp tắc phi bất định
。
thì tội giết của con cũng không nhất định, nếu giết là nhất định thì tất cả các pháp không
phải không nhất định.
佛言。大王。善哉善哉。
Phật ngôn 。 Đại Vương. Thiện tai Thiện tai。
Phật dạy: Đại vương! Hay thay hay thay
諸佛世尊說一切法悉無定相。王復能知殺亦不定。
chư Phật Thế tôn thuyết nhất thiết Pháp tất vô định tướng Vương phục năng tri sát diệc
bất định 。
chư Phật Thế Tôn nói tất cả pháp đều không có tướng nhất định, vua lại có thể biết việc
giết cũng không nhất định,
是故當知殺無定相。大王。如汝所言。先父無辜橫加逆害者。
thị cố đương tri sát vô định tướng 。 Đại Vương. như nhữ sở ngôn 。 tiên phụ vô cô hoành
gia nghịch hại giả。
cho nên phải biết giết là không có tướng nhất định. Đại vương! Như lời ông nói, phụ vương
ông không có tội mà ông ngộ nghịch làm hại,
何者是父。但於假名眾生五陰妄生父想。
hà giả thị phụ 。 đăn ư giả danh chúng sanh ngũ uẩn vọng sanh phụ tưởng。

cái gì gọi là cha? Chỉ là giả danh , năm ấm hoà hợp mà chúng sanh vọng sanh ý tưởng là cha

於十二入十八界中何者是父。

ư thập nhị nhập thập bát giới trung hà giả thị phụ 。

đối với mười hai nhập, mười tám giới thì cái nào gọi là cha,

若色是父四陰應非。若四是父色亦應非。

nhược sắc thị phụ tứ uẩn ứng phi。nhược tứ thị phụ sắc diệc ứng phi。

nếu sắc là cha thì bốn ấm còn lại không phải là cha, nếu bốn ấm là cha thì sắc không phải là cha,

若色非色合為父者無有是處。何以故。色與非色性無合故。

nhược sắc phi sắc hợp vi phụ giả vô hữu thị xử。hà dĩ cố。sắc dĩ phi sắc tánh vô hợp cố。

nếu sắc và phi sắc hợp lại là cha thì không có việc này. Tại vì sao? Sắc và phi sắc tánh không hoà hợp.

大王。凡夫眾生於是色陰妄生父想。

Đại Vương。phàm phu chúng sanh ư thị sắc uẩn vọng sanh phụ tưởng。

Đại vương! Phàm phu chúng sanh đối với sức ấm vọng sanh ý tưởng là cha

如是色陰亦不可害。何以故。色有十種。

như thị sắc uẩn diệc bất khả hại 。

như vậy sắc ấm cũng không thể hại. Tại vì sao? Sắc có mười thứ,

是十種中唯色一種。可見可持可稱可量可牽可縛。

thị thập chủng trung duy sắc nhất chủng 。

trong mười thứ này chỉ có một thứ sắc có thể thấy, có thể nắm, có thể gọi, có thể đo lường, có thể kéo, có thể buộc, 。

雖可見縛其性不住。

tuy khả kiến phược kỳ tánh bất trụ。

tuy có thể thấy cho đến trói buộc mà tánh ấy không trụ,

以不住故不可得見不可捉持不可稱量不可牽縛。色相如是云何可殺。

dĩ bất trụ cố bất khả đắc kiến bất khả tróc trì bất khả xưng lượng bất khả khiên phược 。

do không trụ nên không thể thấy, không thể nắm, không thể đo lường, không thể trói buộc, sắc tướng như vậy làm sao có thể giết.

若色是父可殺可害獲罪報者。餘九應非。

nhược sắc thị phụ khả sát khả hại hoạch tội báo giả。 dư cữu ứng phi。

Nếu sắc là cha có thể giết có thể hại, có được tội báo, thì chín sắc còn lại là không phải, 若九非者則應無罪。大王。色有三種。

nhược cữu phi giả tắc ứng vô tội。 Đại Vương。 sắc hữu tam chủng 。

nếu chín sắc còn lại không phải tức là vô tội。 Đại vương, sắc có ba thứ,

過去未來現在。過去現在則不可害。何以故。

quá khứ vị lai hiện tại。 quá khứ hiện tại tắc bất khả hại 。

đó là quá khứ hiện tại vị lai, quá khứ và hiện thì không thể hại, tại vì sao?

過去過去故。現在念念滅故。遮未來故名之為殺。

quá khứ quá khứ cố。 hiện tại niệm niệm diệt cố。 già vị lai cố danh chi vi sát 。

do quá khứ qua đi, do hiện tại niệm niệm bị diệt, do ngăn chặn vị lai nên gọi đó là giết, 如是一色或有可殺。或不可殺。

như thị nhất sắc hoặc hữu khả sát 。

như vậy một sắc hoặc có thể giết, hoặc không thể giết,

有殺不殺色則不定。若色不定殺亦不定。

hữu sát bất sát sắc tắc bất định。 nhược sắc bất định sát diệt bất định 。

có giết không giết tức sắc không nhất định, nếu sắc không nhất định thì giết cũng không nhất định

殺不定故報亦不定。云何說言定入地獄。大王。

sát bất định cố báo diệt bất định 。

vân hà thuyết ngôn định nhập Địa-ngục。 Đại Vương。 do giết không nhất định cho nên quả báo cũng không nhất định, tại sao nói nhất định đọa địa ngục。 Đại vương!

一切眾生所作罪業凡有二種。一者輕二者重。

nhất thiết chúng sanh sở tác tội nghiệp phạm hữu nhị chủng 。

Tất cả chúng sanh tạo các tội nghiệp gồm có hai thứ. Một là nhẹ hai là nặng,

若心口作則名為輕。身口心作則名為重。大王。

nhược tâm khẩu tác tắc danh vi khinh 。 thân khẩu tâm tác tắc danh vi trọng 。 Đại Vương。

nếu tâm và miệng tạo tác thì gọi đó là nhẹ, còn cả thân miệng tâm cùng tạo thì gọi đó là nặng. Đại vương!

心念口說身不作者所得報輕。大王。

tâm niệm khẩu thuyết thân bất tác giả sở đắc báo khinh 。 Đại Vương。

Tâm nghĩ miệng nói thân không làm thì có quả báo nhẹ. Đại vương!

昔日口不勅殺但言削足。大王。

tích nhật khẩu bất sắc sát đăn ngôn tước túc。 Đại Vương。

Lúc trước miệng vua không ra lệnh giết chỉ nói giam lại. Đại vương!

若勅侍臣立斬王首坐時乃斬猶不得罪。況王不勅云何得罪。

nhược sắc thị Thần lập trảm Vương thủ tọa thời nãi trảm do bất đắc tội。 huống Vương bất sắc vân hà đắc tội。

nếu ra lệnh quần thần lập tức chém đầu vua cha sau đó quần thần chém còn không có tội huống là vua không ra lệnh sao có tội,

王若得罪。諸佛世尊亦應得罪。何以故。

Vương nhược đắc tội。 chư Phật Thế tôn diệc ứng đắc tội。 hà dĩ cố。

nếu vua có tội thì chư Phật Thế Tôn cũng nên có tội, tại vì sao?

汝父先王頻婆娑羅。常於諸佛種諸善根。

nhữ phụ tiên Vương Tần bà sa-la。 thường ư chư Phật chủng chư thiện căn 。

Phụ vương của Đại Vương là Tần Bà Sa-la thường ở nơi chư Phật gieo trồng các căn lành, 是故今日得居王位。諸佛若不受其供養則不為王。

thị cố kim nhật đắc cư Vương vị。 chư Phật nhược bất thọ kỳ cung dưỡng tắc bất vi Vương 。

cho nên hôm nay mới ở địa vị cao quý, nếu chư Phật không thọ nhận sự cúng dường thì không được làm vua

若不為王汝則不得為國生害。

nhược bất vi Vương nhữ tắc bất đắc vi quốc sanh hại 。

nếu không làm vua thì ông không vì ngôi vị mà hại cha, 。

若汝殺父當有罪者。我等諸佛亦應有罪。

nhược nhữ sát phụ đương hữu tội giả。 ngã đẵng chư Phật diệc ứng hữu tội。

nếu ông giết cha có tội thì chư Phật cũng nên có tội.
 若諸佛世尊無有罪者。汝獨云何而得罪耶。大王。
 nhược chư Phật Thế tôn vô hữu tội giả. nhữ độc vân hà nhi đắc tội da. Đại Vương.
 Nếu chư Phật Thế Tôn không có tội thì tại sao riêng ông có tội. Đại vương!
 頻婆娑羅往有惡心。於毘富羅山遊行獵鹿。
 Tần bà sa-la vãng hữu ác tâm. ư tì phú la sơn du hành liệp lộc.
 Vua Tần Bà Sa-la thuở xưa có tâm ác, đi săn bắt nai ở núi Tỳ-phú-la,
 周遍壤野悉無所得。唯見一仙五通具足。
 châu biến khoáng dã tất vô sở đắc. duy kiến nhất tiên ngũ thông cụ túc.
 đi khắp đồng trống mà không săn được con nào, chỉ thấy một vị tiên có đủ năm thứ thần
 thông,
 見已即生瞋恚惡心。我今遊獵所以不得。
 kiến dĩ tức sanh sân khuể ác tâm. ngã kim du liệp sở dĩ bất đắc.
 vua thấy rồi liền sanh tâm nóng giận nghĩ rằng: Ta nay đi săn mà không được mời
 正坐此人驅逐令去。即勅左右而令殺之。
 chánh tọa thử nhân khu trục lệnh khứ. tức sắc tả hữu nhi lệnh sát chi.
 chính là do người này ngồi đây xua đuổi các thú, rồi vua ra lệnh người hầu giết vị tiên ấy,
 其人臨終生瞋惡心退失神通。而作誓言。
 kỳ nhân lâm chung sanh sân ác tâm thối thất Thần thông. nhi tác thệ ngôn.
 người này lúc sắp chết khởi tâm nóng giận nên mất thần thông, bèn thệ nguyện rằng:
 我實無辜汝以心口橫加戮害。
 ngã thật vô cô nhữ dĩ tâm khẩu hoành gia lục hại.
 Ta thật là người vô tội mà ông dùng tâm và miệng giết hại ta,
 我於來世亦當如是還以心口而害於汝。
 ngã ư lai thế diệc đương như thị hoàn dĩ tâm khẩu nhi hại ư nhữ.
 đời sau ta cũng như vậy, dùng tâm và miệng mà giết hại ông.
 時王聞已即生悔心供養死屍是王如是尚得輕受不墮地獄。況王不爾。
 thời Vương văn dĩ tức sanh hối tâm cung dưỡng tử thi thị Vương như thị thượng đắc khinh
 thọ bất đọa Địa-ngục. huống Vương bất nhĩ.
 Bấy giờ vua nghe rồi liền sanh tâm hối hận cúng dường thi thể vị tiên. Vua kia như vậy mà
 còn được tội nhẹ không đọa địa ngục, huống là đại vương

而當地獄受果報耶。先王自作還自受之。

nhi đương Địa-ngục thọ quả báo da. tiên Vương tự tác hoàn tự thọ chi.
mà lại chịu quả báo địa ngục sao. Tiên vương tự làm bây giờ tự chịu quả
云何令王而得殺罪。如王所言父王無辜者。大王。

vân hà lệnh Vương nhi đắc sát tội. như Vương sở ngôn phụ Vương vô cô giả. Đại
Vương。

làm sao mà vua lại có tội giết, như lời vua nói thì phụ vương là vô tội. Đại vương!
云何言無。夫有罪者則有罪報。

vân hà ngôn vô 。 phu hữu tội giả tắc hữu tội báo。

Tại sao nói không, luận rằng người có tội thì có tội báo,
無惡業者則無罪報。汝父先王若無辜罪云何有報。

vô ác nghiệp giả tắc vô tội báo。nhữ phụ tiên Vương nhược vô cô tội vân hà hữu báo。
người không có nghiệp ác thì không có tội báo, phụ vương của ông nếu vô tội thì làm sao
có quả báo,

頻婆娑羅於現世中亦得善果及以惡果。

Tần bà sa-la ư hiện thế trung diệc đắc thiện quả cập dĩ ác quả。

Vua Tần Bà Sa-la trong đời này cũng có quả tốt và cũng có quả xấu,
是故先王亦復不定。以不定故殺亦不定。

thị cố tiên Vương diệc phục bất định。dĩ ất định cố sát diệc bất định 。

cho nên tiên vương cũng là không nhất định, do không nhất định nên sự giết hại cũng
không nhất định,

殺不定故云何而言定入地獄。

sát bất định cố vân hà nhi ngôn định nhập Địa-ngục。

giết đã không nhất định thì sao nói nhất định rơi vào địa ngục.

大王。眾生狂惑凡有四種。一者貪狂。

Đại Vương。 chúng sanh cuồng hoặc phạm hữu tứ chủng 。 nhất giả tham cuồng。

Đại vương! Chúng sanh mê muội gồm có bốn loại: Một là mê muội về tham,

二者藥狂。三者呪狂。四者本業緣狂。大王。

nhị giả dục cuồng。 tam giả chú cuồng。 tứ giả bốn nghiệp duyên cuồng。 Đại Vương。

hai là mê muội về thuốc, ba là mê muội về chú thuật, bốn là mê muội về nghiệp duyên
của mình. Đại vương!

我弟子中有是四狂。雖多作惡。我終不記是人犯戒。

ngã đê-tử trung hữu thị tứ cuồng. tuy đa tác ác. ngã chung bất kí thị nhân phạm giới.

Trong đê tử của ta có bốn loại cuồng này, tuy phần nhiều làm ác mà ta trọn không nói người này là phạm giới,

是人所作不至三惡。若還得心亦不言犯。

thị nhân sở tác bất chí tam ác. nhược hoàn đắc tâm diệc bất ngôn phạm.

người này tạo tác không đến ba đường ác, nếu được trở lại cũng không nói phạm.

王本貪國逆害父王。貪狂心作云何得罪。大王。

Vương bản tham quốc nghịch hại phụ Vương. tham cuồng tâm tác vân hà đắc tội. Đại Vương.

Đại vương vốn tham đất nước mà ngỗ nghịch hại vua cha, tâm mê muội về tham làm sao có tội? Đại vương!

如人酒醉逆害其母。既醒寤已心生悔恨。

như nhân tửu túy nghịch hại kỳ mẫu. ký tỉnh ngộ dĩ tâm sanh hối hận.

như người say rượu ngỗ nghịch hại mẹ mình, khi tỉnh ngộ rồi thì sanh tâm hối hận,

當知是業亦不得報。王今貪醉非本心作。

đương tri thị nghiệp diệc bất đắc báo. Vương kim tham túy phi bản tâm tác.

phải biết nghiệp này cũng không có quả báo. Nay đại vương vì tham lam cho nên mê muội, vốn không phải do tâm tạo tác,

若非本心云何得罪。

nhược phi bản tâm vân hà đắc tội.

Nếu vốn không phải do tâm tạo tác thì sao có tội?

大王譬如幻師四衢道頭幻作種種男女象馬瓔珞衣服。

Đại Vương thí như huyễn sư tứ cù đạo đầu huyễn tác chủng chủng nam nữ tượng mã anh lạc y phục.

Đại vương! Thí như nhà ảo thuật ở nơi ngã tư đường mà biến hoá ra người nam, nữ, voi, ngựa, chuỗi anh lạc, y phục,

愚癡之人謂為真實。有智之人知非真有。殺亦如是。

ngu si chi nhân vị vi chân thật. hữu trí chi nhân tri phi chân hữu. sát diệc như thị.

người ngu si thấy bèn cho đó là thật, người có trí biết không phải có thật. Sự giết cũng như vậy,

凡夫謂實。諸佛世尊知其非真。大王。

phàm phu vị thật. chư Phật Thế tôn tri kỳ phi chân Đại Vương.

phàm phu cho rằng đó là thật, chư Phật Thế Tôn biết việc ấy không phải là thật. Đại vương!

譬如山間響聲。愚癡之人謂之實聲。

thí như sơn gian hưởng thanh. ngu si chi nhân vị chi thật thanh.

Thí như giữa núi có tiếng vọng, người ngu cho rằng đó là âm thanh thật,

有智之人知其非真。殺亦如是。凡夫謂實。

hữu trí chi nhân tri kỳ phi chân. sát diệc như thị. phàm phu vị thật.

người trí biết tiếng vọng không phải là thật. Sự giết cũng như vậy, phàm phu cho rằng đó là thật,

諸佛世尊知其非真。大王。如人有怨詐來親附。

chư Phật Thế tôn tri kỳ phi chân. Đại Vương. như nhân hữu oán trá lai thân phụ.

chư Phật Thế Tôn biết không phải là thật. Đại vương! Như người có oán thù giả dối đến làm thân

愚癡之人謂為實親。智者了達乃知虛詐。殺亦如是。

ngu si chi nhân vị vi thật thân. trí giả liễu đạt nãi tri hư trá. sát diệc như thị.

người ngu cho rằng đó là bạn thân, người trí hiểu rõ đó là dối trá. Sự giết cũng như vậy, 凡夫謂實。諸佛世尊知其非真。大王。

phàm phu vị thật. chư Phật Thế tôn tri kỳ phi chân. Đại Vương.

phàm phu cho rằng là thật, chư Phật Thế Tôn biết không phải thật. Đại vương!

如人執鏡自見面像。愚癡之人謂為真面。

như nhân chấp kính tự kiến diện tượng. ngu si chi nhân vị vi chân diện.

Như người cầm gương tự thấy diện mạo của mình, người ngu cho rằng đó là mặt thật,

智者了達知其非真。殺亦如是。凡夫謂實。

trí giả liễu đạt tri kỳ phi chân. sát diệc như thị. phàm phu vị thật.

người trí hiểu rõ mặt ấy không phải là thật. Sự giết cũng vậy, phàm phu cho rằng đó là thật

諸佛世尊知其非真。大王。如熱時炎。

chư Phật Thế tôn tri kỳ phi chân. Đại Vương. như nhiệt thời viêm.

chư Phật Thế Tôn biết không phải là thật. Đại vương! Như lúc nóng thì bốc cháy,

愚癡之人謂之是水。智者了達知其非水。殺亦如是。

ngu si chi nhân vị chi thị thủy。 trí giả liễu đạt tri kỳ phi thủy。 sát diệc như thị。

người ngu cho rằng đó là nước, người trí hiểu rõ đó không phải là nước. Sự giết cũng như vậy,

凡夫謂實諸佛世尊知其非真。大王。如乾闥婆城。

phàm phu vị thật chư Phật Thế tôn tri kỳ phi chân。 Đại Vương。 như Càn thát bà thành。

phàm phu cho rằng đó là thật, chư Phật Thế Tôn biết không phải thật. Đại vương! Như thành Càn-thát-bà

愚癡之人謂為真實。智者了達知其非真。

ngu si chi nhân vị vi chân thật。 trí giả liễu đạt tri kỳ phi chân。

người ngu cho rằng đó là thật, người trí hiểu rõ biết thành ấy không phải thật.

殺亦如是。凡夫謂實。諸佛世尊知其非真。大王。

sát diệc như thị。 phàm phu vị thật。 chư Phật Thế tôn tri kỳ phi chân。 Đại Vương。

Sự giết cũng như vậy, phàm phu cho rằng đó là thật chư Phật Thế Tôn biết không phải là thật. Đại vương!

如人夢中受五欲樂。愚癡之人謂之為實。

như nhân mộng trung thọ ngũ dục lạc。 ngu si chi nhân vị chi vi thật。

Như người nằm mộng thấy thọ năm thứ dục lạc, người ngu cho rằng đó là thật,

智者了達知其非真。殺亦如是。凡夫謂實。

trí giả liễu đạt tri kỳ phi chân。 sát diệc như thị。 phàm phu vị thật。

người trí hiểu rõ biết không phải thật. Sự giết cũng như vậy, phàm phu cho rằng đó là thật, 諸佛世尊知其非真。大王。

chư Phật Thế tôn tri kỳ phi chân。 Đại Vương。

chư Phật Thế Tôn biết không phải thật. Đại vương!

殺法殺業殺者殺果及以解脫。我皆了之則無有罪。王雖知殺。

sát Pháp sát nghiệp sát giả sát quả cập dĩ giải thoát。 ngã giai liễu chi tắc vô hữu tội。 Vương tuy tri sát。

pháp giết, nghiệp giết, quả giết, cho đến giải thoát Ta đều hiểu rõ không có tội. Vua tuy biết là giết,

云何有罪。大王。譬如有人主知典酒。

vân hà hữu tội。 Đại Vương。 thí như hữu nhân chủ tri điển tửu。

nhưng làm sao có tội. Đại vương! Thí như có người chủ biết các cách thức uống rượu
如其不飲則亦不醉。雖復知火亦不燒然。

như kỳ bất ẩm tắc diệc bất túy。tuy phục tri hỏa diệc bất thiêu nhiên。
cho nên không uống tức cũng không say, tuy biết có lửa cũng không thiêu đốt,
王亦如是雖復知殺云何有罪。大王。

Vương diệc như thị tuy phục tri sát vân hà hữu tội。Đại Vương。
vua cũng như vậy, tuy biết giết nhưng làm sao có tội. Đại vương!
有諸眾生於日出時作種種罪。於月出時復行劫盜。

hữu chư chúng sanh ư nhật xuất thời tác chủng chủng tội。ư nguyệt xuất thời phục hành
kiếp đạo。

Có các chúng sanh vào lúc mặt trời mọc thì tạo các tội, lúc mặt trăng xuất hiện thì đi trộm
cướp,

日月不出則不作罪。雖因日月令其作罪。

nhật nguyệt bất xuất tắc bất tác tội。tuy nhân nhật nguyệt lệnh kỳ tác tội。

khi không có mặt trời mặt trăng thì không tạo tội, tuy do mặt trời mặt trăng khiến họ tạo tội,
然此日月實不得罪。殺亦如是。雖復因王王實無罪。大王。

nhiên thử nhật nguyệt thật bất đắc tội。sát diệc như thị。tuy phục nhân Vương Vương
thật vô tội。Đại Vương。

nhưng mặt trời mặt trăng thật không có tội. Sự giết cũng như vậy, tuy là do vua mà vua
thật không có tội. Đại vương!

如王宮中常勅屠羊心初無懼。

như Vương cung trung thường sắc đồ dương tâm sơ vô cụ。

Như trong cung vua thường ra lệnh giết mổ dê mà tâm ban đầu không sợ hãi,

云何於父獨生懼心。雖復人畜尊卑差別。

vân hà ư phụ độc sanh cụ tâm。tuy phục nhân súc tôn ti sai biệt。

tại sao đối với vua cha lại sanh tâm sợ hãi. Tuy người và vật cao thấp có sai khác

寶命畏死二俱無異。何故於羊心輕無懼。於父先王生重憂苦。

bảo mạng úy tử nhị câu vô dị。hà cố ư dương tâm khinh vô cụ。ư phụ tiên Vương sanh
trọng ưu khổ

nhưng về giữ tánh mạng, sợ chết thì cả hai đều không khác, tại sao đối với dê thì tâm
không sợ mà đối với vua cha vua lại sanh tâm sầu khổ.

大王。世間之人是愛僮僕不得自在。

Đại Vương. thế gian chi nhân thị ái đồng bộc bất đắc tự-tại

Đại vương! Người ở thế gian thương mến đầy tớ mà không được tự tại,
為愛所使而行殺害。設有果報乃是愛罪。

vi ái sở sử nhi hành sát hại 。 thiết hữu quả báo nãi thị ái tội。

vì sự thương mến sai khiến mà làm việc giết hại, giả sử có quả báo thì chính là tội thương
mến,

王不自在當有何咎。大王。

Vương bất tự-tại đương hữu hà cữu 。 Đại Vương。

nay vua thấy không tự tại làm sao có lỗi. Đại vương!

譬如涅槃非有非無而亦是。殺亦如是。雖非有非無而亦是。

thí như Niết-Bàn phi hữu phi vô nhi diệc thị hữu 。 sát diệc như thị。 tuy phi hữu phi vô nhi
diệc thị hữu 。

Thí như Niết-bàn chẳng có chẳng không mà cũng là có, sự giết cũng như vậy, tuy chẳng
có chẳng không mà cũng là có,

慚愧之人則為非有。無慚愧者則為非無。

tàm quý chi nhân tắc vi phi hữu 。 vô tàm quý giả tắc vi phi vô 。

người có tâm xấu hổ thì không có, người không có tâm xấu hổ thì không phải không,
受果報者名之為有。空見之人則為非有。

thọ quả báo giả danh chi vi hữu 。 không kiến chi nhân tắc vi phi hữu 。

người thọ quả báo gọi đó là có, người không thấy thì đó là không có,

有見之人則為非無。有有見者亦名為有。何以故。

hữu kiến chi nhân tắc vi phi vô。 hữu hữu kiến giả diệc danh vi hữu。 hà dĩ cố。

người có thấy thì đó không phải không, có sự có thấy cũng gọi là có. Tại vì sao?

有有見者得果報故。無有見者則無果報。

hữu hữu kiến giả đắc quả báo cố。 vô hữu kiến giả tắc vô quả báo 。

Do có sự có thấy thì có quả báo, không có sự có thấy thì không có quả báo, 。

常見之人則為非有。無常見者則為非無。

thường kiến chi nhân tắc vi phi hữu。 vô thường kiến giả tắc vi phi vô。

người thường thấy thì không có, người không thường thấy thì không phải không,

常常見者不得為無。何以故。

thường thường kiến giả bất đắc vi vô. hà dĩ cố.

thường thường thấy thì không phải là không. Tại vì sao?

常常見者有惡業果故。是故常常見者不得為無。

thường thường kiến giả hữu ác nghiệp quả cố. thị cố thường thường kiến giả bất đắc vi vô。

do thường thường thấy thì có nghiệp quả ác, cho nên thường thường thấy thì không phải là không,

以是義故雖非有無而亦是。大王。夫眾生者名出入息。

dĩ thị nghĩa cố tuy phi hữu vô nhi diệc thị hữu。Đại Vương. phu chúng sanh giả danh xuất nhập tức。

do nghĩa này tuy không có mà cũng là có. Đại vương! luận rằng chúng sanh thì gọi là hơi thở ra vào,

斷出入息故名為殺。諸佛隨俗亦說為殺。

大王。色是無常。色之因緣亦是無常。

Đại Vương. sắc thị vô thường。sắc chi nhân duyên diệc thị vô thường。

Đại vương! sắc là vô thường, nhân duyên của sắc cũng là vô thường,

從無常因生色云何常。乃至識是無常。

tòng vô thường nhân sanh sắc vân hà thường。nãi chí thức thị vô thường。

từ nhân vô thường sanh sắc thì làm sao gọi là thường, cho đến thức là vô thường,

識之因緣亦是無常。從無常因生識云何常。

đoạn xuất nhập tức cố danh vi sát。chư Phật tùy tục diệc thuyết vi sát。

làm đoạn dứt hơi thở ra vào cho nên gọi là giết, chư Phật tùy theo thế tục cũng nói là giết.

thức chi nhân duyên diệc thị vô thường。tòng vô thường nhân sanh thức vân hà thường。

nhân duyên của thức cũng là vô thường, từ nhân vô thường sanh ra thức thì làm sao gọi là thường.

以無常故苦。以苦故空。以空故無我。

dĩ vô thường cố khổ。dĩ khổ cố không。dĩ không cố vô ngã。

do vô thường cho nên khổ, do khổ cho nên là không, do không cho nên vô ngã,

若是無常苦空無我為何所殺。殺無常者得常涅槃。

nhược thị vô thường khổ không vô ngã vi hà sở sát 。 sát vô thường giả đắc thường Niết-Bàn。

nếu vô thường, khổ, không, vô ngã thì sao gọi là giết, giết vô thường đắc thường niết bàn, 殺苦得樂殺空得實。殺於無我而得真我。大王。

sát khổ đắc lạc sát không đắc thật。 sát ư vô ngã nhi đắc chân ngã。 Đại Vương。
giết khổ đắc lạc, giết không đắc thật, đối với vô ngã mà giết thì đắc chơn ngã. Đại vương!
若殺無常苦空無我者則與我同。

nhược sát vô thường khổ không vô ngã giả tắc dữ ngã đồng。

Nếu giết là vô thường, khổ, không, vô ngã thì cùng với ngã đồng nhau,
我亦殺於無常苦空無我不入地獄。汝云何入。

ngã diệc sát ư vô thường khổ không vô ngã bất nhập Địa-ngục。 nhữ vân hà nhập。
ngã cũng giết vô thường khổ không vô ngã không vào địa ngục, sao ông lại vào?
爾時阿闍世王。如佛所說觀色乃至觀識。

nhĩ thời A đồ thế Vương 。 như Phật sở thuyết quán sắc nãi chí quán thức。

Lúc bấy giờ vua A-xà-thế theo lời Phật dạy mà quán sát sắc cho đến quán sát thức,
作是觀已即白佛言。世尊。

tác thị quán dĩ tức bạch Phật ngôn。 Thế tôn 。

quán sát rồi liền bạch Phật rằng. Bạch Thế Tôn!

我今始知色是無常乃至識是無常。

ngã kim thủy tri sắc thị vô thường nãi chí thức thị vô thường 。

Nay con mới biết sắc là vô thường, cho đến thức là vô thường,

我本若能如是知者則不作罪。世尊。

ngã bổn nhược năng như thị tri giả tắc bất tác tội。 Thế tôn 。

khi trước nếu con có thể biết như vậy thì không tạo tội. Bạch Thế Tôn!

我昔曾聞諸佛世尊常為眾生而作父母。雖聞是語猶未審定。今則定知。

ngã tích tăng văn chư Phật Thế tôn thường vi chúng sanh nhi tác phụ mẫu。 tuy văn thị
ngữ do vị thẩm định 。

Thuở xưa con từng nghe chư Phật Thế Tôn thường vì chúng sanh mà làm bậc cha mẹ,
tuy nghe lời này mà chưa tin chắc, nay thì đã biết rõ ràng.

世尊。我亦曾聞須彌山王四寶所成。

Thế tôn 。

Bạch Thế tôn! Con cũng từng nghe vua núi Tu di là do bốn thứ báu tạo thành,
 所謂金銀琉璃頗梨。若有眾鳥隨所集處則同其色。
 sở vị kim ngân lưu ly pha-lê. nhược hữu chúng điểu tùy sở tập xử tắc đồng kỳ sắc.
 đó là: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, nếu có các loài chim đến tùy theo chỗ đậu thì có chung
 màu sắc như núi,
 雖聞是言亦不審定。
 tuy văn thị ngôn diệc bất thẩm định 。
 tuy con nghe nói như vậy mà cũng không tin hẳn.
 我今來至佛須彌山則與同色。與同色者則知諸法無常苦空無我。
 ngã kim lai chí Phật Tu-Di sơn tắc dĩ đồng sắc. dĩ đồng sắc giả tắc tri chư Pháp vô
 thường khổ không vô ngã.
 Nay con đến núi Tu di Phật thì có cùng màu sắc, do cùng màu sắc nên biết các pháp là
 vô thường, khổ, không, vô ngã.
 世尊。我見世間從茅蘭子生茅蘭樹。
 Thế tôn 。 ngã kiến thế gian tòng duật lan tử sanh duật lan thụ。
 Bạch Thế Tôn! Con thấy trên thế gian hạt giống hoa lan sanh ra cây hoa lan,
 不見茅蘭生栴檀樹。
 bất kiến duật lan sanh chiên đàn thụ。
 không thấy hạt giống hoa lan mà sanh ra cây chiên đàn,
 我今始見從茅蘭子生栴檀樹。茅蘭子者我身是也。
 ngã kim thủy kiến tòng duật lan tử sanh chiên đàn thụ. duật lan tử giả ngã thân thị dã 。
 nay con mới thấy từ hạt giống hoa lan sanh ra cây chiên đàn. Hạt giống hoa lan là thân
 con ,
 栴檀樹者即是我心無根信也。無根者。我初不知恭敬如來。
 chiên đàn thụ giả tức thị ngã tâm vô căn tín dã 。 vô căn giả. ngã sơ bất tri cung kính
 Như-Lai。
 cây chiên đàn tức là tâm con không có căn tin, do không có căn ấy nên ban đầu không
 biết cung kính Như Lai,
 不信法僧。是名無根。世尊。
 bất tín Pháp tăng. thị danh vô căn 。 Thế tôn 。
 không tin Pháp Tăng, đó gọi là vô căn. Bạch Thế Tôn!

我若不遇如來世尊。

ngã nhược bất ngộ như lai thế tôn。

Nếu con không gặp Thế Tôn Như Lai

當於無量阿僧祇劫在大地獄受無量苦。我今見佛以是見佛所得功德。

đương ư vô lượng a tăng kì kiếp tại Đại địa ngục thọ vô lượng khổ。ngã kim kiến Phật dĩ thị kiến Phật sở đắc công đức。

thì sẽ ở nơi địa ngục chịu vô lượng khổ trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp. Nay con được gặp Phật, do thấy Phật mà có được công đức,

破壞眾生所有一切煩惱惡心。

phá hoại chúng sanh sở hữu nhất thiết phiền não ác tâm。

có thể phá tan tất cả ác tâm phiền não của các chúng sanh.

佛言。大王。善哉善哉。

Phật ngôn。Đại Vương。Thiện tai Thiện tai。

Phật dạy: Đại vương! Hay thay, hay thay,

我今知汝必能破壞眾生惡心。世尊。

ngã kim tri nhữ tất năng phá hoại chúng sanh ác tâm。Thế tôn 。

nay ta biết ông chắc chắn có thể phá tan các tâm ác của chúng sanh. Bạch Thế Tôn!

若我審能破壞眾生諸惡心者。使我常在阿鼻地獄。

nhược ngã thẩm năng phá hoại chúng sanh chư ác tâm giả。sử ngã thường tại A-tì Địa-ngục。

nếu con chắc chắn có thể phá hoại các tâm ác của chúng sanh, dù con ở địa ngục A-tỳ, 無量劫中為諸眾生受大苦惱不以為苦。

vô lượng kiếp trung vì chư chúng sanh thọ Đại khổ não bất dĩ vi khổ。

vì chúng sanh mà chịu khổ não lớn trong vô lượng kiếp cũng không lấy đó làm khổ。

爾時摩伽陀國無量人民悉發阿耨多羅三藐三菩提心。

nhĩ thời ma đà đà quốc vô lượng nhân dân tất phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm。

Lúc bấy giờ có vô lượng nhân dân trong nước Ma-kiệt-đà đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

以如是等無量人民發大心故。

dĩ như thị đẳng vô lượng nhân dân phát Đại tâm cố。

Do vô lượng nhân dân phát tâm rộng lớn như vậy

阿闍世王所有重罪即得微薄。

A đồ thế Vương sở hữu trọng tội tức đắc vi bạc 。

nên tội nặng của vua A-xà-thế liền được giảm nhẹ,

王及夫人後宮嫒女悉皆同發阿耨多羅三藐三菩提心。

Vương cập phu nhân hậu cung 嫒 nữ tất giai đồng phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm。

Vua cùng phu nhân, tất cả người hầu đều cùng phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

爾時阿闍世王語耆婆言。耆婆。

nhĩ thời A đồ thế Vương ngữ kì bà ngôn 。

Lúc bấy giờ vua A-xà-thế nói với Kỳ-bà rằng: Kỳ-bà!

我今未死已得天身捨於短命而得長命。捨無常身而得常身。

ngã kim vị tử dĩ đắc Thiên thân xả ư đoản mạng nhi đắc trường mạng。xả vô thường thân nhi đắc thường thân 。

Nay ta chưa chết mà đã được thân trời người, xả bỏ đoản mạng mà được trường thọ, xả bỏ vô thường mà được thân thường,

令諸眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。即是天身長命常身。

lệnh chư chúng sanh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm。tức thị Thiên thân trường mạng thường thân 。

khiến các chúng sanh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là thân người trời, là trường thọ, là thường thân,

即是一切諸佛弟子。

tức thị nhất thiết chư Phật đệ-tử。

tất là đệ tử của tất cả chư Phật.

說是語已即以種種寶幢幡蓋香花瓔珞微妙伎樂而供養佛。

thuyết thị ngữ dĩ tức dĩ chủng chủng bảo tràng phiên cái hương hoa anh lạc vi diệu kĩ nhạc nhi cung dưỡng Phật。

nói xong liền dùng các thứ tràng phan bảo cái các hương hoa anh lạc kĩ nhạc vi diệu mà cúng dường Phật,

復以偈頌而讚歎言。

phục dĩ kệ tụng nhi tán thán ngôn 。

lại dùng bài kệ khen ngợi rằng:

實語甚微妙 善巧於句義

Thật ngữ thậm vi diệu Thiện xảo ư cú nghĩa

Thật ngữ rất vi diệu Khéo léo ở câu nghĩa

甚深祕密藏 為眾故顯示

Thậm thâm bí mật tạng Vi chúng cố hiển thị

Tạng bí mật thâm sâu Vi chúng sanh hiển bày

所有廣博言 為眾故略說

sở hữu quảng bác ngôn vi chúng cố lược thuyết

Lời nói rất rộng lớn Vi chúng sanh lược nói

具足如是言 善能療眾生

cụ túc như thị ngôn Thiện năng liệu chúng sanh

Đầy đủ lời như vậy Khéo trị bệnh chúng sanh

若有諸眾生 得聞是語者

Nhược hữu chư chúng sanh Đắc văn thị ngữ giả

Nếu có các chúng sanh Được nghe những lời này

若信及不信 定知是佛說

Nhược tín cập bất tín Định tri thị Phật thuyết

Hoặc tin hoặc không tin Nhất định biết Phật nói

諸佛常軟語 為眾故說

Chư Phật thường nhuãn ngữ Vi chúng cố thuyết thô

Lời chư Phật nhỏ nhẹ Vi chúng sanh nói thô

麤語及軟語 皆歸第一義

thô ngữ cập nhuãn ngữ giai quy đệ nhất nghĩa

Lời thô và lời nhẹ Đều là đệ nhất nghĩa

是故我今者 歸依於世尊

thị cố ngã kim giả quy y ư Thế tôn

Vi thế nên nay con Quy y đấng Thế Tôn

如來語一味 猶如大海水

Như-Lai ngữ nhất vị do như Đại hải thủy

Lời Phật là một vị Là nước trong biển lớn

是名第一諦 故無無義語
 thị danh đệ nhất đế cố vô vô nghĩa ngữ
 Đó là đệ nhất đế Không có lời vô nghĩa
 如來今所說 種種無量法
 Như-Lai kim sở thuyết chủng chủng vô lượng Pháp
 Nay lời Như Lai dạy Là vô lượng các pháp
 男女大小聞 同獲第一義
 Nam nữ đại tiểu văn đồng hoạch đệ nhất nghĩa
 Nam nữ lớn nhỏ nghe Đều được đệ nhất nghĩa
 無因亦無果 無生及無滅
 vô nhân diệc vô quả vô sanh cập vô diệt
 Không nhân cũng không quả Không sanh và không diệt
 是名大涅槃 聞者破諸果
 thị danh Đại Niết-Bàn văn giả phá chư quả
 Đó là đại Niết bàn Nghe rồi phá các quả
 如來為一切 常作慈父母
 Như-Lai vi nhất thiết thường tác Tử Phụ mẫu
 Như lai vì tất cả Thường làm cha mẹ hiền
 當知諸眾生 皆是如來子
 đương tri chư chúng sanh giai thị Như-Lai tử
 Phải biết các chúng sanh Đều là con của Phật
 世尊大慈悲 為眾故苦行
 Thế tôn Đại từ bi vì chúng cố khổ hành
 Thế Tôn đại từ bi Vì chúng sanh hành khổ
 如人著鬼魅 狂亂多所作
 như nhân trú quỷ mị cường loạn đa sở tác
 Như người gặp quỷ mị Cường loạn làm nhiều việc
 我今得見佛 所得三業善
 ngã kim đắc kiến Phật sở đắc tam nghiệp thiện
 Nay con được gặp Phật Ba nghiệp được thuần thiện
 願以此功德 迴向無上道
 nguyện dĩ công đức hồi hướng vô thượng đạo

nguyện dĩ thử công đức hồi hướng vô thượng đạo
 Nguyện đem công đức này Hồi hướng đạo vô thượng
 我今所供養 佛法及眾僧
 ngã kim sở cung dưỡng Phật Pháp cập chúng tăng
 Nay con xin cúng dường Phật pháp và chúng tăng
 願以此功德 三寶常在世
 nguyện dĩ thử công đức Tam Bảo thường tại thế
 Nguyện nhờ công đức này Tam Bảo thường trụ thế
 我今所當得 種種諸功德
 ngã kim sở đưong đắc chủng chủng chư công đức
 Con nay đã có được Các thứ công đức tốt
 願以此破壞 眾生四種魔
 nguyện dĩ thử phá hoại chúng sanh tứ chủng ma
 Nguyện do đây phá tan Bốn ma của chúng sanh
 我遇惡知識 造作三世罪
 ngã ngộ ác tri thức tạo tác tam thế tội
 Con gặp ác tri thức Tạo tác tội ba đời
 今於佛前悔 願後更莫造
 kim ư Phật tiền hối nguyện hậu canh mạc tạo
 Nay trước Phật hồi hướng Nguyện sau không còn phạm
 願諸眾生等 悉發菩提心
 nguyện chư chúng sanh đấng tất phát bồ đề tâm
 Nguyện cho các chúng sanh Đều phát tâm Bồ đề
 繫心常思念 十方一切佛
 hệ tâm thường tư niệm thập phương nhất thiết Phật
 Buộc tâm thường suy nghĩ Tất cả Phật mười phương
 復願諸眾生 永破諸煩惱
 phục nguyện chư chúng sanh vĩnh phá chư phiền não
 Nguyện cho các chúng sanh Phá hết các phiền não
 了了見佛性 猶如妙德等
 liễu liễu kiến Phật tánh do như diệu đức đấng

Rõ ràng thấy Phật tánh Giống như đức vi diệu.

爾時世尊讚阿闍世王。善哉善哉。

nhĩ thời Thế tôn tán A đồ thế Vương 。 Thiện tai Thiện tai。

Lúc bấy giờ Thế Tôn khen vua A-xà-thế rằng:

若有人能發菩提心。當知是人則為莊嚴諸佛大眾。

nhược hữu nhân năng phát bồ đề tâm。 đương tri thị nhân tác vi trang nghiêm chư Phật
Đại chúng。

Nếu có người phát tâm Bồ đề, phải biết người này đã làm trang nghiêm chư Phật đại
chúng.

大王。

Đại Vương。

Đại vương!

汝昔已於毘婆尸佛初發阿耨多羅三藐三菩提心。從是已來至我出世。

nhữ tích dĩ ư ti bà thi Phật sơ phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm。 tòng thị dĩ lai chí
ngã xuất thế 。

thuở xưa ông đã từng ở nơi Phật Tỳ-bà-thi mà phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh
Giác, từ lúc ấy cho đến khi ta ra đời,

於其中間未曾墮於地獄受苦。大王當知。

ư kỳ trung gian vị tằng đọa ư Địa-ngục thọ khổ。 Đại Vương đương tri。

ở trong thời gian đó ông chưa từng đọa địa ngục chịu khổ。 Đại vương phải biết
菩提之心乃有如是無量果報。大王。

bồ đề chi tâm nãi hữu như thị vô lượng quả báo 。

Đại Vương。

從今已往常當勤修菩提之心。何以故。

tòng kim dĩ vãng thường đương tinh cần tu bồ đề chi tâm。 hà dĩ cố。

Từ nay ông đã trụ tâm Bồ-đề thì phải thường siêng năng tu tâm, tại vì sao, 。

從是因緣當得消滅無量惡故。爾時阿闍世王。

tòng thị nhân duyên đương đắc tiêu diệt vô lượng ác cố。 nhĩ thời A đồ thế Vương 。

do nhân duyên này sẽ được tiêu trừ vô lượng điều ác。 Lúc bấy giờ vua A-xà-thế

及摩伽陀舉國人民從座而起繞佛三匝辭退還宮。

cập ma đà đà cử quốc nhân dân tòng tọa nhi khởi nhiều Phật tam tạp từ thối hoàn cung。

và nhân dân nước Ma-kiệt-đà liền từ chỗ ngồi đứng dậy nhiều quanh Phật ba vòng rồi trở về cung.

天行品者如雜花說。

Thiên hành phẩm giả như tạp hoa thuyết 。

Phẩm Thiên Hành Giả Như Tạp Hoa Thuyết.

大般涅槃經嬰兒行品第九

Đại bát Niết bàn Kinh anh nhi hành phẩm đệ cửu

Kinh Đại Niết-bàn phẩm thứ chín: Anh Nhi Hạnh.

善男子。云何名嬰兒行。善男子。

thiện nam tử 。

Thiện nam tử! Thế nào gọi là Anh nhi hạnh? Thiện nam tử.

不能起住來去語言。是名嬰兒。如來亦爾不能起者。

bất năng khởi trụ lai khứ ngữ ngôn. thị danh anh nhi Như-Lai diệt nhĩ bất năng khởi giả。

Không thể khởi trụ, đến, đi, nói năng đó gọi là Anh nhi hạnh. Như Lai cũng như vậy không thể khởi,

如來終不起諸法相。不能住者。

Như-Lai chung bất khởi chư Pháp tướng 。

Như Lai trọn không khởi các pháp tướng. Không thể trụ,

如來不著一切諸法。不能來者。如來身行無有動搖。

Như-Lai bất trú nhất thiết chư Pháp 。

là Như Lai không nắm tất cả pháp. không thể đến, là thân Như Lai đi không có dao động.

不能去者。如來已到大般涅槃。不能語者。

bất năng khứ giả. Như-Lai dĩ đáo Đại bát Niết bàn 。

chẳng năng đi. Như-Lai xong đến nơi Đại bát Niết bàn 。

không thể đi là Như Lai đã đến Đại-bát-niết-bàn. Không thể nói

如來雖為一切眾生演說諸法實無所說。

Như-Lai tuy vì nhất thiết chúng sanh diễn thuyết chư Pháp thật vô sở thuyết。

là Như Lai tuy vì tất cả chúng sanh diễn nói các pháp mà thật không có chỗ nói.

何以故。有所說者名有為法。

hà dĩ cố. hữu sở thuyết giả danh hữu vi Pháp。

Tại vì sao? Có chỗ nói gọi là pháp hữu vi,

如來世尊非是有為是故無說。又無語者猶如嬰兒。語言未了。

như lai thế tôn phi thị hữu vi thị cố vô thuyết 。 hữu vô ngữ giả do như anh nhi 。 ngữ ngôn vị liễu。

Như Lai Thế Tôn không phải là hữu vi cho nên không có chỗ nói. Lại nữa, không nói ấy giống như trẻ con, nói năng chưa rõ ràng,

雖復有語實亦無語。如來亦爾。

tuy phục hữu ngữ thật diệc vô ngữ 。 Như-Lai diệc nhĩ。

tuy lại có nói mà thật là không nói. Như Lai cũng vậy,

詰未了者即是諸佛祕密之言。

cật vị liễu giả tức thị chư Phật bí mật chi ngôn 。

chỗ chất vấn chưa rõ tức là lời bí mật của chư Phật

雖有所說眾生不解故名無語。又嬰兒者名物不一未知正語。

tuy hữu sở thuyết chúng sanh bất giải cố danh vô ngữ 。 hữu anh nhi giả danh vật bất nhất vị tri chánh ngữ 。

tuy có chỗ nói mà chúng sanh không hiểu nên gọi là không nói. Lại nữa, trẻ con đối với tên các vật không như nhau mà chưa biết nói cho đúng

雖名物不一未知正語。非不因此而得識物。

tuy danh vật bất nhất vị tri chánh ngữ。phi bất nhân thử nhi đắc thức vật。

tuy tên các vật không như nhau chưa biết nói đúng, nhưng nhân đây mà biết các vật.

如來亦爾。一切眾生方類各異所言不同。

Như-Lai diệc nhĩ。nhất thiết chúng sanh phương loại các dị sở ngôn bất đồng。

Như Lai cũng vậy, tất cả chúng sanh mỗi loài khác nhau lời nói không đồng,

如來方便隨而說之。亦令一切因而得解。

Như-Lai phương tiện tùy nhi thuyết chi。diệc lệnh nhất thiết nhân nhi đắc giải 。

Như Lai dùng phương tiện tùy theo đó mà thuyết pháp cũng khiến tất cả nhân đó mà được hiểu,

又嬰兒者能說大字。如來亦爾說於大字。所謂婆喼。

hữu anh nhi giả năng thuyết Đại tự。Như-Lai diệc nhĩ thuyết ư Đại tự。 sở vị bà hóa。

lại nữa, trẻ con có thể nói được chữ lớn, Như Lai cũng vậy nói chữ lớn, đó gọi là bà hoá。

唵者有為婆者無為。是名嬰兒。唵者名為無常。

Hóa giả hữu vi bà giả vô vi. thị danh anh nhi. Hóa giả danh vi vô thường 。

Hoá ấy là hữu vi, bà là vô vi, đó gọi là hạnh trẻ con. Hoá gọi là vô thường, 婆者名為有常。

bà giả danh vi hữu thường。

bà gọi là hữu thường,

如來說常眾生聞已為常法故斷於無常。是名嬰兒行。又嬰兒者。

Như-Lai thuyết thường chúng sanh văn dĩ vi thường Pháp cố đoạn ư vô thường 。

thị danh anh nhi hành 。

hữu anh nhi giả。

Như Lai thuyết giảng về thường, chúng sanh nghe rồi vì pháp thường nên đoạn vô thường, đó gọi là hạnh trẻ con. Lại nữa, trẻ con

不知苦樂晝夜父母。菩薩摩訶薩亦復如是。

bất tri khổ lạc trú dạ phụ mẫu。Bồ Tát Ma-Ha tát diệc phục như thị。

thì không biết khổ, vui, ngày, đêm, cha, mẹ, Bồ-tát-ma-ha-tát cũng lại như vậy 為眾生故不知苦樂無晝夜想。

vi chúng sanh cố bất tri khổ lạc vô trú dạ tưởng。

vì chúng sanh nên không biết khổ, vui, không có ý tưởng ngày, đêm ,

於諸眾生其心平等。故無父母親疎等相。又嬰兒者。

ư chư chúng sanh kỳ tâm bình đẳng。 cố vô phụ mẫu thân sơ đẳng tướng 。

hữu anh nhi giả。

đối với chúng sanh luôn khởi tâm bình đẳng, nên không có tướng cha, mẹ thân sơ. Lại nữa, trẻ con

不能造作大小諸事。菩薩摩訶薩亦復如是。

bất năng tạo tác Đại tiểu chư sự。Bồ Tát Ma-Ha tát diệc phục như thị。

không thể làm các việc lớn nhỏ, Bồ-tát-ma-ha-tát cũng lại như vậy,

菩薩不造生死作業是名不作。大事者即五逆也。

Bồ Tát bất tạo sanh tử tác nghiệp thị danh bất tác。Đại sự giả tức ngũ nghịch dã 。

Bồ-tát không tạo nghiệp sanh tử, đó gọi là không làm. Việc lớn tức là năm tội nghịch,

菩薩摩訶薩終不造作五逆重罪。

Bồ Tát Ma-Ha tát chung bất tạo tác ngũ nghịch trọng tội。

Bồ-tát-ma-ha-tát trọn không tạo năm tội nghịch nặng.

小事者即二乘心。

tiểu sự giả tức nhị thừa tâm。

Việc nhỏ tức là tâm nhị thừa,

菩薩終不退菩提心而作聲聞辟支佛乘。又嬰兒行者。如彼嬰兒啼哭之時。

Bồ Tát chung bất thoái bồ đề tâm nhi tác thanh văn Bích chi Phật thừa 。 hựu anh nhi hành giả。 như bỉ anh nhi đề khốc chi thời 。

Bồ-tát trọn không thoái tâm Bồ-đề, không làm Thanh văn , Bích-chi-phật thừa. Lại nữa, hạnh trẻ con , như khi trẻ con khóc

父母即以楊樹黃葉而語之言。

phụ mẫu tức dĩ dương thụ hoàng diệp nhi ngữ chi ngôn 。

cha mẹ liền đưa cây dương lá vàng mà nói rằng:

莫啼莫啼我與汝金。嬰兒見已生真金想便止不啼。

mạc đề mạc đề ngã dĩ nhữ kim。 anh nhi kiến dĩ sanh chân kim tưởng tiện chỉ bất đề。

Chớ khóc chớ khóc, ta sẽ cho con vàng, đứa trẻ thấy rồi nghĩ là vàng thật nên không khóc nữa,

然此楊葉實非金也。木牛木馬木男木女。

nhiên thử dương diệp thật phi kim dã 。 mộc ngưu mộc mã mộc nam mộc nữ 。

nhưng đây là lá dương thật chẳng phải vàng. Như trâu gỗ, ngựa gỗ, nam nữ gỗ,

嬰兒見已亦復生於男女等想。即止不啼。實非男女。

anh nhi kiến dĩ diệp phục sanh ư nam nữ đẳng tưởng。 tức chỉ bất đề。 thật phi nam nữ 。

đứa trẻ thấy rồi cũng lại sanh ý tưởng là nam nữ... liền thôi không khóc, mà thật không phải là nam nữ,

以作如是男女想故名曰嬰兒。如來亦爾。

dĩ tác như thị nam nữ tưởng cố danh viết anh nhi 。

Như-Lai diệp nhĩ。 do suy nghĩ là nam nữ nên gọi là trẻ con. Như Lai cũng lại như vậy,

若有眾生欲造眾惡。

nhược hữu chúng sanh dục tạo chúng ác 。

nếu có chúng sanh muốn tạo các điều ác,

如來為說三十三天常樂我淨端正自恣。於妙宮殿受五欲樂。

Như-Lai vi thuyết tam thập tam Thiên thường lạc ngã tịnh đoan chánh tự tứ 。

Như Lai vì họ mà nói sự thường lạc ngã tịnh xinh đẹp tự tại ở ba mươi ba cõi trời, trong cung điện vi diệu ấy tùy ý thọ năm thứ dục lạc,

六根所對無非是樂。眾生聞有如是樂故心生貪樂。

lục căn sở đối vô phi thị lạc 。 chúng sanh vẫn hữu như thị lạc cố tâm sanh tham lạc 。 đối với sáu căn đều là vui vẻ, chúng sanh nghe có sự vui như vậy nên sanh tâm tham vui 止不為惡。勤作三十三天善業。

chỉ bất vi ác 。 tinh cần tác tam thập tam Thiên thiện nghiệp 。

liền dừng không làm ác mà siêng năng làm thiện để sanh về ba mươi ba cõi trời.

實是生死無常無樂無我無淨。

thật thị sanh tử vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh。

Sự thật sanh tử là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh,

為度眾生方便說言常樂我淨。又嬰兒者。若有眾生厭生死時。

vi độ chúng sanh phương tiện thuyết ngôn thường lạc ngã tịnh hữu anh nhi giả。nhược hữu chúng sanh yếm sanh tử thời 。

vì phương tiện độ chúng sanh nên nói là thường lạc ngã tịnh. Lại nữa, hạnh trẻ con, như có chúng sanh lúc nhàm chán sanh tử, 。

如來則為說於二乘。然實無有二乘之實。

Như-Lai tắc vi thuyết ư nhị thừa 。

Như Lai vì họ thuyết pháp nhị thừa, nhưng thật ra không có nhị thừa,

以二乘故知生死過見涅槃樂。以是見故則能自知。

dĩ nhị thừa cố tri sanh tử quá kiến Niết-Bàn lạc 。

dĩ thị kiến cố tắc năng tự tri。do nhị thừa mà biết sanh tử khổ, thấy Niết-bàn vui, do sự thấy này nên có thể tự biết 有斷不斷有真不真有修不修有得不得。善男子。

hữu đoạn bất đoạn hữu chân bất chân hữu tu bất tu hữu đắc bất đắc。thiện nam tử 。

có đoạn không đoạn, có chơn không chơn, , có tu không tu, có đắc không đắc. Thiện nam tử!

如彼嬰兒於非金中而生金想。如來亦爾。

như bỉ anh nhi ư phi kim trung nhi sanh kim tưởng。Như-Lai diệc nhĩ。

như trẻ con kia đối với vàng giả mà sanh ý tưởng là vàng. Như Lai cũng như vậy,

於不淨中而為說淨。

ư bất tịnh trung nhi vi thuyết tịnh。

đối với bất tịnh mà nói là tịnh,

如來已得第一義故則無虛妄。如彼嬰兒於非牛馬作牛馬想。

Như-Lai dĩ đắc đệ nhất nghĩa cố tắc vô hư vọng 。 như bỉ anh nhi ư phi ngưu mã tác ngưu mã tưởng。

do Như Lai đã đắc nghĩa để nên không có hư dối, như đứa trẻ kia đối với trâu gỗ, ngựa gỗ mà sanh ý tưởng là trâu là ngựa,

若有眾生於非道中作真道想。

nhược hữu chúng sanh ư phi đạo trung tác chân đạo tưởng。

nếu có chúng sanh đối với phi đạo khởi ý tưởng là chân đạo, 。

如來亦說非道為道。非道之中實無有道。

Như-Lai diệt thuyết phi đạo vi đạo 。 phi đạo chi trung thật vô hữu đạo 。

thì Như Lai cũng nói phi đạo là đạo, trong phi đạo thật ra không có đạo,

以能生道微因緣故說非道為道。如彼嬰兒於木男女生男女想。

dĩ năng sanh đạo vi nhân duyên cố thuyết phi đạo vi đạo 。 như bỉ anh nhi ư mộc nam nữ sanh nam nữ tưởng 。

do có thể làm nhân duyên sanh ra đạo nên nói phi đạo là đạo. Như đứa trẻ kia đối với người nam người nữ bằng gỗ mà sanh ý tưởng là nam nữ thật.

如來亦爾。知非眾生說眾生想。

Như-Lai diệt nhĩ。tri phi chúng sanh thuyết chúng sanh tưởng

Như Lai cũng vậy, biết không phải chúng sanh mà nói chúng sanh,

而實無有眾生相也。若佛如來說無眾生。

nhì thật vô hữu chúng sanh tướng dã 。 nhược Phật như lai thuyết vô chúng sanh。

thật ra không có tướng chúng sanh. Nếu Phật Như Lai nói không có chúng sanh

一切眾生則墮邪見。是故如來說有眾生。

nhất thiết chúng sanh tắc đọa tà kiến 。 thị cố Như-Lai thuyết hữu chúng sanh。

thì tất cả chúng sanh sẽ rơi vào tà kiến, cho nên Như Lai nói có chúng sanh,

於眾生中作眾生想者。則不能破眾生相也。

ư chúng sanh trung tác chúng sanh tướng giả。 tắc bất năng phá chúng sanh tướng dã 。

đối với chúng sanh mà khởi ý tưởng chúng sanh, thì không thể phá tướng chúng sanh,

若於眾生破眾生相者。是則能得大般涅槃。

nhược ư chúng sanh phá chúng sanh tướng giả。 thị tắc năng đắc Đại bát Niết bàn 。

nếu đối với chúng sanh mà phá tướng chúng sanh, thì có thể đắc đại Niết-bàn,
以得如是大涅槃故止不啼哭。是名嬰兒行。善男子。

dĩ đắc như thị Đại Niết-Bàn cố chỉ bất đề khốc。 thị danh anh nhi hành 。 thiện nam tử 。
do đắc đại Niết-bàn như vậy cho nên không khóc, đó gọi là hạnh trẻ con. Thiện nam tử!
若有男女受持讀誦書寫解說是五行者。

nhược hữu nam nữ thọ trì độc tụng thư tả giải thuyết thị ngũ hành giả。

Nếu có nam nữ thọ trì đọc tụng biên chép giải nói năm hạnh này。

當知是人必定當得如是五行。迦葉菩薩白佛言。

đương tri thị nhân tất định đương đắc như thị ngũ hành 。 ca diệp Bồ Tát bạch Phật
ngôn。

phải biết người này nhất định sẽ được năm hạnh như vậy. Bồ-tát Ca-diệp bạch Phật rằng:
世尊。如我解佛所說義者。我亦定當得是五行。

Thế tôn 。 như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa giả。 ngã diệp định đương đắc thị ngũ hành
。

Bạch Thế Tôn! Như chỗ con hiểu về ý nghĩa Phật dạy, nhất định con sẽ được năm hạnh
này.

佛言。善男子。不獨汝得如是五行。

Phật ngôn 。 thiện nam tử 。 bất độc nhữ đắc như thị ngũ hành 。

Phật dạy: Thiện nam tử! không chỉ riêng ông được năm hạnh như vậy

今此會中九十三萬人亦同於汝得是五行。

kim thử hội trung cửu thập tam vạn nhân diệp đồng ư nhữ đắc thị ngũ hành。

mà nay trong hội này có chín mươi ba vạn người cũng đều được hạnh như vậy.

大般涅槃經卷第二十

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ nhị thập

Kinh Đại Bát Niết Bàn

Quyển Hai Mươi.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:09:58 2006

Thích Nữ Diệu Thuần hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền

Phiên Âm và Lược Dịch Sun Apr 30 22:09:58 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

=====

Thích Nữ Chơn Tịnh hiệu đính

Vol. 12, No. 374

大般涅槃經卷第二十一

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập nhất

Kinh Đại Bát Niết-bàn

Quyển Thứ Hai Mười Mốt 北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Tam Tạng Đàm-vô-sấm người Thiên trúc dịch vào đời Bắc Lương.

光明遍照高貴德王菩薩品第十之一

quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát phẩm đệ thập chi nhất

Phẩm thứ mười, phần thứ nhất: Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ-tát.

爾時世尊。

nhĩ thời Thế tôn 。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn

告光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。善男子。

cáo quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha tát ngôn 。

thiện nam tử 。

bảo với

若 有 菩 薩 摩 訶 薩 修 行 如 是 大 涅 槃 經 。 得 十 事 功 德 。 不 與 聲 聞 辟 支 佛 共 。

nhược hữu Bồ-tát Ma-Ha tát tu hành như thị Đại Niết-bàn Kinh 。

đắc thập sự công đức 。

bất dữ Thanh văn Bích-chi-phật cộng 。

nếu có Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn này, tức được mười thứ công đức, hơn

hẳn Thanh văn và Bích-chi-phật.

不可思議聞者驚怪。

bất khả tư nghị văn giả kinh quái 。

Là không thể nghĩ bàn, ai nghe thấy cũng kinh ngạc,

非內非外非難非易非相非非相。非是世法無有相貌世間所無。

phi nội phi ngoại phi nan phi dịch phi tướng phi phi tướng 。

phi thị thế Pháp vô hữu tướng

mạo thế gian sở vô 。

chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng khó chẳng dễ, chẳng có tướng chẳng phải phi

tướng, chẳng phải pháp thế gian, không có tướng mạo.

何等為十。一者有五。何等為五。

hà đẳng vi thập 。

nhất giả hữu ngũ 。

hà đẳng vi ngũ 。

Thế nào là mười? Thứ nhất gồm có năm việc, thế nào là năm ?

一者所不聞者而能得聞。二者聞已能為利益。

nhất giả sở bất văn giả nhi năng đắc văn 。

nhị giả văn dĩ năng vi lợi ích 。

một là có thể nghe điều không nghe, hai là nghe rồi có thể làm lợi ích

三者能斷疑惑之心。四者慧心正直無曲。

tam giả năng đoạn nghi hoặc chi tâm 。 tứ giả tuệ tâm chánh trực vô khúc 。

ba là có thể đoạn trừ tâm nghi ngờ, bốn là tâm huệ ngay thẳng không có cong queo

五者能知如來密藏。是為五事。何等不聞而能得聞。

ngũ giả năng tri Như Lai mật tạng. thị vi ngũ sự. Hà đẳng bất văn nhi năng đắc văn 。

năm là có thể biết tạng bí mật của Như Lai, đó là năm việc. Thế nào gọi là có thể nghe điều không nghe,

所謂甚深微密之藏。一切眾生悉有佛性。

sở vị thậm thâm vi mật chi tạng 。

nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

đó tức là tạng bí mật thâm sâu, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh,

佛法眾僧無有差別。三寶性相常樂我淨。

Phật Pháp chúng tăng vô hữu sai biệt。 Tam Bảo tánh tướng thường lạc ngã tịnh 。

Phật, Pháp và chúng Tăng không có sai khác, tánh tướng của Tam Bảo là thường lạc ngã tịnh,

一切諸佛無有畢竟入涅槃者常住無變。如來涅槃。

nhất thiết chư Phật vô hữu tất cánh nhập Niết-Bàn giả thường trụ vô biến 。

Như Lai Niết-Bàn 。

tất cả chư Phật không có rốt ráo nhập Niết-bàn, mà thường trụ không biến đổi. Niết-bàn của Như Lai

非有非無。非有為非無為。非有漏非無漏。

phi hữu phi vô 。

phi hữu vi phi vô vi 。

phi hữu lậu phi vô lậu 。

là chẳng có chẳng không, chẳng hữu vi chẳng vô vi, chẳng hữu lậu chẳng vô lậu,

非色非不色。非名非不名。非相非不相。非有非不有。

phi sắc phi bất sắc 。

phi danh phi bất danh 。

phi tướng phi bất tướng 。

phi hữu phi bất hữu 。

chẳng sắc chẳng vô sắc, chẳng có danh chẳng phải không có danh, chẳng có tướng chẳng phải không có tướng, chẳng có chẳng phải không có,

非物非不物。非因非果。非待非不待。

phi vật phi bất vật 。

phi nhân phi quả 。

phi đãi phi bất đãi 。

chẳng phải vật chẳng chẳng phải không vật, chẳng nhân chẳng quả, chẳng có đối
đãi, chẳng phải không đối đãi

非明非闇非出非不出。非常非不常。非斷非不斷。

phi minh phi ám phi xuất phi bất xuất。 phi thường phi bất thường。 phi đoạn phi bất đoạn
。

chẳng sáng chẳng tối chẳng xuất chẳng phải không xuất, chẳng thường chẳng phải không
thường, chẳng đoạn chẳng phải không đoạn

非始非終。非過去非未來非現在。非陰非不陰。

phi thủy phi chung 。 phi quá khứ phi vị lai phi hiện tại 。 phi uẩn phi bất uẩn 。

chẳng thì chẳng chung, chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, chẳng phải năm ấm chẳng phải
không năm ấm,

非入非不入。非界非不界。

phi nhập phi bất nhập 。 phi giới phi bất giới 。

chẳng phải mười hai nhập, chẳng phải không có mười hai nhập, chẳng phải mười tám giới,
chẳng phải không có mười tám giới;

非十二因緣非不十二因緣。如是等法甚深微密。

phi thập nhị nhân duyên phi bất thập nhị nhân duyên 。 như thị đẳng Pháp thậm thâm vi
mật 。

chẳng phải mười hai nhân duyên, chẳng phải chẳng phải không có mười hai nhân duyên.

Như vậy các pháp thâm sâu bí mật vi diệu.

昔所不聞而能得聞。復有不聞。

tích sở bất văn nhi năng đắc văn 。 phục hữu bất văn 。

Xưa không được nghe mà nay có thể nghe. Lại có điều không nghe,

所謂一切外道經書四毘陀論毘伽羅論衛世師論迦毘羅論。

sở vị nhất thiết ngoại đạo Kinh thư tứ đà luận đà la luận vệ thế sư luận ca đà la luận 。

đó là tất cả kinh thư ngoại đạo, luận Tứ-tỳ-đà, luận Tỳ-già-la, luận Vệ-thế-sư, luận Ca-tì-la,
一切呪術醫方伎藝。

nhất thiết chú thuật y phương kỹ nghệ 。

tất cả chú thuật y phương kỹ nghệ,

日月博蝕星宿運變圖書識記如是等經。初未曾聞。

nhật nguyệt bác thực tinh tú vận biến đồ thư sấm kí như thị đẳng Kinh 。

nhật nguyệt bác thực tinh tú vận biến đồ thư sấm kí,
祕密之義今於此經而得知之。復有十一部經除毘佛略。

bí mật chi nghĩa kim ư thử Kinh nhi đắc tri chi 。 phục hữu thập nhất bộ Kinh trừ tì Phật
lược 。

ý nghĩa bí mật, nay ở nơi kinh này mà được biết hết. Lại có mười một bộ kinh Trừ-tỳ-phật-
lược,

亦無如是深密之義。今因此經而得知之。善男子。

diệc vô như thị thâm mật chi nghĩa 。 kim nhân thử Kinh nhi đắc tri chi 。 thiện nam tử 。

cũng có ý nghĩa thâm sâu như vậy, nay ở nơi kinh này mà được biết hết. Nay, thiện nam
tử!

是名不聞而能得聞。聞已利益者。

thị danh bất văn nhi năng đắc văn 。

Đây có thể gọi là nghe điều không nghe. Nghe rồi có thể làm lợi ích,

若能聽受是大涅槃經。悉能具知一切方等大乘經。

nhược năng thính thọ thị Đại Niết-bàn Kinh 。

nghĩa là có thể nghe và lãnh hội kinh Đại Niết-bàn này, thì có thể biết đủ tất cả kinh Đại
thừa phương đẳng

典甚深義味。

diễn thậm thâm nghĩa vị 。

có ý nghĩa thâm sâu,

譬如男女於明淨鏡見其色像了了分明。大涅槃鏡亦復如是。

thí như nam nữ ư minh tịnh kính kiến kỳ sắc tượng liễu liễu phân minh 。

thí như nam nữ đứng trước gương sáng thấy rõ ràng hình tượng. Gương Đại Niết-bàn
cũng lại như vậy,

菩薩執之悉得明見大乘經典甚深之義。

Bồ-tát chấp chi tất đắc minh kiến Đại thừa Kinh diễn thậm thâm chi nghĩa 。

Bồ-tát cầm kinh này đều thấy rõ ý nghĩa thâm sâu của kinh diễn Đại thừa

亦如有人在闇室中執大炬火悉見諸。物大涅槃炬亦復如是。

diệc như hữu nhân tại ám thất trung chấp Đại cự hỏa tất kiến chư 。 vật Đại Niết-Bàn cự diệc phục như thị 。

cũng như có người ở trong nhà tối cầm cây đuốc lớn tức thấy rõ các vật, đuốc Đại Niết-bàn cũng lại như vậy.

菩薩執之得見大乘深奧之義。

Bồ-tát chấp chi đắc kiến Đại thừa thâm áo chi nghĩa 。

Bồ-tát nắm giữ thì được thấy rõ ý nghĩa thâm sâu của kinh Đại thừa,

亦如日出有千光明。悉能照了諸山幽闇。

diệc như nhật xuất hữu thiên quang-minh 。 tất năng chiếu liễu chư sơn u ám 。

cũng như mặt trời xuất hiện có ngàn ánh sáng, có thể chiếu đến các nơi tối tăm,

令一切人遠見諸物。是大涅槃清淨慧日亦復如是。

lệnh nhất thiết nhân viễn kiến chư vật 。

thị Đại Niết-Bàn thanh tịnh tuệ nhật diệc phục như thị 。

khiến tất cả mọi người từ xa cũng nhìn thấy các vật, mặt trời trí huệ của Đại Niết-bàn cũng lại như vậy,

照了大乘深邃之處。令二乘人遠見佛道。所以者何。

chiếu liễu Đại thừa thâm thúy chi xử 。

lệnh nhị thừa nhân viễn kiến Phật đạo 。

sở dĩ giả hà 。

chiếu rõ các nơi thâm sâu của kinh Đại Thừa, khiến hàng Nhị thừa từ xa được thấy Phật đạo. Tại vì sao?

以能聽受是大涅槃微妙經典故。善男子。

dĩ năng thính thọ thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển cố 。

thiện nam tử 。

bởi có thể nghe và nhận lãnh kinh điển Đại Niết-bàn này. Thiện nam tử,

若有菩薩摩訶薩聽受如是大涅槃經。

nhược hữu Bồ-tát Ma-Ha tát thính thọ như thị Đại Niết-bàn Kinh 。

nếu có Bồ-tát Ma-ha-tát nghe và nhận lãnh kinh Đại Niết-bàn này

得知一切諸法名字。若能書寫讀誦通利。

đắc tri nhất thiết chư Pháp danh tự 。

nhược năng thư tả độc tụng thông lợi 。

thì được biết danh tự của tất cả các pháp. Nếu có thể biên chép đọc tụng thông thạo,

為他廣說思惟其義。則知一切諸法義理。善男子。

vi tha quảng thuyết tư duy kỳ nghĩa 。 tác tri nhất thiết chư Pháp nghĩa lý 。 thiện nam tử
。

vì người khác rộng nói suy nghĩ ý nghĩa, thì biết được nghĩa lý của tất cả pháp. Thiện nam tử!

其聽受者唯知名字。不知其義。若能書寫受持讀誦。

kỳ thính thọ giả duy tri danh tự 。 bất tri kỳ nghĩa 。 nhược năng thư tả thọ trì đọc tụng 。
Nếu nghe và nhận lãnh thì chỉ biết danh tự mà không biết ý nghĩa. Nếu có thể biên chép
thọ trì đọc tụng,

為他廣說思惟其義。則能知義。復次善男子。

vi tha quảng thuyết tư duy kỳ nghĩa 。 tác năng tri nghĩa 。 phục thứ thiện nam tử 。

vì người khác rộng nói suy nghĩ ý nghĩa, thì có thể biết nghĩa lý. Lại nữa Thiện nam tử,
聽是經者聞有佛性未能得見。

thính thị Kinh giả văn hữu Phật tánh vị năng đắc kiến 。

nghe kinh này rồi, nghe có Phật tánh mà chưa được thấy,
書寫讀誦為他廣說思惟其義則得見之。

thư tả đọc tụng vi tha quảng thuyết tư duy kỳ nghĩa tác đắc kiến chi 。

nếu biên chép đọc tụng vì người khác rộng nói suy nghĩ ý nghĩa thì có thể được thấy.
聽是經者聞有檀名未能得見檀波羅蜜。

thính thị Kinh giả văn hữu đàn danh vị năng đắc kiến đàn ba la mật 。

nghe kinh này rồi, nghe có tên bố thí mà chưa được thấy bố thí Ba-la-mật,
書寫讀誦為他廣說思惟其義。則能得見檀波羅蜜。

thư tả đọc tụng vi tha quảng thuyết tư duy kỳ nghĩa 。 tác năng đắc kiến đàn ba la mật 。

nếu biên chép đọc tụng vì người khác rộng nói suy nghĩ ý nghĩa, thì có thể được thấy bố
thí Ba-la-mật,

乃至般若波羅蜜亦復如是。善男子。

nãi chí Bát-nhã ba la mật diệc phục như thị 。

cho đến trí huệ Ba-la-mật cũng lại như vậy. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩若能聽是大涅槃經。則知法知義具二無礙。

Bồ-tát Ma-Ha tát nhược năng thính thị Đại Niết-bàn Kinh 。

tác tri Pháp tri nghĩa cụ nhị vô ngại 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nếu có thể nghe kinh Đại Niết-bàn này, thì biết pháp biết nghĩa, đủ hai thứ vô ngại,
 於諸沙門婆羅門等。
 ư chư Sa-môn Bà-la-môn đẳng 。
 ở nơi các Sa-môn, bà- la- môn ...
 若天魔梵一切世中得無所畏。開示分別十二部經演說其義無有差違。
 nhược Thiên ma phạm nhất thiết thế trung đắc vô sở úy 。 khai kì phân biệt thập nhị bộ
 Kinh điển thuyết kỳ nghĩa vô hữu sai vi 。
 hoặc Trời, ma, phạm thiên, tất cả thế gian đều không sợ hãi, có thể khai thị phân biệt điển
 thuyết ý nghĩa mười hai bộ kinh mà không có trái ngược
 不從他聞而能自知。
 bất tòng tha văn nhi năng tự tri 。
 không từ người khác nghe mà có hể tự biết,
 近於阿耨多羅三藐三菩提。善男子。是名聞已能為利益。斷疑心者。
 cận ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 thiện nam tử 。 thị Danh-Văn dĩ năng vi lợi ích 。
 đoạn nghi tâm giả 。
 gần gũi nơi đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Giác. Thiện nam tử, đây gọi là nghe rồi có thể
 làm lợi ích. Ba là có thể đoạn trừ tâm nghi ngờ,
 疑有二種。一者疑名。二者疑義。
 nghi hữu nhị chủng 。 nhất giả nghi danh 。 nhị giả nghi nghĩa 。
 nghi có hai thứ: Một là nghi về danh tự, hai là nghi về ý nghĩa.
 聽是經者斷疑名心。思惟義者斷疑義心。復次善男子。
 thính thị Kinh giả đoạn nghi danh tâm 。 tư duy nghĩa giả đoạn nghi nghĩa tâm 。 phục thứ
 thiện nam tử 。
 nghe kinh này rồi thì đoạn trừ được tâm nghi về danh tự, suy nghĩ nghĩa lý thì đoạn trừ
 được tâm nghi về ý nghĩa. Lại nữa Thiện nam tử!
 疑有五種。一者疑佛定涅槃不。
 nghi hữu ngũ chủng 。 nhất giả nghi Phật định Niết-Bàn bất 。
 Nghi có năm thứ: Một là nghi Phật có Niết-bàn hay không,
 二者疑佛是常住不。三者疑佛是真樂不。
 nhị giả nghi Phật thị thường trụ bất 。 tam giả nghi Phật thị chân lạc bất 。

hai là nghi Phật có thường trụ hay không, ba là nghi Phật có phải là lạc chơn chánh không,

四者疑佛是真淨不。五者疑佛是實我不。

tứ giả nghi Phật thị chân tịnh bất 。 ngũ giả nghi Phật thị thật ngã bất 。

bốn là nghi Phật có phải tịnh chơn chánh không, năm là nghi Phật có phải thật ngã không. 聽是經者疑佛涅槃則得永斷。

thính thị Kinh giả nghi Phật Niết-Bàn tắc đắc vĩnh đoạn 。

Nếu nghe kinh này thì đoạn trừ sự nghi Phật Niết-bàn hay không,

書寫讀誦為他廣說思惟其義四疑永斷。復次善男子。疑有三種。

thư tả độc tụng vi tha quảng thuyết tư duy kỳ nghĩa tứ nghi vĩnh đoạn 。

phục thứ thiện nam tử 。

nghi hữu tam chủng 。

nếu biên chép đọc tụng vì người khác rộng nói, suy nghĩ ý nghĩa thì đoạn trừ hết bốn sự nghi còn lại. Lại nữa Thiện nam tử, nghi có ba thứ,

一疑聲聞為有為無。二疑緣覺為有為無。

nhất nghi Thanh văn vi hữu vi vô 。

nhị nghi Duyên giác vi hữu vi vô 。

một là nghi có Thanh văn hay không, hai là nghi có Duyên giác hay không,

三疑佛乘為有為無。聽是經者如是三疑永滅無餘。

tam nghi Phật thừa vi hữu vi vô 。

thính thị Kinh giả như thị tam nghi vĩnh diệt vô dư 。

ba là nghi có Phật Thừa hay không. Nếu nghe kinh này thì đoạn hết ba thứ nghi trên, 書寫讀誦為他廣說思惟其義。

thư tả độc tụng vi tha quảng thuyết tư duy kỳ nghĩa 。

nếu biên chép đọc tụng, vì người khác rộng nói, suy nghĩ về nghĩa lý 則能了知一切眾生悉有佛性。復次善男子。

tắc năng liễu tri nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

phục thứ thiện nam tử 。

thì có thể rõ biết tất chúng sanh đều có Phật tánh. Lại nữa, Thiện nam tử, 若有眾生不聞如是大涅槃經其心多疑。

nhược hữu chúng sanh bất văn như thị Đại Niết-bàn Kinh kỳ tâm đa nghi 。

nếu có chúng sanh nghe kinh Đại Niết-bàn này thì trong tâm có nhiều nghi ngờ,

所謂若常無常若樂不樂若淨不淨若我無我。若命非命。

sở vị nhược thường vô thường nhược lạc bất lạc nhược tịnh bất tịnh nhược ngã vô ngã 。

nhược mạng phi mạng 。

đó là nghi thường hay không thường, Lạc hay không lạc, tịnh hay không tịnh, ngã hay vô
ngã, có mạng hay không,
若眾生非眾生。若畢竟不畢竟。若他世若過世。
nhược chúng sanh phi chúng sanh 。 nhược tất cánh bất tất cánh 。 nhược tha thể nhược
quá thể。
là chúng sanh hay phi chúng sanh, rốt ráo hay không rốt ráo, là đời khác hay quá khứ,
若有若無。
nhược hữu nhược vô 。
nếu có hay không có,
若苦若非苦若集若非集若道若非道若滅若非滅。若法若非法。若善若非善。
nhược khổ nhược phi khổ nhược tập nhược phi tập nhược đạo nhược phi đạo nhược diệt
nhược phi diệt 。 nhược Pháp nhược phi Pháp 。 nhược thiện nhược phi thiện 。
khổ hay không khổ, tập hay chẳng phải tập, đạo hay chẳng phải đạo, diệt hay không phải
diệt, pháp hay phi pháp, thiện hay bất thiện,
若空若非空。聽是經者如是諸疑悉得永斷。
nhược không nhược phi không 。 thính thị Kinh giả như thị chư nghi tất đắc vĩnh đoạn 。
hoặc là không hoặc chẳng phải không. Nếu nghe kinh này thì các sự nghi như vậy đều
đoạn hết.
復次善男子。若有不聞如是經者。
phục thứ thiện nam tử 。 nhược hữu bất văn như thị Kinh giả 。
Lại nữa thiện nam tử, nếu có người không nghe kinh này,
復有種種眾多疑心。所謂色是我耶受想行識是我耶。
phục hữu chủng chủng chúng đa nghi tâm 。 sở vị sắc thị ngã da thọ tướng hành thức thị
ngã da 。
thì sẽ có nhiều thứ nghi ngờ, nghi rằng sắc là ngã hay thọ tướng hành thức là ngã,
眼能見耶我能見耶。乃至識能知耶我能知耶。
nhãn năng kiến da ngã năng kiến da 。 nãi chí thức năng tri da ngã năng tri da 。
nhãn là năng kiến hay ngã là năng kiến, cho đến thức là năng tri hay ngã là năng tri,
色受報耶我受報耶。乃至識受報耶我受報耶。
sắc thọ báo da ngã thọ báo da 。 nãi chí thức thọ báo da ngã thọ báo da 。
sắc là thọ báo hay ngã thọ báo, cho đến thức thọ báo hay ngã thọ báo,

色至他世耶我至他世耶。乃至識亦如是。

sắc chí tha thế da ngã chí tha thế da 。 nãi chí thức diệc như thị 。

là sắc đi đến đời khác hay ngã đi đến đời khác, cho đến thức cũng lại như vậy,
生死之法有始有終耶。

sanh tử chi Pháp hữu thủy hữu chung da 。

pháp sanh tử có thủ chung không,

無始無終耶聽是經者如是等疑亦得永斷。復有人疑。

vô thủy vô chung da thính thị Kinh giả như thị đẳng nghi diệc đắc vĩnh đoạn 。

phục hữu nhân nghi 。

hay là vô thủy vô chung. Nếu nghe kinh này thì các thứ nghi như vậy cũng được đoạn trừ.
Lại có người nghi rằng:

一闍提人犯四重禁作五逆罪謗方等經。

nhất xiển đề nhân phạm tứ trọng cấm tác ngũ nghịch tội báng phương đẳng Kinh 。

hạng Nhất xiển đề phạm bốn tội nặng, làm năm tội nghịch, hủy báng kinh phương đẳng,
如是等輩有佛性耶無佛性耶。聽是經者如是等疑悉得永斷。

như thị đẳng bối hữu Phật tánh da vô Phật tánh da 。

thính thị Kinh giả như thị đẳng nghi tất đắc vĩnh đoạn 。

hạng người như vậy là có Phật tánh hay không có Phật tánh. Nếu nghe kinh này rồi thì các sự nghi như vậy sẽ được đoạn trừ.

復有人疑。世間有邊耶世間無邊耶。

phục hữu nhân nghi 。

thế gian hữu biên da thế gian vô biên da 。

Lại có người nghi rằng, thế gian có chỗ tận cùng hay không tận cùng,
有十方世界耶無十方世界耶。

hữu thập phương thế giới da vô thập phương thế giới da 。

có mười phương thế giới hay không có mười phương thế giới.

聽是經者如是等疑亦得永斷。是名能斷疑惑之心。

thính thị Kinh giả như thị đẳng nghi diệc đắc vĩnh đoạn 。

thị danh năng đoạn nghi hoặc chi tâm 。

Nếu nghe kinh này rồi thì các sự nghi như vậy cũng được trừ diệt, đó gọi là có thể đoạn trừ tâm nghi hoặc.

慧心正直無邪曲者。心若有疑則所見不正。

tuệ tâm chánh trực vô tà khúc giả 。 tâm nhược hữu nghi tắc sở kiến bất chánh 。
Bốn là tâm huệ ngay thẳng không có cong queo, nếu tâm có nghi ngờ thì sự thấy không
chơn chánh,

一切凡夫若不得聞是大涅槃微妙經典所見邪曲。

nhất thiết phàm phu nhược bất đắc văn thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển sở kiến tà khúc
。

tất cả phàm phu nếu không được nghe Kinh Đại Niết-bàn vi diệu này thì sự thấy đều tà
vọng,

乃至聲聞辟支佛人所見亦曲。

nãi chí Thanh văn Bích-chi-phật nhân sở kiến diệc khúc 。

cho đến hàng Thanh Văn, Bích-chi-phật cũng lại như vậy.

云何名為一切凡夫所見邪曲。於有漏中見常樂我淨。

vân hà danh vi nhất thiết phàm phu sở kiến tà khúc 。

ư hữu lậu trung kiến thường lạc ngã
tịnh 。

Tại sao nói chỗ thấy của tất cả phàm phu là tà vọng? bởi đối với hữu lậu mà thấy thường,
lạc, ngã, tịnh.

於如來所見無常苦不淨無我。見有眾生壽命知見。

ư Như Lai sở kiến vô thường khổ bất tịnh vô ngã 。

kiến hữu chúng sanh thọ mạng tri kiến
。

Đối với Như Lai thì thấy vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, thấy có chúng sanh thọ mạng, tri
kiến,

計非有想非無想處以為涅槃。

kế Phi hữu tưởng Phi vô tưởng xứ dĩ vi Niết-Bàn 。

nghĩ rằng cõi phi hữu tưởng và phi vô tưởng là Niết-bàn,

見自在天有八聖道。有見斷見如是等見名為邪曲。

kiến Tự Tại Thiên hữu bát Thánh đạo 。

hữu kiến đoạn kiến như thị đẳng kiến danh vi tà
khúc 。

thấy cõi trời Tự Tại có Bát Thánh Đạo, hữu kiến, đoạn kiến, các sự thấy như vậy thì gọi là
tà vạy.

菩薩摩訶薩若得聞是大涅槃經。

Bồ-tát Ma-Ha tát nhược đắc văn thị Đại Niết-bàn Kinh 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nếu được nghe kinh Đại Niết-bàn này,
修行聖行則得斷除如是邪曲。

tu hành Thánh hành tắc đắc đoạn trừ như thị tà khúc 。

tu hành bậc Thánh, tức trừ diệt các thứ tà vạy như trên.

云何名為聲聞緣覺邪曲見耶。見於菩薩從兜率下化乘白象降神母胎。

vân hà danh vi Thanh văn Duyên giác tà khúc kiến da 。

kiến ư Bồ-tát tòng Đâu Suất hạ
hóa thừa bạch tượng hàng Thần mẫu thai 。

Thế nào gọi là Thanh văn, Duyên giác thấy tà vạy? đó là thấy Bồ-tát từ cõi trời Đâu Suất
cưỡi voi trắng giáng trần rồi vào thai mẹ,
父名淨飯母曰摩耶。

phụ danh Tịnh Phạn mẫu viết ma da 。

có cha tên là Tịnh Phạn, mẹ là Ma-gia,

迦毘羅城處胎滿足十月而生。生未至地帝釋捧接。

ca-tì-la thành xử thai mãn túc thập nguyệt nhi sanh 。

sanh vị chí địa để thích phủng tiếp
。

cung Vua tại thành Ca-tỳ-la, Bồ-tát ở trong thai đủ mười tháng mà sanh ra, vừa sanh liền
có Vua Đế Thích đỡ lấy không để chạm đất.

難陀龍王及婆難陀吐水而浴。

Nan đà long Vương cập bà Nan đà thổ thủy nhi dục 。

Long vương Nan-đà và Bà-nan-đà phun nước để tắm gội cho Thái tử,

摩尼跋陀大鬼神王執持寶蓋隨後侍立地神化花以承其足。

Ma ni bạt đà Đại quỷ Thần Vương chấp trì bảo cái tùy hậu thị lập địa Thần hóa hoa dĩ
thừa kỳ túc 。

Đại quỷ thần vương Ma-ni-bạt-đà cầm lọng báu đứng hầu sau lưng, Địa thần biến hóa hoa
sen nâng đỡ dưới chân,

四方各行滿足七步。

tứ phương các hành mãn túc thất bộ 。

Thái Tử bước đi bảy bước xung quanh bốn phương,

到於天廟令諸天像悉起承迎阿私陀仙抱持占相。既占相已生大悲苦。

đáo ư Thiên miếu lệnh chư Thiên tượng tất khởi thừa nghênh a tư đà tiên bảo trì chiêm
tướng 。

ký chiêm tướng dĩ sanh Đại bi khổ 。

đến nơi miếu trời thì các chư thiên đều đứng dậy nghinh đón, đạo sĩ A-tư-đà đến ẩm bồng
và xem tướng, xem tướng rồi thì đạo sĩ buồn bã,

自傷當終不覩佛興。

tự thương đương chung bất đồ Phật hưng 。

tự buồn bởi mình sẽ không gặp được Phật pháp.

詣師學書算計射禦圖讖伎藝。處在深宮六萬嫔女娛樂受樂。

nghệ sư học thư toán kế xạ ngữ đồ sấm kỹ nghệ 。

xử tại thâm cung lục vạn thê nữ ngu
lạc thọ lạc 。

Thái tử lớn lên học các kinh sách, toán số, kỹ nghệ, bắn cung, ở trong thâm cung luôn có
sáu vạn cung nữ hầu hạ, hưởng thọ các thứ vui sướng.

出城遊觀至迦毘羅園。

xuất thành du quán chí ca tì la viên 。

Ra khỏi thành rồi đi đến vườn Ca-tỳ-la,

道見老人乃至沙門法服而行。還至宮中見諸嫔女形體狀貌猶如枯骨。

đạo kiến lão nhân nãi chí Sa-môn Pháp phục nhi hành 。

hoàn chí cung trung kiến chư
thê nữ hình thể trạng mạo do như khô cốt 。

giữa đường gặp người già, người bệnh, cho đến gặp vị Sa-môn uy nghi trong pháp phục,

Thái Tử trở về cung thấy hình thể các cung nữ như bộ xương khô,

所有宮殿塚墓無異。厭惡出家夜半踰城。

sở hữu cung điện trủng mộ vô dị 。

yếm ố xuất gia dạ bán du thành 。

cung điện giống như nhà mồ không khác, từ đó nhàm chán nên nửa đêm vượt thành xuất
gia.

至鬱陀伽阿羅邏等大仙人所。

chí uất đà dà a la lá đẵng Đại Tiên nhân sở 。

Đến chỗ các vị Đại tiên như Uất-đà-dà, A-la-la ...

聞說識處及非有想非無想處。

văn thuyết thức xử cập Phi hữu tưởng Phi vô tưởng xử 。

Nghe nói chỗ tu chứng của họ là Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi phi tưởng xứ,

既聞是已諦觀是處是非常苦不淨無我捨至樹下具修苦行滿足六年。

ký văn thị dĩ để quán thị xử thị phi thường khổ bất tịnh vô ngã xả chí thụ hạ cụ tu khổ hành
mãn túc lục niên 。

nghe rồi liền quán sát biết những chỗ này chẳng phải thường, là khổ, bất tịnh, vô ngã,
Thái Tử bèn đi đến dưới gốc cây tu khổ hạnh trong sáu năm,

知是苦行不能得成阿耨多羅三藐三菩提。

tri thị khổ hành bất năng đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

rồi biết được thực hành khổ hạnh không thể thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh
Giác.

爾時復到阿利跋提河中洗浴。

nhĩ thời phục đáo a lợi Bạt đề hà trung tẩy dục 。

Lúc bấy giờ Thái Tử liền đến sông A-lợi-bạt-đề tắm gội,

受牧牛女所奉乳糜。受已轉至菩提樹下。

thọ mục ngưu nữ sở phụng nhũ mi 。

thọ một bát sữa do mục nữ dâng cúng, rồi đi đến ngồi dưới cây Bồ-đề,

破魔波旬得成阿耨多羅三藐三菩提。

phá Ma ba tuần đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

phá sự mê hoặc của ma ba-tuần mà thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

於波羅奈為五比丘初轉法輪。乃至於此拘尸那城入般涅槃。

ư ba la nại vi ngũ bỉ khâu sơ chuyển Pháp luân 。

Đến Ba-la-nại chuyển pháp luân cho năm vị Tỳ-kheo, cho đến ở thành Câu-thi-na mà
nhập Niết-bàn.

如是等見。是名聲聞緣覺曲見。善男子。

như thị đẳng kiến 。

Các sự thấy biết như vậy gọi là sự thấy tà vạy của Thanh văn, Duyên giác. Thiện nam tử,
菩薩摩訶薩聽受如是大涅槃經。

Bồ-tát Ma-Ha tát thính thọ như thị Đại Niết-bàn Kinh 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nếu nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết-bàn này,

悉得斷除如是等見。若能書寫讀誦通利為他演說思惟其義。

tất đắc đoạn trừ như thị đẳng kiến 。

tức đoạn trừ hết các sự thấy như vậy, nếu có thể biên chép đọc tụng thông lợi, vì người
khác rộng nói, suy nghĩ nghĩa

則得正直無邪曲見。善男子。

tắc đắc chánh trực vô tà khúc kiến 。 thiện nam tử 。

thì có được sự thấy chơn chánh không cong queo. Thiện nam tử,

菩薩摩訶薩修行如是大涅槃經。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu hành như thị Đại Niết-bàn Kinh 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn này

諦知菩薩無量劫來不從兜率降神母胎。乃至拘尸那城入般涅槃。

để tri Bồ-tát vô lượng kiếp lai bất tòng Đâu Suất hàng Thần mẫu thai 。

nãi chí Câu-thi-na thành nhập bát Niết-Bàn 。

thì rõ biết Bồ-tát từ vô lượng kiếp đến nay không phải từ cõi trời Đâu-suất giáng thần vào

thị mẹ, cho đến không phải ở thành Câu-thi-na mà nhập Niết-bàn

是名菩薩摩訶薩正直之見。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát chánh trực chi kiến 。

đây gọi là sự thấy chơn chánh của Bồ-tát Ma-ha-tát.

能知如來深密義者。所謂即是大般涅槃一切眾生悉有佛性。

năng tri Như Lai thâm mật nghĩa giả 。

sở vị tức thị Đại bát Niết-bàn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

Năm là có thể biết được nghĩa bí mật thâm sâu của Như Lai, nghĩa là trong kinh Đại Niết-bàn nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh,

懺四重禁除謗法心盡五逆罪滅一闍提。

sám tứ trọng cấm trừ báng Pháp tâm tận ngũ nghịch tội diệt nhất xiển đề 。

nếu sám hối khi phạm bốn tội nặng, trừ bỏ tâm phỉ báng chánh pháp, diệt năm tội nghịch, đoạn trừ nhất xiển đề

然後得成阿耨多羅三藐三菩提。

nhiên hậu đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

sau đó sẽ đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

是名甚深祕密之義。復次善男子。云何復名甚深之義。

thị danh thậm thâm bí mật chi nghĩa 。

phục thứ thiện nam tử 。

vân hà phục danh thậm thâm chi nghĩa 。

đây gọi là ý nghĩa bí mật thâm sâu. Lại nữa, thiện nam tử, thế nào gọi là ý nghĩa thâm sâu?

雖知眾生實無有我。而於未來不失業果。

tuy tri chúng sanh thật vô hữu ngã 。 nhi ư vị lai bất thất nghiệp quả 。

nghĩa là tuy biết chúng sanh thật không có ngã, mà ở đời vị lai không mất nghiệp quả,
雖知五陰於此滅盡。善惡之業終不敗亡。

tuy tri ngũ uẩn ư thử diệt tận 。 thiện ác chi nghiệp chung bất bại vong 。

tuy biết chết thì Năm ấm diệt hết mà nghiệp thiện ác trọn không mất,
雖有諸業不得作者。雖有至處無有去者。

tuy hữu chư nghiệp bất đắc tác giả 。

tuy hữu chí xử vô hữu khứ giả 。

tuy có các nghiệp mà không tạo tác, tuy có chỗ đến mà không chỗ đi,

雖有繫縛無受縛者。雖有涅槃亦無滅者。

tuy hữu hệ phọc thị cố phược giả。Tuy hữu Niết-Bàn diệt vô diệt giả 。

dầu có hệ phọc vì vậy trói。dầu có Niết-Bàn cũng vô mất 。

tuy có trói buộc mà không thọ trói buộc, tuy có Niết-bàn mà cũng không diệt,

是名甚深祕密之義。

thị danh thậm thâm bí mật chi nghĩa 。

đó gọi là nghĩa bí mật thâm sâu.

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩白佛言。世尊。如我解佛所說聞不聞。

nhi thời quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha tát bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。 như ngã giải Phật sở thuyết văn bất văn 。

Lúc bấy giờ Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ-tát Ma-ha-tát bạch Phật

rằng: Bạch Thế Tôn! Như con hiểu lời Phật dạy là nghe điều không được nghe,

義是義不。然何以故。法若有者便應定有。

nghĩa thị nghĩa bất 。

Pháp nhược hữu giả tiện ứng định hữu 。

ý nghĩa đúng ý nghĩa không, nhưng tại vì sao nếu pháp đã có thì nhất định có,

法若無者便應定無。無不應生有不應滅。

Pháp nhược vô giả tiện ứng định vô 。

vô bất ứng sanh hữu bất ứng diệt 。

Nếu là không thì nhất định không, đã không thì không nên sanh, đã có thì không nên diệt,

如其聞者是則為聞。若不聞者則為不聞。

như kỳ văn giả thị tác vi văn 。

nhược bất văn giả tác vi bất văn 。

như được nghe thì nghe, nếu không được nghe thì không nghe,
云何而言聞所不聞。世尊。若不可聞是為不聞。

vân hà nhi ngôn văn sở bất văn 。 Thế tôn 。 nhược bất khả văn thị vi bất văn 。
tại sao nói nghe điều không được nghe. Bạch Thế Tôn! Nếu không thể nghe đó là không
nghe,
若已聞者則更不聞。何以故。已得聞故。
nhược dĩ văn giả tắc canh bất văn 。 hà dĩ cố 。 dĩ đắc văn cố 。
nếu đã nghe thì không nghe lại. Tại vì sao, do đã được nghe vậy,
云何而言聞所不聞。譬如去者。到則不去去則不到。
vân hà nhi ngôn văn sở bất văn 。 thí như khứ giả 。 đáo tắc bất khứ khứ tắc bất đáo 。
tại sao mà nói nghe điều không nghe. Thí như gọi là đi, đến thì không đi, đi thì không đến,
亦如生已不生不生不生。得已不得不得不得。
diệc như sanh dĩ bất sanh bất sanh bất sanh 。 đắc dĩ bất đắc bất đắc bất đắc 。
cũng như sanh rồi thì không sanh, không sanh cái không sanh, đắc rồi thì không đắc,
không đắc cái không đắc,
聞已不聞不聞不聞亦復如是。世尊。若不聞聞者。
văn dĩ bất văn bất văn bất văn diệc phục như thị 。 Thế tôn 。 nhược bất văn văn giả 。
nghe rồi thì không nghe, không nghe cái không nghe cũng lại như vậy. Bạch Thế Tôn!
Nếu không nghe cái nghe,
一切眾生未有菩提即應有之。
nhất thiết chúng sanh vị hữu Bồ-đề tức ứng hữu chi 。
thì tất cả chúng sanh chưa có tâm Bồ-đề thì phải nên có,
未得涅槃亦應得之。未見佛性應見佛性。
vị đắc Niết-Bàn diệc ứng đắc chi 。 vị kiến Phật tánh ứng kiến Phật tánh 。
chưa đắc Niết-bàn phải nên đắc, chưa thấy Phật tánh phải nên thấy.
云何復言十住菩薩雖見佛性未得明了。世尊。若不聞聞者。
vân hà phục ngôn thập trụ Bồ-tát tuy kiến Phật tánh vị đắc minh liễu 。 Thế tôn 。 nhược
bất văn văn giả 。
Tại sao nói Thập Trụ Bồ-tát tuy thấy Phật tánh mà chưa được rõ ràng. Bạch Thế Tôn, nếu
không nghe cái nghe,
如來往昔從誰得聞。若言得聞。
Như Lai往昔從誰得聞。若言得聞。
Như Lai往昔從誰得聞。若言得聞。
thì thuở xưa Như Lai được nghe từ ai, nếu nói được nghe,

何故如來於阿舍中復言無師。

hà cố Như Lai ư A-hàm trung phục ngôn vô sư 。

thì tại sao trong kinh A-hàm Như Lai nói là không có bậc thầy.

若不聞不聞如來得成阿耨多羅三藐三菩提者。

nhược bất văn bất văn Như Lai đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề giả 。

Nếu không nghe cái không nghe mà Như Lai đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác

一切眾生不聞不聞亦應得成阿耨多羅三藐三菩提。

nhất thiết chúng sanh bất văn bất văn diệc ứng đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

thì tất cả chúng sanh không nghe cái không nghe cũng nên đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

如來若當不聞如是大涅槃經見佛性者。

Như Lai nhược đương bất văn như thị Đại Niết-bàn Kinh kiến Phật tánh giả 。

Nếu Như Lai đúng là không nghe kinh Đại Niết-bàn như vậy mà thấy được Phật tánh, 一切眾生不聞是經亦應得見。世尊。

nhất thiết chúng sanh bất văn thị Kinh diệc ứng đắc kiến 。

thì tất cả chúng sanh không nghe kinh này cũng nên thấy Phật tánh. Bạch Thế Tôn, 凡是色者或有可見或不可見。聲亦如是或是可聞或不可聞。

phàm thị sắc giả hoặc hữu khả kiến hoặc bất khả kiến 。

thanh diệc như thị hoặc thị khả văn hoặc bất khả văn 。

phàm là sắc hoặc có thể thấy hoặc không thể thấy, tiếng cũng như vậy, hoặc có thể nghe hoặc không thể nghe,

是大涅槃非色非聲。云何而言可得見聞。世尊。

thị Đại Niết-Bàn phi sắc phi thanh 。

vân hà nhi ngôn khả đắc kiến văn 。

Thế tôn 。

kinh Đại Niết-bàn chẳng phải sắc chẳng phải tiếng, tại sao nói có thể đắc có thể nghe.

Bạch Thế Tôn,

過去已滅則不可聞。未來未至亦不可聞。

quá khứ dĩ diệt tắc bất khả văn 。

vị lai vị chí diệc bất khả văn 。

quá khứ đã diệt thì không thể nghe, vị lai chưa đến cũng không thể nghe,

現在聽時則不名聞。聞已聲滅更不可聞。

hiện tại thính thời tắc bất Danh-Văn 。 văn dĩ thanh diệt canh bất khả văn 。
hiện tại nghe thì không gọi là nghe, nghe rồi thì âm thanh diệt mất lại không thể nghe.
是大涅槃亦非過去未來現在。

thị Đại Niết-Bàn diệc phi quá khứ vị lai hiện tại 。

Kinh Đại Niết-bàn này chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại,
若非三世則不可說。若不可說則不可聞。 nhược phi tam thế tắc bất khả thuyết 。

nhược bất khả thuyết tắc bất khả văn 。

nếu chẳng phải ba đời thì không thể thuyết, nếu không thể thuyết thì không thể nghe,
云何而言菩薩修是大涅槃經聞所不聞。

vân hà nhi ngôn Bồ-tát tu thị Đại Niết-bàn Kinh văn sở bất văn 。

tại sao nói Bồ-tát tu hành kinh Đại Niết-bàn thì có thể nghe điều không nghe.

爾時世尊讚光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩

nhĩ thời Thế tôn tán quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha tát
Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo với Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ-tát Ma-ha-
tát rằng:

言。善哉善哉。善男子。汝今善知一切諸法。

ngôn 。

Thiện tai Thiện tai 。

thiện nam tử 。

nhữ kim thiện tri nhất thiết chư Pháp 。

Lành thay lành thay, Thiện nam Tử! nay ông khéo biết tất cả các pháp

如幻如焰如乾闥婆城畫水之跡。

như huyễn như diệm như Càn thát bà thành họa thủy chi tích 。

là như huyễn, như ánh chớp, như thành Càn-thát-bà vẽ dấu chân trên nước,

亦如泡沫芭蕉之樹空無有實。非命非我無有苦樂。

diệc như phao bọt ba tiêu chi thụ không vô hữu thật 。

phi mạng phi ngã vô hữu khổ lạc 。

。

như bọt nước, như cây chuối, là trống rỗng không có thật, chẳng phải thân mạng, chẳng
phải ngã, không có khổ vui,

如十住菩薩之所知見。

như thập trụ Bồ-tát chi sở tri kiến 。

sự hiểu biết ấy cũng như hàng Thập trụ Bồ-tát.

時大眾中忽然之頃有大光明。

thời Đại chúng trung hốt nhiên chi khoảnh hữu Đại quang-minh 。

Lúc bấy giờ trong đại chúng bỗng nhiên có ánh sáng lớn,
 非青見青非黃見黃非赤見赤非白見白。非色見色非明見明非見而見。
 phi thanh kiến thanh phi hoàng kiến hoàng phi xích kiến xích phi bạch kiến bạch 。 phi sắc
 kiến sắc phi minh kiến minh phi kiến nhi kiến 。
 chẳng phải xanh mà thấy xanh, chẳng vàng mà thấy vàng, chẳng đỏ mà thấy đỏ, chẳng
 phải trắng mà thấy trắng, chẳng phải sắc mà thấy sắc, chẳng phải sáng mà thấy sáng,
 chẳng thấy mà thấy.

爾時大眾遇斯光已身心快樂。譬如比丘入師子王定。
 nhĩ thời Đại chúng ngộ tư quang dĩ thân tâm khoái lạc 。 thí như bỉ khâu nhập Sư-tử
 Vương định 。

Bấy giờ đại chúng gặp ánh sáng này rồi thì thân tâm vui vẻ, như Tỳ-kheo nhập định Sư Tử
 Vương,
 爾時文殊師利菩薩摩訶薩白佛言。世尊。
 nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-Ha tát bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-ha-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!
 今此光明誰之所放。爾時如來默然不說。
 kim thử quang-minh thùy chi sở phóng 。 nhĩ thời Như Lai mặc nhiên bất thuyết 。

Ánh sáng này là do ai phóng ra? Bấy giờ đức Như Lai im lặng không đáp.
 迦葉菩薩復問文殊師利。
 ca diệp Bồ-tát phục vấn Văn-thù-sư-lợi 。

Bồ-tát Ca-diếp lại hỏi Văn-thù-sư-lợi rằng:
 何因緣故有此光明照於大眾。文殊師利默然不答。
 hà nhân duyên cố hữu thử quang-minh chiếu ư Đại chúng 。

Văn-thù-sư-lợi mặc nhiên bất
 đáp 。

Do nhân duyên gì mà có ánh sáng này chiếu khắp đại chúng. Văn-thù-sư-lợi lại im lặng
 không đáp.

爾時無邊身菩薩復問迦葉菩薩。今此光明誰之所有。
 nhĩ thời vô biên thân Bồ-tát phục vấn ca diệp Bồ-tát 。

kim thử quang-minh thùy chi sở hữu
 。

Lúc bấy giờ Bồ-tát Vô Biên Thân lại hỏi Bồ-tát Ca-diếp: Nay ánh sáng này là của ai?
 迦葉菩薩默然不說。

ca diệp Bồ-tát mặc nhiên bất thuyết 。

Bồ-tát Ca-diếp im lặng không đáp.

淨住王子菩薩復問無邊身菩薩。何因緣故是大眾中有此光明。

Tịnh trụ Vương tử Bồ-tát phục vấn vô biên thân Bồ-tát 。 hà nhân duyên cố thị Đại chúng trung hữu thử quang-minh 。

Bồ-tát Tịnh Trụ Vương Tử lại hỏi Bồ-tát Vô Biên Thân: Do nhân duyên gì mà trong Đại chúng có ánh sáng này?

無邊身菩薩默然不說。如是五百菩薩皆亦如是。

vô biên thân Bồ-tát mặc nhiên bất thuyết 。

như thị ngũ bách Bồ-tát giai diệp như thị 。

Bồ-tát Vô Biên Thân lặng im không đáp. Như vậy lần lượt đến năm trăm vị Bồ-tát đều như nhau,

雖相諮問然無答者。爾時世尊問文殊師利言。

tuy tương ti vấn nhiên vô đáp giả 。

nhĩ thời Thế tôn vấn Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

tuy cùng hỏi nhưng im lặng không đáp. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn hỏi Văn-thù-sư-lợi rằng: Văn-thù-sư-lợi. 何因緣故。是大眾中有此光明。

Văn-thù-sư-lợi 。

hà nhân duyên cố 。

thị Đại chúng trung hữu thử quang-minh 。

Văn-thù-sư-lợi, do nhân duyên gì mà trong Đại chúng có ánh sáng này?

文殊師利言。世尊。如是光明名為智慧。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Thế tôn 。

như thị quang-minh danh vi trí tuệ 。

Văn-thù-sư-lợi đáp: Bạch Thế Tôn! Ánh sáng này gọi là trí tuệ,

智慧者即是常住。常住之法無有因緣。

trí tuệ giả tức thị thường trụ 。

thường trụ chi Pháp vô hữu nhân duyên 。

trí tuệ tức là thường trụ, pháp thường trụ thì không có nhân duyên,

云何佛問何因緣故有是光明。是光明者名大涅槃。

vân hà Phật vấn hà nhân duyên cố hữu thị quang-minh 。

thị quang-minh giả danh Đại Niết-Bàn 。

sao Phật hỏi do nhân duyên gì mà có ánh sáng này. Ánh sáng này gọi là Đại Niết-bàn,

大涅槃者則名常住。常住之法不從因緣。

Đại Niết-Bàn giả tắc danh thường trụ 。

thường trụ chi Pháp bất tòng nhân duyên 。

Đại Niết Bàn này tức là thường trụ, pháp thường trụ thì không từ nhân duyên,

云何佛問何因緣故有是光明。

vân hà Phật vấn hà nhân duyên cố hữu thị quang-minh 。
sao Phật hỏi do nhân duyên gì mà có ánh sáng này.
是光明者即是如來。如來者即是常住。常住之法不從因緣。
thị quang-minh giả tức thị Như Lai 。 Như Lai giả tức thị thường trụ 。 thường trụ chi Pháp
bất tông nhân duyên 。
Ánh sáng này tức là Như Lai, Như Lai tức là thường trụ, pháp thường trụ thì không từ
nhân duyên,
云何如來問於因緣。光明者名大慈大悲。
vân hà Như Lai vấn ư nhân duyên 。 quang-minh giả danh Đại từ Đại bi 。
sao Như Lai hỏi về nhân duyên. Ánh sáng này gọi là Đại Từ Đại Bi.
大慈大悲者名為常住。常住之法不從因緣。
Đại từ Đại bi giả danh vi thường trụ 。 thường trụ chi Pháp bất tông nhân duyên 。
Đại từ đại bi tức là thường trụ, pháp thường trụ thì không từ nhân duyên,
云何如來問於因緣。光明者即是念佛。
vân hà Như Lai vấn ư nhân duyên 。 quang-minh giả tức thị niệm Phật 。
Sao Như Lai hỏi về nhân duyên. Ánh sáng này tức là niệm Phật,
念佛者是名常住。常住之法不從因緣。
niệm Phật giả thị danh thường trụ 。 thường trụ chi Pháp bất tông nhân duyên 。
niệm Phật gọi là thường trụ, pháp thường trụ thì không từ nhân duyên,
云何如來問於因緣。光明者即是一切聲聞緣覺不共之道。
vân hà Như Lai vấn ư nhân duyên 。 quang-minh giả tức thị nhất thiết Thanh văn Duyên
giác bất-cộng chi đạo 。
sao Như Lai hỏi về nhân duyên. Ánh sáng này tức là Đạo không cùng chung của tất cả
Thanh văn, Duyên giác.
聲聞緣覺不共之道即名常住。
Thanh văn Duyên giác bất-cộng chi đạo tức danh thường trụ 。
Đạo không cùng chung của tất cả Thanh văn, Duyên giác tức là thường trụ,
常住之法不從因緣。云何如來問於因緣。世尊。
thường trụ chi Pháp bất tông nhân duyên 。 vân hà Như Lai vấn ư nhân duyên 。 Thế tôn
。

pháp trường trụ thì không cùng nhân duyên, sao Như Lai hỏi về nhân duyên. Bạch Thế Tôn!

亦有因緣因滅無明。

diệc hữu nhân duyên nhân diệt vô minh 。

Cũng có nhân duyên, nhân diệt vô minh

則得熾然阿耨多羅三藐三菩提燈。佛言。文殊師利。

tắc đắc sí nhiên a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề đấng 。

Phật ngôn 。

Văn-thù-sư-lợi 。

thì ngọn đuốc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cháy rực. Phật dạy: Văn-thù-sư-lợi
汝今莫入諸法甚深第一義諦。應以世諦而解說之。文殊師利言。世尊。

nhữ kim mạc nhập chư Pháp thậm thâm đệ nhất nghĩa đế 。

Ứng dĩ thế đế nhi giải thuyết
chi 。

Văn-thù-sư-lợi ngôn 。

Thế tôn 。

Thế tôn 。

Thế tôn 。

Thế tôn 。

Thế tôn 。

Thế tôn 。

Thế tôn 。

Thế tôn 。

Thế tôn 。

Thế tôn 。

Thế tôn 。

nhược hữu chúng sanh vẫn kỳ hoa hương thân tâm an lạc 。 thí như bỉ khâu nhập đệ tam Thiên 。

nếu có chúng sanh nào nghe được mùi hương của hoa ấy thì thân tâm an lạc, như Tỳ-kheo nhập định Tam thiên.

周匝復有三千大河。其水微妙八味具足。

châu tạp phục hữu tam thiên Đại hà 。

Xung quanh lại có ba ngàn con sông lớn, nước ấy vi diệu đủ tám thứ công đức,

若有眾生在中浴者。所得喜樂譬如比丘入第二禪。

nhược hữu chúng sanh tại trung dục giả 。

sở đắc thiện lạc thí như bỉ khâu nhập đệ nhị Thiên 。

nếu có chúng sanh nào tắm trong sông ấy thì được vui sướng như Tỳ-kheo nhập định Tam thiên,

其河多有種種諸花。

kỳ hà đa hữu chủng chủng chư hoa 。

trên sông có rất nhiều thứ hoa,

優鉢羅花波頭摩花拘物頭花分陀利花香花大香花微妙香花常花一切眾
Ưu bát la hoa ba đầu ma hoa câu vật đầu hoa phân đà lợi hoa hương hoa Đại hương hoa
vi diệu hương hoa thường hoa nhất thiết chúng

Như là hoa Ưu-bát-la, Ba-đầu-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi, hoa Hương, hoa Đại hương,
hoa Vi diệu hương,

生無遮護花。其河兩岸亦有眾花。

sanh vô giả hộ hoa。 kỳ hà lưỡng ngạn diệc hữu chúng hoa 。

hoa Nhất thiết chúng sanh vô giá hộ。 Hai bên bờ sông cũng có các thứ hoa,

所謂阿提目多伽花占婆花波吒羅花婆師羅花摩利迦

sở vị a đề mục đa dà hoa chiêm bà hoa ba trá la hoa bà sư la hoa ma lợi ca

đó là hoa A-đề-mục-đà-già, hoa Chiêm-bách, hoa Ba-tra-la, hoa Bà-sư-la, hoa Ma-lợi-ca,

花大摩利迦花新摩利迦花須摩那迦花由

hoa Đại ma lợi ca hoa tân ma lợi ca hoa tu ma na ca hoa do

hoa Đại ma-lợi-ca, hoa Tân-ma-lợi-ca, hoa Tu-ma-na-ca,

提迦花檀[少/兔]迦利花常花一切眾生無遮護

đề ca hoa đàn [Nậu Nậu Nậu]Ca lợi hoa thường hoa nhất thiết chúng sanh vô giả hộ

hoa Du-đề-ca, hoa Đàn-ca-lợi, hoa Nhất thiết chúng sanh vô giá hộ.

花。底布金沙有四梯榭金銀琉璃雜色頗梨。

hoa 。 để bố kim sa hữu tứ thê bệ kim ngân lưu ly tạp sắc pha-lê 。

Đáy sông làm bằng cát vàng, có bốn bậc thang được làm bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê,
多有眾鳥遊集其上。

đa hữu chúng điểu du tập kỳ thượng 。

có rất nhiều loài chim tụ tập trên ấy.

復有無量虎狼師子諸惡鳥獸。其心相視猶如赤子。

phục hữu vô lượng hổ lang Sư-tử chư ác điểu thú 。

Lại có vô lượng ác thú như hổ lang, sư tử, mà tâm chúng đối xử nhu như con đò.

彼世界中一切無有犯重禁者。

bỉ thế giới trung nhất thiết vô hữu phạm trọng cấm giả 。

trong thế giới ấy không có những người phạm trọng giới cấm,

誹謗正法及一闡提五逆等罪。其土調適無有寒熱飢渴苦惱。

phỉ báng chánh Pháp cập nhất xiển đề ngũ nghịch đặng tội 。

kỳ độ điều thích vô hữu hàn nhiệt cơ khát khổ não 。

hoặc phỉ báng chánh pháp, không có hạng Nhất xiển đề hay phạm năm tội nghịch. Cõi ấy

điều hòa không có nóng lạnh, đói khát hay khổ não,

無貪欲恚放逸嫉妬。無有日月晝夜時節。

vô tham dục khuể phóng dật tật đố 。

vô hữu nhật nguyệt trú dạ thời tiết 。

không có tham dục, sân giận, phóng dật hay tật đố, không thời tiết ngày đêm hay mặt trời,

mặt trăng,

猶如第二忉利天上。其土人民等有光明。

do như đệ nhị đao lợi Thiên thượng 。

kỳ độ nhân dân đặng hữu quang-minh 。

mà cuộc sống như cõi trời Đao Lợi. Nhân dân cõi ấy đều có hào quang,

各各無有憍慢之心。一切悉是菩薩大士。

các các vô hữu kiêu mạn chi tâm 。

nhất thiết tất thị Bồ-tát Đại sĩ 。

người người đều không có tâm kiêu mạn, tất cả đều là Bồ-tát Đại Sĩ,

皆得神通具大功德。其心悉皆尊重正法。

giai đắc Thần thông cụ Đại công đức 。

kỳ tâm tất giai tôn trọng chánh Pháp 。

đều đắc thần thông, có đủ công đức lớn, đều có tâm tôn trọng chánh pháp,

乘於大乘愛念大乘貪樂大乘護惜大乘。大慧成就得大總持。

thừa ư Đại thừa ái niệm Đại thừa tham lạc Đại thừa hộ tích Đại thừa 。 Đại Huệ thành tựu
đắc Đại tổng trì 。

học pháp Đại thừa, nghĩ nhớ Đại thừa, ưa thích Đại thừa ủng hộ Đại thừa, thành tựu đại
tuệ, đắc đại tổng trì,

心常憐愍一切眾生。

tâm thường liên mẫn nhất thiết chúng sanh 。

tâm thường thương mến tất cả chúng sanh.

其佛號曰滿月光明如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御

kỳ Phật hiệu viết mãn nguyệt quang-minh Như Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri Minh-hạnh-
Túc thiện thế gian giải Vô-thượng-Sĩ điều ngự

Đức Phật cõi ấy hiệu là Mãn Nguyệt Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri,
Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự,

丈夫天人師佛世尊。隨所住處有所講宣。

trượng phu Thiên Nhơn Sư Phật Thế tôn 。

Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, tùy theo chỗ Ngài trụ mà có tuyên giảng
chánh pháp,

其土眾生無不得聞為琉璃光菩薩摩訶薩講宣

kỳ độ chúng sanh vô bất đắc văn vi lưu ly quang Bồ-tát Ma-Ha tát giảng tuyên

chúng sanh cõi ấy không ai là không được nghe Bồ-tát Lưu Ly Quang tuyên giảng

如是大涅槃經。佛言。善男子。

như thị Đại Niết-bàn Kinh 。

kinh Đại Niết-bàn. Phật dạy: Thiện nam tử,

菩薩摩訶薩若能修行大涅槃經。所不聞者皆悉得聞。

Bồ-tát Ma-Ha tát nhược năng tu hành Đại Niết-bàn Kinh 。

Bồ-tát Ma-ha-tát nếu có thể tu hành kinh Đại Niết-bàn thì những điều không nghe đều
được nghe hết,

彼琉璃光菩薩摩訶薩問滿月光明佛。

bỉ lưu ly quang Bồ-tát Ma-Ha tát vấn mãn nguyệt quang-minh Phật 。

Bồ-tát Lưu Ly Quang ấy hỏi Phật mãn Nguyệt Quang Minh,

亦如此間光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩所問等無
diệc như thử gian quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha tát sở vấn
đẳng vô
cũng như nay Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ-tát Ma-ha-tát hỏi Ta
有異。彼滿月光明佛即告琉璃光菩薩言。
hữu dị 。 bỉ mãn nguyệt quang-minh Phật tức cáo lưu ly quang Bồ-tát ngôn 。
không khác. Phật Mãn Nguyệt Quang Minh ấy bảo với Bồ-tát Lưu Ly Quang rằng:
善男子。西方去此二十恒河沙佛土。
thiện nam tử 。 Tây phương khứ thử nhị thập hằng hà sa Phật thổ 。
Thiện nam tử, về phía Tây cách cõi này hai mươi hằng hà sa cõi Phật,
彼有世界名曰娑婆。
bỉ hữu thế giới danh viết Sa Bà 。
có một thế giới tên là Ta-bà,
其土多有山陵堆阜土沙礫石荊棘毒刺周遍充滿。常有飢渴寒熱苦惱。
kỳ độ đa hữu sơn lăng đồi phụ độ sa lịch thạch kinh 棘 độc thứ châu biến sung mãn 。
thường hữu cơ khát hàn nhiệt khổ não 。
cõi ấy có nhiều núi non gò đồi đất đá ngói gạch, gai góc cùng các thứ độc hại vây quanh,
thường có đói khát, nóng, lạnh, khổ não.
其土人民不能恭敬沙門婆羅門父母師長。
kỳ độ nhân dân bất năng cung kính Sa-môn Bà-la-môn phụ mẫu sư trưởng 。
Nhân dân cõi ấy không biết cung kính Sa-môn, Bà-la-môn, cha mẹ, sư trưởng,
貪著非法欲於非法修行邪法不信正法壽命
tham trước phi Pháp dục ư phi Pháp tu hành tà Pháp bất tín chánh Pháp thọ mạng
tham đắm việc phi pháp, ưa thích phi pháp, tu hành tà pháp, không tin chánh pháp, đời
sống
短促。有行姦詐王者治之。
đoản xúc 。 hữu hành gian trá Vương giả trì chi 。
ngắn ngủi. Có người gian trá thì Vua trị tội.
王雖有國不知滿足。於他所有生貪利心。
Vương tuy hữu quốc bất tri mãn túc 。 ư tha sở hữu sanh tham lợi tâm 。
Vua tuy có đất nước mà không có biết đủ, thường sanh tâm tham đắm đối với nước khác,

興師相伐枉死者眾王者。修行如是非法。四天善神心無歡喜。

hưng sư tướng phật uổng tử giả chúng Vương giả 。 tu hành như thị phi Pháp 。 tứ Thiên thiện Thần tâm vô hoan hỉ 。

rồi khởi binh đánh nhau làm chúng sanh chết oan, làm việc phi pháp như vậy khiến Tứ thiên vương, thiện thần không hoan hỷ,

故降災旱穀米不登人民多病苦惱無量。

cố hàng tai hạn cốc mễ bất đẳng nhân dân đa bệnh khổ não vô lượng 。

cho nên gieo hạn hán khiến lúa gạo không tốt, nhân dân phần nhiều bị bệnh khổ não vô lượng.

彼中有佛號釋迦牟尼如來應供正遍知明行足

bỉ trung hữu Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni Như Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri Minh-hạnh-Túc

Cõi ấy có đức Phật hiệu là Thích-ca-mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc,

善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世

thiện thế thế gian giải Vô-thượng-Sĩ điều ngự trượng phu Thiên Nhơn Sư Phật thế Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật Thế

尊。大悲純厚愍眾生故。

tôn 。

Đại bi thuần hậu mẫn chúng sanh cố 。

Tôn. Do Phật có tâm đại bi thương xót chúng sanh,

於拘尸那城娑羅雙樹間。為諸大眾敷演如是大涅槃經。

ư Câu-thi-na thành sa-la song thụ gian 。

vì chư Đại chúng phu diễn như thị Đại Niết-bàn Kinh 。

nên ở giữa hai cây Sa-la tại thành Câu-thi-na mà diễn thuyết kinh Đại Niết-bàn cho Đại chúng.

彼有菩薩名光明遍照高貴德王。

bỉ hữu Bồ-tát danh quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương 。

Lại có Bồ-tát tên là Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương,

已問斯事如汝無異。佛今答之汝可速往自當得聞。世尊。

dĩ vấn tư sự như nhữ vô dị 。 Phật kim đáp chi nhữ khả tốc vãng tự đương đắc văn 。 Thế tôn 。

đã hỏi việc này cũng như Ông hỏi không khác. Nay đức Phật đang trả lời, Ông hãy mau đến đó thì sẽ được nghe.

彼琉璃光菩薩聞是事已。

bỉ lưu ly quang Bồ-tát văn thị sự dĩ 。

Bồ-tát Lưu ly Quang nghe việc này rồi

與八萬四千菩薩摩訶薩欲來至此故先現瑞。

dữ bát vạn tứ thiên Bồ-tát Ma-Ha tát dục lai chí thử cổ tiên hiện thụy 。

liền cùng tám vạn bốn ngàn Bồ-tát Ma-ha-tát muốn đến cõi Ta-bà, cho nên hiện trước điều lành,

以此因緣有此光明。是名因緣亦非因緣。

dĩ thử nhân duyên hữu thử quang-minh 。

thị danh nhân duyên diệc phi nhân duyên 。

do nhân duyên này mà có ánh sáng ấy, đây gọi là nhân duyên mà chẳng phải nhân duyên.

爾時琉璃光菩薩與八萬四千諸菩薩俱。

nhĩ thời lưu ly quang Bồ-tát dữ bát vạn tứ thiên chư Bồ-tát câu 。

Lúc bấy giờ Bồ-tát Lưu Ly Quang cùng với tám vạn bốn ngàn Bồ-tát

持諸幡蓋香花瓔珞種種伎樂倍勝於前。

trì chư phiên cái hương hoa anh lạc chủng chủng kĩ nhạc bội thắng ư tiền 。

cầm các lọng báu, hương hoa, anh lạc, các thứ kĩ nhạc

俱來至此拘尸那城娑羅雙樹間。以己所持供養之具供養於佛。

câu lai chí thử Câu-thi-na thành sa-la song thụ gian 。

dĩ kỹ sở trì cung dưỡng chi cụ cung dưỡng ư Phật 。

rồi cùng đến nơi hai cây Sa-la thuộc thành Câu-thi-na, đem những thứ ấy mà cúng dường lên đức Phật,

頭面禮足合掌恭敬右繞三匝。

đầu diện lễ túc hợp chưởng cung kính hữu nhiều tam匝 。

đem đầu mặt lễ dưới chân Phật, chắp tay cung kính đi nhiễu bên phải ba vòng

修敬已畢却坐一面。

tu kính dĩ tất khước tọa nhất diện 。

rồi ngồi qua một bên.

爾時世尊問彼菩薩。善男子。

nhĩ thời Thế tôn vấn bỉ Bồ-tát 。 thiện nam tử 。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn hỏi Bồ-tát Lưu Ly Quang rằng:

汝為到來為不到來。琉璃光菩薩言。世尊。

nhữ vi đáo lai vi bất đáo lai 。 lưu ly quang Bồ-tát ngôn 。 Thế tôn 。

Ông đến đây hay là không đến. Bồ-tát Lưu Ly Quang thưa: Bạch Thế Tôn,

到亦不來不到亦不來。我觀是義都無有來。世尊。

đáo diệc Bất-lai bất đáo diệc Bất-lai 。 ngã quán thị nghĩa đô vô hữu lai 。 Thế tôn 。

Đến cũng không đến, không đến cũng không đến, con quán xét nghĩa này đều là không đến. Bạch Thế Tôn,

諸行若常亦復不來。若是無常亦無有來。

chư hành nhược thường diệc phục Bất-lai 。 nhược thị vô thường diệc vô hữu lai 。

Các hành nếu là thường cũng lại không đến, nếu là vô thường cũng không có đến, nếu người thấy có đến không đến, nay con không thấy có đến, nay con không thấy có đến, nay con không thấy có đến, nay con không thấy có đến.

nhuợc nhân kiến hữu chúng sanh tánh giả hữu lai Bất-lai 。 ngã kim bất kiến chúng sanh định tánh 。

nếu có người thấy tánh của chúng sanh là có đến không đến, nay con không thấy tánh nhất định của chúng sanh.

云何當言有來不來。有憍慢者見有去來。

vân hà đương ngôn hữu lai Bất-lai 。 hữu kiêu mạn giả kiến hữu khứ lai 。

Tại sao nói có đến không đến. Người có tâm kiêu mạn thì thấy có đến đi, không kiêu mạn thì không đi.

vô kiêu mạn giả tắc vô khứ lai 。 hữu thủ hành giả kiến hữu khứ lai 。

người không kiêu mạn thì không đến đi, người chấp sự đi thì thấy có đến đi,

無取行者則無去來。若見如來畢竟涅槃則有去來。

vô thủ hành giả tắc vô khứ lai 。 nhược kiến Như Lai tất cánh Niết-Bàn tắc hữu khứ lai 。

người không chấp sự đi thì không đến đi. Nếu thấy Như Lai rốt ráo Niết-bàn thì có đến đi, không thấy Như Lai rốt ráo Niết-bàn thì không đến đi.

bất kiến Như Lai tất cánh Niết-Bàn tắc vô khứ lai 。

không thấy Như Lai rốt ráo Niết-bàn thì không đến đi,

不聞佛性則有去來。聞佛性者則無去來。

bất văn Phật tánh tắc hữu khứ lai 。 văn Phật tánh giả tắc vô khứ lai 。

không nghe Phật tánh thì có đến đi, nghe được Phật tánh thì không đến đi,

若見聲聞辟支佛人有涅槃者則有去來。

nhược kiến Thanh văn Bích-chi-phật nhân hữu Niết-Bàn giả tắc hữu khứ lai 。

nếu thấy Thanh văn, Bích-chi-phật có Niết-bàn thì có đến đi,

不見聲聞辟支佛人有涅槃者則無去來。

bất kiến Thanh văn Bích-chi-phật nhân hữu Niết-Bàn giả tắc vô khứ lai 。

không thấy Thanh văn, Bích Chi, Phật Niết-bàn thì không có đến đi.

若見聲聞辟支佛人常樂我淨則有去來。若不見者則無去來。

nhược kiến Thanh văn Bích-chi-phật nhân thường lạc ngã tịnh tắc hữu khứ lai 。

bất kiến giả tắc vô khứ lai 。

Nếu thấy Thanh văn, Bích-chi-phật thường, lạc, ngã, tịnh thì có đến đi, nếu không thấy thì không có đến đi.

若見如來無常樂我淨則有去來。

nhược kiến Như Lai vô thường lạc ngã tịnh tắc hữu khứ lai 。

Nếu thấy Như Lai không có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh thì có đến đi,

若見如來常樂我淨則無去來。世尊。且置斯事欲有所問。

nhược kiến Như Lai thường lạc ngã tịnh tắc vô khứ lai 。

Thế tôn 。

thả trí tư sự dục hữu sở vấn 。

nếu thấy Như Lai Thường Lạc Ngã Tịnh thì không đến đi. Bạch Thế Tôn, tạm gác việc này

đã, nay con có điều muốn hỏi,

唯垂哀愍少見聽許。佛言。善男子。

duy thùỳ ai mẫn thiểu kiến thính hứa 。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

xin Ngài thương xót hứa khả. Phật dạy: Thiện nam tử,

隨意所問今正是時。我當為汝分別解說。所以者何。

tùy ý sở vấn kim chánh thị thời 。

ngã đương vi nữ phân biệt giải thuyết 。

sở dĩ giả hà 。

tùy Ông hỏi nay chính là đúng thời. Ta sẽ vì Ông phân biệt giảng nói, tại vì sao,

諸佛難值如優曇花。法亦如是難可得聞。

chư Phật nan trị như ưu đàm hoa 。

Pháp diệc như thị nan khả đắc văn 。

bởi chư Phật rất khó gặp như hoa Ưu Đàm nở, pháp cũng như vậy rất khó được nghe,

十二部經中方等復難。是故應當專心聽受。

thập nhị bộ Kinh trung phương đẳng phục nan 。 thị cố ứng đương chuyên tâm thính thọ
。

trong mười hai bộ kinh Đại Thừa Phương Đẳng lại càng khó hơn, cho nên Ông phải
chuyên tâm lắng nghe lãnh thọ.

時琉璃光菩薩摩訶薩。既蒙聽許兼被誠勅。即白佛言。

thời lưu ly quang Bồ-tát Ma-Ha tát 。 ký mông thính hứa kiêm bị giới sắc 。 tức bạch Phật
ngôn 。

Lúc bấy giờ Lưu Ly Quang Bồ-tát Ma-ha-tát được Phật chấp thuận và chỉ dạy, Bồ-tát liền
bạch Phật rằng:

世尊。

Thế tôn 。

Bạch Thế Tôn!

云何菩薩摩訶薩有能修行大涅槃經聞所不聞。爾時如來讚言。善哉善哉。善男子。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát hữu năng tu hành Đại Niết-bàn Kinh văn sở bất văn 。 nhĩ thời
Như Lai tán ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。 thiện nam tử 。

Tại sao Bồ-tát Ma-ha-tát có thể tu hành kinh Đại Niết-bàn thì được nghe điều không
nghe? Lúc bấy giờ Như Lai khen ngợi rằng: Lành thay lành thay, Thiện nam tử,
汝今欲盡如是大乘大涅槃海。

nhữ kim dục tận như thị Đại thừa Đại Niết-Bàn hải 。

nay Ông muốn hiểu hết kinh Đại Thừa Đại Niết-bàn này,

正復值我能善解說。汝今所有疑網毒鏃。

chánh phục trị ngã năng thiện giải thuyết 。 nhữ kim sở hữu nghi võng độc thốc 。

đúng lúc gặp Ta có thể giảng thuyết, nay Ông đang có mũi tên độc là sự nghi ngờ,
我為大醫能善拔出。汝於佛性猶未明了。

ngã vi Đại y năng thiện bạt xuất 。

nhữ ư Phật tánh do vị minh liễu 。

ta là bậc thầy thuốc có thể rút mũi tên độc, Ông đối với Phật tánh còn thấy mờ mịt.
我有慧炬能為照明。汝今欲度生死大河。我能為汝作大船師。

ngã hữu Tuệ-Cự năng vi chiếu minh 。

nhữ kim dục độ sanh tử Đại hà 。

ngã năng vi nhữ
tác Đại thuyền sư 。

Ta có đước tuệ có thể chiếu sáng. Nay Ông muốn vượt qua sông lớn sanh tử, Ta có thể vì Ông mà làm thuyền trưởng.

汝於我所生父母想。我亦於汝生赤子心。

nhữ ư ngã sở sanh phụ mẫu tưởng 。 ngã diệc ư nhữ sanh xích tử tâm 。

Ông đối với Ta suy nghĩ như cha mẹ, Ta đối với Ông cũng sanh tâm là con đờ, 汝心今者貪正法寶。值我多有能相惠施。

nhữ tâm kim giả tham chánh Pháp bảo 。 trị ngã đa hữu năng tướng huệ thí 。

nay tâm Ông tham chánh pháp báu, gặp Ta có rất nhiều có thể ban cho Ông, 諦聽諦聽善思念之。吾當為汝分別宣釋。善男子。

để thính để thính thiện tư niệm chi 。 ngô đương vi nhữ phân biệt tuyên thích 。 thiện nam tử 。

Ông hãy lắng nghe khéo suy nghĩ kỹ, Ta sẽ vì Ông phân biệt tuyên thuyết. Thiện nam tử, 欲聽法者今正是時。若聞法已當生敬信。

dục thính Pháp giả kim chánh thị thời 。 nhược văn Pháp dĩ đương sanh kính tín 。

Ông muốn nghe pháp, nay chính là đúng thời, nếu nghe pháp rồi phải sanh tâm kính tín, 至心聽受恭敬尊重。於正法所莫求其過。

chí tâm thính thọ cung kính tôn trọng 。 ư chánh Pháp sở mạc cầu kỳ quá 。

chí tâm lãnh thọ cung kính tôn trọng, đối với chánh pháp chớ tìm cầu chỗ sai, 莫念貪欲瞋恚愚癡。莫覩法師種性好惡。

mạc niệm tham dục sân khuể ngu si 。 mạc đở Pháp sư chủng tính hảo ác 。

chớ khởi tham lam, sân hận, si mê, chớ nhìn pháp sư là dòng tộc tốt xấu.

既聞法已莫生憍慢。莫為恭敬名譽利養。

ký văn Pháp dĩ mạc sanh kiêu mạn 。 mạc vi cung kính danh dự lợi dưỡng 。

Đã nghe pháp rồi chớ sanh tâm kiêu mạn, chớ cung kính vì danh tiếng lợi dưỡng, 當為度世甘露法利。亦莫生念。

đương vi độ thể cam lộ Pháp lợi 。 diệc mạc sanh niệm 。

mà phải vì độ thoát thế gian, ban bố pháp cam lồ khiến có lợi ích, cũng chớ nghĩ rằng, 我聽法已先自度身然後度人。先自解身然後解人。

ngã thính Pháp dĩ tiên tự độ thân nhiên hậu độ nhân 。 tiên tự giải thân nhiên hậu giải nhân 。

ta nghe pháp rồi thì trước độ thân mình sau mới độ người khác, trước tự cứu mình sau mới cứu người,

先自安身然後安人。先自涅槃然後令人而得涅槃。

tiên tự an thân nhiên hậu an nhân 。 tiên tự Niết-Bàn nhiên hậu lệnh nhân nhi đắc Niết-Bàn 。

trước tự an thân sau mới an cho người, trước phải tự vào Niết-bàn, sau mới khiến người khác được vào Niết-bàn.

於佛法僧應生等想。於生死中生大苦想。

ư Phật Pháp tăng ứng sanh đẳng tưởng 。 ư sanh tử trung sanh Đại khổ tưởng 。

Đối với Phật Pháp Tăng nên sanh ý tưởng bình đẳng, đối với sanh tử nên nghĩ khổ não, 於大涅槃應生常樂我淨之想。先為他人然後為身。

ư Đại Niết-Bàn ứng sanh thường lạc ngã tịnh chi tưởng 。 tiên vi tha nhân nhiên hậu vi thân 。

đối với Đại Niết-bàn nên sanh ý tưởng Thường Lạc Ngã Tịnh, trước vì người khác sau mới vì mình,

當為大乘莫為二乘。於一切法當無所住。

đương vi Đại thừa mạc vi nhị thừa 。 ư nhất thiết Pháp đương vô sở trụ 。

phải vì Đại Thừa chớ vì Nhị thừa, đối với tất cả pháp đừng có trụ tâm

亦莫專執一切法相。於諸法中莫生貪相。

diệc mạc chuyên chấp nhất thiết Pháp tướng 。 ư chư Pháp trung mạc sanh tham tướng 。

cũng chớ chuyên chấp tất cả pháp tướng, đối với các pháp chớ sanh tướng tham, 常生知法見法之相。善男子。汝能如是至心聽法。

thường sanh tri Pháp kiến Pháp chi tướng 。 thiện nam tử 。 nữi năng như thị chí tâm thính Pháp 。

mà thường sanh tướng biết pháp thấy pháp. Thiện nam tử, ông có thể chí tâm nghe pháp như vậy,

是則名為聞所不聞。善男子。

thị tắc danh vi văn sở bất văn 。 thiện nam tử 。

đó gọi là nghe điều không nghe. Thiện nam tử,

有不聞聞有不聞不聞有聞不聞有聞聞。善男子。如不生。

hữu bất văn văn hữu bất văn bất văn hữu văn bất văn hữu văn văn 。 thiện nam tử 。 như
bất sanh sanh 。

có lúc không nghe cái nghe, có lúc không nghe cái không nghe, có lúc nghe cái không
nghe, có lúc nghe cái nghe. Thiện nam tử, cũng như không sanh cái sanh,
不生不生。生不生。生生。如不到到。

bất sanh bất sanh 。 sanh bất sanh 。 sanh sanh 。 như bất đáo đáo 。

không sanh cái không sanh, sanh cái không sanh, sanh cái sanh. Như không đến nơi đến,
不到不到。到不到。到到。世尊。云何不生生。善男子。

bất đáo bất đáo 。 đáo bất đáo 。 đáo đáo 。 Thế tôn 。 vân hà bất sanh sanh 。 thiện nam
tử 。

không đến nơi không đến, đến nơi không đến, đến nơi đến. Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là
không sanh cái sanh? Phật dạy: Thiện nam tử,
安住世諦初出胎時。是名不生生。

an trú thế đế sơ xuất thai thời 。 thị danh bất sanh sanh 。

An trú nơi pháp thế gian, lúc mới ra khỏi thai thì gọi là không sanh cái sanh.

云何不生不生。善男子。是大涅槃無有生相。

vân hà bất sanh bất sanh 。 thiện nam tử 。 thị Đại Niết-Bàn vô hữu sanh tướng 。

Thế nào gọi là không sanh cái không sanh. Phật dạy: Thiện nam tử, đó là Đại Niết-bàn
không có tướng sanh,

是名不生不生。云何生不生。善男子。

thị danh bất sanh bất sanh 。 vân hà sanh bất sanh 。 thiện nam tử 。

đó gọi là không sanh cái không sanh, thế nào gọi là sanh cái không sanh? Phật dạy:

Thiện nam tử,

世諦死時是名生不生。云何生生。善男子。

thế đế tử thời thị danh sanh bất sanh 。 vân hà sanh sanh 。 thiện nam tử 。

theo pháp thế gian lúc chết thì gọi là sanh cái không sanh. Thế nào gọi là sanh cái sanh.

Phật dạy: Thiện nam tử

一切凡夫是名生生。何以故。生生不斷故。一切有漏念念生故。

nhất thiết phàm phu thị danh sanh sanh 。 hà dĩ cố 。 sanh sanh bất đoạn cố 。 nhất thiết
hữu lậu niệm niệm sanh cố 。

Tất cả phàm phu gọi là sanh cái sanh, Tại vì sao? Do sanh liên tục không ngừng, do tất cả hữu lậu niệm niệm sanh mãi,

是名生生。四住菩薩名生不生。何以故。

thị danh sanh sanh 。 tứ trụ Bồ-tát danh sanh bất sanh 。 hà dĩ cố 。

đó gọi là sanh cái sanh. Tứ trụ Bồ-tát gọi là sanh cái không sanh, tại vì sao,

生自在故是名生不生。善男子。是名內法。

sanh tự-tại cố thị danh sanh bất sanh 。 thiện nam tử 。 thị danh nội Pháp 。

do sanh được tự tại nên gọi là sanh không sanh. Thiện nam tử, đó gọi là pháp bên trong.

云何外法。未生生。未生未生。生未生。生生。善男子。

vân hà ngoại Pháp 。 vị sanh sanh 。 vị sanh vị sanh 。 sanh vị sanh 。 sanh sanh 。 thiện nam tử 。

Thế nào là pháp bên ngoài, đó là chưa sanh cái sanh, chưa sanh cái chưa sanh, sanh cái chưa sanh, sanh cái sanh. Thiện nam tử,

譬如種子未生牙時。

thí như chủng tử vị sanh nha thời 。

thí như hạt giống lúc chưa nảy mầm,

得四大和合人功作業然後乃生。是名未生生。云何未生未生。

đắc tứ Đại hòa hợp nhân công tác nghiệp nhiên hậu nãi sanh 。 thị danh vị sanh sanh 。

vân hà vị sanh vị sanh 。

nhờ đất nước gió lửa hòa hợp, công người vun xới sau đó mới sanh ra, đó gọi là chưa sanh cái sanh. Thế nào gọi là chưa sanh cái chưa sanh.

譬如敗種及未遇緣。如是等輩名未生未生。

thí như bại chủng cập vị ngộ duyên 。 như thị đẳng bối danh vị sanh vị sanh 。

Thí như hạt giống bị hư và chưa gặp duyên, những loại như vậy gọi là chưa sanh cái chưa sanh.

云何生未生。如牙生已而不增長。是名生未生。

vân hà sanh vị sanh 。 như nha sanh dĩ nhi bất tăng trưởng 。

Thế nào gọi là sanh cái chưa sanh, đó là hạt giống nảy mầm rồi mà không tăng trưởng gọi là sanh cái chưa sanh.

云何生生。如牙增長。若生不生則無增長。

vân hà sanh sanh 。 như nha tăng trưởng 。

Thế nào gọi là sanh cái sanh, thí như hạt giống sanh rồi được tăng trưởng. Nếu sanh cái không sanh thì không tăng trưởng,

如是一切有漏是名外法生生。

như thị nhất thiết hữu lậu thị danh ngoại Pháp sanh sanh 。

như vậy tất cả pháp hữu lậu gọi là pháp bên ngoài sanh cái sanh.

琉璃光菩薩摩訶薩白佛言。世尊。有漏之法若有生者。

lưu ly quang Bồ-tát Ma-Ha tát bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

hữu lậu chi Pháp nhược hữu sanh giả 。

Lưu Ly Quang Bồ-tát Ma-ha-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, pháp hữu lậu nếu có sanh 為是常耶是無常乎。

vi thị thường da thị vô thường hồ 。

thì là thường hay vô thường,

生若是常有漏之法則無有生。生若無常則有漏是常。世尊。

sanh nhược thị thường hữu lậu chi Pháp tắc vô hữu sanh 。

sanh nhược vô thường tắc hữu lậu thị thường 。

Thế tôn 。

nếu sanh là thường thì pháp hữu lậu không có sanh, nếu sanh là vô thường thì hữu lậu là thường. Bạch Thế Tôn,

若能自生生無自性。若能生他以何因緣不生無漏。

nhược sanh năng tự sanh sanh vô tự tánh 。

nhược năng sanh tha dĩ hà nhân duyên bất sanh vô lậu 。

nếu sanh có thể tự sanh, sanh không có tự tánh, nếu có thể sanh cái khác thì do nhân duyên gì không sanh vô lậu.

世尊。若未生時有生者。云何於今乃名為生。

Thế tôn 。

nhược vị sanh thời hữu sanh giả 。

vân hà ư kim nãi danh vi sanh 。

Bạch Thế Tôn, nếu lúc chưa sanh mà có sanh, tại sao nay mới có tên là sanh, 若未生時無生者。何故不說虛空為生。佛言。

nhược vị sanh thời vô sanh giả 。

hà cổ bất thuyết hư không vi sanh 。

Phật ngôn 。

nếu lúc chưa sanh không có sanh, thì tại sao không nói hư không là sanh. Phật dạy: 善哉善哉。善男子。不生生不可說。

Thiện tai Thiện tai 。

thiện nam tử 。

bất sanh sanh bất khả thuyết 。

Lành thay lành thay, Thiện nam tử, không sanh cái sanh thì không thể nói,

生生亦不可說。不生不生亦不可說。

sinh sinh diệt bất khả thuyết 。 sinh bất sinh diệt bất khả thuyết 。 bất sinh bất sinh diệt bất khả thuyết 。

sinh cái sinh cũng không thể nói, sinh cái không sinh cũng không thể nói, không sinh cái không sinh cũng không thể nói

生亦不可說。不生亦不可說。

sinh diệt bất khả thuyết 。 bất sinh diệt bất khả thuyết 。

sinh cũng không thể nói, không sinh cũng không thể nói,

有因緣故亦可得說。云何不生生不可說。不生名為生。

hữu nhân duyên cố diệt khả đắc thuyết 。 vân hà bất sinh sinh bất khả thuyết 。 bất sinh danh vi sinh 。

có nhân duyên thì có thể nói, Tại sao nói không sinh cái không sinh thì không thể nói, bởi không sinh thì gọi là sinh.

云何可說。何以故以其生故。云何生生不可說。

vân hà khả thuyết 。 hà dĩ cố dĩ kỳ sinh cố 。 vân hà sinh sinh bất khả thuyết 。

Thế nào là có thể nói, tại vì sao, do có sinh vậy. Thế nào gọi là sinh cái sinh thì không thể nói.

生生故生。生生故不生亦不可說。

sinh sinh cố sinh 。 sinh sinh cố bất sinh diệt bất khả thuyết 。

do sinh cái sinh nên sinh, sinh cái sinh nên không sinh cũng không thể nói.

云何生不生不可說。生即名為生。生不自生故不可說。

vân hà sinh bất sinh bất khả thuyết 。 sinh tức danh vi sinh 。 sinh bất tự sinh cố bất khả thuyết 。

Thế nào gọi là sinh cái không sinh thì không thể nói, bởi sinh thì gọi là sinh, cái sinh không tự sinh nên không thể nói.

云何不生不生不可說。不生者名為涅槃。

vân hà bất sinh bất sinh bất khả thuyết 。 bất sinh giả danh vi Niết-Bàn 。

Thế nào gọi là không sinh cái không sinh thì không thể nói, bởi không sinh thì gọi là Niết-bàn,

涅槃不生故不可說。何以故。

Niết-Bàn bất sinh cố bất khả thuyết 。 hà dĩ cố 。

do Niết-bàn không sanh nên không thể nói. Tại vì sao?

以修道得故云何生亦不可說。以生無故。云何不生不可說。

dĩ tu đạo đắc cố vân hà sanh diệt bất khả thuyết 。 dĩ sanh vô cố 。 vân hà bất sanh bất khả thuyết 。

Do tu đạo mà đắc vậy. Thế nào gọi là sanh cũng không thể nói, bởi sanh cái không vậy.

Thế nào là không sanh cũng không thể nói

以有得故。云何有因緣故亦可得說。

dĩ hữu đắc cố 。 vân hà hữu nhân duyên cố diệt khả đắc thuyết 。

do có đắc vậy. Thế nào là có nhân duyên thì có thể nói,

十因緣法為生作因。以是義故亦可得說。善男子。

thập nhân duyên Pháp vi sanh tác nhân 。 dĩ thị nghĩa cố diệt khả đắc thuyết 。

Thiện nam tử, mười pháp nhân duyên là nhân của sanh, do nghĩa này nên có thể nói. Thiện nam tử.

汝今莫入甚深空定。何以故大眾鈍故。善男子。

nhữ kim mạc nhập thậm thâm không định 。 hà dĩ cố Đại chúng độn cố 。

Thiện nam tử, nay ông chớ đi vào không định thâm sâu, tại vì sao, vì Đại chúng căn tánh thấp kém.

Thiện nam tử,

有為之法生亦是常。

hữu vi chi Pháp sanh diệt thị thường 。

pháp hữu vi sanh cũng là thường,

以住無常生亦無常住亦是常。以生生故住亦無常異亦是常。

dĩ trụ vô thường sanh diệt vô thường trụ diệt thị thường 。

dĩ sanh sanh cố trụ diệt vô thường dị diệt thị thường 。

do trụ vô thường nên sanh cũng vô thường, trụ cũng là thường, do sanh cái sanh nên trụ

cũng vô thường, dị cũng thường,

以法無常異亦無常壞亦是常。

dĩ Pháp vô thường dị diệt vô thường hoại diệt thị thường 。

do pháp vô thường nên dị cũng vô thường, hoại cũng là thường,

以本無今有故壞亦無常。善男子。以性故生住異壞皆悉是常。

dĩ bản vô kim hữu cố hoại diệt vô thường 。

Thiện nam tử 。

dĩ tánh cố sanh trụ dị hoại giai tất thị thường 。

bởi xưa là không mà nay có nên hoại cũng vô thường. Thiện nam tử, do tánh nên sanh trụ
dị hoại đều là thường,

念念滅故不可說常。

niệm niệm diệt cố bất khả thuyết thường 。

do niệm niệm hoại diệt nên không thể nói thường,

是大涅槃能斷滅故故名無常。善男子。

thị Đại Niết-Bàn năng đoạn diệt cố cố danh vô thường 。

Kinh Đại Niết-bàn này có thể đoạn diệt nên gọi là vô thường. Thiện nam tử,

有漏之法未生之時已有生性故生能生。無漏之法本無生性是故生不能生。

hữu lậu chi Pháp vị sanh chi thời dĩ hữu sanh tánh cố sanh năng sanh 。

lúc pháp hữu lậu chưa sanh đã có tánh sanh nên sanh có thể sanh, pháp vô lậu vốn

không có tánh sanh nên sanh không thể sanh,

如火有本性遇緣則發。

như hỏa hữu bản tánh ngộ duyên tắc phát 。

như lửa có bản tánh nên gặp duyên thì phát,

眼有見性因色因明因心故見。眾生法亦復如是。

nhãn hữu kiến tánh nhân sắc nhân minh nhân tâm cố kiến 。

mắt có tánh thấy, rồi do nơi sắc, do ánh sáng, do thức, cho nên thấy. Pháp chúng sanh
cũng lại như vậy,

由本有性遇業因緣。父母和合則便有生。

do bản hữu tánh ngộ nghiệp nhân duyên 。

do có tánh sẵn nên gặp nghiệp duyên, cha mẹ hòa hợp thì liền có sanh.

爾時琉璃光菩薩摩訶薩。及八萬四千菩薩摩訶薩。

nhĩ thời lưu ly quang Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Lúc bấy giờ Lưu Ly Quang Bồ-tát Ma-ha-tát và tám vạn bốn ngàn Bồ-tát Ma-ha-tát

聞是法已踊在虛空高七多羅樹。

văn thị Pháp dĩ dũng tại hư không cao thất đa-la thụ 。

nghe pháp này rồi liền vọt lên hư không cách đất bảy cây Đa-la,

恭敬合掌而白佛言。世尊。我蒙如來慇懃教誨。

cung kính hợp chưởng nhi bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 ngã môn Như Lai ân cần giáo
hối 。

cung kính chấp tay mà bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, chúng con nhờ Như Lai ân cần
dạy dỗ,

因大涅槃始得悟解聞所不聞。

nhân Đại Niết-Bàn thủy đắc ngộ giải văn sở bất văn 。

nhân kinh Đại Niết-bàn mới được hiểu rõ nghe điều không nghe,

亦令八萬四千菩薩深解諸法不生等。世尊。我今已解斷諸疑網。

diệc lệnh bát vạn tứ thiên Bồ-tát thâm giải chư Pháp bất sanh sanh đẳng 。

Thế tôn 。

ngã
kim dĩ giải đoạn chư nghi võng 。

cũng khiến tám vạn bốn ngàn Bồ-tát hiểu rõ các pháp không sanh, sanh v.v... Bạch Thế
Tôn, nay con đã hiểu và dứt hết lưới nghi

然此會中有一菩薩名曰無畏。

nhiên thử hội trung hữu nhất Bồ-tát danh viết vô úy 。

nhưng trong hội này có một Bồ-tát tên là Vô Úy

復欲諮稟唯垂聽許。爾時世尊告無畏菩薩。善男子。

phục dục ti bẫm duy thủy thỉnh hứa 。

nhĩ thời Thế tôn cáo vô úy Bồ-tát 。

thiện nam tử 。

có điều muốn hỏi, xin Phật hứa khả. Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Bồ-tát Vô Úy rằng: Thiện
nam tử,

隨意問難吾當為汝分別解脫。爾時無畏。

tùy ý vấn nan ngô đương vi nhữ phân biệt giải thoát 。

nhĩ thời vô úy 。

tùy ý Ông hỏi, Ta sẽ vì Ông phân biệt giảng thuyết. Lúc bấy giờ Bồ-tát Vô Úy
菩薩與六萬(一本云與八萬)四千諸菩薩等俱從座起。

Bồ-tát dữ lục vạn (nhất bốn vạn dữ bát vạn) tứ thiên chư Bồ-tát đẳng câu tông tọa khởi 。

cùng với sáu vạn (có sách nói tám vạn) bốn ngàn Bồ-tát đều đứng dậy khỏi tòa,
更整衣服長跪合掌而白佛言。世尊。

canh chỉnh y phục trường quy hợp chưởng nhi bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

sửa sang y phục, quỳ gối chấp tay mà bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,

此土眾生當造何業而得生彼不動世界。

thử độ chúng sanh đương tạo hà nghiệp nhi đắc sanh bỉ bất động thế giới 。

Chúng sanh cõi này làm những nghiệp gì mà được sanh về thế giới Bất Động?

其土菩薩云何而得智慧成就。人中象王有大威德。

kỳ độ Bồ-tát vân hà nhi đắc trí tuệ thành tựu 。 nhân trung Tượng Vương hữu Đại uy đức

。

Bồ-tát cõi ấy làm thế nào mà được thành tựu trí huệ, là bậc voi chúa trong loài người có oai đức lớn,

具修諸行利智捷疾聞則能解。爾時世尊即說偈言。

cụ tu chư hành lợi trí tiệp tật văn tắc năng giải 。 nhĩ thời Thế tôn tức thuyết kệ ngôn 。

tu đủ các hạnh, trí huệ lanh lợi nghe thì có thể hiểu. Lúc bấy giờ đức Thế Tôn liền nói bài kệ rằng:

不害眾生命 堅持諸禁戒

Bất hại chúng sanh mạng Kiên trì chư cấm giới

Không hại mạng chúng sanh Giữ gìn các giới cấm

受佛微妙教 則生不動國

Thọ Phật vi diệu giáo Tắc sanh bất động quốc

Học giáo pháp vi diệu Được sanh cõi Bất Động

不奪他人財 常施惠一切

Bất đoạt tha nhân tài Thường thí huệ nhất thiết

Không cướp tài sản người Thường bố thí tất cả

造招提僧坊 則生不動國

Tạo chiêu đề tăng phường Tắc sanh bất động quốc

Xây nhà cho Tăng chúng Được sanh cõi Bất Động

不犯他婦女 自妻不非時

Bất phạm tha phụ Nữ tự thê bất phi thời

Không xâm phạm vợ người Không dâm dục phi thời

施持戒臥具 則生不動國

Thí trì giới ngọa cụ Tắc sanh bất động quốc

Trì giới và bố thí Được sanh cõi Bất Động

不為自他故 求利及恐怖

Bất vì tự tha cố Cầu lợi cập khủng phố

Không vì mình hay người Mà cầu lợi, đe dọa

慎口不妄語 則生不動國

慎 khẩu bất vọng ngữ Tác sanh bất động quốc
 Giữ miệng không nói dối Được sanh cõi Bất Động
 莫壞善知識 遠離惡眷屬
 Mạc hoại thiện tri thức Viễn li ác quyến chúc
 Chớ hại thiện tri thức Xa lia quyến thuộc ác
 口常和合語 則生不動國
 Khẩu thường hòa hợp ngữ Tác sanh bất động quốc
 Miệng nói lời hòa nhã Được sanh cõi Bất Động
 如諸菩薩等 常離於惡口
 Như chư Bồ-tát đấng Thường ly ư ác khẩu
 Như các vị Bồ-tát Thường xa lia nói ác
 所說人樂聞 則生不動國
 Sở thuyết nhân lạc văn Tác sanh bất động quốc
 Lời nói được người mến Được sanh cõi Bất Động
 乃至於戲笑 不說非時語
 Nãi chí ư hí tiếu Bất thuyết phi thời ngữ
 Cho đến lúc giỡn cười Cũng không nói lời sai
 謹慎常時說 則生不動國
 Cẩn 慎 thường thời thuyết Tác sanh bất động quốc
 Nói luôn giữ cẩn thận Được sanh cõi Bất Động
 見他得利養 常生歡喜心
 Kiến tha đắc lợi dưỡng Thường sanh hoan hỷ tâm
 Thấy người khác có lợi Thường sanh tâm hoan hỷ
 不起嫉妬結 則生不動國
 Bất khởi tật đố kết Tác sanh bất động quốc
 Không khởi tâm ganh ghét Được sanh cõi Bất Động
 不惱於眾生 常生於慈心
 Bất nảo ư chúng sanh Thường sanh ư từ tâm
 Không tổn hại chúng sanh Thường khởi tâm thương xót
 不生方便惡 則生不動國
 Bất sanh phương tiện ác Tác sanh bất động quốc

Không dùng phương tiện ác Được sanh cõi Bất Động.

邪見言無施 父母及去來

Tà kiến ngôn vô thí Phụ mẫu cập khứ lai

Tà kiến không bố thí Không tin đời khứ, lai

不起如是見 則生不動國

Bất khởi như thị kiến Tác sanh bất động quốc

Đừng khởi tâm như vậy Được sanh cõi Bất Động

曠路作好井 種殖果樹林

Khoáng lộ tác hảo tỉnh Chủng thực quả thụ lâm

Đào giếng nước bên đường Gieo trồng cây ăn trái

常施乞者食 則生不動國

Thường thí khát giả thực Tác sanh bất động quốc

Cho cơm người ăn xin Được sanh cõi Bất Động

若於佛法僧 供養一香燈

Nhược ư Phật Pháp tăng Cung dưỡng nhất hương đăng

Ở nơi Phật Pháp Tăng Cúng dường đèn hoặc hương

乃至獻一花 則生不動國

Nãi chí hiến nhất hoa Tác sanh bất động quốc

Cho đến một bông hoa Được sanh cõi Bất Động,

若為恐怖故 利養及福德

Nhược vi khủng phố cố Lợi dưỡng cập phúc đức

Nếu vì sự sợ hãi Hay lợi dưỡng, phúc đức

書是經一偈 則生不動國

Thư thị Kinh nhất kệ Tác sanh bất động quốc

Biên chép lời kệ kinh Được sanh cõi Bất Động

若為憐利福 能於一日中

Nhược vi hi lợi phúc Năng ư nhất nhật trung

Nếu vì cầu ít phúc có thể trong một ngày

讀誦是經典 則生不動國

Độc tụng thị Kinh điển Tác sanh bất động quốc

Độc tụng kinh điển này Được sanh cõi Bất Động

若為無上道 一日一夜中
 Nhược vi vô thượng đạo Nhất nhật nhất dạ trung
 Nếu vì đạo vô thượng Trong một ngày một đêm
 受持八戒齋 則生不動國
 Thọ trì bát giới trai Tắc sanh bất động quốc
 Thọ trì Bát quan trai Được sanh cõi Bất Động
 不與犯重禁 同共一處住
 Bất dữ phạm trọng cấm Đồng cộng nhất xử trụ
 Có người phạm giới trọng Không cùng họ ở chung
 呵謗方等者 則生不動國
 Ha báng phương đẳng giả Tắc sanh bất động quốc
 Hoặ người phỉ báng kinh Được sanh cõi Bất Động
 若能施病者 乃至於一果
 Nhược năng thí bệnh giả Nãi chí ư nhất quả
 Bố thí cho người bệnh Cho đến một trái cây
 歡喜而瞻視 則生不動國
 Hoan hỉ nhi chiêm thị Tắc sanh bất động quốc
 Hoan hỷ mà chăm sóc Được sanh cõi Bất Động
 不犯僧鬘物 善守於佛物
 Bất phạm tăng man vật Thiện thủ ư Phật vật
 Không lấy vật của Tăng Khéo giữ vật chùa tháp
 塗掃佛僧地 則生不動國
 Đồ tảo Phật tăng địa Tắc sanh bất động quốc
 Tô tượng quét đất chùa Được sanh cõi Bất Động
 造像及佛塔 猶如大拇指
 Tạo tượng cập Phật tháp Do như Đại mẫu chỉ
 Dựng tượng xây Phật tháp Như thờ ngón tay Phật
 常生歡喜心 則生不動國
 Thường sanh hoan hỉ tâm Tắc sanh bất động quốc
 Thường sanh tâm hoan hỷ Được sanh cõi Bất Động
 若為是經典 自身及財寶

Nhược vì thị Kinh điển Tự thân cập tài bảo
Nếu vì kinh điển này Đem thân cùng của báu
施於說法者 則生不動國
Thí ư thuyết Pháp giả Tác sanh bất động quốc
Bố thí người thuyết pháp Được sanh cõi Bất Động
若能聽書寫 受持及讀誦
Nhược năng thính thư tả Thọ trì cập độ tụng
Nếu vì kinh, biên chép Thọ trì và đọc tụng
諸佛祕密藏 則生不動國
Chư Phật bí mật tạng Tác sanh bất động quốc
Tạng bí mật của Phật Được sanh cõi Bất Động.
爾時無畏菩薩摩訶薩白佛言。世尊。

nhĩ thời vô úy Bồ-tát Ma-Ha tát bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Lúc bấy giờ Vô Úy Bồ-tát Ma-ha-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,
我今已知所造業緣得生彼國。

ngã kim dĩ tri sở tạo nghiệp duyên đắc sanh bỉ quốc 。

Nay con đã biết tạo nghiệp duyên gì để được sanh về cõi nước Bất Động
是光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩。

thị quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha tát 。

Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương
普為憐愍一切眾生先所諮問。

phổ vi liên mẫn nhất thiết chúng sanh tiên sở tư vấn 。

đã thương xót tất cả chúng sanh nên hỏi điều này,
如來若說則能利益安樂人天阿修羅乾闥婆迦樓羅緊那羅摩睺羅伽等。

Như Lai nhược thuyết tắc năng lợi ích an lạc nhân Thiên A-tu-La Càn thát bà ca lâu la
khẩn na la Ma hầu la dà đẵng 。

nếu Như Lai tuyên thuyết thì có thể làm lợi ích an lạc cho Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-
bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già...

爾時世尊即告光明遍照高貴德王菩薩。善哉善哉。

nhĩ thời Thế tôn tức cáo quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát 。

Thiện tai
Thiện tai 。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo với Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Như Lai rằng: Lành thay lành thay!

善男子。汝今於此當至心聽。

thiện nam tử 。 nhữ kim ư thử đương chí tâm thính 。

Thiện nam tử, nay Ông phải chí tâm lắng nghe,

吾當為汝分別解說。有因緣故未到不到。有因緣故不到到。

ngô đương vi nhữ phân biệt giải thuyết 。 hữu nhân duyên cố vị đáo bất đáo 。 hữu nhân duyên cố bất đáo đáo 。

Ta sẽ vì Ông mà phân biệt giảng nói. Do có nhân duyên nên chưa đến không đến, có nhân duyên nên không đến và đến.

有因緣故到不到。有因緣故到到。

hữu nhân duyên cố đáo bất đáo 。 hữu nhân duyên cố đáo đáo 。

Có nhân duyên nên đến và không đến, có nhân duyên nên đến và đến.

何因緣故未到不到。善男子。夫不到者是大涅槃。

hà nhân duyên cố vị đáo bất đáo。 thiện nam tử 。 phu bất đáo giả thị Đại Niết-Bàn 。

Do nhân duyên gì mà chưa đến không đến? Thiện nam tử, luận rằng chưa đến tức là Đại-niết-bàn.

凡夫未到以有貪欲瞋恚愚癡故。

phàm phu vị đáo dĩ hữu tham dục sân khuể ngu si cố 。

Phàm chưa đến do có tham dục sân hận ngu si,

身業口業不清淨故。及受一切不淨物故。

thân nghiệp khẩu nghiệp bất thanh tịnh cố 。 cập thọ nhất thiết bất tịnh vật cố 。

ba nghiệp thân miệng không thanh tịnh, thọ dụng tất cả vật bất tịnh,

犯四重故謗方等故一闍提故五逆罪故。以是義故未到不到。

phạm tứ trọng cố báng phương đẳng cố nhất xiển đề cố ngũ nghịch tội cố 。 dĩ thị nghĩa cố vị đáo bất đáo 。

phạm bốn tội nặng, phỉ báng kinh Đại Thừa, tạo tội Nhất-xiển-đề, làm năm tội nghịch, do vậy cho nên chưa đến không đến.

善男子。何因緣故不到到。不到者名大涅槃。

thiện nam tử 。 hà nhân duyên cố bất đáo đáo 。 bất đáo giả danh Đại Niết-Bàn 。

Thiện nam tử, do nhân duyên gì mà không đến và đến? Không đến gọi là Đại Niết-bàn,

何義故到。永斷貪欲瞋恚愚癡身口惡故。

hà nghĩa cố đao 。 vĩnh đoạn tham dục sân khuể ngu si thân khẩu ác cố 。

do nghĩa gì mà đến, đó là đoạn diệt tham dục, sân hận, ngu si, xa lìa sự xấu các của thân miệng,

不受一切不淨物故。不犯四重故。不謗方等經故。

bất thọ nhất thiết bất tịnh vật cố 。

không thọ dụng tất cả vật bất tịnh, không phạm bốn tội nặng, không phỉ báng kinh Đại Thừa,

不作一闍提故。不作五逆罪故。

bất tác nhất xiển đề cố 。

không làm hạn Nhất-xiển-đề, không phạm năm tội nghịch,

以是義故名不到到。須陀洹者八萬劫到。

đĩ thị nghĩa cố danh bất đao đao 。

Tu-đà-hoàn giả bát vạn kiếp đao 。

do vậy cho nên, không đến chỗ đến. Người chứng quả Tu-đà-hoàn thì qua tám vạn kiếp được đến.

斯陀含者六萬劫到。阿那含者四萬劫到。

Tư-đà-hàm giả lục vạn kiếp đao 。

A-na-hàm giả tứ vạn kiếp đao 。

Người chứng quả Tu-đà-hoàn thì qua sáu vạn kiếp được đến, người chứng quả A-na-hàm thì qua bốn vạn kiếp được đến.

阿羅漢者二萬劫到。辟支佛者十千劫到。以是義故名不到到。

A-la-hán giả nhị vạn kiếp đao 。

Bích-chi-phật giả thập thiên kiếp đao 。

đĩ thị nghĩa cố danh bất đao đao 。

Người chứng quả A-la-hán thì qua hai vạn kiếp được đến, người chứng quả Bích-chi-phật thì qua mười ngàn kiếp được đến, do nghĩa này nên nói không đến và đến.

善男子。何因緣故名到不到。

thiện nam tử 。

Thiện nam tử, do nhân duyên gì mà gọi là đến và không đến.

到者名為二十五有。

đáo giả danh vi nhị thập ngũ hữu 。

Đến tức gọi là hai mươi lăm cõi,

一切眾生常為無量煩惱諸結之所覆蔽。往來不離猶如輪轉。是名為到。

nhất thiết chúng sanh thường vi vô lượng phiền não chư kết chi sở phúc tế 。 vãng lai bất ly do như luân chuyển 。 thị danh vi đáo 。

tất cả chúng sanh thường bị vô lượng phiền não che lấp, qua lại hai mươi lăm cõi không ngừng như bánh xe quay, cho nên gọi là đến.

聲聞緣覺及諸菩薩已得永離。故名不到。

Thanh văn Duyên giác cập chư Bồ-tát dĩ đắc vĩnh ly 。 cố danh bất đáo 。

Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát đã xa lìa tất cả nên gọi là không đến.

為欲化度諸眾生故示現在中。亦名為到。善男子。

vi dục hóa độ chư chúng sanh cố kì hiện tại trung 。 diệc danh vi đáo 。 thiện nam tử 。

Vì muốn hóa độ các chúng sanh nên thị hiện trong hai mươi lăm cõi, đó cũng gọi là đến.

Thiện nam tử.

何因緣故名為到到。到者即是二十五有。

hà nhân duyên cố danh vi đáo đáo 。

Do nhân duyên gì gọi là đến và đến. Đến tức là hai mươi lăm cõi?

一切凡夫須陀洹乃至阿那含。煩惱因緣故名到到。

nhất thiết phàm phu Tu-đà-hoàn nãi chí A-na-hàm 。 phiền não nhân duyên cố danh đáo đáo 。

Tất cả phàm phu, Tu-đà-hoàn cho đến A-na-hàm, do nhân duyên phiền não nên gọi là đến và đến.

善男子。聞所不聞亦復如是。有不聞聞。

thiện nam tử 。

Thiện nam tử, nghe chỗ không nghe cũng lại như vậy. Có lúc không nghe và nghe. Thế nào gọi là không nghe và nghe?

有不聞不聞。有聞不聞。有聞聞。云何不聞聞。

hữu bất văn bất văn 。

có lúc không nghe không nghe, có lúc nghe không nghe và nghe, tại sao không nghe và nghe.

善男子。不聞者名大涅槃。何故不聞。

thiện nam tử 。

Thiện nam tử, không nghe gọi là Đại Niết-bàn. Tại sao không nghe?

非有為故非音聲故不可說故。云何亦聞。得聞名故。

phi hữu vi cố phi âm thanh cố bất khả thuyết cố 。 vân hà diệc văn 。 đắc văn danh cố 。

Do chẳng có tạo tác, chẳng phải âm thanh, nên không thể nói. Tại sao cũng gọi là nghe?

Do được nghe danh tự,

所謂常樂我淨。以是義故名不聞聞。

sở vị thường lạc ngã tịnh 。 dĩ thị nghĩa cố danh bất văn văn 。

đó là Thường Lạc Ngã Tịnh, do nghĩa này nên gọi không nghe và nghe.

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩白佛言。世尊。

nhĩ thời quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha tát bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

Lúc bấy giờ đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn,

如佛所說大涅槃者不可得聞。

như Phật sở thuyết Đại Niết-Bàn giả bất khả đắc văn 。

như lời Phật dạy Đại Niết-bàn là không thể nghe,

云何復言常樂我淨而可得聞。何以故世尊。

vân hà phục ngôn thường lạc ngã tịnh nhi khả đắc văn 。

hà dĩ cố Thế tôn 。

tại sao lại nói được nghe tên Thường Lạc Ngã Tịnh. Bạch Thế Tôn, tại sao

斷煩惱者名得涅槃。若未斷者名為不得。

đoạn phiền não giả danh đắc Niết-Bàn 。

nhược vị đoạn giả danh vi bất đắc 。

đoạn trừ phiền não gọi là đắc Niết-bàn, nếu chưa đoạn thì gọi là không đắc,

以是義故涅槃之性本無今有。若世間法本無今有則名無常。

dĩ thị nghĩa cố Niết-Bàn chi tánh bản vô kim hữu 。

nhược thế gian Pháp bản vô kim hữu

tắc danh vô thường 。

do nghĩa này nên tánh Niết-bàn là xưa không mà nay có, nếu pháp thế gian là xưa không

mà nay có thì đó là vô thường.

譬如瓶等本無今有已有還無。故名無常。

thí như bình đẳng bản vô kim hữu dĩ hữu hoàn vô 。

cố danh vô thường 。

Thí như cái bình xưa không có nay có, có rồi trở lại về không, đó gọi là vô thường.

涅槃亦爾。云何說言常樂我淨。復次世尊。

Niết-Bàn diệc nhĩ 。 vân hà thuyết ngôn thường lạc ngã tịnh 。 phục thứ Thế tôn 。
Niết-bàn cũng như vậy, tại sao nói là Thường Lạc Ngã Tịnh. Lại nữa bạch Thế Tôn,
凡因莊嚴而得成者。悉名無常。

phàm nhân trang nghiêm nhi đắc thành giả 。 tất danh vô thường 。
phàm những gì do trang nghiêm mà được thành tựu thì đều gọi là vô thường.
涅槃若爾應是無常。

Niết-Bàn nhược nhĩ ứng thị vô thường 。

Nếu Niết-bàn là như vậy thì nên gọi là vô thường.

何等因緣所謂三十七品六波羅蜜四無量心。觀於骨相阿那波那。

hà đẳng nhân duyên sở vị tam thập thất phẩm lục ba la mật tứ vô lượng tâm 。 quán ư cốt
tướng a na ba na 。

Do những nhân duyên gì? Đó là Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp Ba-la-mật, Bốn tâm
vô lượng, Bốn pháp niệm xứ,

六念處破析六大。如是等法皆是成就涅槃因緣。故名無常。

lục niệm xứ phá tích lục Đại 。 như thị đẳng Pháp giai thị thành tựu Niết-Bàn nhân duyên
。 cố danh vô thường 。

sáu pháp niệm phân tích chia chẻ. Sáu đại là nhân duyên thành tựu Niết-bàn, cho nên gọi
là vô thường.

復次世尊。有名無常。若涅槃是有亦應無常。

phục thứ Thế tôn 。 hữu danh vô thường 。 nhược Niết-Bàn thị hữu diệc ứng vô thường 。

Lại nữa bạch Thế Tôn, đã có thì gọi là vô thường, nếu Niết-bàn là có thì cũng là vô
thường.

如佛昔於阿舍中說。

như Phật tích ư A-hàm trung thuyết 。

Như trong kinh A-hàm Phật dạy:

聲聞緣覺諸佛世尊皆有涅槃。以是義故名為無常。復次世尊。

Thanh văn Duyên giác chư Phật Thế tôn giai hữu Niết-Bàn 。 dĩ thị nghĩa cố danh vi vô
thường 。

Thanh văn, Duyên giác, chư Phật Thế Tôn đều có Niết-bàn, do vậy nên gọi là vô thường.

Lại nữa bạch Thế Tôn,

可見之法名為無常。如佛先說。

khả kiến chi Pháp danh vi vô thường 。 như Phật tiên thuyết 。

pháp mà có thể thấy thì gọi là vô thường, như trước đây Phật dạy,

見涅槃者則得斷除一切煩惱。復次世尊。

kiến Niết-Bàn giả tắc đắc đoạn trừ nhất thiết phiền não 。

phục thứ Thế tôn 。

người thấy Niết-bàn thì được đoạn trừ tất cả phiền não. Lại nữa, bạch thế Tôn,

譬如虛空於諸眾生等無障礙。故名為常。

thí như hư không ư chư chúng sanh đẳng Vô chướng ngại 。

cố danh vi thường 。

thí như hư không đối với các chúng sanh là bình đẳng không có chướng ngại, nên gọi đó

là thường,

若使涅槃是常等者。何故眾生有得不得。

nhược sử Niết-Bàn thị thường đẳng giả 。

hà cố chúng sanh hữu đắc bất đắc 。

nếu Niết-bàn là thường thì tại sao chúng sanh có người đắc có người không đắc.

涅槃若爾於諸眾生不平等者則不名常。世尊。

Niết-Bàn nhược nhĩ ư chư chúng sanh bất bình đẳng giả tắc bất danh thường。 Thế tôn 。

Nếu Niết-bàn đối với chúng sanh mà không bình đẳng thì không gọi là thường. Bạch Thế

Tôn,

譬如百人共有一怨。若害此怨則多人受樂。

thí như bách nhân cộng hữu nhất oán 。

nhược hại thử oán tắc đa nhân thọ lạc 。

thí như một trăm người cùng có chung một oán hận, nếu làm hại sự oán ấy thì nhiều

người được vui,

若使涅槃是平等法。一人得時應多人得。

nhược sử Niết-Bàn thị bình đẳng Pháp 。

nhất nhân đắc thời ứng đa nhân đắc 。

nếu Niết-bàn là pháp bình đẳng thì khi một người đắc thì nhiều người cũng đắc,

一人斷結應多人亦斷。若不如是云何名常。

nhất nhân đoạn kết ứng đa nhân diệt đoạn 。

nhược bất như thị vân hà danh thường 。

khi một người đoạn trừ kiết sử thì nhiều người cũng được đoạn trừ, nếu không như vậy thì

sao gọi là thường?

譬如有人恭敬供養尊重讚歎國王王子父母師長。

thí như hữu nhân cung kính cung dưỡng tôn trọng tán thán Quốc Vương Vương tử phụ

mẫu sư trường 。

Thí như có người cung kính cúng dường tôn trọng tán thán Quốc Vương, Vương Tử, cha mẹ, Sư trưởng,

則得利養是不名常。涅槃亦爾不名為常。何以故。

tắc đắc lợi dưỡng thị bất danh thường 。 Niết-Bàn diệc nhĩ bất danh vi thường 。 hà dĩ cố 。

tức được lợi dưỡng, đó không gọi là thường. Niết-bàn cũng vậy, không gọi là thường. Tại vì sao?

如佛昔於阿含經中告阿難言。若有人能恭敬涅槃。

như Phật tích ư A-hàm Kinh trung cáo A-nan ngôn。nhược hữu nhân năng cung kính Niết-Bàn 。

Như trước đây trong Kinh A-hàm Phật dạy A-nan rằng: Nếu có người cung kính Kinh Đại Niết-bàn,

則得斷結受無量樂。以是義故不名為常。

tắc đắc đoạn kết thọ vô lượng lạc 。

thì được đoạn trừ kiết sử, thọ vô lượng sự vui, do nghĩa này nên không gọi là thường.

世尊。若涅槃中有常樂我淨名者不名為常。

Thế tôn 。

Bạch Thế Tôn, nếu trong Niết-bàn có tên thường lạc ngã tịnh thì không gọi là thường,

如其無者云何可說。

như kỳ vô giả vân hà khả thuyết 。

nếu không có tên thì làm sao có thể tuyên thuyết.

爾時世尊告光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩

nhĩ thời Thế tôn cáo quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha tát

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn nói với Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương rằng:

言。涅槃之體非本無今有。

ngôn 。

Thể của Niết-bàn chẳng phải xưa không mà nay có,

若涅槃體本無今有者。則非無漏常住之法。

nhược Niết-Bàn thể bản vô kim hữu giả 。

tắc phi vô lậu thường trụ chi Pháp 。

nếu thể của Niết-bàn mà xưa không nay có thì chẳng phải là pháp vô lậu thường trụ,

有佛無佛性相常住。

hữu Phật vô Phật tánh tướng thường trụ 。

có Phật không Phật, tánh tướng vẫn thường trụ,

以諸眾生煩惱覆故不見涅槃便謂為無。菩薩摩訶薩以戒定慧勤修其心。

dĩ chư chúng sanh phiền não phúc cố bất kiến Niết-Bàn tiện vị vi vô 。

Bồ-tát Ma-Ha tát dĩ giới định tuệ tinh cần tu kỳ tâm 。

do các chúng sanh bị phiền não che lấp nên không thấy Niết-bàn liền cho đó là không.

Bồ-tát Ma-ha-tát dùng giới định huệ siêng tu tập, tâm

斷煩惱已便得見之。當知涅槃是常住法。

đoạn phiền não dĩ tiện đắc kiến chi 。

đương trì Niết-Bàn thị thường trụ Pháp 。

đoạn hết phiền não thì được thấy Niết-bàn. Phải biết Niết-bàn là pháp thường trụ,

非本無今有是故為常。善男子。如閻室中井種種七寶。

phi bản vô kim hữu thị cố vi thường 。

thiện nam tử 。

như ám thất trung tĩng chủng chủng thất bảo 。

chẳng phải xưa không mà nay có, nên đó là thường. Thiện nam tử, thí như trong nhà tối có bảy thứ báu và giếng nước

人亦知有閻故不見。

nhân diệc tri hữu ám cố bất kiến 。

mọi người đều biết có nhưng do tối nên không thấy được,

有智之人善知方便然大明燈持往照了悉得見之。

hữu trí chi nhân thiện tri phương tiện nhiên Đại minh đăng trì vãng chiếu liễu tất đắc kiến chi 。

người có trí biết dùng phương tiện thấp ngọn đèn lớn cầm đến thì được thấy rõ tất cả, 是人於此終不生念。水及七寶本無今有。

thị nhân ư thử chung bất sanh niệm 。

thủy cập thất bảo bản vô kim hữu 。

người này trọn không khởi ý nghĩ giếng và bảy báu xưa không có mà nay có.

涅槃亦爾本自有之非適今也。煩惱閻故眾生不見。

Niết-Bàn diệc nhĩ bản tự hữu chi phi thích kim dã 。

phiền não ám cố chúng sanh bất kiến 。

Niết-bàn cũng lại như vậy, vốn là tự có chẳng phải nay mới có, do bóng tối phiền não nên chúng sanh không thấy mà thôi,

大智如來以善方便燃智慧燈。

Đại trí Như Lai dĩ thiện phương tiện nhiên trí tuệ đăng 。

Bậc Như Lai đại trí khéo dùng phương tiện thấp ngọn đèn trí tuệ

令諸菩薩得見涅槃常樂我淨。

lệnh chư Bồ-tát đắc kiến Niết-Bàn thường lạc ngã tịnh 。

khiến các Bồ-tát được thấy Niết-bàn Thường Lạc Ngã Tịnh,

是故智者於此涅槃不應說言本無今有。善男子。

thị cố trí giả ư thử Niết-Bàn bất ứng thuyết ngôn bản vô kim hữu 。

cho nên người trí đối với Niết-bàn không nên nói xưa không mà nay có. Thiện nam tử,

汝言因莊嚴故得成涅槃應無常者。是亦不然。何以故。善男子。

nhữ ngôn nhân trang nghiêm cố đắc thành Niết-Bàn ứng vô thường giả 。

thị diệc bất nhiên 。

Ông nói do trang nghiêm mà thành tựu Niết-bàn thì phải là vô thường. Không phải như

vậy, tại vì sao. Thiện nam tử,

涅槃之體非生非出非實非虛。

Niết-Bàn chi thể phi sanh phi xuất phi thật phi hư 。

Thể của Niết-bàn chẳng phải sanh, chẳng xuất, chẳng thật, chẳng hư,

非作業生非是有漏有為之法。非聞非見非墮非死。非別異相亦非同相。

phi tác nghiệp sanh phi thị hữu lậu hữu vi chi Pháp 。

phi văn phi kiến phi đọa phi tử 。

phi biệt dị tướng diệc phi đồng tướng 。

chẳng phải tạo nghiệp mà sanh, chẳng phải pháp hữu lậu hữu vi, chẳng nghe, chẳng

thấy, chẳng đọa lạc, chẳng chết, chẳng có tướng riêng, cũng chẳng phải tướng chung,

非往非還非去來今非一非多。

phi vãng phi hoàn phi khứ lai kim phi nhất phi đa 。

chẳng đi chẳng đến, chẳng quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng ít chẳng nhiều,

phi trường phi đoản phi viên phi phương phi tiêm phi tà phi hữu tướng phi vô tướng phi

danh phi

chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng tròn, chẳng vuông, chẳng bằng, chẳng nhọn, chẳng có

tướng, chẳng vô tướng, chẳng danh, chẳng sắc,

色。非因非果非我我所。以是義故。

sắc 。 phi nhân phi quả phi ngã ngã sở 。 dĩ thị nghĩa cố 。
 chẳng nhân, chẳng quả, chẳng có ngã, chẳng có ngã sở. Do nghĩa này
 涅槃是常恒不變易。是以無量阿僧祇劫修集善法。

Niết-Bàn thị thường hằng bất biến dịch 。 thị dĩ vô lượng a tăng kì kiếp tu tập thiện Pháp 。
 Niết-bàn là thường hằng không biến đổi, cho nên vô lượng A-tăng-kỳ kiếp tu tập thiện
 pháp,
 以自莊嚴然後乃見。善男子。

dĩ tự trang nghiêm nhiên hậu nãi kiến 。 thiện nam tử 。
 để tự trang nghiêm rồi sau mới thấy. Thiện nam tử,
 譬如地下有八味水。一切眾生而不能得。

thí như địa hạ hữu bát vị thủy 。 nhất thiết chúng sanh nhi bất năng đắc 。
 thí như dưới đất có dòng nước tám vị, tất cả chúng sanh không thể có được
 有智之人施功穿掘則便得之。涅槃亦爾。譬如盲人不見日月。

hữu trí chi nhân thí công xuyên quật tắc tiện đắc chi 。 Niết-Bàn diệc nhĩ 。 thí như manh
 nhân bất kiến nhật nguyệt 。

người có trí bỏ công sức ra đào, liền thấy nước. Niết-bàn cũng như vậy, thí như người mù
 không thấy mặt trời mặt trăng,
 良醫療之則便得見。而是日月非是本無今有。

lượng y liệu chi tắc tiện đắc kiến 。 nhi thị nhật nguyệt phi thị bản vô kim hữu 。

nhà thầy thuốc trị khỏi thì liền được thấy, nhưng mặt trời mặt trăng chẳng phải là xưa
 không nay có,
 涅槃亦爾先自有之非適今也。善男子。

Niết-Bàn diệc nhĩ tiên tự hữu chi phi thích kim dã 。 thiện nam tử 。

Niết-bàn cũng như vậy, trước đã tự có chẳng phải nay mới có. Thiện nam tử,
 如人有罪繫之囹圄久乃得出。

như nhân hữu tội hệ chi linh ngữ cữu nãi đắc xuất 。

như người có tội bị giam cầm lâu mới được thả ra,
 還家得見父母兄弟妻子眷屬。涅槃亦爾。善男子。

hoàn gia đắc kiến phụ mẫu huynh đệ thê tử quyến chúc 。

Niết-Bàn diệc nhĩ 。

thiện nam tử 。

khi trở về nhà được gặp cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, Niết-bàn cũng như vậy.

Thiện nam tử,

汝言因緣故涅槃之法應無常者。是亦不然。何以故。

nhữ ngôn nhân duyên cố Niết-Bàn chi Pháp ứng vô thường giả 。 thị diệt bất nhiên 。 hà dĩ cố 。

Ông nói do nhân duyên nên pháp Niết-bàn phải là vô thường, đây là không đúng, tại vì sao?

善男子。因有五種。何等為五。一者生因。

thiện nam tử 。 nhân hữu ngũ chủng 。 hà đẳng vi ngũ 。 nhất giả sanh nhân 。

Thiện nam tử, nhân duyên có năm loại, thế nào là năm? Một là sanh nhân;

二者和合因。三者住因。四者增長因。五者遠因。

nhị giả hòa hợp nhân 。 tam giả trụ nhân 。 tứ giả tăng trưởng nhân 。 ngũ giả viễn nhân 。

hai là hòa hợp nhân; ba là trụ nhân, bốn là tăng trưởng nhân, năm là viễn nhân.

云何生因。生因者即是業煩惱等。及外諸草木子。

vân hà sanh nhân 。 sanh nhân giả tức thị nghiệp phiền não đẳng 。 cập ngoại chư thảo mộc tử 。

Thế nào là sanh nhân? Sanh nhân tức là phiền não nghiệp vv... và các cây cỏ con bên ngoài,

是名生因。云何和合因。如善與善心和合。

thị danh sanh nhân 。 vân hà hòa hợp nhân 。 như thiện dữ thiện tâm hòa hợp 。

đó gọi là sanh nhân. Thế nào là hòa hợp nhân? Như điều thiện và tâm thiện hòa hợp, 不善與不善心和合。無記與無記心和合。

bất thiện dữ bất thiện tâm hòa hợp 。 vô kí dữ vô kí tâm hòa hợp 。

điều bất thiện hòa hợp với tâm bất thiện, việc vô ký hòa hợp với tâm vô ký,

是名和合因。云何住因。如下有柱屋則不墮。

thị danh hòa hợp nhân 。 vân hà trụ nhân 。 như hạ hữu trụ ốc tắc bất đọa 。

đó gọi là hòa hợp nhân. Thế nào là trụ nhân? Như bên dưới có cột chống đỡ thì nhà không sập,

山河樹木因大地故而得住立。

sơn hà thụ mộc nhân Đại địa cố nhi đắc trụ lập 。

núi sông cây cỏ nhờ đại địa mà đứng vững,
內有四大無量煩惱眾生得住。是名住因。云何增長因。
nội hữu tứ Đại vô lượng phiền não chúng sanh đắc trụ 。 thị danh trụ nhân 。 vân hà tăng trưởng nhân 。
chúng sanh nhờ bốn đại, vô lượng phiền não mà được trụ, đó gọi là trụ nhân. Thế nào là tăng trưởng nhân?
因緣衣服飲食等故令眾生增長。
nhân duyên y phục ẩm thực đẳng cố lệnh chúng sanh tăng trưởng 。
dựa vào nhân duyên y phục, thức ăn mà chúng sanh được tăng trưởng,
如外種子火所不燒鳥所不食則得增長。如諸沙門婆羅門等。
như ngoại chủng tử hỏa sở bất thiêu điều sở bất thực tắc đắc tăng trưởng 。 như chư Sa môn Bà-la-môn đẳng 。
như hạt giống gieo xuống không bị lửa đốt hay chim ăn thì được tăng trưởng, như các Sa môn,
依因和上善知識等而得增長。
y nhân hòa thượng thiện tri thức đẳng nhi đắc tăng trưởng 。
nương vào Hoà Thượng, Thiện tri thức mà được tăng trưởng,
如因父母子得增長。是名增長因。云何遠因。
như nhân phụ mẫu tử đắc tăng trưởng 。 thị danh tăng trưởng nhân 。 vân hà viễn nhân 。
như con nương vào cha mẹ mà được lớn khôn, đó gọi là tăng trưởng nhân. Thế nào là viễn nhân,
譬如因呪鬼不能害毒不能中。依憑國王無有盜賊。
thí như nhân chú quỷ bất năng hại độc bất năng trung 。 y bằng Quốc Vương vô hữu đạo tặc 。
thí như nương vào Thần Chú thì quỷ không thể làm hại, dựa vào quốc vương thì không bị giặc cướp,
如芽依因地水火風等。如水攢及人為蘇遠因。
như nha y nhân địa thủy hỏa phong đẳng 。 như thủy toàn cập nhân vi tô viễn nhân 。
như mầm non nương vào đất nước gió lửa, như nước tưới và người là viễn nhân của cây cỏ,
如明色等為識遠因。父母精血為眾生遠因。

như minh sắc đẳng vi thức viễn nhân 。 phụ mẫu tinh huyết vi chúng sanh viễn nhân 。
như sắc sánh là viễn nhân của sự thấy, như tinh huyết cha mẹ là viễn nhân của chúng
sanh,

如時節等悉名遠因。善男子。

như thời tiết đẳng tất danh viễn nhân 。 thiện nam tử 。

như thời tiết vv... đều gọi là viễn nhân. Thiện nam tử,

涅槃之體非是如是五因所成。云何當言是無常因。

Niết-Bàn chi thể phi thị như thị ngũ nhân sở thành 。 vân hà đương ngôn thị vô thường
nhân 。

Thể của Niết-bàn chẳng do năm thứ nhân như vậy mà thành tựu, tại sao lại nói nhân vô
thường.

復次善男子。復有二因。一者作因。二者了因。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa Thiện nam tử, lại có hai thứ nhân, một là tác nhân hai là liễu nhân.

如陶師輪繩。是名作因。如燈燭等照闇中物。

như đào sư luân thừng 。

Như đồ gốm, bánh xe, dây cột, đều phải làm mới có, đó gọi là tác nhân, như đèn đuốc soi
rõ mọi vật trong bóng tối,

是名了因。善男子。大涅槃者。

thị danh liễu nhân 。

đó gọi là liễu nhân. Thiện nam tử, Đại Niết-bàn

不從作因而有唯有了因。了因者。所謂三十七助道法六波羅蜜。

bất tòng tác nhân nhi hữu duy hữu liễu nhân 。

không phải tác nhân mà chỉ có liễu nhân, liễu nhân tức là Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu
pháp Ba la mật,

是名了因。善男子。布施者是涅槃因。

thị danh liễu nhân 。

đó là liễu nhân. Thiện nam tử, người bố thí là nhân Niết-bàn,

非大涅槃因。檀波羅蜜乃得名為大涅槃因。

phi Đại Niết-Bàn nhân 。

chẳng phải nhân Đại Niết-bàn, bổ thí Ba-la-mật mới được gọi là nhân Đại Niết-bàn.

三十七品是涅槃因。非大涅槃因。

tam thập thất phẩm thi Niết-Bàn nhân 。 phi Đại Niết-Bàn nhân 。

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là nhân Niết-bàn, chẳng phải nhân Đại Niết-bàn,

無量阿僧祇助菩提法。乃得名為大涅槃因。

vô lượng a tăng kì trợ Bồ-đề Pháp 。 nãi đắc danh vi Đại Niết-Bàn nhân 。

vô lượng A-tăng-kỳ pháp trợ đạo mới được gọi là nhân Đại Niết-bàn.

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩白佛

nhĩ thời quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha tát bạch Phật

Lúc bấy giờ Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật rằng:

言。世尊。云何布施不得名為檀波羅蜜。

ngôn 。 Thế tôn 。 vân hà bổ thí bất đắc danh vi đàn ba la mật 。

Bạch đức Thế Tôn, tại sao bổ thí không được gọi là bổ thí Ba-la-mật,

云何布施而得之檀波羅蜜。

vân hà bổ thí nhi đắc danh chi đàn ba la mật 。

bổ thí như thế nào mới được gọi là bổ thí Ba-la-mật

乃至般若云何不得名為般若波羅蜜。

nãi chí Bát-nhã vân hà bất đắc danh vi Bát-nhã ba la mật 。

cho đến Bát-nhã, tại sao không được gọi là Bát-nhã Ba-la-mật,

云何得名為般若波羅蜜。云何名涅槃。

vân hà đắc danh vi Bát-nhã ba la mật 。

vân hà danh Niết-Bàn 。

làm thế nào mới được gọi là Bát-nhã Ba-la-mật. Thế nào gọi là Niết-bàn,

云何名大涅槃佛言。善男子。

vân hà danh Đại Niết-Bàn Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

thế nào gọi là Đại Niết-bàn ? Phật dạy: Thiện nam tử,

菩薩摩訶薩修行方等大般涅槃。不聞布施不見布施。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu hành phương đẳng Đại bát Niết-bàn 。

bất văn bổ thí bất kiến bổ thí 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Phương đẳng Đại Niết-bàn không nghe bổ thí không thấy bổ thí,

不聞檀波羅蜜不見檀波羅蜜。乃至不聞般若不見般若。

bất văn đàn ba la mật bất kiến đàn ba la mật 。

nãi chí bất văn Bát-nhã bất kiến Bát-nhã

。

không nghe bố thí Ba-la-mật, không thấy bố thí Ba-la-mật, cho đến không nghe Bát-nhã không thấy Bát-nhã,

不聞般若波羅蜜不見般若波羅蜜。

bất văn Bát-nhã ba la mật bất kiến Bát-nhã ba la mật 。

không nghe Bát-nhã Ba-la-mật không thấy Bát-nhã Ba-la-mật.

不聞涅槃不見涅槃。不聞大涅槃不見大涅槃。

bất văn Niết-Bàn bất kiến Niết-Bàn 。

bất văn Đại Niết-Bàn bất kiến Đại Niết-Bàn 。

không nghe Niết-bàn không thấy Niết-bàn, không nghe Đại Niết-bàn, không thấy Đại Niết-bàn.

菩薩摩訶薩修大涅槃。知見法界解了實相空無所有。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-Bàn 。

tri kiến Pháp giới giải liễu thật tướng không vô sở hữu 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành Đại Niết-bàn, biết pháp giới, hiểu rõ thật tướng không có sở hữu, 無有和合覺知之相。

vô hữu hòa hợp giác tri chi tướng 。

không có tướng hòa hợp giác tri,

得無漏相無所作相如幻化相。熱時炎相乾闥婆城虛空之相。

đắc vô lậu tướng vô sở tác tướng như huyễn hóa tướng 。

nhiệt thời viêm tướng Càn thát bà thành hư không chi tướng 。

đắc tướng vô lậu, tướng vô sở tác, tướng như huyễn hóa, tướng khi nóng thì cháy, tướng hư không của thành Càn-thát-bà.

菩薩爾時得如是相。無貪恚癡不聞不見。

Bồ-tát nhĩ thời đắc như thị tướng 。

vô tham khuể si bất văn bất kiến 。

Lúc bấy giờ Bồ-tát đắc tướng như vậy, không có tham sân si, không nghe không thấy, 是名菩薩摩訶薩真實之相安住實相。

thị danh Bồ-tát Ma-Ha tát chân thật chi tướng an trú thật tướng 。

đó gọi là Bồ-tát Ma-ha-tát có tướng chân thật, an trú thật tướng,

菩薩摩訶薩自知此是檀此是檀波羅蜜。

Bồ-tát Ma-Ha tát tự tri thử thị đàn thử thị đàn ba la mật 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tự biết đây là bố thí, đây là bố thí Ba-la-mật,

乃至此是般若此是般若波羅蜜。

nãi chí thử thị Bát-nhã thử thị Bát-nhã ba la mật 。
cho đến đây là Bát-nhã, đây là Bát-nhã Ba-la-mật,
此是涅槃此是大涅槃善男子。云何是施非波羅蜜。
thử thị Niết-Bàn thử thị Đại Niết-Bàn thiện nam tử 。 vân hà thị thí phi ba la mật 。
đây là Niết-bàn, đây là Đại Niết-bàn. Thiện nam tử, thế nào là bố thí Ba-la-mật,
見有乞者然後乃與。是名為施非波羅蜜。
kiến hữu khất giả nhiên hậu nãi dĩ 。 thí danh vi thí phi ba la mật 。
đó là thấy có người xin sau đó mới cho, đây gọi là bố thí phi Ba-la-mật.
若無乞者開心自施是則名為檀波羅蜜。
nếu vô khất giả khai tâm tự thí thí tắc danh vi đàn ba la mật 。
Nếu không có người xin mà phát tâm tự bố thí thì gọi là bố thí phi Ba-la-mật.
若時時施是名為施非波羅蜜。若修常施是則名為檀波羅蜜。
nếu thời thời thí thí danh vi thí phi ba la mật 。 nếu tu thường thí thí tắc danh vi đàn ba
la mật 。
Nếu có lúc mới bố thí gọi là bố thí phi Ba-la-mật, nếu thường bố thí thì gọi là bố thí Ba-la-
mật,
若施他已還生悔心是名為施非波羅蜜。
nếu thí tha dĩ hoàn sanh hối tâm thí danh vi thí phi ba la mật 。
nếu bố thí cho người rồi lại sanh tâm hối hận thì gọi là bố thí phi Ba-la-mật,
施已不悔是則名為檀波羅蜜。
thí dĩ bất hối thí tắc danh vi đàn ba la mật 。
cho rồi không sanh tâm hối hận thì gọi là bố thí Ba-la-mật.
菩薩摩訶薩於財物中生四怖心。王賊水火。
Bồ-tát Ma-Ha tát ư tài vật trung sanh tứ phổ tâm 。 Vương tặc thủy hỏa 。
Bồ-tát Ma-ha-tát đối với tài vật sanh bốn tâm sợ hãi,đoa là vua, giặc cướp, lửa, nước
歡喜施與是則名為檀波羅蜜。若望報施是名為施非波羅蜜。 hoan hỷ thí dĩ thí tắc danh vi
đàn ba la mật 。 nếu vọng báo thí thí danh vi thí phi ba la mật 。
hoan hỷ bố thí thì gọi là bố thí Ba-la-mật, nếu bố thí mà mong cầu quả báo thì gọi là bố thí
phi Ba-la-mật
施不望報是則名為檀波羅蜜。
thí bất vọng báo thí tắc danh vi đàn ba la mật 。

bố thí không mong cầu quả báo thì gọi là bố thí Ba-la-mật.

若為恐怖名聞利養家法相續天上五欲。

nhược vì khùng phổ Danh-Văn lợi dưỡng gia Pháp tướng tục Thiên thượng ngũ dục 。

Nếu vì sợ hãi, danh tiếng, lợi dưỡng, gia pháp, hoặc nối tiếp ngũ dục ở cõi trời,

為憍慢故為勝他故為知識故為來報故。如市易法。

vi kiêu mạn cố vi thắng tha cố vi tri thức cố vi lai báo cố 。

như thị dịch Pháp 。

hoặc vì kiêu mạn, vì muốn hơn người khác, vì thiện tri thức, hay vì quả báo đời sau, đo là

như pháp trao đổi。

善男子。如人種樹。

thiện nam tử 。

như nhân chủng thụ 。

Thiện nam tử, như người trồng cây

為得蔭涼為得花果及以材木。

vi đắc ấm lương vi đắc hoa quả cập dĩ tài mộc 。

vi được bóng mát, vi được hoa trái và cây gỗ

若人修行如是等施是名為施非波羅蜜菩薩摩訶薩修行如是大涅槃者。

nhược nhân tu hành như thị đẳng thí thị danh vi thí phi ba la mật Bồ-tát Ma-Ha tát tu hành

như thị Đại Niết-Bàn giả 。

nếu người tu hành như vậy mà bố thí thì gọi là bố thí phi Ba-la-mật. Bồ-tát Ma-ha-tát tu

hành kinh Đại Niết-bàn,

不見施者受者財物。不見時節不見福田及非福田。

bất kiến thí giả thọ giả tài vật 。

bất kiến thời tiết bất kiến phúc điền cập phi phúc điền 。

không thấy người bố thí, người nhận hay tài vật, lúc không thấy thì không thấy phước điền

và phi phước điền

不見因不見緣不見果報。不見作者不見受者。

bất kiến nhân bất kiến duyên bất kiến quả báo 。

bất kiến tác giả bất kiến thọ giả 。

không thấy nhân, không thấy duyên, không thấy quả báo, không thấy người tạo tác,

không thấy người lãnh thọ

不見多不見少。不見淨不見不淨。不輕受者。

bất kiến đa bất kiến thiểu 。

bất kiến tịnh bất kiến bất tịnh 。

bất khinh thọ giả 。

không thấy nhiều không thấy ít , không thấy thanh tịnh, không thấy bất tịnh, không khinh

người thọ,

己身財物。不見見者不見不見者不計己他。

kỷ thân tài vật 。 bất kiến kiến giả bất kiến bất kiến giả bất kế kỷ tha 。

thân mình, tài vật, không thấy thấy, không thấy không thấy, không suy nghĩ mình và người,

唯為方等大般涅槃常住法故修行布施。

duy vì phương đẳng Đại bát Niết-bàn thường trụ Pháp cố tu hành bố thí 。

chỉ vì phương đẳng Đại Niết-bàn, vì pháp thường trụ cho nên tu hành bố thí

為利一切諸眾生故而行布施。

vì lợi nhất thiết chư chúng sanh cố nhi hành bố thí 。

vì lợi ích tất cả chúng sanh cho nên thực hành bố thí,

為斷一切眾生煩惱故行於施。

vì đoạn nhất thiết chúng sanh phiền não cố hành ư thí 。

vì đoạn tất cả não cho chúng sanh nên thực hành bố thí,

為諸眾生不見受者施者財物故行於施。善男子。

vì chư chúng sanh bất kiến thọ giả thí giả tài vật cố hành ư thí 。

vì các chúng sanh không thấy người thọ nhận, người bố thí, vật thí, nên thực hành bố thí.

Thiện nam tử,

譬如有人墮大海水抱持死屍則得度脫。

thí như hữu nhân đọa Đại hải thủy bảo trì tử thi tắc đắc độ thoát 。

thí như có người rơi vào biển lớn, ôm lấy thân chết tức được độ thoát.

菩薩摩訶薩修大涅槃行布施時。亦復如是如彼死屍。善男子。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-Bàn hành bố thí thời 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn lúc thực hành bố thí cũng lại như vậy, như thân chết kia.

Thiện nam tử,

譬如有人閉在深獄門戶堅牢。

thí như hữu nhân bế tại thâm ngục môn hộ kiên lao 。

thí như có người bị nhốt trong lao ngục kiên cố

唯有廁孔便從中出到無礙處。

duy hữu xí khổng tiện tòng trung xuất đáo vô ngại xử 。

chỉ có một lỗ nơi nhà xí có thể ra đến chỗ an toàn,

菩薩摩訶薩修大涅槃行布施時亦復如是。善男子。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-Bàn hành bố thí thời diệc phục như thị 。 thiện nam tử 。
Bồ-tát Ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn khi thực hành bố thí cũng lại như vậy. Thiện nam tử,
譬如貴人恐怖急厄更無恃怙依旃陀羅。

thí như quý nhân khủng phổ cấp ách canh vô thị hỷ y chiên đà la 。

thí như người cao sang lúc sợ hãi vì nguy cấp không nơi nương dựa bèn nương vào hạng
Chiên-đà-la,

菩薩摩訶薩修大涅槃行於布施亦復如是。善男子。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-Bàn hành ư bố thí diệc phục như thị 。 thiện nam tử 。
Bồ-tát Ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn khi thực hành bố thí cũng lại như vậy. Thiện nam tử,
譬如病人為除病苦得安樂故服食不淨。

thí như bệnh nhân vì trừ bệnh khổ đắc an lạc cố phục thực bất tịnh 。

thí như người bệnh vì muốn hết bệnh khổ được an lạc nên ăn thứ bất tịnh,

菩薩摩訶薩修大涅槃行於布施亦復如是。善男子。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-Bàn hành ư bố thí diệc phục như thị 。 thiện nam tử 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn khi thực hành bố thí cũng lại như vậy. Thiện nam tử,
如婆羅門值穀勇貴為壽命故食噉狗肉。

như Bà-la-môn trị cốc dũng quý vì thọ mạng cố thực đạm cầu nhục 。

như Bà-la-môn gặp lúc lúa gạo hiếm, vì thọ mạng nên ăn thịt chó,

菩薩摩訶薩修大涅槃行於布施亦復如是。善男子。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-Bàn hành ư bố thí diệc phục như thị 。 thiện nam tử 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn khi thực hành bố thí cũng lại như vậy. Thiện nam tử,
大涅槃中如是之事。從無量劫來不聞而聞。

Đại Niết-Bàn trung như thị chi sự 。

tòng vô lượng kiếp lai bất văn nhi văn 。

Các việc như vậy trong Đại Niết-bàn từ vô lượng kiếp đến nay không nghe mà được nghe,
尸羅尸羅波羅蜜。乃至般若般若波羅蜜。

Thi-La Thi-La ba la mật 。

nãi chí Bát-nhã Bát-nhã ba la mật 。

Trì giới, trì giới Ba-la-mật, cho đến trí tuệ, trí tuệ Ba-la-mật,

如佛雜花經中廣說。

như Phật tạp hoa Kinh trung quảng thuyết 。

như trong kinh Tạp Hoa Phật đã nói rõ hơn.

大般涅槃經卷第二十一

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập nhất

Kinh Đại Niết-bàn

Quyển Thứ Hai Mười Mốt.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:10:16 2006

=====s

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:10:16 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhất sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Thích Nữ Chơn Tịnh hiệu đính

Vol. 12, No. 374

大般涅槃經卷第二十二

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập nhị

Đại Niết-bàn Kinh

Quyển Thứ Hai Mười Hai.

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Tam tạng Đàm-vô-sấm người Thiên Trúc dịch vào đời Bắc Lương.

光明遍照高貴德王菩薩品第十之二

quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát phẩm đệ thập chi nhị

Phẩm thứ mười, phần thứ hai: Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ-tát.

善男子。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử,

云何菩薩摩訶薩修大涅槃不聞而聞。十二部經其義深邃昔來不聞。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại bát văn nhi văn 。

thập nhị bộ Kinh kỳ nghĩa thâm thúy tích
lai bất văn 。

thế nào là Bồ-tát Ma-ha-tát tu hành thì không nghe mà nghe? Đó là ý nghĩa sâu xa của
mười hai bộ kinh xưa chưa từng nghe,

今因是經得具足聞。先雖得聞唯聞名字。

kim nhân thị Kinh đắc cụ túc văn 。

tiên tuy đắc văn duy văn danh tự 。

nay nhờ kinh này mà được nghe đầy đủ, trước đây tuy được nghe mà chỉ nghe danh tự,
而今於此大涅槃經乃得聞義。

nhi kim ư thử Đại Niết-bàn Kinh nãi đắc văn nghĩa 。

nếu người phạm bốn tội nặng, phỉ báng kinh Phương Đẳng tạo năm tội nghịch, hạng Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh, những người ấy tại sao lại đọa địa ngục. Bạch Thế Tôn, 若使是等有佛性者。云何復言無常樂我淨。

nhược sử thị đẳng hữu Phật tánh giả 。 vân hà phục ngôn vô thường lạc ngã tịnh 。 những hạng người này nếu có Phật tánh, tại sao lại nói không Thường Lạc Ngã Tịnh! 世尊。若斷善根名一闍提者。

Thế tôn 。 nhược đoạn thiện căn danh nhất-xiển-đề giả 。 Bạch Thế Tôn, nếu đoạn thiện căn thì gọi là Nhất-xiển-đề, 斷善根時所有佛性云何不斷。

đoạn thiện căn thời sở hữu Phật tánh vân hà bất đoạn 。 lúc đoạn dứt thiện căn thì Phật tánh đang có tại sao không đoạn! 佛性若斷云何復言常樂我淨。如其不斷何故名為一闍提耶。世尊。

Phật tánh nhược đoạn vân hà phục ngôn thường lạc ngã tịnh 。 như kỳ bất đoạn hà cố danh vi nhất-xiển-đề da 。 Thế tôn 。

Nếu đoạn Phật tánh thì sao lại nói thường lạc ngã tịnh, nếu không đoạn thì sao không gọi là Nhất-xiển-đề. Bạch Thế Tôn, 犯四重禁名為不定。

phạm tứ trọng cấm danh vi bất định 。 người phạm bốn tội nặng gọi là bất định, 謗方等經作五逆罪及一闍提悉名不定。如是等輩若決定者。

báng phương đẳng Kinh tác ngũ nghịch tội cập nhất-xiển-đề tất danh bất định 。 như thị đẳng bối nhược quyết định giả 。

người hủy báng kinh Phương Đẳng, tạo năm tội nghịch và Nhất-xiển-đề thì gọi là bất định, những hạng người như vậy nếu nhất định 云何得成阿耨多羅三藐三菩提。

vân hà đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 thì làm sao đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác? 得須陀洹乃至辟支佛亦名不定。若須陀洹至辟支佛是決定者。

đắc Tu-đà-hoàn nãi chí Bích-chi-phật diệc danh bất định 。 nhược Tu-đà-hoàn chí Bích-chi-phật thị quyết định giả 。

Người đắ quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Bích-chi-phậ cũng gọi là bất định, nếu quả Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phậ là nhất định,
亦不應成阿耨多羅三藐三菩提。世尊。
diệc bất ứng thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 Thế tôn 。
thì cũng không thể đắ đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bạch Thế Tôn,
若犯四重不決定者。
nhược phạm tứ trọng bất quyết định giả 。
nếu người phạm bốn tội nặng mà không nhất định,
須陀洹乃至辟支佛亦不決定。如是不定諸佛如來亦復不定。若佛不定。
Tu-đà-hoàn nãi chí Bích-chi-phậ diệc bất quyết định 。 như thị bất định chư Phật như lai
diệc phục bất định 。 nhược Phật bất định 。
Thì quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Bích-chi-phậ cũng không bất định, như vậy chư Phật
Như Lai cũng bất định. Nếu Phật là bất định
涅槃體性亦復不定。至一切法亦復不定。
thể tánh diệc phục bất định 。 chí nhất thiết Pháp diệc phục bất định 。
thì thể tánh cũng bất định, cho đến tất cả pháp cũng là bất định。
云何不定。若一闍提除一闍提則成佛道。
vân hà bất định 。 nhược nhất-xiển-đề trừ nhất-xiển-đề tắc thành Phật đạo 。
Thế nào là bất định? Như hạng nhất-xiển-đề trừ được xiển đề thì thành Phật đạo,
諸佛如來亦應如是。入涅槃已。
chư Phật như lai diệc ứng như thị 。 nhập dĩ 。
chư Phật Như Lai cũng nên như vậy, nhập rồi
亦應還出不入涅槃。若如是者涅槃之性則為不定。
diệc ứng hoàn xuất bất nhập 。 nhược như thị giả chi tánh tắc vi ất định 。
cũng nên trở ra không nhập, nếu như vậy thì tánh Niết-bàn là bất định,
不決定故當知無有常樂我淨。
bất quyết định cố đương tri vô hữu thường lạc ngã tịnh 。
do bất định nên biết không có thường lạc ngã tịnh,
云何說言一闍提等當得涅槃。
vân hà thuyết ngôn nhất-xiển-đề đắ đương đắ 。
tại sao nói hạng Nhất-xiển-đề sẽ được Niết-bàn?

爾時世尊告光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。善哉善哉。善男子。

nhĩ thời Thế tôn cáo quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha tát ngôn 。
Thiện tai Thiện tai 。 Thiện nam tử 。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo với ngài Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ-
tát Ma-ha-tát rằng: Lành thay, lành thay Thiện nam tử,
為欲利益無量眾生令得安樂。憐愍慈念諸世間故。

vi dục lợi ích vô lượng chúng sanh lệnh đắc an lạc 。 liên mẫn từ niệm chư thế gian cố 。
vì muốn lợi ích cho vô lượng chúng sanh khiến được an lạc, vì thương xót nhớ nghĩ các
thế gian,

為欲增長發菩提心諸菩薩故。作如是問。善男子。

vi dục tăng trưởng phát Bồ-đề tâm chư Bồ-tát cố 。 tác như thị vấn 。 Thiện nam tử 。

vì muốn tăng trưởng tâm Bồ-đề cho các Bồ-tát nên mới hỏi như vậy. Thiện nam tử,
汝已親近過去無量諸佛世尊。

nhữ dĩ thân cận quá khứ vô lượng chư Phật Thế tôn 。

Ông đã gần gũi vô lượng chư Phật Thế Tôn trong đời quá khứ,
於諸佛所種諸善根。久已成就菩提功德。

ư chư Phật sở chủng chư thiện căn 。 cữu dĩ thành tựu Bồ-đề công đức 。

ở nơi chỗ chư Phật mà gieo trồng các căn lành, từ lâu đã thành tựu công đức Bồ-đề,
降伏眾魔令其退散。已教無量無邊眾生。

hàng phục chúng ma lệnh kỳ thối tán 。 dĩ giáo vô lượng vô biên chúng sanh 。

hàng phục các ma khiến phải thối lui, đã giáo hóa vô lượng vô biên chúng sanh,
悉令得至阿耨多羅三藐三菩提。

tất lệnh đắc chí a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

đều khiến đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

久已通達諸佛如來所有甚深祕密之藏。

cữu dĩ thông đạt chư Phật như lai sở hữu thậm thâm bí mật chi tạng 。

từ lâu đã thông đạt tạng bí mật thâm sâu của chư Phật Như Lai,

已問過去無量無邊恒河沙等諸佛世尊如是甚深微密之義。

dĩ vấn quá khứ vô lượng vô biên hằng hà sa đẵng chư Phật Thế tôn như thị thậm thâm vi
mật chi nghĩa 。

đã hỏi ý nghĩa thâm sâu vi diệu như vậy nơi vô lượng vô biên hằng hà sa chú Phật Thế Tôn trong đời quá khứ,
我都不見一切世間。若人若天沙門婆羅門若魔若梵。
ngã đô bất kiến nhất thiết thế gian 。 nhược nhân nhược Thiên Sa-môn Bà-la-môn nhược ma nhược phạm 。
Ta không thấy tất cả người nơi thế gian hoặc người, hoặc trời, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, hoặc ma, hoặc Phạm thiên,
有能諮問如來是義。今當誠心諦聽諦聽。
hữu năng ti vấn Như Lai thị nghĩa 。 kim đương thành tâm đế thính đế thính 。
mà có thể hỏi Như Lai về ý nghĩa như vậy. Nay Ông phải thành tâm lắng nghe kỹ,
吾當為汝分別演說。善男子。一闍提者亦不決定。
ngô đương vi nhữ phân biệt diễn thuyết 。 Thiện nam tử 。 nhất-xiển-đề giả diệc bất quyết định 。
Ta sẽ vì ông mà phân biệt diễn thuyết. Thiện nam tử, hạng Nhất-xiển-đề cũng là không nhất định,
若決定者是一闍提終不能得阿耨多羅三藐
nhược quyết định giả thị nhất-xiển-đề chung bất năng đắc a nậu đa-la tam miếu
nếu nhất định thì hạng Nhất-xiển-đề trọn không thể đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,
三菩提。以不決定是故能得。
tam Bồ-đề 。 dĩ bất quyết định thị cố năng đắc 。
do không nhất định cho nên có thể đắc.
如汝所言佛性不斷。云何一闍提斷善根者。善男子。
như nhữ sở ngôn Phật tánh bất đoạn 。 vân hà nhất-xiển-đề đoạn thiện căn giả 。 Thiện nam tử 。
Như lời ông nói Phật tánh không đoạn dứt. Thế nào là hạng Nhất-xiển-đề đoạn mất thiện căn. Thiện nam tử,
善根有二種。一者內。二者外。佛性非內非外。
thiện căn hữu nhị chủng 。 nhất giả nội 。 nhị giả ngoại 。 Phật tánh phi nội phi ngoại 。
Thiện căn có hai thứ, một là bên trong, hai là bên ngoài, Phật tánh thì chẳng phải bên trong chẳng phải bên ngoài,

以是義故佛性不斷。復有二種。一者有漏。二者無漏。

dĩ thị nghĩa cố Phật tánh bất đoạn 。 phục hữu nhị chủng 。 nhất giả hữu lậu 。 nhị giả vô lậu 。

do nghĩa này nên Phật tánh không thể đoạn mất. Lại có hai thứ, một là hữu lậu, hai là vô lậu,

佛性非有漏非無漏。是故不斷。復有二種。

Phật tánh phi hữu lậu phi vô lậu 。 thị cố bất đoạn 。 phục hữu nhị chủng 。

Phật tánh chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, cho nên không đoạn dứt. Lại có hai thứ, một là thường, hai là vô thường. Phật tánh phi thường phi vô thường. thị cố bất

đoạn 。

một là thường, hai là vô thường, Phật tánh chẳng phải thường chẳng phải vô thường cho nên không đoạn diệt.

若是斷者則應還得。若不還得則名不斷。

nhược thị đoạn giả tắc ứng hoàn đắc 。 nhược Bất hoàn đắc tắc danh bất đoạn 。

Nếu là đoạn thì nên trở lại đắc, nếu không trở lại thì gọi là không đoạn,

若斷已得名一闡提。犯四重者亦是不定。

nhược đoạn dĩ đắc danh nhất-xiển-đề 。 phạm tứ trọng giả diệt thị bất định 。

nếu đoạn rồi thì gọi là Nhất-xiển-đề. Người phạm bốn trọng tội cũng là bất định.

若決定者。

nhược quyết định giả 。

Nếu nhất định,

犯四重禁終不能得阿耨多羅三藐三菩提。謗方等經亦復不定。若決定者。

phạm tứ trọng cấm chung bất năng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

báng phương đẳng Kinh diệt phục bất định 。

thì người phạm bốn tội nặng trọn không thể đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, người hủy báng kinh Phương đẳng cũng lại như vậy. Nếu quyết định,

謗正法人終不能得阿耨多羅三藐三菩提。

báng chánh Pháp nhân chung bất năng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

thì người hủy báng chánh pháp trọn không thể đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác,

作五逆罪亦復不定。若決定者。

tác ngũ nghịch tội diệc phục bất định 。 nhược quyết định giả 。

Người tạo năm tội nghịch cũng là bất định, nếu quyết định,
五逆之人終不能得阿耨多羅三藐三菩提。色與色相二俱不定。

ngũ nghịch chi nhân chung bất năng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 sắc dữ sắc
tướng nhị câu bất định 。

thì người tạo năm tội nghịch trọn không thể đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Sắc và sắc tướng cũng là bất định,

香味觸相生相。

hương vị xúc tướng sanh tướng 。

tướng hương, vị, xúc, tướng sanh,

至無明相陰入界相二十五有相四生乃至一切諸法。皆亦不定。善男子。

chí vô minh tướng uẩn nhập giới tướng nhị thập ngũ hữu tướng Tứ sanh nãi chí nhất thiết
chư Pháp 。

giai diệc bất định 。

Thiện nam tử 。

cho đến tướng vô minh, tướng ấm, giới, nhập, tướng hai mươi lăm cõi, tướng tứ sanh, cho

đến tất cả các pháp cũng đều bất định. Thiện nam tử,

譬如幻師在大眾中化作四兵車步象馬。

thí như huyễn sư tại Đại chúng trung hóa tác tứ binh xa bộ tượng mã 。

thí như nhà ảo thuật ở giữa mọi người hóa làm binh lính, xe cộ, voi ngựa,
作諸瓔珞嚴身之具。

tác chư anh lạc nghiêm thân chi cụ 。

hoặc hóa các thứ anh lạc trang nghiêm đầy đủ nơi thân,

城邑聚落山林樹木泉池河井。而彼眾中有諸小兒無有智慧。

thành ấp tụ lạc sơn lâm thụ mộc tuyên trì hà tỉnh 。

nhi bỉ chúng trung hữu chư tiểu nhi vô
hữu trí tuệ 。

hoặc hóa thành ấp, thôn xóm, núi rừng, sông hồ, ao giếng, trong chúng ấy có các trẻ nhỏ

không hiểu biết,
覩見之時悉以為實。

đổ kiến chi thời tất dĩ vi thật 。

thấy các vật ấy bèn cho là thật.

其中智人知其虛誑以幻力故惑人眼目。善男子。

kỳ trung trí nhân trí kỳ hư cuống dĩ huyễn lực cố hoặc nhân nhãn mục 。 Thiện nam tử 。
nhưng người trí thì biết đó là hư vọng, do lực biến hóa làm che mắt người mà thôi. Thiện
nam tử,

一切凡夫乃至聲聞辟支佛等。於一切法見有定相亦復如是。

nhất thiết phàm phu nãi chí Thanh văn Bích-chi-phật đẳng 。 ư nhất thiết Pháp kiến hữu
định tướng diệc phục như thị 。

tất cả phàm phu cho đến Thanh văn, Bích-chi-phật, đối với tất cả pháp thấy có tướng nhất
định cũng lại như vậy,

諸佛菩薩於一切法不見定相。善男子。

chư Phật Bồ-tát ư nhất thiết Pháp bất kiến định tướng 。 Thiện nam tử 。

mà chư Phật Bồ-tát đối với tất cả không thấy tướng nhất định. Thiện nam tử,

譬如小兒於盛夏月見熱時焰謂之為水。

thí như tiểu nhi ư thịnh hạ nguyệt kiến nhiệt thời diệm vị chi vi thủy 。

thí như trẻ con vào tháng bốn lúc nóng bức thấy hơi nóng của lửa bèn cho đó là nước,
有智之人於此熱焰終不生於實水之想。

hữu trí chi nhân ư thử nhiệt diệm chung bất sanh ư thật thủy chi tưởng 。

người có trí đối với hơi lửa nóng không sanh ý tưởng là nước,

但是虛焰誑人眼目非實是水。一切凡夫聲聞緣覺見一切法。

đãn thị hư diệm cuống nhân nhãn mục phi thật thị thủy 。

nhất thiết phàm phu Thanh văn, Duyên giác kiến nhất thiết Pháp 。

đó chỉ là hư vọng, chẳng phải là nước thật. Tất cả phàm phu Thanh văn, Duyên giác thấy
tất cả pháp
亦復如是悉謂是實。

diệc phục như thị tất vị thị thật 。

cũng lại như vậy, đều cho là thật có,

諸佛菩薩於一切法不見定相。善男子。譬如山澗因聲有響。

chư Phật Bồ-tát ư nhất thiết Pháp bất kiến định tướng 。

Thiện nam tử 。

thí như sơn giản nhân thanh hữu hưởng 。

chư Phật Bồ-tát đối với tất cả pháp không thấy tướng nhất định. Thiện nam tử, thí như khe
núi do âm thanh mà có tướng vọng,
小兒聞之謂是實聲。有智之人解無定實。

tiểu nhi văn chi vị thị thật thanh 。 hữu trí chi nhân giải vô định thật 。
 trẻ con nghe bèn cho đó là âm thanh thật. Người trí hiểu rõ đó chẳng phải là thật,
 但有聲相誑於耳識。善男子。
 dẫn hữu thanh tướng cuống ư nhĩ thức 。 Thiện nam tử 。
 chỉ có tướng âm thanh làm mê hoặc ở ở tai mà thôi. Thiện nam tử,
 一切凡夫聲聞緣覺於一切法。亦復如是見有定相。 nhất thiết phàm phu Thanh văn,
 Duyên giác ư nhất thiết Pháp 。 diệc phục như thị kiến hữu định tướng 。
 tất cả phàm phu, Thanh văn, Duyên giác đối với tất cả pháp cũng lại như vậy, thấy có
 tướng nhất định,
 諸菩薩等解了諸法悉無定相。見無常相空寂等相無生滅相。
 chư Bồ-tát đẳng giải liễu chư Pháp tất vô định tướng 。 kiến vô thường tướng không tịch
 đẳng tướng vô sanh diệt tướng 。
 các Bồ-tát thì hiểu rõ các pháp đều có tướng nhất định, thấy tướng vô thường, tướng vắng
 lặng, tướng không sanh diệt.
 以是義故。菩薩摩訶薩見一切法是無常相。
 dĩ thị nghĩa cố 。 Bồ-tát Ma-Ha tát kiến nhất thiết Pháp thị vô thường tướng 。
 Do nghĩa này nên Bồ-tát Ma-ha-tát thấy tất cả pháp là tướng vô thường.
 善男子。亦有定相。云何為定。常樂我淨。
 Thiện nam tử 。 diệc hữu định tướng 。 vân hà vi định 。 thường lạc ngã tịnh 。
 Thiện nam tử, cũng có tướng nhất định. Thế nào là nhất định, đó là thường lạc ngã tịnh,
 在何處耶。所謂涅槃。善男子。須陀洹果亦復不定。
 tại hà xử da 。 sở vị 。 Thiện nam tử 。 Tu-đà-hoàn quả diệc phục bất định 。
 ở tại nơi nào? Đó là. Thiện nam tử, người đắc quả Tu-đà-hoàn cũng là bất định,
 不決定故經八萬劫得阿耨多羅三藐三菩提
 bất quyết định cố Kinh bát vạn kiếp đắc a nậu đa la tam miếu tam Bồ-đề
 do bất định nên trải qua tám vạn kiếp mới đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
 心。斯陀含果亦復不定。
 tâm 。 Tư đà hàm quả diệc phục bất định 。
 Người đắc quả Tư-đà-hàm cũng là bất định
 不決定故經六萬劫得阿耨多羅三藐三菩提心。
 bất quyết định cố Kinh lục vạn kiếp đắc a nậu đa la tam miếu tam Bồ-đề tâm 。

do bất định nên trải qua sáu vạn kiếp mới đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.
阿那含果亦復不定。

A na hàm quả diệt phục bất định 。

Người đắc quả A-na-hàm cũng là bất định,

不決定故經四萬劫得阿耨多羅三藐三菩提心。阿羅漢果亦復不定。

bất quyết định cổ Kinh tứ vạn kiếp đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm。A la hán
quả diệt phục bất định。

do bất định nên trải qua bốn vạn kiếp mới đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Người đắc quả A-la-hán cũng là bất định,

不決定故經二萬劫得阿耨多羅三藐三菩提心。

bất quyết định cổ Kinh nhị vạn kiếp đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm。

do bất định nên trải qua hai vạn kiếp mới đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

辟支佛道亦復不定。

Bích-chi-phật đạo diệt phục bất định 。

Người đắc quả Bích-chi-phật cũng là bất định,

不決定故經十千劫得阿耨多羅三藐三菩提心。善男子。

bất quyết định cổ Kinh thập thiên kiếp đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm。Thiện
nam tử 。

do bất định nên trải qua mười ngàn kiếp mới đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh
Giác。Thiện nam tử 。

如來今於拘尸那城娑羅雙樹間。

Như Lai kim ư Câu-thi-na thành sa-la song thụ gian。

Nay Như Lai ở giữa hai cây Sa-la tại thành Câu-thi-na

示現倚臥師子之床欲入涅槃。

thị hiện ỷ ngọa Sư-tử chi sàng dục nhập 。

mà thị hiện nằm giường Sư Tử muốn vào Niết-bàn

令諸未得阿羅漢果眾弟子等及諸力士生大憂苦。

lệnh chư vị đắc A la hán quả chúng đệ-tử đẳng cập chư lực sĩ sanh Đại ưu khổ。

khiến các chúng đệ tử chưa đắc quả A-la-hán và các lực sĩ sanh ưu khổ

亦令天人阿修羅乾闥婆迦樓羅緊那羅摩睺羅伽等大設供養。

diệc lệnh Thiên Nhơn A-tu-La Càn thát bà ca lâu la khẩn na la Ma hầu la dà đẵng Đại thiết cung dưỡng。

cũng khiến trời, người, a-tu-la, càn-thát-bà, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già dâng sự cúng dường lớn,

欲使諸人以千端疊纏裹其身。七寶為棺盛滿香油。

dục sử chư nhân dĩ thiên đoan điệp triền khoả kỳ thân。 thất bảo vi quan thịnh mãn hương du。

muốn khiến mọi người dùng ngàn lớp vải bọc thân, dùng bảy báu làm quan, đựng đầy dầu thơm

積諸香木以火焚之。唯除二端不可得燒。

tích chư hương mộc dĩ hỏa phần chi。 duy trừ nhị đoan bất khả đắc thiêu 。

chất các thứ gỗ thơm rồi châm lửa đốt, chỉ trừ hai thứ không thể đốt

一者儼身。二最在外。

nhất giả sấn thân 。

nhị tối tại ngoại 。

một là cái quan tài, hai nhưng thứ ngoài quan tài

為諸眾生分散舍利以為八分。一切所有聲聞弟子。

vi chư chúng sanh phân tán xá-lợi dĩ vi bát phân。 nhất thiết sở hữu Thanh văn đệ-tử。

vì các chúng sanh mà phân chia xá-lợi làm tám phần. Tất cả đệ tử Thanh văn hiện tại

咸言如來入於涅槃。當知如來亦不畢定入於涅槃。何以故。

hàm ngôn Như Lai nhập ư 。

đương tri Như Lai diệc bất tất định nhập ư 。

hà dĩ cố。

đều nói Như Lai nhập Niết-bàn. Phải biết Như Lai không rốt ráo nhập Niết-bàn, tại vì sao!

如來常住不變易故。以是義故。

Như Lai thường trụ bất biến dịch cố 。

dĩ thị nghĩa cố 。

Do Như Lai là thường trụ bất biến, do nghĩa này

如來涅槃亦復不定。善男子。當知如來亦復不定。如來非天。

Như Lai diệc phục bất định 。

Thiện nam tử 。

đương tri Như Lai diệc phục bất định 。

Như Lai phi Thiên 。

nên Như Lai cũng là bất định. Thiện nam tử, phải biết Như Lai cũng là bất định, Như Lai chẳng phải là Thiên, (trời)

何以故。有四種天。一者世間天二者生天。

hà dĩ cố 。

Tại vì sao? Có bốn loại Thiên: một là Thế gian thiên, hai là Sanh thiên,
三者淨天。四者義天。世間天者如諸國王。

tam giả tịnh Thiên 。 tứ giả nghĩa Thiên 。 thế gian Thiên giả như chư Quốc Vương 。
ba là Tịnh Thiên, bốn là Nghĩa Thiên. Thế gian thiên tức là các quốc vương,
生天者從四天王乃至非有想非無想天。

sinh Thiên giả tòng tứ Thiên Vương nãi chí Phi hữu tưởng phi vô tưởng Thiên 。
Sanh thiên tức là từ cõi Tứ Thiên Vương cho đến cõi Phi Hữu Tưởng, Phi Vô Tưởng
Thiên.

淨天者從須陀洹至辟支佛。

tịnh Thiên giả tòng Tu-đà-hoàn chí Bích-chi-phật 。

Tịnh Thiên là từ quả vị Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật.

義天者十住菩薩摩訶薩等。以何義故十住菩薩名為義天。

nghĩa Thiên giả thập trụ Bồ-tát Ma-Ha tát đẵng 。 dĩ hà nghĩa cố thập trụ Bồ-tát danh vi
nghĩa Thiên 。

Nghĩa thiên tức là hàng Thập Trụ Bồ-tát Ma-ha-tát.v.v. Do nghĩa này nên Thập trụ Bồ-tát
được gọi là Nghĩa thiên,

以能善解諸法義故。云何為義。見一切法是空義故。

dĩ năng thiện giải chư Pháp nghĩa cố 。 vân hà vi nghĩa 。 kiến nhất thiết Pháp thị không
nghĩa cố 。

bởi có thể hiểu rõ nghĩa của các pháp. Thế nào gọi là nghĩa, tức thấy tất cả pháp là không
nghĩa vậy.

善男子。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử,

如來非王亦非四天乃至非有想非無想天。從須陀洹至辟支佛十住菩薩。

Như Lai phi Vương diệc phi tứ Thiên nãi chí Phi hữu tưởng phi vô tưởng Thiên 。 tòng Tu-
đà-hoàn chí Bích-chi-phật thập trụ Bồ-tát 。

Như Lai cũng chẳng phải là Quốc vương, cũng chẳng phải Tứ Thiên Vương, cho đến phi
hữu tưởng, phi vô tưởng thiên, Tu-đà-hoàn, cho đến Bích-chi-phật, Thập Trụ Bồ-tát.

以是義故。如來非天。

dĩ thị nghĩa cố 。 Như Lai phi Thiên 。

Do nghĩa này nên biết Như Lai chẳng phải là Thiên,
 然諸眾生亦復稱佛為天中天。是故如來非天非非天。非人非非人。
 nhiên chư chúng sanh diệc xưng Phật vi Thiên trung Thiên 。 thị cố Như Lai phi
 Thiên phi phi Thiên 。 phi nhân phi phi nhân 。
 nhưng các chúng sanh lại xưng Phật là Đấng Thiên Trung Thiên, mà Như Lai chẳng phải
 trời, chẳng phải không phải trời, chẳng phải người, chẳng phải không phải người,
 非鬼非非鬼。非地獄畜生餓鬼。
 phi quỷ phi phi quỷ 。 phi Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ 。
 chẳng phải quỷ, chẳng phải không phải quỷ, chẳng phải địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh,
 非非地獄畜生餓鬼。非眾生非非眾生。非法非非法。
 phi phi Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ 。 phi chúng sanh phi phi chúng sanh 。 phi Pháp phi
 phi Pháp 。
 chẳng phải không phải địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chẳng phải chúng sanh, chẳng phải
 không phải chúng sanh, chẳng phải pháp, chẳng phải không phải pháp
 非色非非色。非長非非長。非短非非短。非相非非相。
 phi sắc phi phi sắc 。 phi trường phi phi trường 。 phi đoản phi phi đoản 。 phi tướng phi phi
 tướng 。
 chẳng phải sắc, chẳng phải không phải sắc, chẳng dài chẳng phải không dài, chẳng ngắn
 chẳng phải không ngắn, chẳng có tướng, chẳng phải không có tướng,
 非心非非心。非有漏非無漏。非有為非無為。
 phi tâm phi phi tâm 。 phi hữu lậu phi vô lậu 。 phi hữu vi phi vô vi 。
 chẳng phải tâm, chẳng phải không tâm, chẳng hữu lậu, chẳng phải vô lậu, chẳng phải
 hữu vi, chẳng phải vô vi
 非常非無常。非幻非非幻。非名非非名。
 phi thường phi vô thường 。 phi huyễn phi phi huyễn 。 phi danh phi phi danh 。
 chẳng thường chẳng vô thường, chẳng phải huyễn chẳng phải không huyễn, chẳng phải
 danh chẳng phải không danh,
 非定非非定。非有非無。非說非非說。
 phi định phi phi định 。 phi hữu phi vô 。 phi thuyết phi phi thuyết 。
 chẳng định chẳng phải không định, chẳng có chẳng không, chẳng thuyết chẳng không
 thuyết,

非如來非不如來。以是義故。如來不定。善男子。

phi Như Lai phi bất Như Lai 。 dĩ thị nghĩa cố 。 Như Lai bất định 。 Thiện nam tử 。
chẳng phải Như Lai chẳng phải không phải Như Lai. Do nghĩa này nên Như Lai là bất
định. Thiện nam tử,

何故如來不名世天。世天者即是諸王。

hà cố Như Lai bất danh thế Thiên 。 thế Thiên giả tức thị chư Vương 。

Tại sao không gọi Như Lai là Thế gian thiên, thế gian thiên tức là các vị Vua,
如來久於無量劫中已捨王位。是故非王。非非王者。

Như Lai cứu ư vô lượng kiếp trung dĩ xả Vương vị 。 thị cố phi Vương 。 phi phi Vương giả
。

Từ vô lượng kiếp lâu xa Như Lai đã xả bỏ ngôi Vua, cho nên chẳng phải Vua, chẳng phải
không phải Vua,

如來生於迦毘羅城淨飯王家。是故非非王。

Như Lai sanh ư ca tì la thành Tịnh Phạn Vương gia 。 thị cố phi phi Vương 。

Bởi Như Lai sanh vào cung Vua Tịnh Phạn ở thành Ca-tỳ-la, cho nên nói chẳng phải
không phải Vua.

非生天者。如來久已離諸有故。是故非生天。

phi sanh Thiên giả 。 Như Lai cứu dĩ ly chư hữu cố 。 thị cố phi sanh Thiên 。

Nói chẳng gọi là sanh thiên, do Như Lai từ lâu đã xa rời các hữu, cho nên chẳng phải
sanh Thiên.

非非生天。何以故。昇兜率天下閻浮提故。

phi phi sanh Thiên 。 hà dĩ cố 。 thăng Đâu-suất Thiên hạ Diêm-phù-đề cố 。

Chẳng phải không phải là sanh Thiên, tại vì sao, bởi Như Lai lên cõi trời Đâu-suất rồi hạ
sanh xuống cõi Diêm-phù-đề,

是故如來非非生天。亦非淨天。何以故。

thị cố Như Lai phi phi sanh Thiên 。 diệc phi tịnh Thiên 。 hà dĩ cố 。

cho nên Như Lai chẳng phải không sanh Thiên. Cũng chẳng phải là Tịnh Thiên, tại vì sao,
如來非是須陀洹乃至非辟支佛。是故如來非是淨天。

Như Lai phi thị Tu-đà-hoàn nãi chí phi Bích-chi-phật 。 thị cố Như Lai phi thị tịnh Thiên 。

Như Lai chẳng phải là Tu-đà-hoàn cho đến chẳng phải là Bích-chi-phật, cho nên Như Lai
chẳng phải là Tịnh thiên.

非非淨天。何以故。世間八法所不能染。

phi phi tịnh Thiên 。 hà dĩ cố 。 thế gian bát Pháp sở bất năng nhiễm 。

Chẳng phải không phải Tịnh thiên, tại vì sao, do tám pháp thế gian không thể làm nhiễm ô
猶如蓮花不受塵水。是故如來非非淨天。亦非義天。

do như liên hoa bất thọ trần thủy 。 thị cố Như Lai phi phi tịnh Thiên 。 diệc phi nghĩa
Thiên 。

giống như hoa sen không nhiễm bùn, cho nên Như Lai chẳng phải không phải là Tịnh
thiên. Cũng chẳng phải là Nghĩa thiên,

何以故。如來非是十住菩薩故。

hà dĩ cố 。 Như Lai phi thị thập trụ Bồ-tát cố 。

tại sao vậy, bởi Như Lai chẳng phải là Thập Trụ Bồ-tát,

是故如來非義天也。非非義天。何以故。

thị cố Như Lai phi nghĩa Thiên dã 。 phi phi nghĩa Thiên 。 hà dĩ cố 。

cho nên Như Lai chẳng phải là Nghĩa thiên. Cũng chẳng phải không phải Nghĩa thiên, tại
vì sao?

如來常修十八空義故。是故如來非非義天。如來非人。何以故。

Như Lai thường tu thập bát không nghĩa cố 。 thị cố Như Lai phi phi nghĩa Thiên 。 Như Lai
phi nhân 。 hà dĩ cố 。

Như Lai thường tu mười tám không nghĩa, cho nên Như Lai chẳng phải không phải Nghĩa
thiên.

如來久於無量劫中離人有故是。故非人。

Như Lai cửu ư vô lượng kiếp trung ly nhân hữu cố thị 。 cố phi nhân 。

Từ vô lượng kiếp lâu xa Như Lai đã xa lìa cõi người, cho nên chẳng phải là người.

亦非非人。何以故。生於迦毘羅城故是故非非人。

diệc phi phi nhân 。 hà dĩ cố 。 sanh ư ca tì la thành cố thị cố phi phi nhân 。

cũng chẳng phải không phải người, tại vì sao, bởi Như Lai sống ở thành Ca-tỳ-la nên
chẳng phải không phải người.

如來非鬼。何以故。不害一切諸眾生故。

Như Lai phi quỷ 。 hà dĩ cố 。 bất hại nhất thiết chư chúng sanh cố 。

Như Lai chẳng phải là quỷ, tại vì sao, vì không làm hại tất cả chúng sanh,

是故非鬼。亦非非鬼。何以故。亦以鬼像化眾生故。

thị cố phi quỷ 。 diệc phi phi quỷ 。 hà dĩ cố 。 diệc dĩ quỷ tượng hóa chúng sanh cố 。
cho nên chẳng phải quỷ, cũng chẳng phải không phải quỷ, tại vì sao, bởi Như Lai cũng
dùng hình tướng của quỷ để giáo hóa chúng sanh,
是故非非鬼。如來亦非地獄畜生餓鬼。

thị cố phi phi quỷ 。 Như Lai diệc phi Địa-ngục súc sanh nạ quỷ 。
cho nên chẳng phải không phải quỷ. Như Lai cũng chẳng phải địa ngục nạ quỷ sanh,
何以故。如來久離諸惡業故。

hà dĩ cố 。 Như Lai cứu ly chư ác nghiệp cố 。
tại vì sao, Như Lai từ lâu đã xa lìa các nghiệp ác,
是故非地獄畜生餓鬼。亦非非地獄畜生餓鬼。何以故。

thị cố phi Địa-ngục súc sanh nạ quỷ 。 diệc phi phi Địa-ngục súc sanh nạ quỷ 。 hà dĩ cố
。

cho nên chẳng phải địa ngục nạ quỷ súc sanh. Cũng chẳng phải không phải địa ngục
nạ quỷ súc sanh, tại vì sao?
如來亦復現受三惡諸趣之身化眾生故。

Như Lai diệc phục hiện thọ tam ác chư thú chi thân hóa chúng sanh cố 。
Bởi Như Lai cũng hiện thân lãnh thọ quả nơi ba đường ác để giáo hóa chúng sanh,
是故非非地獄畜生餓鬼。亦非眾生。何以故。

thị cố phi phi Địa-ngục súc sanh nạ quỷ 。 diệc phi chúng sanh 。 hà dĩ cố 。
cho nên chẳng phải không phải địa ngục nạ quỷ súc sanh. Cũng chẳng phải chúng sanh,
tại vì sao?

久已遠離眾生性故。是故如來非非眾生。亦非非眾生。

cửu dĩ viễn li chúng sanh tánh cố 。 thị cố Như Lai phi chúng sanh 。 diệc phi phi chúng
sanh 。

vì từ lâu đã xa lìa tánh của chúng sanh, nên Như Lai chẳng phải chúng sanh, cũng chẳng
phải không chúng sanh,

何以故。或時演說眾生相故。是故如來非非眾生。

hà dĩ cố 。 hoặc thời diễn thuyết chúng sanh tướng cố 。 thị cố Như Lai phi phi chúng sanh
。

tại vì sao, do có lúc diễn thuyết tướng chúng sanh, cho nên Như Lai chẳng phải không
chúng sanh.

如來非法。何以故。諸法各各有別異相。

Như Lai phi Pháp 。 hà dĩ cố 。 chư Pháp các các hữu biệt dị tướng 。

Như Lai chẳng phải là pháp, tại vì sao, vì các pháp đều có tướng riêng biệt,

如來不爾唯有一相。是故非法。亦非非法。何以故。

Như Lai bất nhĩ duy hữu nhất tướng 。

thị cố phi Pháp 。

diệc phi phi Pháp 。

hà dĩ cố 。

mà Như Lai không phải vậy, chỉ có một tướng, cho nên Như Lai chẳng phải là Pháp. Cũng chẳng phải không pháp, tại vì sao,

如來。法界故。是故非非法。如來非色何以故。 Như Lai 。

Pháp giới cố 。

thị cố phi phi Pháp 。

Như Lai phi sắc hà dĩ cố 。

Như Lai là pháp giới, cho nên chẳng phải không pháp. Như Lai chẳng phải là sắc, tại vì sao,

十色入所不攝故。是故非色。亦非非色。

thập sắc nhập sở bất nhiếp cố 。

thị cố phi sắc 。

diệc phi phi sắc 。

do không phải là mười thứ sắc, cho nên chẳng phải sắc. Cũng chẳng phải không sắc,何以故。身有三十二相八十種好故。

hà dĩ cố 。

thân hữu tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo cố 。

tại vì sao, do thân Như Lai có ba mươi hai tướng tốt và có tám mươi vẻ đẹp,

是故非非色。如來非長。何以故。斷諸色故。是故非長。

thị cố phi phi sắc 。

Như Lai phi trường 。

hà dĩ cố 。

đoạn chư sắc cố 。

thị cố phi trường 。

cho nên chẳng phải không sắc. Như Lai chẳng phải dài, tại vì sao, vì đã đoạn các sắc, cho nên chẳng phải dài.

亦非非長。何以故。

diệc phi phi trường 。

hà dĩ cố 。

cũng chẳng phải không dài, tại vì sao,

一切世間無有能見頂髻相故。是故非非長。如來非短。何以故。

nhất thiết thế gian vô hữu năng kiến đỉnh kế tướng cố 。

thị cố phi phi trường 。

Như Lai phi đoản 。

hà dĩ cố 。

tất cả thế gian không ai thấy tướng nhục kế, cho nên chẳng phải không dài. Như Lai chẳng phải ngắn, tại vì sao,

久已遠離憍慢結故。是故非短。亦非非短。何以故。

cửu dĩ viễn li kiêu mạn kết cố 。 thị cố phi đoản 。 diệc phi phi đoản 。 hà dĩ cố 。
từ lâu đã xa lìa sự kiêu mạn, cho nên chẳng phải ngắn. Cũng chẳng phải không ngắn, tại
vì sao,

為瞿師羅長者示三尺身故。是故非非短。

vi Cồ sư la Trường-Giả kì tam xích thân cố 。 thị cố phi phi đoản 。

Như Lai vì trưởng giả Cù Sư La mà thị hiện thân ba thước, cho nên chẳng phải không
ngắn.

如來非相。何以故。久已遠離諸相相故。是故非相。

Như Lai phi tướng 。 hà dĩ cố 。 cửu dĩ viễn li chư tướng tướng cố 。 thị cố phi tướng 。

Như Lai là phi tướng, tại vì sao, từ lâu đã xa lìa các tướng, cho nên là phi tướng.

亦非非相。何以故。善知諸相故。是故非非相。

diệc phi phi tướng 。 hà dĩ cố 。 thiện tri chư tướng cố 。 thị cố phi phi tướng 。

cũng chẳng phải phi tướng, tại vì sao, vì khéo biết các tướng, cho nên chẳng phải phi
tướng,

如來非心。何以故。虛空相故。是故非心。

Như Lai phi tâm 。 hà dĩ cố 。 hư không tướng cố 。 thị cố phi tâm 。

Như Lai là phi tâm, tại vì sao, vì tướng như hư không, cho nên là phi tâm.

亦非非心。何以故。有十力心法故。

diệc phi phi tâm 。 hà dĩ cố 。 hữu thập lực tâm Pháp cố 。

Cũng chẳng phải là phi tâm, tại vì sao, do có mười lực tâm pháp,

亦能知他眾生心故。是故非非心。如來非有為。何以故。

diệc năng tri tha chúng sanh tâm cố 。 thị cố phi phi tâm 。 Như Lai phi hữu vi 。 hà dĩ cố 。

cũng có thể biết tâm của các chúng sanh, cho nên chẳng phải phi tâm. Như Lai chẳng
phải là hữu vi, tại vì sao,

常樂我淨故。是故非有為。亦非無為。何以故。

thường lạc ngã tịnh cố 。 thị cố phi hữu vi 。 diệc phi vô vi 。 hà dĩ cố 。

bởi là thường lạc ngã tịnh, cho nên chẳng phải hữu vi. Cũng chẳng phải vô vi, tại vì sao,
有來去坐臥示現涅槃故。是故非無為。

hữu lai khứ tọa ngoạ thị hiện cố 。 thị cố phi vô vi 。

vì có đi đến nằm ngồi thị hiện Niết-bàn, cho nên chẳng phải vô vi.

如來非常。何以故。身有分故是故非常。云何非常。

Như Lai phi thường 。 hà dĩ cố 。 thân hữu phần cố thị cố phi thường 。 vân hà phi thường
。

Như Lai chẳng phải là thường, tại vì sao, do thân có phân chia nên chẳng phải là thường.
Thế nào chẳng phải là thường,

以有知故。常法無知猶如虛空。

dĩ hữu tri cố 。 thường Pháp vô tri do như hư không 。

do có hiểu biết, pháp thường là không biết giống như hư không

如來有知是故非常。云何非常。有言說故。

Như Lai hữu tri thị cố phi thường 。 vân hà phi thường 。 hữu ngôn thuyết cố 。

Như Lai có hiểu biết cho nên chẳng phải thường. Thế nào là chẳng phải thường, do có nói
năng,

常法無言亦如虛空。如來有言是故無常。有姓氏故名曰無常。

thường Pháp vô ngôn diệt như hư không 。

Như Lai hữu ngôn thị cố vô thường 。

hữu tính
thị cố danh viết vô thường 。

pháp thường là không nói cũng như hư không, Như Lai có nói cho nên chẳng phải thường.

Có họ tên nên gọi là vô thường,

無姓之法乃名為常。虛空常故無有姓氏。

vô tính chi Pháp nãi danh vi thường 。

hư không thường cố vô hữu tính thị 。

pháp không họ tên mới gọi là thường, hư không là thường nên không có họ tên.

如來有姓瞿曇氏是故無常。

Như Lai hữu tính tính Cồ Đàm thị thị cố vô thường 。

Như Lai có họ là Cu-đàm cho nên là vô thường.

有父母故名曰無常。無父母者乃名曰常。

hữu phụ mẫu cố danh viết vô thường 。

vô phụ mẫu giả nãi danh viết thường 。

Có cha mẹ nên gọi là vô thường, không có cha mẹ mới gọi là thường,

虛空常故無有父母。佛有父母是故無常。有四威儀名曰無常。

hư không thường cố vô hữu phụ mẫu 。

Phật hữu phụ mẫu thị cố vô thường 。

hữu tứ uy
nghi danh viết vô thường 。

hư không là thường nên không có cha mẹ, Như Lai có cha mẹ cho nên là vô thường. Có

bốn oai nghi thì gọi là vô thường,

無四威儀乃名曰常。虛空常故無四威儀。

vô tứ uy nghi nãi danh viết thường 。 hư không thường cố vô tứ uy nghi 。
không có bốn oai nghi mới gọi là thường, hư không là thường nên không có bốn oai nghi,
佛有四威儀是故無常。常住之法無有方所。
Phật hữu tứ uy nghi thị cố vô thường 。 thường trụ chi Pháp vô hữu phương sở 。
Phật có bốn oai nghi cho nên vô thường. Pháp thường trụ không có phương hướng,
虛空常故無有方所。如來出在中天竺地。
hư không thường cố vô hữu phương sở 。 Như Lai xuất tại trung Thiên trúc địa 。
hư không là thường nên không có phương hướng, Như Lai đản sanh tại nước Thiên Trúc,
住舍婆提或王舍城。是故無常。
trụ xá Bà đề hoặc Vương xá thành 。 thị cố vô thường 。
ở thành Vương Xá hoặc Xá-bà-đề, cho nên là vô thường.
以是義故如來非常亦非非常。何以故。生永斷故。
dĩ thị nghĩa cố Như Lai phi thường diệt phi phi thường 。 hà dĩ cố 。 sanh vĩnh đoạn cố 。
Do nghĩa này nên Như Lai chẳng phải thường, cũng chẳng phải không thường, tại vì sao,
vì sanh đã đoạn diệt.
有生之法名曰無常。無生之法乃名為常。
hữu sanh chi Pháp danh viết vô thường 。 vô sanh chi Pháp nãi danh vi thường 。
Pháp có sanh thì gọi là vô thường, pháp không sanh mới gọi là thường,
如來無生是故為常。常法無性。有性之法名曰無常。
Như Lai vô sanh thị cố vi thường 。 thường Pháp Vô tánh 。 hữu tánh chi Pháp danh viết
vô thường 。
Như Lai là không sanh cho nên là thường. Pháp thường là vô tánh, pháp có tánh thì gọi là
vô thường,
如來無生無性無生無性故常。
Như Lai vô sanh Vô tánh vô sanh Vô tánh cố thường。
Như Lai là vô sanh tánh, do vô sanh vô tánh nên gọi là thường.
有常之法遍一切處。猶如虛空無處不有。
hữu thường chi Pháp biến nhất thiết xứ 。 do như hư không vô xứ bất hữu 。
Pháp hữu thường thì biến khắp mọi nơi giống như hư không, không nơi nào không có,
如來亦爾遍一切處。是故為常。無常之法或言此有或言彼無。

Như Lai diệc nhĩ biến nhất thiết xử 。 thị cố vi thường 。 vô thường chi Pháp hoặc ngôn thử hữu hoặc ngôn bỉ vô 。

Như Lai cũng như vậy biến khắp mọi nơi cho nên gọi là thường. Pháp vô thường thì hoặc nói đây có hoặc nói kia không,

如來不爾不可說言是處有彼處無。

Như Lai bất nhĩ bất khả thuyết ngôn thị xử hữu bỉ xử vô 。

Như Lai không như vậy, không thể nói chỗ này có chỗ kia không,

是故為常。無常之法有時是有有時是無。

thị cố vi thường 。 vô thường chi Pháp hữu thời thị hữu hữu thời thị vô 。

cho nên gọi là thường. Pháp vô thường thì lúc có là có lúc có là không,

如來不爾有時是有有時是無。是故為常。

Như Lai bất nhĩ hữu thời thị hữu hữu thời thị vô 。

Như Lai không như vậy, lúc có là có lúc không là không, cho nên là thường.

常住之法無名無色。虛空常故無名無色。

thường trụ chi Pháp vô danh vô sắc 。 hư không thường cố vô danh vô sắc 。

Pháp thường trụ không gọi là vô sắc, hư không là thường nên gọi là vô sắc,

如來亦爾無名無色是故為常。常住之法無因無果。

Như Lai diệc nhĩ vô danh vô sắc thị cố vi thường 。 thường trụ chi Pháp vô nhân vô quả 。

Như Lai cũng như vậy, không gọi là vô sắc cho nên là thường. Pháp thường trụ là không nhân không quả,

虛空常故無因無果。如來亦爾無因無果。是故為常。

hư không thường cố vô nhân vô quả 。

。 Như Lai diệc nhĩ vô nhân vô quả 。

thị cố vi thường 。

hư không là thường nên không có nhân quả, Như Lai cũng như vậy, không nhân không

quả cho nên là thường.

常住之法三世不攝。

thường trụ chi Pháp tam thế bất nhiếp 。

Pháp thường trụ không thuộc ba đời,

如來亦爾三世不攝是故為常。如來非幻。何以故。

Như Lai diệc nhĩ tam thế bất nhiếp thị cố vi thường 。

Như Lai cũng vậy, không thuộc ba đời cho nên là thường. Như Lai chẳng phải là huyễn, vì sao thế?

永斷一切虛誑心故。是故非幻。亦非非幻。何以故。

vĩnh đoạn nhất thiết hư cuống tâm cố 。 thị cố phi huyễn 。 diệc phi phi huyễn 。 hà dĩ cố 。

vì đã đoạn sạch tâm hư vọng, cho nên chẳng phải là huyễn. Cũng chẳng phải không huyễn, tại vì sao?

如來或時分此一身為無量身。無量之身復為一身。

Như Lai hoặc thời phân thử nhất thân vi vô lượng thân 。 vô lượng chi thân phục vi nhất thân 。

Như Lai có lúc phân thân này làm vô lượng thân, vô lượng thân lại làm một thân, 山壁直過無有障礙。

sơn bích trực quá vô hữu chướng ngại 。

vượt qua núi, vách tường mà không trở ngại,

履水如地入地如水行空如地。身出煙焰如大火聚。雲雷震動其聲可畏。

lý thủy như địa nhập địa như thủy hành không như địa 。 thân xuất yên diệm như Đại hỏa tụ 。 vân lôi chấn động kỳ thanh khả úy 。

đi trên nước như đi trên đất, vào lòng đất như xuống nước, đi giữa hư không như trên đất, thân phát ra khói lửa như đồng lửa lớn, phát ra sấm động âm thanh đáng sợ

或為城邑聚落舍宅山川樹木。

hoặc vi thành ấp tụ lạc xá trạch sơn xuyên thụ mộc 。

hoặc làm thành ấp tụ lạc nhà cửa núi sông rừng cây,

或作大身或作小身。男身女身童男童女身。

hoặc tác Đại thân hoặc tác tiểu thân 。 nam thân nữ thân đồng nam đồng nữ thân 。

hoặc làm thân lớn hoặc làm thân nhỏ, hoặc làm thân nam, hoặc làm thân nữ, thân đồng nam, thân đồng nữ,

是故如來亦非非幻。如來非定。何以故。

thị cố Như Lai diệc phi phi huyễn 。 Như Lai phi định 。 hà dĩ cố 。

vì thế Như Lai cũng là huyễn. Như Lai cũng chẳng nhất định, tại vì sao?

如來於此拘尸那城娑羅雙樹間。示現入於般涅槃故。

Như Lai ư thử Câu-thi-na thành sa-la song thụ gian 。 thị hiện nhập ư bát cố 。

Như Lai ở giữa hai cây Sa-la tại thành Câu-thi-na và thị hiện nhập Niết-Bàn

是故非定。亦非非定。何以故。常樂我淨故。

thị cố phi định 。 diệc phi phi định 。 hà dĩ cố 。 thường lạc ngã tịnh cố 。

cho nên chẳng nhất định. Cũng chẳng phải không nhất định, tại vì sao, có thường lạc ngã tịnh vậy,

是故如來亦非非定。如來非有漏。何以故。斷三漏故。

thị cố Như Lai diệc phi phi định 。 Như Lai phi hữu lậu 。 hà dĩ cố 。 đoạn tam lậu cố 。

cho nên Như Lai cũng chẳng phải không nhất định. Như Lai chẳng phải hữu lậu, tại vì sao, vì đã đoạn sạch ba lậu,

故非有漏。三漏者。

cố phi hữu lậu 。 tam lậu giả 。

cho nên chẳng phải hữu lậu. Ba lậu gồm có:

欲界一切煩惱除無明是名欲漏。色無色界一切煩惱除無明是名有漏。

dục giới nhất thiết phiền não trừ vô minh thị danh dục lậu 。 sắc vô sắc giới nhất thiết phiền não trừ vô minh thị danh hữu lậu 。

Tất cả phiền não trong cõi dục trừ vô minh, thì gọi là dục lậu. Tất cả phiền não ở cõi sắc và vô sắc trừ vô minh, thì gọi là hữu lậu.

三界無明名無明漏。如來永斷是故非漏。

tam giới vô minh danh vô minh lậu 。 Như Lai vĩnh đoạn thị cố phi lậu 。

Vô minh trong ba cõi thì gọi là vô minh lậu, Như Lai đã đoạn hết cho nên chẳng phải lậu.

復次一切凡夫不見有漏。云何凡夫不見有漏。

phục thứ nhất thiết phàm phu bất kiến hữu lậu 。 vân hà phàm phu bất kiến hữu lậu 。

Lại nữa tất cả phàm phu thì không thấy hữu lậu, tại sao phàm phu không thấy hữu lậu?

一切凡夫於未來世悉有疑心。

nhất thiết phàm phu ư vị lai thế tất hữu nghi tâm 。

vì tất cả phàm phu đều có tâm nghi đối với đời vị lai,

未來世中當得身耶不得身耶。

vị lai thế trung đương đắc thân da bất đắc thân da 。

nghi rằng trong đời vị lai sẽ được thân hay không được thân,

過去世中身本有耶為本無耶。現在世中是身有耶是身無耶。

quá khứ thể trung thân bốn hữu da vi bốn vô da 。 hiện tại thể trung thị thân hữu da thị thân vô da 。

trong đời quá khứ vốn có thân hay không có thân, trong đời hiện tại thân này có hay là không có.

若有我者。是色耶非色耶。色非色耶非色非非色耶。

nhược hữu ngã giả 。 thị sắc da phi sắc da 。 sắc phi sắc da phi sắc phi sắc da 。

Nếu có ngã thì đó là sắc hay phi sắc, sắc phi sắc hay là phi sắc phi phi sắc.

想耶非想耶。想非想耶非想非非想耶。

tưởng da phi tưởng da 。 tưởng phi tưởng da phi tưởng phi phi tưởng da 。

là tưởng hay phi tưởng, tưởng phi tưởng hay là phi tưởng phi phi tưởng?

是身屬他耶不屬他耶。屬不屬耶非屬非不屬耶。

thị thân chúc tha da bất chúc tha da 。 chúc bất chúc da phi chúc phi bất chúc da 。

Thân này thuộc người khác hay không thuộc, là thuộc phi thuộc hay phi thuộc phi phi thuộc?

有命無身耶有身無命耶。

hữu mạng vô thân da hữu thân vô mạng da 。

Là có mạng thân không hay có thân mạng không?

有身有命耶無身無命耶。身之與命有常耶無常耶。

hữu thân hữu mạng da vô thân vô mạng da。 thân chi dữ mạng hữu thường da vô thường da。

có thân có mạng hay không thân không mạng, thân và mạng là thường hay vô thường, 常無常耶非常非無常耶。

thường vô thường da phi thường phi vô thường da 。

thường vô thường hay phi thường phi vô thường

身之與命自在作耶時節作耶。無因作耶世性作耶。

thân chi dữ mạng tự-tại tác da thời tiết tác da 。 vô nhân tác da thể tánh tác da 。

thân và mạng là tự tại tạo tác hay đúng thời tiết mới tạo tác, là không có nhân mà tạo tác hay tánh thể gian tạo tác?

微塵作耶法非法作耶。士夫作耶煩惱作耶父母作耶。我住心耶。

vi trần tác da Pháp phi Pháp tác da 。 sĩ phu tác da phiền não tác da phụ mẫu tác da 。

ngã trụ tâm da 。

là vi trần tạo tác hay pháp phi pháp tạo tác. Là sĩ phu tạo tác, phiền não tạo tác hay Cha Mẹ tạo tác. Tâm trụ nơi ngã,
 住眼中耶遍滿身中耶。從何來耶去何至耶。
 trụ nhãn trung da biến mãn thân trung da 。 tòng hà lai da khứ hà chí da 。
 trụ nơi mắt hay biến khắp trong thân, từ đâu đến và đi về đâu,
 誰生耶誰死耶。我於過去是婆羅門姓耶。
 thùy sanh da thùy tử da 。 ngã ư quá khứ thị Bà-la-môn tính da 。
 ai sanh ai chết, đời quá khứ ta thuộc dòng Bà-la-môn chẳng;
 是刹利姓耶。是毘舍姓耶。是首陀羅姓耶。
 thị sát lợi tính da 。 thị Tì-xá tính da 。 thị thủ Đà-la tính da 。
 hay là dòng Sát-đế-lợi, Tỳ-xá, Thủ-đà-la?
 當於未來得何姓耶。我此身者。
 đương ư vị lai đắc hà tính da 。 ngã thử thân giả 。
 đến đời vị lai thì ở dòng nào. Thân ta nay
 過去之時是男身耶是女身耶畜生身耶。
 quá khứ chi thời thị nam thân da thị nữ thân da súc sanh thân da 。
 vào thời quá khứ là nam hay nữ, hay là thân súc sanh?
 若我殺生當有罪耶當無罪耶。乃至飲酒當有罪耶當無罪耶。
 nhược ngã sát sanh đương hữu tội da đương vô tội da 。 nãi chí ẩm tửu đương hữu tội da
 đương vô tội da 。
 nếu ta sát sanh sẽ có tội hay không có tội, cho đến uống rượu sẽ có tội hay không có tội?
 我自作耶為他作耶。我受報耶身受報耶。
 ngã tự tác da vi tha tác da 。 ngã thọ báo da thân thọ báo da 。
 ta tự tạo tác hay vì người khác mà tạo tác, ta lãnh thọ báo hay thân lãnh thọ báo?
 如是疑見無量煩惱覆眾生心。
 như thị nghi kiến vô lượng phiền não phúc chúng sanh tâm 。
 Như vậy sự nghi ngờ khiến vô lượng phiền não che lấp tâm chúng sanh,
 因是疑見生六種心。決定有我。決定無我。我見我。
 nhân thị nghi kiến sanh lục chủng tâm 。 quyết định hữu ngã 。 quyết định vô ngã 。 ngã
 kiến ngã 。

do sự nghi này mà sanh ra sáu thứ tâm là: Quyết định có ngã, quyết định vô ngã, ngã thấy ngã,

我見無我。無我見我。我作我受我知。是名邪見。

ngã kiến vô ngã 。 vô ngã kiến ngã 。 ngã tác ngã thọ ngã tri 。 thị danh tà kiến 。

ngã thấy vô ngã, vô ngã thấy ngã, ngã tạo tác ngã lãnh thọ ngã hiểu biết, đó gọi là tà kiến.

如來永拔如是無量見漏根本。是故非漏。善男子。

Như Lai vĩnh bạt như thị vô lượng kiến lậu căn bản 。 thị cố phi lậu 。 Thiện nam tử 。

Như lai đã diệt sạch nguồn gốc vô lượng kiến lậu như vậy, cho nên chẳng phải lậu. Thiện nam tử,

菩薩摩訶薩於大涅槃修聖行者。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư Đại tu Thánh hành giả 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu chánh hạnh Đại Niết-bàn

亦得永斷如是諸漏。諸佛如來常修聖行。

diệt đắc vĩnh đoạn như thị chư lậu 。 chư Phật như lai thường tu Thánh hành 。

cũng đoạn sạch các lậu như vậy, chư Phật Như Lai thường tu Thánh hạnh,

是故無漏善男子。凡夫不能善攝五根。

thị cố vô lậu Thiện nam tử 。 phàm phu bất năng thiện nhiếp ngũ căn 。

cho nên là vô lậu. Thiện nam tử, phàm phu không khéo thu nhiếp năm căn,

則有三漏為惡所牽至不善處。善男子。

tắc hữu tam lậu vi ác sở khiên chí bất thiện xử 。

thì có ba lậu, điều bị ác dắt dẫn đến chỗ bất thiện. Thiện nam tử,

譬如惡馬其性佷悞能令乘者至嶮惡處。不能善攝此五根者。

thí như ác mã kỳ tánh 佷悞 năng lệnh thừa giả chí hiểm ác xử 。

thí như ngựa có tánh hung dữ có thể khiến người cưỡi ngựa đến chỗ hiểm ác. Người không khéo thu nhiếp năm căn, 亦復如是。令人遠離涅槃善道至諸惡處。

diệc phục như thị 。

cũng lại như vậy, khiến người xa lìa Niết-bàn đi đến chỗ ác.

譬如惡象心未調順有人乘之不隨意去遠離城邑

thí như ác tượng tâm vị điều thuận hữu nhân thừa chi bất tùy ý khứ viễn li thành ấp

thí như voi dữ chưa điều phục, người cưỡi voi không theo ý bèn đi xa thành ấp

至空曠處。不能善攝此五根者。亦復如是。

chí không khoáng xử 。 bất năng thiện nhiếp thủ ngũ căn giả 。 diệc phục như thị 。
đến chỗ vắng vẻ, người không khéo thu nhiếp năm căn, cũng lại như vậy,
將人遠離涅槃城邑至於生死曠野之處。

tướng nhân viễn li Niết-bàn thành ấp chí ư sanh tử khoáng dã chí xử 。

dẫn người đi xa thành ấp Niết-bàn đến chỗ sanh tử vắng vẻ

善男子。譬如佞臣教王作惡。五根佞臣。亦復如是。

Thiện nam tử 。 thí như nịnh Thần giáo Vương tác ác 。 ngũ căn nịnh Thần 。 diệc phục như thị 。

Thiện nam tử, thí như bề tôi xu nịnh bày vua làm ác, nịnh thần năm căn cũng lại như vậy,
常教眾生造無量惡。善男子。

thường giáo chúng sanh tạo vô lượng ác 。 Thiện nam tử 。

thường dạy chúng sanh tạo vô lượng điều ác. Thiện nam tử,

譬如惡子不受師長父母教勅則無惡不造。不調五根。

thí như ác tử bất thọ sư trường phụ mẫu giáo sắc tặc vô ác bất tạo 。 bất điều ngũ căn 。

thí như đứa trẻ xấu không nghe lời dạy của cha mẹ sư trưởng thì không điều ác nào không làm. Người không điều phục năm căn

亦復如是。不受師長善言教勅無惡不造。善男子。

diệc phục như thị 。 bất thọ sư trường thiện ngôn giáo sắc vô ác bất tạo 。 Thiện nam tử 。

cũng lại như vậy, không nghe lời thiện của Sư trưởng giáo huấn nên không có điều ác nào không làm. Thiện nam tử,

凡夫之人不攝五根。

phàm phu chi nhân bất nhiếp ngũ căn 。

kẻ phàm phu không thu nhiếp năm căn

常為地獄畜生餓鬼之所賊害。亦如怨盜害及善人。善男子。

thường vi Địa-ngục súc sanh nạ quỷ chi sở tặc hại 。

thường bị giặc địa ngục nạ súc sanh làm hại, cũng như oán tặc làm hại người thiện.

Thiện nam tử,

凡夫之人不攝五根馳騁五塵。

phàm phu chi nhân bất nhiếp ngũ căn trì sinh ngũ trần 。

kẻ phạm phu không thu nhiếp năm căn nên chạy theo năm trần,
譬如牧牛不善守護犯人苗稼。

thí như mục牛郎 bất thiện thủ hộ phạm nhân 苗 芻 。

thí như người chăn trâu không khéo giữ gìn để nó xâm phạm lúa mạ của người
凡夫之人不攝五根常在諸有多受苦惱。善男子。

phạm phu chi nhân bất nhiếp ngũ căn thường tại chư hữu đa thọ khổ não 。 Thiện nam tử
。

kẻ phạm phu không thu nhiếp năm căn thì thường ở nơi các cõi chịu nhiều khổ não. Thiện
nam tử,

菩薩摩訶薩修大涅槃行聖行時。常能善調守攝五根。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại hành Thánh hành thời. thường năng thiện điều thủ nhiếp ngũ căn
。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn lúc thực hành Thánh hạnh, khéo thu nhiếp giữ gìn năm
căn,

怖畏貪欲瞋恚愚癡憍慢嫉妬。為得一切諸善法故。善男子。

bố úy tham dục sân khuể ngu si kiêu mạn tật đố. vì đắc nhất thiết chư thiện Pháp
cố. Thiện nam tử。

sợ hãi tham lam sân hận ngu si kiêu mạn tật đố, vì được tất cả pháp lành. Thiện nam tử,
若能善守此五根者則能攝心。

nhược năng thiện thủ thủ ngũ căn giả tắc năng nhiếp tâm 。

nếu có thể giữ gìn năm căn tức có thể thu nhiếp tâm,

若能攝心則攝五根。譬如有人擁護於王則護國土。

nhược năng nhiếp tâm tắc nhiếp ngũ căn. thí như hữu nhân ủng hộ ư Vương tắc hộ quốc
thổ。

nếu có thể thu nhiếp tâm thì có thể thu nhiếp năm căn. Thí như có người ủng hộ vua tức
ủng hộ cõi nước,

護國土者則護於王。菩薩摩訶薩。亦復如是。

hộ quốc thổ giả tắc hộ ư Vương 。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。

diệc phục như thị 。

người ủng hộ cõi nước tức ủng hộ vua. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy,
若得聞是大涅槃經則得智慧。

nhược đắc văn thị Đại Niết-bàn Kinh tắc đắc trí tuệ 。

nếu được nghe kinh Đại Niết-bàn thì được trí huệ,
得智慧故則得專念。五根若散念則能止。何以故。是念慧故。
đắc trí tuệ cố tắc đắc chuyên niệm 。 ngũ căn nhược tán niệm tắc năng chỉ 。 hà dĩ cố 。
thị niệm tuệ cố 。
do được trí huệ tức được chuyên niệm, nếu năm căn tán loạn thì niệm có thể ngăn lại, tại
vì sao, bởi đó là niệm huệ.
善男子。
Thiện nam tử 。
Thiện nam tử,
如善牧者設牛東西噉他苗稼則便遮止不令犯暴。菩薩摩訶薩。亦復如是。
như thiện mục giả thiết ngưu Đông Tây đạ tha 苗 giá tắc tiện già chỉ bất lệnh phạm
bạo。 Bồ-tát Ma-Ha tát。 diệp phục như thị 。
như người chăn trâu giỏi, nếu trâu rong ruỗi xâm phạm lúa mạ người thì có thể ngăn chặn
không để nó xâm phạm. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy,
念慧因緣故守攝五根不令馳散。
niệm tuệ nhân duyên cố thủ nhiếp ngũ căn bất lệnh trì tán 。
do nơi niệm huệ mà giữ được năm căn không khiến phóng dật
菩薩摩訶薩有念慧者。
Bồ-tát Ma-Ha tát hữu niệm tuệ giả。
Bồ-tát Ma-ha-tát có niệm huệ
不見我相不見我所相不見眾生及所受用。見一切法同法性相。
bất kiến ngã tướng bất kiến ngã sở tướng bất kiến chúng sanh cập sở thọ dụng。 kiến nhất
thiết Pháp đồng Pháp tánh tướng。
thì không thấy tướng ngã, không thấy tướng ngã sở, không thấy chúng sanh và chỗ thọ
dụng, thấy tất cả pháp là đồng pháp tánh, tướng,
生於土石瓦礫之相。譬如屋舍從眾緣生無有定性。
sanh ư độ thạch ngổa lịch chi tướng。 thí như ốc xá tòng chúng duyên sanh vô hữu định
tánh。
sanh tướng đất đá ngói gạch. Thí như ngôi nhà là do các duyên sanh không có định tánh,
見諸眾生四大五陰之所成立推無定性。
kiến chư chúng sanh tứ Đại ngũ uẩn chi sở thành lập thôi vô định tánh。

Thấy các chúng sanh là do bốn đại, năm ấm mà thành, suy tìm không có định tánh,
無定性故菩薩於中不生貪著。

vô định tánh cố Bồ-tát ư trung bất sanh tham trước。

do không có định tánh nên Bồ-tát không sanh tham đắm thân,

一切凡夫見有眾生故起煩惱。菩薩摩訶薩修大涅槃。

nhất thiết phàm phu kiến hữu chúng sanh cố khởi phiền não。Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại。

tất cả phàm phu thấy có chúng sanh nên khởi phiền não。Bồ-tát Ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn,

有念慧故於諸眾生不生貪著。

hữu niệm tuệ cố ư chư chúng sanh bất sanh tham trước。

do có niệm huệ nên đối với các chúng sanh tham đắm。

復次菩薩摩訶薩修大涅槃經者。不著眾生相作種種法相。善男子。

phục thứ Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-bàn Kinh giả。bất trú chúng sanh tướng tác chủng

chủng Pháp tướng。Thiện nam tử。

Lại nữa, Bồ-tát Ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn, không tham đắm tướng chúng sanh, không khởi

các thứ pháp tướng。Thiện nam tử,

譬如畫師以眾雜彩畫作眾像若男若女若牛若

thí như họa sư dĩ chúng tạp thái họa tác chúng tượng nhược nam nhược nữ nhược ngưu
nhược

thí như họa sĩ dùng các màu sắc vẽ các hình tượng, hoặc nam hoặc nữ hoặc trâu hoặc
ngựa,

馬。凡夫無智見之則生男女等相。

mã 。 phàm phu vô trí kiến chi tắc sanh nam nữ đẳng tướng。

kẻ phàm phu không có trí huệ thấy hình vẽ liền sanh các tướng nam, nữ ...

畫師了知無有男女。菩薩摩訶薩。亦復如是。

họa sư liễu tri vô hữu nam nữ 。 Bồ-tát Ma-Ha tát 。 diệc phục như thị。

Người họa sĩ biết rõ không có người hay nữ Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy,

於法異相觀於一相。終不生於眾生之相。何以故。

ư Pháp dị tướng quán ư nhất tướng。chung bất sanh ư chúng sanh chi tướng。hà dĩ cố。

đối với pháp có tướng sai khác đều quán xét là một tướng, trọn không sanh khởi tướng

nào đối với chúng sanh, tại vì sao,

有念慧故。菩薩摩訶薩修大涅槃。

hữu niệm tuệ cố. Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại 。
do có niệm huệ vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát tu Đại Niết-bàn,
或時覩見端正女人終不生於貪著之相。何以故。
hoặc thời đở kiến đoan chánh nữ nhân chung bất sanh ư tham trước chi tướng。 hà dĩ
cố。
có lúc nhìn thấy người nữ xinh đẹp mà trọn không sanh khởi tham đắm nơi tướng, tại vì
sao,
善觀相故。善男子。
thiện quán tướng cố。 Thiện nam tử。
do khéo quán sát tướng vậy. Thiện nam tử,
菩薩摩訶薩知五欲法無有歡樂不得暫停。如犬嚙枯骨。如人持火逆風而行。
Bồ-tát Ma-Ha tát tri ngũ dục Pháp vô hữu hoan lạc bất đắc tạm đình 。 như khuyến khiết
khô cốt 。 như nhân trì hỏa nghịch phong nhi hành 。
Bồ-tát Ma-ha-tát biết pháp năm dục không có vui sướng, không tạm dừng nghỉ, như chó
nhai miếng xương khô, như người cầm lửa đi ngược chiều gió
如篋毒蛇夢中所得路首有果樹多人所
như khiếp độc xà mộng trung sở đắc lộ thủ hữu quả thụ đa nhân sở
như rần độc trong rừng, như trong mộng đi giữa đường có cây trái nhiều người quăng
ném
擲。亦如段肉眾鳥競逐。如水上泡畫水之迹。
trịch 。 diệc như đoan nhục chúng điếu cạnh trục 。 như thủy thượng phao họa thủy chi
tích 。
cũng như miếng thịt có nhiều thú tranh lấy, như bong bóng trên sông, như vạch vẽ trên
nước,
如織經盡。如囚趣市。猶如假借勢不得久觀。
như chức Kinh tận 。 như tù thú thị 。 do như giả tá thế bất đắc cửu quán 。
như dệt vải đã hết, như kẻ tử tù đi đến chỗ chết, như nương nhờ thế lực chẳng được bền
lâu,
欲如是多諸過惡。復次善男子。
dục như thị đa chư quá ác 。 phục thứ Thiện nam tử 。
sự tham dục có nhiều khổ nạn như vậy. Lại nữa Thiện nam tử,

菩薩摩訶薩觀諸眾生。為色香味觸因緣故。

Bồ-tát Ma-Ha tát quán chư chúng sanh 。 vì sắc hương vị xúc nhân duyên cố 。

Bồ-tát Ma-ha-tát thấy các chúng sanh vì sắc hương vị xúc,
從昔無數無量劫來常受苦惱。

tòng tích vô số vô lượng kiếp lai thường thọ khổ não 。

mà từ vô lượng vô số kiếp đến nay thường chịu khổ não,
一一眾生一劫之中所積身骨。如王舍城毘富羅山。

nhất nhất chúng sanh nhất kiếp chi trung sở tích thân cốt 。

như Vương xá thành tì phú la sơn 。

mỗi chúng sanh trong một kiếp thọ thân rất nhiều, nếu dồn chứa xương chúng sanh trong một kiếp thì nhiều như núi Phú La ở thành Vương Xá,

所飲乳汁如四海水。身所出血多四海水。

sở ẩm nhũ trấp như tứ hải thủy 。

thân sở xuất huyết đa tứ hải thủy 。

sữa mẹ mà chúng sanh đã uống thì nhiều như nước trong bốn biển, máu trong thân chảy ra còn nhiều hơn nước bốn biển,

父母兄弟妻子眷屬命終哭泣所出目淚多四大海。

phụ mẫu huynh đệ thê tử quyến chúc mạng chung khóc khắp sở xuất mục lệ đa tứ Đại hải 。

nước mắt cha mẹ anh em vợ con quyến thuộc khóc khi lâm chung cũng nhiều hơn nước bốn biển,

盡地草木為四寸籌以數父母亦不能盡。

tận địa thảo mộc vi tứ thốn trừ dĩ số phụ mẫu diệc bất năng tận 。

lấy hết cỏ cây trên đất để đếm số người đã làm cha mẹ chúng sanh cũng không thể cùng tận.

無量劫來或在地獄畜生餓鬼所受行苦不可稱計。

vô lượng kiếp lai hoặc tại Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ sở thọ hành khổ bất khả xưng kế 。

Từ vô lượng kiếp đến nay, hoặc ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh mà chịu các khổ cũng không kể hết

揣此大地猶如棗等易可窮極生死難盡。

sủy thử Đại địa do như táo đẳng dịch khả cùng cực sanh tử nan tận 。

giả sử có thể đếm biết số cây táo trên đại địa này nhưng số lần sanh tử của chúng sanh cũng khó thể biết hết.

菩薩摩訶薩如是深觀一切眾生以是欲因緣故受苦

Bồ-tát Ma-Ha tát như thị thâm quán nhất thiết chúng sanh dĩ thị dục nhân duyên cố thọ khổ

Bồ-tát Ma-ha-tát như vậy quán xét rõ tất cả chúng sanh do nhân duyên tham dục mà thọ khổ

無量。菩薩以是生死行苦故不失念慧。

vô lượng 。 Bồ-tát dĩ thị sanh tử hành khổ cố bất thất niệm tuệ 。

vô lượng, do sanh tử này mà khổ nên Bồ-tát không để mất niệm huê.

善男子。譬如世間有諸大眾滿二十五里。

Thiện nam tử 。 thí như thế gian hữu chư Đại chúng mãn nhị thập ngũ lý 。

Thiện nam tử, thí như trên thế gian có mọi người đứng đầy hai mươi lăm dặm,

王勅一臣持一油鉢經由中過莫令傾覆。

Vương sắc nhất Thần trì nhất du bát Kinh do trung quá mạc lệnh khuynh phúc 。

Vua sai người bề tôi cầm một bát dầu đi ngang nơi ấy mà không được làm rơi,

若棄一滸當斷汝命。復遣一人拔刀在後隨而怖之。

nhược khí nhất đế đương đoạn nhữ mạng 。 phục khiển nhất nhân bạt đao tại hậu tùy nhi phổ chi 。

nếu rơi một giọt dầu thì sẽ bị chém đầu, lại sai một người khác cầm dao đuổi theo sau lưng đe dọa,

臣受王教盡心堅持經歷爾所大眾之中。

Thần thọ Vương giáo tận tâm kiên trì Kinh lịch nhĩ sở Đại chúng chi trung 。

Bề tôi ấy nhận lời vua bảo bèn thận trọng giữ gìn rồi đi ngang qua chỗ mọi người,

雖見可意五邪欲等心常念言。

tuy kiến khả ý ngũ tà dục đẵng tâm thường niệm ngôn 。

tuy thấy năm thứ dục đẵng ưa mà tâm thường nghĩ rằng:

我若放逸著彼邪欲當棄所持命不全濟。

ngã nhược phóng dật trú bỉ tà dục đương khí sở trì mạng bất toàn tế 。

nếu ta buông lung theo tà dục kia thì không tròn sứ mạng,

是人以是怖因緣故乃至不棄一滸之油。菩薩摩訶薩。

thị nhân dĩ thị phổ nhân duyên cố nãi chí bất khí nhất đế chi du 。 Bồ-tát Ma-Ha tát 。
người này vì lo sợ như vậy nên không để làm rơi một giọt dầu. Bồ-tát Ma-ha-tát
亦復如是。於生死中不失念慧。

diệc phục như thị 。 ư sanh tử trung bất thất niệm tuệ 。

cũng lại như vậy, ở trong sanh tử không để mất niệm huệ,

以不失故雖見五欲心不貪著。若見淨色不生色相唯觀苦相。

dĩ bất thất cố tuy kiến ngũ dục tâm bất tham trước 。 nhược kiến tịnh sắc bất sanh sắc
tướng duy quán khổ tướng 。

do không để mất nên tuy thấy năm dục mà tâm không tham đắm, nếu thấy tịnh sắc cũng
không sanh khởi sắc tướng mà chỉ quán sát tướng khổ,

乃至識相亦復如是。

nãi chí thức tướng diệc phục như thị 。

cho đến thức tướng cũng lại như vậy,

不作生相不作滅相不作因相觀和合相。菩薩爾時五根清淨。

bất tác sanh tướng bất tác diệt tướng bất tác nhân tướng quán hòa hợp tướng 。

Bồ-tát nhĩ
thời ngũ căn thanh tịnh 。

không khởi tướng sanh, không khởi tướng diệt, không khởi tướng nhân mà chỉ quán sát
tướng hòa hợp. Lúc bấy giờ Bồ-tát có năm căn thanh tịnh,

根清淨故護根戒具。一切凡夫五根不淨。

căn thanh tịnh cố hộ căn giới cụ 。

nhất thiết phàm phu ngũ căn bất tịnh 。

do năm căn thanh tịnh nên hộ trì căn được đầy đủ. Tất cả phàm phu có năm căn không
thanh tịnh,

不能善持名曰根漏。菩薩永斷是故無漏。

bất năng thiện trì danh viết căn lậu 。

Bồ-tát vĩnh đoạn thị cố vô lậu 。

không thể khéo giữ gìn nên gọi là căn lậu, Bồ-tát đã đoạn sạch cho nên vô lậu,

如來拔出永斷根本是故非漏。復次善男子。復有離漏。

Như Lai bạt xuất vĩnh đoạn căn bản thị cố phi lậu 。

phục thứ Thiện nam tử 。

phục hữu ly
lậu 。

Như Lai đã nhổ sạch gốc rễ cho nên chẳng phải lậu. Lại nữa Thiện nam tử, lại có thứ gọi
là lia lậu,

菩薩摩訶薩欲為無上甘露佛果故離於惡漏。

Bồ-tát Ma-Ha tát dục vi vô thượng cam lộ Phật quả cố ly ư ác lậu 。

Bồ-tát Ma-ha-tát muốn thành Phật quả cam lồ vô thượng cho nên xa lìa ác lậu.

云何為離。若能修行大涅槃經。

vân hà vi ly 。

nhược năng tu hành Đại Niết-bàn Kinh 。

Thế nào gọi là xa lìa, nếu có thể tu hành kinh Đại Niết-bàn,

書寫受持讀誦解說思惟其義是名為離。何以故。善男子。

thư tả thọ trì đọc tụng giải thuyết tư duy kỳ nghĩa thị danh vi ly 。

hà dĩ cố 。

Thiện nam tử 。

biên chép, thọ trì đọc tụng giải nói, suy nghĩ ý nghĩa, đó gọi là lìa. Tại vì sao, Thiện nam tử,

我都不見十二部經能離惡漏如此方等大涅槃

ngã đô bất kiến thập nhị bộ Kinh năng ly ác lậu như thử phương đẳng Đại niết

Ta không thấy trong mười hai bộ kinh có thể xa lìa ác lậu như kinh Phương Đẳng Đại Niết-

bàn này,

槃經。善男子。譬如良師教諸弟子。

bàn Kinh 。

Thiện nam tử 。

thí như lương sư giáo chư đệ-tử 。

Thiện nam tử, thí như thầy tốt dạy các đệ tử,

諸弟子中有受教者心不造惡。

chư đệ-tử trung hữu thọ giáo giả tâm bất tạo ác 。

trong các đệ tử có người nghe lời dạy tâm không làm ác,

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。亦復如是心不造惡。善男子。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại vi diệu Kinh điển 。

diệc phục như thị tâm bất tạo ác 。

Thiện nam tử 。

Bồ-tát Ma-ha-tát thực hành kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu cũng lại như vậy, tâm không tạo tác. Thiện nam tử,

譬如世間有善呪術。

thí như thế gian hữu thiện chú thuật 。

Thí như thế gian có chú thuật hay,

若有一聞却後七年不為一切毒藥所中蛇不能螫。

nhược hữu nhất văn khước hậu thất niên bất vi nhất thiết độc dược sở trung xà bất năng thích 。

nếu ai nghe được một lần thì bảy năm sau không bị tất cả thuốc độc làm hại, rắn cũng không thể cắn,

若有誦者乃至命盡無有眾惡。善男子。是大涅槃。亦復如是。

nhược hữu tụng giả nãi chí mạng tận vô hữu chúng ác 。 Thiện nam tử 。 thị Đại 。 diệc phục như thị 。

nếu có người đọc tụng thì cho đến lúc mạng chung cũng không có các điều tổn hại. Thiện nam tử, kinh Đại Niết-bàn cũng lại như vậy,

若有眾生一經耳者却後七劫不墮惡道。

nhược hữu chúng sanh nhất Kinh nhĩ giả khước hậu thất kiếp bất đọa ác đạo 。

nếu có chúng sanh nào vừa nghe qua tai thì qua bảy kiếp sau không rơi vào đường ác, 若有書寫讀誦解說思惟其義。

nhược hữu thư tả độc tụng giải thuyết tư duy kỳ nghĩa 。

nếu có người biên chép thọ trì đọc tụng giải nói suy nghĩ ý nghĩa,

必得阿耨多羅三藐三菩提淨見佛性。如彼聖王得甘露味。

tất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tịnh kiến Phật tánh 。

như bĩ Thánh Vương đắc cam lộ vị 。

ắt sẽ đắc đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thấy được Phật tánh, như Thánh vương được mùi vị cam lồ.

善男子。是大涅槃有如是等無量功德。善男子。

Thiện nam tử 。 thị Đại hữu như thị đẳng vô lượng công đức 。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử kinh Đại Niết-bàn này có vô lượng công đức như vậy, Thiện nam tử,

若有人能書寫是經讀誦解說為他敷演思惟

nhược hữu nhân năng thư tả thị Kinh độc tụng giải thuyết vi tha phu diễn tư duy

nếu có người có thể biên chép đọc tụng giải nói, vì người khác diễn thuyết, suy nghĩ ý nghĩa,

其義。當知是人真我弟子善受我教。

kỳ nghĩa 。

đương tri thị nhân chân ngã đệ-tử thiện thọ ngã giáo 。

phải biết người này là đệ tử chơn chánh của Ta, khéo lãnh thọ lời Ta dạy,

是我所見我之所念是人諦知我不涅槃。

thị ngã sở kiến ngã chi sở niệm thị nhân đế tri ngã bất 。

Ta nghĩ người này biết rõ Ta không vào Niết-bàn,

隨如是人所住之處若城邑聚落山林曠野房舍田宅樓

tùy như thị nhân sở trụ chi xứ nhược thành ấp tụ lạc sơn lâm khoáng dã phòng xá điền
trạch lâu

tùy theo người này ở chỗ nào như thành ấp, tụ lạc, rừng núi, đồng trống, phòng xá, lầu
gác,

閣殿堂。

các điện đường 。

cung điện,

我亦在中常住不移我於是人常作受施。

ngã diệc tại trung thường trụ bất di ngã ư thị nhân thường tác thọ thí 。

Ta cũng thường ở nơi ấy, thường nhận sự bố thí của người này,

或作比丘比丘尼優婆塞優婆夷婆羅門梵志貧窮乞人。

hoặc tác bỉ khâu bỉ khâu ni Ưu bà tắc Ưu bà di Bà-la-môn phạm chí tham cùng khát nhân
。

hoặc là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Bà-la-môn, phạm chí người bần cùng
ăn xin,

云何當令是人得知如來受其所施之物。善男子。

vân hà đương lệnh thị nhân đắc tri Như Lai thọ kỳ sở thí chi vật 。

làm sao khiến người này biết được Như Lai thọ nhận vật bố thí. Thiện nam tử

是人或於夜臥夢中夢見佛像。

thị nhân hoặc ư dạ ngọa mộng trung mộng kiến Phật tượng 。

người này hoặc tối nằm mộng thấy tượng Phật,

或見天像沙門之像國王聖王師子王像蓮花形像優曇花像。

hoặc kiến Thiên tượng Sa-môn chi tượng Quốc Vương Thánh Vương Sư-tử Vương tượng
liên hoa hình tượng ưu đàm hoa tượng 。

hoặc thấy tượng chư thiên, tượng Sa-môn, tượng Quốc vương, Thánh vương, Sư tử vương
hình hoa sen hình hoa Ưu-bát-la,

或見大山或大海水。或見日月或見白象及白馬像。

hoặc kiến Đại sơn hoặc Đại hải thủy 。

hoặc kiến nhật nguyệt hoặc kiến bạch tượng cập
bạch mã tượng 。

hoặc thấy núi lớn, hoặc thấy nước trong biển lớn, hoặc thấy mặt trời mặt trăng, hoặc thấy voi trắng ngựa trắng,

或見父母得花得果金銀琉璃頗梨等寶五種牛味。

hoặc kiến phụ mẫu đắc hoa đắc quả kim ngân lưu ly pha-lê đẳng bảo ngũ chủng ngưu vị。

hoặc thấy cha mẹ hoặc được hoa được quả, các thứ báu như vàng bạc lưu ly pha lê, năm thứ ngon từ sữa bò,

爾時當知。即是如來受其所施。

nhĩ thời đương tri。 tức thị Như Lai thọ kỳ sở thí 。

lúc bấy giờ phải biết là Như Lai thọ nhận sự bố thí,

寤已喜樂尋得種種所須之物。心不念惡樂修善法。

ngũ dĩ thiện lạc tầm đắc chủng chủng sở tu chi vật 。

tâm bất niệm ác lạc tu thiện Pháp 。

tinh dật thì vui vẻ, có được các vật cần dùng, tâm không nghĩ ác, ưa tu pháp lành,

善男子。

Thiện nam tử 。

是大涅槃悉能成就如是無量阿僧祇等不可思議無邊功德。善男子。

thị Đại Niết-bàn tất năng thành tựu như thị vô lượng a tăng kì đẳng bất khả tư nghị vô biên công đức 。

kinh Đại Niết-bàn này có thể thành tựu vô lượng vô biên A-tăng-kỳ công đức không thể nghĩ bàn như vậy. Thiện nam tử,

汝今應當信受我語。

nhữ kim ứng đương tín thọ ngã ngữ 。

nay ông phải tin nhận lời tôi nói,

若有善男子善女人欲見我者欲恭敬我。欲同法性而見於我。欲得空定欲見實相。

nhược hữu Thiện nam tử Thiện Nữ Nhân dục kiến ngã giả dục cung kính ngã 。

Pháp tánh nhi kiến ư ngã 。

dục đắc không định dục kiến thật tướng 。

nếu có Thiện nam tử thiện nữ như muốn thấy Ta, muốn cung kính Ta, muốn đồng pháp tánh mà thấy Ta, muốn đắc không định, muốn thấy thật tướng,

欲得修習首楞嚴定師子王定。欲破八魔。

dục đắc tu tập Thủ Lăng Nghiêm định Sư-tử Vương định 。

muốn tu tập định Thủ Lăng Nghiêm, định Sư tử vương, muốn hàng phục tám thứ ma,
八魔者。所謂四魔無常無樂無我無淨。

bát ma giả 。 sở vị tứ ma vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh 。
tám thứ ma là bốn ma và vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh,
欲得人中天上樂者。

dục đắc nhân trung Thiên thượng lạc giả 。

muốn được sự vui vô thượng trong cõi trời cõi người,
見有受持大涅槃經書寫讀誦為他解說思惟義者。

kiến hữu thọ trì Đại Niết-bàn Kinh thư tả đọc tụng vì tha giải thuyết tư duy nghĩa giả 。

thì khi thấy người thọ trì kinh Đại Niết-bàn hay biên chép đọc tụng, vì người giảng nói, suy
nghĩ ý nghĩa,

當往親近依附諮受供養恭敬尊重讚歎。

đương vãng thân cận y phụ ti thọ cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán 。

phải đến gần gũi hỏi han, cung kính cúng dường tôn trọng tán thán.

為洗手足布置床席四事供給令無所乏。

vì tẩy thủ túc bố trí sàng tịch tứ sự cung cấp lệnh vô sở phạp 。

phải rửa tay chân, sắp đặt giường tòa, cung cấp các thứ cần dung không để thiếu thốn.

若從遠來應十由延路次奉迎為是經故。所重之物應以奉獻。

nhược tòng viễn lai ứng thập do duyên lộ thứ phụng nghênh vi thị Kinh cố 。

sở trọng chi vật ứng dĩ phụng hiến 。

Nếu từ xa đến nên mời ở lại, sau đó vì kinh này mà cúng dường, có vật quý báu phải nên
dâng cúng,

如其無者應自賣身。何以故。是經難遇過優曇花。

như kỳ vô giả ứng tự mại thân 。

hà dĩ cố 。

thị Kinh nan ngộ quá ưu đàm hoa 。

nếu không có thì nên bán thân mình, tại vì sao, vì kinh này khó gặp, còn hơn hoa Ưu bát
lâu xa mới trở một lần.

善男子。我念過去無量無邊那由他劫。

Thiện nam tử 。

ngã niệm quá khứ vô lượng vô biên na-do-tha kiếp 。

Thiện nam tử, Ta nhớ đời quá khứ vô lượng vô biên na-do-tha kiếp,

爾時世界名曰娑婆。

nhĩ thời thế giới danh viết Sa Bà 。

lúc bấy giờ có thể giới tên là Ta-bà,
有佛世尊號釋迦牟尼如來應正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天
hữu Phật Thế tôn hiệu Thích-ca-mâu-ni Như Lai ứng Chánh-biến-Tri Minh-hạnh-Túc thiện
thệ thế gian giải Vô-thượng-Sĩ điều ngự trượng phu Thiên
có đức Phật Thế Tôn hiệu là Thích-ca-mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh
Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,
人師佛世尊。為諸大眾宣說如是大涅槃經。
nhân sư Phật Thế tôn 。 vì chư Đại chúng tuyên thuyết như thị Đại Niết-bàn Kinh 。
Thiên Nhơn Sư, Phật Thế Tôn, vì các đại chúng mà tuyên thuyết kinh Đại Niết-bàn này.
我於爾時從善友所。
ngã ư nhĩ thời tòng thiện hữu sở 。
Lúc ấy Ta đến chỗ bạn lành
轉聞彼佛當為大眾說大涅槃。我聞是已其心歡喜欲設供養。
chuyển văn bỉ Phật đương vi Đại chúng thuyết Đại 。 ngã văn thị dĩ kỳ tâm hoan hỉ dục
thiết cung dưỡng 。
rồi được nghe Phật ấy thuyết kinh Đại Niết-bàn cho đại chúng, ta nghe rồi sanh tâm hoan
hỷ muốn cúng dường,
居貧無物欲自賣身薄福不售。
cư bần vô vật dục tự mại thân bạc phúc bất thụ 。
nhưng gia đình nghèo khó không có vật gì, muốn tự bán thân mình mà phước mỏng
chẳng bán được,
即欲還家路見一人而便語言。吾欲賣身君能買不。其人答曰。
tức dục hoàn gia lộ kiến nhất nhân nhi tiện ngữ ngôn 。 ngô dục mại thân quân năng mại
bất 。 kỳ nhân đáp viết 。
Ta muốn trở về nhà, giữa đường gặp một người Ta liền nói rằng: Tôi muốn bán thân, ông
có thể mua chăng? Người ấy đáp:
我家作業人無堪者。汝設能為我當買汝。
ngã gia tác nghiệp nhân vô kham giả 。 nhữ thiết năng vi ngã đương mại nhữ 。
Nhà tôi làm nghề con người không kham nổi, nếu ông có thể làm được tôi sẽ mua ông,
我即問言。有何作業人無堪能。
ngã tức vấn ngôn 。 hữu hà tác nghiệp nhân vô kham năng 。

Ta liền nói rằng: Có nghề gì mà con người không kham nổi?

其人見答吾有惡病良醫處藥。應當日服人肉三兩。

kỳ nhân kiến đáp ngô hữu ác bệnh lương y xử dược 。 ứng đương nhật phục nhân nhục tam lượng 。

Người ấy nói: Tôi có bệnh độc lương y cho thuốc, mỗi ngày phải uống ba lượng thịt người, 卿若能以身肉三兩日日見給。便當與汝金錢五枚。

khanh nhược năng dĩ thân nhục tam lượng nhật nhật kiến cấp 。 tiện đương dĩ nhữ kim tiền ngũ mai 。

nếu ông có thể lấy thịt trên thân cung cấp mỗi ngày ba lượng, thì tôi sẽ mua ông năm đồng tiền vàng.

我時聞已心中歡喜。我復語言。

ngã thời văn dĩ tâm trung hoan hỉ 。 ngã phục ngữ ngôn 。

Lúc ấy Ta nghe rồi tâm sanh hoan hỷ nói rằng:

汝與我錢假我七日。須我事訖便還相就。

nhữ dĩ ngã tiền giả ngã thất nhật 。 tu ngã sự cật tiện hoàn tướng tự 。

Ông đưa tiền cho tôi rồi đợi ông bảy ngày, tôi làm xong việc thì sẽ đem thân đến.

其人見答七日不可。審能爾者當許一日。善男子。

kỳ nhân kiến đáp thất nhật bất khả 。 thẩm năng nhĩ giả đương hứa nhất nhật 。 Thiện nam tử 。

Người ấy đáp: bảy ngày không được, ta chỉ cho ông một ngày thôi. Thiện nam tử, 我於爾時即取其錢還至佛所。

ngã ư nhĩ thời tức thủ kỳ tiền hoàn chí Phật sở 。

lúc ấy ta lấy tiền rồi trở về chỗ đức Phật,

頭面禮足盡其所有而以奉獻。然後誠心聽受是經。

đầu diện lễ túc tận kỳ sở hữu nhi dĩ phụng hiến 。 nhiên hậu thành tâm thính thọ thị Kinh 。

dem đầu mặt đánh lễ rồi dâng hết tiền vàng lên cúng dường, sau đó thành tâm lắng nghe kinh này,

我時聞鈍雖得聞經。唯能受持一偈文句。

ngã thời ám độn tuy đắc văn Kinh 。 duy năng thọ trì nhất kệ văn cú 。

lúc ấy căn cơ ta ngu độn, tuy nghe được kinh mà chỉ thọ trì được một câu kệ:

如來證涅槃 永斷於生死

Như Lai chứng vĩnh đoạn ư sanh tử

Như Lai chứng Niết-bàn, đã đoạn sạch sanh tử.

若有至心聽 常得無量樂

nhược hữu chí tâm thính thường đắc vô lượng lạc

Nếu ai chí tâm nghe, được vô lượng điều vui.

受是偈已即便還至彼病人家。善男子。

thọ thị kệ dĩ tức tiện hoàn chí bỉ bệnh nhân gia 。 Thiện nam tử 。

Ta thọ nhận bài kệ rồi liền đi đến nhà người bệnh. Thiện nam tử,

我時雖復日日與三兩肉。

ngã thời tuy phục nhật nhật dĩ tam lượng nhục 。

lúc ấy tuy ngày ngày ta cung cấp ba lượng thịt,

以念偈因緣故不以為痛。日日不廢足滿一月。善男子。

dĩ niệm kệ nhân duyên cố bất dĩ vi thống 。

Thiện nam tử 。

mà do tâm nghĩ nhớ bài kệ nên không thấy đau đớn, ngày ngày như thế trải qua một tháng. Thiện nam tử,

以是因緣其病得差。我身平復亦無瘡痍。

dĩ thị nhân duyên kỳ bệnh đắc sai 。

do nhân duyên này nên người kia được lành bệnh, thân ta cũng bình phục không có tổn hại,

我時見身具足完具即發阿耨多羅三藐三菩提心。

ngã thời kiến thân cụ túc hoàn cụ tức phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

lúc ấy ta thấy thân mình được đầy đủ liền phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác
一偈之力尚能如是。何況具足受持讀誦。

nhất kệ chi lực thượng năng như thị 。

hà hưởng cụ túc thọ trì độc tụng 。

我見此經有如是利復倍發心。

ngã kiến thử Kinh hữu như thị lợi phục bội phát tâm 。

ta thấy kinh này có lợi ích như vậy lại phát tâm thêm

願於未來成得佛道字釋迦牟尼。善男子。以是一偈因緣力故。

nguyện ư vị lai thành đấng Phật đạo tự Thích-ca-mâu-ni 。 Thiện nam tử. dĩ thị nhất kệ nhân duyên lực cố 。

nguyện đời vị lai thành Phật hiệu là Thích-ca-mâu-ni. Thiện nam tử, do lực nhân duyên một bài kệ này,

令我今日於大眾中為諸天人具足宣說。善男子。

lệnh ngã kim nhật ư Đại chúng trung vi chư Thiên nhân cụ túc tuyên thuyết。 Thiện nam tử

。

mà khiến hôn nay ta ở trong đại chúng vì trời, người tuyên thuyết kinh đầy đủ. Thiện nam tử,

以是因緣是大涅槃不可思議。

dĩ thị nhân duyên thị Đại bất khả tư nghị 。

do nhân duyên này nên kinh Đại Niết-bàn là không thể nghĩ bàn,

成就無量無邊功德。乃是諸佛如來甚深祕密之藏。

thành tựu vô lượng vô biên công đức。 nãi thị chư Phật như lai thậm thâm bí mật chi tạng

。

thành tựu vô lượng vô biên công đức, chính là tạng bí mật thâm sâu của chư Phật Như Lai.

以是義故。能受持者斷離惡漏。

dĩ thị nghĩa cố 。

do nghĩa này nên người thọ trì sẽ được xa lìa các lậu,

所謂惡者惡象惡馬惡牛惡狗。

sở vị ác giả ác tượng ác mã ác ngưu ác cẩu 。

gọi là ác tức là voi ác, ngựa ác, trâu ác, chó ác,

毒蛇住處惡刺土地懸崖嶮岸瀑水迴瀆。惡人惡國惡城惡舍惡知識等。

độc xà trụ xứ ác thứ độ địa huyền nhai hiểm ngạn bạo thủy hồi phục。 ác nhân ác quốc ác thành ác xá ác tri thức đặng 。

rắn độc, vách núi hiểm trở, nước lũ cuộn xiết, người ác, quốc độ xấu ác, thành ấp xấu ác ...

如是等輩若作漏因菩薩即離。

như thị đẳng bối nhược tác lậu nhân Bồ-tát tức ly 。

những loại như vậy nếu làm nhân cho lậu thì Bồ-tát liền xa lìa,

若不能作則不遠離。若增有漏則便離之。若不增長則不遠離。

nhược bất năng tác tác bất viễn li 。 nhược tăng hữu lậu tác tiện ly chi 。 nhược bất tăng trưởng tác bất viễn li 。

nếu không thể làm nhân thì không xa lìa, nếu tăng thêm hữu lậu thì liền xa lìa, nếu không tăng trưởng thì không xa lìa

若作惡法則便離之。若能作善則不遠離。

nhược tác ác Pháp tác tiện ly chi 。 nhược năng tác thiện tác bất viễn li 。

nếu là ác pháp thì liền xa lìa, nếu có thể làm thiện thì không xa lìa.

云何為離。不持刀杖常以正慧方便而遠離之。

vân hà vi ly 。 bất trì đao trượng thường dĩ chánh tuệ phương tiện nhi viễn li chi 。

Thế nào là xa lìa, đó là không cầm đao trượng, thường dùng phương tiện chánh huệ mà xa lìa ác,

是故名為正慧遠離。為生善法則離惡法。

thị cố danh vi chánh tuệ viễn li 。 vi sanh thiện Pháp tác ly ác Pháp 。

cho nên gọi là chánh huệ xa lìa, vì sanh pháp lành nên xa lìa pháp ác.

菩薩摩訶薩自觀其身。如病如瘡如癰如怨。

Bồ-tát Ma-Ha tát tự quán kỳ thân 。 như bệnh như sang như ung như oán 。

Bồ-tát Ma-ha-tát tự quán xét thân mạng như bệnh nặng, như mụn ghẻ, như oán thù, như箭入體是大苦聚。悉是一切諸惡根本。

như tiến nhập thể thị Đại khổ tụ 。

thị thân tuy phục bất tịnh như thị 。

Bồ-tát do cố chiêm thị tướng dưỡng 。

phi vi tham thân vi thiện Pháp cố 。

chẳng phải vì tham thân mạng mà vì pháp lành, vì Niết-bàn không vì sanh tử.

為常樂我淨不為無常無樂我淨。

vi thường lạc ngã tịnh bất vi vô thường vô lạc ngã tịnh 。

vì thường lạc ngã tịnh không vì vô thường vô lạc vô ngã bất tịnh,

為菩提道不為有道。為於一乘不為三乘。

vì ồ đề đạo bất vi hữu đạo 。 vì ư nhất thừa bất vi tam thừa 。
 vì đạo Bồ-đề không vì các cõi, vì đạo Nhất thừa không vì Tam thừa,
 為三十二相八十種好微妙之身。
 vì tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo vi diệu chi thân 。
 làm thân ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẽ đẹp,
 不為乃至非有想非無想身。為法輪王不為轉輪王。善男子。
 bất vi nãi chí Phi hữu tướng Phi vô tướng thân 。 vì Pháp luân Vương bất vi chuyển luân
 Vương 。 Thiện nam tử 。
 không làm thân ở cõi phi hữu tướng cho đến cõi Phi vô tướng, làm Pháp luân vương,
 không làm Chuyển luân vương. Thiện nam tử,
 菩薩摩訶薩常當護身。何以故。若不護身命則不全命。
 Bồ-tát Ma-Ha tát thường đương hộ thân 。 hà dĩ cố 。 nhược bất hộ thân mạng tắc bất toàn
 mạng 。
 Bồ-tát Ma-ha-tát thường phải hộ thân, tại vì sao, nếu không hộ thân thì không toàn mạng,
 若不全則不能得書寫是經受持讀誦。
 nhược bất toàn tắc bất năng đắc thư tả thị Kinh thọ trì đọc tụng 。
 nếu không toàn mạng thì không thể biên chép thọ trì đọc tụng kinh này,
 為他廣說思惟其義。是故菩薩應善護身。
 vì tha quảng thuyết tư duy kỳ nghĩa 。 thị cố Bồ-tát ứng thiện hộ thân 。
 hoặc vì người khác rộng nói suy nghĩ ý nghĩa, cho nên Bồ-tát phải khéo hộ thân,
 以是義故。菩薩得離一切惡漏。善男子。
 dĩ thị nghĩa cố 。 Bồ-tát đắc ly nhất thiết ác lậu 。 Thiện nam tử 。
 do nghĩa này nên Bồ-tát xa lìa tất cả các lậu. Thiện nam tử,
 如欲渡者應善護棧臨路之人善護良馬。
 như dục độ giả ứng thiện hộ 棧 lâm lộ chi nhân thiện hộ lương mã 。
 như người muốn qua sông phải khéo giữ gìn chiếc bè, như người đi đường khéo giữ ngựa
 tốt,
 田夫種植善護糞穢如為差毒善護毒蛇。
 điền phu chủng thiện hộ phân uế như vi sai độc thiện hộ độc xà 。
 như nhà nông gieo trồng khéo giữ phân bón, như tránh độc thì khéo tránh rắn độc
 如人為財護旃陀羅。為壞賊故將護健兒。

như nhân vì tài hộ chiên đà la 。 vì hoại tặc cố tướng hộ kiện nhi 。
như người vì tiền của mà khéo giữ hạng nô lệ chiên-đà-la, như muốn đánh giặc phải giữ
dũng sĩ,

亦如寒人愛護於火。如癩病者求於毒藥。

diệt như hàn nhân ái hộ ư hỏa 。 như lại bệnh giả cầu ư độc dược 。

như người bị lạnh khéo giữ lửa, như người bệnh hủi tìm cầu thuốc độc,

菩薩摩訶薩亦復如是。雖見是身無量不淨具足充滿。

Bồ-tát Ma-Ha tát diệt phục như thị 。

tuy kiến thị thân vô lượng bất tịnh cụ túc sung mãn
。

Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy, tuy thấy thân này có vô lượng sự bất tịnh,
為欲受持大涅槃經故。猶好將護不令乏少。

vì dục thọ trì Đại Niết-bàn Kinh cố 。

do hảo tướng hộ bất lệnh pháp thiếu 。

vì muốn thọ trì kinh Đại Niết-bàn nên phải khéo giữ gìn.

菩薩摩訶薩。觀於惡象及惡知識等無有二。何以故。

Bồ-tát Ma-Ha tát 。

quán ư ác tượng cập ác tri thức đẳng vô hữu nhị 。

hà dĩ cố 。

Bồ-tát Ma-ha-tát xem voi ác và bạn ác đều như nhau, tại vì sao,

俱壞身故。菩薩摩訶薩於惡象等心無怖懼。

câu hoại thân cố 。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư ác tượng đẳng tâm vô phố cụ 。

cả hai đều phá hoại thân vậy. Bồ-tát Ma-ha-tát thấy voi ác thì tâm không sợ hãi,

於惡知識生畏懼心。何以故。

ư ác tri thức sanh úy cụ tâm 。

hà dĩ cố 。

nhưng đối với bạn ác thì sanh tâm lo sợ, tại vì sao,

是惡象等唯能壞身不能壞心。惡知識者二俱壞故。

thị ác tượng đẳng duy năng hoại thân bất năng hoại tâm 。

ác tri thức giả nhị câu hoại cố
。

vì voi ác chỉ có thể hại thân mà không thể hại tâm, còn bạn ác thì phá hoại cả hai thứ.

是惡象等唯壞一身。惡知識者壞無量善身無量善心。

thị ác tượng đẳng duy hoại nhất thân 。

ác tri thức giả hoại vô lượng thiện thân vô lượng
thiện tâm 。

voi ác chỉ có thể phá hoại một thân, còn bạn ác thì phá hoại vô lượng thân, vô lượng tâm
thiện.

是惡象等唯能破壞不淨臭身。

thị ác tượng đấng duy năng phá hoại bất tịnh xứ thân 。

voi ác chỉ có thể phá hoại thân bất tịnh dơ uế,

惡知識者能壞淨身及以淨心。是惡象等能壞肉身。

ác tri thức giả năng hoại tịnh thân cập dĩ tịnh tâm 。

thị ác tượng đấng năng hoại nhục thân 。

còn bạn ác có thể phá hoại thân thanh tịnh và tâm thanh tịnh, voi ác có thể phá hoại thân bằng xương thịt,

惡知識者壞於法身。為惡象殺不至三惡。

ác tri thức giả hoại ư Pháp thân 。

vi ác tượng sát bất chí tam ác 。

còn bạn ác có thể phá hoại pháp thân, vì voi ác mà giết hại thì không đi đến ba đường ác, 為惡友殺必至三惡。是惡象等但為身怨。

vi ác hữu sát bất chí tam ác 。

thị ác tượng đấng dẫn vi thân oán 。

vì bạn ác giết hại sẽ đi đến ba đường ác, voi ác thì chỉ là oán thân,

惡知識者為善法怨。是故菩薩常當遠離諸惡知識。

ác tri thức giả vi thiện Pháp oán 。

thị cố Bồ-tát thường đương viễn li chư ác tri thức 。

bạn ác là điều oán của pháp lành, cho nên Bồ-tát thường xa lìa các bạn ác.

如是等漏凡夫不離是故生漏。

như thị đấng lậu phạm phu bất ly thị cố sanh lậu 。

các lậu như vậy phạm phu không xa lìa nên gọi là sanh lậu.

菩薩離之則不生漏。菩薩如是尚無有漏。況於如來。

Bồ-tát ly chi tắc bất sanh lậu 。

Bồ-tát như thị thượng vô hữu lậu 。

huống ư Như Lai 。

Bồ-tát xa lìa nên không sanh lậu, như vậy Bồ-tát còn không sanh lậu huống là Như Lai, 是故非漏。云何親近漏。

thị cố phi lậu 。

vân hà thân cận lậu 。

cho nên gọi là phi lậu. Thế nào là gần gũi lậu,

一切凡夫受取衣食臥具醫藥。為身心樂求如是物造種種惡。

nhất thiết phạm phu thọ thủ y thực ngọa cụ y dược 。

vi thân tâm lạc cầu như thị vật tạo chủng chủng ác 。

tất cả phạm phu thọ dụng thức ăn áo mặc mền thuốc thang, vì thân tâm vui sướng nên tìm cầu các vật như vậy mà tạo các điều ác,

不知過未輪迴三趣。是故名漏。

bất tri quá vị Luân-hồi tam thú 。 thị cố danh lậu 。

không biết sẽ luân chuyển trong ba đường ác, cho nên gọi là lậu.

菩薩摩訶薩見如是過則便遠離。若須衣時即便受取。

Bồ-tát Ma-Ha tát kiến như thị quá tắc tiện viễn li 。 nhược tu y thời tức tiện thọ thủ 。

Bồ-tát Ma-ha-tát thấy tai họa như vậy nên xa lìa, nếu lúc cần áo mặc thì lãnh thọ,
不為身故但為於法。不長憍慢心常卑下。

bất vi thân cố đẫn vi ư Pháp 。

bất trường kiêu mạn tâm thường ti hạ 。

không vì thân mạng mà chỉ vì pháp, không nuôi dưỡng tâm kiêu mạn mà thường khiêm
nhường,

不為嚴飾但為羞恥。

bất vi nghiêm sức đẫn vi tu sĩ 。

không vì trang sức chỉ vì xấu hổ,

障諸寒暑惡風惡雨惡蟲蚊虻蠅蚤蝮螫。雖受飲食心無貪著。

chướng chư hàn thử ác phong ác vũ ác trùng vãn 虻 dăng tảo phúc thích 。

tuy thọ ẩm thực tâm vô tham trú 。

chỉ vì ngăn sự lạnh nóng, mưa gió, hoặc các thứ ruồi muỗi, sâu bọ, tuy thọ nhận thức ăn
áo mặc mà tâm không tham đắm,

不為身故常為正法。不為肌膚但為眾生。

bất vi thân cố thường vi chánh Pháp 。

bất vi cơ phu đẫn vi chúng sanh 。

không vì thân mạng chỉ vì chánh pháp không vì da thịt chỉ vì chúng sanh,

不為憍慢為身力故。不為怨害為治肌瘡。

bất vi kiêu mạn vi thân lực cố 。

bất vi oán hại vi trì cơ sang 。

không vì kiêu mạn chỉ vì sức lực, không vì oán hại chỉ vì trị bệnh,

雖得上味心無貪著受取房舍亦復如是。貪慢之結不令居心。

tuy đắc thượng vị tâm vô tham trú thọ thủ phòng xá diệc phục như thị 。

tham mạn chi kết bất lệnh cư tâm 。

tuy có mùi vị ngon mà tâm không tham đắm. Thọ dụng phòng xá cũng lại như vậy, không
để sự tham lam kiêu mạn tích tụ nơi tâm,

為菩提舍遮止結賊。障惡風雨故受屋舍。

vi ò đề xá già chỉ kết tặc 。

chướng ác phong vũ cố thọ ốc xá 。

làm nhà Bồ-đề để ngăn giặc kiết sử, vì che gió mưa nên thọ nhận phòng xá,
求醫藥者心無貪慢。

cầu y dược giả tâm vô tham mạn 。

tim cầu thuốc thang mà tâm không tham lam kiêu mạn,
但為正法不為壽命為常命故。善男子。如人病瘡為蘇妙塗以衣裹之。

đăn vi chánh Pháp bất vi thọ mạng vi thường mạng cố. Thiện nam tử 。

như nhân bệnh sang vi tô xiểu đồ dĩ y khoả chi。

chỉ vì chánh pháp không vì thọ mạng, chỉ vì thường mạng. Thiện nam tử, như người bị
mụn nhọt lấy lá tía tô đắp lên, dùng vải bịt lại,
為出膿血蘇妙塗拊。為瘡愈故以藥全之。

vi xuất nùng huyết tô xiểu đồ phụ 。

vi sang dĩ cố dĩ dược bộn chi 。

vì muốn máu mũ chảy ra nên đắp lá, vì muốn mụn nhọt được lành nên dùng thuốc thoa
vào,

為惡風故在深屋中。菩薩摩訶薩亦復如是。

vi ác phong cố tại thâm ốc trung 。

Bồ-tát Ma-Ha tát diệt phục như thị 。

vì tránh gió độc nên ở trong nhà kín. Bồ-tát Ma-ha-tát cũng lại như vậy,
觀身是瘡故以衣覆。為九孔膿求索飲食。

quán thân thị sang cố dĩ y phúc 。

vi cửu khổng nùng cầu tác ẩm thực 。

quán xét thân này là mụn nhọt nên lấy vải bịt lại, vì chín lỗ máu mũ mà tìm cầu sự ăn
uống,

為惡風雨取受房舍。為四毒發求覓醫藥。

vi ác phong vũ thủ thọ phòng xá 。

vi tứ độc phát cầu mịch y dược 。

vì tránh mưa gió nên thọ dụng phòng xá, vì bốn thứ độc hại nên tìm cầu thuốc thang.
菩薩受取四種供養。為菩提道非為壽命。何以故。

Bồ-tát thọ thủ tứ chủng cung dưỡng 。

vi ồ đề đạo phi vi thọ mạng 。

hà dĩ cố 。

Bồ-tát thọ dụng bốn thứ cúng dường là vì đạo Bồ-đề không vì thân mạng, tại vì sao,
菩薩摩訶薩作是思惟。

Bồ-tát Ma-Ha tát tác thị tư duy 。

Bồ-tát Ma-ha-tát suy nghĩ rằng:

我若不受是四供養身則磨滅不得堅牢。若不堅牢則不忍苦。

ngã nhược bất thọ thị tứ cung dưỡng thân tắc ma diệt bất đắc kiên lao 。 nhược bất kiên lao tắc bất nhẫn khổ 。

Nếu ta không thọ dụng bốn thứ cúng dường này thì thân bị hoại diệt không được vững bền, nếu không vững bền thì không thể chịu khổ,
若不忍苦則不能得修習善法。

nhược bất nhẫn khổ tắc bất năng đắc tu tập thiện Pháp 。

nếu không chịu khổ thì không thể tu tập pháp lành,

若能忍苦則得修習無量善法。我若不能堪忍眾苦。

nhược năng nhẫn khổ tắc đắc tu tập vô lượng thiện Pháp 。

ngã nhược bất năng Kham nhẫn chúng khổ 。

nếu có thể chịu khổ thì tu tập được vô lượng pháp lành, nếu ta không thể kham nhẫn các khổ,

則於苦受生瞋恚心。於樂受中生貪著心。

tắc ư khổ thọ sanh sân khuể tâm 。

ư lạc thọ trung sanh tham trước tâm 。

thì khi thọ khổ được sanh tâm sân giận, khi thọ vui sẽ sanh tâm tham đắm,

若求樂不得則生無明。是故凡夫於四供養生於有漏。

nhược cầu lạc bất đắc tắc sanh vô minh 。

thị cố phạm phu ư tứ cung dưỡng sanh ư hữu lậu 。

nếu cầu vui không được thì sanh vô minh, cho nên hàng phạm phu đối với bốn thứ cúng dường thường sanh hữu lậu,

菩薩摩訶薩能深觀察不生於漏。

Bồ-tát Ma-Ha tát năng thâm quan sát bất sanh ư lậu 。

Bồ-tát Ma-ha-tát có thể quán xét sâu xa nên không sanh lậu hoặc,

是故菩薩名為無漏。云何如來當名有漏。

thị cố Bồ-tát danh vi vô lậu 。

vân hà Như Lai đương danh hữu lậu 。

cho nên Bồ-tát gọi là vô lậu, huống là Như Lai sao có tên là hữu lậu,

是故如來不名有漏。

thị cố Như Lai bất danh hữu lậu 。

vì vậy Như Lai không gọi là hữu lậu

大般涅槃經卷第二十二

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập nhị

Kinh Đại Niết-bàn

Quyển Thứ Hai Mười Hai

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:10:31 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:10:31 2006

Thích Nữ Huệ Dung hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

=====

大般涅槃經卷第二十三

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập tam

Kinh Đại-bát-niết-bàn

Quyển Thứ Hai Mười Ba.

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Đời Bắc Lương ngài Tam tạng Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

光明遍照高貴德王菩薩品第十之三

Quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát phẩm đệ thập chi tam

Phẩm Bồ-tát Đức vương Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý

Phẩm Thứ Mười - Phần Thứ Ba.

復次善男子。一切凡夫雖善護身。

phục thứ thiện nam tử 。 nhất thiết phàm phu tuy thiện hộ thân 。

Lại nữa thiện nam tử: Tất cả phàm phu tuy khéo hộ thân,

心猶故生於三種惡覺。以是因緣。

Tâm do cố sanh ư tam chủng ác giác 。 dĩ thị nhân duyên 。

tâm còn do dự nên sanh ở ba loại ác giác, do nhân duyên đó,

雖斷煩惱得生非想非非想處。猶故還墮三惡道中。善男子。

tuy đoạn phiền não đắc sanh phi tưởng phi phi tưởng xứ 。

do cố hoàn đọa tam ác đạo trung 。

thiện nam tử 。

tuy đoạn phiền não nhưng được sanh lên Phi tưởng Phi phi tưởng xứ do vậy còn trở lại đọa vào trong ba đường ác. Thiện nam tử:

譬如有人渡於大海。垂至彼岸沒水而死。

thí như hữu nhân độ ư Đại hải 。

thùy chí bỉ ngạn một thủy nhi tử 。

Thí như có người vượt qua biển lớn sắp đến bờ kia không nước mà chết.

凡夫之人亦復如是。垂盡三有還墮三塗。何以故。

phàm phu chi nhân diệc phục như thị 。 thùy tận tam hữu hoàn đọa tam đồ 。 hà dĩ cố 。
Người phàm phu cũng lại như thế, sắp hết tam hữu trở lại rơi vào trong ba đường. Vì sao vậy?

無善覺故。何等善覺。所謂六念處。

vô thiện giác cố 。 hà đẳng thiện giác 。 sở vị lục niệm xử 。

Vì không khéo biết vậy. Thế nào là khéo biết? Chỗ gọi là sáu niệm xử.

凡夫之人善心羸劣不善熾盛。善心羸故慧心薄少。

phàm phu chi nhân thiện tâm luy liệt bất thiện sí thịnh 。 thiện tâm luy cố tuệ tâm bạc thiếu
。

Người phàm phu thiện tâm yếu đuối, tâm bất thiện lại hùng hực, thiện tâm yếu đuối nên huệ tâm mỏng ít.

慧心薄故增長諸漏。

tuệ tâm bạc cố tăng trưởng chư lậu 。

Huệ tâm mỏng ít tăng trưởng các lậu.

菩薩摩訶薩慧眼清淨見三覺過。知是三覺有種種患。

Bồ Tát Ma-Ha tát tuệ nhãn thanh tịnh kiến tam giác quá 。 tri thị tam giác hữu chủng chủng hoạn 。

Đại Bồ-tát huệ nhãn thanh tịnh thấy lỗi tam giác. biết là tam giác có các thứ lo.

常與眾生作三乘怨。三覺因緣乃令無量凡夫眾生不見佛性。

thường dữ chúng sanh tác tam thừa oán 。 tam giác nhân duyên nãi linh vô lượng phàm phu chúng sanh bất kiến Phật tánh 。

nó thường cùng chúng sanh làm Tam thừa oán giận, như duyên tam giác khiến vô lượng phàm phu chúng sanh không thấy Phật tánh,

無量劫中生顛倒心。謂佛世尊。

vô lượng kiếp trung sanh điên đảo tâm 。 vị Phật Thế tôn 。

trong vô lượng kiếp sanh tâm điên đảo. Nói Phật Thế Tôn.

無常樂我唯一淨。如來畢竟入於涅槃。

vô thường lạc ngã duy hữu nhất tịnh 。 Như Lai tất cánh nhập ư Niết-bàn 。

Vô thường lạc ngã, chỉ có nhưt tịnh, Như Lai cuối cùng vào ở Niết-bàn.

一切眾生無常無樂無我無淨。顛倒心故言有常樂我淨。

nhất thiết chúng sanh vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh 。 điên đảo tâm cố ngôn hữu thường lạc ngã tịnh 。

Tất cả chúng sanh vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh, tâm điên đảo nên nói thường lạc ngã tịnh.

實無三乘顛倒心故言有三乘。

thật vô tam thừa điên đảo tâm cố ngôn hữu tam thừa 。

Thật không có Tam-thừa tâm điên đảo nên nói có Tam-thừa.

一實之道真實不虛顛倒心故言無一實。

nhất thật chi đạo chân thật bất hư điên đảo tâm cố ngôn vô nhất thật 。

Đạo của nhất thật chơn thật không hư, do tâm điên đảo nên nói không nhất thật.

是三惡覺常為諸佛及諸菩薩之所呵責。

thị tam ác giác thường vi chư Phật cập chư Bồ Tát chi sở ha trách 。

Chính tam ác giác thường là chỗ quả trách của chư Phật cùng các Bồ-tát.

是三惡覺常害於我或亦害他。有是三覺一切諸惡常來隨從。

thị tam ác giác thường hại ư ngã hoặc diệc hại tha 。

hữu thị tam giác nhất thiết chư ác thường lai tùy tùng 。

Chính tam ác giác thường hại chính ta hoặc cũng hại người khác. Có tam ác giác tất cả các ác thường đến theo nó.

是三覺者即是三縛。連綴眾生無邊生死。

thị tam giác giả tức thị tam phược 。

liên chueế chúng sanh vô biên sanh tử 。

Chính tam ác giác đó tức là ba sự trói buộc, kết nối chúng sanh sống chết vô cùng.

菩薩摩訶薩常作如是觀察三覺。

Bồ Tát Ma-Ha tát thường tác như thị quan sát tam giác 。

Đại Bồ-tát thường nghĩ như thế quán sát ba giác.

菩薩或時有因緣故應生欲覺默然不受。

Bồ Tát hoặc thì hữu nhân duyên cố ứng sanh dục giác mặc nhiên bất thọ 。

hoặc khi có nhơn duyên nên sanh dục giác Bồ-tát im lặng không nhận.

譬如端正淨潔之人不受一切糞穢不淨。如熱鐵丸人無受者。

thí như đoan chánh tịnh khiết chi nhân bất thọ nhất thiết phần uế bất tịnh 。

như nhiệt thiết hoàn nhân thị cố thọ giả 。

Thí như người đoan chánh trong sạch thanh tịnh không nhận tất cả phần uế bất tịnh, như viên sắt nóng người không nhận nó.

如婆羅門性不受牛肉。如飽滿人不受惡食。

như Bà-la-môn tánh bất thọ ngưu nhục 。 như bão mãn nhân bất thọ ố thực 。

Như tánh Bà-la-môn chẳng nhận thịt trâu, như người no đủ không nhận thức ăn dở.

如轉輪王不與一切旃陀羅等同坐一床。

như chuyển luân Vương bất dĩ nhất thiết chiên đà la đẳng đồng tọa nhất sàng 。

Như vua chuyển luân không cùng tất cả Chiên-đà-lav.v.. cùng ngồi một giường.

菩薩摩訶薩惡賤三覺不受不味亦復如是。

Bồ Tát Ma-Ha tát ác tiện tam giác bất thọ bất vị diệc phục như thị 。

Đại Bồ-tát với ba giác xấu ác thì không nhận, không nếm cũng lại như thế.

何以故。菩薩思惟眾生知我是良福田。

hà dĩ cố 。

Vì sao vậy? Bồ-tát suy nghĩ chúng sanh biết ta là lương phước điền.

我當云何受是惡法。若受惡覺則不任為眾生福田。

ngã đương vân hà thọ thị ác Pháp 。

Sao nay ta lại thọ ác pháp đó? Hoặc thọ ác giác thì chẳng gánh vác làm phước điền chúng sanh.

我自不言是良福田。眾生見相便言我是。

ngã tự bất ngôn thị lương phước điền 。

Ta tự không nói là lương phước điền, chúng sanh thấy tướng lại nói ta vậy.

我今若起如是惡覺。則為欺誑一切眾生。

ngã kim nhược khởi như thị ác giác 。

Ta nay nếu khởi ác giác như thế, thì là lừa dối tất cả chúng sanh.

我於往昔以欺誑故。

ngã ư vãng tích dĩ khi cuống cố 。

Ta từ xưa kia vì lừa dối vậy.

無量劫中流轉生死墮三惡道。我若以惡心受人信施。

vô lượng kiếp trung lưu chuyển sanh tử đọa tam ác đạo 。

Trong vô lượng kiếp lưu chuyển sanh tử rơi vào trong ba đường ác, hoặc nếu đem tâm xấu nhận lấy sự cúng dường của tín thí.

一切天人及五通仙悉當證知而見訶責。我若惡覺受人信施。

nhất thiết Thiên Nhơn cập ngũ thông tiên tất đương chứng tri nhi kiến ha trách 。 ngã nhược ác giác thọ nhân tín thí 。

Tất cả Trời người cùng ngũ thông tiên đều sẽ chứng biết mà thấy vậy quở trách ta. Ta nếu ác giác nhận sự cúng dường của tín thí.

或令施主果報減少或空無報。

hoặc linh thí chủ quả báo giảm thiểu hoặc không vô báo 。

Hoặc khiến thí chủ giảm bớt quả báo hoặc trống không không báo.

我若惡心受檀越施。則與施主而為怨讎。

ngã nhược ác tâm thọ đàn việt thí 。

Hoặc nếu tâm xấu nhận đàn việt cúng dường, thì cùng thí chủ mà làm thù oán.

一切施主恒於我所起赤子想。

nhất thiết thí chủ hằng ư ngã sở khởi xích tử tưởng 。

Tất cả thí chủ thường ở trong chỗ ta khởi lên tưởng xem mình như con đở.

我當云何欺誑於彼而生怨想。何以故。或令施主不得果報或少果報故。

ngã đương vân hà khi cưỡng ư bỉ nhi sanh oán tưởng 。

Sao nay ta lại lừa dối người kia, khiến họ sanh tưởng oán giận, vì sao vậy? Hoặc khiến thí chủ không được quả báo hoặc ít quả báo vậy.

我常自稱為出家人。夫出家者不應起惡。

ngã thường tự xưng vi xuất gia nhân 。

Hoặc thường tự xưng là người xuất gia. Nói người xuất gia không nên khởi ác!

若起惡者則非出家。出家之人身口相應。

nhược khởi ác giả tắc phi xuất gia 。

Hoặc người khởi ác thì không phải xuất gia. Người xuất gia thân miệng tương ứng với nhau,

若不相應則非出家。

nhược bất tương ứng tắc phi xuất gia 。

nếu không tương ứng thì chẳng phải xuất gia.

我棄父母兄弟妻子眷屬知識出家修道。

ngã khí phụ mẫu huynh đệ thê tử quyến chúc tri thức xuất gia tu đạo 。

Ta bỏ cha mẹ anh em vợ con thân thuộc tri thức để xuất gia tu đạo.

正是修習諸善覺時非是修習不善覺時。

chánh thị tu tập chư thiện giác thì phi thị tu tập bất thiện giác thì 。

Chính là tu tập các thứ thiện giác chẳng phải là tu tập thứ bất thiện giác.

譬如有人入海求寶不取真寶直取水精。亦如有人棄妙音樂遊戲糞穢。

thí như hữu nhân nhập hải cầu bảo bất thủ chân bảo trực thủ thủy tinh 。

diệc như hữu nhân khí diêu âm lạc du hí phần ấ 。

Thí như có người vào biển cầu tìm vật báu không nhận lấy vật báu thật chỉ nhận thủy tinh.

Cũng như có người bỏ âm nhạc vi diêu dạo chơi chỗ nhơ nhớp,

如棄寶女與婢交通。如棄金器用於瓦盂。

như khí bảo nữ dĩ tì giao thông 。

như khí kim khí dụng ư ngõa vu 。

như bỏ người con gái đẹp cùng người giúp việc làm bạn, như bỏ đồ vật bằng vàng dùng đồ bằng ngói chén,

如棄甘露服食毒藥。

như khí cam lộ phục thực độc dược 。

như bỏ nước cam lồ, ăn uống thuốc độc,

如捨親舊良善之醫從怨惡醫求藥而服。

như xả thân cứu lương thiện chi y tòng oán ác y cầu dược nhi phục 。

như bỏ vị thầy thuốc lương thiện thân quen theo thầy không giỏi cầu xin thuốc uống.

我亦如是。捨離大師如來世尊甘露法味。

ngã diệc như thị 。

xả ly Đại sư như lai thế tôn cam lộ Pháp vị 。

Ta cũng như vậy, xa lìa Đại sư Như Lai Thế Tôn cam lồ pháp vị,

而服魔怨種種惡覺。人身難得如優曇花。

nhi Phục ma oán chủng chủng ác giác 。

nhân thân nan đắc như ưu đàm hoa 。

mà uống ma oán các thứ ác giác thì thân người khó được như hoa ưu đàm,

我今已得。如來難值過優曇花。我今已值。

ngã kim dĩ đắc 。

Như Lai nan trị quá ưu đàm hoa 。

ngã kim dĩ trị 。

Ta nay đã được, Như Lai khó gặp hơn hoa ưu đàm, ta nay đã gặp

清淨法寶難得見聞。我今已聞。

thanh tịnh Pháp bảo nan đắc kiến văn 。 ngã kim dĩ văn 。
pháp bảo thanh tịnh khó được thấy nghe, ta nay đã nghe,
猶如盲龜值浮木孔。人命不停過於山水今日雖存明亦難保。
do như manh quy trị phù mộc khổng 。 nhân mạng bất đình quá ư sơn thủy kim nhật tuy
tồn minh diệc nan bảo 。
giống như rùa mù gặp được bọng cây. Mạng người không dừng hơn ở sông núi ngày nay
tuy còn ngày mai khó giữ,
云何縱心令住惡法。壯色不停猶如奔馬。
vân hà túng tâm linh trụ ác Pháp 。 tráng sắc bất đình do như bôn mã 。
Vì sao buông lung khiến trú vào ác pháp, sức mạnh không dừng giống như ngựa chạy,
云何恃怙而生憍慢。猶如惡鬼伺求人過。
vân hà thị hỷ nhi sanh kiêu mạn 。 do như ác quỷ tỳ cầu nhân quá 。
Tại sao trông cậy mà sanh kiêu mạn? Giống như quỷ ác rình rập tìm cầu lỗi người.
四大惡鬼亦復如是常來伺求我之過失。
tứ Đại ác quỷ diệc phục như thị thường lai tỳ cầu ngã chi quá thất 。
Ác quỷ tứ đại cũng lại như thế thường đến tìm cầu lỗi lầm của ta,
云何當令惡覺發起。譬如朽宅垂崩之屋。我命亦爾。
vân hà đương linh ác giác phát khởi 。 thí như hủ trạch thùy băng chi ốc 。 ngã mạng diệc
nhĩ 。
sao nay lại khiến ác giác phát khởi, thí như nhà cũ gỗ mục xiêu vẹo hư đột. Mạng ta cũng
như thế,
云何起惡。我名沙門。沙門之人名覺善覺。
vân hà khởi ác 。 ngã danh Sa Môn 。 Sa Môn chi nhân danh giác thiện giác 。
tại sao khởi ác? Ta gọi là Sa-môn mà người Sa-môn thì biết thiện giác.
我今乃起不善之覺。云何當得名沙門也。
ngã kim nãi khởi bất thiện chi giác 。 vân hà đương đắc danh Sa Môn dã 。
Ta nay chính khởi lên cái biết bất thiện làm sao sẽ được gọi Sa-môn vậy?
我名出家。出家之人名修善道。
ngã danh xuất gia 。 xuất gia chi nhân danh tu thiện đạo 。
Ta gọi xuất gia, người của xuất gia gọi tu thiện đạo.
我今行惡云何當得名為出家。我今名為真婆羅門。

ngã kim hành ác vân hà đương đắc danh vi xuất gia 。 ngã kim danh vi chân Bà-la-môn 。
Ta nay làm ác làm sao gọi là xuất gia? Ta nay gọi là chân Bà-la-môn,
婆羅門者名修淨行。我今乃行不淨惡覺。

Bà-la-môn giả danh tu tịnh hạnh 。 ngã kim nãi hành bất tịnh ác giác 。
người Bà-la-môn gọi tu tịnh hạnh, ta nay chính hành ác giác bất tịnh,
云何當得名婆羅門。我今亦名剎利大姓。

vân hà đương đắc danh Bà-la-môn 。 ngã kim diệc danh sát lợi Đại tính 。
làm sao sẽ được gọi Bà-la-môn? Ta nay cũng gọi dòng họ lớn Sát-lợi,
剎利姓者能除怨敵。我今不能除惡怨敵。

sát lợi tính giả năng trừ oán địch 。 ngã kim bất năng trừ ác oán địch 。
người dòng họ Sát-lợi có thể trừ được các oán địch. Ta nay không thể trừ oán địch xấu ác,
云何當得名剎利姓。我名比丘。比丘之人名破煩惱。

vân hà đương đắc danh sát lợi tính 。 ngã danh Tỳ-kheo。 Tỳ-kheo chi nhân danh phá
phiền não 。

Làm sao sẽ được gọi dòng họ Sát-lợi? Ta gọi là Tỳ-kheo, người của Tỳ-kheo gọi phá
phiền não.

我今不破惡覺煩惱。云何當得名為比丘。

ngã kim bất phá ác giác phiền não 。 vân hà đương đắc danh vi Tỳ-kheo。

Ta nay không phá phiền não ác giác làm sao sẽ được gọi là Tỳ-kheo?

世有六處難可值遇我今已得。云何當令惡覺居心。

thế hữu lục xử nan khả trị ngộ ngã kim dĩ đắc 。 vân hà đương linh ác giác cư tâm 。

Ở đời có sáu chỗ khó có thể được gặp ta nay đã được, tại sao sẽ khiến ác giác ở trong
tâm?

何等為六。一佛世難遇。二正法難聞。

hà đẳng vi lục 。 nhất Phật thế nan ngộ 。 nhị chánh Pháp nan văn 。

Thế nào là sáu? Một là đức Phật ở đời khó gặp. Hai là chánh pháp khó nghe.

三怖心難生。四難生中國。五難得人身。六諸根難具。

tam phổ tâm nan sanh 。 tứ nan sanh Trung Quốc 。 ngũ nan đắc nhân thân 。 lục chư
căn nan cụ 。

Ba là tâm sợ hãi khó sanh. Bốn là khó sanh trung quốc. Năm là thân người khó được. Sáu
là các căn khó đủ.

如是六事難得已得。是故不應起於惡覺。

như thị lục sự nan đắc dĩ đắc 。 thị cố bất ứng khởi ư ác giác 。

Sáu việc như thế khó được đã được, vì vậy không nên sanh khởi ác giác.

菩薩爾時修行如是大涅槃經。

Bồ Tát nhĩ thì tu hành như thị Đại Niết-bàn Kinh 。

Bồ-tát lúc bấy giờ tu hành Kinh Đại niết-bàn như thế,

常勤觀察是諸惡心。一切凡夫不見如是惡心過患故受三覺。

thường tinh cần quan sát thị chư ác tâm 。

nhất thiết phàm phu bất kiến như thị ác tâm
quá hoạn cố thọ tam giác 。

thường siêng năng quán sát các tâm ác như thế. Tất cả phàm phu không thấy tâm ác lỗi
lầm như thế nên nhận ba giác

名為受漏。菩薩見已不受不著放捨不護。

danh vi thọ lậu 。

Bồ-tát kiến dĩ bất thọ bất trước phóng xả bất hộ 。

gọi là thọ lậu. Bồ-tát thấy rồi không thọ không đắm trước, buông xả không bảo vệ.

依八聖道推之令去斬之令斷。

y bát Thánh đạo thôi chi linh khứ trăm chi linh đoạn 。

nương bát Thánh đạo xua đuổi khiến nó đi, khiến chặt đứt nó.

是故菩薩無有受漏。云何當言如來有漏。以是義故。

thị cố Bồ Tát vô hữu thọ lậu 。

vân hà đương ngôn Như Lai hữu lậu 。

dĩ thị nghĩa cố 。

Vì vậy Bồ-tát không có thọ lậu, làm sao sẽ nói Như Lai hữu lậu? Đó chính là nghĩa vậy.

如來世尊非是有漏。復次善男子。

như lai thế tôn phi thị hữu lậu 。

phục thứ thiện nam tử 。

Như Lai Thế Tôn chẳng phải hữu lậu. Lại nữa thiện nam tử!

凡夫若遇身心苦惱起種種惡。若得身病若得心病。

phàm phu nhược ngộ thân tâm khổ não khởi chủng chủng ác 。

nhược đắc thân bệnh
nhược đắc tâm bệnh 。

Phàm phu nếu gặp thân tâm khổ não khởi các thứ xấu ác, nếu thân mắc bệnh hoặc tâm
mắc bệnh.

令身口意作種種惡。以作惡故輪迴三趣具受諸苦。

linh thân khẩu ý tác chủng chủng ác 。

dĩ tác ác cố Luân-hồi tam thú cụ thọ chư khổ 。

Khiến thân miệng ý làm các việc xấu, vì làm việc xấu nên luân hồi trong ba đường ác nhận đủ các khổ.

何以故。凡夫之人無念慧故。

hà dĩ cố 。 phạm phu chi nhân vô niệm tuệ cố 。

Vì sao vậy? Người phạm phu vô niệm tuệ vậy,

是故生於種種諸漏。是名念漏。菩薩摩訶薩常自思惟。

thị cố sanh ư chủng chủng chư lậu 。 thị danh niệm lậu 。 Bồ Tát Ma-Ha tát thường tự tư duy 。

cho nên sanh ra các thứ hữu lậu, thế nên gọi niệm lậu. Bồ-tát-ma-ha-tát thường tự suy nghĩ.

我從往昔無數劫來為是身心造種種惡。

ngã tông vãng tích vô số kiếp lai vi thị thân tâm tạo chủng chủng ác 。

Ta từ xa xưa vô số kiếp đến nay là chính thân tâm tạo các điều ác,

以是因緣流轉生死在三惡道具受眾苦。

dĩ thị nhân duyên lưu chuyển sanh tử tại tam ác đạo cụ thọ chúng khổ 。

vì nhân duyên ấy trôi lăn trong sanh tử ở ba đường ác thọ các khổ.

遂令我遠三乘正路。菩薩以是惡因緣故。

toại linh ngã viễn tam thừa chánh lộ 。

Bồ-tát dĩ thị ác nhân duyên cố 。

bèn khiến ta xa lìa đường chính Tam-thừa, Bồ-tát do vì nhân duyên xấu ác,

於己身心生大怖畏捨離眾惡趣向善道。善男子。

ư kỷ thân tâm sanh Đại bố úy xả ly chúng ác thú hướng thiện đạo 。

thiện nam tử ở trong thân tâm mình sanh sợ hãi lớn xa lìa các ác hướng đến đường thiện. Thiện nam tử:

譬如有王以四毒蛇盛之一篋令人瞻養餵飼臥起摩洗其身。

thí như hữu Vương dĩ tứ độc xà thịnh chi nhất khiếp lệnh nhân chiêm dưỡng ủy tự ngoại khởi ma tẩy kỳ thân

Thí như có Vua đem bốn thứ rắn độc đựng đầy trong tráp khiến người chăm sóc nuôi dưỡng ăn nằm đứng dậy tắm rửa thân nó

若令一蛇生瞋恚者我當准法戮之都市。爾時其人聞王切令心生惶怖捨篋逃走。

nhược linh nhất xà sanh sân nhuế giả ngã đương chuẩn Pháp lục chi đô thị 。

nhĩ thì kỳ nhân văn Vương thiết linh tâm sanh hoàng phố xả khiếp đào tẩu 。

hoặc khiến chỉ một rắn kia sanh sân giận ta sẽ định đúng pháp giết ở đô thị. Lúc bấy giờ người kia nghe Vua cất khiến tâm sanh sợ hãi bỏ tráp đó chạy đi.

王時復遣五旃陀羅拔刀隨後。

Vương thì phục khiến ngũ chiên đà la bạt đao tùy hậu 。

Vua lúc đó lại sai năm người Chiên-đà-la rút dao đuổi theo sau,

其人迴顧見後五人遂疾捨去。

kỳ nhân hồi cố kiến hậu ngũ nhân toại tật xả khứ 。

người kia quay đầu thấy sau năm người bèn bỏ đi nhanh.

是時五人以惡方便藏所持刀。

thì thì ngũ nhân dĩ ác phương tiện tạng sở trì đao 。

Lúc đó năm người dùng phương tiện xấu cất giữ con dao,

密遣一人詐為親善而語之言汝可還來。其人不信投一聚落欲自隱匿。

mật khiến nhất nhân trá vi thân thiện nhi ngữ chi ngôn nhữ khả hoàn lai 。

kỳ nhân bất tín đầu nhất tụ lạc dục tự ẩn nặc 。

bí mật sai khiến một người giả làm thân thiện mà nói lời rằng ông có thể trở lại, người kia không tin chạy vào làng xóm muốn tự ẩn núp.

既入聚中闕看諸舍都不見人。執捉[土*瓦]器悉空無物。

ký nhập tụ trung khuy khán chư xá đô bất kiến nhân 。

chấp tróc đồ khí tất không vô vật 。

Đã vào trong xóm dò xét các nhà đều không thấy người, không có đất ngôi đồ dùng đều trống không không có vật,

既不見人求物不得。

ký bất kiến nhân cầu vật bất đắc 。

đã không thấy người tìm vật không được,

即便坐地聞空中聲咄哉男子。此聚空曠無有居民。

tức tiện tọa địa văn không trung thanh đốt tai nam tử 。

thử tụ không khoáng vô hữu cư dân 。

tức liền ngồi trên đất nghe tiếng trong hư không chao ôi nam tử! Tụ tập ở trống không sáng sủa này không có nhà ở,

今夜當有六大賊來。汝設遇者命將不全。

kim dạ đương hữu lục đại tặc lai 。

nhữ thiết ngộ giả mạng tướng bất toàn 。

đêm nay sẽ có sáu giặc lớn đến, ông nếu gặp chúng tánh mạng sẽ không an toàn.

汝當云何而得免之。爾時其人恐怖遂增復捨而去。

nhữ đương vân hà nhi đắc miễn chi 。 nhĩ thì kỳ nhân khủng phố toại tăng phục xả nhi khứ
。

Ông sẽ làm thế nào mà chạy trốn thoát? Lúc bấy giờ người kia sẽ sợ hãi tăng thêm lại bỏ
mà đi.

路值一河其河漂急無有船棧。

lộ trị nhất hà kỳ hà phiêu cấp vô hữu thuyền phiệt。

Giữa đường gặp một con sông, sông kia chảy xiết không có thuyền bè

以怖畏故即取種種草木為棧。復更思惟我設住此。

dĩ ố úy cố tức thủ chủng chủng thảo mộc vi phiệt。 phục canh tư duy ngã thiết trụ thử 。

do sợ hãi nên liền lấy các cây gỗ làm bè lại suy nghĩ lại ta dù ở đây,

當為毒蛇五旃陀羅一詐親者及六大賊之所危害。

đương vi độc xà ngũ chiên đà la nhất trá thân giả cập lục Đại tặc chi sở nguy hại 。

sẽ vì rắn độc năm Chiên-đà-la vừa giả làm thân thiện cùng chỗ nguy hại của sáu giặc lớn.

若渡此河棧不可依當沒水死。

nhược độ thử hà phiệt bất khả y đương một thủy tử 。

Hoặc vượt qua sông này thuyền bè không thể nương sẽ chìm nước chết.

寧沒水死終不為彼蛇賊所害。即推草棧置之水中。

ninh một thủy tử chung bất vi bỉ xà tặc sở hại 。

Thà không chết nước trọn không vì rắn giặc kia làm hại, liền đẩy bè cỏ thẳng vào trong

nước.

身猗其上手抱脚踏截流而渡。

thân y kỳ thượng thủ bão cước đập tiết lưu nhi độ 。

Thân nương trên thuyền kia tay ôm chân đập cắt đứt dòng nước mà vượt qua.

既達彼岸安隱無患心意泰然怖恐消除。

ký đạt bỉ ngạn an ổn vô hoạn tâm ý thái nhiên phố khủng tiêu trừ 。

Đã đến bờ bên kia an ổn tâm không lo sợ ý nghĩ thoải mái sự sợ hãi tiêu trừ.

菩薩摩訶薩得聞受持大涅槃經。

Bồ Tát Ma-Ha tát đắc văn thọ trì Đại Niết-bàn Kinh 。

Đại Bồ-tát được nghe thọ trì Kinh Đại niết-bàn

觀身如篋地水火風如四毒蛇見毒觸毒氣毒齧毒。

quán thân như khiếp địa thủy hỏa phong như tứ độc xà kiến độc xúc độc khí độc niết độc

。

quán thân có địa thủy hỏa phong bên trong, nó như bốn rắn độc, thấy độc, chạm độc, khí độc cắn độc.

一切眾生遇是四毒故喪其命。

nhất thiết chúng sanh ngộ thị tứ độc cố táng kỳ mạng 。

Tất cả chúng sanh gặp bốn loại độc ấy nên tan thân mất mạng kia.

眾生四大亦復如是。或見為惡或觸為惡或氣為惡或齧為惡。

chúng sanh tứ Đại diệc phục như thị 。

hoặc kiến vi ác hoặc xúc vi ác hoặc khí vi ác hoặc niết vi ác 。

Bốn đại chúng sanh cũng lại như thế, hoặc thấy làm ác xúc chạm việc ác hoặc khí độc ác hoặc cắn nhằm ác,

以是因緣遠離眾善。復次善男子。

dĩ thị nhân duyên viễn li chúng thiện 。

phục thứ thiện nam tử 。

do vì lý do đó xa lìa các điều thiện. Lại nữa thiện nam tử:

菩薩摩訶薩觀四毒蛇有四種姓。

Bồ Tát Ma-Ha tát quán tứ độc xà hữu tứ chủng tính 。

Đại Bồ-tát quán sát bốn rắn độc có bốn chủng tánh.

所謂剌利婆羅門毘舍首陀。是四大蛇亦復如是。有四種性。

sở vị Sát-lợi Bà-la-môn Tỳ-xá Thủ-đà 。

thị tứ đại xà diệc phục như thị 。

hữu tứ chủng tánh

。

Chỗ gọi Sát-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà. Là bốn rắn lớn cũng lại như thế. Có bốn chủng tánh,

堅性濕性熱性動性。

kiên tánh thấp tánh nhiệt tánh động tánh 。

tánh cứng tánh ướt tánh nóng tánh động.

是故菩薩觀是四大與四毒蛇同其種性。復次善男子。

thị cố Bồ Tát quán thị tứ Đại dĩ tứ độc xà đồng kỳ chủng tánh 。

phục thứ thiện nam tử 。

Vì vậy Bồ-tát quán sát bốn đại ấy cùng bốn rắn độc đồng chủng tánh kia. Lại nữa thiện nam tử:

菩薩摩訶薩觀是四大如四毒蛇。云何為觀。

Bồ Tát Ma-Ha tát quán thị tứ Đại như tứ độc xà 。 vân hà vi quán 。

Bồ-tát-ma-ha-tát quán sát bốn đại ấy như bốn loại rắn độc. Thế nào là quán?

是四毒蛇常伺人便。

thị tứ độc xà thường tỳ nhân tiện 。

Bốn rắn độc này ấy thường rình rập người.

何時當視何時當觸何時當[口*獻]何時當齧四大毒蛇亦復如是。常伺眾生求其短缺。

hà thì đương thị hà thì đương xúc hà thì đương [khẩu *hư]hà thì đương niết tứ Đại độc xà diệc phục như thị 。

thường tỳ chúng sanh cầu kỳ đoản khuyết 。

Lúc nào sẽ nhìn, lúc nào sẽ xúc chạm, lúc nào sẽ thử dài, lúc nào sẽ cắn? Bốn rắn độc lớn cũng lại như thế, thường rình rập chúng sanh cầu kia chết yếu.

若為四蛇之所殺者。終不至於三惡道中。

nhược vi tứ xà chi sở sát giả 。

chung bất chí ư tam ác đạo trung 。

Hoặc vì chỗ giết hại của bốn loài rắn, cuối cùng không đến trong ba đường ác.

若為四大之所殺害。必至三惡道定無有疑。

nhược vi tứ Đại chi sở sát hại 。

tất chí tam ác đạo định vô hữu nghi 。

Hoặc vì chỗ giết hại của bốn đại, chắc chắn sẽ đến đường ác quyết định không có nghi ngờ.

是四毒蛇雖復瞻養亦欲殺人。四大亦爾。

thị tứ độc xà tuy phục chiêm dưỡng diệc dục sát nhân 。

tứ Đại diệc nhĩ 。

Bốn rắn độc này tuy lại chăm sóc nuôi dưỡng cũng muốn giết người. Bốn đại cũng lại như thế,

雖常供給亦常牽人造作眾惡。

tuy thường cung cấp diệc thường khiên nhân tạo tác chúng ác 。

tuy thường cung cấp cũng thường dẫn người làm các việc ác.

是四毒蛇若一瞋者則能殺人。四大之性亦復如是。

thị tứ độc xà nhược nhất sân giả tắc năng sát nhân 。

tứ Đại chi tánh diệc phục như thị 。

Bốn rắn độc này hoặc vừa tức giận thì có thể giết người, tánh của bốn đại cũng lại như thế.

若一大發亦能害人。是四毒蛇雖同一處四心各異。

nhược nhất đại phát diệc năng hại nhân 。

Hoặc một phát lớn cũng hay hại người, bốn rắn độc tuy cùng một chỗ bốn tâm đều khác nhau.

四大毒蛇亦復如是。雖同一處性各別異。

tứ Đại độc xà diệc phục như thị 。 tuy đồng nhất xử tánh các biệt dị 。

Bốn rắn độc lớn cũng lại như thế, tuy cùng một chỗ tánh đều khác nhau.

是四毒蛇雖復恭敬難可親近。

thị tứ độc xà tuy phục cung kính nan khả thân cận 。

Bốn rắn độc này tuy lại cung kính khó có thể gần gũi,

四大毒蛇亦復如是。雖復恭敬亦難親近。是四毒蛇若害人時。

tứ đại độc xà diệc phục như thị 。

tuy phục cung kính diệc nan thân cận 。

thị tứ độc xà nhược hại nhân thì 。

Bốn rắn độc lớn cũng lại như thế, tuy lại cung kính cũng khó thân gần. Bốn rắn độc này hoặc khi hại người,

或有沙門婆羅門等若以呪藥則可療治。

hoặc hữu Sa Môn Bà-la-môn đẳng nhược dĩ chú dược tắc khả liệu trì 。

hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn v.v.. Hoặc dùng chú thuốc thì có thể chữa trị lành bệnh.

四大殺人雖有沙門婆羅門等神呪良藥則不能

tứ Đại sát nhân tuy hữu Sa Môn Bà-la-môn đẳng Thần chú lương dược tắc bất năng

Bốn đại giết người tuy có Sa-môn, Bà-la-môn v.v.. thần chú thuốc hay thì không thể chữa trị.

治。如自喜人聞四毒蛇氣臭可惡則便遠離。

trị 。

như tự hỉ nhân văn tứ độc xà khí xú khả ác tắc tiện viễn li 。

Như người tự vui nghe bốn rắn độc hơi thở hôi hám đáng ghét thì liền xa lìa.

諸佛菩薩亦復如是。聞四大臭即便遠離。

chư Phật Bồ-tát diệc phục như thị 。

văn tứ đại xú tức tiện viễn li 。

Chư Phật Bồ-tát cũng lại như thế, nghe bốn đại hôi hám thì liền xa lìa.

爾時菩薩復更思惟四大毒蛇生大怖畏背之馳

nhĩ thì Bồ Tát phục canh tư duy tứ Đại độc xà sanh Đại bố úy bối chi trì

Lúc bấy giờ Bồ-tát liền lại suy nghĩ bốn rắn độc lớn sanh lo sợ lớn theo đuổi sau lưng
走修八聖道。

tẩu tu bát Thánh đạo 。

gấp tu bát Thánh đạo.

五旃陀羅即是五陰。

ngũ Chiên-đà-la tức thị ngũ uẩn 。

Năm Chiên-đà-la tức là năm ấm.

云何菩薩觀於五陰如旃陀羅。旃陀羅者。

vân hà Bồ Tát quán ư ngũ uẩn như chiên đà la 。

Bồ-tát làm thế nào quán sát năm ấm như Chiên-đà-la. Chiên-đà-la ấy

常令別人恩愛別離怨憎集會。五陰亦爾。令人貪近不善之法。

thường linh biệt nhân ân ái biệt li oán tăng tập hội 。

thường khiến người khác ân ái xa lìa, oán ghét gặp nhau, năm ấm cũng lại như thế, khiến người tham lam gần gũi với pháp bất thiện.

遠離一切純善之法。復次善男子。

viễn li nhất thiết thuần thiện chi Pháp 。

Xa lìa hết thầy pháp của thuần thiện. Lại nữa thiện nam tử:

如旃陀羅種種器仗以自莊嚴。

như chiên đà la chủng chủng khí trượng dĩ tự trang nghiêm 。

Như Chiên-đà-la các thứ đồ dùng binh khí dùng tự trang nghiêm,

若刀若楯若弓若箭若鎧若稍能害於人。五陰亦爾。以諸煩惱牢自莊嚴。

nhược đao nhược thuẫn nhược cung nhược tiến nhược khải nhược sáo năng hại ư nhân 。

hoặc đao hoặc thuẫn hoặc cung hoặc tên hoặc áo dày dát đồng hoặc giáo hay làm hại người. Năm ấm cũng như thế, vì các phiền não bền chắc tự trang nghiêm,

害諸癡人令墮諸有。善男子。

hại chư si nhân linh đọa chư hữu 。

hại các người ngu si khiến rơi xuống các hữu. Thiện nam tử:

如旃陀羅有過之人得便害之。五陰亦爾。有諸結過常能害人。

như chiên đà la hữu quá chi nhân đắc tiện hại chi 。

Như người Chiên-đà-la có lỗi liền bị hại, năm ấm cũng như thế, có các lỗi làm trói buộc thường hay hại người,

以是義故。菩薩深觀五陰如旃陀羅。

dĩ thị nghĩa cố 。 Bồ-tát thâm quán ngũ uẩn như Chiên-đà-la 。

do nghĩa đó vậy. Bồ-tát quán sát thâm sâu năm ấm như Chiên-đà-la.

復次菩薩觀察五陰如旃陀羅。

phục thứ Bồ Tát quan sát ngũ uẩn như chiên đà la 。

Lại nữa Bồ-tát quán sát năm ấm như Chiên-đà-la,

旃陀羅人無慈愍心怨親俱害。五陰亦爾。無慈愍心善惡俱害。

chiên đà la nhân vô từ mẫn tâm oán thân câu hại 。

ngũ uẩn diệc nhĩ 。

vô từ mẫn tâm
thiện ác câu hại 。

người Chiên-đà-la không có tâm từ bi thương xót oán thân đều hại, năm ấm cũng lại như thế. Không có tâm từ bi thương xót thiện ác đều hại,

如旃陀羅惱一切人。五陰亦爾。

như chiên đà la nảo nhất thiết nhân 。

ngũ uẩn diệc nhĩ 。

như Chiên-đà-la làm nảo tất cả mọi người, năm ấm cũng lại như thế.

以諸煩惱常惱一切生死眾生。

dĩ chư phiền nảo thường nảo nhất thiết sanh tử chúng sanh 。

Do các phiền nảo thường làm nảo tất cả chúng sanh sanh tử,

是故菩薩觀於五陰如旃陀羅。復次菩薩觀察五陰如旃陀羅。

thị cố Bồ Tát quán ư ngũ uẩn như chiên đà la 。

phục thứ Bồ Tát quan sát ngũ uẩn như
chiên đà la 。

cho nên Bồ-tát quán ở năm ấm như Chiên-đà-la. Lại nữa Bồ-tát quán sát năm ấm như Chiên-đà-la,

旃陀羅人常懷害心。五陰亦爾。常懷諸結惱害之心。

chiên đà la nhân thường hoài hại tâm 。

ngũ uẩn diệc nhĩ 。

thường hoài chư kết nảo hại
chi tâm 。

người Chiên-đà-la thường ôm lòng ác hại, năm ấm cũng lại như thế, thường nhớ các sự trói buộc đem tâm nảo hại.

如人無足刀杖侍從。當知。

như nhân vô túc đao trượng thị tòng 。

đương tri 。

Như người không chân đao gậy theo hầu, nên biết

必為旃陀羅人之所殺害。眾生亦爾。無足無刀無有侍從。

tất vi chiên đà la nhân chi sở sát hại 。 chúng sanh diệt nhĩ 。 vô túc vô đao vô hữu thị
tòng 。

chắc chắn là chỗ giết hại của người Chiên-đà-la. Chúng sanh cũng lại như thế, không
chân không đao không có người theo hầu,

則為五陰之所賊害。足名為戒。刀名為慧。

tất vi ngũ uẩn chi sở tặc hại 。 túc danh vi giới 。 đao danh vi tuệ 。

thì là chỗ giặc hại của năm ấm, túc gọi là giới, đao gọi là tuệ,

侍從名為善知識也。無此三事故為五陰之所賊害。

thị tòng danh vi thiện tri thức dã 。 vô thử tam sự cố vi ngũ uẩn chi sở tặc hại theo hầu gọi
là thiện tri thức vậy, không có ba việc này nên làm chỗ giặc hại của năm ấm.

是故菩薩觀於五陰如旃陀羅。

thị cố Bồ Tát quán ư ngũ uẩn như chiên đà la 。

Vì vậy Bồ-tát quán ở năm ấm như Chiên-đà-la.

復次善男子菩薩摩訶薩。

Phục thứ thiện nam tử Bồ-tát-ma-ha-tát 。

Lại nữa thiện nam tử Bồ-tát-ma-ha-tát:

觀察五陰過旃陀羅。何以故。

quan sát ngũ uẩn quá chiên đà la 。 hà dĩ cố 。

Quán sát năm ấm hơn Chiên-đà-la, vì sao vậy?

眾生若為五旃陀羅之所殺者不墮地獄。為陰殺者則墮地獄。以是義故。

chúng sanh nhược vi ngũ Chiên-đà-la chi sở sát giả bất đọa Địa-ngục 。

vi uẩn sát giả tặc đọa Địa-ngục 。

dĩ thị nghĩa cố 。

Chúng sanh hoặc làm chỗ giết hại của năm Chiên-đà-la không rơi xuống địa ngục, vì uẩn
hại ấy thì đọa địa ngục, do nghĩa đó vậy.

菩薩觀陰過旃陀羅。作是觀已而作願言。

Bồ Tát quán uẩn quá chiên đà la 。 tác thị quán dĩ nhi tác nguyện ngôn 。

Bồ-tát quán sát năm ấm hơn Chiên-đà-la, tác quán ấy rồi mà lại nguyện rằng:

我寧終身近旃陀羅不能暫時近於五陰。

ngã ninh chung thân cận chiên đà la bất năng tạm thì cận ư ngũ uẩn 。

Ta thà trọn đời thân gần Chiên-đà-la không thể chốc lát gần gũi năm uẩn.

旃陀羅者唯能害於欲界癡人。

chiên đà la giả duy năng hại ư dục giới si nhân 。

Người Chiên-đà-la chỉ hay hại người ngu si ở cõi dục giới.

是五陰賊遍害三界凡夫眾生。旃陀羅人唯能殺戮有罪之人。

thị ngũ uẩn tặc biến hại tam giới phàm phu chúng sanh 。

chiên đà la nhân duy năng sát
lục hữu tội chi nhân 。

Chính giặc năm uẩn hại khắp chúng sanh phàm phu trong ba cõi. Người Chiên-đà-la chỉ
hay giết hại người có tội.

是五陰賊不問眾生有罪無罪悉能害之。

thị ngũ uẩn tặc bất vấn chúng sanh hữu tội vô tội tất năng hại chi 。

Chính giặc năm uẩn chẳng hỏi chúng sanh có tội hay không tội đều có thể hại.

旃陀羅人不害衰老婦女稚小。

chiên đà la nhân bất hại suy lão phụ nữ trí tiểu 。

Người Chiên-đà-la không hại người già yếu phụ nữ trẻ con.

是五陰賊不問眾生老稚婦女一切悉害。是故菩薩。

thị ngũ uẩn tặc bất vấn chúng sanh lão trĩ phụ nữ nhất thiết tất hại 。

thị cố Bồ Tát 。

Chính giặc năm ám chẳng hỏi chúng sanh già trẻ phụ nữ tất cả đều hại. Cho nên Bồ-tát
深觀此陰過旃陀羅。是故發願寧當終身近旃陀羅。

thâm quán thử uẩn quá chiêm đà la 。

thị cố phát nguyện ninh đương chung thân cận
chiên đà la 。

quán sát thâm sâu uẩn này hơn Chiên-đà-la, vì vậy phát nguyện thà sẽ trọn đời gần gũi
Chiên-đà-la,

不能暫時親近五陰。復次善男子。

bất năng tạm thì thân cận ngũ uẩn 。

phục thứ thiện nam tử 。

không thể chốc lát gần gũi năm uẩn. Lại nữa thiện nam tử:

旃陀羅者唯害他人終不自害。

chiên đà la giả duy hại tha nhân chung bất tự hại 。

Người Chiên-đà-la chỉ hại người khác trọn không tự hại.

五陰之賊自害害他過旃陀羅。

ngũ uẩn chi tặc tự hại hại tha quá chiêm đà la 。

Giặc của năm uẩn tự hại, hại người hơn Chiên-đà-la.

旃陀羅人可以善言錢財寶貨求而得脫。五陰不爾。

chiên đà la nhân khả dĩ thiện ngôn tiền tài bảo hóa cầu nhi đắc thoát 。 ngũ uẩn bất nhĩ 。
Người Chiên-đà-la có thể dùng lời nói hay tiền tài vật báu cầu mà được thoát. Năm uẩn
không như thế,

不可強以善言誘喻錢財寶貨求而得脫。旃陀羅人於四時中不必常殺。

bất khả cường dĩ thiện ngôn dụ dụ tiền tài bảo hóa cầu nhi đắc thoát 。 chiêm đà la nhân ư
tứ thì trung bất tất thường sát 。

không thể gượng dùng lời hay dụ dỗ tiền tài vật báu cầu mà được thoát. Người Chiên-đà-
la ở trong bốn thì không chắc thường giết hại.

五陰不爾。常於念念害諸眾生。

ngũ uẩn bất nhĩ 。 thường ư niệm niệm hại chư chúng sanh 。

Năm uẩn không như thế, thường ở từng niệm hại các chúng sanh.

旃陀羅人唯在一處可有逃避。五陰不爾。

chiên đà la nhân duy tại nhất xử khả hữu đào tị 。

Người Chiên-đà-la chỉ ở một chỗ có thể chạy trốn. Năm uẩn không như thế,

遍一切處無可逃避。旃陀羅人雖復害人害已不隨。五陰不爾。

biến nhất thiết xử vô khả đào tị 。

chiên đà la nhân tuy phục hại nhân hại dĩ bất tùy 。

ngũ uẩn bất nhĩ 。

khắp tất cả nơi không thể chạy trốn. Người Chiên-đà-la tuy lại hại người hại rồi không đuổi
theo. Năm uẩn không như thế,

殺眾生已隨逐不離。

sát chúng sanh dĩ tùy trục bất ly 。

giết chúng sanh rồi đuổi theo không rời.

是故菩薩寧以終身近旃陀羅。不能暫時近於五陰。

thị cố Bồ Tát ninh dĩ chung thân cận chiêm đà la 。

bất năng tạm thì cận ư ngũ uẩn 。

Vì vậy Bồ-tát thà rằng trọn đời gần gũi Chiên-đà-la, chẳng thể chốc lát gần gũi năm uẩn.

有智之人以善方便得脫五陰。善方便者。

hữu trí chi nhân dĩ thiện phương tiện đắc thoát ngũ uẩn 。

thiện phương tiện giả Người có trí dùng phương tiện khéo được thoát khỏi năm uẩn, phương tiện khéo ấy

即八聖道六波羅蜜四無量心。

tức bát Thánh đạo lục ba la mật tứ vô lượng tâm 。

tức là bát Thánh đạo sáu Ba-la-mật bốn Vô lượng tâm.

以是方便而得解脫身心不為五陰所害。

dĩ thị phương tiện nhi đắc giải thoát thân tâm bất vi ngũ uẩn sở hại 。

Nhờ phương tiện đó mà được giải thoát thân tâm không vì năm uẩn làm hại.

何以故身如金剛心如虛空是故身心難可沮壞。以是義故。

hà dĩ cố thân như kim cương tâm như hư không thị cố thân tâm nan khả tự hoại 。

dĩ thị nghĩa cố 。

Vì sao thân như kim cương tâm như hư không, do vậy thân tâm tuy khó có thể trở hoại do nghĩa đó vậy.

菩薩觀陰成就種種諸不善法生大怖畏修八聖道。

Bồ Tát quán uẩn thành tựu chủng chủng chư bất thiện Pháp sanh Đại bố úy tu bát Thánh đạo 。

Bồ-tát quán sát uẩn thành tựu các thứ các pháp bất tịnh sanh lo sợ lớn tu bát Thánh-đạo, 亦如彼人畏四毒蛇。

diệt như bĩ nhân úy tứ độc xà 。

cũng như người kia sợ bốn rắn độc.

五旃陀羅涉路而去無所顧留詐親善者名為貪愛。

ngũ chiên đà la thiệp lộ nhi khứ vô sở cố lưu trá thân thiện giả danh vi tham ái

Năm Chiên-đà-la vượt đường mà đi không chổ trông lại giả người thân thiện gọi là yêu mến.

菩薩摩訶薩深觀愛結如怨詐親。若知實者則無能為。

Bồ Tát Ma-Ha tát thâm quán ái kết như oán trá thân 。

nhược tri thật giả tắc vô năng vi 。

Bồ-tát-ma-ha-tát quán sâu ái kết như thù oán giả thân thiện, hoặc người biết thật thì không hay làm.

若不能知必為所害。貪愛亦爾。

nhược bất năng tri tất vi sở hại 。

tham ái diệt nhĩ 。

Hoặc không hay biết hẳn vì bị hại, tham ái cũng như thế.

若知其性則不能令眾生輪轉生死苦中。

nhược tri kỳ tánh tắc bất năng lệnh chúng sanh luân chuyển sanh tử khổ trung 。

Nếu biết tánh kia thì không hay khiến chúng sanh luân chuyển trong đường sanh tử.

如其不知輪迴六趣具受眾苦。何以故。愛之為病難捨離故。

như kỳ bất tri Luân-hồi lục thú cụ thọ chúng khổ 。

hà dĩ cố 。

ái chi vi bệnh nan xả ly cố 。

Như kia không biết luân hồi trong sáu đường thọ đủ các khổ, vì sao vậy? Vì bệnh của ái khó mà xa lìa vậy.

如怨詐親難可遠離。

như oán trá thân nan khả viễn li 。

Như thù oán giả bộ thân thiện khó có thể xa lìa.

怨詐親者常伺人便令愛別離怨憎合會。愛亦如是。令人遠離一切善法。

oán trá thân giả thường tý nhân tiện linh ái biệt li oán tăng hợp hội 。

ái diệc như thị 。

lệnh nhân viễn li nhất thiết thiện Pháp 。

Người thù oán giả bộ thân thiện thương dò xét người khiến thương yêu xa lìa oán ghét hội họp, ái cũng như thế, khiến người xa lìa tất cả thiện pháp.

近於一切不善之法。以是義故。

cận ư nhất thiết bất thiện chi Pháp 。

dĩ thị nghĩa cố 。

Gần ở tất cả pháp của bất thiện, chính nghĩa đó vậy.

菩薩摩訶薩深觀貪愛如怨詐親。見不見故聞不聞故。

Bồ Tát Ma-Ha tát thâm quán tham ái như oán trá thân 。

kiến bất kiến cố văn bất văn cố 。

Bồ-tát-ma-ha-tát quán sâu tham ái như thù oán giả bộ thân thiện, thấy hoặc không thấy nghe hoặc không nghe.

如凡夫人見生死過雖有智慧以癡覆故後還不見。

như phàm phu nhân kiến sanh tử quá tuy hữu trí tuệ dĩ si phúc cố hậu hoàn bất kiến 。

Như người phàm phu thấy lỗi sanh tử, tuy có trí huệ vì ngu si che lấp sau trở lại không thấy.

聲聞緣覺亦復如是。雖見不見雖聞不聞。

thanh văn duyên giác diệc phục như thị 。

tuy kiến bất kiến tuy văn bất văn 。

Thanh văn Duyên giác cũng lại như thế, hoặc thấy không thấy hoặc nghe không nghe,何以故。以愛心故。所以者何。

hà dĩ cố 。

dĩ ái tâm cố 。

sở dĩ giả hà 。

Vì sao vậy? Vì tâm ái vậy. Sở dĩ vì sao?

見生死過不能疾至阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。

kiến sanh tử quá bất năng tật chí a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề 。

dĩ thị nghĩa cố 。

Thấy lỗi sanh tử, chẳng hay đến A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề, do nghĩa đó vậy.

菩薩摩訶薩觀此愛結如怨詐親。云何名為怨詐親相。

Bồ Tát Ma-Ha tát quán thử ái kết như oán trá thân 。 vân hà danh vi oán trá thân tướng 。

Đại Bồ-tát quán ái kết đây như thù oán giả bộ thân thiện. Vì sao gọi là thù oán giả bộ tướng thân thiện?

如怨不實詐現實相。不可親近詐現近相。

như oán bất thật trá hiện thật tướng 。 bất khả thân cận trá hiện cận tướng 。

Như thù oán chẳng thật giả hiện tướng thật, chẳng thể thân gần giả hiện tướng thân gần, 實是不善詐現善相。實是不愛詐為愛相。

thật thị bất thiện trá hiện thiện tướng 。 thật thị bất ái trá vi ái tướng 。

thật là không tốt giả hiện tướng tốt, thật là không yêu giả hiện tướng yêu,

何以故。常伺人便欲為害故。愛亦如是。

hà dĩ cố 。 thường tỳ nhân tiện dục vi hại cố 。 ái diệt như thị 。

Vì sao vậy? Thường dò xét người lân muốn làm hại, yêu cũng như thế.

常為眾生非實詐實非近詐近非善詐善非愛詐愛。

thường vi chúng sanh phi thật trá thật phi cận trá cận phi thiện trá thiện phi ái trá ái 。

Thường vì chúng sanh

常誑一切輪迴生死。以是義故。

thường cuống nhất thiết Luân-hồi sanh tử 。 dĩ thị nghĩa cố 。

thường lường dối luân hồi sanh tử, do nghĩa đó vậy.

菩薩觀愛如怨詐親。

Bồ Tát quán ái như oán trá thân 。

Bồ-tát quán sát thương yêu như thù ghét giả bộ thân thiện.

怨詐親者但見身口不覩其心是故能誑。愛亦如是。唯為虛誑實不可得。

oán trá thân giả dẫn kiến thân khẩu bất đở kỳ tâm thị cố năng cuống 。

duy vi hư cuống thật bất khả đắc 。

Thù oán giả bộ thân thiện chỉ thấy thân miệng chẳng thấy tâm kia vì vậy hay dối trá,

thương yêu cũng như thế, chỉ vì hư dối thật không thể được,

是故能惑一切眾生。

thị cố năng hoặc nhất thiết chúng sanh 。

vì thế hay làm mê hoặc tất cả chúng sanh.

怨詐親者有始有終易可遠離。愛不如是。無始無終難可遠離。

oán trá thân giả hữu thủy hữu chung dịch khả viễn li 。 ái bất như thị 。 vô thủy vô chung nan khả viễn li 。

Thù oán giả bộ thân thiện có trước có sau dễ có thể xa lìa, ái không như thế, chẳng trước chẳng sau khó có thể xa lìa.

怨詐親者遠則難知近則易知。

oán trá thân giả viễn tắc nan tri cận tắc dịch tri 。

Thù oán giả bộ thân thiện xa thì khó biết gần thì dễ biết.

愛不如是近尚難知況復遠耶。以是義故。菩薩觀愛過於詐親。

ái bất như thị cận thượng nan tri hưởng phục viễn da 。 dĩ thị nghĩa cố 。 Bồ Tát quán ái quá ư trá thân 。

Ái không như thế gần còn khó biết hưởng nữa lại xa ư? Do nghĩa đó vậy, Bồ-tát quán xét ái hơn giả bộ thân thiện,

一切眾生以愛結故。遠大涅槃近於生死。

nhất thiết chúng sanh dĩ ái kết cố 。 viễn Đại Niết-bàn cận ư sanh tử 。

tất cả chúng sanh do ái ràng buộc vậy, xa lìa Đại-niết-bàn gần gũi với sanh tử.

遠常樂我淨近無常苦無我不淨。

viễn thường lạc ngã tịnh cận vô thường khổ vô ngã bất tịnh 。

Xa rời thường lạc ngã tịnh gần với vô thường khổ vô ngã bất tịnh.

是故我於處處經中說為三垢。於現在事以無明故。

thị cố ngã ư xứ xứ Kinh trung thuyết vi tam cấu 。 ư hiện tại sự dĩ vô minh cố 。

Vì vậy ta ở khắp nơi trong Kinh nói vì ba cấu, ở việc hiện tại do vô minh vậy.

不見過患不能捨離愛怨詐親。終不能害有智之人。

bất kiến quá hoạn bất năng xả ly ái oán trá thân 。 chung bất năng hại hữu trí chi nhân 。

Chẳng thấy lo lắng lỗi lầm chẳng hay xa lìa yêu thương thù oán giả bộ thân thiện, trọn chẳng hay làm hại người có trí.

是故菩薩深觀此愛生大怖畏修八聖道。

thị cố Bồ Tát thâm quán thử ái sanh Đại bố úy tu bát Thánh đạo 。

Vì vậy Bồ-tát quán sâu ái đây sanh rất sợ hãi tu bát Thánh đạo.

猶如彼人畏四毒蛇五旃陀羅及一詐親。

do như bỉ nhân úy tứ độc xà ngũ chiên đà la cập nhất trá thân 。

Giống như người kia sợ bốn rắn độc năm Chiên-đà-la vừa giả bộ thân thiện,

涉路不迴。

thiệt lộ bất hồi 。

vượt qua đường không quay lại.

空聚落者即是六入。

không tụ lạc giả tức thị lục nhập 。

Tụ lạc mênh mông tức là lục nhập.

菩薩摩訶薩觀內六入空無所有猶如空聚。如彼怖人既入聚已。

Bồ Tát Ma-Ha tát quán nội lục nhập không vô sở hữu do như không tụ 。

như bị phổ nhân ký nhập tụ dĩ 。

Đại Bồ-tát quán trong lục nhập không vô sở hữu giống như tụ lạc trống không, như người kia sợ đã vào tụ lạc rồi

乃至不見有一居人。遍捉[土*瓦]器不得一物。

nãi chí bất kiến hữu nhất cư nhân 。

biến tróc đồ khí bất đắc nhất vật 。

đến đây chẳng thấy được một người ở, cầm nắm đất gạch đồ dùng không được một vật.

菩薩亦爾。

Bồ Tát diệc nhĩ 。

Bồ-tát cũng như thế.

諦觀六入空無所有不見眾生一物之實。是故菩薩觀內六入空無所有如彼空聚。

để quán lục nhập không vô sở hữu bất kiến chúng sanh nhất vật chi thật 。

thị cố Bồ Tát quán nội lục nhập không vô sở hữu như bị không tụ 。

Quán sát kỹ càng lục nhập không vô sở hữu chẳng thấy một vật thật của chúng sanh. Vì vậy Bồ-tát quán trong lục nhập không vô sở hữu như tụ lạc trống không kia.

善男子。

thiện nam tử 。

Thiện nam tử:

彼空聚落群賊遠望終不生於虛空之想。凡夫之人亦復如是。

bỉ không tụ lạc quần tặc viễn vọng chung bất sanh ư hư không chi tưởng 。

phàm phu chi nhân diệc phục như thị 。

Tụ lạc trống không kia bọn giặc trông xa trọn chẳng sanh ý tưởng ở trong hư không, người phàm phu cũng lại như thế.

於六入聚不生空想。以其不能生空想故。輪迴生死受無量苦。

ư lục nhập tụ bất sanh không tưởng 。 dĩ kỳ bất năng sanh không tưởng cố 。 Luân-hồi sanh tử thọ vô lượng khổ 。

Ở chỗ lục nhập chẳng sanh ý tưởng trống không, vì kia chẳng hay sanh không tưởng vậy, sanh tử luân hồi chịu vô lượng khổ.

善男子。群賊既至乃生空想。菩薩亦爾。

thiện nam tử 。 quần tặc ký chí nãi sanh không tưởng 。 Bồ Tát diệt nhĩ 。

Thiện nam tử: Bọn giặc đã đến liền sanh không tưởng, Bồ-tát cũng như thế,

觀此六入常生空想。

quán thử lục nhập thường sanh không tưởng 。

quán lục nhập này thường sanh không tưởng.

生空想故則不輪迴生死受苦。菩薩摩訶薩於此六入常無顛倒。

sanh không tưởng cố tắc bất Luân-hồi sanh tử thọ khổ 。

Bồ Tát Ma-Ha tát ư thử lục nhập thường vô điên đảo 。

Sanh không tưởng vậy thì không luân hồi sanh tử chịu khổ. Đại Bồ-tát ở lục nhập đây thường không điên đảo.

無顛倒故是故不復輪迴生死。復次善男子。

vô điên đảo cố thị cố bất phục Luân-hồi sanh tử 。

phục thứ thiện nam tử 。

Không điên đảo vậy cho nên lại không luân hồi sanh tử, lại nữa thiện nam tử:

如有群賊入此空聚則得安樂。

như hữu quần tặc nhập thử không tụ tắc đắc an lạc 。

Như có bọn giặc vào tụ lạc trống không này thì được an lạc,

煩惱諸賊亦復如是。入此六入則得安樂。

phiền não chư tặc diệt phục như thị 。

nhập thử lục nhập tắc đắc an lạc 。

các giặc phiền não cũng lại như thế, vào lục nhập đây thì được an lạc.

如賊住空聚心無所畏。煩惱群賊亦復如是。

như tặc trụ không tụ tâm vô sở úy 。

phiền não quần tặc diệt phục như thị 。

Như giặc ở tụ lạc trống không tâm không sợ hãi, các giặc phiền não cũng lại như thế.

住是六入亦無所畏如彼空聚。

trụ thị lục nhập diệt vô sở úy như bỉ không tụ 。

Ở lục nhập đó cũng không sợ hãi như tụ lạc trống không kia.

乃是師子虎狼種種惡獸之所住處。是內六入亦復如是。

nãi thị Sư-tử hổ lang chủng chủng ác thú chi sở trụ xứ 。 thị nội lục nhập diệt phục như thị
。

Chính là sư tử cạp sói chỗ trú xứ của các loài ác thú. Chính trong lục nhập cũng lại như thế.

一切眾惡煩惱走獸之所住處。是故菩薩深觀六入空無所有。

nhất thiết chúng ác phiền não tẩu thú chi sở trụ xứ 。 thị cố Bồ Tát thâm quán lục nhập không vô sở hữu 。

Tất cả các phiền não xấu ác chạy đến chỗ trú xứ, thế nên Bồ-tát quán sâu lục nhập không vô sở hữu.

純是一切不善住處。復次善男子。菩薩摩訶薩。

thuần thị nhất thiết bất thiện trụ xứ 。 phục thứ thiện nam tử 。 Bồ Tát Ma-Ha tát

Thuần là tất cả trú xứ bất thiện. Lại nữa thiện nam tử: Đại Bồ-tát,

觀內六入空無所有如彼空聚。何以故。

quán nội lục nhập không vô sở hữu như bỉ không tụ 。 hà dĩ cố 。

Quán trong lục nhập không vô sở hữu như tụ lạc trống không kia, vì sao vậy?

虛誑不實故。空無所有作有想故。

hư cuống bất thật cố 。 không vô sở hữu tác hữu tưởng cố 。

Nó chỉ hư dối, trống rỗng không thật, không vô sở hữu khởi hữu tưởng vậy,

實無有樂作樂想故。實無有人作人想故。內六入者亦復如是。

thật vô hữu lạc tác lạc tưởng cố 。 thật vô hữu nhân tác nhân tưởng cố 。 nội lục nhập giả diệt phục như thị 。

thật không có vui khởi lạc tưởng vậy, thật không có người tác nhưn tưởng vậy. Trong lục nhập ấy cũng lại như vậy.

空無所有而作有想。實無有樂而作樂想。

không vô sở hữu nhi tác hữu tưởng 。 thật vô hữu lạc nhi tác lạc tưởng 。

Không có sở hữu mà tác hữu tưởng, thật chẳng có lạc mà khởi lạc tưởng.

實無有人而作人想。

thật vô hữu nhân nhi tác nhân tưởng 。

Thật không có người mà tác nhưn tưởng.

唯有智人乃能知之得其真實。復次善男子。

duy hữu trí nhân nãi năng tri chi đắc kỳ chân thật 。

Chỉ có người trí mới hay biết hết được chơn thật kia, lại nữa thiện nam tử:

如空聚落或時有人或時無人。六入不爾一向無人。何以故。性常空故。

như không tụ lạc hoặc thì hữu nhân hoặc thì vô nhân 。 lục nhập bất nhĩ nhất hướng vô nhân 。 hà dĩ cố 。 tánh thường không cố 。

Như tụ lạc trống không hoặc khi có người hoặc khi không người. Lục nhập không như thế vừa hướng đến không có người, vì sao vậy? Tánh thường trống không vậy.

智者所知非是眼見。

trí giả sở tri phi thị nhãn kiến 。

Người trí chỗ biết chẳng phải mắt thấy.

是故菩薩觀內六入多諸怨害。修八聖道不休不息。

thị cố Bồ Tát quán nội lục nhập đa chư oán hại 。 tu bát Thánh đạo bất hưu bất tức 。

Vì vậy Bồ-tát quán ở trong lục nhập nhiều các oán hại. Tu bát Thánh đạo không dừng không nghỉ,

猶如彼人畏四毒蛇五旃陀羅一詐親善及六大賊怖著正路。

do như bĩ nhân úy tứ độc xà ngũ chiên đà la nhất trá thân thiện cập lục Đại tặc phổ trước chánh lộ.

giống như người kia sợ bốn rắn độc năm Chiên-đà-la vừa giả hiện thân thiện cùng sáu giặc lớn sợ đấm đường chính.

六大賊者即外六塵。

Lục đại tặc giả tức ngoại lục trần 。

Sáu giặc lớn ấy tức là sáu trần ở ngoài.

菩薩摩訶薩觀此六塵如六大賊。何以故。能劫一切諸善法故。

Bồ Tát Ma-Ha tát quán thử lục trần như lục Đại tặc 。 hà dĩ cố 。 năng kiếp nhất thiết chư thiện Pháp cố 。

Đại Bồ-tát quán sáu trần đây như sáu giặc lớn, vì sao vậy? Vì hay cướp tất cả các thiện pháp vậy.

如六大賊能劫一切人民財寶。

như lục Đại tặc năng kiếp nhất thiết nhân dân tài bảo 。

Như sáu giặc lớn hay cướp tất cả tài bảo của mọi người.

是六塵賊亦復如是。能劫一切眾生善財如六大賊。

thị lục trần tặc diệc phục như thị 。 năng kiếp nhất thiết chúng sanh Thiện Tài như lục Đại tặc 。

Chính giặc sáu trần cũng lại như thế, hay cướp tất cả tài vật tốt đẹp của chúng sanh như sáu giặc lớn.

若入人舍則能劫奪現家所有不擇好惡。

nhược nhập nhân xá tắc năng kiếp đoạt hiện gia sở hữu bất trạch hảo ố。

Hoặc vào nhà người thì hay cướp đoạt sở hữu trong nhà hiện có chẳng lựa tốt xấu.

令巨富者忽爾貧窮。是六塵賊亦復如是。

linh cự phú giả hốt nhĩ bần cùng 。

Khiến người giàu có bỗng nhiên nghèo khổ cùng cực. Chính giặc sáu trần cũng lại như thế.

若入人根則能劫奪一切善法。

nhược nhập nhân căn tắc năng kiếp đoạt nhất thiết thiện Pháp 。

Hoặc vào thân người thì hay cướp đoạt tất cả thiện pháp.

善法既盡貧窮孤露作一闍提。是故菩薩諦觀六塵如六大賊。

thiện Pháp ký tận bần cùng cô lộ tác nhất xiển đề 。

Thiện pháp đã hết nghèo cùng cô độc làm nhưt Xiển-đề. Vì vậy Bồ-tát quán sát sáu trần như sáu giặc lớn.

復次善男子。如六大賊欲劫人時要因內人。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử: Như sáu giặc lớn khi muốn cướp người cần phải ở trong nhà người. 若無內人則便中還。是六塵賊亦復如是。

nhược vô nội nhân tắc tiện trung hoàn 。

Hoặc ở trong người thì liền trở lại trong đó. Là giặc sáu trần cũng lại như thế.

欲劫善法要因內有眾生知見常樂我淨不空等相。

dục kiếp thiện Pháp yếu nhân nội hữu chúng sanh tri kiến thường lạc ngã tịnh bất không đẳng tướng 。

Muốn cướp thiện pháp phải nhân ở trong có chúng sanh thấy biết các tướng Thường lạc ngã tịnh cùng với bất không.

若內無有如是等相六塵惡賊則不能劫一切善

nhược nội vô hữu như thị đẳng tướng lục trần ác tặc tất năng kiếp nhất thiết thiện
Hoặc trong không có các tướng như thế giặc ác sáu trần thì chẳng hay cướp tất cả thiện
pháp.

法。有智之人內無是相凡夫則有。

Pháp 。 hữu trí chi nhân nội vô thị tướng phàm phu tặc hữu 。

Người có trí bên trong không có tướng như vậy, phàm phu thì có.

是故六塵常來侵奪善法之財。不善護故為其所劫。

thị cố lục trần thường lai xâm đoạt thiện Pháp chi tài 。

Vì vậy sáu trần thường đến cướp đoạt tài bảo của thiện pháp, không khéo giữ gìn nên bị
chỗ kia cướp đoạt.

護者名慧有智之人能善防護故不被劫。

hộ giả danh tuệ hữu trí chi nhân năng thiện phòng hộ cố bất bị kiếp 。

Người giữ gìn gọi là người huệ, là người có trí hay khéo léo phòng hộ nên chẳng bị cướp
đoạt.

是故菩薩觀是六塵如六大賊等無差別。

thị cố Bồ Tát quán thị lục trần như lục Đại tặc đẳng vô sai biệt 。

Vì thế Bồ-tát quán sát sáu trần đây như sáu giặc lớn bằng nhau không có sai khác.

復次善男子。如六大賊能為人民身心苦惱。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử: Như sáu giặc lớn hay làm mọi người thân tâm khổ não.

是六塵賊亦復如是。常為眾生身心苦惱。

thị lục trần tặc diệc phục như thị 。

Chính giặc sáu trần cũng lại như thế, thường làm chúng sanh thân tâm khổ não,

六大賊者唯能劫人現在財物。

lục Đại tặc giả duy năng kiếp nhân hiện tại tài vật 。

Sáu giặc lớn ấy chỉ hay cướp đoạt tài vật hiện tại của người.

是六塵賊常劫眾生三世善財。六大賊者夜則歡樂。

thị lục trần tặc thường kiếp chúng sanh tam thế Thiện Tài 。

Chính giặc sáu trần thường cướp thiện tài ba đời của chúng sanh. Sáu giặc lớn ấy ban
đêm thường vui mừng.

六塵惡賊亦復如是。處無明闇則得歡樂。

lục trần ác tặc diệt phục như thị 。 xử vô minh ám tắc đắc hoan lạc 。

Giặc ác sáu trần cũng lại như thế, chỗ tối tăm u ám thì được vui mừng.

是六大賊唯有諸王乃能遮止。六塵惡賊亦復如是。

thị lục Đại tặc duy hữu chư Vương nãi năng già chỉ 。

Chính giặc sáu trần chỉ có các Vua mới hay ngăn chặn, giặc ác sáu trần cũng lại như thế.

唯佛菩薩乃能遮止。

duy Phật Bồ Tát nãi năng già chỉ 。

Chỉ có chư Phật Bồ-tát mới hay ngăn chặn.

是六大賊凡欲劫奪不擇端正種姓聰哲多聞博學豪貴貧賤。

thị lục Đại tặc phạm dục kiếp đoạt bất trạch đoan chánh chủng tính thông triết đa văn bác học hào quý bần tiện 。

Là sáu giặc lớn phạm muốn cướp đoạt chẳng lựa xinh đẹp dòng họ thông minh học rộng nghe nhiều giàu sang nghèo hèn.

六塵惡賊亦復如是。欲劫善法不擇端正乃至貧賤。

Lục trần ác tặc diệt phục như thị 。

Giặc ác sáu trần cũng lại như thế, muốn cướp thiện pháp chẳng lựa xinh đẹp cho đến nghèo hèn.

是六大賊雖有諸王截其手足。猶故不能令其心息。

Thị lục đại tặc tuy hữu chư Vương tiệt kỳ thủ túc 。

Chính sáu giặc lớn tuy có các Vua chặt đứt tay chân của nó. Do vậy chẳng hay khiến tâm kia dứt.

六塵惡賊亦復如是。

lục trần ác tặc diệt phục như thị 。

giặc ác sáu trần cũng lại như thế.

雖須陀洹斯陀舍阿那含截其手足。亦不能令不劫善法。

tuy Tu đà hoàn Tư đà hàm A na hàm tiệt kỳ thủ túc 。

Dù Tu-đà-hoàn Tư-đà-hàm, A-na-hàm chặt đứt tay chân kia, cũng chẳng hay khiến không cướp đoạt thiện pháp.

如勇健人乃能摧伏是六大賊。諸佛菩薩亦復如是。

Như dũng kiện nhân nãi năng tồi phục thị lục đại tặc 。 chư Phật Bồ Tát diệt phục như thị
。

Như người mạnh khỏe mới hay xua đuổi sáu giặc lớn ấy, chư Phật Bồ-tát cũng lại như thế,
乃能摧伏六塵惡賊。

nãi năng tồi phục lục trần ác tặc 。

mới hay hàng phục giặc ác sáu trần.

譬如有人多諸種族宗黨熾盛則不為彼六賊所劫。眾生亦爾。

Thí như hữu nhân đa chư chủng tộc tông đảng sí thịnh tặc bất vi bỉ lục tặc sở kiếp 。

chúng sanh diệt nhĩ 。

Thí như có người rất nhiều dòng họ tông đảng rất mạnh thì không bị sáu giặc kia cướp
đoạt, chúng sanh cũng như thế.

有善知識不為六塵惡賊所劫。

Hữu thiện tri thức bất vi lục trần ác tặc sở kiếp 。

Có thiện tri thức không bị giặc ác sáu trần cướp đoạt.

是六大賊若見人物則能偷劫。六塵不爾。

Thị lục Đại tặc nhược kiến nhân vật tặc năng thâm kiếp 。

lục trần bất nhĩ 。

Chính sáu giặc lớn hoặc thấy người vật thì hay trộm cướp, sáu trần không như thế.

若見若知若聞若嗅若觸若覺皆悉能劫。

Nhược kiến nhược tri nhược văn nhược khứu nhược xúc nhược giác giai tất năng kiếp 。

Hoặc thấy hoặc biết hoặc nghe hoặc ngửi hoặc xúc hoặc giác tất cả đều hay cướp đoạt.

六大賊者唯能劫奪欲界人財。不能劫奪色無色界。

Lục Đại tặc giả duy năng kiếp đoạt dục giới nhân tài 。

bất năng kiếp đoạt sắc vô sắc giới
。

Sáu giặc lớn ấy chỉ hay cướp đoạt tài sản con người ở cõi Dục giới, không thể cướp đoạt ở
cõi Sắc giới và Vô sắc giới.

六塵惡賊則不如是。能劫三界一切善寶。

Lục trần ác tặc tặc bất như thị 。

năng kiếp tam giới nhất thiết thiện bảo 。

Giặc ác sáu trần thì không như thế, hay cướp tất cả thiện bảo của ba cõi.

是故菩薩諦觀六塵過彼六賊。作是觀已修八聖道直往不迴。

Thị cố Bồ Tát để quán lục trần quá bỉ lục tặc 。 tác thị quán dĩ tu bát Thánh đạo trực vãng bất hồi 。

Vì vậy Bồ-tát quán kỹ sáu trần hơn sáu giặc kia. Tác quán đó rồi tu Bát Thánh đạo thẳng đi chẳng quay trở lại.

如彼怖人畏四毒蛇五旃陀羅一詐親者及六大

Như bỉ phổ nhân úy tứ độc xà ngũ Chiên-đà-la nhất trá thân giả cập lục Đại

Như người sợ kia sợ bốn rắn độc năm Chiên-đà-la vừa giả hiện thân thiện cùng sáu giặc lớn,

賊。捨空聚落涉路而去。

tặc 。 xả không tụ lạc thiệp lộ nhi khứ 。

bỏ tụ lạc trống không băng đường mà đi.

路值一河者即是煩惱。

lộ trị nhất hà giả tức thị phiền não 。

giữa đường gặp một dòng sông tức là phiền não.

云何菩薩觀此煩惱猶如大河。如彼駛河能漂香象。

Vân hà Bồ Tát quán thử phiền não do như Đại hà 。 như bỉ sử hà năng phiêu hương tượng 。

Làm thế nào Bồ-tát quán phiền não đây giống như sông lớn, như ngựa lướt nhanh qua sông hay làm trôi hương tượng.

煩惱駛河亦復如是。能漂緣覺。

Phiền não sử hà diệc phục như thị 。

Phiền não nhanh qua sông cũng lại như thế, hay trôi Duyên giác.

是故菩薩深觀煩惱猶如駛河。深難得底故名為河。

Thị cố Bồ Tát thâm quán phiền não do như sử hà 。

Vì thế Bồ-tát quán sâu phiền não giống như ngựa phi nhanh qua sông sâu khó đến tận đáy nên gọi là sông.

邊不可得故名為大。

biên bất khả đắc cố danh vi Đại 。

Bờ mé không thể được nên gọi là Đại.

其中多有種種惡魚煩惱大河亦復如是。唯佛菩薩能得底故故名極深。

Kỳ trung đa hữu chủng chủng ác ngư phiền não Đại hà diệc phục như thị 。 duy Phật Bồ Tát năng đắc để cố cố danh cực thâm 。

Trong đó có nhiều thứ cá độc, sông lớn phiền não cũng lại như thế. Chỉ Phật Bồ-tát hay xuống được tận đáy vậy nên gọi rất sâu.

唯佛菩薩得其邊故故名廣大。

Duy Phật Bồ Tát đắc kỳ biên cố cố danh quảng Đại 。

Chỉ Phật Bồ-tát được bờ mé kia nên gọi rộng lớn.

常害一切癡眾生故故名惡魚。是故菩薩觀此煩惱猶如大河。

Thường hại nhất thiết si chúng sanh cố cố danh ác ngư 。

thị cố Bồ Tát quán thử phiền não do như Đại hà 。

Thường hại tất cả chúng sanh ngu si nên gọi cá độc. Vì vậy Bồ-tát quán phiền não này giống như sông lớn.

如大河水能長一切草木叢林。

Như Đại hà thủy năng trường nhất thiết thảo mộc tùng lâm 。

Như nước sông lớn hay nuôi lớn cỏ cây lùm rừng.

煩惱大河亦復如是。能長眾生二十五有。

Phiền não Đại hà diệc phục như thị 。

năng trường chúng sanh Nhị thập ngũ hữu 。

Phiền não sông lớn cũng lại như thế, hay tăng trưởng chúng sanh Hai mươi lăm hữu.

是故菩薩觀此煩惱猶如大河。譬如有人墮大河水無有慚愧。

Thị cố Bồ Tát quán thử phiền não do như Đại hà 。

thí như hữu nhân đọa Đại hà thủy vô hữu tâm quý 。

Vì vậy Bồ-tát quán phiền não này giống như sông lớn. Thí như có người rơi xuống nước sông lớn không có hổ thẹn.

眾生亦爾。墮煩惱河無有慚愧。

chúng sanh diệc nhĩ 。

đọa phiền não hà vô hữu tâm quý 。

Chúng sanh cũng như thế, rơi vào sông phiền não không có hổ thẹn.

如墮河者未得其底即便命終。墮煩惱河亦復如是。

Như đọa hà giả vị đắc kỳ để tức tiện mạng chung 。

đọa phiền não hà diệc phục như thị 。

Như người bị rơi xuống sông chưa được đáy kia tức liền mạng chung. Rơi xuống sông phiền não cũng lại như thế.

未盡其底周迴輪轉二十五有。所言底者名為空相。

Vị tận kỳ để châu hồi luân chuyển Nhị thập ngũ hữu 。 sở ngôn để giả danh vi không tướng 。

Chưa tận đáy kia bánh xe quay tròn chuyển Hai mươi lăm hữu, chỗ nói đáy ấy gọi là không tướng.

若有不修如是空相。

Nhược hữu bất tu như thị không tướng 。

Hoặc có không tu như không tướng ấy,

當知是人不得出離二十五有。一切眾生不能善修空無相故。

đương tri thị nhân bất đắc xuất ly Nhị thập ngũ hữu 。

nhất thiết chúng sanh bất năng thiện tu không vô tướng cố 。

nên biết người đó không được ra khỏi Hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sanh không hay tu thiện Không vô tướng vậy.

常為煩惱駛河所漂。

Thường vì phiền não sử hà sở phiêu 。

Thường vì phiền não cuốn trôi vào sông.

如彼大河唯能壞身不能漂沒一切善法。煩惱大河則不如是。

như bỉ Đại hà duy năng hoại thân bất năng phiêu một nhất thiết thiện Pháp 。

phiền não Đại hà tắc bất như thị 。

Như sông lớn kia chỉ hay hoại thân không thể nhận chìm tất cả thiện pháp, sông lớn phiền não thì không như thế.

能壞一切身心善法。彼大暴河唯能漂沒欲界中人。

năng hoại nhất thiết thân tâm thiện Pháp 。

bỉ Đại bạo hà duy năng phiêu một dục giới trung nhân 。

năng hoại tất cả thân tâm thiện pháp. Sông lớn dữ kia chỉ hay nhận chìm người trong Dục giới.

煩惱大河乃能漂沒三界人天。

Phiền não Đại hà nãi năng phiêu một Tam giới nhân Thiên 。

Sông lớn phiền não mới hay nhận chìm Người Trời trong ba cõi.

世間大河手抱腳踏則到彼岸。

Thế gian Đại hà thủ bảo cước đạp tắc đáo bỉ ngạn 。

Sông lớn thế gian tay ôm chân đạp thì đến bờ kia.

煩惱大河唯有菩薩因六波羅蜜乃能得渡。如大河水難可得渡。

Phiền não Đại hà duy hữu Bồ Tát nhân lục ba la mật nãi năng đắc độ 。 như Đại hà thủy nan khả đắc độ 。

Sông lớn phiền não chỉ có Bồ-tát nhân Sáu Ba-la-mật mới hay được độ. Như nước sông lớn khó có thể vượt qua.

煩惱大河亦復如是難可得渡。云何名為難可得渡。

Phiền não Đại hà diệc phục như thị nan khả đắc độ 。 vân hà danh vi nan khả đắc độ 。

Sông lớn phiền não cũng lại như thế khó có thể vượt qua. Vì sao gọi là khó có thể vượt qua?

乃至十住諸大菩薩猶故未能畢竟得渡。

Nãi chí Thập trụ chư Đại Bồ Tát do cố vị năng tất cánh đắc độ 。

Cho đến Thập trú các Đại Bồ-tát do vậy chưa thể vượt qua rốt ráo.

唯有諸佛乃畢竟渡。是故名為難可得渡。

Duy hữu chư Phật nãi tất cánh độ 。

Chỉ có chư Phật mới rốt ráo vượt qua. Vì thế gọi là khó có thể vượt qua.

譬如有人為河所漂。不能修習毫釐善法。

Thí như hữu nhân vi hà sở phiêu 。

bất năng tu tập hào ly thiện Pháp 。

Thí như có người trôi trong dòng sông, chẳng hay tu tập chút ít thiện pháp.

眾生亦爾。為煩惱河所漂沒者。

Chúng sanh diệc nhĩ 。

vi phiền não hà sở phiêu một giả 。

Chúng sanh cũng như thế! Vì sông phiền não nhận chìm ở trong đó.

亦復不能修習善法。如人墮河為水所漂。餘有力者則能拔濟。

Diệc phục bất năng tu tập thiện Pháp 。

như nhân đọa hà vi thủy sở phiêu 。

dư hữu lực giả tắc năng bạt tế 。

Lại cũng chẳng hay tu tập thiện pháp, như người rơi xuống dòng sông bị nước cuốn trôi, người có sức ấy thì hay cứu giúp.

墮煩惱河為一闡提。

đọa phiền não hà vi Nhất xiển đề 。

rơi vào sông phiền não làm Nhất-xiển-đề.

聲聞緣覺乃至諸佛不能拔濟。

Thanh văn Duyên giác nãi chí chư Phật bất năng bạt tế 。

Thanh văn Duyên giác cho đến chư Phật không thể cứu giúp.

世間大河劫盡之時七日並照能令枯涸。煩惱大河則不如是。

Thế gian đại hà kiếp tận chi thì thất nhật tịnh chiếu năng linh khô hạc 。 phiền não Đại hà tắc bất như thị 。

Sông lớn thế gian khi kiếp tận bảy ngày đều chiếu hay khiến khô héo. Sông lớn phiền não thì chẳng như thế.

聲聞緣覺雖修七覺猶不能乾。

Thanh văn Duyên giác tuy tu Thất giác do bất năng kiên 。

Thanh văn Duyên giác tuy tu Thất giác còn chưa thể khô.

是故菩薩觀諸煩惱猶如暴河。

thị cố Bồ Tát quán chư phiền não do như bạo hà 。

Vì vậy Bồ-tát quán các phiền não giống như sông lớn.

譬如彼人畏四毒蛇五旃陀羅。

Thí như bĩ nhân úy tứ độc xà ngũ Chiên đà la 。

Thí như người kia sợ bốn loại rắn độc năm Chiên-đà-la.

詐親善及六大賊。捨空聚落隨路而去。

trá thân thiện cập lục Đại tặc 。

giả bộ thân thiện cùng sáu thứ giặc lớn, bỏ tụ lạc trống không theo đường mà đi.

既至河上取草為棧者。菩薩亦爾。

Ký chí hà thượng thủ thảo vi phiệt giả 。

Đã đến trên sông lấy cỏ làm bè, Bồ-tát cũng như thế.

畏四大蛇五陰旃陀羅愛詐親善六入空聚六塵惡賊至煩惱河。

Úy tứ Đại xà ngũ uẩn Chiên đà la ái trá thân thiện lục nhập không tụ lục trần ác tặc chí phiền não hà 。

Sợ bốn rắn lớn năm ấm Chiên-đà-la thương yêu giả bộ thân thiện Lục nhập không tụ giặc ác sáu trần cho đến sông phiền não.

修戒定慧解脫解脫知見六波羅蜜三十七品以為船

Tu Giới Định Tuệ Giải-thoát Giải-thoát-tri-kiến Lục-ba-la-mật Tam thập thất phẩm dĩ vi thuyền

Tu Giới Định Tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, Sáu Ba-la-mật, Ba mươi bảy phẩm trợ đạo dùng làm thuyền bè.

棧。依乘此棧渡煩惱河到於彼岸常樂涅槃。

phiệt。y thừa thữ phiệt độ phiền não hà đáo ư bỉ ngạn thường lạc Niết-bàn 。

Nương thuyền bè này vượt qua sông phiền não đến bờ bên kia Niết-bàn thường lạc.

菩薩修行大涅槃者作是思惟。

Bồ Tát tu hành Đại Niết-bàn giả tác thị tư duy 。

Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn ấy khởi suy nghĩ đó.

我若不能忍受如是身苦心苦。

Ngã nhược bất năng nhẫn thọ như thị thân khổ tâm khổ 。

Ta nếu không thể nhẫn thọ thân khổ tâm khổ như thế,

則不能令一切眾生渡煩惱河。

tắc bất năng linh nhất thiết chúng sanh độ phiền não hà 。

thì chẳng hay khiến tất cả chúng sanh vượt qua sông phiền não.

以是思惟雖有如是身心苦惱默然忍受。以忍受故則不生漏。如是菩薩尚無諸漏。

Dĩ thị tư duy tuy hữu như thị thân tâm khổ não mặc nhiên nhẫn thọ 。

dĩ nhẫn thọ cố tắc bất sanh lậu 。

như thị Bồ Tát thượng vô chư lậu 。

Do suy nghĩ như thế tuy có thân tâm khổ não mặc nhiên nhẫn thọ như thế, nhờ nhẫn thọ vậy thì không sanh hữu lậu, Bồ-tát còn không có các hữu lậu như thế,

況佛如來而當有漏。是故諸佛不名有漏。

huống Phật như lai nhi đương hữu lậu 。

thị cố chư Phật bất danh hữu lậu 。

huống Phật Như Lai mà sẽ có hữu lậu? Vì thế chư Phật không gọi là hữu lậu.

云何如來非無漏也。如來常行有漏中故。

Vân hà Như Lai phi vô lậu dã 。

Như Lai thường hành hữu lậu trung cố 。

Vì sao Như Lai chẳng không phải hữu lậu vậy? Như Lai thường hành trong hữu lậu vậy.

有漏即是二十五有。

Hữu lậu tức thị nhị thập ngũ hữu 。

Hữu lậu tức là Hai mươi lăm hữu.

是故聲聞凡夫之人言佛有漏。諸佛如來真實無漏。善男子。

Thị cố thanh văn phàm phu chi nhân ngôn Phật hữu lậu 。

chư Phật như lai chân thật vô lậu 。

Thiện nam tử 。

Vì thế Thanh văn, người phàm phu nói Phật hữu lậu. Chư Phật Như Lai chân thật vô lậu.

Thiện nam tử!

以是因緣諸佛如來無有定相。善男子。

Dĩ thị nhân duyên chư Phật như lai vô hữu định tướng 。 Thiện nam tử 。

Vì lý do đó chư Phật Như Lai không có định tướng. Thiện nam tử!

是故犯四重禁謗方等經及一闍提悉皆不定。

Thị cố phạm tứ trọng cấm báng phương đẳng Kinh cập nhất xiển đề tất giai bất định 。

Thế nên phạm bốn giới trọng phỉ báng Kinh Phương đẳng cùng Nhứt-xiển-đề tất cả đều bất định.

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。

Nhĩ thì quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ Tát Ma-Ha tát ngôn 。

Lúc bấy giờ Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Đại Bồ-tát nói rằng:

如是如是誠如聖教。一切諸法皆悉不定。

Như thị như thị thành như Thánh giáo 。

Như thế như thế thật như lời dạy của bậc Thánh! Tất cả các pháp thầy đều bất định.

以不定故當知如來亦不畢竟入於涅槃。

Dĩ bất định cố đương tri Như Lai diệc bất tất cánh nhập ư Niết-bàn 。

Do bất định nên sẽ biết Như Lai cũng chẳng rốt ráo vào ở Niết-bàn.

如佛先說菩薩摩訶薩修大涅槃。

Như Phật tiên thuyết Bồ Tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-bàn 。

Như Phật trước nói Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn.

聞不聞中有涅槃大涅槃。云何涅槃云何大涅槃。

Văn bất văn trung hữu Niết-bàn Đại Niết-bàn 。

Nghe trong chẳng nghe có Niết-bàn, Đại Niết-bàn. Vì sao Niết-bàn vì sao Đại Niết-bàn?

爾時佛讚光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩

Nhĩ thì Phật tán quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ Tát Ma-Ha tát

Lúc bấy giờ đức Phật khen Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Đại Bồ-tát rằng:

言。善哉善哉。善男子。若有菩薩得念總持。

ngôn 。

Lành thay lành thay! Thiện nam tử! Nếu có Bồ-tát được niệm tổng trì,

乃能如汝之所諮問。善男子。

nãi năng như nhữ chi sở ti vấn 。

mới hay như chỗ tư vấn của ông. Thiện nam tử!

如世人言有海大海有河大河有山大山有地大地有城大城。

Như thế nhân ngôn hữu hải Đại hải hữu hà Đại hà hữu sơn Đại sơn hữu địa Đại địa hữu thành Đại thành 。

Như người đời nói có biển biển lớn, có sông sông lớn, có núi núi lớn, có đất đất rộng, có thành thành lớn,

有眾生大眾生有王大王有人大人有天天

hữu chúng sanh Đại chúng sanh hữu Vương Đại Vương hữu nhân Đại nhân hữu Thiên Thiên

có chúng sanh chúng sanh lớn, có Vua Vua lớn, có người người lớn, có Thiên Thiên 中天有道大道。涅槃亦爾有涅槃有大涅槃。

Trung Thiên hữu đạo Đại đạo 。

Niết-bàn diệt nhĩ hữu Niết-bàn hữu Đại Niết-bàn 。

Trung Thiên, có đạo đạo lớn, Niết-bàn cũng như thế có Niết-bàn có Đại Niết-bàn。

云何涅槃。善男子。

Vân hà Niết-bàn 。

Thiện nam tử 。

Thế nào Niết-bàn? Thiện nam tử!
如人飢餓得少飯食名為安樂。如是安樂亦名涅槃。

Như nhân cơ nga đắc thiểu phạn thực danh vi an lạc 。

Như thị an lạc diệt danh Niết-bàn 。

Như người đói khát được ít thức ăn gọi là an lạc, an lạc như thế cũng gọi Niết-bàn。

如病得差則名安樂。如是安樂亦名涅槃。

Như bệnh đắc sai tắc danh an lạc 。

Như thị an lạc diệt danh Niết-bàn 。

Như bệnh được lành cũng gọi an lạc, an lạc như thế cũng gọi Niết-bàn。

如人怖畏得歸依處則得安樂。如是安樂亦名涅槃。

Như nhân bố úy đắc quy y xứ tắc đắc an lạc 。

Như thị an lạc diệt danh Niết-bàn 。

Như người sợ hãi được chỗ nương tựa thì được an lạc, an lạc như thế cũng gọi Niết-bàn。

如貧窮人獲七寶物則得安樂。如是安樂亦名涅槃。

Như nhân quán cốt bất khởi tham dục tắc đắc an lạc 。

Như người nhìn thấy đồng xương chẳng khởi tham muốn thì được an lạc,
如是安樂亦名涅槃。如是涅槃不得名為大涅槃也。何以故。

như thị an lạc diệc danh Niết-bàn 。 như thị Niết-bàn bất đắc danh vi Đại Niết-bàn dã 。 hà dĩ cố 。

an lạc như thế cũng gọi Niết-bàn. Niết-bàn như thế không được gọi là Đại Niết-bàn vậy. Vì sao vậy?

以飢渴故病故怖故貧故生貪著故。

Dĩ cơ khát cố bệnh cố phở cố bần cố sanh tham trước cố 。

Vi đói khát nên bệnh nên sợ nên tham nên sanh tham đắm vậy.

是名涅槃非大涅槃。善男子。若凡夫人及以聲聞。

Thị danh Niết-bàn phi Đại Niết-bàn 。 Thiện nam tử 。 nhược phàm phu nhân cập dĩ Thanh văn 。

Là gọi Niết-bàn chẳng phải Đại Niết-bàn. Hoặc người phàm phu cùng do Thanh văn
或因世俗或因聖道。斷欲界結則得安樂。

hoặc nhân thế tục hoặc nhân Thánh đạo 。 đoạn dục giới kết tắc đắc an lạc 。

hoặc nhân thế tục hoặc nhân Thánh đạo. Chấm dứt sự ràng buộc ở cõi Dục giới thì được an lạc.

如是安樂亦名涅槃。不得名為大涅槃也。

như thị an lạc diệc danh Niết-bàn 。 bất đắc danh vi Đại Niết-bàn dã 。

an lạc như thế cũng gọi Niết-bàn, không được gọi là Đại Niết-bàn vậy.

能斷初禪乃至能斷非想非非想處結則得安樂。

Năng đoạn sơ Thiền nãi chí năng đoạn phi tưởng phi phi tưởng xứ kết tắc đắc an lạc 。

Năng đoạn cõi Sơ thiền cho đến năng đoạn sự ràng buộc ở cõi Phi tưởng Phi phi tưởng xứ thì được an lạc.

如是安樂亦名涅槃。不得名為大涅槃也。

như thị an lạc diệc danh Niết-bàn 。 bất đắc danh vi Đại Niết-bàn dã 。

an lạc như thế cũng gọi Niết-bàn. Không được gọi là Đại Niết-bàn vậy.

何以故。還生煩惱有習氣故。云何名為煩惱習氣。

Hà dĩ cố 。

Vi sao vậy? Trở lại sanh phiền não có tập khí vậy. Vì sao gọi là tập khí phiền não?

聲聞緣覺有煩惱氣。

Thanh văn Duyên giác hữu phiền não khí 。

Thanh văn Duyên giác có tập khí phiền não.

所謂我身我衣我去我來我說我聽。諸佛如來入於涅槃。

Sở vị ngã thân ngã y ngã khứ ngã lai ngã thuyết ngã thính 。

chư Phật như lai nhập ư Niết-bàn 。

Chỗ gọi là thân ta áo ta, ta đi ta đến ta nói ta nghe. Chư Phật Như Lai nhập vào Niết-bàn. 涅槃之性無我無樂唯有常淨。是則名為煩惱習氣。

Niết-bàn chi tánh vô ngã vô lạc duy hữu thường tịnh 。

thị tắc danh vi phiền não tập khí 。

Tánh của Niết-bàn không ngã không lạc chỉ có thường tịnh. Chính thì gọi là tập khí phiền não.

佛法眾僧有差別相。如來畢竟入於涅槃。

Phật Pháp chúng tăng hữu sai biệt tướng 。

Như Lai tất cánh nhập ư Niết-bàn 。

Phật Pháp chúng Tăng có tướng sai khác, Như Lai rốt ráo vào ở Niết-bàn.

聲聞緣覺諸佛如來所得涅槃等無差別。

Thanh văn Duyên giác chư Phật như lai sở đắc Niết-bàn đẳng vô sai biệt 。

Thanh văn Duyên giác chư Phật Như Lai chỗ được Niết-bàn v.v.. không sai khác.

以是義故二乘所得非大涅槃。何以故。

Dĩ thị nghĩa cố nhị thừa sở đắc phi Đại Niết-bàn 。

hà dĩ cố 。

Do nghĩa đó vậy nên chỗ sở đắc của hàng Nhị thừa chẳng phải Đại Niết-bàn vì sao vậy?

無常樂我淨故。常樂我淨乃得名為大涅槃也。善男子。

vô thường lạc ngã tịnh cố 。

Thường Lạc Ngã Tịnh nãi đắc danh vi Đại Niết-bàn dã 。

Thiện nam tử 。

Vô thường Lạc Ngã Tịnh vậy. Thường Lạc Ngã Tịnh mới được gọi là Đại Niết-bàn Vậy.

Thiện nam tử!

譬如有處能受眾水名為大海。

Thí như hữu xử năng thọ chúng thủy danh vi Đại hải 。

Thí như có chỗ hay đựng nhiều nước gọi là biển lớn.

隨有聲聞緣覺菩薩。諸佛如來所入之處名大涅槃。

Tùy hữu Thanh văn duyên giác Bồ Tát 。

chư Phật như lai sở nhập chi xứ danh Đại Niết-bàn 。

Tùy có Thanh văn Duyên giác Bồ-tát, chư Phật Như Lai chỗ của sở nhập gọi Đại Niết-bàn.

四禪三三昧八背捨八勝處十一切處。

Tứ Thiên tam tam muội bát bối xả bát thắng xứ thập nhất thiết xứ。

Tứ thiên Tam tam muội bát bối xả, bát thắng xứ, Thập nhứt thiết xứ,
隨能攝取如是無量諸善法者名大涅槃。

tùy năng nhiếp thủ như thị vô lượng chư thiện Pháp giả danh Đại Niết-bàn 。

tùy hay nhiếp thủ như thế vô lượng pháp ấy gọi Đại Niết-bàn.

善男子。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử!

譬如有河第一香象不能得底則名為大。聲聞緣覺至十住菩薩不見佛性。

Thí như hữu hà đệ nhất hương tượng bất năng đắc để tặc danh vi Đại 。

Thanh văn Duyên giác chí thập trụ Bồ Tát bất kiến Phật tánh 。

Thí như có sông hương tượng thứ nhứt không thể xuống được đáy thì gọi là đại. Thanh văn, Duyên giác cho đến Thập trụ Bồ-tát không thấy Phật tánh.

名為涅槃非大涅槃。若能了了見於佛性。

danh vi Niết-bàn phi Đại Niết-bàn 。

nhược năng liễu liễu kiến ư Phật tánh 。

gọi là Niết-bàn chẳng phải Đại Niết-bàn. Nếu hay hiểu rõ thấy ở Phật tánh,

則得名為大涅槃也。是大涅槃唯大象王能盡其底。

tắc đắc danh vi Đại Niết-bàn dã 。

thị Đại Niết-bàn duy Đại Tượng Vương năng tận kỳ để

。

thì được gọi là Đại Niết-bàn vậy. Là Đại Niết-bàn chỉ Đại tượng vương có thể biết hết ở dưới đáy kia.

大象王者謂諸佛也。善男子。

Đại Tượng Vương giả vị chư Phật dã 。

Thiện nam tử 。

Đại tượng vương ấy bảo là chư Phật vậy. Thiện nam tử!

若摩訶那伽及鉢撻陀。大力士等經歷多時所不能上。

Nhược Ma-Ha na dà cập bát kiền đà 。

Đại lực sĩ đẳng Kinh lịch đa thì sở bất năng thượng

。

Hoặc Ma-ha-na-dà cùng Bát-kiền-đà, đại lực sĩ v.v.. trải qua nhiều thì chỗ không thể lên,
乃名大山。

nãi danh Đại sơn 。

bèn gọi đại sơn.

聲聞緣覺及諸菩薩摩訶那伽大力士等所不能見。如是乃名大涅槃也。

Thanh văn Duyên giác cập chư Bồ Tát Ma-Ha na dà Đại lực sĩ đẳng sở bất năng kiến 。
như thị nãi danh Đại Niết-bàn dã 。

Thanh văn Duyên giác cùng các Bồ-tát Ma-ha-na-dà đại lực sĩ v.v.. chỗ không thể thấy,
như thế mới gọi Đại Niết-bàn vậy.

復次善男子。隨有小王之所住處名為小城。

Phục thứ thiện nam tử 。

Tùy hữu Tiểu Vương chi sở trụ xứ danh vi tiểu thành 。

Lại nữa thiện nam tử! Tuy có chỗ trú xứ của tiểu Vương gọi là thành nhỏ.

轉輪聖王所住之處乃名大城。

Chuyển luân Thánh Vương sở trụ chi xứ nãi danh Đại thành 。

Chỗ trú xứ của Chuyển Luân Thánh Vương mới gọi là thành lớn.

聲聞緣覺八萬六萬四萬二萬一萬住處名為涅槃。

Thanh văn Duyên giác bát vạn lục vạn tứ vạn nhị vạn nhất vạn trú xứ danh vi Niết-bàn 。

Thanh văn, Duyên giác tám vạn sáu vạn bốn vạn hai vạn một vạn trú xứ gọi là Niết-bàn.

無上法主聖王住處乃得名為大般涅槃。

Vô thượng Pháp chủ Thánh Vương trụ xứ nãi đắc danh vi Đại bát Niết-bàn 。

Vô thượng Pháp chủ trú xứ Thánh Vương mới được gọi là Đại Bát-niết-bàn.

以是故名大般涅槃。善男子。譬如有人見四種兵不生怖畏。

Dĩ thị cố danh Đại bát Niết-bàn 。

Thiện nam tử 。

thí như hữu nhân kiến tứ chủng binh bất
sinh bố úy 。

Vì thế nên gọi Đại bát Niết-bàn. Thiện nam tử! Thí như có người thấy bốn thứ binh không
sinh sợ hãi,

當知是人名大眾生。

đương tri thị nhân danh Đại chúng sanh 。

nên biết người đó gọi Đại chúng sanh.

若有眾生於三惡道煩惱惡業不生怖畏。而能於中廣度眾生。

Nhược hữu chúng sanh ư tam ác đạo phiền não ác nghiệp bất sinh bố úy 。

nhi năng ư
trung quảng độ chúng sanh 。

Hoặc có chúng sanh ở trong ba đường ác, ác nghiệp phiền não không sinh sợ hãi, mà
hay ở trong đó rộng độ chúng sanh.

當知是人得大涅槃。

đương tri thị nhân đắc Đại Niết-bàn 。

nên biết người đó được Đại Niết-bàn.

若有人能供養父母恭敬沙門及婆羅門。修治善法所言誠實無有欺誑。

Nhược hữu nhân năng cúng dường phụ mẫu cung kính Sa Môn cập Bà-la-môn 。

tu trì thiện Pháp sở ngôn thành thật vô hữu khi cuống 。

Hoặc có người hay cúng dường cha mẹ cung kính Sa-môn và Bà-la-môn, tu trì thiện pháp chỗ nói thành thật không có hư dối.

能忍諸惡惠施貧乏名大丈夫。

năng nhẫn chư ác huệ thí bần phạp danh Đại trượng phu 。

hay nhẫn các ác bố thí người nghèo gọi Đại trượng phu.

菩薩亦爾有大慈悲憐愍一切。於諸眾生猶如父母。

Bồ Tát diệc nhĩ hữu Đại từ bi liên mẫn nhất thiết 。

ư chư chúng sanh do như phụ mẫu 。

Bồ-tát cũng như thế có từ bi rộng lớn thương xót tất cả, đối các chúng sanh giống như cha mẹ.

能度眾生於生死河。普示眾生一實之道。

Năng độ chúng sanh ư sanh tử hà 。

phổ kì chúng sanh nhất thật chi đạo 。

Năng độ chúng sanh ở sông sanh tử, khắp chỉ bày chúng sanh đạo của nhưt thật.

是則名為大般涅槃。善男子。大名不可思議。

Thị tắc danh vi Đại bát Niết-bàn 。

Thiện nam tử 。

Đại danh bất khả tư nghị 。

Đó thì gọi là Đại-bát Niết-bàn. Thiện nam tử! Đại gọi là không thể nghĩ nghĩ.

若不可思議一切眾生所不能信。是則名為大般涅槃。

nhược bất khả tư nghị nhất thiết chúng sanh sở bất năng tín 。

thị tắc danh vi Đại bát Niết-bàn 。

Hoặc không thể nghĩ nghĩ tất cả chúng sanh chỗ không thể tin, đó thì gọi là Đại-bát Niết-bàn.

唯佛菩薩之所見故名大涅槃。

Duy Phật Bồ Tát chi sở kiến cố danh Đại Niết-bàn 。

Chỉ có chỗ thấy của Phật Bồ-tát nên gọi Đại Niết-bàn.

以何因緣復名為大。以無量因緣然後乃得故名為大。

Dĩ hà nhân duyên phục danh vi Đại 。 dĩ vô lượng nhân duyên nhiên hậu nãi đắc cố danh vi Đại 。

Vì lý do gì lại gọi là Đại? Vì vô lượng nhân duyên song sau mới được nên gọi là Đại.
善男子。如世間人以多因緣之所得者。

Thiện nam tử 。 Như thế gian nhân dĩ đa nhân duyên chi sở đắc giả 。

Thiện nam tử! Như người thế gian vì nhiều sở đắc của nhân duyên ấy,
則名為大。涅槃亦爾以多因緣之所得故。故名為大。

tắc danh vi Đại。 Niết-bàn diệc nhĩ dĩ đa nhân duyên chi sở đắc cố。 cố danh vi Đại。

thì gọi là Đại. Niết-bàn cũng như thế vì chỗ sở đắc của nhiều nhân duyên, nên gọi là Đại.
云何復名為大涅槃。有大我故名大涅槃。

Vân hà phục danh vi Đại Niết-bàn 。 hữu Đại ngã cố danh Đại Niết-bàn 。

Vì sao lại gọi là Đại Niết-bàn? Vì có Đại ngã nên gọi là Đại Niết-bàn.

涅槃無我大自在故名為大我。

Niết-bàn vô ngã Đại tự tại cố danh vi Đại ngã 。

Niết-bàn vô ngã Đại tự tại nên gọi là Đại ngã.

云何名為大自在耶。有八自在則名為我。何等為八。

Vân hà danh vi Đại tự tại da 。 hữu bát tự tại tắc danh vi ngã 。 hà đẳng vi bát 。

Vì sao gọi là Đại tự tại ư? Có tám tự tại thì gọi là ngã. Thế nào là tám?

一者能示一身以為多身。

Nhất giả năng kì nhất thân dĩ vi đa thân 。

Một là hay chỉ bày một thân dùng làm nhiều thân.

身數大小猶如微塵充滿十方無量世界。如來之身實非微塵。

Thân số Đại tiểu do như vi trần sung mãn thập phương vô lượng thế giới 。 Như Lai chi thân thật phi vi trần 。

Số thân lớn nhỏ giống như vi trần đầy đủ mười phương vô lượng thế giới. Thân của Như Lai thật chẳng vi trần.

以自在故現微塵身。如是自在則為大我。

Dĩ tự tại cố hiện vi trần thân 。 như thị tự tại tắc vi Đại ngã 。

Do tự tại nên hiện thân vi trần, tự tại như thế thì là Đại ngã.

二者示一塵身滿於三千大千世界。

Nhị giả kì nhất trần thân mãn ư tam Thiên Đại Thiên thế giới 。

Hai là một trần thân đầy khắp cả Tam thiên Đại thiên thế giới.

如來之身實不滿於三千大千世界。何以故。

Như Lai chi thân thật bất mãn ư Tam Thiên Đại Thiên thế giới 。 hà dĩ cố 。

Thân của Như Lai thật chẳng đầy cả Tam thiên Đại thiên thế giới, vì sao vậy?

以無礙故。直以自在故。滿於三千大千世界。

Dĩ vô ngại cố 。

trực dĩ tự tại cố 。

mãn ư Tam Thiên Đại Thiên thế giới 。

Vì vô ngại vậy. thẳng do tự tại vậy, đầy cả Tam thiên Đại thiên thế giới,

如是自在名為大我。

như thị tự tại danh vi Đại ngã 。

tự tại như thế gọi là Đại ngã.

三者能以滿此三千大千世界之身輕舉飛空。

Tam giả năng dĩ mãn thử Tam Thiên Đại Thiên thế giới chi thân khinh cử phi không

Ba là năng khiến thân đầy đủ của Tam thiên Đại thiên thế giới, nhẹ nhàng bay lên hư

không, quá ư nhị thập hăng hà sa đẵng chư Phật thế giới nhi Vô chương ngại 。

Như Lai chi thân thật vô khinh trọng 。

vượt quá Hai mươi hăng hà sav.v.. chư Phật thế giới mà không chương ngại. Thân của

Như Lai thật không nhẹ nặng.

以自在故能為輕重。如是自在名為大我。

Dĩ tự tại cố năng vi khinh trọng 。

như thị tự tại danh vi Đại ngã 。

Do tự tại nên hay làm nhẹ nặng, tự tại như thế gọi là Đại ngã.

四者以自在故而得自在。云何自在。

Tứ giả dĩ tự tại cố nhi đắc tự tại 。

Vân hà tự tại 。

Bốn là do tự tại vậy mà được tự tại. Tự tại thế nào?

如來一心安住不動。所可示化無量形類各令有心。

Như Lai nhất tâm an trú bất động 。

sở khả kì hóa vô lượng hình loại các linh hữu tâm 。

Như Lai nhứt tâm an trú bất động, chỗ có thể hoá hiện vô lượng hình loại đều khiến có tâm.

如來有時或造一事。而令眾生各各成辦。

Như Lai hữu thì hoặc tạo nhất sự 。

Như Lai có khi hoặc làm một việc, mà khiến chúng sanh mỗi mỗi thành tựu.
如來之身常住一土。而令他土一切悉見。

Như Lai chi thân thường trụ nhất độ。nhi linh tha độ nhất thiết tất kiến。
Thân của Như Lai thường ở một cõi, mà khiến cõi khác đều thấy tất cả。
如是自在名為大我。

Như thị tự tại danh vi Đại ngã。

Tự tại như thế gọi là Đại ngã。

五者根自在故。云何名為根自在耶。

Ngũ giả căn tự tại cố。Vân hà danh vi căn tự tại da。

Năm là căn tự tại vậy。Vi sao gọi là căn tự tại ư?

如來一根亦能見色聞聲嗅香別味覺觸知法。

Như Lai nhất căn diệc năng kiến sắc văn thanh khứu hương biệt vị giác xúc tri Pháp。

Như Lai một căn cũng hay thấy sắc nghe tiếng ngửi hương phân biệt mùi vị biết xúc tri pháp。

如來六根亦不見色聞聲嗅香別味覺觸知法。

Như Lai lục căn diệc bất kiến sắc văn thanh khứu hương biệt vị giác xúc tri Pháp

Sáu căn Như Lai cũng chẳng thấy sắc nghe tiếng ngửi hương phân biệt mùi vị biết xúc tri pháp。

以自在故令根自在。

dĩ tự tại cố linh căn tự tại。

vì tự tại vậy khiến căn tự tại

如是自在名為大我六者以自在故得一切法。

Như thị tự tại danh vi Đại ngã lục giả dĩ tự tại cố đắc nhất thiết Pháp。

Tự tại như thế gọi là Đại ngã。Sáu là tự tại nên được tất cả pháp。

如來之心亦無得想。何以故。無所得故。若是有者可名為得。

Như Lai chi tâm diệc vô đắc tưởng。hà dĩ cố。vô sở đắc cố。nhược thị hữu giả khả danh vi đắc。

Tâm của Như Lai cũng chẳng được nghĩ vì sao vậy? Vô sở ngại vậy。Hoặc là có ấy có thể gọi là đắc。

實無所有云何名得。若使如來計有得想。

Thật vô sở hữu vân hà danh đắc。Nhược sử Như Lai kế hữu đắc tưởng。

Thật chẳng chỗ có làm sao gọi là đắc? Hoặc khiến Như Lai chấp có đắc tưởng.

是則諸佛不得涅槃。以無得故名得涅槃。

Thị tác chư Phật bất đắc Niết-bàn 。 dĩ vô đắc cố danh đắc Niết-bàn 。

Vậy thì Như Lai chẳng được Niết-bàn. Vì không được nên gọi được Niết-bàn.

以自在故得一切法。得諸法故名為大我。

Dĩ tự tại cố đắc nhất thiết Pháp 。 đắc chư Pháp cố danh vi Đại ngã 。

Nhờ tự tại nên được tất cả Pháp, được các pháp nên gọi là Đại ngã.

七者說自在故。如來演說一偈之義。

Thất giả thuyết tự tại cố 。 Như Lai diễn thuyết nhất kệ chi nghĩa 。

Bây là nói tự tại vậy, Như Lai diễn nói nghĩa của một bài kệ.

經無量劫義亦不盡。所謂若戒若定若施若慧。

Kinh vô lượng kiếp nghĩa diệc bất tận 。 sở vị nhược giới nhược định nhược thí nhược tuệ

。

Trải qua vô lượng kiếp nghĩa cũng không hết. Chỗ gọi hoặc giới hoặc định hoặc thí hoặc tuệ.

如來爾時都不生念我說彼聽。

Như Lai nhĩ thì đô bất sanh niệm ngã thuyết bỉ thính 。

Như Lai lúc bấy giờ đều không sanh ý niệm Ta nói kia nghe.

亦復不生一偈之想。世間之人以四句為偈。

Diệc phục bất sanh nhất kệ chi tưởng 。

Cũng lại chẳng sanh tưởng của một bài kệ. Người của thế gian dùng bốn câu làm một bài kệ.

隨世俗故說名為偈。一切法性亦無有說。以自在故如來演說。

Tùy thế tục cố thuyết danh vi kệ 。

nhất thiết Pháp tánh diệc vô hữu thuyết 。

dĩ tự tại cố Như Lai diễn thuyết 。

Tuỳ theo thế tục nên nói gọi là kệ. Tất cả pháp tánh cũng chẳng có nói. Vì tự tại nên Như Lai diễn nói.

以演說故名為大我。

Dĩ diễn thuyết cố danh vi Đại ngã 。

Do diễn nói nên gọi là Đại ngã.

八者如來遍滿一切諸處猶如虛空。

Bát giả Như Lai biến mãn nhất thiết chư xử do như hư không 。
 Tám là Như Lai nhìn khắp tất cả các chỗ giống như hư không.
 虛空之性不可得見。如來亦爾實不可見。
 Hư không chi tánh bất khả đắc kiến 。 Như Lai diệc nhĩ thật bất khả kiến 。
 Tánh của hư không không thể thấy được. Như Lai cũng như thế thật không thể thấy.
 以自在故令一切見。如是自在名為大我。
 Dĩ tự tại cố lệnh nhất thiết kiến 。 như thị tự tại danh vi Đại ngã 。
 Vì tự tại nên khiến thấy tất cả, tự tại như thế gọi là Đại ngã.
 如是大我名大涅槃。以是義故名大涅槃。
 Như thị Đại ngã danh Đại Niết-bàn 。 dĩ thị nghĩa cố danh Đại Niết-bàn 。
 Đại ngã như thế gọi Đại Niết-bàn, do nghĩa đó vậy gọi Đại Niết-bàn.
 復次善男子。
 phục thứ thiện nam tử 。
 Lại nữa thiện nam tử!
 譬如寶藏多諸珍異百種具足故名大藏。諸佛如來甚深奧藏亦復如是。
 Thí như bảo tạng đa chư trân dị bách chủng cụ túc cố danh Đại tạng 。 chư Phật như lai
 thậm thâm áo tạng diệc phục như thị 。
 Thí như kho báu nhiều thứ sai khác đầy đủ trăm thứ nên gọi Đại tạng. Chư Phật Như Lai
 áo tạng thậm thâm cũng lại như thế.
 多諸奇異具足無缺名大涅槃。復次善男子。
 Đa chư kì dị cụ túc vô khuyết danh Đại Niết-bàn 。 Phục thứ thiện nam tử 。
 Nhiều thứ khác lạ đầy đủ không thiếu gọi Đại Niết-bàn. Lại nữa thiện nam tử!
 無邊之物乃名為大。涅槃無邊是故名大。
 Vô biên chi vật nãi danh vi Đại 。 Niết-bàn vô biên thị cố danh Đại 。
 Vật của vô biên mới gọi là Đại. Niết-bàn vô biên vì vậy gọi Đại.
 復次善男子。有大樂故名大涅槃。
 phục thứ thiện nam tử 。 hữu Đại lạc cố danh Đại Niết-bàn 。
 Lại nữa thiện nam tử! Có Đại lạc nên gọi Đại Niết-bàn.
 涅槃無樂以四樂故名大涅槃。何等為四。
 Niết-bàn vô lạc dĩ tứ lạc cố danh Đại Niết-bàn 。 Hà đẳng vi tứ 。
 Niết-bàn vô lạc do bốn lạc nên gọi Đại Niết-bàn. Thế nào là bốn?

一者斷諸樂故。不斷樂者則名為苦。若有苦者不名大樂。

Nhất giả đoạn chư lạc cố 。 bất đoạn lạc giả tắc danh vi khổ 。 nhược hữu khổ giả bất danh Đại lạc 。

Một là đoạn các lạc vậy, không đoạn lạc ấy thì gọi là khổ. Hoặc có khổ ấy không gọi là đại lạc.

以斷樂故則無有苦。無苦無樂乃名大樂。

dĩ đoạn lạc cố tắc vô hữu khổ 。 vô khổ vô lạc nãi danh Đại lạc 。

vì đoạn lạc vậy thì không có khổ, không khổ không lạc mới gọi Đại lạc.

涅槃之性無苦無樂。是故涅槃名為大樂。

Niết-bàn chi tánh vô khổ vô lạc 。 thị cố Niết-bàn danh vi Đại lạc 。

Tánh của Niết-bàn không khổ không lạc, vì thế Niết-bàn gọi là Đại lạc.

以是義故名大涅槃。復次善男子。樂有二種。

Dĩ thị nghĩa cố danh Đại Niết-bàn 。 Phục thứ thiện nam tử 。 lạc hữu nhị chủng 。

Do nghĩa đó nên gọi Đại Niết-bàn. Lại nữa thiện nam tử! Lạc có hai thứ.

一者凡夫。二者諸佛。

nhất giả phàm phu 。 nhị giả chư Phật 。

Một là phàm phu. Hai là chư Phật.

凡夫之樂無常敗壞是故無樂。諸佛常樂無有變異故名大樂。

Phàm phu chi lạc vô thường bại hoại thị cố vô lạc 。 chư Phật thường lạc vô hữu biến dị cố danh Đại lạc 。

Vui của phàm phu hư hỏng vô thường vì thế không vui. Thường lạc của chư Phật không có đổi khác nên gọi Đại lạc.

復次善男子。有三種受。一者苦受。二者樂受。

Phục thứ thiện nam tử 。 hữu tam chủng thọ 。 nhất giả khổ thọ 。 nhị giả lạc thọ 。

Lại nữa thiện nam tử! Có ba thứ thọ: Một là Khổ thọ, hai là Lạc thọ,

三者不苦不樂受。不苦不樂是亦為苦。

Tam giả bất khổ bất lạc thọ 。 bất khổ bất lạc thị diệc vi khổ 。

Ba là không khổ không lạc thọ. Không khổ không lạc chính cũng là khổ.

涅槃雖同不苦不樂。然名大樂。

Niết-bàn tuy đồng bất khổ bất lạc 。 nhiên danh Đại lạc 。

Niết-bàn tuy đồng không khổ không lạc, nhưng gọi Đại lạc.

以大樂故名大涅槃二者大寂靜故名為大樂。

Dĩ Đại lạc cố danh Đại Niết-bàn. nhị giả Đại tịch tĩnh cố danh vi Đại lạc 。

Do Đại lạc nên gọi Đại Niết-bàn. Hai là Đại tịch tĩnh nên gọi là Đại lạc.

涅槃之性是大寂靜。何以故。遠離一切憤鬧法故。

Niết-bàn chi tánh thị Đại tịch tĩnh 。

Tánh của Niết-bàn là Đại tịch tĩnh, vì sao vậy? Xa lìa tất cả ồn ào giận dữ vậy.

以大寂故名大涅槃。

dĩ Đại tịch cố danh Đại Niết-bàn 。

Do Đại tịch nên gọi Đại Niết-bàn.

三者一切知故名為大樂。

Tam giả nhất thiết tri cố danh vi Đại lạc 。

Ba là biết tất cả nên gọi là Đại lạc.

非一切知不名大樂。諸佛如來一切知故名為大樂。

Phi nhất thiết tri bất danh Đại lạc 。

Chẳng phải biết tất cả không gọi là Đại lạc. Chư Phật Như Lai biết tất cả nên gọi là Đại lạc.

以大樂故名大涅槃。

Dĩ Đại lạc cố danh Đại Niết-bàn 。

Do Đại lạc nên gọi Đại Niết-bàn.

四者身不壞故名為大樂。

Tứ giả thân bất hoại cố danh vi Đại lạc 。

Bốn ấy thân không hư hoại nên gọi là Đại lạc.

身若可壞則不名樂。如來之身金剛無壞非煩惱身無常之身。

Thân nhược khả hoại tắc bất danh lạc 。

Như Lai chi thân Kim cương vô hoại phi phiền não thân vô thường chi thân 。

Thân nếu có thể hoại thì chẳng gọi lạc. Thân Kim-cang của Như Lai không hoại là thân không phiền não thân của vô thường.

故名大樂。以大樂故名大涅槃。

cố danh Đại lạc 。

dĩ Đại lạc cố danh Đại Niết-bàn 。

nên gọi Đại lạc, do Đại lạc nên gọi Đại Niết-bàn.

善男子。世間名字或有因緣。或無因緣。

Thiện nam tử 。 Thế gian danh tự hoặc hữu nhân duyên 。 hoặc vô nhân duyên 。

Thiện nam tử! Danh tự thế gian hoặc có nhân duyên, hoặc không nhân duyên.

有因緣者。如舍利弗。母名舍利。

Hữu nhân duyên giả 。 như Xá lợi Phất 。 mẫu danh Xá-lợi 。

Người có nhân duyên, như Xá-lợi-phất mẹ tên Xá-lợi,

因母立字故名舍利弗。如摩輸羅道人。生摩輸羅國。

nhân mẫu lập tự cố danh Xá lợi Phất 。 như Ma châu la đạo nhân 。 sanh ma châu la quốc

。

nhân lấy tên mẹ đặt tên nên gọi Xá-lợi-phất. Như Ma-thâu-la-đạo nhân, sanh Ma-thâu-la quốc,

因國立名故名摩輸羅道人。如目犍連。

nhân quốc lập danh cố danh ma châu la đạo nhân 。 như Mục-kiền-liên 。

nhân nước thành lập tên nên gọi Ma-thâu-la-đạo nhân. Như Mục-kiền-liên,

目犍連者即是姓也。因姓立名故名目犍連。

Mục-kiền-liên giả tức thị tính dã 。 nhân tính lập danh cố danh Mục-kiền-liên 。

Mục-kiền-liên ấy tức là họ vậy, nhân họ thành lập tên nên gọi Mục-kiền-liên.

如我生於瞿曇種姓。因姓立名稱為瞿曇。如毘舍佉道人。

Như ngã sanh ư Cồ Đàm chủng tính 。 nhân tính lập danh xưng vi Cồ Đàm 。 như Tỳ xá khư đạo nhân 。

Như Ta sanh ở dòng họ Cồ Đàm, nhân họ thành lập tên xưng là Cồ-đàm. Như Tỳ-xá-khư đạo nhân,

毘舍佉者即是星名。因星為名名毘舍佉。

Tỳ xá khư giả tức thị tính danh 。 nhân tính vi danh danh Tỳ xá khư 。

Tỳ-xá-khư ấy tức là tên ngôi sao, nhân tên ngôi sao làm tên gọi là Tỳ-xá-khư.

如有六指因六指故名六指人。如佛奴天奴。

Như hữu lục chỉ nhân lục chỉ cố danh lục chỉ nhân 。 như Phật nô Thiên nô 。

Như có sáu ngón tay nhân sáu ngón tay gọi người sáu ngón tay, như Phật Nô thiên nô.

因佛因天故名佛奴天奴。因濕生故故名濕生。

Nhân Phật nhân Thiên cố danh Phật nô Thiên nô 。 nhân thấp sanh cố cố danh thấp sanh

。

Nhân Phật nhân trời nên gọi Nô thiên nô. Như nhân thấp sanh vậy nên gọi thấp sanh.

如因聲故名為迦迦羅。名究究羅咀咀羅。

như nhân thanh cố danh vi Ca-ca-la 。 danh cứu-cứu-la trở-trở-la 。

Như nhân tiếng nên gọi là Ca-ca-la. gọi Cứu-cứu-la trở-trở-la.

如是等名是因緣名。無因緣者。

Như thị đẳng danh thị nhân duyên danh 。 vô nhân duyên giả 。

Những tên như thế đều gọi là nhân duyên tên gọi, không gì là không nhân duyên.

如蓮花地水火風虛空。如曼陀婆一名二實。一名殿堂。

Như liên hoa địa thủy hỏa phong hư không 。 như mạn đà bà nhất danh nhị thật 。

nhất danh điện đường 。

Như hoa sen đất nước lửa gió hư không. Như Mạn-đà-la một tên gọi nhưng thật tế cũng có hai. Một gọi là Điện đường.

二名飲漿堂。不飲漿亦復得名為曼陀婆。

Nhị danh ẩm tương đường 。 bất ẩm tương diệc phục đắc danh vi Mạn-đà-bà 。

Hai gọi là Ẩm tương đường. Bất ẩm tương cũng lại được gọi là Mạn-đà-bà.

如薩婆車多名為蛇蓋。

Như Tát bà xa đa danh vi xà cái 。

Ví như Tát-bà-xa-đa gọi là Xà-cái,

實非蛇蓋是名無因強立名字。如坻羅婆夷名為食油。

Thật phi xà cái thị danh vô nhân cường lập danh tự 。

như chì la bà di danh vi thực du 。

thật không có Xà cái thì không có cơ để cưỡng lập ra danh từ. Như Chỉ-la-bà-di gọi là Thực du,

實不食油強為立名名為食油。是名無因強立名字。善男子。

thật bất thực du cường vi lập danh danh vi thực du 。

thị danh vô nhân cường lập danh tự 。

Thiện nam tử 。

thật chẳng phải thực du cưỡng làm thành lập tên gọi là thực du nên gọi là không nhân có mà cưỡng lập danh tự. Thiện nam tử!

是大涅槃亦復如是。無有因緣強為立名。

Thị Đại Niết-bàn diệc phục như thị 。

vô hữu nhân duyên cường vi lập danh 。

Chính Đại Niết-bàn cũng lại như thế, không có nhân duyên cưỡng làm đặt tên.

善男子。譬如虛空不因小空名為大空也。

Thiện nam tử 。

Thí như hư không bất nhân tiểu không danh vi Đại không dã 。

Thiện nam tử! Thí như hư không không nhân hư không nhỏ gọi là hư không lớn vậy.
涅槃亦爾不因小相名大涅槃。善男子。

Niết-bàn diệc nhĩ bất nhân tiểu tướng danh Đại Niết-bàn 。 Thiện nam tử 。

Niết-bàn cũng như thế không nhân nơi tướng nhỏ gọi là Đại Niết-bàn. Thiện nam tử!
譬如有法不可稱量不可思議故名為大。

Thí như hữu Pháp bất khả xưng lượng bất khả tư nghị cố danh vi Đại 。

Thí như có pháp không thể xưng lượng không thể nghĩ nghĩ nên gọi là Đại.

涅槃亦爾不可稱量不可思議故得名為大般涅槃。

Niết-bàn diệc nhĩ bất khả xưng lượng bất khả tư nghị cố đắc danh vi Đại bát Niết-bàn 。

Niết-bàn cũng như thế không thể xưng lượng không thể nghĩ nghĩ nên được gọi là Đại-bát
Niết-bàn.

以純淨故名大涅槃。云何純淨。淨有四種。

dĩ thuần tịnh cố danh Đại Niết-bàn 。

Do thuần tịnh nên gọi Đại Niết-bàn. Thế nào là thuần tịnh? Tịnh có Bốn thứ:

何等為四。一者二十五有名為不淨。

Hà đẳng vi tứ 。

Những gì là bốn? Một là Hai mươi lăm hữu gọi là bất tịnh.

能永斷故得名為淨。淨即涅槃如是涅槃亦得名有。

Năng vĩnh đoạn cố đắc danh vi tịnh 。

Năng đoạn vĩnh viễn nên được gọi là tịnh. Tịnh tức là Niết-bàn như thế Niết-bàn cũng
được gọi Hữu.

而是涅槃實非是有。諸佛如來隨世俗故說涅槃有。

Nhi thị Niết-bàn thật phi thị hữu 。

mà chính Niết-bàn thật chẳng phải là có. Chư Phật Như Lai tùy theo thế tục nên nói Niết-
bàn có.

譬如世人非父言父非母言母。

Thí như thế nhân phi phụ ngôn phụ phi mẫu ngôn mẫu 。

Thí như người đời chẳng phải cha nói cha chẳng phải mẹ nói mẹ.

實非父母而言父母。涅槃亦爾。

Thật phi phụ mẫu nhi ngôn phụ mẫu 。

Kỳ thật chẳng phải cha mẹ nói là cha mẹ. Niết-bàn cũng như thế.

隨世俗故說言諸佛有大涅槃。二者業清淨故。

Tùy thế tục cổ thuyết ngôn chư Phật hữu Đại Niết-bàn 。 nhị giả nghiệp thanh tịnh cố 。

Tùy theo thế tục nói rằng chư Phật có Đại Niết-bàn. Hai là nghiệp thanh tịnh vậy.

一切凡夫業不清淨故無涅槃。諸佛如來業清淨故故名大淨。

Nhất thiết phàm phu nghiệp bất thanh tịnh cố vô Niết-bàn 。 chư Phật Như Lai nghiệp thanh tịnh cố cố danh Đại tịnh 。

Tất cả phàm phu nghiệp không thanh tịnh nên không Niết-bàn. Chư Phật Như Lai nghiệp thanh tịnh vậy nên gọi Đại tịnh.

以大淨故名大涅槃。三者身清淨故。

Do Đại tịnh cố danh Đại Niết-bàn 。 tam giả thân thanh tịnh cố 。

Do đại tịnh nên gọi Đại Niết-bàn. Ba là thân thanh tịnh vậy,

身若無常則名不淨。如來身常故名大淨。

Thân nhược vô thường tắc danh bất tịnh 。 Như Lai thân thường cố danh Đại tịnh 。

thân nếu vô thường thì gọi bất tịnh. Như Lai thân thường nên gọi Đại tịnh,

以大淨故名大涅槃。四者心清淨故。心若有漏名曰不淨。

Dĩ Đại tịnh cố danh Đại Niết-bàn 。 tứ giả tâm thanh tịnh cố 。 tâm nhược hữu lậu danh viết bất tịnh 。

vì đại tịnh nên gọi Đại Niết-bàn. Bốn là tâm thanh tịnh vậy, tâm nếu hữu lậu gọi rằng bất tịnh.

佛心無漏故名大淨。以大淨故名大涅槃。

Phật tâm vô lậu cố danh Đại tịnh 。

Phật tâm vô lậu nên gọi Đại tịnh, vì Đại tịnh nên gọi Đại Niết-bàn.

善男子。是名善男子善女人修行如是大涅槃經。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử! Gọi thiện nam tử thiện nữ nhân tu hành Kinh Đại bát Niết-bàn là như thế, 具足成就初分功德。

cụ túc thành tựu sơ phần công đức 。

thành tựu đầy đủ sơ phần công đức.

大般涅槃經卷第二十三

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập tam

Kinh Đại-bát-niết-bàn

Quyển Thứ Hai Mười Ba.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:10:47 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:10:47 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

=====

大般涅槃經卷第二十四

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập tứ

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI BỐN

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Triều đại Bắc Lương, Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

光明遍照高貴德王菩薩品第十之四

Quang minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát phẩm đệ thập chi tứ

PHẦN BỐN, PHẨM THỨ MƯỜI: QUANG MINH BIẾN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG

BỒ TÁT

復次善男子。云何菩薩摩訶薩修大涅槃。

phục thứ thiện nam tử 。 vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-bàn 。

Lại nữa, này thiện nam tử! Thế nào là Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn

成就具足第二功德。善男子。

thành tựu cụ túc đệ nhị công đức 。 thiện nam tử 。

thành tựu đầy đủ công đức thứ hai? Này thiện nam tử?

菩薩摩訶薩修大涅槃。昔所不得而今得之。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn 。 tích sở bất đắc nhi kim đắc chi 。

Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn xưa chỗ chẳng được mà nay được,

昔所不見而今見之。昔所不聞而今聞之。昔所不到而今得到。

tích sở bất kiến nhi kim kiến chi 。 tích sở bất văn nhi kim văn chi 。 tích sở bất đáo nhi kim đắc đáo 。

xưa chỗ chẳng thấy mà nay thấy, xưa chỗ chẳng nghe mà nay nghe, xưa chỗ chẳng đến mà nay đến,

昔所不知而今知之。

tích sở bất tri nhi kim tri chi 。

xưa chỗ chẳng biết mà nay biết.

云何名為昔所不得而今得之。所謂神通。昔所不得而今乃得。

vân hà danh vi tích sở bất đắc nhi kim đắc chi 。

sở vị Thần thông 。

tích sở bất đắc nhi kim nãi đắc 。

Thế nào gọi là xưa chẳng được mà nay được? Đó là thần thông xưa chẳng được mà nay bèn được.

通有二種。一者內。二者外。所言外者與外道共。

thông hữu nhị chủng 。

nhất giả nội 。

nhị giả ngoại 。

sở ngôn ngoại giả dữ ngoại đạo cộng 。

Thần thông có hai thứ: một là trong, hai là ngoài. Thần thông ngoài là cùng với ngoại đạo giống nhau.

內復有二。一者二乘。二者菩薩。

nội phục hữu nhị 。

nhất giả nhị thừa 。

nhị giả Bồ-tát 。

Thần thông trong có hai thứ: Một là Nhị thừa, hai là Bồ-tát.

菩薩修行大涅槃經所得神通。不與聲聞辟支佛共。

Bồ-tát tu hành Đại Niết-bàn Kinh sở đắc Thần thông 。

bất dữ Thanh văn, Bích-chi-phật cộng 。

Bồ-tát tu hành Kinh Đại Niết-bàn được Thần thông, hàng Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng cùng được.

云何名為不與聲聞辟支佛共。

vân hà danh vi bất dữ Thanh văn, Bích-chi-phật cộng 。

Thế nào gọi là chẳng cùng với Thanh văn, Bích-chi-phật?

二乘所作神通變化一心作一不得眾多。

nhị thừa sở tác Thần thông biến hoá nhất tâm tác nhất bất đắc chúng đa 。

Thần thông biến hóa của Nhị thừa một tâm hóa ra làm một chẳng được nhiều.

菩薩不爾於一心中則能具足現五趣身。所以者何。

Bồ-tát bất nhĩ ư nhất tâm trung tác năng cụ túc hiện ngũ thú thân 。

sở dĩ giả hà

Bồ-tát chẳng phải như vậy, trong một tâm thì có thể hiện tất cả thân trong năm đường. Vì sao như vậy?

以得如是大涅槃經之勢力故。

dĩ đắc như thị Đại Niết-bàn Kinh chi thể lực cố 。

Do thể lực của Kinh Đại Niết-bàn mà được như vậy.

是則名為昔所不得而今得之。又復云何昔所不得而今得之。

thị tắc danh vi tích sở bất đắc nhi kim đắc chi 。

hựu phục vân hà tích sở bất đắc nhi kim đắc chi 。

Đó gọi là xưa chỗ chẳng được mà nay được. Lại nữa, thế nào là xưa chỗ chẳng được mà nay được?

所謂身得自在心得自在。何以故。

sở vị thân đắc tự tại tâm đắc tự tại 。

hà dĩ cố 。

Đó là thân được tự tại, tâm được tự tại. Vì sao?

一切凡夫所有身心不得自在。或心隨身或身隨心。

nhất thiết phàm phu sở hữu thân tâm bất đắc tự tại 。

hoặc tâm tùy thân hoặc thân tùy tâm 。

Vì hết thảy phàm phu có thân và tâm đều chẳng được tự tại. Hoặc thân theo nơi tâm, hoặc tâm theo nơi thân.

云何名為心隨於身。譬如醉人酒在身中。

vân hà danh vi tâm tùy ư thân 。

thí như túy nhân tửu tại thân trung 。

Thế nào gọi là tâm theo nơi thân? Thí như người say rượu, rượu ở trong thân,

爾時身動心亦隨動。亦如身懶心亦隨懶。

nhĩ thời thân động tâm diệc tùy động 。

diệc như thân lại tâm diệc tùy lại 。

bấy giờ thân chuyển động thì tâm cũng động theo, cũng như thân mỗi mệt thì tâm cũng mỗi mệt theo.

是則名為心隨於身。

thị tắc danh vi tâm tùy ư thân 。

Đó gọi là tâm theo nơi thân.

又如嬰兒其身稚小心亦隨小大人身大心亦隨大。又如有人身體龐澁。

hựu như anh nhi kỳ thân trĩ tiểu tâm diệc tùy tiểu Đại nhân thân Đại tâm diệc tùy Đại 。

hựu như hữu nhân thân thể thô sáp 。

Lại như trẻ con, thân còn non nớt, tâm cũng non nớt theo. Người lớn thân lớn, tâm cũng lớn theo. Lại như người thân thể thô sáp,

心常思念。欲得膏油潤漬令軟。

tâm thường tư niệm 。 dục đắc cao du nhuận tí linh nhuyển 。
tâm thường nhớ nghĩ đến dầu mỡ muốn thoa để được mềm mại.

是則名為心隨於身。

thị tắc danh vi tâm tùy ư thân 。

Đó gọi là tâm theo nơi thân.

云何名為身隨於心。

vân hà danh vi thân tùy ư tâm 。

Thế nào gọi là thân theo nơi tâm?

所謂去來坐臥修行施戒忍辱精進。愁惱之人身則羸悴。

sở vị khứ lai tọa ngọa tu hành thí giới nhẫn nhục tinh tấn 。 sàu não chi nhân thân tắc luy
tuy 。

Đó là đi, lại, ngồi, nằm, tu hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, người sàu não thì thân
gầy ốm tiu tuy.

歡喜之人身則肥鮮。恐怖之人身體戰動。

hoan hỷ chi nhân thân tắc phì tiên 。

Người hoan hỷ thì thân khoẻ mạnh vui tươi. Người sợ hãi thì thân thể run rẩy,

專心聽法身則怡悅。悲泣之人涕淚橫流。

chuyên tâm thính Pháp thân tắc di duyệt 。

bi khắp chi nhân thể lệ hoạnh lưu 。

chuyên tâm nghe pháp thì thân vui vẻ, người buồn khóc lóc thì nước mũi, nước mắt chảy
tuôn tràn.

是則名為身隨於心。菩薩不爾。於身心中俱得自在。

thị tắc danh vi thân tùy ư tâm 。

Bồ-tát bất nhĩ 。

ư thân tâm trung câu đắc tự-tại 。

Đó gọi là thân theo nơi tâm. Bồ-tát chẳng phải vậy. Thân tâm đều được tự tại.

是則名為昔所不得而今得之。

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩所現身相猶如微塵。

Bồ-tát Ma-Ha tát sở hiện thân tướng do như vi trần 。

Đại Bồ-tát hiện thân tướng giống như vi trần.

以此微身悉能遍至無量無邊恒河沙等諸佛世界無所障礙。而心常定初不移動。

dĩ thử vi thân tất năng biến chí vô lượng vô biên hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới vô sở
chướng ngại 。 nhi tâm thường định sơ bất di động 。

Do thân vi trần này mà có thể biến khắp vô lượng vô biên hằng hà sa các thế giới chư
Phật không bị chướng ngại mà tâm vẫn thường định chẳng xao động.

是則名為心不隨身。

thị tắc danh vi tâm bất tùy thân 。

Đó gọi là tâm chẳng theo nơi thân,

是亦名為昔所不到而今能到。

thị diệc danh vi tích sở bất đáo nhi kim năng đáo 。

và cũng gọi là xưa chỗ chẳng đến mà nay được đến.

何以復名昔所不到而今能到。

hà dĩ phục danh tích sở bất đáo nhi kim năng đáo 。

Thế nào lại gọi xưa chỗ chẳng đến mà nay được đến?

一切聲聞辟支佛等所不能到菩薩能到。

nhất thiết Thanh văn, Bích-chi-phật đẳng sở bất năng đáo Bồ-tát năng đáo 。

Hết thầy Thanh văn và Bích-chi-phật đều chẳng thể đến được mà Bồ-tát có thể đến được.

是故名為昔所不到而今能到。一切聲聞辟支佛等。

thị cố danh vi tích sở bất đáo nhi kim năng đáo nhất thiết Thanh văn Bích-chi-phật đẳng

。

Vì thế, gọi là xưa chỗ chẳng đến mà nay đến. Hết thầy Thanh văn và Bích-chi-phật

雖以神通不能變身如細微塵。遍至無量恒河沙等諸佛世界。

tuy dĩ Thần thông bất năng biến thân như tế vi trần 。

biến chí vô lượng hằng hà sa đẳng
chư Phật thế giới 。

dầu dùng thần thông nhưng không thể biến hóa thân nhỏ như vi trần, biến đi khắp vô
lượng hằng hà sa các thế giới chư Phật.

聲聞緣覺身若動時心亦隨動。菩薩不爾。

Thanh văn, Duyên giác thân nhược động thời tâm diệc tùy động 。

Bồ-tát bất nhĩ 。

Thanh văn và Duyên giác thân nếu khi thân động thì tâm cũng động theo. Bồ-tát chẳng
phải vậy.

心雖不動身無不至。是名菩薩心不隨身。

tâm tuy bất động thân vô bất chí 。 thị danh Bồ-tát tâm bất tùy thân 。

Tâm dầu chẳng động nhưng thân thì đi khắp mọi nơi. Đó gọi là Bồ-tát tâm chẳng theo nơi thân.

復次善男子。菩薩化身猶如三千大千世界。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử! Bồ-tát hóa thân lớn bằng Tam Thiên Đại Thiên thế giới.

以此大身入一塵身。其心爾時亦不隨小。

dĩ thử Đại thân nhập nhất trần thân 。

kỳ tâm nhĩ thời diệc bất tùy tiểu 。

Dùng thân lớn đó nhập vào thân nhỏ như một vi trần. Tâm của Bồ-tát lúc ấy cũng chẳng theo thân mà nhỏ lại.

聲聞緣覺雖能化身令如三千大千世界。

Thanh văn, Duyên giác tuy năng hóa thân linh như Tam Thiên Đại Thiên thế giới 。

Thanh văn và Duyên giác dầu có thể biến hóa thân lớn như ba ngàn đại thiên thế giới
而不能以如此大身入微塵身。於此事中尚自不能。

nhĩ bất năng dĩ như thử Đại thân nhập vi trần thân 。

ư thử sự trung thượng tự bất năng 。

mà chẳng có thể dùng thân lớn như vậy nhập vào thân như vi trần. Việc này Thanh văn và Duyên giác còn chưa làm được

況能令心而不隨動。是名菩薩心不隨身。

huống năng linh tâm nhĩ bất tùy động 。

thị danh Bồ-tát tâm bất tùy thân 。

huống có thể khiến cho tâm chẳng động theo. Đó gọi là Bồ-tát tâm chẳng theo nơi thân.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩以一音聲能令三千大千世界眾生悉聞。

Bồ-tát Ma-Ha tát dĩ nhất âm thanh năng linh tam Thiên Đại Thiên thế giới chúng sanh tất
văn 。

Đại Bồ-tát dùng một âm thanh có thể khiến cho chúng sanh trong ba ngàn đại thiên thế
giới đều được nghe.

心終不念令是音聲遍諸世界。使諸眾生昔所不聞而今得聞。

tâm chung bất niệm linh thị âm thanh biến chư thể giới 。 sử chư chúng sanh tích sở bất văn nhi kim đắc văn 。

Tâm trọn chẳng nghĩ rằng làm cho âm thanh đó biến khắp các thể giới khiến cho các chúng sanh xưa chẳng nghe mà nay được nghe.

而是菩薩亦初不言我令眾生昔所不聞而今得聞。

nhi thị Bồ-tát diệt sơ bất ngôn ngã linh chúng sanh tích sở bất văn nhi kim đắc văn 。

Bồ-tát đó ban đầu cũng chẳng nói rằng: Ta làm cho chúng sanh xưa chẳng nghe mà nay được nghe.

菩薩若言因我說法令諸眾生不聞聞者。

Bồ-tát nhược ngôn nhân ngã thuyết Pháp linh chư chúng sanh bất văn văn giả 。

Bồ-tát nếu nói rằng ta thuyết pháp làm cho các chúng sanh chưa nghe nay được nghe.

當知是人終不能得阿耨多羅三藐三菩提。

đương tri thị nhân chung bất năng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Nên biết, người đó trọn chẳng được Vô thượng Bồ-đề.

何以故。眾生不聞我為說者。如此之心是生死心。

hà dĩ cố 。

Vì sao vậy? Vì nói chúng sanh chẳng nghe nay vì ta nói pháp nên được nghe, tâm đó là tâm sanh tử.

一切菩薩是心已盡。以是義故。

nhất thiết Bồ-tát thị tâm dĩ tận 。

Hết thầy Bồ-tát là tâm đã diệt tận tâm sanh tử này. Do nghĩa đó nên

菩薩摩訶薩所有身心不相隨逐。善男子。

Bồ-tát Ma-Ha tát sở hữu thân tâm bất tương tùy trục 。

Đại Bồ-tát có thân tâm chẳng theo nhau. Nay thiện nam tử!

一切凡夫身心相隨。菩薩不爾。

nhất thiết phàm phu thân tâm tương tùy 。

Hết thầy phàm phu thân và tâm đều theo nhau. Bồ-tát chẳng phải vậy.

為化眾生故雖現身小心亦不小。何以故。諸菩薩等所有心性常廣大故。

vì hóa chúng sanh cố tuy hiện thân tiểu tâm diệt bất tiểu hà dĩ cố 。

Vì hóa độ chúng sanh nên dầu hiện thân nhỏ, nhưng tâm cũng chẳng nhỏ. Vì sao? Vì các Bồ-tát có tâm tánh thường rộng lớn.

雖現大身心亦不大。云何大身。

tuy hiện Đại thân tâm diệc bất Đại 。 vân hà Đại thân 。

Dầu hiện thân lớn nhưng tâm cũng chẳng lớn. Thế nào là thân lớn?

身如三千大千世界。云何小心。行嬰兒行。

thân như tam Thiên Đại Thiên thế giới 。 vân hà tiểu tâm 。 hành anh nhi hành 。

Thân lớn như ba ngàn đại thiên thế giới. Thế nào là tâm nhỏ? Tức là làm những việc làm như trẻ thơ.

以是義故心不隨身。

dĩ thị nghĩa cố tâm bất tùy thân 。

Do nghĩa đó nên tâm chẳng theo nơi thân.

菩薩摩訶薩已於無量阿僧祇劫遠酒不飲而心亦動。心無悲苦身亦流淚。

Bồ-tát Ma-Ha tát dĩ ư vô lượng a tăng kì kiếp viễn tửu bất ẩm nhi tâm diệc động 。 tâm vô bi khổ thân diệc lưu lệ 。

Đại Bồ-tát đã ở trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp xa lìa rượu chẳng uống nhưng tâm cũng động. Tâm chẳng sầu chẳng khổ mà thân cũng rơi lệ,

實無恐怖身亦戰慄。以是義故。

thật vô khủng phổ thân diệc chiến lật 。 dĩ thị nghĩa cố 。

thật chẳng lo sợ mà thân cũng run rẩy. Do nghĩa đó nên

當知菩薩身心自在不相隨逐。菩薩摩訶薩唯現一身。

đương tri Bồ-tát thân tâm tự-tại bất tương tùy trục 。

。

phải biết thân và tâm của Bồ-tát tự tại chẳng theo nhau. Đại Bồ-tát dầu hiện một thân 而諸眾生各各見異。

nhi chư chúng sanh các các kiến dị 。

mà các chúng sanh mỗi mỗi thấy khác nhau.

復次善男子。云何菩薩摩訶薩修大涅槃。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử! Thế nào là Đại Bồ-tát tu hành Kinh Đại Niết-bàn,

昔所不聞而今得聞。菩薩摩訶薩先取聲相。

tích sở bất văn nhi kim đắc văn 。 Bồ-tát Ma-Ha tát tiên thủ thanh tướng 。
xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe? Đại Bồ-tát trước kia chấp thủ tướng các thứ
tiếng:

所謂象聲馬聲車聲人聲貝聲鼓聲簫笛等聲歌

sở vị tượng thanh mã thanh xa thanh nhân thanh bối thanh cổ thanh tiêu địch đẳng thanh
ca

đó là tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng người, tiếng ốc, tiếng trống, tiếng sáo, tiếng ca
hát,

聲哭聲而修習之。

thanh khóc thanh nhi tu tập chi 。

tiếng khóc mà tu tập các tướng đó.

以修習故能聞無量三千大千世界所有地獄音聲。

dĩ tu tập cố năng văn vô lượng tam Thiên Đại Thiên thế giới sở hữu Địa ngục âm thanh 。

Do tu tập nên có thể nghe được tiếng của những địa ngục trong vô lượng ba ngàn đại
thiên thế giới,

復轉修習得異耳根。異於聲聞緣覺天耳。何以故。

phục chuyển tu tập đắc dị nhĩ căn 。

dị ư Thanh văn, Duyên giác Thiên nhĩ 。

hà dĩ cố 。

lại càng tu tập thêm nên được nhĩ căn khác, khác đối với Thiên nhĩ của Thanh văn và
Duyên giác. Vì sao vậy?

二乘所得清淨耳通。若依初禪淨妙四大。
nhị thừa sở đắc thanh tịnh nhĩ thông 。

nhược y sơ Thiên tịnh diệu tứ Đại 。

Vì Nhĩ thông thanh tịnh của Nhị thừa, nếu nương vào bốn đại thanh tịnh vi diệu của Sơ
thiền

唯聞初禪不聞二禪。乃至四禪亦復如是。
duy văn sơ Thiên bất văn nhị Thiên 。

nãi chí tứ Thiên diệu phục như thị 。

chỉ nghe tiếng cõi Sơ Thiên chẳng nghe được cõi Nhị Thiên hẳn đến đến Tứ Thiên cũng
lại như vậy.

雖可一時得聞三千大千世界所有音聲。
tuy khả nhất thời đắc văn tam Thiên Đại Thiên thế giới sở hữu âm thanh 。

Tuy có thể cùng một lúc nghe được âm thanh cả ba ngàn Đại Thiên thế giới,
而不能聞無量無邊恒河沙等世界音聲。以是義故。

nhi bất năng văn vô lượng vô biên hằng hà sa đẵng thế giới âm thanh 。 dĩ thị nghĩa cố 。
nhưng chẳng có thể nghe được âm thanh của vô lượng vô biên hằng hà sa các thế giới.

Do nghĩa đó nên

菩薩所得異於聲聞緣覺耳根。

Bồ-tát sở đắc dị ư Thanh văn, Duyên giác nhĩ căn 。

Bồ-tát được nhĩ căn nghe tiếng khác với nhĩ căn của Thanh văn và Duyên giác.

以是異故昔所不聞而今得聞。雖聞音聲而心初無聞聲之相。

dĩ thị dị cố tích sở bất văn nhi kim đắc văn 。

tuy văn âm thanh nhi tâm sơ vô văn thanh chi tướng 。

Do chỗ khác đó nên xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe, đầu nghe âm thanh mà trong tâm chẳng có tướng nghe tiếng,

不作有相常相樂相我相淨相主相依相作相因相

bất tác hữu tướng thường tướng lạc tướng ngã tướng tịnh tướng chủ tướng y tướng tác tướng nhân tướng

chẳng có tướng thường, tướng lạc, tướng ngã, tướng tịnh, tướng chủ, tướng y, tướng tác, tướng nhân,

定相果相。以是義故。

định tướng quả tướng 。

dĩ thị nghĩa cố 。

tướng định, tướng quả. Do nghĩa đó nên

諸菩薩等昔所不聞而今得聞。

chư Bồ-tát đẵng tích sở bất văn nhi kim đắc văn 。

các vị Bồ-tát xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe.

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。

nhĩ thời quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha tát ngôn 。

Lúc bấy giờ Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương nói rằng:

若佛所說不作定相不作果相。是義不然。

nhược Phật sở thuyết bất tác định tướng bất tác quả tướng。 thị nghĩa bất nhiên.

Nếu như lời Phật nói chẳng thấy có tướng định, chẳng thấy có tướng quả, nghĩa đó chẳng đúng.

何以故。如來先說。若人聞是大涅槃經一句一字。

hà dĩ cố 。

Như Lai tiên thuyết 。

nhược nhân văn thị Đại Niết-bàn Kinh nhất cú nhất tự 。

Vì sao? Như Lai trước nói: Nếu người nào Kinh Đại Niết-bàn đó một câu, một chữ
必定得成阿耨多羅三藐三菩提。

tất định đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

ắt hẳn được thành Vô Thượng Bồ-đề.

如來於今云何復言無定無果。

Như Lai ư kim vân hà phục ngôn vô định vô quả 。

Như Lai nay sao lại nói chẳng định chẳng quả?

若得阿耨多羅三藐三菩提。即是定相即是果相。

nhược đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

tức thị định tướng tức thị quả tướng.

Nếu được Vô Thượng Bồ-đề tức là quyết có tướng định, tướng quả,

云何而言無定無果。聞惡聲故則生惡心。生惡心故則至三塗。
vân hà nhi ngôn vô định vô quả 。

văn ác thanh cố tắc sanh ác tâm 。

sanh ác tâm cố tắc chí tam đồ 。

sao mà nói không định không quả? Nghe tiếng ác thì sanh tâm ác, sanh tâm ác thì đọa tam đồ.

若至三塗則是定果。云何而言無定無果。

nhược chí tam đồ tắc thị định quả 。

vân hà nhi ngôn vô định vô quả 。

Nếu đọa tam đồ thì định quả, sao mà nói không định không quả?
爾時如來讚言。善哉善哉。善男子。能作是問。
nĩ thời Như Lai tán ngôn 。

Thiện tai Thiện tai 。

thiện nam tử 。

năng tác thị vấn

Lúc bấy giờ Như Lai khen rằng: Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử! Có thể hỏi như vậy

若使諸佛說諸音聲有定果相者。
nhược sử chư Phật thuyết chư âm thanh hữu định quả tướng giả 。

nếu khiến cho chư Phật nói các âm thanh có tướng định, tướng quả

則非諸佛世尊之相。是魔王相生死之相遠涅槃相。

tắc phi chư Phật Thế Tôn chi tướng 。

thị ma Vương tướng sanh tử chi tướng viễn Niết-Bàn tướng 。

thì đó chẳng phải tướng chư Phật Thế Tôn mà là tướng của ma vương, tướng của sanh tử, là tướng xa lìa Niết-bàn.

何以故。一切諸佛凡所演說無定果相。

hà dĩ cố 。 nhất thiết chư Phật phàm sở diễn thuyết vô định quả tướng 。
Vì sao vậy? Hết thầy chư Phật phàm chỗ diễn nói đều chẳng có tướng định quả。
善男子。譬如刀中見人面像。
thiện nam tử 。 thí như đao trung kiến nhân diện tượng 。
Này thiện nam tử! Thí như trong cái đao mà thấy dáng mặt người
豎則見長橫則見闊。若有定相云何而得豎則見長橫則見闊。
thọ tắc kiến trường hoành tắc kiến khoát 。 nhược hữu định tướng vân hà nhi đắc thọ tắc
kiến trường hoành tắc kiến khoát 。
dựng đứng thì thấy mặt dài, để ngang thì thấy mặt rộng. Nếu có định tướng thì vì sao
dựng đứng thì thấy mặt dài, để ngang thì thấy mặt rộng?
以是義故。諸佛世尊凡所演說無定果相。
dĩ thị nghĩa cố 。 chư Phật Thế Tôn phàm sở diễn thuyết vô định quả tướng 。
Do nghĩa đó nên chư Phật Thế Tôn phàm nói ra không có tướng định quả。
善男子。夫涅槃者實非聲果。
thiện nam tử 。 phu Niết-bàn giả thật phi thanh quả 。
Này thiện nam tử! Luận về Niết-bàn ấy thật chẳng phải là kết của tiếng。
若使涅槃是聲果者。當知涅槃非是常法。善男子。
nhược sử Niết-bàn thị thanh quả giả 。 đương tri Niết-bàn phi thị thường Pháp 。 thiện nam
tử 。
Giả sử Niết-bàn đó là kết quả của tiếng thì phải biết Niết-bàn là pháp chẳng thường trú。
Này thiện nam tử!
譬如世間從因生法。有因則有果無因則無果。
thí như thế gian tòng nhân sanh Pháp 。 hữu nhân tắc hữu quả vô nhân tắc vô qu 。
Thí như những pháp trong thế gian theo nơi nhân mà sanh. Có nhân là có quả, không
nhân thì không quả。
因無常故果亦無常。所以者何。因亦作果果亦作因。
nhân vô thường cố quả diệc vô thường 。 sở dĩ giả hà 。 nhân diệc tác quả quả diệc tác
nhân 。
Vì nhân vô thường nên quả cũng vô thường. Vì sao vậy? Vì nhân cũng làm quả, quả cũng
làm nhân。
以是義故一切諸法無有定相。

dĩ thị nghĩa cố nhất thiết chư Pháp vô hữu định tướng 。

Do nghĩa đó nên hết thảy các pháp đều không có tướng nhất định.

若使涅槃從因生者。因無常故果亦無常。

nhược sử Niết-bàn tòng nhân sanh giả 。

nhân vô thường cố quả diệt vô thường 。

Giả sử Niết-bàn từ nhân mà sanh, vì nhân vô thường nên quả cũng vô thường.

而是涅槃不從因生。體非是果是故為常。善男子。以是義故。

nhị thị Niết-Bàn bất tòng nhân sanh 。

thể phi thị quả thị cố vi thường 。

thiện nam tử 。

dĩ thị nghĩa cố 。

Nhưng Niết-bàn đó chẳng từ nhân mà sanh, thể của Niết-bàn chẳng phải là quả, vì thể là thường trụ. Này thiện nam tử! Do nghĩa đó nên

涅槃之體無定無果。善男子。夫涅槃者。

Niết-bàn chi thể vô định vô quả 。

thiện nam tử 。

phu Niết-bàn giả 。

thể của Niết-bàn là chẳng định, chẳng quả. Này thiện nam tử! Luận về Niết-bàn ấy
亦可言定亦可言果。云何為定。

diệt khả ngôn định diệt khả ngôn quả 。

vân hà vi định 。

cũng có thể nói là định, cũng có thể nói là quả. Thế nào là định?

一切諸佛所有涅槃常樂我淨。是故為定。無生老壞是故為定。

nhất thiết chư Phật sở hữu Niết-bàn thường lạc ngã tịnh 。

thị cố vi định 。

vô sanh lão hoại thị cố vi định 。

Niết-bàn của hết thảy chư Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, nên gọi là định. Chẳng sanh, chẳng già, chẳng hư hoại nên gọi là định.

一闍提等犯四重禁誹謗方等作五逆罪。

nhất xiển đề đảng phạm tứ trọng cấm phỉ báng phương đảng tác ngũ nghịch tội 。

Những hạng Nhất-xiển-đề phạm bốn tội nặng, phỉ báng Phương Đảng, làm năm tội
nghịch,

捨除本心必定得故。是故為定。

xả trừ bản tâm tất định đắc cố 。

thị cố vi định 。

xả bỏ bản tâm quyết định như vậy, vì thế gọi là định.

善男子。如汝所言。

thiện nam tử 。

như nhữ sở ngôn 。

Này thiện nam tử! Như lời ông nói,

若人聞我說大涅槃一字一句。得阿耨多羅三藐三菩提者。

nhược nhân văn ngã thuyết Đại Niết-bàn nhất tự nhất cú 。 đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề giả 。

nếu người nào nghe Ta nói Kinh Đại Niết-bàn một câu, một chữ thì được Vô Thượng Bồ-đề.

汝於是義猶未了了。汝當諦聽吾當為汝更分別之。

nhữ ư thị nghĩa do vị liễu liễu 。 nhữ đương để thính ngô đương vị nhữ canh phân biệt chi 。

Đối với nghĩa này dường như ông chưa rõ lắm. Ông hãy lắng nghe cho kỹ, Ta sẽ vì ông mà phân biệt nghĩa đó.

善男子。若有善男子善女人。

thiện nam tử 。 nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Này thiện nam tử! Nếu có người thiện nam, người thiện nữ nào

聞大涅槃一字一句。

văn Đại Niết-bàn nhất tự nhất cú 。

nghe Kinh Đại Niết-bàn này một câu, một chữ

不作字相不作句相不作聞相不作佛相不作說相。如是義者名無相相。

bất tác tự tướng bất tác cú tướng bất tác văn tướng bất tác Phật tướng bất tác thuyết tướng 。

như thị nghĩa giả danh vô tướng tướng 。

mà tâm chẳng khởi tướng chữ, chẳng khởi tướng câu, chẳng khởi tướng nghe, chẳng khởi tướng Phật, chẳng khởi tướng nói pháp. Nghĩa như vậy gọi là tướng vô tướng.

以無相相故得阿耨多羅三藐三菩提。善男子。

dĩ vô tướng tướng cố đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Do tướng vô tướng nên được Vô Thượng Bồ-đề. Này thiện nam tử!

如汝所言聞惡聲故到三塗者。是義不然。何以故。
như nhữ sở ngôn văn ác thanh cố đáo tam đồ giả 。

Như lời ông nói: Vì nghe tiếng ác nên người đó đọa vào trong tam đồ, nghĩa đó không đúng. Vì sao vậy?

非以惡聲而至三塗。當知是果乃是惡心。

phi dĩ ác thanh nhi chí tam đồ 。

đương tri thị quả nãi thị ác tâm 。

Chẳng phải vì tiếng ác mà sanh vào ba đường, nên biết quả đó chính là do tâm ác.

所以者何。有善男子善女人等。雖聞惡聲心不生惡。

sở dĩ giả hà 。 hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân đấng 。 tuy văn ác thanh tâm bất sanh ác

。

Vì sao? Vì có những người thiện nam, người thiện nữ v.v... đều có nghe tiếng ác mà tâm chẳng ác.

是故當知非因惡聲生三塗中。

thị cố đương tri phi nhân ác thanh sanh tam đồ trung 。

Vì thế nên biết chẳng phải do nơi tiếng ác mà sanh vào trong tam đồ.

而諸眾生因煩惱結惡心滋多生三惡趣非因惡聲。

nhi chư chúng sanh nhân phiền não kết ác tâm tư đa sanh tam ác thú phi nhân ác thanh

。

Nhưng chính là do các chúng sanh bị phiền não tâm ác quá nhiều nên sanh vào trong ba đường ác, chẳng phải do nơi tiếng ác.

若聲有定相。諸有聞者。一切悉應生於惡心。

nhược thanh hữu định tướng 。 chư hữu văn giả 。 nhất thiết tất ứng sanh ư ác tâm

Nếu tiếng có tướng nhất định thì những người nghe tiếng ấy hết thảy đều phải sanh tâm ác.

或有生者有不生者。是故當知聲無定相。

hoặc hữu sanh giả hữu bất sanh giả 。 thị cố đương tri thanh vô định tướng 。

Nhưng ở đây, hoặc có người sanh tâm ác, hoặc có người chẳng sanh. Vì thế nên biết tiếng chẳng có tướng nhất định.

以無定故雖復因之不生惡心。世尊。聲若無定。

dĩ vô định cố tuy phục nhân chi bất sanh ác tâm 。 Thế tôn 。 thanh nhược vô định

Do chẳng có tướng nhất định nên dầu lại nghe tiếng ác mà chẳng sanh tâm ác. Bạch Thế Tôn! Tiếng nếu chẳng nhất định

云何菩薩昔所不聞而今得聞。善男子。聲無定相。

vân hà Bồ-tát tích sở bất văn nhi kim đắc văn 。 thiện nam tử 。 thanh vô định tướng 。

thì vì sao Bồ-tát xưa chẳng nghe mà nay được nghe. Này thiện nam tử! Tiếng tướng chẳng có tướng nhất định

昔所不聞令諸菩薩而今得聞。以是義故。

tích sở bất văn lệnh chư Bồ-tát nhi kim đắc văn 。 dĩ thị nghĩa cố 。

nên làm cho Bồ-tát xưa chẳng nghe mà nay được nghe. Do nghĩa đó nên
我作是說。昔所不聞而今得聞善男子。

ngã tác thị thuyết 。 tích sở bất văn nhi kim đắc văn thiện nam tử 。

Ta nói xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe. Nay thiện nam tử!

云何昔所不見而今得見。善男子。

vân hà tích sở bất kiến nhi kim đắc kiến 。

Thế nào là xưa chẳng thấy mà nay được thấy? Nay thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典先取明相。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển tiên thủ minh tướng 。

Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu trước đó chấp tướng sáng

所謂日月星宿[火*定]燎燈燭珠火之明藥草等光。

sở vị nhật nguyệt tinh tú [hỏa *định]liệu đặng chúc châu hỏa chi minh dược thảo đặng
quang 。

đó là tướng sáng của mặt trời, mặt trăng, của các vì sao, của đèn đuốc, của đèn hỏa
châu, lửa, ánh sáng của các loại cỏ thuốc v.v...

以修習故得異眼根。異於聲聞緣覺所得。云何為異。

dĩ tu tập cố đắc dị nhãn căn 。

Do tu tập ánh sáng nên được nhãn căn khác, khác đối với nhãn căn của hàng Thanh văn,
Duyên giác được. Thế nào là khác?

二乘所得清淨天眼。

nhị thừa sở đắc thanh tịnh Thiên nhãn 。

Thiên nhãn thanh tịnh của Nhị thừa

若依欲界四大眼根不見初禪。若依初禪不見上地。乃至自眼猶不能見。

nhược y dục giới tứ Đại nhãn căn bất kiến sơ Thiền 。

nếu nương vào nhãn căn bốn đại của Dục giới thì chẳng thấy Sơ thiền, nếu nương vào Sơ
thiền thì chẳng thấy cõi trên, nhãn đến nhãn căn của chính mình dường như chẳng có thể
thấy,

若欲多見極至三千大千世界。

nhược dục đa kiến cực chí tam Thiên Đại Thiên thế giới 。

nhieu lắm là thấy cùng tột đến ba ngàn đại thiên thế giới.

菩薩摩訶薩不修天眼見妙色身悉是骨相。

Bồ-tát Ma-Ha tát bất tu Thiên nhãn kiến diệu sắc thân tất thị cốt tướng 。

Đại Bồ-tát chẳng tu Thiên nhãn nên thấy sắc thân tốt đẹp tất cả đều là tướng xương trắng.

雖見他方恒河沙等世界色相。不作色相。不作常相。

tuy kiến tha phương hằng hà sa đẳng thế giới sắc tướng 。

bất tác sắc tướng 。

bất tác thường tướng 。

Dầu thấy sắc tướng của hằng hà sa các thế giới phương khác, cũng chẳng tưởng là tướng sắc, chẳng tưởng là tướng thường,

有相物相名字等相。作因緣相不作見相。

hữu tướng vật tướng danh tự đẳng tướng。 tác nhân duyên tướng bất tác kiến tướng。

chẳng tưởng là tướng có, chẳng tưởng là tướng vật, chẳng tưởng là tướng danh tự, chẳng

tưởng là tướng nhân duyên, chẳng tưởng là tướng thấy,

不言是眼微妙淨相。唯見因緣非因緣相。云何因緣。

bất ngôn thị nhãn vi diệu tịnh tướng 。

duy kiến nhân duyên phi nhân duyên tướng 。

vân hà nhân duyên 。

chẳng nói nhãn căn đó là tướng thanh tịnh vi diệu, chỉ thấy tướng nhân duyên và tướng chẳng phải nhân duyên. Thế nào là nhân duyên?

色是眼緣。若使是色非因緣者。

sắc thị nhãn duyên 。

nhược sử thị sắc phi nhân duyên giả 。

Sắc là duyên của nhãn căn. Giả sử sắc chẳng phải là nhân duyên

一切凡夫不應生於見色之相。以是義故。

nhất thiết phàm phu bất ứng sanh ư kiến sắc chi tướng 。

dĩ thị nghĩa cố 。

thì hết thảy phàm phu chẳng nên sanh cái thấy đối với tướng sắc. Do nghĩa đó nên

色名因緣非因緣者。菩薩摩訶薩雖復見之不生色相。

sắc danh nhân duyên phi nhân duyên giả 。

Bồ-tát Ma-ha tát tuy phục kiến chi bất sanh sắc tướng 。

sắc gọi là nhân duyên. Chẳng phải nhân duyên ấy là Đại Bồ-tát dầu lại thấy sắc mà chẳng sanh tưởng là tướng sắc,

是故非緣。以是義故。

thị cố phi duyên 。

dĩ thị nghĩa cố 。

vì thế gọi là chẳng phải duyên. Do nghĩa đó nên

菩薩所得清淨天眼異於聲聞緣覺所得。

Bồ-tát sở đắc thanh tịnh Thiên nhãn dị Thanh văn, Duyên giác sở đắc 。

Thiên nhãn thanh tịnh của Đại Bồ-tát khác với Thiên nhãn của Thanh văn, Duyên giác được.

以是異故一時遍見十方世界現在諸佛。是名菩薩昔所不見而今得見。

dĩ thị dị cố nhất thời biến kiến thập phương thế giới hiện tại chư Phật 。

thị danh Bồ-tát tích sở bất kiến nhi kim đắc kiến 。

Do chỗ khác đó mà cùng một lúc Bồ-tát thấy khắp chư Phật trong hiện tại ở mười phương thế giới. Đó gọi là Bồ-tát xưa chẳng thấy mà nay được thấy.

以是異故能見微塵聲聞緣覺所不能見以是

dĩ thị dị cố năng kiến vi trần Thanh văn, Duyên giác sở bất năng kiến dĩ thị

Do chỗ khác đó nên Bồ-tát có thể thấy được vi trần mà Thanh văn, Duyên giác chẳng có thể thấy.

異故。雖見自眼初無見相。

dị cố 。

tuy kiến tự nhãn sơ vô kiến tướng 。

Do chỗ khác đó nên Bồ-tát dầu thấy nhãn căn của mình mà vẫn không có tướng thấy, 見無常相見凡夫身三十六物不淨充滿。

kiến vô thường tướng kiến phàm phu thân tam thập lục vật bất tịnh sung mãn 。

thấy tướng vô thường, thấy thân của phàm phu gồm ba mươi sáu vật toàn là đồ bất tịnh, 如於掌中觀阿摩勒果。以是義故。昔所不見而今得見。

như ư chưởng trung quán a ma lặc quả 。

dĩ thị nghĩa cố 。

tích sở bất kiến nhi kim đắc kiến 。

thấy rõ như xem quả A-ma-lặc trong bàn tay. Do nghĩa đó nên xưa chẳng thấy mà nay được thấy.

若見眾生所有色相。則知其人大小乘根。

nhược kiến chúng sanh sở hữu sắc tướng 。

tắc tri kỳ nhân Đại Tiểu thừa căn 。

Nếu thấy sắc tướng của chúng sanh thì Bồ-tát biết người đó là căn cơ Tiểu thừa hay Đại thừa.

一觸衣故亦知是人善惡諸根差別之相。以是義故。

nhất xúc y cố diệc tri thị nhân thiện ác chư căn sai biệt chi tướng 。

dĩ thị nghĩa cố 。

Chạm vào y phục của họ cũng đủ biết người đó có những căn lành hay căn dữ. Do nghĩa đó nên gọi là

昔所不知而今得知。

tích sở bất tri nhi kim đắc tri 。

xưa chẳng biết mà nay được biết.

以一見故昔所不知而今得知。以此知故昔所不見而今得見。

dĩ nhất kiến cố tích sở bất tri nhi kim đắc tri 。

dĩ thử tri cố tích sở bất kiến nhi kim đắc kiến 。

Do một cái thấy nên gọi là xưa chẳng biết mà nay được biết. Do chỗ biết này nên gọi là xưa chẳng thấy mà nay được thấy.

復次善男子。云何菩薩昔所不知而今得知。

phục thứ thiện nam tử 。

vân hà Bồ-tát tích sở bất tri nhi kim đắc tri 。

Lại nữa, này thiện nam tử! Thế nào là Bồ-tát xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết?

菩薩摩訶薩雖知凡夫貪恚癡心。初不作心及心數相。

Bồ-tát Ma-ha tát tuy tri phạm phu tham khuể si tâm 。

sơ bất tác tâm cập tâm số tướng 。

Đại Bồ-tát dầu biết tâm tham lam, sân giận, ngu si của phạm phu nhưng chẳng tưởng là tâm và tâm sở,

不作眾生及以物相。修第一義畢竟空相。

bất tác chúng sanh cập dĩ vật tướng 。

tu đệ nhất nghĩa tất cánh không tướng 。

chẳng tưởng là chúng sanh cùng với vật, thường tu đệ nhất nghĩa không tướng rất ráo.

何以故。一切菩薩常善修習空性相故。

hà dĩ cố 。

nhất thiết Bồ-tát thường thiện tu tập không tánh tướng cố 。

Vì sao? Vì hết thấy Bồ-tát thường khéo tu tập không, tánh, tướng vậy.

以修空故昔所不知而今得知。云何為知。

dĩ tu không cố tích sở bất tri nhi kim đắc tri 。

vân hà vi tri 。

Do tu tập không như vậy nên xưa chỗ chẳng biết nay được biết. Thế nào là biết?

知無有我無有所。知諸眾生皆有佛性。

tri vô hữu ngã vô hữu ngã sở 。

tri chư chúng sanh giai hữu Phật tánh 。

Đó là biết không có ngã, không có ngã sở, biết các chúng sanh đều có Phật tánh

以佛性故一闡提等捨離本心。

dĩ Phật tánh cố nhất xiển đề đẳng xả ly bản tâm 。

Do Phật tánh nên hàng Nhất-xiển-đề rời bỏ được bốn tâm
 悉當得成阿耨多羅三藐三菩提。如此皆是聲聞緣覺所不能知。
 tất đương đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 như thử giai thị Thanh văn Duyên
 giác sở bất năng tri 。

thì sẽ được Vô Thượng Bồ-đề. Những việc như vậy hàng Thanh văn và Duyên giác chẳng
 có thể biết được,
 菩薩能知。以是義故。昔所不知而今得知。
 Bồ-tát năng tri 。 dĩ thị nghĩa cố 。 tích sở bất tri nhi kim đắc tri 。

mà Bồ-tát có thể biết. Do nghĩa đó nên gọi là xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết.
 復次善男子。云何昔所不知而今得知。
 phục thứ thiện nam tử 。 vân hà tích sở bất tri nhi kim đắc tri 。

Lại nữa, này thiện nam tử! Thế nào là xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết?
 菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。
 Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển 。

Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu
 念過去世一切眾生所生種姓父母兄弟妻子眷屬知識怨憎。
 niệm quá khứ thể nhất thiết chúng sanh sở sanh chủng tính phụ mẫu huynh đệ thê tử
 quyến chúc tri thức oán tăng 。

nhớ đời quá khứ những dòng họ, cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn thân, kẻ thù
 của hết thảy chúng sanh.
 於一念中得殊異智。異於聲聞緣覺智慧。
 ư nhất niệm trung đắc thù dị trí 。

dị ư Thanh văn, Duyên giác trí tuệ 。

Trong một niệm Bồ-tát được trí khác, khác với trí tuệ của Thanh văn và Duyên giác được.
 云何為異。聲聞緣覺所有智慧。
 vân hà vi dị 。

Thanh văn và Duyên giác sở hữu trí tuệ 。

Thế nào là khác? Trí tuệ của Thanh văn và Duyên giác
 念過去世所有眾生種姓父母乃至怨憎。而作種姓至怨憎相。
 niệm quá khứ thể sở hữu chúng sanh chủng tính phụ mẫu nãi chí oán tăng 。

nhĩ tác
 chủng tính chí oán tăng tướng 。

nhớ đến dòng họ, cha mẹ hẳn đến kẻ thù của chúng sanh trong quá khứ mà thấy tướng
 dòng họ hẳn đến kẻ thù.

菩薩不爾。雖念過去種姓父母乃至怨憎。

Bồ-tát bất nhĩ。 tuy niệm quá khứ chủng tính phụ mẫu nãi chí oán tăng 。

Bồ-tát chẳng phải vậy, dầu có nhớ đến dòng họ, cha mẹ hẳn đến kẻ thù của chúng sanh trong đời quá khứ nhưng

終不生於種姓父母怨憎等相。

chung bất sanh ư chủng tính phụ mẫu oán tăng đẳng tướng 。

trọn chẳng sanh tướng có tướng dòng họ, cha mẹ, kẻ thù v.v...mà

常作法相空寂之相。是名菩薩昔所不知而今得知。

thường tác Pháp tướng không tịch chi tướng 。

thị danh Bồ-tát tích sở bất tri nhi kim đắc tri 。

thường thấy tướng không tịch. Đó gọi là Bồ-tát xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết.

復次善男子。云何昔所不知而今得知。

phục thứ thiện nam tử 。

vân hà tích sở bất tri nhi kim đắc tri 。

Lại nữa, này thiện nam tử! Thế nào là xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết?

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典得他心智。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển đắc tha tâm trí 。

Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu được tha tâm trí,

異於聲聞緣覺所得。云何為異。

dị ư Thanh văn, Duyên giác sở đắc 。

vân hà vi dị 。

khác với tha tâm trí của Thanh văn và Duyên giác. Thế nào là khác?

聲聞緣覺以一念智知人心時。則不能知地獄畜生餓鬼天心。菩薩不爾。

Thanh văn, Duyên giác dĩ nhất niệm trí tri nhân tâm thời 。

tắc bất năng tri Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ Thiên tâm 。

Bồ-tát bất nhĩ 。

Thanh văn và Duyên giác khi dùng một niệm trí biết được tâm người thì chẳng có thể biết

tâm của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và chư Thiên. Bồ-tát chẳng phải vậy,

於一念中遍知六趣眾生之心。

ư nhất niệm trung biến tri lục thú chúng sanh chi tâm 。

trong một niệm biết khắp tất cả tâm của chúng sanh trong sáu đường.

是名菩薩昔所不知而今得知。復次善男子。

thị danh Bồ-tát tích sở bất tri nhi kim đắc tri 。

phục thứ thiện nam tử 。

Đó gọi là Bồ-tát xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết. Lại nữa, này thiện nam tử!

復有異知菩薩摩訶薩。於一心中。

phục hữu dị tri Bồ-tát Ma-ha tát 。 ư nhất tâm trung 。

Đại Bồ-tát lại có biết khác là trong một tâm

知須陀洹初心次第至十六心。以是義故。昔所不知而今得知。

tri Tu-đà-hoàn sơ tâm thứ đệ chí thập lục tâm 。 dĩ thị nghĩa cố 。 tích sở bất tri nhi kim đắc tri 。

biết từ sơ tâm đến tâm thứ mười sáu của quả vị Tu-đà-hoàn. Do nghĩa đó nên gọi là xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết.

是為菩薩修大涅槃具足成就第二功德。

thị vi Bồ-tát tu Đại Niết-bàn cụ túc thành tựu đệ nhị công đức 。

Đó gọi là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ hai.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, thiện nam tử!

云何菩薩摩訶薩修大涅槃成就具足第三功德。善男子。

vân hà Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn thành tựu cụ túc đệ tam công đức 。

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ ba? Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃捨慈得慈。得慈之時。不從因緣。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn xả từ đắc từ 。

Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn xả bỏ tâm từ được tâm từ, khi được tâm từ chẳng do nhân duyên.

云何名為捨慈得慈。善男子。慈名世諦。

vân hà danh vi xả từ đắc từ 。

Thế nào gọi là xả bỏ tâm từ được tâm từ? Này thiện nam tử! Tâm từ gọi là thế đế.

菩薩摩訶薩捨世諦慈得第一義慈。第一義慈不從緣得。

Bồ-tát Ma-ha tát xả thế đế từ đắc đệ nhất nghĩa từ 。

Đại Bồ-tát xả bỏ từ thế đế được từ đệ nhất nghĩa, từ đệ nhất nghĩa chẳng từ duyên mà được.

復次云何捨慈得慈。慈若可捨名凡夫慈。

phục thứ vân hà xả từ đắc từ 。 từ nhược khả xả danh phạm phu từ 。

Lại nữa, thế nào gọi là xả bỏ tâm từ được tâm từ? Tâm từ nếu xả bỏ được thì gọi là từ của phạm phu.

慈若可得即名菩薩無緣之慈。

từ nhược khả đắc tức danh Bồ-tát vô duyên chi từ 。

Tâm từ nếu có thể được thì gọi là vô duyên từ của Bồ-tát.

捨一闍提慈犯四重禁慈謗方等慈作五逆慈。

xả nhất xiển đề từ phạm tứ trọng cấm từ báng phương đẳng từ tác ngũ nghịch từ 。

Xả bỏ tâm từ của hàng Nhất-xiển-đề, của người phạm bốn tội nặng, phỉ báng Phương Đẳng, của người làm năm nghịch tội thì

得憐愍慈得如來慈世尊之慈無因緣慈。

đắc liên mẫn từ đắc Như Lai từ Thế Tôn chi từ vô nhân duyên từ 。

được tâm từ lân mẫn, được tâm từ của Như Lai, tâm từ của Thế Tôn, được vô duyên từ.

云何復名捨慈得慈。捨黃門慈無根二根女人之慈。

vân hà phục danh xả từ đắc từ 。

Thế nào gọi là xả bỏ tâm từ được tâm từ? Xả bỏ tâm từ của Hoàng môn, của người không căn, của người nữ hai căn,

屠脍獵師畜養鷄猪如是等慈。亦捨聲聞緣覺之慈。

đồ quái liệt sư súc dưỡng kê trư như thị đẳng từ 。

diệc xả Thanh văn, Duyên giác chi từ 。

của những người thợ săn bắn, của những người nuôi gia súc như gà, lợn v.v..., cũng xả bỏ luôn tâm từ của Thanh văn và Duyên giác,

得諸菩薩無緣之慈。不見自慈不見他慈。

đắc chư Bồ-tát vô duyên chi từ 。

bất kiến tự từ bất kiến tha từ 。

thì được tâm từ vô duyên của Bồ-tát, chẳng thấy từ của chính mình, chẳng thấy tâm từ của người khác,

不見持戒不見破戒。雖自見悲不見眾生。

bất kiến trì giới bất kiến phá giới 。

tuy tự kiến bi bất kiến chúng sanh 。

chẳng thấy trì giới, chẳng thấy người phá giới. Dầu tự thấy tâm bi nhưng chẳng thấy có tướng chúng sanh.

雖有苦受不見受者。何以故。以修第一真實義故。

tuy hữu khổ thọ bất kiến thọ giả 。 hà dĩ cố 。 dĩ tu đệ nhất chân thật nghĩa cố 。

Dầu có thọ khổ nhưng chẳng thấy người thọ khổ. Vì sao vậy? Vì Bồ-tát tu đệ nhất chân thật nghĩa vậy.

是名菩薩修大涅槃成就具足第三功德。

thị danh Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu cụ túc đệ tam công đức 。

Đó gọi là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ ba.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử!

云何菩薩摩訶薩修大涅槃成就具足第四功德。善男子。

vân hà Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn thành tựu cụ túc đệ tứ công đức 。

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư? Này thiện

nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃成就具足第四功德。有十事。何等為十。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn thành tựu cụ túc đệ tứ công đức 。

Đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư là có mười việc. Thế nào là mười?

一者根深難可傾拔。二者自身生決定想。

nhất giả căn thâm nan khả khuynh bạt 。

Một là căn lành sâu dày khó có thể lay động. Hai là tự thân có quan niệm quyết định.

三者不觀福田及非福田。四者修淨佛土。

tam giả bất quán phúc điền cập phi phúc điền 。

Ba là chẳng quán ruộng phước và phi ruộng phước. Bốn là tu tập công hạnh thanh tịnh cõi Phật Tịnh độ.

五者滅除有餘。六者斷除業緣。七者修清淨身。

ngũ giả diệt trừ hữu dư 。

Năm là diệt trừ Hữu dư. Sáu là đoạn trừ nghiệp duyên. Bảy là tu thân thanh tịnh.

八者了知諸緣。九者離諸怨敵。十者斷除二邊。

bát giả liễu tri chư duyên 。

Tám là rõ biết các duyên. Chín là xa lìa oán thù. Mười là đoạn trừ nhị biên (chấp một bên).

云何根深難可傾拔。所言根者名不放逸。

vân hà căn thâm nan khả khuynh bạt 。 sở ngôn căn giả danh bất phóng dật 。

Thế nào gọi là căn lành sâu dày khó có thể lay động? Chỗ nói căn lành ấy là nói chẳng phóng dật.

不放逸者為是何根。

bất phóng dật giả vi thị hà căn 。

Người chẳng phóng dật là căn lành gì?

所謂阿耨多羅三藐三菩提根。善男子。

sở vị a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề căn 。

Đó là căn lành Vô Thượng Bồ-đề. Này thiện nam tử!

一切諸佛諸善根本皆不放逸。不放逸故諸餘善根轉轉增長。

nhất thiết chư Phật chư thiện căn bản giai bất phóng dật 。

Các căn lành của hết thầy chư Phật đều chẳng phóng dật, chẳng phóng dật nên các căn lành khác dần dần tăng trưởng.

以能增長諸善根故。於諸善中最高殊勝。善男子。

dĩ năng tăng trưởng chư thiện căn cố 。

。 ư chư thiện trung tối vi thù thắng 。

Do hay tăng trưởng các căn lành nên trong các pháp lành thì chẳng phóng dật là hơn hết.

Này thiện nam tử!

如諸跡中象跡為上。不放逸法亦復如是。

như chư tích trung tượng tích vi thượng 。

Như trong các dấu chân thì dấu chân voi là trên hết, pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy,

於諸善法最高殊勝。善男子。如諸明中日光為最。

ư chư thiện Pháp tối vi thù thắng 。

。 như chư minh trung nhật quang vi tối

đối với các pháp lành là thù thắng hơn hết. Này thiện nam tử! Như trong các loại ánh sáng thì ánh sáng của mặt trời là hơn hết.

不放逸法亦復如是。於諸善法最高殊勝。

bất phóng dật Pháp diệc phục như thị 。 ư chư thiện Pháp tối vi thù thắng 。
 Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp lành là thù thắng hơn hết.
 善男子。如諸王中轉輪聖王為最第一。

thiện nam tử 。 như chư Vương trung Chuyển luân Thánh Vương vi tối đệ nhất 。
 Này thiện nam tử! Như trong các vua chúa thì Chuyển Luân Thánh Vương là bậc nhất.
 不放逸法亦復如是。於諸善法為最第一。善男子。

bất phóng dật Pháp diệc phục như thị 。 ư chư thiện Pháp vi tối đệ nhất 。 thiện nam tử 。
 Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp lành là tối tôn đệ nhất. Này
 thiện nam tử!
 如諸流中四河為最。不放逸法亦復如是。

như chư lưu trung tứ hà vi tối 。 bất phóng dật Pháp diệc phục như thị 。
 Như trong các dòng nước thì bốn sông là tối tôn. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy,
 於諸善法為上為最。善男子。

ư chư thiện Pháp vi thượng vi tối 。 thiện nam tử 。
 đối với các pháp lành là tối tôn. Này thiện nam tử!
 如諸山中須彌山王為最第一。

như chư sơn trung Tu Di sơn Vương vi tối đệ nhất 。
 Như trong các núi, vua núi Tu Di là tối tôn đệ nhất.
 不放逸法亦復如是於諸善法為最第一。善男子。如水生花中青蓮花為最。

bất phóng dật Pháp diệc phục như thị ư chư thiện Pháp vi tối đệ nhất 。 thiện nam tử 。
 như thủy sanh hoa trung thanh liên hoa vi tối 。
 Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp lành là tối tôn đệ nhất. Này
 thiện nam tử! Như trong các loài hoa mọc ở nước thì hoa sen xanh là tối tôn.
 不放逸法亦復如是。於諸善法為最為上。善男子。

bất phóng dật Pháp diệc phục như thị 。 ư chư thiện Pháp vi tối vi thượng 。 thiện nam tử
 。
 Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp lành là tối tôn, tối thượng. Này
 thiện nam tử!
 如陸生花中婆利師花為最為上。

như lục sanh hoa trung bà lợi sư hoa vi tối vi thượng 。
 Như trong các loài hoa mọc trên đất thì hoa Bà-lợi-sư là tối tôn, tối thượng.

不放逸法亦復如是。於諸善法為最為上。善男子。

bất phóng dật Pháp diệc phục như thị 。 ư chư thiện Pháp vi tối vi thượng 。 thiện nam tử
。

Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp lành là tối tôn, tối thượng.
如諸獸中師子為最。不放逸法亦復如是。

như chư thú trung Sư-tử vi tối 。 bất phóng dật Pháp diệc phục như thị 。

Như trong các loài thú, sư tử là tối tôn. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy,
於諸善法為最為上。善男子。

ư chư thiện Pháp vi tối vi thượng 。 thiện nam tử 。

đối với các pháp lành là tối tôn, tối thượng. Này thiện nam tử!

如飛鳥中金翅鳥王為最為上。不放逸法亦復如是。

như phi điểu trung kim sí điểu Vương vi tối vi thượng 。 bất phóng dật Pháp diệc phục như
thị 。

Như trong các loài chim bay thì vua chim Kim-sí là tối tôn, tối thượng. Pháp chẳng phóng
dật cũng lại như vậy,

於諸善法為最為上。

ư chư thiện Pháp vi tối vi thượng 。

đối với các pháp lành là tối tôn, tối thượng.

善男子。如大身中羅睺阿修羅王為最為上。

thiện nam tử 。 như Đại thân trung la hầu A-tu-La Vương vi tối vi thượng 。

Này thiện nam tử! Trong các loài thân to lớn thì thân vua La-hầu-la A-tu-la là tối tôn, tối
thượng.

不放逸法亦復如是於諸善法為最為上。

bất phóng dật Pháp diệc phục như thị ư chư thiện Pháp vi tối vi thượng 。

Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp lành là tối tôn, tối thượng.
善男子。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử!

如一切眾生若二足四足多足無足中如來為最。不放逸法亦復如是。

như nhất thiết chúng sanh nhược nhị túc tứ túc đa túc vô túc trung Như Lai vi tối 。 bất
phóng dật Pháp diệc phục như thị 。

Như trong hết thủy chúng sanh, hoặc loài hai chân, bốn chân, hoặc nhiều chân, hoặc không chân thì Như Lai là tối tôn. Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy,

於善法中為最為上。善男子。如諸眾中佛僧為上。

ư thiện Pháp trung vi tối vi thượng 。 thiện nam tử 。 như chư chúng trung Phật tăng vi thượng 。

đối với các pháp lành là tối tôn, tối thượng. Nay thiện nam tử! Như trong các chúng thì Tăng chúng của Phật là tối thượng.

不放逸法亦復如是。於善法中為最為上。善男子。

bất phóng dật Pháp diệc phục như thị 。 ư thiện Pháp trung vi tối vi thượng thiện nam tử 。

Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp lành là tối tôn, tối thượng. Nay thiện nam tử!

如佛法中大涅槃法為最為上。

như Phật Pháp trung Đại Niết-bàn Pháp vi tối vi thượng 。

Như trong giáo pháp của Phật, Kinh Đại Niết-bàn là tối tôn, tối thượng.

不放逸法亦復如是。於諸善法為最為上。善男子。

bất phóng dật Pháp diệc phục như thị 。 ư chư thiện Pháp vi tối vi thượng 。 thiện nam tử 。

Pháp chẳng phóng dật cũng lại như vậy, đối với các pháp lành là tối tôn, tối thượng. Nay thiện nam tử!

以是義故。不放逸根深固難拔。

dĩ thị nghĩa cố 。 bất phóng dật căn thâm cố nan bạt 。

Do nghĩa đó nên chẳng phóng dật là căn lành sâu dày, bền chắc khó lay động.

云何不放逸故而得增長。

vân hà bất phóng dật cố nhi đắc tăng trường 。

Thế nào là chẳng phóng dật mà được tăng trưởng?

所謂信根戒根施根慧根忍根聞根進根念根定根善知識根。

sở vị tín căn giới căn thí căn tuệ căn nhẫn căn văn căn tiến căn niệm căn định căn thiện tri thức căn 。

đó là tín căn, giới căn, bố thí căn, tuệ căn, nhẫn căn, đa văn căn, tấn căn, niệm căn, định căn, thiện tri thức căn.

如是諸根不放逸故而得增長。以增長故深固難拔。以是義故。

như thị chư căn bất phóng dật cố nhi đắc tăng trường 。 dĩ tăng trường cố thâm cố nan bạt
。 dĩ thị nghĩa cố 。

Các căn lành như vậy do chẳng phóng dật nên được tăng trưởng, do tăng trưởng nên sâu
dày, bền chắc khó lay động. Do nghĩa đó nên

名為菩薩摩訶薩修大涅槃根深難拔。

danh vi Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn căn thâm nan bạt 。

gọi là Đại Bồ-tát tu căn Đại Niết-bàn sâu dày khó lay động.

云何於身作決定想。於自身所生決定心。

vân hà ư thân tác quyết định tưởng 。 ư tự thân sở sanh quyết định tâm 。

Thế nào là đối với thân có tưởng quyết định? Là đối với bản thân mình sanh tâm quyết
định rằng:

我今此身於未來世定當為阿耨多羅三藐三菩

ngã kim thử thân ư vị lai thế định đương vi a nậu đa-la tam miểu tam bồ

Thân này của ta hôm nay sẽ làm pháp khí Vô Thượng Bồ-đề ở đời vị lai.

提器。心亦如是不作狹小不作變易。

đề khí 。 tâm diệc như thị bất tác hiệp tiểu bất tác biến dịch 。

Tâm cũng như vậy, chẳng nhỏ hẹp, chẳng thay đổi,

不作聲聞辟支佛心。不作魔心及自樂心樂生死心。

bất tác Thanh văn Bích-chi-phật tâm 。 bất tác ma tâm cập tự lạc tâm lạc sanh tử tâm 。

chẳng sanh tâm của Thanh văn và Bích-chi-phật, chẳng sanh tâm của ma, tâm tự hưởng

vui thú, chẳng sanh tâm sanh tử,

常為眾生求慈悲心。

thường vì chúng sanh cầu từ bi tâm 。

thường vì chúng sanh mà cầu tâm từ bi.

是名菩薩於自身中生決定心。

thị danh Bồ-tát ư tự thân trung sanh quyết định tâm 。

Đó là Bồ-tát đối với tự thân sanh tâm quyết định rằng:

我於來世當為阿耨多羅三藐三菩提器。以是義故。菩薩摩訶薩修大涅槃。

ngã ư lai thế đương vi a nậu đa-la tam miểu tam Bồ-đề khí 。 dĩ thị nghĩa cố 。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn 。

Ta sẽ làm pháp khí Vô Thượng Bồ-đề ở đời vị lai. Do nghĩa đó nên Đại Bồ-tát tu Đại Niết
於自身中生決定想。

ư tự thân trung sanh quyết định tưởng 。

đối với tự thân sanh tưởng quyết định.

云何菩薩不觀福田及非福田。云何福田。外道持戒上至諸佛是名福田。

vân hà Bồ-tát bất quán phúc điền cập phi phúc điền 。

vân hà phúc điền 。

ngoại đạo trì giới thượng chí chư Phật thị danh phúc điền 。

Thế nào là Bồ-tát chẳng thấy ruộng phước và chẳng phải ruộng phước? Những gì là
ruộng phước? Ngoại đạo trì giới, trên đến chư Phật gọi là ruộng phước.

若有念言。如是等輩是真福田。

nhược hữu niệm ngôn 。

như thị đẳng bối thị chân phúc điền 。

Nếu có người nghĩ rằng: Những bậc như vậy chính là ruộng phước,
當知是心則為狹劣。

đương trì thị tâm tắc vi hiệp liệt 。

phải biết tâm đó là tâm hạ liệt hẹp hòi.

菩薩摩訶薩悉觀一切無量眾生無非福田。何以故。

Bồ-tát Ma-ha tát tất quán nhất thiết vô lượng chúng sanh vô phi phúc điền 。

hà dĩ cố 。

Đại Bồ-tát quán hết thấy vô lượng chúng sanh không ai mà chẳng phải là ruộng phước. Vì
sao?

以善修習異念處故有異念處。

dĩ thiện tu tập dị niệm xứ cố hữu dị niệm xứ。

Do vì Bồ-tát khéo tu tập niệm xứ khác lạ nên có niệm xứ khác lạ.

善修習者觀諸眾生無有持戒及以毀戒。常觀諸佛世尊所。

thiện tu tập giả quán chư chúng sanh vô hữu trì giới cập dĩ hủy giới 。

thường quán chư Phật Thế tôn sở 。

Khéo tu tập đó là quán các chúng sanh không có trì giới cùng với hủy giới, thường quán
sát

說施雖四種俱得清淨報。何等為四。一者施主清淨受者不淨。

thuyết thí tuy tứ chủng câu đắc thanh tịnh báo 。

hà đẳng vi tứ 。

nhất giả thí chủ thanh tịnh thọ giả bất tịnh 。

bốn pháp bố thí của chư Phật Thế Tôn nói ra đều được quả báo thanh tịnh. Những gì là bốn? Một là thí chủ thanh tịnh mà người thọ chẳng thanh tịnh.

二者施主不淨受者清淨。三者施受俱淨。

nhị giả thí chủ bất tịnh thọ giả thanh tịnh 。 tam giả thí thọ câu tịnh 。

Hai là thí chủ chẳng tịnh mà người thọ thanh tịnh. Ba là thí chủ và người thọ đều tịnh.

四者施受二俱不淨。

tứ giả thí thọ nhị câu bất tịnh 。

Bốn là thí chủ và người thọ cả hai đều chẳng thanh tịnh.

云何施淨受者不淨。施主具有戒聞智慧。

vân hà thí tịnh thọ giả bất tịnh 。 thí chủ cụ hữu giới văn trí tuệ 。

Thế nào là thí chủ thanh tịnh mà người thọ chẳng thanh tịnh? Thí chủ có trì giới, đa văn và trí tuệ,

知有慧施及以果報。

tri hữu tuệ thí cập dĩ quả báo 。

biết bố thí có trí tuệ cùng quả báo của bố thí.

受者破戒專著邪見無施果報。是名施淨受者不淨。

thọ giả phá giới chuyên trước tà kiến vô thí quả báo 。 thị danh thí tịnh thọ giả bất tịnh 。

Người thọ phá giới, chuyên tâm đắm trước vào tà kiến, không tin bố thí cùng quả báo. Đó gọi là thí chủ thanh tịnh mà người thọ chẳng thanh tịnh.

云何名為受者清淨施主不淨。

vân hà danh vi thọ giả thanh tịnh thí chủ bất tịnh 。

Thế nào gọi là người thọ thanh tịnh, thí chủ chẳng thanh tịnh?

施主破戒專著邪見言無慧施及以果報。

thí chủ phá giới chuyên trước tà kiến ngôn vô tuệ thí cập dĩ quả báo 。

Là thí chủ có phá giới, chuyên tâm đắm trước vào tà kiến, cho rằng bố thí chẳng có tuệ cùng với quả báo.

受者持戒多聞智慧知有惠施及施果報是名施主不淨受者清淨。

thọ giả trì giới đa văn trí tuệ tri hữu huệ thí cập thí quả báo thị danh thí chủ bất tịnh thọ giả thanh tịnh。

Người thọ là người có trì giới, đa văn, trí tuệ, biết bố thí có huệ cùng với quả báo. Đó gọi là thí chủ chẳng thanh tịnh mà người thọ thanh tịnh.

云何名為施受俱淨。

vân hà danh vi thí thọ câu tịnh 。

Thế nào gọi là thí chủ và người thọ đều thanh tịnh?

施者受者俱有持戒多聞智慧。知有惠施及施果報。

thí giả thọ giả câu hữu trì giới đa văn trí tuệ 。

Người thí chủ và người thọ đều có trì giới, đa văn và có trí tuệ, biết bố thí có trí huệ và có quả báo.

是名施受二俱清淨。

thị danh thí thọ nhị câu thanh tịnh 。

Đó gọi là thí chủ và người thọ cả hai đều thanh tịnh.

云何名為二俱不淨。

vân hà danh vi nhị câu bất tịnh 。

Thế nào gọi là cả hai đều chẳng thanh tịnh?

施者受者破戒邪見言無有施及施果報。

thí giả thọ giả phá giới tà kiến ngôn vô hữu thí cập thí quả báo 。

Người bố thí và người thọ là phá giới, tà kiến, cho rằng không có bố thí và chẳng có quả báo của bố thí.

若如是者云何復言得淨果報。以無施無報故名為淨。善男子。

nhược như thị giả vân hà phục ngôn đắc tịnh quả báo 。

Nếu người như vậy gọi là người được quả báo thanh tịnh, do không bố thí, không quả báo nên gọi là thanh tịnh. Này thiện nam tử!

若有不見施及施報。當知是人破戒。

nhược hữu bất kiến thí cập thí báo 。

Nếu có người chẳng thấy bố thí và quả báo của bố thí, phải biết người đó chẳng gọi là phá giới.

專著邪見若依聲聞。言不見施及施果報。

Chuyên trước tà kiến nhược y Thanh văn 。

Nếu người chuyên đắm trước tà kiến, nương vào Thanh văn mà nói rằng chẳng thấy bố thí cùng với quả báo của bố thí,

是則名為破戒邪見。

thị tắc danh vi phá giới tà kiến。

thì đó gọi là người phá giới, tà kiến.

若依如是大涅槃經不見惠施及施果報。是則名為持戒正見。

nhược y như thị Đại Niết-bàn Kinh bất kiến huệ thí cập thí quả báo。 thị tắc danh vi trì giới chánh kiến。

Nếu nương vào Kinh Đại Niết-bàn đó mà chẳng thấy huệ thí cùng với quả báo của bố thí thì đó gọi là trì giới, chánh kiến.

菩薩摩訶薩有異念處以修習故。

Bồ-tát Ma-ha tát hữu dị niệm xứ dĩ tu tập cố。

Đại Bồ-tát có niệm xứ khác lạ, do tu tập niệm xứ nên

不見眾生持戒破戒施者受者及施果報。是故得名持戒正見。以是義故。

bất kiến chúng sanh trì giới phá giới thí giả thọ giả cập thí quả báo。 thị cố đắc danh trì giới chánh kiến。 dĩ thị nghĩa cố。

chẳng thấy chúng sanh trì giới, phá giới, người bố thí, người thọ thí cùng với quả báo của bố thí, vì vậy được gọi là trì giới chánh kiến. Do nghĩa đó nên

菩薩摩訶薩不觀福田及非福田。

Bồ-tát Ma-ha tát bất quán phúc điền cập phi phúc điền。

Đại Bồ-tát chẳng thấy ruộng phước cùng với chẳng phải ruộng phước.

云何名為淨佛國土。

vân hà danh vi tịnh Phật quốc độ。

Thế nào gọi là thanh tịnh cõi Phật?

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển vị a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề độ chúng sanh cố

Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu vì Vô Thượng Bồ-đề, vì muốn hóa độ chúng sanh離殺害心。以此善根願與一切眾生共之。

ly sát hại tâm。 dĩ thủ thiện căn nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi。

nên lìa tâm giết hại. Đem căn lành này, nguyện cùng hết thảy chúng sanh đồng thành Phật,

願諸眾生得壽命長。有大勢力獲大神通。

nguyện chư chúng sanh đắc thọ mạng trường。 hữu Đại thế lực hoạch Đại Thần thông

nguyện các chúng sanh được thọ mạng dài lâu, có thể lực lớn, được thần thông lớn.

以是誓願因緣力故。於未來世成佛之時。

dĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố 。 ư vị lai thể thành Phật chi thời 。

Do sức thệ nguyện này mà ở đời vị lai khi thành Phật,

國土所有一切眾生得壽命長有大勢力獲大神通。

quốc độ sở hữu nhất thiết chúng sanh đắc thọ mạng trường hữu đại thể lực hoạch đại thần thông 。

trong quốc độ, hết thảy chúng sanh đều được thọ mạng dài lâu, có thể lực lớn, được thần thông lớn.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển 。

Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu

為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故離偷盜心。以此善根願與一切眾生共之。

vị a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề độ chúng sanh cố ly thâu đạo tâm 。

dĩ thử thiện căn nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi 。

vì Vô Thượng Bồ-đề, vì muốn hóa độ chúng sanh nên lia xa tâm trộm cắp. Dem căn lành này nguyện cùng hết thảy chúng sanh đồng thành Phật,

願諸佛國土地所有純是七寶。眾生富足所欲自恣。

nguyện chư Phật quốc độ địa sở hữu thuần thị thất bảo 。

chúng sanh phú túc sở dục tự tử 。

nguyện mặt đất cõi nước Phật đều thuần là bảy báu. Chúng sanh giàu có sung túc vật dùng tùy theo ý muốn.

以此誓願因緣力故。

dĩ thử thệ nguyện nhân duyên lực cố 。

Do sức thệ nguyện lực này mà

於未來世成佛之時所得國土純是七寶。眾生富足所欲自恣。

ư vị lai thể thành Phật chi thời sở đắc quốc thổ thuần thị thất bảo 。

chúng sanh phú túc sở dục tự tử 。

ở đời sau khi thành Phật, cõi nước thuần là bảy báu. Chúng sanh giàu có sung túc vật
dùng tùy theo ý muốn.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển 。

Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu

為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故離婬欲心。以此善根願與一切眾生共之。

vị a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề độ chúng sanh cố ly dâm dục tâm 。

đĩ thử thiện căn
nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi 。

vì Vô Thượng Bồ-đề, vì muốn hóa độ chúng sanh nên lìa xa tâm dâm dục. Đem căn lành
này, nguyện cùng hết thảy chúng sanh đồng thành Phật,

願諸佛土所有眾生。無有貪欲瞋恚癡心。

nguyện chư Phật độ sở hữu chúng sanh 。

vô hữu tham dục sân khuể si tâm 。

nguyện các chúng sanh trong cõi nước Phật chẳng có tâm tham lam, sân giận, si mê,
亦無飢渴苦惱之者。以是誓願因緣力故。

diệc vô cơ khát khổ não chi giả 。

đĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố 。

cũng không có người đói khát khổ não. Do sức thệ nguyện này mà

於未來世成佛之時。國土眾生遠離貪婬瞋恚癡心。

ư vị lai thế thành Phật chi thời 。

quốc thổ chúng sanh viễn li tham dâm sân khuể si tâm 。

ở đời sau khi thành Phật, chúng sanh trong nước đều xa lìa tâm tham dâm, sân giận, si
mê,

一切無有飢渴苦惱。

nhất thiết vô hữu cơ khát khổ não 。

hết thảy không có đói khát khổ não.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。為阿耨多羅三藐三菩提。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển 。

vị a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu vì Vô Thượng Bồ-đề,
度眾生故離妄語心。以此善根願與一切眾生共之。

độ chúng sanh cố ly vọng ngữ tâm 。 dĩ thử thiện căn nguyện dữ nhất thiết chúng sanh
cộng chi 。

vì muốn hóa độ chúng sanh nên lia xa tâm vọng ngữ. Đem căn lành này, nguyện cùng hết
thảy chúng sanh đồng thành Phật,

願諸佛土常有花樹果樹香樹。所有眾生得妙音聲。

nguyện chư Phật độ thường hữu hoa thụ quả thụ hương thụ 。 sở hữu chúng sanh đắc
Diệu-Âm thanh 。

nguyện các cõi nước Phật có cây hoa, cây trái, cây mùi thơm, chúng sanh được âm thanh
vi diệu.

以是誓願因緣力故。於未來世成佛之時。

dĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố 。 ư vị lai thế thành Phật chi thời 。

Do sức thệ nguyện lực này mà ở đời sau khi thành Phật,

所有國土常有花樹果樹香樹。

sở hữu quốc độ thường hữu hoa thụ quả thụ hương thụ 。

cõi nước Phật đó thường có cây hoa, cây trái, cây mùi thơm.

其中眾生悉得清淨上妙音聲。

kỳ trung chúng sanh tất đắc thanh tịnh thượng Diệu-Âm thanh 。

Trong cõi nước đó, chúng sanh đều được thanh tịnh, âm thanh thượng diệu.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển 。

Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu

為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故遠離兩舌。以此善根願與一切眾生共之。

vì a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề độ chúng sanh cố viễn li lượng thiệt 。

dĩ thử thiện căn
nguyện dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi 。

vì Vô Thượng Bồ-đề, vì muốn hóa độ chúng sanh nên lia xa nói hai lưỡi. Đem căn lành
này nguyện cùng hết thảy chúng sanh đồng thành Phật,

願諸佛土所有眾生常共和合講說正法。

nguyện chư Phật độ sở hữu chúng sanh thường cộng hòa hợp giảng thuyết chánh Pháp
nguyện các cõi nước Phật có chúng sanh thường hòa hợp, cùng nhau giảng thuyết chánh
pháp.

以是誓願因緣力故。成佛之時。

đĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố 。 thành Phật chi thời 。

Do sức thệ nguyện này mà ở đời sau khi thành Phật,

國土所有一切眾生悉共和合講論法要。

quốc độ sở hữu nhất thiết chúng sanh tất cộng hòa hợp giảng luận Pháp yếu 。

tất cả chúng sanh trong cõi nước đều hòa hợp, cùng nhau giảng luận Pháp yếu.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển 。

Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu

為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故遠離惡口。以此善根願與一切眾生共之。

vị a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề độ chúng sanh cố viễn li ác khẩu 。

đĩ thử thiện căn
nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi 。

vì Vô Thượng Bồ-đề, vì muốn hóa độ chúng sanh nên xa lìa ác khẩu. Đem căn lành này
nguyện cùng hết thảy chúng sanh đồng thành Phật,

願諸佛土地平如掌無有沙礫瓦石之屬荊棘惡刺。

nguyện chư Phật địa bình như chưởng vô hữu sa lịch ngõa thạch chi chúc kinh cực ác
thứ 。

nguyện các cõi nước Phật mặt đất bằng phẳng như lòng bàn tay, không có cát, đá, sạn
sỏi, các thứ gai góc.

所有眾生其心平等。以是誓願因緣力故。

sở hữu chúng sanh kỳ tâm bình đẳng 。

đĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố 。

Chúng sanh ở đó có tâm bình đẳng. Do sức thệ nguyện này mà

於未來世成佛之時。

ư vị lai thế thành Phật chi thời 。

ở đời sau khi thành Phật,

所有國土地平如掌無有沙礫荊棘惡刺。所有眾生其心平等。

sở hữu quốc độ địa bình như chường vô hữu sa lịch kinh cức ác thứ 。 sở hữu chúng sanh kỳ tâm bình đẳng 。

cõi nước mặt đất bằng phẳng như lòng bàn tay, không có cát, đá, sỏi sạn, các thứ gai góc. Chúng sanh ở đó có tâm bình đẳng.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển 。

Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu

為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故離無義語。以此善根願與一切眾生共之。

vị a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề độ chúng sanh cố ly vô nghĩa ngữ 。

đĩ thử thiện căn nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi 。

vì Vô Thượng Bồ-đề, vì muốn hóa độ chúng sanh nên xa lìa lời nói vô nghĩa. Dem căn lành này nguyện cùng hết thảy chúng sanh đồng thành Phật,

願諸佛土所有眾生無有苦惱。以是誓願因緣力故。

nguyện chư Phật độ sở hữu chúng sanh vô hữu khổ não 。

đĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố 。

nguyện các cõi nước Phật có chúng sanh chẳng có khổ não. Do sức thệ nguyện này mà
於未來世成佛之時。

ư vị lai thế thành Phật chi thời 。

ở đời sau khi thành Phật,

國土所有一切眾生無有苦惱。

quốc độ sở hữu nhất thiết chúng sanh vô hữu khổ não 。

cõi nước đó hết thảy chúng sanh đều không có khổ não.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển 。

Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu

為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故遠離貪嫉。以此善根願與一切眾生共之。

vị a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề độ chúng sanh cố viễn li tham tật 。

dĩ thử thiện căn
nguyện dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi 。

vì Vô Thượng Bồ-đề, vì muốn hóa độ chúng sanh nên xa lìa tham dâm. Dem căn lành này
nguyện cùng hết thảy chúng sanh đồng thành Phật,

願諸佛土一切眾生無有貪嫉惱害邪見。

nguyện chư Phật độ nhất thiết chúng sanh vô hữu tham tật não hại tà kiến 。

nguyện các cõi nước Phật, hết thảy chúng sanh không có tâm tham dâm, não hại, tà kiến.

以此誓願因緣力故。於未來世成佛之時。

dĩ thử thệ nguyện nhân duyên lực cố 。

ư vị lai thế thành Phật chi thời 。

Do sức thệ nguyện này mà ở đời sau, khi thành Phật

國土所有一切眾生悉無貪嫉惱害邪見。

quốc độ sở hữu nhất thiết chúng sanh tất vô tham tật não hại tà kiến 。

cõi nước đó có tất cả chúng sanh đều không tham lam, ganh ghét, não hại, tà kiến.

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển 。

Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu

為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故遠離惱害。以此善根願與一切眾生共之。

vị a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề độ chúng sanh cố viễn li não hại 。

dĩ thử thiện căn
nguyện dữ nhất thiết chúng sanh cộng chi 。

vì Thượng Bồ-đề, vì muốn hóa độ chúng sanh nên xa lìa não hại. Dem căn lành này
nguyện cùng hết thảy chúng sanh đồng thành Phật,

願諸佛土所有眾生悉共修習大慈大悲得一子

nguyện chư Phật độ sở hữu chúng sanh tất cộng tu tập đại từ đại bi đắc nhất tử

nguyện các cõi nước Phật có chúng sanh đều cùng tu tập đại từ, đại bi, được bậc con
mộť.

地。以是誓願因緣力故。於未來世成佛之時。
địa 。 dĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố 。 ư vị lai thế thành Phật chi thời 。
Do sức thệ nguyện này mà ở đời sau, khi thành Phật
世界所有一切眾生悉共修習大慈大悲得一子地。
thế giới sở hữu nhất thiết chúng sanh tất cộng tu tập đại từ đại bi đắc nhất tử địa 。
thế giới có tất cả chúng sanh đều cùng tu tập đại từ, đại bi được bậc con một.
復次善男子。
phục thứ thiện nam tử 。
Lại nữa, này thiện nam tử!
菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。
Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển 。
Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu
為阿耨多羅三藐三菩提度眾生故遠離邪見。以此善根願與一切眾生共之。
vị a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề độ chúng sanh cố viễn li tà kiến 。 dĩ thử thiện căn
nguyện dĩ nhất thiết chúng sanh cộng chi 。
vì Vô Thượng Bồ-đề, vì muốn hóa độ chúng sanh nên xa lìa tà kiến. Dem căn lành này
nguyện cùng hết thảy chúng sanh đồng thành Phật,
願諸佛土所有眾生悉得摩訶般若波羅蜜。
nguyện chư Phật độ sở hữu chúng sanh tất đắc Ma ha Bát nhã ba la mật 。
nguyện các cõi nước Phật có chúng sanh đều được Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật.
以是誓願因緣力故。於未來世成佛之時。
đĩ thị thệ nguyện nhân duyên lực cố 。 ư vị lai thế thành Phật chi thời 。
Do sức thệ nguyện này mà ở đời sau, khi thành Phật
世界眾生悉得受持摩訶般若波羅蜜。
thế giới chúng sanh tất đắc thọ trì Ma ha Bát nhã ba la mật 。
thế giới có chúng sanh đều được thọ trì Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật.
是名菩薩修淨佛土。
thị danh Bồ-tát tu tịnh Phật độ。
Đó gọi là Bồ-tát tu thanh tịnh cõi Phật .
云何菩薩摩訶薩滅除有餘。有餘有三。
vân hà Bồ-tát Ma-ha tát diệt trừ hữu dư 。 hữu dư hữu tam 。

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát diệt trừ hữu dư? Hữu dư có ba.

一者煩惱餘報。二者餘業。三者餘有。善男子。

nhất giả phiền não dư báo 。 nhị giả dư nghiệp 。 tam giả dư hữu 。 thiện nam tử 。

Một là phiền não dư báo, hai là dư nghiệp, ba là dư hữu. Này thiện nam tử!

云何名為煩惱餘報。若有眾生習近貪欲。

vân hà danh vi phiền não dư báo 。 nhược hữu chúng sanh tập cận tham dục 。

Thế nào gọi là phiền não dư báo? Nếu có chúng sanh huân tập thân gần tham dục,

是報熟故墮於地獄。從地獄出受畜生身。

thị báo thực cố đọa ư Địa-ngục 。 tòng Địa-ngục xuất thọ súc sanh thân 。

báo này thành thực nên đọa vào trong địa ngục, từ địa ngục ra ra thọ làm thân súc sanh như

所謂鴿雀鴛鴦鸚鵡耆婆耆婆舍利伽鳥青雀魚鼈彌猴

sở vị cấp tước uyên ương anh vũ kỳ bà kỳ bà Xá-lợi đà điểu thanh tước ngư miết di hầu
bồ câu, chim sẻ, uyên ương, anh vũ, kỳ bà kỳ bà, xá lợi, già điểu xanh, khổng tước, cá,
rùa, khỉ

麀鹿。

chương lộc 。

hươu, nai.

若得人身受黃門形女人二根無根姪女。若得出家犯初重戒。是名餘報。

nhược đắc nhân thân thọ hoàng môn hình nữ nhân nhị căn vô căn dâm nữ 。

nhược đắc xuất gia phạm sơ trọng giới 。

thị danh dư báo 。

Nếu được thân người thọ làm thọ thân Hoàng môn, người nữ hai căn, không căn, dâm nữ.

Nếu được xuất gia phạm giới trọng đầu tiên. Đó gọi là dư báo.

復次善男子。若有眾生以殷重心習近瞋恚。

phục thứ thiện nam tử 。

nhược hữu chúng sanh dĩ ân trọng tâm tập cận sân khuể 。

Lại nữa, này thiện nam tử! Nếu có chúng sanh ân cần, thân gần huân tập sân hận,

是報熟故墮於地獄。從地獄出受畜生身。

thị báo thực cố đọa ư Địa-ngục 。 tòng Địa-ngục xuất thọ súc sanh thân 。

quả báo đó thành thực phải đọa vào địa ngục, từ địa ngục ra thọ làm thân súc sanh như:

所謂毒蛇具四種毒。見毒觸毒齧毒獻毒。

sở vị độc xà cụ tứ chủng độc 。

kiến độc xúc độc niết độc hư độc 。

rắn độc và đủ bốn thứ độc hại như thấy độc, xúc chạm độc, cắn độc, hít độc
師子虎狼熊羆猫狸鷹鷄之屬。

Sư-tử hổ lang hùng bi miêu li ưng diêu chi chúc 。

thuộc các giống thú dữ như sư tử, cọp, chó sói, mèo, chồn, ó, diều hâu.

若得人身具足十六諸惡律儀。若得出家犯第二重戒。

nhược đắc nhân thân cụ túc thập lục chư ác luật nghi 。

nhược đắc xuất gia phạm đệ nhị
trọng giới 。

Nếu được làm người thì đủ mười sáu nghiệp ác. Nếu xuất gia phạm giới trọng thứ hai.

是名餘報。

thị danh dư báo 。

Đó gọi là dư báo.

復次善男子。若有修習愚癡之人。

phục thứ thiện nam tử 。

nhược hữu tu tập ngu si chi nhân 。

Lại nữa, này thiện nam tử! Nếu người nào có tu tập ngu si

是報熟時墮於地獄。從地獄出受畜生身。

thị báo thực thời đọa ư Địa-ngục 。

tòng Địa-ngục xuất thọ súc sanh thân 。

báo này thành thực phải đọa vào địa ngục, từ địa ngục ra thọ làm thân súc sanh

所謂象猪牛羊水牛蚤虱蚊虻蟻子等形。

sở vị tượng trư ngưu dương thủy ngưu tảo sắt văn mòng nghĩ tử đẳng hình.

như voi, heo, bò, dê, rận, rệp, muỗi, ruồi, kiến, mối v.v..

若得人身聾盲瘖啞癱殘背癭。諸根不具不能受法。

nhược đắc nhân thân lung manh âm ách lung tàn bối lữ 。

chư căn bất cụ bất năng thọ
Pháp.

Nếu được làm người thì bị đui, điếc, câm, ngọng, lưng gù, tàn tật. Các căn chẳng đủ,

không thể thọ giới pháp.

若得出家諸根闕鈍熹犯重戒乃至五錢。是名餘報。

nhược đắc xuất gia chư căn ám độn hỷ phạm trọng giới nãi chí ngũ tiền 。

thị danh dư báo
。

Nếu được xuất gia, các căn ám độn, qạ phạm giới trọng nhẩn đến năm tiền. Đây gọi là dư
báo.

復次善男子。若有修習憍慢之人。

phục thứ thiện nam tử 。 nhược hữu tu tập kiêu mạn chi nhân 。

Lại nữa, này thiện nam tử! nếu có người tu tập kiêu mạn,

是報熟時墮於地獄。從地獄出受畜生身。

thị báo thực thời đọa ư Địa-ngục 。 tòng Địa-ngục xuất thọ súc sanh thân 。

báo này thành thực phải đọa vào địa ngục, từ địa ngục ra thọ làm thân súc sanh

所謂糞虫駝驢犬馬。若生人中受奴婢身貧窮乞匄。

sở vị phần trùng đà lư khuyến mã 。 nhược sanh nhân trung thọ nô tì thân bần cùng khát cái 。

như làm thân con trùng trong phân, lạc đà, lừa, ngựa, chó v.v.. Nếu được sanh trong loài người thì thọ thân làm tôi tớ, nghèo cùng, ăn xin v.v.

或得出家常為眾生之所輕賤破第四戒。

hoặc đắc xuất gia thường vị chúng sanh chi sở khinh tiện phá đệ tứ giới 。

hoặc được xuất gia thường bị chúng sanh khinh tiện, phá giới thứ tư.

是名餘報。如是等名煩惱餘報。

thị danh dư báo 。 như thị đẳng danh phiền não dư báo 。

Đây gọi là dư báo. Những điều như vậy gọi là phiền não dư báo.

如是餘報菩薩摩訶薩以能修習大涅槃故悉得除滅。

như thị dư báo Bồ-tát Ma-ha tát đĩ năng tu tập Đại Niết-bàn cố tất đắc trừ diệt

Dư báo như vậy, Đại Bồ-tát do tu tập Kinh Đại Niết-bàn đều có thể trừ diệt.

云何餘業。謂一切凡夫業。一切聲聞業。

vân hà dư nghiệp 。 vị nhất thiết phàm phu nghiệp 。 nhất thiết Thanh văn nghiệp 。

Thế nào là dư nghiệp? Đó là tất cả nghiệp của phàm phu, nghiệp của Thanh văn.

須陀洹人受七有業。斯陀含人受二有業。

Tu-đà-hoàn nhân thọ thất hữu nghiệp 。 Tư-đà-hàm nhân thọ nhị hữu nghiệp 。

Tu-đà-hoàn có nghiệp bảy lần thọ thân. Tư-đà-hàm có nghiệp hai lần thọ thân.

阿那含人受色有業。是名餘業。

A-na-hàm nhân thọ sắc hữu nghiệp 。 thị danh dư nghiệp 。

A-na-hàm có nghiệp thọ thân cõi Sắc, đây gọi là dư nghiệp.

如是餘業菩薩摩訶薩以能修習大涅槃故悉得斷除。

như thị dư nghiệp Bồ-tát Ma-ha tát đĩ năng tu tập Đại Niết-bàn cố tất đắc đoạn trừ 。

Dư nghiệp như vậy, Đại Bồ-tát do tu tập Kinh Đại Niết-bàn đều dứt trừ 。

云何餘有。阿羅漢得阿羅漢果。

vân hà dư hữu 。 A-la-hán đắc A-la-hán quả 。

Thế nào là dư hữu? A-la-hán được A-la-hán quả.

辟支佛得辟支佛果。無業無結而轉二果。是名餘有。

Bích-chi-phật đắc Bích-chi-phật quả 。

vô nghiệp vô kết nhi chuyển nhị quả 。

thị danh dư hữu 。

Bích-chi-phật được Bích-chi-phật quả, không nghiệp, không kiết sử mà chuyển thành hai quả, đây gọi là dư hữu.

如是三種有餘之法。

như thị tam chủng hữu dư chi Pháp 。

Pháp dư hữu có ba loại như vậy,

菩薩摩訶薩修習大乘大涅槃經故得滅除。

Bồ-tát Ma-ha tát tu tập Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh cố đắc diệt trừ 。

Đại Niết-bàn tu tập Kinh Đại Niết-bàn đều có thể diệt trừ ba thứ hữu dư trên đây
是名菩薩摩訶薩滅除有餘云何菩薩修清淨身。

thị danh Bồ-tát Ma-ha tát diệt trừ hữu dư vân hà Bồ-tát tu thanh tịnh thân 。

nên gọi là Đại Bồ-tát diệt trừ hữu dư. Thế nào gọi là Đại Bồ-tát tu tập thân thanh tịnh?

菩薩摩訶薩修不殺戒有五種心。謂下中上上中上上。

Bồ-tát Ma-ha tát tu bất sát giới hữu ngũ chủng tâm 。

vị hạ trung thượng thượng trung
thượng thượng 。

Đại Bồ-tát tu giới bất sát có năm thứ tâm: Hạ, trung, thượng, thượng trung thượng, thượng
thượng,

乃至正見亦復如是。是五十心名初發心。

nãi chí chánh kiến diệt phục như thị 。

thị ngũ thập tâm danh sơ phát tâm 。

nhấn đến chánh kiến cũng lại như vậy. Năm mươi tâm này gọi là sơ phát tâm.

具足決定成五十心是名滿足。如是百心名百福德。

cụ túc quyết định thành ngũ thập tâm thị danh mãn túc 。

như thị bách tâm danh bách phúc đức 。

Quyết định đầy đủ năm mươi tâm này gọi là mãn túc. Một trăm tâm như vậy gọi là một
trăm phúc đức.

具足百福成於一相。如是展轉具足成就三十二相。

cụ túc bách phúc thành ư nhất tướng 。 như thị triển chuyển cụ túc thành tựu tam thập nhị tướng 。

Đầy đủ một trăm phước làm thành một tướng, lần lượt như vậy thành tựu ba mươi hai tướng

名清淨身。所以復修八十種好。

danh thanh tịnh thân 。

thì gọi là thanh tịnh thân, Sở dĩ lại tu tám mươi vẻ đẹp

世有眾生事八十神。何等八十。

thế hữu chúng sanh sự bát thập Thần 。

hà đẳng bát thập 。

vì ở đời có chúng sanh phụng thờ tám mươi vị Thiên thần. Những gì là tám mươi?

十二日十二大天五大星北斗馬天行道天婆羅墮跋闍天功德天二

thập nhị nhật thập nhị Đại Thiên ngũ Đại tinh Bắc đẩu mã Thiên hành đạo Thiên bà la đọa

bạt xà Thiên công đức Thiên nhị

Đó là mười hai Thần mặt trời, mười hai vị Trời lớn, năm sao Bắc đẩu lớn, Mã thiên, Hành

Đạo thiên, Bà-la-đọa Bạt-xà Thiên, Công Đức Thiên,

十八宿地天風天水天火天梵天樓陀天因

thập bát tú địa Thiên phong Thiên thủy Thiên hỏa Thiên Phạm Thiên lâu đà Thiên nhân

hai mươi tám tinh tú, đất trời, gió trời, nước trời, lửa trời, trời Đại phạm, trời Lâu-đà, trời

Nhân-đà,

提天拘摩羅天八臂天摩醯首羅天半闍羅天

đề Thiên câu ma la Thiên bát tý Thiên ma hề thủ la Thiên bán xà la Thiên

trời Câu-ma-la, trời Bát-tý, trời Ma-hê-thủ-la, trời Bán-xà-la, trời

鬼子母天四天王天造書天婆藪天。

quỷ tử mẫu Thiên tứ Thiên Vương Thiên tạo thư Thiên bà tẩu Thiên 。

quỷ tử mẫu thiên, vua trời Tứ Thiên, Tạo thư thiên, Bà-tẩu thiên,

是名八十。為此眾生修八十好以自莊嚴。

thị danh bát thập 。

vì thử chúng sanh tu bát thập hảo dĩ tự trang nghiêm 。

đó gọi là tám mươi. Vì chúng sanh này tu tám mươi vẻ đẹp dùng để trang nghiêm tự thân.

是名菩薩清淨之身。何以故。

thị danh Bồ-tát thanh tịnh chi thân 。

hà dĩ cố 。

Đó gọi là Bồ-tát tu thanh tịnh thân. Vì sao vậy?

是八十天一切眾生之所信伏。是故菩薩修八十好其身不動。

thị bát thập Thiên nhất thiết chúng sanh chi sở tín phục 。 thị cố Bồ-tát tu bát thập hảo kỳ thân bất động 。

Vì tám mươi cõi trời ấy là chỗ hết thảy chúng sanh tin phục. Vì thế, Bồ-tát tu tám mươi vẻ đẹp, thân ấy Bất động

令彼眾生隨其所信各各而見。

linh bỉ chúng sanh tùy kỳ sở tín các các nhi kiến 。

làm cho chúng sanh kia tùy theo chỗ tin đó mà mỗi mỗi đều được thấy,

見已宗敬各發阿耨多羅三藐三菩提心。以是義故。

kiến dĩ tông kính các phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。

dĩ thị nghĩa cố. thấy rồi tôn kính mà phát tâm Vô Thượng Bồ-đề. Do nghĩa đó nên

菩薩摩訶薩修於淨身。善男子。譬如有人欲請大王。

Bồ-tát Ma-ha tát tu ư tịnh thân 。

thiện nam tử 。

譬如有人欲請大王。 Đại Bồ-tát tu thanh tịnh thân. Nay thiện nam tử! Thí như có người muốn thỉnh Đại vương

要當莊嚴所有舍宅極令清淨。

yếu đương trang nghiêm sở hữu xá trạch cực lệnh thanh tịnh 。

辨具種種百味餽饈。然後王當就其所請。

biện cụ chủng chủng bách vị hào thiện 。

nhiên hậu Vương đương tựu kỳ sở thỉnh 。

bày biện đầy đủ trăm thứ ngọt ngon, sau đó mới đến thỉnh vua.

菩薩摩訶薩亦復如是。欲請阿耨多羅三藐三菩提法輪王故。

Bồ-tát Ma-ha tát diệc phục như thị 。

dục thỉnh a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề Pháp luân Vương cố 。

Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, muốn thỉnh bậc Vô Thượng Bồ-đề thì

先當修身極令清淨。無上法王乃當處之。

tiên đương tu thân cực lệnh thanh tịnh 。

vô thượng Pháp Vương nãi đương xử chi.

trước tiên phải tu thân hết sức thanh tịnh, tu pháp vô thượng mới đến được nơi Vô Thượng Bồ-đề.

以是義故。菩薩摩訶薩要當修於清淨之身。

dĩ thị nghĩa cố 。

Bồ-tát Ma-ha tát yếu đương tu ư thanh tịnh chi thân 。

善男子。譬如有人欲服甘露先當淨身。

thiện nam tử 。 thí như hữu nhân dục phục Cam lồ tiên đương tịnh thân 。

Này thiện nam tử! Thí như có người muốn uống Cam lồ thì trước tiên thân phải thanh tịnh.

菩薩摩訶薩亦復如是。

Bồ-tát Ma-ha tát diệc phục như thị 。

Đại Bồ-tát cũng lại như vậy,

欲服無上甘露法味般若波羅蜜。要當先以八十種好清淨其身。

dục phục vô thượng cam lồ Pháp vị bát nhã ba la mật 。

yếu đương tiên dĩ át thập chủng hảo thanh tịnh kỳ thân 。

muốn uống vị pháp Cam lồ Vô Thượng Bát-nhã Ba-la-mật thì trước tiên phải dùng tám mươi vẻ đẹp để thanh tịnh thân.

善男子。譬如妙好金銀盂器盛之淨水中表俱淨。

thiện nam tử 。 thí như diệu hảo kim ngân vu khí tịnh chi tịnh thủy trung biểu câu tịnh 。

Này thiện nam tử! Thí như chén bát bằng vàng bạc đẹp đẽ, sạch sẽ, nước ở trong chén bát cũng đều hiện tướng sạch sẽ.

菩薩摩訶薩其身清淨亦復如是。

Bồ-tát Ma-ha tát kỳ thân thanh tịnh diệc phục như thị 。

Thân của Đại Bồ-tát thanh tịnh cũng lại như vậy,

盛阿耨多羅三藐三菩提水中表俱淨。善男子。

thịnh a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề thủy trung biểu câu tịnh 。

thiện nam tử 。

trong nước Vô Thượng Bồ-đề đều biểu hiện tướng thanh tịnh. Này thiện nam tử!

如波羅奈素白之衣易受染色。何以故。性白淨故。

như ba la nại tố bạch chi y dịch thọ nhiễm sắc 。

hà dĩ cố 。

tánh bạch tịnh cố 。

Như vải tơ trắng Ba-la-nại muốn đổi màu thì phải nhuộm màu sắc. Vì sao vậy? Vì tánh của nó là trắng sạch vậy.

菩薩摩訶薩亦復如是。

Bồ-tát Ma-ha tát diệc phục như thị 。

Đại Bồ-tát cũng lại như vậy,

以身淨故疾得阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。

dĩ thân tịnh cố tật đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

dĩ thị nghĩa cố 。

do thân thanh tịnh nên mau chóng được Vô Thượng Bồ-đề. Do nghĩa đó nên

菩薩摩訶薩修於淨身。云何菩薩摩訶薩善知諸緣。

Bồ-tát Ma-ha tát tu ư tịnh thân 。 vân hà Bồ-tát Ma-ha tát thiện tri chư duyên 。

Đại Bồ-tát tu thanh tịnh thân. Thế nào là Đại Bồ-tát khéo biết các duyên?

菩薩摩訶薩不見色相。不見色緣不見色體。

Bồ-tát Ma-ha tát bất kiến sắc tướng 。 bất kiến sắc duyên bất kiến sắc thể 。

Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc tướng, chẳng thấy sắc duyên, chẳng thấy sắc thể,
不見色生不見色滅。不見一相不見異相。

bất kiến sắc sanh bất kiến sắc diệt 。

bất kiến nhất tướng bất kiến dị tướng 。

chẳng thấy sắc sanh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy một tướng, chẳng thấy tướng khác,
不見見者不見相貌不見受者。何以故。了因緣故。

bất kiến kiến giả bất kiến tướng mạo bất kiến thọ giả 。

hà dĩ cố 。

liễu nhân duyên cố 。

chẳng thấy người thấy, chẳng thấy tướng mạo, chẳng thấy người thọ. Vì sao? Vì rõ biết nhân duyên vậy.

如色一切法亦如是。是名菩薩了知諸緣。

như sắc nhất thiết Pháp diệc như thị 。

thị danh Bồ-tát liễu tri chư duyên 。

Như sắc của hết thảy pháp cũng lại như vậy. Đó gọi là Đại Bồ-tát rõ biết các duyên.

云何菩薩離諸怨敵。一切煩惱是菩薩怨敵。

vân hà Bồ-tát ly chư oán địch 。

nhất thiết phiền não thị Bồ-tát oán địch 。

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát lìa xa oán thù? Tất cả phiền não là oán thù của Bồ-tát,

菩薩摩訶薩常遠離故。是名菩薩壞諸怨敵。

Bồ-tát Ma-Ha tát thường viễn li cố 。

thị danh Bồ-tát hoại chư oán địch 。

Đại Bồ-tát thường xa lìa nên gọi là Bồ-tát phá hoại các oán thù.

五住菩薩視諸煩惱不名為怨。所以者何。
ngũ trụ Bồ-tát thị chư phiền não bất danh vi oán 。

sở dĩ giả hà 。

Bồ-tát ở bậc Ngũ trụ xem các phiền não chẳng phải là oán thù. Bởi vì

因煩惱故菩薩有生。以有生故。

nhân phiền não cố Bồ-tát hữu sanh 。

dĩ hữu sanh cố 。

nhân phiền não nên Bồ-tát có thọ sanh, do có thọ sanh

故能展轉教化眾生。以是義故不名為怨。何等為怨。

cố năng triển chuyển giáo hóa chúng sanh 。

dĩ thị nghĩa cố bất danh vi oán 。

hà đẳng vi oán 。

nên có thể lần lượt giáo hóa chúng sanh. Do nghĩa đó nên chẳng gọi là oán thù. Những gì là oán thù?

所謂誹謗方等經者。

sở vị phỉ báng phương đẳng Kinh giả 。

Đó là người phỉ báng Kinh Đại thừa.

菩薩隨生不畏地獄畜生餓鬼。唯畏如是謗方等者。

Bồ-tát tùy sanh bất úy Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ 。

duy úy như thị báng phương đẳng giả 。

Bồ-tát thọ sanh chẳng sợ địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ mà chỉ sợ người phỉ báng Đại thừa đó.

一切菩薩有八種魔名為怨家。遠是八魔名離怨家。

nhất thiết Bồ-tát hữu bát chủng ma danh vi oán gia 。

viễn thị bát ma danh ly oán gia 。

Tất cả Bồ-tát có tám thứ ma gọi là oan gia, lìa xa tám ma này gọi là lìa xa oan gia.

是名菩薩離諸怨家。

thị danh Bồ-tát ly chư oán gia 。

Đó gọi là Bồ-tát lìa các oan gia.

云何菩薩遠離二邊。言二邊者。

vân hà Bồ-tát viễn li nhị biên 。

ngôn nhị biên giả 。

Thế nào gọi là Bồ-tát lìa xa Nhị biên? Nhị biên

謂二十五有及愛煩惱。菩薩常離二十五有及愛煩惱。

vị nhị thập ngũ hữu cập ái phiền não 。

Bồ-tát thường ly nhị thập ngũ hữu cập ái phiền não 。

là hai mươi lăm cõi và ái phiền não. Các vị Bồ-tát thường lìa hai mươi lăm cõi cùng với ái phiền não.

是名菩薩遠離二邊。

thị danh Bồ-tát viễn li nhị biên 。

Đây gọi là Bồ-tát lìa xa Nhị biên.

是名菩薩摩訶薩修大涅槃具足成就第四功德。

thị danh Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn cụ túc thành tựu đệ tứ công đức 。

Như vậy gọi là Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ tư.

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。

nhĩ thời quang minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-ha tát ngôn 。
Lúc bấy giờ Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Đại Bồ-tát bạch Phật rằng:
Bạch Thế Tôn!
如佛所說若有菩薩修大涅槃。
như Phật sở thuyết nhược hữu Bồ-tát tu Đại Niết-bàn 。
Như lời Phật nói, nếu có Bồ-tát tu Đại Niết-bàn
悉作如是十事功德。如來何故唯修九事不修淨土。
tất tác như thị thập sự công đức 。 Như Lai hà cố duy tu cửu sự bất tu Tịnh độ 。
đều đợc mười ông đức như vậy. Như Lai nay sao lại nói chỉ tu chín công đức mà không
tu Tịnh độ?
佛言。善男子。我於往昔亦常具修如是十事。
Phật ngôn 。 thiện nam tử 。 ngã ư vãng tích diệc thường cụ tu như thị thập sự 。
Phật dạy: Này thiện nam tử! Ta xưa cũng tu tập đầy đủ mười công đức như vậy。
一切菩薩及諸如來無有不修是十事者。
nhất thiết Bồ-tát cập chư Như Lai vô hữu bất tu thị thập sự giả 。
Hết thầy Bồ-tát và chư Như Lai đều tu mười công đức đó。
若使世界不淨充滿。諸佛世尊於中出者。
nhược sử thế giới bất tịnh sung mãn 。 chư Phật Thế tôn ư trung xuất giả 。
Giả sử thế giới đầy dẫy sự bất tịnh, chư Phật Thế Tôn xuất hiện ở trong đó,
無有是處。善男子。汝今莫謂諸佛出於不淨世界。
vô hữu thị xử 。 thiện nam tử 。 nhữ kim mặc vị chư Phật xuất ư bất tịnh thế giới
là việc không có đợc. Này thiện nam tử! Ông nay chớ cho rằng chư Phật xuất hiện ở
trong thế giới bất tịnh,
當知是心不善狹劣。
đương tri thị tâm bất thiện hiệp liệt 。
phải biết đó là tâm hẹp hòi tấp kém.
汝今當知我實不出閻浮提界。譬如有人說言此界獨有日月。
nhữ kim đương tri ngã thật bất xuất Diêm-phù-đề giới 。 thí như hữu nhân thuyết ngôn thử
giới độc hữu nhật nguyệt 。
ông nay phải biết thật Ta chẳng xuất hiện ở cõi Diêm-phù-đề. Thí như có người nói riêng
cõi này có mặt trời, mặt trăng,

他方世界無有日月。如是之言無有義理。

tha phương thế giới vô hữu nhật nguyệt 。 như thị chi ngôn vô hữu nghĩa lý 。

các cõi khác không có mặt trời, mặt trăng. Lời nói như vậy không có nghĩa lý.

若有菩薩發如是言。此佛世界穢惡不淨。

nhược hữu Bồ-tát phát như thị ngôn 。 thử Phật thế giới uế ác bất tịnh 。

nếu có Bồ-tát nói lời rằng: Cõi Phật này nhơ ố, bất tịnh.

他方佛土清淨嚴麗。亦復如是。善男子。

tha phương Phật độ thanh tịnh nghiêm lệ 。

diệc phục như thị 。

thiện nam tử 。

Cõi Phật khác thanh tịnh, nghiêm đẹp. Đây cũng là lời nói không có nghĩa lý. Nay thiện nam tử!

西方去此娑婆世界度三十二恒河沙等諸佛國土。

Tây phương khứ thử Ta-bà thế giới độ tam thập nhị hằng hà sa đẳng chư Phật quốc độ.

Về phương Tây, cách cõi Ta-bà này bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật,

彼有世界名曰無勝。彼土何故名曰無勝。

bỉ hữu thế giới danh viết Vô thắng 。

bỉ độ hà cố danh viết Vô thắng 。

có thế giới tên là Vô Thắng. Vì sao cõi kia gọi là Vô Thắng?

其土所有嚴麗之。事皆悉平等無有差別。

kỳ độ sở hữu nghiêm lệ chi 。

sự giai tất bình đẳng vô hữu sai biệt 。

Vì cõi đó những sự trang nghiêm xin đẹp đều bình đẳng, không có sai khác

猶如西方安樂世界。亦如東方滿月世界。

do như Tây phương an lạc thế giới 。

diệc như Đông phương mãn nguyệt thế giới 。

như cõi Tây phương Cực Lạc, cũng như cõi Đông phương Mãn Nguyệt.

我於彼土出現於世。為化眾生故。

ngã ư bỉ độ xuất hiện ư thế 。

vi hóa chúng sanh cố 。

Ta xuất hiện ở trong cõi đó. Vì hóa độ chúng sanh nên 於此界閻浮提中現轉法輪。非但我身獨於此中現轉法輪。

ư thử giới Diêm-phù-đề trung hiện chuyển Pháp luân 。

phi dẫn ngã thân độc ư thử trung hiện chuyển Pháp luân 。

Ta thị hiện Chuyển pháp luân nơi cõi Diêm-phù-đề này. Chẳng phải mình Ta thị hiện Chuyển pháp luân ở cõi này

一切諸佛亦於此中而轉法輪。以是義故。

nhất thiết chư Phật diệc ư thử trung nhi chuyển Pháp luân 。 dĩ thị nghĩa cố 。
mà tất cả chư Phật cũng Chuyển pháp luân trong cõi đó.

諸佛世尊非不修行如是十事。善男子。

chư Phật Thế tôn phi bất tu hành như thị thập sự 。 thiện nam tử 。

Chư Phật Thế Tôn đều tu hành mười công đức như vậy. Này thiện nam tử!

慈氏菩薩以誓願故。當來之世令此世界清淨莊嚴。以是義故。

từ thị Bồ-tát dĩ thệ nguyện cố 。 đương lai chi thế linh thử thế giới thanh tịnh trang nghiêm
。 dĩ thị nghĩa cố 。

Từ Thị Bồ-tát do thệ nguyện nên đời đương lai sẽ làm cho cõi này thanh tịnh trang
nghiêm. Do nghĩa đó nên

一切諸佛所有世界無不嚴淨。

nhất thiết chư Phật sở hữu thế giới vô bất nghiêm tịnh 。

hết thầy chư Phật đều có thế giới thanh tịnh trang nghiêm.

復次善男子。云何菩薩摩訶薩。

phục thử thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử! Thế nào gọi là Đại Bồ-tát

修大涅槃微妙經典。具足成就第五功德。善男子。

tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển 。 cụ túc thành tựu đệ ngũ công đức 。 thiện nam tử 。

tu Kinh Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ cống đức thứ năm? Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃具足成就第五功德。有五事。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn cụ túc thành tựu đệ ngũ công đức 。 hữu ngũ sự

Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ cống đức thứ năm, có năm việc.

何等為五。一者諸根完具。二者不生邊地。

hà đẳng vi ngũ 。

Những gì là năm? Một là các căn toàn vẹn, hai là chẳng sanh ở biên địa,

三者諸天愛念。

tam giả chư Thiên ái niệm 。

ba là được chư Thiên thương mến,

四者常為天魔沙門剎利婆羅門等之所恭敬。五者得宿命智。

tứ giả thường vi Thiên ma Sa-môn sát lợi Bà-la-môn đẳng chi sở cung kính 。

tú mạng trí 。

bốn là thường được Thiên ma, Sa-môn, Sát-lợi, Bà-la-môn cug kính, năm là được Túc mạng trí.

菩薩以是大涅槃經因緣力故。

Bồ-tát dĩ thị Đại Niết-bàn Kinh nhân duyên lực cố 。

Do năng lực Kinh Đại Niết-bàn mà Bồ-tát

具足如是五事功德光明遍照高貴德王菩薩言。

cụ túc như thị ngũ sự công đức quang minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát ngôn 。

đồng đủ năm công đức như vậy. Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đứ Vương Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

如佛所說若有善男子善女人修於布施。

như Phật sở thuyết nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân tu ư bố thí 。

Như lời Phật nói, nếu có người thiện nam, người thiện nữ nào tu bố thí

則得具成五事功德。今云何言因大涅槃得是五事。

tắc đắc cụ thành ngũ sự công đức 。

kim vân hà ngôn nhân Đại Niết-Bàn đắc thị ngũ sự 。

thì được đầy đủ năm công đức. Nay sao lại nói nhân Kinh Đại Niết-bàn mà được năm công đức?

佛言。善哉善哉。善男子。如是之事其義各異。

Phật ngôn 。

Thiện tai Thiện tai 。

thiện nam tử 。

như thị chi sự kỳ nghĩa các dị.

Phật dạy: Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử! Các công đức ấy đều có nghĩa sai khác,

今當為汝分別解說。

kim đương vị nhữ phân biệt giải thuyết 。

nay Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói.

施得五事不定不常不淨不勝不異。非無漏。

thí đắc ngũ sự bất định bất thường bất tịnh bất thắng bất dị 。

phi vô lậu 。

Bố thí được năm công đức là không định, không thường, không tịnh, không khác, không vô lậu,

不能利益安樂憐愍一切眾生。若依如是大涅槃經所得五事。

bất năng lợi ích an lạc liên mẫn nhất thiết chúng sanh 。

nhược y như thị Đại Niết-bàn Kinh sở đắc ngũ sự 。

không lợi ích an lạc, luân mãi cho hết thầy chúng sanh. Nếu nương vào Kinh Đại Niết-bàn được năm công đức

是定是常是淨是勝是異。是無漏。

thị định thị thường thị tịnh thị thắng thị dị 。 thị vô lậu 。

là định, là thường, là tịnh, là thắng, là khác, là vô lậu

則能利益安樂憐愍一切眾生。善男子。夫布施者則離飢渴。

tắc năng lợi ích an lạc liên mãi nhất thiết chúng sanh 。 thiện nam tử 。 phu bố thí giả tắc ly cơ khát 。

thì có thể lợi ích an lạc, luân mãi cho hết thầy chúng sanh. Nay thiện nam tử! Luận về bố thí ấy thì xa lìa được đói khát.

大涅槃經能令眾生悉得遠離二十五有渴愛

Đại Niết-bàn Kinh năng linh chúng sanh tất đắc viễn li nhị thập ngũ hữu khát ái

Kinh Đại Niết-bàn có thể làm cho chúng sanh được lìa xa bệnh khát ái trong hai mươi lăm cõi.

之病。布施因緣令生死相續。

chi bệnh 。 bố thí nhân duyên linh sanh tử tương tục 。

Nhân bố thí làm cho sanh tử tương tục.

大涅槃經能令生死斷不相續。因布施故受凡夫法。

Đại Niết-bàn Kinh năng linh sanh tử đoạn bất tương tục 。 nhân bố thí cố thọ phàm phu Pháp 。

Kinh Đại Niết-bàn có thể làm cho sanh tử chấm dứt không còn tương tục. Nhân bố thí nên thọ pháp phàm phu.

因大涅槃得作菩薩。布施因緣能斷一切貧窮苦惱。

nhân Đại Niết-bàn đắc tác Bồ-tát 。 bố thí nhân duyên năng đoạn nhất thiết bản cùng khổ não 。

Nhân Kinh Đại Niết-bàn mà được làm Bồ-tát. Nhân bố thí có thể đoạn hết tất cả nghèo cùng khổ não.

大涅槃經能斷一切貧善法者。

Đại Niết-bàn Kinh năng đoạn nhất thiết bản thiện Pháp giả 。

Kinh Đại Niết-bàn có thể dứt tất cả sự nghèo hèn về pháp.

布施因緣有分有果。

bồ thí nhân duyên hữu phần hữu quả 。

Nhân bồ thí mà có phần, có quả.

因大涅槃得阿耨多羅三藐三菩提無分無果。

nhân Đại Niết-bàn đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề vô phân vô quả 。

Nhân Kinh Đại Niết-bàn mà được Vô Thượng Bồ-đề, không phần, không quả.

是名菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。具足成就第五功德。

thị danh Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển 。

cụ túc thành tựu đệ ngũ công đức 。

Đây gọi là Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu, thành tựu đầy đủ công đức thứ năm.

善男子。云何菩薩修大涅槃微妙經典。

thiện nam tử 。

vân hà Bồ-tát tu Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển 。

Này thiện nam tử! Thế nào gọi là Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn vi diệu

具足成就第六功德。菩薩摩訶薩修大涅槃。

cụ túc thành tựu đệ lục công đức 。

Bồ-tát Ma-ha tát tu Đại Niết-bàn 。

thành tựu đầy đủ công đức thứ sáu? Đại Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn

得金剛三昧安住是中。悉能破散一切諸法。

đắc Kim cương Tam-muội an trú thị trung 。

tất năng phá tán nhất thiết chư Pháp.

được Kim Cang Tam-muội. An trụ trong định này thì phá tan được tất cả các pháp.

見一切法皆是無常皆是動相恐怖因緣。

kiến nhất thiết Pháp giai thị vô thường giai thị động tướng khủng phố nhân duyên.

Thấy hết thấy cá pháp đều là vô thường, đều là tướng động, đều là nhân duyên của sợ hãi,

病苦劫盜念念滅壞無有真實。

bệnh khổ kiếp đạo niệm niệm diệt hoại vô hữu chân thật 。

bệnh khổ, trộm cướp, niệm niệm sanh diệt hư hoại, không có chân thật.

一切皆是魔之境界無可見相。菩薩摩訶薩住是三昧。

nhất thiết giai thị ma chi cảnh giới vô khả kiến tướng 。

Bồ-tát Ma-ha-tát trụ thị Tam-muội 。

Hết thấy đều là cảnh giới của ma, không có tướng đáng thấy. Đại Bồ-tát trụ ở trong Tam-muội đó,

雖施眾生乃至不見一眾生。

tuy thí chúng sanh nãi chí bất kiến nhất chúng sanh 。

dầu bố thí chúng sanh n्हĩn đến chẳng thấy một chúng sanh thật.

實為眾生故精勤修習尸波羅蜜。乃至修習般若波羅蜜亦復如是。

thật vị chúng sanh cố tinh tinh cần tu tập Thi Ba-la-mật 。

nãi chí tu tập bát nhã ba la mật
diệc phục như thị 。

Vì chúng sanh mà tinh cần tu tập Thi Ba-la-mật, n्हĩn đến tu tập Bát-nhã Ba-la-mật cũng
lại như vậy.

菩薩若見有一眾生。

Bồ-tát n्हợc kiến hữu nhất chúng sanh 。

Bồ-tát nếu còn thấy có một chúng sanh

不能畢竟具足成就檀波羅蜜乃至具足般若波羅蜜。善男子。

bất năng tất cánh cụ túc thành tựu Đàn Ba-la-mật nãi chí cụ túc Bát-nhã Ba-la- mật 。

thiện nam tử 。

thì không thể rốt ráo thành tựu Đàn Ba-la-mật n्हĩn đến đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật. Này
thiện nam tử!

譬如金剛所擬之處無不碎壞。

thí như Kim cương sở n्हĩ chi xử vô bất toái hoại 。

Thí như vật gì bị kim cương đập dũa đều bể nát

而是金剛無有折損。金剛三昧亦復如是。

nhi thị Kim cương vô hữu chiết tổn 。

Kim cương Tam-muội diệc phục như thị 。

mà kim cương không bị hao tổn. Kim Cang Tam-muội cũng lại như vậy,

所擬之法無不碎壞。而是三昧無有折損。善男子。

sở n्हĩ chi Pháp vô bất toái hoại 。

nhi thị Tam-muội vô hữu chiết tổn 。

thiện nam tử 。

chiếu đến pháp nào thì pháp đó đều tan rã mà Tam-muội chẳng hề hao tổn. Này thiện
nam tử!

如諸寶中金剛最勝。菩薩所得金剛三昧亦復如是。

nư chư bảo trung Kim cương tối thắng 。

Bồ-tát sở đắc Kim cương Tam-muội diệc phục
như thị.

Trong các thứ châu báu, kim cương là hơn tất cả. Bồ-tát được Kim Cang Tam-muội cũng
lại như vậy,

於諸三昧為最第一。何以故。

ư chư Tam-muội vi tối đệ nhất 。 hà dĩ cố 。

đối với các Tam-muội là thứ nhất. Vì sao vậy?

菩薩摩訶薩修是三昧。一切三昧悉來歸屬。善男子。

Bồ-tát Ma-ha tát tu thị Tam-muội 。 nhất thiết Tam-muội tất lai quy chúc 。 thiện nam tử 。

Đại Bồ-tát tu tập Tam-muội này thì hết thảy Tam-muội đều quy thuộc về. Nay thiện nam tử!

如諸小王悉來歸屬轉輪聖王。一切三昧亦復如是。

như chư Tiểu Vương tất lai quy chúc Chuyển Luân Thánh Vương 。 nhất thiết Tam-muội diệc phục như thị 。

Như các vua nhỏ đều quy thuộc về Chuyển Luân Thánh Vương. Hết thảy Tam-muội cũng lại như vậy,

悉來歸屬金剛三昧。善男子。

tất lai quy chúc Kim cương Tam-muội 。 thiện nam tử 。

đều quy thuộc về Kim Cang Tam-muội. Nay thiện nam tử!

譬如有人為國怨讎人所厭患。有人殺之。

thí như hữu nhân vi quốc oán thù nhân sở yếm hoạn 。 hữu nhân sát chi 。

Thí như có người là kẻ thù của Đất nước, mọi người ai cũng chán ghét. Ai giết được người này

一切世人無不稱讚是人功德。金剛三昧亦復如是。

nhất thiết thế nhân vô bất xưng tán thị nhân công đức 。 Kim cương Tam-muội diệc phục như thị 。

thì mọi người trong nước đều tán dương công đức của người đó. Kim Cang Tam-muội cũng lại như vậy,

菩薩修習能壞一切眾生怨敵。

Bồ-tát tu tập năng hoại nhất thiết chúng sanh oán địch 。

Bồ-tát tu tập có thể hoại diệt tất cả oán thù của chúng sanh.

是故常為一切三昧之所宗敬。善男子。譬如有人其力盛壯人無當者。

thị cố thường vi nhất thiết Tam-muội chi sở tông kính 。 thiện nam tử 。

thí như hữu nhân kỳ lực thịnh tráng nhân vô đương giả 。

Vì thế Kim Cang Tam-muội thường là chỗ tôn kính của tất cả các Tam-muội khác. Nay thiện nam tử! Thí như có người mạnh mẽ không ai cự nổi,

復更有人力能伏之。當知是人世所稱美。

phục canh hữu nhân lực năng phục chi 。 đương tri thị nhân thế sở xưng mỹ
nếu người nào có sức mạnh có thể hàng phục được người này, nên biết người đó được
người đời khen tặng.

金剛三昧亦復如是。力能摧伏難伏之法。

Kim cương Tam-muội diệt phục như thị 。 lực năng tồi phục nan phục chi Pháp 。
Kim Cang Tam-muội cũng lại như vậy, có sức phá dẹp những pháp khó phá dẹp.

以是義故。一切三昧悉來歸屬。善男子。

dĩ thị nghĩa cố 。 nhất thiết Tam-muội tất lai quy chúc 。 thiện nam tử 。

Do nghĩa đó nên tất cả các Tam-muội đều quy thuộc về. Nay thiện nam tử!

譬如有人在大海浴。當知是人已用諸河泉池之水。

thí như hữu nhân tại Đại hải dục 。 đương tri thị nhân dĩ dụng chư hà tuyền trì chi thủy 。

Thí như có người vào tắm ở trong biển lớn, phải biết người này đã dùng nước ở các sông,
suối, ao.

菩薩摩訶薩亦復如是。修習如是金剛三昧。

Bồ-tát Ma-ha tát diệt phục như thị 。 tu tập như thị Kim cương Tam-muội 。

Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, tu tập Kim Cang Tam-muội này,

當知已為修習其餘一切三昧。善男子。

đương tri dĩ vi tu tập kỳ dư nhất thiết Tam-muội 。 thiện nam tử 。

phải biết Bồ-tát đã tu tập tất cả các Tam-muội khác rồi. Nay thiện nam tử!

如香山中有一泉水名阿那婆踏多。

như hương sơn trung hữu nhất tuyền thủy danh a na bà đạp đa 。

Như trong núi Hương, có một suối nước tên là A-na-bà-đạp-đa.

其泉具足八味之水。有人飲之無諸病苦。

kỳ tuyền cụ túc bát vị chi thủy 。 hữu nhân ẩm chi vô chư bệnh khổ 。

Nước trong suối này đầy đủ tám vị. Người nào uống được nước này thì không có các bệnh
khổ.

金剛三昧亦復如是具八正道。

Kim cương Tam-muội diệt phục như thị cụ Bát Chánh Đạo 。

Kim Cang Tam-muội cũng lại như vậy, đủ Tám Chánh Đạo.

菩薩修習斷諸煩惱瘡疣重病。善男子。如人供養摩醯首羅。

Bồ-tát tu tập đoạn chư phiền não sang vưu trọng bệnh 。 thiện nam tử 。 như nhân cung dưỡng ma hề thủ la 。

Bồ-tát tu tập Kim Cang Tam-muội thì dứt sạch những bệnh ung nhọt phiền não. Nay thiện nam tử! Như người cúng dường Ma-hê-thủ-la,

當知是人已為供養一切諸天。金剛三昧亦復如是。

đương tri thị nhân dĩ vi cung dưỡng nhất thiết chư Thiên 。 Kim cương Tam-muội diệt phục như thị 。

phải biết người đó đã cúng dường tất cả chư Thiên. Kim Cang Tam-muội cũng lại như vậy, 有人修習當知己為修習一切諸餘三昧。善男子。

hữu nhân tu tập đương tri dĩ vi tu tập nhất thiết chư dư Tam-muội 。 thiện nam tử người nào tu tập, phải biết người đó đã từng tu tập hết thảy các Tam-muội khác. Nay thiện nam tử!

若有菩薩安住如是金剛三昧。

nhược hữu Bồ-tát an trú như thị Kim cương Tam-muội 。

Nếu có Bồ-tát an trú ở trong Kim Cang Tam-muội này

見一切法無有障礙。如於掌中觀阿摩勒果。

kiến nhất thiết Pháp vô hữu chướng ngại 。 như ư chướng trung quán a ma lặc quả thì thấy tất cả pháp không bị chướng ngại như xem quả A-ma-lặc trong bàn tay.

菩薩雖復得如是見。終不作想見一切法。善男子。

Bồ-tát tuy phục đắc như thị kiến 。 chung bất tác tưởng kiến nhất thiết Pháp 。 thiện nam tử 。

Bồ-tát này dầu lại thấy được như vậy, nhưng trọn chẳng sanh tưởng thấy tất cả pháp. Nay thiện nam tử!

譬如有人坐四衢道頭見諸眾生來去坐臥。

thí như hữu nhân tọa tứ cù đạo đầu kiến chư chúng sanh lai khứ tọa ngọa 。

Thí như có người ngồi ở ngã tư đường thấy mọi người đi, lại, ngồi, nằm.

金剛三昧亦復如是。見一切法生滅出沒。善男子。

Kim cương Tam-muội diệt phục như thị 。 kiến nhất thiết Pháp sanh diệt xuất một 。 thiện nam tử 。

Kim Cang Tam-muội cũng lại như vậy, thấy sự sanh diệt, xuất ẩn của tất cả pháp. Này thiện nam tử!

譬如高山有人登之遠望諸方皆悉明了。

thí như cao sơn hữu nhân đăng chi viễn vọng chư phương giai tất minh liễu 。

Thí như có người đứng ở trên núi cao trông xa nhìn thấy rõ tất cả các phương.

金剛定山亦復如是。

Kim cương định sơn diệc phục như thị 。

Núi Kim Cang định cũng lại như vậy.

菩薩登之遠望諸法無不明了。善男子。

Bồ-tát đăng chi viễn vọng chư Pháp vô bất minh liễu 。

Bồ-tát lên trên cao nhìn xa đều thấy rõ tất cả các pháp. Này thiện nam tử!

譬如春月天降甘雨其滍微緻間無空處。明眼之人見之了了。

thí như xuân nguyệt Thiên hàng cam vũ kỳ đế vi trí gian vô không xử 。

Thí như mùa Xuân, trời mưa phùn, hạt mưa li ti không có chỗ hở trống, người có mắt sáng thì thấy rất rõ ràng.

菩薩亦爾得金剛定清淨之目。遠見東方所有世界。

Bồ-tát diệc nhĩ đắc Kim cương định thanh tịnh chi mục 。

Bồ-tát cũng vậy, được mắt Kim Cang định thanh tịnh, xa thấy các thế giới ở phương Đông
其中或有國土成壞。一切皆見了了無障。

kỳ trung hoặc hữu quốc độ thành hoại 。

nhất thiết giai kiến liễu liễu Vô chương
hoặc thấy sự thành hoại ở trong các thế giới đó, tất cả đều thấy rõ không chương ngại,

乃至十方亦復如是。善男子。如由乾陀山七日竝出。

nãi chí thập phương diệc phục như thị 。

thiện nam tử 。

như do kiền đà sơn thất nhật tịnh xuất 。

nhấn đến mười phương cũng lại như vậy. Này thiện nam tử! Như do núi Càn Đà, bảy mặt

trời đều cùng mọc.
其山所有樹木叢林一切燒盡。

kỳ sơn sở hữu thụ mộc tùng lâm nhất thiết thiêu tận 。

Tất cả cây cối nơi núi này đều bị thiêu cháy trụi.

菩薩修習金剛三昧亦復如是。

Bồ-tát tu tập Kim cương Tam-muội diệt phục như thị 。

Bồ-tát tu tập Kim Cang Tam-muội cũng lại như vậy,

所有一切煩惱叢林即時消滅。善男子。譬如金剛雖能摧破一切有物。

sở hữu nhất thiết phiền não từng lâm tức thời tiêu diệt 。

thiện nam tử 。

thí như Kim cương tuy năng tòi phá nhất thiết hữu vật 。

tất cả rừng rậm phiền não liền tiêu diệt hết. Nay thiện nam tử! Như chất kim cương dầu có thể phá bể tất cả vật,

終不念我能摧破。金剛三昧亦復如是。

chung bất sanh niệm ngã năng tòi phá 。

Kim cương Tam-muội diệt phục như thị 。

nhưng trọn chẳng nghĩ rằng ta hay phá nát. Kim Cang Tam-muội cũng lại như vậy,

菩薩修已能破煩惱。終不念我能壞結。善男子。

Bồ-tát tu dĩ năng phá phiền não 。

chung bất sanh niệm ngã năng hoại kết 。

thiện nam tử 。

Bồ-tát tu xong hay phá các phiền não nhưng trọn chẳng nghĩ rằng Ta hay phá hoại phiền não oán kết. Nay thiện nam tử!

譬如大地能持萬物。終不念我力能持。

thí như Đại địa năng trì vạn vật 。

chung bất sanh niệm ngã lực năng trì 。

Thí như quả đất lớn có thể giữ gìn vạn vật nhưng trọn chẳng nghĩ rằng sức ta có thể giữ gìn.

火亦不念我能燒物。水亦不念我能潤漬。

hỏa diệt bất niệm ngã năng thiêu vật 。

thủy diệt bất niệm ngã năng nhuận tí 。

Lửa cũng chẳng nghĩ rằng ta hay thiêu đốt các vật. Nước cũng chẳng nghĩ rằng ta hay thấm nhuận.

風亦不念我能動物。空亦不念我能容受。

phong diệt bất niệm ngã năng động vật 。

không diệt bất niệm ngã năng dung thọ 。

Gió cũng chẳng nghĩ ta hay thổi động. Hư không cũng chẳng nghĩ ta hay dung chứa.

涅槃亦復不念言。我令眾生而得滅度。

Niết-bàn diệt phục bất sanh niệm ngôn 。

ngã linh chúng sanh nhi đắc diệt độ 。

Niết-bàn cũng chẳng nghĩ rằng ta làm cho chúng sanh được diệt độ.

金剛三昧亦復如是。雖能滅除一切煩惱。

Kim cương Tam-muội diệt phục như thị 。 tuy năng diệt trừ nhất thiết phiền não 。

Kim Cang Tam-muội cũng lại như vậy, dầu hay diệt trừ tất cả phiền não
 而初無心言我能滅。若有菩薩安住如是金剛三昧。

nhi sơ vô tâm ngôn ngã năng diệt 。

nhược hữu Bồ-tát an trú như thị Kim cương Tam-muội
 。

nhưng tâm vẫn chẳng nghĩ rằng ta hay diệt trừ phiền não. Nếu có Bồ-tát an trú ở trong
 Kim Cang Tam-muội này thì
 於一念中變身如佛。

ư nhất niệm trung biến thân như Phật 。

trong một niệm biến vô lượng thân như Phật.

其數無量遍滿十方恒河沙等諸佛世界。而是菩薩雖作是化。

kỳ số vô lượng biến mãn thập phương hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới 。

nhi thị Bồ-tát tuy tác thị hóa 。

Thân ấy biến khắp vô lượng hằng hà sa thế giới ở mười phương chư Phật. Dầu Bồ-tát này
 biến hóa như vậy
 其心初無憍慢之想。何以故。菩薩常念。

kỳ tâm sơ vô kiêu mạn chi tưởng 。

hà dĩ cố 。

Bồ-tát thường niệm 。

nhưng tâm vẫn không tưởng đến kiêu mạn. Vì sao vậy? Vì Bồ-tát thường nghĩ rằng
 誰有是定能作是化。

thùy hữu thị định năng tác thị hóa 。

ai có định này và có thể biến hóa?

唯有菩薩安住如是金剛三昧乃能作耳。菩薩摩訶薩安住如是金剛三昧。

duy hữu Bồ-tát an trú như thị Kim cương Tam-muội nãi năng tác nhĩ 。

Bồ-tát Ma-ha tát an trú như thị Kim cương Tam-muội 。

Chỉ có Bồ-tát an trú ở trong Kim Cang Tam-muội này mới có thể biến hóa như vậy. Đại
 Bồ-tát an trú ở trong Kim Cang Tam-muội này 於一念中遍到十方恒河沙等諸佛世界還其本
 處。

ư nhất niệm trung biến đáo thập phương hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới hoàn kỳ bốn
 xứ 。

trong một niệm biến khắp vô lượng hằng hà sa thế giới ở mười phương chư Phật rồi trở về
 bốn xứ 。

雖有是力亦不念言我能如是。何以故。

tuy hữu thị lực diệt bất niệm ngôn ngã năng như thị 。 hà dĩ cố 。

Dầu Bồ-tát có lực này nhưng cũng chẳng nghĩ rằng ta có thể làm như vậy. Vì sao?

以是三昧因緣力故。

dĩ thị Tam-muội nhân duyên lực cố 。

Vì do sức của Kim Cang Tam-muội vậy.

菩薩摩訶薩安住如是金剛三昧。

Bồ-tát Ma-ha tát an trú như thị Kim cương Tam-muội 。

Đại Bồ-tát an trú ở trong Kim Cang Tam-muội này

於一念中能斷十方恒河沙等世界眾生所有煩惱。而心初無斷諸眾生。煩惱之想。

ư nhất niệm trung năng đoạn thập phương hằng hà sa đẳng thế giới chúng sanh sở hữu

phiền não 。 nhi tâm sơ vô đoạn chư chúng sanh 。 phiền não chi tưởng 。

trong một niệm có thể dứt hết những phiền não của chúng sanh trong hằng hà sa thế giới

ở mười phương mà vẫn không nghĩ rằng ta hay dứt phiền não của chúng sanh.

何以故。以是三昧因緣力故。

hà dĩ cố 。

Vì sao? Vì do sức của Kim Cang Tam-muội vậy.

菩薩住是金剛三昧。以一音聲有所演說。

Bồ-tát trụ thị Kim cương Tam-muội 。

Đại Bồ-tát an trú ở trong Kim Cang Tam-muội này dùng một loại âm thanh mà diễn thuyết

一切眾生各隨種類而得解了。

nhất thiết chúng sanh các tùy chủng loại nhi đắc giải liễu 。

mà tất cả chúng sanh đều tùy theo giống loài của mình mà hiểu rõ.

示現一色一切眾生各各皆見種種色相。

thị hiện nhất sắc nhất thiết chúng sanh các các giai kiến chủng chủng sắc tướng.

Bồ-tát lại thị hiện một sắc thân mà làm cho tất cả chúng sanh đều thấy các lọ sắc thân

khác nhau.

安住一處身不移易能令眾生隨其方面各各而見。演說一法若界若入。

an trú nhất xứ thân bất di dịch năng lệnh chúng sanh tùy kỳ phương diện các các nhi kiến

。 diễn thuyết nhất Pháp nhược giới nhược nhập 。

Bồ-tát ở yên một nơi không dời đổi mà làm cho chúng sanh theo chỗ ở của mỗi loài mà đều thấy diễn thuyết một pháp, hoặc giới, hoặc nhập
一切眾生各隨本解而得聞之。

nhất thiết chúng sanh các tùy bốn giải nhi đắc văn chi 。

tất cả chúng sanh đều tùy theo chỗ hiểu biết của mình mà được nghe.

菩薩安住。如是三昧。

Bồ-tát an trú 。

như thị Tam-muội 。

Bồ-tát an trú ở trong Kim Cang Tam-muội này
雖見眾生而心初無眾生之相。雖見男女無男女相。

tuy kiến chúng sanh nhi tâm sơ vô chúng sanh chi tướng 。

tuy kiến nam nữ vô nam nữ tướng 。

dầu thấy chúng sanh mà vẫn không có tướng chúng sanh, dầu thấy nam nữ nhưng vẫn không có tướng nam nữ,
雖見色法無有色相。乃至見識亦無識相。

tuy kiến sắc Pháp vô hữu sắc tướng 。

nãi chí kiến thức diệc vô thức tướng 。

dầu thấy sắc Pháp mà vẫn không có sắc tướng sắc pháp, hẳn đến thấy thức cũng không có tướng của thức.
見晝夜無晝夜相。雖見一切無一切相。雖見一切煩惱諸結。

tuy kiến trú dạ vô trú dạ tướng 。

tuy kiến nhất thiết vô nhất thiết tướng 。

tuy kiến nhất thiết phiền não chư kết 。

Dầu thấy ngày đêm mà vẫn không có tướng ngày đêm, dầu thấy tất cả pháp nhưng vẫn không có tướng tất cả pháp, dầu thấy hết thảy phiền não kiết sử
亦無一切煩惱之相。雖見八聖道無聖道相。

diệc vô nhất thiết phiền não chi tướng 。

tuy kiến bát Thánh đạo vô Thánh đạo tướng 。

cũng không có tướng phiền não, dầu thấy tám Thánh đạo mà vẫn không có tướng tám Thánh đạo,
雖見菩提無菩提相。

tuy kiến Bồ-đề vô Bồ-đề tướng 。

dầu thấy Bồ-đề mà vẫn không có tướng Bồ-đề,

雖見於涅槃無涅槃相。何以故。善男子。一切諸法本無相故。

tuy kiến ư Niết-bàn vô Niết-bàn tướng 。 hà dĩ cố 。 thiện nam tử 。 nhất thiết chư Pháp
bổn vô tướng cố 。

dầu thấy Niết-bàn mà vẫn không có tướng Niết-bàn. Vì sao? Đây thiện nam tử! Vì tất cả
pháp vốn không có tướng vậy.

菩薩以是三昧力故。見一切法如本無相。

Bồ-tát dĩ thị Tam-muội lực cố 。 kiến nhất thiết Pháp như bổn vô tướng 。

Bồ-tát do sức Tam-muội này nên thấy hết thấy pháp vốn không có tướng.

何故名為金剛三昧。善男子。

hà cố danh vi Kim cương Tam-muội 。 thiện nam tử 。

Thế nào gọi là Kim Cang Tam-muội? Đây thiện nam tử!

譬如金剛若在中色則不定。金剛三昧亦復如是。

thí như Kim cương nhược tại nhật trung sắc tắc bất định 。

Kim cương Tam-muội diệc
phục như thị 。

Thí như kim cương ở trong ánh nắng mặt trời thì màu sắc không nhất định. Kim Cang
Tam-muội cũng lại như vậy,

在於大眾色亦不定。是故名為金剛三昧。善男子。

tại ư Đại chúng sắc diệc bất định 。

thị cố danh vi Kim cương Tam-muội 。

thiện nam tử 。

ở trong sắc đại chúng cũng không nhất định, vì thế nên gọi là Kim Cang Tam-muội. Đây
thiện nam tử!

譬如金剛一切世人不能評價。

thí như Kim cương nhất thiết thế nhân bất năng bình giá 。

Thí như kim cương, hết thấy người đời không thể bình luận giá cả được.

金剛三昧亦復如是。所有功德一切人天不能評量。

Kim cương Tam-muội diệc phục như thị 。

sở hữu công đức nhất thiết nhân Thiên bất
năng bình lượng 。

Kim Cang Tam-muội cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử! Có công đức mà hết thấy người
và chư Thiên không thể bình luận hay so lường được,

是故復名金剛三昧。善男子。譬如貧人得金剛寶。

thị cố phục danh Kim cương Tam-muội 。

thiện nam tử 。

thí như bần nhân đắc Kim cương
bảo 。

vì vậy gọi là Kim Cang Tam-muội. Đây thiện nam tử! Thí như người được báu kim cương

則得遠離貧窮困苦惡鬼邪毒。

tắc đác viễn li bần cùng khốn khổ ác quỷ tà độc 。

thì dứt hết được nghèo cùng khốn khổ, các ma tà độc.

菩薩摩訶薩亦復如是。

Bồ-tát Ma-ha tát diệt phục như thị 。

Đại Bồ-tát cũng lại như vậy,

得是三昧則能遠離煩惱諸苦諸魔邪毒。是故復名金剛三昧。

đắc thị Tam-muội tắc năng viễn li phiền não chư khổ chư ma tà độc 。

thị cố phục danh Kim cương Tam-muội 。

được Tam-muội này thì có thể dứt hết các phiền não, tà ma độc hại, vì thế gọi là Kim Cang Tam-muội.

是名菩薩修大涅槃具足成就第六功德。

thị danh Bồ-tát tu Đại Niết-bàn cụ túc thành tựu đệ lục công đức 。

Đây gọi là Bồ-tát tu Kinh Đại Niết-bàn thành tựu đầy đủ công đức thứ sáu.

大般涅槃經卷第二十四

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập tứ

KINH ĐẠI NIẾT BÀN, QUYỂN THỨ HAI MƯƠI BỐN

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:11:05 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:11:05 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1. 29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại Bát-niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1. 29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại Bát-niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1. 29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1. 29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại Bát-niết-bàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1. 29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại Bát-niết-bàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1. 29, Normalized Version

=====
=====
=====
=====
=====
=====

Vol. 12, No. 374

Thích Nữ Hương Trí hiệu đính

大般涅槃經卷第二十五

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ thập ngũ

Đại Bát-niết-bàn Kinh

Quyển Thứ Hai Mười Lăm.

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Tam Tạng Đàm-vô-sấm, người Thiên Trúc, dịch vào đời Bắc Lương

光明遍照高貴德王菩薩品第十之五

quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát phẩm đệ thập chi ngũ
Phần Thứ Năm, Phẩm Thứ Mười: Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa, Thiện Nam Tử!

云何菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。具足成就第七功德。善男子。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển。 cụ túc thành tựu đệ thất công đức。 thiện nam tử。

Thế nào là vị đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển, đầy đủ thành tựu công đức thứ bảy? Nay Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。作是思惟。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển。 tác thị tư duy。

Vị đại Bồ-tát tu đại Niết-bàn vi diệu kinh điển, suy nghĩ như sau:

何法能為大般涅槃而作近因。

hà Pháp năng vi Đại Bát-niết-bàn nhi tác cận nhân

Pháp nào hay vì Đại Bát-niết-bàn mà làm như thân cận?

菩薩即知有四種法為大涅槃而作近因。

Bồ-tát tức tri hữu tứ chủng Pháp vi Đại Niết-Bàn nhi tác cận nhân。

Bồ-tát biết có bốn pháp vì Đại Niết-bàn mà làm thân cận。

若言勤修一切苦行是大涅槃近因緣者。是義不然。所以者何。

nhược ngôn tinh cần tu nhất thiết khổ hành thị Đại Niết-Bàn cận nhân duyên giả thị nghĩa bất nhiên。 sở dĩ giả hà。

hoặc nói rằng, siêng tu tất cả khổ hành là nhân duyên thân cận của đại Niết-bàn, nghĩa này không như vậy, vì có sao?

若離四法得涅槃者無有是處。何等為四。

nhược ly tứ Pháp đắc Niết-Bàn giả vô hữu thị xứ。 hà đẳng vi tứ。

nếu lìa bốn Pháp mà được Niết-bàn không có nghĩa này, những gì gọi là bốn?

一者親近善友。二者專心聽法。三者繫念思惟。

nhất giả thân cận thiện hữu。 nhị giả chuyên tâm thính Pháp。 tam giả hệ niệm tư duy。

một là gần gũi bạn lành, hai là chuyên tâm nghe Pháp, ba là chính niệm tư duy,

四者如法修行。善男子。譬如有人身遇眾病。

tứ giả như Pháp tu hành. thiện nam tử. thí như hữu nhân thân ngộ chúng bệnh
bốn là như Pháp tu hành. Nay Thiện Nam tử! Thí như có người thân bị các thứ bệnh,
若熱若冷虛勞下瘡眾邪鬼毒到良醫所。

nhược nhiệt nhược lãnh hư lao hạ ngược chúng tà quỷ độc đao lương y sở.

hoặc nóng, hoặc lạnh, trống rỗng, nhọc nhằn, các tà độc nên tìm đến lương y,
良醫即為隨病說藥。是人至心善受醫教。

lương y tức vì tùy bệnh thuyết dược. thị nhân chí tâm thiện thọ y giáo.

lương y liền tùy bệnh cho thuốc, người này chí tâm khéo nghe lời chỉ bảo của lương y,
隨教合藥如法服之。服已病愈身得安樂。

tùy giáo hợp dược như Pháp phục chi. phục dĩ bệnh dĩ thân đắc an lạc.

theo lời chỉ giáo mà như Pháp uống thuốc, uống xong thì bệnh lành, thân được an lạc.

有病之人喻諸菩薩。大良醫者喻善知識。

hữu bệnh chi nhân dụ chư Bồ-tát. Đại lương y giả dụ thiện tri thức.

Người có bệnh dụ cho các Bồ-tát, đại lương y dụ cho thiện tri thức,

良醫所說喻方等經。善受醫教喻善思惟方等經義。

lương y sở thuyết dụ phương đẳng Kinh. thiện thọ y giáo dụ thiện tư duy phương đẳng
Kinh nghĩa。

lời lương y nói dụ cho kinh Phương Đẳng, khéo thọ lời lương y chỉ bảo dụ cho khéo tư duy
nghĩa lý kinh Phương Đẳng.

隨教合藥喻如法修行三十七助道之法。

tùy giáo hợp dược dụ như Pháp tu hành tam thập thất trợ đạo chi Pháp。

tùy lời dạy hiểu rõ thuốc hợp hay không mà cho, như Pháp tu hành ba mươi bảy pháp
phẩm trợ đạo,

病除愈者喻滅煩惱。

bệnh trừ dĩ giả dụ diệt phiền não。

bệnh được lành là dụ cho phiền não diệt,

得安樂者喻得涅槃常樂我淨善男子。譬如有王欲如法治令民安樂。

đắc an lạc giả dụ đắc Niết-Bàn thường lạc ngã tịnh thiện nam tử. thí như hữu Vương dục
như Pháp trị lệnh dân an lạc。

được an lạc dụ cho đấng Niết-bàn Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Nay Thiện nam tử! Thí như có ông Vua muốn như Pháp trị dân khiến mọi người an lạc,

諮諸智臣其法云何。

ti chư trí Thần kỳ Pháp vân hà。

bàn luận với các trí thần Pháp ấy ra làm sao?

諸臣即以先王舊法而為說之。王既聞已至心信行。如法治國無諸怨敵。

chư Thần tức dĩ tiên Vương cựu Pháp nhi vi thuyết chi。 Vương ký văn dĩ chí tâm tín hành。 như Pháp trị quốc vô chư oán địch。

chư thần liền pháp xưa của tiên Vương đó mà nói, vua nghe rồi chí tâm tín hành, như Pháp trị quốc, không còn các oán địch,

是故令民安樂無患。善男子。王者喻諸菩薩。

thị cố lệnh dân an lạc vô hoạn。 thiện nam tử。 Vương giả dụ chư Bồ-tát。

cho nên khiến mọi người an lạc không lo lắng. Nay Thiện nam tử! Vua dụ cho các Bồ-tát, 諸智臣者喻善知識。

chư trí Thần giả dụ thiện tri thức。

các trí thần dụ cho thiện tri thức,

智臣為王所說治法喻十二部經。王既聞已至心信行。

trí Thần vi Vương sở thuyết trì Pháp dụ thập nhị bộ Kinh。 Vương ký văn dĩ chí tâm tín hành。

cách trị nước mà trí thần vì vua nói, dụ cho mười hai bộ kinh. Vua nghe xong, chí tâm tin chịu và thực hành,

喻諸菩薩繫心思惟十二部經所有深義。

dụ chư Bồ-tát hệ tâm tư duy thập nhị bộ Kinh sở hữu thâm nghĩa。

dụ cho các Bồ-tát buộc tâm, tư duy nghĩa lý thâm sâu của mười hai bộ kinh.

如法治國喻諸菩薩如法修行。所謂六波羅蜜。

như Pháp trị quốc dụ chư Bồ-tát như Pháp tu hành。 sở vị lục Ba-la-mật。

Như Pháp trị quốc dụ cho chư Bồ-tát như Pháp tu hành, đó là lục Ba-la-mật,

以能修習六波羅蜜故無諸怨敵。

dĩ năng tu tập lục Ba-la-mật cố vô chư oán địch。

do siêng tu tập Lục Ba-la-mật cho nên không có các kẻ thù oán trách,

喻諸菩薩已離諸結煩惱惡賊。

dụ chư Bồ-tát dĩ ly chư kết phiền não ác tặc。
dụ cho các Bồ-tát đã lìa xa các ác tặc kiết sử phiền não,
得安樂者喻諸菩薩得大涅槃常樂我淨。
đắc an lạc giả dụ chư Bồ-tát đắc Đại Niết-Bàn thường lạc ngã tịnh。
được an lạc dụ cho các Bồ-tát được đại Niết-bàn Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.
善男子。譬如有人遇惡癩病。
thiện nam tử。 thí như hữu nhân ngộ ác lại bệnh。
Này Thiện Nam Tử! Thí như có người bị bệnh phong hủi,
有善知識而語之言。汝若能到須彌山邊病可得差。
hữu thiện tri thức nhi ngữ chi ngôn。 nhữ nhược năng đáo Tu-Di sơn biên bệnh khả đắc
sái。
có thiện tri thức nói rằng: Nếu Ông có thể đến bên núi Tu-di, thì khiến bệnh nhanh mới
lành,
所以者何。彼有良藥味如甘露。若能服者病無不愈。
sở dĩ giả hà。 bỉ hữu lương dược vị như cam lộ。 nhược năng phục giả bệnh vô bất dĩ。
vì cố sao? Vì nơi ấy có vị lương dược mùi vị như cam lồ, nếu có thể uống thì không bệnh
không thể không lành,
其人至心信是事已。即往彼山採服甘露。
kỳ nhân chí tâm tín thị sự dĩ。 tức vãng bỉ sơn thải phục cam lộ。
người đó chí tâm tin việc này xong, liền đi hướng về núi chọn uống vị thuốc cam lồ,
其病除愈身得安樂。惡癩病者喻諸凡夫。
kỳ bệnh trừ dĩ thân đắc an lạc。 ác lại bệnh giả dụ chư phàm phu。
bệnh được tiêu trừ, thân được an lạc. Người bị bệnh hủi dụ cho các phàm phu.
善知識者喻諸菩薩摩訶薩等。
thiện tri thức giả dụ chư Bồ-tát Ma-Ha tát đẵng。
Thiện tri thức dụ cho các vị đại Bồ-tát v. v.
至心信受喻四無量心。須彌山者喻八聖道。
chí tâm tín thọ dụ tứ vô lượng tâm。 Tu-Di sơn giả dụ bát Thánh đạo。
Chí tâm tín thọ dụ cho tứ vô lượng tâm. Núi Tu-di dụ cho Bát Thánh đạo,
甘露味者喻於佛性。癩病除愈喻離煩惱。
cam lộ vị giả dụ ư Phật tánh。 lại bệnh trừ dĩ dụ ly phiền não。

mùi vị cam lồ dụ cho Phật tánh, bệnh hủi được lành dụ cho xa lìa phiền não,
得安樂者喻得涅槃常樂我淨。善男子。

đắc an lạc giả dụ đắc Niết-Bàn thường lạc ngã tịnh。 thiện nam tử。

được an lạc dụ cho được Niết-bàn, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Này Thiện nam tử!

譬如有人畜諸弟子聰明大智。是人晝夜常教不倦。

thí như hữu nhân súc chư đệ-tử thông minh Đại trí。 thị nhân trú dạ thường giáo bất
quyện。

Thí như có người nuôi các đệ tử thông minh đại trí, người này ngày đêm thường dạy dỗ
không mỗi mệt.

諸菩薩等亦復如是。一切眾生有信不信。

chư Bồ-tát đẳng diệc phục như thị。 nhất thiết chúng sanh hữu tín bất tín。

Các Bồ-tát cũng lại như vậy, tất cả chúng sanh có niềm tin hay không có niềm tín,
而常教化無有疲厭。

nhi thường giáo hóa vô hữu bì yếm。

đều thường giáo hóa đều không có mệt mỗi giảm chán.

善男子。

thiện nam tử。

Này Thiện nam tử!

善知識者所謂菩薩佛辟支佛聲聞人中信方等者。何故名為善知識耶。

thiện tri thức giả sở vị Bồ-tát Phật Bích-chi-phật Thanh văn nhân trung tín phương đẳng
giả。 hà cố danh vi thiện tri thức da。

Thiện tri thức nói rằng, Bồ-tát, Phật, Bích-chi-phật, Thanh văn tín Phương Đẳng, vì có sao
gọi là thiện tri thức?

善知識者能教眾生遠離十惡修行十善。

thiện tri thức năng giáo chúng sanh viễn li thập ác tu hành Thập thiện。

thiện tri thức năng giáo chúng sanh xa lìa thập ác, tu hành thập thiện,

以是義故名善知識。

dĩ thị nghĩa cố danh thiện tri thức。

do nghĩa này cho nên gọi là thiện tri thức.

復次善知識者如法而說如說而行。云何名為如法而說如說而行。

phục thứ thiện tri thức giả như Pháp nhi thuyết như thuyết nhi hành。vân hà danh vi như Pháp nhi thuyết như thuyết nhi hành。

Lại nữa, thiện tri thức như Pháp mà nói, như lời nói mà tu hành. Thế nào gọi là như Pháp mà nói, như lời nói mà tu hành,

自不殺生教人不殺。乃至自行正見教人正見。

tự bất sát sanh giáo nhân bất sát。nãi chí tự hành chánh kiến giáo nhân chánh kiến。

tự mình không giết, dạy người không giết, cho đến tự hành chánh kiến, dạy người chánh kiến,

若能如是則得名為真善知識。

nhược năng như thị tắc đắc danh vi chân thiện tri thức。

nếu hay làm vậy thời được gọi là chân thiện tri thức。

自修菩提亦能教人修行菩提。以是義故名善知識。

tự tu Bồ-đề diệc năng giáo nhân tu hành Bồ-đề。dĩ thị nghĩa cố danh thiện tri thức。

Tự mình tu Bồ-đề, cũng hay dạy người tu hành Bồ-đề, do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức。

自能修行信戒布施多聞智慧。

tự năng tu hành tín giới bố thí đa văn trí tuệ。

tự mình hay tu hành tín giới, bố thí, đa văn, trí huệ,

亦能教人信戒布施多聞智慧。復以是義名善知識。

diệc năng giáo nhân tín giới bố thí đa văn trí tuệ。phục dĩ thị nghĩa danh thiện tri thức。

cũng hay dạy người tín, giới, bố thí, đa văn, trí huệ, lại do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức。

善知識者有善法故。何等善法。所作之事不求自樂。

thiện tri thức giả hữu thiện Pháp cố。hà đẳng thiện Pháp。sở tác chi sự bất cầu tự lạc。

Thiện tri thức có thiện Pháp. Thế nào gọi là thiện Pháp, đó là làm việc không cầu tự vui, 常為眾生而求於樂。見他有過不訟其短。

thường vi chúng sanh nhi cầu ư lạc。kiến tha hữu quá bất tụng kỳ đoản。

thường vì chúng sanh mà cầu an vui, thấy người có lỗi không phê trương sở đoản của họ, 口常宣說純善之事。以是義故名善知識。

khẩu thường tuyên thuyết thuần thiện chi sự。dĩ thị nghĩa cố danh thiện tri thức。

miệng thường tuyên thuyết những việc thuần thiện, do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức。

善男子。

thiện nam tử。

Này Thiện nam tử!

如空中月從初一日至十五日漸漸增長。善知識者亦復如是。

như không trung nguyệt tòng sơ nhất nhật chí thập ngũ nhật tiệm tiệm tăng trường thiện tri thức giả diệc phục như thị。

Như không trung, mặt trăng từ ngày mồng một đến ngày mười lăm lớn dần dần dần dần.

Thiện tri thức cũng lại như vậy,

令諸學人漸遠惡法增長善法。善男子。若有親近善知識者。

lệnh chư học nhân tiệm viễn ác Pháp tăng trường thiện Pháp。thiện nam tử nhược hữu thân cận thiện tri thức giả。

hay khiến các bạn đồng tu dần dần xa lìa ác pháp, tăng trưởng thiện pháp. Thiện Nam Tử!

Nếu có người thân cận thiện tri thức,

本未有戒定慧解脫解脫知見即便有之。

bổn vị hữu giới định tuệ giải thoát giải thoát tri kiến tức tiện hữu chi。

thì nếu vốn chưa có Giới Định Huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thì liền có;

未具足者則得增廣。何以故。以其親近善知識故。

vị cụ túc giả tắc đắc tăng quảng。 hà dĩ cố。 dĩ kỳ thân cận thiện tri thức cố

chưa đầy đủ thời được rộng thêm lên. Vì sao? vì do thân cận thiện tri thức,

因是親近復得了達十二部經甚深之義。

nhân thị thân cận phục đắc liễu đạt thập nhị bộ Kinh thậm thâm chi nghĩa。

do nhờ thân cận nên lại được liễu đạt nghĩa lý thâm sâu của mười hai bộ Kinh.

若能聽是十二部經甚深義者。名為聽法。

nhược năng thính thị thập nhị bộ Kinh thậm thâm nghĩa giả。 danh vi thính Pháp。

Nếu hay nghe nghĩa lý thâm sâu của mười hai bộ kinh này, gọi là nghe Pháp.

聽法者則是大乘方等經典。聽方等經名真聽法。

thính Pháp giả tắc thị Đại thừa phương đẳng Kinh điển。 thính phương đẳng Kinh danh chân thính Pháp。

Pháp để nghe chính là Đại thừa Phương Đẳng kinh, nghe kinh Phương Đẳng gọi là chân chính nghe pháp.

真聽法者即是聽受大涅槃經。

chân thính Pháp giả tức thị thính thọ Đại Niết-bàn Kinh.

Chân chính nghe pháp, tức là nghe và thọ trì kinh Đại Niết-bàn.

大涅槃中間有佛性如來畢竟不般涅槃。

Đại Niết-Bàn trung văn hữu Phật tánh Như Lai tất cánh bất Bát-niết-bàn.

Trong kinh Đại Niết-bàn nghe có Phật tánh Như Lai rốt ráo chẳng nhập Niết-bàn,

是故名為專心聽法。專心聽法名八聖道。

thị cố danh vi chuyên tâm thính Pháp。Chuyên tâm thính Pháp danh bát Thánh đạo cho

nên gọi là chuyên tâm nghe Pháp, chuyên tâm nghe pháp, gọi là Bát thánh đạo,

以八聖道能斷貪欲瞋恚愚癡故名聽法。夫聽法者名十一空。

dĩ át Thánh đạo năng đoạn tham dục sân khuể ngu si cố danh thính Pháp。phu thính Pháp giả danh thập nhất không。

nhờ bát Thánh đạo mới chặt đứt được tham dục, sân nhuế, ngu si cho nên gọi là nghe pháp. Nghe pháp gọi là thập nhất không.

以此諸空於一切法不作相貌。

dĩ thử chư không ư nhất thiết Pháp bất tác tướng mạo。

Dùng các không này mà đối với tất cả pháp chẳng chấp tướng mạo。

夫聽法者名初發心。乃至究竟阿耨多羅三藐三菩提心。

phu thính Pháp giả danh sơ phát tâm。nãi chí cứu cánh a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm。

Nghe Pháp gọi là phát tâm, cho đến cứu cánh A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-Bồ-đề tâm.

以因初心得大涅槃。不以聞故得大涅槃。

dĩ nhân sơ tâm đắc Đại Niết-Bàn。bất dĩ văn cố đắc Đại Niết-Bàn。

Dùng sơ tâm mà được đại Niết-bàn, không phải do nghe mà được đại Niết-bàn.

以修習故得大涅槃。

dĩ tu tập cố đắc Đại Niết-Bàn。

Do tu tập mà được Đại Niết-bàn.

善男子。

thiện nam tử。

Này Thiện nam tử!

譬如病人雖聞醫教及藥名字不能愈病。以服食故能得差病。

thí như bệnh nhân tuy vẫn y giáo cập dược danh tự bất năng dữ bệnh. dĩ phục thực cố năng đắc sai bệnh.

Thí như bệnh nhờn dầu có nghe lời chỉ bảo của lương y và tên của thuốc, nhưng bệnh không thể lành, mà phải nhờ uống thuốc thì bệnh mới lành.

雖聽十二深因緣法。不能得斷一切煩惱。

tuy thính thập nhị thâm nhân duyên Pháp. bất năng đắc đoạn nhất thiết phiền não.

Tuy nghe mười hai pháp nhân duyên thâm sâu, mà không thể đoạn tất cả phiền não, 要以繫念善思惟故能得除斷。是名第三繫念思惟。復以何義。

yếu dĩ hệ niệm thiện tư duy cố năng đắc trừ đoạn. thị danh đệ tam hệ niệm tư duy. phục dĩ hà nghĩa.

mà phải chánh niệm tư duy mới có thể đoạn trừ, gọi là chánh niệm tư duy thứ ba, nghĩa là thế nào?

名繫念思惟。所謂三三昧。

danh hệ niệm tư duy. sở vị tam Tam-muội.

gọi là chánh niệm tư duy. Đó là ba Tam-muội,

空三昧無相三昧無作三昧。空者於二十五有不見一實。

không Tam-muội vô tướng Tam-muội vô tác Tam-muội. không giả ư nhị thập ngũ hữu bất kiến nhất thật.

Không Tam-muội, Vô Tướng Tam-muội, Vô Tác Tam-muội. Không ấy là đối với hai mươi lăm hữu không thấy gì là thật;

無作者於二十五有不作願求。無相者無有十相。

vô tác giả ư nhị thập ngũ hữu bất tác nguyện cầu. vô tướng giả vô hữu thập tướng.

vô tác là đối với hai mươi lăm hữu chẳng có một nguyện cầu; vô tướng là thấy mười tướng là không thật.

所謂色相聲相香相味相觸相生相住相滅相男

sở vị sắc tướng thanh tướng hương tướng vị tướng xúc tướng sanh tướng trụ tướng diệt tướng nam

mười tướng đó là: sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sanh tướng, trụ tướng, diệt tướng, nam tướng,

相女相。修習如是三三昧者。

tướng nữ tướng. tu tập như thị tam Tam-muội giả.

nữ tướng. Tu tập Tam Tam-muội như vậy,
是名菩薩繫念思惟。云何名為如法修行。
thị danh Bồ-tát hệ niệm tư duy. vân hà danh vi như Pháp tu hành.
gọi là Bồ-tát chánh niệm tư duy. Thế nào gọi là như pháp tu hành?
如法修行即是修行檀波羅蜜乃至般若波羅蜜。
như Pháp tu hành tức thị tu hành đàn Ba-la-mật nãi chí Bát-nhã Ba-la-mật。
như Pháp tu hành tức tu hành Đàn Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật,
知陰入界真實之相。
tri uẩn nhập giới chân thật chi tướng。
biết tướng chân thật của ngũ ấm, lục nhập, thập bát giới.
亦如聲聞緣覺諸佛同於一道而般涅槃。法者即是常樂我淨。
diệc như Thanh văn, Duyên giác chư Phật đồng ư nhất đạo nhi Bát-niết-bàn。 Pháp giả
tức thị thường lạc ngã tịnh。
Cũng như Thanh văn, Duyên giác, chư Phật cùng đối với nhất thừa Đạo mà nhập Niết-
bàn. Pháp tức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh,
不生不老不病不死不飢不渴不苦不惱不退不沒。善男子。
bất sanh bất lão bất bệnh bất tử bất cơ bất khát bất khổ bất não bất thối bất một。 thiện
nam tử。
không sanh, không già, không bệnh, không chết, không đói, không khát, không khổ,
không não, không thối, không mất. Nay Thiện nam tử!
解大涅槃甚深義者。
giải Đại Niết-Bàn thậm thâm nghĩa giả。
Khi hiểu nghĩa lý thậm thâm của đại Niết-bàn,
則知諸佛終不畢竟入於涅槃。
tắc tri chư Phật chung bất tất cánh nhập ư Niết-Bàn。
thì biết chư Phật trọn không rốt ráo vào Niết-bàn。
善男子。第一真實善知識者。
thiện nam tử。 đệ nhất chân thật thiện tri thức giả。
Nay Thiện nam tử! Thứ nhất là chân thật thiện tri thức,
所謂菩薩諸佛世尊。何以故。常以三種善調御故。何等為三。

sở vị Bồ-tát chư Phật Thế tôn. hà dĩ cố. thường dĩ tam chủng thiện điều ngự cố. hà đẳng vi tam.

đó là Bồ-tát và chư Phật Thế Tôn. Vì sao? vì các Ngài dùng ba thứ khéo điều ngự. Thế nào là ba?

一者畢竟軟語。二者畢竟呵責。

nhất giả tất cánh nhuễn ngữ. nhị giả tất cánh ha trách.

một là lời nói rất ráo nhuễn ngữ, hai rất ráo quở trách,

三者軟語呵責。以是義故。菩薩諸佛即是真實善知識也。

tam giả nhuễn ngữ ha trách. dĩ thị nghĩa cố. Bồ-tát chư Phật tức thị chân thật thiện tri thức dã.

ba là nhu nhuyễn quở trách. Do nghĩa này, nên nói Bồ-tát và chư Phật là chân thật thiện tri thức.

復次善男子。佛及菩薩為大醫故名善知識。

phục thứ thiện nam tử. Phật cập Bồ-tát vi Đại y cố danh thiện tri thức.

Lại nữa, Thiện nam tử! Chư Phật cùng Bồ-tát là bậc Đại lương y, nên gọi là thiện tri thức.何以故。知病知藥應病授藥故。

hà dĩ cố. tri bệnh tri dược ứng bệnh thụ dược cố.

Bởi vì sao? vì biết bệnh biết thuốc, tùy bệnh cho thuốc,

譬如良醫善八種術先觀病相。相有三種。何等為三。

thí như lương y thiện bát chủng thuật tiên quán bệnh tướng. tướng hữu tam chủng. hà đẳng vi tam.

thứ như lương y khéo dùng tám nghệ thuật trước xem bệnh tướng. Tướng có ba, thế nào gọi là ba?

謂風熱水。有風病者授之蘇油。

vị phong nhiệt thủy. hữu phong bệnh giả thụ chi tô du.

đó là hơi gió, sức nóng, hơi nước, người bị bệnh phong thì cho uống dầu tô,

熱病之人授之石蜜。水病之人授之薑湯。

nhiệt bệnh chi nhân thụ chi thạch mật. thủy bệnh chi nhân thụ chi khương thang

người bị bệnh nhiệt thì cho đường phèn, người bị bệnh thủy thì cho uống nước gừng nóng.

以知病根授藥得差。故名良醫。佛及菩薩亦復如是。

dĩ tri bệnh căn thụ dược đắc sai. cố danh lương y. Phật cập Bồ-tát diệc phục như thị.

do biết nguyên do của bệnh mà cho thuốc được lành, cho nên gọi là Lương y. Đức Phật và Bồ-tát cũng lại như vậy,

知諸凡夫病有三種。一者貪欲。二者瞋恚。三者愚癡。

tri chư phạm phu bệnh hữu tam chủng. nhất giả tham dục. nhị giả sân khuể. tam giả ngu si.

biết bệnh của phạm phu có ba: Một là tham dục ái, hai là sân giận, ba là ngu si.

貪欲病者教觀骨相。瞋恚病者觀慈悲相。

tham dục bệnh giả giáo quán cốt tướng. sân khuể bệnh giả quán từ bi tướng

Bệnh tham ái dục thì Chư Phật Bồ-tát dạy quán tướng xương xấu, bệnh sân hận thì, dạy quán từ bi,

愚癡病者觀十二緣相。以是義故。

ngu si bệnh giả quán thập nhị duyên tướng. dĩ thị nghĩa cố.

bệnh ngu si thì dạy quán tướng mười hai nhân duyên. Do nghĩa này,

諸佛菩薩名善知識。善男子。

chư Phật Bồ-tát danh thiện tri thức. thiện nam tử.

nên gọi chư Phật Bồ-tát là thiện tri thức. Nay Thiện nam tử!

如大船師善渡人故名大船師。諸佛菩薩亦復如是。度諸眾生生死大海。

như Đại thuyền sư thiện độ nhân cố danh Đại thuyền sư. chư Phật Bồ-tát diệc phục như thị. độ chư chúng sanh sanh tử Đại hải.

Như Đại Thuyền Sư, khéo đưa người sông, nên gọi là Đại Thuyền Sư. Chư Phật Bồ-tát cũng lại như vậy, khéo độ chúng sanh ra khỏi biển khổ sanh tử,

以是義故名善知識。復次善男子。

dĩ thị nghĩa cố danh thiện tri thức. phục thứ thiện nam tử.

do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Lại nữa, Thiện nam tử!

因佛菩薩令諸眾生具足修得善法根本故。善男子。

nhân Phật Bồ-tát lệnh chư chúng sanh cụ túc tu đắc thiện Pháp căn bản cố. thiện nam tử.

Vì chư Phật Bồ-tát khiến các chúng sanh tu đầy đủ, nên được căn bản thiện Pháp Nay Thiện nam tử!

譬如雪山乃是種種微妙上藥根本之處。

thí như tuyết sơn nãi thị chủng chủng vi diệu thượng dược căn bản chi xứ.

Thí như núi Tuyết Sơn là chỗ sanh ra các thứ thuốc vi diệu tối thượng,
佛及菩薩亦復如是。悉是一切善根本處。

Phật cập Bồ-tát diệc phục như thị。 tất thị nhất thiết thiện căn bản xứ。
chư Phật và Bồ-tát cũng lại như vậy, thấy đều là chỗ sanh ra các thiện căn bản。
以是義故名善知識。善男子。

dĩ thị nghĩa cố danh thiện tri thức。 thiện nam tử。

Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức. Đây Thiện nam tử!

雪山之中有上香藥名曰娑呵。有人見之得壽無量無有病苦。

tuyết sơn chi trung hữu thượng hương dược danh viết sa ha。 hữu nhân kiến chi đắc thọ
vô lượng vô hữu bệnh khổ。

Trong núi Tuyết Sơn có một thứ thuốc rất thơm tên là Sa-ha, có người thấy được thì được
thọ mạng dài lâu, không có bệnh khổ,
雖有四毒不能中傷。

tuy hữu tứ độc bất năng trung thương。

dù có bốn độc cũng không thể bị thương hại,

若有觸者增長壽命滿百二十。若有念者得宿命智。何以故。藥勢力故。

nhược hữu xúc giả tăng trường thọ mạng mãn bách nhị thập。 nhược hữu niệm giả đắc tứ
mạng trí。 hà dĩ cố。 dược thế lực cố。

nếu xúc chạm thì tăng trường tuổi thọ đủ trăm hai mươi tuổi, nếu có người niệm tưởng,
liền được túc mạng trí. Vì sao? là do sức mạnh của thuốc vậy.

諸佛菩薩亦復如是。

chư Phật Bồ-tát diệc phục như thị。

Chư Phật Bồ-tát cũng lại như vậy,

若有見者即得斷除一切煩惱。雖有四魔不能干亂。

nhược hữu kiến giả tức đắc đoạn trừ nhất thiết phiền não。 tuy hữu tứ ma bất năng can
loạn。

nếu có người thấy liền đoạn được tất cả phiền não, dù có bốn ma cũng không thể làm não
loạn.

若有觸者命不可夭不生不死不退不沒。

Nhược hữu xúc giả mạng bất khả yêu bất sanh bất tử bất thối bất diệt。

Nếu có người xúc chạm thì không bị yếu mạng, không sanh, không chết, không thối chuyển, không chìm đắm.

所謂觸者若在佛邊聽受妙法。

sở vị xúc giả nhược tại Phật biên thính thọ diệu Pháp。

Người xúc chạm nếu ở bên Phật nghe thọ diệu pháp,

若有念者得阿耨多羅三藐三菩提。以是義故諸佛菩薩名善知識。善男子。

nhược hữu niệm giả đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。 dĩ thị nghĩa cố chư Phật Bồ-tát danh thiện tri thức。 thiện nam tử。

nếu có tâm niệm liền đợc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa này cho nên chư Phật Bồ-tát gọi là thiện tri thức. Nay Thiện nam tử!

如香山中有阿那婆踏多池水。

như hương sơn trung hữu a na bà đạp đa trì thủy。

Như hương sơn có ao nước A-na-bà-đạp-đa

由是池故有四大河。所謂恒河辛頭私陀博叉。

do thị trì cố hữu tứ Đại hà。 sở vị hằng hà tân đầu tư đà bác xoa。

do ao này có bốn con sông lớn, đó là Hằng-hà tân-đầu-tư-đà-bác-xoa.

世間眾生常作是言。若有罪者浴此四河眾罪得滅。

thế gian chúng sanh thường tác thị ngôn。 nhược hữu tội giả dục thử tứ hà chúng tội đắc diệt。

thế gian chúng sanh thường nói lời rằng: nếu có tội mà tắm trong bốn con sông này thì các tội tiêu diệt,

當知此言虛妄不實。除此已往何等為實。

đương tri thử ngôn hư vọng bất thật。 trừ thử dĩ vãng hà đẳng vi thật。

phải biết lời này không hư vọng, trừ đợc bệnh rồi thì đi về nhưng nơi nào là chân thật?

諸佛菩薩是乃為實。所以者何。

chư Phật Bồ-tát thị nãi vi thật。 sở dĩ giả hà。

Chư Phật và Bồ-tát chính là chân thật, vì sao?

若人親近則得滅除一切眾罪。以是義故名善知識。復次善男子。

nhược nhân thân cận tắc đắc diệt trừ nhất thiết chúng tội。 dĩ thị nghĩa cố danh thiện tri thức。 phục thứ thiện nam tử。

nếu người thân gần thời được diệt trừ tất cả các tội. Do nghĩa này nên gọi là thiện tri thức.

Lại nữa Thiện nam tử!

譬如大地所有藥木一切叢林百穀甘蔗花果

thí như Đại địa sở hữu dược mộc nhất thiết tùng lâm bách cốc cam giá hoa quả

Thí như tất cả cây rừng rậm, trăm thứ ngũ cốc, mía, hoa quả trên đại địa,

之屬。值天炎旱將欲枯死。

chi chúc。 trị Thiên viêm hạn tướng dục khô tử。

gặp trời viêm nhiệt hạn hán sắp chết khô。

難陀龍王及婆難陀憐愍眾生。從大海出降澍甘雨。

Nan đà long Vương cập bà Nan đà liên mẫn chúng sanh。 tòng Đại hải xuất hàng chú cam vũ。

Nan Đà, Long Vương và Bà Nan Đà thương xót thương chúng sanh, bèn ra khỏi đại hải, rưới cho mưa ngọt.

一切叢林百穀草木滋潤還生。一切眾生亦復如是。

nhất thiết tùng lâm bách cốc thảo mộc tư nhuận hoàn sanh。 nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị。

Bấy giờ tất cả rừng cây trăm thứ ngũ cốc, cây cỏ đều được đượm nhuận trở lại sống trở lại. Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy,

所有善根將欲消滅。諸佛菩薩生大慈悲。

sở hữu thiện căn tướng dục tiêu diệt。 chư Phật Bồ-tát sanh Đại từ bi。

khi tất cả thiện căn sắp tiêu mất, chư Phật Bồ-tát sanh lòng đại từ bi,

從智慧海降甘露雨。

tòng trí tuệ hải hàng cam lộ vũ。

từ trí huệ làm mưa cam lộ,

令諸眾生具足還得十善之法。以是義故諸佛菩薩名善知識。善男子。

lệnh chư chúng sanh cụ túc hoàn đắc Thập thiện chi Pháp。 dĩ thị nghĩa cố chư Phật Bồ-tát danh thiện tri thức。 thiện nam tử。

khiến các chúng sanh đầy đủ trở lại được mười thiện pháp. Do nghĩa này nên nói chư Phật Bồ-tát là thiện tri thức. Nay Thiện nam tử!

譬如良醫善八種術。

thí như lương y thiện bát chủng thuật。

Thí như vị lương y giỏi tám nghệ thuật,
見諸病人不觀種姓端正好醜錢財寶貨悉為治之。
kiến chư bệnh nhân bất quán chủng tính đoan chánh hảo xú tiển tài bảo hóa tất vi trì chi.
thấy các bệnh nhân thì không cần xem dòng họ, đoan chánh, xinh đẹp, xấu xí, tiền tài của
cải, thầy đều trị cho,
是故世稱為大良醫。諸佛菩薩亦復如是。
thị cố thế xưng vi Đại lương y。chư Phật Bồ-tát diệc phục như thị。
vì vậy nên đời xưng là đại lương y。Chư Phật Bồ-tát cũng lại như vậy,
見諸眾生有煩惱病不觀種姓端正好醜錢財寶貨。
kiến chư chúng sanh hữu phiền não bệnh bất quán chủng tính đoan chánh hảo xú tiển tài
bảo hóa。
thấy các chúng sanh có bệnh phiền não, không xem dòng họ xinh đẹp, xấu xí, tiền tài,
báu vật,
生慈愍心悉為說法。眾生聞已煩惱病除。
sanh từ mẫn tâm tất vi thuyết Pháp。chúng sanh văn dĩ phiền não bệnh trừ。
đều sanh lòng từ mẫn, thầy vì họ mà thuyết pháp, chúng sanh nghe rồi, bệnh phiền não
được trừ。
以是義故諸佛菩薩名善知識。以是親近善友因緣。
dĩ thị nghĩa cố chư Phật Bồ-tát danh thiện tri thức。dĩ thị thân cận thiện hữu nhân
duyên。
Do nghĩa này nên chư Phật Bồ-tát gọi là thiện tri thức, do đây, nhân duyên thân gần thiện
hữu,
則得近於大般涅槃。
tắc đắc cận ư Đại Bát-niết-bàn。
thời được gần với đại Bát-niết-bàn。
云何菩薩聽法因緣而得近於大般涅槃。
vân hà Bồ-tát thính Pháp nhân duyên nhi đắc cận ư Đại Bát-niết-bàn。
Thế nào gọi là Bồ-tát nhân duyên nghe pháp mà được gần Đại Bát-niết-bàn?
一切眾生以聽法故則具信根。
nhất thiết chúng sanh dĩ thính Pháp cố tắc cụ tín căn。
tất cả chúng sanh do nghe Pháp mà đầy đủ tín căn,

得信根故樂行布施持戒忍辱精進禪定智慧。

đắc tín căn cố lạc hành bố thí trì giới nhẫn nhục tinh tấn Thiền định trí tuệ
được tín căn nên vui thích tu hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ,
得須陀洹果乃至佛果。

đắc Tu đà hoàn quả nãi chí Phật quả。

được Tu đà hoàn, cho đến Phật quả,

是故當知得諸善法皆是聽法因緣勢力。善男子。譬如長者惟有一子。

thị cố đương tri đắc chư thiện Pháp giai thị thính Pháp nhân duyên thế lực。 thiện nam
tử。 thí như Trưởng-Già duy hữu nhất tử。

ấy cho nên phải biết được các thiện pháp đều là sức mạnh nhân duyên nghe Pháp. Nay
Thiện nam tử! Thí như trưởng già chỉ có một đứa con,

遣至他國市易所須。示其道路通塞之處。

khiển chí tha quốc thị dịch sở tu。 kì kỳ đạo lộ thông tắc chi xử。

đi đến thành thị của nước khác để kiếm sống, mách bảo chỗ thông tắt của con đường kia
而復誡之。若遇姪女慎莫親愛。

nhi phục giới chi。 nhược ngộ dâm nữ 慎 mạc thân ái。

mà lại ngăn lại, hoặc gặp dâm nữ thì cẩn thận không thân gần ái nhiễm.

若親愛者喪身殞命及以財寶。弊惡之人亦莫交遊。

nhược thân ái giả tang thân vẫn mạng cập dĩ tài bảo。 tặc ác chi nhân diệc mạc giao du。
nếu thân gần ái nhiễm thì sẽ tan thân mất mạng và của báu. Người xấu ác cũng tuyệt
không giao du.

其子敬順父之教勅。身心安樂多獲寶貨。

kỳ tử kính thuận phụ chi giáo sắc。 thân tâm an lạc đa hoạch bảo hóa。

Người con đó kính thuận theo lời cha mẹ chỉ dạy, thì thân tâm an lạc, được nhiều, của
báu.

菩薩摩訶薩為諸眾生敷演法要亦復如是。

Bồ-tát Ma-Ha tát vì chư chúng sanh phu diễn Pháp yếu diệc phục như thị。

Vị đại Bồ-tát ma-ha-tát vì chúng sanh bày diễn Pháp thiết yếu cũng lại như vậy.

示諸眾生及四部眾諸道通塞。是諸眾生以聞法故。

kì chư chúng sanh cập tứ bộ chúng chư đạo thông tắc。 thị chư chúng sanh dĩ văn Pháp
cố。

chỉ cho chúng sanh và bốn bộ chúng chỗ thông bát của các con đường, các chúng sanh đó do nhờ nghe pháp,

遠離諸惡具足善法。以是義故。

viễn li chư ác cụ túc thiện Pháp。 dĩ thị nghĩa cố。

nên xa lìa các ác, đầy đủ thiện pháp. Do nghĩa này, cho nên

聽法因緣則得近於大般涅槃。善男子。

thính Pháp nhân duyên tắc đắc cận ư Đại Bát-niết-bàn。 thiện nam tử。

nhân duyên nghe pháp thời được gần gũi đại Bát-niết-bàn. Nay Thiện nam tử!

譬如明鏡照人面像無不明了。聽法明鏡亦復如是。

thí như minh kính chiếu nhân diện tượng vô bất minh liễu。 thính Pháp minh kính diệc phục như thị。

Thí như gương sáng chiếu soi mặt người, không chi chẳng rõ ràng. Gương sáng nghe pháp cũng lại như vậy,

有人照之則見善惡明了無翳以是義故。

hữu nhân chiếu chi tắc kiến thiện ác minh liễu vô ế dĩ thị nghĩa cố。

có người chiếu soi, thời thấy thiện ác rõ ràng, không còn blemish. Do nghĩa này, cho nên 聽法因緣則得近於大般涅槃。善男子。

thính Pháp nhân duyên tắc đắc cận ư Đại Bát-niết-bàn。 thiện nam tử。

nhân duyên nghe pháp thời được thân gần Đại Bát-niết-bàn. Nay Thiện nam tử!

譬如估客欲至寶渚不知道路。有人示之。其人隨語即至寶渚。

thí như cổ khách dục chí bảo chử bất tri đạo lộ。 hữu nhân kì chỉ。 kỳ nhân tùy ngữ tức chí bảo chử。

Thí như khách muốn tìm đến ao báu mà không biết đường, có người mách bảo, người kia theo lời chỉ bảo nên liền đi đến chốn châu báu,

多獲諸珍不可稱計。一切眾生亦復如是。

đa hoạch chư trân bất khả xưng kế。 nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị。

được nhiều báu vật không thể tính kế. Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy,

欲至善處採取道寶。不知其路通塞之處。

dục chí thiện xứ thái thủ đạo bảo。 bất tri kỳ lộ thông tắc chi xử。

muốn đến thiện xứ thì phải chọn lấy đường báu. Như mà không biết chỗ thông bát của con đường,

菩薩示之眾生隨已得至善處。獲得無上大涅槃寶。

Bồ-tát kì chi chúng sanh tùy dĩ đắc chí thiện xứ. hoạch đắc vô thượng Đại Niết-Bàn bảo。

thì Bồ-tát chỉ bảo cho họ, chúng sanh theo đó rồi thì được đến thiện xứ, được vô báu vật vô thượng đại Niết-bàn.

以是義故。聽法因緣則得近於大般涅槃。

dĩ thị nghĩa cố. thính Pháp nhân duyên tắc đắc cận ư Đại Bát-niết-bàn。

Do nghĩa này, nên nhân duyên nghe Pháp thời chính là được thân gần đại Bát-niết-bàn.

善男子。譬如醉象狂駘暴惡多欲殺害。

thiện nam tử. thí như túy tượng cuồng ngãi bạo ác đa dục sát hại。

Này Thiện nam tử! Thí như voi say rượu thì rất hung hăng, bạo ác, rất muốn giết hại người,

有調象師以大鐵鉤鉤斲其頂。即時調順惡心都盡。

hữu điều tượng sư dĩ Đại thiết câu câu trác kỳ đỉnh. tức thời điều thuận ác tâm đô tận. có người luyện voi dùng móc câu bằng sắt lớn móc lấy đỉnh đầu, liền điều phục được ác tâm của nó khiến hết không còn.

一切眾生亦復如是。

nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị。

Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy,

貪欲瞋恚愚癡醉故欲多造惡。諸菩薩等以聞法鉤斲之令住。

tham dục sân khuể ngu si túy cố dục đa tạo ác. chư Bồ-tát đẳng dĩ văn Pháp câu trác chi lệnh trụ。

người tham dục, sân hận, ngu si say rượu, muốn tạo nhiều điều ác, thì chư Bồ-tát dùng móc câu nghe pháp điều phục khiến cho an trú trong thiện pháp,

更不得起造諸惡心。以是義故。

canh bất đắc khởi tạo chư ác tâm. dĩ thị nghĩa cố。

còn không được khởi tâm làm ác. Do nghĩa này, cho nên biết rằng,

聽法因緣則得近於大般涅槃。是故我於處處經中說。

thính Pháp nhân duyên tắc đắc cận ư Đại Bát-niết-bàn. thị cố ngã ư xứ xứ Kinh trung thuyết。

nhân duyên nghe pháp thời được thân gần đại Bát-niết-bàn. Ấy cho nên đối với tất cả các chỗ trong kinh, ta nói

我弟子專心聽受十二部經。則離五蓋修七覺分。

ngã đệ-tử chuyên tâm thính thọ thập nhị bộ Kinh. tắc ly ngũ cái tu thất giác phần.
đệ tử ta chuyên tâm nghe nhận mười hai bộ kinh, thời lìa xa ngũ cái, tu thất giác phần,
以是修習七覺分故。則得近於大般涅槃。

dĩ thị tu tập thất giác phần cố. tắc đắc cận ư Đại Bát-niết-bàn。

do tu tập bảy giác phần, thời được thân gần đại Bát-niết-bàn.

以聽法故須陀洹人離諸恐怖。所以者何。

dĩ thính Pháp cố Tu đà hoàn nhân ly chư khủng phố. sở dĩ giả hà。

Do nghe Pháp nên người chứng quả vị Tu-đà-hoàn xa lìa các sợ hãi, vì sao?

須達長者身遇重病心大愁怖。

tu đạt Trường-Giả thân ngộ trọng bệnh tâm Đại sầu phố。

Trường giả Tu-đạt thân bị bệnh nặng, lòng vô cùng buồn rầu sợ hãi,

聞舍利弗說須陀洹有四功德十種慰喻。聞是事已恐怖即除。

văn Xá-lợi-phất thuyết Tu đà hoàn hữu tứ công đức thập chủng úy dụ. văn thị sự dĩ
khủng phố tức trừ。

nghe ngài Xá-lợi-phất nói quả vị Tu đà hoàn có bốn công đức, mười úy dụ, nghe, việc này
rời, sợ hãi liền trừ.

以是義故。聽法因緣則得近於大般涅槃。

dĩ thị nghĩa cố. thính Pháp nhân duyên tắc đắc cận ư Đại Bát-niết-bàn。

Do nghĩa này, cho nên nhân duyên nghe pháp thời được thân gần đại Bát-niết-bàn.

何以故。開法眼故。世有三人。一者無目。

hà dĩ cố. khai Pháp nhãn cố. thế hữu tam nhân. nhất giả vô mục。

Vì sao? khai Pháp nhãn cho nên thế gian có ba hạng người: một là không có mắt,
二者一目。三者二目。言無目者常不聞法。

nhị giả nhất mục. tam giả nhị mục. ngôn vô mục giả thường bất văn Pháp。

hai là một mắt, ba là hai mắt, nói không có mắt ấy là thường không nghe pháp;

一目之人雖暫聞法其心不住。

nhất mục chi nhân tuy tạm văn Pháp kỳ tâm bất trụ。

người một mắt dù nghe pháp trong chốc lát mà tâm không an trụ;

二目之人專心聽受如聞而行。以聽法故得知世間。

nhị mục chi nhân chuyên tâm thính thọ như văn nhi hành。 dĩ thính Pháp cố đắc tri thế gian。

người hai mắt là chuyên tâm nghe thọ pháp, như pháp tu hành, do nhờ nghe pháp nên được biết thế gian,

如是三人以是義故。聽法因緣則得近於大般涅槃。善男子。

như thị tam nhân dĩ thị nghĩa cố。 thính Pháp nhân duyên tắc đắc cận ư Đại Bát-niết-bàn。 thiện nam tử。

ba hạng người do nghĩa như vậy, cho nên nhân duyên nghe pháp thời được thân gần đại Bát-niết-bàn. Nay Thiện nam tử!

如我昔於拘尸那城。時舍利弗身遇病苦。

như ngã tích ư Câu-thi-na thành。 thời Xá-lợi-phất thân ngộ bệnh khổ。

Ta xưa trong thành Câu-thi-na, bấy giờ tôn giả Xá-lợi-phất thân gặp bệnh khổ。

我時顧命阿難比丘廣為說法。

ngã thời cố mạng A-nan bĩ khâu quảng vi thuyết Pháp。

Ta bấy giờ chỉ chuyên rộng thuyết chánh pháp cho Tỳ-kheo A-nan, 時舍利弗聞是事已告四弟子。汝昇我床往至佛所。

thời Xá-lợi-phất văn thị sự dĩ cáo tứ đệ-tử。 nhữ dư ngã sàng vãng chí Phật sở

Bấy giờ ngài Xá-lợi-phất nghe việc này rồi, bảo bốn đệ tử, các con mang giường ta đi đến chỗ Phật,

我欲聽法。時四弟子即共昇往既得聞法。

ngã dục thính Pháp。 thời tứ đệ-tử tức cộng dư vãng ký đắc văn Pháp。

ta muốn nghe Pháp. Bấy giờ bốn đệ tử liền cùng nhau đưa ngài đến chỗ Phật để, được nghe pháp.

聞法力故所苦除差身得安隱。以是義故。

văn Pháp lực cố sở khổ trừ sai thân đắc an ổn。 dĩ thị nghĩa cố。

Do nhờ sức nghe pháp, nên các khổ được tiêu trừ, thân được an ổn. Do nghĩa này,

聽法因緣則得近於大般涅槃。

thính Pháp nhân duyên tắc đắc cận ư Đại bát Niết-bàn。

nên biết nhân duyên nghe pháp thời được thân gần đại Bát-niết-bàn.

云何菩薩思惟因緣而得近於大般涅槃。

vân hà Bồ-tát tư duy nhân duyên nhi đắc cận ư Đại bát Niết-bàn。

Thế nào gọi là Bồ-tát tư duy nhân duyên mà được thân gần đại Bát-niết-bàn?

因是思惟心得解脫。何以故。

nhân thị tư duy tâm đắc giải thoát。 hà dĩ cố。

do nhờ tư duy này mà tâm được giải thoát. Vì sao?

一切眾生常為五欲之所繫縛。以思惟故悉得解脫。以是義故。

nhất thiết chúng sanh thường vi ngũ dục chi sở hệ phọc。 dĩ tư duy cố tất đắc giải thoát。

dĩ thị nghĩa cố。

tất cả chúng sanh thường bị ngũ dục trói buộc, nhờ tư duy nên được giải thoát. Do nghĩa này,

思惟因緣則得近於大般涅槃。復次善男子。

tư duy nhân duyên tắc đắc cận ư Đại bát Niết-bàn。 phục thứ thiện nam tử。

nhân duyên tư duy thời được thân gần đại Bát-niết-bàn. Lại nữa Thiện nam tử!

一切眾生常為常樂我淨四法之所顛倒。

nhất thiết chúng sanh thường vi thường lạc ngã tịnh tứ Pháp chi sở điên đảo。

Tất cả chúng sanh thường bị bốn pháp Thường, Lạc, Ngã, Tịnh làm điên đảo,

以思惟故得見諸法無常無樂無我無淨。

dĩ tư duy cố đắc kiến chư Pháp vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh,

do tư duy nên được thấy chư pháp vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

如是見已四倒即斷。以是義故。

như thị kiến dĩ tứ đảo tức đoạn。 dĩ thị nghĩa cố。

Có được tri kiến như vậy thì tứ điên đảo được đoạn trừ. Do nghĩa này,

思惟因緣則得近於大般涅槃。復次善男子。

tư duy nhân duyên tắc đắc cận ư Đại bát Niết-bàn。 phục thứ thiện nam tử。

nên biết tư duy nhân duyên thời được thân gần Đại Bát-niết-bàn. Lại nữa Thiện nam tử!

一切諸法有四種相。何等為四。一者生相。二者老相。

nhất thiết chư Pháp hữu tứ chủng tướng。 hà đẳng vi tứ。 nhất giả sanh tướng。 nhị giả lão tướng。

Tất cả các pháp có bốn tướng. Những gì là bốn? một là tướng sanh, hai là tướng già,

三者病相。四者滅相。

tam giả bệnh tướng。 tứ giả diệt tướng。

ba là tướng bệnh, bốn là tướng diệt. 以是四相能令一切凡夫眾生至須陀洹生大苦惱。若能繫念善思惟者。

dĩ thị tứ tướng năng lệnh nhất thiết phàm phu chúng sanh chí Tu đà hoàn sanh Đại khổ não. nhược năng hệ niệm thiện tư duy giả。

Do bốn tướng này hay khiến tất cả phàm phu chúng sanh đạt được Tu-đà-hoàn, xa lìa đại khổ não. Nếu hay chánh niệm khéo suy nghĩ, 雖遇此四不生於苦。以是義故。

tuy ngộ thử tứ bất sanh ư khổ. dĩ thị nghĩa cố。

dù gặp ấy bốn tướng này cũng không cảm thấy khổ não. Do nghĩa này, 思惟因緣則得近於大般涅槃。復次善男子。

tư duy nhân duyên tắc đắc cận ư Đại bát Niết-bàn. phục thử thiện nam tử。

nên biết suy tư nhân duyên thời được thân gần Đại Bát-niết-bàn. Lại nữa Thiện nam tử! 一切善法無不因於思惟而得。何以故。

nhất thiết thiện Pháp vô bất nhân ư tư duy nhi đắc. hà dĩ cố。

Tất cả thiện pháp không gì chẳng phải do tư duy mà được. Vì sao?

有人雖於無量無邊阿僧祇劫專心聽法。

hữu nhân tuy ư vô lượng vô biên a tăng kì kiếp chuyên tâm thính Pháp。

có người dầu trong vô lượng vô biên a tăng kì kiếp chuyên tâm nghe pháp, 若不思惟終不能得阿耨多羅三藐三菩提以是義故。

nhược bất tư duy chung bất năng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề dĩ thị nghĩa cố。

nếu không tư duy thì trọn không thể đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do nghĩa này! cho nên

思惟因緣則得近於大般涅槃。復次善男子。

tư duy nhân duyên tắc đắc cận ư Đại bát Niết-bàn. phục thử thiện nam tử。

tư duy nhân duyên thời được thân gần đại Bát-niết-bàn. Lại nữa Thiện nam tử!

若有眾生信佛法僧無有變易而生恭敬。

nhược hữu chúng sanh tín Phật Pháp tăng vô hữu biến dịch nhi sanh cung kính。

Nếu có chúng sanh tin Phật, Pháp, Tăng, không lòng thay đổi và sanh tâm cung kính, 當知皆是繫念思惟因緣力故。因得斷除一切煩惱。

đương tri giai thị hệ niệm tư duy nhân duyên lực cố. nhân đắc đoạn trừ nhất thiết phiền não。

phải biết đều là nhờ sức chánh niệm tư duy, nhân đó được đoạn trừ tất cả phiền não.

以是義故。思惟因緣則得近於大般涅槃。

dĩ thị nghĩa cố. tư duy nhân duyên tắc đắc cận ư Đại bát Niết-bàn.

Do nghĩa này, nên biết tư duy nhân duyên thời được thân gần đại Bát-niết-bàn.

云何菩薩如法修行。善男子。

vân hà Bồ-tát như Pháp tu hành. thiện nam tử.

Thế nào gọi là Bồ-tát như pháp tu hành? Này Thiện nam tử!

斷諸惡法修習善法。是名菩薩如法修行。

đoạn chư ác Pháp tu tập thiện Pháp. thị danh Bồ-tát như Pháp tu hành.

Đoạn trừ các ác pháp, tu tập thiện pháp, gọi là Bồ-tát như pháp tu hành.

復次云何如法修行。見一切法空無所有。

phục thứ vân hà như Pháp tu hành. kiến nhất thiết Pháp không vô sở hữu.

Lại nữa thế nào là như pháp tu hành? thấy tất cả pháp là không, vô sở hữu,

無常無樂無我無淨。以是見故寧捨身命不犯禁戒。

vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh. dĩ thị kiến cố ninh xả thân mạng bất phạm cấm giới.

vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, do tri kiến này nên cho dù xả bỏ thân mạng cũng không phạm cấm giới,

是名菩薩如法修行。復次云何如法修行。修有二種。

thị danh Bồ-tát như Pháp tu hành. phục thứ vân hà như Pháp tu hành. tu hữu nhị chủng.

gọi là Bồ-tát như pháp tu hành. Lại nữa, thế nào là như pháp tu hành? tu có hai,

一者真實。二者不實。不實者。

nhất giả chân thật. nhị giả bất thật. bất thật giả.

một là chân thật, hai là không thật. Không thật ấy,

不知涅槃佛性如來法僧實相虛空等相。是名不實。云何真實。

bất tri Niết-Bàn Phật tánh Như Lai Pháp tăng thật tướng hư không đẳng tướng. thị danh bất thật. vân hà chân thật.

không biết các tướng của Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp Tăng, thật tướng hư không, gọi là không thật. Thế nào gọi là chân thật,

能知涅槃佛性如來法僧實相虛空等相。

năng tri Niết-Bàn Phật tánh Như Lai Pháp tăng thật tướng hư không đẳng tướng

là biết được các tướng Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp Tăng thật tướng hư không, 是名真實。云何名為知涅槃相。

thị danh chân thật. vân hà danh vi tri Niết-Bàn tướng。

gọi là chân thật. Thế nào gọi là biết tướng Niết-bàn?

涅槃之相凡有八事。何等為八。

Niết-Bàn chi tướng phàm hữu bát sự. hà đẳng vi bát。

tướng của Niết-bàn có tám. Những gì là tám?

一者盡二善性三實四真五常六樂七我八淨。是名涅槃。復有八事。

nhất giả tận nhị thiện tánh tam thật tứ chân ngũ thường lục lạc thất ngã bát tịnh. thị danh Niết-Bàn. phục hữu bát sự。

một là Tận, hai là Thiện Tánh, ba là Thật, bốn là Chân, năm là Thường, sáu là Lạc, bảy là Ngã, tám là Tịnh, đó gọi là Niết-bàn. Lại có tám việc.

何等為八。一者解脫。二者善性。三者不實。

hà đẳng vi bát. nhất giả giải thoát. nhị giả thiện tánh. tam giả bất thật

Những gì là tám, một là giải thoát, hai là thiện tánh, ba là không thật,

四者不真。五者無常。六者無樂。七者無我。

tứ giả bất chân. ngũ giả vô thường. lục giả vô lạc. thất giả vô ngã.

bốn là không chân, năm là vô thường, sáu là vô lạc, bảy là vô ngã,

八者無淨。復有六相。一者解脫。二者善性。

bát giả vô tịnh. phục hữu lục tướng. nhất giả giải thoát. nhị giả thiện tánh

tám là vô tịnh. Lại có sáu tướng, một là giải thoát, hai là thiện tánh,

三者不實。四者不真。五者安樂。六者清淨。

tam giả bất thật. tứ giả bất chân. ngũ giả an lạc. lục giả thanh tịnh.

ba là không thật, bốn là không chân, năm là an lạc, sáu là thanh tịnh.

若有眾生依世俗道斷煩惱者。

nhược hữu chúng sanh y thế tục đạo đoạn phiền não giả。

Có chúng sanh nhờ vào con đường thế tục mà đoạn trừ phiền não.

如是涅槃則有八事解脫不實。何以故。以不常故。

như thị Niết-Bàn tắc hữu bát sự giải thoát bất thật. hà dĩ cố. dĩ bất thường cố

Như vậy Niết-bàn thời có tám việc giải thoát không thật. Vì sao? Vì không thường,

以無常故則無有實。無有實故則無有真。雖斷煩惱以還起故。

dĩ vô thường cố tắc vô hữu thật. vô hữu thật cố tắc vô hữu chân. tuy đoạn phiền não dĩ hoàn khởi cố.

do vô thường nên không có thật, không có thật nên không chân, dù đoạn tận phiền não vẫn khởi trở lại, nên

無常無我無樂無淨。是名涅槃解脫八事。

vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh. thị danh Niết-Bàn giải thoát bát sự.

vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, gọi là tám việc của Niết-bàn giải thoát.

云何六相。聲聞緣覺斷煩惱故。名為解脫。

vân hà lục tướng. Thanh văn, Duyên giác đoạn phiền não cố. danh vi giải thoát.

Thế nào gọi là sáu tướng? Thanh văn, Duyên giác đoạn tận phiền não, gọi là giải thoát, 而未能得阿耨多羅三藐三菩提故名不實。

nhi vị năng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề cố danh vi bất thật.

mà chưa thể chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên gọi là không thật.

以不實故名不真。

dĩ bất thật cố danh vi bất chân.

Do không thật nên gọi bất chân.

未來之世當得阿耨多羅三藐三菩提故名無常。

vị lai chi thế đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề cố danh vô thường.

Đời vị lai sẽ đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên gọi là vô thường.

以得無漏八聖道故名淨樂。善男子。若如是知。

dĩ đắc vô lậu bát Thánh đạo cố danh vi tịnh lạc. thiện nam tử. nhược như thị tri.

Do đắc vô lậu tám Thánh đạo, nên gọi là Tịnh Lạc. Này Thiện nam tử! Nếu biết như vậy, 是知涅槃不名佛性如來法僧實相虛空。

thị tri Niết-Bàn bất danh Phật tánh Như Lai Pháp tạng thật tướng hư không.

là liễu tri Niết-bàn không mang tên Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tạng, là như hư không.

云何菩薩知於佛性。佛性有六。何等為六。

vân hà Bồ-tát tri ư Phật tánh. Phật tánh hữu lục. hà đẳng vi lục.

Thế nào gọi là Bồ-tát liễu tri Phật tánh. Phật tánh có sáu. Những gì là sáu?

一常二淨三實四善五當見六真。復有七事。

nhất thường nhị tịnh tam thật tứ thiện ngũ đương kiến lục chân. phục hữu thất sự

một là Thường, hai là Tĩnh, ba là Thật, bốn là thiện, năm là đương, sáu là chân. Lại có bảy việc:

一者可證餘六如上。

nhất giả khả chứng dư lục như thượng。

một là có thể chứng sáu thứ trên,

是名菩薩知於佛性云何菩薩知如來相。如來即是覺相善相。

thị danh Bồ-tát tri ư Phật tánh vân hà Bồ-tát tri Như Lai tướng。 Như Lai tức thị giác tướng thiện tướng。

gọi là Bồ-tát liễu tri Phật tánh. Thế nào gọi là Bồ-tát liễu tri Như Lai tướng. Như Lai tức là giác tướng, thiện tướng,

常樂我淨解脫真實示道可見。

thường lạc ngã tịnh giải thoát chân thật kì đạo khả kiến。

Thường, Lạc, Ngã, Tĩnh-giải thoát chân thật, hiển bày đạo có thể thấy,

是名菩薩知如來相。

thị danh Bồ-tát tri Như Lai tướng。

gọi là Bồ-tát liễu tri Như Lai tướng。

云何菩薩知於法相。法者。若善不善。

vân hà Bồ-tát tri ư Pháp tướng。 Pháp giả。 nhược thiện bất thiện。

Thế nào gọi là Bồ-tát liễu tri pháp tướng. Pháp hoặc thiện hoặc bất thiện,

若常不常若樂不樂。若我無我若淨不淨。

nhược thường bất thường nhược lạc bất lạc。 nhược ngã vô ngã nhược tịnh bất tịnh hoặc thường, hoặc bất thường, hoặc lạc hoặc bất lạc, hoặc ngã, vô ngã, hoặc tịnh hoặc bất tịnh,

若知不知若解不解。若真不真若修不修。

nhược tri bất tri nhược giải bất giải。 nhược chân bất chân nhược tu bất tu。

hoặc tri hoặc bất tri, hoặc giải hoặc bất giải, hoặc chân hoặc bất chân, hoặc tu hoặc bất tu,

若師非師若實不實。是名菩薩知於法相。

nhược sư phi sư nhược thật bất thật。 thị danh Bồ-tát tri ư Pháp tướng。

hoặc sư phi sư, hoặc thật không thật。 Đó gọi là Bồ-tát liễu tri pháp tướng。

云何菩薩知於僧相。

vân hà Bồ-tát tri ư tăng tướng。

Thế nào gọi là Bồ-tát liễu tri Tăng tướng?

僧者若常樂我淨是弟子相可見之相。善真不。實何以故。

tăng giả nhược thường lạc ngã tịnh thị đệ-tử tướng khả kiến chi tướng。 thiện chân bất。 thật hà dĩ cố。

Tăng ấy hoặc là tướng Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, là tướng đệ tử có thể thấy, là thiện chân chẳng? là thật, vì sao?

一切聲聞得佛道故。何故名真。悟法性故。

nhất thiết thanh văn đắc Phật đạo cố。 hà cố danh chân。 ngộ Pháp tánh cố。

tất cả Thanh văn đều đắc Phật đạo, cứ sao gọi là chân? Vì ngộ pháp tánh,

是名菩薩知於僧相。

thị danh Bồ-tát tri ư tăng tướng。

nên nói Bồ-tát liễu tri Tăng tướng。

云何菩薩知於實相。實相者。

vân hà Bồ-tát tri ư thật tướng。 thật tướng giả。

Thế nào gọi là Bồ-tát liễu tri thật tướng. Thật tướng ấy,

若常無常若樂無樂。若我無我若淨無淨。

nhược thường vô thường nhược lạc vô lạc。 nhược ngã vô ngã nhược tịnh vô tịnh

hoặc thường, vô thường; hoặc lạc, vô lạc; hoặc ngã, vô ngã; hoặc tịnh, vô tịnh;

若善不善若有若無。若涅槃非涅槃。若解脫非解脫。

nhược thiện bất thiện nhược hữu nhược vô。 nhược Niết-Bàn phi Niết-Bàn。 nhược giải

thoát phi giải thoát。

hoặc thiện, bất thiện; hoặc có, hoặc không; hoặc Niết-bàn, phi Niết-bàn; hoặc giải thoát,

phi giải thoát;

若知不知若斷不斷。若證不證若修不修。若見不見。

nhược tri bất tri nhược đoạn bất đoạn。 nhược chứng bất chứng nhược tu bất tu。 nhược

kiến bất kiến。

hoặc tri, bất tri; hoặc đoạn, bất đoạn; hoặc chứng, bất chứng; hoặc tu, bất tu ; hoặc kiến

bất kiến,

是名實相。非是涅槃佛性如來法僧虛空。

thị danh thật tướng。 phi thị Niết-Bàn Phật tánh Như Lai Pháp tăng hư không

gọi là thật tướng, chẳng phải là Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không.
是名菩薩因修如是大涅槃故。

thị danh Bồ-tát nhân tu như thị Đại Niết-Bàn cố。

Do đó nên nói Bồ-tát nhân tu đại Niết-bàn như vậy,
知於涅槃佛性如來法僧實相虛空等法差別之相。

tri ư Niết-Bàn Phật tánh Như Lai Pháp tăng thật tướng hư không đẳng Pháp sai biệt chi
tướng。

nên liễu tri thật tướng Niết-bàn, Phật tánh, Như Lai, Pháp, Tăng, hư không và các tướng
sai biệt của các pháp.

善男子。菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。

thiện nam tử。 Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển。

Này Thiện nam tử! Vị đại Bồ-tát tu Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển,
不見虛空。何以故。

bất kiến hư không。 hà dĩ cố。

không thấy hư không。 Vì sao?

佛及菩薩雖有五眼所不見故。惟有慧眼乃能見之。慧眼所見無法可見。

Phật cập Bồ-tát tuy hữu ngũ nhãn sở bất kiến cố。 duy hữu tuệ nhãn nãi năng kiến chi。
tuệ nhãn sở kiến vô Pháp khả kiến。

Phật và Bồ-tát dù có ngũ nhãn cũng không thấy, chỉ có huệ nhãn mới có thể thấy. Sở kiến
của huệ nhãn không thể thấy,

故名為見。若是無物名虛空者。

cố danh vi kiến。 nhược thị vô vật danh hư không giả。

cho nên gọi là thấy. Nếu là không có vật thì gọi là hư không.

如是虛空乃名為實。以是實故則名常無。

như thị hư không nãi danh vi thật。 dĩ thị thật cố tắc danh thường vô。

Hư không như thế mới gọi là thật. Do sự thật này nên nói là thường không.

以常無故無樂我淨。善男子。空名無法無法名空。

dĩ thường vô cố vô lạc ngã tịnh thiện nam tử không danh vô Pháp vô Pháp danh không。

Do thường không nên không Lạc-Ngã-Tịnh. Này Thiện nam tử! Không gọi là vô pháp, vô
Pháp gọi là không.

譬如世間無物名空。虛空之性亦復如是。

thí như thế gian vô vật danh không. hư không chi tánh diệt phục như thị。
Thí như vạn vật thế gian gọi là không, tánh của hư không cũng lại như vậy,
無所有故名為虛空。善男子。
vô sở hữu cố danh vi hư không。 thiện nam tử。
vô sở hữu nên gọi là hư không. Này Thiện nam tử!
眾生之性與虛空性俱無實性。何以故。如人說言。除滅有物然後作空。
chúng sanh chi tánh dữ hư không tánh câu vô thật tánh。 hà dĩ cố。 như nhân thuyết
ngôn。 trừ diệt hữu vật nhiên hậu tác không。
Tánh của chúng sanh cùng tánh hư không đều không có thật tánh. Vì sao? như người nói
rằng, trừ bỏ hữu vật rồi vậy sau mới không,
而是虛空實不可作。何以故。無所有故。
nhi thị hư không thật bất khả tác。 hà dĩ cố。 vô sở hữu cố。
mà hư không này thật không thể tạo tác. Vì sao? Vì vô sở hữu,
以無有故當知無空。是虛空性若可作者則名無常。
dĩ vô hữu cố đương tri vô không。 thị hư không tánh nhược khả tác giả tắc danh vô
thường。
nhờ không có nên biết là không không, tánh của hư không này nếu có thể tạo tác, thời gọi
nó là vô thường。
若無常者不名虛空。善男子。
nhược vô thường giả bất danh hư không。 thiện nam tử。
Nếu không thường thì không gọi là hư không. Này Thiện nam tử!
如世間人說言虛空無色無礙常不變易。
như thế gian nhân thuyết ngôn hư không vô sắc vô ngại thường bất biến dịch。
Như người thế gian nói hư không không có sắc, không ngại, là thường hằng không thay
đổi,
是故世稱虛空之法為第五大。善男子。而是虛空實無有性。
thị cố thế xưng hư không chi Pháp vi đệ ngũ Đại。 thiện nam tử。 nhi thị hư không thật vô
hữu tánh。
nên thế gian nói hư không là đại thứ năm. Này Thiện nam tử! Hư không thật không có
tánh,
以光明故故名虛空。實無虛空。

dĩ quang-minh cố cố danh hư không. thật vô hư không.
do ánh sáng nên gọi là hư không, thật không có hư không,
猶如世諦實無其性。為眾生故說有世諦。善男子。
do như thế để thật vô kỳ tánh. vì chúng sanh cố thuyết hữu thế để. thiện nam tử
cũng như thế để thật không có tánh, vì chúng sanh nên nói có thế để. Nay Thiện nam tử!
涅槃之體亦復如是無有住處。

Niết-Bàn chi thể diệt phục như thị vô hữu trụ xứ.

Thể của Niết-bàn cũng lại như vậy, không có trụ xứ.

直是諸佛斷煩惱處故名涅槃。涅槃即是常樂我淨。

trực thị chư Phật đoạn phiền não xứ cố danh Niết-Bàn. Niết-Bàn tức thị thường lạc ngã
tịnh.

Nói ngắn gọn, chư Phật đoạn tận phiền não gọi là Niết-bàn. Niết-bàn tức Thường, Lạc,
Ngã, Tịnh.

涅槃雖樂非是受樂。乃是上妙寂滅之樂。

Niết-Bàn tuy lạc phi thị thọ lạc. nãi thị thượng diệu tịch diệt chi lạc.

Niết-bàn tuy là Lạc, nhưng không phải là thọ lạc, chính là Lạc của thượng diệu tịch diệt.

諸佛如來有二種樂。一寂滅樂。二覺知樂。

chư Phật như lai hữu nhị chủng lạc. nhất tịch diệt lạc. nhị giác tri lạc.

Chư Phật Như Lai có hai thứ lạc, một là tịch diệt lạc, hai là tri giác lạc.

實相之體有三種樂。一者受樂。二寂滅樂。三覺知樂。

thật tướng chi thể hữu tam chủng lạc. nhất giả thọ lạc. nhị tịch diệt lạc. tam giác tri
lạc.

Thể của thật tướng có ba lạc: một là thọ lạc, hai là tịch diệt lạc, ba là giác tri lạc.

佛性一樂以當見故。

Phật tánh nhất lạc dĩ đương kiến cố.

Phật tánh vì chỉ thuần một lạc, nên nếu ngộ được,

得阿耨多羅三藐三菩提時名菩提樂。

đắc a nậu đa la tam miếu tam Bồ-đề thời danh Bồ-đề lạc.

đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thời gọi là Bồ-đề lạc.

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩白佛

nhĩ thời quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha tát bạch Phật

Lúc bấy giờ Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương đại Bồ-tát bạch Phật rằng:
言。世尊。若煩惱斷處是涅槃者。是事不然。

ngôn. Thế tôn. nhược phiền não đoạn xử thị Niết-Bàn giả. thị sự bất nhiên
kính thưa Thế Tôn! nếu phiền não đoạn tận là Niết-bàn, việc này không như vậy.
何以故。如來往昔初成佛道至尼連禪河邊。

hà dĩ cố. Như Lai vãng tích sơ thành Phật đạo chí Ni-liên-thiền hà biên。

Vì sao? Như Lai xưa khi mới thành Phật đạo, đi đến bên bờ sông Ni-liên-thiền.

爾時魔王與其眷屬到於佛所。而作是言。世尊。

nhĩ thời ma Vương dữ kỳ quyến chúc đáo ư Phật sở. nhi tác thị ngôn. Thế tôn Bấy giờ
Ma Vương cùng quyến thuộc đi đến chỗ Phật bạch rằng, kính thưa Thế Tôn!
涅槃時到何故不入。佛告魔王。

Niết-Bàn thời đáo hà cố bất nhập. Phật cáo ma Vương。

giờ Niết-bàn đã đến sao Ngài chẳng nhập? Phật bảo Ma Vương:

我今未有多聞弟子善持禁戒聰明利智能化眾生。

ngã kim vị hữu đa văn đệ tử thiện trì cấm giới thông minh lợi trí năng hóa chúng sanh。

Ta nay chưa có đa văn đệ tử khéo trì cấm giới, thông minh, lợi trí, năng hóa chúng sanh,
是故不入。若言煩惱斷滅之處是涅槃者。

thị cố bất nhập. nhược ngôn phiền não đoạn diệt chi xử thị Niết-Bàn giả。

nên ta không nhập. Hoặc nói nơi nào phiền não đoạn tận, thì nơi ấy là Niết-bàn.

諸菩薩等於無量劫已斷煩惱。何故不得稱為涅槃。

chư Bồ-tát đẳng ư vô lượng kiếp dĩ đoạn phiền não. hà cố bất đắc xưng vi Niết-Bàn。

Các Bồ-tát trong vô lượng kiếp đã đoạn tận phiền não, sao không được gọi là Niết-bàn.

俱是斷處何緣獨稱諸佛有之菩薩無耶。

câu thị đoạn xử hà duyên độc xưng chư Phật hữu chi Bồ-tát vô da。

Đều là đoạn xử, cơ sao chỉ nói chư Phật có, Bồ-tát không?

若斷煩惱非涅槃者。

nhược đoạn phiền não phi Niết-Bàn giả。

Nếu đoạn tận phiền não, chẳng phải là Niết-bàn,

何故如來昔告生名婆羅門言。我今此身即是涅槃。

hà cố Như Lai tích cáo sanh danh Bà-la-môn ngôn. ngã kim thử thân tức thị Niết-Bàn。

thì cơ sao Như Lai khi xưa bảo với Bà-la-môn rằng: Nay thân ta đây tức là Niết-bàn,

如來昔時在毘舍離國。魔復啟請。如來。

Như Lai tích thời tại Tì-xá ly quốc. ma phục khái thỉnh. Như Lai.

Như Lai xưa ở nước Tì-xá-ly. Ma lại hỏi: Hỡi đức Như Lai!

昔以未有弟子多聞持戒聰明利智能化眾生不入涅槃。

tích dĩ vị hữu đệ-tử đa văn trì giới thông minh lợi trí năng hóa chúng sanh bất nhập Niết-Bàn.

xưa nay chưa từng có đệ tử đa văn, trì giới, thông minh, lợi trí, năng hóa chúng sanh không vào Niết-bàn,

今已具足何故不入。如來爾時即告魔言。

kim dĩ cụ túc hà cố bất nhập. Như Lai nhĩ thời tức cáo ma ngôn.

nay đã đầy đủ sao không vào Niết-bàn? Bấy giờ Như Lai liền bảo Ma rằng:

汝今莫生悞遲之想。却後三月吾當涅槃。世尊。

nhữ kim mạc sanh ấ trì chi tưởng. khước hậu tam nguyệt ngô đương Niết-Bàn. Thế tôn.

người nay chớ thắc mắc ta sao chậm vào Niết-bàn, còn ba tháng nữa, Như Lai sẽ vào Niết-bàn. Đức Thế Tôn

若使滅度非涅槃者。何故如來。

nhược sử diệt độ phi Niết-Bàn giả. hà cố Như Lai.

nếu diệt độ, chẳng phải là Niết-bàn. Vì cố sao Như Lai,

自期三月當般涅槃。世尊。若斷煩惱是涅槃者。

tự kỳ tam nguyệt đương Bát-niết-bàn. Thế tôn. nhược đoạn phiền não thị Niết-Bàn giả.

dự tri ba tháng sau sẽ nhập Niết-bàn. Thưa Thế Tôn! nếu đoạn tận phiền não là Niết-bàn.

如來往昔初在道場菩提樹下。斷煩惱時便是涅槃。

Như Lai往昔 tích sơ tại đạo trường Bồ-đề thụ hạ. đoạn phiền não thời tiện thị Niết-Bàn.

Như Lai ngày xưa ban đầu ở đạo tràng ngồi dưới cây Bồ-đề, đoạn tận phiền não, liền chứng Niết-bàn,

何故復言却後三月當般涅槃。世尊。

hà cố phục ngôn khước hậu tam nguyệt đương Bát-niết-bàn. Thế tôn.

vậy thì cố sao nay lại nói còn ba tháng nữa mới nhập Niết-bàn. Thưa Thế Tôn!

bất hóa chúng sanh mặc nhiên nhi trụ tiệt thị Niết-Bàn。 thiện nam tử。
chẳng hóa độ chúng sanh, lặng yên mà trụ chính là Niết-bàn. Này Thiện nam tử!
譬如世人見人不言無所造作。便謂是人如死無異。
thí như thế nhân kiến nhân bất ngôn vô sở tạo tác。 tiệt vị thị nhân như tử vô dị。
Thí như người thế gian thấy người không nói không tạo tác, liền nói người ấy chẳng khác
nào người chết。
魔王波旬亦復如是。
ma Vương Ba-tuần diệc phục như thị。
Ma Vương Ba-tuần cũng lại như vậy,
意謂如來不化眾生默無所說。便謂如來入般涅槃。善男子。
ý vị Như Lai bất hóa chúng sanh mặc vô sở thuyết。 tiệt vị Như Lai nhập Bát-niết-bàn。
thiện nam tử。
cho rằng Như Lai không giáo hóa chúng sanh, lặng yên không nói, liền bảo Như Lai đã
vào Niết-bàn. Này Thiện nam tử!
如來不說佛法眾僧無差別相。
Như Lai bất thuyết Phật Pháp chúng tăng vô sai biệt tướng。
Như Lai không nói Phật, Pháp, chúng tăng không có tướng sai biệt。
惟說常住清淨二法無差別耳。善男子。
duy thuyết thường trụ thanh tịnh nhị Pháp vô sai biệt nhĩ。 thiện nam tử。
Như Lai chỉ nói thường trụ thanh tịnh hai Pháp không sai biệt mà thôi. Này Thiện nam tử!
佛亦不說佛及佛性涅槃無差別相。惟說常恆不變無差別耳。善男子。
Phật diệc bất thuyết Phật cập Phật tánh Niết-Bàn vô sai biệt tướng。 duy thuyết thường
hằng bất biến vô sai biệt nhĩ。 thiện nam tử。
Phật cũng không nói Phật và Phật tánh Niết-bàn không có tướng sai biệt, chỉ nói thường
hằng bất biến vô sai biệt mà thôi. Này Thiện nam tử!
佛亦不說涅槃實相無差別相。
Phật diệc bất thuyết Niết-Bàn thật tướng vô sai biệt tướng。
Đức Phật cũng không nói Niết-bàn thật tướng không có sai biệt tướng,
惟說常有實不變易無差別耳。善男子。
duy thuyết thường hữu thật bất biến dịch vô sai biệt nhĩ。 thiện nam tử。
chỉ nói là thường, có thật, không thay đổi, không sai biệt mà thôi. Này Thiện nam tử!

爾時我諸聲聞弟子生於諍訟如拘睒彌。

nhĩ thời ngã chư thanh văn đệ-tử sanh ư tránh tụng như câu đàm di.

Bấy giờ, chúng Thanh văn đệ tử ta có chuyện tranh chấp kiện tụng trong nước Câu-thiểm-di.

諸惡比丘違反我教多犯禁戒。受不淨物貪求利養。

chư ác bỉ khâu vi phản ngã giáo đa phạm cấm giới。 thọ bất tịnh vật tham cầu lợi dưỡng。

Các ác Tỳ-kheo không nghe lời dạy của ta, phạm nhiều cấm giới, thọ nhận đồ bất, tịnh, tham cầu lợi dưỡng,

向諸白衣而自讚歎我得無漏。

hướng chư bạch y nhi tự tán thán ngã đắc vô lậu。

hướng về bạch y cư sĩ mà tự khen mình đã được vô lậu,

謂須陀洹果乃至我得阿羅漢果。

vị Tu đà hoàn quả nãi chí ngã đắc A la hán quả。

tức là Tu-đà-hoàn quả, cho đến đã được quả A-la-hán,

毀辱於他於佛法僧戒律和上不生恭敬。公於我前言如是物佛所聽畜。

hủy nhục ư tha ư Phật Pháp tăng giới luật hòa thượng bất sanh cung kính。 công ư ngã tiền ngôn như thị vật Phật sở thính súc。

hủy nhục người, Phật, Pháp, Tăng, giới luật, Hoà thượng, không sanh lòng cung kính, ở trước ta nói vật như vậy Phật cho phép cất chứa,

如是等物佛不聽畜。

như thị đẳng vật Phật bất thính súc。

những vật như vậy Phật không cho cất chứa。

我亦語言如是等物我實不聽。復反我言如是等物實是佛聽。

ngã diệc ngữ ngôn như thị đẳng vật ngã thật bất thính。 phục phản ngã ngôn như thị đẳng vật thật thị Phật thính。

Ta cũng nói những thứ đó ta thiệt không cho phép. Ngược lại ta nói những thứ này Phật cho phép.

如是惡人不信我言。為是等故我告波旬。汝莫悞遲。

như thị ác nhân bất tín ngã ngôn。 vi thị đẳng cố ngã cáo Ba-tuần。 nhữ mạc ấ trì。

Những người xấu ác này không tin lời ta, nên ta nói với ma Ba-tuần chớ cho rằng Như Lai sao trì hoãn chậm vào Niết-bàn.

却後三月當般涅槃。善男子。

khước hậu tam nguyệt đương Bát-niết-bàn。 thiện nam tử。

Còn ba tháng nữa Như Lai sẽ vào Niết-bàn. Này Thiện nam tử!

因如是等惡比丘故。

nhân như thị đẳng ác bỉ khâu cố。

do các ác Tỳ-kheo này

令諸聲聞受學弟子不見我身不聞我法。便言如來入於涅槃。

lệnh chư thanh văn thọ học đệ-tử bất kiến ngã thân bất văn ngã Pháp。 tiện ngôn Như Lai nhập ư Niết-Bàn。

khiến các Thanh văn đệ tử không thấy thân ta, không nghe pháp ta, liền nói Như Lai nhập Niết-bàn.

惟諸菩薩能見我身常聞我法。是故不言我入涅槃。

duy chư Bồ-tát năng kiến ngã thân thường văn ngã Pháp。 thị cố bất ngôn ngã nhập Niết-Bàn。

Chỉ có các Bồ-tát mới có thể thấy được thân ta, thường nghe Pháp của ta, nên, không nói ta vào Niết-bàn.

聲聞弟子雖復發言如來涅槃。而我實。不入於涅槃。

thanh văn đệ-tử tuy phục phát ngôn Như Lai Niết-Bàn。 nhi ngã thật。 bất nhập ư Niết-Bàn。

Chúng Thanh văn đệ tử dù có nói Như Lai Niết-bàn, nhưng ta thật ra ta chẳng vào ở Niết-bàn.

善男子。若我所有聲聞弟子說言如來入涅槃者。

Này Thiện nam tử。 nhược ngã sở hữu thanh văn đệ-tử thuyết ngôn Như Lai nhập Niết-Bàn giả。

Thiện nam tử! Nếu tất cả chúng Thanh văn đệ tử của ta nói Như Lai vào Niết-bàn, 當知是人非我弟子是魔伴黨。

đương tri thị nhân phi ngã đệ-tử thị ma bạn đảng。

phải biết người này chẳng phải đệ tử ta, mà là bè đảng với Ma,

邪見惡人非正見也。若言如來不入涅槃。

tà kiến ác nhân phi chánh kiến dã. nhược ngôn Như Lai bất nhập Niết-Bàn。
tà kiến ác nhân, chẳng phải chánh kiến. Nếu nói Như Lai không vào Niết-bàn,
當知是人真我弟子非魔伴黨。正見之人非惡邪也。

đương tri thị nhân chân ngã đệ-tử phi ma bạn đảng。 chánh kiến chi nhân phi ác tà dã。
phải biết người này là chân nhân, là đệ tử của ta, không phải bè đảng với Ma, là người
chánh kiến, không phải hạng tà ác.

善男子。

thiện nam tử。

Này Thiện nam tử!

我初不見弟子之中有言如來不化眾生默然而住名般涅槃也。善男子。

ngã sơ bất kiến đệ-tử chi trung hữu ngôn Như Lai bất hóa chúng sanh mặc nhiên nhi trụ
danh Bát-niết-bàn dã。 thiện nam tử。

Ta ban đầu không thấy trong đệ tử ta có vị nói Như Lai không hóa độ chúng sanh, lặng
yên mà trú, gọi là Niết-bàn. Này Thiện nam tử!

譬如長者多有子息捨至他方。

thí như Trưởng-Giả đa hữu tử tức xả chí tha phương。

Thí như ông trưởng giả có các người con bỏ nhà đi đến nơi khác,
未得還頃諸子並謂父已死矣。而是長者實亦不死。

vị đắc hoàn khoảnh chư tử tịnh vị phụ dĩ tử hĩ。 nhi thị Trưởng-Giả thật diệc bất tử。
chưa bao lâu thì các con đều nghe cha đã chết, nhưng mà ông trưởng giả thật cũng
không chết.

諸子顛倒皆生死想。聲聞弟子亦復如是不見我故。

chư tử điên đảo giai sanh tử tưởng。 thanh văn đệ-tử diệc phục như thị bất kiến ngã cố。
Các con điên đảo đều tưởng là đã chết. Chúng Thanh văn đệ tử cũng lại như vậy, không
thấy ta,

便謂如來已於拘尸那城娑羅雙樹間而般涅槃。

tiện vị Như Lai dĩ ư Câu-thi-na thành sa-la song thụ gian nhi Bát-niết-bàn。

bèn nói Như Lai đã nhập Niết-bàn dưới cội sa la song thọ trong rừng Câu-thi-na,
而我實不般涅槃也。聲聞弟子生涅槃想。

nhi ngã thật bất Bát-niết-bàn dã。 thanh văn đệ-tử sanh Niết-Bàn tưởng。

nhưng ta thật không vào Niết-bàn, mà chúng Thanh văn đệ tử nghĩ ta đã vào Niết-bàn.

善男子。譬如明燈有人覆之。

thiện nam tử. thí như minh đăng hữu nhân phúc chi.

Thiện nam tử! thí như đèn sáng mà có người che trùm lại,
餘不知者謂燈已滅。而是明焰實亦不滅。以不知故生於滅想。

dĩ bất tri giả vị đăng dĩ diệt. nhi thị minh diệm thật diệc bất diệt. dĩ bất tri cố sanh ư diệt
tưởng.

người khác không biết nên cho đèn đã tắt, mà ánh sáng đèn thật cũng không tắt, vì không
biết nên cho là đã tắt.

聲聞弟子亦復如是。雖有慧目以煩惱覆。

thanh văn đệ-tử diệc phục như thị. tuy hữu tuệ mục dĩ phiền não phúc.

Chúng Thanh văn đệ tử cũng lại như vậy, dù có tuệ nhãn, nhưng bị phiền não che trùm,
令心顛倒不見真身。而便生於滅度之想。

lệnh tâm điên đảo bất kiến chân thân. nhi tiện sanh ư diệt độ chi tưởng.

khiến tâm điên đảo, không thấy được chân thân của Như Lai, bèn nghĩ rằng Ta đã diệt độ,
而我實不取滅度也。

nhi ngã thật bất thủ diệt độ dã.

mà Ta thật không có diệt độ.

善男子。如生盲人不見日月。

thiện nam tử. như sanh manh nhân bất kiến nhật nguyệt.

Này Thiện nam tử! Như người mù chẳng thấy mặt trăng mặt trời,
以不見故不知晝夜明闇之相。

dĩ bất kiến cố bất tri trú dạ minh ám chi tướng.

do không thấy cho nên không biết tướng ngày đêm, tướng sáng tối.

以不知故便說無有日月之實。實有日月盲者不見。

dĩ bất tri cố tiện thuyết vô hữu nhật nguyệt chi thật. thật hữu nhật nguyệt manh giả bất
kiến.

Do không biết, bèn nói không có thật nhật nguyệt, thật có nhật nguyệt mà do mù nên
không thấy.

以不見故生於倒想言無日月。聲聞弟子亦復如是。

dĩ bất kiến cố sanh ư đảo tưởng ngôn vô nhật nguyệt. thanh văn đệ-tử diệc phục như
thị.

Do không thấy nên sanh tưởng điên đảo nói là không có nhật nguyệt. Chúng, Thanh văn đệ tử cũng lại như vậy,

如彼生盲不見如來。便謂如來入於涅槃。

như bĩ sanh manh bất kiến Như Lai. tiện vị Như Lai nhập ư Niết-Bàn.

như người mù kia, không thấy Như Lai, bèn nói Như Lai nhập Niết-bàn.

如來實不入於涅槃。以倒想故生如是心。善男子。

Như Lai thật bất nhập ư Niết-Bàn. dĩ đảo tưởng cố sanh như thị tâm. thiện nam tử.

Như Lai thật chẳng nhập Niết-bàn, do điên đảo tưởng nên sanh lòng như vậy. Nay Thiện nam tử!

譬如雲霧覆蔽日月。癡人便言無有日月。

thí như vân vụ phúc tế nhật nguyệt. si nhân tiện ngôn vô hữu nhật nguyệt.

Thí như mây, sương mù che trùm che mặt trời mặt trăng, người ngu bèn nói là, lời không có mặt trời mặt trăng.

日月實有直以覆故眾生不見。聲聞弟子亦復如是。

nhật nguyệt thật hữu trực dĩ phúc cố chúng sanh bất kiến. thanh văn đệ tử diệt phục như thị.

Mặt trời mặt trăng thật có, nhưng vì bị che trùm nên chúng sanh không thấy. Chúng

Thanh văn đệ tử cũng lại như vậy,

以諸煩惱覆智慧眼不見如來。

dĩ chư phiền não phúc trí tuệ nhãn bất kiến Như Lai.

vì phiền não che trùm con mắt trí huệ, nên không thấy Như Lai,

便言如來入於滅度。善男子。真是如來現嬰兒行非滅度也。

tiện ngôn Như Lai nhập ư diệt độ. thiện nam tử. chân thị Như Lai hiện anh nhi hành phi diệt độ dã.

bèn nói Như Lai diệt độ. Nay Thiện nam tử! Đúng là Như Lai hiện hạnh anh nhi, chẳng phải diệt độ.

善男子。如閻浮提日入之時。

thiện nam tử. như Diêm-phù-đề nhật nhập chi thời.

Nay Thiện nam tử! Như khi mặt trời chiếu soi cõi Diêm-phù-đề,

眾生不見以黑山障故。而是日性實無沒入。

chúng sanh bất kiến dĩ hắc sơn chướng cố. nhi thị nhật tánh thật vô một nhập.

chúng sanh không thấy rồi cho rằng núi đen che khuất, mà thật tánh của mặt trời không có lặn,

眾生不見生沒入想。聲聞弟子亦復如是。

chúng sanh bất kiến sanh một nhập tưởng. thanh văn đệ-tử diệt phục như thị.

chúng sanh không thấy nên nghĩ là đã lặn. Chúng Thanh văn đệ tử cũng lại như vậy, 為諸煩惱山所障故不見我身。以不見故便於如來生滅度想。

vi chư phiền não sơn sở chướng cố bất kiến ngã thân. dĩ bất kiến cố tiện ư Như Lai sanh diệt độ tưởng.

vì các núi phiền não ngăn che, nên không thấy thân ta, do không thấy nên liền sanh tưởng Như Lai có sanh có diệt,

而我實不趣滅度也。

nhi ngã thật bất thú diệt độ dã.

mà Như Lai thật không có diệt độ.

是故我於毘舍離國告波旬言。

thị cố ngã ư Tì-xá ly quốc cáo Ba-tuần ngôn.

Nên Ta khi ở trong thành Tì Xá Ly bảo Ma Ba-tuần,

却後三月我當涅槃。善男子。

khước hậu tam nguyệt ngã đương Niết-Bàn. thiện nam tử.

còn ba tháng nữa Như Lai sẽ vào Niết-bàn. Này Thiện nam tử!

如來玄見迦葉菩薩却後三月善根當熟。

Như Lai huyền kiến ca diệp Bồ-tát khước hậu tam nguyệt thiện căn đương thực.

Như Lai huyền kiến Ca-diệp Bồ-tát sau ba tháng sau, thiện căn phải thuần thực,

亦見香山須跋陀羅竟安居已當至我所。是故我告魔王波旬。

diệt kiến hương sơn tu bạt Đà-la cánh an cư dĩ đương chí ngã sở. thị cố ngã cáo ma Vương Ba-tuần.

cũng thấy Hương Sơn Tu Bạt Đà La an cư xong, sẽ đến chỗ ta, nên ta bảo Ma Vương Ba-tuần,

却後三月當般涅槃。善男子。有諸力士其數五百。

khước hậu tam nguyệt đương Bát-niết-bàn. thiện nam tử. hữu chư lực sĩ kỳ số ngũ bách.

ba tháng sau ta sẽ vào Niết-bàn. Này Thiện nam tử! Có năm trăm vị lực sĩ,

終竟三月亦當得發阿耨多羅三藐三菩提心。

chung cánh tam nguyệt diệc đương đắc phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm。

ba tháng sau cũng phải đắc A-nậu-đa-la-tam-miểu-tam-Bồ-đề tâm,

我為是故告波旬言。却後三月當般涅槃。善男子。

ngã vi thị cố cáo Ba-tuần ngôn。 khước hậu tam nguyệt đương Bát-niết-bàn。 thiện nam tử。

Ta vì vậy nên bảo Ba-tuần, ba tháng sau Ta sẽ nhập Niết-bàn. Nay Thiện nam tử!

純陀等輩及五百梨車菴羅果女。

Thuần đà đẳng bối cập ngũ bách lê xa am la quả nữ。

Thuần Đà và năm trăm lê-xa-am-la-quả-nữ,

却後三月無上道心善根成熟。為是等故我告波旬。

khước hậu tam nguyệt vô thượng Đạo tâm thiện căn thành thực。 vi thị đẳng cố ngã cáo Ba-tuần。

ba tháng sau, vô thượng đạo tâm thiện căn thành thực, nên Ta bảo ma Ba-tuần,

却後三月當般涅槃。善男子。

khước hậu tam nguyệt đương Bát-niết-bàn。 thiện nam tử。

ba tháng sau ta sẽ nhập Niết-bàn. Nay Thiện nam tử!

須那剎多親近外道尼乾子等。我為說法滿十二年。

tu na sát đa thân cận ngoại đạo ni kiền tử đẳng。 ngã vi thuyết Pháp mãn thập nhị niên。

Tu-na-sát-đa gần gũi ngoại đạo Ni-kiền-tử v.v.. Ta vì đó mà thuyết Pháp mãn mười hai năm

彼人邪見不信不受。我知是人邪見根栽。

bỉ nhân tà kiến bất tín bất thọ。 ngã tri thị nhân tà kiến căn tài。

người đó tà kiến không tin không thọ, Ta biết người đó căn tà kiến đã gieo trồng,

却後三月定可斫伐。我為是故告波旬言。

khước hậu tam nguyệt định khả chước phạt。 ngã vi thị cố cáo Ba-tuần ngôn。

sau ba tháng nhất định có thể bẻ gãy, Ta vì vậy nên bảo ma Ba-tuần,

却後三月當般涅槃。

khước hậu tam nguyệt đương Bát-niết-bàn。

sau ba tháng ta sẽ vào Niết-bàn.

善男子。

thiện nam tử.

Này Thiện nam tử!

何因緣故我於往昔尼連河邊告魔波旬。我今未有多智弟子。

hà nhân duyên cố ngã ư vãng tích ni liên hà biên cáo Ma Ba-tuần。ngã kim vị hữu đa trí
đệ-tử。

duyên có vì sao ta khi xưa ở trên sông Ni-liên bảo ma Ba-tuần, ta nay chưa có đệ tử đa trí,
是故不得入涅槃者。我時欲為五比丘等於波羅奈轉法輪故。

thị cố bất đắc nhập Niết-Bàn giả。ngã thời dục vi ngũ bỉ khâu đẵng ư ba la nại chuyển
Pháp luân cố。

nên không được vào Niết-bàn. Ta lúc bấy giờ muốn thuyết pháp cho năm vị Tỳ-kheo mà ở
Ba-la-nại.

復次欲為五比丘等。

phục thứ dục vi ngũ bỉ khâu đẵng。

Lại nữa, muốn vì năm vị Tỳ-kheo,

所謂耶奢富那毘摩羅闍憍梵波提須婆睺。

sở vị da xa phú na tì ma la đồ Kiêu-Phạm-Ba-Đề tu bà hầu。

đó là Da-xá, Phú-lâu-na, Tì-ma-la-đồ, Kiêu-phạm-ba-đề, Tu-bà-hầu.

次復欲為郁伽長者等五十人。

thứ phục dục vi úc dà Trưởng-Giả đẵng ngũ thập nhân。

Lại muốn vì Úc-dà trưởng giả năm mươi người,

次復欲為摩伽陀國頻婆娑羅王等無量人天。

thứ phục dục vi ma dà đà quốc Tần-bà sa la Vương đẵng vô lượng nhân Thiên。

lại muốn vì Tần-bà-sa-la ở nước Ma-dà-đà, vô lượng người Trời,

次復欲為優樓頻螺迦葉門徒五百比丘。

thứ phục dục vi ưu lâu tần loa ca diệp môn đồ ngũ bách bỉ khâu。

lại muốn vì năm trăm Tỳ-kheo môn đồ của Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp,

次復欲為那提迦葉伽耶迦葉兄弟二人及五百弟子。

thứ phục dục vi na đề Ca-diếp dà da Ca-diếp huynh đệ nhị nhân cập ngũ bách đệ-tử

lại muốn vì hai anh em Na-đề Ca-diếp, Dà-da Ca-diếp cùng năm trăm đệ tử,

次復欲為舍利弗目犍連等二百五十比丘轉妙法輪。

thứ phục dục vi Xá-lợi-phất Mục-kiền-liên đẳng nhị bách ngũ thập bĩ khâu chuyển diệu Pháp luân。

lại muốn vì Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên hai trăm năm mươi Tỳ-kheo chuyển diệu Pháp luân,
是故我告魔王波旬不般涅槃。

thị cố ngã cáo ma Vương Ba-tuần bất Bát-niết-bàn。

nên ta bảo Ma Vương Ba-tuần ta không nhập Niết-bàn.

善男子。有名涅槃非大涅槃。

thiện nam tử。 hữu danh Niết-Bàn phi Đại Niết-Bàn。

Này Thiện nam tử! Có tên Niết-bàn mà không phải là đại Niết-bàn.

云何涅槃非大涅槃。

vân hà Niết-Bàn phi Đại Niết-Bàn。

Thế nào là Niết-bàn chẳng phải đại Niết-bàn?

不見佛性而斷煩惱是名涅槃非大涅槃。以不見佛性故。無常無我惟有樂淨。

bất kiến Phật tánh nhi đoạn phiền não thị danh Niết-Bàn phi Đại Niết-Bàn。 dĩ bất kiến Phật tánh cố。 vô thường vô ngã duy hữu lạc tịnh。

không thấy Phật tánh mà đoạn tận phiền não, gọi là Niết-bàn chẳng phải đại Niết-bàn.

Còn không thấy Phật tánh, nên vô thường, vô ngã chỉ có Lạc-Tịnh.

以是義故。雖斷煩惱不得名為大般涅槃也。

dĩ thị nghĩa cố。 tuy đoạn phiền não bất đắc danh vi Đại bát Niết-bàn dã。

Do nghĩa này, tuy có đoạn phiền não, cũng không được gọi là đại Bát-niết-bàn.

若見佛性能斷煩惱。是則名為大涅槃也。

nhược kiến Phật tánh năng đoạn phiền não。 thị tắc danh vi Đại Niết-Bàn dã。

Nếu thấy Phật tánh rồi sau mới chặt đứt phiền não, thời gọi là đại Niết-bàn,

以見佛性故得名為常樂我淨。以是義故。

dĩ kiến Phật tánh cố đắc danh vi thường lạc ngã tịnh。 dĩ thị nghĩa cố。

do thấy Phật tánh nên được gọi là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Do nghĩa này,

斷除煩惱亦得稱為大般涅槃。

đoạn trừ phiền não diệt đắc xưng vi Đại bát Niết-bàn。

nên đoạn trừ phiền não cũng được gọi là đại Bát-niết-bàn.

善男子。涅槃言不。槃者言織。

thiện nam tử。 niết giả ngôn bất。 bàn giả ngôn chức。

Này Thiện nam tử! Niết gọi là không? Bàn gọi là thêu dệt,
不織之義名為涅槃。槃又言覆。不覆之義乃名涅槃。

bất chức chi nghĩa danh vi Niết-Bàn. bàn hựu ngôn phúc. bất phúc chi nghĩa nãi danh Niết-Bàn.

nghĩa không thêu dệt gọi là Niết-bàn; bàn lại gọi là che trùm. Nghĩa không che trùm mới gọi là Niết-bàn.

槃言去來。不去不來乃名涅槃。槃者言取。

bàn ngôn khứ lai. bất khứ Bất-lai nãi danh Niết-Bàn. bàn giả ngôn thủ.

Bàn ấy là khứ lai, không khứ không lai mới là Niết-bàn. Bàn ấy gọi là thủ, 不取之義乃名涅槃。槃言不定。

bất thủ chi nghĩa nãi danh Niết-Bàn. bàn ngôn bất định.

nghĩa không thủ mới gọi Niết-bàn. Bàn nói là bất định,
定無不定乃名涅槃。槃言新故。無新故義乃名涅槃。槃言障礙。

định vô bất định nãi danh Niết-Bàn. bàn ngôn tân cố. vô tân cố nghĩa nãi danh Niết-Bàn. bàn ngôn chướng ngại.

định vô bất định mới là Niết-bàn. Bàn nói là mới, không mới nên nghĩa mới gọi là Niết-bàn.

Bàn nói là chướng ngại,

無障礙義乃名涅槃。善男子。

Vô chướng ngại nghĩa nãi danh Niết-Bàn. thiện nam tử.

Không chướng ngại mới gọi Niết-bàn. Này Thiện nam tử!

有憂羅迦迦毘羅弟子等言。槃者名相。無相之義乃名涅槃。

hữu ưu la ca ca ti la đệ-tử đẳng ngôn. bàn giả danh tướng. vô tướng chi nghĩa nãi danh Niết-Bàn.

có Ưu-la-ca, Ca-tì-la đệ tử nói, bàn gọi là tướng, nghĩa vô tướng mới gọi là Niết-bàn.

善男子。槃者言有。無有之義乃名涅槃。

thiện nam tử. bàn giả ngôn hữu. vô hữu chi nghĩa nãi danh Niết-Bàn.

Này Thiện nam tử! Bàn nói là có, nghĩa vô hữu mới là Niết-bàn.

槃名和合。無和合義乃名涅槃。槃者言苦。

bàn danh hòa hợp. vô hòa hợp nghĩa nãi danh Niết-Bàn. bàn giả ngôn khổ.

Bàn gọi là hòa hợp, nghĩa của không hòa hợp mới là Niết-bàn. Bàn nói là khổ,

無苦之義乃名涅槃。善男子。斷煩惱者不名涅槃。

vô khổ chi nghĩa nãi danh Niết-Bàn. thiện nam tử. đoạn phiền não giả bất danh Niết-Bàn.

nghĩa của không khổ mới là Niết-bàn. Này Thiện nam tử! Đoạn tận phiền não không gọi là Niết-bàn,

不生煩惱乃名涅槃。善男子。

bất sanh phiền não nãi danh Niết-Bàn. thiện nam tử.

không sanh phiền não mới là Niết-bàn. Này Thiện nam tử!

諸佛如來煩惱不起是名涅槃。所有智慧於法無礙是為如來。

chư Phật như lai phiền não bất khởi thị danh Niết-Bàn. sở hữu trí tuệ ư Pháp vô ngại thị vi Như Lai.

Chư Phật Như Lai phiền não không khởi, gọi là Niết-bàn, tất cả trí huệ đối với Pháp vô ngại, đó là Như Lai.

如來非是凡夫聲聞緣覺菩薩。是名佛性。

Như Lai phi thị phàm phu Thanh văn, Duyên giác Bồ-tát. thị danh Phật tánh.

Như Lai chẳng phải là phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, gọi là Phật tánh.

如來身心智慧遍滿無量無邊阿僧祇土無所障

Như Lai thân tâm trí tuệ biến mãn vô lượng vô biên a-tăng-kì độ vô sở chướng

Thân tâm trí huệ Như Lai biến mãn vô lượng vô biên a-tăng-kì cõi nước, không có, chướng ngại,

礙。是名虛空。如來常住無有變易。名曰實相。

ngại. thị danh hư không. Như Lai thường trụ vô hữu biến dịch. danh viết thật tướng.

gọi là hư không. Như Lai thường trụ không có biến dịch, gọi là thật tướng.

以是義故如來實不畢竟涅槃。

dĩ thị nghĩa cố Như Lai thật bất tất cánh Niết-Bàn.

Do nghĩa này nên Như Lai thật chẳng rốt ráo Niết-bàn,

是名菩薩修大涅槃微妙經典。

thị danh Bồ-tát tu Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển.

gọi là Bồ-tát tu kinh điển vi diệu đại Niết-bàn,

具足成就第七功德復次善男子。

cụ túc thành tựu đệ thất công đức phục thứ thiện nam tử.

thành tựu đủ công đức thứ bảy. Lại nữa Thiện nam tử!

云何菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。具足成就第八功德。善男子。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển。 cụ túc thành tựu đệ bát công đức。 thiện nam tử。

Thế nào gọi là vị đại Bồ-tát tu đại Niết-bàn vi diệu kinh điển, thành tựu đầy đủ công đức thứ tám. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃。除斷五事遠離五事。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-Bàn。 trừ đoạn ngũ sự viễn li ngũ sự。

Vị đại Bồ-tát tu đại Niết-bàn, đoạn trừ năm việc, xa lìa năm việc,

成就六事。修習五事。守護一事。親近四事。

thành tựu lục sự。 tu tập ngũ sự。 thủ hộ nhất sự。 thân cận tứ sự。

thành tựu sáu việc, tu tập năm việc, thủ hộ một việc, gần gũi bốn việc,

信順一實。心善解脫慧善解脫。

tín thuận nhất thật。 tâm thiện giải thoát tuệ thiện giải thoát。

tin theo nhất thật, tâm khéo giải thoát, huệ khéo giải thoát。

善男子。云何菩薩除斷五事。所謂五陰。

thiện nam tử。 vân hà Bồ-tát trừ đoạn ngũ sự。 sở vị ngũ uẩn。

Này Thiện nam tử! thế nào gọi là Bồ-tát đoạn trừ năm việc, đó là ngũ uẩn:,

色受想行識。所言陰者其義何。

sắc thọ tưởng hành thức。 sở ngôn uẩn giả kỳ nghĩa hà。

sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Có chỗ nói là ấm, nghĩa ấy thế nào?

謂能令眾生生死相續不離重擔。分散聚合三世所攝。

vị năng lệnh chúng sanh sanh tử tương tục bất ly trọng diêm。 phân tán tụ hợp tam thế sở nhiếp。

nghĩa là hay khiến chúng sanh sanh tử tương tục, chẳng lìa gánh nặng, phân tán, những

tụ hội thu nhiếp trong ba đời,

求其義理了不可得。以是諸義故名為陰。

cầu kỳ nghĩa lý liễu bất khả đắc。 dĩ thị chư nghĩa cố danh vi uẩn。

cầu nghĩa lý, liễu bất khả đắc, do các nghĩa này, nên gọi là ấm.

菩薩摩訶薩雖見色陰不見其相。何以故。

Bồ-tát Ma-Ha tát tuy kiến sắc uẩn bất kiến kỳ tướng。 hà dĩ cố。

vị đại Bồ-tát tuy thấy sắc ấm mà chẳng thấy tướng. Vì sao?

於十色中推求其性悉不可得。為世界故說言為陰。
 ư thập sắc trung thôi cầu kỳ tánh tất bất khả đắc. vì thế giới cố thuyết ngôn vi uẩn.
 đối với mười sắc, truy cầu tánh thì bất khả đắc, vì thế giới nên nói là ẩm,
 受有百八。雖見受陰初無受相。何以故。
 thọ hữu bách bát. tuy kiến thọ uẩn sơ thị cố tướng. hà dĩ cố.
 thọ có một trăm lẻ tám, tuy hiện thọ ẩm, đầu không có tướng thọ. Vì sao?
 受雖百八理無定實。是故菩薩不見受陰。
 thọ tuy bách bát lý vô định thật. thị cố Bồ-tát bất kiến thọ uẩn.
 thọ tuy có một trăm lẻ tám, lý không có định thật, nên Bồ-tát không thấy thọ ẩm.
 想行識等亦復如是。菩薩摩訶薩深見五陰。
 tưởng hành thức đẳng diệc phục như thị. Bồ-tát Ma-Ha tát thâm kiến ngũ uẩn.
 Tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Vị đại Bồ-tát thấy sâu năm uẩn
 是生煩惱之根本也。以是義故方便令斷。
 thị sanh phiền não chi căn bản dã. dĩ thị nghĩa cố phương tiện lệnh đoạn.
 là căn bản phiền não. Do nghĩa này nên phương tiện khiến đoạn diệt.
 云何菩薩遠離五事。所謂五見。何等為五。
 vân hà Bồ-tát viễn li ngũ sự. sở vị ngũ kiến. hà đẳng vi ngũ.
 Thế nào gọi là Bồ-tát xa lìa năm việc, đó là ngũ kiến. Những gì gọi là năm?
 一者身見。二者邊見。三者邪見。四者戒取。
 nhất giả thân kiến. nhị giả biên kiến. tam giả tà kiến. tứ giả giới thủ.
 một là thân kiến, hai là biên kiến, ba là tà kiến, bốn là giới thủ,
 五者見取。因是五見生六十二見。
 ngũ giả kiến thủ. nhân thị ngũ kiến sanh lục thập nhị kiến.
 năm là kiến thủ. Do năm kiến này mà sanh sáu mươi hai kiến.
 因是諸見生死不絕。是故菩薩防之不近。
 nhân thị chư kiến sanh tử bất tuyệt. thị cố Bồ-tát phòng chi bất cận.
 Nhân các kiến này mà sanh tử không dứt, vì vậy Bồ-tát cẩn thận không thân gần.
 云何菩薩成就六事。謂六念處何等為六。
 vân hà Bồ-tát thành tựu lục sự. vị lục niệm xử hà đẳng vi lục.
 Thế nào là Bồ-tát thành tựu sáu việc? đó là sáu niệm xử, những gì là sáu?
 一者念佛。二者念法三者念僧。四者念天。

nhất giả niệm Phật. nhị giả niệm Pháp tam giả niệm Tăng. tứ giả niệm Thiên.
một là niệm Phật, hai là niệm pháp, ba là niệm Tăng, bốn là niệm Thiên,
五者念施六者念戒是名菩薩成就六事。

ngũ giả niệm thí lục giả niệm giới thị danh Bồ-tát thành tựu lục sự.
năm là niệm bố thí, sáu là niệm giới, gọi là Bồ-tát thành tựu sáu việc.
云何菩薩修習五事。所謂五定。一者知定。

vân hà Bồ-tát tu tập ngũ sự. sở vị ngũ định. nhất giả tri định.
Thế nào là Bồ-tát tu tập năm việc? đó là năm định: Một là tri định,
二者寂定三者身心受快樂定四者無樂定。

nhị giả tịch định tam giả thân tâm thọ khoái lạc định tứ giả vô lạc định.
hai là tịch định, ba là thân tâm thọ khoái lạc định, bốn là vô lạc định,
五者首楞嚴定。修習如是五種定心。

ngũ giả Thủ Lăng Nghiêm định. tu tập như thị ngũ chủng định tâm.
năm là Thủ Lăng Nghiêm định. Tu tập năm định tâm này,
則得近於大般涅槃。是故菩薩勤心修習。

tắc đắc cận ư Đại bát Niết-bàn. thị cố Bồ-tát tinh cần tâm tu tập.
thì được gần Đại Bát-niết-bàn, vì vậy Bồ-tát thường siêng năng tu tập.
云何菩薩守護一事。謂菩提心。

vân hà Bồ-tát thủ hộ nhất sự. vị Bồ-đề tâm.

Thế nào gọi là Bồ-tát thủ hộ một việc, đó là Bồ-đề tâm.

菩薩摩訶薩常勤守護是菩提心。猶如世人守護一子。

Bồ-tát Ma-Ha tát thường tinh cần thủ hộ thị Bồ-đề tâm. do như thế nhân thủ hộ nhất tử.
Vị đại Bồ-tát thường tinh cần thủ hộ Bồ-đề tâm này, như người đời giữ đứa con một,
亦如瞎者護餘一目。如行墟野守護導者。

diệc như hạt giả hộ dư nhất mục. như hành khoáng dã thủ hộ đạo giả.

cũng như người mù giữ gìn con mắt còn lại, như đi qua đồng trống hoang vu mà bảo vệ
lấy mình.

菩薩守護菩提之心。亦復如是。

Bồ-tát thủ hộ Bồ-đề chi tâm. diệc phục như thị.

Bồ-tát thủ hộ Bồ-đề tâm cũng lại như vậy.

因護如是菩提心故得阿耨多羅三藐三菩提。

nhân hộ như thị Bồ-đề tâm cố đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。
Nhờ hộ trì Bồ-đề tâm như vậy nên đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác。
因得阿耨多羅三藐三菩提故常樂我淨具足而有。
nhân đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề cố thường lạc ngã tịnh cụ túc nhi hữu。
Nhân đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên Thường, Lạc, Ngã, Tịnh đầy đủ,
即是無上大般涅槃。是故菩薩守護一法。
tức thị vô thượng Đại bát Niết-bàn。 thị cố Bồ-tát thủ hộ nhất Pháp。
tức là vô thượng Đại Bát-niết-bàn, nên Bồ-tát thủ hộ một Pháp。
云何菩薩親近四事。謂四無量心。何等為四。
vân hà Bồ-tát thân cận tứ sự。 vị tứ vô lượng tâm。 hà đẳng vi tứ。
Thế nào là Bồ-tát thân gần bốn việc? là tứ vô lượng tâm. Những gì gọi là bốn?
一者大慈。二者大悲。三者大喜。四者大捨。
nhất giả Đại từ。 nhị giả Đại bi。 tam giả Đại hỷ。 tứ giả Đại xả。
một là đại từ, hai là đại bi, ba là đại hỷ, bốn là đại xả。
因是四心能令無量無邊眾生發菩提心。
nhân thị tứ tâm năng lệnh vô lượng vô biên chúng sanh phát Bồ-đề tâm。
Nhân bốn tâm này hay khiến vô lượng vô biên chúng sanh phát Bồ-đề tâm,
是故菩薩繫心親近。云何菩薩信順一實。
thị cố Bồ-tát hệ tâm thân cận。 vân hà Bồ-tát tín thuận nhất thật。
nên Bồ-tát chánh tâm luôn gần gũi. Thế nào là Bồ-tát tin thuận nhất thật?
菩薩了知一切眾生皆歸一道。一道者謂大乘也。
Bồ-tát liễu tri nhất thiết chúng sanh giai quy nhất đạo。 nhất đạo giả vị Đại thừa dã。
Bồ-tát liễu tri tất cả chúng sanh đều quy về một đường, một đường ấy là Đại thừa。
諸佛菩薩為眾生故分之為三。
chư Phật Bồ-tát vì chúng sanh cố phân chi vi tam。
Chư Phật Bồ-tát vì chúng sanh nên thuyết có ba,
是故菩薩信順不逆。
thị cố Bồ-tát tín thuận bất nghịch。
nên Bồ-tát tin theo chẳng trái。
云何菩薩心善解脫。貪恚癡心永斷滅故。
vân hà Bồ-tát tâm thiện giải thoát。 tham khuể si tâm vĩnh đoạn diệt cố。

thế nào gọi là tâm Bồ-tát khéo giải thoát? tham lam, sân nhuế, ngu si tâm vĩnh viễn đoạn tận,

是名菩薩心善解脫。

thị danh Bồ-tátò Tát tâm thiện giải thoát.

gọi là Bồ-tát khéo giải thoát.

云何菩薩慧善解脫。

vân hà Bồ-tát tuệ thiện giải thoát.

Thế nào là Bồ-tát khéo giải thoát?

菩薩摩訶薩於一切法知無障礙。是名菩薩慧善解脫。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư nhất thiết Pháp tri Vô chướng ngại. thị danh Bồ-tát tuệ thiện giải thoát.

vị đại Bồ-tát đối với tất cả Pháp, rõ biết không chướng ngại, gọi là Bồ-tát huệ khéo giải thoát.

因慧解脫昔所不聞而今得聞。昔所不見而今得見。

nhân tuệ giải thoát tích sở bất văn nhi kim đắc văn. tích sở bất kiến nhi kim đắc kiến.

Do nhờ huệ giải thoát, nên xưa chưa từng nghe mà nay được nghe, xưa chưa từng thấy mà nay được thấy,

昔所不到而今得到。

tích sở bất đáo nhi kim đắc đáo.

xưa không đến mà được đến.

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩言。世尊。如佛所說心解脫者。

nhĩ thời quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha tát ngôn. Thế tôn. như Phật sở thuyết tâm giải thoát giả.

Bấy giờ Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương đại Bồ-tát nói: Thưa Thế Tôn! như Phật nói tâm giải thoát,

是義不然。何以故。心本無繫。所以者何。

thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố. tâm bản vô hệ. sở dĩ giả hà.

nghĩa này không như vậy, vì sao? tâm vốn không trói buộc. Vì sao?,

是心本性不為貪欲瞋恚愚癡諸結所繫若本無繫。

thị tâm bản tánh bất vi tham dục sân khuể ngu si chư kết sở hệ nhược bản vô hệ

tâm này tánh vốn không bị tham dục, sân nhuế, ngu si, các trói buộc, hoặc gốc vốn không có trói buộc.

云何而言心善解脫。世尊。

vân hà nhi ngôn tâm thiện giải thoát. Thế tôn.

Thế nào là nói là tâm khéo giải thoát. Thưa Thế Tôn!

若心本性不為貪結之所繫者。

nhược tâm bản tánh bất vi tham kết chi sở hệ giả.

nếu bản tánh của tâm không bị những trói buộc của tham,

何等因緣而能得繫如人搆角本無乳相。雖如功力乳無由出。

hà đẳng nhân duyên nhi năng đắc hệ như nhân cấu giác bản vô nhũ tướng. tuy như công lực nhũ vô do xuất.

do nhân duyên nào mà hay bị trói buộc, như người vắt sừng vốn không có tướng sữa, tuy dùng hết công sức mà sữa không chảy ra.

搆乳之者不得如是加功雖少乳則多出。心亦如是。

cấu nhũ chi giả bất đắc như thị gia công tuy thiếu nhũ tắc đa xuất. tâm diệc như thị.

Người vắt sữa không nên gia công như vậy, tuy ít sữa nhưng mà ra nhiều. Tâm cũng như vậy,

本無貪者今云何有。若本無貪後方有者。

bổn vô tham giả kim vân hà hữu. nhược bổn vô tham hậu phương hữu giả.

vốn không tham mà nay sao có? Hoặc vốn không tham, nhưng sau mới có,

諸佛菩薩本無貪相今悉應有。世尊。

chư Phật Bồ-tát bổn vô tham tướng kim tất ứng hữu. Thế tôn.

chư Phật Bồ-tát vốn không có tham tướng, nay thấy đều có. Kính thưa Thế Tôn!

譬如石女本無子相。

thí như thạch nữ bổn vô tử tướng.

thí như thạch nữ vốn không có con,

雖加功力無量因緣子不可得心亦如是本無貪相。雖造眾緣貪無由生。世尊。

tuy gia công lực vô lượng nhân duyên tử bất khả đắc tâm diệc như thị bổn vô tham tướng. tuy tạo chúng duyên tham vô do sanh. Thế tôn.

tuy thêm nhiều công sức, nhân duyên sinh con cũng không thể được; tâm cũng như vậy, vốn, không có tướng tham, dù tạo các duyên, tham không từ đó mà sanh. Thưa Thế Tôn!

如攢濕木火不可得。心亦如是。

như toàn thấp mộc hỏa bất khả đắc。 tâm diệc như thị。

như cọ sát cây ướt thì lửa không thể được. Tâm cũng như vậy,

雖復攢求貪不可得。云何貪結能繫於心。世尊。

tuy phục toàn cầu tham bất khả đắc。 vân hà tham kết năng hệ ư tâm。 Thế tôn。

tuy mong cầu, nhưng tham bất khả đắc. Thế nào là tham kết hay trói tâm? Kính thưa Thế Tôn!

譬如押沙油不可得。心亦如是雖復押之貪不可得。

thí như áp sa du bất khả đắc。 tâm diệc như thị tuy phục áp chi tham bất khả đắc

thí như ép cát, dầu không thể đắc; tâm cũng như vậy, tuy ép, nhưng tham bất khả đắc.

當知貪心二理各異。設復有之何能污心。

đương tri tham tâm nhị lý các dị。 thiết phục hữu chi hà năng 汚 tâm。

Phải biết tham và tâm, hai lý đều khác. Cho dù có, làm sao hay nhiễm ô tâm.

世尊譬如有人安檝於空終不得住。

Thế tôn thí như hữu nhân an quyết ư không chung bất đắc trụ。

Thưa Thế Tôn! thí như có người chôn cây cọc ở trong không, trọn không giữ được,

安貪於心亦復如是。種種因緣不能令貪繫縛於心。世尊。

an tham ư tâm diệc phục như thị。 chủng chủng nhân duyên bất năng lệnh tham hệ phọc

ư tâm。 Thế tôn。

giữ tham tâm cũng lại như vậy. Các nhân duyên không thể hay khiến tham trói buộc tâm.

Kính thưa Thế Tôn!

若心無貪名解脫者。

nhược tâm vô tham danh giải thoát giả。

nếu tâm không tham, gọi là giải thoát.

諸佛菩薩何故不拔虛空中刺。世尊。過去世心不名解脫。

chư Phật Bồ-tát hà cố bất bạt hư không trung thứ。 Thế tôn。 quá khứ thế tâm bất danh giải thoát。

Chư Phật Bồ-tát sao không nhổ cây gai trong hư không? Thưa Thế Tôn! tâm đời quá khứ không gọi là giải thoát,

未來世心亦無解脫。現在世心不與道共。

vị lai thế tâm diệc vô giải thoát。 hiện tại thế tâm bất dữ đạo cộng。

tâm đời vị lai cũng không giải thoát, tâm đời hiện tại không cùng với đạo.

何等世心名得解脫。世尊。如過去燈不能滅闇。

hà đẳng thể tâm danh đắc giải thoát. Thế tôn. như quá khứ đẳng bất năng diệt ám
Những tâm như thế nào gọi là đắc giải thoát? kính thưa Thế Tôn! như đèn quá khứ không
thể diệt được bóng tối,

未來世燈亦不滅闇。現在世燈復不滅闇。何以故。

vị lai thể đẳng diệt bất diệt ám. hiện tại thể đẳng phục bất diệt ám. hà dĩ cố
đèn đời vị lai cũng, không thể diệt trừ bóng tối, đèn đời hiện tại lại không thể, diệt bóng tối.
Vì sao?

明之與闇二不並故。心亦如是。云何而言心得解脫。

minh chi dĩ ám nhị bất tịnh cố. tâm diệt như thị. vân hà nhi ngôn tâm đắc giải thoát.
ánh sáng cùng bóng tối hai thứ chẳng cùng nhau. Tâm cũng như vậy. Thế nào nói là tâm
được giải thoát?

世尊。貪亦是。若貪無者。

Thế tôn. tham diệt thị hữu. nhược tham vô giả.

Thưa Thế Tôn! Tham cũng có như vậy, nếu tham không có như vậy,

見女相時不應生貪。若因女相而得生者。當知是貪真實而有。

kiến nữ tướng thời bất ứng sanh tham. nhược nhân nữ tướng nhi đắc sanh giả đương tri
thị tham chân thật nhi hữu.

khi thấy nữ tướng không sanh lòng tham, nếu nhân vì nữ tướng mà sanh tham, phải biết
tham này là chân thật có.

以有貪故墮三惡道。世尊。

dĩ hữu tham cố đọa tam ác đạo. Thế tôn.

Do có tham nên đọa vào ba đường ác. Kính thưa Thế Tôn!

譬如有人見畫女像亦復生貪。以生貪故得種種罪。

thí như hữu nhân kiến họa nữ tượng diệt phục sanh tham. dĩ sanh tham cố đắc chủng
chủng tội.

thí như có người thấy tượng nữ nhân cũng sanh lòng tham, do sanh tham nên mắc các tội.

若本無貪云何見畫而生於貪。若心無貪。

nhược bản vô tham vân hà kiến họa nhi sanh ư tham. nhược tâm vô tham.

Nếu vốn không tham, thì làm sao thấy ảnh vẽ mà sanh tham. Nếu tâm không tham,

云何如來說言菩薩心得解脫。若心有貪。

vân hà Như Lai thuyết ngôn Bồ-tát tâm đắc giải thoát. nhược tâm hữu tham.

thì làm sao Như Lai nói Bồ-tát tâm được giải thoát? Nếu tâm có tham,

云何見相然後方生。不見相者則不生也。

vân hà kiến tướng nhiên hậu phương sanh. bất kiến tướng giả tắc bất sanh dã.

thì tại sao thấy tướng rồi vậy sau mới sanh, không thấy tướng thì không sanh.

我今現見有惡果報。當知有貪瞋恚愚癡亦復如是。世尊。

ngã kim hiện kiến hữu ác quả báo. đương tri hữu tham sân khuể ngu si diệc phục như thị. Thế tôn.

Ta nay hiện thấy có ác quả báo, phải biết có tham sân cũng lại như vậy. Kính thưa Thế Tôn!

譬如眾生有身無我而諸凡夫橫計我想。

thí như chúng sanh hữu thân vô ngã nhi chư phàm phu hoành kế ngã tưởng.

Thí như chúng sanh có thân vô ngã mà các phàm phu mê vọng cho là có ngã tưởng.

雖有我想不墮三惡。

tuy hữu ngã tưởng bất đọa tam ác.

Tuy có ngã tưởng không rơi vào ba ác đạo.

云何貪者於無女相而起女想墮三惡道。世尊譬如攢木而生於火。

vân hà tham giả ư vô nữ tướng nhi khởi nữ tưởng đọa tam ác đạo. Thế tôn thí như toàn mộc nhi sanh ư hỏa.

Thế nào nói là tham nơi không có nữ tướng và khởi nữ tưởng, rơi xuống ba ác đạo. Thế

Tôn! thí như cửa cây bèn sanh lửa,

然是火性眾緣中無。以何因緣而得生耶。世尊。

nhiên thị hỏa tánh chúng duyên trung vô. dĩ hà nhân duyên nhi đắc sanh da. Thế tôn.

cháy là tánh của lửa, trong các duyên là không, do nhân duyên gì mà được sanh. Kính thưa Thế Tôn!

貪亦如是色中無貪。香味觸法亦復無貪。

tham diệc như thị sắc trung vô tham. hương vị xúc Pháp diệc phục vô tham.

tham cũng như vậy, trong sắc không có tham, trong hương vị xúc pháp cũng lại không có tham.

云何於色香味觸法生於貪耶。

vân hà ư sắc hương vị xúc Pháp sanh ư tham da。

Thế nào gọi đối với sắc hương vị xúc pháp sanh tham?

若眾緣中悉無貪者。云何眾生獨生於貪。

nhược trong các duyên thầy không có tham, làm sao chúng sanh sanh lòng tham.

hoặc trong các duyên thầy đều vô tham, làm sao là chúng sanh sanh lòng tham.

諸佛菩薩而不生耶。世尊心亦不定。若心定者。

chư Phật Bồ-tát nhi bất sanh da。 Thế tôn tâm diệc bất định。 nhược tâm định giả

Chư Phật Bồ-Tát bất sanh chẳng? tâm Thế Tôn cũng bất định。 Nếu tâm định,

無有貪欲瞋恚愚癡。若不定者。云何而言心得解脫。

vô hữu tham dục sân khuể ngu si。 nhược bất định giả。 vân hà nhi ngôn tâm đắc giải thoát。

không có tham dục sân nhuế ngu si。 Nếu bất định, làm sao nói tâm được giải thoát。

貪亦不定。若不定者。云何因之生三惡趣。

tham diệc bất định。 nhược bất định giả。 vân hà nhân chi sanh tam ác thú。

Tham cũng bất định。 Nếu là bất định, làm sao nhân đó tâm sanh ba đường ác。

貪者境界二俱不定。何以故。

tham giả cảnh giới nhị câu bất định。 hà dĩ cố。

Tham và cảnh giới, cả hai đều bất định。 Vì sao?

俱緣一色或生於貪或生於瞋或生愚癡。

câu duyên nhất sắc hoặc sanh ư tham hoặc sanh ư sân hoặc sanh ngu si。

đều duyên một sắc hoặc sanh tâm tham, hoặc sanh tâm sân giận, hoặc sanh ngu si,

是故貪者及與境界二俱不定。若俱不定。 ,

thị cố tham giả cập dữ cảnh giới nhị câu bất định。 nhược câu bất định。

cho nên tham và cảnh giới cả hai đều bất định。 Nếu đều bất định,

何故如來說言菩薩修大涅槃心得解脫。

hà cố Như Lai thuyết ngôn Bồ-tát tu Đại Niết-Bàn tâm đắc giải thoát。

thì vì sao đức Như Lai nói Bồ-tát tu Đại Niết-bàn, tâm được giải thoát。

爾時世尊告光明遍照高貴德王菩薩摩訶

nhĩ thời Thế tôn cáo quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương đại Bồ-tát:

薩言。善哉善哉。善男子。

tát ngôn. Thiện tai Thiện tai. thiện nam tử.

lành thay lành thay. Thiện nam tử!

心亦不為貪結所繫亦非不繫。非是解脫非不解脫。非有非無。

tâm diệc bất vi tham kết sở hệ diệc phi bất hệ. phi thị giải thoát phi bất giải thoát. phi hữu phi vô.

tâm cũng chẳng bị tham trói buộc, cũng chẳng phải không trói buộc, chẳng phải giải thoát, chẳng phải phi giải thoát, phi hữu phi vô,

非現在非過去非未來。何以故。善男子。

phi hiện tại phi quá khứ phi vị lai. hà dĩ cố. thiện nam tử.

phi hiện tại phi quá khứ phi vị lai. Vì sao? Này Thiện nam tử!

一切諸法無有自性故。善男子。

nhất thiết chư Pháp vô hữu tự tánh cố. thiện nam tử.

Tất cả chư pháp không có tự tánh. Này Thiện nam tử!

有諸外道作如是言。因緣和合則有果生。

hữu chư ngoại đạo tác như thị ngôn. nhân duyên hòa hợp tắc hữu quả sanh.

Có các ngoại đạo nói lời như vậy: Nhân duyên hòa hợp thời có quả sanh,

若眾緣中本無生性而能生者。虛空不生亦應生果。

nhược chúng duyên trung bản vô sanh tánh nhi năng sanh giả. hư không bất sanh diệc ứng sanh quả.

nếu chúng duyên vốn không có tánh sanh mà năng sanh, thì hư không không sanh, cũng nên sanh quả;

虛空不生非是因故。以眾緣中本有果性。

hư không bất sanh phi thị nhân cố. dĩ chúng duyên trung bản hữu quả tánh.

hư không không sanh chẳng phải là nhân, do trong các duyên vốn có bản tánh của quả, 是故合集而得生果。所以者何。如提婆達欲造牆壁。

thị cố hợp tập nhi đắc sanh quả. sở dĩ giả hà. như đề bà đạt dục tạo tường bích nên

nhóm hợp mà sanh quả. Vì sao? như Đề Bà Đạt muốn tạo tường vách,

則取泥土不取彩色。欲造畫像則集彩色不取草木。

tắc thủ nê độ bất thủ thái sắc. dục tạo họa tượng tắc tập thái sắc bất thủ thảo mộc.

thời chấp lấy bùn đất, không chọn màu sắc; muốn tạo họa tượng, thời tom góp màu sắc, không chọn lấy cỏ cây;

作衣取縷不取泥木。作舍取泥不取縷線。

tác y thủ lữ bất thủ nê mộc。 tác xá thủ nê bất thủ lữ tuyến。

may áo chọn lấy sợi tơ, không chấp lấy bùn cây, không bỏ xả bùn đất, không chấp lấy tơ chỉ.

以人取故當知是中各能生果以能生果故當

dĩ nhân thủ cố đương tri thị trung các năng sanh quả dĩ năng sanh quả cố đương

Nhờ người lấy cho nên nên biết trong mỗi mỗi năng sanh quả, vì năng sanh quả, nên
知因中必先有性。

tri nhân trung tất tiên hữu tánh。

biết trong nhân ắt trước có tánh.

若無性者一物之中應當出生一切諸物。若是可取可作可出。

nhược Vô tánh giả nhất vật chi trung ứng đương xuất sanh nhất thiết chư vật。 nhược thị
khả thủ khả tác khả xuất。

Nếu không có tánh, thì trong một vật nên phải sanh ra tất cả các vật, hoặc là có thể chấp
lấy, hoặc có thể tác, có thể xuất,

當知是中必先有果。若無果者人則不取不作不出。

đương tri thị trung tất tiên hữu quả。 nhược vô quả giả nhân tắc bất thủ bất tác bất xuất。
phải biết trong đó ắt trước có quả, nếu không có quả, thì người không chấp, không tác,
không xuất.

惟有虛空無取無作故能出生一切萬物。

duy hữu hư không vô thủ vô tác cố năng xuất sanh nhất thiết vạn vật。

Chỉ có hư không, không chấp lấy, không khởi tưởng, nên hay xuất sanh tất cả vạn vật.

以有因故如尼拘陀子作尼拘陀樹。

dĩ hữu nhân cố như ni câu đà tử tác ni câu đà thụ。

Do có nhân duyên, nên Ni câu đà tử làm cây Ni câu đà,

乳有醍醐縷中有布泥中有瓶。善男子。

nhũ hữu thể hồ lữ trung hữu bố nê trung hữu 瓶。 thiện nam tử。

sữa có醍醐, trong tơ có vải, trong bùn có bình. Này Thiện nam tử!

一切凡夫無明所盲作是定說。色有著義心有貪性。

nhất thiết phàm phu vô minh sở manh tác thị định thuyết。 sắc hữu trú nghĩa tâm hữu
tham tánh。

Tất cả phàm phu vô minh mờ mẫm nói định này, sắc có chấp trước nghĩa lý, tâm có tánh tham.

復言凡夫心有貪性亦解脫性。遇貪因緣心則生貪。

phục ngôn phàm phu tâm hữu tham tánh diệt giải thoát tánh. ngộ tham nhân duyên tâm tắc sanh tham.

Lại nói tâm phàm phu có tánh tham cũng có tánh giải thoát, gặp nhân duyên tham, thì tâm liền sanh tham;

若遇解脫心則解脫。雖作此說是義不然。

nhược ngộ giải thoát tâm tắc giải thoát. tuy tác thử thuyết thị nghĩa bất nhiên hoặc gặp giải thoát, tâm thời giải thoát, tuy nói như vậy, nhưng nghĩa không như vậy. 有諸凡夫復作是言。一切因中悉無有果。

hữu chư phàm phu phục tác thị ngôn. nhất thiết nhân trung tất vô hữu quả.

Có các phàm phu lại nói: Trong tất cả nhân thấy đều không có quả;

因有二種。一者微細。二者麤大。

nhân hữu nhị chủng. nhất giả vi tế. nhị giả thô Đại.

nhân có hai, một là vi tế, hai thô to;

細即是常麤則無常。從微細因轉成麤因。從此麤因轉復成果。

tế tức thị thường thô tắc vô thường. tòng vi tế nhân chuyển thành thô nhân. tòng thử thô nhân chuyển phục thành quả.

tế tức thường thô, thời vô thường; nhân vi tế chuyển thành thô to; từ nhân thô này chuyển thành quả;

麤無常故果亦無常。善男子。

thô vô thường cố quả diệt vô thường. thiện nam tử.

vô thường thô nên quả cũng vô thường. Thiện nam tử!

有諸凡夫復作是言。心亦無因貪亦無因。

hữu chư phàm phu phục tác thị ngôn. tâm diệt vô nhân tham diệt vô nhân.

Có các phàm phu lại nói rằng: tâm cũng không có nhân, tham cũng không có nhân, 以時節故則生貪心。如是等輩。以不能知心因緣故。

dĩ thời tiết cố tắc sanh tham tâm. như thị đẳng bối. dĩ bất năng tri tâm nhân duyên cố. do thời tiết nên sanh tham tâm, những tâm như vậy do vì không thể biết nhân duyên của tâm.

輪迴六趣具受生死。善男。子譬如枷犬繫之於柱。

Luân-hồi lục thú cụ thọ sanh tử. thiện nam. tử thí như gia khuyến hệ chi ư trụ

Luân hồi lục thú thọ đủ sanh tử. Thiện nam tử, con thí như trói chó quanh cột,
終日繞柱不能得離。一切凡夫亦復如是。

chung nhật nhiều trụ bất năng đắc ly. nhất thiết phàm phu diệc phục như thị。
suốt ngày đi vòng quanh cột không thể lìa xa. Tất cả phàm phu cũng lại như vậy,
被無明枷繫生死柱。繞二十五有不能得離。善男子。

bị vô minh gia hệ sanh tử trụ. nhiều nhị thập ngũ hữu bất năng đắc ly. thiện nam tử。
bị dây trói vô minh trói quanh cột sanh tử, đi vòng quanh hai mươi lăm cõi không, thể lìa
xa. Thiện nam tử!

譬如有人墮於圍廁。既得出已而復還入。

thí như hữu nhân đọa ư thanh xí. ký đắc xuất dĩ nhi phục hoàn nhập。

Thí như có người rơi xuống nhà xí, đã được ra rồi trở vào lại.

如人病差還為病因。

như nhân bệnh sai hoàn vi bệnh nhân。

Như người bệnh lành rồi trở lại gây mầm bệnh. 如人涉路值空曠處既得過已而復還來。又如
淨洗還塗泥土。

như nhân thiệp lộ trị không khoáng xử ký đắc quá dĩ nhi phục hoàn lai. hựu như tịnh tẩy
hoàn đồ nề độ。

Như người đi qua con đường rồi đi đến chỗ đồng trống, đã được vượt mà trở lại lại. Lại
như rửa sạch rồi trở lại bôi bùn đất.

一切凡夫亦復如是。已得解脫無所有處。

nhất thiết phàm phu diệc phục như thị. dĩ đắc giải thoát vô sở hữu xứ。

Tất cả phàm phu cũng lại như vậy, đã được giải thoát không còn qua lại trong các cõi,
唯未得脫非非想處。而復還來至三惡趣。何以故。

duy vị đắc thoát phi phi tưởng xứ. nhi phục hoàn lai chí tam ác thú. hà dĩ cố
khi chưa được thoát khỏi phi phi tưởng xứ, bèn trở lại ba ác thú. Vì sao như vậy?

一切凡夫惟觀於果不觀因緣。

nhất thiết phàm phu duy quán ư quả bất quán nhân duyên。

tất cả phàm phu chỉ quán quả, mà không quán nhân duyên,

如犬逐塊不逐於人。凡夫之人亦復如是。惟觀於果不觀因緣。

như khuyển trục khối bất trục ư nhân. phàm phu chi nhân diệc phục như thị. duy quán ư quả bất quán nhân duyên。

như chó đuổi theo cục mồi mà không đuổi theo người. Phàm phu cũng lại như vậy, chỉ quán quả, không quán nhân duyên.

以不觀故從非想退還三惡趣。

dĩ bất quán cố tòng phi tưởng thối hoàn tam ác thú。

Do không quán nên từ phi tưởng trở lại ba ác thú.

善男子。

thiện nam tử。

Này Thiện nam tử!

諸佛菩薩終不定說因中有果因中無果。及有無果非有非無果。

chư Phật Bồ-tát chung bất định thuyết nhân trung hữu quả nhân trung vô quả. cập hữu vô quả phi hữu phi vô quả。

Chư Phật Bồ-tát trọn không nhất định nói trong nhân có quả, trong nhân không có, quả, và có vô quả, phi hữu phi vô quả。

若言因中先定有果及定無果。定有無果定非有非無果。

nhược ngôn nhân trung tiên định hữu quả cập định vô quả. định hữu vô quả định phi hữu phi vô quả。

Nếu nói trong nhân trước nhất định có quả và nhất định không có quả, định hữu vô quả định phi hữu phi vô quả,

當知是等皆魔伴黨繫屬於魔即是愛人。

đương tri thị đẳng giai ma bạn đảng hệ chúc ư ma tức thị ái nhân。

phải biết đây đều là bị bợn ma vương trói buộc nơi ma, tức là trói buộc người.

如是愛人不能永斷生死繫縛。

như thị ái nhân bất năng vĩnh đoạn sanh tử hệ phọc。

Do trói buộc người như vậy, không thể vĩnh viễn đoạn trừ trói buộc sanh tử,

不知心相及以貪相。善男子。諸佛菩薩顯示中道。何以故。

bất tri tâm tướng cập dĩ tham tướng. thiện nam tử. chư Phật Bồ-tát hiển thị trung đạo. hà dĩ cố。

thì không biết tướng tâm và tướng tham. Này Thiện nam tử! Chư Phật Bồ-tát hiển bày trung đạo. Vì sao?

雖說諸法非有非無而不決定。所以者何。

tuy thuyết chư Pháp phi hữu phi vô nhi bất quyết định。 sở dĩ giả hà。

tuy nói các pháp phi hữu phi vô và không quyết định。 Bởi vì sao?

因眼因色因明因心因念識則得生。

nhân nhãn nhân sắc nhân minh nhân tâm nhân niệm thức tắc đắc sanh。

do nhãn do sắc, do ánh sáng, do tâm và do niệm, thức, mới sanh.

是識決定不在眼中色中明中心中念中。

thị thức quyết định bất tại nhãn trung sắc trung minh trung tâm trung niệm trung

Thức này quyết định không ở trong mắt, trong ánh sáng, trong tâm trong niệm,

亦非中間非有非無。從緣生故名之為有。無自性故名之為無。

diệc phi trung gian phi hữu phi vô。 tòng duyên sanh cố danh chi vi hữu。 vô tự tánh cố danh chi vi vô。

cũng chẳng phải trung gian, chẳng phải có, chẳng phải không, từ nhân duyên sanh, nên gọi là có, vô tự tánh nên gọi là vô.

是故如來說言諸法非有非無。善男子。

thị cố Như Lai thuyết ngôn chư Pháp phi hữu phi vô。 thiện nam tử。

Nên Như Lai nói các pháp không có không không。 Nay Thiện nam tử!

諸佛菩薩終不定說心有淨性及不淨性。

chư Phật Bồ-tát chung bất định thuyết tâm hữu tịnh tánh cập bất tịnh tánh。

Chư Phật Bồ-tát trọn không nhất định nói tâm có tịnh tánh và bất tịnh tánh,

淨不淨性心無住處故。從緣生貪故說非無。

tịnh bất tịnh tánh tâm vô trụ xử cố。 tòng duyên sanh tham cố thuyết phi vô。

tâm có tịnh hay bất tịnh tánh đều không có chỗ trụ。 Từ duyên sanh tham, nên nói phi vô,

本無貪性故說非有。善男子。從因緣故心則生貪。

bổn vô tham tánh cố thuyết phi hữu。 thiện nam tử。 tòng nhân duyên cố tâm tắc sanh tham。

vốn không tánh tham nên không có。 Nay Thiện nam tử! Từ nhân duyên nên tâm sanh tham,

從因緣故心則解脫。善男子。因緣有二。

tòng nhân duyên cố tâm tắc giải thoát。 thiện nam tử。 nhân duyên hữu nhị。

từ nhân duyên nên tâm giải thoát。 Thiện nam tử! Nhân duyên có hai:

一者隨於生死。二者隨大涅槃。

nhất giả tùy ư sanh tử. nhị giả tùy Đại Niết-Bàn.

Một là theo sanh tử, hai là theo Đại Niết-bàn.

善男子。有因緣故心共貪生共貪俱滅。

thiện nam tử. hữu nhân duyên cố tâm cộng tham sanh cộng tham câu diệt.

Thiện nam tử! Có nhân duyên nên tâm và tham cùng sanh cùng diệt.

有共貪生不共貪滅。有不共貪生共貪俱滅。

hữu cộng tham sanh bất-cộng tham diệt. hữu bất-cộng tham sanh cộng tham câu diệt.

Có cộng tham sanh, bất cộng tham diệt; có bất cộng tham sanh và cộng tham cùng diệt.

有不共貪生不共貪滅。

hữu bất-cộng tham sanh bất-cộng tham diệt.

Có bất cộng tham sanh và bất cộng tham diệt.

云何心共貪生共貪俱滅。善男子。

vân hà tâm cộng tham sanh cộng tham câu diệt. thiện nam tử.

Làm sao tâm cộng tham sanh và cộng tham diệt? này Thiện nam tử?

若有凡夫未斷貪心修習貪心。

nhược hữu phàm phu vị đoạn tham tâm tu tập tham tâm.

nếu có phàm phu chưa chặt đứt tham tâm, chưa tu tập tham tâm,

如是之人心共貪生心共貪滅。一切眾生不斷貪心。

như thị chi nhân tâm cộng tham sanh tâm cộng tham diệt. nhất thiết chúng sanh bất đoạn tham tâm.

người như vậy tâm cộng tham sanh và tâm cộng tham diệt. Tất cả chúng sanh chẳng đoạn, trừ tham tâm,

心共貪生心共貪滅。如欲界眾生一切皆有初地味禪。

tâm cộng tham sanh tâm cộng tham diệt. như dục giới chúng sanh nhất thiết giai hữu sơ địa vị Thiền.

tâm cộng tham sanh và tâm cộng tham diệt. Như muốn chúng sanh giới tất cả đều đạt được quả vị sơ thiên,

若修不修常得成就。遇因緣故即便得之。

nhược tu bất tu thường đắc thành tựu. ngộ nhân duyên cố tức tiện đắc chi.

nếu tu không tu thường được thành tựu, gặp nhân duyên nên liền được.

言因緣者謂火災也。一切凡夫亦復如是。

ngôn nhân duyên giả vị hỏa tai dã. nhất thiết phàm phu diệt phục như thị.

Nói nhân duyên là hoả tai, tất cả phàm phu cũng lại như vậy.

若修不修心共貪生心共貪滅。何以故。

nhược tu bất tu tâm cộng tham sanh tâm cộng tham diệt. hà dĩ cố.

Hoặc tu không tu tâm cộng tham sanh và tâm cộng tham diệt. Vì sao?

不斷貪故云何心共貪生不共貪滅。

bất đoạn tham cố vân hà tâm cộng tham sanh bất-cộng tham diệt.

không đoạn trừ tham, thì làm thế nào tâm cộng tham sanh và bất cộng tham diệt?

聲聞弟子有因緣故生於貪心。畏貪心故修白骨觀。

thanh văn đệ-tử hữu nhân duyên cố sanh ư tham tâm. úy tham tâm cố tu bạch cốt quán.

Thanh văn đệ tử có nhân duyên nên sanh tham tâm, sợ tham tâm nên tu quán xương trắng,

是名心共貪生不共貪滅。復有心共貪生不共貪滅。

thị danh tâm cộng tham sanh bất-cộng tham diệt. phục hữu tâm cộng tham sanh bất-cộng tham diệt.

gọi là tâm cộng tham sanh và bất cộng tham diệt. Lại có tâm cộng tham sanh và bất cộng tham diệt.

如聲聞人未證四果。有因緣故生於貪心。

như thanh văn nhân vị chứng tứ quả. hữu nhân duyên cố sanh ư tham tâm.

Như Thanh văn chưa chứng tứ quả, gặp nhân duyên nên sanh tham tâm,

證四果時貪心得滅。是名心共貪生不共貪滅。

chứng tứ quả thời tham tâm đắc diệt. thị danh tâm cộng tham sanh bất-cộng tham diệt.

chứng tứ quả thì tham tâm được tiêu diệt, đó gọi là tâm cộng tham sanh bất cộng tham diệt.

菩薩摩訶薩得不動地時。心共貪生不共貪滅。

Bồ-tát Ma-Ha tát đắc bất động địa thời. tâm cộng tham sanh bất-cộng tham diệt

Khi bậc đại Bồ-tát được Bất động địa, tâm cùng tham sanh, không cùng tham diệt.

云何不共貪生共貪俱滅。

vân hà bất-cộng tham sanh cộng tham câu diệt.

Thế nào là bất cộng tham sanh và cộng tham đều diệt?

若菩薩摩訶薩斷貪心已。為眾生故示現有貪。

nhược Bồ-tát Ma-Ha tát đoạn tham tâm dĩ. vì chúng sanh cố thị hiện hữu tham.

Nếu đại Bồ-tát đoạn trừ tham tâm rồi, vì chúng sanh nên thị hiện có tham,

以示現故能令無量無邊眾生。諮受善法具足成就。

dĩ thị hiện cố năng lệnh vô lượng vô biên chúng sanh. ti thọ thiện Pháp cụ túc thành tựu.

do thị hiện nên hay khiến vô lượng vô biên chúng sanh tiếp nhận thiện pháp, đầy đủ thành tựu,

是名不共貪生共貪俱滅。

thị danh bất-cộng tham sanh cộng tham đều diệt.

ấy cho nên bất cộng tham sanh cùng tham đều diệt.

云何不共貪生不共貪滅。

vân hà bất-cộng tham sanh bất-cộng tham diệt.

Thế nào là bất cộng tham sanh bất cộng tham diệt?

謂阿羅漢緣覺諸佛。除不動地其餘菩薩。

vị A La Hán duyên giác chư Phật. trừ bất động địa kỳ dư Bồ-tát.

nghĩa là A-la-hán Duyên giác, chư Phật, trừ Bất động địa Bồ-tát,

是名不共貪生不共貪滅。以是義故。

thị danh bất-cộng tham sanh bất-cộng tham diệt. dĩ thị nghĩa cố.

gọi là bất cộng tham sanh bất cộng diệt. Do nghĩa này,

諸佛菩薩不決定說心性本淨性本不淨。善男子。是心不與貪結和合。

chư Phật Bồ-tát bất quyết định thuyết tâm tánh vốn tịnh tánh vốn bất tịnh. thiện nam tử. thị tâm bất dữ tham kết hòa hợp.

chư Phật Bồ-tát không nhất định nói tâm tánh vốn là tánh thanh tịnh, vốn không là tánh

thanh tịnh. Thiện nam tử! Tâm đây không hòa hợp với tham,

亦復不與瞋癡和合。善男子。

diệc phục bất dữ sân si hòa hợp. thiện nam tử.

cũng lại không hoà hợp với sân si. Thiện nam tử!

譬如日月雖為烟塵雲霧及羅睺羅之所覆蔽。

thí như nhật nguyệt tuy vì yên trần vân vụ cập la hầu la chi sở phúc tế.

Thí như mặt trời mặt trăng tuy bị che khuất bởi khói bụi sương mù và lưới che trùm tối tăm,
以是因緣令諸眾生不能得見。

dĩ thị nhân duyên lệnh chư chúng sanh bất năng đắc kiến。

do nhân duyên này khiến các chúng sanh không thể được thấy,

雖不可見日月之性終不與彼五翳和合。心亦如是以因緣故。

tuy bất khả kiến nhật nguyệt chi tánh chung bất dữ bỉ ngũ ế hòa hợp。 tâm diệc như thị dĩ nhân duyên cố。

tuy không thể thấy tánh mặt trời mặt trăng trọn không hòa hợp với năm bệnh ở mắt, tâm cũng như vậy, do nhân duyên nên

生於貪結眾生雖說心與貪合。而是心性實不與合。

sanh ư tham kết chúng sanh tuy thuyết tâm dữ tham hợp。 nhi thị tâm tánh thật bất dữ hợp。

sanh tham kết chúng sanh, tuy nói tâm hoà hợp với tham, nhưng mà tâm tánh này thật chẳng hợp.

若是貪心即是貪性。若是不貪即不貪性。

nhược thị tham tâm tức thị tham tánh。 nhược thị bất tham tức bất tham tánh。

Hoặc tham tâm này tức tham tánh, nếu là không tham, tức chẳng tham tánh.

不貪之心不能為貪。貪結之心不能不貪。善男子。

bất tham chi tâm bất năng vi tham。 tham kết chi tâm bất năng bất tham。 thiện nam tử。

tâm không tham không thể tham; tâm tham kết không thể không tham。 Thiện nam tử!

以是義故。貪欲之結不能污心。

dĩ thị nghĩa cố。 tham dục chi kết bất năng ô tâm。

Do nghĩa này, kết tham dục không thể nhiễm ô tâm.

諸佛菩薩永破貪結。是故說言心得解脫。

chư Phật Bồ-tát vĩnh phá tham kết。 thị cố thuyết ngôn tâm đắc giải thoát。

Chư Phật Bồ-tát vĩnh viễn đoạn tận tham kết, nên nói là tâm được giải thoát.

一切眾生從因緣故生於貪結。從因緣故心得解脫。

nhất thiết chúng sanh tòng nhân duyên cố sanh ư tham kết。 tòng nhân duyên cố tâm đắc giải thoát。

Tất cả chúng sanh từ nhân duyên sanh tham kết, từ nhân duyên mà tâm được giải thoát.

善男子。

thiện nam tử.

Thiện nam tử!

譬如雪山懸峻之處人與獼猴俱不能行。或復有處獼猴能行人不能行。

thí như tuyết sơn huyền tuấn chi xử nhân dĩ Mi-Hầu câu bất năng hành。 hoặc phục hữu xử Mi-Hầu năng hành nhân bất năng hành。

Thí như chốn núi tuyết cao vòi vọi, người và khỉ đều không thể lên được, nếu lại, lại có chỗ mà khỉ có thể hay đi mà người không thể đi, 或復有處人與獼猴二俱能行。善男子。

hoặc phục hữu xử nhân dĩ Mi-Hầu nhị câu năng hành。 thiện nam tử。

hoặc lại có nơi người và khỉ cả hai đều có thể đi. Thiện nam tử!

人與獼猴能行處者。

nhân dĩ Mi-Hầu năng hành xứ giả。

Chỗ mà người và khỉ có thể đi,

如諸獵師純以糝膠置之案上用捕獼猴。獼猴癡故往手觸之觸已粘手。

như chư liệt sư thuần dĩ li giao trí chi án thượng dụng bộ Mi-Hầu。 Mi-Hầu si cố vãng thủ xúc chi xúc dĩ niêm thủ。

nếu như các thợ săn chỉ thuần dùng keo nhựa bôi trên đó thì có thể đánh bắt khỉ. Con khỉ vì ngu ngốc nên đưa tay sờ mó, và bị dính tay.

欲脫手故以脚踏之脚復隨著。

dục thoát thủ cố dĩ cước đạp chi cước phục tùy trú。

Vì muốn lôi tay ra nên dùng chân đạp trên đó, nên chân cũng bị dính;

欲脫脚故以口齧之口復粘著。如是五處悉無得脫。

dục thoát cước cố dĩ khẩu niết chi khẩu phục niêm trú。 như thị ngũ xử tất vô đắc thoát。

muốn thoát chân nên dùng miệng cắn, thì miệng lại dính, như vậy năm chỗ thấy đều, không được thoát khỏi.

於是獵師以杖貫之負還歸家。

ư thị liệt sư dĩ trượng quán chi phụ hoàn quy gia。

Người thợ săn dùng gậy xuyên gánh nó về nhà.

雪山嶮處喻佛菩薩所得正道。獼猴者喻諸凡夫。獵師者喻魔波旬。

tuyết sơn hiểm xử dụ Phật Bồ-tát sở đắc chánh đạo。 Mi-Hầu giả dụ chư phàm phu。 liệt sư giả dụ Ma Ba-tuần。

Chỗ hiểm nạn núi tuyết dụ cho Phật Bồ-tát đắc chánh đạo, con khỉ dụ cho các phàm phu, người thợ săn dụ cho Ma Ba-tuần,

獼猴者喻貪欲結。

li giao giả dụ tham dục kết.

nhựa đánh bẫy dụ cho tham trước các trói buộc.

人與獼猴俱不行者喻諸凡夫魔王波旬俱不能行。獼猴能行人不能者。

nhân dữ Mi-Hầu câu bắt hành giả dụ chư phàm phu ma Vương Ba-tuần câu bắt năng hành. Mi-Hầu năng hành nhân bắt năng giả.

Người và khỉ đều không đi dụ cho các phàm phu Ma Vương Ba-tuần đều không thể đi, khỉ có thể đi, người không thể đi,

喻諸外道有智慧者。

dụ chư ngoại đạo hữu trí tuệ giả.

dụ cho các ngoại đạo có trí huệ.

諸惡魔等雖以五欲不能繫縛。人與獼猴俱能行者。

chư ác ma đẳng tuy dĩ ngũ dục bất năng hệ phọc. nhân dữ Mi-Hầu câu năng hành giả.

Các ác ma tuy dùng ngũ dục mà không thể trói buộc, người và khỉ đều có thể hành động.

一切凡夫及魔波旬常處生死不能修行。

nhất thiết phàm phu cập Ma Ba-tuần thường xử sanh tử bất năng tu hành.

Tất cả phàm phu và Ma Ba-tuần thường ở trong chốn sanh tử không thể tu hành,

凡夫之人五欲所縛。令魔波旬自在將去。

phàm phu chi nhân ngũ dục sở phược. lệnh Ma Ba-tuần tự-tại tướng khứ.

người phàm phu bị ngũ dục trói buộc, khiến ma Ba-tuần tự tại đem đi,

如彼獵師獼捕獼猴檐負歸家。

như bĩ liệp sư li bộ Mi-Hầu diêm phụ quy gia.

như người thợ săn bỏi nhựa bắt khỉ rồi gánh về nhà.

善男子。譬如國王安住己界身心安樂。

thiện nam tử. thí như Quốc Vương an trú kỷ giới thân tâm an lạc.

Thiện nam tử! Thí như quốc vương ở an trong giới vực của mình, thân tâm an lạc.

若至他界則得眾苦。一切眾生亦復如是。

nhược chí tha giới tắc đắc chúng khổ. nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị

Nếu đến xứ khác thời bị các điều khổ, tất cả chúng sanh cũng lại như vậy,
若能自住於己境界則得安樂。

nhược năng tự trụ ư kỷ cảnh giới tắc đắc an lạc。

nếu hay tự mình an trú trong một cảnh giới, thời được an lạc。

若至他界則遇惡魔受諸苦惱。自境界者謂四念處。

nhược chí tha giới tắc ngộ ác ma thọ chư khổ não。 tự cảnh giới giả vị tứ niệm xử。

Nếu đến xứ khác thời gặp ác ma, chịu các khổ não。 Cảnh giới của tự thân đó là tứ niệm xử。

他境界者謂五欲也。

tha cảnh giới giả vị ngũ dục dã。

Cảnh giới khác đó là ngũ dục。

云何名為繫屬於魔有諸眾生無常見常常見無常。苦見於樂樂見於苦。

vân hà danh vi hệ chúc ư ma hữu chư chúng sanh vô thường kiến thường thường kiến vô thường。 khổ kiến ư lạc lạc kiến ư khổ。

Thế nào gọi là trói buộc ở ma? có các chúng sanh, vô thường cho là thường, thường cho là vô thường, khổ cho là lạc, lạc cho là khổ,

不淨見淨淨見不淨。無我見我我見無我。

bất tịnh kiến tịnh tịnh kiến bất tịnh。 vô ngã kiến ngã ngã kiến vô ngã。

bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh, vô ngã cho là ngã, ngã cho là vô ngã,

非實解脫橫見解脫。真實解脫見非解脫。

phi thật giải thoát hoành kiến giải thoát。 chân thật giải thoát kiến phi giải thoát。

phi thật giải thoát mà ngang cho là giải thoát, chân thật giải thoát mà cho là chẳng phải giải thoát,

非乘見乘乘見非乘。如是之人名繫屬魔。

phi thừa kiến thừa thừa kiến phi thừa。 như thị chi nhân danh hệ chúc ma。

phi thừa cho là thừa, thừa cho là phi thừa。 Người như vậy gọi là bị ma trói buộc,

繫屬魔者心不清淨。復次善男子。

hệ chúc ma giả tâm bất thanh tịnh。 phục thứ thiện nam tử。

bị ma trói buộc thì tâm không thanh tịnh。 Lại nữa Thiện nam tử!

若見諸法真實是有總別定相。當知是人若見色時便作色相。

nhược kiến chư Pháp chân thật thị hữu tổng biệt định tướng。 đương tri thị nhân nhược kiến sắc thời tiện tác sắc tướng。

Nếu thấy thật tướng chư pháp có tổng biệt định tướng, phải biết người này nếu, thấy sắc thời liền khởi quán sắc tướng,

乃至見識亦作識相。見男男相見女女相。

nãi chí kiến thức diệc tác thức tướng。 kiến nam nam tướng kiến nữ nữ tướng。

cho đến thấy thức cũng biết là thức tướng, thấy nam biết là nam tướng, thấy nữ tướng thì biết nữ tướng,

見日日相見月月相。見歲歲相見陰陰相。

kiến nhật nhật tướng kiến nguyệt nguyệt tướng。 kiến tuế tuế tướng kiến uẩn uẩn tướng。

thấy mặt trời thì biết tướng mặt trời, thấy mặt trăng thì biết tướng mặt trăng, thấy năm

tháng thì biết tướng năm, thấy tướng thì gian thì biết tướng thời gian,

見入入相見界界相。如是見者名繫屬魔。

kiến nhập nhập tướng kiến giới giới tướng。 như thị kiến giả danh hệ chúc ma。

thấy tướng nhập thì biết tướng nhập, thấy giới thì biết tướng giới, các quán chiếu như vậy gọi là trói thuộc ma。

繫屬魔者心不清淨。復次善男子。若見我是色。色中有我。

hệ chúc ma giả tâm bất thanh tịnh。 phục thứ thiện nam tử。 nhược kiến ngã thị sắc。

sắc trung hữu ngã。

Bị Ma trói buộc, tâm chẳng thanh tịnh。 Lại nữa thiện nam tử! Hoặc thấy ngã là sắc, trong sắc có ngã,

我中有色。色屬於我乃至。見我是識。

ngã trung hữu sắc。 sắc chúc ư ngã nãi chí。 kiến ngã thị thức。

trong ngã có sắc, sắc thuộc ngã cho đến thấy ngã là thức,

識中有我。我中有識。識屬於我。

thức trung hữu ngã。 ngã trung hữu thức。 thức chúc ư ngã。

trong thức có ngã, trong ngã có thức, thức thuộc ngã。

如是見者繫屬於魔非我弟子。善男子。

như thị kiến giả hệ chúc ư ma phi ngã đệ-tử。 thiện nam tử。

Như vậy thấy trói thuộc ở ma, không, phải là đệ tử Phật。 Thiện nam tử!

我聲聞弟子遠離如來十二部經。修習種種外道典籍。

ngã thanh văn đệ-tử viễn li Như Lai thập nhị bộ Kinh。 tu tập chủng chủng ngoại đạo điển tịch。

Đệ tử Thanh văn của ta lìa mười hai bộ kinh của Như Lai, tu tập theo các sách vở ngoại đạo,

不修出家寂滅之法純營世俗在家之事。

bất tu xuất gia tịch diệt chi Pháp thuần doanh thế tục tại gia chi sự。

không tu pháp tịch diệt xuất gia, mà chỉ thuần tích tập chuyện thế tục。

何等名為在家事也。受畜一切不淨之物。奴婢田宅象馬車乘。

hà đẳng danh vi tại gia sự dã。 thọ súc nhất thiết bất tịnh chi vật。 nô tì điền trạch tượng mã xa thừa。

Thế nào gọi là việc tại gia? là cất chứa tất cả vật bất tịnh, tôi tớ, ruộng nhà, voi ngựa, xe cộ,

駝驢鷄犬獼猴猪羊。種種穀麥。

đà lư kê khuyến Mi-Hầu trư dương。 chủng chủng cốc mạch。

lạc đà, lừa, gà, chó, khỉ, heo dê, các thứ lúa mạch,

遠離師僧親附白衣。違反聖教向諸白衣作如是言。

viễn li sư tăng thân phụ bạch y。 vi phản Thánh giáo hướng chư bạch y tác như thị ngôn。

xa lìa sư tăng, thân thích gần gũi bạch y, xa lìa Thánh giáo, nói với các bạch y là。

佛聽比丘受畜種種不淨之物。

Phật thính bĩ khâu thọ súc chủng chủng bất tịnh chi vật。

Phật cho thầy Tỷ kheo cất chứa các vật bất tịnh,

是名修習在家之事。有諸弟子不為涅槃。

thị danh tu tập tại gia chi sự。 hữu chư đệ-tử bất vi Niết-Bàn。

ấy gọi là tu tập việc tại gia。 Có các đệ tử chẳng vì Niết-bàn,

但為利養親近聽受十二部經。招提僧物及僧鬘物。

đãn vi lợi dưỡng thân cận thính thọ thập nhị bộ Kinh。 chiêu đề tăng vật cập tăng man vật。

chỉ vì lợi dưỡng mà thân gần nghe thọ mười hai bộ kinh。 Vật của Chiêu-đề Tăng, và, vật của Tăng Man,

衣著食噉如自己有慳惜他家。

y trữ thực đạm như tự kỷ hữu khan tích tha gia。

áo mặc cơm ăn, như tự mình có mà còn tham tiếc của người.

及以稱譽親近國王及諸王子。卜筮吉凶推步盈虛。 ,

cập dĩ xưng dự thân cận Quốc Vương cập chư Vương tử。 bốc thệ cát hung thời bộ doanh hư。

và xưng dương gần gũi quốc vương và các vương tử, bốc hung ác và toàn là đồ trống rỗng,

圍碁六博擲菹投壺。親近比丘尼及諸處女。

vi kỳ lục bác sư bồ đầu hồ。 thân cận bỉ khâu ni cập chư xử nữ。

vi kỳ, lục bác, xu bồ, đầu hồ, thân gần Tỳ-kheo-ni cùng các xử nữ,

畜二沙彌常遊屠獵酤酒之家。及旃陀羅所住之處。

súc nhị sa di thường du đồ lập cô tửu chi gia。 cập chiêm đà la sở trụ chi xử

nuôi chứa hai chúng Sa-di, thường đi đến nhà săn bắn bán rượu, và chỗ của bọn chiêm-đà-la;

種種販賣手自作食。受使隣國通致信命。

chủng chủng phiến mại thủ tự tác thực。 thọ sử lân quốc thông trí tín mạng。

các thứ mua bán, tự tay mình làm thức ăn, làm sứ giả đi qua nước khác, làm thông sứ mạng.

如是之人當知即是魔之眷屬非我弟子。

như thị chi nhân đương tri tức thị ma chi quyến chúc phi ngã đệ-tử。

Người nói lời như vậy, phải biết tức quyến thuộc của ma, không phải là đệ tử ta,

以是因緣心共貪生心共貪滅。乃至癡心。

dĩ thị nhân duyên tâm cộng tham sanh tâm cộng tham diệt。 nãi chí si tâm。

do nhân duyên này, tâm cùng tham sanh, tâm cùng tham diệt, cho đến si tâm,

共生共滅亦復如是。善男子。以是因緣心性不淨亦非不淨。

cộng sanh cộng diệt diệt phục như thị。 thiện nam tử。 dĩ thị nhân duyên tâm tánh bất tịnh diệt phi bất tịnh。

cùng sanh cùng diệt cũng lại như vậy. Đây Thiện nam tử! Do nhân duyên này, tâm tánh bất tịnh cũng phi bất tịnh,

是故我說心得解脫。

thị cố ngã thuyết tâm đắc giải thoát。

cho nên ta nói tâm được giải thoát.

若有不淨不畜一切不淨之物。

nhược hữu bất thọ bất súc nhất thiết bất tịnh chi vật。

Nếu không nhận không chứa tất cả vật bất tịnh,

為大涅槃受持讀誦十二部經書寫解說。當知是等真我弟子。

vi Đại Niết-Bàn thọ trì đọc tụng thập nhị bộ Kinh thư tả giải thuyết。 đương tri thị đẳng chân ngã đệ-tử。

rồi vì Đại Niết-bàn thọ trì đọc tụng mười hai bộ Kinh, biên chép giải nói, phải biết những người này là chân đệ tử ta,

不行惡魔波旬境界。即是修習三十七品。

bất hành ác Ma Ba-tuần cảnh giới。 tức thị tu tập tam thập thất phẩm。

không làm việc cảnh giới ác Ma Ba-tuần, tức tu tập tam mươi bảy phẩm。

以修習故不共貪生不共貪滅是名菩薩修大涅槃微妙經典。

dĩ tu tập cố bất-cộng tham sanh bất-cộng tham diệt thị danh Bồ-tát tu Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển。

Do tu tập nên bất cộng tham sanh bất cộng tham diệt, gọi là Bồ-tát tu Đại bát Niết-bàn vi diệu kinh điển,

具足成就第八功德。

cụ túc thành tựu đệ bát công đức。

đầy đủ thành tựu thứ tám công đức。

大般涅槃經卷第二十五

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ thập ngũ

Đại bát Niết-bàn Kinh

Quyển Thứ Hai Mười Năm

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:11:26 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION ht tp://www.daitangvietnam.com

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:11:26 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại Bát-niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại Bát-niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại Bát-niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại Bát-niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

=====

Vol. 12, No. 374

Thích Trí Thiện hiệu đính

大般涅槃經卷第二十六

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập lục

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ HAI MƯƠI SÁU

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Tam tạng Đàm-vô-sấm người Thiên Trúc dịch vào đời Bắc Lương

光明遍照高貴德王菩薩品第十之六

quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát phẩm đệ thập chi lục

Phần Sáu, phẩm Mười: Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ-tát

復次善男子。

phục thứ thiện nam tử。

Lại nữa thiện nam tử!

云何菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。具足成就第九功德。善男子。

vân hà Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển。 cụ túc thành tựu đệ cửu công đức。 thiện nam tử。

Làm thế nào Bồ-tát Ma-ha-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu, thành tựu đầy đủ công đức thứ chín? Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩修大涅槃微妙經典。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển。

Bồ-tát Ma-ha-tát tu kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu,

初發五事悉得成就。何等為五。一者信。二者直心。三者戒。四者親近善友。五者多聞。

sơ phát ngũ sự tất đắc thành tựu。 hà đẳng vi ngũ。 nhất giả tín。 nhị giả trực tâm。 tam giả giới。 tứ giả thân cận thiện hữu。 ngũ giả đa văn。

trước tiên phát năm việc tất được thành tựu。 Những gì là năm? Một là Tín; hai là Trực tâm; ba là Giới; bốn là Gần gũi bạn tốt; năm là Nghe nhiều。

云何為信。菩薩摩訶薩信於三寶施有果報。

vân hà vi tín。 Bồ-tát Ma-Ha tát tín ư Tam Bảo thí hữu quả báo。

Thế nào là tín? Bồ-tát Ma-ha-tát tin ở Tam Bảo, bố thí có quả báo,

信於二諦一乘之道更無異趣。

tín ư nhị đế nhất thừa chi đạo cánh vô dị thú。

tin ở đạo Nhị đế Nhất thừa không còn con đường nào khác,
為諸眾生速得解脫。諸佛菩薩分別為三。
vi chư chúng sanh tốc đắc giải thoát. chư Phật Bồ-tát phân biệt vi tam.
Làm cho các chúng sanh nhanh chóng được giải thoát. Chư Phật Bồ-tát phân biệt làm ba.
信第一義諦信善方便。是名為信。如是信者。
tín đệ nhất nghĩa đế tín thiện phương tiện. thị danh vi tín. như thị tín giả.
Tin Đệ nhất nghĩa đế, tín Thiện phương tiện gọi là Tín. Tin như vậy,
若諸沙門若婆羅門若天魔梵。一切眾生所不能壞。
nhược chư Sa Môn nhược Bà-la-môn nhược Thiên ma phạm. nhất thiết chúng sanh sở
bất năng hoại.
nếu các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, hoặc Trời Ma phạm, tất cả chúng sanh không thể phá
hoại.
因是信故得聖人性。修行布施若多若少。
nhân thị tín cố đắc Thánh nhân tánh. tu hành bố thí nhược đa nhược thiểu.
Tin vào điều ấy nên đắc Thánh nhân tánh. Tu hạnh bố thí hoặc nhiều hoặc ít,
悉得近於大般涅槃不墮生死。戒聞智慧亦復如是。
tất đắc cận ư Đại Bát-niết-bàn bất đọa sanh tử. giới văn trí tuệ diệc phục như thị.
tất được gần nơi Đại Bát-niết-bàn không đọa vào sanh tử. Giới, Văn, Trí tuệ cũng lại như
vậy,
是名為信。雖有是信而亦不見。
thị danh vi tín. tuy hữu thị tín nhi diệc bất kiến.
gọi là Tín. Tuy có Tín mà lại không thấy,
是為菩薩修大涅槃成就初事。
thị vi Bồ-tát tu Đại Niết-Bàn thành tựu sơ sự.
đó là Bồ-tát tu Đại Bát-niết-bàn thành tựu việc đầu tiên.
云何直心。菩薩摩訶薩於諸眾生作質直心。
vân hà trực tâm. Bồ-tát Ma-Ha tát ư chư chúng sanh tác chất trực tâm.
Thế nào là Trực Tâm? Đại Bồ-tát ở nơi tất cả chúng sanh khởi Chất trực tâm,
一切眾生若遇因緣則生諂曲。菩薩不爾。
nhất thiết chúng sanh nhược ngộ nhân duyên tắc sanh siểm khúc. Bồ-tát bất nhĩ.
tất cả chúng sanh nếu gặp nhân duyên liền sanh tâm dua nịnh. Bồ-tát không như vậy,

何以故。善解諸法悉因緣故。

hà dĩ cố. thiện giải chư Pháp tất nhân duyên cố.

Vì sao? Vì khéo rõ các pháp do nhân duyên.

菩薩摩訶薩雖見眾生諸惡過咎終不說之。何以故。恐生煩惱。

Bồ-tát Ma-Ha tát tuy kiến chúng sanh chư ác quá cữu chung bất thuyết chi. hà dĩ cố. khủng sanh phiền não.

Đại Bồ-tát tuy thấy các lỗi lầm xấu của chúng sanh mà hoàn toàn không nói. Vì sao? Vì sợ sanh phiền não.

若生煩惱則墮惡趣。

nhược sanh phiền não tắc đọa ác thú.

Nếu sanh phiền não tắc đọa đường ác.

如是菩薩若見眾生有少善事則讚歎之。云何為善。所謂佛性。

như thị Bồ-tát nhược kiến chúng sanh hữu thiểu thiện sự tắc tán thán chi. vân hà vi thiện. sở vị Phật tánh.

Như vậy nếu Bồ-tát thấy chúng sanh có làm chút việc thiện liền tán thán. Thế nào là thiện? Đó là Phật tánh,

讚佛性故令諸眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。

tán Phật tánh cố lệnh chư chúng sanh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm.

Tán thán Phật tánh làm cho các chúng sanh phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề.

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩白佛言。

nhĩ thời quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha tát bạch Phật ngôn.

Lúc bấy giờ Đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật rằng: 世尊。如佛所說菩薩摩訶薩讚歎佛性。

Thế tôn. như Phật sở thuyết Bồ-tát Ma-Ha tát tán thán Phật tánh.

Bạch Thế Tôn, Như chỗ Phật nói Đại Bồ-tát tán thán Phật tánh,

令無量眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。

lệnh vô lượng chúng sanh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm.

khiến cho vô lượng chúng sanh phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề,

是義不然。何以故。如來初開涅槃經時說有三種。

thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố. Như-Lai sơ khai Niết-bàn Kinh thời thuyết hữu tam chủng.

nghĩa ấy không đúng, vì sao? Vì lúc ban đầu Như Lai khai diễn kinh Niết-bàn nói có ba loại:

一者若有病人。

nhất giả nhược hữu bệnh nhân。

Một là, nếu có người bệnh,

得良醫藥及瞻病者病則易差。如其不得則不可愈。

đắc lương y dược cập chiêm bệnh giả bệnh tắc dịch sai。 như kỳ bất đắc tắc bất khả dĩ。 được Lương y xem bệnh và cho thuốc thời bệnh được giảm bớt, không được như thế tức không thể khỏi bệnh.

二者若得不得悉不可差。三者若得不得悉皆可差。

nhị giả nhược đắc bất đắc tất bất khả sai。 tam giả nhược đắc bất đắc tất giai khả sai。

Hai là, nếu được hay không được tất không thể khỏi. Ba là, nếu được hay không được tất đều có thể khỏi

一切眾生亦復如是。一者若遇善友諸佛菩薩聞說妙法。

nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị。 nhất giả nhược ngộ thiện hữu chư Phật Bồ-tát văn thuyết diệu Pháp。

Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy. Một, nếu gặp bạn tốt, nghe chư Phật Bồ-tát nói pháp vi diệu,

則得發於阿耨多羅三藐三菩提心。

tắc đắc phát ư a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm。

liền được phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề,

如其不遇則不能發。

như kỳ bất ngộ tắc bất năng phát。

không gặp như thế tức không thể phát tâm,

所謂須陀洹斯陀含阿那含呵羅漢辟支佛。

sở vị Tu đà hoàn Tư đà hàm A na hàm ha la hán Bích-chi-phật。

đó là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật;

二者雖遇善友諸佛菩薩聞說妙法亦不能

nhị giả tuy ngộ thiện hữu chư Phật Bồ-tát văn thuyết diệu Pháp diệc bất năng

Hai, tuy gặp bạn tốt nghe chư Phật Bồ-tát nói pháp vi diệu cũng không thể phát tâm.

發。若其不遇亦不能發。謂一闡提。

phát. nhược kỳ bất ngộ diệc bất năng phát. vị nhất-xiển đề.

Nếu không gặp như thế cũng không thể phát, gọi là Nhất-xiển-đề;

三者若遇不遇一切悉能發阿耨多羅三藐三菩提心。所謂菩薩。

tam giả nhược ngộ bất ngộ nhất thiết tất năng phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm. sở vị Bồ-tát.

Ba, nếu gặp hay không gặp tất cả đều phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miểu-tam-bồ-đề, đó là Bồ-tát.

若言遇與不遇悉發阿耨多羅三藐三菩提心者。如來今者云何說。

nhược ngôn ngộ dĩ bất ngộ tất phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm giả. Như-Lai kim giả vân hà thuyết.

Nếu nói gặp và không gặp đều phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miểu-tam-bồ-đề, hôm nay tại sao Như Lai nói,

言因讚佛性。令諸眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。

ngôn nhân tán Phật tánh. lệnh chư chúng sanh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm.

nhân do khen gọi Phật tánh, khiến cho các chúng sanh phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miểu-tam-bồ-đề!

世尊。若遇善友諸佛菩薩聞說妙法及以不遇。

Thế tôn. nhược ngộ thiện hữu chư Phật Bồ-tát văn thuyết diệu Pháp cập dĩ bất ngộ.

Bạch Thế Tôn, nếu gặp bạn tốt, nghe chư Phật Bồ-tát nói pháp vi diệu và do không gặp,悉不能發阿耨多羅三藐三菩提心。

tất bất năng phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm.

tất cả đều không thể phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miểu-tam-bồ-đề,

當知是義亦復不然。何以故。

đương tri thị nghĩa diệc phục bất nhiên. hà dĩ cố.

nhên biết nghĩa ấy cũng lại không phải vậy. Vì Sao?

如是之人當得阿耨多羅三藐三菩提故。一闍提輩以佛性故。

như thị chi nhân đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề cố. nhất-xiển đề bối dĩ Phật tánh cố.

Vì người như vậy phải đắc A-nậu-đa-la-tam-miểu-tam-bồ-đề. Bọn Nhất-xiển-đề nhờ có Phật tánh cho nên

若聞不聞悉亦當得阿耨多羅三藐三菩提故。

nhược văn bất văn tất diệc đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề cố.

nếu nghe hay không nghe đều cũng phải đắc A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề.

世尊。如佛所說何等名為一闍提耶。

Thế tôn. như Phật sở thuyết hà đẳng danh vi nhất-xiển đề da.

Bạch Thế Tôn, như chỗ Phật nói thì những gì được gọi là Nhất-xiển-đề?

謂斷善根。如是之義亦復不然。何以故。不斷佛性故。

vị đoạn thiện căn. như thị chi nghĩa diệc phục bất nhiên. hà dĩ cố. bất đoạn Phật tánh cố.

Bảo rằng đoạn mất Thiện căn, nghĩa như vậy cũng lại không phải vậy. Vì sao? Vì không đoạn mất Phật tánh.

如是佛性理不可斷。云何佛說斷諸善根。

như thị Phật tánh lý bất khả đoạn. vân hà Phật thuyết đoạn chư thiện căn.

Như vậy Phật tánh về lý không thể đoạn, tại sao Ngài nói đoạn mất các Thiện căn?

如佛往昔說十二部經。善有二種。一者常。

như Phật vãng tích thuyết thập nhị bộ Kinh. thiện hữu nhị chủng. nhất giả thường.

Như xưa Ngài nói Mười Hai Bộ Kinh. Thiện có hai loại: Một là thường;

二者無常。常者不斷。無常者斷。

nhị giả vô thường. thường giả bất đoạn. vô thường giả đoạn.

hai là Vô thường. Thường là không đoạn mất, Vô thường là đoạn mất.

無常可斷故墮地獄常不可斷何故不遮佛性不斷非一闍提。

vô thường khả đoạn cố đọa Địa-ngục thường bất khả đoạn hà cố bất giả Phật tánh bất đoạn phi nhất-xiển đề.

Vô thường có thể đoạn mất nên đọa địa ngục, Thường không thể đoạn mất có sao không ngăn chặn, Phật tánh không đoạn mất chẳng phải là Nhất-xiển-đề,

如來何以作如是說言一闍提。世尊。

Như-Lai hà dĩ tác như thị thuyết ngôn nhất-xiển đề. Thế tôn.

Như lai lấy gì mà nói rằng như vậy là Nhất-xiển-đề? Bạch Thế Tôn,

若因佛性發阿耨多羅三藐三菩提心。

nhược nhân Phật tánh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm.

nếu nhân nơi Phật tánh để phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề,

何故如來廣為眾生說十二部經。世尊。

hà cổ Như-Lai quảng vi chúng sanh thuyết thập nhị bộ Kinh. Thế tôn.

Thì có sao Như Lai rộng vì chúng sanh nói Hai Mươi Bộ Kinh? Thưa Thế Tôn,
譬如四河從阿那婆踏多池出。若有天人諸佛世尊。

thí như tứ hà tòng a na bà đáp đa trì xuất. nhược hữu Thiên Nhơn chư Phật Thế tôn.

Ví như bốn con sông lớn chảy ra từ hồ A-na-ba-đáp-đa, nếu có Trời, Người chư Phật Thế
Tôn

說言是河不入大海當還本源。無有是處。

thuyết ngôn thị hà bất nhập Đại hải đương hoàn bản nguyên. vô hữu thị xứ.

nói rằng sông ấy không chảy vào biển cả mà chảy trở lại nguồn, không có chỗ đó.

菩提之心亦復如是。有佛性者。

bồ đề chi tâm diệc phục như thị. hữu Phật tánh giả.

Tâm Bồ-đề cũng lại như vậy! Người có Phật tánh

若聞不聞若戒非戒若施非施若修不修若智非智。

nhược văn bất văn nhược giới phi giới nhược thí phi thí nhược tu bất tu nhược trí phi trí.

nếu nghe hay không nghe, nếu giữ giới hay không giữ giới, nếu bố thí hay chẳng bố thí,

nếu tu hay chẳng tu, nếu có trí hay không có trí

悉皆應得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。

tất giai ứng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. Thế tôn.

tất cả đều đắc A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề. Bạch Thế Tôn,

如優陀延山日從中出至于正南。日若念言我不至西還東方者。

như ưu đà duyên sơn nhật tòng trung xuất chí vu chánh Nam. nhật nhược niệm ngôn ngã

bất chí Tây hoàn Đông phương giả.

như mặt trời mọc từ trong núi Ưu-đà-diên còn lặn hướng Nam, mặt trời nếu nghĩ rằng ta

không đến hướng Tây mà trở lại hướng Đông,

無有是處。佛性亦爾。

vô hữu thị xứ. Phật tánh diệc nhĩ.

không có chỗ đó. Phật tánh cũng vậy,

若不聞不戒不施不修不智。不得阿耨多羅三藐三菩提者。無有是處。

nhược bất văn bất giới bất thí bất tu bất trí. bất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề

giả. vô hữu thị xứ.

nếu không nghe, không giữ giới, không bố thí, không tu, không có trí không đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, không có chỗ đó.

世尊。諸佛如來說因果性非有非無。

Thế tôn. chư Phật như lai thuyết nhân quả tánh phi hữu phi vô.

Bạch Thế Tôn, Chư Phật Như Lai nói tánh nhân quả chẳng phải có chẳng phải không, 如是之義是亦不然。何以故。

như thị chi nghĩa thị diệc bất nhiên. hà dĩ cố.

nghĩa ấy cũng không như vậy. Vì sao?

如其乳中無酪性者則無有酪。

như kỳ nhũ trung vô lạc tánh giả tắc vô hữu lạc.

Vì như trong sữa không có tánh lạc tức không có lạc.

尼拘陀子無五丈性者則不能生五丈之質。

ni câu đà tử vô ngũ trượng tánh giả tắc bất năng sanh ngũ trượng chi chất.

Ni-câu-đà-tử không có tánh ngũ trượng tức không thể sanh tư chất ngũ trượng.

若佛性中無阿耨多羅三藐三菩提樹者。云何能生阿耨多羅三藐三菩提樹。

nhược Phật tánh trung vô a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề thụ giả. vân hà năng sanh a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề thụ.

Nếu trong Phật tánh không có gốc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề thì làm sao có thể sanh gốc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề?

以是義故。所說因果非有非無。

dĩ thị nghĩa cố. sở thuyết nhân quả phi hữu phi vô.

Do nghĩa đó nên nói rằng nhân quả chẳng phải có chẳng phải không, 如是之義云何相應。

như thị chi nghĩa vân hà tương ứng.

như vậy nghĩa đó làm sao tương ứng?

爾時世尊讚言。善哉善哉。善男子。

nhĩ thời Thế tôn tán ngôn. Thiện tai Thiện tai. thiện nam tử.

Lúc bấy giờ Thế tôn khen rằng: Hay thay, hay thay Ca-diếp!

世有二人甚為希有如優曇花。一者不行惡法。

thế hữu nhị nhân thậm vi hi hữu như ưu đàm hoa. nhất giả bất hành ác Pháp.

Ở đời có hai hạng người rất hiếm có như hoa Ưu-đàm: Một là không hành Ác pháp;

二者有罪能悔。如是之人甚為稀有。復有二人。

nhị giả hữu tội năng hối. như thị chi nhân thậm vi hi hữu. phục hữu nhị nhân.

hai là có tội biết sám hối. Người như vậy rất là hiếm có. Lại có hai hạng người:

一者作恩。二者念恩。復有二人。一者諮受新法。

nhất giả tác ân. nhị giả niệm ân. phục hữu nhị nhân. nhất giả ti thọ tân Pháp.

Một là tạo ân; hai là niệm ân. Lại có hai hạng người : Một là hỏi nhận pháp mới;

二者溫故不忘。復有二人。一者造新。二者修故。

nhị giả ôn cố bất vong. phục hữu nhị nhân. nhất giả tạo tân. nhị giả tu cố.

hai là không quên ôn việc cũ. Lại có hai hạng người : Một là tạo việc mới; hai là tu việc cũ.

復有二人。一樂聞法。二樂說法。復有二人。

phục hữu nhị nhân. nhất lạc văn Pháp. nhị lạc thuyết Pháp. phục hữu nhị nhân.

Lại có hai hạng người: Một là ưa nghe pháp; hai là thích nói pháp. Lại có hai hạng người:

一善問難。二善能答。善問難者汝身是也。

nhất thiện vấn nạn. nhị thiện năng đáp. thiện vấn nan giả nhữ thân thị dã.

Một là khéo vấn nạn; hai là khéo trả lời. Người khéo vấn nạn chính là người (Ca-diếp).

善能答者謂如來也。善男子。

thiện năng đáp giả vị Như-Lai dã. thiện nam tử.

Người khéo trả lời chính là Như Lai vậy. Thiện nam tử!

因是善問即得轉于無上法輪。能枯十二因緣大樹。

nhân thị thiện vấn tức đắc chuyển vu vô thượng Pháp luân. năng khô thập nhị nhân

duyên Đại thụ.

Nhân việc khéo hỏi đó liền được chuyển Vô thượng pháp luân, biết rõ ráo cây lớn Mười

hai nhân duyên.

能度無邊生死大河。能與魔王波旬共戰。

năng độ vô biên sanh tử Đại hà. năng dữ ma Vương Ba-tuần cộng chiến.

có thể độ vô biên sông lớn Sanh tử, có thể cùng chiến đấu với Ma vương Ba-tuần.

能摧波旬所立勝幢。善男子。

năng tòi Ba-tuần sở lập thắng tràng. thiện nam tử.

Có thể diệt Ba-tuần mà lập nên Thắng Tràng. Thiện nam tử!

如我先說三種病人值遇良醫瞻病好藥及以不遇病悉得差。是義云何。

như ngã tiên thuyết tam chủng bệnh nhân trị ngộ lương y chiêm bệnh hảo dược cập dĩ bất ngộ bệnh tất đắc sái. thị nghĩa vân hà.

Như trước Ta nói ba loại người bệnh gặp được Lương y xem bệnh cho thuốc tốt và do không gặp, bệnh đều được giảm, nghĩa ấy thế nào?

若得不得謂定壽命。所以者何。

nhược đắc bất đắc vị định thọ mạng. sở dĩ giả hà.

Nếu đắc hay không đắc gọi là định được mạng sống. Tại sao như vậy?

是人已於無量世中修三種善。謂上中下。

thị nhân dĩ ư vô lượng thế trung tu tam chủng thiện. vị thượng trung hạ.

Vì người ấy đã ở trong vô lượng đời tu tập ba loại Thiện, gọi là thượng, trung, hạ.

以修如是三種善故得定壽命。如鬱單越人壽命千年。

dĩ tu như thị tam chủng thiện cố đắc định thọ mạng. như uất đơn việt nhân thọ mạng thiên niên.

Do tu tập ba loại Thiện như vậy nên được định mạng sống. Như người Uất-đơn-việt, mạng sống ngàn năm,

有遇病者。若得良醫好藥瞻病及以不得悉皆得差。

hữu ngộ bệnh giả. nhược đắc lương y hảo dược chiêm bệnh cập dĩ bất đắc tất giai đắc sái.

có mắc bệnh, nếu được Lương y xem bệnh cho thuốc tốt và do không gặp tất cả đều được thuyên giảm.

何以故。得定命故。

hà dĩ cố. đắc định mạng cố.

Vì sao? Vì được định mạng sống vậy.

善男子。

thiện nam tử.

Thiện nam tử!

如我所說若有病人得遇良醫好藥瞻病病得除差。若不遇者則不得差。

như ngã sở thuyết nhược hữu bệnh nhân đắc ngộ lương y hảo dược chiêm bệnh bệnh đắc trừ sái. nhược bất ngộ giả tắc bất đắc sái.

Như chỗ Ta nói nếu có người bệnh được gặp Lương y xem bệnh cho thuốc tốt thì bệnh được giảm trừ. Nếu không gặp tức không được thuyên giảm.

是義云何。善男子。如是之人壽命不定。

thị nghĩa vân hà. thiện nam tử. như thị chi nhân thọ mạng bất định.

Nghĩa ấy như thế nào? Thiện nam tử! Như vậy người ấy mạng sống không định.

命雖不盡有九因緣能夭其壽。何等為九。

mạng tuy bất tận hữu cửu nhân duyên năng yêu kỳ thọ. hà đẳng vi cửu.

Mạng tuy không hết, có chín nhân duyên có thể làm cho mạng sống chết yếu. Những gì là chín.

一者知食不安而反食之。二者多食。

nhất giả tri thực bất an nhi phản thực chi. nhị giả đa thực.

Một là biết thức bất an mà lại ăn; hai là ăn nhiều;

三者宿食不消而復更食。四者大小便利不隨時節。

tam giả tú thực bất tiêu nhi phục canh thực. tứ giả Đại tiểu tiện lợi bất tùy thời tiết.

ba là đồ ăn chưa tiêu mà ăn lại; bốn là Đại tiểu tiện không theo thời tiết;

五者病時不隨醫教。六者不隨瞻病教勅。七者強耐不吐。

ngũ giả bệnh thời bất tùy y giáo. lục giả bất tùy chiêm bệnh giáo sắc. thất giả cưỡng nại bất thổ.

năm là lúc bệnh không nghe theo thầy thuốc dạy; sáu là không theo lời chỉ bảo của người xem bệnh; bảy là cưỡng chịu không nhổ;

八者夜行。以夜行故惡鬼打之。

bát giả dạ hành. dĩ dạ hành cố ác quỷ đả chi.

tám là đi đêm, do đi đêm nên bị ác quỷ đánh;

九者房室過度。以是緣故。我說病者若遇醫藥病則可差。

cửu giả phòng thất quá độ. dĩ thị duyên cố. ngã thuyết bệnh giả nhược ngộ y dược bệnh tắc khả sai.

chín là phòng ốc quá độ. Do nhân duyên đó nên Ta nói người bệnh nếu gặp Thầy thuốc, bệnh tức có thể bớt.

若不遇者則不可愈。善男子。

nhược bất ngộ giả tắc bất khả dĩ. thiện nam tử.

Nếu không gặp tức bệnh không thể giảm. Ca-diếp!

如我先說若遇不遇俱不差者。是義云何。

như ngã tiên thuyết nhược ngộ bất ngộ câu bất sai giả. thị nghĩa vân hà.

Như trước đó Ta nói nếu gặp hay không gặp đều không thuyên giảm, nghĩa ấy làm sao?
有人命盡若遇不遇悉不可差。何以故。以命盡故。

hữu nhân mạng tận nhược ngộ bất ngộ tất bất khả sai。 hà dĩ cố。 dĩ mạng tận cố。
Có người mạng hết nếu gặp hay không gặp đều không thể giảm. Vì sao? Vì do người ấy mạng hết.

以是義故我說病人若遇醫藥及以不遇悉不得差。

dĩ thị nghĩa cố ngã thuyết bệnh nhân nhược ngộ y dược cập dĩ bất ngộ tất bất đắc sai。
Do nghĩa đó nên Ta nói người bệnh nếu gặp Thầy thuốc và do không gặp đều không được khỏi.

眾生亦爾。發菩提心者。

chúng sanh diệc nhĩ。 phát bồ đề tâm giả。

Chúng sanh cũng vậy。 Phát tâm Bồ-đề,

若遇善友諸佛菩薩諮受深法若不遇之皆悉當成。何以故。

nhược ngộ thiện hữu chư Phật Bồ-tát ti thọ thâm Pháp nhược bất ngộ chi giai tất đương thành。 hà dĩ cố。

Nếu gặp Thiện hữu, hỏi thọ pháp thậm thâm của chư Phật Bồ-tát, hoặc không gặp tất cả đều sẽ thành. Vì sao?

以其能發菩提心故。如鬱單越人得定壽命。

dĩ kỳ năng phát bồ đề tâm cố。 như uất đơn việt nhân đắc định thọ mạng。

Vì do người ấy năng phát tâm Bồ-đề. Như người Uất-đơn-việt được định mạng sống.

如我所說從須陀洹至辟支佛。

như ngã sở thuyết tòng Tu đà hoàn chí Bích-chi-phật。

Như chỗ Ta nói từ Tu-đà-hoàn đến Bích-chi-phật,

若聞善友諸佛菩薩所說深法。則發阿耨多羅三藐三菩提心。

nhược văn thiện hữu chư Phật Bồ-tát sở thuyết thâm Pháp。 tắc phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm。

nếu nghe Thiện hữu chư Phật Bồ-tát nói Pháp thậm thâm, liền phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề.

若不值遇諸佛菩薩聞說深法。

nhược bất trị ngộ chư Phật Bồ-tát văn thuyết thâm Pháp。

Nếu không gặp được chư Phật Bồ-tát nghe nói pháp thậm thâm,

則不能發阿耨多羅三藐三菩提心。如不定命。

tắc bất năng phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm. như bất định mạng.

tức không thể phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miểu-tam-bồ-đề. Như không định được mạng sống,

以九因緣命則中天。如彼病人值遇醫藥病則得差。

dĩ cửu nhân duyên mạng tắc trung yếu. như bỉ bệnh nhân trị ngộ y dược bệnh tắc đắc sai.

do chín nhân duyên mạng sống tức trung yếu. Như người bệnh kia gặp được Thầy thuốc, bệnh liền được bớt,

若不遇者病則不差。

nhược bất ngộ giả bệnh tắc bất sai.

nếu không gặp Thầy thuốc, bệnh tức không lành.

是故我說遇佛菩薩聞說深法則能發心。若不值遇則不能發。

thị cố ngã thuyết ngộ Phật Bồ-tát văn thuyết thâm Pháp tắc năng phát tâm. nhược bất trị ngộ tắc bất năng phát.

Vì vậy Ta nói gặp Phật Bồ-tát nghe nói pháp thậm thâm tức có thể phát tâm, nếu không gặp tức không thể phát tâm.

如我先說若遇善友諸佛菩薩聞說深法。

như ngã tiên thuyết nhược ngộ thiện hữu chư Phật Bồ-tát văn thuyết thâm Pháp.

Như trước Ta nói nếu gặp Thiện hữu chư Phật Bồ-tát nghe nói pháp thậm thâm,

若不值遇俱不能發。是義云何。善男子。

nhược bất trị ngộ câu bất năng phát. thị nghĩa vân hà. thiện nam tử.

hoặc không gặp được đều không thể phát tâm, nghĩa đó như thế nào? Thiện nam tử!

一闍提輩若遇善友諸佛菩薩聞說深法。

nhất-xiển-đề bối nhược ngộ thiện hữu chư Phật Bồ-tát văn thuyết thâm Pháp.

Bọn Nhất-xiển-đề nếu gặp Thiện hữu chư Phật Bồ-tát nghe nói pháp thậm thâm,

及以不遇俱不得離一闍提心。何以故。斷善法故。

cập dĩ bất ngộ câu bất đắc ly nhất-xiển-đề tâm. hà dĩ cố. đoạn thiện Pháp cố.

và do không gặp đều không được lìa tâm Nhất-xiển-đề. Vì sao? Vì do đoạn mất Thiện pháp.

一闍提輩亦得阿耨多羅三藐三菩提。

nhất-xiển đề bối diệc đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。
 Bọn Nhất-xiển-đề cũng đắc A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề,
 所以者何。若能發於菩提之心則不復名一闍提也。
 sở dĩ giả hà. nhược năng phát ư bồ đề chi tâm tắc bất phục danh nhất-xiển đề dã.
 tại sao như vậy? Vì nếu tâm năng phát nơi Bồ-đề tức không trở lại tên gọi Nhất-xiển-đề
 vậy.
 善男子。
 thiện nam tử。
 Thiện nam tử!
 以何緣故說一闍提得阿耨多羅三藐三菩提。
 dĩ hà duyên cố thuyết nhất-xiển đề đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。
 Do duyên gì mà nói Nhất-xiển-đề đắc A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề?
 一闍提輩實不能得阿耨多羅三藐三菩提。
 nhất-xiển đề bối thật bất năng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。
 Bọn Nhất-xiển-đề thực sự không thể đắc A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề.
 如命盡者雖遇良醫好藥瞻病不能得差。何以故。以命盡故。
 như mạng tận giả tuy ngộ lương y hảo dược chiêm bệnh bất năng đắc sai. hà dĩ cố. dĩ
 mạng tận cố。
 Như người mạng hết dầu có gặp Lương y xem bệnh cho thuốc tốt, bệnh cũng không thể
 bớt đượ. Vì sao? Vì do mạng hết.
 善男子。一闍名信。提名不具。
 thiện nam tử. nhất-xiển danh tín. đề danh bất cụ。
 Thiện nam tử! Nhất-xiển gọi là Tín, Đề gọi là bất cụ.
 不具信故名一闍提。佛性非信眾生非具。
 bất cụ tín cố danh nhất-xiển đề. Phật tánh phi tín chúng sanh phi cụ。
 Không đầy đủ niềm tin nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng phải tín chúng sanh
 chẳng phải đầy đủ,
 以不具故云何可斷。一闍名善方便。提名不具。
 dĩ bất cụ cố vân hà khả đoạn. nhất-xiển danh thiện phương tiện. đề danh bất cụ。
 do không đầy đủ nên làm sao có thể đoạn diệt. Nhất-xiển gọi là Thiện phương tiện, Đề gọi
 là Bất cụ.

修善方便不具足故名一闡提。佛性非是修善方便。

tu thiện phương tiện bất cụ túc cố danh nhất-xiển đề. Phật tánh phi thị tu thiện phương tiện。

Tu tập không đầy đủ thiện phương tiện nên gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh không như vậy.

Chúng sanh tu tập Thiện phương tiện chẳng đầy đủ,
眾生非具以不具故。云何可斷。一闡名進。提名不具。

chúng sanh phi cụ dĩ bất cụ cố. vân hà khả đoạn. nhất-xiển danh tiến. đề danh bất cụ。

do không đầy đủ nên làm sao có thể đoạn diệt. Nhất-xiển gọi là Tấn, Đề gọi là Bất cụ,
進不具故名一闡提。佛性非進眾生非具。

tiến bất cụ cố danh nhất-xiển đề. Phật tánh phi tiến chúng sanh phi cụ。

tiến không đầy đủ gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng tiến chúng sanh chẳng đầy đủ,

以不具故云何可斷。一闡名念。提名不具。

dĩ bất cụ cố vân hà khả đoạn. nhất-xiển danh niệm. đề danh bất cụ。

do không đầy đủ thì làm sao có thể đoạn diệt. Nhất-xiển gọi là Niệm, Đề gọi là Bất cụ,
念不具故名一闡提。佛性非念眾生非具。

niệm bất cụ cố danh nhất-xiển đề. Phật tánh phi niệm chúng sanh phi cụ。

niệm không đầy đủ gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng niệm chúng sanh chẳng đầy đủ,
以不具故云何可斷。一闡名定提名不具。

dĩ bất cụ cố vân hà khả đoạn. nhất-xiển danh định đề danh bất cụ。

do không đầy đủ thì làm sao có thể đoạn diệt. Nhất-xiển gọi là Định, Đề gọi là Bất cụ,
定不具故名一闡提。佛性非定眾生非具。

định bất cụ cố danh nhất-xiển đề. Phật tánh phi định chúng sanh phi cụ。

do Định không đầy đủ gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng Định chúng sanh chẳng đầy đủ,

以不具故云何可斷。一闡名慧提名不具。

dĩ bất cụ cố vân hà khả đoạn. nhất-xiển danh tuệ đề danh bất cụ。

do không đầy đủ nên làm sao có thể đoạn diệt. Nhất-xiển gọi là Tuệ, đề gọi là Bất cụ.
慧不具故名一闡提。佛性非慧眾生非具。

tuệ bất cụ cố danh nhất-xiển đề. Phật tánh phi tuệ chúng sanh phi cụ。

Tuệ không đầy đủ gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh chẳng Tuệ chúng sanh chẳng đầy đủ,
以不具故云何可斷。一闡名無常善。提名不具。
dĩ bất cụ cố vân hà khả đoạn. nhất-xiển danh vô thường thiện. đề danh bất cụ.
do không đầy đủ nên làm sao có thể đoạn diệt. Nhất-xiển gọi là Vô thường thiện, Đề gọi là
Bất cụ,
以無常善不具足故名一闡提。佛性是常非善非不善。
dĩ vô thường thiện bất cụ túc cố danh nhất-xiển đề. Phật tánh thị thường phi thiện phi bất
thiện。
do Vô thường thiện không đầy đủ gọi là Nhất-xiển-đề. Phật tánh là Thường, chẳng phải
Thiện chẳng phải Bất thiện.
何以故善法要從方便。而得。
hà dĩ cố thiện Pháp yếu tòng phương tiện. nhi đắc。
Tại sao vậy? Thiện Pháp chủ yếu là từ Phương tiện mà có,
而是佛性非方便得是故非善。何故復名非不善耶。
nhi thị Phật tánh phi phương tiện đắc thị cố phi thiện. hà cố phục danh phi bất thiện da.
nhưng mà Phật tánh chẳng phải từ Phương tiện mà có, vì vậy gọi là Phi thiện. Cớ sao lại
gọi là Phi Bất Thiện,
能得善果故。善果即是阿耨多羅三藐三菩提。
năng đắc thiện quả cố. thiện quả tức thị a nậu đa la tam miếu tam Bồ đề。
năng đắc Thiện quả. Thiện quả tức là A-nậu-đa-la-tam-miếu-tam-bồ-đề。
又善法者生已得故。而是佛性非生已得是故非善。
hựu thiện Pháp giả sanh dĩ đắc cố. nhi thị Phật tánh phi sanh dĩ đắc thị cố phi thiện。
Lại Thiện pháp là sinh rồi mới đắc, nhưng mà Phật tánh chẳng phải sinh rồi mới có, vì vậy
gọi là Phi Thiện.
以斷生得諸善法故名一闡提。
dĩ đoạn sanh đắc chư thiện Pháp cố danh nhất-xiển đề。
Do đoạn diệt sanh để được các Thiện pháp nên gọi là Nhất-xiển-đề。
善男子。如汝所言若一闡提有佛性者。
thiện nam tử. như nhữ sở ngôn nhược nhất-xiển đề hữu Phật tánh giả。
Thiện nam tử! Như chỗ ông nói nếu Nhất-xiển-đề có Phật tánh,
云何不遮地獄之罪。善男子。一闡提中無有佛性。

vân hà bất già Địa-ngục chi tội. thiện nam tử. nhất-xiển đề trung vô hữu Phật tánh.
tại sao không ngăn cản được tội địa ngục. Thiện nam tử! Trong Nhất-xiển-đề không có Phật tánh.

善男子。譬如有王聞箏篴音。

thiện nam tử. thí như hữu Vương văn không hầu âm.

Thiện nam tử! Thí như có Vua nghe tiếng Không hầu (một loại đàn),

其聲清妙心即耽著喜樂愛念情無捨離。即告大臣。

kỳ thanh thanh diệu tâm tức đam trước hỉ lạc ái niệm tình vô xả ly. tức cáo Đại Thần.

âm thanh trong trẻo tuyệt vời, tâm liền đam mê vui vẻ thích thú, ý không xả bỏ, liền nói với Đại thần,

如是妙音從何處出。大臣答言。

như thị Diệu-Âm tòng hà xử xuất. Đại Thần đáp ngôn.

Âm thanh vi diệu này từ nơi nào ra? Đại thần trả lời:

如是妙音從箏篴出。王復語言。持是聲來。

như thị Diệu-Âm tòng không hầu xuất. Vương phục ngữ ngôn. trì thị thanh lai.

Âm thanh vi diệu như vậy xuất từ Không hầu. Vua lại nói rằng: Mang tiếng ấy đến đây.

爾時大臣即持箏篴置於王前而作是言。大王。當知此即是聲。

nhi thời Đại Thần tức trì không hầu trí ư Vương tiền nhi tác thị ngôn. Đại Vương. đương trì thử tức thị thanh.

Lúc ấy Đại thần liền mang Không hầu đặt ở trước mặt Vua mà thưa rằng: Tâu Đại Vương, nên biết cái này tức là tiếng.

王語箏篴出聲出聲。而是箏篴聲亦不出。

Wương ngữ không hầu xuất thanh xuất thanh. nhi thị không hầu thanh diệc bất xuất.

Vua nói Không hầu xuất tiếng xuất tiếng, nhưng mà Không hầu tiếng cũng không xuất.

爾時大王即斷其絃聲亦不出。

nhi thời Đại Vương tức đoạn kỳ huyền thanh diệc bất xuất.

Lúc bấy giờ Đại Vương liền chặt đứt dây Không hầu tiếng cũng không xuất,

取其皮木悉皆析裂推求其聲了不能得。爾時大王即瞋大臣。

thủ kỳ bì mộc tất giai tích liệt thôi cầu kỳ thanh liễu bất năng đắc. nhi thời Đại Vương tức sân Đại Thần.

lấy cây đàn ấy tất cả đều chẻ vụn ra tìm tòi tiếng ấy rốt cuộc không thể tìm được. Lúc ấy Đại Vương cáu giận Đại thần,

云何乃作如是妄語。大臣白王。

vân hà nãi tác như thị vọng ngữ. Đại Thần bạch Vương.

tại sao người vọng ngữ như vậy? Đại thần tâu với Vua rằng:

夫取聲者法不如是。應以眾緣善巧方便聲乃出耳。

phù thủ thanh giả Pháp bất như thị. ứng dĩ chúng duyên thiện xảo phương tiện thanh nãi xuất nhĩ.

Phàm lấy được tiếng, không phải bằng cách như vậy, nên dùng mọi duyên, phương tiện khéo léo tiếng mới xuất vậy.

眾生佛性亦復如是無有住處。

chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị vô hữu trụ xử.

Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy, không có nơi chốn,

以善方便故得可見。以可見故得阿耨多羅三藐三菩提。

dĩ thiện phương tiện cố đắc khả kiến. dĩ khả kiến cố đắc a nậu đa la tam miếu tam Bồ đề.

do khéo Phương tiện nên có thể thấy được, do có thể thấy nên đắc A-nậu-đa-la-tam-miếu-tam-bồ-đề.

一闍提輩不見佛性。云何能遮三惡道罪。善男子。

nhất-xiển-đề bối bất kiến Phật tánh. vân hà năng già tam ác đạo tội. thiện nam tử.

Bọn Nhất-xiển-đề không thấy được Phật tánh, làm sao có thể tránh khỏi tội ác trong ba đường. Thiện nam tử!

若一闍提信有佛性。當知是人不至三惡。

nhược nhất-xiển-đề tín hữu Phật tánh. đương tri thị nhân bất chí tam ác.

Nếu Nhất-xiển-đề tin có Phật tánh, nên biết người ấy không đọa ba đường ác, 是亦不名一闍提也。

thị diệc bất danh nhất-xiển-đề dã.

người ấy cũng không gọi là Nhất-xiển-đề vậy.

以不自信有佛性故即墮三惡。墮三惡故名一闍提。

dĩ bất tự tín hữu Phật tánh cố tức đọa tam ác. đọa tam ác cố danh nhất-xiển-đề.

Do không tự tin có Phật tánh tức đọa trong ba đường ác, đọa trong ba đường ác nên gọi là Nhất-xiển-đề.

善男子。如汝所說若乳無酪性不應出酪。

thiện nam tử. như nữ sở thuyết nhược nữ vô lạc tánh bất ứng xuất lạc.

Thiện nam tử! Như chỗ ông nói nếu sữa không có tánh lạc không phải xuất từ lạc, 尼拘陀子無五丈性。則不應有五丈之質。

ni câu đà tử vô ngũ trượng tánh. tắc bất ứng hữu ngũ trượng chi chất.

Ni-câu-đà-tử không có tánh ngũ trượng, tức không có tư chất ngũ trượng.

愚癡之人作如是說。智者終不發如是言。何以故。

ngu si chi nhân tác như thị thuyết. trí giả chung bất phát như thị ngôn. hà dĩ cố.

Người ngu si nói lời như vậy. Người trí hoàn toàn không phát lời như vậy. Vì sao?

以無性故。善男子。如其乳中有酪性者。

dĩ Vô tánh cố. thiện nam tử. như kỳ nữ trung hữu lạc tánh giả.

Vì do Vô tánh. Thiện nam tử! Như trong sữa có tánh của lạc,

不應復假眾緣力也。善男子。

bất ứng phục giả chúng duyên lực dã. thiện nam tử.

không nên bảo do sức giả hợp của mọi duyên. Thiện nam tử!

如水乳雜臥至一月終不成酪。若以一滯頗求樹汁。

như thủy nữ tạp ngọa chí nhất nguyệt chung bất thành lạc. nhược dĩ nhất đế pha cầu thụ trấp.

Như hoà lẫn nước và sữa để yên một tháng cũng không thành lạc, nếu dùng một giọt tìm nhựa cây

投之於中即便成酪。若本有酪何故待緣。

đầu chi ư trung tức tiện thành lạc. nhược bản hữu lạc hà cố đãi duyên.

hoà vào trong ấy liền trở thành lạc, nếu vốn có lạc cứ sao đợi duyên?

眾生佛性亦復如是。假眾緣故則便可見。

chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. giả chúng duyên cố tắc tiện khả kiến.

Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy, các duyên giả hợp tức có thể thấy.

假眾緣故得成阿耨多羅三藐三菩提。

giả chúng duyên cố đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề.

các duyên giả hợp đắc thành A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề,

若待眾緣然後成者即是無性。

nhược đāi chúng duyên nhiên hậu thành giả tức thị Vô tánh。

nếu đợi các duyên sau đó mới thành tức là Vô tánh,

以無性故能得阿耨多羅三藐三菩提。善男子。以是義故。

dĩ Vô tánh cố năng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。 thiện nam tử。 dĩ thị nghĩa cố。

do Vô tánh nên có thể đắc A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề. Thiện nam tử! Do nghĩa ấy nên

菩薩摩訶薩常讚人善不訟彼缺名質直心。復次善男子。

Bồ-tát Ma-Ha tát thường tán nhân thiện bất tụng bỉ khuyết danh chất trực tâm。 phục thứ thiện nam tử。

Đại Bồ-tát thường khen ngợi người tốt không ca tụng người xấu gọi là Tâm Chất trực. Lại nữa, Thiện nam tử!

云何菩薩質直心也。

vân hà Bồ-tát chất trực tâm dã。

Sao là Bồ-tát tâm Chất trực?

菩薩摩訶薩常不犯惡設有過失即時懺悔。於師同學終不覆藏。

Bồ-tát Ma-Ha tát thường bất phạm ác thiết hữu quá thất tức thời sám hối。 ư sư đồng học chung bất phúc tạng。

Đại Bồ-tát thường không phạm việc ác lỗi có lỗi làm lập tức sám hối, ở nơi thầy bạn hoàn toàn không che dấu,

慚愧自責不敢復作。於輕罪中生極重想。

tàm quý tự trách bất cảm phục tác。 ư khinh tội trung sanh cực trọng tưởng。

xấu hổ tự trách không giám làm lại. Ở trong tội nhẹ sanh tưởng rất nặng,

若人詰問答言實犯。復問是罪為好不好。答言不好。

nhược nhân cật vấn đáp ngôn thật phạm。 phục vấn thị tội vi hảo bất hảo。 đáp ngôn bất hảo。

nếu người tra khảo đáp rằng thật sự có phạm, lại hỏi tội ấy là tốt hay không tốt, đáp rằng không tốt.

復問是罪為善不善。答言不善。

phục vấn thị tội vi thiện bất thiện。 đáp ngôn bất thiện。

Lại hỏi tội ấy thiện hay bất thiện, đáp rằng bất thiện.

復問是罪是善果耶不善果耶。答言是罪實非善果。

phục vấn thị tội thị thiện quả da bất thiện quả da。đáp ngôn thị tội thật phi thiện quả。
lại hỏi tội ấy là kết quả thiện hay kết quả không tốt? Đáp rằng tội ấy thật sự chẳng có kết quả tốt.

又問是罪誰之所造。將非諸佛法僧所作。

hựu vấn thị tội thù chi sở tạo。 tướng phi chư Phật Pháp Tăng sở tác。

Lại hỏi tội ấy ai tạo ra, ắt hẳn chẳng phải chư Phật, Pháp, Tăng tạo ra.

答言非佛法僧我所作也。乃是煩惱之所構集。

đáp ngôn phi Phật Pháp Tăng ngã sở tác dã。 nãi thị phiền não chi sở cấu tập。

Đáp rằng chẳng phải Phật, Pháp, Tăng, Ngã tạo ra, mà là do phiền não tụ tập mà tạo nên.

以直心故信有佛性。信佛性故則不得名一闍提也。

dĩ trực tâm cố tín hữu Phật tánh。 tín Phật tánh cố tắc bất đắc danh nhất-xiển-đề dã。

Do Trực tâm nên tin có Phật tánh, tin có Phật tánh tức không có tên gọi Nhất-xiển-đề vậy,
以直心故名佛弟子。

dĩ trực tâm cố danh Phật đệ-tử。

do Trực tâm nên gọi là đệ tử Phật.

若受眾生衣服飲食臥具醫藥種各千萬不足為多。是名菩薩質直心也。

nhược thọ chúng sanh y phục ẩm thực ngọa cụ y dược chủng các thiên vạn bất túc vi
đa。 thị danh Bồ-tát chất trực tâm dã。

Nếu nhận các loại y phục, ẩm thực, ngọa cụ, y dược của chúng sanh nhất định không thể
lấy nhiều, gọi là Bồ-tát Chất Trực tâm.

云何菩薩修持於戒。菩薩摩訶薩受持禁戒。

vân hà Bồ-tát tu trì ư giới。 Bồ-tát Ma-Ha tát thọ trì cấm giới。

Sao là Bồ-tát tu trì ở nơi Giới? Vì Đại Bồ-tát thọ trì giới cấm,
不為生天不為恐怖。

bất vi sanh Thiên bất vi khủng bố。

không vì sanh cõi trời không vì làm cho sợ hãi,

乃至不受狗戒鷄戒牛戒雉戒。不作破戒不作缺戒。

nãi chí bất thọ cầu giới kê giới ngưu giới trĩ giới。 bất tác phá giới bất tác khuyết giới。

cho đến không nhận Cầu giới, Kê giới, Ngưu giới, Trĩ giới. Không phá giới không làm sút
mê giới,

不作瑕戒不作雜戒。不作聲聞戒。

bất tác hà giới bất tác tạp giới. bất tác Thanh-văn giới.

không làm tỳ vết giới, không làm pha tạp giới, không tạo Thanh-văn giới.

受持菩薩摩訶薩戒尸羅波羅蜜戒。得具足戒不生憍慢。

thọ trì Bồ-tát Ma-Ha tát giới Thi-La ba la mật giới. đắc cụ túc giới bất sanh kiêu mạn.

Thọ trì Đại Bồ-tát giới Thi-la-ba-la mật giới. Đắc giới đầy đủ không sanh kiêu mạn.

是名菩薩修大涅槃具足第三戒。

thị danh Bồ-tát tu Đại Niết-Bàn cụ túc đệ tam giới.

Gọi là Bồ-tát tu Đại Niết-bàn Cụ Túc giới thứ ba.

云何菩薩親近善友。

vân hà Bồ-tát thân cận thiện hữu.

Sao gọi là Bồ-tát gần gũi Thiện hữu?

菩薩摩訶薩常為眾生說於善道不說惡道。說於惡道非善果報。

Bồ-tát Ma-Ha tát thường vì chúng sanh thuyết ư thiện đạo bất thuyết ác đạo. thuyết ư ác
đạo phi thiện quả báo.

Đại Bồ-tát thường vì chúng sanh nói Thiện đạo, không nói Ác đạo, nói Ác đạo không có
quả báo tốt.

善男子。我身即是一切眾生真善知識。

thiện nam tử. ngã thân tức thị nhất thiết chúng sanh chân thiện tri thức.

Thiện nam tử! Thân Ta tức là Chơn thiện tri thức của tất cả chúng sanh,
是故能斷富伽羅婆羅門所有邪見。善男子。

thị cố năng đoạn phú đà la Bà-la-môn sở hữu tà kiến. thiện nam tử.

vì vậy có thể đoạn trừ người Bà-la-môn có tà kiến. Thiện nam tử!

若有眾生親近我者。雖有生於地獄因緣即得生天。

nhược hữu chúng sanh thân cận ngã giả. tuy hữu sanh ư Địa-ngục nhân duyên tức đắc
sanh Thiên.

Nếu có chúng sanh gần gũi Ta, dù có nhân duyên sanh ở địa ngục liền được sanh cõi
Trời.

如須那剎羅等應墮地獄。

như tu na sát la đấng ứng đọa Địa-ngục。

Như Tu-na-sát-la v.v.. đáng đọa địa ngục,

以見我故即得斷除地獄因緣生於色天。

dĩ kiến ngã cố tức đắc đoạn trừ Địa-ngục nhân duyên sanh ư sắc Thiên。

nhưng do thấy Ta nên liền được đoạn trừ nhân duyên địa ngục mà sanh ở cõi Sắc。

雖有舍利弗目犍連等不名眾生真善知識。何以故。

tuy hữu Xá lợi Phất mục kiên liên đấng bất danh chúng sanh chân thiện tri thức. hà dĩ cố。

Tuy có Xá-lợi-phất, Mục-kiên-liên v.v.. không gọi là Chơn thiện tri thức của chúng sanh. Vì sao?

生一闍提心因緣故。善男子。我昔住於波羅奈國時。

sanh nhất-xiển đề tâm nhân duyên cố. thiện nam tử. ngã tích trụ ư ba la nại quốc thời。

Vì nguyên nhân là sanh tâm Nhất-xiển-đề. Thiện nam tử! Ta lúc xưa ở tại nước Ba-la-nại,

舍利弗教二弟子。一觀白骨。一令數息。

Xá lợi Phất giáo nhị đệ tử. nhất quán bạch cốt. nhất lệnh số tức。

Xa-lợi-phất dạy hai đệ tử, một quán Bạch cốt; một quán Số tức,

經歷多年各不得定。以是因緣即生邪見。

Kinh lịch đa niên các bất đắc định. dĩ thị nhân duyên tức sanh tà kiến。

trải qua nhiều năm đều không đắc Định. Do nhân duyên ấy liền sanh Tà kiến,

言無涅槃無漏之法。設其有者我應得之。何以故。

ngôn vô Niết-Bàn vô lậu chi Pháp. thiết kỳ hữu giả ngã ứng đắc chi. hà dĩ cố。

nói rằng không Niết-bàn không có pháp Vô lậu, do giả lập có điều ấy để Ta chứng đắc. Vì sao?

我能善持所受戒故。

ngã năng thiện trì sở thọ giới cố。

Vì Ta khéo giữ gìn giới đã thọ。

我於爾時見是比丘生此邪心。喚舍利弗而呵責之汝不善教。

ngã ư nhĩ thời kiến thị bỉ khâu sanh thử tà tâm. hoán Xá lợi Phất nhi ha trách chi nhữ bất thiện giáo。

Lúc bấy giờ Ta thấy Tỳ-kheo sanh tâm tà kiến ấy, gọi Xá-lợi-phất mà trách rằng ông dạy dỗ không khéo,

云何乃為是二弟子顛倒說法。汝二弟子其性各異。

vân hà nãi vi thị nhị đệ-tử điên đảo thuyết Pháp. nhữ nhị đệ-tử kỳ tánh các dị.

để cho hai đệ tử ấy nói pháp điên đảo, hai đệ tử của ông tánh khác biệt,

一主浣衣一是金師。金師之子應教數息。

nhất chủ hoán y nhất thị kim sư. kim sư chi tử ứng giáo số tức.

một là chủ giặt áo; một là thầy thợ vàng, con thợ vàng nên dạy Số tức,

浣衣之人應教骨觀。

hoán y chi nhân ứng giáo cốt quán.

người giặt áo nên dạy quán bạch cốt.

以汝錯教令是二人生於惡邪。我於爾時為是二人如應說法。

dĩ nhữ thác giáo lệnh thị nhị nhân sanh ư ác tà. ngã ư nhĩ thời vi thị nhị nhân như ứng thuyết Pháp.

Do ông dạy lẫn lộn khiến cho hai hạng người sanh Tà ác, Lúc ấy Ta vì hai hạng người đó mà nói pháp như vậy,

二人聞已得阿羅漢果。是故我為一切眾生真善知識。

nhị nhân văn dĩ đắc A la hán quả. thị cố ngã vi nhất thiết chúng sanh chân thiện tri thức.

hai hạng người nghe xong đắc quả A-la-hán. Vì vậy Ta là Chân thiện tri thức của tất cả chúng sanh,

非舍利弗目犍連等。

phi Xá lợi Phất mục kiên liên đẳng.

không phải Xá-lợi phất, Mục-kiên-liên v.v..

若使眾生有極重結得遇我者。我以方便即為斷之。

nhược sử chúng sanh hữu cực trọng kết đắc ngộ ngã giả. ngã dĩ phương tiện tức vi đoạn chi.

Giả sử chúng sanh có Kết phược rất nặng mà được gặp Ta, Ta dùng phương tiện liền được đoạn trừ.

如我弟難陀有極重欲。我以種種善巧方便而為除斷。

như ngã đệ Nan đà hữu cực trọng dục. ngã dĩ chủng chủng thiện xảo phương tiện nhi vi trừ đoạn.

Như Nan-đà em Ta có dục rất nặng, Ta dùng các loại phương tiện khéo léo do vậy mà trừ hết.

鴞掘魔羅有重瞋恚。以見我故瞋恚即息。

Ưng-quật-ma-la hữu trọng sân nhuế. dĩ kiến ngã cố sân nhuế tức tức.

Ưng-quật-ma-la có sân nhuế nặng, do thấy Ta nên sân nhuế liền dừng,

阿闍世王有重愚癡。以見我故癡心即滅。

A-đồ-thế-Vương hữu trọng ngu si. dĩ kiến ngã cố si tâm tức diệt.

vua A-xà-thế có ngu si nặng, do thấy Ta nên tâm si liền diệt,

如婆熙伽長者於無量劫修習成就極重煩惱。

như bà-hy-dà-Trưởng-Giả ư vô lượng kiếp tu tập thành tựu cực trọng phiền não.

như trưởng giả Bà-hi-già ở nơi vô lượng kiếp tu tập thành tựu phiền não rất nặng,

以見我故即便斷滅。

dĩ kiến ngã cố tức tiện đoạn diệt.

do thấy Ta nên liền được đoạn hết.

設有弊惡廝下之人親近於我作弟子者。以是因緣一切人天恭敬愛念。

thiết hữu tậ ác tư hạ chi nhân thân cận ư ngã tác đệ-tử giả. dĩ thị nhân duyên nhất thiết nhân Thiên cung kính ái niệm.

Giả như có người xấu ác hạ tiện gần gũi Ta làm đệ tử của Ta, do nhân duyên ấy tất cả Người, Trời cung kính ái niệm.

尸利毘多邪見熾盛因見我故邪見即滅。

thi-lợi-cúc-đa-tà kiến sí thịnh nhân kiến ngã cố tà kiến tức diệt.

Thi-lợi-cúc-đa-lửa-tà kiến rất thịnh, nhân thấy Ta nên Tà kiến liền diệt.

因見我故斷地獄因作生天緣如氣噓施陀羅。

nhân kiến ngã cố đoạn Địa-ngục nhân tác sanh Thiên duyên như khí hự chiên đà-la.

nhân thấy Ta nên đoạn trừ nhân địa ngục, tạo duyên để sanh cõi Trời như Chiên-đà-la suy yếu,

命垂終時因見我故還得壽命。如憍尸迦。

mạng thùy chung thời nhân kiến ngã cố hoàn đắc thọ mạng. như kiêu thi-ca.

lúc mạng sắp kết thúc nhân thấy Ta nên trở lại được thọ mạng như Kiêu-thi-ca,

狂心錯亂因見我故還得本心如瘦瞿曇彌。

cuồng tâm thác loạn nhân kiến ngã cố hoàn đắc bốn tâm như sáu Cồ-Đàm-di.

cuồng tâm thác loạn nhân thấy Ta nên trở lại được bản tâm như Cồ-đàm-di gầy ốm,
屠家之子常修惡業以見我故即便捨離。

đồ gia chi tử thường tu ác nghiệp dĩ kiến ngã cố tức tiện xả ly。

con nhà giết mổ thường tu nghiệp ác do thấy Ta nên liền là bỏ
如闍提比丘。因見我故寧捨身命不毀禁戒。

như xiển đề Tỳ-kheo。 nhân kiến ngã cố ninh xả thân mạng bất hủy cấm giới。

như Tỳ-kheo Xiển-đề, nhân thấy Ta nên thà bỏ thân mạng chứ không huỷ bỏ giới cấm
如草繫比丘。以是義故。阿難。

như thảo hệ Tỳ-kheo。 dĩ thị nghĩa cố。 A Nan。

Như Tỳ-kheo Thảo-hệ。 Do chính nghĩa ấy, này A-nan,

比丘說半梵行名善知識。我言不爾具足梵行乃名善知識。

Tỳ-kheo thuyết bán phạm hành danh thiện tri thức。 ngã ngôn bất nhĩ cụ túc phạm hành
nãi danh thiện tri thức。

Tỳ-kheo nói nửa phạm hạnh gọi là Thiện tri thức, Ta không nói vậy, phạm hạnh đầy đủ
mới gọi là Thiện tri thức。

是名菩薩修大涅槃具足第四親善知識。

thị danh Bồ-tát tu Đại Niết-Bàn cụ túc đệ tứ thân thiện tri thức。

Ấy gọi là Bồ-tát tu Đại-niết-bàn gần gũi Thiện tri thức đầy đủ thứ tư。

云何菩薩具足多聞。

vân hà Bồ-tát cụ túc đa văn。

Sao gọi là Bồ-tát Đa văn đầy đủ?

菩薩摩訶薩為大涅槃十二部經書寫讀誦分別解說。

Bồ-tát Ma-Ha tát vi Đại Niết-Bàn thập nhị bộ Kinh thư tả đọc tụng phân biệt giải thuyết。

Đại Bồ-tát vi Đại-niết-bàn mười hai bộ kinh biên chép đọc tụng phần biệt giải nói,

是名菩薩具足多聞。

thị danh Bồ-tát cụ túc đa văn。

ấy gọi là Bồ-tát Đa văn đầy đủ。

除十一部惟毘佛略受持讀誦書寫解說亦名菩薩具足多聞。

trừ thập nhất bộ duy tì Phật lược thọ trì đọc tụng thư tả giải thuyết diệc danh Bồ-tát cụ túc
đa văn。

Ngoài mười hai bộ kinh tuy giúp Phật lược giải thọ trì biên chép giải nói cũng gọi là Bồ-tát Đa văn đầy đủ.

除十二部經若能受持是大涅槃微妙經典。

trừ thập nhị bộ Kinh nhược năng thọ trì thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển。

Ngoài mười hai bộ kinh nếu năng thọ trì kinh điển Đại-niết-bàn vi diệu ấy, 書寫讀誦分別解說。是名菩薩具足多聞。除是經典具足全體。

thư tả độc tụng phân biệt giải thuyết。 thị danh Bồ-tát cụ túc đa văn。 trừ thị Kinh điển cụ túc toàn thể。

Biên chép đọc tụng phần biệt giải nói, gọi là Bồ-tát Đa văn đầy đủ. Ngoài kinh điển ấy đầy đủ tất cả,

若能受持一四句偈。

nhược năng thọ trì nhất tứ cú kệ。

nếu có thể thọ trì một bài kệ bốn câu,

復除是偈若能受持如來常住性無變易。是名菩薩具足多聞。

phục trừ thị kệ nhược năng thọ trì Như-Lai thường trụ tánh vô biến dịch。 thị danh Bồ-tát cụ túc đa văn。

lại ngoài câu kệ ấy nếu có thể thọ trì Như Lai thường trú tánh không biến dị, gọi là Bồ-tát Đa văn đầy đủ。

復除是事若知如來常不說法。

phục trừ thị sự nhược tri Như-Lai thường bất thuyết Pháp。

Lại ngoài việc ấy nếu biết Như Lai thường không thuyết pháp,

亦名菩薩具足多聞。何以故。法無性故。

diệc danh Bồ-tát cụ túc đa văn。 hà dĩ cố。 Pháp Vô tánh cố。

cũng gọi là Bồ-tát Đa văn đầy đủ。 Vì sao? Vì Pháp không tánh nên

如來雖說一切諸法常無所說。是名菩薩修大涅槃。

Như-Lai tuy thuyết nhất thiết chư Pháp thường vô sở thuyết。 thị danh Bồ-tát tu Đại Niết-Bàn。

Như Lai tuy nói tất cả các pháp thường không chỗ nói, ấy gọi là Bồ-tát tu Đại-niết-bàn 成就第五具足多聞。

thành tựu đệ ngũ cụ túc đa văn。

thành tựu cụ túc Đa văn thứ năm。

善男子。若有善男子善女人。

thiện nam tử. nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân.

Thiện nam tử! Nếu có người thiện nam hay thiện nữ

為大涅槃具足成就如是五事。

vi Đại Niết-Bàn cụ túc thành tựu như thị ngũ sự。

vì Đại-niết-bàn thành tựu đầy đủ năm việc này,

難作能作難忍能忍難施能施。云何菩薩難作能作。

nan tác năng tác nan nhẫn năng nhẫn nan thí năng thí. vân hà Bồ-tát nan tác năng tác。

khó làm có thể làm, khó nhẫn có thể nhẫn, khó bố thí có thể bố thí. Sao là Bồ-tát khó làm có thể làm?

若聞有人食一胡麻得阿耨多羅三藐三菩提者。

nhược văn hữu nhân thực nhất hồ ma đắc a nậu đa la tam miếu tam Bồ đề giả。

Nếu nghe có người ăn một hạt vừng đắc A-nậu-đa-la-tam-miếu-tam-bồ-đề,

信是語故乃至無量阿僧祇劫常食一麻。

tín thị ngữ cố nãi chí vô lượng a tăng kì kiếp thường thực nhất ma。

Tin lời nói đó cho đến vô lượng A-tăng-kỳ kiếp thường ăn một hạt,

若聞入火得阿耨多羅三藐三菩提者。

nhược văn nhập hỏa đắc a nậu đa la tam miếu tam Bồ đề giả。

nếu nghe nói vào lửa đắc A-nậu-đa-la-tam-miếu-tam-bồ-đề,

於無量劫在阿鼻地獄入熾火聚。是名菩薩難作能作。

ư vô lượng kiếp tại A-tỳ-địa-ngục nhập sí hỏa tụ. thị danh Bồ-tát nan tác năng tác。

liền ở vô lượng kiếp vào hố lửa lớn tại A-tỳ-địa-ngục, gọi là Bồ-tát khó làm có thể làm。

云何菩薩難忍能忍。

vân hà Bồ-tát nan nhẫn năng nhẫn。

Sao là Bồ-tát khó nhẫn có thể nhẫn?

若聞受苦手杖刀石斫打因緣得大涅槃。即於無量阿僧祇劫。

nhược văn thọ khổ thủ trượng đao thạch chước đả nhân duyên đắc Đại Niết-Bàn. tức ư

vô lượng a tăng kì kiếp。

Nếu nghe nói nhận khổ cầm đá, đao, gậy chặt, đánh là nguyên nhân đắc Đại Niết-bàn,

liền ở nơi vô lượng A-tăng-kỳ-kiếp,

身具受之不以為苦。是名菩薩難忍能忍。云何菩薩難施能施。

thân cụ thọ chi bất dĩ vi khổ. thị danh Bồ-tát nan nhẫn năng nhẫn. vân hà Bồ-tát nan thí năng thí.

thân đều nhận đủ không lấy làm khổ, gọi là Bồ-tát khó nhẫn có thể nhẫn. Sao là Bồ-tát khó thí có thể thí?

若聞能以國城妻子頭目髓腦惠施於人得

nhược văn năng dĩ quốc thành thê tử đầu mục tủy não huệ thí ư nhân đắc

Nếu nghe nói có thể dùng quốc thành, vợ con, đầu, mắt, tủy, não vui vẽ bố thí cho người thì

阿耨多羅三藐三菩提者。

a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề giả。

đắc A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề,

即於無量阿僧祇劫。以其所有國城妻子頭目髓腦惠施於人。

tức ư vô lượng a tăng kì kiếp. dĩ kỳ sở hữu quốc thành thê tử đầu mục tủy não huệ thí ư nhân。

liền ở vô lượng A-tăng-kì-kiếp, dùng vật sở hữu: Quốc thành, vợ, con, đầu, mắt, tủy, não vui vẽ bố thí cho người,

是名菩薩難施能施。菩薩雖復難作能作。

thị danh Bồ-tát nan thí năng thí. Bồ-tát tuy phục nan tác năng tác。

gọi là Bồ-tát khó thí có thể thí. Bồ-tát dẫu khó làm lại có thể làm,

終不念言是我所作。難施能施。亦復如是。

chung bất niệm ngôn thị ngã sở tác. nan thí năng thí. diệc phục như thị。

nhưng hoàn toàn không nghĩ rằng: Ấy chính do mình làm. Khó làm có thể làm, cũng lại như vậy.

善男子。譬如父母惟有一子愛之甚重。

thiện nam tử. thí như phụ mẫu duy hữu nhất tử ái chi thậm trọng。

Thiện nam tử! Thí như cha mẹ chỉ có một người con thời rất thương yêu quý mến,

以好衣裳上妙甘饈。隨時將養令無所乏。

dĩ hảo y thường thượng diệu cam thiện. tùy thời tương dưỡng lệnh vô sở phạp。

dùng xiêm áo tốt, những thứ ngon ngọt thượng hạng, tùy lúc cho ăn không thiếu thứ gì,

其子若於是父母所。生輕慢心惡口罵辱。

kỳ tử nhược ư thị phụ mẫu sở. sanh khinh mạn tâm ác khẩu mạ nhục。

nơi cha mẹ ấy nếu người con sanh tâm kinh bỉ kiêu ngạo ác khẩu chửi mắng sỉ nhục,
父母愛故不生瞋恨。亦不念言我與是兒衣服飲食。

phụ mẫu ái cố bất sanh sân hận. diệc bất niệm ngôn ngã dĩ thị nhi y phục ẩm thực。
cha mẹ vẫn yêu mến không sanh tức giận. Cũng không nghĩ rằng: Mình cho con y phục,
ẩm thực.

菩薩摩訶薩。亦復如是。視諸眾生猶如一子。

Bồ-tát Ma-Ha tát. diệc phục như thị. thị chư chúng sanh do như nhất tử。

Đại Bồ-tát cũng lại như vậy, xem tất cả chúng sanh như con đẻ,

若子遇病父母亦病。為求醫藥勤而療之。

nhược tử ngộ bệnh phụ mẫu diệc bệnh. vi cầu y dược tinh cần nhi liệu chi。

nếu con mắc bệnh cha mẹ bệnh theo, tìm cầu thầy thuốc ân cần chữa trị,

病既差已終不念我為是兒療治病苦。菩薩亦爾。

bệnh ký sai dĩ chung bất sanh niệm ngã vi thị nhi liệu trì bệnh khổ. Bồ-tát diệc nhĩ。

khi bệnh lành hẳn, hoàn toàn không nghĩ rằng: Mình vì đứa con ấy cực nhọc chữa trị. Bồ-
tát cũng vậy,

見諸眾生遇煩惱病。生愛念心而為說法。

kiến chư chúng sanh ngộ phiền não bệnh. sanh ái niệm tâm nhi vi thuyết Pháp。

thấy tất cả chúng sanh gặp bệnh phiền não, sanh tâm thương xót mà vì họ nói Pháp,

以闡法故諸煩惱斷。煩惱斷已終不念言。

dĩ văn Pháp cố chư phiền não đoạn. phiền não đoạn dĩ chung bất niệm ngôn。

do nghe pháp nên đoạn trừ tất cả phiền não, phiền não đoạn xong, hoàn toàn không nghĩ
rằng:

我為眾生斷諸煩惱。

ngã vi chúng sanh đoạn chư phiền não。

Ta làm cho chúng sanh đoạn trừ các phiền não,

若生此念終不得成阿耨多羅三藐三菩提。

nhược sanh thử niệm chung bất đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。

nếu sanh niệm ấy thì hoàn toàn không đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề,

惟作是念無一眾生我為說法令斷煩惱。

duy tác thị niệm vô nhất chúng sanh ngã vi thuyết Pháp lệnh đoạn phiền não。

chỉ nghĩ rằng: Không một chúng sanh nào do mình nói pháp khiến phiền não được đoạn trừ.

菩薩摩訶薩於諸眾生不瞋不喜。何以故。善能修習空三昧故。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư chư chúng sanh bất sân bất hỷ. hà dĩ cố. thiện năng tu tập không tam muội cố.

Đại Bồ-tát ở nơi các chúng sanh không giận dữ không vui vẻ. Vì sao? Vì luôn khéo tu tập Không tam muội.

菩薩若修空三昧者。當於誰所生瞋生喜。善男子。

Bồ-tát nhược tu không tam muội giả. đương ư thùỳ sở sanh sân sanh hỷ. thiện nam tử.

Bồ-tát nếu tu Không tam-muội thì ở nơi ai để sanh giận dữ sanh vui vẻ! Thiện nam tử!

譬如山林猛火所焚若人斫伐或為水漂。

thí như sơn lâm mãnh hỏa sở phần nhược nhân chược phạt hoặc vi thủy phiêu.

Thí như núi rừng bị lửa mạnh đốt cháy, nếu có người đốn chặt hoặc bị nước cuốn

而是林木當於誰所生瞋生喜。菩薩摩訶薩。

nhi thị lâm mộc đương ư thùỳ sở sanh sân sanh hỷ. Bồ-tát Ma-Ha tát.

nhưng nơi núi rừng ấy lấy gì để sanh giận dữ sanh vui vẻ! Đại Bồ-tát

亦復如是。於諸眾生無瞋無喜。何以故。修空三昧故。

diệc phục như thị. ư chư chúng sanh vô sân vô hỷ. hà dĩ cố. tu không tam muội cố.

cũng lại như vậy, ở nơi các chúng sanh không giận dữ không vui vẻ. Vì sao? Vì tu Không tam muội.

爾時光明遍照高貴德王菩薩摩訶薩白佛

nhĩ thời quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát Ma-Ha tát bạch Phật

Lúc bấy giờ đại Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch đức Phật rằng:
言。世尊。一切諸法性自空耶。

ngôn. Thế tôn. nhất thiết chư Pháp tánh tự không da.

Bạch Thế Tôn, tất cả các pháp tự tánh vốn không chẳng?

空空故空若性自空者。不應修空然後見空。

không không cố không nhược tánh tự không giả. bất ứng tu không nhiên hậu kiến không.

Không Không nên Không, nếu tự tánh vốn Không thì không cần tu Không sau đó thấy Không.

云何如來言以修空而見空也。若性自不空。

vân hà Như-Lai ngôn dĩ tu không nhi kiến không dã. nhược tánh tự bất không.

Sao Như Lai nói rằng do tu Không mà thấy Không? Nếu tự tánh không Không
雖復修空不能令空。善男子。一切諸法性本自空。何以故。

tuy phục tu không bất năng lệnh không. thiện nam tử. nhất thiết chư Pháp tánh bản tự
không. hà dĩ cố.

thì dẫu tu Không cũng không thể được Không. Thiện nam tử! Tất cả các pháp tự tánh vốn
Không. Vì sao?

一切法性不可得故。善男子。色性不可得。

nhất thiết Pháp tánh bất khả đắc cố. thiện nam tử. sắc tánh bất khả đắc.

Vì tất cả pháp tánh không thể đắc. Thiện nam tử! Sắc tánh không thể đắc.

云何色性。色性者。非地水火風不離地水火風。

vân hà sắc tánh. sắc tánh giả. phi địa thủy hỏa phong bất ly địa thủy hỏa phong.

Sao là sắc tánh? Sắc tánh là chẳng phải địa, thủy, hỏa, phong không rời xa địa, thủy, hỏa,
phong;

非青黃赤白不離青黃赤白。非有非無。

phi thanh hoàng xích bạch bất ly thanh hoàng xích bạch. phi hữu phi vô.

chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng không rời xa xanh, vàng, đỏ, trắng, chẳng phải Có cũng
chẳng phải Không.

云何當言色有自性。以性不可得故說為空。

vân hà đương ngôn sắc hữu tự tánh. dĩ tánh bất khả đắc cố thuyết vi không.

Sao phải nói rằng sắc có Tự tánh? Do tánh không thể đắc nên nói là Không.

一切諸法。亦復如是。以相似相續故。

nhất thiết chư Pháp. diệc phục như thị. dĩ tương tự tương tục cố.

Tất cả các pháp cũng như vậy, do tương tự tương tục nên

凡夫見已說言諸法性不空寂。菩薩摩訶薩具足五事。

phàm phu kiến dĩ thuyết ngôn chư Pháp tánh bất không tịch. Bồ-tát Ma-Ha tát cụ túc ngũ
sự.

phàm phu thấy rồi nói rằng các pháp tánh không Không tịch. Đại Bồ-tát thấy đầy đủ năm
việc.

是故見法性本空寂。善男子。

thị cố kiến Pháp tánh bốn không tịch. thiện nam tử.
cho nên thấy được pháp tánh vốn Không tịch. Thiện nam tử!
若有沙門及婆羅門。見一切法性不空者。當知。
nhược hữu Sa Môn cập Bà-la-môn. kiến nhất thiết Pháp tánh bất không giả. đương tri.
Nếu có Sa-môn cùng Bà-la-môn, thấy tất cả pháp tánh không Không thì nên biết
是人非是沙門非婆羅門。不得修習般若婆羅蜜。
thị nhân phi thị Sa Môn phi Bà-la-môn. bất đắc tu tập bát nhã ba-la-mật.
người ấy chẳng phải Sa-môn chẳng phải Bà-la-môn, không được tu tập Bát-nhã-ba-la-
mật,
不得入於大般涅槃。不得現見諸佛菩薩。是魔眷屬。
bất đắc nhập ư Đại Bát-niết-bàn. bất đắc hiện kiến chư Phật Bồ-tát. thị ma quyến
thuộc.
không được vào Đại-bát-niết-bàn, hiện tại không được thấy chư Phật Bồ-tát, chính là bà
con của Ma.
善男子。一切諸法性本自空。
thiện nam tử. nhất thiết chư Pháp tánh bốn tự không.
Thiện nam tử! Tất cả các pháp tự tánh vốn Không,
亦因菩薩修習空故見諸法空。善男子。
diệc nhân Bồ-tát tu tập không cố kiến chư Pháp không. thiện nam tử.
cũng do Bồ-tát tu tập Không nên thấy được các pháp Không. Thiện nam tử!
如一切法性無常故滅能滅之。若非無常滅不能滅。
như nhất thiết Pháp tánh vô thường cố diệt năng diệt chi. nhược phi vô thường diệt bất
năng diệt.
Nếu tất cả pháp tánh vô thường nên diệt có thể diệt, nếu chẳng phải vô thường diệt không
thể diệt.
有為之法有生相故生能生之。有滅相故滅能滅之。
hữu vi chi Pháp hữu sanh tướng cố sanh năng sanh chi. hữu diệt tướng cố diệt năng diệt
chi.
Pháp hữu vi có tướng sanh nên sanh có thể sanh, có tướng diệt nên diệt có thể diệt.
一切諸法有苦相故苦能令苦。善男子。
nhất thiết chư Pháp hữu khổ tướng cố khổ năng lệnh khổ. thiện nam tử.

Tất cả các pháp có tướng khổ nên khổ luôn làm cho khổ. Thiện nam tử!
 如鹽性鹹能鹹異物。石蜜性甘能甘異物。
 như diêm tánh hàm năng hàm dị vật. thạch mật tánh cam năng cam dị vật.
 như tánh của muối mặn có thể làm mặn vật khác. Tánh của Thạch mật ngọt có thể làm
 ngọt vật khác.
 苦酒性酢能酢異物。薑本性辛能辛異物。
 khổ tửu tánh tạc năng tạc dị vật. khương bản tánh tân năng tân dị vật.
 Tánh của rượu say có thể say vật khác. Tánh của cây gừng cay có thể làm cay vật khác
 訶梨勒苦能苦異物。菴羅果酸能酸異物。
 ha lê lặc khổ năng khổ dị vật. am la quả đạm năng đạm dị vật.
 quả ha-lê-lặc đắng có thể làm đắng vật khác. Quả am-la nhạt có thể làm nhạt vật khác.
 毒性能害令異物害。甘露之性令人不死。若合異物亦能不死。
 độc tánh năng hại lệnh dị vật hại. cam lộ chi tánh lệnh nhân bất tử. nhược hợp dị vật
 diệc năng bất tử.
 Tánh của độc là hại năng làm hại vật khác. Tánh nước cam lồ làm cho người không chết,
 nếu hợp vật khác cũng luôn không chết.
 菩薩修空。亦復如是。
 Bồ-tát tu không. diệc phục như thị.
 Bồ-tát tu không cũng lại như vậy,
 以修空故見一切法性皆空寂。
 dĩ tu không cố kiến nhất thiết Pháp tánh giai không tịch.
 do tu Không nên thấy tất cả pháp tánh đều Không tịch.
 光明遍照高貴德王菩薩復作是言。世尊。
 quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát phục tác thị ngôn. Thế tôn.
 Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương lại thưa rằng: Bạch Thế Tôn,
 若鹽能令非鹹作鹹。修空三昧若如是者。當知。
 nhược diêm năng lệnh phi hàm tác hàm. tu không tam muội nhược như thị giả. đương
 tri.
 nếu muối có thể làm cho vật không mặn trở thành mặn, tu Không tam-muội nếu như vậy
 thì phải biết
 是定非善非妙其性顛倒。

thị định phi thiện phi diệu kỳ tánh điên đảo。

đó nhất định chẳng phải thiện chẳng phải vi diệu tánh ấy điên đảo。

若空三昧惟見空者定是無法為何所見。

nhược không tam muội duy kiến không giả định thị vô Pháp vi hà sở kiến。

Nếu Không tam muội chỉ thấy được Không đó nhất định không có pháp, thì lấy gì để thấy?

善男子。

thiện nam tử。

Thiện nam tử!

是空三昧見不空法能令空寂然非顛倒。如鹽非鹹作鹹。是空三昧亦復如是。

thị không tam muội kiến bất không Pháp năng lệnh không tịch nhiên phi điên đảo。 như
điêm phi hàm tác hàm。 thị không tam muội diệt phục như thị。

Không tam muội ấy thấy pháp không Không có thể khiến cho Không tịch nhưng chẳng
điên đảo。 Như muối làm mặn các vật chẳng phải mặn。 Không tam muội cũng lại như vậy,
不空作空。善男子。貪是有性非是空性。

bất không tác không。 thiện nam tử。 tham thị hữu tánh phi thị không tánh。

không Không làm cho Không。 Thiện nam tử! Tham là tánh có chẳng phải tánh Không,
貪若是空眾生不應以是因緣墮於地獄。

tham nhược thị không chúng sanh bất ứng dĩ thị nhân duyên đọa ư Địa-ngục。

tham nếu là Không chúng sanh không phải do nhân duyên đó mà đọa ở địa ngục,

若墮地獄云何貪性當是空耶。善男子。色性是有。

nhược đọa Địa-ngục vân hà tham tánh đương thị không da。 thiện nam tử。 sắc tánh thị
hữu。

nếu đọa địa ngục thì làm sao tánh tham là Không chứ。 Thiện nam tử! Tánh sắc là Có。

何等色性所謂顛倒。以顛倒故眾生貪。

hà đẳng sắc tánh sở vị điên đảo。 dĩ điên đảo cố chúng sanh sanh tham。

Những gì là tánh sắc? Đó là điên đảo, do điên đảo nên chúng sanh sanh tham,

若是色性非顛倒者。云何能令眾生貪。以生貪故。

nhược thị sắc tánh phi điên đảo giả。 vân hà năng lệnh chúng sanh sanh tham。 dĩ sanh
tham cố。

nếu tánh sắc chẳng phải điên đảo thì làm sao khiến cho chúng sanh sanh tham。 Do sanh
tham,

當知。色性非不是有。以是義故。

đương tri. sắc tánh phi bất thị hữu. dĩ thị nghĩa cố.

nên phải biết tánh sắc chẳng phải Không mà chính là có. Do nghĩa đó

修空三昧非顛倒也。善男子。

tu không tam muội phi điên đảo dã. thiện nam tử.

nên tu tập Không tam muội chẳng phải điên đảo. Thiện nam tử!

一切凡夫若見女人即生女相。菩薩不爾。雖見女人不生女相。

nhất thiết phàm phu nhược kiến nữ nhân tức sanh nữ tướng. Bồ-tát bất nhĩ. tuy kiến nữ nhân bất sanh nữ tướng.

hết thầy phàm phu nếu thấy người nữ liền sanh tánh nữ. Bồ-tát không như vậy, dầu thấy người nữ không sanh tướng nữ,

以不生相貪則不生。貪不生故非顛倒也。

dĩ ất sanh tướng tham tắc bất sanh. tham bất sanh cố phi điên đảo dã.

do không sanh tướng nữ tức tham không sanh, tham không sanh nên chẳng phải điên đảo vậy.

以世間人見有女相故。菩薩隨說言有女人。

dĩ thế gian nhân kiến hữu nữ tướng cố. Bồ-tát tùy thuyết ngôn hữu nữ nhân.

Do người đời thấy có tướng nữ nên Bồ-tát tùy theo đó nói rằng có người nữ,

若見男時說言是女則是顛倒。是故我為闍提說言。

nhược kiến nam thời thuyết ngôn thị nữ tắc thị điên đảo. thị cố ngã vi xà đề thuyết ngôn.

nếu thấy người nam thì nói rằng nữ tức chính là điên đảo. Vì vậy Ta vì Xà-đề nói rằng:

汝婆羅門若以晝為夜是即顛倒。

nhữ Bà-la-môn nhược dĩ trú vi dạ thị tức điên đảo.

Này Bà-la-môn nếu lấy ngày làm đêm tức chính là điên đảo,

以夜為晝是亦顛倒。晝為晝相夜為夜相云何顛倒。善男子。

dĩ dạ vi trú thị diệc điên đảo. trú vi trú tướng dạ vi dạ tướng vân hà điên đảo. thiện nam tử.

lấy đêm làm ngày cũng chính là điên đảo. Tướng ngày là ngày, tướng đêm là đêm thì làm sao điên đảo. Thiện nam tử!

一切菩薩住九地者見法有性。

nhất thiết Bồ-tát trụ cửu địa giả kiến Pháp hữu tánh.

Hết thấy Bồ-tát trụ nơi chín địa thấy pháp có tánh,

以是見故不見佛性。若見佛性則不復見一切法性。

dĩ thị kiến cố bất kiến Phật tánh. nhược kiến Phật tánh tắc bất phục kiến nhất thiết Pháp tánh.

Do thấy vậy nên không thấy Phật tánh, nếu thấy Phật tánh tức không trở lại thấy tất cả pháp tánh.

以修如是空三昧故不見法性。

dĩ tu như thị không tam muội cố bất kiến Pháp tánh.

Do tu tập Không tam muội như vậy nên không thấy pháp tánh,

以不見故則見佛性。諸佛菩薩有二種說。一者有性。二者無性。

dĩ bất kiến cố tắc kiến Phật tánh. chư Phật Bồ-tát hữu nhị chủng thuyết. nhất giả hữu tánh. nhị giả Vô tánh.

do không thấy tức thấy Phật tánh. Chư Phật Bồ-tát nói có loại: Một là Có Tánh; hai là Không tánh.

為眾生故說有法性。為諸賢聖說無法性。

vi chúng sanh cố thuyết hữu Pháp tánh. vi chư hiền Thánh thuyết vô Pháp tánh.

Vì chúng sanh nên nói có Pháp tánh. Vì các Hiền Thánh nói không pháp tánh.

為不空者見法空故修空三昧令得見空。

vi ất không giả kiến Pháp không cố tu không tam muội lệnh đắc kiến không.

Vì không Không nên thấy pháp Không nên tu tập Không tam muội khiến được thấy Không.

無法性者亦修空故空。

vô Pháp tánh giả diệc tu không cố không 。

Không pháp tánh cũng tu Không nên Không,

以是義故修空見空善男子。汝言見空空是無法為何所見者。

dĩ thị nghĩa cố tu không kiến không thiện nam tử. nử ngôn kiến không không thị vô Pháp vi hà sở kiến giả.

do nghĩa ấy nên tu Không thấy Không. Thiện nam tử! Ông nói thấy Không Không chính là không pháp thì làm sao có chỗ thấy.

善男子。如是如是。菩薩摩訶薩實無所見。

thiện nam tử. như thị như thị. Bồ-tát Ma-Ha tát thật vô sở kiến.

Thiện nam tử! Như thế đó như thế đó! Đại Bồ-tát thật sự không có chỗ thấy.

無所見者即無所有。無所有者即一切法。

vô sở kiến giả tức vô sở hữu. vô sở hữu giả tức nhất thiết Pháp.

Không chỗ thấy tức không chỗ Có, không chỗ Có tức tất cả pháp.

菩薩摩訶薩修大涅槃。於一切法悉無所見。

Bồ-tát Ma-Ha tát tu Đại Niết-Bàn. ư nhất thiết Pháp tất vô sở kiến.

Đại Bồ-tát tu Đại-niết-bàn, ở nơi tất cả pháp tức không chỗ thấy,

若有見者不見佛性。不能修習般若波羅蜜。

nhược hữu kiến giả bất kiến Phật tánh. bất năng tu tập bát nhã ba la mật.

nếu có thấy tức không thấy Phật tánh, không thể tu tập Bát-nhã-ba-la-mật,

不得入於大般涅槃。

bất đắc nhập ư Đại Bát-niết-bàn.

không được vào nơi Đại-bát-niết-bàn.

是故菩薩見一切法性無所有。善男子。菩薩不但因見三昧而見空也。

thị cố Bồ-tát kiến nhất thiết Pháp tánh vô sở hữu. thiện nam tử. Bồ-tát bất dẫn nhân kiến tam muội nhi kiến không đã.

Vì vậy Bồ-tát thấy tất cả pháp, Tánh không chỗ Có. Thiện nam tử! Bồ-tát không những thấy Tam muội mà còn thấy Không.

般若波羅蜜亦空。禪波羅蜜亦空。

bát nhã ba la mật diệc không. Thiền ba la mật diệc không.

Bát-nhã-ba-la-mật cũng Không, Thiền-ba-la-mật cũng Không,

毘梨耶波羅蜜亦空。羼提波羅蜜亦空。尸波羅蜜亦空。

Tì-lê-Da ba la mật diệc không. Sạn-Đề ba la mật diệc không. thi ba la mật diệc không.

Tỳ-lê-da-ba-la-mật cũng Không, Sạn-đề-ba-la-mật cũng Không, Thi-ba-la-mật cũng Không,

檀波羅蜜亦空。色亦空眼亦空識亦空。

đàn ba la mật diệc không. sắc diệc không nhãn diệc không thức diệc không.

Đàn-ba-la-mật cũng Không, sắc cũng Không, nhãn cũng Không, thức cũng Không,

如來亦空大般涅槃亦空。

Như-Lai diệc không Đại Bát-niết-bàn diệc không.

Như Lai cũng Không, Đại-bát-Niết-bàn cũng Không.

是故菩薩見一切法皆悉是空。是故我在迦毘羅城告阿難言。

thị cố Bồ-tát kiến nhất thiết Pháp giai tất thị không. thị cố ngã tại ca tì la thành cáo A Nan ngôn.

Vì vậy Bồ-tát thấy tất cả pháp hết thảy đều Không. Cho nên tại thành Ca-tỳ-la Ta nói với A-nan rằng:

汝莫愁惱悲泣啼哭。阿難即言。如來世尊。

nhữ mạc sầu não bi khắp đề khốc. A Nan tức ngôn. như lai thế tôn.

Người chớ có buồn rầu khóc lóc. A-nan liền thưa: Bạch Như Lai Thế Tôn,

我今眷屬悉皆死喪。云何當得不愁啼耶。

ngã kim quyến chúc tất giai tử tang. vân hà đương đắc bất sầu đề da.

Nay người thân con đều đã mất, làm sao mà không khóc được.

如來與我俱生此城。俱同釋種親戚眷屬。

Như-Lai dữ ngã câu sanh thử thành. câu đồng thích chủng thân thích quyến thuộc.

Như Lai và con đều sanh ra ở thành này, đều cùng dòng họ Thích, bà con thân thuộc với nhau,

云何如來獨不愁惱光顏更顯。善男子。我復告言。

vân hà Như-Lai độc bất sầu não quang nhan canh hiển. thiện nam tử. ngã phục cáo ngôn.

sao chỉ một mình Như Lai không buồn rầu vả lại sắc mặt hiện nét sáng rực. Thiện nam tử!

Ta lại nói rằng:

阿難汝見迦毘羅真實而有。我見空寂悉無所有。

A Nan nhữ kiến ca tì chân thật nhi hữu. ngã kiến không tịch tất vô sở hữu.

A-nan người thấy thành Ca-tỳ thật sự là Có, Ta thấy Không tịch tất cả đều không chỗ có.

汝見釋種悉是親戚。我修空故悉無所見。

nhữ kiến thích chủng tất thị thân thích. ngã tu không cố tất vô sở kiến.

Người thấy dòng họ Thích tất cả là bà con thân thuộc, Ta tu Không nên tất cả không chỗ thấy.

以是因緣汝生愁苦。我身容顏益更光顯。

dĩ thị nhân duyên nhữ sanh sầu khổ. ngã thân dung nhan ích canh quang hiển.

Do nhân duyên đó nên người sanh buồn khổ, thân Ta sắc mặt lại càng hiện nét sáng rực.

諸佛菩薩修習如是空三昧故不生愁惱。

chư Phật Bồ-tát tu tập như thị không tam muội cố bất sanh sầu não。
Chư Phật Bồ-tát tu tập như vậy Không tam-muội nên không sanh buồn rầu,
是名菩薩修大涅槃微妙經典。
thị danh Bồ-tát tu Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển。
gọi là Bồ-tát tu Kinh điển Đại-niết-bàn vi diệu,
成就具足第九功德善男子。云何菩薩修大涅槃微妙經典。
thành tựu cụ túc đệ cửu công đức thiện nam tử。 vân hà Bồ-tát tu Đại Niết-Bàn vi diệu
Kinh điển。
thành tựu đầy đủ công đức thứ chín. Thiện nam tử! Sao là Bồ Tát tu kinh điển Đại-Niết-
bàn vi diệu,
具足最後第十功德。善男子。菩薩修習三十七品。
cụ túc tối hậu đệ thập công đức。 thiện nam tử。 Bồ-tát tu tập tam thập thất phẩm。
đầy đủ công đức tối hậu thứ mười. Thiện nam tử! Bồ-tát tu tập ba mươi bảy phẩm,
入大涅槃常樂我淨。
nhập Đại Niết-Bàn thường lạc ngã tịnh。
vào Đại Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh。
為諸眾生分別解說大涅槃經顯示佛性。
vi chư chúng sanh phân biệt giải thuyết Đại Niết-bàn Kinh hiển thị Phật tánh。
Vì các chúng sanh phân biệt giải nói kinh Đại-niết-bàn chỉ bày Phật tánh,
若須陀洹斯陀含阿那含阿羅漢辟支佛菩薩。
nhược Tu đà hoàn Tư đà hàm A na hàm A La Hán Bích-chi-phật Bồ-tát。
nếu Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-La-Hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát
信是語者悉得入於大般涅槃。若不信者輪迴生死。
tín thị ngữ giả tất đắc nhập ư Đại Bát-niết-bàn。 nhược bất tín giả Luân-hồi sanh tử。
tin lời nói ấy thời tất cả được vào nơi Đại-niết-bàn, nếu không tin thời luân hồi trong sanh
tử。
爾時光明遍照高貴德王菩薩白佛言。世尊。
nhi thời quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế tôn。
Lúc bấy giờ Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật rằng: Bạch
Thế Tôn,
何等眾生於是經中不生恭敬。善男子。

hà đẳng chúng sanh ư thị Kinh trung bất sanh cung kính. thiện nam tử.

những chúng sanh nào ở trong kinh này không sanh cung kính? Thiện nam tử!

我涅槃後有聲聞弟子。

ngã Niết-Bàn hậu hữu Thanh-văn đệ-tử.

Sau khi Ta Niết-bàn có đệ tử Thanh-văn,

愚癡破戒喜生鬪諍捨十二部經。讀誦種種外道典籍文頌手筆。

ngu si phá giới hỷ sanh đấu tránh xả thập nhị bộ Kinh. đọc tụng chủng chủng ngoại đạo
điển tịch văn tụng thủ bút.

ngu si phá giới thích sanh đấu tranh bỏ Mười Hai Bộ Kinh, đọc tụng các loại sách vở của
Ngoại đạo văn vẽ ca tụng viết lách,

受畜一切不淨之物言是佛聽。

thọ súc nhất thiết bất tịnh chi vật ngôn thị Phật thính.

nhận lấy tất cả các vật bất tịnh nói là Phật cho phép.

如是之人以好栴檀貿易凡木。以金易鍬石。銀易白臘。

như thị chi nhân dĩ hảo chiên đàn mậu dịch phạm mộc. dĩ kim dịch thâm thạch. ngân dịch bạch Lạp.

người như vậy dùng chiên đàn tốt đổi lấy gỗ thường, dùng vàng đổi lấy thâm thạch (một
loại đồng tự nhiên tinh chất giống như vàng), dùng bạc đổi lấy bạch Lạp (một thứ chì pha
lẫn với thiếc),

絹易麩褐。以甘露味易於毒藥。

quyên dịch lâu hạt. dĩ cam lộ vị dịch ư ác độc.

dùng lụa đổi lấy vải thô, dùng vị cam lồ đổi lấy thuốc độc.

云何栴檀貿易凡木。如我弟子為供養故。向諸白衣演說經法。

vân hà chiên đàn mậu dịch phạm mộc. như ngã đệ-tử vi cung dưỡng cố. hướng chư
bạch y diễn thuyết Kinh Pháp.

Sao là chiên đàn đổi lấy gỗ thường? Giống như đệ tử của Ta vì sự cúng dường nên hướng
đến các bạch y để diễn nói kinh pháp.

白衣情逸不喜聽聞。白衣處高比丘在下。

bạch y tình dật bất hỷ thính văn. bạch y xử cao bỉ khâu tại hạ.

bạch y thực sự buông bỏ không thích lắng nghe, bạch y ở chỗ cao, Tỳ-kheo ở chỗ thấp,
兼以種種餽饌飲食而供給之。猶不肯聽。

kiêm dĩ chủng chủng hào thiện ẩm thực nhi cung cấp chi. do bất khảng thính.
kiêm dùng các loại thịt ngon ngọt ăn uống để cung cấp, do không chịu lắng nghe,
是名栴檀貿易凡木。云何以金貿易鍤石。

thị danh chiên đàn mậu dịch phàm mộc. vân hà dĩ kim mậu dịch thâm thạch.
gọi là chiên đàn đổi lấy gỗ thường. Sao là dùng vàng đổi lấy thâm thạch?
鍤石喻色聲香味觸。金喻於戒。

thâm thạch dụ sắc thanh hương vị xúc. kim dụ ư giới.

Thâm thạch dụ cho sắc, thanh, hương, vị, xúc, vàng dụ cho giới.

我諸弟子以色因緣破所受戒。是名以金貿易鍤石。

ngã chư đệ-tử dĩ sắc nhân duyên phá sở thọ giới. thị danh dĩ kim mậu dịch thâm thạch.
Các đệ tử của Ta dùng sắc làm nhân duyên để phá giới đã thọ, gọi là dùng vàng đổi lấy
thâm thạch.

云何以銀易於白臘。銀喻十善臘喻十惡。

vân hà dĩ ngân dịch ư bạch Lạp. ngân dụ Thập thiện Lạp dụ thập ác.

Sao là dùng bạc đổi lấy bạch Lạp? Bạc dụ cho mười điều thiện, Lạp dụ cho mười điều ác.
我諸弟子放捨十善行十惡法。是名以銀貿易白臘。

ngã chư đệ-tử phóng xả Thập thiện hành thập ác Pháp. thị danh dĩ ngân mậu dịch bạch
Lạp.

Các đệ tử của Ta buông bỏ mười điều thiện thực hành mười điều ác, gọi là dùng bạc đổi
lấy bạch Lạp.

云何以絹貿易氈褐。氈褐喻於無慚無愧。絹喻慚愧。

vân hà dĩ quyên mậu dịch lâu hạt. lâu hạt dụ ư vô tâm vô quý. quyên dụ tâm quý.

Sao là dùng lụa đổi lấy vải thô? Vải thô dụ cho không xấu không hổ, lụa dụ cho xấu hổ.
我諸弟子放捨慚愧習無慚愧。

ngã chư đệ-tử phóng xả tâm quý tập vô tâm quý.

Các đệ tử của Ta buông bỏ sự hổ thẹn, tập sự không hổ thẹn,

是名以絹貿易氈褐。云何甘露貿易毒藥。

thị danh dĩ quyên mậu dịch lâu hạt. vân hà cam lộ mậu dịch độc dược.

gọi là dùng lụa đổi lấy vải thô. Sao là dùng cam lồ đổi lấy thuốc độc?

毒藥喻於種種利養。甘露喻於諸無漏法。

độc dược dụ ư chủng chủng lợi dưỡng. cam lộ dụ ư chư vô lậu Pháp.

Thuốc độc dụ cho các loại lợi dưỡng, cam lồ dụ cho các pháp Vô lậu.

我諸弟子為利養故。向諸白衣若自讚譽言得無漏。

ngã chư đệ-tử vì lợi dưỡng cố. hướng chư bạch y nhược tự tán dụ ngôn đắc vô lậu.

Các đệ tử của Ta vì lợi dưỡng nên hướng đến các bạch y như tự khen ngợi rằng mình đắc Vô lậu,

是名甘露貿易毒藥。

thị danh cam lộ mậu dịch độc dược.

gọi là dùng cam lồ đổi lấy thuốc độc.

以如是等惡比丘故是大涅槃微妙經典廣行

dĩ như thị đẳng ác Tỳ-kheo cố thị Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển quảng hành

Do tất cả các Tỳ-kheo xấu xa ấy nên lưu bố rộng rãi kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này tại Diêm-phù-đề.

流布於閻浮提。當是時也有諸弟子。

lưu bố ư Diêm-phù-đề. đương thị thời dã hữu chư đệ-tử.

Ngay lúc ấy có các đệ tử,

受持讀誦書寫是經廣說流布。

thọ trì độc tụng thư tả thị Kinh quảng thuyết lưu bố.

thọ trì, đọc tụng biên chép rộng nói lưu bố kinh này,

當為如是諸惡比丘之所殺害。時惡比丘共相聚集立嚴峻制。

đương vị như thị chư ác Tỳ-kheo chi sở sát hại. thời ác Tỳ-kheo cộng tương tụ tập lập nghiêm tuấn chế.

nên vì các Tỳ-kheo xấu đã tạo sự giết hại này mà cùng các Tỳ-kheo xấu tập hợp lại để lập nên những điều thâm nghiêm cao cả.

若有受持大涅槃經。書寫讀誦分別說者。一切。

nhược hữu thọ trì Đại Niết-bàn Kinh. thư tả độc tụng phân biệt thuyết giả. nhất thiết.

Nếu có người thọ trì kinh Đại-niết-bàn, biên chép, đọc tụng phần biệt giải nói, tất cả người ấy

不得共住共坐談論語言。

bất đắc cộng trụ cộng tọa đàm luận ngữ ngôn.

thì không được cùng ở cùng ngồi bàn bạc nói chuyện.

何以故涅槃經者非佛所說邪見所造。邪見之人即是六師。

hà dĩ cố Niết-bàn Kinh giả phi Phật sở thuyết tà kiến sở tạo. tà kiến chi nhân tức thị lục sư.

Vì sao kinh Đại-niết-bàn chẳng phải do Phật nói mà tà kiến cho Phật tạo ra. Người tà kiến tức là Lục sư.

六師經典非佛經典。所以者何。

lục sư Kinh điển phi Phật kinh điển. sở dĩ giả hà.

Kinh điển của Lục sư chẳng phải là kinh điển của Phật. Tại sao như vậy?

一切諸佛悉說諸法無常無我無樂無淨。

nhất thiết chư Phật tất thuyết chư Pháp vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh.

Vì hết thầy chư Phật đều nói các pháp không thường, không ngã, không lạc, không tịnh.

若言諸法常樂我淨。

nhược ngôn chư Pháp thường lạc ngã tịnh.

Nếu nói các pháp là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh

云何當是佛所說經諸佛菩薩聽諸比丘畜種種物。六師所說不聽弟子畜一切物。

vân hà đương thị Phật sở thuyết Kinh chư Phật Bồ-tát thính chư Tỳ-kheo súc chủng chủng vật. lục sư sở thuyết bất thính đệ-tử súc nhất thiết vật.

thì sao gọi là kinh do chính Phật nói. Chư Phật Bồ-tát cho các Tỳ-kheo nhận tất cả vật, chỗ Lục sư nói không cho các đệ tử nhận tất cả vật.

如是之義。云何當是佛之所說。

như thị chi nghĩa. vân hà đương thị Phật chi sở thuyết.

nghĩa như vậy làm sao bảo rằng là do chính Phật nói.

諸佛菩薩不制弟子斷牛五味及以食肉。

chư Phật Bồ-tát bất chế đệ-tử đoạn ngưu ngũ vị cập dĩ thực nhục.

Chư Phật Bồ-tát không chế cho đệ tử từ bỏ năm vị sữa và cho ăn thịt.

六師不聽食五種鹽五種牛味及以脂血。若斷是者。

lục sư bất thính thực ngũ chủng diêm ngũ chủng ngưu vị cập dĩ chi huyết. nhược đoạn thị giả.

Lục sư không cho ăn năm loại muối, năm vị sữa và dùng mỡ huyết, nếu từ bỏ thì

云何當是佛之正典。諸佛菩薩說於三乘。

vân hà đương thị Phật chi chánh điển. chư Phật Bồ-tát thuyết ư tam thừa.

làm sao gọi là chánh Kinh do Phật nói. Chư Phật Bồ-tát nói Ba thừa,

而是經中純說一乘。謂大涅槃。

nhi thị Kinh trung thuần thuyết nhất thừa. vị Đại Niết-Bàn.

mà trong kinh ấy thuần nói một thừa đó là Đại-niết-bàn,

如此之言云何當是佛之正典。諸佛畢竟入於涅槃。

như thử chi ngôn vân hà đương thị Phật chi chánh điển. chư Phật tất cánh nhập ư Niết-Bàn.

nói như vậy làm sao gọi là kinh điển do chính Phật nói. Chư Phật rốt ráo vào nơi Niết-bàn.

是經言佛常樂我淨不入涅槃。是經不在十二部數。

thị Kinh ngôn Phật thường lạc ngã tịnh bất nhập Niết-Bàn. thị Kinh bất tại thập nhị bộ số.

Kinh ấy nói Phật thường, lạc, ngã, tịnh không vào Niết-bàn. Kinh ấy không nằm trong số Mười Hai Bộ,

即是魔說非是佛說。善男子。如是之人雖我弟子。

tức thị ma thuyết phi thị Phật thuyết. thiện nam tử. như thị chi nhân tuy ngã đệ-tử.

tức là do ma nói chẳng phải do Phật nói. Thiện nam tử! Người như vậy tuy là đệ tử của Ta,

不能信順是涅槃經。善男子。

bất năng tín thuận thị Niết-bàn Kinh. thiện nam tử.

không thể tin theo kinh Niết-bàn ấy. Thiện nam tử!

當爾之時若有眾生信此經典乃至半句。當知。是人真我弟子。

đương nhĩ chi thời nhược hữu chúng sanh tín thử Kinh điển nãi chí bán cú. đương tri. thị nhân chân ngã đệ-tử.

Ngay lúc ấy nếu có chúng sanh tin kinh điển này dù cho nửa câu, nên biết người ấy chính là đệ tử của Ta.

因如是信即見佛性入於涅槃。

nhân như thị tín tức kiến Phật tánh nhập ư Niết-Bàn.

Do tin như vậy tức thấy được Phật tánh vào ở Niết-bàn.

爾時光明遍照高貴德王菩薩白佛言。世尊。

nhĩ thời quang-minh biến chiếu cao quý đức Vương Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế tôn.

Lúc bấy giờ Bồ-tát Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn,

善哉善哉。如來今日善能開示大涅槃經。

Thiện tai Thiện tai. Như-Lai kim nhật thiện năng khai kì Đại Niết-bàn Kinh.

Hay thay, Hay thay! Hôm nay Như Lai khéo léo khai mở Kinh Đại-niết-bàn.

世尊。我因是事即得悟解大涅槃經一句半句。

Thế tôn. ngã nhân thị sự tức đắc ngộ giải Đại Niết-bàn Kinh nhất cú bán cú.

Thưa Thế Tôn, con nhân việc này liền được ngộ rõ kinh Đại-niết-bàn một câu nửa câu.

以解一句至半句故見少佛性。

đã giải nhất cú chí bán cú cố kiến thiếu Phật tánh.

Do rõ một câu thậm chí nửa câu nên thấy được chút ít Phật tánh.

如佛所說我亦當得入大涅槃。

như Phật sở thuyết ngã diệc đương đắc nhập Đại Niết-Bàn。

Như chỗ Phật nói con cũng sẽ được vào Đại-niết-bàn.

是名菩薩修大涅槃微妙經典。具足成就第十功德。

thị danh Bồ-tát tu Đại Niết-Bàn vi diệu Kinh điển。cụ túc thành tựu đệ thập công đức。

Gọi là Bồ-tát tu kinh điển Đại-niết-bàn vi diệu, thành tựu đầy đủ công đức thứ mười.

大般涅槃經卷第二十六

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập lục

Kinh Đại Bát-niết-bàn

Quyển Thứ Hai Mười Sáu.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION ht tp://www.daitangvietnam.com

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:11:39 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION http://www.daitangvietnam.com

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:11:39 2006

Thích Nữ Huệ Dung hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát-niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát-niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát-niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát-niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====
=====
=====
=====
=====
=====

大般涅槃經卷第二十七

Đại bát-niết-bàn Kinh quyển đệ thập thất

Kinh Đại Bát-niết-bàn

Quyển Thứ Hai Mười Bảy.

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Đời Bắc Lương, Tam Tạng Đàm Vô Sấm người nước Thiên Trúc dịch.

師子吼菩薩品第十一之一

Sư-tử hống Bồ Tát phẩm đệ thập nhất chi nhất

Phần Một, Phẩm Thứ Mười Một: Bồ-tát Sư Tử Hống.

爾時佛告一切大眾。諸善男子。汝等。

Nhĩ thì Phật cáo nhất thiết Đại chúng 。 chư thiện nam tử 。 nữ ử đẵng 。

Lúc bấy giờ Phật bảo tất cả đại chúng: Chư thiện nam tử! Các ông

若疑有佛無佛有法無法有僧無僧。

Nhược nghi hữu Phật vô Phật hữu Pháp vô Pháp hữu Tăng vô tăng 。

nếu nghi có Phật hay không Phật, có Pháp hay không Pháp, có Tăng hay không Tăng,

有苦無苦有集無集有滅無滅有道無道。

Hữu khổ vô khổ hữu tập vô tập hữu diệt vô diệt hữu đạo vô đạo 。

có khổ hay không khổ, có tập hay không tập, có diệt hay không diệt, có đạo hay không

đạo,

有實無實有我無我有樂無樂有淨無淨有常無常。

hữu thật vô thật hữu ngã vô ngã hữu lạc vô lạc hữu tịnh vô tịnh hữu thường vô thường 。

có thật hay không thật, có ngã hay không ngã, có lạc hay không lạc, có tịnh hay không

tịnh, có thường hay không thường,

有乘無乘有性無性。有眾生無眾生。

hữu thừa vô thừa hữu tánh Vô tánh 。

có thừa hay không thừa, có tánh hay không tánh, có chúng sanh hay không chúng sanh,

有有無有有真無真。有因無因有果無果。

hữu hữu vô hữu hữu chân vô chân 。

hữu nhân vô nhân hữu quả vô quả 。

có hữu hay không hữu, có thật hay không thật, có nhân hay không nhân, có quả hay

không quả,

有作無作有業無業有報無報者。

hữu tác vô tác hữu nghiệp vô nghiệp hữu báo vô báo giả 。

có tác hay không tác, có nghiệp hay không nghiệp, có báo hay không báo ấy.

今恣汝所問吾當為汝分別解說。善男子。

Kim tứ nữ sở vấn ngô đương vi nữ phân biệt giải thuyết 。

Nay các ông tự ý hỏi, ta sẽ vì các ông phân biệt giải nói. Thiện nam tử!

我實不見若天若人若魔若梵若沙門若婆羅門。有來問我不能答者。

ngã thật bất kiến nhược Thiên nhược nhân nhược ma nhược phạm nhược Sa-môn nhược

Bà-la-môn 。

Ta thật không thấy hoặc Trời hoặc người hoặc Ma hoặc Phạm hoặc Sa-môn hoặc Bà-la-môn, có đến hỏi ta mà ta chẳng đáp lời họ.

爾時會中有一菩薩名師子吼。

Nhĩ thì hội trung hữu nhất Bồ Tát danh Sư-tử hống 。

Lúc bấy giờ trong hội có một Bồ-tát tên là Sư Tử Hống,

即從座起斂容整服前禮佛足。長跪叉手白佛言。世尊。

tức từng tọa khởi liễm dung chĩnh phục tiền lễ Phật túc 。

trường quy xoa thủ bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

liền từ chỗ ngồi đứng dậy nghiêm nét mặt lại sửa y áo lễ trước chân Phật, quỳ thẳng chấp tay bạch đức Phật rằng: Thưa đức Thế Tôn!

我適欲問。如來大慈復垂聽許。

Ngã thích dục vấn 。

Như Lai Đại từ phục thùy thính hứa 。

Con vừa muốn hỏi Như Lai đại từ thương xót nghe cho.

爾時佛告諸大眾言。諸善男子。

nhĩ thì Phật cáo chư Đại chúng ngôn 。

chư thiện nam tử 。

Lúc bấy giờ đức Phật bảo các Đại chúng rằng: Các thiện nam tử!

汝等今當於是菩薩深生恭敬尊重讚歎。

Nhữ đẳng kim đương ư thị Bồ Tát thâm sanh cung kính tôn trọng tán thán 。

Các ông nay sẽ ở nơi Bồ-tát sanh cung kính sâu sắc tôn trọng khen ngợi,

應以種種香花伎樂瓔珞幡蓋衣服飲食臥具醫藥房舍殿

ứng dĩ chủng chủng hương hoa kĩ nhạc anh lạc phiến cái y phục ẩm thực ngọa cụ y dược phòng xá điện

nên dùng các thứ hương hoa kĩ nhạc chuỗi ngọc phan lọng y phục thức ăn uống mừng mền thuốc men nhà cửa cung điện,

堂。而供養之迎來送去。所以者何。

đường 。

nhi cúng dường chi nghênh lai tổng khứ 。

sở dĩ giả hà 。

ngành đến mà cúng dường ông này rồi tiễn đưa đi, sở dĩ vì sao?

是人已於過去諸佛深種善根福德成就。

Thị nhân dĩ ư quá khứ chư Phật thâm chủng thiện căn phúc đức thành tựu 。

Người đó đã ở trong chư Phật quá khứ trồng thiện căn sâu dày thành tựu phước đức,

是故今於我前欲師子吼。

thị cố kim ư ngã tiền dục Sư-tử hống 。

vì vậy nay ở trước ta muốn hỏi là Sư Tử Hống.

善男子。如師子王自知身力。

Thiện nam tử 。

Như Sư tử Vương tự tri thân lực 。

Thiện nam tử! Như Sư tử vương tự biết sức mình,

牙爪鋒芒四足踞地安住巖穴振尾出聲 。

nha vuốt phong mang tứ túc cứ địa an trú nham huyệt chấn vĩ xuất thanh 。

nanh móng mũi nhọn bốn chân đạp đất yên ổn ở trong hang đá rung đuôi phát ra tiếng,

若有能具如是諸相。當知。是則能師子吼。

nhược hữu năng cụ như thị chư tướng 。

đương tri 。

thị tác năng Sư-tử hống 。

hoặc có thể đầy đủ các tướng như thế, nên biết chính thì có thể Sư Tử Hống.

真師子王晨朝出穴頻申欠喏。四向願望發聲震吼為十一事。

chân Sư-tử Vương Thần triều xuất huyệt tần thân khiếm khu 。

tứ hướng cố vọng phát thanh chấn hống vi thập nhất sự 。

thật Vua Sư tử sáng sớm ra khỏi hang luôn luôn hơi dướn người há miệng ngáp, nhìn

quanh bốn hướng phát ra tiếng chấn rống làm mười một việc.

何等十一。一為欲壞實非師子詐作師子故。

Hà đẳng thập nhất 。

nhất vi dục hoại thật phi Sư-tử trá tác Sư-tử cố 。

Những gì là mười một: Một là muốn hoại kẻ thật chẳng phải Sư tử giả làm Sư tử vậy.

二為欲試自身力故。三為欲令住處淨故。

Nhì vi dục thí tự thân lực cố 。

tam vi dục lệnh trụ xử tịnh cố 。

Hai là muốn thử sức tự thân mình. Ba là muốn khiến chỗ ở thanh tịnh vậy.

四為諸子知處所故。五為群輩無怖心故。

Tứ vi chư tử tri xử sở cố 。

ngũ vi quần bối vô phố tâm cố 。

Bốn là các con biết nơi chỗ vậy. Năm làm bọn chúng không có tâm sợ hãi vậy.

六為眠者得覺寤故。

lục vi miên giả đắc giác ngộ cố 。

Sáu làm người ngủ được tỉnh thức vậy.

七為一切放逸諸獸不放逸故。八為諸獸來依附故。九為欲調大香象故。

Thất vi nhất thiết phóng dật chư thú bất phóng dật cố 。

bát vi chư thú lai y phụ cố 。

cửu vi dục điều Đại hương tượng cố 。

Bảy là làm tất cả cầm thú buông lung không buông lung vậy. Tám là các cầm thú đến nương nhờ. Chín vì muốn điều phục Đại hương tượng.

十為教告諸子息故。

Thập vì giáo cáo chư tử tức cố 。

Mười vì dạy bảo các con dứt vậy.

十一為欲莊嚴自眷屬故。一切禽獸聞師子吼。水性之屬潛沒深淵。

Thập nhất vì dục trang nghiêm tự quyến chúc cố 。

nhất thiết cầm thú văn Sư-tử hống 。

thủy tánh chi chúc tiềm một thâm uyên 。

Mười một vì muốn trang nghiêm bà con mình, tất cả cầm thú nghe Sư Tử Hống, loài thuộc thủy tánh ẩn nấp vực sâu.

陸行之類藏伏窟穴。

Lục hành chi loại tạng phục quật huyệt 。

Các loại ở đồng bằng trốn nấp trong hang huyệt.

飛者墮落諸大香象怖走失糞。諸善男子。

Phi giả đọa lạc chư Đại hương tượng phổ tẩu thất phần 。

Chư thiện nam tử 。

Người bay rơi xuống các Đại hương tượng sợ chạy rơi phân. Các thiện nam tử!

如彼野干雖逐師子至于百年。終不能作師子吼也。

Như bỉ dã can tuy trục Sư-tử chí vu bách niên chung bất năng tác Sư-tử hống dã。

Như dã can kia tuy đuổi theo Sư tử đến trăm năm, trọn không thể làm Sư Tử Hống vậy.

若師子子始滿三年。則能哮吼如師子王。

Nhược Sư-tử tử thủy mãn tam niên 。

tắc năng hao hống như Sư-tử Vương 。

Hoặc con sư tử ban đầu đủ ba năm, thì hay thở khò khè hống như Vua sư tử.

善男子。如來正覺智慧牙爪四如意足。

Thiện nam tử 。

Như Lai chánh giác trí tuệ nha trảo tứ như ý túc 。

Thiện nam tử! Như Lai trí huệ chánh giác sắc bén Tứ như ý túc.

六波羅蜜滿足之身。十力雄猛大悲為尾。

Lục ba la mật mãn túc chi thân 。

thập lực hùng mãnh Đại bi vi vĩ 。

Sáu Ba la mật đầy đủ khắp thân, Thập lực hùng mạnh đại bi làm đuôi.

安住四禪清淨窟宅。為諸眾生而師子吼摧破魔軍。

An trú tứ Thiền thanh tịnh quật trạch 。

vi chư chúng sanh nhi Sư-tử hống tồi phá ma quân

。

An trú Tứ thiên trong nhà thanh tịnh, vì các chúng sanh mà Sư Tử Hống bẻ gãy ma quân.
示眾十力開佛行處。為諸邪見作歸依所。

kì chúng thập lực khai Phật hành xứ 。 vì chư tà kiến tác quy y sở 。

Chỉ bày cho chúng Thập lực khai Phật hành xứ, vì các tà kiến làm chỗ quy y,
安撫生死怖畏之眾。覺寤無明睡眠眾生。

an phủ sanh tử bố úy chi chúng 。 giác ngộ vô minh thụy miên chúng sanh 。

an ủi vỗ về cho chúng sợ hãi sanh tử, tỉnh thức chúng sanh đang vô minh ngủ nghỉ.

行惡法者為作悔心。

Hành ác Pháp giả vì tác hối tâm 。

khiến người làm pháp ác có tâm hối hận,

開示邪見一切眾生令知六師非師子吼故。破富蘭那等憍慢心故。

Khai kì tà kiến nhất thiết chúng sanh linh tri lục sư phi Sư-tử hống cố 。

phá phú lan na
đẳng kiêu mạn tâm cố 。

Mở bày tà kiến tất cả chúng sanh khiến biết lục sư chẳng phải Sư Tử Hống vậy. Phá tâm
kiêu mạn Phú-lan-na v.v..vậy,

為令二乘生悔心故。

vì linh nhị thừa sanh hối tâm cố 。

vì khiến hàng Nhị thừa sanh tâm hối hận.

為教五住諸菩薩等生大力心故。

vì giáo ngũ trụ chư Bồ Tát đẳng sanh Đại lực tâm cố 。

Vì dạy Năm trú các Bồ-tát v.v.. sanh tâm lực lớn.

為令正見四部之眾於彼邪見四部徒眾不生怖畏故。

vì linh chánh kiến tứ bộ chi chúng ư bỉ tà kiến tứ bộ đồ chúng bất sanh bố úy cố 。

Vì khiến chánh kiến cho chúng bốn bộ, những kẻ tà kiến trong đồ chúng bốn bộ không
sanh sợ hãi vậy.

從聖行梵行天行窟宅頻申而出。為欲令彼諸眾生等破憍慢故欠喏。

Tòng Thánh hành phạm hành Thiên hành quật trạch tần thân nhi xuất 。

vị dục lệnh bỉ
chư chúng sanh đẳng phá kiêu mạn cố khiếm khứ。

Từ Thánh hạnh Phạm hạnh Thiên hạnh hang nhà luôn luôn nơi thân xuất ra, vì muốn
khiến các chúng sanh kia phá kiêu mạn mà há miệng ngáp.

為令諸眾生等生善法故四向顧望。

vị linh chư chúng sanh đấng sanh thiện Pháp cố tứ hướng cố vọng 。
Vị khiến các chúng sanh v.v..sanh thiện pháp nên nhìn xem bốn hướng.

為令眾生得四無礙故四足踞地。

vị linh chúng sanh đấng vô ngại cố tứ túc cứ địa 。

Vị khiến chúng sanh được bốn vô ngại nên bốn chân đạp đất.

為令眾生具足安住尸波羅蜜故。故師子吼。

vị linh chúng sanh cụ túc an trú thi ba la mật cố 。

Vị khiến chúng sanh an trú đầy đủ Thi ba la mật, nên Sư Tử Hống.

師子吼者名決定說。一切眾生悉有佛性。如來常住無有變易。

Sư-tử hống giả danh quyết định thuyết 。

Sư Tử Hống ấy tên gọi quyết định, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Như Lai thường trú không có biến đổi.

善男子。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử!

聲聞緣覺雖復隨逐如來世尊無量百千阿僧祇劫。而亦不能作師子吼。

Thanh văn Duyên giác tuy phục tùy trục như lai thế tôn vô lượng bách thiên a tăng kì kiếp 。

Thanh văn Duyên giác tuy lại tùy theo Như Lai Thế Tôn vô lượng trăm ngàn A-tăng-kỳ kiếp, mà cũng chẳng hay làm Sư Tử Hống.

十住菩薩若能修行是三行處。當知。是則能師子吼。

thập trụ Bồ Tát nhược năng tu hành thị tam hành xứ。 đương tri 。

Thập trụ Bồ-tát nếu hay tu hành tam hành xứ ấy, nên biết chính lúc này có thể Sư Tử Hống.

諸善男子。是師子吼菩薩摩訶薩。

Chư thiện nam tử 。

Các thiện nam tử! Chính Sư Tử Hống Bồ-tát ma ha tát.

今欲如是大師子吼。

kim dục như thị Đại Sư-tử hống 。

Nay muốn được như Đại Sư Tử Hống như thế.

是故汝等應當深心供養恭敬尊重讚歎。

thị cố nhữ đẳng ứng đương thâm tâm cúng dường cung kính tôn trọng tán thán 。

Vì vậy các ông nên phải thâm tâm cúng dường cung kính tôn trọng ca ngợi.

爾時世尊告師子吼菩薩摩訶薩言。善男子。

Nhĩ thì Thế tôn cáo Sư-tử hống Bồ Tát Ma-Ha tát ngôn 。

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Sư Tử Hống Bồ-tát ma ha tát rằng: Thiện nam tử!

汝若欲問今可隨意。

Nhữ nhược dục vấn kim khả tùy ý 。

Ông nếu muốn hỏi nay có thể tùy ý,

師子吼菩薩摩訶薩白佛言。世尊。云何為佛性。以何義故。

Sư-tử hống Bồ Tát Ma-Ha tát bạch Phật ngôn 。

Sư Tử Hống Bồ-tát ma ha tát bạch đức Phật rằng: Thừa đức Thế Tôn! Thế nào là Phật tánh, do nghĩa gì mà

名為佛性。何故復名常樂我淨。

danh vi Phật tánh 。

gọi là Phật tánh? Vì sao lại gọi Thường Lạc Ngã Tịnh?

若一切眾生有佛性者。何故不見一切眾生所有佛性。

Nhược nhất thiết chúng sanh hữu Phật tánh giả 。

Hoặc tất cả chúng sanh có Phật tánh ấy, tại sao không thấy tất cả chúng sanh chỗ có Phật tánh?

十住菩薩住何等法不了了見。佛住何等法而了了見。

Thập trụ Bồ Tát trụ hà đẳng Pháp bất liễu liễu kiến 。

Thập trú Bồ-tát trú vào pháp gì không hiểu biết rõ? Phật trú những pháp gì mà hiểu thấy rõ?

十住菩薩以何等眼不了了見。

Thập trụ Bồ Tát dĩ hà đẳng nhãn bất liễu liễu kiến 。

Thập trú Bồ-tát dùng mắt gì không hiểu thấy rõ?

佛以何眼而了了見。

Phật dĩ hà nhãn nhi liễu liễu kiến 。

Phật dùng mắt gì mà hiểu thấy rõ?

佛言。善男子。善哉善哉。若有人能為法諮啟。

Phật ngôn 。

Thiện nam tử 。

Thiện tai Thiện tai 。

nhược hữu nhân năng vi Pháp ti khái 。

Phật dạy thiện nam tử! Hay thay, Hay thay! Nếu có người hay vì pháp bàn bạc thưa thỉnh, 則為具足二種莊嚴。一者智慧。二者福德。

tắc vi cụ túc nhị chủng trang nghiêm 。

nhất giả trí tuệ 。

nhị giả phúc đức 。

thì làm đầy đủ hai thứ trang nghiêm. Một là trí huệ. Hai là phước đức.

若有菩薩具足如是二莊嚴者則知佛性。

Nhược hữu Bồ Tát cụ túc như thị nhị trang nghiêm giả tắc tri Phật tánh 。

Nếu có Bồ-tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như thế thì biết Phật tánh,

亦復解知名為佛性。

diệc phục giải tri danh vi Phật tánh 。

cũng lại hiểu biết gọi là Phật tánh.

乃至能知十住菩薩以何眼見諸佛世尊以何眼見。

Nãi chí năng tri thập trụ Bồ Tát dĩ hà nhãn kiến chư Phật Thế tôn dĩ hà nhãn kiến 。

Cho đến hay biết Thập trú Bồ-tát dùng mắt gì thấy chư Phật Thế Tôn dùng nhãn kiến gì?

師子吼菩薩言。世尊。云何名為智慧莊嚴。

Sư-tử hống Bồ Tát ngôn 。

Thế tôn 。

vân hà danh vi trí tuệ trang nghiêm 。

Sư Tử Hống Bồ-tát thưa rằng bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là trí huệ trang nghiêm?

云何名為福德莊嚴。善男子。慧莊嚴者。

Vân hà danh vi phúc đức trang nghiêm 。

thiện nam tử 。

tuệ trang nghiêm giả 。

Thế nào gọi là phước đức trang nghiêm? Thiện nam tử! Huệ trang nghiêm ấy:

謂從一地乃至十地。是名慧莊嚴。福德莊嚴者。

Vị tòng nhất địa nãi chí thập địa 。

thị danh tuệ trang nghiêm 。

phúc đức trang nghiêm giả

。

Nghĩa là từ Nhứt địa cho đến Thập địa, là gọi huệ trang nghiêm. Phước đức trang nghiêm ấy:

謂檀波羅蜜乃至般若非般若波羅蜜。

Vị đàn ba la mật nãi chí bát nhã phi bát nhã ba la mật 。

Nghĩa là Đản-ba-la-mật cho đến Bát-nhã hoặc chẳng phải Bát-nhã-ba-la-mật.

復次善男子。慧莊嚴者。所謂諸佛菩薩。福德莊嚴者。

Phục thứ thiện nam tử 。 tuệ trang nghiêm giả 。 sở vị chư Phật Bồ Tát 。 phúc đức trang nghiêm giả 。

Lại nữa thiện nam tử! Huệ trang nghiêm ấy, có chỗ cho rằng chư Phật Bồ-tát. Phước đức trang nghiêm ấy:

謂聲聞緣覺九住菩薩。

Vị thanh văn Duyên giác Cửu trụ Bồ Tát 。

Nghĩa là các hàng Thanh văn, Duyên giác, Cửu trụ Bồ-tát.

復次善男子。福德莊嚴者。

Phục thứ thiện nam tử 。 phúc đức trang nghiêm giả 。

Lại nữa thiện nam tử! Phước đức trang nghiêm ấy:

有為有漏有有有果報有礙非常是凡夫法。

Hữu vi hữu lậu hữu hữu hữu quả báo hữu ngại phi thường thị phạm phu Pháp 。

Hữu vi hữu lậu hữu hữu hữu quả báo hữu ngại phi thường là pháp phạm phu.

慧莊嚴者無為無漏。無無無果報無礙常住。善男子。

Tuệ trang nghiêm giả vô vi vô lậu 。

Huệ trang nghiêm ấy Vô vi Vô lậu, không không không quả báo vô ngại thường trú. Thiện nam tử!

汝今具足是二莊嚴。是故能問甚深妙義。

Nhữ kim cụ túc thị nhị trang nghiêm 。

Ông nay đầy đủ hai thứ trang nghiêm đó, vì vậy hay hỏi diệu nghĩa sâu sắc.

我亦具足是二莊嚴能答是義。

Ngã diệc cụ túc thị nhị trang nghiêm năng đáp thị nghĩa 。

Ta cũng đầy đủ hai thứ trang nghiêm ấy có thể đáp nghĩa đó.

師子吼菩薩摩訶薩言。世尊。

Sư-tử hống Bồ Tát Ma-Ha tát ngôn 。

Sư Tử Hống Bồ-tát ma ha tát thưa rằng bạch đức Thế Tôn!

若有菩薩具足如是二莊嚴者。則不應問一種二種。

Nhược hữu Bồ Tát cụ túc như thị nhị trang nghiêm giả 。 tắc bất ứng vấn nhất chủng nhị chủng 。

Hoặc có Bồ-tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như thế, thì không nên hỏi một thứ hai thứ.
云何世尊。說言能答一種二種。所以者何。

Vân hà Thế tôn 。 thuyết ngôn năng đáp nhất chủng nhị chủng 。

Làm sao Thế Tôn nói rằng có thể đáp một thứ hai thứ, sở dĩ vì sao?

一切諸法無一二種。一種二種者是凡夫相。

Nhất thiết chư Pháp vô nhất nhị chủng 。

Tất cả các pháp chẳng phải một hai thứ, một hai thứ ấy là tướng phàm phu.

佛言。善男子。若有菩薩無二種莊嚴。

Phật ngôn 。 Thiện nam tử 。 nhược hữu Bồ Tát vô nhị chủng trang nghiêm 。

Phật dạy: Thiện nam tử! Hoặc có Bồ-tát không hai thứ trang nghiêm,

則不能知一種二種。若有菩薩具二莊嚴。

tắc bất năng tri nhất chủng nhị chủng 。

thì chẳng hay biết một thứ hai thứ, hoặc có Bồ-tát đầy đủ hai trang nghiêm.

則能解知一種二種。若言諸法無一二者。是義不然。

tắc năng giải tri nhất chủng nhị chủng 。

thì hay hiểu biết một thứ hai thứ, hoặc nói các pháp không một không hai ấy, là nghĩa không như thế,

何以故。

hà dĩ cố 。

vì sao vậy?

若無一二云何得說一切諸法無一無二。善男子。若言一二是凡夫相。

Nhược vô nhất nhị vân hà đắc thuyết nhất thiết chư Pháp vô nhất vô nhị 。

thiện nam tử 。

nhược ngôn nhất nhị thị phàm phu tướng 。

nếu không một tướng hai tướng làm thế nào được nói tất cả các pháp không một không hai? Thiện nam tử! Hoặc nói một hai là tướng phàm phu.

是乃名為十住菩薩。非凡夫也。何以故。一者名為涅槃。

Thị nãi danh vi thập trụ Bồ Tát 。

phi phàm phu dã 。

hà dĩ cố 。

nhất giả danh vi Niết-bàn 。

Chính mới gọi là Thập trú Bồ-tát, chẳng phải phàm phu vậy, vì sao? Một gọi là Niết-bàn.
二者名為生死。何故一者名為涅槃。以其常故。

Nhị giả danh vi sanh tử 。 hà cố nhất giả danh vi Niết-bàn 。 dĩ kỳ thường cố 。

Hai gọi là sanh tử. Vì sao một ấy gọi là Niết-bàn? Vì kia thường vậy.

何故二者名為生死。愛無明故。常涅槃者。

Hà cố nhị giả danh vi sanh tử 。 ái vô minh cố 。 thường Niết-bàn giả 。

Vì sao hai ấy gọi là sanh tử? Ái vô minh vậy. Thường Niết-bàn ấy,

非凡夫相生死。二者亦非凡夫相。以是義故。

phi phàm phu tướng sanh tử 。 nhị giả diệc phi phàm phu tướng 。 dĩ thị nghĩa cố 。

chẳng phải phàm phu tướng sanh tử. Hai cũng chẳng tướng phàm phu, do nghĩa đó vậy.

具二莊嚴者能問能答。

cụ nhị trang nghiêm giả năng vấn năng đáp 。

đủ hai thứ trang nghiêm ấy mới hỏi mới đáp.

善男子。汝問云何為佛性者。諦聽諦聽。

Thiện nam tử 。 nữ vấn vân hà vi Phật tánh giả 。 đế thính đế thính 。

Thiện nam tử! Người hỏi thế nào là Phật tánh ấy? Nghe kỹ nghe kỹ,

吾當為汝分別解說。善男子。佛性者名第一義空。

Ngô đương vi nữ phân biệt giải thuyết 。

Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói. Thiện nam tử! Phật tánh ấy gọi là Đệ nhất nghĩa không.
第一義空名為智慧。

Đệ nhất nghĩa không danh vi trí tuệ 。

Đệ nhất nghĩa không gọi là trí huệ.

所言空者不見空與不空。智者見空及與不空。

Sở ngôn không giả bất kiến không dữ bất không 。

Chỉ nói không ấy chẳng thấy không cùng bất không, trí ấy thấy không và cùng bất không.

常與無常苦之與樂我與無我。空者一切生死。不空者謂大涅槃。

Thường dữ vô thường khổ chi dữ lạc ngã dữ vô ngã 。

Thường cùng vô thường khổ cùng với lạc ngã cùng vô ngã. Không ấy tất cả sanh tử. Bất không ấy gọi Đại niết-bàn.

乃至無我者即是生死。我者謂大涅槃。

Nãi chí vô ngã giả tức thị sanh tử 。 ngã giả vị Đại Niết-bàn 。

Cho đến vô ngã ấy tức là sanh tử, ngã ấy gọi Đại niết-bàn.

見一切空不見不空不名中道。乃至見一切無我。

Kiến nhất thiết không bất kiến bất không bất danh trung đạo 。 nãi chí kiến nhất thiết vô ngã 。

Thấy tất cả không chẳng thấy bất không không gọi Trung đạo, cho đến thấy tất cả Vô ngã,

不見我者不名中道。中道者名為佛性。

bất kiến ngã giả bất danh trung đạo 。 Trung đạo giả danh vi Phật tánh 。

chẳng thấy ngã ấy không gọi Trung đạo. Trung đạo ấy gọi là Phật tánh.

以是義故。佛性常恒無有變易。

Dĩ thị nghĩa cố 。 Phật tánh thường hằng vô hữu biến dịch 。

Do nghĩa đó vậy, Phật tánh thường hằng không có biến đổi,

無明覆故令諸眾生不能得見。聲聞緣覺見一切空不見不空。

vô minh phúc cố linh chư chúng sanh bất năng đắc kiến 。 Thanh văn Duyên giác kiến nhất thiết không bất kiến bất không 。

vô minh che lấp khiến các chúng sanh không thể thấy được. Thanh văn, Duyên giác thấy tất cả không chẳng thấy bất không,

乃至見一切無我不見於我。以是義故。

nãi chí kiến nhất thiết vô ngã bất kiến ư ngã 。 dĩ thị nghĩa cố 。

cho đến thấy tất cả vô ngã chẳng thấy ở ngã. Do nghĩa đó vậy

不得第一義空。不得第一義空故不行中道。

Bất đắc đệ nhất nghĩa không 。 bất đắc đệ nhất nghĩa không cố bất hành Trung đạo 。

chẳng được đệ nhất nghĩa không, không được đệ nhất nghĩa không nên chẳng hành Trung đạo,

無中道故不見佛性。善男子。

vô trung đạo cố bất kiến Phật tánh 。

Thiện nam tử 。

không Trung đạo nên chẳng thấy Phật tánh. Thiện nam tử!

不見中道者凡有三種。一者定樂行。二者定苦行。三者苦樂行。

Bất kiến trung đạo giả phạm hữu tam chủng 。 nhất giả định lạc hành 。 nhị giả định khổ hành 。 tam giả khổ lạc hành 。

Người không thấy Trung đạo, có ba thứ: Một là Định lạc hạnh, hai là Định khổ hạnh, ba là Khổ lạc hạnh.

定樂行者。

Định lạc hành giả 。

Định lạc hạnh ấy:

所謂菩薩摩訶薩憐愍一切諸眾生故。雖復處在阿鼻地獄如三禪樂。

sở vị Bồ Tát Ma-Ha tát liên mãn nhất thiết chư chúng sanh cố 。 tuy phục xứ tại A-tì Địa-ngục như tam Thiên lạc 。

Nghĩa là Đại Bồ-tát thương xót tất cả các chúng sanh vậy, dù ở lại A-tỳ-địa ngục vẫn vui như ở cõi Tam thiên.

定苦行者。謂諸凡夫。苦樂行者。謂聲聞緣覺。

Định khổ hành giả 。 vị chư phạm phu。 khổ lạc hành giả。 vị Thanh văn Duyên giác 。

Định khổ hạnh tức là hàng phạm phu. Khổ lạc hành là thuộc hàng Thanh văn Duyên giác.

聲聞緣覺行於苦樂作中道想。以是義故。

Thanh văn Duyên giác hành ư khổ lạc tác trung đạo tưởng 。 dĩ thị nghĩa cố 。

Thanh văn Duyên giác hành ở khổ lạc tác tưởng Trung đạo, do nghĩa đó vậy

雖有佛性而不能見。如汝所問以何義故。

Tuy hữu Phật tánh nhi bất năng kiến 。 như nhữ sở vấn dĩ hà nghĩa cố 。

tuy có Phật tánh mà không hay thấy, như chỗ ông hỏi, do có nghĩa đó nên

名佛性者。善男子。佛性者。

Danh Phật tánh giả 。

Thiện nam tử 。

Phật tánh giả 。

gọi Phật tánh vậy. Thiện nam tử! Phật tánh
即是一切諸佛阿耨多羅三藐三菩提中道種子。復次善男子。

Tức thị nhất thiết chư Phật A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề Trung đạo chủng tử 。

Phục thứ thiện nam tử 。

tức là tất cả chủng tử Trung đạo chư Phật A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề. Lại nữa, thiện nam tử!

道有三種。謂下上中。下者梵天無常謬見是常。

Đạo hữu tam chủng 。 vị hạ thượng trung 。 hạ giả Phạm Thiên vô thường mậu kiến thị thường 。

Đạo có ba thứ, gọi là hạ thượng trung. Hạ là Phạm Thiên lầm thấy Vô thường mà cho là Thường.

上者生死無常謬見是常。三寶是常橫計無常。

Thượng giả sanh tử vô thường mậu kiến thị thường 。

Thượng ấy sanh tử vô thường lầm thấy là thường. Tam bảo là thường ngang chấp vô thường.

何故名上。能得最上阿耨多羅三藐三菩提故。

Hà cố danh thượng 。

Vì sao gọi thượng? Hay được tối thượng A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề vậy.

中者名第一義空。無常見無常常見於常。

Trung giả danh đệ nhất nghĩa không, vô thường kiến vô thường thường kiến ư thường 。

Trung ấy gọi Đệ nhất nghĩa Không, vô thường thấy vô thường thường thấy rõ thường.

第一義空不名為下。何以故。

Đệ nhất nghĩa không bất danh vi hạ 。

Đệ nhất nghĩa Không không gọi là hạ, vì sao vậy?

一切凡夫所不得故。不名為上。何以故。即是下故。

Nhất thiết phàm phu sở bất đắc cố 。

Vì tất cả phàm phu không được vậy, không gọi là thượng, vì sao vậy? tức là hạ vậy.

諸佛菩薩所修之道不上不下。以是義故。名為中道。

Chư Phật Bồ Tát sở tu chi đạo bất thượng bất hạ 。

Đạo sở tu của chư Phật Bồ-tát chẳng thượng chẳng hạ, do nghĩa đó vậy gọi là Trung đạo.

復次善男子。生死本際凡有二種。一者無明。

Phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử! Sanh tử bốn tế gồm có hai thứ: một là vô minh,

二者有愛。是二中間則有生老病死之苦。

nhị giả hữu ái 。

hai là hữu ái, chẳng giữa hai thứ đó thì có khổ của sanh già bệnh chết.

是中道。如是中道能破生死故名中。

Thị danh trung đạo 。 như thị Trung đạo năng phá sanh tử cố danh vi trung 。
Chính gọi là Trung đạo, Trung đạo như thế năng phá sanh tử nên gọi là Trung.

以是義故。中道之法名為佛性。

Dĩ thị nghĩa cố 。 Trung đạo chi Pháp danh vi Phật tánh 。

Do nghĩa đó vậy, pháp của Trung đạo gọi là Phật tánh.

是故佛性常樂我淨。以諸眾生不能見故。無常無樂無我無淨。

Thị cố Phật tánh thường lạc ngã tịnh 。

dĩ chư chúng sanh bất năng kiến cố 。

vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh 。

Vậy nên Phật tánh Thường Lạc Ngã Tịnh, do các chúng sanh không thể thấy nên bảo là Vô thường Vô lạc Vô ngã Vô tịnh.

佛性實非無常無樂無我無淨。善男子。

Phật tánh thật phi vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh 。

Thiện nam tử 。

Phật tánh thật chẳng Vô thường Vô lạc Vô ngã Vô tịnh. Thiện nam tử!

譬如貧人家有寶藏是人不見。

Thí như bần nhân gia hữu bảo tạng thị nhân bất kiến 。

Thí như người nghèo nhà có kho báu người đó không thấy,

以不見故無常無樂無我無淨。有善知識而語之言。

dĩ bất kiến cố vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh 。

hữu thiện tri thức nhi ngữ chi ngôn 。

vì không thấy nên Vô thường Vô lạc Vô ngã Vô tịnh. Có người thiện tri thức nói lời rằng:

汝舍宅中有金寶藏。

Nhữ xá trạch trung hữu kim bảo tạng 。

Trong nhà cửa ông có kho vàng báu,

何故如是貧窮困苦無常無樂無我無淨。

Hà cố như thị bần cùng khốn khổ vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh 。

Vì sao nghèo cùng khốn khổ Vô thường Vô lạc Vô ngã Vô tịnh như thế?

即以方便令彼得見以得見故是人即得常樂我淨。佛性亦爾。眾生不見。

Tức dĩ phương tiện linh bỉ đắc kiến dĩ đắc kiến cố thị nhân tức đắc thường lạc ngã tịnh 。

Phật tánh diệc nhĩ 。

chúng sanh bất kiến 。

Liên dùng phương tiện khiến kia được thấy nhờ được thấy nên người đó liền được Thường Lạc Ngã Tịnh.

以不見故無常無樂無我無淨。有善知識諸佛菩薩。

Dĩ bất kiến cố vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh 。 hữu thiện tri thức chư Phật Bồ Tát 。
Do không thấy nên Vô thường Vô lạc Vô ngã Vô tịnh, có thiện tri thức chư Phật Bồ-tát,
以方便力種種教告令彼得見。

dĩ phương tiện lực chủng chủng giáo cáo linh bỉ đặc kiến 。
dùng sức phương tiện các thứ dạy bảo khiến kia được thấy,
以得見故眾生即得常樂我淨。

dĩ đặc kiến cố chúng sanh tức đặc Thường Lạc Ngã Tịnh 。
nhờ được thấy nên chúng sanh liền được Thường Lạc Ngã Tịnh.
復次善男子。眾生起見凡有二種。一者常見。

Phục thứ thiện nam tử 。 chúng sanh khởi kiến phàm hữu nhị chủng 。 nhất giả thường kiến 。

Lại nữa, thiện nam tử! Chúng sanh khởi thấy phàm có hai thứ: Một là Thường kiến
二者斷見。如是二見不名中道。

Nhị giả đoạn kiến 。 như thị nhị kiến bất danh trung đạo 。

Hai là Đoạn kiến. Nhị kiến như thế chẳng gọi Trung đạo.

無常無斷乃名中道。無常無斷即是觀照十二因緣智。

Vô thường vô đoạn nãi danh trung đạo 。 vô thường vô đoạn tức thị quán chiếu thập nhị nhân duyên trí 。

Không thường không đoạn mới gọi là Trung đạo, Vô thường Vô đoạn tức là quán chiếu trí mười hai nhân duyên.

如是觀智是名佛性。二乘之人雖觀因緣。

Như thị quán trí thị danh Phật tánh 。 Nhị thừa chi nhân tuy quán nhân duyên 。

Quán trí như thế chính gọi Phật tánh. Người của Nhị thừa tuy quán nhân duyên,
猶亦不得名為佛性。

do diệc bất đặc danh vi Phật tánh 。

cũng còn chẳng được gọi là Phật tánh.

佛性雖常以諸眾生無明覆故不能得見。

Phật tánh tuy thường dĩ chư chúng sanh vô minh phú cố bất năng đặc kiến 。

Phật tánh tuy thường do các chúng sanh bị vô minh che lấp nên chẳng được thấy.

又未能渡十二因緣河猶如兔馬。何以故。不見佛性故。善男子。

hựu vị năng độ thập nhị nhân duyên hà do như thổ mã 。 hà dĩ cố 。 bất kiến Phật tánh cố
。 thiện nam tử 。

lại chưa thể vượt qua sông mười hai Nhân duyên giống như thổ ngựa, vì sao vậy? Không
thấy Phật tánh vậy. Thiện nam tử!

是觀十二因緣智慧。即是阿耨多羅三藐三菩提種子。

Thị quán thập nhị nhân duyên trí tuệ 。 tức thị A nậu đa la tam miểu tam Bồ đề chủng tử
。

Chính quán mười hai Nhân duyên trí huệ, tức là chủng tử A-nậu-đa-la tam-miêu-tam-bồ-
đề.

以是義故。十二因緣名為佛性。善男子。

Dĩ thị nghĩa cố 。 thập nhị nhân duyên danh vi Phật tánh 。 thiện nam tử 。

Do nghĩa đó vậy, mười hai Nhân duyên gọi là Phật tánh. Thiện nam tử!

譬如胡瓜名為熱病。何以故。能為熱病作因緣故。

Thí như hồ qua danh vi nhiệt bệnh 。 hà dĩ cố 。 năng vi nhiệt bệnh tác nhân duyên cố 。

Thí như dưa leo gọi là bệnh nhiệt, vì sao vậy? Hay vì bệnh nóng làm nhân duyên vậy.

十二因緣亦復如是。善男子。佛性者。

Thập nhị nhân duyên diệc phục như thị 。 Thiện nam tử 。 Phật tánh giả 。

Mười hai Nhân duyên cũng lại như vậy. Thiện nam tử! Phật tánh ấy:

有因有因有果有果。有因者即十二因緣。

hữu nhân hữu nhân nhân hữu quả hữu quả quả 。 hữu nhân giả tức thập nhị nhân duyên
。

có nhân có nhân nhân có quả có quả quả, có nhân ấy tức là mười hai Nhân duyên.

因因者即是智慧。

nhân nhân giả tức thị trí tuệ 。

nhân nhân ấy tức là trí huệ.

有果者即是阿耨多羅三藐三菩提。果果者即是無上大般涅槃。善男子。

hữu quả giả tức thị A nậu đa la tam miểu tam Bồ đề 。 quả quả giả tức thị vô thượng Đại
bát-niết-bàn 。 thiện nam tử 。

có quả ấy tức là A-nậu-đa-la tam-miêu-tam-bồ-đề. Quả quả ấy tức là vô thượng Đại bát-
niết-bàn. Thiện nam tử!

譬如無明為因諸行為果行因識果。以是義故。

Thí như vô minh vi nhân chư hành vi quả hành nhân thức quả 。 dĩ thị nghĩa cố 。
Thí như vô minh vì nhân các hành làm quả hành nhân thức quả, do nghĩa đó vậy.
彼無明體亦因亦因因。識亦果亦果。

Bỉ vô minh thể diệc nhân diệc nhân nhân 。 thức diệc quả diệc quả 。
Thể của vô minh kia cũng nhân cũng nhân nhân, thức cũng quả cũng quả,
果佛性亦爾。善男子。以是義故。

Quả Phật tánh diệc nhĩ 。 Thiện nam tử 。 dĩ thị nghĩa cố 。
Quả Phật tánh cũng như thế. Thiện nam tử! Do nghĩa đó vậy.
十二因緣出不滅不常不斷非一非二。不來不去非因非果。

Thập nhị nhân duyên bất xuất bất diệt bất thường bất đoạn phi nhất phi nhị 。 Bất-lai bất
khứ phi nhân phi quả 。

Mười hai Nhân duyên chẳng xuất chẳng diệt chẳng thường chẳng đoạn chẳng một chẳng
hai, không đến không đi không nhân không quả.

善男子。是因非果如佛性。是果非因如大涅槃。

Thiện nam tử 。 thị nhân phi quả như Phật tánh 。 thị quả phi nhân như Đại Niết-bàn 。
Thiện nam tử! là nhân mà không quả như Phật tánh, có quả mà nhân như Đại niết-bàn.
是因是果如十二因緣所生之法。

Thị nhân thị quả như thập nhị nhân duyên sở sanh chi Pháp 。

Nhân này, quả này như các pháp đã sanh từ Mười hai nhân duyên.

非因非果名為佛性。非因果故常恒無變。以是義故。

Phi nhân phi quả danh vi Phật tánh 。 phi nhân quả cố thường hằng vô biến 。 dĩ thị nghĩa
cố 。

phi nhân phi quả gọi là Phật tánh; phi nhân quả nên thường hằng không thay đổi. Do
nghĩa đó vậy.

我經中說十二因緣其義甚深。

Ngã Kinh trung thuyết thập nhị nhân duyên kỳ nghĩa thậm thâm 。

Trong Kinh ta nói Mười hai nhân duyên nghĩa kia rất sâu,
無知無見不可思惟。乃是諸佛菩薩境界。非諸聲聞緣覺所及。

Vô tri vô kiến bất khả tư duy 。 nãi thị chư Phật Bồ Tát cảnh giới 。 phi chư Thanh văn
Duyên giác sở cập 。

không biết không thấy chẳng thể nghĩ bàn, chính là cảnh giới của chư Phật Bồ-tát, chẳng phải các Thanh văn Duyên giác biết được.

以何義故甚深甚深。

dĩ hà nghĩa cố thậm thâm thậm thâm 。

Vì sao nghĩa kia rất sâu rất kín?

眾生業行不常不斷而得果報。雖念念滅而無所失。

Chúng sanh nghiệp hành bất thường bất đoạn nhi đắc quả báo 。

tuy niệm niệm diệt nhi vô sở thất 。

Chúng sanh nghiệp hành không thường không đoạn mà được quả báo, tuy niệm niệm diệt mà không chỗ mất.

雖無作者而有作業。雖無受者而有果報。

Tuy vô tác giả nhi hữu tác nghiệp 。

tuy thị cố giả nhi hữu quả báo 。

Tuy không người làm mà có tác nghiệp, tuy chẳng người nhận mà có quả báo.

受者雖滅果不敗亡。無有慮知和合而。

Thọ giả tuy diệt quả bất bại vong 。

vô hữu lự tri hòa hợp nhi 。

Người nhận tuy diệt quả không tan mất, chẳng có suy nghĩ hoà hiệp mà

有一切眾生雖與十二因緣共行而不見知。不見知故無有終始。

hữu nhất thiết chúng sanh tuy dữ thập nhị nhân duyên cộng hành nhi bất kiến tri 。

bất kiến tri cố vô hữu chung thủy 。

có tất cả chúng sanh tuy cùng Mười hai nhân duyên cùng hành mà không thấy biết, không thấy biết nên không có trước sau.

十住菩薩惟見其終不見其始。

Thập trụ Bồ Tát duy kiến kỳ chung bất kiến kỳ thủy 。

Thập trú Bồ-tát chỉ thấy cái chung chẳng thấy cái ban đầu.

諸佛世尊見始見終。以是義故。諸佛了了得見佛性。善男子。

Chư Phật Thế tôn kiến thủy kiến chung 。

dĩ thị nghĩa cố 。

chư Phật liễu liễu đắc kiến Phật tánh 。

Thiện nam tử 。

Chư Phật Thế Tôn thấy thì thấy chung, do nghĩa đó vậy. Chư Phật rõ ràng được thấy Phật tánh. Thiện nam tử!

一切眾生不能見於十二因緣。是故輪轉。

Nhất thiết chúng sanh bất năng kiến ư thập nhị nhân duyên 。

thị cố luân chuyển

Tất cả chúng sanh chẳng hay thấy ở Mười hai nhân duyên vì vậy luân hồi.

善男子。如蠶作繭自生自死。

Thiện nam tử 。 như tằm tác kiến tự sanh tự tử 。

Thiện nam tử! Như tằm làm kén tự sống tự chết,

一切眾生亦復如是。

nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị 。

tất cả chúng sanh cũng lại như thế.

不見佛性故自造結業流轉生死猶如拍毬。善男子。是故我於諸經中說。

Bất kiến Phật tánh cố tự tạo kết nghiệp lưu chuyển sanh tử do như phách cầu 。

thiện nam tử 。

thị cố ngã ư chư Kinh trung thuyết 。

Không thấy Phật tánh nên tự tạo nghiệp ràng buộc luân hồi trong sanh tử giống như đập bóng. Thiện nam tử! Vì vậy ta nói ở trong các Kinh.

若有人見十二緣者即是見法。見法者即是見佛。

Nhược hữu nhân kiến Thập nhị duyên giả tức thị kiến Pháp 。

kiến Pháp giả tức thị kiến Phật 。

Nếu có người thấy Mười hai Nhân duyên tức là thấy pháp, thấy Pháp tức là thấy Phật.

佛者即是佛性。何以故。一切諸佛以此為性。

Phật giả tức thị Phật tánh 。

hà dĩ cố 。

nhất thiết chư Phật dĩ thử vi tánh 。

Phật ấy tức là Phật tánh, vì sao vậy? Tất cả chư Phật dùng đây làm tánh.

善男子。觀十二緣智凡有四種。一者下。二者中。

Thiện nam tử 。

quán thập nhị duyên trí phạm hữu tứ chủng 。

nhất giả hạ 。

nhị giả trung 。

Thiện nam tử! Quán Mười hai nhân duyên người trí hay phạm có bốn thứ. Một là hạ. Hai là trung.

三者上。四者上上。下智觀者不見佛性。

Tam giả thượng 。

Tứ giả thượng thượng 。

hạ trí quán giả bất kiến Phật tánh 。

Ba là thượng. Bốn là thượng thượng. Người hạ trí quán không thấy Phật tánh,

以不見故得聲聞道。中智觀者不見佛性。

dĩ bất kiến cố đắc thanh văn đạo 。

trung trí quán giả bất kiến Phật tánh 。

do không thấy nên được Thanh văn đạo, bậc trung trí quán không thấy Phật tánh,

以不見故得緣覺道。上智觀者見不了了。

dĩ bất kiến cố đắc duyên giác đạo 。 thượng trí quán giả kiến bất liễu liễu 。
do không thấy nên được Duyên giác đạo, bậc thượng trí quán thấy không rõ ràng.
不了了故住十住地。上上智觀者見了了故。
Bất liễu liễu cố trụ thập trụ địa 。 thượng thượng trí quán giả kiến liễu liễu cố。
Không rõ ràng nên trú Thập trú địa, bậc thượng thượng trí quán thấy rất rõ ràng nên
得阿耨多羅三藐三菩提道。以是義故。
đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề đạo 。 dĩ thị nghĩa cố 。
đắc đạo A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề. Do nghĩa đó vậy.
十二因緣名為佛性。佛性者即第一義空。
Thập nhị nhân duyên danh vi Phật tánh 。 Phật tánh giả tức Đệ nhất nghĩa không 。
Mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh, Phật tánh ấy tức là Đệ nhất nghĩa không.
第一義空名為中道。中道者即名為佛。佛者名為涅槃。
Đệ nhất nghĩa không danh vi trung đạo 。 Trung đạo giả tức danh vi Phật 。 Phật giả danh
vi Niết-bàn 。
Đệ nhất nghĩa không gọi là Trung đạo, Trung đạo ấy tức gọi là Phật, Phật ấy gọi là Niết-
bàn.
爾時師子吼菩薩摩訶薩白佛言。世尊。
Nhĩ thì Sư-tử hống Bồ Tát Ma-Ha tát bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。
Lúc bấy giờ Sư Tử Hống Bồ-tát ma ha tát bạch đức Phật rằng Thưa đức Thế Tôn:
若佛與佛性無差別者。一切眾生何用修道。佛言。善男子。
Nhược Phật dữ Phật tánh vô sai biệt giả 。 nhất thiết chúng sanh hà dụng tu đạo 。 Phật
ngôn 。 thiện nam tử 。
Nếu Phật cùng Phật tánh không có sai khác ấy, tất cả chúng sanh dùng gì tu đạo? Phật
dạy thiện nam tử!
如汝所問是義不然。佛與佛性雖無差別。
Như nhữ sở vấn thị nghĩa bất nhiên 。 Phật dữ Phật tánh tuy vô sai biệt 。
Như chỗ ông hỏi là nghĩa không như thế, Phật cùng Phật tánh tuy không sai khác.
然諸眾生悉未具足。善男子。
nhiên chư chúng sanh tất vị cụ túc 。 Thiện nam tử 。
nhưng các chúng sanh đều chưa đầy đủ. Thiện nam tử!
譬如有人惡心害母。害已生悔三業雖善。是人故名地獄人也。

Thí như hữu nhân ác tâm hại mẫu 。 hại dĩ sanh hối tam nghiệp tuy thiện 。 thị nhân cố danh Địa-ngục nhân dã 。

Thí như có người tâm ác hại mẹ, hại rồi sanh hối hận ba nghiệp tuy thiện, người đó nên gọi là người Địa ngục vậy.

何以故。是人定當墮地獄故。

Hà dĩ cố 。 thị nhân định đương đọa Địa-ngục cố 。

Vì sao vậy? Là người định sẽ đọa Địa ngục vậy.

是人雖無地獄陰界諸入。猶故得名為地獄人。善男子。

Thị nhân tuy vô Địa-ngục uẩn giới chư nhập 。 do cố đắc danh vi Địa-ngục nhân 。 thiện nam tử 。

Là người tuy không ở Địa ngục uẩn giới các nhập, còn được gọi là người Địa ngục. Thiện nam tử!

是故我於諸經中說。

Thị cố ngã ư chư Kinh trung thuyết 。

Thế nên ta nói ở trong các Kinh:

若見有人修行善者名見天人。修行惡者名見地獄。何以故。定受報故。

Nhược kiến hữu nhân tu hành thiện giả danh kiến Thiên Nhơn 。 tu hành ác giả danh kiến Địa-ngục 。 hà dĩ cố 。 định thọ báo cố 。

Nếu thấy có người tu hành thiện gọi thấy Trời người. người tu hành ác gọi thấy Địa ngục.

Vì sao vậy? Quyết định thọ báo vậy.

善男子。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử!

一切眾生定得阿耨多羅三藐三菩提故。是故我說一切眾生悉有佛性。

Nhất thiết chúng sanh định đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề cố 。 thị cố ngã thuyết nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

Tất cả chúng sanh chắc chắn được A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề vậy. Vì vậy ta nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

一切眾生真實未有三十二相八十種好。以是義故。

Nhất thiết chúng sanh chân thật vị hữu tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo 。 dĩ thị nghĩa cố 。

Tất cả chúng sanh chơn thật chưa có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, do nghĩa đó vậy.

我於此經而說是偈。

Ngã ư thử Kinh nhi thuyết thị kệ 。

Ta ở trong Kinh này nói bài kệ rằng:

本有今無	本無今有
Bổn hữu kim vô	Bổn vô kim hữu
Xưa có nay không	Xưa không nay có
三世有法	無有是處
Tam thế hữu Pháp	Vô hữu thị xứ
Ba đời có pháp	Không có chỗ ấy.

善男子。有者凡有三種。一未來有。二現在有。

Thiện nam tử 。

hữu giả phạm hữu tam chủng 。

nhất vị lai hữu 。

nhị hiện tại hữu 。

Thiện nam tử! Người phạm phu có ba thứ: Một vị lai hữu, hai hiện tại hữu, ba quá khứ hữu。一切眾生未來之世。

tam quá khứ hữu 。

nhất thiết chúng sanh vị lai chi thế 。

ba quá quá khứ hữu. Tất cả chúng sanh đời của vị lai
當有阿耨多羅三藐三菩提是名佛性。

đương hữu a nậu đa la tam miếu tam Bồ đề thị danh Phật tánh 。

sẽ có A-nậu-đa-la tam-miếu-tam-bồ-đề chính gọi Phật tánh.

一切眾生現在悉有煩惱諸結。

Nhất thiết chúng sanh hiện tại tất hữu phiền não chư kết 。

Tất cả chúng sanh hiện tại đều có các ràng buộc phiền não,
是故現在無有三十二相八十種好。一切眾生過去之世有斷煩惱。

thị cố hiện tại vô hữu tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo 。

nhất thiết chúng sanh quá khứ chi thế hữu đoạn phiền não 。

vì vậy hiện tại không có Ba mươi hai tướng tốt Tám mươi vẻ đẹp. Tất cả chúng sanh trong đời quá khứ có chấm dứt phiền não,

是故現在得見佛性。以是義故。

thị cố hiện tại đắc kiến Phật tánh 。

dĩ thị nghĩa cố 。

vì vậy hiện tại thấy được Phật tánh, do nghĩa đó vậy.

我常宣說一切眾生悉有佛性。乃至一闍提等亦有佛性。

Ngã thường tuyên thuyết nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。 nãi chí nhất xiển đề đẵng diệc hữu Phật tánh 。

Ta thường hay nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, cho đến Nhứt xiển đề v.v.. cũng có Phật tánh.

一闍提等無有善法。佛性亦善以未來有故。

Nhất xiển đề đẵng vô hữu thiện Pháp 。 Phật tánh diệc thiện dĩ vị lai hữu cố 。

Nhất xiển đề v.v.. không có thiện pháp, Phật tánh cũng thiện do đời vị lai hữu vậy.

一闍提等悉有佛性。何以故。

Nhất xiển đề đẵng tất hữu Phật tánh 。 hà dĩ cố 。

Nhứt xiển đề v.v.. đều có Phật tánh. Vì sao vậy?

一闍提等定當得成阿耨多羅三藐三菩提故。善男子。

Nhất xiển đề đẵng định đương đắc thành A nậu đa la tam miểu tam Bồ đề cố 。

thiện nam tử 。

Nhứt xiển đề v.v.. quyết định sẽ được thành A-nậu-đa-la tam-miếu-tam-bồ-đề vậy. Thiện nam tử!

譬如有人家有乳酪。有人問言。汝有蘇耶。答言。

Thí như hữu nhân gia hữu nhũ lạc 。

hữu nhân vấn ngôn 。

nhữ hữu tô da 。

đáp ngôn

Thí như có người nhà có nhũ lạc, có người hỏi rằng: Ông có tô ư? Đáp rằng:

我有酪實非蘇。以巧方便定當得故。故言有蘇。

Ngã hữu lạc thật phi tô 。

dĩ xảo phương tiện định đương đắc cố 。

cố ngôn hữu tô 。

Ta có lạc thật không có tô, dùng phương tiện khéo định sẽ được vậy, nên nói có tô.

眾生亦爾。悉皆有心。

Chúng sanh diệc nhĩ 。

tất giai hữu tâm 。

Chúng sanh cũng như thế tất cả đều có tâm.

凡有心者定當得成阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。

Phàm hữu tâm giả định đương đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề 。

dĩ thị nghĩa cố 。

Phàm người có tâm chắc chắn sẽ được thành A-nậu-đa-la tam-miếu-tam-bồ-đề, do nghĩa đó vậy.

我常宣說一切眾生悉有佛性。

Ngã thường tuyên thuyết nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

Ta thường hay nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

善男子。畢竟有二種。一者莊嚴畢竟。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử! Rất ráo có hai thứ: Một trang nghiêm rất ráo.

二者究竟畢竟。一者世間畢竟。二者出世畢竟。

Nhị giả cứu cánh tất cánh。nhất giả thế gian tất cánh。nhị giả xuất thế tất cánh。

Hai cứu cánh rất ráo: Một thế gian rất ráo. Hai xuất thế gian rất ráo.

莊嚴畢竟者。六波羅蜜。究竟畢竟者。

Trang nghiêm tất cánh giả 。

Trang nghiêm rất ráo: Sáu Ba la mật. Cứu cánh rất ráo ấy:

一切眾生所得一乘。一乘者名為佛性。以是義故。

Nhất thiết chúng sanh sở đắc nhất thừa 。

Tất cả chúng sanh chỗ được Nhất thừa, Nhất thừa ấy gọi là Phật tánh, do nghĩa đó vậy.

我說一切眾生悉有佛性。一切眾生悉有一乘。

Ngã thuyết nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

Ta nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều có Nhất thừa.

以無明覆故不能得見。善男子。

Dĩ vô minh phú cố bất năng đắc kiến 。

Do vô minh che lấp nên không hay được thấy. Thiện nam tử!

如鬱單越三十三天。果報覆故此間眾生不能得見。佛性亦爾。

Như uất đan việt tam thập tam Thiên 。

Như Uất đơn việt cõi Trời ba mươi ba, quả báo che lấp nên chúng sanh ở giữa này không thể được thấy, Phật tánh cũng như thế.

諸結覆故眾生不見。復次善男子。

chư kết phúc cố chúng sanh bất kiến 。

Các ràng buộc che lấp nên chúng sanh không thấy. Lại nữa thiện nam tử!

佛性者即首楞嚴三昧性如醍醐。即是一切諸佛之母。

Phật tánh giả tức Thủ Lăng Nghiêm tam muội tánh như thể hồ 。 tức thị nhất thiết chư Phật chi mẫu 。

Phật tánh ấy tức Thủ lăng nghiêm tam muội tánh như đề hồ, tức là mẹ của tất cả chư Phật.

以首楞嚴三昧力故。而令諸佛常樂我淨。

Dĩ Thủ Lăng Nghiêm tam muội lực cố 。 nhi linh chư Phật thường lạc ngã tịnh 。

Nhờ sức Thủ lăng nghiêm tam muội vậy mà khiến chư Phật Thường Lạc Ngã Tịnh.

一切眾生悉有首楞嚴三昧。

Nhất thiết chúng sanh tất hữu Thủ Lăng Nghiêm tam muội 。

Tất cả chúng sanh đều có Thủ lăng nghiêm tam muội,

以不修行故不得見。是故不能得成阿耨多羅三藐三菩提。

dĩ bất tu hành cố bất đắc kiến 。 thị cố bất năng đắc thành a nậu đa la tam miếu tam Bồ đề 。

do không tu hành nên chẳng được thấy, vì thế không thể được thành A-nậu-đa-la tam-miếu-tam-bồ-đề.

善男子。首楞嚴三昧者。有五種名。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử! Thủ lăng nghiêm tam muội ấy có năm thứ tên:

一者首楞嚴三昧。二者般若波羅蜜。三者金剛三昧。

Nhất giả Thủ Lăng Nghiêm tam muội 。

Một là Thủ lăng nghiêm tam muội, hai là Bát nhã ba la mật, ba là Kim cang tam muội, 四者師子吼三昧。五者佛性。隨其所作處處得名。

tứ giả Sư-tử hống tam muội 。

bốn Sư Tử Hống tam muội, năm Phật tánh, tùy theo chỗ làm kia khắp nơi được gọi.

善男子。如一三昧得種種名。如禪名四禪。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử! Như nhưt tam muội được nhiều thứ tên: Như thiền gọi Tứ thiền.

根名定根。力名定力。覺名定覺。正名正定。

căn danh định căn 。

。

Căn gọi Định căn, lực gọi Định lực, giác gọi Định giác, chánh gọi Định chánh.

八大人覺名為定覺。首楞嚴定亦復如是。善男子。

Bát Đại nhân Giác danh vi định giác。Thủ Lăng Nghiêm định diệc phục như thị。thiền nam tử。

Tám điều giác ngộ gọi là định giác. Thủ lăng nghiêm định cũng lại như thế. Thiền nam tử!
一切眾生具足三定。謂上中下。

Nhất thiết chúng sanh cụ túc tam định。vị thượng trung hạ。

Tất cả chúng sanh đầy đủ ba định, gọi là thượng trung hạ。

上者謂佛性也。以是故言一切眾生悉有佛性。

Thượng giả vị Phật tánh dã。dĩ thị cố ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh。

Thượng ấy gọi là Phật tánh vậy, vì thế nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh。

中者一切眾生具足初禪。有因緣時則能修習。

Trung giả nhất thiết chúng sanh cụ túc sơ Thiền。hữu nhân duyên thì tắc năng tu tập。

Trung ấy tất cả chúng sanh đầy đủ Sơ thiền, khi có Nhân duyên thì hay tu tập。

若無因緣則不能修。因緣二種。一謂火災。

nhược vô nhân duyên tắc bất năng tu。nhân duyên nhị chủng。nhất vị hỏa tai。

hoặc không có nhân duyên thì chẳng hay tu tập. Nhân duyên có hai: Một gọi là hỏa tai.

二謂破欲界結。以是故言一切眾生悉具中定。

Nhị vị phá dục giới kết。dĩ thị cố ngôn nhất thiết chúng sanh tất cụ trung định。

Hai gọi là phá sự ràng buộc cõi Dục giới, do thế nên nói tất cả chúng sanh đều đủ Trung định。

下定者十大地中心數定也。

Hạ định giả thập Đại địa trung tâm số định dã。

Hạ định ấy trong Mười đại địa tâm thường định vậy。

以是故言一切眾生悉具下定。一切眾生悉有佛性。

Dĩ thị cố ngôn nhất thiết chúng sanh tất cụ hạ định。nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh。

Do thế nên nói tất cả chúng sanh đều đầy đủ hạ định, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh。

煩惱覆故不能得見。十住菩薩雖見一乘。

Phiền não phúc cố bất năng đắc kiến。thập trụ Bồ Tát tuy kiến nhất thừa。

Phiền não che lấp nên chẳng hay được thấy. Thập trú Bồ-tát tuy thấy Nhứt thừa.

不知如來是常住法。以是故言十地菩薩雖見佛性而不明了。

Bất tri Như Lai thị thường trụ Pháp 。 dĩ thị cố ngôn thập địa Bồ Tát tuy kiến Phật tánh nhi bất minh liễu 。

Không biết Như Lai là pháp thường trú do thế nên nói Thập địa Bồ-tát tuy thấy Phật tánh mà không rõ ràng.

善男子。首楞者。名一切畢竟。

Thiện nam tử 。 thủ lăng giả 。 danh nhất thiết tất cánh 。

Thiện nam tử! Thủ lăng nghiêm ấy, gọi tất cả cứu cánh.

嚴者名堅。一切畢竟而得堅固名首楞嚴。

Nghiêm giả danh kiên. nhất thiết tất cánh nhi đắc kiên cố danh Thủ Lăng Nghiêm

Nghiêm ấy gọi kiên, tất cả rốt ráo mà được kiên cố gọi Thủ lăng nghiêm.

以是故言首楞嚴定名為佛性。

Dĩ thị cố ngôn Thủ Lăng Nghiêm định danh vi Phật tánh 。

Do thế nên nói Thủ lăng nghiêm định gọi là Phật tánh.

善男子。我於一時住尼連禪河告阿難言。

Thiện nam tử 。 ngã ư nhất thì trụ ni liên Thiên hà cáo A Nan ngôn 。

Thiện nam tử! Ta một thì ở bên sông Ni liên thuyền bảo A nan rằng:

我今欲洗汝可取衣及以澡豆。

Ngã kim dục tẩy nhữ khả thủ y cập dĩ táo đậu 。

Ta nay muốn tắm ông có thể lấy áo và dùng xà phòng,

我既入水一切飛鳥水陸之屬悉來觀我。

Ngã ký nhập thủy nhất thiết phi điều thủy lục chi chúc tất lai quán ngã 。

Ta đã vào nước tất cả thuộc loài chim bay đường bộ đều đến xem ta.

爾時復有五百梵志來在河邊。因到我所各相謂言。

Nhĩ thì phục hữu ngũ bách phạm chí lai tại hà biên 。

。 nhân đáo ngã sở các tướng vị ngôn

Lúc bấy giờ lại có năm trăm Phạm chí đến ở bên sông, nhân đến chỗ ta đều cùng nói rằng:

云何而得金剛之身。若使瞿曇不說斷見。

Vân hà nhi đắc Kim cương chi thân 。

Làm thế nào mà được thân Kim cang? Hoặc khiến Cồ Đàm không nói đoạn kiến.

我當從其啟受齊法。善男子。我於爾時以他心智。

Ngã đương tùng kỳ khải thọ tề Pháp. thiện nam tử. ngã ư nhĩ thì dĩ tha tâm trí 。

Ta sẽ theo Ông ta khải thọ tề pháp. Thiện nam tử! Ta ở lúc đó do tâm trí người khác.

知是梵志心之所念。告梵志言。云何謂我說於斷見。

tri thị phạm chí tâm chi sở niệm 。

。 cáo phạm chí ngôn 。

vân hà vị ngã thuyết ư đoạn kiến 。

Biết đúng sở niệm của tâm Phạm chí bảo Phạm chí rằng: Làm sao bảo ta nói ở đoạn kiến?

彼梵志言。瞿曇。

Bỉ phạm chí ngôn 。

Cồ Đàm 。

Phạm chí kia nói rằng: Cồ Đàm!

先於處處經中說諸眾生悉無有我。既言無我。云何而言非斷見耶。

Tiên ư xứ xứ Kinh trung thuyết chư chúng sanh tất vô hữu ngã 。

ký ngôn vô ngã 。

vân hà nhi ngôn phi đoạn kiến da 。

Ở các chỗ trước trong Kinh nói các chúng sanh đều không có ngã, đã nói không ngã tại sao mà nói chẳng đoạn kiến ư?

若無我者持戒者誰。破戒者誰。佛言。

Nhược vô ngã giả trì giới giả thù 。

phá giới giả thù 。

Phật ngôn 。

Nếu không ngã ấy trì giới là ai? Phá giới là ai? Phật dạy:

我亦不說一切眾生悉無有我。

Ngã diệc bất thuyết nhất thiết chúng sanh tất vô hữu ngã 。

Ta cũng chẳng nói tất cả chúng sanh đều không có ngã.

我常宣說一切眾生悉有佛性。佛性者豈非我耶。以是義故。

Ngã thường tuyên thuyết nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

Phật tánh giả khởi phi ngã da 。

dĩ thị nghĩa cố 。

Ta thường hay nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Phật tánh ấy đâu chẳng phải ngã ư? Do nghĩa đó vậy.

我不說斷見。一切眾生不見佛性。

Ngã bất thuyết đoạn kiến 。

nhất thiết chúng sanh bất kiến Phật tánh 。

Ta không nói đoạn kiến, tất cả chúng sanh không thấy Phật tánh.

故無常無我無樂無淨。如是則名說斷見也。

cố vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh 。 như thị tác danh thuyết đoạn kiến dã 。

nên Vô thường Vô lạc Vô ngã Vô tịnh, như thế thì gọi nói đoạn kiến vậy.

時諸梵志聞說佛性即是我故。即發阿耨多羅三藐三菩提心。

Thì chư phạm chí văn thuyết Phật tánh tức thị ngã cố 。

tức phát A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề tâm 。

Thì các Phạm chí nghe nói Phật tánh tức là ngã vậy, chính là A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề.

尋時出家修菩提道。

Tầm thì xuất gia tu bồ đề đạo 。

Khi tìm xuất gia tu bồ đề đạo,

一切飛鳥水陸之屬亦發無上菩提之心。既發心已尋得捨身。

Nhất thiết phi điều thủy lục chi chúc diệc phát vô thượng bồ đề chi tâm 。

ký phát tâm dĩ tầm đắc xả thân ạo

Tất cả thuộc loài chim bay đường bộ cũng phát tâm Vô thượng bồ đề, đã phát tâm rồi tìm được xả thân.

善男子。是佛性者實非我也。

Thiện nam tử 。

thị Phật tánh giả thật phi ngã dã 。

Thiện nam tử! Là Phật tánh ấy thật chẳng phải ngã vậy.

為眾生故說名為我。

Vì chúng sanh cố thuyết danh vi ngã 。

Vì chúng sanh nên nói gọi là ngã.

善男子。如來有因緣故說無我為我。

Thiện nam tử 。

Như Lai hữu nhân duyên cố thuyết vô ngã vi ngã 。

Thiện nam tử! Như lai có nhân duyên nên nói vô ngã là ngã.

真實無我雖作是說無有虛妄。善男子。

Chân thật vô ngã tuy tác thị thuyết vô hữu hư vọng 。

Thiện nam tử 。

Chân thật không ngã tuy nói như thế không có hư dối. Thiện nam tử!

有因緣故說我為無我。而實有我為世界故。

Hữu nhân duyên cố thuyết ngã vi vô ngã 。

nhi thật hữu ngã vi thế giới cố 。

Có nhân duyên nên nói ngã là vô ngã, mà thật có ngã làm thế giới vậy.

雖說無我而無虛妄。佛性無我如來說我以其常故。

Tuy thuyết vô ngã nhi vô hư vọng 。 Phật tánh vô ngã Như Lai thuyết ngã dĩ kỳ thường cố
。

Tuy nói không ngã mà chẳng hư dối, Phật tánh không ngã Như lai nói ngã vì kia thường
vậy.

如來是我而說無我得自在故。

Như Lai thị ngã nhi thuyết vô ngã đắc tự-tại cố 。

Như lai là Ngã mà nói vô ngã được tự tại vậy.

爾時師子吼菩薩摩訶薩白佛言。世尊。

Nhĩ thì Sư-tử hống Bồ Tát Ma-Ha tát bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。

Lúc bấy giờ Sư Tử Hống Bồ-tát ma ha tát bạch đức Phật rằng: Thưa đức Thế Tôn!

若一切眾生悉有佛性。如金剛力士者。以何義故。

Nhược nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。 như Kim cương lực sĩ giả 。 dĩ hà nghĩa
cố 。

Hoặc tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, như lực sĩ Kim cương ấy, do nghĩa đó vậy.

一切眾生不能得見。佛言。善男子。

Nhất thiết chúng sanh bất năng đắc kiến 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

Tất cả chúng sanh chẳng thể được thấy. Phật dạy: Thiện nam tử!

譬如色法雖有青黃赤白之異長短質像盲者不見。

Thí như sắc Pháp tuy hữu thanh hoàng xích bạch chi dị trường đoản chất tượng minh giả
bất kiến 。

Thí như sắc pháp tuy có sự sai khác của xanh vàng đỏ trắng dài ngắn chất tượng mà
người mù không thấy,

雖復不見。亦不得言無青黃赤白長短質像。

tuy phục bất kiến 。 diệc bất đắc ngôn vô thanh hoàng xích bạch trường đoản chất tượng
。

tuy lại không thấy, cũng không nên nói không có xanh vàng đỏ trắng dài ngắn chất tượng.
何以故。盲雖不見有目見故。佛性亦爾。

Hà dĩ cố 。

Vì sao vậy? Mù tuy không thấy có mắt thấy vậy. Phật tánh cũng như thế.

一切眾生雖不能見。十住菩薩見少分故。如來全見。

Nhất thiết chúng sanh tuy bất năng kiến 。 thập trụ Bồ Tát kiến thiếu phân cố 。 Như Lai toàn kiến 。

Tất cả chúng sanh tuy không năng thấy, Thập trú Bồ-tát thấy phần ít vậy, Như lai thấy hoàn toàn.

十住菩薩所見佛性如夜見色。

Thập trụ Bồ Tát sở kiến Phật tánh như dạ kiến sắc 。

Thập trú Bồ-tát chỗ thấy Phật tánh như ban đêm thấy màu sắc.

如來所見如晝見色。善男子。譬如瞎者見色不了。

Như Lai sở kiến như trú kiến sắc 。

Thiện nam tử 。

Thí như hạt giả kiến sắc bất liễu 。

Như lai chỗ thấy như ban ngày thấy màu sắc. Thiện nam tử! Thí như người chột mắt thấy màu sắc không rõ ràng,

有善良醫而為治目。以藥力故得了了見。

hữu thiện lương y nhi vi trị mục 。

dĩ dược lực cố đắc liễu liễu kiến 。

có thầy thuốc hay mà vì trị mắt, nhờ thuốc hay nên được thấy rõ ràng.

十住菩薩亦復如是。雖見佛性不能明了。

Thập trụ Bồ Tát diệc phục như thị 。

tuy kiến Phật tánh bất năng minh liễu 。

Thập trú Bồ-tát cũng lại như thế, tuy thấy Phật tánh không hay rõ ràng.

以首楞嚴三昧力故能得明了。善男子。

Dĩ Thủ Lăng Nghiêm tam muội lực cố năng đắc minh liễu 。

thiện nam tử 。

Nhờ sức Thủ lăng nghiêm tam muội nên hay được thấy rõ ràng. Thiện nam tử!
若有人見一切諸法無常無我無樂無淨。

Nhược hữu nhân kiến nhất thiết chư Pháp vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh 。

Nếu có người thấy tất cả các pháp Vô thường Vô ngã Vô lạc Vô tịnh.

見非一切法無常無我無樂無淨。如是之人不見佛性。

kiến phi nhất thiết Pháp vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh 。

như thị chi nhân bất kiến Phật tánh 。

thấy không tất cả pháp Vô thường Vô ngã Vô lạc Vô tịnh, người như thế không thấy được Phật tánh.

一切者名為生死。非一切者名為三寶。

Nhất thiết giả danh vi sanh tử 。

phi nhất thiết giả danh vi Tam Bảo 。

Tất cả ấy gọi là sanh tử, chẳng phải tất cả ấy gọi là Tam bảo.

聲聞緣覺見一切法無常無我無樂無淨。

Thanh văn duyên giác kiến nhất thiết Pháp vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh 。

Thanh văn Duyên giác thấy tất cả pháp Vô thường Vô ngã Vô lạc Vô tịnh.

非一切法亦見無常無我無樂無淨。以是義故。不見佛性。

Phi nhất thiết Pháp diệc kiến vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh 。

đĩ thị nghĩa cố 。

bất kiến Phật tánh 。

Chẳng tất cả pháp cũng thấy Vô thường Vô ngã Vô lạc Vô tịnh. Do nghĩa đó vậy chẳng thấy Phật tánh.

十住菩薩見一切法無常無我無樂無淨。

Thập trụ Bồ Tát kiến nhất thiết Pháp vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh 。

Thập trú Bồ-tát thấy tất cả pháp Vô thường Vô ngã Vô lạc Vô tịnh,

非一切法分見常樂我淨。以是義故。

phi nhất thiết Pháp phân kiến thường lạc ngã tịnh 。

đĩ thị nghĩa cố 。

chẳng tất cả pháp phần thấy Thường Lạc Ngã Tịnh. Do nghĩa đó vậy.

十分之中得見一分。

thập phân chi trung đắc kiến nhất phân 。

trong mười phần được thấy một phần.

諸佛世尊見一切法無常無我無樂無淨。非一切法見常樂我淨。以是義故。

Chư Phật Thế tôn kiến nhất thiết Pháp vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh 。

phi nhất thiết Pháp kiến thường lạc ngã tịnh 。

đĩ thị nghĩa cố 。

Chư Phật Thế Tôn thấy tất cả pháp Vô thường Vô ngã Vô lạc Vô tịnh. chẳng tất cả pháp thấy Thường Lạc Ngã Tịnh. Do nghĩa đó vậy,

見於佛性如觀掌中阿摩勒果。以是義故。

kiến ư Phật tánh như quán chưởng trung a ma lạc quả 。

đĩ thị nghĩa cố 。

thấy ở Phật tánh như xem quả A-ma-lạc trong lòng bàn tay. Do nghĩa đó vậy.

首楞嚴定名為畢竟。善男子。

Thủ Lăng Nghiêm định danh vi tất cánh 。

thiện nam tử 。

Thủ lăng nghiêm định gọi là rốt ráo. Thiện nam tử!

譬如初月雖不可見不得言無。佛性亦爾。一切凡夫雖不得見。

Thí như sơ nguyệt tuy bất khả kiến bất đắc ngôn vô 。

Phật tánh diệc nhĩ 。

nhất thiết phàm phu tuy bất đắc kiến 。

Thí như mặt trăng ban đầu tuy không thể thấy không được nói không, Phật tánh cũng như thế. Tất cả phàm phu tuy không thấy được,

亦不得言無佛性也。

diệc bất đắc ngôn vô Phật tánh dã 。

cũng chẳng được nói không có Phật tánh vậy.

善男子。佛性者。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử! Phật tánh ấy:

所謂十力四無所畏大悲三念處。一切眾生悉有三種破煩惱故。

Sở vị thập lực tứ vô sở úy Đại bi tam niệm xứ。nhất thiết chúng sanh tất hữu tam chủng phá phiền não cố 。

Chỗ nói rằng Thập lực, Tứ vô sở úy, Đại bi tam niệm xứ, tất cả chúng sanh đều có ba thứ phá phiền não vậy,

然後得見一闍提等。

nhiên hậu đắc kiến nhất xiển đề đẳng 。

song sau được thấy Nhất xiển đề v.v..

破一闍提然後能得十力四無所畏大悲三念處。以是義故。

Phá nhất xiển đề nhiên hậu năng đắc thập lực tứ vô sở úy Đại bi tam niệm xứ 。

Do nghĩa đó vậy.

我常宣說一切眾生悉有佛性。

Ngã thường tuyên thuyết nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

Ta thường hay nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

善男子。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử!

十二因緣一切眾生等共有之亦內亦外。何等十二。過去煩惱名為無明。

Thập nhị nhân duyên nhất thiết chúng sanh đẳng cộng hữu chi diệc nội diệc ngoại。

hà đẳng thập nhị 。

Mười hai Nhân duyên tất cả chúng sanh v.v.. cũng trong cũng ngoài cùng có. Thế nào là mười hai? Phiền não quá khứ gọi là Vô minh.

過去業者則名為行。現在世中初始受胎是名為識。

Quá khứ nghiệp giả tắc danh vi hành 。 hiện tại thế trung sơ thủy thọ thai thị danh vi thức
。

Nghiệp của quá khứ thì gọi là hành, trong đời hiện tại ban đầu thọ thai chính gọi là thức.
入胎五分四根未具名為名色。

Nhập thai ngũ phân tứ căn vị cụ danh vi danh sắc 。

Vào thai năm phần bốn căn chưa đủ gọi là Danh sắc,
具足四根未名觸時是名六入。未別苦樂是名為觸。

cụ túc tứ căn vị danh xúc thì thị danh lục nhập。 vị biệt khổ lạc thị danh vi xúc。

đầy đủ bốn căn chưa gọi xúc thì chính gọi lục nhập, chưa phân biệt khổ lạc chính gọi là
xúc.

染習一愛是名為受。習近五欲是名為愛。

Nhiễm tập nhất ái thị danh vi thọ 。

Nhiễm tập vừa thương yêu chính gọi là thọ, thói quen gần năm dục chính gọi là ái.

內外貪求是名為取。

Nội ngoại tham cầu thị danh vi thủ 。

Trong ngoài ham cầu chính gọi là Thủ.

為內外事起身口意業是名為有。現在世識名未來生。

Vị nội ngoại sự khởi thân khẩu ý nghiệp thị danh vi hữu 。

。 Là việc trong ngoài khởi thân miệng ý nghiệp gọi là Hữu. Đời hiện tại Thức Danh gọi vị lai
sanh.

現在名色六入觸受名未來世老病死也。是名十二因緣。

Hiện tại danh sắc lục nhập xúc thọ danh vị lai thế lão bệnh tử dã 。

Hiện tại gọi Danh sắc lục nhập Xúc Thọ, đời vị lai lão bệnh tử vậy. Chính gọi Mười hai
Nhân duyên.

善男子。一切眾生雖有如是十二因緣。或有未具。

Thiện nam tử. nhất thiết chúng sanh tuy hữu như thị thập nhị nhân duyên 。 hoặc hữu vị cụ 。

Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh tuy có Mười hai Nhân duyên như thế, hoặc có chưa đầy đủ,

如歌羅邏時死則無十二。

như ca la lá thì tử tắc vô thập nhị 。

như Ca-la-la khi chết thì không có Mười hai.

從生乃至老死得具十二。色界眾生無三種受三種觸三種愛。

Tùng sanh nãi chí lão tử đắc cụ thập nhị 。

sắc giới chúng sanh vô tam chủng thọ tam chủng xúc tam chủng ái 。

Từ sanh cho đến lão tử được đủ Mười hai, chúng sanh cõi Sắc giới không có ba thứ thọ, ba thứ xúc, ba thứ ái,

無有老病亦得名為具足十二。

vô hữu lão bệnh diệc đắc danh vi cụ túc thập nhị 。

không có già chết cũng được gọi là đầy đủ Mười hai.

無色眾生無色乃至無有老病。亦得名為具足十二。

Vô sắc chúng sanh vô sắc nãi chí vô hữu lão bệnh 。

diệc đắc danh vi cụ túc thập nhị 。

Chúng sanh cõi Vô sắc Vô sắc cho đến không có già bệnh, cũng được gọi là đầy đủ Mười hai.

以定得故故名眾生平等具有十二因緣。善男子。

Dĩ định đắc cố cố danh chúng sanh bình đẳng cụ hữu thập nhị nhân duyên 。

thiện nam tử 。

Do định được vậy nên gọi chúng sanh bình đẳng đủ có Mười hai Nhân duyên. Thiện nam tử!

佛性亦爾。

Phật tánh diệc nhĩ 。

Phật tánh cũng như thế.

一切眾生定當得成阿耨多羅三藐三菩提故。是故我說一切眾生悉有佛性。

Nhất thiết chúng sanh định đương đắc thành A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề cố 。

thị cố ngã thuyết nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

Tất cả chúng sanh định sẽ được thành A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề vậy. Thế nên ta nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

善男子。雪山有草名為忍辱。

Thiện nam tử 。 tuyết sơn hữu thảo danh vi nhẫn nhục 。

Thiện nam tử! Núi tuyết có cỏ gọi là nhẫn nhục,

牛若食者則出醍醐。更有異草。牛若食者則無醍醐。

ngưu nhược thực giả tắc xuất thể hồ 。 canh hữu dị thảo 。 ngưu nhược thực giả tắc vô thể hồ 。

trâu nếu ăn nó thì sinh đề hồ. Lại có cỏ khác, trâu hoặc ăn nó thì không có đề hồ.

雖無醍醐不可說言雪山之中無忍辱草。

Tuy vô thể hồ bất khả thuyết ngôn tuyết sơn chi trung vô nhẫn nhục thảo 。

Tuy không có đề hồ không thể nói rằng trong núi tuyết không có cỏ nhẫn nhục.

佛性亦爾。雪山者名為如來。忍辱草者名大涅槃。

Phật tánh diệc nhĩ 。 Tuyết sơn giả danh vi Như Lai 。 nhẫn nhục thảo giả danh Đại Niết-bàn 。

Phật tánh cũng như thế, núi Tuyết ấy gọi là Như Lai, cỏ nhẫn nhục ấy gọi Đại niết-bàn.

異草者十二部經。

Dị thảo giả thập nhị bộ Kinh 。

Cỏ khác ấy là Mười hai bộ Kinh.

眾生若能聽受諮啟大般涅槃則見佛性。十二部中雖不聞有。

Chúng sanh nhược năng thính thọ ti khai Đại bát-niết-bàn tắc kiến Phật tánh 。 thập nhị bộ trung tuy bất văn hữu 。

Chúng sanh nếu hay nghe nhận thưa hỏi Đại bát-niết-bàn thì thấy Phật tánh. Trong Mười hai bộ Kinh tuy không nghe có,

不可說言無佛性也。善男子。佛性者。

bất khả thuyết ngôn vô Phật tánh dã 。 thiện nam tử 。 Phật tánh giả 。

không thể nói rằng không Phật tánh vậy. Thiện nam tử! Phật tánh ấy

亦色非色非色非非色。亦相非相非相非非相。

diệc sắc phi sắc phi sắc phi phi sắc 。 diệc tướng phi tướng phi tướng phi phi tướng 。

cũng sắc phi sắc chẳng sắc chẳng phải sắc, cũng tướng phi tướng chẳng tướng chẳng phải tướng.

亦一非一非一非非一。非常非斷非非常非非斷。

Diệc nhất phi nhất phi nhất phi phi nhất 。 phi thường phi đoạn phi phi thường phi phi đoạn
。

Cũng một chẳng một chẳng một chẳng phải một, chẳng thường chẳng đoạn chẳng phải
thường chẳng phải đoạn.

亦有亦無非有非無。亦盡非盡非盡非非盡。

Diệc hữu diệc vô phi hữu phi vô 。 diệc tận phi tận phi tận phi phi tận 。

Cũng có cũng không chẳng có chẳng không, cũng hết chẳng hết chẳng hết chẳng phải
hết.

亦因亦果非因非果。亦義非義非義非非義。

Diệc nhân diệc quả phi nhân phi quả。 diệc nghĩa phi nghĩa phi nghĩa phi phi nghĩa。

Cũng nhân cũng quả chẳng nhân chẳng quả, cũng nghĩa không nghĩa không nghĩa chẳng
phải nghĩa.

亦字非字非字非非字。云何為色。金剛身故。

Diệc tự phi tự phi tự phi phi tự 。 vân hà vi sắc 。 Kim cương thân cố 。

Cũng chữ chẳng chữ chẳng chữ chẳng phải chữ. Thế nào là sắc? Thân Kim cương vậy.

云何非色。十八不共非色法故。云何非色非非色。

Vân hà phi sắc 。 thập bát bất cộng phi sắc Pháp cố。 vân hà phi sắc phi phi sắc 。

Thế nào là phi sắc? Mười tám bất cộng chẳng phải sắc pháp vậy. Thế nào phi sắc phi phi
sắc?

色非色無定相故云何為相三十二相故。

Sắc phi sắc vô định tướng cố vân hà vi tướng tam thập nhị tướng cố 。

Sắc phi sắc không định tướng nên làm thế nào là tướng Ba mươi hai tướng vậy.

云何非相。一切眾生相不現故。云何非相非非相。

Vân hà phi tướng 。 nhất thiết chúng sanh tướng bất hiện cố 。 vân hà phi tướng phi phi
tướng 。

Thế nào phi tướng? Tất cả chúng sanh tướng không hiện vậy. Thế nào phi tướng phi phi
tướng?

相非相不決定故。云何為一。

Tướng phi tướng bất quyết định cố 。 vân hà vi nhất 。

Tướng phi tướng không quyết định vậy. Thế nào là một?

一切眾生悉一乘故。云何非一。說三乘故。云何非一非非一。

Nhất thiết chúng sanh tất nhất thừa cố 。 vân hà phi nhất 。 thuyết tam thừa cố 。 vân hà phi nhất phi phi nhất 。

Tất cả chúng sanh đều Nhất thừa vậy. Thế nào chẳng một? Nói Tam thừa vậy. Thế nào chẳng một chẳng không phải một?

無數法故。云何非常。從緣見故。云何非斷。

Vô số Pháp cố 。 vân hà phi thường 。 tông duyên kiến cố 。 vân hà phi đoạn 。

Vô số pháp vậy. Thế nào phi thường? Từ duyên thấy vậy. Thế nào chẳng đoạn?

離斷見故。云何非非常非非斷。無終始故。

Ly đoạn kiến cố 。 vân hà phi phi thường phi phi đoạn 。 vô chung thủy cố 。

Lìa đoạn kiến vậy. Thế nào chẳng phải thường chẳng phải đoạn? Chẳng trước sau vậy.

云何為有。一切眾生悉皆有故。云何為無。

Vân hà vi hữu 。 nhất thiết chúng sanh tất giai hữu cố 。 vân hà vi vô 。

Thế nào là hữu? Tất cả chúng sanh thấy đều có vậy. Thế nào là không?

從善方便而得見故。云何非有非無。虛空性故。

Tùng thiện phương tiện nhi đắc kiến cố。 vân hà phi hữu phi vô。 hư không tánh cố 。

Từ phương tiện khéo mà được thấy vậy. Thế nào phi hữu phi vô? Tánh hư không vậy.

云何名盡。得首楞嚴三昧故。云何非盡。

Vân hà danh tận 。 đắc Thủ Lăng Nghiêm tam muội cố 。 vân hà phi tận 。

Thế nào gọi là hết? Được Thủ lăng nghiêm tam muội vậy. Thế nào chẳng hết?

以其常故。云何非盡非非盡。一切盡相斷故。

Dĩ kỳ thường cố 。 vân hà phi tận phi phi tận 。 nhất thiết tận tướng đoạn cố 。

Do kia thường vậy. Thế nào chẳng hết chẳng phải hết? Tất cả hết tướng đoạn vậy.

云何為因。以了因故云何為果。果決定故。

Vân hà vi nhân 。 dĩ liễu nhân cố vân hà vi quả 。 quả quyết định cố 。

Thế nào là nhân? Do liễu nhân vậy. Thế nào là quả? Quả quyết định vậy.

云何非因非果。以其常故。云何為義。

Vân hà phi nhân phi quả 。 dĩ kỳ thường cố 。 vân hà vi nghĩa 。

Thế nào chẳng nhân chẳng quả? Vì kia thường vậy. Thế nào là nghĩa?

悉能攝取義無礙故。云何非義。不可說故。

Tất năng nhiếp thủ nghĩa vô ngại cố 。 vân hà phi nghĩa 。 bất khả thuyết cố 。

Đều hay nhiếp thủ nghĩa không ngăn ngại vậy. Thế nào phi nghĩa? Không thể nói vậy.

云何非義非非義。畢竟空故。云何為字。有名稱故。

Vân hà phi nghĩa phi phi nghĩa 。 tất cánh không cố 。 vân hà vi tự 。 hữu danh xưng cố 。

Thế nào chẳng nghĩa chẳng phải nghĩa? Trống không rốt ráo vậy. Thế nào là tự? Có danh xưng vậy.

云何非字。名無名故。云何非字非非字。

Vân hà phi tự 。 danh vô danh cố 。 vân hà phi tự phi phi tự 。

Thế nào phi tự? Tên không gọi vậy. Thế nào chẳng chữ chẳng phải chữ?

斷一切字故。云何非苦非樂。斷一切受故。云何非我。

Đoạn nhất thiết tự cố 。 vân hà phi khổ phi lạc 。 đoạn nhất thiết thọ cố 。 vân hà phi ngã

。

Chấm dứt tất cả chữ vậy. Thế nào không khổ không lạc? Đoạn tất cả thọ vậy. Thế nào phi ngã?

未能具得八自在故。云何非非我。以其常故。

Vị năng cụ đắc bát tự-tại cố 。 vân hà phi phi ngã 。 dĩ kỳ thường cố 。

Chưa hay đủ được tám tự tại vậy. Thế nào chẳng không phải ngã? Do kia thường vậy.

云何非我非非我。不作不受故。云何為空。

Vân hà phi ngã phi phi ngã 。 bất tác bất thọ cố 。 vân hà vi không 。

Thế nào chẳng ngã chẳng phải không ngã? Không làm không thọ vậy. Thế nào là Không?

第一義空故。云何非空。以其常故。

Đệ nhất nghĩa không cố 。 vân hà phi không 。 dĩ kỳ thường cố 。

Tức là Đệ nhất nghĩa không vậy. Thế nào chẳng Không? Do kia thường vậy.

云何非空非非空。能為善法作種子故。善男子。

Vân hà phi không phi phi không. năng vi thiện Pháp tác chủng tử cố. thiện nam tử.

Thế nào chẳng không chẳng phải không? Hay vì pháp thiện làm các chủng tử. Thiện nam tử!

若有人能思惟解了大涅槃經如是之義。當知。

Nhược hữu nhân năng tư duy giải liễu Đại Niết-bàn Kinh như thị chi nghĩa 。 đương tri 。

Nếu có người hay suy nghĩ hiểu biết nghĩa của Kinh Đại niết-bàn như thế. Nên biết:

是人則見佛性。佛性者不可思議。

Thị nhân tác kiến Phật tánh 。 Phật tánh giả bất khả tư nghị 。

Người đó thì thấy Phật tánh, Phật tánh ấy không thể nghĩ nghĩ.

乃是諸佛如來境界。非諸聲聞緣覺所知。善男子。

Nãi thị chư Phật như lai cảnh giới 。 phi chư thanh văn duyên giác sở tri 。 thiện nam tử 。

Chính là cảnh giới chư Phật Như Lai, chẳng phải các Thanh văn Duyên giác biết được.

Thiện nam tử!

佛性者非陰界入。非本無今有。非已有還無。

Phật tánh giả phi uẩn giới nhập 。 phi bản vô kim hữu 。 phi dĩ hữu hoàn vô 。

Phật tánh ấy chẳng phải Uẩn Giới Nhập, chẳng phải xưa không nay có, chẳng phải đã có trở lại không.

從善因緣眾生得見。譬如黑鐵入火則赤出冷還黑。

Tùng thiện nhân duyên chúng sanh đắc kiến 。 thí như hắc thiết nhập hỏa tắc xích xuất lãnh hoàn hắc 。

Từ nhân duyên lành chúng sanh được thấy. Thí như sắt đen vào trong lửa thì màu đỏ ra lạnh trở lại màu đen,

而是黑色非內非外因緣故有。佛性亦爾。

nhi thị hắc sắc phi nội phi ngoại nhân duyên cố hữu 。 Phật tánh diệc nhĩ 。

mà màu đen ấy chẳng trong chẳng ngoài nhân duyên nên có vậy. Phật tánh cũng như thế.

一切眾生煩惱火滅則得聞見。善男子。

Nhất thiết chúng sanh phiền não hỏa diệt tắc đắc văn kiến 。 Thiện nam tử 。

Tất cả chúng sanh phiền não hỏa diệt thì được nghe thấy. Thiện nam tử!

如種滅已芽則得生。而是芽性非內非外。

Như chủng diệt dĩ nha tắc đắc sanh 。 nhi thị nha tánh phi nội phi ngoại 。

Như hạt giống diệt rồi thì mầm mọc sanh, mà tánh mầm đó chẳng trong chẳng ngoài,

乃至花果亦復如是。從緣故有。善男子。是大涅槃微妙經典。

nãi chí hoa quả diệc phục như thị 。 tòng duyên cố hữu 。 thiện nam tử 。

thị Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển 。

cho đến hoa quả cũng lại như thế, từ duyên nên có. Thiện nam tử! Chính Đại niết-bàn là Kinh điển vi diệu,

成就具足無量功德。佛性亦爾。

thành tựu cụ túc vô lượng công đức 。 Phật tánh diệc nhĩ 。

thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Phật tánh cũng như thế,
悉是無量無邊功德之所成就。

tất thị vô lượng vô biên công đức chi sở thành tựu 。
đều là chỗ thành tựu của công đức vô lượng vô biên.

爾時師子吼菩薩摩訶薩言。世尊。

Nhĩ thì Sư-tử hống Bồ Tát Ma-Ha tát ngôn 。 Thế tôn 。

Lúc bấy giờ Bồ-tát ma ha tát thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn!

菩薩具足成就幾法。得見佛性而不明了。

Bồ Tát cụ túc thành tựu ki Pháp 。 đắc kiến Phật tánh nhi bất minh liễu 。

Bồ-tát thành tựu đầy đủ bao nhiêu pháp được thấy Phật tánh mà không hiểu rõ?

諸佛世尊成就幾法。得了了見。善男子。

Chư Phật Thế tôn thành tựu ki Pháp 。 đắc liễu liễu kiến 。

Chư Phật Thế Tôn thành tựu bao nhiêu pháp được mà đã rõ thấy? Thiện nam tử!

菩薩具足成就十法雖見佛性而不明了。云何為十。一者少欲。

Bồ Tát cụ túc thành tựu thập Pháp tuy kiến Phật tánh nhi bất minh liễu 。

Bồ-tát đầy đủ thành tựu Mười pháp tuy thấy Phật tánh mà không hiểu rõ. Thế nào là mười? Một là ít muốn,

二者知足。三者寂靜。四者精進。五者正念。

nhị giả tri túc 。

hai là biết đủ, ba là vắng lặng, bốn là siêng năng, năm là Chánh niệm,

六者正定。七者正慧。八者解脫。九者讚歎解脫。

lục giả chánh định 。

sáu là Chánh định, bảy là Chánh huệ, tám là Giải thoát, chín là khen ngợi giải thoát.

十者以大涅槃教化眾生。師子吼菩薩言。

thập giả dĩ Đại Niết-bàn giáo hóa chúng sanh 。

mười ấy dùng Đại niết-bàn để giáo hoá chúng sanh. Sư Tử Hống Bồ-tát thưa rằng:

世尊。少欲知足有何差別。善男子。少欲者。

Thế tôn 。

Bạch đức Thế Tôn! Ít muốn biết đủ có sai khác gì? Thiện nam tử! Ít muốn:

不求不取。知足者。得少之時心不悔恨。少欲者。

Bất cầu bất thủ. tri túc giả. đắc thiếu chi thì tâm bất hối hận. thiếu dục giả.

Chẳng cầu chẳng nhận. Biết đủ: Khi được ít tâm không hối hận. Ít muốn:

少有所欲。知足者。但為法事心不愁惱。善男子。

thiếu hữu sở dục. tri túc giả. đăn vi Pháp sự tâm bất sầu não. thiện nam tử.

Ít có chỗ ham muốn. Biết đủ: Chỉ làm pháp sự tâm không sầu não. Thiện nam tử!

欲者有三。一者惡欲。二者大欲。三者欲欲。

Dục giả hữu tam. nhất giả ác dục. nhị giả Đại dục. tam giả dục dục.

Dục có ba thứ: Một ác dục, hai đại dục, ba dục dục.

惡欲者。若有比丘心生貪欲。

Ác dục giả. nhược hữu Tỳ-kheo tâm sanh tham dục.

Ác dục ấy: Hoặc có Tỳ-kheo sanh tâm tham muốn,

欲為一切大眾上首。令一切僧隨逐我後。

dục vi nhất thiết Đại chúng thượng thủ. linh nhất thiết tăng tùy trục ngã hậu.

muốn làm thượng thủ tất cả đại chúng, khiến tất cả chúng Tăng tùy theo sau ta.

令諸四部悉皆供養恭敬讚歎尊重於我。令我先為四眾說法。

Linh chư tứ bộ tất giai cúng dường cung kính tán thán tôn trọng ư ngã. linh ngã tiên vi

Tứ Chúng thuyết Pháp.

Khiến bốn bộ tất cả đều cúng dường cung kính khen ngợi tôn trọng ta, khiến ta trước vì

bốn chúng thuyết pháp,

皆令一切信受我語。

giai linh nhất thiết tín thọ ngã ngữ.

đều khiến tất cả tin thọ lời ta,

亦令國王大臣長者皆恭敬我。

diệc linh Quốc Vương Đại Thần Trưởng-Giả giai cung kính ngã.

cũng muốn khiến Quốc Vương Đại thần đều cung kính ta,

令我大得衣服飲食臥具醫藥上妙屋宅。為生死欲。是名惡欲。云何大欲。

linh ngã Đại đắc y phục ẩm thực ngọa cụ y dược thượng diệu ốc trạch. vi sanh tử dục.

thị danh ác dục. vân hà Đại dục.

khiến ta được nhiều y phục thức ăn mừng mền thuốc thang nhà cửa tốt đẹp, vì sanh tử

ham muốn chính gọi ham muốn xấu. Thế nào đại dục?

若有比丘生於欲心。云何當令四部之眾。

nhược hữu Tỳ-kheo sanh ư dục tâm 。 vân hà đương linh tứ bộ chi chúng 。

Hoặc có Tỳ-kheo sanh tâm ham muốn, làm thế nào khiến bốn bộ chúng,
悉皆知我得初住地乃至十住。

tất giai tri ngã đắc sơ trụ địa nãi chí thập trụ 。

tất cả đều biết ta được Địa thứ nhất cho đến Địa thứ mười?

得阿耨多羅三藐三菩提。得阿羅漢果乃至須陀洹果。

Đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề 。 đắc A la hán quả nãi chí Tu đà hoàn quả 。

Được A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề, được quả A la hán cho đến quả Tu đà hoàn.

我得四禪乃至四無閼智。為於利養。是名大欲。欲欲者。

Ngã đắc tứ Thiền nãi chí tứ vô ngại trí 。

Ta được Sơ thiền cho đến Tứ vô ngại trí để cầu lợi dưỡng, vì cầu lợi dưỡng chính gọi đại
dục. Dục dục là:

若有比丘。

nhược hữu Tỳ-kheo。

Hoặc có Tỳ-kheo

欲生梵天魔天自在天轉輪聖王若剎利居士若婆羅門皆得自在。為利養故。

dục sanh Phạm Thiên Ma Thiên Tự Tại Thiên Chuyển luân Thánh Vương nhược sát lợi
Cư-sĩ nhược Bà-la-môn giai đắc tự-tại 。

muốn sanh Phạm thiên, Ma thiên, Tự tại thiên, Chuyển luân Thánh vương, hoặc Sát lợi
Cư sĩ hoặc Bà-la-môn đều được tự tại, vì lợi dưỡng vậy.

是名欲欲。若不為是三種惡欲之所害者。

Thị danh dục dục 。

Chính gọi Dục dục, hoặc chẳng làm chỗ hại của ba thứ ác dục đó,

是名少欲。欲者名為二十五愛。

thị danh thiếu dục 。

Chính gọi ít muốn. Dục ấy gọi là hai mươi lăm ái,

無有如是二十五愛。是名少欲。不求未來所欲之事。

vô hữu như thị nhị thập ngũ ái. thị danh thiếu dục. bất cầu vị lai sở dục chi sự。

không có hai mươi lăm ái như thế, chính gọi là ít muốn, không cầu việc sở dục của đời vị lai,

是名少欲。得而不著是名知足。不求恭敬。

thị danh thiếu dục 。 đặc nhi bất trước thị danh tri túc 。 bất cầu cung kính 。

chính gọi ít muốn, được mà không đắm trước chính gọi là biết đủ, chẳng cầu cung kính,

是名少欲。得不積聚。是名知足。善男子。

thị danh thiếu dục 。 đặc bất tích tụ 。

chính gọi ít muốn, được không cất chứa, chính gọi biết đủ. Thiện nam tử!

亦有少欲不名知足。有知足不名少欲。

Diệc hữu thiếu dục bất danh tri túc 。

Cũng có ít muốn không gọi biết đủ, có biết đủ không gọi ít muốn.

有亦少欲亦知足。有不知足不少欲。少欲者。謂須陀洹。

Hữu diệc thiếu dục diệc tri túc 。

Cũng có ít muốn cũng biết đủ, có không biết đủ không ít muốn. Người ít muốn gọi là Tu-đà-hoàn.

知足者。謂辟支佛。少欲知足者。謂阿羅漢。

Tri túc giả 。

Tri túc ấy gọi là Phật Bích-chi. Người ít muốn biết đủ gọi là A-la-hán.

不少欲不知足者。所謂菩薩。善男子。

Bất thiếu dục bất tri túc giả 。

Không ít muốn không biết đủ ấy chỗ gọi là Bồ-tát. Thiện nam tử!

少欲知足復有二種。一者善。二者不善。不善者。

Thiếu dục tri túc phục hữu nhị chủng 。

Ít muốn biết đủ lại có hai thứ: Một Thiện, hai bất thiện. cái gọi không thiện

所謂凡夫善者。聖人菩薩。一切聖人雖得道果不自稱說。

sở vị phàm phu thiện giả 。

là chỗ gọi phàm phu thiện. Thánh nhân Bồ-tát, Tất cả Thánh nhân tuy được đạo quả không tự xưng nói,

不稱說故心不惱恨。是名知足。善男子。

bất xưng thuyết cố tâm bất não hận 。 thị danh tri túc 。 thiện nam tử 。
không xưng nói nên tâm không hối hận phiền não, chính gọi là biết đủ. Thiện nam tử!
菩薩摩訶薩修習大乘大涅槃經欲見佛性。

Bồ Tát Ma-Ha tát tu tập Đại thừa Đại Niết-bàn Kinh dục kiến Phật tánh 。
Bồ-tát ma ha tát tu tập Kinh Đại niết-bàn Đại thừa muốn thấy Phật tánh,
是故修習少欲知足。云何寂靜。寂靜有二。

thị cố tu tập thiểu dục tri túc 。 vân hà tịch tĩnh 。 tịch tĩnh hữu nhị 。
vậy nên tu tập ít muốn biết đủ. Thế nào gọi là vắng lặng? Vắng lặng có hai:
一者心靜。二者身靜。身寂靜者。

nhất giả tâm tĩnh 。 nhị giả thân tĩnh 。 thân tịch tĩnh giả 。
Một là Tâm tĩnh, hai là Thân tĩnh. Thân vắng lặng ấy,
終不造作身三種惡。心寂靜者。亦不造作意三種惡。

chung bất tạo tác thân tam chủng ác 。 tâm tịch tĩnh giả 。 diệc bất tạo tác ý tam chủng ác
。

thân trọn không tạo tác ba thứ ác, tâm vắng lặng ấy, ý cũng không tạo tác ba thứ ác。
是則名為身心寂靜。身寂靜者。終不親近四眾。

Thị tắc danh vi thân tâm tịch tĩnh 。 thân tịch tĩnh giả 。 chung bất thân cận Tứ Chúng 。
Chính thì gọi là thân tâm vắng lặng, thân vắng lặng ấy trọn chẳng thân gần bốn chúng。
不預四眾所有事業。心寂靜者。

Bất dự Tứ Chúng sở hữu sự nghiệp 。 tâm tịch tĩnh giả 。
Chẳng dự bốn chúng chỗ có sự nghiệp. Tâm vắng lặng ấy,
終不修習貪欲瞋恚愚癡。是則名為身心寂靜。

chung bất tu tập tham dục sân khuể ngu si. thị tắc danh vi thân tâm tịch tĩnh 。
trọn không tu tập tham dục sân nhuế ngu si, chính thì gọi là thân tâm vắng lặng。
或有比丘身雖寂靜心不寂靜。有心寂靜身不寂靜。

Hoặc hữu tỳ-kheo thân tuy tịch tĩnh tâm bất tịch tĩnh 。 hữu tâm tịch tĩnh thân bất tịch tĩnh
。

Hoặc có Tỳ-kheo thân tuy vắng lặng tâm không vắng lặng, hoặc có tâm vắng lặng thân
không vắng lặng,
有身心寂靜。又有身心俱不寂靜。

hữu thân tâm tịch tĩnh 。 hữu thân tâm câu bất tịch tĩnh 。

hoặc có thân tâm vắng lặng, lại có thân tâm đều không vắng lặng.

身寂靜心不寂靜者。或有比丘坐禪靜處遠離四眾。

Thân tịch tĩnh tâm bất tịch tĩnh giả 。 hoặc hữu Tỳ-kheo tọa Thiền tĩnh xử viễn li Tứ Chúng
。

Thân vắng lặng tâm không vắng lặng ấy, hoặc có Tỳ-kheo chỗ tọa thiền vắng lặng xa lìa
bốn chúng,

心常積集貪欲瞋癡。是名身寂靜心不寂靜。

Tâm thường tích tập tham dục sân si. thị danh thân tịch tĩnh tâm bất tịch tĩnh.

Tâm thường ôm giữ tham dục sân nhuế, chính gọi thân vắng lặng tâm không vắng lặng.
心寂靜身不寂靜者。

Tâm tịch tĩnh thân bất tịch tĩnh giả 。

Người tâm vắng lặng thân không vắng lặng,

或有比丘親近四眾國王大臣斷貪恚癡。是名心寂靜身不寂靜。身心寂靜者。

Hoặc hữu Tỳ-kheo thân cận Tứ Chúng Quốc Vương Đại Thần đoạn tham khuể si 。 thị
danh tâm tịch tĩnh thân bất tịch tĩnh 。

Hoặc có Tỳ-kheo thân gần bốn chúng Quốc vương Đại thần đoạn tham nhuế si, chính gọi
tâm vắng lặng thân không vắng lặng. Thân tâm vắng lặng ấy:

謂佛菩薩。身心不寂靜者。謂諸凡夫。

Vị Phật Bồ Tát 。 thân tâm bất tịch tĩnh giả 。

Nói Phật Bồ-tát. Thân tâm không vắng lặng ấy: nghĩa là các phàm phu.

何以故。凡夫之人。身心雖靜。

Hà dĩ cố 。

Vì sao vậy? Người của phàm phu thân tâm tuy tĩnh,

不能深觀無常無樂無我無淨。以是義故。

bất năng thâm quán vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh 。

không thể quán xét thâm sâu Vô thường Vô lạc Vô ngã Vô tịnh. Do nghĩa đó vậy.

凡夫之人不能寂靜身口意業。一闍提輩犯四重禁作五逆罪。

Phàm phu chi nhân bất năng tịch tĩnh thân khẩu ý nghiệp 。

Người của phàm phu chẳng hay vắng lặng thân khẩu ý nghiệp, hạng Nhứt-xiển-đề phạm
bốn trọng giới tạo tội Ngũ nghịch,

如是之人亦不得名身心寂靜。

như thị chi nhân diệc bất đắc danh thân tâm tịch tĩnh 。

người như thế cũng không được gọi thân tâm vắng lặng.

云何精進。若有比丘欲令身口意業清淨。

vân hà tinh tấn 。

nhược hữu bỉ khâu dục lệnh thân khẩu ý nghiệp thanh tịnh 。

Thế nào tinh tấn? Hoặc có Tỳ-kheo muốn khiến thân khẩu ý nghiệp thanh tịnh,
遠離一切諸不善業。修習一切諸善業者。

viễn li nhất thiết chư bất thiện nghiệp。tu tập nhất thiết chư thiện nghiệp giả 。

xa lìa tất cả các nghiệp bất thiện, tu tập tất cả các thiện nghiệp ấy,

是名精進。是勤精進者繫念六處。

thị danh tinh tấn 。

thị tinh cần tinh tấn giả hệ niệm lục xứ。

chính gọi tinh tấn, là siêng năng tinh tấn giữ niệm sáu chỗ,

所謂佛法僧戒施天是名正念。具正念者。所得三昧。

sở vị Phật Pháp Tăng giới thí Thiên thị danh chánh niệm 。

cụ chánh niệm giả 。

sở đắc tam muội 。

chỗ gọi Phật Pháp Tăng Giới Thí Thiên chính gọi Chánh niệm. Người đủ Chánh niệm sở
đắc tam muội.

是名正定。具正定者。觀見諸法猶如虛空。

Thị danh chánh định 。

cụ chánh định giả 。

quán kiến chư Pháp do như hư không 。

Là gọi Chánh định, người đủ Chánh định quán thấy các pháp giống như hư không,

是名正慧。具正慧者。遠離一切煩惱諸結。是名解脫。

thị danh chánh tuệ 。

cụ chánh tuệ giả 。

viễn li nhất thiết phiền não chư kết 。

thị danh giải thoát 。

chính gọi Chánh huệ, người đủ Chánh huệ xa lìa tất cả phiền não các sự ràng buộc, chính
gọi giải thoát,

得解脫者。為諸眾生稱美解脫。

đắc giải thoát giả 。

vì chư chúng sanh xưng mỹ giải thoát 。

người được giải thoát vì các chúng sanh gọi giải thoát tốt đẹp.

言是解脫常恒不變。是名讚歎解脫。

Ngôn thị giải thoát thường hằng bất biến 。

thị danh tán thán giải thoát 。

Nói là giải thoát thường hằng không thay đổi, chính gọi ca ngợi giải thoát,

解脫即是無上大般涅槃。涅槃者即是煩惱諸結火滅。

giải thoát tức thị vô thượng Đại bát-niết-bàn 。 Niết-bàn giả tức thị phiền não chư kết hỏa diệt 。

giải thoát tức là Đại bát-niết-bàn vô thượng. Niết-bàn ấy tức là lửa phiền não các sự ràng buộc đã diệt.

又涅槃者。名為室宅。何以故。能遮煩惱惡風雨故。

Hựu Niết-bàn giả 。 danh vi thất trạch 。 hà dĩ cố 。 năng già phiền não ác phong vũ cố 。

Lại nữa Niết-bàn gọi là phòng nhà vì sao vậy? Hay ngăn được phiền não gió mưa thì tiết xấu ác.

又涅槃者。名為歸依。何以故。

Hựu Niết-bàn giả 。 danh vi quy y 。 hà dĩ cố 。

Lại nữa Niết-bàn gọi là quy y vì sao vậy?

能過一切諸怖畏故。又涅槃者。名為洲渚。何以故。

Năng quá nhất thiết chư bố úy cố。 hựu Niết-bàn giả。 danh vi châu chử。 hà dĩ cố 。

Vì vượt quá tất cả các sự sợ hãi. Lại nữa Niết-bàn gọi là bến bãi, vì sao vậy?

四大暴河不能漂故。何等為四。一者欲暴。二者有暴。

Tứ đại bạo hà bất năng phiêu cố 。 hà đẳng vi tứ 。 nhất giả dục bạo 。 nhị giả hữu bạo 。

Bốn đại sông lớn chẳng hay trôi chảy. Thế nào là bốn? Một là dục bạo, hai là hữu bạo,三者見暴。四者無明暴。是故涅槃名為洲渚。

tam giả kiến bạo 。 tứ giả vô minh bạo 。 thị cố Niết-bàn danh vi châu chử 。

ba là kiến bạo, bốn vô minh bạo, thế nên Niết-bàn gọi là bến bãi.

又涅槃者。名畢竟歸。何以故。

Hựu Niết-bàn giả 。 danh tất cánh quy 。 hà dĩ cố 。

Lại nữa Niết-bàn gọi là trở về rốt ráo, vì sao vậy?

能得一切畢竟樂故。若有菩薩摩訶薩成就具足如是十法。

Năng đắc nhất thiết tất cánh lạc cố 。 nhược hữu Bồ Tát Ma-Ha tát thành tựu cụ túc như thị thập Pháp 。

Hay được tất cả vui rốt ráo vậy. Hoặc có Bồ-tát ma ha tát thành tựu đầy đủ mười pháp như thế,

雖見佛性而不明了。

tuy kiến Phật tánh nhi bất minh liễu 。

mặc dù thấy Phật tánh mà không hiểu rõ.

復次善男子。出家之人有四種病。

Phục thứ thiện nam tử。xuất gia chi nhân hữu tứ chủng bệnh。

Lại nữa thiện nam tử! Người xuất gia có bốn thứ bệnh,

是故不得四沙門果。何等四病。謂四惡欲。一為衣欲。

thị cố bất đắc tứ Sa-môn quả。hà đẳng tứ bệnh。vị tứ ác dục。nhất vi y dục。

vì thế không được bốn quả Sa-môn. Những gì là bốn bệnh? Nghĩa là bốn ác dục: Một là y

dục,

二為食欲。三為臥具欲。四為有欲。是名四惡欲。

nhị vi thực dục。tam vi ngoạ cụ dục。tứ vi hữu dục。thị danh tứ ác dục。

hai là thực dục, ba là ngoạ cụ dục, bốn là hữu dục, chính gọi bốn ác dục.

是出家病有四良藥能療是病。謂糞掃衣。

Thị xuất gia bệnh hữu tứ lương dược năng liệu thị bệnh。vị phần tảo y。

Là bệnh của người xuất gia có bốn thứ thuốc hay có thể trị lành bệnh đó: Đó là y phần

tảo,

能治比丘為衣惡欲。乞食能破為食惡欲。

năng trị Tỳ-kheo vi y ác dục。khất thực năng phá vi thực ác dục。

hay trị các Tỳ-kheo mặc áo ác dục.Đi khất thực có thể phá kẻ ăn thức ăn ác dục.

樹下能破臥具惡欲。

thụ hạ năng phá ngoạ cụ ác dục。

Ở dưới gốc cây hay phá kẻ dùng ngoạ cụ ác dục.

身心寂靜能破比丘為有惡欲。以是四藥除是四病。是名聖行。

Thân tâm tịch tĩnh năng phá Tỳ-kheo vi hữu ác dục。dĩ thị tứ dược trừ thị tứ bệnh。thị danh Thánh hạnh。

Thân tâm vắng lặng hay phá Tỳ-kheo làm hữu ác dục. Dùng bốn thứ thuốc ấy trừ bốn

bệnh đó là gọi Thánh hạnh.

如是聖行則得名為少欲知足。寂靜者有四種樂。

Như thị Thánh hành tắc đắc danh vi thiểu dục tri túc。tịch tĩnh giả hữu tứ chủng lạc。

Thánh hạnh như thế thì được gọi là ít muốn biết đủ. Vắng lặng ấy có bốn điều vui:

何等為四。一者出家樂。二寂靜樂。三永滅樂。

Hà đẳng vi tử。nhất giả xuất gia lạc。nhị tịch tĩnh lạc。tam vĩnh diệt lạc。

Những gì là bốn? Một là vui xuất gia, hai vui vắng lặng, ba là vui vĩnh diệt,
四畢竟樂。得是四樂名為寂靜。

tứ tất cánh lạc 。 đắc thị tứ lạc danh vi tịch tĩnh 。

bốn vui rốt ráo, được bốn điều vui đó gọi là vắng lặng.

具四精進故名精進。具四念處故名正念。具四禪故故名正定。

Cụ tứ tinh tấn cố danh tinh tấn 。 cụ tứ niệm xử cố danh chánh niệm 。 cụ tứ Thiền cố cố danh chánh định 。

Đủ bốn Tinh tấn nên gọi Tinh tấn. Đủ bốn Niệm xử nên gọi Chánh niệm. Đủ Tứ thiền nên gọi là Chánh định.

見四聖實故故名正慧。

Kiến tứ Thánh thật cố cố danh chánh tuệ 。

Thấy tứ Thánh chân thật nên gọi Chánh huệ.

永斷一切煩惱結故故名解脫。呵說一切煩惱過故。

Vĩnh đoạn nhất thiết phiền não kết cố cố danh giải thoát 。 ha thuyết nhất thiết phiền não quá cố 。

Vĩnh viễn đoạn tất cả phiền não ràng buộc nên gọi là Giải thoát. Trách mắng nói tất cả lỗi phiền não,

故名讚歎解脫。善男子。菩薩摩訶薩安住具足如是十法。

cố danh tán thán giải thoát 。 Thiện nam tử 。 Bồ Tát Ma-Ha tát an trú cụ túc như thị thập Pháp 。

nên nói khen ngợi giải thoát. Thiện nam tử! Bồ-tát ma ha tát an trú đầy đủ mười pháp như thế,

雖見佛性而不明了。

tuy kiến Phật tánh nhi bất minh liễu 。

mặc dù thấy Phật tánh mà không hiểu rõ.

復次善男子。

Phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử!

菩薩摩訶薩聞是經已親近修習。遠離一切世間之事。是名少欲。

Bồ Tát Ma-Ha tát văn thị Kinh dĩ thân cận tu tập 。 viễn li nhất thiết thế gian chi sự 。 thị danh thiểu dục 。

Bồ-tát ma ha tát nghe Kinh ấy rồi thân gần tu tập, xa lìa tất cả việc của thế gian, chính gọi là ít muốn.

既出家已不生悔心。是名知足。

Ký xuất gia dĩ bất sanh hối tâm 。 thị danh tri túc 。

Đã xuất gia rồi không sanh tâm hối hận chính gọi rằng biết đủ.

既知足已近空閑處遠離憤鬧。是名寂靜。不知足者不樂空閑。

Ký tri túc dĩ cận không nhàn xứ viễn li hội náo 。 thị danh tịch tĩnh 。 bất tri túc giả bất lạc không nhàn 。

Đã biết đủ rồi gần chỗ yên tĩnh xa lìa sự ồn ào, chính gọi là ồn ào, chính gọi là vắng lặng. Người không biết đủ không vui chỗ vắng lặng.

夫知足者常樂空寂。於空寂處常作是念。

Phu tri túc giả thường lạc không tịch 。 ư không tịch xử thường tác thị niệm 。

Rằng người biết đủ Thường lạc vắng lặng, ở chỗ vắng lặng thường hay suy nghĩ, 一切世間悉謂我得沙門道果。然我今者實未能得。

Nhất thiết thế gian tất vị ngã đắc Sa-môn đạo quả 。 nhiên ngã kim giả thật vị năng đắc 。

Tất cả thế gian đều bảo rằng ta được đạo quả Sa-môn, nhưng ta nay ấy thật chưa thể được.

我今云何誑惑於人。

Ngã kim vân hà cưỡng hoặc ư nhân 。

Ta nay làm sao lừa dối mê hoặc với người?

作是念已精勤修習沙門道果。是名精進。親近修習大涅槃者。

Tác thị niệm dĩ tinh tinh cần tu tập Sa-môn đạo quả 。 thị danh tinh tấn 。

thân cận tu tập Đại Niết-bàn giả 。

Khởi niệm đó rồi siêng năng tu tập đạo quả Sa-môn, chính gọi Tinh tấn, gần gũi tu tập Đại niết-bàn ấy,

是名正念。隨順天行是名正定。

thị danh chánh niệm 。

tùy thuận Thiên hành thị danh chánh định 。

chính gọi Chánh niệm, tùy thuận Thiên hành là gọi Chánh định.

安住是定正見正知。是名正慧。

An trú thị định chánh kiến chánh tri 。

thị danh chánh tuệ 。

An trú định ấy thấy đúng biết đúng, chính gọi Chánh huệ.

正見知者能得遠離煩惱結縛。是名解脫。十住菩薩為眾生故稱美涅槃。

Chánh kiến tri giả năng đắc viễn li phiền não kết phược. thị danh giải thoát. thập trụ Bồ Tát vì chúng sanh cố xưng mỹ Niết-bàn 。

Chánh kiến tri ấy hay được xa lìa ràng buộc phiền não, chính gọi giải thoát. Thập trụ Bồ-tát vì chúng sanh nên xưng Niết-bàn tốt đẹp,

是則名為讚歎解脫。善男子。

thị tắc danh vi tán thán giải thoát 。

Thiện nam tử 。

chính thì gọi là khen ngợi giải thoát. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩安住具足如是十法。雖見佛性而不明了。

Bồ Tát Ma-Ha tát an trú cụ túc như thị thập Pháp 。

tuy kiến Phật tánh nhi bất minh liễu 。

Bồ-tát ma ha tát an trú đầy đủ Mười pháp như thế, tuy thấy Phật tánh mà không rõ sáng.

復次善男子。夫少欲者。

Phục thứ thiện nam tử 。

phù thiếu dục giả 。

Lại nữa thiện nam tử! Rằng thiếu dục ấy, 若有比丘住空寂處端坐不臥。或在樹下。或在塚間。或在露處。

Nhược hữu Tỳ-kheo trụ không tịch xứ đoan tọa bất ngọa 。

hoặc trụ thụ hạ 。

hoặc tại trung gian 。

hoặc tại lộ xứ。

Hoặc có Tỳ-kheo ở chỗ vắng lặng ngòi thẳng không nằm, hoặc ở dưới gốc cây, hoặc ở chỗ trũng, hoặc ở chỗ rõ ràng,

隨有草地而坐其上。乞食而食。隨得為足。

tùy hữu thảo địa nhi tọa kỳ thượng 。

khất thực nhi thực 。

tùy đắc vi túc 。

tùy có cỏ đất mà ngòi trên đó, khất thực mà ăn, tùy được là đủ.

或一坐食不過一食。惟畜三衣糞衣毳衣。

Hoặc nhất tọa thực bất quá nhất thực 。

duy súc tam y phần y tuyệt y 。

Hoặc vừa ngòi ăn không quá một bữa, chỉ giữ ba y áo vá nạp áo lông tơ,

是名少欲。既行是事心不生悔。是名知足。

Thị danh thiếu dục 。

ký hành thị sự tâm bất sanh hối 。

thị danh tri túc 。

Chính gọi ít muốn, đã làm việc đó tâm không sanh hối hận, chính gọi biết đủ.

修空三昧是名寂靜。

Tu không tam muội thị danh tịch tĩnh 。

Tu không tam muội chính gọi vắng lặng.

得四果已於阿耨多羅三藐三菩提心不休息。是名精進。

Đắc tứ quả dĩ ư A nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm bất hưu tức。 thị danh tinh tấn。
Được bốn quả rồi ở A-nậu-đa-la tam-miểu-tam-bồ-đề tâm không dừng nghỉ chính gọi là
Tinh tấn.

繫心思惟如來常恒無有變易。是名正念。修八解脫。

Hệ tâm tư duy Như Lai thường hằng vô hữu biến dịch 。 thị danh chánh niệm 。 tu bát giải
thoát 。

Buộc tâm suy nghĩ Như Lai thường hằng không có biến đổi chính gọi Chánh huệ, tu tám
Giải thoát,

是名正定。得四無礙。是名正慧。遠離七漏。

thị danh chánh định 。 đắc tứ vô ngại 。 thị danh chánh tuệ 。 viễn li thất lậu 。

chính gọi là Chánh định, được Tứ vô ngại là gọi Chánh tuệ, xa lìa bảy lậu

是名解脫。稱美涅槃無有十相。名讚歎解脫。十相者。

thị danh giải thoát 。 xưng mỹ Niết-bàn vô hữu thập tướng 。 danh tán thán giải thoát 。

là gọi Giải thoát, xưng Niết-bàn tốt đẹp chẳng có Mười tướng gọi khen ngợi giải thoát.

Mười tướng ấy:

謂生老病死色聲香味觸無常。

vị sanh lão bệnh tử sắc thanh hương vị xúc vô thường 。

gọi là sanh già bệnh chết sắc thanh hương vị xúc vô thường,

遠離十相者名大涅槃。善男子。

viễn li thập tướng giả danh Đại Niết-bàn 。 thiện nam tử 。

xa lìa mười tướng ấy gọi Đại niết-bàn. Thiện nam tử!

是名菩薩摩訶薩安住具足如是十法。雖見佛性而不明了。

Thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát an trú cụ túc như thị thập Pháp 。

Là gọi Bồ-tát ma ha tát an trú đầy đủ Mười pháp như thế, tuy thấy Phật tánh mà không
hiểu rõ.

復次善男子。

Phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa thiện nam tử!

為多欲故親近國王大臣長者剎利婆羅門毘舍首陀。

Vị đa dục cố thân cận Quốc Vương Đại Thần Trưởng-Giả sát lợi Bà-la-môn Tỳ-xá thủ đà 。

Vì ham muốn nhiều nên thân gần Quốc-vương Đại-thần Trưởng-giả Sát-lợi Bà-la-môn Tỳ-xá Thủ-đà,

自稱我得須陀洹果乃至阿羅漢果。

tự xưng ngã đắc Tu đà hoàn quả nãi chí A la hán quả 。

tự xưng ta được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán.

為利養故行住坐臥乃至大小便利。若見檀越猶行恭敬接引語言。

Vì lợi dưỡng cố hành trụ tọa ngọa nãi chí Đại tiểu tiện lợi 。

nhược kiến đàn việt do hành cung kính tiếp dẫn ngữ ngôn 。

Vì lợi dưỡng nên đi đứng nằm ngồi cho đến đại tiểu tiện lợi, hoặc thấy đàn việt còn được cung kính tiếp dẫn nói rằng:

破惡欲者名為少欲。雖未能壞諸結煩惱。

phá ác dục giả danh vi thiểu dục 。

tuy vị năng hoại chư kết phiền não 。

Phá ác dục ấy gọi là ít muốn, tuy chưa thể loại bỏ phiền não ràng buộc, 而能同於如來行處。是名知足。善男子。

nhi năng đồng ư Như Lai hành xứ 。

thị danh tri túc 。

Thiện nam tử 。

mà có thể cùng ở chỗ Như Lai, là gọi biết đủ. Thiện nam tử!

如是二法乃是念定近因緣也。常為師宗同學所讚。

Như thị nhị Pháp nãi thị niệm định cận nhân duyên dã 。

thường vi sư tông đồng học sở tán 。

Hai pháp như thế chính là Niệm Định gần Nhân duyên vậy, thường vì sư tông đồng học tán thán,

我亦常於處處經中稱美讚歎如是二法。

ngã diệc thường ư xứ xứ Kinh trung xưng mỹ tán thán như thị nhị Pháp 。

ta cũng thường khen ngợi tán thán hai pháp như thế ở khắp trong Kinh.

若能具足是二法者。則得近於大涅槃門及五種樂。

Nhược năng cụ túc thị nhị Pháp giả 。

tắc đắc cận ư Đại Niết-bàn môn cập ngũ chủng lạc 。

Hoặc có thể đầy đủ hai pháp đó thì được gần với cửa Đại niết-bàn cùng năm thứ vui, 是名寂靜。堅持戒者。名為精進。有慚愧者。

thị danh tịch tĩnh 。 kiên trì giới giả 。 danh vi Tĩnh tấn 。 hữu tâm quý giả 。
là gọi vắng lặng. Người hành trì giới gọi là Tĩnh tấn. Người có biết xấu hổ
名為正念。不見心相。名為正定。

danh vi chánh niệm 。 bất kiến tâm tướng 。 danh vi chánh định 。
gọi là Chánh niệm, chẳng thấy tâm tướng gọi là Chánh định.

不求諸法性相因緣。是名正慧。無有相故煩惱則斷。

Bất cầu chư Pháp tánh tướng nhân duyên 。 thị danh chánh tuệ 。 vô hữu tướng cố phiền
não tắc đoạn 。

Chẳng cầu các pháp tánh tướng Nhân duyên là gọi Chánh tuệ, không có tướng nên phiền
não chấm dứt,

是名解脫。稱美如是大涅槃經名讚歎解脫。

thị danh giải thoát。 xưng mỹ như thị Đại Niết-bàn Kinh danh tán thán giải thoát.

là gọi giải thoát. Xưng mỹ như thế Kinh Đại niết-bàn gọi khen ngợi giải thoát.

善男子。是名菩薩摩訶薩安住十法。

Thiện nam tử 。 thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát an trú thập Pháp 。

Thiện nam tử! Là gọi Bồ-tát ma ha tát an trú Mười pháp,

雖見佛性而不明了。善男子。

tuy kiến Phật tánh nhi bất minh liễu 。 thiện nam tử 。

tuy thấy Phật tánh mà không sáng rõ. Thiện nam tử!

如汝所言十住菩薩以何眼故。雖見佛性而不了了。

Như nhữ sở ngôn Thập trụ Bồ Tát dĩ hà nhãn cố. tuy kiến Phật tánh nhi bất liễu liễu。

Như lời ông nói Thập trụ Bồ-tát dùng mắt gì vậy? Tuy thấy Phật tánh mà không rõ ràng.

諸佛世尊以何眼故。見於佛性而得了了。善男子。

Chư Phật Thế tôn dĩ hà nhãn cố. kiến ư Phật tánh nhi đắc liễu liễu。 thiện nam tử。

Chư Phật Thế Tôn dùng mắt gì vậy? Thấy ở Phật tánh mà được rõ ràng. Thiện nam tử!

慧眼見故不得明了。佛眼見故故得明了。

Tuệ nhãn kiến cố bất đắc minh liễu 。 Phật nhãn kiến cố cố đắc minh liễu 。

Huệ nhãn thấy nên không được sáng rõ. Phật nhãn thấy vậy nên được sáng rõ.

為菩提行故則不了了。若無行故則得了了。

Vi Bồ đề hạnh cố tắc bất liễu liễu 。 nhược vô hành cố tắc đắc liễu liễu 。

Làm bồ-đề hạnh thì không hiểu rõ, hoặc không làm vậy thì được hiểu rõ.

住十住故雖見不了。住不住故則得了了。

Trụ thập trụ cố tuy kiến bất liễu 。 trụ bất trụ cố tắc đắc liễu liễu 。

Ở Thập trú nên tuy thấy không rõ, ở không trú thì được hiểu rõ.

菩薩摩訶薩智慧因故見不了了。

Bồ Tát Ma-Ha tát trí tuệ nhân cố kiến bất liễu liễu 。

Bồ-tát ma ha tát nhân trí huệ vậy thấy không rõ ràng.

諸佛世尊斷因果故見則了了。一切覺者名為佛性。

Chư Phật Thế tôn đoạn nhân quả cố kiến tắc liễu liễu 。

nhất thiết giác giả danh vi Phật tánh 。

Chư Phật Thế Tôn đoạn nhân quả cho nên thấy thì rõ ràng, tất cả giác ấy gọi là Phật tánh.

十住菩薩不得名為一切覺故。是故雖見而不明了。善男子。

Thập trụ Bồ Tát bất đắc danh vi nhất thiết giác cố 。

thị cố tuy kiến nhi bất minh liễu 。

thiện nam tử 。

Thập trú Bồ-tát không được gọi là Nhất thiết giác vậy, vì thế tuy thấy mà không sáng rõ.

Thiện nam tử!

見有二種。一者眼見。二者聞見。

Kiến hữu nhị chủng 。

nhất giả nhãn kiến 。

nhị giả văn kiến 。

Thấy có hai thứ: Một là mắt thấy, hai là nghe thấy.

諸佛世尊眼見佛性。如於掌中觀阿摩勒果。

Chư Phật Thế tôn nhãn kiến Phật tánh 。

như ư chưởng trung quán a ma lạc quả 。

Chư Phật Thế Tôn mắt thấy Phật tánh như xem quả A ma lạc trong lòng bàn tay.

十住菩薩聞見佛性故不了了。

Thập trụ Bồ Tát văn kiến Phật tánh cố bất liễu liễu 。

Thập trú Bồ-tát nghe thấy Phật tánh nên không hiểu rõ.

十住菩薩唯能自知定得阿耨多羅三藐三菩提。

Thập trụ Bồ Tát duy năng tự tri định đắc A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề 。

Thập trú Bồ-tát chỉ hay tự biết định được A-nậu-đa-la tam-miệu-tam-bồ-đề,

而不能知一切眾生悉有佛性。

nhi bất năng tri nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

mà chẳng hay biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

善男子。復有眼見。

Thiện nam tử 。 phục hữu nhãn kiến 。

Thiện nam tử! Lại có mắt thấy,

諸佛如來十住菩薩眼見佛性。復有聞見。

chư Phật như lai thập trụ Bồ Tát nhãn kiến Phật tánh 。

chư Phật Như Lai Thập trụ Bồ-tát mắt thấy Phật tánh. Lại có nghe thấy,

一切眾生乃至九地聞見佛性。菩薩若聞一切眾生悉有佛性。

nhất thiết chúng sanh nãi chí cửu địa văn kiến Phật tánh 。

Bồ Tát nhược văn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

tất cả chúng sanh cho đến chín địa nghe thấy Phật tánh. Bồ-tát hoặc nghe tất cả chúng sanh đều có Phật tánh,

心不生信不名聞見。善男子。若有善男子善女人。

tâm bất sanh tín bất Danh-Văn kiến 。

thiện nam tử 。

nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

tâm chẳng sanh tin không gọi nghe thấy. Thiện nam tử! Hoặc có thiện nam tử thiện nữ nhân:

欲見如來應當修習十二部經。

Dục kiến Như Lai ứng đương tu tập thập nhị bộ Kinh 。

Muốn thấy Như Lai nên phải tu tập Mười hai bộ Kinh.

受持讀誦書寫解說。師子吼菩薩摩訶薩言。世尊。

thọ trì đọc tụng thư tả giải thuyết 。

Sư-tử hống Bồ Tát Ma-Ha tát ngôn 。

Thế tôn 。

thọ trì đọc tụng viết chép giải nói. Sư-tử-hống Bồ-tát ma ha tát thưa rằng bạch đức Thế Tôn!

一切眾生不能得知如來心相。當云何觀而得知耶。

Nhất thiết chúng sanh bất năng đắc tri Như Lai tâm tướng 。

đương vân hà quán nhi đắc tri da 。

Tất cả chúng sanh không hay biết được tâm tướng Như Lai, nên quán xét thế nào để mà biết được?

善男子。一切眾生實不能知如來心相。

Thiện nam tử 。

nhất thiết chúng sanh thật bất năng tri Như Lai tâm tướng 。

Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh thật không hay biết tâm tướng Như Lai,

若欲觀察而得知者。有二因緣。一者眼見。

nhược dục quan sát nhi đắc tri giả 。 hữu nhị nhân duyên 。 nhất giả nhãn kiến 。

hoặc muốn quán sát mà được biết ấy, có hai nhân duyên: Một là mắt thấy,

二者聞見。若見如來所有身業。當知是則為如來也。

nhị giả văn kiến 。

nhược kiến Như Lai sở hữu thân nghiệp 。

đương tri thị tắc vi Như Lai dã 。

hai là nghe thấy. Nếu thấy Như Lai chỗ có thân nghiệp, nên biết đó thì là Như Lai vậy,

是名眼見。若觀如來所有口業。

thị danh nhãn kiến 。

nhược quán Như Lai sở hữu khẩu nghiệp 。

là gọi mắt thấy, hoặc quán Như Lai chỗ có khẩu nghiệp,

當知是則為如來也。是名聞見。

đương tri thị tắc vi Như Lai dã 。

thị Danh-Văn kiến 。

nên biết đó thì là Như Lai vậy, là gọi nghe thấy.

若見色貌一切眾生無與等者當知是則為如來也。是名眼見。

Nhược kiến sắc mạo nhất thiết chúng sanh vô dũ đẳng giả đương tri thị tắc vi Như Lai dã

。 thị danh nhãn kiến 。

Hoặc thấy sắc mạo tất cả chúng sanh không cùng bằng ấy nên biết đó thì là Như Lai vậy.

若聞音聲微妙最勝不同眾生所有音聲。

Nhược văn âm thanh vi diệu tối thắng bất đồng chúng sanh sở hữu âm thanh 。

Hoặc nghe âm thanh vi diệu tối thắng không cùng chúng sanh chỗ có âm thanh,

當知是則為如來也。是名聞見。

đương tri thị tắc vi Như Lai dã 。

thị Danh-Văn kiến 。

nên biết đó thì Như Lai vậy, là gọi nghe thấy.

若見如來所作神通為為眾生為為利養。若為眾生不為利養。

Nhược kiến Như Lai sở tác Thần thông vi vi chúng sanh vi vi lợi dưỡng 。

nhược vi chúng

sanh bất vi lợi dưỡng 。

Hoặc thấy Như Lai hiện thần thông là vì chúng sanh mà làm lợi dưỡng,

當知是則為如來也。是名眼見。

đương tri thị tắc vi Như Lai dã 。

thị danh nhãn kiến 。

nên biết đó thì là Như Lai vậy, là gọi mắt thấy.

若觀如來以他心智觀眾生時。為利養說為眾生說。

Nhược quán Như Lai dĩ tha tâm trí quán chúng sanh thì 。 vị lợi dưỡng thuyết vi chúng sanh thuyết 。

Nếu quán Như Lai dùng tâm trí khác khi quán chúng sanh, vì lợi dưỡng nói là chúng sanh nói.

若為眾生不為利養。當知是則為如來也。是名聞見。

Nhược vi chúng sanh bất vi lợi dưỡng 。 đương tri thị tắc vi Như Lai dã 。 thị Danh-Văn kiến 。

Hoặc là chúng sanh không vì lợi dưỡng, nên biết đó thì là Như Lai vậy, là gọi nghe thấy. 云何如來而受是身。何故受身。為誰受身。

Vân hà Như Lai nhi thọ thị thân 。 hà cố thọ thân 。 vi thù thọ thân 。

Như lai làm thế nào mà thọ thân ấy? Sao nên thọ thân? Là ai thọ thân?

是名眼見。

Thị danh nhãn kiến 。

Chính gọi mắt thấy.

若觀如來云何說法何故說法為誰說法。是名聞見以身惡業加之不瞋。

Nhược quán Như Lai vân hà thuyết Pháp hà cố thuyết Pháp vi thù thuyết Pháp 。 thị Danh-Văn kiến dĩ thân ác nghiệp gia chi bất sân 。

Hoặc quán Như Lai làm thế nào thuyết pháp vì ai thuyết pháp? Chính gọi mắt thấy do thân nghiệp ác tăng thêm không sân.

當知是則為如來也。是名眼見。以口惡業加之不恚。

Đương tri thị tắc vi Như Lai dã 。 thị danh nhãn kiến 。

Nên biết đó thì là Như Lai vậy, chính gọi mắt thấy, do nghiệp khẩu ác tăng thêm mà không uế.

當知是則為如來也。是名聞見。

Đương tri thị tắc vi Như Lai dã 。 thị Danh-Văn kiến 。

Nên biết đó thì là Như Lai vậy, chính gọi nghe thấy.

若見菩薩初生之時。於十方面各行七步。

Nhược kiến Bồ Tát sơ sanh chi thì 。 ư thập phương diện các hành thất bộ 。

Hoặc thấy Bồ-tát khi mới sanh ra, ở mười phương hướng về đều đi bảy bước,

摩尼跋陀富那跋陀鬼神大將。執持幡蓋。

Ma ni bạt đà phú na bạt đà quý Thần Đại tướng 。 chấp trì phiên cái 。
Ma ni bạt đà Phú na bạt đà quý thần đại tướng, cầm nắm phan lọng.
震動無量無邊世界。金光晃曜彌滿虛空。
chấn động vô lượng vô biên thế giới 。 kim quang 晃 diệu di mãn hư không 。
chấn động vô lượng vô biên thế giới, ánh sáng vàng rực khắp đầy hư không.
難陀龍王及跋難陀以神通力浴菩薩身。諸天形像承迎禮拜。
Nan đà long Vương cập Bạt nan đà dĩ Thần thông lực dục Bồ Tát thân 。 chư Thiên hình tượng thừa nghênh lễ bái 。
Nan đà long vương cùng Bạt nan đà long vương dùng sức thần thông tắm thân Bồ-tát, hình tượng chư Thiên lễ bái nghinh đón.
阿私陀仙合掌恭敬。盛年捨欲如棄涕唾。
A tư đà tiên hợp chưởng cung kính 。 thịnh niên xả dục như khí thế thóa 。
Tiên A tư đà chấp tay cung kính, nhiều năm xả bỏ ham muốn như bỏ nước mũi.
不為世樂之所迷惑。出家修道樂於閑寂。
Bất vi thế lạc chi sở mê hoặc 。 xuất gia tu đạo lạc ư nhàn tịch 。
Chẳng vì chỗ mê hoặc của thế lạc, xuất gia tu đạo vui ở vắng lặng.
為破邪見六年苦行。於諸眾生平等無二。
Vị phá tà kiến lục niên khổ hạnh 。 ư chư chúng sanh bình đẳng vô nhị 。
Vị phá tà kiến sáu năm khổ hạnh, đối với các chúng sanh bình đẳng không hai.
心常在定初無散亂。相好嚴麗莊飾其身。
Tâm thường tại định sơ vô tán loạn 。 tướng hảo nghiêm lệ trang sức kỳ thân 。
Tâm thường trong định ban đầu không tán loạn, tướng hảo trang nghiêm trang sức thân kia.
所遊之處丘墟皆平。衣服離身四寸不墮。
Sở du chi xứ khâu khư giai bình 。 y phục ly thân tứ thốn bất đọa 。
Chỗ của dạo chơi gò chỢ bằng phẳng, y phục nơi thân cách đất bốn tấc,
行時直視不顧左右。所食之物物無完過。
hành thì trực thị bất cố tả hữu 。 sở thực chi vật vật vô hoàn quá 。
hành thì thẳng nhìn kĩ chẳng trông lại bên trái bên phải 。 thức ăn vật vật vô đủ vượt 。
khi đi nhìn thẳng chẳng hề liếc nhìn hai bên, vật làm thức ăn đồ không vượt quá.
坐起之處草不動亂。為調眾生故往說法。心無憍慢。是名眼見。

Tọa khởi chi xử thảo bất động loạn 。 vì điều chúng sanh cố vãng thuyết Pháp 。 tâm vô
kiêu mạn 。 thị danh nhãn kiến 。

Chỗ của đứng ngồi cỏ không lộn xộn, vì điều phục chúng sanh nên đi thuyết pháp.
若聞菩薩行七步已唱如是言。

Nhược văn Bồ Tát hành thất bộ dĩ xướng như thị ngôn 。

Hoặc nghe Bồ-tát đi bảy bước rồi xướng lời như thế.

我今此身最是後邊。阿私陀仙合掌而言。大王當知。

Ngã kim thử thân tối thị hậu biên 。 a tư đà tiên hợp chưởng nhi ngôn 。

Đại Vương đương tri 。

Nay ta thân này là rốt sau cùng, Tiên A-Tư-Đà chấp tay thưa rằng: Đại vương nên biết:
悉達太子。定當得成阿耨多羅三藐三菩提。

Tất đạt Thái-Tử 。

định đương đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề 。

Thái tử Tất đạt định sẽ được thành A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

終不在家作轉輪王。何以故。相明了故。

Chung bất tại gia tác chuyển luân Vương 。

hà dĩ cố 。

tướng minh liễu cố 。

Trọn chẳng ở nhà làm Vua chuyển luân vì sao vậy? Tướng sáng rõ vậy.

轉輪聖王相不明了。悉達太子身相炳著。

Chuyển luân Thánh Vương tướng bất minh liễu 。

Tất đạt Thái-Tử thân tướng bỉnh trước
。

Chuyển Luân Thánh vương tướng không sáng rõ, Thái tử Tất Đạt thân tướng đẹp đẽ.

是故必得阿耨多羅三藐三菩提。見老病死復作是言。

Thị cố tất đắc A nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。 kiến lão bệnh tử phục tác thị ngôn 。

Vì vậy quyết được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, thấy già bệnh chết lại nói lời rằng:
一切眾生甚可憐愍。

Nhất thiết chúng sanh thậm khả lân mẫn 。

Tất cả chúng sanh rất đáng thương xót,

常與如是生老病死共相隨逐。而不能觀常行於苦。我當斷之。

thường dữ như thị sanh lão bệnh tử cộng tướng tùy trục 。

nhi bất năng quán thường hành
ư khổ 。

ngã đương đoạn chi 。

thường cùng sanh già bệnh chết cùng tướng theo đuổi, mà chẳng hay quán thường hành
ở khổ, ta sẽ chấm dứt.

從阿羅邏五通仙人受無想定。

Tùng A la la ngũ thông Tiên nhân thọ vô tưởng định 。

Từ A la la Ngũ thông Tiên nhân thọ vô tưởng định.

既成就已後說其非。從鬱陀伽仙受非有想非無想定。

Ký thành tựu dĩ hậu thuyết kỳ phi 。

tùng Uất đà đà tiên thọ Phi hữu tưởng phi vô tưởng định 。

Đã thành tựu rồi sau nói kia không, từ Uất đà già tiên thọ định Phi hữu tưởng Phi vô tưởng.

既成就已說非涅槃是生死法。

Ký thành tựu dĩ thuyết phi Niết-bàn thị sanh tử Pháp 。

Đã thành tựu rồi nói chẳng phải Niết-bàn là pháp sanh tử.

六年苦行無所剋獲。即作是言。修是苦行空無所得。

Lục niên khổ hành vô sở khắc hoạch 。

tức tác thị ngôn 。

tu thị khổ hành không vô sở đắc 。

Sáu năm khổ hạnh không chỗ khắc phục được, liền nói lời rằng: Tu khổ hạnh ấy không có sở đắc.

若是實者我應得之。以虛妄故我無所得。

Nhược thị thật giả ngã ứng đắc chi 。

dĩ hư vọng cố ngã vô sở đắc 。

Nếu thật được ấy ta nên được ấy, vì hư vọng nên ta không sở đắc,

是名邪術非正道也。既成道已梵天勸請。

thị danh tà thuật phi chánh đạo dã 。

ký thành đạo dĩ Phạm Thiên khuyến thỉnh 。

là gọi tà kiến chẳng phải chánh đạo vậy, đã thành đạo rồi Phạm thiên khuyến thỉnh, 惟願如來當為眾生廣開甘露說無上法。佛言。梵王。

duy nguyện Như Lai đương vì chúng sanh quảng khai cam lộ thuyết vô thượng Pháp 。

Phật ngôn 。

Phạm Vương 。

duy nguyện Như Lai nên vì chúng sanh mở rộng cam lồ nói pháp vô thượng. Phật dạy:

Này Phạm vương!

一切眾生常為煩惱之所障覆。不能受我正法之言。

Nhất thiết chúng sanh thường vì phiền não chi sở chướng phúc 。

bất năng thọ ngã chánh Pháp chi ngôn 。

Tất cả chúng sanh thường vì chỗ chướng ngại che lấp của phiền não.

梵王復言。世尊。一切眾生凡有三種。

Phạm Vương phục ngôn 。 Thế tôn 。 nhất thiết chúng sanh phàm hữu tam chủng 。

Phạm vương lại nói: Thừa đức Thế Tôn! Tất cả chúng sanh phàm có ba thứ.

所謂利根中根鈍根。利根能受。惟願為說。佛言。

Sở vị lợi căn trung căn độn căn 。 lợi căn năng thọ 。 duy nguyện vi thuyết 。 Phật ngôn 。

Chỗ nói rằng lợi căn trung căn độn căn. Lợi căn năng thọ, duy nguyện vì nói: Phật dạy:

梵王。諦聽諦聽。我今當為一切眾生開甘露門。

Phạm Vương 。 Để thính để thính 。 Ngã kim đương vi nhất thiết chúng sanh khai cam lộ môn 。

Phạm vương! Nghe kỹ nghe kỹ! Ta nay sẽ vì tất cả chúng sanh mở cửa cam lồ,

即於波羅奈國轉正法輪宣說中道。

tức ở Ba la nại quốc chuyển chánh Pháp luân tuyên thuyết Trung đạo 。

liền ở nước Ba la nại chuyển chánh Pháp luân tuyên nói Trung đạo.

一切眾生不破諸結非不能破。非破非不破。

Nhất thiết chúng sanh bất phá chư kết phi bất năng phá 。

Tất cả chúng sanh không phá các sự ràng buộc chẳng không hay phá, chẳng phá chẳng không phá?

故名中道。不度眾生非不能度。是名中道。

cố danh Trung đạo 。

không độ chúng sanh chẳng không hay độ, chính gọi Trung đạo.

非一切成亦非不成。是名中道。

Phi nhất thiết thành diệc phi bất thành 。

Chẳng tất cả thành cũng chẳng không thành, chính gọi Trung đạo.

凡有所說不自言師不言弟子。是名中道。說不為利非不得果。

Phàm hữu sở thuyết bất tự ngôn sư bất ngôn đệ-tử 。

thị danh trung đạo 。

thuyết bất vì lợi phi bất đắc quả 。

Phàm có chỗ nói không tự nói thầy chẳng nói đệ tử, chính gọi Trung đạo. Nói không vì lợi chẳng không đắc quả,

是名中道。正語實語時語真語。

thị danh trung đạo 。

Chánh ngữ thật ngữ thì ngữ chân ngữ 。

chính gọi Trung đạo. Nói chân chính nói chân thật nói đúng lúc nói chân thật,

言不虛發微妙第一。如是等法。是名聞見。善男子。

ngôn bất hư phát vi diệu đệ nhất 。 như thị đấng Pháp 。 thị Danh-Văn kiến 。 thiện nam tử
。

nói không hư dối vi diệu đệ nhất, những pháp như thế, chính gọi nghe thấy. Thiện nam tử!
如來心相實不可見。若有善男子善女人。

Như Lai tâm tướng thật bất khả kiến 。 nhược hữu thiện nam tử Thiện Nữ Nhân 。

Tâm tướng Như Lai thật không thể thấy, hoặc có thiện nam tử thiện nữ nhân!

欲見如來應當依是二種因緣。

Dục kiến Như Lai ứng đương y thị nhị chủng nhân duyên 。

Muốn thấy Như Lai nên phải nương hai thứ nhân duyên đó.

大般涅槃經卷第二十七

Đại bát-niết-bàn Kinh quyển đệ thập thất

Kinh Đại bát-niết-bàn

Quyển Thứ Hai Mười Bảy.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:11:57 2006

Thích Nữ Huệ Dung hiệu đính lần 1.Ngộ Tùng lần 2.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:11:57 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập thất sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》 CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====
=====
=====
=====
=====
=====

大般涅槃經卷第二十八

Đại Bát Niết Bàn Kinh quyển đệ nhị thập bát

Kinh Đại Bát Niết Bàn Quyển Thứ Hai Mười Tám.

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Thời Bắc Lương, Tam tạng Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

師子吼菩薩品第十一之二

Sư Tử Hống Bồ-tát phẩm đệ thập nhất chi nhị

Phần thứ hai, phẩm thứ mười một: Bồ-tát Sư Tử Hống.

爾時師子吼菩薩摩訶薩白佛言。世尊。

Nhĩ thời Sư Tử Hống Đại Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế tôn。

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

如先所說菴羅果喻四種人等。

Như tiên sở thuyết Am-la quả dụ tứ chủng nhân đẳng。

Như trước đã nói, quả Am-la dụ cho bốn hạng người.

有人行細心不正實。有人心細行不正實。

Hữu nhân hạnh tế tâm bất chánh thật. Hữu nhân tâm tế hạnh bất chánh thật.

Có người hạnh tế mà tâm không chơn thật, có người tâm tế hạnh không chơn thật,

有人心細行亦正實。有人心不細行不正實。

Hữu nhân tâm tế hạnh diệc chánh thật. Hữu nhân tâm bất tế hạnh bất chánh thật.

Có người tâm tế hạnh cũng chơn thật, có người tâm không tế hạnh cũng không chơn thật.

是初二種云何可知。如佛所說。雖依是二不可得知。

Thị sơ nhị chủng vân hà khả tri. Như Phật sở thuyết. Tuy y thị nhị bất khả đắc tri.

Hai pháp ấy ban đầu làm sao có thể biết? Như Phật đã dạy: Dù cho nương vào hai pháp này cũng không thể biết được.

佛言。善哉善哉。善男子。

Phật ngôn. Thiện tai Thiện tai. Thiện nam tử.

Phật dạy: Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử!

菴羅果喻二種人等實難可知。以難知故我經中說。當與共住。

Am-la quả dụ nhị chủng nhân đẳng thật nan khả tri. Dĩ nan tri cố ngã Kinh trung thuyết. Đương dĩ cộng trụ.

Quả Am-la dụ cho hai loại người, thật khó có thể biết, vì khó biết nên trong kinh ta nói phải cùng ở với nhau,

住若不知。當與久處。久處不知。當以智慧。

Trụ nhược bất tri. Đương dĩ cửu xử. Cửu xử bất tri. Đương dĩ trí tuệ.

Cùng nhau ở nếu không biết, thì phải cư xử với nhau lâu, cư xử với nhau lâu mà không biết thì phải dùng trí tuệ.

智若不知。當深觀察。以觀察故。

Trí nhược bất tri. Đương thâm quan sát. Dĩ quan sát cố.

Nếu có trí mà không biết thì phải quán sát sâu xa. Nhờ quán sát

則知持戒及以破戒。善男子。具是四事共住久處智慧觀察。

Tắc tri trì giới cập dĩ phá giới. Thiện nam tử. Cụ thị tứ sự cộng trụ cửu xử trí tuệ quan sát.

nên biết được trì giới và phá giới. Thiện nam tử! Đầy đủ có bốn việc: Cùng ở, cư xử lâu ngày, trí tuệ, quán sát,

然後得知持戒破戒。善男子。戒有二種。

Nhiên hậu đắc tri trì giới phá giới. Thiện nam tử. Giới hữu nhị chủng.
về sau mới biết được giữ giới hay phá giới. Thiện nam tử! Giới có hai loại:
持戒亦二。一究竟戒。二不究竟。

Trì giới diệt nhị. Nhất cứu cánh giới. Nhị bất cứu cánh.

Trì giới cũng có hai: Một là cứu cánh giới, hai là không cứu cánh.

有人以因緣故受持禁戒。智者當觀是人持戒。

Hữu nhân dĩ nhân duyên cố thọ trì cấm giới. Trí giả đương quán thị nhân trì giới.

Có người vì nhân duyên cho nên thọ trì cấm giới, người trí phải quán người ấy là giữ giới
為為利養為究竟持。善男子。如來戒者無有因緣。

Vi vi lợi dưỡng vi cứu cánh trì. Thiện nam tử. Như Lai giới giả vô hữu nhân duyên.
là vì lợi dưỡng làm cứu cánh mà giữ giới. Thiện nam tử! giới của Như Lai không có nhân
duyên

是故得名為究竟戒。以是義故。

Thị cố đắc danh vi cứu cánh giới. Dĩ thị nghĩa cố.

cho nên được gọi là cứu cánh giới. Vì nghĩa ấy,

菩薩雖為諸惡眾生之所傷害不生悲礙。

Bồ-tát tuy vi chư ác chúng sanh chi sở thương hại bất sanh khuể ngại.

Bồ-tát mặc dù bị các chúng sanh ác làm tổn hại cũng không sân giận

是故如來得成就畢竟持戒究竟持戒。善男子。

Thị cố Như Lai đắc danh thành tựu tất cánh trì giới cứu cánh trì giới. Thiện nam tử.

cho nên Như Lai được gọi là người rốt ráo thành tựu giữ giới, là cứu cánh giới. Thiện nam
tử!

我昔一時與舍利弗及五百弟子。

Ngã tích nhất thời dĩ Xá-lợi-phất cập ngũ bách đệ tử.

Ngày xưa Ta một thời cùng với Xá-lợi-phất và năm trăm đệ tử

俱共止住摩伽陀國瞻婆大城。時有獵師追逐一鵠。

Câu cộng chỉ trụ Ma-già-đà quốc Chiêm Bà đại thành. Thời hữu liệt sư truy trục nhất
cáp.

cùng ở tại nước Ma-già-đà, trong thành Chiêm Bà. Lúc bấy giờ có một người thợ săn đuổi
theo một con bồ câu,

是鵠惶怖至舍利弗影。

Thị cấp hoàng phổ chí Xá-lợi-phất ảnh。

bồ câu ấy hoảng sợ đến núp bên bóng Xá-lợi-phất,

猶故戰慄如芭蕉樹至我影中身心安隱恐怖得除。是故當知如來世尊畢竟持戒。

Do cố chiến lạt như ba tiêu thụ chí ngã ảnh trung thân tâm an ổn khùng phổ đắc trừ。 Thị cố đương tri Như Lai Thế Tôn tất cánh trì giới。

giống như cây chuối run rẩy đến bên bóng của ta, thân tâm được an ổn, lo sợ được trừ hết. Cho nên phải biết Như Lai Thế Tôn trì giới rất ráo,

乃至身影猶有是力。善男子。

Nãi chí thân ảnh do hữu thị lực。 Thiện nam tử。

cho nên bóng của thân có sức như vậy. Thiện nam tử!

不究竟戒尚不能得聲聞緣覺。

Bất cứu cánh giới thượng bất năng đắc Thanh Văn Duyên Giác。

Giới không cứu cánh chưa có thể chứng được Thanh văn, Duyên giác,

何況能得阿耨多羅三藐三菩提。復有二種。一為利養。二為正法。

Hà hướng năng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。 Phục hữu nhị chủng。 Nhất vi lợi dưỡng。 Nhị vi chánh Pháp。

hướng gì có thể chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Lại có hai loại: Một là vì lợi dưỡng, hai là vì Chánh pháp.

為利養故受持禁戒當知是戒不見佛性及以如來。

Vi lợi dưỡng cố thọ trì cấm giới đương tri thị giới bất kiến Phật tánh cập dĩ Như Lai。

Vi lợi dưỡng cho nên thọ trì cấm giới, nên biết giới ấy không thấy được Phật tánh và Như Lai.

雖聞佛性及如來名。猶不得名為聞見也。

Tuy văn Phật tánh cập Như Lai danh。 Do bất đắc danh vi văn kiến dã。

Tuy nghe được Phật tánh và tên gọi Như Lai, nhưng không được gọi là thấy nghe đúng nghĩa vậy.

若為正法受持禁戒。

Nhược vi chánh Pháp thọ trì cấm giới。

Nếu vì Chánh pháp thọ trì cấm giới thì

當知是戒能見佛性及以如來。是名眼見。亦名聞見。復有二種。

Đương tri thị giới năng kiến Phật tánh cập dĩ Như Lai. Thị danh nhãn kiến. Diệc danh văn kiến. Phục hữu nhị chủng。

nên biết giới này có thể thấy được Phật tánh và Như Lai. Đó gọi là thấy bằng mắt, cũng gọi là thấy bằng tai. Lại có hai loại:

一者根深難拔。二者根淺易動。

Nhất giả căn thâm nan bạt。Nhị giả căn thiển dịch động。

Một là cội gốc sâu dày khó nhổ, hai là rễ cạn dễ động;

若能修習空無相願。是名根深難拔。若不修習是三三昧。

Nhược năng tu tập không vô tướng nguyện。Thị danh căn thâm nan bạt。Nhược bất tu tập thị tam tam muội。

nếu có thể tu tập Không, Vô tướng, Vô nguyện thì gọi là rễ sâu khó nhổ. Nếu không tu tập tam muội ấy,

雖復修習為二十五有。是名根淺易動。復有二種。

Tuy phục tu tập vi nhị thập ngũ hữu。Thị danh căn thiển dịch động。Phục hữu nhị chủng。

thì phải tu tập hai mươi lăm hữu, đó gọi là rễ cạn dễ động. Lại có hai loại:

一為自身。二為眾生。

Nhất vi tự thân。Nhị vi chúng sanh。

Một là vì tự thân, hai là vì chúng sanh.

為眾生者能見佛性及以如來。持戒之人復有二種。一者性自能持。

Vi chúng sanh giả năng kiến Phật tánh cập dĩ Như Lai。Trì giới chi nhân phục hữu nhị chủng。Nhất giả tánh tự năng trì。

Vi chúng sanh tức là có thể thấy Phật tánh và Như Lai. Người trì giới lại có hai loại: Một là tự tánh của mình có thể trì giới,

二者須他教勅。

Nhị giả tu tha giáo sắc。

hai là đợi người khác dạy bảo.

若受戒已經無量世初不漏失。或值惡國遇惡知識惡時惡世。

Nhược thọ giới dĩ Kinh vô lượng thế sơ bất lậu thất。Hoặc trị ác quốc ngộ ác tri thức ác thời ác thế。

Nếu thọ giới rồi trải qua vô lượng đời không rớt mất, hoặc gặp nước ác, gặp ác tri thức, ác thời ác thế,

聞邪惡法邪見同止。爾時雖無受戒之法。

Văn tà ác Pháp tà kiến đồng chỉ. Nhĩ thời tuy vô thọ giới chi Pháp.

nghe tà pháp, cùng ở với người tà kiến. Lúc bấy giờ mặc dù không thọ giới pháp

修持如本無所毀犯。是名性自能持。

tu trì như bản vô sở hủy phạm. Thị danh tánh tự năng trì.

tu trì những điều vốn có không hề hủy phạm. Đó gọi là tự tánh có thể trì giới.

若遇師僧白四羯磨然後得戒。

Nhược ngộ Sư tăng bạch tứ Yết Ma nhiên hậu đắc giới.

Nếu gặp Sư Tăng bạch Tứ Yết Ma rồi mới đắc giới,

雖得戒已要憑和上諸師同學善友誨喻乃知進止。聽法說法備諸威儀。

Tuy đắc giới dĩ yếu bằng Hòa thượng chư sư đồng học thiện hữu hữu dụ nãi tri tiến

chỉ. Thính Pháp thuyết Pháp bị chư uy nghi.

mặc dù đắc giới rồi nhưng cũng cần nương các bậc thầy Hoà thượng, các bạn đồng học,

bạn tốt dạy bảo mới biết chỗ nào nên làm không nên làm. Nghe pháp thuyết Pháp phải

đầy đủ các oai nghi.

是名須他教勅。善男子。性能持者。

Thị danh tu tha giáo sắc. Thiện nam tử. Tánh năng trì giả.

Đó gọi là đợi người khác dạy bảo. Thiện nam tử! Tự tánh năng trì là

眼見佛性及以如來。亦名聞見。戒復有二。一聲聞戒。

Nhãn kiến Phật tánh cập dĩ Như Lai. Diệc danh văn kiến. Giới phục hữu nhị. Nhất

Thanh Văn giới.

mắt thấy được Phật tánh và Như Lai, cũng gọi là nghe thấy. Giới lại có hai: Một là Thanh

văn giới,

二菩薩戒。

Nhị Bồ-tát giới.

hai là Bồ-tát giới.

從初發心乃至得成阿耨多羅三藐三菩提。是名菩薩戒。

Tòng sơ phát tâm nãi chí đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Thị danh Bồ-tát

giới.

Từ sơ phát tâm cho đến đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miêu-tam-bồ-đề. Đó gọi là Bồ-tát giới;

若觀白骨乃至證得阿羅漢果。是名聲聞戒。若有受持聲聞戒者。

Nhược quán bạch cốt nãi chí chứng đắc A-la-hán quả. Thị danh Thanh Văn giới. Nhược hữu thọ trì thanh văn giới giả.

nếu quán xương trắng cho đến chứng đắc A-la-hán quả, đó gọi là giới Thanh Văn. Nếu người thọ trì Thanh Văn giới thì

當知是人不見佛性及以如來。若有受持菩薩戒者。

Đương tri thị nhân bất kiến Phật tánh cập dĩ Như Lai. Nhược hữu thọ trì Bồ-tát giới giả.

nên biết người đó không thấy được Phật tánh và Như Lai; nếu người thọ Bồ-tát giới

當知是人得阿耨多羅三藐三菩提。

đương tri thị nhân đắc A-nậu-đa-la Tam-miêu-tam-bồ-đề.

nên biết người đó chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miêu-tam-bồ-đề,

能見佛性如來涅槃。師子吼菩薩言。世尊。

Năng kiến Phật tánh Như Lai Niết Bàn. Sư Tử Hống Bồ-tát ngôn. Thế tôn.

có thể thấy Phật tánh, Như Lai, Niết Bàn. Bồ-tát Sư Tử Hống bạch: Bạch Thế Tôn!

何因緣故受持禁戒。佛言。善男子。為心不悔故。

Hà nhân duyên cố thọ trì cấm giới. Phật ngôn. Thiện nam tử. Vi tâm bất hối cố.

Vì nhân duyên gì thọ trì cấm giới? Phật dạy: Thiện nam tử! Vì tâm không hối vậy,

何故不悔。為受樂故。何故受樂。為遠離故。

Hà cố bất hối. Vi thọ lạc cố. Hà cố thọ lạc. Vi viễn li cố.

làm thế nào được tâm không hối? Vì thọ sự vui thú. Làm thế nào thọ sự vui thú? Vì xa lìa vậy.

何故遠離。為安隱故。何故安隱。為禪定故。

Hà cố viễn li. Vi an ổn cố. Hà cố an ổn. Vi Thiền định cố.

Làm thế nào để xa lìa? Vì an ổn vậy. Làm sao để an ổn? Nhờ Thiền định vậy.

何故禪定。為實知見故。何故為實知見。

Hà cố Thiền định. Vi thật tri kiến cố. Hà cố vi thật tri kiến.

Như thế nào là Thiền định? Là tri kiến như thật. Thế nào là tri kiến như thật?

為見生死諸過患故。何故為見於生死過患。

Vi kiến sanh tử chư quá hoạn cố. Hà cố vi kiến ư sanh tử quá hoạn.

Vì thấy được các hoạn nạn của sanh tử. Thế nào là thấy các hoạn nạn của sanh tử?
為心不貪著故。何故為心不貪著。為得解脫故。

Vì tâm bất tham trước cố. Hà cố vì tâm bất tham trước. Vì đắc giải thoát cố.

Vì tâm không tham trước vậy. Thế nào là tâm không tham trước? Vì đắc giải thoát vậy.
何故為得解脫。為得無上大涅槃故。

Hà cố vì đắc giải thoát. Vì đắc vô thượng Đại Niết Bàn cố.

Làm thế nào để đắc giải thoát? Là chứng Đại Niết Bàn vô thượng vậy.

何故為得大般涅槃。為得常樂我淨法故。

Hà cố vì đắc Đại bát Niết Bàn. Vì đắc Thường, Lạc, Ngã, Tịnh Pháp cố.

Làm thế nào để đắc Đại Bát Niết Bàn? Là đắc các pháp Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

何故為得常樂我淨。為得不生不滅故。何故為得不生不滅。

Hà cố vì đắc Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Vì đắc bất sanh bất diệt cố. Hà cố vì đắc bất sanh
bất diệt。

Làm thế nào để đắc Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Là chứng đắc không sanh không diệt vậy.

Làm thế nào để được không sanh không diệt?

為見佛性故。是故菩薩性自能持究竟淨戒。

Vì kiến Phật tánh cố. Trì cố Bồ-tát tánh tự năng trì cứu cánh tịnh giới.

Vì thấy được Phật tánh, cho nên tự tánh Bồ-tát có thể trì giới cứu cánh thanh tịnh.

善男子。持戒比丘雖不發願求不悔心。

Thiện nam tử. Trì giới bỉ khâu tuy bất phát nguyện cầu bất hối tâm.

Thiện nam tử! Vị Tỳ kheo trì giới tuy không phát nguyện cầu không hối tâm,

不悔之心自然而得。何以故。法性爾故。

Bất hối chi tâm tự nhiên nhi đắc. Hà dĩ cố. Pháp tánh nhĩ cố.

tâm bất hối tự nhiên mà được. Tại sao vậy? Vì pháp tánh như vậy.

雖不求樂遠離安隱真實知見。見生死過。

Tuy bất cầu lạc viễn li an ổn chân thật tri kiến. Kiến sanh tử quá.

Tuy không cầu vui thú, xa lìa, an ổn, tri kiến chân thật, thấy nỗi lo sanh tử,

心不貪著解脫涅槃常樂我淨不生不滅。

Tâm bất tham trước giải thoát Niết Bàn Thường, Lạc, Ngã, Tịnh bất sanh bất diệt.

tâm không tham trước, giải thoát, Niết Bàn, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, không sanh không
diệt,

見於佛性而自然得。何以故。法性爾故。師子吼菩薩言。世尊。

Kiến ư Phật tánh nhi tự nhiên đắc. Hà dĩ cố. Pháp tánh nhĩ cố. Sư Tử Hống Bồ-tát ngôn. Thế-tôn.

thấy được Phật tánh tự nhiên mà được. Tại sao vậy? Bồ-tát Sư Tử Hống bạch: Bạch Thế Tôn!

若因持戒得不悔果。因於解脫得涅槃果者。

Nhược nhân trì giới đắc bất hối quả. Nhân ư giải thoát đắc Niết Bàn quả giả.

Nếu nhờ nhân trì giới được quả bất hối, nhờ đó mà giải thoát, chứng đắc quả Niết Bàn,戒則無因。涅槃無果。戒若無因則名為常。

Giới tắc vô nhân. Niết Bàn vô quả. Giới nhược vô nhân tắc danh vi thường.

giới thì không nhân, Niết Bàn không quả, giới nếu không nhân thì gọi là Thường.

涅槃有因則是無常。

Niết Bàn hữu nhân tắc thị vô thường.

Niết Bàn có nhân thì đó là vô thường.

若爾者涅槃則為本無今有。若本無今有是為無常。猶如然燈。

Nhược nhĩ giả Niết Bàn tắc vi bản vô kim hữu. Nhược bản vô kim hữu thị vi vô thường. Do như Nhiên-Đăng.

Nếu Niết Bàn như vậy thì vốn không mà nay có, nếu vốn không mà nay có thì đó là vô thường. Giống như ngọn đèn,

涅槃若爾。云何得名我樂淨耶。佛言。善男子。

Niết Bàn nhược nhĩ. Vân hà đắc danh Ngã Lạc Tịnh da. Phật ngôn. Thiện nam tử.

Niết-bàn cũng như vậy. Thế nào được gọi là Ngã, Lạc, Tịnh? Phật dạy: Thiện nam tử!

善哉善哉。汝以曾於無量佛所種諸善根。

Thiện tai Thiện tai. Nhữ dĩ tăng ư vô lượng Phật sở chủng chư thiện căn.

Hay thay! Hay thay! Người đã từng ở nơi vô lượng đức Phật trồng các thiện căn

能問如來如是深義。善男子。不失本念乃如是問也。

Năng vấn Như Lai như thị thâm nghĩa. Thiện nam tử. Bất thất bản niệm nãi như thị vấn dã.

có thể hỏi Như Lai ý nghĩa sâu xa như vậy. Thiện nam tử! Không mất đi niệm vốn có ấy mới hỏi như vậy.

我憶往昔過無量劫。波羅奈城有佛出世。

Ngã ức vãng tích quá vô lượng kiếp. Ba-la-nại thành hữu Phật xuất thế.
Ta nhớ ngày xưa vô lượng kiếp trước, tại thành Ba-la-nại có Phật xuất thế,
號曰善得。

Hiệu viết Thiện Đắc.

hiệu là Thiện Đắc.

爾時彼佛三億歲中演說如是大涅槃經。我時與汝俱在彼會。

Nhĩ thời bĩ Phật tam ức tuế trung diễn thuyết như thị Đại Niết Bàn Kinh. Ngã thời dữ nhữ
câu tại bĩ hội.

Lúc bấy giờ, đức Phật ấy suốt trong ba ức năm diễn nói kinh Đại Niết Bàn như vậy. Ta và
ngươi lúc bấy giờ đều có mặt trong hội chúng ấy.

我以是事諮問彼佛。

Ngã dĩ thị sự ti vấn bĩ Phật.

Ta đem việc ấy thưa hỏi đức Phật ấy.

爾時如來為眾生故三昧正受未答此義。善哉大士。乃能憶念如是本事。諦聽諦聽。

Nhĩ thời Như Lai vi chúng sanh cố tam muội chánh thọ vị đáp thử nghĩa. Thiện tai đại
sĩ. Nãi năng ức niệm như thị bốn sự. Để thính để thính.

Lúc bấy giờ, Như Lai vì chúng sanh đang nhập tam muội chánh thọ nên chưa đáp nghĩa
ấy. Hay thay đại sĩ! Thậm chí có thể nhớ chuyện xưa như vậy. Hãy lắng nghe, lắng nghe!
當為汝說。戒亦有因。謂聽正法。

Đương vi nhữ. Giới diệc hữu nhân. Vị thính chánh Pháp.

Ta sẽ vì ngươi nói. Giới cũng có nhân, đó là nghe Chánh pháp.

聽正法者是亦有因。謂近善友。近善友者是亦有因。

Thính chánh Pháp giả thị diệc hữu nhân. Vị cận thiện hữu. Cận thiện hữu giả thị diệc
hữu nhân.

Nghe Chánh pháp cũng có nhân, đó là thân cận bạn tốt, thân cận bạn tốt cũng có nhân,
所謂信心。信心者是亦有因。因有二種。

Sở vị tín tâm. Tín tâm giả thị diệc hữu nhân. Nhân hữu nhị chủng.

đó là tín tâm. Tín tâm ấy cũng có nhân, nhân này có hai loại:

一者聽法。二思惟義。善男子。信心者因於聽法。

Nhất giả thính Pháp. Nhị tư duy nghĩa. Thiện nam tử. Tín tâm giả nhân ư thính Pháp.

Một là nghe pháp, hai là suy nghĩ nghĩa ấy. Thiện nam tử! Nhân của tín tâm là ở chỗ nghe Pháp.

聽法者因於信心。如是二法。亦因亦因因。

Thính Pháp giả nhân ư tín tâm. Như thị nhị Pháp. Diệc nhân diệc nhân nhân.

Nhân nghe pháp ấy là ở chỗ tín tâm. Hai pháp này, cũng nhân và cũng là nhân của nhân, 亦果亦果果。善男子。

Diệc quả diệc quả quả。Thiện nam tử。

cũng là quả và cũng là quả của quả。Thiện nam tử!

譬如尼乾立拒舉瓶互為因果不得相離。善男子。如無明緣行。行緣無明。

Thí như Ni Kiền lập cự cử bình hõ vi nhân quả bất đắc tương ly。Thiện nam tử。Như vô minh duyên hành。Hành duyên vô minh。

Thí như phái Ni-kiền lập ra quy cũ thì nhân quả không được xa rời nhau。Thiện nam tử!

Như vô minh duyên hành, hành duyên vô minh。

是無明行亦因亦因因。亦果亦果果。

Thị vô minh hạnh diệc nhân diệc nhân nhân。Diệc quả diệc quả quả。

Vô minh, hành ấy cũng nhân và cũng là nhân của nhân, cũng là quả và cũng là quả của quả;

乃至生緣老死。老死緣生。是生老死亦因亦因因。

Nãi chí sanh duyên lão tử。Lão tử duyên sanh。Thị sanh lão tử diệc nhân diệc nhân nhân。

cho đến sanh duyên lão tử, lão tử duyên sanh。Sanh, lão tử ấy cũng là nhân cũng là nhân của nhân,

亦果亦果果。善男子。生能生法不能自生。

Diệc quả diệc quả quả。Thiện nam tử。Sanh năng sanh Pháp bất năng tự sanh。

cũng là quả cũng là quả của quả。Thiện nam tử! sanh có thể sanh pháp nhưng không thể tự sanh ra。

不自生故由生生。生生不自生復賴生故生。

Bất tự sanh cố do sanh sanh sanh。Sanh sanh bất tự sanh phục lại sanh cố sanh。

Vì không tự sanh nên sanh sinh ra sanh, sanh sinh không tự sinh lại dựa vào sanh nên sanh;

是故二生亦因亦因因。亦果亦果果。善男子。

Thị cố nhị sanh diệt nhân diệt nhân nhân. Diệt quả diệt quả quả. Thiện nam tử. cho nên hai sanh ấy cũng là nhân cũng là nhân của nhân, cũng là quả cũng là quả của quả. Thiện nam tử!

信心聽法亦復如是。善男子。是果非因謂大涅槃。

Tín tâm thính Pháp diệt phục như thị. Thiện nam tử. Thị quả phi nhân vị Đại Niết Bàn. Tín tâm nghe pháp cũng lại như vậy. Thiện nam tử! Quả ấy không nhân gọi là Đại Niết Bàn,

何故名果。是上果故。沙門果故。婆羅門果故。

Hà cố danh quả. Thị thượng quả cố. Sa-môn quả cố. Bà-la-môn quả cố.

Tại sao gọi là quả? Vì quả nói ở trên ấy là Sa-môn quả, Bà-la-môn quả, 斷生死故。破煩惱故。是故名果。

Đoạn sanh tử cố. Phá phiền não cố. Thị cố danh quả.

đoạn sanh tử quả, phá phiền não quả, cho nên gọi là quả.

為諸煩惱之所呵責。是故涅槃名果。

Vì chư phiền não chi sở ha trách. Thị cố Niết Bàn danh quả.

Vì trách cứ các phiền não, cho nên Niết Bàn gọi là quả,

煩惱者名為過過善男子。涅槃無因而體是果。何以故。無生滅故。

Phiền não giả danh vi quá quá thiện nam tử. Niết Bàn vô nhân nhi thể thị quả. Hà dĩ cố. Vô sanh diệt cố.

phiền não ấy gọi là những lỗi lầm của Thiện nam tử, Niết-bàn không có nhân mà thể của nó là quả. Tại sao vậy? Vì không sanh diệt.

無所作故。非有為故。是無為故。常不變故。

Vô sở tác cố. Phi hữu vi cố. Thị vô vi cố. Thường bất biến cố.

Vì vô sở tác, vì không hữu vi, vì ấy là vô vi, vì thường không thay đổi,

無處所故。無始終故。善男子。若涅槃有因。

Vô xử sở cố. Vô thủy chung cố. Thiện nam tử. Nhược Niết Bàn hữu nhân.

Vì không nơi chốn, vì không đầu không cuối. Thiện nam tử! Nếu Niết-bàn có nhân 則不得稱為涅槃也。槃者言因。般涅槃言無。

Tác bất đắc xưng vi Niết Bàn dã. Bàn giả ngôn nhân. Bát niết ngôn vô.

thì không được gọi là Niết-bàn vậy. Bàn là nói nhân, Niết-bàn ấy là nói vô.

無有因故。故稱涅槃。

Vô hữu nhân cố. Cố xưng Niết Bàn.

Vì không có nhân cho nên gọi là Niết Bàn.

師子吼菩薩言。如佛所說涅槃無因。

Sư Tử Hống Bồ-tát ngôn. Như Phật sở thuyết Niết Bàn vô nhân.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch: Như Phật đã nói Niết-bàn không nhân,

是義不然。若言無者則合六義。一者畢竟無故。

Thị nghĩa bất nhiên. Nhược ngôn vô giả tất hợp lục nghĩa. Nhất giả tất cánh vô cố. nghĩa ấy không như vậy. Nếu nói không ấy thì hợp sáu nghĩa: Một là vì không cứu cánh,故名為無。如一切法無我無我所。

Cố danh vi vô. Như nhất thiết Pháp vô ngã vô ngã sở.

cho nên gọi là vô vi. Như tất cả pháp không có ngã và ngã sở.

二者有時無故。故名為無。如世人言。

Nhị giả hữu thời vô cố. Cố danh vi vô. Như thế nhân ngôn.

Hai là vì có lúc không, cho nên gọi là vô. Như người đời nói:

河池無水無有日月三者少故故名為無。如世人言。

Hà trì vô thủy vô hữu nhật nguyệt tam giả thiếu cố cố danh vi vô. Như thế nhân ngôn.

Sông hồ không có nước, không có mặt trời, mặt trăng. Ba là vì thiếu cái ấy cho nên gọi là vô. Như người đời nói:

食中少鹹名為無鹹。甘漿少甜名為無甜。

Thực trung thiếu hàm danh vi vô hàm. Cam tương thiếu diềm danh vi vô diềm.

Trong thức ăn thiếu muối gọi là không có mặn, nước cam thiếu ngọt gọi là không ngọt.

四者無受故故名為無。如旃陀羅不能受持婆羅門法。

Tứ giả vô thọ cố cố danh vi vô. Như Chiên-đà-la bất năng thọ trì Bà-la-môn pháp.

Bốn là vì không thọ cho nên gọi là vô. Như Chiên-đà-la không thể thọ trì pháp của Bà-la-môn,

是故名為無婆羅門。五者受惡法故。故名為無。

Thị cố danh vi vô Bà-la-môn. Ngũ giả thọ ác pháp cố. Cố danh vi vô.

Cho nên gọi là không Bà-la-môn. Năm là vì thọ ác pháp cho nên gọi là vô.

如世人言受惡法者不名沙門及婆羅門。

Như thế nhân ngôn thọ ác Pháp giả bất danh Sa Môn cập Bà-la-môn.

Như người đời nói thọ ác pháp ấy không gọi là Sa-môn và Bà-la-môn

是故名為無有沙門及婆羅門。六者不對故。

Thị cố danh vi vô hữu Sa Môn cập Bà-la-môn. Lục giả bất đối cố.
cho nên gọi là không có Sa-môn và Bà-la-môn. Sáu là vì không đối trị,
故名為無。譬如無白名之為黑。

Cố danh vi vô. Thí như vô bạch danh chi vi hắc.
cho nên gọi là vô. Thí như không có trắng thì gọi là đen,
無有明故名之無明。世尊。

Vô hữu minh cố danh chi vô minh. Thế tôn.
vì không có sáng cho nên gọi là vô minh. Bạch Thế Tôn!
涅槃亦爾有時無因故名涅槃。

Niết Bàn diệc nhĩ hữu thời vô nhân cố danh Niết Bàn.
Niết-bàn cũng như vậy có lúc không nhân cho nên gọi là Niết-bàn.
佛言。善男子。汝今所說如是六義。

Phật ngôn. Thiện nam tử. Nhữ kim sở thuyết như thị lục nghĩa.
Phật dạy: Thiện nam tử! người nay đã nói sáu nghĩa như vậy.
何故不引畢竟無者以喻涅槃。乃取有時無耶。善男子。

Hà cố bất dẫn tất cánh vô giả dĩ dụ Niết-bàn. Nãi thủ hữu thời vô da. Thiện nam tử.
Tại sao không dẫn điều không có cứu cánh để dụ cho Niết-bàn, mà lấy có lúc là không ư?
Thiện nam tử!

涅槃之體畢竟無因。猶如無我及無我所。

Niết-bàn chi thể tất cánh vô nhân. Do như vô ngã cập vô ngã sở.
Thể cứu cánh của Niết-bàn không có nhân, giống như không có Ngã và không có Ngã sở.
善男子。世法涅槃終不相對。

Thiện nam tử. Thế Pháp Niết-bàn chung bất tương đối.
Thiện nam tử! Pháp Niết-bàn thế gian quyết chẳng tương đối
是故六事不得為喻。善男子。一切諸法悉無有我。

Thị cố lục sự bất đắc vi dụ. Thiện nam tử. Nhất thiết chư Pháp tất vô hữu ngã.
cho nên sáu việc này không được làm thí dụ. Thiện nam tử! Tất cả các pháp đều không
có Ngã,

而此涅槃真實有我。以是義故。涅槃無因而體是果。

Nhi thủ Niết-bàn chân thật hữu ngã. Dĩ thị nghĩa cố. Niết-bàn vô nhân nhi thể thị quả。

nhưng Niết-bàn này chân thật có ngã, vì nghĩa đó nên nói Niết-bàn vô nhân mà thể của nó là quả.

是因非果名為佛性。非因生故是因非果。

Thị nhân phi quả danh vi Phật tánh. Phi nhân sanh cố thị nhân phi quả.

Nhân ấy chẳng phải quả gọi là Phật tánh. Vì không nhân mà sanh nên nhân ấy chẳng phải quả.

非沙門果故名非果。何故名因以了因故。善男子。

Phi Sa-môn quả cố danh phi quả. Hà cố danh nhân dĩ liễu nhân cố. Thiện nam tử.

Vì không có Sa-môn quả cho nên gọi là Phi quả. Tại sao gọi dùng nhân để hiểu nhân? Thiện nam tử!

因有二種。一者生因。二者了因。

Nhân hữu nhị chủng. Nhất giả Sanh nhân. Nhị giả Liễu nhân.

Nhân có hai loại: Một là Sanh nhân, hai là Liễu nhân.

能生法者是名生因。燈能了物故名了因。

Năng sanh Pháp giả thị danh sanh nhân. Đăng năng liễu vật cố danh liễu nhân.

Có thể sanh ra pháp ấy gọi là Sanh nhân. Đèn có thể làm thấy rõ vật cho nên gọi là Liễu nhân.

煩惱諸結是名生因。眾生父母是名了因。

Phiền não chư kết thị danh sanh nhân. Chúng sanh phụ mẫu thị danh liễu nhân.

Các phiền não kiết sử gọi là Sanh nhân. Cha mẹ chúng sanh gọi là Liễu nhân.

如穀子等是名生因。地水糞等是名了因。復有生因。

Như cốc tử đẳng thị danh sanh nhân. Địa thủy phân đẳng thị danh liễu nhân. Phục hữu sanh nhân.

Như cây mạ v.v.. gọi là Sanh nhân; đất, nước, phân v.v.. gọi là Liễu nhân. Lại có Sanh nhân,

謂六波羅蜜阿耨多羅三藐三菩提。復有了因。

Vị lục Ba-la-mật A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Phục hữu liễu nhân.

đó là sáu Ba-la-mật, A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Lại có Liễu nhân,

謂佛性阿耨多羅三藐三菩提。復有了因。

Vị Phật tánh A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Phục hữu liễu nhân.

đó là Phật tánh, A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Lại có Liễu nhân,

謂六波羅蜜佛性。復有生因。

Vị lục Ba-la-mật Phật tánh. Phục hữu sanh nhân.

đó là sáu Ba-la-mật, Phật tánh. Lại có Sanh nhân,
謂首楞嚴三昧阿耨多羅三藐三菩提。復有了因。

Vị Thủ Lăng Nghiêm tam muội A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Phục hữu liễu nhân.
đó là Thủ Lăng Nghiêm, Tam Muội, A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Lại có Liễu nhân,
謂八正道阿耨多羅三藐三菩提。復有生因。

Vị Bát Chánh Đạo A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Phục hữu sanh nhân.
đó là Bát Chánh Đạo, A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Lại có Sanh nhân,
所謂信心六波羅蜜。師子吼菩薩言。世尊。

Sở vị tín tâm lục Ba-la-mật. Sư Tử Hống Bồ-tát ngôn. Thế tôn.
đó là tín tâm, sáu Ba-la-mật. Bồ-tát Sư Tử Hống thưa: Thế Tôn!
如佛所說見於如來及以佛性。是義云何。世尊。

Như Phật sở thuyết kiến ư Như Lai cập dĩ Phật tánh. Thị nghĩa vân hà. Thế tôn.
Như Phật đã dạy: Thấy được Như Lai và Phật tánh, nghĩa ấy thế nào? Bạch Thế Tôn!
如來之身無有相貌。非長非短非白非黑。

Như Lai chi thân vô hữu tướng mạo. Phi trường phi đoản phi bạch phi hắc.
Thân Như Lai không có tướng mạo, không dài không ngắn không trắng không đen.
無有方所不在三界非有為相非眼識識。云何可見。

Vô hữu phương sở bất tại tam giới phi hữu vi tướng phi nhãn thức thức. Vân hà khả kiến.

không có nơi chốn, không ở trong ba cõi, không phải tướng hữu vi, không phải nhãn thức biết được. Làm sao có thể thấy?

佛性亦爾佛言。善男子。佛身二種。一者常。二者無常。

Phật tánh diệc nhĩ Phật ngôn. Thiện nam tử. Phật thân nhị chủng. Nhất giả thường. Nhị giả vô thường.

Phật tánh cũng như vậy. Phật dạy: Thiện nam tử! Thân Phật có hai loại: Một là thường, hai là vô thường.

無常者為欲度脫一切眾生方便示現。

Vô thường giả vi dục độ thoát nhất thiết chúng sanh phương tiện thị hiện.

Vô thường ấy là vì muốn độ thoát tất cả chúng sanh nên phương tiện thị hiện.

是名眼見。常者如來世尊解脫之身。

Thị danh nhãn kiến. Thường giả như lai thế tôn giải thoát chi thân.

đó gọi là cái thấy của mắt. Thường ấy là thân giải thoát của Như Lai Thế Tôn, 亦名眼見亦名聞見。佛性亦二。一者可見。二不可見。

Diệc danh nhãn kiến diệc danh văn kiến。Phật tánh diệc nhị。Nhất giả khả kiến。Nhị bất khả kiến。

cũng gọi là cái thấy của mắt, cũng gọi là cái nghe thấy. Phật tánh cũng có hai: Một là có thể thấy, hai là không có thể thấy.

可見者十住菩薩諸佛世尊。

Khả kiến giả thập trụ Bồ-tát chư Phật Thế tôn。

Có thể thấy đó là Thập trụ Bồ-tát và chư Phật Thế Tôn;

不可見者一切眾生。眼見者謂十住菩薩諸佛如來。

Bất khả kiến giả nhất thiết chúng sanh。Nhãn kiến giả vị thập trụ Bồ-tát chư Phật như lai。

không có thể thấy đó là tất cả chúng sanh. Cái thấy của mắt đó là Thập trụ Bồ-tát của chư Phật Như Lai;

眼見眾生所有佛性。聞見者一切眾生九住菩薩。

Nhãn kiến chúng sanh sở hữu Phật tánh。Văn kiến giả nhất thiết chúng sanh cửu trụ Bồ-tát。

cái thấy của chúng sanh gồm có cả Phật tánh. Thấy nghe ấy là tất cả chúng sanh trong cửu trụ Bồ-tát;

聞有佛性如來之身。復有二種。一者是色。

Văn hữu Phật tánh Như Lai chi thân。Phục hữu nhị chủng。Nhất giả thị sắc。

nghe có thân Phật tánh của Như Lai. Lại có hai loại: Một là sắc,

二者非色。色者如來解脫。

Nhị giả phi sắc。Sắc giả Như Lai giải thoát。

hai là Phi sắc. Sắc ấy là sự giải thoát của Như Lai;

非色者如來永斷諸色相故。佛性二種。一者是色。二者非色。

Phi sắc giả Như Lai vĩnh đoạn chư sắc tướng cố。Phật tánh nhị chủng。Nhất giả thị sắc。Nhị giả phi sắc。

phi sắc đó là Như Lai vĩnh viễn đoạn các sắc tướng vậy. Phật tánh có hai loại: Một là sắc, hai là phi sắc.

色者阿耨多羅三藐三菩提。

Sắc giả A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。

Sắc đó là A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề;

非色者凡夫乃至十住菩薩。十住菩薩見不了了故名非色。善男子。

Phi sắc giả phàm phu nãi chí thập trụ Bồ-tát. Thập trụ Bồ-tát kiến bất liễu liễu cố danh phi sắc. Thiện nam tử。

phi sắc đó là từ phàm phu cho đến Thập trụ Bồ-tát. Thập trụ Bồ-tát thấy nhưng không hiểu cho nên gọi là phi sắc. Thiện nam tử!

佛性者復有二種。一者是色。二者非色。

Phật tánh giả phục hữu nhị chủng. Nhất giả thị sắc. Nhị giả phi sắc。

Phật tánh ấy lại có hai loại: Một là sắc, hai là phi sắc。

色者謂佛菩薩。非色者一切眾生。色者名為眼見。

Sắc giả vị Phật Bồ-tát. Phi sắc giả nhất thiết chúng sanh. Sắc giả danh vi nhãn kiến。

Sắc ấy là Phật và Bồ-tát; phi sắc ấy là tất cả chúng sanh. Sắc ấy gọi là cái thấy của mắt; non-sắc giả danh vi văn kiến Phật tánh giả phi nội phi ngoại。

Phi sắc giả danh vi văn kiến Phật tánh giả phi nội phi ngoại。

phi sắc ấy gọi là nghe thấy của Phật tánh, không ở trong, không ở ngoài。

雖非內外然非失壞。

Tuy phi nội ngoại nhiên phi thất hoại。

Tuy không ở trong không ở ngoài nhưng không mất đi

故名眾生悉有佛性師子吼菩薩言。世尊。

Cố danh chúng sanh tất hữu Phật tánh Sư Tử Hống Bồ-tát ngôn. Thế tôn。

Cho nên nói chúng sanh thấy đều có Phật tánh. Bồ-tát Sư Tử Hống bạch rằng: Thế Tôn!

如佛所說一切眾生悉有佛性如乳中有酪。

Như Phật sở thuyết nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh như nhũ trung hữu lạc。

Như Phật đã dạy: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như trong sữa có cao sữa。

金剛力士諸佛佛性如淨醍醐。

Kim cương lực sĩ chư Phật Phật tánh như tịnh đề hồ。

Phật tánh chư Phật lực sĩ Kim Cang trong như đề hồ,

云何如來說言佛性非內非外佛言。善男子。我亦不說乳中有酪。

Vân hà Như Lai thuyết ngôn Phật tánh phi nội phi ngoại Phật ngôn. Thiện nam tử. Ngã diệc bất thuyết nhũ trung hữu lạc。

làm sao Như Lai nói Phật tánh không bên trong không bên ngoài. Phật dạy: Thiện nam tử! Ta cũng không nói trong sữa có cao sữa.

酪從乳生故言有酪。世尊。一切生法各有時節。善男子。

Lạc tòng nhũ sanh cố ngôn hữu lạc。 Thế tôn。 Nhất thiết sanh Pháp các hữu thời tiết。 Thiện nam tử。

Cao từ sữa sanh ra cho nên nói là cao sữa. Thế Tôn! Tất cả pháp sanh ra đều tùy thời. Thiện nam tử!

乳時無酪亦無生蘇熟蘇醍醐。

Nhũ thời vô lạc diệc vô sanh tô thực tô đề hồ。

Khi sữa không có cao cũng không sanh ra Tô sống hoặc Tô chín, Đề hồ。

一切眾生亦謂是乳。是故我言乳中無酪。如其有者。

Nhất thiết chúng sanh diệc vị thị nhũ。 Thị cố ngã ngôn nhũ trung vô lạc。 Như kỳ hữu giả。

Tất cả chúng sanh cũng là sữa vậy, cho nên Ta nói trong sữa không có cao. Việc ấy như vậy đó。

何故不得二種名字。如人二能言金鐵師。

Hà cố bất đắc nhị chủng danh tự。 Như nhân nhị năng ngôn kim thiết sư。

Tại sao lại không được gọi hai loại tên gọi. Như người có hai khả năng, nên gọi là Kim Thiết Sư。

酪時無乳生蘇熟蘇及以醍醐。眾生亦謂是酪非乳。

Lạc thời vô nhũ sanh tô thực tô cập dĩ thể hồ。 Chúng sanh diệc vị thị lạc phi nhũ。

Khi là cao thì không có sữa sanh Tô sống hoặc Tô chín và đề hồ chúng sanh cũng như cao ấy không có sữa。

非生熟蘇及以醍醐。亦復如是。善男子。

Phi sanh thực tô cập dĩ thể hồ。 Diệc phục như thị。 Thiện nam tử。

Chẳng phải Tô sống hoặc chín và đề hồ cũng lại như thế. Thiện nam tử!

因有二種。一者正因。二者緣因。

Nhân hữu nhị chủng。 Nhất giả chánh nhân。 Nhị giả duyên nhân。

Nhân có hai loại, một là chánh nhân, hai là duyên làm nhân.

正因者如乳生酪。緣因者如醪煖等。

Chánh nhân giả như nhũ sanh lạc. Duyên nhân giả như lao noãn đẳng.

Chánh nhân ấy như sữa sanh ra cao. Duyên làm nhân là

從乳生故故言乳中而有酪性。師子吼菩薩言。世尊。

Tòng nhũ sanh cố cố ngôn nhũ trung nhi hữu lạc tánh. Sư Tử Hống Bồ-tát ngôn. Thế tôn.

từ sữa sanh ra cho nên gọi là trong sữa mà có tánh cao. Bồ-tát Sư Tử Hống thưa: Bạch Thế Tôn!

若乳無酪性角中亦無。何故不從角中生耶。

Nhược nhũ vô lạc tánh giác trung diệc vô. Hà cố bất tòng giác trung sanh da.

Nếu trong sữa không có tánh cao thì trong sừng cũng không. Tại sao không từ trong sừng sanh ra?

善男子。角亦生酪。何以故。

Thiện nam tử. Giác diệc sanh lạc. Hà dĩ cố.

Thiện nam tử! Sừng cũng sanh ra cao. Tại sao?

我亦說言緣因有二一醪二煖。

Ngã diệc thuyết ngôn duyên nhân hữu nhị nhất lao nhị noãn.

Ta cũng nói duyên làm nhân có hai: Một là nòng, hai là ấm.

角性煖故亦能生酪師子吼言。世尊。若角能生酪。

Giác tánh noãn cố diệc năng sanh lạc Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn. Nhược giác năng sanh lạc.

Tánh của sừng ấm cho nên cũng có thể sanh cao. Sư Tử Hống thưa: Thế Tôn! Nếu sừng có thể sanh ra cao thì

求酪之人何故求乳而不取角。

Cầu lạc chi nhân hà cố cầu nhũ nhi bất thủ giác.

người tìm cao tại sao tìm sữa mà không lấy sừng.

佛言。善男子。是故我說正因緣因。

Phật ngôn. Thiện nam tử. Thị cố ngã thuyết chánh nhân duyên nhân.

Phật dạy: Thiện nam tử! Vì vậy Ta nói chánh nhân và duyên làm nhân.

師子吼菩薩言。若使乳中本無酪性今方有者。

Sư Tử Hồng Bồ-tát ngôn. Nhược sử nhũ trung bổn vô lạc tánh kim phương hữu giả.
Bồ-tát Sư Tử Hồng thưa: Nếu trong sữa vốn không có tánh váng sữa nay mới có vậy,
乳中本無菴摩羅樹。何故不生。

Nhũ trung bổn vô Am-ma-la thụ. Hà cố bất sanh.

trong sữa vốn không có cây Am-ma-la. Tại sao không sanh?

二俱無故善男子。乳亦能生菴摩羅樹。

Nhị câu vô cố thiện nam tử. Nhũ diệc năng sanh Am-ma-la thụ.

Vì cả hai đều không vậy. Thiện nam tử! Sữa cũng có thể sanh ra cây Am-ma-la;

若以乳灌一夜之中增長五尺。以是義故我說二因。善男子。

Nhược dĩ nhũ quán nhất dạ chi trung tăng trường ngũ xích. Dĩ thị nghĩa cố ngã thuyết nhị
nhân. Thiện nam tử.

nếu dùng sữa tưới cây trong một đêm thì phát triển lên năm thước. Do vì nghĩa đó Ta nói
hai loại nhân. Thiện nam tử!

若一切法一因生者。

Nhược nhất thiết Pháp nhất nhân sanh giả.

Nếu tất cả pháp do một nhân mà sanh

可得難言乳中何故不能出生菴摩羅樹。善男子。

Khả đắc nan ngôn nhũ trung hà cố bất năng xuất sanh Am-ma-la thụ. Thiện nam tử.

thì khó có thể nói trong sữa tại sao không sanh ra cây Am-ma-la. Thiện nam tử!

猶如四大為一切色而作因緣。然色各異差別不同。以是義故。

Do như tứ đại vì nhất thiết sắc nhi tác nhân duyên. Nhiên sắc các dị sai biệt bất đồng. Dĩ
thị nghĩa cố.

Giống như tứ đại đã nhờ tất cả sắc mà làm nhân duyên. Nhân sắc mỗi loại khác nhau
không đồng. Do vì nghĩa đó

乳中不生菴摩羅樹。世尊。如佛所說。

Nhũ trung bất sanh Am-ma-la thụ. Thế tôn. Như Phật sở thuyết.

nên trong sữa không sanh ra cây Am-ma-la. Thế Tôn! Như Phật đã dạy:

有二因者正因緣因。眾生佛性為是何因。善男子。

Hữu nhị nhân giả chánh nhân duyên nhân. Chúng sanh Phật tánh vi thị hà nhân. Thiện
nam tử.

Có hai loại nhân đó là chánh nhân và duyên làm nhân. Phật tánh của chúng sanh là do nhân gì? Thiện nam tử!

眾生佛性亦二種因。一者正因。二者緣因。

Chúng sanh Phật tánh diệc nhị chủng nhân. Nhất giả chánh nhân. Nhị giả duyên nhân.

Phật tánh của chúng sanh cũng do hai nhân. Một là chánh nhân, hai là duyên làm nhân. 正因者謂諸眾生。緣因者謂六波羅蜜。

Chánh nhân giả vị chư chúng sanh. Duyên nhân giả vị lục Ba-la-mật.

Chánh nhân ấy là các chúng sanh. Duyên làm nhân ấy là sáu Ba-la-mật.

師子吼言。世尊。我今定知乳有酪性。何以故。

Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn. Ngã kim định tri nhũ hữu lạc tánh. Hà dĩ cố.

Sư Tử Hống thưa: Thế Tôn! Con nay nhất định biết sữa có tính chất cao sữa. Tại sao?

我見世間求酪之人。唯取於乳終不取水。

Ngã kiến thế gian cầu lạc chi nhân. Duy thủ ư nhũ chung bất thủ thủy.

Con thấy thế gian người tìm cầu cao sữa chỉ lấy sữa chứ chẳng hề lấy nước, 是故當知乳有酪性。

Thị cố đương tri nhũ hữu lạc tánh.

cho nên phải biết sữa có tánh cao sữa.

善男子。如汝所問。是義不然。何以故。

Thiện nam tử. Như nhữ sở vấn. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố.

Thiện nam tử! Như người đã hỏi, nghĩa ấy không như vậy. Tại sao vậy?

一切眾生欲見面像即便取刀。

Nhất thiết chúng sanh dục kiến diện tượng tức tiện thủ đao.

Tất cả chúng sanh muốn thấy mặt voi liền phải cầm dao.

師子吼言。世尊。以是義故乳有酪性。

Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn. Dĩ thị nghĩa cố nhũ hữu lạc tánh.

Sư Tử Hống thưa: Thế Tôn! Do vì nghĩa ấy cho nên sữa có tính cao sữa.

若刀無面像何故取刀。

Nhược đao vô diện tượng hà cố thủ đao.

Nếu không cắt mặt voi tại sao cầm dao?

佛言。善男子。若此刀中定有面像。何故顛倒。

Phật ngôn. Thiện nam tử. Nhược thủ đao trung định hữu diện tượng. Hà cố điền đảo.
Phật dạy: Thiện nam tử! Nếu trong đao ấy nhất định có mặt voi, thì tại sao điền đảo?
豎則見長。橫則見闊。若是自面何故見長。

Thụ tắc kiến trường. Hoạch tắc kiến khoát. Nhược thị tự diện hà cố kiến trường.
Dựng đứng thì thấy dài, ngang thì thấy rộng, nếu tự mặt ấy vốn như vậy tại sao thấy dài,
若是他面何得稱言是己面像。

Nhược thị tha diện hà đắc xưng ngôn thị kỷ diện tượng.
nếu mặt khác ấy làm sao gọi được là mặt chính mình.
若因己面見他面者。何故不見驢馬面像。師子吼言。世尊。

Nhược nhân kỷ diện kiến tha diện giả. Hà cố bất kiến lư mã diện tượng. Sư Tử Hống
ngôn. Thế tôn。

Nếu do mặt mình mà thấy mặt người khác, thì tại sao không nhìn lừa ngựa thành mặt voi,
眼光到彼故見面長。

Nhãn quang đao bỉ cố kiến diện trường.
vì khi ánh sáng mắt nhìn đến đó thì thấy mặt dài.
佛言。善男子。而此眼光實不到彼。何以故。

Phật ngôn. Thiện nam tử. Nhi thủ nhãn quang thật bất đao bỉ. Hà dĩ cố.
Phật dạy: Thiện nam tử! Nhưng thấy sáng ấy thật không đến đó, tại sao vậy?
近遠一時俱得見故。不見中間所有物故。

Cận viễn nhất thời câu đắc kiến cố. Bất kiến trung gian sở hữu vật cố.
Vì xa gần một lúc đều có thể thấy được, không thấy ở giữa có vật khác.
善男子。光若到彼而得見者。一切眾生悉見於火。

Thiện nam tử. Quang nhược đao bỉ nhi đắc kiến giả. Nhất thiết chúng sanh tất kiến ư
hỏa。

Thiện nam tử! Vì ánh sáng đến được đó mà thấy được vật, tất cả chúng sanh đều thấy
được lửa,

何故不燒。如人遠見白物。

Hà cố bất thiêu. Như nhân viễn kiến bạch vật.
tại sao không bị đốt? Như người đứng xa thấy vật trắng,
不應生疑鶴耶幡耶人耶樹耶。若光到者。

Bất ứng sanh nghi hạc da phiến da nhân da thụ da. Nhược quang đao giả。

không nên sanh nghi là chim hạt chẳng? cánh buồm chẳng? cái cây chẳng? nếu ánh sáng đến đó,

云何得見水精中物淵中魚石。若不到見何故得見水精中物。

Vân hà đặc kiến thủy tinh trung vật uyên trung ngư thạch. Nhược bất đáo kiến hà cố đặc kiến thủy tinh trung vật。

làm sao thấy được thủy tinh, vật trong vực sâu, cá trong đá. Nếu ánh sáng không đến thì tại sao thấy được vật trong thủy tinh

而不得見壁外之色。

Nhi bất đặc kiến bích ngoại chi sắc。

mà không thấy được sắc bên ngoài vách

是故若言眼光到彼而見長者。是義不然。善男子。如汝所言乳有酪者。

Thị cố nhược ngôn nhãn quang đáo bỉ nhi kiến Trường-Giả. Thị nghĩa bất nhiên. Thiện nam tử. Như nhữ sở ngôn nhũ hữu lạc giả。

cho nên nếu nói ánh sáng đến đó mà thấy dài ấy, nghĩa không như vậy. Thiện nam tử!

Như người đã nói sữa có tánh cao sữa,

何故賣乳之人但取乳價不責酪直。

Hà cố mại nhũ chi nhân đãn thủ nhũ giá bất trách lạc trực。

tại sao người bán sữa chỉ lấy giá trị sữa mà không trực tiếp cần cao sữa?

賣草馬者但取馬價不責駒直。善男子。

Mại thảo mã giả đãn thủ mã giá bất trách câu trực。 Thiện nam tử。

Người bán ngựa chỉ lấy giá trị ngựa mà không lấy giá trị con ngựa non. Thiện nam tử!

世間之人無子息故故求娉婦。婦若懷妊不得言女。

Thế gian chi nhân vô tử tức cố cố cầu phinh phụ。 Phụ nhược hoài nhâm bất đặc ngôn nữ。

Người thế gian chưa có con nên gọi là người con gái đẹp. Người con gái nếu đã mang thai thì không được gọi là con gái nữa.

若言是女有兒性故故應娉者。是義不然。

Nhược ngôn thị nữ hữu nhi tánh cố cố ứng phinh giả。 Thị nghĩa bất nhiên。

Nếu gọi là con gái có chứa tánh người con cho nên gọi người con gái đẹp. Nghĩa ấy không phải như vậy.

何以故。若有兒性亦應有孫。若有孫者則是兄弟。

Hà dĩ cố. Nhược hữu nhi tánh diệc ứng hữu tôn. Nhược hữu tôn giả tắc thị huynh đệ.
Tại sao vậy? Nếu có tánh trẻ con cũng phải gọi là hài nhi; nếu có trẻ con thì gọi là anh em.

何以故。一腹生故。是故我言女無兒性。

Hà dĩ cố. Nhất phúc sanh cố. Thị cố ngã ngôn nữ vô nhi tánh.

Tại sao vậy? Vì từ trong một bụng mà sanh ra, cho nên Ta nói người con gái không có tánh trẻ con.

若其乳中有酪性者。何故一時不見五味。

Nhược kỳ nhũ trung hữu lạc tánh giả. Hà cố nhất thời bất kiến ngũ vị.

Nếu trong sữa ấy có tánh cao sữa thì tại sao một lúc không thấy được năm vị.

若樹子中有尼拘陀五丈質者。

Nhược thụ tử trung hữu Ni-câu-đà ngũ trượng chất giả.

Nếu trong cây có Ni-câu-đà năm trượng,

何故一時不見芽莖枝葉花果形色之異。善男子。

Hà cố nhất thời bất kiến nha hạnh chi diệp hoa quả hình sắc chi dị. Thiện nam tử.

thì tại sao một lúc không thể thấy các hình sắc khác nhau của mầm, cọng, cành, lá, hoa, quả. Thiện nam tử!

乳色時異味異果異。乃至醍醐亦復如是。

Nhũ sắc thời dị vị dị quả dị. Nãi chí thể hồ diệc phục như thị.

Sắc của sữa lúc khác nhau có vị khác nhau, quả khác nhau, thậm chí Đề-hồ cũng lại như vậy.

云何可說乳有酪性。善男子。譬如有人明當服蘇今已患臭。

Vân hà khả thuyết nhũ hữu lạc tánh. Thiện nam tử. Thí như hữu nhân minh đương phục tô kim dĩ hoạn xú.

Làm sao có thể nói sữa có tánh cao sữa? Thiện nam tử! Thí như có người lúc sáng uống tô nay đã biến thành mùi hôi,

若言乳中定有酪性亦復如是。善男子。

Nhược ngôn nhũ trung định hữu lạc tánh diệc phục như thị. Thiện nam tử.

nếu nói trong sữa nhất định có tánh cao, sữa cũng lại như vậy. Thiện nam tử!

譬如有人有筆紙墨和合成字。而是紙中本無有字。

Thí như hữu nhân hữu bút chỉ mực hòa hợp thành tự. Nhi thị chỉ trung bản vô hữu tự.

Thí như có người, có bút, có giấy, có mực hoà hợp mới thành chữ, mà trong giấy ấy vốn không có chữ.

以本無故假緣而成。

Dĩ bốn vô cố giả duyên nhi thành.

Vì vốn không có chỉ do giả duyên mà thành.

若本有者何須眾緣譬如青黃合成綠色。

Nhược bốn hữu giả hà tu chúng duyên thí như thanh hoàng hợp thành lục sắc.

Nếu vốn sẵn có tại sao phải đủ các duyên như xanh, vàng, hợp thành màu lục,

當知是二本無緣性若本有者何須合成。善男子。譬如眾生因食得命。

Đương tri thị nhị bốn vô duyên tánh nhược bốn hữu giả hà tu hợp thành。Thiện nam tử。Thí như chúng sanh nhân thực đắc mạng。

phải biết hai cái duyên tánh vốn không ấy nếu vốn có tại sao phải hợp thành。Thiện nam tử! Thí như chúng sanh nhờ ăn mà sống,

而此食中實無有命。

Nhi thử thực trung thật vô hữu mạng。

nhưng trong sự ăn ấy vốn không có mạng sống,

若本有命未食之時食應是命。善男子。一切諸法本無有性。

Nhược bốn hữu mạng vị thực chi thời thực ứng thị mạng。Thiện nam tử。Nhất thiết chư Pháp bốn vô hữu tánh。

nếu lúc chưa ăn mà có mạng sống thì sự ăn ấy là mạng sống。Thiện nam tử! Tất cả các pháp vốn không có tánh。

以是義故我說是偈。

Dĩ thị nghĩa cố ngã thuyết thị kệ。

Do vì nghĩa đó Ta nói kệ rằng:

本無今有 本有今無

Bốn vô kim hữu Bốn hữu kim vô

Vốn không nay có, Vốn có nay không,

三世有法 無有是處

Tam thế hữu Pháp Vô hữu thị xử

Ba đời có pháp, Không có điều ấy.

善男子。一切諸法因緣故生因緣故滅。

Thiện nam tử. Nhất thiết chư Pháp nhân duyên cố sanh nhân duyên cố diệt.
Thiện nam tử! Tất cả các pháp do nhân duyên sanh, thì cũng do nhân duyên diệt.
善男子。若諸眾生內有佛性者。

Thiện nam tử. Nhược chư chúng sanh nội hữu Phật tánh giả.

Thiện nam tử! nếu trong chúng sanh có Phật tánh
一切眾生應有佛身如我今也。

Nhất thiết chúng sanh ứng hữu Phật thân như ngã kim dã.

thì trong tất cả chúng sanh phải có thân Phật như thân nay của Ta vậy.

眾生佛性不破不壞不牽不捉不繫不縛。如眾生中所有虛空。

Chúng sanh Phật tánh bất phá bất hoại bất khiên bất tróc bất hệ bất phược. Như chúng
sanh trung sở hữu hư không.

Phật tánh của chúng sanh không phá, không hoại, không lồi, không nắm, không trói,
không buộc, như trong chúng sanh vốn có hư không.

一切眾生悉有虛空無罣礙故。各不自見有此虛空。

Nhất thiết chúng sanh tất hữu hư không vô quái ngại cố. Các bất tự kiến hữu thủ hư
không.

Tất cả chúng sanh đều có hư không nên không bị ngăn ngại. Mỗi người tự mình không thể
thấy có hư không này.

若使眾生無虛空者。

Nhược sử chúng sanh vô hư không giả.

Nếu giả sử trong chúng sanh không có hư không

則無去來行住坐臥不生不長。以是義故。我經中說一切眾生有虛空界。

Tắc vô khứ lai hạnh trụ tọa ngoại bất sanh bất trường. Dĩ thị nghĩa cố. Ngã Kinh trung
thuyết nhất thiết chúng sanh hữu hư không giới.

thì không có tới, lui, đi, đứng, ngồi, nằm, không sanh, không lớn. Do vì nghĩa đó nên trong
kinh Ta nói tất cả chúng sanh có cõi hư không.

虛空界者是名虛空。眾生佛性亦復如是。

Hư không giới giả thị danh hư không. Chúng sanh Phật tánh diệt phục như thị.

Cõi hư không ấy có tên gọi hư không. Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy.

十住菩薩少能見之如金剛珠。善男子。

Thập trụ Bồ-tát thiểu năng kiến chi như Kim cương châu. Thiện nam tử.

Bồ-tát Thập trụ ít có thể thấy như Kim Cang châu báu. Thiện nam tử!

眾生佛性諸佛境界。非是聲聞緣覺所知。

Chúng sanh Phật tánh chư Phật cảnh giới. Phi thị thanh văn duyên giác sở tri.

Phật tánh của chúng sanh là cảnh giới chư Phật, chẳng phải là chỗ biết của Thanh Văn, Duyên Giác.

一切眾生不見佛性。是故常為煩惱繫縛流轉生死。

Nhất thiết chúng sanh bất kiến Phật tánh. Thị cố thường vi phiền não hệ phọc lưu chuyển sanh tử.

Tất cả chúng sanh không thấy được Phật tánh cho nên thường bị phiền não trói buộc, lưu chuyển sanh tử.

見佛性故諸結煩惱所不能繫。

Kiến Phật tánh cố chư kết phiền não sở bất năng hệ.

Nhờ thấy được Phật tánh cho nên các phiền não, kiết sử không có thể trói buộc, giải thoát生死得大涅槃。師子吼菩薩言。世尊。

Giải thoát sanh tử đắc Đại Niết-bàn. Sư Tử Hống Bồ-tát ngôn. Thế tôn.

giải thoát sanh tử, chứng đắc Niết-bàn. Bồ-tát Sư Tử Hống thưa: Bạch Thế Tôn!

一切眾生有佛性性。如乳中酪性。若乳無酪性。

Nhất thiết chúng sanh hữu Phật tánh tánh. Như nhũ trung lạc tánh. Nhược nhũ vô lạc tánh.

Tất cả chúng sanh có Phật tánh, như trong sữa có tánh cao sữa. Nếu trong sữa không có tánh cao sữa

云何佛說有二種因。一者正因。二者緣因。緣因者。

Vân hà Phật thuyết hữu nhị chủng nhân. Nhất giả chánh nhân. Nhị giả duyên nhân. Duyên nhân giả.

thì làm thế nào Phật dạy có hai loại nhân. Một là chánh nhân, hai là duyên làm nhân.

Duyên làm nhân ấy,

一醪二煖。虛空無性故無緣因。

Nhất lao nhị noãn. Hư không Vô tánh cố vô duyên nhân.

một là nòng, hai là ấm. Vì hư không không có tánh nên không có duyên làm nhân.

佛言。善男子。若使乳中定有酪性者。

Phật ngôn. Thiện nam tử. Nhược sử nhũ trung định hữu lạc tánh giả.

Phật dạy: Thiện nam tử! Nếu như trong sữa nhất định có tánh cao sữa

何須緣因。師子吼菩薩言。世尊。以有性故故須緣因。

Hà tu duyên nhân. Sư Tử Hống Bồ-tát ngôn. Thế tôn. Dĩ hữu tánh cố cố tu duyên nhân.

thì tại sao phải duyên làm nhân? Bồ-tát Sư Tử Hống thưa: Thế Tôn! Vì có tánh nên phải đợi duyên làm nhân.

何以故。欲明見故。緣因者即是了因。世尊。

Hà dĩ cố. Dục minh kiến cố. Duyên nhân giả tức thị liễu nhân. Thế tôn.

Tại sao vậy? Vì muốn thấy sáng vậy. Nhân làm duyên ấy tức là liễu nhân. Bạch Thế Tôn! 譬如闇中先有諸物。為欲見故以燈照了。

Thí như ám trung tiên hữu chư vật. Vi dục kiến cố dĩ đăng chiếu liễu.

Thí như trong tối trước có các vật, vì muốn thấy vật nên phải chiếu đèn, 若本無者燈何所照。如泥中有瓶。

Nhược bản vô giả đăng hà sở chiếu. Như nê trung hữu bình.

nếu vốn không có vật thì chiếu đèn làm gì? Như trong bùn có bình, 故須人水輪繩杖等而為了因。如尼拘陀子。

Cố tu nhân thủy luân thăng trượng đẳng nhi vi liễu nhân. Như Ni-câu-đà tử.

nên phải đợi người, nước, dây quay, gậy.v.v.. làm liễu nhân. Như hạt Ni-câu-đà, 須地水糞而作了因。乳中醪煖亦復如是。須作了因。

Tu địa thủy phần nhi tác liễu nhân. Nhũ trung lao noãn diệc phục như thị. Tu tác liễu nhân.

phải đợi đất, nước, phân, làm liễu nhân. Trong sữa có tánh nồng, ấm cũng lại như vậy, phải đợi liễu nhân

是故雖先有性。要假了因然後得見以是義故。

Thị cố tuy tiên hữu tánh. Yếu giả liễu nhân nhiên hậu đắc kiến dĩ thị nghĩa cố.

cho nên tuy trước có tánh, nhưng cần giả hợp với Liễu nhân sau đó mới thấy được, nghĩa ấy như vậy.

定知乳中先有酪性。

Định tri nhũ trung tiên hữu lạc tánh.

Nhất định biết trong sữa trước có tánh cao sữa.

善男子。若使乳中定有酪性者即是了因。

Thiện nam tử. Nhược sử nữ trung định hữu lạc tánh giả tức thị liễu nhân.
Thiện nam tử! Giả sử trong sữa nhất định có tánh cao sữa tức đó là liễu nhân.
若是了因復何須了。善男子。
Nhược thị liễu nhân phục hà tu liễu。Thiện nam tử。
nếu ấy là liễu nhân tại sao lại phải đợi. Thiện nam tử!
若是了因性是了者常應自了。若自不了何能了他。
Nhược thị liễu nhân tánh thị liễu giả thường ứng tự liễu。Nhược tự bất liễu hà năng liễu
tha。
Nếu ấy là tánh liễu nhân thì thường phải tự hiểu. Nếu tự mình không hiểu làm sao hiểu
người khác.
若言了因有二種性。一者自了。二者了他。是義不然。
Nhược ngôn liễu nhân hữu nhị chủng tánh。Nhất giả tự liễu。Nhị giả liễu tha。Thị nghĩa
bất nhiên。
Nếu nói liễu nhân có hai tánh, một là tự hiểu, hai là hiểu người khác, nghĩa ấy không như
vậy。
何以故。了因一法。云何有二。
Hà dĩ cố。Liễu nhân nhất Pháp。Vân hà hữu nhị。
Tại sao vậy? Liễu nhân một pháp, làm sao có hai?
若有二者乳亦應二。若使乳中無二相者。云何了因而獨有二。
Nhược hữu nhị giả nữ diệc ứng nhị。Nhược sử nữ trung vô nhị tướng giả。Vân hà liễu
nhân nhi độc hữu nhị。
Nếu có hai thì sữa cũng phải có hai. Nếu trong sữa không có hai tướng, làm sao liễu nhân
một mình mà có hai tánh。
師子吼言。世尊。如世人言我共八人。
Sư Tử Hống ngôn。Thế tôn。Như thế nhân ngôn ngã cộng bát nhân。
Sư Tử Hống bạch: Bạch Thế Tôn! Như người thế gian nói Ta tất cả có tám người。
了因亦爾。自了了他。
Liễu nhân diệc nhĩ。Tự liễu liễu tha。
Liễu nhân cũng như vậy, tự hiểu mình, hiểu người khác。
佛言。善男子。了因若爾則非了因。何以故。
Phật ngôn。Thiện nam tử。Liễu nhân nhược nhĩ tắc phi liễu nhân。Hà dĩ cố。

Phật dạy: Thiện nam tử! Liễu nhân nếu vậy thì không phải là Liễu nhân. Tại sao vậy?
數者能數自色他色故得言八。

Số giả năng số tự sắc tha sắc cố đắc ngôn bát。

Số ấy có thể biết sắc của mình và sắc người khác cho nên được gọi là tám,
而此色性自無了相。無了相故要須智性乃數自他。

Nhi thử sắc tánh tự vô liễu tướng。 Vô liễu tướng cố yếu tu trí tánh nãi số tự tha。
nhưng tánh sắc ấy tự không có Liễu tướng. Không có Liễu tướng cho nên phải đợi tánh trí
tuệ mới biết được mình và người khác
是故了因不能自了亦不了他。善男子。

Thị cố liễu nhân bất năng tự liễu diệt bất liễu tha。 Thiện nam tử。

cho nên Liễu nhân không có thể tự hiểu mình cũng không thể hiểu người khác. Thiện nam
tử!

一切眾生有佛性者。何故修習無量功德。

Nhất thiết chúng sanh hữu Phật tánh giả。 Hà cố tu tập vô lượng công đức。

Tất cả chúng sanh có Phật tánh, tại sao phải tu tập vô lượng công đức,
若言修習是了因者已同酪壞。若言因中定有果者。

Nhược ngôn tu tập thị liễu nhân giả dĩ đồng lạc hoại。 Nhược ngôn nhân trung định hữu
quả giả。

nếu nói tu tập Liễu nhân ấy là đồng với tánh cao sữa bị hoại, nếu nói trong nhân nhất định
có quả,

戒定智慧則無增長。

Giới định trí tuệ tắc vô tăng trưởng。

thì Giới, Định, Tuệ không tăng trưởng。

我見世人本無禁戒禪定智慧。從師受已漸漸增益。若言師教是了因者。

Ngã kiến thế nhân bản vô cấm giới Thiền định trí tuệ。 Tòng sư thọ dĩ tiệm tiệm tăng
ích。 Nhược ngôn sư giáo thị liễu nhân giả。

Ta thấy người đời vốn không có cấm giới, Thiền định, Trí tuệ. Từ thầy thọ rồi dần dần tăng
trưởng. Nếu nói do bậc thầy dạy là Liễu nhân

當師教時受者未有戒定智慧。

Đương sư giáo thời thọ giả vị hữu giới định trí tuệ。

thì lúc thầy đang dạy, người thọ chưa có Giới, Định, Tuệ,

若是了者應了未有。云何乃了戒定智慧令得增長。

Nhược thị liễu giả ứng liễu vị hữu. Vân hà nãi liễu giới định trí tuệ lệnh đắc tăng trưởng. nếu đã như vậy thì phải là chưa có, làm sao mới khiến Giới, Định, Tuệ được tăng trưởng. 師子吼菩薩言。世尊。若了因無者。

Sư Tử Hống Bồ-tát ngôn. Thế tôn. Nhược liễu nhân vô giả.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa: Thế Tôn! Nếu Liễu nhân không có, 云何得名有乳有酪。

Vân hà đắc danh hữu nhũ hữu lạc.

làm sao được gọi là có sữa, có cao sữa?

善男子。世間答難凡有三種。一者轉答。

Thiện nam tử. Thế gian đáp nan phạm hữu tam chủng. Nhất giả chuyển đáp.

Thiện nam tử! Vấn đáp của thế gian có ba loại: Một là chuyển đáp, 如先所說。何故名戒。以不悔故。

Như tiên sở thuyết. Hà cố danh giới. Dĩ bất hối cố.

như trước đã nói, tại sao gọi là Giới? Vì đó là không hối hận,

乃至為得大涅槃故。二者默然答。如有梵志來問我言。

Nãi chí vi đắc Đại Niết-bàn cố. Nhị giả mặc nhiên đáp. Như hữu phạm chí lai vấn ngã ngôn.

cho đến vì thế mà chứng đắc Đại Niết-bàn. Hai là im lặng mà đáp, như có bậc Phạm Chí đến hỏi Ta rằng:

我是常耶。我時默然。三者疑答。

Ngã thị thường da. Ngã thời mặc nhiên. Tam giả nghi đáp.

Ngã là thường chăng? Lúc đó Ta im lặng. Ba là đáp bằng cách hỏi lại,

如此經中若了因有二。乳中何故不得有二。善男子。我今轉答。

Như thử Kinh trung nhược liễu nhân hữu nhị. Nhũ trung hà cố bất đắc hữu nhị. Thiện nam tử. Ngã kim chuyển đáp.

như trong kinh này nếu Liễu nhân có hai, trong sữa tại sao không có hai. Thiện nam tử!

Ta nay chuyển đáp,

如世人言有乳酪者以定得故。

Như thế nhân ngôn hữu nhũ lạc giả dĩ định đắc cố.

như người đời nói có cao trong sữa, nhất định là vậy

是故得名有乳有酪佛性亦爾。有眾生有佛性。以當見故。

Thị cố đắc danh hữu nhũ hữu lạc Phật tánh diệc nhĩ. Hữu chúng sanh hữu Phật tánh. Dĩ đương kiến cố.

cho nên được gọi là có sữa, có酪. Phật tánh cũng như vậy. Có chúng sanh, có Phật tánh, phải nên thấy vậy.

師子吼言。世尊。如佛所說是義不然。

Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn. Như Phật sở thuyết thị nghĩa bất nhiên.

Sư Tử Hống thưa: Thế Tôn! Như Phật đã dạy, nghĩa ấy không như vậy.

過去已滅未來未到。云何名有。若言當有名為有者。

Quá khứ dĩ diệt vị lai vị đáo. Vân hà danh hữu. Nhược ngôn đương hữu danh vi hữu giả.

Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, làm sao gọi là có? Nếu nói đang có gọi là có, 是義不然。如世間人見無兒息便言無兒。

Thị nghĩa bất nhiên. Như thế gian nhân kiến vô nhi tức tiện ngôn vô nhi.

Nghĩa ấy không như vậy. Như người thế gian thấy không có tín hiệu trẻ con liền nói không có trẻ con.

一切眾生無佛性者。

Nhất thiết chúng sanh vô Phật tánh giả.

nếu tất cả chúng sanh không có Phật tánh,

云何說言一切眾生悉有佛性。

Vân hà thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh.

thì làm sao nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

佛言。善男子。過去名有。譬如種橘。芽生子滅。

Phật ngôn. Thiện nam tử. Quá khứ danh hữu. Thí như chủng quất. Nha sanh tử diệt.

Phật dạy: Thiện nam tử! Quá khứ gọi là có. Thí như trồng cây quýt, mầm sanh ra thì hạt mất đi,

芽亦甘甜。乃至生果味亦如是。熟已乃醋。

Nha diệc cam điềm. Nãi chí sanh quả vị diệc như thị. Thục dĩ nãi thổ.

mầm cũng có vị ngọt, đến lúc sanh ra quả vị cũng như vậy. Chín rồi thì có vị chua.

善男子。而是醋味子芽乃至生果悉無。

Thiện nam tử. Nhi thị thổ vị tử nha nãi chí sanh quả tất vô.

Thiện nam tử! Nhưng vị chua ấy trong hạt, trong mầm, cho đến sanh ra quả cũng không có vị ấy.

隨本熟時形色相貌則生醋味。

Tùy bản thực thời hình sắc tướng mạo tức sanh thổ vị.

Tùy theo lúc chín thì màu sắc dáng vẻ tức sanh ra vị chua,

而是醋味本無今有。雖本無今有非不因本。

Nhi thị thổ vị bản vô kim hữu。Tuy bản vô kim hữu phi bất nhân bản。

mà vị chua ấy vốn không nay có。Mặc dầu vốn không nay có chẳng phải không có nhân gốc,

如是本子雖復過去故得名有。以是義故過去名有。

Như thị bản tử tuy phục quá khứ cố đắc danh hữu。Dĩ thị nghĩa cố quá khứ danh hữu。

như cây ấy mặc dù quá khứ gọi là có, do nghĩa đó cho nên quá khứ gọi là có。

云何復名未來為有。譬如有人種植胡麻。

Vân hà phục danh vị lai vi hữu。Thí như hữu nhân chủng thực hồ ma。

Làm sao lại gọi vị lai là có? Thí như có người trồng cây mè,

有人問言何故種此。答言有油實未有油。

Hữu nhân vấn ngôn hà cố chủng thử。Đáp ngôn hữu du thật vị hữu du。

có người hỏi tại sao lại trồng loại cây này。Đáp rằng: có dầu, nhưng thật ra chưa có dầu。

胡麻熟已收子熬蒸擣壓。然後乃得出油。

Hồ ma thực dĩ thu tử ngao chưng đảo áp。Nhiên hậu nãi đắc xuất du。

Khi cây mè chín rồi thu hoạch hạt, sấy khô, giã, ép sau đó mới có được dầu,

當知是人非虛妄也。以是義故名未來有。云何復名過去有耶。

Đương tri thị nhân phi hư vọng dã。Dĩ thị nghĩa cố danh vị lai hữu。Vân hà phục danh quá khứ hữu da。

nên biết người ấy không có nói dối, vì nghĩa đó cho nên nói vị lai có。Thế nào lại nói quá khứ có ư?

善男子。譬如有人私屏罵王。

Thiện nam tử。Thí như hữu nhân tư bình mạ Vương。

Thiện nam tử! Thí như có người vì chuyện riêng mắng chửi vua,

經歷年歲王乃聞之。聞已即問。何故見罵。答言。大王。

Kinh lịch niên tuế Vương nữ văn chi. Văn dĩ tức vấn. Hà cố kiến mạ. Đáp ngôn. Đại Vương.

trải qua nhiều năm vua mới nghe được, nghe rồi liền hỏi: Tại sao mắng ta? Đáp rằng: 我不罵也。何以故。罵者已滅。王言。

Ngã bất mạ dã. Hà dĩ cố. Mạ giả dĩ diệt. Vương ngôn.

Tôi không mắng. Tại sao vậy? Người mắng đã mất. Vua bảo:

罵者我身二俱存在。云何言滅。以是因緣喪失身命。善男子。

Mạ giả ngã thân nhị câu tồn tại. Vân hà ngôn diệt. Dĩ thị nhân duyên tang thất thân mạng. Thiện nam tử.

Người mắng và ta đây, cả hai đều tồn tại. Tại sao người nói đã mất? Do nhân duyên ấy mà mất đi thân mạng. Thiện nam tử!

是二實無而果不滅。是名過去有。

Thị nhị thật vô nhi quả bất diệt. Thị danh quá khứ hữu.

Hai sự thật ấy không có mà quả không mất đi. Cho nên nói quá khứ có.

云何復名未來有耶。譬如有人往陶師所問有瓶不。

Vân hà phục danh vị lai hữu da. Thí như hữu nhân vãng đào sư sở vấn hữu bình bất.

Tại sao lại nói vị lai có ư? Thí như có người đến nhà thợ gốm hỏi có bình không?

答言有瓶。而是陶師實未有瓶。以有泥故。

Đáp ngôn hữu bình. Nhi thị đào sư thật vị hữu bình. Dĩ hữu nê cố.

Đáp lại là có bình, nhưng người thợ gốm ấy thật sự chưa có bình. Vì đã có bùn

故言有瓶。當知是人非妄語也。

Cố ngôn hữu bình. Đương tri thị nhân phi vọng ngữ dã.

cho nên đáp là có bình. Phải biết người ấy không nói dối.

乳中有酪眾生佛性亦復如是。欲見佛性應當觀察時節形色。

Nhũ trung hữu lạc chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. Dục kiến Phật tánh ứng đương quan sát thời tiết hình sắc.

Trong sữa có tánh cao sữa hay Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy? Muốn thấy Phật tánh phải nên quán sát thời cơ hình sắc

是故我說一切眾生悉有佛性。實不虛妄。

Thị cố ngã thuyết nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Thật bất hư vọng.

cho nên Ta nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thật không luống dối.

師子吼言。一切眾生無有佛性者。

Sư Tử Hống ngôn. Nhất thiết chúng sanh vô hữu Phật tánh giả.

Sư Tử Hống thừa rằng: Nếu tất cả chúng sanh không có Phật tánh,
云何而得阿耨多羅三藐三菩提。

Vân hà nhi đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề.

tại sao mà chúng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề?

以正因故故令眾生得阿耨多羅三藐三菩提。何等正因。所謂佛性。

Dĩ chánh nhân cố cố lệnh chúng sanh đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Hà đẳng chánh nhân. Sở vị Phật tánh.

Vì Chánh nhân nên khiến chúng sanh đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Những gì là chánh nhân? Đó là Phật tánh.

世尊。若尼拘陀子。無尼拘陀樹者。

Thế tôn. Nhược Ni-câu-đà tử. Vô Ni-câu-đà thụ giả.

Thế Tôn! Nếu hạt Ni-câu-đà, không có cây Ni-câu-đà,
何故名為尼拘陀子。而不名為佉陀羅子。世尊。

Hà cố danh vi Ni-câu-đà tử. Nhi bất danh vi Khư-đà-la tử. Thế tôn.

tại sao gọi là hạt Ni-câu-đà, mà không gọi là hạt Khư-đà-la. Bạch Thế Tôn!

如瞿曇姓不得稱為阿坻耶姓。

Như Cồ Đàm tính bất đắc xưng vi A-trì-da tính.

Như họ Cồ Đàm không được gọi là họ A-trì-da.

阿坻耶姓亦復不得稱瞿曇姓。尼拘陀子亦復如是。

A-trì-da tính diệc phục bất đắc xưng Cồ Đàm tính. Ni-câu-đà tử diệc phục như thị.

Họ A-trì-da cũng không được gọi là họ Cồ Đàm. Hạt Ni-câu-đà cũng lại như vậy,
不得稱為佉陀羅尼子。

Bất đắc xưng vi khư Đà-la-ni tử.

không được gọi là hạt Khư-đà-la-ni;

佉陀羅尼子不得稱為尼拘陀子。猶如世尊不得捨離瞿曇種姓。

Khư Đà-la-ni tử bất đắc xưng vi Ni-câu-đà tử. Do như Thế tôn bất đắc xả ly Cồ Đàm chủng tính.

hạt Khư-đà-la-ni không được gọi là hạt Ni-câu-đà. Giống như Thế Tôn không được xa lìa dòng họ Cồ Đàm,

眾生佛性亦復如是。以是義故。

Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. Dĩ thị nghĩa cố.

Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy. Do vì nghĩa ấy,

當知眾生悉有佛性佛言。善男子。若言之中有尼拘陀者。

Đương tri chúng sanh tất hữu Phật tánh Phật ngôn. Thiện nam tử. Nhược ngôn chi trung hữu Ni-câu-đà giả.

nên biết chúng sanh đều có Phật tánh. Phật dạy: Thiện nam tử! Nếu nói trong cây Ni-câu-đà có hạt Ni-câu-đà,

是義不然。如其有者。何故不見。善男子。

Thị nghĩa bất nhiên. Như kỳ hữu giả. Hà cố bất kiến. Thiện nam tử.

nghĩa ấy không như vậy. Như có điều ấy, tại sao lại không thấy? Thiện nam tử!

如世間物有因緣故不可得見。云何因緣。謂遠不可見。

Như thế gian vật hữu nhân duyên cố bất khả đắc kiến. Vân hà nhân duyên. Vị viễn bất khả kiến.

Như vật thế gian vì có nhân duyên cho nên không thể thấy được. Thế nào là nhân duyên?

Đó là xa không thể thấy,

如空中鳥跡。近不可見。如人眼睫。

Như không trung diểu tích. Cận bất khả kiến. Như nhân nhãn tiệp.

như vết chim trên trời, gần không thể thấy, như lông mi của người,

壞故不見。如根敗者。亂想故不見。如心不專一。

Hoại cố bất kiến. Như căn bại giả. Loạn tưởng cố bất kiến. Như tâm bất chuyên nhất.

hư hoại không thể thấy, như rễ cây bị mục nát. Suy nghĩ tạp loạn không thể thấy, như tâm không chuyên nhất,

細故不見。如小微塵。障故不見。如雲表星。

Tế cố bất kiến. Như tiểu vi trần. Chương cố bất kiến. Như vân biểu tinh.

nhỏ không thể thấy, như hạt bụi nhỏ, ngăn ngại không thể thấy, như mây che sao,

多故不見。如稻聚中麻。相似故不見。如豆在豆聚。

đa cố bất kiến. Như đạo tụ trung ma. Tướng tự cố bất kiến. Như đậu tại đậu tụ.

nhều quá không thể thấy, như lúa gié lẫn trong mè, giống nhau không thể thấy, như đậu lẫn trong đậu,

尼拘陀樹不同如是八種因緣。

Ni-câu-đà thụ bất đồng như thị bát chủng nhân duyên。

cây Ni-câu-đà không giống như tám loại nhân duyên như vậy。

如其有者何故不見。若言細障故不見者。是義不然。何以故。

Như kỳ hữu giả hà cố bất kiến。Nhược ngôn tế chướng cố bất kiến giả。Thị nghĩa bất nhiên。Hà dĩ cố。

Như cái ấy mà có thì tại sao lại không thấy? Nếu nói nhỏ làm chướng ngại cho nên không thấy, thì nghĩa ấy không như vậy. Tại sao vậy?

樹相麤故。若言性細。云何增長。

Thụ tướng thô cố。Nhược ngôn tánh tế。Vân hà tăng trường。

Vì tướng của cây thô, nếu nói có tánh tế, thì làm sao tăng trường?

若言障故不可見者常應不見。本無麤相今則見麤。

Nhược ngôn chướng cố bất khả kiến giả thường ứng bất kiến。Bổn vô thô tướng kim tắc kiến thô。

nếu nói vì ngăn ngại không có thể thấy thì thường phải không thấy, xưa tướng không thô nay thì thấy thô,

當知是麤本無其性。本無見性今則可見。

Đương tri thị thô bổn vô kỳ tánh。Bổn vô kiến tánh kim tắc khả kiến。

phải biết thô ấy vốn không có tánh của nó, xưa không thấy tánh nay có thể thấy,

當知是見亦本無性。子亦如是。

Đương tri thị kiến diệt bổn Vô tánh。Tử diệt như thị。

phải biết cái thấy ấy cũng vốn không có tánh. Hạt cũng như vậy,

本無有樹今則有之當有何咎。師子吼言。如佛所說有二種因。

Bổn vô hữu thụ kim tắc hữu chi đương hữu hà cứu。Sư Tử Hống ngôn。Như Phật sở thuyết hữu nhị chủng nhân。

vốn không có cây, nay thì có nó, phải có lỗi làm chỗ nào? Sư Tử Hống thưa: như Phật đã dạy có hai loại nhân:

一者正因。二者了因。

Nhất giả chánh nhân。Nhị giả liễu nhân。

Một là chánh nhân, hai là Liễu nhân.

尼拘陀子以地水糞作了因故令細得麤。

Ni-câu-đà tử dĩ địa thủy phân tác liễu nhân cố lệnh tế đắc thô。

Hạt Ni-câu-đà nhờ đất, nước, phân làm nhân nên khiến từ nhỏ được lớn.

佛言。善男子。若本有者何須了因。

Phật ngôn. Thiện nam tử. Nhược bản hữu giả hà tu liễu nhân.

Phật dạy: Thiện nam tử! Nếu vốn có tại sao phải đợi Liễu nhân,
若本無性了何所了。若尼拘陀中本無麤相。

Nhược bản Vô tánh liễu hà sở liễu. Nhược Ni-câu-đà trung bản vô thô tướng.

nếu vốn không có tánh thì hiểu chỗ nào? Nếu trong Ni-câu-đà vốn không có tướng thô,
以了因故乃生麤者。何故不生佉陀羅樹。二俱無故。

Dĩ liễu nhân cố nãi sanh thô giả. Hà cố bất sanh Khư-đà-la thụ. Nhị câu vô cố.

nhờ Liễu nhân cho nên sanh ra thô. Tại sao không sanh cây Khư-đà-la? Vì cả hai đều
không.

善男子。若細不見者麤應可見。

Thiện nam tử. Nhược tế bất kiến giả thô ứng khả kiến.

Thiện nam tử! Nếu vì nhỏ mà không thấy thì thô phải có thể thấy.

譬如一塵則不可見。多塵和合則應可見。

Thí như nhất trần tắc bất khả kiến. Đa trần hòa hợp tắc ứng khả kiến.

Thí như một hạt bụi thì không có thể thấy, nhiều hạt bụi hợp lại thì có thể thấy.

如是子中麤應可見。何以故。見中已有芽莖花果。

Như thị tử trung thô ứng khả kiến. Hà dĩ cố. Kiến trung dĩ hữu nha hạnh hoa quả.

Như vậy trong hạt thô có thể thấy. Tại sao vậy? Trong cái thấy có mầm, cọng, hoa, quả.
一一果中有無量子。一一子中有無量樹。是故名麤。

Nhất nhất quả trung hữu vô lượng tử. Nhất nhất tử trung hữu vô lượng thụ. Thị cố danh
thô.

Cứ trong mỗi một quả có rất nhiều hạt, cứ trong mỗi hạt có vô lượng cây cho nên gọi là
thô,

有是麤故應可見。善男子。若尼拘陀子。

Hữu thị thô cố cố ứng khả kiến. Thiện nam tử. Nhược Ni-câu-đà tử.

vì có thô ấy cho nên có thể thấy. Thiện nam tử! Nếu hạt Ni-câu-đà,

有尼拘陀性而生樹者。眼見是子為火所燒。

Hữu Ni-câu-đà tánh nhi sanh thụ giả. Nhãn kiến thị tử vi hỏa sở thiêu.

có tánh Ni-câu-đà mà sanh ra cây ấy, mắt thấy hạt ấy bị lửa đốt cháy,

如是燒性亦應本有。若本有者樹不應生。

Như thị thiêu tánh diệt ứng bản hữu. Nhược bản hữu giả thụ bất ứng sanh.

tánh cháy như vậy cũng phải vốn có, nếu vốn có điều ấy thì cây không phải sanh ra.

若一切法本有生滅。何故先生後滅不一時耶。

Nhược nhất thiết Pháp bản hữu sanh diệt. Hà cố tiên sanh hậu diệt bất nhất thời da.

Nếu tất cả pháp vốn có sanh diệt, tại sao trước sanh sau diệt không đồng thời ư?

以是義故。當知無性。

Dĩ thị nghĩa cố. Đương tri Vô tánh.

Do vì nghĩa này nên biết các pháp không có tánh.

師子吼菩薩言。世尊。

Sư Tử Hống Bồ-tát ngôn. Thế tôn.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch rằng: Bạch Thế Tôn!

若尼拘陀子本無樹性而生樹者。是子何故不出於油。二俱無故。

Nhược Ni-câu-đà tử bản vô thụ tánh nhi sanh thụ giả. Thị tử hà cố bất xuất ư du. Nhị câu vô cố.

Nếu hạt Ni-câu-đà vốn có tánh cây mà sanh ra cây, thì hạt ấy tại sao không sanh ra dầu, cả hai đều không.

善男子。如是子中亦能生油。

Thiện nam tử. Như thị tử trung diệt năng sanh du.

Thiện nam tử! Như vậy trong hạt ấy cũng có thể sanh ra dầu,

雖無本性因緣故有。

Tuy vô bản tánh nhân duyên cố hữu.

tuy vốn không tánh nhưng có nhân duyên.

師子吼言。何故不名胡麻油耶。善男子。

Sư Tử Hống ngôn. Hà cố bất danh hồ ma du da. Thiện nam tử.

Sư Tử Hống thưa: Tại sao không gọi là dầu mè ư? Thiện nam tử!

非胡麻故。善男子。如火緣生火水緣生水。

Phi hồ ma cố. Thiện nam tử. Như hỏa duyên sanh hỏa thủy duyên sanh thủy.

Vì không có mè. Thiện nam tử! Như lửa làm duyên sanh ra lửa, nước làm duyên sanh ra nước,

雖俱從緣不能相有。

Tuy câu tòng duyên bất năng tương hữu。

tuy đều từ một duyên nhưng không thể cùng nhau có。

尼拘陀子及胡麻油亦復如是。雖俱從緣各不相生。尼拘陀子性能治冷。

Ni-câu-đà tử cập hồ ma du diệc phục như thị。Tuy câu tòng duyên các bất tương sanh。Ni-câu-đà tử tánh năng trị lãnh。

Hạt Ni-câu-đà và dầu mè cũng lại như vậy, mặc dù đều từ một duyên nhưng mỗi cái đều không cùng sanh ra. Tánh của hạt Ni-câu-đà có thể trị lạnh thì

胡麻油者性能治風。善男子。譬如甘蔗。

Hồ ma du giả tánh năng trị phong。Thiện nam tử。Thí như cam giá。

Tánh của dầu mè có thể trị phong。Thiện nam tử! Thí như cây mía,

因緣故生石蜜黑蜜。雖俱一緣色貌各異。

Nhân duyên cố sanh thạch mật hắc mật。Tuy câu nhất duyên sắc mạo các dị。

nhờ nhân duyên nên sanh ra mật ong sáp, mật ong đen. Mặc dù đều cùng một duyên nhưng sắc và tướng mạo mỗi thứ mỗi khác。

石蜜治熱黑蜜治冷。

Thạch mật trị nhiệt hắc mật trị lãnh。

Sáp ong trị nhiệt, mật ong đen trị lạnh。

師子吼菩薩言。世尊。如其乳中無有酪性。

Sư Tử Hống Bồ-tát ngôn。Thế tôn。Như kỳ nhũ trung vô hữu lạc tánh。

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch: Thế Tôn! Như trong sữa ấy không có tánh cao sữa,

麻無油性。尼拘陀子無有樹性。泥無瓶性。

Ma vô du tánh。Ni-câu-đà tử vô hữu thụ tánh。Nê vô bình tánh。

mè không có tánh dầu, hạt Ni-câu-đà không có tánh cây, bùn không có tánh bình,

一切眾生無佛性者。

Nhất thiết chúng sanh vô Phật tánh giả。

tất cả chúng sanh không có Phật tánh,

如佛先說一切眾生悉有佛性。是故應得阿耨多羅三藐三菩提者。

Như Phật tiên thuyết nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh。Thị cố ứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề giả。

như Phật trước nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, cho nên mới chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề,

是義不然。何以故。人天無性。

Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố. Nhân Thiên Vô tánh.

thì nghĩa ấy không như vậy. Tại sao vậy? Người, trời không có tánh.

以無性故人可作天天可作人。以業因緣不以性故。

Dĩ Vô tánh cố nhân khả tác Thiên Thiên khả tác nhân. Dĩ nghiệp nhân duyên bất dĩ tánh cố.

Vì không có tánh cho nên người có thể làm trời, trời có thể làm người, nhờ nhân duyên nghiệp không có tánh vậy.

菩薩摩訶薩以業因緣故得阿耨多羅三藐三菩提。

Bồ-tát Ma-ha tát dĩ nghiệp nhân duyên cố đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề.

Đại Bồ-tát nhờ nhân duyên nghiệp cho nên chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề.

若諸眾生有佛性者。何因緣故。

Nhược chư chúng sanh hữu Phật tánh giả. Hà nhân duyên cố.

Nếu tất cả chúng sanh có Phật tánh, là nhờ nhân duyên gì?

一闍提等斷諸善根墮于地獄。若菩提心是佛性者。

Nhất xiển đề đẳng đoạn chư thiện căn đoạ vu địa ngục. Nhược Bồ-đề tâm thị Phật tánh giả.

Nhất-xiển-đề v.v.. đoạn các thiện căn đoạ vào địa ngục thì tâm Bồ-đề là Phật tánh vậy,

一闍提等不應能斷。若可斷者云何得言佛性是常。

Nhất xiển đề đẳng bất ứng năng đoạn. Nhược khả đoạn giả vân hà đắc ngôn Phật tánh thị thường.

nhưng Nhất-xiển-đề v.v..không có thể đoạn cho nếu có thể đoạn thì tại sao Phật tánh được gọi là thường,

若非常者不名佛性。若諸眾生有佛性者。

Nhược phi thường giả bất danh Phật tánh. Nhược chư chúng sanh hữu Phật tánh giả.

nếu vô thường thì không gọi là Phật tánh. Nếu tất cả chúng sanh có Phật tánh,

何故名為初發心耶。

Hà cố danh vi sơ phát tâm da.

tại sao gọi là sơ phát tâm?

云何而言是毘跋致阿毘跋致。毘跋致者當知是人無有佛性。世尊。

Vân hà nhi ngôn thị Tỳ-bạt-trí A-tỳ-bạt-trí. Tỳ-bạt-trí giả đương tri thị nhân vô hữu Phật tánh. Thế tôn.

Làm thế nào lại gọi đó là Tỳ-bạt-trí, A-tỳ-bạt-trí. Tỳ-bạt-trí ấy phải nên biết là người không có Phật tánh. Thế Tôn!

菩薩摩訶薩一心趣向阿耨多羅三藐三菩提。

Bồ-tát Ma-ha tát nhất tâm thú hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。

Đại Bồ-tát nhất tâm hướng đến A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề,

大慈大悲見生老病死煩惱過患。

Đại từ Đại bi kiến sanh lão bệnh tử phiền não quá hoạn。

Đại từ Đại bi thấy sanh, già, bệnh, chết, là phiền não, khổ nạn;

觀大涅槃無生老死煩惱諸過。

Quán Đại Niết-bàn vô sanh lão tử phiền não chư quá。

thấy Đại Niết-bàn không còn sanh, già, chết, phiền não, khổ đau;

信於三寶及業果報受持禁戒。如是等法名為佛性。

Tín ư Tam Bảo cập nghiệp quả báo thọ trì cấm giới。 Như thị đẳng Pháp danh vi Phật tánh。

tin vào Tam Bảo và nghiệp báo nhân quả, thọ trì cấm giới, các pháp như vậy gọi là Phật tánh。

若離是法有佛性者。何須是法而作因緣。世尊。

Nhược ly thị Pháp hữu Phật tánh giả。 Hà tu thị Pháp nhi tác nhân duyên。 Thế tôn。

Nếu xa lìa các pháp ấy mà có Phật tánh thì tại sao phải đợi các pháp ấy làm nhân duyên。

Thưa Thế Tôn!

如乳不假緣必當成酪。生蘇不爾要待因緣。

Như nhũ bất giả duyên tất đương thành lạc。 Sanh tô bất nhĩ yếu đãi nhân duyên。

Như sữa không mượn duyên mà thành cao sữa, thì sanh ra Tô không cần đợi nhân duyên như vậy。

所謂人功水瓶攢繩。眾生亦爾。有佛性者。

Sở vị nhân công thủy bình toàn thăng。 Chúng sanh diệc nhĩ。 Hữu Phật tánh giả。

Đó là công người, nước, bình hợp lại。 Chúng sanh cũng như vậy, có Phật tánh ấy,

應離因緣得阿耨多羅三藐三菩提。

ứng ly nhân duyên đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。

nếu xa lìa nhân duyên mà chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề,
若定有者行人何故見三惡苦生老病死而生退心。

Nhược định hữu giả hạnh nhân hà cố kiến tam ác khổ sanh lão bệnh tử nhi sanh thối
tâm。

nếu nhất định có như vậy thì người thực hạnh tại sao thấy các nỗi khổ trong ba đường ác
như sanh, già, bệnh, chết mà sanh tâm thối chuyển,
亦不須修六波羅蜜。即應得成阿耨多羅三藐三菩提。

Diệc bất tu tu lục Ba-la-mật。Tức ứng đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。
cũng phải cần tu sáu Ba-la-mật thì mới chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề,
如乳非緣而得成酪。

Như nhũ phi duyên nhi đắc thành lạc。

như sữa không nhờ duyên mà thành cao sữa,

然非不因六波羅蜜而得成於阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。

Nhiên phi bất nhân lục Ba-la-mật nhi đắc thành ư A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。Dĩ
thị nghĩa cố。

nhưng phải cần duyên sáu Ba-la-mật mới chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。

Do vì nghĩa đó

當知眾生悉無佛性。如佛先說僧寶是常。

Đương tri chúng sanh tất vô Phật tánh。Như Phật tiên thuyết tăng bảo thị thường。

nên biết chúng sanh đều không có Phật tánh。Như trước đây Phật dạy hàng Tăng bảo là
thường,

如其常者則非無常。

Như kỳ thường giả tắc phi vô thường。

như cái thường ấy thì chẳng phải vô thường,

非無常者云何而得阿耨多羅三藐三菩提。

Phi vô thường giả vân hà nhi đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。

chẳng phải vô thường thì làm sao chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề?

僧若常者云何復言一切眾生悉有佛性。世尊。

Tăng nhược thường giả vân hà phục ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh。Thế
tôn。

Tăng nếu là thường thì làm sao nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh。Thế Tôn!

若使眾生從本已來無菩提心。亦無阿耨多羅三藐三菩提心。

Nhược sử chúng sanh tòng bản dĩ lai vô Bồ-đề tâm. Diệc vô A-nậu-đa-la Tam-miêu-tam-bồ-đề tâm.

Giả sử chúng sanh từ xưa đến nay không có tâm Bồ-đề, cũng không có tâm A-nậu-đa-la Tam-miêu-tam-bồ-đề.

後方有者眾生佛性亦應如是本無後有。以是義故。

Hậu phương hữu giả chúng sanh Phật tánh diệc ứng như thị bản vô hậu hữu. Dĩ thị nghĩa cố.

sau này mới có. Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy, vốn không sau mới có. Do vì nghĩa đó,

一切眾生應無佛性。佛言。善哉善哉。善男子。

Nhất thiết chúng sanh ứng vô Phật tánh. Phật ngôn. Thiện tai Thiện tai. Thiện nam tử.

tất cả chúng sanh phải không có Phật tánh. Phật dạy: Hay thay! Hay thay! Thiện nam tử! 汝已久知佛性之義。為眾生故作如是問。

Nhữ dĩ cửu tri Phật tánh chi nghĩa. Vi chúng sanh cố tác như thị vấn.

Người đã lâu biết nghĩa Phật tánh, nhưng vì chúng sanh nên đặt câu hỏi như vậy.

一切眾生實有佛性。汝言眾生若有佛性。

Nhất thiết chúng sanh thật hữu Phật tánh. Nhữ ngôn chúng sanh nhược hữu Phật tánh.

Tất cả chúng sanh thật có Phật tánh, người nói chúng sanh nếu có Phật tánh

不應而有初發心者。善男子。心非佛性。何以故。

Bất ứng nhi hữu sơ phát tâm giả. Thiện nam tử. Tâm phi Phật tánh. Hà dĩ cố.

thì chẳng cần có phát tâm ban đầu. Thiện nam tử! Tâm chẳng phải Phật tánh. Tại sao vậy?

心是無常佛性常故。汝言何故有退心者。

Tâm thị vô thường Phật tánh thường cố. Nhữ ngôn hà cố hữu thối tâm giả.

Vì tâm vô thường mà Phật tánh là thường. Người nói tại sao có tâm thối chuyển, 實無退心。

Thật vô thối tâm。

thật không có tâm thối chuyển.

心若有退終不能得阿耨多羅三藐三菩提。以遲得故名之為退。此菩提心實非佛性。

Tâm nhược hữu thối chung bất năng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Dĩ trì đắc cố danh chi vi thối. Thử Bồ-đề tâm thật phi Phật tánh.

Tâm nếu có thối chuyển thì quyết chẳng có thể chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề, chỉ vì chậm chứng đắc cho nên gọi là thối chuyển. Tâm Bồ-đề ấy thật không phải là Phật tánh.

何以故。一闍提等斷於善根墮地獄故。

Hà dĩ cố. Nhất xiển đề đẳng đoạn ư thiện căn đọa địa-ngục cố.

Tại sao vậy? Vì Nhất-xiển-đề v.v.. đoạn các thiện căn bị đọa địa ngục.

若菩提心是佛性者。

Nhược Bồ-đề tâm thị Phật tánh giả.

Nếu tâm Bồ-đề là Phật tánh

一闍提輩則不得名一闍提也。菩提之心亦不得名為無常也。

Nhất xiển đề bối tắc bất đắc danh nhất xiển đề dã. Bồ-đề chi tâm diệc bất đắc danh vi vô thường dã.

thì hạng nhất-xiển-đề không được gọi là nhất-xiển-đề. Tâm Bồ-đề cũng không được gọi là Vô thường

是故定知菩提之心實非佛性。

Thị cố định tri Bồ-đề chi tâm thật phi Phật tánh.

cho nên nhất định biết tâm Bồ-đề thật không phải là Phật tánh.

善男子。

Thiện nam tử.

Thiện nam tử!

汝言眾生若有佛性不應假緣如乳成酪者。是義不然。何以故。

Nhữ ngôn chúng sanh nhược hữu Phật tánh bất ứng giả duyên như nhũ thành lạc giả. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố.

Người nói chúng sanh nếu có Phật tánh thì không cần mượn duyên như sữa thành cao sữa. Nghĩa ấy không như vậy. Tại sao vậy?

若言五緣成於生蘇。當知佛性亦復如是。

Nhược ngôn ngũ duyên thành ư sanh tô. Đương tri Phật tánh diệc phục như thị.

Nếu nói năm duyên mà tạo thành Tô, thì phải biết Phật tánh cũng lại như vậy.

譬如眾石有金有銀有銅有鐵。俱稟四大一名一實。

Thí như chúng thạch hữu kim hữu ngân hữu đồng hữu thiết. Câu bửu tứ đại nhất danh nhất thật.

Thí như các loại đá có vàng, có bạc, có đồng, có sắt, đều do tứ đại mà có tên gọi cho là thật

而其所出各各不同。

Nhi kỳ sở xuất các các bất đồng。

nhưng chỗ sanh ra những thứ ấy mỗi mỗi không giống nhau.

要假眾緣眾生福德爐冶人功然後出生。是故當知本無金性。

Yếu giả chúng duyên chúng sanh phúc đức lô trị nhân công nhiên hậu xuất sanh. Thị cố đương tri bốn vô kim tánh。

Giả sử các duyên phước đức của chúng sanh nhờ công đào luyện của người sau mới có được cho nên phải biết vốn không có tánh vàng,

眾生佛性不名為佛。以諸功德因緣和合得見佛性。

Chúng sanh Phật tánh bất danh vi Phật. Dĩ chư công đức nhân duyên hòa hợp đắc kiến Phật tánh。

Phật tánh chúng sanh không gọi là Phật. Nhờ các công đức làm nhân duyên hoà hợp được thấy Phật tánh

然後得佛。汝言眾生悉有佛性何故不見者。

Nhiên hậu đắc Phật. Nhữ ngôn chúng sanh tất hữu Phật tánh hà cố bất kiến giả。

nhưng sau đó mới thành Phật. Người nói chúng sanh đều có Phật tánh tại sao không thấy?

是義不然。何以故。以諸因緣未和合故。善男子。

Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố. Dĩ chư nhân duyên vị hòa hợp cố. Thiện nam tử。

Nghĩa ấy không như vậy. Tại sao vậy? Vì các nhân duyên chưa hòa hợp. Thiện nam tử!

以是義故。我說二因正因緣因。正因者名為佛性。

Dĩ thị nghĩa cố. Ngã thuyết nhị nhân chánh nhân duyên nhân. Chánh nhân giả danh vi Phật tánh。

Do vì nghĩa ấy, Ta nói hai loại nhân duyên là Chánh nhân và duyên làm nhân.

緣因者發菩提心。

Duyên nhân giả phát Bồ-đề tâm。

Duyên làm nhân ấy là phát Bồ-đề tâm。

以二因緣得阿耨多羅三藐三菩提。如石出金。

Dĩ nhị nhân duyên đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Như thạch xuất kim.

Nhờ hai nhân duyên mà chứng được A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề như từ đá sanh ra vàng.

善男子。汝言僧常一切眾生無佛性者。

Thiện nam tử. Nhữ ngôn tăng thường nhất thiết chúng sanh vô Phật tánh giả.

Thiện nam tử! người nói Tăng là thường, tất cả chúng sanh không có Phật tánh.

善男子。僧名和合。和合有二。一者世和合。

Thiện nam tử. Tăng danh hòa hợp. Hòa hợp hữu nhị. Nhất giả thế hòa hợp.

Thiện nam tử! Tăng gọi là Hoà hợp. Hoà hợp có hai: Một là thế gian hoà hợp,

二者第一義和合。世和合者名聲聞僧。

Nhị giả đệ nhất nghĩa hòa hợp. Thế hòa hợp giả danh thanh văn tăng.

Hai là Đệ nhất nghĩa hoà hợp. Thế gian hoà hợp ấy gọi là Thanh văn Tăng.

義和合者名菩薩僧。世僧無常佛性是常。

Nghĩa hòa hợp giả danh Bồ-tát tăng. Thế tăng vô thường Phật tánh thị thường.

Đệ nhất nghĩa hoà hợp ấy gọi là Bồ-tát Tăng. Tăng thế gian vô thường, Phật tánh là thường,

如佛性常義僧亦爾。復次有僧謂法和合。

Như Phật tánh thường nghĩa tăng diệc nhĩ. Phục thứ hữu tăng vị Pháp hòa hợp.

như Phật tánh thường thì nghĩa của Tăng cũng vậy. Lại nữa, có Tăng đó là pháp hoà hợp.

法和合者謂十二部經。十二部經常。是故我說法僧是常。

Pháp hòa hợp giả vị thập nhị bộ Kinh. Thập nhị bộ Kinh thường. Thị cố ngã thuyết Pháp tăng thị thường.

Pháp hoà hợp ấy là Mười Hai Bộ Kinh. Mười hai bộ kinh là thường, cho nên Ta nói Pháp, Tăng là thường.

善男子。僧名和合。和合者名十二因緣。

Thiện nam tử. Tăng danh hòa hợp. Hòa hợp giả danh thập nhị nhân duyên.

Thiện nam tử! Tăng gọi là Hoà hợp. Hoà hợp ấy gọi là Mười hai nhân duyên.

十二因緣中亦有佛性。十二因緣常佛性亦爾。

Thập nhị nhân duyên trung diệc hữu Phật tánh. Thập nhị nhân duyên thường Phật tánh diệc nhĩ.

Trong Mười hai nhân duyên cũng có Phật tánh. Mười hai nhân duyên thường thì Phật tánh cũng lại như vậy.

是故我說僧有佛性。又復僧者謂諸佛和合。

Thị cố ngã thuyết tăng hữu Phật tánh. Hữu phục tăng giả vị chư Phật hòa hợp.

Cho nên Ta nói Tăng có Phật tánh. Lại Tăng ấy nghĩa là chư Phật hoà hợp

是故我說僧有佛性。

Thị cố ngã thuyết tăng hữu Phật tánh。

cho nên Ta nói Tăng có Phật tánh.

善男子。汝言眾生若有佛性。

Thiện nam tử. Nhữ ngôn chúng sanh nhược hữu Phật tánh。

Thiện nam tử! Người nói chúng sanh nếu có Phật tánh,

云何有退有不退者。諦聽諦聽我當為汝分別解說。善男子。

Vân hà hữu thối hữu bất thối giả. Để thính để thính ngã đương vi nhữ phân biệt giải thuyết. Thiện nam tử。

Tại sao lại nói có thối chuyển hoặc không thối chuyển? Hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ vì người phân biệt giảng nói. Thiện nam tử!

菩薩摩訶薩有十三法則便退轉。何等十三。

Bồ-tát Ma-ha tát hữu thập tam Pháp tắc tiện thối chuyển. Hà đẳng thập tam。

Đại Bồ-tát có mười ba pháp làm thối chuyển. Những gì là mười ba?

一者心不信。二者不作心。三者疑心。

Nhất giả tâm bất tín. Nhị giả bất tác tâm. Tam giả nghi tâm。

Một là tâm không tin. Hai là tâm không làm. Ba là tâm nghi ngờ,

四者憍惜身財。五者於涅槃中生大怖畏。

Tứ giả lạn tích thân tài. Ngũ giả ư Niết-bàn trung sanh Đại bố úy。

Bốn là tham tiếc thân mạng tài sản. Năm là ở trong Niết-bàn sanh lo sợ lớn,

云何乃令眾生永滅。六者心不堪忍。七者心不調柔。

Vân hà nãi lệnh chúng sanh vĩnh diệt. Lục giả tâm bất Kham nhẫn. Thất giả tâm bất điều nhu。

làm sao mới khiến chúng sanh vĩnh viễn xa lìa. Sáu là tâm không kham nhẫn. Bảy là tâm không nhu hoà。

八者愁惱。九者不樂。十者放逸。

Bát giả sầu não. Cửu giả bất lạc. Thập giả phóng dật.

Tám là sầu muộn, phiền não. Chín là không vui. Mười là phóng dật.

十一者自輕己身。十二者自見煩惱無能壞者。

Thập nhất giả tự khinh kỷ thân. Thập nhị giả tự kiến phiền não vô năng hoại giả.

Mười một là tự khinh bản thân mình. Mười hai là tự thấy phiền não của mình mà không thể phá được.

十三者不樂進趣菩提之法。善男子。是名十三法。

Thập tam giả bất lạc tiến thú Bồ-đề chi Pháp. Thiện nam tử. Thị danh thập tam Pháp.

Mười ba là chẳng thích tiến đến pháp Bồ-đề. Thiện nam tử! Đó gọi là mười ba pháp
令諸菩薩退轉菩提。復有六法壞菩提心。何等為六。

Lệnh chư Bồ-tát thối chuyển Bồ-đề. Phục hữu lục Pháp hoại Bồ-đề tâm. Hà đẳng vi
lục。

khiến các vị Bồ-tát thối chuyển tâm Bồ-đề. Lại có sáu pháp phá hoại tâm Bồ-đề. Những gì
là sáu?

一者惰法。二者於諸眾生起不善心。

Nhất giả lận Pháp. Nhị giả ư chư chúng sanh khởi bất thiện tâm.

Một là bòn xén. Hai là đối với chúng sanh khởi tâm không tốt.

三者親近惡友。四者不勤精進。五者自大憍慢。

Tam giả thân cận ác hữu. Tứ giả bất tinh cần tinh tấn. Ngũ giả tự Đại kiêu mạn.

Ba là gần gũi bạn ác. Bốn là không siêng năng tinh tấn. Năm là kiêu mạn, tự cao.

六者營務世業。如是六法則能破壞菩提之心。

Lục giả doanh vụ thế nghiệp. Như thị lục Pháp tắc năng phá hoại Bồ-đề chi tâm.

Sáu là ham kinh doanh sự nghiệp thế gian. Sáu pháp ấy có thể phá hoại tâm Bồ-đề.

善男子。有人得聞諸佛世尊是人天師。

Thiện nam tử. Hữu nhân đắc văn chư Phật Thế Tôn thị nhân Thiên sư.

Thiện nam tử! Có người nghe nói chư Phật Thế Tôn là bậc Thầy của trời người,

於眾生中最上無比勝於聲聞辟支佛等。

Ư chúng sanh trung tối thượng vô bỉ thắng ư Thanh Văn Bích Chi Phật đẳng.

đối với chúng sanh là bậc Tối thượng, các Thanh văn, Bích-Chi-phật v.v..không ai sánh
bằng.

法眼明了見法無礙。能度眾生於大苦海。

Pháp nhãn minh liễu kiến Pháp vô ngại. Năng độ chúng sanh ư đại khổ hải.
Pháp nhãn sáng suốt, thấy các pháp không ngăn ngại. Có thể dẫn chúng sanh qua biển khổ lớn.

聞已即復發大誓願。如其世間有如是人。

Văn dĩ tức phục phát đại thệ nguyện. Như kỳ thế gian hữu như thị nhân.

Nghe rồi liền phát nguyện lớn, Thế Tôn như vậy, có người cũng như vậy.

我亦當得以是因緣發阿耨多羅三藐三菩提心。

Ngã diệc đương đắc dĩ thị nhân duyên phát A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề tâm.

Ta cũng nhờ được nhân duyên như vậy mà phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề, hoặc復為他之所教誨發菩提心。

Hoặc phục vi tha chi sở giáo hối phát Bồ-đề tâm.

hoặc lại vì sự dạy dỗ của người khác mà phát tâm Bồ-đề.

或聞菩薩阿僧祇劫修行苦行。然後乃得阿耨多羅三藐三菩提。

Hoặc văn Bồ-tát a-tăng-kì kiếp tu hành khổ hạnh. Nhiên hậu nãi đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề.

hoặc nghe Bồ-tát trải qua a-tăng-kì kiếp tu hành khổ hạnh, sau mới chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề.

聞已思惟。我今不堪如是苦行。

Văn dĩ tư duy. Ngã kim bất kham như thị khổ hạnh.

nghe rồi tư duy, tôi nay không chịu đựng nổi những khổ hạnh như vậy,

云何能得是故有退。善男子。復有五法退菩提心。何等為五。

Vân hà năng đắc thị cố hữu thối. Thiện nam tử. Phục hữu ngũ Pháp thối Bồ-đề tâm. Hà đẳng vi ngũ.

tại sao lại bị thối chuyển như vậy. Thiện nam tử! Lại có năm pháp làm thối chuyển tâm Bồ-đề. Những gì là năm?

一者樂在外道出家。二者不修大慈之心。

Nhất giả lạc tại ngoại đạo xuất gia. Nhị giả bất tu đại từ chi tâm.

Một là thích xuất gia ở các phái ngoại đạo. Hai là không tu tâm Đại bi.

三者好求法師過惡。四者常樂處在生死。

Tam giả hảo cầu Pháp sư quá ác. Tứ giả thường lạc xử tại sanh tử.

Ba là thích tìm lỗi của Pháp sư. Bốn là thường thích ở nơi sanh tử.

五者不憚受持讀誦書寫解說十二部經。

Ngũ giả bất hỷ thọ trì đọc tụng thư tả giải thuyết thập nhị bộ kinh.

Năm là không thích thọ trì đọc tụng, viết chép, giảng thuyết Mười hai bộ kinh.

是名五法退菩提心。復有二法退菩提心。何等為二。

Thị danh ngũ Pháp thối Bồ-đề tâm. Phục hữu nhị pháp thối Bồ-đề tâm. Hà đẳng vi nhị.

Đó là năm pháp làm thối chuyển tâm Bồ-đề. Lại có hai pháp làm thối chuyển tâm Bồ-đề.

Những gì là hai?

一者貪樂五欲。二者不能恭敬尊重三寶。

Nhất giả tham lạc ngũ dục. Nhị giả bất năng cung kính tôn trọng Tam Bảo.

Một là ham thích năm món dục. Hai là không hay cung kính tôn trọng Tam bảo.

以如是等眾因緣故退菩提心。

Dĩ như thị đẳng chúng nhân duyên cố thối Bồ-đề tâm。

Do các nhân duyên như vậy cho nên thối tâm Bồ-đề.

云何復名不退之心。

Vân hà phục danh bất thối chi tâm。

Thế nào gọi là tâm không thối chuyển?

有人聞佛能度眾生老病死。

Hữu nhân văn Phật năng độ chúng sanh sanh lão bệnh tử。

Có người nghe Phật có thể độ chúng sanh thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết,

不從師諮自然修習得阿耨多羅三藐三菩提。若菩提道是可得者。

Bất tòng sư tư tự nhiên tu tập đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。Nhược Bồ-đề đạo thị khả đắc giả。

không đợi sự dạy dỗ của Thầy, tự nhiên tu tập chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。Nếu đạo Bồ-đề có thể chứng đắc,

我當修習必令得之。以是因緣發菩提心。

Ngã đương tu tập tất lệnh đắc chi。Dĩ thị nhân duyên phát Bồ-đề tâm。

Ta sẽ tu tập để được chứng đắc。Nhờ nhân duyên đó phát tâm Bồ-đề,

所作功德若多若少悉以迴向阿耨多羅三藐三菩提。

Sở tác công đức nhược đa nhược thiểu tất dĩ hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。

tất cả các công đức làm được hoặc nhiều hoặc ít đều đem hồi hướng về A-nậu-đa-la Tam-miêu-tam-bồ-đề,

作是誓願。願我常得親近諸佛及佛弟子。

Tác thị thệ nguyện. Nguyện ngã thường đắc thân cận chư Phật cập Phật đệ-tử.

phát lời nguyện như thế này: Nguyện cho tôi thường được gần gũi chư Phật và các vị đệ tử Phật,

常聞深法五情完具。若遇苦難不失是心。

Thường văn thâm pháp ngũ tình hoàn cụ. Nhược ngộ khổ nạn bất thất thị tâm.

thường nghe Pháp thâm sâu, năm tình được đầy đủ. Nếu gặp nạn khổ không thối thất tâm này.

復願諸佛及諸弟子。常於我所生歡喜心具。五善根。

Phục nguyện chư Phật cập chư đệ tử. Thường ư ngã sở sanh hoan hỷ tâm cụ. Ngũ thiện căn.

Lại nguyện chư Phật và các đệ tử của Ngài đối với con thường sanh tâm hoan hỷ, đầy đủ năm thiện căn,

若諸眾生斫伐我身斬截手足頭目支節。

Nhược chư chúng sanh chước phạt ngã thân trảm tiệt thủ túc đầu mục chi tiết.

nếu các chúng sanh phạt đánh thân con, chém đứt tay, chân, đầu, mắt, các chi
當於是人生大慈心深自喜慶。

Đương ư thị nhân sanh Đại từ tâm thâm tự hỷ khánh.

thì đối với người ấy thường sanh tâm đại bi, tự luôn vui vẻ.

如是諸人為我增長菩提因緣。

Như thị chư nhân vi ngã tăng trưởng Bồ-đề nhân duyên.

Những người như vậy làm tăng trưởng nhân duyên Bồ-đề cho con;

若無是者我當何緣而得成就阿耨多羅三藐三菩提。復發是願。

Nhược vô thị giả ngã đương hà duyên nhi đắc thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miêu-tam-bồ-đề. Phục phát thị nguyện.

nếu không như vậy tôi lấy duyên gì mà chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miêu-tam-bồ-đề. Lại phát nguyện như thế này:

莫令我得無根二根女人之身。

Mạc lệnh ngã đắc vô căn nhị căn nữ nhân chi thân.

Chớ cho tôi bị thân không căn, hai căn, nữ căn,
不繫屬人不遭惡主不屬惡王不生惡國。

Bất hệ chúc nhân bất tao ác chủ bất chúc ác Vương bất sanh ác quốc.
chẳng bị trói buộc bởi người thân, chẳng gặp chủ ác, chẳng gặp vua ác, chẳng sanh nước
ác;

若得好身種姓真正多饒財寶不生憍慢。

Nhược đắc hảo thân chủng tính chân chánh đa nhiều tài bảo bất sanh kiêu mạn.
nếu được thân tốt, dòng họ chân chánh, tài sản giàu có, cứu giúp chúng sanh không kiêu
mạn

令我常聞十二部經受持讀誦書寫解說。若為眾生有所演說。

Lệnh ngã thường văn thập nhị bộ Kinh thọ trì đọc tụng thư tả giải thuyết. Nhược vi chúng
sanh hữu sở diễn thuyết。

khiến tôi thường nghe Mười Hai Bộ Kinh, thọ trì đọc tụng, viết chép, giảng thuyết. Nếu vì
chúng sanh giảng giải những điều đó,
願令受者敬信無疑常於我所不生惡心。

Nguyện lệnh thọ giả kính tín vô nghi thường ư ngã sở bất sanh ác tâm。

nguyện cho người nghe kính tin không nghi ngờ thường đối với tôi không sanh tâm ác,
寧當少聞多解義味。不願多聞於義不了。

Ninh đương thiếu văn đa giải nghĩa vị. Bất nguyện đa văn ư nghĩa bất liễu。

khiến cho người ít nghe được hiểu nghĩa lý, không nguyện nghe nhiều mà không hiểu
nghĩa,

願作心師不師於心。身口意業不與惡交。

Nguyện tác tâm sư bất sư ư tâm. Thân khẩu ý nghiệp bất dữ ác giao。

nguyện làm chủ tâm, không để tâm làm chủ. Thân, khẩu, ý nghiệp không giao du người
ác;

能施一切眾生安樂。身戒心慧不動如山。

Năng thí nhất thiết chúng sanh an lạc. Thân giới tâm tuệ bất động như sơn。

hay bố thí an lạc cho tất cả chúng sanh; giới thân huệ mạng vững như núi không lay động;
欲為受持無上正法。於身命財不生慳慳。不淨之物不為福業。

Dục vi thọ trì vô thượng chánh Pháp. Ư thân mạng tài bất sanh khan lận. Bất tịnh chi vật
bất vi phúc nghiệp。

muốn thọ trì Chánh pháp Vô thượng, đối với thân mạng tài sản không còn ham tiếc; vật bất tịnh không lấy đó làm phước nghiệp,

正命自活心無邪諂。受恩常念小恩大報。

Chánh mạng tự hoạt tâm vô tà siểm. Thọ ân thường niệm tiểu ân đại báo。

sống theo chánh mạng không có tâm siểm nịnh; thọ ân thường nhớ ân nhỏ mà báo đáp lớn.

善知世中所有事藝。善解眾生方俗之言。

Thiện tri thế trung sở hữu sự nghệ. Thiện giải chúng sanh phương tục chi ngôn。

Khéo biết những việc làm trong thế gian, khéo hiểu những lời địa phương của chúng sanh; 讀誦書寫十二部經不生懈怠懶墮之心。

Độc tụng thư tả thập nhị bộ kinh bất sanh giải đãi lại đọa chi tâm。

đọc tụng viết chép Mười Hai Bộ Kinh, không sanh tâm giải đãi, biếng nhác;

若諸眾生不樂聽聞。方便引接令彼樂聞。

Nhược chư chúng sanh bất lạc thính văn。Phương tiện dẫn tiếp lệnh bỉ lạc văn。

nếu các chúng sanh không thích nghe, thì dùng phương tiện dẫn dắt khiến người kia thích nghe thì

言常柔軟口不宣惡。不和合眾能令和合。

Ngôn thường nhu nhuyễn khẩu bất tuyên ác。Bất hòa hợp chúng năng lệnh hòa hợp。

lời nói thường nhu hòa, miệng không nói lời ác. Người không hòa hợp chúng thì khiến cho họ hòa hợp;

有憂怖者令離憂怖。飢饉之世令得豐足。

Hữu ưu phổ giả lệnh ly ưu phổ。Cơ cận chi thế lệnh đắc phong túc。

có người lo sợ thì khiến họ xa lìa lo sợ; thế gian đói khổ khiến được giàu có.

疾病之世作大醫王病藥所須財寶自在。

Tật bệnh chi thế tác Đại y Vương bệnh dược sở tu tài bảo tự-tại。

Vào thời tật bệnh thì làm vị y vương, thuốc thang đầy đủ, tài bảo tự tại

令疾病者悉得除愈。刀兵之劫有大力勢斷其殘害令無遺餘。

Lệnh tật bệnh giả tất đắc trừ dữ。Đao binh chi kiếp hữu đại lực thế đoạn kỳ tàn hại lệnh vô di dư。

khiến người tật bệnh đều được mạnh khỏe, tai kiếp đao binh thì có thế lực lớn chấm dứt sự tàn hại khiến không còn nữa;

能斷眾生種種怖畏。

Năng đoạn chúng sanh chủng chủng bố úy。

Có thể chấm dứt các sự sợ hãi cho chúng sanh,

所謂若死閉繫打擲水火王賊貧窮破戒惡名惡道。

Sở vị nhược tử bế hệ đả trịch thủy hỏa Vương tặc bần cùng phá giới ác danh ác đạo。

tức là sự chết, bị trói đánh đập, tai nạn lửa nước, bần cùng khốn khổ, phá giới gọi là ác đạo。

如是等畏悉當斷之。父母師長深生恭敬。

Như thị đẳng úy tất đương đoạn chi。Phụ mẫu Sư trưởng thâm sanh cung kính。

Những sợ hãi như vậy đều phải chấm dứt hết。Cha mẹ Sư trưởng sanh tâm cung kính; 怨憎之中生大慈心。常修六念空三昧門十二因緣生滅等觀。

Oán tăng chi trung sanh đại tử tâm。Thường tu lục niệm không tam muội môn thập nhị nhân duyên sanh diệt đẳng quán。

trong sự oán ghét sanh tâm đại bi; thường tu Sáu niệm không, Tam-muội môn, Mười hai nhân duyên, đồng quán sanh diệt。

出息入息天行梵行及以聖行。

Xuất tức nhập tức Thiên hạnh phạm hạnh cập dĩ Thánh hạnh。

Thờ ra thờ vào Thiên hạnh, Phạm hạnh, cho đến Thánh hạnh,

金剛三昧首楞嚴定。無三寶處令我自得寂靜之心。

Kim cương tam muội Thủ Lăng Nghiêm định。Vô Tam Bảo xứ lệnh ngã tự đắc tịch tĩnh chi tâm。

Kim Cang Tam Muội, định Thủ Lăng Nghiêm, ở chỗ không có Tam Bảo thì tôi tự an tịnh tâm mình。

若其身心受大苦時。莫失無上菩提之心。

Nhược kỳ thân tâm thọ đại khổ thời。Mạc thất vô thượng Bồ-đề chi tâm。

Lúc thân tâm tôi thọ khổ lớn, cũng không để thối thất tâm Vô thượng Bồ-đề,

莫以聲聞辟支佛心而生知足。

Mạc dĩ Thanh Văn Bích Chi Phật tâm nhi sanh tri túc。

chớ được tâm Thanh văn, Bích-chi-phật mà cho là đủ。

無三寶處常在外道法中出家。為破邪見不習其道。

Vô Tam Bảo xứ thường tại ngoại đạo Pháp trung xuất gia。Vi phá tà kiến bất tập kỳ đạo。

Nơi không có Tam Bảo, thường xuất gia trong pháp ngoại đạo, bị phá tà kiến không tu tập theo đạo ấy

得法自在得心自在。於有為法了了見過。

Đắc pháp tự tại đắc tâm tự-tại. Ư hữu vi pháp liễu liễu kiến quá.

được pháp tự tại, tâm tự tại. Đối với pháp hữu vi thấy rõ để vượt qua

令我怖畏二乘道果。如惜命者怖畏捨身。

Lệnh ngã bố úy nhị thừa đạo quả. Như tích mạng giả bố úy xả thân.

khiến tôi sợ hãi đạo quả Nhị thừa, như tiếc mạng sống, sợ xả bỏ thân,

為眾生故樂處三惡。如諸眾生樂忉利天。

Vì chúng sanh cố lạc xử tam ác. Như chư chúng sanh lạc Đạo Lợi Thiên.

vì chúng sanh nên thích vào ba đường ác, như các chúng sanh thích cõi trời Đạo-lợi.

為一人於無量劫受地獄苦心不生悔。見他得利不生妬心。

Vì nhất nhất nhân ư vô lượng kiếp thọ địa ngục khổ tâm bất sanh hối. Kiến tha đắc lợi bất sanh đố tâm.

Vì mỗi người ở trong vô lượng kiếp thọ khổ địa ngục tâm không sanh hối hận. Thấy người khác được lợi không sanh tâm tật đố,

常生歡喜如自得樂。

Thường sanh hoan hỷ như tự đắc lạc.

thường sanh tâm hoan hỷ như tự mình được lợi.

若值三寶當以衣服飲食臥具房舍醫藥。

Nhược trị Tam Bảo đương dĩ y phục ẩm thực ngọa cụ phòng xá y dược.

Nếu gặp Tam Bảo thì phải đem y phục, ẩm thực, ngọa cụ, phòng xá thuốc men,

燈明花香伎樂幡蓋七寶供養。若受佛戒堅固護持。終不生於毀犯之想。

Đăng minh hoa hương kĩ nhạc phiên cái thất bảo cung dưỡng. Nhược thọ Phật giới kiên cố hộ trì. Chung bất sanh ư hủy phạm chi tưởng.

đèn đuốc, hương hoa, âm nhạc, phan lọng, thất bảo cúng dưỡng. Nếu thọ giới của Phật thì phải kiên cố giữ gìn, trọn không sanh ý nghĩ hủy phạm.

若聞菩薩難行苦行。其心歡喜不生悔恨。

Nhược văn Bồ-tát nan hành khổ hạnh. Kỳ tâm hoan hỷ bất sanh hối hận.

Nếu nghe Bồ-tát tu hành khổ hạnh, tâm mình hoan hỷ, không sanh tâm hối hận.

自識往世宿命之事。終不造作貪瞋癡業。

Tự thức vãng thế tú mạng chi sự. Chung bất tạo tác tham sân si nghiệp。

Tự biết kiếp trước của mình quyết chẳng tạo các nghiệp tham, sân, si,

不為果報而集因緣。於現在樂不生貪著。善男子。

Bất vì quả báo nhi tập nhân duyên。Ư hiện tại lạc bất sanh tham trước。Thiện nam tử。 không vì quả báo mà kết tập nhân duyên。Đối với cái vui hiện tại không sanh tâm tham trước。Thiện nam tử!

若有能發如是願者。

Nhược hữu năng phát như thị nguyện giả。

nếu có thể phát nguyện như vậy

是名菩薩終不退失菩提之心。亦名施主。能見如來明了佛性。

Thị danh Bồ-tát chung bất thối thất Bồ-đề chi tâm。Diệc danh thí chủ。Năng kiến Như Lai minh liễu Phật tánh。

thì gọi là Bồ-tát trọn không thối chuyển tâm Bồ-đề, cũng gọi là người chủ bố thí, thất được Phật tánh sáng suốt của Như Lai。

能調眾生度脫生死。善能護持無上正法。

Năng điều chúng sanh độ thoát sanh tử。Thiện năng hộ trì vô thượng chánh Pháp。

Có thể chế phục chúng sanh thoát khỏi sanh tử, khéo hộ trì Chánh pháp Vô thượng。

能得具足六波羅蜜。善男子。以是義故。

Năng được đầy đủ lục Ba-la-mật。Thiện nam tử。Do thị nghĩa。

Có thể đầy đủ lục Ba-la-mật。Thiện nam tử! Do vì nghĩa đó

不退之心不名佛性。

Bất thối chi tâm bất danh Phật tánh。

nên tâm không thoái chuyển không gọi là Phật tánh。

善男子。汝不可以有退心故。

Thiện nam tử。Nhữ bất khả dĩ hữu thối tâm cố。

Thiện nam tử! Vì người không thể có tâm thối chuyển nên

言諸眾生無有佛性。譬如二人俱聞他方有七寶山。

Ngôn chư chúng sanh vô hữu Phật tánh。Thí như nhị nhân câu văn tha phương hữu thất bảo sơn。

nói chúng sanh không có Phật tánh。Thí như hai người đều nghe ở phương xa có núi bảy báu,

山有清泉其味甘美。

Sơn hữu thanh tuyền kỳ vị cam mỹ。

núi nước trong, có mùi vị ngon ngọt

有能到者永斷貧窮服其水者增壽萬歲。唯路懸遠嶮阻多難。

Hữu năng đáo giả vĩnh đoạn bần cùng phục kỳ thủy giả tăng thọ vạn tuế。 Duy lộ huyền viễn hiểm trở đa nan。

Có thể đến đó thì mãi xa lìa sự nghèo khó, uống được nước đó thì tăng tuổi thọ thêm mười ngàn tuổi; chỉ có điều đường đi xa xôi, cheo leo, hiểm trở, nhiều khó khăn.

時彼二人俱欲共往。一人莊嚴種種行具。

Thời bỉ nhị nhân câu dục cộng vãng。 Nhất nhân trang nghiêm chủng chủng hạnh cụ。

Lúc đó hai người kia đều muốn cùng đi. Một người chuẩn bị đầy đủ hành lý để đi,

一則空往無所齎持。

Nhất tắc không vãng vô sở tê trì。

một người khác thì không mang một thứ gì theo

相與前進路值一人多齎寶貨七珍具足。二人便前問言。仁者。

Tương dữ tiền tiến lộ trị nhất nhân đa tê bảo hóa thất trân cụ túc。 Nhị nhân tiện tiền vấn ngôn。 Nhân giả。

cùng nhau thẳng đường mà đi thì gặp một người mang nhiều đồ vật bằng bảy báu. Hai người liền đến trước người ấy hỏi rằng: Nhân giả!

彼土實有七寶山耶。其人答言。實有不虛我已獲寶飲服其水。

Bỉ độ thật hữu thất bảo sơn da。 Kỳ nhân đáp ngôn。 Thật hữu bất hư ngã dĩ hoạch bảo ẩm phục kỳ thủy。

ở nơi kia có núi bảy báu phải chăng? Người ấy đáp rằng: Thật không hư dối, tôi đã lấy được báu vật và uống nước ở đó,

唯患路嶮多有盜賊。沙鹵棘刺乏於水草。

Duy hoạn lộ hiểm đa hữu đạo tặc。 Sa lổ cức thứ phạt ư thủy thảo。

chỉ lo trên đường đi nguy hiểm và nhiều giặc cướp. Đất cát mặn, cỏ cây chết vì thiếu nước,

往者千萬達者甚少。

Vãng giả thiên vạn đạt giả thậm thiếu。

người đi ngàn vạn mà người đến nơi rất là ít.

聞是事已一人即悔尋作是言。路既懸遠艱難非一。

Văn thị sự dĩ nhất nhân tức hối tìm tác thị ngôn. Lộ ký huyền viễn gian nan phi nhất.

Nghe việc ấy rồi một người tức hối liền nói rằng: Đường đã xa khó khăn không phải ít, 往者無量達者無幾。而我云何當能到彼。我今產業粗自供足。

Vãng giả vô lượng đạt giả vô ki. Nhi ngã vân hà đương năng đáo bỉ. Ngã kim sản nghiệp thô tự cung túc.

người đi rất nhiều mà đến nơi chẳng được mấy người, mà tôi làm sao có thể đến đó. Sản nghiệp quê kịch của ta cũng tự đủ sống,

若涉斯路或失身命。身命不全長壽安在。

Nhược thiệp tư lộ hoặc thất thân mạng. Thân mạng bất toàn trường thọ an tại.

nếu lặn lội đi theo đường ấy hoặc mất thân mạng, thân mạng không trọn vẹn thì tuổi thọ làm sao an?

一人復言。有人能過我亦能過。

Nhất nhân phục ngôn. Hữu nhân năng quá ngã diệc năng quá.

Một người lại nói: có người khác có thể vượt qua thì mình cũng có thể vượt qua,

若得果達則得如願採取珍寶飲服甘水。

Nhược đắc quả đạt tắc đắc như nguyện thái thủ trân bảo ẩm phục cam thủy.

nếu đạt được kết quả thì nguyện ước lấy được châu báu, uống được nước ngọt đạt được, 如其不達以死為期。是時二人一則悔還。

Như kỳ bất đạt dĩ tử vi kỳ. Thị thời nhị nhân nhất tắc hối hoàn.

nếu không đạt được thì coi như đến kì chết. Lúc ấy hai người đó, một người hối hận trở về,

一則前進到彼山所多獲財寶。如願服水多齎所有還其所止。

Nhất tắc tiền tiến đáo bỉ sơn sở đa hoạch tài bảo. Như nguyện phục thủy đa tê sở hữu hoàn kỳ sở chỉ.

một người tiếp tục đi đến núi kia đạt được nhiều châu báu. Như ước nguyện uống được nước và mang được nhiều thứ trở về để

奉養父母賑給宗親。

Phụng dưỡng phụ mẫu chẩn cấp tông thân.

phụng dưỡng cha mẹ, cứu giúp người thân.

時悔還者見是事已心中生熱。彼去已還我何為住。

Thời hối hoàn giả kiến thị sự dĩ tâm trung sanh nhiệt. Bỉ khứ dĩ hoàn ngã hà vi trụ.

Lúc bấy giờ, người hối hận quay trở về thấy việc như vậy rồi trong lòng nổi nóng nấy, người kia đã trở về ta tại sao còn ở đây,

即便莊嚴涉道而去。七寶山者喻大涅槃。

Tức tiện trang nghiêm thiệp đạo nhi khứ. Thất bảo sơn giả dụ Đại Niết-bàn.

liền chuẩn bị hành lý mà đi. Núi bảy báu ấy dụ cho Đại Niết-bàn.

甘美之水喻於佛性。其二人者喻二菩薩初發道心。

Cam mỹ chi thủy dụ ư Phật tánh. Kỳ nhị nhân giả dụ nhị Bồ-tát sơ phát Đạo tâm.

nước có vị ngọt ngon dụ cho Phật tánh. Hai người ấy dụ cho hai vị Bồ-tát sơ phát tâm.

嶮惡道者喻於生死。所逢人者喻佛世尊。

Hiểm ác đạo giả dụ ư sanh tử. Sở phùng nhân giả dụ Phật Thế tôn.

những nguy hiểm trên đường dụ cho sanh tử, người mà được gặp trên đường dụ cho Phật Thế Tôn.

有盜賊者喻於四魔。沙鹵棘刺喻諸煩惱。

Hữu đạo tặc giả dụ ư tứ ma. Sa lũ cức thứ dụ chư phiền não.

Có giặc cướp ấy dụ cho Tứ ma. Đất cát mặn ấy dụ cho các phiền não.

無水草者喻不修習菩提之道。一人還者喻退轉菩薩。

Vô thủy thảo giả dụ bất tu tập Bồ-đề chi đạo. Nhất nhân hoàn giả dụ thối chuyển Bồ-tát.

Không có nước, cỏ dụ cho không có người tu tập đạo Bồ-đề. Một người trở về dụ cho Bồ-tát thối chuyển.

其直往者喻不退菩薩。善男子。

Kỳ trực vãng giả dụ bất thối Bồ-tát. Thiện nam tử.

người tiếp tục đi dụ cho Bồ-tát không thối chuyển. Thiện nam tử!

眾生佛性常住不變猶彼嶮道。

Chúng sanh Phật tánh thường trụ bất biến do bỉ hiểm đạo.

Phật tánh chúng sanh thường trụ bất biến giống như con đường nguy hiểm kia,

不可說言人悔還故令道無常。佛性亦爾。善男子。菩提道中終無退者。

Bất khả thuyết ngôn nhân hối hoàn cố lệnh đạo vô thường. Phật tánh diệc nhĩ. Thiện nam tử. Bồ-đề đạo trung chung vô thối giả.

không có thể nói rằng người hối hận quay trở về cho nên đạo vô thường. Phật tánh cũng như vậy. Thiện nam tử! Trong đạo Bồ-đề chẳng có người thối chuyển.

善男子。如向悔者。見其先伴獲寶而還。

Thiện nam tử. Như hướng hối giả. Kiến kỳ tiên bạn hoạch bảo nhi hoàn.

Thiện nam tử! Như người hối hận kia, trước thấy bạn mình thu hoạch được báu vật quay trở lại,

勢力自在供養父母給足宗親多受安樂。

Thế lực tự-tại cung dưỡng phụ mẫu cấp túc tông thân đa thọ an lạc.

Sức lực khỏe mạnh, phụng dưỡng cha mẹ cung cấp đầy đủ cho thân tộc, tận hưởng sự an lạc.

見是事已心中生熱。即復莊嚴復道還去。

Kiến thị sự dĩ tâm trung sanh nhiệt. Tức phục trang nghiêm phục đạo hoàn khứ.

thấy việc như vậy rồi tâm sanh nóng nảy, liền chuẩn bị hành lý lại quay trở lại con đường kia.

不惜身命堪忍眾難。遂便到彼七寶山中。

Bất tích thân mạng Kham nhẫn chúng nan. Toại tiện đáo bỉ thất bảo sơn trung.

không tiếc thân mạng nhẫn chịu tất cả các khó khăn, liền đến được trong núi bảy báu kia.

退轉菩薩亦復如是。善男子。

Thối chuyển Bồ-tát diệc phục như thị. Thiện nam tử.

Bồ-tát thối chuyển cũng lại như vậy. Thiện nam tử!

一切眾生定當得成阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。我經中說。

Nhất thiết chúng sanh định đương đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Dĩ thị nghĩa cố. Ngã Kinh trung thuyết.

Tất cả chúng sanh nhất định chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Do vì nghĩa đó, trong kinh Ta nói:

一切眾生乃至五逆犯四重禁及一闍提悉有佛性

Nhất thiết chúng sanh nãi chí ngũ nghịch phạm tứ trọng cấm cập Nhất-xiển-đề tất hữu Phật tánh

Tất cả chúng sanh cho đến ngũ nghịch, người phạm bốn trọng giới và Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh.

師子吼言。世尊。云何菩薩有退不退。善男子。

Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn. Vân hà Bồ-tát hữu thối bất thối. Thiện nam tử.

Sư Tử Hồng thưa: Thế Tôn! Làm thế nào để biết Bồ-tát thối chuyển hay không thối chuyển? Thiện nam tử!

若有菩薩修習如來三十二相業因緣者得名不退。

Nhược hữu Bồ-tát tu tập Như Lai tam thập nhị tướng nghiệp nhân duyên giả đắc danh bất thối。

Nếu có Bồ-tát tu tập ba mươi hai tướng tốt của Như Lai, nhờ nhân duyên đó được gọi là bất thối。

得名菩薩摩訶薩也。名不動轉。

Đắc danh Đại Bồ-tát dã。Danh bất động chuyển。

được gọi là Đại Bồ-tát, gọi là bất thối chuyển。

名為憐愍一切眾生。名勝一切聲聞緣覺。

Danh vi lân mẫn nhất thiết chúng sanh。Danh thắng nhất thiết thanh văn duyên giác。

gọi là thương xót tất cả chúng sanh, gọi là vượt trội tất cả Thanh văn, Duyên giác,

名阿毘跋致。善男子。

Danh A-tỳ-bạt-trí。Thiện nam tử。

gọi là A-tỳ-bạt-trí。Thiện nam tử!

若菩薩摩訶薩持戒不動施心不移安住實語如須彌山。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát trì giới bất động thí tâm bất di an trú thật ngữ như Tu Di sơn。

Nếu Đại Bồ-tát trì giới không thối chuyển, tâm bố thí không dời đổi, an trú vào lời nói chân thật như núi Tu-di,

以是業緣得足下平如奩底相。

Dĩ thí nghiệp duyên đắc túc hạ bình như liêm đế tướng。

do nghiệp duyên ấy nên được bàn chân bằng phẳng như cái đáy hộp。

若菩薩摩訶薩於父母所和上師長乃至畜生。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát ư phụ mẫu sở hòa thượng Sư trưởng nãi chí súc sanh。

Nếu Đại Bồ-tát đối với cha mẹ, Hòa thượng, sư trưởng, cho đến súc sanh,

以如法財供養供給。

Dĩ như pháp tài cung dưỡng cung cấp。

đem tài sản như pháp cúng dường cung cấp thì

以是業緣得成足下千輻輪相。

Dĩ thí nghiệp duyên đắc thành túc hạ thiên phúc luân tướng。

nhờ nghiệp duyên đó thành tựu dưới chân có ngàn bánh xe.

若菩薩摩訶薩不殺不盜。

Nhược Đại Bồ-tát bất sát bất đạo。

Nếu Đại Bồ-tát không sát sanh, không trộm cắp,

於父母師長常生歡喜。以是業緣得成三相。一者手指纖長。

Ư phụ mẫu sư trưởng thường sanh hoan hỷ. Dĩ thị nghiệp duyên đắc thành tam tướng. Nhất giả thủ chỉ tiêm trường。

đối với cha mẹ, Sư trưởng thường sanh tâm hoan hỷ, nhờ duyên nghiệp đó thành tựu ba tướng: Một là ngón tay nhỏ dài,

二者足跟長。三者其身方直。

Nhị giả túc cân trường。Tam giả kỳ thân phương trực。

hai là gót chân dài, ba là thân cao thẳng。

如是三相同一業緣。若菩薩摩訶薩修四攝法攝取眾生。

Như thị tam tướng đồng nhất nghiệp duyên。Nhược Bồ-tát Ma-ha tát tu tứ nhiếp Pháp nhiếp thủ chúng sanh。

Ba tướng như vậy đều cùng một nghiệp duyên。Nếu Đại Bồ-tát tu bốn món nhiếp pháp nhiếp hộ chúng sanh,

以是業緣得網縵指如白鵝王。

Dĩ thị nghiệp duyên đắc võng man chỉ như bạch Nga Vương。

nhờ nghiệp duyên đó được bàn tay có lớp màn mịn nối giữa các ngón tay như con ngỗng chúa。

若菩薩摩訶薩父母師長若病苦時。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát phụ mẫu Sư trưởng nhược bệnh khổ thời。

Nếu Đại Bồ-tát lúc cha mẹ, Sư trưởng có bệnh,

自手洗拭捉持案摩。

Tự thủ tẩy thức tróc trì án ma。

tự tay giặt rửa, nâng đỡ xoa bóp thì

以是業緣得手足軟若菩薩摩訶薩持戒聞法惠施無厭。

Dĩ thị nghiệp duyên đắc thủ túc nhuyễn nhược Bồ-tát Ma-ha tát trì giới văn pháp huệ thí vô yếm。

nhờ duyên nghiệp ấy được tay chân mềm mại. Nếu Đại Bồ-tát trì giới nghe pháp, bố thí không nhàm chán.

以是業緣得節踝[足+庸]滿身毛上靡。

Dĩ thị nghiệp duyên đặc tiết khỏa [túc+dung]mãn thân mao thượng mĩ.

nhờ duyên nghiệp ấy được mắt cá chân đầy đặn, trên thân lông mọc đẹp.

若菩薩摩訶薩專心聽法演說正教。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát chuyên tâm thính Pháp diễn thuyết chánh giáo.

nếu Đại Bồ-tát chuyên tâm nghe Pháp, diễn thuyết Giáo pháp chơn chánh,

以是業緣得鹿王[足+專]。

Dĩ thị nghiệp duyên đặc lộc Vương thuyên.

nhờ duyên nghiệp ấy thành tựu như gót chân Nai chúa.

若菩薩摩訶薩於諸眾生不生害心。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát ư chư chúng sanh bất sanh hại tâm.

Nếu Đại Bồ-tát đối với các chúng sanh không sanh tâm ác hại,

飲食知足常樂惠施瞻病給藥。

ẩm thực tri túc thường lạc huệ thí chiêm bệnh cấp dược.

ăn uống biết tri túc, thường thích bố thí, thăm bệnh cho thuốc,

以是業緣其身圓滿如尼拘陀樹。立手過膝頂有肉髻無見頂相。

Dĩ thị nghiệp duyên kỳ thân viên mãn như Ni-câu-đà thụ. Lập thủ quá tất đỉnh hữu nhục kế vô kiến đỉnh tướng.

nhờ duyên nghiệp đó thân người ấy đầy đủ như cây Ni-câu-đà. Tay dài quá đầu gối, có nhục kế không thấy tướng đỉnh đầu,

若菩薩摩訶薩見怖畏者為作救護。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát kiến bố úy giả vi tác cứu hộ.

nếu Đại Bồ-tát thấy người sợ hãi thì liền cứu giúp,

見裸跣者施與衣服。以是業緣得陰藏相。

Kiến lỏa tiển giả thí dĩ y phục. Dĩ thị nghiệp duyên đặc âm tàng tướng.

thấy người không áo mặc thì cho y phục. Nhờ duyên nghiệp ấy được tướng âm tàng,

若菩薩摩訶薩親近智者遠離愚人。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát thân cận trí giả viễn li ngu nhân.

nếu có Đại Bồ-tát gần gũi bậc trí, xa lìa người ngu,

善慧問答掃治行路。以是業緣皮膚細軟身毛右旋。

Thiện hỉ vấn đáp tảo trì hạnh lộ. Dĩ thị nghiệp duyên bì phu tế nhuyễn thân mao hữu toàn.

khéo vui lòng hỏi đáp, quét sạch đường đi, nhờ nghiệp duyên ấy, da thịt mịn màng, lông trên mọc xoay tròn về bên phải.

若菩薩摩訶薩常以衣服飲食臥具醫藥香花

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát thường dĩ y phục ẩm thực ngọa cụ y dược hương hoa

Nếu Đại Bồ-tát thường đem y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thuốc men, hương hoa, đèn minh sứ người. 以是業緣得身金色常光明曜。

Đẳng minh thí nhân. Dĩ thị nghiệp duyên đắc thân kim sắc thường quang-minh diệu.

đèn đuốc bố thí cho người thì nhờ nghiệp duyên ấy được thân sắc vàng thường chiếu ánh sáng.

若菩薩摩訶薩行施之時。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát hành thí chi thời.

Đại Bồ-tát lúc hành bố thí,

所珍之物能捨不悋不觀福田及非福田。

Sở trân chi vật năng xả bất lận bất quán phúc điền cập phi phúc điền.

những vật báu có thể xả bỏ không tham tiếc, không quán xét là ruộng phước hay không phải ruộng phước,

以是業緣得七處滿相。

Dĩ thị nghiệp duyên đắc thất xử mãn tướng.

nhờ nghiệp duyên này mà thành tựu bảy tướng đầy đủ.

若菩薩摩訶薩布施之時心不生疑。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát bố thí chi thời tâm bất sanh nghi.

Nếu Đại Bồ-tát lúc bố thí tâm không sanh nghi ngờ,

以是業緣得柔軟聲。

Dĩ thị nghiệp duyên đắc nhu nhuyễn thanh.

nhờ nghiệp duyên ấy được âm thanh nhỏ nhẹ.

若菩薩摩訶薩如法求財以用布施。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát như Pháp cầu tài dĩ dụng bố thí.

nếu Đại Bồ-tát như pháp cầu tài vật rồi đem bố thí.

以是業緣得缺骨充滿師子上身臂肘傭纖

Dĩ thị nghiệp duyên đắc khuyết cốt sung mãn Sư tử thượng thân tỳ trửu dong tiêm
nhờ nghiệp duyên đó thành tựu ống xương tròn đầy như thân sư tử, khuỷu tay nhỏ đẹp.
若菩薩摩訶薩遠離兩舌惡口恚心。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát viển li lượng thiết ác khẩu khuể tâm。

Nếu Đại Bồ-tát xa lìa lời nói hai lưỡi, ác khẩu, tâm sân giận,
以是業緣得四十牙齒白淨齊密。

Dĩ thị nghiệp duyên đắc tứ thập nha xỉ bạch tịnh tề mật。

nhờ nghiệp duyên ấy thành tựu bốn mươi cái răng trắng sạch đều đặn khít nhau.
若菩薩摩訶薩於諸眾生修大慈悲。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát ư chư chúng sanh tu đại từ bi。

Nếu Đại Bồ-tát đối với chúng sanh tu đại từ bi,
以是業緣得二牙相。

Dĩ thị nghiệp duyên đắc nhị nha tướng。

nhờ nghiệp duyên ấy thành tựu hai tướng của răng.

若菩薩摩訶薩常作是願。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát thường tác thị nguyện。

Nếu Đại Bồ-tát thường nguyện như thế rằng,
有來求者隨意給與以是業緣得師子頰。

Hữu lai cầu giả tùy ý cấp dữ dĩ thị nghiệp duyên đắc Sư tử giáp。

nếu có người đến xin đều tùy ý họ mà cho, nhờ nghiệp duyên ấy thành tựu hai má của sư tử.

若菩薩摩訶薩隨諸眾生所須飲食悉皆與之。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát tùy chư chúng sanh sở tu ẩm thực tất giai dữ chi

Nếu Đại Bồ-tát tùy những điều chúng sanh cần về ăn uống đều cung cấp cho,
以是業緣得味中上味。

Dĩ thị nghiệp duyên đắc vị trung thượng vị。

nhờ nghiệp duyên đó được nếm mùi vị thượng hạng.

若菩薩摩訶薩自修十善兼以化人。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát tự tu Thập thiện kiêm dĩ hóa nhân。

Nếu Đại Bồ-tát tự tu Thập thiện nghiệp rồi đem giáo hóa người,

以是業緣得廣長舌。

Dĩ thị nghiệp duyên đắc quảng trường thiệt。

nhờ nghiệp duyên đó thành tựu lưỡi rộng dài.

若菩薩摩訶薩不訟彼短不謗正法。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát bất tụng bỉ đoản bất báng chánh Pháp。

Đại Bồ-tát không kiện tụng chê bai người, không hủy báng Chánh pháp,

以是業緣得梵音聲。

Dĩ thị nghiệp duyên đắc Phạm Âm thanh。

nhờ nghiệp duyên ấy thành tựu tiếng Phạm âm.

若菩薩摩訶薩見諸怨憎生於喜心。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát kiến chư oán tăng sanh ư hỷ tâm。

Nếu Đại Bồ-tát thấy các điều oán ghét sanh tâm hoan hỷ,

以是業緣得目睫紺色。

Dĩ thị nghiệp duyên đắc mục tiệp cảm sắc。

nhờ nghiệp duyên ấy thành tựu lông mày có sắc xanh biếc.

若菩薩摩訶薩不隱他德稱揚其善。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát bất ẩn tha đức xưng dương kỳ thiện。

Nếu Đại Bồ-tát không che dấu đức của người khác, khen ngợi những điều thiện của họ,

以是業緣得白毫相。善男子。

Dĩ thị nghiệp duyên đắc bạch hào tướng。Thiện nam tử。

nhờ nghiệp duyên ấy thành tựu tướng bạch hào。Thiện nam tử!

若菩薩摩訶薩修習如是三十二相業因緣時。則得不退菩提之心。

Nhược Bồ-tát Ma-ha tát tu tập như thị tam thập nhị tướng nghiệp nhân duyên thời。Tắc

đắc bất thối Bồ-đề chi tâm。

nếu Đại Bồ-tát lúc tu tập nghiệp nhân duyên của ba mươi hai tướng tốt như vậy, thì được tâm Bồ-đề không thối chuyển.

善男子。一切眾生不可思議。

Thiện nam tử。Nhất thiết chúng sanh bất khả tư nghị。

Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh không thể nghĩ bàn,

諸佛境界業果佛性亦不可思議。何以故。

Chư Phật cảnh giới nghiệp quả Phật tánh diệc bất khả tư nghị。Hà dĩ cố。

cảnh giới chư Phật, nghiệp quả, Phật tánh cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy?

如是四法皆悉是常。以是常故不可思議。

Như thị tứ Pháp giai tất thị thường. Dĩ thị thường cố bất khả tư nghị.

Bốn pháp như vậy thấy đều thường, vì thường cho nên không thể nghĩ bàn.

一切眾生煩惱覆障故名為常。斷常煩惱故名為無常。

Nhất thiết chúng sanh phiền não phúc chướng cố danh vi thường. Đoạn thường phiền não cố cố danh vô thường.

Tất cả chúng sanh bị phiền não che lấp cho nên gọi là thường nên chặt đứt phiền não thì gọi là vô thường.

若言一切眾生常者。何故修習八聖道分為斷眾苦。

Nhược ngôn nhất thiết chúng sanh thường giả. Hà cố tu tập bát Thánh đạo phân vi đoạn chúng khổ.

Nếu nói tất cả chúng sanh là thường, tại sao tu tập tám phần Thánh Đạo để chấm dứt các khổ.

眾苦若斷則名無常。所受之樂則名為常。

Chúng khổ nhược đoạn tắc danh vô thường. Sở thọ chi lạc tắc danh vi thường.

Các khổ đã chấm dứt rồi thì gọi là vô thường, đã thọ các sự vui thì gọi là thường, 是故我言。一切眾生煩惱覆障不見佛性。

Thị cố ngã ngôn. Nhất thiết chúng sanh phiền não phúc chướng bất kiến Phật tánh. cho nên Ta nói: Tất cả chúng sanh bị phiền não che lấp không thấy Phật tánh, 以不見故不得涅槃。

Dĩ bất kiến cố bất đắc Niết-bàn.

vì không thấy cho nên không chứng đắc Niết-bàn.

大般涅槃經卷第二十八

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập bát

Kinh Đại Bát-niết-bàn, quyển thứ hai mươi tám.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:12:16 2006

Thích Nữ Hạnh Giải hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:12:16 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

=====

大般涅槃經卷第二十九

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập cửu

Kinh Đại Bát Niết-bàn

Quyển Thứ Hai Mười Chín.

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Thời Bắc Lương, Tam tạng Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

師子吼菩薩品第十一之三

Sư Tử Hống Bồ Tát phẩm đệ thập nhất chi tam

Phần Thứ Ba, Phẩm Thứ Mười Một: Bồ-tát Sư Tử Hống.

師子吼言。世尊。如佛所說。

Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn. Như Phật sở thuyết.

Sư Tử Hống thưa: Thế Tôn! Như Phật đã dạy,

一切諸法有二種因。一者正因。二者緣因。

Nhất thiết chư Pháp hữu nhị chủng nhân. Nhất giả chánh nhân. Nhị giả duyên nhân.
tất cả pháp có hai loại nhân: Một là Chánh nhân, hai là duyên làm nhân.

以是二因應無縛解。是五陰者念念生滅。如其生滅誰有縛解。

Dĩ thị nhị nhân ứng vô phược giải. Thị ngũ uẩn giả niệm niệm sanh diệt. Như kỳ sanh
diệt thù hữu phược giải.

Vì hai nhân này không có trói buộc, năm uẩn ấy mỗi niệm mỗi niệm sanh diệt, như cái
sanh diệt ấy ai có thể trói buộc.

世尊。因此五陰生後五陰。

Thế tôn. Nhân thử ngũ uẩn sanh hậu ngũ uẩn.

Thế Tôn! Vì năm uẩn này sanh ra năm uẩn sau.

此陰自滅不至彼陰。雖不至彼能生彼陰。

Thử uẩn tự diệt bất chí bỉ uẩn. Tuy bất chí bỉ năng sanh bỉ uẩn.

Uẩn này tự diệt không thể đến uẩn kia. Tuy không thể đến đó nhưng có thể sanh ra uẩn
khác.

如因子生芽子不至芽。雖不至芽而能生芽。眾生亦爾。云何縛解。

Như nhân tử sanh nha tử bất chí nha. Tuy bất chí nha nhi năng sanh nha. Chúng sanh
diệt nhĩ. Vân hà phược giải.

Như nhân là hạt sanh ra mầm nhưng không đi đến mầm. Tuy không đi đến mầm nhưng sanh ra mầm. Chúng sanh cũng lại như vậy, làm sao trói buộc?

善男子。諦聽諦聽我當為汝分別解說。

Thiện nam tử. Để thính để thính ngã đương vi nhữ phân biệt giải thuyết.

Thiện nam tử! Hãy lắng nghe, lắng nghe! Ta sẽ vì ngươi phân biệt giảng giải.

善男子。如人捨命受大苦時。宗親圍遶。

Thiện nam tử. Như nhân xả mạng thọ Đại khổ thời. Tông thân vi nhiễu.

Thiện nam tử! Như lúc người xả bỏ thân mạng thọ đại khổ. Người thân vây quanh, 號哭懊惱。其人惶怖莫知依救。

Hiệu khóc áo não. Kỳ nhân hoàng phổ mặc tri y cứu.

kêu khóc sầu thảm, người kia sợ hãi không biết cầu cứu ai.

雖有五情無所知覺。肢節戰動不能自持。

Tuy hữu ngũ tình vô sở tri giác. Chi tiết chiến động bất năng tự trì.

Tuy có năm tình nhưng không còn tri giác, chân tay khuỵu động nhưng không thể tự giữ lại, 身體虛冷煖氣欲盡。見先所修善惡報相。善男子。

Thân thể hư lãnh noãn khí dục tận. Kiến tiên sở tu thiện ác báo tướng. Thiện nam tử.

thân thể lạnh cóng, hơi ấm lại hết, thấy những tướng thiện ác đã làm trước đây. Thiện nam tử!

如日垂沒山陵堆阜。影現東移理無西逝。

Như nhật thùy một sơn lăng đôi phụ. ảnh hiện Đông di lý vô Tây thệ.

Như mặt trời lặn sau núi hoặc đồng đất to, bóng ở hướng Đông di chuyển rồi khuất sau hướng Tây.

眾生業果亦復如是。此陰滅時彼陰續生。

Chúng sanh nghiệp quả diệc phục như thị. Thử uẩn diệt thời bỉ uẩn tục sanh.

Nghiệp báo của chúng sanh cũng lại như vậy. Lúc uẩn này diệt, uẩn kia tiếp tục sanh, 如燈生闇滅燈滅闇生善男子。如蠟印印泥。印與泥。

Như đăng sanh ám diệt đăng diệt ám sanh thiện nam tử. Như lạp ấn ấn nê. ấn dữ nê.

như đèn sáng thì bóng tối mất, đèn tắt thì bóng tối sanh. Thiện nam tử! Như khuôn dấu đóng trên bùn. Khuôn dấu và bùn,

合印滅文成。而是蠟印不變在泥。

Hợp ấn diệt văn thành. Nhi thị lạp ấn bất biến tại nê.

khuôn dấu mất nhưng để lại vết ấn, mà khuôn dấu ấy không biến mất trong bùn,
文非泥出不餘處來。以印因緣而生是文。

Văn phi nê xuất bất dư xử lai. Dĩ ấn nhân duyên nhi sanh thị văn.

vết ấn chẳng phải bùn sanh ra, cũng chẳng phải chỗ khác đến, nhờ khuôn dấu làm duyên
mà sanh ra vết ấn ấy.

現在陰滅中陰陰生。是現在陰終不變為中陰五陰。

Hiện tại uẩn diệt trung uẩn uẩn sanh. Thị hiện tại uẩn chung bất biến vi trung uẩn ngũ
uẩn。

Uẩn hiện tại diệt, uẩn trung ấm sanh, uẩn hiện tại ấy quyết không biến thành trung ấm
của ngũ uẩn.

中陰五陰亦非自生不從餘來。因現陰故生中陰陰。

Trung uẩn ngũ uẩn diệt phi tự sanh bất tòng dư lai. Nhân hiện uẩn cố sanh trung uẩn
uẩn。

Trung ấm của ngũ uẩn cũng chẳng phải tự nó sanh ra, cũng không từ chỗ khác đến. Nhờ
uẩn hiện tại cho nên sanh ra uẩn trung ấm.

如印印泥印壞文成。名雖無差而時節各異。

Như ấn ấn nê ấn hoại văn thành. Danh tuy vô sai nhi thời tiết các dị.

Như khuôn dấu đóng xuống bùn, khuôn dấu mất thì có vết ấn, tên tuy không sai khác mà
tình tiết mỗi cái mỗi khác

是故我說中陰五陰非肉眼見天眼所見。

Thị cố ngã thuyết trung uẩn ngũ uẩn phi nhục nhãn kiến Thiên nhãn sở kiến。

cho nên Ta nói trung ấm của ngũ uẩn chẳng phải nhục nhãn mà thấy được chỉ có Thiên
nhãn mới có thể thấy.

是中陰中有三種食。一者思食。二者觸食。

Thị trung uẩn trung hữu tam chủng thực. Nhất giả tư thực. Nhị giả xúc thực。

Trong trung ấm ấy có ba loại thức ăn: Một là tư thực, hai là xúc thực,

三者意食。中陰二種。一善業果。二惡業果。

Tam giả ý thực. Trung uẩn nhị chủng. Nhất thiện nghiệp quả. Nhị ác nghiệp quả。

ba là ý thực. Trung ấm có hai loại: Một là nghiệp quả thiện, hai là nghiệp quả ác.

因善業故得善覺觀。因惡業故得惡覺觀。

Nhân thiện nghiệp cố đắc thiện giác quán. Nhân ác nghiệp cố đắc ác giác quán。

Do nghiệp thiện cho nên được giác quan thiện, do nghiệp ác cho nên bị giác quan ác.
父母交會胖合之時。隨業因緣向受生處。

Phụ mẫu giao hội胖 hợp chi thời. Tùy nghiệp nhân duyên hướng thọ sanh xử.

Lúc cha mẹ giao phối, tùy nghiệp nhân mà hướng đến nơi thọ sanh.

於母生愛於父生瞋。父精出時謂是己有。

Ư mẫu sanh ái ư phụ sanh sân. Phụ tinh xuất thời vị thị kỷ hữu.

Đối với mẹ sanh yêu thương, đối với cha sanh sân giận, lúc tinh người cha xuất nghĩa là đã có mình,

見己心悅而生歡喜。以是三種煩惱因緣。

Kiến dĩ tâm duyệt nhi sanh hoan hỷ. Dĩ thị tam chủng phiền não nhân duyên.

thấy rồi tâm vui vẻ mà sanh hoan hỷ. Do ba loại phiền não ấy làm nhân duyên,

中陰陰壤生後五陰。如印印泥印壤文成。生時諸根有具不具。

Trung uẩn uẩn hoại sanh hậu ngũ uẩn. Như ấn ấn nê ấn hoại văn thành. Sanh thời chư căn hữu cụ bất cụ.

trong ấm của ngũ uẩn hoại thì sanh ra thân ngũ uẩn sau. Như khuôn dấu đóng xuống bùn, khuôn dấu mất thì thành vết ấn. Lúc sanh các căn có, hoặc đủ, hoặc không đủ,
具者見色則生於貪。生於貪故則名為愛。

Cụ giả kiến sắc tắc sanh ư tham. Sanh ư tham cố tắc danh vi ái.

người có đầy đủ, thấy sắc liền sanh tham đắm, sanh tham đắm cho nên gọi là ái.

狂故生貪是名無明。貪愛無明二因緣故。

Cuồng cố sanh tham thị danh vô minh. Tham ái vô minh nhị nhân duyên cố.

Vì cuồng si cho nên sanh tham, đó gọi là vô minh. Vì hai nhân duyên tham ái, vô minh, 所見境界皆悉顛倒。無常見常無我見我。

Sở kiến cảnh giới giai tất điên đảo. Vô thường kiến thường vô ngã kiến ngã.

nên những cảnh giới thấy được đều đảo lộn, vô thường thấy là thường, vô ngã thấy là ngã,
無樂見樂無淨見淨。以四倒故作善惡行。

Vô lạc kiến lạc vô tịnh kiến tịnh. Dĩ tứ đảo cố tác thiện ác hành.

không vui thấy vui, không tịnh thấy là tịnh. Vì bốn thứ đảo lộn ấy cho nên làm thiện ác,
煩惱作業業作煩惱。是名繫縛。以是義故名五陰生。

Phiền não tác nghiệp nghiệp tác phiền não. Thị danh hệ phọc. Dĩ thị nghĩa cố danh ngũ uẩn sanh.

phiền não tạo nghiệp, nghiệp tạo phiền não. Đó gọi là trói buộc. Do vì nghĩa ấy cho nên gọi ngũ uẩn sanh.

是人若得親近於佛及佛弟子諸善知識。

Thị nhân nhược đắc thân cận ư Phật cập Phật đệ-tử chư thiện trí thức.

Người ấy nếu được gần gũi Phật và đệ tử của Ngài, các thiện trí thức, 便得聞受十二部經。以聞法故觀善境界。

Tiên đắc văn thọ thập nhị bộ Kinh。 Dĩ văn Pháp cố quán thiện cảnh giới。

liền được nghe Mười hai bộ kinh, nhờ nghe Pháp cho nên thấy được cảnh giới thiện。

觀善境界故得大智慧。大智慧者名正知見。

Quán thiện cảnh giới cố đắc Đại trí tuệ。 Đại trí tuệ giả danh chánh tri kiến。

Thấy cảnh giới thiện cho nên được trí tuệ lớn. Trí tuệ lớn ấy gọi là Chánh tri kiến;

得知見故於生死中而生悔心。生悔心故不生歡樂。

Đắc tri kiến cố ư sanh tử trung nhi sanh hối tâm。 Sanh hối tâm cố bất sanh hoan lạc。

được tri kiến cho nên đối với sanh tử sanh tâm hối hận; sanh tâm hối hận nên không sanh hoan lạc;

不生歡樂故能破貪心。破貪心故修八聖道。

Bất sanh hoan lạc cố năng phá tham tâm。 Phá tham tâm cố tu bát Thánh đạo。

không sanh hoan lạc nên có thể phá tâm tham, phá tâm tham cho nên tu Bát thánh đạo;

修八聖道故得無生死。無生死故名得解脫。

Tu bát Thánh đạo cố đắc vô sanh tử。 Vô sanh tử cố danh đắc giải thoát。

tu Bát Thánh đạo cho nên không còn sanh tử, không còn sanh tử nên gọi là giải thoát。

如火不遇薪名之為滅。滅生死故名為滅度。

Như hỏa bất ngộ tân danh chi vi diệt。 Diệt sanh tử cố danh vi diệt độ。

Như lửa không còn củi thì gọi là diệt, diệt sanh tử cho nên gọi là diệt độ。

以是義故名五陰滅。師子吼言。

Dĩ thị nghĩa cố danh ngũ uẩn diệt。 Sư Tử Hống ngôn。

Do vì nghĩa ấy cho nên gọi là ngũ uẩn diệt. Sư Tử Hống thưa:

空中無刺云何言拔。陰無繫者云何繫縛。佛言。善男子。

Không trung vô thứ vôn hà ngôn bạt。 Uẩn vô hệ giả vôn hà hệ phọc。 Phật ngôn。 Thiện nam tử。

Không trung không có gai nhọn làm sao lại nói khổ? Uẩn không có dây tại sao gọi là trói buộc? Phật dạy: Thiện nam tử!

以煩惱鎖繫縛五陰。離五陰已無別煩惱。

Dĩ phiền não tỏa hệ phọc ngũ uẩn. Ly ngũ uẩn dĩ vô biệt phiền não。

Do phiền não xiển xích năm uẩn, xa lìa năm uẩn rồi thì không còn phiền não khác, 離煩惱已無別五陰。善男子。

Ly phiền não dĩ vô biệt ngũ uẩn. Thiện nam tử。

xa lìa phiền não rồi thì không còn ngũ uẩn khác. Thiện nam tử!

如柱持屋離屋無柱離柱無屋。眾生五陰亦復如是。

Như trụ trì ốc ly ốc vô trụ ly trụ vô ốc。Chúng sanh ngũ uẩn diệt phục như thị。

Như cột nhà, xa rời nhà thì không còn là cột nhà, xa rời cột thì không có nhà. Ngũ uẩn chúng sanh cũng lại như vậy,

有煩惱故名為繫縛。無煩惱故名為解脫。善男子。

Hữu phiền não cố danh vi hệ phọc。Vô phiền não cố danh vi giải thoát。Thiện nam tử。 có phiền não cho nên gọi là trói buộc, không còn phiền não cho nên gọi là giải thoát。

Thiện nam tử!

如拳合掌。繫結等三。合散生滅更無別法。

Như quyền hợp chưởng。Hệ kết đẳng tam。Hợp tán sanh diệt canh vô biệt Pháp。

Như khi chúng ta chấp tay ràng buộc ba lần, hợp tan, sanh diệt càng là pháp không sai khác。

眾生五陰亦復如是。有煩惱故名為繫縛。

Chúng sanh ngũ uẩn diệt phục như thị。Hữu phiền não cố danh vi hệ phọc。

Ngũ uẩn chúng sanh cũng lại như vậy, có phiền não cho nên gọi là trói buộc,

無煩惱故名為解脫。善男子。如說名色繫縛眾生。

Vô phiền não cố danh vi giải thoát。Thiện nam tử。Như thuyết danh sắc hệ phọc chúng sanh。

nếu không còn phiền não cho nên gọi là giải thoát。Thiện nam tử! Như nói danh sắc trói buộc chúng sanh。

名色若滅則無眾生。離名色已無別眾生。

Danh sắc nhược diệt tắc vô chúng sanh。Ly danh sắc dĩ vô biệt chúng sanh。

Danh sắc nếu diệt thì không còn chúng sanh, xa lìa danh sắc rồi không còn chúng sanh khác.

離眾生已無別名色。亦名名色繫縛眾生。

Ly chúng sanh dĩ vô biệt danh sắc. Diệt danh danh sắc hệ phọc chúng sanh.

Xa lìa chúng sanh rồi không còn danh sắc khác, cũng gọi là danh sắc trói buộc chúng sanh,

亦名眾生繫縛名色。師子吼言。世尊。

Diệt danh chúng sanh hệ phọc danh sắc. Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn.

cũng gọi là chúng sanh trói buộc danh sắc. Sư Tử Hống thưa: Thế Tôn!

如眼不自見指不自觸刀不自割受不自受。

Như nhãn bất tự kiến chỉ bất tự xúc đao bất tự cắt thọ bất tự thọ.

Như mắt không tự thấy ngón tay, không tự sờ vào đao, không tự cắt mình, thọ không tự thọ được thì

云何如來說言名色繫縛名色。何以故。

Vân hà Như-Lai thuyết ngôn danh sắc hệ phọc danh sắc. Hà dĩ cố.

làm sao Như Lai nói danh sắc trói buộc danh sắc? Vì sao vậy?

言名色者即是眾生。言眾生者即是名色。若言名色繫縛眾生。

Ngôn danh sắc giả tức thị chúng sanh. Ngôn chúng sanh giả tức thị danh sắc. Nhược ngôn danh sắc hệ phọc chúng sanh.

Vì nói danh sắc ấy là chúng sanh, nói chúng sanh ấy tức là danh sắc. Nếu nói danh sắc trói buộc chúng sanh,

即是名色繫縛名色。佛言。善男子。

Tức thị danh sắc hệ phọc danh sắc. Phật ngôn. Thiện nam tử.

tức là danh sắc ấy trói buộc danh sắc. Phật dạy: Thiện nam tử!

如二手合時。更無異法而來合也。名之與色亦復如是。

Như nhị thủ hợp thời. Canh vô dị Pháp nhi lai hợp dã. Danh chi dĩ sắc diệt phục như thị.

Như lúc hai tay chấp lại, lại không có pháp khác mà đến hiệp lại. Danh và sắc cũng lại như vậy.

以是義故。我言名色繫縛眾生。

Dĩ thị nghĩa cố. Ngã ngôn danh sắc hệ phọc chúng sanh.

Do vì nghĩa đó, Ta nói danh sắc trói buộc chúng sanh,

若離名色則得解脫。是故我言眾生解脫。師子吼言。

Nhược ly danh sắc tắc đắc giải thoát. Thị cố ngã ngôn chúng sanh giải thoát. Sư Tử Hống ngôn.

nếu xa lìa danh sắc thì được giải thoát cho nên Ta nói chúng sanh giải thoát. Sư Tử Hống thưa:

世尊若有名色是繫縛者。

Thế tôn nhược hữu danh sắc thị hệ phọc giả.

Nếu có danh sắc là có trói buộc

諸阿羅漢未離名色亦應繫縛。善男子。解脫二種。一者子斷。

Chư A-La-hán vị ly danh sắc diệc ứng hệ phọc. Thiện nam tử. Giải thoát nhị chủng. Nhất giả tử đoạn.

thì các vị A-la-hán chưa xa lìa danh sắc cũng bị trói buộc. Thiện nam tử! Giải thoát có hai loại: Một là dứt mầm,

二者果斷。言子斷者名斷煩惱。

Nhị giả quả đoạn. Ngôn tử đoạn giả danh đoạn phiền não.

hai là dứt quả. Nói dứt mầm ấy gọi là dứt phiền não.

阿羅漢等已斷煩惱眾結爛壞。是故子結不能繫縛。

A-La-hán đẳng dĩ đoạn phiền não chúng kết lạn hoại. Thị cố tử kết bất năng hệ phọc.

Bậc A-la-hán đã dứt phiền não và các kiết sử đã bị phá, cho nên mầm kiết sử không có thể trói buộc,

未斷果故名果繫縛。諸阿羅漢不見佛性。

Vị đoạn quả cố danh quả hệ phọc. Chư A-La-hán bất kiến Phật tánh.

chưa dứt quả cho nên gọi là bị quả trói buộc. Bậc A-la-hán không thấy Phật tánh,

以不見故不得阿耨多羅三藐三菩提。以是義故。可言果繫。

Dĩ bất kiến cố bất đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Dĩ thị nghĩa cố. Khả ngôn quả hệ.

vì không thấy cho nên không chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Do vì nghĩa đó nên nói có quả trói buộc,

不得說言名色繫縛。善男子。

Bất đắc thuyết ngôn danh sắc hệ phọc. Thiện nam tử.

không nói danh sắc trói buộc. Thiện nam tử!

譬如然燈油未盡時明則不滅。若油盡者滅則無疑。善男子。

Thí như Nhiên-Đăng du vị tận thời minh tắc bất diệt. Nhược du tận giả diệt tắc vô nghi. Thiện nam tử.

Thí như khi dầu của ngọn đèn chưa hết thì ánh sáng chưa tắt, nếu dầu hết thì ánh sáng tắt mất không còn nghi ngờ. Thiện nam tử!

所言油者喻諸煩惱。燈喻眾生。

Sở ngôn du giả dụ chư phiền não. Đăng dụ chúng sanh.

Dầu đã nói ấy dụ cho phiền não, đèn dụ cho chúng sanh.

一切眾生煩惱油故不入涅槃。若得斷者則入涅槃。

Nhất thiết chúng sanh phiền não du cố bất nhập Niết-bàn. Nhược đắc đoạn giả tắc nhập Niết-bàn.

Tất cả chúng sanh vì dầu phiền não cho nên không nhập được Niết-bàn. Nếu đoạn được phiền não thì liền nhập Niết-bàn.

師子吼言。世尊。燈之與油二性各異。

Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn. Đăng chi dữ du nhị tánh các dị.

Sư Tử Hống thưa: Thế Tôn! Dầu và đèn hai tánh mỗi cái khác nhau.

眾生煩惱則不如是。眾生即是煩惱煩惱即是眾生。

Chúng sanh phiền não tắc bất như thị. Chúng sanh tức thị phiền não phiền não tức thị chúng sanh.

Phiền não chúng sanh thì không như vậy, chúng sanh tức là phiền não, phiền não tức là chúng sanh.

眾生名五陰五陰名眾生。

Chúng sanh danh ngũ uẩn ngũ uẩn danh chúng sanh.

Chúng sanh gọi là ngũ uẩn, ngũ uẩn gọi là chúng sanh.

五陰名煩惱煩惱名五陰。云何如來喻之於燈。佛言。善男子。

Ngũ uẩn danh phiền não phiền não danh ngũ uẩn. Vân hà Như-Lai dụ chi ư đăng. Phật ngôn. Thiện nam tử.

Ngũ uẩn gọi là phiền não, phiền não gọi là ngũ uẩn. Tại sao Như Lai dụ đó là ngọn đèn.

Phật dạy: Thiện nam tử!

喻有八種。一者順喻。二者逆喻。三者現喻。

Dụ hữu bát chủng. Nhất giả thuận dụ. Nhị giả nghịch dụ. Tam giả hiện dụ.
Thí dụ có tám loại. Một là thuận dụ, hai là nghịch dụ, ba là hiện tại dụ,
四者非喻。五者先喻。六者後喻。七者先後喻。
Tứ giả phi dụ. Ngũ giả tiên dụ. Lục giả hậu dụ. Thất giả tiên hậu dụ.
bốn là dụ điều sai, năm là dụ cái trước, sáu là dụ cái sau, bảy là dụ cả trước cả sau,
八者遍喻。云何順喻。如經中說。

Bát giả biến dụ. Vân hà thuận dụ. Như Kinh trung thuyết.
tám là nhiều lần dụ. Thế nào là thuận dụ? Như trong Kinh nói:

天降大雨溝瀆皆滿。溝瀆滿故小坑滿。小坑滿故大坑滿。

Thiên hàng đại vũ câu độc giai mãn. Câu độc mãn cố tiểu khanh mãn. Tiểu khanh mãn cố đại khanh mãn。

Trời làm mưa lớn, ngòi rãnh đều đầy, ngòi rãnh đầy nên hẻm nhỏ cũng đầy, hẻm nhỏ đầy nên hẻm lớn cũng đầy,

大坑滿故小泉滿。小泉滿故大泉滿。

đại khanh mãn cố tiểu tuyền mãn. Tiểu tuyền mãn cố đại tuyền mãn。

hẻm lớn đầy nên suối nhỏ đầy, suối nhỏ đầy nên suối lớn đầy,

大泉滿故小池滿。小池滿故大池滿。大池滿故小河滿。

đại tuyền mãn cố tiểu trì mãn. Tiểu trì mãn cố đại trì mãn。đại trì mãn cố tiểu hà mãn。

suối lớn đầy nên ao nhỏ đầy, ao nhỏ đầy nên ao lớn đầy, ao lớn đầy nên sông nhỏ đầy,

小河滿故大河滿。大河滿故大海滿。

Tiểu hà mãn cố đại hà mãn。đại hà mãn cố đại hải mãn。

sông nhỏ đầy nên sông lớn đầy, sông lớn đầy nên biển lớn đầy。

如來法雨亦復如是。眾生戒滿。戒滿足故不悔心滿。

Như-Lai Pháp vũ diệc phục như thị。Chúng sanh giới mãn。Giới mãn túc cố bất hối tâm mãn。

Pháp của Như Lai cũng lại như vậy。Giới của chúng sanh tròn đầy, giới tròn đầy nên tâm không hối hận đầy,

不悔心滿故歡喜滿。歡喜滿故遠離滿。

Bất hối tâm mãn cố hoan hỷ mãn。Hoan hỷ mãn cố viễn ly mãn。

tâm không hối hận đầy nên hoan hỷ đầy, hoan hỷ đầy nên viễn ly đầy,

遠離滿故安隱滿。安隱滿故三昧滿。

Viễn li mãn cố an ổn mãn. An ổn mãn cố tam muội mãn。

viễn ly đầy nên an ổn đầy, an ổn đầy nên Tam-muội đầy,

三昧滿故正知見滿。正知見滿故厭離滿。厭離滿故呵責滿。

Tam muội mãn cố chánh tri kiến mãn. Chánh tri kiến mãn cố yếm ly mãn. Yếm ly mãn cố ha trách mãn。

Tam-muội đầy nên chánh tri kiến đầy, chánh tri kiến đầy nên nhàm chán đầy, nhàm chán đầy nên khiến trách đầy,

呵責滿故解脫滿。解脫滿故涅槃滿。

Ha trách mãn cố giải thoát mãn. Giải thoát mãn cố Niết-bàn mãn。

khiến trách đầy nên giải thoát trọn vẹn, giải thoát trọn vẹn nên Niết-bàn tròn đầy.

是名順喻。云何逆喻。大海有本所謂大河。

Thị danh thuận dụ. Vân hà nghịch dụ. Đại hải hữu bản sở vị đại hà。

Đó gọi là thuận dụ. Thế nào gọi là nghịch dụ? Biển lớn có do có sông lớn,

大河有本所謂小河。小河有本所謂大池。

Đại hà hữu bản sở vị tiểu hà. Tiểu hà hữu bản sở vị đại trì。

có sông lớn do có sông nhỏ, có sông nhỏ do có ao lớn,

大池有本所謂小池。小池有本所謂大泉。

đại trì hữu bản sở vị tiểu trì. Tiểu trì hữu bản sở vị đại tuyền。

có ao lớn do có ao nhỏ, có ao nhỏ do có suối lớn,

大泉有本所謂小泉。小泉有本所謂大坑。

đại tuyền hữu bản sở vị tiểu tuyền. Tiểu tuyền hữu bản sở vị đại khanh。

có suối lớn do có suối nhỏ, có suối nhỏ do có hầm lớn,

大坑有本所謂小坑。小坑有本所謂溝瀆。溝瀆有本所謂大雨。

đại khanh hữu bản sở vị tiểu khanh. Tiểu khanh hữu bản sở vị câu độc. Câu độc hữu bản sở vị đại vũ。

có hầm lớn do có hầm nhỏ, có hầm nhỏ do có ngòi rãnh, có ngòi rãnh do có mưa lớn,

涅槃有本所謂解脫。解脫有本所謂呵責。

Niết-bàn hữu bản sở vị giải thoát. Giải thoát hữu bản sở vị ha trách。

Niết-bàn vốn có do có giải thoát, giải thoát có do có khiến trách,

呵責有本所謂厭離。厭離有本所謂正知見。

Ha trách hữu bản sở vị yếm ly. Yếm ly hữu bản sở vị chánh tri kiến。

khiển trách có do có nhàm chán, nhàm chán có do có chánh tri kiến,
正知見有本所謂三昧。三昧有本所謂安隱。

Chánh tri kiến hữu bản sở vị tam muội. Tam muội hữu bản sở vị an ổn.

Chánh tri kiến có do có tam-muội, tam-muội có do có an ổn,
安隱有本所謂遠離。遠離有本所謂喜心。

An ổn hữu bản sở vị viễn ly. Viễn ly hữu bản sở vị hỷ tâm.

an ổn có do có viễn ly, viễn ly có do tâm hoan hỷ,

喜心有本所謂不悔。不悔有本所謂持戒。

Hỷ tâm hữu bản sở vị bất hối. Bất hối hữu bản sở vị trì giới.

tâm hoan hỷ có do không hối hận, không hối hận có do trì giới,

持戒有本所謂法雨。是名逆喻。云何現喻。如經中說。

Trì giới hữu bản sở vị Pháp vũ. Thị danh nghịch dụ. Vân hà hiện dụ. Như Kinh trung thuyết.

trì giới có do mưa Pháp. Đó gọi là nghịch dụ. Thế nào gọi là hiện tại dụ? Như trong Kinh nói:

眾生心性猶如獼猴。獼猴之性捨一取一。

Chúng sanh tâm tánh do như Mi-Hầu. Mi-Hầu chi tánh xả nhất thủ nhất.

Tâm tánh chúng sanh giống như vượn khỉ, tánh của vượn khỉ vừa xả vừa nắm,

眾生心性亦復如是。

Chúng sanh tâm tánh diệc phục như thị.

tâm tánh chúng sanh cũng lại như vậy,

取著色聲香味觸法無暫住時。是名現喻。云何非喻。

Thủ trữ sắc thanh hương vị xúc Pháp vô tạm trụ thời. Thị danh hiện dụ. Vân hà phi dụ.

nắm giữ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, không có lúc tạm dừng, đó gọi là hiện dụ. Thế nào gọi là phi dụ?

如我昔告波斯匿王。大王。有親信人從四方來各作是言。大王。

Như ngã tích cáo Ba tư nặc Vương. Đại Vương. Hữu thân tín nhân tòng tứ phương lai các tác thị ngôn. Đại Vương.

Như Ta ngày xưa từng nói vua Ba-tư-nặc: Đại vương! Có người thân thích từ bốn phương đến mỗi người đều thưa rằng: Tâu Đại vương!

有四大山從四方來欲害人民。

Hữu tứ đại sơn tòng tứ phương lai dục hại nhân dân.

Có bốn ngọn núi lớn từ bốn phương đi đến muốn hại nhân dân.

王若聞者當設何計。王言。世尊。設有此來無逃避處。

Vương nhược văn giả đương thiết hà kế. Vương ngôn. Thế tôn. Thiết hữu thử lai vô đào tị xử.

Vua Ba-tư-nặc nên lập kế gì? Vua nói: Thế Tôn! Giả sử có điều đó xảy ra thì không chỗ trốn tránh,

惟當專心持戒布施。我即讚言。善哉大王。

Duy đương chuyên tâm trì giới bố thí. Ngã tức tán ngôn. Thiện tai Đại Vương.

Chỉ có chuyên tâm trì giới, bố thí. Ta liền khen ngợi: Hay thay Đại vương!

我說四山即是眾生生老病死。

Ngã thuyết tứ sơn tức thị chúng sanh sanh lão bệnh tử.

Ta nói bốn núi ấy tức là Sanh, lão, bệnh, tử của chúng sanh.

生老病死常來切人。云何大王。不修戒施。王言。世尊。

Sanh lão bệnh tử thường lai thiết nhân. Vân hà Đại Vương. Bất tu giới thí. Vương ngôn. Thế tôn.

Sanh, lão, bệnh, tử thường đến với tất cả mọi người, thế sao Đại vương không tu trì giới, bố thí? Vua nói: Thế Tôn!

持戒布施得何等果。我言。大王。於人天中多受快樂。

Trì giới bố thí đắc hà đẳng quả. Ngã ngôn. Đại Vương. Ư nhân Thiên trung đa thọ khoái lạc.

Trì giới, bố thí, chứng đắc quả gì? Ta nói: Đại vương! Ở trong cõi trời thọ nhiều sự khoái lạc.

王言。世尊。尼拘陀樹持戒布施。

Vương ngôn. Thế tôn. Ni-câu-đà thụ trì giới bố thí.

Vua nói: Thế Tôn! Cây Ni-câu-đà trì giới, bố thí,

亦於人天受安隱耶。我言。大王。

Diệc ư nhân Thiên thọ an ổn da. Ngã ngôn. Đại Vương.

Cũng ở trong trời người thọ an ổn ư? Ta nói: Đại vương!

尼拘陀樹不能持戒修行布施。如其能者則受無異。是名非喻。

Ni câu đà thụ bất năng trì giới tu hành bố thí. Như kỳ năng giả tắc thọ vô dị. Thị danh phi dụ.

Cây Ni-câu-đà không thể trì giới hay tu hạnh bố thí. Nếu có thể như vậy thì thọ quả không khác. Đó gọi là ví dụ không đúng.

云何先喻。我經中說。譬如有人貪著妙花。

Vân hà tiên dụ. Ngã Kinh trung thuyết. Thí như hữu nhân tham trước diệu hoa.

Thế nào gọi là dụ trước? Trong Kinh Ta nói: Thí như có người tham đắm hoa đẹp, 採取之時為水所漂。眾生亦爾。貪受五欲。

Thải thủ chi thời vi thủy sở phiêu. Chúng sanh diệc nhĩ. Tham thọ ngũ dục.

lúc hái hoa bị nước cuốn trôi. Chúng sanh cũng lại như vậy, ham thọ ngũ dục, 為生死水之所漂沒。是名先喻。云何後喻。如法句說。

Vi sanh tử thủy chi sở phiêu một. Thị danh tiên dụ. Vân hà hậu dụ. Như Pháp cú thuyết.

bị sanh tử cuốn trôi. Đó gọi là dụ trước. Thế nào là dụ sau? Như kinh Pháp Cú nói:

莫輕小罪 以為無殃

Mạc khinh tiểu tội Dĩ vi vô ương

Chớ khinh tội nhỏ, Cho là không lỗi,

水滯雖微 漸盈大器

Thủy đế tuy vi Tiệm doanh Đại khí

Nước giọt tuy nhỏ, Dần cũng đầy bồn,

是名後喻。云何先後喻。譬如芭蕉生果則死。

Thị danh hậu dụ. Vân hà tiên hậu dụ. Thí như ba tiêu sanh quả tắc tử.

Đó là dụ sau. Thế nào gọi là dụ cả trước sau? Thí như cây chuối sanh quả rồi chết.

愚人得養亦復如是。如驪懷妊命不久全。

Ngu nhân đắc dưỡng diệc phục như thị. Như loa hoài nhâm mạng bất cứu toàn.

Người ngu được lợi dưỡng cũng lại như vậy, như con ốc có thai thì mạng sống nó không tồn tại lâu dài.

云何遍喻。如經中說。三十三天有波利質多樹。

Vân hà biến dụ. Như Kinh trung thuyết. Tam thập tam Thiên hữu Ba lợi chất đa thụ.

Thế nào là dụ nhiều lần? Như trong kinh nói: Cõi trời thứ ba mươi ba có cây Ba-lợi-chất-đa,

其根入地深五由延。高百由延。

Kỳ căn nhập địa thâm ngũ do duyên。 Cao bách do duyên。

rễ của nó cắm sâu vào đất năm do tuần, cao trăm do tuần,

枝葉四布五十由延。葉熟則黃。諸天見已心生歡喜。

Chi diệp tứ bố ngũ thập do duyên。 Diệp thực tắc hoàng。 Chư Thiên kiến dĩ tâm sanh hoan hỷ。

cành lá bốn phía rộng năm mươi do tuần, lá chín thì màu vàng, chư Thiên thấy rồi tâm sanh hoan hỷ,

是葉不久必當墮落。其葉既落復生歡喜。

Thị diệp bất cửu tất đương đọa lạc。 Kỳ diệp ký lạc phục sanh hoan hỷ。

lá ấy không lâu sẽ rụng xuống, lá ấy vừa rơi liền sanh hoan hỷ,

是枝不久必當變色。枝既變色復生歡喜。

Thị chi bất cửu tất đương biến sắc。 Chi ký biến sắc phục sanh hoan hỷ。

cành ấy không lâu sẽ biến màu, cành vừa biến màu lại sanh hoan hỷ,

是色不久必當生瘡。見已復喜。是瘡不久必當生嘴。

Thị sắc bất cửu tất đương sanh bào。 Kiến dĩ phục hỷ。 Thị bào bất cửu tất đương sanh chủy。

sắc ấy không lâu sẽ sanh từng bọng nước, thấy rồi lại sanh vui mừng, những bọng nước ấy không lâu sẽ sanh miệng,

見已復喜。是嘴不久必當開剖。

Kiến dĩ phục hỷ。 Thị chủy bất cửu tất đương khai phẫu。

thấy rồi lại sanh vui mừng, miệng ấy không lâu sẽ bị rạch ra,

開剖之時香氣周遍五十由延。光明遠照八十由延。

Khai phẫu chi thời hương khí châu biến ngũ thập do diên。 Quang minh viễn chiếu bát thập do diên。

lúc rạch, mùi thơm bay lên biến khắp năm mươi do tuần, ánh sáng chiếu xa tám mươi do tuần。

爾時諸天夏三月時在下受樂。善男子。

Nhĩ thời chư Thiên hạ tam nguyệt thời tại hạ thọ lạc。 Thiện nam tử。

Lúc bấy giờ, vào ba tháng mùa hạ thì chư Thiên ngồi hưởng thọ dưới gốc cây ấy. Thiện nam tử!

我諸弟子亦復如是。葉色黃者。喻我弟子念欲出家。

Ngã chư đệ-tử diệp phục như thị. Diệp sắc hoàng giả. Dụ ngã đệ-tử niệm dục xuất gia. Các đệ tử Ta cũng lại như vậy, lá màu vàng là dụ cho các đệ tử có ý muốn xuất gia, 其葉落者。喻我弟子剃除鬚髮。其色變者。

Kỳ diệp lạc giả. Dụ ngã đệ-tử thể trừ tu phát. Kỳ sắc biến giả. lá rụng là dụ cho các đệ tử đã cạo bỏ râu tóc, sắc biến đổi là 喻我弟子白四羯磨受具足戒。初生疱者。

Dụ ngã đệ-tử bạch tứ Yết Ma thọ cụ túc giới. Sơ sanh bào giả. dụ cho các đệ tử đã bạch Tứ Yết-ma thọ giới Cụ túc, ban đầu sanh mụn nước là 喻我弟子發阿耨多羅三藐三菩提心。嘴者。

Dụ ngã đệ-tử phát A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề tâm. Chủy giả. dụ cho các đệ tử phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề, miệng là 喻於十住菩薩得見佛性。開剖者。

Dụ ư thập trụ Bồ Tát đắc kiến Phật tánh. Khai phẫu giả. dụ cho Thập trụ Bồ-tát thấy được Phật tánh, rạch ra là 喻於菩薩得阿耨多羅三藐三菩提。香者。

Dụ ư Bồ Tát đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề. Hương giả. dụ cho các Bồ-tát chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề, mùi thơm là 喻於十方無量眾生受持禁戒。光者。

Dụ ư thập phương vô lượng chúng sanh thọ trì cấm giới. Quang giả. dụ cho vô lượng chúng sanh ở mười phương thọ trì cấm giới, ánh sáng là 喻於如來名號無礙周遍十方。夏三月者。喻三三昧。

Dụ ư Như-Lai danh hiệu vô ngại châu biến thập phương. Hạ tam nguyệt giả. Dụ tam tam muội。

dụ cho danh hiệu Như Lai vô ngại biến khắp mười phương, ba tháng mùa hạ là dụ cho tam muội,

三十三天受快樂者。喻於諸佛在大涅槃得常樂我淨。

Tam thập tam Thiên thọ khoái lạc giả. Dụ ư chư Phật tại Đại Niết-bàn đắc Thường Lạc Ngã Tịnh。

người thọ vui thú ở cõi Trời thứ ba mươi ba, dụ cho chư Phật ở cõi Niết-bàn chứng đắc Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

是名遍喻。善男子。凡所引喻不必盡取。

Thị danh biến dụ. Thiện nam tử. Phàm sở dẫn dụ bất tất tận thủ.

Đó gọi là biến dụ. Thiện nam tử! Phàm đã dẫn dụ không buộc phải lấy hết,
或取少分或取多分或復全取。如言如來面如滿月。

Hoặc thủ thiếu phân hoặc thủ đa phân hoặc phục toàn thủ. Như ngôn Như-Lai diện như
mãn nguyệt.

hoặc lấy ít phần, hoặc lấy nhiều phần, hoặc lấy toàn bộ. Như nói khuôn mặt của Như Lai
như vàng trắng tròn,

是名少分。善男子。譬如有人初不見乳轉。

Thị danh thiếu phân. Thiện nam tử. Thí như hữu nhân sơ bất kiến nhũ chuyển.

đó gọi là ít phần. Thiện nam tử! Thí như có người ban đầu không thấy sữa chảy,
問他言乳為何類。彼人答言如水蜜貝。

Vấn tha ngôn nhũ vi hà loại. Bỉ nhân đáp ngôn như thủy mật bối.

hỏi người khác rằng: Sữa là loại gì? Người kia đáp: Như nước mật ong sò,
水則濕相蜜則甜相貝則色相。雖引三喻未即乳實。

Thủy tắc thấp tướng mật tắc đềm tướng bối tắc sắc tướng. Tuy dẫn tam dụ vị tức nhũ
thật.

nước thì tướng ướt, mật là tướng ngọt, sò thì tướng sắc, mặc dầu dẫn ba thứ nhưng vẫn
chưa phải là sữa thật.

善男子。我言燈喻喻於眾生亦復如是。善男子。

Thiện nam tử. Ngã ngôn đặng dụ dụ ư chúng sanh diệc phục như thị. Thiện nam tử.

Thiện nam tử! Ta nói đèn dụ cho chúng sanh cũng lại như vậy. Thiện nam tử!

離水無河。眾生亦爾。離五陰已無別眾生。

Ly thủy vô hà. Chúng sanh diệc nhĩ. Ly ngũ uẩn dĩ vô biệt chúng sanh.

Xa rời nước không có sông. Chúng sanh cũng vậy, xa lìa ngũ uẩn thì không có chúng
sanh khác.

善男子。如離箱輿輪軸輻輳更無別車。

Thiện nam tử. Như ly tương dư luân trục phúc võng canh vô biệt xa.

xe đổi vô biệt xe.

Thiện nam tử! Như xa lìa hòm xe, bánh xe, trục xe, tấm xe, vành xe lại càng không có xe,
眾生亦爾。善男子。若欲得合彼燈喻者。

Chúng sanh diệt nhỉ. Thiện nam tử. Nhược dục đắc hợp bỉ đặng dụ giả.

chúng sanh cũng vậy. Thiện nam tử! Nếu muốn được ví dụ hợp thể của đèn thì

諦聽諦聽我今當說。炷者喻於二十五有。油者喻愛。

Để thính để thính ngã kim đương thuyết. Chú giả dụ ư nhị thập ngũ hữu. Du giả dụ ái. hãy lắng nghe, lắng nghe, Ta nay sẽ nói rõ. Đèn là dụ cho Hai mươi lăm hữu, dầu là dụ cho tham ái,

明喻智慧。除破黑闇喻破無明。爇喻聖道。

Minh dụ trí tuệ. Trừ phá hắc ám dụ phá vô minh. Noãn dụ Thánh đạo.

ánh sáng dụ cho trí tuệ, phá trừ bóng tối dụ cho sự phá vỡ vô minh, hơi ấm dụ cho Thánh đạo;

如燈油盡明焰則滅。眾生愛盡則見佛性。

Như đặng du tận minh diệt tắc diệt. Chúng sanh ái tận tắc kiến Phật tánh.

như dầu đèn hết thì ánh sáng cũng mất, tham ái của chúng sanh hết thì thấy Phật tánh.

雖有名色不能繫縛。雖復處在二十五有。

Tuy hữu danh sắc bất năng hệ phọc. Tuy phục xử tại nhị thập ngũ hữu.

Tuy có danh sắc nhưng không thể trói buộc, mặc dầu sống với hai mươi lăm hữu

不為諸有之所污染。師子吼言。世尊。

Bất vi chư hữu chi sở ô nhiễm. Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn.

nhưng không bị các hữu làm nhiễm ô. Sư Tử Hống thưa: Thế Tôn!

眾生五陰空無所有。誰有受教修習道者。佛言。善男子。

Chúng sanh ngũ uẩn không vô sở hữu. Thùy hữu thọ giáo tu tập đạo giả. Phật ngôn. Thiện nam tử.

Ngũ uẩn của chúng sanh trống rỗng không có sở hữu, thì ai thọ giáo, tu tập đạo? Phật dạy: Thiện nam tử!

一切眾生皆有念心慧心發心勤精進心信心定心。

Nhất thiết chúng sanh giai hữu niệm tâm tuệ tâm phát tâm tinh cần tinh tấn tâm tín tâm định tâm.

Tất cả chúng sanh đều có tâm nhớ nghĩ, tâm trí tuệ, phát tâm, tâm tinh tấn, lòng tin, tâm định tĩnh.

如是等法雖念念生滅。

Như thị đặng Pháp tuy niệm niệm sanh diệt.

Các pháp như vậy v.v.. niệm niệm sanh diệt,
猶故相似相續不斷。故名修道。師子吼言。世尊。

Do cổ tướng tự tướng tục bất đoạn. Cổ danh tu đạo. Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn.
giống như tướng tương tục không gián đoạn, cho nên gọi là tu đạo. Sư Tử Hống thưa: Thế
Tôn!

如是等法皆念念滅。是念念滅亦相似相續。云何修習。佛言。

Như thị đẳng Pháp giai niệm niệm diệt. Thị niệm niệm diệt diệt tướng tự tướng tục. Vân
hà tu tập. Phật ngôn.

Các pháp như vậy v.v.. niệm niệm đều diệt. Niệm ấy cũng giống như sự tương tục, làm
sao tu tập? Phật dạy:

善男子。如燈雖念念滅。而有光明除破闇冥。

Thiện nam tử. Như đăng tuy niệm niệm diệt. Nhi hữu quang-minh trừ phá ám minh.
Thiện nam tử! Như ngọn đèn mặc dầu niệm niệm diệt, mà ánh sáng cũng trừ diệt được
bóng tối,

念等諸法亦復如是。善男子。

Niệm đẳng chư Pháp diệt phục như thị. Thiện nam tử.

niệm các pháp cũng lại như vậy. Thiện nam tử!

如眾生食雖念念滅。亦令飢者而得飽滿。

Như chúng sanh thực tuy niệm niệm diệt. Diệt lệnh cơ giả nhi đắc bảo mãn.

Như thức ăn của chúng sanh tuy niệm niệm diệt, cũng khiến người đói được no đủ.

譬如上藥雖念念滅亦能愈病。日月光明雖念念滅。

Thí như thượng dược tuy niệm niệm diệt diệt năng dĩ bệnh. Nhật nguyệt quang-minh tuy
niệm niệm diệt.

Thí như thuốc hay mặc dầu niệm niệm diệt cũng có thể chữa lành bệnh. Ánh sáng mặt
trời, mặt trăng mặc dầu niệm niệm diệt,

亦能增長樹林草木。善男子。汝言念念滅云何增長者。

Diệt năng tăng trưởng thụ lâm thảo mộc. Thiện nam tử. Nhữ ngôn niệm niệm diệt vân
hà tăng trưởng giả.

cũng có thể làm cho cây cối, hoa cỏ sanh trưởng. Thiện nam tử! Người nói niệm niệm diệt
làm sao tăng trưởng?

心不斷故名為增長。善男子。

Tâm bắt đoạn cố danh vi tăng trường. Thiện nam tử.

Tâm không gián đoạn cho nên gọi là tăng trường. Thiện nam tử!

如人誦書所誦字句不得一時。前不至中中不至後。

Như nhân tụng thư sở tụng tự cú bất đắc nhất thời. Tiền bất chí trung trung bất chí hậu.

Như người đọc sách, những câu chữ đã đọc không thể cùng một lúc. Trước mắt thì đến đoạn giữa, đoạn giữa mất đi đến đoạn sau.

人之與字及以心想俱念念滅。以久修故而得通利。

Nhân chi dữ tự cập dĩ tâm tưởng câu niệm niệm diệt. Dĩ cửu tu cố nhi đắc thông lợi.

Người và chữ cho đến tâm tư đều mỗi niệm diệt, vì tu lâu ngày mà được thông suốt.

善男子。譬如金師從初習作至于皓首。

Thiện nam tử. Thí như kim sư tòng sơ tập tác chí vu hạo thủ.

Thiện nam tử! Thí như người thợ làm vàng, ban đầu học làm vàng cho đến lúc bạc đầu, 雖念念滅前不至後。以積習故所作遂妙。

Tuy niệm niệm diệt tiền bất chí hậu. Dĩ tích tập cố sở tác toại diệu.

mặc dầu niệm niệm diệt, trước mất đi rồi đến sau, nhưng vì tích tụ cho nên làm được những điều kì diệu

是故得稱善好金師。讀誦經書亦復如是善男子。

Thị cố đắc xưng thiện hảo kim sư. Độc tụng Kinh thư diệc phục như thị thiện nam tử.

cho nên được gọi là thợ vàng thiện xảo, đọc tụng kinh sách cũng lại như vậy. Thiện nam tử!

譬如種子。地亦不教汝當生芽。

Thí như chủng tử. Địa diệc bất giáo nhữ đương sanh nha.

Thí như hạt giống, đất cũng không bảo người phải sanh ra mầm cây,

以法性故牙則自生。乃至花亦不教汝當作果。

Dĩ Pháp tánh cố nha tắc tự sanh. Nãi chí hoa diệc bất giáo nhữ đương tác quả.

vì tánh của pháp nên mầm tự sanh ra, cho đến hoa cũng không bảo người phải sanh quả,

以法性故而果自生。眾生修道亦復如是。善男子。

Dĩ pháp tánh cố nhi quả tự sanh. Chúng sanh tu đạo diệc phục như thị. Thiện nam tử.

vì tánh của pháp mà quả tự sanh; chúng sanh tu đạo cũng lại như vậy. Thiện nam tử!

譬如數法。一不至二二不至三。雖念念滅而至千萬。

Thí như số Pháp. Nhất bất chí nhị nhị bất chí tam. Tuy niệm niệm diệt nhi chí thiên vạn.

Thí như pháp số, một mất thì đến hai, hai mất đến ba, mặc dầu niệm niệm mất đi mà đến hàng ngàn, hàng vạn;

眾生修道亦復如是。善男子。如燈念念滅。

Chúng sanh tu đạo diệt phục như thị. Thiện nam tử. Như đăng niệm niệm diệt. chúng sanh tu đạo cũng lại như vậy. Thiện nam tử! Như ngọn đèn niệm niệm mất đi, 初滅之焰不教後焰我滅汝生當破諸闇。

Sơ diệt chi diệm bất giáo hậu diệm ngã diệt nhữ sanh đương phá chư ám.

mà lửa sáng đầu tiên không bảo lửa sáng tiếp theo rằng ta mất thì người sanh ra để phá bóng tối.

善男子。譬如犢子生便求乳。求乳之智實無人教。

Thiện nam tử. Thí như độc tử sanh tiện cầu nhữ. Cầu nhữ chi trí thật vô nhân giáo.

Thiện nam tử! Thí như ghé con sanh ra liền tìm sữa, cái trí biết tìm sữa ấy thật không có người dạy,

雖念念滅而初飢後飽。是故當知不應相似。

Tuy niệm niệm diệt nhi sơ cơ hậu bão. Thị cố đương tri bất ứng tướng tự.

mặc dầu niệm niệm mất đi mà ban đầu đói, sau thì no. Cho nên phải biết không phải giống nhau,

若相似者不應異生。眾生修道亦復如是。

Nhược tướng tự giả bất ứng dị sanh. Chúng sanh tu đạo diệt phục như thị.

nếu giống nhau thì không thể sanh ra cái khác. Chúng sanh tu đạo cũng lại như vậy, 初雖未增以久修故。則能破壞一切煩惱。

Sơ tuy vị tăng dĩ cửu tu cố. Tác năng phá hoại nhất thiết phiền não.

ban đầu tuy chưa tăng trưởng nhưng vì tu lâu thì có thể phá được tất cả phiền não.

師子吼言。世尊。如佛所說。須陀洹人得果證已。

Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn. Như Phật sở thuyết. Tu đà hoàn nhân đắc quả chứng dĩ.

Sư Tử Hống thưa: Thế Tôn! Như Phật đã dạy: Bạc Tu-đà-hoàn chứng đắc rồi,

雖生惡國猶故持戒。不殺盜婬兩舌飲酒。

Tuy sanh ác quốc do cố trì giới. Bất sát đạo dâm lượng thiệt ẩm tửu.

tuy sanh nước ác nhưng vẫn trì giới, không sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói hai lưỡi, uống rượu.

須陀洹陰即此處滅不至惡國。

Tu đà hoàn uẩn tức thử xử diệt bất chí ác quốc。

Ngũ uẩn của bậc Tu-đà-hoàn tức là ở xứ này diệt không đến xứ ác.

修道亦爾不至惡國。若相似者何故不生淨妙國土。

Tu đạo diệt nhĩ bất chí ác quốc。Nhược tướng tự giả hà cố bất sanh tịnh diệu quốc thổ。

Tu đạo cũng lại như vậy, không đến xứ ác, nếu giống nhau thì tại sao không sanh cõi thanh tịnh?

若惡國陰非須陀洹陰。云何而得不作惡業。佛言。

Nhược ác quốc uẩn phi Tu đà hoàn uẩn。Vân hà nhi đắc bất tác ác nghiệp。Phật ngôn。

Ngũ uẩn của nước ác chẳng phải ngũ uẩn của Tu-đà-hoàn thì làm sao để không làm các nghiệp ác。Phật dạy:

善男子。須陀洹者雖生惡國。

Thiện nam tử。Tu đà hoàn giả tuy sanh ác quốc。

Thiện nam tử! Tu-đà-hoàn ấy mặc dầu sanh xứ ác,

終不失於須陀洹名陰不相似。是故我引犢子為喻。

Chung bất thất ư Tu đà hoàn danh uẩn bất tướng tự。Thị cố ngã dẫn độc tử vi dụ。

nhưng quyết chẳng để mất ngũ uẩn của Tu-đà-hoàn, điều đó không giống nhau。Cho nên ta đưa ra dụ nghé con,

須陀洹人雖生惡國。以道力故不作惡業。善男子。

Tu đà hoàn nhân tuy sanh ác quốc。Dĩ đạo lực cố bất tác ác nghiệp。Thiện nam tử。

bậc Tu-đà-hoàn tuy sanh xứ ác, nhưng nhờ đạo lực nên không làm các nghiệp ác。Thiện nam tử!

譬如香山有師子王。是故一切飛鳥走獸絕跡。

Thí như hương sơn hữu Sư-tử Vương。Thị cố nhất thiết phi điều tẩu thú tuyệt tích。

Thí như ở Hương Sơn có sư tử vương, cho nên tất cả loài chim bay thú chạy đều tuyệt dấu tích,

此山無敢近者。有時是王至雪山中。

Thử sơn vô cảm cận giả。Hữu thời thị Vương chí tuyết sơn trung。

núi ấy không ai dám đến gần, có lúc sư tử vương ấy đi đến trong núi tuyết,

一切鳥獸猶故不住。須陀洹人亦復如是。

Nhất thiết điều thú do cố bất trụ. Tu đà hoàn nhân diệc phục như thị.

tất cả chim thú đều không thể ở. Bạc Tu-đà-hoàn cũng lại như vậy,

雖不修道以道力故不作諸惡。善男子。譬如有人服食甘露。

Tuy bất tu đạo dĩ đạo lực cố bất tác chư ác. Thiện nam tử. Thí như hữu nhân phục thực cam lộ.

tuy không tu đạo nhưng nhờ đạo lực cho nên không làm các việc ác. Thiện nam tử! Thí như có người uống được cam lồ,

甘露雖滅以其力勢能令是人不生不死。

Cam lộ tuy diệt dĩ kỳ lực thế năng lệnh thị nhân bất sanh bất tử.

mặc dầu cam lồ mất đi nhưng nhờ cam lồ ấy có thể khiến người đó không sanh không chết.

善男子。如須彌山有上妙藥名楞伽利。

Thiện nam tử. Như Tu-Di sơn hữu thượng diệu dược danh lăng già lợi.

Thiện nam tử! Như núi Tu-di có thuốc hay tên gọi Lăng-già-lợi,

有人服之雖念念滅。以藥力故不遇患苦。善男子。

Hữu nhân phục chi tuy niệm niệm diệt. Dĩ dược lực cố bất ngộ hoạn khổ. Thiện nam tử.

có người uống được thuốc ấy, mặc dầu niệm niệm mất đi, nhưng nhờ lực của thuốc nên không gặp bệnh khổ. Thiện nam tử!

如轉輪王所坐之處。王雖不在無人敢近。

Như chuyển luân Vương sở tọa chi xứ. Vương tuy bất tại vô nhân cảm cận.

Như chỗ ngồi của vua Chuyển Luân, vua tuy không ngồi tại đó nhưng không có người dám đến gần.

何以故。王威力故。

Hà dĩ cố. Vương uy lực cố.

Tại sao vậy? Vì nhờ uy lực của vua vậy.

須陀洹人亦復如是雖生惡國不修習道。以道力故不作惡業。善男子。

Tu đà hoàn nhân diệc phục như thị tuy sanh ác quốc bất tu tập đạo. Dĩ đạo lực cố bất tác ác nghiệp. Thiện nam tử.

Bậc Tu-đà-hoàn cũng lại như vậy, tuy sanh nước ác, không tu đạo, nhưng nhờ đạo lực nên không tạo nghiệp ác. Thiện nam tử!

須陀洹陰於此而滅雖生異陰。

Tu đà hoàn uẩn ư tử nhi diệt tuy sanh dị uẩn。

Ngũ uẩn của Tu-đà-hoàn ở đó mà diệt tuy sanh uẩn khác,

猶故不失須陀洹陰。善男子。

Do cố bất thất Tu đà hoàn uẩn。Thiện nam tử。

nhưng không đánh mất uẩn của Tu-đà-hoàn。Thiện nam tử!

譬如眾生為果實故於種子中多役作業。糞治溉灌未得果實而子復滅。

Thí như chúng sanh vì quả thật cố ư chủng tử trung đa dịch tác nghiệp。Phản trị khai quán vị đắc quả thật nhi tử phục diệt。

Thí như chúng sanh vì muốn gặt quả nên trong hạt đã tạo nhiều nghiệp, dùng phân tưới tẩm chưa đạt được quả mà hạt đã bị diệt

亦得名為因子得果。須陀洹陰亦復如是。善男子。

Diệc đắc danh vi nhân tử đắc quả。Tu-đà-hoàn uẩn diệc phục như thị。Thiện nam tử。

cũng được gọi là nhờ hạt mà được quả, ngũ uẩn của Tu-đà-hoàn cũng lại như vậy。Thiện nam tử!

譬如有人資產巨富。惟有一子先已終歿。

Thí như hữu nhân tư sản cự phú。Duy hữu nhất tử tiên dĩ chung một。

Thí như có người, của cải giàu có, tuy có một người con nhưng đã chết trước rồi,

其子有子復在他土。其人忽然奄便命終。

Kỳ tử hữu tử phục tại tha độ。Kỳ nhân hốt nhiên yêm tiện mạng chung。

người con ấy có con lại ở nơi khác, người kia bỗng nhiên bị ngột mà mạng chung,

孫聞是已還收產業。雖知財貨非其所作。

Tôn văn thị dĩ hoàn thu sản nghiệp。Tuy tri tài hóa phi kỳ sở tác。

người cháu nghe rồi liền trở về nhận lấy sản nghiệp, mặc dầu biết hàng hóa kia chẳng phải mình từng làm ra

然其收取無遮護者。何以故。以姓一故。

Nhiên kỳ thu thủ vô già hộ giả。Hà dĩ cố。Dĩ tính nhất cố。

nhưng nếu không thu nhận thì không ai bảo hộ。Tại sao vậy? Vì dòng họ chỉ còn một người,

須陀洹陰亦復如是。師子吼言。如佛說偈。

Tu-đà-hoàn uẩn diệt phục như thị. Sư Tử Hống ngôn. Như Phật thuyết kệ.

ngũ uẩn của Tu-đà-hoàn cũng lại như vậy. Sư Tử Hống nói như Phật đã từng thuyết kệ:

比丘若修習 戒定及智慧

Bỉ khâu nhược tu tập Giới định cập trí tuệ

Tỳ kheo nếu tu tập, Giới, Định và Trí tuệ,

當知是不退 親近大涅槃

Đương tri thị bất thối Thân cận Đại Niết-bàn

Nên biết chẳng thối chuyển, Gần đến Đại Niết-bàn,

世尊。云何修戒云何修定云何修慧。佛言。

Thế tôn. Vân hà tu giới vân hà tu định vân hà tu huệ. Phật ngôn.

Bạch Thế Tôn! Thế nào là tu giới? Thế nào là tu định? Thế nào là tu tuệ? Phật dạy:

善男子。若有人受持禁戒。

Thiện nam tử. Nhược hữu nhân thọ trì cấm giới.

Thiện nam tử! Nếu có người thọ trì cấm giới,

但為自利人天受樂。不為度脫一切眾生。不為擁護無上正法。

Đãn vi tự lợi nhân Thiên thọ lạc. Bất vi độ thoát nhất thiết chúng sanh. Bất vi ủng hộ vô thượng chánh Pháp.

chỉ vì tự lợi thọ lạc ở trời người, không vì độ thoát tất cả chúng sanh, không vì ủng hộ

Chánh pháp vô thượng,

但為利養畏三惡道。為命色力安無礙辯。

Đãn vi lợi dưỡng úy tam ác đạo. Vi mạng sắc lực an vô ngại biện.

chỉ vì lợi dưỡng sợ ba đường ác, vì thân mạng, sắc lực, an trú trong vô ngại biện,

畏懼王法惡名穢稱為世事業。

Úy cụ Vương Pháp ác danh ố xưng vi thế sự nghiệp.

sợ phép của vua, tiếng ác, tiếng xấu, vì sự nghiệp thế gian,

如是護戒則不得名修習戒也。善男子。云何名為真修習戒。

Như thị hộ giới tắc bất đắc danh tu tập giới dã. Thiện nam tử. Vân hà danh vi chân tu tập giới.

sự hộ giới như vậy thì không được gọi là tu tập giới. Thiện nam tử! Thế nào gọi là chân thật tu tập Giới?

受持戒時。若為度脫一切眾生為護正法。

Thọ trì giới thời. Nhược vi độ thoát nhất thiết chúng sanh vi hộ chánh Pháp.

Lúc thọ trì giới, nếu vì độ thoát tất cả chúng sanh, vì hộ trì Chánh pháp,
度不度故。解未解故。歸無歸故。

Độ bất độ cố. Giải vị giải cố. Quy vô quy cố.

người chưa độ khiến được độ, người chưa giải thoát khiến được giải thoát, người chưa quy
y khiến họ quy y,

未入涅槃令得入故。如是修時。

Vị nhập Niết-bàn lệnh đắc nhập cố. Như thị tu thời.

người chưa nhập Niết-bàn khiến họ nhập Niết-bàn. Lúc tu như vậy

不見戒不見戒相不見持者。不見果報不觀毀犯。善男子。若能如是。

Bất kiến giới bất kiến giới tướng bất kiến trì giả. Bất kiến quả báo bất quán hủy
phạm. Thiện nam tử. Nhược năng như thị.

mà không thấy giới, không thấy giới tướng, không thấy người trì giới, không thấy quả báo,
không thấy hủy phạm. Thiện nam tử! Nếu có thể như vậy

是則名為修習戒也。云何復名修習三昧。

Thị tắc danh vi tu tập giới dã. Vân hà phục danh tu tập Tam-muội.

thì gọi là tu tập Giới. Thế nào gọi là tu tập Tam-muội?

修三昧時。為自度脫為於利養。

Tu Tam-muội thời. Vi tự độ thoát vi ư lợi dưỡng.

Lúc tu Tam-muội, vì tự độ thoát, vì các lợi dưỡng,

不為眾生不為護法。為見貪欲穢食等過。

Bất vì chúng sanh bất vì hộ Pháp. Vi kiến tham dục uế thực đẳng quá.

không vì chúng sanh, không vì hộ pháp, vì thấy tham dục, các thức ăn ô uế, các tội lỗi
v.v..

男女等根九孔不淨。鬪訟打刺互相殺害。若為此事修三昧者。

Nam nữ đẳng căn cửu khổng bất tịnh. Đấu tụng đả thứ hổ tương sát hại. Nhược vi thử
sự tu Tam-muội giả.

các căn nam, nữ, chín lỗ bất tịnh, chiến đấu tranh tụng, đánh đập, đâm chém sát hại lẫn
nhau; nếu vì các việc này mà tu Tam-muội thì

是則不名修習三昧。善男子。

Thị tắc bất danh tu tập Tam-muội. Thiện nam tử.

đó không gọi là tu tập Tam-muội. Thiện nam tử!

云何復名真修三昧。若為眾生修習三昧。

Vân hà phục danh chân tu Tam-muội. Nhược vi chúng sanh tu tập Tam-muội.

Thế nào lại gọi là chân chánh tu tập Tam-muội? Nếu vì chúng sanh tu tập Tam-muội, 於眾生中得平等心。為令眾生得不退法。為令眾生得聖心故。

Ư chúng sanh trung đắc bình đẳng tâm. Vi lệnh chúng sanh đắc bất thối Pháp. Vi lệnh chúng sanh đắc Thánh tâm cố.

đối với chúng sanh được tâm bình đẳng, vì khiến chúng sanh đắc pháp bất thối chuyển, vì khiến chúng sanh được tâm của bậc Thánh,

為令眾生得大乘故。為欲護持無上法故。

Vi lệnh chúng sanh đắc Đại thừa cố. Vi dục hộ trì vô thượng Pháp cố.

vì khiến chúng sanh chứng đắc Đại thừa, vì muốn hộ trì pháp Vô thượng,

為令眾生不退菩提故。

Vi lệnh chúng sanh bất thối Bồ đề cố.

vì khiến chúng sanh không thối chuyển Bồ-đề,

為令眾生得首楞嚴故。為令眾生得金剛三昧故。

Vi lệnh chúng sanh đắc Thủ Lăng Nghiêm cố. Vi lệnh chúng sanh đắc Kim Cương Tam-muội cố.

vì khiến chúng sanh được Thủ Lăng Nghiêm, vì khiến chúng sanh chứng đắc Kim Cang Tam-muội,

為令眾生得陀羅尼故。為令眾生得四無礙故。

Vi lệnh chúng sanh đắc Đà-La-Ni cố. Vi lệnh chúng sanh đắc tứ vô ngại cố.

vì khiến chúng sanh đắc Đà-la-ni, vì khiến chúng sanh đắc tứ vô ngại,

為令眾生見佛性故。作是行時。不見三昧不見三昧相。

Vi lệnh chúng sanh kiến Phật tánh cố. Tác thị hành thời. Bất kiến Tam-muội bất kiến Tam-muội tướng.

vì muốn chúng sanh thấy Phật tánh, lúc thực hành như vậy mà không thấy Tam-muội, không thấy tướng Tam-muội,

不見修者不見果報。善男子。若能如是。

Bất kiến tu giả bất kiến quả báo. Thiện nam tử. Nhược năng như thị.

không thấy người tu tập, không thấy quả báo. Thiện nam tử! Nếu có thể làm như vậy,
是則名為修習三昧。云何復名修於智慧。

Thị tắc danh vi tu tập Tam-muội. Vân hà phục danh tu ư trí tuệ.
thì gọi là tu tập Tam-muội. Thế nào gọi là tu tập Trí tuệ?

若有修者作是思惟。我若修習如是智慧。

Nhược hữu tu giả tác thị tư duy. Ngã nhược tu tập như thị trí tuệ。

Nếu có người tu suy nghĩ thế này: Ta nếu tu tập trí tuệ như vậy,
則得解脫度三惡道誰能利益一切眾生。

Tắc đắc giải thoát độ tam ác đạo thù năng lợi ích nhất thiết chúng sanh。

thì được giải thoát ba đường ác, ai có thể lợi ích tất cả chúng sanh。

誰能度人於生死道。佛出世難如優曇鉢花。

Thù năng độ nhân ư sanh tử đạo。Phật xuất thế nan như ưu đàm bát hoa。

ai có thể độ mọi người trong đường sanh tử, Phật xuất thế rất là khó, như hoa Ưu-đàm-
bát,

我今能斷諸煩惱結必得解脫果。是故我當勤修智慧。

Ngã kim năng đoạn chư phiền não kết tất đắc giải thoát quả。Thị cố ngã đương tinh cần
tu trí tuệ。

ta nay có thể đoạn các phiền não kiết sử tức được quả giải thoát, cho nên ta sẽ siêng
năng tu tập trí tuệ,

速斷煩惱早得度脫。如是修者。

Tốc đoạn phiền não tảo đắc độ thoát。Như thị tu giả。

nhanh chóng đoạn trừ phiền não, sớm được giải thoát。Người tu như vậy

不得名為修習智慧。云何名為真修習者。智者若觀生老死苦。

Bất đắc danh vi tu tập trí tuệ。Vân hà danh vi chân tu tập giả。Trí giả nhược quán sanh
lão tử khổ。

không gọi là tu tập trí tuệ。Thế nào gọi là chân chánh tu tập? Kẻ trí thấy sanh, lão, tử là
khổ,

一切眾生無明所覆。不知修習無上正道。

Nhất thiết chúng sanh vô minh sở phục。Bất tri tu tập vô thượng chánh đạo。

tất cả chúng sanh bị vô minh che lấp, không biết tu tập Chánh đạo Vô thượng,

願我此身悉代眾生受大苦惱。

Nguyện ngã thử thân tất Đại chúng sanh thọ đại khổ não。

ta nguyện đem thân ta thay chúng sanh chịu các khổ não lớn,

眾生所有貧窮下賤破戒之心貪瞋癡業。

Chúng sanh sở hữu bần cùng hạ tiện phá giới chi tâm tham sân si nghiệp。

những điều chúng sanh vốn bị như nghèo khó, hạ tiện, có tâm phá giới, có nghiệp tham, sân, si

願皆悉來集于我身。願諸眾生不生貪取。

Nguyện giai tất lai tập vu ngã thân。Nguyện chư chúng sanh bất sanh tham thủ。

nguyện tất cả điều ấy đều vào thân ta, nguyện tất cả chúng sanh không sanh tâm tham đắm,

不為名色之所繫縛。願諸眾生早度生死。令我一身處之不厭。

Bất vi danh sắc chi sở hệ phọc。Nguyện chư chúng sanh tảo độ sanh tử。Lệnh ngã nhất thân xử chi bất yếm。

không vì sự trói buộc của danh sắc, nguyện các chúng sanh sớm thoát sanh tử, khiến ta không chán thân này,

願令一切皆得阿耨多羅三藐三菩提。

Nguyện lệnh nhất thiết giai đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。

nguyện khiến tất cả đều chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề。

如是修時。不見智慧不見智慧相。

Như thị tu thời。Bất kiến trí tuệ bất kiến trí tuệ tướng。

Lúc tu như vậy mà không thấy trí tuệ, không thấy tướng trí tuệ,

不見修者不見果報。是則名為修習智慧。善男子。

Bất kiến tu giả bất kiến quả báo。Thị tắc danh vi tu tập trí tuệ。Thiện nam tử。

không thấy người tu tập, không thấy quả báo, đó gọi là tu tập trí tuệ。Thiện nam tử!

修習如是戒定智慧是名菩薩。

Tu tập như thị giới định trí tuệ thị danh Bồ Tát。

Tu tập Giới, Định, Tuệ như vậy gọi là Bồ-tát;

不能如是修戒定慧是名聲聞。

Bất năng như thị tu giới định tuệ thị danh thanh văn。

nếu không được như vậy thì tu tập Giới, Định, Tuệ gọi là Thanh Văn。

復次善男子。云何復名修集於戒。

Phục thứ thiện nam tử. Vân hà phục danh tu tập ư giới.

Lại nữa, Thiện nam tử! Thế nào gọi là tu tập ở nơi Giới?

若能破壞一切眾生十六惡律儀。何等十六。

Nhược năng phá hoại nhất thiết chúng sanh thập lục ác luật nghi. Hà đẳng thập lục.

Nếu có thể phá hoại mười sáu ác luật nghi của tất cả chúng sanh. Những gì là mười sáu?

一者為利餽養羔羊肥已轉賣。二者為利買已屠殺。

Nhất giả vi lợi ủy dưỡng cao dương phì dĩ chuyển mại. Nhị giả vi lợi mãi dĩ đồ sát.

Một là vì lợi nuôi dưỡng dê con cho lớn béo rồi đem bán, hai là vì lợi mua rồi đem giết,

三者為利餽養猪豚肥已轉賣。

Tam giả vi lợi ủy dưỡng trư đồn phì dĩ chuyển mại.

ba là vì lợi nuôi heo con cho lớn béo rồi đem bán,

四者為利買已屠殺。五者為利餽養牛犢肥已轉賣。

Tứ giả vi lợi mãi dĩ đồ sát. Ngũ giả vi lợi ủy dưỡng ngưu độc phì dĩ chuyển mại.

bốn là vì lợi mua rồi đem giết, năm là vì lợi nuôi nghé con cho lớn béo rồi đem bán,

六者為利買已屠殺。七者為利養鷄令肥已轉賣。

Lục giả vi lợi mãi dĩ đồ sát. Thất giả vi lợi dưỡng kê lệnh phì dĩ chuyển mại.

sáu là vì lợi mua rồi đem giết, bảy là vì lợi nuôi gà cho lớn béo rồi đem bán,

八者為利買已屠殺。九者釣魚。十者獵師。

Bát giả vi lợi mãi dĩ đồ sát. Cửu giả điếu ngư. Thập giả liệt sư.

tám là vì lợi mua rồi đem giết, chín là câu cá, mười là làm thợ săn,

十一者劫奪。十二者魁膾。十三者網捕飛鳥。

Thập nhất giả kiếp đoạt. Thập nhị giả khôi quái. Thập tam giả võng bộ phi điểu.

mười một là cướp đoạt, mười hai là đồ tể bán thịt, mười ba vây lưới bắt chim,

十四者兩舌。十五者獄卒。十六者咒龍。

Thập tứ giả lưỡng thiệt. Thập ngũ giả ngục tốt. Thập lục giả chú long.

mười bốn nói hai lưỡi, mười lăm là làm ngục tốt, mười sáu dùng rồng chú,

能為眾生永斷如是十六惡業。是名修戒。云何修定。

Năng vi chúng sanh vĩnh đoạn như thị thập lục ác nghiệp. Thị danh tu giới. Vân hà tu định.

nếu có thể vì chúng sanh chấm dứt mười sáu ác nghiệp như vậy, đó gọi là tu Giới. Thế nào gọi là tu Định?

能斷一切世間三昧。所謂無身三昧。

Năng đoạn nhất thiết thế gian Tam-muội. Sở vị vô thân Tam-muội.

Có thể đoạn tất cả Tam-muội thế gian, đó là không có thân Tam-muội.

能令眾生顛倒心謂是涅槃。

Năng lệnh chúng sanh sanh điên đảo tâm vị thị Niết-bàn.

Có thể khiến chúng sanh tâm điên đảo đó là Niết-bàn,

有無邊心三昧淨聚三昧世邊三昧世斷三昧世性三昧世丈夫三昧非想非非想三昧。

Hữu vô biên tâm Tam-muội tịnh tụ Tam-muội thế biên Tam-muội thế đoạn Tam-muội thế

tánh Tam-muội thế trượng phu Tam-muội phi tưởng phi phi tưởng Tam-muội

Có vô biên tâm Tam-muội, tịnh tụ Tam-muội, thế biến Tam-muội, thế đoạn Tam-muội, thế

tính Tam-muội, thế trượng phu Tam-muội, phi tưởng phi phi tưởng Tam-muội,

如是等定能令眾生顛倒心謂是涅槃。若能永斷如是三昧。

Như thị đẳng định năng lệnh chúng sanh sanh điên đảo tâm vị thị Niết-bàn. Nhược năng

vĩnh đoạn như thị Tam-muội.

những Định như vậy v.v.. có thể khiến chúng sanh tâm điên đảo cho đó là Niết-bàn;

nếu có thể chấm dứt Tam-muội như vậy thì

是則名為修習三昧。云何復名修習智慧。

Thị tắc danh vi tu tập Tam-muội. Vân hà phục danh tu tập trí tuệ.

đó gọi là tu tập Tam-muội. Thế nào lại gọi là tu tập trí tuệ?

能破世間所有惡見。一切眾生悉有惡見。

Năng phá thế gian sở hữu ác kiến. Nhất thiết chúng sanh tất hữu ác kiến.

Có thể phá tất cả những ác kiến của thế gian. Tất cả chúng sanh đều có ác kiến,

所謂色即是我亦是我所。色中有我我中有色。

Sở vị sắc tức thị ngã diệt thị ngã sở. Sắc trung hữu ngã ngã trung hữu sắc.

đó là sắc, tức là Ngã, cũng là Ngã sở, trong sắc có Ngã, trong Ngã có sắc,

乃至識亦如是。常即是我色滅我存。

Nãi chí thức diệt như thị. Thường tức thị ngã sắc diệt ngã tồn.

cho đến thức cũng như vậy, thường tức là ngã, sắc mất đi ngã còn tồn tại,

色即是我色滅我滅。復有人言。作者名我受者名色。

Sắc tức thị ngã sắc diệt ngã diệt. Phục hữu nhân ngôn. Tác giả danh ngã thọ giả danh

sắc.

sắc tức là Ngã, sắc mất đi Ngã cũng mất đi. Lại có người nói: Người làm gọi là Ngã, người thọ gọi là sắc.

復有人言。作者名色受者名我。復有人言。

Phục hữu nhân ngôn. Tác giả danh sắc thọ giả danh ngã. Phục hữu nhân ngôn.

Lại có người nói: người làm gọi là sắc, người thọ gọi là Ngã. Lại có người nói:

無作無受自生自滅悉非因緣。復有人言。

Vô tác thị cố tự sanh tự diệt tất phi nhân duyên. Phục hữu nhân ngôn.

Không tạo tác, không thọ, tự sanh, tự diệt đều không nhân duyên. Lại có người nói:

無作無受悉是自在之所造作。復有人言。

Vô tác thị cố tất thị tự-tại chi sở tạo tác. Phục hữu nhân ngôn.

Không tạo tác, không thọ, thảy đều tự tạo ra. Lại có người nói:

無有作者無有受者。一切悉是時節所作。復有人言。

Vô hữu tác giả vô hữu thọ giả. Nhất thiết tất thị thời tiết sở tác. Phục hữu nhân ngôn.

Không có người tạo tác, không có người thọ, tất cả đều do thời thế tạo ra. Lại có người nói:

作者受者悉無所有。地等五大名為眾生。善男子。

Tác giả thọ giả tất vô sở hữu. Địa đẳng ngũ Đại danh vi chúng sanh. Thiện nam tử.

Người tạo tác, người thọ đều không sở hữu, đất v.v.. ngũ đại gọi là chúng sanh. Thiện nam tử!

若能破壞一切眾生如是惡見。

Nhược năng phá hoại nhất thiết chúng sanh như thị ác kiến.

Nếu có thể phá hoại tất cả những ác kiến như vậy của chúng sanh,

是則名為修智慧也。善男子。修習戒者為身寂靜。

Thị tắc danh vi tu trí tuệ dã. Thiện nam tử. Tu tập giới giả vi thân tịch tĩnh.

đó gọi là tu trí tuệ. Thiện nam tử! Tu tập Giới ấy là thân vắng lặng,

修習三昧為心寂靜。修習智慧為壞疑心。

Tu tập Tam-muội vi tâm tịch tĩnh. Tu tập trí tuệ vi hoại nghi tâm.

tu tập Tam-muội là tâm vắng lặng, tu tập trí tuệ là phá hoại tâm nghi ngờ,

壞疑心者為修習道。修習道者為見佛性。

Hoại nghi tâm giả vi tu tập đạo. Tu tập đạo giả vi kiến Phật tánh.

phá hoại tâm nghi ngờ là tu tập đạo, tu tập đạo là thấy Phật tánh,

見佛性者為得阿耨多羅三藐三菩提故。

Kiến Phật tánh giả vi đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề cố.

thấy Phật tánh là chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề,

得阿耨多羅三藐三菩提者為得無上大涅槃故。

Đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề giả vi đắc vô thượng Đại Niết-bàn cố.

chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề là chứng Đại Niết-bàn Vô thượng,

得大涅槃者為斷眾生一切生死一切煩惱一切諸有一切諸界一切諸諦故。斷於生死乃至斷

諦。

Đắc Đại Niết-bàn giả vi đoạn chúng sanh nhất thiết sanh tử nhất thiết phiền não nhất thiết

chư hữu nhất thiết chư giới nhất thiết chư đế cố. Đoạn ư sanh tử nãi chí đoạn đế.

chứng Đại Niết-bàn là đoạn tất cả sanh tử, tất cả phiền não, tất cả các hữu, tất cả các

giới, tất cả các sự thật của chúng sanh, đoạn sanh tử cho đến đoạn các sự thật,

為得常樂我淨法故。

Vi đắc Thường Lạc Ngã Tịnh pháp cố.

thì được các pháp Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

師子吼言。世尊。如佛所說。

Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn. Như Phật sở thuyết.

Sư Tử Hống thưa: Bạch Thế Tôn! Như Phật đã dạy,

若不生不滅名大涅槃者。生亦如是不生不滅。

Nhược bất sanh bất diệt danh Đại Niết-bàn giả. Sanh diệt như thị bất sanh bất diệt.

nếu không sanh không diệt gọi là Đại Niết-bàn. Sanh cũng như vậy, không sanh không

diệt,

何故不得名為涅槃。善男子。如是如是如汝所言。

Hà cố bất đắc danh vi Niết-bàn. Thiện nam tử. Như thị như thị như nữ sở ngôn.

tại sao không được gọi là Niết-bàn? Thiện nam tử! Đúng thế, đúng thế! Như người đã nói,

是生雖復不生不滅而有始終。世尊。

Thị sanh tuy phục bất sanh bất diệt nhi hữu thủy chung. Thế tôn.

sanh ấy mặc dầu không sanh không diệt mà có đầu có cuối. Thế Tôn!

是生死法亦無始終。若無始終則名為常。常即涅槃。

Thị sanh tử Pháp diệt vô thủy chung. Nhược vô thủy chung tắc danh vi thường. Thường

tức Niết-bàn。

Pháp sanh tử ấy cũng không có đầu cuối, nếu không đầu cuối thì gọi là thường, thường tức là Niết-bàn,

何故不名生死為涅槃耶。善男子。是生死法悉有因果。

Hà cố bất danh sanh tử vi Niết-bàn da. Thiện nam tử. Thị sanh tử Pháp tất hữu nhân quả.

tại sao không gọi sanh tử là Niết-bàn ư? Thiện nam tử! Pháp sanh tử ấy đều có nhân quả, 有因果故不得名之為涅槃也。何以故。

Hữu nhân quả cố bất đắc danh chi vi Niết-bàn dã. Hà dĩ cố.

vì có nhân quả cho nên không được gọi là Niết-bàn. Tại sao vậy?

涅槃之體無因果故。師子吼言。世尊。

Niết-bàn chi thể vô nhân quả cố. Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn.

Vì thể của Niết-bàn không có nhân quả. Sư Tử Hống thưa: Bạch Thế Tôn!

夫涅槃者亦有因果。如佛所說。

Phu Niết-bàn giả diệc hữu nhân quả. Như Phật sở thuyết.

Niết-bàn ấy cũng có nhân quả. Như Phật đã dạy:

從因故生天 從因墮惡道

Tòng nhân cố sanh Thiên Tòng nhân đọa ác đạo

Từ nhân nên sanh Thiên, Từ nhân đọa ác đạo,

從因故涅槃 是故皆有因

Tòng nhân cố Niết-bàn Thị cố giai hữu nhân

Từ nhân nên Niết-bàn, Cho nên đều có nhân.

如佛往昔告諸比丘。我今當說沙門道果。

Như Phật vãng tích cáo chư bì khâu. Ngã kim đương thuyết Sa Môn đạo quả.

Như Phật ngày xưa dạy các Tỳ kheo: Ta nay phải nói đạo quả của Sa-môn.

言沙門者。謂能具修戒定智慧。道者謂八聖道。

Ngôn Sa Môn giả. Vị năng cụ tu giới định trí tuệ. Đạo giả vị bát Thánh đạo.

Nói Sa-môn ấy, là có thể tu đầy đủ Giới, Định, Tuệ. Đạo ấy là Bát Thánh Đạo.

沙門果者所謂涅槃。世尊。

Sa Môn quả giả sở vị Niết-bàn. Thế tôn.

Sa-môn quả đó là Niết-bàn. Thế Tôn!

涅槃如是豈非果耶。云何說言涅槃之體無因無果。佛言。

Niết-bàn như thị khởi phi quả da. Vân hà thuyết ngôn Niết-bàn chi thể vô nhân vô quả. Phật ngôn.

Như vậy Niết-bàn không phát khởi từ quả ư? Sao lại nói thể của Niết-bàn không nhân không quả. Phật dạy:

善男子。我所宣說涅槃因者。所謂佛性。

Thiện nam tử. Ngã sở tuyên thuyết Niết-bàn nhân giả. Sở vị Phật tánh.

Thiện nam tử! Ta đã từng nói nhân của Niết-bàn đó là Phật tánh.

佛性之性不生涅槃。是故我言涅槃無因。

Phật tánh chi tánh bất sanh Niết-bàn. Thị cố ngã ngôn Niết-bàn vô nhân.

Tánh của Phật tánh không sanh Niết-bàn cho nên Ta nói Niết-bàn không có nhân.

能破煩惱故名大果。不從道生故名無果。

Năng phá phiền não cố danh đại quả. Bất tòng đạo sanh cố danh vô quả.

Có thể phá phiền não nên gọi là quả lớn, không từ đạo mà sanh nên gọi không quả

是故涅槃無因無果。師子吼言。世尊。

Thị cố Niết-bàn vô nhân vô quả. Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn.

cho nên Niết-bàn không nhân không quả. Sư Tử Hống thưa: Bạch Thế Tôn!

眾生佛性為悉共有為各各有。

Chúng sanh Phật tánh vi tất cộng hữu vi các các hữu.

Phật tánh chúng sanh là cùng có hay mỗi người riêng có,

若共有者一人得阿耨多羅三藐三菩提時。一切眾生亦應同得世尊。

Nhược cộng hữu giả nhất nhân đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề thời. Nhất thiết

chúng sanh diệc ứng đồng đắc Thế tôn.

nếu cùng có thì lúc một người chứng A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, tất cả chúng sanh đều đồng như Thế Tôn.

如二十人同有一怨。若一人能除。餘十九人皆亦同除。

Như nhị thập nhân đồng hữu nhất oán. Nhược nhất nhân năng trừ. Dư thập cửu nhân giai diệc đồng trừ.

Như hai mươi người cùng một nỗi oán, nếu một người có thể trừ thì mười chín người còn lại đều cũng có thể trừ.

佛性亦爾。一人得時餘亦應得。

Phật tánh diệc nhĩ. Nhất nhân đắc thời dư diệc ứng đắc.

Phật tánh cũng vậy. Lúc một người được thì người khác đều được,
若各各有則是無常。何以故。可算數故。

Nhược các các hữu tắc thị vô thường. Hà dĩ cố. Khả toán số cố.
nếu mỗi người riêng có thì là vô thường. Tại sao vậy? Vì có thể tính đếm được,
然佛所說眾生佛性不一不二。若各各有不應說言諸佛平等。

Nhiên Phật sở thuyết chúng sanh Phật tánh bất nhất bất nhị. Nhược các các hữu bất ứng
thuyết ngôn chư Phật bình đẳng。

nhưng Phật đã dạy: Phật tánh của chúng sanh không một không hai, nếu mỗi người riêng
có thì không thể nói chư Phật bình đẳng,
亦不應說佛性如空。佛言。善男子。

Diệc bất ứng thuyết Phật tánh như không. Phật ngôn. Thiện nam tử.
cũng không nên nói Phật tánh như hư không. Phật dạy: Thiện nam tử!
眾生佛性不一不二。諸佛平等猶如虛空。

Chúng sanh Phật tánh bất nhất bất nhị. Chư Phật bình đẳng do như hư không.
Phật tánh chúng sanh không phải một, không phải hai. Chư Phật bình đẳng giống như hư
không,

一切眾生同共有之。若有能修八聖道者。當知是人則得明見。

Nhất thiết chúng sanh đồng cộng hữu chi. Nhược hữu năng tu bát Thánh đạo
giả. Đương tri thị nhân tắc đắc minh kiến.

tất cả chúng sanh cùng có như vậy, nếu có người có thể tu tập Bát Thánh Đạo, nên biết
người ấy liền được cái thấy sáng suốt.

善男子。雪山有草名曰忍辱。

Thiện nam tử. Tuyết sơn hữu thảo danh viết nhẫn nhục.

Thiện nam tử! Tuyết Sơn có cỏ tên gọi Nhẫn nhục,
牛若食之則成醍醐。眾生佛性亦復如是。師子吼言。

Ngưu nhược thực chi tắc thành thể hồ. Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. Sư Tử
Hống ngôn.

trâu nếu ăn được cỏ ấy liền biến thành Đề-hồ. Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy. Sư
Tử Hống thưa:

如佛所說忍辱草者。一耶多耶。如其一者牛食則盡。

Như Phật sở thuyết nhãn nhục thảo giả. Nhất da đa da. Như kỳ nhất giả nguợ thực tắc tận.

Như Phật đã dạy cỏ Nhãn nhục ấy, chỉ một ư? nhiều ư? Như chỉ có một thì trâu ăn liền hết,

如其多者云何而言眾生佛性亦如是耶。

Như kỳ đa giả vân hà nhi ngôn chúng sanh Phật tánh diệc như thị da.

như có nhiều tại sao mà nói Phật tánh chúng sanh cũng như vậy ư?

如佛所說。若有修習八聖道者則見佛性。

Như Phật sở thuyết. Nhược hữu tu tập bát Thánh đạo giả tắc kiến Phật tánh.

Như Phật đã dạy: Nếu có người tu Bát Thánh đạo thì thấy được Phật tánh,

是義不然。何以故。道若一者如忍辱草則應有盡。

Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố. Đạo nhược nhất giả như nhãn nhục thảo tắc ứng hữu tận.

nghĩa ấy không như vậy. Tại sao vậy? Vì đạo nếu chỉ có một như cỏ Nhãn Nhục thì sẽ hết,

如其有盡一人修已餘則無分。

Như kỳ hữu tận nhất nhân tu dĩ dư tắc vô phân.

nếu như hết thì một người tu rồi, người khác sẽ không có phần,

若道多者云何得言具足修習。亦不得名薩婆若智。佛言。

Nhược đạo đa giả vân hà đắc ngôn cụ túc tu tập. Diệc bất đắc danh Tát-bà-nhã trí. Phật ngôn.

nếu đạo có nhiều thì tại sao lại nói tu tập đầy đủ, cũng không được gọi là Tát-bà-nhã trí.

Phật dạy:

善男子。

Thiện nam tử。

Thiện nam tử!

如平坦路一切眾生悉於中行無障礙者。中路有樹其陰清涼。

Như bình thản lộ nhất thiết chúng sanh tất ư trung hành Vô chương ngại giả. Trung lộ hữu thụ kỳ uẩn thanh lương.

Như con đường bằng phẳng tất cả chúng sanh đều đi trên đó không bị chương ngại.

Trong đường có cây, bóng nó râm mát,

行人在下憩駕止息。然其樹陰常住不移。

Hành nhân tại hạ khế giá chỉ tức. Nhiên kỳ thụ uẩn thường trụ bất di.

người đi ở đó dừng ngựa nghỉ ngơi, nhưng bóng mát của cây kia thường ở một chỗ không di chuyển,

亦不消壞無持去者。路。喻聖道。陰喻佛性。善男子。

Diệc bất tiêu hoại vô trì khứ giả. Lộ. Dụ Thánh đạo. Uẩn dụ Phật tánh. Thiện nam tử.

cũng không mất đi, không người đem đi. Đường dụ cho Thánh Đạo, bóng mát dụ cho Phật tánh. Thiện nam tử!

譬如大城唯一門。雖有多人經由入出。

Thí như đại thành duy hữu nhất môn. Tuy hữu đa nhân kinh do nhập xuất.

Thí như thành lớn chỉ có một cửa, mặc dù có nhiều người ra vào,

都無有能作障礙者。亦復無人破壞毀落而齎持去。

Đô vô hữu năng tác chướng ngại giả. Diệc phục vô nhân phá hoại hủy lạc nhi tê trì khứ.

đều không thể làm chướng ngại, cũng lại không có người phá hoại, huỷ mất mà mang đi.

善男子。譬如橋梁行人所由。

Thiện nam tử. Thí như kiều lương hành nhân sở do.

Thiện nam tử! Thí như cây cầu, người đi qua đó,

亦無有人遮止障礙毀壞持去。善男子。譬如良醫遍療眾病。

Diệc vô hữu nhân già chỉ chướng ngại hủy hoại trì khứ. Thiện nam tử. Thí như lương y

biến liệu chúng bệnh.

cũng không có người cản trở ngăn ngại phá huỷ đem đi. Thiện nam tử! Thí như vị lương y

rộng chữa các bệnh,

亦無有能遮止是醫治此捨彼。

Diệc vô hữu năng già chỉ thị y trì thử xả bỉ.

cũng không có thể ngăn ngại vị đó trị đây bỏ kia,

聖道佛性亦復如是。師子吼言。世尊。所引諸喻義不如是。

Thánh đạo Phật tánh diệc phục như thị. Sư Tử Hống ngôn. Thế tôn. Sở dẫn chư dụ

nghĩa bất như thị.

Thánh đạo, Phật tánh cũng lại như vậy. Sư Tử Hống thưa: Thế Tôn! Các dụ đã dẫn nghĩa

không như vậy.

何以故。先者在路於後則妨。云何而言無有障礙。

Hà dĩ cố. Tiên giả tại lộ ư hậu tắc phương. Vân hà nhi ngôn vô hữu chướng ngại.
Tại sao vậy? Người trước đi trên đường thì người sau bị ngăn ngại, tại sao nói là không bị chướng ngại?

餘亦皆爾。聖道佛性若如是者。

Dư diệc giai nhĩ. Thánh đạo Phật tánh nhược như thị giả.

Cái khác cũng đều như vậy. Thánh đạo, Phật tánh nếu như vậy,
一人修時應妨餘者。佛言。善男子。如汝所言義不相應。

Nhất nhân tu thời ứng phương dư giả. Phật ngôn. Thiện nam tử. Như nữ sở ngôn nghĩa bất tương ứng.

lúc một người tu lẽ ra phải ngăn ngại người khác. Phật dạy: Thiện nam tử! Như người đã nói nghĩa không tương ứng,

我所喻道是少分喻非一切也。善男子。

Ngã sở dụ đạo thị thiểu phân dụ phi nhất thiết dã. Thiện nam tử.

Ta đã dụ đạo là ít phần, chẳng phải dụ tất cả. Thiện nam tử!

世間道者則有障礙。此彼之異無有平等。

Thế gian đạo giả tắc hữu chướng ngại. Thử bỉ chi dị vô hữu bình đẳng.

Đạo thế gian thì có chướng ngại, đây đó khác nhau không có bình đẳng,
無漏道者則不如是。能令眾生無有障礙。

Vô lậu đạo giả tắc bất như thị. Năng lệnh chúng sanh vô hữu chướng ngại.

đạo vô lậu thì không như vậy, có thể khiến chúng sanh không có chướng ngại.

平等無二無有方處此彼之異。

Bình đẳng vô nhị vô hữu phương xử thử bỉ chi dị.

bình đẳng không hai không nơi này nơi kia khác nhau,

如是正道能為一切眾生佛性。而作了因不作生因。

Như thị chánh đạo năng vi nhất thiết chúng sanh Phật tánh. Nhi tác liễu nhân bất tác sanh nhân.

chánh đạo như vậy có thể vì Phật tánh của tất cả chúng sanh mà làm Liễu nhân không làm Sanh nhân.

猶如明燈照了於物。善男子。一切眾生皆同無明因緣於行。

Do như minh đăng chiếu liễu ư vật. Thiện nam tử. Nhất thiết chúng sanh giai đồng vô minh nhân duyên ư hành.

Như ngọn đèn sáng chiếu rõ các vật. Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh đều cùng nhân duyên vô minh mà hành động,

不可說言一人無明因緣行已其餘應無。

Bất khả thuyết ngôn nhất nhân vô minh nhân duyên hành dĩ kỳ dư ứng vô.
không có thể nói một người do duyên vô minh rồi thì người khác không còn.

一切眾生悉有無明因緣於行。

Nhất thiết chúng sanh tất hữu vô minh nhân duyên ư hành。

Tất cả chúng sanh đều có nhân duyên vô minh mà hành động,
是故說言十二因緣一切平等。

Thị cố thuyết ngôn thập nhị nhân duyên nhất thiết bình đẳng。

cho nên nói mười hai nhân duyên tất cả bình đẳng,

眾生所修無漏正道亦復如是。等斷眾生煩惱四生諸界有道。

Chúng sanh sở tu vô lậu chánh đạo diệc phục như thị。 Đẳng đoạn chúng sanh phiền não
Tứ sanh chư giới hữu đạo。

chúng sanh đã tu chánh đạo vô lậu cũng lại như vậy, đoạn các phiền não của chúng sanh
trong tứ sanh và các cõi giới có đạo。

以是義故名為平等。其有證者彼此知見無有障礙。

Dĩ thị nghĩa cố danh vi bình đẳng。 Kỳ hữu chứng giả bỉ thử tri kiến vô hữu chướng ngại。

Do vì nghĩa đó cho nên gọi là bình đẳng, nếu có người chứng đắc, thì tri kiến của người
này người kia không có ngăn ngại,

是故得名薩婆若智。師子吼言。

Thị cố đắc danh Tát-bà-nhã trí。 Sư Tử Hống ngôn。

cho nên được gọi là Tát-bà-nhã trí。 Sư Tử Hống thưa:

一切眾生身不一種。

Nhất thiết chúng sanh thân bất nhất chủng。

Thân của tất cả chúng sanh không cùng một loại,

或有天身或有人身畜生餓鬼地獄之身。如是多身差別非一。

Hoặc hữu Thiên thân hoặc hữu nhân thân súc sanh nạ quỷ Địa-ngục chi thân。 Như thị
đa thân sai biệt phi nhất。

hoặc có thân Trời, hoặc có thân người, hoặc thân súc sanh, nạ quỷ, địa ngục, nhiều thân
như vậy sai khác chẳng phải một,

云何而言佛性為一。佛言。善男子。譬如有人置毒乳中。

Vân hà nhi ngôn Phật tánh vi nhất。 Phật ngôn。 Thiện nam tử。 Thí như hữu nhân trí độc nhũ trung。

tại sao lại nói Phật tánh là một? Phật dạy: Thí như có người bỏ độc vào trong sữa, 乃至醍醐皆悉有毒。乳不名酪酪不名乳。

Nãi chí thể hồ giai tất hữu độc。 Nhũ bất danh lạc lạc bất danh nhũ。

thậm chí Đê-hồ cũng đều có độc, sữa không gọi là Đê-hồ cũng không gọi là sữa, 乃至醍醐亦復如是。名字雖變毒性不失。

Nãi chí thể hồ diệc phục như thị。 Danh tự tuy biến độc tánh bất thất。

cho đến Đê-hồ cũng lại như vậy. Tên gọi tuy biến thành độc mà tánh của nó không mất, 遍五味中皆悉如是。若服醍醐亦能殺人。

Biến ngũ vị trung giai tất như thị。 Nhược phục thể hồ diệc năng sát nhân。

trong năm vị thấy đều như vậy. Nếu uống Đê-hồ cũng có thể chết người, 實不置毒於醍醐中。眾生佛性亦復如是。

Thật bất trí độc ư thể hồ trung。 Chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị。

thật không được bỏ độc vào trong Đê-hồ. Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy, 雖處五道受別異身。而是佛性常一無變。

Tuy xử ngũ đạo thọ biệt dị thân。 Nhi thị Phật tánh thường nhất vô biến。

tuy năm đạo thọ thân khác nhau, mà Phật tánh chỉ là một không có biến đổi。

師子吼言。世尊。十六大國有六大城。

Sư Tử Hống ngôn。 Thế tôn。 Thập lục đại quốc hữu lục đại thành。

Sư Tử Hống thưa: Thế Tôn! Mười sáu nước lớn có sáu thành lớn,

所謂舍婆提城婆枳多城瞻婆城毘舍離城波羅奈城王舍城。

Sở vị Xá-bà-đề thành Bà-chỉ-đa thành Chiêm-bà thành Tì-xá-ly thành Ba-la-nại thành Vương-xá thành。

đó là thành Xá-bà-đề, thành Bà-chỉ-đa, thành Chiêm-bà, thành Tì-xá-ly, thành Ba-la-nại, thành Vương-xá。

如是六城世中最大。

Như thị lục thành thế trung tối đại。

Sáu thành này lớn nhất trong thế gian,

何故如來捨之。

Hà cổ Như-Lai xả chi.

tại sao Như Lai lại xả bỏ nó

在此邊地弊惡極陋隘小拘尸那城入般涅槃。善男子。

Tại thử biên địa tệ ác cực lậu ái tiểu Câu-thi-na thành nhập Bát Niết-bàn. Thiện nam tử. mà ở nơi biên địa xấu ác, nhỏ hẹp hiểm trở như thành Câu-thi-na để nhập Niết-bàn? Thiện nam tử!

汝不應言拘尸那城邊地弊惡最陋隘小應言是城微妙功德之所莊嚴。

Nhữ bất ứng ngôn Câu-thi-na thành biên địa tệ ác tối lậu ái tiểu ứng ngôn thị thành vi diệu công đức chi sở trang nghiêm。

Người không nên nói thành Câu-thi-na là xấu ác, nhỏ hẹp hiểm trở, mà nên nói thành ấy được trang nghiêm bằng những công đức vi diệu.

何以故。諸佛菩薩所行處故。善男子。如賤人舍。

Hà dĩ cố。Chư Phật Bồ Tát sở hạnh xử cố。Thiện nam tử。Như tiện nhân xá。

Tại sao vậy? Vì đó là nơi chư Phật và Bồ-tát đi qua vậy. Thiện nam tử! Như nhà của người hèn,

王若過者則應讚歎。是舍嚴麗功德成就。

Vương nhược quá giả tắc ứng tán thán。Thị xá nghiêm lệ công đức thành tựu。

vị vua nếu đi qua thì nên khen ngợi, nhà ấy tráng lệ thành tựu nhiều công đức, 能令大王迴駕臨顧。善男子。

Năng lệnh đại Vương hồi giá lâm cố。Thiện nam tử。

có thể khiến Đại vương về rồi còn trở lại. Thiện nam tử!

如人重病服穢弊藥。服已病愈即應歡喜讚歎。

Như nhân trọng bệnh phục uế tệ dược。Phục dĩ bệnh dĩ tức ứng hoan hỷ tán thán。

Như người bệnh nặng uống thuốc nhơ xấu, uống rồi lành bệnh thì phải hoan hỷ khen ngợi, 是藥最上最妙能愈我病。善男子。如人乘船在大海中。

Thị dược tối thượng tối diệu năng dĩ ngã bệnh。Thiện nam tử。Như nhân thừa thuyền tại đại hải trung。

đó là thuốc tốt hạng nhất có thể trị lành bệnh của tôi. Thiện nam tử! Như người ngồi thuyền ở trong biển lớn,

其船卒壞無所依倚。因倚死屍得到彼岸。

Kỳ thuyền tốt hoại vô sở y y。Nhân y tử thi đắc đáo bỉ ngạn。

thuyền ấy bị vỡ không nơi bám víu, nhờ bám víu vào một xác chết mà đến được bờ bên kia,

到彼岸已應大歡喜讚歎。是屍我賴相遇而得安隱。

Đáo bỉ ngạn dĩ ứng Đại hoan hỷ tán thán. Thị thi ngã lại tướng ngộ nhi đắc an ổn.

đến bờ bên kia rồi phải nên hoan hỷ khen ngợi: Xác chết ấy ta nhờ gặp được mà có sự an ổn.

拘尸那城亦復如是。乃是諸佛菩薩行處。

Câu-thi-na thành diệc phục như thị. Nãi thị chư Phật Bồ Tát hành xứ.

Thành Câu-thi-na cũng lại như vậy, chính là nơi chư Phật Bồ-tát đi qua.

云何而言邊地弊惡陋隘小城。善男子。

Vân hà nhi ngôn biên địa tệ ác lậu ải tiểu thành. Thiện nam tử.

Tại sao mà nói thành nhỏ nơi biên địa, xấu ác, hiểm trở. Thiện nam tử!

我念往昔過恒河沙劫劫名善覺。

Ngã niệm vãng tích quá hằng hà sa kiếp kiếp danh Thiện Giác.

Ta nhớ ngày xưa trải qua hằng hà sa kiếp, kiếp tên là Thiện Giác.

時有聖王姓憍尸迦。七寶成就千子具足。其王始初造立此城。

Thời hữu Thánh vương tính Kiêu-thi-ca. Thất bảo thành tựu thiên tử cụ túc. Kỳ Vương thủy sơ tạo lập thử thành.

Lúc bấy giờ có vị Thánh vương họ Kiêu-thi-ca, thành tựu bảy báu, đầy đủ ngàn thứ. Vua ấy ban đầu tạo dựng thành ấy,

周匝縱廣十二由延七寶莊嚴。

Châu tạp túng quảng thập nhị do diên thất bảo trang nghiêm.

xung quanh rộng mười hai do-diên, được trang nghiêm bằng bảy báu.

土多有河其水清淨柔軟甘美。

Độ đa hữu hà kỳ thủy thanh tịnh nhu nhuyễn cam mỹ.

Cõi đó có nhiều sông. Nước của sông ấy trong sạch, mềm mại, có vị ngọt,

所謂泥連禪河伊羅跋提河熙連禪河伊搜末埏河毘婆舍那河。

Sở vị Ni-liên-thuyền hà Y-la-bạt-đề hà Hy-liên-thuyền hà Y-sưu-mạt-trụ hà Tỳ-bà-xá-na hà.

tức là sông Ni-liên-thuyền, sông Y-la-bạt-đề, sông Hy-liên-thiền, sông Y-sưu-mạt-trụ, sông Tỳ-bà-xá-na.

如是等河其數五百。

Như thị đẳng hà kỳ số ngũ bách。

Những sông này số lượng đến năm trăm.

河此彼岸樹木繁茂花果鮮潔。爾時人民壽命無量。

Hà thử bỉ ngạn thụ mộc phồn mậu hoa quả tiên khiết. Nhĩ thời nhân dân thọ mạng vô lượng。

Bờ này bờ kia của sông cây cỏ mọc um tùm, hoa trái tươi tốt. Bấy giờ nhân dân thọ mạng vô lượng.

時轉輪聖王過百年已作是唱言。如佛所說。一切諸法皆悉無常。

Thời Chuyển luân Thánh Vương quá bách niên dĩ tác thị xướng ngôn. Như Phật sở thuyết. Nhất thiết chư Pháp giai tất vô thường。

Lúc đó Chuyển Luân Thánh vương trải qua trăm năm rồi liền nói thế này: Như Phật đã dạy, tất cả các pháp thầy đều vô thường,

若能修習十善法者。能斷如是無常大苦。

Nhược năng tu tập Thập thiện Pháp giả. Năng đoạn như thị vô thường đại khổ。

nếu có thể tu tập mười thiện pháp thì có thể đoạn các nỗi khổ vô thường như vậy.

人民聞已咸共奉修十善之法。

Nhân dân văn dĩ hàm cộng phụng tu Thập thiện chi Pháp。

Nhân dân nghe rồi, đều cùng phụng trì tu mười thiện pháp.

我於爾時間佛名號。受持十善思惟修習。

Ngã ư nhĩ thời văn Phật danh hiệu. Thọ trì Thập thiện tư duy tu tập。

Ta lúc bấy giờ, nghe danh hiệu Phật, thọ trì mười điều thiện, suy nghĩ tu tập.

初發阿耨多羅三藐三菩提心。

Sơ phát A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề tâm。

Ban đầu mới phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề,

發是心已復以是法轉教無量無邊眾生言。一切法無常變壞。

Phát thị tâm dĩ phục dĩ thị Pháp chuyển giáo vô lượng vô biên chúng sanh ngôn. Nhất thiết Pháp vô thường biến hoại。

phát tâm ấy rồi lại đem Pháp ấy chuyển dạy vô lượng vô biên chúng sanh mà nói rằng:

Tất cả pháp vô thường biến hoại,

是故我今續於此處。亦說諸法無常變壞。

Thị cố ngã kim tục ư thử xứ. Diệt thuyết chư Pháp vô thường biến hoại。
vì thế ta nay tiếp tục ở cõi này, cũng nói các pháp vô thường biến hoại,
惟說佛身是常住法。我憶往昔所行因緣。

Duy thuyết Phật thân thị thường trụ Pháp. Ngã ức vãng tích sở hạnh nhân duyên。
chỉ nói thân Phật là pháp thường trụ. Ta nhớ xưa kia những nhân duyên đã làm,
是故今來在此涅槃。亦欲酬報此地往恩。以是義故。我經中說。

Thị cố kim lai tại thử Niết-bàn. Diệt dục thù báo thử địa vãng ân. Dĩ thị nghĩa cố. Ngã
Kinh trung thuyết。

cho nên nay đến tại Niết-bàn này, cũng muốn báo đáp ân trước của cõi này. Do vì nghĩa
đó, trong kinh Ta nói:

我眷屬者受恩能報。

Ngã quyến chúc giả thọ ân năng báo。

Quyến thuộc Ta thọ ân thì có báo đáp。

復次善男子。往昔眾生壽無量時。

Phục thử thiện nam tử。Vãng tích chúng sanh thọ vô lượng thời。

Lại nữa, Thiện nam tử! Ngày xưa khi chúng sanh tuổi thọ vô lượng,

爾時此城名拘舍跋提。周匝縱廣五十由延。

Nhĩ thời thử thành danh Câu-xá-bạt-đề。Châu tạp túng quảng ngũ thập do duyên。

bấy giờ thành này tên là Câu-xá-bạt-đề, xung quanh rộng năm mươi do-diên。

時閻浮提居民隣接鷄飛相及。有轉輪王名曰善見。

Thời Diêm-phù-đề cư dân lân tiếp kê phi tương cập。Hữu chuyển luân Vương danh viết
thiện kiến。

Lúc ấy cõi Diêm-phù-đề cư dân gần gũi nhau, gà bay qua lại, có Chuyển Luân vương tên
gọi Thiện Kiến,

七寶成就千子具足。王四天下。

Thất bảo thành tựu thiên tử cụ túc。Vương tứ Thiên hạ。

Thành tựu bảy báu, đầy đủ trăm thứ, vua của bốn cõi,

第一太子思惟正法得辟支佛。

Đệ nhất Thái-Tử tư duy chánh Pháp đắc Bích-chi-phật。

Đệ nhất Thái tử suy nghĩ Chánh pháp chứng Bích-chi-phật。

時轉輪王見其太子成辟支佛威儀庠序神通希有。

Thời Chuyển Luân Vương kiến kỳ Thái tử thành Bích-chi-phật uy nghi tường tự thần thông hi hữu.

Lúc đó Chuyển Luân vương thấy thái tử thành Bích-chi-phật, oai nghi đĩnh đạc, thần thông hiêm có.

見是事已即捨王位如棄涕唾。出家在此娑羅樹間。

Kiến thị sự dĩ tức xả Vương vị như khí thể thóa. Xuất gia tại thử sa-la thụ gian.

Thấy việc ấy rồi tức xả bỏ ngôi vua như bỏ đàm giải, xuất gia ở giữa cây Sa-la này,

八萬歲中修習慈心。悲喜捨心各八萬歲。善男子。

Bát vạn tuế trung tu tập từ tâm. Bi hỷ xả tâm các bát vạn tuế. Thiện nam tử.

trong tám mươi năm, tu tập tâm từ, bi, hỷ, xả trọn tám mươi năm. Thiện nam tử!

欲知爾時善見聖王則我身是。

Dục tri nhĩ thời Thiện Kiến Thánh vương tắc ngã thân thị.

Nên biết lúc ấy Thánh vương Thiện Kiến tức là thân Ta vậy

是故我今常樂遊止如是四法。是四法者名為三昧。

Thị cố ngã kim thường lạc du chỉ như thị tứ Pháp. Thị tứ Pháp giả danh vi Tam-muội.

cho nên Ta nay thường thích an trú trong bốn pháp ấy. Bốn pháp ấy gọi là Tam-muội.

以是義故如來之身常樂我淨。善男子。

Dĩ thị nghĩa cố Như-Lai chi thân thường lạc ngã tịnh. Thiện nam tử.

Do vì nghĩa đó nên thân Như Lai Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Thiện nam tử!

以是因緣今來在此拘尸那城娑羅樹間三昧正受。

Dĩ thị nhân duyên kim lai tại thử Câu-thi-na thành Sa-la thụ gian Tam-muội chánh thọ.

Nhờ nhân duyên ấy nay đến thành Câu-thi-na, giữa cây Sa-la mà vào Tam-muội chánh thọ.

善男子。我念往昔過無量劫。

Thiện nam tử. Ngã niệm vãng tích quá vô lượng kiếp.

Thiện nam tử! Ta nhớ ngày xưa trải qua vô lượng kiếp,

此城爾時名迦毘羅衛。其城有王名曰白淨。

Thử thành nhĩ thời danh Ca-tỳ-la-vệ. Kỳ thành hữu Vương danh viết Bạch Tịnh.

lúc bấy giờ thành ấy tên gọi là Ca-tỳ-la-vệ. Thành ấy có vị vua tên là Bạch Tịnh.

其王夫人名曰摩耶。王有一子名悉達多。

Kỳ Vương phu nhân danh viết Ma-da. Vương hữu nhất tử danh Tất-đạt-đa.

Phu nhân của vua gọi là Ma-da. Vua có người con tên Tất-đạt-đa.

爾時王子不由師教。自然思惟得阿耨多羅三藐三菩提。

Nhĩ thời Vương tử bất do sư giáo. Tự nhiên tư duy đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề.

Lúc bấy giờ người con không nhờ thầy dạy nhưng tự nhiên suy nghĩ mà chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề.

有二弟子。一名舍利弗。二名大目犍連。

Hữu nhị đệ tử. Nhất danh Xá-lợi-phất. Nhị danh Đại-mục-kiền-liên.

Người có hai người đệ tử, một là Xá-lợi-phất, hai là Đại Mục-kiền-liên.

給侍弟子名曰阿難。

Cấp thị đệ tử danh viết A-nan.

Người thị giả tên là A-nan.

爾時世尊在雙樹間演說如是大涅槃經。我時在會得預斯事。

Nhĩ thời Thế tôn tại song thụ gian diễn thuyết như thị Đại Niết-bàn Kinh. Ngã thời tại hội đắc dự tư sự.

Bấy giờ Thế Tôn ở giữa hai cây diễn thuyết kinh Đại Niết-bàn. Ta lúc ấy ở trong hội được dự việc ấy

聞諸眾生悉有佛性。聞是事已即於菩提得不退轉。

Văn chư chúng sanh tất hữu Phật tánh. Văn thị sự dĩ tức ư Bồ-đề đắc bất thối chuyển.

nghe nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nghe việc xong tức trú vào quả Bồ-đề không còn thối chuyển,

尋自發願。願未來世成佛之時。

Tầm tự phát nguyện. Nguyện vị lai thế thành Phật chi thời.

liền tự phát nguyện: Nguyện đời vị lai lúc tôi thành Phật,

父母國土名字弟子侍使之人說法教化。如今世尊等無有異。

Phụ mẫu quốc thổ danh tự đệ tử thị sử chi nhân thuyết Pháp giáo hóa. Như kim Thế tôn đẳng vô hữu dị.

cha mẹ, tên gọi quốc độ, đệ tử, người hầu, thuyết pháp giáo hoá như Thế Tôn ngày nay không khác,

以是因緣今來在此敷揚演說大涅槃經。

Dĩ thị nhân duyên kim lai tại thử phu dương diễn thuyết Đại Niết-bàn Kinh.

nhờ nhân duyên ấy nay đến tại nơi đây xiển dương giảng giải kinh Đại Niết-bàn.
 善男子。我初出家未得阿耨多羅三藐三菩提時。
 Thiện nam tử. Ngã sơ xuất gia vị đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề thời.
 Thiện nam tử! Ta ban đầu xuất gia, lúc chưa chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề,
 頻婆娑羅王遣使而言。悉達太子。
 Tần-bà-sa-la Vương khiển sứ nhi ngôn. Tất-đạt Thái tử.
 vua Tần-bà-sa-la sai bảo mà nói: Thái tử Tất-đạt,
 若為聖王我當臣屬。
 Nhược vi Thánh Vương ngã đương Thần thuộc.
 nếu làm Thánh vương thì ta sẽ làm quần thần,
 若不樂家得阿耨多羅三藐三菩提者。
 Nhược bất lạc gia đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề giả.
 nếu không thích thì khi chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề
 願先來至此王舍城說法度人受我供養。我時默然已受彼請。善男子。
 Nguyên tiên lai chí thử Vương Xá thành thuyết Pháp độ nhân thọ ngã cung dưỡng. Ngã
 thời mặc nhiên dĩ thọ bỉ thỉnh. Thiện nam tử.
 xin nguyện trước hãy đến thành Vương Xá này thuyết pháp độ người, thọ nhận sự cúng
 dường của tôi. Ta lúc ấy yên lặng thọ nhận lời mời. Thiện nam tử!
 我初得阿耨多羅三藐三菩提已向竭闍國時。
 Ngã sơ đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề dĩ hương kiệt đồ quốc thời.
 Khi mới chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề, Ta đi đến sông Y-liên-thiên nước Kiệt-
 đồ,
 伊連禪河有婆羅門姓迦葉氏。
 Y-liên-thiên hà hữu Bà-la-môn tính Ca-diếp thị.
 có Bà-la-môn họ Ca-diếp
 與五百弟子在彼河側求無上道。我為是人故往說法。迦葉言。瞿曇。
 Dữ ngũ bách đệ tử tại bỉ hà trắc cầu vô thượng đạo. Ngã vi thị nhân cố vãng thuyết
 Pháp. Ca-diếp ngôn. Cồ Đàm.
 cùng năm trăm đệ tử ở bên sông kia cầu đạo Vô thượng. Ta vì người ấy cho nên đi đến
 thuyết pháp. Ca-diếp thưa: Thưa ngài Cồ Đàm!
 我今年邁已百二十。

Ngã kim niên mại dĩ bách nhị thập。

Tôi năm nay đã một trăm hai mươi tuổi,

摩伽陀國所有人民及其大王頻婆娑羅。咸謂我已證羅漢果。

Ma-già-đà quốc sở hữu nhân dân cập kỳ Đại Vương Tần-bà-sa-la。Hàm vị ngã dĩ chứng La-hán quả。

mọi người ở nước Ma-kiệt-đà và Đại vương Tần-bà-sa-la đều bảo tôi đã chứng quả A-la-hán,

我今若當在於汝前聽受法者。一切人民或生倒心。

Ngã kim nhược đương tại ư nhữ tiền thính thọ Pháp giả。Nhất thiết nhân dân hoặc sanh đảo tâm。

nếu tôi nay ở trước Ngài nghe Pháp thì tất cả nhân dân sanh tâm điên đảo là 大德迦葉非羅漢耶。幸願瞿曇速往餘處。

Đại Đức Ca-diếp phi La-hán da。Hạnh nguyện Cồ Đàm tốc vãng dư xử。

Đại đức Ca-diếp chẳng phải La-hán ư! Xin nguyện Cồ Đàm nhanh đi nơi khác, 若此人民定知瞿曇功德勝我。

Nhược thử nhân dân định tri Cồ Đàm công đức thắng ngã。

nếu nhân dân ở đây biết công đức Cồ Đàm vượt trội hơn tôi,

我等無由復得供養。我時答言。迦葉。

Ngã đẵng vô do phục đắc cung dưỡng。Ngã thời đáp ngôn。Ca-diếp。

chúng tôi sẽ không còn được cúng dưỡng。Lúc đó Ta bảo rằng: Ca-diếp!

汝若於我不生殷重大瞋恨者。見容一宿明當早去。迦葉言。瞿曇。

Nhữ nhược ư ngã bất sanh ân trọng đại sân hận giả。Kiến dung nhất tú minh đương tảo khứ。Ca-diếp ngôn。Cồ Đàm。

Nếu người đối với Ta không sanh tâm sân hận lớn, thấy dung mạo như sao sáng thì Ta sớm đi。Ca-diếp thưa: Thưa ngài Cồ Đàm!

我心無他深相愛重。但我住處有一毒龍。

Ngã tâm vô tha thâm tương ái trọng。Đãn ngã trụ xử hữu nhất độc long。

Tâm tôi không đối với người khác ái trọng sâu sắc, chỉ vì nơi tôi ở có một con rồng dữ, 其性暴急恐相危害。我言。迦葉。

Kỳ tánh bạo cấp khủng tướng nguy hại。Ngã ngôn。Ca-diếp。

tánh của nó thô bạo sợ rất nguy hiểm。Ta nói: Ca-diếp!

毒中之毒不過三毒。我今已斷。世間之毒我所不畏。迦葉復言。

Độc trung chi độc bất quá tam độc. Ngã kim dĩ đoạn. Thế gian chi độc ngã sở bất úy. Ca-diếp phục ngôn.

trong tất cả các độc không sợ bằng ba độc, Ta nay đã đoạn ba độc đó, độc của thế gian ta không còn sợ. Ca-diếp lại nói:

苟能不畏善哉聽住。善男子。

Cầu năng bất úy thiện tai thính trụ. Thiện nam tử.

Nếu không sợ thì lành thay, xin cứ ở lại. Thiện nam tử!

我於爾時故為迦葉現十八變。如經中說。

Ngã ư nhĩ thời cố vi Ca-diếp hiện thập bát biến. Như Kinh trung thuyết.

Lúc Ta ấy đã vì Ca-diếp hiện mười tám thần biến như trong Kinh nói.

爾時迦葉及其眷屬五百等輩。見聞是已證羅漢果。

Nhĩ thời Ca-diếp cập kỳ quyến chúc ngũ bách đẳng bối. Kiến văn thị dĩ chứng La-hán quả.

Bấy giờ Ca-diếp và tất cả quyến thuộc năm trăm người thấy, nghe như vậy rồi liền chứng quả La-hán.

是時迦葉復有二弟。一名伽耶迦葉。二名那提迦葉。

Thị thời Ca-diếp phục hữu nhị đệ. Nhất danh Đà-gia Ca-diếp. Nhị danh Na-đề Ca-diếp.

Chính khi đó, Ca-diếp lại có hai người đệ tử, một là Đà-gia Ca-diếp, hai là Na-đề Ca-diếp
師徒眷屬復有五百。亦皆證得阿羅漢果。

Sư đồ quyến chúc phục hữu ngũ bách. Diệc giai chứng đắc A La-hán quả.

cùng thầy trò quyến thuộc lại có năm trăm người cũng đều chứng quả A-la-hán.

時王舍城六師之徒。

Thời Vương Xá thành lục sư chi đồ.

Trong thành Vương Xá sáu phái ngoại đạo

聞是事已即於我所生大惡心。我時赴信受彼王請詣王舍城。

Văn thị sự dĩ tức ư ngã sở sanh đại ác tâm. Ngã thời phó tín thọ bị Vương thỉnh nghệ
Vương Xá thành.

nghe việc ấy rồi liền sanh tâm ác đối với Ta lớn. Bấy giờ vua nghe tin Ta liền mời đến
thành Vương Xá,

未至中路王與無量百千之眾悉來奉迎。我為說法。

Vị chí trung lộ Vương dữ vô lượng bách thiên chi chúng tất lai phụng nghênh. Ngã vi thuyết Pháp.

chưa vào trong thành, trên đường vua cùng vô lượng trăm nghìn người đều đến nghinh tiếp. Ta vì họ thuyết Pháp.

時間法已。

Thời văn Pháp dĩ.

Lúc nghe Pháp rồi,

欲界諸天八萬六千發阿耨多羅三藐三菩提心。

Dục giới chư Thiên bát vạn lục thiên phát A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề tâm。

chư Thiên cõi Dục giới gồm tám vạn sáu nghìn người phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề,

頻婆娑羅王所將營從十二萬人得須陀洹果。無量眾生成就忍心。

Tần-bà-sa-la Vương sở tướng doanh tòng thập nhị vạn nhân đắc Tu-đà-hoàn quả。 Vô lượng chúng sanh thành tựu nhẫn tâm。

những vị tướng của vua Tần-bà-sa-la gồm mười hai vạn chúng quả Tu-đà-hoàn, vô lượng chúng sanh thành tựu tâm nhẫn nhục.

既入城已度舍利弗大目犍連及其眷屬二百五十人。

Ký nhập thành dĩ độ Xá-lợi-phất Đại Mục-kiền-liên cập kỳ quyến thuộc nhị bách ngũ thập nhân。

Khi vào thành rồi liền độ Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên và quyến thuộc hai trăm năm mươi người,

令捨本心出家學道。

Lệnh xả bản tâm xuất gia học đạo。

khiến bỏ tâm xưa kia mà nay xuất gia học Đạo.

我即住彼受王供養。外道六師相與聚集詣舍衛城。

Ngã tức trụ bỉ thọ Vương cung dưỡng。 Ngoại đạo lục sư tướng dữ tụ tập nghệ Xá-vệ thành。

Ta liền ở đó thọ nhận sự cúng dường của vua. Sáu phái ngoại đạo cùng tụ tập đến thành Xá-vệ.

時彼城中有一長者名須達多。

Thời bỉ thành trung hữu nhất Trưởng giả danh Tu-đạt-đa。

Lúc ấy trong thành có một vị trưởng giả tên Tu-đạt-đa,

為兒娉婦詣王舍城。既達彼城寄止長者珊檀那舍。

Vi nhi phinh phụ nghệ Vương Xá thành. Ký đạt bì thành kí chỉ Trưởng giả San-đàn-na xá.

cùng vợ đẹp con xinh đến thành Vương Xá, đến đó rồi nghỉ tại quán trọ của Trưởng giả San-đàn-na.

時此長者中夜而起告諸眷屬。仁等。

Thời thử Trưởng giả trung dạ nhi khởi cáo chư quyến thuộc. Nhân đẳng.

Khi ấy có một Trưởng giả nửa đêm thức dậy bảo các quyến thuộc: Này chư vị, 可起速共莊嚴掃治宅舍辦具饔飧。

Khả khởi tốc cộng trang nghiêm tảo trì trạch xá bạn cụ hào thiện.

nên thức dậy nhanh để cùng nhau trang hoàng, quét dọn nhà cửa bày biện thức ăn.

須達聞已尋自思惟。將非欲請摩伽王耶。

Tu-đạt văn dĩ tầm tự tư duy. Tướng phi dục thỉnh Ma-dà Vương da.

Tu-đạt nghe rồi tự mình suy nghĩ, phải chăng sắp thỉnh mời vua Ma-dà ư?

為有婚姻歡樂會乎。思惟是已尋前問言。大士。

Vi hữu hôn nhân hoan lạc hội hồ. Tư duy thị dĩ tầm tiền vấn ngôn. Đại sĩ.

Là có hôn nhân hỷ sự chăng? Suy nghĩ vậy rồi liền đến trước hỏi: Đại sĩ!

欲請摩伽陀王頻婆娑羅耶。為有婚姻歡樂會乎。

Dục thỉnh Ma-già-đà Vương Tần-bà-sa-la da. Vi hữu hôn nhân hoan lạc hội hồ.

Muốn thỉnh mời vua Ma-già-đà Tần-bà-sa-la hay vì có hôn nhân hỷ sự

遽務不安乃如是耶。長者答言。不也居士。

Cự vụ bất an nãi như thị da. Trưởng giả đáp ngôn. Bất dã cư sĩ.

nên phải vội vàng không yên như vậy? Trưởng giả kia đáp: Không phải thế, thưa cư sĩ!

我明請佛無上法王。須達長者初聞佛名身毛皆豎。

Ngã minh thỉnh Phật vô thượng Pháp Vương. Tu-đạt Trưởng giả sơ văn Phật danh thân mao giai thọ.

sáng sớm mai ta thỉnh Phật, đấng Vô thượng Pháp vương. Trưởng giả Tu-đạt mới nghe danh Phật toàn thân lông dựng ngược.

尋復問言。何等名佛。長者答言。汝不聞耶。

Tầm phục vấn ngôn. Hà đẳng danh Phật. Trưởng giả đáp ngôn. Nhữ bất văn da.

Lại hỏi rằng: Thế nào gọi là Phật? Trưởng giả kia đáp: Ngài chưa nghe ư?

迦毘羅城有釋種子。字悉達多姓瞿曇氏父名白淨。

Ca-tì-la thành hữu thích chủng tử. Tự Tất-đạt-đa tính Cồ Đàm thị phụ danh Bạch Tịnh.
Thành Ca-tỳ-la có người con dòng Thích-ca, tên Tất-đạt-đa, họ Cồ Đàm, cha tên là Bạch Tịnh.

其生未久相師占之。定當得作轉輪聖王。

Kỳ sanh vị cửu tướng sư chiêm chi. Định đương đắc tác Chuyển luân Thánh Vương.
Người ấy sanh chưa bao lâu thì thầy đến xem tướng, bảo nhất định làm Chuyển Luân Thánh Vương,

如菴羅果已在手中。心不願樂捨之出家。

Như Am-la quả dĩ tại thủ trung. Tâm bất nguyện lạc xả chi xuất gia.

như quả Am-la đã ở trong tay, tâm không thích hưởng thụ, xả bỏ tất cả để xuất gia,
無師自覺得阿耨多羅三藐三菩提貪恚癡盡。

Vô sư tự giác đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề tham khuể si tận.

không nhờ thầy dạy mà tự chứng đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu-tam-bồ-đề, tham dục, sân giận, ngu si đều đã sạch,

常住無變不生不滅無有憂畏。

Thường trụ vô biến bất sanh bất diệt vô hữu ưu úy。

thường trụ, không biến đổi, không sanh không diệt, không còn gì lo sợ.

於諸眾生其心平等猶如父母等視一子。

Ư chư chúng sanh kỳ tâm bình đẳng do như phụ mẫu đẳng thị nhất tử。

Đối với chúng sanh tâm luôn bình đẳng, giống như cha mẹ đối với con cái.

所有身心眾中最勝。雖勝一切而無憍慢。塗割二事其心無二。

Sở hữu thân tâm chúng trung tối thắng. Tuy thắng nhất thiết nhi vô kiêu mạn. Đồ cát nhị sự kỳ tâm vô nhị。

Thân tâm đều hơn hẳn mọi người, tuy hơn hết tất cả mà tâm không kiêu mạn, cắt bỏ hai đường tâm không có hai,

智慧通達於法無礙。

Trí tuệ thông đạt ư Pháp vô ngại。

trí tuệ thông suốt, đối với pháp không còn ngăn ngại.

具足十力四無所畏五智三昧大慈大悲及三念處。故號為佛。

Cụ túc thập lực tứ vô sở úy ngũ trí Tam-muội đại từ đại bi cập tam niệm xứ. Cố hiệu vi Phật.

Đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, năm trí, Tam-muội, đại từ, đại bi, và ba niệm xứ, cho nên gọi là Phật.

明受我請。是故忽忽未暇相瞻。須達多言。

Minh thọ ngã thỉnh. Thị cố hốt hốt vị hạ tướng chiêm. Tu-đạt-đa ngôn.

Sáng sớm nay Ngài nhận lời thỉnh mời của tôi, cho nên ta vội vội vàng vàng để nghinh tiếp. Tu-đạt-đa nói:

善哉大士。所言佛者功德無上今在何處。長者答言。

Thiện tai Đại sĩ. Sở ngôn Phật giả công đức vô thượng kim tại hà xứ. Trưởng giả đáp ngôn.

Hay thay Đại sĩ! Người nói Phật ấy công đức Vô thượng nay đang ở nơi nào? Trưởng giả đáp:

今在此間王舍大城。住迦蘭陀竹林精舍。

Kim tại thử gian Vương xá đại thành. Trụ Ca-lan-đà Trúc Lâm tinh xá.

Nay đang ở tại đại thành Vương xá này, ở tại tịnh xá Trúc Lâm thuộc Ca-lan-đà.

時須達多一心念佛所有功德十力無畏五智三昧大慈大悲及三念處。

Thời Tu-đạt-đa nhất tâm niệm Phật sở hữu công đức thập lực vô úy ngũ trí Tam-muội Đại từ Đại bi cập tam niệm xứ.

Lúc ấy Tu-đạt-đa nhất tâm nhớ nghĩ đến tất cả công đức, mười lực, bốn vô úy, năm trí, Tam-muội, đại từ, đại bi và ba niệm xứ của Phật,

作是念時忽然大明。

Tác thị niệm thời hốt nhiên đại minh.

lúc suy nghĩ như vậy rồi bỗng nhiên đại ngộ,

其明猛盛猶如白日。即尋光出至城門下。

Kỳ minh mãnh thịnh do như bạch nhật. Tức tầm quang xuất chí thành môn hạ.

sự ngộ ấy rõ ràng giống như ban ngày, tức vừa sáng liền ra đến bên dưới cửa thành,

佛神力故門自開闢。既出門已路有天祠。

Phật Thần lực cố môn tự khai tịch. Kỳ xuất môn dĩ lộ hữu thiên từ.

nhờ thần lực của Phật nên cửa tự mở, ra khỏi cửa rồi trên đường có một ngôi đền,

須達經過禮拜致敬。尋還黑闇心生惶怖。

Tu-đạt kinh quá lễ bái trí kính. Tầm hoàn hắc ám tâm sanh hoàng phố.

Tu-đạt đi đến cung kính lễ bái, khi trở ra thấy một màu tối đen tâm sanh sợ hãi,
復欲還返所止之處。

Phục dục hoàn phản sở chỉ chi xứ.

lại muốn trở lại nơi nghỉ ngơi.

時彼城門有一天神告須達言。仁者。若往如來所者多護善利。

Thời bỉ thành môn hữu nhất Thiên Thần cáo Tu-đạt ngôn. Nhân giả. Nhược vãng Như-
Lai sở giả đa hộ thiện lợi.

Lúc ấy cửa thành có một Thiên thần bảo Tu-đạt rằng: Nhân giả! Nếu muốn đi đến chỗ của
Như Lai sẽ có nhiều người ủng hộ được lợi ích.

須達多言。云何善利。答言。長者。

Tu-đạt-đa ngôn. Vân hà thiện lợi. Đáp ngôn. Trưởng giả.

Tu-đạt-đa thưa: Thế nào gọi là thiện lợi? Thiên thần đáp rằng: Trưởng giả!

假使有人真寶玳瑁駿馬百匹香象百頭寶車百乘。

Giả sử hữu nhân chân bảo giao lạc tuấn mã bách thất hương tượng bách đầu bảo xa bách
thừa.

Giả sử có người dùng châu báu, chuỗi ngọc, tuấn mã trăm con, hương tượng trăm thớt, xe
báu trăm chiếc,

鑄金為人其數復百。端正女人身珮瓔珞眾寶廁填。

Chú kim vi nhân kỳ số phục bách. Đoan chánh nữ nhân thân bội anh lạc chúng bảo xí
điền.

đúc người bằng vàng số lại hàng trăm, thân người nữ đoan chánh, ngọc bội, anh lạc, các
báu vật tràn đầy,

上妙宮宅殿堂屋宇雕文刻鏤。

Thượng diệu cung trạch điện đường ốc vũ điều văn khắc lữ.

cung điện đẹp đẽ, nhà cửa chạm trổ, hoa văn,

金盤銀粟銀盤金粟數各一百以施一人。

Kim bàn ngân túc ngân bàn kim túc số các nhất bách dĩ thí nhất nhân.

mâm vàng lúa bạc, mâm bạc lúa vàng, mỗi thứ số đến hàng trăm bố thí cho người,

如是展轉盡閻浮提。所得功德。

Như thị triển chuyển tận Diêm-phù-đề. Sở đắc công đức.

lần lượt như vậy khắp cõi Diêm-phù-đề. Những công đức đạt được
不如有人發意一步詣如來所。須達多言。善男子。汝是誰耶。答言。長者。
Bất như hữu nhân phát ý nhất bộ nghệ Như-Lai sở. Tu-đạt-đa ngôn. Thiện nam
tử. Nhữ thị thù da. Đáp ngôn. Trưởng giả.
không bằng người khởi ý tiến một bước đến chỗ Như Lai. Tu-đạt-đa nói: Người là ai? Đáp
rằng: Trưởng giả!
我是勝相婆羅門子。是汝往昔善知識也。
Ngã thị Thắng Tướng Bà-la-môn tử. Thị nhữ vãng tích thiện tri thức dã.
Ta là con của Bà-la-môn Thắng Tướng, là thiện tri thức của người ngày xưa.
我因往日見舍利弗大目犍連心生歡喜。
Ngã nhân vãng nhật kiến Xá-lợi-phất Đại-mục-kiền-liên tâm sanh hoan hỷ.
Ta nhờ hôm nay thấy được Xá-lợi-phất, Đại-mục-kiền-liên liền sanh tâm hoan hỷ,
捨身得作北方天王毘沙門子。
Xả thân đắc tác Bắc phương Thiên Vương Tỳ-sa-môn tử.
xả thân liền sanh làm con Bắc Phương Thiên Vương Tỳ-sa-môn,
專知守護此王舍城。我因禮拜舍利弗等生歡喜心。
Chuyên tri thủ hộ thử Vương Xá thành. Ngã nhân lễ bái Xá-lợi-phất đẳng sanh hoan hỷ
tâm。
luôn biết giữ gìn thành Vương Xá, ta nhờ lễ bái Xá-lợi-phất v.v.. mà sanh tâm hoan hỷ,
尚得如是妙好之身。況當得見如來大師禮拜供養。
Thượng đắc như thị diệu hảo chi thân. Huống đương đắc kiến Như-Lai Đại sư lễ bái cung
dường。
còn được thân tốt đẹp như vậy, huống là được thấy Như Lai, bậc Đại sư mà lễ bái cúng
dường.
須達長者聞是事已。即還復道來詣我所。
Tu-đạt Trưởng giả văn thị sự dĩ. Tức hoàn phục đạo lai nghệ ngã sở.
Trưởng giả Tu-đạt nghe việc ấy rồi, tức trở lại con đường đi đến chỗ Ta,
到已頭面敬禮我足。我時即為如應說法。
Đáo dĩ đầu diện kính lễ ngã túc. Ngã thời tức vi như ứng thuyết Pháp.
đến nơi ngưỡng mặt cung kính đánh lễ bên chân Ta, lúc đó Ta vì ông này mà thuyết
Pháp.

長者聞已得須陀洹果。既獲果證復請我言。

Trưởng giả vẫn dĩ đắc Tu-đà-hoàn quả. Ký hoạch quả chứng phục thỉnh ngã ngôn.

Trưởng giả nghe rồi chứng quả Tu-đà-hoàn, đã chứng quả rồi lại thỉnh Ta rằng:

如來大慈。惟願臨顧至舍衛城受我微供。我即問言。

Như-Lai Đại từ. Duy nguyện lâm cố chí Xá-vệ thành thọ ngã vi cúng. Ngã tức vấn ngôn.

Như Lai, Bạc Đại từ! Cúi xin quang lâm đến thành Xá-vệ thọ nhận sự cúng dường nhỏ bé của con. Ta liền hỏi rằng:

卿舍衛國頗有精舍相容受不。須達多言。

Khanh Xá-vệ quốc pha hữu tinh xá tướng dung thọ phủ. Tu-đạt-đa ngôn.

Thành Xá-vệ của người có Tinh xá nào dung nạp đủ Như Lai không? Tu-đạt-đa thưa:

若佛哀愍必見垂顧。便當自竭營辦成立。

Nhược Phật ai mẫn tất kiến thùi cố. Tiện đương tự kiệt doanh bần thành lập.

Nếu Phật thương xót thì cúi xin thị hiện, con liền sẽ tự thiết lập bày biện.

善男子。我於爾時默然受請。

Thiện nam tử. Ngã ư nhĩ thời mặc nhiên thọ thỉnh.

Thiện nam tử! Ta lúc ấy im lặng thọ nhận.

須達長者已蒙聽許即白我言。我從昔來未為斯事。惟願如來。

Tu-đạt Trưởng giả dĩ mông thỉnh hứa tức bạch ngã ngôn. Ngã tòng tích lai vị vi tư sự. Duy nguyện Như Lai.

Trưởng giả Tu-đạt được sự hứa khả rồi, liền thưa với Ta rằng: Con từ xưa đến nay chưa từng làm việc ấy, cúi xin Như Lai

遣舍利弗指授儀則。我即顧命勅令營佐。

Khiển Xá lợi Phật chỉ thụ nghi tắc. Ngã tức cố mạng sắc lệnh doanh tá.

dạy Xá-lợi-phất chỉ giáo cho con nghi lễ. Ta liền chiếu cố dạy người giúp đỡ.

時舍利弗與須達多共載一車往舍衛城。

Thời Xá lợi Phật dữ Tu-đạt-đa cộng tái nhất xa vãng Xá-vệ thành.

Lúc ấy Xá-lợi-phất cùng Tu-đạt-đa chở một xe đi đến thành Xá-vệ,

我神力故。經一日夜便到所止。時須達多白舍利弗。

Ngã Thần lực cố. Kinh nhất nhật dạ tiện đáo sở chỉ. Thời Tu-đạt-đa bạch Xá-lợi-phất.

nhờ thần lực của Ta nên trải qua một ngày đêm đến chỗ ở. Lúc ấy Tu-đạt-đa bạch với ngài Xá-lợi-phất:

大德。此大城外何處有地。

Đại Đức. Thử Đại thành ngoại hà xử hữu địa.

Thưa Đại đức! Ngoài thành lớn này chỗ nào có đất

不近不遠多饒泉池。有好林樹花果鬱茂清淨閑豫。

Bất cận bất viễn đa nhiêu tuyền trì. Hữu hảo lâm thụ hoa quả uất mậu thanh tịnh nhàn dự.

không gần, không xa, có nhiều suối, hồ, có rừng cây đẹp, hoa quả sum sê, thanh tịnh yên vui?

我當於中為佛世尊及比丘僧造立精舍。舍利弗言。

Ngã đương ư trung vi Phật Thế tôn cập bỉ khâu tăng tạo lập Tịnh Xá. Xá-lợi-phất ngôn.

Con sẽ đến đó vì Phật Thế Tôn và Tỳ-kheo tăng tạo lập tịnh xá. Xá-lợi-phất bảo:

祇陀園林不近不遠。

Kỳ-đà viên lâm bất cận bất viễn.

Vườn Kỳ-đà không xa, không gần,

清淨寂寞多有泉池樹。木花果隨時而有。

Thanh tịnh tịch mịch đa hữu tuyền trì thụ. Mộc hoa quả tùy thời nhi hữu.

thanh tịnh, yên ổn có nhiều suối ao, cây cối, hoa quả tùy mùa mà có,

此處最勝可安立精舍。時須達多聞是語已。即往祇陀大長者所。

Thử xử tối thắng khả an lập Tịnh Xá. Thời Tu-đạt-đa văn thị ngữ dĩ. Tức vãng Kỳ-đà đại Trưởng giả sở.

nơi ấy tốt nhất có thể xây cất tịnh xá. Lúc ấy Tu-đạt-đa nghe như vậy rồi, tức đến chỗ của đại trưởng giả Kỳ-đà,

告祇陀言。我今欲為無上法王造立僧坊。

Cáo Kỳ-đà ngôn. Ngã kim dục vi vô thượng Pháp Vương tạo lập tăng phường.

Nói với Kỳ-đà rằng: Tôi nay muốn vì đấng Vô thượng Pháp vương xây cất Tăng phường,惟仁園地任中造立。吾今欲買能見與不。

Duy nhân viên địa nhâm trung tạo lập. Ngô kim dục mãi năng kiến dĩ phủ.

chỉ có đất của ông mới thích hợp cho việc xây cất này, tôi nay muốn mua, có thể bán cho tôi không?

祇陀答言。設以真金遍布其地猶不相與。

Kỳ-đà đáp ngôn. Thiết dĩ chân kim biến bố kỳ địa do bất tướng dữ.

Kỳ-đà đáp rằng: Giả sử ông đem vàng trải đủ trên đất, tôi cũng không bán.

須達多言。善哉祇陀。林地屬我。汝便取金。

Tu-đạt-đa ngôn. Thiện tai kì đà. Lâm địa chúc ngã. Nhữ tiện thủ kim.

Tu-đạt-đa nói: Hay thay Kỳ-đà! Đất vườn thuộc tôi, ông liền có vàng.

祇陀答言。我園不賣云何取金。須達多言。

Kì đà đáp ngôn. Ngã viên bất mại vân hà thủ kim. Tu-đạt-đa ngôn.

Kỳ-đà đáp rằng: Vườn ta không bán tại sao lại lấy vàng. Tu-đạt-đa nói:

若意不了當共往詣斷事人所。

Nhược ý bất liễu đương cộng vãng nghê đoạn sự nhân sở.

Nếu ông không giữ ý thì cùng tôi nhờ người phân xử.

時二長者即共俱往斷事者所。斷事者言。園屬須達祇陀取金。

Thời nhị Trưởng giả tức cộng câu vãng đoạn sự giả sở. Đoạn sự giả ngôn. Viên chúc Tu-đạt kì đà thủ kim.

Lúc ấy hai trưởng giả liền cùng đi đến chỗ người phân xử thì người phân xử nói rằng:

Vườn thuộc Tu-đạt-đa, Kỳ-đà lấy vàng.

須達長者即時使人車馬載負隨集布地。

Tu-đạt Trưởng giả tức thời sử nhân xa mã tái phụ tùy tập bố địa.

Trưởng giả Tu-đạt lập tức sai người cho xe, ngựa, chở vàng đến trải đầy trên đất.

一日之中唯五百步金未周遍。祇陀言曰。長者。

Nhất nhật chi trung duy ngũ bách bộ kim vị châu biến. Kỳ-đà ngôn viết. Trưởng giả.

Trong một ngày chỉ có năm trăm bước mà vàng cũng chưa đủ. Kỳ-đà nói rằng: Thưa Trưởng giả!

若悔隨意聽止。須達多言。吾不悔也。

Nhược hối tùy ý thính chỉ. Tu-đạt-đa ngôn. Ngô bất hối dã.

Nếu hối hận thì có thể tùy ý rút lời. Tu-đạt-đa nói: Tôi không hối hận,

自念當出何藏金足。祇陀念言。如來法王真實無上。

Tự niệm đương xuất hà tạng kim túc. Kỳ-đà niệm ngôn. Như-Lai Pháp Vương chân thật vô thượng.

tôi đang suy nghĩ nên xuất kho nào số vàng vừa đủ. Kỳ-đà suy nghĩ: Như Lai pháp vương chân thật Vô thượng,

所說妙法清淨無染。故使斯人輕寶乃爾。

Sở thuyết diệu Pháp thanh tịnh vô nhiễm. Cố sử tư nhân khinh bảo nãi nhĩ.

đã thuyết Diệu pháp thanh tịnh không ô nhiễm, cho nên người ấy xem thường của báu như vậy,

即語須達。餘未遍者不復須金。請以見與。

Tức ngữ Tu-đạt. Dư vị biến giả bất phục tu kim. Thỉnh dĩ kiến dữ.

liền nói với Tu-đạt: Chỗ còn lại chưa đủ vàng không cần vàng nữa, xin cứ nhận lấy vườn.

我自為佛造立門樓。常使如來經由出入。

Ngã tự vi Phật tạo lập môn lâu. Thường sử Như-Lai kinh do xuất nhập.

Tôi xin vì Phật xây cất cửa lâu để Như Lai thường đi lại ra vào.

祇陀長者自造門樓。

Kỳ-đà Trưởng giả tự tạo môn lâu.

Trưởng giả Kỳ-đà tự tạo cửa lâu,

須達長者七日之中成立大房足三百口。禪房靜處六十三所。

Tu-đạt Trưởng giả thất nhật chi trung thành lập đại phòng túc tam bách khẩu. Thiền phòng tĩnh xứ lục thập tam sở.

trưởng giả Tu-đạt trong vòng bảy ngày xây cất phòng lớn, đủ ba trăm cái, thiền phòng yên tĩnh sáu mươi ba nơi.

冬室夏堂各各別異。厨坊浴室洗脚之處。

Đông thất hạ đường các các biệt dị. Trù phường dục thất tẩy cước chi xử.

Nhà mùa đông, phòng mùa hạ mỗi mỗi khác nhau. Nhà bếp, nhà tắm, chỗ giặt,

大小園廁無不備足。

đại tiểu thanh xí vô bất bị túc.

nhà vệ sinh không gì là không đủ.

所設已訖即執香鑪向王舍城遙作是言。所設已辦惟願如來。

Sở thiết dĩ cật tức chấp hương lô hướng Vương Xá thành dao tác thị ngôn. Sở thiết dĩ bần duy nguyện Như-Lai.

Xây cất xong rồi tức cầm lư hương hướng đến thành Vương Xá thưa rằng: Con xây cất đã xong cúi xin Như Lai

慈哀憐愍為諸眾生受是住處。我時玄知是長者心。

Từ ai liên mẫn vi chư chúng sanh thọ thị trụ xử. Ngã thời huyền tri thị Trưởng giả tâm.
từ bi thương xót vì chúng sanh thọ nhận nơi ở này. Ta lúc ấy biết rõ tâm trưởng giả ấy,
即與大眾發王舍城。譬如壯士屈伸臂頃。

Tức dữ Đại chúng phát Vương Xá thành. Thí như tráng sĩ khuất thân tý khoảnh.
liền cùng Đại chúng rời thành Vương Xá, như tráng sĩ co duỗi cánh tay
至舍衛城祇陀園林須達精舍。我既到已。

Chí Xá-vệ thành Kỳ-đà viên lâm Tu-đạt Tịnh xá. Ngã ký đáo dĩ.
đến thành Xá-vệ, vườn Kỳ-đà, tịnh xá Tu-đạt. Ta vừa mới đến,
須達長者以其所設奉施於我。我時受已即住其中。

Tu-đạt Trưởng giả dĩ kỳ sở thiết phụng thí ư ngã. Ngã thời thọ dĩ tức trụ kỳ trung.
trưởng giả Tu-đạt đã thiết lễ sẵn để cúng dường. Lúc ấy Ta liền nhận mà vào ở trong đó.
大般涅槃經卷第二十九

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị thập cửu.

Kinh Đại Bát Niết-bàn, Quyển Thứ Hai Mười Chín.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:12:34 2006

Thích Nữ Hạnh Giải hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:12:34 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====
=====
=====
=====
=====
=====

大般涅槃經卷第三十

Đại Bát Niết Bàn kinh quyển đệ tam thập

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ BA MƯƠI

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Tam Tạng Pháp Sư Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch vào đời Bắc Lương.

師子吼菩薩品第十一之四

Sư-tử-hống Bồ Tát phẩm đệ thập nhất chi tứ

Phần Thứ Tư, Phẩm Thứ Mười Một: Sư Tử Hống Bồ-tát

時諸六師心生嫉妬。

Thời chư Lục sư tâm sanh tật đố.

Lúc bấy giờ, Lục sư ngoại đạo sanh tâm tật đố,

悉共集詣波斯匿王作如是言。大王當知。王之土境清夷閑靜。

Tất cộng tập nghê Ba tư nặc Vương tác như thị ngôn. Đại Vương đương tri. Vương chi độ cảnh thanh di nhàn tĩnh.

họp nhau đến chỗ vua Ba-tư-nặc mà tâu rằng: Tâu Đại vương! Đại vương nên biết, đất nước của Đại vương là nơi nhàn tịnh bằng phẳng,

真是出家住止之處。

Chân thị xuất gia trụ chỉ chi xứ.

thật đáng chỗ cho người xuất gia ở

是故我等為斯事故而來至此。大王。以法正治為民除患。

Thị cố ngã đặng vi tư sự cố nhi lai chí thử. Đại vương. dĩ Pháp chánh trị vi dân trừ hoạn.

nên chúng tôi mới đến đây cư ngụ. Đại vương đem chánh pháp cai trị ngăn trừ sự tai hoạn cho nhân dân. 沙門瞿曇年既幼稚。學日又淺道術無施。

Sa Môn Cồ-đàm niên ký ấu trĩ. học nhật hựu thiển đạo thuật vô thí.

Nay có Sa-môn Cồ-đàm tuổi đã nhỏ, học lực lại kém, đạo thuật không có gì.

此國先有耆舊宿德。自怙王種不生恭敬。

Thử quốc tiên hữu kỳ cựu tú đức. tự hỷ Vương chủng bất sanh cung kính.

Nước này trước đây có những bậc kỳ cựu đạo cao đức trọng, Sa-môn Cồ-đàm ý mình là dòng họ vua chúa mà không sanh tâm cung kính,

若是王種法應治民。如其出家應敬宿德。大王善聽。

Nhược thị Vương chủng Pháp ứng trị dân. như kỳ xuất gia ứng kính tú đức. Đại Vương thiện thỉnh.

nếu đúng phép vua thì phải cai trị dân, như người xuất gia phải nên cung kính những bậc cao đức. Đại vương khéo lắng nghe,

沙門瞿曇真實不生王種之中。

Sa Môn Cồ-đàm chân thật bất sanh Vương chủng chi trung úa

Sa-môn Cồ-đàm quả thật không sanh trong dòng họ vua chúa.

瞿曇沙門若有父母何由劫奪他之父母。大王。我經中說。

Cồ-đàm Sa Môn nhược hữu phụ mẫu hà do kiếp đoạt tha chi phụ mẫu。Đại Vương。ngã Kinh trung thuyết。

Sa-môn Cồ-đàm nếu có cha mẹ tại sao lại cướp đoạt cha mẹ của người khác? Đại vương!
Trong kinh của đạo chúng tôi có nói rằng

過千歲已有一妖祥幻化物出。

Quá thiên tuế dĩ hữu nhất yêu tường huyễn hóa vật xuất
qua khỏi một ngàn năm sẽ có một người yêu thuật huyễn hóa ra đời.

所謂沙門瞿曇是也。是故當知。沙門瞿曇無父無母。

Sở vị Sa Môn Cồ-đàm thị dã。 thị cố đương tri。 Sa Môn Cồ-đàm vô phụ vô mẫu。

Đó chính là Sa-môn Cồ-đàm vậy. Vì vậy Đại vương nên biết, Sa-môn Cồ-đàm không cha, không mẹ,

若有父母云何說言諸法無常苦空無我無作無受。

Nhược hữu phụ mẫu vân hà thuyết ngôn chư Pháp vô thường khổ không vô ngã vô tác thị cố。

nếu có cha mẹ tại sao nói các pháp đều là vô thường, khổ, không, vô ngã, vô tác, vô thọ.

以幻術故誑惑眾生。愚者信受智者捨之。大王。

Dĩ huyễn thuật cố cưỡng hoặc chúng sanh。 ngu giả tín thọ trí giả xả chi。 Đại Vương。

Dùng ảo thuật để phỉnh gạt chúng sanh, nếu Người ngu thì tin nhận, người trí thì vứt bỏ.

Thưa Đại vương!

夫人王者天下父母。

Phu nhân Vương giả Thiên hạ phụ mẫu。

Phu nhân và đức vua là cha mẹ của thiên hạ,

如秤如地如風如火如道如河如橋 如燈如日如月。

như xứng như địa như phong như hỏa như đạo như hà như kiều như đăng như nhật như nguyệt。

như cán cân, như đất, như gió, như lửa, như đường, như sông, như cầu, như đèn, như mặt trời, như mặt trăng,

如法斷事不擇怨親。沙門瞿曇不聽我活。

Như pháp đoan sự bất trạch oán thân。 Sa Môn Cồ-đàm bất thính ngã hoạt。

như phép đoán xử mọi việc không lựa chọn oán thân. Sa-môn Cồ-đàm chẳng biết đến đời sống của chúng tôi,

隨我去處追逐不捨。惟願大王。

Tùy ngã khứ xử truy trục bất xả。 duy nguyện Đại Vương。
cứ theo đuổi chúng tôi không rời. Ngưỡng mong Đại vương
聽我等輩與彼瞿曇較其道力。若彼勝我我當屬彼。

Thính ngã đặng bối dữ bỉ Cồ-đàm giác kỳ đạo lực。 nhược bỉ thắng ngã ngã đương thuộc
bỉ。

cho phép chúng tôi cùng Sa-môn Cồ-đàm kia so sánh đạo lực của mình, nếu Sa-môn Cồ-
đàm hơn chúng tôi thì chúng tôi sẽ quy thuộc về Cồ-đàm, 我若勝彼彼當屬我。王言。大
德。汝等各各自有行法。

Ngã nhược thắng bỉ bỉ đương thuộc ngã。 Vương ngôn。 Đại Đức。 nhữ đặng các các tự
hữu hành Pháp。

nếu chúng tôi hơn Cồ-đàm thì ông ta thuộc về chúng tôi. Vua bảo: Này các Đại Đức! Các
ông mỗi người đều có phương pháp tu hành riêng,
止住之處亦各不同。我今定知。如來世尊於汝無妨。

Chỉ trụ chi xử diệc các bất đồng。 ngã kim định tri。 Như Lai Thế Tôn ư nhữ vô phương。
chỗ ở cũng không đồng nhau. Nay tôi biết chắc rằng Như Lai Thế Tôn không làm trở ngại
các ông.

六師答言。云何無妨。

Lục sư đáp ngôn。 vân hà vô phương。

Lục sư đáp rằng: Sao lại không trở ngại?

沙門瞿曇以幻術法誘誑諸人及婆羅門歸伏已盡。

Sa Môn Cồ-đàm dĩ huyễn thuật Pháp dụ cưỡng chư nhân cập Bà-la-môn quy phục dĩ
tận。

Sa-môn Cồ-đàm dùng pháp ảo thuật gạt gẫm dụ dỗ nhân dân cùng hàng Bà-la-môn đã
qui phục theo họ đã hết,

王若聽我與較道力。王之善名流布八方。如其不者惡聲盈路。

Vương nhược thính ngã dữ giác đạo lực。 Vương chi thiện danh lưu bố bát phương。 như
kỳ bất giả ác thanh doanh lộ

nếu Đại vương cho phép chúng tôi cùng so sánh đạo lực, tiếng thơm của vua sẽ bay khắp
tám phương, nếu không cho làm như vậy thì tiếng xấu sẽ được lộ bày.

王言。大德。

Vương ngôn. Đại Đức.

Vua bảo: Nay các Đại Đức!

汝以未知如來道力威神巍巍故求較試。若定知者恐不能也。大王。

Nhữ dĩ vị tri Như Lai đạo lực uy Thần nguy nguy cố cầu giác thí. nhược định tri giả khủng bất năng dã. Đại Vương.

Bởi các ông chưa biết oai thần đạo lực cao cả của Như Lai nên mới đòi so sánh, nếu các ông biết chắc rồi, sợ không thể bằng được. Tâu Đại vương!

汝今已受瞿曇幻耶。唯願大王。留神聽察。

Nhữ kim dĩ thọ Cồ-đàm huyễn da. duy nguyện Đại Vương. lưu Thần thính sát.

Nay có lẽ Đại vương đã mắc ảo thuật của Cồ-đàm rồi chăng? Ngưỡng mong Đại vương xét kỹ lại,

莫輕我等構之虛言。不如驗之以實。王言。善哉善哉。

Mạc khinh ngã đẳng cấu chi hư ngôn. bất như nghiệm chi dĩ thật. Vương ngôn. Thiện tai Thiện tai.

đừng khinh thường lời nói của chúng tôi là hư dối, không đúng sự thật. Vua bảo: Hay thay! Hay thay!

六師之徒歡喜而出。

Lục sư chi đồ hoan hỉ nhi xuất.

Lục sư ngoại đạo cùng đồ chúng vui mừng mà lui ra.

時波斯匿王即勅嚴駕來至我所。

Thời Ba tư nặc Vương tức sắc nghiêm giá lai chí ngã sở.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc liền xa giá đến chỗ của Ta,

頭面敬禮右繞三匝退坐一面而白我言。世尊。六師向來求較道力。

Đầu diện kính lễ hữu nhiều tam tạp thối tọa nhất diện nhi bạch ngã ngôn. Thế tôn. Lục sư hướng lai cầu giác đạo lực.

đầu mặt kính lễ chân, nhiều quanh ba vòng rồi lui ngồi một bên, mà bạch Ta rằng: Bạch đức Thế Tôn! Lục sư ngoại đạo đến yêu cầu tôi cho phép so sánh đạo lực với Như Lai.

我不量度敢已許之。

Ngã bất lượng độ cảm dĩ hứa chi.

Tôi mạn phép đã hứa với họ.

佛言。大王。善哉善哉。

Phật ngôn. Đại Vương. Thiện tai Thiện tai

Phật bảo: Hay thay! Hay thay! Nay Đại vương!

但當更於此國處處造立僧坊。何以故。我若與彼較其神力。

Đã đương canh ư thử quốc xứ xứ tạo lập tăng phường. hà dĩ cố. ngã nhược dữ bỉ giác kỳ Thần lực.

Chỉ có điều là nên ở trong nước này mà tạo lập thêm phòng xá. Vì sao vậy? Vì nếu Ta cùng họ so sánh đạo lực thần thông,

彼眾之中受化者多。此處狹小云何容受。善男子。

Bỉ chúng chi trung thọ hóa giả đa. thử xử hiệp tiểu vân hà dung thọ. thiện nam tử.

thì trong chúng của họ sẽ có nhiều người quy phục theo Ta. Ở đây chật hẹp làm sao dung nạp hết? Nay thiện nam tử!

我於爾時為六師故。從初一日至十五日。

Ngã ư nhĩ thời vị Lục sư cố. tòng sơ nhất nhật chí thập ngũ nhật.

Lúc bấy giờ, Ta vì Lục sư ngoại đạo, từ một ngày cho đến mười lăm ngày, 現大希有神通變化。當是時也。

Hiện Đại hi hữu Thần thông biến hoá. đương thị thời dã

hiện đại thần thông biến hóa hy hữu. Ngay lúc ấy,

無量眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。

Vô lượng chúng sanh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm。

vô lượng chúng sanh phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

無量眾生於三寶所生信不疑。六師徒眾其數無量。

Vô lượng chúng sanh ư Tam Bảo sở sanh tín bất nghi. Lục sư đồ chúng kỳ số vô lượng。

Vô lượng chúng sanh quy tín ngôi Tam bảo không còn nghi ngờ. Đồ chúng của Lục sư

ngoại đạo, vô lượng người

破邪見心正法出家。無量眾生於菩提中得不退心。

phá tà kiến tâm chánh Pháp xuất gia. vô lượng chúng sanh ư bồ đề trung đắc bất thối tâm。

bỏ tâm tà kiến xuất gia theo chánh pháp. Vô lượng chúng sanh được tâm Bồ-đề không thối chuyển.

無量眾生得陀羅尼諸三昧門。

Vô lượng chúng sanh đắc Đà-La-Ni chư tam muội môn。

Vô lượng chúng sanh được Đà-la-ni và Tam muội.

無量眾生得須陀洹果至阿羅漢果。

Vô lượng chúng sanh đắc Tu đà hoàn quả chí A la hán quả

Vô lượng chúng sanh chứng được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán.

爾時六師內心慚愧。相與圍繞至婆枳多城。

Nhĩ thời Lục sư nội tâm tàm quý. tương dữ vây quanh chí bà chỉ đa thành.

Lúc bấy giờ, Lục sư ngoại đạo trong lòng hổ thẹn, dắt nhau qua thành Bà-chỉ-đa.

教彼人民信受邪法。瞿曇沙門但說空事。

Giáo bĩ nhân dân tín thọ tà Pháp. Cồ-đàm Sa Môn dẫn thuyết không sự.

Nhân dân ở trong thành kia tin theo tà pháp. Sa-môn Cồ-đàm chỉ nói pháp không.

善男子。

Thiện nam tử.

Này thiện nam tử!

我時為母處忉利天波利質多樹安居說法。是時六師心大歡喜唱言。善哉。

Ngã thời vị mẫu xử đao lợi Thiên Ba lợi chất đa thụ an cư thuyết Pháp. thị thời Lục sư tâm

Đại hoan hỉ xướng ngôn. Thiện tai.

Lúc bấy giờ Ta lên cung trời Đao Lợi an cư nơi cây Ba-lợi-chất-đa, để vì mẹ và chư Thiên

mà thuyết pháp. Lúc ấy, Lục sư ngoại đạo tâm rất vui mừng xướng lên rằng: Hay thay!

瞿曇幻術今已滅沒。復教無量無數眾生增長邪見。

Cồ-đàm huyền thuật kim dĩ diệt một. phục giáo vô lượng vô số chúng sanh tăng trưởng tà kiến.

Nhà ảo thuật Cồ-đàm nay đã diệt mất. Họ còn khuyến dụ cho vô lượng vô số chúng sanh tăng trưởng tà kiến.

爾時頻婆娑羅王波斯匿王。

Nhĩ thời Tần-bà sa la Vương Ba tư nặc Vương.

Lúc bấy giờ, vua Tần-bà-sa-la, vua Ba-tư-nặc

及四部眾白目連言。大德。此闍浮提邪見增長。

Cập tứ bộ chúng bạch mục liên ngôn. Đại Đức. thử Diêm-phù-đề tà kiến tăng trưởng.

cùng bốn bộ chúng thưa ngài Mục-liên rằng: Bạch Đại Đức! Nay cõi Diêm-phù-đề này tà kiến tăng trưởng,

眾生可愍行大黑闇。惟願大德。

Chúng sanh khả mẫn hành Đại hắc ám. duy nguyện Đại Đức
chúng sanh đi vào chỗ tối tăm, thật đáng thương xót! Cúi xin Đại Đức
至彼天上稽首世尊如我言曰。

Chí bử Thiên thượng khể thủ Thế Tôn như ngã ngôn viết.
lên cung trời trời Đạo Lợi, cúi đầu đánh lễ Thế Tôn, thay lời chúng tôi rằng:
譬如犢子其生未久若不得乳必死無疑。我等眾生亦復如是。惟願如來。

Thí như độc tử kỳ sanh vị cứu nhược bất đắc nhũ tất tử vô nghi. ngã đẳng chúng sanh
diệt phục như thị. duy nguyện Như Lai.

Thí như ghé con mới sanh chưa bao lâu, nếu thiếu sữa mẹ chắc sẽ phải chết, không còn
gì để nghi ngờ. Chúng tôi cùng hàng chúng sanh cũng lại như vậy. Cúi xin Như Lai
哀愍眾生還來住此。爾時目連默然而許。

Ai mẫn chúng sanh hoàn lai trụ thủ. nhĩ thời mục liên mặc nhiên nhi hứa
thương xót chúng sanh mà trở về. Lúc đó, Mục-liên yên lặng hứa khả.
如大力士屈伸臂頃往彼天上。至世尊所白佛言。

Như Đại lực sĩ khuất thân tý khoảnh vãng bử Thiên thượng. chí Thế tôn sở bạch Phật
ngôn。

Như trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay của đại lực sĩ, ngài đã lên cõi trời kia, đến chỗ
Thế Tôn mà bạch Phật rằng:

閻浮提中所有四眾渴仰如來思見聞法。

Diêm-phù-đề trung sở hữu Tứ Chúng khát ngưỡng Như Lai tư kiến văn Pháp。

Bốn bộ chúng trong cõi Diêm-phù-đề đang khao khát được thấy Phật và nghe chánh pháp
của Như Lai.

頻婆娑羅王波斯匿王及四眾等稽首足下。

Tần-bà sa la Vương Ba tư nặc Vương cập Tứ Chúng đẳng khể thủ túc hạ。

Vua Tần-bà-sa-la, vua Ba-tư-nặc cùng bốn chúng cúi đầu đánh lễ dưới chân Thế Tôn.
此閻浮提所有眾生邪見增長。

Thử Diêm-phù-đề sở hữu chúng sanh tà kiến tăng trưởng。

Hiện nay, chúng sanh trong cõi Diêm-phù-đề này tăng trưởng tà kiến,
行大黑闇甚可憐愍譬如犢子其生未久若不得乳必死不疑。

Hành Đại hắc ám thậm khả liên mẫn thí như độc tử kỳ sanh vị cứu nhược bất đắc nhũ tất
tử bất nghi。

đi trong bóng tối tăm, thật đáng thương xót, như nghé con mới sanh chưa bao lâu, nếu thiếu sữa mẹ chắc sẽ phải chết, không còn nghi ngờ gì nữa.

我等亦爾。惟願如來。為眾生故。

Ngã đấng diệc nhĩ. duy nguyện Như Lai. vì chúng sanh cố

Chúng tôi cũng lại như vậy. Cúi xin Như Lai vì chúng sanh mà

還來在此閻浮提中。佛告目連。汝今速還至閻浮提。

hoàn lai tại thử Diêm-phù-đề trung. Phật cáo mục liên. như kim tốc hoàn chí Diêm-phù-đề。

trở lại trong cõi Diêm-phù-đề này. Phật bảo Mục-liên: Nay ông mau trở về Diêm-phù-đề

告諸國王及四部眾。却後七日我當還下。

cáo chư Quốc Vương cập tứ bộ chúng. khước hậu thất nhật ngã đương hoàn hạ。

bảo các Quốc vương và bốn bộ chúng rằng, qua bảy ngày sau Ta sẽ trở về,

為六師故復當至彼婆枳多城。

vì Lục sư cố phục đương chí bỉ bà chỉ đa thành。

vì Lục sư ngoại đạo nên sẽ đến thành Bà-chỉ-đa kia.

過七日已我與釋天梵天魔天無量天子及首陀會一切天人。

Quá thất nhật dĩ ngã dĩ thích Thiên Phạm Thiên Ma Thiên vô lượng Thiên tử cập thủ đà hội nhất thiết Thiên Nhơn。

Qua bảy ngày, Ta cùng trời Đế thích, Phạm thiên, Ma thiên, vô lượng Thiên tử cùng tất cả người trời trong Thủ-đà-hội,

前後圍繞至婆枳多城。大師子吼作如是言。

tiền hậu vây quanh chí bà chỉ đa thành. Đại Sư-tử hống tác như thị ngôn。

trước sau vây quanh đến thành Bà-chỉ-đa. Đại Sư Tử Hống tuyên bố rằng:

惟我法中獨有沙門及婆羅門。

Duy ngã Pháp trung độc hữu Sa Môn cập Bà-la-môn。

Chỉ trong giáo pháp của Ta mới có Sa-môn và Bà-la-môn.

一切諸法無常無我涅槃寂靜離諸過惡。

Nhất thiết chư Pháp vô thường vô ngã Niết-Bàn tịch tịnh ly chư quá ác。

Tất cả các pháp đều vô thường, vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh, xa lìa các tội ác;

若言他法亦有沙門及婆羅門。有常有我有涅槃者無有是處。

Nhược ngôn tha Pháp diệt hữu Sa Môn cập Bà-la-môn. hữu thường hữu ngã hữu Niết-Bàn giả vô hữu thị xử.

nếu nói trong giáo pháp khác cũng có Sa-môn và Bà-la-môn, có thường, có ngã, có Niết-bàn, là việc không có.

爾時無量無邊眾生發阿耨多羅三藐三菩提心

Nhĩ thời vô lượng vô biên chúng sanh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề

Lúc bấy giờ, vô lượng vô biên chúng sanh phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề.

是時六師各相謂言。

Tâm. thị thời Lục sư các tương vị ngôn。

Lúc ấy, Lục sư ngoại đạo đều cùng nói rằng:

若我法中實無沙門婆羅門者。云何而得世間供養於是六師。

Nhược ngã Pháp trung thật vô Sa Môn Bà-la-môn giả. vân hà nhi đắc thế gian cung dưỡng ư thị Lục sư。

Nếu trong giáo pháp của ta thật không có Sa-môn và Bà-la-môn, tại sao lại được thế gian cúng dường? Rồi Lục sư ngoại đạo

復相聚詣毘舍離。善男子。

Phục tương tập tụ nghệ Tỳ-xá-ly. thiện nam tử。

lại cùng nhau kéo đến thành Tỳ-xá-ly. Này thiện nam tử!

我於一時住毘舍離菴羅林間。時菴羅女知我在中。欲來我所。

Ngã ư nhất thời trụ Tỳ-xá-ly am la lâm gian. thời Am la nữ tri ngã tại trung. dục lai ngã sở。

Một thời gian sau, Ta đến thành Tỳ-xá-ly, ở trong rừng Am-la. Hay tin Ta ở trong rừng này, nàng Am-la muốn đến chỗ của Ta.

我於爾時告諸比丘。

Ngã ư nhĩ thời cáo chư Tỳ-kheo。

Lúc ấy, Ta bảo các Tỳ-kheo

當觀念處善修智慧隨所修習心莫放逸。云何名為觀於念處。

Đương quán niệm xứ thiện tu trí tuệ tùy sở tu tập tâm mạc phóng dật. vân hà danh vi quán ư niệm xứ。

phải nên quán niệm xứ, khéo tu trí tuệ, theo chỗ tu tập để tâm không bị phóng dật. Thế nào gọi là quán niệm xứ?

若有比丘觀察內身不見於我及以我所。

Nhược hữu Tỳ-kheo quan sát nội thân bất kiến ư ngã cập dĩ ngã sở。

Nếu có Tỳ-kheo quán sát trong thân mình không thấy ngã, chẳng thấy ngã sở;
觀察外身及內外身不見於我及以我所。

Quan sát ngoại thân cập nội ngoại thân bất kiến ư ngã cập dĩ ngã sở。

quán sát ngoài thân và quán sát trong thân ngoài thân không thấy ngã, chẳng thấy ngã
sở;

觀受心法亦復如是。是名念處。云何名為修習智慧。

Quán Thọ Tâm Pháp diệc phục như thị. thị danh niệm xứ. vân hà danh vi tu tập trí tuệ.
quán sát thọ, tâm, pháp cũng như vậy. Đây gọi là niệm xứ. Thế nào gọi là tu tập trí tuệ?
若有比丘真實而見苦集滅道。

Nhược hữu Tỳ-kheo chân thật nhi kiến khổ tập diệt đạo。

Nếu có Tỳ-kheo chân thật thấy Khổ, Tập, Diệt, Đạo, 是名比丘修習智慧。云何名為心不放
逸。

Thị danh Tỳ-kheo tu tập trí tuệ. vân hà danh vi tâm bất phóng dật。

đây gọi là Tỳ-kheo tu tập trí tuệ. Thế nào gọi là tâm không phóng dật?

若有比丘念佛念法念僧念戒念捨念天。是名比丘心不放逸。

Nhược hữu Tỳ-kheo niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng niệm giới niệm xả niệm Thiên. thị
danh Tỳ-kheo tâm bất phóng dật

Nếu có Tỳ-kheo niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả, niệm Thiên. Đây
gọi là Tỳ-kheo tâm không phóng dật.

時菴羅女即至我所。頭面作禮右繞三匝。

Thời Am la nữ tức chí ngã sở. đầu diện tác lễ hữu nhiều tam匝。

Bấy giờ, nàng Am-la liền đến chỗ Ta, đầu mặt đành lễ chân Phật, nhiều phải ba vòng,
修敬已畢却坐一面。善男子。

Tu kính dĩ tất khước tọa nhất diện. thiện nam tử。

rồi cung kính lui ngồi một bên. Này thiện nam tử!

我於爾時為菴羅女如應說法。

Ngã ư nhĩ thời vị Am la nữ như ứng thuyết Pháp。

Lúc bấy giờ, Ta vì nàng Am-la mà thuyết pháp。

是女聞已發阿耨多羅三藐三菩提心。

Thị nữ văn dĩ phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm.
Nàng Am-la sau khi nghe pháp, liền phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miểu-tam-bồ-đề.
時彼城中有梨車子其數五百來至我所。頭面作禮右繞三匝。修敬已畢却坐一面
Thời bĩ thành trung hữu lê xa tử kỳ số ngũ bách lai chí ngã sở。 đầu diện tác lễ hữu nhiều
tam tạp。 tu kính dĩ tất khước tọa nhất diện。
Bấy giờ trong thành kia có năm trăm Lê-xa-tử đến chỗ Ta, đầu mặt lễ chân Phật, nhiều
phải ba vòng, rồi cung kính lui ngồi một bên。
我時復為諸梨車子如應說法。諸善男子。
Ngã thời phục vị chư lê xa tử như ứng thuyết Pháp。 chư thiện nam tử。
Lúc ấy, Ta lại vì các Lê-xa-tử mà thuyết pháp: Này các thiện nam tử!
夫放逸者有五事果。何等為五。
Phu phóng dật giả hữu ngũ sự quả。 hà đẳng vi ngũ。
Phàm người phóng dật có năm kết quả. Những gì là năm?
一者不得自在財利。二者惡名流布於外。
Nhất giả bất đắc tự-tại tài lợi。 nhị giả ác danh lưu bố ư ngoại。
Một là không được tài lợi tự tại, hai là tiếng xấu truyền xa,
三者不樂慧施窮乏。四者不樂見於四眾。
Tam giả bất lạc tuệ thí cùng phạp。 tứ giả bất lạc kiến ư Tứ Chúng。
ba là không thích bố thí cho người nghèo thiếu, bốn là không thích thấy bốn bộ chúng,
五者不得諸天之身。諸善男子。因不放逸能生世法出世間法。
Ngũ giả bất đắc chư Thiên chi thân。 chư thiện nam tử。 nhân bất phóng dật năng sanh
thế Pháp xuất thế gian Pháp。
năm là không được thân của chư Thiên. Này các thiện nam tử! Do không phóng dật nên
có thể sanh pháp lành thế gian và pháp xuất thế gian。
若有欲得阿耨多羅三藐三菩提者。
Nhược hữu dục đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề giả。
Nếu có người muốn được A-nậu-đa-la-tam-miểu-tam-bồ-đề,
應當勤修不放逸法。夫放逸者。復有十三果報。
Ứng đương tinh cần tu bất phóng dật Pháp。 phu phóng dật giả。 phục hữu thập tam quả
báo。

phải nên siêng năng tu tập pháp không phóng dật. Luận về người phóng dật ấy, lại có mười ba quả báo.

何等十三。一者樂為世間作業。

Hà đẳng thập tam。nhất giả lạc vi thế gian tác nghiệp。

Những gì là mười ba? Một là thích vì thế gian mà làm lụng,

二者樂說無益之言。三者常樂久寢睡眠。四者樂說世間之事。

Nhị giả lạc thuyết vô ích chi ngôn。tam giả thường lạc cửu tẩm thụy miên。tứ giả lạc thuyết thế gian chi sự。

hai là thích nói những lời vô ích, ba là thích nằm lâu ngủ nhiều, bốn là thích nói việc thế gian,

五者常樂親近惡友。六者常懈怠懶惰。

Ngũ giả thường lạc thân cận ác hữu。lục giả thường giải đãi lại nọa

năm là thường thích thân gần bạn ác, sáu là thường giải đãi lười biếng,

七者常為他人所輕。八者雖有所聞尋復忘失。

Thất giả thường vi tha nhân sở khinh。bát giả tuy hữu sở văn tâm phục vong thất。

bảy là thường bị người khác khinh dễ, tám là tuy có học hỏi liền quên mất,

九者樂處邊地。十者不能調伏諸根。

Cửu giả lạc xử biên địa。thập giả bất năng điều phục chư căn。

chín là thích ở nơi biên địa, mười là không thể điều phục các căn,

十一者食不知足。十二者不樂空寂。十三者所見不正。

Thập nhất giả thực bất tri túc。thập nhị giả bất lạc không tịch。thập tam giả sở kiến bất chánh。

mười một là ăn uống không biết đủ, mười hai là không thích ở chỗ vắng vẻ, mười ba là chỗ thấy biết không chân chánh.

是名十三。善男子。夫放逸者。

Thị danh thập tam。thiện nam tử。phu phóng dật giả。

Đây gọi là mười ba. Này các thiện nam tử! Phàm người phóng dật,

雖得近佛及佛弟子猶故為遠。諸梨車子言。

Tuy đắc cận Phật cập Phật đệ-tử do cố vi viễn。chư lê xa tử ngôn。

tuy được gần Phật và đệ tử Phật nhưng vẫn là cách xa vậy. Các Lê-xa-tử thưa rằng:

我等自知是放逸人。何以故。如其我等不放逸者。

Ngã đấng tự tri thị phóng dật nhân. hà dĩ cố. như kỳ ngã đấng bất phóng dật giả.
Chúng tôi tự biết mình là người phóng dật. Vì sao vậy? Vì nếu chúng tôi không phải là người phóng dật thì

如來法王當出我土。時大會中有婆羅門子。名曰無勝。

Như Lai Pháp Vương đương xuất ngã độ. thời Đại hội trung hữu Bà-la-môn tử. danh viết Vô thắng.

Như Lai Pháp Vương sẽ ra đời trong cõi nước của chúng tôi. Lúc đó, trong đại hội có một Bà-la-môn tên là Vô Thắng,

語諸梨車子。善哉善哉。如汝所言。

Ngữ chư lê xa tử. Thiện tai Thiện tai. như nhữ sở ngôn
nói với các Lê-xa-tử rằng: Hay thay! Hay thay! Như chỗ các ông nói,

頻婆娑羅王已獲大利。如來世尊出其國土。

Tần-bà sa la Vương dĩ hoạch Đại lợi. như lai thế tôn xuất kỳ quốc độ.

vua Tần-bà-sa-la được lợi ích lớn, vì Như Lai Thế Tôn ra đời trong cõi nước đó.

猶如大池生妙蓮花。雖生在水水不能污。諸梨車子。

Do như Đại trì sanh diệu liên hoa. tuy sanh tại thủy thủy bất năng ô. chư lê xa tử

Như trong ao lớn mọc lên hoa sen đẹp, tuy sanh ra trong nước nhưng nước không thể làm như được. Nay các Lê-xa-tử!

佛亦如是。雖生彼國不為世法之所滯礙。

Phật diệc như thị. tuy sanh bỉ quốc bất vi thế Pháp chi sở trệ ngại. 。

Đức Phật cũng như vậy, tuy sanh ra trong đất nước kia nhưng không bị pháp thế gian làm trở ngại.

諸佛世尊無出無入。為眾生故出現於世。

Chư Phật Thế tôn vô xuất vô nhập. vị chúng sanh cố xuất hiện ư thế.

Chư Phật Thế Tôn không có ra không có vào. Vì chúng sanh mà hiện ra nơi đời
不為世法之所滯礙。仁等。自迷耽荒五欲。

Bất vi thế Pháp chi sở trệ ngại. nhân đấng. tự mê đam hoang ngũ dục.

không bị pháp thế gian làm trở ngại. Các ông tự mình đam mê say đắm theo năm món dục,

不知親近往如來所。是故名為放逸之人。

Bất tri thân cận vãng Như Lai sở. thị cố danh vi phóng dật chi nhân.

không biết thân gần chỗ của Như Lai. Vì vậy gọi là người phóng dật,
非佛出於摩伽陀國名放逸也。何以故。

Phi Phật xuất ư ma dà đà quốc danh phóng dật dã. hà dĩ cố.
chẳng phải Phật hiện ra nơi nước Ma-già-đà gọi là phóng dật. Vì sao vậy?
如來世尊猶彼日月。非為一人二人出世。

Như lai thế tôn do bỉ nhật nguyệt. phi vị nhất nhân nhị nhân xuất thế.

Như Lai Thế Tôn giống như mặt trời mặt trăng kia, chẳng phải vì một người, hai người mà hiện ra nơi đời.

時諸梨車聞是語已。尋發阿耨多羅三藐三菩提心。復作是言。

Thời chư lê xa văn thị ngữ dĩ. tầm phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm. phục tác thị ngôn.

Lúc các Lê-xa tử nghe nói như vậy xong, liền phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề.

Lại nói rằng:

善哉善哉。無勝童子。快說如是善妙之言。

Thiện tai Thiện tai. Vô thắng Đồng tử. khoái thuyết như thị thiện diệu chi ngôn.

Hay thay! Hay thay! Vô Thắng đồng tử nói những lời rất lành, rất hay như vậy.

時諸梨車各各脫身所著一衣以施無勝。

Thời chư lê xa các các thoát thân sở trứ nhất y dĩ thí Vô thắng.

Lúc đó, các Lê-xa mỗi người cởi một chiếc y đang đắp trên thân cúng thí cho Vô Thắng.

無勝受已。轉以奉我。復作是言。世尊。

Vô thắng thọ dĩ. chuyển dĩ phụng ngã. phục tác thị ngôn. Thế tôn.

Vô Thắng nhận xong đem dâng cho Ta, lại bạch rằng: Bạch Thế Tôn!

我從梨車得是衣物。惟願如來。哀愍眾生受我所獻。

Ngã tòng lê xa đắc thị y vật. duy nguyện Như Lai. ai mẫn chúng sanh thọ ngã sở hiến.

Những y vật này con nhận của các Lê-xa. Cúi xin Như Lai thương xót chúng sanh mà nhận sự cúng dường của chúng con.

我於爾時。愍彼無勝即為納受。

Ngã ư nhĩ thời. mẫn bỉ Vô thắng tức vi nạp thọ.

Lúc bấy giờ, Ta vì xót thương Vô Thắng kia liền nạp thọ.

時諸梨車同時合掌。作如是言。惟願如來。

Thời chư lê xa đồng thời hợp chưởng. tác như thị ngôn. duy nguyện Như Lai.

Lúc đó, các Lê-xa đồng chấp tay bạch rằng: Cúi xin Như Lai

於此土地一時安居受我微供。我時默然受梨車請。

Ư thử độ địa nhất thời an cư thọ ngã vi cung。ngã thời mặc nhiên thọ lê xa thỉnh。

an cư nơi đất nước này một mùa và nhận sự cúng dường hèn mạt của chúng con! Lúc đó,

Ta im lặng nhận lời thỉnh cầu của Lê-xa.

是時六師聞是事已。師宗相與詣波羅奈城。

Thị thời Lục sư văn thị sự dĩ。sư tông tương dĩ nghệ ba la nại thành。

Lúc ấy, Lục sư ngoại đạo nghe việc này xong, thầy trò kéo nhau đến thành Ba-la-nại.

爾時我復往波羅奈住波羅河邊。時波羅奈有長者子。

Nhĩ thời ngã phục vãng ba la nại trụ ba la hà biên。thời ba la nại hữu Trưởng Giả Tử。

Lúc bấy giờ, Ta lại qua thành Ba-la-nại, ở bên bờ sông Ba-la. Lúc đó, trong thành Ba-la-

nại có một Trưởng giả

名曰寶稱。耽荒五欲不知非常。

Danh viết bảo xưng。đam hoang ngũ dục bất tri phi thường

tên là Bảo Xưng, say mê theo năm món dục không biết lý vô thường.

以我到故自然而得白骨觀法。

Dĩ ngã đáo cố tự nhiên nhi đắc bạch cốt quán Pháp。

Do Ta đến đó nên Bảo Xưng tự nhiên chứng được pháp bạch cốt quán:

見其殿舍宮人嫖女悉為白骨。心生怖懼如刀毒蛇如賊如火。

Kiến kỳ điện xá cung nhân thái nữ tất vi bạch cốt。tâm sanh phố cụ như đao độc xà như tặc như hỏa。

Thấy tất cả cung điện, nhà cửa, vợ con đều là những bộ xương trắng. Lòng ông kinh sợ như sợ dao, rắn độc, giặc cướp, lửa;

即出其舍來詣我所隨路而言。瞿曇沙門。

Tức xuất kỳ xá lai nghệ ngã sở tùy lộ nhi ngôn。Cồ-đàm Sa Môn。

liền ra khỏi nhà, đến chỗ Ta, dọc đường luôn kêu rằng: Sa môn Cồ-đàm!

我今如為賊所追逐甚大怖懼。願見救濟。佛言。善男子。

Ngã kim như vi tặc sở truy trục thậm Đại phố cụ。nguyện kiến cứu tế。Phật ngôn。thiện nam tử。

Con nay như bị giặc rượt đuổi, lòng con rất kinh sợ, xin Ngài cứu giúp! Phật dạy: Này thiện nam tử!

佛法眾僧安隱無懼。長者子言。

Phật Pháp chúng tăng an ổn vô cụ. Trưởng Giả Tử ngôn.

Phật pháp và chúng Tăng vẫn an ổn, không có lo sợ. Trưởng giả bạch rằng:

若三寶中無所畏者。我今亦當得無所畏。

Nhược Tam Bảo trung vô sở úy giả. ngã kim diệc đương đắc vô sở úy.

Nếu trong Tam bảo không sợ kinh sợ, con nay cũng sẽ được sự không kinh sợ.

我即聽其出家為道。時長者子復有同友其數五十。

Ngã tức thính kỳ xuất gia vi đạo. thời Trưởng Giả Tử phục hữu đồng hữu kỳ số ngũ thập.

Ta liền cho Trưởng giả xuất gia tu hành. Lúc đó, Trưởng giả lại có năm mươi người bạn thân,

遙聞寶稱厭欲出家。即共和順相與出家。

Dao văn bảo xưng yếm dục xuất gia. tức cộng hòa thuận tương dĩ xuất gia.

xa nghe Bảo Xưng nhàm chán dục lạc mà xuất gia, liền cùng nhau đồng xuất gia.

六師聞已展轉復詣瞻婆大城。

Lục sư văn dĩ triển chuyển phục nghệ chiêm bà Đại thành

Lục sư ngoại đạo nghe việc này, liền dắt đồ chúng kéo đến đại thành Chiêm-bà.

時瞻婆大國一切人民悉共奉事六師之徒。初未曾聞佛法僧名。

Thời chiêm bà Đại quốc nhất thiết nhân dân tất cộng phụng sự Lục sư chi đồ. sơ vị tăng văn Phật Pháp tăng danh.

Bấy giờ, tất cả dân chúng trong đại thành Chiêm-bà đều phụng thờ Lục sư ngoại đạo. Họ chưa từng nghe tên Phật, Pháp và Tăng,

多有諸人作極惡業。

Đa hữu chư nhân tác cực ác nghiệp.

phần đông gây tạo những nghiệp rất ác.

我於爾時為眾生故往瞻婆城。時彼城中有大長者無有繼嗣。

Ngã ư nhĩ thời vị chúng sanh cố vãng chiêm bà thành. thời bỉ thành trung hữu Đại Trưởng-Giả vô hữu kế tự.

Bấy giờ, Ta vì chúng sanh nên đến thành Chiêm-bà. Lúc đó, trong thành kia có một đại Trưởng giả không có con nối dòng,

供事六師以求子息。其後不久婦則懷妊。長者知己。

Cung sự Lục sư dĩ cầu tử tức. kỳ hậu bất cứu phụ tắc hoài nhâm. Trưởng-Giả tri dĩ. nên phụng thờ Lục sư để cầu con trai. Sau đó không lâu, người vợ liền có thai. Trưởng giả biết được,

往六師所歡喜而言。我婦懷妊男耶女耶。

Vãng Lục sư sở hoan hỉ nhi ngôn. ngã phụ hoài nhâm nam da nữ da.

liền đến chỗ Lục sư vui mừng mà thưa rằng: Vợ tôi mang thai con trai hay con gái?

六師答言。生必是女。長者聞已心生愁惱。

Lục sư đáp ngôn. sanh tất thị nữ. Trưởng-Giả văn dĩ tâm sanh sầu não.

Lục sư đáp rằng: Chắc chắn sẽ sanh con gái. Trưởng nghe xong tâm sanh sầu não.

復有知識來謂長者。何故愁惱乃如是耶。

Phục hữu tri thức lai vị Trưởng-Giả. hà cố sầu não nãi như thị da.

Lại có một vị tri thức đến bảo Trưởng giả: Sao ông lại sầu não như vậy?

長者答言。我婦懷妊未知男女故問六師。

Trưởng-Giả đáp ngôn. ngã phụ hoài nhâm vị tri nam nữ cố vấn Lục sư.

Trưởng giả đáp rằng: Vợ tôi mang thai chưa biết là trai hay gái nên tôi đến hỏi Lục sư.

六師見語如我相法生必是女。

Lục sư kiến ngữ như ngã tướng Pháp sanh tất thị nữ.

Lục sư nói rằng, theo họ chắc chắn là sanh con gái.

我聞是語自惟年老財富無量。如其非男無所付囑是故我愁。

Ngã văn thị ngữ tự duy niên lão tài phú vô lượng. như kỳ phi nam vô sở phó chúc thị cố ngã sầu.

Tôi nghe nói như vậy, tự nghĩ tuổi đã già, tiền của giàu có vô lượng. Nếu như không phải con trai thì không người giao phó. Vì thế mà tôi sầu não.

知識復言。汝無智慧先不聞耶。

Tri thức phục ngôn. nhữ vô trí tuệ tiên bất văn da.

Tri thức lại nói: Ông không có trí tuệ, trước đây chưa từng nghe

優樓頻螺迦葉兄弟為誰弟子。佛耶六師耶。

Ưu lâu tần loa ca diệp huynh đệ vi thùy đệ-tử. Phật da Lục sư da.

anh em ông Ưu-lâu-tần-loa-ca-diệp là đệ tử ai ư? Đệ tử Phật hay Lục sư?

六師若是一切智者。迦葉何故捨之不事為佛弟子。

Lục sư nhược thị nhất thiết trí giả. Ca-diệp hà cố xả chi bất sự vi Phật đệ-tử

Nếu Lục sư là bậc Nhất thiết trí, vì sao ông Ca-diếp lại bỏ mà theo làm đệ tử Phật?
又舍利弗目犍連等及諸國王頻婆娑羅等。

Hựu Xá lợi Phất mục kiên liên đẳng cập chư Quốc Vương Tần bà sa la đẳng.

Lại Xá-lợi-phất, Mục-kiên-liên và các vị Quốc vương như Tần-bà-sa-la v.v...,
諸王夫人末利夫人等。諸國長者須達多等。

Chư Vương phu nhân mạt lợi phu nhân đẳng. chư quốc Trưởng-Giả tu đạt đa đẳng.
các vị phu nhân của vua như phu nhân Mạt-lợi v.v..., các vị Trưởng giả trong nước như Tu-
đạt-đa v.v...,

如是諸人非佛弟子耶。

Như thị chư nhân phi Phật đệ tử da.

những người như vậy chẳng phải đệ tử Phật chăng?

曠野鬼神阿闍世王護財醉象鴛掘魔羅。惡心熾盛欲害其母。

Khoáng dã quỷ Thần A xà thế Vương hộ tài túy tượng ương quật ma la. ác tâm sí thịnh
dục hại kỳ mẫu。

Khoáng dã quỷ thần, vua A-xà-thế, voi say Hộ Tài, Ương-quật-ma-la tâm đầy ác độc
muốn hại mẹ mình,

如是等輩斯非如來所調伏耶。長者。

Như thị đẳng bối tư phi Như Lai sở điều phục da. Trưởng-Giả.

những người như vậy, há chẳng phải do Như Lai hàng phục đó chăng? Nay Trưởng giả!

如來世尊於一切法知見無礙故名為佛。發言無二故名如來。

Như lai thế tôn ư nhất thiết Pháp tri kiến vô ngại cố danh vi Phật. phát ngôn vô nhị cố
danh Như Lai。

Như Lai Thế Tôn đối với tất cả pháp thấy biết không gì ngăn ngại nên gọi là Phật. Lời nói
ra không hai nên gọi là Như lai.

斷煩惱故名阿羅訶。世尊所說終無有二。

Đoạn phiền não cố danh a la ha. Thế Tôn sở thuyết chung vô hữu nhị。

Dứt hết phiền não nên gọi là A-la-hán. Lời Thế Tôn nói trọn không có hai.

六師不爾。云何可信。如來今者近在此住。

Lục sư bất nhĩ. vân hà khả tín. Như Lai kim giả cận tại thử trụ。

Lục sư không như vậy, đâu đáng tin được? Nay Như Lai ở gần đây,

若欲實知當詣佛所。爾時長者即與是人來詣我所。

Nhược dục thật tri đương nghê Phật sở. nhĩ thời Trưởng-Giả tức dữ thị nhân lai nghê ngã sở.

nếu muốn biết sự thật nên đến chỗ Phật. Lúc bấy giờ, Trưởng giả liền cùng người ấy đi đến chỗ Ta,

頭面作禮右遶三匝。合掌長跪而作是言。

Đầu diện tác lễ hữu nhiều tam匝。 hợp chưởng trường quy nhi tác thị ngôn。

đầu mặt đánh lễ chân Phật, nhiều phải ba vòng, qùy gối chấp tay mà bạch rằng:

世尊。於諸眾生平等無二怨親一相。

Thế tôn。 ư chư chúng sanh bình đẳng vô nhị oán thân nhất tướng。

Bạch Thế Tôn! Thế Tôn đối với tất cả chúng sanh oán thân bình đẳng một tướng không có hai.

我為愛結之所繫縛。於怨親中未能無二。

Ngã vi ái kết chi sở hệ phọc。 ư oán thân trung vị năng vô nhị。

Con bị tham ái ràng buộc, đối với oán thân chưa thể không có hai.

我今欲問如來世事。深自愧懼未敢發言。世尊。

Ngã kim dục vấn như lai thế sự。 thâm tự quý cụ vị cảm phát ngôn。 Thế tôn。

Con nay muốn hỏi Như Lai Thế Tôn một việc, tự thấy hổ thẹn, sợ chưa dám nói ra. Bạch Thế Tôn!

我婦懷妊六師相言。生必是女。是事云何。佛言。

Ngã phụ hoài nhâm Lục sư tương ngôn。 sanh tất thị nữ。 thị sự vân hà。 Phật ngôn

Vợ con mang thai, Lục sư bảo rằng chắc chắn sẽ sanh con gái. Việc này thế nào? Phật bảo:

長者。汝婦懷妊是男無疑。

Trưởng-Giả。 nhữ phụ hoài nhâm thị nam vô nghi。

Này Trưởng giả! Vợ ông mang thai là con trai, không có nghi ngờ gì nữa.

其兒生已福德無比。爾時長者聞我語已生大歡喜便退還家。

Kỳ nhi sanh dĩ phúc đức vô bỉ。 nhĩ thời Trưởng-Giả văn ngã ngữ dĩ sanh Đại hoan hỉ tiện thối hoàn gia。

Đứa trẻ này sau khi sanh ra, phước đức không ai bằng. Lúc Trưởng giả nghe Ta nói như vậy, lòng rất vui mừng, liền trở về nhà.

爾時六師聞我玄記生者必男有大福德。

nhĩ thời Lục sư văn ngã huyền kí sanh giả tất nam hữu Đại phúc đức。
Bấy giờ, Lục sư nghe Ta huyền ký vợ Trưởng giả sanh con trai có đại phước đức,
心生嫉妬以菴羅果和合毒藥。
Tâm sanh tật đố dĩ am la quả hòa hợp độc dược。
sanh tâm tật đố: Lấy quả Am-la hòa với thuốc độc,
持往其家語長者言。快哉瞿曇。
trì vãng kỳ gia ngữ Trưởng-Giả ngôn. khoái tai Cồ-đàm。
rồi mang đến nhà Trưởng giả mà nói rằng: Hay thay! Cồ-đàm
善說其相汝婦臨月可服此藥。服此藥已兒則端正產者無患。
Thiện thuyết kỳ tướng nữ phụ lâm nguyệt khả phục thử dược. phục thử dược dĩ nhi tắc
đoan chánh sản giả vô hoạn。
nói rất hay. Gần ngày sanh, vợ ông nên uống thuốc này, uống thuốc này rồi, đứa trẻ sinh
ra thân thể đoan chánh, không có bệnh hoạn.
長者歡喜受其毒藥與婦令服服已尋死。
Trưởng-Giả hoan hỉ thọ kỳ độc dược dĩ phụ linh phục phục dĩ tâm tử。
Trưởng giả vui mừng nhận lấy thuốc độc đem cho vợ uống, uống xong liền chết.
六師歡喜周遍城市高聲唱言。沙門瞿曇。記彼長者。
Lục sư hoan hỉ châu biến thành thị cao thanh xưng ngôn. Sa Môn Cồ-đàm. kí bỉ
Trưởng-Giả。
Lục sư vui mừng đi khắp thành truyền rao rằng: Sa-môn Cồ-đàm huyền ký vợ Trưởng giả
kia
婦當生男其兒福德天下無勝。
Phụ đương sanh nam kỳ nhi phúc đức Thiên hạ Vô thắng。
sẽ sanh con trai phước đức, trong thiên hạ không ai sánh bằng.
今兒未生母已喪命。爾時長者復於我所生不信心。
Kim nhi vị sanh mẫu dĩ tang mạng. nhĩ thời Trưởng-Giả phục ư ngã sở sanh bất tín tâm。
Nay đứa trẻ chưa sanh mà mẹ đã chết. Lúc bấy giờ, Trưởng giả lại sanh lòng bất tín với
Ta,
即依世法殯殮棺蓋送至城外。
Tức y thế Pháp tẩn liễm quan cái tống chí thành ngoại。
liền theo phép thế gian mà tẩn liễm thân vợ rồi đưa ra ngoài thành,

多積乾薪以火焚之。我以道眼明見此事顧命阿難。

Đa tích kiên tân dĩ hỏa phần chi. ngã dĩ đạo nhãn minh kiến thử sự cố mạng A Nan. chất nhiều củ khô để thiêu. Ta dùng đạo nhãn thấy được việc này, liền bảo A-nan 取我衣來吾欲往彼摧滅邪見。

Thủ ngã y lai ngô dục vãng bỉ tòi diệt tà kiến。

đem y đến cho Ta. Ta muốn đến chỗ hỏa táng để dứt trừ tà kiến của họ.

時毘沙門天告摩尼跋陀大將而作是言。

Thời tì Sa Môn Thiên cáo Ma ni bạt đà Đại tướng nhi tác thị ngôn。

Lúc đó, Tỳ-sa-môn Thiên vương bảo đại tướng Ma-ni-bạt-đà rằng:

如來。今欲詣彼塚間。

Như Lai。kim dục nghệ bỉ trung gian。

Nay Như Lai muốn đến khu gò mà kia.

卿可速往平治掃灑安師子座求妙花香莊嚴其地。

Khanh khả tốc vãng bình trì tảo sái an Sư-tử tọa cầu diệu hoa hương trang nghiêm kỳ địa。

Khanh phải mau đến đó sửa sang quét dọn, trải tòa sư tử, rải những hoa đẹp hương thơm để trang nghiêm chỗ ấy.

爾時六師遙見我往。各相謂言。瞿曇沙門。至此塚間欲噉肉耶。

Nhĩ thời Lục sư dao kiến ngã vãng。các tướng vị ngôn。Cồ-đàm Sa Môn。chí thử trung gian dục đạm nhục da。

Lúc bấy giờ, Lục sư xa thấy Ta đến, cùng bảo nhau rằng: Sa-môn Cồ-đàm đến trong gò mà này vì muốn ăn thịt chằng?

是時多有未得法眼諸優婆塞。

Thị thời đa hữu vị đắc Pháp nhãn chư Ưu bà tặc。

Lúc ấy, có nhiều vị Ưu-bà-tắc chưa đắc pháp nhãn,

各懷羞愧而白我言。彼婦已死願不須往。

Các hoài sái quý nhi bạch ngã ngôn。bỉ phụ dĩ tử nguyện bất tu vãng。

đều thấy hổ thẹn mà bạch Ta rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người đàn bà kia đã chết, xin Thế Tôn đừng đến đó!

爾時阿難語眾人言。

nhĩ thời A Nan ngữ chúng nhân ngôn。

Bấy giờ, A-nan nói với mọi người rằng:

且待須臾如來不久當廣開闡諸佛境界。我時到已坐師子座。長者難言。

thả đái tu du Như Lai bắt cữu đương quảng khai xiển chư Phật cảnh giới. ngã thời đái dĩ tọa sư tử tọa. Trưởng-Giả nan ngôn.

Các ông chờ giây lát, Như Lai không lâu sẽ hiển bày cảnh giới của chư Phật. Lúc đó Ta đến ngồi tòa sư tử, Trưởng giả trách rằng:

所言無二可名世尊。母已終亡云何生子。我言。

sở ngôn vô nhị khả danh Thế Tôn. mẫu dĩ chung vong vân hà sanh tử. ngã ngôn.

Lời nói không hai mới đáng gọi là Thế Tôn. Nay mẹ đã mất làm sao sanh được con trai?

Ta đáp:

長者卿於爾時都不見問母命修短。

Trưởng-Giả khanh ư nhĩ thời đô bất kiến vấn mẫu mạng tu đoản.

Này Trưởng giả! Lúc ấy khanh đều không hỏi về sự chết của bà mẹ.

但問所懷為是男女。諸佛如來發言無二。是故當知。

Đãn vấn sở hoài vi thị nam nữ. chư Phật như lai phát ngôn vô nhị. thị cố đương tri.

Chỉ hỏi mang thai là trai hay gái. Chư Phật Như Lai lời nói ra không hai. Vì thế, nên biết rằng

定必得子。是時死屍火燒腹裂。

Định tất đắc tử. thị thời tử thi hỏa thiêu phúc liệt.

nhất định được con trai. Lúc lửa thiêu tử thi thì bụng nứt ra.

子從中出端坐火中。猶如鴛鴦處蓮花臺。六師見已復作是言。

tử tòng trung xuất đoan tọa hỏa trung. do như uyên ương xử liên hoa đài. Lục sư kiến dĩ phục tác thị ngôn.

Đưa trẻ từ trong bụng lọt ra ngồi ngay thẳng trong lửa như chim Uyên ương đậu trên đài hoa sen. Lục sư thấy vậy, lại nói rằng:

妖哉瞿曇。善為幻術。

Yêu tai Cồ-đàm. thiện vi huyền thuật.

Sa-môn Cồ-đàm là yêu quái khéo làm ảo thuật!

長者見已心復歡喜呵責六師。若言幻者汝何不作。

Trưởng-Giả kiến dĩ tâm phục hoan hỉ hà trách Lục sư. nhược ngôn huyền giả nhữ hà bất tác.

Trường-Giả thấy xong vui mừng quở trách Lục sư: Nếu cho là ảo thuật tại sao các ông không làm?

我於爾時尋告耆婆。汝往火中抱是兒來。耆婆欲往。

Ngã ư nhĩ thời tầm cáo kì bà. nhữ vãng hỏa trung bảo thị nhi lai. kì bà dục vãng.

Bấy giờ Ta liền bảo Kỳ-bà: Ông vào trong lửa bằng đứa trẻ lại đây. Kỳ-bà sắp đến đồng lửa,

六師前牽語耆婆言。瞿曇沙門。

Lục sư tiền khiên ngữ kì bà ngôn. Cồ-đàm Sa Môn.

Lục sư lật đật kéo lại bảo Kỳ-bà rằng: Sa-môn Cồ-đàm làm

所作幻術未必常爾。或能不能如其不能脫相燒害。

ở tác huyền thuật vị tất thường nhĩ. hoặc năng bất năng như kỳ bất năng thoát tướng thiêu hại.

ảo thuật chưa chắc là luôn đúng như vậy, hoặc có thể được, hoặc không thể được. Nếu ông vào trong e không thể ra được mà sẽ bị lửa thiêu hại.

汝今云何信受其言。耆婆答言。

Nhữ kim vân hà tín thọ kỳ ngôn. kì bà đáp ngôn.

Nay ông tại sao lại tin lời của Cồ-đàm? Kỳ-bà đáp rằng:

如來使入阿鼻地獄所有猛火尚不能燒。況世間火。

Như Lai sử nhập A-tì Địa-ngục sở hữu mãnh hỏa thượng bất năng thiêu. huống thế gian hỏa.

Giả sử Như Lai khiến vào địa ngục A-tỳ, lửa dữ trong địa ngục còn không thể đốt cháy được huống là lửa thế gian.

爾時耆婆前入火聚。猶入清涼大河水中。

Nhĩ thời kì bà tiền nhập hỏa tụ. do nhập thanh lương Đại hà thủy trung.

Lúc bấy giờ, Kỳ-bà đi vào trong đồng lửa như vào trong nước mát mẻ,

抱持是兒還詣我所授兒與我。我受兒已告長者言。

bảo trì thị nhi hoàn nghê ngã sở thụ nhi dữ ngã. ngã thọ nhi dĩ cáo Trường-Giả ngôn.

bằng đứa trẻ trở ra đến chỗ Ta và trao đứa trẻ cho Ta. Ta tiếp lấy đứa trẻ rồi bảo Trường giả rằng:

一切眾生壽命不定如水上泡。

Nhất thiết chúng sanh thọ mạng bất định như thủy thượng phao.

Tất cả chúng sanh thọ mạng không nhất định giống như bọt nước nổi trên mặt nước.
眾生若有殷重業果。火不能燒毒不能害。

Chúng sanh nhờ hữu ân trọng nghiệp quả. hỏa bất năng thiêu độc bất năng hại
Nếu chúng sanh không có nghiệp quả sâu nặng, lửa không thể thiêu đốt, độc không thể
hại được.

是兒業果非我所作。時長者言。善哉世尊。

Thị nhi nghiệp quả phi ngã sở tác. thời Trưởng-Giả ngôn. Thiện tai Thế tôn.

Nghiệp quả của đứa trẻ này chẳng phải do Ta làm ra. Lúc ấy, Trưởng giả bạch rằng: Hay
thay! Bạch Thế Tôn!

是兒若得盡其天命。惟願如來為立名字。佛言。長者。

Thị nhi nhược đắc tận kỳ Thiên mệnh. duy nguyện Như Lai vị lập danh tự. Phật
ngôn. Trưởng-Giả.

Đứa trẻ này nếu được thiên mệnh đó, cúi xin Như Lai đặt tên cho nó. Phật bảo: Này
Trưởng giả!

是兒生於猛火之中。火名樹提。應名樹提。

Thị nhi sanh ư mãnh hỏa chi trung. hỏa danh thụ đề. ứng danh thụ đề.

Đứa trẻ này sanh ở trong lửa lớn, lửa gọi là thọ đề, nên đặt tên cho nó là Thọ Đề.

爾時會中見我神化。

Nhĩ thời hội trung kiến ngã Thần hóa.

Bấy giờ trong hội chúng thấy thần thông biến hóa của Ta,

無量眾生發阿耨多羅三藐三菩提心。

Vô lượng chúng sanh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề tâm.

vô lượng chúng sanh phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề.

爾時六師周遍六城不得停足慚愧低頭。復來至此拘尸那城。既至此已唱如是言

Nhĩ thời Lục sư châu biến lục thành bất đắc đình túc tàm quý đề đầu. phục lai chí thử câu
thi na thành. ký chí thử dĩ xướng như thị ngôn.

Lúc đó Lục sư ngoại đạo kéo nhau đi khắp sáu thành không chỗ nào ở yên được, cúi đầu
hỗ thẹn. Họ lại đến thành Câu-thi-na, đến rồi truyền rao rằng:

諸人當知。沙門瞿曇。

Chư nhân đương tri. Sa Môn Cồ-đàm.

Mọi người phải biết rằng Sa-môn Cồ-đàm

是大幻師誑惑天下遍六大城。譬如幻師幻作四兵。

Thị Đại huyễn sư cưỡng hoặc Thiên hạ biến lục Đại thành。thí như huyễn sư huyễn tác tứ binh。

là nhà đại ảo thuật, phình gạt trong thiên hạ khắp sáu thành lớn. Thí như nhà ảo thuật hóa làm bốn đại binh

所謂車兵馬兵象兵步兵。

sở vị xa binh mã binh tượng binh bộ binh。

chiến xa, chiến mã, voi trận, bộ binh;

又復幻作種種瓔珞城郭宮宅河池樹木。沙門瞿曇。亦復如是。

Hựu phục huyễn tác chủng chủng anh lạc thành quách cung trạch hà trì thụ mộc。Sa Môn Cồ-đàm。diệc phục như thị

lại biến hóa làm các thứ châu báu, thành quách, cung điện, nhà cửa, ao hồ, cây cối. Sa môn Cồ-đàm cũng lại như vậy,

幻作王身為說法故。

Huyễn tác Vương thân vi thuyết Pháp cố。

huyễn hóa làm ra thân vua để thuyết pháp,

或作沙門身婆羅門身男身女身小身大身。或作畜生鬼神之身。

Hoặc tác Sa Môn thân Bà-la-môn thân nam thân nữ thân tiểu thân Đại thân。hoặc tác súc sanh quỷ Thần chi thân。

hoặc biến làm thân Sa môn, thân Bà-la-môn, thân nam, thân nữ, thân nhỏ, thân lớn; hoặc biến làm thân súc sanh, thân quỷ thần;

或說無常或說有常。或時說苦或時說樂。

Hoặc thuyết vô thường hoặc thuyết hữu thường。hoặc thời thuyết khổ hoặc thời thuyết lạc。

hoặc nói vô thường, hoặc nói có thường, hoặc lúc nói khổ, hoặc lúc nói vui,

或說有我或說無我。或說有淨或說無淨。或時說有或時說無。

Hoặc thuyết hữu ngã hoặc thuyết vô ngã。hoặc thuyết hữu tịnh hoặc thuyết vô tịnh。hoặc thời thuyết hữu hoặc thời thuyết vô。

hoặc nói có ngã, hoặc nói không ngã, hoặc nói có tịnh, hoặc nói không tịnh, hoặc lúc nói có hoặc lúc nói không。

所為虛妄故名為幻。譬如因子隨子得果。

Sở vi hư vọng cố danh vi huyễn. thí như nhân tử tùy tử đắc quả。

Đó là những lời hư vọng nên gọi là huyễn. Thí như nhân hột giống mà có trái,
瞿曇沙門。亦復如是。摩耶所生母既是幻。

Cồ-đàm Sa Môn. diệc phục như thị. ma da sở sanh mẫu ký thị huyễn。

Sa-môn Cồ-đàm cũng lại như vậy, do bà Ma-da sanh ra. Mẹ đã huyễn ảo
子不得非。沙門瞿曇。無實知見。

Tử bất đắc phi. Sa Môn Cồ-đàm. vô thật tri kiến。

thì con không thể chẳng phải là huyễn ảo. Sa-môn Cồ-đàm thật không có tri kiến chân
thật.

諸婆羅門經年積歲修習苦行護持禁戒。尚言未有真實知見。

Chư Bà-la-môn Kinh niên tích tuế tu tập khổ hạnh hộ trì cấm giới. thượng ngôn vị hữu
chân thật tri kiến。

Các vị Bà-la-môn trải qua nhiều năm tu tập khổ hạnh giữ gìn cấm giới, còn nói rằng chưa
có tri kiến chân thật,

何況瞿曇年少學淺不修苦行。

Hà hướng Cồ-đàm niên thiếu học thiển bất tu khổ hạnh。

hướng là Cồ-đàm tuổi còn trẻ, học lực cạn cợt, chẳng tu khổ hạnh

云何而有真實知見。若能具滿七年苦行見猶不多。

Vân hà nhi hữu chân thật tri kiến. nhược năng cụ mãn thất niên khổ hạnh kiến do bất
đa。

thì làm sao mà có tri kiến chân thật? Nếu Cồ-đàm có thể khổ hạnh đủ bảy năm còn chẳng
phải là nhiều,

況所修習不滿六年。愚人無智信受其教。

hướng sở tu tập bất mãn lục niên. ngu nhân vô trí tín thọ kỳ giáo。

hướng là không đầy sáu năm. Người ngu vô trí mới tin học theo giáo pháp của Cồ-đàm.

如大幻師誑惑愚者。沙門瞿曇。亦復如是。善男子。

Như Đại huyễn sư cuống hoặc ngu giả. Sa Môn Cồ-đàm. diệc phục như thị. thiện nam
tử。

Như nhà đại huyễn thuật phỉnh gạt người ngu, Sa-môn Cồ-đàm cũng lại như vậy. Nay
thiện nam tử!

如是六師於此城中大為眾生增長邪見。

Như thị Lục sư ư thử thành trung Đại vi chúng sanh tăng trưởng tà kiến.

Lục sư ngoại đạo ở trong thành Câu-thi-na này làm cho chúng sanh thêm nhiều tà kiến như vậy.

善男子。我見是事心生憐愍。

Thiện nam tử. ngã kiến thị sự tâm sanh liên mẫn.

Này thiện nam tử! Ta thấy sự việc như vậy sanh lòng thương xót,

以其神力請召十方諸大菩薩。雲集此林周匝彌滿四十由延。

Dĩ kỳ Thần lực thỉnh triệu thập phương chư Đại Bồ Tát. vân tập thử lâm châu tạp di mẫn tứ thập do duyên.

nên dùng thần lực triệu thỉnh chư đại Bồ-tát ở mười phương vân tập trong rừng này đầy chật cả bốn mươi do tuần.

今於此中大師子吼。善男子。

Kim ư thử trung Đại Sư-tử hống. thiện nam tử.

Nay ở trong rừng này, Ta hiện đại sư tử hống. Này thiện nam tử!

雖於空處多有所說。則不得名師子吼也。於此智人大眾之中。

Tuy ư không xử đa hữu sở thuyết. tắc bất đắc danh Sư-tử hống dã. ư thử trí nhân Đại chúng chi trung.

Ở nơi chỗ trống trải vắng vẻ tuy có thuyết pháp nhiều cũng không được gọi là sư tử hống vậy. Ở trong đại chúng toàn bậc trí tuệ như đây

真得名為大師子吼。師子吼者。

Chân đắc danh vi Đại Sư-tử hống. Sư-tử hống giả.

mới được gọi là chân thật đại sư tử hống. Sư tử hống là

說一切法悉無常苦無我不淨。惟說如來常樂我淨。

thuyết nhất thiết Pháp tất vô thường khổ vô ngã bất tịnh. duy thuyết Như Lai thường lạc ngã tịnh.

tuyên thuyết tất cả pháp đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Chỉ nói Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh.

爾時六師復作是言。若瞿曇。有我我亦有我。

Nhĩ thời Lục sư phục tác thị ngôn. nhược Cồ-đàm. hữu ngã ngã diệc hữu ngã.

Lúc đó Lục sư lại nói rằng: Nếu Sa-môn Cồ-đàm có ngã, ta cũng có ngã.

所言我者見者名我。瞿曇。譬如有人向中見物。

Sở ngôn ngữ giả kiến giả danh ngã. Cờ-đàm. thí như hữu nhân hướng trung kiến vật. Chỗ nói là ngã ấy, cái thấy gọi là ngã. Nay Cờ-đàm! Thí như có người hướng vào bên trong mà thấy vật,

我亦如是。向喻於眼。見者喻我。佛告六師。

Ngã diệc như thị. hướng dụ ư nhãn. kiến giả dụ ngã. Phật cáo Lục sư. ngã cũng như vậy. Hướng là dụ cho con mắt, người thấy dụ cho ngã. Phật bảo Lục sư: 若言見者名我。是義不然。何以故。

Nhược ngôn kiến giả danh ngã. thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố.

Nếu nói cái thấy gọi là ngã, nghĩa này không đúng. Vì sao vậy?

汝所引喻因向見者。人在一向六根俱用。

Nhữ sở dẫn dụ nhân hướng kiến giả. nhân tại nhất hướng lục căn câu dụng.

Vì điều dụ của các ông vừa dẫn ra nhân hướng mà thấy. Người ở một hướng, sáu căn đều có tác dụng.

若定有我因眼見者。何不如彼一根之中俱伺諸塵。

nhược định hữu ngã nhân nhãn kiến giả. hà bất như bỉ nhất căn chi trung câu tý chư trần.

Nếu quyết định có ngã nhân nơi con mắt mà thấy, sao không như trong một căn kia đều thấy được các trần cảnh?

若一根中不能一時聞見六塵。當知無我。

Nhược nhất căn trung bất năng nhất thời văn kiến lục trần. đương tri vô ngã.

Nếu trong một căn không thể một lúc nghe thấy sáu trần, nên biết rằng đó là không có ngã.

所引向喻雖經百年見者因之所見無異。眼根若爾。

Sở dẫn hướng dụ tuy Kinh bách niên kiến giả nhân chi sở kiến vô dị. nhãn căn nhược nhĩ.

Điều dụ hướng thấy vật dù trải qua trăm năm, người thấy nhân nơi chỗ thấy vẫn không khác. Nhãn căn nếu như vậy,

年邁根熟亦應無異。人向異故見內見外。

Niên mại căn thực diệc ứng vô dị. nhân hướng dị cố kiến nội kiến ngoại.

đến lúc tuổi già mắt kém lẽ ra cũng không khác. Người cùng hướng khác nhau, thấy trong thấy ngoài.

眼根若爾。亦應內外一時俱見。若不見者云何有我。

Nhãn căn nhược nhĩ. diệc ứng nội ngoại nhất thời câu kiến. nhược bất kiến giả vân hà hữu ngã.

Nhãn căn nếu như vậy, lẽ ra cũng trong ngoài cùng một lúc đều thấy. Nếu không thấy, sao lại nói có ngã?

六師復言。瞿曇。若無我者誰能見耶。佛言。

Lục sư phục ngôn. Cồ-đàm. nhược vô ngã giả thùi năng kiến da. Phật ngôn.

Lục sư lại nói: Này Cồ-đàm! Nếu không có ngã thì ai có thể thấy? Phật bảo:

有色有明有心有眼。是四和合故名為見。

Hữu sắc hữu minh hữu tâm hữu nhãn. thị tứ hòa hợp cố danh vi kiến.

Có sắc, có ánh sáng, có tâm, có nhãn căn, bốn thứ này hòa hợp nên gọi là thấy.

是中實無見者受者。

Thị trung thật vô kiến giả thọ giả.

Trong đây, thật không có người thấy, người thọ.

眾生顛倒言有見者及以受者。以是義故。一切眾生所見顛倒。

Chúng sanh điên đảo ngôn hữu kiến giả cập dĩ thọ giả. dĩ thị nghĩa cố. nhất thiết chúng sanh sở kiến điên đảo.

Chúng sanh điên đảo nói có người thấy có người thọ vậy. Do nghĩa này nên tất cả chúng sanh chỗ thấy biết đều điên đảo.

諸佛菩薩所見真實。六師。若言色是我者。是亦不然。

Chư Phật Bồ Tát sở kiến chân thật. Lục sư. nhược ngôn sắc thị ngã giả. thị diệc bất nhiên.

Chỗ thấy biết của chư Phật và Bồ-tát là chân thật. Này Lục sư! Nếu nói sắc là ngã, đây cũng không đúng.

何以故。色實非我。

Hà dĩ cố. sắc thật phi ngã.

Vì sao vậy? Vì sắc thật chẳng phải là ngã.

色若是我不應而得醜陋形貌。何故復有四姓差別。

Ắc nhược thị ngã bất ứng nhi đắc xú lậu hình mạo. hà cố phục hữu tứ tính sai biệt.

Sắc nếu là ngã lẽ ra phải không có hình dạng xấu xa, sao lại có bốn chủng tánh sai biệt,悉不一種婆羅門耶。何故屬他不得自在。諸根缺陋生不具足。

Tất bất nhất chủng Bà-la-môn da. hà cố thuộc tha bất đắc tự-tại. chư căn khuyết lậu
sinh bất cụ túc

sao tất cả đều không đồng một giòng Bà-la-môn? Vì sao có kẻ thuộc về người khác không
được tự tại? Người tàn tật, sanh ra các căn chẳng đầy đủ?

何故不作諸天之身。

Hà cố bất tác chư Thiên chi thân。

Vì sao không làm thân chư Thiên

而受地獄畜生餓鬼種種諸身。若不能得隨意作者。當知。

nhi thọ Địa-ngục súc sanh ngạ quỷ chủng chủng chư thân. nhược bất năng đắc tùy ý tác
giả. đương tri。

mà lại thọ thân địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh? Nếu không thể tùy ý để làm ra thân, nên biết
rằng

必定無有我也。以無我故名為無常。無常故苦。

Tất định vô hữu ngã dã. dĩ vô ngã cố danh vi vô thường. vô thường cố khổ。

nhất định không có ngã vậy. Vì không có ngã nên gọi là vô thường. Vì vô thường nên có
khổ.

苦故為空。空故顛倒。以顛倒故一切眾生輪轉生死。

Khổ cố vi không. không cố điên đảo. dĩ điên đảo cố nhất thiết chúng sanh luân chuyển
sinh tử。

Vì khổ nên là rỗng không. Vì rỗng không nên điên đảo. Vì điên đảo nên tất cả chúng sanh
luân chuyển trong dòng sinh tử,

受想行識亦復如是。六師。

Thọ tưởng hành thức diệc phục như thị. Lục sư。

như Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức cũng lại như vậy. Nay Lục sư!

如來世尊永斷色縛乃至識縛。是故名為常樂我淨。

Như Lai Thế Tôn vĩnh đoạn sắc phược nãi chí thức phược. thị cố danh vi thường lạc ngã
tịnh。

Như Lai Thế Tôn vĩnh viễn dứt hẳn sự trói buộc của sắc, cho đến sự trói buộc của thức
nên gọi là thường, lạc, ngã tịnh.

復次色者即是因緣。若因緣者則名無我。

Phục thứ sắc giả tức thị nhân duyên. nhược nhân duyên giả tắc danh vô ngã。

Lại sắc ấy chính là nhân duyên. Nếu đã là nhân duyên thì gọi là vô ngã.

若無我者名為苦空。如來之身非是因緣。

Nhược vô ngã giả danh vi khổ không. Như Lai chi thân phi thị nhân duyên。

Nếu là vô ngã thì gọi là khổ không. Thân Như Lai chẳng phải là nhân duyên。

非因緣故則名有我。若有我者即常樂淨。六師復言。

Phi nhân duyên cố tắc danh hữu ngã. nhược hữu ngã giả tức thường lạc tịnh. Lục sư phục ngôn。

Vì chẳng phải nhân duyên nên gọi là có ngã. Nếu có ngã thì chính là thường, lạc, ngã, tịnh. Lục sư lại nói rằng:

瞿曇。色亦非我乃至識亦非我。

Cồ-đàm. sắc diệc phi ngã nãi chí thức diệc phi ngã。

Này Cồ-đàm! Sắc cũng chẳng phải là ngã, cho đến thức cũng chẳng phải là ngã, 我者遍一切處猶如虛空。佛言。

Ngã giả biến nhất thiết xử do như hư không. Phật ngôn。

thế thì ngã khắp tất cả như hư không. Phật nói:

若遍有者則不應言我初不見。若初不見則知是見本無今有。

Nhược biến hữu giả tắc bất ứng ngôn ngã sơ bất kiến. nhược sơ bất kiến tắc tri thị kiến bản vô kim hữu。

Nếu khắp mọi chỗ đều có ngã thì không nên nói rằng trước kia tôi không thấy. Nếu trước kia không thấy thì biết rằng sự thấy này trước không nay có.

若本無今有是名無常。若無常者云何言遍。

Nhược bản vô kim hữu thị danh vô thường. nhược vô thường giả vân hà ngôn biến。

Nếu trước không nay có thì gọi là vô thường. Nếu vô thường sao lại nói là khắp được?

若遍有者五道之中應具有身。若有身者應各受報。

Nhược biến hữu giả ngũ đạo chi trung ứng cụ hữu thân. nhược hữu thân giả ứng các thọ báo。

Nếu ngã là khắp tất cả chỗ đều có thì phải nên có đủ các loại thân trong năm đường. Nếu có đủ thân thì lẽ ra đều thọ báo.

若各受報云何而言轉受人天。

Nhược các thọ báo vân hà nhi ngôn chuyển thọ nhân Thiên

Nếu đều thọ báo sao lại nói rằng trở lại thọ thân người, thân trời?

汝言遍者一耶多耶。我若一者則無父子怨親中人。

Nhữ ngôn biến giả nhất da đa da. ngã nhược nhất giả tắc vô phụ tử oán thân trung nhân.

Ông nói ngã là khắp ấy thì ngã là một hay nhiều? Nếu ngã là một thì trong loài người không có cha con, không có kẻ thù người thân.

我若多者一切眾生所有五根悉應平等。

Ngã nhược đa giả nhất thiết chúng sanh sở hữu ngũ căn tất ứng bình đẳng。

Ngã nếu là nhiều thì căn thân của tất cả chúng sanh lẽ ra đều như nhau,

所有業慧亦應如是

ở hữu nghiệp tuệ diệc ứng như thị。

nghiệp quả và trí tuệ cũng phải như vậy。

若如是者云何說言根有具足不具足者。善業惡業愚智差別。瞿曇。

Nhược như thị giả vân hà thuyết ngôn căn hữu cụ túc bất cụ túc giả。thiện nghiệp ác nghiệp ngu trí sai biệt。Cồ-đàm。

Nếu đồng như nhau thì sao lại nói rằng có người các căn đầy đủ, có người không đầy đủ, nghiệp lành nghiệp ác, kẻ ngu người trí sai khác? Thưa Cồ-đàm!

眾生我者無有邊際。法與非法則有分齊。

Chúng sanh ngã giả vô hữu biên tế。Pháp dữ phi Pháp tắc hữu phần tề。

Ngã của chúng sanh không có ngăn mé, Pháp và phi pháp thì có phân chia。

眾生修法則得好身。若行非法則得惡身。以是義故。

Chúng sanh tu Pháp tắc đắc hảo thân。nhược hành phi Pháp tắc đắc ác thân。dĩ thị nghĩa cố。

Chúng sanh tu tập pháp thì được thân tướng tốt đẹp, nếu thực hành phi pháp thì mang thân xấu xa. Do nghĩa này nên

眾生業果不得無差。

Chúng sanh nghiệp quả bất đắc vô sai。

nghiệp quả chúng sanh có sai khác。

佛言。善男子。

Phật ngôn。thiện nam tử。

Phật bảo: Này thiện nam tử!

法與非法若如是者我則不遍。我若遍者則應悉到。

Pháp dữ phi Pháp nhược như thị giả ngã tắc bất biến. ngã nhược biến giả tắc ứng tất đáo.

Pháp cùng phi Pháp nếu như vậy thì ngã không cùng khắp. Nếu ngã là cùng khắp thì lẽ ra đều đến tất cả.

如其到者修善之人亦應有惡。行惡之人亦應有善。

Như kỳ đáo giả tu thiện chi nhân diệc ứng hữu ác. hành ác chi nhân diệc ứng hữu thiện.

Nếu ngã đều đến tất cả thì người tu thiện lẽ ra cũng phải có ác, người làm ác lẽ ra cũng phải có thiện.

若不爾者云何言遍。瞿曇。譬如一室然百千燈。

Nhược bất nhĩ giả vân hà ngôn biến. Cồ-đàm. thí như nhất thất nhiên bách thiên đăng. Nếu không như vậy sao lại nói rằng ngã cùng khắp? Thừa Cồ-đàm! Thí như trong một ngôi nhà thấp trăm ngàn ngọn đèn.

各各自明不相妨礙。眾生我者亦復如是。

Các các tự minh bất tương phược ngại. chúng sanh ngã giả diệc phục như thị.

Mỗi ngọn đèn tự chiếu sáng không ngăn ngại nhau. Ngã của chúng sanh cũng lại như vậy,

修善行惡不相雜合。善男子。汝等若言我如燈者。

Tu thiện hành ác bất tương tạp hợp. thiện nam tử. nhữ đẳng nhược ngôn ngã như đăng giả.

thực hành điều lành điều ác không xen lộn nhau. Này thiện nam tử! Nếu các ông nói ngã như ngọn đèn,

是義不然。何以故。彼燈之明從緣而有。

Thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố. bỉ đăng chi minh tòng duyên nhi hữu.

nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Vì ánh sáng của ngọn đèn kia do duyên mà có. đèn tăng trưởng故明亦增長。

Đăng tăng trưởng cố minh diệc tăng trưởng.

Ngọn đèn lớn thêm ánh sáng cũng thêm nhiều.

眾生我者則不如是明從燈出住在異處。

Chúng sanh ngã giả tắc bất như thị minh tòng đăng xuất trụ tại dị xứ.

Ngã của chúng sanh thì không như vậy. Ánh sáng từ ngọn đèn chiếu ra, chỗ của ánh sáng khác chỗ với ngọn đèn.

眾生我者不得如是從身而出住在異處。彼燈光明與闇共住。何以故。

Chúng sanh ngã giả bất đắc như thị tòng thân nhi xuất trụ tại dị xử. bỉ đăng quang-minh dĩ ám cộng trụ. hà dĩ cố

Ngã của chúng sanh không từ nơi thân mà ra ở nơi chỗ khác như vậy. Ánh sáng của ngọn đèn kia ở chung với bóng tối. Vì sao vậy?

如闇室中然一燈時照則不了。及至多燈乃得明了。

Như ám thất trung nhiên nhất đăng thời chiếu tắc bất liễu. cập chí đa đăng nãi đắc minh liễu。

Vì như trong căn nhà tối tăm, khi thắp một ngọn đèn chiếu không rõ lắm, thắp nhiều ngọn đèn mới được tỏ sáng.

若初燈破闇則不須後燈。若須後燈。當知。

Nhược sơ đăng phá ám tắc bất tu hậu đăng. nhược tu hậu đăng. đương tri。

Nếu ngọn đèn ban đầu phá hết bóng tối thì lẽ ra không cần ngọn đèn sau. Nếu cần ngọn đèn sau thì nên biết,

初明與闇共住。瞿曇。若無我者誰作善惡。

Sơ minh dĩ ám cộng trụ. Cồ-đàm. nhược vô ngã giả thù tác thiện ác

ánh sáng của ngọn đèn ban đầu cùng ở chung với bóng tối. Thừa Cồ-đàm! Nếu nói không có ngã thì ai làm lành làm ác?

佛言。若我作者云何名常。如其常者。

Phật ngôn. nhược ngã tác giả vân hà danh thường. như kỳ thường giả。

Phật dạy: Nếu là ngã tạo tác sao lại gọi là thường? Nếu ngã là thường,

云何而得有時作善有時作惡。若言有時作善惡者。

Vân hà nhi đắc hữu thời tác thiện hữu thời tác ác. nhược ngôn hữu thời tác thiện ác giả

tại sao có lúc làm lành có lúc làm ác? Nếu cho rằng có lúc làm lành có lúc làm ác,

云何復得言我無邊。若我作者。

Vân hà phục đắc ngôn ngã vô biên. nhược ngã tác giả

tại sao lại nói rằng ngã không có ngần mé? Nếu nói ngã tạo tác,

何故而復習行惡法。如其我是作者。智者何故生疑。

Hà cố nhi phục tập hành ác Pháp. như kỳ ngã thị tác giả. trí giả hà cố sanh nghi。

tại sao lại tập làm điều ác? Nếu như ngã là tác giả, là tri giả, tại sao lại sanh nghi rằng 眾生無我。以是義故外道法中定無有我。

Chúng sanh vô ngã. dĩ thị nghĩa cố ngoại đạo Pháp trung định vô hữu ngã.

Chúng sanh không có ngã? Do nghĩa này nên trong giáo pháp của ngoại đạo quyết định không có ngã.

若言我者則是如來。何以故。身無邊故無疑網故。

Nhược ngôn ngã giả tắc thị Như Lai. hà dĩ cố. thân vô biên cố vô nghi võng cố

Nếu nói là ngã thì đó chính là Như Lai. Vì sao vậy? Vì thân Như Lai là vô biên nên không có lưới nghi;

不作不受故名為常。不生不滅故名為樂。

Bất tác bất thọ cố danh vi thường. bất sanh bất diệt cố danh vi lạc.

không làm không thọ nên gọi là thường; không sanh, không diệt nên gọi là lạc;

無煩惱垢故名為淨。無有十相故名為空。

Vô phiền não cấu cố danh vi tịnh. vô hữu thập tướng cố danh vi không.

không phiền não cấu uế nên gọi là tịnh; không có mười tướng nên gọi là không.

是故如來常樂我淨空無諸相。諸外道言。

Thị cố Như Lai thường lạc ngã tịnh không vô chư tướng. chư ngoại đạo ngôn.

Vì vậy, Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh, rỗng rang không có các tướng. Các ngoại đạo nói rằng:

若言如來常樂我淨無相故空。

Nhược ngôn Như Lai thường lạc ngã tịnh vô tướng cố không

Nếu nói Như Lai là thường, lạc, ngã, tịnh, không có các tướng nên là không,

當知瞿曇所說之法則非空也。是故我今當頂戴受持。

Đương tri Cồ-đàm sở thuyết chi Pháp tắc phi không dã. thị cố ngã kim đương đĩnh đái thọ trì.

nên biết, giáo pháp của Cồ-đàm thuyết giảng chẳng phải là không vậy. Vì thế, hôm nay chúng tôi sẽ cúi đầu đảnh lễ thọ trì.

爾時外道其數無量。於佛法中信心出家。善男子。

Nhĩ thời ngoại đạo kỳ số vô lượng. ư Phật Pháp trung tín tâm xuất gia. thiện nam tử.

Lúc bấy giờ, vô lượng ngoại đạo sanh lòng tin xuất gia trong giáo pháp của Phật. Nay thiện nam tử!

以是因緣故我於此娑羅雙樹大師子吼。

Dĩ thị nhân duyên cố ngã ư thử sa-la song thụ Đại Sư-tử hống

Do nhân duyên này nên Ta ở nơi Ta-la song thụ ấy mà rống tiếng rống đại sư tử.

師子吼者名大涅槃。善男子。

Sư-tử hống giả danh Đại Niết-Bàn。 thiện nam tử。

Sư tử hống ấy gọi là đại Niết-bàn. Đây thiện nam tử!

東方雙者破於無常獲得於常。乃至北方雙者破於不淨而得於淨。

Đông phương song giả phá ư vô thường hoạch đắc ư thường。 nãi chí Bắc phương song giả phá ư bất tịnh nhi đắc ư tịnh。

Cặp cây ở phương Đông, Ta phá sự vô thường chứng được thường trụ, cho đến cặp cây ở phương Bắc, Ta phá bất tịnh mà chứng được tịnh.

善男子。此中眾生為雙樹故護娑羅林。

Thiện nam tử。 thử trung chúng sanh vị song thụ cố hộ sa la lâm。

Này thiện nam tử! Chúng sanh ở trong đây vì các cặp cây này nên bảo hộ rừng Ta-la, không cho外人取其枝葉斫截破壞。我亦如是。

Bất linh ngoại nhân thủ kỳ chi diệp chước tiệt phá hoại。 ngã diệp như thị。

không cho người ngoài bẻ nhánh, hái lá, đốt chặt phá hoại。 Ta cũng như vậy,

為四法故令諸弟子護持佛法。何等名四。常樂我淨。

vì tứ Pháp cố linh chư đệ-tử hộ trì Phật Pháp。 hà đẳng danh tứ。 thường lạc ngã tịnh。

vì bốn pháp nên khiến các đệ tử hộ trì Phật Pháp. Thế nào gọi là bốn? Đó là thường, lạc, ngã, tịnh.

此四雙樹四王典掌。我為四王護持我法。

thử tứ song thụ tứ Vương điển chưởng。 ngã vị tứ Vương hộ trì ngã Pháp。

Bốn cặp cây này là bốn Đại Vương quản trị săn sóc. Ta vì bốn bốn Đại Vương hộ trì chánh pháp của Ta

是故於中而般涅槃。善男子。娑羅雙樹花果常茂。

Thị cố ư trung nhi bát Niết-Bàn。 thiện nam tử。 sa-la song thụ hoa quả thường mậu。

nên ở trong đây mà bát Niết-bàn. Đây thiện nam tử! Bốn cặp cây Ta-la này hoa quả thường sum sê tươi tốt,

常能利益無量眾生。我亦如是。

thường năng lợi ích vô lượng chúng sanh。 ngã diệp như thị。

thường có thể lợi ích vô lượng chúng sanh. Ta cũng như vậy,
常能利益聲聞緣覺。花者喻我。果者喻樂。以是義故。

Thường năng lợi ích thanh văn duyên giác. hoa giả dụ ngã. quả giả dụ lạc. dĩ thị nghĩa cố.

thường có thể lợi ích cho Thanh văn và Duyên giác. Hoa dụ cho ngã, quả dụ cho lạc. Do nghĩa này nên

我於此間婆羅雙樹入大寂定。

Ngã ở giữa gian bà la song thụ nhập Đại tịch định.

Ta ở trong rừng Ta-la song thụ này mà nhập đại tịch định.

大寂定者名大涅槃。師子吼言。世尊。

Đại tịch định giả danh Đại Niết-Bàn. Sư-tử hống ngôn. Thế Tôn.

Đại tịch định ấy gọi là đại Niết-bàn. Sư Tử Hống bạch rằng: Bạch Thế Tôn!

如來何故二月涅槃善男子。二月名春。春陽之月萬物生長。

Như Lai hà cố nhị nguyệt Niết-Bàn thiện nam tử. nhị nguyệt danh xuân. xuân dương chi nguyệt vạn vật sanh trưởng.

Vì sao Như Lai nhập Niết-bàn vào tháng hai? Đây thiện nam tử! Tháng hai gọi là mùa Xuân. Mùa Xuân vạn vật sinh sôi nảy nở,

種植根栽花果敷榮。江河盈滿百獸孚乳。

Chủng thực căn tài hoa quả phu vinh. giang hà doanh mãn bách thú phu nữ gieo trồng cây cối, hoa quả tươi tắn xinh đẹp, sông rạch đầy nước, trăm thú sinh sản. 是時眾生多生常想。為破眾生如是常心。

Thị thời chúng sanh đa sanh thường tưởng. vị phá chúng sanh như thị thường tâm

Do đây nên phần nhiều chúng sanh sanh tưởng là thường. Vì để phá quan niệm cho là thường như vậy của chúng sanh

說一切法悉是無常。惟說如來常住不變。善男子。

Thuyết nhất thiết Pháp tất thị vô thường. duy thuyết Như Lai thường trụ bất biến. thiện nam tử.

nên Ta nói tất cả pháp đều là vô thường, chỉ nói Như Lai là thường trụ bất biến. Đây thiện nam tử!

於六時中孟冬枯悴眾不愛樂。春陽和液人所貪愛。

ư lục thời trung mạnh đông khô tụy chúng bất ái lạc。 xuân dương hòa dịch nhân sở tham ái。

Ở trong ba mùa sau tiết, mạnh Đông cây cối khô héo, mọi người không ưa thích. Dương Xuân ấm áp mọi người tham ưa.

為破眾生世間樂故。演說常樂我淨亦爾。

vị phá chúng sanh thế gian lạc cố。 diễn thuyết thường lạc ngã tịnh diệt nhĩ。

Vì để phá sự ưa thích thế gian của chúng sanh nên Ta diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh như vậy.

如來為破世我世淨故說如來真實我淨。

Như Lai vị phá thế ngã thế tịnh cố thuyết Như Lai chân thật ngã tịnh。

Như Lai vì phá ngã thế gian và tịnh thế gian nên nói Như Lai là chân thật ngã tịnh。

言二月者。喻於如來二種法身。冬不樂者。

Ngôn nhị nguyệt giả。 dụ ư Như Lai nhị chủng Pháp thân。 đông bất lạc giả。

Nói tháng hai là dụ cho hai thứ Pháp thân của Như Lai. Mùa Đông người không ưa thích là dụ

智者不樂如來無常入於涅槃。二月樂者。

Trí giả bất lạc Như Lai vô thường nhập ư Niết-Bàn。 nhị nguyệt lạc giả。

người trí không thích Như Lai vô thường nhập Niết-bàn. Tháng hai người ưa thích là喻於智者愛樂如來常樂我淨。種植者。

Dụ ư trí giả ái lạc Như Lai thường lạc ngã tịnh。 chủng thực giả。

dụ cho người trí ưa thích Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh. Gieo trồng

喻諸眾生聞法歡喜發阿耨多羅三藐三菩提心種諸善根。

Dụ chư chúng sanh văn Pháp hoan hỷ phát a nậu đa la tam miếu tam Bồ đề tâm chủng chư thiện căn。

dụ cho chúng sanh nghe pháp vui mừng phát tâm A-nậu-đa-la-tam-miếu-tam-bồ-đề, vun trồng các căn lành.

河者。

Hà giả。

Sông rạch

喻於十方諸大菩薩來詣我所諮受如是大涅槃典。

Dụ ư thập phương chư Đại Bồ Tát lai nghê ngã sở ti thọ như thị Đại Niết-Bàn điển。

dụ cho các đại Bồ-tát ở mười phương đến chỗ Ta tham hỏi kinh đại Niết-bàn này.

百獸孚乳者。喻我弟子生諸善根

bách thú phu nhũ giả. dụ ngã đệ-tử sanh chư thiện căn.

Trăm thú sinh sản là dụ cho các đệ tử của Ta sanh căn lành.

花喻七覺果喻四果。以是義故。

Hoa dụ thất giác quả dụ tứ quả. dĩ thị nghĩa cố.

Hoa dụ cho bảy giác chi, quả dụ cho bốn đạo quả. Do nghĩa này nên

我於二月入大涅槃。師子吼言。

Ngã ư nhị nguyệt nhập Đại Niết-Bàn. Sư-tử hống ngôn.

Ta nhập đại Niết-bàn vào tháng hai. Sư Tử Hống Bạch rằng:

如來初生出家成道轉妙法輪皆以八日。何故涅槃獨十五日。佛言。

Như Lai sơ sanh xuất gia thành đạo chuyển diệu Pháp luân giai dĩ bát nhật. hà cố Niết-

Bàn độc thập ngũ nhật. Phật ngôn.

Như Lai đản sanh, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân đều vào ngày mồng tám, vì sao riêng Niết-bàn vào ngày rằm? Phật dạy:

善哉善哉。善男子。如十五日月無虧盈。

Thiện tai Thiện tai. thiện nam tử. như thập ngũ nhật nguyệt vô khuy doanh.

Hay thay! Hay thay! Nay thiện nam tử! Như mặt trăng rằm đầy không khuyết,

諸佛如來亦復如是。入大涅槃無有虧盈。以是義故。

Chư Phật như lai diệc phục như thị. nhập Đại Niết-Bàn vô hữu khuy doanh. dĩ thị nghĩa cố.

chư Phật Như Lai cũng lại như vậy, nhập đại Niết-bàn không có khuyết đầy. Do nghĩa này
以十五日入般涅槃。善男子。

Dĩ thập ngũ nhật nhập bát Niết-Bàn. thiện nam tử.

nên Ta nhập Niết-bàn vào ngày rằm. Nay thiện nam tử!

如十五日月盛滿時有十一事。何等十一。一能破闇。

Như thập ngũ nhật nguyệt thịnh mãn thời hữu thập nhất sự. hà đẳng thập nhất. nhất năng phá ám.

Như đêm rằm trăng tròn, có mười một điều. Những gì là mười một? Một là có thể phá bóng tối.

二令眾生見道非道。三令眾生見道邪正。

Nhị linh chúng sanh kiến đạo phi đạo. tam linh chúng sanh kiến đạo tà chánh.
Hai là làm cho chúng sanh thấy rõ đường sá hay chẳng phải đường sá. Ba là làm cho chúng sanh thấy đường ngay đường cong.

四除鬱蒸得清涼樂。五能破壞熒火高心。

Tứ trừ uất chưng đắc thanh lương lạc. ngũ năng phá hoại huỳnh hỏa cao tâm.

Bốn là trừ nóng nực được mát mẻ. Năm là có thể phá tâm cao ngạo của lửa đom đóm.

六息一切賊盜之想。七除眾生畏惡獸心。

Lục tức nhất thiết tặc đạo chi tưởng. thất trừ chúng sanh úy ác thú tâm.

Sáu là dứt tất cả tư tưởng trộm cướp. Bảy là trừ tâm sợ ác thú của chúng sanh.

八能開敷優鉢羅花。九合蓮花。十引發行人進路之心。

Bát năng khai phu Ưu bát la hoa. cửu hợp liên hoa. thập dẫn phát hành nhân tiến lộ chi tâm.

Tám là có thể làm cho hoa Ưu-đàm-bát nở. Chín là làm cho hoa sen búp lại. Mười là dẫn phát lòng tiến lên của người đi đường.

十一令諸眾生樂受五欲多獲快樂。善男子。

Thập nhất linh chư chúng sanh lạc thọ ngũ dục đa hoạch khoái lạc. thiện nam tử

Mười một là làm cho chúng sanh thích ngũ dục được nhiều khoái lạc. Nay thiện nam tử!

如來滿月亦復如是。一者破壞無明大闇。

Như Lai mãn nguyệt diệc phục như thị. nhất giả phá hoại vô minh Đại ám.

Như Lai trăng đầy cũng lại như vậy. Một là phá hoại bóng tối vô minh.

二者演說正道邪道。三者開示生死邪嶮。

Nhị giả diễn thuyết chánh đạo tà đạo. tam giả khai thị sanh tử tà hiểm.

Hai là diễn thuyết đường chánh, đường tà. Ba là chỉ bày sanh tử là tà hiểm,

涅槃平正。四者令人遠離貪欲瞋恚癡熱。

Niết-Bàn bình chánh. tứ giả linh nhân viễn li tham dục sân khüế si nhiệt.

Niết-bàn là bằng phẳng. Bốn là khiến người xa lìa tham dục, sân giận, ngu si, nóng nảy.

五者破壞外道無明。六者破壞煩惱結賊。

Ngũ giả phá hoại ngoại đạo vô minh. lục giả phá hoại phiền não kết tặc.

Năm là phá hoại vô minh của ngoại đạo. Sáu là phá hoại giặc kết sử phiền não.

七者除滅畏五蓋心。八者開敷眾生種善根心。

Thất giả trừ diệt úy ngũ cái tâm. bát giả khai phu chúng sanh chủng thiện căn tâm.

Bảy là trừ tâm lo sợ ngũ cái. Tám là làm nảy nở tâm vun trồng căn lành của chúng sanh.
九者覆蓋眾生五欲之心。

Cửu giả phúc cái chúng sanh ngũ dục chi tâm。

Chín là che trùm tâm ngũ dục của chúng sanh。

十者發起眾生進修趣向大涅槃行。十一者令諸眾生樂修解脫。

Thập giả phát khởi chúng sanh tiến tu thú hưởng Đại Niết-Bàn hành. thập nhất giả linh
chư chúng sanh lạc tu giải thoát。

Mười là phát khởi hạnh tiến tu hưởng đến đại Niết-bàn của chúng sanh. Mười một là khiến
các chúng sanh thích tu giải thoát。

以是義故。於十五日入大涅槃。

Dĩ thị nghĩa cố. ư thập ngũ nhật nhập Đại Niết-Bàn。

Do nghĩa này nên Ta nhập đại Niết-bàn vào ngày rằm。

而我真實不入涅槃。我弟子中愚癡惡人。定謂如來入於涅槃。

Nhi ngã chân thật bất nhập Niết-Bàn. ngã đệ-tử trung ngu si ác nhân. định vị Như Lai
nhập ư Niết-Bàn。

Nhưng thật ra, Ta chẳng nhập Niết-bàn. Trong hàng đệ tử của Ta, có những người ngu si
xấu ác, quyết định cho rằng Như Lai nhập Niết-bàn。

譬如母人多有諸子。其母捨行至他國土。

Thí như mẫu nhân đa hữu chư tử. kỳ mẫu xả hành chí tha quốc độ。

Thí như người mẹ có đông con. Người mẹ bỏ đi đến nước khác。

未還之頃諸子各言。我母已死。

Vị hoàn chi khoảnh chư tử các ngôn. ngã mẫu dĩ tử。

Trong thời gian chưa trở về, các con đều bảo rằng mẹ tôi đã chết。

而是母人實不死也。

Nhi thị mẫu nhân thật bất tử dã。

Nhưng thật ra người mẹ này không chết。

師子吼菩薩言。世尊。

Sư-tử hống Bồ Tát ngôn. Thế Tôn。

Bồ-tát Sư Tử Tống bạch rằng: Bạch Thế Tôn!

何等比丘能莊嚴此娑羅雙樹。善男子。

Hà đẳng Tỳ-kheo năng trang nghiêm thử sa-la song thụ. thiện nam tử

Hạng Tỳ-kheo nào có thể trang nghiêm rừng Ta-la song thọ này? Nay thiện nam tử!
若有比丘受持讀誦十二部經。正其文句通達深義為人解說初中後善。

Nhược hữu Tỳ-kheo thọ trì đọc tụng thập nhị bộ Kinh. chánh kỳ văn cú thông đạt thâm
nghĩa vị nhân giải thuyết sơ trung hậu thiện。

Nếu có Tỳ-kheo thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, văn nghĩa đúng, thông đạt thâm nghĩa,
vì người giải nói, chỗ thuyết giảng trước giữa sau đều lành,
為欲利益無量眾生演說梵行。

vị dục lợi ích vô lượng chúng sanh diễn thuyết phạm hạnh
vì muốn lợi ích vô lượng chúng sanh mà diễn thuyết phạm hạnh,
如是比丘則能莊嚴娑羅雙樹。師子吼菩薩言。世尊。

Như thị Tỳ-kheo tác năng trang nghiêm sa-la song thọ. Sư-tử hống Bồ Tát ngôn. Thế
Tôn。

Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm Ta-la song thọ. Bồ-tát Sư Tử Tống bạch rằng: Bạch
Thế Tôn!

如我解佛所說義者。阿難比丘即其人也。何以故。

Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa giả. A Nan Tỳ-kheo tức kỳ nhân dã. hà dĩ cố
Như chỗ con hiểu ý nghĩa của Phật nói thì Tỳ-kheo A-nan chính là hạng người ấy. Vì sao
vậy?

阿難比丘受持讀誦十二部經。

A Nan Tỳ-kheo thọ trì đọc tụng thập nhị bộ Kinh。

Vì Tỳ-kheo A-nan thọ trì đọc tụng mười hai bộ Kinh,

為人開說正語正義。猶如寫水置之異器。

vị nhân khai thuyết chánh ngữ chánh nghĩa. do như tả thủy trí chi dị khí。

vì người khai thị diễn thuyết lời cùng nghĩa đều chân chánh. Như đem nước rót vào các đồ
đựng khác nhau,

阿難比丘亦復如是。從佛所聞如聞轉說。

A Nan Tỳ-kheo diệc phục như thị. tòng Phật sở văn như văn chuyển thuyết。

Tỳ-kheo A-nan cũng lại như vậy, đúng như chỗ đã nghe nơi đức Phật, nghe rồi diễn thuyết
lại.

善男子。

Thiện nam tử

Này thiện nam tử!

若有比丘得淨天眼見於十方三千大千世界所有。如觀掌中菴摩勒果。

Nhược hữu Tỳ-kheo đắc tịnh Thiên nhãn kiến ư thập phương tam Thiên Đại Thiên thế giới sở hữu. như quán chướng trung am ma lạc quả。

Nếu có Tỳ-kheo được Thiên nhãn thanh tịnh, thấy Tam thiên đại thiên thế giới ở mười phương như xem trái Am-ma-lặc trong bàn tay, 如是比丘亦能莊嚴娑羅雙樹。師子吼言。世尊。

Như thị Tỳ-kheo diệc năng trang nghiêm sa-la song thụ。Sư-tử hống ngôn。Thế Tôn。

Tỳ-kheo như vậy cũng có thể trang nghiêm Ta-la song thụ。Bồ-tát Sư Tử Tổng bạch rằng: Bạch Thế Tôn!

若如是者。阿尼樓駄比丘即其人也。何以故。

Nhược như thị giả。A-ni-lâu-đà Tỳ-kheo tức kỳ nhân dã。hà dĩ cố。

Nếu như vậy, Tỳ-kheo A-ni-lâu-đà chính là hạng người này. Vì sao vậy?

阿尼樓駄。

A-ni-lâu-đà

Vì A-ni-lâu-đà

天眼見於三千大千世界所有乃至中陰。悉能明了無障礙故。

Thiên nhãn kiến ư tam Thiên Đại Thiên thế giới sở hữu nãi chí trung âm。tất năng minh liễu Vô chướng ngại cố。

có Thiên nhãn thấy rõ Tam thiên đại thiên thế giới, cho đến thân trung âm đều thấy rõ ràng không chướng ngại。

善男子。若有比丘少欲知足心樂寂靜。

Thiện nam tử。nhược hữu Tỳ-kheo thiếu dục tri túc tâm lạc tịch tĩnh。

Này thiện nam tử! Nếu có Tỳ-kheo thiếu dục tri túc, tâm thích tịch tĩnh,

勤行精進念定慧解。

Tinh cần hành tinh tấn niệm định tuệ giải

siêng tu tinh tấn, niệm, định, tuệ, giải thoát,

如是比丘則能莊嚴娑羅雙樹。師子吼言。世尊。若如是者。

Như thị Tỳ-kheo tắc năng trang nghiêm sa-la song thụ。Sư-tử hống ngôn。Thế tôn。nhược như thị giả。

Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm Ta-la song thọ. Sư Tử Hống bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy,

迦葉比丘即其人也。何以故。

Ca-diếp Tỳ-kheo tức kỳ nhân dã. hà dĩ cố.

Tỳ-kheo Ca-diếp chính là hạng người này. Vì sao vậy?

迦葉比丘善修少欲知足等法。

Ca-diếp Tỳ-kheo thiện tu thiếu dục tri túc đẳng Pháp.

Vì Tỳ-kheo Ca-diếp khéo tu các pháp thiếu dục tri túc.

善男子。若有比丘為益眾生故不為利養。

Thiện nam tử. nhược hữu Tỳ-kheo vị ích chúng sanh cố bất vị lợi dưỡng.

Này thiện nam tử! Nếu có Tỳ-kheo vì lợi ích chúng sanh không vì lợi dưỡng mà
修習通達無諍三昧聖行空行。

Tu tập thông đạt vô tránh tam muội Thánh hạnh không hạnh

tu tập thông đạt Vô tránh Tam muội, Thánh hạnh, Không hạnh,

如是比丘則能莊嚴娑羅雙樹。師子吼言。世尊。若如是者。

Như thị Tỳ-kheo tắc năng trang nghiêm sa-la song thọ. Sư-tử hống ngôn. Thế tôn. nhược như thị giả.

Tỳ-kheo như vậy có thể trang nghiêm Ta-la song thọ. Sư Tử Hống bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy,

須菩提比丘即其人也。何以故。須菩提者。

Tu Bồ đề Tỳ-kheo tức kỳ nhân dã. hà dĩ cố. Tu Bồ đề giả

Tỳ-kheo Tu-bồ-đề chính là hạng người này. Vì sao vậy? Vì Tu-bồ-đề
善修無諍聖行空行故。

Thiện tu vô tránh Thánh hạnh không hạnh cố.

khéo tu tập Vô tránh, Thánh hạnh, Không hạnh.

善男子。若有比丘善修神通。

Thiện nam tử. nhược hữu Tỳ-kheo thiện tu Thần thông.

Này thiện nam tử! Nếu có Tỳ-kheo khéo tu tập thần thông,

一念之中能作種種神通變化。

Nhất niệm chi trung năng tác chủng chủng Thần thông biến hoá.

trong khoảng một niệm có thể biến hóa các loại thần thông,

一心一定能作二果所謂水火。如是比丘則能莊嚴娑羅雙樹。師子吼言。

Nhất tâm nhất định năng tác nhị quả sở vị thủy hỏa。 như thị Tỳ-kheo tác năng Trang nghiêm sa-la song thụ。 Sư tử hống ngôn。

một tâm một định có thể biến hóa ra hai thứ là nước và lửa, Tỳ-kheo như vậy, có thể trang nghiêm Ta-la song thụ。 Sư Tử Hống bạch rằng:

世尊。若如是者。目連比丘即其人也。何以故。

Thế tôn。 nhược như thị giả。 mục liên Tỳ-kheo tức kỳ nhân dã。 hà dĩ cố。

Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy, Tỳ-kheo Mục-kiền-liên chính là hạng người này. Vì sao vậy?

目捷連者。善修神通無量變化故。

Mục-kiền-liên giả。 thiện tu Thần thông vô lượng biến hoá cố。

Vì Mục-kiền-liên khéo tu thần thông biến hóa vô lượng。

善男子。

Thiện nam tử。

Này thiện nam tử!

若有比丘修習大智利智疾智解脫智甚深智廣智無邊智無勝智實智。

Nhược hữu Tỳ-kheo tu tập Đại trí lợi trí tậ trí giải thoát trí thậm thâm trí quảng trí vô biên trí Vô thắng trí thật trí。

Nếu có Tỳ-kheo tu tập đại trí, lợi trí, tậ trí, giải thoát trí, thậm thâm trí, quảng trí, vô biên trí, vô thắng trí, thật trí,

具足成就如是慧根。於怨親中心無差別。

Cụ túc thành tựu như thị tuệ căn。 ư oán thân trung tâm vô sai biệt。

thành tựu đầy đủ tuệ căn như vậy, đối với người thân kẻ thù tâm không sai biệt;

若聞如來涅槃無常心不憂感。

Nhược văn Như Lai Niết-Bàn vô thường tâm bất ưu thích。

nếu nghe Như Lai vô thường nhập Niết-bàn tâm không lo buồn;

若聞常住不入涅槃不生欣慶。如是比丘則能莊嚴娑羅雙樹。

Nhược văn thường trụ bất nhập Niết-Bàn bất sanh hân khánh。 như thị Tỳ-kheo tác năng trang nghiêm sa-la song thụ。

nếu nghe Như Lai thường trụ không nhập Niết-bàn cũng không mừng rỡ, Tỳ-kheo như vậy, có thể trang nghiêm Ta-la song thụ。

師子吼言。世尊。若如是者。舍利弗比丘即其人也。

Sư-tử hống ngôn. Thế tôn. nhược như thị giả. Xá lợi Phất Tỳ-kheo tức kỳ nhân dã.
Sư Tử Hống bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy, Tỳ-kheo Xá-lợi-phất chính là hạng người này.

何以故。舍利弗者。

Hà dĩ cố. Xá lợi Phất giả.

Vì sao vậy? Vì Xá-lợi-phất
善能成就具足如是大智慧故。

Thiện năng thành tựu cụ túc như thị Đại trí tuệ cố.

khéo có thể thành tựu đầy đủ đại trí tuệ như vậy.

善男子。

Thiện nam tử.

Này thiện nam tử!

若有比丘能說眾生悉有佛性得金剛身無有邊際。

Nhược hữu Tỳ-kheo năng thuyết chúng sanh tất hữu Phật tánh đắc Kim cương thân vô hữu biên tế.

Nếu có Tỳ-kheo có thể nói chúng sanh đều có Phật tánh, được thân Kim cương không có ngăn mé,

常樂我淨身心無礙得八自在。如是比丘則能莊嚴娑羅雙樹。師子吼言。

Thường lạc ngã tịnh thân tâm vô ngại đắc bát tự-tại. như thị Tỳ-kheo tắc năng trang nghiêm sa-la song thụ. Sư-tử hống ngôn

thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại được tám tự tại, Tỳ-kheo như vậy, có thể trang

nghiêm Ta-la song thụ. Sư Tử Hống bạch rằng:

世尊。若如是者。惟有如來即其人也。何以故。

Thế tôn. nhược như thị giả. duy hữu Như Lai tức kỳ nhân dã. hà dĩ cố.

Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy, chỉ có Như Lai mới chính là hạng người này. Vì sao vậy?
如來之身金剛無邊。

Như Lai chi thân Kim cương vô biên.

Vì thân Như Lai là thân Kim cương không ngăn mé,

常樂我淨身心無礙具八自在故。世尊。

Thường lạc ngã tịnh thân tâm vô ngại cụ bát tự-tại cố. Thế tôn.

là thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại đủ tám tự tại vậy. Bạch Thế Tôn!

惟有如來乃能莊嚴娑羅雙樹。如其無者則不端嚴。惟願大慈。

Duy hữu Như Lai nãi năng trang nghiêm sa-la song thọ. như kỳ vô giả tác bất đoan nghiêm. duy nguyện Đại từ.

Chỉ có Như Lai mới có thể trang nghiêm Ta-la song thọ. Nếu không đức Như Lai thì không trang nghiêm. Cúi xin đấng Đại từ

為莊嚴故常住於此娑羅林中。佛言。善男子。

vị trang nghiêm cố thường trụ ư thủ sa la lâm trung. Phật ngôn. thiện nam tử.

vì để trang nghiêm mà thường ở trong rừng Ta-la song thọ này. Phật dạy: Này thiện nam tử!

一切諸法性無住住。汝云何言願如來住。善男子。

Nhất thiết chư Pháp tánh vô trụ trụ. nhữ vân hà ngôn nguyện Như Lai trụ. thiện nam tử.

Tất cả các pháp tánh không có trụ ở. Sao ông lại nói xin Như Lai trụ ở? Này thiện nam tử!

凡言住者名為色法。從因緣生故名為住。

Phàm ngôn trụ giả danh vi sắc Pháp. tông nhân duyên sanh cố danh vi trụ.

Phàm nói trụ ấy gọi là sắc pháp, từ nhân duyên sanh nên gọi là trụ.

因緣無處故名不住住。如來已斷一切色縛。

Nhân duyên vô xử cố danh bất trụ trụ. Như Lai dĩ đoạn nhất thiết sắc phược.

Nhân duyên không nơi chốn nên gọi là không trụ ở. Như Lai dứt hẳn tất cả sự trói buộc của sắc,

云何當言如來住耶。受想行識亦復如是。善男子。

Vân hà đương ngôn Như Lai trụ da. thọ tưởng hành thức diệc phục như thị. thiện nam tử.

sao lại nói rằng Như Lai trụ? Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này thiện nam tử!

住名憍慢。以憍慢故不得解脫。

Trụ danh kiêu mạn. dĩ kiêu mạn cố bất đắc giải thoát.

Trụ gọi là kiêu mạn, do kiêu mạn nên không được giải thoát,

不得解脫故名為住。誰有憍慢從何處來。

Bất đắc giải thoát cố danh vi trụ. thù hữu kiêu mạn tông hà xử lai.

vì không được giải thoát nên gọi là trụ. Ai có kiêu mạn? Từ chỗ nào đến?

是故得名為無住住。如來永斷一切憍慢。

Thị cố đắc danh vi vô trụ trụ. Như Lai vĩnh đoạn nhất thiết kiêu mạn.

Vì vậy được gọi là trụ nơi vô trụ. Như Lai dứt hẳn tất cả kiêu mạn,
云何而言願如來住。住者名有為法。

Vân hà nhi ngôn nguyện Như Lai trụ. trụ giả danh hữu vi Pháp.

sao lại nói rằng xin Như Lai trụ ở? Trụ ấy gọi là pháp hữu vi.

如來已斷有為之法是故不住。住名空法。如來已斷如是空法。

Như Lai dĩ đoạn hữu vi chi Pháp thị cố bất trụ. trụ danh không Pháp. Như Lai dĩ đoạn như thị không Pháp。

Như Lai đã dứt hẳn các pháp hữu vi nên không trụ ở. Trụ là pháp không, Như Lai đã dứt hẳn pháp không như vậy

是故獲得常樂我淨。云何而言願如來住。

Thị cố hoạch đắc thường lạc ngã tịnh. vân hà nhi ngôn nguyện Như Lai trụ.

nên được thường, lạc, ngã, tịnh. Sao lại nói rằng xin Như Lai trụ ở?

住者名為二十五有。如來已斷二十五有。

Trụ giả danh vi nhị thập ngũ hữu. Như Lai dĩ đoạn nhị thập ngũ hữu。

Trụ ấy gọi là hai mươi lăm cõi. Như Lai đã dứt hẳn hai mươi lăm cõi,

云何而言願如來住。住者即是一切凡夫。

Vân hà nhi ngôn nguyện Như Lai trụ. trụ giả tức thị nhất thiết phàm phu。

sao lại nói rằng xin Như Lai trụ ở? Trụ ấy chính là tất cả phàm phu.

諸聖無去無來無住。如來已斷去來住相。云何言住。

chư Thánh vô khứ vô lai vô trụ. Như Lai dĩ đoạn khứ lai trụ tướng. vân hà ngôn trụ。

Các bậc Thánh nhân không đi, không đến, không trụ ở. Như lai đã dứt hẳn tướng đi, đến, dừng ở, sao lại nói trụ ở?

夫無住者名無邊身。

Phu vô trụ giả danh vô biên thân。

Luận về vô trụ ấy gọi là thân vô biên.

身無邊故云何而言惟願如來住娑羅林。若住此林則是有邊身。

Thân vô biên cố vân hà nhi ngôn duy nguyện Như Lai trụ sa la lâm. nhược trụ thử lâm tắc thị hữu biên thân。

Vì thân vô biên, sao lại nói rằng xin Như Lai trụ ở rừng Ta-la? Nếu Như Lai trụ ở rừng này là thân hữu biên.

若有邊則是無常。如來是常云何言住。

Nhược hữu biên tắc thị vô thường. Như Lai thị thường vân hà ngôn trụ.

Nếu thân hữu biên thì là vô thường. Như Lai là thường trụ, sao lại nói rằng trụ ở?

夫無住者名曰虛空。如來之性同於虛空云何言住。

Phu vô trụ giả danh viết hư không. Như Lai chi tánh đồng ư hư không vân hà ngôn trụ.

Phàm vô trụ gọi là hư không. Tánh của Như Lai đồng với hư không, sao lại nói là trụ?

又無住者名金剛三昧。金剛三昧壞一切住。

Hựu vô trụ giả danh Kim cương tam muội. Kim cương tam muội hoại nhất thiết trụ

Lại vô trụ gọi là Kim cương Tam muội. Kim cương Tam muội phá hoại tất cả trụ.

金剛三昧即是如來云何言住。又無住者。則名為幻。

Kim cương tam muội tức thị Như Lai vân hà ngôn trụ. hựu vô trụ giả. tắc danh vi huyễn.

Kim cương Tam muội chính là Như Lai, sao lại nói là trụ ở? Lại vô trụ gọi là huyễn.

如來同幻云何言住。又無住者名無始終。

Như Lai đồng huyễn vân hà ngôn trụ. hựu vô trụ giả danh vô thủy chung.

Như Lai đồng với huyễn, sao lại nói là trụ ở? Lại vô trụ gọi là vô thủy vô chung.

如來之性無有始終云何言住。

Như Lai chi tánh vô hữu thủy chung vân hà ngôn trụ.

Tánh của Như Lai không có thủy chung, sao lại nói là trụ ở?

又無住者名無邊法界。無邊法界即是如來云何言住。

Hựu vô trụ giả danh vô biên Pháp giới. vô biên Pháp giới tức thị Như Lai vân hà ngôn trụ.

Lại vô trụ gọi là pháp giới vô biên. Pháp giới vô biên chính là Như Lai, sao lại nói là trụ ở?

又無住者名首楞嚴三昧。

Hựu vô trụ giả danh Thủ Lăng Nghiêm tam muội.

Lại vô trụ gọi là Thủ lăng nghiêm Tam muội.

首楞嚴三昧知一切法而無所著。以無著故名首楞嚴。

Thủ Lăng Nghiêm tam muội tri nhất thiết Pháp nhi vô sở trước. dĩ vô trước cố danh Thủ Lăng Nghiêm.

Thủ lãng nghiêm Tam muội biết tất cả pháp mà không chấp trước. Vì không chấp trước nên gọi là Thủ lãng nghiêm.

如來具足首楞嚴定云何言住。又無住者名處非處力。

Như Lai cụ túc Thủ Lãng Nghiêm định vân hà ngôn trụ. hựu vô trụ giả danh xứ phi xứ lực。

Như Lai đầy đủ định Thủ lãng nghiêm, sao lại nói là trụ ở? Lại vô trụ gọi là Xứ phi xứ lực. 如來成就處非處力云何言住。

Như Lai thành tựu xứ phi xứ lực vân hà ngôn trụ。

Như Lai thành tựu Xứ phi xứ lực, sao lại nói là trụ ở?

又無住者名檀波羅蜜。檀波羅蜜若有住者。

Hựu vô trụ giả danh đàn ba la mật. đàn ba la mật nhược hữu trụ giả。

Lại vô trụ gọi là Đàn Ba-la-mật. Đàn Ba-la-mật nếu có trụ

則不得至尸波羅蜜乃至般若波羅蜜。以是義故。

Tắc bất đắc chí thi ba la mật nãi chí bát nhã ba la mật. dĩ thị nghĩa cố。

thì không đến được Thi-la Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật. Do nghĩa này nên檀波羅蜜名為無住。如來乃至不住般若波羅蜜。

Đàn ba la mật danh vi vô trụ. Như Lai nãi chí bất trụ bát nhã ba la mật。

Đàn Ba-la-mật gọi là vô trụ. Như Lai cho đến không trụ Bát nhã Ba-la-mật,

云何願言如來常住娑羅樹林。

Vân hà nguyện ngôn Như Lai thường trụ sa-la thụ lâm。

sao lại nói rằng xin Như Lai thường trụ nơi rừng Ta-la song thọ?

又無住者名修四念處。如來若住四念處者。

hựu vô trụ giả danh tu tứ niệm xứ. Như Lai nhược trụ tứ niệm xứ giả。

Lại vô trụ gọi là tu Tứ niệm xứ. Như Lai nếu trụ nơi Tứ niệm xứ

則不能得阿耨多羅三藐三菩提。是名不住住。

tắc bất năng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. thị danh bất trụ trụ。

thì không thể được A-nậu-đa-la-tam-miểu-tam-bồ-đề, đây gọi là trụ nơi vô trụ.

又無住者名無邊眾生界。

Hựu vô trụ giả danh vô biên chúng sanh giới。

Lại vô trụ ấy gọi là chúng sanh giới vô biên.

如來悉到一切眾生無邊界分而無所住。又無住者名無屋宅。

Như Lai tất đáo nhất thiết chúng sanh vô biên giới phân nhi vô sở trụ. hựu vô trụ giả danh vô ốc trạch。

Như Lai đều đến tột ngàn mé vô biên của tất cả chúng sanh giới mà không chỗ trụ ở. Lại vô trụ gọi là không nhà cửa.

無屋宅者名為無有。無有者名為無生。無生者名為無死。

Vô ốc trạch giả danh vi vô hữu. vô hữu giả danh vi vô sanh. vô sanh giả danh vi vô tử. Không nhà cửa gọi là không có, không có gọi là không sanh, không sanh gọi là không chết,

無死者名為無相。無相者名為無繫。

Vô tử giả danh vi vô tướng. vô tướng giả danh vi vô hệ không chết gọi là không tướng, không tướng gọi là không trói buộc,

無繫者名為無著。無著者名為無漏。

Vô hệ giả danh vi Vô trước. Vô trước giả danh vi vô lậu。

không trói buộc gọi là không chấp trước, không chấp trước gọi là vô lậu, 無漏即善善即無為。無為者即大涅槃。

Vô lậu tức thiện thiện tức vô vi. vô vi giả tức Đại Niết-Bàn。

vô lậu chính là thiện, thiện chính là vô vi, vô vi chính là đại Niết-bàn, 大涅槃即常常者即我。我者即淨淨者即樂。

Đại Niết-bàn tức thường thường giả tức ngã. ngã giả tức tịnh tịnh giả tức lạc。

đại Niết-bàn chính là thường, thường tức ngã, ngã tức là tịnh, tịnh tức là lạc。

常樂我淨即是如來。善男子。

Thường lạc ngã tịnh tức thị Như Lai. thiện nam tử。

Thường, lạc, ngã, tịnh chính là Như Lai. Này thiện nam tử!

譬如虛空不住東方南西北方四維上下。如來亦爾。

Thí như hư không bất trụ Đông phương Nam Tây Bắc phương tứ duy thượng hạ. Như Lai diệc nhĩ。

Thí như hư không, không trụ ở phương Đông, Nam, Tây, Bắc, bốn phương trên dưới. Như Lai cũng như vậy,

不住東方南西北方四維上下。善男子。

Bất trụ Đông phương Nam Tây Bắc phương tứ duy thượng hạ. thiện nam tử。

không trụ ở phương Đông, Nam, Tây, Bắc và bốn phương trên dưới. Này thiện nam tử!

若有說言身口意惡得善果者無有是處。身口意善得惡果者亦無是處。

Nhược hữu thuyết ngôn thân khẩu ý ác đắc thiện quả giả vô hữu thị xứ. thân khẩu ý thiện đắc ác quả giả diệt vô thị xứ.

Nếu có người nói rằng thân, miệng, ý làm điều ác mà được quả lành là việc không có.

Thân, miệng, ý làm lành mà được quả ác cũng là việc không có.

若言凡夫得見佛性。

Nhược ngôn phàm phu đắc kiến Phật tánh。

Nếu nói phàm phu thấy được Phật tánh,

十住菩薩不得見者亦無是處。

thập trụ Bồ Tát bất đắc kiến giả diệt vô thị xứ。

Thập trụ Bồ-tát không thấy được Phật tánh cũng là việc không có.

一闍提輩犯五逆罪謗方等經毀四重禁。得阿耨多羅三藐三菩提者亦無是處。

Nhất xiển đề bối phạm ngũ nghịch tội báng phương đẳng Kinh hủy tứ trọng cấm. đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề giả diệt vô thị xứ。

Hàng Nhất-xiển-đề phạm tội ngũ nghịch, chê bai kinh Phương đẳng, phá bốn giới trọng mà được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề cũng là việc không có.

六住菩薩煩惱因緣墮三惡道亦無是處。

Lục trụ Bồ Tát phiền não nhân duyên đọa tam ác đạo diệt vô thị xứ。

Lục trụ Bồ-tát do phiền não mà đọa ba đường ác cũng là việc không có.

菩薩摩訶薩以真女身得阿耨多羅三藐三菩提者

Bồ Tát Ma-Ha tát dĩ chân nữ thân đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề giả

Đại Bồ-tát dùng ngay thân nữ để được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề

亦無是處。一闍提常三寶無常亦無是處。

Diệt vô thị xứ. nhất xiển đề thường Tam Bảo vô thường diệt vô thị xứ。

cũng là việc không có. Hàng Nhất xiển đề là thường, Tam bảo là vô thường cũng là việc không có.

如來住於拘尸那城亦無是處。善男子。

Như Lai trụ ư câu thi na thành diệt vô thị xứ. thiện nam tử。

Như Lai trụ ở nơi thành Câu-thi-na cũng là việc không có. Này thiện nam tử!

如來今於此拘尸那城入大三昧深禪定窟。

Như Lai kim ư thử câu thi na thành nhập Đại tam muội thâm Thiền định quật。

Nay Như Lai ở nơi thành Câu-thi-na này nhập đại Tam muội, vào trong hang Thiền định thậm thâm.

眾不見故名入涅槃。

Chúng bất kiến cố danh nhập Niết-Bàn。

Vì mọi người không thấy Như Lai nên gọi là nhập Niết-bàn.

師子吼言。如來何故入禪定窟。善男子。

Sư-tử hống ngôn. Như Lai hà cố nhập Thiền định quật. thiện nam tử。

Sư SỬ Hống bạch rằng: Như Lai vì sao lại vào trong hang Thiền định? Nay thiện nam tử!

為欲度脫諸眾生故。未種善根者令得種故。

vị dục độ thoát chư chúng sanh cố. vị chủng thiện căn giả linh đắc chủng cố.

Như Lai vì muốn độ thoát chúng sanh: Người chưa gieo trồng căn lành khiến cho họ gieo trồng căn lành.

已種善根者得增長故。善果未熟令得熟故。

Dĩ chủng thiện căn giả đắc tăng trưởng cố. thiện quả vị thực linh đắc thực cố

Người đã gieo trồng căn lành nay được tăng trưởng thêm. Người quả lành chưa thành thực khiến cho được thành thực.

為已熟者說趣阿耨多羅三藐三菩提故。

Vì dĩ thực giả thuyết thú a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề cố.

Người đã thành thực nói cho họ đến được A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề.

輕賤善法者令生尊重故。

Khinh tiện thiện Pháp giả linh sanh tôn trọng cố.

Người khinh chê pháp lành, khiến cho họ sanh lòng tôn kính.

諸有放逸者令離放逸故。為與文殊師利等諸大香象共論議故。

Chư hữu phóng dật giả linh ly phóng dật cố. vị dĩ Văn Thù Sư Lợi đẳng chư Đại hương tượng cộng luận nghị cố.

Người có phóng dật, khiến lìa phóng dật. Vì cùng Văn-thù-sư-lợi và các Hương tượng cùng nhau luận bàn diệu nghĩa.

為欲教化樂讀誦者深愛禪定故。

vị dục giáo hóa lạc độc tụng giả thâm ái Thiền định cố.

Vì muốn giáo hóa người thích đọc tụng làm cho ưa thích Thiền định.

為以聖行梵行天行教化眾生故。為觀不共深法藏故。

vị dĩ Thánh hạnh phạm hạnh Thiên hạnh giáo hóa chúng sanh cố. vị quán bất-cộng thâm Pháp tạng cố.

Vì đem Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh giáo hóa chúng sanh. Vì quan sát Pháp tạng bất cộng thâm thâm.

為欲呵責放逸弟子故。如來常寂猶尚樂定。

vị dục ha trách phóng dật đệ-tử cố. Như Lai thường tịch do thượng lạc định.

Vì muốn quở trách các đệ tử phóng dật: Như Lai thường tịch mà còn ưa chuộng Thiền định,

況汝等輩煩惱未盡而生放逸。

Hướng nhữ đẳng bối phiền não vị tận nhi sanh phóng dật.

hướng là các ông chưa dứt hết phiền não mà sanh lòng phóng dật.

為欲呵責諸惡比丘受畜八種不淨之物及不少欲不知足故

vị dục ha trách chư ác Tỳ-kheo thọ súc bát chủng bất tịnh chi vật cập bất thiếu dục bất tri túc cố.

Vì muốn quở trách các ác Tỳ-kheo nhận cất chứa tám vật bất tịnh, không thiếu dục tri túc.

為令眾生尊重所聞禪定法故。

vị linh chúng sanh tôn trọng sở văn Thiền định Pháp cố

Vì khiến chúng sanh tôn trọng pháp Thiền định đã nghe.

以是因緣入禪定窟。

Dĩ thị nhân duyên nhập Thiền định quật.

Do những nhân duyên này nên Như Lai vào hang Thiền định.

師子吼言。世尊。無相定者名大涅槃。

Sư-tử hống ngôn. Thế Tôn. vô tướng định giả danh Đại Niết-Bàn.

Sư Tử Hống bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Định vô tướng gọi là đại Niết-bàn

是故涅槃名為無相。以何因緣名為無相。

Thị cố Niết-Bàn danh vi vô tướng. dĩ hà nhân duyên danh vi vô tướng.

nên Niết-bàn gọi là vô tướng. Do nhân duyên gì gọi là vô tướng?

善男子。無十相故。何等為十。

Thiện nam tử. vô thập tướng cố. hà đẳng vi thập.

Này thiện nam tử! Vô tướng có mười thứ. Những gì là mười?

所謂色相聲相香相味相觸相生住壞相男相女相。是名十相。

Sở vị sắc tướng thanh tướng hương tướng vị tướng xúc tướng sanh trụ hoại tướng nam tướng nữ tướng. thị danh thập tướng.

Đó là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, sanh, trụ, hoại, nam, nữ, đây gọi là mười tướng.

無如是相故名無相。善男子。

Vô như thị tướng cố danh vô tướng. thiện nam tử.

Vì không có những tướng như vậy nên gọi là vô tướng. Này thiện nam tử!

夫著相者則能生癡。癡故生愛。愛故繫縛。繫縛故受生。

Phu trước tướng giả tắc năng sanh si. si cố sanh ái. ái cố hệ phọc. hệ phọc cố thọ sanh.

Phàm người chấp tướng hay sanh ra si. Vì si nên sanh ái, vì ái nên bị trói buộc, vì trói buộc nên thọ sanh,

受生故有死。死故無常。不著相者則不生癡。

Thọ sanh cố hữu tử. tử cố vô thường. bất trước tướng giả tắc bất sanh si.

vì thọ sanh nên có chết, vì chết nên vô thường. Người không chấp tướng thì không sanh si.

不生癡故則無有愛。無有愛故則無繫縛。

Bất sanh si cố tắc vô hữu ái. vô hữu ái cố tắc vô hệ phọc.

Vì không sanh si nên không ái, vì không ái nên không bị trói buộc,

無繫縛故則不受生。不受生故則無有死。

Vô hệ phọc cố tắc bất thọ sanh. bất thọ sanh cố tắc vô hữu tử.

vì không bị trói buộc nên không thọ sanh, vì không thọ sanh nên không có chết,

無有死故則名為常。以是義故涅槃名常。師子吼言。

Vô hữu tử cố tắc danh vi thường. dĩ thị nghĩa cố Niết-Bàn danh thường. Sư-tử hống ngôn.

vì không có chết nên gọi là thường. Do nghĩa này nên Niết-bàn gọi là thường. Sư Sử Hống bạch rằng:

世尊。何等比丘能斷十相。佛言。善男子。

Thế Tôn. hà đẳng Tỳ-kheo năng đoạn thập tướng. Phật ngôn. thiện nam tử.

Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo nào có thể dứt được mười tướng? Phật dạy: Này thiện nam tử!

若有比丘數數修習三種相者則斷十相。

Nhược hữu Tỳ-kheo số số tu tập tam chủng tướng giả tắc đoạn thập tướng.

Nếu có Tỳ-kheo thường tu tập ba tướng này thì dứt được mười tướng:

數數修習三昧定相。數數修習智慧之相。

Sổ sổ tu tập tam muội định tướng. sổ sổ tu tập trí tuệ chi tướng.

Thường tu tập tướng Tam muội chánh định, thường tu tập tướng trí tuệ,

數數修習捨相。是名三相。師子吼言。世尊

Sổ sổ tu tập xả tướng. thị danh tam tướng. Sư tử hống ngôn. Thế tôn.

thường tu tập tướng xả. Đây gọi là ba tướng. Sư Tử Hống bạch rằng: Bạch Thế Tôn!

云何名為定慧捨相。定是三昧者。一切眾生皆有三明。

Vân hà danh vi định tuệ xả tướng. định thị tam muội giả. nhất thiết chúng sanh giai hữu tam muội.

Thế nào gọi là tướng định, tướng tuệ, tướng xả? Định là Tam muội. Tất cả chúng sanh đều có Tam muội,

云何方言修習三昧。若心在一境則名三昧。

Vân hà phương ngôn tu tập tam muội. nhược tâm tại nhất cảnh tắc danh tam muội sao nay mới nói rằng tu tập Tam muội? Nếu tâm duyên ở một cảnh thì gọi là Tam muội, 若更餘緣則不名三昧。如其不定非一切智。

Nhược canh dư duyên tắc bất danh tam muội. như kỳ bất định phi nhất thiết trí nếu duyên vào cảnh khác thì không gọi là Tam muội. Nếu như không định thì chẳng phải là Nhất thiết trí.

非一切智云何名定。若以一行得三昧者。

Phi nhất thiết trí vân hà danh định. nhược dĩ nhất hạnh đắc tam muội giả.

Nếu chẳng phải Nhất thiết trí sao lại gọi là định? Nếu do một hạnh mà được Tam muội, 其餘諸行亦非三昧。若非三昧則非一切智。

Kỳ dư chư hạnh diệc phi tam muội. nhược phi tam muội tắc phi nhất thiết trí.

những hạnh khác cũng chẳng phải là Tam muội. Nếu chẳng phải Tam muội thì chẳng phải là Nhất thiết trí.

若非一切智云何名三昧。

Nhược phi nhất thiết trí vân hà danh tam muội.

Nếu chẳng phải Nhất thiết trí, sao lại gọi là Tam muội?

慧捨二相亦復如是佛言。善男子。

Tuệ xả nhị tướng diệc phục như thị Phật ngôn. thiện nam tử.

Hai tướng tuệ và xả cũng lại như vậy. Phật dạy: Này thiện nam tử!

如汝所言緣於一境得名三昧其餘諸緣不名三昧。是義不然。何以故。

Như nhữ sở ngôn duyên ư nhất cảnh đắc danh tam muội kỳ dư chư duyên bất danh tam muội。 thị nghĩa bất nhiên。 hà dĩ cố。

Như lời ông nói, duyên ở một cảnh gọi là Tam muội, duyên các cảnh khác thì không gọi là Tam muội, nghĩa này không đúng. Vì sao vậy?

如是餘緣亦一境故行亦如是。

Như thị dư duyên diệc nhất cảnh cố hạnh diệc như thị。

Vì duyên các cảnh khác như thế cũng vẫn là một cảnh. Những hạnh khác cũng như vậy.

又言眾生先有三昧不須修者。是亦不然。所以者何。

Hựu ngôn chúng sanh tiên hữu tam muội bất tu tu giả。 thị diệc bất nhiên。 sở dĩ giả hà。

Ông lại nói chúng sanh trước đã có Tam muội nên không cần tu tập, đây cũng không đúng. Vì sao vậy?

言三昧者名善三昧。一切眾生真實未有。

Ngôn tam muội giả danh thiện tam muội。 nhất thiết chúng sanh chân thật vị hữu

Vì nói Tam muội đây là nói thiện Tam muội. Thật ra, tất cả chúng sanh chưa có, 云何而言不須修習。

Vân hà nhi ngôn bất tu tu tập。

sao lại nói rằng không cần tu tập?

以住如是善三昧中觀一切法名善慧相。不見三昧智慧異相。是名捨相。

Dĩ trụ như thị thiện tam muội trung quán nhất thiết Pháp danh thiện tuệ tướng。 bất kiến tam muội trí tuệ dị tướng。 thị danh xả tướng。

Do trụ trong thiện Tam muội như vậy mà quan sát tất cả pháp gọi là tướng thiện trí tuệ.

Không thấy tướng Tam muội và tướng trí tuệ khác nhau, đó gọi là tướng xả.

復次善男子。若取色相不能觀色常無常相。

Phục thứ thiện nam tử。 nhược thủ sắc tướng bất năng quán sắc thường vô thường tướng。

Lại nữa, này thiện nam tử! Nếu chấp tướng sắc, không thể quán sát tướng thường, tướng vô thường của sắc,

是名三昧。若能觀色常無常相。是名慧相。

Thị danh tam muội. nhược năng quán sắc thường vô thường tướng. thị danh tuệ tướng.

đây gọi là Tam muội. Nếu có thể quán sát tướng thường và tướng vô thường của sắc, đây gọi là tướng trí tuệ.

三昧慧等觀一切法。是名捨相。善男子。

Tam muội tuệ đẳng quán nhất thiết Pháp. thị danh xả tướng. thiện nam tử.

Tam muội và trí tuệ đồng quán sát tất cả pháp, đây gọi là tướng xả. Này thiện nam tử!
如善御駕駟遲疾得所。遲疾得所故名捨相。

Như thiện ngự giá tứ trì tật đắc sở. trì tật đắc sở cố danh xả tướng.

Như người đánh xe bốn ngựa giỏi, điều khiển mau chậm phải lúc. Vì mau chậm phải lúc nên gọi là tướng xả.

菩薩亦爾。若三昧多者則修習慧。

Bồ Tát diệc nhĩ. nhược tam muội đa giả tắc tu tập tuệ.

Bồ-tát cũng vậy, nếu Tam muội nhiều thì tu tập trí tuệ,
若慧多者則修習三昧。三昧慧等則名為捨。善男子。

Nhược tuệ đa giả tắc tu tập tam muội. tam muội tuệ đẳng tắc danh vi xả. thiện nam tử
nếu trí tuệ nhiều thì tu tập Tam muội. Tam muội và trí tuệ ngang nhau thì gọi là xả. Này
thiện nam tử!

十住菩薩智慧力多三昧力少。是故不得明見佛性。

Thập trụ Bồ Tát trí tuệ lực đa tam muội lực thiếu. thị cố bất đắc minh kiến Phật tánh.

Thập trụ Bồ-tát sức trí tuệ nhiều, sức Tam muội ít nên thấy Phật tánh không rõ ràng.
聲聞緣覺三昧力多智慧力少。

Thanh văn Duyên giác tam muội lực đa trí tuệ lực thiếu.

Thanh văn và Duyên giác sức Tam muội nhiều, sức trí tuệ ít.

以是因緣不見佛性。

Dĩ thị nhân duyên bất kiến Phật tánh.

Do nhân duyên này nên không thấy Phật tánh.

諸佛世尊定慧等故明見佛性了了無礙。如觀掌中菴摩勒果。見佛性者名為捨相

Chư Phật Thế tôn định tuệ đẳng cố minh kiến Phật tánh liễu liễu vô ngại. như quán
chường trung am ma lạc quả. kiến Phật tánh giả danh vi xả tướng.

Chư Phật Thế Tôn định và tuệ ngang nhau nên thấy Phật tánh rõ ràng không bị chướng ngại như xem trái Am-ma-lặc trong bàn tay. Thấy Phật tánh đó gọi là tướng xả.

奢摩他者名為能滅。能滅一切煩惱結故。

Xa ma tha giả danh vi năng diệt. năng diệt nhất thiết phiền não kết cố.

Xa-ma-tha gọi là hay dứt trừ, vì hay dứt trừ tất cả kết sử phiền não.

又奢摩他者名曰能調。能調諸根惡不善故。

Hựu xa ma tha giả danh viết năng điều. năng điều chư căn ác bất thiện cố.

Lại Xa-ma-tha gọi là hay điều phục, vì hay điều phục các căn xấu ác, bất thiện.

又奢摩他者名曰寂靜。能令三業成寂靜故。

Hựu xa ma tha giả danh viết tịch tĩnh. năng linh tam nghiệp thành tịch tĩnh cố.

Lại Xa-ma-tha gọi là tịch diệt, vì có thể làm cho ba nghiệp thanh tịnh.

又奢摩他者名曰遠離。能令眾生離五欲故。

Hựu xa ma tha giả danh viết viễn ly. năng linh chúng sanh ly ngũ dục cố.

Lại Xa-ma-tha gọi là viễn ly, vì hay làm cho chúng sanh lìa năm dục.

又奢摩他者名曰能清。

Hựu xa ma tha giả danh viết năng thanh.

Lại Xa-ma-tha gọi là hay lóng trong,

能清貪欲瞋恚愚癡三濁法故。以是義故故名定相。

Năng thanh tham dục sân khuể ngu si tam trước Pháp cố. dĩ thị nghĩa cố cố danh định tướng.

vì hay lóng trong ba pháp như dục tham, sân, si. Do những nghĩa này nên gọi là tướng định.

毘婆舍那名為正見。亦名了見。名為能見。名曰遍見。

Tỳ bà xá na danh vi chánh kiến. diệc danh liễu kiến. danh vi năng kiến. danh viết biến kiến.

Tỳ-bà-xá-na gọi là chánh kiến, cũng gọi là liễu kiến, cũng gọi là năng kiến, cũng gọi là biến kiến,

名次第見。名別相見。是名為慧。憂畢叉者。

Danh thứ đệ kiến. danh biệt tướng kiến. thị danh vi tuệ. ưu tất xoa giả.

cũng gọi là thứ đệ kiến, cũng gọi là biệt tướng kiến. Đây gọi là trí tuệ. Ưu-tất-xoa

名曰平等。亦名不諍。又名不觀。亦名不行。

Danh viết bình đẳng. diệc danh bất tránh. hựu danh bất quán. diệc danh bất hành. gọi là bình đẳng, cũng gọi là bất tránh, lại gọi là bất quán, cũng gọi là bất hành, 是名為捨。善男子。奢摩他者有二種。一者世間。

Thị danh vi xả. thiện nam tử. xa ma tha giả hữu nhị chủng. nhất giả thể gian. đây gọi là xả. Nay thiện nam tử! Xa-ma-tha có hai thứ: Một là thể gian, 二者出世間。復有二種。一者成就。二不成就。

Nhị giả xuất thể gian. phục hữu nhị chủng. nhất giả thành tựu. nhị bất thành tựu. hai là xuất thể gian. Lại có hai thứ: Một là thành tựu, hai là bất thành tựu. 成就者。所謂諸佛菩薩。不成就者。

Thành tựu giả. sở vị chư Phật Bồ Tát. bất thành tựu giả

Thành tựu là nói chư Phật và Bồ-tát. Bất thành tựu

所謂聲聞辟支佛等。復有三種。謂下中上。下者謂諸凡夫。

Sở vị thanh văn Bích chi Phật đẳng. phục hữu tam chủng. vị hạ trung thượng. hạ giả vị chư phàm phu.

là nói Thanh văn, Bích-chi Phật v.v... Lại có ba thứ: Hạ, trung, thượng. Hạ là nói phàm phu,

中者聲聞緣覺。上者諸佛菩薩。復有四種。

Trung giả thanh văn duyên giác. thượng giả chư Phật Bồ Tát. phục hữu tứ chủng trung là nói Thanh văn và Duyên giác, thượng là nói chư Phật và Bồ-tát. Lại có bốn thứ: 一者退。二者住。三者進。四者能大利益。

Nhất giả thối. nhị giả trụ. tam giả tiến. tứ giả năng Đại lợi ích.

Một là thối, hai là trụ, ba là tấn, bốn là có thể lợi ích lớn.

復有五種。所謂五智三昧。何等為五。一者無食三昧。

Phục hữu ngũ chủng. sở vị ngũ trí tam muội. hà đẳng vi ngũ. nhất giả vô thực tam muội.

Lại có năm thứ, đó là năm trí Tam muội. Những gì là năm? Một là vô thực Tam muội, 二者無過三昧。三者身意清淨一心三昧。

nhị giả vô quá tam muội. tam giả thân ý thanh tịnh nhất tâm tam muội.

hai là vô quá Tam muội, ba là thân ý thanh tịnh nhất tâm Tam muội,

四者因果俱樂三昧。五者常念三昧。復有六種。

Tứ giả nhân quả câu lạc tam muội. ngũ giả thường niệm tam muội. phục hữu lục chủng.

bốn là nhân quả câu lạc Tam muội, năm là thường niệm Tam muội. Lại có sáu thứ:
一者觀骨三昧。二者。慈三昧。

Nhất giả quán cốt tam muội. nhị giả. từ tam muội.

Một là quán cốt Tam muội, hai là từ Tam muội,
三者觀十二因緣三昧。四者阿那婆那三昧。

Tam giả quán thập nhị nhân duyên tam muội. tứ giả a na bà na tam muội.

ba là quán mười hai nhân duyên Tam muội, bốn là A-na-bà-na Tam muội,
五者正念覺觀三昧。六者觀生滅住異三昧。復有七種。

Ngũ giả chánh niệm giác quán tam muội. lục giả quán sanh diệt trụ dị tam muội. phục hữu thất chủng.

năm là chánh niệm giác quán Tam muội, sáu là quán sanh, trụ, dị, diệt Tam muội. Lại có bảy thứ,

所謂七覺分。一者念處覺分。

sở vị thất giác phần. nhất giả niệm xứ giác phần.

đó là bảy giác phần: Một là Niệm xứ giác phần,

二者擇法覺分。三者精進覺分。四者喜覺分。五者除覺分。

Nhị giả trạch Pháp giác phần. tam giả tinh tấn giác phần. tứ giả hỷ giác phần. ngũ giả trừ giác phần.

hai là Trạch pháp giác phần, ba là Tinh tấn giác phần, bốn là Hỷ giác phần, năm là Trừ giác phần,

六者定覺分。七者捨覺分。復有七種。

Lục giả định giác phần. thất giả xả giác phần. phục hữu thất chủng.

sáu là Định giác phần, bảy là Xả giác phần. Lại có bảy thứ:

一者須陀洹三昧二者斯陀含三昧。

Nhất giả Tu đà hoàn tam muội nhị giả Tư đà hàm tam muội

Một là Tu-đà-hoàn Tam muội, hai là Tư-đà-hàm Tam muội,

三者阿那含三昧。四者阿羅漢三昧。五者辟支佛三昧。

Tam giả A na hàm tam muội. tứ giả A La Hán tam muội. ngũ giả Bích chi Phật tam muội.

ba là A-na-hàm Tam muội, bốn là A-la-hán Tam muội, năm là Bích-chi Phật Tam muội, 六者菩薩三昧。七者如來覺知三昧。復有八種。

Lục giả Bồ Tát tam muội. thất giả Như Lai giác tri tam muội. phục hữu bát chủng. sáu là Bồ-tát Tam muội, bảy là Như Lai giác tri Tam muội. Lại có tám thứ, 謂八解脫三昧。

Vị bát giải thoát tam muội.

tức là tám giải thoát Tam muội:

一者內有色相外觀色解脫三昧。二者內無色相外觀色解脫三昧。

Nhất giả nội hữu sắc tướng ngoại quán sắc giải thoát tam muội. nhị giả nội vô sắc tướng ngoại quán sắc giải thoát tam muội.

Một là trong có sắc tướng, ngoài quán sắc giải thoát Tam muội. Hai là trong không sắc tướng, ngoài quán sắc giải thoát Tam muội.

三者淨解脫身證三昧。四者空處解脫三昧。

Tam giả tịnh giải thoát thân chứng tam muội. tứ giả không xứ giải thoát tam muội.

Ba là tịnh giải thoát thân chứng Tam muội. Bốn là Không xứ giải thoát Tam muội.

五者識處解脫三昧。六者無所有處解脫三昧。

Ngũ giả thức xứ giải thoát tam muội. lục giả vô sở hữu xứ giải thoát tam muội

Năm là Thức xứ giải thoát Tam muội, sáu là Vô sở hữu xứ giải thoát Tam muội,

七者非有想非無想處解脫三昧。

Thất giả Phi hữu tưởng Phi vô tưởng xứ giải thoát tam muội.

bảy là Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ giải thoát Tam muội,

八者滅盡定處解脫三昧。復有九種所謂九次第定。

Bát giả diệt tận định xứ giải thoát tam muội. phục hữu cửu chủng sở vị cửu thứ đệ định.

tám là Diệt tận định xứ giải thoát Tam muội. Lại có chín thứ, đó là cửu thứ đệ định:

四禪四空及滅盡定三昧。復有十種。

Tứ Thiền tứ không cập diệt tận định tam muội. phục hữu thập chủng.

Bốn Thiền, bốn Không, và Diệt tận định Tam muội. Lại có mười thứ,

所謂十一切處三昧。何等為十。一者地一切處三昧。

Sở vị thập nhất thiết xứ tam muội. hà đẳng vi thập. nhất giả địa nhất thiết xứ tam muội.

đó là mười Nhất thiết xứ Tam muội. Những gì là mười? Một là địa Nhất thiết xứ Tam muội,

二者水一切處三昧。三者風一切處三昧。

Nhị giả thủy nhất thiết xứ tam muội. tam giả phong nhất thiết xứ tam muội.
hai là thủy Nhất thiết xứ Tam muội, ba là phong Nhất thiết xứ Tam muội,
四者青一切處三昧。五者黃一切處三昧。

Tứ giả thanh nhất thiết xứ tam muội. ngũ giả hoàng nhất thiết xứ tam muội.
bốn là thanh Nhất thiết xứ Tam muội, năm là huỳnh Nhất thiết xứ Tam muội,
六者赤一切處三昧。七者白一切處三昧。

Lục giả xích nhất thiết xứ tam muội. thất giả bạch nhất thiết xứ tam muội.
sáu là xích Nhất thiết xứ Tam muội, bảy là bạch Nhất thiết xứ Tam muội,
八者空一切處三昧。九者識一切處三昧。

Bát giả không nhất thiết xứ tam muội. cửu giả thức nhất thiết xứ tam muội.
tám là không Nhất thiết xứ Tam muội, chín là thức Nhất thiết xứ Tam muội,
十者無所有一切處三昧。復有無數種。所謂諸佛菩薩。

Thập giả vô sở hữu nhất thiết xứ tam muội. phục hữu vô số chủng. sở vị chư Phật Bồ
Tát。

mười là Vô sở hữu nhất thiết xứ Tam muội. Lại có vô số bậc, đó là chư Phật và Bồ- tát.
善男子。是名三昧相。善男子。慧有二種。

Thiện nam tử. thị danh tam muội tướng. thiện nam tử. tuệ hữu nhị chủng.
Này thiện nam tử! Đây gọi là tướng Tam muội. Này thiện nam tử! Tuệ có hai thứ:
一者世間。二者出世間。復有三種一者般若。

Nhất giả thế gian. nhị giả xuất thế gian. phục hữu tam chủng nhất giả bát nhã
Một là thế gian, hai là xuất thế gian. Lại có ba thứ: Một là Bát nhã,
二者毘婆舍那。三者闍那。般若者名一切眾生。

Nhị giả tì bà xá na. tam giả xà na. bát nhã giả danh nhất thiết chúng sanh.
hai là Tỳ-bà-xá-na, ba là Xà-na. Bát nhã là nói tất cả chúng sanh,
毘婆舍那者一切聖人。闍那者諸佛菩薩。

Tì bà xá na giả nhất thiết Thánh nhân. đồ na giả chư Phật Bồ Tát.
Tỳ-bà-xá-na là tất cả các bậc Thánh nhân, Xà-na là chư Phật và Bồ-tát.
又般若者名為別相。毘婆舍那者名為總相。

Hựu bát nhã giả danh vi biệt tướng. tì bà xá na giả danh vi tổng tướng.
Lại Bát nhã gọi là Biệt tướng, Tỳ-bà-xá-na gọi là Tổng tướng,
闍那者名為破相。復有四種。所謂觀四真諦。善男子。

Xà-na giả danh vi phá tướng。 phục hữu tứ chủng。 sở vị quán tứ chân đế。 thiện nam tử。

Xà-na gọi là Phá tướng. Lại có bốn thứ, đó là quán Tứ chân đế. Nay thiện nam tử!
為三事故修奢摩他。何等為三。

vị tam sự cố tu xa ma tha。 hà đẳng vi tam。

Vì ba việc nên tu Xa-ma-tha. Những gì là ba?

一者不放逸故。二者莊嚴大智故。三者得自在故。

Nhất giả bất phóng dật cố。 nhị giả trang nghiêm Đại trí cố。 tam giả đắc tự-tại cố。

Một là vì không phóng dật, hai là vì trang nghiêm đại trí, ba là vì được tự tại。

復次為三事故修毘婆舍那。何等為三。

Phục thứ vị tam sự cố tu tì bà xá na。 hà đẳng vi tam。

Lại vì ba việc nên tu Tỳ-bà-xá-na. Những gì là ba?

一者為觀生死惡果報故。二者為欲增長諸善根故。

Nhất giả vị quán sanh tử ác quả báo cố。 nhị giả vị dục tăng trưởng chư thiện căn cố。

Một là vì quán quả báo xấu ác của sanh tử, hai là vì muốn tăng trưởng các căn lành,

三者為破一切諸煩惱故。

Tam giả vị phá nhất thiết chư phiền não cố。

ba là vì phá tất cả các phiền não。

大般涅槃經卷第三十

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ tam thập

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN - QUYỂN THỨ BA MƯƠI

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:12:52 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:12:52 2006

===== 【經文資訊】 大正新
脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》 CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tấn 】 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh 》 CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn 】 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh 》 CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====
=====
=====
=====
=====
=====

大般涅槃經卷第三十一

Đại Bát niết-bàn kinh quyển đệ tam thập nhất

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ BA MƯƠI MỐT

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Tam Tạng Pháp Sư Đàm Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch vào đời Bắc Lương.

師子吼菩薩品第十一之五

Sư-tử hống Bồ Tát phẩm đệ thập nhất chi ngũ

Phần Thứ Năm, Phẩm Mười Một: Bồ-tát Sư Tử Hống

師子吼言。世尊。如經中說。

Sư-tử hồng ngôn. Thế Tôn. như Kinh trung thuyết.

Sư Tử Hồng bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Như trong kinh nói

若毘婆舍那能破煩惱。何故復修奢摩他耶。佛言。

Nhược Tỳ-bà-xá-na năng phá phiền não. hà cố phục tu xa ma tha da. Phật ngôn.

nếu Tỳ-bà-xá-na có thể phá phiền não, sao lại còn tu Sa-ma-tha ư? Phật dạy:

善男子。汝言毘婆舍那破煩惱者。是義不然。

Thiện nam tử. nhữ ngôn tỳ bà xá na phá phiền não giả. thị nghĩa bất nhiên.

Này thiện nam tử! Ông nói Tỳ-bà-xá-na phá phiền não, nghĩa này không đúng.

何以故。有智慧時則無煩惱。有煩惱時則無智慧。

Hà dĩ cố. hữu trí tuệ thời tắc vô phiền não. hữu phiền não thời tắc vô trí tuệ.

Vì sao vậy? Vì khi có trí tuệ thì không có phiền não, khi có phiền não thì không có trí tuệ.

云何而言毘婆舍那能破煩惱。善男子。

Vân hà nhi ngôn tỳ bà xá na năng phá phiền não. thiện nam tử.

Sao lại nói rằng Tỳ-bà-xá-na có thể phá phiền não? Này thiện nam tử!

譬如明時無闇闇時無明。若有說言明能破闇。

Thí như minh thời vô ám ám thời vô minh. nhược hữu thuyết ngôn minh năng phá ám.

Thí như lúc sáng thì không tối, lúc tối thì không sáng. Nếu nói rằng sáng có thể phá tối,

無有是處。善男子。誰有智慧。誰有煩惱。

Vô hữu thị xử. thiện nam tử. thùy hữu trí tuệ. thùy hữu phiền não.

là việc không có. Này thiện nam tử! Ai có trí tuệ? Ai có phiền não

而言智慧能破煩惱。如其無者則無所破。善男子。

Nhi ngôn trí tuệ năng phá phiền não. như kỳ vô giả tắc vô sở phá. thiện nam tử.

mà nói rằng trí tuệ có thể phá phiền não? Nếu phiền não là không thì không chỗ phá. Này

thiện nam tử!

若言智慧能破煩惱。為到故破不到故破。

Nhược ngôn trí tuệ năng phá phiền não. vị đáo cố phá bất đáo cố phá.

Nếu nói trí tuệ có thể phá phiền não, vì phiền não đến mà phá hay không đến mà phá?

若不到破者。凡夫眾生則應能破。若到故破者。

nhược bất đáo phá giả. phàm phu chúng sanh tắc ứng năng phá. nhược đáo cố phá

giả.

Nếu phiền não không đến mà phá thì đáng lẽ phàm phu chúng sanh cũng có thể phá được. Nếu phiền não đến mà phá

初念應破。若初念不破後亦不破。

Sơ niệm ứng phá. nhược sơ niệm bất phá hậu diệc bất phá.

thì niệm ban đầu đáng lẽ đã phá. Nếu niệm ban đầu không phá thì niệm sau cũng không phá.

若初到便破是則不到。云何說言智慧能破。

Nhược sơ đáo tiện phá thị tắc bất đáo. vân hà thuyết ngôn trí tuệ năng phá.

Nếu niệm ban đầu đến liền phá thì là chẳng đến, sao lại nói rằng trí tuệ có thể phá phiền não?

若言到與不到而能破者。是義不然。

Nhược ngôn đáo dĩ bất đáo nhi năng phá giả. thị nghĩa bất nhiên.

Nếu nói đến và không đến mà có thể phá, nghĩa này không đúng.

復次毘婆舍那破煩惱者。為獨能破。為伴故破。

phục thứ từ bà xá na phá phiền não giả. vị độc năng phá. vị bạn cố phá.

Lại Tỳ-bà-xá-na phá phiền não đó, là đơn độc có thể phá hay có bạn mới phá?

若獨能破菩薩何故修八正道。若伴故破。

Nhược độc năng phá Bồ Tát hà cố tu Bát Chánh Đạo. nhược bạn cố phá.

Nếu đơn độc có thể phá, vì sao Bồ-tát tu Bát chánh đạo? Nếu có bạn mới phá,

當知獨則不能破也。若獨不能伴亦不能。

Đương tri độc tắc bất năng phá dã. nhược độc bất năng bạn diệc bất năng.

nên biết rằng đơn độc Tỳ-bà-xá-na không thể phá được. Nếu đơn độc Tỳ-bà-xá-na không thể phá, có bạn cũng không thể phá.

如一盲人不能見色。雖伴眾盲亦不能見。毘婆舍那亦復如是。

Như nhất manh nhân bất năng kiến sắc. tuy bạn chúng manh diệc bất năng kiến. từ bà xá na diệc phục như thị.

Như một người mù không thể thấy được màu sắc, tuy có chúng bạn mù cũng không thể thấy được. Tỳ-bà-xá-na cũng lại như vậy.

善男子。如地堅性火熱性水濕性風動性。

Thiện nam tử. như địa kiên tánh hỏa nhiệt tánh thủy thấp tánh phong động tánh.

Này thiện nam tử! Như tánh của đất thì cứng, tánh của lửa nóng, tánh của nước ướt, tánh của gió động.

而地堅性乃至風動性。非因緣作。其性自爾。

Nhi địa kiên tánh nãi chí phong động tánh. phi nhân duyên tác. kỳ tánh tự nhĩ.

Mà tánh của đất cứng cho đến tánh của gió động ấy chẳng phải nhân duyên làm ra. Tánh của nó tự như vậy.

如四大性煩惱亦爾。性自是斷。若是斷者。

Như tứ Đại tánh phiền não diệt nhĩ. tánh tự thị đoạn. nhược thị đoạn giả.

Như tánh của bốn đại, phiền não cũng vậy. Tánh của nó tự dứt. Nếu là tự dứt, 云何而言智慧能斷。以是義故。

Vân hà nhi ngôn trí tuệ năng đoạn. dĩ thị nghĩa cố.

sao lại nói trí tuệ có thể dứt phiền não? Do nghĩa này nên

毘婆舍那決定不能破諸煩惱。善男子。如鹽性鹹令異物鹹。

Tì bà xá na quyết định bất năng phá chư phiền não. thiện nam tử. như diêm tánh hàm linh dị vật hàm.

Tỳ-bà-xá-na quyết định không thể phá được các phiền não. Này thiện nam tử! Như tánh của muối mặn làm cho vật khác mặn.

蜜本性甘令異物甘。水本性濕令異物濕。

Mật bốn tánh cam linh dị vật cam. thủy bốn tánh thấp linh dị vật thấp.

Tánh của mật ngọt làm cho vật khác ngọt. Tánh của nước ướt làm cho vật khác ướt.

智慧性滅令法滅者。是義不然。何以故。若法無滅。

Trí tuệ diệt linh Pháp diệt giả. thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố. nhược Pháp vô diệt.

Tánh của trí tuệ là diệt làm cho các pháp diệt mất, nghĩa này không đúng? Vì sao vậy? Vì nếu pháp không diệt

云何智慧強能令滅。若言鹽鹹令異物鹹。

Vân hà trí tuệ cường năng linh diệt. nhược ngôn diêm hàm linh dị vật hàm.

trí tuệ làm sao có thể cưỡng làm cho diệt được? Hoặc nói muối mặn làm cho vật khác mặn,

慧滅亦爾。能令異法滅者。是亦不然。何以故。

Tuệ diệt diệt nhĩ. năng linh dị Pháp diệt giả. thị diệt bất nhiên. hà dĩ cố

trí tuệ diệt cũng như thế, có thể làm cho pháp khác diệt. Nghĩa này cũng không đúng. Vì sao vậy?

智慧之性念念滅故。若念念滅。

Trí tuệ chi tánh niệm niệm diệt cố. nhược niệm niệm diệt。

Vì tánh của trí tuệ niệm niệm diệt. Nếu niệm niệm diệt

云何而言能滅他法。以是義故。智慧之性不破煩惱。

Vân hà nhi ngôn năng diệt tha Pháp. dĩ thị nghĩa cố. trí tuệ chi tánh bất phá phiền não.

sao lại nói rằng có thể diệt pháp khác? Do nghĩa này nên tánh của trí tuệ không phá phiền não.

善男子。一切諸法有二種滅。一者性滅。

Thiện nam tử. nhất thiết chư Pháp hữu nhị chủng diệt. nhất giả tánh diệt。

Này thiện nam tử! Tất cả các pháp diệt có hai thứ diệt: Một là tánh diệt,

二者畢竟滅。若性滅者。云何而言智慧能滅。

Nhị giả tất cánh diệt. nhược tánh diệt giả. vân hà nhi ngôn trí tuệ năng diệt。

hai là rốt ráo diệt. Nếu là tánh diệt, sao lại nói rằng trí tuệ có thể diệt?

若言智慧能燒煩惱如火燒物。是義不然。何以故。

Nhược ngôn trí tuệ năng thiêu phiền não như hỏa thiêu vật. thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố。

Hoặc nói rằng trí tuệ có thể thiêu đốt phiền não như lửa đốt cháy mọi vật, nghĩa này không đúng. Vì sao vậy?

如火燒物則有遺燼。智慧若爾應有餘燼。

Như hỏa thiêu vật tắc hữu di tẩn. trí tuệ nhược nhĩ ứng hữu dư tẩn

Vì như lửa đốt cháy vật thì có tro tàn. Trí tuệ nếu như vậy đáng lẽ phải còn dư tàn.

如斧伐樹斫處可見。智慧若爾有何可見。

Như phủ phạt thụ chước xứ khả kiến. trí tuệ nhược nhĩ hữu hà khả kiến。

Như búa chặt cây, chỗ bị chặt có thể thấy. Trí tuệ nếu vậy có gì là có thể thấy được?

慧若能令煩惱離者。如是煩惱應餘處現。

Tuệ nhược năng linh phiền não ly giả. như thị phiền não ứng dư xử hiện。

Trí tuệ nếu có thể làm cho phiền não rời lìa đó, phiền não này đáng lẽ phải nên hiện ra chỗ khác

如諸外道離六大城拘尸那現。

Như chư ngoại đạo ly lục Đại thành câu thi na hiện。

như các ngoại đạo rời khỏi sáu đại thành hiện ra nơi thành Câu-thi-na.

若是煩惱不餘處現。則知智慧不能令離。善男子。

Nhược thị phiền não bất dư xử hiện。 tác tri trí tuệ bất năng linh ly。 thiện nam tử。

Nếu phiền não này không hiện ra nơi khác, nên biết rằng trí tuệ không thể làm phiền não rời lìa. Này thiện nam tử!

一切諸法性若自空誰能令生。誰能令滅。

Nhất thiết chư Pháp tánh nhược tự không thùy năng linh sanh。 thùy năng linh diệt。

Tất cả các pháp nếu tánh nó tự rỗng không thì ai có thể làm cho nó sanh? Ai có thể làm cho nó diệt?

異生異滅無造作者。善男子。

Dị sanh dị diệt vô tạo tác giả。 thiện nam tử。

Sanh khác, diệt khác, không ai tạo tác. Này thiện nam tử!

若修習定則得如是正知正見 以是義故。我經中說。

Nhược tu tập định tác đắc như thị chánh tri chánh kiến dĩ thị nghĩa cố。 ngã Kinh trung thuyết。

Nếu người tu tập định thì được biết được thấy chân chánh như vậy. Do nghĩa này nên trong kinh Ta nói:

若有比丘修習定者。能見五陰生滅之相。善男子。若不修定。

Nhược hữu Tỳ-kheo tu tập định giả。 năng kiến ngũ uẩn sanh diệt chi tướng。 thiện nam tử。 nhược bất tu định。

Nếu có Tỳ-kheo tu tập định có thể thấy được tướng sanh diệt của năm uẩn. Này thiện nam tử! Nếu không tu tập định,

世間之事尚不能了。況於出世。若無定者。

Thế gian chi sự thượng bất năng liễu。 huống ư xuất thế。 nhược vô định giả。

việc của thế gian còn không thể rõ huống là xuất thế gian. Nếu người không có chánh định

平處顛墜。心緣異法。口宣異言。耳聞異語。

Bình xử điên trụ。 tâm duyên dị Pháp。 khẩu tuyên dị ngôn。 nhĩ văn dị ngữ。

thì té ngã nơi đất bằng, tâm duyên pháp khác, miệng nói lời khác, tai nghe lời khác, tâm giải nghĩa. 欲造異字手書異文。

Tâm giải dị nghĩa。dục tạo dị tự thủ thư dị văn。

ý hiểu nghĩa khác, muốn đọc chữ khác, tay viết văn khác,

欲行異路身涉異徑。若有修習三昧定者。則大利益。

Dục hành dị lộ thân thiệp dị kính。nhược hữu tu tập tam muội định giả。tắc Đại lợi ích。
muốn đi đường khác, thân bước nẻo khác. Nếu người có tu tập định Tam muội thì được lợi ích lớn,

乃至阿耨多羅三藐三菩提。

Nãi chí a nậu đa la tam miếu tam Bồ đề。

cho đến được A-nậu-đa-la-tam-miếu-tam-bồ-đề.

善男子。菩薩摩訶薩具足二法能大利益。

Thiện nam tử。Bồ Tát Ma-Ha tát cụ túc nhị Pháp năng Đại lợi ích。

Này thiện nam tử! Đại Bồ-tát đầy đủ hai pháp có thể lợi ích lớn:

一者定。二者智。善男子。

Nhất giả định。nhị giả trí。thiện nam tử。

Một là định, hai là trí. Này thiện nam tử!

如刈菅草執急則斷。菩薩摩訶薩修是二法。亦復如是。善男子。

Như ngải gian thảo chấp cấp tắc đoạn。Bồ Tát Ma-Ha tát tu thị nhị Pháp。diệc phục như thị。thiện nam tử。

Như cắt cỏ ống nếu kéo mạnh quá thì đứt, Đại Bồ-tát tu hai pháp này cũng lại như vậy.

Này thiện nam tử!

如拔堅木先以手動後則易出。

Như bạt kiên mộc tiên dĩ thủ động hậu tắc dịch xuất。

Như nhổ cây cứng, trước dùng tay lay động, sau mới nhổ lên dễ,

菩薩定慧亦復如是。先以定動後以智拔。善男子。

Bồ Tát định tuệ diệc phục như thị。tiên dĩ định động hậu dĩ trí bạt。thiện nam tử。

định tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy, trước dùng định để lay động sau mới dùng trí để nhổ. Này thiện nam tử!

如浣垢衣先以灰汁後以清水衣則鮮潔。

Như hoán cấu y tiên dĩ hôi trấp hậu dĩ thanh thủy y tắc tiên khiết。

Như giặt y bẩn, trước phải dùng nước tro, sau dùng nước trong thì y mới sạch sẽ.

菩薩定慧亦復如是。善男子。如先讀誦後則解義。

Bồ Tát định tuệ diệt phục như thị. thiện nam tử. như tiên độc tụng hậu tắc giải nghĩa。
Định tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Như trước đọc tụng sau mới hiểu
nghĩa.

菩薩定慧亦復如是。善男子。

Bồ Tát định tuệ diệt phục như thị. thiện nam tử。

Định tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử!

譬如勇人先以鎧仗牢自莊嚴。然後御陣能壞怨賊。

Thí như dũng nhân tiên dĩ khải trượng lao tự trang nghiêm。 nhiên hậu ngự trận năng hoại
oán tặc。

Thí như người hùng mạnh trước dùng khôi giáp đao trượng để tự võ trang, sau mới ra trận
để có thể phá tan giặc thù.

菩薩定慧亦復如是。善男子。

Bồ Tát định tuệ diệt phục như thị. thiện nam tử。

Định tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử!

譬如巧匠鉗錘盛金自在隨意撓攪融消。菩薩定慧亦復如是。

Thí như xảo tượng kiềm quả thịnh kim tự-tại tùy ý nạo giảo dung tiêu。 Bồ Tát định tuệ
diệt phục như thị。

Thí như người thợ khéo dùng kèm dùng khuôn để gắp và đưng vàng tự tại theo ý muốn:
Khuấy, trộn, đốt cháy. Định tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy.

善男子。譬如明鏡照了面像。菩薩定慧亦復如是。

Thiện nam tử. thí như minh kính chiếu liễu diện tượng。 Bồ Tát định tuệ diệt phục như
thị。

Nay thiện nam tử! Thí như gương sáng chiếu rõ diện mạo. Định tuệ của Bồ-tát cũng lại
như vậy.

善男子。如先平地然後下種。

Thiện nam tử. như tiên bình địa nhiên hậu hạ chủng。

Nay thiện nam tử! Như trước dọn đất bằng phẳng sau mới gieo giống,

先從師受後思惟義。菩薩定慧亦復如是。以是義故。

Tiên tòng sư thọ hậu tư duy nghĩa。 Bồ Tát định tuệ diệt phục như thị. dĩ thị nghĩa cố。
trước theo thầy học, sau mới suy nghĩ nghĩa lý. Định tuệ của Bồ-tát cũng lại như vậy.

菩薩摩訶薩修是二法能大利益。善男子。

Bồ Tát Ma-Ha tát tu thị nhị Pháp năng Đại lợi ích. thiện nam tử.
 Đại Bồ-tát tu hai pháp này thì có thể lợi ích lớn. Nay thiện nam tử!
 菩薩摩訶薩修是二法。調攝五根堪忍眾苦。
 Bồ Tát Ma-Ha tát tu thị nhị Pháp。 điều nhiếp ngũ căn Kham nhẫn chúng khổ。
 Đại Bồ-tát tu hai pháp này thì có thể điều nhiếp năm căn, kham nhẫn các thứ khổ như
 所謂飢渴寒熱打擲罵辱。惡獸所嚙蚊虻所螫。
 Sở vị cơ khát hàn nhiệt đả trịch mạ nhục。 ác thú sở khiết văn manh sở thích。
 đói, khát, lạnh, nóng, đánh đập, chửi mắng, thú dữ cắn, muỗi mòng chích,
 常攝其心不令放逸。不為利養行於非法。
 Thường nhiếp kỳ tâm bất linh phóng dật。 bất vị lợi dưỡng hành ư phi Pháp。
 thường nhiếp tâm mình không cho phóng dật, không vì lợi dưỡng mà làm điều phi pháp,
 客塵煩惱所不能污。不為諸邪異見所惑。
 Khách trần phiền não sở bất năng ô。 bất vi chư tà dị kiến sở hoặc。
 khách trần phiền não không thể làm nhiễm ô, không bị các tà kiến khác làm mê lầm,
 常能遠離諸惡覺觀。不久成就阿耨多羅三藐三菩提。
 Thường năng viễn li chư ác giác quán。 bất cửu thành tựu a nậu đa la tam miếu tam Bồ
 đề。
 thường hay xa lìa các ác giác quán, không bao lâu thành tựu A-nậu-đa-la-tam-miếu-tam-
 bồ-đề,
 為欲成就利眾生故。善男子。
 vị dục thành tựu lợi chúng sanh cố。 thiện nam tử。
 vì muốn thành tựu lợi ích chúng sanh. Nay thiện nam tử!
 菩薩摩訶薩修是二法。四倒暴風不能吹動。
 Bồ Tát Ma-Ha tát tu thị nhị Pháp。 tứ đảo bạo phong bất năng xuy động。
 Đại Bồ-tát tu hai pháp này thì gió dữ của bốn đảo không thể thổi động
 如須彌山雖為四風之所吹鼓不能令動。
 Như Tu-Di sơn tuy vi tứ phong chi sở xuy cổ bất năng linh động。
 như núi Tu-di tuy bị bốn ngọn gió thổi mà không thể làm cho lay động。
 不為外道邪師所拔。如帝釋幢不可移轉。眾邪異術不能誑惑。
 Bất vi ngoại đạo tà sư sở bạt。 như đế thích tràng bất khả di chuyển。 chúng tà dị thuật
 bất năng cưỡng hoặc。

Như tràng Đế thích không thể di chuyển, đại Bồ-tát không bị ngoại đạo tà sư bút nhổ, các
tà thuật khác không thể gạt gẫm,

常受微妙第一安樂。能解如來深祕密義。

Thường thọ vi diệu đệ nhất an lạc. năng giải Như-Lai thâm bí mật nghĩa.
thường hưởng thọ sự vui vi diệu đệ nhất, có thể hiểu nghĩa lý rất sâu của Như Lai,
受樂不欣逢苦不戚。諸天世人恭敬讚歎。

Thọ lạc bất hân phùng khổ bất thích. chư Thiên thể nhân cung kính tán thán.
được vui không mừng, gặp khổ chẳng buồn, trời người cung kính khen ngợi,
明見生死及非生死。善能了知法界法性。

Minh kiến sanh tử cập phi sanh tử. thiện năng liễu tri Pháp giới Pháp tánh.
thấy rõ sanh tử và chẳng phải sanh tử, khéo có thể biết rõ Pháp giới, Pháp tánh,
身有常樂我淨之法。是則名為大涅槃樂。

Thân hữu thường lạc ngã tịnh chi Pháp. thị tắc danh vi Đại Niết-Bàn lạc.
Pháp thân có pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Đây gọi là đại Niết-bàn an vui.
善男子。定相者名空三昧。

Thiện nam tử. định tướng giả danh không tam muội.
Này thiện nam tử! Tướng định gọi là Không tam muội,
慧相者名無願三昧。捨相者名無相三昧。

Tuệ tướng giả danh vô nguyện tam muội. xả tướng giả danh vô tướng tam muội.
tướng tuệ gọi là Vô nguyện tam muội, tướng xả gọi là Vô tướng tam muội.
善男子若有菩薩摩訶薩善知定時慧時捨時及知非時。

Thiện nam tử nhược hữu Bồ Tát Ma-Ha tát thiện tri định thời tuệ thời xả thời cập tri phi
thời.

Này thiện nam tử! Nếu có Đại Bồ-tát khéo biết thời gian định, thời gian tuệ, thời gian xả và
biết phi thời,

是名菩薩摩訶薩行菩提道。師子吼言。世尊。

Thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát hành bồ đề đạo. Sư-tử hống ngôn. Thế Tôn.
đây gọi là đại Bồ-tát hành đạo Bồ-đề. Sư Tử Hống thưa rằng: Bạch Thế Tôn!
云何菩薩知時非時。善男子。

Vân hà Bồ Tát tri thời phi thời. thiện nam tử.

Thế nào là Bồ-tát biết thời và phi thời? Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩因於受樂生大憍慢。或因說法而生憍慢。

Bồ Tát Ma-Ha tát nhân ư thọ lạc sanh Đại kiêu mạn。 hoặc nhân thuyết Pháp nhi sanh kiêu mạn。

Đại Bồ-tát vì hưởng thọ vui mà sanh kiêu mạn, hoặc do thuyết pháp mà sanh kiêu mạn, 或因精勤而生憍慢。或因解義善問答時而生憍慢。

Hoặc nhân tinh tinh cần nhi sanh kiêu mạn。 hoặc nhân giải nghĩa thiện vấn đáp thời nhi sanh kiêu mạn。

hoặc do siêng năng mà sanh kiêu mạn, hoặc vì hiểu nghĩa khéo hỏi đáp giỏi mà sanh kiêu mạn,

或因親近惡知識故而生憍慢。

Hoặc nhân thân cận ác tri thức cố nhi sanh kiêu mạn。

hoặc do gần gũi ác tri thức mà sanh kiêu mạn,

或因布施所重之物而生憍慢。或因世間善法功德而生憍慢。

Hoặc nhân bố thí sở trọng chi vật nhi sanh kiêu mạn。 hoặc nhân thế gian thiện Pháp công đức nhi sanh kiêu mạn。

hoặc do bố thí nhiều tài vật mà sanh kiêu mạn, hoặc do có công đức pháp lành thế gian mà sanh kiêu mạn,

或因世間豪貴之人所恭敬故而生憍慢。

Hoặc nhân thế gian hào quý chi nhân sở cung kính cố nhi sanh kiêu mạn。

hoặc vì được người giàu sang trong thế gian cung kính mà sanh kiêu mạn, 當知爾時不宜修智宜應修定。

Đương tri nhĩ thời bất nghi tu trí nghi ứng tu định。

nên biết những lúc như vậy, không nên tu trí mà nên tu định.

是名菩薩知時非時。若有菩薩勤修精進。

Thị danh Bồ Tát tri thời phi thời。 nhược hữu Bồ Tát tinh cần tu tinh tấn。

Đây gọi là Bồ-tát biết đúng thời và phi thời. Hoặc có Bồ-tát tu hành tinh tấn nhưng 未得利益涅槃之樂。以不得故生於悔心。

Vị đắc lợi ích Niết-bàn chi lạc。 dĩ bất đắc cố sanh ư hối tâm。

chưa được sự lợi ích của Niết-bàn an lạc, do không được nên tâm sanh tâm hối hận, 以鈍根故不能調伏五情諸根。諸垢煩惱勢力盛故。

Dĩ độn căn cố bất năng điều phục ngũ tình chư căn。 chư cấu phiền não thế lực thịnh cố。

vì độn căn nên không thể điều phục năm tình thức và các căn, vì thế lực cấu uế phiền não
lấy lừng,

自疑戒律有羸損故。當知爾時不宜修定宜應修智。

Tự nghi giới luật hữu luy tổn cố. đương tri nhĩ thời bất nghi tu định nghi ứng tu trí.
vì tự nghi giới luật có kém tổn, nên biết rằng những lúc như vậy không nên tu định mà
phải tu trí.

是名菩薩知時非時。善男子。

Thị danh Bồ Tát tri thời phi thời. thiện nam tử.

Đây gọi là Bồ-tát biết đúng thời và phi thời. Này thiện nam tử!

若有菩薩定慧二法不平等者。當知爾時不宜修捨。

Nhược hữu Bồ Tát định tuệ nhị Pháp bất bình đẳng giả. đương tri nhĩ thời bất nghi tu
xả.

Hoặc có Bồ-tát hai pháp định tuệ không đều nhau, nên biết rằng lúc này không nên tu xả.

二法若等則宜修之。是名菩薩知時非時。善男子。

Nhị Pháp nhược đẳng tắc nghi tu chi. thị danh Bồ Tát tri thời phi thời. thiện nam tử.

Nếu hai pháp ngang bằng nhau thì nên tu xả. Đây gọi là Bồ-tát biết đúng thời và phi thời.

若有菩薩修習定慧起煩惱者。當知爾時不宜修捨。

Nhược hữu Bồ Tát tu tập định tuệ khởi phiền não giả. đương tri nhĩ thời bất nghi tu xả.

Nếu có Bồ-tát tu tập định và tuệ mà sanh phiền não, nên biết lúc bấy giờ không nên tu xả,
宜應讀誦書寫解說十二部經。

Nghi ứng đọc tụng thư tả giải thuyết thập nhị bộ Kinh.

phải nên đọc tụng, biên chép, giải nói Mười Hai Bộ Kinh,

念佛念法念僧念戒念天念捨。是名修捨。善男子。

Niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng niệm giới niệm Thiên niệm xả. thị danh tu xả. thiện
nam tử.

niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thiên, niệm xả, đây gọi là tu xả. Này
thiện nam tử!

若有菩薩修習如是三法相者。

Nhược hữu Bồ Tát tu tập như thị tam Pháp tướng giả.

Nếu có Bồ-tát tu tập ba pháp tướng như vậy,

以是因緣得無相涅槃。

dĩ thị nhân duyên đắc vô tướng Niết-Bàn.

do nhân duyên này mà được Vô tướng Niết bàn.

師子吼言。世尊。

Sư-tử hống ngôn. Thế Tôn.

Sư Tử Hống thưa rằng: Bạch Thế Tôn!

無十相故名大涅槃為無相者。復以何緣。

Vô thập tướng cố danh Đại Niết-Bàn vi vô tướng giả. phục dĩ hà duyên.

Vì không mười tướng nên gọi đại Niết-bàn là vô tướng. Lại do duyên gì mà

名為無生無出無作屋宅洲歸安隱滅度涅槃寂靜無諸病苦無所有耶。

Danh vi vô sanh vô xuất vô tác ốc trạch châu quy an ổn diệt độ Niết-Bàn tịch tĩnh vô chư bệnh khổ vô sở hữu da.

gọi là không sanh, không xuất, không tạo tác, là nhà cửa, còn bãi, quy y, an ổn, diệt độ,

Niết-bàn, tịch tĩnh, không các bệnh khổ, là chỗ không có?

佛言。善男子。無因緣故。故名無生。以無為故。

Phật ngôn. thiện nam tử. vô nhân duyên cố. cố danh vô sanh. dĩ vô vi cố.

Phật dạy: Này thiện nam tử! Vì không nhân duyên nên gọi là không sanh. Vì không làm

故名無出。無造業故。故名無作。

Cố danh vô xuất. vô tạo nghiệp cố. cố danh vô tác.

nên gọi là không xuất. Vì không tạo nghiệp nên gọi là vô tác.

不入五見故名屋宅。離四瀑水故名為洲。調眾生故。

Bất nhập ngũ kiến cố danh ốc trạch. ly tứ bộc thủy cố danh vi châu. điều chúng sanh cố.

Vì không vào năm thứ tà kiến nên gọi là nhà cửa. Vì lia bốn dòng nước mạnh nên gọi là còn bãi. Vì điều phục chúng sanh

故名歸依。壞結賊故。故名安隱。

Cố danh quy y. hoại kết tặc cố. cố danh an ổn. ôch

nên gọi là quy y. Vì phá hoại giặc kết sử nên gọi là an ổn.

諸結火滅故名滅度離覺觀故。名曰涅槃。遠憤鬧故。

Chư kết hỏa diệt cố danh diệt độ ly giác quan cố. danh viết Niết-Bàn. viễn hội náo cố.

Vì lửa kết sử tắt nên gọi là diệt độ. Vì lia các giác quán nên gọi là Niết-bàn. Vì xa ồn náo
名曰寂靜。永斷必死故名無病。

danh viết tịch tĩnh. vĩnh đoạn tất tử cố danh vô bệnh.

nên gọi là tịch tĩnh. Vì dứt hẳn sự chết nên gọi là không bệnh.

一切無故名無所有。善男子。若菩薩摩訶薩作是觀時。

Nhất thiết vô cố danh vô sở hữu. thiện nam tử. nhược Bồ Tát Ma-Ha tát tác thị quán thời。

Vì tất cả không có nên gọi là không chỗ có. Nay thiện nam tử! Nếu Đại Bồ-tát quán sát như vậy

即得明了見於佛性。師子吼言。世尊。

Tức đắc minh liễu kiến ư Phật tánh. Sư-tử hống ngôn. Thế Tôn。

liền được thấy rõ Phật tánh. Sư Tử Hống thưa rằng: Bạch Thế Tôn!

菩薩摩訶薩成就幾法。能見如是無相涅槃至無所有。佛言。

Bồ Tát Ma-Ha tát thành tựu ki Pháp. năng kiến như thị vô tướng Niết-Bàn chí vô sở hữu. Phật ngôn。

Đại Bồ-tát thành tựu bao nhiêu pháp thì có thể thấy vô tướng Niết-bàn cho đến không chỗ có như vậy? Phật dạy:

善男子。菩薩摩訶薩成就十法。

Thiện nam tử. Bồ Tát Ma-Ha tát thành tựu thập Pháp。

Nay thiện nam tử! Đại Bồ-tát thành tựu mười pháp

則能明見涅槃無相至無所有。何等為十。一者信心具足。

Tác năng minh kiến Niết-Bàn vô tướng chí vô sở hữu. hà đẳng vi thập. nhất giả tín tâm cụ túc。

thì có thể thấy rõ Niết-bàn vô tướng cho đến không chỗ có. Những gì là mười? Một là tín tâm đầy đủ.

云何名為信心具足。深信佛法眾僧是常。

Vân hà danh vi tín tâm cụ túc. thâm tín Phật Pháp chúng là thường tăng thị thường。

Thế nào gọi là tín tâm đầy đủ? Tin sâu Phật, Pháp và chúng Tăng là thường trụ;

十方諸佛方便示現。

Thập phương chư Phật phương tiện thị hiện。

mười phương chư Phật phương tiện thị hiện;

一切眾生及一闍提悉有佛性。不信如來生老病死及修苦行。

nhất thiết chúng sanh cập nhất xiển đề tất hữu Phật tánh. bất tin Như-Lai sanh lão bệnh tử cập tu khổ hạnh.

tất cả chúng sanh và Nhất-xiển-đề đều có Phật tánh. Không tin Như Lai sanh, già, bệnh, chết và tu khổ hạnh;

提婆達多真實破僧出佛身血。

đề bà đạt đa chân thật phá tăng xuất Phật thân huyết.

Đề-bà-đạt-đa chân thật phá Tăng, làm thân Phật chảy máu;

如來畢竟入於涅槃正法滅盡。是名菩薩信心具足。

Như-Lai tất cánh nhập ư Niết-Bàn chánh Pháp diệt tận. thị danh Bồ Tát tín tâm cụ túc.

Như Lai rốt ráo nhập Niết-bàn, chánh pháp diệt mất. Đây gọi là Bồ-tát đầy đủ tín tâm.

二者淨戒具足。云何名為淨戒具足。善男子。

Nhị giả tịnh giới cụ túc. vân hà danh vi tịnh giới cụ túc. thiện nam tử.

Hai là đầy đủ tịnh giới. Thế nào gọi là đầy đủ tịnh giới? Này thiện nam tử!

若有菩薩自言戒淨。雖不與彼女人和合。

Nhược hữu Bồ Tát tự ngôn giới tịnh. tuy bất dữ bỉ nữ nhân hòa hợp.

Nếu có Bồ-tát tự nói rằng giới thanh tịnh, tuy không cùng người nữ kia hòa hợp

見女人時或生嘲調言語戲笑。

kiến nữ nhân thời hoặc sanh trào điều ngôn ngữ hí tiếu.

nhưng lúc thấy người nữ thì thích chuyện trò đùa giỡn.

如是菩薩成就欲法毀破淨戒。污辱梵行令戒雜穢。

Như thị Bồ Tát thành tựu dục Pháp hủy phá tịnh giới ô nhục phạm hạnh linh giới tạp uế.

Bồ-tát như vậy thành tựu dục pháp hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh, làm cho giới thể tạp uế,

不得名為淨戒具足。復有菩薩自言戒淨。

Bất đắc danh vi tịnh giới cụ túc. phục hữu Bồ Tát tự ngôn giới tịnh.

không được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ-tát tự nói rằng giới thanh tịnh,

雖不與彼女人身合嘲調戲笑。

Tuy bất dữ bỉ nữ nhân thân hợp trào điều hí tiếu.

tuy không cùng thân người nữ kia hòa hợp, đùa cợt, giỡn cười

於壁障外遙聞女人瓔珞環釧種種諸聲心生愛著。

Ư bích chướng ngoại dao văn nữ nhân anh lạc hoàn xuyên chủng chủng chư thanh tâm sanh ái trước.

nhưng cách vách xa nghe những tiếng chuỗi ngọc, vòng xuyên của người nữ khua động lòng sanh đắm trước.

如是菩薩成就欲法毀破淨戒。污辱梵行令戒雜穢。

Như thị Bồ Tát thành tựu dục Pháp hủy phá tịnh giới. ô nhục phạm hạnh linh giới tạp uế.

Bồ-tát như vậy thành tựu dục pháp, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh, làm cho giới thể tạp uế,

不得名為淨戒具足。復有菩薩自言戒淨。

Bất đắc danh vi tịnh giới cụ túc. phục hữu Bồ Tát tự ngôn giới tịnh.

không được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ-tát tự nói rằng giới thanh tịnh,

雖復不與女人和合言語嘲調聽其音聲。然見男子隨逐女時。

Tuy phục bất dữ nữ nhân hòa hợp ngôn ngữ trào điều thính kỳ âm thanh. nhiên kiến nam tử tùy trục nữ thời.

tuy lại không cùng người nữ hòa hợp, nói cười đùa bỡn, nghe tiếng khua động nhưng lúc thấy người nam đi theo người nữ

或見女人隨逐男時。便生貪著。

hoặc kiến nữ nhân tùy trục nam thời. tiện sanh tham trước.

hoặc lúc thấy người nữ đi theo người nam liền sanh tâm tham đắm.

如是菩薩成就欲法毀破淨戒。污辱梵行令戒雜穢。

Như thị Bồ Tát thành tựu dục Pháp hủy phá tịnh giới ô nhục phạm hạnh linh giới tạp uế.

Bồ-tát như vậy thành tựu dục pháp, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh, làm cho giới thể tạp uế,

不得名為淨戒具足。復有菩薩自言戒淨。

Bất đắc danh vi tịnh giới cụ túc. phục hữu Bồ Tát tự ngôn giới tịnh.

không được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ-tát tự nói rằng giới thanh tịnh,

雖復不與女人和合言語嘲調聽其音聲見男女相隨。

Tuy phục bất dữ nữ nhân hòa hợp ngôn ngữ trào điều thính kỳ âm thanh kiến nam nữ tương tùy

tuy lại không cùng người nữ hòa hợp, nói cười đùa bỡn, nghe tiếng khua động, thấy tướng của người nam người nữ theo nhau

然為生天受五欲樂。

nhiên vì sanh Thiên thọ ngũ dục lạc。

tùy. như vậy làm sanh Trời nhận lấy ngũ dục thích。

nhưng lại muốn sanh lên cõi trời vui thọ ngũ dục.

如是菩薩成就欲法毀破淨戒。污辱梵行令戒雜穢。

Như thị Bồ Tát thành tựu dục Pháp hủy phá tịnh giới. ô nhục phạm hành linh giới tạp uế。

Bồ-tát như vậy thành tựu dục pháp, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh, làm cho giới thể tạp uế,

不得名為淨戒具足。善男子。若有菩薩清淨持戒。

Bất đắc danh vì tịnh giới cụ túc. thiện nam tử. nhược hữu Bồ Tát thanh tịnh trì giới.

không được gọi là đầy đủ tịnh giới. Nay thiện nam tử! Nếu có Bồ-tát trì giới thanh tịnh而不為戒不為尸羅波羅蜜。不為眾生不為利養。

Nhi bất vị giới bất vị Thi-La ba la mật. bất vị chúng sanh bất vị lợi dưỡng。

mà không vì giới, không vì Thi-la Ba-la-mật, không vì chúng sanh, không vì lợi dưỡng, 不為菩提不為涅槃。不為聲聞辟支佛。

Bất vị bồ đề bất vị Niết-Bàn. bất vị thanh văn Bích chi Phật。

không vì Bồ-đề, không vì Niết-bàn, không vì Thanh văn, Bích-chi-phật,

唯為最上第一義故護持禁戒。善男子。

Duy vị tối thượng đệ nhất nghĩa cố hộ trì cấm giới. thiện nam tử。

chỉ vì đệ nhất nghĩa tối thượng nên hộ trì giới cấm. Nay thiện nam tử!

是名菩薩淨戒具足。三者親近諸善知識。善知識者。

Thị danh Bồ Tát tịnh giới cụ túc. tam giả thân cận chư thiện tri thức. thiện tri thức giả。

Đây gọi là Bồ-tát đầy đủ tịnh giới. Ba là gần gũi thiện tri thức. Thiện tri thức là

若有能說信戒多聞布施智慧令人受行。

Nhược hữu năng thuyết tín giới đa văn bố thí trí tuệ linh nhân thọ hành。

hoặc có thể nói tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ làm cho mọi người thọ trì thực hành.

是名菩薩善知識也。四者樂於寂靜。寂靜者。

Thị danh Bồ Tát thiện tri thức dã. tứ giả lạc ư tịch tĩnh. tịch tĩnh giả。

Đây gọi là Bồ-tát thiện tri thức vậy. Bốn là thích ở nơi tịch tĩnh. Tịch tĩnh

所謂身心寂靜觀察諸法甚深法界。是名寂靜。

Sở vị thân tâm tịch tĩnh quan sát chư Pháp thậm thâm Pháp giới. thị danh tịch tĩnh. nghĩa là thân tâm tĩnh lặng quán sát các pháp, pháp giới thâm sâu, đây gọi là tịch tĩnh.

五者精進。精進者。

Ngũ giả tinh tấn. tinh tấn giả.

Năm là tinh tấn. Tinh tấn

所謂繫心觀四真諦設頭火然終不放捨。是名精進。六者念具足。

Sở vị hệ tâm quán tứ chân đế thiết đầu hỏa nhiên chung bất phóng xả. thị danh tinh tấn. lục giả niệm cụ túc.

nghĩa là buộc tâm quán sát bốn chân đế, giả sử lửa cháy trên đầu trọn không buông bỏ, đây gọi là tinh tấn. Sáu là đầy đủ niệm.

念具足者。所謂念佛念法念僧念戒念天念捨。

Niệm cụ túc giả. sở vị niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng niệm giới niệm Thiên niệm xả.

Đầy đủ niệm nghĩa là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thiên, niệm xả, là名念具足。七者軟語。軟語者。

Thị danh niệm cụ túc. thất giả nhuễn ngữ. nhuễn ngữ giả.

đây gọi là đầy đủ niệm. Bảy là nhuễn ngữ. Nhuễn ngữ

所謂實語妙語先意問訊時語真語。是名軟語。

Sở vị thật ngữ diệu ngữ tiên ý vấn tấn thời ngữ chân ngữ. thị danh nhuễn ngữ.

nghĩa là lời nói chân thật, lời nói hòa diệu, hỏi thăm ý trước, nói đúng thời, nói lời chân chánh.

八者護法。護法者。所謂愛樂正法常樂演說。

Bát giả hộ Pháp. hộ Pháp giả. sở vị ái lạc chánh Pháp thường lạc diễn thuyết.

Tám là hộ pháp. Hộ pháp nghĩa là mến thích chánh pháp, thường muốn diễn thuyết, 讀誦書寫思惟其義。廣宣敷揚令其流布。

Độc tụng thư tả tư duy kỳ nghĩa. quảng tuyên phu dương linh kỳ lưu bố.

đọc tụng, biên chép, tư duy nghĩa lý, tuyên dương sâu rộng làm cho chánh pháp lưu bố.

若見有人書寫解說讀誦讚歎思惟義者。

Nhược kiến hữu nhân thư tả giải thuyết độc tụng tán thán tư duy nghĩa giả.

Nếu thấy có người biên chép, giải nói, đọc tụng, tán thán tư duy nghĩa ấy,

為求資生而供養之。所謂衣服飲食臥具醫藥。

vị cầu tư sanh nhi cung dưỡng chi. sở vị y phục ẩm thực ngoạ cụ y dược。

vì cầu sự sống mà cúng dường y phục, ẩm thực, đồ nằm, thuốc thang cho họ.

為護法故不惜身命。是名護法。

vị hộ Pháp cố bất tích thân mạng。 thị danh hộ Pháp。

Vì hộ Phật pháp nên không tiếc thân mạng. Đây gọi là hộ pháp.

九者菩薩摩訶薩見有同學同戒有所乏少。轉從他乞熏鉢染衣。

Cửu giả Bồ Tát Ma-Ha tát kiến hữu đồng học đồng giới hữu sở phạp thiếu。 chuyển tòng tha khát huân bát nhiễm y。

Chín là đại Bồ-tát thấy có bạn đồng học, đồng giới thiếu thốn đồ cần dùng, nên chuyên theo người đó hong bát, nhuộm y,

瞻病所須衣服飲食臥具房舍而供給之。

Chiêm bệnh sở tu y phục ẩm thực ngoạ cụ phòng xá nhi cung cấp chi。

xem bệnh. Nếu họ cần y phục, ẩm thực, ngoạ cụ, phòng xá nên cấp cho họ.

十者具足智慧。智慧者。所謂觀於如來常樂我淨。

Thập giả cụ túc trí tuệ。 trí tuệ giả。 sở vị quán ư Như-Lai thường lạc ngã tịnh。

Mười là đầy đủ trí tuệ. Trí tuệ nghĩa là quán sát Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh;

一切眾生悉有佛性。觀法二相。

Nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh。 quán Pháp nhị tướng。

tất cả chúng sanh đều có Phật tánh; quán sát pháp hai tướng:

所謂空不空常無常樂無樂我無我淨不淨

ở vị không bất không thường vô thường lạc vô lạc ngã vô ngã tịnh bất tịnh。

Không bất không, thường vô thường, lạc bất lạc, ngã vô ngã, tịnh bất tịnh,

異法可斷異法不可斷。異法從緣生異法從緣見。

Dị Pháp khả đoạn dị Pháp bất khả đoạn。 dị Pháp tòng duyên sanh dị Pháp tòng duyên kiến。

pháp khác có thể dứt, pháp khác không thể dứt, pháp khác từ duyên sanh, pháp khác từ duyên thấy,

異法從緣果異法非緣果。是名具足智慧。善男子。

Dị Pháp tòng duyên quả dị Pháp phi duyên quả。 thị danh cụ túc trí tuệ。 thiện nam tử。

pháp khác từ duyên thành quả, pháp khác chẳng phải từ duyên thành quả. Đây gọi là đầy đủ trí tuệ. Nay thiện nam tử!

是名菩薩具足十法。

Thị danh Bồ Tát cụ túc thập Pháp。

Đây gọi là Bồ-tát đầy đủ mười pháp,

即能明見涅槃無相師子吼言。世尊。如佛先告純陀。

Tức năng minh kiến Niết-Bàn vô tướng Sư-tử hống ngôn. Thế Tôn. như Phật tiên cáo Thuần đà.

liền có thể thấy rõ Niết-bàn vô tướng. Sư Tử Hống thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Như trước Phật bảo Thuần-đà:

汝今已得見於佛性得大涅槃。

Nhữ kim dĩ đắc kiến ư Phật tánh đắc Đại Niết-Bàn。

Nay ông đã thấy được Phật tánh, được đại Niết-bàn,

成就阿耨多羅三藐三菩提。是義云何。世尊。如經中說。

Thành tựu a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. thị nghĩa vân hà. Thế Tôn. như Kinh trung thuyết.

thành tựu A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề, nghĩa này thế nào? Bạch Thế Tôn! Như trong kinh nói:

若施畜生得百倍報。施一闍提得千倍報。

Nhược thí súc sanh đắc bách bội báo. thí nhất xiển đề đắc thiên bội báo。

Nếu bố thí cho súc sanh được phước báo trăm lần hơn. Bố thí cho Nhất-xiển-đề được phước báo ngàn lần hơn.

施持戒者百千倍報。若施外道斷煩惱者得無量報。

Thí trì giới giả bách thiên bội báo. nhược thí ngoại đạo đoạn phiền não giả đắc vô lượng báo。

Bố thí cho người trì giới được phước báo trăm ngàn lần hơn. Nếu bố thí cho ngoại đạo dứt phiền não được phước báo vô lượng.

奉施四向及以四果至辟支佛得無量報。

Phụng thí tứ hướng cập dĩ tứ quả chí Bích chi Phật đắc vô lượng báo。

Dâng cúng cho bậc Tứ hướng cho đến bậc Tứ quả đến Bích-chi-phật được phước báo vô lượng.

施不退菩薩及最後身諸大菩薩如來世尊。

Thí bất thối Bồ Tát cập tối hậu thân chư Đại Bồ Tát Như Lai Thế Tôn。

Dâng cúng cho bậc Bất-thối Bồ-tát, các đại Bồ-tát thân rốt sau, Như Lai Thế Tôn
所得福報無量無邊不可稱計不可思議。純陀大士。

Sở đắc phúc báo vô lượng vô biên bất khả xưng kể bất khả tư nghị. Thuần đà Đại sĩ.
thì được phước báo vô lượng vô biên không thể xưng kể, không thể nghĩ bàn. Đại sĩ
Thuần-đà

若受如是無量報者。是報無盡。

Nhược thọ như thị vô lượng báo giả. thị báo vô tận。

nếu thọ vô lượng phước báo như vậy, báo này là vô tận,
何時當得阿耨多羅三藐三菩提。世尊。經中復說。

Hà thời đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. Thế Tôn. Kinh trung phục thuyết.
thì khi nào sẽ được A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề? Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại nói:
若人重心造善惡業必得果報。若現世受。若次生受。

Nhược nhân trọng tâm tạo thiện ác nghiệp tất đắc quả báo. nhược hiện thế thọ. nhược
thứ sanh thọ。

Nếu người do tâm ân trọng mà tạo nghiệp thiện, nghiệp ác chắc chắn được quả báo:

Hoặc thọ trong đời hiện tại, hoặc thọ đời kế,

若後世受。純陀善業慳重心作。

Nhược hậu thế thọ. Thuần đà thiện nghiệp ân trọng tâm tác。

hoặc đến đời sau thọ. Thuần-đà do tâm ân trọng mà tạo nghiệp lành,

當知是業必定受報。若定受報。

Đương tri thị nghiệp tất định thọ báo. nhược định thọ báo。

nên biết nghiệp ấy quyết định thọ quả báo. Nếu quyết định thọ quả báo,

云何得成阿耨多羅三藐三菩提。云何復得見於佛性。世尊。經中復說。

Vân hà đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. vân hà phục đắc kiến ư Phật
tánh. Thế Tôn. Kinh trung phục thuyết。

làm sao được thành A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề? Lại làm sao được thấy Phật tánh?

Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại nói:

施三種人果報無盡。一者病人。二者父母。

Thí tam chủng nhân quả báo vô tận. nhất giả bệnh nhân. nhị giả phụ mẫu。

Bổ thí cho ba hạng người được quả báo vô tận: Một là người bệnh, hai là cha mẹ,
三者如來。世尊。經中復說。佛告阿難。

tam giả Như-Lai. Thế Tôn. Kinh trung phục thuyết. Phật cáo A Nan.

ba là Như Lai. Bạch Thế Tôn! Trong kinh lại nói: Phật bảo A-nan:

一切眾生如其無有欲界業者。

Nhất thiết chúng sanh như kỳ vô hữu dục giới nghiệp giả.

Tất cả chúng sanh nếu không có nghiệp cõi Dục,

即得阿耨多羅三藐三菩提。色無色業亦復如是。世尊。

tức đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề. sắc vô sắc nghiệp diệc phục như thị. Thế
Tôn。

liền được A-nậu-đa-la-tam-miểu-tam-bồ-đề. Nghiệp cõi Sắc và Vô sắc cũng lại như vậy.

Bạch Thế Tôn!

如法句偈。非空非海中。非入山石間。無有地方所。

Như Pháp cú kệ phi không phi hải trung. phi nhập sơn thạch gian. vô hữu địa phương
sở。

Như bài kệ trong Pháp cú: Chẳng phải hư không, chẳng phải trong biển cả, chẳng phải
vào núi, trong kẹt đá, không có phương chỗ nào

脫之不受業。又阿尼樓駄言。世尊。

Thoát chi bất thọ nghiệp. hựu a ni Lâu-Đà ngôn. Thế Tôn。

được thoát mà không thọ nghiệp. Lại A-ni-lâu-đà thưa rằng: Bạch Thế Tôn!

我憶往昔以一食施。八萬劫中不墮三惡。世尊。

Ngã ức vãng tích dĩ nhất thực thí. bát vạn kiếp trung bất đọa tam ác. Thế Tôn。

Con nhớ xưa kia nhờ bổ thí một bữa ăn mà trong tám vạn kiếp không đọa ba đường ác.

Bạch Thế Tôn!

一食之施尚得是報。何況純陀信心施佛。

Nhất thực chi thí thượng đắc thị báo. hà hưởng Thuần đà tín tâm thí Phật。

Bổ thí một bữa ăn còn được phước báo như vậy huống là Thuần-đà tín tâm cúng thí Phật,
具足成就檀波羅蜜。世尊。若善果報不可盡者。

Cụ túc thành tựu đàn ba la mật. Thế Tôn. nhược thiện quả báo bất khả tận giả。

thành tựu đầy đủ Đàn Ba-la-mật. Bạch Thế Tôn! Nếu quả báo lành không thể hết thì

謗方等經犯五逆罪毀四重禁一闡提罪云何可盡。

Báng phương đẳng Kinh phạm ngũ nghịch tội hủy tứ trọng cấm nhất xiển đề tội vân hà khả tận

phỉ báng kinh Phương đẳng, phạm tội ngũ nghịch, hủy bốn giới trọng và tội Nhất-xiển-đề làm sao có thể hết?

若不可盡。

Nhược bất khả tận。

Nếu không thể hết

云何能得見於佛性成阿耨多羅三藐三菩提。佛言。善哉善哉。善男子。

Vân hà năng đắc kiến ư Phật tánh thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề。 Phật ngôn。 Thiện tai Thiện tai。 thiện nam tử。

làm sao có thể được thấy Phật tánh, thành tựu A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề? Phật bảo: Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử!

唯有二人能得無量無邊功德。不可稱計不可宣說。

duy hữu nhị nhân năng đắc vô lượng vô biên công đức。 bất khả xưng kế bất khả tuyên thuyết。

Chỉ có hai hạng người có thể được vô lượng vô biên công đức không thể tính kể, không thể tuyên thuyết,

能竭生死漂流瀑河。降魔怨敵摧魔勝幢。

Năng kiệt sanh tử phiêu lưu bộc hà。 hàng ma oán địch tồi ma thắng tràng。

có thể cạn dòng nước xoáy sanh tử, hàng phục ma oán, xô ngã tràng ma,

能轉如來無上法輪。一者善問。二者善答。

Năng chuyển Như-Lai vô thượng Pháp luân。 nhất giả thiện vấn。 nhị giả thiện đáp。

có thể chuyển bánh xe pháp vô thượng của Như Lai: Một là người khéo hỏi, hai là người khéo đáp.

善男子。佛十力中業力最深。善男子。

Thiện nam tử。 Phật thập lực trung nghiệp lực tối thâm。 thiện nam tử。

Này thiện nam tử! Trong mười trí lực của Phật, nghiệp trí lực là rất sâu hơn hết. Này thiện nam tử!

有諸眾生於業緣中心輕不信。為度彼故作如是說。

Hữu chư chúng sanh ư nghiệp duyên trung tâm khinh bất tín。 vị độ bỉ cố tác như thị thuyết。

Có những chúng sanh ở trong nghiệp duyên, lòng khinh dễ không tin. Vì độ họ nên Phật nói lời như vậy:

善男子。一切作業有輕有重。

Thiện nam tử. nhất thiết tác nghiệp hữu khinh hữu trọng.

Này thiện nam tử! Tất cả nghiệp gây tạo ra có nhẹ có nặng.

輕重二業復各有二。一者決定。二者不決定。善男子。

Khinh trọng nhị nghiệp phục các hữu nhị. nhất giả quyết định. nhị giả bất quyết định. thiện nam tử.

Hai nghiệp nặng và nhẹ lại đều có hai: Một là quyết định, hai là bất định. Này thiện nam tử!

或有人言惡業無果。若言惡業定有果者。

Hoặc hữu nhân ngôn ác nghiệp vô quả. nhược ngôn ác nghiệp định hữu quả giả.

Hoặc có người nói rằng nghiệp ác không có quả báo. Nếu nói rằng nghiệp ác quyết định có quả báo,

云何氣噓旃陀羅而得生天。鶖掘摩羅得解脫果。

Vân hà khí hư chiên đà la nhi đắc sanh Thiên. ương quật ma la đắc giải thoát quả.

vì sao Khí Hư Chiên-đà-la mà được sanh Thiên? Ương-quật-ma-la được quả giải thoát?

以是義故。當知作業有定得果不定得果。

Dĩ thị nghĩa cố. đương tri tác nghiệp hữu định đắc quả bất định đắc quả.

Do nghĩa này nên biết tạo nghiệp có quyết định được quả báo và không quyết định được quả báo.

我為除斷如是邪見。故於經中說如是語。

Ngã vị trừ đoạn như thị tà kiến. cố ư Kinh trung thuyết như thị ngữ.

Ta vì dứt trừ những tà kiến như vậy nên ở trong kinh nói những lời rằng

一切作業無不得果。善男子或有重業可得作輕。

Nhất thiết tác nghiệp vô bất đắc quả. thiện nam tử hoặc hữu trọng nghiệp khả đắc tác khinh.

tất cả nghiệp tạo ra, không nghiệp nào không có quả báo. Này thiện nam tử! Hoặc có nghiệp nặng có thể làm thành nhẹ,

或有輕業可得作重。非一切人唯有愚智。

Hoặc hữu khinh nghiệp khả đắc tác trọng. phi nhất thiết nhân duy hữu ngu trí.

hoặc có nghiệp nhẹ có thể làm thành nặng. Chẳng phải tất cả mọi người, chỉ có ngu và trí.
是故當知非一切業悉定得果。雖不定得。

Thị cố đương tri phi nhất thiết nghiệp tất định đắc quả。 tuy bất định đắc。

Vì vậy nên biết rằng chẳng phải tất cả nghiệp đều quyết định được quả báo. Tuy không quyết định được quả báo nhưng

亦非不得。善男子。一切眾生凡有二種。一者智人。

Diệc phi bất đắc。 thiện nam tử。 nhất thiết chúng sanh phàm hữu nhị chủng。 nhất giả trí nhân。

cũng chẳng phải không có quả báo. Này thiện nam tử! Tất cả chúng sanh phàm có hai hạng: Một là người trí,

二者愚癡。有智之人以智慧力。

Nhị giả ngu si。 hữu trí chi nhân dĩ trí tuệ lực。

hai là người ngu. Người trí nhờ sức trí tuệ nên

能令地獄極重之業現世輕受。

Năng linh Địa-ngục cực trọng chi nghiệp hiện thế khinh thọ。

có thể làm cho nghiệp địa ngục rất nặng thành thọ báo nhẹ hiện đời.

愚癡之人現世輕業地獄重受。師子吼言。世尊。若如是者。

Ngu si chi nhân hiện thế khinh nghiệp Địa-ngục trọng thọ。 Sư-tử hống ngôn。 Thế Tôn。 nhược như thị giả。

Người ngu si nghiệp hiện đời nhẹ lại thọ báo nặng nơi địa ngục. Sư Tử Hống thưa rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu như vậy

則不應求清淨梵行及解脫果。佛言。善男子。

Tắc bất ứng cầu thanh tịnh phạm hạnh cập giải thoát quả。 Phật ngôn。 thiện nam tử。

thì không nên cầu phạm hạnh thanh tịnh và quả giải thoát. Phật dạy: Này thiện nam tử! Nếu một nghiệp định được quả báo thì đáng lẽ không nên cầu phạm hạnh giải thoát。

Nhược nhất thiết nghiệp định đắc quả giả。 tắc bất ứng cầu phạm hạnh giải thoát。

Nếu tất cả nghiệp quyết định được quả báo thì đáng lẽ không nên cầu phạm hạnh giải thoát。

以不定故則修梵行及解脫果。善男子。

dĩ bất định cố tắc tu phạm hạnh cập giải thoát quả。 thiện nam tử。

Do nghiệp không quyết định nên phải tu phạm hạnh và quả giải thoát. Này thiện nam tử!

若能遠離一切惡業則得善果。若遠善業則得惡果。

Nhược năng viễn li nhất thiết ác nghiệp tắc đắc thiện quả. nhược viễn thiện nghiệp tắc đắc ác quả.

Nếu có thể xa lìa tất cả nghiệp ác thì được quả lành. Nếu xa lìa nghiệp lành thì được quả ác.

若一切業定得果者。則不應求修習聖道。

Nhược nhất thiết nghiệp định đắc quả giả. tắc bất ứng cầu tu tập Thánh đạo.

Nếu tất cả nghiệp quyết định được quả báo thì không nên cầu tu tập Thánh đạo.

若不修道則無解脫。一切聖人所以修道。

Nhược bất tu đạo tắc vô giải thoát. nhất thiết Thánh nhân sở dĩ tu đạo.

Nếu không tu Thánh đạo thì không giải thoát. Tất cả Thánh nhân sở dĩ tu Thánh đạo 為壞定業得輕報故。不定之業無果報故。若一切業定得果者。

vị hoại định nghiệp đắc khinh báo cố. bất định chi nghiệp vô quả báo cố. nhược nhất thiết nghiệp định đắc quả giả. àm

là vì để phá hoại định nghiệp thành quả báo nhẹ, nghiệp bất định thành không có quả báo. Nếu tất cả nghiệp quyết định được quả báo 則不應求修習聖道。

Tắc bất ứng cầu tu tập Thánh đạo.

thì không nên cầu tu tập Thánh đạo.

若人遠離修習聖道得解脫者。無有是處。不得解脫得涅槃者。

Nhược nhân viễn li tu tập Thánh đạo đắc giải thoát giả. vô hữu thị xử. bất đắc giải thoát đắc Niết-Bàn giả.

Nếu người nào xa lìa tu tập Thánh đạo mà được giải thoát, là việc không có. Không giải thoát mà được Niết-bàn

亦無是處。善男子。若一切業定得果者。

diệc vô thị xử. thiện nam tử. nhược nhất thiết nghiệp định đắc quả giả.

cũng là việc không có. Nay thiện nam tử! Nếu tất cả nghiệp quyết định được quả báo, 一世所作純善之業。應當永已常受安樂。

Nhất thế sở tác thuần thiện chi nghiệp. ứng đương vĩnh dĩ thường thọ an lạc.

một đời tạo nghiệp thuần thiện, lẽ ra phải mãi mãi thường hưởng thọ an vui.

一世所作極重惡業。亦應永已受大苦惱。

Nhất thế sở tác cực trọng ác nghiệp. diệc ứng vĩnh dĩ thọ Đại khổ não.

Một đời gây tạo nghiệp ác rất nặng, lẽ ra cũng phải mãi mãi thọ khổ não lớn.

業果若爾則無修道解脫涅槃。人作人受。

Nghiệp quả nhược nhĩ tắc vô tu đạo giải thoát Niết-Bàn. nhân tác nhân thọ.

Nếu nghiệp quả như vậy thì không có sự tu Thánh đạo, giải thoát và Niết-bàn. Người làm người chịu,

婆羅門作婆羅門受。若如是者。則不應有下姓下人。

Bà-la-môn tác Bà-la-môn thọ. nhược như thị giả. tắc bất ứng hữu hạ tính hạ nhân.

Bà-la-môn làm Bà-la-môn chịu. Nếu như vậy thì lẽ ra không có giòng họ thấp hèn, người thấp hèn,

人應常人。婆羅門應常婆羅門。

Nhân ứng thường nhân. Bà-la-môn ứng thường Bà-la-môn.

người nên thường là người, Bà-la-môn nên thường là Bà-la-môn,

小時作業應小時受。不應中年及老時受。老時作惡生地獄中。

Tiểu thời tác nghiệp ứng tiểu thời thọ. bất ứng trung niên cập lão thời thọ. lão thời tác ác sanh Địa-ngục trung.

lúc nhỏ tạo nghiệp phải nên lúc nhỏ chịu, không nên đến trung niên hay lúc già mới chịu.

Lúc già tạo nghiệp ác sanh trong địa ngục.

地獄初身不應便受。應待老時然後乃受。

Địa-ngục sơ thân bất ứng tiện thọ. ứng đãi lão thời nhiên hậu nãi thọ.

Thân địa ngục lúc trẻ không nên thọ liền, phải đợi lúc già mới thọ.

若老時不殺不應壯年得壽。

Nhược lão thời bất sát bất ứng tráng niên đắc thọ.

Nếu lúc già không sát sanh không nên thọ tráng niên được sống còn.

若無壯壽云何至老。業無失故。業若無失。云何而有修道涅槃。

Nhược vô tráng thọ vân hà chí lão. nghiệp vô thất cố. nghiệp nhược vô thất. vân hà nhi hữu tu đạo Niết-Bàn.

Nếu lúc tráng niên không sống còn, sao lại đến được già? Vì nghiệp không mất. Nếu nghiệp không mất sao lại có tu đạo Niết-bàn?

善男子。業有二種。定以不定。定業有二。

Thiện nam tử. nghiệp hữu nhị chủng. định dĩ ất định. định nghiệp hữu nhị.

Này thiện nam tử! Nghiệp có hai thứ: Định nghiệp và bất định nghiệp. Định nghiệp có hai: 一者報定。二者時定。或有報定而時不定。

Nhất giả báo định. nhị giả thời định. hoặc hữu báo định nhi thời bất định.

Một là báo định, hai là thời định. Hoặc có báo định mà thời gian bất định, 緣合則受。或三時受。所謂現受生受後受。善男子。

duyên hợp tác thọ. hoặc tam thời thọ. sở vị hiện thọ sanh thọ hậu thọ. thiện nam tử. lúc duyên hợp mới thọ báo. Hoặc ba thời thọ báo: đời hiện tại thọ, đời kế thọ và đời sau thọ. Này thiện nam tử!

若定心作善惡等業。作已深生信心歡喜。

Nhược định tâm tác thiện ác đẳng nghiệp. tác dĩ thâm sanh tín tâm hoan hỷ.

Nếu định tâm làm các nghiệp lành nghiệp ác, làm xong sanh lòng rất tin hoan hỷ, 若發誓願供養三寶。是名定業。善男子。

Nhược phát thệ nguyện cung dưỡng Tam Bảo. thị danh định nghiệp. thiện nam tử. hoặc phát thệ nguyện cúng dường Tam bảo. Đây gọi là định nghiệp. Này thiện nam tử! 智者善根深固難動。是故能令重業為輕。

Trí giả thiện căn thâm cố nan động. thị cố năng linh trọng nghiệp vi khinh.

Người trí căn lành sâu chắc khó lay động nên có thể làm cho nghiệp nặng thành nhẹ. 愚癡之人不善深厚。能令輕業而作重報。以是義故。

Ngu si chi nhân bất thiện thâm hậu. năng linh khinh nghiệp nhi tác trọng báo. dĩ thị nghĩa cố.

Người ngu si điều bất thiện sâu dày nên có thể làm cho nghiệp nhẹ thành nặng. Do nghĩa này nên

一切諸業不名決定。菩薩摩訶薩無地獄業。

Nhất thiết chư nghiệp bất danh quyết định. Bồ Tát Ma-Ha tát vô Địa-ngục nghiệp. tất cả các nghiệp không gọi là quyết định. Đại Bồ-tát không có nghiệp địa ngục. 為眾生故發大誓願生地獄中。善男子。

vị chúng sanh cố phát Đại thệ nguyện sanh Địa-ngục trung. thiện nam tử.

Vì chúng sanh nên phát thệ nguyện lớn sanh trong địa ngục. Này thiện nam tử! 往昔眾生壽百年時。恒沙眾生受地獄報。

Vãng tích chúng sanh thọ bách niên thời. hằng sa chúng sanh thọ Địa-ngục báo.

Xưa kia, lúc thọ mạng của chúng sanh một trăm năm, có hằng sa chúng sanh thọ báo nơi địa ngục.

我見是已即發大願受地獄身。菩薩爾時實無是業。

Ngã kiến thị dĩ tức phát Đại nguyện thọ Địa-ngục thân。Bồ Tát nhĩ thời thật vô thị nghiệp。

Ta thấy như vậy xong, liền phát nguyện lớn thọ thân nơi địa ngục。Bồ-tát lúc bấy giờ thật không có thọ nghiệp này,

為眾生故受地獄果。

vì chúng sanh cố thọ Địa-ngục quả。

vì chúng sanh nên thọ báo nơi địa ngục。

我於爾時在地獄中經無量歲。為諸罪人廣開分別十二部經。

Ngã ư nhĩ thời tại Địa-ngục trung Kinh vô lượng tuế。vì chư tội nhân quảng khai phân biệt thập nhị bộ Kinh。

Lúc bấy giờ Ta ở nơi địa ngục trải qua vô lượng năm, vì những người tội rộng phân biệt giảng nói mười hai bộ kinh。

諸人聞已壞惡果報令地獄空。除一闍提。

Chư nhân văn dĩ hoại ác quả báo linh Địa-ngục không。trừ nhất xiển đề。

Những người tội nghe xong, thoát khỏi quả báo ác làm cho địa ngục trống không, trừ hàng Nhất-xiển-đề。

是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。復次善男子。

Thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát phi hiện sanh hậu thọ thị ác nghiệp。phục thứ thiện nam tử。

Đây gọi gọi là đại Bồ-tát chẳng phải đời nay, đời kế, đời sau thọ ác nghiệp。Lại nữa, Này thiện nam tử!

是賢劫中無量眾生墮畜生中受惡業果。

Thị Hiền kiếp trung vô lượng chúng sanh đọa súc sanh trung thọ ác nghiệp quả。

Trong Hiền kiếp này có vô lượng chúng sanh đọa trong súc sanh chịu quả nghiệp ác。

我見是已復發誓願。為欲說法度眾生故。

Ngã kiến thị dĩ phục phát thệ nguyện。vì dục thuyết Pháp độ chúng sanh cố。

Ta thấy như vậy, vì muốn thuyết Pháp độ chúng sanh nên lại phát thệ nguyện:

或作麀鹿熊羆獼猴龍蛇金翅鳥鵠魚鼈兔象牛馬之身

hoặc tác chương lộc hùng bi Mi-Hầu long xà kim sí điều cáp ngư miết thỏ tượng ngưu mã

Hoặc khi làm thân chươg, nai, gấu, khỉ, rồng, rắn, kim sí điểu, chim bồ câu, cá, ba ba, thỏ, voi, trâu, ngựa.

善男子。

Chi thân。 thiện nam tử。

Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩實無如是畜生惡業。以大願力為眾生故現受是身。

Bồ Tát Ma-Ha tát thật vô như thị súc sanh ác nghiệp。 dĩ Đại nguyện lực vì chúng sanh cố hiện thọ thị thân。

Đại Bồ-tát thật không có nghiệp ác súc sanh như vậy。 Do nguyện lực lớn muốn độ chúng sanh nên hiện thọ thân như vậy。

是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。復次善男子。

Thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát phi hiện sanh hậu thọ thị ác nghiệp。 phục thứ thiện nam tử。

Đây gọi gọi là đại Bồ-tát chẳng phải đời nay, đời kế, đời sau thọ ác nghiệp như vậy。 Lại nữa, này thiện nam tử!

是賢劫中復有無量無邊眾生餓鬼中。

Thị Hiền kiếp trung phục hữu vô lượng vô biên chúng sanh sanh ngã quỷ trung。

Trong Hiền kiếp này, lại có vô lượng vô biên chúng sanh sanh trong loài ngã quỷ, 或食吐汁脂肉膿血屎尿涕唾。

Hoặc thực thổ trấp chi nhục nùng huyết thỉ niệu thể thóa。

hoặc ăn đờm dãi, mỡ, thịt, máu mủ, phần dãi,

壽命無量百千萬歲。初不曾聞漿水之名。

Thọ mạng vô lượng bách thiên vạn tuế。 sơ bất tăng văn tương thủy chi danh。

thọ mạng vô lượng trăm ngàn vạn năm, chưa từng nghe đến tên nước

況復眼見而得飲也。設遙見水生意往趣。

Huống phục nhãn kiến nhi đắc ẩm dã。 thiết dao kiến thủy sanh ý vãng thú。

huống là mắt thấy mà được uống。 Giả sử thấy nước đằng xa trong lòng muốn đến để uống

到則變成猛火膿血。

Đáo tắc biến thành mãnh hỏa nùng huyết。

nhưng khi đến gần thì nước biến thành lửa đỏ và máu mủ。

或時不變則有多人手執矛槊遮護捉持不令得前。或天降雨至身成火。

Hoặc thời bất biến tắc hữu đa nhân thủ chấp mâu sóc già hộ tróc trì bất linh đắc tiền. hoặc Thiên hàng vũ chí thân thành hỏa。

Hoặc có lúc nước không biến nhưng lại có nhiều người tay cầm binh khí ngăn cản không cho đến trước được. Hoặc có lúc trời mưa nước rót đến thân họ liền thành lửa.

是名惡業果報。善男子。菩薩摩訶薩實無如是諸惡業果。

Thị danh ác nghiệp quả báo. thiện nam tử. Bồ Tát Ma-Ha tát thật vô như thị chư ác nghiệp quả。

Đây gọi là nghiệp báo ác. Nay thiện nam tử! Đại Bồ-tát thật không bị những nghiệp quả xấu ác như vậy,

為化眾生令得解脫。故發誓願受如是身。

vì hóa chúng sanh linh đắc giải thoát. cố phát thệ nguyện thọ như thị thân。

vì hóa độ chúng sanh làm cho được giải thoát nên phát thệ nguyện thọ thân như thế.

是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。善男子。

Thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát phi hiện sanh hậu thọ thị ác nghiệp. thiện nam tử。

Đây gọi gọi là đại Bồ-tát chẳng phải đời nay, đời kế, đời sau thọ ác nghiệp như vậy. Nay thiện nam tử!

我於賢劫生屠膾家。

Ngã ư Hiền kiếp sanh đồ quái gia。

Trong Hiền kiếp này, Ta từng sanh vào nhà hàng thịt,

畜養鷄猪牛羊搯獵羅網[敲-高+(虎-儿+魚)]捕。旃陀羅舍作賊劫盜。

Súc dưỡng kê trư ngưu dương cưỡng liệt la võng ngư bộ. Chiên đà la xá tác tặc kiếp đạo。

nuôi gà, nuôi heo, nuôi bò, nuôi dê, đi săn bắn, lưới chim, bắt cá, sanh trong nhà Chiên-đà-la, làm kẻ cướp kẻ trộm.

菩薩實無如是惡業。為度眾生令得解脫。

Bồ Tát thật vô như thị ác nghiệp. vì độ chúng sanh linh đắc giải thoát。

Bồ-tát thật không có ác nghiệp như vậy, vì độ chúng sanh cho được giải thoát nên

以大願力受如是身。是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。

Dĩ Đại nguyện lực thọ như thị thân. thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát phi hiện sanh hậu thọ thị ác nghiệp。

dùng nguyện lực lớn thọ những thân như vậy. Đây gọi là đại Bồ-tát chẳng phải đời nay, đời kế, đời sau thọ ác nghiệp như vậy.

善男子。是賢劫中復生邊地。

Thiện nam tử. thị Hiền kiếp trung phục sanh biên địa。

Này thiện nam tử! Trong Hiền kiếp này, Ta lại sanh vào chỗ biên địa,

多作貪欲瞋恚愚癡習行非法。不信三寶後世果報。

đa tác tham dục sân khuể ngu si tập hành phi Pháp. bất tín Tam Bảo hậu thế quả báo. làm nhiều việc tham dục, sân hận, ngu si quen làm điều phi pháp, không tin Tam bảo và quả báo đời sau,

不能恭敬父母親老耆舊長宿。善男子。

Bất năng cung kính phụ mẫu thân lão kỳ cựu trường tú. thiện nam tử。

không thể cung kính cha mẹ, họ hàng thân thích, người già, các bậc kỳ cựu trường thượng. Này thiện nam tử!

菩薩爾時實無是業。為令眾生得解脫故。

Bồ Tát nhĩ thời thật vô thị nghiệp。 vị linh chúng sanh đắc giải thoát cố。

Bồ-tát lúc bấy giờ thật không có nghiệp ấy, vì làm cho chúng sanh được giải thoát nên以大願力而生其中。是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。

Dĩ Đại nguyện lực nhi sanh kỳ trung. thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát phi hiện sanh hậu thọ thị ác nghiệp。

dùng nguyện lực lớn sanh vào nơi đó. Đây gọi gọi là đại Bồ-tát chẳng phải đời nay, đời kế, đời sau thọ ác nghiệp như vậy.

善男子。

Thiện nam tử。

Này thiện nam tử!

是賢劫中復受女身惡身貪身瞋身癡身妬身慳身幻身誑身纏蓋之身。善男子。

Thị Hiền kiếp trung phục thọ nữ thân ác thân tham thân sân thân si thân đố thân khan thân huyễn thân cuống thân triền cái chi thân. thiện nam tử。

Trong Hiền kiếp này, Ta lại thọ thân nữ, thân ác, thân tham, thân sân, thân si, thân tật đố, thân bôn xẽn, thân ảo thuật, thân dối trá, thân đần độn. Này thiện nam tử!

菩薩爾時亦無是業。但為眾生得解脫故。

Bồ Tát nhĩ thời diệc vô thị nghiệp。 đăn vị chúng sanh đắc giải thoát cố。

Bồ-tát lúc bấy giờ cũng không có nghiệp như vậy, chỉ vì chúng sanh được giải thoát nên
以大願力願生其中。

Dĩ Đại nguyện lực nguyện sanh kỳ trung。

dùng nguyện lực lớn nguyện sanh trong đó。

是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。善男子。

Thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát phi hiện sanh hậu thọ thị ác nghiệp。 thiện nam tử。

Đây gọi là đại Bồ-tát chẳng phải đời nay, đời kế, đời sau thọ ác nghiệp như vậy. Nay thiện nam tử!

我於賢劫受黃門身無根二根及不定根。善男子。

Ngã ư Hiền kiếp thọ hoàng môn thân vô căn nhị căn cập bất định căn。 thiện nam tử。

Trong Hiền kiếp này, Ta lại thọ thân Huỳnh môn, không căn, hai căn và bất định căn. Nay thiện nam tử!

菩薩摩訶薩實無如是諸惡身業。為令眾生得解脫故。

Bồ Tát Ma-Ha tát thật vô như thị chư ác thân nghiệp。 vị linh chúng sanh đắc giải thoát cố。

Đại Bồ-tát thật ra không có thân nghiệp xấu ác như vậy, vì muốn làm cho chúng sanh được giải thoát nên 以大願力願生其中。

Dĩ Đại nguyện lực nguyện sanh kỳ trung。

dùng nguyện lực lớn nguyện sanh trong đó。

是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。善男子。

Thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát phi hiện sanh hậu thọ thị ác nghiệp。 thiện nam tử。

Đây gọi gọi là đại Bồ-tát chẳng phải đời nay, đời kế, đời sau thọ ác nghiệp như vậy. Nay thiện nam tử!

我於賢劫復習外道尼乾子法。信受其法無施無祠無施祠報。

ngã ư Hiền kiếp phục tập ngoại đạo ni kiền tử Pháp。 tín thọ kỳ Pháp vô thí vô từ vô thí từ báo。

Trong Hiền kiếp này, Ta lại tu tập pháp của ngoại đạo Ni-kiền-tử, tin thọ pháp của họ:

Không bố thí thờ tự, không báo bố thí thờ tự,

無善惡業無善惡業報。無現在世及未來世。

Vô thiện ác nghiệp vô thiện ác nghiệp báo。 vô hiện tại thế cập vị lai thế。

không có nghiệp thiện nghiệp ác, không có nghiệp báo thiện ác, không có đời hiện tại và đời vị lai,

無此無彼無有聖人。無變化身無道涅槃。善男子。

Vô thử vô bỉ vô hữu Thánh nhân。 vô biến hóa thân vô đạo Niết-Bàn。 thiện nam tử。

không đây, không kia, không có Thánh nhân, không thân biến hoá, không có đạo Niết-bàn. Này thiện nam tử!

菩薩實無如是惡業。但為眾生令得解脫。

Bồ Tát thật vô như thị ác nghiệp。 đẫn vị chúng sanh linh đắc giải thoát。

Bồ-tát thật ra không có ác nghiệp như vậy, chỉ vì làm cho chúng sanh được giải thoát nên以大願力受是邪法。

Dĩ Đại nguyện lực thọ thị tà Pháp。

dùng nguyện lực lớn thọ học những tà pháp như vậy.

是名菩薩摩訶薩非現生後受是惡業。

Thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát phi hiện sanh hậu thọ thị ác nghiệp。

Đây gọi gọi là đại Bồ-tát chẳng phải đời nay, đời kế, đời sau thọ ác nghiệp như vậy.

善男子。我念往昔與提婆達多俱為商主。

Thiện nam tử。 ngã niệm往昔 tích dữ đề bà đạt đa câu vi thương chủ。

Này thiện nam tử! Ta nhớ thuở xưa cùng Đề-bà-đạt-đa làm thương chủ。

各各自有五百商人。

Các các tự hữu ngũ bách thương nhân。

Mỗi người tự có năm trăm người buôn,

為利益故至大海中採取珍寶。

vị lợi ích cố chí Đại hải trung thái thủ trân bảo。

vì muốn lợi ích nên vào trong biển lớn để tìm châu báu.

惡業緣故路遇暴風吹破船舫伴黨死盡。爾時我與提婆達多。

Ác nghiệp duyên cố lộ ngộ bạo phong xuy phá thuyền phảng bạn đảng tử tận。 nhĩ thời ngã dữ đề bà đạt đa。

Do nghiệp duyên ác nên giữa đường gặp gió bão thổi ghe thuyền hư bể, khách buôn đều chết cả. Lúc đó, Ta và Đề-đa-đạt-đa

不殺果報長壽緣故。為風所吹俱至陸地。

Bất sát quả báo trường thọ duyên cố。 vị phong sở xuy câu chí lục địa。

nhờ nghiệp duyên bắt sát được quả báo trường thọ nên được gió thổi tấp vào đất liền.
時提婆達多貪惜寶貨生大憂苦發聲啼哭。

Thời đề bà đạt đa tham tích bảo hóa sanh Đại ưu khổ phát thanh đề khóc.

Lúc đó, Đề-bà-đạt-đa tham tiếc của cải châu báu nên sanh tâm buồn khổ kêu khóc thảm thiết.

我時語言提婆達多不須啼哭。提婆達多即語我言。

Ngã thời ngữ ngôn đề bà đạt đa bất tu đề khóc. đề bà đạt đa tức ngữ ngã ngôn.

Bấy giờ, Ta bảo Đề-bà-đạt-đa không nên khóc lóc. Đề-bà-đạt-đa liền nói với Ta rằng:
諦聽諦聽譬如有人貧窮困苦。

Để thính để thính thí như hữu nhân bần cùng khốn khổ.

Lắng nghe cho kỹ đây! Thí như có người nghèo cùng khốn khổ,

至塚墓間手捉死屍而作是言。願汝今者施我死樂。我當施汝貧窮壽命。

Chí trung mộ gian thủ tróc tử thi nhi tác thí ngôn. nguyện nhữ kim giả thí ngã tử lạc. ngã đương thí nhữ bần cùng thọ mạng.

đến nơi gò mả tay ôm tử thi mà nói trông mong người bố thí sự chết vui cho tôi, tôi sẽ bố thí đời sống nghèo cùng này cho người.

爾時死屍即便起坐語貧人言。善男子。

Nhĩ thời tử thi tức tiện khởi tọa ngữ bần nhân ngôn. thiện nam tử.

Lúc đó tử thi liền ngồi dậy bảo người nghèo cùng rằng: Này thiện nam tử!

貧窮壽命汝自受之。我今甚樂如是死樂。

Bần cùng thọ mạng nhữ tự thọ chi. ngã kim thậm lạc như thí tử lạc.

Đời sống nghèo cùng ông tự thọ lấy nó. Nay tôi rất thích sự chết vui này,

實不欣汝貧窮而生。然我今日既無死樂兼復貧窮。

Thật bất hân nhữ bần cùng nhi sanh. nhiên ngã kim nhật ký vô tử lạc kiêm phục bần cùng.

thật chẳng ham đời sống nghèo cùng của ông. Nhưng hôm nay tôi đã không được chết vui mà lại gồm cả sự nghèo cùng,

云何而得不啼哭耶。我復慰喻汝且莫愁。

Vân hà nhi đắc bất đề khóc da. ngã phục úy dụ nhữ thả mạc sầu.

làm sao mà không kêu khóc được ư? Ta lại an ủi rằng: Ông đừng sầu khổ nữa!

今有二珠價直無數。當分一枚以相惠施。

Kim hữu nhị châu giá trực vô số. đương phân nhất mai dĩ tướng huệ thí.

Nay có hai viên bảo châu giá trị vô số, tôi sẽ chia cho ông một phần.

我即分與復語之言。有命之人能得此寶。

Ngã tức phân dĩ phục ngữ chi ngôn. hữu mạng chi nhân năng đắc thử bảo.

Ta liền chia cho và lại nói với Đề-bà-đạt-đa rằng: Người nào có mạng mới có thể được viên bảo châu này.

如其無命誰能得耶。

Như kỳ vô mạng thùy năng đắc da.

Như người không có mạng, làm gì có thể được ư?

我時疲弊詣一樹下止息眠臥提婆達多貪心熾盛。

Ngã thời bì tệ nghệ nhất thụ hạ chỉ tức miên ngoạ đề bà đạt đa tham tâm sí thịnh.

Lúc đó, Ta mệt mỏi đến nằm ngủ say dưới một gốc cây. Đề-bà-đạt-đa vì quá tham lam
為餘一珠即生惡心刺壞我目劫奪我珠。我時患瘡發聲呻號。

vị dư nhất châu tức sanh ác tâm thứ hoại ngã mục kiếp đoạt ngã châu. ngã thời hoạn
sang phát thanh thân hiệu.

nên sanh tâm ác đâm đui hai mắt của Ta để cướp lấy viên bảo châu của Ta. Lúc đó Ta
đau đớn kêu khóc thảm thiết.

時有一女。來至我所而問我言。仁者。

Thời hữu nhất nữ. lai chí ngã sở nhi vấn ngã ngôn. nhân giả.

Bấy giờ, có một cô gái đi đến chỗ Ta mà hỏi Ta rằng: Thưa Nhân giả!

何故呻號如是。我即為其廣說本事。

Hà cố thân hiệu như thị. ngã tức vị kỳ quảng thuyết bổn sự.

Vì sao Nhân giả kêu khóc như vậy? Ta liền kể lại sự việc cho cô gái nghe.

女人聞已復重問我汝名字何。我即答言。名為實語。女言。

Nữ nhân văn dĩ phục trọng vấn ngã nhữ danh tự hà. ngã tức đáp ngôn. danh vi thật
ngữ. nữ ngôn.

Cô gái này nghe xong lại hỏi Ta: Ông danh hiệu là gì? Ta liền đáp rằng: Tôi tên là Thật
Ngữ. Cô gái lại nói:

云何知汝為實語耶。我即立誓。

Vân hà tri nhữ vi thật ngữ da. ngã tức lập thệ.

Làm thế nào để biết ông là Thật Ngữ? Ta liền phát thệ rằng:

若我今於提婆達多有惡心者。目當如是永為盲瞽。

Nhược ngã kim ư đề bà đạt đa hữu ác tâm giả. mục đương như thị vĩnh vi manh cổ
Nếu nay tôi có tâm xấu ác với Đề-bà-đạt-đa thì mắt của tôi vĩnh viễn bị mù lòa như vậy.
如其無者當還得眼。言已其目平復如故。善男子。

Như kỳ vô giả đương hoàn đắc nhãn. ngôn dĩ kỳ mục bình phục như cố. thiện nam tử.
Như không có ác tâm đó thì mắt tôi sẽ trở lại như cũ. Nói rồi mắt Ta bình phục như cũ.
Này thiện nam tử!

是名菩薩摩訶薩說現世報。

Thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát thuyết hiện thế báo。

Đây gọi là đại Bồ-tát nói về quả báo đời hiện tại.

善男子。

Thiện nam tử。

Này thiện nam tử!

我念往昔生南天竺富單那城婆羅門家。是時有王名迦羅富。其性暴惡憍慢自大。

Ngã niệm vãng tích sanh Nam Thiên Trúc Phú đản na thành Bà-la-môn gia. thị thời hữu
Vương danh ca la phú. kỳ tánh bạo ác kiêu mạn tự Đại。

Nhớ xưa kia, Ta sanh trong một nhà Bà-la-môn nơi thành Phú-đản-na ở Nam Thiên Trúc.
Lúc đó, có Quốc vương tên là Ca-la-phú, tánh tình hung dữ tự cao tự đại,
年壯色美耽着五欲。

Niên tráng sắc mỹ đam khán ngũ dục。

tuổi trẻ say đắm sắc đẹp ngũ dục.

我於爾時為度眾生在彼城外寂默禪思。

Ngã ư nhĩ thời vị độ chúng sanh tại bỉ thành ngoại tịch mặc Thiền tư。

Lúc bấy giờ, Ta vì độ chúng sanh nên ngồi yên lặng tư duy thiền định ở bên ngoài thành
kia.

爾時彼王春木花敷與其眷屬宮人嫖女出城遊觀在樹林下五欲自娛。

Nhĩ thời bỉ Vương xuân mộc hoa phu dĩ kỳ quyến thuộc cung nhân thê nữ xuất thành du
quán tại thụ lâm hạ ngũ dục tự ngu.

Lúc đó đức vua kia cùng các quyến thuộc cung nhân thê nữ ra ngoài thành dạo chơi
hưởng thụ năm món dục ở dưới rừng cây giữa mùa Xuân trăm hoa đua nở.

其諸嫖女捨王遊戲遂至我所。

Kỳ chư thái nữ xả Vương du hí toại chí ngã sở.

Các thể nữ kia đi chơi giỡn bỏ Quốc vương mà đến chỗ Ta.

我時欲為斷彼貪故而為說法。時王尋來即見我時。

Ngã thời dục vị đoạn bỉ tham cố nhi vi thuyết Pháp。thời Vương tầm lai tức kiến ngã thời。

Lúc đó, Ta muốn dứt lòng tham dục của họ nên vì đó mà thuyết pháp. Bấy giờ Quốc vương tìm kiếm và thấy Ta,

便生惡心而問我言。汝今已得羅漢果耶。

Tiền sanh ác tâm nhi vấn ngã ngôn。nhữ kim dĩ đắc la hán quả da。

liền sanh ác tâm mà hỏi Ta rằng: Người nay đã chứng quả A-la-hán chưa?

我言不得。復言。獲得不還果耶。我言不得。

Ngã ngôn bất đắc。phục ngôn。hoạch đắc Bất hoàn quả da。ngã ngôn bất đắc。

Ta đáp rằng chưa chứng. Vua lại hỏi rằng: Đã được quả Bất-hoàn chưa? Ta đáp rằng chưa được.

復作是言。汝今若未得是二果。則為具足貪欲煩惱。

Phục tác thị ngôn。nhữ kim nhược vị đắc thị nhị quả。tắc vi cụ túc tham dục phiền não。

Vua lại nói rằng: Nay nếu người chưa được hai quả ấy thì còn đầy đủ tham dục phiền não, 云何自恣觀我女人。我即答言。大王。

Vân hà tự tử quán ngã nữ nhân。ngã tức đáp ngôn。Đại Vương。

tại sao dám buông lung ngắm nhìn các thể nữ của ta? Ta liền đáp rằng:

當知我今雖未斷於貪結。然其內心實無貪著。王言。

Đương tri ngã kim tuy vị đoạn ư tham kết。nhiên kỳ nội tâm thật vô tham trước。Vương ngôn。

Nên biết rằng tôi nay tuy chưa dứt phiền não tham dục nhưng trong tâm tôi thật không có tham đắm. Vua nói:

癡人世有諸仙服氣食果見色猶貪。

Si nhân thế hữu chư tiên phục khí thực quả kiến sắc do tham。

Người ngu si! Trong đời có các Tiên nhân thấy y phục, uống ăn, sắc đẹp còn tham

況汝盛年未斷貪欲。云何見色而當不貪。我言。

Huống nhữ thịnh niên vị đoạn tham dục。vân hà kiến sắc nhi đương bất tham。ngã ngôn。

huống là người tuổi còn trai trẻ chưa dứt tham dục, làm sao thấy sắc đẹp mà không tham đắm? Ta đáp:

大王。見色不著實不因於服氣食果。

Đại Vương. kiến sắc bất trước thật bất nhân ư phục khí thực quả

Tâu Đại vương! Người thấy sắc đẹp không tham đắm thật không do nơi y phục uống ăn
皆由繫心無常不淨。王言。若有輕他而生誹謗。

Giai do hệ tâm vô thường bất tịnh. Vương ngôn. nhược hữu khinh tha nhi sanh phi
báng.

mà do nơi nhiếp tâm quán vô thường bất tịnh. Vua nói: Nếu có khinh khi người khác mà
sanh lòng phỉ báng,

云何得名修持淨戒。我言。大王。

Vân hà đắc danh tu trì tịnh giới. ngã ngôn. Đại Vương.

sao được gọi là tu trì tịnh giới? Ta nói: Đại vương!

若有妬心則有誹謗。我無妬心云何言謗。王言。大德。

Nhược hữu đố tâm tắc hữu phi báng. ngã vô đố tâm vân hà ngôn báng. Vương
ngôn. Đại Đức.

Nếu có tâm đố kỵ thì có phỉ báng. Tôi không có tâm đố kỵ sao lại nói là phỉ báng? Vua
nói: Này Đại đức!

云何名戒。大王。忍名為戒。王言。若忍是戒者。

Vân hà danh giới. Đại Vương. nhẫn danh vi giới. Vương ngôn. nhược nhẫn thị giới
giả.

Thế nào gọi là giới? Đại vương! Nhẫn nhục gọi là giới. Vua nói: Nếu nhẫn nhục là giới,
當截汝耳若能忍者知汝持戒。

Đương tiết nhữ nhĩ nhược năng nhẫn giả tri nhữ trì giới.

ta sẽ cắt lỗ tai của người. Nếu người có thể nhẫn được biết rằng người trì giới.

即截其耳時我被截顏色不變。時王群臣見是事已即諫王言。

Tức tiết kỳ nhĩ thời ngã bị tiết nhan sắc bất biến. thời vương quần thần kiến thị sự dĩ tức
gián vương ngôn.

Vua liền cắt tai của Ta. Lúc đó, tai Ta bị cắt nhưng nhan sắc không thay đổi. Lúc ấy, các
quan theo vua thấy việc này liền can gián rằng:

如是大士不應加害。王告諸臣。

Như thị Đại sĩ bất ứng gia hại。 Vương cáo chư Thần。

Bậc Đại sĩ như vậy, Đại vương không nên làm hại. Vua bảo các quan:

汝等云何知是大士。諸臣答言。見受苦時容色不變。

Nhữ đẳng vân hà tri thị Đại sĩ。 chư Thần đáp ngôn。 kiến thọ khổ thời dung sắc bất biến。

Làm thế nào các ông biết là Đại sĩ? Các quan đáp: Vì thấy khi thọ khổ, nhan sắc không thay đổi.

王復語言。我當更試知變不變。

Vương phục ngữ ngôn。 ngã đương canh thí tri biến bất biến。

Vua lại nói rằng: Ta sẽ thí nghiệm để biết thay đổi hay không thay đổi.

即劓其鼻刖其手足。

Tức nhị kỳ tỳ ngoạ kỳ thủ túc。

Vua liền cắt mũi, chặt tay chân Ta.

爾時菩薩已於無量無邊世中修習慈悲愍苦眾生。時四天王心懷瞋忿雨沙礫石。

Nhĩ thời Bồ Tát dĩ ư vô lượng vô biên thế trung tu tập từ bi mẫn khổ chúng sanh。 thời tứ Thiên Vương tâm hoài sân phẫn vũ sa lịch thạch。

Lúc bấy giờ vì Bồ-tát đã ở trong vô lượng vô biên kiếp tu tập từ bi thương xót chúng sanh nên không khổ cũng không giận. Lúc đó Tứ Thiên Vương nổi giận liền làm mưa cát đá.

王見是已心大怖畏。復至我所長跪而言。

Vương kiến thị dĩ tâm Đại bố úy。 phục chí ngã sở trường quy nhi ngôn。

Vua thấy vậy tâm rất sợ hãi, lại đến chỗ Ta quỳ gối thưa rằng:

唯願哀愍聽我懺悔。我言。大王。我心無瞋亦如無貪。

Duy nguyện ai mẫn thính ngã sám hối。 ngã ngôn。 Đại Vương。 ngã tâm vô sân diệc như vô tham。

Ngưỡng mong thương xót cho tôi sám hối. Ta nói: Này Đại vương! Trong lòng Ta không có sân giận cũng không có tham đắm.

王言。大德。云何得知心無瞋恨。

Vương ngôn。 Đại Đức。 vân hà đắc tri tâm vô sân hận。

Vua nói: Bạch Đại đức! Làm thế nào biết được tâm ngài không sân hận?

我即立誓我若真實無瞋恨者。令我此身平復如故。

Ngã tức lập thệ ngã nhược chân thật vô sân hận giả. linh ngã thử thân bình phục như cố.

Ta liền thệ rằng: Nếu tôi chân thật không sân giận, nguyện cho thân tôi đây bình phục như cũ.

發是願已身即平復。

Phát thệ nguyện dĩ thân tức bình phục.

Phát nguyện xong, thân thể của Ta liền bình phục.

是名菩薩摩訶薩說現世報善男子。善業生報後報。及不善業亦復如是。

Thị danh Bồ Tát Ma-Ha tát thuyết hiện thế báo thiện nam tử. thiện nghiệp sanh báo hậu báo. cập bất thiện nghiệp diệc phục như thị.

Đây gọi gọi là đại Bồ-tát nói về quả báo đời hiện tại. Nay thiện nam tử! Nghiệp lành có quả báo đời kế, quả báo đời sau. Nghiệp ác cũng lại như vậy.

菩薩摩訶薩得阿耨多羅三藐三菩提時。

Bồ Tát Ma-Ha tát đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề thời.

Đại Bồ-tát lúc được A-nậu-đa-la-tam-miêu-tam-bồ-đề,

一切諸業悉得現報。不善惡業得現報者。

Nhất thiết chư nghiệp tất đắc hiện báo. bất thiện ác nghiệp đắc hiện báo giả.

tất cả các nghiệp đều được quả báo hiện tại. Nghiệp ác bất thiện bị quả báo hiện tại
如王作惡天降惡雨。

Như Vương tác ác Thiên hàng ác vũ.

như Quốc vương làm ác bị trời mưa cát mưa đá.

亦如有人示獵師罽處及寶色鹿其手墮落。是名惡業現受果報。生報者。

Diệc như hữu nhân thị liệt sư罽處及寶色鹿其手墮落。是名惡業現受果報。生報者。

Cũng như có người chỉ chỗ ở của gấu và nai có màu sắc quý cho thợ săn, tay người chỉ liền rụng rớt. Đây gọi là nghiệp ác thợ lấy quả báo trong đời hiện tại. Quả báo đời kế là
如一闍提犯四重禁及五逆罪。後報者。

Như nhất xiển đề phạm tứ trọng cấm cập ngũ nghịch tội. hậu báo giả.

như Nhất-xiển-đề phạm bốn tội trọng và tội ngũ nghịch. Quả báo đời sau là
如持戒人深發誓願。

Như trì giới nhân thâm phát thệ nguyện.

như người trì giới phát lời thề nguyện lớn:

願未來世常得如是淨戒之身。若有眾生壽百年時八十年時。

Nguyện vị lai thế thường đắc như thị tịnh giới chi thân。nhược hữu chúng sanh thọ bách niên thời bát thập niên thời。

Nguyện đời vị lai thường được giới thân thanh tịnh như vậy。Nếu có chúng sanh thọ trăm năm, tám mươi năm

於中當作轉輪聖王教化眾生。善男子。

ư trung đương tác Chuyển luân Thánh Vương giáo hóa chúng sanh。thiện nam tử。

trong thời kỳ ấy sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương giáo hoá chúng sanh。Này thiện nam tử!

若業定得現世報者。則不能得生報後報。

Nhược nghiệp định đắc hiện thế báo giả。tắc bất năng đắc sanh báo hậu báo。

Nếu nghiệp quyết định có quả báo hiện đời thì không thể được quả báo đời kế tiếp và nhiều đời sau。

菩薩摩訶薩修三十二大人相業。則不能得現世報也。

Bồ Tát Ma-Ha tát tu tam thập nhị Đại nhân tướng nghiệp。tắc bất năng đắc hiện thế báo dã。

Bồ-tát-ma-ha-tát

Đại Bồ-tát tu nghiệp ba mươi hai tướng của bậc Đại nhân thì không thể được quả báo trong đời hiện tại vậy。

若業不得三種報者。是名不定。善男子。

Nhược nghiệp bất đắc tam chủng báo giả。thị danh bất định。thiện nam tử。

Nếu nghiệp không thuộc ba thứ quả báo như vậy, đây gọi là nghiệp bất định。Này thiện nam tử!

若言諸業定得報者。則不得有修習梵行解脫涅槃。

Nhược ngôn chư nghiệp định đắc báo giả。tắc bất đắc hữu tu tập phạm hạnh giải thoát Niết-bàn lạc。

Nếu nói rằng các nghiệp quyết định có quả báo thì không được có sự tu tập phạm hạnh, giải thoát Niết-bàn an lạc。

當知是人非我弟子是魔眷屬。

Đương tri thị nhân phi ngã đệ tử thị ma quyến thuộc。

Nên biết rằng người này chẳng phải đệ tử của Ta mà là quyến thuộc của ma.

若言諸業有定不定。定者現報生報後報。

Nhược ngôn chư nghiệp hữu định bất định. định giả hiện báo sanh báo hậu báo.

Nếu nói rằng các nghiệp có định nghiệp và bất định nghiệp. Định nghiệp có quả báo hiện tại, quả báo đời kế và quả báo đời sau.

不定者緣合則受不合不受。以是義故。應有梵行解脫涅槃。

Bất định giả duyên hợp tắc thọ bất hợp bất thọ. dĩ thị nghĩa cố. ứng hữu phạm hạnh giải thoát Niết-Bàn.

Bất định nghiệp là lúc nhân duyên hội hợp thì thọ, không hội hợp thì không thọ. Do nghĩa này nên có tu phạm hạnh, giải thoát Niết-bàn.

當知是人真我弟子非魔眷屬。善男子。

Đương tri thị nhân chân ngã đệ-tử phi ma quyến chúc. thiện nam tử.

Nên biết rằng người này chân thật là đệ tử của Ta, chẳng phải quyến thuộc của ma. Này thiện nam tử!

一切眾生不定業多決定業少。以是義故有修習道。

Nhất thiết chúng sanh bất định nghiệp đa quyết định nghiệp thiểu. dĩ thị nghĩa cố hữu tu tập đạo.

Tất cả chúng sanh nghiệp bất định thì nhiều, định nghiệp thì ít. Do nghĩa này nên có tu tập đạo hạnh.

修習道故決定重業可使輕受。

Tu tập đạo cố quyết định trọng nghiệp khả sử khinh thọ.

Do tu tập đạo hạnh nên định nghiệp nặng có thể làm cho thọ báo nhẹ.

不定之業非生報受。善男子。有二種人。一者。不定作定報。

Bất định chi nghiệp phi sanh báo thọ. thiện nam tử. hữu nhị chủng nhân. nhất giả. bất định tác định báo.

Bất định nghiệp không thọ báo trong đời kế tiếp. Này thiện nam tử! Có hai hạng người:

Một là hạng người nghiệp bất định thành báo quyết định,

現報作生報。輕報作重報。

Hiện báo tác sanh báo. khinh báo tác trọng báo.

báo hiện đời làm thành báo đời kế tiếp, báo nhẹ làm thành báo nặng,

應人中受在地獄受。二者。定作不定。應生受者迴為現受。

Ứng nhân trung thọ tại Địa-ngục thọ. nhị giả. định tác bất định. ứng sanh thọ giả hồi vi hiện thọ.

đáng lẽ thọ báo trong loài người thành thọ báo ở trong địa ngục. Hai là hạng người định nghiệp làm thành bất định nghiệp, đáng lẽ thọ báo đời kế tiếp làm thành thọ báo đời hiện tại,

重報作輕。應地獄受人中輕受。

Trọng báo tác khinh. ứng Địa-ngục thọ nhân trung khinh thọ.

báo nặng làm thành báo nhẹ, đáng lẽ thọ báo ở địa ngục làm thành thọ báo nhẹ trong loài người.

如是二人一愚二智。智者為輕愚者令重。善男子。

Như thị nhị nhân nhất ngu nhị trí. trí giả vi khinh ngu giả linh trọng. thiện nam tử.

Hai hạng người như vậy, hạng thứ nhất là người ngu, hạng thứ hai là người trí. Người trí làm cho nhẹ, người ngu làm nặng thêm. Này thiện nam tử!

譬如二人於王有罪。眷屬多者其罪則輕。

Thí như nhị nhân ư Vương hữu tội. quyến thuộc đa giả kỳ tội tắc khinh.

Thí như hai người mắc tội với nhà vua. Người đông quyến thuộc thì tội nặng thành nhẹ.

眷屬少者應輕更重。愚智之人亦復如是。

Quyến thuộc thiếu giả ứng khinh canh trọng. ngu trí chi nhân diệc phục như thị

Người ít quyến thuộc thì tội nhẹ làm cho thành nặng thêm. Người ngu và người trí cũng lại như vậy.

智者善業多故重則輕受。愚者善業少故輕則重受。

Trí giả thiện nghiệp đa cố trọng tắc khinh thọ. ngu giả thiện nghiệp thiếu cố khinh tắc trọng thọ.

Người trí nghiệp lành nhiều nên tội nặng thành thọ báo nhẹ. Người ngu nghiệp lành ít nên tội nhẹ thành thọ báo nặng.

善男子。譬如二人一則肥壯一則羸瘦。

Thiện nam tử. thí như nhị nhân nhất tắc phì tráng nhất tắc luy sấu.

Này thiện nam tử! Thí như có hai người: Một người mập mạnh, một người gầy yếu.

俱沒深泥肥壯能出羸者則沒。善男子。

Câu một thâm nề phì tráng năng xuất luy giả tắc một. thiện nam tử.

Cả hai đều bị lún sâu trong bùn sâu. Người mập mạnh có thể ra khỏi, người gầy yếu thì lún mất. Này thiện nam tử!

譬如二人俱共服毒。一有呪力及阿伽陀。

Thí như nhị nhân câu cộng phục độc. nhất hữu chú lực cập a đà đà.

Thí như hai người đều cùng uống thuốc độc. Một người có sức thần chú và thuốc A-già-đà.

一者無有賴呪藥者毒不能傷。其無呪藥服時即死。善男子。

Nhất giả vô hữu lại chú dược giả độc bất năng thương. kỳ vô chú dược phục thời tức tử. thiện nam tử.

Một người không có. Người có thần chú và thuốc thì độc không thể hại được. Người không có thần chú và thuốc uống vào liền chết. Này thiện nam tử!

譬如二人俱多飲漿。一火力勢盛一則微弱。

Thí như nhị nhân câu đa ẩm tương. nhất hỏa lực thể thịnh nhất tắc vi nhược.

Thí như hai người đều uống nhiều nước trái cây ép. Một người sức mạnh, một người sức yếu.

火勢多者則能消化。火勢弱者則為其患。

Hỏa thể đa giả tắc năng tiêu hóa. hỏa thể nhược giả tắc vi kỳ hoạn.

Người thể lực mạnh thì có thể tiêu hoá, người thể lực yếu thì bị bệnh.

善男子。譬如二人為王所繫。一有智慧一則愚癡。

Thiện nam tử. thí như nhị nhân vi Vương sở hệ. nhất hữu trí tuệ nhất tắc ngu si.

Này thiện nam tử! Thí như hai người bị vua bắt trói. Một người có trí tuệ, một người ngu si.

其有智者則能得脫。愚癡之人無有脫期。

Kỳ hữu trí giả tắc năng đắc thoát. ngu si chi nhân vô hữu thoát kỳ.

Người có trí tuệ thì có thể được thoát ra. Người ngu si thì không có thời kỳ thoát ra được.

善男子。譬如二人俱涉險路。

Thiện nam tử. thí như nhị nhân câu thiệp hiểm lộ.

Này thiện nam tử! Thí như có hai người đều đi bộ qua con đường hiểm trở.

一則有目一則盲瞽。有目之人直過無患。盲者墜落墮深坑險。

Nhất tắc hữu mục nhất tắc manh cổ. hữu mục chi nhân trực quá vô hoạn. manh giả trụ lạc đọa thâm khanh hiểm.

Một người thì mắt sáng, một người thì mù lòa. Người mắt sáng đi thẳng qua không gặp nạn. Người mù lòa bị rớt xuống hố sâu nguy hiểm.

善男子。譬如二人俱共飲酒。

Thiện nam tử. thí như nhị nhân câu cộng ẩm tửu.

Này thiện nam tử! Thí như hai người đều cùng uống rượu.

一則多食一則少食。其多食者飲則無患。

Nhất tắc đa thực nhất tắc thiểu thực. kỳ đa thực giả ẩm tắc vô hoạn.

Một người ăn nhiều, một người ăn ít. Người ăn nhiều uống rượu vào không bị bệnh.

其少食者飲則成患。善男子。譬如二人俱敵怨陣。

Kỳ thiểu thực giả ẩm tắc thành hoạn. thiện nam tử. thí như nhị nhân câu địch oán trận.

Người ăn ít uống vào thành bệnh. Này thiện nam tử! Thí như hai người đều đối địch với giặc thù.

一則鎧仗具足莊嚴一則白身。其有仗者能破怨敵。

Nhất tắc khải trượng cụ túc trang nghiêm nhất tắc bạch thân. kỳ hữu trượng giả năng phá oán địch.

Một người trang bị đầy đủ áo giáp, đao trượng. Một người thân không. Người có trang bị đao trượng có thể phá được oán địch.

其自身者不能自勉。復有二人糞穢污衣。

Kỳ tự thân giả bất năng tự miễn. phục hữu nhị nhân phần uế ô y.

Người thân không không thể thoát thân. Lại có hai người y phục dính phần như.

一覺尋浣一覺不浣。其尋浣者衣則淨潔。

Nhất giác tầm hoán nhất giác bất hoán. kỳ tầm hoán giả y tắc tịnh khiết.

Một người vừa biết liền đem giặt, một người biết mà không giặt. Người giặt liền thì y phục sạch sẽ.

其不浣者垢穢日增。復有二人俱共乘車。

Kỳ bất hoán giả cấu uế nhật tăng. phục hữu nhị nhân câu cộng thừa xa.

Người không giặt thì y phục ngày một nhớp thêm. Lại có hai người đều cùng ngồi xe.

一有副軸一無副軸。有副軸者隨意而去。

Nhất hữu phó trục nhất vô phó trục. hữu phó trục giả tùy ý nhi khứ.

Một xe trục có cãm, một xe không trục không cãm. Người ngồi xe có trục có cãm thì tùy ý mà đi.

無副軸者則不移處。復有二人俱行曠路。

Vô phó trục giả tắc bất di xử. phục hữu nhị nhân câu hành khoáng lộ.

Người ngồi xe không trục không cầm thì không thể đi đâu được. Lại có hai người đều đi trên đường hoang vắng.

—有資糧—則空往。有資糧者則得度險。

Nhất hữu tư lương nhất tắc không vãng. hữu tư lương giả tắc đắc độ hiểm.

Một người có mang lương thực, một người đi không. Người có mang lương thực thì đi qua được con đường hiểm trở,

其空往者則不能過。復有二人為賊所劫。

Kỳ không vãng giả tắc bất năng quá. phục hữu nhị nhân vi tặc sở kiếp.

người đi không thì không thể vượt qua được. Lại có hai người bị giặc cướp tài sản.

—有寶藏—則無藏。有寶藏者心無憂戚。

Nhất hữu bảo tạng nhất tắc vô tạng. hữu bảo tạng giả tâm Vô ưu thích.

Một người có kho báu kín, một người không có kho báu. Người có kho báu kín thì lòng không lo sầu.

其無藏者心則愁惱。愚智之人亦復如是。有善藏者重業輕受。

Kỳ vô tạng giả tâm tắc sầu não. ngu trí chi nhân diệc phục như thị. hữu thiện tạng giả trọng nghiệp khinh thọ.

Người không có kho báu thì tâm sầu não. Người ngu và người trí cũng lại như vậy. Người trí có kho báu lành nên nghiệp nặng thành thọ báo nhẹ.

無善藏者輕業重受。

Vô thiện tạng giả khinh nghiệp trọng thọ.

Người ngu không có kho báu lành nên nghiệp nhẹ thành thọ báo nặng.

師子吼菩薩言。世尊。

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn. Thế Tôn.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa rằng: Bạch Thế Tôn!

如佛所說非一切業悉得定果。非一切眾生定受。世尊。

Như Phật sở thuyết phi nhất thiết nghiệp tất đắc định quả. phi nhất thiết chúng sanh định thọ. Thế Tôn.

Như lời Phật nói chẳng phải tất cả nghiệp đều thành quả báo quyết định, chẳng phải tất cả chúng sanh đều quyết định thọ báo. Bạch Thế Tôn!

云何眾生令現輕報地獄重受。地獄重報現世輕受。

Vân hà chúng sanh linh hiện khinh báo Địa-ngục trọng thọ. Địa-ngục trọng báo hiện thế khinh thọ.

Chúng sanh làm thế nào khiến quả báo nhẹ hiện tại thành thọ báo nặng nơi địa ngục?

Làm thế nào khiến quả báo nặng nơi địa ngục thành thọ báo nhẹ trong đời hiện tại?

佛言。一切眾生凡有二種。一者有智。

Phật ngôn. nhất thiết chúng sanh phạm hữu nhị chủng. nhất giả hữu trí.

Phật dạy: Tất cả chúng sanh phạm có hai hạng: Một là có trí,

二者愚癡。若能修習身戒心慧。是名智者。

Nhị giả ngu si. nhược năng tu tập thân giới tâm tuệ. thị danh trí giả.

hai là ngu si. Nếu có thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ, đây gọi là người trí.

若不能修身戒心慧。是名愚者。

Nhược bất năng tu thân giới tâm tuệ. thị danh ngu giả.

Nếu không thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ, đây gọi là người ngu.

云何名為不修習身。若不能攝五情諸根名不修身。

Vân hà danh vi bất tu tập thân. nhược bất năng nhiếp ngũ tình chư căn danh bất tu thân.

Thế nào gọi là không tu tập thân? Nếu không thể nhiếp hộ năm tình và các căn thì gọi là không tu thân.

不能受持七種淨戒名不修戒。不調心故名不修心。

Bất năng thọ trì thất chủng tịnh giới danh bất tu giới. bất điều tâm cố danh bất tu tâm.

Nếu không thể thọ trì bảy thứ tịnh giới gọi là không tu giới. Vì không điều phục tâm nên gọi là không tu tâm.

不修聖行名不修慧。復次不修身者。

Bất tu Thánh hạnh danh bất tu huệ. phục thứ bất tu thân giả.

Không tu tập Thánh hạnh gọi là không tu tuệ. Lại người không tu thân thì

不能具足清淨戒體。不修戒者。受畜八種不淨之物。

bất năng cụ túc thanh tịnh giới thể. bất tu giới giả. thọ súc bát chủng bất tịnh chi vật.

không thể đầy đủ giới thể thanh tịnh. Người không tu giới thì nhận chứa tám vật bất tịnh.

不修心者。不能修習三種相故。不修慧者。

Bất tu tâm giả. bất năng tu tập tam chủng tướng cố. bất tu huệ giả.

Người không tu tâm thì không thể tu tập ba thứ tướng. Người không tu tuệ thì
不修梵行故。復次不修身者。

Bất tu phạm hạnh cố. phục thứ bất tu thân giả.

không tu tập phạm hạnh. Lại người không tu thân thì
不能觀身不能觀色及觀色相。不觀身相不知身數。

bất năng quán thân bất năng quán sắc cập quán sắc tướng. bất quán thân tướng bất tri
thân số.

không thể quán thân, không thể quán sắc và quán sắc tướng, không quán thân tướng,
không biết thân số,

不知是身從此到彼。於非身中而生身相。

Bất tri thị thân tòng thử đáo bỉ. ư phi thân trung nhi sanh thân tướng.

không biết thân này từ đây đến kia, ở trong chẳng phải thân mà sanh tướng là thân tướng,
於非色中而作色相。是故貪著我身身數。名不修身。

Ư phi sắc trung nhi tác sắc tướng. thị cố tham trước ngã thân thân số. danh bất tu
thân.

ở trong chẳng phải sắc mà tướng là sắc tướng nên tham đắm thân của mình và thân số,
đây gọi là không tu thân.

不修戒者。若受下戒不名修戒。

Bất tu giới giả. nhược thọ hạ giới bất danh tu giới.

Người không tu giới nếu thọ giới thấp không gọi là tu giới,
受持邊戒為自利戒為自調戒。不能普為安樂眾生。

Thọ trì biên giới vị tự lợi giới vị tự điều giới. bất năng phổ vi an lạc chúng sanh
thọ trì biên giới, giới vị tự lợi, giới vị tự điều phục, không thể làm cho khắp chúng sanh an
vui,

非為護持無上正法。為生天上受五欲樂。

Phi vị hộ trì vô thượng chánh Pháp. vị sanh Thiên thượng thọ ngũ dục lạc.

chẳng phải vì hộ trì chánh pháp vô thượng, vì sanh lên cõi trời hưởng thọ ngũ dục lạc,
不名修戒。不修心者。

Bất danh tu giới. bất tu tâm giả.

đây không gọi là tu giới. Người không tu tâm thì
若心散亂不能專一守自境界。自境界者謂四念處。

Nhược tâm tán loạn bất năng chuyên nhất thủ tự cảnh giới. tự cảnh giới giả vị tứ niệm xử.

tâm tán loạn không thể chuyên nhất giữ cho mình một cảnh giới. Cảnh giới riêng mình đó là Tứ niệm xử.

他境界者所謂五欲。若不能修四念處者。名不修心。

tha cảnh giới giả sở vị ngũ dục. nhược bất năng tu tứ niệm xử giả. danh bất tu tâm. Cảnh giới khác là nói ngũ dục. Nếu người không thể tu tập Tứ niệm xử gọi là không tu tâm.

於惡業中不善護心。名不修慧。

Ư ác nghiệp trung bất thiện hộ tâm. danh bất tu huệ.

Ở trong ác nghiệp không khéo giữ gìn tâm gọi là không tu tuệ.

復次不修身者。

Phục thứ bất tu thân giả.

Lại người không tu thân thì

不能深觀是身無常無住危脆念念滅壞是魔境界。不修戒者。不能具足尸波羅蜜。

Bất năng thâm quán thị thân vô thường vô trụ nguy thùy niệm niệm diệt hoại thị ma cảnh giới. bất tu giới giả. bất năng cụ túc thi ba la mật.

không thể quán sát thấu đáo thân này là vô thường, vô trụ, mong manh, niệm niệm hoại diệt, là cảnh giới của ma. Người không tu giới thì không thể đầy đủ Thi-la Ba-la-mật.

不修心者。不能具足禪波羅蜜。不修慧者。

Bất tu tâm giả. bất năng cụ túc Thiền ba la mật. bất tu huệ giả.

Người không tu tâm thì không thể đầy đủ Đàn Ba-la-mật. Người không tu tuệ thì

不能具足般若波羅蜜。復次不修身者。

Bất năng cụ túc bát nhã ba la mật. phục thứ bất tu thân giả.

không thể đầy đủ Bát-nhã Ba-la-mật. Lại người không tu thân thì

貪著我身及我所身。我身常恒無有變易。不修戒者。

tham trước ngã thân cập ngã sở thân. ngã thân thường hằng vô hữu biến dịch. bất tu giới giả.

tham đắm thân mình và sở hữu của thân mình, thân mình thường còn không có thay đổi.

Người không tu giới thì

為自身故作十惡業。不修心者。

vị tự thân cố tác thập ác nghiệp. bất tu tâm giả. vì thân mình mà tạo mười nghiệp ác.
Người không tu tâm thì

於惡業中不能攝心。不修慧者。

Ư ác nghiệp trung bất năng nhiếp tâm. bất tu huệ giả.

ở trong nghiệp ác không thể nhiếp tâm. Người không tu tuệ thì

以不攝心不能分別善惡等法。復次不修身者不斷我見。

Dĩ bất nhiếp tâm bất năng phân biệt thiện ác đẳng Pháp. phục thứ bất tu thân giả bất
đoạn ngã kiến.

do không nhiếp tâm nên không thể phân biệt các pháp thiện ác. Lại người không tu thân
thì không dứt được ngã kiến.

不修戒者不斷戒取。不修心者作貪瞋業趣向地獄。

Bất tu giới giả bất đoạn giới thủ. bất tu tâm giả tác tham sân nghiệp thú hướng Địa-
ngục.

Người không tu giới thì không dứt được giới thủ. Người không tu tâm thì tạo nghiệp tham
sân hướng đến địa ngục.

不修慧者不斷癡心。復次不修身者。

Bất tu huệ giả bất đoạn si tâm. phục thứ bất tu thân giả.

Không tu huệ thì không dứt được tâm si. Lại người không tu thân thì

不能觀身雖無過咎而常是怨。善男子。

Bất năng quán thân tuy vô quá cữu nhi thường thị oán. thiện nam tử.

không thể quán thân, tuy thân không lỗi lầm nhưng thường là kẻ oán thù. Này thiện nam
tử!

譬如男子有怨常逐伺求其便。智者覺已繫心慎護。

Thí như nam tử hữu oán thường trục tỳ cầu kỳ tiện. trí giả giác dĩ hệ tâm thận hộ.

Thí như người nam tử có kẻ oán thù thường dò la theo dõi. Người trí biết xong nhiếp tâm
thận trọng giữ gìn.

若不慎護則為其害。一切眾生身亦如是。

Nhược bất thận hộ tắc vi kỳ hại. nhất thiết chúng sanh thân diệc như thị.

Nếu không thận trọng giữ gìn sẽ bị kẻ thù làm hại. Thân của tất cả chúng sanh cũng như
vậy,

常以漿水飲食冷煖調適將養。

Thường dĩ tương thủy ẩm thực lãnh noãn điều thích tướng dưỡng。
thường dùng thức ăn, nước uống lạnh nóng nuôi dưỡng,
若不如是將護守慎即當散壞。善男子。如婆羅門奉事火天。
Nhược bất như thị tướng hộ thủ thận tức đương tán hoại。thiện nam tử。như Bà-la-môn
phụng sự hỏa Thiên。

nếu không cẩn thận giữ gìn liền sẽ hư hoại như vậy。Này thiện nam tử! Như Bà-la-môn
thờ thần lửa,

常以香花讚歎禮拜供養承事期滿百年。

Thường dĩ hương hoa tán thán lễ bái cúng dưỡng thừa sự kỳ mãn bách niên。
thường đem hương hoa tán thán lễ bái cúng dưỡng phụng sự, hạn kỳ đủ trăm năm,
若一觸時尋燒人手。是火雖得如是供養。

Nhược nhất xúc thời tìm thiêu nhân thủ。thị hỏa tuy đắc như thị cúng dưỡng。
nếu lúc chạm đến liền bị đốt cháy tay người。Lửa này tuy được cúng dưỡng như vậy,
終無一念報事者恩。一切眾生身亦如是。

Chung vô nhất niệm báo sự giả ân。nhất thiết chúng sanh thân diệt như thị。
trọn không một niệm báo ân cho người phụng sự。Thân của tất cả chúng sanh cũng như
vậy,

雖於多年以好香花瓔珞衣服飲食臥具病瘦醫藥而供給之。

Tuy ư đa niên dĩ hảo hương hoa anh lạc y phục ẩm thực ngọc cụ bệnh sấu y dược nhi
cung cấp

tuy nhiều năm đem hương hoa, chuỗi ngọc, y phục, thức ăn vật uống, đồ nằm, thuốc men
cung cấp cho nó,

若遇內外諸惡因緣即時滅壞。

Chi。nhược ngộ nội ngoại chư ác nhân duyên tức thời diệt hoại。

nếu gặp các nhân duyên xấu ác từ bên trong hoặc bên ngoài liền bị hư hoại,
都不憶念往日供給衣食之恩。善男子。

Đô bất ức niệm vãng nhật cung cấp y thực chi ân。thiện nam tử。

đều không nhớ nghĩ đến ơn cung cấp y phục, thức ăn vật uống cho nó ngày trước。Này
thiện nam tử!

譬如有王畜四毒蛇置之一篋。以付一人仰令瞻養。

Thí như hữu Vương súc tứ độc xà trí chi nhất khiếp。 dĩ phó nhất nhân ngưỡng linh chiêm dưỡng。

Thí như có vị Quốc vương nuôi bốn con rắn độc trong một cái rương, giao phó cho một người bảo nuôi nấng chăm sóc.

是四蛇中設一生曠則能害人。

Thị tứ xà trung thiết nhất sanh sân tắc năng hại nhân。

Trong bốn con rắn này, giả sử một con nổi giận thì có thể hại chết người.

是人恐怖常求飲食隨時守護。一切眾生四大毒蛇亦復如是。

Thị nhân khủng phổ thường cầu ẩm thực tùy thời thủ hộ。 nhất thiết chúng sanh tứ Đại độc xà diệc phục như thị。

Người này lo sợ thường tìm thức ăn vật uống theo thời để chăm sóc nó. Rắn độc bốn đại của tất cả chúng sanh cũng lại như vậy,

若一大曠則能壞身。善男子。

Nhược nhất Đại sân tắc năng hoại thân。 thiện nam tử。

nếu một đại nổi giận thì có thể làm cho thân hư hoại. Nay thiện nam tử!

如人久病應當至心求醫療治。若不勤救必死不疑。

Như nhân cửu bệnh ứng đương chí tâm cầu y liệu trị。 nhược bất tinh cần cứu tất tử bất nghi。

Như người bị bệnh lâu ngày phải chí tâm tìm thầy thuốc chữa trị。 Nếu không siêng lo điều trị ắt sẽ chết không còn nghi ngờ。

一切眾生身亦如是。常應攝心不令放逸。

Nhất thiết chúng sanh thân diệc như thị。 thường ứng nhiếp tâm bất linh phóng dật。

Thân của tất cả chúng sanh cũng lại như vậy, phải thường nhiếp tâm không cho phóng dật,

若放逸者即便滅壞。善男子。

Nhược phóng dật giả tức tiện diệt hoại。 thiện nam tử。

nếu phóng dật liền bị hoại diệt. Nay thiện nam tử!

譬如坏瓶不耐風雨打擲搥押。一切眾生身亦如是。

Thí như phôi bình bất nại phong vũ đả trích trừu áp。 nhất thiết chúng sanh thân diệc như thị。

Thí như bình đất chưa hầm thì không chịu được gió mưa, đập ném, dằn dè. Thân của tất cả chúng sanh cũng lại như vậy,

不耐飢渴寒熱風雨打繫惡罵。善男子。

Bất nại cơ khát hàn nhiệt phong vũ đả hệ ác mạ. thiện nam tử.

không chịu được đói khát, lạnh nóng, gió mưa, đánh đập, trói buộc, chửi mắng, ác độc.

Này thiện nam tử!

如癰未熟常當善護不令人觸。設有觸者即大苦痛。

Như ung vị thực thường đương thiện hộ bất linh nhân xúc. thiết hữu xúc giả tức Đại khổ thống.

Như mụn nhọt chưa chín thường khéo giữ gìn không cho người chạm đến. Nếu có người chạm đến liền rất đau đớn.

一切眾生身亦如是。善男子。如驪懷妊自害其軀。

Nhất thiết chúng sanh thân diệc như thị. thiện nam tử. như loa hoài nhâm tự hại kỳ khu.

Thân của tất cả chúng sanh cũng lại như vậy. Này thiện nam tử! Như con la mang thai thì tự hại lấy thân nó.

一切眾生身亦如是。內有風冷身即受害。善男子。

Nhất thiết chúng sanh thân diệc như thị. nội hữu phong lãnh thân tức thọ hại. thiện nam tử.

Thân của tất cả chúng sanh cũng lại như vậy, bên trong có gió lạnh thân liền bị hại. Này thiện nam tử!

譬如芭蕉生實則枯。一切眾生身亦如是。

Thí như ba tiêu sanh thật tắc khô. nhất thiết chúng sanh thân diệc như thị.

Thí như cây chuối sanh quả thì bị khô chết. Thân của tất cả chúng sanh cũng lại như vậy. 善男子。亦如芭蕉內無堅實。

Thiện nam tử. diệc như ba tiêu nội vô kiên thật.

Này thiện nam tử! Cũng như bên trong thân cây chuối không có bền chắc.

一切眾生身亦如是。善男子。如蛇鼠狼各各相於常生怨心。

Nhất thiết chúng sanh thân diệc như thị. thiện nam tử. như xà thử lang các các tương ư thường sanh oán tâm.

Thân của tất cả chúng sanh cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Như rắn, chuột, chó sói mỗi loài tâm thường sanh thù oán lẫn nhau.

眾生四大亦復如是。善男子。譬如鵝王。

Chúng sanh tứ đại diệp phục như thị. thiện nam tử. thí như nga Vương.

Bốn đại của chúng sanh cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Thí như ngỗng chúa không thích gò mả. Bồ-tát cũng vậy, đối với thân gò mả cũng không ham thích. Nay thiện nam tử!

不樂塚墓。菩薩亦爾於身塚墓亦不貪樂。善男子。

Bất lạc trung mộ. Bồ Tát diệp nhĩ ư thân trung mộ diệp bất tham lạc. thiện nam tử. không thích gò mả. Bồ-tát cũng vậy, đối với thân gò mả cũng không ham thích. Nay thiện nam tử!

如旃陀羅七世相繼不捨其業。

Như chiên đà la thất thế tướng kế bất xả kỳ nghiệp.

Như Chiên-đà-la bảy đời nối nhau không bỏ được nghiệp của họ

是故為人之所輕賤。是身種子亦復如是。

Thị cố vi nhân chi sở khinh tiện. thị thân chủng tử diệp phục như thị.

nên bị mọi người khinh tiện. Chủng tử của thân này cũng lại như vậy,

種子精血究竟不淨。以不淨故諸佛菩薩之所輕呵。善男子。

Chủng tử tinh huyết cứu cánh bất tịnh. dĩ bất tịnh cố chư Phật Bồ Tát chi sở khinh ha. thiện nam tử.

chủng tử tinh huyết hoàn toàn bất tịnh. Vì bất tịnh nên chư Phật và Bồ-tát khinh trách. Nay thiện nam tử!

是身不如摩羅耶山生於栴檀。

Thị thân bất như ma la da sơn sanh ư chiên đàn.

Thân này không như núi Ma-la-da mọc lên cây Chiên-đàn,

亦不能生優鉢羅花芬陀利花瞻婆花摩利迦花婆師

diệp bất năng sanh Ưu bát la hoa phân đà lợi hoa chiêm bà hoa ma lợi ca hoa bà sư

cũng không thể sanh ra hoa Ưu-bát-la, hoa Phân-đà-lợi, hoa Chiêm-bà, hoa Ma-lợi-ca,

迦花。九孔常流膿血不淨。

Ca hoa. cửu khổng thường lưu nùng huyết bất tịnh.

hoa Bà-sư-ca. Chín lỗ của nó thường chảy ra máu mủ bất tịnh,

生處臭穢醜陋可惡。常與諸虫共在一處。善男子。

sanh xử xử uế xử lậu khả ác. thường dữ chư trùng cộng tại nhất xử. thiện nam tử.

chỗ nó sanh hôi như xấu xa chật hẹp đáng chán ghét, thường cùng với các loài trùng ở chung một chỗ. Nay thiện nam tử!

譬如世間雖有上妙清淨園林。死尸于中則為不淨。

thí như thế gian tuy hữu thượng diệu thanh tịnh viên lâm. tử thi vu trung tắc vi bất tịnh.

Thí như thế gian tuy có vườn rừng thanh tịnh xinh đẹp nhưng trong đó có tử thi thì thành bất tịnh.

眾共捨之不生愛著。

Chúng cộng xả chi bất sanh ái trước.

Mọi người đều lia bỏ không lòng mến tiếc.

色界亦爾雖復淨妙以有身故。諸佛菩薩悉共捨之。

sắc giới diệc nhĩ tuy phục tịnh diệu dĩ hữu thân cố. chư Phật Bồ Tát tất cộng xả chi.

Cõi sắc cũng vậy, tuy lại sạch đẹp nhưng vì có thân nên chư Phật và Bồ-tát đều lia bỏ.

善男子。若有不能作如是觀。

Thiện nam tử. nhược hữu bất năng tác như thị quán.

Nay thiện nam tử! Nếu có người không thể quán sát như vậy,

名不修身不修戒者。善男子。

Danh bất tu thân bất tu giới giả. thiện nam tử.

gọi là người không tu thân, không tu giới vậy. Nay thiện nam tử!

若不能觀戒是一切善法梯橙。亦是一切善法根本。

nhược bất năng quán giới thị nhất thiết thiện Pháp thê chanh. diệc thị nhất thiết thiện Pháp căn bản.

Nếu không thể quán giới là thềm thang của tất cả pháp lành, cũng là cội gốc của tất cả pháp lành.

如地悉是一切樹木所生之本。是諸善根之導首也。

Như địa tất thị nhất thiết thụ mộc sở sanh chi bản. thị chư thiện căn chi đạo thủ dã.

như mặt đất là chỗ dựa nương của cây cối. Giới là đạo thủ của các căn lành.

如彼商主導眾商人。戒是一切善法勝幢。

Như bỉ thương chủ đạo chúng thương nhân. giới thị nhất thiết thiện Pháp thắng tràng.

như thương chủ kia dẫn dắt đoàn người buôn. Giới là thắng tràng của tất cả pháp lành

如天帝釋所立勝幢。戒能永斷一切惡業及三惡道。

Như Thiên đế thích sở lập thẳng tràng. giới năng vĩnh đoạn nhất thiết ác nghiệp cập tam ác đạo.

như thẳng tràng của trời Đế thích dựng. Giới có thể dứt hẳn tất cả nghiệp ác và ba đường ác

能療惡病猶如藥樹。戒是生死險道資糧。

Năng liệu ác bệnh do như dược thụ. giới thị sanh tử hiểm đạo tư lương.

như cây thuốc có thể trị lành những bệnh dữ. Giới là tư lương trên con đường hiểm sanh tử.

戒是摧結破賊鎧仗。戒是滅結毒蛇良呪。

Giới thị tòi kết phá tặc khải trượng. giới thị diệt kết độc xà lương chú.

Giới là giáp gậy đánh dẹp giặc phiền não. Giới là thần chú hay diệt rắn độc kết sử.

戒是度惡業行橋梁。若有不能如是觀者。名不修戒。

Giới thị độ ác nghiệp hành kiều lương. nhược hữu bất năng như thị quán giả. danh bất tu giới.

Giới là cây cầu đi qua khỏi nghiệp ác. Nếu có người không thể quán sát như vậy, gọi là không tu giới.

不修心者。不能觀心輕躁動轉難捉難調。

Bất tu tâm giả. bất năng quán tâm khinh táo động chuyển nan tróc nan điều.

Người không tu tâm là không thể quán sát tâm niệm động chuyển lăng xăng rất khó nắm bắt, khó điều phục,

馳騁奔逸如大惡象。念念迅速如彼電光。

Trì sính bồn dật như Đại ác tượng. niệm niệm tấn tốc như bĩ điện quang.

rong duỗi lung chạy như voi dữ, niệm niệm mau chóng như điện chớp nhoáng,

躁擾不住猶如獼猴。如幻如炎乃是一切諸惡根本。

Táo nhiễu bất trụ do như Mi-Hầu. như huyễn như viêm nãi thị nhất thiết chư ác căn bản.

nhảy nhót không dừng như khỉ vượn, như huyễn, như tia lửa, như vậy đều là cội gốc của tất cả các pháp ác.

五欲難滿。如火獲薪。亦如大海吞受諸流。

Ngũ dục nan mãn. như hỏa hoạch tân. diệc như Đại hải thôn thọ chư lưu.

Năm dục khó đủ như lửa được củi, cũng như biển lớn nuốt hết các dòng sông,

如曼陀山草木滋多。不能觀察生死虛妄。

Như mạn đà sơn thảo mộc tư đa. bất năng quan sát sanh tử hư vọng.
như núi Mạn-đà cỏ cây quá nhiều, không thể quán sát sanh tử hư vọng;
耽惑致患如魚吞鉤。常先引導諸業隨從。

Đam hoặc trí hoạn như ngư thôn câu. thường tiên dẫn đạo chư nghiệp tùy tùng.
mê làm say đắm đến nỗi thành bệnh như cá mắc câu; thường đi trước dẫn theo những tội
nghiệp

猶如貝母引導諸子。貪著五欲不樂涅槃。

Do như bối mẫu dẫn đạo chư tử. tham trước ngũ dục bất lạc Niết-Bàn.
như sò mẹ dẫn dắt các con; tham đắm năm dục không thích Niết-bàn
如鮓食蜜乃至於死。不顧芻草深著現樂不觀後過。

Như đà thực mật nãi chí ư tử. bất cố sô thảo thâm trước hiện lạc bất quán hậu quá.
như lạc đà ăn mật đến nỗi chết không đoái hoài cỏ non; quá tham đắm sự vui hiện tại,
không nhìn đến tội lỗi về sau

如牛貪苗不懼杖楚。馳騁周遍二十五有。

Như ngưu tham miêu bất cụ trượng sở. trì sính châu biến nhị thập ngũ hữu.
như bò tham ăn lúa mạ không sợ roi gậy; chạy khắp hai mươi lăm cõi
猶如疾風吹兜羅[十/眈]。所不應求求無厭足。

Do như tạt phong xuy đầu la nhũng. sở bất ứng cầu cầu Vô yếm túc.
như gió mạnh thổi bông Đầu-la; chỗ không nên tìm cầu lại tìm cầu không chán đủ
如無智人求無熱火。常樂生死不樂解脫。

Như vô trí nhân cầu vô nhiệt hỏa. thường lạc sanh tử bất lạc giải thoát.
như người vô trí cầu lửa không nóng; thường ưa thích sanh tử không ưa thích giải thoát
如絳婆虫樂絳婆樹。迷惑愛著生死臭穢。

Như nhâm bà trùng lạc nhâm bà thụ. mê hoặc ái trước sanh tử xú uế.
như trùng Nhâm-bà thích cây Nhâm-bà; mê làm tham đắm sanh tử hôi nhơ
猶如獄囚樂獄卒女。亦如廁猪樂處不淨。

Do như ngục tù lạc ngục tốt nữ. diệc như xí trư lạc xử bất tịnh.
như kẻ ngục tù thích gái ngục tốt, cũng như heo trong chuồng thích chỗ bất tịnh.
若有不能如是觀者。名不修心。不修慧者。

Nhược hữu bất năng như thị quán giả. danh bất tu tâm. bất tu huệ giả。

Nếu có người không thể quán sát như vậy gọi là không tu tâm. Người không tu tuệ là
不觀智慧有大勢力如金翅鳥。

Bất quán trí tuệ hữu Đại thế lực như kim sí điểu.
không quán sát trí tuệ có thế lực lớn như chim sí điểu
能壞惡業壞無明闇猶如日光。能拔陰樹如水漂物。

Năng hoại ác nghiệp hoại vô minh ám do như nhật quang. năng bạt uẩn thụ như thủy
phiêu vật。

có thể phá hoại các ác nghiệp, như ánh sáng mặt trời phá tan tối tăm. Trí tuệ có thể nhổ
cây năm uẩn như nước cuốn trôi đồ vật,
焚燒邪見猶如猛火。慧是一切善法根本。佛菩薩母之種子也。

Phần thiêu tà kiến do như mãnh hỏa. tuệ thị nhất thiết thiện Pháp căn bản. Phật Bồ Tát
mẫu chi chủng tử dã。

đốt cháy tà kiến như lửa hừng. Trí tuệ là cội gốc của tất cả các pháp lành, là hạt giống của
mẹ hiền Phật và Bồ-tát vậy.

若有不能如是觀者。不名修慧。善男子。

Nhược hữu bất năng như thị quán giả。 bất danh tu huệ。 thiện nam tử。

Nếu có người không thể quán sát như vậy, không gọi là tu tuệ. Này thiện nam tử!

第一義中若見身身相身因身果身聚身一身二此身

Đệ nhất nghĩa trung nhược kiến thân thân tướng thân nhân thân quả thân tụ thân nhất
thân nhị tử

Trong đệ nhất nghĩa, nếu thấy thân, thân tướng, thân nhân, thân quả, nhiều thân, thân
một, thân hai, thân đây,

彼身身滅身等身修修者。若有如是見者。

Thân bỉ thân thân diệt thân đẳng thân tu tu giả。 nhược hữu như thị kiến giả。

thân kia, thân diệt, thân bình đẳng, thân tu, người tu, nếu có người thấy như vậy
名不修身。善男子。

Danh bất tu thân。 thiện nam tử。

gọi là không tu thân. Này thiện nam tử!

若見戒戒相戒因戒果戒上戒下戒聚戒一戒二此戒彼戒戒滅戒等

Nhược kiến giới giới tướng giới nhân giới quả thượng giới hạ giới giới tụ giới nhất giới nhị
tử giới bỉ giới giới diệt giới đẳng giới

Hoặc thấy giới, giới tướng, giới nhân, giới quả, giới thượng, giới hạ, giới tu, giới một, giới hai, giới đây, giới kia, giới diệt, giới bình đẳng,

戒修修者戒波羅蜜。若有如是見者。

Tu tu giả giới ba la mật. nhược hữu như thị kiến giả.

giới tu, người tu, giới Ba-la-mật, nếu người có thấy như vậy

名不修戒若見心心相心因心果心聚心及心數心一

Danh bất tu giới nhược kiến tâm tâm tướng tâm nhân tâm quả tâm tụ tâm cập tâm số tâm nhất tâm

gọi là không tu giới. Hoặc thấy tâm, tâm tướng, tâm nhân, tâm quả, tâm tụ, tâm số, tâm một,

心二此心彼心心滅心等心修修者上中下心善

Nhị thử tâm bỉ tâm tâm diệt tâm đẳng tâm tu tu giả thượng trung hạ tâm thiện

tâm hai, tâm đây, tâm kia, tâm diệt, tâm bình đẳng, tâm tu, người tu, tâm thượng, tâm trung, tâm hạ, tâm thiện,

心惡心。若有如是見者。名不修心。善男子。

Tâm ác tâm. nhược hữu như thị kiến giả. danh bất tu tâm. thiện nam tử.

tâm ác, nếu người có thấy như vậy, gọi là không tu tâm. Này thiện nam tử!

若見慧慧相慧因慧果慧聚慧一慧二此慧彼慧

Nhược kiến tuệ tuệ tướng tuệ nhân tuệ quả tuệ tụ tuệ nhất tuệ nhị thử tuệ bỉ tuệ

Hoặc thấy tuệ, tuệ tướng, tuệ nhân, tuệ quả, tuệ tụ, tuệ một, tuệ hai, tuệ đây, tuệ kia, tuệ diệt tuệ, tuệ bình đẳng, tuệ thượng, tuệ trung, tuệ hạ, tuệ độn, tuệ lợi, tuệ tu, người tu, tuệ tu, người tu, nếu có người thấy như vậy, gọi là không tu tuệ. Này thiện nam tử!

Tuệ diệt tuệ đẳng thượng trung hạ tuệ độn tuệ lợi tuệ tu tu giả.

tuệ diệt, tuệ bình đẳng, tuệ thượng, tuệ trung, tuệ hạ, tuệ độn, tuệ lợi, tuệ tu, người tu, nếu có người thấy như vậy, gọi là không tu tuệ. Này thiện nam tử!

Nhược hữu như thị kiến giả. danh bất tu tuệ. thiện nam tử.

nếu có người thấy như vậy gọi là không tu tuệ. Này thiện nam tử!

若有不修身戒心慧。如是之人。於小惡業得大惡報。

Nhược hữu bất tu thân giới tâm tuệ. như thị chi nhân. ư tiểu ác nghiệp đắc Đại ác báo.

Nếu có người không tu thân, giới, tâm và tuệ, người như vậy ở nơi nghiệp ác nhỏ mà mắc phải quả báo ác lớn.

以恐怖故常生是念。我屬地獄作地獄行。

Dĩ khùng phổ cố thường sanh thị niệm. ngã thuộc Địa-ngục tác Địa-ngục hành。

Do vì lo sợ nên thường nghĩ rằng: Tôi thuộc người địa ngục làm hạnh địa ngục.

雖聞智者說地獄苦。

Tuy văn trí giả thuyết Địa-ngục khổ。

Tuy nghe người trí nói địa ngục khổ nhưng

常作是念如鐵打鐵石還打石木自打木火虫樂火。地獄之身還似地獄。

Thường tác thị niệm như thiết đả thiết thạch hoàn đả thạch mộc tự đả mộc hỏa trùng lạc hỏa。Địa-ngục chi thân hoàn tự Địa-ngục。

thường nghĩ như sắt đập sắt, đá trở lại đập đá, như gỗ tự đập gỗ, như vi trùng lửa thích lửa, thân địa ngục trở lại giống địa ngục,

若似地獄有何苦事。

Nhược tự Địa-ngục hữu hà khổ sự。

nếu giống địa ngục thì có gì là khổ。

譬如蒼蠅為唾所粘不能得出。是人亦爾於小罪中不能自出。

Thí như thương dăng vi thóa sở niêm bất năng đắc xuất。thị nhân diệc nhĩ ư tiểu tội trung bất năng tự xuất。

Thí như con lặn xanh bị dính nơi nước miếng không thể bay được. Người này cũng vậy, ở trong tội nhỏ không thể tự thoát khỏi,

心初無悔不能修善覆藏瑕疵。

Tâm sơ vô hối bất năng tu thiện phúc tạng hà tỳ。

không lòng ăn năn, không thể tu thiện, che dấu tội lỗi,

雖有過去一切善業。悉為是罪之所垢污。

Tuy hữu quá khứ nhất thiết thiện nghiệp。tất vi thị tội chi sở cấu ô。

tuy có tất cả nghiệp lành thuở quá khứ nhưng đều bị tội này làm cấu thơ。

是人所有現受輕報。轉為地獄極重惡果。善男子。

Thị nhân sở hữu hiện thọ khinh báo。chuyển vi Địa-ngục cực trọng ác quả。thiện nam tử。

Người này chỗ có quả báo nhẹ thọ trong đời hiện tại trở lại thành quả báo rất nặng nơi địa ngục. Nay thiện nam tử!

如小器水置鹽一升。其味鹹苦難可得飲。

Như tiểu khí thủy trí diêm nhất thăng。kỳ vị hàm khổ nạn khả đắc ẩm。

Như trong chậu nước nhỏ bỏ vào một thặng muối, nước đó mặn chát khó có thể uống được.

是人罪業亦復如是。善男子。

Thị nhân tội nghiệp diệc phục như thị. thiện nam tử.

Tội nghiệp của người này cũng lại như vậy. Này thiện nam tử!

譬如有人負他一錢不能償故身被繫縛多受眾苦。是人罪業亦復如是。

Thí như hữu nhân phụ tha nhất tiền bất năng thường cố thân bị hệ phược đa thọ chúng khổ. thị nhân tội nghiệp diệc phục như thị.

Thí như có người nợ người khác một tiền không thể trả được nên thân bị trói buộc chịu nhiều khổ đau. Tội nghiệp của người này cũng lại như vậy.

師子吼菩薩言。世尊。

Sư Tử Hống Bồ Tát ngôn. Thế Tôn.

Bồ-tát Sư Tử Hống thưa rằng: Bạch Thế Tôn!

是人何故令現輕報轉地獄受。佛言。善男子。

thị nhân hà cố linh hiện khinh báo chuyển Địa-ngục thọ. Phật ngôn. thiện nam tử.

Vì sao người này làm cho quả báo nhẹ hiện đời trở thành thọ báo nơi địa ngục? Phật dạy:

Này thiện nam tử!

一切眾生若具五事令現輕報轉地獄受。何等為五。一者愚癡故。

Nhất thiết chúng sanh nhược cụ ngũ sự linh hiện khinh báo chuyển Địa-ngục thọ. hà đẳng vi ngũ. nhất giả ngu si cố.

Tất cả chúng sanh nếu đủ năm việc thì làm cho quả báo nhẹ hiện đời trở thành thọ báo nơi địa ngục.

Những gì là năm? Một là vì ngu si,

二者善根微少故。三者惡業深重故。

Nhị giả thiện căn vi thiếu cố. tam giả ác nghiệp thâm trọng cố.

hai là vì căn lành kém ít, ba là vì ác nghiệp sâu nặng,

四者不懺悔故。五者不修本善業故。復有五事。

Tứ giả bất sám hối cố. ngũ giả bất tu bản thiện nghiệp cố. phục hữu ngũ sự.

bốn là vì không sám hối, năm là vì không tu nghiệp lành hiện đang tu tập. Lại có năm việc:

一者修習惡業故。二者無戒財故。

Nhất giả tu tập ác nghiệp cố. nhị giả vô giới tài cố.

Một là vì tu tập nghiệp ác, ai là vì không có giới đức,

三者遠離諸善根故。四者不修身戒心慧故。

Tam giả viễn li chư thiện căn cố. tứ giả bất tu thân giới tâm tuệ cố.

ba là vì xa lìa các căn lành, bốn là vì không tu thân giới tâm tuệ,

五者親近惡知識故。善男子。是故能令現世輕報地獄重受。

Ngũ giả thân cận ác tri thức cố. thiện nam tử. thị cố năng linh hiện thế khinh báo Địa-ngục trọng thọ.

năm là vì gần gũi bạn ác. Này thiện nam tử! Vì vậy người này có thể làm cho quả báo nhẹ trong hiện đời thành thọ báo nặng nơi địa ngục.

師子吼言。世尊。

Sư Tử Hống ngôn. Thế Tôn.

Sư Tử Hống thưa rằng: Bạch Thế Tôn!

何等人能轉地獄報現世輕受。善男子。若有修習身戒心慧如先所說。

Hà đẳng nhân năng chuyển Địa-ngục báo hiện thế khinh thọ. thiện nam tử. nhược hữu tu tập thân giới tâm duyên như tiên sở thuyết.

Những người nào có thể chuyển quả báo địa ngục thành thọ báo nhẹ hiện đời? Này thiện nam tử! Nếu có người tu tập thân giới tâm tuệ như chỗ nói trước thì
能觀諸法同如虛空。不見智慧不見智者。

Năng quán chư Pháp đồng như hư không. bất kiến trí tuệ bất kiến trí giả.

có thể thấy các pháp đồng với hư không: Không thấy trí tuệ, không thấy người trí;

不見愚癡不見愚者。不見修習及修習者。

Bất kiến ngu si bất kiến ngu giả. bất kiến tu tập cập tu tập giả.

không thấy ngu si, không thấy người ngu si; không thấy tu tập, không thấy người tu tập,

是名智者。如是之人則能修習身戒心慧。

Thị danh trí giả. như thị chi nhân tắc năng tu tập thân giới tâm tuệ.

đây gọi là người trí. Người như vậy thì có thể tu tập thân tu tập thân, giới, tâm, tuệ.

是人能令地獄果報現世輕受。

Thị nhân năng linh Địa-ngục quả báo hiện thế khinh thọ.

Người này có thể làm cho quả báo địa ngục thành thọ quả báo nhẹ hiện đời.

是人設作極重惡業。思惟觀察能令輕微。

Thị nhân thiết tác cực trọng ác nghiệp. tư duy quán sát năng linh khinh vi.
Giả sử người này gây tạo ác nghiệp rất nặng, nhờ tư duy quán sát có thể làm cho thành nhẹ.

作是念言我業雖重不如善業。

Tác thị niệm ngôn ngã nghiệp tuy trọng bất như thiện nghiệp。

Người này nghĩ rằng: Nghiệp của tôi tuy nặng nhưng không bằng nghiệp lành.

譬如[疊*毛]花雖復百斤終不能敵真金一兩。

Thí như điệp hoa tuy phục bách cân chung bất năng địch chân kim nhất lượng。

Thí như vải bông tuy nhiều nặng trăm cân nhưng không thể sánh bằng một lượng vàng.

如恒河中投一升鹽水無鹹味飲者不覺。如巨富者雖多負人千萬寶物。

Như hằng hà trung đầu nhất thăng diêm thủy vô 鹹 vị ẩm giả bất giác。 như cự phú giả tuy đa phụ nhân thiên vạn bảo vật。

Như đem một thăng muối ném vào trong sông Hằng, nước không mặn, người uống không biết. Như người giàu có, tuy mắc nợ người nhiều ngàn vạn vật báu
無能繫縛令其受苦。如大香象能壞鐵鎖自在而去。

Vô năng hệ phọc linh kỳ thọ khổ。 như Đại hương tượng năng hoại thiết tòa tự-tại nhi khứ。

nhưng không ai có thể trói buộc làm khổ được. Như đại Hương tượng có thể bứt dây sắt tự tại mà đi.

智慧之人亦復如是。

Trí tuệ chi nhân diệc phục như thị。

Người trí tuệ cũng lại như vậy,

常思惟言我善力多惡業羸弱。

Thường tư duy ngôn ngã thiện lực đa ác nghiệp luy nhược。

thường suy nghĩ rằng sức nghiệp lành của tôi nhiều, sức nghiệp ác kém yếu.

我能發露懺悔除罪惡業能修智慧。智慧力多無明力少。

ngã năng phát lộ sám hối trừ tội ác nghiệp năng tu trí tuệ。 trí tuệ lực đa vô minh lực thiếu。

Tôi có thể phát lồ sám hối diệt trừ tội nghiệp ác. Tôi có thể tu trí tuệ làm cho sức trí tuệ nhiều, sức vô minh ít.

如是念已親近善友修習正見。受持讀誦書寫解說十二部經。

Như thị niệm dĩ thân cận thiện hữu tu tập chánh kiến. thọ trì đọc tụng thư tả giải thuyết thập nhị bộ Kinh.

Nghĩ như vậy rồi, người này gần gũi bạn lành, tu tập chánh kiến, thọ trì đọc tụng, biên chép, giải nói mười hai bộ kinh;

見有受持讀誦書寫解說之者。

Kiến hữu thọ trì đọc tụng thư tả giải thuyết chi giả。

thấy có người thọ trì đọc tụng, biên chép, giải nói thì

心生恭敬兼以衣食房舍臥具病藥花香。

tâm sanh cung kính kiêm dĩ y thực phòng xá ngoại cụ bệnh dược hoa hương。

sanh lòng cung kính, đem những y phục, đồ uống ăn, phòng nhà, đồ nằm, thuốc men, hương hoa

而供養之讚歎尊重所至到處稱說其善不訟其短。

nhi cúng dường chi tán thán tôn trọng sở chí đáo xử xưng thuyết kỳ thiện bất tụng kỳ đoản。

mà cúng dường tán thán tôn trọng, đi đến đâu đều khen ngợi hạnh lành của người đó, không nói việc kém dở của họ;

供養三寶敬信方等大涅槃經。如來常恒無有變易。

Cung dường Tam bảo kính tín phương đẳng Đại Niết bàn Kinh. Như-Lai thường hằng vô hữu biến dịch。

cúng dường Tam bảo, kính tín kinh Phương đẳng đại Niết-bàn, tin Như Lai thường hằng không có biến đổi,

一切眾生悉有佛性。

Nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh。

tin tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

是人能令地獄重報現世輕受。善男子。以是義故。非一切業悉有定果。

Thị nhân năng linh Địa-ngục trọng báo hiện thế khinh thọ. thiện nam tử. dĩ thị nghĩa cố. phi nhất thiết nghiệp tất hữu định quả。

Người này có thể làm cho tội báo nặng ở địa ngục thành thọ báo nhẹ hiện đời. Này thiện nam tử! Do nghĩa này nên chẳng phải tất cả nghiệp đều quyết định có quả báo,

亦非一切眾生定受。

Diệc phi nhất thiết chúng sanh định thọ。

cũng chẳng phải tất cả chúng sanh đều quyết định thọ báo.

大般涅槃經卷第三十一

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ tam thập nhất

KINH ĐẠI NIẾT BÀN - QUYỂN THỨ BA MƯƠI MỐT

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:13:10 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:13:10 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

大般涅槃經卷第三十二

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập nhị

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ BA MƯƠI HAI

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Triều đại Bắc Lương, Tam Tạng Pháp Sư Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

師子吼菩薩品第十一之六

Bồ-tát Sư Tử Hống phẩm đệ thập nhất chi lục

Phần Sáu, Phẩm Thứ Mười Hai: Bồ-tát Sư Tử Hống

師子吼菩薩言。世尊。若一切業不定得果。

Bồ-tát Sư Tử Hống ngôn. Thế Tôn. nhược nhất thiết nghiệp bất định đắc quả.

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Nếu hết thấy nghiệp không quyết định được quả,

一切眾生悉有佛性。應當修習八聖道者。

nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. ứng đương tu tập bát Thánh đạo giả.

tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, phải nên tu tập Tám Thánh đạo.

何因緣故。一切眾生悉不得是大般涅槃。世尊。

hà nhân duyên cố. nhất thiết chúng sanh tất bất đắc thị Đại Bát Niết-bàn. Thế Tôn.

Vì nhân duyên gì mà hết thấy chúng sanh đều không được Đại Niết-bàn này? Bạch Thế Tôn!

若一切眾生有佛性者。

nhược nhất thiết chúng sanh hữu Phật tánh giả.

Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh

即當定得阿耨多羅三藐三菩提。何須修習八聖道耶。世尊。

tức đương định đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. hà tu tu tập bát Thánh đạo da.

Thế Tôn.

thời chắc chắn được Vô Thượng Bồ-đề, sao phải cần tu tập Tám Thánh đạo? Bạch Thế Tôn!

如此經中說有病人若得醫藥及瞻病人隨病飲

như thử Kinh trung thuyết hữu bệnh nhân nhược đắc y dược cập chiêm bệnh nhân tùy bệnh ẩm

Như trong kinh này nói rằng: người có bệnh, nếu được gặp được thầy thuốc giỏi và người coi bệnh chăm sóc tùy theo bệnh mà cho ăn uống,

食。若使不得皆悉除差。

thực。 nhược sử bất đắc giai tất trừ sái。

nếu không được sự chăm sóc như vậy thì bệnh đều được lành.

一切眾生亦復如是。若遇聲聞及辟支佛諸佛菩薩諸善知識。

nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị。 nhược ngộ Thanh văn cập Bích-chi-phật chư Phật Bồ-tát chư thiện tri thức。

Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy, nếu gặp Thanh văn, Bích-chi-phật, chư Phật Bồ-tát, những bậc thiện tri thức,

若聞說法修習聖道。

nhược văn thuyết Pháp tu tập Thánh đạo。

nghe thuyết Pháp, tu tập Thánh đạo,

若不遇不聞不修習道。悉當得成阿耨多羅三藐三菩提。何以故。

nhược bất ngộ bất văn bất tu tập đạo。 tất đương đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 hà dĩ cố。

hoặc không gặp, không nghe, không tu tập Thánh đạo cũng đều sẽ được thành Vô Thượng Bồ-đề. Vì sao?

以佛性故。世尊。

dĩ Phật tánh cố。 Thế Tôn。

Vì do Phật tánh vậy. Bạch Thế Tôn!

譬如日月無有能遮令不得至頻多山邊。四大河水不至大海。

thí như nhật nguyệt vô hữu năng già linh bất đắc chí át đa sơn biên。 tứ Đại hà thủy bất chí Đại hải。

Thí như không có gì có thể ngăn cản mặt trời, mặt trăng không chiếu đến được sống mũi hay không đến các sườn núi, nước bốn sông không chảy đến biển lớn,

一闍提等不至地獄。一切眾生亦復如是。

Nhất-xiển-đề chẳng bất chí Địa-ngục。 nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị。

Nhất-xiển-đề không đến địa ngục. Tất cả chúng sanh cũng lại như vậy,

無有能遮令不得至阿耨多羅三藐三菩提。何以故。

vô hữu năng già linh bất đắc chí a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 hà dĩ cố。

không gì có thể ngăn cản khiến không được Vô Thượng Bồ-đề. Vì sao vậy?

以佛性故。世尊。以是義故。一切眾生不須修道。

dĩ Phật tánh cố. Thế Tôn. dĩ thị nghĩa cố. nhất thiết chúng sanh bất tu tu đạo.

Vì do Phật tánh vậy. Bạch Thế Tôn! Do nghĩa đó nên tất cả chúng sanh không cần tu tập Thánh đạo,

以佛性力故應得阿耨多羅三藐三菩提。

dĩ Phật tánh lực cố ứng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề。

do năng lực của Phật tánh nên được Vô Thượng Bồ-đề,

不以修習聖道力故。世尊。

bất dĩ tu tập Thánh đạo lực cố. Thế Tôn.

không do tu tập Tám Thánh đạo vậy. Bạch Thế Tôn!

若一闍提犯四重禁五逆罪等。不得阿耨多羅三藐三菩提者。

nhược Nhất-xiển-đề phạm tứ trọng cấm ngũ nghịch tội đẳng. bất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề giả。

Nếu Nhất-xiển-đề phạm bốn tội nặng và năm nghịch tội v.v.. không được Vô Thượng Bồ-đề

應須修習以因佛性定當得故。

ứng tu tu tập dĩ nhân Phật tánh định đương đắc cố。

thời phải nên tu tập Thánh đạo, do nơi Phật tánh nên quyết được Vô Thượng Bồ-đề

非因修習然後得也。世尊。譬如磁石去鐵雖遠。

phi nhân tu tập nhiên hậu đắc dã。 Thế Tôn. thí như từ thạch khứ thiết tuy viễn。

không phải do tu tập rồi sau mới được vậy. Bạch Thế Tôn! Thí như đá nam châm tuy để cách xa sắt

以其力故鐵則隨著。眾生佛性亦復如是。

dĩ kỳ lực cố thiết tắc tùy trước。 chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị。

nhưng do sức hút của nam châm nên sắt phải dính. Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy,

是故不須勤修習道。佛言。善哉善哉。善男子。

thị cố bất tu tinh cần tu tập đạo。 Phật ngôn。 Thiện tai Thiện tai。 thiện nam tử。

vì thế không cần siêng năng tu tập Thánh đạo. Phật dạy: Lành thay! Lành thay! Này thiện nam tử!

如恒河邊有七種人。若為洗浴恐畏寇賊。

như hằng hà biên hữu thất chủng nhân. nhược vi tẩy dục khủng úy khấu tặc。

Như bên bờ sông Hằng có bảy hạng người hoặc vì tắm rửa, hoặc vì sợ giặc cướp,
或為採花則入河中。第一人者入水則沈。何以故。

hoặc vi thái hoa tắc nhập hà trung. đệ nhất nhân giả nhập thủy tắc trầm. hà dĩ cố。

hoặc vì hái hoa mà vào vào trong sông. Người thứ nhất vào trong nước liền bị chìm. Vì sao vậy?

羸無勢力不習浮故。第二人者雖沒還出出已復沒。

luy vô thể lực bất tập phù cố. đệ nhị nhân giả tuy một hoàn xuất xuất dĩ phục một。

Vì sức yếu đuối lại không biết bơi. Người thứ hai tuy bị chìm nhưng rồi lại nổi, nổi lên rồi lại chìm.

何以故。身力大故則能還出。不習浮故出已還沒。

hà dĩ cố. thân lực Đại cố tắc năng hoàn xuất. bất tập phù cố xuất dĩ hoàn một。

Vì sao vậy? Vì người ấy có sức mạnh thì có thể nổi lên, do không biết bơi nên nổi rồi lại chìm.

第三人者沒已即出出更不沒。何以故。

đệ tam nhân giả một dĩ tức xuất xuất canh bất một. hà dĩ cố。

Người thứ ba chìm rồi liền nổi lên được, nổi lên được rồi không chìm nữa. Vì sao?

身重故沒力大故出。先習浮故出已即住。

thân trọng cố một lực Đại cố xuất. tiên tập phù cố xuất dĩ tức trụ。

Vì thân thể nặng nên chìm, do sức mạnh nên lại nổi lên, do trước có biết bơi nên nổi lên liền đứng yên.

第四人者入已便沒沒已還出。出已即住遍觀四方。

đệ tứ nhân giả nhập dĩ tiện một một dĩ hoàn xuất. xuất dĩ tức trụ biến quán tứ phương。

Người thứ tư vào nước xong liền chìm, chìm xong lại nổi lên, nổi lên xong liền đứng yên nhìn ngó khắp bốn phương.

何以故。重故則沈力大故還出習浮則住。

hà dĩ cố. trọng cố tắc trầm lực Đại cố hoàn xuất tập phù tắc trụ。

Vì sao? Vì nặng nên bị chìm, vì sức mạnh nên lại nổi lên, vì có biết bơi nên đứng yên, không biết đâu nên đứng yên.

bất tri xuất xứ cố quán tứ phương。

không biết lên phía nào nên nhìn ngó bốn phương.

第五人者入已即沈沈已便出。出已即住住已觀方。觀已即去。何以故。

đệ ngũ nhân giả nhập dĩ tức trầm trầm dĩ tiện xuất。 xuất dĩ tức trụ trụ dĩ quán phương。
quán dĩ tức khứ。 hà dĩ cố。

Người thứ năm vào nước xong liền bị chìm, chìm rồi liền nổi lên, nổi lên được xong liền đứng yên, đứng xong nhìn ngó phương hướng, nhìn ngó xong liền đi. Vì sao vậy?

為怖畏故。第六人者入已即去淺處則住。

vi ó úy cố。 đệ lục nhân giả nhập dĩ tức khứ thiểu xử tắc trụ。

Vì sợ hãi vậy. Người thứ sáu vào nước xong liền lội đi đến chỗ cạn đứng.

何以故。觀賊近遠故。

hà dĩ cố。 quán tặc cận viễn cố。

Vì sao? Vì để nhìn giặc cướp ở gần hay xa.

第七人者既至彼岸登上大山無復恐怖。離諸怨賊受大快樂。

đệ thất nhân giả ký chí bỉ ngạn đăng thượng Đại sơn vô phục khủng phố。 ly chư oán tặc
thọ đại khoái lạc。

Người thứ bảy đã đến được bờ bên kia rồi, liền leo lên núi cao lớn không còn sợ hãi, thoát khỏi giặc cướp, vô cùng vui sướng.

善男子。生死大河亦復如是。

thiện nam tử。 sanh tử đại hà diệc phục như thị。

Này thiện nam tử! Sông lớn sanh tử cũng lại như vậy,

有七種人畏煩惱賊故。發意欲渡生死大河。

hữu thất chủng nhân úy phiền não tặc cố。 phát ý dục độ sanh tử Đại hà。

có bảy hạng người vì sợ giặc phiền não mà muốn lội qua khỏi sông sanh tử nên 出家剃髮
身被法服。既出家已親近惡友。隨順其教聽受邪法。

xuất gia thế phát thân bị Pháp phục。 ký xuất gia dĩ thân cận ác hữu。 tùy thuận kỳ giáo
thính thọ tà Pháp。

xuất gia cạo tóc, thân mặc pháp phục, đã xuất gia rồi thân gần bạn bè xấu ác, nghe theo
lời của họ mà lãnh thọ tà pháp.

所謂眾生身者即是五蔭。

sở vị chúng sanh thân giả tức thị ngũ ấm。

Họ cho rằng thân chúng sanh tức năm ấm vậy.

五蔭者即名五大。眾生若死永斷五大。

ngũ ấm giả tức danh ngũ đại。 chúng sanh nhược tử vĩnh đoạn ngũ đại。

Năm ấm gọi là năm đại. Chúng sanh nếu chết thời năm đại dứt hẳn,

斷五大故何須修習善惡諸業。是故當知無有善惡及善惡報。

đoạn ngũ Đại cố hà tu tu tập thiện ác chư nghiệp. thị cố đương tri vô hữu thiện ác cập thiện ác báo。

năm đại đã dứt hẳn rồi thời cần gì phải tu tập các nghiệp thiện hoặc ác? Vì thế nên biết không có thiện, không có ác, không có quả báo thiện, không có quả báo ác.

如是則名一闍提也。一闍提者名斷善根。

như thị tắc danh nhất xiển đề dã 。 Nhất-xiển-đề giả danh đoạn thiện căn。

Hàng người này thời gọi là Nhất-xiển-đề, Nhất-xiển-đề gọi là dứt căn lành,

斷善根故沒生死河不能得出。何以故。

đoạn thiện căn cố một sanh tử hà bất năng đắc xuất。 hà dĩ cố。

vì căn lành đã dứt thời chìm trong sông sanh tử không thể thoát ra được. Vì sao vậy?

惡業重故無信力故。如恒河邊第一人也。善男子。

ác nghiệp trọng cố vô tín lực cố。 như hằng hà biên đệ nhất nhân dã 。 thiện nam tử 。

Vì nghiệp ác của họ quá nặng nên không có đức tin, như người thứ nhất bên bờ sông

Hằng vậy. Đây thiện nam tử!

一闍提輩有六因緣。沒三惡道不能得出。

nhất xiển đề bối hữu lục nhân duyên。 một tam ác đạo bất năng đắc xuất。

Hàng Nhất-xiển-đề có sáu nhân duyên phải chìm trong ba đường ác không thể thoát ra khỏi được.

何等為六。一者惡心熾盛故。二者不見後世故。

hà đẳng vi lục。 nhất giả ác tâm sí thịnh cố。 nhị giả bất kiến hậu thế cố。

Những gì là sáu? Một là tâm ác quá mạnh, hai là không thấy đời sau,

三者樂習煩惱故。四者遠離善根故。

tam giả lạc tập phiền não cố。 tứ giả viễn li thiện căn cố。

ba là thích huân tập những phiền não, bốn là xa lìa các căn lành,

五者惡業障隔故。六者親近惡知識故。

ngũ giả ác nghiệp chướng cách cố。 lục giả thân cận ác tri thức cố。

năm là bị ác nghiệp ngăn cách, sáu là thân gần ác tri thức.

復有五事沒三惡道。何等為五。一者於比丘邊作非法故。

phục hữu ngũ sự một tam ác đạo。 hà đẳng vi ngũ。 nhất giả ư Tỳ-kheo biên tác phi Pháp cố。

Lại có năm việc khiến họ chìm trong ba đường ác. Những gì là năm? Một là làm các việc phi pháp đối với các Tỳ-kheo.

二者比丘尼邊作非法故。三者自在用僧鬘物故。

nhị giả Tỳ-kheo ni biên tác phi Pháp cố。 tam giả tự tại dụng tăng man vật cố。

Hai là làm các việc phi pháp đối với các Tỳ-kheo ni, ba là tự ý dùng những vật dụng của Tăng chúng.

四者母邊作非法故。

tứ giả mẫu biên tác phi Pháp cố。

Bốn là làm các việc phi pháp đối với mẹ.

五者於五部僧互生是非故。復有五事沒三惡道。何等為五。

ngũ giả ư ngũ bộ Tăng hổ sanh thị phi cố。 phục hữu ngũ sự một tam ác đạo。 hà đẳng vi ngũ。

Năm là đối với năm bộ Tăng nói chuyện tốt xấu. Lại có năm việc phải bị chìm đắm trong ba đường ác. Những gì là năm?

一者常說無善惡果故。二者殺發菩提心眾生故。

nhất giả thường thuyết vô thiện ác quả cố。 nhị giả sát phát Bồ-đề tâm chúng sanh cố。

Một là thường nói không có quả báo lành dữ. Hai là giết tâm phát Bồ-đề của chúng sanh,三者褻說法師過失故。

tam giả hỉ thuyết Pháp sư quá thất cố。

ba là thích nói lỗi của Pháp sư,

四者法說非法非法說法故。五者為求法過而聽受故。

tứ giả Pháp thuyết phi Pháp phi Pháp thuyết Pháp cố。 ngũ giả vị cầu Pháp quá nhi thỉnh thọ cố。

bốn là chánh Pháp nói phi Pháp, phi Pháp nói chánh Pháp, năm là vì tìm lỗi của chánh Pháp mà đến nghe học.

復有三事沒三惡道。何等為三。一謂如來無常永滅。

phục hữu tam sự một tam ác đạo。 hà đẳng vi tam。 nhất vị Như Lai vô thường vĩnh diệt。

Lại có ba việc làm cho họ rơi vào trong ba đường ác. Những gì là ba? Một là cho rằng Như Lai vô thường, nhập diệt vĩnh viễn,

二謂正法無常遷變。三謂僧寶可滅壞故。

nhị vị chánh Pháp vô thường Thiên biến。 tam vị Tăng bảo khả diệt hoại cố。

hai là cho rằng chánh pháp vô thường dời đổi, ba là Tăng bảo có thể hoại diệt,

是故常沒三惡道中。第二人者。發意欲渡生死大河。

thị cố thường một tam ác đạo trung。 đệ nhị nhân giả。 phát ý dục độ sanh tử đại hà。

vì thế mà họ thường chìm trong ba đường ác. Người thứ hai muốn lội qua khỏi sông lớn sanh tử,

斷善根故沒不能出。

đoạn thiện căn cố một bất năng xuất。

vì đứt mất căn lành nên bị chìm không thể ra được.

所言出者親近善友則得信心。是信心者。

sở ngôn xuất giả thân cận thiện hữu tác đắc tín tâm。 thị tín tâm giả。

Nói thoát ra khỏi ấy là thân gần bạn lành thời được tín tâm. Tín tâm đó là

信施施果信善善果信惡惡果。信生死苦無常敗壞。是名為信。

tín thí thí quả tín thiện thiện quả tín ác ác quả。 tín sanh tử khổ vô thường bại hoại。 thị danh vi tín。

tin bố thí, tin quả báo của bố thí, tin điều lành, quả báo lành, tin điều ác, quả báo ác, tin sanh tử là khổ, là vô thường hư hoại, đó gọi là tin.

以得信心修習淨戒。受持讀誦書寫解說。

dĩ đắc tín tâm tu tập tịnh giới。 thọ trì đọc tụng thư tả giải thuyết。

Do được tín tâm nên tu tập tịnh giới, thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói,

常樂惠施善修智慧。以鈍根故復遇惡友。

thường lạc huệ thí thiện tu trí tuệ。 dĩ độn căn cố phục ngộ ác hữu。

thường thích bố thí, khéo tu tập trí tuệ. Nhưng vì căn tánh ám độn nên họ lại gặp bạn bè xấu ác,

不能修習身戒心慧。

bất năng tu tập thân giới tâm tuệ。

chẳng thể tu tập thân, giới, tâm, tuệ,

聽受邪法或值惡時處惡國土斷諸善根。斷善根故常沒生死。

thính thọ tà Pháp hoặc trị ác thời xử ác quốc độ đoạn chư thiện căn。 đoạn thiện căn cố thường một sanh tử 。

thọ nhận các tà pháp, hoặc gặp thời vận xấu ác, nơi chốn xấu ác, quốc độ xấu ác nên bị dứt hẳn các căn lành, căn lành dứt mất nên phải chìm luôn trong sanh tử,

如恒河邊第二人也。第三人者。發意欲渡生死大河。

như hằng hà biên đệ nhị nhân dã 。

đệ tam nhân giả。 phát ý dục độ sanh tử đại hà。

như người thứ hai bên sông Hằng. Người thứ ba Người thứ ba muốn qua khỏi sông lớn sanh tử,

斷善根故於中沈沒。親近善友得名為出。

đoạn thiện căn cố ư trung trầm một。 thân cận thiện hữu đắc danh vi xuất。

vì dứt mất căn lành nên bị chìm ở trong sông, do thân gần bạn lành nên được nổi lên, 信於如來是一切智常恒無變為眾生故說無上道。

tín ư Như Lai thị nhất thiết trí thường hằng vô biến vi chúng sanh cố thuyết vô thượng đạo.

tín Như Lai là Nhất thiết trí, thường hằng, không thay đổi, vì chúng sanh mà nói đạo Vô thượng,

一切眾生悉有佛性如來非滅法僧亦爾無有滅壞。一闍提等不斷其法。

nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh Như Lai phi diệt Pháp Tăng diệt nhĩ vô hữu diệt hoại。 nhất xiển đề đẵng bất đoạn kỳ Pháp。

tín tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Như Lai chẳng phải là pháp sanh diệt, Tăng chúng cũng vậy, không bị hoại diệt. Hàng Nhất-xiển-đề nếu không dứt các ác pháp của họ,

終不能得阿耨多羅三藐三菩提。要當遠離然後乃得。

chung bất năng đắc a nậu đa la tam miếu tam Bồ-đề 。

yếu đương viễn li nhiên hậu nãi đắc。

thời trọn không thể được Vô Thượng Bồ-đề, cần phải xa lìa rồi sau đó mới được.

以信心故修習淨戒。

dĩ tín tâm cố tu tập tịnh giới。

Do tín tâm nên tu tập tịnh giới,

修習戒已受持讀誦書寫解說十二部經。為諸眾生廣宣流布。

tu tập giới dĩ thọ trì độc tụng thư tả giải thuyết thập nhị bộ Kinh 。

vị chư chúng sanh quảng tuyên lưu bố。

tu tập tịnh giới rồi thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói mười hai bộ kinh, vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố,

樂於惠施修習智慧。

lạc ư huệ thí tu tập trí tuệ。

ưa thích huệ thí, tu tập trí tuệ,

以利根故堅住信慧心無退轉。如恒河邊第三人也。第四人者。

dĩ lợi căn cố kiên trụ tín tuệ tâm vô thối chuyển。 như hằng hà biên đệ tam nhân dã。 đệ tứ nhân giả。

do căn tánh lạnh lợi nên an trú lâu bền ở tín tuệ, tâm không thối chuyển. Như người thứ ba bên bờ sông Hằng. Người thứ tư

發意欲渡生死大河。斷善根故於中沈沒。

phát ý dục độ sanh tử đại hà。 đoạn thiện căn cố ư trung trầm một。

muốn lợi qua khỏi sông lớn sanh tử, vì đứt căn lành nên đắm chìm ở trong sông này,

親近善友故得信心是名為出。

thân cận thiện hữu cố đắc tín tâm thị danh vi xuất。

do thân gần với bạn lành nên được tín tâm, đây gọi là nổi lên.

得信心故受持讀誦書寫解說十二部經。為眾生故廣宣流布。

đắc tín tâm cố thọ trì đọc tụng thư tả giải thuyết thập nhị bộ Kinh。 vị chúng sanh cố quảng tuyên lưu bố。

Vì được tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói mười hai bộ kinh, vì chúng sanh mà lưu bố rộng rãi,

樂於惠施修習智慧。以利根故堅住信慧。

lạc ư huệ thí tu tập trí tuệ。 dĩ lợi căn cố kiên trụ tín tuệ。

ưa thích huệ thí, tu tập trí tuệ, do căn tánh lạnh lợi nên trụ ở tín tuệ bền lâu,

心無退轉遍觀四方。觀四方者四沙門果。

tâm vô thối chuyển biến quán tứ phương。 quán tứ phương giả tứ Sa-môn quả。

tâm không thối chuyển, nhìn ngó khắp bốn phương. Bốn phương ấy là nói bốn quả Sa-môn.

如恒河邊第四人也。第五人者。發意欲渡生死大河。

như hằng hà biên đệ tứ nhân dã。 đệ ngũ nhân giả。 phát ý dục độ sanh tử Đại hà。

như người thứ tư bên bờ sông Hằng. Người thứ năm muốn lợi qua khỏi sông lớn sanh tử,

斷善根故於中沈沒。

đoạn thiện căn cố ư trung trầm một。

vì dứt căn lành nên đắm chìm ở trong sông,

親近善友故得信心是名為出。

thân cận thiện hữu cố đắc tín tâm thị danh vi xuất。

do thân gần với bạn lành nên được tín tâm, đây gọi là nổi lên.

以信心故受持讀誦書寫解說十二部經。為眾生故廣宣流布。

đĩ tín tâm cố thọ trì độc tụng thư tả giải thuyết thập nhị bộ Kinh 。 vì chúng sanh cố quảng tuyên lưu bố。

Do tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, sao chép, giải nói mười hai bộ kinh, vì chúng sanh mà lưu bố rộng rãi,

樂於慧施修習智慧。以利根故堅住信慧心無退轉。

lạc ư tuệ thí tu tập trí tuệ 。 dĩ lợi căn cố kiên trụ tín tuệ tâm vô thối chuyển。

ưa thích huệ thí, tu tập trí tuệ, do căn tánh lành lợi nên trụ ở tín tuệ bền lâu, tâm không thối chuyển,

無退轉已即便前進。前進者謂辟支佛。

vô thối chuyển dĩ tức tiện tiền tiến。 tiền tiến giả vị Bích-chi-phật 。

không thối chuyển rồi liền tiến thẳng đến trước, thẳng đến trước đây gọi là Bích-chi-phật, 雖能自渡不及眾生是名為去。如恒河邊第五人也。

tuy năng tự độ bất cập chúng sanh thị danh vi khứ。 như hằng hà biên đệ ngũ nhân dã 。

tuy có thể tự độ nhưng không độ đến chúng sanh, đây gọi là đi. Như người thứ năm bên bờ sông Hằng.

第六人者。發意欲渡生死大河。

đệ lục nhân giả。 phát ý dục độ sanh tử Đại hà。

Người thứ sáu muốn lội qua khỏi sông lớn sanh tử,

斷善根故於中沈沒。親近善友獲得信心。得信心故名之為出。

đoạn thiện căn cố ư trung trầm một。 thân cận thiện hữu hoạch đắc tín tâm。 đắc tín tâm cố danh chi vi xuất。

vì dứt căn lành nên đắm chìm ở trong sông, do thân gần với bạn lành nên được tín tâm, đây gọi là nổi lên,

以信心故受持讀誦書寫解說十二部經。

dĩ tín tâm cố thọ trì đọc tụng thư tả giải thuyết thập nhị bộ Kinh 。

do tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, sao chép, giải nói mười hai bộ kinh,

為眾生故廣宣流布。樂於惠施修習智慧。

vị chúng sanh cố quảng tuyên lưu bố。 lạc ư huệ thí tu tập trí tuệ 。

rồi vì chúng sanh mà lưu bố rộng rãi, ưa thích huệ thí, tu tập trí tuệ.

以利根故堅住信慧心無退轉。

dĩ lợi căn cố kiên trụ tín tuệ tâm vô thối chuyển。

Do căn tánh lạnh lợi nên trụ ở tín tuệ bền lâu, tâm không thối chuyển,

無退轉已即復前進遂到淺處。到淺處已即住不去。

vô thối chuyển dĩ tức phục tiền tiến toại đáo thiện xứ。 đáo thiện xứ dĩ tức trụ bất khứ。

không thối chuyển xong liền thẳng đến trước gặp chỗ cạn, đến chỗ cạn xong liền đứng

không đi nữa,

住不去者所謂菩薩。為欲度脫諸眾生故住觀煩惱。

trụ bất khứ giả sở vị Bồ-tát。 vì dục độ thoát chư chúng sanh cố trụ quán phiền não 。

đứng không đi này gọi là Bồ-tát, vì muốn hóa độ chúng sanh nên dừng trụ để quán sát
phiền não,

如恒河邊第六人也。第七人者。

như hằng hà biên đệ lục nhân dã 。

đệ thất nhân giả。 như người thứ sáu bên bờ sông Hằng. Người thứ bảy

發意欲渡生死大河。斷善根故於中沈沒。

phát ý dục độ sanh tử đại hà。 đoạn thiện căn cố ư trung trầm một。

muốn lợi qua khỏi sông lớn sanh tử, vì dứt căn lành nên đắm chìm ở trong sông,

親近善友獲得信心。得信心已是名為出。

thân cận thiện hữu hoạch đắc tín tâm。 đắc tín tâm dĩ thị danh vi xuất。

nhờ thân gần bạn lành nên được tín tâm, được tín tâm rồi gọi là nổi lên,

以信心故受持讀誦書寫解說十二部經。為眾生故廣宣流布。

dĩ tín tâm cố thọ trì đọc tụng thư tả giải thuyết thập nhị bộ Kinh 。

vị chúng sanh cố quảng tuyên lưu bố。

do tín tâm nên thọ trì, đọc tụng, sao chép, giải nói mười hai bộ kinh,

vì chúng sanh mà lưu bố rộng rãi, ,

樂於惠施修習智慧。以利根故堅住信慧心無退轉。

lạc ư huệ thí tu tập trí tuệ 。 dĩ lợi căn cố kiên trụ tín tuệ tâm vô thối chuyển。

ư thích huệ thí, tu tập trí tuệ. Do căn tánh lanh lợi nên trụ ở tín tuệ bền lâu, tâm không thối chuyển

無退轉已即便前進既前進已得到彼岸登大高山。離諸恐怖多受安樂。

vô thối chuyển dĩ tức tiện tiền tiến ký tiền tiến dĩ đắc đáo bỉ ngạn đặng đại cao sơn。 ly chư khủng phổ đa thọ an lạc。

tâm không thối chuyển xong liền thẳng đến trước, tiến rồi được đến bờ bên kia, leo lên núi cao lớn, xa lìa sợ hãi, được nhiều an vui.

善男子。彼岸山者喻於如來。受安樂者喻佛常住。

thiện nam tử 。 bỉ ngạn sơn giả dụ ư Như Lai。 thọ an lạc giả dụ Phật thường trụ。

Này thiện nam tử! Núi cao bên bờ kia dụ cho Như Lai, thọ an lạc ấy dụ cho Phật thường trụ。

大高山者喻大涅槃。善男子。

Đại cao sơn giả dụ Đại Niết-bàn。 thiện nam tử 。

Núi cao lớn ấy dụ cho Đại Niết-bàn. Này thiện nam tử!

是恒河邊如是諸人。悉具手足而不能渡。

thị hằng hà biên như thị chư nhân。 tất cụ thủ túc nhi bất năng độ。

Những người bên bờ sông Hằng ấy đều có đủ tay chân, nhưng không thể vượt qua được。

一切眾生亦復如是。實有佛寶法寶僧寶。如來常說諸法要義。

nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị。 thật hữu Phật bảo Pháp bảo Tăng bảo。 Như Lai thường thuyết chư Pháp yếu nghĩa。

Hết thầy chúng sanh cũng lại như vậy, thật có Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo, có Như Lai thường nói pháp yếu nghĩa,

有八聖道大般涅槃。而諸眾生悉不能得。

hữu bát Thánh đạo Đại Bát Niết-bàn 。 nhi chư chúng sanh tất bất năng đắc。

có tám Thánh đạo, có Đại Bát Niết-bàn mà các chúng sanh đều không thể được, 此非我咎亦非聖道。眾生等過。

thử phi ngã cửu diệc phi Thánh đạo。 chúng sanh đẳng quá。

đây không phải lỗi ở Ta, không phải lỗi ở Thánh đạo, lỗi của các chúng sanh

當知悉是煩惱過惡。以是義故。一切眾生不得涅槃。善男子。

đương tri tất thị phiền não quá ác 。 dĩ thị nghĩa cố. nhất thiết chúng sanh bất đắc Niết-bàn. thiện nam tử 。

mà phải biết rằng đều là lỗi của phiền não xấu ác. Do nghĩa này nên hết thảy chúng sanh không được Đại Niết-bàn. Này thiện nam tử!

譬如良醫知病說藥。病者不服非醫咎也。

thí như lương y tri bệnh thuyết dược。 bệnh giả bất phục phi y cứu dã 。

Thí như vị lương y biết rõ bệnh nói phương thuốc, người bệnh không chịu uống, đây không phải lỗi của lương y.

善男子。如有施主以其所有施一切人。

thiện nam tử 。

như hữu thí chủ dĩ kỳ sở hữu thí nhất thiết nhân。 Này thiện nam tử! Thí như có người thí chủ, đem tiền của để bố thí cho mọi người, 有不受者非施主咎。善男子。譬如日出幽冥皆明。

hữu bất thọ giả phi thí chủ cứu。 thiện nam tử 。

thí như nhật xuất u minh giai minh。 có người không chịu nhận lấy thời không phải lỗi của người thí chủ. Này thiện nam tử! Thí như mặt trời xuất hiện thời các chỗ tối tăm đều được sáng.

盲瞽之人不見道路非日過也。善男子。

manh cổ chi nhân bất kiến đạo lộ phi nhật quá dã. thiện nam tử 。

Người mù không thấy đường sá không phải lỗi của mặt trời. Này thiện nam tử!

如恒河水能除渴乏。渴者不飲非水咎也。善男子。

như Hằng hà thủy năng trừ khát phạp。 khát giả bất ẩm phi thủy cứu dã 。

thiện nam tử 。

Như nước sông Hằng có thể trừ sự khát nước. Người bị khát mà không chịu uống, đây không phải lỗi của nước vậy. Này thiện nam tử!

譬如大地普生果實平等無二。

thí như đại địa phổ sanh quả thật bình đẳng vô nhị 。

Thí như quả đất lớn bình đẳng nuôi sống tất cả cây cỏ không có hai, 農夫不種非地過也。善男子。

nông phu bất chủng phi địa quá dã。 thiện nam tử 。

Người nông phu không gieo trồng, đây không phải lỗi của mặt đất vậy. Này thiện nam tử!
如來普為一切眾生廣開分別十二部經。眾生不受非如來咎。善男子。

Như Lai phổ vị nhất thiết chúng sanh quảng khai phân biệt thập nhị bộ Kinh 。 chúng sanh bất thọ phi Như Lai cứu。 thiện nam tử 。

Như Lai khắp vì tất cả chúng sanh mà mở bày phân biệt mười hai bộ kinh, chúng sanh không chịu thọ học, không phải lỗi của Như Lai. Nay thiện nam tử!

若修道者即得阿耨多羅三藐三菩提。善男子。

nhược tu đạo giả tức đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Nếu người tu tập Thánh đạo liền được Vô Thượng Bồ-đề. Nay thiện nam tử!

汝言眾生悉有佛性。

nhữ ngôn chúng sanh tất hữu Phật tánh。

Ông nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh

應得阿耨多羅三藐三菩提如磁石者。善哉善哉。

ứng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề như từ thạch giả。 Thiện tai Thiện tai。

nên được Vô Thượng Bồ-đề như đá nam châm hút sắt. Lành thay! Lành thay!

以有佛性因緣力故得阿耨多羅三藐三菩提。

dĩ hữu Phật tánh nhân duyên lực cố đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

Do có năng lực nhân duyên của Phật tánh nên được Vô Thượng Bồ-đề.

若言不須修聖道者。是義不然。善男子。

nhược ngôn bất tu tu Thánh đạo giả。 thị nghĩa bất nhiên。 thiện nam tử 。

Nhưng nếu nói rằng người này không cần tu Thánh đạo, thời nghĩa này không đúng. Nay thiện nam tử!

譬如有人行於曠野渴乏遇井。其井幽深雖不見水當知必有。

thí như hữu nhân hành ư khoáng dã khát phạp ngộ tỉnh。 kỳ tỉnh u thâm tuy bất kiến thủy đương tri tất hữu。

Thí như có người bị khát nước đi vào trong đồng trống gặp được giếng nước. Giếng này sâu thăm tuy không thấy được nước, nhưng phải biết rằng ắt có nước.

是人方便求覓罐綆汲取則見。

thị nhân phương tiện cầu mịch quán cảnh cấp thủ tắc kiến。

Người này bèn đi tìm dây gầu kéo nước lên thời thấy được nước.

佛性亦爾一切眾生雖復有之。要須修習無漏聖道然後得見。

Phật tánh diệc nhĩ nhất thiết chúng sanh tuy phục hữu chi。 yếu tu tu tập vô lậu Thánh đạo nhiên hậu đắc kiến。

Phật tánh cũng vậy, tất cả chúng sanh mặc tuy đều có nhưng cần phải tu tập vô lậu Thánh đạo rồi sau mới thấy được.

善男子。如有胡麻則得見油。

thiện nam tử 。 như hữu hồ ma tắc đắc kiến du。

Này thiện nam tử! Như có hạt mè thời mới thấy được tuy,

離諸方便則不得見。甘蔗亦爾。善男子。

ly chư phương tiện tắc bất đắc kiến。 cam giá diệp nhĩ。 thiện nam tử 。

rời bỏ phương tiện phương thời không thấy được. Nơi cây mía thấy đường cũng như vậy.

Này thiện nam tử!

如三十三天北鬱單越。雖是有法若無善業神通力則不能見。

như tam thập tam Thiên Bắc Uất Đan Việt。 tuy thị hữu Pháp nhược vô thiện nghiệp Thần thông đạo lực tắc bất 。

Như cõi Trời thứ ba mươi ba và Bắc Uất-đơn-việt, tuy là có nhưng nếu không có nghiệp lành, không có năng lực thần thông hoặc đạo lực thời không thể thấy được, 地中草根及地下水。以地覆故眾生不見。

năng kiến。 địa trung thảo căn cập địa hạ thủy。 dĩ địa phúc cố chúng sanh bất kiến。

như rễ cỏ trong đất, như mạch nước dưới đất, do đất che phủ nên chúng sanh không thấy.

佛性亦爾不修聖道故不得見。善男子。

Phật tánh diệp nhĩ bất tu Thánh đạo cố bất đắc kiến。 thiện nam tử 。

Phật tánh cũng vậy, vì không tu Thánh đạo nên không thấy được. Này thiện nam tử!

如汝所說世有病人。

như nhữ sở thuyết thế hữu bệnh nhân。

Như lời ông nói, ở đời có người bị bệnh,

若遇瞻病良醫好藥隨病飲食。及以不遇悉得差者。善男子。

nhược ngộ chiêm bệnh lương y hảo dược tùy bệnh ẩm thực。 cập dĩ bất ngộ tất đắc sai giả。 thiện nam tử 。

nếu gặp gặp được lương y xem bệnh, thuốc hay, người khám bệnh giỏi, ăn uống đúng cách, nếu không gặp đều được lành mạnh. Này thiện nam tử!

我為六住諸菩薩等說如是義。善男子。

ngã vị lục trụ chư Bồ-tát đẳng thuyết như thị nghĩa。 thiện nam tử 。

Ta vì các vị Bồ-tát bậc Lục Trụ mà nói nghĩa như vậy. Này thiện nam tử!

譬如虛空於諸眾生非內非外。非內外故亦無罣礙。

thí như hư không ư chư chúng sanh phi nội phi ngoại。 phi nội ngoại cố diệc vô quái ngại。

Thí như hư không đối với chúng sanh, nó không ở trong, không ở ngoài, vì không phải trong ngoài nên cũng không trở ngại.

眾生佛性亦復如是。善男子。

chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị。 thiện nam tử 。

Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử!

譬如有人財在異方雖不現前隨意受用。有人問之則言我許。

thí như hữu nhân tài tại dị phương tuy bất hiện tiền tùy ý thọ dụng。 hữu nhân vấn chi tắc ngôn ngã hứa。

Thí như có người để của cải ở phương khác, tuy của cải không hiện có, nhưng người này vẫn tùy ý thọ dụng. Có người hỏi thì liền nói rằng tôi hứa cho.

何以故.以定有故。眾生佛性亦復如是。

hà dĩ cố dĩ định hữu cố。 chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị。

Vì sao vậy? Vì người này quyết định có của cải vậy. Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy,

非此非彼以定得故言一切有。善男子。

phi thử phi bỉ dĩ định đắc cố ngôn nhất thiết hữu。 thiện nam tử 。

không phải đây, không phải kia, do quyết định được nên Ta nói tất cả chúng sanh đều có.

Nay thiện nam tử!

譬如眾生造作諸業若善若惡非內非外。

thí như chúng sanh tạo tác chư nghiệp nhưc thiện nhưc ác phi nội phi ngoại。

Thí như chúng sanh gây tạo các nghiệp, hoặc lành hoặc dữ, không phải trong, không phải ngoài,

如是業性非有非無。亦復非是本無今有。非無因出。

như thị nghiệp tánh phi hữu phi vô。 diệc phục phi thị bản vô kim hữu。 phi vô nhân xuất。

nghiệp tánh này không phải có, không phải không, không phải xưa không mà nay có, không phải không nhân mà có ra,

非此作此受此作彼受。彼作彼受無作無受。

phi thử tác thử thọ thử tác bỉ thọ. bỉ tác bỉ thọ vô tác thị cố.
không phải đây làm, đây thọ nhận, không phải đây làm kia thọ nhận, không phải kia làm
mà kia thọ nhận, nghiệp tánh này không tác giả, không thọ giả,

時節和合而得果報。眾生佛性亦復如是。

thời tiết hòa hợp nhi đắc quả báo 。 chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị.
lúc thời tiết hòa hợp thì được quả báo. Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy,
亦復非是本無今有。非內非外非有非無非此非彼。

diệc phục phi thị bốn vô kim hữu. phi nội phi ngoại phi hữu phi vô phi thử phi bỉ.
cũng lại không xưa không mà nay có, không phải không, không phải ngoài, không phải
có, không phải không, không phải đây không phải kia,
非餘處來非無因緣。亦非一切眾生不見。

phi dư xử lai phi vô nhân duyên. diệc phi nhất thiết chúng sanh bất kiến.
không phải từ nơi khác đến, không phải không có nhân duyên, cũng không phải tất cả
chúng sanh không thấy.

有諸菩薩時節因緣和合得見。時節者所謂十住菩薩

hữu chư Bồ-tát thời tiết nhân duyên hòa hợp đắc kiến thời tiết giả sở vị thập trụ Bồ-tát
Có các vị Bồ-tát đủ thời tiết nhân duyên hòa hợp thời thấy được. Thời tiết đây là nói Bồ-tát
Thập Trụ.

摩訶薩修八聖道。於諸眾生得平等心。

Ma-ha tát tu bát Thánh đạo. ư chư chúng sanh đắc bình đẳng tâm.

Đại Bồ Tát này tu tám Thánh đạo, đối với các chúng sanh được tâm bình đẳng,
爾時得見不名為作。善男子。汝言如磁石者。

nhĩ thời đắc kiến bất danh vi tác. thiện nam tử. như ngôn như từ thạch giả.
lúc bấy giờ thấy được Phật tánh thời không gọi là tạo tác. Này thiện nam tử! Như lời ông
nói như đá nam châm hút sắt ấy,

是義不然。何以故石不吸鐵。所以者何無心業故。

thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố thạch bất hấp thiết. sở dĩ giả hà vô tâm nghiệp cố.
nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Vì đá không thể hút sắt. Bởi đá ấy không có tâm
nghiệp.

善男子。異法有故異法出生。

thiện nam tử. dị Pháp hữu cố dị Pháp xuất sanh.

Này thiện nam tử! Do pháp này có nên pháp kia sanh ra,
 異法無故異法滅壞。無有作者無有壞者。善男子。
 dị Pháp vô cố dị Pháp diệt hoại。 vô hữu tác giả vô hữu hoại giả。 thiện nam tử 。

Do pháp này không nên pháp kia hoại diệt, không có tác giả cũng không có hoại giả. Này thiện nam tử!
 猶如猛火不能焚薪。火出薪壞名為焚薪。善男子。
 do như mãnh hỏa bất năng phần tân。 hỏa xuất tân hoại danh vi phần tân thiện nam tử 。

Giống như ngọn lửa mạnh không thể đốt cháy củi. Lửa ra khỏi, củi hư hoại gọi là cháy củi.
 Này thiện nam tử!
 譬如葵藿隨日而轉。
 thí như quỳ hoắc tùy nhật nhi chuyển。
 Thí như bông quỳ xoay theo mặt trời,
 而是葵藿亦無敬心無識無業。異法性故而自迴轉。善男子。
 nhi thị quỳ hoắc diệc vô kính tâm vô thức vô nghiệp。 dị Pháp tánh cố nhi tự hồi chuyển。
 thiện nam tử 。

tuy bông này xoay theo mặt trời nhưng không có tâm cung kính, không có thức, không có nghiệp, vì tánh chất riêng của nó mà tự xoay chuyển. Này thiện nam tử!
 如芭蕉樹因雷增長。是樹無耳無心意識。
 như ba tiêu thụ nhân lôi tăng trưởng 。

thị thụ vô nhĩ vô tâm ý thức。
 Như cây chuối do sấm chớp mà tăng trưởng. Cây này không có tai, không có tâm và ý thức,
 異法有故異法增長。異法無故異法滅壞。善男子。
 dị Pháp hữu cố dị Pháp tăng trưởng 。

dị Pháp vô cố dị Pháp diệt hoại。 thiện nam tử 。

mà vì có pháp này nên có pháp kia tăng trưởng, vì pháp này không nên pháp kia hư hoại.
 Này thiện nam tử!
 如阿叔迦樹。女人摩觸花為之出。是樹無心亦無覺觸。
 như a thúc ca thụ。 nữ nhân ma xúc hoa vi chi xuất。 thị thụ vô tâm diệc vô giác xúc。
 Như cây A-thúc-ca, người nữ đụng đến thời cây này trở hoa. Cây đó không có tâm ý cũng không có giác xúc,
 異法有故異法出生。異法無故異法滅壞。
 dị Pháp hữu cố dị Pháp xuất sanh。 dị Pháp vô cố dị Pháp diệt hoại。

mà vì có pháp này nên pháp kia sanh ra, vì pháp này không nên pháp kia hư hoại.
善男子。如橘得尸果則滋多。

thiện nam tử 。 như quất đắc thi quả tắc tư đa.

Này thiện nam tử! Như cây quýt được bón thây chết thời quả thêm nhiều.

而是橘樹無心無觸。異法有故異法滋多。異法無故異法滅壞。

nhi thị quất thụ vô tâm vô xúc。 dị Pháp hữu cố dị Pháp tư đa. dị Pháp vô cố dị Pháp diệt
hoại。

Cây quýt này không có tâm ý, không có xúc giác mà là vì có pháp này nên pháp kia nhiều
thêm, vì pháp này không nên pháp kia hư hoại.

善男子。如安石榴塼骨糞故果實繁茂。

thiện nam tử 。 như an thạch lưu chuyên cốt phần cố quả thật phồn mậu。

Này thiện nam tử! Như cây An-thạch-lưu do phân xương cốt thời trái nhiều thêm.

安石榴樹亦無心觸。異法有故異法出生。

an thạch lưu thụ diệc vô tâm xúc。 dị Pháp hữu cố dị Pháp xuất sanh。

Cây An-thạch-lưu này cũng không có tâm ý và giác xúc, mà vì có pháp này nên pháp kia
sanh ra,

異法無故異法滅壞。善男子。磁石吸鐵亦復如是。

dị Pháp vô cố dị Pháp diệt hoại。 thiện nam tử 。 từ thạch hấp thiết diệc phục như thị。

vì pháp này không nên pháp kia hư hoại. Này thiện nam tử! Như đá nam châm hút sắt
cũng lại như vậy,

異法有故異法出生。異法無故異法滅壞。

dị Pháp hữu cố dị Pháp xuất sanh。 dị Pháp vô cố dị Pháp diệt hoại。

do pháp này có nên pháp kia sanh ra, do pháp này không nên pháp kia hư hoại.

眾生佛性亦復如是。

chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị。

Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy,

不能吸得阿耨多羅三藐三菩提。善男子。無明不能吸取諸行。

bất năng hấp đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 thiện nam tử 。 vô minh bất năng
hấp thủ chư hành。

không thể đến được Vô Thượng Bồ-đề. Này thiện nam tử! Vô minh không thể hút lấy các
hành,

行亦不能吸取識也。亦得名為無明緣行行緣於識。

hành diệc bất năng hấp thủ thức dã 。 diệc đắc danh vi vô minh duyên hành hành duyên ư thức。

các hành cũng không thể hút lấy thức, tuy vậy nhưng cũng gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức.

有佛無佛法界常住。

hữu Phật vô Phật Pháp giới thường trụ 。

Có Phật hay không Phật, Pháp giới vẫn thường trụ.

善男子。若言佛性住眾生中者。善男子。

thiện nam tử 。

nhược ngôn Phật tánh trụ chúng sanh trung giả。 thiện nam tử 。

Này thiện nam tử! Nếu nói rằng Phật tánh ở trong chúng sanh. Này thiện nam tử!

常法無住若有住處即是無常。善男子。

thường Pháp vô trụ nhược hữu trụ xứ tức thị vô thường 。

thiện nam tử 。

Pháp thường hằng là không chỗ trụ ở, nếu có chỗ trụ ở thời đó là vô thường. Này thiện nam tử!

如十二因緣無定住處。若有住處十二因緣不得名常。

như thập nhị nhân duyên vô định trụ xứ。 nhược hữu trụ xứ thập nhị nhân duyên bất đắc danh thường。

Như mười hai nhân duyên không chỗ ở nhất định, nếu có chỗ ở nhất định thời mười hai nhân duyên không được gọi là thường.

如來法身亦無住處。

Như Lai Pháp thân diệc vô trụ xứ。

Như Lai Pháp thân cũng không chỗ ở.

法界法入法陰虛空悉無住處。佛性亦爾都無住處。善男子。

Pháp giới Pháp nhập Pháp ấm hư không tất vô trụ xứ。 Phật tánh diệc nhĩ đô vô trụ xứ thiện nam tử 。

Pháp giới, pháp nhập, pháp ấm, hư không hết thảy đều không chỗ ở. Phật tánh cũng vậy, đều không chỗ ở. Này thiện nam tử!

譬如四大力雖均等。有堅有熱有濕有動。

thí như tứ Đại lực tuy quân đẳng。 hữu kiên hữu nhiệt hữu thấp hữu động。

Thí như bốn đại, lực của nó tuy quân bình, nhưng có cứng, có nóng, có ướt, có động,

有重有輕有赤有白有黃有黑。而是四大亦無有業。

hữu trọng hữu khinh hữu xích hữu bạch hữu hoàng hữu hắc。 nhi thị tứ Đại diệc vô hữu nghiệp。

có nặng, có nhẹ, có đỏ, có trắng, có vàng, có đen mà bốn đại cũng không có nghiệp.
異法界故各不相似。

dị Pháp giới cố các bất tương tự。

khác Pháp giới đều không tương giống như。

Vì pháp giới khác nên đều không giống nhau.

佛性亦爾異法界故時至則現。善男子。

Phật tánh diệc nhĩ dị Pháp giới cố thời chí tắc hiện。 thiện nam tử 。

Phật tánh cũng như vậy, vì pháp giới khác nên đúng thời liền hiện hữu. Này thiện nam tử!
一切眾生不退佛性故名之為有。阿毘跋致故以當有故。

nhất thiết chúng sanh bất thối Phật tánh cố danh chi vi hữu。 A tì bạt trí cố dĩ đương hữu cố。

Phật tánh của tất cả chúng sanh đều không thối giảm nên gọi là có, vì bất thối chuyển, vì sẽ có,

決定得故定當見故。是故名為一切眾生悉有佛性。善男子。

quyết định đắc cố định đương kiến cố。 thị cố danh vi nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh。 thiện nam tử 。

vì quyết định được, vì quyết định sẽ thấy. Vì thế gọi là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Này thiện nam tử!

譬如有王告一大臣。汝牽一象以示盲者。

thí như hữu Vương cáo nhất Đại Thần。 nữ khiên nhất tượng dĩ kì manh giả。

Thí như có đức Vua bảo với một Đại thần rằng: người dắt một con voi đem chỉ cho người mù.

爾時大臣受王勅已。多集眾盲以象示之。

nhĩ thời Đại Thần thọ Vương sắc dĩ。 đa tập chúng manh dĩ tượng kì chi。

Lúc bấy giờ vị Đại thần nghe lời dạy của đức vua, tập hợp những người mù lại rồi dùng voi để chỉ.

時彼眾盲各以手觸。大臣即還而白王言。

thời bỉ chúng manh các dĩ thủ xúc。 Đại Thần tức hoàn nhi bạch Vương ngôn。

Lúc ấy, những người mù lấy tay để sờ voi. Vị Đại thần liền trở về tâu lại vua rằng:
臣已示竟。爾時大王。即喚眾盲各各問言。汝見象耶。

Thần dĩ kì cánh. nhĩ thời Đại Vương. tức hoán chúng manh các các vấn ngôn. nhữ kiến tượng da.

Thần đã làm xong. Lúc bấy giờ Đại vương kêu hết những người mù lại hỏi riêng từng người rằng: Các người đã thấy voi chằng?

眾盲各言。我已得見。王言。象為何類。

chúng manh các ngôn. ngã dĩ đắc kiến. Vương ngôn. tượng vi hà loại.

Những người mù đều trả lời rằng: Tôi đã thấy được voi. Vua nói: Con voi hình dạng thế nào?

其觸牙者即言象形如蘆菹根。其觸耳者言象如箕。

kỳ xúc nha giả tức ngôn tượng hình như lô bạc căn. kỳ xúc nhĩ giả ngôn tượng như ky.

Người sờ trúnng ngà voi liền nói rằng hình voi giống như củ cải. Người sờ trúnng tai nói voi giống như cái nia.

其觸頭者言象如石。其觸鼻者言象如杵。

kỳ xúc đầu giả ngôn tượng như thạch. kỳ xúc tỳ giả ngôn tượng như xử.

Người sờ trúnng đầu nói voi giống khối đá. Người sờ trúnng mũi nói voi giống cái chày.

其觸脚者言象如木臼。其觸脊者言象如床。

kỳ xúc cước giả ngôn tượng như mộc cữu. kỳ xúc tích giả ngôn tượng như sàng.

Người sờ trúnng chân nói voi giống cái cối gỗ. Người sờ trúnng lưng nói voi giống cái giường.

其觸腹者言象如甕。其觸尾者言象如繩。

kỳ xúc phúc giả ngôn tượng như úng. kỳ xúc vĩ giả ngôn tượng như thằng.

Người sờ trúnng bụng nói voi giống như cái lu. Người sờ trúnng đuôi nói voi giống như sợi dây.

善男子。如彼眾盲不說象體亦非不說。

thiện nam tử 。 như bỉ chúng manh bất thuyết tượng thể diệc phi bất thuyết。

Này thiện nam tử! Những người mù kia không nói đúng thân hình của voi, nhưng cũng không phải là không nói.

若是眾相悉非象者。離是之外更無別象。善男子。

nhược thị chúng tướng tất phi tượng giả. ly thị chi ngoại canh vô biệt tượng. thiện nam tử 。

Những hình tướng đó đều không phải là hình voi, nhưng rời ngoài những tướng này liền không có voi. Nay thiện nam tử!

王喻如來正遍知也。臣喻方等大涅槃經。

Vương dụ Như Lai Chánh-biến-tri dã 。 Thần dụ phương đẳng Đại Niết-bàn Kinh.

Đức Vua là dụ cho Như Lai Chánh Biến Tri. Đại thần dụ cho Kinh Phương đẳng Đại Niết-bàn.

象喻佛性。盲喻一切無明眾生。是諸眾生聞佛說已。

tượng dụ Phật tánh. manh dụ nhất thiết vô minh chúng sanh. thị chư chúng sanh văn Phật thuyết dĩ.

Voi là dụ cho Phật tánh. Người mù là dụ cho tất cả chúng sanh vô minh. Những chúng sanh này nghe Phật nói xong

或作是言色是佛性。何以故。

hoặc tác thị ngôn sắc thị Phật tánh. hà dĩ cố.

hoặc có người nói rằng sắc là Phật tánh. Vì sao vậy?

是色雖滅次第相續。

thị sắc tuy diệt thứ đệ tương tục.

Vì sắc này tuy bị hoại diệt nhưng vẫn lần lượt tương tục,

是故獲得無上如來三十二相如來色常。如來色者常不斷故。是故說色名為佛性。

thị cố hoạch đắc vô thượng Như Lai tam thập nhị tướng Như Lai sắc thường. Như Lai sắc giả thường bất đoạn cố. thị cố thuyết sắc danh vi Phật tánh.

dô đây nên được ba mươi hai tướng tốt Vô thượng của Như Lai. Sắc tướng của Như Lai là thường hằng. Vì sắc tướng của Như Lai là thường hằng không dứt nên vậy nói sắc là Phật tánh.

譬如真金質雖遷變色常不異。

thí như chân kim chất tuy Thiên biến sắc thường bất dị.

Thí như vàng thật, chất vàng tuy có thay đổi nhưng màu sắc vẫn thường không đổi khác, hoặc thời tác釧作鍔作盤。然其黃色初無改易。

hoặc thời tác xuyên tác [kim *ti] tác bàn. nhiên kỳ hoàng sắc sơ vô cải dịch.

hoặc khi làm vòng, làm roi, làm mâm, màu vàng vẫn như ban đầu không thay đổi.

眾生佛性亦復如是質雖無常而色是常。

chúng sanh Phật tánh diệt phục như thị chất tuy vô thường nhi sắc thị thường.

Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy, tánh chất tuy vô thường nhưng sắc là thường.
以是故說色為佛性。或有說言受是佛性。何以故。

dĩ thị cố thuyết sắc vi Phật tánh. hoặc hữu thuyết ngôn thọ thị Phật tánh. hà dĩ cố.
Vi thể nói sắc là Phật tánh, hoặc có người nói rằng thọ là Phật tánh. Vì sao vậy?
受因緣故獲得如來真實之樂。

thọ nhân duyên cố hoạch đắc Như Lai chân thật chi lạc。

Vi do thọ nên được lạc chân thật của Như Lai.

如來受者謂畢竟受第一義受。眾生受性雖復無常。

Như Lai thọ giả vị tất cánh thọ đệ nhất nghĩa thọ. chúng sanh thọ tánh tuy phục vô thường。

Thọ của Như Lai gọi là thọ rốt ráo, là thọ Đệ nhất nghĩa. Tánh thọ của chúng sanh tuy là vô thường

然其次第相續不斷。是故獲得如來常受。

nhiên kỳ thứ đệ tương tục bất đoạn. thị cố hoạch đắc Như Lai thường thọ.

nhưng thọ này thời lần lượt tương tục không gián đoạn. Vì thế nên được thọ lạc chân thường của Như Lai.

譬如有人姓憍尸迦。人雖無常而姓是常。經千萬世無有改易。

thí như hữu nhân tính Kiêu-thi-ca. nhân tuy vô thường nhi tính thị thường. Kinh thiên vạn thế vô hữu cải dịch。

Thí như có người họ là Kiêu-thi-ca. Thân người này tuy vô thường nhưng họ là thường, trải qua ngàn vạn đời cũng không thay đổi.

眾生佛性亦復如是。以是故說受為佛性。

chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. dĩ thị cố thuyết thọ vi Phật tánh。

Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy, vì thế nói thọ là Phật tánh.

又有說言想是佛性。何以故。

hựu hữu thuyết ngôn tưởng thị Phật tánh. hà dĩ cố。

Lại có người nói rằng tưởng là Phật tánh. Vì sao vậy?

想因緣故獲得如來真實之想。如來想者名無想想。

tưởng nhân duyên cố hoạch đắc Như Lai chân thật chi tưởng. Như Lai tưởng giả danh vô tưởng tưởng。

Vì do tưởng mà được tưởng chân thật của Như Lai. Như Lai tưởng ấy gọi là vô tưởng tưởng.

無想想者非眾生想非男女想。

vô tưởng tưởng giả phi chúng sanh tưởng phi nam nữ tưởng。

Vô tưởng tưởng ấy không phải tưởng của chúng sanh, không phải tưởng của nam nữ, 亦非色受想行識想非想斷想。眾生之想。雖復無常。

diệt phi sắc thọ tưởng hành thức tưởng phi tưởng đoạn tưởng。 chúng sanh chi tưởng tuy phục vô thường 。

không phải tưởng trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không phải tâm tưởng, đoạn tưởng như tưởng của chúng sanh. Tuy tưởng này lại vô thường

以想次第相續不斷。故得如來常恒之想。善男子。

dĩ tưởng thứ đệ tương tục bất đoạn。 cố đắc Như Lai thường hằng chi tưởng。 thiện nam tử 。

nhưng do lần lượt tương tục nên được tưởng thường hằng của Như Lai. Nay thiện nam tử! 譬如眾生十二因緣。眾生雖滅而因緣常。

thí như chúng sanh thập nhị nhân duyên。 chúng sanh tuy diệt nhi nhân duyên thường。

Thí như mười hai nhân duyên của chúng sanh, chúng sanh tuy diệt mà nhân duyên vẫn thường.

眾生佛性亦復如是。以是故說想為佛性。

chúng sanh Phật tánh diệt phục như thị。 dĩ thị cố thuyết tưởng vi Phật tánh。

Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy, do đây mà nói tưởng là Phật tánh.

又有說言行為佛性。何以故。行名壽命。壽因緣故。

hựu hữu thuyết ngôn hành vi Phật tánh。 hà dĩ cố。 hành danh thọ mạng thọ nhân duyên cố。

Lại có người nói rằng Hành là Phật tánh. Vì sao vậy? Vì Hành gọi là thọ mạng. Do thọ mạng làm nhân duyên nên

獲得如來常住壽命。眾生壽命雖復無常。

hoạch đắc Như Lai thường trụ thọ mạng。 chúng sanh thọ mạng tuy phục vô thường.

được thọ mạng thường trụ của Như Lai. Thọ mạng của chúng sanh tuy lại vô thường

而壽次第相續不斷。故得如來真實常壽。善男子。

nhi thọ thứ đệ tương tục bất đoạn。 cố đức Như Lai chân thật thường thọ。 thiện nam tử
。

nhưng vì thọ mạng lần lượt tương tục không gián đoạn, nên được thọ mạng chân thường
của Như Lai. Nay thiện nam tử!

譬如十二部經。聽者說者雖復無常。

thí như thập nhị bộ Kinh 。 thính giả thuyết giả tuy phục vô thường 。

Thí như mười hai bộ kinh, người nghe, người nói tuy lại vô thường,

而是經典常存不變。眾生佛性亦復如是。

nhi thị Kinh điển thường tồn bất biến。 chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị。

nhưng kinh điển thì thường còn không thay đổi. Phật tánh của chúng sanh cũng lại như
vậy,

以是故說行為佛性。又有說言識為佛性。

dĩ thị cố thuyết hành vi Phật tánh。 hựu hữu thuyết ngôn thức vi Phật tánh。

do đây mà nói Hành là Phật tánh. Lại có người nói rằng Thức là Phật tánh.

識因緣故獲得如來平等之心。眾生意識雖復無常。

thức nhân duyên cố hoạch đức Như Lai bình đẳng chi tâm。 chúng sanh ý thức tuy phục
vô thường 。

Do thức làm nhân duyên nên được tâm bình đẳng của Như Lai. Ý thức của chúng sanh
tuy lại vô thường

而識次第相續不斷。故得如來真實常心。

nhi thức thứ đệ tương tục bất đoạn。 cố đức Như Lai chân thật thường tâm。

nhưng thức thì lần lượt tương tục không gián đoạn, nên được tâm chân thường của Như
Lai.

如火熱性火雖無常熱非無常。眾生佛性亦復如是。

như hỏa nhiệt tánh hỏa tuy vô thường nhiệt phi vô thường 。

Thí như tánh của lửa là nóng, tuy ngọn lửa là vô thường nhưng tánh nóng không phải vô
thường. Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy,

以是故說識為佛性。又有說言離陰有我我是佛性。

dĩ thị cố thuyết thức vi Phật tánh。 hựu hữu thuyết ngôn ly uẩn hữu ngã ngã thị Phật
tánh。

vì thế nên nói Thức là Phật tánh. Lại có người nói rằng rời năm ấm có ngã, ngã là Phật tánh.

何以故。我因緣故獲得如來八自在我。

hà dĩ cố. ngã nhân duyên cố hoạch đắc Như Lai bát tự tại ngã。

Vì sao vậy? Vì do ngã làm nhân duyên nên được tám tự tại ngã của Như Lai.

有諸外道說言。去來見聞悲喜語說為我。

hữu chư ngoại đạo thuyết ngôn. khứ lai kiến văn bi hỷ ngữ thuyết vi ngã。

Có những người ngoại đạo nói rằng: đi, lại, nghe, buồn, vui, nói năng là ngã.

如是我相雖復無常。而如來我真實是常。善男子。

như thị ngã tướng tuy phục vô thường. nhi Như Lai ngã chân thật thị thường thiện nam tử。

Tướng của Ngã này tuy lại vô thường nhưng ngã chân thật của Như Lai là thường trụ. Nay thiện nam tử!

如陰入界雖復無常而名是常。

như ấm nhập giới tuy phục vô thường nhi danh thị thường。

Như ấm, nhập, giới tuy lại vô thường nhưng vẫn gọi là thường.

眾生佛性亦復如是。善男子。如彼盲人各各說象。

chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. thiện nam tử. như bỉ manh nhân các các thuyết tượng。

Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Như những người mù kia mỗi người tự nói hình tướng của voi,

雖不得實非不說象。說佛性者亦復如是。

tuy bất đắc thật phi bất thuyết tượng. thuyết Phật tánh giả diệc phục như thị。

tuy không đúng thật nhưng đều có nói hình tướng của voi. Người nói về Phật tánh cũng lại như vậy.

非即六法不離六法。善男子。

phi tức lục Pháp bất ly lục Pháp. thiện nam tử。

Phật tánh không phải sáu pháp nhưng cũng không rời sáu pháp. Nay thiện nam tử!

是故我說眾生佛性非色不離色。乃至非我不離我。善男子。

thị cố ngã thuyết chúng sanh Phật tánh phi sắc bất ly sắc. nãi chí phi ngã bất ly ngã. thiện nam tử。

Vì thế, Ta nói Phật tánh của chúng sanh không phải sắc, không phải liạ sắc, hẳn đến không phải ngã, không phải liạ ngã. Nay thiện nam tử!

有諸外道雖說有我而實無我。眾生我者即是五陰。

hữu chư ngoại đạo tuy thuyết hữu ngã nhi thật vô ngã。 chúng sanh ngã giả tức thị ngũ uẩn。

Có người ngoại đạo tuy nói có ngã nhưng thật không có ngã. Ngã của chúng sanh chính là năm ấm,

離陰之外更無別我。善男子。

ly ấm chi ngoại canh vô biệt ngã。 thiện nam tử 。

rời ngoài năm ấm liền không có ngã riêng biệt. Nay thiện nam tử!

譬如莖葉鬚臺合為蓮花。離是之外更無別花。

thí như hành diệp tu đài hợp vi liên hoa。 ly thị chi ngoại canh vô biệt hoa。

Thí như cọng, lá, nhụy, đài hợp lại thành hoa sen, rời ngoài những thứ này không có hoa sen riêng biệt.

眾生我者亦復如是。善男子。譬如牆壁草木和合名之為舍。

chúng sanh ngã giả diệc phục như thị。 thiện nam tử 。

thí như tường bích thảo mộc hòa hợp danh chi vi xá。

Ngã của chúng sanh cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Thí như tường, vách, cỏ cây hòa hợp lại gọi là nhà cửa,

離是之外更無別舍。

ly thị chi ngoại canh vô biệt xá。

liạ ngoài những thứ này ra không có nhà cửa riêng biệt,

如佉陀羅樹波羅奢樹尼拘陀樹鬱曇鉢樹和合為林。

như Khu-đà-la thụ ba la xa thụ ni câu đà thụ uất đàm bát thụ hòa hợp vi lâm。

như cây Khu-đà-la, cây Ba-la-xa, cây Ni-câu-đà, cây Uất-đàm-bát hòa hợp lại thành rừng,

離是之外更無別林。譬如車兵象馬步兵和合為軍。

ly thị chi ngoại canh vô biệt lâm。 thí như xa binh tượng mã bộ binh hòa hợp vi quân。

liạ ngoài những thứ này ra không có rừng riêng biệt. Thí như chiến xa, voi, ngựa, lính bộ

hòa hợp lại thành quân đội,

離是之外更無別軍。譬如五色雜線和合名之為綺。

ly thị chi ngoại canh vô biệt quân。 thí như ngũ sắc tạp tuyến hòa hợp danh chi vi khí。

lia ngoài những thứ này không có quân đội riêng biệt. Thí như chỉ năm màu hợp lại dệt thành vải,

離是之外更無別綺。如四姓和合名為大眾。

ly thị chi ngoại canh vô biệt khí. như tứ tính hòa hợp danh vi Đại chúng。

lia ngoài những thứ này không có vải riêng biệt. Như trong bốn họ hòa hợp lại thành đại chúng,

離是之外更無別眾。眾生我者亦復如是。

ly thị chi ngoại canh vô biệt chúng. chúng sanh ngã giả diệc phục như thị。

lia ngoài những thứ này không có đại chúng riêng biệt. Ngã của chúng sanh cũng lại như vậy,

離五陰外更無別我。善男子。如來常住則名為我。

ly ngũ ấm ngoại canh vô biệt ngã. thiện nam tử. Như Lai thường trụ tắc danh vi ngã。

lia ngoài năm ấm liền không có ngã riêng biệt. Nay thiện nam tử! Như Lai thường trú thời gọi là Ngã.

如來法身無邊無礙不生不滅。

Như Lai Pháp thân vô biên vô ngại bất sanh bất diệt。

Như Lai pháp thân là vô biên, vô ngại, không sanh, không diệt,

得八自在是名為我。眾生真實無如是我及以我所。

đắc bát tự tại thị danh vi ngã. chúng sanh chân thật vô như thị ngã cập dĩ ngã sở。

được tám tự tại, đây gọi là ngã. Chúng sanh thật không có ngã này,

但以必定當得畢竟第一義空故名佛性。善男子。

đãn dĩ tất định đương đắc tất cánh đệ nhất nghĩa không cố danh Phật tánh. thiện nam tử

。

chỉ vì quyết định sẽ được rốt ráo đệ nhất nghĩa không nên gọi là Phật tánh. Nay thiện nam tử!

大慈大悲名為佛性。何以故。

Đại từ Đại bi danh vi Phật tánh. hà dĩ cố。

Đại từ Đại bi gọi là Phật tánh. Vì sao?

大慈大悲常隨菩薩如影隨形。一切眾生必定當得大慈大悲。

Đại từ Đại bi thường tùy Bồ-tát như ảnh tùy hình. nhất thiết chúng sanh tất định đương đắc Đại từ Đại bi。

Đại từ đại bi thường theo Bồ-tát như bóng theo hình. Tất cả chúng sanh ắt hẳn sẽ được đại từ đại bi.

是故說言一切眾生悉有佛性。

thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh.

Vì vậy nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

大慈大悲者名為佛性。佛性者名為如來。

Đại từ Đại bi giả danh vi Phật tánh。 Phật tánh giả danh vi Như Lai。

Đại từ đại bi gọi là Phật tánh。 Phật tánh gọi là Như Lai。

大喜大捨名為佛性。何以故。菩薩摩訶薩若不能捨二十五有。

Đại hỷ Đại xả danh vi Phật tánh。 hà dĩ cố。 Bồ-tát Ma-Ha tát nhược bất năng xả nhị thập ngũ hữu。

Đại hỷ đại xả gọi là Phật tánh。 Vì sao vậy? Vì Đại Bồ-tát nếu không thể xả bỏ hai mươi lăm cõi

則不能得阿耨多羅三藐三菩提。

tắc bất năng đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

thời không thể được Vô Thượng Bồ-đề。

以諸眾生必當得故。是故說言一切眾生悉有佛性。

dĩ chư chúng sanh tất đương đắc cố。 thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh。

Bởi hết thảy chúng sanh ắt sẽ được, vì thế nói rằng hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh。

大喜大捨者即是佛性。佛性者即是如來。

Đại hỷ, Đại xả giả tức thị Phật tánh。 Phật tánh giả tức thị Như Lai。

Đại hỷ, đại xả tức là Phật tánh。 Phật tánh tức là Như Lai。

佛性者名大信心。何以故。

Phật tánh giả danh Đại tín tâm。 hà dĩ cố。

Phật tánh gọi là đại tín tâm。 Vì sao vậy?

以信心故菩薩摩訶薩則能具足檀波羅蜜乃至般若波羅蜜。

dĩ tín tâm cố Bồ-tát Ma-ha tát tắc năng cụ túc Đàn Ba-la-mật nãi chí Bát-nhã Ba-la-mật。

Do tín tâm nên Đại Bồ-tát hay đầy đủ Đàn Ba-la-mật n्हĩn đến Bát-nhã Ba-la-mật。

一切眾生必定當得大信心故。

nhất thiết chúng sanh tất định đương đắc Đại tín tâm cố。
Hết thầy chúng sanh ắt hẳn sẽ được Đại tín tâm,
是故說言一切眾生悉有佛性。大信心者即是佛性。
thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh。 Đại tín tâm giả tức thị Phật
tánh。
vì thế nói rằng hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh. Đại tín tâm chính là Phật tánh.
佛性者即是如來。佛性者名一子地。何以故。
Phật tánh giả tức thị Như Lai。 Phật tánh giả danh nhất tử địa。 hà dĩ cố。
Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh ấy gọi là Nhất tử địa. Vì sao vậy?
以一子地因緣故。菩薩則於一切眾生得平等心。
dĩ nhất tử địa nhân duyên cố。 Bồ-tát tắc ư nhất thiết chúng sanh đắc bình đẳng tâm。
Do Nhất tử địa làm nhân duyên nên Bồ-tát đối với hết thầy chúng sanh được tâm bình
đẳng。
一切眾生必定當得一子地故。
nhất thiết chúng sanh tất định đương đắc nhất tử địa cố。
Tất cả chúng sanh ắt hẳn sẽ được Nhất tử địa
是故說言一切眾生悉有佛性。一子地者即是佛性。
thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh。 nhất tử địa giả tức thị Phật
tánh。
Vì thế, nói rằng hết thầy chúng sanh đều có Phật tánh, Nhất tử địa (Bạc con một) tức là
Phật tánh。
佛性者即是如來。佛性者名第四力。何以故。
Phật tánh giả tức thị Như Lai。 Phật tánh giả danh đệ tứ lực。 hà dĩ cố。
Phật tánh tức Như Lai. Phật tánh gọi là trí lực thứ tư. Vì sao vậy?
以第四力因緣故。菩薩則能教化眾生。
dĩ đệ tứ lực nhân duyên cố。 Bồ-tát tắc năng giáo hóa chúng sanh。
Vì do trí lực thứ tư làm nhân duyên nên Bồ-tát hay giáo hóa chúng sanh。
一切眾生必定當得第四力故。是故說言一切眾生悉有佛性。
nhất thiết chúng sanh tất định đương đắc đệ tứ lực cố。 thị cố thuyết ngôn nhất thiết
chúng sanh tất hữu Phật tánh。

Tất cả chúng sanh ắt hẳn sẽ được trí lực thứ tư, vì vậy nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

第四力者即是佛性。佛性者即是如來。

đệ tứ lực giả tức thị Phật tánh. Phật tánh giả tức thị Như Lai.

Trí lực thứ tư chính là Phật tánh. Phật tánh tức Như Lai.

佛性者名十二因緣。何以故。

Phật tánh giả danh thập nhị nhân duyên。 hà dĩ cố。

Phật tánh gọi là mười hai nhân duyên. Vì sao?

以因緣故如來常住一切眾生定有如是十二因緣。

dĩ nhân duyên cố Như Lai thường trụ nhất thiết chúng sanh định hữu như thị thập nhị nhân duyên。

Vì do nhân duyên nên Như Lai được thường trụ. Hết thầy chúng sanh quyết định có mười hai nhân duyên này.

是故說言一切眾生悉有佛性。十二因緣即是佛性。

thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. thập nhị nhân duyên tức thị Phật tánh。

Vì vậy nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Mười hai nhân duyên tức là Phật tánh.

佛性者即是如來。佛性者名四無礙智。

Phật tánh giả tức thị Như Lai. Phật tánh giả danh tứ vô ngại trí。

Phật tánh tức là Như Lai. Phật tánh ấy gọi là Bốn trí vô ngại.

以四無礙因緣故說字義無礙。字義無礙故能化眾生。

dĩ tứ vô ngại nhân duyên cố thuyết tự nghĩa vô ngại。 tự nghĩa vô ngại cố năng hóa chúng sanh。

Do vì Bốn vô ngại trí làm nhân duyên nên diễn thuyết chữ nghĩa không chướng ngại, chữ nghĩa không chướng ngại nên có thể hóa độ chúng sanh.

四無礙者即是佛性。佛性者即是如來。

tứ vô ngại giả tức thị Phật tánh. Phật tánh giả tức thị Như Lai。

Bốn vô ngại trí ấy tức là Phật tánh. Phật tánh tức là Như Lai.

佛性者名頂三昧。以修如是頂三昧故。

Phật tánh giả danh đỉnh tam-muội. dĩ tu như thị đỉnh tam-muội cố。

Phật tánh ấy gọi là Đảnh tam-muội, do tu Đảnh tam-muội này nên

則能總攝一切佛法。是故說言頂三昧者名為佛性。

tắc năng tổng nhiếp nhất thiết Phật Pháp. thị cố thuyết ngôn đỉnh tam-muội giả danh vi Phật tánh.

có thể tổng nhiếp tất cả Phật pháp, vì thế nói rằng Đảnh tam-muội ấy là Phật tánh.

十住菩薩修是三昧未得具足。

thập trụ Bồ-tát tu thị tam-muội vị đắc cụ túc。

Bồ-tát bậc Thập trụ tu Tam-muội này chưa được đầy đủ,

雖見佛性而不明了。一切眾生必定得故。

tuy kiến Phật tánh nhi bất minh liễu. nhất thiết chúng sanh tất định đắc cố。

tuy thấy Phật tánh nhưng không rõ ràng. Vì hết thấy chúng sanh quyết định sẽ được,

是故說言一切眾生悉有佛性。善男子。如上所說種種諸法。

thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. thiện nam tử. như thượng sở thuyết chủng chủng chư Pháp.

nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nay thiện nam tử! Như các Pháp đã nói ở trên,

一切眾生定當得故。

nhất thiết chúng sanh định đương đắc cố。

vì tất cả chúng sanh quyết định sẽ được,

是故說言一切眾生悉有佛性。善男子。我若說色是佛性者。

thị cố thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. thiện nam tử. ngã nhược thuyết sắc thị Phật tánh giả。

nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nay thiện nam tử! Nếu Ta nói sắc là Phật tánh,

眾生聞已則生邪倒。以邪倒故命終則生阿鼻地獄。

chúng sanh văn dĩ tắc sanh tà đảo. dĩ tà đảo cố mạng chung tắc sanh A-tì Địa-ngục。

chúng sanh nghe xong liền sanh tà kiến điên đảo, do tà kiến điên đảo nên sau khi chết sanh vào Địa ngục A-tỳ.

如來說法為斷地獄。是故不說色是佛性。

Như Lai thuyết Pháp vi đoạn Địa-ngục. thị cố bất thuyết sắc thị Phật tánh。

Như Lai nói Pháp là để dứt lìa địa ngục, vì thế không nói rằng sắc là Phật tánh,

乃至說識亦復如是。善男子。

nãi chí thuyết thức diệc phục như thị. thiện nam tử。

nhấn đến không nói thức là Phật tánh cũng lại như vậy. Này thiện nam tử!

若有眾生了佛性者則不須修道。十住菩薩修八聖道少見佛性。

nhược hữu chúng sanh liễu Phật tánh giả tắc bất tu tu đạo。 Thập trụ Bồ-tát tu bát Thánh đạo thiếu kiến Phật tánh。

Nếu có chúng sanh thấy rõ Phật tánh thì không cần tu Thánh đạo. Bồ-tát bậc Thập trụ tu Tám Thánh đạo còn thấy Phật tánh một phần ít,

況不修者而得見耶。善男子。

huống bất tu giả nhi đắc kiến da。 thiện nam tử。

huống là người không tu mà thấy được ư! Này thiện nam tử!

如文殊師利諸菩薩等已無量世修習聖道了知佛性。

như Văn-thù-sư-lợi chư Bồ-tát đẳng dĩ vô lượng thế tu tập Thánh đạo liễu tri Phật tánh。

Các vị Bồ-tát như Văn-thù-sư-lợi đã trải qua vô lượng kiếp tu tập Thánh đạo mới thấy rõ Phật tánh.

云何聲聞辟支佛等能知佛性。

vân hà Thanh văn Bích-chi-phật đẳng năng tri Phật tánh。

Hàng Thanh văn và Bích-chi-phật sao có thể biết được Phật tánh?

若諸眾生欲得了了知佛性者。

nhược chư chúng sanh dục đắc liễu liễu tri Phật tánh giả。

Nếu các chúng sanh muốn biết rõ Phật tánh ấy thì

應當一心受持讀誦書寫解說供養恭敬尊重讚歎是涅槃經。

ứng đương nhất tâm thọ trì đọc tụng thư tả giải thuyết cung dưỡng cung kính tôn trọng tán thán thị Niết-bàn Kinh。

phải nên nhất tâm thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán Kinh Đại Niết-bàn này.

見有受持乃至讚歎如是經者。

kiến hữu thọ trì nãi chí tán thán như thị Kinh giả。

Thấy có người nào trì tụng nhấn đến tán thán Kinh điển như vậy

應當以好房舍衣服飲食臥具病瘦醫藥而供給之。

ứng đương dĩ hảo phòng xá y phục ẩm thực ngọa cụ bệnh sấu y dược nhi cung cấp chi。

phải nên dùng phòng nhà tốt đẹp, y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc thang chữa bệnh mà cung cấp cho người đó,
兼復讚歎禮拜問訊。善男子。若有已於過去無量無邊世中。
kiêm phục tán thán lễ bái vấn tẩn。 thiện nam tử 。 nhược hữu dĩ ư quá khứ vô lượng vô biên thế trung。
lại còn phải tán thán, lễ bái, thăm hỏi. Nay thiện nam tử! Nếu có người nào đã ở trong vô lượng vô biên đời quá khứ
親近供養無量諸佛深種善根。
thân cận cung dưỡng vô lượng chư Phật thâm chủng thiện căn。
từng gần gũi cúng dường vô lượng chư Phật gieo trồng căn lành sâu dày,
然後乃得聞是經名。善男子。佛性不可思議。
nhiên hậu nãi đắc văn thị Kinh danh。 thiện nam tử 。 Phật tánh bất khả tư nghị。
sau mới được nghe tên Kinh này. Nay thiện nam tử! Phật tánh không thể nghĩ bàn,
佛法僧寶亦不可思議。
Phật Pháp tăng bảo diệc bất khả tư nghị。
Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo cũng không thể nghĩ bàn。
一切眾生悉有佛性而不能知是亦不可思議。如來常樂我淨之法亦不可思議。
nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh nhi bất năng tri thị diệc bất khả tư nghị。 Như Lai thường lạc ngã tịnh chi Pháp diệc bất khả tư nghị。
Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh nhưng không biết được thì sự việc này cũng không thể nghĩ bàn. Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh cũng không thể nghĩ bàn。
一切眾生能信如是大涅槃經亦不可思議。
nhất thiết chúng sanh năng tín như thị Đại Niết-bàn Kinh diệc bất khả tư nghị。
Tất cả chúng sanh nếu ai có thể tin Kinh Đại Niết-bàn này cũng không thể nghĩ bàn。
師子吼菩薩言。世尊。
Sư-tử hống Bồ-tát ngôn。 Thế Tôn。
Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!
如佛所說一切眾生能信如是大涅槃經不可思議者。世尊。
như Phật sở thuyết nhất thiết chúng sanh năng tín như thị Đại Niết-bàn Kinh bất khả tư nghị giả。 Thế Tôn。

Như lời Phật nói tất cả chúng sanh có thể tin Kinh Đại Niết-bàn không thể nghĩ bàn này.
Bạch Thế Tôn!

是大眾中有八萬五千億人。於是經中不生信心。

thị Đại chúng trung hữu bát vạn ngũ thiên ức nhân。 ư thị Kinh trung bất sanh tín tâm。
Trong đại chúng này có tám vạn năm ngàn ức người không có tín tâm đối với Kinh này,
是故有能信是經者。名不可思議。善男子。

thị cố hữu năng tín thị Kinh giả。 danh bất khả tư nghị。 thiện nam tử 。

vì thế nên người nào tin Kinh này, thời gọi người đó là không thể nghĩ bàn. Nay thiện nam tử!

如是諸人於未來世亦當定得信是經典。

như thị chư nhân ư vị lai thế diệc đương định đắc tín thị Kinh điển。

Những người trên đây ở trong đời vị lai cũng quyết định sẽ được tín tâm đối với Kinh này,
見於佛性得阿耨多羅三藐三菩提。

kiến ư Phật tánh đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

thấy được Phật tánh và được Vô Thượng Bồ-đề.

師子吼言。世尊。

Sư Tử Hống ngôn。 Thế Tôn。

Sư Tử Hống bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

云何不退菩薩自知決定有不退心。佛言。善男子。

vân hà bất thối Bồ-tát tự tri quyết định hữu bất thối tâm。 Phật ngôn。 thiện nam tử 。

Thế nào là Bồ-tát Bất thối tự biết quyết định có tâm Bất thối? Phật dạy: Nay thiện nam tử!

菩薩摩訶薩當以苦行自試其心。日食一胡麻經一七日。

Bồ-tát Ma-ha tát đương dĩ khổ hành tự thí kỳ tâm。 nhật thực nhất hồ ma Kinh nhất thất nhật。

Đại Bồ-tát sẽ dùng khổ hạnh để tự thử thách tâm mình: Mỗi ngày ăn một hạt mè trải qua bảy ngày,

粳米菘豆麻子粟[糜-毛+黍]及以白豆亦復如是各一

canh mẽ lục đậu ma tử túc [huy -mao +thử]cập dĩ bạch đậu diệc phục như thị các nhất
gạo trắng, đậu xanh, đậu trắng v.v. cũng lại mỗi ngày một hột trải qua bảy ngày.

七日。食一麻時作是思惟。

thất nhật。 thực nhất ma thời tác thị tư duy。

Khi ăn một hột mè Bồ-tát nghĩ thế này:

如是苦行都無利益。無利益事尚能為之。況有利益而當不作。

như thị khổ hạnh đô vô lợi ích。 vô lợi ích sự thượng năng vi chi。 huống hữu lợi ích nhi đương bất tác。

Những sự khổ hạnh như vậy đều không có lợi ích, việc không lợi ích còn có thể làm được huống là việc lợi ích mà lại không làm.

於無利益心能堪忍不退不轉。

ư vô lợi ích tâm năng Kham nhẫn bất thối bất chuyển。

Đối với việc không lợi ích thì tâm có thể kham nhẫn, không thối lui, không lay chuyển, 是故定得阿耨多羅三藐三菩提。如是等日修苦行時。

thị cố định đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 như thị đẳng nhật tu khổ hạnh thời, vì vậy quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ-đề. Trong những ngày tu khổ hạnh như vậy, 一切皮肉消瘦皺減如斷生瓠置之日中。

nhất thiết bì nhục tiêu sấu trữu giảm như đoạn sanh hồ trí chi nhật trung。

tất cả da thịt tiêu hao gầy ốm như cắt trái bầu tươi phơi trong nắng.

其目欠陷如井底星。肉盡肋出如朽草屋。

kỳ mục khiếm hãm như tỉnh để tỉnh。 nhục tận lặc xuất như hủ thảo ốc。

Mắt thì lút sâu vào như đáy giếng, hết thịt lòi gân như nhà tranh hư mục, xương sống bày ra như những cọng cỏ khô,

脊骨連現如重線磚。所坐之處如馬蹄跡。

tích cốt liên hiện như trọng tuyến chuyên。 sở tọa chi xứ như mã đề tích。

xương sống liền lại như dây chuyên, chỗ ngồi như vết chân ngựa,

欲坐則伏欲起則偃。雖受如是無利益苦。

dục tọa tắc phục dục khởi tắc yển。 tuy thọ như thị vô lợi ích khổ。

muốn ngồi thì phải nằm mọp xuống, muốn đứng dậy thì ngã nghiêng. Tuy chịu lấy sự khổ hạnh không lợi ích như vậy

然不退於菩提之心。復次善男子。

nhiên bất thối ư Bồ-đề chi tâm。 phục thứ thiện nam tử 。

nhưng tâm Bồ-đề vẫn không thối chuyển. Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩為破眾苦施安樂故。

Bồ-tát Ma-ha tát vị phá chúng khổ thí an lạc cố。

Đại Bồ-tát vì phá các khổ, ban bố sự an vui,
 乃至能捨內外財物及其身命如棄芻草。若能不惜是身命者。
 nãi chí năng xả nội ngoại tài vật cập kỳ thân mạng như khí sô thảo。 nhược năng bất tích
 thị thân mạng giả。
 hẳn đến có thể xả bỏ của cải, vật chất trong thân và ngoài thân, và thân mạng của mình
 như bỏ cỏ khô. Nếu có thể không tiếc thân mạng như vậy,
 如是菩薩自知必定有不退心。
 như thị Bồ-tát tự tri tất định hữu bất thối tâm。
 Bồ-tát này tự biết ắt hẳn có tâm bất thối:
 我定當得阿耨多羅三藐三菩提。復次菩薩為法因緣。
 ngã định đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề. phục thứ Bồ-tát vị Pháp nhân
 duyên。
 Ta quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ-đề! Lại nữa, Bồ-tát vì pháp mà
 剝身為燈[疊*毛]纏皮肉蘇油灌之燒以為炷。
 oan thân vi đăng [điệp *mao] triền bì nhục tô du quán chi thiêu dĩ vị chú。
 khoét thân làm đèn, ép da thịt lấy tủy tô đổ vào làm tim để đốt đèn.
 菩薩爾時受是大苦。自呵其心而作是言。
 Bồ-tát nhĩ thời thọ thị Đại khổ。 tự ha kỳ tâm nhi tác thị ngôn。
 Bồ-tát lúc bấy giờ thọ khổ lớn như vậy, tâm tự trách rằng:
 如是苦者於地獄苦。百千萬分未是一分。
 như thị khổ giả ư Địa ngục khổ。 bách thiên vạn phần vị thị nhất phần。
 Khổ này so với khổ ở địa ngục, trăm ngàn vạn phần chưa bằng một phần.
 汝於無量百千劫中受大苦惱都無利益。汝若不能受是輕苦。
 nhữ ư vô lượng bách thiên kiếp trung thọ đại khổ não đô vô lợi ích。 nhữ nhược bất năng
 thọ thị khinh khổ。
 Ông ở trong vô lượng trăm ngàn vạn kiếp thọ khổ não lớn đều không đem lại chút mảy
 may lợi ích. Ông nếu không thể chịu được khổ nhẹ này thì
 云何而能於地獄中救苦眾生。
 vân hà nhi năng ư Địa ngục trung cứu khổ chúng sanh。
 làm sao có thể ở trong địa ngục để cứu khổ chúng sanh?
 菩薩摩訶薩作是觀時身不覺苦。其心不退不動不轉。

Bồ-tát Ma-ha tát tác thị quán thời thân bất giác khổ. kỳ tâm bất thối bất động bất chuyển.

Đại Bồ-tát khi quán sát như vậy, thân không biết khổ, tâm không thối chuyển, 菩薩爾時應深自知。

Bồ-tát nhĩ thời ứng thâm tự tri。

Bồ-tát lúc bấy giờ tự biết chắc rằng:

我定當得阿耨多羅三藐三菩提。善男子。菩薩爾時具足煩惱未有斷者。

ngã định đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 thiện nam tử 。 Bồ-tát nhĩ thời cụ túc phiền não vị hữu đoạn giả。

Ta quyết sẽ được Vô Thượng Bồ-đề. Nay thiện nam tử! Bồ-tát lúc bấy giờ còn đầy đủ phiền não chưa dứt hết,

為法因緣能以頭目髓腦手足血肉施於眾

vị Pháp nhân duyên năng dĩ đầu mục tủy não thủ túc huyết nhục thí ư chúng

nhưng vì chánh Pháp mà có thể đem đầu, mắt, tủy, não, tay chân, máu thịt để bố thí cho chúng sanh.

生。以釘釘身投巖赴火。

sanh。 dĩ đinh đinh thân đầu nham phó hỏa。

Lấy đinh đóng trên thân, nhảy từ gộp đá cao xuống, nhảy vào trong lửa,

菩薩爾時雖受如是無量眾苦。若心不退不動不轉。

Bồ-tát nhĩ thời tuy thọ như thị vô lượng chúng khổ。 nhược tâm bất thối bất động bất chuyển。

Bồ-tát lúc bấy giờ tuy chịu lấy vô lượng sự khổ như vậy mà tâm vẫn không thối chuyển. 菩薩當知我今定有不退之心。

Bồ-tát đương tri ngã kim định hữu bất thối chi tâm。

Bồ-tát nên biết rằng: Ta nay quyết định có tâm bất thối,

當得阿耨多羅三藐三菩提。善男子。菩薩摩訶薩為破一切眾生苦惱。

đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。 thiện nam tử 。 Bồ-tát Ma-ha tát vị phá nhất thiết chúng sanh khổ não。

sẽ được Vô Thượng Bồ-đề. Nay thiện nam tử! Đại Bồ-tát vì phá sự khổ não của tất cả chúng sanh

願作龐大畜生之身。以身血肉施於眾生。

nguyện tác thô đại súc sanh chi thân。 dĩ thân huyết nhục thí ư chúng sanh。
nên nguyện làm thân súc sanh to lớn, đem thân thể, máu thịt để bố thí cho chúng sanh。
眾生取時復生憐愍。

chúng sanh thủ thời phục sanh liên mẫn。

Khi chúng sanh đến lấy máu thịt ăn, Bồ-tát thời sanh lòng thương xót。

菩薩爾時閉氣不喘示作死相。令彼取者不生殺害疑網之想。

Bồ-tát nhĩ thời bế khí bất suyễn kì tác tử tướng。 linh bỉ thủ giả bất sanh sát hại nghi võng
chi tướng。

Bồ-tát lúc bấy giờ nín hơi không thở làm như tướng chết, khiến cho những người đến lấy
máu thịt kia không sanh tưởng giết hại。

菩薩雖受畜生之身。終不造作畜生之業。何以故。

Bồ-tát tuy thọ súc sanh chi thân。 chung bất tạo tác súc sanh chi nghiệp。 hà dĩ cố。

Bồ-tát tuy thọ thân súc sanh nhưng trọn không tạo nghiệp súc sanh。 Vì sao vậy?

善男子。菩薩既得不退心已。

thiện nam tử。 Bồ-tát ký đắc bất thoái tâm dĩ。

Này thiện nam tử! Bồ-tát đã được tâm bất thoái

終不造作三惡道業。

chung bất tạo tác tam ác đạo nghiệp。

thì hẳn không tạo nghiệp trong ba đường ác。

菩薩摩訶薩若未來世有微塵等惡業果報不定受者。以大願力為眾生故而悉受之。

Bồ-tát Ma-ha tát nhược vị lai thế hữu vi trần đẳng ác nghiệp quả báo bất định thọ giả。 dĩ

Đại nguyện lực vị chúng sanh cố nhi tất thọ chi。

Đại Bồ-tát nếu ở đời vị lai có các nghiệp quả ác nhỏ nhất bất định, do sức nguyện lớn vì
độ chúng sanh nên thọ nhận tất cả。

譬如病人為鬼所著藏隱身中。

thí như bệnh nhân vi quỷ sở trú tạng ẩn thân trung。

Thí như người bệnh bị quỷ nhập trong thân,

以呪力故即時相現。

dĩ chú lực cố tức thời tướng hiện。

do lực của thần chú nên liền hiện các tướng quỷ:

或語或喜或瞋或罵或啼或哭菩薩摩訶薩未來之世三惡道業亦復如是。

hoặc ngũ hoặc hỉ hoặc sân hoặc mạ hoặc đề hoặc khốc Bồ-tát Ma-ha tát vị lai chi thể tam ác đạo nghiệp diệt phục như thị.

hoặc nói, hoặc vui, hoặc sân giận, hoặc mắng chửi, hoặc kêu khóc. Đại Bồ-tát ở trong đời vị lai thọ lấy nghiệp quả trong ba đường ác cũng lại như vậy.

菩薩摩訶薩受熊身時。常為眾生演說正法。

Bồ-tát Ma-ha tát thọ hùng thân thời. thường vị chúng sanh diễn thuyết chánh Pháp.

Đại Bồ-tát lúc thọ lấy thân gấu, thường vì chúng sanh mà diễn nói Chánh pháp.

或受迦賓闍羅鳥身。為諸眾生說正法故。

hoặc thọ ca tân đồ la điểu thân. vị chư chúng sanh thuyết chánh Pháp cố.

Hoặc lúc thọ thân chim Ca-tân-xà-la thường vì chúng sanh mà diễn nói Chánh pháp.

受瞿陀身鹿身兔身象身殺羊身獼猴白鴿金翅

thọ Cồ đà thân lộc thân thỏ thân tượng thân cổ dương thân Mi-hầu bạch cáp kim sí

Hoặc lúc thọ thân Cù-đà, thân nai, thân thỏ, thân voi, thân đê núi, thân khỉ vượn, thân bồ câu trắng, thân chim Kim-sí,

鳥龍蛇之身。受如是等畜生身時。

điểu long xà chi thân. thọ như thị đẳng súc sanh thân thời.

thân rồng, thân rắn. Lúc thọ những thân súc sanh như vậy,

終不造作畜生惡業。常為其餘畜生眾生演說正法。

chúng bắt tạo tác súc sanh ác nghiệp. thường vị kỳ dư súc sanh chúng sanh diễn thuyết chánh Pháp.

trọn không gây tạo nghiệp ác của súc sanh, thường vì chúng sanh mà diễn thuyết chánh pháp

令彼聞法速得轉離畜生身故。

linh bỉ văn Pháp tốc đắc chuyển ly súc sanh thân cố.

khiến cho những súc sanh kia nhờ nghe pháp mà được chuyển khỏi thân súc sanh.

菩薩爾時雖受畜生身不作惡業。當知必定有不退心。

Bồ-tát nhĩ thời tuy thọ súc sanh thân bất tác ác nghiệp. đương tri tất định hữu bất thối tâm.

Bồ-tát lúc bấy giờ tuy thọ thân súc sanh mà không gây tạo nghiệp ác, nên biết rằng quyết định có tâm bất thối.

菩薩摩訶薩於飢饉世見餓眾生。

Bồ-tát Ma-ha tát ư cơ cận thể kiến ngạ chúng sanh。
 Đại Bồ-tát ở đời đói khát, thấy chúng sinh đói khát nên
 作龜魚身無量由延復作是願。
 tác quy ngư thân vô lượng do duyên phục tác thị nguyện。
 nguyện làm thân cá lớn dài nhiều do duyên, lại nguyện
 願諸眾生取我肉時隨取隨生。因食我肉離飢渴苦。
 nguyện chư chúng sanh thủ ngã nhục thời tùy thủ tùy sanh。 nhân thực ngã nhục ly cơ
 khát khổ。
 những chúng sanh nào lấy thịt của tôi, lấy rồi liền sanh trở lại. Những ai ăn thịt của tôi thời
 được thoát khỏi khổ đói khát,
 一切悉發阿耨多羅三藐三菩提心。
 nhất thiết tất phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm。
 tất cả đều phát tâm Vô Thượng Bồ-đề.
 菩薩發願若有因我離飢渴者。
 Bồ-tát phát nguyện nhược hữu nhân ngã ly cơ khát giả。
 Bồ-tát phát nguyện rằng nếu do nơi tôi mà người nào được lìa khỏi sự đói khát,
 未來之世速得遠離二十五有飢渴之患。菩薩摩訶薩受如是苦心不退者。
 vị lai chi thế tốc đắc viễn li nhị thập ngũ hữu cơ khát chi hoạn Bồ-tát Ma-ha tát thọ như thị
 khổ tâm bất thối giả。
 ở đời vị lai họ sẽ mau chóng thoát khỏi khổ hoạn trong hai mươi lăm cõi. Lúc Đại Bồ-tát
 nhận lấy những sự khổ như vậy mà tâm không thối chuyển,
 當知必定得阿耨多羅三藐三菩提。
 đương tri tất định đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。
 nên biết ắt hẳn sẽ được Vô Thượng Bồ-đề.
 復次菩薩於疾疫世見病苦者作是思惟。如藥樹王若有病者。
 phục thứ Bồ-tát ư tật dịch thể kiến bệnh khổ giả tác thị tư duy。 như dược thụ Vương
 nhược hữu bệnh giả。
 Lại nữa, này thiện nam tử! Bồ-tát ở nhằm thời tật bệnh, thấy nhiều người phải chịu bệnh
 khổ liền suy nghĩ rằng: Như cây vua thuốc, nếu có người bệnh
 取根取莖取枝取葉取花取果取皮取膚悉得
 thủ căn thủ hành thủ chi thủ diệp thủ hoa thủ quả thủ bì thủ phu tất đắc

lấy rễ, lấy cọng, lấy cành, lấy lá, lấy hoa, lấy trái, lấy vỏ đều trị được
愈病。願我此身亦復如是。

dũ bệnh。 nguyện ngã thử thân diệc phục như thị。

lành bệnh。 Nguyện thân của tôi đây cũng như vậy,

若有病者聞聲觸身。服食血肉乃至骨髓病悉除愈。

nhược hữu bệnh giả văn thanh xúc thân。 phục thực huyết nhục nãi chí cốt tủy bệnh tất
trừ dã。

nếu có người bệnh nghe tiếng, đụng đến thân, ăn thịt uống máu nhả đến xương tủy đều
trị lành bệnh。

願諸眾生食我肉時不生惡心如食子肉。

nguyện chư chúng sanh thực ngã nhục thời bất sanh ác tâm như thực tử nhục。

Nguyện cho các chúng sanh lúc ăn thịt tôi không sanh tâm ác, đều tưởng như ăn thịt con,
我治病已常為說法。願彼信受思惟轉教。復次善男子。

ngã trì bệnh dĩ thường vị thuyết Pháp。 nguyện bỉ tín thọ tư duy chuyển giáo。 phục thứ
thiện nam tử 。

tôi sẽ trị cho họ lành bệnh rồi, sẽ thường vì họ mà nói Pháp. Nguyện cho những người kia
tin nhận, suy nghĩ rồi đem dạy cho người khác. Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩具足煩惱雖受身苦。其心不退不動不轉。

Bồ-tát cụ túc phiền não tuy thọ thân khổ。 kỳ tâm bất thối bất động bất chuyển。

Bồ-tát tuy đầy đủ phiền não khi chịu sự khổ nơi thân như vậy nhưng tâm vẫn không lay
chuyển,

當知必定得不退心成阿耨多羅三藐三菩

đương tri tất định đắc bất thối tâm thành a nậu đa-la tam miểu tam bồ

nên biết ắt hẳn sẽ được tâm bất thối, thành Vô Thượng Bồ-đề。

提。復次善男子。若有眾生為鬼所病。

đề phục thứ thiện nam tử 。

nhược hữu chúng sanh vị quỷ sở bệnh。

Lại nữa, này thiện nam tử! Nếu có chúng sanh bị quỷ làm bệnh,

菩薩見已即作是言。願作鬼身大身健身多眷屬身。
Bồ-tát kiến dĩ tức tác thị ngôn。 nguyện tác quỷ thân đại thân kiện thân đa quyến chúc
thân。

Bồ-tát thấy xong liền nói rằng: Nguyên làm thân quý to lớn, mạnh mẽ, quyền thuộc đông nhiều,

使彼聞見病得除愈。

sử bỉ văn kiến bệnh đắc trừ dĩ.

khiến cho người bị bệnh kia nghe thấy liền hết bệnh quý.

菩薩摩訶薩為眾生故勤修苦行。雖有煩惱不污其心。復次善男子。

Bồ-tát Ma-ha tát vì chúng sanh cố tinh cần tu khổ hạnh. tuy hữu phiền não bất ô kỳ tâm. phục thứ thiện nam tử .

Đại Bồ-tát vì chúng sanh nên siêng tu khổ hạnh, tuy có phiền não nhưng tâm vẫn không nhiễm ô. Lại nữa, này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩雖復修行六波羅蜜。

Bồ-tát Ma-ha tát tuy phục tu hành lục Ba-la-mật。

Đại Bồ-tát tuy lại tu hành sáu Ba-la-mật,

亦不求於六波羅蜜果。

diệc bất cầu ư lục ba la mật quả。

cũng không cầu quả ở Ba-la-mật.

修行無上六波羅蜜時作是願言。我今以此六波羅蜜施一切眾生。

tu hành vô thượng lục Ba-la-mật thời tác thị nguyện ngôn. ngã kim dĩ thử lục Ba-la-mật thí nhất thiết chúng sanh.

Khi tu hành sáu Ba-la-mật vô thượng, Bồ-tát nguyện rằng: Tôi nay đem sự tu hành sáu Ba-la-mật này giúp cho tất cả chúng sanh.

——眾生受我施已悉令得成阿耨多羅三藐三菩

nhất nhất chúng sanh thọ ngã thí dĩ tất linh đắc thành a nậu đa-la tam miểu tam bồ

Mỗi mỗi chúng sanh nhận lấy sự bố thí của ta, đều sẽ được thành Vô Thượng Bồ-đề.

提。我亦自為六波羅蜜勤修苦行受諸苦惱。

đề. ngã diệc tự vì lục ba la mật tinh cần tu khổ hạnh thọ chư khổ não。

Tôi cũng tự vì sáu Ba-la-mật này mà siêng tu khổ hạnh chịu những sự khổ não.

當受苦時願我不退菩提之心。善男子。

đương thọ khổ thời nguyện ngã bất thoái Bồ-đề chi tâm. thiện nam tử .

Khi đang chịu khổ, tôi nguyện không thoái tâm Bồ-đề. Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩作是願時。是名不退菩提之相。

Bồ-tát Ma-ha tát tác thị nguyện thời。 thị danh bất thối Bồ-đề chi tướng。
Đại Bồ-tát khi phát nguyện như vậy thì gọi là tướng không thối chuyển tâm Bồ-đề。
復次善男子。菩薩摩訶薩不可思議。何以故。
phục thứ thiện nam tử。 Bồ-tát Ma-ha tát bất khả tư nghị。 hà dĩ cố。
Lại nữa, này thiện nam tử! Đại Bồ-tát không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy?
菩薩摩訶薩深知生死多諸罪過。
Bồ-tát Ma-ha tát thâm tri sanh tử đa chư tội quá。
Đại Bồ-tát biết rõ sanh tử có nhiều tội lỗi,
觀大涅槃有大功德。
quán Đại Niết-bàn hữu Đại công đức。
quan sát Đại Niết-bàn có công đức lớn。
為諸眾生處在生死受種種苦心無退轉。是名菩薩不可思議。復次善男子。
vì chư chúng sanh xử tại sanh tử thọ chủng chủng khổ tâm vô thối chuyển。 thị danh Bồ-
tát bất khả tư nghị。 phục thứ thiện nam tử。
Vì các chúng sanh mà ở nơi sanh tử chịu những sự khổ mà tâm không thối chuyển. Đây
gọi là Bồ-tát không thể nghĩ bàn. Lại nữa, này thiện nam tử!
菩薩摩訶薩無有因緣而生憐愍。
Bồ-tát Ma-ha tát vô hữu nhân duyên nhi sanh liên mẫn。
Đại Bồ-tát không có nhân duyên mà vẫn sanh lòng thương xót chúng sanh,
實不受恩而常施恩。雖施於恩而不求報。是故復名不可思議。
thật bất thọ ân nhi thường thí ân。 tuy thí ư ân nhi bất cầu báo。 thị cố phục danh bất khả
tư nghị。
thật không thọ ân mà còn thí ân, tuy có thí ân mà không cần đền đáp. Đây lại gọi là Bồ-tát
không thể nghĩ bàn。
復次善男子。或有眾生為自利益修諸苦行。
phục thứ thiện nam tử。 hoặc hữu chúng sanh vị tự lợi ích tu chư khổ hạnh。
Lại nữa, này thiện nam tử! Hoặc có chúng sanh vì lợi ích cho mình mà tu các khổ hạnh。
菩薩摩訶薩為利他故修行苦行是名自利。
Bồ-tát Ma-ha tát vị lợi tha cố tu hành khổ hạnh thị danh tự lợi。
Đại Bồ-tát vì lợi ích cho người mà tu hành các khổ hạnh, đây gọi là tự lợi,
是故復名不可思議。

thị cố phục danh bất khả tư nghị.
vì thế lại gọi là không thể nghĩ bàn.

復次菩薩具足煩惱為壞怨親所受諸苦修平

phục thứ Bồ-tát cụ túc phiền não vị hoại oán thân sở thọ chư khổ tu bình

Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ phiền não nhưng vì muốn phá hoại kẻ oán người thân nên thọ lấy các khổ để tu tâm bình đẳng.

等心。是故復名不可思議。

đẳng tâm。 thị cố phục danh bất khả tư nghị。

Vì vậy lại gọi là không thể nghĩ bàn.

復次菩薩若見諸惡不善眾生。若訶責若軟語若驅擯若捨之。

phục thứ Bồ-tát nhược kiến chư ác bất thiện chúng sanh。 nhược ha trách nhược duyên ngữ nhược khu bấn nhược xả chi。

Lại nữa, Bồ-tát hoặc thấy các chúng sanh hung ác, bất thiện thì hoặc quở trách, hoặc nói lời dịu ngọt, hoặc đuổi, hoặc bỏ.

有惡性者現為軟語。有憍慢者現為大慢。

hữu ác tánh giả hiện vi duyên ngữ。 hữu kiêu mạn giả hiện vị đại mạn。

Có những người tánh ác, Bồ-tát thị hiện nói lời dịu dàng; có những người kiêu mạn, Bồ-tát thị hiện làm người ngã mạn lớn

而其內心實無憍慢。

nhi kỳ nội tâm thật vô kiêu mạn 。

nhưng ở trong lòng thật không kiêu mạn.

是名菩薩方便不可思議。復次菩薩具足煩惱少財物時。

thị danh Bồ-tát phương tiện bất khả tư nghị。 phục thứ Bồ-tát cụ túc phiền não thiếu tài vật thời。

Đây gọi là phương tiện của Bồ-tát không thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát đầy đủ phiền não, nhưng khi của cải ít

而求者多心不狹小。是名菩薩不可思議。

nhi cầu giả đa tâm bất sách tiểu。 thị danh Bồ-tát bất khả tư nghị。

nhưng người cầu xin nhiều thì tâm Bồ-tát không hẹp nhỏ. Đây gọi là Bồ-tát không thể nghĩ bàn.

復次菩薩於佛出時知佛功德。

phục thứ Bồ-tát ư Phật xuất thời tri Phật công đức。

Lại nữa, khi Phật xuất hiện ở đời, Bồ-tát biết công đức của Phật,
為眾生故於無佛處受邊地身。

vị chúng sanh cố ư vô Phật xứ thọ biên địa thân。

nhưng vì chúng sanh mà thọ thân biên địa ở chỗ không có Phật,
如盲如聾如跛如瘖是名菩薩不可思議。復次菩薩深知眾生所有罪過。

như manh như lung như bả như tích thị danh Bồ-tát bất khả tư nghị。 phục thứ Bồ-tát
thâm tri chúng sanh sở hữu tội quá。

như đui, như điếc, như què, như thọt, đây gọi là Bồ-tát không thể nghĩ bàn. Lại nữa, Bồ-tát
biết rõ chúng sanh có những tội lỗi,

為度脫故常與共行。雖隨其意罪垢不污。

vị độ thoát cố thường dữ cộng hành。 tuy tùy kỳ ý tội cấu bất ô。

vì muốn độ họ được giải thoát nên thường cùng đi chung, tuy làm theo ý họ nhưng vẫn
không ô nhiễm,

是故復名不可思議。

thị cố phục danh bất khả tư nghị。

đây lại gọi là không thể nghĩ bàn.

復次菩薩了了知見無眾生相無煩惱污無

phục thứ Bồ-tát liễu liễu tri kiến vô chúng sanh tướng vô phiền não ô vô

Lại nữa, Bồ-tát thấy biết rõ ràng không tướng chúng sanh, không phiền não nhiễm ô,
修習道。離煩惱者雖為菩提無菩提行。

tu tập đạo. ly phiền não giả tuy vị Bồ-đề vô Bồ-đề hạnh。

không tu tập Thánh đạo, tuy xa lìa phiền não làm Bồ-đề nhưng không hạnh Bồ-đề,
亦無成就菩提行者。無有受苦及破苦者。

diệc vô thành tựu Bồ-đề hành giả。 vô hữu thọ khổ cập phá khổ giả。

cũng không có người thành tựu hạnh Bồ-đề, không có người thọ khổ và phá khổ
而亦能為眾生壞苦行菩提行。是故復名不可思議。

nhi diệc năng vị chúng sanh hoại khổ hành Bồ-đề hạnh。 thị cố phục danh bất khả tư
nghị。

mà cũng có thể vì chúng sanh phá hoại sự khổ, hành Bồ-đề hạnh. Vì vậy gọi là không thể
nghĩ bàn.

復次菩薩受後邊身處兜率天。

phục thứ Bồ-tát thọ hậu biên thân xứ Đâu Suất Thiên。

Lại nữa, Bồ-tát thọ thân sau cùng ở cung trời Đâu-suất,

是亦名為不可思議。何以故。兜率陀天欲界中勝。

thị diệc danh vi bất khả tư nghị。 hà dĩ cố。 Đâu Xuất Đà Thiên dục giới trung thắng。

đây cũng gọi là không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy? Vì cõi trời Đâu-suất-đà là hơn tất cả trong cõi Dục.

在下天者其心放逸。在上天者諸根闇鈍是故名勝。

tại hạ Thiên giả kỳ tâm phóng dật。 tại thượng Thiên giả chư căn ám độn thị cố danh thắng。

Cõi trời dưới tâm phóng dật, cõi trời trên thì căn tánh ám độn, nên gọi cõi trời Đâu-suất là hơn.

修施修戒得上下身。修施戒定得兜率身。

tu thí tu giới đắc thượng hạ thân。 tu thí giới định đắc Đâu Suất thân。

Tu bố thí, tu trì giới thì được thân ở cõi trời trên và cõi dưới. Tu bố thí, giới và định thì được thân ở cõi Trời-đâu-suất.

一切菩薩毀些諸有破壞諸有終不造作兜率天

nhất thiết Bồ-tát hủy tử chư hữu phá hoại chư hữu chung bất tạo tác Đâu Suất Thiên

Tất cả Bồ-tát đã tự hủy bỏ, chán ghét các hữu, phá hoại các hữu nhưng trọn không gây tạo nghiệp ở cõi trời Đâu-suất và

業受彼天身。何以故。菩薩若處其餘諸有。

ngiệp thọ bỉ Thiên thân。 hà dĩ cố。 Bồ-tát nhược xứ kỳ dư chư hữu。

thọ thân ở cõi Trời đó. Vì sao vậy? Vì Bồ-tát nếu ở nơi các hữu khác

亦能教化成就眾生。實無欲心而生欲界。

diệc năng giáo hóa thành tựu chúng sanh。 thật vô dục tâm nhi sanh dục giới。

cũng đều có thể giáo hóa thành tựu chúng sanh, nhưng thật tâm không muốn sanh vào cõi Dục,

是故復名不可思議。

thị cố phục danh bất khả tư nghị。

vì thế lại gọi là không thể nghĩ bàn.

菩薩摩訶薩生兜率天有三事勝。一者命。二者色。三者名。

Bồ-tát Ma-ha tát sanh Đâu Suất Thiên hữu tam sự thắng. nhất giả mạng. nhị giả sắc. tam giả danh.

Đại Bồ-tát Tát sanh ở cõi Trời Đâu-suất có ba việc thù thắng: một là mạng, hai là sắc, ba là danh.

菩薩摩訶薩實不求於命色名稱。雖無求心而所得勝。

Bồ-tát Ma-ha tát thật bất cầu ư mạng sắc danh xưng. tuy vô cầu tâm nhi sở đắc thắng. Đại Bồ-tát thật không cầu mạng, sắc và danh xưng, tuy tâm không cầu mà vẫn được chỗ thù thắng.

菩薩摩訶薩深樂涅槃然有因緣亦勝。

Bồ-tát Ma-ha tát thâm lạc Niết-bàn nhiên hữu nhân duyên diệt thắng.

Đại Bồ-tát rất ưa thích Niết-bàn nhưng có nhân duyên nên mạng, sắc và danh cũng thù thắng,

是故復名不可思議。菩薩摩訶薩如是三事雖勝諸天。

thị cố phục danh bất khả tư nghị. Bồ-tát Ma-ha tát như thị tam sự tuy thắng chư Thiên. vì thế lại gọi là không thể nghĩ bàn. Ba việc tốt đẹp của Đại Bồ-tát như vậy tuy là thù thắng hơn chư Thiên,

而諸天等於菩薩所。

nhi chư Thiên đẳng ư Bồ-tát sở.

nhưng chư Thiên đối với Bồ-tát

終不生於瞋心妬心憍慢之心常生喜心。菩薩於天亦不憍慢。

chung bất sanh ư sân tâm đố tâm kiêu mạn chi tâm thường sanh hỷ tâm. Bồ-tát ư Thiên diệt bất kiêu mạn。

trọn không sanh tâm sân giận, tâm ganh ghét, tâm kiêu mạn mà thường sanh lòng hoan hỷ. Bồ-tát đối với chư Thiên cũng không kiêu mạn,

是故復名不可思議。

thị cố phục danh bất khả tư nghị.

vì vậy lại gọi là không thể nghĩ bàn.

菩薩摩訶薩不造命業而於彼天畢竟壽命。是名命勝。

Bồ-tát Ma-ha tát bất tạo mạng nghiệp nhi ư bỉ Thiên tất cánh thọ mạng. thị danh mạng thắng.

Đại Bồ-tát không gây tạo nhân nghiệp mạng mà được thọ mạng rất ráo ở cõi Trời kia. Đây gọi là mạng thù thắng.

亦無色業而妙色身光明遍滿。是名色勝。

diệp vô sắc nghiệp nhi diệu sắc thân quang minh biến mãn。 thị danh sắc thắng。

Bồ-tát cũng không tạo nghiệp nhân sắc đẹp mà sắc thân xinh đẹp đầy đủ ánh sáng, đây gọi là sắc thù thắng.

菩薩摩訶薩處彼天宮不樂五欲唯為法事。是故名稱充滿十方。

Bồ-tát Ma-ha tát xứ bỉ Thiên cung bất lạc ngũ dục duy vị Pháp sự。 thị cố danh xưng sung mãn thập phương。

Đại Bồ-tát ở nơi cung Trời ấy không ham thích năm dục mà chỉ làm pháp sự, vì vậy tiếng đồn vang khắp mười phương.

是名名勝。是故復名不可思議。

thị danh danh thắng。 thị cố phục danh bất khả tư nghị。

Đây gọi là danh thù thắng, vì vậy lại gọi là không thể nghĩ bàn.

菩薩摩訶薩下兜率天。是時大地六種震動。

Bồ-tát Ma-ha-tát hạ Đâu Suất Thiên。 thị thời đại địa lục chủng chấn động。

Đại Bồ-tát khi từ cung trời Đâu-suất giáng sanh, cả đại địa sáu loại chấn động, là do vậy gọi là không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy?

thị cố phục danh bất khả tư nghị。 hà dĩ cố。

vì vậy lại gọi là không thể nghĩ bàn. Vì sao vậy?

菩薩下時欲色諸天悉來侍送發大音聲讚歎菩薩。以口風氣故令地動。

Bồ-tát hạ thời dục sắc chư Thiên tất lai thị tống phát đại âm thanh tán thán Bồ-tát。 dĩ khẩu phong khí cố linh địa động。

Vì khi Bồ-tát hạ sanh, chư Thiên ở cõi Dục và cõi Sắc đều đến hầu hạ đưa đi, tiếng lớn tán thán Bồ-tát, do hơi gió nơi miệng khiến cho mặt đất chấn động.

復有菩薩人中象王人中象王名為龍王。

phục hữu Bồ-tát nhân trung Tượng Vương nhân trung Tượng Vương danh vi long Vương。

Lại có Bồ-tát Tượng vương ở trong loài người, Tượng vương ở trong loài người gọi là Long vương.

龍王初入胎時有諸龍王在此地下或怖或喜。

long Vương sơ nhập thai thời hữu chư long Vương tại thử địa hạ hoặc phổ hoặc hỉ。
Khi Long Vương mới nhập thai, có các Long vương ở dưới mặt đất này hoặc sợ, hoặc vui,
是故大地六種震動。是故復名不可思議。

thị cố Đại địa lục chủng chấn động。 thị cố phục danh bất khả tư nghị。
vì vậy mà mặt đất có sáu loại chấn động. Đây lại gọi là không thể nghĩ bàn。
菩薩摩訶薩知入胎時住時出時。知父知母。

Bồ-tát Ma-ha tát tri nhập thai thời trụ thời xuất thời。 tri phụ tri mẫu。
Đại Bồ-tát biết rõ khi nhập thai, khi ở trong thai, khi ra đời, biết cha, biết mẹ,
不淨不污如帝釋髻青色寶珠。

bất tịnh bất ô như đế thích kế thanh sắc bảo châu。
không nhiễm ô bất tịnh như viên ngọc châu màu xanh ở trong búi tóc của Trời Đế Thích,
是故復名不可思議。善男子。大涅槃經亦復如是不可思議。

thị cố phục danh bất khả tư nghị。 thiện nam tử 。 Đại Niết-bàn Kinh diệc phục như thị
bất khả tư nghị。
vì vậy lại gọi là không thể nghĩ bàn. Nay thiện nam tử! Kinh Đại Niết-bàn cũng lại như vậy,
không thể nghĩ bàn。

善男子。譬如大海有八不思議。何等為八。

thiện nam tử 。 thí như đại hải hữu bát bất tư nghị。 hà đẳng vi bát。
Nay thiện nam tử! Thí như biển lớn có tám điều không thể nghĩ bàn. Những gì là tám?
一者漸漸轉深。二者深難得底。

nhất giả tiệm tiệm chuyển thâm。 nhị giả thâm nan đắc đế。

Một là dần dần sâu, hai là sâu khó đến đáy,
三者同一鹹味。四者潮不過限。五者有種種寶藏。

tam giả đồng nhất hàm vị。 tứ giả triều bất quá hạn。 ngũ giả hữu chủng chủng bảo
tạng。

ba là cùng một vị mặn, bốn là thủy triều không quá hạn, năm là chứa nhiều thứ kho báu,
六者大身眾生在中居住。七者不宿死尸。

lục giả Đại thân chúng sanh tại trung cư trú。 thất giả bất tú tử thi。

sáu là nơi những chúng sanh thân lớn cư trú, bảy là không dung chứa tử thi,
八者一切萬流大雨投之不增不減。善男子。

bát giả nhất thiết vạn lưu đại vũ đầu chi bất tăng bất giảm。 thiện nam tử 。

tám là muôn dòng đổ về cùng nước mưa lớn đều chảy về nhưng biển vẫn không thêm không bớt. Nay thiện nam tử!

漸漸轉深有三事。何等三。一者眾生福力。

tiệm tiệm chuyển thâm hữu tam sự。 hà đẳng tam。 nhất giả chúng sanh phúc lực。

Biển dần dần sâu có ba việc. Những gì là ba? Một là phước lực của chúng sanh,
二者順風而行。三者河水入故。

nhị giả thuận phong nhi hành。 tam giả hà thủy nhập cố。

hai là thuận gió mà chảy, ba là nước sông chảy vào

乃至不增不減亦各有三。

nãi chí bất tăng bất giảm diệc các hữu tam。

nhấn đến không thêm không bớt, cũng đều có ba.

是大涅槃微妙經典亦復如是有八不思議。一者漸漸深。

thị Đại Niết-bàn vi diệu Kinh điển diệc phục như thị hữu bát bất tư nghị。 nhất giả tiệm tiệm thâm。

Kinh Đại Niết-bàn vi diệu này cũng lại như vậy, có tám việc không thể nghĩ bàn: Một là dần dần sâu:

所謂優婆塞戒沙彌戒比丘戒菩薩戒。

sở vị Ưu-bà-tắc giới Sa-di giới Tỳ-kheo giới, Bồ-tát giới。

nghĩa là từ Ưu-bà-tắc giới, Sa-di giới, Tỳ-kheo giới, Bồ-tát giới,

須陀洹果斯陀含果阿那含果阿羅漢果辟支佛果菩薩果阿耨多羅三藐三菩

Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả, Bích-chi-phật quả, Bồ-tát quả, Vô Thượng Bồ-đề quả,

Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả, Bích-chi-phật quả, Bồ-tát quả, Vô Thượng Bồ-đề quả。

提果。是涅槃經說如是等法。是名漸漸深。

đề quả。 thị Niết-bàn Kinh thuyết như thị đẳng Pháp。 thị danh tiệm tiệm thâm。

Kinh đại Niết-bàn này nói những pháp như vậy, đây gọi là dần dần thâm sâu。

是故此經名漸漸深。二者深難得底。

thị cố thử Kinh danh tiệm tiệm thâm。 nhị giả thâm nan đắc đế。

vì vậy Kinh này gọi là tiệm tiệm thâm. Hai là thâm nan đắc đế。

如來世尊不生不滅。

Như Lai Thế Tôn bất sanh bất diệt 。

Như Lai Thế Tôn không sanh, không diệt,

不得阿耨多羅三藐三菩提不轉法輪。不食不受不行惠施。

bất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề bất chuyển Pháp luân。 bất thực bất thọ bất hành huệ thí。

không được Vô Thượng Bồ-đề, không chuyển Pháp luân, không ăn, không thọ nhận, không bố thí,

是故名為常樂我淨。一切眾生悉有佛性。

thị cố danh vi thường lạc ngã tịnh。 nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh。

vì vậy được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

佛性非色不離於色。非受想行識乃至不離於識。

Phật tánh phi sắc bất ly ư sắc。 phi thọ tưởng hành thức nãi chí bất ly ư thức。

Phật tánh này không phải sắc nhưng cũng không rời sắc, không phải thọ, tưởng, hành, thức hẳn đến không rời sắc, thọ, tưởng, hành, thức;

是常可見了因非作因。

thị thường khả kiến liễu nhân phi tác nhân。

là thường có thể thấy rõ có nhân mà không phải tác nhân.

須陀洹乃至辟支佛當得阿耨多羅三藐三菩提。亦無煩惱亦無住處。

Tu-đà-hoàn nãi chí Bích-chi-phật đương đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề 。

diệt vô phiền não diệt vô trụ xứ。

Tu-đà-hoàn hẳn đến Bích-chi-phật sẽ được Vô Thượng Bồ-đề, cũng không phiền não, cũng không trụ ở,

雖無煩惱不名為常。是故名深。復有甚深。

tuy vô phiền não bất danh vi thường。 thị cố danh thâm。 phục hữu thậm thâm。

tuy không phiền não nhưng không gọi là thường, do đây nên nói là sâu. Lại trong Kinh có những thứ rất sâu như

於是經中或時說我或說無我。或時說常或說無常。

ư thị Kinh trung hoặc thời thuyết ngã hoặc thuyết vô ngã。 hoặc thời thuyết thường hoặc thuyết vô thường 。

hoặc khi nói có ngã, hoặc khi nói vô ngã, hoặc khi nói thường, hoặc khi nói vô thường, hoặc thời thuyết tịnh hoặc thuyết không tịnh。 hoặc thời thuyết lạc hoặc thời thuyết khổ。

hoặc thời thuyết tịnh hoặc thuyết bất tịnh. hoặc thời thuyết lạc hoặc thời thuyết khổ.
hoặc khi nói tịnh, hoặc khi nói bất tịnh, hoặc khi nói lạc, hoặc khi nói khổ,
或時說空或說不空。或說一切有或說一切無。

hoặc thời thuyết không hoặc thuyết bất không. hoặc thuyết nhất thiết hữu hoặc thuyết
nhất thiết vô。

hoặc khi nói không, hoặc khi nói tất cả không không, hoặc khi nói tất cả đều có, hoặc khi
hoặc nói tất cả đều không,

或說三乘或說一乘。或說五陰即是佛性。

hoặc thuyết Tam thừa hoặc thuyết Nhất thừa. hoặc thuyết ngũ uẩn tức thị Phật tánh.

hoặc nói Tam thừa, hoặc nói Nhất thừa, hoặc nói năm uẩn tức là Phật tánh,

金剛三昧及以中道。首楞嚴三昧十二因緣。

Kim cương tam-muội cập dĩ trung đạo. Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, thập nhị nhân
duyên。

là Kim Cang Tam-muội, là Trung đạo, Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội, Mười hai nhân duyên,
第一義空慈悲平等。

đệ nhất nghĩa không từ bi bình đẳng。

Đệ nhất nghĩa không, từ bi bình đẳng

於諸眾生頂智信心知諸根力。一切法中無罣礙智。

ư chư chúng sanh đỉnh trí tín tâm tri chư căn lực. nhất thiết Pháp trung vô quái ngại trí.
đối với các chúng sanh, đỉnh trí, tín tâm, trí lực biết các căn, trí không chướng ngại đối với
các pháp,

雖有佛性不說決定。是故名深。三者一味。

tuy hữu Phật tánh bất thuyết quyết định. thị cố danh thâm. tam giả nhất vị。

tuy có Phật tánh nhưng không nói quyết định, vì vậy gọi là thâm sâu. Ba là Nhất vị.

一切眾生同有佛性皆同一乘。同一解脫一因一果同一甘露。

nhất thiết chúng sanh đồng hữu Phật tánh giai đồng nhất thừa. đồng nhất giải thoát nhất
nhân nhất quả đồng nhất cam lộ。

Tất cả chúng sanh cùng có Phật tánh, đều cùng Nhất thừa, cùng một giải thoát, một nhân
quả, cùng một Cam Lộ.

一切當得常樂我淨。是名一味。四者潮不過限。

nhất thiết đương đắc thường lạc ngã tịnh. thị danh nhất vị. tứ giả triều bất quá hạn. tất cả đều sẽ được thường, lạc, ngã, tịnh, đây gọi là một vị. Bốn là thủy triều không quá giới hạn:

如是經中制諸比丘。不得受畜八不淨物。

như thị Kinh trung chế chư Tỳ-kheo. bất đắc thọ súc bát bất tịnh vật.

Như trong Kinh này chế các Tỳ-kheo không được thọ nhận cất giữ tám vật bất tịnh.

若我弟子有能受持讀誦書寫解說分別是大涅槃

nhược ngã đệ-tử hữu năng thọ trì đọc tụng thư tả giải thuyết phân biệt thị Đại Niết

Nếu đệ tử của Ta có thể thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải nói phân biệt Kinh Đại Niết-bàn槃微妙經典。寧失身命終不犯之。

Bàn vi diệu Kinh điển. nình thất thân mạng chung bất phạm chi.

vi diệu này, thà chết trọn không hủy phạm.

是名潮不過限。五者有種種寶藏。

thị danh triều bất quá hạn. ngũ giả hữu chủng chủng bảo tạng.

Đây gọi là thủy triều không quá hạn. Năm là có Chủng chủng bảo tạng.

是經即是無量寶藏。所言寶者。

thị Kinh tức thị vô lượng bảo tạng. sở ngôn bảo giả.

Kinh này là kho báu vô lượng. Nói báu ấy

謂四念處四正勤四如意分五根五力七覺分八聖道分。

vị tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý phần, ngũ căn, ngũ lực, thất giác phần, bát Thánh đạo phần.

tức là Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác phần, Bát Thánh đạo phần,

嬰兒行聖行梵行天行。諸善方便眾生佛性。

anh nhi hạnh, Thánh hạnh, phạm hạnh, Thiên hạnh. chư thiện phương tiện, chúng sanh Phật tánh.

Anh Nhi Hạnh, Thánh Hạnh, Phạm Hạnh, Thiên Hạnh, các thiện phương tiện, Phật tánh của chúng sanh,

菩薩功德如來功德聲聞功德緣覺功德。

Bồ-tát công đức Như Lai công đức Thanh văn công đức Duyên giác công đức.

công đức của Bồ-tát, công đức của Như Lai, công đức của Thanh văn, công đức của Duyên giác,

六波羅蜜無量三昧無量智慧。是名寶藏。

lục ba la mật vô lượng tam-muội vô lượng trí tuệ. thị danh bảo tạng.

sáu Ba-la-mật, vô lượng Tam-muội, vô lượng trí tuệ, đây gọi là những kho báu.

六者大身眾生所居住處。大身眾生者謂佛菩薩。

lục giả Đại thân chúng sanh sở cư trụ xứ. đại thân chúng sanh giả vị Phật Bồ-tát.

Sáu là Đại thân chúng sanh sở cư trú xứ. Chúng sanh thân lớn ấy chính là Phật và Bồ-tát.

大智慧故名大眾生。大身故大心故。大莊嚴故大調伏故。

Đại trí tuệ cố danh đại chúng sanh. đại thân cố đại tâm cố. đại trang nghiêm cố đại điều phục cố.

Vì có trí tuệ lớn nên gọi là chúng sanh lớn. Vì thân lớn, vì tâm lớn, vì trang nghiêm lớn, vì điều phục được lớn,

大方便故大說法故。大勢力故大徒眾故。

đại phương tiện cố đại thuyết Pháp cố. đại thế lực cố đại đồ chúng cố.

vì phương tiện lớn, vì thuyết pháp lớn, vì thế lực lớn, vì đồ chúng lớn,

大神通故大慈悲故。

đại Thần thông cố đại từ bi cố.

vì thần thông lớn, vì từ bi lớn,

常不變故一切眾生無罣礙故。容受一切諸眾生故。

thường bất biến cố nhất thiết chúng sanh vô quái ngại cố. dung thọ nhất thiết chư chúng sanh cố.

vì thường không thay đổi, vì tất cả chúng sanh thân không chướng ngại, vì dung thọ tất cả chúng sanh nên

是名大身眾生所居之處。七者不宿死尸死尸者。

thị danh đại thân chúng sanh sở cư chi xứ. thất giả bất tử tử thi tử thi giả.

đây gọi là nơi ở của những chúng sanh thân lớn. Bảy là Bất tử tử thi tử thi giả.

謂一闍提犯四重禁五無間罪誹謗方等。

vị Nhất-xiển-đề phạm tứ trọng cấm ngũ vô gián tội phỉ báng phương đẳng.

Đó là hàng Nhất-xiển-đề phạm bốn tội nặng, phạm năm tội vô gián, phỉ báng Kinh Đại thừa,

非法說法法說非法。受畜八種不淨之物。

phi Pháp thuyết Pháp Pháp thuyết phi Pháp。 thọ súc bát chủng bất tịnh chi vật。

phi pháp nói Chánh pháp, Chánh pháp nói phi pháp, cất giữ tám vật bất tịnh,
佛物僧物隨意而用或於比丘比丘尼所作非法事。

Phật vật tăng vật tùy ý nhi dụng hoặc ư Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni sở tác phi Pháp sự。
tùy ý thọ dụng vật của Phật, vật của Tăng, hoặc làm những việc phi pháp đối với Tỳ-kheo
và Tỳ-kheo ni,

是名死尸。是涅槃經離如是等。

thị danh tử thi。 thị Niết-bàn Kinh ly như thị đẳng。

đây gọi là tử thi. Kinh Đại Niết-bàn này xa lìa những pháp như vậy

是故名為不宿死尸。八者不增不減。無邊際故無始終故。

thị cố danh vi bất tú tử thi。 bát giả bất tăng bất giảm。 vô biên tế cố vô thủy chung cố。

nên gọi là không dung chứa tử thi. Tám là Bất tăng bất giảm. Không có ngần mé, vì không
đầu không cuối,

非色故非作故。常住故不生滅故。

phi sắc cố phi tác cố。 thường trụ cố bất sanh diệt cố。

vì không phải sắc, vì không phải tạo tác, vì thường trụ, vì không sanh diệt,

一切眾生悉平等故。一切法性同一性故。是名無增減。

nhất thiết chúng sanh tất bình đẳng cố。 nhất thiết Pháp tánh đồng nhất tánh cố。 thị
danh vô tăng giảm。

vì đều bình đẳng với tất cả chúng sanh, vì tất cả đồng một tánh Pháp tánh, đây gọi là
không thêm không bớt.

是故此經如彼大海有八不思議。

thị cố thử Kinh như bỉ đại hải hữu bát bất tư nghị。

Vì thế Kinh này giống như biển lớn kia có tám việc không thể nghĩ bàn.

師子吼言。世尊。

Sư Tử Hống ngôn。 Thế Tôn。

Bồ-tát Sư Tử Hống bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

若言如來不生不滅名為深者。一切眾生有四種生卵生胎生濕生化生。

nhược ngôn Như Lai bất sanh bất diệt danh vi thâm giả。 nhất thiết chúng sanh hữu tứ
chủng sanh noãn sanh thai sanh thấp sanh hóa sanh。

Nếu cho rằng Như Lai không sanh, không diệt gọi là rất sâu đó, thời tất cả chúng sanh có bốn loài sanh: noãn sanh, thai sanh, thấp sanh và hóa sanh.

是四種生人中具有。如施婆羅比丘。

thị tứ chủng sanh nhân trung cụ hữu。 như Thi-bà-la Tỳ-kheo 。

Trong bốn loài này thì loài người có đầy đủ như Tỳ-kheo Thi-bà-la,

優婆施婆羅比丘。彌迦羅長者母。尼拘陀長者母。

Ưu-bà-thi-bà-la Tỳ-kheo 。

Tỳ-kheo Ưu-bà-thi-bà-la, mẹ của Trưởng giả Di-ca-la, mẹ của Trưởng giả Ni-câu- đà,

半闍羅長者母。各五百子同於卵生。

Bán-xà-la Trưởng giả mẫu。 các ngũ bách tử đồng ư noãn sanh。

mẹ của Trưởng giả Bán-xà-la, mỗi người mẹ này đều sanh năm trăm con trai là noãn sanh

當知人中則有卵生。濕生者如佛所說。

đương tri nhân trung tắc hữu noãn sanh。 thấp sanh giả như Phật sở thuyết。

nên biết trong loài người có dạng noãn sanh. Trong loài người dạng thấp sanh là như lời

Phật nói:

我於往昔作菩薩時作頂生王及手生王。

ngã ư vãng tích tác Bồ-tát thời tác đỉnh sanh Vương cập thủ sanh Vương。

Xưa kia, khi Ta tu hạnh Bồ-tát, đã làm Đỉnh Sanh Vương và Thủ Sanh Vương.

如今所說菴羅樹女迦不多樹女。當知人中則有濕生。

như kim sở thuyết am la thụ nữ ca bất đa thụ nữ。 đương tri nhân trung tắc hữu thấp

sanh。

Như nay nói Am-la nữ, Ca-bất-đa nữ nên biết trong loài người cũng có dạng thấp sanh.

劫初之時一切眾生皆悉化生。如來世尊得八自在。

kiếp sơ chi thời nhất thiết chúng sanh giai tất hóa sanh。 như lai thế tôn đắc bát tự-tại。

Thuở sơ kiếp, tất cả chúng sanh đều là hóa sanh nhưng Như Lai Thế Tôn thì được tám tự

tại,

何因緣故不化生耶。佛言。善男子。

hà nhân duyên cố bất hóa sanh da。 Phật ngôn。 thiện nam tử 。

vì nhân duyên gì mà không phải hóa sanh? Phật dạy: Này thiện nam tử!

一切眾生四生所生。得聖法已不得如本卵生濕生。

nhất thiết chúng sanh Tứ sanh sở sanh。 đấng Thánh Pháp dĩ bất đắc như bốn noãn sanh thấp sanh。

Tất cả chúng sanh từ nơi bốn loài sanh mà sanh ra, khi đã được Thánh pháp rồi không trở lại noãn sanh và thấp sanh như trước nữa.

善男子。劫初眾生皆悉化生。當爾之時佛不出世。

thiện nam tử 。 kiếp sơ chúng sanh giai tất hóa sanh。 đương nhĩ chi thời Phật bất xuất thế 。

Này thiện nam tử! Thuở sơ kiếp, chúng sanh đều là hóa sanh, trong thời kỳ đó, không có Phật ra đời.

善男子。若有眾生遇病苦時須醫須藥。

thiện nam tử 。 nhược hữu chúng sanh ngộ bệnh khổ thời tu y tu dược。

Này thiện nam tử! Nếu có chúng sanh khi gặp bệnh khổ thì cần thầy, cần thuốc.

劫初之時眾生化生。雖有煩惱其病未發。

kiếp sơ chi thời chúng sanh hóa sanh。 tuy hữu phiền não kỳ bệnh vị phát。

Thuở sơ kiếp, chúng sanh hóa sanh, tuy có phiền não nhưng bệnh phiền não chưa phát, 是故如來不出其世。劫初眾生身心非器。

thị cố Như Lai bất xuất kỳ thế。 kiếp sơ chúng sanh thân tâm phi khí。

vì thế Như Lai không xuất hiện ở đời. Chúng sanh thuở sơ kiếp, thân tâm của họ không phải là pháp khí,

是故如來不出其世。善男子。

thị cố Như Lai bất xuất kỳ thế。 thiện nam tử 。

vì vậy Như Lai không ra đời trong thời kỳ đó. Này thiện nam tử!

如來世尊所有事業勝諸眾生。所謂種姓眷屬父母。

Như Lai Thế Tôn sở hữu sự nghiệp thắng chư chúng sanh。 sở vị chủng tính quyến chúc phụ mẫu。

Tất cả sự nghiệp của Như Lai Thế Tôn đều hơn các chúng sanh như họ hàng, quyến thuộc, cha mẹ,

以殊勝故凡所說法人皆信受。是故如來不受化生。善男子。

dĩ thù thắng cố phạm sở thuyết Pháp nhân giai tín thọ。 thị cố Như Lai bất thọ hóa sanh。 thiện nam tử 。

do hơn chúng sanh nên khi thuyết Pháp thì mọi người đều tin nhận, vì vậy Như Lai không thọ hóa sanh. Nay thiện nam tử!

一切眾生父作子業子作父業。

nhất thiết chúng sanh phụ tác tử nghiệp tử tác phụ nghiệp。

Tất cả chúng sanh hoặc cha làm theo nghề nghiệp của con, hoặc con là theo nghề nghiệp của cha.

如來世尊若受化身則無父母。

Như Lai Thế Tôn nhược thọ hóa thân tắc vô phụ mẫu。

Như Lai Thế Tôn nếu thọ hóa sanh thì không cha không mẹ,

若無父母云何能令一切眾生作諸善業。是故如來不受化身。善男子。

nhược vô phụ mẫu vân hà năng lệnh nhất thiết chúng sanh tác chư thiện nghiệp。 thị cố Như Lai bất thọ hóa thân。 thiện nam tử 。

nếu không cha không mẹ thì làm sao có thể khiến cho tất cả chúng sanh làm các nghiệp lành. Vì thế, Như Lai không thọ thân hóa sanh. Nay thiện nam tử!

佛正法中有二種護。一者內。二者外。

Phật chánh Pháp trung hữu nhị chủng hộ。 nhất giả nội。 nhị giả ngoại。

Trong chánh pháp của Phật có hai loại hộ trì: Một là nội, hai là ngoại.

內護者所謂戒禁。外護者族親眷屬。

nội hộ giả sở vị giới cấm。 ngoại hộ giả tộc thân quyến chúc。

Nội hộ là giới cấm. Ngoại hộ là thân tộc, bà con quyến thuộc.

若佛如來受化身者則無外護。是故如來不受化身。善男子。

nhược Phật Như Lai thọ hóa thân giả tắc vô ngoại hộ。 thị cố Như Lai bất thọ hóa thân。 thiện nam tử 。

Nếu Phật Như Lai thọ hóa sanh thì không có ngoại hộ. Vì thế, Như Lai không thọ hóa sanh. Nay thiện nam tử!

有人恃姓而生憍慢。如來為欲破如是慢故。

hữu nhân thị tính nhi sanh kiêu mạn 。

Có người ỷ giòng họ mà kiêu mạn nhưng Như Lai vì muốn phá kiêu mạn nên sinh trong quý tộc không thọ hóa thân。 thiện nam tử 。

sanh tại quý tộc bất thọ hóa thân。 thiện nam tử 。

sanh ở trong dòng họ cao quý, không thọ hóa sanh. Nay thiện nam tử!

如來世尊有真父母。父名淨飯母名摩耶。而諸眾生猶言是幻。

Như Lai Thế Tôn hữu chân phụ mẫu。 phụ danh Tịnh Phạn mẫu danh Ma Da。 nhi chư chúng sanh do ngôn thị huyễn。

Như Lai Thế Tôn có cha mẹ thật, cha là Tịnh Phạn, mẹ là Ma-da vậy mà chúng sanh còn nói rằng là người huyễn

云何當受化生之身。

vân hà đương thọ hóa sanh chi thân。

thì làm sao Như Lai nên thọ thân hóa sanh;

若受化身云何得有碎身舍利。如來為益眾生福德故。

nhược thọ hóa thân vân hà đắc hữu toái thân Xá-lợi。 Như Lai vị ích chúng sanh phúc đức cố。

nếu thọ hóa sanh làm sao thân thể nát ra thành những hạt Xá-lợi? Như Lai vì muốn cho chúng sanh tăng trưởng phước đức nên

碎其身而令供養。是故如來不受化身。

toái kỳ thân nhi linh cung dưỡng。 thị cố Như Lai bất thọ hóa thân。

làm nát rã thân thể của mình thành Xá-lợi để cho chúng sanh cúng dường. Vì thế Như Lai không thọ hóa sanh.

一切諸佛悉無化生。云何獨令我受化身。爾時師子吼菩薩。

nhất thiết chư Phật tất vô hóa sanh。 vân hà độc linh ngã thọ hóa thân。 nhĩ thời Bồ-tát Sư Tử Hống。

Hết thầy các chư Phật đều không hoá sanh, làm sao riêng Ta lại thọ hóa sanh. Lúc bấy giờ Bồ-tát Sư Tử Hống

合掌長跪右膝著。地以偈讚佛。

hợp chưởng trường quy hữu tất trú。 địa dĩ kệ tán Phật。

quỳ gối phải sát đất, chắp tay mà nói kệ tán thán Phật rằng:

如來無量功德聚 我今不能廣宣說

Như Lai vô lượng công đức tụ ngã kim bất năng quảng tuyên thuyết

Như Lai có vô lượng công đức Con nay không thể rộng tuyên nói

今為眾生演一分 唯願哀愍聽我說

kim vị chúng sanh diễn nhất phần duy nguyện ai miễn thỉnh ngã thuyết

Nay vì chúng sanh nói một phần Xin Phật thương xót cho con nói:

眾生無明闇中行 具受無邊百種苦
 chúng sanh vô minh ám trung hành cụ thọ vô biên bách chủng khổ
 Chúng sanh vô minh đi trong tối Chịu đủ vô biên trăm thứ khổ
 世尊能令遠離之 是故世稱為大悲
 Thế Tôn năng linh viễn li chi thị cố thể xưng vi đại bi
 Thế Tôn hay khiến họ xa lìa Nê đời gọi Phật là Đại bi.
 眾生往返生死繩 放逸迷荒無安樂
 chúng sanh vãng phản sanh tử thăng phóng dật mê hoang vô an lạc
 Chúng sanh qua lại dây sanh tử Phóng dật mê lầm không được an
 如來能施眾安樂 是故永斷生死繩
 Như Lai năng thí chúng an lạc thị cố vĩnh đoạn sanh tử thăng
 Như Lai hay bố thí an lạc Do đây dứt hẳn dây sanh tử
 佛能施眾安樂故 自於已樂不貪樂
 Phật năng thí chúng an lạc cố tự ư dĩ lạc bất tham lạc
 Phật hay bố thí sự an lạc Nên không tham đắm vui của mình
 為諸眾生修苦行 是故世間興供養
 Vị chư chúng sanh tu khổ hạnh thị cố thể gian hưng cung dưỡng
 Phật vì chúng sanh tu khổ hạnh Nên trong đời đều hay cúng dường
 見他受苦身戰動 處在地獄不覺痛
 kiến tha thọ khổ thân chiến động xử tại Địa ngục bất giác thống
 Thấy người khác thọ khổ thân run rẩy Nên ở địa ngục không biết đau
 為諸眾生受大苦 是故無勝無有量
 Vị chư chúng sanh thọ đại khổ thị cố Vô thắng vô hữu lượng
 Phật vì chúng sanh chịu khổ lớn Nên là vô lượng không ai hơn.
 如來為眾修苦行 成就具足滿六度
 Như Lai vị chúng tu khổ hạnh thành tựu cụ túc mãn lục độ
 Phật vì chúng sanh tu khổ hạnh Thành tựu đầy đủ trọn sáu độ
 心處邪風不傾動 是故能勝世大士
 tâm xử tà phong bất khuynh động thị cố năng thắng thế Đại sĩ
 Ở trong gió tà, tâm không động Nên hơn được Đại sĩ trong đời.
 眾生常欲得安樂 而不知修安樂因

chúng sanh thường dục đắc an lạc nhi bất tri tu an lạc nhân
 Chúng sanh thường muốn được an lạc Mà không biết tu nhân an lạc
 如來能教令修習 猶如慈父愛一子
 Như Lai năng giáo linh tu tập do như từ Phụ ái nhất tử
 Như Lai hay dạy bảo tu tập Giống như cha lành thương con một.
 佛見眾生煩惱患 心苦如母念病子
 Phật kiến chúng sanh phiền não hoạn tâm khổ như mẫu niệm bệnh tử
 Phật thấy chúng sanh khổ phiền não Lòng khổ như mẹ lo con bệnh
 常思離病諸方便 是故此身繫屬他
 thường tư ly bệnh chư phương tiện thị cố thử thân hệ chúc tha
 Thường nghĩ những phương chữa bệnh Nên thân Phật lệ thuộc vào người.
 一切眾生行諸苦 其心顛倒以為樂
 nhất thiết chúng sanh hành chư khổ kỳ tâm điên đảo dĩ vị lạc
 Tất cả chúng sanh hành các khổ Tâm điên đảo cho là vui
 如來演說真苦樂 是故稱號為大悲
 Như Lai diễn thuyết chân khổ lạc thị cố xưng hiệu vi đại bi
 Phật nói khổ vui chân thật Nên đời gọi Phật là Đại bi
 世間皆處無明[聲-耳+卵] 無有智嘴能破之
 Thế gian giai xứ vô minh [thanh -nhĩ +noãn] vô hữu trí chủy năng phá chi
 Đời đều ở trong vô minh Không có mỏ trí phá lủng được
 如來智嘴能啄壞 是故名為最大子
 Như Lai trí chủy năng trác hoại thị cố danh vi tối Đại tử
 Mỏ trí của Phật mổ lủng được Nên gọi Phật là con lớn nhất
 不為三世所攝持 無有名字及假號
 Bất vi tam thế sở nhiếp trì vô hữu danh tự cập giả hiệu
 Không bị nhiếp trì trong ba đời Không có danh tự cùng giả hiệu
 覺知涅槃甚深義 是故稱佛為大覺
 giác tri Niết-bàn thậm thâm nghĩa thị cố xưng Phật vi Đại giác
 Biết rõ nghĩa sâu của Niết-bàn Nên gọi Phật là bậc Đại giác
 有河洄洑沒眾生 無明所盲不知出
 hữu hà hồi lãng沒 chúng sanh vô minh sở manh bất tri xuất

Nước sông chảy mạnh nhận chúng sanh Vô minh đui mù không biết ra
 如來自渡能渡彼 是故稱佛大船師
 Như Lai tự độ năng độ bỉ thị cố xưng Phật Đại Thuyền Sư
 Phật tự độ mình độ được người Nên gọi Phật là Đại Thuyền Sư
 能知一切諸因果 亦復通達盡滅道
 Năng tri nhất thiết chư nhân quả diệc phục thông đạt tận diệt đạo
 Hay biết tất cả các nhân quả Cũng lại thông suốt đạo tịch diệt
 常施眾生病苦藥 是故世稱大醫王
 Thường thí chúng sanh bệnh khổ dược thị cố thế xưng Đại y Vương
 Thường ban pháp dược cho chúng sanh Nên đời gọi Phật là Đại y vương.
 外道邪見說苦行 因是能得無上樂
 Ngoại đạo tà kiến thuyết khổ hạnh nhân thị năng đắc vô thượng lạc
 Ngoại đạo tà kiến nói khổ hạnh Nhân hạnh này được lạc vô thượng
 如來演說真樂行 能令眾生受快樂
 Như Lai diễn thuyết chân lạc hạnh năng linh chúng sanh thọ khoái lạc
 Phật diễn thuyết hạnh chân lạc Làm cho chúng sanh hưởng an vui.
 如來世尊破邪道 開示眾生正真路
 Như Lai Thế Tôn phá tà đạo khai kì chúng sanh chánh chân lộ
 Như Lai Thế Tôn phá đạo tà Chỉ dạy chúng sanh đường chân chánh
 行是道者得安樂 是故稱佛為導師
 Hành thị đạo giả đắc an lạc thị cố xưng Phật vi Đạo sư
 Ai đi đường này được an vui Nên đời gọi Phật là Đạo Sư
 非自非他之所作 亦非共作無因作
 phi tự phi tha chi sở tác diệc phi cộng tác vô nhân tác
 Không phải mình và người làm ra Cũng không cùng làm vô nhân làm
 如來所說苦受事 勝於一切諸外道
 Như Lai sở thuyết khổ thọ sự thắng ư nhất thiết chư ngoại đạo
 Như Lay giảng nói những sự khổ Thắng hơn tất cả các ngoại đạo
 成就具足戒定慧 亦以此法教眾生
 Thành tựu cụ túc giới định tuệ diệc dĩ thử Pháp giáo chúng sanh
 Thành tựu đầy đủ giới định tuệ Cũng dùng Pháp này dạy chúng sanh

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:13:28 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

=====

大般涅槃經卷第三十三

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ tam thập tam

Kinh Đại Bát Niết Bàn

Quyển Thứ Ba Mười Ba.

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Đời Bắc Lương, Tam tạng Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

迦葉菩薩品第十二之一

Ca-diếp Bồ Tát phẩm đệ thập nhị chi nhất

Phẩm thứ Mười Hai, Phần Một: Bồ-tát Ca-diếp.

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來憐愍一切眾生。

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn. Như Lai lân mẫn nhất thiết chúng sanh.

Bồ-tát Ca-diếp bạch đức Phật rằng, Bạch Thế Tôn! Như Lai thương xót tất cả chúng sanh

不調能調不淨能淨。無歸依者能作歸依。

bất điều năng điều bất tịnh năng tịnh. vô quy y giả năng tác quy y.

không điều phục mà Ngài có thể điều phục, không thanh tịnh có thể làm cho thanh tịnh,

người không quy y có thể làm cho họ quy y,

未解脫者能令解脫。

vị giải thoát giả năng linh giải thoát.

người chưa được giải thoát có thể khiến cho họ được giải thoát.

得八自在為大醫師作大藥王。善星比丘是佛菩薩時子。

đắc bát tự-tại vi Đại y sư tác Đại dược Vương. Thiện Tinh Tỳ-kheo thị Phật Bồ Tát thời tử.

được tám tự tại, làm Đại Thiên sư, làm Đại Dược vương. Tỳ-kheo Thiện Tinh là Phật, Bồ-tát thời còn nhỏ

出家之後受持讀誦分別解說十二部經。

Xuất gia chi hậu thọ trì đọc tụng phân biệt giải thuyết thập nhị bộ Kinh.

sau khi xuất gia thọ trì đọc tụng giải nói phân biệt Mười Hai Bộ Kinh,

壞欲界結獲得四禪。云何如來記說善星。

Hoại dục giới kết hoạch đắc Tứ thiền. vân hà Như Lai kí thuyết Thiện Tinh.

hoại diệt Dục giới, chứng được Tứ thiền. Vì sao Như Lai thọ ký, nói cho Thiện Tinh?

是一闍提廝下之人。地獄劫住不可治人。

Thị nhất xiển đề tư hạ chi nhân. Địa ngục kiếp trụ bất khả trị nhân.

Là người nhỏ dưới Nhứt-xiển-đề. Kiếp trụ Địa ngục không thể trị người,

如來何故不先為其演說正法後為菩薩。

Như Lai hà cố bất tiên vi kỳ diễn thuyết chánh Pháp hậu vi Bồ Tát.

cớ sao Như Lai trước không vì diễn nói Chánh pháp sau làm Bồ-tát?

如來世尊若不能救善星比丘。云何得名有大慈愍有大方便。

Như Lai Thế Tôn nhược bất năng cứu Thiện Tinh Tỳ-kheo 。 vân hà đắc danh hữu Đại từ
mẫn hữu Đại phương tiện。

Như Lai Thế Tôn nếu không hay cứu Tỳ-kheo Thiện Tinh làm sao được gọi có từ bi
thương xót lớn có phương tiện lớn?

佛言。善男子。譬如父母唯有三子。

Phật ngôn。 Thiện nam tử。 thí như phụ mẫu duy hữu tam tử。

Phật dạy: Thiện nam tử! Thí như cha mẹ chỉ có ba người con.

其一子者有信順心恭敬父母。

Kỳ nhất tử giả hữu tín thuận tâm cung kính phụ mẫu。

Người con thứ nhất ấy có tâm tin thuận cung kính cha mẹ,

利根智慧於世間事能速了知。其第二子不敬父母無信順心。

lợi căn trí tuệ ư thế gian sự năng tốc liễu tri。 kỳ đệ nhị tử bất kính phụ mẫu vô tín thuận
tâm。

trí huệ lanh lợi đối việc thế gian hay hiểu biết nhanh chóng。 Người con thứ hai của kia
không kính cha mẹ không có tâm tin thuận,

利根智慧於世間事能速了知。

lợi căn trí tuệ ư thế gian sự năng tốc liễu tri。

trí huệ lanh lợi đối việc thế gian hay hiểu biết nhanh chóng。

其第三子不敬父母無信順心。鈍根無智父母若欲教告之時。

kỳ đệ tam tử bất kính phụ mẫu vô tín thuận tâm。 độn căn vô trí phụ mẫu nhược dục giáo
áo chi thời。

Người con thứ ba của kia không kính cha mẹ không có tâm tin thuận, không có trí độn căn
nếu khi cha mẹ muốn dạy bảo,

應先教誰先親愛誰當先教誰知世間事。

ưng tiên giáo thùy tiên thân ái thùy đương tiên giáo thùy tri thế gian sự。

nên trước dạy ai trước thương yêu ai trước sẽ chỉ bảo ai biết việc thế gian?

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn。 Thế Tôn。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Thưa đức Thế Tôn!

應先教授有信順心恭敬父母。利根智慧知世事者。

Ưng tiên giáo thọ hữu tín thuận tâm cung kính phụ mẫu。 lợi căn trí tuệ tri thế sự giả。

Trước tiên nên chỉ bảo người có tâm tin thuận cung kính cha mẹ, trí huệ lanh lợi biết việc thế gian.

其次第二乃及第三。而彼二子雖無信心恭敬之心。

Kỳ thứ đệ nhị nãi cập đệ tam。 nhi bỉ nhị tử tuy vô tín tâm cung kính chi tâm。

Thứ đến người con thứ hai cho đến người con thứ ba, mà hai người con kia tuy không có tâm cung kính tâm tin thuận,

為愍念故次復教之。善男子。如來亦爾。其三子者。

Vi mẫn niệm cố thứ phục giáo chi。 Thiện nam tử。 Như Lai diệt nhĩ。 kỳ tam tử giả。

vì thương xót nhớ nghĩ thứ lại dạy bảo。 Thiện nam tử! Như Lai cũng như thế, Người con thứ ba kia ấy,

初喻菩薩中喻聲聞後喻一闍提。

sơ dụ Bồ Tát trung dụ Thanh văn hậu dụ nhất xiển đề。

Ban đầu dụ Bồ-tát, giữa dụ Thanh văn, sau dụ Nhứt-xiển-đề。

如十二部經修多羅中微細之義。我先已為諸菩薩說。

Như Thập nhị bộ Kinh Tu đa-la trung vi tế chi nghĩa。 ngã tiên dĩ vi chư Bồ Tát thuyết。

Như Mười hai bộ kinh trong Tu-đa-la nghĩa vi tế, Ta trước đã vì các Bồ-tát nói,

淺近之義為聲聞說。

thiển cận chi nghĩa vi Thanh văn thuyết。

Ý nghĩa đơn giản vì Thanh văn mà nói。

世間之義為一闍提五逆罪說。現在世中雖無利益以憐愍故。

Thế gian chi nghĩa vi Nhất xiển đề ngũ nghịch tội thuyết。 hiện tại thế trung tuy vô lợi ích dĩ lân mẫn cố。

Nghĩa của thế gian vì Nhứt-xiển-đề tạo tội ngũ nghịch mà nói。 Trong đời hiện tại tuy không lợi ích vì thương xót vậy,

為生後世諸善種子。善男子。如三種田。一者渠流便易。

vi sanh hậu thế chư thiện chủng tử。 Thiện nam tử。 Như tam chủng điền。 nhất giả cừ lưu tiện dịch。

vì sanh đời sau các chủng tử tốt。 Thiện nam tử! Như ba thứ ruộng: Một là chỗ nước chứa lại thay đổi thuận tiện,

無諸沙鹵。瓦石棘刺種一得百。

Vô chư sa lổ. ngổa thạch cức thứ chủng nhất đắc bách.

không có cát mặn, ngói đá gai góc trồng một được trăm.

二者雖無沙鹵瓦石棘刺。渠流險難收實減半。

Nhị giả tuy vô sa lổ ngổa thạch cức thứ. cừ lưu hiểm nan thu thật giảm bán.

hai dầu vô cát đất mặn ngói đá cây gai đâm chết. kênh dòng nước hiểm trở nạn cất thật giảm nửa.

Hai là tuy không có cát mặn gạch đá gai góc, dòng nước ứ lại khó khăn nguy hiểm thấu thật bớt nửa.

三者渠流險難。多諸沙鹵瓦石棘刺。

Tam giả cừ lưu hiểm nạn. đa chư sa lổ ngổa thạch cức thứ.

Ba là dòng nước khó khăn nguy hiểm, nhiều thứ cát mặn gạch ngói gai góc,

種一得一為稟草故。善男子。農夫春月先種何田。世尊。

Chủng nhất đắc nhất vi cỏ thảo cố. Thiện nam tử. nông phu xuân nguyệt tiên chủng hà điền. Thế Tôn.

trồng một được một là cỏ khô vậy. Thiện nam tử! Tháng mùa xuân nông phu trước trồng ruộng gì? Thừa đức Thế Tôn!

先種初田次第二田後及第三。

Tiên chủng sơ điền thứ đệ nhị điền hậu cập đệ tam.

Trước đó, trồng ruộng ban đầu, thứ đến trồng ruộng thứ hai, sau cùng là thứ ba.

初喻菩薩次喻聲聞後喻一闍提。善男子。譬如三嬰。

Sơ dụ Bồ Tát thứ dụ Thanh văn hậu dụ nhất xiển đề. Thiện nam tử. thí như tam anh.

Ban đầu dụ cho Bồ-tát, thứ đến dụ cho Thanh văn, sau cùng dụ cho Nhất-xiển-đề. Thiện nam tử! Thí như ba cái bình.

一者完二者漏三者破。

Nhất giả hoàn nhị giả lậu tam giả phá.

Một là nguyên vẹn, hai là chảy, ba là bị vỡ.

若欲盛置乳酪水蘇先用何者。世尊。應用完者次用漏者後及破者。

Nhược dục thịnh trí nhũ lạc thủy tô tiên dụng hà giả. Thế Tôn. Ứng dụng hoàn giả thứ dụng lậu giả hậu cập phá giả.

Nếu người muốn đựng đầy sữa lạc nước tía tô thì trước phải dùng như thế nào? Bạch đức Thế Tôn! Nên dùng thứ nguyên vẹn, thứ lại dùng loại chảy, sau cùng dùng loại vỡ.

其完淨者喻菩薩僧漏喻聲聞破喻一闍提。

Kỳ hoàn tịnh giả dụ Bồ Tát tăng lậu dụ Thanh văn phá dụ nhất-xiển-đề.

Loại nguyên vẹn ấy dụ Bồ-tát Tăng, loại chảy dụ cho Thanh văn, loại vỡ dụ cho Nhứt-xiển-đề.

善男子。如三病人俱至醫所。一者易治。

Thiện nam tử. như tam bệnh nhân câu chí y sở. nhất giả dị trị.

Thiện nam tử! Như ba người bệnh đều đến chỗ thầy thuốc, một là dễ chữa,

二者難治。三者不可治。善男子。醫若治者當先治誰。

Nhị giả nan trị. tam giả bất khả trì. Thiện nam tử. y nhược trì giả đương tiên trì thù.

Hai là khó chữa, ba là không thể chữa. Thiện nam tử! Thầy thuốc nếu chữa trước sẽ chữa ai?

世尊。應先治易次及第二後及第三。

Thế Tôn. Ứng tiên trị dịch thứ cập đệ nhị hậu cập đệ tam.

Bạch đức Thế Tôn! Nên trước chữa dễ thứ lại chữa loại thứ hai sau cùng chữa loại thứ ba.

何以故為親屬故。其易治者喻菩薩僧。

Hà dĩ cố vi thân thuộc cố. kỳ dịch trì giả dụ Bồ Tát tăng.

Tại sao nên vì bà con thân thích vậy? Người dễ chữa kia dụ cho Bồ-tát Tăng.

其難治者喻聲聞僧。不可治者喻一闍提。

Kỳ nan trì giả dụ Thanh văn tăng. bất khả trì giả dụ nhất xiển đề.

Người khó trị kia dụ cho Thanh văn Tăng, người không thể chữa ấy dụ cho Nhứt-xiển-đề.

現在世中雖無善果。以憐愍故為種後世諸善子故。

hiện tại thế trung tuy vô thiện quả. dĩ lân mẫn cố vi chủng hậu thế chư thiện tử cố.

Trong đời hiện tại tuy không có kết quả tốt, vì thương xót nên làm các hạt giống tốt cho đời sau vậy.

善男子。譬如大王有三種馬。一者調壯大力。

Thiện nam tử. Thí như Đại Vương hữu tam chủng mã. nhất giả điều tráng Đại lực.

Thiện nam tử! Thí như Đại vương có ba loại ngựa, một là điều tráng đại lực,

二者不調齒壯大力。三者不調羸老無力。

nhị giả bất điều xỉ tráng Đại lực. tam giả bất điều luy lão vô lực.

hai là chẳng điều rằng khỏe sức mạnh, ba là chẳng điều già yếu không có sức khỏe.
王若乘者當先乘誰。世尊。

Vương nhược thừa giả đương tiên thừa thù. Thế Tôn.

Nếu Vua cưỡi ấy trước sẽ cưỡi ngựa nào thừa đức Thế Tôn?

應當先乘調壯大力。次用第二後用第三。善男子。

Ưng đương tiên thừa điều tráng Đại lực. thứ dụng đệ nhị hậu dụng đệ tam. thiện nam tử.

Nên sẽ trước cưỡi ngựa sức mạnh điều tráng, thứ nữa dùng loại ngựa thứ hai sau cùng dùng loại ngựa thứ ba. Thiện nam tử!

調壯大力喻菩薩僧。其第二者喻聲聞僧。

điều tráng Đại lực dụ Bồ Tát tăng. kỳ đệ nhị giả dụ thanh văn tăng.

Sức mạnh điều tráng dụ cho Bồ-tát Tăng, thứ hai kia ấy dụ cho Thanh văn Tăng,

其第三者喻一闍提。現在世中雖無利益。

Kỳ đệ tam giả dụ nhất xiển đề. hiện tại thế trung tuy vô lợi ích.

Kia thứ ba ấy dụ cho Nhứt-xiển-đề. Trong đời hiện tại tuy không lợi ích,

以憐愍故為種後世諸善種子。善男子。

Dĩ lân mẫn cố vi chủng hậu thế chư thiện chủng tử. Thiện nam tử.

vì thương xót vậy nên trồng các chủng tử tốt cho đời sau. Thiện nam tử!

如大施時有三人來。一者貴族聰明持戒。

Như đại thí thời hữu tam nhân lai. nhất giả quý tộc thông minh trì giới.

Như khi bố thí lớn có ba người đến, một hạng người quý tộc trì giới thông minh,

二者中姓鈍根持戒。三者下姓鈍根毀戒。善男子。

nhị giả trung tính độn căn trì giới. tam giả hạ tính độn căn hủy giới. Thiện nam tử.

hai là hạng người dòng họ bình thường trì giới độn căn, ba là loại người dòng họ thấp hèn hủy phạm cấm giới độn căn. Thiện nam tử!

是大施主應先施誰。世尊。

thị đại thí chủ ưng tiên thí thù. Thế Tôn

Là đại thí chủ nên trước bố thí cho ai thừa đức Thế Tôn?

應先施於貴姓之子利根持戒。次及第二後及第三。

Ưng tiên thí ư quý tính chi tử lợi căn trì giới. thứ cập đệ nhị hậu cập đệ tam.

Nên trước bố thí cho con của dòng họ quý tộc trì giới lợi căn, lần lượt đến thứ hai và sau cùng là thứ ba.

其第一者喻菩薩僧。其第二者喻聲聞僧。

Kỳ đệ nhất giả dụ Bồ Tát tăng. kỳ đệ nhị giả dụ Thanh văn Tăng.

Thứ nhất kia ấy dụ cho Bồ-tát Tăng, thứ hai kia ấy dụ cho Thanh văn Tăng,

其第三者喻一闍提。善男子。

Kỳ đệ tam giả dụ nhất xiển đề. Thiện nam tử.

Thứ ba kia ấy dụ cho Nhất-xiển-đề. Thiện nam tử!

如大師子殺香象時皆盡其力。殺兔亦爾不生輕想。諸佛如來亦復如是。

Như Đại Sư-tử sát hương tượng thời giai tận kỳ lực. sát thố diệc nhĩ bất sanh khinh tưởng. chư Phật như lai diệc phục như thị.

Như đại sư tử khi giết hương tượng đều dùng hết sức của nó, giết thỏ cũng như thế chẳng sanh ý tưởng coi thường. Chư Phật Như Lai cũng lại như thế.

為諸菩薩及一闍提。

vi chư Bồ Tát cập nhất xiển đề。

Vì các Bồ-tát cùng Nhất-xiển-đề.

演說法時功用無二善男子。我於一時住王舍城。

Diễn thuyết Pháp thời công dụng vô nhị thiện nam tử. ngã ư nhất thời trụ Vương xá thành。

Khi diễn nói pháp công dụng không hai thiện nam tử! Ta trong một thời ở thành Vương xá, 善星比丘為我給使。我於初夜為天帝釋演說法要。

Thiện Tinh Tỳ-kheo vi ngã cấp sử. ngã ư sơ dạ vi Thiên đế thích diễn thuyết Pháp yếu. Tỳ-kheo Thiện Tinh vì Ta làm sai sử, Ta ở đêm đầu vì Thiên-đế-thích diễn nói giáo pháp thiết yếu.

弟子法應後師眠臥。爾時善星以我久坐心生惡念。

đệ-tử Pháp ứng hậu sư miên ngoạ. Nhĩ thời Thiện Tinh dĩ ngã cửu tọa tâm sanh ác niệm。

phép của đệ tử là nên ngủ nghỉ sau thầy. Lúc bấy giờ Thiện Tinh vì Ta ngồi lâu tâm sanh ác niệm.

時王舍城小男小女若啼不止。

Thời Vương xá thành tiểu nam tiểu nữ nhược đề bất chỉ。

Lúc đó, trong thành Vương xá có trẻ con trai gái khóc hoài chẳng nín,
父母則語汝若不止。當將汝付薄拘羅鬼。

Phụ mẫu tắc ngữ nhữ nhược bất chỉ. đương tướng nhữ phó Bạc câu la quý.

Cha mẹ thì nói người nếu không nín ta sẽ giao người cho quý Bạc-câu-la.

爾時善星反被拘執而語我言。速入禪室薄拘羅來。

Nhĩ thời Thiện Tinh phản bị câu chấp nhi ngữ ngã ngôn. tốc nhập Thiên thất Bạc câu la lai.

Lúc bấy giờ Thiện Tinh trở lại bị câu nệ mà nói ta rằng: Nhanh vào Thiên thất quý Bạc-câu-la đến.

我言癡人汝常不聞如來世尊無所畏耶。

Ngã ngôn si nhân nhữ thường bất văn Như Lai Thế Tôn vô sở úy da.

Ta nói người ngu si ông thường không nghe Như Lai Thế Tôn không sợ hãi chẳng?

爾時帝釋即語我言。世尊。

Nhĩ thời Đế-thích tức ngữ ngã ngôn. Thế Tôn。

Lúc bấy giờ Đế-thích liền nói Ta rằng: Thừa đức Thế Tôn!

如是人等亦復得入佛法中耶。我即語言。憍尸迦。如是人者得入佛法。

Như thị nhân đẳng diệc phục đắc nhập Phật Pháp trung da. ngã tức ngữ ngôn. Kiền-thi-ca. như thị nhân giả đắc nhập Phật Pháp。

Những người như thế cũng lại được vào trong Phật pháp chẳng? Ta liền nói rằng: Kiền-thi-ca, người như thế được vào Phật pháp,

亦有佛性當得阿耨多羅三藐三菩提。

Diệc hữu Phật tánh đương đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề。

cũng có Phật tánh và sẽ được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

我雖為是善星說法。而彼都無信受之心。善男子。

Ngã tuy vì thị Thiện Tinh thuyết Pháp. nhi bỉ đồ vô tín thọ chi tâm. Thiện nam tử。

Ta tuy vì Thiện Tinh này mà thuyết pháp nhưng kẻ kia đều không có tâm tin nhận. Thiện nam tử!

我於一時在迦尸國尸婆富羅城。

Ngã ư nhất thời tại Ca-thi quốc Thi-bà phú-la thành。

Một thời, Ta ở tại nước Ca-thi, thành Thi-bà-phú-la,

善星比丘為我給使。我時欲入彼城乞食。

Thiện Tinh Tỳ-kheo vì ngã cấp sử. ngã thời dục nhập bĩ thành khát thực。
Tỳ-kheo Thiện Tinh vì Ta sai khiến, Ta thời muốn vào thành kia khát thực,
無量眾生虛心渴仰欲見。我跡。

vô lượng chúng sanh hư tâm khát ngưỡng dục kiến. ngã tích。

Vô lượng chúng sanh khiêm tốn khát ngưỡng muốn nhìn Ta,
善星比丘尋隨我後而毀滅之。既不能滅而令眾生生不善心。

Thiện Tinh Tỳ-kheo tầm tùy ngã hậu nhi hủy diệt chi. ký bất năng diệt nhi linh chúng
sanh sanh bất thiện tâm。

Thì Tỳ-kheo Thiện Tinh tìm theo sau Ta hủy diệt nhưng đã không thể hủy diệt Ta mà lại
khiến cho chúng sinh sanh tâm bất thiện.

我入城已於酒家舍。見一尼乾蹠脊蹲地飡食酒糟。

Ngã nhập thành dĩ ư tửu gia xá. kiến nhất ni kiên quyền tích tồn địa xan thực tửu tao。

Ta vào thành rồi ở trong quán rượu, thấy một đạo sỹ Ni-kiền co quắp xương sống ngồi
xồm trên đất ăn cơm uống rượu cặn.

善星比丘見已而言。世尊。

Thiện Tinh Tỳ-kheo kiến dĩ nhi ngôn. Thế Tôn。

Tỳ-kheo Thiện Tinh thấy rồi liền thưa: Bạch Thế Tôn!

世間若有阿羅漢者是人最勝。何以故。是人所說無因無果。

Thế gian nhược hữu A La Hán giả thị nhân tối thắng. hà dĩ cố. thị nhân sở thuyết vô
nhân vô quả。

Thế gian nếu có A-la-hán ấy là người tối thắng, vì sao vậy? Chỗ nói người đó không nhân
không quả.

我言癡人。汝常不聞阿羅漢者。

Ngã ngôn si nhân. nhữ thường bất văn A La Hán giả。

Ta nói người ngu si, ông thường không nghe A-la-hán là người

不飲酒不害人不欺誑不偷盜不姪姪。

bất ẩm tửu bất hại nhân bất khi cưỡng bất thâu đạo bất dâm dật。

không uống rượu, không hại người, không lừa dối, không trộm cắp, không dâm dục.

是人殺害父母食噉酒糟。云何而言是阿羅漢。

Thị nhân sát hại phụ mẫu thực đạm tửu tao. vân hà nhi ngôn thị A La Hán。

Người đó giết hại cha mẹ, ăn thức ăn uống rượu cặn, vì sao mà nói là A-la-hán?

是人捨身必定當墮阿鼻地獄。阿羅漢者永斷三惡。

Thị nhân xả thân tất định đươg đọa A-tì Địa ngục. A La Hán giả vĩnh đọa tam ác.

Người đó xả thân, quyết định sẽ đọa vào địa ngục A-tỳ. A-la-hán ấy vĩnh viễn chấm dứt ba đường ác.

云何而言是阿羅漢。善星即言。

Vân hà nhi ngôn thị A La Hán. Thiện Tinh tức ngôn.

Làm sao mà nói là A-la-hán? Thiện Tinh liền nói:

四大之性猶可轉易欲令。是人必墮阿鼻無有是處。我言癡人。

Tứ đại chi tánh do khả chuyển dịch dục linh. thị nhân tất đọa A-tì vô hữu thị xử. ngã ngôn si nhân.

Tánh của bốn đại còn có thể chuyển đổi muốn khiến người đó nhứt định đọa vào địa ngục A-tỳ không có lẽ đó, Ta nói đó là kẻ ngu si.

汝常不聞諸佛如來誠言無二。

Nhữ thường bất văn chư Phật Như Lai thành ngôn vô nhị.

Ông thường không nghe chư Phật Như Lai nói lời thành thật không hai.

我雖為是善星說法。而彼絕無信受之心。善男子。

Ngã tuy vi thị Thiện Tinh thuyết Pháp. nhi bỉ tuyệt vô tín thọ chi tâm. thiện nam tử.

Ta tuy vì chính Thiện Tinh thuyết pháp mà kẻ kia tuyệt không có tâm tin nhận. Thiện nam tử!

我於一時與善星比丘住王舍城。

Ngã ư nhất thời dĩ Thiện Tinh Tỳ-kheo trụ Vương xá thành.

Một thuở nọ Ta trong cùng Tỳ-kheo Thiện Tinh ở thành Vương xá.

爾時城中有一尼乾名曰苦得常作是言眾生煩惱無因無緣。

Nhĩ thời thành trung hữu nhất ni kiền danh viết khổ đắc thường tác thị ngôn chúng sanh phiền não vô nhân vô duyên.

Lúc bấy giờ, trong thành có một Ni-kiền gọi là Khổ Đắc, thường nói lời như thế này: chúng sanh phiền não không nhân không duyên,

眾生解脫亦無因緣。善星比丘復作是言。世尊。

Chúng sanh giải thoát diệc vô nhân duyên. Thiện Tinh Tỳ-kheo phục tác thị ngôn. Thế Tôn.

thì chúng sanh giải thoát cũng không nhân duyên. Tỳ-kheo Thiện Tinh lại thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn!

世間若有阿羅漢者苦得為上。我言癡人。

Thế gian nhược hữu A La Hán giả Khổ Đắc vi thượng. ngã ngôn si nhân。

Thế gian nếu có A-la-hán là Khổ Đắc như trên thì Ta nói đó là người ngu si, khổ đê Ni đầ thực phi đầ đầ. 不能解了阿羅漢道。

Khổ Đắc ni kiền thật phi la hán。 bất năng giải liễu A La Hán đầ。

Khổ Đắc Ni-kiền thật chẳng La-hán, không thể hiểu rõ A-la-hán đầ。

善星復言。

Thiện Tinh phục ngôn。

Thiện Tinh lại nói:

何因緣故阿羅漢人於阿羅漢而生嫉妬。我言癡人。我於羅漢不生嫉妬。

Hà nhân duyên cố A La Hán nhân ư A La Hán nhi sanh tật đố. ngã ngôn si nhân. ngã ư la hán bất sanh tật đố。

Vì nhân duyên gì mà A-la-hán với A-la-hán lại sanh tâm ganh tỵ? Ta nói những người đó là người ngu si, theo Ta thì A-la-hán không sanh tâm ganh tỵ

而汝自生惡邪見耳。若言苦得是羅漢者。

nhi nhữ tự sanh ác tà kiến nhĩ. nhược ngôn Khổ Đắc thị la hán giả。

nhưng ông tự sanh ác tà kiến vậy. Nếu nói Khổ Đắc là La-hán

却後七日當患宿食腹痛而死。死已生於食吐鬼中。

khước hậu thất nhật đương hoạn tú thực phúc thống nhi tử. tử dĩ sanh ư thực thổ quỷ trung。

thì sau bảy ngày nữa sẽ bị bệnh ăn đêm đau bụng mà chết, chết rồi thì sinh vào chỗ nôn thức ăn trong loài quỷ.

其同學輩當舁其尸置寒林中。

kỳ đờng học bối đương du kỳ thi trí hàn lâm trung。

Bọn đờng học của kẻ kia sẽ cùng nhau khiêng thi thể kia đặt ở trong rừng lạnh.

爾時善星即往苦得尼乾子所語言。長老。汝今知不。

Nhĩ thời Thiện Tinh tức vãng Khổ Đắc ni kiền tử sở ngữ ngôn. Trưởng Lão. nhữ kim trí phủ。

Lúc bấy giờ Thiện Tinh liền đến chỗ Khổ Đắc Ni-kiền tử nói rằng: Trưởng lão! Ông nay biết không?

沙門瞿曇記汝。七日當患宿食腹痛而死。

Sa-môn Cồ Đàm kí nhữ. thất nhật đương hoạn tú thực phúc thống nhi tử.

Sa-môn Cồ Đàm ký thác người, bảy ngày nữa sẽ bị bệnh ăn đêm đau bụng mà chết.

死已生於食吐鬼中。同學同師當。

tử dĩ sanh ư thực thổ quỷ trung. đồng học đồng sư đương.

chết rồi sanh trong loài quỷ nôn thức ăn ra, bạn đồng học đồng sư sẽ

昇汝尸置寒林中。長老。好善思惟作諸方便。

Du nhữ thi trí hàn lâm trung. Trưởng Lão. hảo thiện tư duy tác chư phương tiện.

khiêng thi thể của ông đặt trong rừng lạnh. Trưởng lão: khéo léo nghĩ cách hay làm các phương tiện

當令瞿曇墮妄語中。爾時苦得聞是語已即便斷食。

đương linh Cồ Đàm đọa vọng ngữ trung. Nhĩ thời Khổ Đắc văn thị ngữ dĩ tức tiện đoạn thực.

sẽ khiến Cồ Đàm mặc vào tội vọng ngữ. Lúc bấy giờ Khổ Đắc nghe lời đó rồi tức liền chấm dứt ăn,

從初一日乃至六日。滿七日已便食黑蜜。

Tùng sơ nhất nhật nãi chí lục nhật. mãn thất nhật dĩ tiện thực hắc mật.

Từ ngày ban đầu cho đến ngày thứ sáu, đủ bảy ngày rồi liền ăn mật ong đen,

食黑蜜已復飲冷水飲冷水已腹痛而終。

Thực hắc mật dĩ phục ẩm lãnh thủy ẩm lãnh thủy dĩ phúc thống nhi chung.

ăn mật ong đen rồi lại uống nước lạnh uống nước lạnh rồi đau bụng mà chết,

終已同學昇其尸喪置寒林中。

chung dĩ đồng học du kỳ thi tang trí hàn lâm trung.

chết rồi bạn đồng học cùng nhau khiêng thầy kia chôn cất trong rừng lạnh,

即受食吐餓鬼之形在其尸邊。善星比丘聞是事已。

tức thọ thực thổ dạ quỷ chi hình tại kỳ thi biên. Thiện Tinh Tỳ-kheo văn thị sự dĩ.

liền nhận thức ăn nôn ra hình của Dạ quỷ ở bên thầy kia. Tỳ-kheo Thiện Tinh nghe việc đó rồi,

至寒林中見苦得身。受食吐形在其尸邊蹠脊蹲地。

chí hàn lâm trung kiến Khổ Đắc thân。thọ thực thổ hình tại kỳ thi biên quyền tích tồn địa。

đến trong rừng lạnh thấy thân Khổ Đắc, nhận thức ăn nôn ra hình ở bên thầy kia, ngồi xồm trên đất。

善星語言。大德死耶。苦得答言。我已死矣。

Thiện Tinh ngữ ngôn。Đại Đức tử da。Khổ Đắc đáp ngôn。ngã dĩ tử hĩ。

Thiện Tinh nói rằng: Đại đức rồi chết chẳng? Khổ Đắc đáp rằng: Ta đã chết。

云何死耶。答言。因腹痛死。誰出汝尸。答言。同學。

Vân hà tử da。đáp ngôn。nhân phúc thống tử。thùy xuất nhữ thi。đáp ngôn。đồng học。

Vì sao chết ư? Đáp rằng: Nhân đau bụng mà chết, ai đem vất thân ông? Đáp rằng: Đồng học。

出置何處。答言。癡人汝今不識是寒林耶。

Xuất trí hà xứ。Đáp ngôn。si nhân nhữ kim bất thức thị hàn lâm da。

Đem đi để chỗ nào? Đáp rằng: Này kẻ ngu si! ông nay không biết đây là rừng lạnh sao?

得何等身。答言。我得食吐鬼身。善星。

Đắc hà đẳng thân。Đáp ngôn。Ngã đắc thực thổ quỷ thân。Thiện Tinh。

Được những thân gì? Đáp rằng: Ta được thân quỷ ăn thức ăn nôn ra。Thiện Tinh!

諦聽如來善語真語時語義語法語。善星。

Để thính Như Lai thiện ngữ chân ngữ thời ngữ nghĩa ngữ Pháp ngữ。Thiện Tinh。

Lắng nghe Như Lai nói lời khéo léo, nói lời chân thật, nói đúng lúc, nói đúng nghĩa, nói như pháp。Thiện Tinh!

如來口出如是實語。汝於爾時云何不信。

Như Lai khẩu xuất như thị thật ngữ。nhữ ư nhĩ thời vân hà bất tín。

Như Lai phát ra lời nói chân thật như vậy, ông ở lúc đó vì sao không tin?

若有眾生不信如來真實語者。彼亦當受如我此身。

Nhược hữu chúng sanh bất tín Như Lai chân thật ngữ giả。bỉ diệc đương thọ như ngã tử thân。

Nếu có chúng sanh không tin lời nói chân thật của Như Lai thì người kia cũng sẽ thọ thân này như Ta。

爾時善星即還我所作如是言。世尊。

Nhĩ thời Thiện Tinh tức hoàn ngã sở tác như thị ngôn. Thế Tôn。

Lúc bấy giờ Thiện Tinh liền trở về chỗ Ta nói lời thế này: Bạch đức Thế Tôn!

苦得尼乾命終之後生三十三天。我言癡人。

Khổ Đắc ni kiền mạng chung chi hậu sanh Tam thập tam Thiên。ngã ngôn si nhân。

Ni-kiền Khổ Đắc sau khi mạng chung sanh lên cõi Trời Ba Mươi Ba. Ta nói rằng: Này kẻ ngu si!

阿羅漢者無有生處。云何而言苦得生於三十三天。世尊。

A La Hán giả vô hữu sanh xử。vân hà nhi ngôn Khổ Đắc sanh ư tam thập tam Thiên。 Thế tôn。

A-la-hán đó không có nơi sanh, vì sao lại nói ông Khổ Đắc sanh cõi Trời Ba mươi ba?

Bạch đức Thế Tôn!

實如所言苦得尼乾。實不生於三十三天。

Thật như sở ngôn Khổ Đắc ni kiền。 thật bất sanh ư Tam thập tam Thiên。

Thật như lời nói Ni-kiền Khổ Đắc, đúng là chẳng sanh ở cõi Trời Ba mươi ba.

今受食吐餓鬼之身。我言癡人。諸佛如來誠言無二。

Kim thọ thực thổ dạ quỷ chi thân。ngã ngôn si nhân。chư Phật như lai thành ngôn vô nhị。

Nay thọ thức ăn nôn ra của thân Dạ quỷ. Ta nói rằng: Này kẻ ngu kia! Chư Phật Như Lai lời nói thành thật không hai,

若言如來有二者無有是處。善星即言。

Nhược ngôn Như Lai hữu nhị ngôn giả vô hữu thị xử。Thiện Tinh tức ngôn。

nếu nói Như Lai có nói hai lời thì không có lẽ đó. Thiện Tinh liền nói:

如來爾時雖作是說我於是事都不生信。

Như Lai nhĩ thời tuy tác thị thuyết ngã ư thị sự đô bất sanh tín。

Lúc bấy giờ Như Lai tuy nói lời này, ta đối với việc đó đều chẳng sanh tin.

善男子。我亦常為善星比丘說真實法。

Thiện nam tử。Ngã diệc thường vi Thiện Tinh Tỳ-kheo thuyết chân thật Pháp。

Thiện nam tử! Ta cũng thường vì Tỳ-kheo Thiện Tinh nói Pháp chân thật

而彼絕無信受之心。

nhi bỉ tuyệt vô tín thọ chi tâm。

nhưng ông ấy tuyệt đối không có tâm tin thọ.

善男子。

Thiện nam tử。

Thiện nam tử!

善星比丘雖復讀誦十二部經獲得四禪。乃至不解一偈一句一字之義。

Thiện Tinh Tỳ-kheo tuy phục độc tụng thập nhị bộ Kinh hoạch đắc tứ Thiền. nãi chí bất giải nhất kệ nhất cú nhất tự chi nghĩa。

Tỳ-kheo Thiện Tinh tuy lại đọc tụng Mười hai bộ Kinh chứng được Tứ thiền, đến lúc chẳng hiểu nghĩa của một chữ một câu một bài kệ,

親近惡友退失四禪。失四禪已生惡邪見。

Thân cận ác hữu thối thất tứ Thiền. thất tứ Thiền dĩ sanh ác tà kiến。

gần gũi bạn ác, thối mất Tứ thiền, mất Tứ thiền rồi sanh ác tà kiến,

作如是說無佛無法無有涅槃。沙門瞿曇善知相法。

tác như thị thuyết vô Phật vô Pháp vô hữu Niết-Bàn. Sa-môn Cồ Đàm thiện tri tướng Pháp。

nói lời thế này: Không có Phật, không có Pháp, không có Niết-bàn. Sa-môn Cồ Đàm khéo biết pháp tướng,

是故能得知他人心。我於爾時告善星言。

thị cố năng đắc tri tha nhân tâm. ngã ư nhĩ thời cáo Thiện Tinh ngôn。

vì vậy có thể biết được tâm của người khác. Ta ở lúc đó bảo Thiện Tinh rằng:

我所說法初中後善。其言巧妙字義真正。

Ngã sở thuyết Pháp sơ trung hậu thiện. kỳ ngôn xảo diệu tự nghĩa chân chánh。

Chỗ Ta nói Pháp ban đầu chặng giữa sau cùng. Lời nói khéo léo vi diệu chữ nghĩa chân chánh,

所說無雜具足成就清淨梵行。善星比丘復作是言。

sở thuyết vô tạp cụ túc thành tựu thanh tịnh phạm hạnh. Thiện Tinh Tỳ-kheo phục tác thị ngôn。

chỗ nói không lộn xộn thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh. Tỳ-kheo Thiện Tinh lại thưa rằng:

如來雖復為我說法。而我真實謂無因果。

Như Lai tuy phục vì ngã thuyết Pháp. nhi ngã chân thật vị vô nhân quả。

Như Lai tuy lại vì ta thuyết pháp, mà ta chân thật cho rằng không nhân quả。

善男子。汝若不信如是事者。

Thiện nam tử. nử nhược bất tín như thị sự giả.

Thiện nam tử! Ông nếu không tin việc như thế ấy,

善星比丘今者近在尼連禪河可共往問。

Thiện Tinh Tỳ-kheo kim giả cận tại ni liên Thiên hà khả cộng vãng vấn.

Tỳ-kheo Thiện Tinh nay ấy gần ở sông Ni-liên thuyền có thể cùng đến hỏi.

爾時如來即與迦葉往善星所。善星比丘遙見如來。

Nhĩ thời Như Lai tức dữ Ca-diếp vãng Thiện Tinh sở. Thiện Tinh Tỳ-kheo dao kiến Như Lai.

Lúc bấy giờ Như Lai liền cùng Ca-diếp đến chỗ Thiện Tinh, Tỳ-kheo Thiện Tinh xa thấy Như Lai,

見已即生惡邪之心。

kiến dĩ tức sanh ác tà chi tâm。

thấy rồi liền sanh tâm ác tà.

以惡心故生身陷入墮阿鼻獄善男子。

Dĩ ác tâm cố sanh thân hãm nhập đọa A-tì ngục thiện nam tử.

Vì ác tâm nên khi sau sanh thân đọa vào trong Địa ngục A-tỳ. Thiện nam tử!

善星比丘雖入佛法無量寶聚空無所獲。乃至不得一法之利。

Thiện Tinh Tỳ-kheo tuy nhập Phật Pháp vô lượng bảo tụ không vô sở hoạch. nãi chí bất đắc nhất Pháp chi lợi.

Tỳ-kheo Thiện Tinh tuy vào vô lượng vật báu trong Phật Pháp nhưng cũng không chọn được vật gì cả cho đến không được lợi của một Pháp.

以放逸故惡知識故。

dĩ phóng dật cố ác tri thức cố.

Do phóng dật nên làm ác tri thức,

譬如有人雖入大海多見眾寶而無所得以放逸故。又如入海雖見寶聚自戮而死。

Thí như hữu nhân tuy nhập đại hải đa kiến chúng bảo nhi vô sở đắc dĩ phóng dật cố. hựu như nhập hải tuy kiến bảo tụ tự lục nhi tử.

thí như có người tuy vào biển lớn thấy nhiều vật báu mà không lấy được gì là do buông lung vậy. Lại như vào biển tuy thấy nhiều vật báu nhưng tự phanh thây mà chết.

或為羅剎惡鬼所殺。善星比丘亦復如是。

hoặc vi La sát ác quỷ sở sát. Thiện Tinh Tỳ-kheo diệc phục như thị.
hoặc bị quỷ ác la sát giết chết. Tỳ-kheo Thiện Tinh cũng lại như thế,
入佛法已為惡知識羅刹大鬼之所殺害。善男子。

nhập Phật Pháp dĩ vi ác tri thức La sát Đại quỷ chi sở sát hại. Thiện nam tử.
vào Phật pháp rồi làm ác tri thức nên bị đại quỷ la sát giết hại. Thiện nam tử!
是故如來以憐愍故常說善星多諸放逸。

Thị cố Như Lai dĩ lân mẫn cố thường thuyết Thiện Tinh đa chư phóng dật.
Như thế Như Lai vì long thương xót nên thường nói Thiện Tinh có nhiều buông lung.
善男子。

Thiện nam tử.

Thiện nam tử!

若本貧窮於是人所雖生憐愍其心則薄。若本巨富後失財物。

nhược bản bần cùng ư thị nhân sở tuy sanh lân mẫn kỳ tâm tắc bạc. nhược bản cự phú
hậu thất tài vật。

nếu vốn nghèo khổ, đối với người này tuy sanh tâm thương xót thì cũng rất nhẹ nhàng;

nếu vốn quá giàu có nhưng sau đó bị mất hết tài của thì

於是人所生於憐愍其心則厚。善星比丘亦復如是。

ư thị nhân sở sanh ư lân mẫn kỳ tâm tắc hậu. Thiện Tinh Tỳ-kheo diệc phục như thị。

đối với người đó sanh tâm thương xót thì lại rất sâu nặng. Tỳ-kheo Thiện Tinh cũng lại như
thế,

受持讀誦十二部經獲得四禪。然後退失甚可憐愍。

Thọ trì độc tụng Thập nhị bộ Kinh hoạch đắc Tứ thiền. nhiên hậu thối thất thậm khả lân
mẫn。

thọ trì đọc tụng Mười hai bộ Kinh, chứng quả Tứ thiền, nhưng sau thối thất thì thật là đáng
thương xót.

是故我說善星比丘多諸放逸。

Thị cố ngã thuyết Thiện Tinh Tỳ-kheo đa chư phóng dật。

Vì thế Ta nói Tỳ-kheo Thiện Tinh có nhiều buông lung.

多放逸故斷諸善根。我諸弟子有見聞者。

đa phóng dật cố đoạn chư thiện căn. ngã chư đệ-tử hữu kiến văn giả。

Vì nhiều buông lung nên chặt đứt căn lành. Các đệ tử của ta có người thấy nghe,

於是人所無不生於重憐愍心。如初巨富後失財者。

ư thị nhân sở vô bất sanh ư trọng lân mẫn tâm. như sơ cự phú hậu thất tài giả.
ở chỗ người đó không thể không sanh tâm thương xót nặng nề! Như người ban đầu quá
giàu có sau mất tài của,

我於多年常與善星共相隨逐。而彼自生惡邪之心。

Ngã ư đa niên thường dĩ Thiện Tinh cộng tương tùy trục. nhi bỉ tự sanh ác tà chi tâm.
Ta đã từng nhiều năm thường cùng Thiện Tinh theo đuổi lẫn nhau, mà Thiện Tinh lại tự
sanh tâm xấu ác tà kiến.

以惡邪故不捨惡見。善男子。

dĩ ác tà cố bất xả ác kiến. Thiện nam tử。

Do tà kiến xấu ác nên không xả ác kiến. Thiện nam tử!

我從昔來見是善星有少善根如毛髮許。

Ngã tùng tích lai kiến thị Thiện Tinh hữu thiểu thiện căn như mao phát hứa。

Ta từ xưa đến nay thấy Thiện Tinh có căn lành quá nhỏ như đầu sợi tóc
終不記彼斷絕善根是一闍提廝下之人地獄劫住。

Chung bất kí bỉ đoạn tuyệt thiện căn thị nhất xiển đề tư hạ chi nhân Địa ngục kiếp trụ。
cuối cùng chẳng nhớ kẻ này chặt đứt căn lành là người trú kiếp Địa ngục của Diêm-phù-
đề lẫn nhau.

以其宣說無因無果無有作業。爾乃記彼永斷善根。

Dĩ kỳ tuyên thuyết vô nhân vô quả vô hữu tác nghiệp. nhĩ nãi kí bỉ vĩnh đoạn thiện căn。

Do kẻ đó tuyên nói rằng, không nhân không quả, không có tác nghiệp, như thế kia vĩnh
viễn đoạn mất thiện căn,

是一闍提廝下之人地獄劫住。善男子。

Thị nhất xiển đề tư hạ chi nhân Địa ngục kiếp trụ. Thiện nam tử。

là kẻ thấp hèn Diêm-phù-đề, ở mãi muôn kiếp trong địa ngục. Thiện nam tử!

譬如有人沒圍廁中。有善知識以手撓之。

thí như hữu nhân một thanh xí trung. hữu thiện tri thức dĩ thủ nạo chi。

Thí như có người bị rơi trong nhà xí, có thiện tri thức dùng tay kéo lên,

若得首髮便欲拔出。久求不得爾乃息意。

Nhược đắc thủ phát tiện dục bạt xuất. cửu cầu bất đắc nhĩ nãi tức ý。

nếu cầm được đầu tóc liền muốn vớt ra, tìm lâu không được như thế mới thôi.

我亦如是求覓善星微少善根便欲拔濟。

Ngã diệp như thị cầu mịch Thiện Tinh vi thiếu thiện căn tiện dục bạt tế.

Ta cũng như vậy, tìm Thiện Tinh một chút nhiệm màu thiện căn liền muốn cứu giúp, 終日求之乃至不得如毛髮許。是故不得拔其地獄。迦葉菩薩言。

Chung nhật cầu chi nãi chí bất đắc như mao phát hứa。 thị cố bất đắc bạt kỳ Địa ngục。 ca diệp Bồ Tát ngôn。

suốt ngày tìm mãi, đến khi không được, như đầu sợi tóc, vì thế không được ra khỏi Địa ngục kia. Bồ-tát Ca-diếp nói:

世尊。如來何故記彼當墮阿鼻地獄。善男子。

Thế Tôn。 Như Lai hà cố kí bỉ đương đọa A-tì Địa ngục。 Thiện nam tử。

Bạch đức Thế Tôn! Tại sao Như Lai ký thác kẻ kia sẽ đọa Địa ngục A-tỳ? Thiện nam tử! 善星比丘多有眷屬。

Thiện Tinh Tỳ-kheo đa hữu quyến thuộc。

Tỳ-kheo Thiện Tinh có nhiều bà con, 皆謂善星是阿羅漢是得道果。我欲壞彼惡邪心故。

giai vị Thiện Tinh thị A La Hán thị đắc đạo quả。 ngã dục hoại bỉ ác tà tâm cố。

đều bảo Thiện Tinh là A-la-hán là chứng đạo quả, ta muốn phá hoại tâm tà kiến xấu ác kia vậy。

記彼善星以放逸故墮於地獄。善男子。

kí bỉ Thiện Tinh dĩ phóng dật cố đọa ư Địa ngục。 Thiện nam tử。

Kia nhớ (biết) Thiện Tinh vì buông lung nên đọa vào Địa ngục. Thiện nam tử!

汝今當知如來所說真實無二。何以故。若佛所記當墮地獄。

Nhữ kim đương tri Như Lai sở thuyết chân thật vô nhị。 hà dĩ cố。 nhược Phật sở kí đương đọa Địa ngục。

Ông nay phải biết lời Như Lai nói chân thật không hai, vì sao vậy? Nếu Phật đã ghi nhận sẽ đọa Địa ngục

若不墮者無有是處。聲聞緣覺所記蒞者。

Nhược bất đọa giả vô hữu thị xứ。 Thanh văn Duyên giác sở kí biệt giả。

mà không có việc đọa đó thì đây là điều không thể. Sự kí nhận đối với Thanh văn, Duyên giác có sai khác

則有二種或虛或實。

tắc hữu nhị chủng hoặc hư hoặc thật.

tức là có hai thứ: hoặc hư, hoặc thật.

如目犍連在摩伽陀國遍告諸人。却後七日天當降雨時竟不雨。

Như Mục-kiền-liên tại ma đà đà quốc biến cáo chư nhân。khước hậu thất nhật Thiên
đương hàng vũ thời cánh bất vũ。

Như Mục-kiền-liên ở nước Ma-già-đà thông báo khắp mọi người rằng, sau bảy ngày nữa
Trời sẽ mưa nhưng cuối cùng trời không mưa.

復記牯牛當生白犢。及其產時乃產駁犢。

Phục kí tự ngưu đương sanh bạch độc。cập kỳ sản thời nãi sản bác độc。

Lại bảo trâu cái sẽ sanh nghé màu trắng nhưng khi kia sanh liền sanh trâu loang lổ;

記生男者後乃產女。

kí sanh nam giả hậu nãi sản nữ。

bảo sanh con trai sau lại sanh con gái.

善男子。善星比丘常為無量諸眾生等。

Thiện nam tử。Thiện Tinh Tỳ-kheo thường vì vô lượng chư chúng sanh đẳng。

Thiện nam tử! Tỳ-kheo Thiện Tinh thường vì vô lượng chúng sanh v.v..

宣說一切無善惡果。爾時永斷一切善根。

tuyên thuyết nhất thiết vô thiện ác quả。nhĩ thời vĩnh đoạn nhất thiết thiện căn。

mà tuyên nói rằng, hết thấy không có quả thiện quả ác thì ngay khi đó vĩnh viễn đoạn mất
tất cả thiện căn

乃至無有如毛髮許。善男子。

nãi chí vô hữu như mao phát hứa。Thiện nam tử。

cho đến không có sợi tơ kẻ tóc. Thiện nam tử!

我久知是善星比丘當斷善根。猶故共住滿二十年畜養共行。

ngã cửu tri thị Thiện Tinh Tỳ-kheo đương đoạn thiện căn。do cố cộng trụ mãn nhị thập
niên súc dưỡng cộng hành。

Xưa Ta từng biết, Tỳ-kheo Thiện Tinh sẽ đoạn mất thiện căn, do vậy nên cùng ở tròn hai
mười năm nuôi dưỡng và cùng làm,

我若遠棄不近左右。

Ngã nhược viễn khí bất cận tả hữu。

Ta nếu rời xa, chẳng gần tả hữu

是人當教無量眾生造作惡業。是名如來第五解力。世尊。

thị nhân đương giáo vô lượng chúng sanh tạo tác ác nghiệp. thị danh Như Lai đệ ngũ giải lực. Thế Tôn.

thì người này sẽ dạy vô lượng chúng sanh tạo tác nghiệp xấu, nên gọi Như Lai là giải lực thứ năm. Bạch đức Thế Tôn!

一闍提輩以何因緣無有善法善男子。

Nhất xiển đề bối dĩ hà nhân duyên vô hữu thiện Pháp thiện nam tử.

Hạng nhứt-xiển-đề vì nhân duyên gì không có thiện pháp? Thiện nam tử!

一闍提輩斷善根故眾生悉有信等五根。而一闍提輩永斷滅故。

Nhất xiển đề bối đoạn thiện căn cố chúng sanh tất hữu tín đẳng ngũ căn. nhi nhất xiển đề bối vĩnh đoạn diệt cố.

Hạng nhứt-xiển-đề đoạn mất thiện căn nên chúng sanh đều có tín v.v.. nhưng hạng nhứt-xiển-đề vĩnh viễn đoạn mất vậy.

以是義故。殺害蟻子猶得殺罪。

Dĩ thị nghĩa cố. sát hại nhĩ tử do đắc sát tội.

Do nghĩa đó nên khi giết hại con kiến còn phải mắc tội

殺一闍提無有殺罪。世尊。一闍提者終無善法。

sát nhất xiển đề vô hữu sát tội. Thế Tôn. nhất xiển đề giả chung vô thiện Pháp.

nhưng giết Nhứt-xiển-đề không có tội sát hại. Bạch đức Thế Tôn! Nhứt-xiển-đề thì trọn đời không có thiện pháp

是故名為一闍提耶。佛言。如是如是。世尊。

thị cố danh vi nhất xiển đề da. Phật ngôn. như thị như thị. Thế Tôn.

vì vậy gọi là nhứt-xiển-đề chăng? Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy. Bạch đức Thế Tôn!

一切眾生有三種善。所謂過去未來現在。

Nhất thiết chúng sanh hữu tam chủng thiện. sở vị quá khứ vị lai hiện tại.

Tất cả chúng sanh có ba loại thiện: Tức là quá khứ, hiện tại và vị lai,

一闍提輩亦不能斷未來善法。

Nhất xiển đề bối diệt bất năng đoạn vị lai thiện Pháp.

nhưng nhứt-xiển-đề cũng không thể đoạn mất thiện pháp đời vị lai.

云何說言斷諸善法名一闍提耶善男子。斷有二種。一者現在滅。

Vân hà thuyết ngôn đoạn chư thiện Pháp danh nhất xiển đề da thiện nam tử. đoạn hữu nhị chủng. nhất giả hiện tại diệt.

Vì sao nói rằng đoạn các thiện pháp gọi nhứt-xiển-đề ư. Thiện nam tử! Đoạn có hai thứ: một là hiện tại diệt,

二者現在障於未來。一闡提輩具。足二斷。

nhị giả hiện tại chướng ư vị lai. Nhất xiển đề bối cụ. túc nhị đoạn.

hai là hiện tại chướng ngại đối với vị lai. Nhứt-xiển-đề đầy đủ hai thứ đoạn,

是故我言斷諸善根。善男子。譬如有人沒圍廁中。

Thị cố ngã ngôn đoạn chư thiện căn. Thiện nam tử. thí như hữu nhân một thanh xí trung.

vì thế ta nói chặt đứt các thiện căn. Thiện nam tử! Thí như có người rơi vào nhà xí nhưng 唯有一髮毛頭未沒。雖復一髮毛頭未沒。

duy hữu nhất phát mao đầu vị một. tuy phục nhất phát mao đầu vị một.

chỉ còn một đầu sợi tóc chưa chìm. Mặc dù chỉ còn lại một đầu sợi tóc chưa chìm, 而一毛頭不能勝身。一闡提輩亦復如是。

nhì nhất mao đầu bất năng thắng thân. Nhất xiển đề bối diệt phục như thị.

nhưng đầu một sợi lông không thể đưa cả cái than lên thì nhứt-xiển-đề cũng lại như thế, 雖未來世當有善根。而不能救地獄之苦。

Tuy vị lai thế đương hữu thiện căn. nhì bất năng cứu Địa ngục chi khổ.

tuy đời vị lai sẽ có thiện căn nhưng cũng không thể cứu cái khổ của Địa ngục.

未來之世雖可救拔。現在之世無如之何。

Vị lai chi thế tuy khả cứu bạt. hiện tại chi thế vô như chi hà.

Đời của vị lai tuy có thể cứu khỏi, đời của hiện tại sao không như thế?

是故名為不可救濟。以佛性因緣則可得救。

Thị cố danh vi bất khả cứu tế. dĩ Phật tánh nhân duyên tắc khả đắc cứu.

Vì thế gọi là không thể cứu giúp, nhờ nhân duyên Phật tánh thì có thể được cứu.

佛性者非過去非未來非現在。是故佛性不可得斷。

Phật tánh giả phi quá khứ phi vị lai phi hiện tại. thị cố Phật tánh bất khả đắc đoạn.

Phật tánh ấy chẳng phải quá khứ chẳng phải hiện tại chẳng phải vị lai cho nên Phật tánh không thể được đoạn.

如朽敗子不能生芽。一闡提輩亦復如是。世尊。

Như hủ bại tử bất năng sanh nha。 Nhất xiển đề bồi diệc phục như thị。 Thế tôn。
Như cây héo gỗ mục không thể sanh mầm hạng nhứt-xiển-đề cũng lại như thế。 Bạch đức
Thế Tôn!

一闍提輩不斷佛性佛性亦善。

Nhất xiển đề bồi bất đoạn Phật tánh Phật tánh diệc thiện。

Nhứt-xiển-đề không đoạn Phật tánh nhưng Phật tánh vẫn thiện

云何說言斷一切善。善男子。若諸眾生現在世中有佛性者。

Vân hà thuyết ngôn đoạn nhất thiết thiện。 Thiện nam tử。 nhược chư chúng sanh hiện tại
thế trung hữu Phật tánh giả。

có sao nói rằng chặt đứt tất cả thiện? Thiện nam tử! Nếu các chúng sanh trong đời hiện
tại có Phật tánh

則不得名一闍提也。如世間中眾生我性。

tắc bất đắc danh nhất xiển đề dã。 như thế gian trung chúng sanh ngã tánh。

thì không được gọi Nhứt-xiển-đề。 Như trong thế gian ngã tánh chúng sanh,

佛性是常三世不攝。三世若攝名為無常。

Phật tánh thị thường tam thế bất nhiếp。 tam thế nhược nhiếp danh vi vô thường。

Phật tánh là thường ba đời không thâm nhiếp, ba đời nếu thâm nhiếp gọi là vô thường。

佛性未來以當見故。故言眾生悉有佛性。以是義故。

Phật tánh vị lai dĩ đương kiến cố。 cố ngôn chúng sanh tất hữu Phật tánh。 dĩ thị nghĩa
cố。

Phật tánh đời vị lai dùng sẽ thấy vậy, nên nói chúng sanh đều có Phật tánh, do nghĩa đó
vậy。

十住菩薩具足莊嚴乃得少見。迦葉菩薩言。

Thập trụ Bồ Tát cụ túc trang nghiêm nãi đắc thiểu kiến。 ca diệp Bồ Tát ngôn。

Bồ-tát đến địa vị Thập trụ thì trang nghiêm đầy đủ mới được thấy ít。 Bồ-tát Ca-diệp thưa
rằng:

世尊。佛性者常猶如虛空。

Thế tôn。 Phật tánh giả thường do như hư không。

Bạch đức Thế Tôn! Phật tánh ấy Thường giống như hư không,

何故如來說言未來。如來若言一闍提輩無善法者。

Hà cổ Như Lai thuyết ngôn vị lai. Như Lai nhược ngôn nhất xiển đề bối vô thiện Pháp giả.

vì sao Như Lai nói nghĩa vị lai? Thừa Như Lai, nếu nói bọn Nhứt-xiển-đề không có thiện pháp

一闡提輩於其同學同師父母親族妻子。

Nhất xiển đề bối ư kỳ đồng học đồng sư phụ mẫu thân tộc thê tử。

thì Nhứt-xiển-đề đối xử với bạn đồng học đồng thầy cha mẹ thân thích vợ con của họ

豈當不生愛念心耶。如其生者非是善乎。佛言。善哉善哉。

khởi đương bất sanh ái niệm tâm da. như kỳ sanh giả phi thị thiện hồ. Phật ngôn. Thiện tai Thiện tai.

há không nên sanh tâm thương nhớ sao? Như người này sanh tâm thương nhớ thì chẳng phải là thiện sao? Phật dạy: Lành thay lành thay!

善男子。快發斯問。佛性者猶如虛空。

Thiện nam tử. khoái phát tư vấn. Phật tánh giả do như hư không.

Thiện nam tử! Lành lẽ phát biểu lời hỏi này! Phật tánh ấy giống như hư không,

非過去非未來非現在。一切眾生有三種身。

phi quá khứ phi vị lai phi hiện tại. nhất thiết chúng sanh hữu tam chủng thân.

chẳng phải quá khứ chẳng phải hiện tại chẳng phải vị lai. Tất cả chúng sanh đều có ba thứ thân,

所謂過去未來現在。

sở vị quá khứ vị lai hiện tại.

tức là quá khứ, hiện tại và vị lai.

眾生未來具足莊嚴清淨之身得見佛性。是故我言佛性未來。善男子。

Chúng sanh vị lai cụ túc trang nghiêm thanh tịnh chi thân đắc kiến Phật tánh. thị cố ngã ngôn Phật tánh vị lai. Thiện nam tử.

Chúng sanh vị lai trang nghiêm đầy đủ, thân thanh tịnh được thấy Phật tánh, vì thế Ta nói Phật tánh vị lai. Thiện nam tử!

我為眾生或時說因為果。或時說果為因。

Ngã vì chúng sanh hoặc thời thuyết nhân vì quả. hoặc thời thuyết quả vì nhân.

Ta vì chúng sanh hoặc khi nói nhân làm quả, hoặc khi nói quả làm nhân,

是故經中說命為食見色為觸。

Thị cổ Kinh trung thuyết mạng vi thực kiến sắc vi xúc.

cho nên trong Kinh nói, có mạng sống là có ăn, thấy sắc là sinh cảm xúc

未來身淨故說佛性。世尊。如佛所說義如是者。

Vị lai thân tịnh cổ thuyết Phật tánh. Thế Tôn. như Phật sở thuyết nghĩa như thị giả.

Thân vị lai trong sạch nên nói là Phật tánh. Bạch đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy, nghĩa như vậy đó.

何故說言一切眾生悉有佛性。善男子。

Hà cổ thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Thiện nam tử.

Vì sao nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh? Thiện nam tử!

眾生佛性雖現在無不可言無。如虛空性雖無現在不得言無。

Chúng sanh Phật tánh tuy hiện tại vô bất khả ngôn vô. như hư không tánh tuy vô hiện tại bất đắc ngôn vô.

Phật tánh chúng sanh tuy hiện tại không thể nói không, như tánh của hư không tuy hiện tại không thể nói không.

一切眾生雖復無常而是佛性常住無變。

Nhất thiết chúng sanh tuy phục vô thường nhi thị Phật tánh thường trụ vô biến.

Tất cả chúng sanh tuy lại vô thường mà là Phật tánh thường trú không biến đổi, 是故我於此經中說。眾生佛性非內非外。

Thị cổ ngã ư thử Kinh trung thuyết. chúng sanh Phật tánh phi nội phi ngoại.

vì thế Ta nói ở trong Kinh này, Phật tánh chúng sanh chẳng trong chẳng ngoài, 猶如虛空非內非外。如其虛空有內外者。

do như hư không phi nội phi ngoại. như kỳ hư không hữu nội ngoại giả.

giống như hư không chẳng trong chẳng ngoài, như hư không kia có trong có ngoài.

虛空不名為一為常。亦不得言一切處有。

Hư không bất danh vi nhất vi thường. diệc bất đắc ngôn nhất thiết xứ hữu.

Hư không không gọi là một, là thường, cũng chẳng được nói tất cả xứ hữu.

虛空雖復非內非外。而諸眾生悉皆有之。

Hư không tuy phục phi nội phi ngoại. nhi chư chúng sanh tất giai hữu chi.

Hư không tuy lại chẳng trong chẳng ngoài nhưng các chúng sanh tất cả đều có.

眾生佛性亦復如是。如汝所言一闍提輩有善法者。

Chúng sanh Phật tánh diệp phục như thị. như nữ sở ngôn nhất xiển đề bối hữu thiện Pháp giả.

Phật tánh trong chúng sanh cũng lại như thế, như lời ông nói Nhứt-xiển-đề có thiện pháp 是義不然。何以故。一闍提輩若有身業口業意業。

thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố. Nhất xiển đề bối nhược hữu thân nghiệp khẩu nghiệp ý nghiệp.

thì nghĩa này không đúng, vì sao vậy? Nhứt-xiển-đề hoặc có thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp,

取業求業施業解業。如是等業悉是邪業。

thủ nghiệp cầu nghiệp thí nghiệp giải nghiệp. như thị đẳng nghiệp tất thị tà nghiệp.

thủ nghiệp, cầu nghiệp, thí nghiệp, giải nghiệp, những nghiệp như thế đều là tà nghiệp.

何以故。不求因果故。善男子。

Hà dĩ cố. bất cầu nhân quả cố. Thiện nam tử.

Vì sao vậy? Vì không cầu nhân quả vậy. Thiện nam tử!

如呵梨勒果根莖枝葉花實悉苦。一闍提業亦復如是。

Như ha lê lạc quả căn hành chi diệp hoa thật tất khổ. Nhất xiển đề nghiệp diệp phục như thị.

Như quả Ha-lê-lạc gốc cọng nhánh lá hoa thật đều đắng, nghiệp Nhứt-xiển-đề cũng lại như thế.

善男子。如來具足知諸根力。

Thiện nam tử. Như Lai cụ túc tri chư căn lực.

Thiện nam tử! Như Lai đầy đủ biết các căn lực,

是故善能分別眾生上中下根。能知是人轉下作中。

Thị cố thiện năng phân biệt chúng sanh thượng trung hạ căn. năng tri thị nhân chuyển hạ tác trung.

Vì vậy khéo có thể phân biệt thượng căn trung căn hạ căn của chúng sanh, có thể người đó chuyển từ hạ căn làm trung căn,

能知是人轉中作上。能知是人轉上作中。

năng tri thị nhân chuyển trung tác thượng. năng tri thị nhân chuyển thượng tác trung.

có thể biết người đó chuyển trung căn làm thượng căn, biết người đó chuyển thượng căn làm trung căn,

能知是人轉中作下。

năng tri thị nhân chuyển trung tác hạ。

có thể biết người đó chuyển trung căn làm hạ căn.

是故當知眾生根性無有決定。以無定故或斷善根斷已還生。

Thị cố đương tri chúng sanh căn tánh vô hữu quyết định。 dĩ vô định cố hoặc đoạn thiện căn đoạn dĩ hoàn sanh。

Vì vậy nên biết căn tánh chúng sanh không có quyết định, vì không quyết định nên hoặc đoạn thiện căn đoạn rồi sanh trở lại.

若諸眾生根性定者。終不先斷斷已復生。

Nhược chư chúng sanh căn tánh định giả。 chung bất tiên đoạn đoạn dĩ phục sanh。

Nếu các chúng sanh căn tánh định ấy, trọn trước không đoạn đoạn rồi sanh lại.

亦不應說一闍提輩墮於地獄壽命一劫。善男子。

diệc bất ứng thuyết nhất xiển đề bối đọa ư Địa ngục thọ mạng nhất kiếp。 Thiện nam tử。

cũng chẳng nên nói nhứt-xiển-đề đọa vào Địa ngục thọ mạng một kiếp。 Thiện nam tử!

是故如來說一切法無有定相。迦葉菩薩白佛言。

Thị cố Như Lai thuyết nhất thiết Pháp vô hữu định tướng。 Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn。

Vì thế Như Lai nói tất cả pháp không có định tướng。 Bồ-tát Ca-diếp bạch đức Phật rằng:

世尊。如來具足知諸根力。定知善星當斷善根。

Thế Tôn。 Như Lai cụ túc tri chư căn lực。 định tri Thiện Tinh đương đoạn thiện căn。

Thưa đức Thế Tôn! Như Lai biết đầy đủ các căn lực, biết chắc Thiện Tinh sẽ đoạn thiện căn。

以何因緣。聽其出家。佛言。善男子。

Dĩ hà nhân duyên。 thỉnh kỳ xuất gia。 Phật ngôn。 Thiện nam tử。

Cớ sao lại cho phép ông ấy xuất gia? Phật dạy: Thiện nam tử!

我於往昔初出家時。吾弟難陀。從弟阿難。調婆達多。

Ngã ư vãng tích sơ xuất gia thời。 ngô đệ Nan-đà。 tòng đệ A-nan。 Điều-bà-đạt-đa。

Ta ở xưa kia khi ban đầu xuất gia, em Ta là Nan-đà, theo em A-nan là Điều-bà-đạt-đa。

子羅睺羅。如是等輩皆悉隨我出家修道。

tử La-hầu-la。 như thị đẳng bối giai tất tùy ngã xuất gia tu đạo。

Con là La-hầu-la, những người như thế thầy đều theo Ta xuất gia tu đạo,

我若不聽善星出家。其人次當得紹王位。

Ngã nhược bất thính Thiện Tinh xuất gia. kỳ nhân thứ đương đắc thiệu Vương vị。

nếu Ta không cho Thiện Tinh xuất gia, thì kẻ kia sẽ được kế thừa ngôi Vua,

其力自在當壞佛法。以是因緣我便聽其出家修道。

Kỳ lực tự-tại đương hoại Phật Pháp. dĩ thị nhân duyên ngã tiện thính kỳ xuất gia tu đạo。

sẽ có sức mạnh tự tại, ông ấy sẽ hoại Phật Pháp, vì lý do đó Ta liền cho kia xuất gia tu đạo.

善男子。善星比丘若不出家亦斷善根。

Thiện nam tử. Thiện Tinh Tỳ-kheo nhược bất xuất gia diệt đoạn thiện căn。

Thiện nam tử! Tỳ-kheo Thiện Tinh nếu không xuất gia cũng chặt đứt thiện căn.

於無量世都無利益。今出家已雖斷善根。

ư vô lượng thế đô vô lợi ích. kim xuất gia dĩ tuy đoạn thiện căn。

ở vô lượng đời đều không được lợi ích. Nay xuất gia rồi tuy chặt đứt thiện căn,

能受持戒供養恭敬耆舊長宿有德之人。

năng thọ trì giới cúng dường cung kính kì cựu trưởng túc hữu đức chi nhân。

có thể thọ trì giới, cung kính cúng dường người già cả tuổi lớn có đức.

修習初禪乃至四禪。是名善因。如是善因能生善法。

Tu tập sơ Thiền nãi chí tứ Thiền. thị danh thiện nhân. như thị thiện nhân năng sanh thiện Pháp。

Tu tập Sơ thiền cho đến Tứ thiền là gọi thiện nhân, thiện nhân như thế mới sanh thiện pháp,

善法既生能修習道。

thiện Pháp ký sanh năng tu tập đạo。

thiện pháp đã sanh thường tu tập đạo,

既修習道當得阿耨多羅三藐三菩提。是故我聽善星出家。善男子。

ký tu tập đạo đương đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề. thị cố ngã thính thiện tinh xuất gia. Thiện nam tử。

đã tu tập đạo sẽ được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Vì vậy Ta cho Thiện Tinh xuất gia. Thiện nam tử!

若我不聽善星比丘出家受戒。

Nhược ngã bất thính Thiện Tinh Tỳ-kheo xuất gia thọ giới。

Nếu Ta không cho Tỳ-kheo Thiện Tinh xuất gia thọ giới,
則不得稱我為如來具足十力。

tắc bất đắc xưng ngã vi Như Lai cụ túc Thập lực。
thì chẳng được xưng Ta là Như Lai đầy đủ Thập lực。

善男子。佛觀眾生具足善法及不善法。

Thiện nam tử. Phật quán chúng sanh cụ túc thiện Pháp cập bất thiện Pháp。

Thiện nam tử! Đức Phật quán chúng sanh đầy đủ thiện pháp cùng pháp bất thiện。

是人雖具如是二法。

thị nhân tuy cụ như thị nhị Pháp。

Người đó tuy đầy đủ hai pháp như thế thì

不久能斷一切善根具不善根。何以故。

bất cứu năng đoạn nhất thiết thiện căn cụ bất thiện căn。Hà dĩ cố。

không lâu có thể đoạn tất cả thiện căn làm bất thiện căn。Vi sao vậy?

如是眾生不親善友不聽正法不善思惟不如法行。

Như thị chúng sanh bất thân thiện hữu bất thính chánh Pháp bất thiện tư duy bất như
Pháp hành。

Chúng sanh như thế không thân gần bạn lành, không nghe chánh pháp không khéo suy
nghĩ không như pháp hành,

以是因緣能斷善根具不善根。善男子。

dĩ thị nhân duyên năng đoạn thiện căn cụ bất thiện căn。Thiện nam tử。

vi lý do đó có thể đoạn thiện căn làm bất thiện căn。Thiện nam tử!

如來復知是人現世若未來世少壯老時。當近善友聽受正法苦集滅道。

Như Lai phục tri thị nhân hiện thế nhược vị lai thế thiếu tráng lão thời。đương cận thiện
hữu thính thọ chánh Pháp khổ tập diệt đạo。

Như Lai lại biết người đó, trong hiện tại nay hoặc đời vị lai, vào độ tuổi thiếu niên, tuổi
thanh niên mạnh khoẻ, khi về già yếu đều gần thiện hữu nghe thọ chánh pháp Khổ Tập
Diệt Đạo

爾時則能還生善根。善男子。

Nhĩ thời tắc năng hoàn sanh thiện căn。Thiện nam tử。

thì lúc ấy có thể trở lại sanh thiện căn。Thiện nam tử!

譬如有泉去村不遠。其水甘美具八功德。有人熱渴欲往泉所。

Thí như hữu tuyền khứ thôn bất viễn。 kỳ thủy cam mỹ cụ bát công đức。 hữu nhân nhiệt khát dục vãng tuyền sở。

Thí như có dòng suối cách xóm làng không xa, nước kia ngọt ngon đủ tám thứ công đức, có người nóng khát muốn đến chỗ suối kia,

邊有智者觀是渴人。必定無疑當至水所。

biên hữu trí giả quán thị khát nhân。 tất định vô nghi đương chí thủy sở。

người trí lân cận xem thấy người khát này chắc chắn sẽ đến chỗ nước。

何以故。無異路故。如來世尊。

Hà dĩ cố。 vô dị lộ cố。 Như Lai Thế Tôn。

Vì sao vậy? Vì không có nào đường khác vậy。 Như Lai Thế Tôn

觀諸眾生亦復如是。是故如來名為具足知諸根力。

Quán chư chúng sanh diệc phục như thị。 thị cố Như Lai danh vi cụ túc tri chư căn lực。

quán các chúng sanh cũng lại như thế, vì vậy Như Lai gọi là biết đầy đủ các căn lực。

爾時世尊取地少土置之爪上。告迦葉言。是土多耶。

Nhĩ thời Thế Tôn thủ địa thiếu thổ trí chi trào thượng。 cáo Ca-diếp ngôn。 thị độ đa da。

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn lấy chút ít đất cát để lên trên móng chân bảo, Ca-diếp rằng: Là nhiều đất chăng?

十方世界地土多乎。迦葉菩薩白佛言。世尊。

Thập phương thế giới địa thổ đa hồ。 Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn。 Thế Tôn。

Mười phương thế giới đất cát nhiều chăng? Bồ-tát Ca-diếp bạch đức Phật rằng: Thừa đức Thế Tôn!

爪上土者。不比十方所有土也。善男子。

Trào thượng độ giả。 bất bỉ thập phương sở hữu độ dã。 Thiện nam tử。

Đất trên móng chân không sánh bằng đất trong mười phương。 Thiện nam tử!

有人捨身還得人身。捨三惡身得受人身。

Hữu nhân xả thân hoàn đắc nhân thân。 xả tam ác thân đắc thọ nhân thân。

Người đó xả thân trở lại được thân người, xả thân ba đường ác được thọ thân người,

諸根完具生於中國。具足正信能修習道。

Chư căn hoàn cụ sanh ư Trung Quốc。 cụ túc chánh tín năng tu tập đạo。

các căn đầy đủ sanh vào thủ đô, đầy đủ chánh tín hay tu tập đạo,

修習道已能得解脫。得解脫已能入涅槃如爪上土。

Tu tập đạo dĩ năng đắc giải thoát. đắc giải thoát dĩ năng nhập Niết-Bàn như trào thượng độ.

tu tập đạo rồi mới được giải thoát, được giải thoát rồi mới nhập Niết-bàn như đất trên móng chân.

捨人身已得三惡身。捨三惡身得三惡身。

Xả nhân thân dĩ đắc tam ác thân. xả tam ác thân đắc tam ác thân.

Xả thân người rồi được thân ba đường ác, xả thân ba đường ác được thân ba đường ác, 諸根不具生於邊地。信邪倒見修習邪道。

chư căn bất cụ sanh ư biên địa. tín tà đảo kiến tu tập tà đạo.

các căn không đủ sanh ở biên địa, tin tà đảo kiến tu tập tà đạo,

不得解脫常樂涅槃。如十方界所有地土。善男子。

bất đắc giải thoát thường lạc Niết-Bàn. như thập phương giới sở hữu địa thổ. Thiện nam tử.

không được giải thoát Niết-bàn, Thường, lạc, như đất đá mười phương cõi. Thiện nam tử! 護持禁戒精勤不懈。

Hộ trì cấm giới tinh tinh cần bất giải.

Giữ gìn cấm giới, siêng năng không giải đãi,

不犯四重不作五逆不用僧鬘物。不作一闍提不斷善根。

Bất phạm tứ trọng bất tác ngũ nghịch bất dụng tăng man vật. bất tác nhất xiển đề bất đoạn thiện căn.

không phạm bốn giới trọng, không tạo năm tội nghịch, không dùng man vật của chúng tăng, không làm nhứt-xiển-đề không chặt đứt thiện căn.

信如是等涅槃經典。如爪上土。

tín như thị đẳng Niết bàn Kinh điển. như trào thượng thổ.

Tin vào Kinh điển Niết-bàn như thế v.v.. như đất trên móng chân.

毀戒懈怠犯四重禁作五逆罪用僧鬘物。作一闍提斷諸善根。

Hủy giới giải đãi phạm tứ trọng cấm tác ngũ nghịch tội dụng tăng man vật. tác Nhất xiển đề đoạn chư thiện căn.

Hủy giới giải đãi, phạm bốn giới trọng, tạo năm tội nghịch, dùng man vật của chúng tăng, làm nhứt-xiển-đề, chặt đứt thiện căn,

不信是經如十方界所有地土。善男子。

Bất tín thị Kinh như thập phương giới sở hữu địa thổ. Thiện nam tử.
không tin Kinh ấy như đất cát có khắp mười phương cõi. Thiện nam tử!
如來善知眾生如是上中下根。

Như Lai thiện tri chúng sanh như thị thượng trung hạ căn。

Như Lai khéo biết thượng căn trung căn hạ căn của chúng sanh như thế
是故稱佛具知根力迦葉菩薩白佛言。世尊。如來具足是知根力。

Thị cố xưng Phật cụ tri căn lực Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn. Như Lai cụ
túc thị tri căn lực。

cho nên tôn xưng Phật là bậc Biết đủ căn lực. Bồ-tát Ca-diếp bạch đức Phật rằng, Thưa
đức Thế Tôn! Như Lai đầy đủ biết căn lực đó,

是故能知一切眾生上中下根利鈍差別。

thị cố năng tri nhất thiết chúng sanh thượng trung hạ căn lợi độn sai biệt。

vì vậy nên biết tất cả thượng căn, trung căn, hạ căn, lợi căn, độn căn sai khác của chúng
sanh;

知現在世眾生諸根。亦知未來眾生諸根。

Tri hiện tại thế chúng sanh chư căn。diệc tri vị lai chúng sanh chư căn。

biết đời hiện tại các căn chúng sanh, cũng biết các căn chúng sanh trong đời vị lai.

如是眾生於佛滅後作如是說。

Như thị chúng sanh ư Phật diệt hậu tác như thị thuyết。

Chúng sanh như thế sau khi đức Phật diệt độ xưng lời thế này:

如來畢竟入於涅槃。或不畢竟入於涅槃。或說有我或說無我。

Như Lai tất cánh nhập ư Niết-Bàn. hoặc bất tất cánh nhập ư Niết-Bàn. hoặc thuyết hữu
ngã hoặc thuyết vô ngã。

Như Lai rốt ráo nhập Niết-bàn, hoặc không rốt ráo nhập Niết-bàn, hoặc có nói Ngã hoặc
không nói Ngã,

或有中陰或無中陰。或說有退或說無退。

hoặc hữu trung uẩn hoặc vô trung uẩn. hoặc thuyết hữu thối hoặc thuyết vô thối。

hoặc có trung ấm hoặc không trung ấm, hoặc nói có thối thất hoặc nói không thối thất,

或言如來身是有為。或言如來身是無為。

Hoặc ngôn Như Lai thân thị hữu vi. hoặc ngôn Như Lai thân thị vô vi。

hoặc nói Như Lai thân là hữu vi, hoặc nói Như Lai thân là vô vi,

或有說言十二因緣是有為法。

Hoặc hữu thuyết ngôn thập nhị nhân duyên thị hữu vi Pháp。

hoặc có nói rằng Mười hai nhân duyên là pháp hữu vi

或說因緣是無為法。或說心是有常。或說心是無常。

Hoặc thuyết nhân duyên thị vô vi Pháp。 hoặc thuyết tâm thị hữu thường。 hoặc thuyết tâm thị vô thường。

hoặc nói nhân duyên là pháp vô vi, hoặc nói tâm là hữu thường hoặc nói tâm là vô thường,

或有說言受五欲樂能障聖道或說不遮。

Hoặc hữu thuyết ngôn thọ ngũ dục lạc năng chướng Thánh đạo hoặc thuyết bất già。

hoặc có nói hưởng thọ ngũ dục có thể chướng Thánh đạo, hoặc nói không bị che lấp,

或說世第一法唯是欲界或說三界。或說布施唯是意業。

Hoặc thuyết thế đệ nhất Pháp duy thị dục giới hoặc thuyết tam giới。 hoặc thuyết bố thí duy thị ý nghiệp。

hoặc nói Đệ nhất pháp chỉ là Dục giới hoặc nói Tam giới, hoặc nói bố thí chỉ là ý nghiệp,

或有說言即是五陰。或有說言有三無為。

Hoặc hữu thuyết ngôn tức thị ngũ uẩn。 hoặc hữu thuyết ngôn hữu tam vô vi。

hoặc có nói rằng đây là ngũ ấm, hoặc có nói rằng có ba vô vi

或有說言無三無為。復有說言或有造色。

Hoặc hữu thuyết ngôn vô tam vô vi。 phục hữu thuyết ngôn hoặc hữu tạo sắc。

hoặc có nói rằng không ba vô vi。 Lại có nói rằng hoặc có tạo sắc

復有說言或無造色。或有說言有無作色。

Phục hữu thuyết ngôn hoặc vô tạo sắc。 hoặc hữu thuyết ngôn hữu vô tác sắc。

lại có rằng hoặc vô tạo sắc, hoặc có nói rằng hữu vô tác sắc

或有說言無無作色。或有說言有心數法。

hoặc hữu thuyết ngôn vô vô tác sắc。 hoặc hữu thuyết ngôn hữu tâm sở Pháp。

hoặc có nói rằng vô vô tác sắc, hoặc có nói rằng có tâm sở pháp

或有說言無心數法。或有說言有五種有。

Hoặc hữu thuyết ngôn vô tâm sở Pháp。 hoặc hữu thuyết ngôn hữu ngũ chủng hữu。

hoặc có nói rằng không tâm sở pháp, hoặc có nói rằng có năm thứ hữu

或有說言有六種有。或有說言八戒齋。

Hoặc hữu thuyết ngôn hữu lục chủng hữu. hoặc hữu thuyết ngôn bát giới trai.
hoặc có nói rằng có sáu thứ hữu, hoặc có nói rằng có Tám trai giới,
法優婆塞戒具足受得。或有說言不具受得。

Pháp Ưu bà tắc giới cụ túc thọ đắc. hoặc hữu thuyết ngôn bát cụ thọ đắc.
pháp Ưu-bà-tắc giới đầy đủ thọ được, hoặc có nói rằng không đủ thọ được,
或說比丘犯四重已比丘戒在。或說不在。

Hoặc thuyết Tỳ-kheo phạm tứ trọng dĩ Tỳ-kheo giới tại. hoặc thuyết bất tại.
hoặc nói Tỳ-kheo phạm bốn trọng Tỳ-kheo giới mà tồn tại hoặc nói không còn,
或有說言須陀洹人斯陀舍人阿那舍人阿羅漢人皆得佛道。

Hoặc hữu thuyết ngôn Tu đà hoàn nhân Tư đà hàm nhân A na hàm nhân A La Hán nhân
giai đắc Phật đạo。

hoặc có nói rằng người Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm người, A-na-hàm, A-la-hán đều được
Phật đạo

或言不得。或說佛性即眾生有。

Hoặc ngôn bất đắc. hoặc thuyết Phật tánh tức chúng sanh hữu.
hoặc nói không được, hoặc nói Phật tánh tức là chúng sanh hữu
或說佛性離眾生有。

Hoặc thuyết Phật tánh ly chúng sanh hữu。

hoặc nói Phật tánh lìa chúng sanh hữu

或有說言犯四重禁作五逆罪一闍提等皆有佛性。或說言無。或有說言有十方佛。

Hoặc hữu thuyết ngôn phạm tứ trọng cấm tác ngũ nghịch tội nhất xiển đề đẳng giai hữu

Phật tánh. hoặc thuyết ngôn vô. hoặc hữu thuyết ngôn hữu thập phương Phật.

hoặc có nói rằng phạm bốn giới trọng, tạo năm tội nghịch, hàng Nhứt-xiển-đề v.v.. đều có
Phật tánh, hoặc có nói không, hoặc có nói có mười phương Phật
或有說言無十方佛。

Hoặc hữu thuyết ngôn vô thập phương Phật.

Hoặc có nói không có mười phương Phật.

如其如來具足成就知根力者。何故今日不決定說。

Như kỳ Như Lai cụ túc thành tựu tri căn lực giả. hà cố kim nhật bất quyết định thuyết.

Thành tựu biết đầy đủ căn lực của Như Lai như thế vì sao ngày nay không quyết định nói?

佛告迦葉菩薩。善男子。如是之義非眼識知。

Phật cáo Ca-diếp Bồ Tát. Thiện nam tử. Như thị chi nghĩa phi nhãn thức tri.
Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp! Thiện nam tử! Ý nghĩa như thế chẳng phải nhãn thức biết
乃至非意識知。乃是智慧之所能知。

Nãi chí phi ý thức tri. nãi thị trí tuệ chi sở năng tri.
cho đến chẳng phải ý thức biết, là năng tri sở tri của trí huệ.
若有智者我於是人終不作二。是亦謂我不作二說。

Nhược hữu trí giả ngã ư thị nhân chung bất tác nhị. thị diệc vị ngã bất tác nhị thuyết.
Nếu người có trí thì Ta đối người đó trọn không làm hai, cũng là nói Ta không nói hai
thuyết

於無智者作不定說而是無智亦復謂我作不

Ư vô trí giả tác bất định thuyết nhi thị vô trí diệc phục vị ngã tác bất
nhưng đối với người vô trí nói thuyết bất định nói mà là vô trí cũng lại nói Ta
定說。善男子。

định thuyết. Thiện nam tử.

nói thuyết bất định. Thiện nam tử!

如來所有一切善行悉為調伏諸眾生故。

Như Lai sở hữu nhất thiết thiện hạnh tất vi điều phục chư chúng sanh cố.

Như Lai có tất cả thiện hạnh đều vì điều phục các chúng sanh vậy,

譬如醫王所有醫方悉為療治一切病苦。善男子。

Thí như y Vương sở hữu y phương tất vi liệu trì nhất thiết bệnh khổ. thiện nam tử.

thí như y vương có y phương đều vì chữa trị tất cả bệnh khổ. Thiện nam tử!

如來世尊為國土故為時節故為他語故為諸人故為眾根故。

Như Lai Thế Tôn vì quốc độ cố vì thời tiết cố vì tha ngữ cố vì chư nhân cố vì chúng căn
cố。

Như Lai Thế Tôn vì các cõi nước nên vì thời tiết, vì lời nói người khác, vì các người và vì
các căn vậy

於一法中作二種說。於一名法說無量名。

Ư nhất Pháp trung tác nhị chủng thuyết. ư nhất danh Pháp thuyết vô lượng danh。

mà trong một pháp thuyết thành hai thứ. Pháp chỉ có một tên gọi nhưng nói có vô lượng
tên,

於一義中說無量名。於無量義說無量名。

Ư nhất nghĩa trung thuyết vô lượng danh. ư vô lượng nghĩa thuyết vô lượng danh.
trong một nghĩa mà nói vô lượng tên và vô lượng nghĩa thì nói vô lượng tên.

云何一名說無量名。猶如涅槃亦名涅槃。

Vân hà nhất danh thuyết vô lượng danh. do như Niết-Bàn diệc danh Niết-Bàn.

Vì sao chỉ một tên mà nói vô lượng tên? Giống như Niết-bàn cũng gọi Niết-bàn,
亦名無生亦名無出。亦名無作亦名無為。亦名歸依亦名窟宅。

Diệc danh vô sanh diệc danh vô xuất. diệc danh vô tác diệc danh vô vi. diệc danh quy y
diệc danh quật trạch.

cũng gọi vô sanh cũng gọi vô xuất, cũng gọi vô tác, cũng gọi vô vi, cũng gọi quy y, cũng
gọi quật trạch,

亦名解脫亦名光明。亦名燈明亦名彼岸。

Diệc danh giải thoát diệc danh quang-minh. diệc danh đăng minh diệc danh bỉ ngạn.

cũng gọi giải thoát, cũng gọi quang minh, cũng gọi đăng minh, cũng gọi bỉ ngạn,
亦名無畏亦名無退。亦名安處亦名寂靜。

Diệc danh vô úy diệc danh vô thối. diệc danh an xứ diệc danh tịch tĩnh.

cũng gọi vô úy, cũng gọi vô thối, cũng gọi an xứ, cũng gọi tịch tĩnh,

亦名無相亦名無二。亦名一行亦名清涼。

Diệc danh vô tướng diệc danh vô nhị. diệc danh nhất hành diệc danh thanh lương.

cũng gọi vô tướng, cũng gọi vô nhị, cũng gọi nhất hạnh, cũng gọi thanh lương,

亦名無閻亦名無礙。亦名無諍亦名無濁。

Diệc danh vô ám diệc danh vô ngại. diệc danh vô tránh diệc danh vô trước.

cũng gọi vô ám, cũng gọi vô ngại, cũng gọi vô tránh, cũng gọi vô trước,

亦名廣大亦名甘露亦名吉祥。是名一名作無量名。

Diệc danh quảng Đại diệc danh cam lộ diệc danh cát tường. thị danh nhất danh tác vô
lượng danh.

cũng gọi rộng lớn, cũng gọi cam lộ, cũng gọi cát tường, là gọi một tên làm vô lượng tên.

云何一義說無量名。猶如帝釋亦名帝釋。

Vân hà nhất nghĩa thuyết vô lượng danh. do như Đế-thích diệc danh Đế-thích.

Vì sao một nghĩa nói vô lượng tên? Giống như Đế-thích cũng gọi Đế thích,

亦名憍尸迦。亦名婆蹉婆。亦名富蘭陀羅。

Diệc danh Kiêu-thi-ca. diệc danh Bà-tha-bà. diệc danh Phú-lan-đà-la.

cũng gọi Kiêu-thi-ca, cũng gọi Bà-tha-bà, cũng gọi Phú-lan-đà-la,
亦名摩佉婆。亦名因陀羅。亦名千眼。亦名舍支夫。

Diệc danh Ma-khư-bà. diệc danh Nhân-đà-la. diệc danh Thiên-nhãn. diệc danh Xá-chi-phu.

cũng gọi Ma-khư-bà, cũng gọi Nhân-đà-la, cũng gọi Thiên nhãn, cũng gọi Xá-chi-phu,
亦名金剛。亦名寶頂。亦名寶幢。

diệc danh Kim cương. diệc danh Bảo-đảnh. diệc danh Bảo-tràng.

cũng gọi Kim cương, cũng gọi Bảo đảnh, cũng gọi Bảo tràng,

是名一義說無量名。云何於無量義說無量名。

Thị danh nhất nghĩa thuyết vô lượng danh. vân hà ư vô lượng nghĩa thuyết vô lượng danh.

là một nghĩa nhưng nói vô lượng tên. Sao gọi là vô lượng nghĩa mà nói vô lượng tên?

如佛如來亦名如來義。異名異。亦名阿羅。

Như Phật Như Lai diệc danh Như Lai nghĩa. dị danh dị. diệc danh a la.

Như Phật Như Lai cũng gọi Như Lai nghĩa tên gọi khác, cũng gọi tên khác là A-la-

呵義異名異亦名三藐三佛陀義異名異。亦名船師。

ha nghĩa dị danh dị diệc danh tam miệu tam Phật đà nghĩa dị danh dị. diệc danh thuyền sư.

Ha nghĩa, cũng gọi tên khác là Tam miệu tam Phật đà nghĩa, cũng gọi gọi tên khác là

Thuyền sư,

亦名導師。亦名正覺。亦名明行足。

Diệc danh Đạo-sư. diệc danh Chánh-giác. diệc danh Minh-hạnh-Túc.

cũng gọi Đạo sư, cũng gọi Chánh giác, cũng gọi Minh hạnh túc,

亦名大師子王。亦名沙門。亦名婆羅門。亦名寂靜。

diệc danh Đại-sư-tử Vương. diệc danh Sa-môn. diệc danh Bà-la-môn. diệc danh tịch tĩnh.

cũng gọi Đại sư tử Vương, cũng gọi Sa môn, cũng gọi Ba la môn, cũng gọi Tịch tĩnh,

亦名施主。亦名到彼岸。亦名大醫王。亦名大象王。

Diệc danh thí chủ. diệc danh Đáo bỉ ngạn. diệc danh Đại y Vương. diệc danh Đại

Tượng Vương.

cũng gọi Thí chủ, cũng gọi Đáo bỉ ngạn, cũng gọi Đại y vương, cũng gọi Đại tượng vương,

亦名大龍王。亦名施眼。亦名大力士。

Diệt danh Đại long Vương。diệt danh thí nhãn。diệt danh Đại lực sĩ。

cũng gọi Đại long vương, cũng gọi Thí nhãn, cũng gọi Đại lực sĩ,

亦名大無畏。亦名寶聚。亦名商主。亦名得脫。

diệt danh Đại-vô-úy。diệt danh Bảo-tụ。diệt danh Thương-chủ。diệt danh Đắc-thoát。

cũng gọi Đại vô úy, cũng gọi Bảo tụ, cũng gọi Thương chủ, cũng gọi Đắc thoát,

亦名大丈夫。亦名天人師。亦名大分陀利。

diệt danh Đại-trượng-phu。diệt danh Thiên-nhơn-sư。diệt danh Đại-phân đà lợi。

cũng gọi Đại trượng phu, cũng gọi Thiên nhân sư, cũng gọi Phân-đà-lợi,

亦名獨無等侶。亦名大福田。亦名大智慧海。亦名無相。

diệt danh Độc-vô-đẳng-lữ。diệt danh Đại-phước-điền。diệt danh Đại-trí-tuệ hải。diệt

danh Vô-tướng。

cũng gọi Độc vô đẳng lữ, cũng gọi Đại phước điền, cũng gọi Đại trí tuệ hải, cũng gọi Vô

tướng,

亦名具足八智。如是一切義異名異。善男子。

diệt danh cụ túc bát trí。như thị nhất thiết nghĩa dị danh dị。Thiện nam tử。

cũng gọi Cụ Túc Bát Trí, tất cả nghĩa khác tên khác như vậy đó。Thiện nam tử!

是名無量義中說無量名。復有一義說無量名。

Thị danh vô lượng nghĩa trung thuyết vô lượng danh。phục hữu nhất nghĩa thuyết vô

lượng danh。

Đây là trong vô lượng nghĩa nói vô lượng tên。Lại có một nghĩa nói vô lượng danh,

所謂如陰亦名為陰。亦名顛倒。亦名為諦。

sở vị như uẩn diệt danh vi uẩn。diệt danh điên đảo。diệt danh vi đế。

nghĩa là như uẩn cũng gọi là ấm, cũng gọi điên đảo, cũng gọi là đế,

亦名四念處。亦名四食。亦名四識住處。

Diệt danh Tứ-niệm-xứ。diệt danh Tứ-thực。diệt danh Tứ-thức-trụ-xứ。

cũng gọi Tứ niệm xứ, cũng gọi Tứ thực, cũng gọi Tứ thức trú xứ,

亦名為有。亦名為道。亦名為時。亦名眾生。

dDiệt danh vi hữu。diệt danh vi đạo。diệt danh vi thời。diệt danh chúng sanh。

cũng gọi là hữu, cũng gọi là đạo, cũng gọi là thời, cũng gọi là chúng sanh,

亦名為世。亦名第一義。亦名三修謂身戒心。

Diệc danh vi thể. diệc danh Đệ-nhất-nghĩa. diệc danh tam-tu vị thân giới tâm.
cũng gọi là thể, cũng gọi Đệ nhất nghĩa, cũng gọi Tam tu vị thân giới tâm,
亦名因果。亦名煩惱。亦名解脫。亦名十二因緣。

Diệc danh nhân quả. diệc danh phiền não. diệc danh giải thoát. diệc danh thập nhị
nhân duyên。

cũng gọi Nhân quả, cũng gọi phiền não, cũng gọi giải thoát, cũng gọi Mười hai nhân
duyên,

亦名聲聞辟支佛。亦名地獄餓鬼畜生人天。

diệc danh Thanh văn Bích-chi-phật. diệc danh Địa ngục ngạ-quỷ súc-sanh nhân Thiên.
cũng gọi Thanh văn Bích-chi-Phật, cũng gọi Địa ngục Ngạ quỷ Súc sanh người trời,
亦名過去現在未來。是名一義說無量名。

Diệc danh quá khứ hiện tại vị lai. thị danh nhất nghĩa thuyết vô lượng danh。

cũng gọi quá khứ hiện tại vị lai, đây là một nghĩa mà nói vô lượng tên gọi.

善男子。如來世尊為眾生故廣中說略略中說廣。

Thiện nam tử. Như Lai Thế Tôn vì chúng sanh cố quảng trung thuyết lược lược trung
thuyết quảng。

Thiện nam tử! Như Lai Thế Tôn vì chúng sanh nên chỗ rộng nói giản lược, điều giản lược
thì dẫn nói rộng.

第一義諦說為世諦。說世諦法為第一義諦。

Đệ-nhất-nghĩa-đế thuyết vi Thế-đế. thuyết Thế-đế Pháp vi Đệ-nhất-nghĩa-đế。

Đệ nhất nghĩa đế nói là Thế đế, nói pháp Thế đế là Đệ nhất nghĩa đế,

云何名為廣中說略。

Vân hà danh vi quảng trung thuyết lược。

vì sao gọi là trong rộng nói lược?

如告比丘我今宣說十二因緣。云何名為十二因緣。所謂因果。

Như cáo Tỳ-kheo ngã kim tuyên thuyết Thập nhị nhân duyên. vân hà danh vi Thập nhị
nhân duyên. sở vị nhân quả。

Như bảo Tỳ-kheo rằng, Ta nay tuyên nói Mười hai nhân duyên. Vì sao gọi là Mười hai
nhân duyên? Tức là Nhân quả.

云何名為略中說廣。

Vân hà danh vi lược trung thuyết quảng。

Vì sao gọi là trong lượng nói rộng?

如告比丘我今宣說苦集滅道。苦者所謂無量諸苦。

nNư cáo Tỳ-kheo ngã kim tuyên thuyết Khổ Tập Diệt Đạo. Khổ giả sở vị vô lượng chư khổ。

Như bảo Tỳ-kheo Ta nay tuyên nói Khổ Tập Diệt Đạo thì đối với Khổ tức là vô lượng khổ; 集者所謂無量煩惱。滅者所謂無量解脫。道者所謂無量方便。

Tập giả sở vị vô lượng phiền não。Diệt giả sở vị vô lượng giải thoát。Đạo giả sở vị vô lượng phương tiện。

Tập là vô lượng phiền não; Diệt là vô lượng giải thoát; Đạo là vô lượng phương tiện。

云何名為第一義諦說為世諦。

Vân hà danh vi Đệ-nhất-nghĩa-đế thuyết vi Thế-đế。

Vì sao gọi là Đệ nhất nghĩa đế gọi là Thế đế?

如告比丘吾今此身有老病死。

Như cáo Tỳ-kheo ngô kim thử thân hữu lão bệnh tử。

Như bảo Tỳ-kheo rằng, nay thân Ta đây có già bệnh chết。

云何名為世諦說為第一義諦。如告憍陳如汝得法故名阿若憍陳如。

Vân hà danh vi Thế-đế thuyết vi Đệ-nhất-nghĩa-đế。như cáo Kiền-trần-như nhữ đắc Pháp cố danh A-nhã-kiền-trần-như。

Vì sao gọi là Thế đế nói là Đệ nhất nghĩa đế? Như bảo Kiền-trần-như ông đắc pháp nên gọi A-nhã-kiền-trần-như。

是故隨人隨意隨時。故名如來知諸根力。

thị cố tùy nhân tùy ý tùy thời。 cố danh Như Lai tri chư căn lực。

vì vậy tùy người tùy ý tùy thời nên gọi Như Lai là bậc Tri chư căn lực。

善男子。我若當於如是等義作定說者。

Thiện nam tử。 Ngã nhược đương ư như thị đẳng nghĩa tác định thuyết giả。

Thiện nam tử! Ta nếu vì những nghĩa như thế mà nói thuyết chắc chắn vậy 則不得稱我為如來具知根力。善男子。

tắc bất đắc xưng ngã vi Như Lai cụ tri căn lực。 Thiện nam tử。

tức là không được xưng Ta là Như Lai biết đủ căn lực。 Thiện nam tử!

有智之人當知香象所負非驢所勝。一切眾生所行無量。

Hữu trí chi nhân đương tri hương tượng sở phụ phi lự sở thắng. nhất thiết chúng sanh sở hạnh vô lượng.

Người có trí nên biết sức mang của hương tượng không phải là sức mang của lửa, việc làm của tất cả chúng sanh vô lượng.

是故如來種種為說無量之法。何以故。

Thị cố Như Lai chủng chủng vi thuyết vô lượng chi Pháp. hà dĩ cố.

Vì thế Như Lai vì nói các thứ giáo pháp vô lượng, vì sao vậy?

眾生多有諸煩惱故。若使如來說於一行。

Chúng sanh đa hữu chư phiền não cố. nhược sử Như Lai thuyết ư nhất hạnh.

Vì chúng sanh có nhiều các phiền não. Nếu Như Lai nói ở một hạnh

不名如來具足成就知諸根力。是故我於餘經中說。

bất danh Như Lai cụ túc thành tựu tri chư căn lực. thị cố ngã ư dư Kinh trung thuyết.

thì không gọi Như Lai thành tựu đầy đủ biết các căn lực, vì thế Ta nói trong các Kinh
五種眾生不應還為說五種法。

Ngũ chủng chúng sanh bất ứng hoàn vi thuyết ngũ chủng Pháp.

có 5 thứ chúng sanh không nên trở lại mà nói năm thứ pháp.

為不信者不讚正信。為毀禁者不讚持戒。

Vì bất tín giả bất tán chánh tín. vì hủy cấm giả bất tán trì giới.

Vì người không tin, không khen ngợi chánh tín; vì người hủy phạm cấm giới, không ca ngợi người trì giới;

為慳貪者不讚布施。為懈怠者不讚多聞。

Vì xan tham giả bất tán bố thí. vì giải đãi giả bất tán đa văn.

vì người tham lam, không ca ngợi người bố thí; vì người lười nhác, không khen ngợi người đa văn;

為愚癡者不讚智慧。何以故。智者若為是五種人說是五事。

Vì ngu si giả bất tán trí tuệ. hà dĩ cố. trí giả nhược vi thị ngũ chủng nhân thuyết thị ngũ sự.

vì người ngu si không khen ngợi người trí huệ, vì sao vậy? Người trí hoặc vì năm loại người ấy nói năm việc đó

當知說者不得具足知諸根力。

đương tri thuyết giả bất đắc cụ túc tri chư căn lực.

nên biết người nói không được đầy đủ biết các căn lực,
亦不得名憐愍眾生。何以故。是五種人聞是事已。
Diệc bất đắc danh lân mẫn chúng sanh. hà dĩ cố. thị ngũ chủng nhân văn thị sự dĩ.
cũng chẳng được gọi thương xót chúng sanh, vì sao vậy? Năm loại người đó nghe việc ấy
rồi,
生不信心惡心瞋心。以是因緣於無量世受苦果報。
sanh bất tín tâm ác tâm sân tâm. dĩ thị nhân duyên ư vô lượng thế thọ khổ quả báo.
Sanh tâm không tin, ác tâm, sân tâm, vì lý do ấy, trông vô lượng kiếp chịu quả báo khổ.
是故不名憐愍眾生具知根力。
Thị cố bất danh lân mẫn chúng sanh cụ tri căn lực。
Thế nên không gọi thương xót chúng sanh biết đủ căn lực.
是故我先於餘經中告舍利弗。
Thị cố ngã tiên ư dư Kinh trung cáo Xá lợi Phất。
Thế nên trong phần phụ của Kinh, trước hết Ta bảo Xá-lợi-phất rằng:
汝慎無為利根之人廣說法語鈍根之人略說法也。舍利弗言。世尊。
Nhữ thận vô vi lợi căn chi nhân quảng thuyết Pháp ngữ độn căn chi nhân lược thuyết
Pháp dã. Xá-lợi-phất ngôn. Thế Tôn。
Ông cẩn thận, chớ vì người lợi căn mà rộng thuyết pháp ngữ, kẻ độn căn mà lược thuyết
pháp. Xá-lợi-phất thưa rằng: Bạch đức Thế Tôn!
我但為憐愍故說。非是具足根力故說。善男子。
Ngã đãn vi lân mẫn cố thuyết. phi thị cụ túc căn lực cố thuyết. Thiện nam tử。
Con chỉ vì thương xót mà nói chẳng phải là đầy đủ căn lực mà nói. Thiện nam tử!
廣略說法是佛境界。非諸聲聞緣覺所知。
Quảng lược thuyết Pháp thị Phật cảnh giới. phi chư Thanh văn Duyên giác sở tri。
Thuyết pháp rộng lược là cảnh giới chư Phật, chẳng phải các Thanh văn, Duyên giác biết
được.
善男子。如汝所言佛涅槃後。
Thiện nam tử. Như nhữ sở ngôn Phật Niết-bàn hậu。
Thiện nam tử! Như lời ông nói sau khi đức Phật Niết-bàn,
諸弟子等各異說者。是人皆以顛倒因緣不得正見。

Chư đệ-tử đặng các dị thuyết giả. thị nhân giai dĩ điền đảo nhân duyên bất đắc chánh kiến.

các đệ tử v.v.. mỗi mỗi nói khác, người đó đều do nhân duyên điền đảo không được chánh kiến,

是故不能自利利他。善男子。

thị cố bất năng tự lợi lợi tha. Thiện nam tử.

vì thế không thể tự lợi lợi tha. Thiện nam tử!

是諸眾生非唯一性一行一根一種國土一善知識。

Thị chư chúng sanh phi duy nhất tánh nhất hành nhất căn nhất chủng quốc độ nhất thiện tri thức.

Chúng sanh này, chẳng phải chỉ một tánh một hạnh một căn một cõi nước một thiện tri thức,

是故如來為彼種種宣說法要。以是因緣十方三世諸佛如來。

Thị cố Như Lai vi bỉ chủng chủng tuyên thuyết Pháp yếu. dĩ thị nhân duyên thập phương tam thế chư Phật như lai.

vì vậy Như Lai vì các chúng sanh đó tuyên thuyết pháp yếu, vì nhân duyên ấy ba đời mười phương chư Phật Như Lai

為眾生故開示演說十二部經。善男子。

Vì chúng sanh cố khai kì diễn thuyết Thập nhị bộ Kinh. Thiện nam tử.

cũng vì chúng sanh nên khai thị diễn nói Mười hai bộ Kinh. Thiện nam tử!

如來說是十二部經。非為自利但為利他。

Như Lai thuyết thị thập nhị bộ Kinh. phi vi tự lợi đăn vi lợi tha.

Như Lai nói Mười hai bộ Kinh đó chẳng phải vì tự lợi mà chỉ vì lợi tha,

是故如來第五力者名為解力。

Thị cố Như Lai đệ ngũ lực giả danh vi giải lực.

vì thế thứ năm lực của Như Lai ấy gọi là giải lực.

是二力故如來深知是人現在能斷善根。是人後世能斷善根。

Thị nhị lực cố Như Lai thâm tri thị nhân hiện tại năng đoạn thiện căn. thị nhân hậu thế năng đoạn thiện căn.

nhị lực này nên Như Lai biết sâu người đó hiện tại có thể đoạn thiện căn, người đó đời sau đoạn thiện căn.

是人現在能得解脫。是人後世能得解脫。

Thị nhân hiện tại năng đắc giải thoát。 thị nhân hậu thế năng đắc giải thoát。

Người đó hiện tại được giải thoát, người đó đời sau được giải thoát,

是故如來名無上力士。

Thị cố Như Lai danh vô thượng lực sĩ。

vì thế Như Lai gọi lực sĩ vô thượng。

大般涅槃經卷第三十三

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ Tam thập tam

Kinh Đại Bát Niết Bàn

Quyển thứ Ba Mười Ba.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:13:40 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:13:40 2006

Thích Nữ Huệ Dung hiệu đính lần 1. Thích Ngộ Tùng hiệu đính lần 2.

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====
=====

大般涅槃經卷第三十四

大般涅槃經 卷第三十四

大般涅槃經

第三十四卷

北涼天竺三藏曇無讖譯

北涼天竺三藏曇無讖譯

北涼天竺三藏曇無讖譯

迦葉菩薩品第十二之二

迦葉菩薩品第十二之二

迦葉菩薩品第十二之二

善男子。若言如來畢竟涅槃不畢竟涅槃。

Thiện nam tử 。 Nhược ngôn Như Lai tất cánh Niết-Bàn bất tất cánh Niết-Bàn 。

Thiện nam tử! Nếu có Như Lai rốt ráo Niết-bàn hoặc không rốt ráo Niết-bàn,

是人不解如來意故作如是說。善男子。

thị nhân bất giải Như Lai ý cố tác như thị thuyết 。

người đó chẳng hiểu ý Như Lai, vậy nên nói lời như thế. Thiện nam tử!

是香山中有諸仙人五萬三千。

Thị hương sơn trung hữu chư Tiên nhân ngũ vạn tam thiên 。

Chính trong Hương sơn có các Tiên nhân năm vạn ba ngàn,

皆於過去迦葉佛所。修諸功德未得正道親近諸佛聽受正法。

giai ư quá khứ Ca diếp Phật sở 。

thính thọ chánh Pháp 。

đều ở quá khứ chỗ Phật Ca-diếp tu các công đức chưa được chánh đạo thân cận chư Phật nghe thọ Chánh pháp.

如來欲為如是人故告阿難言。

Như Lai dục vì như thị nhân cố cáo A Nan ngôn 。

Như Lai muốn vì người như thế nên bảo A-Nan rằng:

過三月已吾當涅槃。諸天聞已其聲展轉乃至香山。

Quá tam nguyệt dĩ ngô đương Niết-Bàn 。

chư Thiên văn dĩ kỳ thanh triển chuyển nãi chí Hương sơn 。

Qua ba tháng nữa ta sẽ nhập Niết-bàn, chư Thiên nghe rồi tiếng kia lần lần vang tới Hương sơn.

諸仙聞已即生悔心作如是言。

Chư tiên văn dĩ tức sanh hối tâm tác như thị ngôn 。

Chư Tiên nghe rồi liền sanh tâm hối hận nói lời như thế này:

云何我等得生人中不親近佛。諸佛如來出世甚難如優曇花。

Vân hà ngã đẳng đắc sanh nhân trung bất thân cận Phật 。

Chư Phật Như Lai xuất thế thậm nan như Ưu đàm hoa 。

Vì sao chúng ta được sanh trong loài người không thân gần Phật? Chư Phật Như Lai ra đời rất khó như hoa Ưu đàm!

我今當往至尊所聽受正法。善男子。

Ngã kim đương vãng chí Thế Tôn sở thính thọ chánh Pháp 。

Thiện nam tử 。

Ta nay sẽ đến chỗ đức Thế Tôn nghe thọ chánh pháp. Thiện nam tử!

爾時五萬三千諸仙即來我所。

Nhĩ thì ngũ vạn tam thiên chư tiên tức lai ngã sở 。

Lúc bấy giờ năm vạn ba ngàn chư Tiên liền đến chỗ ta,

我時即為如應說法。諸大士。色是無常何以故。

ngã thì tức vì như ứng thuyết Pháp 。

Chư Đại sĩ 。

Sắc thị vô thường hà dĩ cố 。

ta thì liền vì như sự mong muốn của họ thuyết pháp. Chư đại sĩ! Sắc là vô thường vì sao vậy?

色之因緣是無常故。無常因生色云何常。乃至識亦如是。

Sắc chi nhân duyên thị vô thường cố 。

Vô thường nhân sanh sắc vân hà thường 。

Nãi chí thức diệc như thị 。

Nhân duyên của sắc là vô thường vậy. Vô thường là nhân sanh Sắcúâu gọi là thường?
Cho đến thức cũng như thế.

爾時諸仙聞是法已。即時獲得阿羅漢果。

Nhĩ thì chư tiên văn thị Pháp dĩ 。 tức thì hoạch đắc A-la-hán quả 。

Lúc bấy giờ chư Tiên nghe pháp đó rồi tức thì liền được quả A-la-hán.

善男子。拘尸那竭有諸力士三十萬人無所繫屬。

Thiện nam tử 。 Câu thi na kiệt hữu chư lực sĩ tam thập vạn nhân vô sở hệ thuộc 。

Thiện nam tử! Câu-thi-na-kiệt có các lực sĩ ba mươi vạn người, họ không chỗ nào không bị
trói buộc,

自恃憍恣色力命財狂醉亂心。善男子。

tự thị kiêu tứ sắc lực mạng tài cuồng túy loạn tâm 。

tự thị kiêu căn, buông lung, sắc, lực, mạng tài, say sưa loạn tâm. Thiện nam tử!

我為調伏諸力士故告目連言。

Ngã vì điều phục chư lực sĩ cố cáo Mục Liên ngôn 。

Ta vì điều phục các lực sĩ vậy bảo Mục-liên rằng:

汝當調伏如是力士。時目犍連敬順我教。

Nhữ đương điều phục như thị lực sĩ 。

Ông nên điều phục lực sĩ như thế, thì Mục-Kiền-Liên kính thuận lời dạy của ta.

於五年中種種教化。乃至不能令一力士受法調伏。

ư ngũ niên trung chủng chủng giáo hóa 。

ở trong năm năm giáo hoá nhiều thứ, cho đến chẳng hay khiến một lực sĩ thọ pháp điều
phục.

是故我復為彼力士告阿難言。過三月已吾當涅槃。

Thị cố ngã phục vi bỉ lực sĩ cáo A Nan ngôn 。

Vì vậy ta lại vì lực sĩ kia bảo A-Nan rằng: Sau ba tháng nữa ta sẽ Niết-bàn,

善男子。時諸力士聞是語已。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử! Thì các lực sĩ nghe lời đó rồi,

相與集聚平治道路過三月已。

tương dữ tập tụ bình trì đạo lộ quá tam nguyệt dĩ 。

cùng nhau tụ họp trên đường bằng phẳng qua ba tháng rồi.

我時便從毘舍離國至拘尸那城。中路遙見諸力士輩。即自化身為沙門像。

Ngã thì tiện tông Tỳ-xá ly quốc chí Câu thi na thành 。 trung lộ diêu kiến chư lực sĩ bối 。
tức tự hóa thân vi Sa môn tượng 。

Ta khi đó liền theo đến thành Câu-thi-na nước Tỳ-xá-ly, giữa đường xa thấy các lực sĩ, liền tự hóa thân làm tượng Sa-môn.

往力士所作如是言。諸童子。作何事耶。

vãng lực sĩ sở tác như thị ngôn 。 Chư Đồng tử 。 tác hà sự da 。

đến chỗ lực sĩ nói lời như thế: Các đồng tử làm việc gì vậy?

力士聞已皆生瞋恨作如是言。沙門。

Lực sĩ văn dĩ giai sanh sân hận tác như thị ngôn 。 Sa môn 。

Lực sĩ nghe rồi đều sanh sân hận nói lời thế này Sa môn!

汝今云何謂我等輩為童子耶。我時語言。

Nhữ kim vân hà vị ngã đẳng bối vi Đồng tử da 。

Ông nay vì sao nói chúng ta là Đồng tử ư? Ta thì nói rằng:

汝今大眾三十萬人盡其身力。不能移此微末小石。

Nhữ kim đại chúng tam thập vạn nhân tận kỳ thân lực 。

Ông nay đại chúng ba vạn người đều dùng hết sức lực kia chẳng hay dời viên đá nhỏ này đây?

云何不名為童子乎。諸力士言。

Vân hà bất danh vi Đồng tử hồ 。

Vì sao không gọi là Đồng tử ư? Các lực sĩ nói:

汝若謂我為童子者。當知汝即是大人也。善男子。

Nhữ nhược vị ngã vi Đồng tử giả 。

Ông nếu nói ta là kẻ Đồng tử, nên biết ông chính là người lớn vậy sao?. Thiện nam tử!

我於爾時以足二指掘出此石。是諸力士見是事已。

Ngã ư nhĩ thì dĩ túc nhị chỉ quật xuất thử thạch 。

Ta ở lúc bấy giờ dùng hai ngón chân đào đá này ra, chính các lực sĩ thấy việc đó rồi,

即於已身生輕劣想復作是言。沙門。

tức ư dĩ thân sanh khinh liệt tưởng phục tác thị ngôn 。

liền đối với thân mình sanh tưởng thấp hèn lại nói lời rằng: Sa môn!

汝今復能移徙此石令出道不。我言童子。

Nhữ kim phục năng di徙 tử thạch linh xuất đạo phủ. Ngã ngôn Đồng tử 。

Ông nay lại hay dời viên đá này khiến ra khỏi đường không? Ta nói Đồng tử!

何因緣故嚴治此道諸力士言。沙門。汝不知耶。

Hà nhân duyên cố nghiêm trì tử đạo chư lực sĩ ngôn 。

Nhân duyên gì vậy nghiêm trị đường này các lực sĩ nói: Sa môn! Ông không biết ư?

釋迦如來當由此路至娑羅林入於涅槃。

Thích Ca Như Lai đương do tử lộ chí sa la lâm nhập ư Niết-Bàn 。

Thích Ca Như Lai đang từ đường này đến rừng Sa la sắp nhập Niết-bàn.

以是因緣我等平治。我時讚言。善哉善哉童子。

Dĩ thị nhân duyên ngã đẵng bình trì 。

Vì nhân duyên đó chúng ta sửa sang bằng phẳng, ta thì khen rằng: Lành thay lành thay

Đồng tử!

汝等已發如是善心。吾當為汝除去此石。

Nhữ đẵng dĩ phát như thị thiện tâm 。

Các người đã phát thiện tâm như thế, ta sẽ vì ông trừ bỏ viên đá này.

我時以手舉擲大石。高至阿迦尼吒。時諸力士見石在空。

Ngã thì dĩ tử cử trích đại thạch 。

。

Ta thì dùng tay bưng tẩn đá lớn, cao đến A-ca-ni-tra, thì các lực sĩ thấy đá ở hư không,

皆生驚怖尋欲四散。我復告言。諸力士等。

giai sanh kinh phổ tầm dục tứ tán 。

đều sanh sợ hãi tìm muốn tản đi mọi nơi, ta lại bảo rằng: Các lực sĩ!

汝今不應生恐怖心各欲散去。諸力士言。沙門。

Nhữ kim bất ứng sanh khủng phổ tâm các dục tán khứ 。

Ông nay không nên sanh tâm sợ hãi đều muốn tản đi. Các lực sĩ nói: Sa môn!

若能救護我者我當安住。

Nhược năng cứu hộ ngã giả ngã đương an trú 。

Nếu hay cứu hộ ta ấy ta sẽ an trú.

爾時我復以手接石置之右掌。力士見已心生歡喜復作是言。

Nhĩ thì ngã phục dĩ thủ tiếp thạch trí chi hữu chưởng 。 lực sĩ kiến dĩ tâm sanh hoan hỷ phục tác thị ngôn 。

Lúc bấy giờ ta lại dùng tay đỡ viên đá kia đặt trong tay phải, lực sĩ thấy rồi tâm sanh hoan hỷ nói lời thế này:

沙門。是石常耶是無常乎。

Sa môn 。 Thị thạch thường da thị vô thường hồ 。

Sa môn! Đá đó thường hay là vô thường?

我於爾時以口吹之。石即散壞猶如微塵。力士見已唱言。沙門。

Ngã ư nhĩ thì dĩ khẩu xuy chi 。 thạch tức tán hoại do như vi trần 。 lực sĩ kiến dĩ xướng ngôn 。

Ta ngay lúc đó dùng miệng thổi đi đá liền tan hoại giống như vi trần, lực sĩ thấy rồi xướng rằng: Sa môn!

是石無常。即生愧心而自考責。

Thị thạch vô thường 。 tức sanh quý tâm nhi tự khảo trách 。

Đá đó vô thường liền sanh tâm hổ thẹn mà tự suy nghĩ quở trách!

云何我等恃怙自在色力命財而生憍慢。

Vân hà ngã đẳng thị hỷ tự-tại sắc lực mạng tài nhi sanh kiêu mạn 。

Vì sao chúng ta trông cậy tự tại sắc lực mạng tài mà sanh kiêu mạn?

我知其心即捨化身還復本形而為說法。

Ngã tri kỳ tâm tức xả hóa thân hoàn phục bốn hình nhi vi thuyết Pháp 。

Ta biết tâm kia liền xả hóa thân trở lại hình cũ mà vì thuyết pháp,

力士見已一切皆發菩提之心。善男子。

lực sĩ kiến dĩ nhất thiết giai phát bồ đề chi tâm 。

Thiện nam tử!

拘尸那竭有一工巧名曰純陀。是人先於迦葉佛所發大誓願。

Câu Thi Na Kiệt hữu nhất công xảo danh viết Thuần Đà 。

Câu-Thi-Na-Kiệt có một người thợ khéo tên gọi Thuần Đà, người đó trước ở chỗ Phật Ca-Diếp phát thệ nguyện lớn,

釋迦如來入涅槃時我當最後奉施飲食。

Thích Ca Như Lai nhập Niết-Bàn thì ngã đương tối hậu phụng thí ẩm thực 。

Thích-Ca Như Lai khi nhập Niết-bàn ta sẽ cúng dường thức ăn cuối cùng.

是故我於毘舍離國顧命比丘優婆摩那。善男子。

Thị cố ngã ư Tì-xá ly quốc cố mạng Tỳ-kheo Ưu bà ma na 。 Thiện nam tử 。

Vì thế ta ở nước Tỳ-xá-ly nhìn bảo Tỳ-kheo Ưu-bà-ma-na. Thiện nam tử!

過三月已吾當於彼拘尸那竭娑羅雙樹入般涅

quá tam nguyệt dĩ ngô đương ư bỉ Câu thi na kiệt sa-la song thụ nhập bát niết

Qua ba tháng nữa ta sẽ ở Sa-la song thọ Câu-Thi-Na-Kiệt kia nhập Niết-bàn,

槃。汝可往告純陀令知。善男子。

bàn 。 nhữ khả vãng cáo Thuần Đà linh tri 。

Ông có thể đến bảo Thuần-Đà khiến biết. Thiện nam tử!

王舍城中有五通仙名須跋陀。

Vương xá thành trung hữu ngũ thông tiên danh Tu Bạt Đà 。

Trong thành Vương xá có năm thông Tiên tên Tu-Bạt-Đà.

年百二十常自稱是一切智人生大憍慢。

Niên bách nhị thập thường tự xưng thị nhất thiết trí nhân sanh đại kiêu mạn 。

Tuổi trăm hai mươi thường tự xưng là tất cả người trí sanh đại kiêu mạn.

已於過去無量佛所種諸善根。我亦為欲調伏彼故告阿難言。

Dĩ ư quá khứ vô lượng Phật sở chủng chư thiện căn 。

A Nan ngôn 。

Đã ở thì quá khứ chỗ vô lượng Phật trồng các căn lành, ta cũng vì muốn điều phục kia

bảo A-nan rằng:

過三月已吾當涅槃。須跋聞已當來我所生信敬心。

quá tam nguyệt dĩ ngô đương Niết-Bàn 。

Tu Bạt văn dĩ đương lai ngã sở sanh tín kính tâm 。

Qua ba tháng sau ta sẽ Niết-bàn, Tu-Bạt nghe rồi sẽ đến chỗ ta sanh tâm tin kính.

我當為彼說種種法。其人聞已當得盡漏。

Ngã đương vi bỉ thuyết chủng chủng pháp 。

Ta sẽ vì kia nói nhiều các pháp, người kia nghe rồi sẽ được lậu tận.

善男子。羅閱耆王頻婆娑羅。其王太子名曰善見。

Thiện nam tử 。

La Duyệt Kỳ Vương Tần Bà Sa La 。

kỳ Vương Thái-Tử danh viết Thiện Kiến 。

Thiện nam tử! Vua La-Duyệt-Kỳ và Tần-Bà-Sa-La, Vua kia khi còn Thái tử tên gọi Thiện Kiến,

業因緣故生惡逆心欲害其父而不得便。

Nghiệp nhân duyên cố sanh ác nghịch tâm dục hại kỳ phụ nhi bất đắc tiện 。

nghiệp nhân duyên nên sanh tâm ác nghịch muốn hại cha mình mà không được tiện.

爾時惡人提婆達多亦因過去業因緣故。

Nhĩ thì ác nhân Đề-bà-đạt-đa diệc nhân quá khứ nghiệp nhân duyên cố 。

Lúc bấy giờ người ác Đề-bà-đạt-đa cũng nhân quá khứ nghiệp nhân duyên vậy.

復於我所生不善心欲害於我。

Phục ư ngã sở sanh bất thiện tâm dục hại ư ngã 。

Lại ở chỗ ta sanh tâm bất thiện muốn hại ở ta,

即修五通不久獲得。與善見太子共為親厚。

tức tu Ngũ thông bất cửu hoạch đắc 。

liền tu Ngũ thông không lâu chứng được theo Thái tử Thiện kiến cùng làm thân hậu.

為太子故現作種種神通之事。從非門出從門而入。

vi Thái-Tử cố hiện tác chủng chủng Thần thông chi sự 。

tùng phi môn xuất tòng môn nhi nhập 。

Vi Thái tử nên hiện làm nhiều việc của thần thông, từ không phải cửa mà ra từ cửa mà vào,

tùng môn nhi xuất phi môn nhi nhập 。

hoặc thị thị hiện tượng mã ngưu dương nam nữ chi thân 。

theo cửa mà ra chẳng phải cửa mà vào, hoặc khi thị hiện thân voi ngựa trâu dê thân của nam nữ.

善見太子見已。即生愛心喜心敬信之心。

Thiện Kiến Thái tử kiến dĩ 。

Thái tử thiện Kiến thấy rồi liền sanh tâm tin kính vui vẻ thương yêu.

為是事故嚴設種種供養之具而供養之又復白

Vi thị sự cố nghiêm thiết chủng chủng cung dưỡng chi cụ nhi cung dưỡng chi hựu phục bạch

Vì việc đó vậy nên sắm sửa đầy đủ các thứ cúng dường mà cúng dường ông ta, rồi lại bạch rằng:

言。大師聖人。我今欲見曼陀羅花。

ngôn 。 Đại sư Thánh nhân 。 Ngã kim dục kiến Mạn đà la hoa 。

Đại sư Thánh nhân! Ta nay muốn thấy hoa Mạn đà la,

時調婆達多即便往至三十三天。

thì Điều Bà Đạt Đa tức tiện vãng chí Tam thập tam thiên 。

lúc đó Đề-bà-đạt-đa liền đến cõi trời ba mươi ba,

從彼天人而求索之。其福盡故都無與者。既不得花作是思惟。

tùng bỉ Thiên nhơn nhi cầu sách chi 。 kỳ phúc tận cố đô vô dữ giả 。 ký bất đắc hoa tác thị tư duy 。

đến chỗ thiên nhơn mà cầu xin hoa vậy, người kia phước hết nên đều không cho, đã không được hoa suy nghĩ thế này:

曼陀羅樹無我我所。我若自取當有何罪。

Mạn đà la thụ vô ngã ngã sở 。 ngã nhược tự thủ đương hữu hà tội 。

Cây Mạn-đà-la không ngã ngã sở, ta nếu tự lấy sẽ có tội gì?

即前欲取便失神通。還見己身在王舍城。

tức tiền dục thủ tiện thất Thần thông 。

trước liền muốn lấy liền mất Thần thông, trở lại thấy thân mình ở thành Vương xá.

心生慚愧不能復見善見太子。

tâm sanh tâm quý bất năng phục kiến Thiện Kiến Thái tử 。

tâm sanh hổ thẹn không hay lại thấy Thái tử Thiện Kiến.

復作是念我今當往至如來所求索大眾。

Phục tác thị niệm ngã kim đương vãng chí Như Lai sở cầu sách đại chúng 。

Lại nghĩ thế này ta nay sẽ nên đến chỗ Như Lai cầu tìm đại chúng.

佛若聽者我當隨意教詔勅使舍利弗等。

Phật nhược thính giả ngã đương tùy ý giáo chiếu sắc sử Xá Lợi Phất đẳng 。

Đức Phật nghe ta, cho ta tùy ý dạy dỗ chỉ bày khiến Xá Lợi Phất.v.v.

爾時提婆達多便來我所作如是言。唯願如來。以此大眾付囑於我。

Nhĩ thì Đề-bà-đạt-đa tiện lai ngã sở tác như thị ngôn 。

Lúc bấy giờ Đề-bà-đạt-đa liền đến chỗ ta nói lời thế này: Cúi xin Như Lai vì đại chúng này giao phó cho ta.

我當種種說法教化令其調伏。我言癡人。

Ngã đương chủng chủng thuyết Pháp giáo hóa linh kỳ điều phục 。 Ngã ngôn si nhân 。

Ta sẽ nói nhiều giáo pháp giáo hoá khiến họ điều phục. Ta nói người ngu si, 舍利弗等聰明大智世所信伏。

Xá Lợi Phất đẳng thông minh đại trí thế sở tín phục 。

Xá Lợi Phất.v.v... Đại trí thông minh làm chỗ cho người đời tin phục.

我猶不以大眾付囑。況汝癡人食唾者乎。

Ngã do bất dĩ đại chúng phó chúc 。

Ta còn không vì đại chúng giao phó, huống ông người ngu si ăn ngử ấy sao?

時提婆達復於我所倍生惡心作如是言。瞿曇。

Thì Đề-bà-đạt phục ư ngã sở bội sanh ác tâm tác như thị ngôn 。

Thì Đề-bà-đạt lại ở chỗ ta sanh tâm ác gấp bội nói lời thế này: Cồ Đàm!

汝今雖復調伏大眾。勢亦不久當見磨滅。

Nhữ kim tuy phục điều phục đại chúng 。

Ông nay tuy lại điều phục đại chúng, sức cũng không lâu nên thấy ma diệt.

作是語已大地即時六返震動。提婆達多尋時蹙地。

tác thị ngữ dĩ Đại địa tức thì lục phản chấn động 。

Nói lời đó rồi đại địa tức thì chấn động sáu lần. Đề-bà-đạt-đa tức thì ngã xuống đất,

於其身邊出大暴風吹諸塵土而污塗之。提婆達多見。

ư kỳ thân biên xuất đại bạo phong xuy chư trần độ nhi ô bộn chi 。

ở bên thân ông ta phát tiếng gió lớn thổi các bụi trần mà làm nhơ bẩn, Đề-bà-đạt-đa thấy 惡相已復作是言。

ác tướng dĩ phục tác thị ngôn 。

tướng ác rồi lại nói lời rằng:

若我此身現世必入阿鼻地獄。我要當報如是大怨。

Nược ngã thử thân hiện thế tất nhập A-tì Địa-ngục 。

Hoặc thân ta đây hiện đời nay chắc chắn vào Địa ngục A-tỳ, ta sẽ nên trả báo lớn như thế.

時提婆達多尋起往至善見太子所。善見見已即問。聖人。

Thì Đề-bà-đạt-đa tìm khởi vãng chí thiện kiến Thái-Tử sở 。 Thiện Kiến kiến dĩ tức vấn 。
Thánh nhân 。

Thì Đề-bà-đạt-đa tìm dậy đi đến chỗ Thái tử Thiện Kiến, Thiện Kiến thấy rồi liền hỏi:
Thánh nhân:

何故顏容憔悴有憂色耶。提婆達言。

Hà cổ nhan dung tiều tụy hữu ưu sắc da 。 Đề-bà-đạt ngôn 。

Tại sao dung nhan tiều tụy có sắc buồn ư? Đề-bà-đạt nói:

我常如是汝不知乎。善見答言。

Ngã thường như thị nữ bất tri hồ 。 Thiện Kiến đáp ngôn 。

Ta thường như thế ông không biết sao? Thiện Kiến đáp rằng:

願說其意何因緣爾提婆達言。我今與汝極成親愛。

Nguyện thuyết kỳ ý hà nhân duyên nhĩ Đề-bà-đạt ngôn 。

Ngã kim dĩ nữ cực thành thân ái 。

Nguyện nói ý kia nhân duyên thế nào, Đề-bà-đạt nói: Ta nay với ông rất là thân ái,
外人罵汝以為非理。我聞是事。豈得不憂。

ngoại nhân mạ nữ dĩ vi phi lý 。

Ngã văn thị sự 。

khởi đắc bất ưu 。

người ngoài mắng ông đó là phi lý. Ta nghe việc đó rồi sao chẳng lo buồn?

善見太子復作是言。國人云何罵辱於我。提婆達言。

Thiện Kiến Thái tử phục tác thị ngôn. Quốc nhân vân hà mạ nhục ư ngã 。

Đề-bà-đạt ngôn 。

Thiện Kiến Thái tử lại nói lời rằng: Quốc nhân vì sao mắng nhiếc ở ta? Đề-bà-đạt nói:

國人罵汝為未生怨。善見復言。

Quốc nhân mạ nữ vi vị sanh oán 。

Thiện Kiến phục ngôn 。

Quốc nhân mắng ông vì chưa sanh oán. Thiện Kiến lại nói:

何故名我為未生怨誰作此名。提婆達言。

Hà cổ danh ngã vi vị sanh oán thù tác thử danh 。

Đề-bà-đạt ngôn 。

Vì sao gọi ta là chưa sanh oán ai đặt tên này? Đề-bà-đạt nói:

汝未生時一切相師皆作是言。是兒生已當殺其父。

Nữ vị sanh thì nhất thiết tướng sư giai tác thị ngôn 。

Thị nhi sanh dĩ đương sát kỳ phụ 。

Ông chưa sanh thì tất cả tướng sư đều nói lời rằng: Chính sinh con này ra sẽ giết cha mình.

是故外人皆悉號汝為未生怨。一切內人護汝心故謂為善見。

Thị cố ngoại nhân giai tất hiệu nhữ vi vị sanh oán 。 nhất thiết nội nhân hộ nhữ tâm cố vị vi Thiện Kiến 。

Vi vậy người ngoài thấy đều gọi ông là chưa sanh oán, tất cả người thân ở trong hộ tâm ông nên gọi là Thiện Kiến.

韋提夫人聞是語已。

Vi Đề phu nhân văn thị ngữ dĩ 。

Phu nhân Vi Đề nghe lời đó rồi,

既生汝身於高樓上棄之於地壞汝一指。

ký sanh nhữ thân ư cao lâu thượng khí chi ư địa hoại nhữ nhất chỉ 。

đã sanh thân ông ở trên lầu cao bỏ chỗ đất dơ, hỏng một ngón tay của ông,

以是因緣人復號汝為婆羅留枝。我聞是已心生愁憤。

dĩ thị nhân duyên nhân phục hiệu nhữ vi Bà La Lưu chi 。

do nhân duyên đó người lại gọi ông Bà La Lưu Chi. Ta nghe ấy rồi tâm sanh tức giận. 而復不能向汝說之。

nhi phục bất năng hướng nhữ thuyết chi 。

mà lại chẳng hay hướng đến ông nói:

提婆達多以如是等種種惡事教令殺父。若汝殺父我亦能殺瞿曇沙門。

Đề-bà-đạt-đa dĩ như thị đẳng chủng chủng ác sự giáo linh sát phụ 。

Đề-bà-đạt-đa vì các việc ác như thế bảo khiến giết cha, nếu ông giết cha ta cũng có thể giết Sa môn Cồ Đàm.

善見太子問一大臣名曰雨行。

Thiện Kiến Thái tử vấn nhất Đại thần danh viết Vũ Hành 。

Thái tử Thiện Kiến hỏi một vị Đại thần tên gọi Vũ Hành.

大王何故為我立字作未生怨。

Đại Vương hà cố vi ngã lập tự tác vị sanh oán 。

Đại vương tại sao vì ta đặt tên nói chưa sanh oán?

大臣即為說其本末如提婆達所說無異。

Đại thần tức vì thuyết kỳ bốn mặt như Đề-bà-đạt sở thuyết vô dị 。

Đại thần liền vì nói bốn mặt kia như Đề-bà-đạt đã nói không khác.

善見聞已即與大臣收其父王閉之城外。以四種兵而守衛之。

Thiện Kiến vẫn dĩ tức dữ Đại thần thu kỳ phụ Vương bế chi thành ngoại 。

dĩ tứ chủng binh nhi thủ vệ chi 。

Thiện Kiến nghe rồi liền cùng Đại thần thu thành ngoài của Phụ vương kia đóng lại, dùng bốn thứ binh mà giữ gìn bảo vệ.

韋提夫人聞是事已即至王所。諸守王人遮不聽入。

Vi Đề phu nhân vẫn thị sự dĩ tức chí Vương sở 。

chư thủ Vương nhân già bất thính nhập 。

Phu nhân Vi-đề nghe việc đó rồi liền đến chỗ Vua, các người hầu Vua ngăn không cho vào.

爾時夫人生瞋恚心便呵罵之。時諸守人即告太子。

Nhĩ thì phu nhân sanh sân nhuế tâm tiện ha mạ chi 。

Thì chư thủ nhân tức cáo Thái-Tử 。

Lúc bấy giờ phu nhân tâm sanh sân giận liền quở trách rằng: Thì các người hầu liền bảo Thái tử!

大王夫人欲得往見父王。不審聽不。

Đại Vương phu nhân dục đắc vãng kiến phụ Vương 。

bất thãm thính phủ 。

Phu nhân Đại vương muốn được đến thăm Phụ vương không suy nghĩ cho hay không cho.

善見聞已復生瞋嫌即往母所前牽母髮拔刀欲斫。

Thiện Kiến vẫn dĩ phục sanh sân hiềm tức vãng mẫu sở tiền khiên mẫu phát bạt đao dục chước 。

Thiện Kiến nghe rồi lại sanh sân giận bực tức liền đến chỗ mẹ trước kia cầm tóc mẹ lấy dao muốn cắt.

爾時耆婆白言。大王。有國已來罪雖極重。

Nhĩ thì Kỳ Bà bạch ngôn 。

Đại Vương 。

Hữu quốc dĩ lai tội tuy cực trọng 。

Lúc bấy giờ Kỳ Bà thưa rằng: Đại vương! Từ khi lập quốc đến nay tội tuy rất nặng,

不及女人況所生母。善見太子聞是語已。

bất cập nữ nhân huống sở sanh mẫu 。

Thiện Kiến Thái tử vẫn thị ngữ dĩ 。

chẳng cùng người nữ hướng ở chỗ mẹ sanh? Thái tử Thiện Kiến nghe lời nói rồi,
為耆婆故即便放捨。遮斷父王衣服臥具飲食湯藥。

vi Kỳ Bà cố tức tiện phóng xả 。 già đoạn phụ Vương y phục ngọa cụ ẩm thực thang dược
。

vì Kỳ-Bà nên liền buông bỏ, giam cầm Phụ Vương, không cho áo quần mùng mền thức ăn
uống thuốc thang,

過七日已王命便終。

quá thất nhật dĩ Vương mạng tiện chung 。

qua bảy ngày rồi Vua liền mạng chung.

善見太子見父喪已方生悔心。

Thiện Kiến Thái tử kiến phụ tang dĩ phương sanh hối tâm 。

Thái tử Thiện Kiến thấy cha mất rồi mới sanh tâm hối hận.

雨行大臣復以種種惡邪之法而為說之。大王。一切業行都無有罪。

Vũ Hành Đại thần phục dĩ chủng chủng ác tà chi pháp nhi vi thuyết chi 。

Đại Vương 。

nhất thiết nghiệp hành đô vô hữu tội 。

Đại thần Vũ hành lại đem các pháp ác tà mà vì nói cho. Đại vương: Tất cả nghiệp làm đều
không có tội.

何故今者而生悔心。耆婆復言。大王。

Hà cố kim giả nhi sanh hối tâm 。

Kỳ Bà phục ngôn 。

Đại Vương 。

Vì sao nay Ngài lại sanh tâm hối hận? Kỳ-Bà lại nói: Đại vương!

當知如是業者罪兼二種。一者殺害父王。二者殺須陀洹。

Đương tri như thị nghiệp giả tội kiêm nhị chủng 。

Nhất giả sát hại phụ Vương 。

nhị giả sát
Tu-đà-hoàn 。

Nên biết nghiệp ấy như thế tội gồm hai thứ: Một giết hại phụ vương, hai là giết Tu-đà-
hoàn.

如是罪者除佛更無能除滅者。善見王言。

Như thị tội giả trừ Phật canh vô năng trừ diệt giả 。

Thiện Kiến Vương ngôn 。

Người tội như thế trừ Phật ra không ai có thể trừ diệt được. Vua Thiện Kiến nói:

如來清淨無有穢濁。我等罪人云何得見。

Như Lai thanh tịnh vô hữu uế trược 。

ngã đẳng tội nhân vân hà đắc kiến 。

Như Lai thanh tịnh không có tỳ vết, người tội chúng ta làm sao được thấy?

善男子我知是事故告阿難。過三月已吾當涅槃。

Thiện nam tử ngã tri thị sự cố cáo A Nan 。 Quá tam nguyệt dĩ ngô đương Niết-Bàn 。

Thiện nam tử ta biết việc đó nên bảo A Nan: Qua ba tháng rồi ta sẽ Niết bàn.

善見聞已即來我所。我為說法重罪得薄獲無根信。

Thiện Kiến văn dĩ tức lai ngã sở 。 ngã vi thuyết Pháp trọng tội đắc bạc hoạch vô căn tín 。

Thiện Kiến nghe rồi liền đến chỗ ta, ta vì thuyết pháp tội nặng được nhẹ được vô căn tín.

善男子。我諸弟子聞是說已。

Thiện nam tử 。 Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ 。

Thiện nam tử! Các đệ tử ta nghe nói thế rồi,

不解我意故作是言。如來定說畢竟涅槃。

bất giải ngã ý cố tác thị ngôn 。 Như Lai định thuyết tất cánh Niết-Bàn 。

chẳng hiểu ý ta nên nói lời rằng: Như Lai định nói Niết-bàn rốt ráo.

善男子。菩薩二種。一者實義。二者假名。

Thiện nam tử 。 Bồ-tát nhị chủng 。 nhất giả thật nghĩa 。 nhị giả giả danh 。

Thiện nam tử ! Bồ-tát hai loại: một là thật nghĩa, hai là giả danh.

假名菩薩聞我三月當入涅槃。

giả danh Bồ-tát văn ngã tam nguyệt đương nhập Niết-Bàn 。

Bồ-tát giả danh nghe ta ba tháng sẽ vào Niết-bàn,

皆生退心而作是言。如其如來無常不住。

giai sanh thối tâm nhi tác thị ngôn 。 như kỳ Như Lai vô thường bất trụ 。

đều sanh thối tâm mà nói lời rằng: Như Như Lai kia vô thường không trú,

我等何為為是事故無量世中受大苦惱。

ngã đẳng hà vi vi thị sự cố vô lượng thế trung thọ đại khổ não 。

chúng ta vì sao làm việc đó nên trong vô lượng đời chịu khổ não lớn.

如來世尊成就具足無量功德。尚不能壞如是死魔。

Như Lai Thế Tôn thành tựu cụ túc vô lượng công đức 。 thượng bất năng hoại như thị tử ma 。

Như Lai Thế Tôn thành tựu đầy đủ công đức vô lượng, còn không thể hoại tử ma như thế ư?

況我等輩當能壞耶。善男子。是故我為如是菩薩而作是言。

Huống ngã đấng bối đương năng hoại da 。 Thiện nam tử 。 Thị cố ngã vi như thị Bồ-tát
nhi tác thị ngôn 。

Huống bọn chúng ta sẽ hay hoại ư? Thiện nam tử! Vì thế ta vì Bồ-tát như thế mà nói lời
ràng:

如來常住無有變易。善男子。

Như Lai thường trụ vô hữu biến dịch 。

Như Lai thường trú không có thay đổi. Thiện nam tử!

我諸弟子聞是說已不解我意。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Các đệ tử ta nghe nói đó rồi không hiểu ý ta.

定言如來終不畢竟入於涅槃善男子。有諸眾生於斷見作如是言。

Định ngôn Như Lai chung bất tất cánh nhập ư Niết-Bàn thiện nam tử 。

Hữu chư chúng sanh sanh ư đoạn kiến tác như thị ngôn 。

Định nói Như Lai trọn không rốt ráo vào ở Niết-bàn thiện nam tử! Có các chúng sanh sanh
nơi đoạn kiến nói lời thế này:

一切眾生身滅之後。善惡之業無有受者。

Nhất thiết chúng sanh thân diệt chi hậu 。

thiện ác chi nghiệp vô hữu thọ giả 。

Tất cả chúng sanh sau khi thân diệt, nghiệp của thiện ác không có thọ ấy.

我為是人作如是言。善惡果報實有受者。云何知有。

Ngã vi thị nhân tác như thị ngôn 。

thiện ác quả báo thật hữu thọ giả 。

vân hà tri hữu 。

Ta vì người đó nói lời như thế, quả báo thiện ác thật có người thọ, vì sao biết có?

善男子。過去之世拘尸那竭。有王名曰善見。

Thiện nam tử 。

quá khứ chi thế Câu Thi Na Kiệt 。

hữu Vương danh viết Thiện Kiến 。

Thiện nam tử! Câu-Thi-Na-Kiệt đời của quá khứ có Vua tên gọi Thiện Kiến,

作童子時經八萬四千歲。

tác Đồng tử thì Kinh bát vạn tứ thiên tuế 。

khi làm Đồng tử trải qua tám vạn bốn ngàn năm,

作太子時八萬四千歲。及登王位亦八萬四千歲。

tác Thái tử thì bát vạn tứ thiên tuế 。

cập đấng Vương vị diệt bát vạn tứ thiên tuế 。

làm Thái tử thì tám vạn bốn ngàn năm cũng lên địa vị Vua cũng tám vạn bốn ngàn năm.

於獨處坐作是思惟。眾生薄福壽命短促。

ư độc xử tọa tác thị tư duy 。 chúng sanh bạc phúc thọ mạng đoản xúc 。
ngồi riêng một mình suy nghĩ thế này: Chúng sanh phước mỏng mạng sống ngắn ngủi,
常有四怨而隨逐之。不自覺知猶故放逸。

Thường hữu tứ oán nhi tùy trục chi 。 bất tự giác tri do cố phóng dật 。
thường có bốn sự thù oán thường theo đuổi, chẳng tự hiểu biết còn buông lung vậy.
是故我當出家修道斷絕四怨生老病死。

Thị cố ngã đương xuất gia tu đạo đoạn tuyệt tứ oán sanh lão bệnh tử 。
Vì thế ta sẽ xuất gia tu đạo chấm dứt bốn sự thù oán sanh già bệnh chết,
即勅有司於其城外作七寶堂。

tức sắc hữu ti ư kỳ thành ngoại tác thất bảo đường 。

liền ban lệnh làm nhà bảy báu ở ngoài thành kia.

作已便告群臣百官宮內妃后諸子眷屬。汝等當知我欲出家能見聽不。

tác dĩ tiện cáo quần Thần bá quan cung nội phi hậu chư tử quyến thuộc。nhữ đẳng
đương tri ngã dục xuất gia năng kiến thánh phủ。

làm rồi liền bảo quần thần trăm quan trong cung Hoàng Hậu cung phi chư tử quyến thuộc,
các ông nên biết ta muốn xuất gia có thể cho không?

爾時大臣及其眷屬各作是言。善哉大王。

Nhĩ thì Đại thần cập kỳ quyến thuộc các tác thị ngôn 。

Lúc bấy giờ Đại thần và bà con của vua đều nói lời thế này: Lành thay Đại vương!

今正是時。時善見王將一使人獨住堂上。

Kim chánh thị thì 。

Nay là đúng lúc. Lúc đó vua Thiện Kiến khiến một mình ở trên cung điện.

復經八萬四千年中修習慈心。

Phục kinh bát vạn tứ thiên niên trung tu tập từ tâm 。

Lại trải qua trong tám vạn bốn ngàn năm tu tập từ tâm,

是慈因緣於後八萬四千世中。次第得作轉輪聖王。

Thị từ nhân duyên ư hậu bát vạn tứ thiên thế trung 。

nhân duyên từ tâm này mà về sau trong tám vạn bốn ngàn đời, thứ tự được làm Chuyển luân Thánh vương.

三十世中作釋提桓因。無量世中作諸小王。善男子。

Tam thập thể trung tác Thích Đề Hoàn Nhân 。 vô lượng thể trung tác chư tiểu Vương 。
Thiện nam tử 。

Trong ba mươi đời làm Thích-Đề-Hoàn-Nhân, trong vô lượng đời làm các Vua nhỏ. Thiện nam tử!

爾時善見豈異人乎。莫作斯觀即我身是。善男子。

Nhĩ thì Thiện Kiến khởi dị nhân hồ 。 mạc tác tư quán tức ngã thân thị 。

Thiện nam tử 。

Lúc bấy giờ Thiện Kiến đâu người nào khác? Không cần quán xét, này chính là thân ta vậy. Thiện nam tử!

我諸弟子聞是說已不解我意。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên

唱言如來定說有我及有我所。又我一時為諸眾生說言。

xướng ngôn Như Lai định thuyết hữu ngã cập hữu ngã sở 。 hữu ngã nhất thì vị chư chúng sanh thuyết ngôn 。

xướng lên lời rằng, Như Lai định nói có ngã và ngã sở. Lại một lúc sau đó Ta vì chúng sanh nói rằng:

我者即是性也。所謂內外因緣。

Ngã giả tức thị tánh dã 。 sở vị nội ngoại nhân duyên 。

Ngã ấy tức là tánh vậy, có chỗ nói rằng nhân duyên trong ngoài,

十二因緣眾生五陰。心界世間功德業行自在天世。

Thập nhị nhân duyên chúng sanh ngũ uẩn 。 tâm giới thế gian công đức nghiệp hành Tự Tại Thiên thể 。

Mười hai nhân duyên chúng sanh năm uẩn, tâm giới thế gian công đức nghiệp hành Tự tại thiên thể,

即名為我。我諸弟子聞是說已不解我意。

tức danh vi ngã 。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

liền gọi là ngã. Các đệ tử ta nghe nói đó rồi không hiểu ý ta,

唱言如來定說有我。善男子。復於異時有一比丘。

xướng ngôn Như Lai định thuyết hữu ngã 。

Thiện nam tử 。

phục ư dị thì hữu nhất Tỳ-kheo。

xướng rằng Như Lai định nói có ngã. Thiện nam tử! Lại vào một lúc khác có một Tỳ-kheo,

來至我所作如是言。世尊。云何名我。誰是我耶。

lai chí ngã sở tác như thị ngôn 。 Thế tôn 。 vân hà danh ngã 。 thù thị ngã da 。
đi đến chỗ ta và nói lời như thế: Thưa đức Thế Tôn! vì sao gọi là ngã? Ai là ngã ư?
何緣故我。我時即為比丘說言。比丘。

Hà duyên cố ngã 。 ngã thì tức vì Tỳ-kheo thuyết ngôn 。 Tỳ-kheo。
Duyên có gì gọi là ngã? Ta lúc đó liền vì Tỳ-kheo nói rằng: Tỳ-kheo!
無我我所。眼者即是本無今有已有還無。

Vô ngã ngã sở 。 nhân giả tức thị bổn vô kim hữu dĩ hữu hoàn vô 。
Không có ngã và ngã sở. Mất ấy tức là xưa không nay có đã có trở lại không.
其生之時無所從來。及其滅時亦無所至。

Kỳ sanh chi thì vô sở tùng lai 。 cập kỳ diệt thì diệt vô sở chí 。
Khi kia sanh cũng chẳng từ chỗ nào đến, và khi kia diệt cũng chẳng chỗ nào đi!
雖有業果無有作者。無有捨陰及受陰者。

Tuy hữu nghiệp quả vô hữu tác giả 。 vô hữu xả uẩn cập thọ uẩn giả 。
Tuy có nghiệp quả chẳng có tác giả, không có xả uẩn và người thọ uẩn.
如汝所問云何我者我即期也。誰是我者即是業也。

Như nhữ sở vấn vân hà ngã giả ngã tức kỳ dã 。 Thù thị ngã giả tức thị nghiệp dã 。
Như chỗ ông hỏi vì sao ngã ấy ngã tức là kỳ vậy. Ai là ngã ấy tức là nghiệp vậy.
何緣我者即是愛也。比丘。譬如二手相拍聲出其中。

Hà duyên ngã giả tức thị ái dã 。 Tỳ-kheo。 thí như nhị thủ tương phách thanh xuất kỳ
trung 。

Ngã ấy duyên gì tức là ái vậy. Tỳ-kheo! Thí như hai tay vỗ vào nhau tiếng phát ra trong
đó.

我亦如是眾生業愛三因緣故。名之為我。

ngã diệt như thị chúng sanh nghiệp ái tam nhân duyên cố 。 danh chi vi ngã 。
Ta cũng như thế chúng sanh nghiệp ái ba nhân duyên vậy, là ngã của tên gọi.
比丘。一切眾生色不是我。我中無色色中無我。

Tỳ-kheo。 nhất thiết chúng sanh sắc bất thị ngã 。 ngã trung vô sắc sắc trung vô ngã 。
Tỳ-kheo! Tất cả chúng sanh sắc chẳng phải là ngã? Trong ngã không có sắc trong sắc
không có ngã.

乃至識亦如是。比丘。

nãi chí thức diệt như thị 。 Tỳ-kheo。

cho đến thức cũng như thế. Tỳ-kheo!

諸外道輩雖說有我終不離陰。若說離陰別有我者。無有是處。

Chư ngoại đạo bối tuy thuyết hữu ngã chung bất ly uẩn 。 nhược thuyết ly uẩn biệt hữu
ngã giả 。 vô hữu thị xứ。

Những người ngoại đạo tuy nói có ngã mà cũng không lìa uẩn, nếu nói lìa uẩn riêng có
ngã ấy, không có lẽ đó.

一切眾生行如幻化熱時之焰。比丘。

Nhất thiết chúng sanh hành như huyễn hóa nhiệt thì chi diệm 。 Tỳ-kheo。

Tất cả chúng sanh hành như huyễn hóa của ngọn lửa nóng. Tỳ-kheo!

五陰皆是無常無樂無我無淨。善男子。

Ngũ uẩn giai thị vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh 。 Thiện nam tử 。

Năm uẩn đều là vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh. Thiện nam tử!

爾時多有無量比丘。觀此五陰無我我所得阿羅漢果。

Nhĩ thì đa hữu vô lượng Tỳ-kheo。 quán thử ngũ uẩn vô ngã ngã sở đắc A-la-hán quả 。

Lúc bấy giờ có vô lượng Tỳ-kheo xem xét năm uẩn đây không ngã, ngã sở được quả A-la-
hán.

善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。

Thiện nam tử 。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Thiện nam tử! Các đệ tử ta nghe nói đó rồi không hiểu ý ta,

唱言如來定說無我。

xướng ngôn Như Lai định thuyết vô ngã 。

xướng lên lời rằng Như Lai nói không ngã.

善男子。我於經中復作是言。

Thiện nam tử 。

Ngã ư Kinh trung phục tác thị ngôn 。

Thiện nam tử! Ở trong Kinh ta lại nói như thế này:

三事和合得受是身。一父二母三者中陰。

Tam sự hòa hợp đắc thọ thị thân 。

nhất phụ nhị mẫu tam giả trung uẩn 。

Ba việc hòa hợp được thọ thân đó, một là cha, hai là mẹ và ba là trung ấm,

是三和合得受是身。或時復說阿那含人現般涅槃。

Thị tam hòa hợp đắc thọ thị thân 。 hoặc thì phục thuyết A-na-hàm nhân hiện Bát- niết- bàn 。

Có ba việc hòa hợp này thì được thọ thân đó. Hoặc khi lại nói người A-na-hàm hiện Bát- niết-bàn,

或於中陰入般涅槃。或復說言中陰身根具足明了。

hoặc ư trung uẩn nhập Bát-niết-bàn 。 hoặc phục thuyết ngôn trung uẩn thân căn cụ túc minh liễu 。

hoặc ở trung ấm vào Bát-niết-bàn, hoặc lại nói rằng thân căn trung ấm đầy đủ rõ ràng, 皆因往業如淨醍醐。善男子。

giai nhân vãng nghiệp như tịnh đề hồ 。 Thiện nam tử 。

đều nhân nghiệp cũ như đề hồ tịnh. Thiện nam tử!

我或時說弊惡眾生所受中陰。如世間中麤澁麩。

Ngã hoặc thì thuyết tệ ác chúng sanh sở thọ trung uẩn 。 như thế gian trung thô sáp điệp hạt 。

Ta hoặc khi nói chúng sanh xấu ác sẽ chịu thân trung ấm, như trong thế gian thô rít vải bông.

純善眾生所受中陰。如波羅奈所出白麩。

Thuần thiện chúng sanh sở thọ trung ấm. như Ba la nại sở xuất bạch điệp.

Chúng sanh thuần thiện sẽ thọ trung ấm, như Ba-la-nại đã tạo ra Bạch điệp.

我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說有中陰。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。 xướng ngôn Như Lai thuyết hữu trung uẩn 。

Các đệ tử ta nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta mà xướng lên lời rằng, Như Lai nói có trung ấm.

善男子。我復為彼逆罪眾生而作是言。

Thiện nam tử 。 ngã phục vi bỉ nghịch tội chúng sanh nhi tác thị ngôn 。

Thiện nam tử! Ta lại vì chúng sanh tội nghịch kia mà nói lời ấy,

造五逆者捨身直入阿鼻地獄。

tạo ngũ nghịch giả xả thân trực nhập A-tì Địa ngục 。

người tạo tội ngũ nghịch xả thân thẳng vào Địa ngục A-tỳ.

我復說言曇摩留枝比丘。捨身直入阿鼻地獄。於其中間無止宿處。

Ngã phục thuyết ngôn Đàm Ma Lưu Chi Tỳ-kheo. xả thân trực nhập A-tì Địa ngục 。 ư kỳ trung gian vô chỉ tú xứ。

Ta lại nói rằng Tỳ-kheo Đàm-ma-lưu-chi, xả thân vào thẳng trong Địa ngục A-tỳ, ở trung gian kia không chỗ dừng nghỉ.

我復為彼犢子梵志說言。梵志。

Ngã phục vi bỉ độc tử Phạm Chí thuyết ngôn 。 Phạm Chí 。

Ta lại vì Độc tử Phạm chí kia nói rằng: Phạm Chí!

若有中陰則有六有。我復說言無色眾生無有中陰。

Nhược hữu trung uẩn tắc hữu lục hữu 。 ngã phục thuyết ngôn vô sắc chúng sanh vô hữu trung uẩn 。

Nếu có trung ấm thì có sáu hữu. Ta lại nói rằng chúng sanh không sắc không có trung ấm.

善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。

Thiện nam tử 。 Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Thiện nam tử! Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên

唱言佛說定無中陰。

xướng ngôn Phật thuyết định vô trung uẩn 。

xướng lên rằng lời Phật nói quyết định không có trung ấm.

善男子。我於經中復說有退何以故。

Thiện nam tử 。 Ngã ư Kinh trung phục thuyết hữu thối hà dĩ cố 。

Thiện nam tử! Ở trong Kinh ta lại nói có thối thất vì sao vậy?

因於無量懈怠懶惰諸比丘等不修道故。說退五種。

Nhân ư vô lượng giải đãi lại nọa chư Tỳ-kheo đẳng bất tu đạo cố 。 thuyết thối ngũ chủng 。

Nhân ở vô lượng giải đãi lại đọa các Tỳ-kheo v.v.. không tu đạo vậy. Thuyết về hàng bí thối thất gồm có năm:

一者樂於多事。二者樂說世事。

Nhất giả lạc ư đa sự 。 nhị giả lạc thuyết thế sự 。

Một là ưa thích nhiều việc, hai là ưa nói việc đời,

三者樂於睡眠。四者樂近在家。五者樂多遊行。

tam giả lạc ư thụy miên 。 tứ giả lạc cận tại gia 。 ngũ giả lạc đa du hành 。

Ba là ưa thích ngủ nghỉ, bốn thích thân cận người đời, năm là thích du hành nhiều.

以是因緣令比丘退。說退因緣復有二種。一內二外。

Dĩ thị nhân duyên linh Tỳ-kheo thối 。 thuyết thối nhân duyên phục hữu nhị chủng 。 nhất nội nhị ngoại 。

Do nhân duyên ấy khiến Tỳ-kheo ấy thối thất. Nói nhân duyên để thối thì lại có hai thứ: một là bên trong, hai là bên ngoài.

阿羅漢人雖離內因不離外因。

A-la-hán nhân tuy ly nội nhân bất ly ngoại nhân 。

Người A-la-hán tuy lìa nhân ở trong không lìa nhân bên ngoài.

以外因緣故則生煩惱。生煩惱故則便退失。

Dĩ ngoại nhân duyên cố tắc sanh phiền não 。 sanh phiền não cố tắc tiện thối thất 。

Do nhân duyên ngoài thì sanh phiền não, sanh phiền não thì liền thối mất.

復有比丘名曰瞿抵。六返退失退已慚愧復更進修。

Phục hữu Tỳ-kheo danh viết Cồ Để 。

Lại có Tỳ-kheo tên gọi Cồ Để, sáu phen thối thất, thối thất rồi xấu hổ, khi biết xấu hổ thì lại càng tiến tu.

第七即得得已恐失以刀自害。

Đệ thất tức đắc đắc dĩ khủng thất dĩ đao tự hại 。

Thứ bảy liền được được rồi lo sợ mất dùng dao tự cắt,

我復或說有時解脫或說六種阿羅漢等。

Ngã phục hoặc thuyết hữu thì giải thoát hoặc thuyết lục chủng A-la-hán đẳng 。

Ta lại hoặc nói có khi giải thoát hoặc nói sáu thứ A-la-hán v.v..

我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來定說有退。善男子。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Các đệ tử ta nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta mà xưng lên lời rằng, Như Lai định nói có thối. Thiện nam tử!

經中復說。譬如焦炭不還為木。

Kinh trung phục thuyết 。

Trong Kinh lại nói: thí như tro tàn chẳng trở lại gỗ được,

亦如瓶壞更無瓶用。煩惱亦爾阿羅漢斷終不還生。

diệc như bình hoại cánh vô bình dụng 。 phiền não diệc nhĩ A-la-hán đoạn chung bất hoàn sanh 。

cũng như bình vỡ lại không dùng bình, phiền não cũng như thế đoạn A-la-hán không sanh trở lại.

亦說眾生煩惱因凡有三種。一者未斷煩惱。

Diệc thuyết chúng sanh sanh phiền não nhân phạm hữu tam chủng 。 nhất giả vị đoạn phiền não 。

Cũng nói chúng sanh sanh phiền não nhân phạm có ba thứ: Một là chưa đoạn phiền não, 二者不斷因緣。三者不善思惟。而阿羅漢無二因緣。

nhị giả bất đoạn nhân duyên 。 tam giả bất thiện tư duy 。 nhi A-la-hán vô nhị nhân duyên 。

hai là không đoạn nhân duyên, ba là không khéo suy nghĩ, mà A-la-hán không có hai nhân duyên.

謂斷煩惱為不善思惟。善男子。

Vị đoạn phiền não vi ất thiện tư duy 。 Thiện nam tử 。

Nói đoạn phiền não vì không khéo suy nghĩ. Thiện nam tử!

我諸弟子聞是說已不解我意。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên

唱言如來定說無退善男子。我於經中說如來身凡有二種。

xướng ngôn Như Lai định thuyết vô thối thiện nam tử 。

Ngã ư Kinh trung thuyết Như Lai thân phạm hữu nhị chủng 。

xướng lên lời rằng, Như Lai định nói bất thối. Thiện nam tử! Ở trong Kinh ta nói thân Như Lai phạm có hai thứ:

一者生身。二者法身。言生身者。

nhất giả sanh thân 。 nhị giả Pháp thân 。 ngôn sanh thân giả 。

một là Sanh thân, hai là Pháp thân. Nói Sanh thân

即是方便應化之身。如是身者。可得言是生老病死長短黑白。

tức thị phương tiện Ứng hóa chi thân 。 như thị thân giả 。

khả đắc ngôn thị sanh lão bệnh tử trường đoản hắc bạch 。

tức là thân của Ứng hóa phương tiện, thân như vậy có thể nói là sanh già bệnh chết dài ngắn đen trắng,

是此是彼是學無學。

Thị thử thị bỉ thị học vô học 。

là này là kia là học và vô học.

我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來。定說佛身是有為法。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

xướng ngôn Như Lai 。

định thuyết Phật thân thị hữu vi Pháp 。

Các đệ tử ta nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta mà xướng lên lời Như Lai nói thân Phật là pháp hữu vi.

法身即是常樂我淨。永離一切生老病死。

Pháp thân tức thị thường lạc ngã tịnh 。

vĩnh ly nhất thiết sanh lão bệnh tử 。

Pháp thân tức là Thường Lạc Ngã Tịnh, vĩnh viễn xa lìa tất cả sanh già bệnh chết,

非白非黑非長非短。非此非彼非學非無學。

Phi bạch phi hắc phi trường phi đoản 。

phi thử phi bỉ phi học phi vô học 。

chẳng trắng chẳng đen chẳng dài chẳng ngắn, chẳng này chẳng kia, chẳng học chẳng vô học,

若佛出世及不出世。常住不動無有變易。善男子。

Nhược Phật xuất thế cập bất xuất thế 。

thường trụ bất động vô hữu biến dịch 。

Thiện nam tử 。

hoặc Phật ra đời cùng chẳng ra đời, thường trú bất động không có thay đổi. Thiện nam tử!

我諸弟子聞是說已不解我意。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên

唱言如來定說佛身是無為法。

xướng ngôn Như Lai định thuyết Phật thân thị vô vi Pháp 。

xướng lên lời rằng, rằng Như Lai quyết chắc thân Phật là pháp Vô-vi.

善男子。我經中說云何名為十二因緣。

Thiện nam tử 。

ngã Kinh trung thuyết vân hà danh vi thập nhị nhân duyên 。

Thiện nam tử! Trong Kinh ta nói vì sao gọi là Mười hai nhân duyên?

從無明生行。從行生識。從識生名色。

Tùng vô minh sanh hành 。 tùng Hành sanh Thức 。 tùng Thức sanh Danh sắc 。

Từ Vô minh sanh Hành, từ Hành sanh Thức, từ Thức sanh Danh sắc,

從名色生六入。從六入生觸。從觸生受。從受生愛。

tùng Danh sắc sanh Lục nhập 。 tùng Lục nhập sanh Xúc 。 tùng Xúc sanh Thọ 。 tùng Thọ sanh Ái 。

từ Danh sắc sanh Lục nhập, từ Lục nhập sanh Xúc, từ Xúc sanh Thọ, từ Thọ sanh Ái,
從愛生取。從取生有。從有生生。從生則有老死憂苦。

tùng Ái sanh Thủ 。 tùng Thủ sanh Hữu 。 tùng Hữu sanh Sanh 。 tùng Sanh tắc hữu lão tử
ưu khổ 。

từ Ái sanh Thủ, từ Thủ sanh Hữu, từ Hữu sanh Sanh, từ Sanh thì có già chết lo khổ.

善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。

Thiện nam tử 。 Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Thiện nam tử! Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên

唱言如來說十二緣定是有為。

xướng ngôn Như Lai thuyết Thập nhị duyên định thị Hữu vi 。

liền xướng lên lời rằng, rằng Như Lai nói Mười hai nhân duyên là Hữu-vi.

我又一時告喻比丘而作是言。十二因緣有佛無佛性相常住。

Ngã hựu nhất thì cáo dụ Tỳ-kheo nhi tác thị ngôn 。 Thập nhị nhân duyên hữu Phật vô
Phật tánh tướng thường trụ 。

Ta lại một lần nữa bảo dụ Tỳ-kheo mà nói lời rằng: Mười hai nhân duyên có Phật hay
không Phật, tánh tướng thường trú.

善男子。有十二緣不從緣生。

Thiện nam tử 。 Hữu Thập nhị duyên bất tùng duyên sanh 。

Thiện nam tử! Có Mười hai Nhân duyên chẳng từ duyên sanh,

有從緣生非十二緣有從緣生亦十二緣。

hữu tùng duyên sanh phi thập nhị duyên hữu tùng duyên sanh diệc thập nhị duyên 。

có từ duyên sanh chẳng phải Mười hai nhân duyên có từ duyên sanh cũng Mười hai
duyên,

有非緣生非十二緣。有十二緣非緣生者。

hữu phi duyên sanh phi thập nhị duyên 。 hữu thập nhị duyên phi duyên sanh giả 。

Có chẳng Duyên sanh chẳng mười hai duyên, có mười hai duyên chẳng Duyên sanh ấy,

謂未來世十二支也。有從緣生非十二緣者。

vị vị lai thể thập nhị chi dã 。 hữu tùng duyên sanh phi thập nhị duyên giả 。
nói đời vị lai ấy mười hai chi vậy, có từ Duyên sanh chẳng Mười hai duyên ấy,
謂阿羅漢所有五陰。有從緣生亦十二緣者。

Vị A-la-hán sở hữu ngũ uẩn 。 hữu tùng duyên sanh diệc Thập nhị duyên giả 。
Nói A-la-hán chỗ có năm ấm, có từ duyên sanh cũng Mười hai duyên ấy.
謂凡夫人所有五陰十二因緣。有非緣生非十二緣者。

Vị phàm phu nhân sở hữu ngũ uẩn Thập nhị nhân duyên 。 hữu phi duyên sanh phi Thập
nhị duyên giả 。

Nghĩa là người phàm phu chỗ có Năm ấm, Mười hai nhân duyên, có chẳng duyên sanh
chẳng Mười hai duyên ấy.

謂虛空涅槃。善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。

Vị hư không Niết-Bàn 。 Thiện nam tử 。 ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

唱言如來說十二緣定是無為。

xướng ngôn Như Lai thuyết thập nhị duyên định thị vô vi 。

善男子。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử!

我經中說一切眾生作善惡業捨身之時。四大於此即時散壞。

Ngã Kinh trung thuyết nhất thiết chúng sanh tác thiện ác nghiệp xả thân chi thì 。

Tứ đại ư
thử tức thì tán hoại 。

Trong Kinh ta nói tất cả chúng sanh làm các nghiệp thiện ác khi xả bỏ thân, Bốn đại ở đây
tức thì tan hoại.

純善業者心即上行。純惡業者心即下行。善男子。
Thuần thiện nghiệp giả tâm tức thượng hành 。

Thuần ác nghiệp giả tâm tức hạ hành 。

Thiện nam tử 。

Thiện nam tử!

我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說心定常。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。 xướng ngôn Như Lai thuyết tâm định thường 。

Các đệ tử ta nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta mà xướng lên lời rằng, Như Lai nói tâm thường hằng.

善男子。我於一時為頻婆娑羅王而作是言。

Thiện nam tử 。 Ngã ư nhất thì vi Tần Bà Sa La Vương nhi tác thị ngôn 。

Thiện nam tử! Ta ở một thì vi Vua Tần Bà Sa La mà nói rằng:

大王。當知色是無常。何以故。

Đại Vương 。 Đương tri sắc thị vô thường 。 hà dĩ cố 。

Đại vương! Nên biết Sắc là vô thường, vì sao vậy?

從無常因而得生故。是色若從無常因生。智者云何說言是常。

Tùng vô thường nhân nhi đắc sanh cố 。 thị sắc nhược tùng Vô thường nhân sanh 。 trí giả vân hà thuyết ngôn thị thường 。

Vì từ nhân Vô thường mà được sanh ấy, là Sắc hoặc từ Vô thường nhân sanh, người trí vì sao lại nói là thường?

若色是常不應壞滅生諸苦惱。

Nhược sắc thị thường bất ứng hoại diệt sanh chư khổ não 。

Nếu Sắc là thường không nên hoại diệt sanh các khổ não,

今見是色散滅破壞。是故當知色是無常。乃至識亦如是。

Kim kiến thị sắc tán diệt phá hoại 。 thị cố đương tri sắc thị vô thường 。 nãi chí thức diệt như thị 。

nay thấy là Sắc tan mất hoại diệt, vì thế nên biết Sắc là vô thường, cho đến Thức cũng lại như thế.

善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。

Thiện nam tử 。 Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Thiện nam tử! Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên

唱言如來說心定斷。善男子。

xướng ngôn Như Lai thuyết tâm định đoạn 。

Thiện nam tử 。 xướng lên lời rằng, Như Lai nói tâm đoạn diệt. Thiện nam tử!

我經中說我諸弟子受諸香花金銀寶物妻子奴婢八不淨物獲得

Ngã Kinh trung thuyết ngã chư đệ-tử thọ chư hương hoa kim ngân bảo vật thê tử nô tì bát bất tịnh vật hoạch đắc

Trong Kinh ta nói các đệ tử ta nhận các hương hoa vàng bạc vật báu vợ con tôi tớ tám vật bất tịnh chứng được Chánh đạo,

正道。得正道已亦不捨離。

chánh đạo 。 Đắc chánh đạo dĩ diệc bất xả ly 。

được Chánh đạo rồi cũng không xa lìa.

我諸弟子聞是說已不解我意。定言如來說受五欲不妨聖道。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。 định ngôn Như Lai thuyết thọ ngũ dục bất phương Thánh đạo 。

Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên mà lại quyết nói rằng, Như Lai dạy thọ ngũ dục không làm trở ngại Thánh đạo.

又我一時復作是說。

Hựu ngã nhất thì phục tác thị thuyết 。

Một lần nữa, Ta lại nói thế này:

在家之人得正道者無有是處。善男子。

Tại gia chi nhân đắc chánh đạo giả vô hữu thị xử 。

Thiện nam tử 。

Người tại gia được Chánh đạo thì không có lẽ đó.

我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說受五欲定遮正道。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。 xướng ngôn Như Lai thuyết thọ ngũ dục định già chánh đạo 。

Các đệ tử ta nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta mà xướng lên lời rằng, Như Lai nói thọ năm dục chắc chắn làm trở ngại chánh đạo.

善男子。我經中說遠離煩惱未得解脫。

Thiện nam tử ！ Trong Kinh ta nói xa lìa phiền não chưa được giải thoát,

猶如欲界修習世間第一法也。善男子。

do như dục giới tu tập thế gian đệ nhất Pháp dã 。

Thiện nam tử ！

giống như Dục giới tu tập thế gian Đệ nhất pháp vậy. Thiện nam tử!

我諸弟子聞作是說不解我意。

Ngã chư đệ-tử văn tác thị thuyết bất giải ngã ý 。

Các đệ tử ta nghe nói như thế không hiểu ý Ta,

唱言如來說第一法唯是欲界。

xướng ngôn Như Lai thuyết Đệ nhất Pháp duy thị dục giới 。

xướng lên lời rằng, Như Lai Đệ nhất pháp chỉ là Dục giới.

又復我說暖法頂法忍法世間第一法。在於初禪至第四禪。

Hựu phục ngã thuyết Noãn pháp Đảnh pháp Nhẫn pháp Thế gian đệ nhất Pháp 。

tại ư sơ
Thiền chí đệ tứ Thiền 。

Lại nữa ta nói Noãn pháp, Đảnh pháp, Nhẫn pháp, Thế gian đệ nhất pháp ở cõi Sơ thiền
đến đệ Tứ thiền.

我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說如是法在於色界。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

xướng ngôn Như Lai thuyết như thị pháp
tại ư sắc giới 。

Các đệ tử ta nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta mà xướng lên lời rằng, Như Lai nói pháp
như thế ở cõi Sắc giới.

又復我說諸外道等。先已得斷四禪煩惱。

Hựu phục ngã thuyết chư ngoại đạo đẳng 。

tiên dĩ đắc đoạn Tứ thiền phiền não 。

Lại nữa ta nói các ngoại đạo.v.v... trước đã đoạn được phiền não Tứ thiền,
修習暖法頂法忍法世第一法。

tu tập Noãn Pháp Đảnh pháp Nhẫn Pháp Thế đệ nhất Pháp 。

tu tập Noãn pháp Đảnh pháp Nhẫn pháp Thế đệ nhất pháp.

觀四真諦得阿那含果。我諸弟子聞是說已不解我意。

Quán tứ chân đế đắc A-na-hàm quả 。

Ngã chư đệ tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Quán xét Bốn chân đế được quả A-na-hàm. Các đệ tử của Ta nghe nói xong rồi không
hiểu ý Ta

唱言如來說第一法在無色界。善男子。

xướng ngôn Như Lai thuyết đệ nhất Pháp tại vô sắc giới 。

Thiện nam tử 。

mà xướng lên lời rằng, Như Lai nói Đệ-nhất-pháp ở cõi Vô sắc giới. Thiện nam tử!

我經中說四種施中有三種淨。

Ngã Kinh trung thuyết tứ chủng thí trung hữu tam chủng tịnh 。

Trong Kinh ta nói trong bốn thứ thí có ba thứ tịnh.

一者施主信因信果信施。受者不信因果與施。

Mhất giả thí chủ tín nhân tín quả tín thí 。 thọ giả bất tín nhân quả dữ thí 。

Một là thí chủ tín nhân tín quả tín thí, người thọ không tín nhân quả cùng bố thí.

二者受者信因果施。施主不信因果及施。

Nhị giả thọ giả tín nhân quả thí 。 thí chủ bất tín nhân quả cập thí 。

Hai là người thọ tín nhân quả thí, thí chủ không tín nhân quả và bố thí.

三者施主受者二俱有信四者施主受者二俱不信。

Tam giả thí chủ thọ giả nhị câu hữu tín tứ giả thí chủ thọ giả nhị câu bất tín 。

Ba là thí chủ thọ ấy đều tín cả hai. Bốn là thí chủ không tín cả hai đều.

是四種施初三種淨。

Thị tứ chủng thí sơ tam chủng tịnh 。

Vậy trong bốn thứ thí ba thì thứ đầu là tịnh.

我諸弟子聞是說已不解我意唱言如來說施唯意。善男子。我於一時復作是說。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý xướng ngôn Như Lai thuyết thí duy ý 。

Thiện nam tử 。

Các đệ tử ta nghe nói xong rồi không hiểu ý ta xướng lên lời rằng, Như Lai nói thí duy ý.

Thiện nam tử! Có một lúc khác Ta lại nói như này,

施者施時以五事施。何等為五。一者施色。

Thí giả thí thì dĩ ngũ sự thí 。

Hà đẳng vi ngũ 。

Nhất giả thí sắc 。

Kê bố thí khi bố thí thì dùng năm việc bố thí. Thế nào là năm? Một là bố thí sắc.

二者施力。三者施安。四者施命。五者施辯。

Nhị giả thí lực 。

Tam giả thí an 。

Tứ giả thí mạng 。

Ngũ giả thí biện 。

Hai là bố thí sức lực. Ba là bố thí an vui. Bốn là bố thí thân mạng. Năm là bố thí biện tài.

以是因緣施主還得五事果報。

Dĩ thị nhân duyên thí chủ hoàn đắc ngũ sự quả báo 。

Do nhân duyên đó thí chủ trở lại được năm thứ quả báo.

我諸弟子聞是說已不解我意。唱言佛說施即五陰。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

xướng ngôn Phật thuyết thí tức ngũ uẩn 。

Các đệ tử ta nghe lời xong rồi không hiểu ý Ta mà xướng lên lời rằng, Phật dạy thí tức là năm ấm.

善男子。我於一時宣說。涅槃即是遠離。

Thiện nam tử 。 Ngã ư nhất thì tuyên thuyết 。 Niết-Bàn tức thị viển li 。

Thiện nam tử! Một khi Ta nói rằng, Niết bàn tức là xa lìa,

煩惱永盡滅無遺餘。

phiền não vĩnh tận diệt vô di dư 。

phiền não vĩnh viễn diệt hết không còn.

猶如燈滅更無法生涅槃亦爾。言虛空者即無所有。

Do như đặng diệt canh vô Pháp sanh Niết-Bàn diệt nhĩ 。

Ngôn hư không giả tức vô sở hữu 。

Giống như đèn tắt lại không pháp sanh, Niết-bàn cũng như thế. Nói hư không ấy tức là không chỗ có,

譬如世間無所有故名為虛空。非智緣滅即無所有。

Thí như thế gian vô sở hữu cố danh vi hư không 。

Phi trí duyên diệt tức vô sở hữu 。

thí như thế gian không chỗ có nên gọi là hư không, chẳng phải trí duyên diệt tức là vô sở hữu.

如其有者應有因緣。有因緣故應有盡滅。

Như kỳ hữu giả ứng hữu nhân duyên 。

hữu nhân duyên cố ứng hữu tận diệt 。

Như kia có ấy nên có nhân duyên, có nhân duyên vậy nên có diệt hết.

以其無故無有盡滅。我諸弟子聞是說已不解我意。

Dĩ kỳ vô cố vô hữu tận diệt 。

ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Do các pháp đó là không sanh nên không có diệt hết, các đệ tử nghe Ta nói xong rồi không hiểu ý ta

唱言佛說無三無為。善男子。

xướng ngôn Phật thuyết vô tam vô vi 。

Thiện nam tử 。

mà xướng lên lời rằng, Phật dạy không có ba pháp vô vi. Thiện nam tử!

我於一時為目乾連而作是言。目連。夫涅槃者。即是章句即是足跡。

Ngã ư nhất thì vi Mục-kiền-liên nhi tác thị ngôn 。

Mục Liên 。

phu Niết-bàn giả 。

tức thị chương cú tức thị túc tích 。

Có khi Ta vì Mục-kiền-liên mà nói rằng: Mục-liên! Nói Niết-bàn ấy tức là chương cú tức là đầy đủ tông tích,

是畢竟處是無所畏。即是大師即是大果。

Thị tất cánh xứ thị vô sở úy 。

tức thị Đại sư tức thị Đại quả 。

là rốt ráo là không lo sợ, tức là Đại sư tức là Đại quả,
是畢竟智即是大忍無礙三昧。

Thị tất cánh trí tức thị Đại nhẫn vô ngại tam muội 。

là trí rốt ráo tức là Đại nhẫn, Vô ngại tam muội,
是大法界是甘露味即是難見。目連。若說無涅槃者。

Thị Đại Pháp giới thị cam lộ vị tức thị nan kiến 。

Mục liên 。

nhược thuyết vô Niết-bàn giả

。

là Đại pháp giới, là vị cam lồ, là điều khó thấy. Mục liên! Nếu nói không Niết-bàn,
云何有人生誹謗者墮於地獄。善男子。

Vân hà hữu nhân sanh phỉ báng giả đọa ư Địa-ngục 。

Thiện nam tử 。

vậy tại sao có người sanh phỉ báng rơi vào trong Địa ngục? Thiện nam tử!

我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說有涅槃。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

xướng ngôn Như Lai thuyết hữu Niết-Bàn

。

Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta mà xướng lên lời rằng, Như Lai nói có Niết-bàn.

復於一時我為目連而作是說。目連。

Phục ư nhất thì ngã vi Mục liên nhi tác thị thuyết 。

Mục Liên 。

Lại một lần nữa Ta vì Mục liên mà nói lời rằng: Mục-liên!

眼不牢固至身亦爾皆不牢固。不牢固故名為虛空。

nhãn bất lao cố chí thân diệc nhĩ giai bất lao cố 。

bất lao cố cố danh vi hư không 。

Mắt không bền chắc cho đến thân cũng như thế đều không chắc chắn, không chắc chắn nên gọi là hư không.

食下迴轉消化之處。一切音聲皆名虛空。

Thực hạ hồi chuyển tiêu hóa chi xử 。

nhất thiết âm thanh giai danh hư không 。

ăn xong trở về chỗ của tiêu hoá, tất cả âm thanh đều gọi là hư không.

我諸弟子聞是說已不解我意。

ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên

唱言如來決定說有虛空無為。復於一時為目連說。目連。

xướng ngôn Như Lai quyết định thuyết hữu hư không vô vi 。 phục ư nhất thì vi Mục Liên thuyết 。 Mục Liên 。

xướng lên lời rằng, Như Lai quyết định nói có hư không vô vi. Lại một lần nữa vì Mục-kiền-liên nói: Mục-liên!

有人未得須陀洹果住忍法時。斷於無量三惡道報。

Hữu nhân vị đắc Tu-đà-hoàn quả trụ nhẫn Pháp thì 。 đoạn ư vô lượng tam ác đạo báo 。 Có người chưa được quả Tu-đà-hoàn khi trú Nhẫn pháp, diệt trừ vô lượng ác báo trong ba đường,

當知不從智緣而滅。

đương tri bất tòng trí duyên nhi diệt 。

nên biết chẳng từ trí duyên mà diệt.

我諸弟子聞是說已不解我意。

Ngã chư đệ tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Các đệ tử ta nghe nói xong rồi không hiểu ý ta

唱言如來決定說有非智緣滅善男子。我又一時為跋波比丘說。

xướng ngôn Như Lai quyết định thuyết hữu phi trí duyên diệt thiện nam tử 。 ngã hựu nhất thì vi Bạt Ba Tỳ-kheo thuyết 。

mà xướng lên lời rằng, Như Lai quyết định nói chẳng phải có trí duyên diệt. Thiện nam tử!

Ta lại một lần nữa vì Tỳ-kheo Bạt-ba mà nói rằng:

跋波若比丘觀色已若過去若未來若現在。

Bạt Ba nhược Tỳ-kheo quán sắc dĩ nhược quá khứ nhược vị lai nhược hiện tại 。

Tỳ-kheo Bạt-ba quán sát Sắc rồi, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại,

若近若遠若麤若細。如是等色非我我所。

Nhược cận nhược viễn nhược thô nhược tế 。

như thị đẳng sắc phi ngã ngã sở 。

hoặc gần hoặc xa, hoặc thô hoặc tế, những màu sắc như thế chẳng ngã và ngã sở.

Nhược hữu Tỳ-kheo như thị quán dĩ năng đoạn sắc ái 。

Bạt Ba hựu ngôn vân hà danh sắc 。

我言四大名色四陰名名。

Ngã ngôn Tứ đại danh sắc tứ uẩn danh danh 。

Ta nói Bốn đại gọi là Sắc; Bốn uẩn gọi là Danh.

我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來決定說言色是四大。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

xướng ngôn Như Lai quyết định thuyết ngôn sắc thị tứ Đại 。

Các đệ tử ta nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta mà xướng lên lời rằng, Như Lai quyết định nói rằng Sắc là Bốn đại.

善男子。我復說言譬如因鏡則有像現。

Thiện nam tử 。

Ngã phục thuyết ngôn thí như nhân kính tắc hữu tượng hiện 。

Thiện nam tử! Ta lại nói rằng thí như khi soi gương tức là có hình tượng hiện ra.

色亦如是是因四大造。所謂麤細澁滑青黃赤白。

Sắc diệc như thị nhân tứ đại tạo 。

sở vị thô tế sáp hoạt thanh hoàng xích bạch 。

Sắc cũng như thế nhân bốn đại tạo ra, chỗ gọi là thô tế, sần sùi, trơn nhẵn, xanh vàng đỏ trắng,

長短方圓斜角輕重。寒熱飢渴煙雲塵霧。

trường đoản phương viên tà giác khinh trọng 。

hàn nhiệt cơ khát yên vân trần vụ 。

dài ngắn, vuông tròn, nghiêng góc, nhẹ nặng, nóng lạnh, đói khát, mây khói, bụi nước như sương mù

是名造色猶如響像。我諸弟子聞是說已不解我意。

Thị danh tạo sắc do như hưởng tượng 。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

thì gọi là Sắc, thí như âm hưởng và hình tượng. Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên

唱言如來說有四大則有造色。

xướng ngôn Như Lai thuyết hữu tứ Đại tắc hữu tạo sắc 。

xướng lên lời rằng, Như Lai nói có bốn đại thì có Sắc,

或有四大無有造色。善男子。往昔一時菩提王子作如是言。

Hoặc hữu tứ Đại vô hữu tạo sắc 。

Thiện nam tử 。

Vãng tích nhất thì bồ đề Vương tử tác như thị ngôn 。

hoặc có bốn đại không có sắc. Thiện nam tử! Một lần vào thừa xa xưa, có Bồ-đề Vương tử nói lời thế này:

若有比丘護持禁戒若發惡心。

Nhược hữu Tỳ-kheo hộ trì cấm giới nhược phát ác tâm 。

Nếu có Tỳ-kheo hộ trì cấm giới mà sanh tâm ác thì

當知是時失比丘戒。我時語言。菩提王子。

đương trì thì thất bỉ khâu giới 。

Ngã thì ngữ ngôn 。

Bồ-đề Vương tử!
nên biết lúc ấy mất giới Tỳ-kheo. Lúc đó Ta nói rằng: Bồ-đề Vương tử!
戒有七種從於身口有無作色。以是無作色因緣故。

Giới hữu thất chủng tòng ư thân khẩu hữu vô tác sắc 。

dĩ thị vô tác sắc nhân duyên cố 。

Giới có bảy loại từ trong thân miệng hữu vô tác sắc, do thế vô tác sắc nhân duyên vậy.
其心雖在惡無記中。不名失戒猶名持戒。

Kỳ tâm tuy tại ác vô kí trung 。

bất danh thất giới do danh trì giới 。

Tâm kia dầu ở trong ác vô ký, chẳng gọi mất giới giống như gọi trì giới.
以何因緣名無作色。非異色因不作異色因果。善男子。

Dĩ hà nhân duyên danh vô tác sắc 。

phi dị sắc nhân bất tác dị sắc nhân quả 。

Thiện nam tử 。

Do nhân duyên gì gọi vô tác sắc mà không phải là sắc nhân khác, không phải là sắc nhân quả khác? Thiện nam tử!

我諸弟子聞是說已不解我意。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên
唱言佛說有無作色。善男子。我於餘經作如是言。

xướng ngôn Phật thuyết hữu vô tác sắc 。

Thiện nam tử 。

ngã ư dư Kinh tác như thị ngôn 。

xướng lên lời rằng, Phật dạy có vô tác sắc. Thiện nam tử! Ta ở trong các Kinh nói lời như vậy.

戒者即是遮制惡法。若不作惡是名持戒。

Giới giả tức thị già chế ác Pháp 。

nhược bất tác ác thị danh trì giới 。

Giới ấy tức là ngăn ngừa ác pháp, nếu không làm ác chính gọi trì giới.
我諸弟子聞是說已不解我意。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta
唱言如來決定宣說無無作色。

xướng ngôn Như Lai quyết định tuyên thuyết vô vô tác sắc 。

mà xướng lên lời rằng, Như Lai quyết định tuyên nói không có vô tác sắc.

善男子。我於經中作如是說。

Thiện nam tử ！ Ngã ư Kinh trung tác như thị thuyết 。

Thiện nam tử! Ta ở trong Kinh nói lời như thế,

聖人色陰乃至識陰。皆是無明因緣所出。

Thánh nhân sắc uẩn nãi chí thức uẩn 。

giai thị vô minh nhân duyên sở xuất 。

Thánh nhân sắc uẩn cho đến thức uẩn, đều là vô minh nhân duyên phát ra.

一切凡夫亦復如是從無明生愛。當知是愛即是無明。

Nhất thiết phàm phu diệc phục như thị tùng vô minh sanh ái 。

đương tri thị ái tức thị vô minh 。

Tất cả phàm phu cũng lại như thế từ Vô minh sanh Ái, nên biết chính Ái tức là Vô minh.

從愛生取當知是取即無明愛。

Tùng Ái sanh Thủ đương tri thị Thủ tức Vô minh ái 。

Từ Ái sanh Thủ nên biết chính Thủ tức Vô minh Ái.

從取生有是有即是無明愛取。從有生受當知是受即是行有。

Tùng Thủ sanh Hữu thị Hữu tức thị Vô minh ái thủ 。

Tùng Hữu sanh Thọ đương tri thị thọ tức thị hành hữu 。

Từ Thủ sanh Hữu thì chính Hữu là Vô minh, ái, thủ. Từ Hữu sanh Thọ nên biết chính Thọ tức là Hành hữu.

從受因緣生於名色無明愛取有行受觸識六入

Tùng Thọ nhân duyên sanh ư Danh sắc vô minh ái thủ hữu hành thọ xúc thức lục nhập

Từ nhân duyên Thọ sanh ở Danh sắc Vô Minh, Ái, Thủ, Hữu, Hành, Thọ, Xúc, Thức, Lục Nhập v.v..

等。是故受者即十二支。善男子。

đẳng 。

Thị cố thọ giả tức thập nhị chi 。

Thiện nam tử 。

Vì vậy Thọ ấy tức là Mười hai chi. Thiện nam tử!

我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說無心數。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

xướng ngôn Như Lai thuyết vô tâm số 。

Các đệ tử Ta, nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta mà xướng lên lời rằng, Như Lai nói vô tâm số.

善男子。我於經中作如是說。

Thiện nam tử 。 Ngã ư Kinh trung tác như thị thuyết 。

Thiện nam tử! Ta ở trong Kinh nói lời như thế này,
從眼色明惡欲等四則生眼識。言惡欲者即是無明。

Tùng nhãn sắc minh ác dục đẳng tứ tắc sanh nhãn thức 。

ngôn ác dục giả tức thị Vô minh 。

từ Nhãn sắc rõ thấy ác dục v.v..đủ bốn yếu tố thì sanh Nhãn thức, nói ác dục ấy tức là Vô minh.

欲性求時即名為愛。愛因緣取取名為業。業因緣識。

Dục tánh cầu thì tức danh vi Ái 。

Ái nhân duyên Thủ Thủ danh vi nghiệp 。

nghiệp nhân duyên thức 。

Tánh dục khi cầu tức gọi là Ái, Ái nhân duyên Thủ, Thủ gọi là nghiệp. Nghiệp nhân duyên Thức.

識緣名色。名色緣六入。六入緣觸。

Thức duyên Danh sắc 。

Danh sắc duyên Lục nhập 。

Lục nhập duyên Xúc 。

Thức duyên Danh sắc. Danh sắc duyên Lục nhập. Lục nhập duyên Xúc.

觸緣想受愛信精進定慧。如是等法因觸而生然非是觸。

Xúc duyên Tưởng Thọ Ái Tín Tinh tấn Định Huệ 。

như thị đẳng Pháp nhân Xúc nhi sanh nhiên phi thị Xúc 。

Xúc duyên Tưởng, Thọ, Ái, Tín, Tinh tấn, Định, Huệ, những pháp như thế nhân Xúc mà sanh nhưng chẳng là Xúc.

善男子。我諸弟子聞是說已不解我意。

Thiện nam tử 。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Thiện nam tử! Các đệ tử Ta, nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta mà
唱言如來說有心數。

xướng ngôn Như Lai thuyết hữu tâm số 。

xướng lên lời rằng, Như Lai nói có tâm số.

善男子。我或時說唯有一有。

Thiện nam tử 。

Ngã hoặc thì thuyết duy hữu nhất hữu 。

Thiện nam tử! Ta hoặc khi nói chỉ có một hữu,
或說二三四五六七八九至二十五。

Hoặc thuyết nhị tam tứ ngũ lục thất bát cửu chí nhị thập ngũ 。

hoặc nói hai ba bốn năm sáu bảy tám chín đến hai mươi lăm.

我諸弟子聞是說已不解我意。唱言如來說有五有或言六有。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

xương ngôn Như Lai thuyết hữu ngũ hữu hoặc ngôn lục hữu 。

Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta mà xướng lên lời rằng, Như Lai nói có năm hữu hoặc nói sáu hữu.

善男子。我往一時住迦毘羅衛尼拘陀林時。

Thiện nam tử 。

Ngã vãng nhất thì trụ Ca-tỳ-la-vệ Ni-câu-đà lâm thì 。

Thiện nam tử! Một thửa nợ, khi Ta ở rừng Ni-câu-đà trong thành Ca-tỳ-la-vệ,

釋摩男來至我所作如是言。云何名為優婆塞也。

Thích Ma Nam lai chí ngã sở tác như thị ngôn 。

vân hà danh vi Ưu-bà-tắc dã 。

có ông Thích Ma Nam đến chỗ ta nói lời như thế này: Vì sao gọi là Ưu-bà-tắc vậy?

我即為說若有善男子善女人。

Ngã tức vi thuyết nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân 。

Ta liền vì nói nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân,

諸根完具受三歸依。是則名為優婆塞也。釋摩男言。世尊。

chư căn hoàn cụ thọ tam quy y 。

thị tắc danh vi Ưu-bà-tắc dã 。

Thích Ma Nam ngôn 。

Thế Tôn 。

các căn đầy đủ thọ ba pháp quy y, chính thì gọi là Ưu-bà-tắc vậy. Thích Ma-Nam thưa:

Bạch đức Thế Tôn!

云何名為一分優婆塞。我言。摩男。

Vân hà danh vi nhất phân Ưu-bà-tắc 。

Ngã ngôn 。

Ma Nam 。

Thế nào gọi là nhứt phần Ưu-bà-tắc? Ta nói: Này Ma-Nam

若受三歸及受一戒。是名一分優婆塞也。

Nhược thọ tam quy cập thọ nhất giới 。

thị danh nhất phân Ưu-bà-tắc dã 。

Nếu thọ ba pháp quy y và thọ một giới, chính gọi nhứt phần Ưu-bà-tắc vậy.

我諸弟子聞是說已不解我意。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên

唱言如來說優婆塞戒不具受得。善男子。我於一時住恒河邊。

xướng ngôn Như Lai thuyết Ưu-bà-tắc giới bất cụ thọ đắc 。 Thiện nam tử 。 Ngã ư nhất thì trụ hằng hà biên 。

xướng lên lời rằng, Như Lai nói giới Ưu-bà-tắc không thọ đầy đủ được. Thiện nam tử! Một thửa xưa, Ta ở bên sông Hằng,

爾時迦旃延來至我所作如是言。世尊。

Nhĩ thì Ca Chiên Diên lai chí ngã sở tác như thị ngôn 。

Thế Tôn 。

lúc bấy giờ Ca-chiên-diên lại đến chỗ Ta nói lời như sau: Thưa đức Thế Tôn!

我教眾生令受齋法。或一日或一夜。或一時或一念。
Ngã giáo chúng sanh linh thọ trai Pháp 。

hoặc nhất nhật hoặc nhất dạ 。

hoặc nhất thì hoặc nhất niệm 。

Con dạy chúng sanh khiến thọ trai pháp, hoặc một ngày một đêm, hoặc một lúc hoặc một niệm,

如是之人成齋不耶。我言。比丘。

Như thị chi nhân thành trai phủ da 。

Ngã ngôn 。

Tỳ-kheo。
người như thế thành trai chay không? Ta nói: Tỳ-kheo!
是人得善不名得齋。我諸弟子聞是說已不解我意。

Thị nhân đắc thiện bất danh đắc trai 。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Người đó được thiện không gọi được trai. Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta
唱言如來說八戒齋具受乃得。

xướng ngôn Như Lai thuyết bát giới trai cụ thọ nãi đắc 。

mà xướng lên lời rằng, Như Lai nói tám trai giới thọ đủ mới được.

善男子。我於經中作如是說。

Thiện nam tử 。

Ngã ư Kinh trung tác như thị thuyết 。

Thiện nam tử! Ở trong Kinh ta nói lời như thế này,

若有比丘犯四重已。不名比丘名破比丘亡失比丘。
Nhược hữu Tỳ-kheo phạm tứ trọng dĩ 。

bất danh Tỳ-kheo danh phá Tỳ-kheo vong thất Tỳ-kheo。
Nếu có Tỳ-kheo phạm bốn giới trọng rồi thì không gọi là Tỳ-kheo mà gọi là Tỳ-kheo phá giới, làm mất giới Tỳ-kheo.
不復能生善牙種子。譬如焦種不生果實。
Bất phục năng sanh thiện nha chủng tử 。

Lại không thể sanh mầm mống chủng tử tốt, thí như hạt đã rang khô thì không sanh quả thật.

如多羅樹頭若斷壞則不生果。犯重比丘亦復如是。

Như đa-la thụ đầu nhược đoạn hoại tắc bất sanh quả 。 phạm trọng Tỳ-kheo diệc phục như thị 。

Như cây đa-la đầu nếu bị chặt đứt thì không sanh quả. Tỳ-kheo phạm trọng giới cũng lại như thế.

我諸弟子聞是說已不解我意。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta

唱言如來說諸比丘犯重禁已失比丘戒。善男子。

xướng ngôn Như Lai thuyết chư Tỳ-kheo phạm trọng cấm dĩ thất Tỳ-kheo giới 。

Thiện nam tử 。

nên xướng lên lời rằng, Như Lai nói các Tỳ-kheo phạm trọng giới rồi mất giới Tỳ-kheo. Thiện nam tử!

我於經中為純陀說四種比丘。一者畢竟到道。

Ngã ư Kinh trung vi Thuần Đà thuyết tứ chủng Tỳ-kheo。nhất giả tất cánh đạo 。

Ta ở trong Kinh vì ông Thuần Đà nói bốn loại Tỳ-kheo: Một là đến đạo rất ráo.

二者示道。三者受道。四者污道。犯四重者即是污道。

Nhị giả kì đạo 。

Tam giả thọ đạo 。

Tứ giả ô đạo 。

phạm tứ trọng giả tức thị ô đạo 。

Hai là chỉ bày đạo. Ba là chấp nhận đạo. Bốn là làm hư đạo. Người phạm bốn trọng giới tức là làm như đạo.

我諸弟子聞是說已不解我意。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên

唱言如來說諸比丘犯四重已不失禁戒。善男子。

xướng ngôn Như Lai thuyết chư Tỳ-kheo phạm tứ trọng dĩ bất thất cấm giới 。

Thiện nam tử 。

xướng lên lời rằng, Như Lai nói các Tỳ-kheo phạm bốn giới trọng rồi không mất cấm giới. Thiện nam tử!

我於經中告諸比丘。一乘一道一行一緣。

Ngã ư Kinh trung cáo chư Tỳ-kheo. Nhất thừa nhất đạo nhất hạnh nhất duyên 。

Ta ở trong Kinh bảo các Tỳ-kheo: Nhất thừa nhất đạo nhất hạnh nhất duyên,

如是一乘乃至一緣。能為眾生作大寂靜。

như thị nhất thừa nãi chí nhất duyên 。

năng vi chúng sanh tác Đại tịch tĩnh 。

永斷一切繫縛愁苦苦及苦因。令一切眾到於一有。

Vĩnh đoạn nhất thiết hệ phược sầu khổ khổ cập khổ nhân 。

linh nhất thiết chúng đáo ư nhất hữu 。

Vĩnh viễn chấm dứt tất cả ràng buộc sầu khổ, khổ và khổ nhân, khiến tất cả chúng đến nơi nhất hữu.

我諸弟子聞是說已不解我意。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên

唱言如來說須陀洹。乃至阿羅漢人皆得佛道。善男子。

xướng ngôn Như Lai thuyết Tu-đà-hoàn 。

nãi chí A-la-hán nhân giai đắc Phật đạo 。

Thiện nam tử 。

xướng lên lời rằng, Như Lai nói Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán người đều được Phật đạo.

Thiện nam tử!

我於經中說須陀洹人人間天上七返往來便般涅槃。

Ngã ư Kinh trung thuyết Tu-đà-hoàn nhân nhân gian Thiên thượng thất phản vãng lai tiện

bát niết bàn 。

Ta ở trong Kinh nói Tu-đà-hoàn người trong nhân gian trên Trời qua lại bảy lần liền vào

Niết-bàn。

槃。斯陀舍人一受人天便般涅槃。

bàn 。

Người Tư-đà-hàm vừa thọ người Trời, liền vào Niết-bàn。

阿那舍人凡有五種。或有中間般涅槃者。

A-na-hàm nhân phạm hữu ngũ chủng 。

Hoặc hữu trung gian Bát-niết-bàn giả 。

Người A-na-hàm phạm có năm thứ: Hoặc có trung gian Bát-niết-bàn ấy,

乃至上流般涅槃者。阿羅漢人凡有二種。一者現在。

nãi chí thượng lưu Bát-niết-bàn giả 。 A-la-hán nhân phạm hữu nhị chủng 。 nhất giả hiện tại 。

cho đến thượng lưu Bát-niết-bàn ấy. Người A-la-hán phạm có hai thứ: Một là hiện tại.
二者未來。現在亦斷煩惱五陰。

Nhị giả vị lai 。

Hiện tại diệt đoạn phiền não ngũ uẩn 。

Hai là vị lai. Hiện tại cũng chấm dứt Ngũ uẩn phiền não.
未來亦斷煩惱五陰。我諸弟子聞是說已不解我意。

Vị lai diệt đoạn phiền não ngũ uẩn 。

Ngã chư đệ tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Vị lai cũng chấm dứt Ngũ uẩn phiền não. Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý
Ta nên
唱言如來說須陀洹至阿羅漢不得佛道。善男子。

xướng ngôn Như Lai thuyết Tu-đà-hoàn chí A-la-hán bất đắc Phật đạo 。

Thiện nam tử。
xướng lên lời rằng, Như Lai nói Tu-đà-hoàn đến A-la-hán không được Phật đạo. Thiện
nam tử!
我於此經說言佛性具有六事。

Ngã ư thử Kinh thuyết ngôn Phật tánh cụ hữu lục sự 。

Ta ở Kinh này nói rằng Phật tánh đủ có sáu việc:

一常二實三真四善五淨六可見。

Nhất thường nhị thật tam chân tứ thiện ngũ tịnh lục khả kiến 。

Một là thường, hai là thật, ba là chân, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là khả kiến.

我諸弟子聞是說已不解我意。唱言佛說眾生佛性離眾生有。善男子。

Ngã chư đệ tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

xướng ngôn Phật thuyết chúng sanh Phật
tánh ly chúng sanh hữu 。

Thiện nam tử 。

Các đệ tử ta nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta mà xướng lên lời rằng, Phật dạy chúng
sanh Phật tánh lìa chúng sanh hữu. Thiện nam tử!
我又說言眾生佛性猶如虛空。

Ngã hựu thuyết ngôn chúng sanh Phật tánh do như hư không 。

Ta lại nói rằng Phật tánh chúng sanh giống như hư không.

虛空者非過去非未來非現在非內非外。

Hư không giả phi quá khứ phi vị lai phi hiện tại phi nội phi ngoại 。

Hư không ấy chẳng phải quá khứ chẳng phải vị lai chẳng phải hiện tại chẳng trong chẳng ngoài,

非是色聲香味觸攝佛性亦爾。我諸弟子聞是說已不解我意。

phi thị sắc thanh hương vị xúc nhiếp Phật tánh diệc nhĩ 。 Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

chẳng phải là sắc thanh hương vị xúc thu nhiếp Phật tánh cũng như thế. Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên

唱言佛說眾生佛性離眾生有。善男子。

xướng ngôn Phật thuyết chúng sanh Phật tánh ly chúng sanh hữu 。 Thiện nam tử 。

xướng lên lời rằng, Phật dạy Phật tánh chúng sanh lìa chúng sanh hữu. Thiện nam tử!

我又復說眾生佛性。猶如貧女宅中寶藏。

Ngã hựu phục thuyết chúng sanh Phật tánh 。 do như bần nữ trạch trung bảo tạng 。

Ta lại nói rằng Phật tánh chúng sanh, giống như bần nữ ở trong nhà có kho báu,

力士額上金剛寶珠。轉輪聖王甘露之泉。

Lực sĩ ngạch thượng Kim cương bảo châu 。 Chuyển luân Thánh Vương cam lộ chi tuyền 。

như trên trán lực sĩ mà có ngọc báu Kim cương, như Chuyển luân Thánh vương có suối cam lồ.

我諸弟子聞是說已不解我意。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

Các đệ tử Ta nghe nói xong rồi mà không hiểu ý Ta nên

唱言佛說眾生佛性離眾生有。善男子。

xướng ngôn Phật thuyết chúng sanh Phật tánh ly chúng sanh hữu 。 Thiện nam tử 。

xướng lên lời rằng, Phật dạy Phật tánh chúng sanh lìa chúng sanh hữu. Thiện nam tử!

我又復說犯四重禁一闍提人謗方等經作五逆罪皆有佛性。

Ngã hựu phục thuyết phạm tứ trọng cấm nhất xiển đề nhân báng Phương đẳng Kinh tác ngũ nghịch tội giai hữu Phật tánh 。

Ta lại nói rằng phạm bốn giới trọng như hàng Nhất-xiển-đề, phỉ báng kinh Phương Đẳng, tạo năm tội nghịch nhưng đều có Phật tánh.

如是眾生都無善法佛性是善。

Như thị chúng sanh đô vô thiện pháp Phật tánh thị thiện 。

Chúng sanh như thế đều không có thiện pháp Phật tánh là thiện.

我諸弟子聞是說已不解我意。唱言佛說眾生佛性離眾生有。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。 xướng ngôn Phật thuyết chúng sanh Phật tánh ly chúng sanh hữu 。

Các đệ tử ta nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta mà xướng lên lời rằng, Phật dạy Phật tánh chúng sanh lìa chúng sanh hữu.

善男子。我又復說眾生者即是佛性。何以故。

Thiện nam tử 。 Ngã hựu phục thuyết chúng sanh giả tức thị Phật tánh 。 Hà dĩ cố 。

Thiện nam tử! Ta lại nói chúng sanh ấy tức là Phật tánh. Vì sao vậy?

若離眾生不得阿耨多羅三藐三菩提。

Nhược ly chúng sanh bất đắc A nậu đa la tam miệu tam Bồ đề 。

nếu xa lìa chúng sanh thì không được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

是故我與波斯匿王說於象喻。

Thị cố ngã dĩ Ba Tư Nặc Vương thuyết ư tượng dụ 。

Vì thế ta cùng Vua Ba-tư-nặc nói ở ví dụ voi,

如盲說象雖不得象然不離象。眾生說色乃至說識。

như manh thuyết tượng tuy bất đắc tượng nhiên bất ly tượng 。

Chúng sanh thuyết Sắc nãi chí thuyết thức 。

như người mù nói voi tuy không được voi nhưng không lìa voi. Chúng sanh nói Sắc cho đến nói Thức.

是佛性者亦復如是。雖非佛性非不佛性。

Thị Phật tánh giả diệc phục như thị 。

tuy phi Phật tánh phi bất Phật tánh 。

thì Phật tánh ấy cũng lại như thế tuy không Phật tánh chẳng phải không Phật tánh.

如我為王說筮篲喻佛性亦爾。善男子。我諸弟子聞是說已。

Như ngã vi Vương thuyết không hầu dụ Phật tánh diệc nĩ 。

Thiện nam tử 。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ 。

Như ta vì Vua nói dụ Không hầu, Phật tánh cũng như thế. Thiện nam tử! Các đệ tử ta nghe nói xong rồi

不解我意作種種說。如盲問乳佛性亦爾。

bất giải ngã ý tác chủng chủng thuyết 。

như manh vấn nũ Phật tánh diệc nĩ 。

không hiểu ý ta nói nhiều việc, như mù hỏi về màu của sữa, Phật tánh cũng như thế.

以是因緣或有說言犯四重禁謗方等經作五逆

Dĩ thị nhân duyên hoặc hữu thuyết ngôn phạm tứ trọng cấm báng Phương đẳng Kinh tác ngũ nghịch

Do nhân duyên đó hoặc có nói rằng phạm Bốn trọng giới, hủy báng kinh Phương Đẳng, tạo năm tội nghịch.

罪一闡提等。悉有佛性或說言無。善男子。

Tội nhất xiển đề đẳng 。 tất hữu Phật tánh hoặc thuyết ngôn vô 。 Thiện nam tử 。

Tội nhứt-xiển-đề v.v.. đều có Phật tánh hoặc nói rằng không có Phật tánh. Thiện nam tử!
我於處處經中說言。一人出世多人利益。

Ngã ư xứ xứ Kinh trung thuyết ngôn 。 Nhất nhân xuất thế đa nhân lợi ích 。

Khắp nơi trong Kinh, Ta thường nói rằng: Một người xuất hiện ở đời đem lại nhiều lợi ích cho nhân loại.

一國土中二轉輪王。一世界中二佛出世。

Nhất quốc độ trung nhị chuyển luân Vương 。

Nhất thế giới trung nhị Phật xuất thế 。

Trong một quốc độ mà có hai Vua chuyển luân, trong một thế giới hai đức Phật ra đời
無有是處。一四天下八四天王乃至二他化自在天。
vô hữu thị xứ。 Nhất tứ Thiên hạ bát tứ Thiên Vương nãi chí nhị Tha-Hoá Tự-Tại Thiên 。

là điều không thể có. Một Tứ Thiên Hạ, tám Tứ Thiên vương cho đến hai cõi Trời Tha hoá tự tại

亦無是處。

diệc vô thị xứ。

cũng chẳng có lẽ đó,
然我乃說從閻浮提阿鼻地獄上至阿迦膩吒天。

Nhiên ngã nãi thuyết tùng Diêm phù đề A-tì Địa-ngục thượng chí A ca nị trá Thiên 。

nhưng ta vẫn nói từ Diêm-phù-đề, A-tỳ Địa ngục trên đến cõi Trời A-ca-nị-tra.

我諸弟子聞是說已不解我意。唱言佛說無十方佛。

Ngã chư đệ-tử văn thị thuyết dĩ bất giải ngã ý 。

xướng ngôn Phật thuyết vô thập phương Phật 。

Các đệ tử ta nghe nói xong rồi không hiểu ý Ta mà xướng lên lời rằng, Phật dạy không có mười phương Phật.
我亦於諸大乘經中說有十方佛。

Ngã diệc ư chư Đại thừa Kinh trung thuyết hữu thập phương Phật 。
Ta cũng ở trong các Kinh Đại-thừa nói có mười phương Phật.

大般涅槃經卷第三十四

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ tam thập tứ

Kinh Đại-bát-niết-bàn

Quyển Thứ Ba Mười Bốn.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:13:54 2006

Thích Nữ Huệ Dung hiệu đính lần 1. Ngô Tùng lần 2.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:13:54 2006

=====

【經文資訊】 大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》 CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》 CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》 CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====
=====
=====
=====
=====
=====

大般涅槃經卷第三十五

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ tam thập ngũ

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ BA MƯƠI LĂM

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Đời Bắc Lương, Tam Tạng Pháp Sư Đàm Vô Sấm, người Thiên trúc dịch.

迦葉菩薩品第十二之三

Ca-diếp Bồ-tát phẩm đệ thập nhị chi tam

Phẩm Thứ Mười Hai, Phần Ba: Bồ-tát Ca-diếp

善男子。如是諍訟是佛境界。

thiện nam tử。 như thị tránh tụng thị Phật cảnh giới。

Này thiện nam tử! Tránh tụng như thị là cảnh giới của Phật,

非諸聲聞緣覺所知。若人於是生疑心者猶能摧壞。

phi chư thanh văn duyên giác sở tri。 nhược nhân ư thị sanh nghi tâm giả do năng tồi hoại。

không phải các Thanh văn và Duyên giác biết được。 Nếu người ở trong đó mà tâm sanh nghi ngờ do có khả năng hoại diệt

無量煩惱如須彌山。若於是中生決定者。

vô lượng phiền não như Tu-Di sơn。 nhược ư thị trung sanh quyết định giả。

vô lượng phiền não như núi Tu-di。 Nếu ở trong đó mà sanh quyết định thì

是名執著。迦葉菩薩白佛言。世尊。云何執著。佛言。

thị danh chấp trước. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn. vân hà chấp trước. Phật ngôn

đây gọi là chấp trước. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là chấp trước? Phật dạy:

善男子。如是之人若從他聞。

thiện nam tử. như thị chi nhân nhược tòng tha văn。

Này thiện nam tử! Người chấp trước như vậy, hoặc nghe từ người khác,

若自尋經若他故教。於所著事不能放捨。是名執著。

nhược tự tầm Kinh nhược tha cố giáo. ư sở trước sự bất năng phóng xả. thị danh chấp trước。

hoặc tự tìm tòi qua Kinh Điển, hoặc do người khác chỉ bảo mà đối với những việc cố chấp nhưng vẫn không thể xả bỏ, đây gọi là chấp trước.

迦葉復言。世尊。如是執著為是善耶是不善乎。

Ca-diếp phục ngôn. Thế Tôn. như thị chấp trước vi thị thiện da thị bất thiện hồ

Ca-diếp lại thưa: Bạch Thế Tôn! Chấp trước như vậy là thiện hay bất thiện?

善男子。如是執著不名為善。何以故。

thiện nam tử. như thị chấp trước bất danh vi thiện. hà dĩ cố

Này thiện nam tử! Chấp trước như vậy không gọi là thiện. Vì sao vậy?

不能摧壞諸疑網故。迦葉復言。世尊。如是人者本自不疑。

bất năng tồi hoại chư nghi võng cố. Ca-diếp phục ngôn. Thế Tôn. như thị nhân giả bản tự bất nghi

Vì không thể phá hoại các lưới nghi. Ca-diếp lại thưa: Bạch Thế Tôn! Người như vậy bản tánh không nghi,

云何說言不壞疑網。善男子。

vân hà thuyết ngôn bất hoại nghi võng. thiện nam tử。

sao nói rằng không phá hoại lưới nghi? Này thiện nam tử!

夫不疑者即是疑也。世尊。若有人謂須陀洹人不墮三惡。

phu bất nghi giả tức thị nghi dã. Thế tôn. nhược hữu nhân vị Tu đà hoàn nhân bất đọa tam ác。

Bảo không nghi ấy, chính là nghi vậy. Thế Tôn! Hoặc có người cho rằng bậc Tu-đà-hoàn không đọa ba đường ác,

是人亦當名著名疑。善男子。

thị nhân diệc đương danh trước danh nghi. thiện nam tử.

người này cũng nên gọi là chấp, gọi là nghi. Này thiện nam tử!

是可名定不得名疑。何以故。善男子。譬如有人先見人樹。

thị khả danh định bất đắc danh nghi. hà dĩ cố. thiện nam tử. thí như hữu nhân tiên kiến nhân thụ.

Đây nên gọi là định, không được gọi là nghi. Vì sao vậy? Này thiện nam tử! Thí như có người trước thấy người và cây,

後時夜行遙見杌根。便生疑想人耶樹耶。善男子。

hậu thời dạ hành dao kiến nguyệt căn. tiện sanh nghi tưởng nhân da thụ da. thiện nam tử.

sau đó, ban đêm xa thấy gốc cây, bèn sanh nghi: Là người chăng? Là cây chăng? Này thiện nam tử!

如人先見比丘梵志。

như nhân tiên kiến tỳ kheo phạm chí.

Như có người lúc đầu thấy Tỳ-kheo và Phạm Chí,

後時於路遙見比丘即生疑想。是沙門耶是梵志乎。善男子。

hậu thời ư lộ dao kiến Tỳ-kheo tức sanh nghi tưởng. thị Sa Môn da thị phạm chí hồ. thiện nam tử.

lúc sau đi trên đường, xa thấy Tỳ-kheo, liền sanh nghi: Đây là Sa-môn ư? Đây là Phạm Chí ư? Này thiện nam tử!

如人先見牛與水牛。後遙見牛便生疑想。

như nhân tiên kiến ngưu dữ thủy ngưu. hậu dao kiến ngưu tiện sanh nghi tưởng.

Như có người trước thấy bò và trâu nước; lúc sau, xa thấy bò liền sanh nghi

彼是牛耶是水牛乎。善男子。

bỉ thị ngưu da thị thủy ngưu hồ. thiện nam tử.

kia là bò ư? Là trâu nước ư? Này thiện nam tử!

一切眾生先見二物後便生疑。何以故心不了故。

nhất thiết chúng sanh tiên kiến nhị vật hậu tiện sanh nghi. hà dĩ cố tâm bất liễu cố.

Tất cả chúng sanh trước thấy hai vật, sau bèn sanh nghi. Vì sao vậy? vì tâm không hiểu rõ.

我亦不說須陀洹人有墮三惡不墮三惡。是人何故生於疑心。

ngã diệc bất thuyết Tu đà hoàn nhân hữu đọa tam ác bất đọa tam ác。 thị nhân hà cố sanh ư nghi tâm

Ta cũng không nói bậc Tu-đà-hoàn có đọa ba đường ác, hay không đọa ba đường ác. Người này vì sao lại sanh tâm nghi?

迦葉言。世尊。如佛所說要先見已然後疑者。

Ca-diếp ngôn。 Thế Tôn。 như Phật sở thuyết yếu tiên kiến dĩ nhiên hậu nghi giả

Ca-diếp thưa: Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói, chủ yếu là do người đó trước đã thấy, sau đó mới nghi.

有人未見二種物時亦復生疑。何等是耶。

hữu nhân vị kiến nhị chủng vật thời diệc phục sanh nghi。 hà đẳng thị da。

Có người chưa thấy hai vật, thì cũng lại sanh nghi. Nghi những gì?

所謂涅槃。世尊。譬如有人路遇濁水。

sở vị Niết bàn。 Thế Tôn。 thí như hữu nhân lộ ngộ trược thủy。

Đó là Niết-bàn. Thế Tôn! Thí như có người đi đường gặp vũng nước bẩn, 然未曾見而亦生疑。 如是水者深耶淺耶。

nhien vị tăng kiến nhi diệc sanh nghi。 như thị thủy giả thâm da thiển da。

nhưng chưa từng thấy mà cũng sanh nghi: Nước này sâu chăng? Cạn chăng?

是人未見云何生疑。善男子。夫涅槃者即是斷苦。

thị nhân vị kiến vân hà sanh nghi。 thiện nam tử。 phu Niết bàn giả tức thị đoạn khổ。

Người đó chưa thấy vì sao sanh nghi? Nay thiện nam tử! Niết-bàn ấy chính là dứt khổ, 非涅槃者即是苦也。 一切眾生見有二種見苦非苦。

phi Niết bàn giả tức thị khổ dã。 nhất thiết chúng sanh kiến hữu nhị chủng kiến khổ phi khổ。

phi Niết-bàn tức là khổ vậy. Tất cả cái thấy của chúng sanh, gồm có hai thứ: Thấy khổ và không khổ.

苦非苦者即是飢渴寒熱瞋喜。

khổ phi khổ giả tức thị cơ khát hàn nhiệt sân hỉ。

Khổ và không khổ ấy tức là đói khát, nóng lạnh, giận, vui,

病瘦安隱老壯生死。繫縛解脫恩愛別離怨憎聚會。

bệnh sấu an ổn lão tráng sanh tử. hệ phược giải thoát ân ái biệt li oán tăng tụ hội.

bệnh tật, an ổn, già cả, mạnh mẽ, sống chết, trói buộc, giải thoát, ân ái, biệt ly, oán tăng hội tụ.

眾生見已即便生疑。

chúng sanh kiến dĩ tức tiện sanh nghi.

Chúng sanh thấy xong, liền sanh nghi rằng,

當有畢竟遠離如是苦惱事不。是故眾生於涅槃中而生疑也。

đương hữu tất cánh viễn li như thị khổ não sự phủ. thị cố chúng sanh ư Niết bàn trung nhi sanh nghi dã.

sẽ có sự rốt ráo xa lìa khổ não như vậy Không? Vì vậy chúng sanh ở trong Niết-bàn mà sanh nghi vậy.

汝意若謂是人先來未見濁水云何疑者。是義不然。

nhữ ý nhược vị thị nhân tiên lai vị kiến trực thủy vân hà nghi giả. thị nghĩa bất nhiên.

Như Ý ông bảo người này từ trước đến nay chưa thấy vũng nước bẩn, vì sao nghi ngờ?

Nghĩa đó không đúng.

何以故。是人先於餘處見已。

hà dĩ cố. thị nhân tiên ư dư xử kiến dĩ.

Vì sao vậy? Vì người này trước đã thấy chỗ khác rồi,

是故於此未曾到處而復生疑。世尊。

thị cố ư thử vị tăng đẩu xứ nhi phục sanh nghi. Thế Tôn

cho nên ở đây chưa từng đến chỗ đó mà lại sanh nghi. Thế Tôn!

是人先見深淺處時已不生疑。於今何故而復生疑。佛言。善男子。

thị nhân tiên kiến thâm thiển xứ thời dĩ bất sanh nghi. ư kim hà cố nhi phục sanh nghi. Phật ngôn. thiện nam tử.

Người này lúc trước thấy chỗ sâu cạn thì không sanh nghi. Hôm nay vì sao mà lại sanh nghi? Phật dạy: Này thiện nam tử!

本未行故所以生疑。是故我言不了故疑。

bổn vị hành cố sở dĩ sanh nghi. thị cố ngã ngôn bất liễu cố nghi.

Vì xưa chưa đi đến chỗ đó nên sanh nghi. Do đó Ta nói vì không hiểu rõ nên nghi.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

如佛所說疑即是著著即是疑。為是誰耶。善男子。斷善根者。迦葉言。

như Phật sở thuyết nghi tức thị trước trước tức thị nghi. vi thị thù da. thiện nam tử. đoạn thiện căn giả. Ca-diếp ngôn.

Như lời Phật nói, nghi tức là chấp trước, chấp trước tức là nghi, đó là ai vậy? Nay thiện nam tử! Là người dứt căn lành. Ca-diếp thưa:

世尊。何等人輩能斷善根。善男子。

Thế Tôn. hà đẳng nhân bối năng đoạn thiện căn. thiện nam tử.

Bạch Thế Tôn? Những hạng người nào có thể dứt căn lành? Nay thiện nam tử!

若有聰明黠慧利根能善分別。遠離善友不聽正法。

nhược hữu thông minh hiệt tuệ lợi căn năng thiện phân biệt. viễn li thiện hữu bất thính chánh Pháp

Nếu có người căn tánh thông minh, lanh lẹ, trí tuệ sáng suốt, hay khéo phân biệt, xa lìa bạn lành, không nghe chánh Pháp,

不善思惟不如法住。如是之人能斷善根。

bất thiện tư duy bất như Pháp trụ. như thị chi nhân năng đoạn thiện căn.

không khéo suy nghĩ, không trụ như pháp. Người như vậy có thể dứt căn lành,

離是四事心自思惟無有施物。何以故。

ly thị tứ sự tâm tự tư duy vô hữu thí vật. hà dĩ cố.

lìa bốn việc này, tâm tự suy nghĩ, không có thí vật. Vì sao vậy?

施者即是捨於財物。若施有報當知施主常應貧窮。

thí giả tức thị xả ư tài vật. nhược thí hữu báo đương tri thí chủ thường ứng bần cùng.

Thí nghĩa là xả bỏ tài vật, nếu thí có báo đền, nên biết người thí luôn gặp nghèo khó.

何以故。子果相似故。是故說言無因無果。

hà dĩ cố. tử quả tương tự cố. thị cố thuyết ngôn vô nhân vô quả.

Vì sao vậy? Vì hạt và quả tương tự, cho nên nói rằng: Không nhân, không quả.

若如是說無因無果。是則名為斷善根也。

nhược như thị thuyết vô nhân vô quả. thị tắc danh vi đoạn thiện căn dã.

Nếu nói không nhân không quả như vậy, đây gọi là dứt căn lành vậy.

復作是念施主受者及以財物。三事無常無有停住。

phục tác thị niệm thí chủ thọ giả cập dĩ tài vật. tam sự vô thường vô hữu đình trụ.
Lại suy nghĩ rằng: Người bố thí, người nhận và tài vật, ba việc này vô thường, không có
dừng ở.

若無停住云何說言此是施主受者財物。

nhược vô đình trụ vân hà thuyết ngôn thử thí thí chủ thọ giả tài vật.

Nếu không dừng ở, vì sao nói rằng: Đây là người thí, người nhận tài vật?

若無受者云何得果。以是義故無因無果。

nhược thí cố giả vân hà đắc quả. dĩ thí nghĩa cố vô nhân vô quả

Nếu không có người nhận, vì sao được quả? Do nghĩa này nên không có nhân, không có
quả.

若如是說無因無果。當知是人能斷善根。

nhược như thí thuyết vô nhân vô quả. đương tri thí nhân năng đoạn thiện căn.

Nếu nói không nhân, không quả như vậy, nên biết đây là người hay dứt căn lành.

復作是念施者施時有五事施。

phục tác thị niệm thí giả thí thời hữu ngũ sự thí.

Lại suy nghĩ rằng: Người bố thí, lúc thí có năm việc.

受者受已或時作善或作不善。而是施主亦復不得善不善果。

thọ giả thọ dĩ hoặc thời tác thiện hoặc tác bất thiện. nhi thí thí chủ diệc phục bất đắc thiện
bất thiện quả

Người nhận, nhận xong, có lúc làm thiện, hoặc làm bất thiện, mà người thí đó cũng lại
không được quả thiện quả bất thiện.

如世間法從子生果果還作子。

như thế gian Pháp tòng tử sanh quả quả hoàn tác tử.

Như pháp thế gian, từ hạt sanh trái, trái lại sanh hạt.

因即施主果即受者。而是受者不能以此善不善法令施主得。

nhân tức thí chủ quả tức thọ giả. nhi thí thọ giả bất năng dĩ thử thiện bất thiện Pháp linh
thí chủ đắc.

Nhân tức người thí, quả tức người nhận, nhưng người nhận không thể đem pháp thiện hay
bất thiện này khiến cho người thí được.

以是義故無因無果。若如是說無因無果。

dĩ thí nghĩa cố vô nhân vô quả. nhược như thí thuyết vô nhân vô quả.

Do nghĩa này nên không nhân và không quả. Nếu nói không nhân không quả như vậy, 當知是人能斷善根。復作是念無有施物。

đương tri thị nhân năng đoạn thiện căn。 phục tác thị niệm vô hữu thí vật。

nên biết người này hay dứt căn lành. Lại nghĩ không có vật thí này.

何以故施物無記。

hà dĩ cố thí vật vô kí。

Vì sao vậy? Vì vật thí là vô ký.

若是無記云何而得善果報耶。無善惡果即是無記。

nhược thị vô kí vân hà nhi đắc thiện quả báo da。 vô thiện ác quả tức thị vô kí

Nếu là vô ký, làm sao mà được quả báo thiện? Quả không thiện không ác, tức là vô ký.

財若無記當知即無善惡果報。是故無施無因無果。

tài nhược vô kí đương tri tức vô thiện ác quả báo。 thị cố vô thí vô nhân vô quả

Tài vật nếu vô ký, nên biết tức là không có quả báo thiện ác. Vì vậy không có bố thí,

không nhân, không quả.

若如是說無因無果當知是人能斷善根。

nhược như thị thuyết vô nhân vô quả đương tri thị nhân năng đoạn thiện căn。

Nếu nói không nhân, không quả như vậy, nên biết người này hay dứt căn lành.

復作是念施者即意。若是意者無見無對非是色法。

phục tác thị niệm thí giả tức ý。 nhược thị ý giả vô kiến vô đối phi thị sắc Pháp。

Lại suy nghĩ rằng: Thí tức là ý. Nếu là ý, thì không thấy, không đối đáp, không phải là sắc pháp.

若非是色云何可施。是故無施無因無果。

nhược phi thị sắc vân hà khả thí。 thị cố vô thí vô nhân vô quả

Nếu không phải là sắc pháp, sao có thể thí? Vì vậy không có bố thí, không nhân, không quả.

若如是說無因無果。當知是人能斷善根。

nhược như thị thuyết vô nhân vô quả。 đương tri thị nhân năng đoạn thiện căn。

Nếu nói không nhân, không quả như vậy, nên biết người này có thể đoạn căn lành.

復作是念施主若為佛像天像命過父母。

phục tác thị niệm thí chủ nhược vi Phật tượng Thiên tượng mệnh quá phụ mẫu。

Lại nghĩ rằng, thí chủ nếu làm tượng Phật, tượng trời, mạng hơn cha mẹ,

而行施者即無受者。若無受者應無果報。

nhi hành thí giả tức vô thọ giả. nhược thí cố giả ứng vô quả báo.

nhưng bố thí thì không người nhận. Nếu không người nhận thì nên không có quả báo.

若無果報是為無因。若無因者是為無果。

nhược vô quả báo thí vi vô nhân. nhược vô nhân giả thí vi vô quả.

Nếu không quả báo, thì là không nhân. Nếu không nhân thì không quả.

若如是說無因無果。當知是人能斷善根。復作是念無父無母。

nhược như thí thuyết vô nhân vô quả. đương tri thí nhân năng đoạn thiện căn. phục tác thí niệm vô phụ vô mẫu.

Nếu nói không nhân, không quả như vậy, nên biết người này có thể đoạn căn lành. Lại nghĩ rằng, không cha, không mẹ.

若言父母是眾生因生眾生者。

nhược ngôn phụ mẫu thí chúng sanh nhân sanh chúng sanh giả.

Nếu nói có cha mẹ thì chúng sanh này là nhân sanh ra chúng sanh, lý thường sanh không có dứt. 何以故因常有故。

lý ứng thường sanh vô hữu đoạn tuyệt. hà dĩ cố. nhân thường hữu cố.

lý ra phải thường sanh, không có dứt tuyệt. Vì sao vậy? Vì nhân thường hữu, 然不常生是故當知無有父母。復作是念無父無母何以故。

nhân bất thường sanh thí cố đương tri vô hữu phụ mẫu. phục tác thí niệm vô phụ vô mẫu hà dĩ cố.

nhưng không thường sanh. Vì vậy, nên biết không có cha mẹ. Lại nghĩ thế này, không cha không mẹ là vì sao vậy?

若眾生身因父母有。一人應具男女二根。

nhược chúng sanh thân nhân phụ mẫu hữu. nhất nhân ứng cụ nam nữ nhị căn.

Nếu thân chúng sanh do cha mẹ mà có thì một người nên đủ cả hai căn nam và nữ.

然無具者當知眾生非因父母。

nhân vô cụ giả đương tri chúng sanh phi nhân phụ mẫu.

Nhưng người không đủ, nên biết chúng sanh không phải do cha mẹ.

復作是念非因父母而生眾生。何以故。眼見眾生不似父母。

phục tác thí niệm phi nhân phụ mẫu nhi sanh chúng sanh. hà dĩ cố. nhãn kiến chúng sanh bất tự phụ mẫu.

Lại nghĩ rằng, không phải do cha mẹ sanh ra chúng sanh. Vì sao vậy? Mắt thấy chúng sanh không giống cha mẹ,

謂身色心威儀進止。是故父母非眾生因。

vị thân sắc tâm uy nghi tiến chỉ. thị cố phụ mẫu phi chúng sanh nhân.

tức là không giống thân, tâm, oai nghi và đi đứng. Vì vậy cha mẹ không phải nhân của chúng sanh.

復作是念一切世間有四種無。一者未生名無。

phục tác thị niệm nhất thiết thế gian hữu tứ chủng vô. nhất giả vị sanh danh vô

Lại nghĩ, hết thấy thế gian gồm có bốn thứ Không: Một là chưa sanh gọi là không, như泥團時未有瓶用。二者滅已名無。

như nê đoàn thời vị hữu bình dụng. nhị giả diệt dĩ danh vô。

như cục bùn thì chưa có bình dung; hai là đã mất, gọi là không,

如瓶壞已是名為無。三者各異互無。

như bình hoại dĩ thị danh vi vô. tam giả các dị hổ vô

Như bình đã vỡ, đây gọi là không; ba là tất cả đều khác không giống nhau, gọi là không,

如牛中無馬馬中無牛。四者畢竟名無。如兔角龜毛。

như ngưu trung vô mã mã trung vô ngưu. tứ giả tất cánh danh vô. như thỏ giác quy mao。

như trong trâu không có ngựa, trong ngựa không có trâu; bốn là rốt ráo gọi là không, như lông rùa, sừng thỏ.

眾生父母亦復如是同此四無。若言父母眾生因者。

chúng sanh phụ mẫu diệt phục như thị đồng thử tứ vô. nhược ngôn phụ mẫu chúng sanh nhân giả。

Chúng sanh và cha mẹ, cũng lại như vậy, đồng với bốn không này. Nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sanh,

父母死時子不必死。是故父母非眾生因。

phụ mẫu tử thời tử bất tất tử. thị cố phụ mẫu phi chúng sanh nhân。

lúc cha mẹ chết, con không phải chết. Vì vậy, cha mẹ không phải là nhân của chúng sanh.

復作是念若言父母眾生因者。

phục tác thị niệm nhược ngôn phụ mẫu chúng sanh nhân giả。

Lại nghĩ, nếu nói cha mẹ là nhân của chúng sanh
應因父母常生眾生。然而復有化生濕生。

ứng nhân phụ mẫu thường sanh chúng sanh. nhiên nhi phục hữu hóa sanh thấp sanh
thì phải do cha mẹ thường sanh chúng sanh, nhưng mà lại có hóa sanh, thấp sanh.
是故當知非因父母生眾生也。

thị cố đương tri phi nhân phụ mẫu sanh chúng sanh dã.

Vì vậy nên biết, không phải do cha mẹ sanh ra chúng sanh vậy.

復作是念自有眾生非因父母而得生長。譬如孔雀聞雷震聲而便得娠。

phục tác thị niệm tự hữu chúng sanh phi nhân phụ mẫu nhi đắc sanh trưởng。 thí như
Khổng-tước văn lôi chấn thanh nhi tiện đắc Thần。

Lại nghĩ, chúng sanh tự có, không phải do cha mẹ mà được sanh trưởng. Thí như Khổng-
tước nghe tiếng sấm sét mà liền có thai.

又如青雀飲雄雀尿而便得娠。

hựu như thanh tước ẩm hùng tước niệu nhi tiện đắc Thần

Lại như chim sẻ, uống nước giải con chim đực mà liền có thai.

如命命鳥見雄者舞即便得娠。

như mạng mạng điểu kiến hùng giả vũ tức tiện đắc Thần。

Như chim mạng mạng thấy chim đực múa liền có thai.

作是念時如其不遇善知識者。當知是人能斷善根。

tác thị niệm thời như kỳ bất ngộ thiện tri thức giả。 đương tri thị nhân năng đoạn thiện
căn。

Lúc nghĩ như vậy mà không gặp thiện tri thức, nên biết người này năng đoạn căn lành.
復作是念一切世間無善惡果。何以故。有諸眾生具十善法。

phục tác thị niệm nhất thiết thế gian vô thiện ác quả。 hà dĩ cố。 hữu chư chúng sanh cụ
Thập thiện Pháp。

Lại nghĩ, tất cả thế gian không có quả thiện ác. Vì sao vậy? Có các chúng sanh đủ mười
thiện pháp,

樂於惠施勤修功德。

lạc ư huệ thí cần tu công đức。

ưa thích bố thí, siêng năng tu tập công đức.

是人亦復疹病集身中年夭喪。財物損失多諸憂苦

thị nhân diệc phục chẩn bệnh tập thân trung niên yêu tang. tài vật tổn thất đa chư ưu khổ.

Người này thân cũng nhiều thứ bệnh, trung niên chết yếu, của cải mất mát, nhiều khổ não.

有行十惡慳貪嫉妬懶惰懈怠不修諸善。

hữu hành thập ác san tham tật đố lại nọa giải đãi bất tu chư thiện.

Có người làm mười điều ác, xan tham, tật đố, lười biếng, giải đãi, không tu tập các việc lành,

身安無病終保年壽。多饒財寶無諸愁苦。是故當知無善惡果。

thân an vô bệnh chung bảo niên thọ. đa nhiều tài bảo vô chư sầu khổ. thị cố đương tri vô thiện ác quả.

thân bình an không bệnh, sống đến trọn đời, nhiều tiền của, không có các sầu khổ. Vì vậy, nên biết không có quả thiện ác.

復作是念我亦曾聞諸聖人說。

phục tác thị niệm ngã diệc tằng văn chư Thánh nhân thuyết.

Lại nghĩ, ta cũng từng nghe các Thánh nhân nói

有人修善命終多墮三惡道中。

hữu nhân tu thiện mạng chung đa đọa tam ác đạo trung.

có người tu thiện, lúc mất phần nhiều đọa trong ba đường ác;

人行惡命終生於人天之中。是故當知無善惡果。

hữu nhân hành ác mạng chung sanh ư nhân Thiên chi trung. thị cố đương tri vô thiện ác quả.

có người làm ác, mạng chung sanh trong loài người, trời. Vì vậy, nên biết không có quả thiện ác.

復作是念一切聖人有二種說。或說殺生得善果報。

phục tác thị niệm nhất thiết Thánh nhân hữu nhị chủng thuyết. hoặc thuyết sát sanh đắc thiện quả báo.

Lại khởi lên suy nghĩ, tất cả Thánh nhân nói có hai loại: hoặc nói sát sanh được quả báo lành,

或說殺生得惡果報。是故當知聖說不定。

hoặc thuyết sát sanh đắc ác quả báo. thị cố đương tri Thánh thuyết bất định.

hoặc nói sát sanh được quả báo ác. Vì vậy nên biết Thánh nhân nói bất định.
聖若不定我云何定。是故當知無善惡果。

Thánh nhược bất định ngã vân hà định. thị cố đương tri vô thiện ác quả.

Thánh nếu bất định, tôi làm sao định? Vì vậy, nên biết không có quả thiện ác.

復作是念一切世間無有聖人。何以故。若言聖人應得正道。

phục tác thị niệm nhất thiết thế gian vô hữu Thánh nhân. hà dĩ cố. nhược ngôn Thánh nhân ứng đắc chánh đạo.

Lại suy nghĩ rằng: Tất cả thế gian không có Thánh nhân. Vì sao vậy? Nếu nói Thánh nhân, thì phải được chánh đạo.

一切眾生具煩惱時修正道者。

nhất thiết chúng sanh cụ phiền não thời tu chánh đạo giả.

Tất cả chúng sanh lúc đủ phiền não mà tu chánh đạo,

當知是人正道煩惱一時俱有。

đương tri thị nhân chánh đạo phiền não nhất thời câu hữu.

nên biết người này chánh đạo phiền một lúc đều có.

若一時有當知正道不能破結。若無煩惱而修道者。

nhược nhất thời hữu đương tri chánh đạo bất năng phá kết. nhược vô phiền não nhi tu đạo giả.

Nếu đồng thời có, nên biết chánh đạo không thể phá hoại kết sử. Nếu người không phiền não mà tu đạo,

如是正道為何所作。是故具煩惱者道不能壞。

như thị chánh đạo vi hà sở tác. thị cố cụ phiền não giả đạo bất năng hoại.

như vậy Chánh đạo dựa đâu mà làm? Vì vậy, người đủ phiền não ấy, đạo không thể phá hoại,

不具煩惱道則無用。是故當知一切世間無有聖人。

bất cụ phiền não đạo tắc vô dụng. thị cố đương tri nhất thiết thế gian vô hữu Thánh nhân.

không đủ phiền não, đạo tức vô dụng. Vì vậy nên biết, tất cả thế gian không có Thánh nhân.

復作是念無明緣行乃至生緣老死。

phục tác thị niệm vô minh duyên hành nãi chí sanh duyên lão tử

Lại suy nghĩ rằng: Vô minh duyên hành, cho đến sanh duyên lão tử.

是十二因緣一切眾生等共有之。八聖道者其性平等。

thị thập nhị nhân duyên nhất thiết chúng sanh đẳng cộng hữu chi。 bát Thánh đạo giả kỳ tánh bình đẳng。

Mười hai nhân duyên này tất cả chúng sanh đều có. Tám Thánh đạo ấy, tánh của nó bình đẳng

亦應如是一人得時一切應得。

diệc ứng như thị nhất nhân đắc thời nhất thiết ứng đắc

nên cũng như khi một người chứng đắc thì nên chứng đắc hết thảy;

一人修時應一切苦滅。何以故。煩惱等故而今不得。

nhất nhân tu thời ứng nhất thiết khổ diệt。 hà dĩ cố。 phiền não đẳng cố nhi kim bất đắc。 khi một người tu thì tất cả khổ phải diệt. Vì sao vậy? Vì tất cả phiền não mà nay không được.

是故當知無有正道。復作是念聖人皆有同凡夫法。

thị cố đương tri vô hữu chánh đạo。 phục tác thị niệm Thánh nhân giai hữu đồng phạm phu Pháp。

Vì vậy nên biết, không có Chánh đạo. Lại suy nghĩ rằng: Thánh nhân đều có pháp giống phạm phu.

所謂飲食行,住坐臥。

sở vị ẩm thực hành trụ tọa ngọa。

Đó là ăn uống, đi, đứng, ngồi, nằm,

睡眠喜笑飢渴寒熱憂愁恐怖。若同凡夫如是事者。

thùy miên hỉ tiếu cơ khát hàn nhiệt ưu sầu khủng bố。 nhược đồng phạm phu như thị sự giả。

ngủ nghỉ, vui cười, đói khát, lạnh nóng, ưu sầu, sợ hãi. Nếu giống phạm phu những việc như vậy,

當知聖人不得聖道。若得聖道應當永斷如是等事。

đương tri Thánh nhân bất đắc Thánh đạo。 nhược đắc Thánh đạo ứng đương vĩnh đoạn như thị đẳng sự。

nên biết Thánh nhân không được Thánh đạo. Nếu được Thánh đạo thì phải dứt hẳn những việc như vậy.

如是等事如其不斷。當知無道。

như thị đẳng sự như kỳ bất đoạn。đương tri vô đạo。

Những việc như vậy người ấy không dứt, nên biết không có đạo.

復作是念聖人有身受五欲樂。

phục tác thị niệm Thánh nhân hữu thân thọ ngũ dục lạc。

Lại suy nghĩ rằng: Thánh nhân có thân thọ năm món dục lạc,

亦復罵辱搥打於人嫉妬憍慢受於苦樂作善惡業。是因緣故知無聖人。

diệc phục mạ nhục qua đả ư nhân tật đố kiêu mạn thọ khổ lạc tác thiện ác nghiệp。thị nhân duyên cố tri vô Thánh nhân。

cũng lại mắng chửi, đánh đập, ganh tỵ, kiêu mạn, thọ khổ vui, tạo nghiệp thiện ác. Do nhân duyên này, nên biết không có Thánh nhân.

若有道者應斷是事。是事不斷當知無道。

nhược hữu đạo giả ứng đoạn thị sự。thị sự bất đoạn đương tri vô đạo。

Nếu người có đạo, nên dứt việc này. Việc này không dứt, nên biết không đạo.

復作是念多憐愍者名為聖人。何因緣故名為聖人。

phục tác thị niệm đa lân mẫn giả danh vi Thánh nhân。hà nhân duyên cố danh vi Thánh nhân。

Lại suy nghĩ rằng: Người nhiều lòng thương gọi là Thánh nhân. Do nhân duyên gì gọi là Thánh nhân?

道因緣故名為聖人。

đạo nhân duyên cố danh vi Thánh nhân。

Nhân duyên Đạo nên gọi là Thánh nhân.

若道性憐愍便應愍念一切眾生。不待修已然後方得。

nhược đạo tánh lân mẫn tiện ứng mẫn niệm nhất thiết chúng sanh。bất đãi tu dĩ nhiên hậu phương đắc。

Nếu tánh của đạo thương xót nên phải thương nghĩ đến tất cả chúng sanh, không đợi tu xong sau đó mới được.

如其無愍何故聖人因得聖道能憐愍耶。

như kỳ vô mẫn hà cố Thánh nhân nhân đắc Thánh đạo năng lân mẫn da。

Như người đó không thương xót, có sao Thánh nhân nhờ đắc Thánh đạo mới có thể thương xót?

是故當知世無聖道。復作是念一切四大不從因生。

thị cố đương tri thể vô Thánh đạo。 phục tác thị niệm nhất thiết tứ Đại bất tông nhân sanh。

Vì vậy nên biết, thế gian không có Thánh đạo. Lại suy nghĩ rằng: Tất cả bốn đại không sanh từ nhân.

眾生等有是四大性。不觀眾生是邊應到彼不應到。

chúng sanh đẳng hữu thị tứ Đại tánh。 bất quán chúng sanh thị biên ứng đáo bỉ bất ứng đáo。

Tất cả chúng sanh đều có tánh bốn đại này. Không xem chúng sanh bên này nên đến, bên kia không nên đến.

若有聖道性應如是。

nhược hữu Thánh đạo tánh ứng như thị

Nếu có Thánh đạo thì tánh phải như vậy.

然今不爾是故當知世無聖人。復作是念若諸聖人有一涅槃。

nhiên kim bất nhĩ thị cố đương tri thể vô Thánh nhân。 phục tác thị niệm nhược chư Thánh nhân hữu nhất Niết-bàn。

Nhưng nay không như vậy cho nên biết thế gian không có Thánh nhân. Lại suy nghĩ rằng:

Nếu các Thánh nhân có một Niết-bàn,

當知是則無有聖人。何以故不可得故。

đương tri thị tắc vô hữu Thánh nhân。 hà dĩ cố bất khả đắc cố。

nên biết đây tức không có Thánh nhân. Vì sao vậy? Vì không thể được.

常住之法理不可得不可取捨。

thường trụ chi Pháp lý bất khả đắc bất khả thủ xả。

Pháp lý thường trụ không thể được, không thể lấy bỏ.

若諸聖人涅槃多者是則無常。何以故。可數法故。涅槃若一。

nhược chư Thánh nhân Niết bàn đa giả thị tắc vô thường。 hà dĩ cố khả số Pháp cố。 Niết bàn nhược nhất。

Nếu các Thánh nhân có nhiều Niết-bàn, đây tức là vô thường. Vì sao vậy? Vì đó là pháp có thể đếm. Niết-bàn nếu một,

一人得時一切應得。涅槃若多是則有邊。

nhất nhân đắc thời nhất thiết ứng đắc。 Niết bàn nhược đa thị tắc hữu biên。

lúc một người được thì tất cả phải được. Niết-bàn nếu nhiều, tức là hữu biên.

如其有邊云何名常。若有說言涅槃體一解脫是多。

như kỳ hữu biên vân hà danh thường. nhược hữu thuyết ngôn Niết bàn thể nhất giải thoát thị đa.

Như Niết-bàn là hữu biên, sao gọi là thường? Nếu có người nói rằng, thể của Niết-bàn là một, giải thoát là nhiều.

如蓋是一。牙舌是多。是義不然。何以故。

như cái thị nhất. nha thiệt thị đa. thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố.

Như hàm là một, răng và lưỡi là nhiều. Nghĩa này không đúng. Vì sao vậy?

一一所得非一切得。以有邊故是應無常。

nhất nhất sở đắc phi nhất thiết đắc. dĩ hữu biên cố thị ứng vô thường

Vì mỗi một chỗ được, không phải tất cả đều được. Do hữu biên nên đây phải là vô thường.

若無常者云何得名為涅槃耶。涅槃若無誰為聖人。

nhược vô thường giả vân hà đắc danh vi Niết bàn da. Niết bàn nhược vô thùy vi Thánh nhân.

Nếu vô thường, sao được gọi là Niết-bàn ư? Niết-bàn nếu không, ai là Thánh nhân?

是故當知無有聖人。

thị cố đương tri vô hữu Thánh nhân.

Vì vậy nên biết, không có Thánh nhân.

復作是念聖人之道非因緣得。若聖人道非因緣得。

phục tác thị niệm Thánh nhân chi đạo phi nhân duyên đắc. nhược Thánh nhân đạo phi nhân duyên đắc.

Lại suy nghĩ rằng: Đạo của Thánh nhân không phải do nhân duyên mà được. Nếu đạo của Thánh nhân không phải do nhân duyên được,

何故一切不作聖人。若一切人非聖人者。

hà cố nhất thiết bất tác Thánh nhân. nhược nhất thiết nhân phi Thánh nhân giả

cớ sao tất cả không làm Thánh nhân? Nếu tất cả mọi người không phải Thánh nhân,

當知是則無有聖人及以聖道。復作是念聖說正見有二因緣。

đương tri thị tắc vô hữu Thánh nhân cập dĩ Thánh đạo. phục tác thị niệm Thánh thuyết chánh kiến hữu nhị nhân duyên.

nên biết không có Thánh nhân cùng với Thánh đạo. Lại suy nghĩ rằng: Thánh nhân nói chánh kiến có hai nhân duyên,
一者從他聞法。二者內自思惟。
nhất giả tòng tha văn Pháp. nhị giả nội tự tư duy.
một là nghe pháp từ người khác và hai là nội tâm tư duy.
是二因緣若從緣生。所從生者復從緣生。
thị nhị nhân duyên nhược tòng duyên sanh. sở tòng sanh giả phục tòng duyên sanh
Hai nhân duyên này hoặc từ duyên sanh; đã từ người sanh lại từ duyên sanh.
如是展轉有無窮過。若是二事不從緣生。一切眾生何故不得。
như thị triển chuyển hữu vô cùng quá. nhược thị nhị sự bất tòng duyên sanh. nhất thiết chúng sanh hà cố bất đắc.
Triển chuyển như vậy không có cùng tận. Nếu hai việc này không từ duyên sanh, thì tất cả chúng sanh vì sao không chứng đắc?
作是觀時能斷善根。善男子。
tác thị quán thời năng đoạn thiện căn. thiện nam tử.
Khi quán sát như vậy, có thể đoạn căn lành. Nay thiện nam tử!
若有眾生深見如是無因無果。是人能斷信等五根。善男子。
nhược hữu chúng sanh thâm kiến như thị vô nhân vô quả. thị nhân năng đoạn tín đẳng ngũ căn. thiện nam tử.
Nếu có chúng sanh thấy không nhân và không quả sâu xa như vậy, người này hay đoạn năm căn là tín v.v.. Nay thiện nam tử!
斷善根者非是下劣愚鈍之人。
đoạn thiện căn giả phi thị hạ liệt ngu độn chi nhân。
Người đoạn căn lành không phải là người hạ liệt, ngu độn,
亦非天中及三惡道破僧亦爾。迦葉菩薩白佛言。世尊。
diệc phi Thiên trung cập tam ác đạo phá tăng diệc nhĩ. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn。
cũng không phải ở trong cõi Trời cùng ba đường ác, phá Tăng cũng vậy. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!
如是之人何時當能還生善根。佛言。善男子。
như thị chi nhân hà thời đương năng hoàn sanh thiện căn. Phật ngôn. thiện nam tử.
như thị chi nhân hà thời đương năng hoàn sanh thiện căn. Phật ngôn. thiện nam tử.

Người như vậy, lúc nào mới có thể sanh căn lành trở lại? Phật dạy: Nay thiện nam tử!
是人二時還生善根。初入地獄出地獄時。

thị nhân nhị thời hoàn sanh thiện căn。 sơ nhập Địa-ngục xuất Địa-ngục thời。

Người này có hai lúc sanh căn lành trở lại. Đó là lúc mới vào địa ngục và lúc ra khỏi địa ngục.

善男子。善有三種。過去現在未來。

thiện nam tử。 thiện hữu tam chủng。 quá khứ hiện tại vị lai。

Nay thiện nam tử! Thiện có ba loại: Quá khứ, hiện tại và vị lai.

若過去者其性自滅。因雖滅盡果報未熟。

nhược quá khứ giả kỳ tánh tự diệt。 nhân tuy diệt tận quả báo vị thực。

Nếu tánh người ấy đã tự diệt trong quá khứ, tuy nhân diệt tận nhưng quả báo chưa chín muồi,

是故不名斷過去果。斷三世因故名為斷。

thị cố bất danh đoạn quá khứ quả。 đoạn tam thế nhân cố danh vi đoạn。

nên không gọi là đoạn quả quá khứ. Do đoạn nhân ba đời nên gọi là đoạn.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。 Thế Tôn。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

若斷三世因名斷善根。斷善根人即有佛性。如是佛性。

nhược đoạn tam thế nhân danh đoạn thiện căn。 đoạn thiện căn nhân tức hữu Phật tánh。 như thị Phật tánh。

Nếu đoạn nhân ba đời, gọi là đoạn căn lành. Người đoạn căn lành tức có Phật tánh. Như vậy Phật tánh,

為是過去為是現在為是未來為遍三世。

vi thị quá khứ vi thị hiện tại vi thị vị lai vi biến tam thế。

chính là quá khứ, chính là hiện tại, chính là vị lai, là khắp ba đời.

若過去者云何名常。佛性亦常是故當知非過去也。

nhược quá khứ giả vân hà danh thường。 Phật tánh diệc thường thị cố đương tri phi quá khứ dã。

Nếu quá khứ, sao gọi là thường? Phật tánh cũng thường, do đó nên biết không phải quá khứ.

若未來者云何名常。

nhược vị lai giả vân hà danh thường。

Nếu là vị lai, sao gọi là thường?

何故佛說一切眾生必定當得。若必定得云何言斷。若現在者復云何常。

hà cố Phật thuyết nhất thiết chúng sanh tất định đương đắc。nhược tất định đắc vân hà ngôn đoạn。nhược hiện tại giả phục vân hà thường。

Cớ sao Phật nói tất cả chúng sanh quyết định sẽ được? Nếu quyết định được, sao nói là đoạn? Nếu là hiện tại, sao lại gọi là thường?

何故復言必定可見。如來亦說佛性有六。

hà cố phục ngôn tất định khả kiến。Như-Lai diệc thuyết Phật tánh hữu lục。

Vì sao lại nói quyết định có thể thấy。Như Lai cũng nói Phật tánh có sáu:

一常二真三實四善五淨六可見。

nhất thường nhị chân tam thật tứ thiện ngũ tịnh lục khả kiến。

Một là thường, hai là chân, ba là thật, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy。

若斷善根有佛性者。則不得名斷善根也。

nhược đoạn thiện căn hữu Phật tánh giả。tắc bất đắc danh đoạn thiện căn dã。

Nếu người có Phật tánh mà đoạn căn lành thì không được gọi là đoạn căn lành vậy。

無佛性云何復言一切眾生悉有佛性。

nhược vô Phật tánh vân hà phục ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh。

Không có Phật tánh, sao lại nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh?

若言佛性亦有亦斷。云何如來復說是常。佛言。善男子。

nhược ngôn Phật tánh diệc hữu diệc đoạn。vân hà Như-Lai phục thuyết thị thường。Phật ngôn。thiện nam tử。

Nếu nói Phật tánh cũng có, cũng đoạn, cớ sao Như Lai lại nói là thường? Phật dạy: Này thiện nam tử!

如來世尊為眾生故有四種答。一者定答。

Như Lai Thế Tôn vì chúng sanh cố hữu tứ chủng đáp。nhất giả định đáp。

Như Lai Thế Tôn vì chúng sanh nên có bốn cách đáp: Một là định đáp,

二者分別答。三者隨問答。四者置答。善男子。

nhị giả phân biệt đáp。tam giả tùy vấn đáp。tứ giả trí đáp。thiện nam tử。

hai là phân biệt đáp, ba là tùy vấn đáp, bốn là trí đáp。Này thiện nam tử!

云何定答。若問惡業得善果耶不善果乎。

vân hà định đáp. nhược vấn ác nghiệp đắc thiện quả da bất thiện quả hồ.

Thế nào là định đáp? Nếu hỏi: Nghiệp ác đợc quả thiện hay quả bất thiện?

是應定答得不善果。善亦如是。若問如來一切智不。

thị ứng định đáp đắc bất thiện quả. thiện diệc như thị. nhược vấn Như-Lai nhất thiết trí phủ.

Phải nên quyết định đáp là đợc quả bất thiện. Thiện cũng như vậy. Nếu hỏi: Như Lai phải là Nhất thiết trí không?

是應定答是一切智。若問佛法是清淨不。

thị ứng định đáp thị nhất thiết trí. nhược vấn Phật Pháp thị thanh tịnh phủ.

Thì nên quyết định đáp là Nhất thiết trí. Nếu hỏi: Phật pháp phải là thanh tịnh không?

是應定答必定清淨。若問如來弟子如法住不。

thị ứng định đáp tất định thanh tịnh. nhược vấn Như-Lai đệ-tử như Pháp trụ phủ

Thì nên quyết định đáp là thanh tịnh. Nếu hỏi đệ tử Như Lai có trụ như pháp không?

是應定答有如法住。是名定答。云何分別答。

thị ứng định đáp hữu như Pháp trụ. thị danh định đáp. vân hà phân biệt đáp.

Thì nên quyết định đáp là có như pháp ở. Đây gọi là định đáp. Thế nào là phân biệt đáp?

如我所說四真諦法。云何為四。苦集滅道。

như ngã sở thuyết tứ chân đế Pháp. vân hà vi tứ. khổ tập diệt đạo.

Như chỗ Ta nói pháp bốn Chân đế. Thế nào là bốn? Khổ, tập, diệt, đạo.

何謂苦諦有八苦故名曰苦諦。

hà vị khổ đế hữu bát khổ cố danh viết khổ đế.

Thế nào là khổ đế? Có tám khổ nên gọi là khổ đế.

云何集諦五陰因故名為集諦。云何滅諦。

vân hà tập đế ngũ uẩn nhân cố danh vi tập đế. vân hà diệt đế.

Thế nào là tập đế? Do năm uẩn nên gọi là tập đế. Thế nào là diệt đế?

貪欲瞋癡畢竟盡故名滅諦。

tham dục sân si tất cánh tận cố danh vi diệt đế.

Do rốt ráo diệt tận tham dục, sân giận, si mê nên gọi là diệt đế.

云何道諦三十七助道法故名為道諦。是名分別答。

vân hà đạo đế tam thập thất trợ đạo Pháp cố danh vi đạo đế. thị danh phân biệt đáp.

Thế nào là đạo đế? Do ba mươi bảy pháp trợ đạo nên gọi là đạo đế. Đây gọi là phân biệt
đáp.

云何隨問答如我所說一切法無常。

vân hà tùy vấn đáp như ngã sở thuyết nhất thiết Pháp vô thường

Thế nào là tùy vấn đáp? Như chỗ Ta nói tất cả pháp đều vô thường.

復有問言如來世尊為何法故說於無常。答言如來為有為法故說無常。

phục hữu vấn ngôn Như Lai Thế Tôn vị hà Pháp cố thuyết ư vô thường。đáp ngôn Như
Lai vị hữu vi Pháp cố thuyết vô thường。

Lại có người hỏi rằng: Như Lai Thế Tôn vì pháp gì mà nói là vô thường? Đáp rằng: Như
Lai vì pháp hữu vi nên nói vô thường,

無我亦爾。如我所說一切法燒他。

vô ngã diệc nhĩ. như ngã sở thuyết nhất thiết Pháp thiêu tha。

vô ngã cũng vậy. Như chỗ Ta nói pháp thiêu đốt tất cả người.

又問言如來世尊為何法故說一切燒。

hựu vấn ngôn Như Lai Thế Tôn vị hà Pháp cố thuyết nhất thiết thiêu。

Lại hỏi rằng: Như Lai Thế Tôn vì pháp gì mà nói thiêu đốt tất cả?

答言如來為貪瞋癡說一切燒善男子。

đáp ngôn Như-Lai vị tham sân si thuyết nhất thiết thiêu thiện nam tử。

Đáp rằng: Như Lai vì tham, sân, si nói thiêu đốt tất cả. Nay thiện nam tử!

如來十力四無所畏大慈大悲三念處首楞嚴等。八萬億諸三昧門。

Như-Lai thập lực tứ vô sở úy Đại từ Đại bi tam niệm xứ Thủ Lăng Nghiêm đẳng. bát vạn
ức chư tam muội môn。

Như Lai mười lực, bốn vô sở úy, đại từ, đại bi, ba chỗ nhớ nghĩ, Thủ Lăng Nghiêm v.v..

tám vạn ức các môn tam muội,

三十二相八十種好五智印等。

tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo ngũ trí ấn đẳng。

ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, năm trí ấn v.v..

三萬五千諸三昧門金剛定等。

tam vạn ngũ thiên chư tam muội môn Kim cương định đẳng。

ba vạn năm ngàn các môn tam muội, Kim cương định v.v..

四千二百諸三昧門方便三昧無量無邊。如是等法是佛佛性。

tứ thiên nhị bách chư tam muội môn phương tiện tam muội vô lượng vô biên. như thị đẳng Pháp thị Phật Phật tánh.

bốn ngàn hai trăm các môn tam muội, phương tiện tam muội vô lượng vô biên. Những pháp như vậy là Phật tánh của Phật.

如是佛性則有七事。

như thị Phật tánh tắc hữu thất sự.

Như vậy Phật tánh tức có bảy việc:

一常二我三樂四淨五真六實七善。是名分別答。善男子。後身菩薩佛性有六。

nhất thường nhị ngã tam lạc tứ tịnh ngũ chân lục thật thất thiện. thị danh phân biệt đáp. thiện nam tử. hậu thân Bồ-tát Phật tánh hữu lục.

Một là thường, hai là ngã, ba là lạc, bốn là tịnh, năm là chân, sáu là thật, bảy là thiện. Đây gọi là phân biệt đáp. Nay thiện nam tử! Thân sau của Bồ-tát, Phật tánh có sáu:

一常二淨三真四實五善六少見。

nhất thường nhị tịnh tam chân tứ thật ngũ thiện lục thiểu kiến

Một là thường, hai là tịnh, ba là chân, bốn là thật, năm là thiện, sáu là ít thấy.

是名分別答。如汝先問斷善根人有佛性者。

thị danh phân biệt đáp. như nhữ tiên vấn đoạn thiện căn nhân hữu Phật tánh giả

Đây gọi là phân biệt đáp. Như trước ông hỏi, người đoạn căn lành là có Phật tánh,

是人亦有如來佛性。亦有後身佛性。

thị nhân diệc hữu Như-Lai Phật tánh. diệc hữu hậu thân Phật tánh.

người đó cũng có Phật tánh của Như Lai, cũng có Phật tánh thân sau.

是二佛性障未來故得名為無。畢竟得故得名為有。

thị nhị Phật tánh chướng vị lai cố đắc danh vi vô. tất cánh đắc cố đắc danh vi hữu.

Hai Phật tánh này ngăn che đời vị lai nên được gọi là không, rốt ráo được nên được gọi là có,

是名分別答。如來佛性非過去非現在非未來。

thị danh phân biệt đáp. Như-Lai Phật tánh phi quá khứ phi hiện tại phi vị lai

đây gọi là phân biệt đáp. Phật tánh Như Lai không phải quá khứ, không phải hiện tại, không phải vị lai.

後身佛性現在未來。少可見故得名現在。

hậu thân Phật tánh hiện tại vị lai. thiểu khả kiến cố đắc danh hiện tại.

Phật tánh thân sau hiện tại và vị lai, ít được thấy nên gọi là hiện tại,
未具見故名為未來。

vị cụ kiến cố danh vi vị lai。

chưa thấy đầy đủ nên gọi là vị lai。

如來未得阿耨多羅三藐三菩提時佛性因故亦是過去現在未來果則不爾。

Như-lai vị đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề thời Phật tánh nhân cố diệt thị quá khứ
hiện tại vị lai quả tắc bất nhĩ。

Như Lai chưa chứng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề thì nhân Phật tánh cũng là quá
khứ, hiện tại và vị lai, nhưng quả thì không như thế。

有是三世有非三世。

hữu thị tam thế hữu phi tam thế。

Có là ba đời, không cũng không ba đời。

後身菩薩佛性因故亦是過去現在未來果亦如是。是名分別答。

hậu thân Bồ-tát Phật tánh nhân cố diệt thị quá khứ hiện tại vị lai quả diệt như thị。 thị
danh phân biệt đáp。

Nhân Phật tánh thân sau của Bồ-tát là quá khứ, hiện tại và vị lai, quả cũng như vậy。 Đây
gọi là phân biệt đáp。

九住菩薩佛性六種。

cửu trụ Bồ-tát Phật tánh lục chủng。

Bồ-tát bậc Cửu trụ, Phật tánh có sáu loại:

一常二善三真四實五淨六可見。

nhất thường nhị thiện tam chân tứ thật ngũ tịnh lục khả kiến。

- một là thường; - hai là thiện; - ba là chân; - bốn là thật; - năm là tịnh; - sáu là dễ thấy。

佛性因故亦是過去現在未來果亦如是。是名分別答。

Phật tánh nhân cố diệt thị quá khứ hiện tại vị lai quả diệt như thị。 thị danh phân biệt
đáp。

Nhân và quả Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại và vị lai。 Đây gọi là phân biệt đáp。

八住菩薩下至六住佛性五事。一真二實三淨四善五可見。

bát trụ Bồ-tát hạ chí lục trụ Phật tánh ngũ sự。 nhất chân nhị thật tam tịnh tứ thiện ngũ khả
kiến,

Bồ-tát bậc Bát trụ, dưới đến lục trụ, Phật tánh có năm loại: Một là chân, hai là thật, ba là tịnh, bốn là thiện, năm là dễ thấy.

佛性因故亦是過去現在未來果亦如是。是名分別答。

Phật tánh nhân cố diệt thị quá khứ hiện tại vị lai quả diệt như thị。 thị danh phân biệt đáp. Nhân Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại và vị lai, quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt đáp.

五住菩薩下至初住佛性五事。

ngũ trụ Bồ-tát hạ chí sơ trụ Phật tánh ngũ sự。

Bồ-tát bậc Ngũ trụ dưới đến Sơ trụ, Phật tánh có năm loại:

一真二實三淨四可見五善不善。善男子。

nhất chân nhị thật tam tịnh tứ khả kiến ngũ thiện bất thiện。 thiện nam tử。

Một là chân, hai là thật, ba là tịnh, bốn là dễ thấy, năm là thiện và bất thiện. Nay thiện nam tử!

是五種佛性六種佛性七種佛性。斷善根人必當得故。

thị ngũ chủng Phật tánh lục chủng Phật tánh thất chủng Phật tánh。 đoạn thiện căn nhân tất đương đắc cố。

Năm loại Phật tánh, sáu loại Phật tánh, bảy loại Phật tánh này, người đoạn căn lành quyết sẽ được,

故得言有。是名分別答。

cố đắc ngôn hữu。 thị danh phân biệt đáp。

nên được gọi là có. Đây gọi là phân biệt đáp.

若有說言斷善根者定有佛性定無佛性。是名置答。迦葉菩薩言。世尊。

nhược hữu thuyết ngôn đoạn thiện căn giả định hữu Phật tánh định vô Phật tánh。 thị danh trí đáp。 Ca-diếp Bồ-tát ngôn。 Thế Tôn。

Nếu có người nói rằng, người đoạn căn lành quyết định có Phật tánh, hay quyết định không có Phật tánh? Đây gọi là trí đáp. Bồ-tát Ca-diếp thưa: Bạch Thế Tôn!

我聞不答乃名置答。

ngã văn bất đáp nãi danh trí đáp。

Con nghe không đáp mới gọi là trí đáp.

如來今者何因緣答而名置答。善男子。

Như-Lai kim giả hà nhân duyên đáp nhi danh trí đáp。 thiện nam tử。

Nay Như Lai do duyên gì đáp mà gọi là trí đáp? Nay thiện nam tử!
 我亦不說置而不答乃說置答。善男子。如是置答復有二種。一者遮止。
 ngã diệc bất thuyết trí nhi bất đáp nãi thuyết trí đáp。thiện nam tử。như thị trí đáp phục
 hữu nhị chủng。nhất giả già chỉ
 Ta cũng không nói "trí" và không nói "đáp" mới nói là "trí đáp". Nay thiện nam tử! Trí đáp
 này có hai loại: Một là ngăn chặn,
 二者莫著。以是義故得名置答。
 nhị giả mạc trước。đĩ thị nghĩa cố đắc danh trí đáp。
 hai là không chấp trước. Do nghĩa này nên được gọi là trí đáp.
 迦葉菩薩白佛言。世尊。
 Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn。Thế Tôn。
 Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!
 如佛所說云何名因亦是過去現在未來。果亦過去現在未來。
 như Phật sở thuyết vân hà danh nhân diệc thị quá khứ hiện tại vị lai。quả diệc quá khứ
 hiện tại vị lai。
 Như lời Phật nói, vì sao gọi nhân cũng là quá khứ, hiện tại và vị lai. Quả cũng quá khứ,
 hiện tại và vị lai,
 非是過去現在未來。佛言。善男子。五陰二種。
 phi thị quá khứ hiện tại vị lai。Phật ngôn。thiện nam tử。ngũ ấm nhị chủng。
 không phải là quá khứ, hiện tại và vị lai? Phật nói: Nay thiện nam tử! Năm ấm có hai loại:
 一者因。二者果。是因五陰是過去現在未來。
 nhất giả nhân。nhị giả quả。thị nhân ngũ uẩn thị quá khứ hiện tại vị lai。
 Một là nhân, hai là quả. Nhân của năm ấm này là quá khứ, hiện tại và vị lai.
 是果五陰亦是過去現在未來。
 thị quả ngũ ấm diệc thị quá khứ hiện tại vị lai。
 Quả của năm ấm này cũng là quá khứ, hiện tại và vị lai,
 亦非過去現在未來。善男子。
 diệc phi quá khứ hiện tại vị lai。thiện nam tử。
 cũng không phải quá khứ, hiện tại và vị lai. Nay thiện nam tử!
 一切無明煩惱等結悉是佛性。何以故。
 nhất thiết vô minh phiền não đẳng kết tất thị Phật tánh。hà dĩ cố。

Tất cả những thứ vô minh phiền não, kết sử thủy đều là Phật tánh. Vì sao vậy?

佛性因故從無明行及諸煩惱得善五陰。是名佛性從善五陰。

Phật tánh nhân cố tông vô minh hành cập chư phiền não đắc thiện ngũ ấm. thị danh Phật tánh tông thiện ngũ ấm.

Do nhân Phật tánh từ vô minh hành cùng các phiền não nên được năm ấm. Đây gọi là Phật tánh theo năm ấm,

乃至獲得阿耨多羅三藐三菩提。是故我於經中先說。

nãi chí hoạch đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề. thị cố ngã ư Kinh trung tiên thuyết.

cho đến chứng được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Vì vậy, trước Ta có nói trong kinh: 眾生佛性如雜血乳。

chúng sanh Phật tánh như tạp huyết nhũ.

Phật tánh của chúng sanh như huyết sữa tạp.

血者即是無明行等一切煩惱。乳者即是善五陰也。

huyết giả tức thị vô minh hành đẳng nhất thiết phiền não. nhũ giả tức thị thiện ngũ ấm dã.

Huyết ấy chính là vô minh hành cùng tất cả phiền não. Sữa ấy chính là năm ấm.

是故我說從諸煩惱及善五陰得阿耨多羅三藐三菩提。

thị cố ngã thuyết tông chư phiền não cập thiện ngũ ấm đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề.

Vì vậy Ta nói từ các phiền não và năm ấm chứng được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. 如眾生身皆從精血而得成就。佛性亦爾。

như chúng sanh thân giai tông tinh huyết nhi đắc thành tựu. Phật tánh diệc nhĩ

Như thân chúng sanh đều từ tinh huyết mà được thành tựu, Phật tánh cũng thế.

須陀洹人斯陀含人斷少煩惱佛性如乳。

Tu đà hoàn nhân Tư đà hàm nhân đoạn thiểu phiền não Phật tánh như nhũ.

Bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, đoạn một ít phiền não, Phật tánh như sữa.

阿那含人佛性如酪。阿羅漢人猶如生酥。

A na hàm nhân Phật tánh như lạc. A La Hán nhân do như sanh tô

Bậc A-na-hàm, Phật tánh như lạc. A-la-hán giống như sanh tô.

從辟支佛至十住菩薩猶如熟酥。如來佛性猶如醍醐。

tông Bích chi Phật chí thập trụ Bồ-tát do như thực tô. Như-Lai Phật tánh do như đề hồ.

Từ Bích-chi-phật cho đến Bồ-tát bạch Thập trụ giống như thực tô. Phật tánh Như Lai giống như đề hồ.

善男子。現在煩惱為作障故。令諸眾生不得覩見。

thiện nam tử. hiện tại phiền não vì tác chướng cố. linh chư chúng sanh bất đắc đố kiến.

Này thiện nam tử! Chúng sanh hiện tại bị phiền não làm chướng ngại nên không thấy được Phật tánh.

如香山中有忍辱草非一切牛皆能得食。

như hương sơn trung hữu nhẫn nhục thảo phi nhất thiết ngưu giai năng đắc thực。

Như trong núi Hương có cỏ nhẫn nhục, không phải tất cả trâu bò đều có thể ăn được.

佛性亦爾。是名分別答。迦葉菩薩白佛言。世尊。

Phật tánh diệc nhĩ. thị danh phân biệt đáp. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn.

Phật tánh cũng vậy. Đây gọi là phân biệt đáp. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

五種六種七種佛性若未來有者。

ngũ chủng lục chủng thất chủng Phật tánh nhược vị lai hữu giả。

Năm loại, sáu loại, bảy loại Phật tánh ấy nếu vị lai có,

云何說言斷善根人有佛性耶。佛言。善男子。

vân hà thuyết ngôn đoạn căn nhân hữu Phật tánh da. Phật ngôn. thiện nam tử.

sao nói rằng, người đoạn căn lành có Phật tánh? Phật nói: Này thiện nam tử!

如諸眾生有過去業。因是業故眾生現在得受果報。

như chư chúng sanh hữu quá khứ nghiệp. nhân thị nghiệp cố chúng sanh hiện tại đắc thọ quả báo。

Như các chúng sanh có nghiệp quá khứ. Do nghiệp đó nên hiện tại chúng sanh được thọ quả báo.

有未來業以未生故終不生果有現在煩惱。

hữu vị lai nghiệp dĩ vị sanh cố chung bất sanh quả hữu hiện tại phiền não。

Do nghiệp vị lai chưa sanh nên trọn không sanh quả, hiện tại có phiền não.

若無煩惱一切眾生應當了了現見佛性。

nhược vô phiền não nhất thiết chúng sanh ứng đương liễu liễu hiện kiến Phật tánh

Nếu không phiền não, thì tất cả chúng sanh phải nên thấy Phật tánh rõ ràng.

是故斷善根人。以現在世煩惱因緣能斷善根。

thị cố đoạn thiện căn nhân. dĩ hiện tại thế phiền não nhân duyên năng đoạn thiện căn.

Vì vậy người đoạn căn lành, đời hiện tại do nhân duyên phiền não nên hay đoạn căn lành.

未來佛性力因緣故還生善根。迦葉言。世尊。

vị lai Phật tánh lực nhân duyên cố hoàn sanh thiện căn. Ca-diếp ngôn. Thế Tôn.

Do sức nhân duyên Phật tánh ở đời vị lai nên sanh căn lành trở lại. Ca-diếp thưa: Bạch Thế Tôn!

未來云何能生善根。善男子。

vị lai vân hà năng sanh thiện căn. thiện nam tử.

Vị lai làm sao có thể sanh căn lành? Này thiện nam tử!

猶如燈日雖復未生亦能破闇。

do như đặng nhật tuy phục vị sanh diệt năng phá ám.

Giống như cây đèn ban ngày, tuy còn chưa sanh nhưng cũng có thể phá bóng tối.

未來之生能生眾生未來佛性亦復如是。是名分別答。

vị lai chi sanh năng sanh chúng sanh vị lai Phật tánh diệt phục như thị. thị danh phân biệt đáp.

Sanh đời vị lai có thể sanh chúng sanh thì Phật tánh vị lai cũng lại như vậy. Đây gọi là phân biệt đáp.

迦葉菩薩白佛言。世尊。若言五陰是佛性者。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn. Thế Tôn. nhược ngôn ngũ ấm thị Phật tánh giả.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu nói năm ấm là Phật tánh,

云何說言眾生佛性非內非外。佛言。善男子。

vân hà thuyết ngôn chúng sanh Phật tánh phi nội phi ngoại. Phật ngôn. thiện nam tử.

sao nói rằng Phật tánh của chúng sanh không phải ở trong, không phải ở ngoài? Phật nói:

Này thiện nam tử!

何因緣故如是失意。

hà nhân duyên cố như thị thất ý.

Nhân duyên nào mà mất ý như vậy?

我先不說眾生佛性是中道耶。迦葉言。世尊。我實不失意。

ngã tiên bất thuyết chúng sanh Phật tánh thị trung đạo da. Ca-diếp ngôn. Thế tôn. ngã thật bất thất ý.

Ta lúc trước không nói Phật tánh chúng sanh là trung đạo ư? Ca-diếp thưa: Bạch Thế Tôn! Con thật không mất ý,

直以眾生於此中道不能解故。故發斯問。善男子。

trực dĩ chúng sanh ư thử trung đạo bất năng giải cố. cố phát tư vấn. thiện nam tử. chỉ vì chúng sanh đối với trung đạo này không thể hiểu nổi nên mới hỏi như thế. Nay thiện nam tử!

眾生不解即是中道。或時有解或有不解。善男子。

chúng sanh bất giải tức thị trung đạo. hoặc thời hữu giải hoặc hữu bất giải. thiện nam tử.

Chúng sanh không hiểu, hoặc có lúc hiểu, hoặc có lúc không hiểu chính là trung đạo. Nay thiện nam tử!

我為眾生得開解故。說言佛性非內非外。

ngã vị chúng sanh đắc khai giải cố. thuyết ngôn Phật tánh phi nội phi ngoại.

Ta vì chúng sanh được khai mở nên nói rằng Phật tánh không phải ở trong, không phải ở ngoài.

何以故凡夫眾生或言佛性住五陰中如器中有果。或言離陰而有猶如虛空。

hà dĩ cố phàm phu chúng sanh hoặc ngôn Phật tánh trụ ngũ ấm trung như khí trung hữu quả quả. hoặc ngôn ly ấm nhi hữu do như hư không.

Vì sao vậy? Vì phàm phu chúng sanh hoặc nói Phật tánh ở trong năm ấm, như trong đồ đựng có quả; hoặc nói lìa năm ấm mà có Phật tánh, giống như hư không.

是故如來說於中道。眾生佛性非內六入非外六入。

thị cố Như-Lai thuyết ư trung đạo. chúng sanh Phật tánh phi nội lục nhập phi ngoại lục nhập.

Vì vậy Như Lai nói ở trung đạo Phật tánh chúng sanh không phải ở trong lục nhập, không phải ở ngoài lục nhập,

合故名為中道。是故如來宣說佛性即是中道。

nội ngoại hợp cố danh vi trung đạo. thị cố Như-Lai tuyên thuyết Phật tánh tức thị trung đạo.

hợp lại gọi là trung đạo. Vì vậy Như Lai tuyên nói Phật tánh chính là trung đạo;

非內非外故名中道。是名分別答。

phi nội phi ngoại cố danh trung đạo. thị danh phân biệt đáp.

không phải ở trong, không phải ở ngoài gọi là trung đạo. Đây gọi là phân biệt đáp.

復次善男子。云何名為非內非外。善男子。

phục thứ thiện nam tử. vân hà danh vi phi nội phi ngoại. thiện nam tử.

Lại nữa, này thiện nam tử! Sao gọi là không phải ở trong, không phải ở ngoài? Này thiện nam tử!

或言佛性即是外道。何以故。

hoặc ngôn Phật tánh tức thị ngoại đạo. hà dĩ cố.

Hoặc nói Phật tánh tức là ngoại đạo. Vì sao vậy?

菩薩摩訶薩於無量劫在外道中。斷諸煩惱調伏其心教化眾生。

Bồ-tát Ma-Ha tát ư vô lượng kiếp tại ngoại đạo trung. đoạn chư phiền não điều phục kỳ tâm giáo hóa chúng sanh.

Đại Bồ-tát vô lượng kiếp ở trong ngoại đạo, đoạn các phiền não, điều phục tâm mình, giáo hóa chúng sanh,

乃得阿耨多羅三藐三菩提。

nhĩn hậu nãi đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề.

cho đến đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

是以佛性即是外道。或言佛性即是內道。何以故。

thị dĩ Phật tánh tức thị ngoại đạo. hoặc ngôn Phật tánh tức thị nội đạo. hà dĩ cố.

Do đó Phật tánh chính là ngoại đạo, hoặc nói Phật tánh chính là nội đạo. Vì sao vậy?

菩薩雖於無量劫中修習外道。

Bồ-tát tuy ư vô lượng kiếp trung tu tập ngoại đạo.

Bồ-tát tuy ở trong vô lượng kiếp tu tập ngoại đạo,

若離內道則不能得阿耨多羅三藐三菩提。是以佛性即是內道。

nhược ly nội đạo tắc bất năng đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề. thị dĩ Phật tánh tức thị nội đạo,

nếu lìa nội đạo, thì không thể đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Do đó nên Phật tánh chính là nội đạo,

是故如來遮此二邊。

thị cố Như-Lai già thử nhị biên.

do đó Như Lai ngăn chặn Nhị biên này.

說言佛性非內非外亦名內外。是名中道是名分別答。復次善男子。

thuyết ngôn Phật tánh phi nội phi ngoại diệc danh nội ngoại. thị danh trung đạo thị danh phân biệt đáp. phục thứ thiện nam tử.

Nói rằng: Phật tánh không phải ở trong, không phải ở ngoài, cũng gọi trong ngoài. Đây gọi là trung đạo, đây gọi là phân biệt đáp. Lại nữa thiện nam tử!

或言佛性即是如來金剛之身三十二相八十種好。何以故。不虛誑故。

hoặc ngôn Phật tánh tức thị Như-Lai Kim cương chi thân tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo. hà dĩ cố. bất hư cuống cố.

Hoặc nói Phật tánh tức là thân kim cương của Như Lai ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Vì sao vậy? Vì không hư dối vậy,

或言佛性即是十力四無所畏大慈大悲及三念處首楞嚴等一切三昧。何以故。

hoặc ngôn Phật tánh tức thị thập lực tứ vô sở úy Đại từ Đại bi cập tam niệm xứ Thủ Lăng Nghiêm đẳng nhất thiết tam muội. hà dĩ cố.

hoặc nói Phật tánh tức là mười lực, bốn vô sở úy, đại từ, đại bi cùng ba chỗ chánh niệm, Thủ Lăng Nghiêm v.v.. tất cả các tam muội. Vì sao vậy?

因是三昧生金剛身三十二相八十種好故。是故如來遮此二邊。

nhân thị tam muội sanh Kim cương thân tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo cố. thị cố Như-Lai già thử nhị biên.

Nhân tam muội này mà sanh thân Kim cương ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, cho nên Như Lai ngăn chặn Nhị biên này.

說言佛性非內非外亦名內外。是名中道是名分別答。

thuyết ngôn Phật tánh phi nội phi ngoại diệc danh nội ngoại. thị danh trung đạo thị danh phân biệt đáp.

Nói rằng: Phật tánh không phải ở trong, không phải ở ngoài, cũng gọi trong ngoài. Đây gọi là trung đạo, đây gọi là phân biệt đáp.

復次善男子。或有說言佛性即是內善思惟。何以故。

phục thứ thiện nam tử. hoặc hữu thuyết ngôn Phật tánh tức thị nội thiện tư duy. hà dĩ cố.

Lại nữa thiện nam tử! Hoặc có người nói rằng: Phật tánh tức là nội thiện tư duy. Vì sao vậy?

離善思惟則不能得阿耨多羅三藐三菩提故。是故佛性即是內善思惟。

ly thiện tư duy tắc bất năng đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề cố. thị cố Phật tánh tức thị nội thiện tư duy.

Vì lìa thiện tư duy, thì không thể đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề nên, vì vậy Phật tánh chính là nội thiện tư duy,

或有說言佛性即是從他聞法。何以故。

hoặc hữu thuyết ngôn Phật tánh tức thị tông tha văn Pháp. hà dĩ cố.

hoặc có người nói rằng: Phật tánh tức là nghe pháp từ người khác. Vì sao vậy?

從他聞法則能內善思惟。若不聞法則無思惟。

tông tha văn Pháp tắc năng nội thiện tư duy. nhược bất văn Pháp tắc vô tư duy

Vì nghe pháp từ người khác tức nội tâm có thể khéo tư duy. Nếu không nghe pháp, thì không có tư duy,

是以佛性即是從他聞法。是故如來遮此二邊。

thị dĩ Phật tánh tức thị tông tha văn Pháp. thị cố Như-Lai già thử nhị biên.

vì vậy Phật tánh chính là nghe pháp từ người khác, cho nên Như Lai ngăn chặn Nhị biên này.

說言佛性非內非外亦名內外。是名中道。復次善男子。

thuyết ngôn Phật tánh phi nội phi ngoại diệc danh nội ngoại. thị danh trung đạo. phục thứ thiện nam tử.

Nói rằng: Phật tánh không phải ở trong, không phải ở ngoài, cũng gọi trong ngoài, đây gọi là trung đạo. Lại nữa thiện nam tử!

復有說言佛性是外。

phục hữu thuyết ngôn Phật tánh thị ngoại.

Lại có người nói rằng: Phật tánh là ngoài;

謂檀波羅蜜從檀波羅蜜得阿耨多羅三藐三菩提。

vị đàn ba la mật tông đàn ba la mật đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề.

đó là Đàn Ba-la-mật, từ Đàn Ba-la-mật đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề.

是以說言檀波羅蜜即是佛性。

thị dĩ thuyết ngôn đàn ba la mật tức thị Phật tánh.

Do đó nói rằng, Đàn Ba-la-mật chính là Phật tánh.

或有說言佛性是內謂五波羅蜜。何以故。離是五事當知則無佛性因果。

hoặc hữu thuyết ngôn Phật tánh thị nội vị ngũ ba la mật. hà dĩ cố. ly thị ngũ sự đương tri tắc vô Phật tánh nhân quả.

Hoặc có người nói rằng: Phật tánh là trong, đó là năm Ba-la-mật. Vì sao vậy? Vì là năm việc này, nên biết không có Phật tánh và nhân quả.

是以說言五波羅蜜即是佛性。

thị dĩ thuyết ngôn ngũ ba la mật tức thị Phật tánh。

Do đó nói rằng năm Ba-la-mật chính là Phật tánh,

是故如來遮此二邊。說言佛性非內非外亦內亦外。

thị cố Như-Lai già thử nhị biên. thuyết ngôn Phật tánh phi nội phi ngoại diệc nội diệc ngoại。

cho nên Như Lai ngăn chặn Nhị biên này. Nói rằng: Phật tánh không phải ở trong, không phải ở ngoài, cũng ở trong, cũng ở ngoài.

是名中道。復次善男子。或有說言佛性在內。

thị danh trung đạo. phục thứ thiện nam tử. hoặc hữu thuyết ngôn Phật tánh tại nội。

Đây gọi là Trung đạo. Lại nữa thiện nam tử! Hoặc có nói rằng: Phật tánh ở trong.

譬如力士額上寶珠。何以故。常樂我淨如寶珠故。

thí như lực sĩ ngạch thượng bảo châu. hà dĩ cố. thường lạc ngã tịnh như bảo châu cố。

Thí như trên trán Lực sĩ có bảo châu. Vì sao vậy? Vì thường, lạc, ngã, tịnh như bảo châu, 是以說言佛性在內。

thị dĩ thuyết ngôn Phật tánh tại nội。

nên phải nói rằng Phật tánh ở trong.

或有說言佛性在外如貧寶藏。何以故。方便見故。

hoặc hữu thuyết ngôn Phật tánh tại ngoại như bần bảo tạng. hà dĩ cố. phương tiện kiến cố。

Hoặc có người nói rằng: Phật tánh ở ngoài, như kho báu của người nghèo. Vì sao vậy? Vì phương tiện thấy vậy.

佛性亦爾在眾生外。以方便故而得見之。

Phật tánh diệc nhĩ tại chúng sanh ngoại. dĩ phương tiện cố nhi đắc kiến chi。

Phật tánh cũng thế, ở ngoài chúng sanh, do dùng phương tiện mà được thấy.

是故如來遮此二邊。說言佛性非內非外亦內亦外。是名中道。

thị cố Như-Lai già thử nhị biên. thuyết ngôn Phật tánh phi nội phi ngoại diệc nội diệc ngoại. thị danh trung đạo.

Cho nên Như Lai ngăn chặn Nhị biên này. Nói rằng: Phật tánh không phải ở trong, không phải ở ngoài, cũng trong cũng ngoài. Đây gọi là Trung đạo.

善男子。眾生佛性非有非無。所以者何。

thiện nam tử. chúng sanh Phật tánh phi hữu phi vô. sở dĩ giả hà.

Thiện nam tử! Phật tánh của chúng sanh không phải có, không phải không. Vì sao vậy?

佛性雖有非如虛空。何以故。

Phật tánh tuy hữu phi như hư không. hà dĩ cố.

Phật tánh tuy có nhưng không phải như hư không. Vì sao?

世間虛空雖以無量善巧方便不可得見。

thế gian hư không tuy dĩ vô lượng thiện xảo phương tiện bất khả đắc kiến.

Vì thế gian rỗng không, tuy dùng vô lượng phương tiện thiện xảo cũng không thể thấy được.

佛性可見是故雖有非如虛空。佛性雖無不同兔角。何以故。

Phật tánh khả kiến thị cố tuy hữu phi như hư không. Phật tánh tuy vô bất đồng thỏ giác. hà dĩ cố.

Phật tánh có thể thấy cho nên tuy có nhưng không phải như hư không. Phật tánh dẫu không, nhưng không giống sừng thỏ. Vì sao vậy?

龜毛兔角雖以無量善巧方便不可得生。

quy mao thỏ giác tuy dĩ vô lượng thiện xảo phương tiện bất khả đắc sanh.

Vì lông rùa sừng thỏ, dù dùng vô lượng phương tiện thiện xảo cũng không thể sanh được.

佛性可生是故雖無不同兔角。

Phật tánh khả sanh thị cố tuy vô bất đồng thỏ giác.

Phật tánh có thể sanh, dẫu không có nhưng không đồng nhau với sừng thỏ.

是故佛性非有非無亦有亦無。云何名有。

thị cố Phật tánh phi hữu phi vô diệc hữu diệc vô. vân hà danh hữu.

Vì vậy Phật tánh không phải có, không phải không, cũng có, cũng không. Sao gọi là có?

一切悉有是諸眾生不斷不滅猶如燈焰。

nhất thiết tất hữu thị chư chúng sanh bất đoạn bất diệt do như đăng diệm.

Vì tất cả đều có, các chúng sanh không đoạn, không diệt giống như ngọn đèn

乃至得阿耨多羅三藐三菩提。是故名有。云何名無。

nãi chí đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề. thị cố danh hữu. vân hà danh vô.

cho đến đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Đây gọi là có. Sao gọi là không?

一切眾生現在未有一切佛法常樂我淨。是故名無。

nhất thiết chúng sanh hiện tại vị hữu nhất thiết Phật Pháp thường lạc ngã tịnh. thị cố danh vô.

Tất cả chúng sanh hiện tại chưa có tất cả Phật pháp thường, lạc, ngã, tịnh. Đây gọi là không.

有無合故即是中道。是故佛說眾生佛性非有非無。

hữu vô hợp cố tức thị trung đạo. thị cố Phật thuyết chúng sanh Phật tánh phi hữu phi vô.

Có, không hợp lại tức là trung đạo nên Phật nói: Phật tánh của chúng sanh không phải có, không phải không.

善男子。如有人問是種子中有果無耶。

thiện nam tử. như hữu nhân vấn thị chủng tử trung hữu quả vô da

Này thiện nam tử! Như có người hỏi trong hạt giống này có quả hay không có quả ư?

應定答言亦有亦無。何以故。

ứng định đáp ngôn diệc hữu diệc vô. hà dĩ cố.

Nên quyết định đáp rằng, cũng có cũng không. Vì sao vậy?

離子之外不能生果是故名有。子未出芽是故名無。以是義故。

ly tử chi ngoại bất năng sanh quả thị cố danh hữu. tử vị xuất nha thị cố danh vô. dĩ thị nghĩa cố

Vì lìa ngoài hạt này không thể sanh quả nên gọi là có. Hạt chưa sanh mầm nên gọi là không. Do nghĩa này nên

亦有亦無。所以者何。時節有異其體是一。

diệc hữu diệc vô. sở dĩ giả hà. thời tiết hữu dị kỳ thể thị nhất.

cũng có cũng không. Vì sao vậy? Vì thời tiết có khác, nhưng thể của nó là một.

眾生佛性亦復如是。若言眾生中別有佛性者。

chúng sanh Phật tánh diệc phục như thị. nhược ngôn chúng sanh trung biệt hữu Phật tánh giả.

Phật tánh chúng sanh cũng lại như vậy. Nếu nói trong chúng sanh có Phật tánh riêng biệt,

是義不然。何以故。眾生即佛性。佛性即眾生。

thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố. chúng sanh tức Phật tánh. Phật tánh tức chúng sanh. nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Vì chúng sanh chính là Phật tánh, Phật tánh chính là chúng sanh,

直以時異有淨不淨。善男子。

trực dĩ thời dị hữu tịnh bất tịnh. thiện nam tử.

giá trị khác ở chỗ có tịnh hay bất tịnh. Nay thiện nam tử!

若有問言是子能生果不。是果能生子不。應定答言亦生不生。

nhược hữu vấn ngôn thị tử năng sanh quả phủ. thị quả năng sanh tử phủ. ứng định đáp ngôn diệc sanh bất sanh.

Nếu có người hỏi rằng hạt này có thể sanh quả chăng? Quả này có thể sanh hạt chăng?

Nên quyết định đáp rằng cũng sanh, cũng không sanh.

世尊。如世人說乳中有酪是義云何。善男子。

Thế Tôn. như thế nhân thuyết nhũ trung hữu lạc thị nghĩa vân hà. thiện nam tử

Thế Tôn! Như người đời nói, trong sữa có lạc, nghĩa này thế nào? Nay thiện nam tử!

若有說言乳中有酪是名執著。

nhược hữu thuyết ngôn nhũ trung hữu lạc thị danh chấp trước.

Nếu có người nói rằng, trong sữa có lạc, đây gọi là chấp trước.

若言無酪是名虛妄。離是二事應定說言亦有亦無。

nhược ngôn vô lạc thị danh hư vọng. ly thị nhị sự ứng định thuyết ngôn diệc hữu diệc vô.

Nếu nói không có lạc, đây gọi là hư dối. Là hai việc này, nên quyết định nói rằng: Cũng có, cũng không.

何故名有。從乳生酪因即是乳果即是酪。是名為有。

hà cố danh hữu. tòng nhũ sanh lạc nhân tức thị nhũ quả tức thị lạc. thị danh vi hữu.

Sao gọi là có? Từ sữa sanh lạc, nhân tức là sữa, quả tức là lạc, đây gọi là có.

云何名無。色味各異服用不同。

vân hà danh vô. sắc vị các dị phục dụng bất đồng.

Sao gọi là không? Sắc vị đều khác, uống dùng không giống nhau.

熱病服乳冷病服酪。乳生冷病酪生熱病。善男子。

nhật bệnh phục nữ lãnh bệnh phục lạc. nữ sanh lãnh bệnh lạc sanh nhật bệnh. thiện nam tử.

Bệnh nóng uống sữa, bệnh lạnh uống lạc. Sữa sanh bệnh lạnh, lạc sanh bệnh nóng. Nay thiện nam tử!

若言乳中有酪性者。乳即是酪酪即是乳其性是一。

nhược ngôn nữ trung hữu lạc tánh giả. nữ tức thị lạc lạc tức thị nữ kỳ tánh thị nhất.

Nếu nói trong sữa có tánh lạc, thì sữa ấy chính là lạc, lạc chính là sữa, tánh của nó là một.

何因緣故乳在先出酪不先生。

hà nhân duyên cố nữ tại tiên xuất lạc bất tiên sanh.

Do nhân duyên gì sữa sanh trước, lạc không sanh trước?

若有因緣一切世人何故不說。若無因緣何故酪不先出。

nhược hữu nhân duyên nhất thiết thể nhân hà cố bất thuyết. nhược vô nhân duyên hà cố lạc bất tiên xuất.

Nếu có nhân duyên, tất cả người đời vì sao không nói? Nếu không có nhân duyên, vì sao lạc không sanh trước?

若酪不先出誰作次第乳酪生蘇熟蘇醒醐。

nhược lạc bất tiên xuất thủy tác thứ đệ nữ lạc sanh tô thực tô đề hồ.

Nếu lạc không sanh trước, thì ai làm ra thứ tự sữa, lạc, sanh tô, thực tô và đề hồ?

是故知酪先無今有。若先無今有是無常法。

thị cố tri lạc tiên vô kim hữu. nhược tiên vô kim hữu thị vô thường Pháp.

Vì vậy, nên biết lạc trước không, nay có. Nếu trước không, nay có là pháp vô thường.

善男子。若有說言乳有酪性能生於酪。

thiện nam tử. nhược hữu thuyết ngôn nữ hữu lạc tánh năng sanh ư lạc.

Nay thiện nam tử! Hoặc có người nói rằng, sữa có tánh lạc năng sanh lạc.

水無酪性故不生酪。是義不然。何以故。

thủy vô lạc tánh cố bất sanh lạc. thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố.

Nước không có tánh lạc nên không sanh lạc, nghĩa này không đúng. Vì sao vậy?

水草亦有乳酪之性。所以者何。因於水草則出乳酪。

thủy thảo diệc hữu nữ lạc chi tánh. sở dĩ giả hà. nhân ư thủy thảo tắc xuất nữ lạc.

Nước và cỏ cũng có tánh sữa và lạc. Vì sao vậy? Vì do nước và cỏ mà sanh ra sữa và lạc.

若言乳中定有酪性水草無者。是名虛妄。

nhược ngôn nhũ trung định hữu lạc tánh thủy thảo vô giả. thị danh hư vọng.

Nếu nói trong sữa quyết định có tánh lạc, cỏ nước không có, đây gọi là hư dối.

何以故心不等故。故言虛妄。善男子。

hà dĩ cố tâm bất đẳng cố. cố ngôn hư vọng. thiện nam tử.

Vì sao vậy? Vì tâm không bình, nên nói hư dối. Này thiện nam tử!

若言乳中定有酪者。酪中亦應定有乳性。

nhược ngôn nhũ trung định hữu lạc giả. lạc trung diệc ứng định hữu nhũ tánh.

Nếu nói trong sữa quyết định có lạc, trong lạc cũng nên quyết định có tánh sữa.

何因緣故乳中出酪酪不出乳。

hà nhân duyên cố nhũ trung xuất lạc lạc bất xuất nhũ.

Do nhân duyên gì trong sữa sanh ra lạc mà lạc không sanh ra sữa?

若無因緣當知是酪本無今有。

nhược vô nhân duyên đương tri thị lạc bản vô kim hữu.

Nếu không có nhân duyên, nên biết lạc này xưa không, nay có.

是故智者應言乳中非有酪性非無酪性。善男子。是故如來於是經中說如是言。

thị cố trí giả ứng ngôn nhũ trung phi hữu lạc tánh phi vô lạc tánh. thiện nam tử. thị cố

Như-Lai ư thị Kinh trung thuyết như thị ngôn.

Cho nên người trí nên nói rằng trong sữa không phải có tánh lạc, không phải không có

tánh lạc. Này thiện nam tử! Do đó ở trong Kinh này, Như Lai nói rằng:

一切眾生定有佛性是名為著。

nhất thiết chúng sanh định hữu Phật tánh thị danh vi trước.

Tất cả chúng sanh chắc chắn có Phật tánh, đây gọi là chấp trước.

若無佛性是名虛妄。智者應說眾生佛性亦有亦無。

nhược vô Phật tánh thị danh hư vọng. trí giả ứng thuyết chúng sanh Phật tánh diệc hữu

diệc vô.

Nếu nói không có Phật tánh, đây gọi là hư dối. Người trí nên nói, Phật tánh của chúng

sanh cũng có, cũng không.

善男子。四事和合生於眼識。何等為四。眼色明欲。

thiện nam tử. tứ sự hòa hợp sanh ư nhãn thức. hà đẳng vi tứ. nhãn sắc minh dục

Này thiện nam tử! Bốn việc hòa hợp sanh nhãn thức. Những gì là bốn? Nhãn, sắc, minh, dục.

眼識性非眼非色非明非欲。

thị nhãn thức tánh phi nhãn phi sắc phi minh phi dục。

Tánh của nhãn thức không phải mắt, không phải sắc, không phải minh, không phải dục, 從和合故便得出生如是眼識本無今有已有還無。

tòng hòa hợp cố tiện đắc xuất sanh như thị nhãn thức bốn vô kim hữu dĩ hữu hoàn vô. từ sự hòa hợp liền được sanh ra. Như vậy nhãn thức ừa không nay có, có rồi trở lại không.

是故當知無有本性。乳中酪性亦復如是。

thị cố đương tri vô hữu bốn tánh. nhũ trung lạc tánh diệc phục như thị。

Vì vậy, nên biết nhãn thức không có bản tánh. Tánh lạc trong sữa cũng lại như vậy.

若有說言水無酪性故不出酪。是故乳中定有酪性。

nhược hữu thuyết ngôn thủy vô lạc tánh cố bất xuất lạc。 thị cố nhũ trung định hữu lạc tánh。

Nếu có người nói rằng, nước không có tánh lạc nên không sanh lạc. Vì vậy trong sữa quyết định có tánh lạc.

是義不然。何以故。善男子。

thị nghĩa bất nhiên。 hà dĩ cố。 thiện nam tử。

Nghĩa này không như vậy. Vì sao? Này thiện nam tử!

一切諸法異因異果。亦非一因生一切果。非一切果從一因生。

nhất thiết chư Pháp dị nhân dị quả。 diệc phi nhất nhân sanh nhất thiết quả。 phi nhất thiết quả tòng nhất nhân sanh。

Vì tất cả các Pháp, nhân khác, quả khác, cũng không phải từ một nhân sanh ra tất cả quả, không phải tất cả quả sanh ra từ một nhân.

善男子。如從四事生於眼識。

thiện nam tử。 như tòng tứ sự sanh ư nhãn thức。

Này thiện nam tử! Như từ bốn việc này sanh ra nhãn thức,

不可復說從此四事應生耳識。善男子。

bất khả phục thuyết tòng thủ tứ sự ứng sanh nhĩ thức。 thiện nam tử

lại không thể nói từ bốn việc này ứng sanh nhĩ thức. Này thiện nam tử!

離於方便乳中得酪酪出生酥。不得如是要須方便。善男子。

ly ư phương tiện nhũ trung đặc lạc lạc xuất sanh tô. bất đặc như thị yếu tu phương tiện. thiện nam tử.

Lìa phương tiện, trong sữa được lạc, lạc sanh sanh tô, không được như vậy rất cần phương tiện. Nay thiện nam tử!

智者不可見離方便從乳得酪。

trí giả bất khả kiến ly phương tiện tòng nhũ đặc lạc。

Người trí không nên thấy rằng, lìa phương tiện từ sữa mà được lạc,

謂得生酥亦應如是離方便得。善男子。是故我於是經中說。

vị đặc sanh tô diệt ứng như thị ly phương tiện đặc thiện nam tử. thị cố ngã ư thị Kinh trung thuyết.

rồi cho rằng được sanh tô cũng phải như vậy lìa phương tiện mà được. Nay thiện nam tử!

Vì vậy, trong kinh này Ta nói:

因生故法有。因滅故法無。善男子。

nhân sanh cố Pháp hữu. nhân diệt cố Pháp vô. thiện nam tử.

Nhân sanh nên pháp có, nhân diệt nên pháp không. Nay thiện nam tử!

如鹽性鹹能令非鹹使鹹。若非鹹物先有鹹性。

như diêm tánh hàm năng linh phi mặn sử mặn nhược phi mặn vật tiên hữu hàm tánh

Như tánh muối là mặn, có thể làm cho vật không mặn thành mặn. Nếu vật không phải mặn, trước có tánh mặn,

世人何故更求鹽耶。若先無者當知先無今有。

thế nhân hà cố canh cầu diêm da. nhược tiên vô giả đương tri tiên vô kim hữu.

vì sao người đời lại cầu muối? Nếu trước không có, nên biết trước không nay có,

以餘緣故而得鹹也。若言一切不鹹之物皆有鹹性。

dĩ dư duyên cố nhi đặc hàm dã. nhược ngôn nhất thiết bất hàm chi vật giai hữu hàm ánh.

do duyên khác mà được mặn vậy. Nếu nói tất cả vật không mặn đều có tánh mặn,

微故不知由此微性鹽能令鹹。

vi cố bất tri do thử vi tánh diêm năng linh hàm.

vì nhỏ quá nên không biết. Do tánh vi tế này nên muối hay khiến mặn.

若本無性雖復有鹽不能令鹹。譬如種子自有四大。

nhược bốn Vô tánh tuy phục hữu diêm bất năng lệnh hàm. thí như chủng tử tự hữu tứ Đại.

Nếu tánh vốn không, dầu có muối nhưng không thể khiến cho mặn. Thí như hạt giống từ bốn đại mà có.

緣外四大而得增長芽莖枝葉。鹽性亦爾者。

duyên ngoại tứ Đại nhi đắc tăng trưởng nha hành chi diệp. diêm tánh diệp nhĩ giả.

Duyên bốn đại bên ngoài mà được tăng trưởng mầm, cọng, cành, lá. Tánh muối cũng vậy, 是義不然。何以故。不鹹之物先有鹹性者。

thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố. bất hàm chi vật tiên hữu hàm tánh giả.

nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Vì vật không mặn trước có tánh mặn,

鹽亦應有微不鹹性。是鹽若有如是二性。

diêm diệp ứng hữu vi bất hàm tánh. thị diêm nhược hữu như thị nhị tánh.

muối cũng nên có tánh không mặn vi tế. Muối này nếu có hai tánh như vậy,

何因緣故離不鹹物不可獨用。是故知鹽本無二性。

hà nhân duyên cố ly bất hàm vật bất khả độc dụng. thị cố tri diêm bốn vô nhị tánh

do duyên gì lia vật không mặn, không thể riêng dùng? Vì vậy nên biết muối vốn không có hai tánh.

如鹽一切不鹹之物亦復如是。

như diêm nhất thiết bất hàm chi vật diệp phục như thị.

Như muối, tất cả vật không mặn cũng lại như vậy.

若言外四大種力能增長內四大者。是義不然。何以故。

nhược ngôn ngoại tứ Đại chủng lực năng tăng trưởng nội tứ Đại giả. thị nghĩa bất nhiên. hà dĩ cố.

Nếu nói sức của bốn đại bên ngoài hay tăng trưởng bốn đại bên trong, nghĩa này không đúng. Vì sao vậy?

次第說故不從方便。

thứ đệ thuyết cố bất tòng phương tiện.

Vì nói theo thứ lớp, không theo phương tiện.

乳中得酪生蘇乃至一切諸法皆不如是非方便得。四大亦復如是。

nhũ trung đắc酪生蘇乃至一切諸法皆不如是非方便得。四大亦復如是.

Trong sửa được lạc, sanh tô, cho đến tất cả các pháp đều không như vậy, không phải phương tiện mà được. Bốn đại cũng lại như vậy.

若說從外四大增內四大。

nhược thuyết tông ngoại tứ Đại tăng nội tứ Đại。

Hoặc nói từ bốn đại bên ngoài, tăng trưởng bốn đại bên trong,

不見從內四大增外四大。如尸利沙果先無形質。

bất kiến tông nội tứ Đại tăng ngoại tứ Đại。 như thi lợi sa quả tiên vô hình chất。

không thấy bốn đại bên trong, tăng trưởng bốn đại bên ngoài. Như trái Thi-lợi-sa, trước không có hình chất,

見昂星時果則出生足長五寸。

kiến ngang tinh thời quả tặc xuất sanh túc trường ngũ thốn。

lúc dơ cao lên xem kỹ thì quả dài đủ năm tấc。

如是果者實不因於外四大增。

như thị quả giả thật bất nhân ư ngoại tứ Đại tăng。

Quả này thật không do bốn đại bên ngoài mà tăng trưởng。善男子。如我所說十二部經。或隨自意說。

thiện nam tử。 như ngã sở thuyết thập nhị bộ Kinh。 hoặc tùy tự ý thuyết。

Này thiện nam tử! Như Ta đã nói Mười Hai Bộ Kinh, hoặc theo ý mình nói,

或隨他意說。或隨自他意說。

hoặc tùy tha ý thuyết。 hoặc tùy tự tha ý thuyết。

hoặc theo ý người khác nói, hoặc theo ý mình và ý người nói。

云何名為隨自意說。如五百比丘問舍利弗。大德。

vân hà danh vi tùy tự ý thuyết。 như ngũ bách tỳ kheo vấn Xá lợi Phất。 Đại Đức

Sao gọi là theo ý mình nói? Như năm trăm vị Tỳ-kheo hỏi Xá-lợi-phất rằng: Thừa Đại đức!

佛說身因何者是耶。舍利弗言。諸大德。

Phật thuyết thân nhân hà giả thị da。 Xá lợi Phất ngôn。 chư Đại Đức。

Phật nói gì là nhân của thân này vậy? Xá-lợi-phất nói: Chư Đại đức!

汝等亦各得正解脫自應識之。何緣方作如是問耶。有比丘言。

nhữ đẳng diệc các đắc chánh giải thoát tự ứng thức chi。 hà duyên phương tác như thị vấn da。 hữu Tỳ-kheo ngôn。

Các ông cũng đều được chánh giải thoát, tự mình nên biết, duyên gì mới hỏi như thế? Có Tỳ-kheo nói rằng:

大德。我未獲得正解脫時意謂。

Đại Đức. ngã vị hoạch đắc chánh giải thoát thời ý vị.

Đại đức! Lúc tôi chưa được chánh giải thoát, ý cho rằng

無明即是身因。作是觀時得阿羅漢果。復有說言。大德。

vô minh tức thị thân nhân. tác thị quán thời đắc A la hán quả. phục hữu thuyết

ngôn. Đại Đức.

vô minh chính là nhân của thân. Lúc quán sát như vậy chứng được quả A-la-hán. Lại có vị nói: Đại đức!

我未獲得正解脫時謂。愛無明即是身因。

ngã vị hoạch đắc chánh giải thoát thời vị. ái vô minh tức thị thân nhân.

Khi tôi chưa được chánh giải thoát, ý cho rằng ái và vô minh chính là nhân của thân.

作是觀時得阿羅漢果。或有說言。

tác thị quán thời đắc A la hán quả. hoặc hữu thuyết ngôn.

Lúc quán sát như vậy chứng được quả A-la-hán. Hoặc có vị nói rằng: Thưa Đại đức!

行識名色六入觸受愛取有生飲食五欲即是身因。

hành thức danh sắc lục nhập xúc thọ ái thủ hữu sanh ẩm thực ngũ dục tức thị thân nhân.

Hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, ăn uống, năm dục chính là nhân của thân.

爾時五百比丘。各各自說己所解已共往佛所。

nhi thời ngũ bách tỳ kheo. các các tự thuyết kỹ sở giải dĩ cộng vãng Phật sở.

Lúc bấy giờ năm trăm Tỳ-kheo, mỗi mỗi tự nói lên chỗ hiểu biết của mình rồi, cùng nhau đến chỗ Phật,

稽首佛足右邊三匝禮拜畢已却坐一面。

khể thủ Phật túc hữu nhiều tam tạp lễ bái tất dĩ khước tọa nhất diện.

cúi đầu sát chân Phật, nhiễu quanh bên phải ba vòng, ngồi qua một bên.

各以如上己所解義向佛說之。舍利弗白佛言。

các dĩ như thượng kỹ sở giải nghĩa hướng Phật thuyết chi. Xá lợi Phật bạch Phật ngôn.

Mỗi vị đều đem chỗ hiểu nghĩa của mình thưa lên Phật. Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

世尊。如是諸人誰是正說。誰不正說。

Thế Tôn. như thị chư nhân thù thị chánh thuyết. thù bất chánh thuyết.

Bạch Thế Tôn! Những người này, ai nói đúng, ai nói không đúng?

佛告舍利弗。善哉善哉一一比丘無非正說。舍利弗言。

Phật cáo Xá lợi Phất. Thiện tai Thiện tai nhất nhất tỳ kheo vô phi chánh thuyết. Xá lợi

Phất ngôn

Phật bảo Xá-lợi-phất: Hay thay! Hay thay! Mỗi mỗi Tỳ-kheo không ai nói không đúng. Xá-

lợi-phất thưa:

世尊。佛意云何。佛言舍利弗。

Thế Tôn. Phật ý vân hà. Phật ngôn Xá lợi Phất.

Thế Tôn! Ý Phật thế nào? Phật bảo Xá-lợi-phất:

我為欲界眾生說言。父母即是身因。如是等經名隨自意說。

ngã vị dục giới chúng sanh thuyết ngôn. phụ mẫu tức thị thân nhân. như thị đẳng Kinh

danh tùy tự ý thuyết.

Ta vì chúng sanh ở dục giới mà nói rằng: Cha mẹ chính là nhân của thân. Những kinh như vậy gọi là tùy ý mình nói.

云何名為隨他意說。如巴吒羅長者。

vân hà danh vi tùy tha ý thuyết. như ba trá la Trưởng-Giả.

Sao gọi là tùy ý người khác nói. Như Trưởng giả Ba-trá-la

來至我所作如是言。瞿曇。汝知幻不。

lai chí ngã sở tác như thị ngôn. Cồ Đàm. nhữ tri huyễn phủ.

đến chỗ Ta nói như vậy: Này Cồ Đàm! Ông biết huyễn không?

若知幻者即大幻人。若不知者非一切智。我言。長者。

nhược tri huyễn giả tức Đại huyễn nhân. nhược bất tri giả phi nhất thiết trí. ngã

ngôn. Trưởng-Giả

Nếu biết huyễn ấy chính là người đại huyễn. Nếu người không biết, không phải là bậc

Nhất thiết trí. Ta nói: Này Trưởng giả!

知幻之人名幻人耶。長者言。善哉善哉。

tri huyễn chi nhân danh huyễn nhân da. Trưởng-Giả ngôn. Thiện tai Thiện tai.

Người biết huyễn gọi là người huyễn chăng? Trưởng giả nói: Hay thay! Hay thay!

知幻之人即是幻人。佛言。長者。

tri huyễn chi nhân tức thị huyễn nhân. Phật ngôn. Trưởng-Giả
Người biết huyễn chính là người huyễn. Phật nói: Này Trưởng giả!
舍衛國內波斯匿王有旃陀羅名曰氣噓。汝知不耶。長者答言。瞿曇。
xá vệ quốc nội Ba tư nặc Vương hữu chiên đà la danh viết khí hư. nhữ tri bất
da. Trưởng-Giả đáp ngôn. Cồ Đàm.

Trong nước Xá-vệ Vua Ba-tư-nặc có Chiên-đà-la tên là Khí Hư, ông biết chăng? Trưởng
giả đáp: Cồ Đàm,

我久知之。佛言。

ngã cửu tri chi. Phật ngôn.

Tôi biết từ lâu. Phật nói:

汝久知者可得即是旃陀羅不。長者言。瞿曇。我雖知是旃陀羅。

nhữ cửu tri giả khả đắc tức thị chiên đà la phủ. Trưởng-Giả ngôn. Cồ Đàm. ngã tuy tri
thị chiên đà la.

Ông biết từ lâu, vậy ông có phải Chiên-đà-la không? Trưởng giả nói: Thưa Cồ Đàm! Tôi
tuy biết Chiên-đà-la này,

然我此身非旃陀羅。佛言。長者。

nhiên ngã thử thân phi chiên đà la. Phật ngôn. Trưởng-Giả.

nhưng thân tôi đây không phải Chiên-đà-la. Phật nói: Này Trưởng giả!

汝得是義知旃陀羅非旃陀羅。我今何故不得知幻而非幻乎。長者。

nhữ đắc thị nghĩa tri chiên đà la phi chiên đà la. ngã kim hà cố bất đắc tri huyễn nhi phi
huyễn hồ. Trưởng-Giả.

Ông biết được nghĩa Chiên-đà-la này không phải Chiên-đà-la, nay Ta sao không biết được
huyễn và không phải huyễn ư? Trưởng giả!

我實知幻知幻人知幻果報知幻伎術。

ngã thật tri huyễn tri huyễn nhân tri huyễn quả báo tri huyễn kỹ thuật.

Ta thật biết huyễn, biết người huyễn, biết quả báo huyễn, biết kỹ thuật huyễn.

我知殺知殺人知殺果報知殺解脫。

ngã tri sát tri sát nhân tri sát quả báo tri sát giải thoát.

Ta biết giết, biết người giết, biết quả báo giết, biết giải thoát giết,

乃至知邪見知邪見人知邪見果報知邪見解脫。長者。

nãi chí tri tà kiến tri tà kiến nhân tri tà kiến quả báo tri tà kiến giải thoát. Trưởng-Giả.

thậm chí biết tà kiến, biết người tà kiến, biết quả báo tà kiến, biết giải thoát tà kiến. Nay Trưởng giả!

若說非幻之人名為幻人。

nhược thuyết phi huyễn chi nhân danh vi huyễn nhân。

Nếu nói người không phải huyễn ấy gọi là người huyễn,

非邪見人說邪見人得無量罪。長者言。瞿曇。如汝所說我得大罪。

phi tà kiến nhân thuyết tà kiến nhân đắc vô lượng tội. Trưởng-Giả ngôn. Cồ Đàm. như nhữ sở thuyết ngã đắc Đại tội.

người không phải tà kiến, nói là người tà kiến, mắc vô lượng tội. Trưởng giả nói: Thưa Cồ Đàm! Như chỗ Ngài nói tôi bị tội lớn.

我今所有悉以相上。

ngã kim sở hữu tất dĩ tương thượng.

Nay chỗ tôi có, xin dâng lên tất cả,

幸莫令彼波斯匿王知我此事。佛言。長者。是罪因緣不必失財。

hạnh mạc lệnh bĩ Ba tư nặc Vương tri ngã thử sự. Phật ngôn. Trưởng-Giả. thị tội nhân duyên bất tất thất tài.

mong đừng cho vua Ba-tư-nặc kia biết việc này. Phật nói: Nay Trưởng giả! Nhân duyên của tội này không phải mất của cải

乃當因是墮三惡道。

nãi đương nhân thị đọa tam ác đạo。

mà nhân này sẽ đọa vào ba đường ác.

是時長者聞惡道名心生恐怖。白佛言。聖人。我今失意獲得大罪。聖人。

thị thời Trưởng-Giả văn ác đạo danh tâm sanh khủng bố. bạch Phật ngôn. Thánh nhân. ngã kim thất ý hoạch đắc Đại tội. Thánh nhân.

Lúc đó Trưởng giả nghe tên ác đạo, tâm sanh lo sợ. Bạch Phật rằng: Thánh nhân! Tôi nay thất ý, đáng mắc tội lớn. Thánh Nhân

今者是一切智應當了知獲得解脫。

kim giả thị nhất thiết trí ứng đương liễu tri hoạch đắc giải thoát。

nay là bậc Nhất thiết trí phải nên biết rõ kết quả giải thoát.

我當云何得脫地獄餓鬼畜生。爾時我為說四真諦。

ngã đương vân hà đắc thoát Địa-ngục ngạ quỷ súc sanh. nhĩ thời ngã vị thuyết tứ chân đế.

Tôi phải làm sao để được thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh? Lúc bấy giờ Ta vì Trưởng giả, nói về bốn chân đế.

長者。聞已得須陀洹果心生慚愧向佛懺悔。

Trưởng-Giả. văn dĩ đắc Tu đà hoàn quả tâm sanh tâm quý hướng Phật sám hối.

Trưởng giả nghe xong, đắc quả Tu-đà-hoàn, tâm sanh hổ thẹn, hướng Phật sám hối:

我本愚癡佛非幻人而言是幻。

ngã bổn ngu si Phật phi huyễn nhân nhi ngôn thị huyễn。

Tôi vốn ngu si, Phật không phải là người huyễn mà nói là huyễn.

我從今日歸依三寶。佛言。善哉善哉。長者。

ngã tòng kim nhật quy y Tam Bảo. Phật ngôn. Thiện tai Thiện tai. Trưởng-Giả.

Tôi từ ngày hôm nay quy y Tam bảo. Phật nói: Hay thay! Hay thay Trưởng giả!

是名隨他意說。云何名為隨自他說。

thị danh tùy tha ý thuyết. vân hà danh vi tùy tự tha thuyết。

Đây gọi là tùy ý người khác mà nói. Sao gọi là tùy mình tùy người khác mà nói?

如我所說如一切世間智者說有我亦說有。智人說無我亦說無。

như ngã sở thuyết như nhất thiết thế gian trí giả thuyết hữu ngã diệt thuyết hữu. trí nhân thuyết vô ngã diệt thuyết vô。

Như chỗ Ta nói: Như tất cả người trí ở thế gian nói có, Ta cũng nói có. Người trí nói không, ta cũng nói không.

世間智人說五欲樂有無常苦無我可斷我亦說有。

thế gian trí nhân thuyết ngũ dục lạc hữu vô thường khổ vô ngã khả đoạn ngã diệt thuyết hữu。

Người trí ở thế gian nói năm món dục lạc có vô thường, khổ, vô ngã có thể đoạn diệt, Ta cũng nói có.

世間智人說五欲樂有常我淨無有是處。我亦如是說無是處。是名隨自他說。

thế gian trí nhân thuyết ngũ dục lạc hữu thường ngã tịnh vô hữu thị xử. ngã diệt như thị thuyết vô thị xử. thị danh tùy tự tha thuyết。

Người trí ở thế gian nói năm món dục lạc có thường, ngã, tịnh, là việc không có. Ta cũng nói như vậy, là việc không có. Đây gọi là tùy mình tùy người mà nói.

善男子。如我所說十住菩薩少見佛性。

thiện nam tử. như ngã sở thuyết thập trụ Bồ-tát thiểu kiến Phật tánh.

Này thiện nam tử! Như Ta đã nói: Bồ-tát bậc Thập trụ ít thấy Phật tánh.

是名隨他意說。何故名少見。

thị danh tùy tha ý thuyết. hà cố danh thiểu kiến.

Đây gọi là tùy ý người khác mà nói. Sao gọi là ít thấy?

十住菩薩得首楞嚴等三昧三千法門。

thập trụ Bồ-tát đắc Thủ Lăng Nghiêm đẳng tam muội tam thiên Pháp môn.

Bồ-tát Thập trụ chứng đắc Thủ Lăng Nghiêm tam muội..., ba ngàn Pháp môn,

是故了了自知當得阿耨多羅三藐三菩提。

thị cố liễu liễu tự tri đương đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề.

nên biết rõ ràng mình sẽ được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề,

不見一切眾生定得阿耨多羅三藐三菩提。是故我說十住菩薩少見佛性。

bất kiến nhất thiết chúng sanh định đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề. thị cố ngã

thuyết thập trụ Bồ-tát thiểu kiến Phật tánh.

không thấy tất cả chúng sanh chắc chắn chứng được A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Vì

vậy, Ta nói Bồ-tát Thập trụ ít thấy Phật tánh.

善男子。我常宣說一切眾生悉有佛性。

thiện nam tử. ngã thường tuyên thuyết nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh

Này thiện nam tử! Ta thường tuyên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

是名隨自意說。

thị danh tùy tự ý thuyết.

Đây gọi là tùy ý mình nói.

一切眾生不斷不滅乃至得阿耨多羅三藐三菩提。是名隨自意說。

nhất thiết chúng sanh bất đoạn bất diệt nãi chí đắc a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề. thị

danh tùy tự ý thuyết.

Tất cả chúng sanh không đoạn, không diệt cho đến chứng được A-nậu-đa-la-tam-miệu-

tam-bồ-đề. Đây gọi là tùy ý mình nói.

一切眾生悉有佛性。煩惱覆故不能得見。

nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. phiền não phúc cố bất năng đắc kiến.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì phiền não ngăn che nên không thể thấy được.

我說如是汝說亦爾。是名隨自他意說。

ngã thuyết như thị nữ thuyết diệc nhĩ. thị danh tùy tự tha ý thuyết.

Ta nói như vậy, ông nói cũng vậy. Đây gọi là tùy ý mình và người khác mà nói.

善男子。如來或時為一法故說無量法。

thiện nam tử. Như-Lai hoặc thời vị nhất Pháp cố thuyết vô lượng Pháp.

Này thiện nam tử! Hoặc có lúc Như Lai vì một pháp, nói vô lượng pháp.

如經中說一切梵行因善知識。

như Kinh trung thuyết nhất thiết phạm hạnh nhân thiện tri thức Như trong Kinh nói: Do tất cả phạm hạnh mà có Thiện tri thức.

一切梵行因雖無量。說善知識則已攝盡。

nhất thiết phạm hạnh nhân tuy vô lượng. thuyết thiện tri thức tắc dĩ nhiếp tận

Nhân tất cả phạm hạnh tuy vô lượng, nhưng nói thiện tri thức là đã thâm nhiếp hết tất cả.

如我所說一切惡行邪見為因。一切惡行因雖無量。

như ngã sở thuyết nhất thiết ác hành tà kiến vi nhân. nhất thiết ác hành nhân tuy vô lượng.

Như chỗ Ta có nói: Tất cả ác hạnh nhân là tà kiến. Nhân của tất cả ác hành tuy vô lượng, 若說邪見則已攝盡。

nhược thuyết tà kiến tắc dĩ nhiếp tận.

nhưng nếu nói tà kiến là đã thâm nhiếp tất cả.

或說阿耨多羅三藐三菩提信心為因。是菩提因雖復無量。若說信心則已攝盡。

hoặc thuyết a nậu đa la tam miệu tam Bồ đề tín tâm vi nhân. thị bồ đề nhân tuy phục vô lượng. nhược thuyết tín tâm tắc dĩ nhiếp tận.

Hoặc nói: Tín tâm là nhân của A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề. Nhân của Bồ-đề tuy lại vô lượng, nhưng nếu nói tín tâm là đã thâm nhiếp tất cả.

善男子。如來雖說無量諸法以為佛性。

thiện nam tử. Như-Lai tuy thuyết vô lượng chư Pháp dĩ vi Phật tánh.

Này thiện nam tử! Như Lai tuy nói vô lượng các pháp đều do Phật tánh,

然不離於陰入界也。

nhiên bất ly ư uẩn nhập giới dã.

nhưng không rời ấm, nhập và giới vậy.

善男子。如來說法為眾生故有七種語。

thiện nam tử. Như-Lai thuyết Pháp vì chúng sanh cố hữu thất chủng ngữ.
Này thiện nam tử! Như Lai thuyết pháp vì chúng sanh nên có bảy cách nói:

一者因語。二者果語。三者因果語。四者喻語。

nhất giả nhân ngữ. nhị giả quả ngữ. tam giả nhân quả ngữ. tứ giả dụ ngữ.

Một là nói nhân, hai là nói quả, ba là nói nhân quả, bốn là nói thí dụ,

五者不應說語。六者世流布語。七者如意語。

ngũ giả bất ứng thuyết ngữ. lục giả thế lưu bố ngữ. thất giả như ý ngữ.

năm là lời không nên nói, sáu là nói rộng khắp thế gian, bảy là nói như ý.

云何名因語。現在因中說未來果如我所說。

vân hà danh nhân ngữ. hiện tại nhân trung thuyết vị lai quả như ngã sở thuyết

Thế nào gọi là nói nhân? Trong nhân hiện tại, nói quả vị lai. Như chỗ Ta nói:

善男子。汝見眾生樂殺乃至樂行邪見。

thiện nam tử. nhữ kiến chúng sanh lạc sát nãi chí lạc hành tà kiến.

Này thiện nam tử! Ông thấy chúng sanh thích giết, cho đến thích hành tà kiến,

當觀是人即地獄人。善男子。

đương quán thị nhân tức Địa-ngục nhân. thiện nam tử.

nên xem người này chính là người địa ngục. Này thiện nam tử!

若有眾生不樂殺生乃至邪見。當觀是人即是天人。是名因語。

nhược hữu chúng sanh bất lạc sát sanh nãi chí tà kiến. đương quán thị nhân tức thị Thiên
Nhơn. thị danh nhân ngữ.

Nếu có chúng sanh không thích sát sanh, cho đến tà kiến, nên quán người này chính là
người cõi Trời. Đây gọi là nói nhân.

云何果語。現在果中說過去因如經中說。善男子。

vân hà quả ngữ. hiện tại quả trung thuyết quá khứ nhân như Kinh trung thuyết. thiện
nam tử.

Thế nào là nói quả? Trong quả hiện tại, nói nhân quá khứ. Như trong kinh nói: Này thiện
nam tử!

如汝所見貧窮眾生顏貌醜陋不得自在。

như nhữ sở kiến bần cùng chúng sanh nhan mạo xú lậu bất đắc tự-tại.

Như ông thấy chúng sanh nghèo khổ, tướng mạo xấu xí, không được tự tại,

當知是人定有破戒妬心瞋心無慚愧心。

đương tri thị nhân định hữu phá giới đồ tâm sân tâm vô tầm quý tâm。
nên biết người này nhất định có phá giới, có tâm ganh tỵ, tâm sân giận, tâm không hổ
thẹn.

若見眾生多財巨富諸根完具威德自在。

nhược kiến chúng sanh đa tài cự phú chư căn hoàn cụ uy đức tự-tại。

Nếu thấy chúng sanh có nhiều của cải, các căn đầy đủ, oai đức tự tại,
當知是人定有戒施精勤慚愧無有妬瞋。是名果語。

đương tri thị nhân định hữu giới thí căn tầm quý vô hữu đồ sân。 thị danh quả ngữ。

nên biết người người này quyết định có trì giới, bố thí, tinh tấn, tầm quý, không có ganh tỵ,
sân giận. Đây gọi là nói quả.

云何因果語如經中說。善男子。

vân hà nhân quả ngữ như Kinh trung thuyết。 thiện nam tử。

Thế nào là nói nhân quả? Như trong kinh nói: Này thiện nam tử!

眾生現在六入觸因。是名過去業果。如來亦說名之為業。

chúng sanh hiện tại lục nhập xúc nhân。 thị danh quá khứ nghiệp quả。 Như-Lai diệt
thuyết danh chi vi nghiệp。

Lục nhập và xúc là nhân của chúng sanh hiện tại, là danh của nghiệp quả quá khứ. Như
Lai cũng nói danh ấy là nghiệp。

是業因緣得未來果。是名因果語。云何喻語。

thị nghiệp nhân duyên đắc vị lai quả。 thị danh nhân quả ngữ。 vân hà dụ ngữ。

Do nghiệp này làm nhân mà được quả vị lai. Đây gọi là nói nhân quả. Thế nào là nói thí
dụ?

如說師子王者即喻我身。大象王大龍王。

như thuyết Sư-tử Vương giả tức dụ ngã thân。 Đại Tượng Vương Đại long Vương。

Như nói sư-tử vương ấy là dụ cho thân Ta. Đại Tượng vương, đại Long vương,
波利質多羅樹。七寶聚大海須彌山大地大雨。

Ba lợi chất đa la thụ。 thất bảo tụ Đại hải Tu-Di sơn Đại địa Đại vũ。

cây Ba-lợi-chất-đa-la, thất bảo tụ, đại hải, núi Tu-di, đại địa, đại vũ,

船師導師調御丈夫。力士牛王婆羅門沙門。

thuyền sư Đạo sư điều ngự trượng phu。 lực sĩ ngưu Vương Bà-la-môn Sa Môn。

Thuyền sư, Đạo sư, Điều ngự trượng phu, lực sĩ, Ngưu vương, Bà-la-môn, Sa-môn,

大城多羅樹。如是喻經。名為喻語。

Đại thành đa-la thụ. như thị dụ Kinh. danh vi dụ ngữ.

đại thành, cây đa-la, trong kinh thí dụ như vậy, gọi là nói thí dụ.

云何不應語。我經中說天地可合河不入海。

vân hà bất ứng ngữ. ngã Kinh trung thuyết Thiên địa khả hợp hà bất nhập hải.

Thế nào là không nên nói? Trong kinh Ta nói: Trời và đất có thể hợp lại, sông không vào biển cả.

如為波斯匿王說四方山來。如為鹿母優婆夷說。

như vị Ba tư nặc Vương thuyết tứ phương sơn lai. như vị lộc mẫu Ưu bà di thuyết

Như nói Vua Ba-tư-nặc từ núi của bốn phương đến. Như vì Ưu-bà-di Lộc mẫu nói:

若娑羅樹能受八戒。則得受於人天之樂。

nhược sa-la thụ năng thọ bát giới. tắc đắc thọ ư nhân Thiên chi lạc.

Nếu cây Sa-la có thể thọ tám giới, thì được thọ lạc ở cõi người và Trời.

如說十住菩薩有退轉心。不說如來有二種語。

như thuyết thập trụ Bồ-tát hữu thối chuyển tâm. bất thuyết Như-Lai hữu nhị chủng ngữ.

Như nói Bồ-tát bậc Thập trụ có tâm thối chuyển, không nói Như Lai nói hai lời.

寧說須陀洹人墮三惡道。不說十住有退轉心。

ninh thuyết Tu đà hoàn nhân đọa tam ác đạo. bất thuyết thập trụ hữu thối chuyển tâm.

Thà nói bậc Tu-đà-hoàn đọa ba đường ác, không nói Bồ-tát bậc Thập trụ có tâm thối chuyển.

是名不應語。云何世流布語。

thị danh bất ứng ngữ. vân hà thế lưu bố ngữ.

Đây gọi là không nên nói. Thế nào là nói rộng rãi khắp thế gian?

如佛所說男女大小去來坐臥。車乘房舍瓶衣。眾生常樂我淨。

như Phật sở thuyết nam nữ Đại tiểu khứ lai tọa ngọa. xa thừa phòng xá bình y. chúng sanh thường lạc ngã tịnh.

Như chỗ Phật có nói: Nam, nữ, lớn, nhỏ, đi, đứng, nằm, ngồi, cỗ xe, phòng xá, bình, y, chúng sanh, thường, lạc, ngã, tịnh,

軍林城邑僧幻合散。是名世流布語。

quân lâm thành ấp tăng huyễn hợp tán. thị danh thế lưu bố ngữ

rừng rậm, thành ấp, Tăng, huyễn, hợp tán. Đây gọi là nói rộng rãi khắp thế gian.

云何如意語。如我呵責毀禁之人。

vân hà như ý ngữ. như ngã ha trách hủy cấm chi nhân。

Thế nào gọi là như ý nói? Như Ta quở trách người phá hủy cấm giới,

令彼自責護持禁戒。如我讚歎須陀洹人。令諸凡夫生於善心。

linh bỉ tự trách hộ trì cấm giới。 như ngã tán thán Tu đà hoàn nhân。 lệnh chư phạm phu tâm sanh ư thiện tâm。

khiến người kia tự ăn năn mà giữ gìn cấm giới. Như Ta tán thán bậc Tu-đà-hoàn khiến các phạm phu sanh tâm lành,

讚歎菩薩為令眾生發菩提心。

tán thán Bồ-tát vị linh chúng sanh phát bồ đề tâm。

tán thán Bồ-tát vì khiến chúng sanh phát tâm bồ-đề,

說三惡道所有苦惱。為令修習諸善法故。

thuyết tam ác đạo sở hữu khổ não。 vị linh tu tập chư thiện Pháp cố。

nói ba đường ác, chỗ có khổ não, vì khiến tu tập các pháp lành,

說一切燒唯為一切有為法故無我亦爾。

thuyết nhất thiết thiêu duy vi nhất thiết hữu vi Pháp cố vô ngã diệt nhĩ。

nói thiêu đốt tất cả, chỉ vì tất cả là pháp hữu vi, vô ngã cũng vậy.

說諸眾生悉有佛性。為令一切不放逸故。是名如意語。

thuyết chư chúng sanh tất hữu Phật tánh。 vị linh nhất thiết bất phóng dật cố。 thị danh như ý ngữ。

Nói các chúng sanh đều có Phật tánh, vì khiến cho tất cả không phóng dật. Đây gọi là như ý ngữ.

大般涅槃經卷第三十五

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ tam thập ngũ

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN - QUYỂN THỨ BA MƯƠI LĂM

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:14:09 2006

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:14:09 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

=====

大般涅槃經卷第三十六

Đại bát Niết Bàn Kinh quyển đệ tam thập lục

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ BA MƯƠI BỐN

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Triều đại Bắc Lương, Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

迦葉菩薩品第十二之四

Ca Diếp Bồ-tát phẩm đệ thập nhị chi tứ

PHẦN BỐN, PHẨM THỨ MƯỜI HAI: BỒ TÁT CA DIẾP

善男子。如來復有隨自意語。

thiện nam tử 。 Như Lai phục hữu tùy tự ý ngữ 。

Này thiện nam tử! Như Lai lại có từ ngữ tùy tự ý:

如來佛性則有二種。一者有。二者無。有者。

Như Lai Phật tánh tắc hữu nhị chủng 。

Như nói Như Lai Phật tánh có hai thứ: Một là có, hai là không. Có là

所謂三十二相八十種好。十力四無所畏。三念處大慈大悲。

sở vị tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo 。

Như Lay có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười trí lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, đại từ, đại bi,

首楞嚴等無量三昧。金剛等無量三昧。

Thủ Lăng Nghiêm đẳng vô lượng tam muội 。

Thủ Lăng Nghiêm v.v. Vô lượng Tam-muội, Kim cương v.v. Vô lượng Tam-muội,

方便等無量三昧。五智印等無量三昧。

phương tiện đẳng vô lượng tam muội 。

phương tiện v.v. Vô lượng Tam-muội, năm trí ấn v.v. Vô lượng Tam-muội,

是名為有.無者。

thị danh vi hữu vô giả 。

đây gọi là có. Không là

所謂如來過去諸善不善無記業因果報。煩惱五陰十二因緣。是名為無。善男子。

sở vị Như Lai quá khứ chư thiện bất thiện vô kí nghiệp nhân quả báo 。

Như Lai quá khứ không có các điều thiện, bất thiện, vô ký, nghiệp nhân quả báo, phiền não, năm ấm, mười hai nhân duyên, đây gọi là không. Này thiện nam tử!

如有無善不善。有漏無漏。世間非世間。

như hữu vô thiện bất thiện 。 hữu lậu vô lậu 。 thế gian phi thế gian 。

Như có và không, thiện bất thiện, hữu lậu vô lậu,, thế gian phi thế gian,
聖非聖有為無為。實不實寂靜非寂靜。

Thánh phi Thánh hữu vi vô vi 。 thật bất thật tịch tĩnh phi tịch tĩnh 。

Thánh phi Thánh, hữu vi vô vi, thật không thật, tịch tĩnh phi tịch tĩnh,
諍非諍界非界。煩惱非煩惱。取非取受記非受記。

tránh phi tránh giới phi giới 。 phiền não phi phiền não 。 thủ phi thủ thọ kí phi 。 thọ kí 。

tránh phi tránh, giới phi giới, phiền não phi phiền não, thủ phi thủ, thọ ký phi thọ ký,
有非有三世非三世。

hữu phi hữu tam thế phi tam thế 。

hữu phi hữu, tam thế phi tam thế,

時非時常無常我無我樂無樂淨無淨。色受想行識非色受想行識。

thời phi thời thường vô thường ngã vô ngã lạc vô lạc tịnh vô tịnh 。

sắc thọ tưởng hành
thức phi sắc thọ tưởng hành thức 。

thì phi thì, thường vô thường, ngã vô ngã, lạc vô lạc, tịnh vô tịnh, sắc thọ tưởng hành thức,
phi sắc thọ tưởng hành thức,

內入非內入。外入非外入。

nội nhập phi nội nhập 。

ngoại nhập phi ngoại nhập 。

nội nhập phi nội nhập, ngoại nhập phi ngoại nhập,

十二因緣非十二因緣。是名如來佛性有無。

thập nhị nhân duyên phi thập nhị nhân duyên 。

thị danh Như Lai Phật tánh hữu vô 。

mười hai nhân duyên phi mười hai nhân duyên, đây gọi là Phật tánh của Như Lai hai thứ
có và không,

乃至一闡提佛性有無。亦復如是。善男子。

nãi chí Nhất xiển đề Phật tánh hữu vô 。

diệc phục như thị 。

thiện nam tử 。

cho đến Nhất-xiển-đề Phật tánh hai thứ có và không cũng lại như vậy. Này thiện nam tử!

我雖說言一切眾生悉有佛性。眾生不解佛如是等隨自意語。

ngã tuy thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

chúng sanh bất giải Phật
như thị đẳng tùy tự ý ngữ 。

Ta tuy nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng chúng sanh không hiểu những từ ngữ tùy tự ý của Phật như vậy.

善男子。如是語者。後身菩薩尚不能解。

thiện nam tử 。 như thị ngữ giả 。 hậu thân Bồ-tát thượng bất năng giải 。

Này thiện nam tử! Những lời nói như vậy, bậc tối hậu thân Bồ-tát còn không hiểu được
況於二乘其餘菩薩。善男子。我往一時在耆闍崛山。

huống ư nhị thừa kỳ dư Bồ-tát 。 thiện nam tử 。 ngã vãng nhất thời tại Kỳ đồ Quật sơn 。

huống Nhị thừa và các Bồ-tát khác. Này thiện nam tử! Xưa kia, Ta một thì ở tại núi Ky-xà-quật,

與彌勒菩薩共論世諦。

dữ Di-lặc Bồ-tát cộng luận Thế đế 。

cùng Di-lặc Bồ-tát luận về Thế đế.

舍利弗等五百聲聞於是事中都不識知。何況出世第一義諦。

Xá-lợi-phất đẳng ngũ bách Thanh văn ư thị sự trung đô bất thức tri 。

hà huống xuất thế
Đệ nhất nghĩa đế 。

Xá-lợi-phất và năm trăm Thanh văn đều không hiểu biết những việc ấy, huống là xuất thế
Đệ nhất nghĩa đế.

善男子。或有佛性一闡提有善根人無。

thiện nam tử 。 hoặc hữu Phật tánh nhất xiển đề hữu thiện căn nhân vô 。

Này thiện nam tử! Hoặc có Phật tánh Nhất-xiển-đề có mà người thiện căn thì không,

或有佛性善根人有一闡提無。或有佛性二人俱有。

hoặc hữu Phật tánh thiện căn nhân hữu nhất xiển đề vô 。

hoặc hữu Phật tánh nhị nhân câu hữu 。

hoặc có Phật tánh người thiện căn có mà Nhất-xiển-đề thì không, hoặc có Phật tánh cả
hai đều có,

或有佛性二人俱無。善男子。

hoặc hữu Phật tánh nhị nhân câu vô 。

thiện nam tử 。

hoặc có Phật tánh cả hai đều không. Này thiện nam tử!

我諸弟子若解如是四句義者。

ngã chư đệ tử nhược giải như thị tứ cú nghĩa giả 。

Nếu các đệ tử của Ta hiểu bốn câu nghĩa như trên thì
不應難言一闡提人定有佛性定無佛性。若言眾生悉有佛性。
bất ứng nan ngôn nhất xiển đề nhân định hữu Phật tánh định vô Phật tánh 。 nhược ngôn
chúng sanh tất hữu Phật tánh 。
không nên gạn nói rằng Nhất-xiển-đề chắc chắn có Phật tánh hay chắc chắn không có
Phật tánh. Như nếu nói chúng sanh đều có Phật tánh,
是名如來隨自意語。如來如是。隨自意語。
thị danh Như Lai tùy tự ý ngữ. Như Lai như thị 。 tùy tự ý ngữ 。
thì đây là từ ngữ tùy tự ý của Như Lai. Từ ngữ tùy tự ý của Như Lai như vậy
眾生云何一向作解。善男子。如恒河中有七眾生。一者常沒。
chúng sanh vân hà nhất hướng tác giải 。 thiện nam tử 。 như hằng hà trung hữu thất
chúng sanh 。 nhất giả thường một 。
sao chúng sanh lại hiểu một bề? Này thiện nam tử! Như trong sông Hằng có bảy hạn
chúng sanh: Một là thường chìm,
二者暫出還沒。三者出已則住。
nhị giả tạm xuất hoàn một 。 tam giả xuất dĩ tắc trụ 。
hai là tạm nổi lên rồi lại chìm, ba là nổi lên rồi thì dừng lại,
四者出已遍觀四方。五者遍觀已行。六者行已復住。
tứ giả xuất dĩ biến quán tứ phương 。 ngũ giả biến quán dĩ hành 。 lục giả hành dĩ phục trụ
。
bốn là nổi lên rồi xem khắp bốn phương, năm là xem khắp rồi thì đi, sáu là đi rồi đứng lại,
七者水陸俱行。言常沒者。所謂大魚。
thất giả thủy lục câu hành 。 ngôn thường một giả 。 sở vị Đại ngư 。
bảy là dưới nước trên bờ đều đi. Nói thường chìm ấy là cá lớn
受大惡業身重處深是故常沒。暫出還沒者。如是大魚。
thọ Đại ác nghiệp thân trọng xứ thâm thị cố thường một 。 tạm xuất hoàn một giả 。 như
thị Đại ngư 。
mang nghiệp ác lớn, thân nặng, ở sâu nên thường chìm. Nói tạm thì nổi lên rồi lại chìm là
cá lớn
受惡業故身重處淺暫見光明。
thọ ác nghiệp cố thân trọng xứ thiển tạm kiến quang minh 。

vì nghiệp ác, thân nặng, ở chỗ cạn, do thấy ánh sáng

因光故出重故還沒。出已住者。謂坻彌魚。

nhân quang cố xuất trọng cố hoàn một 。 xuất dĩ trụ giả 。 vị Kỳ di ngư 。

nên tạm thì nổi lên, vì thân nặng nên lại chìm xuống. Nói nổi lên rồi đứng lại là cá Kỳ Di
身處淺水樂見光明故出已住。遍觀万者。所謂[魚*昔]魚。

thân xú thiển thủy lạc kiến quang minh cố xuất dĩ trụ 。 biến quán phương giả 。 sở vị [ngư
*tích]ngư 。

ở chỗ nước cạn thích thấy ánh sáng nên nổi lên rồi đứng lại. Nói xem khắp bốn phương là
cá Tích

為求食故遍觀四方是故觀方。觀已行者。

vi cầu thực cố biến quán tứ phương thị cố quán phương 。 quán dĩ hành giả 。

vì tìm thức ăn nên nhìn khắp bốn phương, đây gọi là xem khắp bốn phương. Xem khắp rồi
đi là

謂是[魚*昔]魚。遙見餘物謂是可食。疾行趣之故觀已行。

vị thị [ngư *tích]ngư 。

dao kiến dư vật vị thị khả thực 。 tạt hành thú chi cố quán dĩ hành
。

nói cá Tích ấy thấy vật từ xa có thể ăn được mau lợi đến, nên gọi là nhìn khắp rồi đi.
行已復住者。

hành dĩ phục trụ giả 。

Đi rồi lại đứng lại,
是魚趣已既得可食即便停住故行已復住。水陸俱行者。即是龜也。善男子。

thị ngư thú dĩ ký đắc khả thực tức tiện đình trụ cố hành dĩ phục trụ 。 thủy lục câu hành giả
。 tức thị quy dã 。 thiện nam tử 。

là cá này đã được thức ăn rồi bèn dừng lại, gọi là đi rồi lại đứng lại. Nói dưới nước, trên bờ
đều đi là chính con rùa vậy. Đây thiện nam tử!

如是微妙大涅槃河。其中亦有七種眾生。

như thị vi diệu Đại Niết Bàn hà 。 kỳ trung diệc hữu thất chủng chúng sanh

Trong sông Đại Niết-bàn vi diệu này cũng có bảy hạng chúng sanh:

從初常沒乃至第七或入或出。所言沒者。

tòng sơ thường một nãi chí đệ thất hoặc nhập hoặc xuất 。 sở ngôn một giả 。

Từ hạng ban đầu thường chìm cho đến hạng thứ bảy hoặc xuống nước hoặc nổi lên. Nói chìm ấy là:

有人聞是大涅槃經如來常住無有變易。

hữu nhân văn thị Đại Niết Bàn Kinh Như Lai thường trụ vô hữu biến dịch 。

Như có người nghe Kinh Đại Niết-bàn, nói rằng Như Lai là thường trụ không có biến đổi, 常樂我淨終不畢竟入於涅槃。

thường lạc ngã tịnh chung bất tất cánh nhập ư Niết Bàn 。

là thường, lạc, ngã, tịnh trọn không nhập Niết-bàn,

一切眾生悉有佛性。一闍提人謗方等經作五逆罪犯四重禁。

nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh 。

nhất xiển đề nhân bàng phương đẳng Kinh tác ngũ nghịch tội phạm tứ trọng cấm 。

tất cả chúng sanh hết có Phật tánh, hàng Nhất-xiển-đề phi bàng Kinh Đại thừa, làm năm nghịch tội, phạm bốn tội nặng

必當得成菩提之道。

tất đương đắc thành bồ đề chi đạo 。

đều sẽ được thành đạo Bồ-đề.

須陀洹人斯陀舍人阿那舍人阿羅漢人辟支佛等。

Tu đà hoàn nhân Tư đà hàm nhân A na hàm nhân A La Hán nhân Bích-chi-phật đẳng 。

Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật v.v.

必當得成阿耨多羅三藐三菩提。

tất đương đắc thành a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề 。

đều sẽ được thành Vô Thượng Bồ-đề.

聞是語已生不信心即作是念。作是念已便作是言。是涅槃典即外道。

văn thị ngữ dĩ sanh bất tín tâm tức tác thị niệm 。

tác thị niệm dĩ tiện tác thị ngôn 。

thị Niết Bàn điển tức ngoại đạo 。

Người này nghe lời nói trên đây không tin mà nghĩ và nói rằng: Kinh Niết-bàn này là sách ngoại đạo,

書非是佛經。是人爾時遠離善友不聞正法。

thư phi thị Phật kinh 。

thị nhân nhĩ thời viễn li thiện hữu bất văn chánh Pháp 。

không phải Kinh Phật. Lúc bấy giờ người này xa lìa bạn lành, không nghe chánh pháp, 雖時得聞不能思惟。雖復思惟不思惟善。

tuy thời đắc văn bất năng tư duy 。 tuy phục tư duy bất tư duy thiện 。
tuy lúc được nghe nhưng không thể tư duy, tuy có tư duy nhưng không tư duy pháp lành,
不思善故如惡法住。惡法住者則有六種。

bất tư thiện cố như ác Pháp trụ 。 ác Pháp trụ giả tắc hữu lục chủng 。
không tư duy pháp lành nên trụ ở pháp ác, trụ ở pháp ác thì có sáu thứ:
一者惡。二者無善。三者汚法。四者增有。

nhất giả ác 。 nhị giả vô thiện 。 tam giả ô Pháp 。 tứ giả tăng hữu 。
Một là ác, hai là không lành, ba là pháp ô nhiễm, bốn là tăng hữu,
五者惱熱。六者受惡果。是名為沒。何故名沒。

ngũ giả nảo nhiệt 。 lục giả thọ ác quả 。 thị danh vi một 。 hà cố danh một 。
năm là nảo nhiệt, sáu là thọ quả ác, đây gọi là chìm. Thế nào gọi là chìm?
無善心故。常行惡故。不修對治故。是名為沒。

vô thiện tâm cố 。 thường hành ác cố 。 bất tu đối trị cố 。 thị danh vi một 。
Vì tâm không lành, vì thường làm điều ác, vì không tu tập pháp đối trị, đây gọi là chìm。
所言惡者。聖人呵責故。心生怖畏故。善人遠離故。

sở ngôn ác giả 。 Thánh nhân ha trách cố 。 tâm sanh bố úy cố 。 thiện nhân viễn li cố 。
Nói rằng ác là vì Thánh nhân quả trách, vì tâm sợ sệt, vì xa lánh người lành,
不益眾生故。是名為惡。言無善者。

bất ích chúng sanh cố 。 thị danh vi ác 。 ngôn vô thiện giả 。
vì không lợi ích chúng sanh, đây gọi là ác. Nói không lành ấy là vì
能生無量惡果報故。常為無明所纏繞故。

năng sanh vô lượng ác quả báo cố 。 thường vi vô minh sở triển nhiều cố 。
có thể sanh vô lượng quả báo ác, thường bị vô minh ràng buộc,
樂與惡人為等侶故。無有修善諸方便故。

lạc dữ ác nhân vi đẳng lữ cố 。 vô hữu tu thiện chư phương tiện cố 。
thích cùng người ác làm bạn, vì không tu các phương tiện lành,
其心顛倒常錯謬故。是名無善言。汚法者。常汚身口故。

kỳ tâm điên đảo thường thác mậu cố 。 thị danh vô thiện ngôn 。 ô Pháp giả 。 thường ô
thân khẩu cố 。
vì tâm của họ điên đảo nên thường lỗi lầm, đây gọi là không lành. Pháp ô nhiễm là vì thân
và miệng ô nhiễm,

汚淨眾生故。增不善業故。遠離善法故。是名汚法。

Ô tịnh chúng sanh cố 。 tăng bất thiện nghiệp cố 。 viễn li thiện Pháp cố 。 thị danh 汚 Pháp 。

vì nhiễm ô chúng sanh thanh tịnh, vì tăng thêm nghiệp không lành, vì xa lìa pháp lành, đây gọi là pháp ô nhiễm.

言增有者。如上三人所行之法。

ngôn tăng hữu giả 。 như thượng tam nhân sở hạnh chi Pháp 。

Nói tăng hữu là ba hạng người như trên thực hành những pháp ác

能增地獄畜生餓鬼。不能修習解脫之法。

năng tăng Địa ngục súc sanh ngạ quỷ 。 bất năng tu tập giải thoát chi Pháp 。

có thể tăng thêm địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, không thể tu tập pháp giải thoát,

身口意業不厭諸有。是名增有。言惱熱者。

thân khẩu ý nghiệp bất yếm chư hữu 。 thị danh tăng hữu 。 ngôn não nhiệt giả 。

thân, miệng và ý nghiệp không nhàm chán các cõi, đây gọi là tăng hữu. Nói nhiệt não là 是人具行如上四事。能令身心二事惱熱。

thị nhân cụ hành như thượng tứ sự 。

người này làm đầy đủ bốn việc như trên, khiến cho thân tâm hai việc nhiệt não,

遠離寂靜則名為熱。受地獄報故名為熱。燒諸眾生故名為熱。

viễn li tịch tĩnh tắc danh vi nhiệt 。

xa rời tịch tĩnh thì gọi là nhiệt, vì chịu quả báo ở địa ngục nên gọi là nhiệt, vì thiêu đốt các chúng sanh nên gọi là nhiệt,

燒諸善法故名為熱。善男子。

thiêu chư thiện Pháp cố danh vi nhiệt 。

thiện nam tử 。

vì thiêu đốt các pháp lành nên gọi là nhiệt. Nay thiện nam tử!

信心清涼是人具。是故名熱。言受惡果者。

tín tâm thanh lương thị nhân cụ 。

người đó tín tâm mát mẻ không đủ nên gọi là nhiệt. Nói thọ quả báo ác là 是人具足行上五事。死墮地獄餓鬼畜生。善男子。

thị nhân cụ túc hành thượng ngũ sự 。

。 tử đọa Địa ngục ngạ quỷ súc sanh 。

người này làm đủ năm việc như trên, chết đọa vào địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Nay thiện nam tử!

有三惡事復名惡果。一者煩惱惡。二者業惡。

hữu tam ác sự phục danh ác quả 。 nhất giả phiền não ác 。 nhị giả nghiệp ác 。

Có ba việc ác nên lại gọi là quả báo ác: Một là phiền não ác, hai là nghiệp ác, 三者報惡。是名受惡果報。善男子。

tam giả báo ác 。 thị danh thọ ác quả báo 。 thiện nam tử 。

ba là báo ác, đây gọi là thọ quả báo ác. Nay thiện nam tử!

是人具足如上六事。能斷善根作五逆罪。

thị nhân cụ túc như thượng lục sự 。 năng đoạn thiện căn tác ngũ nghịch tội 。

Người này làm đầy đủ sáu việc như trên, có thể dứt lia căn lành, làm năm nghịch tội, 能犯四重能謗三寶用僧鬘物。能作種種非法之事。

năng phạm tứ trọng năng báng Tam Bảo dụng tăng man vật 。 năng tác chủng chủng phi Pháp chi sự 。

có thể phạm bốn tội nặng, có thể phỉ báng Tam Bảo, dùng vật dụng của Tăng chúng, có thể làm các việc phi pháp,

是因緣故沈沒在於阿鼻地獄。

thị nhân duyên cố trầm một tại ư A-tì Địa ngục 。

do nhân duyên này nên chìm đắm trong địa ngục A-tỳ,

所受身形縱廣八萬四千由旬。是人身口心業重故不能得出。

sở thọ thân hình túng quảng bát vạn tứ thiên do tuần 。 thị nhân thân khẩu tâm nghiệp trọng cố bất năng đắc xuất 。

chịu thân hình to lớn tám vạn bốn ngàn do tuần. Vì thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp của người này quá nặng nên không thoát ra khỏi được.

何以故。其心不能生善法故。

hà dĩ cố 。 kỳ tâm bất năng sanh thiện Pháp cố 。

Vì sao vậy? Vì tâm của người này không thể sanh pháp lành.

雖有無量諸佛出世不聞不見。是故名常沒如恒河中大魚。

tuy hữu vô lượng chư Phật xuất thế bất văn bất kiến 。 thị cố danh thường một như hằng hà trung Đại ngư 。

Tuy có vô lượng chư Phật ra đời cũng không được nghe, không được thấy, vì thế gọi là thường chìm, như cá lớn trong sông Hằng.

善男子。我雖復說一闍提等。名為常沒。

thiện nam tử 。 ngã tuy phục thuyết nhất xiển đề đẵng 。 danh vi thường một 。

Này thiện nam tử! Ta tuy lại nói hạng Nhất-xiển-đề gọi là thường chìm,

復有常沒。非一闍提何者是耶。如人為有修施戒善。

phục hữu thường một 。

。

nhưng lại có hạng thường chìm mà không phải là Nhất-xiển-đề. Như người vì cõi hữu lậu mà tu bố thí, trì giới, là các việc lành,

是名常沒。善男子。有四善事獲得惡果。

thị danh thường một 。

thiện nam tử 。

hữu tứ thiện sự hoạch đắc ác quả 。

đây cũng gọi là thường chìm. Này thiện nam tử! Có bốn việc lành được quả ác?

何等為四。一者為勝他故讀誦經典。

hà đẵng vi tứ 。

nhất giả vị thắng tha cố độc tụng Kinh điển 。

Những gì là bốn? Một là vì muốn hơn người khác nên đọc tụng kinh điển,

二者為利養故受持禁戒。三者為他屬故而行布施。

nhị giả vị lợi dưỡng cố thọ trì cấm giới 。

tam giả vị tha chúc cố nhi hành bố thí 。

hai là vì lợi dưỡng nên thọ trì giới cấm, ba là vì lệ thuộc người khác nên hành bố thí,

四者為於非想非非想處故繫念思惟。

tứ giả vị ư phi tưởng phi phi tưởng xứ cố hệ niệm tư duy 。

bốn là vì cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng mà buộc tâm tư duy.

是四善事得惡果報。若人修習如是四事。

thị tứ thiện sự đắc ác quả báo 。

nhược nhân tu tập như thị tứ sự 。

Bốn việc lành này được quả báo ác. Nếu người nào tu tập bốn việc như vậy,

是名沒已還出出已還沒。何故名沒。樂三有故。何故名出。

thị danh một dĩ hoàn xuất xuất dĩ hoàn một 。

hà cố danh một 。

lạc tam hữu cố 。

hà cố danh xuất 。

đây gọi là chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi lại chìm. Thế nào gọi là chìm? Vì ưa thích ba cõi hữu lậu. Thế nào gọi là nổi lên?

以見明故。明者即是闍提施定。何故還沒。

dĩ kiến minh cố 。 minh giả tức thị văn giới thí định 。 hà cố hoàn một 。

Vì thấy ánh sáng, sáng tức là được nghe pháp trì giới, bố thí và thiền định. Thế nào gọi là lại chìm?

增長邪見生憍慢故。是故我於經中說偈。

tăng trưởng tà kiến sanh kiêu mạn cố 。 thị cố ngã ư Kinh trung thuyết kệ 。

Vì tăng thêm tà kiến mà sanh kiêu mạn. Do đây nên trong Kinh Ta nói kệ rằng:

若有眾生樂諸有 為有造作善惡業

nhược hữu chúng sanh lạc chư hữu vị hữu tạo tác thiện ác nghiệp

Nếu có chúng sanh thích các cõi Vì các cõi tạo nghiệp thiện bất thiện

是人迷失涅槃道 是名暫出還復沒

thị nhân mê thất Niết Bàn đạo thị danh tạm xuất hoàn phục một

Người này lạc mất đạo Niết-bàn Đây gọi là tạm nổi rồi lại chìm

行於黑闇生死海 雖得解脫雜煩惱

hành ư hắc ám sanh tử hải tuy đắc giải thoát tạp phiền não

Đi nơi biển sanh tử tối tăm Tuy được giải thoát xen phiền não

是人還受惡果報 是名暫出還復沒

thị nhân hoàn thọ ác quả báo thị danh tạm xuất hoàn phục một

Người này lại thọ quả báo ác Đây là tạm nổi rồi lại chìm.

善男子。如彼大魚因見光故暫得出水。

thiện nam tử 。 như bĩ đại ngư nhân kiến quang cố tạm đắc xuất thủy 。

Này thiện nam tử! Như cá lớn kia do thấy ánh sáng tạm thì nổi lên khỏi nước,

其身重故還復沈沒。如上二人亦復如是。善男子。

kỳ thân trọng cố hoàn phục trầm một 。 như thượng nhị nhân diệc phục như thị 。 thiện nam tử 。

nhưng vì thân nặng nên lại chìm xuống, như hai hạng người trên đây cũng lại như vậy.

Này thiện nam tử!

或復有人樂著三有。是名為沒。

hoặc phục hữu nhân lạc trước tam hữu 。 thị danh vi một 。

Hoặc lại có người tham đắm trước ba cõi hữu, đây gọi là chìm.

得聞如是大涅槃經生於信心。是名為出。

đắc văn như thị Đại Niết Bàn Kinh sanh ư tín tâm 。 thị danh vi xuất 。

Được nghe Kinh Đại Niết-bàn này mà sanh tín tâm, đây gọi là nổi lên.

何因緣故名之為出。聞是經已遠離惡法修習善法。

hà nhân duyên cố danh chi vi xuất 。 văn thị Kinh dĩ viễn li ác Pháp tu tập thiện Pháp 。

Vì nhân duyên gì mà gọi là nổi lên? Vì được nghe Kinh này xong liền xa lìa các pháp ác, tu tập các pháp lành,

是名為出。是人雖信亦不具足。何因緣故信不具足。

thị danh chi vi xuất 。 thị nhân tuy tín diệc bất cụ túc 。

hà nhân duyên cố tín bất cụ túc 。

đây gọi là nổi lên. Người này tuy tin nhưng cũng không đầy đủ. Vì nhân duyên gì mà lòng tin không đầy đủ?

是人雖信大般涅槃常樂我淨。

thị nhân tuy tín Đại Bát Niết Bàn thường lạc ngã tịnh 。

Người này tuy tin Kinh Đại Bát-niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh,

言如來身無常無我無樂無淨。如來則有二種涅槃。

ngôn Như Lai thân vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh 。

Như Lai tắc hữu nhị chủng Niết bàn 。

mà nói rằng thân Như Lai là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Như Lai thì có thứ Niết-bàn:

一者有為。二者無為。有為涅槃無常樂我淨。

nhất giả hữu vi 。

nhị giả vô vi 。

hữu vi Niết Bàn vô thường lạc ngã tịnh 。

Một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Niết-bàn là không có thường, lạc, ngã, tịnh.

無為涅槃有常樂我淨。雖信佛性是眾生有。

vô vi Niết Bàn hữu thường lạc ngã tịnh 。

tuy tín Phật tánh thị chúng sanh hữu 。

Vô vi Niết-bàn là có thường, lạc, ngã, tịnh. Tuy tin chúng sanh là có Phật tánh

不必一切皆悉有之。是故名為信不具足。善男子。

bất tất nhất thiết giai tất hữu chi 。

thị cố danh chi tín bất cụ túc 。

thiện nam tử 。

nhưng không hẳn là tất cả đều có, vì thế nên gọi là tin nhưng không đầy đủ. Nay thiện nam tử!

信有二種。一者信。二者求。

tín hữu nhị chủng 。

nhất giả tín 。

nhị giả cầu 。

Tín có hai thứ: Một là tin, hai là cầu.

如是之人雖復有信不能推求。是故名為信不具足。信復有二。

như thị chi nhân tuy phục hữu tín bất năng thôi cầu 。 thị cố danh vi tín bất cụ túc 。 tín phục hữu nhị 。

Người này tuy lại có tin nhưng không hay mong cầu, vì thế gọi là tin mà không đầy đủ. Tin lại có hai thứ:

一從聞生。二從思生。

nhất tông văn sanh 。 nhị tông tư sanh 。

Một là từ nghe pháp mà sanh lòng tin, hai là từ tư duy mà sanh lòng tin.

是人信心從聞而生不從思生。是故名為信不具足。復有二種。

thị nhân tín tâm tông văn nhi sanh bất tông tư sanh 。 thị cố danh vi tín bất cụ túc 。 phục hữu nhị chủng 。

Lòng tin của người này từ nghe pháp mà sanh không phải từ tư duy mà sanh, vì thế nên gọi tin nhưng không đầy đủ. Lại tin có hai thứ:

一信有道。二信得者。是人信心唯信有道。

nhất tín hữu đạo 。 nhị tín đắc giả 。 thị nhân tín tâm duy tín hữu đạo 。

Một là tin có Thánh đạo, hai là tin người đắc đạo. Người này chỉ tin có Thánh đạo,都不信有得道之人。是故名為信不具足。復有二種。

đô bất tín hữu đắc đạo chi nhân 。 thị cố danh vi tín bất cụ túc 。 phục hữu nhị chủng 。

không tin có người đắc đạo, vì thế gọi là tin nhưng không đầy đủ. Lại tin có hai thứ:

一者信正。二者信邪。言有因果有佛法僧。

nhất giả tín chánh 。 nhị giả tín tà 。 ngôn hữu nhân quả hữu Phật Pháp Tăng 。

Một là chánh tín, hai là tà tín. Nói rằng có nhân quả, có Phật, Pháp, Tăng,

是名信正。言無因果三寶性異。

thị danh tín chánh 。 ngôn vô nhân quả Tam Bảo tánh dị 。

đây gọi là chánh tín. Nói rằng không có nhân quả, tánh Tam Bảo khác nhau,

信諸邪語富蘭那等。是名信邪。是人雖信佛法僧寶。

tín chư tà ngữ phú lan na đẵng 。 thị danh tín tà 。 thị nhân tuy tín Phật Pháp tăng bảo 。

tin theo những lời tà của ngoại đạo, đây gọi là tà tín. Người này tuy tin Phật, Pháp và

Tăng,

不信三寶同一性相。雖信因果不信得者。

bất tín Tam Bảo đồng nhất tánh tướng 。 tuy tín nhân quả bất tín đắc giả 。

nhưng không tin Tam Bảo đồng một tánh tướng, tuy có tin nhân quả nhưng không tin người được quả,

是故名為信不具足。是人成就不具足信。

thị cố danh vi tín bất cụ túc 。 thị nhân thành tựu bất cụ túc tín 。

vì vậy gọi là tin không đầy đủ. Người này thành tựu không đầy đủ lòng tin,

所受禁戒亦不具足。何因緣故名不具足。

sở thọ cấm giới diệc bất cụ túc 。 hà nhân duyên cố danh bất cụ túc 。

thọ trì cấm giới cũng không đầy đủ. Vì nhân duyên gì mà không đầy đủ?

因不具故所得禁戒亦不具足。復何因緣名不具足。

nhân bất cụ cố sở đắc cấm giới diệc bất cụ túc 。 phục hà nhân duyên danh bất cụ túc 。

Vì nhân không đầy đủ nên chỗ được cấm giới cũng không đầy đủ. Lại nhân duyên gì gọi là không đầy đủ?

戒有二種。一威儀戒。二從戒戒。

giới hữu nhị chủng 。 nhất uy nghi giới 。 nhị tòng giới giới 。

Giới có hai thứ: một là oai nghi, hai là tòng giới.

是人唯具威儀等戒。不具從戒戒。是故名為戒不具足。

thị nhân duy cụ uy nghi đẳng giới 。 bất cụ tòng giới giới 。

Người này chỉ đủ những giới về oai nghi, nhưng không đầy đủ những giới về tòng giới, vì thế gọi là giới không đầy đủ.

復有二種。一者作戒。二者無作戒。

phục hữu nhị chủng 。 nhất giả tác giới 。 nhị giả vô tác giới 。

Lại giới có hai: Một là tác giới, hai là vô tác giới.

是人唯具作戒。不具無作戒。是故名為戒不具足。

thị nhân duy cụ tác giới 。 bất cụ vô tác giới 。

Người này chỉ đủ tác giới nhưng không đủ vô tác giới, vì thế gọi là giới không đầy đủ.

復有二種。一從身口得於正命。

phục hữu nhị chủng 。 nhất tòng thân khẩu đắc ư chánh mạng 。

Lại giới có hai thứ: Một là từ thân và miệng mà được chánh mạng.

二從身口不得正命。是人雖從身口不得正命。

nhị tòng thân khẩu bất đắc chánh mạng 。 thị nhân tuy tòng thân khẩu bất đắc chánh mạng 。

Hai là từ thân và miệng mà không được chánh mạng. Người này tuy từ thân và miệng nhưng không được chánh mạng,

是故名為戒不具足。復有二種。一者求戒。二者捨戒。

thị cố danh vi giới bất cụ túc 。 phục hữu nhị chủng 。 nhất giả cầu giới 。 nhị giả xả giới 。 vì vậy gọi là giới không đầy đủ. Lại giới có hai thứ: một là cầu giới, hai là xả giới.

是人唯具求有之戒不得捨戒。

thị nhân duy cụ cầu hữu chi giới bất đắc xả giới 。

Người này chỉ đủ giới do cầu mà có, không được giới do xả mà có,

是故名為戒不具足。復有二種。一者隨有。二者隨道。

thị cố danh vi giới bất cụ túc 。 phục hữu nhị chủng 。 nhất giả tùy hữu 。 nhị giả tùy đạo 。 vì vậy gọi là giới không đầy đủ. Lại giới có hai thứ: Một là tùy hữu, hai là tùy đạo.

是人唯具隨有之戒不具隨道。是故名為戒不具足。

thị nhân duy cụ tùy hữu chi giới bất cụ tùy đạo 。 thị cố danh vi giới bất cụ túc 。

Người này chỉ đủ giới tùy hữu, không đủ giới tùy đạo, vì thế gọi là giới không đầy đủ.

復有二種一者善戒。二者惡戒。

phục hữu nhị chủng nhất giả thiện giới 。 nhị giả ác giới 。

Lại giới có hai thứ: Một là thiện giới, hai là ác giới.

身口意善是名善戒。牛戒狗戒是名惡戒。

thân khẩu ý thiện thị danh thiện giới 。 ngưu giới cẩu giới thị danh ác giới 。

Thân, miệng và ý lành thì gọi là thiện giới. Ngưu giới, cẩu giới, đây gọi là ác giới.

是人深信是二種戒俱有善果。

thị nhân thâm tín thị nhị chủng giới câu hữu thiện quả 。

Người này rất tin rằng hai thứ giới này đều có quả lành,

是故名為戒不具足是人。不具信戒二事。所修多聞亦不具足。

thị cố danh vi giới bất cụ túc thị nhân bất cụ tín giới nhị sự 。

vì thế gọi là giới không đầy đủ. Người này không đủ hai việc: tín tâm và giới nên chỗ tu tập đa văn cũng không đầy đủ.

云何名為聞不具足。如來所說十二部經。

vân hà danh vi văn bất cụ túc 。

Thế nào gọi là đa văn không đầy đủ? Mười hai bộ kinh của Như Lai nói ra,

唯信六部不信六部。是故名為聞不具足。

duy tín lục bộ bất tín lục bộ 。 thị cố danh vi văn bất cụ túc 。

người này chỉ tin sáu bộ, không tin sáu bộ, vì vậy gọi là đa văn không đầy đủ.

雖復受持是六部經。不能讀誦為他解說無所利益。

tuy phục thọ trì thị lục bộ Kinh 。 bất năng đọc tụng vị tha giải thuyết vô sở lợi ích 。

Người này tuy lại thọ trì sáu bộ Kinh này nhưng không có thể đọc tụng, giải nói cho người khác được lợi ích,

是故名為聞不具足。又復受是六部經已。

thị cố danh vi văn bất cụ túc 。

vì vậy gọi là đa văn không đầy đủ. Lại người này tuy thọ trì sáu bộ Kinh rồi

為論議故為勝他故為利養故為諸有故受持讀誦解

vị luận nghị cố vị thắng tha cố vị lợi dưỡng cố vị chư hữu cố thọ trì đọc tụng giải

vì để luận nghị, vì để hơn người khác, vì lợi dưỡng, vì các cõi hữu lậu nên thọ trì, đọc tụng, giải nói,

說。是故名為聞不具足。善男子。

thuyết 。

vì vậy gọi là đa văn không đầy đủ. Nay thiện nam tử!

我於經中說聞具足。云何具足。若有比丘身口意善。

ngã ư Kinh trung thuyết văn cụ túc 。

Ở trong kinh của Ta từng nói đa văn đầy đủ. Thế nào là đầy đủ? Nếu có Tỳ-kheo thân, miệng và ý đều lành,

先能供養和上諸師有德之人。

tiên năng cung dưỡng hòa thượng chư sư hữu đức chi nhân 。

trước có thể cúng dường cho những vị Hòa Thượng, các tôn Sư, những người có đức.

是諸師等於是人所生愛念心。以是因緣教授其法。

thị chư sư đẳng ư thị nhân sở sanh ái niệm tâm 。

Các tôn Sư đó sanh lòng thương mến đối với người này, do nhân duyên đó mà đem kinh pháp truyền dạy cho.

是人至心受持誦習。持誦習已獲得智慧。

thị nhân chí tâm thọ trì tụng tập 。

Người này chí tâm thọ trì, đọc tụng, tu tập; thọ trì, đọc tụng, tu tập xong được trí tuệ.
得智慧已能善思惟如法而住。善思惟已則得正義。

đắc trí tuệ dĩ năng thiện tư duy như Pháp nhi trụ 。 thiện tư duy dĩ tắc đắc chánh nghĩa 。
Được trí tuệ rồi có thể khéo tư duy như Pháp mà trụ, khéo tư duy rồi thì được chánh
nghĩa.

得正義已身心寂靜。身心寂已則生喜心。

đắc chánh nghĩa dĩ thân tâm tịch tĩnh 。 thân tâm tịch dĩ tắc sanh hỷ tâm 。

Được chánh nghĩa rồi thân tâm tịch tĩnh, thân tâm tĩnh lặng xong thì sanh tâm hoan hỷ.
喜心因緣心則得定。因得定故得正知見。

hỷ tâm nhân duyên tâm tắc đắc định 。 nhân đắc định cố đắc chánh tri kiến 。

Nhân tâm hoan hỷ mà được định, nhân được định nên được chánh tri kiến,
正知見已於諸有中心生厭悔。悔諸有故能得解脫。

chánh tri kiến dĩ ư chư hữu trung tâm sanh yếm hối 。 hối chư hữu cố năng đắc giải thoát
。

được chánh tri kiến xong rồi trong lòng ăn năn nhàm chán các cõi hữu lậu, nhàm chán các
hữu nên có thể được giải thoát.

是人無有如是等事。是故名為聞不具足。

thị nhân vô hữu như thị đẳng sự 。

Do người này không được những việc như vậy, nên gọi là đa văn không đầy đủ.

是人不具如是三事。施亦不具。施有二種。

thị nhân bất cụ như thị tam sự 。

Người này không đủ ba việc như vậy nên bố thí cũng không đầy đủ. Bố thí có hai thứ:

一者財施。二者法施。是人雖復行於財施為求有故。

nhất giả tài thí 。

một là tài thí, hai là Pháp thí. Người này tuy lại thực hành tài thí nhưng vì cầu cõi hữu lậu,
雖行法施亦不具足。何以故。

tuy hành Pháp thí diệc bất cụ túc 。

tuy thực hành Pháp thí nhưng cũng không đầy đủ. Vì sao?

祕不盡說畏他勝故。是故名為施不具足。

bí bất tận thuyết úy tha thắng cố 。

Vì bí mật không nói hết sợ người khác hơn mình, vì thế gọi là bố thí không đầy đủ.

財法二施各有二種。一者聖。二者非聖。聖者施已不求果報。

tài Pháp nhị thí các hữu nhị chủng 。 nhất giả Thánh 。 nhị giả phi Thánh 。 Thánh giả thí dĩ bất cầu quả báo 。

Hai thứ tài thí và pháp thí đều có hai thứ: Một là Thánh, hai là phi Thánh. Bậc Thánh bố thí xong không cầu quả báo.

非聖施已求於果報。聖者法施為增長法。

phi Thánh thí dĩ cầu ư quả báo 。

Phi Thánh bố thí xong cầu quả báo. Bậc Thánh bố thí pháp để làm cho pháp tăng trưởng.

非聖法施為增諸有。

phi Thánh Pháp thí vi tăng chư hữu 。

Người không phải Thánh bố thí pháp để làm tăng trưởng các cõi hữu lậu.

如是之人為增財故而行財施。為增有故而行法施。是故名為施不具足。

như thị chi nhân vi tăng tài cố nhi hành tài thí 。

Người này vì để tăng thêm tài của nên hành tài thí, vì để tăng thêm các cõi hữu lậu mà thực hành pháp thí, vì thế gọi là bố thí không đầy đủ.

復次是人受六部經。見受法者而供給之。

phục thứ thị nhân thọ lục bộ Kinh 。

Lại nữa, người này thọ sáu bộ kinh, thấy người khác thọ pháp mà cung cấp,

不受法者則不供給。是故名為施不具足。

bất thọ Pháp giả tắc bất cung cấp 。

thấy người không thọ pháp thì không cung cấp, vì thế gọi là bố thí không đầy đủ,

是人 不具如上四事。所修智慧亦不具足。

thị nhân bất cụ như thượng tứ sự 。

Người này không đầy đủ bốn việc như trên nên chỗ tu trí tuệ cũng không đầy đủ.

智慧之性性能分別。是人不能分別如來是常無常。

trí tuệ chi tánh năng phân biệt 。

Tánh của trí tuệ là hay phân biệt. Người này không có thể phân biệt được Như

Lai là thường hay vô thường.

如來於此涅槃經中說言。如來即是解脫。

Như Lai ư thử Niết Bàn Kinh trung thuyết ngôn 。 Như Lai tức thị giải thoát 。
 Trong Kinh Niết-bàn này Như Lai nói rằng: Như Lai tức là giải thoát,
 解脫即是如來。如來即是涅槃。涅槃即是解脫。
 giải thoát tức thị Như Lai 。 Như Lai tức thị Niết Bàn 。 Niết Bàn tức thị giải thoát 。
 giải thoát tức là Như Lai, Như Lai tức là Niết-bàn, Niết-bàn tức là giải thoát.
 於是義中不能分別。梵行即是如來。
 ư thị nghĩa trung bất năng phân biệt 。 phạm hạnh tức thị Như Lai 。
 Ở trong những nghĩa đây, người này không thể phân biệt được. Như Lai lại nói: Phạm
 hạnh tức là Như Lai,
 如來即是慈悲喜捨。慈悲喜捨即是解脫。
 Như Lai tức thị từ bi hỷ xả 。 từ bi hỷ xả tức thị giải thoát 。
 Như Lai tức là từ, bi, hỷ, xả. Từ, bi, hỷ, xả tức là giải thoát,
 解脫即是涅槃。涅槃即是慈悲喜捨。
 giải thoát tức thị Niết Bàn 。 Niết Bàn tức thị từ bi hỷ xả 。
 giải thoát tức là Niết-bàn, Niết-bàn tức là từ, bi, hỷ, xả.
 於是義中不能分別。是故名為智不具足。復次不能分別佛性。
 ư thị nghĩa trung bất năng phân biệt 。 thị cố danh vi trí bất cụ túc 。 phục thử bất năng
 phân biệt Phật tánh 。
 Trong nghĩa đây, người này không thể phân biệt được, vì vậy gọi là trí không đầy đủ. Lại
 nữa, người này không thể phân biệt Phật tánh.
 佛性即是如來。如來即是一切不共之法。
 Phật tánh tức thị Như Lai 。 Như Lai tức thị nhất thiết bất cộng chi Pháp 。
 Phật tánh tức là Như Lai, Như Lai tức là tất cả pháp bất cộng,
 不共之法即是解脫。解脫即是涅槃。
 bất cộng chi Pháp tức thị giải thoát 。 giải thoát tức thị Niết Bàn 。
 pháp bất cộng tức là giải thoát, giải thoát tức là Niết-bàn,
 涅槃即是不共之法。於是義中不能分別。
 Niết Bàn tức thị bất cộng chi Pháp 。 ư thị nghĩa trung bất năng phân biệt 。
 Niết-bàn tức là pháp bất cộng, trong nghĩa này không thể phân biệt được,
 是故名為智不具足。復次不能分別四諦苦集滅道。
 thị cố danh vi trí bất cụ túc 。 phục thử bất năng phân biệt Tứ đế: khổ, tập, diệt, đạo 。

vì vậy gọi là trí không đầy đủ. Lại nữa, người này không thể phân biệt bốn đế: khổ, tập, diệt, đạo,

不能分別四真諦故不知聖行。

bất năng phân biệt tứ chân đế cố bất tri Thánh hạnh

không thể phân biệt bốn chân đế nên không biết Thánh hạnh.

不知聖行故不知如來。不知如來故不知解脫。

bất tri Thánh hạnh cố bất tri Như Lai 。 bất tri Như Lai cố bất tri giải thoát 。

Vì không biết Thánh hạnh nên không biết Như Lai, vì không biết Như Lai nên không biết giải thoát,

不知解脫故不知涅槃。是故名為智不具足。

bất tri giải thoát cố bất tri Niết-Bàn 。 thị cố danh vi trí bất cụ túc 。

vì không biết giải thoát nên không biết Niết-bàn, vì vậy gọi là trí không đầy đủ.

是人不具如是五事。則有二種。一增善法。二增惡法。

thị nhân bất cụ như thị ngũ sự 。 tắc hữu nhị chủng 。 nhất tăng thiện Pháp 。 nhị tăng ác Pháp 。

Người này không đủ năm việc như vậy thì có hai thứ: Một là tăng trưởng pháp lành, hai là tăng trưởng pháp ác.

云何名為增長惡法。是人不見己不具足。

vân hà danh vi tăng trưởng ác Pháp 。 thị nhân bất kiến kỷ bất cụ túc 。

Thế nào gọi là tăng trưởng pháp ác? Người này không thấy tự mình không đầy đủ,自言具足而生著心。於同行中自謂為勝。

tự ngôn cụ túc nhi sanh trước tâm 。 ư đồng hạnh trung tự vị vi thắng 。

tự cho rằng mình đầy đủ mà sanh tâm đả trước, đối với các vị đồng hàng tự cho mình là hơn,

是故親近同己惡友。既親近已復得更聞不具足法。

thị cố thân cận đồng kỷ ác hữu 。 ký thân cận dĩ phục đắc canh vân bất cụ túc Pháp 。

vì vậy mà thân gần với bạn bè xấu ác đồng với mình, đã thân gần xong lại nghe theo những pháp không đầy đủ,

聞已心喜其心染著。起於憍慢多行放逸。

văn dĩ tâm hỷ kỳ tâm nhiễm trước 。 khởi ư kiêu mạn đa hành phóng dật 。

nghe xong tâm vui mừng, nhiễm trước, khởi lên kiêu mạn làm nhiều điều phóng dật,

因放逸故親近在家。亦樂聞說在家之事。

nhân phóng dật cố thân cận tại gia 。 diệc lạc văn thuyết tại gia chi sự 。

do phóng dật nên gần gũi những người tại gia, cũng thích nghe nói những việc tại gia, 遠離清淨出家之法。以是因緣增長惡法。

viễn li thanh tịnh xuất gia chi Pháp 。 dĩ thị nhân duyên tăng trưởng ác Pháp 。

xa lìa pháp xuất gia thanh tịnh, do nhân duyên này này mà tăng trưởng pháp ác.

增惡法故身口意等起不淨業。

tăng ác Pháp cố thân khẩu ý đặng khởi bất tịnh nghiệp 。

Vì tăng trưởng pháp ác nên thân, miệng và ý gây tạo nghiệp bất tịnh.

三業不淨故增長地獄畜生餓鬼。是名暫出還沒暫出還沒者。

tam nghiệp bất tịnh cố tăng trưởng Địa ngục súc sanh ngạ quỷ 。

thị danh tạm xuất hoàn một tạm xuất hoàn một giả 。

Ba nghiệp không thanh tịnh nên tăng trưởng nghiệp ở địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, đây gọi là tạm nổi lên rồi lại chìm.

我佛法中其誰是耶。謂提婆達多。瞿伽離比丘。

ngã Phật Pháp trung kỳ thù thị da 。

vị đề bà đạt đa 。

Cồ Già Ly Tỳ kheo。

Trong Phật pháp của Ta ai là kẻ nổi lên rồi lại chìm? Đó là Đề-bà-đạt-đa, Tỳ-kheo Cù-già-ly

憍手比丘。善星比丘低舍比丘。滿宿比丘。

oản thủ Tỳ kheo。thiện tinh Tỳ kheo đề xá Tỳ kheo。mãn túc Tỳ kheo。

Tỳ-kheo Oản Thủ, Tỳ-kheo Thiện Tinh, Tỳ-kheo Đề-xá, Tỳ-kheo Mãn Tú,

慈地比丘尼。曠野比丘尼。方比丘尼。

từ địa Tỳ kheo ni 。

khoáng dã Tỳ kheo ni 。

phương Tỳ kheo ni 。

Tỳ-kheo-ni Từ Địa, Tỳ-kheo-ni Khoáng Dã, Tỳ-kheo-ni Phương,

慢比丘尼。淨潔長者。求有優婆塞。舍勒釋種。

mạn Tỳ kheo ni 。

tịnh khiết Trưởng-Giả 。

cầu hữu Ưu bà tặc 。

xá lạc thích chủng 。

Mạn,

Tỳ-kheo-ni Mạn, Tịnh Khiết Trưởng giả, Ưu-bà-tắc Cầu Hữu, Xá-lạc Thích Chủng,

象長者。名稱優婆夷。光明優婆夷。難陀優婆夷。

tượng Trưởng giả 。

danh xưng Ưu bà di 。

quang-minh Ưu bà di 。

Nan Đà Ưu bà di 。

Trưởng giả Tượng, Ưu-bà-di Danh Xưng, Ưu-bà-di Quang Minh, Ưu-bà-di Nan-đà,

軍優婆夷。鈴優婆夷。如是等人名為暫出還沒。

quân Ưu bà di 。 linh Ưu bà di 。 như thị đẳng nhân danh vi tạm xuất hoàn một 。
Ưu-bà-di Quân, Ưu-bà-di Linh, những người như vậy gọi là tạm nổi lên rồi lại chìm.
譬如大魚見明故出身重故沒。

thí như đại ngư kiến minh cố xuất thân trọng cố một 。

Thí như cá lớn vì thấy ánh sáng nên nổi lên nhưng vì thân nặng nên chìm xuống.

第二之人深自知見行不具足。不具足故求近善友。

đệ nhị chi nhân thâm tự tri kiến hành bất cụ túc 。 bất cụ túc cố cầu cận thiện hữu 。

Người thứ hai tự thấy biết mình công hạnh không đầy đủ, vì không đầy đủ nên thân gần
bạn lành.

近善友故樂諮未聞。聞已樂受。受已樂善思惟。

cận thiện hữu cố lạc ti vị văn 。 văn dĩ lạc thọ 。 thọ dĩ lạc thiện tư duy 。

Vì thân gần bạn lành nên ưa thích hỏi những điều chưa nghe, nghe rồi ưa thọ trì, thọ trì rồi
khéo tư duy,

善思惟已能如法住。如法住故增長善法。

thiện tư duy dĩ năng như pháp trụ 。

như Pháp trụ cố tăng trưởng thiện Pháp 。

khéo tư duy rồi có thể an trú đúng như pháp, vì như pháp an trú nên tăng trưởng pháp
lành,

增善法故終不復沒。是名為住。我佛法中其誰是耶。

tăng thiện Pháp cố chung bất phục một 。

thị danh vi trụ 。

ngã Phật Pháp trung kỳ thù thị
da 。

vì tăng trưởng pháp lành nên trọn không chìm nữa, đây gọi là trụ. Trong Phật pháp của Ta
ai là người nổi lên rồi không chìm nữa?

謂舍利弗。大目犍連阿若憍陳如等五比丘。

vị Xá-lợi-phất 。

Đại mục Kiền Liên, A Nhã Kiều Trần Như đẳng ngũ Tỳ kheo 。

Đó Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, A-nhã-kiều-trần-như v.v. Năm vị Tỳ-kheo:
耶舍等五比丘。阿耨樓陀。童子迦葉。

Da Xá đẳng ngũ Tỳ kheo。A Nậu Lô Đà 。

Đồng tử Ca Diếp 。

Da-xá v.v.Năm vị Tỳ-kheo: A-nậu-lâu-đà, Đồng tử Ca-diếp,
摩訶迦葉。十力迦葉。瘦瞿曇彌比丘尼。

Ma-ha Ca Diếp 。

Ma-ha Ca-diếp, Thập Lực Ca-diếp, Tỳ-kheo-ni Sáu-cồ-đàm-di
波吒羅花比丘尼。勝比丘尼。實義比丘尼。意比丘尼。

Ba Trá La Hoa Tỳ kheo ni. Thắng Tỳ kheo ni. Thật Nghĩa Tỳ kheo ni. Ý Tỳ kheo ni.
Tỳ-kheo-ni Ba-tra-la-hoa, Thắng Tỳ-kheo-ni, Thật Nghĩa Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni Ý,
跋陀比丘尼。淨比丘尼。不退轉比丘尼。

Bạt Đà Tỳ kheo ni. Tịnh Tỳ kheo ni. Bất Thối Chuyển Tỳ kheo ni.

Bạt Tỳ-kheo-ni, Tịnh Tỳ-kheo-ni, Tỳ-kheo-ni Bất Thối Chuyển ,
頻婆娑羅王。郁伽長者。須達多長者。釋摩男。

Tần-bà-sa-la Vương 。 úc dà Trưởng giả 。 Tu Đạt Đa Trưởng giả 。 Thích Ma Nam 。
Vua Tần-bà-sa-la, Trưởng giả Úc-già, Trưởng giả Tu-đạt-đa, Thích Ma-nam,
貧須達多。鼠狼長者子。名稱長者。

Bàn Tu Đạt Đa 。 Thử Lang Trưởng giả tử 。 danh xưng Trưởng-Giả 。

Trưởng giả Bàn-tu-đạt-đa Thử Lang, Trưởng giả Danh Xưng,
具足長者。師子將軍。優波離長者。刀長者。

Cụ Túc Trưởng giả 。 Sư Tử tướng quân 。 Ưu Ba Ly Trưởng giả 。 Đao Trưởng giả 。

Trưởng giả Cụ Túc, Sư Tử tướng quân, Trưởng giả Ưu-ba-ly, Đao Trưởng giả,
無畏優婆夷。善住優婆夷。愛法優婆夷。勇健優婆夷。
Vô Úy Ưu bà di 。 Thiện Trụ Ưu bà di 。 Ái Pháp Ưu bà di 。 Dũng Kiện Ưu bà di 。

Ưu-bà-di Vô Úy, Ưu-bà-di Thiện Trụ, Ưu-bà-di Ái Pháp, Ưu-bà-di Dũng Kiện,

天得優婆夷。善生優婆夷。具身優婆夷。
Thiên Đắc Ưu bà di 。 Thiện Sanh Ưu bà di 。 Cụ Thân Ưu bà di 。

Ưu-bà-di Thiên Đắc, Ưu-bà-di Thiện Sanh, Ưu-bà-di Cụ Thân,

牛得優婆夷。曠野優婆夷。摩訶斯那優婆夷。
Ngưu Đắc Ưu bà di 。 Khoáng Dã Ưu bà di 。 Ma-ha Tư Na Ưu bà di 。

Ưu-bà-di Ngưu Đắc, Ưu-bà-di Khoáng Dã, Ưu-bà-di Ma-ha Tư-na,
如是等比丘比丘尼。優婆塞優婆夷。得名為住。
như thị đẳng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni 。 Ưu bà tặc, Ưu bà di 。 đặc danh vi trụ 。

những vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tặc, Ưu-bà-di này đều được gọi là trụ。
云何為住。常樂觀見善光明故。

vân hà vi trụ 。 thường lạc đở kiến thiện quang minh cố 。

Thế nào gọi là trụ? Là thường thích xem thấy ánh sáng tốt lành。

以是因緣若佛出世若不出世。如是等人終不造惡。是名為住。

dĩ thị nhân duyên nhược Phật xuất thế nhược bất xuất thế 。 như thị đấng nhân chung bất tạo ác 。 thị danh vi trụ 。

Do nhân duyên này, hoặc Phật xuất hiện ở đời hoặc không xuất hiện ở đời, những người này trọn không tạo nghiệp ác, đây gọi là trụ.

如低彌魚樂見光明不沈不沒。

như Kỳ di ngư lạc kiến quang minh bất trầm bất một 。

Như cá Kỳ-di thích thấy ánh sáng không lặn, không chìm;

如是等眾亦復如是。是故我於經中說偈。

như thị đấng chúng diệc phục như thị 。

thị cố ngã ư Kinh trung thuyết kệ 。

những chúng sanh này cũng lại như vậy, vì thế trong Kinh Ta nói kệ rằng:

若人善能分別義 至心求於沙門果
nhược nhân thiện năng phân biệt nghĩa chí tâm cầu ư Sa Môn quả
Nếu người khéo phân biệt pháp nghĩa Chí tâm cầu đợc quả Sa-môn
若能呵責一切有 是人名為如法住

nhược năng ha trách nhất thiết hữu thị nhân danh vi như Pháp trụ

Quả trách tất cả cõi hữu lậu Người này gọi là như Pháp trụ

若能供養無量佛 則能無量世修道

nhược năng cung dưỡng vô lượng Phật tắc năng vô lượng thế tu đạo
Nếu hay cúng dưỡng vô lượng Phật Trong vô lượng đời tu Thánh đạo

若受世樂不放逸 是人名為如法住

nhược thọ thế lạc bất phóng dật thị nhân danh vi như Pháp trụ

Hưởng thọ vui sướng không phóng dật Người này gọi là như Pháp trụ

親近善友聽正法 內善思惟如法住

Thân cận thiện hữu thỉnh chánh Pháp nội thiện tư duy như Pháp trụ

Gần gũi bạn lành nghe chánh Pháp Trong khéo tư duy như Pháp trụ

樂見光明修習道 獲得解脫安隱住

Lạc kiến quang minh tu tập đạo Hoạch đắc giải thoát an ổn trụ

Thích thấy ánh sáng tu Thánh đạo Chứng đợc giải thoát thường an ổn.

善男子。智不具足凡有五事。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử! Trí không đầy đủ phạm có năm việc:

是人知己求近善友。

thị nhân tri dĩ cầu cận thiện hữu 。

Người này biết xong cầu gần bạn lành.

如是善友當觀是人貪欲瞋恚愚癡思覺何者偏多。

như thị thiện hữu đương quán thị nhân tham dục sân khuể ngu si tư giác hà giả Thiên đa 。

Người bạn lành đó phải quán người này tham dục, sân giận, ngu si, tư giác thiên về gì nhiều.

若知是人貪欲多者即應為說不淨觀法。瞋恚多者為說慈悲。

nhược tri thị nhân tham dục đa giả tức ứng vi thuyết bất tịnh quán Pháp 。

sân khuể đa giả vi thuyết từ bi 。

Nếu biết người này tham dục nhiều liền phải nói quán pháp bất tịnh, nếu sân giận nhiều là nói pháp quán từ bi,

思覺多者教令數息。著我多者當為分析十八界等。

tư giác đa giả giáo lệnh số tức 。

trú ngã đa giả đương vi phân tích thập bát giới đẳng 。

nếu tư giác nhiều dạy cho họ quán số tức, nếu chấp ngã nhiều nên dạy phân tích mười tám giới.

是人聞已至心受持。心受持已如法修行。

thị nhân văn dĩ chí tâm thọ trì 。

tâm thọ trì dĩ như Pháp tu hành 。

Người này nghe xong chí tâm thọ trì, thọ trì xong như pháp tu hành,

如法行已次第獲得四念處觀身受心法。

như Pháp hành dĩ thứ đệ hoạch đắc tứ niệm xứ quán thân thọ tâm Pháp 。

như Pháp tu hành xong lần lượt được được Tứ niệm xứ quán thân, thọ, tâm, Pháp.

得是觀已次第復觀十二因緣。如是觀已次得煖法。

đắc thị quán dĩ thứ đệ phục quán thập nhị nhân duyên 。

như thị quán dĩ thứ đắc noãn Pháp 。

Được pháp quán này rồi, thứ đến quán mười hai nhân duyên, quán như vậy xong được noãn pháp.

迦葉菩薩白佛言。世尊。一切眾生悉有煖法。

Ca Diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

nhất thiết chúng sanh tất hữu noãn Pháp 。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Tất cả chúng sanh đều có noãn pháp.
何以故。如佛所說三法和合名為眾生。
hà dĩ cố 。 như Phật sở thuyết tam Pháp hòa hợp danh vi chúng sanh 。
Vì sao vậy? Như lời Phật nói ba pháp hòa hợp lại gọi là chúng sanh。
一壽二煖三識。若從是義一切眾生應先有煖。
nhất thọ nhị noãn tam thức 。 nhược tòng thị nghĩa nhất thiết chúng sanh ứng tiên hữu
noãn 。
Một là thọ, hai là noãn, ba là thức. Nếu theo nghĩa này, tất cả chúng sanh phải trước đã có
noãn,
云何如來說言煖法因善友生。佛言。善男子。
vân hà Như Lai thuyết ngôn noãn Pháp nhân thiện hữu sanh 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử
。
sao Như Lai nói rằng noãn pháp nhân nơi bạn lành mà sanh? Phật dạy: Này thiện nam tử!
如汝所問有煖法者。
như nhữ sở vấn hữu noãn Pháp giả 。
Như noãn pháp của ông hỏi thì
一切眾生至一闍提皆悉有之。如我今者所說煖法。
nhất thiết chúng sanh chí nhất xiển đề giai tất hữu chi 。 như ngã kim giả sở thuyết noãn
Pháp 。
tất cả chúng sanh cho đến hạng Nhất-xiển-đề đều có. Noãn pháp của ta nói hôm nay
要因方便然後乃得本無今有。以是義故。非諸眾生一切先有。
yếu nhân phương tiện nhiên hậu nãi đắc bản vô kim hữu 。 dĩ thị nghĩa cố 。 phi chư
chúng sanh nhất thiết tiên hữu 。
cần phải nương nơi phương tiện rồi sau mới được xưa không nay có. Do nghĩa này nên
không phải tất cả chúng sanh trước có,
是故汝今不應難言一切眾生皆有煖法。
thị cố nhữ kim bất ứng nan ngôn nhất thiết chúng sanh giai hữu noãn Pháp 。
vì vậy ông nay không nên gạn nói rằng tất cả chúng sanh đều có noãn pháp。
善男子。如是煖法是色界法非欲界有。
thiện nam tử 。 như thị noãn Pháp thị sắc giới Pháp phi dục giới hữu 。
Này thiện nam tử! Noãn pháp này là pháp thuộc về Sắc giới, không phải Dục giới có được.

若言一切眾生有者。欲界眾生亦皆應有。

nhược ngôn nhất thiết chúng sanh hữu giả 。 dục giới chúng sanh diệc giai ứng hữu 。

Nếu nói rằng tất cả chúng sanh đều có thì chúng sanh Dục giới cũng phải nên có.

欲界無故當知一切不必都有。善男子。

dục giới vô cố đương tri nhất thiết bất tất đô hữu 。

thiện nam tử 。

Vì cõi Dục không có, nên biết tất cả không hẳn đều có. Nay thiện nam tử!

色界雖有非一切有。何以故。我弟子有外道則無。以是義故。
sắc giới tuy hữu phi nhất thiết hữu 。

hà dĩ cố 。

ngã đệ tử hữu ngoại đạo tắc vô 。

dĩ thị nghĩa cố 。

Cõi Sắc tuy có noãn pháp nhưng không phải tất cả đều có. Vì sao vậy? Vì các đệ tử của Ta có, ngoại đạo thì không. Do nghĩa này nên

一切眾生不必都有。善男子。

nhất thiết chúng sanh bất tất đô hữu 。

thiện nam tử 。

tất cả chúng sanh không hẳn đều có. Nay thiện nam tử!

一切外道唯觀六行。我諸弟子具足十六。
nhất thiết ngoại đạo duy quán lục hạnh 。

ngã chư đệ tử cụ túc thập lục 。

Hết thầy ngoại đạo chỉ quán sáu hạnh. Các đệ tử của Ta quán đầy đủ mười sáu hạnh.

是十六行一切眾生不必都有。迦葉菩薩白佛言。世尊。

thị thập lục hạnh nhất thiết chúng sanh bất tất đô hữu 。

Ca Diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Mười sáu hạnh này không phải tất cả chúng sanh đều có. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng:
Bạch Thế Tôn!

所言煖法云何名煖。為自性煖為他故煖。佛言。

sở ngôn noãn pháp vân hà danh noãn 。

vì tự tánh noãn vi tha cố noãn 。

Phật ngôn 。

Chỗ nói noãn pháp, thế nào gọi là noãn? Là tánh nó tự noãn hay vì pháp khác mà noãn?
Phật dạy:

善男子。如是煖法自性是煖非他故煖。迦葉。

thiện nam tử 。

như thị noãn pháp tự tánh thị noãn phi tha cố noãn 。

ca diệp 。

Nay thiện nam tử! Noãn pháp này tánh nó là noãn không phải do pháp khác mà noãn. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng:

菩薩言。世尊。如來先說馬師滿宿無有煖法。

Bồ-tát ngôn 。 Thế Tôn 。 Như Lai tiên thuyết Mã Sư Mãn Tú vô hữu noãn Pháp 。
Bạch Thế Tôn! Như Lai trước nói Mã Sư và Mãn Tú không có noãn pháp.

何以故。於三寶所無信心故是故無煖。

hà dĩ cố 。 ư Tam Bảo sở vô tín tâm cố thị cố vô noãn 。

Vì sao? Vì hai vị này đối với Tam Bảo không có tín tâm nên không có noãn pháp,
當知信心即是煖法。善男子。信非煖法。何以故。

đương tri tín tâm tức thị noãn Pháp 。 thiện nam tử 。 tín phi noãn Pháp 。 hà dĩ cố 。

phải biết tín tâm tức ấm Pháp 。 thiện nam tử 。 tín phi ấm Pháp 。 vì sao 。

nên biết tín tâm tức là noãn pháp. Đây thiện nam tử! Tín tâm không phải noãn pháp. Vì
sao?

因於信心獲得煖故。善男子。

nhân ư tín tâm hoạch đắc noãn cố 。 thiện nam tử 。

Vì nhân nơi tín tâm mới được noãn pháp. Đây thiện nam tử!

夫煖法者即是智慧。何以故觀四諦故。是故名之為十六行。

phu noãn Pháp giả tức thị trí tuệ 。

Luận về noãn pháp chính là trí tuệ. Vì sao? Vì quán Tứ đế nên gọi là mười sáu hạnh,
行即是智。善男子。

hạnh tức thị trí 。

hạnh chính là trí. Đây thiện nam tử!

如汝所問何因緣故名為煖者。善男子。夫煖法者。即是八聖道之火相。

như nhữ sở vấn hà nhân duyên cố danh vi noãn giả 。

Như lời ông hỏi: Vì nhân duyên gì gọi là noãn? Đây thiện nam tử! Luận về noãn pháp
chính là tướng lửa của tám Thánh đạo,

故名為煖。善男子。

cố danh vi noãn 。

nên gọi là noãn. Đây thiện nam tử!

譬如攢火先有煖氣次有火生後則煙出。是無漏道亦復如是。

thí như toàn hỏa tiên hữu noãn khí thứ hữu hỏa sinh hậu tắc yên xuất 。

Thí như cọng lửa: Trước có hơi ấm, thứ đến có lửa, rồi sau có khói. Đạo vô lậu này cũng lại như vậy:

煖者即是十六行也。火者即是須陀洹果。

noãn giả tức thị thập lục hạnh dã 。 hỏa giả tức thị Tu Đà Hoàn quả 。

Hơi ấm là mười sáu hạnh, lửa tức là quả vị Tu-đà-hoàn,

煙者即是修道斷結。迦葉菩薩復白佛言。世尊。

yên giả tức thị tu đạo đoạn kết 。 Ca Diếp Bồ-tát phục bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

khói là trong vị tu đạo dứt kết sử. Ca-diếp Bồ-tát lại bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

如是煖法亦是有法亦是有為。

như thị noãn Pháp diệt thị hữu Pháp diệt thị hữu vi 。

Như vậy, noãn pháp này cũng là pháp có, cũng là hữu vi,

是法報得色界五陰是故名有。是因緣故復名有為。

thị Pháp báo đắc sắc giới ngũ uẩn thị cố danh hữu 。

thị nhân duyên cố phục danh hữu vi

。 Noãn pháp này được quả báo thân năm ấm ở cõi Sắc, nên gọi là có. Vì là nhân duyên nên gọi là hữu vi.

若是有為云何能為無漏道相。佛言。善男子。

nhược thị hữu vi vân hà năng vi vô lậu đạo tướng 。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

Nếu là hữu vi sao có thể làm tướng đạo vô lậu? Phật dạy: Này thiện nam tử!
如是如是如汝所說。善男子。如是煖法雖是有為有法。

như thị như thị như nhữ sở thuyết 。

thiện nam tử 。

như thị noãn Pháp tuy thị hữu vi hữu Pháp 。

Đúng vậy, đúng vậy, như lời ông nói. Này thiện nam tử! Noãn pháp này tuy là hữu vi hữu lậu

還能破壞有為有法。是故能為無漏道相。善男子。

hoàn năng phá hoại hữu vi hữu Pháp 。

thị cố năng vi vô lậu đạo tướng 。

thiện nam tử 。

nhưng có thể trở lại phá hoại hữu vi hữu lậu, vì vậy có thể làm tướng của đạo vô lậu. Này thiện nam tử!

如人乘馬亦愛亦策。

như nhân thừa mã diệc ái diệc sách 。

Như người cưỡi ngựa, cũng thương ngựa nhưng cũng đánh ngựa.

煖心亦爾愛故受生厭故觀行。是故雖復有法有為。

noãn tâm diệc nhĩ ái cố thọ sanh yếm cố quán hạnh 。 thị cố tuy phục hữu Pháp hữu vi 。
Noãn tâm cũng vậy, vì thương nên thọ sanh, vì nhàm chán mà tu quán hạnh, vì thế tuy lại
hữu lậu hữu vi

而能與彼正道作相。得煖法人七十三種欲界十種。

nhì năng dĩ bỉ chánh đạo tác tướng 。 đắc noãn Pháp nhân thất thập tam chủng dục giới
thập chủng 。

mà có thể làm tướng cho chánh đạo kia. Có bảy mươi ba hạng người được noãn pháp:
Cõi Dục mười hạng người.

是人具足一切煩惱。從斷一分至于九分。

thị nhân cụ túc nhất thiết phiền não 。 tòng đoạn nhất phân chí vu cửu phân 。

Mười hạng người này đầy đủ tất cả phiền não: Từ dứt một phần đến chín phần.

如欲界初禪乃至無所有處亦復如是。

như dục giới sơ Thiền nãi chí vô sở hữu xứ diệc phục như thị 。

Như cõi Dục, Sơ Thiền cho đến Vô sở hữu xứ cũng lại như vậy,

是名七十三種.如是等人得煖法已。

thị danh thất thập tam chủng như thị đẳng nhân đắc noãn Pháp dĩ 。

đây gọi là bảy mươi ba hạng. Những người này được noãn pháp xong

則不復能斷於善根作五逆罪犯四重禁。是人二種。一遇善友。

tắc bất phục năng đoạn ư thiện căn tác ngũ nghịch tội phạm tứ trọng cấm 。

thị nhân nhị
chủng 。

nhất ngộ thiện hữu 。

thì không trở lại dứt các căn lành, làm năm nghịch tội, phạm bốn cấm giới. Những người
này có hai hạng: Một là gặp bạn lành,

二遇惡友。遇惡友者暫出還沒。

nhị ngộ ác hữu 。

ngộ ác hữu giả tạm xuất hoàn một 。

hai là gặp bạn ác. Người gặp ác bạn thì tạm nổi lên rồi lại chìm.

遇善友者遍觀四方。觀四方者即是頂法。

ngộ thiện hữu giả biến quán tứ phương 。

quán tứ phương giả tức thị đỉnh Pháp 。

Người gặp bạn lành thì nhìn khắp bốn phương, bốn phương ấy tức là đỉnh pháp.

是法雖復性是五陰亦緣四諦。是故得名遍觀四方。

thị Pháp tuy phục tánh thị ngũ uẩn diệt duyên Tứ đế 。 thị cố đắc danh biến quán tứ phương 。

Đảnh pháp này tuy cũng là tánh năm ấm, nhưng cũng duyên Tứ đế, vì thế được gọi là nhìn khắp bốn phương.

得頂法已次得忍法。是忍亦爾性亦五陰亦緣四諦。

đắc đỉnh Pháp dĩ thứ đắc nhẫn Pháp 。 thị nhẫn diệt nhĩ tánh diệt ngũ uẩn diệt duyên tứ đế 。

Được nhẫn pháp xong, thứ đến được nhẫn pháp. Nhẫn pháp này cũng vậy, tánh cũng là năm ấm, cũng duyên Tứ đế.

是人次得世第一法。

thị nhân thứ đắc thế đệ nhất Pháp 。

Người này thứ đến được Thế đệ nhất pháp.

是法雖復性是五陰亦緣四諦。是人次第得苦法忍。忍性是慧緣於一諦。

thị Pháp tuy phục tánh thị ngũ ấm diệt duyên tứ đế 。 thị nhân thứ đệ đắc khổ Pháp nhẫn 。

nhẫn tánh thị tuệ duyên ư nhất đế 。

Pháp này tánh tuy lại là năm ấm, nhưng cũng duyên Tứ đế. Người này thứ đến được khổ pháp nhẫn. Tánh của nhẫn là tuệ, duyên với một đế.

如是忍法緣一諦已。

như thị nhẫn Pháp duyên nhất đế dĩ 。

Nhẫn pháp này duyên với một đế xong,

乃至見斷煩惱得須陀洹果。是名第四遍觀四方。

nãi chí kiến đoạn phiền não đắc Tu đà hoàn quả 。

thị danh đệ tứ biến quán tứ phương 。

cho đến kiến đạo dứt phiền não, được quả Tu-đà-hoàn, đây gọi là quán khắp bốn phương, 四方者即是四諦。迦葉菩薩白佛言。世尊。

tứ phương giả tức thị tứ đế 。

Ca Diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

bốn phương tức là Tứ đế. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

如佛先說須陀洹人所斷煩惱。猶如縱廣四十里水。

như Phật tiên thuyết Tu đà hoàn nhân sở đoạn phiền não 。

do như tủng quảng tứ thập lý thủy 。

Như trước Phật nói bậc Tu-đà-hoàn chỗ dứt phiền não giống như dòng nước rộng bốn mươi dặm,

其餘在者如一毛滲。

kỳ dư tại giả như nhất mao đế 。

những phiền não còn lại như một giọt nước đầu sợi lông.

此中云何說斷三結名須陀洹。一者我見。二者非因。見因三者疑網。世尊。

thử trung vân hà thuyết đoạn tam kết danh Tu Đà Hoàn nhất giả ngã kiến 。

nhị giả phi nhân 。

kiến nhân tam giả nghi võng 。

Thế Tôn 。

Trong đây vì sao nói dứt ba kiết sử gọi là bậc Tu-đà-hoàn: Một là ngã kiến, hai là chẳng phải nhân thấy là nhân, ba là lưới nghi. Bạch Thế Tôn!

何因緣故名須陀洹遍觀四方。

hà nhân duyên cố danh Tu đà hoàn biến quán tứ phương 。

Nhân duyên gì gọi là Tu-đà-hoàn nhìn bốn phương?

復何因緣名須陀洹。復何因緣說須陀洹喻以[魚*昔]魚。佛言。

phục hà nhân duyên danh Tu Đà Hoàn 。

phục hà nhân duyên thuyết Tu Đà Hoàn dụ dĩ [ngư * tích]ngư 。

Phật ngôn 。

Lại vì nhân duyên gì gọi là Tu-đà-hoàn? Lại vì nhân duyên gì gọi Tu-đà-hoàn dụ như cá Tích? Phật dạy:

善男子。須陀洹人雖復能斷無量煩惱。

thiện nam tử 。

Tu Đà Hoàn nhân tuy phục năng đoạn vô lượng phiền não 。

Này thiện nam tử! Bậc Tu-đà-hoàn tuy lại có thể dứt trừ vô lượng phiền não,

此三重故亦攝一切須陀洹人所斷結故。善男子。

thử tam trọng cố diệt nhiếp nhất thiết Tu Đà Hoàn nhân sở đoạn kết cố 。

thiện nam tử 。

nhưng vì ba món kiết sử này nặng và cũng nhiếp tất cả kiết sử của bậc Tu-đà-hoàn. Này thiện nam tử!

譬如大王出遊巡時。

thí như Đại Vương xuất du tuần thời 。

Thí như đại vương khi xuất quân đi tuần tra,

雖有四兵世人但言王來王去。何以故世間重故。是三煩惱亦復如是。

tuy hữu tứ binh thế nhân đản ngôn Vương lai Vương khứ 。

hà dĩ cố thế gian trọng cố 。

thị tam phiền não diệt phục như thị 。

tuy có bốn đạo binh, nhưng người đời chỉ nói Vua đến, Vua đi. Vì sao? Vì Vua được thế gian quý trọng vậy. Ba món phiền não này cũng lại như vậy,

何因緣故名之為重。

hà nhân duyên cố danh chi vi trọng 。

vì nhân duyên gì gọi là nặng?

一切眾生常所起故微難識故。是故名重。如是三結難可斷故。

nhất thiết chúng sanh thường sở khởi cố vi nan thức cố 。

thị cố danh trọng 。

như thị tam kết nan khả đoạn cố 。

Vì tất cả chúng sanh thường khởi lên phiền não vi tế khó biết nên gọi là nặng. Như vậy, ba món kiết này khó có thể dứt trừ.

能為一切煩惱因故。是三對治之怨敵故。

năng vi nhất thiết phiền não nhân cố 。

thị tam đối trị chi oán địch cố 。

Vì nó có thể làm nhân cho tất cả phiền não, vì là oán địch bị đối trị của ba thứ, 謂戒定慧。善男子。

vị giới định tuệ 。

thiện nam tử 。

đó là giới, định, tuệ. Đây thiện nam tử!

有諸眾生聞須陀洹能斷如是無量煩惱。則生退心便作是言。

hữu chư chúng sanh văn Tu Đà Hoàn năng đoạn như thị vô lượng phiền não 。

tắc sanh thối tâm tiện tác thị ngôn 。

Có những chúng sanh nghe bậc Tu-đà-hoàn có thể dứt vô lượng phiền não như vậy bèn sanh thối tâm, liền nói rằng:

眾生云何能斷如是無量煩惱。是故如來方便說三。

chúng sanh vân hà năng đoạn như thị vô lượng phiền não 。

thị cố Như-Lai phương tiện thuyết tam 。

Chúng sanh làm sao có thể dứt trừ vô lượng phiền não như vậy? Vì thế Như Lai phương tiện nói ba thứ.

如汝所問何因緣故須陀洹人喻觀四方。善男子。

như nhữ sở vấn hà nhân duyên cố Tu Đà Hoàn nhân dụ quán tứ phương 。

thiện nam tử 。

Như ông hỏi: Vì duyên gì mà Tu-đà-hoàn dụ như nhìn bốn phương. Đây thiện nam tử!

須陀洹人觀於四諦獲得四事。

Tu Đà Hoàn nhân quán ư Tứ đế hoạch đắc tứ sự 。

Tu-đà-hoàn quán Tứ đế được bốn việc:

一者住堅固道。二者能遍觀察。三者能如實見。

nhất giả trụ kiên cố đạo 。 nhị giả năng biến quan sát 。 tam giả năng như thật kiến 。

một trụ kiên cố đường 。 hai năng lần quan sát 。 ba năng như thật thấy 。

Một là trụ ở đạo kiên cố, hai là có thể quán sát khắp nơi, ba là có thể thấy đúng như thật, 四者能壞大怨。

tứ giả năng hoại đại oán 。

bốn là có thể phá hoại được oán lớn.

堅固道者是須陀洹所有五根無能動者。是故名為住堅固道。

kiên cố đạo giả thị Tu đà hoàn sở hữu ngũ căn vô năng động giả 。

thị cố danh vi trụ kiên cố đạo 。

Đạo kiên cố ấy là bậc Tu-đà-hoàn có Ngũ căn không thể lay động, vì vậy gọi là trụ ở đạo kiên cố.

能遍觀者悉能呵責內外煩惱。如實見者即是忍智。

năng biến quán giả tất năng ha trách nội ngoại phiền não 。

như thật kiến giả tức thị nhẫn trí 。

Bậc này có thể quả trách tất cả phiền não trong và ngoài. Thấy đúng như thật ấy chính là nhẫn trí.

壞大怨者謂四顛倒。如汝所問何因緣故名須陀洹者。

hoại Đại oán giả vị tứ điên đảo 。

như nhữ sở vấn hà nhân duyên cố danh Tu Đà Hoàn giả 。

Phá hoại oán lớn ấy là bốn thứ điên đảo. Như lời ông hỏi: Vì nhân duyên gì gọi là bậc Tu-đà-hoàn?

善男子。須名無漏。陀洹名修習。

thiện nam tử 。

tu danh vô lậu 。

đà hoàn danh tu tập 。

Này thiện nam tử! Tu gọi là vô lậu, Đà-hoàn gọi là tu tập,

修習無漏名須陀洹。善男子。復有須者名流。流有二種。

tu tập vô lậu danh Tu đà hoàn 。

thiện nam tử 。

phục hữu tu giả danh lưu 。

lưu hữu nhị chủng 。

tu tập vô lậu gọi là Tu-đà-hoàn. Này thiện nam tử! Lại có Tu gọi là dòng. Dòng có hai thứ:

一者順流。二者逆流。以逆流故名須陀洹。

nhất giả thuận lưu 。

nhị giả nghịch lưu 。

dĩ nghịch lưu cố danh Tu đà hoàn 。

Một là thuận dòng, hai là nghịch dòng. Do ngược dòng nên gọi là Tu-đà-hoàn.

迦葉菩薩言。世尊。若從是義何因緣故。

Ca Diếp Bồ-tát ngôn 。 Thế Tôn 。 nhược tông thị nghĩa hà nhân duyên cố 。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: bạch Thế Tôn! Nếu theo nghĩa này, vì duyên gì những
斯陀舍人阿那舍人阿羅漢人。不得名為須陀洹耶。

Tư đà hàm nhân A na hàm nhân A La Hán nhân 。 bất đắc danh vi Tu đà hoàn da 。

bạch Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán không được gọi là Tu-đà-hoàn?
善男子。從須陀洹乃至諸佛。亦得名為須陀洹。

thiện nam tử 。 tông Tu đà hoàn nãi chí chư Phật 。 diệc đắc danh vi Tu đà hoàn 。

Này thiện nam tử! Từ bậc Tu-đà-hoàn cho đến chư Phật cũng đều được gọi là Tu-đà-
hoàn.

若斯陀舍乃至諸佛無須陀洹。

nhược Tư đà hàm nãi chí chư Phật vô Tu đà hoàn 。

Nếu bậc Tư-đà-hàm cho đến chư Phật không phải Tu-đà-hoàn thì

云何得名斯陀舍乃至佛。一切眾生名有二種。一者舊。

vân hà đắc danh Tư đà hàm nãi chí Phật 。 nhất thiết chúng sanh danh hữu nhị chủng 。

nhất giả cựu 。

sao được gọi là Tư-đà-hàm cho đến chư Phật? Tất cả chúng sanh về danh tự có hai thứ:
二者客。凡夫之時有世名字。

nhị giả khách 。

phàm phu chi thời hữu thế danh tự 。

hai là tên mới. Khi còn phàm phu có danh tự thế tục,
既得道已更為立名名須陀洹。以先得故名須陀洹。

ký đắc đạo dĩ canh vi lập danh danh Tư đà hoàn 。

dĩ tiên đắc cố danh Tư đà hoàn 。

lúc đã đắc đạo lại đặt tên gọi là Tu-đà-hoàn. Trước gọi là Tu-đà-hoàn,
以後得故名斯陀舍。是人亦名須陀洹亦名斯陀舍。

dĩ hậu đắc cố danh Tư đà hàm 。

thị nhân diệc danh Tư-đà-hoàn diệc danh Tư-đà- hàm 。

vì lúc sau đắc quả nên gọi là Tư-đà-hàm. Người này cũng gọi là Tu-đà-hoàn, cũng gọi là
Tư-đà-hàm,

乃至佛亦復如是。善男子。流有二種。一者解脫。

nãi chí Phật diệc phục như thị 。

hẫn đến Phật cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Dòng có hai thứ: Một là giải thoát,
二者涅槃。一切聖人皆有是二。

nhị giả Niết Bàn 。 nhất thiết Thánh nhân giai hữu thị nhị 。

hai là Niết-bàn. Tất cả Thánh nhân đều có hai dòng này,

亦可得名須陀洹亦名斯陀舍。乃至佛亦復如是。善男子。

diệc khả đắc danh Tu-đà-hoàn diệc danh Tư-đà-hàm 。 nãi chí Phật diệc phục như thị 。

thiện nam tử 。

nên cũng có thể được gọi là Tu-đà-hoàn, cũng gọi là Tư-đà-hàm, cho đến Phật cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử!

須陀洹者亦名菩薩。何以故。

Tu đà hoàn giả diệc danh Bồ-tát 。 hà dĩ cố 。

Tu-đà-hoàn cũng gọi là Bồ-tát. Vì sao vậy?

菩薩者即是盡智及無生智。須陀洹人亦復求索如是二智。

Bồ-tát giả tức thị tận trí cập vô sanh trí 。

Tu đà hoàn nhân diệc phục cầu tác như thị nhị trí 。

Vì Bồ-tát chính là tận trí và vô sanh trí. Bậc Tu-đà-hoàn cũng mong cầu hai thứ trí này,
是故當知須陀洹人得名菩薩。

thị cố đương tri Tu đà hoàn nhân đắc danh Bồ-tát 。

vì vậy phải biết bậc Tu-đà-hoàn được gọi là Bồ-tát.

須陀洹人亦得名覺。何以故。正覺見道斷煩惱故。

Tu đà hoàn nhân diệc đắc danh giác 。

hà dĩ cố 。

chánh giác kiến đạo đoạn phiền não cố 。

Bậc Tu-đà-hoàn cũng gọi là giác. Vì sao? Vì Chánh giác kiến đạo dứt phiền não,
正覺因果故。正覺共道及不共道故。

chánh giác nhân quả cố 。

chánh giác cộng đạo cập bất-cộng đạo cố 。

vì Chánh giác nhân quả, vì Chánh giác cộng đạo và bất cộng đạo.

斯陀舍乃至阿羅漢亦復如是。善男子。是須陀洹凡有二種。

Tư đà hàm nãi chí A La Hán diệc phục như thị 。

thiện nam tử 。

thị Tu đà hoàn phạm hữu nhị chủng 。

Bậc Tu Đà Hàm cho đến A-la-hán cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử! Bậc Tu-đà-hoàn này phạm có hai hạng:

一者利根。二者鈍根。鈍根之人人天七返。

nhất giả lợi căn 。 nhị giả độn căn 。 độn căn chi nhân nhân Thiên thất phản 。

Một là lợi căn, hai là độn căn. Người độn căn này bảy lần sanh trở lại cõi người, cõi Trời.
是鈍根人復有五種。或有六五四三二種。

thị độn căn nhân phục hữu ngũ chủng 。

Người độn căn này lại có năm hạng: hoặc có sáu lần, năm lần, bốn lần, ba lần, hai lần, một lần (sanh trở lại cõi người, cõi Trời)

利根之人現在獲得須陀洹果至阿羅漢果。

lợi căn chi nhân hiện tại hoạch đắc Tu đà hoàn quả chí A la hán quả 。

Người lợi căn hiện đời chứng được quả Tu-đà-hoàn đến quả A-la-hán.

善男子。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử!

如汝所問何因緣故須陀洹人喻以[魚*昔]魚。善男子。[魚*昔]魚有四事。一者骨細故輕。

như nhữ sở vấn hà nhân duyên cố Tu đà hoàn nhân dụ dĩ [ngư *tích]ngư 。

Như lười ông hỏi: Vì nhân duyên gì bậc Tu-đà-hoàn dụ như cá Tích? Này thiện nam tử!

Cá Tích có bốn điều: Một là xương nhỏ nên nhẹ,

二者有翅故輕。三者樂見光明。四者銜物堅持。

nhị giả hữu sí cố khinh 。

hai là có cánh nên nhẹ, ba là thích thấy ánh sáng, bốn là ngậm được vật thì giữ chặt.

須陀洹人亦有四事。言骨細者喻煩惱微。

Tu đà hoàn nhân diệc hữu tứ sự 。

Bậc Tu-đà-hoàn cũng có bốn việc: Một là phiền não nhỏ nhẹ như cá Tích nhỏ xương,

言有翅者喻奢摩他毘婆舍那。

ngôn hữu sí giả dụ xa ma tha tì bà xá na 。

hai là có chỉ và có quán như cá Tích có cánh,

樂見光明喻於見道。

lạc kiến quang minh dụ ư kiến đạo 。

ba là kiến đạo như cá Tích thích thấy ánh sáng,

銜物堅持喻聞如來說無常苦無我不淨堅持不捨。猶如魔王化作佛像。

hàm vật kiên trì dụ văn Như Lai thuyết vô thường khổ vô ngã bất tịnh kiên trì bất xả 。 do như ma Vương hóa tác Phật tượng 。

bốn là nghe thấy đức Như Lai nói vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, thì kiên trì không bỏ như cá Tích ngậm được vật thì giữ chặt không bỏ. Như trước kia Ma vương hóa làm thân Phật,

首羅長者見已心驚。魔見長者其心動已即語長者。

thủ la Trưởng Giả kiến dĩ tâm kinh 。

ma kiến Trưởng Giả kỳ tâm động dĩ tức ngữ Trưởng Giả 。

Trưởng giả Thủ La thấy xong trong lòng kính sợ. Ma thấy tâm Trưởng giả động bèn bảo với Trưởng giả rằng:

我先所說四真諦者是說不真。

ngã tiên sở thuyết tứ chân đế giả thị thuyết bất chân 。

Ta trước nói bốn chân đế, thuyết này không chân thật,

今當為汝更說五諦六陰十三入十九界。

kim đương vi nhữ canh thuyết ngũ đế lục uẩn thập tam nhập thập cửu giới 。

nay sẽ vì người nói lại năm đế, sáu ấm, mười ba nhập, mười chín giới.

長者聞已尋觀法相都無此理。是故堅持其心不動。

Trưởng Giả văn dĩ tầm quán Pháp tướng đô vô thử lý 。

thị cố kiên trì kỳ tâm bất động 。

Trưởng giả nghe xong liền quán sát pháp pháp tướng đều không có lý đó, nên kiên trì nghĩa cũ, tâm không lay động.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Ca Diếp Bồ-tát bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

是須陀洹先得道故名須陀洹以初果故。名須陀洹。若先得道名須陀洹者。

thị Tu đà hoàn tiên đắc đạo cố danh Tu đà hoàn dĩ sơ quả cố 。

danh Tu đà hoàn 。

nhược tiên đắc đạo danh Tu đà hoàn giả 。

Bậc Tu-đà-hoàn này vì đắc đạo trước nên gọi là Tu-đà-hoàn hay vì chứng sơ quả mà gọi là Tu-đà-hoàn? Nếu vì đắc đạo trước thì được gọi là Tu-đà-hoàn,

得苦法忍時何故不得名須陀洹乃名為向。

đắc khổ Pháp nhẫn thời hà cố bất đắc danh Tu đà hoàn nãi danh vi hướng 。

lúc đwojc khổ pháp nhẫn sao không gọi là Tu-đà-hoàn mà gọi là Hướng?

若以初果名須陀洹。

nhược dĩ sơ quả danh Tu đà hoàn 。

Nếu vì được sơ quả gọi là Tu-đà-hoàn,

外道之人先斷煩惱至無所有處。修無漏道得阿那含果。

ngoại đạo chi nhân tiên đoạn phiền não chí vô sở hữu xứ 。

tu vô lậu đạo đắc A na hàm quả 。

thì ngoại đạo trước dứt phiền não đến Vô sở hữu xứ, tu đạo vô lậu được quả A-na-hàm, 何故不名為須陀洹。善男子。以初果故名須陀洹。

hà cố bất danh vi Tu đà hoàn 。

thiện nam tử 。

dĩ sơ quả cố danh Tu đà hoàn 。

sao không gọi là Tu-đà-hoàn? Nay thiện nam tử! Vì được Sơ quả nên gọi là Tu-đà-hoàn.

如汝所問外道之人先斷煩惱至無所有處。

như nhữ sở vấn ngoại đạo chi nhân tiên đoạn phiền não chí vô sở hữu xứ 。

Như lời ông hỏi: Ngoại đạo trước dứt phiền não đến Vô sở hữu xứ,

修無漏道得阿那含。何故不名須陀洹者。善男子。

tu vô lậu đạo đắc A na hàm 。

hà cố bất danh Tu đà hoàn giả 。

thiện nam tử 。

tu đạo Vô lậu đắc A-na-hàm, sao không gọi là Tu-đà-hoàn? Nay thiện nam tử!

以初果故名須陀洹。

dĩ sơ quả cố danh Tu đà hoàn 。

Vì được Sơ quả nên gọi là Tu-đà-hoàn.

是人爾時具足八智及十六行。迦葉言。世尊。得阿那含亦復如是。

thị nhân nhĩ thời cụ túc bát trí cập thập lục hạnh 。

Ca Diếp ngôn 。

Thế Tôn 。

đắc A na hàm diệc phục như thị 。

Lúc bấy giờ người này đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh. Ca-diếp nói rằng: Bạch Thế Tôn!

Đắc A-na-hàm cũng lại như vậy,

亦得八智具十六行。何故不得名須陀洹。善男子。

diệc đắc bát trí cụ thập lục hạnh 。

hà cố bất đắc danh Tu đà hoàn 。

thiện nam tử 。

cũng được tám trí và đủ mười sáu hạnh, sao không được gọi là Tu-đà-hoàn? Nay thiện nam tử!

有漏十六行有二種。一者共。二者不共。

hữu lậu thập lục hạnh hữu nhị chủng 。

nhất giả cộng 。

nhị giả bất cộng 。

Mười sáu hạnh hữu lậu có hai thứ: Một là cộng, hai là bất cộng.

無漏十六行亦有二種。一者向果。二者得果。

vô lậu thập lục hạnh diệc hữu nhị chủng 。 nhất giả hướng quả 。 nhị giả đắc quả 。

Mười sáu hạnh vô lậu cũng có hai thứ: Một là Hướng quả, hai là đắc quả.

八智亦二。一者向果。二者得果。

bát trí diệc nhị 。 nhất giả hướng quả 。 nhị giả đắc quả 。

Tám trí cũng có hai: Một là Hướng quả, hai là đắc quả.

須陀洹人捨共十六行。得不共十六行。捨向果八智。

Tu đà hoàn nhân xả cộng thập lục hạnh。 đắc bất cộng thập lục hạnh 。

Bậc Tu-đà-hoàn xả bỏ mười sáu hạnh cộng, chứng được mười sáu hạnh bất cộng, rời bỏ tám trí hướng quả,

得得果八智。阿那含人即不如是。是故初果名須陀洹。

đắc đắc quả bát trí 。

善男子。須陀洹人緣於四諦。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử! Bậc Tu-đà-hoàn duyên nơi Tứ đế,

阿那含人唯[魚*昔]一諦。是故初果名須陀洹。

A na hàm nhân duy [ngư *tích] nhất đế 。

Bậc A-na-hàm chỉ duyên Nhất đế, nên sơ quả gọi là Tu-đà-hoàn.

以是因緣喻以[魚*昔]魚。遍觀已行。行者即是斯陀含人繫心修道。

dĩ thị nhân duyên dụ dĩ [ngư *tích] ngư 。

Do nhân duyên này nên dùng cá Tích để ví dụ nhìn khắp bốn phương rồi đi. Nói đi là chỉ cho bậc Tu-đà-hàm nhiếp tâm tu hành để

為斷貪欲瞋癡憍慢。

vị đoạn tham dục sân si kiêu mạn 。

dứt trừ tham, sân, si, kiêu mạn.

如彼[魚*昔]魚遍觀方已為食故行行已復住。喻阿那含得食已住。

như bỉ [ngư *tích] ngư biến quán phương dĩ vi thực cố hành hành dĩ phục trụ 。 dụ A na hàm đắc thực dĩ trụ 。

Như cá Tích kia nhìn xem khắp bốn phương rồi vì kiếm ăn nên đi, đi rồi lại dừng lại. Đây dụ bậc A-na-hàm được món ăn rồi thì dừng lại.

是阿那含凡有二種。一者現在得阿那含。

thị A na hàm phạm hữu nhị chủng 。

Bậc A-na-hàm này có hai hạng: Một là hiện tại được quả A-na-hàm,

進修即得阿羅漢果。

tiến tu tức đắc A la hán quả 。

rồi tiến tu được quả A-la-hán.

二者貪著色界無色界中寂靜三昧。是人不受欲界身故名阿那含。

nhị giả tham trước sắc giới vô sắc giới trung tịch tĩnh tam muội 。

Hai là hạng tham trước Tam-muội tịch tĩnh trong cõi Sắc và Vô sắc. Bậc này không thọ thân cõi Dục nên gọi là A-na-hàm.

是阿那含復有五種。一者中般涅槃。

thị A na hàm phục hữu ngũ chủng 。

Bậc A-na-hàm này lại có hai hạng: Một là trung Bát-niết-bàn,

二者受身般涅槃。三者行般涅槃。四者無行般涅槃。

nhị giả thọ thân bát Niết Bàn 。

hai là thọ thân Bát-niết-bàn, ba là hành Bát-niết-bàn, bốn là vô hành Bát-niết-bàn, 五者上流般涅槃。復有六種五種。

ngũ giả thượng lưu bát Niết Bàn 。

năm là thượng lưu Bát-niết-bàn. Lại có sáu hạng, năm hạng

如上加現在般涅槃。復有七種六種。

như thượng gia hiện tại bát Niết Bàn 。

Như thượng gia hiện tại Bát-niết-bàn. Lại có bảy hạng, sáu hạng

如上加無色界般涅槃行般涅槃。復有二種或受二身或受四身。

như thượng gia vô sắc giới bát Niết Bàn hành bát Niết Bàn 。

như thượng gia Vô sắc giới Bát-niết-bàn. Lại có hai hạng: Hoặc thọ hai thân, hoặc thọ bốn thân.

若受二身是名利根。若受四身是名鈍根。

nhược thọ nhị thân thị danh lợi căn 。 nhược thọ tứ thân thị danh độn căn 。

Nếu thọ hai thân thì gọi là lợi căn, nếu thọ bốn thân thì gọi là độn căn.

復有二種。一者精進無自在定。二者懈怠有自在定。

phục hữu nhị chủng 。 nhất giả tinh tấn vô tự tại định 。 nhị giả giải đãi hữu tự-tại định 。

Lại có hai hạng: Một là tinh tấn mà không chánh định tự tại, hai là giải đãi mà có chánh định tự tại.

復有二種。一者具精進定。二者不具是二。

phục hữu nhị chủng 。 nhất giả cụ tinh tấn định 。 nhị giả bất cụ thị nhị 。

Lại có hai hạng: Một là có đủ tinh tấn và chánh định tự tại, hai là không có đủ cả hai.

善男子。欲色眾生有二種業。一者作業。

thiện nam tử 。 dục sắc chúng sanh hữu nhị chủng nghiệp 。 nhất giả tác nghiệp 。

Này thiện nam tử! Chúng sanh trong cõi Dục có hai thứ nghiệp: Một là tác nghiệp,

二者受生業。中涅槃者。唯有作業無受生業。

nhị giả thọ sanh nghiệp 。 trung Niết Bàn giả 。 duy hữu tác nghiệp thị cố sanh nghiệp 。

hai là thọ sanh nghiệp. Bạc trung Bát-niết-bàn chỉ có tác nghiệp mà không có thọ sanh nghiệp,

是故於中而般涅槃。捨欲界身未至色界。

thị cố ư trung nhi bát Niết-Bàn 。 xả dục giới thân vị chí sắc giới 。

vì thế ở trong đó mà Bát-niết-bàn, bỏ thân cõi Dục khi chưa đến cõi Sắc,

以利根故於中涅槃是中涅槃。阿那含人有四種心。

dĩ lợi căn cố ư trung Niết Bàn thị trung Niết Bàn 。 A na hàm nhân hữu tứ chủng tâm 。

vì lợi căn mà Bát-niết-bàn. Bạc A-na-hàm Trung Bát-niết-bàn này có bốn tâm:

一者非學非無學。二者學。三者無學。

nhất giả phi học phi vô học 。 nhị giả học 。 tam giả vô học 。

Một là phi học phi vô học, hai là học, ba là vô học,

四者非學非無學。入於涅槃云何復名中般涅槃。

tứ giả phi học phi vô học 。 nhập ư Niết Bàn vân hà phục danh trung bát Niết Bàn 。

bốn alf phi học phi vô học nhập Niết-bàn. Thế nào gọi là Trung Bát-niết-bàn?

善男子。是阿那含四種心中。

thiện nam tử 。 thị A na hàm tứ chủng tâm trung 。

Này thiện nam tử! Trong bốn thứ tâm của bậc A-na-hàm này

二是涅槃二非涅槃。是故名為中般涅槃。受身涅槃復有二種。

nhị thị Niết Bàn nhị phi Niết Bàn 。

thị cố danh vi trung bát Niết Bàn 。

thọ thân Niết Bàn
phục hữu nhị chủng 。

hai tâm là Niết-bàn, hai tâm không phải Niết-bàn, vì thế gọi là Trung Bát-niết-bàn. Thọ
thân Niết-bàn lại có hai thứ:

一者作業。二者生業。

nhất giả tác nghiệp 。

nhị giả sanh nghiệp 。

Một là tác nghiệp, hai là sanh nghiệp.

是人捨欲界身受色界身。精勤修道盡其壽命入於涅槃。

thị nhân xả dục giới thân thọ sắc giới thân 。

tinh tinh cần tu đạo tận kỳ thọ mạng nhập ư
Niết Bàn 。

Bậc này bỏ thân cõi Dục, thọ thân cõi Sắc, tinh tấn tu hành mãn thọ mạng thì nhập Niết-
bàn.

迦葉菩薩言。世尊。若言盡命入涅槃者。

Ca Diếp Bồ-tát ngôn 。

Thế Tôn 。

nhược ngôn tận mạng nhập Niết-Bàn giả 。

Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu thọ mạng hết thì nhập Niết-bàn
云何而言受身涅槃。佛言。善男子。

vân hà nhi ngôn thọ thân Niết Bàn 。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

vì sao lại gọi là thọ thân Niết-bàn? Phật dạy: Này thiện nam tử!

是人受身然後乃斷三界煩惱。是故名為受身涅槃。善男子。

thị nhân thọ thân nhiên hậu nãi đoạn tam giới phiền não 。

thị cố danh vi thọ thân Niết Bàn
。

thiện nam tử 。

Bậc này thọ thân rồi sau mới dứt hết phiền não trong ba cõi, vì thế gọi là thọ thân Niết-
bàn. Này thiện nam tử!

行般涅槃者。常修行道有為三昧力故。

hành bát Niết Bàn giả 。

thường tu hành đạo hữu vi tam muội lực cố 。

Bậc hành Bát-niết-bàn ấy thường tu hành do sức Tam-muội hữu vi nên
能斷煩惱入於涅槃。是名行般涅槃。無行般涅槃者。

năng đoạn phiền não nhập ư Niết Bàn 。 thị danh hành bát Niết-Bàn 。 vô hành bát Niết Bàn giả 。

có thể dứt phiền não nhập Niết-bàn, đây gọi là Hành Bát-niết-bàn. Vô hành Bát-niết-bàn là

是人定知當得涅槃是故懈怠。

thị nhân định tri đương đắc Niết Bàn thị cố giải đãi 。

bậc này rõ biết chắc chắn sẽ chứng được Niết-bàn nên giải đãi,

亦以有為三昧力故。壽盡則得入於涅槃。是名無行般涅槃。

diệc dĩ hữu vi tam muội lực cố 。 thọ tận tắc đắc nhập ư Niết Bàn 。 thị danh vô hành bát Niết Bàn 。

cũng do sức Tam-muội hữu vi nên mãn thọ mạng thì được nhập Niết-bàn, đây gọi là Vô hành Bát-niết-bàn.

上流般涅槃者。若有人得第四禪已。

thượng lưu bát Niết-Bàn giả 。 nhược hữu nhân đắc đệ tứ Thiền dĩ 。

Thượng lưu Bát-niết-bàn là nếu có người được đệ tứ Thiền rồi,

是人生於初禪愛心。以是因緣退生初禪。是有二流。

thị nhân sanh ư sơ Thiền ái tâm 。 dĩ thị nhân duyên thoái sanh sơ Thiền 。 thị hữu nhị lưu 。

người này lại sanh lòng mến Sơ thiền, do nhân duyên này nên sanh trở lại Sơ thiền. Nơi đây có hai dòng:

一煩惱流。二者道流。

nhất phiền não lưu 。 nhị giả đạo lưu 。

Một là dòng phiền não, hai là dòng đạo.

以道流故是人壽盡生二禪愛。以愛因緣生於二禪。

dĩ đạo lưu cố thị nhân thọ tận sanh nhị Thiền ái 。 dĩ ái nhân duyên sanh ư nhị Thiền 。

Do dòng đạo nên người này mãn thọ mạng sanh mến Nhị thiền, do nhân duyên mến tiếc này nên sanh ở Nhị thiền.

至第四禪亦復如是。是四禪中復有二種。一者入無色界。

chí đệ tứ Thiền diệc phục như thị 。 thị tứ Thiền trung phục hữu nhị chủng 。 nhất giả nhập vô sắc giới 。

Đến đệ Tứ thiền cũng lại như vậy. Trong đệ Tứ thiền lại có hai hạng: Một là vào cõi Vô sắc,

二者入五淨居。如是二人。一樂三昧二樂智慧。

nhị giả nhập ngũ tịnh cư 。 như thị nhị nhân 。 nhất lạc tam muội nhị lạc trí tuệ 。

hai là vào Trời Ngũ Tịnh Cư. Hai bậc này một là thích Tam-muội, hai là thích trí tuệ.

樂智慧者入五淨居。樂三昧者入無色界。

lạc trí tuệ giả nhập ngũ tịnh cư 。 lạc tam muội giả nhập vô sắc giới 。

Bậc thích trí tuệ thì vào cõi Trời Ngũ Tịnh Cư. Bậc thích Tam-muội thì vào cõi Vô sắc.

如是二人。一者修第四禪有五階差。二者不修。

như thị nhị nhân 。 nhất giả tu đệ tứ Thiền hữu ngũ giai sai 。 nhị giả bất tu 。

Hai hạng này, một là hạng tu đệ Tứ thiền có năm tầng bậc, hai là hạng không tu.

云何為五。下中上上中上上。

vân hà vi ngũ 。 hạ trung thượng thượng trung thượng thượng 。

Thế nào là năm tầng bậc? Là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng.

修上上者處無小天。修上中者處善現天。

tu thượng thượng giả xử vô tiểu Thiên 。 tu thượng trung giả xử thiện hiện Thiên 。

Bậc tu thượng thượng ở cõi Vô Tiểu Thiên, bậc tu trung thượng thì ở Thiện Hiện Thiên,

修上品者處善可見天。修中品者處無熱天。修下品者處少廣天。

tu thượng phẩm giả xử thiện khả kiến Thiên 。 tu trung phẩm giả xử vô nhiệt Thiên 。 tu hạ phẩm giả xử thiếu quảng Thiên 。

bậc tu thượng phẩm thì ở Thiện Kiến Thiên, bậc tu trung phẩm thì ở Vô Nhiệt Thiên, bậc

tu hạ phẩm thì ở Thiếu Quảng Thiên.

如是二人。一樂論議。二樂寂靜。

như thị nhị nhân 。 nhất lạc luận nghị 。 nhị lạc tịch tĩnh 。

Hai bậc này, một là thích luận nghị, hai là thích tịch tĩnh.

樂寂靜者入無色界。樂論議者處五淨居。復有二種。

lạc tịch tĩnh giả nhập vô sắc giới 。 lạc luận nghị giả xử ngũ tịnh cư 。 phục hữu nhị chủng

。

Bậc thích tịch tĩnh thì vào cõi Vô sắc, bậc thích luận nghị thì ở cõi Ngũ Tịnh Cư. Lại có hai hạng:

一者修熏禪。二者不修熏禪。

nhất giả tu huân Thiền 。 nhị giả bất tu huân Thiền 。

Một là tu huân thiền, hai là không tu huân thiền.

修熏禪者入五淨居。不修熏禪者生無色界。

tu huân Thiền giả nhập ngũ tịnh cư 。 bất tu huân Thiền giả sanh vô sắc giới 。

Bậc tu huân thiền thì vào cõi Ngũ Tịnh Cư, bậc không tu huân thiền thì vào cõi Vô sắc, 盡其壽命而般涅槃。是名上流般涅槃。若欲入於無色界者。

tận kỳ thọ mạng nhi bát Niết-Bàn 。 thị danh thượng lưu bát Niết-Bàn 。 nhược dục nhập ư vô sắc giới giả 。

mãn thọ mạng mà nhập Niết-bàn. Đây gọi là thượng lưu Bát-niết-bàn. Nếu muốn vào cõi Vô sắc thì

即不能修四禪五差。

tức bất năng tu tứ Thiền ngũ sai 。

không thể tu năm tầng bậc của Tứ thiền.

若修四禪五差則能呵責無色界定。迦葉菩薩白佛言。世尊。

nhược tu tứ Thiền ngũ sai tắc năng ha trách vô sắc giới định 。

Nếu tu năm tầng bậc của Tứ thiền thì có thể quở trách định Vô sắc. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

中涅槃者則是利根。

trung Niết Bàn giả tắc thị lợi căn 。

Bậc trung Bát-niết-bàn thì là lợi căn.

若利根者何不現在入涅槃耶。何故欲界有中涅槃色界則無。佛言。

nhược lợi căn giả hà bất hiện tại nhập Niết Bàn da 。

Nếu là bậc lợi căn thì vì sao không hiện tại nhập Niết-bàn? Vì sao cõi Dục có Niết-bàn mà cõi Sắc thì không? Phật dạy:

善男子。是人現在四大羸劣不能修道。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử! Người này thân hiện tại yếu kém không thể tu đạo.

雖有比丘四大康健。無有房舍飲食衣服臥具醫藥。

tuy hữu Tỳ kheo tứ đại khang kiện 。

Tuy có Tỳ-kheo thân thể tráng kiện, nhưng những duyên nhà cửa, uống ăn, y phục, đồ nằm, thuốc men

眾緣不具是故不得現在涅槃。善男子。

chúng duyên bất cụ thị cố bất đắc hiện tại Niết Bàn 。 thiện nam tử 。

không đầy đủ nên không được hiện tại Niết-bàn. Này thiện nam tử!

我昔一時在舍衛國阿那邠低精舍。

ngã tích nhất thời tại xá vệ quốc a na bân đề Tịnh Xá 。

Ta xưa một thì ở nước Xá-vệ, tại Tịnh xá A-na-phân-chỉ,

有一比丘來至我所作如是言。世尊。

hữu nhất Tỳ kheo lai chí ngã sở tác như thị ngôn 。

có một Tỳ-kheo đến bạch với Ta rằng: Bạch Thế Tôn!

我常修道而不能得須陀洹果至阿羅漢果。我時即告阿難言。

ngã thường tu đạo nhi bất năng đắc Tu đà hoàn quả chí A la hán quả 。

Nan ngôn 。

Ta thường tu đạo mà không thể được quả Tu-đà-hoàn đến quả A-la-hán. Khi ấy Ta nói với A-nan rằng:

汝今當為如是比丘具諸所須。

nhữ kim đương vị như thị Tỳ kheo cụ chư sở tu 。

Ông nay nên lo đủ đồ cần dùng cho các Tỳ-kheo này.

爾時阿難將是比丘。至祇陀林與好房舍。

nhĩ thời A Nan tướng thị Tỳ kheo。 chí Kì Đà lâm dữ hảo phòng xá 。

Lúc bấy giờ A-nan liền dắt các Tỳ-kheo đó đến rừng Kỳ Đà cho ở phòng nhà tốt đẹp.

是時比丘語阿難言。大德。唯願為我莊嚴房舍淨潔修治。

thị thời Tỳ kheo ngữ A Nan ngôn 。

Đại Đức 。

duy nguyện vi ngã trang nghiêm phòng xá tịnh khiết tu trì 。

Khi ấy các Tỳ-kheo nói với A-nan rằng: Đại Đức! Nguyện xin Đại Đức vì chúng tôi mà sửa

soạn phòng nhà, dọn dẹp thật sạch sẽ,

七寶嚴麗懸繪幡蓋。阿難言。

thất bảo nghiêm lệ huyền tăng phiên cái 。

A Nan ngôn 。

dùng bảy báu trang nghiêm, treo phan lọng bằng lụa. A-nan nói rằng:

世間貧者乃名沙門。我當云何能辦是事。是比丘言。大德。

thế gian bần giả nãi danh Sa Môn 。 ngã đương vân hà năng bạn thị sự 。 thị Tỳ kheo ngôn 。 Đại Đức 。

Người nghèo trong thế gian mới được gọi là Sa-môn, tôi nay làm sao sắm được những thứ như vậy? Các Tỳ-kheo này nói: Đại Đức!

若能為我作者善哉善哉。

nhược năng vị ngã tác giả Thiện tai Thiện tai 。

Nếu có thể vì chúng tôi mà sắm sửa thì rất tốt, rất tốt,

若不能者我當還往至世尊所。爾時阿難即往佛所作如是言。世尊。

nhược bất năng giả ngã đương hoàn vãng chí Thế tôn sở 。 nhĩ thời A Nan tức vãng Phật sở tác như thị ngôn 。

Thế Tôn 。

nếu không thể, chúng tôi sẽ trở lại chỗ Thế Tôn. Lúc bấy giờ A-nan liền trở về chỗ Thế Tôn mà bạch rằng: Bạch Thế Tôn!

向者比丘。從我求索種種莊嚴七寶幡蓋。

hướng giả Tỳ kheo。tòng ngã cầu tác chủng chủng trang nghiêm thất bảo phiên cái 。

Các Tỳ-kheo này yêu cầu con sắm sửa phan lọng bảy báu,

不審是事當云何耶。我於爾時復告阿難。

bất thẩm thị sự đương vân hà da 。

ngã ư nhĩ thời phục cáo A Nan 。

không hiểu sự việc này vì sao? Lúc bấy giờ Ta nói với A-nan rằng:

汝今還去隨比丘意。所須之物為辦具之。

nhữ kim hoàn khứ tùy Tỳ kheo ý 。

sở tu chi vật vi bạn cụ chi 。

Ông nay hãy sắm sửa đầy đủ tất cả những vật theo ý của các Tỳ-kheo đó.

爾時阿難即還房中。為是比丘事事具辦。

nhĩ thời A Nan tức hoàn phòng trung 。

vi thị Tỳ kheo sự sự cụ biện 。

Lúc bấy giờ A-nan liền trở vào phòng, vì các Tỳ-kheo mà sắm sửa đầy đủ các thứ cần dùng.

比丘得已繫念修道。不久即得須陀洹果至阿羅漢果。

Tỳ kheo đắc dĩ hệ niệm tu đạo 。

bất cửu tức đắc Tu đà hoàn quả chí A la hán quả 。

Các Tỳ-kheo được những đồ cần dùng theo ý mình rồi, liền nhiếp niệm tu hành, không bao lâu đắc quả Tu-đà-hoàn đến quả A-la-hán.

善男子。無量眾生應入涅槃。

thiện nam tử 。

vô lượng chúng sanh ứng nhập Niết Bàn 。

Này thiện nam tử! Vô lượng chúng sanh đáng được nhập Niết-bàn,

以所乏故妨亂其心是故不得。善男子。復有眾生多慕教化。

dĩ sở phạp cố phương loạn kỳ tâm thị cố bất đắc 。 thiện nam tử 。 phục hữu chúng sanh
đa hĩ giáo hóa 。

nhưng vì tâm niệm của họ thiếu thốn, chướng ngại, loạn động nên không được. Này thiện
nam tử! Lại có chúng sanh thích giáo hóa nhiều,

其心忽務不能得定。是故不得現在涅槃。

kỳ tâm hốt vụ bất năng đắc định 。 thị cố bất đắc hiện tại Niết Bàn 。

tâm của họ bực bội không thể đắc định, vì thế không được hiện tại Niết-bàn.

善男子。如汝所問何因緣故。

thiện nam tử 。 như nhữ sở vấn hà nhân duyên cố 。

Này thiện nam tử! Như lời ông hỏi: vì nhân duyên gì mà

捨欲界身有中涅槃色界無者。善男子。

xả dục giới thân hữu trung Niết Bàn sắc giới vô giả 。 thiện nam tử 。

xả bỏ thân cõi Dục có hạng Trung Bát-niết-bàn, còn cõi Sắc thì không? Này thiện nam tử!

是人觀於欲界煩惱因緣有二。一者內。二者外。而色界中無外因緣。

thị nhân quán ư dục giới phiền não nhân duyên hữu nhị 。 nhất giả nội 。 nhị giả ngoại 。

nhị sắc giới trung vô ngoại nhân duyên 。

Người này quán phiền não cõi Dục có hai nhân duyên: Một là nội, hai là ngoại, mà trong
cõi Sắc thì không có ngoại nhân duyên.

欲界復有二種愛心。一者欲愛。二者色愛。

dục giới phục hữu nhị chủng ái tâm 。 nhất giả dục ái 。 nhị giả sắc ái 。

Cõi Dục lại có hai thứ tâm ái: Một là Dục ái, hai là Sắc ái,

觀是二愛至心呵責。既呵責已得入涅槃。

quán thị nhị ái chí tâm ha trách 。 ký ha trách dĩ đắc nhập Niết-Bàn 。

quán hai tâm ái này đến tâm quở trách, quở trách rồi được nhập Niết-bàn.

是欲界中能得呵責諸塵煩惱。

thị dục giới trung năng đắc ha trách chư thô phiền não 。

Trong cõi Dục này có thể quở trách các phiền não thô như:

所謂慳貪瞋妬無慚無愧。以是因緣能得涅槃。

sở vị khan tham sân đố vô tầm vô quý 。 dĩ thị nhân duyên năng đắc Niết Bàn 。 Xan tham, sân hận, tật đố, vô tầm, vô quý, do nhân duyên này nên được nhập Niết-bàn.

又欲界道其性勇健。何以故得四果故。

hựu dục giới đạo kỳ tánh dũng kiện 。 hà dĩ cố đắc tứ quả cố 。

Lại người trong cõi Dục bản tánh dũng kiện. Vì sao? Vì được bốn quả

是故欲界有中涅槃色界中無。善男子。中涅槃者凡有三種。

thị cố dục giới hữu trung Niết Bàn sắc giới trung vô 。 thiện nam tử 。 trung Niết Bàn giả phạm hữu tam chủng 。

nên trong cõi Dục có trung Bát-niết-bàn, trong cõi Sắc thì không. Nay thiện nam tử! Trung Bát-niết-bàn thì có ba hạng:

謂上中下。上者。捨身未離欲界便得涅槃。中者。

vị thượng trung hạ 。 thượng giả 。 xả thân vị ly dục giới tiệp đắc Niết-Bàn 。 trung giả 。

Thượng, trung và hạ. Hạng thượng, lúc bỏ thân chưa rời cõi Dục bèn được Niết-bàn. Hạng trung

始離欲界未至色界便得涅槃。下者。

thủy ly dục giới vị chí sắc giới tiệp đắc Niết-Bàn 。 hạ giả 。

mới rời cõi Dục chưa đến đến cõi Sắc liền được Niết-bàn. Hạng hạ

離欲界已至色界邊乃得涅槃。喻以[魚*昔]魚得食已住。

ly dục giới dĩ chí sắc giới biên nãi đắc Niết Bàn 。 dụ dĩ [ngư * tích]ngư đắc thực dĩ trụ 。

rời cõi Dục đến sanh cõi Sắc mới được Niết-bàn. Như cá Tích được thức ăn rồi thì dừng lại.

是人亦爾。云何名住。

thị nhân diệc nhĩ 。 vân hà danh trụ 。

Hạng này cũng vậy. Thế nào gọi là dừng lại?

處在色界及無色界得受身故。是故名住。

xử tại sắc giới cập vô sắc giới đắc thọ thân cố 。

Ở nơi cõi Sắc và cõi Vô sắc được thọ thân nên gọi là dừng lại.

不受欲界人天地獄畜生餓鬼。是故名住。已斷無量諸煩惱結餘少在故。

bất thọ dục giới nhân Thiên Địa ngục súc sanh nγα quỷ 。

thị cố danh trụ 。

dĩ đoạn vô lượng chư phiền não kết dư thiểu tại cố 。

Và do không còn thọ thân người, Trời, địa ngục, súc sanh, nạ quỷ trong cõi Dục nên gọi là dừng lại. Vì đã dứt vô lượng các phiền não, kiết sử còn thừa lại chút ít

是故名住。復何因緣名之為住。

thị cố danh trụ 。 phục hà nhân duyên danh chi vi trụ 。

nên gọi là dừng lại. Lại vì nhân duyên gì gọi là dừng lại?

終不造作共凡夫事。是故名住。自無所畏不令他畏。

chung bất tạo tác cộng phàm phu sự 。 thị cố danh trụ 。 tự vô sở úy bất linh tha úy 。

Vì trọn không gây tạo nghiệp phàm phu nên gọi là dừng lại. Tự mình không còn sợ sệt, không còn làm cho người khác sợ sệt

是故名住。遠離二愛慳貪瞋恚。是故名住。善男子。

thị cố danh trụ 。 viễn li nhị ái khan tham sân khuể 。 thị cố danh trụ 。 thiện nam tử 。

nên gọi là dừng lại. Vì xa lìa hai tâm ái là xan tham và sân hận nên gọi là dừng lại. Nay thiện nam tử!

到彼岸者。喻阿羅漢辟支佛菩薩佛。

đáo bỉ ngạn giả 。 dụ A La Hán Bích-chi-phật Bồ-tát Phật 。

bậc đến bờ bên kia là A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát và chư Phật

猶如神龜水陸俱行。何因緣故。喻之以龜。

do như Thần quy thủy lục câu hành 。 hà nhân duyên cố 。 dụ chi dĩ quy 。

dụ như Rùa thần trên bờ dưới nước đều đi lại tự tại. Vì nhân duyên gì dùng rùa thần để ví dụ?

善藏五根故。阿羅漢乃至諸佛亦復如是。

thiện tạng ngũ căn cố 。 A La Hán nãi chí chư Phật diệc phục như thị 。

Vì rùa thần khéo dấu năm chi nên dùng rùa để ví dụ. Bậc A-la-hán cho đến chư Phật cũng lại như vậy,

善覆五根是故喻龜。言水陸者。水喻世間陸喻出世。

thiện phúc ngũ căn thị cố dụ quy 。 ngôn thủy lục giả 。 thủy dụ thế gian lục dụ xuất thế 。

khéo che dấu năm căn nên dùng rùa để ví dụ. Nói dưới nước là dụ cho thế gian, trên bờ dụ cho xuất thế gian.

是諸聖等亦復如是。

thị chư Thánh đẳng diệc phục như thị 。

Các bậc Thánh này cũng lại như vậy,

能觀一切惡煩惱故到於彼岸。是故喻以水陸俱行。善男子。

năng quán nhất thiết ác phiền não cố đáo ư bỉ ngạn 。 thị cố dụ dĩ thủy lục câu hành 。
thiện nam tử 。

có thể quán tất cả các phiền não xấu ác nên đến bờ bên kia, vì thế nói dưới nước trên bờ
đều đi lại tự tại. Nay thiện nam tử!

如恒河中七種眾生。雖有魚龜之名不離於水。

như hằng hà trung thất chủng chúng sanh 。 tuy hữu ngư quy chi danh bất ly ư thủy 。

Như bảy hạng chúng sanh trong sông Hằng, tuy có tên cá rùa nhưng không rời khỏi nước.
如是微妙大涅槃中。

như thị vi diệu Đại Niết Bàn trung 。

Trong Kinh Đại Niết-bàn vi diệu này,

從一闍提上至諸佛雖有異名。然亦不離於佛性水。善男子。

tòng nhất xiển đề thượng chí chư Phật tuy hữu dị danh 。 nhiên diệc bất ly ư Phật tánh
thủy 。

từ Nhất-xiển-đề cho đến chư Phật tuy có tên gọi khác nhau nhưng cũng không rời khỏi
nước Phật tánh. Nay thiện nam tử!

是七眾生若善法若不善法。

thị thất chúng sanh nhược thiện Pháp nhược bất thiện Pháp 。

Bảy hạng chúng sanh này hoặc pháp lành, hoặc pháp không lành,

若方便道若解脫道若次第道。若因若果悉是佛性。

nhược phương tiện đạo nhược giải thoát đạo nhược thứ đệ đạo 。

hoặc đạo phương tiện, hoặc đạo giải thoát, hoặc đạo thứ đệ, hoặc nhân, hoặc quả, tất cả
đều là Phật tánh.

是名如來隨自意語。迦葉菩薩言。世尊。若有因則有果。

thị danh Như Lai tùy tự ý ngữ 。

Đây gọi là từ ngữ tùy ý của Như Lai. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Nếu
có nhân thì có quả.

若無因則無果。涅槃名果。常故無因。

nhược vô nhân tắc vô quả 。

Nếu không nhân thì không quả. Niết-bàn gọi là quả, là thường trụ nên không nhân.
若無因者云何名果。而是涅槃亦名沙門名沙門果。

nhược vô nhân giả vân hà danh quả 。 nhi thị Niết Bàn diệt danh Sa Môn danh Sa Môn quả 。

Nếu đã không nhân thì tại sao lại gọi là quả? Mà Niết-bàn này cũng gọi là Sa-môn, cũng gọi là Sa-môn quả.

云何沙門。云何沙門果。善男子。一切世間有七種果。

vân hà Sa Môn 。 vân hà Sa Môn quả 。 thiện nam tử 。 nhất thiết thế gian hữu thất chủng quả 。

Thế nào gọi là Sa-môn? Thế nào gọi là Sa-môn quả? Nay thiện nam tử! Trong thế gian có tất cả bảy thứ quả:

一者方便果。二者報恩果。三者親近果。

nhất giả phương tiện quả 。 nhị giả báo ân quả 。 tam giả thân cận quả 。

một là phương tiện quả, hai là báo ân quả, ba là thân cận quả,

四者餘殘果。五者平等果。六者果報果。

tứ giả dư tàn quả 。 ngũ giả bình đẳng quả 。 lục giả quả báo quả 。

bốn là dư tàn quả, năm là bình đẳng quả, sáu là quả báo quả,

七者遠離果。方便果者。如世間人秋多收穀。

thất giả viễn ly quả 。 phương tiện quả giả 。 như thế gian nhân thu đa thu cốc 。

bảy là viễn ly quả. Phương tiện quả là như người thế gian, mùa Thu thu gặt được nhiều lúa,

咸相謂言得方便果。方便果者名業行果。

hàm tương vị ngôn đắc phương tiện quả 。 phương tiện quả giả danh nghiệp hành quả 。

nói với nhau rằng được phương tiện quả. Phương tiện quả gọi là nghiệp hành quả.

如是果者有二種因。一者近因。二者遠因。近因者。

như thị quả giả hữu nhị chủng nhân 。 nhất giả cận nhân 。 nhị giả viễn nhân 。 cận nhân giả 。

Quả này có hai nhân: Một là cận nhân, hai là viễn nhân. Cận nhân là

所謂種子。遠因者。謂水糞人功。是名方便果。

sở vị chủng tử 。 viễn nhân giả 。 vị thủy phần nhân công 。 thị danh phương tiện quả 。

hột giống, viễn nhân là nước, phân bón, nhân công, đây gọi là phương tiện quả.

報恩果者。如世間人供養父母。

báo ân quả giả 。 như thế gian nhân cung dưỡng phụ mẫu 。

Báo ân quả là như người thế gian phụng dưỡng cha mẹ.

父母咸言我今已得恩養之果。子能報恩名之為果。

phụ mẫu hàm ngôn ngã kim dĩ đắc ân dưỡng chi quả 。

tử năng báo ân danh chi vi quả 。

Cha mẹ nói rằng ta nay đã được quả báo ân phụng dưỡng. Người con có thể báo ân, gọi đó là quả.

如是果者因亦二種。一者近因。二者遠因。近因者。

như thị quả giả nhân diệc nhị chủng 。

nhất giả cận nhân 。

nhị giả viễn nhân 。

cận nhân giả 。

Quả này nhân cũng có hai: Một là cận nhân, hai là viên nhân. Cận nhân là 即是父母過去純善之業。遠因者。

tức thị phụ mẫu quá khứ thuần thiện chi nghiệp 。

viễn nhân giả 。

chính là nghiệp thuần thiện đời quá khứ của cha mẹ. Viễn nhân là 即是所生孝子。是名報恩果。親近果者。

chính là sanh ra người con hiếu thảo, đây gọi là báo ân quả. Thân cận quả là

譬如有人親近善友或得須陀洹果至阿羅漢果。

thí như hữu nhân thân cận thiện hữu hoặc đắc Tu đà hoàn quả chí A la hán quả 。

thí như có người thân gần bạn lành, hoặc được quả Tu-đà-hoàn đến quả A-la-hán. 是人唱言我今已得親近果報。如是果者因有二種。

thị nhân xưng ngôn ngã kim dĩ đắc thân cận quả báo 。

như thị quả giả nhân hữu nhị chủng 。

Người này nói rằng tôi nay được quả báo thân cận. Quả này có hai thứ:

一者近因。二者遠因。近者信心。遠者善友。

nhất giả cận nhân 。

nhị giả viễn nhân 。

cận giả tín tâm 。

viễn giả thiện hữu 。

Một là cận nhân, hai là viên nhân. Cận nhân là tín tâm, viên là bạn lành, 是名親近果。餘殘果者。

thị danh thân cận quả 。

dư tàn quả giả 。

đây gọi là thân cận quả. Dư tàn quả là 如因不殺得第三身延年益壽。是名殘果。如是果者有二種因。

như nhân bất sát đắc đệ tam thân duyên niên ích thọ 。 thị danh tàn quả 。 như thị quả giả hữu nhị chủng nhân 。

như do nhân không sát sanh mà được thân thứ ba sống lâu nhiều năm, đây gọi là dư tàn quả. Quả này có hai nhân:

一者近因。二者遠因。近者。即是身口意淨。遠者。

nhất giả cận nhân 。 nhị giả viễn nhân 。 cận giả 。 tức thị thân khẩu ý tịnh 。 viễn giả 。

Một là cận nhân, hai là viễn nhân. Cận chính là thân, miệng và ý thanh tịnh. Viễn chính là 即是延年益壽。是名殘果。

tức thị duyên niên ích thọ 。 thị danh tàn quả 。

sống lâu nhiều năm, đây gọi là dư tàn quả.

平等果者謂世界器。如是果者亦二種因。一者近因。

bình đẳng quả giả vị thế giới khí 。 như thị quả giả diệt nhị chủng nhân 。 nhất giả cận nhân 。

Bình đẳng quả là nói khí thế giới. Quả này cũng có hai nhân: Một là cận nhân, 二者遠因。近因者。所謂眾生修十善業。遠因者。

nhị giả viễn nhân 。 cận nhân giả 。 sở vị chúng sanh tu thập thiện nghiệp 。 viễn nhân giả 。

hai là viễn nhân. Cận nhân là chúng sanh tu tập mười điều thiện. Viễn nhân là 所謂三災。是名平等果。果報果者。

sở vị tam tai 。 thị danh bình đẳng quả 。 quả báo quả giả 。

đại Tam tai, đây gọi là bình đẳng quả. Quả báo quả là

如人獲得清淨身已修身口意清淨三業。

như nhân hoạch đắc thanh tịnh thân dĩ tu thân khẩu ý thanh tịnh tam nghiệp 。

như người chứng được thân thanh tịnh rồi tu ba nghiệp thân, khẩu ý thanh tịnh.

是人便說我得報果。如是果者因有二種。一者近因。

thị nhân tiện thuyết ngã đắc báo quả 。 như thị quả giả nhân hữu nhị chủng 。 nhất giả cận nhân 。

Người này bèn nói tôi được quả báo. Quả này có hai nhân: Một là cận nhân,

二者遠因。近因者。所謂現在身口意淨。遠因者。

nhị giả viễn nhân 。 cận nhân giả 。 sở vị hiện tại thân khẩu ý tịnh 。 viễn nhân giả 。

hai là viễn nhân. Cận nhân là thân, miệng và ý hiện tại thanh tịnh. Viễn nhân là

所謂過去身口意淨。是名果報果。遠離果者。

sở vị quá khứ thân khẩu ý tịnh 。 thị danh quả báo quả 。 viễn ly quả giả 。

thân, miệng và ý thanh tịnh trong quá khứ, đây gọi là quả báo quả. Viễn ly quả
即是涅槃離諸煩惱一切善業。

tức thị Niết Bàn ly chư phiền não nhất thiết thiện nghiệp 。

chính là Niết-bàn lìa các phiền não, tất cả nghiệp lành

是涅槃因復有二種。一者近因。二者遠因。近因者。

thị Niết Bàn nhân phục hữu nhị chủng 。

nhất giả cận nhân 。

nhị giả viễn nhân 。

cận nhân giả 。

là nhân Niết-bàn. Nhân Niết-bàn này lại có hai thứ: Một là cận nhân, hai là viễn nhân. Cận
là

即是三解脫門。遠因者。即無量世所修善法。善男子。

tức thị tam giải thoát môn 。

viễn nhân giả 。

tức vô lượng thế sở tu thiện Pháp 。

thiện nam tử 。

ba môn giải thoát, viễn là pháp lành đã tu từ vô lượng đời. Nay thiện nam tử!

如世間法或說生因或說了因。

như thế gian Pháp hoặc thuyết sanh nhân hoặc thuyết liễu nhân 。

Như pháp thế gian hoặc nói sanh nhân, hoặc nói liễu nhân.

出世之法亦復如是亦說生因亦說了因。善男子。

xuất thế chi Pháp diệc phục như thị diệc thuyết sanh nhân diệc thuyết liễu nhân 。

thiện nam tử 。

Pháp xuất thế gian cũng lại như vậy, cũng nói sanh nhân, cũng nói liễu nhân. Nay thiện
nam tử!

三解脫門三十七品。能為一切煩惱作不生因。

tam giải thoát môn tam thập thất phẩm 。

năng vi nhất thiết phiền não tác bất sanh sanh nhân 。

Ba môn giải thoát, ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể làm cho sanh nhân của tất cả phiền
não không sanh được,

亦為涅槃而作了因。善男子。

diệc vị Niết Bàn nhi tác liễu nhân 。

thiện nam tử 。

cũng làm liễu nhân cho Niết-bàn. Nay thiện nam tử!

遠離煩惱則得了了見於涅槃。是故涅槃唯有了因無有生因。

viễn li phiền não tắc đắc liễu liễu kiến ư Niết Bàn 。 thị cố Niết Bàn duy hữu liễu nhân vô hữu sanh nhân 。

Xa lìa phiền não thì được thấy rõ Niết-bàn, vì thế Niết-bàn chỉ có liễu nhân, mà không có sanh nhân.

善男子。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử!

如汝所問云何沙門那云何沙門果者。善男子。沙門那者即八正道。

như nhữ sở vấn vân hà Sa Môn na vân hà Sa Môn quả giả 。

thiện nam tử 。

Sa Môn na giả tức Bát Chánh Đạo 。

Như lời ông hỏi: Thế nào là Sa-môn? Thế nào là Sa-môn quả? Này thiện nam tử! Sa-môn-na tức là Bát chánh đạo.

沙門果者從道畢竟永斷一切貪瞋癡等。

Sa Môn quả giả tòng đạo tất cánh vĩnh đoạn nhất thiết tham sân si đẳng 。

Sa-môn quả là từ nơi đạo rốt ráo xa lìa tất cả tham, sân, si vv...

是名沙門那沙門果。迦葉菩薩言。世尊。何因緣故。

thị danh Sa Môn na Sa Môn quả 。

Ca Diếp Bồ-tát ngôn 。

Thế Tôn 。

hà nhân duyên cố 。

Đây gọi là Sa-môn-na và Sa-môn quả. Ca-diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì

八正道者名沙門那。善男子。世言沙門名之為乏。

Bát Chánh Đạo giả danh Sa Môn na 。

thiện nam tử 。

thế ngôn Sa Môn danh chi vi phạp 。

gọi Bát chánh đạo là Sa-môn-na? Này thiện nam tử! Trong thế gian nói Sa-môn là người thiếu thốn.

那者名道。如是道者斷一切乏斷一切道。

na giả danh đạo 。

như thị đạo giả đoạn nhất thiết phạp đoạn nhất thiết đạo 。

Na gọi là đạo. Đạo này dứt lìa tất cả sự thiếu thốn, và dứt tất cả đạo,

以是義故。名八正道為沙門那。

dĩ thị nghĩa cố 。

danh Bát Chánh Đạo vi Sa Môn na 。

do nghĩa này nên gọi Bát chánh đạo là Sa-môn-na.

從是道中獲得果故名沙門果。善男子。又沙門那者。

tòng thị đạo trung hoạch đắc quả cố danh Sa Môn quả 。 thiện nam tử 。 hựu Sa Môn na giả 。

Từ trong đạo này chứng được quả nên gọi là Sa-môn quả. Đây thiện nam tử! Lại Sa-môn-na là

如世間人有樂靜者亦名沙門。如是道者亦復如是。

như thế gian nhân hữu lạc tĩnh giả diệc danh Sa Môn 。 như thị đạo giả diệc phục như thị 。

như người thế gian có ai thích tịch tĩnh cũng gọi là Sa-môn. Đạo này cũng lại như vậy, 能令行者離身口意惡邪命等得樂寂靜。

năng linh hành giả ly thân khẩu ý ác tà mạng đặng đắc lạc tịch tĩnh 。

có thể làm cho người tu hành xa lìa những sự ác tà mạng v.v. của thân. miệng và ý được vui tịch tịch,

是故名之為沙門那。善男子。如世下人能作上人。

thị cố danh chi vi Sa Môn na 。 thiện nam tử 。 như thế hạ nhân năng tác thượng nhân 。

nen gọi là Sa-môn-na. Đây thiện nam tử! Như trong đời, người dưới có thể làm người trên, 是名沙門。如是道者亦復如是。

thị danh Sa Môn 。 như thị đạo giả diệc phục như thị 。

đây gọi là Sa-môn. Đạo này cũng lại như vậy,

能令下人作上人故。是故得名為沙門那。善男子。

năng linh hạ nhân tác thượng nhân cố 。

thị cố đắc danh vi Sa Môn na 。 thiện nam tử 。

có thể làm cho người dưới thành người trên, vì thế nên được gọi là Sa-môn. Đây thiện nam tử!

阿羅漢人修是道者得沙門果。是故得名到於彼岸。

A La Hán nhân tu thị đạo giả đắc Sa Môn quả 。

阿羅漢果者即是無學。

A la hán quả giả tức thị vô học 。

Quả A-la-hán chính là

五分法身戒定慧解脫解脫知見。因是五分得到彼岸。

ngũ phân Pháp thân giới định tuệ giải thoát giải thoát tri kiến 。 nhân thị ngũ phân đắc đáo
bỉ ngạn 。

năm phần pháp thân của bậc vô học: Giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Do
năm phần này mà được đến bờ kia,

是故名為到於彼岸。到彼岸故而自說言。

thị cố danh vi đáo ư bỉ ngạn 。 đáo bỉ ngạn cố nhi tự thuyết ngôn 。

vì thế gọi là đến bờ kia. Do đến bờ kia nên tự nói rằng

我生已盡梵行已立。所作已辦更不受有。善男子。

ngã sanh dĩ tận phạm hành dĩ lập 。 sở tác dĩ bần canh bất thọ hữu 。 thiện nam tử 。

tôi đã hết sanh tử, phạm hạnh đã thành, chỗ làm đã làm xong, chẳng thọ thân đời sau.

Này thiện nam tử!

是阿羅漢永斷三世生因緣故。是故自說。我生已盡。

thị A La Hán vĩnh đoạn tam thế sanh nhân duyên cố 。

Bậc A-la-hán dứt hẳn nhân duyên sanh tử ba đời, nên nói tôi đã hết sanh tử,

亦斷三界五陰果故。是故復言我生已盡。

diệc đoạn tam giới ngũ uẩn quả cố 。

thị cố phục ngôn ngã sanh dĩ tận 。

cũng dứt thân ngũ ấm trong ba cõi nên lại nói rằng tôi đã hết sanh tử.

所修梵行已畢竟故。是故唱言梵行已立。

sở tu phạm hạnh dĩ tất cánh cố 。

thị cố xưng ngôn phạm hạnh dĩ lập 。

Chỗ tu phạm hạnh đã rốt ráo nên xưng rằng chỗ làm đã trọn.

又捨學道亦名已立。如本所求今日已得。

hựu xả học đạo diệc danh dĩ lập 。

như bốn sở cầu kim nhật dĩ đắc 。

Lại vì xả học đạo nên cũng gọi là trọn. Như chỗ mong cầu ngày trước, nay đã được

是故唱言所作已辦。修道得果亦言已辦。

thị cố xưng ngôn sở tác dĩ bần 。

tu đạo đắc quả diệc ngôn dĩ bần 。

nên lại xưng rằng chỗ làm đã xong, tu đạo được quả cũng nói rằng đã xong.

獲得盡智無生智故。唱言我生已盡盡諸有結。

hoạch đắc tận trí vô sanh trí cố 。

xưng ngôn ngã sanh dĩ tận tận chư hữu kết 。

Vì chứng được tận trí và vô sanh trìnên nói rằng tôi đã hết sanh tử, dứt hết kiết sử hữu
lậu.

以是義故。名阿羅漢得到彼岸。

dĩ thị nghĩa cố 。 danh A La Hán đắc đáo bỉ ngạn 。

Do nghĩa này nên gọi bậc A-la-hán được đến bờ kia.

如阿羅漢辟支佛亦復如是。

như A La Hán Bích-chi-phật diệc phục như thị 。

Như bậc A-la-hán, bậc Bích-chi-phật cũng lại như vậy.

菩薩及佛具足成就六波羅蜜名到彼岸。

Bồ-tát cập Phật cụ túc thành tựu lục ba la mật danh đáo bỉ ngạn 。

Bồ-tát và Phật thành tựu đầy đủ sáu Ba-la-mật gọi là đến bờ kia.

是佛菩薩得阿耨多羅三藐三菩提已。名為具足六波羅蜜。何以故。

thị Phật Bồ-tát đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề dĩ 。

danh vi cụ túc lục ba la mật 。

hà dĩ cố 。

Phật Bồ-tát được Vô Thượng Bồ-đề rồi nên gọi là đầy đủ sáu Ba-la-mật. Vì sao?

得六波羅蜜果故。以得果故名為具足。

đắc lục ba la mật quả cố 。

dĩ đắc quả cố danh vi cụ túc 。

Vì được quả của sáu Ba-la-mật. Do được quả nên gọi là đầy đủ.

善男子。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử!

是七眾不修身不修戒不修心不修慧。不能修習如是四事。

thị thất chúng sanh bất tu thân bất tu giới bất tu tâm bất tu huệ 。

bất năng tu tập như thị tứ sự 。

Bảy hạng chúng sanh này không thể tu tập bốn việc: Thân, giới, tâm và tuệ

則能造作五逆重罪。能斷善根犯四重禁謗佛法僧。

tắc năng tạo tác ngũ nghịch trọng tội 。

năng đoạn thiện căn phạm tứ trọng cấm báng Phật Pháp tăng 。

thì hay gây tạo năm nghịch tội, hay dứt lia căn lành, phạm bốn tội nặng phỉ báng Phật, Pháp và Tăng,

是故得名為常沈沒。善男子。

thị cố đắc danh vi thường trầm một 。

thiện nam tử 。

vì thế được gọi là thường chìm đắm. Này thiện nam tử!

是七人中有能親近善知識者。

thị thất nhân trung hữu năng thân cận thiện tri thức giả 。

Trong bảy hạng người này, nếu có người nào có thể thân gần thiện tri thức,

至心聽受如來正法內善思惟如法而住。精勤修習身戒心慧。

chí tâm thính thọ Như Lai chánh Pháp nội thiện tư duy như Pháp nhi trụ 。

。 tinh tinh cần tu
tập thân giới tâm tuệ 。

chí tâm nghe và nhận lấy chánh pháp của Như Lai, trong tâm khéo tư duy, như pháp mà
an trú, siêng năng tu tập thân, giới, tâm và tuệ.

是故得名渡生死河到於彼岸。

thị cố đắc danh độ sanh tử hà đảo ư bỉ ngạn 。

Vì thế, được gọi là qua khỏi sông sanh tử đến bờ bên kia.

若有說言一闍提人得阿耨多羅三藐三菩提者是名染著。

nhược hữu thuyết ngôn nhất xiển đề nhân đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề giả thị
danh nhiễm trước。

Nếu có người nói rằng: Hạng Nhất-xiển-đề được Vô Thượng Bồ-đề, lời này gọi là nhiễm
trước.

若言不得是名虛妄。善男子。是七種人或有一人具七。

nhược ngôn bất đắc thị danh hư vọng 。

。 thiện nam tử 。

。 thị thất chủng nhân hoặc hữu nhất
nhân cụ thất 。

Nếu nói rằng không được, thì gọi là lời hư dối. Nay thiện nam tử! Bảy hạng người này,
hoặc có một người đủ cả bảy,

或有七人各一。善男子。若有心口異想異說言。

hoặc hữu thất nhân các nhất 。

。 thiện nam tử 。

。 nhược hữu tâm khẩu dị tưởng dị thuyết
ngôn 。

hoặc có bảy người, mỗi người mỗi hạng. Nếu có người nào tâm tưởng khác, miệng nói
khác cho rằng

一闍提得阿耨多羅三藐三菩提者。

nhất xiển đề đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề giả 。

hạng Nhất-xiển-đề được Vô Thượng Bồ-đề,

當知是人謗佛法僧。若人心口異想異說言。

đương tri thị nhân báng Phật Pháp tăng 。 nhược nhân tâm khẩu dị tưởng dị thuyết ngôn
。

phải biết người này phỉ báng Phật, Pháp và Tăng. Nếu có người nào tâm tưởng khác,
miệng nói khác rằng:

一闡提不得阿耨多羅三藐三菩提。

nhất xiển đề bất đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề 。

hàng Nhất-xiển-đề không đợc Vô Thượng Bồ-đề.

是人亦名謗佛法僧。善男子。若有說言八聖道分凡夫所得。

thị nhân diệc danh báng Phật Pháp tăng 。 thiện nam tử 。

nhược hữu thuyết ngôn bát
Thánh đạo phân phàm phu sở đắc 。

Người này cũng gọi là phỉ báng Phật, Pháp và Tăng. Đây thiện nam tử! Nếu có người nói
rằng Bát chánh đạo phần của phàm phu đợc,

是人亦名謗佛法僧。

thị nhân diệc danh báng Phật Pháp tăng 。

người này cũng gọi là phỉ báng Phật, Pháp và Tăng.

若有說言八聖道分非凡夫得。是人亦名謗佛法僧。善男子。

nhược hữu thuyết ngôn bát Thánh đạo phân phi phàm phu đắc 。

thị nhân diệc danh báng
Phật Pháp tăng 。

thiện nam tử 。

Nếu có người nói rằng Bát chánh đạo phần không phải phàm phu đợc, người này cũng
gọi là phỉ báng Phật, Pháp và Tăng. Đây thiện nam tử!

若有說言一切眾生定有佛性定無佛性。

nhược hữu thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh định hữu Phật tánh định vô Phật tánh 。

Nếu có người nói rằng tất cả chúng sanh chắc chắn có Phật tánh, hoặc nói quyết định
không có Phật tánh,

是人亦名謗佛法僧。善男子。是故我於契經中說。

thị nhân diệc danh báng Phật Pháp tăng 。

thiện nam tử 。

thị cố ngã ư khế Kinh trung
thuyết 。

người này cũng gọi là phỉ báng Phật, Pháp và Tăng. Đây thiện nam tử! Vì thế trong khế
kinh Ta nói rằng

有二種人謗佛法僧。一者不信瞋恚心故。

hữu nhị chủng nhân báng Phật Pháp tăng 。

nhất giả bất tín sân khuyển tâm cố 。

có hai hạng người phỉ báng Phật, Pháp và Tăng: Một là người không tin, vì tâm sân giận.
二者雖信不解義故。善男子。若人信心無有智慧。

nhị giả tuy tín bất giải nghĩa cố 。 thiện nam tử 。 nhược nhân tín tâm vô hữu trí tuệ 。

Hai là tuy có tin nhưng vì không hiểu nghĩa. Nay thiện nam tử! Nếu người có tín tâm mà không có trí tuệ,

是人則能增長無明。若有智慧無有信心。

thị nhân tắc năng tăng trưởng vô minh 。 nhược hữu trí tuệ vô hữu tín tâm 。

người này có thể tăng trưởng vô minh. Nếu người có trí tuệ mà không có lòng tin,

是人則能增長邪見。善男子。不信之人瞋恚心故。

thị nhân tắc năng tăng trưởng tà kiến 。 thiện nam tử 。 bất tín chi nhân sân khuể tâm cố

。

người này có thể tăng trưởng tà kiến. Nay thiện nam tử! Người không tin vì tâm sân giận nên

說言無有佛法僧寶。信者無慧顛倒解義。

thuyết ngôn vô hữu Phật Pháp tăng bảo 。 tín giả vô tuệ điên đảo giải nghĩa 。

không có ba ngôi báu Phật, Pháp và Tăng. Người tin mà không có trí tuệ giải nghĩa điên đảo

令聞法者謗佛法僧。善男子。

linh văn Pháp giả báng Phật Pháp tăng 。 thiện nam tử 。

làm cho người nghe pháp phỉ báng Phật, Pháp và Tăng. Nay thiện nam tử!

是故我說不信之人瞋恚心故。有信之人無智慧故。

thị cố ngã thuyết bất tín chi nhân sân khuể tâm cố 。

Vì thế Ta nói người không tin vì tâm sân giận và người tin mà không có trí tuệ,

是人能謗佛法僧寶。善男子。

thị nhân năng báng Phật Pháp tăng bảo 。 thiện nam tử 。

những người này hay phỉ báng ba ngôi báu Phật, Pháp và Tăng. Nay thiện nam tử!

若有說言一闍提等未生善法。便得阿耨多羅三藐三菩提。

nhược hữu thuyết ngôn nhất xiển đề đẳng vị sanh thiện Pháp 。 tiệן đặc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề 。

Nếu có người nói rằng hàng Nhất-xiển-đề chưa sanh pháp lành, liền được Vô Thượng Bồ-đề,

是人亦名謗佛法僧。若復有言一闍提人捨一闍提。

thị nhân diệc danh báng Phật Pháp tăng 。 nhược phục hữu ngôn nhất xiển đề nhân xả nhất xiển đề 。

người này cũng gọi là phỉ báng Phật, Pháp và Tăng. Nếu lại nói rằng hàng Nhất-xiển-đề xả bỏ Nhất-xiển-đề

於異身中得阿耨多羅三藐三菩提。

ư dị thân trung đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề 。

ở trong thân khác được Vô Thượng Bồ-đề,

是人亦名謗佛法僧。若復說言一闍提人能生善根。

thị nhân diệc danh báng Phật Pháp tăng 。 nhược phục thuyết ngôn nhất xiển đề nhân năng sanh thiện căn 。

người này cũng gọi là phỉ báng Phật, Pháp và Tăng. Nếu lại nói rằng hàng Nhất-xiển-đề có thể sanh căn lành,

生善根已相續不斷得阿耨多羅三藐三菩提。

sanh thiện căn dĩ tương tục bất đoạn đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề 。

sanh căn lành xong, tiếp tục không gián đoạn đắc Vô Thượng Bồ-đề,

故言一闍提得阿耨多羅三藐三菩提。

cố ngôn nhất xiển đề đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề 。

nên nói Nhất-xiển-đề đắc Vô Thượng Bồ-đề,

當知是人謗三寶。善男子。

đương tri thị nhân bất báng Tam Bảo 。

phải biết người này không hủy báng Tam Bảo. Đây thiện nam tử!

若有人言一切眾生定有佛性常樂我淨。

nhược hữu nhân ngôn nhất thiết chúng sanh định hữu Phật tánh thường lạc ngã tịnh 。

Nếu có người nói rằng tất cả chúng sanh chắc chắn có Phật tánh thường, lạc, ngã, tịnh, 不作不生煩惱因緣故不可見。當知是人謗佛法僧。

bất tác bất sanh phiền não nhân duyên cố bất khả kiến 。

đương tri thị nhân báng Phật Pháp tăng 。

bất tác, bất sanh, do vì phiền não nên không thể thấy, phải biết người này là phỉ báng Phật, Pháp và Tăng.

若有說言一切眾生都無佛性。猶如兔角從方便生。

nhược hữu thuyết ngôn nhất thiết chúng sanh đô vô Phật tánh 。 do như thỏ giác tòng phương tiện sanh 。

Nếu có người nói rằng tất cả chúng sanh đều không có Phật tánh, giống như sừng thỏ do từ phương tiện mà sanh,

本無今有已有還無。當知是人謗佛法僧。

bổn vô kim hữu dĩ hữu hoàn vô 。

đương tri thị nhân bàng Phật Pháp tăng 。

trước kia không mà nay lại có, phải biết người này là phỉ bàng Phật, Pháp và Tăng.

若有說言眾生佛性。非有如虛空非無如兔角。
nhược hữu thuyết ngôn chúng sanh Phật tánh 。

phi hữu như hư không phi vô như thỏ giác 。

Nếu có người nói rằng Phật tánh của chúng sanh không phải có như hư không, không phải không như sừng thỏ.

何以故。虛空常故兔角無故。

hà dĩ cố 。

hư không thường cố thỏ giác vô cố 。

Vì sao vậy? Vì hư không thì thường, còn sừng thỏ thì không,

是故得言亦有亦無。有故破兔角。無故破虛空。

thị cố đắc ngôn diệc hữu diệc vô 。

hữu cố phá thỏ giác 。

vô cố phá hư không 。

nên được nói là cũng có cũng không. Vì có nên phá sừng thỏ, vì không nên phá hư không.

如是說者不謗三寶。善男子。夫佛性者。
như thị thuyết giả bất bàng Tam Bảo 。

thiện nam tử 。

phu Phật tánh giả 。

Lời nói này không phỉ bàng Tam Bảo. Nay thiện nam tử! Luận về Phật tánh

不名一法不名十法。不名百法不名千法不名萬法。

bất danh nhất Pháp bất danh thập Pháp 。

bất danh bách Pháp bất danh thiên Pháp bất danh vạn Pháp 。

không gọi là một pháp, không gọi là mười pháp, không gọi là trăm pháp, không gọi là ngàn pháp, không gọi là vạn pháp.

未得阿耨多羅三藐三菩提時。

vị đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề thời 。

Khi chưa được Vô Thượng Bồ-đề,

一切善不善無記盡名佛性。如來或時因中說果果中說因。

nhất thiết thiện bất thiện vô kí tận danh Phật tánh 。 Như Lai hoặc thời nhân trung thuyết quả quả trung thuyết nhân 。

tất cả các pháp thiện, bất thiện, vô ký đều gọi là Phật tánh. Khi Như Lai hoặc trong nhân nói quả, trong quả nói nhân,

是名如來隨自意語。隨意語故名為如來。

thị danh Như Lai tùy tự ý ngữ 。

tùy ý ngữ cố danh vi Như Lai 。

隨意語故名阿羅呵。隨意語故名三藐三佛陀。

tùy ý ngữ cố danh a la ha 。

tùy ý ngữ cố danh tam miếu tam Phật đà 。

Vi tùy ý ngữ nên gọi là A-la-ha, vì tùy ý ngữ nên gọi là Tam Miếu Tam Phật Đà.

大般涅槃經卷第三十六

Đại bát Niết bàn Kinh quyển đệ tam thập lục

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN. QUYỂN THỨ BA MƯƠI SÁU.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:14:27 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiên Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:14:27 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】 Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》 CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====
=====
=====
=====
=====
=====

大般涅槃經卷第三十七

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập thất

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ BA MƯƠI BẢY

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Triều đại Bắc Lương, Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

迦葉菩薩品第十二之五

Bồ-tát Ca-diếp phẩm đệ thập nhị chi ngũ

PHẦN NĂM, PHẨM THỨ MƯỜI HAI: BỒ TÁT CAH DIẾP

迦葉菩薩言。世尊。

Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。 Thế Tôn 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

如佛所說眾生佛性猶如虛空。云何名為如虛空耶。善男子。

như Phật sở thuyết chúng sanh Phật tánh do như hư không 。 vân hà danh vi như hư không da 。 thiện nam tử 。

Như lời Phật nói: Phật tánh của chúng sanh dường như hư không. Thế nào gọi là như hư không? Này thiện nam tử!

虛空之性非過去非未來非現在。佛性亦爾。善男子。

hư không chi tánh phi quá khứ phi vị lai phi hiện tại 。 Phật tánh diệc nhĩ 。 thiện nam tử 。

Tánh hư không không phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Phật tánh cũng vậy. Này thiện nam tử!

虛空非過去。何以故無現在故。

hư không phi quá khứ 。 hà dĩ cố vô hiện tại cố 。

Hư không không phải quá khứ. Vì sao? Vì không phải hiện tại.

法若現在可說過去。以無現在故無過去亦無現在。

Pháp nhược hiện tại khả thuyết quá khứ 。 dĩ vô hiện tại cố vô quá khứ diệc vô hiện tại 。

Nếu pháp là hiện tại mới có thể nói là quá khứ, vì không hiện tại nên không quá khứ, cũng không hiện tại.

何以故。無未來故。法若未來可說現在。

hà dĩ cố 。 vô vị lai cố 。

Pháp nhược vị lai khả thuyết hiện tại 。

Vì sao? Vì không vị lai. Nếu pháp là vị lai mới có thể nói hiện tại.

以無未來故無現在亦無未來。何以故。無現在過去故。

dĩ vô vị lai cố vô hiện tại diệc vô vị lai 。

hà dĩ cố 。

vô hiện tại quá khứ cố 。

Vì không vị lai nên không hiện tại, cũng không vị lai. Vì sao? Vì không hiện tại và quá khứ.

若有現在過去則有未來。

nhược hữu hiện tại quá khứ tắc hữu vị lai 。

Nếu có hiện tại và quá khứ thì có vị lai,

以無現在過去故則無未來。以是義故。虛空之性非三世攝。

dĩ vô hiện tại quá khứ cố tắc vô vị lai 。

dĩ thị nghĩa cố 。

hư không chi tánh phi tam thế nhiếp 。

vì không hiện tại và quá khứ thì không có vị lai. Do nghĩa này nên tánh của hư không không phải nhiếp trong ba đời.

善男子。以虛空無故無有三世。

thiện nam tử 。

dĩ hư không vô cố vô hữu tam thế 。

Này thiện nam tử! Vì hư không là không nên không có ba đời,

不以有故無三世也。如虛空花非是有故無有三世。

bất dĩ hữu cố vô tam thế dã 。 như hư không hoa phi thị hữu cố vô hữu tam thế 。

không phải vì có mà không có ba đời, như hoa đốm giữa hư không vì không phải là có nên không có ba đời.

虛空亦爾非是有故無有三世。善男子。無物者。

hư không diệc nhĩ phi thị hữu cố vô hữu tam thế 。

thiện nam tử 。

hư không cũng vậy, không phải có mà không có ba đời. Này thiện nam tử! Không có vật
即是虛空佛性亦爾。善男子。虛空無故非三世攝。

tức thị hư không Phật tánh diệc nhĩ 。

thiện nam tử 。

hư không vô cố phi tam thế nhiếp 。

chính đó là hư không, Phật tánh cũng vậy. Này thiện nam tử! Vì hư không là không nên
không nhiếp trong ba đời.

佛性常故非三世攝。善男子。

Phật tánh thường cố phi tam thế nhiếp 。

thiện nam tử 。

Vì Phật tánh là thường nên không nhiếp trong ba đời. Này thiện nam tử!
如來已得阿耨多羅三藐三菩提。

Như Lai dĩ đắc a nậu đa la tam miếu tam Bồ-đề 。

Như Lai đã được Vô Thượng Bồ-đề,

所有佛性一切佛法常無變易。以是義故。無有三世猶如虛空。善男子。

sở hữu Phật tánh nhất thiết Phật Pháp thường vô biến dịch 。

dĩ thị nghĩa cố 。

vô hữu tam thế do như hư không 。

thiện nam tử 。

chỗ được Phật tánh và tất cả Phật pháp là thường trụ không biến đổi. Do nghĩa này nên
không có ba đời giống như hư không. Này thiện nam tử!

虛空無故非內非外。佛性常故非內非外。

hư không vô cố phi nội phi ngoại 。

Phật tánh thường cố phi nội phi ngoại 。

Vì hư không là không nên không phải trong không phải ngoài. Phật tánh là thường nên
không phải trong không phải ngoài.

故說佛性猶如虛空。善男子。

cố thuyết Phật tánh do như hư không 。

thiện nam tử 。

Vì vậy nói rằng Phật tánh giống như hư không. Này thiện nam tử!
如世間中無罣礙處名為虛空。

như thế gian trung vô quái ngại xử danh vi hư không 。

Như trong thế gian, chỗ không chướng ngại gọi là hư không.

如來得阿耨多羅三藐三菩提已於一切佛法無有罣礙。

Như Lai đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề dĩ ư nhất thiết Phật Pháp vô hữu quái ngại
。

Như Lai được Vô Thượng Bồ-đề rời đối với tất cả Phật Pháp không có chướng ngại,
故言佛性猶如虛空。以是因緣我說佛性猶如虛空。

cố ngôn Phật tánh do như hư không 。 dĩ thị nhân duyên ngã thuyết Phật tánh do như hư
không 。

nên nói rằng Phật tánh giống như hư không. Do nhân duyên này nên Ta nói Phật tánh
giống như hư không.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn!

如來佛性涅槃非三世攝而名為有。虛空亦非三世所攝。

Như Lai Phật tánh Niết-bàn phi tam thế nhiếp nhi danh vi hữu 。 hư không diệc phi tam
thế sở nhiếp 。

Phật tánh và Niết-bàn của Như Lai không nhiếp trong ba đời mà gọi là có. Hư không
không nhiếp trong ba đời,

何故不得名為有耶。佛言。善男子。為非涅槃名為涅槃。

hà cố bất đắc danh vi hữu da 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。 vi phi Niết-bàn danh vi Niết-
bàn 。

sao không được gọi là có? Phật dạy: Này thiện nam tử! Vì không phải Niết-bàn gọi là Niết-
bàn,

為非如來名為如來。為非佛性名為佛性。

vị phi Như Lai danh vi Như Lai 。 vị phi Phật tánh danh vi Phật tánh 。

vì không phải Như Lai gọi là Như Lai, vì không phải Phật tánh gọi là Phật tánh.

云何名為非涅槃耶。所謂一切煩惱有為之法。

vân hà danh vi phi Niết-bàn da 。 sở vị nhất thiết phiền não hữu vi chi Pháp 。

Thế nào gọi là không phải Niết-bàn? Đó là tất cả những pháp phiền não hữu vi,
為破如是有為煩惱。是名涅槃。非如來者。

vị phá như thị hữu vi phiền não 。 thị danh Niết-bàn 。 phi Như Lai giả 。
vị phá những phiền não hữu vi như vậy mà gọi là Niết-bàn. Không phải Như Lai là
謂一闡提至辟支佛。為破如是一闡提等至辟支佛。
vị nhất xiển đề chí Bích-chi-phật 。 vị phá như thị nhất xiển đề đẳng chí Bích-chi-phật 。
tức là từ Nhất-xiển-đề đến Bích-chi-phật, vị phá Nhất-xiển-đề cho đến Bích-chi-phật này
是名如來。非佛性者。

thị danh Như Lai 。 phi Phật tánh giả 。

nên gọi là Như Lai. Không phải Phật tánh là

所謂一切牆壁瓦石無情之物。離如是等無情之物。是名佛性。

sở vị nhất thiết tường bích ngổa thạch vô tình chi vật 。 ly như thị đẳng vô tình chi vật 。 thị
danh Phật tánh 。

tất cả những vật vô tình như tường, vách, ngói, đá v.v. lìa những vật vô tình này gọi là
Phật tánh.

善男子。一切世間無非虛空對於虛空。

thiện nam tử 。 nhất thiết thế gian vô phi hư không đối ư hư không 。

Này thiện nam tử! Tất cả thế gian không gì không phải hư không đối với hư không.

迦葉菩薩白佛言。世尊。世間亦無非四大對。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 thế gian diệc vô phi tứ đại đối 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thế gian cũng không gì không phải đối với
tứ đại

而猶得名四大是有。

nhi do đắc danh tứ Đại thị hữu 。

mà còn được gọi tứ đại là có,

虛空無對何故不得名之為有。佛言。善男子。

hư không vô đối hà cố bất đắc danh chi vi hữu Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

hư không không có đối sao không được gọi là có? Phật dạy: Này thiện nam tử!

若言涅槃非三世攝虛空亦爾者。是義不然。何以故。

nhược ngôn Niết-bàn phi tam thế nhiếp hư không diệc nhĩ giả 。 thị nghĩa bất nhiên 。 hà
dĩ cố 。

Nếu cho rằng Niết-bàn không nhiếp trong ba đời, hư không cũng vậy. Nghĩa này không
đúng. Vì sao vậy?

涅槃是有可見可證是色足跡章句。

Niết-bàn thị hữu khả kiến khả chứng thị sắc túc tích chương cú 。

Vì Niết-bàn là có thể thấy, có thể chứng được, là dấu vết của sắc, là có chương cú,
是有是相是緣是歸依處寂靜光明安隱彼岸。是故得名非三世攝。

thị hữu thị tướng thị duyên thị quy y xử tịch tĩnh quang minh an ổn bỉ ngạn 。

thị cố đắc danh phi tam thế nhiếp 。

là có tướng, là duyên, là chỗ quy y, là nơi tịch tĩnh sáng suốt an ổn, là bờ bên kia, vì vậy
được gọi là không nhiếp trong ba đời.

虛空之性無如是法是故名無。若有離於如是等法。

hư không chi tánh vô như thị Pháp thị cố danh vô 。

nhược hữu ly ư như thị đẳng Pháp 。

Tánh của hư không không có những pháp như vậy nên gọi là không. Nếu có những pháp
gì lìa những pháp như vậy

更有法者應三世攝。虛空若同是有法者。

canh hữu Pháp giả ứng tam thế nhiếp 。

hư không nhược đồng thị hữu Pháp giả 。

mà lại có thì phải nhiếp trong ba đời. Hư không nếu đồng với pháp có này thì

不得非是三世所攝。善男子。

bất đắc phi thị tam thế sở nhiếp 。

thiện nam tử 。

không được nhiếp trong ba đời. Nay thiện nam tử!

如世人說虛空名為無色無對不可覩見。

như thế nhân thuyết hư không danh vi vô sắc vô đối bất khả đố kiến 。

Như người thế gian nói hư không gọi là không sắc, không đối, không thể xem thấy.

若無色無對不可見者。即心數法。虛空若同心數法者。

nhược vô sắc vô đối bất khả kiến giả 。

tức tâm số Pháp 。

hư không nhược đồng tâm số Pháp giả 。

Nếu là không sắc, không đối, không thể xem thấy thì chính là tâm số pháp. Hư không nếu
đồng với tâm số pháp thì

不得不是三世所攝。若三世攝即是四陰。

bất đắc bất thị tam thế sở nhiếp 。

nhược tam thế nhiếp tức thị tứ ấm 。

không được không nhiếp trong ba đời. Nếu nhiếp trong ba đời tức là bốn ấm.

是故離四陰已無有虛空。復次善男子。諸外道言。

thị cố ly tứ ấm dĩ vô hữu hư không 。

phục thứ thiện nam tử 。

chư ngoại đạo ngôn 。

Vì vậy lia bốn ấm thì không có hư không. Lại nữa, này thiện nam tử! Các ngoại đạo nói rằng:

夫虛空者即是光明。若是光明即是色法。

phu hư không giả tức thị quang minh 。 nhược thị quang minh tức thị sắc Pháp 。

Luận về hư không chính là sanh sáng. Nếu là ánh sáng tức là sắc pháp

虛空若爾是色法者即是無常。是無常故三世所攝。

hư không nhược nhĩ thị sắc Pháp giả tức thị vô thường 。 thị vô thường cố tam thể sở nhiếp 。

hư không. Nếu là sắc pháp như vậy thì là vô thường, vì là vô thường nên nhiếp trong ba đời.

云何外道說非三世。若三世攝則非虛空。

vân hà ngoại đạo thuyết phi tam thể 。 nhược tam thể nhiếp tắc phi hư không 。

Vì sao ngoại đạo lại nói không nhiếp trong ba đời? Nếu đã nhiếp trong ba đời thì không phải hư không,

亦可說言虛空是常。善男子。

diệc khả thuyết ngôn hư không thị thường 。 thiện nam tử 。

sao cũng có thể nói rằng hư không là thường. Này thiện nam tử!

復有人言虛空者即是住處。若有住處即是色法。

phục hữu nhân ngôn hư không giả tức thị trụ xứ 。 nhược hữu trụ xứ tức thị sắc Pháp 。

Lại có người rằng: Hư không là chỗ an trụ. Nếu có chỗ an trụ tức là sắc Pháp,

而一切處皆是無常三世所攝。虛空亦常非三世攝。

nhì nhất thiết xứ giai thị vô thường tam thể sở nhiếp 。 hư không diệc thường phi tam thể nhiếp 。

mà tất cả chỗ đều là vô thường nhiếp trong ba đời, hư không cũng là thường không nhiếp trong ba đời,

若說處者知無虛空。復有說言虛空者即是次第。

nhược thuyết xứ giả tri vô hư không 。 phục hữu thuyết ngôn hư không giả tức thị thứ đệ 。

nếu nói rằng có chốn thì biết là không phải hư không. Lại có người nói rằng: Hư không tức là thứ đệ.

若是次第即是數法。若是可數即三世攝。

nhược thị thứ đệ tức thị số Pháp 。 nhược thị khả số tức tam thể nhiếp 。
Nếu là thứ đệ tức là pháp số, nếu vậy thì thể tính đếm được tức là nhiếp trong ba đời,
若三世攝云何言常。善男子。
nhược tam thể nhiếp vân hà ngôn thường 。 thiện nam tử 。
nếu nhiếp trong ba đời, sao lại gọi là thường? Nay thiện nam tử!
若復說言夫虛空者不離三法。一者空。二者實。三者空實。
nhược phục thuyết ngôn phu hư không giả bất ly tam Pháp 。 nhất giả không 。 nhị giả
thật 。 tam giả không thật 。
Lại có người nói rằng: Luận về hư không thì không lia ba pháp: Một là không, hai là thật,
ba là không thật.
若言空是當知虛空是無常法。何以故實處無故。
nhược ngôn không thị đương tri hư không thị vô thường Pháp 。 hà dĩ cố thật xử vô cố 。
Nếu nói là không, phải biết hư không là pháp vô thường. Vì sao? Vì không có trong xứ
thật.
若言實是當知虛空亦是無常。
nhược ngôn thật thị đương tri hư không diệt thị vô thường 。
Nếu nói là thật, là nên biết hư không cũng là vô thường,
何以故空處無故。若空實是當知虛空亦是無常。
hà dĩ cố không xử vô cố 。 nhược không thật thị đương tri hư không diệt thị vô thường 。
vì sao? Vì không có trong chỗ không. Nếu nói là không thật thì nên biết hư không cũng là
vô thường.
何以故二處無故。是故虛空名之為無。善男子。
hà dĩ cố nhị xử vô cố 。 thị cố hư không danh chi vi vô 。 thiện nam tử 。
Vì sao? Vì không có trong cả hai chỗ. Vì vậy hư không gọi là không. Nay thiện nam tử!
如說虛空是可作法。
như thuyết hư không thị khả tác Pháp 。
Như có người nói: Hư không là pháp có thể làm ra,
如說去樹去舍而作虛空平作虛空。覆於虛空上於虛空。
như thuyết khứ thụ khứ xá nhi tác hư không bình tác hư không 。 phúc ư hư không thượng
ư hư không 。

như nói bỏ cây, bỏ nhà mà làm hư không, san bằng cho trống không, che hư không, lên hư không,

畫虛空色如大海水。是故虛空是可作法。

họa hư không sắc như đại hải thủy 。 thị cố hư không thị khả tác Pháp 。

cũng tận hư không như nước biển lớn. Vì thế, hư không là pháp có thể làm ra.

一切作法皆是無常猶如瓦瓶。虛空若爾應是無常。善男子。

nhất thiết tác Pháp giai thị vô thường do như ngõa bình. hư không nhược nhĩ ứng thị vô thường 。 thiện nam tử 。

Tất cả các pháp được làm ra đều là vô thường, như ngói bình v.v. Hư không nếu như vậy, thì phải là vô thường. Này thiện nam tử!

世間人說一切法中無罣礙處名虛空者。

thế gian nhân thuyết nhất thiết Pháp trung vô quái ngại xử danh hư không giả 。

Người thế gian nói rằng trong tất cả pháp mà không có chỗ chướng ngại gọi đó là hư không.

是無礙處於一切法所。為具足有為分有耶。

thị vô ngại xử ư nhất thiết Pháp sở 。 vi cụ túc hữu vi phân hữu da 。

Chỗ không chướng ngại này đối với tất cả pháp là đầy đủ hay có từng phần?

若具足有。當知餘處則無虛空。若分有者。

nhược cụ túc hữu 。 đương tri dư xử tắc vô hư không 。 nhược phân hữu giả 。

Nếu có đầy đủ, thì phải biết những chỗ khác không có hư không. Nếu có từng phần

則是彼此可數之法。若是可數當知無常。善男子。

tắc thị bỉ thử khả số chi Pháp 。 nhược thị khả số đương tri vô thường 。 thiện nam tử 。

thì pháp kia, pháp đây có thể tính đếm. Nếu có thể tính đếm, phải biết là vô thường. Này thiện nam tử!

若有人說虛空無礙與有并合。

nhược hữu nhân thuyết hư không vô ngại dĩ hữu tinh hợp 。

Hoặc có người nói rằng: Hư không là hiệp không chướng ngại cùng có chướng ngại.

又復說言虛空在物如器中果。二俱不然。何以故。

hựu phục thuyết ngôn hư không tại vật như khí trung quả 。 nhị câu bất nhiên 。 hà dĩ cố

。

Lại nói rằng: Hư không ở nơi đồ vật như trái đưng trong bình chậu. Hai thuyết trên đều không đúng. Vì sao vậy?

若言并合則有三種。一異業合。如飛鳥集樹。二共業合。

nhược ngôn tinh hợp tắc hữu tam chủng 。 nhất dị nghiệp hợp 。 như phi điều tập thụ 。 nhị cộng nghiệp hợp 。

Nếu nói hợp lại thì có ba thứ: Một là nghiệp khác nhau mà hợp lại, như chim bay đậu trên cây. Hai là cộng nghiệp cùng hợp lại,

如兩羊相觸。三已合共合。

như lưỡng dương tương xúc 。 tam dĩ hợp cộng hợp 。

như con dê đụng nhau. Ba là đã hợp rồi lại cùng hợp

如二雙指合在一處。若言異業共合異則有二。一是物業。

như nhị song chỉ hợp tại nhất xử 。 nhược ngôn dị nghiệp cộng hợp dị tắc hữu nhị 。 nhất thị vật nghiệp 。

như hai đôi ngón tay hợp lại một chỗ. Nếu nói nghiệp khác nhau cùng hợp, khác nhau đây có hai thứ: Một là nghiệp sự vật,

二虛空業。若空業合物空則無常。

nhị hư không nghiệp 。 nhược không nghiệp hợp vật không tắc vô thường 。

hai là nghiệp hư không. Nếu nghiệp hư không hợp với vật thì hư không là vô thường.

若物業合空物則不遍。如其不遍是亦無常。若言虛空是常。

nhược vật nghiệp hợp không vật tắc bất biến 。 như kỳ bất biến thị diệc vô thường 。

nhược ngôn hư không thị thường 。

Nếu nghiệp sự vật hợp với hư không, thì không cùng khắp, nếu không cùng khắp thì cũng là vô thường. Nếu nói hư không là thường,

其性不動與動物合者。是義不然。何以故。

kỳ tánh bất động dĩ động vật hợp giả 。 thị nghĩa bất nhiên 。 hà dĩ cố 。

tánh của nó không lay động cùng hợp với động vật hợp lại, nghĩa này không đúng. Vì sao vậy?

虛空若常物亦應常。物若無常空亦無常。

hư không nhược thường vật diệc ứng thường 。 vật nhược vô thường không diệc vô thường 。

Vì nếu hư không là thường thì vật cũng phải thường. Nếu vật là vô thường thì hư không cũng vô thường.

若言虛空亦常無常無有是處。

nhược ngôn hư không diệc thường vô thường vô hữu thị xử 。

Nếu nsoi hư không cũng thường, cũng vô thường là việc không có.

若共業合是義不然。何以故。虛空名遍。若與業合業亦應遍。

nhược cộng nghiệp hợp thị nghĩa bất nhiên 。

hà dĩ cố 。

hư không danh biến 。

nhược dữ nghiệp hợp nghiệp diệc ứng biến 。

Nếu nói cộng nghiệp hợp nhau cũng không đúng nghĩa. Vì sao vậy? Vì hư không gọi là cùng khắp, nếu hợp với nghiệp thì nghiệp cũng cùng khắp.

若是遍者應一切遍。若一切遍應一切合。

nhược thị biến giả ứng nhất thiết biến 。

nhược nhất thiết biến ứng nhất thiết hợp 。

Nếu là cùng khắp thì phải khắp tất cả, nếu khắp tất cả thì phải hợp với tất cả,

不應說有合與不合。

bất ứng thuyết hữu hợp dữ bất hợp 。

không nên nói rằng có hợp cùng không hợp.

若言已合共合如二雙指合。是義不然。何以故。先無有合後方合故。

nhược ngôn dĩ hợp cộng hợp như nhị song chỉ hợp 。

thị nghĩa bất nhiên 。

hà dĩ cố 。

tiên vô hữu hợp hậu phương hợp cố 。

Nếu nsoi đã hợp rồi lại cùng hợp như hai đôi ngón tay hợp nhau, nghĩa này cũng đúng. Vì sao? Vì trước không có hợp, sau mới hợp,

先無後有是無常法。

tiên vô hậu hữu thị vô thường Pháp 。

trước không sau có là pháp vô thường.

是故不得說言虛空已合共合。如世間法先無後有是物無常。

thị cố bất đắc thuyết ngôn hư không dĩ hợp cộng hợp 。

như thế gian Pháp tiên vô hậu hữu thị vật vô thường 。

Vì thế, không được nói rằng hư không đã hợp rồi lại cùng hợp. Như ác pháp trong thế gian, trước không sau có là vật vô thường.

虛空若爾亦應無常。若言虛空在物如器中果。

hư không nương nhĩ diệc ứng vô thường 。 nương ngôn hư không tại vật như khí trung quả
。

Hư không nếu như vậy cũng phải là vô thường. Nếu nói hư không ở nơi sự vật như trái
đựng trong bình chậu,

是義不然。何以故。如是虛空先無器時在何處住。

thị nghĩa bất nhiên 。 hà dĩ cố 。 như thị hư không tiên vô khí thì tại hà xử trụ 。

nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Vì khi chưa có bình chậu, hư không ở chỗ nào?

若有住處虛空則多。

nương hữu trụ xứ hư không tắc đa 。

Nếu có chỗ ở thì có nhiều hư không.

如其多者云何言常言一言遍。若使虛空離空有住。

như kỳ đa giả vân hà ngôn thường ngôn nhất ngôn biến 。

nương sử hư không ly không
hữu trụ 。

Nếu là nhiều sao lại nói là thường, là một, là cùng khắp? Giả sử hư không rời hư không
mà có chỗ ở,

有物亦應離虛空住。是故當知無有虛空。善男子。

hữu vật diệc ứng ly hư không trụ 。

thị cố đương tri vô hữu hư không 。

thiện nam tử 。

thì sự vật cũng phải lìa hư không có chỗ ở, vì vậy phải biết không có hư không. Nay thiện
nam tử!

若有說言指住之處名為虛空。當知虛空是無常法。

nương hữu thuyết ngôn chỉ trụ chi xứ danh vi hư không 。

đương tri hư không thị vô
thường Pháp 。

Nếu cho rằng chỗ ngón tay ở gọi là hư không, phải biết hư không là pháp vô thường.

何以故。指有四方若有四方。

hà dĩ cố 。

chỉ hữu tứ phương nương hữu tứ phương 。

Vì sao? Vì ngón tay có bốn phương hướng,

當知虛空亦有四方。一切常法都無方所。以有方故虛空無常。

đương tri hư không diệc hữu tứ phương 。

nhất thiết thường Pháp đô vô phương sở 。

dĩ
hữu phương cố hư không vô thường 。

phải biết hư không cũng có bốn phương. Tất cả thường pháp thường trụ đều không có
phương sở. Nếu có phương sở thì hư không là vô thường.

若是無常不離五陰。要離五陰是無所有。

nhược thị vô thường bất ly ngũ ấm。 yếu ly ngũ ấm thị vô sở hữu 。

Nếu là vô thường không lìa năm ấm, nếu muốn rời năm ấm là không chỗ có.

善男子。有法若從因緣住者。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử! Nếu có pháp nào do nhân duyên mà trụ,

當知是法名為無常。善男子。譬如一切眾生樹木因地而住。

đương tri thị Pháp danh vi vô thường 。

mộc nhân địa nhi trụ 。

phải biết pháp đó là vô thường. Này thiện nam tử! Thí như tất cả chúng sanh, cây cối đều do nơi đất mà trụ ở.

地無常故因地之物次第無常。善男子。

địa vô thường cố nhân địa chi vật thứ đệ vô thường 。

Vì đất là vô thường nên những vật nương nơi đất lần lượt cũng vô thường. Này thiện nam tử!

如地因水水無常故地亦無常。

như địa nhân thủy thủy vô thường cố địa diệc vô thường 。

Như đất nhân nơi nước, vì nước vô thường nên đất cũng vô thường.

如水因風風無常故水亦無常。風依虛空虛空無常故風亦無常。

như thủy nhân phong phong vô thường cố thủy diệc vô thường 。

Như nước nhân nơi gió, vì gió là vô thường nên nước cũng vô thường. Gió nương nơi hư không, vì hư không là vô thường nên gió cũng vô thường.

若無常者云何說言虛空是常遍一切處。

nhược vô thường giả vân hà thuyết ngôn hư không thị thường biến nhất thiết xứ。

Nếu là vô thường, sao lại nói rằng hư không là thường, là cùng khắp tất cả chỗ?

虛空無故非是過去未來現在。

hư không vô cố phi thị quá khứ vị lai hiện tại 。

Vì hư không là không, không phải quá khứ, vị lai, hiện tại,

亦如兔角是無物故。非是過去未來現在。

diệc như thỏ giác thị vô vật cố 。

cũng như sừng thỏ là vật không có nên không phải quá khứ, vị lai, hiện tại.

是故我說佛性常故非三世攝。虛空無故非三世攝。善男子。

thị cố ngã thuyết Phật tánh thường cố phi tam thế nhiếp 。 hư không vô cố phi tam thế nhiếp 。 thiện nam tử 。

Vì vậy Ta nói Phật tánh là thường trụ không nhiếp trong ba đời. Hư không là không nên không nhiếp trong ba đời. Này thiện nam tử!

我終不與世間共諍。何以故。

ngã chung bất dữ thế gian cộng tránh 。 hà dĩ cố 。

Ta trọn không cùng với thế gian trái cãi. Vì sao?

世智說有我亦說有世智說無我亦說無。迦葉菩薩言。世尊。

thế trí thuyết hữu ngã diệc thuyết hữu thế trí thuyết vô ngã diệc thuyết vô 。 Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。 Thế Tôn 。

Vì trong đời, người trí nói có, Ta cũng nói có. Người trí nói không, ta cũng nói không. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

菩薩摩訶薩具足幾法不與世諍。

Bồ-tát Ma-ha tát cụ túc ki pháp bất dữ thế tránh 。

Đại Bồ-tát đầy đủ bao nhiêu pháp thì không cùng với thế gian trái cãi, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm. Phật言。善男子。

bất vi thế Pháp chi sở triêm ô. Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

không bị pháp thế gian làm ô nhiễm? Phật dạy: Này thiện nam tử!

菩薩摩訶薩具足十法不與世諍。不為世法之所沾污。何等為十。

Bồ-tát Ma-Ha tát cụ túc thập Pháp bất dữ thế tránh 。 bất vi thế Pháp chi sở triêm 汚。 hà đẳng vi thập 。

Đại Bồ-tát đầy đủ mười pháp thì không cùng với thế gian trái cãi, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm. Những gì là mười?

一者信心。二者有戒。三者親近善友。

nhất giả tín tâm 。 nhị giả hữu giới 。 tam giả thân cận thiện hữu 。

Một là tín tâm, hai là có giới, ba là gần gũi bạn lành,

四者內善思惟。五者具足精進。六者具足正念。

tứ giả nội thiện tư duy 。 ngũ giả cụ túc tinh tấn 。 lục giả cụ túc chánh niệm 。

bốn là trong tâm khéo tư duy, năm là đầy đủ tinh tấn, sáu là đầy đủ chánh niệm,

七者具足智慧。八者具足正語。九者樂於正法。

thất giả cụ túc trí tuệ 。 bát giả cụ túc chánh ngữ 。 cửu giả lạc ư chánh Pháp 。

bảy là đầy đủ trí tuệ, tám là đầy đủ chánh ngữ, chín là thích chánh Pháp,

十者憐愍眾生。善男子。

thập giả liên mẫn chúng sanh 。 thiện nam tử 。

mười là thương xót thương chúng sanh. Này thiện nam tử!

菩薩具足如是十法不與世諍。不為世法之所沾汚如優鉢羅花。

Bồ-tát cụ túc như thị thập Pháp bất dĩ thế tránh 。 bất vi thế Pháp chi sở triêm ô như Ưu bát la hoa 。

Bồ-tát đầy đủ mười pháp như vậy thì không cùng với thế gian trái cãi, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm, như hoa Ưu-bát-la.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

如佛所說世智說有我亦說有。世智說無我亦說無。

như Phật sở thuyết thế trí thuyết hữu ngã diệc thuyết hữu 。 thế trí thuyết vô ngã diệc thuyết vô 。

Như lời Phật nói: Trong đời, người trí nói có, Ta cũng nói có. Người trí trong đời nói không, ta cũng nói không.

何等名為世智有無。佛言。善男子。

hà đẳng danh vi thế trí hữu vô 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

Những gì là người trí nói có và không? Phật dạy: Này thiện nam tử!

世智若說色是無常苦空無我。乃至識亦如是。善男子。

thế trí nhược thuyết sắc thị vô thường khổ không vô ngã 。 nãi chí thức diệc như thị 。

Người trí trong đời nói sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã, cho đến thức cũng lại như vậy. Này thiện nam tử!

是名世間智者說有。我亦說有。善男子。

thị danh thế gian trí giả thuyết hữu 。 ngã diệc thuyết hữu 。 thiện nam tử 。

Đây gọi là người trí trong đời nói có, Ta cũng nói có. Này thiện nam tử!

世間智者說色無有常樂我淨。受想行識亦復如是。善男子。

thế gian trí giả thuyết sắc vô hữu thường lạc ngã tịnh 。 thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。 thiện nam tử 。

Người trí trong đời nói sắc không có thường, lạc, ngã, tịnh, thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử!

是名世間智者說無。我亦說無。迦葉菩薩白佛言。

thị danh thế gian trí giả thuyết vô 。 ngã diệc thuyết vô 。 Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。

Đây gọi là người trí trong đời nói không, Ta cũng nói không. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

世尊。世間智者。

Thế tôn 。 thế gian trí giả 。

Bạch Thế Tôn! Người trí trong đời

即佛菩薩一切聖人若諸聖人。色是無常苦空無我。

tức Phật Bồ-tát nhất thiết Thánh nhân nhược chư Thánh nhân 。 sắc thị vô thường khổ không vô ngã 。

chính là Bồ-tát, Phật và tất cả Thánh nhân. Nếu sắc ấm của các vị Thánh nhân là vô thường, khổ, không, vô ngã

云何如來說佛色身常恒無變。世間智者所說無法。

vân hà Như Lai thuyết Phật sắc thân thường hằng vô biến 。 thế gian trí giả sở thuyết vô Pháp 。

sao Như Lai lại nói sắc thân của Phật là thường hằng không thay đổi? Người trí trong đời nói pháp không,

云何如來說言是有。如來世尊作如是說。

vân hà Như Lai thuyết ngôn thị hữu 。 như lai thế tôn tác như thị thuyết 。

sao Như Lai lại nói rằng có? Như Lai Thế Tôn nói lời như vậy,

云何復言不與世諍。不為世法之所沾汚。

vân hà phục ngôn bất dĩ thế tránh 。 bất vi thế Pháp chi sở triêm ô。

sao lại nói rằng không cùng với thế gian trái cãi, không bị pháp thế gian làm ô nhiễm?

如來已離三種顛倒。所謂想倒心倒見倒。

Như Lai dĩ ly tam chủng điên đảo 。 sở vị tưởng đảo tâm đảo kiến đảo 。

Như Lai đã lìa ba thứ điên đảo là tưởng đảo, tâm đảo và kiến đảo,

應說佛色實是無常今乃說常。云何得名遠離顛倒不與世諍。

ứng thuyết Phật sắc thật thị vô thường kim nãi thuyết thường 。 vân hà đắc danh viễn li
điên đảo bất dữ thế tránh 。

lẽ ra phải nói rằng sắc thân của Phật thiết là vô thường, nay lại nói là thường, sao được
gọi là xa lìa điên đảo, không cùng với thế gian trái cãi?

佛言。善男子。凡夫之色從煩惱生。

Phật ngôn 。 thiện nam tử 。 phàm phu chi sắc tòng phiền não sanh 。

Phật dạy: Này thiện nam tử! Sắc thân của phàm phu từ phiền não mà sanh,
是故智說色是無常苦空無我。如來色者遠離煩惱。

thị cố trí thuyết sắc thị vô thường khổ không vô ngã 。 Như Lai sắc giả viễn li phiền não 。

vì vậy người trí nói sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã. Sắc thân của Như Lai xa lìa
phiền não,

是故說是常恒無變。

thị cố thuyết thị thường hằng vô biến 。

nên nói là thường hằng không biến đổi.

迦葉菩薩言。世尊。云何為色從煩惱生。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 vân hà vi sắc tòng phiền não sanh 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

善男子。煩惱三種。所謂欲漏有漏無明漏。

thiện nam tử 。 phiền não tam chủng 。 sở vị dục lậu hữu lậu vô minh lậu 。

Này thiện nam tử! Phiền não có ba đó thứ: là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

智者應當觀是三漏所有罪過。所以者何。

trí giả ứng đương quán thị tam lậu sở hữu tội quá 。 sở dĩ giả hà 。

Người trí phải nên phải quán sát tội lỗi của ba thứ lậu này. Vì sao?

知罪過已則能遠離。譬如醫師先診病脈。

tri tội quá dĩ tắc năng viễn li 。 thí như y sư tiên chẩn bệnh mạch 。

Vì có biết tội lỗi rồi mới có thể xa lìa. Như y sư trước coi mạch bệnh nhân,

知病所在然後授藥。善男子。

tri bệnh sở tại nhiên hậu thụ dược 。 thiện nam tử 。

biết bệnh rồi sau mới cho thuốc. Này thiện nam tử!

如人將盲至棘林中捨之而還。盲人於後甚難得出。

như nhân tướng manh chí cực lâm trung xả chi nhi hoàn 。 manh nhân ư hậu thậm nan
đắc xuất 。

Như dắt người mù vào trong rừng gai rồi đó mà trở về. Người mù này sau đó rất khó ra
khỏi rừng,

設得出者身體壞盡。世間凡夫亦復如是。

thiết đắc xuất giả thân thể hoại tận 。 thế gian phàm phu diệc phục như thị 。

giả sử được ra khỏi rừng, thân thể cũng bị trầy trụa. Người phàm phu trong đời cũng lại
như vậy,

不能知見三漏過患則隨逐行。如其見者則能遠離。

bất năng tri kiến tam lậu quá hoạn tắc tùy trục hành 。 như kỳ kiến giả tắc năng viễn li 。

không thể thấy biết tội lỗi của ba lậu nên chạy theo nó. Như người nào thấy được tội lỗi thì
có thể xa lìa.

知罪過已雖受果報果報輕微。善男子。有四種人。

tri tội quá dĩ tuy thọ quả báo quả báo khinh vi 。 thiện nam tử 。 hữu tứ chủng nhân 。

Người đã biết tội lỗi, tuy có thọ quả báo, nhưng quả báo cũng nhẹ nhàng. Đây thiện nam
tử! Có bốn hạng người:

一作業時重受報時輕。二作業時輕受報時重。

nhất tác nghiệp thì trọng thọ báo thì khinh 。 nhị tác nghiệp thì khinh thọ báo thì trọng 。

Một là khi gây tạo nghiệp là nặng, khi thọ quả báo là nhẹ. Hai là khi gây tạo nghiệp là nhẹ,
khi chịu quả báo là nặng.

三作業時重受報俱重。

tam tác nghiệp thì trọng thọ báo câu trọng 。

Ba là khi gây tạo nghiệp là nặng, khi thọ báo cũng nặng.

四作業時輕受報俱輕。善男子。若人能觀煩惱罪過。

tứ tác nghiệp thì khinh thọ báo câu khinh 。 thiện nam tử 。 nhược nhân năng quán phiền
não tội quá 。

Bốn là khi gây tạo nghiệp là nhẹ, khi thọ báo cũng nhẹ. Đây thiện nam tử! Nếu có người
có thể quán sát tội lỗi của phiền não,

是人作業受果俱輕。善男子。有智之人作如是念。

thị nhân tác nghiệp thọ quả câu khinh 。 thiện nam tử 。 hữu trí chi nhân tác như thị niệm

。

thì người đó sẽ gây tạo nghiệp nhẹ và thọ quả báo cũng nhẹ. Nay thiện nam tử! Nếu có người trí nghĩ rằng:

我應遠離如是等漏。又復不應作如是等鄙惡之事。

ngã ứng viễn li như thị đẳng lậu 。 hựu phục bất ứng tác như thị đẳng bỉ ác chi sự 。

Ta nên xa lìa các lậu như vậy, lại không nên tạo tác những nghiệp xấu xa như vậy.

何以故。

hà dĩ cố 。

Vì sao?

我今未得脫於地獄餓鬼畜生人天報故。我若修道當因是力破壞諸苦。

ngã kim vị đắc thoát ư Địa ngục nạ quỷ súc sanh nhân Thiên báo cố 。

ngã nược tu đạo đương nhân thị lực phá hoại chư khổ 。

Vì hôm nay ta chưa được giải thoát khỏi quả báo địa ngục, nạ quỷ, súc sanh, người, trời.

Ta nếu tu hành phải nên nương sức này để phá hoại các sự khổ.

是人觀已貪欲瞋恚愚癡微弱。

thị nhân quán dĩ tham dục sân khuể ngu si vi nược 。

Người này quán xong, tham dục, sân giận, ngu si kém yếu đi,

既見貪欲瞋癡輕已其心歡喜。復作是念。

ký kiến tham dục sân si khinh dĩ kỳ tâm hoan hỷ 。

phục tác thị niệm 。

đã thấy tham dục, sân giận, ngu si nhẹ nhàng rồi lòng họ vui vẻ. Lại nghĩ rằng:

我今如是皆由修道因緣力故。令我得離不善之法親近善法。

ngã kim như thị giai do tu đạo nhân duyên lực cố 。

linh ngã đắc ly bất thiện chi Pháp thân cận thiện Pháp 。

Ta nay được như vậy đều đều do công sức tu hành, làm cho Ta lìa được pháp ác, gần gũi với pháp lành,

是故現在得見正道。應當勤加而修習之。

thị cố hiện tại đắc kiến chánh đạo 。

ứng đương tinh cần gia nhi tu tập chi 。

nên hiện tại được thấy chánh đạo, vậy ta phải nên siêng năng tu tập thêm.

是人因是勤修道力。遠離無量諸惡煩惱。

thị nhân nhân thị tinh cần tu đạo lực 。

viễn li vô lượng chư ác phiền não 。

Người này do công sức siêng năng tu hành nên xa lìa được vô lượng các ác phiền não
及離地獄餓鬼畜生人天果報。是故我於契經中說。

cập ly Địa-ngục nga quỷ súc sanh nhân Thiên quả báo 。 thị cố ngã ư khế Kinh trung thuyết 。

và cùng xa lìa quả báo địa ngục, nga quỷ, súc sanh, người, trời. Vì thế nên trong khế kinh Ta nói

當觀一切有漏煩惱及有漏因。何以故。

đương quán nhất thiết hữu lậu phiền não cập hữu lậu nhân 。 hà dĩ cố 。

phải quán sát tất cả phiền não hữu lậu và nhân của hữu lậu. Vì sao?

有智之人若但觀漏。

hữu trí chi nhân nhược đãn quán lậu 。

Vì người trí người nếu chỉ quán hữu lậu

不觀漏因則不能斷諸煩惱也。何以故。智者觀漏從是因生。

bất quán lậu nhân tắc bất năng đoạn chư phiền não dã 。

mà không quán nhân của hữu lậu thì không có thể dứt hết các phiền não. Vì sao vậy? Vì người trí quán hữu lậu từ nhân này mà sanh.

我今斷因漏則不生。善男子。

ngã kim đoạn nhân lậu tắc bất sanh 。

Nay ta dứt nhân này thì lậu không còn sanh. Nay thiện nam tử!

如彼醫師先斷病因病則不生。智者先斷煩惱因者。亦復如是。

như bĩ y sư tiên đoạn bệnh nhân bệnh tắc bất sanh trí giả tiên đoạn phiền não nhân giả 。

Như y sư trước phải trừ nhân của bệnh thì không còn. Người trí trước phải dứt nhân phiền não cũng lại như vậy.

有智之人先當觀因。次觀果報。知從善因生於善果。

hữu trí chi nhân tiên đương quán nhân 。

Người trí trước phải quán nhân, sau đó quán quả báo, biết rằng từ nhân lành sanh ra quả báo lành.

知從惡因生於惡果。觀果報已遠離惡因。

tri tòng ác nhân sanh ư ác quả 。

biết rằng từ nhân ác, sanh ra quả báo ác, khi rõ biết quả báo rồi thì liền xa lìa nhân ác.

觀果報已。復當次觀煩惱輕重。

quán quả báo dĩ 。 phục đương thứ quán phiền não khinh trọng 。

Quán sát quả báo xong, kể đến lại phải quán sát phiền não nặng hay nhẹ.

觀輕重已先離重者。既離重已輕者自去。善男子。

quán khinh trọng dĩ tiên ly trọng giả 。 ký ly trọng dĩ khinh giả tự khứ 。 thiện nam tử 。

Quán sát phiền não nặng hay nhẹ rồi, trước lia phiền não nặng, phiền não nặng đã lia rồi thì phiền não nhẹ cũng tự mất. Này thiện nam tử!

智者若知煩惱煩惱因煩惱果報煩惱輕重。

trí giả nhược tri phiền não phiền não nhân phiền não quả báo phiền não khinh trọng 。

Người trí nếu biết phiền não, biết nhân của phiền não, biết quả báo của phiền não, biết phiền não nặng hay nhẹ,

是人爾時精勤修道。不息不悔。親近善友至心聽法。

thị nhân nhĩ thì tinh tinh cần tu đạo 。 bất tức bất hối 。 thân cận thiện hữu chí tâm thính Pháp 。

lúc bấy giờ người này siêng năng tu tập không ngừng nghỉ, không hối tiếc, thân gần bạn lành, chí tâm nghe pháp

為滅如是諸煩惱故。善男子。

vị diệt như thị chư phiền não cố 。 thiện nam tử 。

để dứt trừ những phiền não như vậy. Này thiện nam tử!

譬如病者自知病輕必可除差。雖得苦藥服之不悔。

thí như bệnh giả tự tri bệnh khinh tất khả trừ sai 。 tuy đắc khổ dược phục chi bất hối 。

Thí như người bệnh, tự biết bệnh nhẹ ắt có thể trị lành, nên tuy có uống thuốc đắng cũng không ăn năn.

有智之人亦復如是。勤修聖道歡喜不愁不息不悔。

hữu trí chi nhân diệt phục như thị 。 tinh cần tu Thánh đạo hoan hỉ bất sầu bất tức bất hối 。

Người trí cũng lại như vậy, siêng năng tu hành Thánh đạo thường vui mừng, không buồn, không dừng nghỉ, không ăn năn.

善男子。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử!

若人能知煩惱煩惱因煩惱果報煩惱輕重。為除煩惱故勤修聖道。

nhược nhân năng tri phiền não phiền não nhân phiền não quả báo phiền não khinh trọng
。 vị trừ phiền não cố tinh cần tu Thánh đạo 。

Nếu người biết được phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, phiền não
nặng hay nhẹ, vì trừ phiền não nên siêng năng tu hành Thánh đạo,
是人不從煩惱生。色受想行識亦復如是。

thị nhân bất tòng phiền não sanh 。

sắc thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

người này không từ phiền não sanh, sắc thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

若不能知煩惱煩惱因煩惱果報煩惱輕重。

nhược bất năng tri phiền não phiền não nhân phiền não quả báo phiền não khinh trọng 。

Nếu không biết được phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, phiền não
nặng hay nhẹ,

不勤修道是人則從煩惱生。色受想行識亦復如是。善男子。

bất tinh cần tu đạo thị nhân tắc tòng phiền não sanh 。

sắc thọ tưởng hành thức diệc phục
như thị 。

thiện nam tử 。

không siêng năng tu hành Thánh đạo, thì người này từ phiền não sanh, sắc thọ, tưởng,
hành, thức cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử!

知煩惱煩惱因煩惱果報煩惱輕重。

tri phiền não phiền não nhân phiền não quả báo phiền não khinh trọng 。

Nếu người biết được phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, phiền não
nặng hay nhẹ,

為斷煩惱修行道者即是如來。

vị đoạn phiền não tu hành đạo giả tức thị Như Lai 。

vì trừ phiền não nên siêng năng tu hành Thánh đạo, đây chính là Như Lai.

以是因緣如來色常乃至識常。善男子。

dĩ thị nhân duyên Như Lai sắc thường nãi chí thức thường 。

thiện nam tử 。

Do nhân duyên này nên sắc thân của Như Lay cùng với thọ, tưởng, hành, thức đều là
thường trụ.

不知煩惱煩惱因煩惱果報煩惱輕重。不能修道即是凡夫。

bất tri phiền não phiền não nhân phiền não quả báo phiền não khinh trọng 。

bất năng tu
đạo tức thị phàm phu 。

Nếu người không biết được phiền não, nhân của phiền não, quả báo của phiền não, phiền não nặng hay nhẹ, không thể tu hành Thánh đạo, đây chính là phàm phu.

是故凡夫色是無常。受想行識悉是無常。善男子。

thị cố phàm phu sắc thị vô thường 。 thọ tưởng hành thức tất thị vô thường 。 thiện nam tử
。

Vì thế, sắc thân của phàm phu là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường. Nay thiện nam tử!

世間智者一切聖人菩薩諸佛說是二義。

thế gian trí giả nhất thiết Thánh nhân Bồ-tát chư Phật thuyết thị nhị nghĩa 。

Người trí trong đời: Tất cả Thánh nhân, Bồ-tát, chư Phật đều nói hai nghĩa trên đây.

我亦如是說是二義。是故我說。不與世間智者共諍。

ngã diệc như thị thuyết thị nhị nghĩa 。

thị cố ngã thuyết 。

bất dữ thế gian trí giả cộng tránh 。

Ta cũng nói hai nghĩa như vậy. Vì thế, Ta nói không cùng với người trí trong thế gian tranh cãi,

不為世法之所沾污。迦葉菩薩復白佛言。

bất vị thế Pháp chi sở triêm ô. Bồ-tát Ca-diếp phục bạch Phật ngôn 。

không bị pháp thế gian làm ô nhiễm. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

世尊。如佛所說三有漏者。

Thế Tôn 。

nư Phật sở thuyết tam hữu lậu giả 。

Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói ba lậu,

云何名為欲漏有漏無明漏耶。佛言。善男子。欲漏者。

vân hà danh vi dục lậu hữu lậu vô minh lậu da 。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

dục lậu giả
。

Thế nào gọi là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu? Phật dạy: Nay thiện nam tử! Dục lậu là nội ác giác quán do ngoại duyên sinh ra dục lậu。

nội ác giác quán nhân ư ngoại duyên sanh ư dục lậu 。

do trong tâm giác quán không lành, nhân nơi duyên ngoài mà sanh ra dục lậu.

是故我昔在王舍城告阿難言。阿難。汝今受此女人所說偈頌。

thị cố ngã tích tại Vương xá thành cáo A-nan ngôn 。

A-nan 。

nhữ kim thọ thử nữ nhân sở thuyết kệ tụng 。

Vì thế, Ta xưa ở thành Vương Xá bảo A-nan rằng: này A-nan! Ông nay thọ lấy bài kệ tụng của cô gái này nói.

是偈乃是過去諸佛之所宣說。

thị kệ nãi thị quá khứ chư Phật chi sở tuyên thuyết 。

Bài kệ này là lời của chư Phật quá khứ.

是故一切內惡覺觀外諸因緣。名之為欲。是名欲漏。有漏者。

thị cố nhất thiết nội ác giác quán ngoại chư nhân duyên 。

danh chi vi dục 。

thị danh dục lậu 。

hữu lậu giả 。

Vì thế tất cả những giác quán không lành ở trong tâm cùng những nhân duyên ngoài gọi là dục, đây gọi là dục lậu. Hữu lậu là

色無色界內諸惡法外諸因緣。

sắc vô sắc giới nội chư ác Pháp ngoại chư nhân duyên 。

những ác pháp trong tâm cùng với các nhân duyên bên ngoài của cõi Sắc và Vô sắc, 除欲界中外諸因緣內諸覺觀。是名有漏。無明漏者。

trừ dục giới trung ngoại chư nhân duyên nội chư giác quán 。

thị danh hữu lậu 。

vô minh lậu giả 。

trừ Dục lậu ở cõi Dục, các giác quán trong tâm cùng những nhân duyên bên ngoài, đây gọi là hữu lậu. Vô minh lậu là

不能了知我及我所。不別內外。名無明漏。善男子。

bất năng liễu tri ngã cập ngã sở 。

bất biệt nội ngoại 。

danh vô minh lậu 。

thiện nam tử 。

không thể ỡ biết được ngã và ngã sở, không phân biệt được trong và ngoài, gọi là vô minh.

Này thiện nam tử!

無明即是一切諸漏根本。何以故。

vô minh tức thị nhất thiết chư lậu căn bản 。

hà dĩ cố 。

Vô minh là cội gốc của tất cả các lậu. Vì sao?

一切眾生無明因緣於陰入界憶想作相。名為眾生。

nhất thiết chúng sanh vô minh nhân duyên ư uẩn nhập giới ức tưởng tác tướng 。

danh vi chúng sanh 。

Tất cả chúng sanh vì vô minh nên nhớ tưởng đến ấm, nhập, giới, đây gọi là chúng sanh, 是名想倒心倒見倒。以是因緣生一切漏。

thị danh tưởng đảo tâm đảo kiến đảo 。

dĩ thị nhân duyên sanh nhất thiết lậu 。

cũng gọi là tưởng đảo, tâm đảo, kiến đảo. Do nhân duyên này mà sanh ra tất cả các lậu.
是故我於十二部經說無明者。即是貪因瞋因癡因。

thị cố ngã ư thập nhị bộ Kinh thuyết vô minh giả 。 tức thị tham nhân sân nhân si nhân 。
Vì thế, trong mười hai bộ Kinh, Ta nói Vô minh chính là nhân của tham, sân, si.

迦葉菩薩言。世尊。如來昔於十二部經說言。

Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。 Thế Tôn 。 Như Lai tích ư thập nhị bộ Kinh thuyết ngôn 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như Lai xưa trong mười hai bộ Kinh nói
rằng

不善思惟因緣生於貪欲瞋癡。今何因緣乃說無明。

bất thiện tư duy nhân duyên sanh ư tham dục sân si 。 kim hà nhân duyên nãi thuyết vô
minh 。

do không khéo tư duy nên mà có tham, sân, si. Nay vì nhân duyên gì Như Lai lại nói vì vô
minh?

善男子。如是二法互為因果互相增長。

thiện nam tử 。 như thị nhị pháp hỗ vị nhân quả hỗ tương tăng trưởng.

Này thiện nam tử! Hai pháp này làm nhân quả lẫn nhau, tăng trưởng lẫn nhau:

不善思惟生於無明。無明因緣生不善思惟。

bất thiện tư duy sanh ư vô minh 。 vô minh nhân duyên sanh bất thiện tư duy 。

không khéo tư duy nên sanh vô minh, do vô minh nên không khéo tư duy.

善男子。其能生長諸煩惱者。皆悉名為煩惱因緣。

thiện nam tử 。 kỳ năng sanh trưởng chư phiền não giả 。 giai tất danh vi phiền não nhân
duyên 。

Này thiện nam tử! Những gì có thể sanh trưởng phiền não đều gọi là nhân duyên của
phiền não,

親近如是煩惱因緣。名為無明。

thân cận như thị phiền não nhân duyên 。 danh vi vô minh 。

gần gũi những nhân duyên phiền não như vậy gọi là vô minh.

不善思惟如子生芽。子是近因四大遠因。煩惱亦爾。

bất thiện tư duy như tử sanh nha 。 tử thị cận nhân tứ Đại viễn nhân 。 phiền não diệt nhĩ
。

Không khéo tư duy giống như hạt giống nảy mầm: Hạt giống là nhân gần, bốn đại là nhân xa. Phiền não cũng vậy.

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說無明即漏。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 như Phật sở thuyết vô minh tức lậu 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói vô minh tức là lậu.

云何復言。因無明故生於諸漏。佛言。善男子。

vân hà phục ngôn 。 nhân vô minh cố sanh ư chư lậu 。

Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

Sao lại nói rằng nhân nơi vô minh mà sanh các lậu? Phật dạy: Này thiện nam tử!

如我所說無明漏者。是內無明因於無明。

như ngã sở thuyết vô minh lậu giả 。

thị nội vô minh nhân ư vô minh 。

Như chỗ Ta nói Vô minh lậu là nội vô minh. Nhân nơi vô minh

生諸漏者。是內外因。若說無明漏是名內倒。

sanh chư lậu giả 。

thị nội ngoại nhân 。

nhược thuyết vô minh lậu thị danh nội đảo 。

mà sanh ra các lậu là nội ngoại nhân. Nếu nói vô minh lậu, đây gọi là nội đảo:

不識無常苦空無我。若說一切煩惱因緣。

。

bất thức vô thường khổ không vô ngã 。

chung:

從無明生陰入界等。迦葉菩薩白佛言。世尊。

tòng vô minh sanh âm nhập giới đẳng 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

Từ vô minh sanh âm, nhập, giới v.v. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

如佛所說。有智之人知於漏因。

như Phật sở thuyết 。

hữu trí chi nhân tri ư lậu nhân 。

Như ời Phật nói rằng người trí biết nhân của các lậu.

云何名為知於漏因。善男子。智者當觀。

vân hà danh vi tri ư lậu nhân 。

thiện nam tử 。

trí giả đương quán 。

Thế nào gọi là biết nhân của các lậu? Này thiện nam tử! Người trí phải nên quán sát rằng:

何因緣故生是煩惱。造作何行生此煩惱。於何時中生此煩惱。

hà nhân duyên cố sanh thị phiền não 。 tạo tác hà hành sanh thử phiền não 。 ư hà thì trung sanh thử phiền não 。

Vì nhân duyên gì mà sanh ra các phiền não này? Tạo tác những hành nghiệp gì mà sanh ra những phiền não này? Trong thì kỳ nào sanh ra các phiền não này?

共誰住時生此煩惱。何處止住生此煩惱。

cộng thù trụ thì sanh thử phiền não 。 hà xử chỉ trụ sanh thử phiền não 。

Khi ở chung với ai sanh ra các phiền não này? Ở chỗ nào sanh ra các phiền não này?

觀何事已生於煩惱。

quán hà sự dĩ sanh ư phiền não 。

Quán sát việc gì sanh ra các phiền não này?

受誰房舍臥具飲食衣服湯藥而生煩惱。何因緣故。

thọ thù phòng xá ngoại cụ ẩm thực y phục thang dược nhi sanh phiền não 。 hà nhân duyên cố 。

Thọ nhận phòng nhà, đồ nằm, thức ăn vật uống, y phục, thuốc men của ai mà sanh ra các phiền não này? Vì nhân duyên gì

轉下作中轉中作上。下業作中中業作上。

chuyển hạ tác trung chuyển trung tác thượng 。 hạ nghiệp tác trung trung nghiệp tác thượng 。

chuyển hạ làm trung, chuyển trung làm thượng? Nghiệp hạ là trung, nghiệp trung là thượng?

菩薩摩訶薩作是觀時則得遠離生漏因緣。

Bồ-tát Ma-ha tát tác thị quán thì tắc đắc viễn li sanh lậu nhân duyên 。

Đại Bồ-tát khi quán sát như vậy thì xa lìa được nhân duyên sanh ra các lậu.

如是觀時未生煩惱遮令不生。已生煩惱便得除滅。

như thị quán thì vị sanh phiền não già linh bất sanh 。 dĩ sanh phiền não tiện đắc trừ diệt 。

Khi quán sát như vậy, các phiền não chưa sanh ngăn ngừa làm cho đừng sanh, các phiền não đã sanh liền được trừ diệt.

是故我於契經中說。智者當觀生煩惱因。

thị cố ngã ư khế Kinh trung thuyết 。 trí giả đương quán sanh phiền não nhân 。

Vì thế, trong kệ Kinh Ta nói rằng người trí phải quán sát nhân duyên sanh ra phiền não.
迦葉菩薩白佛言。世尊。眾生一身云何能起種種煩惱。佛言。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 chúng sanh nhất thân vân hà năng khởi
chủng chủng phiền não 。 Phật ngôn 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Chúng sanh chỉ có một thân, làm sao có
thể sanh ra các thứ phiền não? Phật dạy:

善男子。如一器中有種種子。

thiện nam tử 。 như nhất khí trung hữu chủng chủng tử 。

Này thiện nam tử! Như trong một cái chậu đựng được nhiều hạt giống.

得水雨已各各自生。眾生亦爾。器雖是一。

đắc thủy vũ dĩ các các tự sanh 。 chúng sanh diệc nhĩ 。 khí tuy thị nhất 。

Lúc có mưa, hạt giống được nước thì mỗi hạt đều tự mọc lên. Chúng sanh cũng vậy, thân
tuy chỉ có một

愛因緣故而能生長種種煩惱。迦葉菩薩言。世尊。

ái nhân duyên cố nhi năng sanh trường chủng chủng phiền não 。 Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。

Thế Tôn 。

nhưng do nhân duyên tham ái nên có thể sanh trường các thứ phiền não. Bồ-tát Ca-diếp
bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

智者云何觀於果報。善男子。智者當觀。

trí giả vân hà quán ư quả báo 。 thiện nam tử 。

trí giả đương quán 。

Người trí quán sát quả báo thế nào? Này thiện nam tử! Người trí phải quán sát

諸漏因緣能生地獄餓鬼畜生。是漏因緣得人天身。

chư lậu nhân duyên năng sanh Địa-ngục ngạ quỷ súc sanh 。

thị lậu nhân duyên đắc
nhân Thiên thân 。

nhân duyên của các lậu có thể sanh ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Nhân duyên của các
lậu này mà được thân người, Trời

即是無常苦空無我。是身器中得三種苦三種無常。

tức thị vô thường khổ không vô ngã 。

thị thân khí trung đắc tam chủng khổ tam chủng vô
thường 。

tức là thân vô thường, khổ, vô ngã. Trong thân này có ba thứ khổ, ba thứ vô thường.

是漏因緣能令眾生作五逆罪受諸惡報。

thị lậu nhân duyên năng linh chúng sanh tác ngũ nghịch tội thọ chư ác báo 。

Nhân duyên của các lậu này có thể làm cho chúng sanh tạo năm nghịch tội, thọ lấy ác báo,

能斷善根犯四重禁誹謗三寶。智者當觀。

năng đoạn thiện căn phạm tứ trọng cấm phỉ báng Tam Bảo 。

trí giả đương quán 。

có thể dứt mất căn lành phạm bốn cấm giới trọng, phỉ báng Tam Bảo. Người trí phải nên quán sát rằng

我既受得如是之身。不應生起如是煩惱受諸惡果。

ngã ký thọ đắc như thị chi thân 。

bất ứng sanh khởi như thị phiền não thọ chư ác quả 。

ta nay đã có thân như vậy, không nên sanh khởi những phiền não như vậy để khởi mang lấy ác quả.

迦葉菩薩言。世尊。有無漏果。

Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。

Thế Tôn 。

hữu vô lậu quả 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Có quả vô lậu,

復言智者斷諸果報。無漏果報在斷中不。

phục ngôn trí giả đoạn chư quả báo 。

vô lậu quả báo tại đoạn trung bất 。

lại nói rằng người trí dứt các quả báo, quả báo vô lậu này có ở trong số quả báo bị dứt trừ chăng?

諸得道人有無漏果。如其智者求無漏果。

chư đắc đạo nhân hữu vô lậu quả 。

như kỳ trí giả cầu vô lậu quả 。

Những người đắc đạo có quả báo vô lậu. Như người trí kia cầu quả vô lậu,

云何佛說一切智者應斷果報。若其斷者。今諸聖人云何得有。

vân hà Phật thuyết nhất thiết trí giả ứng đoạn quả báo 。

nhược kỳ đoạn giả 。

kim chư Thánh nhân vân hà đắc hữu 。

vì sao Phật lại nói rằng hết thấy người trí phải nên dứt trừ quả báo? Nếu dứt quả báo thì ngày nay làm sao có bậc Thánh nhân?

善男子。如來或時因中說果果中說因。

thiện nam tử 。

Như Lai hoặc có lúc trong nhân nói quả, có lúc trong quả nói nhân.

如世間人說泥即是瓶縷即是衣。是名因中說果。

như thế gian nhân thuyết nê tức thị bình lũ tức thị y 。

Như người đời nói đất sét chính là cái bình, những sợi chỉ chính là cái áo, đây gọi là trong nhân nói quả.

果中說因者。牛即水草人即是食。

quả trung thuyết nhân giả 。 nguưu tức thủy thảo nhân tức thị thực 。

Trong quả nói nhân là như người đời nói con bò chính là nước và cỏ, người chính là đồ ăn.

我亦如是。因中說果。先於經中作是說言。

ngã diệc như thị 。 nhân trung thuyết quả 。 tiên ư Kinh trung tác thị thuyết ngôn 。

Ta cũng như vậy, trong nhân nói quả. Như trong kệ kinh kia Ta nói rằng:

我從心身(因心運身故名心身)至梵天邊。是名因中說果。

ngã tòng tâm thân (nhân tâm vận thân cố danh tâm thân)chí Phạm Thiên biên 。 thị danh nhân trung thuyết quả 。

Ta từ nơi tâm mà thân đến cõi Phạm Thiên, đây gọi là trong nhân nói quả.

果中說因。此六入者名過去業。是名果中說因。

quả trung thuyết nhân 。 thử lục nhập giả danh quá khứ nghiệp 。 thị danh quả trung thuyết nhân 。

Trong quả nói nhân là: Như nói sáu nhập này là nghiệp quá khứ, đây gọi là trong quả nói nhân.

善男子。一切聖人真實無有無漏果報。

thiện nam tử 。 nhất thiết Thánh nhân chân thật vô hữu vô lậu quả báo 。

Này thiện nam tử! Tất cả Thánh nhân thật không có quả báo vô lậu.

一切聖人修道果報更不生漏。是故名為無漏果報。

nhất thiết Thánh nhân tu đạo quả báo canh bất sanh lậu 。 thị cố danh vi vô lậu quả báo 。

Tất cả Thánh nhân tu hành Thánh đạo được quả báo không còn sanh các lậu, vì thế gọi là quả báo vô lậu.

善男子。有智之人如是觀時。

thiện nam tử 。 hữu trí chi nhân như thị quán thì 。

Này thiện nam tử! Có người trí khi quán sát như vậy

即得永滅煩惱果報。善男子。智者觀已。

tức đắc vĩnh diệt phiền não quả báo 。 thiện nam tử 。 trí giả quán dĩ 。

liền dứt hẳn quả báo của phiền não. Này thiện nam tử! Người trí đã quán sát như vậy rồi,

為斷如是煩惱果報修習聖道。聖道者即空無相願。修是道已。

vì đoạn như thị phiền não quả báo tu tập Thánh đạo 。 Thánh đạo giả tức không vô tướng
nguyện 。 tu tập đạo dĩ 。

vì dứt quả báo phiền não này mà tu tập Thánh đạo: Không, vô tướng, vô nguyện; Tu tập
Thánh đạo này rồi

能滅一切煩惱果報。迦葉菩薩白佛言。世尊。

năng diệt nhất thiết phiền não quả báo 。 Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

có thể dứt trừ hết thảy các quả báo của phiền não. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch
Thế Tôn!

一切眾生皆從煩惱而得果報。

nhất thiết chúng sanh giai tùng phiền não nhi đắc quả báo 。

Tất cả chúng sanh đều do phiền não mà có quả báo.

言煩惱者所謂惡也。從惡煩惱所生煩惱亦名為惡。

ngôn phiền não giả sở vị ác dã 。 tùng ác phiền não sở sanh phiền não diệt danh vi ác 。

Phiền não chính là ác. Từ phiền não ác mà sanh ra phiền não cũng gọi là ác.

如是煩惱則有二種。一因二果。因惡故果惡。

như thị phiền não tắc hữu nhị chủng 。

Như vậy, phiền não có hai thứ: Một là nhân, hai là quả. Vì nhân ác nên quả báo ác,

果惡故子惡。如紕婆果。

quả ác cố tử ác 。

vì quả ác nên nhân ác. Như quả Nhâm bà,

其子苦故花果莖葉一切皆苦。猶如毒樹。其子毒故果亦是毒。

kỳ tử khổ cố hoa quả hành diệp nhất thiết giai khổ 。

vì hạt của nó đắng nên hoa, quả, cành, lá tất cả đều đắng. Thí như cây độc, vì hạt của nó
độc nên quả cũng độc.

因亦眾生果亦眾生。因亦煩惱果亦煩惱。

nhân diệt chúng sanh quả diệt chúng sanh 。

Nhân cũng là chúng sanh, quả cũng chúng là sanh. Nhân cũng phiền não, quả cũng

phiền não.

煩惱因果即是眾生。眾生即是煩惱因果。若從是義。

phiền não nhân quả tức thị chúng sanh 。 chúng sanh tức thị phiền não nhân quả 。 nhược
tòng thị nghĩa 。

Nhân quả phiền não chính là chúng sanh. Chúng sanh chính là nhân quả phiền não. Nếu
theo nghĩa này,

云何如來先喻雪山亦有毒草微妙藥王。

vân hà Như Lai tiên dụ tuyết sơn diệc hữu độc thảo vi diệu dược Vương 。

vì sao Như Lai trước nói dụ núi Tuyết cũng có cỏ độc, cũng có cây thuốc hay?

若言煩惱即是眾生眾生即是煩惱。

nhược ngôn phiền não tức thị chúng sanh chúng sanh tức thị phiền não 。

Nếu nói phiền não chính là chúng sanh, chúng sanh chính là phiền não,

云何而言眾生身中有妙藥王。佛言。善哉善哉。善男子。

vân hà nhi ngôn chúng sanh thân trung hữu diệu dược Vương 。

Phật ngôn 。

Thiện tai
Thiện tai 。

thiện nam tử 。

sao Như Lai nói rằng trong thân chúng sanh có thuốc hay? Phật dạy: Lành thay! Lành
thay! Này thiện nam tử!

無量眾生咸同此疑。汝今能為啟請求解。

vô lượng chúng sanh hàm đồng thử nghi 。

nhữ kim năng vị khả thỉnh cầu giải 。

Vô lượng chúng sanh đồng nghi như vậy. Ông nay vì chúng sanh mà thưa hỏi.

我亦能斷。諦聽諦聽善思念之。今當為汝分別解說。

ngã diệc năng đoạn 。

đế thỉnh đế thỉnh thiện tư niệm chi 。

kim đương vị nhữ phân biệt
giải thuyết 。

Ta cũng có thể vì ông mà phân biệt, giải thích để trừ nghi, hãy lắng nghe khéo suy nghĩ và
ghi nhớ lấy.

善男子。雪山喻者即是眾生。

thiện nam tử 。

tuyết sơn dụ giả tức thị chúng sanh 。

Này thiện nam tử! Núi Tuyết kia dụ cho chúng sanh,

言毒草者即是煩惱。妙藥王者即淨梵行。善男子。若有眾生。

ngôn độc thảo giả tức thị phiền não 。

diệu dược Vương giả tức tịnh phạm hạnh。thiện
nam tử 。

nhược hữu chúng sanh 。

cỏ độc là nói phiền não, cây thuốc hay là chỉ cho Phạm hạnh thanh tịnh. Này thiện nam
tử! Nếu có chúng sanh

能修如是清淨梵行。是名身中有妙藥王。

năng tu như thị thanh tịnh phạm hạnh 。 thị danh thân trung hữu diệu dược Vương 。
tu tập phạm hạnh thanh tịnh như vậy, đây gọi là trong thân có thuốc hay.

迦葉菩薩白佛言。世尊。云何眾生有清淨梵行。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 vân hà chúng sanh hữu thanh tịnh phạm
hạnh 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Thế nào là chúng sanh có phạm hạnh
thanh tịnh?

善男子。猶如世間從子生果。

thiện nam tử 。 do như thế gian tòng tử sanh quả 。

Này thiện nam tử! Giống như trong đời từ hột mà sanh ra trái.

是果有能與子作因。有不能者有能作者。是名果子。

thị quả hữu năng dữ tử tác nhân 。 hữu bất năng giả hữu năng tác giả 。 thị danh quả tử
。

Trái này có thể sanh ra hột, có trái không sanh hột, trái có thể sanh hột, đây gọi là trái hột.

若不能作。唯得名果不得名子。一切眾生亦復如是。

nhược bất năng tác 。 duy đắc danh quả bất đắc danh tử 。 nhất thiết chúng sanh diệc
phục như thị 。

Nếu không thể sanh hột, thì chỉ được gọi là trái, không được gọi là hột. Hết thấy chúng
sanh cũng lại như vậy,

皆有二種。一者有煩惱果是煩惱因。

giai hữu nhị chủng 。 nhất giả hữu phiền não quả thị phiền não nhân 。

đều có hai thứ: Một là có quả phiền não là nhân phiền não,

二者有煩惱果非煩惱因。是煩惱果非煩惱因。

nhị giả hữu phiền não quả phi phiền não nhân 。 thị phiền não quả phi phiền não nhân 。

hai là có quả phiền não không phải nhân phiền não nhân, là quả phiền não không phải
nhân phiền não,

是則名為清淨梵行。

thị tắc danh vi thanh tịnh phạm hạnh 。

đây thì gọi là thanh tịnh phạm hạnh.

善男子。眾生觀受。知是一切漏之近因。

thiện nam tử 。 chúng sanh quán thọ 。 tri thị nhất thiết lậu chi cận nhân 。
Này thiện nam tử! Chúng sanh quán sát thọ ấm, biết nó là nhân gần của tất cả lậu.
所謂內外漏。受因緣故。不能斷絕一切諸漏。
sở vị nội ngoại lậu 。 thọ nhân duyên cố 。 bất năng đoạn tuyệt nhất thiết chư lậu 。
Đó là các lậu nội ngoại, vì thọ ấm làm nhân duyên nên không thể dứt tuyệt hết thảy các
lậu,
亦不能出三界牢獄。眾生因受著我我所。
diệc bất năng xuất tam giới lao ngục 。 chúng sanh nhân thọ trước ngã ngã sở 。
cũgn không thể ra khỏi ngục tam giới. Chúng sanh nhân nơi thọ mà chấp ngã và ngã sở,
生於心倒想倒見倒。是故眾生先當觀受。
sanh ư tâm đảo tưởng đảo kiến đảo 。 thị cố chúng sanh tiên đương quán thọ 。
sanh ra tâm đảo, tưởng đảo, kiến đảo. Vì thế, chúng sanh trước phải quán sát thọ ấm.
如是受者為一切愛而作近因。
như thị thọ giả vi nhất thiết ái nhi tác cận nhân 。
Thọ ấm này làm nhân gần cho hết thảy ái.
是故智者欲斷愛者當先觀受。善男子。
thị cố trí giả dục đoạn ái giả đương tiên quán thọ 。 thiện nam tử 。
Vì vậy người trí muốn dứt trừ tham ái, trước phải quán sát thọ ấm. Này thiện nam tử!
一切眾生十二因緣所作善惡皆因受時。是故我為阿難說言。阿難。
nhất thiết chúng sanh thập nhị nhân duyên sở tác thiện ác giai nhân thọ thì 。 thị cố ngã vị
A-nan thuyết ngôn 。 A-nan 。
Tất cả chúng sanh, mười hai nhân duyên khi gây tạo nghiệp lành hay dữ đều nhân nơi
thọ. Vì vậy Ta vì A-nan mà nói rằng: A-nan!
一切眾生所作善惡皆是受時。
nhất thiết chúng sanh sở tác thiện ác giai thị thọ thì 。
Tất cả chúng sanh gây tạo nghiệp lành dữ đều nhân nơi thọ,
是故智者先當觀受。既觀受已復當更觀。如是受者何因緣生。
thị cố trí giả tiên đương quán thọ 。 ký quán thọ dĩ phục đương canh quán 。 như thị thọ
giả hà nhân duyên sanh 。
vì vậy người trí trước phải quán sát thọ, đã quán sát thọ rồi, lại phải quán sát thọ này do
đâu mà sanh?

若因緣生如是因緣復從何生。

nhược nhân duyên sanh như thị nhân duyên phục tùng hà sanh 。

Nếu do nhân duyên sanh, thì nhân duyên này lại từ đâu mà sanh?

若無因生無因何故不生無受。復觀是受不因自在天生。

nhược vô nhân sanh vô nhân hà cố bất sanh thị cố 。

phục quán thị thọ bất nhân Tự Tại Thiên sanh 。

Nếu không nhân duyên sanh, thì không nhân duyên kia không sanh không thọ? Lại quán sát thọ này không phải do Tự Tại Thiên sanh,

不因士夫生。不因微塵生。非時節生。

bất nhân sĩ phu sanh 。

bất nhân vi trần sanh 。

phi thì tiết sanh 。

không do sĩ phu sanh, không do vi trần sanh, không phải thì tiết sanh,

不因想生不因性生。不從自生不從他生。

bất nhân tưởng sanh bất nhân tánh sanh 。

bất tông tự sanh bất tông tha sanh 。

không do tưởng sanh, không do tánh sanh, không từ tự sanh, không từ cái khác sanh,
非自他生非無因生。是受皆從緣合而生。

phi tự tha sanh phi vô nhân sanh 。

thị thọ giai tông duyên hợp nhi sanh 。

không tự mình sanh, không phải người khác sanh, không phải vô nhân sanh. Thọ này từ các duyên hòa hợp mà sanh,

因緣者即是愛也。是和合中非有受非無受。

nhân duyên giả tức thị ái dã 。

thị hòa hợp trung phi hữu thọ phi thị cố 。

Nhân duyên chính là ái. Trong sự hòa hợp này, không phải có thọ, không phải không thọ.
是故我當斷是和合。斷和合故則不生受。善男子。

thị cố ngã đương đoạn thị hòa hợp 。

đoạn hòa hợp cố tắc bất sanh thọ 。

thiện nam tử 。

Vì vậy Ta sẽ dứt sự hòa hợp này, vì dứt hòa hợp nên không sanh ra thọ. Nay thiện nam tử!

智者既觀因已次觀果報。

trí giả ký quán nhân dĩ thứ quán quả báo 。

Người trí quán sát nhân xong rồi, kể đến quán sát quả báo:

眾生因受受於地獄餓鬼畜生乃至三界無量苦惱。

chúng sanh nhân thọ thọ ư Địa-ngục ngạ quỷ súc sanh nãi chí tam giới vô lượng khổ não

。

Chúng sanh do nơi thọ mà chịu lấy quả báo ở địa ngục, nạ quỷ, súc sanh cho đến ba cõi chịu vô lượng khổ não.

受因緣故受無常樂。受因緣故斷於善根。

thọ nhân duyên cố thọ vô thường lạc 。 thọ nhân duyên cố đoạn ư thiện căn 。

Do nơi thọ mà chịu lấy sự vui hư huyền vô thường. Do nơi thọ mà mà dứt mất căn lành.

受因緣故獲得解脫。作是觀時不作受因。云何名為不作受因。

thọ nhân duyên cố hoạch đắc giải thoát 。 tác thị quán thì bất tác thọ nhân 。 vân hà danh vi bất tác thọ nhân 。

Do nơi thọ mà được giải thoát. Khi quán sát như vậy, thì không làm nhân cho thọ. Thế nào gọi là không làm nhân cho thọ?

謂分別受。何等受能作愛因。

vị phân biệt thọ 。 hà đẳng thọ năng tác ái nhân 。

Đó là phân biệt thọ: Những thọ nào có thể làm nhân cho ái?

何等愛能作受因。善男子。眾生若能如是深觀愛因受因。

hà đẳng ái năng tác thọ nhân 。 thiện nam tử ！ chúng sanh nhược năng như thị thâm quán ái nhân thọ nhân 。

Những ái nào có thể làm nhân cho thọ? Nay thiện nam tử! Chúng sanh nếu có thể quán sát rõ ràng ái nhân và thọ nhân như vậy

則便能斷我及我所。善男子。

tắc tiện năng đoạn ngã cập ngã sở 。 thiện nam tử 。

thì liền có thể dứt trừ ngã và ngã sở. Nay thiện nam tử!

若人能作如是等觀。則應分別愛之與受在何處滅。

nhược nhân năng tác như thị đẳng quán 。 tắc ứng phân biệt ái chi dữ thọ tại hà xử diệt 。

Nếu người nào có thể quán sát những điều như vậy, thì nên phân biệt ái và thọ dứt tại chỗ nào,

即見愛受有少滅處。當知亦應有畢竟滅。

tức kiến ái thọ hữu thiểu diệt xử 。

đương tri diệt ứng hữu tất cánh diệt 。

liền thấy ái và thọ có chỗ diệt chút ít, do đây nên biết rằng cũng phải có diệt rốt ráo.

爾時即於解脫生信。生信心已是解脫處何由而得。

nhĩ thì tức ư giải thoát sanh tín 。

Lúc bấy giờ ở nơi giải thoát người này sanh tín tâm, sanh tín tâm xong quán sát giải thoát này do đâu mà được,

知從八正即便修習。云何名為八正道耶。

tri tòng bát chánh tức tiện tu tập 。 vân hà danh vi Bát Chánh Đạo da 。

biết từ Bát chánh đạo nên liền tu tập. Thế nào gọi là Bát chánh đạo?

是道觀受有三種相一者苦。二者樂。

thị đạo quán thọ hữu tam chủng tướng nhất giả khổ 。 nhị giả lạc 。

Đạo này quán sát thọ có ba tướng: Một là khổ, hai là lạc,

三者不苦不樂。如是三種俱能增長身之與心。

tam giả bất khổ bất lạc 。 như thị tam chủng câu năng tăng trưởng thân chi dữ tâm 。

ba là bất khổ bất lạc. Ba thứ có thể làm cho thân tâm tăng trưởng.

何因緣故能增長耶。觸因緣也。是觸三種。

hà nhân duyên cố năng tăng trưởng da 。 xúc nhân duyên dã 。 thị xúc tam chủng 。

Nhân duyên gì có thể làm tăng trưởng? Do xúc làm nhân duyên. Xúc này có ba thứ:

一者無明觸。二者明觸。三者非明無明觸。

nhất giả vô minh xúc 。 nhị giả minh xúc 。 tam giả phi minh vô minh xúc 。

Một là vô minh xúc, hai là minh xúc, ba là phi minh vô minh xúc.

言明觸者即八正道。其餘二觸增長身心及三種受。

ngôn minh xúc giả tức Bát Chánh Đạo 。 kỳ dư nhị xúc tăng trưởng thân tâm cập tam chủng thọ 。

Minh xúc chính là Bát chánh đạo. Hai xúc kia làm tăng trưởng thân tâm và ba món thọ,

是故我應斷二種觸因緣。觸斷故不生三受。

thị cố ngã ứng đoạn nhị chủng xúc nhân duyên 。 xúc đoạn cố bất sanh tam thọ 。

vì vậy Ta phải dứt hai món xúc nhân duyên này, vì xúc đã dứt nên ba món thọ không sanh.

善男子。如是受者亦名為因亦名為果。

thiện nam tử 。 như thị thọ giả diệc danh vi nhân diệc danh vi quả 。

Này thiện nam tử! Thọ này cũng gọi là nhân cũng gọi là quả.

智者當觀亦因亦果。云何為因。因受生愛名之為因。

trí giả đương quán diệc nhân diệc quả 。 vân hà vi nhân 。 nhân thọ sanh ái danh chi vi nhân 。

Người trí phải quán cũng nhân cũng quả này. Thế nào gọi là nhân? Nhân nơi thọ mà sanh ra ái, gọi là nhân.

云何名果。因觸生故名之為果。

vân hà danh quả 。 nhân xúc sanh cố danh chi vi quả 。

Thế nào gọi là quả? Thọ nhân nơi xúc mà sanh gọi là quả.

是故此受亦因亦果。智者如是觀是受已。次復觀愛。

thị cố thử thọ diệc nhân diệc quả 。 trí giả như thị quán thị thọ dĩ 。 thứ phục quán ái 。

Vì vậy thọ này cũng là nhân cũng là quả. Người trí quán thọ như vậy rồi, kể đến quán ái.

受果報故名之為愛。智者觀愛復有二種。

thọ quả báo cố danh chi vi ái 。

Quả báo của thọ này gọi là ái. Người trí quán ái có hai thứ:

一者雜食。二者無食。雜食愛者。

nhất giả tạp thực 。 nhị giả vô thực 。 tạp thực ái giả 。

Một là tạp thực, hai là vô thực. Tạp thực ái này

因生老病死一切諸有。無食愛者。斷生老病死一切諸有。

nhân sanh lão bệnh tử nhất thiết chư hữu 。

vô thực ái giả 。

đoạn sanh lão bệnh tử nhất thiết chư hữu 。

làm nhân cho sanh, già, bệnh, chết tất cả các cõi hữu lậu. Vô thực ái thì dứt sanh, già, bệnh, chết, tất cả các cõi

貪無漏道。智者復當作如是念。我若生是雜食之愛。則不能斷生老病死。

tham vô lậu đạo 。

trí giả phục đương tác như thị niệm 。

ngã nhược sanh thị tạp thực chi ái 。

ham thích đạo vô lậu. Người trí lại nên nghĩ rằng: Nếu ta sanh tạp thực ái này

則不能斷生老病死。

tắc bất năng đoạn sanh lão bệnh tử 。

thì không thể dứt sanh, già, bệnh, chết.

我今雖貪無漏之道不斷受因。則不能得無漏道果。

ngã kim tuy tham vô lậu chi đạo bất đoạn thọ nhân 。

tắc bất năng đắc vô lậu đạo quả 。

Ta nay tuy ham thích đạo vô lậu, nếu không dứt thọ nhân, thì không thể được đạo quả vô lậu,

是故應當先斷是觸。觸既斷已受則自滅。

thị cố ứng đương tiên đoạn thị xúc 。 xúc ký đoạn dĩ thọ tắc tự diệt 。
vì thế trước phải dứt xúc này trước, xúc đã dứt rồi thì thọ tự diệt.
受既滅已愛亦隨滅。是名八正道。善男子。若有眾生能如是觀。
thọ ký diệt dĩ ái diệt tùy diệt 。 thị danh Bát Chánh Đạo 。 thiện nam tử 。 nhược hữu
chúng sanh năng như thị quán 。
Thọ đã diệt thì ái cũng diệt, đây gọi là Bát chánh đạo. Nay thiện nam tử! Nếu có chúng
sanh nào có thể quán sát như vậy,
雖有毒身其中亦有微妙藥王。
tuy hữu độc thân kỳ trung diệt hữu vi diệu dược Vương 。
tuy có thân ác độc nhưng trong đó cũng có cây thuốc hay.
如雪山中雖有毒草亦有妙藥。善男子。
như tuyết sơn trung tuy hữu độc thảo diệt hữu diệu dược 。 thiện nam tử 。
Như trong núi Tuyết, tuy có cỏ độc nhưng cũng có thuốc hay. Nay thiện nam tử!
如是眾生雖從煩惱而得果報。而是果報更不復為煩惱作因。
như thị chúng sanh tuy tùng phiền não nhi đắc quả báo 。 nhi thị quả báo canh bất phục vi
phiền não tác nhân 。
Những chúng sanh này tuy từ phiền não mà có quả báo, nhưng quả báo này không còn
làm nhân cho phiền não,
是即名為清淨梵行。
thị tức danh vi thanh tịnh phạm hạnh。
đây gọi là thanh tịnh phạm hạnh.
復次善男子。智者當觀受愛二事。
phục thứ thiện nam tử 。 trí giả đương quán thọ ái nhị sự 。
Lại nữa, nay thiện nam tử! Người trí phải quán sát hai việc thọ và ái
何因緣生知因想生。何以故。眾生見色亦不生貪。
hà nhân duyên sanh tri nhân tưởng sanh 。 hà dĩ cố 。 chúng sanh kiến sắc diệt bất sanh
tham 。
do nhân duyên gì mà sanh? Biết do tưởng mà sanh. Vì sao vậy? Vì chúng sanh lúc thấy
sắc cũng không sanh tham,
及觀受時亦不生貪。若於色中生顛倒想。
cập quán thọ thì diệt bất sanh tham 。 nhược ư sắc trung sanh điên đảo tưởng 。

và khi quán thọ cũng không sanh tham. Nếu trong sắc mà sanh tưởng điên đảo,
謂色即是常樂我淨。受是常恒無有變易。

vị sắc tức thị thường lạc ngã tịnh 。 thọ thị thường hằng vô hữu biến dịch 。
cho rằng sắc là thường, lạc, ngã, tịnh, thọ là thường hằng, không có thay đổi.
因是倒想生貪恚癡。是故智者應當觀想。云何觀想。

nhân thị đảo tưởng sanh tham khuể si 。 thị cố trí giả ứng đương quán tưởng 。 vân hà
quán tưởng 。

Do tưởng điên đảo này mà sanh tham, sân, si. Vì thế, người trí phải nên quán tưởng. Thế
nào gọi là quán tưởng?

當作是念。一切眾生未得正道皆有倒想。

đương tác thị niệm 。 nhất thiết chúng sanh vị đắc chánh đạo giai hữu đảo tưởng 。

Phải nghĩ rằng: Tất cả chúng sanh chưa được Chánh đạo đều có tưởng điên đảo。
云何倒想。於非常中生於常想。

vân hà đảo tưởng 。 ư phi thường trung sanh ư thường tưởng 。

Thế nào gọi là tưởng điên đảo? Ở trong không thường tưởng là thường,
於非樂中生於樂想。於非淨中生於淨想。於空法中生於我想。

ư phi lạc trung sanh ư lạc tưởng 。 ư phi tịnh trung sanh ư tịnh tưởng 。 ư không Pháp
trung sanh ư ngã tưởng 。

Ở trong không lạc tưởng là lạc, ở trong không tịnh tưởng là tịnh, ở trong pháp không mà
tưởng là ngã,

於非男女大小晝夜歲月衣服房舍臥具。

ư phi nam nữ đại tiểu trú dạ tuế nguyệt y phục phòng xá ngọa cụ 。

Nơi pháp không phải nam, nữ, lớn, nhỏ, ngày, đêm, năm, tháng, y phục, nhà cửa, đồ nằm
v.v.

生於男女至臥具想。是想三種。一者小。二者大。

sanh ư nam nữ chí ngọa cụ tưởng 。 thị tưởng tam chủng 。 nhất giả tiểu 。 nhị giả Đại 。

mà sanh tưởng là nam, nữ, đồ nằm v.v. Tưởng này có ba thứ: Một là nhỏ, hai là lớn,
三者無量。小因緣故生於小想。

tam giả vô biên 。 tiểu nhân duyên cố sanh ư tiểu tưởng 。

ba là vô lượng. Nhân nhỏ nên sanh tưởng nhỏ,

大因緣故生於大想。無量緣故生無量想。復有小想。

Đại nhân duyên cố sanh ư Đại tưởng 。 vô lượng duyên cố sanh vô lượng tưởng 。 phục hữu tiểu tưởng 。

Nhân duyên lớn nên sanh tưởng lớn, duyên vô lượng nên sanh tưởng vô lượng. Lại có tưởng nhỏ

謂未入定。復有大想。謂已入定。復有無量想。

vị vị nhập định 。 phục hữu Đại tưởng 。 vị dĩ nhập định 。 phục hữu vô lượng tưởng 。 chính là chưa nhập định. Lại có tưởng lớn, đó là đã nhập định. Lại có tưởng vô lượng, 謂十一切入。復有小想。所謂欲界一切想等。

vị thập nhất thiết nhập 。 phục hữu tiểu tưởng 。 sở vị dục giới nhất thiết tưởng đẳng 。 mười nhất thiết nhập. Lại có tưởng nhỏ là tất cả tưởng ở cõi Dục.

復有大想。所謂色界一切想等。復有無量想。

phục hữu Đại tưởng 。 sở vị sắc giới nhất thiết tưởng đẳng 。 phục hữu vô lượng tưởng 。 Lại có tưởng lớn, là tất cả tưởng ở cõi Sắc. Lại có tưởng vô lượng, 謂無色界一切想等。三想滅故受則自滅。

vị vô sắc giới nhất thiết tưởng đẳng 。 tam tưởng diệt cố thọ tắc tự diệt 。

là tất cả tưởng ở cõi Vô sắc. Vì ba thứ tưởng này diệt nên thọ tự diệt, 想受滅故名為解脫。迦葉菩薩言。世尊。

tưởng thọ diệt cố danh vi giải thoát 。 Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。 Thế Tôn 。

vì tưởng thọ diệt nên gọi là giải thoát. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! 滅一切法名為解脫。如來云何說想受滅名解脫耶。佛言。

diệt nhất thiết Pháp danh vi giải thoát 。 Như Lai vân hà thuyết tưởng thọ diệt danh giải thoát da 。 Phật ngôn 。

Diệt tất cả pháp gọi là giải thoát, sao Như Lai lại nói tưởng thọ diệt gọi là giải thoát? Phật dạy:

善男子。如來或時因眾生。說聞者解法。

thiện nam tử 。 Như Lai hoặc thì nhân chúng sanh 。 thuyết văn giả giải Pháp 。

Này thiện nam tử! Như Lai hoặc khi nhân chúng sanh mà thuyết pháp, người nghe hiểu được pháp,

或時因法說於眾生。聞者亦解說於眾生。

hoặc thì nhân Pháp thuyết ư chúng sanh 。 văn giả diệt giải thuyết ư chúng sanh 。

hoặc khi nhân nơi pháp mà nói chúng sanh, người nghe cũng hiểu là nói chúng sanh.

云何名為因眾生說聞者解法。如我先為大迦葉說。

vân hà danh vi nhân chúng sanh thuyết văn giả giải Pháp 。 như ngã tiên vi Đại Ca-diếp thuyết 。

Thế nào gọi là nhân chúng sanh mà thuyết pháp, người nghe hiểu được pháp? Như trước kia Ta bảo Đại Ca-diếp rằng:

迦葉。眾生滅時善法則滅。

Ca-diếp。 chúng sanh diệt thì thiện Pháp tắc diệt 。

Ca-diếp! Lúc chúng sanh diệt thì pháp lành diệt,

是名因眾生說聞者解法。云何因法說於眾生。

thị danh nhân chúng sanh thuyết văn giả giải Pháp 。 vân hà nhân Pháp thuyết ư chúng sanh 。

đây gọi là nhân chúng sanh mà thuyết pháp, người nghe hiểu được pháp. Thế nào gọi là nhân nơi pháp mà nói chúng sanh,

聞者亦解說於眾生。如我先為阿難說言。

văn giả diệc giải thuyết ư chúng sanh 。 như ngã tiên vi A-nan thuyết ngôn 。

người nghe cũng hiểu là nói chúng sanh? Như trước kia Ta bảo A-nan rằng:

我亦不說親近一切法。亦復不說不親近一切法。若法近已。

ngã diệc bất thuyết thân cận nhất thiết Pháp 。 diệc phục bất thuyết bất thân cận nhất thiết Pháp 。 nhược Pháp cận dĩ 。

Ta cũng không nói thân gần tất cả pháp, lại cũng không nói không thân gần tất cả pháp.

Nếu đã thân gần nơi pháp

善法衰羸不善熾盛。如是法者不應親近。

thiện Pháp suy luy bất thiện sí thịnh 。

mà pháp lành kém suy, pháp bất thiện hưng thịnh, những pháp như vậy không nên thân gần.

若法近已。不善衰滅善法增長。

nhược Pháp cận dĩ 。

bất thiện suy diệt thiện Pháp tăng trưởng 。

Nếu thân gần pháp nào mà điều bất thiện suy kém, điều lành tăng trưởng,

如是法者是應親近。是名因法說於眾生。聞者亦解說於眾生。
như thị Pháp giả thị ứng thân cận 。

những pháp như vậy phải nên thân gần. Đây gọi là nhân nơi pháp mà nói chúng sanh, người nghe cũng hiểu là nói chúng sanh.

善男子。如來雖說想受二滅。

thiện nam tử 。 Như Lai tuy thuyết tưởng thọ nhị diệt 。

Này thiện nam tử! Như Lai tuy nói diệt hai thứ tưởng và thọ,

則已總說一切可斷。智者既觀如是想已。次觀想因。

tắc dĩ tổng thuyết nhất thiết khả đoạn 。 trí giả ký quán như thị tưởng dĩ 。 thứ quán tưởng nhân 。

thì đã tổng nói dứt hết thầy pháp có thể dứt. Người trí đã quán sát như vậy rồi, kể đến quán sát nhân của tưởng:

是無量想因何而生。知因觸生。是觸二種。

thị vô lượng tưởng nhân hà nhi sanh 。 tri nhân xúc sanh 。 thị xúc nhị chủng 。

Vô lượng tưởng này nhân đâu mà sanh? Biết rằng nhân nơi xúc mà sanh. Xúc này có hai thứ:

一者因煩惱觸。二者因解脫觸。因無明生名煩惱觸。

nhất giả nhân phiền não xúc 。 nhị giả nhân giải thoát xúc 。 nhân vô minh sanh danh phiền não xúc 。

Một là do phiền não mà có xúc, hai là do giải thoát mà có xúc. Do nơi vô minh sanh gọi là phiền não xúc,

因明生者名解脫觸。因煩惱觸生於倒想。

nhân minh sanh giả danh giải thoát xúc 。 nhân phiền não xúc sanh ư đảo tưởng 。

do minh sanh gọi là giải thoát xúc. Nhân nơi phiền não xúc sanh ra tưởng điên đảo.

因解脫觸生不倒想。觀想因已。次觀果報。

nhân giải thoát xúc sanh bất đảo tưởng 。 quán tưởng nhân dĩ 。 thứ quán quả báo 。

Nhân nơi giải thoát xúc sanh ra tưởng không điên đảo. Quán sát nhân của tưởng như vậy rồi, kể đến lại quán sát quả báo.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

若以因此煩惱之想生於倒想。一切聖人實有倒想而無煩惱。

nhược dĩ nhân thủ phiền não chi tướng sanh ư đảo tướng 。 nhất thiết Thánh nhân thật hữu đảo tướng nhi vô phiền não 。

Nếu vì nhân nơi phiền não này mà sanh tướng điên đảo, thì tất cả Thánh nhân có tướng điên đảo mà không phiền não.

是義云何。佛言。善男子。云何聖人而有倒想。

thị nghĩa vân hà 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。 vân hà Thánh nhân nhi hữu đảo tướng 。

Nghĩa này thế nào? Phật dạy: Này thiện nam tử! Thế nào gọi là Thánh nhân mà có tướng điên đảo?

迦葉菩薩言。世尊。一切聖人牛作牛想亦說是牛。

Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。 Thế Tôn 。 nhất thiết Thánh nhân ngưu tác ngưu tướng diệc thuyết thị ngưu 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Hết thầy Thánh nhân đối với con bò, tướng là con bò, cũng nói là con bò,

馬作馬想亦說是馬。

mã tác mã tướng diệc thuyết thị mã 。

con ngựa tướng là con ngựa, cũng nói là con ngựa.

男女大小舍宅車乘去來亦爾。是名倒想。善男子。一切凡夫有二種想。

nam nữ Đại tiểu xá trạch xa thừa khứ lai diệc nhĩ 。 thị danh đảo tướng 。 thiện nam tử 。

nhất thiết phàm phu hữu nhị chủng tướng 。

Đối với trai, gái, nhỏ, lớn, nhà cửa, xe cộ, đến, đi cũng lại như vậy, đây gọi là tướng điên đảo. Này thiện nam tử! Hết thầy phàm phu có hai thứ tướng:

一者世流布想。二者著想。

nhất giả thế lưu bố tướng 。 nhị giả trước tướng 。

Một là thế lưu bố tướng, hai là chấp trước tướng.

一切聖人唯有世流布想無有著想。一切凡夫惡覺觀故。

nhất thiết Thánh nhân duy hữu thế lưu bố tướng vô hữu trước tướng 。 nhất thiết phàm phu ác giác quán cố 。

Hết thầy Thánh nhân chỉ có thế lưu bố tướng, không có chấp trước tướng. Tất cả phàm phu vì ác giác quán nên

於世流布生於著想。一切聖人善覺觀故。

ư thế lưu bố sanh ư trước tướng 。 nhất thiết Thánh nhân thiện giác quán cố 。

đối với thể lưu bố tưởng sanh tưởng chấp trước. Tất cả Thánh nhân vì thiện giác quán nên
於世流布不生著想。是故凡夫名為倒想。

ư thể lưu bố bất sanh trước tưởng 。 thị cố phàm phu danh vi đảo tưởng 。

đối với thể lưu bố tưởng không sanh tưởng chấp trước. Vì thế, phàm phu gọi là đảo tưởng.
聖人雖知不名倒想。智者如是觀想因已。次觀果報。

Thánh nhân tuy tri bất danh đảo tưởng 。 trí giả như thị quán tưởng nhân dĩ 。 thứ quán
quả báo 。

Thánh nhân tuy biết các pháp mà không gọi là đảo tưởng. Người trí quán sát nhân của
tưởng như vậy rồi, kể đến lại quán quả báo:

是惡想果在於地獄餓鬼畜生人天中受。

thị ác tưởng quả tại ư Địa-ngục ngạ quỷ súc sanh nhân Thiên trung thọ 。

Ác tưởng này thọ quả báo nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, trời và người.

如我因斷惡覺觀故。無明觸斷是故想斷。

như ngã nhân đoạn ác giác quán cố 。 vô minh xúc đoạn thị cố tưởng đoạn 。

Như Ta vì dứt ác giác quán nên vô minh xúc dứt, do đây mà tưởng dứt,

因想斷故果報亦斷。智者為斷如是想因修八正道。

nhân tưởng đoạn cố quả báo diệt đoạn 。 trí giả vi đoạn như thị tưởng nhân tu Bát Chánh
Đạo 。

vì tưởng dứt nên quả báo cũng dứt. Người trí vì dứt nhân của tưởng nên tu Bát chánh đạo.

善男子。若有能作如是等觀。

thiện nam tử 。 nhược hữu năng tác như thị đẳng quán 。

Này thiện nam tử! Nếu có người có thể quán sát như vậy

則得名為清淨梵行。善男子。是名眾生毒身之中有妙藥王。

tắc đắc danh vi thanh tịnh phạm hạnh. thiện nam tử 。 thị danh chúng sanh độc thân chi
trung hữu diệu dược Vương 。

thì được gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Này thiện nam tử! Đây gọi là trong thân ác độc của
chúng sanh mà có thuốc hay.

如雪山中雖有毒草亦有妙藥。

như tuyết sơn trung tuy hữu độc thảo diệt hữu diệu dược 。

Như trong núi Tuyết tuy có cỏ ác độc nhưng cũng có thuốc hay.

復次善男子。智者觀欲。

phục thứ thiện nam tử 。 trí giả quán dục 。

Lại nữa, này thiện nam tử! Người trí kể lại quán dục.

欲者即是色聲香味觸。善男子。即是如來因中說果。

dục giả tức thị sắc thanh hương vị xúc 。 thiện nam tử 。 tức thị Như Lai nhân trung thuyết quả 。

Dục chính là sắc, thanh, hương, vị và xúc. Này thiện nam tử! Chính là Như Lai trong nhân nói quả,

從此五事生於欲耳。實非欲也。善男子。

tòng thử ngũ sự sanh ư dục nhĩ 。 thật phi dục dã 。 thiện nam tử 。

vì từ năm trần này mà sanh ra Dục, thật ra năm trần không phải Dục. Này thiện nam tử!

愚癡之人貪求受之。於是色中生顛倒想。乃至觸中亦生倒想。

ngu si chi nhân tham cầu thọ chi 。 ư thị sắc trung sanh điên đảo tưởng 。 nãi chí xúc trung diệc sanh đảo tưởng 。

Người ngu si vì tham cầu thọ nên đối với sắc sanh ra tưởng điên đảo, cho đến đối với xúc cũng sanh ra tưởng điên đảo.

倒想因緣便生於受。

đảo tưởng nhân duyên tiện sanh ư thọ 。

Do tưởng điên đảo làm nhân duyên mà sanh ra thọ.

是故世間說因倒想生十種想。欲因緣故。在於世間受惡果報。

thị cố thế gian thuyết nhân đảo tưởng sanh thập chủng tưởng 。 dục nhân duyên cố 。 tại ư thế gian thọ ác quả báo 。

Vì thế mà trong thế gian nói rằng nhân tưởng điên đảo mà sanh ra mười món tưởng. Do Dục làm nhân duyên mà thọ lấy quả báo ở xấu ác ở thế gian,

以惡加於父母沙門婆羅門等。

dĩ ác gia ư phụ mẫu Sa Môn Bà-la-môn đẳng 。

đem sự ác làm hại cha mẹ, Sa Môn, Bà La Môn v.v. .

所不應作而故作之不惜身命。

sở bất ứng tác nhi cố tác chi bất tích thân mạng 。

Chỗ không nên làm ác mà cố làm, không tiếc thân mạng.

是故智者觀是惡想因緣故生欲心。智者如是觀欲因已。次觀果報。

thị cố trí giả quán thị ác tưởng nhân duyên cố sanh dục tâm 。 trí giả như thị quán dục nhân dĩ 。 thứ quán quả báo 。

Vì thế, người trí quán sát ác tưởng này làm nhân duyên mà sanh ra dục tâm. Người trí quán sát nhân duyên của Dục rồi, kể lại quán sát quả báo:

是欲多有諸惡果報。

thị dục đa hữu chư ác quả báo 。

Dục này có nhiều quả báo ác

所謂地獄餓鬼畜生人中天上。是名觀果報。若是惡想得除滅者。

sở vị Địa-ngục ngạ quỷ súc sanh nhân trung Thiên thượng 。

nhược thị ác tưởng đắc trừ diệt giả 。

đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, trời, đây gọi là quán sát quả báo. Nếu những ác tưởng này đã trừ diệt đợc,

終不生於此欲心也。無欲心故不受惡受。

chung bất sanh ư thử dục tâm dã 。

vĩnh viễn không sanh dục tâm này, vì không dục tâm nên không sanh ác thọ,

無惡受故則無惡果。是故我應先斷惡想。斷惡想已。

vô ác thọ cố tắc vô ác quả 。

thị cố ngã ứng tiên đoạn ác tưởng 。

đoạn ác tưởng dĩ 。

đã không ác thọ thời không ác quả, vì vậy ta phải trước dứt trừ ác tưởng. Ác tưởng đã đợc dứt rồi

如是等法自然而滅。

như thị đẳng Pháp tự nhiên nhi diệt 。

những ác pháp khác tự nhiên đều dứt.

是故智者為滅惡想修八正。道是則名為清淨梵行。

thị cố trí giả vị diệt trừ ác tưởng tu bát chánh 。

đạo thị tắc danh vi thanh tịnh phạm hạnh.

Vì thế, người trí vì diệt trừ ác tưởng nên tu Bát chánh đạo, đạo này gọi là phạm hạnh thanh tịnh,

是名眾生毒身之中有妙藥王。

thị danh chúng sanh độc thân chi trung hữu diệu dược Vương 。

đây gọi là trong độc của chúng sanh có vị thuốc hay,

如雪山中雖有毒草亦有妙藥。

như tuyết sơn trung tuy hữu độc thảo diệt hữu diệu dược 。

như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có thuốc hay.

復次善男子。智者如是觀是欲已。次當觀業。

phục thứ thiện nam tử 。 trí giả như thị quán thị dục dĩ 。 thứ đương quán nghiệp 。

Lại nữa, này thiện nam tử! Người trí quán sát dục như vậy rồi, kể đến lại nê quán nghiệp.

何以故。有智之人當作是念。

hà dĩ cố 。 hữu trí chi nhân đương tác thị niệm 。

Vì sao vậy?. Người trí phải nghĩ như vậy:

受想觸欲即是煩惱。是煩惱者。能作生業不作受業。

thọ tưởng xúc dục tức thị phiền não 。 thị phiền não giả 。 năng tác sanh nghiệp bất tác
thọ nghiệp 。

Thọ, tưởng, xúc này chính là phiền não, phiền não này có thể làm sanh nghiệp mà không
làm thọ nghiệp.

如是煩惱與業共行。則有二種。一作生業。二作受業。

như thị phiền não dĩ nghiệp cộng hành 。 tắc hữu nhị chủng 。 nhất tác sanh nghiệp 。 nhị
tác thọ nghiệp 。

Phiền não như vậy cùng đi với nghiệp thì có hai thứ: Một là làm sanh nghiệp, hai là làm
thọ nghiệp.

是故智者當觀於業。是業三種。謂身口意。

thị cố trí giả đương quán ư nghiệp 。 thị nghiệp tam chủng 。 vị thân khẩu ý 。

Vì thế người trí phải quán sát nghiệp. Nghiệp này có ba thứ: đó là thân, miệng và ý
nghiệp.

善男子。身口二業亦名為業亦名業果。

thiện nam tử 。 thân khẩu nhị nghiệp diệc danh vi nghiệp diệc danh nghiệp quả 。

Này thiện nam tử! Hai nghiệp thân và miệng tên là nghiệp, cũng gọi là nghiệp quả.

意唯名業不名為果。以業因故則名為業。善男子。

ý duy danh nghiệp bất danh vi quả 。 dĩ nghiệp nhân cố tắc danh vi nghiệp 。 thiện nam tử
。

Ý chỉ gọi là nghiệp, không gọi là quả, vì là nhân của nghiệp nên gọi là nghiệp.

身口二業名為外業。意業名內。

thân khẩu nhị nghiệp danh vi ngoại nghiệp 。 ý nghiệp danh nội 。

Hai nghiệp thân và miệng gọi là nghiệp ngoài, ý gọi là nghiệp trong.

是三種業共煩惱行故。作二種業。一者生業。

thị tam chủng nghiệp cộng phiền não hành cố 。 tác nhĩ chủng nghiệp 。 nhất giả sanh nghiệp 。

Ba thứ nghiệp này đi chung với phiền não làm thành hai thứ nghiệp: Một là sanh nghiệp, 二者受業.善男子。正業者即意業也。期業者謂身口業。

nhĩ giả thọ nghiệp thiện nam tử 。 chánh nghiệp giả tức ý nghiệp dã 。 kỳ nghiệp giả vị thân khẩu nghiệp 。

hai là thọ nghiệp. Đây thiện nam tử! Chánh nghiệp chính là ý, kỳ nghiệp chính là thân và miệng,

先發故名意業。從意業生名身口業。

tiên phát cố danh ý nghiệp 。 tòng ý nghiệp sanh danh thân khẩu nghiệp 。

phát sanh trước gọi là ý nghiệp, từ ý nghiệp sanh ra gọi là thân và khẩu nghiệp.

是故意業得名為正。智者觀業已。次觀業因。

thị cố ý nghiệp đắc danh vi chánh 。 trí giả quán nghiệp dĩ 。 thứ quán nghiệp nhân 。

Vì vậy ý nghiệp được gọi là chánh. Người trí quán sát nghiệp rồi kể lại quán sát nghiệp nhân.

業因者即無明觸。因無明觸眾生求有。

nghiệp nhân giả tức vô minh xúc 。 nhân vô minh xúc chúng sanh cầu hữu 。

Nghiệp nhân chính là vô minh xúc, do vô minh xúc mà chúng sanh cầu lấy có.

求有因緣即是愛也。愛因緣故。造作三種身口意業。善男子。

cầu hữu nhân duyên tức thị ái dã 。 ái nhân duyên cố 。 tạo tác tam chủng thân khẩu ý nghiệp 。

Nhân duyên cầu lấy có chính là ái, nhân nơi ái mà gây tạo ba nghiệp thân, miệng và ý. Đây thiện nam tử!

智者如是觀業因已。次觀果報。果報有四。

trí giả như thị quán nghiệp nhân dĩ 。 thứ quán quả báo 。

Người trí quán sát nghiệp như vậy rồi, kể lại quán sát quả báo. Quả báo có bốn:

一者黑黑果報。二者白白果報。三者雜雜果報。

nhất giả hắc hắc quả báo 。

Một hắc hắc quả báo, hai là bạch bạch quả báo, ba là tạp tạp quả báo,

四者不黑不白果報。黑黑果報者。

tứ giả bất hắc bất bạch bất hắc bất bạch quả báo 。 hắc hắc quả báo giả 。
bốn là bất hắc bất bạch quả báo. Hắc hắc quả báo là
作業時垢果報亦垢。白白果報者。
tác nghiệp thì cấu quả báo diệc cấu 。 bạch bạch quả báo giả 。
khi tạo nghiệp cấu nhiễm, quả báo cũng cấu nhiễm. Bạch bạch quả báo là
作業時淨果報亦淨。雜雜果報者。
tác nghiệp thì tịnh quả báo diệc tịnh 。 tạp tạp quả báo giả 。
khi tạo nghiệp thanh tịnh quả báo cũng thanh tịnh. Tạp tạp quả báo là
作業時雜果報亦雜。不白不黑不果報者。名無漏業。
tác nghiệp thì tạp quả báo diệc tạp 。 bất bạch bất hắc bất bạch bất hắc quả báo giả 。
danh vô lậu nghiệp 。
khi tạo nghiệp tạp, quả báo cũng tạp. Bất bạch bất hắc quả báo là nói nghiệp vô lậu.
迦葉菩薩白佛言。世尊。先說無漏無有果報。
Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。 tiên thuyết vô lậu vô hữu quả báo 。
Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: bạch Thế Tôn! Trước kia Thế Tôn nói vô lậu không có quả
báo,
今云何言不白不黑果報耶。佛言。善男子。
kim vân hà ngôn bất bạch bất hắc quả báo da 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。
nhưng nay lại nói vô lậu là bất bạch bất hắc quả báo? Phật dạy: Này thiện nam tử!
是義有二。一者亦果亦報。二者唯果非報。
thị nghĩa hữu nhị 。 nhất giả diệc quả diệc báo 。 nhị giả duy quả phi báo 。
Nghĩa này có hai: Một là cũng quả cũng báo, hai chỉ quả mà không báo.
黑黑果報亦名為果亦名為報。黑因生故得名為果。
hắc hắc quả báo diệc danh vi quả diệc danh vi báo 。 hắc nhân sanh cố đắc danh vi quả
。
Hắc hắc quả cũng gọi là quả cũng gọi là báo. Do nghiệp nhân hắc mà sanh ra nên được
gọi là quả,
能作因故復名為報。淨雜亦爾。
năng tác nhân cố phục danh vi báo 。 tịnh tạp diệc nhĩ 。
có thể làm nhân nên lại gọi là báo. Bạch bạch và tạp tạp cũng như vậy.
無漏果者因有漏生。故名為果。不作他因不名為報。

vô lậu quả giả nhân hữu lậu sanh 。 cố danh vi quả 。 bất tác tha nhân bất danh vi báo 。
Quả vô lậu nhân nơi hữu lậu mà sanh nên gọi là quả, không làm nhân cho cái khác nên
không gọi là báo.

是故名果不名為報。迦葉菩薩白佛言。世尊。

thị cố danh quả bất danh vi báo 。 Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

Vì vậy, vô lậu gọi là quả không gọi là báo. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: bạch Thế Tôn!
是無漏業非是黑法。何因緣故不名為白。善男子。

thị vô lậu nghiệp phi thị hắc Pháp 。 hà nhân duyên cố bất danh vi bạch 。 thiện nam tử 。

Nghiệp vô lậu này không phải là hắc pháp, vì nhân duyên gì không gọi là bạch? Nay thiện
nam tử!

無有報故不名為白。對治黑故故名為白。

vô hữu báo cố bất danh vi bạch 。 đối trị hắc cố cố danh vi bạch 。

Vì vô lậu không có báo nên không gọi là bạch, vì đối trị với hắc nên gọi là bạch.

我今乃說受果報者名之為黑白。

ngã kim nãi thuyết thọ quả báo giả danh chi vi hắc bạch 。

Nay Ta nói thọ quả báo gọi là hắc bạch.

是無漏業不受報故。不名為白名為寂靜。

thị vô lậu nghiệp bất thọ báo cố 。 bất danh vi bạch danh vi tịch tĩnh 。

Vì nghiệp vô lậu này không thọ báo nên không gọi là bạch mà gọi là tịch tĩnh.

如是業者有定受報處。如十惡法定在地獄餓鬼畜生。

như thị nghiệp giả hữu định thọ báo xứ 。 như thập ác Pháp định tại Địa-ngục nạ quỷ súc
sanh 。

Nghiệp như vậy có chỗ định thọ báo, như mười pháp ác quyết định ở địa ngục, nạ quỷ,
súc sanh.

十善之業定在人天。十不善法有上中下。

Thập thiện chi nghiệp định tại nhân Thiên 。 thập bất thiện Pháp hữu thượng trung hạ 。

Mười nghiệp lành quyết định ở cõi người và Trời. Mười pháp bất thiện có thượng, trung và
hạ.

上因緣故受地獄身。中因緣故受畜生身。

thượng nhân duyên cố thọ Địa-ngục thân 。 trung nhân duyên cố thọ súc sanh thân 。

Nghiệp thượng thọ thân địa ngục, nghiệp trung thọ thân súc sanh,

下因緣故受餓鬼身。人業十善復有四種。一者下。

hạ nhân duyên cố thọ ngã quỷ thân 。 nhân nghiệp Thập thiện phục hữu tứ chủng 。 nhất giả hạ 。

ngiệp hạ thọ thân ngã quỷ. Mười nghiệp lành của nhân đạo có bốn hạng: Một là hạ, 二者中。三者上。四者上上下下因緣故生鬱單越。

nhị giả trung 。 tam giả thượng 。 tứ giả thượng thượng hạ nhân duyên cố sanh uất đản việt 。

hai là trung, ba là thượng, bốn là thượng thượng. Nghiệp hạ sanh ở Uất-đản-việt (bắc Câu Lô Châu),

中因緣故生弗婆提。上因緣故生瞿陀尼。

trung nhân duyên cố sanh phất Bà đề 。 thượng nhân duyên cố sanh Cồ đà ni 。

ngiệp trung sanh ở Phất-bà-đề (Tây Ngưu Hóa Châu), nghiệp hạ sanh ở Cù-đà-ni (Đông Thắng Thần Châu),

上上因緣生閻浮提。有智之人作是觀已。

thượng thượng nhân duyên sanh Diêm-phù-đề 。 hữu trí chi nhân tác thị quán dĩ 。

ngiệp thượng thượng sanh ở Diêm-phù-đề. Người trí quán sát như vậy rồi

即作是念我當云何斷是果報。復作是念。

tức tác thị niệm ngã đương vân hà đoạn thị quả báo 。

liền nghĩ rằng: ta phải làm thế nào dứt những quả báo ấy? Lại nghĩ rằng

是業因緣無明觸生。我若斷除無明與觸。

thị nghiệp nhân duyên vô minh xúc sanh 。

ngã nhược đoạn trừ vô minh dữ xúc 。

nhân duyên của những nghiệp này do ô minh xúc sanh ra, nếu ta dứt trừ vô minh và xúc, 如是業果則滅不生.

nếu thị nghiệp quả tắc diệt bất sanh。

ngiệp quả này thì dứt mất không sanh. 是故智者為斷無明觸因緣故修八正道。是則名為清淨梵行。善男子。

thị cố trí giả vị đoạn vô minh xúc nhân duyên cố tu Bát Chánh Đạo 。

thị tắc danh vi thanh tịnh phạm hạnh. thiện nam tử 。

Vì thế, người trí vì dứt trừ nhân duyên của vô minh xúc nên tu tập Bát chánh đạo, đây gọi là thanh tịnh phạm hạnh. Đây thiện nam tử!

是名眾生毒身之中有妙藥王。

thị danh chúng sanh độc thân chi trung hữu diệu dược Vương 。

Đây cũng gọi là trong thân chúng sanh có độc nhưng cũng có thuốc hay,

如雪山中雖有毒草亦有妙藥。

như tuyết sơn trung tuy hữu độc thảo diệc hữu diệu dược 。

như trong núi Tuyết tuy có cỏ độc nhưng cũng có thuốc hay.

復次善男子。智者觀業觀煩惱已。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử! Người trí quán sát nghiệp và quán sát phiền não rồi,

次觀是二所得果報。是二果報即是苦也。

thứ quán thị nhị sở đắc quả báo 。

kế lại quán sát quả báo quả báo của hai thứ này, hai quả báo đó chính là khổ,

既知是苦則能捨離一切受生。智者復觀。

ký tri thị khổ tắc năng xả ly nhất thiết thọ sanh 。

đã biết khổ rồi thì có thể xa lìa tất cả sự thọ sanh. Người trí lại quán sát

煩惱因緣生於煩惱。業因緣故亦生煩惱。

phiền não nhân duyên sanh ư phiền não 。

phiền não làm nhân duyên sanh ra phiền não, nghiệp cũng làm nhân duyên sanh ra phiền

não.

煩惱因緣復生於業。業因緣生苦。苦因緣故生於煩惱。

phiền não nhân duyên phục sanh ư nghiệp 。

phiền não làm nhân duyên sanh ra nghiệp, nghiệp làm nhân duyên sanh ra khổ, khổ nhân

duyên cố sanh ư phiền não 。

Phiền não lại làm nhân duyên sanh ra nghiệp, nghiệp làm nhân duyên sanh ra khổ, khổ

làm nhân duyên sanh ra phiền não,

煩惱因緣生有。有因緣生苦。有因緣生有。

phiền não nhân duyên sanh hữu 。

phiền não làm nhân duyên sanh ra hữu, hữu làm nhân duyên sanh ra khổ, hữu làm nhân

duyên sanh ra hữu,

有因緣生業。業因緣生煩惱。煩惱因緣生苦。

hữu nhân duyên sanh nghiệp 。

hữu nhân duyên sanh khổ 。

hữu làm nhân duyên sanh ra nghiệp, nghiệp làm nhân duyên sanh ra phiền não, phiền
não làm nhân duyên sanh ra khổ,

苦因緣生苦。善男子。智者若能作如是觀。

khổ nhân duyên sanh khổ 。 thiện nam tử 。 trí giả nhược năng tác như thị quán 。

khổ làm nhân duyên sanh ra khổ. Nay thiện nam tử! Người trí nếu có thể quán sát được
như vậy

當知是人能觀業苦。何以故。

đương tri thị nhân năng quán nghiệp khổ 。 hà dĩ cố 。

nên biết rằng, người này có thể quán sát nghiệp khổ. Vì sao vậy?

如上所觀即是生死十二因緣。若人能觀如是生死十二因緣。

như thượng sở quán tức thị sanh tử thập nhị nhân duyên 。 nhược nhân năng quán như thị
sanh tử thập nhị nhân duyên 。

Vì chỗ quán sát như trên chính là mười hai nhân duyên sanh tử. Nếu người này có thể
quán sát mười hai nhân duyên sanh tử như vậy,

當知是人。不造新業能壞故業。善男子。

đương tri thị nhân 。 bất tạo tân nghiệp năng hoại cố nghiệp 。 thiện nam tử 。

nên biết, người này không gây tạo nghiệp mới, có thể phá hoại nghiệp cũ. Nay thiện nam
tử!

有智之人觀地獄苦。觀一地獄乃至一百三十六所。

hữu trí chi nhân quán Địa-ngục khổ 。 quán nhất Địa-ngục nãi chí nhất bách tam thập lục
sở 。

Người trí quán sát sự khổ nơi địa ngục, quán sát một địa ngục cho đến một trăm ba mươi
sáu sở.

——地獄有種種苦。皆是煩惱業因緣生。

nhất nhất Địa-ngục hữu chủng chủng khổ 。 giai thị phiền não nghiệp nhân duyên sanh 。

Mỗi mỗi địa ngục đều có các sự khổ, đều do nơi phiền não và nghiệp mà sanh ra.

觀地獄已。次觀餓鬼畜生等苦。作是觀已。

quán Địa-ngục dĩ 。 thứ quán nạ quỷ súc sanh đẳng khổ 。 tác thị quán dĩ 。

Quán sát địa ngục rồi, kể lại quán sát những sự khổ của nạ quỷ, súc sanh. Quán sát như
vậy rồi,

復觀人天所有諸苦。如是眾苦皆從煩惱業因緣生。

phục quán nhân Thiên sở hữu chư khổ 。 như thị chúng khổ giai tòng phiền não nghiệp nhân duyên sanh 。

kể lại quán sát những sự khổ nơi cõi người, Trời. Những sự khổ như vậy đều do nơi phiền não và nghiệp mà sanh ra.

善男子。天上雖無大苦惱事。

thiện nam tử 。 Thiên thượng tuy vô Đại khổ não sự 。

Này thiện nam tử! Trên các cõi Trời, tuy không có các sự khổ não lớn

然其身體柔軟細滑。見五相時極受大苦。

nhân kỳ thân thể nhu nhuyễn tế hoạt 。 kiến ngũ tướng thì cực thọ Đại khổ 。

nhưng thân thể của họ mềm mại trơn mịn, khi năm tướng suy hiện ra họ cũng chịu lấy sự khổ lớn

如地獄苦等無差別。善男子。智者深觀三界諸苦。

như Địa-ngục khổ đẳng vô sai biệt 。

thiện nam tử 。

皆從煩惱業因緣生。善男子。譬如坏器即易破壞。

giai tòng phiền não nghiệp nhân duyên sanh 。

thiện nam tử 。

thí như khô khí tức dịch phá hoại 。

của Tam giới đều do nơi phiền não và nghiệp mà sanh ra. Này thiện nam tử! Thí như đồ

bằng đất chứa hàm thì dễ bể hư.

眾生受身亦復如是。既受身已是眾苦器。

chúng sanh thọ thân diệc phục như thị 。

Thân thể của chúng sanh cũng lại như vậy, là những đồ chứa đầy sự khổ.

譬如大樹花果繁茂眾鳥能壞。如多乾草小火能焚。

thí như đại thụ hoa quả phồn mậu chúng điều năng hoại 。

như đa kiện thảo tiểu hỏa năng phần 。

Thí Như cây lớn, hoa trái sum sê, bầy chim có thể làm hư hại. Như nhiều cỏ khô, một chút

lửa cũng có thể cháy hết.

眾生受身為苦所壞亦復如是。善男子。

chúng sanh thọ thân vi khổ sở hoại diệc phục như thị 。

thiện nam tử 。

Thân thể của chúng sanh bị các khổ làm hư hoại cũng lại như vậy. Này thiện nam tử!

智者若能觀苦八種如聖行中。

trí giả nhược năng quán khổ bát chủng như Thánh hạnh trung 。

Người trí nếu có thể quán sát tám thứ khổ như trong Thánh hạnh,

當知是人能斷眾苦.善男子。智者深觀是八苦已次觀苦因。

đương tri thị nhân năng đoạn chúng khổ thiện nam tử 。

trí giả thâm quán thị bát khổ dĩ
thứ quán khổ nhân 。

nên biết người này có thể dứt trừ những sự khổ. Nay thiện nam tử! Người trí đã quán sát rõ biết tám sự khổ rồi, kể đến lại quán sát khổ nhân.

苦因者即愛無明。是愛無明則有二種。

khổ nhân giả tức ái vô minh 。

thị ái vô minh tắc hữu nhị chủng 。

khổ nhân ở đây chính là ái và vô minh. Ái và vô minh thì có hai thứ:

一者求身。二者求財。求身求財二俱是苦。

nhất giả cầu thân 。

nhị giả cầu tài 。

cầu thân cầu tài nhị câu thị khổ 。

Một là cầu thân, hai là cầu của cải, cầu thân và cầu của cải, hai thứ này đều là khổ,
是故當知愛無明者即是苦因。善男子。

thị cố đương tri ái vô minh giả tức thị khổ nhân 。

thiện nam tử 。

vì thế nên biết ái và vô minh là nhân của khổ. Nay thiện nam tử!

是愛無明則有二種。一者內。二者外。內能作業外能增長。

thị ái vô minh tắc hữu nhị chủng 。

nhất giả nội 。

nhị giả ngoại 。

nội năng tác nghiệp
ngoại năng tăng trưởng。

Ái và vô minh thì lại có hai thứ: Một là nội, hai là ngoại. Nội có thể gây tạo nghiệp, ngoại có thể làm tăng trưởng.

又復內能作業外作業果。斷內愛已業則得斷。

hựu phục nội năng tác nghiệp ngoại tác nghiệp quả 。

đoạn nội ái dĩ nghiệp tắc đắc đoạn
。

Lại nội có thể gây tạo nghiệp, ngoại làm thành nghiệp quả. Nếu đã dứt nội ái thì nghiệp cũng dứt,

斷外愛已果則得斷。內愛能生未來世苦。

đoạn ngoại ái dĩ quả tắc đắc đoạn 。

nội ái năng sanh vị lai thế khổ 。

ngoại ái đã dứt thì quả cũng dứt. Nội ái có thể sanh khổ ở đời vị lay,

外愛能生現在世苦。智者觀愛即是苦因。

ngoại ái năng sanh hiện tại thế khổ 。 trí giả quán ái tức thị khổ nhân 。
ngoại ái có thể sanh khổ ở đời hiện tại. Người trí quán sát ái chính là khổ nhân.
既觀因已。次觀果報。苦果報者即是取也。
ký quán nhân dĩ 。 thứ quán quả báo 。 khổ quả báo giả tức thị thủ dã 。
Người trí quán sát khổ nhân rồi, kể đến quán sát quả báo. Quả báo của khổ chính là thủ,
愛果名取是取因緣。即內外愛則有愛苦。善男子。
ái quả danh thủ thị thủ nhân duyên 。 tức nội ngoại ái tắc hữu ái khổ 。 thiện nam tử 。
quả báo của ái gọi là thủ, nhân duyên của thủ chính là nội ái và ngoại ái nên có khổ ái.
Này thiện nam tử!
智者當觀愛因緣取取因緣愛。
trí giả đương quán ái nhân duyên thủ thủ nhân duyên ái 。
Người trí phải quán sát ái làm nhân duyên cho thủ, thủ làm nhân duyên cho ái.
若我能斷愛取二事。則不造業受於眾苦。
nhược ngã năng đoạn ái thủ nhị sự 。 tắc bất tạo nghiệp thọ ư chúng khổ 。
Nếu ta có thể dứt trừ hai thứ ái và thủ thì không còn tạo nghiệp thọ khổ.
是故智者為斷愛苦修八正道。善男子。
thị cố trí giả vi đoạn ái khổ tu Bát Chánh Đạo 。 thiện nam tử 。
Vì vậy, người trí vì dứt trừ ái khổ mà tu Bát chánh đạo. Này thiện nam tử!
若有人能如是觀者。是則名為清淨梵行。
nhược hữu nhân năng như thị quán giả 。 thị tắc danh vi thanh tịnh phạm hạnh。
Nếu người nào có thể quán sát những như vậy, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh,
是名眾生毒身之中有妙藥王。
thị danh chúng sanh độc thân chi trung hữu diệu dược Vương 。
cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có thuốc hay.
如雪山中雖有毒草亦有妙藥。
như tuyết sơn trung tuy hữu độc thảo diệt hữu diệu dược 。
như trong núi Tuyết, tuy có cỏ độc nhưng cũng có thuốc hay.
大般涅槃經卷第三十七
Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập thất
KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, QUYỂN THỨ BA MƯƠI BẢY.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:14:43 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:14:43 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

大般涅槃經卷第三十八

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập bát

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ BA MƯƠI TÁM.

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

Triều đại Bắc Lương, Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch.

迦葉菩薩品第十二之六

Bồ-tát Ca-diếp phẩm đệ thập nhị chi lục

Phần Sáu, Phẩm Thứ Mười Hai: Bồ-tát Ca-diếp

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

云何名為清淨梵行。佛言。善男子。一切法是。迦葉菩薩言。

vân hà danh vi thanh tịnh phạm hành 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。 nhất thiết Pháp thị 。

Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。

Thế nào gọi là phạm hạnh thanh tịnh? Phật dạy: Này thiện nam tử! Chính là tất cả pháp.

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

世尊。一切法者義不決定。何以故。

Thế tôn 。 nhất thiết Pháp giả nghĩa bất quyết định 。 hà dĩ cố 。

Bạch Thế Tôn! Nghĩa của tất cả pháp không nhất định. Vì sao vậy?

如來或說是善不善。或時說為四念處觀。或說是十二入。

Như Lai hoặc thuyết thị thiện bất thiện 。 hoặc thì thuyết vi tứ niệm xứ quán 。 hoặc thuyết thị thập nhị nhập 。

Vì Như Lai hoặc khi nói là thiện, bất thiện, hoặc khi nói quán Tứ niệm xứ quán, hoặc nói thập nhị nhập,

或說是善知識。或說是十二因緣。

hoặc thuyết thị thiện tri thức 。 hoặc thuyết thị thập nhị nhân duyên 。

hoặc nói là thiện tri thức, hoặc nói thị mười hai nhân duyên,
或說是眾生。或說是正見邪見。或說十二部經。

hoặc thuyết thị chúng sanh 。 hoặc thuyết thị chánh kiến tà kiến 。 hoặc thuyết thập nhị bộ
Kinh 。

hoặc nói là chúng sanh, hoặc nói là chánh kiến, tà kiến, hoặc nói mười hai bộ Kinh,
或說即是二諦。如來今乃說一切法為淨梵行。

hoặc thuyết tức thị nhị đế 。 Như Lai kim nãi thuyết nhất thiết Pháp vi tịnh phạm hạnh。
hoặc nói là Nhị đế. Hôm nay Như Lai lại nói tất cả Pháp là phạm hạnh thanh tịnh,
悉是何等一切法耶。佛言。善哉善哉。善男子。

tất thị hà đẳng nhất thiết Pháp da 。 Phật ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。 thiện nam tử 。
tất cả đó đều là những pháp gì? Phật dạy: Hay thay, Hay thay! Này thiện nam tử!
如是微妙。大涅槃經。乃是一切善法寶藏。

như thị vi diệu 。 Đại Niết-bàn Kinh 。 nãi thị nhất thiết thiện Pháp bảo tạng 。

Kinh Đại Niết-bàn vi diệu này là bảo tạng trong tất cả pháp.

譬如大海是眾寶藏。是涅槃經亦復如是。

thí như Đại hải thị chúng bảo tạng 。 thị Niết-bàn Kinh diệc phục như thị 。

Thí như biển lớn là kho chứa những châu báu. Kinh Đại Niết-bàn này cũng lại như vậy,
即是一切字義祕藏。善男子。如須彌山眾藥根本。

tức thị nhất thiết tự nghĩa Bí tạng 。 thiện nam tử 。 như Tu-Di sơn chúng dược căn bản 。

là Bí tạng của tất cả chữ nghĩa. Này thiện nam tử! Như núi Tu-di là cội gốc của các vị
thuốc.

是經亦爾。即是菩薩戒之根本。善男子。

thị Kinh diệc nhĩ 。 tức thị Bồ-tát giới chi căn bản 。 thiện nam tử 。

Kinh này cũng vậy, là cội gốc của giới Bồ-tát. Này thiện nam tử!

譬如虛空是一切物之所住處。是經亦爾。

thí như hư không thị nhất thiết vật chi sở trụ xứ。 thị Kinh diệc nhĩ 。

Thí như hư không là chỗ ở của tất cả sự vật. Kinh này cũng vậy,

即是一切善法住處。善男子。譬如猛風無能繫縛。

tức thị nhất thiết thiện Pháp trụ xứ 。

thiện nam tử 。

thí như mãnh phong vô năng hệ phọc

。

là chỗ ở của tất cả pháp lành. Nay thiện nam tử! Thí như luồng gió mạnh không gì có thể trói buộc được.

一切菩薩行是經者亦復如是。

nhất thiết Bồ-tát hành thị Kinh giả diệc phục như thị 。

Hết thầy Bồ-tát thực hành Kinh này cũng lại như vậy,

不為一切煩惱惡法之所繫縛。善男子。譬如金剛無能壞者。

bất vị nhất thiết phiền não ác Pháp chi sở hệ phọc 。

thiện nam tử 。

thí như Kim cương vô năng hoại giả 。

không bị tất cả các pháp phiền não xấu ác trói buộc. Nay thiện nam tử! Thí như kim cương không gì phá hoại được.

是經亦爾。雖有外道惡邪之人不能破壞。

thị Kinh diệc nhĩ 。

tuy hữu ngoại đạo ác tà chi nhân bất năng phá hoại 。

Kinh này cũng vậy, tuy có ngoại đạo ác tà cũng không phá hoại được.

善男子。如恒河沙無能數者。如是經義亦復如是。

thiện nam tử 。

như hằng hà sa vô năng số giả 。

như thị Kinh nghĩa diệc phục như thị 。

Nay thiện nam tử! Như cát sông Hằng không ai đếm được, ý nghĩa của kinh này cũng lại như vậy,

無能數者。善男子。

vô năng số giả 。

thiện nam tử 。

không ai có thể đếm được. Nay thiện nam tử!

是經典者為諸菩薩而作法幢如帝釋幢。善男子。

thị Kinh điển giả vi chư Bồ-tát nhi tác Pháp-Tràng như đế thích tràng 。

thiện nam tử 。

Kinh điển này là pháp tràng của Bồ-tát, như bảo tràng của Đế Thích. Nay thiện nam tử!

是經即是趣涅槃城之商主也。如大導師引諸商人趣向大海。

thị Kinh tức thị thú Niết-bàn thành chi thương chủ dã 。

như Đại Đạo sư dẫn chư thương nhân thú hướng Đại hải 。

Kinh này chính là vị thương chủ thẳng đến thành Niết-bàn, như bậc Đại Đạo Sư dẫn dắt các thương nhân đến biển lớn.

善男子。是經能為諸菩薩等作法光明。

thiện nam tử 。

thị Kinh năng vị chư Bồ-tát đẳng tác Pháp quang-minh 。

Nay thiện nam tử! Kinh này có thể làm ánh sáng pháp cho Bồ-tát,

如世日月能破諸闇。善男子。

như thế nhật nguyệt năng phá chư ám 。 thiện nam tử 。

như ở đời, mặt trời mặt trăng có thể phá tan sự tối tăm. Này thiện nam tử!

是經能為病苦眾生作大良藥。如香山中微妙藥王能治眾病。

thị Kinh năng vị bệnh khổ chúng sanh tác Đại lương dược 。 như hương sơn trung vi diệu dược Vương năng trị chúng bệnh 。

Kinh này có thể làm vị thuốc hay để trị bệnh khổ cho chúng sanh, như trong núi Tuyết có các thứ thuốc hay trị lành các bệnh.

善男子。是經能為一闡提杖。猶如羸人因之得起。

thiện nam tử 。

thị Kinh năng vị nhất xiển đề trượng 。

do như luy nhân nhân chi đắc khởi 。

Này thiện nam tử! Kinh này có thể làm gậy cho Nhất-xiển-đề, như người quá yếu nhờ gậy mà đứng dậy được.

善男子。是經能為一切惡人而作橋梁。

thiện nam tử 。

thị Kinh năng vị nhất thiết ác nhân nhi tác kiều lương 。

Này thiện nam tử! Kinh này có thể làm cầu đò cho tất cả người ác,

猶如世橋能渡一切。善男子。

do như thế kiều năng độ nhất thiết 。

thiện nam tử 。

như cây cầu ở thế gian hay làm chỗ cho tất cả người đi qua. Này thiện nam tử!

是經能為行二十五有者。遇煩惱熱而作陰涼。

thị Kinh năng vị hành nhị thập ngũ hữu giả 。

ngộ phiền não nhiệt nhi tác uẩn lương 。

Kinh này có thể làm bóng mát cho những ai bị nóng phiền não thiêu đốt trong hai mươi lăm cõi,

如世間蓋遮覆暑熱。善男子。是經即是大無畏王。

như thế gian cái giả phúc thử nhiệt 。

thiện nam tử 。

thị Kinh tức thị Đại vô úy Vương 。

như cây lọng che nắng trong ở trong thế gian. Này thiện nam tử! Kinh này chính là vua Đại vô úy,

能壞一切煩惱惡魔。如師子王降伏眾獸。善男子。

năng hoại nhất thiết phiền não ác ma 。

như Sư-tử Vương hàng phục chúng thú 。

thiện nam tử 。

có thể phá hoại tất cả các ma phiền não, như sư tử vương hàng phục các thú. Nay thiện nam tử!

是經即是大神呪師。能壞一切煩惱惡鬼。

thị Kinh tức thị Đại Thần chú sư 。 năng hoại nhất thiết phiền não ác quỷ 。

Kinh này chính là Đại thần chú có thể phá hoại tất cả ác quỷ phiền não,

如世呪師能去魍魎。善男子。是經即是無上霜雹。

như thế chú sư năng khứ vũng lợng 。 thiện nam tử 。 thị Kinh tức thị vô thượng sương bạc 。

như chú sư trong đời có thể đuổi trừ quỷ vọng lợng. Nay thiện nam tử!

Kinh này là mưa đá vô thượng,

能壞一切生死果報。如世雹雨壞諸果實。善男子。

năng hoại nhất thiết sanh tử quả báo 。 như thế bạc vũ hoại chư quả thật 。 thiện nam tử

。

có thể phá hoại hết thảy quả báo sanh tử, như mưa đá trong đời có thể phá hoại trái thật.

Nay thiện nam tử!

是經能為壞戒目者作大良藥。

thị Kinh năng vị hoại giới mục giả tác đại lương dược 。

Kinh này có thể làm vị thuốc hay cho người hư con mắt giới,

猶如世間安闍那藥善療眼痛。善男子。

do như thế gian An-xà-na dược thiện liệu nhãn thống 。

như thuốc An-xà-na trong đời trị lành con mắt đau. Nay thiện nam tử!

是經能住一切善法。如世間地能住眾物。善男子。

thị Kinh năng trụ nhất thiết thiện Pháp 。

Kinh này có thể làm chỗ ở cho hết thảy pháp lành, như trong đời mặt đất có thể làm chỗ ở cho muôn vật. Nay thiện nam tử!

是經即是毀戒眾生之明鏡也。如世明鏡見諸色像。

thị Kinh tức thị hủy giới chúng sanh chi minh kính dã 。

Kinh này chính là gương sáng cho chúng sanh phá giới, như trong đời gương sáng soi các hình tượng.

善男子。是經能為無慚愧者而作衣服。

thiện nam tử 。 thị Kinh năng vị vô tầm quý giả nhi tác y phục 。

Này thiện nam tử! Kinh này có thể làm y phục cho người không tầm quý,
如世衣裳障蔽形體。善男子。

như thế y thường chướng tế hình thể 。 thiện nam tử 。

như trong đời áo xiêm che đậy thân thể người ta. Này thiện nam tử!

是經能為貧善法者作大財寶。如功德天利益貧者。善男子。

thị Kinh năng vị bần thiện Pháp giả tác Đại tài bảo 。

như công đức Thiên lợi ích bần giả
。 thiện nam tử 。

Kinh này có thể làm của báu lớn cho người nghèo pháp lành, như Công đức Thiên lợi ích
ban sự lợi ích cho người nghèo. Này thiện nam tử!

是經能為渴法眾生作甘露漿。如八味水充足渴者。

thị Kinh năng vị khát Pháp chúng sanh tác cam lộ tương 。

như bát vị thủy sung túc khát
giả 。

Kinh này có thể làm nước Cam Lộ cho chúng snah khát ngưỡng chánh pháp, như nước
bát công đức làm no đủ cho người khát nước.

善男子。是經能為煩惱之人而作法床。

thiện nam tử 。

thị Kinh năng vị phiền não chi nhân nhi tác Pháp sàng 。

Này thiện nam tử! Kinh này có thể làm giường pháp cho người phiền não,
如世之人遇安隱床。善男子。

như thế chi nhân ngộ an ổn sàng 。

thiện nam tử 。

như người đời gặp được giường an ổn. Này thiện nam tử!

是經能為初地菩薩至十住菩薩。而作瓔珞香花塗香末香燒香清淨種性具足之乘。

thị Kinh năng vị sơ địa Bồ-tát chí thập trụ Bồ-tát 。

nhi tác anh lạc hương hoa đồ hương
mật hương thiêu hương thanh tịnh chủng tánh cụ túc chi thừa 。

Kinh này có thể làm cỗ xe trân bảo, chuỗi ngọc anh lạc, hoa hương, đồ hương, mật
hương, thiêu hương, trang nghiêm thanh tịnh của bậc Sơ địa Bồ-tát, cho đến bậc Thập địa
Bồ-tát,

過於一切六波羅蜜受妙樂處。如忉利天波利質多羅樹。善男子。

quá ư nhất thiết lục ba la mật thọ diệu lạc xử 。

như Đao-lợi Thiên Ba-lợi-chất Đa-la thụ 。

thiện nam tử 。

vượt tất cả chỗ vui vi diệu của sáu môn Ba-la-mật, như cây Ba-lợi-chất Đa-la ở cung Trời Đao-lợi.

是經即是剛利智斧能伐一切煩惱大樹。

thị Kinh tức thị cương lợi trí phủ năng phạt nhất thiết phiền não Đại thụ 。

Kinh này chính là cây búa trí tuệ sắc bén, có thể chặt đứt hết thầy cây phiền não to lớn, 即是利刀能割習氣。即是勇健能摧魔怨。

tức thị lợi đao năng cát tập khí 。

tức thị dũng kiện năng tồi ma oán 。

Là dao bén có thể cắt đứt tập khí, là lực sĩ dũng kiện có thể trừ dẹp tà ma oán địch, 即是智火焚煩惱薪。即因緣藏出辟支佛。

tức thị trí hỏa phần phiền não tân 。

tức nhân duyên tạng xuất Bích-chi-phật 。

là ngọn lửa trí tuệ đốt củi phiền não, là kho chứa nhân duyên xuất sanh Bích-chi-phật, 即是閻藏生聲聞人。即是一切諸天之眼。

tức thị văn tạng sanh Thanh văn nhân 。

tức thị nhất thiết chư Thiên chi nhãn 。

là tạng Thanh văn sanh ra bậc Thanh văn, là con mắt của tất cả chư Thiên, 即是一切人之正道。即是一切畜生依處。

tức thị nhất thiết nhân chi chánh đạo 。

tức thị nhất thiết súc sanh y xử 。

là con đường chánh của hết thầy mọi người, là chỗ nương của hết thầy loài súc sanh, 即是餓鬼解脫之處。即是地獄無上之尊。

tức thị ngã quý giải thoát chi xử 。

tức thị Địa-ngục vô thượng chi tôn 。

là chỗ giải thoát của ngã quý, là đáng Vô Thượng Tôn của địa ngục, 即是一切十方眾生無上之器。

tức thị thập phương chúng sanh vô thượng chi khí 。

là chỗ Vô thượng của hết thầy chúng sanh trong mười phương, 即是十方過去未來現在諸佛之父母也。善男子。是故此經攝一切法。

tức thị thập phương quá khứ vị lai hiện tại chư Phật chi phụ mẫu dã 。

thiện nam tử 。

thị cố thử Kinh nhiếp nhất thiết Pháp 。

là cha mẹ của mười phương chư Phật trong quá khứ, vị lai, hiện tại. Này thiện nam tử! Vì thế Kinh này nhiếp tất cả pháp.

如我先說此經雖攝一切諸法。

như ngã tiên thuyết thử Kinh tuy nhiếp nhất thiết chư Pháp 。

Như trước kia, Ta nói Kinh này nhiếp tất cả pháp,

我說梵行即是三十七助道法。善男子。

ngã thuyết phạm hạnh tức thị tam thập thất trợ đạo Pháp 。 thiện nam tử 。
nhưng Ta nói Phạm hạnh là Ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nay thiện nam tử!
若離如是三十七品。

nhược ly như thị tam thập thất phẩm 。

Nếu rời Ba mươi bảy phẩm này

終不能得聲聞正果乃至阿耨多羅三藐三菩提果。不見佛性及佛性果。

chung bất năng đắc Thanh văn chánh quả nãi chí a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề quả 。

bất kiến Phật tánh cập Phật tánh quả 。

thì trọn không được chánh quả Thanh văn, cho đến quả vị Vô Thượng Bồ-đề, cũng không

thấy Phật tánh và quả Phật tánh.

以是因緣梵行即是三十七品。何以故。

dĩ thị nhân duyên phạm hạnh tức thị tam thập thất phẩm 。

Do nhân duyên nên Phạm hạnh chính là Ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Vì sao vậy?
三十七品性非顛倒能壞顛倒。性非惡見能壞惡見。

tam thập thất phẩm tánh phi điên đảo năng hoại điên đảo 。

tánh phi ác kiến năng hoại ác kiến 。

Vì Ba mươi bảy phẩm trợ đạo này, tánh của nó không phải điên đảo, lại có thể phá hoại

điên đảo. Tánh của nó không phải ác kiến, lại có thể phá hoại ác kiến.

性非怖畏能壞怖畏。

tánh phi bố úy năng hoại bố úy 。

Tánh của nó không phải bố úy, lại có thể phá hoại bố úy.

性是淨行能令眾生畢竟造作清淨梵行。迦葉菩薩白佛言。世尊。

tánh thị tịnh hạnh năng linh chúng sanh tất cánh tạo tác thanh tịnh phạm hạnh。Bồ-tát

Ca-diếp bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Tánh của nó là Phạm hạnh, có thể làm cho chúng sanh rốt ráo thực hành Phạm hạnh

thanh tịnh. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

有漏之法亦復能作。無漏法因。

hữu lậu chi Pháp diệc phục năng tác 。

vô lậu Pháp nhân 。

Pháp hữu lậu cũng lại có thể làm nhân cho pháp vô lậu,

如來何故不說有漏為淨梵行。善男子。一切有漏即是顛倒。

Như Lai hà cố bất thuyết hữu lậu vi tịnh phạm hạnh。 thiện nam tử 。 nhất thiết hữu lậu tức thị điên đảo 。

Như Lay vì sao không nói hữu lậu là phạm hạnh thanh tịnh? Này thiện nam tử! Hết thầy pháp hữu lậu đều là điên đảo,

是故有漏不得名為清淨梵行。迦葉菩薩白佛言。

thị cố hữu lậu bất đắc danh vi thanh tịnh phạm hạnh 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。

nên tất cả pháp hữu lậu không được gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

世尊。世第一法為是有漏是無漏耶。佛言。

Thế tôn 。

thế đệ nhất Pháp vi thị hữu lậu thị vô lậu da 。

Phật ngôn 。

Bạch Thế Tôn! Pháp thế đệ nhất là pháp hữu lậu hay vô lậu? Phật dạy:

善男子。是有漏也。世尊。雖是有漏性非顛倒。

thiện nam tử 。

thị hữu lậu dã 。

Thế tôn 。

tuy thị hữu lậu tánh phi điên đảo 。

Này thiện nam tử! Là hữu lậu. Thế Tôn! Tuy là hữu lậu nhưng tánh của nó không phải điên đảo,

何故不名清淨梵行。善男子。

hà cố bất danh thanh tịnh phạm hạnh。 thiện nam tử 。

vì sao không gọi là phạm hạnh thanh tịnh? Này thiện nam tử!

世第一法無漏因故似於無漏。向無漏故不名顛倒。善男子。

thế đệ nhất Pháp vô lậu nhân cố tự ư vô lậu 。

hướng vô lậu cố bất danh điên đảo 。

thiện nam tử 。

Pháp thế đệ nhất là nhân của pháp vô lậu, vì giống với vô lậu và vì hướng về vô lậu nên không gọi là điên đảo. Này thiện nam tử!

清淨梵行發心相續乃至畢竟。

thanh tịnh phạm hạnh phát tâm tương tục nãi chí tất cánh 。

Phạm hạnh thanh tịnh phát tâm tương tục cho đến rốt ráo,

世第一法唯是一念。是故不得名淨梵行。

thế đệ nhất Pháp duy thị nhất niệm 。

thị cố bất đắc danh tịnh phạm hạnh。

còn pháp thế đệ nhất chỉ là một niệm nên không được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

迦葉菩薩白佛言。世尊。眾生五識亦是有漏。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

chúng sanh ngũ thức diệc thị hữu lậu 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Năm thức của chúng sanh cũng là hữu lậu,

非是顛倒復非一念。何故不名清淨梵行。善男子。

phi thị điên đảo phục phi nhất niệm 。 hà cố bất danh thanh tịnh phạm hạnh. thiện nam tử 。

nhưng không phải điên đảo, lại không phải là một niệm, vì sao không gọi là phạm hạnh thanh tịnh? Nay thiện nam tử!

眾生五識雖非一念。然是有漏復是顛倒。

chúng sanh ngũ thức tuy phi nhất niệm 。 nhiên thị hữu lậu phục thị điên đảo 。

Năm thức của chúng sanh tuy không phải là một niệm, nhưng là hữu lậu, lại là điên đảo. 增諸漏故名為有漏。體非真實著想故倒。

tăng chư lậu cố danh vi hữu lậu 。 thể phi chân thật trước tướng cố đảo 。

Vì thêm các lậu nên gọi là hữu lậu, thể của nó không phải là chân thật, vì tướng chấp trước nên điên đảo.

云何名為體非真實著想故倒。非男女中生男女想。

vân hà danh vi thể phi chân thật trước tướng cố đảo 。 phi nam nữ trung sanh nam nữ tướng 。

Thế nào gọi là thể của nó không phải chân thật, vì tướng chấp trước nên điên đảo? Vì trong vật không phải nam nữ mà sanh tướng nam nữ,

乃至舍宅車乘瓶衣亦復如是。是名顛倒。善男子。

nãi chí xá trạch xa thừa bình y diệc phục như thị 。 thị danh điên đảo 。 thiện nam tử 。

nhấn đến phòng nhà, xe cộ, bình, y phục cũng lại như vậy, đây gọi là điên đảo. Nay thiện nam tử!

三十七品性無顛倒。是故得名清淨梵行。

tam thập thất phẩm tánh vô điên đảo 。 thị cố đắc danh thanh tịnh phạm hạnh。

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tánh của nó không điên đảo, vì thế được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

善男子。若有菩薩於三十七品。

thiện nam tử 。 nhược hữu Bồ-tát ư tam thập thất phẩm 。

Nay thiện nam tử! Nếu có Bồ-tát đối với Ba mươi bảy phẩm trợ đạo này mà

知根知因知攝知增知主知導知勝知實知畢竟者。

tri căn tri nhân tri nhiếp tri tăng tri chủ tri đạo tri thắng tri thật tri tất cánh giả 。

biết căn, biết nhân, biết nhiếp, biết tăng, biết chủ, biết đạo, biết thắng, biết thật và biết rốt ráo,

如是菩薩則得名為清淨梵行。

như thị Bồ-tát tắc đắc danh vi thanh tịnh phạm hạnh。

Bồ-tát này thì được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

迦葉菩薩白佛言。世尊。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

云何名為知根乃至知畢竟耶。佛言。善男子。善哉善哉。

vân hà danh vi tri căn nãi chí tri tất cánh da 。

Thế nào gọi là biết căn cho đến biết rốt ráo? Phật dạy: Này thiện nam tử! Hay thay! Hay thay!

菩薩發問為於二事。一者為自知故。二者為他知故。

Bồ-tát phát vấn vi ư nhị sự 。

Bồ-tát thưa hỏi thường vì hai việc: Một là vì mình biết, hai là vì người khác biết.

汝今已知但為無量眾生未解啟請是事。

nhữ kim dĩ tri đãn vị vô lượng chúng sanh vị giải khải thỉnh thị sự 。

Ông nay đã biết, chỉ vì vô lượng chúng sanh chưa hiểu nên thưa hỏi những việc như vậy.

是故我今重讚歎汝。善哉善哉。善男子。

thị cố ngã kim trọng tán thán nhữ 。

Vì vậy Ta nay rất tán thán ông. Hay thay, Hay thay! Này thiện nam tử!

三十七品根本是欲。因名明觸。攝取名受。增名善思。

tam thập thất phẩm căn bản thị dục 。

Căn bản của Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là Dục, nhân là minh xúc, nhiếp thủ là thọ, tăng trưởng là thiện tư duy,

主名為念。導名為定。勝名智慧。實名解脫。

chủ danh vi niệm 。

chủ là niệm, dẫn đạo là định, thắng là trí tuệ, thật là giải thoát,

畢竟名為大般涅槃。善男子。

tất cánh danh vi Đại Bát Niết-bàn. thiện nam tử 。

rốt ráo là Đại Bát Niết-bàn. Nay thiện nam tử!

善欲即是初發道心。乃至阿耨多羅三藐三菩提之根本也。

thiện dục tức thị sơ phát Đạo tâm 。

nãi chí a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề chi căn bản
dã 。

Thiện dục là căn bản của sơ phát tâm, cho đến Vô Thượng Bồ-đề,

是故我說欲為根本。善男子。如世間說。

thị cố ngã thuyết dục vi căn bản 。

thiện nam tử 。

như thế gian thuyết 。

vi thế Ta nói dục là căn bản. Nay thiện nam tử! Như người thế gian nói

一切苦惱愛為根本。一切疹病宿食為本。

nhất thiết khổ não ái vị căn bản 。

nhất thiết chẩn bệnh tú thực vị bản 。

tất cả khổ não đều do ái làm căn bản. Tất cả bệnh tật do ăn cách dâm làm căn bản.

一切斷事鬪諍為本。一切惡事虛妄為本。

nhất thiết đoạn sự đấu tránh vi bản 。

nhất thiết ác sự hư vọng vi bản 。

Tất cả sự phán đoán do đấu tranh làm làm căn bản. Tất cả việc ác do hư vọng làm căn
bản.

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來先於此經中說。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật ngôn 。

Thế tôn 。

Như Lai tiên ư thử Kinh trung thuyết 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Trong kinh này, trước kia Như Lai nói rằng
一切善法不放逸為本。今乃說欲。是義云何。佛言。

nhất thiết thiện Pháp bất phóng dật vi bản 。

kim nãi thuyết dục 。

thị nghĩa vân hà 。

Phật
ngôn 。

tất cả pháp lành do bất phóng dật làm căn bản, nay lại nói dục làm căn bản, nghĩa là sao?

Phật dạy:

善男子。若言生因善欲是也。若言了因不放逸是。

thiện nam tử 。

nhược ngôn sanh nhân thiện dục thị dã 。

nhược ngôn liễu nhân bất phóng
dật thị 。

Nay thiện nam tử! Nếu nói về sanh nhân thì là thiện dục, nếu nói về liễu nhân thì là bất
phóng dật.

如世間說。一切果者子為其因。或復有說。

như thế gian thuyết 。 nhất thiết quả giả tử vi kỳ nhân 。 hoặc phục hữu thuyết 。
Như người thế gian nói rằng tất cả trái cây do hạt làm nhân. Hoặc lại có người nói
子為生因地為了因。是義亦爾。迦葉菩薩言。
tử vi sanh nhân địa vi liễu nhân 。 thị nghĩa diệt nhĩ 。 Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。
hạt là sanh nhân, đất là liễu nhân, nghĩa này cũng vậy. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:
世尊。如來先於餘經中說。

Thế Tôn 。 Như Lai tiên ư dư Kinh trung thuyết 。

Bạch Thế Tôn! Trong những Kinh khác, Như Lai từng nói rằng

三十七品佛是根本。是義云何。善男子。

tam thập thất phẩm Phật thị căn bản 。 thị nghĩa vân hà 。 thiện nam tử 。

Phật là căn cội gốc của Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, nghĩa này thế nào? Đây thiện nam tử!
如來先說眾生初知三十七品佛是根本。若自證得欲為根本。世尊。

Như Lai tiên thuyết chúng sanh sơ tri tam thập thất phẩm Phật thị căn bản 。 nhược tự
chứng đắc dục vi căn bản 。 Thế Tôn 。

Như Lai ngày trước nói rằng chúng sanh mới biết Ba mươi bảy phẩm trợ đạo thì Phật là căn
bổn. Nếu tự chứng được thì Dục là căn bổn. Bạch Thế Tôn!

云何明觸。名之為因。善男子。

vân hà minh xúc 。 danh chi vi nhân 。 thiện nam tử 。

Vì sao minh xúc gọi là nhân? Đây thiện nam tử!

如來或時說明為慧。或說為信。善男子。信因緣故親近善友。

Như Lai hoặc thì thuyết minh vi tuệ 。 hoặc thuyết vi tín 。 thiện nam tử 。 tín nhân duyên
cố thân cận thiện hữu 。

Như Lai hoặc có khi nói minh là tuệ, hoặc có khi nói minh là tín. Đây thiện nam tử! Do tín
tâm mà gần gũi bạn lành,

是名為觸。親近因緣得聞正法。是名為觸。

thị danh vi xúc 。 thân cận nhân duyên đắc văn chánh Pháp 。 thị danh vi xúc 。

đây gọi là xúc. Do nhân duyên gần gũi bạn lành nên được nghe chánh Pháp, đây gọi là
xúc.

因聞正法身口意淨。是名為觸。

nhân văn chánh Pháp thân khẩu ý tịnh 。 thị danh vi xúc 。

Do nghe chánh Pháp nên thân miệng ý thanh tịnh, đây gọi là xúc.

因三業淨獲得正命。是名為觸。因正命故得淨根戒。

nhân tam nghiệp tịnh hoạch đắc chánh mạng 。 thị danh vi xúc 。 nhân chánh mạng cố đắc tịnh căn giới 。

Do ba nghiệp thanh tịnh nên được chánh mạng, đây gọi là xúc. Do chánh mạng nên được giới căn thanh tịnh.

因淨根戒樂寂靜處。因樂寂靜能善思惟。

nhân tịnh căn giới lạc tịch tĩnh xứ。 nhân lạc tịch tĩnh năng thiện tư duy 。

Do giới căn thanh tịnh mà thích nơi tịch tĩnh, do thích nơi tịch tĩnh nên có thể khéo tư duy.

因善思惟得如法住。因如法住得三十七品。

nhân thiện tư duy đắc như Pháp trụ 。

nhân như Pháp trụ đắc tam thập thất phẩm 。

Do khéo tư duy mà an trú đúng pháp, do an trú đúng pháp mà được Ba mươi bảy phẩm trợ đạo,

能壞無量諸惡煩惱。是名為觸。善男子。受名攝取。

năng hoại vô lượng chư ác phiền não 。

thị danh vi xúc 。

thiện nam tử 。

thọ danh nhiếp thủ 。

do đây có thể phá hoại vô lượng phiền não xấu ác, đây gọi là xúc. Này thiện nam tử! Thọ gọi là nhiếp thủ.

眾生受時能作善惡。是故名受為攝取也。

chúng sanh thọ thì năng tác thiện ác 。

thị cố danh thọ vi nhiếp thủ dã 。

Vì khi chúng sanh cảm thọ có thể làm việc lành việc ác. Vì thế, gọi thọ là nhiếp thủ.

善男子。受因緣故生諸煩惱。三十七品能破壞之。

thiện nam tử 。

thọ nhân duyên cố sanh chư phiền não 。

tam thập thất phẩm năng phá hoại chi 。

Này thiện nam tử! Do thọ làm nhân duyên mà sanh ra các phiền não. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể phá hoại những phiền não này

是故以受為攝取也。因善思惟能破煩惱。

thị cố dĩ thọ vi nhiếp thủ dã 。

nhân thiện tư duy năng phá phiền não 。

vì vậy dùng thọ làm nhiếp thủ. Do thiện tư duy có thể phá hoại phiền não,

是故名增。何以故。勤修習故。

thị cố danh tăng 。

hà dĩ cố 。

tin cần tu tập cố 。

nên gọi là tăng trưởng. Vì sao vậy? Vì siêng năng tu tập

得如是等三十七品。若觀能破諸惡煩惱要賴專念。

đắc như thị đẳng tam thập thất phẩm 。 nhược quán năng phá chư ác phiền não yếu lại chuyên niệm 。

nên được Ba mươi phẩm trợ đạo như vậy, nếu quán có thể phá những phiền não ác cần phải nhờ chuyên niệm,

是故以念為主。如世間中一切四兵隨主將意。

thị cố dĩ niệm vi chủ 。 như thế gian trung nhất thiết tứ binh tùy chủ tướng ý 。

vì vậy dùng niệm làm chủ. Như trong thế gian, tất cả bốn binh chúng phải theo ý của chủ tướng,

三十七品亦復如是。皆隨念主。善男子。既入定已。

tam thập thất phẩm diệc phục như thị 。 giai tùy niệm chủ 。 thiện nam tử 。 ký nhập định dĩ 。

Ba mươi phẩm trợ đạo này cũng lại như vậy, đều theo nơi niệm chủ. Nay thiện nam tử! Đã nhập chánh định rồi

三十七品能善分別一切法相。

tam thập thất phẩm năng thiện phân biệt nhất thiết Pháp tướng 。

thì Ba mươi phẩm trợ đạo có thể khéo phân biệt hết thầy pháp tướng,

是故以定為導。是三十七品分別法相。智為最勝。

thị cố dĩ định vi đạo 。 thị tam thập thất phẩm phân biệt Pháp tướng 。 trí vi tối thắng 。

nên dùng định để dẫn đạo. Ba mươi phẩm trợ đạo này phân biệt được pháp tướng do trí tuệ là tối thắng,

是故以慧為勝。如是智慧知煩惱已。

thị cố dĩ tuệ vi thắng 。 như thị trí tuệ tri phiền não dĩ 。

vì vậy dùng tuệ làm thắng. Trí tuệ này rõ biết phiền não rồi,

智慧力故煩惱消滅。如世間中四兵壞怨。

trí tuệ lực cố phiền não tiêu diệt 。

như thế gian trung tứ binh hoại oán 。

do năng lực của trí tuệ mà phiền não bị tiêu diệt. Như trong thế gian, bốn binh chúng phá hoại oán địch,

或一或二勇健者能。三十七品亦復如是。智慧力故能壞煩惱。
hoặc nhất hoặc nhị dũng kiện giả năng 。

hoặc một, hoặc hai người mạnh khỏe có thể phá địch. Ba mươi phẩm trợ đạo này cũng lại như vậy, do năng lực của trí tuệ có thể phá hoại phiền não,

是故以慧為勝。善男子。

thị cố dĩ tuệ vi thắng 。 thiện nam tử 。

vì vậy dùng trí tuệ làm thắng. Này thiện nam tử!

雖因修習三十七品獲得四禪神通安樂。亦不名實。

tuy nhân tu tập tam thập thất phẩm hoạch đắc tứ Thiền Thần thông an lạc 。 diệc bất danh thật 。

Tuy cho tu tập Ba mươi phẩm trợ đạo mà chứng được Tứ Thiền thần thông an lạc nhưng cũng gọi là thật.

若壞煩惱證解脫時。乃名為實。是三十七品發心修道。

nhược hoại phiền não chứng giải thoát thì 。 nãi danh vi thật 。 thị tam thập thất phẩm phát tâm tu đạo 。

Nếu phá hoại phiền não khi chứng được giải thoát mới gọi là thật. Ba mươi phẩm trợ đạo này từ khi phát tâm tu hành,

雖得世樂及出世樂四沙門果及以解脫。

tuy đắc thế lạc cập xuất thế lạc tứ Sa-môn quả cập dĩ giải thoát 。

tuy được thế lạc và xuất thế lạc, chúng bốn quả Sa-môn được giải thoát

亦不得名為畢竟也。

diệc bất đắc danh vi tất cánh dã 。

cũng không được gọi là rốt ráo.

若能斷除三十七品所行之事。是名涅槃。是故我說畢竟者即大涅槃。

nhược năng đoạn trừ tam thập thất phẩm sở hạnh chi sự 。 thị danh Niết-bàn 。 thị cố ngã thuyết tất cánh giả tức Đại Niết-bàn 。

Nếu có thể dứt trừ được những công hạnh do Ba mươi phẩm trợ đạo này thực hành, đây gọi là Niết-bàn. Vì thế, Ta nói rốt ráo chính là Đại Niết-bàn.

復次善男子。善愛念心即是欲也。

phục thứ thiện nam tử 。

Lại nữa, này thiện nam tử! Tâm thiện ái niệm chính là Dục.

因善愛念親近善友。故名為觸。是名為因。

nhân thiện ái niệm thân cận thiện hữu 。

Do thiện ái niệm mà thân gần bạn lành, nên gọi là xúc, đây là nhân.

因近善友故名為受。是名攝取。因近善友能善思惟。

nhân cận thiện hữu cố danh vi thọ 。 thị danh nhiếp thủ 。 nhân cận thiện hữu năng thiện tư duy 。

Do thân gần bạn lành nên gọi là thọ, đây là nhiếp thủ. Do thân gần bạn lành nên có thể thiện tư duy

故名為增。因是四法能生長道。所謂欲念定智。

cố danh vi tăng 。 nhân thị tứ Pháp năng sanh trường đạo 。 sở vị dục niệm định trí 。

nên gọi là tăng. Do bốn pháp này có thể sanh trường chánh đạo: Dục, niệm, định và tuệ, 是即名為主導勝也。因是三法得二解脫。

thị tức danh vi chủ đạo thắng dã 。 nhân thị tam Pháp đắc nhị giải thoát 。

đây gọi là chủ, là dẫn đạo, là tối thắng vậy. Do ba pháp này mà được hai thứ giải thoát, 除斷愛故心得解脫。斷無明故慧得解脫。

trừ đoạn ái cố tâm đắc giải thoát 。 đoạn vô minh cố tuệ đắc giải thoát 。

do dứt trừ ái nên tâm được giải thoát, do dứt trừ vô minh nên tuệ được giải thoát,

是名為實。如是八法畢竟得果名為涅槃。

thị danh vi thật 。 như thị bát Pháp tất cánh đắc quả danh vi Niết-bàn 。

đây gọi là thật. Tám pháp như vậy được quả rốt ráo gọi là Niết-bàn,

故名畢竟。復次善男子。欲者即是發心出家。

cố danh tất cánh 。 phục thứ thiện nam tử 。 dục giả tức thị phát tâm xuất gia 。

nên Niết-bàn gọi là rốt ráo. Lại nữa, này thiện nam tử! Dục chính là phát tâm xuất gia,

觸者即是白四羯磨。是名為因。攝者即是受二種戒。

xúc giả tức thị bạch tứ Yết Ma 。 thị danh vi nhân 。 nhiếp giả tức thị thọ nhị chủng giới 。

xúc chính là bạch tứ Yết Ma, đây gọi là nhân. Nhiếp thủ chính là thọ hai thứ giới:

一者波羅提木叉戒。二者淨根戒。是名為受。

nhất giả Ba-la-đề-mộc-xoa giới 。 nhị giả tịnh căn giới 。 thị danh vi thọ 。

Một là Ba-la-đề-mộc-xoa giới, hai là tịnh căn giới, đây gọi là thọ,

是名攝取。增者即是修習四禪。

thị danh nhiếp thủ 。 tăng giả tức thị tu tập tứ Thiền 。

đây gọi là nhiếp thủ. Tăng trưởng là tu tập Tứ Thiền.

主者即是須陀洹果斯陀含果。導者即是阿那含果。

chủ giả tức thị Tu-đà-hoàn quả Tư-đà-hoàn quả 。 đạo giả tức thị A-na-hàm quả 。
Chủ là quả Tu-đà-hoàn và quả Tư-đà-hoàn. Dẫn đạo là quả A-na-hàm.

勝者即是阿羅漢果。實者即是辟支佛果。

thắng giả tức thị A-la-hán quả 。 thật giả tức thị Bích-chi-phật quả 。

tối thắng là quả A-la-hán quả. Thật là quả Bích-chi-phật.

畢竟者即是阿耨多羅三藐三菩提果。

tất cánh giả tức thị a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề quả 。

Rốt ráo là quả Vô Thượng Bồ-đề.

復次善男子。欲名為識。觸名六入。

phục thứ thiện nam tử 。 dục danh vi thức 。 xúc danh lục nhập 。

Lại nữa, này thiện nam tử! Dục gọi là Thức, xúc gọi là Lục nhập,

攝名為受。增名無明。主名名色。導名為愛。

niếp danh vi thọ 。 tăng danh vô minh 。 chủ danh danh sắc 。 đạo danh vi ái 。

niếp gọi là thọ, tăng trưởng gọi là vô minh, chủ gọi là danh sắc, dẫn đạo gọi là ái,

勝名為取。實名為有。

thắng danh vi thủ 。 thật danh vi hữu 。

hơn gọi là thủ, thật gọi là hữu,

畢竟者名生老病死迦葉菩薩言。世尊。根本因增。如是三法云何有異。

tất cánh giả danh sanh lão bệnh tử Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。 Thế Tôn 。 căn bản nhân tăng
。 như thị tam Pháp vân hà hữu dị 。

rốt ráo gọi là sanh, già, bệnh, chết. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Căn
bổn, nhân và tăng trưởng, ba pháp này có gì khác nhau?

善男子。所言根者即是初發。因者即是相似不斷。

thiện nam tử 。 sở ngôn căn giả tức thị sơ phát 。 nhân giả tức thị tương tự bất đoạn 。

Này thiện nam tử! Nói căn bổn tức là sơ phát tâm, nhân là tương tự không dứt,

增者即是滅相似已能生相似。復次善男子。

tăng giả tức thị diệt tương tự dĩ năng sanh tương tự 。

tăng trưởng tức là tương tự diệt rồi lại có thể sanh tương tự. Lại nữa, này thiện nam tử!

根即是作因即是果。增即可用。善男子。

căn tức thị tác nhân tức thị quả 。

Căn là tạo tác, nhân chính là quả, tăng trưởng là có thể dùng. Này thiện nam tử!

未來之世雖有果報。以未受故名之為因。

vị lai chi thể tuy hữu quả báo 。 dĩ vị thọ cố danh chi vi nhân 。

Đời vị lai tuy có quả báo, nhưng vì chưa thọ nên gọi là nhân,
及其受時是名為增。復次善男子。

cập kỳ thọ thì thị danh vi tăng 。

phục thứ thiện nam tử 。

đến khi thọ mới gọi là tăng trưởng. Lại nữa, này thiện nam tử!

根即是求得即是因用即是增。善男子。是經中根即是見道。
căn tức thị cầu đắc tức thị nhân dụng tức thị tăng 。

thiện nam tử 。

thị Kinh trung căn tức thị kiến đạo 。

Căn là mong cầu, được tức là nhân, dùng tức là tăng trưởng. Này thiện nam tử! Trong

kinh này, căn là kiến đạo,

因即修道。增者即是無學道也。復次善男子。

nhân tức tu đạo 。

tăng giả tức thị vô học đạo dã 。

phục thứ thiện nam tử 。

nhân là tu đạo, tăng trưởng là vô học đạo. Lại nữa, này thiện nam tử!
根即正因因即方便因。

căn tức chánh nhân nhân tức phương tiện nhân 。

căn là chánh nhân, nhân là phương tiện.

從是二因獲得果報。名為增長。迦葉菩薩言。世尊。如佛所說。

tòng thị nhị nhân hoạch đắc quả báo 。

danh vi tăng trưởngg 。

Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。

Thế Tôn 。

như Phật sở thuyết 。

Từ hai nhân này mà được quả báo gọi là tăng trưởng. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng:

Bạch Thế Tôn! Như lời Phật nói:

畢竟者即是涅槃。如是涅槃云何可得。

tất cánh giả tức thị Niết-Bàn 。

như thị Niết-bàn vân hà khả đắc 。

rốt ráo chính là Niết-bàn, như vậy Niết-bàn này làm sao có thể được?

善男子。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử!

若菩薩摩訶薩比丘比丘尼優婆塞優婆夷能修十想。當知是人能得涅槃。云何為十。

nhược Bồ-tát Ma-ha tát Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni Ưu bà tắc Ưu bà di năng tu thập tưởng 。

đương tri thị nhân năng đắc Niết-bàn 。

vân hà vi thập 。

Hoặc Đại Bồ-tát, hoặc Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có thể tu tập mười quán tưởng, nên biết người này có thể được Niết-bàn. Thế nào là mười?

一者無常想。二者苦想。三者無我想。

nhất giả vô thường tưởng 。 nhị giả khổ tưởng 。 tam giả vô ngã tưởng 。

Một là vô thường tưởng, hai là khổ tưởng, ba là vô ngã tưởng,

四者厭離食想。五者一切世間不可樂想。六者死想。

tứ giả yếm ly thực tưởng 。 ngũ giả nhất thiết thế gian bất khả lạc tưởng 。 lục giả tử tưởng

。

bốn là yếm ly thực tưởng, năm là nhất thiết thế gian bất khả lạc tưởng, sáu là tự tưởng,

七者多過罪想。八者離想。九者滅想。

thất giả đa quá tội tưởng 。 bát giả ly tưởng 。 cửu giả diệt tưởng 。

bảy là đa tội quá tưởng, tám là ly tưởng, chín diệt tưởng,

十者無愛想。善男子。

thập giả vô ái tưởng 。 thiện nam tử 。

mười là vô ái tưởng. Nay thiện nam tử!

菩薩摩訶薩比丘比丘尼優婆塞優婆夷。修習如是十種想者。

Bồ-tát Ma-ha tát Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni Ưu bà tắc Ưu bà di 。 tu tập như thị thập chủng tưởng giả 。

Đại Bồ-tát, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di có thể tu tập mười quán tưởng như vậy,

是人畢竟定得涅槃。不隨他心自能分別善不善等。

thị nhân tất cánh định đắc Niết-bàn 。 bất tùy tha tâm tự năng phân biệt thiện bất thiện đẳng 。

những người này quyết định được Niết-bàn, không do nơi tâm người khác, tự mình có thể phân biệt được thiện và bất thiện v.v...

是名真實。稱比丘義。

thị danh chân thật 。 xưng Tỳ-kheo nghĩa 。

đây gọi là chân thật xứng đáng nghĩa Tỳ-kheo.

乃至得稱優婆夷義迦葉菩薩言。世尊。

nãi chí đắc xưng Ưu bà di nghĩa. Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。 Thế tôn 。

cho đến được xưng nghĩa Ưu-bà-di. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

云何名為菩薩乃至優婆夷等修無常想。善男子。菩薩二種。一初發心。

vân hà danh vi Bồ-tát nãi chí Ưu bà di đẳng tu vô thường tưởng 。 thiện nam tử 。 Bồ-tát
nhị chủng 。 nhất sơ phát tâm 。

Thế nào gọi là Đại Bồ-tát cho đến Ưu-bà-di có thể tu tập vô thường tưởng? Nay thiện nam
tử! Bồ-tát có hai hạng: Một là sơ phát tâm,

二已行道。無常想者亦復二種。一麤二細。

nhị dĩ hành đạo 。 vô thường tưởng giả diệc phục nhị chủng 。 nhất thô nhị tế 。

hai là đã hành đạo. Vô thường tưởng cũng có hai thứ: Một là thô, hai là tế.

初心菩薩觀無常想時作是思惟。

sơ tâm Bồ-tát quán vô thường tưởng thì tác thị tư duy 。

Bồ-tát sơ phát tâm khi quán vô thường tưởng thì suy nghĩ như vầy:

世間之物凡有二種。一內二外。如是內物無常變異。

thế gian chi vật phàm hữu nhị chủng 。 nhất nội nhị ngoại 。 như thị nội vật vô thường biến
dị 。

Vạn vật trong thế gian có hai thứ: Một là nội, hai là ngoại. Những loại thuộc về nội vật đều
vô thường, biến đổi.

我見生時小時大時壯時老時死時。

ngã kiến sanh thì tiểu thì Đại thì tráng thì lão thì tử thì 。

Tôi thấy lúc sanh, lúc nhỏ, lúc lớn, lúc mạnh, lúc già, lúc chết,

是諸時節各各不同。是故當知內物無常。復作是念。

thị chư thì tiết các các bất đồng 。

những lúc này mỗi mỗi đều không đồng nhau, vì vậy phải biết nội vật là vô thường. Lại

suy nghĩ rằng:

我見眾生。

ngã kiến chúng sanh 。

Tôi thấy chúng sanh

或有肥鮮具足色力去來進止自在無礙。或見病苦。色力毀悴顏貌羸損不得自在。

hoặc hữu phì tiên cụ túc sắc lực khứ lai tiến chỉ tự-tại vô ngại 。

hoặc có người sắc lực mạnh khoẻ tươi tốt, đến đi tiến dừng tự tại không chướng ngại,
hoặc thấy có người bệnh khổ, sắc lực héo gầy suy yếu chẳng được tự tại.

或見財富庫藏盈溢。或見貧窮觸事虧乏。

hoặc kiến tài phú khổ tạng doanh dật 。 hoặc kiến bản cùng xúc sự 虧 pháp 。

Hoặc thấy có người giàu có, kho đụn tràn đầy. Hoặc thấy có người nghèo cùng thiếu thốn.

或見成就無量功德。或見具足無量惡法。

hoặc kiến thành tựu vô lượng công đức 。 hoặc kiến cụ túc vô lượng ác Pháp 。

Hoặc thấy có người thành tựu vô lượng công đức. Hoặc thấy có người đầy đủ vô lượng ác
Pháp.

是故定知內法無常。復觀外法。

thị cố định tri nội Pháp vô thường 。 phục quán ngoại Pháp 。

vì vậy quyết định biết rằng những pháp thuộc về nội vật là vô thường. Lại quán sát ngoại
pháp:

子時芽時莖時葉時花時果時。如是諸時各各不同。如是外法。

tử thì nha thì hành thì diệp thì hoa thì quả thì 。 như thị chư thì các các bất đồng 。 như thị
ngoại Pháp 。

Khi còn hột, khi nảy mầm, khi ra cành, khi ra lá, khi ra hoa, khi ra quả. Những thì kỳ như
vậy mỗi mỗi đều không đồng nhau. Ngoại pháp này

或有具足或不具足。是故當知。

hoặc hữu cụ túc hoặc bất cụ túc 。 thị cố đương tri 。

hoặc có thứ đầy đủ hoặc có thứ không đầy đủ, vì vậy phải biết rằng

一切外物定是無常。既觀見法是無常已。復觀聞法。

nhất thiết ngoại vật định thị vô thường 。 ký quán kiến Pháp thị vô thường dĩ 。

phục quán
văn Pháp 。

tất cả ngoại vật quyết định là vô thường. Đã quán sát những pháp bị thấy là vô thường rồi,
kể lại quán sát pháp bị nghe:

我聞諸天具足成就極妙快樂神通自在。

ngã văn chư Thiên cụ túc thành tựu cực diệu khoái lạc Thần thông tự-tại 。

Tôi nghe chư Thiên thành tựu đầy đủ Thần thông tự tại, hưởng sự vui rất vi diệu

亦有五相。是故當知即是無常。復聞劫初有諸眾生。

diệt hữu ngũ tướng 。 thị cố đương tri tức thị vô thường 。 phục văn kiếp sơ hữu chư chúng sanh 。

nhưng cũng có năm tướng suy, vì vậy phải biết rằng là vô thường. Tôi lại từng nghe thuở kiếp sơ có các chúng sanh

各各具足上妙功德。身光自照不假日月。

các các cụ túc thượng diệu công đức 。 thân quang tự chiếu bất giả nhật nguyệt 。

mỗi mỗi đầy đủ công đức thượng diệu, thân thể sáng chói không cầu mặt trời mặt trăng, 無常力故光滅德損。

vô thường lực cố quang diệt đức tổn 。

vì lực vô thường chi phối nên ánh sáng tắt mất, công đức hao tổn.

復聞昔有轉輪聖王統四天下。成就七寶得大自在。

phục văn tích hữu Chuyển luân Thánh Vương thống tứ Thiên hạ 。

thành tựu thất bảo đắc Đại tự-tại 。

Tôi lại nghe thuở xưa có Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, thành tựu bảy báu, thể lực tự tại,

而不能壞無常之相。復觀大地。往昔之時安處布置無量眾生。

nhi bất năng hoại vô thường chi tướng 。

phục quán Đại địa 。

vãng tích chi thì an xứ bố trí vô lượng chúng sanh 。

tuy vậy nhưng cũng không thể tránh khỏi tướng vô thường. Lại quán quả đất lớn: Ngày xưa vô lượng chúng sanh an ở khắp nơi,

間無空處如車輪許。具足生長一切妙藥。

gian vô không xử như xa luân hứa 。

cụ túc sanh trường nhất thiết diệu dược 。

ở giữa không gian như có bánh xe, đầy đủ cây thuốc hay sanh trưởng,

叢林樹木果實滋茂。

tùng lâm thụ mộc quả thật tư mậu 。

rừng cây bông trái sum sê.

眾生薄福令此大地無復勢力。所生之物遂成虛耗。是故當知。

chúng sanh bạc phúc lệnh thử Đại địa vô phục thể lực 。

sở sanh chi vật toại thành hư hao 。

thị cố đương tri 。

Ngày nay, vì chúng sanh phước mỏng, mặt đất lại mất thể lực nên những sanh vật trên mặt đất thành hư hao. Do đây nên biết rằng

內外之法一切無常。是則名為龐無常也。

nội ngoại chi Pháp nhất thiết vô thường 。 thị tác danh vi thô vô thường dã 。

những pháp trong ngoài hết thảy đều vô thường. Đây gọi là vô thường thô.

既觀龐已次觀細者。云何名細。

ký quán thô dĩ thứ quán tế giả 。 vân hà danh tế 。

Đã quán tưởng tướng vô thường thô rồi, kể lại quán sát vô thường tế. Thế nào gọi là tế?

菩薩摩訶薩觀於一切內外之物乃至微塵。在未來時已是無常。

Bồ-tát Ma-ha tát quán ư nhất thiết nội ngoại chi vật nãi chí vi trần 。 tại vị lai thì dĩ thị vô thường 。

Đại Bồ-tát quán sát tất cả vật trong ngoài, cho đến vi trần, tại thì kỳ vị lai đã là vô thường.

何以故。具足成就破壞相故。

hà dĩ cố 。 cụ túc thành tựu phá hoại tướng cố 。

Vì sao vậy?. Vì tất cả đều thành tựu đầy đủ tướng phá hoại vậy,

若未來色非無常者。不得言色。有十時差別。云何十時。

nhược vị lai sắc phi vô thường giả 。 bất đắc ngôn sắc 。 hữu thập thì sai biệt 。 vân hà thập thì 。

nếu sắc ở vị lai không phải vô thường thì không được nói sắc có mười thì kỳ sai biệt. Thế nào là mười thì kỳ?

一者膜時。二者泡時。三者疱時。四者肉團時。

nhất giả mô thì 。 nhị giả phao thì 。 tam giả bào thì 。 tứ giả nhục đoàn thì 。

Một là thì kỳ đông lại, hai thì kỳ là nổi bóng, ba là thì kỳ ung nhọt, bốn là thì kỳ khối thịt,

五者肢時。六者嬰孩時。七者童子時。

ngũ giả chi thì 。 lục giả anh hài thì 。 thất giả Đồng tử thì 。

năm là thì kỳ mọc đầu và tứ chi, sáu là thì kỳ bé thơ, bảy là thì kỳ trẻ,

八者少年時。九者盛壯時。十者衰老時。

bát giả thiếu niên thì 。 cửu giả thịnh tráng thì 。 thập giả suy lão thì 。

tám là thì kỳ thiếu niên, chín là thì kỳ tráng niên, mười là thì kỳ già suy.

菩薩觀膜若非無常不應至泡。

Bồ-tát quán mô nhược phi vô thường bất ứng chí phao 。

Bồ-tát quán đông vãng không phải vô thường thì không nên đến nổi bóng,

乃至盛壯非無常者終不至老。若是諸時非念念滅終不漸長。

nãi chí thịnh tráng phi vô thường giả chung bất chí lão 。 nhược thị chư thì phi niệm niệm diệt chung bất tiệm trường。

cho đến tráng niên không phải vô thường thì người này trọn không đến già suy. Nếu những thì kỳ này niệm niệm không phải hoại diệt thì trọn không có dần dần lớn lên, 應當一時成長具足。無是事故。是故當知。定有念念。

ứng đương nhất thì thành trường cụ túc 。 vô thị sự cố 。 thị cố đương tri 。 định hữu niệm niệm 。

phải nên đồng một lúc trường thành tất cả. Vì không có sự việc này, nên biết rằng quyết định có niệm niệm

微細無常。復見有人諸根具足顏色曄曄。

vi tế vô thường 。 phục kiến hữu nhân chư căn cụ túc nhan sắc 曄曄。

vi tế vô thường. Lại thấy có người các căn đầy đủ, nhan sắc tươi sáng 後見枯悴。復作是念。是人定有念念無常。

hậu kiến khô tụy 。 phục tác thị niệm 。 thị nhân định hữu niệm niệm vô thường 。

sau đó thấy gầy ốm tiều tụy. Lại nghĩ rằng: Người này quyết định có niệm niệm vô thường, 復觀四大及四威儀。

phục quán tứ Đại cập tứ uy nghi 。

lại quán sát tứ đại và bốn uy nghi,

復觀內外各二苦因飢渴寒熱。復觀是四若無念念微細無常。

phục quán nội ngoại các nhị khổ nhân cơ khát hàn nhiệt 。 phục quán thị tứ nhược vô niệm niệm vi tế vô thường 。

lại quán trong ngoài đều có hai khổ nhân: Đói khát và lạnh nóng. Lại quán bốn đại này nếu không có niệm niệm vi tế vô thường

亦不得說如是四苦。若有菩薩能作是念。

diệc bất đắc thuyết như thị tứ khổ 。 nhược hữu Bồ-tát năng tác thị niệm 。

thì cũng không được nói bốn khổ như vậy, nếu có Bồ-tát nào có thể suy xét như vậy, 是名菩薩觀細無常。如內外色心法亦爾。何以故。

thị danh Bồ-tát quán tế vô thường 。 như nội ngoại sắc tâm Pháp diệc nhĩ 。 hà dĩ cố 。

đây gọi Bồ-tát quán vi tế vô thường. Như trong thân và ngoại cảnh, tâm pháp cũng lại như vậy. Vì sao?

行六處故。行六處時。或生喜心或生瞋心。

hành lục xứ cố 。 hành lục xử thì 。 hoặc sanh hỷ tâm hoặc sanh sân tâm 。

Vì tâm duyên theo sáu trần, khi duyên theo sáu trần, hoặc sanh lòng mừng, hoặc sanh lòng giận,

或生愛心或生念心。展轉異生不得一種。是故當知。

hoặc sanh ái tâm hoặc sanh niệm tâm 。

triển chuyển dị sanh bất đắc nhất chủng 。

thị cố đương tri 。

hoặc sanh lòng yêu, hoặc sanh lòng suy nghĩ, lần lượt thay đổi khác, không trụ một niệm.

Vì thế, phải biết rằng

一切色法及非色法悉是無常。善男子。

nhất thiết sắc Pháp cập phi sắc Pháp tất thị vô thường 。

thiện nam tử 。

tất cả sắc pháp và tâm pháp đều là vô thường. Này thiện nam tử!

菩薩若能於一念中。見一切法生滅無常。

Bồ-tát nhược năng ư nhất niệm trung 。

kiến nhất thiết Pháp sanh diệt vô thường 。

Nếu Bồ-tát trong một niệm có thể thấy tất cả pháp sanh diệt vô thường,

是名菩薩具無常想。善男子。智者修習無常想已。

thị danh Bồ-tát cụ vô thường tưởng 。

thiện nam tử 。

trí giả tu tập vô thường tưởng dĩ 。

đây gọi là Bồ-tát đầy đủ vô thường tưởng. Này thiện nam tử! Người trí tu tập vô thường tưởng rồi thì

遠離常慢常倒想倒。

viễn li thường mạn thường đảo tưởng đảo 。

xa lìa tưởng điên đảo chấp thường,

次修苦想。何因緣故有如是苦。

thứ tu khổ tưởng 。

hà nhân duyên cố hữu như thị khổ 。

kế lại tu tập khổ tưởng. Vì nhân duyên gì có khổ như vậy?

深知是苦因於無常。因無常故受生老病死。

thâm tri thị khổ nhân ư vô thường 。

nhân vô thường cố thọ sanh lão bệnh tử 。

Biết rõ rằng sự khổ này là do nơi vô thường. Do vô thường mà có sanh, già, bệnh; chết.

生老病死因緣故名為無常。無常因緣故。

sanh lão bệnh tử nhân duyên cố danh vi vô thường 。

vô thường nhân duyên cố 。

vì do sanh, già, bệnh, chết nên gọi là vô thường; vì vô thường

受內外苦飢渴寒熱鞭打罵辱。如是等苦皆因無常。

thọ nội ngoại khổ cơ khát hàn nhiệt tiên đả mạ nhục 。 như thị đẳng khổ giai nhân vô thường 。

mà chịu lấy sự khổ trong ngoài như đói khát, lạnh nóng, đánh đập, chửi mắng. Những sự khổ như vậy đều do nơi vô thường.

復次智者深觀此身。即無常器。是器即苦。以器苦故。

phục thứ trí giả thâm quán thử thân 。 tức vô thường khí 。 thị khí tức khổ 。 dĩ khí khổ cố 。

Người trí lại quán sát thân thể này chính là khí cụ là vô thường là khổ. Vì là khí cụ khổ
所受盛法亦復是苦。善男子。智者復觀。

sở thọ thịnh Pháp diệc phục thị khổ 。 thiện nam tử 。 trí giả phục quán 。

nên bao nhiêu sự thọ nhận của thân cũng lại là khổ. Nay thiện nam tử! Người trí lại quán sát

生即是苦滅即是苦。苦生滅故即是無常。

sinh tức thị khổ diệt tức thị khổ 。 khổ sinh diệt cố tức thị vô thường 。

sinh là khổ, diệt là khổ, vì khổ sinh diệt nên là vô thường,

非我我所修無我想。智者復觀苦即無常無常即苦。

phi ngã ngã sở tu vô ngã tưởng 。 trí giả phục quán khổ tức vô thường vô thường tức khổ 。

không phải ngã, không phải ngã sở nên tu tập vô ngã tưởng. Người trí lại quán sát khổ chính là vô thường, vô thường chính là khổ.

若苦無常智者云何說言有我。

nhược khổ vô thường trí giả vân hà thuyết ngôn hữu ngã 。

Nếu là khổ, là vô thường rồi vì sao người trí lại nói rằng có ngã?

苦非是我無常亦爾。如是五陰亦苦無常。

khổ phi thị ngã vô thường diệc nhĩ 。 như thị ngũ uẩn diệc khổ vô thường 。

Nếu khổ không phải là ngã thì vô thường cũng vậy. Như vậy năm ấm cũng là khổ, là vô thường,

眾生云何說言有我。復次觀。一切法有異和合。

chúng sanh vân hà thuyết ngôn hữu ngã 。 phục thứ quán 。 nhất thiết Pháp hữu dị hòa hợp 。

chúng sanh sao lại nói rằng có ngã? Lại quán sát tất cả pháp có nhiều thứ hòa hợp sai khác.

不從一和合生一切法。亦非一法是一切和合果。

bất tòng nhất hòa hợp sanh nhất thiết Pháp 。 diệt phi nhất Pháp thị nhất thiết hòa hợp quả 。

Không phải từ một sanh tất cả pháp, lại một pháp không phải là quả của tất cả hòa hợp. 一切和合皆無自性。亦無一性亦無異性。

nhất thiết hòa hợp giai vô tự tánh 。 diệt vô nhất tánh diệt vô dị tánh 。

Tất cả hòa hợp đều không có tự tánh, cũng không một tánh, cũng không táosngai khác, 亦無物性亦無自在。諸法若有如是等相。

diệt vô vật tánh diệt vô tự tại 。 chư Pháp nhược hữu như thị đẳng tướng 。

cũng không vật tánh, cũng không tự tại. Các pháp nếu đã có những tướng như vậy 智者云何說言有我。復作是念。

trí giả vân hà thuyết ngôn hữu ngã 。 phục tác thị niệm 。

người trí sao lại nói rằng có ngã. Lại suy nghĩ rằng:

一切法中無有一法能為作者。若使一法不能作者。

nhất thiết Pháp trung vô hữu nhất Pháp năng vi tác giả 。 nhược sử nhất Pháp bất năng tác giả 。

Trong tất cả pháp không có một pháp nào là tác giả. Nếu một pháp không thể làm tác giả,

眾法和合亦不能作。一切諸法性終不能獨生獨滅。

chúng Pháp hòa hợp diệt bất năng tác 。 nhất thiết chư Pháp tánh chung bất năng độc sanh độc diệt 。

thì nhiều pháp hòa hợp cũng không thể là tác giả. Tánh của tất cả các pháp trọn không thể tự sanh, tự diệt,

和合故滅和合故生。是法生已眾生倒想。

hòa hợp cố diệt hòa hợp cố sanh 。 thị Pháp sanh dĩ chúng sanh đảo tưởng 。

do hòa hợp mà diệt, do hòa hợp mà sanh. Khi pháp đã sanh rồi, chúng sanh điên đảo tưởng rằng

言是和合從和合生。眾生想倒無有真實。

ngôn thị hòa hợp tòng hòa hợp sanh 。 chúng sanh tưởng đảo vô hữu chân thật 。

là hòa hợp, từ hòa hợp sanh. Tưởng điên đảo của chúng sanh không thật có
云何而有真實我耶。是故智者觀於無我。
vân hà nhi hữu chân thật ngã da 。 thị cố trí giả quán ư vô ngã 。
thì làm sao mà có ngã chân thật? Vì vậy nên người trí quán sát vô ngã.
又復諦觀何因緣故眾生說我。是我若有應一應多。我若一者。
hựu phục đế quán hà nhân duyên cố chúng sanh thuyết ngã 。 thị ngã nhược hữu ứng
nhất ứng đa 。 ngã nhược nhất giả 。
Lại quán sát vì nhân duyên gì mà chúng sanh nói là ngã? Ngã này nếu là có thì là một
hay nhiều? Nếu ngã chỉ có một
云何而有剎利婆羅門毘舍首陀。
vân hà nhi hữu sát lợi Bà-la-môn Tì-xá thủ đà 。
thì sao lại có Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tì-xá, Thủ-đà-la,
人天地獄餓鬼畜生大小老壯。是故知我非是一也。
nhân Thiên Địa-ngục nạ quỷ súc sanh Đại tiểu lão tráng 。 thị cố tri ngã phi thị nhất dã 。
người, Trời, Địa-ngục, nạ quỷ, súc sanh, lớn, nhỏ, già, trẻ? Vì vậy biết ngã không phải
một.
我若多者。云何說言眾生我者。
ngã nhược đa giả 。 vân hà thuyết ngôn chúng sanh ngã giả 。
Nếu ngã là nhiều, sao lại nói rằng ngã của chúng sanh
是一是遍無有邊際。若一若多二俱無我。
thì nhất thị biến vô hữu biên tế 。 nhược nhất nhược đa nhị câu vô ngã 。
là một, là khắp, là không biến tế? Nếu là một hay nhiều, cả hai đều không có ngã cả.
智者如是觀無我已。次復觀於厭離食想。
trí giả như thị quán vô ngã dĩ 。 thứ phục quán ư yếm ly thực tưởng 。
Người trí đã quán vô ngã như vậy rồi, kể lại quán sát tưởng yếm ly thực,
作是念言。若一切法無常苦空無我。
tác thị niệm ngôn 。 nhược nhất thiết Pháp vô thường khổ không vô ngã 。
nên suy nghĩ rằng: Nếu tất cả pháp đều là vô thường, khổ, không, vô ngã
云何為食起身口意三種惡業。若有眾生為貪食故。
vân hà vị thực khởi thân khẩu ý tam chủng ác nghiệp 。 nhược hữu chúng sanh vi tham
thực cố 。

thì sao lại vì sự ăn mà thân, miệng và ý gây tạo ba thứ ác nghiệp? Nếu có chúng sanh nào vì tham ăn

起身口意三種惡業。所得財物眾皆共之。

khởi thân khẩu ý tam chủng ác nghiệp 。 sở đắc tài vật chúng giai cộng chi 。

mà thân, miệng, ý gây tạo ba thứ ác nghiệp, bao nhiêu của cải có ra mọi người đều cùng hưởng,

後受苦果無共分者。善男子。智者復觀。

hậu thọ khổ quả vô cộng phân giả 。 thiện nam tử 。 trí giả phục quán 。

về sau mắc lấy quả khổ không một ai cùng chia? Nay thiện nam tử! Người trí lại quán sát 一切眾生為飲食故身心受苦。若從眾苦而得食者。

nhất thiết chúng sanh vì ẩm thực cố thân tâm thọ khổ 。 nhược tòng chúng khổ nhi đắc thực giả 。

tất cả chúng sanh vì ăn uống mà thân tâm chịu khổ. Nếu từ các sự khổ mà được ăn uống,

我當云何於是食中而生貪著。

ngã đương vân hà ư thị thực trung nhi sanh tham trước 。

sao ta lại đối với sự ăn uống mà sanh lòng tham đắm?

是故於食不生貪心。復次智者當觀。因於飲食身得增長。

thị cố ư thực bất sanh tham tâm 。 phục thứ trí giả đương quán 。 nhân ư ẩm thực thân đắc tăng trưởng.

Vì vậy đối với việc ăn uống không nên sanh tâm tham đắm. Lại nữa, người trí phải nên quán sát rằng vì nhờ ăn uống mà thân được tăng trưởng:

我今出家受戒修道。為欲捨身。

ngã kim xuất gia thọ giới tu đạo 。 vi dục xả thân 。

Ta nay xuất gia vì muốn xả thân nên thọ giới tu hành,

今貪此食云何當得捨此身耶。如是觀已。雖復受食。

kim tham thử thực vân hà đương đắc xả thử thân da 。 như thị quán dĩ 。 tuy phục thọ thực 。

nếu tham đắm ăn uống thì sao được gọi là xả thân? Quán sát như vậy rồi, tuy có ăn uống 猶如曠野食其子肉。其心厭惡都不甘樂。

do như khoáng dã thực kỳ tử nhục 。 kỳ tâm yếm ố đô bất cam lạc 。

giống như quỷ Khoáng Dã ăn thịt con mình, trong lòng nhàm ghét không biết ngon ngọt.
深觀揣食有如是過。次觀觸食。

thâm quán sủy thực hữu như thị quá 。 thứ quán xúc thực 。

Quán sát rõ món ăn uống có lỗi như vậy rồi; kể lại quán xúc thực
如被剝牛為無量虫之所啖食。次觀思食如大火聚。

như bị bác ngưu vi vô lượng trùng chi sở 啖 thực 。

thứ quán tư thực như Đại hỏa tụ 。

như con bò bị lột da, có vô số kiến ruồi bu cắn; kể lại quán tư thực như đồng lửa lớn,
識食猶如三百鑽矛。善男子。智者如是觀四食已。

thức thực do như tam bách toàn mâu 。

thiện nam tử 。

trí giả như thị quán tứ thực dĩ 。

quán thức thực như ba trăm mâu nhọn. Nay thiện nam tử! Người trí quán bốn thứ thực
này rồi

於食終不生貪樂想。若猶生貪當觀不淨。

ư thực chung bất sanh tham lạc tưởng 。

nhược do sanh tham đương quán bất tịnh 。

thì đối với việc ăn uống không còn tưởng ham thích, nếu còn tham ưa thì nên quán bất
tịnh.

何以故。為離食愛故。於一切食。

hà dĩ cố 。

vi ly thực ái cố 。

ư nhất thiết thực 。

Vì sao? Vì để lìa hẳn sự ái nhiễm đối với tất cả sự ăn uống
善能分別不淨之想。隨諸不淨令與相似。如是觀已。

thiện năng phân biệt bất tịnh chi tưởng 。

tùy chư bất tịnh lệnh dữ tương tự 。

như thị quán
dĩ 。

Người trí phải khéo phân biệt tưởng bất tịnh tùy thức ăn bất tịnh và cùng với tương tự.

Quán như vậy rồi,

若得好食及以惡食。受時猶如塗癰瘡藥。

nhược đắc hảo thực cập dĩ ác thực 。

thọ thì do như đồ ung sang dược 。

khi thọ món ăn hoặc ngon hoặc dở đều xem như thuốc thoa ghẻ,

終不生於貪愛之心。善男子。智者若能如是觀者。

chung bất sanh ư tham ái chi tâm 。

thiện nam tử 。

trí giả nhược năng như thị quán giả 。

không hề sanh lòng tham ái. Nay thiện nam tử! Người trí nếu có thể quán sát như vậy,

是名成就厭離食想。迦葉菩薩言。世尊。智者觀。

thị danh thành tựu yếm ly thực tưởng 。

Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。

Thế Tôn 。

trí giả quán 。

đây gọi là thành tựu đầy đủ quán tưởng yếm ly thực. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Người trí quán

食作不淨想。為是實觀虛解觀耶。若是實觀。

thực tác bất tịnh tưởng 。 vì thị thật quán hư giải quán da 。 nhược thị thật quán 。

sát món ăn là bất tịnh, đó là thật quán hay là hư quán? Nếu là thật quán

所觀之食實非不淨。若是虛解。

sở quán chi thực thật phi bất tịnh 。 nhược thị hư giải 。

thì thức ăn đang quán đó là thật không phải bất tịnh. Nếu là hư quán

是法云何名為善想。佛言。善男子。如是想者。

thị Pháp vân hà danh vi thiện tưởng 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。 như thị tưởng giả 。

thì pháp này sao lại gọi là thiện tưởng? Phật dạy: Này thiện nam tử! Quán tưởng như vậy

亦是實觀亦是虛解。能壞貪食故名為實。

diệc thị thật quán diệc thị hư giải 。 năng hoại tham thực cố danh vi thật 。

cũng là thật quán, cũng là hư quán; vì có thể phá hoại tưởng tham ăn nên gọi là thật,

非虫見虫故名虛解。善男子。一切有漏皆名為虛。亦能得實。

phi trùng kiến trùng cố danh hư giải 。 thiện nam tử 。 nhất thiết hữu lậu giai danh vi hư 。

diệc năng đắc thật 。

vì không phải trùng dòm mà thấy là trùng dòm nên gọi là hư. Này thiện nam tử! Tất cả pháp

hữu lậu đều gọi là hư, cũng có thể được gọi là thật.

善男子。若有比丘發心乞食預作是念。

thiện nam tử 。 nhược hữu Tỳ-kheo phát tâm khát thực dự tác thị niệm 。

Này thiện nam tử! Nếu có Tỳ-kheo khi muốn đi khát thực, tự nghĩ rằng:

我當乞食願得好者莫得麤惡。

ngã đương khát thực nguyện đắc hảo giả mạc đắc thô ác 。

Tôi sẽ đi khát thực, nguyện được món ăn ngon, đừng được món ăn dở,

願必多得莫令少。亦願速得莫令遲晚。

nguyện tất đa đắc mạc linh 少 thiếu 。 diệc nguyện tốc đắc mạc lệnh trì vãn 。

nguyện được đồ ăn nhiều, đừng được ít, cũng nguyện cho mau được đồ ăn, đừng lâu

chậm.

如是比丘不名於食得厭離想。所修善法日夜衰耗。

như thị Tỳ-kheo bất danh ư thực đắc yếm ly tưởng 。 sở tu thiện Pháp nhật dạ suy hao 。

Những Tỳ-kheo này không được gọi là có yếm ly tưởng đối với sự ăn uống. Chỗ tu pháp lành sẽ một ngày tiêu hao dần,

不善之法漸當增長。善男子。若有比丘欲乞食時。

bất thiện chi Pháp tiệm đương tăng trưởng 。 thiện nam tử 。 nhược hữu Tỳ-kheo dục khát thực thì 。

pháp bất thiện sẽ dần dần tăng trưởng. Nay thiện nam tử! Nếu có Tỳ-kheo lúc muốn đi khát thực

先當願言。令諸乞者悉得飽滿。其施食者得無量福。

tiệm đương nguyện ngôn 。 linh chư khát giả tất đắc bảo mãn 。 kỳ thí thực giả đắc vô lượng phúc 。

trước nên nguyện rằng: Cầu mong cho những người khát thực đều được no đủ. Người bố thí thức ăn được vô lượng phước.

我若得食為療毒身。修習善法利益施主。

ngã nhược đắc thực vi liệu độc thân 。 tu tập thiện Pháp lợi ích thí chủ 。

Nếu tôi được thức ăn, cũng chỉ là dùng để chữa bệnh thân thể ác độc này, để tu tập pháp lành cho thí chủ được lợi ích.

作是願時所修善法日夜增長。

tác thị nguyện thì sở tu thiện Pháp nhật dạ tăng trưởng.

Tỳ-kheo khi phát nguyện trên đây thì pháp lành ngày một dần dần tăng trưởng,

不善之法漸當消滅。善男子。若有比丘能如是修。

bất thiện chi Pháp tiệm đương tiêu diệt 。 thiện nam tử 。 nhược hữu Tỳ-kheo năng như thị tu 。

pháp bất thiện sẽ dần dần tiêu mất. Nay thiện nam tử! Nếu có Tỳ-kheo có thể tu hành như vậy,

當知是人不可食於國中信施。

đương tri thị nhân bất không thực ư quốc trung tín thí 。

phải biết người này không luống ăn của tín thí trong nước.

善男子。智者具足如是四想。

thiện nam tử 。 trí giả cụ túc như thị tứ tưởng 。

Nay thiện nam tử! Người trí đủ bốn pháp tưởng như vậy

能修世間不可樂想。作是念言。

năng tu thế gian bất khả lạc tướng 。 tác thị niệm ngôn 。

thì có thể tu pháp quán tưởng rằng, thế gian không đáng ưa thích. Người ấy suy nghĩ rằng,

一切世間無處不有生老病死。而我此身無處不生。

nhất thiết thế gian vô xử bất hữu sanh lão bệnh tử 。

nhi ngã thử thân vô xử bất sanh 。

tất cả thế gian không có nơi nào là không có sanh, già, bệnh, chết mà thân này của tôi không có nơi nào không sanh;

若世間中無有一處當得離於生老病死。我當云何樂於世間。

nhược thế gian trung vô hữu nhất xử đương đắc ly ư sanh lão bệnh tử 。

ngã đương vân hà lạc ư thế gian 。

nếu trong thế gian không có một nơi nào lìa được sanh, già, bệnh, chết thì tôi sao lại ưa thích thế gian?

一切世間無有進得而不退失。

nhất thiết thế gian vô hữu tiến đắc nhi bất thoái thất 。

Hết thầy thế gian không có gì tiến đắc mà cũng không có gì thoái mất,

是故世間定是無常。若是無常云何智人而樂於世。

thị cố thế gian định thị vô thường 。

nhược thị vô thường vân hà trí nhân nhi lạc ư thế 。

vì vậy thế gian quyết định là vô thường; nếu là vô thường người trí đâu nên ưa thích thế gian.

——眾生周遍經歷一切世間具受苦樂。

nhất nhất chúng sanh châu biến Kinh lịch nhất thiết thế gian cụ thọ khổ lạc 。

Mỗi mỗi chúng sanh trải qua khắp tất cả thế gian, hưởng thọ đủ cả sự khổ vui, 雖復得受梵天之身乃至非想非非想天。

tuy phục đắc thọ Phạm Thiên chi thân nãi chí phi tưởng phi phi tưởng Thiên 。

tuy lại được thân Phạm Thiên cho đến trời Phi Tưởng Phi Phi Tưởng,

命終還墮三惡道中。雖為四王乃至他化自在天身。

mạng chung hoàn đọa tam ác đạo trung 。

tuy vi tứ Vương nãi chí Tha-Hoá Tự-Tại Thiên thân 。

lúc mạng chung cũng lại phải rơi vào trong ba đường ác. Tuy được thân trời Tứ Thiên

Wương cho đến thân Tự Tại Thiên nhưng

命終生於畜生道中。

mạng chung sanh ư súc sanh đạo trung 。
lúc mạng chung sanh lại vào loài súc sanh
或為師子虎豹豺狼象馬牛驢。次觀轉輪聖王之身。
hoặc vi Sư-tử hổ báo sài lang tượng mã ngưu lư 。 thứ quán Chuyển luân Thánh Vương
chi thân 。
hoặc làm thân sư tử, cọp, sói, voi, ngựa, bò, lừa v.v. Kế lại quán sát thân Chuyển Luân
Thánh Vương,
統四天下豪貴自在。福盡貧困衣食不供。智者深觀如是事已。
thống tứ Thiên hạ hào quý tự-tại 。 phúc tận bần khổn y thực bất cung 。 trí giả thâm quán
như thị sự dĩ 。
thống lãnh bốn châu thiên hạ, sang giàu tự tại, nhưng khi phước hết phải nghèo hèn khổn
khổ ăn mặc không đủ. Người trí quán sát rõ biết những việc như trên đây rồi,
生於世間不可樂想。智者復觀世間有法。
sanh ư thế gian bất khả lạc tưởng 。 trí giả phục quán thế gian hữu Pháp 。
sanh tưởng đối với thế gian không đáng ưa thích. Người trí lại quán sát tất cả
所謂舍宅衣服飲食臥具醫藥。
sở vị xá trạch y phục ẩm thực ngọa cụ y dược 。
tài vật châu báu, nhà cửa, y phục, thức ăn vật uống, đồ nằm, thuốc thang,
香花瓔珞種種伎樂財物寶貨。如是等事皆為離苦。
hương hoa anh lạc chủng chủng kĩ nhạc tài vật bảo hóa 。 như thị đẳng sự giai vi ly khổ 。
hương hoa, chuỗi ngọc, các thứ kĩ nhạc, những thứ như vậy đều là việc đều là lìa khổ,
而是等物體即是苦。云何以苦欲離於苦。善男子。
nhi thị đẳng vật thể tức thị khổ 。 vân hà dĩ khổ dục ly ư khổ 。 thiện nam tử 。
nhưng những vật này chính là khổ, sao lại muốn dùng khổ để lìa khổ? Nay thiện nam tử!
智者如是觀已。於世間物不生愛樂而作樂想。
trí giả như thị quán dĩ 。 ư thế gian vật bất sanh ái lạc nhi tác lạc tưởng 。
Người trí quán sát như vậy rồi thì không còn tưởng ưa thích những tài vật ở thế gian.
善男子。譬如有人身嬰重病。
thiện nam tử 。 thí như hữu nhân thân anh trọng bệnh 。
Nay thiện nam tử! Thí như có thân người thân bị bệnh nặng,
雖有種種音樂倡伎香花瓔珞。終不於中生貪愛樂。

tuy hữu chủng chủng âm lạc xướng kỹ hương hoa anh lạc 。 chung bất ư trung sanh tham ái lạc 。

tuy có những thứ âm nhạc, ca hát, hoa hương, chuỗi ngọc, nhưng trọn không sanh lòng ưa thích.

智者觀已亦復如是。善男子。智者深觀一切世間。

trí giả quán dĩ diệc phục như thị 。

thiện nam tử 。

trí giả thâm quán nhất thiết thế gian 。

Người trí quán sát những điều không ưa thích ở thế gian cũng lại như vậy. Này thiện nam tử! Người trí quán sát tất cả thế gian

非歸依處。非解脫處。非寂靜處。非可愛處。

phi quy y xứ。 phi giải thoát xứ。 phi tịch tĩnh xứ。 phi khả ái xứ。

đều không phải chỗ quy y, không phải chỗ giải thoát, không phải chỗ tịch tĩnh, không phải chỗ đáng ưa,

非彼岸處。非是常樂我淨之法。

phi bỉ ngạn xứ。 phi thị thường lạc ngã tịnh chi Pháp 。

không phải bờ bên kia, không phải là pháp thường, lạc, ngã, tịnh;

若我貪樂如是世間。我當云何得離是法。

nhược ngã tham lạc như thị thế gian 。

ngã đương vân hà đắc ly thị Pháp 。

nếu tôi ham thích những pháp thế gian như vậy thì tôi sẽ làm thế nào xa lìa được pháp này?

如人不樂處闇而求光明還復歸闇。闇即世間明即出世。

như nhân bất lạc xứ ám nhi cầu quang-minh hoàn phục quy ám 。

ám tức thế gian minh tức xuất thế 。

Như người không thích nơi mờ tối muốn tìm cầu ánh sáng mà trở lại vào trong mờ tối. Mờ tối chính là thế gian, ánh sáng là xuất thế;

若我樂世增長黑闇遠離光明。

nhược ngã lạc thế tăng trưởng hắc ám viễn li quang-minh 。

nếu tôi ưa thích thế gian thì là thêm lớn sự đen tối mà xa lìa ánh sáng.

闇即無明光即智明。是智明因即是世間不可樂想。

ám tức vô minh quang tức trí minh 。

thị trí minh nhân tức thị thế gian bất khả lạc tưởng 。

Mờ tối chính là vô minh, ánh sáng chính là trí tuệ sáng suốt. Tư tưởng không ưa thích thế gian này là nhân của trí tuệ sáng suốt.

一切貪結雖是繫縛。然我今者貪於智明不貪世間。

nhất thiết tham kết tuy thị hệ phọc 。 nhiên ngã kim giả tham ư trí minh bất tham thế gian 。

Tất cả tham kết sử tuy là trói buộc, nhưng ta nay tham ưa trí tuệ sáng suốt, không tham ưa thế gian.

智者深觀如是法已。

trí giả thâm quán như thị Pháp dĩ 。

Người trí quán sát rõ những pháp này rồi

具足世間不可樂想善男子。有智之人已修世間不可樂想。

cụ túc thế gian bất khả lạc tưởng thiện nam tử 。

hữu trí chi nhân dĩ tu thế gian bất khả lạc tưởng 。

thì có đầy đủ tưởng rằng thế gian không đáng ưa thích. Người trí đã tu tập quán tưởng thế gian không đáng ưa thích rồi

次修死想觀。是壽命常為無量怨儲所遶。

thứ tu tử tưởng quán 。

thị thọ mạng thường vi vô lượng oán trừ sở nhiễu 。

kế lại tu tập quán tưởng sự chết: Thọ mạng này thường bị vô lượng oán thù vây quanh, niệm giảm không có tăng trưởng.猶山瀑水不得停住。

niệm niệm tổn giảm vô hữu tăng trưởng 。

do sơn bộc thủy bất đắc đình trụ 。

niệm niệm tổn diệt không có tăng trưởng, như nước dốc trên núi không thể đứng dừng, 亦如朝露勢不久停。如囚趣市步步近死。

diệt như triều lộ thế bất cửu đình 。

như tù thú thị bộ bộ cận tử 。

cũng như sương móc ban mai thế không còn lâu, như người tù bị dắt ra chợ, mỗi bước chân gần gần đến chỗ chết,

如牽牛羊詣於屠所。迦葉菩薩言。世尊。

như khiên ngưu dương nghê ư đồ sở 。

Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。

Thế Tôn 。

như dắt bò dê đến chỗ giết mổ. Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

云何智者觀念念滅。善男子。譬如四人皆善射術聚在一處。

vân hà trí giả quán niệm niệm diệt 。

thiện nam tử 。

thí như tứ nhân giai thiện xạ thuật tụ tại nhất xứ 。

Thế nào là người trí quán niệm niệm diệt? Đây thiện nam tử! Như bốn người đều có tài bắn giỏi họp nhau ở một chỗ.

各射一方俱作是念。我等四箭俱發俱墮。

các xạ nhất phương câu tác thị niệm 。 ngã đấng tứ tiến câu phát câu đọa 。

Mỗi người riêng bắn qua một hướng và nghĩ rằng: Bốn mũi tên của chúng tôi cùng lúc bắn ra, cùng lúc rơi xuống.

復有一人作是念言。如是四箭及其未墮。

phục hữu nhất nhân tác thị niệm ngôn 。 như thị tứ tiến cập kỳ vị đọa 。

Lại có một người nghĩ rằng: Lúc bốn mũi tên này chưa rơi xuống,

我能一時以手接取。善男子。如是之人可說疾不。

ngã năng nhất thì dĩ thủ tiếp thủ 。 thiện nam tử 。 như thị chi nhân khả thuyết tật bất 。

tôi có thể trong một lúc dùng tay bắt lấy. Đây thiện nam tử! Người này đáng nói là mau lẹ không?

迦葉菩薩言。如是世尊。佛言。善男子。

Bồ-tát Ca-diếp ngôn 。 như thị Thế Tôn 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

Bồ-tát Ca-diếp bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Người này thật mau lẹ. Phật dạy: Đây thiện nam tử!

地行鬼疾復速是人。有飛行鬼復速地行。

địa hành quỷ tật phục tốc thị nhân 。 hữu phi hành quỷ phục tốc địa hành 。

Địa hành quỷ còn mau lẹ hơn người này, Phi hành quỷ lại mau hơn Địa hành quỷ,

四天王疾復速飛行。日月神天復速四王。

tứ Thiên Vương tật phục tốc phi hành 。 nhật nguyệt Thần Thiên phục tốc tứ Vương 。

Tứ Thiên Vương lại mau hơn Phi hành quỷ, Nhật Nguyệt Thần Thiên lại mau hơn Tứ

Thiên Vương,

行堅疾天復速日月。眾生壽命復速堅疾。善男子。

hành kiên tật Thiên phục tốc nhật nguyệt 。 chúng sanh thọ mạng phục tốc kiên tật 。

thiện nam tử 。

Hành Kiên Tật Thiên lại mau hơn Nhật Nguyệt Thần Thiên, Thọ mạng của chúng sanh lại mau hơn Hành Kiên Tật Thiên. Đây thiện nam tử!

一息一陶眾生壽命四百生滅。

nhất tức nhất thuận chúng sanh thọ mạng tứ bách sanh diệt 。

Một hơi thở, một nháy mắt, thọ mạng của chúng sanh có bốn trăm lần sanh diệt.

智者若能觀命如是。是名能觀念念滅也。善男子。

trí giả nhược năng quán mạng như thị 。 thị danh năng quán niệm niệm diệt dã 。 thiện nam tử 。

Người trí nếu có thể quán sát thọ mạng như vậy thì gọi là có thể quán niệm niệm diệt. Đây thiện nam tử!

智者觀命繫屬死王。我若能離如是死王。

trí giả quán mạng hệ thuộc tử Vương 。 ngã nhược năng ly như thị tử Vương 。

Người trí quán thọ mạng phụ thuộc nơi tử vương: Nếu tôi lìa được tử vương này
則得永斷無常壽命。

tắc đắc vĩnh đoạn vô thường thọ mạng 。

thì dứt hẳn thọ mạng vô thường.

復次智者觀是壽命猶如河岸臨峻大樹。亦如有人作大逆罪。

phục thứ trí giả quán thị thọ mạng do như hà ngạn lâm tuấn Đại thụ 。 diệt như hữu nhân
tác Đại nghịch tội 。

Người trí lại nên quán sát thọ mạng này giống như cây to bên sông lở, cũng như người
phạm tội lúc bị xử tử

及其受戮無憐惜者。如師子王大飢困時。亦如毒蛇吸大風時。

cập kỳ thọ lục vô liên tích giả 。 như Sư-tử Vương Đại cơ khốn thì 。 diệt như độc xà hấp
Đại phong thì 。

không người tiếc thương, lúc sư vương đói khát khốn khổ, như lúc rắn độc hít gió to,
猶如渴馬護惜水時。如大惡鬼瞋恚發時。

do như khát mã hộ tích thủy thì 。 như Đại ác quỷ sân khuể phát thì 。

như lúc ngựa khát nước cố giữ gìn nước, như lúc đại ác quỷ nổi cơn sân.

眾生死王亦復如是。善男子。

chúng sanh tử Vương diệt phục như thị 。 thiện nam tử 。

Vua chết của chúng sanh này cũng lại như vậy. Đây thiện nam tử!

智者若能作如是觀。是則名為修習死想。善男子。智者復觀。

trí giả nhược năng tác như thị quán 。 thị tắc danh vi tu tập tử tưởng 。 thiện nam tử 。

trí giả phục quán 。

Người trí nếu có thể quán sát những việc như vậy, đây gọi là tu tập tử tưởng. Nay thiện nam tử! Người trí lại nên quán sát rằng:

我今出家設得壽命七日七夜。

ngã kim xuất gia thiết đắc thọ mạng thất nhật thất dạ 。

Nay tôi xuất gia tuy thọ mạng chỉ có bảy ngày bảy đêm,

我當於中精勤修道護持禁戒。說法教化利益眾生。

ngã đương ư trung tinh tinh cần tu đạo hộ trì cấm giới 。

thuyết Pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh 。

trong thì gian ấy, tôi sẽ tinh tấn tu tập, hộ trì cấm giới, thuyết Pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh,

是名智者修於死想。復以七日七夜為多。

thị danh trí giả tu ư tử tưởng 。

phục dĩ thất nhật thất dạ vi đa 。

đây gọi là người trí tu tập tử tưởng. Lại vì bảy ngày, bảy đêm là nhiều,

若得六日五日四日三日二日一日一時。

nhược đắc lục nhật ngũ nhật tứ nhật tam nhật nhị nhật nhất nhật nhất thì 。

hoặc được sáu ngày, năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày,

乃至出息入息之頃。我當於中精勤修道護持禁戒。

nãi chí xuất tức nhập tức chi khoảnh 。

ngã đương ư trung tinh tinh cần tu đạo hộ trì cấm giới 。

cho đến trong khoảnh khắc một hơi thở ra vào, trong khoảng thì gian này, tôi sẽ tinh tấn tu hành, giữ gìn cấm giới,

說法教化利益眾生。是名智者善修死想。

thuyết Pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh 。

thị danh trí giả thiện tu tử tưởng 。

thuyết Pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh, đây gọi là người trí khéo tu tử tưởng.

智者具足如上六想即七想因。何等名七。

trí giả cụ túc như thượng lục tưởng tức thất tưởng nhân 。

hà đẳng danh thất 。

Người trí đầy đủ sáu pháp quán tưởng trên đây có thể làm nhân cho bảy pháp quán tưởng. Những gì là bảy?

一者常修想。二者樂修想。三者無瞋想。四者無妬想。

nhất giả thường tu tưởng 。

nhị giả lạc tu tưởng 。

tam giả vô sân tưởng 。

tứ giả vô đố tưởng 。

Một là quán tưởng thường tu tập, hai là quán tưởng thích tu tập, ba là quán tưởng không sân hận, bốn là quán tưởng không tật đố,

五者善願想。六者無慢想。七者三昧自在想。

ngũ giả thiện nguyện tưởng 。 lục giả vô mạn tưởng 。 thất giả tam muội tự-tại tưởng 。

năm là quán tưởng phát nguyện lành, sáu là quán tưởng không kiêu mạn, bảy là quán tưởng Tam muội tự tại,

善男子。若有比丘具足七想。

thiện nam tử 。 nhược hữu Tỳ-kheo cụ túc thất tưởng 。

Này thiện nam tử! Nếu có Tỳ-kheo nào đầy đủ bảy pháp quán tưởng này,

是名沙門名婆羅門。是名寂靜。是名淨潔。是名解脫。

thị danh Sa-môn danh Bà-la-môn 。 thị danh tịch tĩnh 。 thị danh tịnh khiết 。 thị danh giải thoát 。

đây gọi là Sa-môn, là Bà-la-môn, là tịch tĩnh, là tịnh khiết, là giải thoát,

是名智者。是名正見。名到彼岸。名大醫王。

thị danh trí giả 。 thị danh chánh kiến 。 danh đáo bỉ ngạn 。 danh Đại y Vương 。

là người trí, là chánh kiến, là đến bờ bên kia, là Đại y vương,

是大商主。是名善解如來祕密。亦知諸佛七種之語。

thị Đại thương chủ 。 thị danh thiện giải Như Lai Bí mật 。 diệc tri chư Phật thất chủng chi ngữ 。

là Đại thương chủ, là hiểu rõ pháp Bí mật của Như Lai, cũng biết bảy thứ lời nói của chư Phật,

名正見知斷七種語中所生疑網。善男子。

danh chánh kiến tri đoạn thất chủng ngữ trung sở sanh nghi võng 。 thiện nam tử 。

là thấy biết chân chánh, dứt được lưới nghi trong bảy thứ lời nói của chư Phật. Này thiện nam tử!

若人具足如上六想。當知是人能呵三界。

nhược nhân cụ túc như thượng lục tưởng 。

Nếu người nào có đủ sáu pháp quán tưởng như trên, nên biết người này có thể quở trách ba cõi,

遠離三界滅除三界。於三界中不生愛著。

viễn li tam giới diệt trừ tam giới 。

xa lìa ba cõi, dứt trừ ba cõi, không ưa đắm ba cõi.

是名智者具足十想。若有比丘具是十想。

thị danh trí giả cụ túc thập tưởng 。 nhược hữu Tỳ-kheo cụ thị thập tưởng 。

Đây gọi là người trí có đủ mười pháp quán tưởng. Nếu Tỳ-kheo nào có đủ mười pháp quán tưởng này

即得稱可沙門之相。爾時迦葉菩薩。

tức đắc xưng khả Sa-môn chi tướng 。 nhĩ thì Bồ-tát Ca-diếp 。

thì đáng được gọi là tướng Sa-môn. Lúc bấy giờ Bồ-tát Ca-diếp 。

即於佛前以偈讚佛。

tức ư Phật tiền dĩ kệ tán Phật 。

liền ở trước Phật dùng kệ tán thán:

憐愍世間大醫王 身及智慧俱寂靜

lân mẫn thế gian Đại y Vương thân cập trí tuệ câu tịch tĩnh

Đấng Đại y vương thương chúng sanh Thân và trí tuệ đều tịch tĩnh

無我法中有真我 是故敬禮無上尊

vô ngã Pháp trung hữu chân ngã thị cố kính lễ vô thượng tôn

Trong pháp vô ngã có chân ngã Nên kính lễ đấng Vô Thượng Tôn

發心畢竟二不別 如是二心先心難

phát tâm tất cánh nhị bất biệt như thị nhị tâm tiên tâm nan

Phát tâm và cứu cánh không sai khác Hai tâm này, tâm trước khó hơn

自未得度先度他 是故我禮初發心

tự vị đắc độ tiên độ tha thị cố ngã lễ sơ phát tâm

Mình chưa được độ, độ người trước Nên tôi kính lễ sơ phát tâm

初發已為人天師 勝出聲聞及緣覺

sơ phát dĩ vi nhân Thiên sư thắng xuất Thanh văn cập Duyên giác

Sơ tâm đã là Thầy Trời, người Vượt hơn Thanh văn và Duyên giác

如是發心過三界 是故得名最無上

như thị phát tâm quá tam giới thị cố đắc danh tối vô thượng

Phát tâm như vậy vượt ba cõi Nên được gọi là Tối Vô Thượng

世救要求然後得 如來無請而為師

thế cứu yêu cầu nhiên hậu đắc Như Lai vô thỉnh nhi vi sư

Ở đời cần cầu sau mới được Như Lai không thỉnh mà làm Thầy
 佛隨世間如犢子 是故得名大悲牛
 Phật tùy thế gian như độc tử thị cố đắc danh Đại bi ngưu
 Phật theo thế gian như ghé con Nên được gọi là đấng Đại bi
 如來功德滿十方 凡下無智不能讚
 Như Lai công đức mãn thập phương phàm hạ vô trí bất năng tán
 Công đức của Phật khắp mười phương Phàm phu vô trí không thể khen
 我今讚歎慈悲心 為報身口二種業
 ngã kim tán thán từ bi tâm vị áo thân khẩu nhị chủng nghiệp
 Tôi nay tán thán tâm từ bi Vì báo đáp hai nghiệp thân miệng
 世間常樂自利益 如來終不為是事
 thế gian thường lạc tự lợi ích Như Lai chung bất vi thị sự
 Thế gian thường thích tự lợi ích Như Lai trọn không là như vậy
 能斷眾生世果報 是故我禮自他利
 năng đoạn chúng sanh thế quả báo thị cố ngã lễ tự tha lợi
 Dứt quả báo đời cho chúng sanh Nên tôi kính lễ lợi mình người
 世間逐親作益厚 如來利益無怨親
 thế gian trục thân tác ích hậu Như Lai lợi ích vô oán thân
 Người đời tìm lợi cho thân thích Như Lai lợi ích không thân thù
 佛無是相如世人 是故其心等無二
 Phật vô thị tướng như thế nhân thị cố kỳ tâm đẳng vô nhị
 Phật không giống như người đời Nên tâm bình đẳng không có hai
 世間說異作業異 如來如說業無差
 thế gian thuyết dị tác nghiệp dị Như Lai như thuyết nghiệp vô sai
 Thế gian nói khác, việc làm khác Như Lai nói và làm không sai
 凡所修行斷諸行 是故得名為如來
 phàm sở tu hành đoạn chư hành thị cố đắc danh vi Như Lai
 Phàm chỗ tu hành dứt các hành Vì vậy được gọi là Như Lai
 先已了知煩惱過 示現處之為眾生
 tiên dĩ liễu tri phiền não quá thị hiện xứ chi vị chúng sanh
 Trước đã rõ biết lỗi phiền não Thị hiện ở đó vì chúng sanh

久於世間得解脫 樂處生死慈悲故
 cửu ư thế gian đắc giải thoát lạc xứ sanh tử tử bi cố
 Từ lâu đã giải thoát thế gian Vì từ bi mà ở sanh tử
 雖現天身及人身 慈悲隨逐如犢子
 tuy hiện Thiên thân cập nhân thân từ bi tùy trục như độc tử
 Tuy hiện thân Trời cùng người Từ bi theo dõi như nghé con
 如來即是眾生母 慈心即是小犢子
 Như Lai tức thị chúng sanh mẫu từ tâm tức thị tiểu độc tử
 Như Lai là mẹ của chúng sanh Từ tâm chính là nghé con nhỏ
 自受眾苦念眾生 悲念時心不悔沒
 tự thọ chúng khổ niệm chúng sanh bi niệm thì tâm bất hối một
 Tự chịu khổ vì nghĩ chúng sanh Do xót thương nên lòng không hối
 憐愍心盛不覺苦 故我稽首拔苦者
 liên mẫn tâm thịnh bất giác khổ cố ngã khể thủ bạt khổ giả
 Xót thương nhiều nên không biết khổ Nên tôi cúi lạy đấng cứu khổ.
 如來雖作無量福 身口意業恒清淨
 Như Lai tuy tác vô lượng phúc thân khẩu ý nghiệp hằng thanh tịnh
 Như Lai tuy làm vô lượng phước Thân miệng ý vẫn thường thanh tịnh
 常為眾生不為己 是故我禮清淨業
 thường vị chúng sanh bất vị kỷ thị cố ngã lễ thanh tịnh nghiệp
 Thường vì chúng sanh không vì mình Nên tôi kính lễ nghiệp thanh tịnh
 如來受苦不覺苦 見眾受苦如己苦
 Như Lai thọ khổ bất giác khổ kiến chúng thọ khổ như kỷ khổ
 Như Lai chịu khổ không biết khổ Thấy người chịu khổ như mình khổ
 雖為眾生處地獄 不生苦想及悔心
 tuy vị chúng sanh xứ Địa ngục bất sanh khổ tưởng cập hối tâm
 Tuy vì chúng sanh ở Địa ngục Chẳng sanh tưởng khổ và ăn năn
 一切眾生受異苦 悉是如來一人苦
 nhất thiết chúng sanh thọ dị khổ Tất thị Như Lai nhất nhân khổ
 Hết thầy chúng sanh thọ khổ riêng khác Như Lai một mình chịu khổ
 覺已其心轉堅固 故能勤修無上道
 giác dĩ kỳ tâm chuyển kiên cố cố năng cần tu vô thượng đạo

giác dĩ kỳ tâm chuyển kiên cố cố năng tinh cần tu vô thượng đạo
 Hiểu rồi tâm Phật càng kiên cố Nên tinh cần tu đạo Vô thượng
 佛具一味大慈心 悲念眾生如子想
 Phật cụ nhất vị Đại từ tâm bi niệm chúng sanh như tử tưởng
 Phật đủ Đại từ tâm một vị Thương xót chúng sanh tưởng như con
 眾生不知佛能救 故謗如來及法僧
 Chúng sanh bất tri Phật năng cứu cố báng Như Lai cập Pháp Tăng
 Chúng sanh không biết Phật hay cứu Nên báng Như Lai cùng Pháp Tăng
 世間雖具眾煩惱 亦有無量諸過惡
 Thế gian tuy cụ chúng phiền não diệc hữu vô lượng chư quá ác
 Thế gian tuy đủ các phiền não Cũng có vô lượng các tội ác
 如是眾結及罪過 佛初發心已能壞
 như thị chúng kết cập tội quá Phật sơ phát tâm dĩ năng hoại
 Kiết sử cùng tội lỗi như vậy Phật sơ phát tâm đã dứt trừ
 唯有諸佛能讚佛 除佛無能讚歎者
 duy hữu chư Phật năng tán Phật trừ Phật vô năng tán thán giả
 Chỉ có chư Phật tán thán Phật Ngoài Phật không ai tán thán được
 我今唯以一法讚 所謂慈心遊世間
 ngã kim duy dĩ nhất Pháp tán sở vị từ tâm du thế gian
 Con nay chỉ tán thán một pháp Là tâm từ thương khắp thế gian
 如來慈是大法聚 是慈亦能度眾生
 Như Lai từ thị Đại Pháp tụ thị từ diệc năng độ chúng sanh
 Từ tâm của Phật là pháp lớn Từ tâm này độ được chúng snah
 即是無上真解脫 解脫即是大涅槃
 tức thị vô thượng chân giải thoát giải thoát tức thị Đại Niết-bàn
 đây chính là vô thượng giải thoát Giải thoát này là Đại Niết-bàn.
 大般涅槃經卷第三十八

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập bát

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, QUYỂN THỨ BA MƯƠI TÁM

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:14:55 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch
Sun Apr 30 22:14:55 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại Bát-niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tấn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại Bát-niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại Bát-niết-bàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại Bát-niết-bàn Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====

=====

=====

=====

=====

=====

大般涅槃經卷第三十九

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập cửu

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN BA MƯƠI CHÍN

北凉天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên Trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

triều đại Bắc Lương, Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch

僑陳如品第十三之一

Kiều-trần-như phẩm đệ thập tam chi nhất

PHẦN THỨ NHẤT, PHẨM THỨ MƯỜI BA: KIỀU TRẦN NHƯ

爾時世尊告僑陳如。色是無常。因滅是色。

nhĩ thì Thế Tôn cáo Kiều-trần-như 。 sắc thị vô thường 。 nhân diệt thị sắc 。

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Kiều-trần-như: Sắc là vô thường, do dứt sắc này
獲得解脫常住之色。受想行識亦是無常。

hoạch đắc giải thoát thường trụ chi sắc 。 thọ tưởng hành thức diệt thị vô thường 。

chứng được được sắc thân giải thoát thường trụ. Thọ, tưởng, hành, thức cũng là vô
thường.

因滅是識。獲得解脫常住之識。僑陳如。

nhân diệt thị thức 。 hoạch đắc giải thoát thường trụ chi thức 。 Kiều-trần-như 。

Do dứt thức này mà được thức giải thoát thường trú. Nay Kiều-trần-như!

色即是苦。因滅是色。獲得解脫安樂之色。

sắc tức thị khổ 。 nhân diệt thị sắc 。 hoạch đắc giải thoát an lạc chi sắc 。

sắc chính là khổ, do sắc diệt mà được sắc thân giải thoát an lạc.

受想行識亦復如是。僑陳如。色即是空。因滅空色。

thọ tưởng hành thức diệt phục như thị 。 Kiều-trần-như 。

sắc tức thị không 。 nhân diệt
không sắc 。

Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiều-trần-như! Sắc chính là không, do dứt
sắc không này

獲得解脫非空之色。受想行識亦復如是。僑陳如。

hoạch đắc giải thoát phi không chi sắc 。 thọ tưởng hành thức diệp phục như thị 。 Kiềustrần-như。

mà chứng được sắc uẩn giải thoát phi không. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.
Này Kiềustrần-như!

色是無我。因滅是色。獲得解脫真我之色。

sắc thị vô ngã 。 nhân diệt thị sắc 。 hoạch đắc giải thoát chân ngã chi sắc 。

Sắc là vô ngã, do dứt sắc này mà chứng được sắc giải thoát chân ngã.

受想行識亦復如是。憍陳如。色是不淨。

thọ tưởng hành thức diệp phục như thị 。 Kiềustrần-như。 sắc thị bất tịnh 。

Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Kiềustrần-như! Sắc là bất tịnh,

因滅是色。獲得解脫清淨之色。受想行識亦復如是。

nhân diệt thị sắc 。

hoạch đắc giải thoát thanh tịnh chi sắc 。

thọ tưởng hành thức diệp phục như thị 。

do dứt sắc này mà chứng được sắc giải thoát thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

憍陳如。色是生老病死之相。因滅是色。

Kiềustrần-như。 sắc thị sanh lão bệnh tử chi tướng 。

nhân diệt thị sắc 。

Này Kiềustrần-như! sắc là tướng sanh, già, bệnh, chết. Do dứt sắc này

獲得解脫非生老病死相之色。

hoạch đắc giải thoát phi sanh lão bệnh tử tướng chi sắc 。

mà chứng được sắc giải thoát không phải tướng sanh, già, bệnh, chết.

受想行識亦復如是。憍陳如。色是無明因。因滅是色。

thọ tưởng hành thức diệp phục như thị 。

Kiềustrần-như。 sắc thị vô minh nhân 。

nhân diệt thị sắc 。

Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này Kiềustrần-như! Sắc là nhân của vô minh, do dứt nhân của vô minh này

獲得解脫非無明因色。受想行識亦復如是。憍陳如。

hoạch đắc giải thoát phi vô minh nhân sắc 。

thọ tưởng hành thức diệp phục như thị 。

Kiềustrần-như。

mà chứng được sắc giải thoát không phải nhân của vô minh. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Này Kiềustrần-như!

乃至色是生因。因滅是色。獲得解脫非生因色。

nãi chí sắc thị sanh nhân 。 nhân diệt thị sắc 。 hoạch đắc giải thoát phi sanh nhân sắc 。
Cho đến sắc là nhân của sanh, do dứt sắc này mà chứng được sắc giải thoát không phải nhân của sanh.

受想行識亦復如是。憍陳如。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。 Kiền-trần-như。

Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiền-trần-như!

色者即是四顛倒因。因滅倒色。獲得解脫非四倒因色。

sắc giả tức thị tứ điên đảo nhân 。 nhân diệt đảo sắc 。 hoạch đắc giải thoát phi tứ đảo nhân sắc 。

Sắc chính là nhân của bốn tướng điên đảo, do dứt sắc điên đảo này mà chứng được sắc giải thoát không phải nhân của bốn tướng điên đảo.

受想行識亦復如是。憍陳如。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。 Kiền-trần-như。

Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiền-trần-như!

色是無量惡法之因。所謂男女等身食愛欲愛。

sắc thị vô lượng ác Pháp chi nhân 。 sở vị nam nữ đẳng thân thực ái dục ái 。

Sắc là nhân của vô lượng pháp ác: Đó là thân nam, nữ v.v.là tham ăn, tham dục,

貪瞋嫉妬惡心慳心。揣食識食思食觸食。

tham sân tật đố ác tâm khan tâm 。 sủy thực thức thực tư thực xúc thực 。

tham sân, tật đố, ác tâm, xan tâm, đoàn thực, thức thực, tư thực, xúc thực,

卵生胎生濕生化生五欲五蓋。如是等法皆因於色。因滅色故。

noãn sanh thai sanh thấp sanh hóa sanh ngũ dục ngũ cái 。 như thị đẳng Pháp giai nhân ư sắc 。

Noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, ngũ dục, ngũ cái v.v.Tất cả những pháp này đều nhân nơi sắc cả. Do dứt sắc này

獲得解脫無如是等無量惡色。

hoạch đắc giải thoát vô như thị đẳng vô lượng ác sắc 。

mà chứng được sắc giải thoát, không có vô lượng ác pháp như vậy.

受想行識亦復如是。憍陳如。色即是縛。因滅縛色。

thọ tưởng hành thức diệt phục như thị 。 Kiền-trần-như。 sắc tức thị phược 。 nhân diệt phược sắc 。

Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiền-trần-như! Sắc là trói buộc, do dứt sắc trói buộc này

獲得解脫無縛之色。受想行識亦復如是。憍陳如。

hoạch đắc giải thoát vô phược chi sắc 。 thọ tưởng hành thức diệt phục như thị 。 Kiền-trần-như。

mà chứng được sắc giải thoát không trói buộc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiền-trần-như!

色即是流。因滅流色。獲得解脫非流之色。

sắc tức thị lưu 。 nhân diệt lưu sắc 。 hoạch đắc giải thoát phi lưu chi sắc 。

Sắc là lưu chuyển, do dứt sắc lưu chuyển này mà chứng được sắc giải thoát không lưu chuyển.

受想行識亦復如是。憍陳如。色非歸依。因滅是色。

thọ tưởng hành thức diệt phục như thị 。 Kiền-trần-như。 sắc phi quy y 。 nhân diệt thị sắc 。

Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiền-trần-như! Sắc không phải chỗ quy y, do dứt sắc này

獲得解脫歸依之色。受想行識亦復如是。

hoạch đắc giải thoát quy y chi sắc 。 thọ tưởng hành thức diệt phục như thị 。

mà chứng được sắc giải thoát quy y. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

憍陳如。色是瘡疣。因滅是色。

Kiền-trần-như。 sắc thị sang vưu 。 nhân diệt thị sắc 。

Nay Kiền-trần-như! Sắc là ghẻ lở, do dứt sắc này

獲得解脫無瘡疣色。受想行識亦復如是。憍陳如。色非寂靜。

hoạch đắc giải thoát vô sang vưu sắc 。 thọ tưởng hành thức diệt phục như thị 。 Kiền-trần-như。 sắc phi tịch tĩnh 。

mà chứng được sắc giải thoát không ghẻ lở. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiền-trần-như! Sắc không tịch tĩnh,

因滅是色。獲得涅槃寂靜之色。

nhân diệt thị sắc 。 hoạch đắc Niết-Bàn tịch tĩnh chi sắc 。

do dứt sắc này mà chứng được sắc Niết-bàn tịch tĩnh.

受想行識亦復如是。憍陳如。若有人能如是知者。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。 Kiền-trần-như。 nhược hữu nhân năng như thị tri giả 。

Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Nay Kiền-trần-như! Nếu có người nào có thể rõ biết những điều này

是名沙門名婆羅門。具足沙門婆羅門法。憍陳如。

thị danh Sa-môn danh Bà-la-môn 。 cụ túc Sa-môn Bà-la-môn Pháp 。 Kiền-trần-như。

thì gọi là Sa-môn, là Bà-la-môn, có đầy đủ pháp Sa-môn, pháp Bà-la-môn. Kiền-trần-như!
若離佛法無有沙門無婆羅門。

nhược ly Phật Pháp vô hữu Sa-môn vô Bà-la-môn 。

Nếu lìa Phật pháp không có Sa-môn và Bà-la-môn,

亦無沙門婆羅門法。一切外道虛假詐稱都無實行。

diệc vô Sa-môn Bà-la-môn Pháp 。 nhất thiết ngoại đạo hư giả trá xưng đô vô thật hành 。

cũng không có pháp không có Sa-môn và Bà-la-môn. Tất cả ngoại đạo hư dối tự xưng, đều không thật hạnh.

雖復作相言有是二。實無是處。何以故。

tuy phục tác tướng ngôn hữu thị nhị 。 thật vô thị xử 。 hà dĩ cố 。

Tuy họ bảo nhau rằng có hai bậc này, nhưng thật không có. Vì sao vậy?

若無沙門婆羅門法。云何而言有沙門婆羅門。

nhược vô Sa-môn Bà-la-môn Pháp 。 vân hà nhi ngôn hữu Sa-môn Bà-la-môn 。

Vì nếu không có pháp không có Sa-môn và Bà-la-môn thì làm sao có bậc Sa-môn và Bà-la-môn?

我常於此大眾之中作師子吼。

ngã thường ư thử Đại chúng chi trung tác Sư-tử hống 。

Ta thường ở trong đại chúng mà rống lên tiếng rống sư tử này.

汝等亦當在大眾中作師子吼。爾時外道有無量人。

nhữ đẳng diệc đương tại Đại chúng trung tác Sư-tử hống 。 nhĩ thì ngoại đạo hữu vô lượng nhân 。

Các ông cũng sẽ phải ở trong đại chúng rống lên những tiếng rống sư tử như vậy. Lúc bấy giờ có vô lượng ngoại đạo

聞是語已心生瞋惡。瞿曇。

văn thị ngữ dĩ tâm sanh sân ác 。 Cồ Đàm 。

nghe những nói như vậy xong liền sanh tâm sân giận mà rằng: ông Cù Đàm

今說我等眾中無有沙門及婆羅門。亦無沙門婆羅門法我當云何。

kim thuyết ngã đấng chúng trung vô hữu Sa-môn cập Bà-la-môn 。 diệc vô Sa-môn Bà-la-môn Pháp ngã đương vân hà 。

nay nói chúng ta không có Sa-môn và Bà-la-môn, cũng không có pháp Sa-môn và Bà-la-môn. Chúng ta sẽ làm sao

廣設方便語瞿曇言。我等眾中亦有沙門有沙門法。

quảng thiết phương tiện ngữ Cồ Đàm ngôn 。 ngã đấng chúng trung diệc hữu Sa-môn hữu Sa-môn Pháp 。

rộng bày phương tiện nói cho Cồ Đàm biết rằng trong chúng của ta cũng có Sa-môn có pháp Sa-môn,

有婆羅門有婆羅門法。時彼眾中有一梵志。

hữu Bà-la-môn hữu Bà-la-môn Pháp 。 thì bĩ chúng trung hữu nhất phạm chí 。

có Bà-la-môn, có pháp Bà-la-môn Pháp. Khi ấy, trong chúng có một Phạm chí 。

唱如是言。諸仁者。

xướng như thị ngôn 。 chư nhân giả 。

xướng lên lời rằng: Này các ngài!

瞿曇之言如狂無異何可檢校。世間狂人或歌或舞或哭或笑或罵或讚。

Cồ Đàm chi ngôn như cuồng vô dị hà khả kiểm giáo 。 thế gian cuồng nhân hoặc ca hoặc vũ hoặc khóc hoặc tiếu hoặc mạ hoặc tán 。

Lời nói của cù đàm như điên như cuồng, cần gì kiểm giáo. Người điên cuồng trong đời

hoặc ca hát, hoặc khóc, hoặc cười, hoặc mắng, hoặc khen,

於怨親所不能分別。沙門瞿曇亦復如是。

ư oán thân sở bất năng phân biệt 。 Sa-môn Cồ Đàm diệc phục như thị 。

không phân biệt kẻ thân người thù. Sa-môn Cù Đàm cũng lại như vậy.

或說我生淨飯王家或言不生。

hoặc thuyết ngã sanh Tịnh Phạm Vương gia hoặc ngôn bất sanh 。

Hoặc nói Ta sanh trong cung vua Tịnh Phạn, hoặc nói không sanh,
或說生已行至七步或說不行。或說從小習學世事。
hoặc thuyết sanh dĩ hành chí thất bộ hoặc thuyết bất hành 。 hoặc thuyết tông tiểu tập học
thế sự 。

hoặc nói sanh xong đi bảy bước, hoặc nói không đi. Hoặc nói Ta từ nhỏ học tập những
việc thế tục.
或說我是一切智人。或時處宮受樂生子。
hoặc thuyết ngã thị nhất thiết trí nhân 。 hoặc thì xử cung thọ lạc sanh tử 。

Hoặc Ta là bậc Nhất thiết trí, hoặc có khi nói ở trong hương lạc thú sanh con trai,
或時厭患呵責惡賤。或時親修苦行六年。
hoặc thì yếm hoạn ha trách ác tiện 。 hoặc thì thân tu khổ hạnh lục niên 。

hoặc khi lại nhàm chê trách là ác tiện, hoặc khi nói đích thân tu tập sáu năm khổ hạnh,
或時呵責外道苦行。
hoặc thì ha trách ngoại đạo khổ hạnh。
hoặc khi quả trách sự khổ hạnh của ngoại đạo,
或言從彼鬻頭藍弗阿羅邏等稟承未聞。或時說其無所知曉。
hoặc ngôn tông bỉ uất đầu lam phất a la lá đẵng bảm thừa vị văn 。 hoặc thì thuyết kỳ vô
sở tri hiểu 。

hoặc nói theo học với ông Uất Đầu Lam Phất, ông A-la-lã v.v. Hoặc có lúc nói nhưng vị ấy
không chỗ hiểu biết.
或時說言菩提樹下得阿耨多羅三藐三菩提。
hoặc thì thuyết ngôn bồ đề thụ hạ đắc a nậu đa la tam miểu tam Bồ đề 。

Hoặc khi nói nơi cội Bồ đề chứng được Vô Thượng Bồ Đề,
或時說言我不至樹無所剋獲。
hoặc thì thuyết ngôn ngã bất chí thụ vô sở khắc hoạch 。

hoặc khi nói Ta không đến cây Bồ đề, không có chứng đắc.
或時說言我今此身即是涅槃。或言身滅乃是涅槃。瞿曇所說如狂無異。
hoặc thì thuyết ngôn ngã kim thử thân tức thị Niết-bàn 。

hoặc ngôn thân diệt nãi thị Niết-
bàn 。

Cồ Đàm sở thuyết như cuồng vô dị 。

Hoặc khi nói rằng nay thân Ta đây chính là Niết-bàn, hoặc nói thân diệt mới là Niết-bàn.
Lời nói của Cù Đàm như điên cuồng không khác,

何故以此而愁憂耶。諸婆羅門即便答言。

hà cố dĩ thử nhi sầu ưu da 。 chư Bà-la-môn tức tiện đáp ngôn 。

vì sao mà phải lo sầu ư? Các Bà-la-môn liền đáp lại rằng:

大士。我等今者何得不愁。

Đại sĩ 。 ngã đấng kim giả hà đắc bất sầu 。

Đại sĩ! Chúng tôi nay làm sao mà không lo sầu được.

沙門瞿曇先出家已。說無常苦空無我等法。

Sa-môn Cồ Đàm tiên xuất gia dĩ 。 thuyết vô thường khổ không vô ngã đấng Pháp 。

Sa-môn Cồ Đàm trước khi xuất gia xong, nói các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã.

我諸弟子聞生恐怖。云何眾生無常苦空無我不淨不受其語。

ngã chư đệ-tử văn sanh khủng phố 。 vân hà chúng sanh vô thường khổ không vô ngã bất tịnh bất thọ kỳ ngữ 。

Trong hàng đệ tử của ta nghe xong sanh lòng lo sợ: Sao lại nói chúng sanh là vô thường, khổ, không, vô ngã, bất tịnh, bất thọ?

今者瞿曇復來至此娑羅林中。

kim giả Cồ Đàm phục lai chí thử sa la lâm trung 。

Nay Cồ Đàm lại đến trong rừng Sa La này

為諸大眾說有常樂我淨之法。

vị chư Đại chúng thuyết hữu thường lạc ngã tịnh chi Pháp 。

vì đại chúng mà nói pháp có thường, lạc, ngã, tịnh.

我諸弟子聞是語已悉捨我去受瞿曇語。以是因緣生大愁苦。

ngã chư đệ-tử văn thị ngữ dĩ tất xả ngã khứ thọ Cồ Đàm ngữ 。

Hàng đệ tử của ta nghe lời này xong sẽ bỏ giáo phái của ta mà thọ lấy lời nói của Cồ Đàm, do nhân duyên mà sanh khổ não.

爾時復有一婆羅門作如是言。諸仁者。諦聽諦聽。

nhĩ thì phục hữu nhất Bà-la-môn tác như thị ngôn 。

Lúc bấy giờ lại có một Bà-la-môn nói lên lời rằng: Các nhân giả! Lắng nghe lắng nghe tôi nói đây:

瞿曇沙門名修慈悲。是名虛妄非真實也。

Cồ Đàm Sa-môn danh tu từ bi 。 thị danh hư vọng phi chân thật dã 。
 Sa-môn Cồ Đàm gọi là tu từ bi, đây là lời nói hư dối, không phải chân thật.
 若有慈悲云何教我諸弟子等自受其法。
 nhược hữu từ bi vân hà giáo ngã chư đệ-tử đẵng tự thọ kỳ Pháp 。
 Nếu có từ bi thì vì sao ông ấy lại giáo hóa các đệ tử của ta tự thọ lấy pháp của ông ấy?
 慈悲果有隨順他意。今違我願云何言有。
 từ bi quả hữu tùy thuận tha ý 。 kim vi ngã nguyện vân hà ngôn hữu 。
 Kết quả của lòng từ bi là thuận theo ý của người khác, nay ông ấy làm trái ý nguyện của chúng ta thì làm sao nói rằng có từ bi?
 若有說言沙門瞿曇不為世間八法所染是亦虛妄。
 nhược hữu thuyết ngôn Sa-môn Cồ Đàm bất vị thế gian bát Pháp sở nhiễm thị diệc hư vọng 。
 Nếu có người nói rằng Sa-môn Cồ Đàm không bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, thì lời này cũng là hư dối.
 若言瞿曇少欲知足。今者云何奪我等利。
 nhược ngôn Cồ Đàm thiếu dục tri túc 。 kim giả vân hà đoạt ngã đẵng lợi 。
 Nếu nói rằng Cồ Đàm ít muốn biết đủ thì nay sao cướp lấy lợi lợi dưỡng của chúng ta?
 若言種姓是上族者是亦虛妄。何以故。
 nhược ngôn chủng tính thị thượng tộc giả thị diệc hư vọng 。 hà dĩ cố 。
 Nếu nói rằng Cồ Đàm thuộc dòng họ cao thượng, lời này cũng hư dối. Vì sao?
 從昔已來不見不聞大師子王殘害小鼠。
 tông tích dĩ lai bất kiến bất văn Đại Sư-tử Vương tàn hại tiểu thử 。
 Vì từ xưa đến nay không thấy sư tử vương tàn hại con chuột bé nhỏ.
 若使瞿曇是上種姓。如何今者惱亂我等。
 nhược sử Cồ Đàm thị thượng chủng tính 。 như hà kim giả nào loạn ngã đẵng 。
 Nếu Cồ Đàm là dòng họ cao thượng thì nay sao lại lại noãn loạn chúng ta?
 若言瞿曇具大勢力是亦虛妄。何以故。
 nhược ngôn Cồ Đàm cụ Đại thế lực thị diệc hư vọng 。 hà dĩ cố 。
 Nếu nói Cồ Đàm đủ thế lực lớn, lời này cũng hư dối. Vì sao?
 從昔已來亦不見聞金翅鳥王與鳥共諍。
 tông tích dĩ lai diệc bất kiến văn kim sí điểu Vương dữ điểu cộng tránh 。

Vì từ xưa đến nay không từng thấy nghe Kim sí điều vương đua tranh cùng các chim.

若言力大復以何事與我共鬪。若言瞿曇具他心智是亦虛妄。

nhược ngôn lực Đại phục dĩ hà sự dĩ ngã cộng đấu 。 nhược ngôn Cồ Đàm cụ tha tâm trí thị diệt hư vọng 。

Nếu nói Cồ Đàm đủ thể lực lớn, việc gì lại tranh đấu với chúng ta? Nếu nói Cồ Đàm đủ tha tâm trí, lời này cũng hư dối.

何以故。若具此智以何因緣不知我心。諸仁者。

hà dĩ cố 。 nhược cụ thủ trí dĩ hà nhân duyên bất tri ngã tâm 。 chư nhân giả 。

Vì sao? Vì nếu đủ trí này thì vì nhân duyên gì mà không biết tâm niệm của chúng ta? Nay các nhân giả!

我昔曾從先舊智人聞說是事。

ngã tích tăng tông tiên cựu trí nhân văn thuyết thị sự 。

Tôi xưa kia từng nghe bậc trí tiền bối nói rằng:

過百年已世間當有一妖幻出。即是瞿曇如是妖惑。

quá bách niên dĩ thế gian đương hữu nhất yêu huyền xuất 。 tức thị Cồ Đàm như thị yêu hoặc 。

quá một trăm năm, thế gian sẽ có một yêu huyền ra đời. Yêu huyền này chính là ông Cồ Đàm.

今於此處娑羅林中將滅不久。

kim ư thử xử sa la lâm trung tướng diệt bất cửu 。

Nay trong rừng Sa La này ông ấy sẽ diệt mất không bao lâu,

汝等今者不應愁惱。爾時復有一尼犍子答言。仁者。

nhữ đẳng kim giả bất ứng sầu não 。 nhĩ thì phục hữu nhất ni kiền tử đáp ngôn 。 nhân giả 。

Các ông nay chớ nên sầu não. Lúc bấy giờ có một Ni Kiền Tử đáp rằng: Nhân giả!

我今愁苦不為自身弟子供養。

ngã kim sầu khổ bất vị tự thân đệ-tử cung dưỡng 。

Ta nay sầu khổ không vì đệ tử và sự cúng dường riêng mình.

但為世間癡闇無眼不識福田及非福田。棄捨先舊智婆羅門。

đãn vi thế gian si ám vô nhãn bất thức phúc điền cập phi phúc điền 。 khí xả tiên cựu trí Bà-la-môn 。

Chỉ vì người thế gian mờ tối không có con mắt, không biết ruộng phước và phi ruộng phước, bỏ bậc Bà-la-môn niên cao nhiều trí

供養年少以為愁耳。瞿曇沙門大知呪術。

cung dưỡng niên thiếu dĩ vi sầu nhĩ 。 Cồ Đàm Sa-môn Đại tri chú thuật 。

mà cúng dưỡng người tuổi trẻ, vì vậy mà tôi lo sầu mà thôi. Sa-môn Cồ đàm biết chú thuật,

因呪術力能令一身作無量身。

nhân chú thuật lực năng linh nhất thân tác vô lượng thân 。

do năng lực của chú thuật này mà một thân có thể biến thành vô lượng thân,

令無量身還作一身。或以自身作男女像牛羊象馬。

Linh vô lượng thân hoàn tác nhất thân 。

hoặc dĩ tự thân tác nam nữ tượng ngưu dương tượng mã 。

khiến vô lượng thân trở lại một thân. Hoặc dùng thân của mình biến thành nam, nữ voi, dê, bò, ngựa.

我力能滅如是呪術。瞿曇沙門呪術既滅。

ngã lực năng diệt như thị chú thuật 。

Cồ Đàm Sa-môn chú thuật ký diệt 。

Sức của tôi có thể diệt trừ chú thuật này. Chú thuật của Sa-môn Cồ Đàm đã bị diệt,

汝等當還多得供養受於安樂。爾時復有一婆羅門。

nhữ đẳng đương hoàn đa đắc cung dưỡng thọ ư an lạc 。

nhĩ thì phục hữu nhất Bà-la-môn 。

các ông sẽ trở lại an vui thọ hưởng sự cúng dưỡng. Lúc bấy giờ lại có một Bà-la-môn

作如是言。諸仁者。瞿曇沙門成就具足無量功德。

tác như thị ngôn 。

chư nhân giả 。

Cồ Đàm Sa-môn thành tựu cụ túc vô lượng công đức 。

nói rằng:Này các nhân giả! Sa-môn Cồ Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức,

是故汝等不應與諍。大眾答言。癡人。

是故汝等不應與諍。大眾答言。癡人。

thị cố nhữ đẳng bất ứng dĩ tránh 。

Đại chúng đáp ngôn 。

si nhân 。

vì vậy các ông chớ nên tranh đua. Mọi người cùng đáp lại rằng: Người ngu si kia!

云何說言沙門瞿曇具大功德。其生七日母便命終。

vân hà thuyết ngôn Sa-môn Cồ Đàm cụ Đại công đức 。

kỳ sanh thất nhật mẫu tiện mạng chung 。

Sao ông lại nói Sa-môn Cồ Đàm đủ vô lượng công đức lớn? Khi Cồ Đàm mới sanh ra bảy ngày, mẹ liền mạng chung

是可得名福德相耶。婆羅門言。

thị khả đắc danh phúc đức tướng da 。 Bà-la-môn ngôn 。

đây đáng được gọi là tướng phước đức chăng? Bà-la-môn đáp rằng:

罵時不瞋打時不報。當知即是大福德相。

mạ thì bất sân đả thì bất báo 。 đương tri tức thị Đại phúc đức tướng 。

Khi bị mắng không giận, bị đánh không đánh lại, nên biết đây chính là tướng phước đức lớn.

其身具足三十二相八十種好無量神通。

kỳ thân cụ túc tam thập nhị tướng bát thập chủng hảo vô lượng Thần thông 。

Thân của Cồ Đàm có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vô lượng thần thông, 是故當知是福德相。心無憍慢先意問訊。言語柔軟初無麤獷。

thị cố đương tri thị phúc đức tướng tâm vô kiêu mạn tiên ý vấn tẩn 。

ngôn ngữ nhu
nhuyễn sơ vô thô quánh 。

vì vậy nên biết đây là tướng phước đức. Tâm không kiêu mạn thưa hỏi trước, lời nói dịu dàng không thô lỗ,

年志俱盛心不卒暴。王國多財無所愛戀。

niên chí câu thịnh tâm bất tốt bạo 。

Vương quốc đa tài vô sở ái luyến 。

lúc tuổi trẻ ý chí hưng thịnh mà tâm không nóng nảy, vương quốc nhiều tài của mà không luyến tiếc,

捨之出家如棄涕唾。

xả chi xuất gia như khí thể thóa 。

bỏ cung điện đi xuất gia như bỏ nước miếng.

是故我說沙門瞿曇成就具足無量功德。大眾答言。善哉仁者。

thị cố ngã thuyết Sa-môn Cồ Đàm thành tựu cụ túc vô lượng công đức 。

Đại chúng đáp
ngôn 。

Thiện tai nhân giả 。

Vì vậy ta nói Sa-môn Cồ Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Đại chúng đáp rằng:
Hay thay nhân giả!

瞿曇沙門實如所說。成就無量神通變化。

Cồ Đàm Sa-môn thật như sở thuyết 。

thành tựu vô lượng Thần thông biến hoá 。

Cồ Đàm Sa-môn nếu thật có thành tựu vô lượng thần thông biến hóa như lời ông nói
我不與彼捩試是事。瞿曇沙門受性柔軟不堪苦行。

ngã bất dữ bỉ 捩 thí thị sự 。 Cồ Đàm Sa-môn thọ tánh nhu nhuyễn bất kham khổ hành 。
chúng tôi không thử thách thần thông với Cồ Đàm. Sa-môn Cồ Đàm bẩm tính mềm mỏng,
không kham khổ hạnh,

生長深宮不綜外事唯可軟語。

sanh trường thâm cung bất tổng ngoại sự duy khả nhuyễn ngữ 。

lớn lên trong chốn thâm cung không rõ thấu được việc ngoài. Chỉ được lời nói dịu dàng,
不知伎藝書籍論議。請共詳辯正法之要。

bất tri kỹ nghệ thư tịch luận nghị 。

thỉnh cộng tường biện chánh Pháp chi yếu 。

không biết nghề nghiệp, sách vở, luận nghị, xin được tranh luận pháp với Cồ Đàm.

彼若勝我我當給事。我若勝彼彼當事我。爾時多有無量外道。

bỉ nhược thắng ngã ngã đương cấp sự 。

ngã nhược thắng bỉ bỉ đương sự ngã 。

nhĩ thì đa hữu vô lượng ngoại đạo 。

Nếu Cồ Đàm thắng tôi, tôi sẽ theo hầu Cồ Đàm. Nếu chúng tôi thắng Cồ Đàm, thì Cồ Đàm phải phụng sự chúng tôi. Lúc bấy giờ có nhiều vô lượng ngoại đạo

和合共往摩伽陀王阿闍世所。王見便問。

hòa hợp cộng vãng ma dà đà Vương A đồ thế sở 。

họp nhau đến Ma-già-đà chỗ vua A-xà-thế. Vua thấy liền hỏi:

諸仁何來。汝等各各修習聖道。

chư nhân hà lai 。

nhữ đẳng các các tu tập Thánh đạo 。

Các ông đến đây làm gì vậy? Các ông mỗi mỗi người tu tập theo đạo của mình,

是出家人捨離財貨及在家事。

thị xuất gia nhân xả ly tài hóa cập tại gia sự 。

đều là những người xuất gia xả bỏ tài của và việc gia đình.

然我國人皆共供養敬心瞻視無相犯觸。何故和合而來至此。

然我國人皆共供養敬心瞻視無相犯觸。何故和合而來至此。

nhiên ngã quốc nhân giai cộng cung dưỡng kính tâm chiêm thị vô tướng phạm xúc 。

hà cố hòa hợp nhi lai chí thử 。

Nhân dân trong nước của ta đều cung kính cúng dường, vì sao lại họp nhau đến đây?

諸仁者。汝等各受異法異戒出家不同。

chư nhân giả 。

Này các nhân giả! Các ông mỗi người đều có pháp tu tập khác nhau, giới cấm khác nhau, xuất gia không giống nhau.

亦復各各自隨戒法出家修道。

diệp phục các các tự tùy giới Pháp xuất gia tu đạo 。

Mỗi người cũng tự theo đạo của mình mà xuất gia tu hành,

何因緣故今者一心而共和合。猶如落葉旋風所吹聚在一處。

hà nhân duyên cố kim giả nhất tâm nhi cộng hòa hợp 。

do như lạc diệp toàn phong sở xuy tụ tại nhất xử 。

nay vì nhân duyên gì họp nhau một lòng như những lá rụng gió thổi gom lại một chỗ?

說何因緣而來至此。我常擁護出家之人。

thuyết hà nhân duyên nhi lai chí thử 。

ngã thường ủng hộ xuất gia chi nhân 。

Ta thường ủng hộ cho những người xuất gia

乃至不惜身之與命。爾時一切諸外道眾咸作是言。

nãi chí bất tích thân chi dữ mạng 。

nhĩ thì nhất thiết chư ngoại đạo chúng hàm tác thị ngôn 。

cho đến không tiếc thân mạng, vậy nay vì nhân duyên gì mà các ông họp nhau đến đây?

Lúc bấy giờ các ngoại đạo cùng nhau nói rằng:

大王諦聽。大王。

Đại Vương đế thính 。

Đại Vương 。

Xin Đại Vương hãy lắng nghe. Đại Vương

今者是大法橋是大法礪是大法秤。即是一切功德之器。

kim giả thị Đại Pháp kiều thị Đại Pháp lệ thị Đại Pháp xứng 。

tức thị nhất thiết công đức chi khí 。

là cây cầu lớn, là tảng đá lớn, là cái cân lớn. Đại vương là khí cụ của tất cả công đức, 一切功德真實之性。正法道路。即是種子之良田也。

nhất thiết công đức chân thật chi tánh 。

chánh Pháp đạo lộ 。

tức thị chủng tử chi lương điền dã 。

là tánh chân thật của hết thảy công đức, là con đường cái chánh pháp, là ruộng lành để gieo hạt giống,

一切國土之根本也。一切國土之大明鏡。

nhất thiết quốc thổ chi căn bản dã 。

nhất thiết quốc thổ chi Đại minh kính 。

là căn bản của các nước, là tấm gương sáng của tất cả nước,

一切諸天之形像也。一切國人之父母也。大王。

nhất thiết chư Thiên chi hình tượng dã 。 nhất thiết quốc nhân chi phụ mẫu dã 。 Đại Vương 。

là hình tượng của hết thầy chư Thiên, là cha mẹ của hết thầy nhân dân trong nước. Tâu Đại Vương!

一切世間功德寶藏即是王身。何以故。名功德藏。

nhất thiết thế gian công đức bảo tạng tức thị Vương thân 。 hà dĩ cố 。 danh công đức tạng 。

Tất cả kho báu công đức của thế gian chính là thân vua. Vì sao vậy? Gọi là kho công đức vì

王斷國事不擇怨親。其心平等如地水火風。

Vương đoạn quốc sự bất trạch oán thân 。 kỳ tâm bình đẳng như địa thủy hỏa phong 。

đức vua đối việc nước không phân biệt người thân kẻ thù, tâm bình đẳng như đất, như nước, như lửa, như gió,

是故名王為功德藏。大王。現在眾生雖復壽短。

thị cố danh Vương vi công đức tạng 。

Đại Vương 。

hiện tại chúng sanh tuy phược thọ đoản 。

vì vậy gọi vua là kho báu công đức. Tâu Đại Vương! Hiện tại, chúng sanh thọ mạng tuy lại ngắn ngủi,

王之功德如昔長壽安樂時王。

Vương chi công đức như tích trường thọ an lạc thì Vương 。

nhưng công đức của Vua như các Vua sống trường thọ, an lạc thuở xưa.

亦如頂生善見忍辱那睺沙王。

diệc như đỉnh sanh thiện kiến nhẫn nhục na hầu sa Vương 。

Cũng như các vua Đảnh Sanh, Thiện Kiến, Nhẫn Nhục, Na-hầu-sa,

耶耶帝王尸毘王一叉鳩王。如是等王具足善法。大王。今者亦復如是。

da da đế Vương thì thì Vương nhất xoa cư Vương 。

như thị đẳng Vương cụ túc thiện Pháp 。

Đại Vương 。

kim giả diệc phục như thị 。

Vua Da-da-đế, Thi-tỳ, Nhất Xoa Cư. Những đức vua như vậy đều đầy đủ pháp lành. Đại Vương nay cũng lại như vậy.

大王。以王因緣國土安樂人民熾盛。

Đại Vương 。 dĩ Vương nhân duyên quốc thổ an lạc nhân dân sí thịnh 。

Tâu Đại Vương! Nhờ đức Vua mà trong nước an vui, nhân dân giàu mạnh.

是故一切出家之人慕樂此國。持戒精勤修習正道。

thị cố nhất thiết xuất gia chi nhân mộ lạc thử quốc 。

trì giới tinh tinh cần tu tập chánh đạo 。

Vì thế nên tất cả những người xuất gia vì mến thích đất nước này mà trì giới tinh cần tu tập chánh pháp.

大王。我經中說若出家人隨所住國。

Đại Vương 。 ngã Kinh trung thuyết nhược xuất gia nhân tùy sở trụ quốc 。

Tâu Đại Vương! Trong Kinh của chúng tôi nói rằng: Nếu người xuất gia ở nơi nước nào
持戒精進勤修正道其王亦有修善之分。大王。

trì giới tinh tấn tinh cần tu chánh đạo kỳ Vương diệc hữu tu thiện chi phân 。

Đại Vương 。

trì giới, tinh tấn tu hành chánh pháp thì vua nước ấy cũng có phần tu công đức lành. Tâu Đại Vương!

一切盜賊王已整理。出家之人都無畏懼。

nhất thiết đạo tặc Vương dĩ chỉnh lý 。

xuất gia chi nhân đô vô úy cụ 。

Tất cả trộm cướp nhà vua đã dẹp xong, người xuất gia không còn sợ sệt.

今者唯有一大惡人瞿曇沙門。王未檢校我等甚畏。

kim giả duy hữu nhất Đại ác nhân Cồ Đàm Sa-môn 。

Vương vị kiểm giáo ngã đẳng thậm úy 。

Nay chỉ có một người đại ác đó là Sa-môn Cồ Đàm nhà vua chưa dẹp, chúng tôi rất sợ.
其人自恃豪族種姓身色具足。

kỳ nhân tự thị hào tộc chủng tính thân sắc cụ túc 。

Ông ấy tự thị dòng họ cao quý, thân hình đẹp đẽ,

又因過去布施之報多得供養。恃此眾事生大憍慢。

hựu nhân quá khứ bố thí chi báo đa đắc cung dưỡng 。

thị thử chúng sự sanh Đại kiêu mạn 。

lại do phước bố thí của đời quá khứ nên được cúng dường nhiều. Ông Cồ Đàm cậy vào những việc này nên hết sức kiêu mạn,

或因呪術而生憍慢。以是因緣不能苦行。

hoặc nhân chú thuật nhi sanh kiêu mạn 。 dĩ thị nhân duyên bất năng khổ hạnh。
hoặc cật chú thuật giới mà sanh ngạo ngễ. Do nhân duyên này nên Cồ đàm không thể
khổ hạnh,

受畜細軟衣服臥具。是故一切世間惡人。

thọ súc tế nhuyễn y phục ngoạ cụ 。 thị cố nhất thiết thế gian ác nhân 。
nhận lấy súc vật nhỏ mềm áo áo mặc nằm đủ 。 vì vậy tất cả thế gian ác người 。
cất chứa những y phục nệm chăn mịn nhuyễn. Vì vậy những người ác trong đời
為利養故往集其所。而為眷屬不能苦行。

vì lợi dưỡng cố vãng tập kỳ sở 。 nhi vi quyến chúc bất năng khổ hạnh。

vì lợi dưỡng mà đến tập hợp làm quyến thuộc, không thể tu tập khổ hạnh.

呪術力故調伏迦葉及舍利弗目犍連等。

chú thuật lực cố điều phục Ca-diếp cật Xá Lợi Phát Mục Kiền Liên đẳng 。

Do năng lực của chú thật nên Cồ đàm chinh phục được Ca-diếp, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-
liên v.v.

今復來至我所住處娑羅林中。

kim phục lai chí ngã sở trụ xử sa la lâm trung 。

nay lại đến chỗ chúng tôi, nơi rừng Sa-la

宣說是身常樂我淨誘我弟子。大王。

tuyên thuyết thị thân thường lạc ngã tịnh dụ ngã đệ-tử 。

tuyên thuyết rằng thân này là thường, lạc, ngã, tịnh để dụ dỗ đệ tử của chúng tôi. Tâu Đại
Vương!

瞿曇先說無常無樂無我無淨我能忍之。今乃宣說常樂我淨我實不忍。

Cồ Đàm tiên thuyết vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh ngã năng nhẫn chi 。

Cồ Đàm trước kia nói thân người là vô thường, lạc, ngã, tịnh chúng tôi có thể nhẫn được.
Nay Cồ đàm lại tuyên bố thân người là thường, lạc, ngã, tịnh. Chúng tôi thật không chịu
được.

惟願大王。聽我與彼瞿曇論議。王即答言。諸大士。

duy nguyện Đại Vương 。

thính ngã dữ bỉ Cồ Đàm luận nghị 。

Vương tức đáp ngôn 。

chư Đại sĩ 。

Nguyện xin Đại vương cho phép chúng tôi luận nghị với Cồ Đàm kia. Nhà vua liền đáp rằng: Này các Đại sĩ!

汝等今者為誰教導而令其心狂亂不定。

nhữ đấng kim giả vi thùý giáo đạo nhi linh kỳ tâm cuồng loạn bất định 。

Hôm nay các ông do ai chỉ bày mà tâm cuồng loạn không định như vậy?

如水濤波旋火之輪猿猴擲樹是事可恥。

như thủy đào ba toàn hỏa chi luân viên hầu trịch thụ thị sự khả sỉ 。

Như nước nổi sóng, như vòng lửa xoay, như khỉ leo cây, không biết hổ thẹn.

智人若聞即生憐愍。愚人聞之即生嗤笑。

trí nhân nhược văn tức sanh liên mẫn 。

ngu nhân văn chi tức sanh xuy tiếu 。

Người trí nếu nghe việc này liền sanh lòng thương xót các ông. Kẻ ngu dốt nghe biết thì cũng chê cười các ông.

汝等所說非出家相。汝若病風黃水患者。

nhữ đấng sở thuyết phi xuất gia tướng 。

nhữ nhược bệnh phong hoàng thủy hoạn giả 。

Lời nói của các ông không phải tướng của người xuất gia. Nếu các ông mắc phải bệnh tật, 吾悉有藥能療治之。如其鬼病家兄耆婆善能去之。

ngô tất hữu dược năng liệu trì chi 。

như kỳ quỷ bệnh gia huynh kì bà thiện năng khứ chi 。

ta đều có thuốc trị lành bệnh. Nếu như mắc bệnh ma quỷ thì anh của ta là Kỳ-bà có thể trị rất giỏi.

汝等今者欲以手爪鉋須彌山。

nhữ đấng kim giả dục dĩ thủ trảo bào Tu-Di sơn 。

Các ông nay muốn dùng tay mà chẻ núi Tu-di núi,

欲以口齒齧齧金剛。諸大士。

dục dĩ khẩu xỉ trách niết Kim cương 。

chư Đại sĩ 。

muốn dùng răng cắn nghiền chất Kim cương. Này các Đại sĩ!

譬如愚人見師子王飢時睡眠而欲悟之。如人以指置毒蛇口。

thí như ngu nhân kiến Sư-tử Vương cơ thì thụý miên nhi dục ngộ chi 。

như nhân dĩ chỉ trí độc xà khẩu 。

Thí như người ngu thấy sư tử vương khi đói nằm ngủ mà muốn thức dậy, như người dùng tay mà bỏ vào miệng rắn độc,

如欲以手觸灰覆火。汝等今者亦復如是。善男子。

như dục dĩ thủ xúc hôi phúc hỏa 。 nhữ đẳng kim giả diệc phục như thị 。 thiện nam tử 。
như muốn tay che trùm ngọn lửa. Các ông nay cũng lại như vậy. Này thiện nam tử!
譬如野狐作師子吼。

thí như dã hồ tác Sư-tử hống 。

Thí như con chồn rừng muốn kiêu rống như sư tử,
猶如蚊子共金翅鳥掬行遲疾。如兔渡海欲盡其底。

do như văn tử cộng kim sí điểu giác hành trì tật 。 như thỏ độ hải dục tận kỳ để 。

thí như con muỗi muốn bay nhanh đua với chim Sí điểu, như con thỏ lội qua biển muốn
chân chạm đến đáy.

汝等今者亦復如是。汝若夢見勝瞿曇者。

nhữ đẳng kim giả diệc phục như thị 。 nhữ nhược mộng kiến thắng Cồ Đàm giả 。

Nay các ông cũng lại như vậy. Các ông như chiêm bao thấy thắng Cồ Đàm.

是夢狂惑未足可信。諸大士。汝等今者興建是意。

thị mộng cuồng hoặc vị túc khả tín 。 chư Đại sĩ 。 nhữ đẳng kim giả hưng kiến thị ý 。

Đây là giấc mơ điên cuồng không đáng tin tưởng. Này các Đại sĩ! Các ông nay muốn tranh
biện cùng với Cồ Đàm, ý này

猶如飛蛾投大火聚。汝隨我語不須更說。

do như phi nga đầu Đại hỏa tụ 。 nhữ tùy ngã ngữ bất tu canh thuyết 。

giống như con phi nga đâm đầu vào đống lửa lớn. Các ông phải theo lời ta, không nên nói
nữa.

汝雖讚我平等如秤。勿令外人復聞此語。

nhữ tuy tán ngã bình đẳng như xứng 。 vật linh ngoại nhân phục văn thử ngữ 。

Các ông tuy tán thán ta bình đẳng như cán cân, nhưng chớ để cho ngoài nghe được lời
này.

爾時外道復作是言。大王。

nhĩ thì ngoại đạo phục tác thị ngôn 。 Đại Vương 。

Lúc bấy giờ các ngoại đạo lại nói lời rằng: Tâu Đại Vương!

瞿曇沙門所作幻術到汝邊耶。乃令大王心疑不信是等聖人。

Cồ Đàm Sa-môn sở tác huyền thuật đáo nhữ biên da 。 nãi linh Đại Vương tâm nghi bất
tín thị đẳng Thánh nhân 。

Sa-môn Cồ Đàm có lẽ đã dùng chú thuật đến bên nhà vua, mới làm cho nhà vua sanh tâm nghi mà không tin những vị Thánh nhân này.

大王。不應輕蔑如是大士。大王。

Đại Vương 。 bắt ứng khinh miệt như thị Đại sĩ 。 Đại Vương 。

Tâu Đại Vương! Không nên khinh miệt các Đại sĩ này như vậy. Tâu Đại Vương!

是月增減大海鹹味摩羅延山。如是等事誰之所作。

thị nguyệt tăng giảm Đại hải hàm vị ma la duyên sơn 。 như thị đẳng sự thù chi sở tác 。

Mặt trăng tròn khuyết, nước biển cả có vị mặn, núi Ma-la-diên, những việc như vậy ai làm ra?

豈非我等婆羅門耶。大王。

khởi phi ngã đẳng Bà-la-môn da 。 Đại Vương 。

Há không phải hàng Ba-la-môn chúng tôi ư? Đại Vương

不聞阿竭多仙十二年中恒河之水停耳中耶。大王。

bất văn a kiệt đa tiên thập nhị niên trung hằng hà chi thủy đình nhĩ trung da 。 Đại Vương

。

không nghe A kiệt đa trước mười hai năm trong sông Hằng nước đứng tai trong chãng 。

Đại Vương 。

không nghe nước sông Hằng dừng lại ở trong lỗ tai của A-kiệt-đa trọn mười hai năm ư?

Đại vương

不聞瞿曇仙人大現神通。十二年中變作釋身。

văn Cồ Đàm Tiên nhân Đại hiện Thần thông 。

không nghe Cồ Đàm Tiên Nhân hiện thần thông lớn, mười hai năm biến làm thân Đế

Thích,

并令釋身作羝羊形。作千女根在釋身耶。大王。

trình linh thích thân tác dê dương hình 。

rồi biến thân Đế Thích thành hình dê đực, biến ngàn nữ căn ở thân Đế Thích ư? Đại

vương

不聞耆[少/兔]仙人一日之中飲四海水令大地乾耶。大王。

bất văn kì [Nậu Nậu Nậu]Tiên nhân nhất nhật chi trung ẩm tứ hải thủy lệnh Đại địa kiên

da 。

không nghe Kỳ Nâu Tiên nhân trong một ngày uống hết nước bốn biển khiến cho quả đất khô cằn ư? Đại vương

不聞婆藪仙人為自在天作三眼耶。大王。

bất văn bà tẩu Tiên nhân vị Tự Tại Thiên tác tam nhãn da 。 Đại Vương 。

không nghe Bà Tẩu Tiên nhân biến ba con mắt cho Tự Tại Thiên chẳng? Đại Vương

不聞阿羅邏仙人變迦富羅城作鹵土耶。

bất văn a la lá Tiên nhân biến ca phú la thành tác lỗ độ da 。

không nghe A-la-lã Tiên nhân biến Ca-phú-la làm nước mọi ư?

大王。婆羅門中有如是等大力諸仙現可檢校。

Đại Vương 。

Bà-la-môn trung hữu như thị đẳng Đại lực chư tiên hiện khả kiểm giáo 。

Tâu Đại Vương! Trong Bà-la-môn có những Tiên nhân năng lực lớn đáng kiểm giáo như vậy,

大王。云何見輕蔑耶。王言。諸仁者。

Đại Vương 。

vân hà kiến khinh miệt da 。

Vương ngôn 。

chư nhân giả 。

Đại Vương vì sao thấy khinh miệt như thế? Vua nói: Này các nhân giả!

若不見信故欲為者。如來正覺今者近在娑羅林中。

nhược bất kiến tín cố dục vi giả 。

Như Lai chánh giác kim giả cận tại sa la lâm trung 。

Nếu không muốn tin theo lời của ta, Như Lai Chánh Giác hiện đang ở trong rừng Sa La, 汝等可往隨意問難。

nhữ đẳng khả vãng tùy ý vấn nan 。

các ông có thể qua đó mà tùy ý vấn nạn.

如來亦當為汝分別稱汝意答。

Như Lai diệc đương vị nhữ phân biệt xưng nhữ ý đáp 。

Như Lai cũng sẽ vì các ông mà phân biệt trả lời vừa ý các ông.

爾時阿闍世王與諸外道徒眾眷屬往至佛

nhĩ thì A-xà-thế Vương dĩ chư ngoại đạo đồ chúng quyến chúc vãng chí Phật

Lúc bấy giờ vua A-xà-thế cùng với các ngoại đạo và chúng quyến thuộc đi đến chỗ Phật.

所。頭面作禮右邊三匝。

sở 。

đầu diện tác lễ hữu nhiều tam tạp 。

Vua đầu mặt đánh lễ chân Phật rồi nhiều quanh bên phải ba vòng,

修敬已畢却住一面。白佛言。世尊。是諸外道欲隨意問難。

tu kính dĩ tất khước trụ nhất diện 。 bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 thị chư ngoại đạo dục tùy ý vấn nan 。

tu kính xong, lui đứng về một bên mà bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Các ngoại đạo này muốn tùy ý được vấn nạn,

唯願如來隨意答之。佛言。大王。且止我自知時。

duy nguyện Như Lai tùy ý đáp chi 。 Phật ngôn 。 Đại Vương 。 thả chỉ ngã tự tri thì 。

mong Như Lai tùy ý đáp. Phật dạy: Này Đại Vương! Yên tâm, Ta tự biết phải lúc!

爾時眾中有婆羅門名闍提首那。作如是言。

nhĩ thì chúng trung hữu Bà-la-môn danh Xà Đề Thủ Na 。

Lúc bấy giờ trong chúng Bà-la-môn tên là Xà Đề Thủ Na lên tiếng rằng:

瞿曇。汝說涅槃是常法耶。如是如是。

Cồ Đàm 。

Này Cồ Đàm! Ông nói Niết-bàn là pháp thường trụ phải không? Đúng vậy, đúng vậy

大婆羅門。婆羅門言。瞿曇。若說涅槃常者是義不然。

Đại Bà-la-môn 。

Đại Bà-la-môn! Bà-la-môn nói rằng: Nếu Cồ Đàm nói rằng Niết-bàn là thường, nghĩa này không đúng.

何以故。世間之法從子生果相續不斷。

hà dĩ cố 。

Vì sao vậy? Vì pháp trong thế gian là từ hạt sanh ra quả tương tục không dứt.

如從壺出瓶從縷得衣。瞿曇。

như tòng nê xuất bình tòng lữ đắc y 。

Như từ đất sét làm ra cái bình, từ sợi chỉ mà có cái áo. Cồ Đàm

常說修無常想獲得涅槃。因是無常果云何常。瞿曇。

thường thuyết tu vô thường tưởng hoạch đắc Niết-bàn 。

thường nói rằng tu vô thường tưởng chứng được Niết-bàn. Vậy nhân đã là vô thường thì quả làm sao thường? Cồ Đàm

又說解脫欲貪即是涅槃。解脫色貪及無色貪即是涅槃。

hựu thuyết giải thoát dục tham tức thị Niết-bàn 。 giải thoát sắc tham cập vô sắc tham tức thị Niết-bàn 。

lại nói giải thoát dục tham chính là Niết-bàn, giải thoát sắc tham và vô sắc tham chính là Niết-bàn,

滅無明等一切煩惱即是涅槃。

diệt vô minh đảng nhất thiết phiền não tức thị Niết-bàn 。

dứt vô minh v.v.tất cả phiền não chính là Niết-bàn.

從欲乃至無明煩惱皆是無常。

tòng dục nãi chí vô minh phiền não giai thị vô thường 。

Từ dục cho đến vô minh phiền não đều là vô thường.

因是無常所得涅槃亦應無常。瞿曇。又說從因故生天。

nhân thị vô thường sở đắc Niết-bàn diệc ứng vô thường 。

Cồ Đàm 。

hựu thuyết tòng nhân cố sanh Thiên 。

Nhân này đã vô thường thì quả Niết-bàn cũng phải vô thường. Cồ Đàm lại nói từ nghiệp nhân nên sanh cõi Trời,

從因故墮地獄。從因得解脫。是故諸法皆從因生。

tòng nhân cố đọa Địa-ngục 。

tòng nhân đắc giải thoát 。

thị cố chư Pháp giai tòng nhân sanh 。

do nghiệp nhân nên rơi vào địa ngục, do nghiệp nhân nên được giải thoát, vì vậy các pháp này đều do nơi nhân mà sanh.

若從因故得解脫者。云何言常。瞿曇。

nhược tòng nhân cố đắc giải thoát giả 。

vân hà ngôn thường 。

Cồ Đàm 。

Nếu từ nơi nhân mà được giải thoát, sao lại nói là thường? Cồ Đàm

亦說色從緣生故名無常。受想行識亦復如是。

diệc thuyết sắc tòng duyên sanh cố danh vô thường 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

cũng nói sắc từ duyên sanh nên gọi là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

如是解脫若是色者當知無常。受想行識亦復如是。

như thị giải thoát nhược thị sắc giả đương tri vô thường 。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。

Như vậy giải thoát nếu là sắc thì phải biết là vô thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

若離五陰有解脫者。當知解脫即是虛空。

nhược ly ngũ ấm hữu giải thoát giả 。 đương tri giải thoát tức thị hư không 。

Nếu lìa năm ấm mà có giải thoát, phải biết giải thoát tức là hư không.

若是虛空不得說言從因緣生。何以故。

nhược thị hư không bất đắc thuyết ngôn tông nhân duyên sanh 。

Nếu từ hư không thì không được nói là từ nhân duyên sanh. Vì sao vậy?

是常是一遍一切處。瞿曇。亦說從因生者即是苦也。

thị thường thị nhất biến nhất thiết xứ 。

Vì hư không là thường, là một, là khắp tất cả. Cồ Đàm cũng nói từ nhân sanh hình là khổ, 若是苦者。云何復說解脫是樂。瞿曇。

nhược thị khổ giả 。

nếu là khổ thì sao lại nói giải thoát là lạc? Cồ Đàm

又說無常即苦苦即無我。

hựu thuyết vô thường tức khổ khổ tức vô ngã 。

lại nói vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã.

若是無常苦無我者即是不淨。一切從因所生諸法。

nhược thị vô thường khổ vô ngã giả tức thị bất tịnh 。

Nếu đã là vô thường, khổ, vô ngã thì là bất tịnh. Tất cả những pháp do nhân duyên sanh ra

皆無常苦無我不淨。云何復說涅槃即是常樂我淨。

giai vô thường khổ vô ngã bất tịnh 。

đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, sao lại nói Niết-bàn chính là thường lạc, ngã, tịnh?

若瞿曇說亦常無常亦苦亦樂亦我無我亦淨不淨。

nhược Cồ Đàm thuyết diệc thường vô thường diệc khổ diệc lạc diệc ngã vô ngã diệc tịnh bất tịnh 。

Nếu Cồ Đàm nói rằng cũng là thường, cũng vô thường, cũng khổ cũng lạc, cũng ngã vô ngã, cũng tịnh cũng bất tịnh,

如是豈非是二語耶。

như thị khởi phi thị nhị ngữ da 。

như vậy há không phải hai lời chẳng?

我亦曾從先舊智人聞說是語。佛若出世言則無二。

ngã diệc tăng tòng tiên cựu trí nhân văn thuyết thị ngữ 。

Phật nhược xuất thế ngôn tắc vô nhị 。

Tôi cũng từng nghe những bậc trí tiền bối nói lời rằng: Nếu Phật ra đời thì lời nói không hai.

瞿曇今者說於二語。復言佛即我身是也。是義云何。佛言。

Cồ Đàm kim giả thuyết ư nhị ngữ 。

phục ngôn Phật tức ngã thân thị dã 。

thị nghĩa vân hà 。

Phật ngôn 。

Cồ Đàm nay nói hai lời, lại xưng rằng Phật chính là thân ta đây. Nghĩa này thế nào? Phật dạy:

婆羅門。如汝所說我今問汝隨汝意答。婆羅門言。

Bà-la-môn 。

như nhữ sở thuyết ngã kim vấn nhữ tùy nhữ ý đáp 。

Bà-la-môn ngôn 。

Này các Bà-la-môn! Như lời ông nói, Ta nay hỏi ông tùy ý đáp. Bà-la-môn trả lời:

善哉瞿曇。佛言。婆羅門。汝性常耶是無常乎。

Thiện tai Cồ Đàm 。

Phật ngôn 。

Bà-la-môn 。

nhữ tánh thường da thị vô thường hồ 。

Hay thay Cồ Đàm! Phật dạy: Này Bà-la-môn! Tánh của ông là thường hay vô thường?

婆羅門言。我性是常。婆羅門。

Bà-la-môn ngôn 。

ngã tánh thị thường 。

Bà-la-môn 。

Bà-la-môn đáp: Tánh của tôi là thường. Này Bà-la-môn!

是性能作一切內外法之因耶。如是瞿曇。佛言。婆羅門。

thị tánh năng tác nhất thiết nội ngoại Pháp chi nhân da 。

như thị Cồ Đàm 。

Phật ngôn 。

Bà-la-môn 。

Tánh này có thể làm nhân cho tất cả các pháp trong và ngoài chẳng? Đúng vậy, thưa Cồ

Đàm. Phật dạy: Này Bà-la-môn!

云何作因。瞿曇。從性生大從大生慢。

vân hà tác nhân 。 Cồ Đàm 。 tông tánh sanh Đại tông Đại sanh mạn 。

Thế nào gọi là nhân? Thưa Cồ Đàm, từ tánh sanh ra đại, từ đại sanh ra mạn,

從慢生十六法。所謂地水火風空。五知根眼耳鼻舌身。

tông mạn sanh thập lục Pháp 。 sở vị địa thủy hỏa phong không 。 ngũ tri căn nhãn nhĩ tỳ
thiệt thân 。

từ mạn sanh ra mười sáu pháp, đó là đất, nước, lửa, gió, hư không, năm tri căn là mắt, tai,
mũi, lưỡi, thân, ý.

五業根手脚口聲男女二根。心平等根。

ngũ nghiệp căn thủ cước khẩu thanh nam nữ nhị căn 。 tâm bình đẳng căn 。

Năm nghiệp căn là tay, chân, miệng tiếng, nam căn, nữ căn và tâm bình đẳng căn.

是十六法。從五法生色聲香味觸。是二十一法。

thị thập lục Pháp 。 tông ngũ Pháp sanh sắc thanh hương vị xúc 。 thị nhị thập nhất Pháp
。

Mười sáu pháp này từ năm pháp: sắc, thanh, hương, vị, xúc sanh ra. Hai mươi một pháp
này

根本有三。一者染。二者麤。三者黑。染者名愛。

căn bản hữu tam 。 nhất giả nhiễm 。 nhị giả thô 。 tam giả hắc 。 nhiễm giả danh ái 。

có ba căn bản: Một là nhiễm, hai là thô, ba là đen. Nhiễm là ái,

麤者名瞋。黑名無明。瞿曇。

thô giả danh sân 。 hắc danh vô minh 。 Cồ Đàm 。

thô là sân, đen là vô minh. Thưa Cồ Đàm!

是二十五法皆因性生。婆羅門。是大等法常無常耶。瞿曇。

thị nhị thập ngũ Pháp giai nhân tánh sanh 。 Bà-la-môn 。 thị Đại đẳng Pháp thường vô
thường da 。 Cồ Đàm 。

Hai mươi lăm pháp này đều do tánh sanh ra. Này Bà La Môn! Những pháp đại v.v.này là
thường hay vô thường? Thưa Cồ Đàm!

我法性常。大等諸法悉是無常。婆羅門。

ngã Pháp tánh thường 。 Đại đẳng chư Pháp tất thị vô thường 。 Bà-la-môn 。

Theo giáo pháp của chúng tôi, tánh là thường. Những pháp đại v.v. đều là vô thường. Này
Bà-la-môn!

如汝法中因常果無常。

như như Pháp trung nhân thường quả vô thường 。

Như trong pháp của ông thì nhân là thường, còn quả là vô thường.

然我法中因雖無常果是常者有何等過。婆羅門。汝等法中有二因不。答言有。

nhiên ngã Pháp trung nhân tuy vô thường quả thị thường giả hữu hà đẳng quá 。

Bà-la-môn 。

như đẳng Pháp trung hữu nhị nhân bất 。

đáp ngôn hữu 。

Trong giáo pháp của Ta, nhân tuy là vô thường nhưng quả là thường, thì có lỗi gì? Này Bà-la-môn! Trong giáo pháp của ông có hai nhân chăng? Đáp rằng: Thưa có.

佛言。云何有。婆羅門言。一者生因。

Phật ngôn 。

vân hà hữu 。

Bà-la-môn ngôn 。

nhất giả sanh nhân 。

Phật dạy: Có những gì? Bà-la-môn đáp rằng: Một là sanh nhân,

二者了因。佛言。云何生因。云何了因。婆羅門言。

nhị giả liễu nhân 。

Phật ngôn 。

vân hà sanh nhân 。

vân hà liễu nhân 。

Bà-la-môn ngôn 。

hai là liễu nhân. Phật dạy: Thế nào gọi là sanh nhân? Thế nào gọi là liễu nhân? Bà-la-môn đáp rằng:

生因者如壑出瓶。了因者如燈照物。佛言。

sanh nhân giả như nê xuất bình 。

liễu nhân giả như đăng chiếu vật 。

Phật ngôn 。

Sanh nhân là như đất sét làm ra cái bình. Liễu nhân là như đèn soi đồ vật. Phật dạy: 是二種因因性是一。

thị nhị chủng nhân nhân tánh thị nhất 。

Hai nhân này tánh là một.

若是一者可令生因作於了因。可令了因作生因不。不也瞿曇。佛言。

nhược thị nhất giả khả linh sanh nhân tác ư liễu nhân 。

khả linh liễu nhân tác sanh nhân bất 。

bất dã Cồ Đàm 。

Phật ngôn 。

Nếu tánh đã là một thì có thể khiến sanh nhân làm liễu nhân chăng? Có thể khiến liễu nhân làm sanh nhân chăng? Dạ không, thưa Cồ Đàm! Phật dạy:

若使生因不作了因。了因不作生因。

nhược sử sanh nhân bất tác liễu nhân 。

liễu nhân bất tác sanh nhân 。

Nếu sanh nhân không làm liễu nhân, liễu nhân không làm sanh nhân,

可得說言是因相不。婆羅門言。雖不相作故有因相。

khả đặc thuyết ngôn thị nhân tướng bất 。 Bà-la-môn ngôn 。 tuy bất tướng tác cố hữu nhân tướng 。

có thể nói rằng nhân tướng chẳng? Bà-la-môn đáp rằng: dầu hai nhân không làm thành lẫn nhau nhưng cũng có nhân tướng.

婆羅門。了因所了即同了不。不也瞿曇。佛言。

Bà-la-môn 。 liễu nhân sở liễu tức đồng liễu bất 。 bất dã Cồ Đàm 。 Phật ngôn 。

Này Bà-la-môn! Vật của liễu nhân hiểu rõ đồng với liễu nhân chẳng? Dạ không, thưa Cồ Đàm. Phật dạy:

我法雖從無常獲得涅槃而非無常。婆羅門。

ngã Pháp tuy tòng vô thường hoạch đắc Niết-bàn nhi phi vô thường 。

Trong giáo pháp của Ta, tuy do từ vô thường mà chứng được Niết-bàn, nhưng Niết-bàn này không phải vô thường. Này Bà-la-môn!

從了因得故常樂我淨。

tòng liễu nhân đắc cố thường lạc ngã tịnh 。

Do từ liễu nhân mà được nên là thường, lạc, ngã, tịnh.

從生因得故無常無樂無我無淨。是故如來所說有二。

tòng sanh nhân đắc cố vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh 。

thị cố Như Lai sở thuyết hữu nhị 。

Do từ sanh nhân mà được nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Vì vậy Như Lai nói có hai thuyết thường và vô thường.

如是二語無有二也。是故如來名無二語。

như thị nhị ngữ vô hữu nhị dã 。

thị cố Như Lai danh vô nhị ngữ 。

Hai thuyết này không có hai lời, nên Như Lai gọi là không nói hai lời.

如汝所說曾從先舊智人邊聞。佛出於世無有二語。

như nhữ sở thuyết tằng tòng tiên cựu trí nhân biên văn 。

Phật xuất ư thế vô hữu nhị ngữ 。

Như lời ông nói từng nghe các bậc trí tiền bối bảo rằng: Phật ra đời không có hai lời.

是言善哉。一切十方三世諸佛所說無差。

thị ngôn Thiện tai 。

nhất thiết thập phương tam thế chư Phật sở thuyết vô sai 。

Lời nói rất đúng. Hết thầy chư Phật mười phương ba đời không bao giờ có lời nói sai,

是故說言佛無二語。云何無差。

thị cố thuyết ngôn Phật vô nhị ngữ 。 vân hà vô sai 。

vì vậy nói rằng Phật không nói hai lời. Thế nào là không sai?

有同說有無同說無故名一義。婆羅門。

hữu đồng thuyết hữu vô đồng thuyết vô cố danh nhất nghĩa 。

Vì có khi đồng nói có, có khi đồng nói không, nên gọi là đồng một nghĩa. Nay Bà-la-môn!

如來世尊雖名二語為了一語故。云何二語了於一語。

Như Lai Thế Tôn tuy danh nhị ngữ vị liễu nhất ngữ cố 。

Như Lai Thế Tôn tuy nói hai lời nhưng chỉ vì để hiểu rõ một lời. Thế nào là hai lời để hiểu

rõ một lời?

如眼色二語生識一語。乃至意法亦復如是。婆羅門言。瞿曇。

như nhãn sắc nhị ngữ sanh thức nhất ngữ 。

nãi chí ý Pháp diệc phục như thị 。

Bà-la-môn ngôn 。

Cồ Đàm 。

Như nhãn căn cùng với sắc trần, đây là hai lời; Sanh ra thức, đây là một lời. Cho đến ý căn cùng pháp trần cũng lại như vậy. Bà-la-môn nói: Cồ Đàm

善能分別如是語義。

thiện năng phân biệt như thị ngữ nghĩa 。

khéo phân biệt ngữ nghĩa như vậy,

我今未解所出二語了於一語。爾時世尊即為宣說四真諦法。婆羅門。

ngã kim vị giải sở xuất nhị ngữ liễu ư nhất ngữ 。

nhĩ thì Thế Tôn tức vi tuyên thuyết tứ chân đế Pháp 。

Bà-la-môn 。

Tôi nay chưa hiểu ra dùng hai lời để hiểu rõ một lời. Lúc bấy giờ Thế Tôn liền tuyên nói pháp Tứ đế: Nay Bà-la-môn!

言苦諦者亦二亦一。乃至道諦亦二亦一。

ngôn khổ đế giả diệc nhị diệc nhất 。

nãi chí đạo đế diệc nhị diệc nhất 。

Khổ đế cũng hai cũng một, cho đến đạo đế cũng hai cũng một.

婆羅門言。世尊。我已知已。佛言。善男子。

Bà-la-môn ngôn 。

Thế Tôn 。

ngã dĩ tri dĩ 。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

Bà-la-môn nói rằng: Bạch Thế Tôn! Tôi đã hiểu biết rồi! Phật dạy: Nay thiện nam tử!

云何知已。婆羅門言。世尊。

vân hà tri dĩ 。

Bà-la-môn ngôn 。

Thế Tôn 。

Ông hiểu biết như thế nào? Bà-la-môn đáp: Bạch Thế Tôn!

苦諦一切凡夫二是聖人一。乃至道諦亦復如是。佛言。善哉已解。
khổ đế nhất thiết phàm phu nhị thị Thánh nhân nhất 。 nãi chí đạo đế diệc phục như thị 。
Phật ngôn 。 Thiện tai dĩ giải 。
Khổ đế ấy thì tất cả phàm phu là hai, còn Thánh nhân là một, cho đến đạo đế cũng lại
như vậy. Phật dạy: Hay thay! Đã hiểu.
婆羅門言。世尊。我今聞法已得正見。
Bà-la-môn ngôn 。 Thế tôn 。 ngã kim văn Pháp dĩ đắc chánh kiến 。
Bà-la-môn nói rằng: Bạch Thế Tôn! Tôi nay nghe pháp đã được chánh kiến,
今當歸依佛法僧寶。唯願大慈聽我出家。
kim đương quy y Phật Pháp Tăng bảo 。 duy nguyện Đại từ thính ngã xuất gia 。
nay sẽ quy y Phật, Pháp, Tăng bảo. Cúi xin đức Đại từ cho tôi xuất gia.
爾時世尊告憍陳如。汝當為是闍提首那。
nhĩ thì Thế tôn cáo Kiền-trần-như 。 nhữ đương vị thị Xà Đề Thủ Na 。
Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Kiền-trần-như: Ông nên vì Xà Đề Thủ Na mà
剃除鬚髮聽其出家。時憍陳如即受佛勅為其剃髮。
thế trừ tu phát thính kỳ xuất gia 。 Kiền-trần-như tức thọ Phật sắc vi kỳ thế phát 。
cạo bỏ râu tóc cho ông xuất gia. Kiền-trần-như liền vâng lời Phật cạo tóc cho Xà Đề Thủ
Na.
即下手時有二種落。一者鬚髮。二者煩惱。
tức hạ thủ thì hữu nhị chủng lạc 。 nhất giả tu phát 。 nhị giả phiền não 。
Đương lúc cạo có hai thứ rơi xuống: Một là râu tóc, hai là phiền não.
即於坐處得阿羅漢果。
tức ư tọa xử đắc A-la-hán quả 。
Xà Đề Thủ Na liền ở nơi chỗ ngồi chứng đắc quả A-la-hán.
復有梵志姓婆私吒。復作是言。瞿曇。
phục hữu phạm chí tính Bà-tư-tra。 phục tác thị ngôn 。 Cồ Đàm 。
Lại có Phạm chí họ Bà-tư-tra lại hỏi rằng: Cồ Đàm
所說涅槃常耶。如是梵志。婆私吒言。瞿曇。
sở thuyết Niết-bàn thường da 。 như thị phạm chí 。 Bà-tư-tra ngôn 。 Cồ Đàm 。
nói Niết-bàn là thường chăng? Đúng vậy Phạm chí. Bà-tư-tra nói: Cồ Đàm
將不說無煩惱為涅槃耶。如是梵志。婆私吒言。瞿曇。

tướng bất thuyết vô phiền não vi Niết-bàn da 。 như thị Phạm chí 。 Bà-tư-tra ngôn 。 Cồ Đàm 。

sắp không nói không phiền não là Niết-bàn chăng? Đúng vậy Phạm chí. Bà-tư-tra nói: Cồ Đàm

世間四種名之為無。

thế gian tứ chủng danh chi vi vô 。

Thế gian có bốn thứ gọi là không:

一者未出之法名之為無。如瓶未出壑時名為無瓶。

nhất giả vị xuất chi Pháp danh chi vi vô 。

như bình vị xuất nê thì danh vi vô bình。
Một là những pháp chưa có ra đời gọi là không, như cái bình khi chưa ra khỏi bùn đất thì gọi là không có cái bình.

二者已滅之法名之為無。如瓶壞已名為無瓶。

nhị giả dĩ diệt chi Pháp danh chi vi vô 。

như bình hoại dĩ danh vi vô bình。
Hai là những pháp đã diệt mất gọi là không, như cái bình đã hư bể thì gọi là không có cái bình.

三者異相互無名之為無。如牛中無馬馬中無牛。

tam giả dị tướng hõ vô danh chi vi vô 。

như ngựa trung vô mã mã trung vô ngựa 。

Ba là không có tướng loại khác lẫn lộn nên gọi là không, như trong bò không có ngựa, trong ngựa không có bò.

四者畢竟無故名之為無。如龜毛兔角。瞿曇。

tứ giả tất cánh vô cố danh chi vi vô 。

như quy mao thỏ giác 。

Cồ Đàm 。

Bốn là hoàn toàn không nên gọi là không, như lông rùa sừng thỏ. Thừa Cồ Đàm!
若以除煩惱已名涅槃者。涅槃即無。若是無者。

nhược dĩ trừ phiền não dĩ danh Niết-bàn giả 。

Niết-bàn tức vô 。

nhược thị vô giả 。

Nếu vì đã dứt trừ phiền não mà gọi là Niết-bàn thì Niết-bàn liền không có. Nếu đã là không

云何言有常樂我淨。

vân hà ngôn hữu thường lạc ngã tịnh 。

thì sao lại gọi Niết-bàn là có thường, lạc, ngã, tịnh?

佛言。善男子。

Phật ngôn 。

Phật dạy: Này thiện nam tử!

如是涅槃非是先無同涅槃時瓶。亦非滅無同瓶壞無。

như thị Niết-bàn phi thị tiên vô đồng nê thì bình. diệt phi diệt vô đồng bình hoại vô 。
Niết-bàn này không phải trước kia không có như cái bình khi còn là khối đất, cũng không
phải dứt mất thành không như cái bình khi bị hư bể,
亦非畢竟無如龜毛兔角同於異無。善男子。

diệt phi tất cánh vô như quy mao thổ giác đồng ư dị vô 。 thiện nam tử 。

cũng không phải hoàn toàn không như lông rùa sừng thỏ mà Niết-bàn này đồng với khác
loại mà không. Này thiện nam tử!

如汝所言雖牛中無馬。不可說言牛亦是無。雖馬中無牛。

như nhữ sở ngôn tuy ngưu trung vô mã 。 bất khả thuyết ngôn ngưu diệt thị vô 。 tuy mã
trung vô ngưu 。

Như lời ông nói, trong bò không có ngựa, nhưng không được nói rằng bò cũng là không.

Tuy trong ngựa không có bò,

亦不可說馬亦是無涅槃亦爾。煩惱中無涅槃。

diệt bất khả thuyết mã diệt thị vô Niết-bàn diệt nhĩ 。 phiền não trung vô Niết-bàn 。

cũng không được nói rằng ngựa cũng không. Niết-bàn cũng như vậy. Trong phiền não
không có Niết-bàn,

涅槃中無煩惱。是故名為異相互無婆私吒言。

Niết-bàn trung vô phiền não 。 thị cố danh vi dị tương hổ vô Bà-tư-tra ngôn 。

Trong Niết-bàn không có phiền não, vì vậy gọi là không lẫn lộn tương khác nhau. Bà-tư-
tra nói:

瞿曇若以異無為涅槃者。夫異無者。

Cồ Đàm nhược dĩ dị vô vi Niết-bàn giả 。 phu dị vô giả 。

Thưa Cồ Đàm! Nếu cho Niết-bàn là không có tương lẫn lộn khác nhau, luận về sự không
khác nhau này

無常樂我淨。瞿曇。云何說言涅槃常樂我淨。佛言。

vô thường lạc ngã tịnh 。

Phật ngôn 。

không có thường, lạc, ngã, tịnh. Cồ Đàm sao lại nói rằng Niết-bàn là thường, lạc, ngã,

tịnh? Phật dạy:

善男子.如汝所說是異無者。有三種無。

thiện nam tử như nữ sở thuyết thị dị vô giả 。 hữu tam chủng vô 。

Này thiện nam tử! Như không tướng khác nhau của ông nói, có ba thứ không:

牛馬悉是先無後有。是名先無。已有還無是名壞無。

ngưu mã tất thị tiên vô hậu hữu 。 thị danh tiên vô 。 dĩ hữu hoàn vô thị danh hoại vô 。

Bò, ngựa đều là trước không sau có, đây gọi là trước không; Đã có trở thành không, đây gọi là hư hoại mà thành không,

異相無者。如汝所說。善男子。

dị tướng vô giả 。 như nữ sở thuyết 。 thiện nam tử 。

là không có tướng khác nhau như lời ông nói. Này thiện nam tử!

是三種無涅槃中無。是故涅槃常樂我淨。如世病人。一者熱病。

thị tam chủng vô Niết-bàn trung vô 。 thị cố Niết-bàn thường lạc ngã tịnh 。 như thế bệnh nhân 。 nhất giả nhiệt bệnh 。

Ba thứ này không có trong Niết-bàn, vì vậy Niết-bàn là thường, lạc, ngã, tịnh. Như ba thứ bệnh của người thế gian: Một là bệnh nhiệt,

二者風病。三者冷病。是三種病三藥能治。

nhị giả phong bệnh 。 tam giả lãnh bệnh 。 thị tam chủng bệnh tam dược năng trì 。

hai là bệnh phong, ba là bệnh hàn. Ba thứ bệnh này có ba thứ thuốc có thể trị được:

有熱病者蘇能治之。有風病者油能治之。

hữu nhiệt bệnh giả tô năng trì chi 。 hữu phong bệnh giả du năng trì chi 。

Bệnh nhiệt có cây tía tô để chữa trị, bệnh phong có tụy có thể chữa trị,

有冷病者蜜能治之。

hữu lãnh bệnh giả mật năng trì chi 。

bệnh hàn có mật ong chữa trị.

是三種藥能治如是三種惡病。善男子。風中無油油中無風。

thị tam chủng dược năng trì như thị tam chủng ác bệnh 。 thiện nam tử 。

Ba thứ thuốc này có thể chữa trị cho ba thứ bệnh ác. Này thiện nam tử! Trong bệnh phong không có tụy, trong tụy không có bệnh phong.

乃至蜜中無冷冷中無蜜。是故能治。一切眾生亦復如是。

nãi chí mật trung vô lãnh lãnh trung vô mật 。 thị cố năng trì 。 nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị 。

Nhẫn trong mật không có bệnh hàn, trong bệnh hàn không có mật, vì vậy có thể chữa trị được. Hết thầy chúng sanh cũng lại như vậy,

有三種病。一者貪二者瞋。三者癡。

hữu tam chủng bệnh 。 nhất giả tham nhị giả sân 。 tam giả si 。

có ba loại bệnh: Một là tham, hai là sân, ba là si.

如是三病有三種藥。不淨觀者能為貪藥。

như thị tam bệnh hữu tam chủng dược 。 bất tịnh quán giả năng vi tham dược 。

Ba loại bệnh này có ba thứ thuốc: Thuốc quán bất tịnh có thể trị bệnh tham,

慈心觀者能為瞋藥。觀因緣智能為癡藥。善男子。

từ tâm quán giả năng vi sân dược 。 quán nhân duyên trí năng vi si dược 。 thiện nam tử 。

Thuốc quán từ tâm có thể trị bệnh sân, thuốc quán nhân duyên trí có thể trị bệnh si. Đây thiện nam tử!

為除貪故作非貪觀。為除瞋故作非瞋觀。

vị trừ tham cố tác phi tham quán 。 vị trừ sân cố tác phi sân quán 。

Vì trừ bệnh tham nên quán pháp không phải tham, vì trừ bệnh sân nên quán pháp không phải sân,

為除癡故作非癡觀。三種病中無三種藥。

vị trừ si cố tác phi si quán 。 tam chủng bệnh trung vô tam chủng dược 。

vì trừ bệnh si nên quán pháp không phải si. Trong ba thứ bệnh không ba thứ thuốc trị,三種藥中無三種病。善男子。三種病中無三藥故。

tam chủng dược trung vô tam chủng bệnh 。 thiện nam tử 。

trong ba thứ thuốc không ba thứ bệnh. Đây thiện nam tử! Vì trong ba thứ bệnh không có ba thứ thuốc

無常無我無樂無淨。三種藥中無三種病。

vô thường vô ngã vô lạc vô tịnh 。 tam chủng dược trung vô tam chủng bệnh 。

nên vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Vì trong ba thứ thuốc không có ba thứ bệnh

是故得稱常樂我淨。婆私吒言。世尊。

thị cố đặc xưng thường lạc ngã tịnh 。 Bà-tư-tra ngôn 。 Thế Tôn 。
nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh. Bà-tư-tra nói: Bạch Thế Tôn!
如來為我說常無常。云何為常。云何無常。佛言。善男子。
Như Lai vị ngã thuyết thường vô thường 。 vân hà vi thường 。 vân hà vô thường 。 Phật
ngôn 。 thiện nam tử 。
Như Lai vì tôi mà nói thường và vô thường. Thế nào là thường? Thế nào là vô thường?
Phật dạy: Này thiện nam tử!
色是無常解脫色常。乃至識是無常解脫識常。
sắc thị vô thường giải thoát sắc thường 。 nãi chí thức thị vô thường giải thoát thức thường
。
Sắc là vô thường, giải thoát sắc là thường, cho đến thức là vô thường, giải thoát thức là
thường.
善男子。若有善男子善女人。
thiện nam tử 。 nhược hữu thiện nam tử thiện nữ nhân 。
Này thiện nam tử! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào
若觀色乃至識是無常者。當知是人獲得常法。婆私吒言。世尊。
nhược quán sắc nãi chí thức thị vô thường giả 。 đương tri thị nhân hoạch đắc thường
Pháp 。 Bà-tư-tra ngôn 。 Thế tôn 。
hoặc quán sắc cho đến thức là vô thường, phải biết người này chứng được pháp thường.
Bà-tư-tra nói: Bạch Thế Tôn!
我今已知常無常法。佛言。善男子。
ngã kim dĩ tri thường vô thường Pháp 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。
Tôi nay đã biết pháp thường và vô thường. Phật dạy: Này thiện nam tử!
汝云何知常無常法。婆私吒言。世尊。
nhữ vân hà tri thường vô thường Pháp 。 Bà-tư-tra ngôn 。 Thế Tôn 。
Ông biết thế nào về thường, vô thường? Bà-tư-tra nói: Bạch Thế Tôn!
我今知我色是無常得解脫常。乃至識亦如是。佛言。善男子。
ngã kim tri ngã sắc thị vô thường đắc giải thoát thường 。 nãi chí thức diệc như thị 。
Tôi nay biết sắc của tôi là vô thường, được giải thoát là thường, cho đến thức cũng lại như
vậy. Phật dạy: Này thiện nam tử!

汝今善哉已報是身。告憍陳如。是婆私吒。

nhữ kim Thiện tai dĩ báo thị thân 。 cáo kiêu trần như 。 thị Bà-tư-tra。

Hay thay! Ông nay đã đền xong thân này. Phật bảo Kiều-trần-như: Bà-tư-tra này
已證阿羅漢果。汝可施其三衣鉢器。

dĩ chứng A-la-hán quả 。 nhữ khả thí kỳ tam y bát khí 。

đã chứng quả A-la-hán quả. Ông nên ban cho Bà-tư-tra ba y và bình bát.

時憍陳如如佛所勅施其衣鉢。

thì kiêu trần như như Phật sở sắc thí kỳ y bát 。

Khi ấy Kiều-trần-như tuân lời Phật dạy mà trao y bát trao cho Bà-tư-tra.

時婆私吒受衣鉢已作如是言。大德憍陳如。

thì Bà-tư-tra thọ y bát dĩ tác như thị ngôn 。 Đại Đức Kiều-trần-như。

Khi Bà-tư-tra nhận y bát xong bèn thưa rằng: Đại Đức Kiều-trần-như!

我今因是弊惡之身得善果報。唯願大德。

ngã kim nhân thị tệ ác chi thân đắc thiện quả báo 。 duy nguyện Đại Đức 。

Tôi nay do thân tệ ác này mà được quả lành. Cúi mong Đại Đức

為我屈意至世尊所具宣我心。我既惡人觸犯如來稱瞿曇姓。

vì ngã khuất ý chí Thế tôn sở cụ tuyên ngã tâm 。 ngã ký ác nhân xúc phạm Như Lai xưng
Cồ Đàm tính 。

vì tôi mà đến bạch với Thế Tôn rằng: Tôi là người xấu ác, xúc phạm đến dòng họ Cồ Đàm
của Như Lai.

唯願為我懺悔此罪。我亦不能久住毒身今入涅槃。

duy nguyện vì ngã sám hối thử tội 。 ngã diệc bất năng cứu trụ độc thân kim nhập Niết-
bàn 。

Cúi mong Đại đức vì tôi mà sám hối giúp tội này. Tôi cũng không còn ở lâu nơi thân ác
độc này nữa. Nay xin nhập Niết-bàn.

時憍陳如即往佛所作如是言。世尊。

thì Kiều-trần-như tức vãng Phật sở tác như thị ngôn 。 Thế Tôn 。

Khi ấy Kiều-trần-như liền đi đến chỗ Phật mà bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

婆私吒比丘生慚愧心自言。

Bà-tư-tra Tỳ-kheo sanh tâm quý tâm tự ngôn 。

Tỳ-kheo Bà-tư-tra sanh lòng hổ thẹn, tự nói là

頑嚚觸犯如來稱瞿曇姓不能久住是毒蛇身今欲滅身寄我懺悔。

ngoan ngân xúc phạm Như Lai xưng Cồ Đàm tính bất năng cứu trụ thị độc xà thân kim dục diệt thân kí ngã sám hối 。

hung dữ đã xúc phạm họ Cồ Đàm của Như Lai, không còn ở lâu nữa nơi thân ác độc này. Nay muốn diệt thân, nhờ tôi sám hối.

佛言。憍陳如。

Phật ngôn Kiêu-trần-như。

Phật dạy: Này Kiêu-trần-như!

婆私吒比丘已於過去無量佛所成就善根。今受我語如法而住。

Bà-tư-tra Tỳ-kheo dĩ ư quá khứ vô lượng Phật sở thành tựu thiện căn 。

kim thọ ngã ngữ như Pháp nhi trụ 。

Tỳ-kheo Bà-tư-tra đã thành tựu căn lành từ vô lượng Phật đời quá khứ. Nay thọ giáo với Ta mà trụ đúng pháp,

如法住故獲得正果。汝等應當供養其身。

như Pháp trụ cố hoạch đắc chánh quả 。

nhữ đẳng ứng đương cung dưỡng kỳ thân 。

vì trụ đúng pháp nên chứng được chánh quả. Các ông phải nên cúng dường thân của ông ấy.

爾時憍陳如從佛聞已。還其身所而設供養。

nhĩ thì Kiêu-trần-như tòng Phật văn dĩ 。

hoàn kỳ thân sở nhi thiết cung dưỡng 。

Lúc bấy giờ Kiêu-trần-như nghe Phật dạy xong, đến nơi thân của Bà-tư-tra mà sắp bày đồ cúng dường.

時婆私吒於焚身時作種種神足。

thì Bà-tư-tra ư phần thân thì tác chủng chủng Thần túc 。

Khi Bà-tư-tra thiêu thân, hiện đủ các tứ thần thông.

諸外道輩見是事已高聲唱言。是婆私吒已得瞿曇沙門呪術。

chư ngoại đạo bối kiến thị sự dĩ cao thanh xưng ngôn 。

thị Bà-tư-tra dĩ đắc Cồ Đàm Sa-môn chú thuật 。

Các ngoại đạo thấy sự việc như vậy xong, liền cao giọng xưng rằng: Bà-tư-tra này đã được chú thuật của Sa-môn Cồ Đàm,

是人不久復當勝彼瞿曇沙門。

thị nhân bất cứu phục đương thắng bỉ Cồ Đàm Sa-môn 。

Người này không bao lâu sẽ thắng Sa-môn Cồ Đàm kia.

爾時眾中復有梵志名曰先尼。復作是言。

nhĩ thì chúng trung phục hữu phạm chí danh viết Tiên-ni 。 phục tác thị ngôn 。

Lúc bấy giờ trong chúng lại có Phạm Chí tên là Tiên-ni lại hỏi Phật rằng:

瞿曇有我耶。如來默然瞿曇無我耶。如來默然。

Cồ Đàm hữu ngã da 。 Như Lai mặc nhiên Cồ Đàm vô ngã da 。 Như Lai mặc nhiên 。

Cồ Đàm có ngã chẳng? Như Lai im lặng. Cồ Đàm vô ngã chẳng? Như Lai vẫn im lặng.

第二第三亦如是問。佛皆默然。先尼言。

đệ nhị đệ tam diệc như thị vấn 。

Lần thứ hai, thứ ba cũng hỏi như vậy. Phật đều im lặng. Tiên-ni nói:

瞿曇若一切眾生有我遍一切處是一作者。

Cồ Đàm nhược nhất thiết chúng sanh hữu ngã biến nhất thiết xứ thị nhất tác giả 。

Thưa Cồ Đàm! Nếu tất cả chúng sanh có ngã khắp tất cả chỗ là một tác giả,

瞿曇何故默然不答。佛言。先尼。

Cồ Đàm hà cố mặc nhiên bất đáp 。

thì vì sao Cồ Đàm im lặng không trả lời? Phật dạy: Này Tiên-ni!

汝說是我遍一切處耶。先尼答言。瞿曇。

nhữ thuyết thị ngã biến nhất thiết xứ da 。

Ông nói là ngã này khắp tất cả chỗ chẳng? Tiên-ni đáp: Thưa Cồ Đàm!

不但我說一切智人亦如是說。佛言。善男子。若我周遍一切處者。

bất đãn ngã thuyết nhất thiết trí nhân diệc như thị thuyết 。

nhược ngã châu biến nhất thiết xứ giả 。

Không những chỉ mình tôi nói mà tất cả những người trí cũng nói như vậy. Phật dạy: Này

thiện nam tử! Nếu ngã mà khắp tất cả chỗ,

應當五道一時受報。若有五道一時受報。

ứng đương ngũ đạo nhất thì thọ báo 。

đáng lẽ phải đồng thì thọ quả báo trong năm đường. Nếu đồng thì thọ báo trong năm

đường

汝等梵志。何因緣故不造眾惡為遮地獄。

nhữ đẳng phạm chí 。

hàng Phạm Chí các ông vì nhân duyên gì mà không tạo tác các việc ác để khỏi địa ngục,

修諸善法為受天身。先尼言。瞿曇。

tu chư thiện Pháp vi thọ Thiên thân 。 Tiên-ni ngôn 。 Cồ Đàm 。

mà lại tu các pháp lành để được thân Trời? Tiên-ni đáp: Thưa Cồ Đàm!

我法中我則有二種。一作身我。二者常身我。

ngã Pháp trung ngã tác hữu nhị chủng 。 nhất tác thân ngã 。 nhị giả thường thân ngã 。

Trong giáo pháp chúng tôi thì ngã có hai thứ: Một là ngã tác thân, hai là ngã thường thân.
為作身我修離惡法不入地獄。修諸善法生於天上。佛言。

vi tác thân ngã tu ly ác Pháp bất nhập Địa ngục 。 tu chư thiện Pháp sanh ư Thiên thượng
。 Phật ngôn 。

Vì ngã tác thân mà phải tu lìa pháp ác để không vào địa ngục, tu các pháp lành để được
sanh lên cõi Trời. Phật dạy:

善男子。如汝說我遍一切處。如是我者。

thiện nam tử 。 như nữ thuyết ngã biến nhất thiết xử 。 như thị ngã giả 。

Này thiện nam tử! Như lời ông nói ngã khắp tất cả chỗ. Ngã này

若作身中當知無常。若作身無云何言遍。瞿曇。

nhược tác thân trung đương tri vô thường 。 nhược tác thân vô vân hà ngôn biến 。 Cồ
Đàm 。

nếu ở trong tác thân phải biết là vô thường. Nếu trong tác thân không có ngã vô thường thì
vì sao nói là khắp? Thưa Cồ Đàm!

我所立我亦在作中亦是常法。瞿曇。

ngã sở lập ngã diệc tại tác trung diệc thị thường Pháp 。 Cồ Đàm 。

Ngã của chúng tôi lập cũng ở trong tác thân, mà cũng là pháp thường trụ. Thưa Cồ Đàm!
如人失火燒舍宅時其主出去。

như nhân thất hỏa thiêu xá trạch thì kỳ chủ xuất khứ 。

Như người để lửa cháy nhà, khi ấy người chủ nhà phải chạy ra ngoài,

不可說言舍宅被燒主亦被燒。我法亦爾。而此作身雖是無常。

bất khả thuyết ngôn xá trạch bị thiêu chủ diệc bị thiêu 。 ngã Pháp diệc nhĩ 。 nhi thử tác
thân tuy thị vô thường 。

không thể nói rằng nhà bị thiêu cháy, người chủ nhà cũng phải thiêu cháy. Ngã này cũng
như vậy, mà tác thân này tuy là vô thường.

當無常時我則出去。是故我亦遍亦常。佛言。

đương vô thường thì ngã tắc xuất khứ 。 thị cố ngã ngã diệc biến diệc thường 。 Phật ngôn
。

Đương lúc tác thân là vô thường, ngã này xuất ra đi. Vì vậy, ngã này cũng là khắp, cũng là thường trụ. Phật dạy:

善男子。如汝說我亦遍亦常。是義不然。

thiện nam tử 。 như nữ thuyết ngã diệc biến diệc thường 。 thị nghĩa bất nhiên 。

Này thiện nam tử! Như lời ông nói ngã cũng khắp, cũng là thường trụ, nghĩa này không đúng.

何以故。遍有二種。一者常。二者無常。復有二種。

hà dĩ cố 。 biến hữu nhị chủng 。 nhất giả thường 。 nhị giả vô thường 。 phục hữu nhị chủng 。

Vì sao vậy? Vì khắp có hai thứ: Một là thường, hai là vô thường. Lại khắp có hai thứ:

一色二無色。是故若言一切有者。

nhất sắc nhị vô sắc 。 thị cố nhược ngôn nhất thiết hữu giả 。

Một là sắc, hai là vô sắc. Vì vậy nếu nói khắp tất cả có thì

亦常亦無常。亦色亦無色。若言舍主得出不名無常。

diệc thường diệc vô thường 。 diệc sắc diệc vô sắc 。 nhược ngôn xá chủ đắc xuất bất danh vô thường 。

cũng là thường, cũng là vô thường; cũng là sắc, cũng là vô sắc. Nếu nói người chủ nhà chạy ra khỏi nên không gọi là vô thường,

是義不然。何以故。舍不名主主不名舍。

thị nghĩa bất nhiên 。 hà dĩ cố 。 xá bất danh chủ chủ bất danh xá 。

nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì nhà không gọi là chủ, chủ không gọi là nhà,

異燒異出故得如是。我則不爾。何以故。

dị thiêu dị xuất cố đắc như thị 。 ngã tắc bất nhĩ 。 hà dĩ cố 。

cái bị cháy khác, người chạy ra khác, nên được như vậy. Ngã này không phải như vậy. Vì sao?

我即是色色即是我。無色即我我即無色。

ngã tức thị sắc sắc tức thị ngã 。 vô sắc tức ngã ngã tức vô sắc 。

Vì ngã chính là sắc, sắc chính là ngã, vô sắc chính là ngã, ngã chính là vô sắc

云何而言色無常時我則得出。善男子。

vân hà nhi ngôn sắc vô thường thì ngã tắc đắc xuất 。 thiện nam tử 。
sao lại nói rằng đương lúc sắc thân vô thường ngã xuất ra khỏi? Này thiện nam tử!
汝意若謂一切眾生同一我者。如是即違世出世法。何以故。
nhữ ý nhược vị nhất thiết chúng sanh đồng nhất ngã giả 。 như thị tức vi thể xuất thế Pháp
。 hà dĩ cố 。

Ý ông nếu cho rằng hết thảy chúng sanh đồng một ngã, như vậy là trái với pháp thế gian
và xuất thế gian. Vì sao vậy?
世間法名父子母女。若我是一。
thế gian Pháp danh phụ tử mẫu nữ 。 nhược ngã thị nhất 。

Vi pháp thế gian có cha mẹ, con trai con gái. Nếu ngã là một
父即是子子即是父。母即是女女即是母。怨即是親親即是怨。
phụ tức thị tử tử tức thị phụ 。

mẫu tức thị nữ nữ tức thị mẫu 。

oán tức thị thân thân tức thị
oán 。

thì cha là con, con là cha, mẹ là con gái, con gái là mẹ, oán là thân, thân là oán,
此即是彼彼即是此。

thử tức thị bỉ bỉ tức thị thử 。

đây là kia, kia là đây.
是故若說一切眾生同一我者。是即違背世出世法。先尼言。
thị cố nhược thuyết nhất thiết chúng sanh đồng nhất ngã giả 。

thị tức vi bối thể xuất thế
Pháp 。

Tiên-ni ngôn 。

Vi vậy, nếu nói tất cả chúng sanh cùng một ngã thì trái ngược với pháp thế gian và xuất
thế gian. Tiên-ni thưa:
我亦不說一切眾生同於一我。乃說一人各有一我。
ngã diệc bất thuyết nhất thiết chúng sanh đồng ư nhất ngã 。

nãi thuyết nhất nhân các
hữu nhất ngã 。

Tôi cũng không nói tất cả chúng sanh cùng ở một ngã mà nói mỗi người đều có một ngã。
佛言。善男子。若言一人各有一我是為多我。
Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

nhược ngôn nhất nhân các hữu nhất ngã thị vi đa ngã 。

Phật dạy: Này thiện nam tử! Nếu nói mỗi người đều có một ngã, đây là nhiều ngã,
是義不然。何以故。如汝先說我遍一切。
thị nghĩa bất nhiên 。

hà dĩ cố 。

như nữ tiên thuyết ngã biến nhất thiết 。

nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Vì như trước ông nói ngã khắp tất cả chỗ,
若遍一切一切眾生業根應同。

nhược biến nhất thiết nhất thiết chúng sanh nghiệp căn ứng đồng 。

nếu đã khắp tất cả chỗ thì nghiệp căn của tất cả chúng sanh phải giống nhau:

天得見時佛得亦見。天得作時佛得亦作。天得聞時佛得亦聞。

Thiên đắc kiến thì Phật đắc diệc kiến 。

Thiên đắc tác thì Phật đắc diệc tác 。

Thiên đắc văn thì Phật đắc diệc văn 。

Lúc được trời mà thấy, thì lúc được Phật cũng thấy, lúc được thân trời làm thì lúc được Phật cũng làm. Lúc được Trời mà nghe lúc được Phật cũng nghe.

一切諸法皆亦如是。若天得見非佛得見者。

nhất thiết chư Pháp giai diệc như thị 。

nhược Thiên đắc kiến phi Phật đắc kiến giả 。

Hết thầy các pháp cũng lại như vậy, Nếu được thân trời mà thấy không phải là được Phật mà thấy thì

不應說我遍一切處。若不遍者是即無常。

bất ứng thuyết ngã biến nhất thiết xứ。nhược bất biến giả thị tức vô thường 。

không nên nói rằng ngã khắp tất cả chỗ. Nếu ngã không khắp tất cả chỗ thì chính là vô thường.

先尼言。瞿曇。一切眾生我遍一切。

Tiên-ni ngôn 。

Cồ Đàm 。

nhất thiết chúng sanh ngã biến nhất thiết 。

Tiên-ni nói: Thưa Cồ Đàm! Ngã của hết thầy chúng sanh khắp tất cả.

法與非法不遍一切。以是義故。佛得作異天得作異。

Pháp dữ phi Pháp bất biến nhất thiết 。

dĩ thị nghĩa cố 。

Phật đắc tác dị Thiên đắc tác dị 。

Pháp và phi pháp không khắp tất cả. Do nghĩa này nên tác dụng của Phật khác, tác dụng của Trời khác.

是故瞿曇。不應說言佛得見時天得應見。

thị cố Cồ Đàm 。

bất ứng thuyết ngôn Phật đắc kiến thì Thiên đắc ứng kiến 。

Vì vậy Cồ Đàm không nên nói rằng: Lúc Phật thấy lẽ ra trời cũng thấy.

佛得聞時天得應聞。佛言。善男子。

Phật đắc văn thì Thiên đắc ứng văn 。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

Lúc Phật nghe, trời cũng nên nghe. Phật dạy: Này thiện nam tử!

法與非法非業作耶。先尼言。瞿曇。是業所作。佛言。善男子。

Pháp dữ phi Pháp phi nghiệp tác da 。 Tiên-ni ngôn 。 Cồ Đàm 。 thị nghiệp sở tác 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

Pháp và phi pháp không phải do nghiệp làm ra ư? Tiên-ni thưa: Thưa Cồ Đàm! Là do nghiệp làm ra. Phật dạy: Này thiện nam tử!

若法非法是業作者。即是同法云何言異。

nhược Pháp phi Pháp thị nghiệp tác giả 。 tức thị đồng Pháp vân hà ngôn dị 。

Nếu pháp và phi pháp là do nghiệp làm ra thì chính là pháp, sao lại nói khác?

何以故。佛得業處有天得我。天得業處有佛得我。

hà dĩ cố 。

Phật đắc nghiệp xử hữu Thiên đắc ngã 。

Thiên đắc nghiệp xử hữu Phật đắc ngã 。

Vì sao vậy? Vì chỗ nghiệp của Phật có ngã của trời, chỗ ngã của trời có ngã của Phật, 是故佛得作時天得亦作。

thị cố Phật đắc tác thì Thiên đắc diệc tác 。

vì vậy nên lúc Phật tác dụng, trời cũng tác dụng.

法與非法亦應如是。善男子。

Pháp dữ phi Pháp diệc ứng như thị 。

thiện nam tử 。

Pháp cùng phi Pháp cũng phải như vậy. Này thiện nam tử!

是故一切眾生法與非法若如是者。所得果報亦應不異。善男子。

thị cố nhất thiết chúng sanh Pháp dữ phi Pháp nhược như thị giả 。

sở đắc quả báo diệc ứng bất dị 。

thiện nam tử 。

Vì vậy, nếu tất cả chúng sanh, pháp cùng phi pháp là như vậy, thì được quả báo cũng không nên khác. Này thiện nam tử!

從子出果是子終不思惟分別。我唯當作婆羅門果。

tòng tử xuất quả thị tử chung bất tư duy phân biệt 。

ngã duy đương tác Bà-la-môn quả 。

Từ chủng tử sanh ra quả, chủng tử này trọn không suy nghĩ phân biệt rằng: Ta chỉ nên làm quả Bà-la-môn,

不與剎利毘舍首陀而作果也。何以故。

bất dữ sát lợi Tì-xá thủ đà nhi tác quả dã 。

hà dĩ cố 。

không làm quả cho Sát Lợi, Tỳ Xá, Thủ Đà La. Vì sao vậy?

從子出果終不障礙如是四姓。法與非法亦復如是。

tòng tử xuất quả chung bất chướng ngại như thị tứ tính 。 Pháp dữ phi Pháp diệc phục như thị 。

Vì từ chủng tử mà sanh ra quả trọn không chướng ngại đối với bốn dòng như vậy. Pháp và phi pháp cũng lại như vậy,

不能分別我唯當與。佛得作果。不與天得作果。

bất năng phân biệt ngã duy đương dữ 。 Phật đắc tác quả 。 bất dữ Thiên đắc tác quả 。 không thể phân biệt rằng: Ta chỉ nên làm quả Phật, không làm quả Trời,

作天得果不作佛得果。何以故。業平等故。

tác Thiên đắc quả bất tác Phật đắc quả 。 hà dĩ cố 。 nghiệp bình đẳng cố 。

hoặc ta chỉ làm quả Trời, không làm quả Phật. Vì sao vậy? Vì nghiệp bình đẳng vậy.

先尼言。瞿曇。譬如一室有百千燈。

Tiên-ni ngôn 。 Cồ Đàm 。 thí như nhất thất hữu bách thiên đăng 。

Tiên-ni nói: Thưa Cồ Đàm! Thí như trong một ngôi nhà có trăm ngàn cây đèn,

炷雖有異明則無差。燈炷別異喻法非法。

chú tuy hữu dị minh tắc vô sai 。

đăng chú biệt dị dụ Pháp phi Pháp 。

ngọn đèn tuy có khác nhưng ánh sáng không sai khác. Ngọn đèn khác nhau dụ cho pháp và phi pháp.

其明無差喻眾生我。佛言。善男子。汝說燈明以喻我者。

kỳ minh vô sai dụ chúng sanh ngã 。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

nhữ thuyết đăng minh dĩ dụ ngã giả 。

Ánh sáng không sai khác dụ cho ngã của chúng sanh . Phật dạy: Này thiện nam tử! Ông nói đèn sáng dụ cho ngã,

是義不然。何以故。室異燈異。

thị nghĩa bất nhiên 。

hà dĩ cố 。

thất dị đăng dị 。

nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Vì nhà khác, đèn khác.

是燈光明亦在炷邊亦遍室中。汝所言我若如是者。

thị đăng quang minh diệc tại chú biên diệc biến thất trung 。

nhữ sở ngôn ngã nhược như thị giả 。

Ánh sáng của đèn cũng ở bên cạnh đèn, cũng ở khắp trong nhà. Như lời ông nói nếu ngã như vậy

法非法邊俱應有我。我中亦應有法非法。

Pháp phi Pháp biên câu ứng hữu ngã 。 ngã trung diệc ứng hữu Pháp phi Pháp 。
thì bên pháp và phi pháp đều phải nên có ngã. Trong ngã cũng phải có pháp và phi pháp.
若法非法無有我者。不得說言遍一切處。

nhược Pháp phi Pháp vô hữu ngã giả 。 bất đắc thuyết ngôn biến nhất thiết xứ。
Nếu pháp và phi pháp không có ngã, thì không nên nói rằng ngã khắp tất cả chỗ。
若俱有者何得復以炷明為喻。善男子。

nhược câu hữu giả hà đắc phục dĩ chú minh vi dụ 。 thiện nam tử 。

Nếu đều chung có cả, thì sao được dùng đèn và ánh sáng để làm thí dụ? Này thiện nam tử!

汝意若謂炷之與明真實別異。何因緣故。炷增明盛炷枯明滅。

nhữ ý nhược vị chú chi dĩ minh chân thật biệt dị 。 hà nhân duyên cố 。 chú tăng minh
thịnh chú khô minh diệt 。

Nếu ý của ông cho rằng đèn và ánh sáng của đèn thật sự khác nhau, vậy vì nhân duyên
gì ngọn đèn tăng thêm thì ánh sáng mạnh, ngọn đèn khô thì ánh sáng mất?

是故不應以法非法喻於燈炷。

thị cố bất ứng dĩ Pháp phi Pháp dụ ư đấng chú 。

Vì vậy không nên đem pháp và phi pháp dụ như ngọn đèn,

光明無差喻於我也。何以故。法非法我三事即一。先尼言。

Quang minh vô sai dụ ư ngã dã 。 hà dĩ cố 。 Pháp phi Pháp ngã tam sự tức nhất 。 Tiên-
ni ngôn 。

Ánh sáng không sai khác dụ cho ngã. Vì pháp và phi pháp cùng với ngã ba thứ làm một.

Tiên-ni thưa:

瞿曇。汝引燈喻是事不吉。何以故。

Cồ Đàm 。 nhữ dẫn đấng dụ thị sự bất cát 。 hà dĩ cố 。

Thưa Cồ Đàm! Ngài dẫn ví dụ ngọn đèn, việc đó không tốt. Vì sao?

燈喻若吉我已先引。如其不吉何故復說。善男子。

đăng dụ nhược cát ngã dĩ tiên dẫn 。 như kỳ bất cát hà cố phục thuyết 。 thiện nam tử 。

Vì nếu ví dụ ngọn đèn à tốt thì tôi đã dẫn trước rồi. Như ví dụ đó không tốt thì vì sao Ngài
lại nói? Này thiện nam tử!

我所引喻都亦不作吉以不吉隨汝意說。

ngã sở dẫn dụ đô diệc bất tác cát dĩ bất cát tùy nhữ ý thuyết 。

Ví dụ Ta dẫn ra đó đều không làm tốt, cùng không tốt, đó là theo ý của ông để nói.

是喻亦說離炷有明即炷有明。汝心不等故說。

thị dụ diệt thuyết ly chú hữu minh tức chú hữu minh 。 như tâm bất đẳng cố thuyết 。

Ví dụ này cũng nói lia ngọn đèn có ánh sáng và chính nơi ngọn đèn có ánh sáng. Tâm ông không bình đẳng nên nói

燈炷喻法非法明則喻我。是故責汝。

đăng chú dụ Pháp phi Pháp minh tắc dụ ngã 。

ngọn đèn dụ cho pháp cùng phi pháp, ánh sáng dụ cho ngã. Vì vậy Ta trách ông:

炷即是明離炷有明。法即有我我即有法。

chú tức thị minh ly chú hữu minh 。

Pháp tức hữu ngã ngã tức hữu Pháp 。

Ngọn đèn chính là ánh sáng, rời ngọn đèn có ánh sáng. Trong pháp có ngã, trong ngã có pháp,

非法即我我即非法。汝今何故但受一邊不受一邊。

phi Pháp tức ngã ngã tức phi Pháp 。

như kim hà cố dẫn thọ nhất biên bất thọ nhất biên 。

trong phi pháp có ngã, trong ngã có phi pháp. Ông nay vì sao chỉ nhận lấy một bên không nhận một bên?

如是喻者於汝不吉。是故我今還以破汝。善男子。

như thị dụ giả ư như bất cát 。

thị cố ngã kim hoàn dĩ phá như 。

thiện nam tử 。

Ví dụ như vậy là không tốt đối với ông, nên nay Ta trở lại dẫn ví dụ đó để dạy bảo ông.

Này thiện nam tử!

如是喻者即是非喻。

như thị dụ giả tức thị phi dụ 。

Ví dụ như vậy chính là không phải ví dụ,

是非喻故於我則吉於汝不吉。善男子。汝意若謂若我不吉汝亦不吉。

thị phi dụ cố ư ngã tắc cát ư như bất cát 。

thiện nam tử 。

như ý nhược vị nhược ngã bất cát như diệt bất cát 。

vì không phải ví dụ nên đối với Ta là tốt, mà không tốt đối với ông. Này thiện nam tử! Nếu ý ông cho rằng: Nếu tôi không tốt thì Ngài cũng không tốt,

是義不然。何以故。

thị nghĩa bất nhiên 。

nghĩa này không đúng. Vì sao vậy?

見世間人自刀自害自作他用。汝所引喻亦復如是。

kiến thế gian nhân tự đao tự hại tự tác tha dụng 。 nhữ sở dẫn dụ diệc phục như thị 。

Vì thấy người thế gian dùng sức mình để hại lấy mình, tự mình làm ra người khác thọ

dụng. Ví dụ của ông dẫn ra cũng lại như vậy,

於我則吉於汝不吉。先尼言。瞿曇。汝先責我心不平等。

ư ngã tắc cát ư nhữ bất cát 。 Tiên-ni ngôn 。 Cồ Đàm 。 nhữ tiên trách ngã tâm bất bình

đẳng 。

đối với Ta là tốt, đối với ông không tốt. Tiên-ni thưa: Thưa Cồ Đàm! Như trước Ngài trách
tôi tâm không bình đẳng,

今汝所說亦不平等。何以故。瞿曇。

kim nhữ sở thuyết diệc bất bình đẳng 。 hà dĩ cố 。 Cồ Đàm 。

nay lời nói của Ngài cũng không bình đẳng. Vì sao vậy? Thưa Cồ Đàm!

今者以吉向己不吉向我。以是推之真是不平。佛言。善男子。

kim giả dĩ cát hướng kỷ bất cát hướng ngã 。 dĩ thị thôi chi chân thị bất bình 。

Phật ngôn
。 thiện nam tử 。

Vì nay Ngài lấy tốt về mình, không tốt lại để cho tôi, do đây mà suy thì thật là không bình
đẳng. Phật dạy: Này thiện nam tử!

如我不平能破汝不平。

như ngã bất bình năng phá nhữ bất bình 。

Sự bất bình đẳng của Ta có thể phá được bất bình đẳng của ông.

是故汝平我之不平即是吉也。我之不平破汝不平。

thị cố nhữ bình ngã chi bất bình tức thị cát dã 。

ngã chi bất bình phá nhữ bất bình 。

Vì vậy nên ông được bình đẳng, sự bất bình đẳng của Ta chính là tốt vậy. Sự bất bình

đẳng của Ta phá sự bất bình đẳng của ông

令汝得平即是我平。何以故。同諸聖人得平等故。先尼言。

linh nhữ đắc bình tức thị ngã bình 。

hà dĩ cố 。

đồng chư Thánh nhân đắc bình đẳng cố 。

Tiên-ni ngôn 。

làm cho ông được bình đẳng, chính là Ta bình đẳng. Vì sao vậy? Vì đồng được với các
Thánh nhân. Tiên-ni nói:

瞿曇。我常是平。汝云何言壞我不平。

Cồ Đàm 。 ngã thường thị bình 。 nhữ vân hà ngôn hoại ngã bất bình 。

Ngã thường là bình đẳng, sao Ngài lại nói phá hoại sự bất bình đẳng của tôi?

一切眾生平等有我。云何言我是不平耶。善男子。

nhất thiết chúng sanh bình đẳng hữu ngã 。 vân hà ngôn ngã thị bất bình da 。 thiện nam tử 。

Hết thầy chúng sanh bình đẳng có ngã, sao Ngài nói rằng ngã là bất bình? Này thiện nam tử!

汝亦說言。

nhữ diệc thuyết ngôn 。

Ông cũng nói rằng:

當受地獄當受餓鬼當受畜生當受人天。我若先遍五道中者。云何方言當受諸趣。

đương thọ Địa-ngục đương thọ nạ quý đương thọ súc sanh đương thọ nhân Thiên 。 ngã nhược tiên biến ngũ đạo trung giả 。

vân hà phương ngôn đương thọ chư thú 。

sẽ thọ địa ngục, sẽ thọ nạ quý, sẽ thọ súc sanh, sẽ thọ người, trời. Nếu ngã trước đã khắp trong năm đường, sao vì sao lại nói sẽ thọ quả nơi các loài?

汝亦說言父母和合然後生子。

nhữ diệc thuyết ngôn phụ mẫu hòa hợp nhiên hậu sanh tử 。

ông cũng nói rằng cha mẹ hòa hợp rồi sau mới sanh con.

若子先有云何復言和合已有。是故一人有五趣身。

nhược tử tiên hữu vân hà phục ngôn hòa hợp dĩ hữu 。

thị cố nhất nhân hữu ngũ thú thân 。

Nếu con đã có trước, sao ông lại nói hòa hợp rồi mới có? Vì vậy, nếu một người có thân trong năm đường,

若是五處先有身者。何因緣故為身造業。

nhược thị ngũ xử tiên hữu thân giả 。

hà nhân duyên cố vi thân tạo nghiệp 。

nếu năm đường đó trước đã có thân, vì nhân duyên gì lại vì thân mà tạo nghiệp?

是故不平。善男子。汝意若謂我是作者。是義不然。

thị cố bất bình 。

thiện nam tử 。

nhữ ý nhược vị ngã thị tác giả 。

thị nghĩa bất nhiên 。

Vì vậy không bình đẳng. Này thiện nam tử! Ý của ông nếu cho rằng ngã là tác giả, nghĩa này không đúng.

何以故。若我作者。

hà dĩ cố 。 nhược ngã tác giả 。

Vì sao? Vì nếu ngã là tác giả thì

何因緣故自作苦事然今眾生實有受苦。是故當知我非作者。

hà nhân duyên cố tự tác khổ sự nhiên kim chúng sanh thật hữu thọ khổ 。 thị cố đương tri
ngã phi tác giả 。

vì nhân duyên gì ngã lại làm ra sự khổ? Nhưng hiện nay chúng sanh thật có thọ khổ, vì
vậy biết rằng ngã không phải tác giả.

若言是苦非我所作不從因生。

nhược ngôn thị khổ phi ngã sở tác bất tòng nhân sanh 。

Nếu ông nói rằng sự khổ này không phải ngã làm ra, không do nơi nhân sanh,

一切諸法亦當如是不從因生。何因緣故說我作耶。善男子。

nhất thiết chư Pháp diệc đương như thị bất tòng nhân sanh 。 hà nhân duyên cố thuyết
ngã tác da 。 thiện nam tử 。

thì hết thấy các pháp cũng lại như vậy, không từ nhân sanh, vì nhân duyên gì lại nói do
ngã làm ra? Nay thiện nam tử!

眾生苦樂實從因緣。如是苦樂能作憂喜。

chúng sanh khổ lạc thật tòng nhân duyên 。 như thị khổ lạc năng tác ưu hỉ 。

Sự khổ vui của chúng sanh thật từ nơi nhân duyên. Sự khổ vui này có thể làm cho chúng
sanh lo và mừng.

憂時無喜喜時無憂或喜或憂。智人云何說是常耶。

ưu thì vô hỉ hỉ thì Vô ưu hoặc hỉ hoặc ưu 。 trí nhân vân hà thuyết thị thường da 。

Khi lo không mừng, khi mừng không lo, hoặc mừng hoặc lo, người trí sao nói đó là thường
ư?

善男子。汝說我常。

thiện nam tử 。 nhữ thuyết ngã thường 。

Nay thiện nam tử! Ông nói ngã là thường.

若是常者云何說有十時別異。常法不應有歌羅邏時乃至老時。

nhược thị thường giả vân hà thuyết hữu thập thì biệt dị 。

Nếu ngã là thường, sao lại nói mười thì kỳ sai khác? Pháp thường không nên có thì kỳ diệu
thai, cho đến thì kỳ già.

虛空常法尚無一時況有十時。善男子。

hư không thường Pháp thường vô nhất thì hưởng hữu thập thì 。 thiện nam tử 。

Pháp thường như hư không còn không có một thì kỳ hưởng là mười thì kỳ. Nay thiện nam tử!

我者非是歌羅邏時乃至老時。云何說有十時別異。

ngã giả phi thị ca la lá thì nãi chí lão thì 。 vân hà thuyết hữu thập thì biệt dị 。

Nếu không phải là thì kỳ đậu thai cho đến không phải thì kỳ già, sao lại nói có mười thì kỳ khác nhau?

善男子。若我作者。是我亦有盛時衰時。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử! Nếu ngã là tác giả, ngã này cũng có lúc thịnh lúc suy.

眾生亦有盛時衰時。若我爾者云何是常。善男子。

chúng sanh diệc hữu thịnh thì suy thì 。

Chúng sanh cũng có lúc thịnh lúc suy. Nếu ngã đã như vậy vì sao lại là thường? Nay thiện nam tử!

我若作者。云何一人有利有鈍。善男子。我若作者。

ngã nhược tác giả 。

Nếu ngã là tác giả, vì sao một người lại có khôn lanh, có đần độn? Nay thiện nam tử!

Nếu ngã là tác giả,

是我能作身業口業。口業若是我所作者。

thị ngã năng tác thân nghiệp khẩu nghiệp 。

ngã này có thể làm ra thân nghiệp và khẩu nghiệp. Khẩu nghiệp nếu đã do ngã làm ra

云何口說無有我耶。云何自疑有耶無耶。

vân hà khẩu thuyết vô hữu ngã da 。

sao miệng lại nói không có ngã ư? Sao lại tự nghi có ngã hay không có ngã?

善男子。汝意若謂離眼有見。是義不然。何以故。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử! Ý ông, nếu cho rằng lìa nhãn căn có sự thấy, nghĩa này không đúng. Vì sao vậy?

若離眼已別有見者何須此眼。

nhược ly nhãn dĩ biệt hữu kiến giả hà tu thử nhãn 。

Vì nếu lìa nhãn căn đã có sự thấy thì cần gì đến nhãn căn này?

乃至身根亦復如是。汝意若謂我雖能見要因眼見。

nãi chí thân căn diệc phục như thị 。

nhữ ý nhược vị ngã tuy năng kiến yếu nhân nhãn kiến 。

Cho đến thân căn cũng lại như vậy. Ý ông, nếu cho rằng ngã tuy có thể thấy nhưng phải do nhãn căn mới thấy,

是亦不然。何以故。如有人言須曼那花能燒大村。

thị diệc bất nhiên 。

hà dĩ cố 。

như hữu nhân ngôn Tu-mạn-na hoa năng thiêu Đại thôn 。

nghĩa này cũng không đúng. Vì sao vậy? Như có người nói rằng hoa Tu-mạn-na có thể thiêu cháy cả thôn xóm lớn.

云何能燒因火能燒。汝立我見亦復如是。

vân hà năng thiêu nhân hỏa năng thiêu 。

nhữ lập ngã kiến diệc phục như thị 。

Vì sao có thể thấy? Vì lửa có thể cháy. Ông lập ngã có thể thấy cũng lại như vậy.

先尼言。瞿曇。如人執鎌則能刈草。

Tiên-ni ngôn 。

Cồ Đàm 。

như nhân chấp liêm tắc năng ngải thảo 。

Tiên-ni nói: Thưa Cồ Đàm! Như người cầm liềm thì có thể cắt cỏ.

我因五根見聞至觸亦復如是。善男子。

ngã nhân ngũ căn kiến văn chí xúc diệc phục như thị 。

thiện nam tử 。

Ngã do nơi năm căn mà thấy nghe, cho đến xúc cũng lại như vậy. Này thiện nam tử!

人鎌各異是故執鎌能有所作。離根之外更無別我。

nhân liêm các dị thị cố chấp liêm năng hữu sở tác 。

ly căn chi ngoại canh vô biệt ngã 。

Người và liềm đều khác nhau, nên người cầm liềm có thể cắt được cỏ. Lìa ngoài năm căn không ngã riêng khác,

云何說言我因諸根能有所作。善男子。

vân hà thuyết ngôn ngã nhân chư căn năng hữu sở tác 。

thiện nam tử 。

sao lại nói rằng ngã nhân nơi năm căn mà có tác dụng? Này thiện nam tử!

汝意若謂執鎌能刈。我亦如是。是我有手耶為無手乎。

nhữ ý nhược vị chấp liêm năng ngải 。

ngã diệc như thị 。

thị ngã hữu thủ da vi vô thủ hồ 。

Ý ông, nếu cho rằng vì cầm liềm nên có thể cắt cỏ, ngã cũng như vậy. Như vậy ngã này có tay hay không tay?

若有手者何不自執。

nhược hữu thủ giả hà bất tự chấp 。

Nếu có tay vì sao không tự cầm?

若無手者云何說言我是作者。善男子。能刈草者即是鎌也。非我非人。

nhược vô thủ giả vân hà thuyết ngôn ngã thị tác giả 。

Nếu ngã không có tay vì sao nói ngã là tác giả? Nay thiện nam tử! Có thể cắt cỏ đó chính là cái liềm, không phải ngã, cũng không phải người.

若我人能何故因鎌。善男子。人有二業。

nhược ngã nhân năng hà cố nhân liềm 。

Nếu ngã và người có thể cắt, vì sao nhân nơi cái liềm? Nay thiện nam tử! Người có hai hành động:

一則執草。二則執鎌。是鎌唯有能斷之功。

nhất tắc chấp thảo 。

Một là nắm lấy cỏ, hai là cầm lấy liềm. Cái liềm này chỉ có công năng xén cắt.

眾生見法亦復如是。眼能見色從和合生。

chúng sanh kiến Pháp diệc phục như thị 。

Chúng sanh thấy các pháp cũng lại như vậy. Nhân căn có thể thấy sắc từ nhân duyên hòa hợp sanh.

若從因緣和合見者。智人云何說言有我。善男子。

nhược tông nhân duyên hòa hợp kiến giả 。

Nếu đã từ nhân duyên hòa hợp mà thấy, người trí sao lại nói là có ngã? Nay thiện nam tử! 汝意若謂身作我受。是義不然。何以故。

nhữ ý nhược vị thân tác ngã thọ 。

Ý ông, nếu cho rằng thân làm nãi chịu, nghĩa này không đúng. Vì sao vậy?

世間不見天得作業佛得受果。若言不是身作我非因受。

thế gian bất kiến Thiên đắc tác nghiệp Phật đắc thọ quả 。

Vì ở đời không thấy trời tạo nghiệp mà Phật thọ quả. Nếu nói rằng không phải thân làm, ngã không phải thọ,

汝等何故從於因緣求解脫耶。

nhữ đẳng hà cố tòng ư nhân duyên cầu giải thoát da 。

các ông vì sao từ nhân duyên tu hành để cầu giải thoát?

汝先是身非因緣生。得解脫已亦應非因而更生身。

nhữ tiên thị thân phi nhân duyên sanh 。

đắc giải thoát dĩ diệc ứng phi nhân nhi canh sanh thân 。

Thân này của ông trước kia không phải từ nhân duyên sanh. Được giải thoát rồi cũng phải không từ nhân duyên mà lại sanh ra thân.

如身一切煩惱亦應如是。先尼言。瞿曇。我有二種。

như thân nhất thiết phiền não diệc ứng như thị 。

Tiên-ni ngôn 。

Cồ Đàm 。

ngã hữu nhị chủng 。

Như thân, tất cả phiền não cũng phải như vậy. Tiên-ni thưa: Thưa Cồ Đàm! Ngã có hai thứ:

一者有知。二者無知。無知之我能得於身。

nhất giả hữu tri 。

nhị giả vô tri 。

vô tri chi ngã năng đắc ư thân 。

Một là hữu tri, hai là vô tri. Ngã vô tri có thể được thân.

有知之我能捨離身。

hữu tri chi ngã năng xả ly thân 。

Ngã hữu tri có thể lìa bỏ thân.

猶如坏瓶既被燒已失於本色更不復生。智者煩惱亦復如是。

do như khô bình ký bị thiêu dĩ thất ư bản sắc canh bất phục sanh 。

trí giả phiền não diệc phục như thị 。

Như cái bình đất khi đã nung rồi thì mất màu sắc đất, không còn sanh trở lại. Phiền não của người trí cũng lại như vậy,

既滅壞已終不更生。佛言。善男子。所言知者。

ký diệt hoại dĩ chung bất canh sanh 。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

sở ngôn tri giả 。

đã bị hoại diệt rồi không còn sanh lại nữa. Phật dạy: Này thiện nam tử! Chỗ ông nói tri đó là

智能知耶我能知乎。

trí năng tri da ngã năng tri hồ 。

trí có thể biết hay ngã có thể biết?

若智能知何故說言我是知耶。若我知者何故方便更求於智。

nhược trí năng tri hà cố thuyết ngôn ngã thị tri da 。

nhược ngã tri giả hà cố phương tiện
canh cầu ư trí 。

Nếu trí có thể biết, thì vì sao lại nói rằng ngã là hữu tri? Nếu ngã có thể biết, vì sao lại
dùng phương tiện tu hành để cầu có trí?

汝意若謂我因智知同花喻壞。善男子。

nhữ ý nhược vị ngã nhân trí tri đồng hoa dụ hoại 。

thiện nam tử 。

Ý ông, nếu cho rằng ngã nhân nơi trí mà có biết thì đồng với ví dụ hoa đốt cháy trước kia.

Này thiện nam tử!

譬如刺樹性自能刺。不得說言樹執刺刺。

thí như thứ thụ tánh tự năng thứ 。

bất đắc thuyết ngôn thụ chấp thứ thứ 。

Thí như cây gai, tánh của nó tự đâm, không được nói rằng cây cầm gai để đâm.

智亦如是智自能知。云何說言我執智知。善男子。

trí diệc như thị trí tự năng tri 。

vân hà thuyết ngôn ngã chấp trí tri 。

thiện nam tử 。

Trí cũng như vậy, trí tự có thể hiểu biết, sao lại nói rằng ngã cầm lấy trí để biết? Này thiện
nam tử!

如汝法中我得解脫。無知我得知我得耶。

như nhữ Pháp trung ngã đắc giải thoát 。

vô tri ngã đắc tri ngã đắc da 。

Như trong giáo pháp của ông nói năg được giải thoát, là ngã vô tri được giải thoát hay ngã
hữu tri được giải thoát?

若無知得當知猶故具足煩惱。

nhược vô tri đắc đương tri do cố cụ túc phiền não 。

Nếu ngã vô tri được thì phải biết rằng vẫn còn đủ phiền não.

若知得者當知已有五情諸根。何以故。離根之外別更無知。

nhược tri đắc giả đương tri dĩ hữu ngũ tình chư căn 。

hà dĩ cố 。

ly căn chi ngoại biệt canh
vô tri 。

Nếu là ngã hữu tri được thì nên biết rằng đã có năm căn. Vì sao? Vì lìa ngoài năm căn
không có sự biết.

若具諸根云何復名得解脫耶。

nhược cụ chư căn vân hà phục danh đắc giải thoát da 。

Nếu đã đủ các căn, sao lại gọi là được giải thoát?

若言是我其性清淨離於五根。云何說言遍五道有。

nhược ngôn thị ngã kỳ tánh thanh tịnh ly ư ngũ căn 。

vân hà thuyết ngôn biến ngũ đạo hữu 。

Nếu cho rằng tánh của ngã này thanh tịnh lìa ngoài năm căn, vì sao lại nói rằng ngã khắp năm đường (ngũ đạo)?

以何因緣為解脫故修諸善法。善男子。

dĩ hà nhân duyên vị giải thoát cố tu chư thiện Pháp 。

thiện nam tử 。

Vì nhân duyên gì vì giải giải thoát mà tu các pháp lành? Nay thiện nam tử!

譬如有人拔虛空刺。汝亦如是。我若清淨。

thí như hữu nhân bạt hư không thứ 。

nhữ diệc như thị 。

ngã nhược thanh tịnh 。

Thí như có người nhổ gai hư không, ông cũng như vậy. Nếu ngã thanh tịnh,

云何復言斷諸煩惱。汝意若謂不從因緣獲得解脫。

vân hà phục ngôn đoạn chư phiền não 。

nhữ ý nhược vị bất tòng nhân duyên hoạch đắc giải thoát 。

vì sao lại nói rằng dứt các phiền não? Ý ông, nếu cho rằng không từ nhân duyên mà được giải thoát,

一切畜生何故不得。先尼言。瞿曇。

nhất thiết súc sanh hà cố bất đắc 。

Tiên-ni ngôn 。

Cồ Đàm 。

thì tất cả súc sanh sao không được? Tiên-ni thưa: Thưa Cồ Đàm!

若無我者誰能憶念。佛告先尼。若有我者何緣復忘。善男子。

nhược vô ngã giả thù năng ức niệm 。

Phật cáo Tiên-ni 。

nhược hữu ngã giả hà duyên phục vong 。

thiện nam tử 。

Nếu không có ngã thì ai có thể ghi nhớ? Phật dạy Tiên-ni: Nếu có ngã, vì duyên gì lại quên? Nay thiện nam tử!

若念是我者。何因緣故。

nhược niệm thị ngã giả 。

hà nhân duyên cố 。

Nếu nhớ là ngã, vì nhân duyên gì

念於惡念念所不念不念所念。先尼復言。瞿曇。

niệm ư ác niệm niệm sở bất niệm bất niệm sở niệm 。

Tiên-ni phục ngôn 。

Cồ Đàm 。

nhớ những niệm ác, nhớ chỗ không đáng nhớ, không nhớ chỗ đáng nhớ? Tiên-ni lại nói:
Thưa Cồ Đàm!

若無我者誰見誰聞。佛言。善男子。內有六入外有六塵。

nhược vô ngã giả thù kiến thù văn 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。 nội hữu lục nhập
ngoại hữu lục trần 。

Nếu vô ngã, vậy cái gì thấy, cái gì nghe? Phật dạy: Này thiện nam tử! Trong có sáu nhập,
ngoài có sáu trần,

內外和合生六種識。是六種識因緣得名。善男子。

nội ngoại hòa hợp sanh lục chủng thức 。 thị lục chủng thức nhân duyên đắc danh 。 thiện
nam tử 。

trong ngoài hòa hợp sanh ra sáu thức. Sáu thức này theo nhân duyên mà có tên. Này
thiện nam tử!

譬如一火因木得故名為木。

thí như nhất hỏa nhân mộc đắc cố danh vi mộc 。

Thí như một thứ lửa, do nơi cây gọi là lửa cây,

火因草得故名為草火。因糠得故名為糠火。

hỏa nhân thảo đắc cố danh vi thảo hỏa 。 nhân khang đắc cố danh vi khang hỏa 。

do nơi cỏ gọi là lửa cỏ, do nơi trấu gọi là lửa trấu,

因牛糞得名牛糞火。眾生意識亦復如是。

nhân ngưu phần đắc danh ngưu phần hỏa 。 chúng sanh ý thức diệc phục như thị 。

do nơi phân bò gọi là lửa phân bò. Ý thức của chúng sanh cũng lại như vậy:

因眼因色因明因欲名為眼識。善男子。

nhân nhãn nhân sắc nhân minh nhân dục danh vi nhãn thức 。

Nhân nơi nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tác ý thì gọi là nhãn thức. Này thiện nam tử!

如是眼識不在眼中乃至欲中。四事和合故生是識。

như thị nhãn thức bất tại nhãn trung nãi chí dục trung 。

Nhãn thức này không ở trong nhãn căn, cho đến không ở trong tác ý, do bốn thứ hòa hợp
nên sanh ra thức này.

乃至意識亦復如是。若是因緣和合故生。

nãi chí ý thức diệc phục như thị 。

Cho đến ý thức cũng lại như vậy. Nếu đã là do nhân duyên hòa hợp mà sanh ra,

智不應說見即是我乃至觸即是我。善男子。

trí bất ứng thuyết kiến tức thị ngã nãi chí xúc tức 受 thị ngã 。 thiện nam tử 。

người trí không nên nói rằng sự thấy chính là ngã, cho đến xúc chính là ngã. Nay thiện nam tử!

是故我說眼識乃至意識。一切諸法即是幻也。云何如幻。

thị cố ngã thuyết nhãn thức nãi chí ý thức 。 nhất thiết chư Pháp tức thị huyễn dã 。 vân hà như huyễn 。

Vì vậy Ta nói nhãn thức, cho đến ý thức, hết thảy các pháp đều là như huyễn. Thế nào là như huyễn?

本無今有已有還無。善男子。

bổn vô kim hữu dĩ hữu hoàn vô 。 thiện nam tử 。

Vì trước không mà nay mới có, đã có rồi trở ại không. Nay thiện nam tử!

譬如酥麵蜜薑胡椒萹苳蒲萄胡桃石榴榿子。

thí như tô miến mật khương hồ tiêu tất bạt bồ đào hồ đào thạch lưu thỏa tử 。

Thí như tỏi, bột, mật, gừng, tiêu, tất lãng, bồ đào, hồ đào, thạch lưu, hột quỳ,

如是和合名歡喜丸。離是和合無歡喜丸。

như thị hòa hợp danh hoan hỷ hoàn 。 ly thị hòa hợp vô hoan hỷ hoàn 。

các thứ như vậy hòa hợp lại gọi là viên hoan hỷ. Lìa ngoài sự hòa hợp này không có viên hoan hỷ.

內外六入是名眾生我人士夫。離內外入無別眾生我人士夫。

nội ngoại lục nhập thị danh chúng sanh ngã nhân sĩ phu 。 ly nội ngoại nhập vô biệt chúng sanh ngã nhân sĩ phu 。

Trong ngoài sáu nhập này gọi là chúng sanh, là ngã, là nhân, là sĩ phu. Lìa ngoài trong ngoài sáu nhập này không riêng có chúng sanh, ngã, nhân, sĩ phu.

先尼言。瞿曇。若無我者。

Tiên-ni ngôn 。 Cồ Đàm 。 nhược vô ngã giả 。

Tiên-ni nói: Thưa Cồ Đàm! Nếu không có ngã,

云何說言我見我聞我苦我樂我憂我喜。佛言。善男子。

vân hà thuyết ngôn ngã kiến ngã văn ngã khổ ngã lạc ngã ưu ngã hỷ 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

sao lại nói rằng: Ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui, ta lo, ta mừng? Phật dạy: Này thiện nam tử!

若言我見我聞名有我者。何因緣故世間復言。

nhược ngôn ngã kiến ngã văn danh hữu ngã giả 。 hà nhân duyên cố thể gian phục ngôn 。

Nếu cho rằng: Ta thấy, ta nghe gọi là có ngã, vì nhân duyên gì thế gian lại nói

汝所作罪非我見聞。善男子。譬如四兵和合名軍。

nhữ sở tác tội phi ngã kiến văn 。 thiện nam tử 。 thí như tứ binh hòa hợp danh quân 。

rằng tội của ông làm tôi không thấy nghe? Này thiện nam tử! Thí như bốn đoàn binh hợp lại gọi là quân đoàn.

如是四兵不名為一。

như thị tứ binh bất danh vi nhất 。

Bốn đoàn binh không gọi là một,

而亦說言我軍勇健我軍勝彼。是內外入和合所作亦復如是。

nhi diệc thuyết ngôn ngã quân dũng kiện ngã quân thắng bỉ 。

mà cũng nói rằng quân ta mạnh mẽ, quân ta thắng quân kia. Trong ngoài sáu nhập hòa hợp này cũng lại như vậy,

雖不是一亦得說言我作我受我見我聞我苦我樂。

tuy bất thị nhất diệc đắc thuyết ngôn ngã tác ngã thọ ngã kiến ngã văn ngã khổ ngã lạc 。

先尼言。瞿曇。如汝所言內外和合。

Tiên-ni ngôn 。 Cồ Đàm 。 như nhữ sở ngôn nội ngoại hòa hợp 。

Tiên-ni nói: Thưa Cồ Đàm! Như lời Ngài nói trong ngoài sáu nhập hòa hợp

誰出聲言我作我受。佛言。先尼從愛無明因緣生業。

thùy xuất thanh ngôn ngã tác ngã thọ 。

Phật ngôn 。

Tiên-ni tòng ái vô minh nhân duyên sanh nghiệp 。

thì ai phát ra tiếng rằng: Ta làm ta chịu? Phật dạy: Này Tiên-ni! Từ ái vô minh sanh nghiệp,

從業生有從有出生無量心數。

tông nghiệp sanh hữu tông hữu xuất sanh vô lượng tâm sở 。
 từ nghiệp sanh hữu, từ hữu sanh vô lượng tâm sở,
 心生覺觀覺觀動風。風隨心觸喉舌齒脣。眾生想倒聲出說言。
 tâm sanh giác quán giác quán động phong 。 phong tùy tâm xúc hầu thiết xỉ Thần 。
 chúng sanh tưởng đảo thanh xuất thuyết ngôn 。
 tâm sở sanh giác quán, giác quán động đến hơi gió, hơi gió theo tâm chạm xúc cổ họng,
 lưỡi, răng, môi. Chúng sanh điên đảo phát ra tiếng nói rằng:
 我作我受我見我聞。善男子。如幢頭鈴。
 ngã tác ngã thọ ngã kiến ngã văn 。 thiện nam tử 。 như tràng đầu linh 。
 Ta làm, thọ, ta thấy, ta nghe. Này thiện nam tử! Như cái linh đầu cột phướn,
 風因緣故便出音聲。
 phong nhân duyên cố tiện xuất âm thanh 。
 do gió động nên phát ra tiếng.
 風大聲大風小聲小無有作者。善男子。譬如熱鐵投之水中出種種聲。
 phong Đại thanh Đại phong tiểu thanh tiểu vô hữu tác giả 。 thiện nam tử 。 thí như nhiệt
 thiết đầu chi thủy trung xuất chủng chủng thanh 。
 Gió lớn thì tiếng lớn, gió nhỏ thì tiếng nhỏ, không có tác giả. Này thiện nam tử! Thí như sắt
 nóng ném vào trong nước, phát ra nhiều tiếng,
 是中真實無有作者。善男子。
 thị trung chân thật vô hữu tác giả 。 thiện nam tử 。
 trong nước này thật ra không có tác giả. Này thiện nam tử!
 凡夫不能思惟分別如是事故。說言有我及有所我作我受。
 phàm phu bất năng tư duy phân biệt như thị sự cố 。 thuyết ngôn hữu ngã cập hữu ngã sở
 ngã tác ngã thọ 。
 Phàm phu không thể tư duy phân biệt được những việc như vậy nên nói rằng có ngã và
 ngã sở, ngã tác, ngã thọ.
 先尼言。如瞿曇說無我我所。
 Tiên-ni ngôn 。 như Cồ Đàm thuyết vô ngã ngã sở 。
 Tiên-ni thưa: Như Cồ Đàm nói vô ngã và ngã sở,
 何緣復說常樂我淨。佛言。善男子。
 hà duyên phục thuyết thường lạc ngã tịnh 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

vì nhân duyên gì Ngài lại nói thường, lạc, ngã, tịnh? Phật dạy: Nay thiện nam tử!

我亦不說內外六入及六識意常樂我淨。

ngã diệt bất thuyết nội ngoại lục nhập cập lục thức ý thường lạc ngã tịnh 。

Ta không nói trong ngoài sáu nhập và sáu ý thức là thường, lạc, ngã, tịnh.

我乃宣說滅內外入所生六識。名之為常。以是常故名之為我。

ngã nãi tuyên thuyết diệt nội ngoại nhập sở sanh lục thức 。

danh chi vi thường 。

dĩ thị thường cố danh chi vi ngã 。

Ta tuyên bố rằng diệt trong ngoài sáu nhập sanh ra sáu thức, gọi đó là thường. Do nó thường nên gọi nó là ngã,

有常我故名之為樂。常我樂故名之為淨。善男子。

hữu thường ngã cố danh chi vi lạc 。

thường ngã lạc cố danh chi vi tịnh 。

thiện nam tử 。

vì có thường, ngã nên gọi là lạc, vì có thường, ngã, lạc nên gọi là tịnh. Nay thiện nam tử!

眾生厭苦斷是苦因。自在遠離是名為無我。

chúng sanh yếm khổ đoạn thị khổ nhân 。

tự tại viễn li thị danh vi ngã 。

Chúng sanh nhàm chán khổ và dứt khổ nhân này thì được tự tại xa lìa, đây gọi là vô ngã.

以是因緣我今宣說常樂我淨。先尼言。世尊。

dĩ thị nhân duyên ngã kim tuyên thuyết thường lạc ngã tịnh 。

Tiên-ni ngôn 。

Thế tôn 。

Do nhân duyên này nên Ta tuyên bố thường, lạc, ngã, tịnh. Tiên-ni thưa: Bạch Thế Tôn!

唯願大慈為我宣說。

duy nguyện Đại từ vi ngã tuyên thuyết 。

Cúi xin đức Đại từ dạy bảo cho tôi,

我當云何獲得如是常樂我淨。佛言。善男子。

ngã đương vân hà hoạch đắc như thị thường lạc ngã tịnh 。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

tôi phải làm thế nào để chứng được thường, lạc, ngã, tịnh như vậy? Phật dạy: Nay thiện nam tử!

一切世間從本已來具足大慢能增長慢。亦復造作慢因慢業。

nhất thiết thế gian tòng bản dĩ lai cụ túc Đại mạn năng tăng trưởng mạn 。

diệc phục tạo tác mạn nhân mạn nghiệp 。

Hết thảy thế gian từ xưa đến nay có đủ sự ngã mạn lớn, lại tăng trưởng ngã mạn, cũng lại tạo nhân ngã mạn, nghiệp ngã mạn,

是故今者受慢果報。不能遠離一切煩惱得常樂我淨。

thị cố kim giả thọ mạn quả báo 。 bất năng viễn li nhất thiết phiền não đắc thường lạc ngã tịnh 。

vì vậy mà nay thọ quả báo của mạn, không thể xa lìa được tất cả phiền não để được thường, lạc, ngã, tịnh.

若諸眾生欲得遠離一切煩惱先當離慢。

nhược chư chúng sanh dục đắc viễn li nhất thiết phiền não tiên đương ly mạn 。

Nếu các chúng sanh muốn xa lìa được tất cả phiền não thì trước phải xa lìa ngã mạn.

先尼言。世尊。如是如是誠如聖教。

Tiên-ni ngôn 。

Tiên-ni nói: Bạch Thế Tôn! Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời Phật dạy.

我先有慢因慢因緣故稱如來禰瞿曇姓。

ngã tiên hữu mạn nhân mạn nhân duyên cố xưng Như Lai nĩ Cồ Đàm tính 。

Tôi trước đây vì có ngã mạn, do ngã mạn nên gọi đức Như Lai là Cồ Đàm.

我今已離如是大慢。是故誠心啟請求法。云何當得常樂我淨。

ngã kim dĩ ly như thị Đại mạn 。

Nay tôi đã lìa được ngã mạn lớn đó nên thành tâm thỉnh cầu giáo pháp: Làm thế nào để được thường, lạc, ngã, tịnh?

佛言。善男子。

Phật ngôn 。

Phật dạy: Này thiện nam tử!

諦聽諦聽今當為汝分別解說。善男子。

để thỉnh để thỉnh kim đương vi nhữ phân biệt giải thuyết 。

Lắng nghe, lắng nghe! Nay Ta sẽ vì ông mà phân biệt giải nói. Này thiện nam tử!

若能非自非他非眾生者遠離是法。先尼言。世尊。我已知解得正法眼。佛言。

nhược năng phi tự phi tha phi chúng sanh giả viễn li thị Pháp 。

Nếu người có thể không phải tự mình, không phải người khác, không phải chúng sanh xa lìa pháp này. Tiên-ni nói: Bạch Thế Tôn! Tôi hiểu rõ được chánh pháp nhãn. Phật dạy:

善男子。汝云何言知已解已得正法眼。世尊。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử! Ông đã biết như thế nào về chánh pháp nhãn? Bạch Thế Tôn!

所言色者。非自非他非諸眾生。

sở ngôn sắc giả 。 phi tự phi tha phi chư chúng sanh 。

Chỗ nói sắc ấy không phải tự, không phải tha, không phải chúng sanh,

乃至識亦復如是。我如是觀得正法眼。世尊。

nãi chí thức diệc phục như thị 。

ngã như thị quán đắc chánh Pháp nhãn 。

Thế Tôn!

我今甚樂出家修道願見聽許。佛言。善來比丘。

ngã kim thậm lạc xuất gia tu đạo nguyện kiến thính hứa 。

Tôi nay rất muốn xuất gia tu hành, nguyện xin Thế Tôn hứa khả! Phật gọi: Thiện lai Tỳ-kheo!

即時具足清淨梵行證阿羅漢果。

tức thì cụ túc thanh tịnh phạm hạnh chứng A-la-hán quả 。

Liên khi ấy, Tiên-ni đầy đủ Phạm hạnh thanh tịnh, chứng A-la-hán quả.

外道眾中復有梵志姓迦葉氏。復作是言。瞿曇。

ngoại đạo chúng trung phục hữu Phạm Chí tính Ca-diếp Thị。 phục tác thị ngôn 。

Trong chúng ngoại đạo lại có một Phạm Chí họ Ca-diếp lại lên tiếng rằng: Thưa Cồ Đàm!

身即是命身異命異。如來默然。第二第三亦復如是。梵志復言。

thân tức thị mạng thân dị mạng dị 。

Thân chính là mạng hay thân khác mạng khác? Như Lai im lặng. Phạm Chí hỏi lần thứ hai, thứ ba cũng lại như vậy. Phạm Chí lại nói:

瞿曇。若人捨身未得後身。

Cồ Đàm 。

Thưa Cồ Đàm! Như người lức chết mà chưa thọ lấy thân sau,

於其中間豈可不名。身異命異。若是異者。瞿曇。

ư kỳ trung gian khởi khả bất danh 。

trong khoảng ấy há không gọi rằng thân khác mạng khác? Nếu là khác,

何故默然不答。善男子。我說身命皆從因緣非不因緣。

hà cố mặc nhiên bất đáp 。 thiện nam tử 。 ngã thuyết thân mạng giai tông nhân duyên phi bất nhân duyên 。

vì sao Cồ Đàm lại im lặng không đáp? Này thiện nam tử! Ta nói thân và mạng đều từ nhân duyên, không phải không nhân duyên.

如身命一切法亦如是。梵志復言。瞿曇。

như thân mạng nhất thiết Pháp diệc như thị 。 Phạm Chí phục ngôn 。 Cồ Đàm 。

Như thân mạng của tất cả pháp cũng như vậy. Phạm Chí lại thưa: Thưa Cồ Đàm!

我見世間有法不從因緣。佛言。梵志。

ngã kiến thế gian hữu Pháp bất tông nhân duyên 。

Tôi thấy thế gian cũng có pháp không từ nhân duyên. Phật dạy: Này Phạm Chí!

汝云何見世間有法不從因緣。梵志言。

nhữ vân hà kiến thế gian hữu Pháp bất tông nhân duyên 。

Ông thấy trong thế gian có pháp không từ nhân duyên như thế nào? Phạm Chí thưa:

我見大火焚燒榛木。風吹絕焰墮在餘處。是豈不名無因緣耶。

ngã kiến Đại hỏa phần thiêu trần mộc 。

Tôi thấy lửa lớn thiêu đốt lùm cây, gió thổi bứt ngọn lửa rơi ở chỗ khác, đây há không được gọi là không từ nhân duyên ư?

佛言。善男子。

Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

Phật dạy: Này thiện nam tử!

我說是火亦從因生非不從因。梵志言。瞿曇。絕焰去時不因薪炭。

ngã thuyết thị hỏa diệc tông nhân sanh phi bất tông nhân 。

tuyệt diệm khứ thì bất nhân tân than 。

Ta nói lửa này cũng từ nhân duyên sanh, không phải không nhân. Phạm Chí thưa: Thưa

Cồ Đàm! Khi ngọn lửa bứt bay đi không do nơi củi than,

云何而言因於因緣。佛言。善男子。

vân hà nhi ngôn nhân ư nhân duyên 。

sao lại nói từ nơi nhân duyên? Phật dạy: Này thiện nam tử!

雖無薪炭因風而去。風因緣故其焰不滅。瞿曇。

tuy vô tân thân nhân phong nhi khứ 。 phong nhân duyên cố kỳ diệm bất diệt 。 Cồ Đàm
。

Tuy không có củi than nhưng do gió mà đi, vì do gió nên ngọn lửa không tắt. Thừa Cồ
Đàm!

若人捨身未得後身。中間壽命誰為因緣。佛言。

nhược nhân xả thân vị đắc hậu thân 。 trung gian thọ mạng thù vị nhân duyên 。 Phật
ngôn 。

Nếu người chết lúc chưa được thân sau, trong khoảng này cái gì làm nhân duyên? Phật
dạy:

梵志。無明與愛而為因緣。

Phạm Chí 。 vô minh dữ ái nhi vi nhân duyên 。

Này Phạm Chí! Do vô minh và ái làm nhân duyên.

是無明愛二因緣故壽命得住。善男子。

thị vô minh ái nhị nhân duyên cố thọ mạng đắc trụ 。

Do hai nhân duyên vô minh và ái này nên thọ mạng được còn. Này thiện nam tử!

有因緣故身即是命命即是身。有因緣故身異命異。

hữu nhân duyên cố thân tức thị mạng mạng tức thị thân 。

Vì có nhân duyên nên thân chính là mạng, mạng chính là thân. Vì có nhân duyên nên
thân khác mạng khác.

智者不應一向而說身異命異。梵志言。世尊。

trí giả bất ứng nhất hướng nhi thuyết thân dị mạng dị 。

Người trí không nên nói một bề rằng thân khác, mạng khác. Phạm Chí thưa: Bạch Thế
Tôn!

唯願為我分別解說。令我了了得知因果。佛言。

duy nguyện vị ngã phân biệt giải thuyết 。

Cúi xin vì tôi mà phân biệt giải nói, làm cho tôi hiểu rõ được nhân quả! Phật dạy:

梵志。因即五陰果亦五陰。善男子。

phạm chí 。

Này Phạm Chí! Nhân chính là năm ấm, quả cũng chính là năm ấm. Này thiện nam tử!

若有眾生不然火者是則無煙。梵志言。世尊。

nhược hữu chúng sanh bất nhiên hỏa giả thị tắc vô yên 。 Phạm Chí ngôn 。 Thế Tôn 。

Nếu có chúng sanh không đốt lửa, thì không có khói. Phạm Chí thưa: Bạch Thế Tôn!

我已知已我已解已。佛言。善男子。

ngã dĩ tri dĩ ngã dĩ giải dĩ 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

Tôi đã biết rồi! Tôi đã hiểu rồi! Phật dạy: Này thiện nam tử!

汝云何知汝云何解。世尊。

nhữ vân hà tri nhữ vân hà giải 。 Thế Tôn 。

Ông đã biết thế nào? Ông đã hiểu thế nào? Bạch Thế Tôn!

火即煩惱能於地獄餓鬼畜生人天燒然。煙者即是煩惱果報。

hỏa tức phiền não năng ư Địa-ngục ngạ quỷ súc sanh nhân Thiên thiêu nhiên 。 yên giả tức thị phiền não quả báo 。

Lửa là nói phiền não có thể đốt cháy ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, trời. Khói chính là quả báo của phiền não:

無常不淨臭穢可惡。是故名煙若有眾生不作煩惱。

vô thường bất tịnh xú uế khả ác 。 thị cố danh yên nhược hữu chúng sanh bất tác phiền não 。

Vô thường, bất tịnh hôi nheo đáng ghét đáng nhàm, vì vậy gọi là khói; nếu có chúng nào không khởi phiền não

是人則無煩惱果報。是故如來說不然火則無有煙。

thị nhân tắc vô phiền não quả báo 。 thị cố Như Lai thuyết bất nhiên hỏa tắc vô hữu yên 。

thì người này không có quả báo phiền não. Vì vậy Như Lai nói không đốt lửa thì không có khói.

世尊。我已正見唯願慈矜聽我出家。

Thế tôn 。 ngã dĩ chánh kiến duy nguyện từ cāng thính ngã xuất gia 。

Bạch Thế Tôn! Con đã được chánh kiến, cúi xin Ngài thương xót cho tôi được xuất gia!

爾時世尊告憍陳如。聽是梵志出家受戒。

nhĩ thì Thế Tôn cáo Kiền-trần-như。thính thị Phạm Chí xuất gia thọ giới 。

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Kiền-trần-như cho Phạm Chí này xuất gia thọ giới.

時憍陳如受佛勅已。和合眾僧聽其出家受具足戒。

thì Kiều-trần-như thọ Phật sắc dĩ 。 hòa hợp chúng tăng thính kỳ xuất gia thọ cụ túc giới 。
Kiều-trần-như tuân lời Phật dạy hòa hợp chúng Tăng để cho Phạm Chí kia xuất gia thọ Cụ
Túc giới.

經五日已得阿羅漢果。

Kinh ngũ nhật dĩ đắc A-la-hán quả 。

Năm ngày sau, Phạm Chí này chứng được quả A-la-hán.

外道眾中復有梵志名曰富那。復作是言。瞿曇。

ngoại đạo chúng trung phục hữu Phạm Chí danh viết Phú-na 。

phục tác thị ngôn 。

Cồ
Đàm 。

Trong chúng ngoại đạo lại có một Phạm Chí tên là Phú-na, lại lên tiếng rằng: Thưa Cồ
Đàm!

汝見世間是常法已說言常耶。如是義者實耶虛耶。

nhữ kiến thế gian thị thường Pháp dĩ thuyết ngôn thường da 。

như thị nghĩa giả thật da hư
da 。

Ngài thấy thế gian là pháp thường trụ mà nói là thường chẳng? Nghĩa này là thật hay hư?
常無常亦常無常非常非無常。

thường vô thường diệt thường vô thường phi thường phi vô thường 。

Là thường hay vô thường? Là cũng thường vô thường? Là không phải thường không phải
vô thường?

有邊無邊亦有邊亦無邊非有邊非無邊。是身是命身異命異。

hữu biên vô biên diệt hữu biên diệt vô biên phi hữu biên phi vô biên 。

thị thân thị mạng
thân dị mạng dị 。

Là hữu biên hay vô biên? Là cũng hữu biên cũng vô biên? Là cũng không phải hữu biên
không phải vô biên? Là thân là mạng? Là thân khác mạng khác?

如來滅後如去不如去。亦如去不如去。

Như Lai diệt hậu như khứ bất như khứ 。

diệt như khứ bất như khứ 。

Như Lai sau khi diệt độ như mà đi hay không như mà đi? Cũng như mà đi, cũng không
như mà đi?

非如去非不如去。佛言。富那。我不說世間常虛實。

phi như khứ phi bất như khứ 。

Phật ngôn 。

Phú-na 。

ngã bất thuyết thế gian thường hư
thật 。

Không phải như mà đi, không phải không như mà đi? Phật dạy: Này Phú-na! Ta không nói thế gian thường là hư là thật,

無常亦常無常非常非無常。

vô thường diệt thường vô thường phi thường phi vô thường 。

là vô thường cũng thường vô thường, không phải thường không phải vô thường.

有邊無邊亦有邊無邊非有邊非無邊。是身是命身異命異。

hữu biên vô biên diệt hữu biên vô biên phi hữu biên phi vô biên 。

thị thân thị mạng thân
dị mạng dị 。

hữu biên vô biên cũng hữu biên cũng vô biên, cũng không phải hữu biên không phải vô biên, là thân là mạng, thân khác mạng khác.

如來滅後如去不如去。亦如去不如去。

Như Lai diệt hậu như khứ bất như khứ 。

diệt như khứ bất như khứ 。

Như Lai sau khi diệt độ như mà đi hay không như mà đi, cũng như mà đi, không như mà đi,

非如去非不如去。富那復言。瞿曇。

phi như khứ phi bất như khứ 。

Phú-na phục ngôn 。

Cồ Đàm 。

không phải như mà đi, không phải không như mà đi. Phú-na lại nói: Thưa Cồ Đàm!

今者見何罪過不作是說。佛言。富那。若有人說世間是常。

kim giả kiến hà tội quá bất tác thị thuyết 。

Phật ngôn 。

Phú-na 。

nhược hữu nhân thuyết
thế gian thị thường 。

Nay thấy tội lỗi gì mà không nói như vậy? Phật dạy: Này Phú-na! Nếu có người nói rằng thế gian là thường,

唯此為實餘妄語者是名為見。

duy thử vi thật dư vọng ngữ giả thị danh vi kiến 。

chỉ đây là chân thật, còn ngoài ra đều là vọng ngữ, đây gọi là kiến.

見所見處是名見行是名見業。是名見著是名見縛是名見苦。

kiến sở kiến xử thị danh kiến hành thị danh kiến nghiệp 。

thị danh kiến trú thị danh kiến
phược thị danh kiến khổ 。

Chỗ bị thấy gọi là kiến hành, gọi là kiến nghiệp, gọi là kiến trước, gọi là kiến phược, gọi là kiến khổ,

是名見取是名見怖。是名見熱是名見纏。富那。

thị danh kiến thủ thị danh kiến phổ 。 thị danh kiến nhiệt thị danh kiến triền 。 Phú-na 。
gọi là kiến thủ, gọi là kiến sở bố, gọi là kiến nhiệt, gọi là kiến triền. Nay Phú-na!

凡夫之人為見所纏。不能遠離生老病死。

phàm phu chi nhân vị kiến sở triền 。 bất năng viễn li sanh lão bệnh tử 。

Những người phàm phu bị kiến chấp trói buộc nên không thể xa lìa được sanh, già, bệnh,
chết,

迴流六趣受無量苦。

hồi lưu lục thú thọ vô lượng khổ 。

lưu chuyển trong sáu đường thọ vô lượng sự khổ.

乃至非如去非不如去亦復如是。富那。我見是見有如是過。

nãi chí phi như khứ phi bất như khứ diệc phục như thị 。

Phú-na 。

ngã kiến thị kiến hữu như thị quá 。

Cho đến không phải như mà đi, không phải không như mà đi cũng lại như vậy. Nay Phú-na!
Ta thấy kiến chấp này tội lỗi như vậy nên

是故不著不為人說。瞿曇。若見如是罪過不著不說。

thị cố bất trước bất vị nhân thuyết 。

Cồ Đàm 。

nhược kiến như thị tội quá bất trước bất thuyết 。

không đấm trước, không vì người khác mà nói. Thưa Cồ Đàm! Nếu thấy tội lỗi như vậy
nên không đấm trước, không nói,.

瞿曇。今者何見何著何所宣說。佛言。善男子。

Cồ Đàm 。

kim giả hà kiến hà trước hà sở tuyên thuyết 。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

Nay Cồ Đàm thấy gì? Trước gì? Tuyên thuyết những gì? Phật dạy: Nay thiện nam tử!

夫見著者名生死法。如來已離生死法故。

phu kiến trước giả danh sanh tử Pháp 。

Như Lai dĩ ly sanh tử Pháp cố 。

Luận về người kiến trước gọi là pháp sanh tử. Như Lai đã lìa pháp sanh tử nên

是故不著。善男子。如來名為能見能說。不名為著。

thị cố bất trước 。

thiện nam tử 。

Như Lai danh vi năng kiến năng thuyết 。

bất danh vi trước.

nên không đấm trước. Nay thiện nam tử! Như Lai gọi là năng kiến, năng thuyết, không gọi
là chấp trước.

瞿曇。云何能見云何能說。佛言。善男子。

Cồ Đàm 。

vân hà năng kiến vân hà năng thuyết 。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

Thưa Cồ Đàm! Thế nào là năng kiến? Thế nào là năng thuyết? Phật dạy: Này thiện nam tử!

我能明見苦集滅道。分別宣說如是四諦。

ngã năng minh kiến khổ tập diệt đạo 。 phân biệt tuyên thuyết như thị tứ đế 。

Ta có thể thấy một cách rõ ràng về khổ, tập, diệt, đạo, phân biệt tuyên nói bốn đế như vậy.

我見如是故能遠離一切見一切愛一切流一切

ngã kiến như thị cố năng viễn li nhất thiết kiến nhất thiết ái nhất thiết lưu nhất thiết

Vì Ta thấy như vậy nên có thể xa lìa hết thấy kiến, hết thấy ái, hết thấy lưu, hết thấy mạn. 慢。是故我具清淨梵行無上寂靜獲得常身。

mạn 。 thị cố ngã cụ thanh tịnh phạm hạnh vô thượng tịch tĩnh hoạch đắc thường thân 。

Vì vậy, Ta đầy đủ Phạm hạnh thanh tịnh, tịch tịnh vô thượng, được thân thường trụ.

是身亦非東西南北。富那言。瞿曇。何因緣故。

thị thân diệt phi Đông Tây Nam Bắc 。 Phú-na ngôn 。 Cồ Đàm 。 hà nhân duyên cố 。

Thân này cũng không Đông, Tây, Nam, Bắc. Phú-na thưa: Thưa Cồ Đàm! Vì nhân duyên gì mà

常身非是東西南北。佛言。善男子。

thường thân phi thị Đông Tây Nam Bắc 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

thân thường trụ này không phải là Đông, Tây, Nam, Bắc? Phật dạy: Này thiện nam tử!

我今問汝隨汝意答。於意云何善男子。

ngã kim vấn nhữ tùy nhữ ý đáp 。 ư ý vân hà thiện nam tử 。

Ta nay hỏi ông, ông tùy ý mà trả lời. Này thiện nam tử! Ý ông nghĩ sao,

如於汝前然大火聚。當其然時汝知然不。如是瞿曇。

như ư nhữ tiền nhiên Đại hỏa tụ 。 đương kỳ nhiên thì nhữ tri nhiên bất 。 như thị Cồ Đàm 。

như trước ông đốt đồng lửa lớn, đương lúc lửa cháy, ông có biết là lửa cháy chẳng? Dạ biết, thưa Cồ Đàm!

是火滅時汝知滅不。如是瞿曇。富那。若有人問。

thị hỏa diệt thì nhữ tri diệt bất 。 như thị Cồ Đàm 。 Phú-na 。 nhược hữu nhân vấn 。

Lúc lửa này tắt, ông có biết là lửa tắt chẳng? Dạ biết, thưa Cồ Đàm!

汝前火聚然從何來滅何所至。當云何答。瞿曇。

nhữ tiền hỏa tự nhiên tòng hà lai diệt hà sở chí 。 đương vân hà đáp 。 Cồ Đàm 。
Đống lửa trước mặt ông từ đâu mà cháy? Tắt rồi đi về đâu? Ông trả lời thế nào? Thưa Cồ Đàm!

若有問者我當答言。是火生時賴於眾緣。

nhược hữu vấn giả ngã đương đáp ngôn 。 thị hỏa sanh thì lại ư chúng duyên 。

Nếu có người hỏi như vậy, tôi sẽ trả lời rằng: Đống lửa này có ra là nhờ vào các duyên, 本緣已盡新緣未至是火則滅。

bổn duyên dĩ tận tân duyên vị chí thị hỏa tắc diệt 。

duyên cũ hết, duyên mới chưa sanh nên lửa tắt.

若復有問是火滅已至何方面。復云何答。瞿曇。我當答言。

nhược phục hữu vấn thị hỏa diệt dĩ chí hà phương diện 。

Nếu lại có người hỏi: Lửa này đã tắt rồi sẽ đi về đâu? Ông trả lời thế nào? Thưa Cồ Đàm!

Tôi sẽ trả lời rằng:

緣盡故滅不至方所。善男子。

duyên tận cố diệt bất chí phương sở 。

Vì duyên hết nên lửa tắt không đi về đâu. Này thiện nam tử!

如來亦爾若有無常色乃至無常識因愛故然。

Như Lai diệt nhĩ nhược hữu vô thường sắc nãi chí vô thường thức nhân ái cố nhiên 。

Như Lai cũng như vậy, sắc thân vô thường cho đến thức vô thường do ái nên cháy lên, 然者即受二十五有。是故然時可說是火東西南北。

nhien giả tức thọ nhị thập ngũ hữu 。

vì cháy lên mà phải thọ lấy thân trong hai mươi lăm cõi. Cho nên khi cháy lên đó có thể nói rằng lửa Đông, Tây, Nam, Bắc.

現在愛滅二十五有果報不然。

hiện tại ái diệt nhị thập ngũ hữu quả báo bất nhiên 。

Hiện tại ái đã diệt nên quả báo trong hai mươi lăm cõi không còn cháy,

以不然故不可說有東西南北。善男子。

dĩ bất nhiên cố bất khả thuyết hữu Đông Tây Nam Bắc 。

do không còn cháy nên không thể nói có Đông, Tây, Nam, Bắc. Này thiện nam tử!

如來已滅無常之色至無常識是故身常。身若是常不得說有東西南北。

Như Lai dĩ diệt vô thường chi sắc chí vô thường thức thị cố thân thường 。 thân nhược thị thường bất đắc thuyết hữu Đông Tây Nam Bắc 。

Như Lai đã dứt sắc thân vô thường cho đến thức vô thường nên được thân thường trụ.

Thân này nếu là thường trụ thì không được nói là có Đông, Tây, Nam, Bắc.

富那言。請說一喻唯願聽採。佛言。

Phú-na ngôn 。 thỉnh thuyết nhất dụ duy nguyện thỉnh thãi 。 Phật ngôn 。

Phú-na thưa: Xin trình bày một ví dụ, cúi xin Ngài lắng nghe cho! Phật dạy:

善哉善哉隨意說之。世尊。如大村外有娑羅林。

Thiện tai Thiện tai tùy ý thuyết chi 。 Thế tôn 。 như Đại thôn ngoại hữu sa la lâm 。

Hay thay, Hay thay, ông cứ tùy ý nói! Bạch Thế Tôn! Như ngoài thôn lớn, có rừng Sa La.

中有一樹先林而生足一百年。

trong hữu nhất thụ tiên lâm nhi sanh túc nhất bách niên 。

Cây mọc trước nhất trong rừng này sống đủ một trăm năm.

是時林主灌之以水隨時修治。

thị thì lâm chủ quán chi dĩ thủy tùy thì tu trì 。

Khi ấy, người chủ rừng lấy nước tưới vào cây này, theo thì tiết mà săn sóc.

其樹陳朽皮膚枝葉悉皆脫落唯貞實在。如來亦爾所有陳故悉已除盡。

kỳ thụ trần hủ bì phu chi diệp tất giai thoát lạc duy trình thật tại 。

Cây này già, mục, vỏ, lá nhánh đều rơi rớt chỉ còn lõi chắc. Như Lai cũng như vậy, tất cả những gì có đã cũ hư thảy đều trừ hết,

唯有一切真實法在。世尊。我今甚樂出家修道。

duy hữu nhất thiết chân thật Pháp tại 。

Chỉ còn lại những pháp chân thật. Bạch Thế Tôn! Tôi nay rất muốn xuất gia tu hành!

佛言。善來比丘。說是語已。

Phật ngôn 。 thiện lai Tỳ-kheo。thuyết thị ngữ dĩ 。

Phật dạy: Thiện lai Tỳ-kheo! Nói xong lời này

即時出家漏盡證得阿羅漢果。

tức thì xuất gia lậu tận chứng đắc A-la-hán quả 。

liền khi ấy, Phú-na được xuất gia, dứt hết phiền não, chứng A-la-hán quả.

復有梵志名曰清淨。作如是言。瞿曇。

phục hữu Phạm Chí danh viết Thanh Tịnh。 tác như thị ngôn 。 Cồ Đàm 。

Lại có Phạm Chí tên là Thanh Tịnh tiếng rằng: Thưa Cồ Đàm!

一切眾生不知何法。

nhất thiết chúng sanh bất tri hà Pháp 。

Tất cả chúng sanh vì không biết pháp gì mà

見世間常無常亦常無常非有常非無常。乃至非如去非不如去。佛言。

kiến thế gian thường vô thường diệc thường vô thường phi hữu thường phi vô thường 。

nãi chí phi như khứ phi bất như khứ 。

Phật ngôn 。

thấy thế gian là thường, là vô thường, cũng là thường cũng vô thường, không phải thường

không vô thường, cho đến không như khứ không phải không như khứ. Phật dạy:

善男子。不知色故乃至不知識故。

thiện nam tử 。

bất tri sắc cố nãi chí bất tri thức cố 。

Này thiện nam tử! Vì không biết sắc, cho đến không biết thức nên

見世間常乃至非如去非不如去。梵志言。瞿曇。

kiến thế gian thường nãi chí phi như khứ phi bất như khứ 。

Phạm Chí ngôn 。

Cồ Đàm 。

thấy thế gian là thường, cho đến thấy không phải như mà đi, không phải không như mà đi.

Phạm Chí thưa: Thưa Cồ Đàm!

眾生知何法故。不見世間常乃至非如去非不如去。

chúng sanh tri hà Pháp cố 。

bất kiến thế gian thường nãi chí phi như khứ phi bất như khứ 。

。

Chúng sanh vì biết pháp gì mà không thấy thế gian là thường, cho đến không thấy không

phải như mà đi, không phải không như mà đi?

佛言。善男子。知色故乃至知識故。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

tri sắc cố nãi chí tri thức cố 。

Phật dạy: Này thiện nam tử! Vì biết sắc, cho đến biết thức nên

不見世間常乃至非如去非不如去。梵志言。世尊。

bất kiến thế gian thường nãi chí phi như khứ phi bất như khứ 。

Phạm Chí ngôn 。

Thế Tôn 。

không thấy thế gian là thường, cho đến không phải như đi, không phải không như mà đi.

Phạm Chí thưa: Bạch Thế Tôn!

唯願為我分別解說世間常無常。佛言。善男子。

duy nguyện vị ngã phân biệt giải thuyết thế gian thường vô thường 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

Cúi xin vì tôi mà phân biệt giải nói thế gian thường và vô thường! Phật dạy: Này thiện nam tử!

若人捨故不造新業。是人能知常與無常。梵志言。

nhược nhân xả cố bất tạo tân nghiệp 。 thị nhân năng tri thường dữ vô thường 。 Phạm Chí ngôn 。

Nếu người bỏ nghiệp cũ, không tạo nghiệp mới, người này có thể biết thường và vô thường. Phạm Chí thưa:

世尊。我已知見。佛言。善男子。

Thế tôn 。 ngã dĩ tri kiến 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

Bạch Thế Tôn! Tôi đã thấy biết. Phật dạy: Này thiện nam tử!

汝云何見汝云何知。世尊。故名無明與愛。新名取有。

nhữ vân hà kiến nhữ vân hà tri 。 Thế tôn 。 cố danh vô minh dữ ái 。 tân danh thủ hữu 。

Ông thấy thế nào, biết thế nào? Bạch Thế Tôn! Nghiệp cũ gọi là vô minh và ái, nghiệp mới gọi là thủ và hữu;

若人遠離是無明愛不作取有。

nhược nhân viễn li thị vô minh ái bất tác thủ hữu 。

nếu người nào xa lìa được vô minh và ái này mà không gây tạo thủ và hữu,

是人真實知常無常。我今已得正法淨眼歸依三寶。

thị nhân chân thật tri thường vô thường 。 ngã kim dĩ đắc chánh Pháp tịnh nhãn quy y Tam Bảo 。

người này thật sự biết thường và vô thường. Nay tôi đã được chánh pháp nhãn thanh tịnh quy Tam Bảo,

唯願如來聽我出家。佛告憍陳如。

duy nguyện Như Lai thính ngã xuất gia 。 Phật cáo Kiêu-trần-như.

cúi xin Như Lai cho phép tôi được xuất gia. Phật bảo Kiêu-trần-như:

聽是梵志出家受戒。時憍陳如受佛勅已。

thính thị Phạm Chí xuất gia thọ giới 。 thì Kiêu-trần-như thọ Phật sắc dĩ 。

Cho Phạm Chí này xuất gia thọ giới. Khi ấy Kiêu-trần-như tuân lời Phật dạy,

將至僧中為作羯磨令得出家。

tướng chí tăng trung vi tác Yết Ma linh đặc xuất gia 。

dẫn Phạm Chí đến trong Tăng chúng làm pháp Yết-ma cho xuất gia.

十五日後諸漏永盡得阿羅漢果。

thập ngũ nhật hậu chư lậu vĩnh tận đắc A-la-hán quả 。

Mười lăm ngày sau, Tỳ-kheo Thanh Tịnh dứt hết phiền não, chứng quả A-la-hán.

大般涅槃經卷第三十九

Đại Bát-niết-bàn Kinh quyển đệ tam thập cửu

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN, QUYỂN THỨ BA MƯƠI CHÍN

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:15:15 2006

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiến Trần Tiến Huyền Phiên Âm và Lược Dịch

Sun Apr 30 22:15:15 2006

=====

【經文資訊】大正新脩大藏經 第十二冊 No. 374 《大般涅槃經》CBETA 電子佛典 V1.29 普及版

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh đệ thập nhị sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 phổ cập bản

【Kinh văn tư tẩn】Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh thứ mười hai sách No. 374 《Đại bát Niết-bàn Kinh》CBETA điện tử Phật Điển V1.29 khắp cùng bản

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 大般涅槃經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 12, No. 374 Đại bát Niết-bàn Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.29, Normalized Version

=====
=====
=====
=====
=====

大般涅槃經卷第四十

Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tứ thập

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

QUYỂN THỨ BỐN MƯƠI

北涼天竺三藏曇無讖譯

Bắc Lương Thiên trúc Tam Tạng Đàm Vô Sấm dịch

triều đại Bắc Lương, Tam tạng Pháp sư Đàm Vô Sấm người Thiên Trúc dịch

橋陳如品第十三之二

Kiều-trần-như phẩm đệ thập tam chi nhị

PHẦN HAI, PHẨM THỨ MƯỜI BA: KIỀU TRẦN NHƯ

犢子梵志復作是言。瞿曇。

Độc Tử Phạm Chí phục tác thị ngôn 。 Cồ Đàm 。

Phạm Chí Độc Tử lại thưa rằng: Thưa Cồ Đàm!

我今欲問能見聽不。如來默然。第二第三亦復如是。

ngã kim dục vấn năng kiến thính bất 。 Như Lai mặc nhiên 。 đệ nhị đệ tam diệc phục như thị 。

Tôi nay muốn hỏi, Ngài cho phép chăng? Như Lai im lặng. Lần thứ hai, lần thứ ba cũng lại như vậy.

犢子復言。瞿曇。我久與汝共為親友。

Độc Tử phục ngôn 。 Cồ Đàm 。 ngã cửu dữ nữ cộng vi thân hữu 。

Độc Tử lại nói: Thưa Cồ Đàm! Tôi lâu nay cùng với Ngài làm bạn bè thân thích.

汝之與我義無有二。我欲諮問何故默然。

nhữ chi dữ ngã nghĩa vô hữu nhị 。

ngã dục ti vấn hà cố mặc nhiên 。

Ngài và tôi nghĩa không có khác. Tôi muốn hỏi han, sao Ngài lại im lặng?

爾時世尊作是思惟。如是梵志其性儒雅純善質直。

nhĩ thì Thế Tôn tác thị tư duy 。

như thị phạm chí kỳ tánh nho nhã thuần thiện chất trực 。

Lúc bấy giờ Thế Tôn liền nghĩ rằng: Phạm Chí này tánh tình nho nhã, thuần thiện, ngay thẳng,

常為知故而來諮啟不為惱亂。彼若問者當隨意答。

thường vì tri cố nhi lai ti khả bất vị não loạn 。

bỉ nhược vấn giả đương tùy ý đáp 。

thường vì muốn hiểu biết mà thưa hỏi, không phải vì não loạn. Nếu người này hỏi, Ta sẽ tùy ý trả lời.

佛言。犢子。善哉善哉。隨所疑問吾當答之。

Phật ngôn 。 Độc Tử 。 Thiện tai Thiện tai 。

tùy sở nghi vấn ngô đương đáp chi 。

Phật dạy: Này Độc Tử! Hay thay, Hay thay! Ông cứ theo chỗ nghi ngờ mà hỏi, Ta sẽ trả lời.

犢子言。瞿曇。世有善耶。如是梵志。有不善耶。

Độc Tử ngôn 。 Cồ Đàm 。 thế hữu thiện da 。

như thị phạm chí 。

hữu bất thiện da 。

Độc Tử nói: Thưa Cồ Đàm! Thế gian có pháp lành chẳng? Này Phạm Chí! Thế gian có pháp lành. Thế gian có pháp không lành chẳng?

如是梵志。瞿曇。願為我說令我得知善不善法。

như thị phạm chí 。

Cồ Đàm 。

nguyện vị ngã thuyết linh ngã đắc tri thiện bất thiện Pháp

。

Này Phạm Chí! Thế gian có pháp không lành. Thưa Cồ Đàm! Xin vì tôi mà giảng nói,

làm cho tôi được biết pháp lành và pháp không lành.

佛言。善男子。我能分別廣說其義。

Phật ngôn 。

thiện nam tử 。

ngã năng phân biệt quảng thuyết kỳ nghĩa 。

Phật dạy: Này thiện nam tử! Ta có thể phân biệt rộng nói nghĩa này,

今當為汝簡略說之。善男子。欲名不善。

kim đương vị nữ giản lược thuyết chi 。

thiện nam tử 。

dục danh bất thiện 。

nay sẽ vì ông mà lược nói. Nay thiện nam tử! Dục gọi là pháp không lành,
解脫欲者名之為善。瞋恚愚癡亦復如是。

giải thoát dục giả danh chi vi thiện 。 sân khuể ngu si diệc phục như thị 。

giải thoát dục gọi là pháp lành, sân nhuế, ngu si cũng lại như vậy.

殺名不善不殺名善。乃至邪見亦復如是。善男子。

sát danh bất thiện bất sát danh thiện 。 nãi chí tà kiến diệc phục như thị 。

Sát sanh gọi là pháp không lành, bất sát gọi là pháp lành, cho đến tà kiến cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử!

我今為汝已說三種善不善法。及說十種善不善法。

ngã kim vi nhữ dĩ thuyết tam chủng thiện bất thiện Pháp 。

Ta nay sẽ vì ông mà nói ba pháp lành và pháp không lành, cùng mười pháp lành và pháp không lành.

若我弟子能作如是分別三種善不善法。

nhược ngã đệ-tử năng tác như thị phân biệt tam chủng thiện bất thiện Pháp 。

Nếu đệ tử của Ta có thể phân biệt ba pháp lành và pháp không lành,

乃至十種善不善法。

nãi chí thập chủng thiện bất thiện Pháp 。

cho đến mười pháp lành và pháp không lành này,

當知是人能盡貪欲瞋恚愚癡一切諸漏斷一切有。梵志言。瞿曇。

đương tri thị nhân năng tận tham dục sân khuể ngu si nhất thiết chư lậu đoạn nhất thiết hữu 。

Phạm Chí ngôn 。

是佛法中頗有一比丘能盡如是貪欲瞋癡一切諸漏一

thị Phật Pháp trung phả hữu nhất Tỳ-kheo năng tận như thị tham dục sân si nhất thiết chư lậu nhất

Trong Phật pháp này có một Tỳ-kheo nào có thể dứt hết tham dục, sân giận, ngu si, hết tất cả phiền não,

切有不。佛言。善男子。

thiết hữu bất 。

tất cả các hữu như vậy chăng? Phật dạy: Nay thiện nam tử!

是佛法中非一二三乃至五百。乃有無量諸比丘等。

thị Phật Pháp trung phi nhất nhị tam nãi chí ngũ bách 。 nãi hữu vô lượng chư bỉ khâu
đẳng 。

Trong giáo pháp của Phật không những có một, hai, ba cho đến năm trăm người, mà có
đến vô lượng các Tỳ-kheo

能盡如是貪欲恚癡一切諸漏一切諸有。瞿曇。置一比丘。

năng tận như thị tham dục khuể si nhất thiết chư lậu nhất thiết chư hữu 。 Cồ Đàm 。 trí
nhất Tỳ-kheo。

có thể dứt hết tham dục, sân giận, ngu si, hết tất cả phiền não, tất cả các hữu như vậy.

Thưa Cồ Đàm!

是佛法中頗有一比丘尼能盡如是貪欲瞋癡一

thị Phật Pháp trung phả hữu nhất Tỳ-kheo-ni năng tận như thị tham dục sân si nhất

Trong giáo pháp của Phật, đặt vị trí của một Tỳ-kheo có bằng một Tỳ-kheo-ni mà có thể
diệt hết tham dục, sân giận, ngu si,

切諸漏一切有不。佛言。善男子。

thiết chư lậu nhất thiết hữu bất 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

hết tất cả phiền não, tất cả các hữu chăng? Phật dạy: Nay thiện nam tử!

是佛法中非一二三乃至五百。乃有無量諸比丘尼。

thị Phật Pháp trung phi nhất nhị tam nãi chí ngũ bách 。 nãi hữu vô lượng chư Tỳ-kheo-ni
。

Trong giáo pháp của Phật không những có một, hai, ba cho đến năm trăm người, mà có
đến vô lượng các Tỳ-kheo-ni

能斷如是貪欲。瞋癡一切諸漏一切諸有。犢子言。

năng đoạn như thị tham dục 。 sân si nhất thiết chư lậu nhất thiết chư hữu 。 Độc Tử ngôn

。

có thể hết tham dục, sân giận, ngu si, hết tất cả phiền não, tất cả các hữu như vậy. Độc
Tử nói:

瞿曇。置一比丘一比丘尼。

Cồ Đàm 。 trí nhất Tỳ-kheo nhất Tỳ-kheo-ni 。

Thưa Cồ Đàm!

是佛法中頗頗有一優婆塞持戒精勤梵行清淨度疑彼岸斷於
thị Phật Pháp trung phả hữu nhất Ưu-bà-tắc trì giới tinh cần Phạm hạnh thanh tịnh độ nghi
bỉ ngạn đoạn ư

Trong giáo pháp của Phật nếu vị trí của một Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo-ni có bằng một Ưu-bà-
tắc nào mà có trì giới, nhẫn nhục, tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh,
疑網不。佛言。善男子。

nghi võng bất 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。
dứt được lưới nghi chăng? Phật dạy: Này thiện nam tử!

我佛法中非一二三乃至五百。乃有無量諸優婆塞。

ngã Phật Pháp trung phi nhất nhị tam nãi chí ngũ bách 。 nãi hữu vô lượng chư Ưu-bà-tắc
。

Trong giáo pháp của Phật không có một, hai, ba cho đến năm trăm người, mà có đến vô
lượng các Ưu-bà-tắc

持戒精勤梵行清淨斷五下結。

trì giới tinh cần Phạm hạnh thanh tịnh đoạn ngũ hạ kết 。

trì giới, nhẫn nhục, tinh cần, Phạm hạnh thanh tịnh, dứt hết năm hạ phần kiết sử,
得阿那含度疑彼岸斷於疑網。犢子言。瞿曇。

đắc A-na-hàm độ nghi bỉ ngạn đoạn ư nghi võng 。 Độc Tử ngôn 。 Cồ Đàm 。

đắc quả A-na-hàm, dứt được lưới nghi. Độc Tử nói: Thưa Cồ Đàm!

置一比丘一比丘尼一優婆塞。

trí nhất Tỳ-kheo nhất Tỳ-kheo-ni nhất Ưu-bà-tắc 。

是佛法中頗頗有一優婆夷持戒精勤梵行清淨度疑彼岸斷疑網不。佛言。善男子。

thị Phật Pháp trung phả hữu nhất Ưu-bà-di trì giới tinh cần Phạm hạnh thanh tịnh độ
nghi bỉ ngạn đoạn nghi võng bất 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

Trong giáo pháp của Phật, vị trí của một Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo-ni, một Ưu-bà-tắc, có
bằng một Ưu-bà-di nào mà có trì giới, nhẫn nhục, tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, dứt
được lưới nghi chăng? Phật dạy: Này thiện nam tử!

我佛法中非一二三乃至五百。

ngã Phật Pháp trung phi nhất nhị tam nãi chí ngũ bách 。

Trong giáo pháp của Phật không những có một, hai, ba cho đến năm trăm người,
乃有無量諸優婆夷持戒精勤梵行清淨斷五下結。

nãi hữu vô lượng chư Ưu-bà-di trì giới tinh tinh cần phạm hạnh thanh tịnh đoạn ngũ hạ kết
。

mà có đến vô lượng các Ưu-bà-di trì giới, nhẫn nhục, tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, dứt
hết năm hạ phần kiết sử,

得阿那含度疑彼岸斷於疑網。犢子言。瞿曇。

đắc A-na-hàm độ nghi bỉ ngạn đoạn ư nghi võng 。 Độc Tử ngôn 。 Cồ Đàm 。

đắc quả A-na-hàm, dứt được lưới nghi. Độc Tử nói: Thưa Cồ Đàm!

置一比丘一比丘尼盡一切漏。

trí nhất Tỳ-kheo nhất Tỳ-kheo-ni tận nhất thiết lậu 。

Trong giáo pháp của Phật, nếu đem so sánh một Tỳ-kheo, một Tỳ-kheo-ni hết tất cả phiền
não,

一優婆塞一優婆夷持戒精勤梵行清淨斷於疑網。

nhất Ưu-bà-tắc nhất Ưu-bà-di trì giới tinh tinh cần Phạm hạnh thanh tịnh đoạn ư nghi võng
。

một Ưu-bà-tắc, một Ưu-bà-di mà có trì giới, tinh cần, phạm hạnh thanh tịnh, dứt hẳn lưới
nghi có bằng với

是佛法中頗有優婆塞受五欲樂心無疑網不。佛言。善男子。

thị Phật Pháp trung phả hữu Ưu-bà-tắc thọ ngũ dục lạc tâm vô nghi võng bất 。

Phật ngôn
。 thiện nam tử 。

Ưu-bà-tắc nào hưởng thọ ngũ dục lạc mà tâm dứt được lưới nghi chăng? Phật dạy: Này
thiện nam tử!

是佛法中非一二三乃至五百。

thị Phật Pháp trung phi nhất nhị tam nãi chí ngũ bách 。

Trong giáo pháp của Phật không có một, hai, ba cho đến năm trăm người,

乃有無量諸優婆塞斷於三結得須陀洹。

nãi hữu vô lượng chư Ưu-bà-tắc đoạn ư tam kết đắc Tu-đà-hoàn 。

đến vô lượng các Ưu-bà-tắc dứt hẳn ba kiết sử mà đắc quả Tu-đà-hoàn,

薄貪恚癡得斯陀含。如優婆塞優婆夷亦如是。世尊。

bạc tham khuể si đắc Tư-đà-hàm 。

như Ưu-bà-tắc Ưu-bà-di diệt như thị 。

Thế Tôn 。

bị tham sân si mỏng mà đắc quả Tư-đà-hàm. Như Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di cũng lại như vậy.

Bạch Thế Tôn!

我於今者樂說譬喻。佛言。善哉樂說便說。世尊。

ngã ư kim giả lạc thuyết thí dụ 。 Phật ngôn 。 Thiện tai lạc thuyết tiện thuyết 。 Thế Tôn
。

Con nay rất vui để nói lên những ví dụ. Phật dạy: Hay thay! Hãy vui vẻ nói lên. Bạch Thế Tôn!

譬如難陀婆難陀龍王等降大雨。

Thí như Nan-đà, Bà Nan-đà, Long Vương đẳng hàng Đại vũ 。

Thí như Nan-đà, Bạt-nan-đà, Long Vương bình đẳng với mưa lớn.

如來法雨亦復如是。平等雨於優婆塞優婆夷。世尊。

Như Lai Pháp vũ diệc phục như thị 。

Pháp của Như Lai cũng lại như vậy mưa bình đẳng đối với Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di. Bạch Thế Tôn!

若諸外道欲來出家不審如來幾月試之。佛言。

nhược chư ngoại đạo dục lai xuất gia bất thẩm Như Lai ki nguyệt thí chi 。

Nếu các ngoại đạo muốn đến xuất gia, không biết Như Lai cho thử thách mấy tháng?

Phật dạy:

善男子。皆四月試不必一種。世尊。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử! Thử họ trong bốn tháng, nhưng không cần hết thầy cùng một hạng.

Bạch Thế Tôn!

若不一種唯願大慈聽我出家。爾時世尊告憍陳如。

nhược bất nhất chủng duy nguyện Đại từ thính ngã xuất gia 。

Nếu không cùng một hạng, cúi xin đức Đại từ cho tôi xuất gia! Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Kiều-trần-như

聽是犢子出家受戒。時憍陳如受佛勅已。

thính thị Độc Tử xuất gia thọ giới 。

cho phép Độc Tử này xuất gia thọ giới. Khi ấy Kiều-trần-như tuân lời dạy của Phật xong, lập chúng Tăng trung vi tác Yết-ma 。

lập chúng Tăng trung vi tác Yết-ma 。

trong chúng Tăng làm pháp Yết-ma

於出家後滿十五日得須陀洹果。既得果已復作是念。若有智慧從學得者。
ư xuất gia hậu mãn thập ngũ nhật đắc Tu-đà-hoàn quả 。 ký đắc quả dĩ phục tác thị niệm
。 nhược hữu trí tuệ tòng học đắc giả 。

cho xuất gia. Đứng mười lăm ngày sau, Độc Tử được quả Tu-đà-hoàn; đắc quả Tu-đà-
hoàn rồi, Độc Tử nghĩ rằng: Nếu người có trí tuệ do nơi học mà được,
我今已得堪任見佛。即往佛所頭面作禮。

ngã kim dĩ đắc kham nhâm kiến Phật 。 tức vãng Phật sở đầu diện tác lễ 。

nay tôi đã được, có thể đến ra mắt Phật, liền đi đến chỗ Phật, đầu mặt kính lễ
修敬已畢却住一面。白佛言。世尊。

tu kính dĩ tất khước trụ nhất diện 。 bạch Phật ngôn 。 Thế Tôn 。

rồi đứng lùi về một bên mà bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!
諸有智慧從學得者我今已得。唯願為我重分別說。

chư hữu trí tuệ tòng học đắc giả ngã kim dĩ đắc 。 duy nguyện vị ngã trọng phân biệt
thuyết 。

Những người trí từ nơi học mà được, tôi nay đã được. Xin đức Thế Tôn vì tôi mà phân biệt
giải nói,
令我獲得無學智慧。佛言。善男子。

linh ngã hoạch đắc vô học trí tuệ 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

làm cho tôi được trí tuệ vô học. Phật dạy: Này thiện nam tử!
汝勤精進修習二法。一奢摩他。二毘婆舍那。善男子。

nhữ tinh cần tinh tấn tu tập nhị Pháp 。 nhất xa ma tha 。 nhị tỉ bà xá na 。 thiện nam tử 。

Ông nên tinh tấn tu học hai pháp: Một là chỉ, hai là quán. Này thiện nam tử!
若有比丘欲得須陀洹果。亦當勤修如是二法。

nhược hữu Tỳ-kheo dục đắc Tu-đà-hoàn quả 。 diệc đương tinh cần tu như thị nhị Pháp 。

Nếu có Tỳ-kheo nào muốn được quả Tu-đà-hoàn cũng phải siêng năng tu tập hai pháp
như vậy.

若復欲得斯陀含果阿那含果阿羅漢果。

nhược phục dục đắc Tư-đà-hàm quả A-na-hàm quả A-la-hán quả 。

Nếu lại muốn được quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán
亦當修習如是二法。善男子。

diệc đương tu tập như thị nhị Pháp 。 thiện nam tử 。

cũng phải tu tập hai pháp như vậy. Nay thiện nam tử!

若有比丘欲得四禪四無量心。六神通八背捨八勝處。

nhược hữu Tỳ-kheo dục đắc tứ Thiền tứ vô lượng tâm 。 lục Thần thông bát bội xả bát thắng xứ。

Nếu có Tỳ-kheo muốn được Tư thiền, Tứ vô lượng tâm, Lục thần thông, Bát bội xả, Bát thắng xứ,

無諍智頂智畢竟智四無礙智。

vô tránh trí đỉnh trí tất cánh trí tứ vô ngại trí 。

Vô tránh trí, Đảnh trí, Tất cánh trí, Tứ vô ngại trí,

金剛三昧盡智無生智。亦當修習如是二法。善男子。

Kim cương tam-muội tận trí vô sanh trí 。

diệc đương tu tập như thị nhị Pháp 。

thiện nam tử 。

Kim cương tam-muội, Tận trí, Vô sanh trí cũng phải tu tập hai Pháp như vậy. Nay thiện nam tử!

若欲得十住地無生法忍無相法忍不可思議法忍。

nhược dục đắc thập trụ địa vô sanh Pháp nhẫn vô tướng Pháp nhẫn bất khả tư nghị Pháp nhẫn 。

Nếu muốn được bậc Thập trụ, Vô sanh pháp nhẫn, Vô tướng pháp nhẫn, Bất khả tư nghị pháp nhẫn,

聖行梵行天行菩薩行。虛空三昧智印三昧。

Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bồ-tát hạnh, Hư không tam-muội, Trí ấn tam-muội 。

Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bồ-tát hạnh, Hư không tam-muội, Trí ấn tam-muội, 空無相無作三昧。地三昧不退三昧。

Không vô tướng, Vô tác tam-muội, Địa tam-muội, Bất thối tam-muội 。

Không vô tướng, Vô tác tam-muội, Địa tam-muội, Bất thối tam-muội,

首楞嚴三昧金剛三昧。阿耨多羅三藐三菩提佛行。

Thủ Lăng Nghiêm tam-muội Kim cương tam-muội 。

a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề Phật hạnh。

Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, Kim cương tam-muội, Vô Thượng Bồ-đề Phật hạnh

亦當修習如是二法。犢子聞已禮拜而出。

diệc đương tu tập như thị nhị Pháp 。 Độc Tử văn dĩ lễ bái nhi xuất 。
cũng phải tu tập hai pháp như vậy. Độc Tử nghe xong, lễ Phật lui ra,
在娑羅林中修是二法。不久即得阿羅漢果。

tại Sa-la lâm trung tu thị nhị Pháp 。 bất cửu tức đắc A-la-hán quả 。
ở trong rừng Sa-la tu tập hai pháp chỉ và quán, không bao lâu được quả A-la-hán.
是時復有無量比丘欲往佛所。犢子見已問言。大德。

thì thì phục hữu vô lượng Tỳ-kheo dục vãng Phật sở 。 Độc Tử kiến dĩ vấn ngôn 。 Đại Đức
。

Lúc bấy giờ lại có vô lượng Tỳ-kheo muốn đến chỗ Phật. Chư Đại Đức
欲何所至。諸比丘言。欲往佛所。犢子復言。

dục hà sở chí 。 chư Tỳ-kheo ngôn 。 dục vãng Phật sở 。 Độc Tử phục ngôn 。
muốn đến đâu? Các Tỳ-kheo nói: Chúng tôi muốn đến chỗ Phật. Độc Tử lại nói:
諸大德。若至佛所願為宣啟。

chư Đại Đức 。 nhược chí Phật sở nguyện vị tuyên khai 。
Chư Đại Đức nếu đến chỗ Phật, xin vì tôi bạch Phật rằng:

犢子梵志修二法已得無學智。今報佛恩入般涅槃。

Độc Tử Phạm Chí tu nhị Pháp dĩ đắc vô học trí 。 kim báo Phật ân nhập bát Niết-bàn 。
Phạm Chí Độc Tử tu hai pháp đã được trí vô học, nay báo đáp ân Phật mà nhập Niết-bàn.
時諸比丘至佛所已。白佛言。世尊。犢子比丘寄我等語。

thì chư Tỳ-kheo chí Phật sở dĩ 。 bạch Phật ngôn 。 Thế tôn 。 Độc Tử Tỳ-kheo kí ngã
đăng ngữ 。

Lúc bấy giờ các Tỳ-kheo đến chỗ Phật mà bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo Độc
Tử đã nhờ chúng tôi thưa lại

世尊。犢子梵志。修習二法得無學智。

Thế Tôn 。 Độc Tử Phạm Chí 。 tu tập nhị Pháp đắc vô học trí 。

Thế Tôn rằng Phạm Chí Độc Tử đã tu tập hai pháp được trí vô học,
今報佛恩入於涅槃。佛言。善男子。

kim báo Phật ân nhập ư Niết-bàn 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

nay báo đáp ân Phật mà nhập Niết-bàn. Phật dạy: Này thiện nam tử!

犢子梵志得阿羅漢果。汝等可往供養其身。

Độc Tử Phạm Chí đắc A-la-hán quả 。 như đấng khả vãng cung dưỡng kỳ thân 。
Phạm Chí Độc Tử đã được quả A-la-hán, các ông nên đến cúng dưỡng thân ông ấy.

時諸比丘受佛勅已。還其尸所大設供養。

thì chư Tỳ-kheo thọ Phật sắc dĩ 。 hoàn kỳ thi sở Đại thiết cung dưỡng 。

Khi ấy, các Tỳ-kheo tuân lời Phật dạy, trở về cúng dưỡng thi hài của Độc Tử.

納衣梵志復作是言。瞿曇。

Nạp Y Phạm Chí phục tác thị ngôn 。 Cồ Đàm 。

Nạp Y Phạm Chí lại lên tiếng hỏi Phật rằng: Thưa Cồ Đàm!

如瞿曇所說無量世中作善不善。未來還得善不善身。

như Cồ Đàm sở thuyết vô lượng thế trung tác thiện bất thiện 。

vị lai hoàn đắc thiện bất thiện thân 。

Như lời Cồ Đàm nói trong vô lượng đời làm điều lành, điều không lành, đời vị lai trở lại được thân lành, thân không lành.

是義不然。何以故。如瞿曇說因煩惱故獲得是身。

thị nghĩa bất nhiên 。

hà dĩ cố 。

như Cồ Đàm thuyết nhân phiền não cố hoạch đắc thị thân 。

Nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Vì như Cồ đàm từng nói nhân phiền não mà được thân này.

若因煩惱獲得身者。身為在先煩惱在先。

nhược nhân phiền não hoạch đắc thân giả 。

thân vi tại tiên phiền não tại tiên 。

Nếu nhân phiền não mà được thân này, vậy thân này có trước hay phiền não có trước?

若煩惱在先誰之所作住在何處。

nhược phiền não tại tiên thù chi sở tác trụ tại hà xứ。

Nếu phiền não có trước, vậy ai làm và ở chỗ nào?

若身在先云何說言因煩惱得。

nhược thân tại tiên vân hà thuyết ngôn nhân phiền não đắc 。

Nếu thân này có trước, sao lại nói nhân phiền não mà được thân này?

是故若言煩惱在先是亦不可。若身在先是亦不可。

thị cố nhược ngôn phiền não tại tiên thị diệt bất khả 。

nhược thân tại tiên thị diệt bất khả 。

Vì vậy, nếu nói phiền não ở trước cũng không được. Nếu nói thân ở trước cũng không được.

若言一時是亦不可。先後一時義俱不可。

nhược ngôn nhất thì thị diệc bất khả 。 tiên hậu nhất thì nghĩa câu bất khả 。

Nếu nói đồng một thì cũng không được. Như vậy, trước, sau, đồng một thời đều không được.

是故我說一切諸法皆有自性不從因緣。

thị cố ngã thuyết nhất thiết chư Pháp giai hữu tự tánh bất tòng nhân duyên 。

Vì vậy, tôi nói tất cả các pháp đều có tự tánh không từ nhân duyên 。

復次瞿曇。堅是地性濕是水性。

phục thứ Cồ Đàm 。 kiên thị địa tánh thấp thị thủy tánh 。

Lại nữa, thưa Cồ Đàm! Cứng là tánh của đất, ướt là tánh của nước,

熱是火性動是風性。無所罣礙是虛空性。

nhiệt thị hỏa tánh động thị phong tánh 。 vô sở quái ngại thị hư không tánh 。

nóng là tánh của lửa, động là tánh của gió, không chướng ngại là tánh của hư không.

是五大性非因緣有。若使世間有一法性非因緣有。

thị ngũ Đại tánh phi nhân duyên hữu 。

Tánh của năm đại này không phải từ nhân duyên mà có; nếu trong thế gian có tánh của một pháp không từ nhân duyên mà có

一切法性亦應如是非因緣有。若有一法從於因緣。

nhất thiết Pháp tánh diệc ứng như thị phi nhân duyên hữu 。

thì tánh của tất cả pháp cũng phải như vậy, không phải do nhân duyên mà có; nếu có một pháp từ ở nhân duyên,

何因緣故五大之性不從因緣。瞿曇。

hà nhân duyên cố ngũ Đại chi tánh bất tòng nhân duyên 。

Cồ Đàm 。

vậy vì nhân duyên gì tánh của năm đại không từ nhân duyên? Thưa Cồ Đàm!

眾生善身及不善身獲得解脫。皆是自性不從因緣。
chúng sanh thiện thân cập bất thiện thân hoạch đắc giải thoát 。

Chúng sanh có thân lành cùng thân không lành, hay được giải thoát đều là tự tánh cả, không từ nhân duyên.

是故我說一切諸法自性故有非因緣生。

thị cố ngã thuyết nhất thiết chư Pháp tự tánh cố hữu phi nhân duyên sanh 。

Vì vậy tôi nói tất cả các pháp do tự tánh mà có, không phải từ nhân duyên sanh.

復次瞿曇。世間之法有定用處。

phục thứ Cồ Đàm 。

Lại nữa, thưa Cồ Đàm! Pháp thế gian có chỗ dùng nhất định.

譬如工匠云如是木任作車輿。如是任作門戶床机。

thí như công tợng vân như thị mộc nhâm tác xa dư 。

Như người thợ mộc nói rằng: Cây này có thể làm xe cộ, cây này có thể làm cửa, cây này có thể làm giường, làm ghế.

亦如金師所可造作。在額上者名之為鬘。

diệc như kim sư sở khả tạo tác 。

Lại như người thợ vàng làm ra những đồ trang sức: Đội trên trán gọi là tràng,

在頸下者名之為瓔。在臂上者名之為釧。

tại cảnh hạ giả danh chi vi anh 。

tại tý thượng giả danh chi vi xuyên 。

đeo dưới cổ gọi là chuỗi, đeo trên tay gọi là xuyên,

在指上者名之為環。用處定故名為定性。瞿曇。

tại chỉ thượng giả danh chi vi hoàn 。

đeo nơi ngón tay gọi là nhẫn. Vì chỗ dùng nhất định nên gọi là định tánh. Thưa Cồ Đàm!

一切眾生亦復如是。

nhất thiết chúng sanh diệc phục như thị 。

Hết thầy chúng sanh cũng lại như vậy,

有五道性故有地獄餓鬼畜生人天。若如是者云何說言從於因緣。

hữu ngũ đạo tánh cố hữu Địa-ngục ngạ quỷ súc sanh nhân Thiên 。

復次瞿曇。一切眾生其性各異。

phục thứ Cồ Đàm 。 nhất thiết chúng sanh kỳ tánh các dị 。

Lại nữa, thưa Cồ Đàm! Tất cả chúng sanh tánh của họ đều khác,

是故名為一切自性。瞿曇。如龜陸生自能入水。

thị cố danh vi nhất thiết tự tánh 。

Cồ Đàm 。

như quy lục sanh tự năng nhập thủy 。

nên gọi là tất cả tự tánh. Thưa Cồ Đàm! Như con rùa sanh trên đất cao mà nó có thể tự

lăn xuống nước.

犢子生已能自飲乳。魚見鉤餌自然吞食。

độc tử sanh dĩ năng tự ẩm nhũ 。

ngư kiến câu nhự tự nhiên thôn thực 。

Con nghé con sanh ra, nó tự có thể uống sữa, cá thấy mồi tự nhiên nuốt ăn,

毒蛇生已自然食土。如是等事誰有教者。

độc xà sanh dĩ tự nhiên thực độ 。

như thị đẳng sự thù hữu giáo giả 。

rắn độc sanh ra tự nhiên thức ăn đất. Những việc như vậy có ai dạy bảo?

如刺生已自然頭尖。飛鳥毛羽自然色別。

như thứ sanh dĩ tự nhiên đầu tiêm 。

phi điều mao vũ tự nhiên sắc biệt 。

Như gai sanh ra tự nhiên đầu nhọn, lông cánh của loài chim bay tự nhiên có màu sắc

riêng khác.

世間眾生亦復如是。有利有鈍有富有貧有好有醜。

thế gian chúng sanh diệc phục như thị 。

hữu lợi hữu độn hữu phú hữu bần hữu hảo hữu xú 。

Chúng sanh trong thế gian cũng lại như vậy: có lanh lợi, có ngu độn, có giàu, có nghèo có

đẹp, có xấu,

有得解脫有不得解脫。

hữu đắc giải thoát hữu bất đắc giải thoát 。

có người được giải thoát, có người không được giải thoát,

是故當知一切法中各有自性。

thị cố đương tri nhất thiết Pháp trung các hữu tự tánh 。

Vì vậy phải biết trong tất cả pháp đều có tự tánh.

復次瞿曇。如瞿曇說貪欲瞋癡從因緣生。

phục thứ Cồ Đàm 。

như Cồ Đàm thuyết tham dục sân si tòng nhân duyên sanh 。

Lại nữa, thưa Cồ Đàm! Như Cồ Đàm từng nói: Tham dục, sân giận, ngu si là từ nhân

duyên sanh.

如是三毒因緣五塵。是義不然。何以故。

như thị tam độc nhân duyên ngũ trần 。 thị nghĩa bất nhiên 。 hà dĩ cố 。

Ba độc này do nơi năm trần làm duyên, nghĩa này không đúng. Vì sao vậy?

眾生睡時遠離五塵。亦復生於貪欲瞋癡。

chúng sanh thụ thị viễn li ngũ trần 。 diệc phục sanh ư tham dục sân si 。

Vì khi chúng sanh ngủ thì xa lìa năm trần mà cũng vẫn sanh ở tham dục, sân giận ngu si.

在胎亦爾。初出胎時未能分別五塵好醜。

tại thai diệc nhĩ 。 sơ xuất thai thì vị năng phân biệt ngũ trần hảo xú 。

Lúc ở trong thai cũng vậy. Lúc ở trong thai chưa phân biệt được năm trần là tốt hay xấu,

亦復生於貪欲瞋癡。諸仙賢聖處在寂處無有五塵。

diệc phục sanh ư tham dục sân si 。

chư tiên hiền Thánh xử tại tịch xứ vô hữu ngũ trần 。

mà cũng sanh lòng tham, sân, si. Các vị Tiên nhân ở nơi chỗ vắng vẻ, không có năm trần

diệc năng sanh ư tham dục sân si 。

mà cũng có thể sanh lòng tham, sân, si.

亦復有人因於五塵生於不貪不瞋不癡。

diệc phục hữu nhân nhân ư ngũ trần sanh ư bất tham bất sân bất si 。

Lại cũng có người nhân nơi năm trần mà không sanh lòng tham, sân, si.

是故不必從於因緣生一切法。以自性故。

thị cố bất tất tòng ư nhân duyên sanh nhất thiết Pháp 。

Vì vậy không hẳn từ nhân duyên sanh tất cả pháp, vì tự tánh có sẵn như vậy.

復次瞿曇。我見世人五根不具。

phục thứ Cồ Đàm 。

Lại nữa, thưa Cồ Đàm! Tôi thấy trong đời có người năm căn không đủ

多饒財寶得大自在。有根具足貧窮下賤。

đa nhiêu tài bảo đắc Đại tự-tại 。

mà tiền nhiều của lắm, được tự tại. Có người có năm căn đầy đủ mà nghèo hèn hạ tiện,

不得自在為人僕使。若有因緣何故如是。

bất đắc tự-tại vi nhân bộc sử 。

làm tôi làm tớ không được tự tại. Nếu có nhân duyên, vì sao lại như vậy?

是故諸法各有自性不由因緣。瞿曇。

thị cố chư Pháp các hữu tự tánh bất do nhân duyên 。 Cồ Đàm 。

Vì vậy các pháp đều có tự tánh không bởi nhân duyên. Thừa Cồ Đàm!

世間小兒亦復未能分別五塵。或笑或啼笑時知喜啼時知愁。

thế gian tiểu nhi diệc phục vị năng phân biệt ngũ trần 。 hoặc tiếu hoặc đề tiếu thì tri hỉ đề thì tri sầu 。

Trong thế gian, trẻ nhỏ chưa thể phân biệt được năm trần, hoặc khóc hoặc cười. Khi cười biết nó mừng, khi khóc biết nó buồn.

是故當知一切諸法各有自性。復次瞿曇。世法有二。

thị cố đương tri nhất thiết chư Pháp các hữu tự tánh 。 phục thứ Cồ Đàm 。 thế Pháp hữu nhị 。

Vì vậy phải biết tất cả pháp đều có tự tánh. Lại nữa, thừa Cồ Đàm! Pháp thế gian có hai: 一者有。二者無。有即虛空無即兔角。

nhất giả hữu 。 nhị giả vô 。 hữu tức hư không vô tức thỏ giác 。

Một là có, hai là không. Có chính là hư không, không chính là sừng thỏ.

如是二法一是有故不從因緣。二是無故亦非因緣。

như thị nhị Pháp nhất thị hữu cố bất tòng nhân duyên 。 nhị thị vô cố diệc phi nhân duyên 。

Trong hai pháp này, một là vì có nên không từ nhân duyên, hai là vì không nên không từ nhân duyên.

是故諸法有自性故不從因緣。

thị cố chư Pháp hữu tự tánh cố bất tòng nhân duyên 。

Vì vậy các pháp đều có tự tánh, không từ nhân duyên.

佛言。善男子。

Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

Phật dạy: Này thiện nam tử!

如汝所言如五大性一切諸法亦應如是。是義不然。何以故。善男子。

như nhữ sở ngôn như ngũ Đại tánh nhất thiết chư Pháp diệc ứng như thị 。

thị nghĩa bất nhiên 。

hà dĩ cố 。

thiện nam tử 。

Như lời ông nói: Như tánh của năm đại, hết thảy các pháp cũng phải như vậy, nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Này thiện nam tử!

汝法中以五大是常。

nhữ Pháp trung dĩ ngũ đại thị thường 。

Vì như trong pháp của ông cho năm đại là thường,

何因緣故一切諸法悉不是常。若世間物是無常者。

hà nhân duyên cố nhất thiết chư Pháp tất bất thị thường 。

nhược thế gian vật thị vô thường giả 。

vì nhân duyên gì mà hết thấy các pháp không phải là thường? Nếu sự vật trong thế gian là vô thường,

是五大性何因緣故不是無常。若五大常世間之物亦應是常。

thị ngũ Đại tánh hà nhân duyên cố bất thị vô thường 。

nhược ngũ Đại thường thế gian chi vật diệt ứng thị thường 。

tánh của năm đại này vì nhân duyên gì không phải là vô thường? Nếu năm đại này là thường thì sự vật trong thế gian cũng phải thường như vậy.

是故汝說五大之性有自性故不從因緣。

thị cố nhữ thuyết ngũ Đại chi tánh hữu tự tánh cố bất tòng nhân duyên 。

Vì vậy, chỗ ông nói tánh của năm đại vì có tự tánh nên không từ nhân duyên sanh
令一切法同五大者無有是處。

linh nhất thiết Pháp đồng ngũ Đại giả vô hữu thị xứ。

khiến tất cả pháp cùng như năm đại, là không có việc này.

善男子。汝言用處定故有自性者。是義不然。

thiện nam tử 。

nhữ ngôn dụng xử định cố hữu tự tánh giả 。

thị nghĩa bất nhiên 。

Này thiện nam tử! Ông nói: Vì chỗ dùng nhất định nên có tự tánh, nghĩa này không đúng.

何以故。皆從因緣得名字故。

hà dĩ cố 。

giai tòng nhân duyên đắc danh tự cố 。

Vì sao vậy? Vì thấy đều từ nhân duyên mà được danh tự.

若從因得名亦從因得義。云何名為從因得名。

nhược tòng nhân đắc danh diệt tòng nhân đắc nghĩa 。

vân hà danh vi tòng nhân đắc danh 。

Nếu đã từ nhân duyên mà được danh tự, cũng phải từ nhân duyên mà được nghĩa. Thế nào gọi là từ nhân duyên mà được danh tự?

如在額上名之為鬘。在頸名璣在臂名釧在車名輪。

như tại gạch thượng danh chi vi man 。 tại cảnh danh anh tại tý danh xuyên tại xa danh luân 。

Như đồ tang sức ở nơi trán gọi là tràng, ở nơi dưới cổ gọi là chuỗi, ở nơi tay gọi là xuyên, ở nơi xe gọi là bánh xe,

火在草木名草木火。善男子。

hỏa tại thảo mộc danh thảo mộc hỏa 。

lửa ở nơi cỏ cây gọi là lửa cỏ. Này thiện nam tử!

樹初生時無箭稍性。從因緣故工造為箭。

thụ sơ sanh thì vô tiến sáo tánh 。

Cây cối lúc mới sanh không có tánh mũi tên và cây lao. Vì từ nhân duyên người thợ đẽo àm mũi tên,

從因緣故工造為稍。是故不應說一切法有自性也。善男子。

tòng nhân duyên cố công tạo vi sáo 。

vì từ nhân duyên người thợ đẽo làm cây lao. Vì vậy, không nên nói hết thầy các pháp đều có tự tánh. Này thiện nam tử!

汝言如龜陸生性自入水。

nhữ ngôn như quy lục sanh tánh tự nhập thủy 。

Ông nói: Như con rùa sanh trên đất mà tánh của nó tự lặn xuống nước,

犢子生已性能飲乳。是義不然。何以故。若言入水非因緣者。

độc tử sanh dĩ tánh năng ẩm nhũ 。

con nghé con sanh ra, tánh của nó có thể uống sữa, nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Vì nếu nói vào trong nước không phải nhân duyên,

俱非因緣何不入火。

câu phi nhân duyên hà bất nhập hỏa 。

không phải nhân duyên, vậy nhân duyên gì mà không vào trong lửa?

犢子生已性能[口*束]乳不從因緣者。俱非因緣何不[口*束]角。善男子。

độc tử sanh dĩ tánh năng [khẩu *thúc]nhũ bất tòng nhân duyên giả 。

Con nghe con sanh ra, tánh của nó có thể ngậm vú, không từ nhân duyên. Nếu không từ nhân duyên sao không ngậm sừng? Nay thiện nam tử!

若言諸法悉有自性。不須教習無有增長。

nhược ngôn chư Pháp tất hữu tự tánh 。 bất tu giáo tập vô hữu tăng trưởng。

Nếu nói hết thầy các pháp đều có tự tánh, không cần tu tập, dạy bảo, không có tăng trưởng,

是義不然。何以故。今見有教緣教增長。

thị nghĩa bất nhiên 。 hà dĩ cố 。 kim kiến hữu giáo duyên giáo tăng trưởng 。

nghĩa này không đúng. Vì sao? Vì hiện nay thấy có sự dạy bảo, nhân nơi dạy bảo mà có tăng trưởng,

是故當知無有自性。善男子。若一切法有自性者。

thị cố đương tri vô hữu tự tánh 。 thiện nam tử 。 nhược nhất thiết Pháp hữu tự tánh giả 。

vì vậy phải biết không có tự tánh. Nay thiện nam tử! Nếu tất cả các pháp có tự tánh, 諸婆羅門一切不應為清淨身殺羊祠祀若為身祠。

chư Bà-la-môn nhất thiết bất ứng vị thanh tịnh thân sát dương tử tự nhược vị thân tử 。

các Bà-la-môn hết thầy không nên vì thân thanh tịnh mà giết dê để cúng tế. Nếu vì thân thanh tịnh mà cúng tế,

是故當知無有自性。善男子。

thị cố đương tri vô hữu tự tánh 。 thiện nam tử 。

nên biết rằng không có tự tánh. Nay thiện nam tử!

世間語法凡有三種。一者欲作。二者作時。三者作已。

thế gian ngữ Pháp phạm hữu tam chủng 。 nhất giả dục tác 。 nhị giả tác thì 。 tam giả tác dĩ 。

Ngữ pháp của thế gian phạm có ba thứ: Một là muốn làm, hai là lúc làm, ba là làm xong.

若一切法有自性者。何故世中有是三語。有三語故。

nhược nhất thiết Pháp hữu tự tánh giả 。 hà cố thế trung hữu thị tam ngữ 。 hữu tam ngữ cố 。

Nếu tất cả các pháp có tự tánh, vì sao thế gian lại có ba ngữ pháp như vậy? Vì có ba ngữ pháp này nên

故知一切無有自性。善男子。

cố tri nhất thiết vô hữu tự tánh 。 thiện nam tử 。

biết tất cả pháp không có tự tánh. Nay thiện nam tử!

若言諸法有自性者。當知諸法各有定性。

nhược ngôn chư Pháp hữu tự tánh giả 。 đương tri chư Pháp các hữu định tánh 。

Nếu nói các pháp có tự tánh, phải biết các pháp đều có định tánh.

若有定性甘蔗一物。何緣作漿作蜜石蜜酒苦酒等。

nhược hữu định tánh cam giá nhất vật 。 hà duyên tác tương tác mật thạch mật tửu khổ tửu đẳng 。

Nếu có định tánh thì một thứ mía, vì duyên gì mà làm ra các thứ mật mía, đường, rượu, rượu đắng v.v...

若有一性何緣乃出如是等味。若一物中出如是等。

nhược hữu nhất tánh hà duyên nãi xuất như thị đẳng vị 。 nhược nhất vật trung xuất như thị đẳng 。

Nếu chỉ có một tự tánh, vì duyên gì lại sanh ra nhiều vị như vậy? Nếu trong cùng một vật mà có ra các vị như vậy thì

當知諸法不得一定各有一性。善男子。

đương tri chư Pháp bất đắc nhất định các hữu nhất tánh 。

thiện nam tử 。

phải biết các pháp không có riêng một tánh nhất định. Nay thiện nam tử!

若一切法有定性者。

nhược nhất thiết Pháp hữu định tánh giả 。

Nếu tất cả pháp có định tánh,

聖人何故飲甘蔗漿石蜜黑蜜酒時不飲後為苦酒復還得飲。
Thánh nhân hà cố ẩm cam giá tương thạch mật hắc mật tửu thì bất ẩm hậu vi khổ tửu phục hoàn đắc ẩm 。

các Thánh nhân vì sao uống nước mía, ăn đường, khi thành rượu thì không uống, sau thành rượu đắng lại uống,

是故當知無有定性。若無定性云何不因因緣而有。

thị cố đương tri vô hữu định tánh 。

nhược vô định tánh vân hà bất nhân nhân duyên nhi hữu 。

vì vậy phải biết không có định tánh. Nếu không có định tánh sao lại không do nơi nhân duyên mà có?
善男子。汝說一切法有自性者云何說喻。

thiện nam tử 。 nữ thuyết nhất thiết Pháp hữu tự tánh giả vân hà thuyết dụ 。

Này thiện nam tử! Ông nói tất cả pháp có tự tánh, vì sao lại nói thí dụ?

若有喻者當知諸法無有自性。若有自性當知無喻。

nhược hữu dụ giả đương tri chư Pháp vô hữu tự tánh 。

nhược hữu tự tánh đương tri vô dụ 。

Nếu có thí dụ thì phải biết các pháp không có tự tánh. Nếu có tự tánh phải biết không có thí dụ.

世間智者皆說譬喻。

thế gian trí giả giai thuyết thí dụ 。

Người trí trong thế gian đều nói thí dụ nên

當知諸法無有自性無有一性。善男子。汝言身為在先煩惱在先者。

đương tri chư Pháp vô hữu tự tánh vô hữu nhất tánh 。

thiện nam tử 。

nữ ngôn thân vi tại tiên phiền não tại tiên giả 。

biết rằng các pháp không có tự tánh, không có một tánh nhất định. Này thiện nam tử! Ông nói thân là có trước hay phiền não có trước,

是義不然。何以故。若我當說身在先者。

thị nghĩa bất nhiên 。

hà dĩ cố 。

nhược ngã đương thuyết thân tại tiên giả 。

lời hỏi này không đúng. Vì sao vậy? Vì nếu Ta nói rằng thân có trước,

汝可難言。汝亦同我身不在先。

nhữ khả nan ngôn nữ diệc đồng ngã thân bất tại tiên.

ông mới nên nên nạn vấn. Ông cũng đồng như Ta, thân không ở trước,

何因緣故而作是難。善男子。

hà nhân duyên cố nhi tác thị nan 。

thiện nam tử 。

vì nhân duyên gì mà lại nạn vấn như vậy? Này thiện nam tử!

一切眾生身及煩惱俱無先後一時而有。雖一時有要因煩惱而得有身。

nhất thiết chúng sanh thân cập phiền não câu vô tiên hậu nhất thì nhi hữu 。

tuy nhất thì hữu yếu nhân phiền não nhi đắc hữu thân 。

Tất cả chúng sanh, thân cùng phiền não đều không có trước sau, mà là đồng một thì mà có. Tuy đồng một thì nhưng phải nhân nơi phiền não mới có được thân,

終不因身有煩惱也。

chung bất nhân thân hữu phiền não dã 。

trợn không nhân nơi thân mà có phiền não.

汝意若謂如人二眼一時而得。不相因待左不因右右不因左。

nhữ ý nhược vị như nhân nhị nhãn nhất thì nhi đắc 。 bất tướng nhân đãi tả bất nhân hữu hữu bất nhân tả 。

Ý ông nếu cho rằng: Như đôi mắt của người cùng một lúc mà được, mắt bên trái không nhân nơi mắt bên phải, mắt bên phải không nhân nơi mắt bên trái.

煩惱及身亦如是者。是義不然。何以故。善男子。

phiền não cập thân diệc như thị giả 。 thị nghĩa bất nhiên 。 hà dĩ cố 。 thiện nam tử 。

Phiền não và thân cũng lại như vậy, nghĩa này không đúng. Vì sao? Này thiện nam tử!

世間眼見炷之與明。雖復一時明要因炷。

thế gian nhãn kiến chú chi dĩ minh 。 tuy phục nhất thì minh yếu nhân chú 。

Vì trong thế gian, con mắt nhìn thấy ngọn đèn cùng với ánh sáng của đèn tuy là cùng một lúc, nhưng ánh sáng phải do nơi đèn,

終不因明而有炷也。善男子。

chung bất nhân minh nhi hữu chú dã 。 thiện nam tử 。

không phải do nơi ánh sáng mà có ngọn đèn. Này thiện nam tử!

汝意若謂身不在先故知無因。是義不然。何以故。

nhữ ý nhược vị thân bất tại tiên cố tri vô nhân 。 thị nghĩa bất nhiên 。 hà dĩ cố 。

Ý ông nếu cho rằng, vì thân không có trước, nên biết không nhân duyên, nghĩa này không đúng. Vì sao?

若以身先無因緣故名為無者。汝不應說。一切諸法皆有因緣。

nhược dĩ thân tiên vô nhân duyên cố danh vi vô giả 。 nhữ bất ứng thuyết 。 nhất thiết chư Pháp giai hữu nhân duyên 。

Vì nếu cho rằng trước thân không có nhân duyên nên gọi là không, vậy thì ông không nên nói rằng: Hết thấy các pháp đều có nhân duyên.

若言不見故不說者。

nhược ngôn bất kiến cố bất thuyết giả 。

Nếu nói rằng vì không thấy nên không nói,

今見瓶等從因緣出何故不說。如瓶身先因緣亦復如是。善男子。

kim kiến bình đẳng tòng nhân duyên xuất hà cố bất thuyết 。 như bình thân tiên nhân duyên diệc phục như thị 。

nay thấy cái bình... từ nhân duyên mà có, sao không nói như cái bình, nhân duyên ở trước thân cũng lại như vậy. Nay thiện nam tử!

若見不見一切諸法。皆從因緣無有自性。

nhược kiến bất kiến nhất thiết chư Pháp 。 giai tông nhân duyên vô hữu tự tánh 。

Hoặc thấy hoặc không thấy, tất cả các pháp đều từ nhân duyên, không có tự tánh.

善男子。若言一切法悉有自性無因緣者。

thiện nam tử 。 nhược ngôn nhất thiết Pháp tất hữu tự tánh vô nhân duyên giả 。

Nay thiện nam tử! Nếu nói rằng tất cả các pháp đều có tự tánh, không từ nhân duyên mà có,

汝何因緣說於五大。是五大性即是因緣。善男子。

nhữ hà nhân duyên thuyết ư ngũ Đại 。 thị ngũ Đại tánh tức thị nhân duyên 。 thiện nam tử 。

vì nhân duyên gì ông lại nói năm đại? Tánh của năm đại này chính là nhân duyên. Nay thiện nam tử!

五大因緣雖復如是。

ngũ Đại nhân duyên tuy phục như thị 。

Tuy năm đại là nhân duyên như vậy,

亦不應說諸法皆同五大因緣。如世人說一切出家精勤持戒。

diệc bất ứng thuyết chư Pháp giai đồng ngũ Đại nhân duyên 。 như thế nhân thuyết nhất thiết xuất gia tinh tinh cần trì giới 。

cũng không nên nói rằng các pháp đều cùng năm đại làm nhân duyên. Như người thế gian nói: Tất cả những người xuất gia đều tinh cần trì giới.

旃陀羅等亦應如是精勤持戒。善男子。

Chiên Đà La đẳng diệc ứng như thị tinh tinh cần trì giới 。

thiện nam tử 。

Hàng Chiên-đà-la cũng nên tinh cần trì giới như vậy. Nay thiện nam tử!

汝言五大有定堅性。我觀是性轉故不定。善男子。

nhữ ngôn ngũ Đại hữu định kiên tánh 。

ngã quán thị tánh chuyển cố bất định 。

thiện nam tử 。

Ông nói năm đại có tánh bền chắc nhất định. Ta quán thấy năm đại này tánh của nó lưu chuyển nên không định. Nay thiện nam tử!

酥蠟胡膠於汝法中名之為地。

tô lạp hồ giao ư nhữ Pháp trung danh chi vi địa 。

Tô, bạch lạp, hồ giao, trong giáo pháp của ông gọi là đất.

是地不定或同於水或同於地。故不得說自性故堅。善男子。

thị địa bất định hoặc đồng ư thủy hoặc đồng ư địa 。

cố bất đắc thuyết tự tánh cố kiên 。

thiện nam tử 。

Đất này không nhất định hoặc đồng với nước, hoặc đồng với đất nên không được nói rằng tự tánh bền chắc. Nay thiện nam tử!

白鑞鉛錫銅鐵金銀。於汝法中名之為火。

bạch lạp duyên tích đồng thiết kim ngân 。

ư nhữ Pháp trung danh chi vi hỏa 。

Sáp, chì, thiếc, đồng, sắt, vàng, bạc, trong giáo pháp của ông gọi là lửa.

是火四性流時水性動時風性熱時火性堅時地

thị hỏa tứ tánh lưu thì thủy tánh động thì phong tánh nhiệt thì hỏa tánh kiên thì địa

Lửa này có bốn tánh: Khi chảy là tánh nước, khi động là tánh gió, khi nóng là tánh lửa, khi cứng là tánh đất,

性。云何說言定名火性。善男子。

tánh 。

vân hà thuyết ngôn định danh hỏa tánh 。

thiện nam tử 。

sao lại nói rằng nhất định gọi là tánh lửa? Nay thiện nam tử!

水姓名流若水凍時不名為地故名水者。何因緣故。

thủy tánh danh lưu nhược thủy đông thì bất danh vi địa cố danh thủy giả 。

hà nhân duyên cố 。

Tánh của nước là chảy, khi nước đông cứng, không gọi là đất mà vẫn gọi là nước, vì nhân duyên gì

波動之時不名為風。

ba động chi thì bất danh vi phong 。

khi sóng động không gọi là gió?

若動不名風凍時亦應不名為水。若是二義從因緣者。

nhược động bất danh phong đông thì diệc ứng bất danh vi thủy 。

nhược thị nhị nghĩa tông nhân duyên giả 。

Nếu động không gọi là gió, thì khi nước đông cũng không nên gọi là nước. Nếu hai nghĩa này từ nhân duyên thì

何故說言一切諸法不從因緣。善男子。

hà dĩ cố thuyết ngôn nhất thiết chư Pháp bất tòng nhân duyên 。 thiện nam tử 。

sao lại nói rằng tất cả các pháp không từ nhân duyên? Này thiện nam tử!

若言五根性能見聞覺知觸故。皆是自性不從因緣。是義不然。

nhược ngôn ngũ căn tánh năng kiến văn giác tri xúc cố 。 giai thị tự tánh bất tòng nhân duyên 。 thị nghĩa bất nhiên 。

Nếu cho rằng tánh của năm căn hay thấy, nghe, hiểu biết, xúc chạm nên đều là có tự tánh, không từ nhân duyên sanh, nghĩa này không đúng.

何以故。善男子。自性之性不可轉。

hà dĩ cố 。 thiện nam tử 。

Vì sao vậy? Này thiện nam tử! Vì tánh của tự tánh là không thể lưu chuyển.

若言眼性見者常應能見。不應有見有不見時。

nhược ngôn nhãn tánh kiến giả thường ứng năng kiến 。 bất ứng hữu kiến hữu bất kiến thì 。

Nếu nói tánh của nhãn căn là thấy, lẽ ra phải thường thấy, không nên nói rằng khi có thấy khi không thấy.

是故當知從因緣見非無因緣。善男子。

thị cố đương tri tòng nhân duyên kiến phi vô nhân duyên 。 thiện nam tử 。

Vì vậy, phải biết sự thấy là từ nhân duyên sanh, không phải không nhân duyên. Này thiện nam tử!

汝言非因五塵生貪解脫。是義不然。何以故。善男子。

nhữ ngôn phi nhân ngũ trần sanh tham giải thoát 。 thị nghĩa bất nhiên 。 hà dĩ cố 。 thiện nam tử 。

Ông cho rằng không phải do nơi năm trần mà sanh tham và giải thoát, nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Này thiện nam tử!

生貪解脫雖復不同五塵因緣。惡覺觀故則生貪欲。

sanh tham giải thoát tuy phục bất đồng ngũ trần nhân duyên 。 ác giác quán cố tắc sanh tham dục 。

Vì tuy không do nơi năm trần mà có tham và giải thoát, nhưng vì ác giác quán thì sanh tham dục,

善覺觀故則得解脫。善男子。

thiện giác quán cố tắc đắc giải thoát 。 thiện nam tử 。

vì thiện giác quán thì được giải thoát. Nay thiện nam tử!

內因緣故生貪解脫。外因緣故則能增長。

nội nhân duyên cố sanh tham giải thoát 。 ngoại nhân duyên cố tắc năng tăng trưởng。

Vì nội nhân duyên mà có tham và giải thoát, vì ngoại nhân duyên mà hay làm tăng trưởng.

是故汝言一切諸法各有自性。不因五塵生貪解脫無有是處。

thị cố nhữ ngôn nhất thiết chư Pháp các hữu tự tánh 。 bất nhân ngũ trần sanh tham giải thoát vô hữu thị xứ。

Vì vậy, ông nói rằng tất cả các pháp đều có tự tánh, không do nơi năm trần mà sanh tham và giải thoát, không có sự việc này.

善男子。汝言具足諸根乏於財物不得自在。

thiện nam tử 。 nhữ ngôn cụ túc chư căn pháp ư tài vật bất đắc tự-tại 。

Nay thiện nam tử! Ông nói người thân thể đầy đủ nhưng lại nghèo nàn, thiếu thốn không được tự tại.

諸根殘缺多饒財寶得大自在。

chư căn tàn khuyết đa nhiêu tài bảo đắc Đại tự-tại 。

Người các căn thiếu khuyết nhưng lại có của cải đông nhiều thì được tự tại lớn.

因此以明有自性。故不從因緣者。是義不然。何以故。

nhân thử dĩ minh hữu tự tánh 。 cố bất tòng nhân duyên giả 。 thị nghĩa bất nhiên 。 hà dĩ cố 。

Do đây mà làm rõ các pháp có tự tánh, không từ nhân duyên. Nghĩa này không đúng. Vì sao vậy?

善男子。眾生從業而有果報。

thiện nam tử 。 chúng sanh tòng nghiệp nhi hữu quả báo 。

Nay thiện nam tử! Vì chúng sanh theo nơi nghiệp mà có quả báo.

如是果報則有三種。一者現報。二者生報。三者後報。

như thị quả báo tắc hữu tam chủng 。 nhất giả hiện báo 。 nhị giả sanh báo 。 tam giả hậu báo 。

Quả báo này có ba thứ: Một là hiện báo, hai là sanh báo, ba là hậu báo.

貧窮巨富根具不具是業各異。

bần cùng cự phú căn cụ bất cụ thị nghiệp các dị 。

Sự nghèo hèn, giàu sang, các căn đầy đủ hay không đầy đủ là do nghiệp riêng khác.

若有自性具諸根者應饒財寶饒財寶者應具諸根。

nhược hữu tự tánh cụ chư căn giả ứng nhiều tài bảo nhiều tài bảo giả ứng cụ chư căn 。
Nếu có tự tánh thì người đủ các căn phải nhiều của báu. Người nhiều của báu phải nên đủ các căn.

今則不爾是故定知無有自性皆從因緣。

kim tắc bất nhĩ thị cố định tri vô hữu tự tánh giai tông nhân duyên 。

Nay không phải như vậy, nên biết quyết định các pháp không có tự tánh, đều từ nhân duyên mà sanh.

如汝所言世間小兒未能分別五塵因緣亦啼亦笑。

như nhữ sở ngôn thế gian tiểu nhi vị năng phân biệt ngũ trần nhân duyên diệc đề diệc tiểu 。

Như lời ông nói: Trong thế gian, trẻ nhỏ chưa biết phân biệt được do năm trần làm nhân duyên mà cũng khóc, cũng cười,

是故一切有自性者。是義不然。何以故。若自性者。

thị cố nhất thiết hữu tự tánh giả 。

thị nghĩa bất nhiên 。

hà dĩ cố 。

nhược tự tánh giả 。

vì vậy hết thấy các pháp có tự tánh, nghĩa này không đúng. Vì sao vậy? Vì nếu có tự tánh, thì trẻ nhỏ này

笑應常笑啼應常啼。不應一笑一啼。

tiểu ứng thường tiểu đề ứng thường đề 。

bất ứng nhất tiểu nhất đề 。

cười phải cười hoài, khóc phải khóc hoài, không nên khi cười khi khóc.

若一笑一啼當知一切悉從因緣。

nhược nhất tiểu nhất đề đương tri nhất thiết tất tông nhân duyên 。

Nếu khi cười khi khóc, phải biết hết thấy các pháp đều từ nhân duyên sanh.

是故不應說一切法有自性故不從因緣。梵志言。世尊。

thị cố bất ứng thuyết nhất thiết Pháp hữu tự tánh cố bất tông nhân duyên 。

Phạm Chí ngôn 。

Thế Tôn 。

Vì vậy, không nên nói rằng tất cả các pháp có tự tánh, không từ nhân duyên. Phạm Chí thưa: Bạch Thế Tôn!

若一切法從因緣有。如是身者從何因緣。佛言。

nhược nhất thiết Pháp tông nhân duyên hữu 。

như thị thân giả tông hà nhân duyên 。

Phật ngôn 。

Nếu hết thảy các pháp đều từ nhân duyên mà có, vậy từ nhân duyên gì mà có thân này?
Phật dạy:

善男子。是身因緣煩惱與業。梵志言。世尊。

thiện nam tử 。 thị thân nhân duyên phiền não dữ nghiệp 。 Phạm Chí ngôn 。 Thế Tôn 。
Này thiện nam tử! Thân này do phiền não cùng với nghiệp làm nhân duyên. Phạm Chí
thưa: Bạch Thế Tôn!

如其是身從煩惱業。是煩惱業可斷不耶。佛言。

như kỳ thị thân tòng phiền não nghiệp 。 thị phiền não nghiệp khả đoạn bất da 。 Phật
ngôn 。

Như thân này do nghiệp và phiền não mà có, vậy phiền não và nghiệp này có thể dứt trừ
được chăng? Phật dạy:

如是如是。梵志復言。世尊。唯願為我分別解說。

như thị như thị 。 Phạm Chí phục ngôn 。 Thế Tôn 。 duy nguyện vị ngã phân biệt giải
thuyết 。

Có thể dứt được! Phạm Chí lại thưa: Bạch Thế Tôn! Cúi xin vì tôi mà phân biệt giải nói,
令我聞已不移是處悉得斷之。佛言。善男子。

linh ngã văn dĩ bất di thị xứ tất đắc đoạn chi 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

khiến cho tôi nghe xong liền đây đều dứt được phiền não và nghiệp. Phật dạy: Này thiện
nam tử!

若知二邊中間無礙。是人則能斷煩惱業。世尊。

nhược tri nhị biên trung gian vô ngại 。 thị nhân tắc năng đoạn phiền não nghiệp 。 Thế
Tôn 。

Nếu rõ biết Nhị biên và Trung gian không chướng ngại, người này có thể dứt được nghiệp
và phiền não. Bạch Thế Tôn!

我已知解得正法眼。佛言。汝云何知。世尊。

ngã dĩ tri giải đắc chánh Pháp nhãn 。 Phật ngôn 。 như vân hà tri 。 Thế Tôn 。

Tôi đã hiểu rõ, đã được Chánh pháp nhãn! Phật dạy: Ông biết thế nào? Bạch Thế Tôn!
二邊即色及色解脫。中間即是八正道也。

nhị biên tức sắc cập sắc giải thoát 。 trung gian tức thị Bát Chánh Đạo dã 。

Nhị biên chính là sắc và sắc giải thoát. Trung gian chính là Bát Chánh Đạo.

受想行識亦復如是。佛言。善哉善哉。善男子。

thọ tưởng hành thức diệc phục như thị 。 Phật ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。 thiện nam tử
。

Thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy. Phật dạy: Hay thay! Hay thay! Này thiện nam tử!
善知二邊斷煩惱業。世尊唯願聽我出家受戒。

thiện tri nhị biên đoạn phiền não nghiệp 。 Thế tôn duy nguyện thỉnh ngã xuất gia thọ giới
。

Ông đã khéo biết Nhị biên có thể dứt trừ phiền não và nghiệp. Bạch Thế Tôn! Xin cho tôi
được xuất gia thọ giới.

佛言。

Phật ngôn 。

Phật dạy:

善來比丘即時斷除三界煩惱得阿羅漢果。

thiện lai Tỳ-kheo tức thì đoạn trừ tam giới phiền não đắc A-la-hán quả 。

Thiện lai Tỳ-kheo! Liền khi ấy, Phạm Chí dứt trừ phiền não trong ba cõi, được quả A-la-
hán.

爾時復有一婆羅門名曰弘廣。復作是言。

nhĩ thì phục hữu nhất Bà-la-môn danh viết hoằng quảng 。

Lúc bấy giờ lại có một Bà-la-môn tên là Hoằng Quảng, lại lên tiếng rằng:

瞿曇。知我今所念不。佛言。善男子。

Cồ Đàm 。

Cồ Đàm biết tâm niệm hiện tại của tôi chẳng? Phật dạy: Này thiện nam tử!

涅槃是常有為無常。曲即邪見直即聖道。婆羅門言。瞿曇。

Niết-bàn thị thường hữu vi vô thường 。

Niết-bàn là thường, hữu vi là vô thường, cong là tà kiến, ngay là Thánh đạo. Bà-la-môn
thưa:

何因緣故作如是說。善男子。

hà nhân duyên cố tác như thị thuyết 。

Vì nhân duyên gì mà Cồ Đàm nói như vậy? Này thiện nam tử!

汝意每謂乞食是常別請無常。曲是戶鑰直是帝幢。

nhữ ý mỗi vị khát thực thị thường biệt thỉnh vô thường 。 khúc thị hộ thược trực thị đế tràng
。

Ý ông cho rằng khát thực là thường, biệt thỉnh là vô thường, cong là sửa khóa, ngay là
tràng của Thiên đế.

是故我說涅槃是常有為無常。曲謂邪見直謂八正。

thị cố ngã thuyết Niết-bàn thị thường hữu vi vô thường 。 khúc vị tà kiến trực vị bát chánh
。

Vì vậy Ta nói Niết-bàn là thường, hữu vi là vô thường, cong gọi là tà kiến, ngay gọi là Tám
chánh đạo,

非如汝先所思惟也。婆羅門言。瞿曇。

phi như nhữ tiên sở tư duy dã 。 Bà-la-môn ngôn 。 Cồ Đàm 。

không phải như chỗ suy nghĩ của ông trước đây. Bà-la-môn nói: Cồ Đàm

實知我心是八正道悉令眾生得盡滅不。

thật tri ngã tâm thị Bát Chánh Đạo tất linh chúng sanh đắc tận diệt bất 。

thật biết tâm tôi. Tám Thánh đạo này đều khiến cho chúng sanh tận diệt hết chăng?

爾時世尊默然不答。婆羅門言。瞿曇。

nhĩ thì Thế Tôn mặc nhiên bất đáp 。 Bà-la-môn ngôn 。 Cồ Đàm 。

Lúc bấy giờ Thế Tôn im lặng không đáp. Bà-la-môn thưa: Cồ Đàm

已知我心我今所問。何故默然而不見答。

dĩ tri ngã tâm ngã kim sở vấn 。 hà cố mặc nhiên nhi bất kiến đáp 。

đã biết tâm niệm của tôi, nay tôi hỏi có sao Ngài im lặng không thấy trả lời?

時憍陳如即作是言。大婆羅門。若有問世有邊無邊。

thì Kiền-trần-như tức tác thị ngôn 。 Đại Bà-la-môn 。 nhược hữu vấn thế hữu biên vô biên
。

Khi ấy Kiền-trần-như liền lên tiếng rằng: Nay Đại Bà-la-môn! Nếu có người hỏi thế gian
hữu biên hay vô biên,

如來常爾默然不答。八聖是直涅槃是常。

Như Lai thường nhĩ mặc nhiên bất đáp 。 bát Thánh thị trực Niết-Bàn thị thường 。

Như Lai thường im lặng như vậy không đáp. Tám Thánh đạo là ngay, Niết-bàn là thường.

若修八聖即得滅盡。若不修習則不能得。

nhược tu bát Thánh tức đắc diệt tận 。 nhược bất tu tập tác bất năng đắc 。

Nếu người nào tu tập Tám Thánh Đạo tức là được diệt tận, nếu không tu tập thì không được.

大婆羅門。

Đại Bà-la-môn 。

Này Đại Bà-la-môn!

譬如大城其城四壁都無孔竅唯有一門。其守門者聰明有智能善分別。

thí như Đại thành kỳ thành tứ bích đô vô khổng khiếu duy hữu nhất môn 。

kỳ thủ môn giả thông minh hữu trí năng thiện phân biệt 。

Thí như thành lớn kia, bốn vách không có lỗ hổng, chỉ có một cửa. Người giữ cửa ấy thông minh, có trí, hay khéo phân biệt.

可放則放可遮則遮。雖不能知出入多少。

khả phóng tắc phóng khả giã tắc giã 。

tuy bất năng tri xuất nhập đa thiểu 。

Người đáng cho đi là cho, người đáng ngăn lại là ngăn. Tuy không biết số người ra vào nhiều ít,

定知一切有入出者皆由此門。善男子。如來亦爾。

định tri nhất thiết hữu nhập xuất giả giai do thủ môn 。

thiện nam tử 。

Như Lai diệt nhĩ 。

nhưng quyết định biết hết thầy người ra vào đều bởi cửa ấy. Này thiện nam tử! Như Lai cũng như vậy.

城喻涅槃門喻八正。守門之人喻於如來。善男子。

thành dụ Niết-bàn môn dụ bát chánh 。

thủ môn chi nhân dụ ư Như Lai 。

thiện nam tử 。

Thành là chỉ cho Niết-bàn, cửa là chỉ cho Tám chánh đạo, người giữ cửa chỉ cho Như Lai. Này thiện nam tử!

如來今者雖不答汝盡與不盡。

Như Lai kim giả tuy bất đáp nhữ tận dĩ bất tận 。

Như Lai nay tuy không trả lời ông diệt tận cùng với không diệt tận,

其有盡者要當修習是八正道。婆羅門言。善哉善哉。

kỳ hữu tận giả yếu đương tu tập thị Bát Chánh Đạo 。

Bà-la-môn ngôn 。

Thiện tai Thiện tai 。

nhưng người được diệt tận này cũng cần phải tu tập Tám chánh đạo này. Bà-la-môn nói:

Hay thay! Hay thay!

大德憍陳如。如來善能說微妙法。

Đại Đức Kiều-trần-như. Như Lai thiện năng thuyết vi diệu Pháp。

Đại Đức Kiều-trần-như! Như Lai khéo nói pháp vi diệu Pháp.

我今實欲知城知道自作守門。憍陳如言。善哉善哉。

ngã kim thật dục tri thành tri đạo tự tác thủ môn。Kiều-trần-như ngôn。Thiện tai Thiện tai。

Tôi nay thật muốn biết thành lớn, biết đạo, tự mình làm người giữ cửa。Kiều-trần-như nói: Hay thay! Hay thay!

汝婆羅門。能發無上廣大之心。佛言。止止憍陳如。

nhữ Bà-la-môn。 năng phát vô thượng quảng Đại chi tâm。 Phật ngôn。 chỉ chỉ Kiều-trần-như

Này Bà-la-môn! Ông có thể phát tâm vô thượng rộng lớn. Phật dạy: Dừng lại! Dừng lại! Kiều-trần-như!

是婆羅門非適今日發是心也。憍陳如。

thị Bà-la-môn phi thích kim nhật phát thị tâm dã。 Kiều-trần-như。

Bà-la-môn này không phải mới phát tâm vô thượng ngày hôm nay. Này Kiều-trần-như! 乃往過去過無量劫有佛世尊。

nãi vãng quá khứ quá vô lượng kiếp hữu Phật Thế Tôn。

Thuở quá khứ cách đây vô lượng kiếp có Phật Thế Tôn

名普光明如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫

danh phổ quang-minh Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-biến-Tri Minh-hạnh-Túc thiện thế thế gian giải Vô-thượng-Sĩ điều ngự trượng phu

Hiệu là Phổ Quang Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh-biến-tri, Minh-hạnh-túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô-thượng-sĩ, Điều Ngự Trượng Phu,

天人師佛世尊。

Thiên Nhân Sư Phật Thế Tôn。

Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

是人先已於彼佛所發阿耨多羅三藐三菩提心。此賢劫中當得作佛。

thị nhân tiên dĩ ư bỉ Phật sở phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề tâm。 thử hiền kiếp trung đương đắc tác Phật。

Người này đã ở chỗ Đức Phật đó phát tâm Vô Thượng Bồ-đề, trong Hiền kiếp này, sẽ được làm Phật.

久已通達了知法相。

cửu dĩ thông đạt liễu tri Pháp tướng 。

Bà-la-môn Hoàng Quảng này từ lâu đã thông đạt hiểu biết pháp tướng,

為眾生故現處外道示無所知。以是因緣。汝憍陳如。不應讚言。

vị chúng sanh cố hiện xứ ngoại đạo kì vô sở tri 。

dĩ thị nhân duyên 。

nhữ kiêu trần như 。

bất ứng tán ngôn 。

vì chúng sanh mà hiện ở nơi ngoại đạo, thị hiện không biết. Vì nhân duyên này nên Kiêu-trần-như không nên khen rằng:

善哉善哉。汝今能發如是大心。

Thiện tai Thiện tai 。

nhữ kim năng phát như thị Đại tâm 。

Hay thay! Hay thay! Ông nay có thể phát tâm Vô Thượng Bồ-đề!

爾時世尊知己即告憍陳如言。

nhĩ thì Thế Tôn tri do tức cáo Kiêu-trần-như ngôn 。

Lúc bấy giờ Thế Tôn đã biết mà hỏi Kiêu-trần-như rằng:

阿難比丘今為所在。憍陳如言。世尊。

A-nan Tỳ-kheo kim vi sở tại 。

Kiêu-trần-như ngôn 。

Thế Tôn 。

Tỳ-kheo A-nan nay ở đâu? Kiêu-trần-như thưa: Bạch Thế Tôn!

阿難比丘在娑羅林外。去此大會十二由旬。

A-nan Tỳ-kheo tại Sa-la lâm ngoại 。

khứ thử Đại hội thập nhị do-tuần 。

Tỳ-kheo A-nan ở ngoài rừng Sa-la, cách Đại hội này mười hai do tuần,

而為六萬四千億魔之所擾亂。是諸魔眾悉自變身為如來像。

nhĩ vi lục vạn tứ thiên ức ma chi sở nhiễu loạn 。

thị chư ma chúng tất tự biến thân vi Như Lai tượng 。

đang bị sáu mươi ngàn ức Thiên ma xinh đẹp nhiễu loạn. Chúng Thiên ma này tự biến thân làm hình Như Lai,

或有宣說一切諸法從因緣生。

hoặc hữu tuyên thuyết nhất thiết chư Pháp tòng nhân duyên sanh 。

hoặc có tuyên nói tất cả các pháp từ nhân duyên sanh;

或有說言一切諸法不從因生。

hoặc hữu thuyết ngôn nhất thiết chư Pháp bất tòng nhân sanh 。

Hoặc có nói rằng tất cả các pháp không từ nhân duyên sanh;
或有說言一切因緣皆是常法。從緣生者悉是無常。或有說言五陰是實。
hoặc hữu thuyết ngôn nhất thiết nhân duyên giai thị thường Pháp 。 tòng duyên sanh giả
tất thị vô thường 。 hoặc hữu thuyết ngôn ngũ uẩn thị thật 。
Hoặc có nói rằng tất cả nhân duyên đều là pháp thường, từ duyên sanh đều là vô thường;
Hoặc có nói rằng năm uẩn là thật:
或說虛假入界亦爾。或有說言有十二因緣。
hoặc thuyết hư giả nhập giới diệc nhĩ 。 hoặc hữu thuyết ngôn hữu thập nhị nhân duyên 。
Hoặc nói rằng sự trống rỗng giả dối, giới và nhập cũng như vậy; Hoặc có nói rằng có mười
hai nhân duyên;
或有說言正有四緣。
hoặc hữu thuyết ngôn chánh hữu tứ duyên 。
Hoặc có nói rằng chánh có bốn duyên;
或說諸法如幻如化如熱時焰。或有說言因聞得法。
hoặc thuyết chư Pháp như huyễn như hóa như nhiệt thì diệm 。 hoặc hữu thuyết ngôn
nhân văn đắc Pháp 。
Hoặc nói các pháp như huyễn, như hóa, như nóng, thì lửa; Hoặc có nói rằng nhân nghe
mà được pháp;
或有說言因思得法。或有說言因修得法。
hoặc hữu thuyết ngôn nhân tư đắc Pháp 。 hoặc hữu thuyết ngôn nhân tu đắc Pháp 。
Hoặc có nói rằng nhân tư duy mà được pháp; Hoặc có nói rằng nhân tu mà được Pháp;
或復有說不淨觀法。或復有說出息入息。或復有說四念處觀。
hoặc phục hữu thuyết bất tịnh quán Pháp 。 hoặc phục hữu thuyết xuất tức nhập tức 。
hoặc phục hữu thuyết tứ niệm xứ quán 。
Hoặc lại có nói quán pháp bất tịnh; Hoặc lại có nói quán hơi thở ra vào; Hoặc lại có nói
quán Tứ niệm xứ;
或復有說三種觀義七種方便。
hoặc phục hữu thuyết tam chủng quán nghĩa thất chủng phương tiện 。
Hoặc lại có nói ba thứ quán, nghĩa của bảy thứ phương tiện,
或復有說煖法頂法忍法世間第一法。
hoặc phục hữu thuyết noãn Pháp đỉnh Pháp nhẫn Pháp thế gian đệ nhất Pháp 。

Hoặc lại có nói noãn pháp, đành pháp, nhẫn pháp, thể gian đệ nhất pháp,
學無學地菩薩初住乃至十住。或有說空無相無作。

học vô học địa Bồ-tát sơ trụ nãi chí thập trụ 。 hoặc hữu thuyết không vô tướng vô tác 。
học, vô học, Bồ-tát từ bậc Sơ địa cho đến bậc Thập trụ; Hoặc nói không, vô tướng, vô tác;
或復有說修多羅祇夜毘伽羅那伽陀曇陀那尼陀

hoặc phục hữu thuyết tu đa-la kì dạ ti dà la na dà đà ưu đà na ni đà

Hoặc lại có nói Tu-đa-la, Kỳ-dạ-tỳ-già, La-na-già, Đà-ưu-na-ni-đà,

那阿波陀那伊帝目多伽闍陀伽毘佛略阿浮

na A-ba-đà-na y đế mục đa dà đồ đà dà ti Phật lược a phù

Na-a-bà-đà-na, Y-đế-mục-đa-già, Xà-đà-già, Tỳ-phật-lược-a-phù-

陀達摩優波提舍。

đà Đạt ma ưu ba đề xá 。

đà-đạt-ma, Ưu-ba-đề-xá;

或說四念處四正勤四如意足五根五力七覺分八聖道。

hoặc thuyết tứ niệm xứ tứ chánh cần tứ như ý túc ngũ căn ngũ lực thất giác phần bát
Thánh đạo 。

hoặc nói Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Năm căn, Năm lực, Thất giác phần,
Bát Thánh đạo;

或說內空外空內外空有為空無為空無始空性空遠離

hoặc thuyết nội không ngoại không nội ngoại không hữu vi không vô vi không vô thủy
không tánh không viễn li

hoặc nói nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thủy
không, tánh không, viễn ly không,

空散空自相空無相空陰空入空界空善空不

không tán không tự tướng không vô tướng không uẩn không nhập không giới không thiện
không bất

tán không, tự tướng không, vô tướng không, ấm không, nhập không, giới không, thiện
không, bất thiện không,

善空無記空菩提空道空涅槃空行。

thiện không vô kí không Bồ-đề không đạo không Niết-bàn không hành 。

vô ký không, Bồ-đề không, đạo không, Niết-bàn không, hành không,

空得空第一義空空空大空。

không đắ không đệ nhất nghĩa không không không Đại không 。

đắ không, đệ nhất nghĩa không, không không, đại không;

或有示現神通變化身出水火。

hoặc hữu thị hiện Thần thông biến hóa thân xuất thủy hỏa 。

hoặc có thị hiện Thần thông biến hóa: Thân xuất ra nước, lửa;

或身上出水身下出火身下出水身上出火。

hoặc thân thượng xuất thủy thân hạ xuất hỏa thân hạ xuất thủy thân thượng xuất hỏa 。

hoặc trên thân xuất ra nước, dưới thân xuất ra lửa, dưới thân xuất ra nước, trên thân xuất ra lửa,

左脇在下右脇出水右脇在下左脇出水。一脇震雷一脇降雨。

tả hiệp tại hạ hữu hiệp xuất thủy hữu hiệp tại hạ tả hiệp xuất thủy 。

nhất hiệp chấn lôi
nhất hiệp hàng vũ 。

ở hông bên trái, hông bên phải xuất ra nước, ở hông bên phải, hông bên trái xuất ra nước,
một hông sấm sét, một hông làm mưa;

或有示現諸佛世界。或復示現菩薩初生行至七步。

hoặc hữu thị hiện chư Phật thế giới 。

hoặc phục thị hiện Bồ-tát sơ sanh hành chí thất bộ
。

hoặc có thị hiện các cõi nước Phật; hoặc lại có thị hiện Bồ-tát lúc mới sanh đi bảy bước,
處在深宮受五欲時。初始出家修苦行時。

xứ tại thâm cung thọ ngũ dục thì 。

sơ thủy xuất gia tu khổ hạnh thì 。

lúc ở trong cung hưởng thụ năm thứ dục lạc, lúc mới xuất gia tu khổ hạnh,
往菩提樹坐三昧時。壞魔軍眾轉法輪時。

vãng Bồ-đề thụ tọa tam-muội thì 。

hoại ma quân chúng chuyển Pháp luân thì 。

lúc đến ngồi cõi Bồ-đề chứng đắc tam-muội, lúc ma quân đến quấy nhiễu và chuyển bánh
xe pháp,

示大神通入涅槃時。世尊。阿難比丘見是事已作是念言。

kì Đại Thần thông nhập Niết-Bàn thì 。

Thế tôn 。

A-nan Tỳ-kheo kiến thị sự dĩ tác thị niệm
ngôn 。

lúc thị hiện thần thông nhập Niết-bàn. Bạch Thế Tôn! Tỳ-kheo A-nan nghe và thấy những
sự việc như vậy liền nghĩ rằng:

如是神變昔來未見誰之所作。

như thị Thần biến tích lai vị kiến thù chi sở tác 。

Thần thông biến hóa như vậy từ xưa đến nay chưa từng thấy ai làm được,

將非世尊釋迦作耶。欲起欲語都不從意。

tướng phi Thế Tôn Thích Ca tác da 。

dục khởi dục ngữ đô bất tòng ý 。

không phải Thế Tôn Thích Ca làm ra chẳng? A-nan muốn đứng dậy, muốn nói nhưng đều không được như ý muốn.

阿難比丘入魔羈故。復作是念。諸佛所說各各不同。

A-nan Tỳ-kheo nhập ma quyển cố 。

phục tác thị niệm 。

chư Phật sở thuyết các các bất đồng 。

Tỳ-kheo A-nan bị lọt vào trong rọ của ma, lại nghĩ rằng: Lời chư Phật nói mỗi mỗi đều không đồng,

我於今者當受誰語。世尊。阿難今者極受大苦。

ngã ư kim giả đương thọ thù ngữ 。

Thế tôn 。

A-nan kim giả cực thọ Đại khổ 。

tôi nay nên phải thọ giáo lời của đức Phật nào? Bạch Thế Tôn! A-nan nay hết sứ khổ sở, 雖念如來無能救者。以是因緣不來至此大眾之中。

tuy niệm Như Lai vô năng cứu giả 。

dĩ thị nhân duyên bất lai chí thử Đại chúng chi trung 。

tuy có nghĩ nhớ Như Lai mà không ai có thể cứu thoát. Vì nhân duyên đó nên không đến được trong đại chúng này.

爾時文殊師利菩薩摩訶薩白佛言。世尊。

nhĩ thì Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát Ma-ha tát bạch Phật ngôn 。

Thế Tôn 。

Lúc bấy giờ Đại Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn!

此大眾中有諸菩薩已於一生發阿耨多羅三藐

thử Đại chúng trung hữu chư Bồ-tát dĩ ư nhất sanh phát a nậu đa-la tam miếu

Trong đại chúng này, có các Bồ-tát đã từ một đời,

三菩提心。至無量生發菩提心。

tam Bồ-đề tâm 。

chí vô lượng sanh phát Bồ-đề tâm 。

đến vô lượng đời phát tâm Vô Thượng Bồ-đề,

已能供養無量諸佛其心堅固。

dĩ năng cung dưỡng vô lượng chư Phật kỳ tâm kiên cố 。

đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, tâm chí bền chắc,
 具足修行檀波羅蜜乃至般若波羅蜜。成就功德久已親近無量諸佛。
 cụ túc tu hành đàn ba la mật nãi chí bát nhã ba la mật 。 thành tựu công đức cứu dĩ thân
 cận vô lượng chư Phật 。
 tu hành đầy đủ từ Đàn Ba-la-mật cho đến Bát-nhã Ba-la-mật, thành tựu công đức, từ lâu
 đã gần gũi vô lượng chư Phật,
 淨修梵行得不退轉菩提之心。
 tịnh tu Phạm hạnh đắc bất thối chuyển Bồ-đề chi tâm 。
 Phạm hạnh thanh tịnh, tâm Bồ-đề không thối chuyển,
 得不退忍不退轉持。
 đắc bất thối nhẫn bất thối chuyển trì 。
 được nhẫn bất thối chuyển, trì bất thối chuyển,
 得如法忍首楞嚴等無量三昧如是等輩聞大乘經終不生疑。
 đắc như Pháp nhẫn Thủ Lăng Nghiêm đẳng vô lượng tam-muội như thị đẳng bối văn Đại
 thừa Kinh chung bất sanh nghi 。
 được như Pháp nhẫn, Thủ Lăng Nghiêm v.v..., vô lượng Tam-muội. Hàng Bồ-tát như vậy
 nghe Kinh Đại thừa trọn không sanh nghi,
 善能分別宣說三寶同一性相常住不變。聞不思議不生驚怪。
 thiện năng phân biệt tuyên thuyết Tam Bảo đồng nhất tánh tướng thường trụ bất biến 。
 văn bất tư nghị bất sanh kinh quái 。
 khéo hay phân biệt, tuyên nói Tam Bảo đồng một tánh tướng thường trụ không thay đổi,
 nghe pháp không nghĩ bàn, không kinh sợ,
 聞種種空心不怖懼。了了通達一切法性。
 văn chủng chủng không tâm bất phổ 懼。 liễu liễu thông đạt nhất thiết Pháp tánh 。
 nghe các pháp không, lòng không rung động, thông đạt rành rẽ hết thấy pháp tánh,
 能持一切十二部經廣解其義。
 năng trì nhất thiết thập nhị bộ Kinh quảng giải kỳ nghĩa 。
 có thể thọ trì hết thấy mười hai bộ Kinh và hiểu rõ ý nghĩa rộng rãi của Kinh,
 亦能受持無量諸佛十二部經。
 diệc năng thọ trì vô lượng chư Phật thập nhị bộ Kinh 。
 cũng có thể thọ trì mười hai bộ Kinh ủa vô lượng chư Phật.

何憂不能受持如是大涅槃典。何因緣故。問憍陳如阿難所在。

hà ưu bất năng thọ trì như thị Đại Niết-bàn điển 。 hà nhân duyên cố 。 vấn Kiềustrầnnhư A-nan sở tại 。

Hàng Bồ-tát này lo gì không thọ trì được Kinh Đại Niết-bàn này, nhân duyên gì Như Lay lại hỏi Kiềustrầnnhư và A-nan ở đâu?

爾時世尊告文殊師利。諦聽諦聽。善男子。

nhĩ thì Thế Tôn cáo Văn-thù-sư-lợi 。 để thính để thính 。 thiện nam tử 。

Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Văn-thù-sư-lợi: Lắng nghe! Lắng nghe! Nay thiện nam tử!

我成佛已過二十年住王舍城。爾時我告諸比丘言。

ngã thành Phật dĩ quá nhị thập niên trụ Vương xá thành 。 nhĩ thì ngã cáo chư Tỳ-kheo ngôn 。

Ta thành Phật đã hen hai mươi năm. Ở thành Vương Xá, lúc bấy giờ Ta nói với các Tỳ-kheo rằng:

諸比丘。今此眾中誰能為我受持如來十二部經。

chư Tỳ-kheo。 kim thử chúng trung thùy năng vị ngã thọ trì Như-Lai thập nhị bộ Kinh 。

Này các Tỳ-kheo!Nay trong chúng này, ai có thể vì Ta mà thọ trì mười hai bộ Kinh, cung cấp左右所須之事。亦使不失自身善利。

cung cấp tả hữu sở tu chi sự 。

diệc sử bất thất tự thân thiện lợi 。

cung cấp hầu hạ hai bên Như Lai những việc cần, cũng khiến cho tự thân không mất lợi lành.

時憍陳如在彼眾中來白我言。

thì Kiềustrầnnhư tại bỉ chúng trung lai bạch ngã ngôn 。

Khi ấy Kiềustrầnnhư ở trong chúng ấy đến bạch với Ta rằng:

我能受持十二部經。供給左右不失所作自利益事。我言。

ngã năng thọ trì thập nhị bộ Kinh 。

cung cấp tả hữu bất thất sở tác tự lợi ích sự 。

ngã ngôn 。

Con có thể thọ trì mười hai bộ Kinh, cung cấp hầu hạ hai bên Thế Tôn những việc cần, tự thân không mất lợi lành. Ta nói:

憍陳如。汝已朽邁當須使人。

Kiềustrầnnhư 。

nhữ dĩ hủ mại đương tu sử nhân 。

Này Kiềustrầnnhư! Ông đã già yếu cần phải có người hầu hạ,

云何方欲為我給使。時舍利弗復作是言。

vân hà phương dục vị ngã cấp sử 。 thì Xá-lợi-phất phục tác thị ngôn 。

sao lại muốn hầu hạ Ta? Khi ấy Xá-lợi-phất lại lên tiếng rằng:

我能受持佛一切語供給所須。不失所作自利益事。我言。舍利弗。

ngã năng thọ trì Phật nhất thiết ngữ cung cấp sở tu 。

bất thất sở tác tự lợi ích sự 。

ngã ngôn 。

Xá-lợi-phất 。

Con có thể thọ trì hết thầy lời dạy của Phật, cung cấp hầu hạ Ngài những việc cần, tự thân không mất lợi lành. Ta nói: Này Xá-lợi-phất!

汝已朽邁當須使人。云何方欲為我給使。

nhữ dĩ hủ mại đương tu sử nhân 。

vân hà phương dục vị ngã cấp sử 。

Ông đã già yếu cần phải có người hầu hạ, sao lại muốn hầu hạ Ta?

乃至五百諸阿羅漢皆亦如是佛悉不受。

nãi chí ngũ bách chư A-la-hán giai diệc như thị Phật tất bất thọ 。

Cho đến năm trăm vị A-la-hán đều cũng như vậy, Phật không nhận.

爾時目連在大眾中作是思惟。

nhĩ thì mục liên tại Đại chúng trung tác thị tư duy 。

Lúc bấy giờ Mục-kiền-liên ở trong đại chúng liền suy nghĩ rằng:

如來今者不受五百比丘給使。佛意為欲令誰作耶。

Như Lai kim giả bất thọ ngũ bách Tỳ-kheo cấp sử 。

Phật ý vi dục linh thủy tác da 。

Như Lai nay không nhận năm trăm Tỳ-kheo hầu hạ, ý Phật muốn ai làm thị giả chẳng?

思惟是已即便入定。見如來心在阿難許。

tư duy thị dĩ tức tiện nhập định 。

kiến Như Lai tâm tại A-nan hứa 。

Mục-kiền-liên tư duy xong liền nhập định, thấy ý Như Lai muốn cho A-nan làm thị giả.

如日初出光照西壁。見是事已即從定起語憍陳如。大德。

như nhật sơ xuất quang chiếu Tây bích 。

kiến thị sự dĩ tức tòng định khởi ngữ Kiêu-trần-như 。

Đại Đức 。

Như mặt trời mới mọc, ánh sáng chiếu đến bờ vách phương Tây, thấy sự việc đó xong,

Mục-kiền-liên liền xuất định đứng dậy nói với Kiêu-trần-như rằng: Đại Đức!

我觀如來欲令阿難給事左右。

ngã quán Như Lai dục linh A-nan cấp sự tả hữu 。

Tôi quán sát Như Lai muốn khiến A-nan làm thị giả.

爾時憍陳如與五百阿羅漢。往阿難所作如是言。阿難。

nhĩ thì Kiền-trần-như dĩ ngũ bách A-la-hán 。 vãng A-nan sở tác như thị ngôn 。 A-nan 。
Lúc bấy giờ Kiền-trần-như cùng năm trăm vị A-la-hán đến nói với A-nan rằng: này A-nan!
汝今當為如來給使請受是事。阿難言。諸大德。

nhữ kim đương vi Như Lai cấp sử thỉnh thọ thị sự 。 A-nan ngôn 。 chư Đại Đức 。
Ông nay sẽ vì Như Lai mà làm thị giả , nên đến thưa với Như Lai để nhận việc đó. A-nan
nói: Thưa các Đại Đức!

我實不堪給事如來。何以故。

ngã thật bất kham cấp sự Như Lai 。 hà dĩ cố 。

Tôi thật không kham làm thị giả được Như Lai. Vì sao?

如來尊重如師子王如龍如火。我今穢弱云何能辦。

Như Lai tôn trọng như Sư-tử Vương như long như hỏa 。 ngã kim uế nhược vân hà năng
bạn 。

Vì Như Lai tôn trọng như vua Sư Tử, như Rồng, như lửa. Tôi nay yếu đuối, như uế đâu có
thể lo được.

諸比丘言。阿難。汝受我語給事如來得大利益。

chư Tỳ-kheo ngôn 。 A-nan 。 nhữ thọ ngã ngữ cấp sự Như Lai đắc Đại lợi ích 。

Các Tỳ-kheo nói rằng: Này A-nan! Ông nhận lời chúng tôi thị giả Như Lai sẽ được lợi ích
lớn.

第二第三亦復如是。阿難言。諸大德。

đệ nhị đệ tam diệc phục như thị 。 A-nan ngôn 。 chư Đại Đức 。

Lần thứ hai, thứ ba cũng lại như vậy. A-nan nói rằng: Thưa các Đại Đức!

我亦不求大利益事。實不堪任奉給左右。

ngã diệc bất cầu Đại lợi ích sự 。 thật bất kham nhâm phụng cấp tả hữu 。

Tôi cũng không cầu việc lợi ích lớn, thật không kham nổi việc thị giả Như Lai.

時目犍連復作是言。阿難。汝今未知。阿難言。大德。

thì Mục-kiền-liên phục tác thị ngôn 。 A-nan 。 nhữ kim vị tri 。 A-nan ngôn 。 Đại Đức 。

Khi ấy, Mục-kiền-liên lại lên tiếng rằng: Này A-nan! Ông nay chưa rõ biết. A-nan nói: Thưa
Đại Đức!

唯願說之。目犍連言。如來先日僧中求使。

duy nguyện thuyết chi 。 Mục-kiền-liên ngôn 。 Như Lai tiên nhật tăng trung cầu sử 。
Xin nói cho. Mục-kiền-liên nói: Như Lai vừa rồi cầu thị giả,
五百羅漢皆求為之。如來不聽。
ngũ bách la hán giai cầu vi chi 。 Như Lai bất thính 。
trong Tăng chúng, năm trăm vị A-la-hán đều cầu xin làm thị giả mà Như Lai không bằng
lòng.

我即入定見如來意欲令汝為。汝今云何反更不受。
ngã tức nhập định kiến Như Lai ý dục linh nhữ vi 。 nhữ kim vân hà phản canh bất thọ 。
Ta liền nhập định thấy ý Như Lai muốn khiến ông làm. Ông nay sao không nhận?
阿難聞已合掌長跪作如是言。諸大德。

A-nan văn dĩ hợp chưởng trường quy tác như thị ngôn 。 chư Đại Đức 。
A-nan nghe xong liền quỳ xuống chấp tay thưa rằng: Thưa các Đại Đức!
若有是事如來世尊與我三願。當順僧命給事左右。
nhược hữu thị sự Như Lai Thế Tôn dĩ ngã tam nguyện 。 đương thuận Tăng mạng cấp sự
tả hữu 。

Nếu có việc như vậy, Như Lai Thế Tôn hãy cho tôi ba điều nguyện, tôi sẽ tuân mạng lệnh
chư Tăng mà làm thị giả.

目犍連言。何等三願。阿難言。

Mục-kiền-liên ngôn 。 hà đẳng tam nguyện 。 A-nan ngôn 。

Mục-kiền-liên nói: Ba nguyện gì? A-nan nói:

一者如來設以故衣賜我聽我不受。

nhất giả Như Lai thiết dĩ cố y tứ ngã thính ngã bất thọ 。

Một là giả sử Như Lai đem y cũ cho tôi, xin cho phép tôi không nhận.

二者如來設受檀越別請聽我不往。三者聽我出入無有時節。

nhị giả Như Lai thiết thọ đàn việt biệt thỉnh thính ngã bất vãng 。

Hai là giả sử Như Lai thọ biệt thỉnh của đàn việt, cho phép tôi không đi theo. Ba là xin
phép cho tôi ra vào không luận là giờ khắc nào.

如是三事佛若聽者。當順僧命奉給如來。

như thị tam sự Phật nhược thính giả 。

Nếu Phật bằng lòng ba việc như vậy, tôi sẽ tuân mạng lệnh của chư Tăng mà làm thị giả Như Lai.

時憍陳如五百比丘。還來我所作如是言。

thì Kiền-trần-như ngũ bách Tỳ-kheo 。 hoàn lai ngã sở tác như thị ngôn 。

Khi ấy, Kiền-trần-như cùng năm trăm vị Tỳ-kheo trở về đem việc trên bạch với Ta rằng:
我等已勸阿難比丘。唯求三願若佛聽者當順僧命。

ngã đặng dĩ khuyến A-nan Tỳ-kheo 。 duy cầu tam nguyện nhược Phật thính giả đương thuận tăng mạng 。

Chúng con đã khuyên Tỳ-kheo A-nan. A-nan chỉ cầu xin ba điều nguyện, nếu Phật cho phép thì sẽ tuân mạng làm thị giả Như Lai.

文殊師利。我於爾時讚阿難言。善哉善哉。阿難比丘。

Văn-thù-sư-lợi 。 ngã ư nhĩ thì tán A-nan ngôn 。 Thiện tai Thiện tai 。 A-nan Tỳ-kheo.

Văn-thù-sư-lợi! Ta lúc bấy giờ khen A-nan rằng: Hay thay! Hay thay! A-nan Tỳ-kheo
具足智慧預見譏嫌。何以故。

cụ túc trí tuệ dự kiến ky hiềm 。 hà dĩ cố 。

đầy đủ trí tuệ dự thấy mà tránh trước sự cơ hiềm. Vì sao?

當有人言汝為衣食奉給如來。

đương hữu nhân ngôn nhữ vi y thực phụng cấp Như Lai 。

Vì sẽ có người cho rằng A-nan vì y phục mà hầu hạ Như Lai.

是故先求不受故衣不隨別請。憍陳如。阿難比丘具足智慧。

thị cố tiên cầu bất thọ cố y bất tùy biệt thỉnh 。 Kiền-trần-như 。 A-nan Tỳ-kheo cụ túc trí tuệ 。

Vì vậy A-nan trước cầu không nhận y cũ và không theo Phật biệt thỉnh. Nay Kiền-trần-như! A-nan Tỳ-kheo đầy đủ trí tuệ

入出有時則不能得廣作利益四部之眾。

nhập xuất hữu thì tắc bất năng đắc quảng tác lợi ích tứ bộ chi chúng 。

nên biết ra vào có giờ thì sẽ không thể làm lợi ích rộng lớn cho bốn bộ chúng,

是故求欲出入無時。憍陳如。我為阿難開是三事隨其意願。

thị cố cầu dục xuất nhập vô thì 。 Kiền-trần-như 。 ngã vị A-nan khai thị tam sự tùy kỳ ý nguyện 。

vì vậy cầu muốn ra vào không luận giờ nào. Nay Kiều-trần-như! Ta vì A-nan cho phép ba điều nguyện như vậy.

時目犍連還阿難所語阿難言。

thì Mục-kiền-liên hoàn A-nan sở ngữ A-nan ngôn 。

Khi ấy Mục-kiền-liên trở lại chỗ A-nan mà nói với A-nan rằng:

吾已為汝啟請三事。如來大慈皆已聽許。阿難言。大德。

ngô dĩ vi nhữ khải thỉnh tam sự 。

Như Lai Đại Từ giai dĩ thỉnh hứa 。

A-nan ngôn 。

Đại Đức 。

Chúng tôi đã vì ông xin ba việc thỉnh cầu, đức Như Lai Đại Từ đã bằng lòng. A-nan nói rằng: Thưa Đại Đức!

若佛聽者請往給侍。

nhược Phật thỉnh giả thỉnh vãng cấp thị 。

Nếu Phật đã bằng lòng, tôi xin qua làm thị giả.

文殊師利。阿難事我二十餘年。

Văn-thù-sư-lợi 。

A-nan sự ngã nhị thập dư niên 。

Nay Văn-thù-sư-lợi! Hơn hai mươi năm, A-nan hầu hạ

具足八種不可思議。何等為八。一者事我已來二十餘年。

cụ túc bát chủng bất khả tư nghị 。

hà đẳng vi bát 。

nhất giả sự ngã dĩ lai nhị thập dư niên 。

đầy đủ tám điều không thể nghĩ bàn. Những gì là tám? Một là hơn hai mươi năm hầu hạ Ta

初不隨我受別請食。

sơ bất tùy ngã thọ biệt thỉnh thực 。

A-nan không bao giờ theo Ta thọ thực biệt thỉnh.

二者事我已來初不受我陳故衣服。

nhị giả sự ngã dĩ lai sơ bất thọ ngã trần cố y phục 。

Hai là không bao giờ thọ lấy y phục cũ của Ta.

三者自事我來至我所時終不非時。

tam giả tự sự ngã lai chí ngã sở thì chung bất phi thì 。

ba là không bao giờ đến Ta mà phi thì.

四者自事我來具足煩惱隨我入出諸王剎利豪貴大姓。見諸女人及天。

tứ giả tự sự ngã lai cụ túc phiền não tùy ngã nhập xuất chư Vương sát lợi hào quý Đại tính
。 kiến chư nữ nhân cập Thiên 。

Bốn là tuy còn đủ phiền não, nhưng khi theo Ta vào cung vua, đến nhà sang giàu, thấy
các người nữ cùng với Thiên nữ,

龍女不生欲心。五者自事我來持我所說十二部經。

Long nữ bất sanh dục tâm 。

ngũ giả tự sự ngã lai trì ngã sở thuyết thập nhị bộ Kinh 。

Long nữ không bao giờ sanh tâm tham muốn. Năm là mười hai bộ Kinh của Ta nói ra,
一經於耳曾不再問。如寫瓶水置之一瓶。

nhất Kinh ư nhĩ tăng bất tái vấn 。

như tả bình thủy trí chi nhất bình。
Nghe qua một lần A-nan đều nhớ rõ không bao giờ hỏi lại, như nước trong bình này rót
qua bình kia,

唯除一問。善男子。

duy trừ nhất vấn 。

thiện nam tử 。

chỉ trừ một lần hỏi. Này thiện nam tử!

琉璃太子殺諸釋氏壞迦毘羅城。阿難爾時心懷愁惱發聲大哭。
Lưu Ly Thái-Tử sát chư Thích thị hoại ca tì la thành 。

A-nan nhĩ thì tâm hoài sầu não phát
thanh Đại khốc 。

Thái tử Lưu Ly giết hại dòng họ Thích-ca, phá thành Ca-tỳ-la. A-nan lúc bất giờ buồn khổ
khóc lóc

來至我所作如是言。我與如來俱生此城同一釋種。
lai chí ngã sở tác như thị ngôn 。

ngã dĩ Như Lai câu sanh thử thành đồng nhất thích
chủng 。

đến bạch với Ta rằng: Tôi cùng Như Lai đồng sanh trưởng trong thành này, đồng một
dòng họ Thích,

云何如來光顏如常我則憔悴。我時答言。阿難。

vân hà Như Lai quang nhan như thường ngã tắc tiều tụy 。

ngã thì đáp ngôn 。

A-nan 。

tại sao dung nhan của Như Lai như thường mà con lại tiều tụy? Khi ấy Ta đáp rằng: Này
A-nan!

我修空定故不同汝。過三年已還來問我。

ngã tu không định cố bất đồng nhữ 。

quá tam niên dĩ hoàn lai vấn ngã 。

Vì Ta tu không định nên không đồng như ông. Ba năm sau A-nan trở lại hỏi Ta rằng:

世尊。我往於彼迦毘羅城。

Thế Tôn 。 ngã vãng ư bỉ Ca Tỳ La thành 。

Bạch Thế Tôn! Con qua thành Ca-tỳ-la kia

曾聞如來修空三昧是事虛實。我言。阿難。如是如是如汝所說。

tằng văn Như Lai tu không tam-muội thị sự hư thật 。

ngã ngôn 。

A-nan 。

như thị như thị như nhữ sở thuyết 。

từng nghe Như Lai tu không tam-muội, việc này hư hay thật? Ta đáp: Này A-nan! Đúng như lời ông nói.

六者自事我來雖未獲得知他心智。

lục giả tự sự ngã lai tuy vị hoạch đắc tri tha tâm trí 。

Sáu là từ khi hầu hạ Ta đến nay, tuy chưa được tha tâm trí

常知如來所入諸定。

thường tri Như Lai sở nhập chư định 。

nhưng A-nan thường biết những chỗ nhập định của Như Lai.

七者自事我來未得願智而能了知如是眾生到如來所。現在能得四沙門果。

thất giả tự sự ngã lai vị đắc nguyện trí nhi năng liễu tri như thị chúng sanh đáo Như Lai sở 。

hiện tại năng đắc tứ Sa-môn quả 。

Bảy là từ khi hầu hạ Ta đến nay, tuy chưa được nguyện trí, mà A-nan có thể biết rõ những chúng sanh này đến chỗ Như Lai: Người này hiện tại có thể được bốn quả Sa-môn,

有後得者。有得人身有得天身。

hữu hậu đắc giả 。

hữu đắc nhân thân hữu đắc Thiên thân 。

người này sau sẽ được, người này có được thân người, người này có được thân Trời.

八者自事我來如來所有祕密之言悉能了知。善男子。

bát giả tự sự ngã lai Như Lai sở hữu bí mật chi ngôn tất năng liễu tri 。

thiện nam tử 。

Tám là từ khi hầu hạ Ta đến nay, những lời bí mật của Như Lai, A-nan đều có thể biết được cả. Này thiện nam tử!

阿難比丘具足如是八不思議。

A-nan Tỳ-kheo cụ túc như thị bát bất tư nghị 。

Tỳ-kheo A-nan đầy đủ tám điều không thể nghĩ bàn như vậy

是故我稱阿難比丘為多聞藏。善男子。阿難比丘具足八法。

thị cố ngã xưng A-nan Tỳ-kheo vi đa văn tạng 。 thiện nam tử 。 A-nan Tỳ-kheo cụ túc bát Pháp 。

nên Ta gọi Tỳ-kheo A-nan là đa văn tạng. Nay thiện nam tử! Tỳ-kheo A-nan lại có đủ tám pháp

能具足持十二部經。何等為八。

năng cụ túc trì thập nhị bộ Kinh 。 hà đẳng vi bát 。

nên có thể thọ trì hoàn toàn mười hai bộ Kinh. Những gì là tám?

一者信根堅固。二者其心質直。三者身無病苦。

nhất giả tín căn kiên cố 。 nhị giả kỳ tâm chất trực 。 tam giả thân vô bệnh khổ 。

Một là tín căn kiên cố, hai là tâm ý chất trực, ba là thân không bệnh khổ,

四者常勤精進。五者具足念心。六者心無憍慢。

tứ giả thường tinh cần tinh tấn 。 ngũ giả cụ túc niệm tâm 。 lục giả tâm vô kiêu mạn 。

bốn là thường tinh tấn, năm là đầy đủ niệm tâm, sáu là tâm không kiêu mạn,

七者成就定慧。八者具足從聞生智。文殊師利。

thất giả thành tựu định tuệ 。

bát giả cụ túc tông văn sanh trí 。

毘婆尸佛侍者弟子名阿叔迦。

Tì Bà Thi Phật thị giả đệ-tử danh A Thúc Ca。

Đệ tử thị giả của Phật Tỳ-bà-thi tên là A-thúc-ca

亦復具足如是八法。尸棄如來侍者弟子名差摩迦羅。

diệc phục cụ túc như thị bát Pháp 。

Thi Khí Như-Lai thị giả đệ-tử danh Sai Ma Ca La cũng lại đầy đủ tám pháp như vậy. Đệ tử thị giả của Phật Thi-khí Như Lai tên là Sai-ma-ca-la.

毘舍浮佛侍者弟子名優波扇陀迦羅。

Tì Xá Phù Phật thị giả đệ-tử danh Ưu Ba Phiến Đà Ca La 。

Đệ tử thị giả của Phật Tỳ-xá-phù tên là Ưu-ba-phiến-đà-ca-la.

鳩村馱佛侍者弟子名曰跋提。

Cưu Thôn Đà Phật thị giả đệ-tử danh viết Bạt Đề 。

Đệ tử thị giả của Phật Cưu-thôn-đà tên là Bạt-đề

迦那舍牟尼佛侍者弟子名曰蘇坻。

CA-na-hàm Mâu Ni Phật thị giả đệ-tử danh viết Tô Chỉ.

Đệ tử thị giả của Phật Ca-na-hàm Mâu-ni tên là Tô-chỉ.

迦葉佛侍者弟子名葉婆蜜多。皆亦具足如是八法。

Ca-diếp Phật thị giả đệ-tử danh Diệp Bà Mật Đa 。 giai diệc cụ túc như thị bát Pháp 。

Đệ tử thị giả của Phật Ca-diếp tên là Diệp-bà-mật-đa cũng đều có đủ tám pháp như vậy.

我今阿難亦復如是具足八法。

ngã kim A-nan diệc phục như thị cụ túc bát Pháp 。

A-nan thị giả của Ta nay cũng lại có đủ tám pháp ấy.

是故我稱阿難比丘為多聞藏善男子。

thị cố ngã xưng A-nan Tỳ-kheo vi đa văn tạng thiện nam tử 。

Vì vậy, Ta gọi Tỳ-kheo A-nan là đa văn tạng. Này thiện nam tử!

如汝所說此大眾中雖有無量無邊菩薩。是諸菩薩皆有重任。所謂大慈大悲。

như nhữ sở thuyết thử Đại chúng trung tuy hữu vô lượng vô biên Bồ-tát 。

thị chư Bồ-tát giai hữu trọng nhân 。

sở vị Đại từ Đại bi 。

Như lời ông nói trong đại chúng này tuy có vô lượng vô biên Bồ-tát, các vị Bồ-tát đều có

trọng nhiệm là những bậc Đại từ đại bi,

如是慈悲之因緣故。

như thị từ bi chi nhân duyên cố 。

Do nhân duyên Đại bi đại bi này nên

各各忽務調伏眷屬莊嚴自身。以是因緣。

các các hốt vụ điều phục quyến thuộc trang nghiêm tự thân 。

dĩ thị nhân duyên 。

mỗi mỗi vị đều có công vụ gấp rút, điều phục quyến thuộc và trang nghiêm tự thân. Do nhân duyên này nên

我涅槃後不能宣通十二部經。若有菩薩或時能說人不信受。文殊師利。

ngã Niết-bàn hậu bất năng tuyên thông thập nhị bộ Kinh 。

nhược hữu Bồ-tát hoặc thì năng thuyết nhân bất tín thọ 。

Văn-thù-sư-lợi 。

sau khi Ta nhập Niết-bàn, những vị ấy không thể tuyên thông mười hai bộ Kinh. Nếu có Bồ-tát hoặc có lúc thuyết mà người không tin nhận. Này Văn-thù-sư-lợi!

阿難比丘是吾之弟。給事我來二十餘年。

A-nan Tỳ-kheo thị ngô chi đệ 。

cấp sự ngã lai nhị thập dư niên 。

Tỳ-kheo A-nan là em của Ta, hầu hạ Ta đã hơn hai mươi năm,

所可聞法具足受持。喻如寫水置之一器。

sở khả văn Pháp cụ túc thọ trì 。 dụ như tả thủy trí chi nhất khí 。

những pháp được nghe đều có thể thọ trì đầy đủ, thí như nước rót vào một cái bình.

是故我今顧問。阿難為何所在。

thị cố ngã kim cố vấn 。 A-nan vi hà sở tại 。

Vì vậy Ta nay cố hỏi A-nan nay ở đâu,

欲令受持是涅槃經。善男子。我涅槃後阿難比丘所未聞者。

dục linh thọ trì thị Niết-bàn Kinh 。 thiện nam tử 。 ngã Niết-bàn hậu A-nan Tỳ-kheo sở vị
văn giả 。

muốn khiến A-nan thọ trì Kinh Đại Niết-bàn này. Nay thiện nam tử! Sau khi Ta nhập Niết-
bàn, những chỗ Tỳ-kheo A-nan chưa nghe,

弘廣菩薩當能流布。阿難所聞自能宣通。

hoảng quảng Bồ-tát đương năng lưu bố 。

A-nan sở văn tự năng tuyên thông 。

thì Bồ-tát Hoảng Quảng sẽ có thể lưu bố. Chỗ A-nan nghe rồi, tự ông ấy có thể tuyên
thông.

文殊師利。阿難比丘今在他處。

Văn-thù-sư-lợi 。

Này Văn-thù-sư-lợi! Tỳ-kheo A-nan nay ở nơi xứ người,

去此會外十二由延。而為六萬四千億魔之所惱亂。

khứ thử hội ngoại thập nhị do duyên 。

nhĩ vi lục vạn tứ thiên ức ma chi sở não loạn 。

cách ngoài đại hội này mười hai do tuần, nhưng đang bị sáu vạn bốn ngàn ức Ma nhiều
loạn.

汝可往彼發大聲音。一切諸魔諦聽諦聽。

nhữ khả vãng bỉ phát Đại thanh ngôn 。

nhất thiết chư ma để thính để thính 。

Ông nên qua đó nói lớn rằng: Hết thầy loài ma hãy lắng nghe! Lắng nghe!

如來今說大陀羅尼。

Như Lai kim thuyết Đại Đà-la-ni 。

Nay đức Như Lai nói Đại Đà-la-ni.

一切天龍乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人與非人。

nhất thiết Thiên Long Càn thát bà A-tu-La, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà nhân dữ
phi nhân 。

Tất cả Trời, Rồng, Càn-thát-bà, A-tu-La, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-dà người và không phải người,

山神樹神河神海神舍宅等神聞是持名。無不恭敬受持之者。

son Thần thụ Thần hà Thần hải Thần xá trạch đẳng Thần văn thị trì danh 。 vô bất cung kính thọ trì chi giả 。

thần núi, thần cây, thần sông, thần biển, thần nhà cửa, cùng các vị thần nghe tên chú Đà-la-ni này đều nên cung kính thọ trì.

是陀羅尼十恒河沙諸佛世尊所共宣說。

thị Đà-La-Ni thập hằng hà sa chư Phật Thế Tôn sở cộng tuyên thuyết 。

Mười hằng-hà-sa chư Phật Thế Tôn cũng đồng tuyên nói Đà-la-ni này.

能轉女身自識宿命若受五事。一者梵行。

năng chuyển nữ thân tự thức túc mạng nhược thọ ngũ sự 。

Đà-la-ni này có thể chuyển được thân nữ, tự biết đời trước của mình. Nếu thọ trì năm việc:

Một là Phạm hạnh,

二者斷肉。三者斷酒。四者斷辛。五者樂在寂靜。

nhị giả đoạn nhục 。

tam giả đoạn tửu 。

tứ giả đoạn tân 。

ngũ giả lạc tại tịch tĩnh 。

hai là dứt thịt, ba là dứt rượu, bốn là dứt đồ cay nồng, năm là thích ở nơi vắng lặng tịch

tĩnh;

受五事已至心信受。讀誦書寫是陀羅尼。

thọ ngũ sự dĩ chí tâm tín thọ 。

đọc tụng thư tả thị Đà-La-Ni 。

thọ năm việc này rồi chí tâm tin nhận, đọc tụng, sao chép Đà-la-ni này.

當知是人即得超越七十七億弊惡之身。

đương tri thị nhân tức đắc siêu việt thất thập thất ức tộ ác chi thân 。

Phải biết người này sẽ được vượt khỏi bảy mươi bảy ức thân tộ ác.

爾時世尊。即便說之。

爾時 Thế tôn 。

tức tiện thuyết chi 。

Lúc bấy giờ Thế Tôn liền nói chú rằng:

阿摩隸 毘摩隸 涅磨隸 菴伽隸 醯摩

a ma lệ tì ma lệ niết ma lệ mông già lệ hề ma

A-ma-lệ, Tỳ-ma-lệ, Niết-ma-lệ, Mông-già-lệ, Hê-ma-

羅若竭鞞 三曼多跋提隸 娑婆羅他娑檀

la nhược kiệt bệ Tam-mạn-đa Bạt-đề-lệ Sa Bà la tha sa đàn
 la-nhã-kiệt-bệ, Tam-mạn-đa Bạt-đề-lệ, Sa-bà-la Tha-sa-đàn-ni,
 尼 婆羅磨他娑檀尼 磨那斯阿步提 毘
 ni bà la ma tha sa đàn ni ma na tư a bộ-đề ti
 Bà-la-ma-tha Sa-đàn-ni, Ma-na-tư A-bộ-đề, Tỳ-
 羅氏 菴摩賴低 婆嵐彌 婆嵐摩莎隸
 la thị am ma lại-đê bà lam di bà lam ma toa lệ
 la-thị, Am-ma-lại-đê, Bà-lam-di, Bà-lam-ma-toa-lệ,
 富囉泥富囉那摩奴賴綈
 Phú la nê phú la na ma nô lại-đề
 Phú-la-nê, Phú-la-na, Ma-nô-lại-đê.
 爾時文殊師利從佛受是陀羅尼已至阿難
 nhĩ thì Văn-thù-sư-lợi tòng Phật thọ thị Đà-La-Ni dĩ chí A-nan
 Lúc bấy giờ Văn-thù-sư-lợi lãnh Đà-la-ni này của Phật đến chỗ A-nan.
 所。在魔眾中作如是言。諸魔眷屬諦聽。
 sở 。 tại ma chúng trung tác như thị ngôn 。 chư ma quyến thuộc đế thính 。
 Ở trong chúng ma, Ngài lên tiếng rằng: Nay các quyến thuộc của ma hãy nghe đây!
 我說所從佛受陀羅尼呪。魔王聞是陀羅尼已。
 ngã thuyết sở tòng Phật thọ Đà-La-Ni chú 。 ma Vương văn thị Đà-La-Ni dĩ 。
 Ta nói chú Đà-la-ni này là lãnh từ chỗ Phật. Các Ma vương nghe chú Đà-la-ni này rồi
 悉發阿耨多羅三藐三菩提心。
 tất phát a nậu-đa-la tam miểu tam Bồ-đề tâm 。
 hết thấy đều phát tâm Vô Thượng Bồ-đề,
 捨於魔業即放阿難。文殊師利與阿難俱來至佛所。
 xả ư ma nghiệp tức phóng A-nan 。 Văn-thù-sư-lợi dĩ A-nan câu lai chí Phật sở 。
 bỏ nghiệp Ma liền thả A-nan. Văn-thù-sư-lợi cùng A-nan đến chỗ của Phật.
 阿難見佛至心禮敬却住一面佛告阿難。
 A-nan kiến Phật chí tâm lễ kính khước trụ nhất diện Phật cáo A-nan 。
 A-nan thấy Phật liền cung kính lễ Phật rồi đứng lùi về một bên. Phật bảo A-nan:
 是娑羅林外有一梵志名須跋陀。其年極老已百二十。

thị Sa-la lâm ngoại hữu nhất Phạm Chí danh Tu-bạt-đà 。 kỳ niên cực lão dĩ bách nhị thập
。

Ở ngoài rừng Sa-la này có một Phạm Chí tên là Tu-bạt-đà, rất già đã một trăm hai mươi
tuổi.

雖得五通未捨憍慢。獲得非想非非想定。

tuy đắc ngũ thông vị xả kiêu mạn 。 hoạch đắc phi tưởng phi phi tưởng định 。

Ông ấy tuy được năm thứ thần thông nhưng chưa bỏ được kiêu mạn, chứng được Phi
tưởng phi phi tưởng định,

生一切智起涅槃想。汝可往彼語須跋言。

sinh nhất thiết trí khởi Niết-Bàn tưởng 。 nhữ khả vãng bỉ ngữ tu bạt ngôn 。

cho là Nhất thiết trí đã được Niết-bàn. Ông có thể đến đó nói với Tu-bạt kia rằng:

如來出世如優曇花。於今中夜當般涅槃。

Như Lai xuất thế như ưu đàm hoa 。 ư kim trung dạ đương bát Niết-bàn 。

Như Lai ra đời như hoa Ưu-đàm. Giữa đêm nay Như Lai sẽ nhập Niết-bàn,

若有所作可及時作。莫於後日而生悔心。

nhược hữu sở tác khả cập thì tác 。 mạc ư hậu nhật nhi sinh hối tâm 。

nếu có chỗ phải làm nên làm kịp thì, chớ để ngày sau sanh lòng hối hận.

阿難汝之所說彼定信受。何以故。

A-nan nhữ chi sở thuyết bỉ định tín thọ 。

Này A-nan! Lời ông nói nhất định sẽ được ông ấy tin nhận. Vì sao vậy?

汝曾往昔五百世中作須跋陀子。其人愛心習猶未盡。

nhữ tăng vãng tích ngũ bách thế trung tác Tu-bạt-đà tử 。

kỳ nhân ái tâm tập do vị tận 。

Vì thuở quá khứ, trong năm trăm đời ông đã từng làm con trai của Tu-bạt-đà. Ông ấy vì
tâm tập ái chưa hết,

以是因緣信受汝語。爾時阿難受佛勅已。

dĩ thị nhân duyên tín thọ nhữ ngữ 。

nhĩ thì A-nan thọ Phật sắc dĩ 。

do nhân duyên này nên tin nhận lời ông. Lúc bấy giờ A-nan tuân lời Phật dạy,

往須跋所作如是言。仁者。當知如來出世如優曇花。

vãng tu bạt sở tác như thị ngôn 。

đến chỗ Tu-bạt-đà lên tiếng rằng: Này nhân giả! Nên biết Như Lai ra đời như hoa Ưu Đàm,

於今中夜當般涅槃。欲有所作可及時作。

ư kim trung dạ đương bát Niết-bàn 。 dục hữu sở tác khả cập thì tác 。

giữa đêm nay sẽ nhập Niết-bàn, có chỗ muốn làm phải làm kịp thì,

莫於後日生悔心也。須跋言。善哉阿難。

mạc ư hậu nhật sanh hối tâm dã 。 tu bạt ngôn 。 Thiện tai A-nan 。

chớ để ngày sau sanh lòng hối hận. Tu-bạt-đà nói: Hay thay A-nan!

我今當往至如來所。

ngã kim đương vãng chí Như Lai sở 。

Tôi nay sẽ đi đến chỗ Như Lai.

爾時阿難與須跋陀還至佛所時須跋陀到已問訊作如是言。瞿曇。

nhĩ thì A-nan dữ Tu-bạt-đà hoàn chí Phật sở thì Tu-bạt-đà đáo dĩ vấn tấn tác như thị ngôn 。

Lúc bấy giờ A-nan cùng với Tu-bạt-đà đến chỗ Phật. Khi Tu-bạt-đà đến rồi liền hỏi như vậy: Thưa Cồ Đàm!

我今欲問隨我意答。佛言。須跋。

ngã kim dục vấn tùy ngã ý đáp 。

Tôi nay muốn hỏi, theo ý tôi mà trả lời cho. Phật dạy: Này Tu-bạt-đà!

今正是時隨汝所問。我當方便隨汝意答。瞿曇。

kim chánh thì thì tùy nhữ sở vấn 。

Nay đã đúng thì, tùy ý ông hỏi, Ta sẽ phương tiện tùy ý ông mà trả lời. Thưa Cồ Đàm!

有諸沙門婆羅門等作如是言。一切眾生受苦樂報。

hữu chư Sa-môn Bà-la-môn đẳng tác như thị ngôn 。

Có các Sa-môn, Bà-la-môn nói rằng: Hết thầy chúng sanh thọ báo khổ vui

皆隨往日本業因緣。

giai tùy vãng nhật bổn nghiệp nhân duyên 。

đều theo nơi nghiệp đã tạo ra ngày trước.

是故若有持戒精進受身心苦能壞本業。本業既盡眾苦盡滅。

thị cố nhược hữu trì giới tinh tấn thọ thân tâm khổ năng hoại bốn nghiệp 。 bốn nghiệp ký tận chúng khổ tận diệt 。

Vì vậy nếu có trì giới tinh tấn, thân tâm chịu khổ thì có thể phá hoại được nghiệp cũ. Nghiệp cũ đã hết, khổ cũng dứt theo.

眾苦盡滅即得涅槃。是義云何。佛言。善男子。

chúng khổ tận diệt tức đắc Niết-bàn 。 thị nghĩa vân hà 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。

Các khổ đã hết tức được Niết-bàn. Nghĩa này thế nào? Phật dạy: Đây thiện nam tử!
若有沙門婆羅門等作是說者。

nhược hữu Sa-môn Bà-la-môn đẳng tác thị thuyết giả 。

Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như vậy,

我為憐愍常當往來如是人所。既至彼已我當問之。仁者。

ngã vi liên mẫn thường đương vãng lai như thị nhân sở 。

ký chí bỉ dĩ ngã đương vấn chi 。

nhân giả 。

Ta sẽ thương xót cho họ và thường đến chỗ người đó, đến rồi Ta sẽ hỏi: Đây nhân giả!
實作如是說不。彼若見答我如是說。何以故。瞿曇。

thật tác như thị thuyết bất 。

bỉ nhược kiến đáp ngã như thị thuyết 。

hà dĩ cố 。

Cồ Đàm 。

Ông thật có nói lời như vậy chăng? Nếu người kia đáp rằng: Tôi nói như vậy. Vì sao?

Thưa Cồ Đàm!

我見眾生習行諸惡。多饒財寶身得自在。

ngã kiến chúng sanh tập hành chư ác 。

đa nhiêu tài bảo thân đắc tự-tại 。

Vì tôi thấy chúng sanh làm nhiều điều tội ác mà vẫn nhiều tài của, thân được tự tại.

又見修善貧窮多乏不得自在。

hựu kiến tu thiện bần cùng đa phạp bất đắc tự-tại 。

Lại thấy có người tu thiện mà lại nghèo hèn thiếu thốn, thân không được tự tại.

又見有人多役力用求不能得。又見不求自然得之。

hựu kiến hữu nhân đa dịch lực dụng cầu bất năng đắc 。

hựu kiến bất cầu tự nhiên đắc chi 。

Lại thấy có người đem nhiều sức lực để cầu mà không được của. Lại thấy có người tự nhiên mà được.

又見有人慈心不殺反更中天。又見熹殺終保年壽。

hựu kiến hữu nhân từ tâm bất sát phản canh trung yêu 。 hựu kiến hĩ sát chung bảo niên thọ 。

Lại thấy có người từ tâm không giết hại ai mà lại chết yếu. Lại thấy có người thích giết hại lại được sống lâu.

又見有人淨修梵行精勤持戒。

hựu kiến hữu nhân tịnh tu Phạm hạnh tinh tinh cần trì giới 。

Lại thấy có người tu hành Phạm hạnh thanh tịnh, tinh tấn trì giới

有得解脫有不得者。是故我說一切眾生受苦樂報。

hữu đắc giải thoát hữu bất đắc giả 。

thị cố ngã thuyết nhất thiết chúng sanh thọ khổ lạc báo 。

nhưng có người được giải thoát, có người lại không được, vì vậy tôi nói hết thảy chúng sanh thọ báo khổ vui

皆由往日本業因緣。須跋我復當問仁者。

giai do vãng nhật bản nghiệp nhân duyên 。

tu bạt ngã phục đương vấn nhân giả 。

đều do nghiệp nhân ngày trước. Này Tu-bạt-đà! Ta lại sẽ hỏi: Này nhân giả!

實見過去業不。若有是業為多少耶。

thật kiến quá khứ nghiệp bất 。

nhược hữu thị nghiệp vi đa thiểu da 。

Ông thật thấy nghiệp quá khứ chẳng? Nếu có thấy thì nghiệp ấy nhiều hay ít?

現在苦行能破多少耶。能知是業已盡不盡耶。

hiện tại khổ hạnh năng phá đa thiểu da 。

năng tri thị nghiệp dĩ tận bất tận da 。

Khổ hạnh trong đời hiện tại có thể phá hoại được nhiều ít? Có thể biết nghiệp này hết hay không hết chẳng?

是業既盡一切盡耶。彼若見答我實不知。我便當為彼人引喻。

thị nghiệp ký tận nhất thiết tận da 。

bỉ nhược kiến đáp ngã thật bất tri 。

ngã tiện đương vi ỉ nhân dẫn dụ 。

Nghiệp này đã hết mà hết tất cả chẳng? Người kia đáp rằng: Tôi thật không biết. Ta liền vì người kia mà dẫn dụ:

譬如有人身被毒箭。

thí như hữu nhân thân bị độc tiễn。

Thí như có người bị trúng tên độc,

其家眷屬為請醫師令拔是箭。既拔箭已身得安隱。

kỳ gia quyến thuộc vi thỉnh y sư lệnh bạt thị tiến 。 ký bạt tiến dĩ thân đắc an ổn 。
bà con quyến thuộc của người ấy mời thầy thuốc khiến nhổ mũi tên độc này ra, mũi tên đã
nhổ rồi, thân được an ổn.

其後十年是人猶憶了了分明。是醫為我拔出毒箭。

kỳ hậu thập niên thị nhân do ức liễu liễu phân minh 。 thị y vị ngã bạt xuất độc tiễn。

Sau đó mười năm, người này còn nhớ rõ rằng: Thầy thuốc đó đã nhổ tên độc ra cho tôi,
以藥塗拊令我得差安隱受樂。仁既不知過去本業。

dĩ dược đồ phụ lệnh ngã đắc sai an ổn thọ lạc 。 nhân ký bất tri quá khứ bổn nghiệp 。
rồi dùng thuốc thoa khắp, làm cho tôi được lành mạnh an vui. Nhân giả không biết nghiệp
nhân quá khứ,

云何能知現在苦行定能破壞過去業耶。

vân hà năng tri hiện tại khổ hạnh định năng phá hoại quá khứ nghiệp da 。

làm sao có thể biết được khổ hạnh hiện tại quyết định có thể phá được nghiệp quá khứ?

彼若復言。瞿曇。汝今亦有過去本業。

bỉ nhược phục ngôn 。 Cồ Đàm 。 nhữ kim diệc hữu quá khứ bổn nghiệp 。

Nếu người kia nói rằng: Thưa Cồ Đàm! Ông nay cũng có nghiệp quá khứ,

何故獨責我過去業。瞿曇。經中亦作是說。

hà cố độc trách ngã quá khứ nghiệp 。

Cồ Đàm 。 Kinh trung diệc tác thị thuyết 。

sao lại trách riêng nghiệp quá khứ của tôi? Tong Kinh của Cồ Đàm cũng nói rằng: 若見有
人豪貴自在。當知是人先世好施。

nhược kiến hữu nhân hào quý tự-tại 。

đương tri thị nhân tiên thế hảo thí 。

Nếu thấy người nào giàu sang phú quý, thân được tự tại, phải biết người này đời trước ưa
thích bố thí,

如是不名過去業耶。我復答言。仁者。如是知者。

như thị bất danh quá khứ nghiệp da 。

ngã phục đáp ngôn 。

nhân giả 。

như thị tri giả 。

như vậy không phải gọi là nghiệp quá khứ ư? Ta lại đáp rằng: Này nhân giả! Cái biết như
vậy

名為比知不名真知。我佛法中或有從因知果。

danh vi tỉ tri bất danh chân tri 。

ngã Phật Pháp trung hoặc hữu tông nhân tri quả 。

gọi là biết đối đãi, không gọi là chân thật biết. Trong giáo pháp của Phật, hoặc có do nhân
mới biết quả,

或有從果知因。我佛法中有過去業有現在業。

hoặc hữu tông quả tri nhân 。 ngã Phật Pháp trung hữu quá khứ nghiệp hữu hiện tại nghiệp 。

hoặc có do quả mới biết nhân. Trong giáo pháp của Phật, có nghiệp quá khứ, có nghiệp hiện tại.

汝則不爾唯有過去業無現在業。

nhữ tắc bất nhĩ duy hữu quá khứ nghiệp vô hiện tại nghiệp 。

Trong giáo pháp của ông không như vậy, chỉ có nghiệp quá khứ, không có nghiệp hiện tại.

汝法不從方便斷業。我法不爾從方便斷。汝業盡已則得苦盡。

nhữ Pháp bất tông phương tiện đoạn nghiệp 。

ngã Pháp bất nhĩ tông phương tiện đoạn 。

nhữ nghiệp tận dĩ tắc đắc khổ tận 。

Giáo pháp của ông không do nơi phương tiện mà dứt nghiệp. Giáo pháp của Ta do nơi phương tiện mà dứt nghiệp. Giáo pháp của ông cho rằng nghiệp hết thì khổ hết.

我即不爾煩惱盡已業苦則盡。

ngã tức bất nhĩ phiền não tận dĩ nghiệp khổ tắc tận 。

Phật pháp của Ta liền không như vậy, phiền não đã hết thì nghiệp và khổ cũng hết.

是故我今責汝過去業。彼人若言瞿曇我實不知。

thị cố ngã kim trách nhữ quá khứ nghiệp 。

bỉ nhân nhược ngôn Cồ Đàm ngã thật bất tri 。

Vì vậy Ta nay trách nghiệp quá khứ của ông. Người kia nếu nói rằng: Thưa Cồ Đàm! Tôi thật không biết!

從師受之師作是說我實無咎。我言。仁者。汝師是誰。

tông sư thọ chi sư tác thị thuyết ngã thật vô cửu 。

ngã ngôn 。

nhân giả 。

nhữ sư thị thù 。

Đó là lời của Thầy chúng tôi, không phải lỗi của chúng tôi. Ta sẽ nói: Này nhân giả! Thầy của ông là ai?

彼若見答是富蘭那。我復言曰。

bỉ nhược kiến đáp thị Phú Lan Na 。

ngã phục ngôn viết 。

Nếu người kia đáp là Phú-lan-na. Ta lại nói rằng:

汝昔何不一一諮啟。大師實知過去業不。

nhữ tích hà bất nhất nhất ti khai 。

Đại sư thật tri quá khứ nghiệp bất 。

Xưa kia các Ngài sao không thưa hỏi cho rõ ràng rằng: Đại Sư thật biết nghiệp quá khứ chẳng?

汝師若言我不知者。汝復云何受是師語。

nhữ sư nhược ngôn ngôn bất tri giả 。 nhữ phục vân hà thọ thị sư ngữ 。

Nếu Thầy của ông nói rằng: Ta không biết? Ông lại hỏi rằng: Không biết vì sao Thầy lại nói?

若言我知復應問言。下苦因緣受中上苦不。

nhược ngôn ngôn tri phục ứng vấn ngôn 。 hạ khổ nhân duyên thọ trung thượng khổ bất 。

Nếu nói rằng: Ta biết. Ông lại nên hỏi rằng: Khổ của bậc hạ làm nhân duyên để thọ khổ bậc trung và thượng chẳng?

中苦因緣受下上苦不。上苦因緣受中下苦不。若言不者。

trung khổ nhân duyên thọ hạ thượng khổ bất 。 thượng khổ nhân duyên thọ trung hạ khổ bất 。 nhược ngôn bất giả 。

Khổ bậc trung làm nhân duyên để thọ khổ bậc hạ và thượng chẳng? Khổ bậc thượng làm nhân duyên để thọ khổ bậc trung và hạ chẳng? Nếu nói rằng không,

復應問言。

phục ứng vấn ngôn 。

ông lại nên hỏi rằng:

師云何說苦樂之報唯過去業非現在耶。復應問言。是現在苦過去有不。

sư vân hà thuyết khổ lạc chi báo duy quá khứ nghiệp phi hiện tại da 。 phục ứng vấn ngôn 。 thị hiện tại khổ quá khứ hữu bất 。

Vậy vì sao Thầy nói quả báo khổ vui chỉ có nghiệp quá khứ, không phải nghiệp hiện tại?

Ông lại hỏi rằng: Khổ hiện tại, quá khứ có chẳng?

若過去有過去之業悉已都盡。

nhược quá khứ hữu quá khứ chi nghiệp tất dĩ đô tận 。

Nếu quá khứ có khổ thì nghiệp quá khứ đều đã dứt hết,

若都盡者云何復受今日之身。若過去無唯現在有。

nhược đô tận giả vân hà phục thọ kim nhật chi thân 。 nhược quá khứ vô duy hiện tại hữu 。

nếu đều đã hết thì vì sao lại còn thọ lấy thân ngày nay? Nếu quá khứ không khổ, chỉ có nơi hiện tại,

云何復言眾生苦樂皆過去業。仁者。

vân hà phục ngôn chúng sanh khổ lạc giai quá khứ nghiệp 。 nhân giả 。

tại sao lại nói chúng sanh thọ báo khổ vui đều do nghiệp quá khứ? Này nhân giả!

若知現在苦行能壞過去業。現在苦行復以何破。

nhược tri hiện tại khổ hạnh năng hoại quá khứ nghiệp 。 hiện tại khổ hạnh phục dĩ hà phá 。

Nếu cho rằng khổ hạnh hiện tại có thể phá hoại nghiệp quá khứ, hiện tại khổ hạnh này dùng gì để phá?

如其不破苦即是常。苦若是常云何說言得苦解脫。

như kỳ bất phá khổ tức thị thường 。 khổ nhược thị thường vân hà thuyết ngôn đắc khổ giải thoát 。

Nếu như không phá được nghiệp quá khứ ấy, thì khổ này chính là thường trụ. Nếu khổ là thường trụ, sao lại nói rằng được giải thoát khổ?

若更有行壞苦行者。過去已盡云何有苦。仁者。

nhược canh hữu hạnh hoại khổ hạnh giả 。 quá khứ dĩ tận vân hà hữu khổ 。 nhân giả 。

Nếu lại có hạnh nghiệp phá hoại khổ hạnh, thì nghiệp quá khứ đã hết rồi sao lại có khổ?

Này nhân giả!

如是苦行能令樂業受苦果不。

như thị khổ hạnh năng linh lạc nghiệp thọ khổ quả bất 。

Khổ hạnh như vậy có thể khiến cho nghiệp vui, thọ lấy quả khổ chăng?

復令苦業受樂果不。能令無苦無樂業作不受果不。

phục linh khổ nghiệp thọ lạc quả bất 。 năng linh vô khổ vô lạc nghiệp tác bất thọ quả bất 。

Lại khiến cho nghiệp khổ, thọ lấy quả vui chăng? Có thể khiến cho nghiệp không khổ không vui không thọ quả chăng?

能令現報作生報不。能令生報作現報不。

năng linh hiện báo tác sanh báo bất 。 năng linh sanh báo tác hiện báo bất 。

Có thể khiến cho hiện báo thành sanh báo chăng? Có thể khiến cho sanh báo thành hiện báo chăng?

令是二報作無報不。能令定報作無報不。

linh thị nhị báo tác vô báo bất 。 năng linh định báo tác vô báo bất 。

Có thể khiến cho hai báo này thành không quả báo chăng? Có thể khiến cho định báo thành không quả báo chăng?

能令無報作定報不。彼若復言瞿曇不能。我復當言。仁者。

năng linh vô báo tác định báo bất 。 bỉ nhược phục ngôn Cồ Đàm bất năng 。 ngã phục đương ngôn 。 nhân giả 。

Có thể khiến cho không báo thành định báo chăng? Nếu người kia lại nói rằng: Thưa Cồ Đàm! Không thể. Ta lại sẽ nói rằng: Đây nhân giả!

如其不能何因緣故受是苦行。仁者。

như kỳ bất năng hà nhân duyên cố thọ thị khổ hạnh。 nhân giả 。

Nếu như không thể, vậy vì nhân duyên gì lại hành khổ hạnh như vậy? Đây nhân giả!

當知定有過去業現在因緣。

đương tri định hữu quá khứ nghiệp hiện tại nhân duyên 。

Phải biết chắc chắn có nghiệp quá khứ và nhân duyên hiện tại.

是故我言因煩惱生業因業受報。仁者。

thị cố ngã ngôn nhân phiền não sanh nghiệp nhân nghiệp thọ báo 。

Vì vậy, Ta nói do phiền não mà sanh nghiệp, do nghiệp mà thọ quả báo. Đây nhân giả!

當知一切眾生有過去業有現在因。眾生雖有過去壽業。

đương tri nhất thiết chúng sanh hữu quá khứ nghiệp hữu hiện tại nhân 。

Nên biết hết thảy chúng sanh vì có nghiệp quá khứ nên có hiện tại. Chúng sanh tuy có thọ nghiệp quá khứ,

要賴現在飲食因緣。仁者。若說眾生受苦受樂。

yếu lại hiện tại ẩm thực nhân duyên 。

nhqng lại do nhân duyên ăn uống trong hiện tại. Đây nhân giả! Nếu nói chúng sanh thọ khổ thọ lạc

定由過去本業因緣。是事不然。何以故。仁者。

định do quá khứ bản nghiệp nhân duyên 。

quyết do nhân duyên nghiệp gốc quá khứ, việc này không đúng. Vì sao vậy? Đây nhân giả!

譬如有人為王除怨。以是因緣多得財寶。

thí như hữu nhân vị Vương trừ oán 。 dĩ thị nhân duyên đa đắc tài bảo 。

Thí như có người vì Vua mà trừ oán địch, do nhân duyên này mà được nhiều tài bảo,
因是財寶受現在樂。如是之人現作樂因現受樂報。

nhân thị tài bảo thọ hiện tại lạc 。 như thị chi nhân hiện tác lạc nhân hiện thọ lạc báo 。

Do tài bảo này mà hiện tại được an vui. Người này hiện đời làm nhân an vui nên được quả báo an vui.

譬如有人殺王愛子。以是因緣喪失身命。

thí như hữu nhân sát Vương ái tử 。 dĩ thị nhân duyên tang thất thân mạng 。

Thí như có người giết chết Vương Tử, do nhân duyên này mà bị tan thân mất mạng.
如是之人現作苦因現受苦報。仁者。

như thị chi nhân hiện tác khổ nhân hiện thọ khổ báo 。

Như vậy, người này hiện tại tạo nhân khổ nên bị quả báo khổ hiện tại. Nay nhân giả!
一切眾生現在因於四大時節土地人民受苦受樂。

nhất thiết chúng sanh hiện tại nhân ư tứ Đại thì tiết độ địa nhân dân thọ khổ thọ lạc 。

Hết thầy chúng sanh trong hiện tại nhân nơi bốn đại, thì tiết, đất đai, nhân dân mà thọ khổ, thọ vui.

是故我說一切眾生不必盡因過去本業受苦樂也。

thị cố ngã thuyết nhất thiết chúng sanh bất tất tận nhân quá khứ bốn nghiệp thọ khổ lạc dã 。

Vì vậy Ta nói hết thầy chúng sanh bất tất đều nhân nơi nghiệp đời quá khứ mà có thọ khổ, thọ vui.

仁者。若以斷業因緣力故得解脫者。

nhân giả 。

Nay nhân giả! Nếu do lực nhân duyên dứt nghiệp mà được giải thoát,
一切聖人不得解脫。何以故。

nhất thiết Thánh nhân bất đắc giải thoát 。

thì tất cả Thánh nhân không được giải thoát. Vì sao?

一切眾生過去本業無始終故。

nhất thiết chúng sanh quá khứ bốn nghiệp vô thủy chung cố 。

Vì nghiệp gốc quá khứ của hết thầy chúng sanh là không đầu không cuối.

是故我說修聖道時是道能遮無始終業。仁者。若受苦行便得道者。

thị cố ngã thuyết tu Thánh đạo thì thị đạo năng già vô thủy chung nghiệp 。 nhân giả 。
nhược thọ khổ hạnh tiện đắc đạo giả 。

Vì vậy Ta nói lúc tu Thánh đạo. Thánh đạo này có thể ngăn chặn nghiệp không đầu
không cuối. Này nhân giả! Nếu người nào hành khổ hạnh mà được đạo đó,

一切畜生悉應得道。是故先當調伏其心不調伏身。

nhất thiết súc sanh tất ứng đắc đạo 。 thị cố tiên đương điều phục kỳ tâm bất điều phục
thân 。

thì hết thảy súc sanh đều phải được đạo. Vì vậy, người ấy trước hết phải nên điều phục
tâm mình mà không điều phục thân.

以是因緣我經中說。斫伐此林莫斫伐樹。何以故。

dĩ thị nhân duyên ngã Kinh trung thuyết 。 chúc phạt thử lâm mạc chúc phạt thụ 。 hà dĩ
cố 。

Do nhân duyên này nên trong kinh Ta nói rằng chặt đốn rừng này chớ chặt đốn cây. Vì
sao vậy?

從林生怖不從樹生。欲調伏身先當調心。

tòng lâm sanh phở bất tòng thụ sanh 。 dục điều phục thân tiên đương điều tâm 。

Vì do nơi rừng mà sanh sợ hãi không phải do cây. Muốn điều phục thân, trước phải điều
phục tâm.

心喻於林身喻於樹。須跋陀言。世尊。

tâm dụ ư lâm thân dụ ư thụ 。 Tu-bạt-đà ngôn 。 Thế Tôn 。

Tâm dụ cho rừng, thân dụ cho cây. Tu-bạt-đà nói: Bạch Thế tôn!

我已先調伏心。佛言。善男子。汝今云何能先調心。

ngã dĩ tiên điều phục tâm 。 Phật ngôn 。 thiện nam tử 。 nử kim vân hà năng tiên điều
tâm 。

Tôi trước đây đã điều phục tâm rồi. Phật dạy: Này thiện nam tử! Ông nay làm thế nào có
thể trước trước điều phục tâm ông?

須跋陀言。世尊。我先思惟欲是無常無樂無淨。

Tu-bạt-đà ngôn 。 Thế tôn 。 ngã tiên tư duy dục thị vô thường vô lạc vô tịnh 。

Tu-bạt-đà nói: Bạch Thế Tôn! Tôi trước suy nghĩ rằng: Dục là vô thường, vô lạc, vô tịnh;
觀色即是常樂我淨。

quán sắc tức thị thường lạc ngã tịnh 。

quán sát sắc là thường, lạc, ngã, tịnh;

作是觀已欲界結斷獲得色處。是故名為先調伏心。

tác thị quán dĩ dục giới kết đoạn hoạch đắc sắc xứ. thị cố danh vi tiên điều phục tâm。

quán như vậy rồi, dứt kiết sử ở cõi Dục, chứng được sắc xứ, vì vậy gọi là trước điều phục tâm.

次復觀色色是無常如癰如瘡如毒如箭。

thứ phục quán sắc sắc thị vô thường như ung như sang như độc như tiến。

Thứ đến tôi quán Sắc là vô thường, như mụn nhọt, như mụn ghẻ, như thuốc độc, như mũi tên,

見無色常清淨寂靜。如是觀已色界結盡得無色處。

kiến vô sắc thường thanh tịnh tịch tĩnh。 như thị quán dĩ sắc giới kết tận đắc vô sắc xứ。

thấy được vô sắc là thường, thanh tịnh, tịch tĩnh. Quán sát sắc như vậy rồi kiết sử cõi Sắc dứt mà được Vô sắc xứ,

是故名為先調伏心。次復觀想即是無常癰瘡毒箭。

thị cố danh vi tiên điều phục tâm。 thứ phục quán tưởng tức thị vô thường ung sang độc tiến。

vì vậy gọi là trước điều phục tâm. Thứ đến tôi quán sát tưởng: Tưởng chính là vô thường, như nhọt, như ghẻ, như độc, như tên;

如是觀已獲得非想非非想處。

như thị quán dĩ hoạch đắc phi tưởng phi phi tưởng xứ。

quán sát như vậy rồi được Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

是非想非非想處即一切智寂靜清淨。無有墮墜常恒不變。

thị phi tưởng phi phi tưởng xứ tức nhất thiết trí tịch tĩnh thanh tịnh。 vô hữu đọa trụ thường hằng bất biến。

Phi tưởng phi phi tưởng xứ này chính là Nhất thiết trí vắng lặng, thanh tịnh, không sa đọa, thường hằng không biến đổi.

是故我能調伏其心。佛言。善男子。

thị cố ngã năng điều phục kỳ tâm。 Phật ngôn。 thiện nam tử。

Vì vậy tôi nói có thể điều phục tâm trước. Phật dạy: Này thiện nam tử!

汝云何能調伏心耶。

nhữ vân hà năng điều phục tâm da。

Ông hay điều phục tâm thế nào?

汝今所得非想非非想定猶名為想。涅槃無想。汝云何言獲得涅槃。善男子。

nhữ kim sở đắc phi tưởng phi phi tưởng định do danh vi tưởng 。 Niết-bàn vô tưởng 。 nhữ vân hà ngôn hoạch đắc Niết-bàn 。 thiện nam tử 。

Chỗ ông nay được phi tưởng phi phi tưởng định, vẫn còn gọi là tưởng. Nhưng Niết-bàn là không tưởng, sao ông lại nói chứng được Niết-bàn? Nay thiện nam tử!

汝已先能呵責麤想。今者云何愛著細想。

nhữ dĩ tiên năng ha trách thô tưởng 。 kim giả vân hà ái trú tế tưởng 。

Ông trước có thể nhàm trách thô tưởng, nay sao lại ưa thích tế tưởng?

不知呵責如是非想非非想處。

bất tri ha trách như thị phi tưởng phi phi tưởng xứ。

Vì không biết nhàm trách Phi tưởng phi phi tưởng xứ này

故名為想如癰如瘡如毒如箭。善男子。汝師鬻頭藍弗利根聰明。

cố danh vi tưởng như ung như sang như độc như tiến 。 thiện nam tử 。

nhữ sư Uất Đầu Lam Phất lợi căn thông minh 。

nên gọi tưởng này là như nhọt, như ghẻ, như độc, như tên. Nay thiện nam tử! Thầy của ông là Uất Đầu Lam Phất các căn thông minh lanh lợi

尚不能斷如是非想非非想處。

thượng bất năng đoạn như thị phi tưởng phi phi tưởng xứ。

còn không dứt được Phi tưởng phi phi tưởng xứ này

受於惡身況其餘者。世尊。云何能斷一切諸有。佛言。

thọ ư ác thân huống kỳ dư giả 。

Thế Tôn 。

vân hà năng đoạn nhất thiết chư hữu 。

Phật ngôn 。

mà phải thọ lấy thân ác đạo, huống là những người khác. Bạch Thế Tôn! Làm thế nào có thể dứt hết các hữu? Phật dạy:

善男子。若觀實相是人能斷一切諸有。

thiện nam tử 。

nhược quán thật tướng thị nhân năng đoạn nhất thiết chư hữu 。

Nay thiện nam tử! Nếu quán được thật tướng, người này có thể dứt hết tất cả các hữu.

須跋陀言。世尊。云何名為實相。善男子。

Tu-bạt-đà ngôn 。

Thế Tôn 。

vân hà danh vi thật tướng 。

thiện nam tử 。

Tu-bạt-đà nói: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thật tướng? Nay thiện nam tử!

無相之相名為實相。世尊。云何名為無相之相。善男子。

vô tướng chi tướng danh vi thật tướng 。 Thế Tôn 。 vân hà danh vi vô tướng chi tướng 。
thiện nam tử 。

Tướng vô tướng gọi là thật tướng. Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là tướng vô tướng? Này
thiện nam tử!

一切法無自相他相及自他相。

nhất thiết Pháp vô tự tướng tha tướng cập tự tha tướng 。

Hết thầy các pháp không có tự tướng, không tha tướng và không tự tha tướng,
無無因相無作相無受相。無作者相無受者相。無法非法相。

vô vô nhân tướng vô tác tướng thị cố tướng 。

vô tác giả tướng thị cố giả tướng 。

vô Pháp phi Pháp tướng 。

không tướng vô nhân, không tướng tác, không tướng thọ, không tướng tác giả, không
tướng thọ giả, không tướng pháp, không tướng phi pháp,
無男女相無士夫相。無微塵相無時節相。

vô nam nữ tướng vô sĩ phu tướng 。

vô vi trần tướng vô thì tiết tướng 。

không tướng nam nữ, không tướng sĩ phu, không tướng vi trần, không tướng thì tiết,
無為自相無為他相無為自他相。

vô vi tự tướng vô vi tha tướng vô vi tự tha tướng 。

không tướng làm ra mình, không tướng làm ra người, không tướng làm ra mình và người,
無有相無無相無生相無生者相。無因相無因因相。

vô hữu tướng vô vô tướng vô sanh tướng vô sanh giả tướng 。

vô nhân tướng vô nhân nhân tướng 。

không tướng có tướng không, không tướng sanh, tướng sanh giả, không tướng nhân,
tướng nhân nhân,
無果相無果果相。無晝夜相無明闇相。

vô quả tướng, vô quả quả tướng, vô trú dạ tướng, vô minh ám tướng,

không tướng quả, tướng quả quả, không tướng ngày đêm, không tướng sáng tối,
無見相無見者相。無聞相無聞者相。

vô kiến tướng, vô kiến giả tướng, vô văn tướng, vô văn giả tướng,

không tướng kiến tướng, không tướng kiến giả, không tướng văn, không tướng văn giả,
無覺知相無覺知者相。無菩提相無得菩提者相。

vô giác tri tướng, vô giác tri giả tướng, vô Bồ-đề tướng, vô đắc Bồ-đề giả tướng,
không tướng giác tri, không tướng giác tri giả, không tướng Bồ-đề, không tướng đắc Bồ-đề
giả,

無業相無業主相。無煩惱相無煩惱主相。善男子。

vô nghiệp tướng, vô nghiệp chủ tướng, vô phiền não tướng, vô phiền não chủ tướng. thiện
nam tử 。

không tướng nghiệp, không tướng nghiệp chủ, không tướng phiền não, không tướng phiền
não chủ. Này thiện nam tử!

如是等相隨所滅處名真實相。善男子。

như thị đẳng tướng tùy sở diệt xứ danh chân thật tướng 。

Những tướng như vậy tùy chỗ nó diệt gọi là chân thật tướng. Này thiện nam tử!

一切諸法皆是虛假。隨其滅處是名為實是名實相。

nhất thiết chư Pháp giai thị hư giả 。

Hết thầy các pháp đều là hư giả, tùy theo chỗ nó diệt mất, đây gọi là thật, đây gọi là thật
tướng,

是名法界名畢竟智。名第一義諦名第一義空。

thị danh Pháp giới danh tất cánh trí 。

đây gọi là pháp giới, gọi là Tất cánh trí, gọi là Đệ nhất nghĩa đế, gọi là Đệ nhất nghĩa
không.

善男子。是相法界畢竟智。

thiện nam tử 。

Này thiện nam tử! Thật tướng, pháp giới, tất cánh trí,

第一義諦第一義空。下智觀故得聲聞菩提。

đệ nhất nghĩa đế đệ nhất nghĩa không 。

Đệ nhất nghĩa đế, Đệ nhất nghĩa không này, người trí bậc hạ quán đó thì được Thanh Văn
Bồ-đề,

中智觀故得緣覺菩提。上智觀故得無上菩提。

trung trí quán cố đắc Duyên Giác Bồ-đề 。

trí bậc trung quán thì được Duyên Giác Bồ-đề, trí bậc thượng quán thì được Vô Thượng
Bồ-đề.

說是法時十千菩薩得一生實相。

thuyết thị Pháp thì thập thiên Bồ-tát đắc nhất sanh thật tướng 。

Khi Phật nói pháp này có mười ngàn Bồ-tát được Nhất sanh thật tướng,

萬五千菩薩得二生法界。二萬五千菩薩得畢竟智。

vạn ngũ thiên Bồ-tát đắc nhị sanh Pháp giới 。

nhị vạn ngũ thiên Bồ-tát đắc tất cánh trí 。

một vạn năm ngàn Bồ-tát được Nhị sanh pháp giới, hai vạn năm ngàn Bồ-tát được Tất cánh trí,

三萬五千菩薩悟第一義諦。是第一義諦亦名第一義空。

tam vạn ngũ thiên Bồ-tát ngộ đệ nhất nghĩa đế 。

thị đệ nhất nghĩa đế diệc danh đệ nhất nghĩa không 。

ba vạn năm ngàn Bồ-tát ngộ Đệ nhất nghĩa đế. Đệ nhất nghĩa đế này cũng gọi là Đệ nhất nghĩa không,

亦名首楞嚴三昧。四萬五千菩薩得虛空三昧。

diệc danh Thủ Lăng Nghiêm tam-muội 。

tứ vạn ngũ thiên Bồ-tát đắc hư không tam-muội 。

cũng gọi là Thủ Lăng Nghiêm Tam-muội. Bốn vạn năm ngàn Bồ-tát được Hư không tam-muội.

是虛空三昧亦名廣大三昧。亦名智印三昧。

thị hư không tam-muội diệc danh Quảng Đại Tam-muội 。

diệc danh trí ấn tam-muội 。

Hư không tam-muội cũng gọi là Quảng Đại Tam-muội, cũng gọi là Trí ấn Tam-muội.

五萬五千菩薩得不退忍。

ngũ vạn ngũ thiên Bồ-tát đắc bất thối nhẫn 。

Năm vạn năm ngàn Bồ-tát được Bất thối nhẫn.

是不退忍亦名如法忍。亦名如法界。六萬五千菩薩得陀羅尼。

thị bất thối nhẫn diệc danh như Pháp nhẫn 。

diệc danh như Pháp giới 。

lục vạn ngũ thiên Bồ-tát đắc Đà-La-Ni 。

Bất thối nhẫn này cũng gọi là Như Pháp nhẫn, cũng gọi là Như Pháp giới. Sáu vạn năm ngàn Bồ-tát được Đà-La-Ni.

是陀羅尼亦名大念心。亦名無礙智。

thị Đà-La-Ni diệc danh Đại niệm tâm 。

diệc danh vô ngại trí 。

Đà-La-Ni này cũng gọi là Đại niệm tâm, cũng gọi là Vô ngại trí.

七萬五千菩薩得師子吼三昧。

thất vạn ngũ thiên Bồ-tát đắc Sư-tử hống tam-muội 。

Bảy vạn năm ngàn Bồ-tát được Sư-tử hống tam-muội.

是師子吼三昧亦名金剛三昧。亦名五智印三昧。

thị Sư-tử hống tam-muội diệc danh Kim cương tam-muội 。

diệc danh ngũ trí ấn tam-muội 。

Sư-tử rống tam-muội này cũng gọi là Kim cương tam-muội, cũng gọi là ngũ Trí ấn tam-muội.

八萬五千菩薩得平等三昧。是平等三昧亦名大慈大悲。

bát vạn ngũ thiên Bồ-tát đắc bình đẳng tam-muội 。

thị bình đẳng tam-muội diệc danh Đại từ Đại bi 。

Tám vạn năm ngàn Bồ-tát được Bình đẳng tam-muội. Bình đẳng tam-muội này cũng gọi là Đại từ Đại bi.

無量恒河沙等眾生發阿耨多羅三藐三菩提

vô lượng hằng hà sa đẳng chúng sanh phát a nậu đa la tam miểu tam Bồ-đề

Vô lượng hằng-hà-sa các chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ-đề,
心。無量恒河沙等眾生發緣覺心。

tâm 。

vô lượng hằng hà sa đẳng chúng sanh phát Duyên Giác tâm 。

Vô lượng hằng-hà-sa các chúng sanh phát tâm Duyên Giác.

無量恒河沙等眾生發聲聞心。

vô lượng hằng hà sa đẳng chúng sanh phát Thanh Văn tâm 。

Vô lượng hằng-hà-sa các chúng sanh phát tâm Thanh Văn.

人女天女二萬億人現轉女身得男子身。須跋陀羅得阿羅漢果。

nhân nữ Thiên nữ nhị vạn ức nhân hiện chuyển nữ thân đắc nam tử thân 。

Tu-bạt-đà-la đắc A-la-hán quả 。

Có hai vạn ức nhân nữ và Thiên nữ người hiện đời chuyển thân nữ được thân nam. Tu-bạt-đà-la được quả A-la-hán.

大般涅槃經卷第四十

Đại bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tứ thập

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN QUYỂN THỨ BỐN MƯƠI.

阿摩隸(一)毘磨隸(二)涅槃隸(三)瞿伽隸(四)醯

a ma lệ (nhất)ti ma lệ (nhị)niết ma lệ (tam)Mông Già lệ (tứ)hề

A ma lệ (một), Tỳ ma lệ (hai), Niết ma lệ (ba), Mông Già Lệ (bốn),
 磨羅若竭捩(五)三曼那跋提(六)娑婆陀 娑檀
 ma la nhược kiệt bãi (ngũ)tam mạn na Bạt đề (lục)Sa Bà đà sa đàn
 Hề ma la kiệt bãi (năm), Tam mạn na bạt đề (sáu), Sa bà đà bà đàn ni (ni),
 尼(七)波羅磨他 娑檀尼(八)摩那斯(九)阿拙啼(十)
 ni (thất)ba la ma tha sa đàn ni (bát)Ma na tư (cửu)a chuyết đề (thập)
 Ba la ma tha Sa đàn ni(tám), A chuyết đề (mười),
 毘羅祇(十一)菴摩賴[土+玄](十二)婆嵐彌(十三)婆嵐摩(十四)莎
 ti la kì (thập nhất)am ma lại [độ+huyền](thập nhị)bà lam di (thập tam)bà lam ma (thập tứ
)toa
 Tỳ la kỳ (mười một), Án ma lại huyền (mười hai), Bà lam di (mười ba), Bà lam ma (mười
 bốn), Toa
 隸富泥富那(十五)摩奴賴綈(五十)
 lệ phú nê phú na (thập ngũ)ma nô lại đề (ngũ thập)
 lệ phú nê phú na (mười lăm), Ma nô lại đề (mười lăm).

高野山出涅槃經梵文斷片

cao dã sơn xuất Niết-bàn Kinh Phạm văn đoạn phiến

cao đồng núi xuất Niết-bàn Kinh phạm văn chặt đứt mảnh

【表】

【biểu】

【ở ngoài】

1. 1. mama `sraavakaa mahaayaannakaa.mk.sitaas tadaa .sa.drasavan
 mahaabhojanam iva ma-

1. 1. mama `sraavakaa mahaayaannakaa.mk.sitaas tadaa .sa.drasavan
 mahaabhojanam iva ma-

1. 1. mama `sraavakaa mahaayaannakaa.mk.sitaas tadaa .sa.drasavan
 mahaabhojanam iva ma-

haaparinvvaa.na.m mahaasuutra.m de`sayaami.

haaparinvvaa.na.m mahaasuutra.m de` sayaami.
haaparinvvaa.na.m mahaasuutra.m de` sayaami.

1. 2. tatra katame .sa.drasaa du.hkham aa.mvlam [aamlam][a-]nitya.m lava.nam
anaatma-

1. 2. tatra katame .sa.drasaa du.hkham aa.mvlam [aamlam][a-]nitya.m lava.nam
anaatma-

1. 2. tatra katame .sa.drasaa du.hkham aa.mvlam [aamlam][a-]nitya.m lava.nam
anaatma-

ka.m ka.tuka.m sukha.m madhura.m saatmaka.m ka.saaya.m nityan ti-
ka.m ka.tuka.m sukha.m madhura.m saatmaka.m ka.saaya.m nityan ti-
ka.m ka.tuka.m sukha.m madhura.m saatmaka.m ka.saaya.m nityan ti-

1. 3. ktam iti ime .sa.drasaa.h kle`sendhanena maayaa-agninaa paripaacita.m
bhojana.m

1. 3. ktam iti ime .sa.drasaa.h kle`sendhanena maayaa-agninaa paripaacita.m
bhojana.m

1. 3. ktam iti ime .sa.drasaa.h kle`sendhanena maayaa-agninaa paripaacita.m
bhojana.m

mahaaparinvvaa.na.m tatvaannam.r.s.ta.m
mahaaparinvvaa.na.m tatvaannam.r.s.ta.m
mahaaparinvvaa.na.m tatvaannam.r.s.ta.m

1. 4. mama `sraavakaa bhu~njante. punar apara.m bhagini yathaa yuuya.m
paraamantra.nena

1. 4. mama `sraavakaa bhu~njante. punar apara.m bhagini yathaa yuuya.m
paraamantra.nena

1. 4. mama `sraavakaa bhu~njante. punar apara.m bhagini yathaa yuuya.m
paraamantra.nena

paracuu.daakara.nanimittena vaa
paracuu.daakara.nanimittena vaa
paracuu.daakara.nanimittena vaa

1. 5. paragraama.m gantukaamaa du.sputraan uts.rjya satputraa.naa.m
guhyaabhinidhaanaani

1. 5. paragraama.m gantukaamaa du.sputraan uts.rjya satputraa.naa.m
guhyaabhinidhaanaani

1. 5. paragraama.m gantukaamaa du.sputraan uts.rjya satputraa.naa.m
guhyaabhinidhaanaani

dar`sayasi. aama bhagavan du.s-
dar`sayasi. aama bhagavan du.s-
dar`sayasi. aama bhagavan du.s-

1. 6. putraa anaacaaraa.h anarthabhaaginas te.saa.m mityartha.m na dar`sayaami.
satputraas

1. 6. putraa anaacaaraa.h anarthabhaaginas te.saa.m mityartha.m na dar`sayaami.
satputraas

1. 6. putraa anaacaaraa.h anarthabhaaginas te.saa.m mityartha.m na dar`sayaami.
satputraas

tu kuladharaa.h kulanissarakaa.h
tu kuladharaa.h kulanissarakaa.h
tu kuladharaa.h kulanissarakaa.h

1. 7. te dravyaarhaa.h te.saa.m dar`sayaami. evam aha.m bhagini
mahaaparinirvva.na-gama-

1. 7. te dravyaarhaa.h te.saa.m dar`sayaami. evam aha.m bhagini
mahaaparinirvva.na-gama-

1. 7. te dravyaarhaa.h te.saa.m dar`sayaami. evam aha.m bhagini
mahaaparinirvaa.na-gama-

nakriyaa.m yadaa karomi, tadaa tathaa-
nakriyaa.m yadaa karomi, tadaa tathaa-
nakriyaa.m yadaa karomi, tadaa tathaa-

【裏】

【lý】

【lần lót áo】

1. 1. gatavividhaguhyaa.m sandhaavacana.m `sraavakebhyo nirava`se.sa.m
kathayi.syaami. adya

1. 1. gatavividhaguhyaa.m sandhaavacana.m `sraavakebhyo nirava`se.sa.m
kathayi.syaami. adya

1. 1. gatavividhaguhyaa.m sandhaavacana.m `sraavakebhyo nirava`se.sa.m
kathayi.syaami. adya

putrebhya`s cchanda.m daasyaami yathaa tvaa.m bhagi-
putrebhya`s cchanda.m daasyaami yathaa tvaa.m bhagi-
putrebhya`s cchanda.m daasyaami yathaa tvaa.m bhagi-

1. 2. ni pravaasagataa.m du.sputraa m.rtetii kalpayanti na caapi m.rtaa aama bhagavan
punar

1. 2. ni pravaasagataa.m du.sputraa m.rtetii kalpayanti na caapi m.rtaa aama bhagavan
punar

1. 2. ni pravaasagataa.m du.sputraa m.rtetii kalpayanti na caapi m.rtaa aama bhagavan
punar

apy aagataante pa`syanti evam e-
apy aagataante pa`syanti evam e-

apy aagataante pa`syanti evam e-

1. 3. va bhagini mayaa maa 'nitya-sa.mj~naa kaar.siiit. adya tathaagata.h
parinirvvaasyatiiti

1. 3. va bhagini mayaa maa 'nitya-sa.mj~naa kaar.siiit. adya tathaagata.h
parinirvvaasyatiiti

1. 3. va bhagini mayaa maa 'nitya-sa.mj~naa kaar.siiit. adya tathaagata.h
parinirvvaasyatiiti

neva.m kalpayitavya.m m.rtasam.mj~naa-

neva.m kalpayitavya.m m.rtasam.mj~naa-

neva.m kalpayitavya.m m.rtasam.mj~naa-

1. 4. vat ye sadaa nityodbruva.h `saa`svata.h tathaagata iti dhaarayanti te.sam
tathaagato

1. 4. vat ye sadaa nityodbruva.h `saa`svata.h tathaagata iti dhaarayanti te.sam
tathaagato

1. 4. vat ye sadaa nityodbruva.h `saa`svata.h tathaagata iti dhaarayanti te.sam
tathaagato

g.rhe ti.s.thati. e.sa

g.rhe ti.s.thati. e.sa

g.rhe ti.s.thati. e.sa

1. 5. paraaddhyaas`sayo [adhyaa`ssya*] naama p.rcchaava`saa naama iha ka`scit
tathaagatam arh-

1. 5. paraaddhyaas`sayo [adhyaa`ssya*] naama p.rcchaava`saa naama iha ka`scit
tathaagatam arh-

1. 5. paraaddhyaas`sayo [adhyaa`ssya*] naama p.rcchaava`saa naama iha ka`scit
tathaagatam arh-

anta.m samyaksambuddha.m parip.rcchet katham a-
anta.m samyaksambuddha.m parip.rcchet katham a-
anta.m samyaksambuddha.m parip.rcchet katham a-

1. 6. ha.m bhagavan kiirrti.m praapnuyaat loke daayako vi`sruta iti na ca dadyaat
kasmi.m`s

1. 6. ha.m bhagavan kiirrti.m praapnuyaat loke daayako vi`sruta iti na ca dadyaat
kasmi.m`s

1. 6. ha.m bhagavan kiirrti.m praapnuyaat loke daayako vi`sruta iti na ca dadyaat
kasmi.m`s

cit[ta] tathaagatam evam vadet ni.h-
cit[ta] tathaagatam evam vadet ni.h-
cit[ta] tathaagatam evam vadet ni.h-

1. 7. sa.mgam pravaaraya daasiidaasaparigrahe.na atyantabrahmacaari.na.m
kumaariidaanena

1. 7. sa.mgam pravaaraya daasiidaasaparigrahe.na atyantabrahmacaari.na.m
kumaariidaanena

1. 7. sa.mgam pravaaraya daasiidaasaparigrahe.na atyantabrahmacaari.na.m
kumaariidaanena

amaa.msa-bhojina.m maa.msabha.
amaa.msa-bhojina.m maa.msabha.
amaa.msa-bhojina.m maa.msabha.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiễn Trần Tiễn Huyền

Phiên Âm và Lược Dịch Sun Apr 30 22:15:35 2006

Bản dịch tiếng Việt của Trung Tâm Liễu Quán (2008)

=====

